





Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
FEB 07 1994
CURRENT SERIALS

1
1994

Digitized by Google

"Chủ nghĩa xã hội không phải là một chế độ đã xong xuôi sẵn sàng mà loài người cứ việc tiếp nhận lấy như một ân huệ. Chủ nghĩa xã hội là cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản ngày nay, giai cấp này đang tiến từ mục tiêu này của hôm nay đến mục tiêu khác của ngày mai **VÌ** *cái mục tiêu cơ bản của họ, mục tiêu mà họ mỗi ngày một* **XÍCH LẠI GẦN"**

V.I. Lê-nin :* Toàn tập, *Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1980, t 23, tr 65.

"Chủ nghĩa xã hội dựa trên kinh tế, nhưng hoàn toàn không thể quy toàn bộ chủ nghĩa xã hội vào kinh tế được"

V.I. Lê-nin :* Toàn tập, *Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, t 30, tr 27.

"Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"

Hồ Chí Minh :* Toàn tập, *Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t 8, tr 701.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1 - 1994 NĂM THỨ BỐN MƯƠI (457)

MỤC LỤC

	Thông báo Hội nghị lần thứ sáu BCHTU Đảng (khóa VII)	3
	ĐỖ MƯỜI - Phát huy thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng nước ta vững bước tiến lên	4
	VÕ VĂN KIỆT - Yêu cầu bức bách và khả năng bước vào một thời kỳ mới của sự phát triển kinh tế - xã hội	14
Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thời đại chúng ta	ĐẶNG XUÂN KỲ - Những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác-Lê-nin	18
	TRẦN HỮU TIẾN - Vấn đề con người, cá nhân và xã hội trong học thuyết Mác	24
	NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Kinh tế thị trường và vai trò lãnh đạo của Đảng	29
Nghiên cứu - Trao đổi	CAO DUY HẠ - Kế hoạch và thị trường trong nền kinh tế nước ta	34
	BÙI VIỆT THẮNG - Văn học về chiến tranh và cách nhìn của nhà văn	36
	NGUYỄN VĂN LỘC - Để làm tốt cuộc chuyển giao thế hệ	39
Thực tiễn - Kinh nghiệm	NGUYỄN QUANG HÀ - Sự nghiệp trồng cây gây rừng theo phương hướng đổi mới	42
	NGUYỄN VĂN RỐP - Tây ninh tiến hành đổi mới, chỉnh đốn đảng	45
	NGUYỄN VĂN TUẤT - Công ty bột giặt Net Đồng nai tự khẳng định mình trong cơ chế thị trường	49
Sinh hoạt tư tưởng	NGUYỄN TRUNG THỰC - Chuyện tiếp khách	53
Tạp chí với bạn đọc, bạn đọc với Tạp chí	Bạn đọc và cộng tác viên ở Cần Thơ với *Tạp chí Cộng sản*	55
Thế giới : vấn đề, sự kiện	VÕ THỦ PHƯƠNG - Thế giới 1993 - Nhìn lại và suy ngẫm	57
Qua sách báo nước ngoài	*** Mỹ đã vào sân sau của Liên bang Nga	60
Tìm hiểu khái niệm	"Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ	61
Tin hoạt động lý luận	Hội thảo khoa học :"Chuẩn mực xã hội, giá trị xã hội, định hướng giá trị mới và quan hệ giữa chúng với chính sách xã hội",	62
	Bìa 1 : Tượng đài Quang Trung (Bình định) Ảnh : THÀNH CÔNG	

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà Nội. Dây nói : 52061 - 52062

Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP Hồ Chí Minh. Dây nói : 25768

Digitized by Google

75 431AA XL2 1293 10/97 02-013-01

СОДЕРЖАНИЕ

Сообщение VI-го Пленума ЦК КПВ. ДО МЫОЙ - Умножать достижения дела обновления, впредь уверенно продвигать вперёд революционное дело в нашей стране. ВО ВЯН КИЕТ - Актуальные требования социально-экономического развития и его возможности на новом этапе • **Марксизм – ленинизм и наша эпоха** * ДАНГ СУАН КИ - Незыблемые ценности марксизма-ленинизма. ЧАН ХЫУ ТЬЕН - Вопросы человека, личности и общества марксистском учении. НГУЕН ФУ ЧОНГ - Рыночное хозяйство и руководящая роль партии • **Исследования – обмен мнениями** * КАО ЗУИ ХА - Планирование и рынок в экономике нашей страны. БУЙ ВЬЕТ ТХАНГ - Военная литература и точка зрения писателя • **Мир: проблемы и факты** * ВО ТХУ ФЫОНГ - Мир 1993 года : взгляд назад и размышления.

CONTENTS

Communiques on the 6th Plenum of the Central Executive Committee of the CPV (7th term) DỖ MƯỜI - Developing significant achievements of the cause of renovation, firmly keeping up the cause of Vietnamese revolution. VÕ VĂN KIỆT- Urgent demands and the ability to enter a new period of socioeconomic development • **The Marxist-Leninism and our time** * DẶNG XUÂN KỲ - Constant values of the Marxist-Leninism. TRẦN HỮU TIẾN - The problem of the man, individual and society in the Marxist theory. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Market economy and the leading role of the Party • **Research - Exchange of Views** * CAO DUY HẠ - Plannings and market in the economy of our country. BÙI VIỆT THẮNG - The literature on the war and the point of view of the writer • **The World: Its Problems and Facts** * VÕ THỦ PHƯƠNG - The World in the year 1993: A look back on it and cogitations.

SOMMAIRE

Communiqué sur le 6e Plénum du CC (VII Congrès). DỖ MƯỜI : Faire valoir les grands acquis du renouveau, continuer à pas sûrs l'œuvre révolutionnaire de notre pays. VÕ VĂ N KIỆT - Impératif pressant et possibilité d'entrer dans une nouvelle étape de développement socio-économique • **Le maxisme - léninisme et notre époque** * DẶNG XUÂN KỲ - Les valeurs éternelles et solides du Maxisme-léninisme. TRẦN HỮU TIẾN - Le problème "homme, individu et société" dans la théorie maxiste. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - L'économie de marché et le rôle de Direction du Parti • **Etudes - Echanges** * CAO DUY HẠ - plan et marché dans l'économie de notre pays. BÙI VIỆT THẮNG - La littérature sur la guerre et l'optique de l'écrivain • **Le Monde: problèmes - événements** * VÕ THU PHƯƠNG - Le monde en 1993 : Regards rétrospectifs et réflexions.

SUMARIO

Comunicado del Sexto Pleno del Comité Central del Partido (Séptimo Congreso). DỖ MƯỜI - Desplegar los grandes logros de la renovación para llevar adelante y con pasos seguros la obra revolucionaria de nuestro país. VÕ VĂN KIỆT - Las apremiantes necesidades y la posibilidad de entrar en un nuevo período del desarrollo económico-social • **El marxismo-leninismo y nuestra época** * DẶNG XUÂN KỲ - Los perdurables valores del Marxismo-leninismo. TRẦN HỮU TIẾN - El problema del hombre, el individuo y la sociedad en la doctrina marxista. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - La economía de mercado y el papel dirigente del Partido • **Estudios-Intercambios** * CAO DUY HẠ - Plan y mercado en la economía de Vietnam. BÙI VIỆT THẮNG - La literatura sobre la guerra y la mirada del escritor • **El Mundo : Problemas y acontecimientos** * VÕ THU PHƯƠNG - El Mundo en 1993 - Vistazo retrospectivo y reflexiones.

目 錄

越南共產黨七屆中央委員會第六次會議公報• 杜梅— 發揮改革運動的巨大成就、繼續引導我國革命事業穩步前進• 武文杰— 迫切要求邁進社會主義經濟發展新時期及其可能性● 馬列主義和我們時代☆ 鄧春其— 馬列主義的穩固價值• 陳友進— 馬克思主義學說論述人類、個人及社會問題• 阮富仲— 市場經濟和黨的領導作用● 研究與交換☆ 高輝夏— 我國經濟中計劃和市場問題• 裴越勝— 文學中有關戰爭題材之作品及作者的觀點● 世界：問題、事件☆ 武守方— 對于1993年世界之回顧與思索。

Digitized by Google

THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VII)

HỘI nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã họp từ ngày 24-11 đến ngày 1-12-1993, tại Hà Nội.

Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã đọc báo cáo quan trọng tại Hội nghị.

Hội nghị Trung ương 6 có nhiệm vụ chuẩn bị nội dung cho Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng, nhằm kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện các nghị quyết Đại hội VII, tổng kết một bước quá trình đổi mới, xác định những chủ trương và giải pháp lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng nước ta vững bước tiến lên.

Tiếp thụ ý kiến đóng góp của các cấp ủy, của nhiều nhà khoa học, văn hóa và cán bộ lão thành của Đảng, Hội nghị Trung ương đã thảo luận sôi nổi dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương chuẩn bị trình Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng.

Các ý kiến thảo luận tập trung vào các vấn đề : đánh giá tình hình ; thời cơ và thách thức đối với nhân dân ta ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa ; phương hướng, mục tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội 2 năm 1994-1995 ; các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế quốc doanh ; cơ chế thị trường có sự quản lý Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; các vấn đề xã hội như công bằng xã hội, đấu tranh chống tham nhũng ; giữ vững ổn định chính trị ; đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh ; đổi mới công tác vận động nhân dân.

Hội nghị Trung ương đã nhất trí kết luận nhiều vấn đề và ủy nhiệm cho Bộ Chính trị căn cứ vào ý kiến của Trung ương để hoàn chỉnh Báo cáo chính trị trình Hội nghị đại biểu.

Hội nghị cũng đã thảo luận vấn đề bổ sung Ủy viên Trung ương theo Điều lệ Đảng để trình Hội nghị đại biểu quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng tin tưởng rằng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đồng tâm nhất trí, đoàn kết một lòng, quyết tâm phấn đấu đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên, giành những thắng lợi mới to lớn hơn, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII của Đảng.

Digitized by Google

PHÁT HUY THÀNH TỰU TO LỚN CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, TIẾP TỤC ĐƯA SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG NƯỚC TA VỮNG BƯỚC TIẾN LÊN *

ĐỖ MƯỜI
Tổng Bí thư ĐCS Việt nam

KỲ họp Trung ương lần này có nhiệm vụ chuẩn bị những nội dung cần thiết cho Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng ta, nhằm kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện các nghị quyết Đại hội VII, tổng kết một bước quá trình đổi mới từ Đại hội VI đến nay, làm sáng tỏ thêm một số vấn đề quan trọng về đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, xác định những chủ trương và giải pháp lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng nước ta vững bước tiến lên.

Bộ Chính trị đã gửi đến các đồng chí dự thảo Báo cáo chính trị trình Hội nghị đại biểu. Tôi xin thay mặt Bộ Chính trị trình bày rõ thêm một số vấn đề lớn sau đây:

1 - Về đánh giá tình hình

Xác định đúng thực trạng hiện nay là điều hết sức quan trọng để vạch ra mục tiêu, nhiệm vụ cho giai đoạn tới. Qua gần 7 năm tiến hành công cuộc đổi mới và hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã nỗ lực phấn đấu đạt nhiều thành tựu rất quan trọng. Đến nay, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhiều khuyết điểm và tồn tại, nhưng nhìn tổng quát, chúng ta đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng đáng kể quan hệ đối ngoại, tích lũy được nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý đất nước.

Những thành tựu to lớn đó đã tạo ra thế và lực mới của đất nước, cho phép chúng ta chú trọng nhiều hơn đến những chủ trương, chính sách, giải pháp có tầm chiến lược, để củng cố vững chắc thành quả đạt được và chuyển sang một thời kỳ phát triển mới, xúc tiến một bước công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa, ra sức phấn đấu đưa nước ta sớm thoát khỏi tình trạng nước nghèo và chậm phát triển.

Trong bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp, với sự đảo lộn và rối loạn ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa trước đây, trong điều kiện bị mất đột ngột một nguồn viện trợ lớn từ bên ngoài, Mỹ vẫn tiếp tục chính sách bao vây cấm vận đối với nước ta, thành tựu mà chúng ta thu được chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, bước đi là thích hợp. Cách mạng nước ta đã và đang đi đúng hướng theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tuy vậy, đất nước ta vẫn còn nhiều mặt yếu kém rất cơ bản:

Nền kinh tế vẫn mang tính chất nông nghiệp lạc hậu. Công nghiệp còn nhỏ bé. Cơ sở vật chất kỹ thuật chưa xây dựng được bao nhiêu, nhiều mặt lại đang xuống cấp. Đầu tư phát triển tài sản cố định rất hạn chế, số huy động thêm hằng năm có xu hướng giảm. Hiệu quả kinh tế còn rất thấp. Thu vẫn không đủ chi, bội chi ngân sách còn lớn. Nợ nước ngoài, cả nợ đến hạn trả còn nhiều. Nhiều người chưa có việc làm và thiếu việc làm. Tệ tham nhũng, buôn lậu, làm ăn phi pháp diễn ra nghiêm trọng.

Kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã chậm được đổi mới và củng cố. Khu vực quốc doanh chưa làm tốt vai trò chủ đạo. Kinh

* Bài nói tại Hội nghị lần thứ sáu BCHTƯ Đảng (khóa VII) ngày 24-11-1993

Digitized by Google

tế tư nhân tuy có phát triển, nhưng lại thiếu quản lý, hướng dẫn, kiểm soát của Nhà nước. Cơ chế thị trường đang ở giai đoạn sơ khai, mang nhiều yếu tố tự phát. Quản lý vĩ mô, sự can thiệp và điều tiết của Nhà nước còn kém hiệu lực. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số, ở khu căn cứ cách mạng cũ, vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Việc đổi mới và củng cố hệ thống chính trị tiến triển chậm. Tư tưởng trong Đảng và trong dân chưa thật ổn định. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội chưa tốt.

2 - Về thách thức và cơ hội

Nước ta hiện vẫn thuộc diện nước nghèo, tổng sản phẩm trong nước tính theo đầu người còn thấp xa so với nhiều nước trong khu vực; tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm lại chậm hơn. Nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước chung quanh, kéo theo những hậu quả xấu về công ăn việc làm và đời sống, lòng tin và sự ủng hộ của nhân dân đối với chế độ, về khả năng quốc phòng, an ninh... Đó là thách thức lớn hiện nay đối với nước ta.

Trong khi đó, các thế lực thù địch vẫn đang chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Mặt yếu kém của Đảng ta là chưa ngang tầm với yêu cầu cách mạng; năng lực quản lý điều hành của bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương và cơ sở còn thấp xa so với đòi hỏi của tình hình mới; nạn tham nhũng, buôn lậu đang hết sức nghiêm trọng, khiến cho việc đương đầu với thách thức càng thêm phức tạp, khó khăn.

Đồng thời, đất nước ta cũng đang có những thuận lợi:

Những thành tựu đổi mới tạo điều kiện ban đầu cả về vật chất lẫn tinh thần, cả về thế và lực để chuyển sang một giai đoạn phát triển mới cao hơn. Môi trường hòa bình và ổn định trong khu vực, sự phát triển năng động của vùng châu Á - Thái Bình Dương, chiều hướng hợp tác trên thế giới ngày càng tăng lên, xu thế quốc tế hóa đời sống kinh tế trong bối cảnh cách mạng khoa học - kỹ thuật diễn ra mạnh mẽ đang tạo ra những lợi thế mới, những nguồn lực mới để đẩy nhanh nhịp độ phát triển. Sự đứng vững và đi lên của đất nước trong hoàn cảnh đầy thử thách cùng với chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa đang tạo điều kiện để tiếp tục mở rộng quan hệ quốc tế, kết hợp tốt hơn sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế, sức mạnh truyền thống với sức mạnh thời đại.

Yếu tố quyết định nhất là nhân dân ta giàu lòng yêu nước, có ý chí tự lực tự cường, không cam chịu nhục đói nghèo, cần cù, thông minh, năng động, sáng tạo; Đảng ta vững vàng về chính trị, có đường lối đúng đắn, đoàn kết nhất trí, trải qua thử thách ngày càng có thêm kinh nghiệm lãnh đạo đất nước, được nhân dân tin tưởng và ủng hộ.

Với những nỗ lực vượt bậc nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, động viên được sức mạnh của toàn quân và toàn dân, chúng ta nhất định sẽ phát huy được thuận lợi, nắm bắt thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiến lên vững chắc.

3 - Về tích lũy và đầu tư phát triển, chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa

Nhiệm vụ chiến lược có tầm quan trọng hàng đầu trong thời gian tới là tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý và chính sách kinh tế, xã hội nhằm huy động mọi nguồn lực trong nhân dân để đổi mới cơ cấu kinh tế, thông qua đẩy mạnh một bước công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, cải thiện hơn nữa đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Chỉ có tiến hành công nghiệp hóa và hiện đại hóa thì mới tránh được nguy cơ tụt hậu, củng cố, tăng cường được ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ được độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và giữ vững định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa.

Đương nhiên, chúng ta không tiến hành công nghiệp hóa theo kiểu cũ, không lặp lại sai lầm nóng vội, chủ quan, duy ý chí mà Đại hội VI đã phê phán. Công nghiệp hóa không chỉ là sự tăng

Digitized by Google

thêm một cách giản đơn tốc độ và tỷ trọng của sản xuất công nghiệp trong nền kinh tế, mà là cả một quá trình chuyển dịch cơ cấu gắn với đổi mới công nghệ, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững và có hiệu quả cao của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Công nghiệp hóa phải đi đôi với hiện đại hóa, kết hợp những bước tiến tuần tự về công nghệ, tận dụng phát triển chiều rộng, tạo nhiều công ăn việc làm cho đội ngũ đông đảo lao động hiện nay, với việc tranh thủ những cơ hội đi tắt, đón đầu, phát triển chiều sâu, tạo nên những mũi nhọn theo trình độ tiên tiến của khoa học - công nghệ thế giới.

Phải cân nhắc kỹ phương hướng, quy mô, bước đi của tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa trên cơ sở thấu suốt các quan điểm lớn sau đây:

- Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, xây dựng một nền kinh tế mở với cả trong và ngoài nước, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ với nước ngoài; trên cơ sở tăng cường quản lý của Nhà nước, kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường.

- Kiên trì chiến lược hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả; phát huy lợi thế so sánh của cả nước cũng như từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực, trong từng thời kỳ, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, thị trường khu vực và thị trường quốc tế.

- Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội, chủ yếu được thẩm định bởi thị trường, làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương hướng, lựa chọn các dự án đầu tư và công nghệ.

- Khai thác nhanh thế mạnh của cả nước, của mỗi vùng, mỗi ngành, tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm sớm đưa lại hiệu quả cao; đồng thời có chính sách, cơ chế, giải pháp thiết thực đối với những nơi khó khăn, đẩy mạnh hợp tác phát triển, bảo đảm cho các vùng và các thành phần dân cư đều có lợi ích và được hưởng thành quả của sự tăng trưởng.

- Chú trọng quy mô nhỏ và vừa, vốn đầu tư ít, thu hồi nhanh, theo phương châm lấy ngắn nuôi dài; đồng thời lựa chọn để triển khai một số công trình quy mô lớn cần thiết đối với nền kinh tế; chú trọng hiệu quả của công trình.

- Đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất và công nghệ hiện có, tập trung vào những khâu quyết định chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, bảo đảm tính tiên tiến của kỹ thuật và công nghệ nhập khẩu, ưu tiên công nghệ tốn ít vốn, tạo nhiều việc làm.

Trong những năm trước mắt, phải rất quan tâm đến công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất nguyên liệu và tư liệu sản xuất, mở rộng dịch vụ cả ở thành thị và nông thôn; đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, nhất là những ngành cung ứng hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu; cải tạo, mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng ở những khâu ách tắc nhất, đang cản trở sự phát triển; xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trong những ngành trọng yếu mà nhu cầu đòi hỏi bức bách và có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường để phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao; phát triển sự nghiệp nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt cũng như lâu dài.

Công nghiệp hóa và hiện đại hóa cần nhiều vốn, huy động trong nước là chính, gắn với sử dụng vốn có hiệu quả. Ở nước ta, để bảo đảm tăng trưởng bình quân hằng năm không dưới 8%, tổng vốn đầu tư hằng năm phải nhanh chóng đạt mức ít nhất 20-25% GDP so với khoảng 10% lâu nay. Điều đó đòi hỏi nỗ lực rất lớn, có chủ trương, chính sách thích đáng nhằm khuyến khích các doanh nghiệp và toàn dân ra sức cần kiệm trong sản xuất kinh doanh, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển, nhất là cho lĩnh vực sản xuất vật chất.

Digitized by Google

Trong nhiều giải pháp, phải đặc biệt chú ý đến những cơ chế, chính sách có tác dụng thúc đẩy sự phát triển, làm ăn có hiệu quả; chặn đứng tình trạng thất thoát, lãng phí tài sản công, nhất là trong xây dựng cơ bản; dùng công quỹ để tiêu xài hoang phí, chè chén linh đình, quà cáp biếu xén; việc mua sắm, xây cất, trang bị những thứ chưa thật thiết yếu trong hệ thống các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể; xu hướng tiêu dùng quá mức so với trình độ phát triển kinh tế. Cán bộ, đảng viên phải thực hiện lời dạy của Bác Hồ: "Cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư", góp phần xây dựng thành phong cách sống của toàn xã hội.

Chúng ta cũng cần tranh thủ nhiều hơn nữa vốn và công nghệ từ bên ngoài, cả bằng cách đi vay, lẫn thu hút đầu tư trực tiếp; song phải bảo đảm sử dụng có hiệu quả, trả được nợ. Huy động vốn bên ngoài phải đi liền với du nhập công nghệ hiện đại, làm đòn xeo để khơi dậy các nguồn lực trong nước là chính, luôn luôn chú trọng lợi ích và chủ quyền quốc gia cả về kinh tế lẫn chính trị. Nền kinh tế chỉ có thể phát triển vững chắc và lành mạnh trên cơ sở tích lũy nội bộ là chính. Đó cũng là điều kiện tiên quyết để tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn bên ngoài.

Nguồn vốn lớn nhất, quý nhất, quyết định nhất và không thể thay thế được là con người Việt Nam. Đảng và Nhà nước phải có chính sách đoàn kết rộng rãi, bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng cán bộ, trọng dụng nhân tài, phát huy truyền thống lao động cần cù, thông minh, sáng tạo, ý chí quật cường của con người Việt nam, của dân tộc Việt nam, lấy đó làm kế sâu rễ bền gốc để dựng nước và giữ nước.

4 - Về thành phần kinh tế

Để phát huy hơn nữa sức mạnh của nền kinh tế nhiều thành phần, một mặt, cần có cơ chế, chính sách động viên toàn dân hăng hái đầu tư phát triển; mặt khác phải xây dựng khu vực doanh nghiệp nhà nước ở những lĩnh vực then chốt, có ưu thế về trình độ trang bị kỹ thuật và công nghệ, hoạt động có hiệu quả, đảm nhiệm được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, làm nòng cốt hướng dẫn, giúp đỡ các thành phần kinh tế khác phát triển đúng hướng và lành mạnh, tương tự như vai trò của quân chủ lực trong các lực lượng vũ trang và nửa vũ trang trong chiến tranh nhân dân.

Khu vực doanh nghiệp nhà nước đã có những cố gắng thích ứng với cơ chế mới, đóng góp quan trọng vào sự ổn định và phát triển kinh tế trong mấy năm qua. Song so với công sức, vốn liếng đầu tư cho khu vực này, thì những đóng góp đó chưa tương xứng, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh còn thấp.

Nguyên nhân cơ bản dẫn tới tình hình đó là do tài sản của Nhà nước về thực chất vẫn trong tình trạng không có người làm chủ cụ thể, trực tiếp, có quyền hạn và trách nhiệm, lợi ích và nghĩa vụ đầy đủ đối với việc sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển các tài sản đó. Sở hữu Nhà nước hay sở hữu toàn dân là hết sức cần thiết, song trên thực tế và trong nhiều trường hợp đã trở thành vô chủ. Công nhân viên chức trực tiếp làm việc tại doanh nghiệp không có động lực thường xuyên và bền vững để gắn bó với sự phát triển của doanh nghiệp, không có quyền hạn và tổ chức đủ mạnh để tham gia định đoạt các quyết sách làm ăn, ngăn chặn từ gốc tệ tham ô, lãng phí, làm thất thoát, hư hỏng tài sản công. Tình trạng tương tự đã diễn ra trong các hợp tác xã nông nghiệp nhiều năm trước đây. Song bằng cách khoán đến hộ gia đình, giao ruộng đất cho nông dân sử dụng lâu dài, chuyển nhiều loại tư liệu sản xuất khác thành sở hữu của xã viên, đã đưa đến những thành tựu to lớn của sản xuất nông nghiệp và cải thiện đời sống nông dân. Cơ chế khoán đó cũng đã được áp dụng rộng rãi tại các doanh nghiệp nhà nước trong nông, lâm, ngư nghiệp, bước đầu đem lại kết quả tích cực. Do tính chất đặc thù của quá trình sản xuất trong công nghiệp, vận tải, xây dựng..., tư liệu sản xuất không thể chia nhỏ để giao cho từng người lao động mà phải xử lý theo cách khác, chẳng hạn như bán (hay cấp) một số cổ phần ưu đãi của doanh nghiệp nhà nước cho công nhân viên chức trực tiếp làm việc tại từng doanh nghiệp; hoặc thực hiện chia lợi nhuận theo lương cơ bản cho công nhân, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước và tích lũy để tái đầu tư mở

Digitized by Google

rộng sản xuất. Cách làm này tạo điều kiện cho công nhân viên chức thực sự trở thành người chủ, gắn quyền hạn và trách nhiệm, lợi ích và nghĩa vụ của mỗi người đối với kết quả hoạt động của doanh nghiệp, kết hợp tốt hơn lợi ích chung của cả nước, với lợi ích của từng tập thể lao động và của mỗi người. Cũng có thể bán cho các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp một tỷ lệ cổ phần của một số doanh nghiệp nhà nước để huy động thêm nguồn vốn trong dân, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, trên cơ sở giữ vững vai trò quyết định của Nhà nước đối với các doanh nghiệp đó.

Việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tạo cơ sở kinh tế để tổ chức Hội đồng quản trị, gồm những người hiểu biết và công tâm, đại diện cho chủ sở hữu, để trực tiếp quản lý hoạt động của doanh nghiệp. Hội đồng quản trị lựa chọn giám đốc điều hành, trọng dụng người có đức tài, bãi miễn kịp thời những người không đủ phẩm chất và năng lực điều hành sản xuất kinh doanh, làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, người lao động và các chủ sở hữu khác. Giám đốc doanh nghiệp nhà nước không được tổ chức kinh doanh riêng, nhất là cùng một loại ngành nghề.

Các doanh nghiệp nhà nước phải ra sức phấn đấu làm ăn có lãi; hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm đến tập thể và đến người lao động, tạo điều kiện thuận lợi thực hiện cổ phần hóa.

Chính phủ cần chỉ đạo các ngành, các cấp có liên quan xúc tiến triển khai sớm chủ trương nói trên, có bước đi tích cực và vững chắc, cân nhắc mức độ, thời điểm phù hợp với từng lĩnh vực, từng loại hình xí nghiệp; qua làm thử, rút kinh nghiệm mà nhân ra diện rộng. Ngăn chặn những sơ hở và những lạm dụng trong việc thực hiện cổ phần hóa để đục khoét, biến của công thành của riêng.

Khuyến khích, hướng dẫn các thành phần kinh tế khác áp dụng phương thức nói trên, tăng thêm mặt thống nhất về lợi ích giữa người chủ và người lao động.

Ngoài việc củng cố các doanh nghiệp nhà nước trong những khâu, những lĩnh vực trọng yếu, cần nghiên cứu để thực hiện việc Nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp thuộc các thành phần khác dưới hình thức góp cổ phần, mua cổ phiếu... để hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp đó phát triển, trên nguyên tắc Nhà nước và các doanh nghiệp đều có lợi.

Kinh tế hợp tác, cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân, liên doanh với nước ngoài có vai trò tích cực lâu dài, đang phát triển sôi động. Cần tiếp tục giải tỏa những ngăn chặn, cấm đoán phi pháp, những thủ tục hành chính phiền hà, tạo môi trường pháp lý và kinh tế thuận lợi cho khu vực này phát triển hơn nữa. Đồng thời, tình trạng kinh doanh trái pháp luật, không đăng ký, không có sổ sách, chứng từ đầy đủ, lẩn tránh sự kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước, móc nối giữa tư nhân với doanh nghiệp và nhân viên nhà nước để làm ăn phi pháp, buôn lậu, trốn thuế... là rất phổ biến và rất nghiêm trọng. Tình hình đó là do buông lỏng hoạt động kiểm kê, kiểm soát, hướng dẫn, điều tiết và can thiệp của Nhà nước đối với các doanh nghiệp cả nhà nước và tư nhân, để cho những mặt tiêu cực nói trên ăn sâu và lan rộng, tạo ra nguy cơ làm chệch đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước. Cần ngăn chặn và đẩy lùi nguy cơ đó.

5 - Về tiếp tục đổi mới cơ chế kinh tế

Thực tiễn đổi mới đến nay cho phép khẳng định chúng ta phải kiên trì thực hiện quá trình chuyển sang cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường hiệu lực quản lý vĩ mô của Nhà nước để sử dụng có hiệu quả hơn nữa cơ chế đó phục vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quản lý vĩ mô của Nhà nước nhằm định hướng và dẫn dắt sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế - xã hội, tạo môi trường kinh tế và khuôn khổ pháp lý cho hoạt động sản xuất - kinh doanh, phát huy mặt tích cực, ngăn ngừa và khống chế những tác động tự phát, tiêu cực, khắc phục những mặt khiếm khuyết vốn có của cơ chế thị trường, làm cho thị trường thật sự trở thành công cụ quan trọng trong việc phân bổ và sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn lực, phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân,

Digitized by Google

bảo đảm quan hệ tích lũy tiêu dùng, quan hệ lợi ích giữa các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư; đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh hơn, ổn định vững chắc hơn, công bằng xã hội nhiều hơn.

Quản lý vĩ mô của Nhà nước phải bao quát toàn bộ nền kinh tế quốc dân, các thành phần kinh tế, chứ không chỉ riêng khu vực doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường hơn nữa tính tập trung thống nhất của Chính phủ trong điều hành vĩ mô nền kinh tế, đi đôi với việc xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của ngành và địa phương đối với những vấn đề mà các cấp này có khả năng xử lý hữu hiệu hơn; bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, làm cho luật pháp được thực hiện nghiêm minh, bình đẳng đối với mọi công dân và thành phần kinh tế.

Củng cố và tăng cường vai trò tham mưu của cơ quan kế hoạch, làm tốt chức năng lập quy hoạch, kế hoạch, xác định phương hướng và tốc độ phát triển, tính toán và duy trì các cân đối vĩ mô, điều chỉnh cơ cấu đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm trung tâm điều phối các nguồn lực tập trung huy động được từ trong và ngoài nước để sử dụng có hiệu quả vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Tiếp tục cải cách sâu sắc và toàn diện hơn nữa hệ thống tài chính - ngân hàng, một trong những khâu yếu và khó nhất, đồng thời lại là khâu then chốt để tạo lập và vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu vốn cho phát triển đất nước. Đổi mới cơ chế quản lý các doanh nghiệp nhà nước, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực sự tự chủ kinh doanh theo pháp luật. Xúc tiến hình thành một số tập đoàn kinh doanh lớn có tầm cỡ quốc gia hoặc khu vực, bao gồm cả mạng lưới vệ tinh là những doanh nghiệp nhỏ, không phân biệt ranh giới bộ chủ quản hay cấp chủ quản.

Các bộ chuyên ngành tập trung làm tốt chức năng hoạch định chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển của toàn ngành; hướng dẫn, hỗ trợ kiểm tra, kiểm soát các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần, trên mọi địa bàn theo đúng chức năng quản lý Nhà nước về ngành kinh tế- kỹ thuật mà bộ phụ trách. Tăng cường vai trò quản lý của các bộ tổng hợp xuyên suốt các ngành và lĩnh vực, bảo đảm mọi hoạt động kinh tế - xã hội đều phải đặt trong tầm quản lý của Nhà nước.

Các cấp chính quyền thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trên địa bàn, không phân biệt kinh tế trung ương hay địa phương, đối với mọi doanh nghiệp thuộc khu vực Nhà nước cũng như thuộc các thành phần khác, bảo đảm mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều theo đúng pháp luật.

Hiệu lực quản lý, điều hành của bộ máy Nhà nước hiện nay rất thấp, đang là một trong những vấn đề bức xúc mà chúng ta phải tập trung giải quyết. Phải xúc tiến mạnh việc cải cách hành chính, sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế, phân công, phân nhiệm rõ ràng, bảo đảm tập trung thống nhất, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có quy chế công chức, công vụ cụ thể đối với từng chức danh, có chế độ đãi ngộ tương xứng với cống hiến và hiệu quả làm việc, làm cho bộ máy Nhà nước nói chung, nhất là về quản lý kinh tế, thực sự có hiệu lực và hiệu quả.

Có chương trình đào tạo và đào tạo lại cán bộ phù hợp với cơ chế mới, tuyển chọn và sử dụng cán bộ đúng khả năng, trọng dụng nhân tài, chống tư tưởng cục bộ, địa phương, bè phái, phân biệt người trong đảng và người ngoài đảng.

6 - Về các vấn đề xã hội

Đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, tạo cơ hội cho mọi tầng lớp nhân dân tự do làm ăn theo pháp luật, chủ động và năng động lo liệu cuộc sống của mình và gia đình mình, không thụ động, trông chờ ỷ lại vào Nhà nước, vào cấp trên, vào viện trợ bên ngoài như chúng ta đang làm lâu nay, là một tiến bộ lớn về mặt xã hội, là thành tích đáng kể trong việc dân chủ hóa đời sống xã hội, trước hết là dân chủ hóa trong lĩnh vực kinh tế. Sắp tới, Nhà nước phải có cơ chế, chính sách thích đáng nhằm động viên toàn xã hội tiết kiệm để đầu tư phát triển, đẩy mạnh hơn nữa tốc độ tăng trưởng theo phương

Digitized by Google

hướng, nhiệm vụ mà chiến lược kinh tế - xã hội đã đề ra; khuyến khích mọi thành phần, mọi công dân, mọi nhà đầu tư trong và ngoài nước mở mang nhiều ngành nghề, mở rộng kinh tế đối ngoại, nhờ đó mà giải quyết tốt hơn công ăn việc làm, thu nhập và đời sống, tạo tiền đề vật chất cho việc xử lý các vấn đề xã hội khác.

Song, tăng trưởng kinh tế không tự nó giải quyết được tất cả các vấn đề xã hội, càng không có nghĩa là phải chờ đến lúc kinh tế phát triển cao mới quan tâm đến những vấn đề xã hội. Ngược lại, chính việc giải quyết tốt những vấn đề xã hội là điều kiện quyết định để thúc đẩy tăng trưởng. Chúng ta không ảo tưởng sớm có ngay một xã hội tốt đẹp trong khi kinh tế còn kém phát triển, năng suất lao động thấp, khoa học kỹ thuật còn lạc hậu. Nhưng chúng ta chủ trương phải kết hợp ngay từ đầu tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, từng bước xây dựng trên thực tế một xã hội, trong đó nhân dân làm chủ các công việc Nhà nước và xã hội; mọi người sống nhân ái, có văn hóa, tôn trọng pháp luật, kỷ cương; xóa bỏ áp bức, bất công, ai cũng được tạo điều kiện để mưu cầu một cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Nguyên nhân của nhiều vấn đề xã hội nhức nhối hiện nay không phải chỉ do kinh tế kém phát triển, mà còn do chúng ta buông lỏng lãnh đạo và quản lý, chưa quan tâm đúng mức đến việc giải quyết các vấn đề xã hội, chưa chú trọng kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Cần nghiêm khắc kiểm điểm và sớm khắc phục thiếu sót đó.

Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các lĩnh vực xã hội, phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học, công nghệ, là chăm sóc, bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người với tư cách vừa là động lực, vừa là mục tiêu của công cuộc xây dựng xã hội mới.

Cần có quan niệm đúng và thực hiện tốt yêu cầu về công bằng xã hội. Công bằng xã hội thể hiện cả ở khâu phân phối các điều kiện sản xuất, lẫn ở khâu phân phối kết quả của sản xuất; ở điều kiện phát triển năng lực của mỗi thành viên trong cộng đồng. Nhà nước phải tạo điều kiện để người lao động được làm chủ một phần tư liệu sản xuất (như nông dân được giao ruộng đất, công nhân, viên chức có cổ phần, cổ phiếu trong các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, v.v...), được giáo dục văn hóa, đào tạo nghề nghiệp, chăm sóc y tế, có cơ hội phát huy năng lực, sở trường trong quá trình lập thân, lập nghiệp. Đồng thời Nhà nước cũng bảo vệ và khuyến khích mọi công dân làm giàu hợp pháp, được hưởng thụ tương xứng với công sức, tiền của bỏ vào sản xuất kinh doanh. Thực hiện nguyên tắc ai làm việc có hiệu quả hơn, cống hiến nhiều hơn thì thu nhập lớn hơn và ngược lại. Chống tư tưởng bình quân, sống dựa dẫm, ỷ lại. Phân phối theo lao động là chính, đãi ngộ xứng đáng các tài năng; đồng thời phân phối theo mức vốn đầu tư. Mở rộng phúc lợi xã hội.

Trong khi ra sức tạo thêm điều kiện thuận lợi để khuyến khích làm giàu hợp pháp, coi việc một bộ phận dân cư giàu có nhanh hơn số đông là hợp quy luật và cần thiết cho tiến bộ chung. Trong khi phải tập trung những nguồn lực có hạn để khai thác và phát triển nhanh hơn những vùng trọng điểm có nhiều lợi thế, làm đầu tàu lôi kéo các vùng khác cùng phát triển, cần có chính sách đền ơn đáp nghĩa những người có công với nước, xóa đói giảm nghèo; hỗ trợ người nghèo, vùng nghèo bằng những chính sách và biện pháp cụ thể và thiết thực; điều tiết hợp lý những người có thu nhập cao và vùng có lợi thế phát triển, hỗ trợ các vùng và các tầng lớp dân cư còn nhiều khó khăn, đặc biệt quan tâm đến đồng bào các dân tộc thiểu số, khu căn cứ cách mạng cũ, vùng cao, vùng sâu và hải đảo.

Đề cao trách nhiệm của mỗi công dân tự giải quyết những vấn đề của bản thân và gia đình mình; đồng thời tăng cường cộng đồng trách nhiệm của cả xã hội. Phát huy truyền thống tương thân tương ái, đùm bọc cưu mang lẫn nhau theo truyền thống: "nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng". Động viên mọi người, mọi nhà tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

Một bất công xã hội nghiêm trọng nhất, tệ

Digitized by Google

hại nhất hiện nay là nạn tham nhũng. Bằng cách lạm dụng quyền lực, bọn tham nhũng đang đục khoét tài sản quốc gia, cướp đoạt của nhân dân, làm mọt ruỗng bộ máy Đảng và Nhà nước, bôi nhọ thanh danh của Đảng, tiếp tay cho các thế lực thù địch phá hoại chế độ ta.

Phải tiến hành chống tham nhũng một cách kiên quyết, triệt để trong toàn bộ bộ máy, ở tất cả các cấp, các ngành, từ trung ương đến địa phương, cơ sở. Kết hợp việc thanh tra, kiểm tra chặt chẽ của các cơ quan chức năng, phát động nhân dân phối hợp đấu tranh vạch mặt bọn tham nhũng. Xử lý các vụ, việc nghiêm minh, kịp thời, đúng luật, không phân biệt kẻ vi phạm ở cương vị gì, cấp bậc nào.

Mặt khác, phải giải quyết một cách cơ bản những mặt bất cập, những kẽ hở trong cơ chế, chính sách và pháp luật; tình trạng thiếu người làm chủ cụ thể, trực tiếp đối với nhiều loại tài sản công; sự cồng kềnh, chồng chéo, trùng lắp trong bộ máy với nhiều tầng nấc trung gian, nhiều người dôi dư kém phẩm chất và năng lực; việc thiếu những quy định rõ ràng và đơn giản về thủ tục hành chính, về quy chế công chức, công vụ; sự bất hợp lý trong chế độ tiền lương v.v...

Phải sử dụng các dịch vụ tư vấn và thẩm định của trong nước và nước ngoài, như dịch vụ thẩm định chất lượng và giá cả hàng hóa, thiết bị nhập khẩu, thẩm định dự án; dịch vụ kế toán và kiểm toán, quản lý vay nợ, viện trợ; dịch vụ tư vấn về pháp lý, về tổ chức bộ máy hành chính, v.v... Tập trung lực lượng để tạo chuyển biến thực sự ở một số ngành và lĩnh vực trọng điểm, như xây dựng cơ bản, hợp tác đầu tư với nước ngoài, xuất nhập khẩu, thuế, hải quan..., tạo điều kiện mở rộng sang các ngành và lĩnh vực khác.

7- Về quốc phòng - an ninh - đối ngoại

Sau chiến tranh lạnh, tình hình khu vực và thế giới có những diễn biến phức tạp, thời cơ mới được mở ra, đi đôi với thách thức mới rất nghiêm trọng. Chúng ta phải nắm thời cơ để xây dựng lại đất nước, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức.

Nghị quyết Đại hội VII và các nghị quyết Trung ương khóa VII luôn luôn khẳng định hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phải tập trung sức phát triển kinh tế, coi đó là nhiệm vụ trung tâm; đồng thời phải hết sức coi trọng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cùng với xu thế hòa bình, đối thoại, hợp tác và phát triển tăng lên trong khu vực và trên thế giới, thành công của sự nghiệp đổi mới trên các lĩnh vực đời sống xã hội, chính sách đối ngoại đúng đắn và hoạt động tích cực , chủ động của ta đã làm thay đổi hình ảnh Việt nam trên thế giới; uy tín và địa vị quốc tế của ta được nâng cao rõ rệt. Chúng ta phải tiếp tục đẩy mạnh cải cách, tăng cường quản lý, mở rộng hợp tác nhiều mặt để tranh thủ vốn, công nghệ, kiến thức và kinh nghiệm của bên ngoài, khai thác các điểm đồng về lợi ích, thu hẹp các bất đồng, tăng thêm bầu bạn, góp phần tạo môi trường quốc tế ngày càng thuận lợi hơn để tập trung sức xây dựng đất nước.

Mặt khác, thế giới cũng đang có nhiều biến động bất trắc, chứa đựng những điểm nóng tiềm tàng có thể làm bùng nổ thêm các xung đột khu vực, cục bộ. Nguy cơ chiến tranh hủy diệt toàn cầu bị đẩy lùi một bước quan trọng, song những cuộc xung đột vũ trang về dân tộc, sắc tộc, lãnh thổ kéo dài triền miên. Kinh tế nhiều nước, nhất là các nước công nghiệp phát triển, đang trải qua thời kỳ suy thoái. Mỹ vẫn chưa từ bỏ chính sách bao vây, cấm vận đối với Việt nam.

Các thế lực thù địch đang thực hiện âm mưu gây mất ổn định chính trị, phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta phải đề cao cảnh giác trước âm mưu đó. Các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương cần có chuyển biến mạnh mẽ, đề ra được những giải pháp cụ thể về tư tưởng và tổ chức, có phương án hành động, lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng Đảng, xây dựng bộ máy Nhà nước, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc và phát huy những thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã giành

Digitized by Google

được, đưa công cuộc đổi mới tiếp tục tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

8- Về xây dựng Đảng

Đảng là hạt nhân lãnh đạo toàn xã hội. Vì vậy, đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm nhiệm vụ là vấn đề then chốt bảo đảm cho quá trình đổi mới đi đúng hướng và đạt thành tựu cao hơn.

Sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ đường lối chính trị đúng đắn, sự thống nhất về tư tưởng và hành động của toàn Đảng, từ tính tiên phong, gương mẫu và đạo đức, phẩm chất của từng cán bộ, đảng viên. Trước những thời cơ và thách thức mới hiện nay, công tác chính trị tư tưởng càng có vị trí đặc biệt quan trọng.

Phải bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ và chất lượng lãnh đạo của Đảng. Xây dựng cho cán bộ, đảng viên niềm tin và ý chí kiên định lý tưởng cách mạng. Coi trọng tổng kết thực tiễn, đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận để từng bước xác định rõ con đường và giải pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, phù hợp với qui luật khách quan và thực tế đất nước. Kiên quyết đấu tranh, phê phán những quan điểm cơ hội, xét lại; đồng thời khắc phục bệnh bảo thủ, giáo điều. Bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên về lý luận, quan điểm, đường lối, về những điển hình và nhân tố mới. Giải quyết có kết quả những vấn đề kinh tế, xã hội cấp bách. Đó là những việc làm có tác dụng thiết thực xây dựng và củng cố niềm tin.

Cán bộ làm công tác lý luận, khoa học xã hội trong hệ thống trường đảng, các viện nghiên cứu khoa học, các cơ quan phụ trách công tác tư tưởng phải được bố trí đi thực tế, hoặc trực tiếp tham gia vào hoạt động của các cơ sở để nghiên cứu, tổng kết, bổ sung, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, trên cơ sở thực tiễn phong phú và sinh động.

Cần mở rộng dân chủ trong quá trình ra nghị quyết, quyết định, tập trung được trí tuệ của cán bộ, đảng viên, của các chuyên gia, nhà khoa học, để có những nghị quyết, quyết định chính xác, làm cơ sở cho sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng. Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không được truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng.

Sức mạnh của Đảng về chính trị và tư tưởng được bảo đảm bằng sức mạnh của tổ chức chặt chẽ, khoa học, có kỷ luật nghiêm minh. Vì vậy, phải thực hiện nghiêm ngặt các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ. Ngăn chặn và khắc phục bằng được tệ vô tổ chức, vô kỷ luật, độc đoán, chuyên quyền, cục bộ địa phương, bè phái, mất đoàn kết diễn ra ở nhiều nơi. Thiết lập trật tự, kỷ cương trước hết từ trong Đảng. Đặc biệt coi trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ quan điểm, đường lối; giữ gìn sự trong sạch của Đảng. Giữ gìn bí mật nội bộ và bí mật quốc gia.

Chấn chỉnh hệ thống tổ chức của Đảng, bảo đảm bộ máy tinh gọn, có hiệu lực và hiệu quả, tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng phù hợp với cơ chế quản lý mới.

Đặc biệt cần tiếp tục làm rõ và giải quyết tốt mối quan hệ và lề lối làm việc giữa các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước. Đảng lãnh đạo toàn bộ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, thông qua đường lối, chính sách và hệ thống tổ chức của Đảng. Đảng lãnh đạo Nhà nước không chỉ thông qua cán bộ, đảng viên giữ các cương vị chủ chốt trong bộ máy nhà nước, mà còn thông qua các tổ chức của Đảng trong bộ máy đó như đảng đoàn, ban cán sự, cấp ủy đảng. Các tổ chức của Đảng, cùng với cán bộ, đảng viên công tác trong các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và tổ chức thực hiện tốt. Tổ chức đảng không được buông lỏng lãnh đạo, song nhất thiết không bao biện làm thay công việc của chính quyền. Lãnh đạo bằng cách theo dõi, cho ý kiến chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc, chứ không điều hành thay Nhà nước. Vấn đề cần làm hiện nay là xây dựng một quy trình, quy chế lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ mà không trùng lắp với cơ quan nhà nước.

Trong điều kiện đảng cầm quyền, phải hết

Digitized by Google

sức đề phòng, ngăn chặn nguy cơ Đảng quan liêu hóa, xa rời quần chúng mà hậu quả không thể lường trước được như đã từng xảy ra ở một số nước. Vì vậy, Đảng phải rất chăm lo đến công tác mặt trận, công tác dân vận, quan tâm giải quyết đúng đắn, kịp thời những lợi ích thiết thực của nhân dân, tuyên truyền giáo dục về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong các tầng lớp nhân dân; động viên và tổ chức, lãnh đạo nhân dân phát triển kinh tế, văn hóa, giải quyết việc làm, đời sống, phấn đấu xóa đói, giảm nghèo, bài trừ các tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh trên từng địa bàn và trong cả nước.

Phải xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Trong điều kiện kinh tế - xã hội đã có nhiều biến đổi, cần có những hình thức và nội dung phù hợp với từng giai tầng xã hội, dân tộc, giới tính, thành phần kinh tế, lĩnh vực hoạt động, tín ngưỡng, tôn giáo ở trong nước và ở nước ngoài, vừa củng cố các giai cấp, tầng lớp nòng cốt, vừa mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, nhằm phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực tự cường, đoàn kết mọi người Việt Nam có chung nguyện vọng và lợi ích trong sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ trên thế giới. Bộ Chính trị đã có nghị quyết "Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất". Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã và đang chỉ đạo tiến hành đại hội một số tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng. Các cấp ủy đảng, các đảng đoàn và ban cán sự phải tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết của Trung ương và của Bộ Chính trị về công tác mặt trận và các đoàn thể quần chúng, đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương thức và phong cách hoạt động, làm cho công tác mặt trận và công tác dân vận có chuyển biến rõ rệt, thực hiện đại đoàn kết toàn dân ở tầm cao mới và chiều sâu mới, tạo ra động lực mạnh mẽ để thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Để thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong thời điểm hiện nay, vấn đề cán bộ nổi lên như một mắt xích quan trọng nhất trong toàn bộ sự nghiệp đổi mới. Việc bố trí một đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo, có cơ cấu đồng bộ, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có kiến thức và năng lực tổ chức điều hành để đưa đường lối vào cuộc sống là vấn đề có ý nghĩa quyết định. Để tạo bước chuyển biến căn bản về công tác cán bộ, phải đổi mới quan điểm về đánh giá, tuyển chọn, bố trí, đề bạt và đãi ngộ cán bộ. Phải trên cơ sở xác định rõ tiêu chuẩn, đặc biệt là bản lĩnh chính trị và năng lực tổ chức thực tiễn, và căn cứ vào hiệu quả công tác thực tế để đánh giá cán bộ một cách toàn diện, cụ thể và công tâm. Phải có cơ chế, chính sách bảo đảm những người có đức, có tài, có tâm huyết với đất nước đều được trọng dụng, khắc phục tư tưởng thành kiến, hẹp hòi, phân biệt đối xử.

Để chuẩn bị nhân sự cho Đại hội VIII và những năm tiếp theo, có nhiều việc phải làm, trong đó phải quy định chế độ và khuyến khích cán bộ học tập nâng cao trình độ mọi mặt, đáp ứng yêu cầu đổi mới. Thực hiện việc trẻ hóa và kế thừa trong đội ngũ cán bộ, bảo đảm chặt chẽ về tiêu chuẩn, hình thành một tập thể mạnh. Gắn việc chuyên môn hóa với luân chuyển cán bộ, giữa cán bộ tại chỗ với cán bộ tăng cường từ nơi khác đến. Hình thành đồng bộ bốn loại cán bộ: cán bộ lãnh đạo chính trị, cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh, các chuyên gia giỏi trên từng lĩnh vực. Đổi mới công tác quy hoạch và đào tạo cán bộ. Xây dựng kế hoạch đào tạo chung, cũng như đối với từng ngành, từng địa phương, gắn với mục tiêu, yêu cầu và đối tượng, địa chỉ sử dụng.

Từ nay đến Đại hội VIII chỉ còn hơn 2 năm, vì vậy các cấp ủy đảng, các ngành phải tập trung thực hiện tốt các mục tiêu, yêu cầu về công tác cán bộ mà Hội nghị Trung ương 3 đã đề ra, đặc biệt các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Trung ương và cấp ủy địa phương phải đích thân chỉ đạo công việc quan trọng này.

Digitized by Google

YÊU CẦU BỨC BÁCH VÀ KHẢ NĂNG BƯỚC VÀO MỘT THỜI KỲ MỚI CỦA SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI *

VÕ VĂN KIỆT
Ủy viên Bộ chính trị,
Thủ tướng Chính phủ

1 - Năm 1993 đã tiếp tục phát huy đà chuyển biến, tiến bộ của năm 1992, đạt và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu đã được kỳ họp thứ hai của Quốc hội khóa IX đề ra trong nghị quyết về nhiệm vụ năm 1993.

Tính chung ba năm 1991 - 1993, tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt nhịp độ tăng bình quân hàng năm 7,2%, cao hơn mức đề ra trong kế hoạch năm năm 1991 - 1995.

Sản xuất nông nghiệp hàng năm đều gặp thiên tai ở một số vùng, nhưng nhìn chung ba năm vẫn đạt mức kế hoạch tăng trưởng. Riêng năm 1993, hạn hán kéo dài, tiếp đến bão, lụt, úng diễn ra ở nhiều tỉnh miền trung, song tính chung cả nước, sản lượng nông nghiệp vẫn tăng và thu hoạch được 24,5 triệu tấn lương thực, đạt mức kế hoạch đề ra cho năm 1995. Ở các vùng bị thiên tai, giá cả vẫn giữ được ổn định, sản xuất và đời sống của nhân dân sớm được khôi phục.

Sản xuất của các ngành công nghiệp, dịch vụ trong các thành phần kinh tế nhìn chung đã thích nghi với cơ chế thị trường, sản lượng công nghiệp tăng bình quân hàng năm cao hơn mức kế hoạch. Kim ngạch xuất khẩu, mức thu ngân sách tăng cao hơn nhịp độ phát triển sản xuất. Quan hệ kinh tế với bên ngoài được mở rộng nhanh. Cán cân thanh toán được cải thiện, nguồn thu ngoại tệ đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu vật tư, và hàng hóa cần thiết cho sản xuất và đời sống. Nền kinh tế bắt đầu có tích lũy nội bộ. Đời sống của đông đảo nhân dân được cải thiện.

Bước tăng trưởng liên tục ba năm qua trong các ngành và lĩnh vực kinh tế chứng minh rằng **nền kinh tế đã vượt qua tình trạng suy thoái**.

Đi đôi với tăng trưởng kinh tế, lạm phát đã bị đẩy lùi, qua 11 tháng năm 1993, chỉ số giá tăng 4%, chắc chắn cả năm chỉ ở mức một con số. Trong việc giảm lạm phát, có tác động của hàng nhập lậu kìm giá một số mặt hàng công nghiệp trong nước. Song những nhân tố chính đưa tới sự ổn định giá và tỷ giá là sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển, việc điều hành lưu thông tiền tệ có tiến bộ và dự trữ vật chất được tăng thêm, có thể can thiệp vào thị trường khi có biến động bất thường. Mặc dù còn những yếu tố chưa vững chắc như bội chi ngân sách còn lớn, dự trữ ngoại tệ còn mỏng, song nhìn chung khả năng kiểm soát lạm phát được nâng cao hơn trước.

Lĩnh vực văn hóa, xã hội tuy còn nhiều tồn tại lớn song đã có bước chuyển động khá hơn các năm trước trong việc thực hiện các chương trình tạo việc làm, phổ cập tiểu học, nâng dần chất lượng giáo dục, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, phủ sóng truyền thanh, truyền

* Trích Báo cáo tại kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa IX, tháng 12-1993

Digitized by Google

hình, phòng chống dịch bệnh, phát triển thể dục thể thao cũng như trong cuộc vận động xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa.

Nhìn tổng quát, chúng ta **đã khắc phục được một bước rất quan trọng khủng hoảng kinh tế - xã hội, nổi bật nhất là vượt qua được tình trạng suy thoái kinh tế và đẩy lùi lạm phát, giữ vững ổn định chính trị** trong hoàn cảnh đầy thử thách gay gắt lại không có tài trợ bên ngoài và đang bị Mỹ cấm vận. Thành tựu đó tỏ rõ sức sống và bản lĩnh của dân tộc và con người Việt Nam, chứng minh đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước phù hợp với thực tế của nước ta, thể hiện sức mạnh và khả năng tự lực tự cường của nhân dân ta.

Thành công của công cuộc đổi mới gắn liền với chính sách đối ngoại đa phương hóa và đa dạng hóa, được sự đồng tình và ủng hộ của các nước và các tổ chức quốc tế đã mở đường cho nước ta hội nhập với cộng đồng quốc tế. Hình ảnh Việt Nam đổi mới, mong muốn làm bạn với tất cả các nước được thế giới đón nhận, đánh giá cao, đang tạo cho nước ta **thế thuận lợi mới trong quan hệ quốc tế**.

Những nhân tố đó tăng thêm thế và lực cho đất nước, tạo những **tiền đề cần thiết cho một thời kỳ mới của sự phát triển** :

a) Đông đảo nhân dân tin tưởng và nhiệt tình hưởng ứng công cuộc đổi mới, coi đó là sự nghiệp của chính mình, phù hợp với lợi ích của mình. Nền kinh tế đã có động lực kích thích, tạo ra không khí hăng hái sản xuất kinh doanh trong xã hội. Tuy hoạt động kinh tế và xã hội chưa đi vào trật tự, kỷ cương, song việc khơi dậy tính năng động, sáng tạo của mọi người trong xã hội thay thế tâm lý thụ động, ỷ lại của thời kỳ bao cấp là một yếu tố rất quan trọng của sự phát triển.

b) Môi trường phát triển đã có được những yếu tố cơ bản, thuận lợi hơn :

- Trước hết, đó là môi trường chính trị ổn định và môi trường hòa bình, hữu nghị, hợp tác trong quan hệ quốc tế đã mở rộng với hầu khắp các nước.

- Khả năng kiểm soát lạm phát tạo cơ sở cho việc ổn định kinh tế vĩ mô, giảm bất trắc đối với đầu tư phát triển.

- Môi trường pháp chế đang được tích cực bổ sung và hoàn chỉnh thêm.

c) Điều kiện vật chất cho sự phát triển, tuy còn hạn chế về vốn, công nghệ, thị trường và cơ sở hạ tầng, song còn nhiều tiềm năng lớn có thể khai thác.

- Ở trong nước, nền kinh tế bắt đầu tăng được tích lũy nội bộ. Từ 1991 đến 1993, tỷ lệ đầu tư bằng vốn trong nước so với GDP lần lượt là 4,8%, 6,9% và 12,7%, chấm dứt tình trạng giảm tích lũy đầu tư trong nhiều năm liền. Nguồn vốn trong dân có thể huy động vào đầu tư phát triển còn lớn (ước tính năm 1993 khoảng 20 ngàn tỷ đồng, mới huy động được tám ngàn tỷ, phần lớn là xây dựng nhà ở). Các chủ trương, chính sách mới có thể tạo sức bật cho nhiều ngành nghề, đặc biệt là cho nông nghiệp và kinh tế nông thôn, bằng sức của dân là chính. Nguồn vốn đầu tư tập trung của Nhà nước bằng tích lũy trong nước và tài trợ phát triển của bên ngoài cùng với dự trữ vật chất khá hơn các năm trước và có thể tăng nhanh trong thời gian tới.

- Đối với bên ngoài, khả năng tranh thủ vốn và công nghệ đang mở rộng nhanh, vượt qua chính sách cấm vận của Mỹ. Việc khai thông quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính quốc tế thúc đẩy mạnh nguồn tài trợ phát triển đa phương và song phương, Hội nghị các bên tài trợ cho Việt Nam vừa họp tại Pa-ri có 22 nước và 17 tổ chức quốc tế đến dự đã cam kết tài trợ phát triển cho nước ta 1,86 tỷ USD trong tài khóa 1993 - 1994. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài tiếp tục tăng

Digitized by Google

nhanh ; đáng chú ý là phần vốn đưa vào thực hiện năm 1993 khoảng 800 - 850 triệu USD, gấp gần hai lần năm 1992. Lúc này, mức tranh thủ vốn bên ngoài phụ thuộc chủ yếu vào khả năng tiếp thu và sử dụng có hiệu quả của chúng ta.

Những yếu tố nêu trên **đang tạo cơ hội lớn cho sự phát triển**. Cơ hội không tự nó đến mà do nỗ lực chủ quan của toàn Đảng, toàn dân ta kết hợp với xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác đang phát triển ở khu vực và trên thế giới. Cơ hội cũng không tự nó đem lại kết quả nếu chúng ta không biết kịp thời nắm lấy và khai thác.

2 - Bước phát triển mới đòi hỏi không chỉ tận dụng cơ hội mà còn phải nhận rõ những mặt yếu kém, những khó khăn, trở lực cần khắc phục.

a) Nền kinh tế còn nhiều yếu tố chưa vững chắc, có thể gây mất ổn định :

Cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội chậm được cải thiện, có mặt tiếp tục xuống cấp. Tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư còn thấp. Nhiều tiềm lực của dân chưa được khai thác vào phát triển sản xuất. Tài sản công và vốn đầu tư của Nhà nước bị đục khoét và lãng phí lớn.

Sức sản xuất xã hội chưa được giải phóng triệt để. Hiệu quả của nền kinh tế còn thấp, hạn chế nguồn và tích lũy đầu tư cũng như khả năng cải thiện đời sống.

Kinh tế thị trường đang ở trình độ sơ khai, vừa chưa được phát triển đầy đủ, vừa chưa được quản lý tốt, chủ yếu do hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, năng lực và hiệu lực quản lý vĩ mô chưa đi kịp yêu cầu ; bộ máy Nhà nước, hệ thống tài chính, ngân hàng và khu vực doanh nghiệp Nhà nước còn nhiều yếu kém và tiêu cực. Tệ tham nhũng, buôn lậu tiếp diễn nghiêm trọng. Mối đe dọa tái lạm phát không thể xem thường.

b) Nhiều mặt xã hội chuyển biến chậm, còn nhiều vấn đề gay gắt, khiến lòng dân chưa yên, đặc biệt là tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm, nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm tăng lên, không ít kẻ làm giàu phi pháp trong khi nhiều người làm ăn lương thiện, những người có công với nước đang khó khăn về đời sống.

c) Công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu và mở ra toàn diện vấp phải những chỗ khó hơn trước vì đụng tới lợi ích cục bộ, cá nhân, đồng thời lại đòi hỏi ý thức cách mạng, trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo và quản lý cao hơn.

Tình trạng hư hỏng cùng với sự bất cập về năng lực, ý thức tổ chức, kỷ luật kém và tệ quan liêu, cửa quyền của không ít cán bộ trong nhiều cơ quan, tổ chức Nhà nước ở các ngành các cấp, cả lĩnh vực hành chính và lĩnh vực kinh doanh đang vô hiệu hóa nhiều chủ trương, chính sách, cản trở và phá hoại công cuộc đổi mới, làm giảm lòng tin của nhân dân đang thách thức sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

Các lực lượng thù địch bên ngoài và bên trong đang tìm mọi cách phá ta, không bỏ lỡ cơ hội khoét sâu những mặt yếu trong nội bộ ta.

Để ngăn ngừa nguy cơ rối loạn bên trong và thao túng của bên ngoài, điều quyết định là chúng ta phải khắc phục những khuyết điểm chủ quan trong công tác lãnh đạo và quản lý cùng với sự hư hỏng và bất cập trong đội ngũ cán bộ.

3 - **Thách thức lớn nhất đối với dân tộc ta, chế độ ta là kinh tế phát triển chậm, hiệu quả kinh tế thấp dẫn tới nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế**, luôn luôn lâm vào thế yếu, bị thua thiệt trong cạnh tranh và hợp tác quốc tế. Trong bối cảnh thế giới ngày nay, khi cuộc chạy đua kinh tế nổi lên hàng đầu và đang diễn ra quyết liệt, thì sự tụt hậu xa hơn về kinh tế dễ dẫn đến mất ổn định chính trị, xã hội, hạn chế khả năng củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ độc lập, chủ quyền.

Để vượt qua thách thức ấy, chúng ta phải kịp thời **nắm bắt và tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, phát triển kinh tế - xã hội với nhịp độ**

Digitized by Google

nhanh và vững chắc vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển so với các nước chung quanh. Đó là nguyện vọng và đòi hỏi bức xúc của nhân dân, là điều quyết định sự bền vững của chế độ ta, bảo đảm cho đất nước ta phát triển theo mục tiêu và định hướng xã hội chủ nghĩa, làm thất bại mọi mưu mô, hành động phá hoại và xâm phạm chủ quyền nước ta.

Con đường duy nhất để thực hiện mục tiêu đó là tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới cả về bề rộng và chiều sâu, phát huy cao hơn nữa tinh thần **độc lập tự chủ, tự lực tự cường, ra sức cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế**. Phải tận lực phát huy sức mạnh bên trong mới có thể thu hút và sử dụng tốt nguồn lực bên ngoài để đẩy nhanh sự phát triển. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào bên ngoài sẽ dẫn tới tình trạng bị lệ thuộc và kìm hãm sự phát triển của đất nước. Điều đó không chỉ là đạo lý mà đã được thực tế chứng minh.

Chúng ta có thể rút ra kết luận gì từ những điều phân tích trên ? Kết luận đó là : **Năm 1994 có thể và cần phải mở đầu một thời kỳ mới của sự phát triển kinh tế - xã hội trên đất nước ta.** Nhịp độ tăng trưởng GDP trong những năm tới phải đạt không dưới 8% /năm, phấn đấu vượt mục tiêu đến năm 2000 tăng gấp đôi GDP so với năm 1990, chuẩn bị điều kiện và tạo đà cho đất nước tiến nhanh hơn khi bước vào thế kỷ 21.

Trong mấy năm trước, chúng ta phải tập trung cho nhiệm vụ khắc phục suy thoái và lạm phát, ổn định kinh tế, xã hội, chính trị. Từ năm 1994, trong khi tiếp tục chăm lo sự ổn định, chúng ta có điều kiện **đặt trọng tâm vào nhiệm vụ đẩy nhanh sự phát triển kinh tế, đi đôi với chuyển biến mạnh mẽ hơn về xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo thêm cơ sở củng cố sự ổn định chính trị và tăng cường quốc phòng, an ninh**. Đó là con đường đưa đất nước thoát hẳn khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đi vào thế phát triển và ổn định vững chắc. Công tác chỉ đạo và quản lý không chỉ dồn sức cho việc xử lý những vấn đề cấp bách theo chính sách tình thế, mà phải chú trọng giải quyết những vấn đề cơ bản, có ý nghĩa chiến lược nhằm thúc đẩy nhanh hơn sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa, đưa nền kinh tế tăng trưởng nhanh hơn, đạt hiệu quả cao hơn, làm cho xã hội có trật tự, công bằng và tiến bộ tốt hơn.

.....

.....

Dân tộc ta, nhân dân ta vốn có truyền thống quật cường, đã nhiều lần tỏ rõ bản lĩnh vượt qua những thử thách hết sức hiểm nghèo để tồn tại và phát triển, tạo ra những bước ngoặt lịch sử.

Ngày nay, ở thời điểm mà cơ hội và thách thức đối với vận nước đều lớn, Chính phủ đặt niềm tin vào lòng yêu nước, ý chí tự lực tự cường, trí thông minh, sáng tạo và đức tính cần cù lao động của dân tộc và con người Việt Nam.

Cùng với Quốc hội và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chính phủ sẽ làm hết sức mình để tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, **các tôn giáo**, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài, tạo môi trường và điều kiện cho mọi người đem hết khả năng cống hiến **làm giàu** cho mình và cho đất nước, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho dân tộc ta bước vào thế kỷ 21, đưa nước ta sớm thoát khỏi tình trạng một nước nghèo, kém phát triển.

Với sự đồng lòng, chung sức của toàn dân đi theo đường lối của Đảng, chúng ta dứt khoát không để lỡ thời cơ, ra sức thực hiện những nhiệm vụ mà Quốc hội đề ra cho năm 1994, mở đầu một thời kỳ mới của sự phát triển kinh tế - xã hội trên đất nước ta.

Digitized by Google

NHỮNG GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN

ĐẶNG XUÂN KỲ *

VÀO những năm cuối của thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90, chủ nghĩa xã hội lâm vào tình trạng thoái trào và đứng trước những thử thách rất nghiêm trọng. Sự đổ vỡ thật sự của chủ nghĩa xã hội hiện thực bắt đầu từ mùa thu năm 1989 và tiếp nhau như một sự bùng nổ có tính chất dây chuyền. Trong vòng hai năm, từ tháng 8 năm 1989 đến tháng 9 năm 1991, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và sáu nước Đông Âu đã bị sụp đổ. Những đảo lộn, tan vỡ cũng diễn ra ở Mông - cổ, Nam tư, An-ba-ni. Đảng cộng sản ở các nước đó đã phải rời bỏ vị trí cầm quyền.

Sự sụp đổ ấy đã diễn ra với hai đặc trưng : một là, *phạm vi sụp đổ rất rộng*, bao gồm nhiều nước, với những đảng cộng sản cầm quyền hùng mạnh, mà trước đó tưởng như không gì có thể lay chuyển nổi ; hai là, *nhịp độ sụp đổ rất nhanh*, diễn ra liên tiếp trong một khoảng thời gian rất ngắn.

Trước sự sụp đổ đó, một tâm trạng bàng hoàng đã lan tràn trên khắp hành tinh. Biết bao câu hỏi đã được đặt ra, và cũng đã có biết bao câu trả lời. Chỉ có xuất phát từ sự thật lịch sử với cả quá trình phát sinh, phát triển của nó, với lý trí tỉnh táo và sự phân tích khách quan khoa học, đi vào bản chất các sự kiện, loại bỏ mọi cảm xúc nông nổi nhất thời, không dừng lại ở những biểu hiện bên ngoài hoặc những suy tư đơn giản phiến diện, chúng ta mới có được những lời giải đáp đúng đắn.

Cái gì đã sụp đổ ? Đó là câu hỏi được đặt ra trước hết.

Tất cả các thế lực thù địch và phản bội đã đưa ra một câu trả lời thống nhất : đó là "sự sụp đổ", "sự cáo chung" của chủ nghĩa xã hội - chủ nghĩa cộng sản ; đó là "sự kết thúc", "sự tận cùng" của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Với một niềm hân hoan đến cuồng nhiệt, họ cho rằng thế là từ nay chủ nghĩa xã hội - chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đã bị "chôn vùi vĩnh viễn" và chủ nghĩa tư bản đã thổi hồi kèn tháng trận cuối cùng, không còn lực lượng nào có thể địch nổi (!)

Trước sự sụp đổ của Liên xô và Đông Âu, trước tác động của những luận điệu chống phá quyết liệt chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác - Lê-nin, không ít người trước kia vẫn tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhất là những người ở các nước vốn là xã hội chủ nghĩa, đã hoang mang, dao động, hoài nghi, thậm chí bi quan thất vọng, mất cả niềm tin vào tương lai. Và người ta tự hỏi : Phải chăng những luận điệu đó là đúng ? Phải chăng từ trước tới nay chúng ta đã mù quáng tin theo một chủ nghĩa, một học thuyết sai lầm ?

Hoàn toàn không phải như vậy.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin không thể bị chôn vùi. Nó vẫn sống trong quá trình đi lên của nhân loại, cũng như nó đã sống và giành nhiều thắng lợi trong khoảng một thế kỷ rưỡi vừa qua. Đã có nhiều người cộng sản, nhiều đảng cộng sản và công nhân lên tiếng về vấn đề trọng đại này. Ngay ở Liên xô và ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cũ, đông đảo những người cộng sản vẫn đang tập hợp lực lượng, tiến hành cuộc đấu tranh để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, dù có phải làm lại từ đầu. Ngay ở các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây vẫn có những đầu óc tỉnh táo, những người có lương tri, trong đó không ít là những nhà khoa

* Giáo sư, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Digitized by Google

học, vẫn khẳng định Mác là một trong những nhà tư tưởng lớn đã đi vào lịch sử nhân loại, tư tưởng của Mác không những đang có mặt trong thế kỷ XX mà sẽ còn tiếp tục có mặt trong thế kỷ XXI.

Vậy cái gì đã sụp đổ ? Đó là sự sụp đổ của những nhà nước, những chế độ xã hội chủ nghĩa đã được xây dựng ở Liên xô và Đông Âu. Về thực chất, cái đã sụp đổ *không phải là* chủ nghĩa Mác - Lê-nin nói chung, cũng *không phải là* chủ nghĩa xã hội với tính chất là một học thuyết đã được các ông đưa ra.

Trong mô hình cũ về chủ nghĩa xã hội, đã có những lệch lạc, sai lầm. Đó là, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực, đã có sự vận dụng không đúng những tư tưởng và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, hoặc không biết phát triển nó cho phù hợp với những điều kiện lịch sử cụ thể. Những sai lầm, lệch lạc ấy nếu được nhận thức và biết cách sửa chữa, khắc phục, thì không dẫn đến sự sụp đổ của cả một chế độ xã hội, sự tan rã của cả một đảng, một nhà nước. Phi-đen Ca-xtơ-rô đã có lý khi nói rằng : "Chủ nghĩa đế quốc đã không thể làm tan rã Liên xô nếu bản thân những người Liên xô đã không tự hủy diệt mình, nếu những người chịu trách nhiệm về chiến lược và sách lược, cũng như ban lãnh đạo chính trị và nhà nước đã không tự phá hủy đất nước mình. Như vậy là chủ nghĩa xã hội không chết một cách tự nhiên, mà đã xảy ra một cuộc tự sát, một sự giết hại chủ nghĩa xã hội". Nói đúng hơn, nó đã "bị ám sát", "bị đâm từ sau lưng". Và cũng đúng như Ru-giơ-cốp đã nhận định, "nó đã bị phản bội từ bên trong" (Xem *Cải tổ : Lịch sử của những sự phản bội).*

*

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là học thuyết khoa học và cách mạng do Mác xây dựng trong thế kỷ XIX và được Lê-nin phát triển trong thời đại đế quốc chủ nghĩa. Nếu nói riêng về "chủ nghĩa Mác" cũng như "chủ nghĩa Lê-nin", mỗi khái niệm đều có nội hàm xác định. Hồ Chí Minh, sau mười năm tìm đường cứu nước, trước hết đã bắt gặp tư tưởng của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, dần dần đi sâu nghiên cứu chủ nghĩa Lê-nin, chủ nghĩa Mác để nắm bắt cái linh hồn, cái bản chất cách mạng và khoa học trong học thuyết của các ông.

Khái niệm "chủ nghĩa Mác" lần đầu tiên được đưa ra vào năm 1882 trong một bài đả kích của Pôn Bru-xơ (Paul Brousse), một người vô chính phủ thuộc phái Ba-cu-nin, với đầu đề "Chủ nghĩa Mác trong Quốc tế". Lúc đó, khái niệm "chủ nghĩa Mác" được hiểu như là một thứ chuyên quyền độc đoán trong phong trào công nhân. Phải chăng chính lúc đó, lúc cuối đời mình, Mác đã nhìn thấy không phải chỉ những kẻ thù tư tưởng đã chống lại ông quyết liệt, mà còn có những người không hiểu học thuyết của ông, không nắm được học thuyết của ông, truyền bá tư tưởng, học thuyết của ông một cách sai lạc làm tổn hại trực tiếp đến học thuyết của ông.

Đấu tranh kiên quyết với sự xuyên tạc và tầm thường hóa học thuyết của Mác, đặc biệt là chống lại những trào lưu cơ hội, xét lại học thuyết Mác nhằm phủ định học thuyết ấy, làm lạc hướng phong trào cách mạng của giai cấp vô sản, vào những năm cuối thế kỷ XIX và nhất là vào đầu thế kỷ XX, Lê-nin đã làm sáng tỏ nội dung của khái niệm "chủ nghĩa Mác" : đó là học thuyết *cách mạng* và *khoa học*. Chúng ta thấy rất rõ điều này trong hàng loạt tác phẩm của Lê-nin, nhất là trong tác phẩm "Ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác" được viết vào năm 1913. *Chủ nghĩa* có khi được hiểu là *học thuyết*, đồng nghĩa với học thuyết ; cũng có khi được hiểu như một khái niệm bao trùm nhiều học thuyết về những lĩnh vực khác nhau.

Khi Lê-nin còn sống, đã có những người muốn đưa ra khái niệm "chủ nghĩa Lê-nin" nhưng đã bị Lê-nin bác bỏ. Năm 1924 sau khi Lê-nin mất, thành phố Pê-tơ-rô-grát được đổi tên là Lê-nin-grát và khái niệm "chủ nghĩa Lê-nin" được chính thức đưa ra vào dịp này, trong bài phát biểu của Di-nô-vi-ép : "Lê-nin đã chết, nhưng "chủ nghĩa Lê-nin" vẫn sống. Cũng trong thời gian đó, khái niệm "chủ nghĩa Lê-nin" được Xta-lin trình bày trong tác phẩm "Những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin". Từ đó cùng với khái niệm "chủ nghĩa Mác", khái niệm "chủ nghĩa Lê-nin" được dùng phổ biến, và đến những năm 30 ở Liên xô hai khái

Digitized by Google

niệm đó được ghép làm một, chuyển sang tiếng Trung quốc là "Mác - Lê-nin chủ nghĩa", và dịch sang tiếng Việt là "chủ nghĩa Mác - Lê-nin".

Đã có rất nhiều người đi theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Họ giải thích những luận điểm của các ông theo nhiều cách khác nhau. Có những luận điểm bổ sung theo tinh thần phát triển đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; ngược lại, có không ít những luận điểm đã làm sai lệch học thuyết của các ông. Cách hiểu sai lệch những luận điểm của Mác, Ăng-ghen và Lê-nin đã ảnh hưởng và chi phối cách hiểu của nhiều người khác về sau này.

Vì vậy, muốn nhận thức đúng chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà thời gian gần đây người ta thường gọi là "nhận thức lại" hay "đổi mới nhận thức" về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, cần xác định một số điểm có ý nghĩa phương pháp luận sau đây :

- Phân biệt những gì thực sự là của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin với những gì người khác giải thích và đưa thêm vào học thuyết của các ông.

- Phải đặt những luận điểm của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin trong những điều kiện lịch sử - cụ thể khi các ông đưa ra các luận điểm ấy thì mới hiểu đúng những vấn đề các ông đặt ra, những điều các ông đã kết luận. Quan điểm lịch sử - cụ thể do các ông nêu ra phải được vận dụng ngay trong việc nhận thức học thuyết của các ông. Đúng như Ăng-ghen đã viết : Những luận điểm của các ông "được rút ra từ những sự kiện và quá trình phát triển lịch sử. Ngoài mối liên hệ với những sự kiện và quá trình đó thì sẽ không có bất cứ một cái gì có giá trị về mặt lý luận cũng như thực tiễn"[(1)].

- Phải đặt những luận điểm của các ông *trong cả một hệ thống*. Theo Lê-nin, muốn nắm được toàn bộ tinh thần của chủ nghĩa Mác, thì phải xem xét mỗi luận điểm theo quan điểm lịch sử, gắn nó với những luận điểm khác, và hơn nữa, gắn nó với kinh nghiệm lịch sử cụ thể.

Một học thuyết không thể có tất cả ngay từ đầu. Những luận điểm của một học thuyết được hình thành, phát triển trong suốt cuộc đời của nhà tư tưởng đã xây dựng nên học thuyết đó. Những luận điểm của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin được đề ra không phải từ những suy tư tư biện, mà từ thực tiễn của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và quần chúng lao động chống chủ nghĩa tư bản, từ những yêu cầu của cuộc đấu tranh về tư tưởng - lý luận mà các ông phải tiến hành để chống lại mọi trào lưu tư tưởng sai lầm và phản động. *Thực tiễn* là mảnh đất từ đó các ông rút ra những vấn đề lý luận, từ đó hình thành một hệ thống những luận điểm gắn bó với nhau một cách chặt chẽ. Những kết luận về lý luận lại được kiểm nghiệm trong thực tiễn để tiếp tục được điều chỉnh, bổ sung và nâng cao hơn nữa. *Lý luận được rút ra từ thực tiễn, thực tiễn được chỉ đạo bằng lý luận và kiểm nghiệm lý luận - đó chính là con đường hình thành và phát triển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.*

Cũng không phải mọi vấn đề đều đã được giải quyết trọn vẹn trong hệ thống những luận điểm của các ông. Như các ông đã tự đánh giá, có những vấn đề các ông chưa có đủ điều kiện nghiên cứu đầy đủ để đi đến những kết luận cuối cùng (những điều kiện của bản thân các ông cũng như những hạn chế của thời đại các ông). Ví dụ : vấn đề tư tưởng phương Đông, phương thức sản xuất châu Á, xã hội tương lai với những con đường đi lên của nó v.v. các ông mới nêu ra những suy nghĩ ban đầu, những gợi ý, những nét phác thảo, những định hướng hay những giả thuyết để những người đi sau tiếp tục nghiên cứu giải quyết. Nếu biến tất cả những cái đó thành những nguyên lý cứng nhắc hay những quy luật phổ biến bất di bất dịch, thì như vậy là làm cho hệ thống những luận điểm của các ông trở thành võ đoán, sai lầm.

Qua đó có thể thấy : học thuyết của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin không phải là những luận điểm rời rạc, riêng biệt, mà là *một hệ thống, một chỉnh thể* ; cũng không phải là một hệ thống đóng, khép kín, mà luôn luôn là một *hệ thống mở*. Như Lê-nin đã phân tích, Mác xây dựng học thuyết của mình từ việc nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc những tư tưởng của nhân loại, mà trực tiếp là ba nguồn tư tưởng của thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX ở Tây Âu ; vì vậy, qua kiểm nghiệm của thực tiễn, qua

(1) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập* (tiếng Nga), Nxb Chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1963, tập 31, tr 304

Digitized by Google

những biến đổi của đời sống xã hội, bản thân học thuyết đó phải làm cái việc tự phê phán để tự điều chỉnh, tự bổ sung, thậm chí có khi phải tự phủ định điểm này hay điểm khác. Tiếp đó, nó phải có khả năng tiếp nhận những vấn đề mới do chính cuộc sống đặt ra, mở ra khả năng sáng tạo to lớn, mà không bị trói buộc bằng những công thức có sẵn hay những sơ đồ bất biến.

Tóm lại, phải xem xét chủ nghĩa Mác - Lê-nin bằng phương pháp hệ thống và đặt hệ thống những luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong sự vận động của thực tiễn, có như vậy mới nhận thức đúng được chủ nghĩa Mác - Lê-nin..

*

Ăng-ghen đã nêu ra hai phát hiện vĩ đại nhất của Mác, đó là : *quan niệm duy vật về lịch sử* và *học thuyết về giá trị thặng dư*. Bằng phát hiện *thứ nhất*, Mác đã thực hiện một cuộc cách mạng trong toàn bộ quan niệm về lịch sử thế giới, chỉ ra quy luật phát triển của xã hội loài người. Còn bằng phát hiện *thứ hai*, Mác đã vạch rõ quy luật riêng biệt của sự vận động của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và của xã hội tư bản nói chung. Như Ăng-ghen đánh giá, chừng đó đã là quá đủ đối với cuộc đời của một con người.

Nếu nói về *điều cốt lõi nhất* của chủ nghĩa Mác, điều mà từ đó Mác có được hai phát hiện vĩ đại trên đây và xây dựng nên toàn bộ học thuyết của mình, thì đó là *phép biện chứng duy vật*. Lê-nin đã gọi phép biện chứng duy vật là *linh hồn* của chủ nghĩa Mác. Nó được thể hiện trong cả ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác : triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Những kẻ chống chủ nghĩa Mác từ trước đến nay gần như không thể, hoặc không dám đụng đến phép biện chứng duy vật, vì tính đúng đắn quá rõ ràng của nó. Những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại chẳng những không hề bác bỏ phép biện chứng mác xít, mà càng chứng thực tính đúng đắn của nó và làm cho nó tiếp tục phát triển hơn nữa. Đối với quan niệm duy vật về lịch sử, thì những vấn đề chủ yếu của *lý luận về hình thái kinh tế - xã hội* như mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa cơ sở hạ tầng và cấu trúc thượng tầng, vai trò quyết định của lực lượng sản xuất, của quần chúng nhân dân, sự phát triển của xã hội loài người là một quá trình phát triển lịch sử tự nhiên, đều đã được Mác phân tích rất cặn kẽ, chính xác, vẫn giữ nguyên giá trị của nó trong xã hội hiện đại. Từ giữa thế kỷ XX, dù cho khoa học, kỹ thuật và công nghệ đã phát triển như vũ bão, và những thành tựu đạt được đã vượt nhiều thế kỷ trước kia cộng lại, thì tình hình đó cũng không hề đảo ngược quan niệm duy vật về lịch sử, mà chỉ xác nhận dự báo thiên tài của Mác đã đưa ra cách đây gần một thế kỷ rưỡi. Đó là dự báo : khoa học sẽ ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và các khoa học sẽ thống nhất lại trong một khoa học thống nhất bao gồm cả con người và tự nhiên. Tình hình đó cũng không thể đảo ngược quan điểm cơ bản của lý luận về hình thái kinh tế - xã hội : "Trong mỗi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy"(2).

Vai trò ngày càng tăng của quản lý, của trí tuệ và kỹ thuật cao trong nền sản xuất tư bản hiện đại cũng không hề bác bỏ học thuyết giá trị thặng dư của Mác. Dù cho cơ cấu lao động sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản có những biểu hiện mới, nhưng xét đến cùng, giá trị thặng dư bao giờ cũng bắt nguồn từ lao động sống của tất cả những người lao động chân tay và lao động trí óc trong hệ thống phân công lao động xã hội ngày càng phức tạp. Bóc lột giá trị thặng dư vẫn là mục tiêu cơ bản mà phương thức sản xuất tư bản hiện đại theo đuổi, vẫn là quy luật kinh tế quyết định bản chất của nó. Chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn đang chứng minh cho quy luật này, mặc dù hình thức biểu hiện quy luật này có những điểm mới, tinh vi hơn, đem lại cho giai cấp tư sản lợi nhuận cao hơn nhiều so với trước. Còn cao hơn rất nhiều trong quan hệ giữa các nước tư bản phát triển với các nước chậm phát triển.

Xét về mặt tha hóa con người, thì nhờ năng suất lao động được nâng cao rõ rệt, chủ nghĩa tư bản

(2) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t.1, tr 509

Digitized by Google

hiện đại đã tạo ra một số điều kiện làm dịu bớt phần nào hậu quả của tha hóa cho một bộ phận dân cư nào đó. Nhưng rốt cuộc, mục tiêu lợi nhuận tối đa vẫn duy trì xã hội trong lô gích tha hóa và tiếp tục sản sinh ra những hiện tượng tha hóa mới, trước hết là tha hóa lao động. Chỉ có một xã hội mới, vận động theo lô gích loại bỏ tha hóa mới có thể giải quyết được về cơ bản vấn đề tha hóa lao động, tha hóa con người. Đó phải là xã hội phát triển cao hơn xã hội tư bản chủ nghĩa, trong đó việc sản xuất của cải vật chất phải vì mục tiêu giải phóng con người, đem lại lợi ích cho con người, đoàn kết cộng đồng, bảo vệ môi sinh và phát triển văn hóa.

Những kẻ phê phán Mác cho rằng vấn đề con người chỉ có trong Mác thời trẻ, còn sau này thì chỉ có vấn đề giai cấp, cách mạng, bạo lực, chứ không còn vấn đề con người nữa. Sự tấn công chống Lê-nin về vấn đề con người lại còn gay gắt hơn. Nhưng theo học thuyết của các ông thì xây dựng xã hội *mới* - xã hội xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa - để làm gì nếu không phải vì sự giải phóng triệt để cho con người, để con người được hưởng tự do hạnh phúc, được phát triển toàn diện, được sống thực sự là con người. Đúng như Mác đã nói, không có gì thuộc về con người là xa lạ với ông. Vì vậy, học thuyết của các ông là *học thuyết nhân đạo hiện thực và cao cả nhất*.

Mác đã phát hiện ra *vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản*. Như Lê-nin đánh giá, *đó cũng là phát hiện vĩ đại của Mác*. Các ông đều thấy giai cấp vô sản do nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa đẻ ra, là giai cấp tiên tiến nhất, cách mạng nhất, có khả năng lôi cuốn mọi giai cấp và tầng lớp lao động khác đứng dậy làm cuộc cách mạng lật đổ chế độ tư bản để xây dựng chế độ mới - xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa. Nhưng không phải như có nhiều kẻ đã xuyên tạc cho rằng các ông là những người sùng bái giai cấp vô sản. Sự giải phóng trong học thuyết của các ông không phải chỉ do giai cấp vô sản tiến hành và chỉ nhằm giải phóng cho riêng giai cấp vô sản. Đó là sự nghiệp của giai cấp vô sản, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc bị áp bức, và mục tiêu cao cả nhất là giải phóng con người, giải phóng mỗi con người.

Học thuyết về giai cấp và đấu tranh giai cấp là do các nhà sử học ở thế kỷ XVIII vạch ra. Mác chỉ khẳng định rằng từ cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội tư bản phải đi tới chuyên chính vô sản để thay thế cho chuyên chính tư sản, nhằm xây dựng một xã hội mới không còn phân chia giai cấp, không còn giai cấp bóc lột và bị bóc lột. Đó là con đường đấu tranh lâu dài của giai cấp vô sản, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc. Đương nhiên, chuyên chính vô sản, như Lê-nin nói, phải lấy tổ chức xây dựng xã hội mới là nhiệm vụ trung tâm, chứ không phải là trấn áp tràn lan, làm tổn thất đến lợi ích của đông đảo quần chúng lao động.

Những biến đổi trong cơ cấu giai cấp và xã hội ở những nước tư bản phát triển nhất cũng không làm cho quan điểm giai cấp và phương pháp phân tích giai cấp trở thành thừa, không hề làm biến mất đấu tranh giai cấp, cũng như không thể xóa bỏ được vấn đề chuyên chính của giai cấp tư sản đối với toàn xã hội.

Những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản hiện đại vẫn thường làm rùm beng chuyện hữu sản hóa toàn dân, coi như là giai cấp vô sản ở các nước tư bản phát triển đang ngày càng bớt dần.

Nhưng một nhà báo Mỹ nổi tiếng đã viết gần đây : "Chúng ta ngày càng trở thành một đất nước với sự rối loạn xã hội, với một thiểu số người giàu có và một số đông hơn rất nhiều những người nghèo khổ... Từ từ và đều đặn, chúng ta đang tạo ra một hệ thống giai cấp mới"(3). "New York, nơi tôi đang sống, là một thành phố ngày càng phân hóa giữa giàu và nghèo, giữa thế giới thứ nhất và thế giới thứ ba, và vực thẳm giữa họ ngày càng rộng thêm"(4). "Những người ở tầng lớp trên có quá nhiều sự lựa chọn ; còn những người ở dưới đáy thì có quá ít"(5).

Ăng-ghen cũng đã cho rằng, ngay cả kỹ thuật sản xuất cũng quyết định sự phân chia thành giai

(3) (4) (5) David Halberstam : *Thế kỷ XXI - nước Mỹ tự nhìn lại*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr 111, 110, 109

Digitized by Google

cấp, do đó quyết định quan hệ thống trị và nô dịch : "Theo quan niệm của chúng tôi, kỹ thuật ấy (kỹ thuật sản xuất - ĐXK) cũng quyết định phương thức trao đổi và phương thức phân phối sản phẩm, và do đó... nó cũng quyết định cả sự phân chia thành giai cấp, do đó quyết định quan hệ thống trị và bị trị, đồng thời quyết định nhà nước, chính trị, luật pháp, v.v."(6).

Cũng giống như các nhà tư tưởng tư sản tiến bộ trước kia, học thuyết Mác đã chứng minh chặt chẽ rằng cần phải kết thúc cái hình thái xã hội mà mục đích cuối cùng và duy nhất là lợi nhuận, bởi vì nó đang chứa đựng những yếu tố làm cho chính nó bị tiêu vong và đe dọa tiêu diệt cả xã hội. Ngày nay, không ít các nhà tư tưởng tiến bộ trong xã hội tư bản hiện đại đã phải kêu gọi : nếu nhân loại không muốn bị hủy diệt thì phải từ bỏ cách tiến hóa hiện nay để chuyển sang một kiểu tiến hóa khác. Việc này cần bắt đầu ngay, nếu không sẽ chậm.

Như vậy là vấn đề thay thế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa (dù là cổ điển hay hiện đại) vẫn là vấn đề của thời đại chúng ta, thậm chí còn cấp bách hơn. Với chủ nghĩa tư bản hiện đại, lịch sử chưa kết thúc, và chủ nghĩa xã hội tuy đang vấp phải thất bại to lớn, nhưng nó vẫn sẽ là vấn đề trung tâm của nhân loại trong thế kỷ XXI.

Lê-nin đã bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trên cả ba bộ phận cấu thành của nó bằng chính phương pháp của Mác, khi chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn độc quyền, lũng đoạn, giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Ông là người đã lãnh đạo thắng lợi cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới và đã đưa chủ nghĩa xã hội khoa học từ lý luận vào thực tiễn là nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917. Tiếc rằng thời gian quá ngắn cho việc thực hiện sự nghiệp lớn lao đó, cho việc phát triển hơn nữa lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học, nhưng những gì mà Lê-nin để lại là sự đóng góp cực kỳ to lớn vào việc phát triển chủ nghĩa Mác thành chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Mác, Ăng-ghen và Lê-nin là những khối óc vĩ đại ở hai giai đoạn lịch sử kế tiếp nhau. Học thuyết của các ông là một kho tàng đồ sộ mà chưa mấy người đã đọc được hết, hiểu được cạn kẽ những luận điểm của các ông với tất cả bối cảnh lịch sử khi các ông đề ra những luận điểm ấy, với những đối tượng mà các ông đã luận chiến, phê phán và bác bỏ, với phương pháp xử lý hoàn toàn thủ công mà các ông đã phải tiến hành đối với một khối lượng tư liệu khổng lồ có thể có được trong hoàn cảnh lúc đó. Các ông không những là các nhà cách mạng mà còn là các nhà khoa học ; hơn nữa, còn là các nhà cách mạng nhất trong khoa học và các nhà khoa học nhất trong cách mạng, vượt xa tất cả các khối óc đương thời.

Những luận điểm, những kết luận về lý luận của các ông là dựa trên việc nghiên cứu các sự kiện với tinh thần nghiêm túc khoa học, chứ không phải xuất phát từ những ý tưởng tư biện, những điều tưởng tượng vô căn cứ như có người nào đó xuyên tạc.

Học thuyết của Mác, Ăng-ghen và Lê-nin được thừa nhận không phải bằng sức mạnh của quyền uy, mà chính là bằng sức mạnh của trí tuệ. Bởi vì, sự thừa nhận ấy đã diễn ra khi các ông chỉ là những nhà tư tưởng, những nhà lý luận, những nhà cách mạng rất nghèo túng, đã từng bị các nhà nước tư sản săn lùng, trục xuất, có khi bị bắt bớ, giam cầm. Riêng Lê-nin cũng chỉ ở cương vị đứng đầu nhà nước xô viết một thời gian trên dưới sáu năm cuối đời, trong đó năm năm đã bị suy yếu vì những viên đạn ám hại của kẻ thù.

Nếu không bị nô lệ bởi những định kiến về tư tưởng và chính trị, thì bất cứ ai (kể cả những nhà nghiên cứu không thuộc hệ tư tưởng mác xít) cũng có thể nhận thấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một đóng góp vô giá vào kho tàng tri thức của nhân loại. Nó xứng đáng được định vị và có mặt trong đời sống tinh thần của cả loài người. Nó đã để lại *những giá trị bền vững* trong lịch sử tư tưởng thế giới, trong nền văn hóa văn minh nhân loại. Sức sống của nó không phải chỉ có ở thời đại các ông, mà vẫn tiếp tục có ảnh hưởng to lớn trong thời đại hiện nay và sau này.

(6) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t.6, tr 787

Digitized by Google

VẤN ĐỀ CON NGƯỜI, CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI TRONG HỌC THUYẾT MÁC

TRẦN HỮU TIẾN *

CON người là vấn đề trung tâm của học thuyết Mác. Xuất phát từ con người, lấy giải phóng con người khỏi mọi sự tha hóa làm mục đích, đó là bản chất của chủ nghĩa Mác.

Hàng trăm năm nay, nhiều học giả có tên tuổi trên thế giới, dù không đồng quan điểm với Mác, vẫn thừa nhận giá trị nhân văn lớn trong học thuyết của ông, trân trọng cuộc đời của bậc vĩ nhân đã hiến dâng tất cả trí tuệ và sức lực cho sự nghiệp giải phóng con người.

Gần đây tôi được biết có một số ý kiến "phê phán" vấn đề con người trong học thuyết Mác. Đại loại như :

+ Ở học thuyết Mác, người ta chỉ thấy "quan hệ vật chất - ý thức", "quy luật xã hội khách quan", "tất yếu kinh tế", "giá trị thặng dư", "đấu tranh giai cấp" v.v. mà không thấy "con người" ở đâu cả (?)

+ Con người của Mác chỉ là "con người xã hội", "con người giai cấp", là tập thể, cộng đồng, không phải những cá nhân như vốn có. Vì vậy, đối với Mác, giải phóng con người chỉ là giải phóng giai cấp chứ không giải phóng cá nhân (!).

+ Cái mục đích của Mác : giải phóng nhân loại khỏi mọi ách áp bức, bất công, xây dựng xã hội công bằng, một xã hội có tính người, rất đáng trân trọng, nhưng nó không tưởng. Sự không tưởng ấy lại được thực hiện bằng những biện pháp như đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội, chuyên chính vô sản... nên rất nguy hiểm (!).

Những luận điểm trên không mới đối với giới lý luận. Người ta đã bắt gặp không ít luận điểm tương tự trong hàng núi sách chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở phương Tây, các sách "sám hối" ở Liên xô trước đây và các sách chính trị chống cộng triệt để của những Ních-xơn, Brê-din-xki...

Chúng ta đều biết, không một học thuyết xã hội, một quan điểm triết học nào, kể cả lý thuyết tôn giáo thần bí, lại không đụng tới "vấn đề con người" ; chúng chỉ khác nhau ở cách đặt vấn đề và cách giải quyết vấn đề mà thôi. Con người là đối tượng trực tiếp của khoa học xã hội và nhân văn. Nhưng cần nói thêm rằng : các khoa học tự nhiên, dù đối tượng nghiên cứu là các biến đổi về gien hay các "hố đen" xa xôi đầy bí ẩn, thực chất cũng là nghiên cứu những điều kiện tự nhiên của đời sống con người. Do nhu cầu cuộc sống, con người không chỉ cần tìm hiểu những điều kiện tự nhiên để cải biến chúng, mà còn phải giải đáp những vấn đề về sự tồn tại của chính mình, sự tồn tại cá nhân cũng như sự tồn tại của cộng đồng.

Từ thời cổ đại đến nay, con người vẫn đứng trước các câu hỏi : Bản chất con người là gì ? Con người phân biệt với các sinh vật khác trên trái đất ở chỗ nào ? Đời sống và hoạt động của con người (hoạt động vật chất và hoạt động tinh thần) có các quy luật chi phối hay hoàn toàn ngẫu nhiên, hoặc do một ý chí tối thượng định đoạt ? Nếu như mỗi cá nhân là một "thế giới riêng", có số phận, tính cách riêng, hơn tỉ người trên trái đất "không ai giống ai", thì nghiên cứu con người là nghiên cứu cái gì ; đi sâu vào "thế giới riêng" ấy bằng cách nào và để rút ra cái gì ? Nếu như thực chất của chủ nghĩa nhân văn là giải quyết vấn đề tự do, hạnh phúc của con người, sự phát triển tự do và toàn diện của mỗi cá nhân và tất cả các cá nhân, thì chủ nghĩa nhân văn có thể làm gì và cần phải làm gì để hướng tới mục đích đó ? V.v.. Tóm lại, các chủ nghĩa nhân văn "cổ điển" hay "hiện đại", nghiên cứu con người "từ

* Phó giáo sư, phó tiến sĩ triết học

Digitized by Google

bên trong" hay "từ bên ngoài", đều không thể lảng tránh vấn đề gay go phức tạp ấy.

Tiền đề xuất phát của chủ nghĩa Mác không phải là con người trừu tượng, con người sinh học thuần túy, con người "xã hội" trống rỗng không có cá nhân như ai đó đã nói, mà **hoàn toàn ngược lại**. Đó là những cá nhân hiện thực, là hoạt động của họ và những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ, những điều kiện mà họ thấy có sẵn cũng như những điều kiện do hoạt động của chính họ tạo ra. Đối với Mác, *"con người* không phải là một tồn tại trừu tượng, ẩn náu ở đâu đó ở ngoài thế giới" (1). Đó là những con người sống trong một thời đại nhất định, một môi trường xã hội nhất định, có những quan hệ xã hội phong phú, phức tạp và ngày càng phong phú cùng với sự phát triển của văn minh. Đó không phải là những cá nhân ngủ im trong vỏ ốc, thế giới bên trong khép kín đầy bí ẩn, không liên hệ gì với thế giới bên ngoài, với hoạt động thực tiễn của bản thân và đồng loại. Trái lại, đó là con người sống và hoạt động, mà hoạt động bản chất nhất, có tính người nhất, là sản xuất ra các tư liệu sinh hoạt của mình, mặc dầu ăn, uống, sinh con đẻ cái cũng là hoạt động có tính người. Mác và Ăng-ghen không quên rằng con người văn minh vẫn thuộc về thế giới tự nhiên, vẫn là sinh vật với những bản năng vốn có của nó (mặc dầu không hoàn toàn giống bản năng động vật nói chung), song hoạt động "bản chất" của con người không chỉ do quy luật bảo toàn nòi giống quyết định như con ong xây tổ, mà là hoạt động có ý thức, hoạt động sáng tạo, có tính văn hóa, "theo quy luật của cái đẹp". Chính trong hoạt động sản xuất ra đời sống của mình, con người có những quan hệ năng động, tích cực, hai chiều và nhiều chiều với thiên nhiên, với đồng loại. Những quan hệ đó không bất biến mà biến đổi tương ứng với sự phát triển năng lực thực tiễn của con người. Qua hoạt động, qua những quan hệ giao tiếp, cá nhân hình thành *tính cách* của mình và tự khẳng định mình.

Thực tế chứng minh rằng, quan hệ xã hội của con người càng phong phú, phức tạp bao nhiêu, thì *tính cách* của nó càng phong phú, phức tạp và "sâu thẳm" bấy nhiêu. Con người của bộ lạc nguyên thủy còn sót lại vẫn mang "tính người", vẫn có "thế giới nội tâm", song cái thế giới ấy nghèo nàn biết chừng nào. Ngay con người của xã hội hiện đại, giả dụ đẻ ra đã tách rời đồng loại, sống trong rừng sâu với bầy sói (đã có trường hợp như thế), thì "những miền sâu thẳm" của tâm linh, nào ý thức, tiềm thức, vô thức, nào trí tưởng tượng bay bổng... sẽ ra sao ? Một người không được giáo dục về âm nhạc, về hội họa khó có thể rung động trước Beethoven, Mozart, Raphaël, mặc dầu trong số họ có thể có những tài năng lớn bị hoàn cảnh làm cho mai một. Sự tác động qua lại giữa xã hội và cá nhân là điều kiện không thể thiếu để hình thành nhân cách, phẩm chất, tài năng..., điều này đã được các nhà tư tưởng lớn thời cổ đại, trung cổ và cận đại thừa nhận bằng những cách khác nhau. Đương nhiên, nói đến mối quan hệ đó phải giả định sự hiện hữu của con người sống, với những tố chất có được do quá trình tiến hóa lâu dài của tự nhiên. Xã hội không thể biến con đười ươi hoặc người mất trí thành một thực thể có bản chất xã hội, thành một "nhân cách" được.

Có người nói Mác có ưu điểm nổi bật là phát hiện *tính xã hội* của con người, nhưng đã cường điệu nó đến mức coi con người chỉ là tập hợp các quan hệ xã hội, không còn cái gì thuộc về cá nhân. Và những sai lầm của chủ nghĩa xã hội bắt nguồn từ đó. Đó là sự trình bày *sai hoàn toàn* tư duy của Mác. Các Mác không phải người đầu tiên phát hiện tính xã hội của con người. Người ta đã phát hiện điều đó trước Mác hàng nghìn năm. Mác là người đầu tiên dùng quan điểm duy vật biện chứng để lý giải bản chất xã hội của con người. Mác không nói một cách đơn giản rằng con người chỉ là tập hợp các quan hệ xã hội. Ông viết : "... bản chất *con người* không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong *tính hiện thực của nó, bản chất con người* (tôi nhấn mạnh - T.H.T.) là tổng hòa những quan hệ xã hội" (2). Qua luận đề nổi tiếng đó, chúng ta thấy ý Mác muốn nói : a) Các quan hệ xã hội không tồn tại ngoài con người hiện thực, ngoài những cá nhân sống ; b) Bản chất con người, một sự trừu tượng khoa học, là sự khái quát từ đời sống cụ thể, từ thuộc tính của những con người hiện thực, thế hệ này qua thế

(1) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tl, tr 13 -14.

(2) *Sđd*, tl, tr 257

Digitized by Google

hệ khác ; bản chất con người được thể hiện, và chỉ có thể được thể hiện thông qua tổng thể các quan hệ xã hội. Tìm bản chất con người thì phải tìm *trong* chứ không phải ngoài đời sống hiện thực của con người. Luận đề của Mác *không làm mất* cá nhân mà hoàn toàn ngược lại, nó *khẳng định* cá nhân, khẳng định sự kỳ diệu, sự phong phú vô hạn của *tính cách* con người. Ở đây, con người với tư cách những cá nhân sống, là kẻ sáng tạo các quan hệ xã hội, chi phối chúng, cá thể hóa chúng thành thế giới bên trong cực kỳ phong phú và độc đáo của mình.

Có ý kiến nói chủ nghĩa Mác "đã toát lên lòng tin hết sức mạnh mẽ về sức mạnh trần thế của con người", nhưng hình ảnh con người trong học thuyết Mác là con người "không có trí tưởng tượng sáng tạo", "không tim, không óc", chỉ là những "Prométhée tập thể" ào ạt xốc tới, thậm chí không cả đi hai chân trên mặt đất (!). Ý kiến này đầy mâu thuẫn, hoàn toàn không căn cứ, xuyên tạc Mác một cách thô kệch.

Không thể tách cá nhân ra khỏi cộng đồng xã hội, song cũng không thể có các quan hệ xã hội không có con người, tức không có các cá nhân. Mác cho rằng trong cộng đồng xã hội, mỗi cá nhân vừa là thành viên của cộng đồng (chẳng hạn giai cấp, dân tộc...) vừa là một thực thể độc lập và có cá tính, là một nhân cách. Nhân cách hình thành và phát triển như thế nào, *một mặt* phụ thuộc vào *thể chất sinh học* của cá nhân (cái sinh học này không còn mang tính tự nhiên thuần túy như động vật), *mặt khác* là hệ quả của sự tác động qua lại giữa xã hội và cá nhân.

Sẽ không hiểu gì Mác nếu nói rằng đối với Mác con người chỉ là "con người - giai cấp" và giải phóng con người chỉ là "giải phóng giai cấp".

Mác và Ăng-ghen đã chỉ ra rằng, quan hệ giai cấp không phải quan hệ vốn có từ khi có loài người mà con người sẽ mãi mãi đeo đẳng quan hệ đó. Quan hệ giai cấp chỉ xuất hiện trong những điều kiện nhất định của nền sản xuất vật chất của xã hội, và theo sự chứng minh của Mác, nó sẽ mất đi khi các điều kiện trên không còn nữa. Như vậy, con người có *những bản chất tộc loại "vĩnh cửu"*, mặc dầu bản chất đó không bất biến.

Bản chất giai cấp, cũng thuộc về con người, nhưng chỉ là *bản chất "nhất thời"*, nó sẽ mất đi khi giai cấp mất đi. Có người xuyên tạc Mác cho rằng trong xã hội có giai cấp thì tính người, chẳng hạn tình yêu nam nữ, tình bạn, lòng thương xót, lòng hy sinh...hoàn toàn "biến thành" tính giai cấp. Mác và Ăng-ghen không hề quan niệm như vậy. Trong tác phẩm "Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của nền triết học cổ điển Đức", Ăng-ghen viết : "Khả năng có được những tình cảm thuần túy con người trong quan hệ với đồng loại của chúng ta đã bị cái xã hội xây dựng trên sự đối kháng giai cấp... tước đi khá đủ rồi, nên chúng ta không có chút lý do nào để làm cho khả năng đó càng bị tước đi thêm nữa, bằng cách nâng những tình cảm ấy lên thành một tôn giáo" (3). Rõ ràng, Ăng-ghen trân trọng *những tình cảm thuần túy con người*, và mong sao nó không bị tha hóa bởi những thiên kiến giai cấp, đẳng cấp, thiên kiến tôn giáo v.v.. Nói rằng Mác đặt "cái giai cấp" trùm lên "con người", lên "cái toàn nhân loại", là không hiểu thế giới quan mác xít. Chính Mác là người kiên quyết và triệt để chủ trương *giải phóng con người và loài người khỏi quan hệ giai cấp*. Quan điểm của Mác không phải "quan điểm phân chia giai cấp" mà là quan điểm *xóa bỏ sự phân chia giai cấp* (trong hiện thực). Mác viết : "Quan điểm của chủ nghĩa duy vật cũ là xã hội công dân (tức xã hội có giai cấp hiện đại - T.H.T.), quan điểm của chủ nghĩa duy vật mới, là xã hội loài người hay loài người có tính xã hội" (4). Đấu tranh giai cấp không phải do một học thuyết tạo ra, bởi lẽ có áp bức thì có đấu tranh. Mác chứng minh cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân là cuộc đấu tranh giai cấp *cuối cùng* trong lịch sử, và chỉ ra con đường dẫn đến thắng lợi cuối cùng của cuộc đấu tranh ấy.

Ý kiến cho rằng chủ nghĩa Mác tuyệt đối hóa con người xã hội, nên khái niệm giải phóng con người chỉ là giải phóng cộng đồng, giải phóng đám đông, trong cộng đồng ấy cá nhân không tồn tại, là hoàn toàn không có căn cứ. Theo quan điểm của Mác, mục đích của chủ nghĩa cộng sản là *giải phóng cá nhân hoàn toàn và triệt để* ; không phải chỉ giải phóng cá nhân khỏi những xiềng xích của thời trung cổ (điều này chủ nghĩa

(3) *Sđd*, t6, tr 389 - 390

(4)*Sđd*, t1, tr 258

Digitized by Google

tư bản đã làm). Học thuyết Mác chỉ ra rằng : chủ nghĩa cộng sản có sứ mệnh giải phóng không chỉ cho *một số* cá nhân, không chỉ bảo đảm tính độc lập và sự phát huy cá nhân của *một số* cá nhân, mà là tạo nên sự phát triển tự do và toàn diện của *tất cả* các cá nhân. "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" đã viết : "Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, xuất hiện một liên hiệp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người" (5). Như vậy, tự do của *mỗi cá nhân* (chứ không phải chỉ một số cá nhân) là *cơ sở*, là đặc trưng của một xã hội thật sự tự do, thật sự có tình người. Tự do cho mỗi cá nhân không bó hẹp trong tự do chính trị (như bầu cử, ứng cử), tự do thân thể (có thể bán sức lao động cho người này hay người khác mà không bị ràng buộc), tự do trao đổi hàng hóa v.v., mà là tự do của con người hoàn toàn thoát khỏi mọi áp bức bóc lột, có đầy đủ các điều kiện để phát huy tài năng, cá tính, nhân cách của mình. Đó là tương lai xa xôi, song không phải là không tưởng. Vì chính chủ nghĩa tư bản phát triển cao đã và đang tạo ra những tiền đề, những yếu tố cho xã hội tương lai đó. Quan điểm về một "xã hội tự do", bình đẳng mà trong đó cá nhân không tự khẳng định mình ; quan niệm bình đẳng chỉ là chủ nghĩa bình quân, quan điểm đó xa lạ, thậm chí đối lập với chủ nghĩa nhân văn mác xít.

Kinh nghiệm lịch sử loài người cho thấy, tự do không bỗng dưng mà đến. Để có được tự do, con người đã phải trải qua đấu tranh, các giai cấp bị áp bức, các dân tộc bị áp bức đã phải đấu tranh. Xét trên quan điểm của chủ nghĩa nhân văn, những cuộc đấu tranh ấy *về bản chất* là hành động tự vệ. Trong cuộc đấu tranh ấy, họ phải tự tổ chức lại thành đội ngũ, phải có kỷ luật, có chỉ huy, có cơ chế dân chủ và tập trung. Họ phải đề cao giá trị của *chủ nghĩa tập thể, ý thức cộng đồng, mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người*. Những người tham gia đấu tranh phải chấp nhận hy sinh một phần tự do cá nhân. Từ Spartacus đến Garribaldi, từ Danton đến Julius Fucik, đều như vậy cả. Cái chủ nghĩa tập thể tả khuynh, ấu trĩ, là đáng phê phán. Song phê phán chủ nghĩa tập thể, ý thức cộng đồng nói chung, không phải là biểu hiện của sự thiết tha với tự do của con người.

Đấu tranh chống ách áp bức đã khó, xây dựng xã hội mới công bằng, nhân đạo còn khó hơn nhiều.

Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình cũ, nhiều đảng cộng sản đã phạm sai lầm nghiêm trọng trong xử lý mối quan hệ giữa nhân tố *cá nhân* và nhân tố *xã hội*. Cơ chế cũ đã nuôi dưỡng chủ nghĩa quan liêu, chủ nghĩa bình quân, sự vi phạm dân chủ xã hội chủ nghĩa, vi phạm các quyền tự do cá nhân chính đáng. Cơ chế cũ đã coi nhẹ lợi ích cá nhân, không xem đó là động lực phát triển xã hội. Những khuyết điểm nghiêm trọng ấy đã triệt tiêu động lực thật sự của chủ nghĩa xã hội : đó là sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội. Chủ nghĩa quan liêu phát triển là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc con người tiếp tục bị tha hóa trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Với những sai lầm nói trên, nhân tố con người, vai trò cá nhân, tự do cá nhân không được phát huy như nó cần phải có. Tính tích cực, năng động, sáng tạo của cá nhân không được phát huy, thì sức mạnh của sự liên kết cộng đồng sẽ suy yếu. Trong chừng mực nhất định, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã không đạt được mục tiêu của bản thân mình. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải đánh giá một cách khách quan : mặc dầu có nhiều khuyết tật, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã có không ít những thành tựu to lớn trong việc đem lại lợi ích cho con người.

Lôgic của các luận điểm phê phán chủ nghĩa nhân văn mác xít đã nói ở trên dẫn dắt đến kết luận như sau : chủ nghĩa nhân văn mà nhân loại tìm kiếm từ hàng nghìn năm đã được thực hiện, ngay trong xã hội tư bản hiện đại ; hệ thống này sẽ tồn tại vĩnh cửu như một trạng thái cuối cùng của nhân loại.

Có thật chủ nghĩa tư bản đã trở thành một xã hội mà động lực phát triển của nó không phải là lợi nhuận mà là vì con người hay không ? Tôi cho rằng mặc dầu chủ nghĩa tư bản hiện đại có những đổi mới và những thành tựu, song sự thay đổi đó hoàn toàn không làm mất giá trị những phân tích của Mác đối với chế độ xã hội này. Đúng như nhà khoa học Mỹ Samuel Boules đã nói : bài học sụp đổ ở Liên xô đặt ra vấn đề phải

(5) *Sđd*, tl, tr 569

Digitized by Google

suy nghĩ lại về nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, về chế độ công hữu v.v. nhưng đối với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thì "không có cách xem xét nào khác" ngoài cách xem xét của Mác. Brê-din-xki, trong cuốn "Ngoài vòng kiểm soát" viết năm 1993, khi ca tụng nước Mỹ là xã hội tự do nhất thế giới, đã nêu lên *20 khuyết tật căn bản của xã hội Mỹ*. Xin nêu một số điểm (số thứ tự theo cuốn sách trên) :

(9) - "Một giai cấp giàu có tham lam".

(11) - "Vấn đề chủng tộc và nghèo đói ngày càng sâu sắc".

(12) - "Tội ác và bạo lực lan tràn".

(13) - "Sự lan tràn của nền văn minh ma túy ồ ạt... với khoản lãi từ ma túy ước tính lên tới 100 tỉ đô la một năm".

(14) - "Tình trạng lan tràn tâm lý tuyệt vọng xã hội".

(15) - "Quá nhiều giấy phép mại dâm".

(16) - "Sự truyền bá ồ ạt về đồi trụy tinh thần".

(19) - "Cử tri cảm thấy rằng chính quyền của mình rất xa xôi, thiếu trách nhiệm và tham nhũng, đặc quyền đặc lợi và giai cấp tinh hoa chính trị được hưởng những cơ hội không công bằng, được ngồi vĩnh viễn trong chức vụ của mình".

(20) - "Cảm giác trống rỗng về tinh thần ngày càng phổ biến".

Một nhà lãnh đạo phương Tây, ông Ph.Mít-tơ-răng viết : "Chủ nghĩa tư bản thuần nhất giống như một cánh rừng rậm. Hệ thống xã hội này luôn làm nảy sinh những bất bình đẳng mới. Tất cả điều đó sẽ dẫn đến cái gì ? Đồng tiền ngày càng nhiều hơn, chúng được bơm từ nhà băng này sang nhà băng khác...Lưu thông tài chính thường không kiểm soát nổi và chính thế người ta giàu lên nhờ đầu cơ. Lao động của nhiều người khác bị cướp đoạt".

Nhiều nhà khoa học hoàn toàn có căn cứ khi họ báo động nguy cơ đe dọa nhân loại nằm ngay trong bản chất xã hội. Rơ-nê Đuy-mông viết : "Nhân loại đang đi đến tiêu vong nếu nó tỏ ra không đổi hướng hoàn toàn sự tiến hóa xã hội tiêu thụ của chúng ta ; tóm lại nếu nó tiếp tục tỏ ra thiếu trách nhiệm". Ông nêu ví dụ : "Lớp ô zôn bảo vệ chúng ta khỏi những tia chết người đang bị đe dọa, nhưng nền kinh tế chạy theo lợi nhuận tiếp tục sản xuất chất clorofluor-carbon là chất phá vỡ tầng ôzôn này".

Cách xem xét của Mác đòi hỏi khi nhìn nhận xã hội tư bản phải "hiểu biết sự vĩ đại và tính tất yếu nhất thời" (6) của xã hội đó.

Theo sự phân tích của Mác, xã hội tương lai của loài người chắc chắn sẽ là một xã hội công bằng nhân đạo, trong đó không còn cái *cơ chế* : sức lao động của những người này là phương tiện, là đối tượng khai thác vì mục đích làm tăng lợi nhuận của những người khác, những người có tư bản trong tay. Xã hội đó không phải sự phủ định sạch trơn xã hội tư bản, mà kế thừa tất cả những thành tựu của văn minh loài người đạt được dưới chế độ tư bản.

Lôgic của sự phê phán chủ nghĩa nhân văn mác xít kể trên cốt đi đến phủ nhận con đường mà dân tộc ta đã chọn, phủ nhận những thành quả và những giá trị mà dân tộc ta đã giành được trong lịch sử hơn 60 năm đấu tranh yêu nước và cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Có người tuyên bố rằng : Thời đại ngày nay, sự nghiệp giải phóng con người đã vượt qua thời kỳ "giải phóng đám đông" để chuyển sang thời kỳ "giải phóng cá nhân". Vì vậy, *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* không còn mấy ý nghĩa. "Đám đông", cách gọi miệt thị đó là ai ? Đó là 25 triệu con người năm 1945, 40 triệu người năm 1975, và 70 triệu người hiện nay trong cộng đồng dân tộc Việt nam. Lý lẽ phủ nhận giá trị của "giải phóng đám đông" cố tình quên rằng : dân tộc chưa giải được ách nô lệ của ngoại bang, thì tuyên ngôn "giải phóng cá nhân" chỉ là lời nói trống rỗng, hão huyền. Quan điểm tách cá nhân ra khỏi cộng đồng, đem cá nhân đối lập với những giá trị xã hội, hạ thấp và phủ nhận những giá trị xã hội như độc lập tự do, chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa tập thể, truyền thống cộng đồng, lòng nhân ái "lá lành đùm lá rách", phải chăng là biểu hiện của "chủ nghĩa nhân văn hiện đại", nó sẽ dẫn ta đi thẳng từ "cái cá nhân" đến "cái toàn nhân loại" ? Hoàn toàn không phải như vậy.

Suy nghĩ về các vấn đề của chủ nghĩa nhân văn, chúng ta tin rằng dù con đường phát triển quanh co phức tạp như thế nào, nhân loại cũng hướng tới một xã hội mà "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người".

(6) *Sđd*, t2, tr 662

Digitized by Google

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

NGUYỄN PHÚ TRỌNG *

Ở Việt nam kinh tế thị trường có cần sự lãnh đạo của Đảng không ?

Hiện nay đang có những ý kiến cho rằng, đã chuyển sang kinh tế thị trường - tức là nền kinh tế vận động theo quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh... - thì cần gì phải có sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Sự lãnh đạo của Đảng nhiều khi cản trở, làm "vướng chân" sự vận hành của kinh tế (!). Ở một số nơi tổ chức đảng rất rệu rã, nhưng kinh tế có sao đâu, thậm chí còn có bước phát triển khá ấy chứ (!).

Ý kiến trên đây mới chỉ thấy một mặt hình thức nào đó của vấn đề, và quan trọng hơn là không hiểu bản chất và nội dung việc xây dựng nền kinh tế thị trường ở nước ta.

Chúng ta đều biết, Đảng ta chủ trương phát triển kinh tế thị trường (thay cho kinh tế bao cấp, quản lý theo kiểu tập trung quan liêu), nhưng đó không phải là nền kinh tế thị trường *bất kỳ*, mà là nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước *theo định hướng xã hội chủ nghĩa*, tức là một nền kinh tế thật sự vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Trước đây đã có lúc chúng ta hiểu chưa đúng về kinh tế thị trường, cho rằng kinh tế thị trường đường như đồng nhất với chủ nghĩa tư bản và không tương dung với chủ nghĩa xã hội. Nhưng thực tế giúp chúng ta dần dần nhận thức lại : kinh tế thị trường không hoàn toàn đồng nhất với chủ nghĩa tư bản ; không phải cứ chuyển sang kinh tế thị trường tức là đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội cũng phải phát triển kinh tế hàng hóa, áp dụng cơ chế thị trường. Tuy nhiên, đối với chủ nghĩa xã hội, kinh tế thị trường không phải là tất cả, mà chỉ là phương thức, biện pháp để phát triển lực lượng sản xuất. Phát triển lực lượng sản xuất còn phải đi đôi với xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp, xây dựng quan hệ giữa con người với con người tốt đẹp, xã hội giàu tình thương và lòng nhân ái.

Hiện nay, có những vấn đề lý luận còn phải tiếp tục nghiên cứu, đào sâu, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, mới có thể từng bước hoàn chỉnh, làm sáng tỏ. Nhưng trên những nét cơ bản, có thể nói kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa khác với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa ở mấy điểm sau đây :

- *Chế độ sở hữu* : Dưới chủ nghĩa tư bản nền tảng là sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Còn ở nước ta hiện nay thực hiện đa dạng hóa các hình thức sở hữu, nhưng trên cơ sở chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

- *Các thành phần kinh tế* : Dưới chủ nghĩa tư bản có nhiều thành phần (có cả kinh tế quốc doanh, liên doanh, chủ nghĩa tư bản nhà nước...) nhưng do nhà nước tư sản quản lý và do tư bản tư nhân chi phối. Còn ở nước ta hiện nay cũng có nhiều thành phần, nhưng do nhà nước xã hội chủ nghĩa - tức là nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân - quản lý, và đo kinh tế quốc doanh và tập thể ngày càng đóng vai trò nền tảng, chi phối.

- *Chế độ quản lý* : Dưới chủ nghĩa tư bản, thị trường tự phát, tự do cạnh tranh ; đây đó nhà nước tư sản tuy cũng có điều tiết, có can thiệp, có kế hoạch nhưng không phải là xu hướng cơ bản. Còn ở nước ta hiện nay, một mặt khuyến khích và tạo điều kiện phát huy tác dụng tích cực của cơ chế thị trường, nhưng mặt khác cần có sự can thiệp mạnh mẽ và tích cực (bằng kế hoạch, chính sách, luật pháp, sức mạnh kinh tế...) của nhà nước để điều tiết, hướng dẫn, hạn chế những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường.

---

* Phó giáo sư, phó tiến sĩ khoa học lịch sử

Digitized by Google

- *Chế độ phân phối* : Dưới chủ nghĩa tư bản chủ yếu phân phối theo tư bản, phục vụ lợi ích của các nhà tư bản. Ở nước ta hiện nay, áp dụng nhiều hình thức phân phối, trong đó phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu ; vừa khuyến khích lao động, vừa bảo đảm những phúc lợi xã hội cơ bản.

- *Chính sách xã hội* : Chủ nghĩa tư bản ra đời bằng tước đoạt, tích lũy ban đầu bằng cướp bóc, do đó nó "thấm đầy máu và nước mắt đến tận lỗ chân lông của nó . Ngày nay các nước tư bản đi sau có điều chỉnh ít nhiều, nhưng do bản chất của nó, chủ nghĩa tư bản không thể điều hòa được mâu thuẫn cơ bản, không thể tránh khỏi sự bóc lột tàn tệ người lao động, cũng như sự phân cực giàu nghèo, sự bất công, bất bình đẳng ghê gớm. Còn ở nước ta hiện nay, phát triển kinh tế thị trường nhưng phải hạn chế bóc lột ; tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với công bằng xã hội ; khuyến khích làm giàu hợp pháp nhưng phải gắn với xóa đói giảm nghèo ; *ngay từ đầu*, khi kinh tế chưa phát triển cao, đã phải chăm lo chính sách xã hội, giữ gìn đạo đức và bản sắc văn hóa dân tộc.

Tóm lại, chúng ta chủ trương phát triển kinh tế thị trường nhưng không để cho nó vận động một cách tự phát, mù quáng, mà phải lãnh đạo, hướng dẫn, điều tiết, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, vì lợi ích của đại đa số nhân dân lao động, vì một xã hội công bằng và văn minh. Người có khả năng và điều kiện làm việc đó không thể ai khác ngoài *đảng cộng sản* - là đảng phấn đấu cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, thật sự đại diện và bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Sự lãnh đạo của Đảng *là nhân tố quyết định nhất bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa* của kinh tế thị trường, cũng như toàn bộ sự nghiệp phát triển của đất nước ta.

Gần đây. có người tuy cũng rất mong và rất mừng khi thấy Việt nam chuyển sang phát triển kinh tế thị trường, nhưng họ hi vọng đó là "kinh tế thị trường *tự do tư nhân hóa*" tức là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, và người ta cố làm mọi việc, cố tìm mọi cách để lái chúng ta đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Họ phân tích rằng, cứ khuyến khích Việt nam đi vào "kinh tế thị trường", kinh tế sẽ quyết định chính trị, thay đổi chế độ kinh tế sẽ kéo theo sự thay đổi thể chế chính trị. Từ đó, một mặt họ ra sức tán dương kinh tế thị trường, mặt khác tích cực phê phán, phủ nhận sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Các thế lực thù địch thực hiện "diễn biến hòa bình", ra sức tiến công vào sự lãnh đạo của đảng cộng sản nhằm xóa bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa của kinh tế thị trường, cuối cùng để xóa bỏ chủ nghĩa xã hội. Ngay ở trong nước ta và trong một số người Việt sống lưu vong ở nước ngoài đã có người công khai đòi Đảng cộng sản Việt nam phải từ bỏ vai trò lãnh đạo. Thực tế ở Liên xô và Đông Âu cho thấy, một khi đảng cộng sản tan rã thì chủ nghĩa xã hội không còn, kinh tế cũng không theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Và các nước tư bản phương Tây rất hoan hỉ trước thực tế này ; họ xúm xít nhau ủng hộ rất kịp thời và cuồng nhiệt cho khuynh hướng này. Đáng tiếc là trong đội ngũ chúng ta có một số người mơ hồ, dao động, mất cảnh giác trước những mưu mô sâu xa ấy.

Vì sao ở ta chỉ có một đảng lãnh đạo ?

Có ý kiến lập luận rằng, kinh tế thị trường là kinh tế nhiều thành phần ; ứng với mỗi thành phần có một giai cấp hoặc tầng lớp ; mỗi giai cấp hoặc tầng lớp lại có một đảng phái hoặc tổ chức chính trị tương ứng. Vì sao ở Việt nam lại chủ trương chỉ có một đảng lãnh đạo ? Kinh tế nhiều thành phần mà một đảng duy nhất lãnh đạo là "mâu thuẫn", là "nghịch lý" (!). Họ lớn tiếng đòi chúng ta phải thực hiện đa nguyên chính trị, xóa bỏ sự lãnh đạo của một đảng, và theo họ chỉ như vậy mới là dân chủ.

Trước hết cần lưu ý rằng, chúng ta không nói đơn giản "chống đa nguyên đa đảng". Bởi vì nếu *đa nguyên* theo nghĩa đa dạng, phong phú, nhiều nguồn, một cách đúng nghĩa, trong sáng, lành mạnh, thì có gì mà phải chống, phải kiêng kỵ. Chúng ta chẳng đang thực hiện đa dạng hóa các hình thức sở hữu, đa dạng hóa các hình thức phân phối, đa dạng hóa và đa phương hóa các quan hệ đối ngoại đó sao ? Chúng ta chẳng đang chủ trương phát triển kinh tế đa thành phần, thực hiện thông tin đa dạng, nhiều chiều... là gì ? Còn *đa đảng*, thì nước ta cũng đã từng tồn tại, và nếu các đảng cùng chung một chí hướng, một lợi ích cơ bản (như Đảng cộng

Digitized by Google

sản, Đảng dân chủ, Đảng xã hội đã từng một thời gian dài tồn tại ở nước ta) và chịu sự lãnh đạo của Đảng cộng sản thì có gì mà phải bác bỏ. Chúng ta không chấp nhận là không chấp nhận đa nguyên *chính trị* và đa đảng *đối lập*, tức là không chấp nhận các tổ chức chống đối, các khuynh hướng bè phái phá hoại sự thống nhất của Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

Chúng ta cũng không nói *chống*. Bởi vì ở mỗi nước hoàn cảnh mỗi lúc có khác nhau, trình độ dân chủ và điều kiện cụ thể khác nhau; có thể có nước cần áp dụng chế độ "đa nguyên" "đa đảng," đó là công việc nội bộ của mỗi nước.

Chúng ta nói rằng : ở Việt nam không có điều kiện khách quan để chấp nhận đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập. Đó là vì tình hình chính trị, trình độ kinh tế, xã hội, dân trí, pháp luật... ở nước ta không cho phép. Đất nước mới ra khỏi chiến tranh, đang rất cần có ổn định chính trị, rất cần có sự đoàn kết, thống nhất để xây dựng và phát triển kinh tế. Các thế lực thù địch vẫn đang dòm ngó, thực hiện chính sách bao vây, chia rẽ, phá hoại sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ta. Ở trong nước vẫn có những phần tử phản động chống đối, do trước đây bị cách mạng trừng trị, tước đoạt. Nếu chấp nhận đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập có nghĩa là tạo điều kiện cho các lực lượng phản động này ngóc đầu dậy ngay tức khắc và một cách hợp pháp hoạt động chống Tổ quốc, chống nhân dân, chống chế độ. Đó là điều mà nhân dân ta dứt khoát không thể chấp nhận.

Ngay đến như Nguyễn Cao Kỳ (một người chống cộng quyết liệt, đã từng có thời làm thủ tướng của Việt nam cộng hòa) trong các bài trả lời phỏng vấn và nói chuyện gần đây ở Hoa kỳ, cũng tính toán rằng : "Một nước vừa nghèo vừa dốt như Việt nam mà đòi theo dân chủ y hệt kiểu Mỹ thì chỉ gây hỗn loạn, buôn lậu, đĩ điếm...". Ông ta phân tích : cách đây 30 - 40 năm, các nước Đài loan, Đại hàn, Xin-ga-po "đã khởi đi bằng một thể chế độc đảng", "không chấp nhận đối lập", cũng chính là để tạo ra sự ổn định chính trị và xã hội, tạo tiền đề rất cần thiết cho phát triển kinh tế thị trường. Và các nước đó "đã thành công rực rỡ, xây dựng một nền kinh tế giàu mạnh", "thực sự trở thành những quốc gia dân chủ, tiến bộ, làm gương soi cho các nước đệ tam chậm tiến"(1).

Thực tế cho thấy, ở những nước thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập thường dẫn đến tình hình không ổn định, hay xảy ra đảo chính. Một số người nghiên cứu thể chế chính trị quốc tế đã tổng kết, đưa ra các con số để chứng minh cho kết luận đó : Trong 23 nước theo chế độ một đảng, có 19 nước ổn định, 4 nước tương đối ổn định (không có nước nào không ổn định). Trong 26 nước theo chế độ đa đảng, có 11 nước ổn định, 2 nước tương đối ổn định, 13 nước không ổn định. Ở một số nước Đông Âu và Liên xô cũ từ khi áp dụng chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, đất nước rơi vào tình trạng hỗn loạn, rối ren, chiến tranh đẫm máu, kinh tế khủng hoảng nghiêm trọng, không sao phát triển được, đời sống nhân dân ngày càng sa sút.

Vừa qua có người nêu luận điểm nói rằng không thực hiện "đa nguyên đa đảng" là không dân chủ, rằng mức độ, trình độ dân chủ của một nước thể hiện ở chỗ có tồn tại nhiều đảng hay không. Theo tôi, điều đó không đúng. Nhiều đảng hay ít đảng không phải là tiêu chí để nói lên một xã hội dân chủ hay không dân chủ, ít dân chủ hay nhiều dân chủ. Xã hội miền Nam dưới thời Mỹ - Diệm có rất nhiều đảng kiểu như "Cần lao", "Nhân vị", "Duy linh", "Dân chủ"... và hàng trăm tổ chức chính trị, xã hội khác nhau, nhưng không thể nói xã hội đó là dân chủ, càng không thể nói xã hội đó nhiều dân chủ hơn ngày nay. Theo tôi, *tính chất và trình độ dân chủ của một nước, một xã hội được quyết định chủ yếu bằng việc phát huy đến mức nào quyền làm chủ của đại đa số nhân dân, thực hiện đến mức nào lợi ích và ý chí của đại đa số nhân dân (tức là nhân dân lao động) trong xã hội đó*. Dân chủ là sự thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, chính quyền thực sự nằm trong tay nhân dân lao động, bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của nhân dân lao động, phát huy mạnh mẽ trí tuệ, nghị lực, sự sáng tạo của nhân dân ; chứ không phải ở chỗ có nhiều đảng hay ít đảng.

(1) Xem : *Thời báo*, số ra ngày 7, 8-11-1992 ; và *Việt nam*, số ra ngày 7-11-1992

Digitized by Google

Chúng ta chuyển sang kinh tế nhiều thành phần, nhưng như trên đã nói, đó là kinh tế nhiều thành phần có sự quản lý, điều tiết của nhà nước, đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa, do đó không nhất thiết cứ nhiều thành phần kinh tế thì có nhiều giai cấp đối kháng và có nhiều đảng phái chính trị tương ứng.

Thực chất của luận điểm đòi "đa nguyên đa đảng" của các thế lực chống cộng nhằm vào ta là muốn hạ thấp hoặc xóa bỏ sự lãnh đạo của đảng cộng sản, gây ra xáo động, rối loạn trong nước, lật đổ chính quyền. Ngoài ra, không có mục đích nào khác. Người ta rêu rao và ra sức hoạt động đòi "dân chủ", "đa nguyên", "đa đảng", "nhân quyền" chẳng qua chỉ là chiêu bài để thực hiện mưu đồ *gây rối, phá hoại từ bên trong* rất thâm độc và xảo quyệt.

Vả chăng, chính ngay những nước, những người kêu gào "đa nguyên đa đảng" họ có thật sự chấp nhận những tổ chức, những lực lượng chống đối mình không ? Tại sao họ chủ trương ám sát những lãnh tụ cộng sản, tiêu diệt những người đối lập, đàn áp các phong trào nổi dậy chống chính quyền ? Vì sao khi chưa giành được quyền bính thì người ta ra sức tán dương "dân chủ", "đa nguyên", "đa đảng", nhưng sau khi đã cướp được chính quyền, xóa bỏ được sự lãnh đạo của đảng cộng sản, thì họ ngay lập tức lại cấm đảng cộng sản hoạt động, đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, đòi quốc hữu hóa tài sản của đảng, đóng cửa trụ sở đảng, đốt phá nơi làm việc của trung ương đảng, tìm mọi cách trả thù, tẩy chay đảng viên cộng sản ? Lúc đó không còn thấy họ mạnh mồm nói "đa nguyên đa đảng" !

Đảng cộng sản Việt nam không hề áp đặt vai trò độc quyền lãnh đạo của mình. Để được nhân dân thừa nhận là người lãnh đạo, Đảng đã phải trải qua một quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ, đầy thử thách hi sinh. Hàng chục vạn người con ưu tú của Đảng và dân tộc đã ngã xuống. Thiết lập được sự lãnh đạo của Đảng cũng là thành quả đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và toàn thể dân tộc Việt nam. Tuy có lúc Đảng phạm sai lầm khuyết điểm nhưng do biết kịp thời công khai thừa nhận và thành tâm sửa chữa, cho nên Đảng vẫn được đông đảo nhân dân tin cậy. Thực tế đến nay chưa ai bác bỏ được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam, và cũng chưa có lực lượng chính trị nào khác ngoài Đảng cộng sản Việt nam có đủ khả năng và điều kiện lãnh đạo cách mạng Việt nam. Chỉ có bọn đế quốc và phản động đang tìm cách nói xấu Đảng, bôi nhọ Đảng, hòng hạ uy tín và xóa vai trò lãnh đạo của Đảng. Và chỉ có những ai dại dột mới tự mình phủ nhận những thành quả cách mạng của nhân dân mình, muốn tạo ra những đảng đối lập để rồi ngộ nhận đó là tự do dân chủ.

Nội dung và phương pháp lãnh đạo của Đảng trong điều kiện kinh tế thị trường

Là đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo toàn xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường, Đảng cộng sản Việt nam ý thức rất rõ trách nhiệm và vinh dự của mình đối với đất nước và dân tộc. Đảng có trách nhiệm xác định đúng đắn phương hướng, mục tiêu, con đường đi lên của đất nước, sự hưng thịnh của dân tộc. Từ đó lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị và guồng máy xã hội, trước hết là nhà nước, tổ chức thực hiện bằng được các mục tiêu, nhiệm vụ đã vạch ra ; lãnh đạo việc thể chế hóa, pháp luật hóa các nghị quyết của Đảng ; thiết kế tổ chức bộ máy, đào tạo, bố trí cán bộ, quản lý và rèn luyện cán bộ phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ; kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng ; tổng kết thực tiễn, bổ sung, hoàn thiện đường lối, chính sách... Tất cả đều nhằm bảo đảm *tính chính trị, tính định hướng* đúng đắn trên con đường đi lên của đất nước và sự phát triển của dân tộc.

Riêng trong lĩnh vực kinh tế, Đảng đề ra đường lối, chiến lược phát triển kinh tế, bảo đảm *tính chính trị* trong sự phát triển của kinh tế, làm cho kinh tế vừa có tốc độ tăng trưởng và năng suất lao động cao, có lực lượng sản xuất không ngừng lớn mạnh, vừa đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, hạn chế bất công và bóc lột, chăm lo và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân lao động. Điều đó không phải chỉ thể hiện ở cấp trung ương, ở hoạt động lãnh đạo và quản lý vĩ mô, mà ở ngay từng tế bào của đảng. Mọi tổ chức cơ sở đảng, từng cán bộ và đảng viên đều có trách nhiệm làm cho định hướng chính trị của Đảng quán triệt trong toàn bộ các hoạt động

Digitized by Google

kinh tế - xã hội. Đó là chức năng không ai làm thay được Đảng.

Trách nhiệm hàng đầu lớn nhất của các cấp ủy đảng là lãnh đạo, kiểm tra và trực tiếp đấu tranh thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, bảo đảm cho tất cả các thành phần kinh tế đều theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, không đi chệnh quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Đảng ủy, chi bộ, đảng viên ở các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị kinh tế tập thể, các xí nghiệp liên doanh, tư doanh... có trách nhiệm lãnh đạo quần chúng và các tổ chức quần chúng phấn đấu đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, đấu tranh thực hiện các quyết định của Đảng và pháp luật nhà nước, bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng của công nhân, người lao động, chống các hành vi bóc lột dã man, chống đánh đập hoặc đối xử tàn tệ với người lao động. Ở đâu cấp ủy, tổ chức đảng không làm được việc đó là không thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của mình.

Đương nhiên, trong điều kiện hiện nay, Đảng không thể lãnh đạo và hoạt động theo phương thức cũ. Đảng nắm chắc vai trò lãnh đạo, tuyệt đối không buông lỏng hoặc hạ thấp vai trò lãnh đạo ; đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò của cơ quan chính quyền, tổ chức kinh tế và đoàn thể quần chúng. Phân biệt sự lãnh đạo của Đảng với sự quản lý của cơ quan hành chính, sự quản lý hành chính với quản lý sản xuất kinh doanh. Các cấp ủy đảng không bao biện, làm thay các công việc thuộc chức năng quản lý, điều hành hằng ngày của chính quyền và tổ chức kinh tế. Đảng lãnh đạo cụ thể, sát sao nhưng không sa vào sự vụ, mệnh lệnh ; Đảng lãnh đạo thông qua các đảng viên và tổ chức đảng. Đảng viên được phái vào các cơ quan nhà nước và các tổ chức kinh tế, hoạt động theo cương lĩnh, đường lối của Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ. Hệ thống tổ chức của đảng được củng cố chặt chẽ, tinh gọn, bảo đảm sự lãnh đạo thông suốt, nhanh nhạy, năng động, phù hợp với cơ chế thị trường. Đảng lãnh đạo theo phương pháp dân chủ, thuyết phục ; cán bộ và đảng viên gương mẫu thực hiện nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, thường xuyên làm công tác vận động, thuyết phục người ngoài đảng. Bản thân tổ chức đảng cũng cần đổi mới cách sinh hoạt và hoạt động theo hướng năng động, bớt họp hành rườm rà, tăng cường khâu kiểm tra, chỉ đạo tại chỗ, sâu sát cơ sở.

Điều kiện cơ bản và quyết định bảo đảm cho Đảng lãnh đạo tốt, có hiệu quả cao là Đảng phải thật sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, được nhân dân tin cậy, ủng hộ. Trong tình hình hiện nay, Đảng cần đặc biệt có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng, có trí tuệ, có kiến thức, có thông tin đầy đủ, có khả năng xử lý nhạy bén, đúng đắn mọi vấn đề phức tạp.

Đảng xây dựng được hệ thống tổ chức chặt chẽ với một bộ máy gọn nhẹ, mạnh, kể cả hệ thống tổ chức nhà nước pháp quyền và các đoàn thể nhân dân.

Đảng có cơ quan tham mưu giúp việc giỏi, trung thực, có năng lực phân tích, tổng hợp, đề xuất các giải pháp và kiểm tra, thẩm định các đề án.

Đảng xây dựng được một đội ngũ cán bộ, đảng viên trung thành, tận tụy, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực lãnh đạo và quản lý, có kiến thức kinh tế và quản lý kinh tế, biết làm kinh tế, có kiến thức về luật pháp và biết quản lý nhà nước bằng pháp luật, biết tiếp cận thị trường, nhanh nhạy, năng nổ, tháo vát.

Mọi cán bộ, đảng viên của Đảng cần chú ý rèn luyện phẩm chất chính trị, nắm chắc phương hướng và con đường đã định ; ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực công tác ; thường xuyên học tập, trau dồi đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh ; đấu tranh khắc phục có hiệu quả tệ tham nhũng và các hiện tượng thoái hóa, hư hỏng trong Đảng. Chỉ có kiên quyết cắt đi những ung nhọt trên cơ thể mình (dù là phải chịu nhiều đau đớn) Đảng mới phát triển lành mạnh, cường tráng.

Một khi cơ thể Đảng khỏe mạnh, cường tráng, nội bộ Đảng đoàn kết thống nhất, có kỷ luật chặt chẽ, nghiêm minh, lại được nhân dân tin cậy, ủng hộ, thì không có một trở ngại nào mà Đảng không vượt qua, không có việc gì Đảng không làm được.

Digitized by Google

KẾ HOẠCH VÀ THỊ TRƯỜNG TRONG NỀN KINH TẾ NƯỚC TA

CAO DUY HẠ *

Kế hoạch hóa là công cụ quan trọng nhất để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế ở nước ta. Trong nền kinh tế hàng hóa, không chỉ có các phạm trù giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung - cầu, quan hệ hàng hóa - tiền tệ... mà còn có cả phạm trù kế hoạch. Kế hoạch cũng là yêu cầu khách quan của quá trình phát triển sản xuất và lưu thông hàng hóa. Nó là một trong những công cụ không thể thiếu trong công tác quản lý kinh tế, đặc biệt là quản lý nền kinh tế thị trường.

Trước đây, đã có thời kỳ các nước lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa (trong đó có nước ta) đã tiến hành xây dựng nền kinh tế theo mô hình "kế hoạch hóa tập trung", phủ nhận kinh tế thị trường. Sai lầm đó không chỉ kìm hãm sự phát triển kinh tế, mà còn là một trong những nguyên nhân sâu xa dẫn tới sự sụp đổ chế độ xã hội ở Liên xô và Đông Âu. Trước thực tế đó, một số người đã lên án kinh tế có kế hoạch, thậm chí phủ nhận sạch trơn vai trò của kế hoạch hóa. Thật ra, kế hoạch hóa đâu có lỗi. Lỗi là ở chỗ người ta đã sử dụng nó như một công cụ quyền lực, đối lập với thị trường, đối lập với quan hệ hàng hóa - tiền tệ ; chứ không phải sử dụng nó như một công cụ khách quan, được vận dụng phù hợp với các quy luật của kinh tế hàng hóa và thị trường để định hướng cho sự phát triển của kinh tế - xã hội và thị trường.

Thực tế ngày càng cho thấy, kế hoạch và thị trường là những phạm trù khách quan, đều là những công cụ có chức năng điều tiết kinh tế. Sự điều tiết bằng kế hoạch không thể thay thế hoàn toàn cho sự điều tiết của thị trường ; và ngược lại, thị trường cũng không phủ nhận sự điều tiết của kế hoạch. Kế hoạch điều tiết các quan hệ cân đối lớn trong sản xuất cũng như trên thị trường : cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa xuất và nhập khẩu, giữa tiền và hàng... Chủ thể thực hiện sự điều tiết đó là nhà nước với mục đích là hướng nền kinh tế nói chung và thị trường nói riêng đi theo những mục tiêu đã lựa chọn. Còn thị trường điều tiết chủ yếu theo quan hệ cung cầu, theo quy luật giá trị, giá cả... Nó mang tính chất tự điều tiết. Tuy khác nhau về bản chất, nhưng kế hoạch và thị trường không đối lập nhau ; nhà nước nếu biết sử dụng hợp lý hai công cụ đó tùy theo cấp độ kinh tế và phạm vi tác động, hạn chế được những gì là khiếm khuyết và phát huy được những gì là ưu điểm của mỗi công cụ, thì như vậy có thể làm cho nền kinh tế hoạt động có hiệu quả hơn. Một khi nhà nước vận dụng việc kế hoạch hóa phù hợp với quy luật khách quan, thì nền kinh tế hàng hóa có thể phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Như vậy, chuyển sang kinh tế thị trường không phải là từ bỏ kế hoạch, mà là thực hiện kế hoạch với nội dung mới, cách làm mới : kế hoạch nằm ngay trong các hoạt động của sản xuất và thị trường, chứ không phải *nằm ngoài* hoặc *đứng trên* thị trường.

Từ quan điểm và nhận thức đó, Đảng và Nhà nước ta đã xác định : thị trường vừa là *căn cứ*, vừa là *đối tượng* của kế hoạch. Với tư cách là căn cứ của kế hoạch, nơi diễn ra sự cọ xát giữa cung và cầu, thị trường là điểm xuất phát quan trọng để xác định kế hoạch định hướng phát triển cho sản xuất và cho thị trường. Với tư cách là đối tượng của kế hoạch, thị trường là cơ sở thực tiễn để kiểm tra xem kế hoạch phù hợp hay không phù hợp với thực tế đời sống kinh tế xã hội, đang kịp thời điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp, bảo đảm cho sản xuất và thị trường không đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa.

Với nhận thức như trên, để kinh tế thị trường nước ta phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, không thể không đổi mới công tác kế hoạch hóa. Kế hoạch hóa là một bộ phận quan trọng của công tác quản lý nền kinh tế quốc dân. Mục tiêu của đổi mới kế hoạch hóa là nâng cao vai trò hướng dẫn của kế hoạch đối với các hoạt động của kinh tế thị

* PTS kinh tế học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

trường nhằm bảo đảm kinh tế thị trường phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, hướng đổi mới kế hoạch hóa ở nước ta cần hướng vào những mặt chủ yếu sau :

Một là, nâng trình độ kế hoạch hóa lên tầm chiến lược, chương trình kinh tế. Có thể khẳng định : những chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế thị trường do Đảng đề ra ở Đại hội VII, chỉ trở thành hiện thực khi được thể hiện thành phương án, kế hoạch cụ thể, và được thực thi có kết quả. Muốn vậy, phải có các phương án, kế hoạch phát triển thị trường thống nhất từ nay đến năm 2000, và sau đó được xây dựng thành các chiến lược, chương trình kinh tế, tính toán ở tầm xa và cơ bản, không thể dừng ở các phương án tác nghiệp, nghiệp vụ đơn thuần. Phải từng bước xây dựng và hoàn thiện các căn cứ khoa học của kế hoạch, như : điều tra cơ bản, dự báo chính xác sự phát triển nhu cầu của thị trường ; những khả năng hiện có và tiềm thế phát triển nhu cầu và phát triển thị trường ; giải pháp cơ bản để khai thác... Trên cơ sở đó, tính toán xây dựng kế hoạch phát triển các nhu cầu, cân đối tổng cung tổng cầu trong từng giai đoạn phát triển, nhằm ổn định giá cả, tiền tệ, thúc đẩy tăng trưởng sản xuất, cải thiện đời sống, phục vụ các mục tiêu định hướng của sản xuất và lưu thông đã đề ra.

Hai là, bao quát đầy đủ các đối tượng của kế hoạch hóa. Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, tham gia thị trường có nhiều đối tượng khác nhau : quốc doanh, tập thể, tư nhân và các loại hình khác. Trong kinh tế bao cấp trước đây, chúng ta chỉ thực hiện kế hoạch hóa đối với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Hiện nay khác, chúng ta phải thực hiện kế hoạch hóa đối với *tất cả* các thành phần kinh tế. Đây là khó khăn lớn của vấn đề đổi mới kế hoạch hóa. Điều quan trọng là làm thế nào tìm ra phương thức phù hợp, tính toán được khả năng và nhu cầu của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, để có thể đưa hoạt động của tất cả các thành phần kinh tế vào quỹ đạo hướng dẫn của kế hoạch.

Ba là, đổi mới quan hệ giữa kế hoạch vĩ mô và kế hoạch vi mô. Là chủ thể xây dựng và quản lý kế hoạch vĩ mô, nhà nước phải đổi mới cả về nhận thức và phương pháp tính toán cân đối tổng cung - tổng cầu, cân đối tiền - hàng, để vạch ra định hướng phát triển nhằm bảo đảm cho kinh tế phát triển ổn định, cân đối, lành mạnh. Còn các đơn vị kinh tế cơ sở kinh doanh thương mại và dịch vụ thì dựa vào thị trường và kế hoạch định hướng của nhà nước, xây dựng kế hoạch hoạt động vừa tuân theo "mệnh lệnh" chỉ đạo của thị trường, vừa tuân theo kế hoạch vĩ mô hướng dẫn của nhà nước. Vì vậy, quan hệ giữa kế hoạch nhà nước với kế hoạch kinh doanh thương mại, dịch vụ của từng đơn vị cơ sở phải dựa trên nguyên tắc : nhà nước tác động vào hoạt động của các đơn vị kinh doanh thông qua kế hoạch định hướng, chính sách và luật pháp ; còn thị trường thì hướng dẫn, điều tiết kế hoạch của các đơn vị cơ sở cho phù hợp với thực tế và phù hợp với định hướng của nhà nước. Nhà nước không chỉ huy trực tiếp các đơn vị kinh doanh thương mại, dịch vụ cơ sở, mà chủ yếu thông qua thị trường ; không chỉ huy thuần túy bằng mệnh lệnh hành chính như trước kia, mà chuyển sang quản lý, điều tiết chủ yếu bằng biện pháp kinh tế, bằng chính sách và tác động của thị trường. Đó là vấn đề cơ bản của đổi mới công tác kế hoạch hóa trong điều kiện hiện nay ở nước ta. Chỉ có làm như vậy, chúng ta mới bảo đảm cho kinh tế thị trường vận hành hợp quy luật khách quan và theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, nâng cao vai trò của công tác thông tin và dự báo hướng dẫn. Khi kế hoạch nhà nước chuyển sang chức năng chủ yếu là định hướng, hướng dẫn và điều tiết các hoạt động kinh tế, thì công tác thông tin và dự báo (dự báo thị trường, dự báo nhu cầu, sức mua, nhịp độ tăng trưởng kinh tế...) có vai trò cực kỳ quan trọng. Tất cả đều nhằm nâng cao tính định hướng và vai trò hướng dẫn của kế hoạch. Đổi mới kế hoạch hóa kinh tế thị trường đặt ra yêu cầu khách quan về thông tin. Không giải quyết được vấn đề thông tin nhanh nhạy, kịp thời, chính xác, thì tính định hướng, cũng như vai trò hướng dẫn của kế hoạch đối với thị trường sẽ rất hạn chế, thậm chí có thể bị thất bại.

Năm là, nâng cao trình độ của bộ máy làm công tác kế hoạch hóa. Đội ngũ cán bộ làm công tác kế hoạch hóa phải có năng lực cả về hai mặt : nhận thức và vận dụng sáng tạo các quy luật khách quan, tìm ra phương án và giải pháp thực thi có hiệu quả nhất.

Đổi mới kế hoạch hóa là một trong những vấn đề cấp thiết của đổi mới quản lý kinh tế ở nước ta hiện nay. Đây còn là biện pháp quan trọng để phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần nói chung và thị trường nội địa nói riêng theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Văn học về chiến tranh và cách nhìn của nhà văn

BÙI VIỆT THẮNG*

LÂU nay văn học về chiến tranh thường được giới nghiên cứu, phê bình xem xét như là sự gom góp rất nhiều tác phẩm trong quá khứ và hiện tại, chứ chưa được quan niệm như là một tiến trình đầy mâu thuẫn sinh động, giả định là thường xuyên có sự biến đổi về chất bên trong. Từ đây, việc đánh giá văn học về chiến tranh nhất thiết phải được tiến hành bằng sự nghiên cứu, so sánh trên nhiều mặt giữa *hai* bộ phận : viết *trong* chiến tranh và *sau* chiến tranh. Đó là một công việc đòi hỏi sự nỗ lực của nhiều chuyên gia văn học và cần có thời gian. Những ý kiến phác họa trong bài này nghiêng về xem xét bộ phận văn học về chiến tranh viết *sau* chiến tranh, đặc biệt trong mấy năm gần đây.

Về nguyên tắc, đề tài chiến tranh trong văn học hiện nay không thể tách rời, hơn nữa càng gắn bó mật thiết với đề tài "đời thường" và càng không thể tách rời với tiến trình chung của văn học - một tiến trình luôn đổi mới. Sáng tạo văn học bao giờ cũng được quy định bởi sự thúc bách của nhu cầu tinh thần thời đại. Trong chiến tranh, văn học phải kịp thời cổ vũ chủ nghĩa anh hùng toàn dân, khẳng định vẻ đẹp lý tưởng cách mạng và xây dựng những tính cách cao cả vì sự nghiệp lớn. Con người đang chiến đấu cần được khích lệ. Văn học về chiến tranh những năm chống Pháp, chống Mỹ đã thực hiện được sứ mạng cao cả của mình, phù hợp với khát vọng về độc lập, tự do của dân tộc. Ngày nay, văn học về chiến tranh phải đáp ứng nhu cầu tinh thần mới - bằng các hình tượng nghệ thuật giúp các thế hệ sau *tìm thấy cái chìa khóa* để mở cánh cửa quá khứ, để nhận thức rõ ràng, sâu sắc hơn những vấn đề mà trong hòa bình, trong đời thường dễ bị lu mờ, lãng quên (tinh thần xả thân vì nghĩa lớn, tình đồng loại, và cao hơn là tình đồng đội, sức mạnh tinh thần trong những hoàn cảnh ngặt nghèo, tính người chân chính...).

Cảm hứng nhân đạo của văn học về chiến tranh giờ đây cũng được quan niệm một cách đầy đủ hơn. Văn học thể hiện *con người và chiến tranh* trên cả hai mặt của một vấn đề : vai trò của con người đối với chiến tranh và vai trò của chiến tranh đối với con người. Như vậy, đứng về mặt triết học, văn học tự nhiên phải quan tâm tới quan hệ giữa con người và hoàn cảnh, cá nhân và xã hội, được và mất... Văn học về chiến tranh sau chiến tranh không chỉ nhằm tái hiện sự thật về chiến tranh, mà chủ yếu nhằm làm giàu nhận thức của chúng ta về chiến tranh (các xung đột, tính phức tạp, quy luật của chiến tranh). Do đó, nó phải đạt tới sự phân tích nghệ thuật sâu sắc mang tính triết học về những gì nảy sinh trong thế giới tinh thần của con người thời đại. *Văn học về chiến tranh hôm nay* sẽ phát triển *trên cái nền của đời sống hòa bình, thường nhật kết hợp với hiện thực quá khứ được soi sáng trên quan điểm về chân lý lịch sử cụ thể và quan điểm về con người*. Nhưng ở đây, cũng cần phải nói ngay rằng, chân lý nghệ thuật không nhất thiết đồng nhất với chân lý lịch sử, cũng như điển hình nghệ thuật không nhất thiết đồng nhất với điển hình đời sống.

Ngày nay, do chịu sự quy định của hoàn cảnh mới (độ lùi thời gian, tâm lý sáng tác của người viết và sự tiếp nhận của người đọc, cơ chế mới, giao lưu văn hóa..., đặc biệt là tầm văn hóa và tầm nhìn của xã hội đều ở vị thế mới, văn học về chiến tranh tất yếu phải đổi mới. Nhưng đổi mới gì thì

* Trường Đại học tổng hợp Hà nội

Digitized by Google

cũng phải dựa trên nguyên tắc - nhân đạo và nghệ thuật. Văn học về chiến tranh hôm nay (đặc biệt trong thể loại tiểu thuyết) thường phong phú về chủ thể, đa dạng về phong cách và hình thức thể hiện. Không cần một khuôn mẫu nào cho sáng tác văn học, nhưng cần một *định hướng lý tưởng* nhân văn và thẩm mỹ rõ ràng, trong sáng, nhất là *hiện nay*, khi văn học về chiến tranh *cùng lúc chịu nhiều áp lực khác nhau* do cách nhìn chiến tranh từ nhiều góc độ : triết học, chính trị, tâm lý, xã hội học, mỹ học, kinh tế học, v.v..

Đã có một cách nhìn méo mó lịch sử, theo những thiên kiến chủ quan. Những thiên kiến này phảng phất một thứ "ý niệm tuyệt đối" về sinh - tử, được - mất, vinh - nhục... Điều đáng chú ý là có một số nhà văn chưa già và bản thân họ cũng đã nếm trải chiến tranh, đã sống hào hứng những ngày máu lửa. Nhưng sau này khi trở về cầm bút, kể lại cuộc chiến tranh đã qua, họ lại viết khác với họ sống. Có cảm tưởng như họ vừa thoát nạn "lễ tế thần". Chiến tranh hiện ra trong một số tác phẩm của họ với bộ mặt gớm guốc, khủng khiếp. Con người là nạn nhân thảm hại của "cái cối xay thịt" chiến tranh. Nhân dân vĩ đại trở thành một lực lượng tự phát, mù quáng, đáng thương, è cổ kéo cỗ xe lịch sử. Đáng tiếc là những tác phẩm như thế lại gây một ấn tượng khá mạnh và sâu trong bạn đọc. Nhiều người đâm ra hoang mang, hoài nghi - nhất là các thế hệ chưa biết gì về chiến tranh. Tuy không nhiều, nhưng vì hạ thấp con người, nên những tác phẩm như thế quả là điều đáng để chúng ta suy nghĩ. Có lẽ những tác giả viết theo lối ấy dựa vào nguyên tắc tinh thần "phản tỉnh", "sám hối". Sự thực không phải lúc nào phản tỉnh, sám hối, cũng tất yếu dẫn đến hạ thấp con người. Thật ra, chính nhà văn ngộ nhận, chứ người đọc không ngộ nhận.

Có tác phẩm miêu tả người lính trở về sau chiến tranh trở nên bấn loạn, thậm chí có khi thác loạn. Hội chứng chiến tranh đè bẹp, nghiền nát anh ta. Một hồi ức đẫm máu nhòe nhoẹt khắp các trang sách. Chiến tranh quả thật không phải trò đùa. Nhưng nếu văn học miêu tả không trung thực và khách quan, làm cho con người rối trí, yếu hèn và bấn loạn tinh thần, thì chắc hẳn khó mà đạt tới đích "nhân đạo hóa con người".

Có tác phẩm, tuy viết với vẻ chân thực, nhưng sự chân thực ở đây mới ở cấp độ tiểu tiết, chi tiết, bộ phận. Đôi chỗ ngấp nghé tự nhiên chủ nghĩa. Con mắt nhìn của nhà văn trong trường hợp này bị thu hẹp giác độ, chỉ thấy cây mà không thấy rừng.

Nhưng điều làm chúng ta yên tâm là đa số các nhà văn có lương tri không hạ thấp con người, không phủ nhận xương máu của nhân dân đã kiên trì tiến hành cuộc chiến tranh vì tự do. Mấy năm gần đây xuất hiện nhiều tác phẩm - chủ yếu là tiểu thuyết - có vang hưởng xã hội và có chất lượng nghệ thuật. Những giải thưởng văn học lớn mấy năm qua đã được trao cho không ít tác phẩm viết về chiến tranh. Những con người trở về sau chiến tranh vẫn không ngơi nghỉ, tiếp tục cuộc đấu tranh để đứng vững trong hoàn cảnh mới. Họ chịu không ít mất mát, thậm chí có khi rơi vào những bi kịch, nhưng họ vẫn gìn giữ được nhân cách của mình vốn được tôi luyện trong chiến tranh. Thực ra, cuộc đấu tranh cải biến xã hội theo lý tưởng nhân văn, không loại trừ bi kịch. Điều đó cắt nghĩa vì sao một số tác phẩm được bạn đọc ái mộ gần đây, đã được viết bằng hình thức bi kịch. Cần nhấn mạnh rằng, sự thành công của nhà văn khi dùng bi kịch thể hiện đời sống, chính là nhờ tựa vững vào nguyên tắc "thanh lọc tâm hồn con người" bằng bi kịch. Cách nhìn bằng bi kịch, nếu đảm bảo được nguyên tắc nêu trên, thể hiện một trình độ nghệ thuật mới của văn học về chiến tranh, một quan niệm nghệ thuật mới về con người. Đó là những "bi kịch lạc quan" được nâng bằng cảm hứng về tương lai.

*

Sáng tạo văn học, trước hết và sau hết là của những cá nhân nhà văn. Ngoài tài năng là điều không thể thiếu, còn cần phải có một chữ TÂM

Digitized by Google

đích thực. Khảo sát văn học về chiến tranh gần đây, thấy rõ tuyệt đại đa số nhà văn là người có tâm huyết, muốn góp thêm cho đời một giá trị tinh thần mới. Tác phẩm của họ, vì thế, là một phần máu thịt cuộc đời họ. Đa số nhà văn viết về chiến tranh đều là những người từng "chịu trận", từng trải chiến tranh, họ là người cầm súng trước khi cầm bút. Họ viết về những gì họ nghe, thấy, trải qua và cảm nhận chúng bằng cả tâm hồn. Tác phẩm của họ có sự láng đọng của kinh nghiệm sống và được chiếu sáng bằng lương tri người nghệ sĩ - công dân. Nhiều khi chỉ qua một chi tiết nhỏ trong tác phẩm, bạn đọc thấy rõ, nếu không trải qua chiến tranh, nhà văn không thể viết được như thế. Triết luận của tác phẩm không phải được phát ra một cách tùy tiện từ người đứng ngoài cuộc hay từ người thoát nạn, mà toát lên từ ý thức trách nhiệm sâu sắc của người cầm bút trước bạn đọc. Văn học về chiến tranh gần đây viết nhiều về nỗi đau, mất mát, về cả những "khoảng tối" trong mỗi con người. Nhưng cái nhìn của đa số các nhà văn là anh minh và đầy ý thức trách nhiệm. Có một nhà văn nước ngoài đã ví việc viết văn như người lái xe cẩm vô lăng, chịu trách nhiệm trước nhiều người về sinh mệnh của họ. Không thể lơ là trách nhiệm, không thể nửa tỉnh nửa say, phải luôn luôn tỉnh táo.

Cũng không tránh khỏi một cách nhìn của kẻ vị kỷ ở một vài nhà văn. Có vẻ như viết tác phẩm về cuộc chiến tranh đã qua là cái cớ để họ "đay nghiến" một điều gì đó, ai đó. Họ biểu hiện trong tác phẩm một sự hối hận vì đã làm một việc vô ích, và thậm chí tuyên truyền cho nhiều người khác rằng "các anh cũng đã làm một việc vô ích".

Rõ ràng, cái nhìn của nhà văn mang tính đạo đức và lý trí rất rõ. Nếu nhìn con người tham gia chiến tranh như kiếp con sâu cái kiến, thì tác phẩm của họ tất sẽ vẽ nên hình ảnh con người biến dạng, đáng thương. Bạn đọc thường là thông minh và tự trọng, chắc chắn họ không thích nhà văn thương hại và bêu riếu mình. Nếu nhà văn xuất phát từ cái nhìn bi quan, yếm thế, cực đoan thì chỉ có thể tạo nên những tác phẩm làm mềm yếu con người và tước đi ở con người ý chí, nghị lực và lòng tin vào cái chân - thiện - mỹ.

Cái nhìn rõ ràng của nhà văn phải là cái nhìn của lý trí sáng suốt. Tất nhiên, sáng tạo văn học trước hết xuất phát từ tình cảm và tác động đến tình cảm con người. Nhưng nếu thiếu ánh sáng của trí tuệ, nhà văn sẽ rơi vào hỗn độn, làm mù mờ tất cả. Hăng-ri Bác-buýt, tác giả cuốn *Khói lửa*, tiểu thuyết nổi tiếng về chiến tranh, đã viết : "Không có một nghệ thuật nào có sức mạnh mà lại thiếu lý trí, trí tuệ được... Xa rời, đoạn tuyệt với quy luật của trí tuệ, lý trí, là không thể chấp nhận đối với sáng tạo nghệ thuật. Chỉ có trí tuệ - cái vốn không thể thiếu được trong mọi lĩnh vực không thật cụ thể và cũng không thật trừu tượng - mới cho chúng ta khả năng để tạo nên tất cả giá trị tác phẩm... Và bất cứ một mưu toan nào hạ thấp vai trò của trí tuệ cũng nhằm hạ thấp vai trò của nghệ thuật"(1).

Đã thấp thoáng xuất hiện trong một vài tác phẩm cái nhìn - tâm linh của người viết văn. Con người có tâm linh, rõ ràng như thế. Nhưng không phải ai cũng dùng cái tâm linh ấy để viết văn được, vì rất dễ bất cập. Có thể chỉ là một thể nghiệm, tìm tòi, nhưng kết quả là tác phẩm của nhà văn trở thành một mớ ấn tượng hỗn độn. Chiến tranh được tái hiện qua cái nhìn tâm linh có chiều nhòe nhoẹt, âm u và tắc tị.

Văn học viết về chiến tranh khi tái hiện chiến tranh là *nhằm đề cao khát vọng hòa bình* ở con người. Không thể miêu tả con người "say máu chiến tranh", vì như thế nhà văn vô tình đã xúc phạm tới phẩm giá con người. Vì chiến tranh là điều nhân loại không mong muốn. Nhưng trong những điều kiện lịch sử - xã hội nhất định, chiến tranh cần thiết phải được tiến hành để bảo vệ độc lập và tự do dân tộc. Và tiến hành chiến tranh là nhằm bảo vệ và củng cố hòa bình. Có tác phẩm

(Xem tiếp trang 41)

(1) Hăng-ri Bác-buýt : *Bàn về "tính duy lý" của văn xuôi và "tính phi lý" của thơ*, tạp chí *Văn học nước ngoài* (tiếng Nga) số 5-1973

Digitized by Google

ĐỂ LÀM TỐT CUỘC CHUYỂN GIAO THẾ HỆ

NGUYỄN VĂN LỘC

Về mặt công tác cán bộ, có thể nói ở nước ta đang diễn ra cuộc chuyển giao trách nhiệm lãnh đạo, quản lý đất nước, quản lý xã hội từ thế hệ những người cao tuổi sang thế hệ những người trẻ tuổi hơn. Tre già măng mọc, cuộc chuyển giao thế hệ này là một vấn đề có tính quy luật đối với mọi tổ chức, mọi quốc gia. Chỉ có điều là, tùy theo tình hình, điều kiện cụ thể mà có nơi tiến hành sớm hơn, có nơi muộn hơn, và mỗi nơi lại có cách làm riêng của mình.

Là vấn đề có tính quy luật, nhưng việc đổi mới cán bộ, trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý lại không đơn giản, hơn nữa rất tế nhị, phức tạp. Nơi nào sớm nhận thức được vấn đề, có sự chuẩn bị thật sự, thì việc bố trí, sắp xếp cán bộ diễn ra thuận lợi, đạt kết quả tốt. Còn nơi nào thiếu sự chuẩn bị cần thiết, chuyển giao một cách bị động, thì có những lúng túng, vướng mắc.

Để làm tốt cuộc chuyển giao thế hệ, tiếp tục trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, điều hết sức quan trọng là cần quán triệt những quan điểm, những nguyên tắc cơ bản về công tác cán bộ nêu trong các văn kiện của Đảng, nhất là trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Đồng thời, chú ý xem xét, giải quyết tốt một vài vấn đề đã thấy rõ hơn trong quá trình sắp xếp lại cán bộ, trẻ hóa cán bộ trong thời gian vừa qua.

Nói chung, cho đến nay việc trẻ hóa cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý không còn là vấn đề làm nhiều người phải ban khoăn như trước. Thực tế đã cho thấy, rất nhiều cán bộ trẻ được trao giữ những nhiệm vụ nặng nề quan trọng ở các cấp, các ngành, đã và đang phát huy vai trò của mình, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao phó, được tập thể quý mến, tín nhiệm.

Điều làm nhiều người quan tâm, suy nghĩ hiện nay là cần có sự lựa chọn, cân nhắc kỹ lưỡng, sự chín chắn thật sự trong việc bố trí, sắp xếp, cán bộ vào những cương vị lãnh đạo, quản lý quan trọng ở các ngành, các cấp từ trung ương đến các địa phương, các cơ sở. Đến nay Đảng ta, Nhà nước ta đã có một đội ngũ cán bộ đông đảo được đào tạo cơ bản hoặc khá cơ bản, có trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật khá. Nhiều người đã trưởng thành từ thực tế công tác và đang ở vào độ tuổi rất đẹp, khoảng 40 - 45 - 50 tuổi.

Tuy nhiên, đó mới chỉ là nói về nguồn cán bộ. Muốn xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý vững mạnh, bảo đảm kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng, của những thế hệ đi trước, điều cực kỳ quan trọng là phải rất quan tâm đến phẩm chất chính trị của người cán bộ. Chúng ta đều biết trong bất cứ giai đoạn nào, thời điểm nào của cách mạng, phẩm chất chính trị cũng là yêu cầu quan trọng hàng đầu đối với người cán bộ - nhất là với cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý. Nhưng hoàn cảnh nước ta ngày nay đã hoàn toàn khác trước. Những năm chiến tranh phải vào sinh ra tử, chiến đấu ác liệt một mất một còn với kẻ thù, người ta dễ nhận ra bản lĩnh, phẩm chất chính trị của người cán bộ, đảng viên. Ai là người trung thành với Tổ quốc, với Đảng, dũng cảm, kiên cường, không sợ gian khổ hy sinh ; ai là kẻ hèn nhát, mơ hồ, ham sống sợ chết hoặc phản bội ; điều đó khó mà che giấu được, mặc dù cũng có những kẻ khôn ngoan biết cách che đậy, giấu mình cho những âm mưu đen tối.

Trong hoàn cảnh mới hiện nay, chúng ta vẫn phải rất tỉnh táo, cảnh giác với những âm mưu, thủ đoạn phá hoại thâm độc của kẻ thù. Nhưng dù sao, cuộc chiến đấu trên các mặt ngày nay không trực diện với kẻ thù như những năm xưa. Bởi vậy, trong nhiều trường hợp, việc đánh giá, nhận xét để đề bạt cán bộ hiện nay, là vấn đề không đơn giản. Không có những tình huống,

Digitized by Google

những điều kiện cần thiết để đánh giá, so sánh cụ thể, còn về quá trình, về bằng cấp thì nhiều người đều sàn sàn như nhau. Trong một số ngành nghề, lĩnh vực, làm người lãnh đạo, quản lý thời nay lại có nhiều "bổng lộc" mà nhiều người đang mơ ước. Nếu không có con mắt tinh đời, không có thái độ khách quan, khoa học, người ta rất có thể nhầm lẫn, giữa người cán bộ tốt với người cơ hội. Và cũng chính vì vậy, điều làm cho nhiều người quan tâm hiện nay là cần thận trọng, chín chắn, cân nhắc kỹ lưỡng để không cất nhắc, đề bạt nhầm những người cơ hội, nhất là vào những cương vị lãnh đạo, quản lý quan trọng.

Cân nhắc, lựa chọn kỹ lưỡng, thận trọng, không có nghĩa là quá khắt khe, cầu toàn, "bới lông tìm vết", đòi hỏi người cán bộ phải toàn thiện, toàn mỹ, xét nét cả những khuyết điểm, nhược điểm không cơ bản của họ. Cũng cần lưu ý rằng, những kẻ cơ hội thường rất khôn ngoan, biết làm vừa lòng tập thể, biết cách tiếp cận với cấp trên, biết cách khoe khoang tô vẽ năng lực, phẩm chất chính trị của mình với những người có thẩm quyền. Còn những cán bộ tốt, thẳng thắn, trung thực, thì đôi khi lại bộc lộ những điều làm cho một số người có trách nhiệm không hài lòng, nên khó lọt được "mắt xanh" của các đồng chí ấy.

Với ý nghĩa quan trọng của vấn đề, có thể nói đây là một yêu cầu có ý nghĩa chiến lược của công tác tổ chức cán bộ trong thời điểm chuyển giao thế hệ hiện nay. Cho nên, hơn bao giờ hết, những người làm công tác tổ chức cán bộ, những đồng chí có trách nhiệm, cần chấp hành đúng những quan điểm, những nguyên tác cơ bản về công tác cán bộ, về tiêu chuẩn cán bộ, về đánh giá cán bộ, như đã ghi trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII). Với những trường hợp xét thấy cần thiết, nên tổ chức lấy ý kiến của những người hiểu biết về người cán bộ ấy. Hết sức tránh lối làm việc chủ quan, cảm tính, dân chủ hình thức, yêu nên tốt, ghét nên xấu ; bố trí, đề bạt lấy được, hoặc gạt ra bằng được, theo kiểu áp đặt.

Việc trẻ hóa cán bộ cần gắn với yêu cầu bảo đảm tính kế thừa, tính liên tục trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Không nên đặt vấn đề thay thế ngay tất cả những cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý cao tuổi; nếu những đồng chí này còn sức khỏe, có năng lực làm việc, có uy tín và tổ chức có yêu cầu. Việc bố trí cán bộ có độ tuổi khác nhau trong một tập thể lãnh đạo, quản lý, tạo điều kiện cho việc tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, cán bộ kế cận, phát huy những kinh nghiệm quý, nhất là sự già dặn về chính trị của người cán bộ cao tuổi.

Tuy nhiên, ở những nơi mà những người cán bộ kế cận đã được thử thách cả về phẩm chất và năng lực, xét thấy có đủ điều kiện đảm nhiệm được công việc, thì cơ quan có thẩm quyền nên mạnh dạn "trao cờ" cho họ. Sự "cầm trịch", sự "kèm cặp" miễn cưỡng hoặc để chữ Q (quyền) trong thời gian quá dài, có thể trở thành nguyên nhân kìm hãm, làm thui chột những tài năng.

Một vấn đề tế nhị thường đặt ra là : nên sử dụng, đối xử với những cán bộ lãnh đạo, quản lý cao tuổi như thế nào ? Vấn đề này đã được chỉ ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) : "Thực hiện đúng chế độ nghỉ hưu của nhà nước. Một số cán bộ lãnh đạo và quản lý tuy tuổi cao nhưng còn sức khỏe, làm việc còn hiệu quả, thì chuyển sang làm chuyên viên một thời gian. Một số ít đồng chí chủ chốt có thể tiếp tục giữ cương vị lãnh đạo và quản lý nếu tổ chức có yêu cầu và đủ tín nhiệm. Đối với các nhà khoa học, văn nghệ sĩ, cần có hình thức sử dụng linh hoạt".

Tinh thần cơ bản của nghị quyết như vậy là đúng đắn ; cái khó là ở khâu vận dụng, mà trước hết chính là do các đồng chí lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, các ngành có chấp hành nghiêm chỉnh hay không. Ví dụ : rút những đồng chí nào khỏi chức vụ lãnh đạo, quản lý để làm chuyên viên ; quyết định để những đồng chí nào nghỉ hưu... Hiện đang có những trường hợp tỏ ra nể nang, né tránh, không dứt khoát trong việc thực hiện nghị quyết của Đảng, gây khó khăn, trở ngại cho việc kiện toàn tổ chức, bố trí, sắp xếp cán bộ.

Lâu nay, một số người thường có định kiến là những người lãnh đạo, quản lý cao tuổi muốn bám giữ mãi chức vụ của mình, không muốn nghỉ hưu. Thực ra, không phải tất cả đều như vậy. Cần hiểu đúng nguyên nhân sâu xa của vấn đề này. Sau mấy chục năm hoạt động, có ai lại không muốn được nghỉ ngơi thanh thản lúc tuổi già ? Chính cuộc sống của hầu hết người về hưu đang có quá nhiều khó khăn đã gây nên bận khoản lo ngại cho mọi người, trừ những người đã có tích

Digitized by Google

lũy nào đó hoặc con cái giàu có có thể dựa dẫm được.

Bởi vậy, để làm tốt việc chuyển giao thế hệ, không thể không quan tâm giải quyết tốt hơn một số chế độ, chính sách đối với những người về hưu. Cho đến nay, mới chỉ có chế độ phụ cấp thâm niên cho những người hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám. Xét về tổng thể, trong cả quá trình cách mạng nước ta, chỉ ưu đãi một số người như vậy là không thỏa đáng. Cán bộ già, cán bộ trẻ, cán bộ cũ, cán bộ mới, cán bộ là đảng viên hay không phải đảng viên, tất cả đều là cán bộ của Đảng, của Nhà nước, như những người con trong một gia đình. Chăm lo những cán bộ trẻ ngày hôm nay thì cũng đừng quên những thế hệ cán bộ trước. Nhiều người tuy không hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám nhưng cũng đã từng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý trung cao cấp, đã góp phần dìu dắt, đào tạo nên những cán bộ đang giữ những trọng trách trong bộ máy lãnh đạo của Đảng, của Nhà nước hiện nay. Sẽ là hết sức tầm thường nếu những ai đó hay lấy mình ra để kể lể, khoe khoang, kể công với Đảng, với cách mạng, so bì với người này người khác. Nhưng về phía Đảng và Nhà nước thì lại nên quan tâm, có chế độ, chính đãi ngộ thích hợp. Đó vừa là một khía cạnh của sự công bằng xã hội, vừa là một yêu cầu thuộc về đạo lý, về truyền thống thủy chung, tình nghĩa, "có trước có sau" của dân tộc ta.

Cố gắng giảm bớt những khó khăn trong đời sống vật chất, tạo nên sự thanh thản về tinh thần, tư tưởng cho cán bộ về hưu - đó là những điều kiện cần thiết nhằm tạo ra bầu không khí chan hòa, cởi mở giữa cán bộ cũ với cán bộ mới, giữa những người về hưu với những người tại chức, tạo thuận lợi cho việc sắp xếp lại cán bộ, chuyển giao thế hệ hiện nay.

Văn học...

(Tiếp theo trang 38)

chiến tranh được miêu tả như là một cảnh "huynh đệ tương tàn", "nồi da nấu thịt". Trong khung cảnh ấy, phần thú tính, bản năng ở con người trỗi lên, phần NGƯỜI của con người bị xói mòn. Và vì thế, làm người đọc có thể bị lẫn lộn về bản chất rất khác nhau của chiến tranh chính nghĩa và phi nghĩa.

Từ sự phân tích trên, có thể rút ra một quy luật cho sự phát triển văn học về chiến tranh : cảm hứng nhân đạo, hòa bình, tương lai là cái giá đỡ cho tác phẩm viết về những cuộc chiến tranh đã qua. Và để *văn học hướng con người* tới tương lai, thì những tác phẩm về chiến tranh phải đạt tới nhiệm vụ nghệ thuật quan trọng là tạo nên cái vốn đạo đức được hình thành, khẳng định trong quá khứ anh hùng.

Không ai ngây thơ nghĩ rằng văn học có thể ngay lập tức cải biến được xã hội. Trên quan điểm khoa học, sự đóng góp của văn học vào tiến trình xã hội là ở chỗ nó thức tỉnh lương tri con người, bồi dưỡng tâm hồn con người theo lý tưởng cao đẹp. Nó phải có khả năng dự báo xã hội (trên khía cạnh nhân văn) bằng nghệ thuật. Đối với văn học về chiến tranh cũng vậy, thông qua các hình tượng nghệ thuật, các nhà văn có thể giống một tiếng chuông về những vấn đề xã hội thời hậu chiến ; hoặc có thể dự báo hướng phát triển, góp một cách nghĩ, cách giải quyết vấn đề.

Được như vậy, văn học về chiến tranh sẽ thực hiện được thiên chức cao cả của mình và sẽ là động lực lớn thúc đẩy xã hội phát triển. Nhân luận bàn xung quanh vấn đề văn học về chiến tranh, thiết nghĩ tư tưởng của V.G. Bê-lin-xki, nhà phê bình Nga vĩ đại thế kỷ XIX, có thể là bài học cho chúng ta : Từ biệt quá khứ, cật vấn quá khứ, là nhằm để giải thích hiện tại và để đoán định tương lai của chúng ta.

Digitized by Google

SỰ NGHIỆP TRỒNG CÂY GÂY RỪNG THEO PHƯƠNG HƯỚNG ĐỔI MỚI

NGUYỄN QUANG HÀ *

CHỦ tịch Hồ Chí Minh khi còn sống rất yêu thiên nhiên đất nước, Người thường nhắc nhở đồng bào và cán bộ các ngành các cấp hãy biết quý trọng gìn giữ, phát triển rừng vì lợi ích kinh tế - xã hội và sinh thái môi trường : "Rừng là vàng, nếu mình biết bảo vệ xây dựng thì rừng rất quý".

Tết trồng cây do Người lần đầu phát động vào mùa Xuân năm 1960 cũng xuất phát từ mục đích và ý nghĩa đó. Qua 34 mùa xuân thực hiện Tết trồng cây theo lời Bác, cả nước ta đã trồng hơn 2,14 triệu héc ta rừng tập trung và hơn 6000 triệu cây phân tán góp phần cải thiện cảnh quan môi trường, thu hút thêm lao động xã hội và cung cấp cho nhu cầu sản xuất, đời sống một khối lượng lớn gỗ, củi, lâm đặc sản có giá trị. Từ ngày thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, với chính sách giao đất giao rừng đến hộ, lấy hộ làm đơn vị tự chủ kinh doanh, cùng các chính sách khuyến khích trồng cây gây rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, phong trào thực hiện Tết trồng cây đã phát triển mạnh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Nhiều mô hình trồng rừng giỏi với các phương thức canh tác lâm nông kết hợp đa dạng, phong phú, đã mang lại thu nhập cao, góp phần tăng nhanh tốc độ phủ xanh trên nhiều vùng sinh thái. Hơn 800 ngàn hộ gia đình nông dân đã nhận đất trồng cây, xây dựng vườn rừng, trại rừng, kết hợp với sản xuất theo hệ canh tác VAC, thu nhập mỗi năm từ 4 - 5 triệu đến 10 - 15 triệu đồng, đã thực sự góp phần xóa đói giảm nghèo ở nông thôn miền núi. Do nhận thức sâu sắc lợi ích to lớn và tác dụng nhiều mặt của phong trào Tết trồng cây do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng, thấm nhuần ý nghĩa "vì lợi ích 10 năm - trồng cây ; vì lợi ích 100 năm - trồng người", các ngành, đoàn thể, trường học, mặt trận, các lực lượng quân đội, công an đã hưởng ứng và thực hiện có kết quả Tết trồng cây bằng nhiều hình thức, biện pháp tích cực, sáng tạo, làm cho phong trào này thực sự có tính quần chúng rộng lớn trên phạm vi cả nước, và đã trở thành một tập quán tốt đẹp, mang đầy đủ ý nghĩa văn hóa - xã hội và nhân văn sâu sắc.

Tuy nhiên, việc thực hiện nhiệm vụ trồng cây gây rừng nói chung và Tết trồng cây nói riêng có nhiều mặt khuyết điểm và hạn chế. Tốc độ trồng cây gây rừng không bù đắp được diện tích rừng đã mất. Năng suất, chất lượng và hiệu quả đạt thấp so với tiềm năng tự nhiên và công sức đã đầu tư. Bên cạnh đó, việc quy hoạch trồng rừng chưa hợp lý ; cơ cấu cây trồng quá nghèo nàn đơn điệu ; chưa thực hiện đúng nguyên tắc đất nào cây ấy ; chất lượng giống cây, kỹ thuật và công nghệ sinh học chậm phát triển ; cơ chế chính sách chậm được đổi mới, thiếu đồng bộ, do đó chưa kích thích mạnh mẽ nhiều tầng lớp nhân dân quan tâm đầu tư phát triển mạnh trồng cây ; chưa gắn việc trồng với chăm sóc, bảo vệ, trồng với chế biến và tiêu thụ sản phẩm... Việc tổng kết mô hình, điển hình và tổ chức phổ cập, nhân rộng điển hình thành phong trào sản xuất đại trà, thực hiện chưa tốt. Vì vậy, mặc dầu hầu như địa phương nào cũng có mô hình và điển hình tiên tiến, nhưng kết quả chung của phong trào vẫn rất hạn chế.

Đến nay, do nhiều nguyên nhân, diện tích rừng nước ta đã giảm sút nghiêm trọng cả về diện tích, sản lượng và chất lượng, trong đó tình trạng du canh phá rừng làm nương rẫy, khai thác để giải quyết nhu cầu chất đốt của hàng chục triệu người, là nguyên nhân chủ yếu làm giảm sút nhanh diện tích tài nguyên. Mất rừng đã làm mất đi những nguồn lợi kinh tế, đồng thời kéo theo những diễn biến phức tạp về môi sinh, đặc biệt là những biến đổi thất thường về khí hậu, thời tiết, mưa lũ, xói mòn, khô hạn, v.v.. Số liệu kiểm kê rừng mới đây cho thấy : diện tích rừng nước ta chỉ còn 9,3

* Giáo sư, Bộ trưởng Bộ lâm nghiệp

Digitized by Google

triệu héc ta (che phủ 28% diện tích lãnh thổ) trong đó rừng trồng hiện còn hơn 700 ngàn héc ta với sản lượng gỗ bình quân 50 - 60m^3/ha. Rõ ràng, tài nguyên rừng hiện có không thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế cũng như đòi hỏi cấp bách cho phòng hộ môi trường trước mắt cũng như lâu dài. Vì vậy, bên cạnh việc bảo vệ nghiêm ngặt những diện tích rừng hiện có, coi đây là mục tiêu trung tâm hàng đầu, có tầm quan trọng chiến lược đối với cả nước cũng như từng địa bàn cụ thể, cần đẩy nhanh hơn nữa tốc độ phát triển rừng mới trên diện tích đất trống đồi núi trọc, tăng nhanh diện tích che phủ của lớp thảm thực vật, đồng thời phát triển nhanh, có trọng điểm những vùng rừng tập trung thâm canh với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Kinh nghiệm thực tiễn mấy thập kỷ qua cho thấy, việc trồng rừng tràn lan, phân tán, đầu tư quảng canh đã không mang lại kết quả mong muốn. Tình trạng phá rừng cũ trồng rừng mới, "chặt cây sống, trồng cây chết", là hiện tượng đã từng thất bại ở nhiều nơi ; trong khi đó, phương thức khoanh nuôi, tái sinh rừng, vừa có khả năng phục hồi nhanh vừa ít tốn kém, lại không được chú ý. Cần phải thực hiện rộng rãi phương thức này, vì nó phù hợp với khả năng đầu tư và các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội hiện nay của nước ta.

Trong việc đẩy mạnh trồng cây, gây dựng vốn rừng, chúng ta có thuận lợi lớn, đó là phong trào Tết trồng cây - một di sản quý báu do Bác Hồ để lại. Những quan điểm tư tưởng chỉ đạo của Bác Hồ về "Tết trồng cây", có thể khái quát lại thành ba điểm cơ bản sau đây :

Một là, trồng cây gây rừng là công việc ích nước lợi nhà, vừa "tốn kém ít mà lợi ích rất nhiều", cả về kinh tế, xã hội, môi trường và nhân văn.

Hai là, phải coi trọng chất lượng và hiệu quả của việc trồng cây, tránh phô trương hình thức, gây lãng phí công sức, tiền của của nhân dân ; muốn vậy, phải bảo đảm trồng cây nào sống tốt cây đó, "trồng 100 cây mà sống tốt cả 100, còn hơn trồng 1000 cây mà chỉ sống có 90 cây". Từ đó, trong chỉ đạo, phải quan tâm hàng đầu đến các hệ thống biện pháp đảm bảo mục tiêu chất lượng.

Ba là, bảo đảm tính quần chúng rộng rãi của công tác trồng cây gây rừng. Bác Hồ đã nói : trồng cây là công việc tốn kém ít mà lợi ích rất nhiều, mọi người từ các cụ phụ lão đến các cháu nhi đồng đều có thể tham gia, "người người trồng cây, nhà nhà trồng cây". Rõ ràng, trồng cây gây rừng, khôi phục và phát triển rừng trên hàng chục triệu héc ta, là sự nghiệp lớn của toàn xã hội. Vì lợi ích trước mắt và lâu dài của đất nước, phải thu hút mạnh mẽ mọi tầng lớp xã hội, mọi thành phần kinh tế, mọi ngành, mọi đoàn thể tham gia tích cực sự nghiệp to lớn này. Thực hiện đến nơi đến chốn chủ trương giao đất và khoán rừng đến hộ, đến các cơ sở kinh tế quốc doanh, tập thể, đến các trường học, các đơn vị quân đội, nhà chùa, thôn bản, sẽ thu hút được mọi khả năng to lớn và tiềm tàng của đông đảo nhân dân vào sự nghiệp bảo vệ vững chắc tài nguyên rừng hiện có, và thúc đẩy nhanh quá trình xanh hóa đồi núi trọc ở nước ta.

Theo Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII), mục tiêu lâm nghiệp đến năm 2000 là cả nước có thêm 5 triệu héc ta rừng, trong đó trồng mới và khoanh nuôi là 3 triệu héc ta, còn 2 triệu héc ta được thực hiện theo phương thức lâm nông kết hợp, đưa tỷ lệ rừng che phủ từ 28% hiện nay lên hơn 40% diện tích lãnh thổ, thu hút 1 triệu hộ nông dân và 2 triệu lao động với 6 - 7 triệu nhân khẩu có thu nhập và cuộc sống ổn định. Chuyển từ phương thức du canh, phá rừng làm rẫy sang phương thức định canh, bảo vệ rừng, trồng rừng kết hợp với kinh doanh tổng hợp ; từng bước phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng giao lưu trao đổi giữa miền núi với miền xuôi. Thực hiện được mục tiêu này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết tận gốc căn nguyên dẫn tới phá rừng, khôi phục lại tài nguyên rừng có vị trí phòng hộ xung yếu tại các vùng núi và rẻo cao. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào trồng cây phân tán ở đồng bằng và các địa phương trên phạm vi cả nước, tận dụng đất trống ven làng, ven đường, quanh trường học, doanh trại, nơi công cộng để trồng cây vừa có thêm nguồn gỗ củi, hoa quả đáp ứng nhu cầu tại chỗ, vừa góp phần cải tạo môi trường và cảnh quan. Phấn đấu mỗi năm trồng thêm 400 - 500 triệu cây phân tán có chất lượng cao, ngày càng có nhiều hộ trồng cây giỏi, nhiều xã, nhiều huyện hoàn thành mục tiêu phủ xanh, nhiều thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp có tỷ lệ cao về cây xanh, có diện tích công viên, rừng ngày càng lớn, đáp ứng yêu cầu của cuộc sống tại chỗ và góp phần cải thiện môi trường chung của cả nước.

Giải pháp chủ yếu để thực hiện có kết quả những mục tiêu về trồng cây gây rừng và bảo vệ vững chắc rừng hiện có là :

1 - Trước hết, phải kiểm tra, nắm chính xác diện tích và đặc điểm các loại đối tượng rừng

Digitized by Google

và đất đai phân bố tren từng địa bàn cụ thể, làm cơ sở cho công tác quy hoạch tổng thể và xây dựng các dự án bảo vệ, khoanh nuôi và trồng rừng phù hợp với khả năng và điều kiện cụ thể cho phép. Đây là cơ sở để thực hiện giao đất, khoán rừng và tiến hành đầu tư, hỗ trợ, cho vay vốn đúng chính sách, đúng đối tượng và địa chỉ. Nắm chắc các thông tin tin cậy về quy hoạch ba loại rừng trên từng phạm vi cụ thể, xác định rõ diện tích rừng cần phải quản lý bảo vệ, diện tích rừng cần phải khoanh nuôi tái sinh, diện tích đất trống đồi trọc cần phải trồng mới, xác định rõ cơ cấu cây con, mùa vụ và phương thức kỹ thuật tác động, v.v..

2 - Đổi mới phương thức quản lý trồng rừng, chuyển từ lối đầu tư bao cấp tràn lan, phân tán, quảng canh, manh mún sang phương thức quản lý trồng rừng theo dự án công trình, chú trọng tập trung vốn đầu tư cho công tác bảo vệ rừng theo từng dự án, ưu tiên cho rừng phòng hộ xung yếu, rừng giàu đang có nguy cơ tàn phá. Thực hiện đầu tư trực tiếp đến đơn vị cơ sở được phân đất nhận khoán rừng. Nơi chưa có điều kiện bảo vệ tốt thì kiên quyết chưa trồng tiếp mà phải tập trung mọi nang lực để bảo vệ và chăm sóc thật tốt diện tích rừng đã có. Quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, tránh thất thoát nguồn vốn từ ngân sách và nguồn vốn tài trợ của nước ngoài cho công tác trồng rừng và bảo vệ rừng. Việc bố trí kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng phải thực hiện theo từng dự án lâm nông - định canh định cư, và phải dựa trên cơ sở tài liệu kiểm kê rừng đã được công bố và theo hệ thống tiểu khu đã được xác định.

3 - Đẩy mạnh công tác khoa học và công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển trồng cây gây rừng theo hướng thâm canh với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Trước hết, phải khẩn trương nghiên cứu, sớm xác định đúng cơ cấu và tập đoàn cây trồng phù hợp với mục tiêu kinh tế và điều kiện sinh thái đối với từng vùng. Đặc biệt coi trọng những giống cây bản địa, những loài cây phát huy được lợi ích kinh tế và yêu cầu phòng hộ môi trường, có năng suất cao và có giá trị kinh tế lớn (như lát hoa, tếch, sao, dầu, pơ-mu, lim, mỡ, trám...), các loài cây mọc nhanh cung cấp nguyên liệu giấy sợi (như bồ đề, keo, thông, mỡ, bạch đàn...), tập đoàn cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản có giá trị, đảm bảo nguyên tắc đất nào cây ấy, đảm bảo trồng rừng phải bảo vệ được đất, chống xói mòn, kinh doanh bền vững. Giống hiện là khâu yếu nhất của công tác trồng rừng ở nước ta, cần phải phát triển nhanh kỹ thuật tiến bộ về công tác này ngang tầm với đòi hỏi của sự nghiệp trồng rừng trên quy mô rộng lớn. Khẩn trương xây dựng hệ thống rừng giống, đổi mới kỹ thuật thu hái, hệ thống vườn ươm, ứng dụng tiến bộ về công nghệ sinh học nhằm nâng cao hiệu quả của công tác giống cây lâm nghiệp phục vụ tốt yêu cầu trồng cây gây rừng và sản xuất kinh doanh tổng hợp của các thành phần kinh tế. Khẩn trương nghiên cứu ban hành sớm quy trình khoanh nuôi tái sinh và các quy trình kỹ thuật xử lý lâm sinh khác đối với từng loại cây.

4 - Phát triển nhanh mạng lưới tổ chức dịch vụ trồng rừng và đẩy mạnh công tác khuyến lâm. Sự nghiệp trồng cây gây rừng và bảo vệ, phát triển rừng ở nước ta đang thu hút ngày càng đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Vì vậy, cần phát triển nhanh công tác dịch vụ và đẩy mạnh công tác khuyến lâm, trong đó hệ thống các lâm trường quốc doanh có vai trò nòng cốt trong sản xuất kinh doanh lâm nghiệp nói chung và có trách nhiệm chủ yếu trong việc cung ứng dịch vụ trồng rừng nhân dân trên từng địa bàn. Trước hết, cung cấp các dịch vụ kỹ thuật thiết kế trồng rừng, các loại giống cây lâm nghiệp và lâm - nông kết hợp, thu gom sản phẩm, tổ chức chế biến, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng những vật tư hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân. Đẩy mạnh các hoạt động khuyến lâm, nhanh chóng hình thành mạng lưới tổ chức khuyến lâm gọn nhẹ, có năng lực, đưa công tác khuyến lâm vào hoạt động với những nội dung thiết thực có hiệu quả, trong đó chú trọng công tác đào tạo, tập huấn cán bộ, phổ cập kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý đến hộ gia đình đồng bào các dân tộc ; tổng kết kịp thời các mô hình, điển hình để phục vụ yêu cầu tham quan, phổ biến, học tập rộng rãi trong các vùng.

5 - Làm tốt công tác giao đất, khoán rừng trực tiếp đến hộ, lấy hộ làm đơn vị tự chủ trong sản xuất kinh doanh lâm nghiệp nói chung và trồng cây gây rừng nói riêng. Khuyến khích hộ gia đình nông dân, đồng bào các dân tộc sinh sống gần rừng và hộ gia đình công nhân viên trong các lâm trường nhận khoán rừng để bảo vệ, nhận đất trống đồi trọc để trồng cây, xây dựng vườn rừng, trại rừng theo hướng kết hợp trồng cây nông nghiệp, cây công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế biến nông lâm sản (thực hiện lấy ngắn nuôi dài, sử dụng đất dai bền vững theo đặc điểm kinh tế và sinh thái của mỗi vùng). Đặc biệt chú ý thực hiện tốt

Digitized by Google

việc giao đất, khoán rừng gắn với công tác định canh định cư ở những vùng còn du canh du cư, đốt phá rừng làm nương rẫy (nếu định suất khoán bảo vệ mỗi héc ta rừng bình quân là 50 000 đ/năm, mỗi hộ nhận 30 héc ta, thì mỗi năm mỗi hộ sẽ có thu nhập từ nhận khoán bảo vệ rừng là 1,5 triệu đồng, cộng vào đó các khoản thu từ sản xuất nông lâm kết hợp, đồng bào sẽ có mức thu nhập tương đối, tạo thuận lợi cho việc chấm dứt nạn phá rừng).

Nghiên cứu xây dựng hệ thống chính sách khuyến khích nhân dân trồng cây, bảo vệ rừng phù hợp với từng vùng, nhất là đối với vùng cao, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn về điều kiện kinh tế, xã hội. Đó là chính sách đầu tư và hỗ trợ về tài chính; chính sách ăn chia sản phẩm của người có công bảo vệ chăm sóc (kể cả chính quyền sở tại) đối với ba loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất) ; chính sách bảo hộ cây trồng ; chính sách giá cả ; chính sách thuế ; chính sách hỗ trợ giống cây đối với phong trào trồng cây phân tán ; chính sách cho thuê đất trồng rừng đối với người nước ngoài v.v..

6 - Mở rộng hợp tác với nước ngoài và các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực trồng cây gây rừng. Quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ của tổ chức chương trình lương thực Liên hợp quốc (PAM), cơ quan phát triển quốc tế của Thụy-điển (SIDA) và các tổ chức quốc gia, quốc tế khác ; tranh thủ thêm nguồn vốn, kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý của các nước ; mở rộng khả năng hợp tác đầu tư, liên doanh với nước ngoài đẩy nhanh hơn nữa sự nghiệp trồng cây gây rừng ở nước ta.

Bảo vệ và phát triển rừng là hoạt động kinh tế gắn liền với lợi ích phòng chống thiên tai, gìn giữ môi trường vì cuộc sống, vì tương lai của nhiều thế hệ. Đây là công tác có tầm quan trọng chiến lược, nhất là trong tình hình hiện nay khi rừng nước ta đang bị suy thoái nghiêm trọng.

Tây ninh tiến hành đổi mới, chỉnh đốn đảng

*NGUYỄN VĂN RỐP**

TÂY ninh là tỉnh có vị trí rất quan trọng ở phía tây nam Tổ quốc và ở miền Đông Nam bộ, đã từng là căn cứ cách mạng qua các thời kỳ kháng chiến. Vì vậy, trong chiến tranh, Tây ninh là trọng điểm đánh phá, càn quét của địch. Cơ sở vật chất, hạ tầng chẳng những ít được xây dựng mà còn bị tàn phá nặng nề. Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Tây ninh lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh biên giới do Khơ-me đỏ gây ra. Tây ninh chỉ thật sự bắt tay vào công cuộc xây dựng từ đầu thập kỷ 80.

Tây ninh có đường biên giới với Cam-pu-chia dài 240km. Vừa qua trên tuyến biên giới thường diễn ra những hoạt động buôn lậu, xâm canh, cướp có vũ trang, quấy rối... Nhiều Việt kiều ở Cam-pu-chia bị bọn Khơ me đỏ khủng bố, phải về đây lánh nạn, càng làm cho tình hình thêm căng thẳng, phức tạp.

Tây ninh còn là tỉnh có nhiều tôn giáo, mà nổi bật là có tòa thánh, "thủ đô" của đạo Cao đài. Riêng tín đồ Cao đài chiếm hơn 30% số dân của tỉnh. Các thế lực phản cách mạng, những phần tử xấu luôn luôn lợi dụng đạo Cao đài, đội lốt tôn giáo, âm mưu chống phá chính quyền cách mạng.

Tình hình, đặc điểm đó đòi hỏi phải thường xuyên củng cố xây dựng Đảng và các lực lượng

* Bí thư Tỉnh ủy Tây ninh

Digitized by Google

cách mạng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Sau Đại hội VII của Đảng và Đại hội V của đảng bộ tỉnh, Tây ninh có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn một số khuyết, nhược điểm. Nổi bật là : một bộ phận cán bộ, đảng viên dao động về lập trường tư tưởng, giảm sút lòng tin, giảm sút ý chí chiến đấu, sa sút phẩm chất, tha hóa về lối sống, xa rời quần chúng, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Từ năm 1989 đến tháng 11-1992, có 1 304 đảng viên vi phạm kỷ luật, trong số đó có người là trưởng, phó các ban, ngành của tỉnh, có người là thường vụ huyện ủy và đảng ủy trực thuộc tỉnh.

Tổ chức bộ máy tuy đã được củng cố một bước, nhưng chưa đủ mạnh, đặc biệt ở cấp cơ sở, xã, phường và trong các đơn vị kinh tế. Các ban tham mưu của cấp ủy nói chung yếu. Riêng cấp huyện vừa yếu lại vừa không ổn định. Ở thời điểm tháng 9-1992, toàn tỉnh có 11,59% cơ sở đảng yếu kém. Riêng các xã biên giới, số cơ sở đảng yếu kém chiếm 15,78% ; 10,4% số ấp chưa có đảng viên tại chỗ. Số đảng viên xuất thân từ gia đình theo đạo chỉ có 7,3%.

Cán bộ không được tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng một cách hợp lý. Ở một số ngành thiếu cán bộ chủ chốt, thiếu cán bộ có năng lực chuyên môn. Tháng 9-1992, toàn tỉnh còn 18,99% cán bộ chủ chốt ở cơ sở, cấp huyện và thị xã trình độ văn hóa mới hết cấp I ; 86% cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành ở tỉnh và huyện, thị xã chưa qua các trường cao đẳng hoặc đại học. Do nhiều nguyên nhân, không ít cán bộ ở cơ sở kém phấn khởi, thiếu yên tâm công tác.

Do chưa có quy chế làm việc, hoặc làm việc không theo quy chế, cho nên ở nhiều nơi quan hệ giữa cấp ủy đảng với hội đồng nhân dân, giữa đảng ủy với chính quyền, đoàn thể bị chồng chéo, "dẫm chân lên nhau". Trong khi đó, một số lĩnh vực bị bỏ trống, buông lơi sự lãnh đạo của Đảng.

Từ khi có Nghị quyết Trung ương 3, chúng tôi như được tiếp thêm sức mạnh để tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, khắc phục những tồn tại, thiếu sót. Chúng tôi tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, coi đây là một bước quan trọng tạo nền nếp để thực hiện các nghị quyết của Đảng. Sau khi tiếp thu nghị quyết ở Trung ương, Ban thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức nghiên cứu, quán triệt trước một bước và xây dựng ngay chương trình hành động. Sau đó, đã tổ chức hội nghị quán triệt nghị quyết của Trung ương và chương trình hành động của tỉnh cho các cán bộ chủ chốt từ tỉnh đến cơ sở. Trên cơ sở đó, các huyện ủy, thị ủy, cấp ủy cơ sở tiến hành xây dựng chương trình hành động của mình.

Những điểm nổi bật trong việc quán triệt nghị quyết, xây dựng chương trình hành động lần này là : gắn việc thực hiện nghị quyết của Đảng với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị và những vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách của địa phương chúng tôi coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm ; xây dựng đảng là nhiệm vụ then chốt ; công tác an ninh - quốc phòng là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên ; khâu có tính chất quyết định là công tác tổ chức - cán bộ.

Các cấp ủy đảng hết sức chú ý khâu xây dựng chương trình hành động. Ban chỉ đạo của tỉnh trực tiếp góp ý kiến cho chương trình hành động của các huyện, đảng ủy trực thuộc tỉnh và các cơ sở được chọn làm điểm. Trong việc chỉ đạo, Ban thường vụ Tỉnh ủy cũng rất quan tâm quán triệt và tuyên truyền nghị quyết đến cán bộ ngoài đảng và đông đảo quần chúng. Tính đến tháng 3-1993, đã có 135 268 quần chúng (khoảng 16% số dân) được tuyên truyền, phổ biến nghị quyết.

Để chỉ đạo sâu sát, kịp thời, Tỉnh ủy đã thành lập Ban chỉ đạo triển khai nghị quyết, bao gồm một số đồng chí ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy do đồng chí phó bí thư thường trực làm trưởng ban. Chúng tôi cũng thành lập các tổ công tác gồm cán bộ có năng lực của các ban đảng để trực tiếp giúp đỡ, hướng dẫn, theo dõi các huyện và cơ sở điểm. Ở các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc tỉnh, cũng được tiến hành tương tự. Riêng đảng ủy quân sự, chúng tôi không thành lập ban chỉ đạo mà do Ban thường vụ đảng ủy quân sự tỉnh trực tiếp chỉ đạo. Ngoài ra, Tỉnh ủy và các cấp ủy trực thuộc tỉnh đều phân công mỗi cấp ủy viên trực tiếp theo dõi chỉ đạo một cơ sở. Hiện nay, 127/425 cơ sở đảng có cấp ủy viên của tỉnh, huyện hoặc tương đương theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3.

Digitized by Google

Về chọn điểm chỉ đạo, tỉnh chọn một huyện biên giới (huyện Bến cầu), một huyện nội địa (huyện Hòa thành có 98% số dân là tín đồ đạo Cao đài), một xã biên giới, một xã nội địa, chi bộ Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, chi bộ công ty mía đường và đảng bộ Cục thuế. Các đảng ủy trực thuộc tỉnh cũng chọn 31 cơ sở làm điểm.

Qua hơn một nam thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, tuy còn nhiều hạn chế, nhưng chúng tôi đã bước đầu thu được một số kết quả :

- Đại bộ phận đảng viên, cán bộ ngoài đảng và đông đảo quần chúng đã thấy được yêu cầu cấp thiết, nắm được những nội dung cơ bản của việc tiến hành đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Đa số đảng viên, quần chúng rất tâm huyết, thống nhất với nhận định của Trung ương, coi việc đổi mới, chỉnh đốn Đảng là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, cấp bách, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước và đối với vận mệnh của Đảng ta. Từ nhận thức đó, đông đảo đảng viên, quần chúng đã tham gia tích cực vào sự nghiệp của Đảng. Trách nhiệm, ý thức đảng của đông đảo đảng viên được nâng lên. Đây là kết quả lớn nhất, cơ bản nhất và có ý nghĩa lâu dài. Nếu không được sự hưởng ứng, tham gia đông đảo đó, thì mỗi cấp ủy không thể tiến hành xây dựng đảng có kết quả tốt.

- Do có kế hoạch sát hợp và tổ chức thực hiện tốt, cho nên nhiều nơi đã giải quyết được những việc tồn đọng và có bước chuyển biến mới. Các cấp ủy đảng đã nắm được thực trạng cán bộ, đảng viên, những mạt mạnh, mạt yếu của từng cơ sở đảng, cho nên khi tiến hành tự phê bình và phê bình theo Chỉ thị 14-CT/TW của Ban bí thư Trung ương Đảng, đã xử lý kịp thời một số cấp ủy viên, đảng viên lâu nay có sai phạm ; đã phân công công tác cho những đảng viên trước đây chưa nhận nhiệm vụ ; giữa đảng viên về hưu và đảng viên đương chức có sự gắn bó, phối hợp với nhau, tạo nên sức mạnh cho cơ sở đảng. Từ chuyển biến trong nhận thức dẫn đến chuyển biến trong hành động, nhiều quần chúng tin vào Đảng, xin gia nhập Đảng. 6 tháng đầu năm 1992 toàn tỉnh kết nạp được 191 đảng viên, 6 tháng đầu năm 1993 kết nạp được 234 đảng viên. Đã xóa được một số "ấp tráng", chính quyền và các đoàn thể cơ sở được củng cố một bước.

- Các cơ sở đảng bước đầu được ủng cố, sắp xếp lại (giải thể 29 và thành lập mới 22 cơ sở). Tất cả các cơ sở đều đã có chương trình hành động. Chương trình hành động này được cấp trên cơ sở thông qua, được quần chúng góp ý, cho nên nó vừa thiết thực vừa sát hợp, bảo đảm nâng cao chất lượng hoạt động của cơ sở đảng. Trên 93% cấp ủy các cấp đã kiểm điểm xong, bước đầu có chuyển biến tốt về nhiều mặt. Hầu hết các đảng ủy trực thuộc tỉnh đã triển khai quyết định của Bộ chính trị, Ban bí thư Trung ương Đảng và hướng dẫn của Ban tổ chức Tỉnh ủy về chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của các loại hình cơ sở đảng, các yêu cầu, nội dung xem xét các cơ sở đảng vững mạnh.

- Các cấp ủy đảng đặc biệt lưu ý và quyết tâm tạo sự chuyển biến về công tác cán bộ, từ việc đổi mới nhận thức, quan điểm đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng đến chế độ chính sách đãi ngộ đối với cán bộ. Trên cơ sở rà soát, đánh giá cán bộ, các cấp ủy đạt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận. Ban thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các đồng chí phụ trách các khối, các ban, ngành, các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc tỉnh nắm lại thực trạng và đánh giá cán bộ chủ chốt đương chức, cán bộ kế cận, cán bộ có triển vọng để xem xét tổng thể, có kế hoạch bố trí, điều chỉnh sắp xếp lại một cách cơ bản.

Chưa bao giờ ở Tây ninh có những đợt học tập, bồi dưỡng lý luận - chính trị, chuyên môn như hiện nay. Ngoài việc gửi cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng ở các trường, lớp ở trung ương và ở khu vực, tỉnh đang mở lớp cao cấp về lý luận - chính trị tại chức. Trường đảng tỉnh cũng đang mở 7 lớp trung cấp lý luận - chính trị tại tỉnh và tại các huyện, trong đó có một lớp cho cán bộ khoa học - kỹ thuật ngoài đảng. Ngoài ra, nhiều cán bộ được cử đi học các lớp chính quy, tại chức ở các trường đại học, các trung tâm đào tạo tại chức về chuyên môn, nghiệp vụ, v.v..

- Tuy ngân sách còn hạn hẹp, nhưng Tỉnh đã quyết định tạm thời trợ cấp cho cán bộ cơ sở theo định suất. Cụ thể mỗi xã, phường được hưởng nhiều nhất là 33 định suất, bao gồm : khối đảng

Digitized by Google

4 ; đoàn thể 10 (đoàn thanh niên : 2, Hội cựu chiến binh : 1, Hội chữ thập đỏ : 1) ; Hội đồng nhân dân 1 ; ủy ban nhân dân 3; và các ngành chuyên môn 15. Mỗi ấp cũng được 2 định suất cho bí thư chi bộ và trưởng ban quản lý ấp. Chế độ phụ cấp được thực hiện thống nhất : bí thư, chủ tịch xã, phường có mức phụ cấp bằng mức lương của trưởng phòng ở cấp huyện ; phó bí thư, phó chủ tịch xã, phường có mức phụ cấp bằng mức lương của phó phòng ở cấp huyện ; bí thư chi bộ, trưởng ban quản lý ấp có mức phụ cấp bằng mức lương của trưởng ngành ở xã. Ngoài quy định chung, các xã ở biên giới và các xã trọng điểm được tăng thêm một số phụ cấp. Tuy chưa tương xứng với công sức của cán bộ cơ sở, nhưng mức trợ cấp bước đầu như vậy cũng đã làm cho anh chị em phấn khởi, yên tâm, ngày đêm gắn bó, lăn lộn với phong trào.

Do có những kết quả trong công tác đổi mới, chỉnh đốn đảng, Tây ninh đã có những chuyển biến tích cực về kinh tế - xã hội. So với những năm trước đây, từ năm 1992 đến nay, trên nhiều mặt, Tây ninh đều có tiến bộ rõ rệt, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá. Năm 1992 so với năm 1991, tổng sản phẩm xã hội tăng 8,7%, thu nhập quốc dân tăng 10%, giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 10,5% ; riêng thóc đạt sản lượng 295 nghìn tấn, là mức cao nhất từ trước đến nay, bình quân 309 kg.thóc/người/năm. Sáu tháng đầu năm 1993, sản xuất nông nghiệp vẫn tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng ; so với cùng thời gian năm trước, diện tích gieo trồng tăng 4%, trong đó lúa tăng 7%, mì (sắn) tăng 11%, đậu phộng (lạc) tăng 3%.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng có những tiến bộ rõ nét. Trên cơ sở thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3, tỉnh đã triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, Nghị quyết Trung ương 5, chỉ đạo các ngành, các cấp lập chương trình công tác, giải quyết những vấn đề xã hội cấp bách, nâng cao chất lượng hoạt động của khối văn xã. Đáng chú ý là chương trình xóa đói giảm nghèo đạt kết quả cao và có tác dụng thiết thực. Phong trào đã được các cấp, các ngành, các đoàn thể, đông đảo nhân dân hưởng ứng, huy động được nhiều nguồn vốn (của nhà nước, của các tổ chức xã hội, từ trong nhân dân). Đến nay, phần lớn các hộ nghèo đã có vốn để sản xuất, kinh doanh, làm dịch vụ. Các hộ này đã và đang ổn định và nâng dần mức sống. Số hộ nghèo trong tỉnh giảm rõ rệt. Hiện nay nguồn vốn của chương trình này đã đạt 50 tỉ đồng; 23 215 hộ được vay vốn, giải quyết việc làm, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Số hộ thiếu ăn ngày càng giảm rõ rệt.

Tuy là địa bàn phức tạp, kẻ địch vẫn âm mưu phá hoại, chống phá cách mạng, nhưng do các cấp. các ngành ở Tây ninh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư nhiều hơn cho công tác an ninh - quốc phòng, cho nên an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở đây vẫn được giữ vững. Thời gian qua không có những vụ lộn xộn lớn xảy ra, mọi âm mưu hành động xấu của bọn phá hoại đều được phát hiện, ngăn chặn kịp thời. Các tệ nạn xã hội thời gian qua giảm hẳn.

Những kết quả bước đầu mà Tây ninh đạt được trong công tác xây dựng Đảng càng chứng minh rằng :

-Đổi mới, chỉnh đốn đảng phải luôn luôn gắn với việc ổn định, phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng. Củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên phải đi đôi với việc giải quyết những vấn đề bức xúc ở địa phương, cơ sở.

- Muốn có chương trình hành động sát đúng và có tính khả thi, cần có bước khảo sát toàn diện từ các cơ sở đảng. Chương trình hành động phải được đưa ra cho dân góp ý kiến, bàn bạc, để dân cùng đảng thực hiện và tạo mối quan hệ gắn bó giữa đảng và dân.

- Công tác cán bộ luôn luôn là khâu then chốt trong đổi mới, chỉnh đốn đảng. Phải nắm chắc cán bộ, đảng viên, biết được mặt mạnh, mặt yếu của từng người, có kế hoạch tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng và có chế độ chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm tạo điều kiện, động viên anh chị em đáp ứng nhu cầu mới của sự nghiệp cách mạng.

Trước mắt, Tây ninh còn nhiều khó khăn trên các mặt, nhưng những kết quả mà chúng tôi đạt được trong thời gian qua đã tạo đà cho những bước tiếp theo trên con đường thực hiện sự nghiệp đổi mới.

Digitized by Google

Công ty bột giặt NET Đồng nai tự khẳng định mình trong cơ chế thị trường

NGUYỄN VĂN TUẤT *

CÔNG TY BỘT GIẶT NET ĐỒNG NAI, trực thuộc Tổng công ty hóa chất công nghiệp và hóa chất tiêu dùng (Bộ công nghiệp nặng), đóng trên địa bàn khu công nghiệp Biên hòa (tỉnh Đồng nai), có nhiệm vụ : sản xuất, kinh doanh bột giặt, kem giặt và hóa mỹ phẩm. Công ty do *Việt nam tân hóa phẩm công ty,* một doanh nghiệp tư nhân, chuyển thành. Doanh nghiệp tư nhân này được xây dựng và đi vào hoạt động từ năm 1972, với số vốn đầu tư khoảng 2000 lượng vàng, máy móc, thiết bị đều nhập từ I-ta-li-a và Mỹ, công suất thiết kế 5000 tấn bột tẩy rửa/năm. Nhưng từ khi ra đời (năm 1972) đến ngày miền Nam được giải phóng (30-4-1975), chưa năm nào doanh nghiệp tư nhân này đạt được công suất thiết kế (năm cao nhất cũng chỉ đạt 170 tấn). Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, doanh nghiệp tư nhân này được chuyển thành doanh nghiệp nhà nước và mang tên mới : Nhà máy bột giặt Đồng nai. Từ năm 1975 đến năm 1988, nhà máy là một đơn vị thuộc Công ty bột giặt miền Nam, tự hạch toán và hoạt động theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp. Suốt 13 năm đó, năm cao nhất nhà máy cũng chỉ đạt sản lượng 4000 tấn.

Từ đầu năm 1989, nhà máy được giao quyền tự chủ về tài chính và chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường. Nhưng do cơ chế cũ đã in sâu trong nếp nghĩ và cách làm, cơ chế mới lại chưa có hình mẫu, chuẩn mực rõ, nhà máy phải vừa làm vừa mò mẫm, tìm tòi, nên tình hình nhà máy không khác trước bao nhiêu. Đặc biệt, do thiếu kinh nghiệm và mất cảnh giác, đầu năm 1990 nhà máy lại bị bọn gian thương núp bóng nhà nước lừa đảo, chiếm đoạt mất 600 triệu đồng vốn rồi bỏ trốn ra nước ngoài. Bị mất một số vốn lớn (tương đương 300 lượng vàng theo thời giá lúc đó), nhà máy chỉ còn khoảng 325 triệu đồng tiền vật tư và hàng tồn kho. Như vậy, nhà máy không còn đủ khả năng thanh toán, trong lúc thiết bị, nhà xưởng đã xuống cấp nghiêm trọng. Tổn thất to lớn đó đặt nhà máy trước ngưỡng cửa của sự phá sản. Công nhân thiếu việc làm, thu nhập thấp, tâm trạng hoang mang, dao động, mất lòng tin, nội bộ phát sinh tiêu cực, càng làm cho tình hình nhà máy càng thảng nặng nề. Giữa lúc mất còn đó, nhà máy lại phải gánh chịu thêm một khoản nợ 135 triệu yên (bằng 11 tỉ đồng Việt nam) do Công ty bột giặt miền Nam vay của nước ngoài, không có khả năng thanh toán, phải giải thể, đã gán cho các xí nghiệp thành viên phải trả.

Để cứu vãn sự phá sản của một doanh nghiệp nhà nước, một sự việc có ý nghĩa chính trị, kinh tế sâu sắc trong thời kỳ chuyển đổi cơ chế quản lý, cứu vãn gần 200 lao động của nhà máy khỏi lâm vào tình trạng thất nghiệp... tháng 6-1990, cơ quan quản lý cấp trên quyết định điều một số cán bộ lãnh đạo mới về củng cố, làm cho nhà máy sống lại.

Qua ba năm phấn đấu đầy khó khăn, thử thách trong cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, Nhà máy bột giặt Đồng nai (nay là *Công ty bột giặt Net Đồng nai)* đã bước đầu đổi mới, vươn lên tự khẳng định mình, trở thành một doanh nghiệp nhà nước sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao. *(Cụ thể xem bảng ở trang sau).*

Như vậy, nếu đánh giá một cách tổng quát thì từ số vốn ban đầu 325 triệu đồng, với hệ thống thiết bị máy móc, nhà xưởng xuống cấp nghiêm trọng, sau 3 năm *Công ty bột giặt Net Đồng nai*

* Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

STT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 1990	Năm 1991	Năm 1992	6 tháng đầu năm 1993
1	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	188142	19665974	24652780	14535000
2	Sản phẩm chủ yếu	tấn	4879	7986	9819	5833
3	Doanh thu	1000 đ	14332816	41847045	70275845	41195000
4	Nộp ngân sách	1000 đ	928275	4235274	4741934	2130000
5	Trả nợ ngoại tệ	1000 đ	110000	1531191	4650000	4000000
6	Tài sản cố định	1000đ	2607291	3695316	5475322	6200000
7	Vốn cố định	1000đ	1242581	1645093	2842276	3622454
8	Vốn lưu động	1000đ	2058000	5164829	5164829	5764829
9	Lãi	1000đ	18187	752829	7564224	2000000
10	Thu nhập bình quân	đồng	293000	524000	623000	700000

đã tạo ra được 30 tỉ đồng, gấp 100 lần số vốn ban đầu.

Đạt được những kết quả trên đây về *khách quan*, là do có đường lối, chủ trương, chính sách và cơ chế quản lý kinh tế đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, có sự quan tâm chỉ đạo của cấp trên, có sự giúp đỡ về nhiều mặt của Đảng, chính quyền và các ngành của các địa phương, đặc biệt là tỉnh Đồng nai. Song quyết định vẫn là do các nhân tố *chủ quan* :

Một là, Công ty đã bố trí đúng cán bộ lãnh đạo chủ chốt, kiện toàn được cấp ủy, xử lý đúng đối với số đảng viên yếu kém, mất phẩm chất, nâng được chất lượng đảng viên, từ đó nâng được vai trò lãnh đạo của đảng bộ cơ sở, phát huy được vai trò quản lý, điều hành của giám đốc.

Bài học rút ra được ở Nhà máy bột giặt Đồng nai 15 năm trước là ở chỗ : *bố trí cán bộ lãnh đạo chủ chốt chưa đúng* (lúc thì thiên về bằng cấp cao (phó tiến sĩ) mà ít chú ý tới kinh nghiệm thực tế lãnh đạo, quản lý ; lúc lại thiên về quá trình công tác lâu năm mà xem nhẹ trình độ chuyên môn và năng lực quản lý thực tế). Cũng vì vậy, trong 15 năm, thay tới 7 giám đốc mà không giám đốc nào hoàn thành được nhiệm vụ. Đã vậy, đầu năm 1990, quyền giám đốc nhà máy còn bị tù án treo và phải khai trừ ra khỏi Đảng, phó giám đốc kinh doanh và kế toán trưởng nhà máy bị thi hành kỷ luật và cũng bị khai trừ ra khỏi Đảng vì vi phạm nguyên tắc quản lý của nhà nước, vi phạm pháp luật.

Việc bố trí cấp ủy cũng trong tình trạng tương tự. Có lúc bí thư chi bộ cơ sở chỉ là một phó phòng tổ chức. Có nhiệm kỳ bố trí được phó giám đốc nhà máy làm bí thư, nhưng đồng chí này năng lực lại yếu, không đủ bản lĩnh chính trị cần thiết để làm công tác đảng. Vai trò lãnh đạo của đảng bộ bị xem nhẹ, và chính tổ chức đảng cũng tự buông lơi sự lãnh đạo của mình. Còn giám đốc xí nghiệp tự cho mình là người có trách nhiệm và quyền hạn cao nhất, tự bố trí và thay đổi cán bộ. Vì thế, giữa giám đốc nhà máy và cấp ủy đảng luôn luôn có quan điểm bất đồng, nội bộ lủng củng mất đoàn kết kéo dài, làm cho bầu không khí trong nhà máy vốn đã căng thẳng càng thêm căng thẳng. Cán bộ, công nhân, viên chức thiếu tin cậy vào người lãnh đạo.

Từ giữa năm 1990 lại đây, khi cấp trên bổ nhiệm một số cán bộ mới về lãnh đạo xí nghiệp thì tình hình chuyển biến hẳn, vì các đồng chí lãnh đạo mới của nhà máy thực sự là những cán bộ có năng lực và phẩm chất. Đồng chí giám đốc vốn là một cán bộ đã làm công tác lãnh đạo, công tác đảng, công tác giảng dạy ở trường đào tạo cán bộ lâu năm, có kinh nghiệm công tác, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tính đảng cao, có tư duy đổi mới, rất tôn trọng và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đảng ủy hoạt động, nhằm tạo chỗ dựa vững chắc về chính trị cho giám đốc làm tốt công tác quản lý. Hai đồng chí phó giám đốc (một phụ trách kinh doanh, một phụ trách kỹ thuật) có trình độ chuyên môn vững, đã kinh qua công tác quản lý xí nghiệp ở nơi khác, được điều về tăng cường cho nhà máy.

Đảng ủy được kiện toàn : đồng chí phó giám đốc phụ trách kinh doanh được đảng bộ tín nhiệm bầu làm bí thư đảng ủy ; giám đốc nhà máy làm phó bí thư ; một phó giám đốc kỹ thuật là đảng ủy viên ; 4 đảng ủy viên khác là : chủ tịch liên đoàn lao động, trưởng phòng tổ chức, phó quản đốc phân xưởng, trưởng ca sản xuất. Cùng với việc kiện toàn cấp ủy, đảng bộ đã tiến hành việc

Digitized by Google

phân loại đảng viên, kiên quyết đấu tranh phê bình và xử lý kỷ luật những đảng viên thoái hóa biến chất, vi phạm Điều lệ Đảng, làm sai chính sách, pháp luật của nhà nước. Nhờ có một cấp ủy mạnh, một ban giám đốc có tư duy đổi mới, năng động, linh hoạt trong sản xuất kinh doanh, biết vận dụng các nguyên tắc quản lý, nhạy bén với cơ chế thị trường và một đội ngũ đảng viên bước đầu được sàng lọc, đã tạo ra được sự nhất trí cao về quan điểm, thống nhất được các chủ trương, biện pháp giải quyết các vấn đề của xí nghiệp, từng bước lấy lại được niềm tin của quần chúng.

Chức năng nhiệm vụ lãnh đạo của đảng bộ cơ sở được xác định rõ ràng. Đảng bàn và quyết định các vấn đề về phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và các giải pháp lớn về sản xuất kinh doanh. Tập trung lãnh đạo tốt công tác chính trị tư tưởng nhằm tạo sự ổn định chính trị. Chăm lo công tác xây dựng Đảng và các tổ chức quần chúng. Đào tạo, bồi dưỡng, bố trí đúng đội ngũ cán bộ chủ chốt từ trưởng, phó phòng, chánh, phó quản đốc phân xưởng, trưởng, phó ca sản xuất. Tăng cường công tác kiểm tra, bảo đảm cho các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, cũng như nghị quyết của đảng bộ và nghị quyết của đại hội công nhân, viên chức công ty, được quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc. Đảng ủy tạo điều kiện và tập trung quyền lực quản lý, điều hành cho giám đốc công ty.

Hai là, đã vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ trương, đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước ta vào hoàn cảnh cụ thể của nhà máy, tìm ra giải pháp và bước đi phù hợp, nhanh chóng tiếp cận với cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Trước tình cảnh nhà máy "thế cùng, lực tận", người lao động hoang mang, dao động, mất lòng tin, lại phải đi vào sản xuất kinh doanh theo cơ chế mới đầy khó khăn, khắc nghiệt, đảng ủy và lãnh đạo nhà máy đã xác định : không thể củng cố và đưa nhà máy đi lên bằng con đường cũ ; không thể trông chờ, ỷ lại vào cấp trên mà phải tự thân vận động. Với nhận thức như vậy, đảng ủy và lãnh đạo nhà máy đã tìm tòi, nhanh chóng đưa ra những định hướng mới, những giải pháp và bước đi thích hợp để mở đường và tạo đà cho sự phát triển đi lên của nhà máy. Khẩu hiệu "vừa hành quân vừa đổi mới" ra đời, trở thành phương châm hành động của toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân trong nhà máy.

Đã chấp nhận đương đầu với cơ chế thị trường thì phải hiểu thị trường và bắt đầu từ thị trường. Phải tư duy và hành động theo quy luật vận động của thị trường, có như vậy mới đạt được hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, tránh được sự trừng phạt không thương tiếc của thị trường đối với mọi doanh nghiệp. Nhận thức được điều đó, nên từ những ngày đầu một lực lượng cán bộ nòng cốt của nhà máy được tung đi khắp mọi miền đất nước để tìm hiểu, nghiên cứu, xem xét thị trường, cả khách mua và người bán, xem họ cần gì, muốn gì ? Từ đó mới xác định sản xuất cái gì mà thị trường cần, và mua vào cái gì cần để sản xuất ra sản phẩm bán được.

Quả vậy, khi tư duy đổi mới, đề ra được định hướng và giải pháp đúng, có sức thuyết phục cao, thì khơi dậy được trách nhiệm và trí tuệ của cán bộ, công nhân, viên chức vượt qua mọi khó khăn, biến quyết tâm thành hiện thực. Tháng 10-1990, sau 4 tháng tìm tòi nghiên cứu, bột giặt màu trắng đầu tiên của Việt nam mang tên Net ra đời với chất lượng cao, giá cả hợp lý, hình thức hấp dẫn, được thị trường chấp nhận, mở ra một bước ngoặt quan trọng. Nhà máy thực sự sống, tồn tại và phát triển bằng chính sản phẩm của mình ; khác hẳn với thời kỳ trước đây, khi còn mang tên Nhà máy bột giặt Đồng nai, chủ yếu phải sống bằng cách đưa nguyên liệu cho các tổ hợp tư nhân cá thể gia công rồi thu về sản phẩm bán ra thị trường với cái nhãn VISO.

Bột giặt Net trắng, xốp ra đời đã dần dần chiếm lĩnh thị trường trong nước, và đang bước đầu thăm dò tiếp cận với một số thị trường ngoài nước như : Trung quốc, Lào, Cam-pu-chia. Tuy vậy, nhà máy không thỏa mãn với kết quả đạt được mà tiếp tục vươn lên. Ngoài việc làm cho bột giặt Net chất lượng ngày càng cao hơn, giá cả phù hợp, đáp ứng nhu cầu và tâm lý tiêu dùng của khách hàng trong và ngoài nước, nhà máy tiếp tục tìm tòi, nghiên cứu để phát triển, đa dạng hóa sản phẩm của nhà máy ; từ Nét xốp cao cấp có túi, Nét hộp, đến Nét pha túi, pha hộp, kem giặt du lịch, dầu gội đầu NETCO, nước rửa chén, v.v. tiếp tục ra đời, hình thành một chiến lược sản phẩm có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường cả nước.

Để thực hiện được chiến lược đó, khoa học và công nghệ thực sự là một động lực quan trọng. Ba năm qua, bằng nguồn vốn tự tạo thông qua kết quả sản xuất kinh doanh, Công ty bột giặt Nét Đồng nai đã đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới 5000 m^2 nhà xưởng, sắp xếp lại dây chuyền sản xuất cân đối và đồng bộ hơn, đưa năng suất từ 6 tấn/ca lên 10-12 tấn/ca. Đầu tư nghiên cứu để chủ động sản xuất đủ bơm cao áp dự phòng

Digitized by Google

thay thế khi hư hỏng, xây dựng thêm một lò đốt mới để bảo đảm sản xuất liên tục, không như trước đây chỉ có 1 lò, lúc hỏng phải ngừng việc để sửa chữa từ 1 đến 2 tuần, nhờ vậy đã góp phần quan trọng đưa sản lượng bình quân từ 500 tấn/tháng lên 1000 tấn/tháng. Mặt khác, đã từng bước đổi mới công nghệ nhằm lợi dụng nhiệt của phản ứng hóa học tạo bột giặt trắng xốp có chất lượng ngày càng cao. Tại Hội chợ triển lãm hàng công nghiệp quốc tế Giảng võ năm 1992, sản phẩm bột giặt Net và kem giặt Net được tặng thưởng huy chương vàng.

Khác với thời kỳ kinh tế bao cấp, trong thời kỳ phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường, khách hàng phải được coi là ân nhân, là "thượng đế" của mọi nhà doanh nghiệp. Quán triệt quan điểm đó, trong 3 năm qua Công ty bột giặt Net Đồng Nai rất coi trọng xây dựng mối quan hệ mật thiết với khách hàng, thực hiện phương châm mua bán, trao đổi hàng hóa thuận tiện, lấy "chữ tín" làm đầu, rất được khách hàng hoan nghênh. Xây dựng được một hệ thống đại lý bột giặt Net đáng tin cậy ở khắp cả nước, trong đó chú trọng các đầu mối bán buôn lớn ở TP Hồ Chí Minh, Đồng nai, Bà rịa - Vũng tàu, Quảng nam- Đà nẵng, Nha trang, Cần thơ...

Đã từng bước sắp xếp tổ chức, tinh giản bộ máy, tăng cường cải tiến và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đặc biệt là quản lý tài chính, làm cho đồng vốn quay vòng nhanh từ 6,5 lần (1990) lên 7,6 lần (1991) và 12,7 lần (1992).

Ba là, quan tâm đến con người và phát huy mạnh mẽ nhân tố con người.

Ở thời điểm giữa năm 1990, khi nhà máy có nguy cơ bị xóa sổ, cán bộ công nhân thiếu việc làm, thu nhập thấp, tư tưởng dao động. Cấp trên bổ nhiệm cán bộ mới về củng cố xí nghiệp, nhưng họ vẫn không tin có thể vực xí nghiệp lên được. Hiểu rõ và thông cảm sâu sắc tâm trạng đó của quần chúng, đảng ủy và giám đốc xí nghiệp thống nhất quan điểm trước hết là phải "an dân", có thế mới có thể vượt qua khó khăn, tiến tới ổn định và đi lên. Muốn vậy, một mặt phải tìm phương hướng sản phẩm phù hợp với yêu cầu thị trường, tạo công ăn việc làm và nguồn thu nhập, bảo đảm cuộc sống cho người lao động. Mặt khác, có chủ trương và biện pháp tích cực chăm lo đời sống vật chất tinh thần của cán bộ, công nhân, viên chức. Công ty đã trích 272 triệu đồng quỹ phúc lợi để mua cổ phiếu cho 250 cán bộ công nhân góp vốn xây dựng 2 phân xưởng cổ phần, chuẩn bị cho cuộc sống nhiều năm sau của mỗi cán bộ, công nhân, viên chức. Thực hiện chủ trương "xóa đói giảm nghèo", công ty đã cho mỗi gia đình gặp khó khăn vay 1 triệu đồng để phát triển kinh tế gia đình không lấy lãi, nhờ vậy đời sống kinh tế của cán bộ, công nhân, viên chức công ty không ngừng được cải thiện. 60% số gia đình đã có đủ các phương tiện sinh hoạt như : xe máy, ti vi, tủ lạnh. Các hiện tượng tiêu cực như lấy cắp nguyên liệu, sản phẩm, giảm hẳn. Có đồng chí phát biểu : "Trước đây, nhà máy kín cổng cao tường, mà mất cắp, mất trộm thường xuyên xảy ra. Nay cửa ra vào mở rộng 8m, ngày đêm xe cộ đi lại chở hàng hóa liên tục, mà không không ai lợi dụng lấy cắp của công".

Công ty đã sử dụng đúng các đòn bẩy kinh tế để tạo động lực thúc dẩy cán bộ, công nhân, viên chức làm việc như : trả lương khoán theo chất lượng và số lượng sản phẩm, chia thưởng công bằng theo lương ; không để xảy ra các hiện tượng đặc quyền đặc lợi.

Ngoài chế độ tiền lương, tiền thưởng, công ty còn chăm lo khá chu đáo đến việc học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh, trang bị quần áo cho cán bộ, công nhân, viên chức.

Do có quan điểm đúng đắn tin tưởng vào con người, chăm lo cho con người, đồng thời biết sắp xếp sử dụng con người hợp lý theo năng lực sở trường, Công ty không những đã làm cho cán bộ công nhân an tâm, phấn khởi làm việc, mà dần dần còn thu hút được nhiều nhân tài từ các nơi khác xin về công ty công tác. Nhờ vậy, đến nay công ty đã tập hợp và tuyển chọn được một đội ngũ cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ, công nhân bậc cao có năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức tốt, toàn tâm toàn ý làm việc vì lợi ích chung của toàn công ty, trong đó có lợi ích ngày càng tăng lên của từng người. Và cũng vì thế, 3 năm qua, cùng với sự phát triển sản xuất kinh doanh, các mối quan hệ nội bộ xí nghiệp ngày càng tiến bộ, lành mạnh. Trên dưới ngày càng đoàn kết, gắn bó, tin cậy lẫn nhau. Người lao động trong công ty ngày càng thực hiện tốt nghĩa vụ và trách nhiệm của mình.

Có thể nói, Công ty bột giặt Net Đồng nai, nơi đã và đang sản xuất ra những sản phẩm làm sạch và đẹp cho đời, cũng là một công trường xây dựng, một trường học, nơi đang phấn đấu để trở thành một "công viên" đẹp, làm cho đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công nhân công ty ngày càng cao hơn.

Digitized by Google

CHUYỆN TIẾP KHÁCH

NGUYỄN TRUNG THỰC

ANH bạn đồng nghiệp rất thân của tôi thường dặn đi dặn lại tôi như thế này : Đi địa phương, khi làm việc với các cơ sở, nhất là cơ sở sản xuất, kinh doanh, "ông" phải chú ý cho mấy điểm :

- Một, không được ghi rõ vào giấy giới thiệu chức vụ của ông là vụ trưởng vụ xây dựng đảng ; chỉ nên ghi là vụ trưởng (chung chung thế thôi).

- Hai, không nên làm việc riêng với cấp ủy ; đặc biệt đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thì tốt nhất là làm việc riêng với giám đốc. Muốn tìm hiểu về công tác xây dựng Đảng thì tìm hiểu "qua giám đốc" cũng được.

Tôi không khỏi ngạc nhiên khi nghe những lời khuyên như thế. Có lẽ thấy cái sự "ngố" của tôi biểu hiện quá rõ trên nét mặt cho nên anh bạn bèn vỗ vai tôi thân mật nói tiếp : Khó hiểu lắm phải không ? Đơn giản thôi. Nó đơn giản chẳng khác gì "Đơn giản tôi là Ma-ri-a" (tên bộ phim của Mê-hi-cô đang chiếu trên Đài truyền hình trung ương - NTT). Này nhé :

- Thứ nhất, nếu ông ghi rõ chức danh của mình là làm nghề xây dựng Đảng thì họ sẽ tiếp ông rất lạnh nhạt ; không vì cái chức "vụ trưởng vụ xây dựng Đảng" mà ông "oai" hơn đâu ; trái lại, có khi còn bị xem thường. Ở cái thời buổi kinh tế thị trường này, khuynh hướng "nhạt Đảng", "coi thường Đảng" đang tràn lan, ông không thấy điều đó sao ? !

- Thứ hai, làm việc với cấp ủy thì chỉ được uống nước "chè suông" và ăn "cơm rau" với đúng nghĩa của nó. Còn làm việc với giám đốc thì được uống bia lon, rượu ngoại, ăn các món đặc sản, sau đó còn có phong bì hoặc quà biếu đi kèm.

Tôi không tin những điều anh bạn tôi nói và vì thế tôi quyết định làm một chuyến công du để khảo nghiệm mọi chuyện thực, hư.

Tại thành phố H, chúng tôi làm việc với một doanh nghiệp nhà nước (nay đổi là công ty) thuộc loại tầm cỡ. Tôi ghi rõ vào giấy giới thiệu chức vụ của mình là *"Vụ trưởng vụ xây dựng Đảng"* và nội dung tìm hiểu thực tế là *"Những vấn đề về công tác xây dựng Đảng của công ty"*. Cùng đi với tôi còn có hai chuyên viên về xây dựng Đảng. Đã ghi rõ ràng như thế vào giấy giới thiệu thì tiếp và làm việc với chúng tôi tất nhiên phải là đồng chí bí thư đảng ủy và một vài đồng chí khác trong ban thường vụ. Công ty này có cơ sở vật chất rất lớn và mọi tiện nghi sinh hoạt đều hết sức đàng hoàng. Thế nhưng... phòng khách của đảng ủy thì... xin lỗi, nó đơn sơ và tồi tàn đến mức không ngờ (nói kỹ hơn tôi e rằng không tiện). Tôi cũng không có gì phải phàn nàn về nội dung công việc, bởi vì, những vấn đề mà chúng tôi muốn tìm hiểu, về cơ bản đều đạt yêu cầu. Ở đây, tôi muốn nói tới chuyện khác - cái chuyện có liên quan đến những điều anh bạn tôi căn dặn mà tôi đã nói ở trên.

Sau buổi làm việc, đồng chí bí thư đảng ủy mời chúng tôi xuống re-xtô-rang của công ty để dùng "bữa cơm rau dưa thân mật". Vừa mới bước chân tới cửa phòng ăn, một nhân viên gọn ghẽ trong bộ đồng phục đã nhanh nhẹn hướng dẫn chúng tôi vào "đúng vị trí của mình". Nhìn trên bàn ăn thấy có biển đề : *"Khách của đảng ủy"*. Phải nói là phòng ăn này rất sang trọng, có các loại tranh hoa quả và phong cảnh, có rèm cửa màu mỡ gà và có cả máy điều hòa nóng lạnh. Tuy nói là cơm rau nhưng cũng có bia chai Hà nội (theo cơ chế "một chai hai cốc", tức là hai người một chai bia), có đĩa thịt gà luộc, đĩa nem rán và đĩa giá xào. Nhưng trớ trêu thay, ngay sát bàn ăn của chúng tôi là một bàn ăn khác. Đó là loại bàn tròn, to, phủ khăn trắng muốt ; trên bàn thấy đã bày sẵn từng chồng bia lon nhãn hiệu "Tiger", cốc để uống bia cũng có dán đề can "Tiger" cho đồng bộ. Bên cạnh những lon bia là

Digitized by Google

mấy chai rượu ngoại, nhãn hiệu "Napoléon" và những chiếc ly nhỏ chuyên dùng để uống rượu. Chỉ có thế. Các món ăn chưa thấy bầy sẵn thứ nào (bởi vì khách chưa xuống). Điều đáng chú ý nữa là ở giữa bàn có biển đề *"Khách của giám đốc"* và ngay cạnh đó là một tờ thực đơn. Thấy cả mấy anh em chúng tôi đều liếc sang cái bàn đặc biệt đó, đồng chí bí thư bèn nói : "Hôm nay có đoàn khách của Bộ về, đồng chí giám đốc phải tiếp". Và, ngay sau đó, đồng chí nói thêm dường như để phân bua : "Đảng ủy nghèo lắm. Nếu giám đốc tiếp các đồng chí thì sang trọng hơn nhiều". Nghe đồng chí bí thư nói như vậy và có lẽ cũng do bệnh nghề nghiệp nữa, đồng chí chuyên viên trong đoàn chúng tôi bèn với tay sang bàn bên cạnh cầm tờ thực đơn đọc lướt nhanh. Anh mỉm cười nói với đồng chí bí thư : "Xin lỗi đồng chí bí thư, cho phép chúng tôi được tò mò một chút". Nói vậy, anh bèn lấy trong cặp của tôi chiếc kính lão, đeo vào mắt tôi, rồi đưa tờ thực đơn cho tôi và nói nhỏ : "mời sếp tham khảo". Tất nhiên là tôi đọc. Tiện đây, xin chép lại nguyên văn những món trong tờ thực đơn : 1 - Xúp lươn. 2 - Gà tần thuốc bắc. 3 - Cá chép luộc bia. 4 - Chim sẻ quay. 5 - Dê tái chanh. 6 - Bò nướng. 7 - Sa lát. 8 - Lẩu thập cẩm. 9 - Bánh mỳ + bơ. 10 - Bia "Tiger". 11 - Rượu Napôlêông. 12 - Cà phê. 13 - Thuốc lá 555. 14 - Táo + nho tươi.

Xin thú thật là đọc xong tờ thực đơn đó, tay tôi run run. Tôi bèn đứng dậy trả nó về "vị trí cũ". Trong tôi lúc đó ngổn ngang bao điều suy nghĩ : không hiểu họ vô tình hay cố ý xếp đặt như thế này (khách của đảng ủy và khách của giám đốc ngồi cạnh nhau nhưng ăn theo hai chế độ khác hẳn nhau). Nhưng điều đó cũng chưa quan trọng và không làm tôi day dứt nhiều. Điều day dứt sâu sắc trong tôi là vì sao và lấy tiền đâu mà người ta tiếp đãi nhau quá sang dến thế, tiêu xài ăn uống phung phí đến thế... Chắc đoán được suy nghĩ và tâm trạng của tôi, đồng chí bí thư bèn giảng giải, phân trần. Nhưng thú thực tôi không còn nghe được gì nữa, và bữa ăn hôm đó mất hết cả cảm hứng và niềm vui trong tôi.

THẾ GIỚI...

(Tiếp theo trang 59)

đỡ lẫn nhau. Kinh tế thế giới như một sức mạnh vừa vô hình vừa hữu hình tác động vào từng nước. Lực "tác động" này như tác động của gió, có thể đưa thuyền lên mà cũng có thể đẩy lui thuyền. Vấn đề là từng quốc gia phải biết tạo ra một "tổng hợp lực" đẩy nền kinh tế vượt lên phía trước.

Trong một môi trường như vậy, mỗi quốc gia tất yếu phải hòa nhập vào quá trình phát triển của thế giới, đồng thời phải khẳng định bản sắc dân tộc ; gắn liền với hai quá trình ấy là sự phát triển cao của mỗi cá nhân trong cộng đồng dân tộc.

Năm 1993, Việt nam đã có những cố gắng lớn để từng bước hòa nhập với cộng đồng quốc tế, tạo ra môi trường thuận lợi đưa đất nước tiến lên phía trước. Mở đầu cho hoạt động đối ngoại của Đảng và Chính phủ Việt nam trong năm 1993 là chuyến công du từ ngày 24 tháng 3 của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tới Nhật, Cộng hòa Triều tiên, Niu Di-lân và Ô-xtơ-rê-li-a. Đây là chuyến thăm đầu tiên của người đứng đầu Chính phủ ta sang các nước này, nó đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quan hệ giữa Việt nam với các nước vùng châu Á - Thái bình dương. Tiếp theo đó tháng 6, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã tới thăm một số nước Tây Âu và Cu-ba. Tháng 10-1993, Tổng bí thư ĐCS Việt nam Đỗ Mười thăm Xin-ga-po, Thái lan. Tháng 11-1993, Chủ tịch Lê Đức Anh thăm Trung quốc... Có thể nói, năm 1993 là năm các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta tiến hành các hoạt động đối ngoại rất tích cực, và đạt được những kết quả quan trọng về các mặt kinh tế và chính trị, tăng cường được sự đoàn kết quốc tế và thúc đẩy được quá trình hội nhập của Việt nam vào thế giới.

Còn 7 năm nữa để chúng ta chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ 21. Đây là thời gian ngắn ngủi nhưng rất quý báu đối với dân tộc ta. Chặng đường phía trước còn nhiều chông gai thử thách, song chúng ta hoàn toàn có cơ sở để bình tĩnh, tự tin, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phấn đấu thực hiện thắng lợi những mục tiêu mà Đại hội VII và Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ sắp tới của Đảng hoạch định.

Digitized by Google

Bạn đọc và cộng tác viên ở Cần thơ với TẠP CHÍ CỘNG SẢN

***Lời Bộ biên tập** : Vừa qua Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Cần thơ có tổ chức cuộc gặp mặt một số cộng tác viên và bạn đọc của* **Tạp chí Cộng sản** *để thu thập các ý kiến nhận xét, đóng góp xây dựng Tạp chí của Đảng. Chúng tôi chân thành cảm ơn Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Cần thơ, và xin giới thiệu cùng bạn đọc một số ý kiến chính sau đây.*

Ý KIẾN CHUNG

Tại tỉnh Cần thơ số lượng bạn đọc đặt mua *Tạp chí Cộng sản* trong 2 năm gần đây nhích dần lên. Năm 1992 từ 502 cuốn (tháng 1) lên 616 cuốn (tháng 12). Năm 1993, càng về cuối năm, số lượng càng tăng. Hiện nay có những huyện (như Thốt nốt) mỗi quý mua 70 cuốn. Trước tình hình các thế lực thù địch đang thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" thì *Tạp chí Cộng sản* - một tờ báo Đảng rất quan trọng - cần phải "chiếm lĩnh trận địa". Tạp chí nên có kế hoạch phối hợp với các tỉnh để tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, tạo điều kiện giúp bạn đọc hiểu, thích và tìm đến với Tạp chí nhiều hơn.

Gần đây, số bài viết về đồng bằng sông Cửu long nhiều hơn, có tác dụng tốt đối với địa phương. Một số bài về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, một số bài trong mục : "Thế giới : vấn đề, sự kiện"... được Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Cần thơ trích đăng trong *Thông tin nội bộ* (số ra hàng tháng) có tác dụng tốt với cán bộ, đảng viên ở cơ sở. Huyện Thốt nốt đã phân phối *Tạp chí Cộng sản* đến các xã, thị trấn và cả một vài ấp. Huyện ủy có hướng dẫn sử dụng bài viết của Tạp chí làm tài liệu sinh hoạt của chi bộ cơ sở hàng tháng. Tuy nhiên, có một số bài viết còn quá dài. Đề nghị bài nên ngắn, gọn, dễ nhớ, dễ truyền đạt, phù hợp với tâm lý và trình độ của cán bộ lãnh đạo cơ sở. Thông tin về thế giới cần được tăng cường.

Ý KIẾN MỘT SỐ CÁ NHÂN

TRẦN THANH NHÃ * : Là một độc giả của *Tạp chí Cộng sản* từ nhiều năm nay, tôi thấy Tạp chí có mấy ưu điểm : Hình thức gần đây đẹp và hấp dẫn hơn. Chất lượng bài viết ngày càng được nâng cao, có tác dụng giáo dục và bồi dưỡng người đọc. Những bài mang tính chất trao đổi đã gợi mở cho người đọc những suy nghĩ, tìm tòi sáng tạo. Tạp chí cần lưu ý nắm chắc tình hình tư tưởng của đảng viên, những lệch lạc, phân vân, lúng túng của họ trong nhận thức lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, để có những bài giải thích rõ các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, "chém sâu" vào các khía cạnh của lý luận.

Chuyên mục "Tìm hiểu khái niệm" rất cần, nhưng số bài còn ít và giải thích còn dài dòng, khó hiểu. Nhiều khái niệm cán bộ cấp tỉnh, huyện và cơ sở cần hiểu, chưa được đáp ứng. Đề nghị Tạp chí có cách gợi ý, tập hợp những khái niệm bạn đọc cần tìm hiểu để giải đáp, thì có tác dụng lớn hơn.

Hình như Tạp chí còn ít cộng tác viên ở các tỉnh phía nam, nên bài phản ánh những điển hình, những kinh nghiệm ở các tỉnh đó còn ít.

LÊ TẠO ** : *Tạp chí Cộng sản* giúp tôi rất nhiều trong nghiên cứu, biên soạn tài liệu, nhất là trong chỉ đạo thực tiễn và công tác cụ thể. Tôi đọc một cách thích thú các bài xã luận, các bài giải thích, hướng dẫn thực hiện các nghị quyết

---

* Nguyên phó Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Cần thơ

** Phó Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Cần thơ

Digitized by Google

của Đảng, ngoài ra còn quan tâm các chuyên mục "Nghiên cứu - Trao đổi", "Thực tiễn - kinh nghiệm" và "Sinh hoạt tư tưởng".

PHẠM MINH KHẢI * : Tạp chí đăng nhiều bài nghiên cứu với những ý kiến và quan điểm khác nhau đã tạo được không khí dân chủ trong hoạt động lý luận. Các bài nhận thức lại chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, nghiên cứu về đường lối đổi mới của Đảng, phê phán các luận điểm sai trái... đã giúp chúng tôi rất nhiều trong công tác giảng dạy lý luận chính trị. Tuy nhiên, các bài đấu tranh với các luận điểm của các thế lực thù địch cần phải kịp thời, sắc bén và có sức thuyết phục cao hơn nữa.

NGÔ QUANG TIẾN ** : Để có thể góp phần tích cực cho sự nghiệp đổi mới, tôi luôn tự nhủ lòng phải học, học nhiều hơn nữa. Không chỉ học về chuyên môn nghề mình, mà phải thường xuyên học tập đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tôi đã học được nhiều điều bổ ích qua *Tạp chí Cộng sản*. Tôi coi *Tạp chí Cộng sản* là "sách gối đầu giường". Đã có những lần khách hàng của tôi là những thuyền trưởng, thủy thủ tàu nước ngoài cập bến cảng Cần thơ ăn hàng, thấy trên bàn làm việc của tôi những số *Tạp chí Cộng sản*, qua mục lục bằng tiếng nước ngoài, họ chọn và đề nghị tôi giới thiệu cho nghe nội dung một số bài. Tôi thấy họ thích thú và chăm chú nghe lắm.

PHAN THANH TÒNG *** : Dù có sự kiện "Đông Âu và Liên xô", mỗi người yêu nước Việt nam vẫn giữ được lòng tin vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản Việt nam, vào thắng lợi của đất nước từng bước đi lên. Có được điều đó là nhờ vào rất nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố là những nhận thức do *Tạp chí Cộng sản* cung cấp. Mong *Tạp chí Cộng sản* thường xuyên có mặt ở miền đất Cần thơ xa xôi này. Đó là sự khao khát của chúng tôi.

VŨ LÂN **** : Do "cái tình" với cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, và quan trọng hơn nữa, do yêu cầu bức xúc của nghề mình, tôi đã đọc, đã học *Tạp chí Cộng sản* từ những năm 1943 - 1950, sau đó là *Tạp chí Sinh hoạt nội bộ, Tạp chí Học tập*, rồi *Tạp chí Cộng sản* (bộ mới) từ 1975 đến nay. Tôi cũng đã viết một số bài nho nhỏ cho Tạp chí. Trong tình hình hiện nay, việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh không giống như cách đây 15 - 20 năm hay 30 - 40 năm trước nữa rồi, song đọc Tạp chí tôi sung sướng "gặp được" những bài viết "ngọt", "vào lòng người". Có tìm tòi, nghiền ngẫm, sáng tạo, đậm tính thực tiễn, mà vẫn rất mác xít - lê nin nít, "rất Hồ Chí Minh".

Tôi đã được nghe Đài phát thanh - truyền hình Cần thơ đọc lại một số bài đăng trên *Tạp chí Cộng sản*. Điều này nói lên một sự thật là Tạp chí ta "gắn bó" được với đông đảo bà con ở cơ sở - huyện, thị trấn, xã. Tôi mừng trước hiện tượng này.

Đang đọc những bài "nặng ký", đọc tới các bài trong các mục : "Sinh hoạt tư tưởng", "Thư gửi Bộ biên tập", "Tin hoạt động lý luận", tôi thấy đầu óc mình "nhẹ nhõm" hơn mà vẫn thú vị, có ích. Tôi đánh giá cao những trang quảng cáo có chọn lọc ở bìa 2, bìa 3, bìa 4 của Tạp chí, vì nó đã góp phần làm cho Tạp chí sinh động hơn, gần với "đời thường" hơn, đồng thời cũng là cách thông tin đến người đọc một số thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội ... của đất nước ta ở thời kỳ đổi mới.

Nhưng đọc Tạp chí, tôi vẫn thấy "thèm" được đọc nhiều hơn nữa những bài viết "gỡ bí" cho cán bộ ta. Hiện nay vì những nguyên nhân khác nhau, trong nhân dân và cán bộ còn lưu hành một số tài liệu xấu, bất hợp pháp. Tôi đề nghị *Tạp chí Cộng sản* có những bài viết phê phán có lý, có tình, mang tính thuyết phục trước những luận điểm "ngược dòng" hoặc phản động.

PHƯƠNG HẠNH
(Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Cần thơ)
thực hiện

---

* Giám đốc Trung tâm giáo dục chính trị huyện Ô môn
** Giám đốc Cảng quốc tế, tỉnh Cần thơ
*** Bác sĩ, Trưởng khoa nội I, Bệnh viện đa khoa Cần thơ
**** Nhà mỹ học

Digitized by Google

THẾ GIỚI 1993 - NHÌN LẠI VÀ SUY NGẪM

VÕ THỦ PHƯƠNG

TRÊN tầng thứ 20 của tòa nhà lịch sử, nhân loại đang giẫm lên những mảnh vỡ của một trật tự thế giới cũ để tiến về phía trước. Cánh cửa vào tầng thứ 21 đã hé mở, chỉ còn vài bước nữa là thế kỷ 20 sẽ lùi lại phía sau. Chính lúc này, từ vị thế của năm 1993, nhìn lại và suy ngẫm về thế giới mà ta đang sống, phác họa đôi nét tình hình của năm cũ, phần nào dự đoán chiều hướng phát triển của năm sau, cũng là điều cần thiết.

Năm 1993 - xu thế phát triển đa cực của thế giới càng được khẳng định rõ nét hơn trong bối cảnh chỉ còn một siêu cường là Mỹ. Nước Mỹ sau sự sụp đổ của Liên xô đã mặc nhiên như một siêu cường mạnh nhất thế giới, và về lô gíc hình thức, dường như ngôi bá chủ hoàn cầu hẳn sẽ lọt vào tay Mỹ. Thế nhưng tình hình không hoàn toàn giản đơn như vậy. Địa vị bá chủ của Mỹ xem ra rất mong manh. "Thắng lợi" của Mỹ hai năm trước tại vùng Vịnh có thể coi là một thất bại, không đạt được mục tiêu chiến lược, bởi vì không những nó không tạo ra được một thắng lợi chính trị vang dội mà ngược lại, còn gây nên những rắc rối kéo dài. Đã thế, trong năm 1993, Mỹ lại chịu tiếp thất bại ở Xô-ma-li, nơi mà người ta thấy thấp thoáng hình ảnh một "hội chứng Việt nam" nếu Mỹ cứ lún sâu mãi vào. Điều đó cho thấy sức mạnh của Mỹ không phải là vô hạn ; Mỹ không đủ năng lực để làm sen đầm quốc tế. Mặt khác, đúng vào lúc Mỹ cố gắng mở rộng ảnh hưởng của mình trên toàn cầu, biến mình thành một siêu quốc gia, thì cũng là lúc khả năng thực thi sức mạnh của nó giảm sút. Mỹ đã bộc lộ sự bất lực vào thời điểm cần có sức mạnh quyết định, mặc dù tổng thống Mỹ B.Clin-tơn, trong diễn văn nhậm chức ngày 20-1-1993, đã nhấn mạnh : "Khi các lợi ích sống còn của Mỹ bị thách thức, chúng ta sẽ hành động bằng đường lối đối ngoại hòa bình nếu có thể được, và bằng vũ lực khi cần thiết".

Trong khi đó, Nhật bản dù bị những cơn khủng hoảng chính trị lớn trong năm 1993, vẫn giữ được mức độ tăng trưởng kinh tế đáng kể. Bên cạnh Nhật, một châu Âu nhất thể hóa cũng nổi lên như một đối thủ mà Mỹ rất lo ngại. Trung quốc sau gần 15 năm cải cách đã có những tiến bộ vượt bậc, đất nước của hơn 1 tỉ dân này chắc hẳn cũng không kém nặng đồng cân trong cuộc cân đo thế lực. Như vậy, dù có sự chênh lệch tương đối, Mỹ, Nhật, Liên minh châu Âu và Trung quốc đang như các vận động viên mở đầu cuộc đua ma-ra-tông thế kỷ. Tính quyết liệt và dầy biến động của cuộc đua này chắc sẽ "đa cực hóa" mạnh hơn thế giới mà chúng ta đang sống, bất chấp những mưu toan khuôn ép nó về dạng một cực.

Năm 1993 - sự ra đời của Liên minh châu Âu mở đầu cho một quá trình liên kết khu vực chặt chẽ và toàn diện. Khi nền kinh tế thế giới ngày càng mang tính quốc tế và cùng với nó là tính phụ thuộc giữa các quốc gia ngày càng tăng, thì bên cạnh sự tranh đua càng thắng, sự liên kết từ lỏng lẻo đến chặt chẽ và toàn diện hơn ở các khu vực là một xu thế khách quan. Bước tiến mới của công cuộc nhất thể hóa châu Âu với sự ra đời của Liên minh châu Âu cuối năm 1993 là một ví dụ điển hình. Như ta đã biết, khi Liên xô sụp đổ, Cộng đồng châu Âu (EC) phải đối đầu với những vấn đề rất phức tạp : mâu thuẫn của cộng đồng với các khu vực và các quốc gia trên thế giới ; mâu thuẫn giữa quyền lợi chung của cộng đồng với quyền lợi riêng của từng thành viên trong cộng đồng ; mâu thuẫn về quyền lợi giữa các thành viên trong cộng đồng với nhau. Nếu trước đây, đối trọng với CHLB Đức trong cộng đồng còn có lực lượng bên ngoài, thì sau khi Liên xô sụp đổ, lực lượng đối trọng đó không còn nữa ; không những thế, CHLB Đức còn mạnh thêm nhờ hai nước Đức thống nhất - đây là nỗi lo của tất cả các nước trong cộng đồng. Tuy nhiên, vượt qua mọi mâu thuẫn và nỗi lo của các thành viên, Liên minh châu Âu đã ra đời vào ngày 1-11-1993. Rõ ràng, đây là một cố gắng lớn

Digitized by Google

của các nước thành viên cộng đồng châu Âu.

Đứng trước sự ra đời của Liên minh châu Âu với Hiệp ước Ma-xtơ-rích, Mỹ thấy cần phải gấp rút phê chuẩn Hiệp ước NAFTA, hình thành thị trường chung Bắc Mỹ để có đủ lực lượng cạnh tranh với Tây Âu và với nhóm các nước Đông Á liên kết với Nhật bản. Với Hiệp ước NAFTA, một thị trường tự do lớn vào bậc nhất thế giới (rộng khoảng 20 triệu km^2, với 368 triệu người tiêu dùng và tổng sản phẩm quốc dân khoảng 6500 tỉ đô la) sẽ đi vào vận hành từ 1-1-1994.

Các nước Đông-Nam Á cũng đang cố gắng để không bị thua kém trong cuộc chạy đua này. Hội nghị của Tổ chức liên nghị viện Đông-Nam Á (AIPO) họp ở Cu-a-la Lăm-pơ tháng 9-1993 đã thảo luận việc tiến tới thiết lập khu mậu dịch tự do ở Đông - Nam Á.

Như vậy, có thể thấy *khu vực hóa* là một xu thế khá mạnh. Nó như một bước đệm để tiến tới các liên minh, liên kết rộng lớn hơn. Xu hướng này sẽ cuốn hút rất nhiều nước tham gia. Muốn hòa nhập thế giới, trước hết cần hòa nhập khu vực đã, lấy thế mạnh của liên kết khu vực để hòa nhập quốc tế. Tuy nhiên, nhìn từ một khía cạnh khác, có thể thấy quá trình khu vực hóa, liên kết khu vực, là một phản ứng đối với quá trình toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa là một xu thế phù hợp quy luật phát triển và tiến bộ của con người. Năm 1993, quá trình này diễn ra mạnh hơn năm 1992 trên nhiều phương diện. Toàn cầu hóa đã gây ra những "hiệu ứng phụ". Một mặt, nó thúc đẩy sự xuất hiện của một tiến trình chính trị toàn cầu có tính chất phân tầng về tổ chức, trong đó có lớp các nước *mạnh*, lớp các nước *trung bình* và lớp các nước *yếu*... mà mạnh sẽ lấn yếu. Mặt khác, nó làm nảy sinh xu thế áp đặt các giá trị và luật lệ từ bên ngoài vào các cộng đồng người, bất chấp quá trình lịch sử, đặc thù dân tộc, văn hóa, tinh thần và lợi ích của các cộng đồng đó. Quá trình liên kết khu vực thực tế đã góp phần hạn chế những "hiệu ứng phụ" này, hạ chúng xuống mức có thể chấp nhận.

Năm 1993 - có những bước thắng lợi quyết định trong các tiến trình hòa bình, nhưng xung đột vẫn rộ lên ở nhiều nơi, đặc biệt có xu hướng lan rộng tại Liên xô cũ. Tháng 5-1993, tại Cam-pu-chia, UNTAC đã tổ chức cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội lập hiến Cam-pu-chia với sự tham gia tranh cử của 20 đảng phái. Với cuộc bầu cử này, Khơ me đỏ đã bị cô lập. Cam-pu-chia tuy còn tiếng súng, song có thể hy vọng rằng hòa bình sẽ đến.

Sau nhiều năm bế tắc, ngày 13-9-1993, tại Oa-sinh-tơn Hiệp định hòa bình giữa I-xra-en và PLO (Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin) đã được ký kết. Hiệp định lịch sử về chế độ tự trị của người Pa-le-xtin tựa như quyết định tháo kíp ngòi nổ của "trái bom xung đột" ở Trung Đông, cho dù đó mới chỉ là những bước đầu tiên của tiến trình hòa bình.

Tại Nam Phi, ngày 28-11-1993, các nhà lãnh đạo của 21 chính đảng đã chính thức thông qua bản hiến pháp mới, chấm dứt 300 năm hoành hành của chế độ A-pác-thai và mở đường đưa đất nước này tới một nền dân chủ. Hiến pháp mới sẽ được thi hành sau cuộc bầu cử không phân biệt chủng tộc đầu tiên vào ngày 24-4-1994. Đây là kết quả của cuộc đấu tranh không ngừng của đông đảo những người ở Nam Phi và trên thế giới chống chế độ phân biệt chủng tộc tàn bạo ; kết quả của sự cố gắng không mệt mỏi của ông Nen-xơn Man-đê-la và các đồng chí của mình ; và cũng là công lao của ông Đơ-clếc, người đứng đầu nhà nước Nam Phi.

Tuy có những bước tiến đáng khích lệ trong các tiến trình hòa bình, song thế giới hiện còn "mất trật tự" và chứa đầy bất trắc. Các cuộc chiến kéo dài từ năm 1992 vẫn tiếp diễn trong năm 1993, thêm vào đó là những cuộc xung đột, bạo động mới, làm cho nhiều nơi trên thế giới khét lẹt mùi thuốc súng. Hàng triệu dân thường vô tội còn chưa nhận thức được thế nào là hiểm họa hạt nhân, là thủng tầng ô dôn, thì đã ngã xuống bởi những vũ khí rất thông thường, thậm chí vô cùng thô sơ như cung tên, giáo mác, v.v.. Theo Tân hoa xã ngày 31-8-1993, trong cuộc chiến ở Bô-xni-a Héc-xê-gô-vi-na, đã có tới 170 000 người thiệt mạng, trong đó 126 000 là dân thường. Theo một nguồn tin khác, tại Nam Phi kể từ tháng 2-1990, đã có hơn 10 000 người chết vì xung đột và bạo lực, trong đó phần lớn là dân thường.

Tại Liên xô cũ, tình hình rất ảm đạm, bạo lực hoành hành khắp nơi. Các cuộc chiến kéo dài giữa Ac-mê-ni và A-déc-bai-gian trở nên dẫm máu hơn. Chiến sự lẻ tẻ giữa Gru-di-a và Ô-set-ti-a vẫn tiếp diễn, nội chiến tại Gru-di-a trong năm 1993 lại bùng lên làm ông già đầu trắng Sê-vac-nat-de nhiều phen khốn đốn. Các cuộc bạo loạn chủng tộc cũng xảy ra ở Trung Á, lôi cuốn những người định cư gốc Tát-gi-ki-xtan, U-dơ-bê-ki-xtan, Kiếc-ghi-di-xtan và Nga tham dự. Số liệu cho thấy nội chiến ở Tát-gi-ki-xtan và xung đột biên giới với nước láng giềng Áp-ga-ni-xtan đã làm cho 20 000 người chết, thiệt hại 420 tỉ rup. Có thể thấy

Digitized by Google

xung đột, bạo động và làn sóng bạo lực nói chung ở Liên cô cũ có nhiều nguy cơ lan rộng. Bởi lẽ, sự tan vỡ của quốc gia rộng lớn này đã đẻ ra nhiều vấn đề phức tạp và rất nhạy cảm giữa các cộng đồng người và giữa các quốc gia mới tự trị : biên giới phân định giữa các quốc gia không rõ ràng, tùy tiện ; khối người Nga hoặc nói tiếng Nga ở các nước Lát-vi-a, E-xtô-ni-a và Trung Á khá đông ; tôn giáo phục hồi và mâu thuẫn lẫn nhau. Nhưng có lẽ sự kiện chấn động nhất ở Liên xô cũ phải kể đến là "ngày chủ nhật đẫm máu" (4-10-1993) ở Mát-xcơ-va, người ta đã dùng xe tăng nã pháo vào tòa nhà quốc hội. Điều trớ trêu là, có nhiều chính khách phương Tây đang dùng ngón đòn "nhân quyền", đòi hỏi nước này nước khác thực hiện theo mẫu dân chủ phương Tây, thì chính họ lại coi việc trấn áp quốc hội ở nước Nga là cần thiết, có thể chấp nhận được ! Tình hình nước Nga vẫn còn rất phức tạp mặc dù quốc hội mới đã được bầu và bản dự thảo hiến pháp đã được thông qua.

Trong thế giới còn đầy bất trắc, nhiễu nhương và thay đổi đến chóng mặt, Liên hợp quốc - "nhà nước của các quốc gia", đã gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động. Điều này dễ lý giải : khi mới thành lập (năm 1945), Liên hợp quốc chỉ có 54 nước thành viên, còn hiện nay (năm 1993), có tới 184 thành viên, thế mà cơ cấu của nó không có thay đổi gì lớn. Chính vì vậy, theo đề nghị của nhiều nước thành viên, ngày 3-12-1993, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua nghị quyết về cải cách Hội đồng bảo an. Một lẽ nữa làm Liên hợp quốc bất lực trước một số hiện trạng là tổ chức này đôi khi không bảo đảm chức năng trọng tài quốc tế của mình, để cho một hoặc một số nước thao túng. Ngày 20-6-1993 Mỹ ngang nhiên bắn 23 quả tên lửa Tô-ma-hốc vào cơ quan tình báo I-rắc ở Bát-đa, làm chết 6 dân thường và gây nhiều thiệt hại. Hành động rất "Mỹ" này được ông B.Clin-tơn bênh vực, viện cớ là để "tự vệ", còn Liên hợp quốc cũng im lặng, không có nghị quyết nào về hành động "siêu cường" này của Mỹ. Tuy vậy, phải thừa nhận rằng, diễn biến tình hình ở những vùng xảy ra các sự kiện quả là quá phức tạp. Nếu thiếu những chuyên gia "tháo gỡ" có tài năng, thì Liên hợp quốc cũng rất khó thực thi nhiệm vụ của mình.

Năm 1993 để lại ấn tượng rằng thế giới có những xu hướng phát triển thuận chiều, đồng thời cũng tiềm ẩn những nghịch lý. Nghịch lý *thứ nhất* là cùng với quá trình quốc tế hóa ngày càng rộng rãi và sâu sắc thì chủ nghĩa dân tộc dưới những dạng khác nhau đang trỗi dậy mạnh mẽ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị thế giới, đặc biệt làm ly tâm, xé nhỏ nhiều quốc gia, hoặc đẩy một quốc gia nào đó vào chủ nghĩa biệt lập, đối lập lại với chủ nghĩa quốc tế. Ông Bu-tơ-rốt Ga-li, Tổng thư ký Liên hợp quốc, đã kêu gọi các nước thành viên chống lại sự bùng nổ của "hai kiểu chủ nghĩa dân tộc đáng sợ : một là chủ nghĩa dân tộc cực đoan và hai là chủ nghĩa dân tộc nhỏ". Nghịch lý *thứ hai* là mọi nước đều hòa vào quá trình phát triển, coi phát triển là mục tiêu hàng đầu, nhưng cùng với phát triển thì cạnh tranh cũng tăng lên, và càng cạnh tranh thì càng hỗn loạn, trong khi điều kiện của phát triển lại là ổn định. Một nghịch lý khác : trong lúc động lực của phát triển là sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật với những phát minh hứa hẹn đưa nhân loại tới những đỉnh cao mới về đời sống vật chất, thì một bộ phận không nhỏ của loài người lại đang sống khổ cực, luôn bị nạn đói đe dọa. Một nghịch lý nữa : trong khi khoa học tự nhiên và kỹ thuật tiến những bước dài, chiếm lĩnh hết đỉnh cao này tới đỉnh cao khác, thì khoa học xã hội dường như vẫn còn luẩn quẩn trong những cuộc tranh luận bất tận về ý thức, tư tưởng, về giá trị tinh thần, giá trị xã hội, chuẩn mực xã hội... ; trong khi con người hiểu biết hơn về tự nhiên, thì họ lại đâm ra sợ sệt hơn, tìm nơi ẩn náu trong các tôn giáo, chẳng khác nào càng "thông minh" thì lại càng "u mê". Chính tình trạng này đã tạo ra một khoảng trống mơ hồ về văn hóa và tinh thần. Và một nghịch lý nữa : trong khi lối sống của nhiều dân tộc có phần thâm nhập vào nhau, thì lại có dấu hiệu về một xu thế ngược lại là các dân tộc phục hồi tính độc đáo của văn hóa dân tộc mình ; bài trừ ảnh hưởng của nước ngoài.

Thập niên 90 đang cho chúng ta một cách nhìn mới đối với thế giới : cùng với xu thế quốc tế hóa tăng lên rõ rệt, ý thức về chủ quyền quốc gia cũng tăng lên mạnh mẽ. Thế giới đang vận động đến một trật tự mới mà quốc gia nào, dân tộc nào cũng muốn mình có vị trí xứng đáng trong đó. Thế giới đang vận động và vận động rất mạnh với những cơ may mà quốc gia nào mau lẹ chớp bắt được, thì sẽ có thể để vươn lên nhanh chóng. Thế giới tuy vẫn còn đầy những ẩn số và bất trắc, nhưng môi trường chính trị quốc tế đã có sự cải thiện, các nước có ý thức hơn về sự cần hợp tác, giúp

(Xem tiếp trang 54)

Digitized by Google

MỸ ĐÃ VÀO SÂN SAU CỦA LIÊN BANG NGA*

ĐẦU tháng 8 năm 1993, các phương tiện truyền thông của Mỹ đã công bố trước dư luận một kế hoạch chưa từng có của chính phủ Clin-tơn : hòa giải cuộc xung đột giữa các nước thuộc Liên xô cũ và đóng vai trò "trọng tài ngoại giao". Theo kế hoạch này (còn được gọi là "Chỉ thị số 13"), Mỹ có ý định sử dụng biện pháp tài chính và ngoại giao để can thiệp vào cuộc xung đột ở Gru-di-a, A-dec-bai-gian và Tát-gi-ki-xtan, phối hợp với ba nước vùng Ban-tích, Môn-đô-va và Liên bang Nga giải quyết các tranh chấp sắc tộc... Theo các quan chức Mỹ tiết lộ, Mỹ dự định ủng hộ việc Liên hợp quốc đưa lực lượng bộ đội giữ gìn hòa bình vào bên trong biên giới Liên xô cũ. Chính trong lúc kế hoạch này đang gây nên những bàn cãi không dứt trong dư luận, thì lại có tin tham tán sứ quán Mỹ ở Gru-di-a bị giết tại ngoại ô Tbi-li-xi. Cục trưởng Cục tình báo trung ương Mỹ đích thân sang Tbi-li-xi để giải quyết mọi chuyện sau đó. Một nhà ngoại giao bị giết, nhưng lại do Cục tình báo trung ương đứng ra công khai giải quyết. Một số người thở dài : Thì ra, từ lâu nhân viên đặc vụ Mỹ đã mò vào sân sau của Liên bang Nga rồi !

Nhưng cũng có một số người đặt dấu hỏi : Nước Mỹ từ trước tới nay luôn áp dụng chính sách "không nhảy vào chữa cháy" đối với các khu vực thuộc Liên xô cũ, vì sao lại nhanh chóng nhiệt tình với khu vực này như vậy ? "Mát-xcơ-va đang thực hiện chủ nghĩa Môn-rô", đó chính là hàng tít lớn của một bài viết trên tuần báo Mỹ *Tin Mỹ và thế giới*. "Chủ nghĩa Môn-rô" vốn dĩ do người Mỹ xây dựng nên. Ngày 2 tháng 12 năm 1823, Môn-rô - tổng thống Mỹ khi đó - trong một bản thuyết trình về tình hình đất nước, đã nêu ra phương châm đối ngoại bài xích việc châu Âu cố gây ảnh hưởng ở châu Mỹ và dọn dẹp sân sau của Mỹ. Nói một cách đơn giản hơn, Mỹ muốn "châu Mỹ là của người châu Mỹ". Song, hàm ý cốt lõi lại là "châu Mỹ là của người Mỹ", không cho phép người ngoài dính vào. Từ đó, "chủ nghĩa Môn-rô" ngày càng khuếch trương thanh thế và được người Mỹ thờ phụng.

Việc người Mỹ chụp lên đầu Liên bang Nga chiếc mũ "chủ nghĩa Môn-rô" tất nhiên là có "cơ sở" của họ. Sau khi Liên xô cũ tan vỡ, do Liên bang Nga mất một thời gian bận rộn về công tác đối ngoại đối với phương Tây, nên một số thế lực bên ngoài đã thừa cơ xâm nhập khu vực Liên xô cũ. Sự thèm khát của các thế lực bên ngoài đã đe dọa địa vị truyền thống của Liên bang Nga ở khu vực này. Sau khi tỉnh ngộ, Liên bang Nga đã vội vã ra tay. Các nước thuộc vùng biển Ban-tích và vùng Cáp-ca-dơ đều đã phải nếm chịu cay đắng sau khi Liên bang Nga thít chặt miệng ống dẫn dầu và khí thiên nhiên. Tháng 6 năm 1993, khi Thủ tướng CHLB Đức Hen-mút Côn sang thăm chính thức U-crai-na, Liên bang Nga đột ngột giảm lượng khí thiên nhiên sang U-crai-na cũng như sang Tây Âu. Báo chí Mỹ cho rằng đây là một tín hiệu báo cho Ki-ép biết rằng cần phải thận trọng khi làm ăn với Bon, cũng là lời cảnh cáo yêu cầu phương Tây phải tôn trọng lịch sử của Liên bang Nga. Ở "vành đai xung đột" thuộc khu vực phía nam Liên xô cũ, khói lửa chiến tranh đã lan tới những nước như Gru-di-a, A-dec-bai-gian, Ac-mê-ni-a, Tát-gi-ki-xtan. Mấy chục vạn quân Liên bang Nga đóng tại các nước nói trên cũng ngày càng có ảnh hưởng mạnh hơn theo mức độ quyết liệt của cuộc chiến. Liên bang Nga công khai tuyên bố rằng họ hy vọng có được "quyền lực đặc biệt" để đứng ra bảo đảm hòa bình và ổn định ở các khu vực thuộc Liên xô cũ. Hãng Reuter cho rằng Tát-gi-ki-xtan, một quốc gia bị chiến tranh làm cho khốn đốn, đã chuyển giao quyền kiểm soát cho Liên bang Nga.

Nhân vật số hai của sứ quán Mỹ tại Mát-xcơ-va đã trở thành người phối hợp các công việc thuộc các khu vực của Liên xô cũ. Hoạt động chủ yếu của nhân vật này là đóng vai trò "trọng tài ngoại giao" giữa các bên xung đột của Liên xô cũ. Đồng thời, cung cấp thêm một lượng viện trợ nhất định cho các khu vực này. Mỹ đang cân nhắc đến việc gán viện trợ kinh tế cho Liên bang Nga với kế hoạch "trọng tài ngoại giao" nhằm gây thêm sức ép đối với Liên bang Nga. Ngay từ hai, ba mươi năm trước, chính phủ Mỹ đã vạch ra nhiều kế hoạch, bao gồm cả công khai lẫn bí mật, nhằm tăng cường ảnh hưởng đối với Liên bang Nga. Trước kế hoạch "trọng tài ngoại giao" của Mỹ, báo *Sao đỏ* của quân đội Liên bang Nga đã phản ứng gay gắt, cho rằng đây là "sự can thiệp trực tiếp và tùy tiện" vào công việc nội bộ của Liên bang Nga. Người Nga đã bật đèn đỏ đối với người Mỹ.

---

* Nguồn : Tạp chí *Tri thức thế giới* (Trung quốc), số 19-1993

Digitized by Google

"DIỄN BIẾN HÒA BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ

● **"DIỄN BIẾN HÒA BÌNH"** là một chiến lược phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa của các thế lực thù địch. Nó được tiến hành theo kiểu thâm thấu dần dần trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội... và khi cần thiết thì kết hợp với bạo loạn lật đổ để làm tan rã các nước xã hội chủ nghĩa. Nó dùng mọi âm mưu thủ đoạn tinh vi, tráng trợn tạo nên những nhân tố tác động từ bên trong và bên ngoài nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội mà không cần chiến tranh.

Ngay sau khi kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai, những kẻ hôm trước còn là đồng minh chống phát xít đã ngay lập tức quay lại hô hào "ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản", "ngăn chặn hiểm họa đỏ". Chúng thực hiện chiến lược ngăn chặn những ảnh hưởng của hệ thống xã hội chủ nghĩa sang các nước phương Tây. Lúc đầu chỉ là một quan điểm chỉ đạo nằm trong chính sách đối ngoại, sau dần dần trở thành chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa.

Năm 1947, chúng thành lập bộ phận nghiên cứu các biện pháp hòa bình chống chủ nghĩa xã hội, đưa ra chủ trương khuyến khích các lực lượng trỗi dậy lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa. Chúng cho rằng cần khuyến khích và sử dụng chính những người dân ở các nước xã hội chủ nghĩa để lật đổ, thủ tiêu chế độ cộng sản, xóa bỏ hệ thống xã hội chủ nghĩa. Bằng các chính sách về kinh tế, chính trị và ngoại giao để biến đổi các nước xã hội chủ nghĩa thành các nước tư bản chủ nghĩa. Năm 1957, chúng đưa ra luận điểm : các nước phương Tây cần xây dựng quan hệ với phe xã hội chủ nghĩa một cách rộng khắp, tỉnh táo và hòa bình để truyền bá tư tưởng "tự do" và thông qua phim ảnh, băng ghi âm, truyền bá lối sống phương Tây, và phải đặc biệt chú ý thông qua cuộc "cách mạng văn hóa" để làm tan rã tư tưởng trong các nước xã hội chủ nghĩa.

Những nhà chống cộng liên tiếp cho ra các cuốn sách xung quanh chiến lược "diễn biến hòa bình" như : "Cuộc chiến tranh chính nghĩa" (1980) ; "Các nhà lãnh đạo" (1982) ; "Hòa bình chân chính" (1984) ; "1999 - chiến thắng không cần chiến tranh" (1988) ; "Chớp thời cơ - những thách thức đối với Mỹ trong thế giới một siêu cường" (1991).

Tác giả của các cuốn sách đó tập trung vào những vấn đề tư tưởng chính trị trong quá trình tác động diễn biến hòa bình đối với các nước xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt là sau sự sụp đổ của Liên xô và Đông Âu, họ đã kêu gọi chớp lấy thời cơ, tăng cường thực hiện "diễn biến hòa bình" đối với các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, nhanh chóng xóa sổ chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới. Năm 1988, trước hạn chế và thất bại của "chiến lược ngăn chặn", các thế lực chống chủ nghĩa xã hội đã đưa ra "chiến lược vượt trên ngăn chặn" với nội dung chủ yếu là chuyển từ phòng thủ sang tích cực tấn công, xích lại gần các nước xã hội chủ nghĩa, thực hiện "thâm thấu hòa bình", đi đến xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước này. Chúng chủ trương tiến hành "một cuộc chiến tranh thế giới mới không có đại bác" để thủ tiêu chủ nghĩa xã hội, mở ra một thế giới mới định hướng theo nền văn minh phương Tây.

Chiến lược "diễn biến hòa bình" có những đặc điểm sau :

- Đánh bại chủ nghĩa xã hội bằng phương pháp hòa bình, không cần chiến tranh. Nó là cuộc chiến tranh không có khói súng.

- Cuộc chiến tranh này chủ yếu sử dụng lực lượng gián tiếp thông qua con người, lực lượng và phương tiện của chính đối phương, sử dụng các công cụ ngoại giao, kinh tế, văn hóa - tư tưởng để làm thay đổi chế độ chính trị, khi cần thiết mới dùng sức mạnh quân sự - phương tiện răn đe đối phương.

- Nó mang tính toàn cầu, được triển khai trên quy mô lớn và rộng khắp, tiến hành "gặm nhấm", không vội vã, có trọng tâm trọng điểm.

- Nó tạo dựng ngọn cờ, tập hợp lực lượng ngay trong lòng nước xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt chú ý mua chuộc, lôi kéo những người có chức vụ cao trong đảng và nhà nước, những văn nghệ sĩ, trí thức có uy tín, những người có tư tưởng dao động, nhận thức lệch lạc hoặc bất mãn với chế độ.

● **BẠO LOẠN LẬT ĐỔ** là hành động bạo lực của những lực lượng phản động nhằm lật đổ chính quyền, không kể ở cơ sở hay ở trung ương.

Mục đích của kẻ gây bạo loạn là nhằm thay thế chế độ hiện hành bằng một chế độ khác. Đó là hành động có tính toán kỹ càng, có mục tiêu kế hoạch và các bước cụ thể. Khi tiến hành bạo loạn lật đổ, có thể có những người bị kích động, lôi kéo một cách vô thức, song kẻ cầm đầu bạo loạn bao giờ cũng có chủ đích lật đổ chính quyền.

Các thế lực thù địch trong khi sử dụng các phương thức chống phá, không bao giờ từ bỏ phương thức bạo loạn lật đổ khi cần thiết. Những yếu tố bạo loạn lật đổ thường bao gồm :

- Bọn cầm đầu bạo loạn lật đổ liên kết với các thế lực phản động bên ngoài. Kẻ cầm đầu không nhất thiết phải có mặt trong các cuộc nổi dậy, song nó nắm rất chắc và chỉ huy chặt chẽ mọi hoạt động bạo loạn.

- Tổ chức tập hợp lực lượng nòng cốt đóng vai trò hạt nhân kích động, như một thứ kim hỏa chọc vào ngòi nổ làm

Digitized by Google

cho thuốc đạn bùng cháy, gây thành hành động rộng rãi của số đông những người tham gia. Lực lượng bị kích động được chuẩn bị trước, thường là số người bất mãn, nhẹ dạ.

- Đã là bạo loạn, nhất thiết phải có sức mạnh vũ lực, có vũ khí hoặc hung khí, có lực lượng sử dụng nó. Sử dụng ở đâu, quy mô như thế nào, là tùy thuộc vào diễn biến và cách đối phó của đối phương. Ngoài mục tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ hành động đã vạch trước, bọn bạo loạn lật đổ bao giờ cũng có các phương án xử trí các tình huống khác nhau nảy sinh.

Trong tình hình hiện nay, những đối tượng có thể gây bạo loạn lật đổ thường là những người có thâm thù với cách mạng, với nhân dân, trước sau không chấp nhận chế độ mới ; những kẻ làm tay sai cho các thế lực thù địch ; những kẻ thoái hóa biến chất đã bị cách mạng loại bỏ...

Tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, tệ tham nhũng, buôn lậu và các hiện tượng tiêu cực khác kéo dài và nghiêm trọng, trật tự trị an không đảm bảo, xã hội không ổn định, đời sống nhân dân khó khăn... là những cơ hội tốt để các thế lực thù địch lợi dụng gây bạo loạn lật đổ.

Vì vậy, việc ổn định và củng cố bên trong, làm yên lòng dân, ngăn chặn sự thâm nhập và tiến công từ bên ngoài, là yếu tố cơ bản nhất để diệt trừ bạo loạn lật đổ.

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN

HỘI THẢO KHOA HỌC : "CHUẨN MỰC XÃ HỘI, GIÁ TRỊ XÃ HỘI, ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ MỚI VÀ QUAN HỆ GIỮA CHÚNG VỚI CHÍNH SÁCH XÃ HỘI"

Vừa qua, tại Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, nhiều nhà nghiên cứu khoa học, cán bộ lãnh đạo và chỉ đạo thực tiễn đã tiến hành hội thảo về "Chuẩn mực xã hội, giá trị xã hội, định hướng giá trị mới và quan hệ giữa chúng với chính sách xã hội". Đây là một trong những nội dung cơ bản của đề tài cấp nhà nước "Những luận cứ khoa học của chính sách xã hội nhằm hình thành các chuẩn mực xã hội và định hướng giá trị mới" do đồng chí Nguyễn Thiện Nhân làm chủ nhiệm. Đề tài này là một trong 17 đề tài của chương trình khoa học cấp nhà nước KX.04 do giáo sư Phạm Xuân Nam làm chủ nhiệm.

Cuộc hội thảo tập trung thảo luận *ba vấn đề lớn :* 1 - Nhận thức hiện nay về chuẩn mực xã hội, giá trị xã hội, định hướng giá trị mới ; xác định nội dung, khái niệm của chúng ; phân tích mối quan hệ giữa chuẩn mực xã hội và giá trị xã hội, định hướng giá trị mới. 2 - Xem xét chuẩn mực xã hội và hệ thang giá trị ở nước ta hiện nay. 3 - Chuẩn mực xã hội, giá trị xã hội trong mối quan hệ với chính sách xã hội. Những chính sách xã hội có tác động mạnh mẽ và trực tiếp đến việc hình thành chuẩn mực xã hội và giá trị xã hội.

Nhiều người cho rằng, đã đến lúc phải tiếp cận để làm rõ cơ sở khoa học của việc hoạch định các chính sách xã hội ở nước ta. Nó phải bảo đảm mục tiêu và bao hàm ý nghĩa bao trùm nhất, cô đọng nhất là nhằm hình thành các chuẩn mực xã hội và định hướng giá trị mới. Chính sách xã hội cần đi vào chiều sâu cuộc sống con người. Nghĩa là, nó không chỉ dừng lại ở chỗ đáp ứng những lợi ích, nhu cầu chính đáng của tầng lớp người này hay giai cấp khác, cũng không chỉ đừng lại ở chỗ góp phần giải quyết các mối quan hệ xã hội, mà điều có ý nghĩa hơn, là góp một phần rất quan trọng cho việc xây dựng một xã hội có những chuẩn mực và giá trị tốt đẹp từ con người và vì con người, một xã hội văn minh, hạnh phúc.

Về phương pháp tiếp cận để nhận thức chuẩn mực xã hội, giá trị xã hội và định hướng giá trị mới, các nhà khoa học đều nhất trí quan điểm nhìn nhận phạm trù này ở trạng thái động, theo hướng mở. Việc làm sáng tỏ nội dung, hình thức, bản chất, đặc trưng và sự tương tác giữa các định chuẩn, các chuẩn mực, các giá trị và hệ giá trị, không chỉ do yêu cầu quản lý và thiết lập chính sách xã hội nhất thời đòi hỏi. Trên một ý nghĩa rộng và sâu hơn, việc làm sáng tỏ nội dung khoa học của các khái niệm này sẽ giúp giải quyết nhiều vấn đề cơ bản hơn và lâu dài hơn liên quan đến sự phát triển phong phú và toàn diện của các mối quan hệ giữa các cá nhân và nhóm xã hội, với cộng đồng dân tộc truyền thống, với thời đại và loài người.

Xem xét chuẩn mực xã hội và hệ thang giá trị ở nước ta hiện nay, các diễn giả đều quan tâm đến sự chuyển đổi theo hướng thuận và nghịch để có giá trị đích thực hay phản giá trị ở các đối tượng, đặc biệt ở thanh niên, ở nông dân, ở trí thức... Nhiều báo cáo đi sâu phân tích các đối tượng này dựa vào các số liệu có được qua các cuộc khảo sát xã hội học. Có báo cáo đi sâu phân tích diễn tiến quá trình thay đổi chuẩn mực thẩm mỹ ở xã hội ta hiện nay trên hai lĩnh vực : đời sống hàng ngày và hoạt động văn hóa nghệ thuật.

Nhìn nhận chuẩn mực xã hội, giá trị xã hội trong mối quan hệ với chính sách xã hội, nhiều người nêu ý kiến cần xem xét nó trên các bình diện nghiên cứu, hoạch định chính sách, vận dụng và thực hiện chính sách. Chú ý cả hai lực

Digitized by Google

lượng chủ thể và khách thể, đặc biệt là sự hồi âm của khách thể được hưởng chính sách. Mối quan hệ này cần được giải đáp trên cơ sở những điều kiện, tiền đề để xây dựng chính sách xã hội sao cho có khả năng định hướng giá trị xã hội và hình thành chuẩn mực xã hội. Tìm một cơ chế, một con đường vận hành để đưa đến hiệu quả tích cực hình thành được chuẩn mực và định hướng giá trị phù hợp với quy luật tiến bộ và phát triển. Để làm được việc này, có ý kiến nêu :

Một là, thể chế hóa đến mức tối đa các chính sách xã hội, trước hết là các chính sách xã hội chủ yếu hiện nay. Đây là một trong những điều kiện cơ bản nhất, vì mọi chính sách xã hội chỉ có thể được thực hiện và phát huy tác dụng khi nó được xác lập dưới một hình thức pháp luật nhất định và được bảo đảm bằng một cơ chế thích hợp. Về điều kiện này, cần chú ý một số điểm : a) Nâng cao tính pháp lý của các chính sách xã hội ; b) Xây dựng hệ thống các quy chế, điều lệ hướng dẫn kịp thời, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể từng nơi, từng đối tượng ; c) Củng cố các cơ quan thi hành và kiểm tra pháp luật.

Hai là, xây dựng các chương trình quốc gia trên một số lĩnh vực xã hội quan trọng nhất. Các chương trình này nhằm vào các đối tượng cơ bản của xã hội để tác động.

Ba là, xây dựng cơ chế và quy trình thích hợp để đưa chính sách xã hội vào dân ; trước hết phải được thực hiện và có tác động trong dân, đồng thời nghe được hồi âm của dân, đánh giá được tác động của nó và kịp thời sửa đổi, bổ sung những điểm cần thiết. Muốn vậy, phải coi trọng việc xã hội hóa công tác xã hội và chú ý củng cố lực lượng cơ sở (gia đình, làng xã, hương bản...) ; cần có biện pháp phối hợp liên ngành để tăng cường thông tin và tăng hiệu quả của chính sách xã hội.

Cũng có báo cáo đi sâu bàn về mối quan hệ của giá trị với một chính sách cụ thể là chính sách giáo dục, để nêu bật yếu tố "con người" là giá trị cao nhất của mọi giá trị". Giáo dục thực hiện chức năng đào tạo con người, tức tạo ra giá trị cao nhất ở mỗi con người, bằng cách làm cho người học tiếp thu càng nhiều càng tốt những giá trị cao quý. Vì vậy, cần đặc biệt coi trọng chính sách giáo dục - một chính sách có tác động rất mạnh và rộng rãi đến cộng đồng xã hội.

KẾT QUẢ GIẢI BÁO CHÍ TOÀN QUỐC NĂM 1992 CỦA HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

Giải báo chí toàn quốc năm 1992 của Hội nhà báo Việt nam đã được các cấp Hội, các cơ quan báo chí và các nhà báo trong cả nước nhiệt liệt tham gia. 143 tác giả đã gửi 308 tác phẩm tham dự cuộc thi. Qua hai vòng sơ khảo và chung khảo, làm việc với tinh thần nghiêm túc và ý thức trách nhiệm cao, khách quan, đúng Điều lệ, Ban tuyển chọn và Hội đồng giải báo chí toàn quốc năm 1992 đã chọn trao giải cho 10 tác giả (và nhóm tác giả) có tên dưới đây (xếp theo vần A, B, C) :

1 - Vũ Điều, báo **Quảng ninh**, với các tác phẩm : "Những câu hỏi cần lời giải đáp" và "Về sự kiện nhà sàng".

2 - Vũ Hiển, **Tạp chí Cộng sản**, với các tác phẩm : "Thời cơ đâu dễ chớp" và "Thế giới sau Liên xô sụp đổ".

3 - Mai Lan (nữ), báo **Sài gòn giải phóng**, với tác phẩm : "Bài toán còn nhiều ẩn số".

4 - Phan Hải Nam, báo **Quân đội nhân dân**, với tác phẩm : "Chúng tôi chiến sĩ Trường sa".

5 - Trần Thiên Niên, **Đài tiếng nói Việt nam**, với tác phẩm trên sóng phát thanh : "Vì sao Điện quang đứng vững" và "Bom nguyên tử và nhân quyền".

6 - Vũ Thị Tuyết Nhung, **Đài phát thanh - truyền hình Hà nội**, với các tác phẩm trong chuyên mục truyền hình : "Địa chỉ của những tấm lòng từ thiện".

7 - Nhóm tác giả : Thanh Phong, Thanh Tuấn, Đức Đàm, **Đài truyền hình Tiền giang** với tác phẩm truyền hình : "Sức sống".

8 - Nhóm tác giả : Lâm Thành Quý, Lê Hồng Sơn, **Đài truyền hình thành phố Hồ Chí Minh**, với tác phẩm gồm 3 phần : "Hàng lậu, tai họa mất nước", "Nhớ lại và suy nghĩ khi tiếp cận", "Hàng lậu qua biên giới".

9 - Nhóm tác giả : Phạm Trung Thành, Nguyễn Anh Tuấn, Kim Quang, **Đài phát thanh - truyền hình Hà tĩnh** với tác phẩm : "Điều bất hạnh không đến".

10 - Lê Huyền Thông, báo **Nhân dân**, với các tác phẩm : "Buôn lậu, một tai họa đáng báo động" và "Đổi mới và xây dựng Đảng ở thành phố Hồ Chí Minh".

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CHOLIMEX

XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN HẢI SẢN VÀ THỰC PHẨM XUẤT KHẨU

23 - 25 An điềm - phường 10 quận 5.TP.Hồ Chí Minh
ĐT : 550647 - 551908
TELEX : 811461 CHOLIMEX - VT
FAX : 84-8-555682



Chuyên sản xuất, gia công, kinh doanh :
- Thủy hải sản khô và đông lạnh : Tôm, cá, mực, nghêu, sò
- Thực phẩm chế biến : Tương ớt, tương cà, nước tương, nước mắm, Sirop.
- Rượu thuốc TRƯỜNG XUÂN TỬU

Thị trường : Tiêu thụ nội địa và xuất khẩu :
HONGKONG, ĐÀI LOAN, PHÁP, Ý, NHẬT, KHỐI ĐÔNG ÂU.

Tương ớt CHOLIMEX

Sản [illegible]m đạt huy chương vàng Hội chợ quốc tế hàng công nghiệp 1993

Digitized by Google

NHÀ MÁY LEN
VĨNH THỊNH
VINH THINH WOOL PRODUCT FACTORY



Nhà máy len Vĩnh Thịnh thành lập năm 1971, từ những năm 1976-1992 đã liên tục nâng cấp máy móc thiết bị, đổi mới phương pháp quản lý và qui trình công nghệ, chăm lo đào tạo tay nghề, thường xuyên nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng với yêu cầu của khách hàng và thị trường, được Nhà nước cấp dấu chất lượng cấp 1.

- Công suất hiện có 3.224 cọc sợi - tương đương sợi với 420 tấn/năm loại sợi chi số Nm 2/34.
- Nguyên liệu chính : Acrylic top, Wool, Polyester,
- Sản phẩm: Sợi Acrylic, Worsted, A/W, W/PE và các loại áo dệt, áo đan.

Ngoài ra nhà máy có nhận gia công các loại sợi, áo và sẵn sàng hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị sản xuất trong ngoài nước có yêu cầu

Địa chỉ : Phước Long - huyện Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 965151 - 963444
Giám đốc : TRẦN ĐÌNH TẤN

NHÀ MÁY LEN VĨNH THỊNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG Ở MỌI THỊ TRƯỜNG KHÁC NHAU

Digitized by Google

Seaprodex Vietnam



Trụ sở Tổng CTy Seaprodex VN
2.4.6 Đồng Khởi Q.1 TP. HCM

Tổng Công ty sản xuất - kinh doanh - dịch vụ xuất nhập khẩu thủy sản và thương mại tổng hợp, bao gồm các loại hình doanh nghiệp quốc doanh, cổ phần, liên doanh trong ngoài nước với:

** Các xí nghiệp chế biến đông lạnh, hàng khô, đồ hộp và tươi sống bằng kỹ thuật tiên tiến.

** Các đơn vị chế tạo thiết bị lạnh, vận tải biển, kho lạnh, sản xuất bao bì và xây dựng.

** Các dịch vụ tài chính tín dụng, kiểm tra chất lượng sản phẩm, thông tin và quảng cáo, du lịch,...

** Nhận ủy thác xuất, nhập khẩu hàng hóa và vật tư thiết bị cho mọi thành phần kinh tế.

SEAPRODEX VIỆT NAM ĐÃ CÓ QUAN HỆ LIÊN DOANH - LIÊN KẾT TRONG NGOÀI NƯỚC TỪ NHIỀU NĂM NAY, CÓ UY TÍN TRONG BUÔN BÁN VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ VỚI CÁC CÔNG TY NƯỚC NGOÀI

Mọi quan hệ xin tiếp xúc tại :

- Trụ sở chính : 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, Q.1, TP. HCM
  ĐT : 290513 - 297214 - 293494, FAX : 84-8-290146
- Ở phía Bắc : **CÔNG TY SEAPRODEX HÀ NỘI**
  42 Đường Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
  ĐT : 344437 - 345678
- Ở miền Trung: **CÔNG TY SEAPRODEX ĐÀ NẴNG**
  263 Đường Phan Châu Trinh, TP. Đà Nẵng
  ĐT : 21436 - 21984
- Ở phía Nam : **CÔNG TY SEAPRODEX SÀI GÒN**
  87 Hàm Nghi, Q.1, TP. HCM
  ĐT : 291807 - 291335
- **CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN (SEAFIC)**
  87 Hàm Nghi, Q.1, TP. HCM
  ĐT : 222750 - 296482
- **CÔNG TY THÔNG TIN & QUẢNG CÁO SEAPRODEX**
  87 Hàm Nghi, Q.1. TP. HCM
  ĐT : 293490 - 293601
- **TRUNG TÂM KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG THỦY SẢN XUẤT KHẨU (KCS)**
  21 Ngô Đức Kế, Q.1, TP. HCM
  ĐT : 297225 - 225115



CTy Seaprodex Hà Nội 42 Láng Hạ Q. Đống Đa Hà Nội

Digitized by Google

In tại Nhà in Nhân dân Hà Nội II Chỉ số 12651 - ISSN 0866 - 7276 Giá 2000đ

Digitized by Google


Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản



2
1994

UNIV. OF MICH.
MAR 2 2 1994
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

TOÀN ĐẢNG,
TOÀN QUÂN VÀ
TOÀN DÂN TA ĐỒNG
TÂM NHẤT TRÍ, ĐOÀN KẾT
MỘT LÒNG, QUYẾT TÂM PHẤN ĐẤU
THỰC HIỆN THÀNH CÔNG NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI VII, ĐƯA SỰ NGHIỆP
ĐỔI MỚI TIẾN LÊN GIÀNH
NHỮNG THẮNG LỢI TO
LỚN HƠN
NỮA.

NHIỆT LIỆT
CHÀO MỪNG THÀNH
CÔNG CỦA HỘI NGHỊ
ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
GIỮA NHIỆM KỲ
CỦA ĐẢNG !

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM !

Nhân dịp năm mới 1994 và Tết cổ truyền Giáp Tuất, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản trân trọng gửi đến các đồng chí và các bạn lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Kính chúc các đồng chí, các bạn cùng gia đình dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và đạt nhiều thành tích mới.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

2 - 1994 NĂM THỨ BỐN MƯƠI (457)

MỤC LỤC

Phấn đấu thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng	XÃ LUẬN - Đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn nữa	3
	Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ Đảng cộng sản Việt nam.	6
	Báo cáo Chính trị của BCHTW Đảng (do đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười trình bày tại Hội nghị)	7
	Đồng chí Đào Duy Tùng gặp mặt và nói chuyện thân mật với Hội nghị cộng tác viên của *Tạp chí Cộng sản*	27
Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thời đại chúng ta	NGUYỄN HỮU CÁT và NGUYỄN VIỆT THẢO - Về các phương pháp tiếp cận lịch sử và thời đại	30
	NGUYỄN KHẮC HIẾN - Kinh tế thị trường và con đường xã hội	34
	TRỊNH TẤT ĐẠT - Tiếp tục đẩy mạnh kinh tế cơ nước ta	39
	LÊ HỮU NGHĨA - Giữ vững ổn định chính trị và đổi mới hệ thống chính trị	42
	TIỀN HẢI - Một biểu hiện quan trọng của bản chất Đảng ta : gắn bó mật thiết với nhân dân	45
Nghiên cứu - Trao đổi	VŨ XUÂN KIỀU - Chuyển dịch cơ cấu các thành phần kinh tế ở nước ta	50
	LÊ QUANG THÀNH - Giữ gìn an ninh trong điều kiện kinh tế thị	53
	BÙI NGỌC TRÌNH - Vấn đề thẩm định các chuẩn mực và giá trị xã hội	58
Thực tiễn - Kinh nghiệm	LÊ VĂN TU - Thanh hóa : Để tiếp tục ổn định và phát triển	62
	PHAN VĂN TRANG - Đồng nai phát triển kinh tế công nghiệp	65
	VŨ TUYÊN - Đổi mới ở vùng dân tộc huyện Yên bình	69
Thế giới : vấn đề, sự kiện	VŨ HIỀN - Thắng lợi mới của các lực lượng cộng sản	72
Qua sách báo sách ngoài	*** Cuộc đấu tranh chống tham nhũng ở Trung quốc	75
Tìm hiểu khái niệm	"Diễn biến hòa bình" trên các lĩnh vực : chính trị - tư tưởng, kinh tế và văn hóa - xã hội	77
	Bìa 1 : Hoa Hướng dương	
	Ảnh : Trần Thành Công	

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà Nội. Dây nói : 52061 - 52062

Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP Hồ Chí Minh. Dây nói : 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

● **Всемерно воплощать в жизнь Решение межсъездовского партийного конгресса*** Передовая - Продвигать вперёд дело обновления, обеспечить ему больших успехов. Решение межсъездовского партийного конгресса. Политический отчёт ЦК партии, докладчик - Генеральный секретарь КПВ До Мыой. Выступление с дружеской речью тов. Дао Зюи Тунга на конференции внештатных сотрудников *"Коммунистического журнала"* ● **Марксизм–ленинизм и наша эпоха*** НГУЕН ХЫУ КАТ и НГУЕН ВЬЕТ ТХАО - О методах познавания истории и современности. НГУЕН КХАК ХИЕН - Рыночное хозяйство и социальная справедливость. ЧИНЬ ТАТ ДАТ - Впредь активизировать внешнюю экономику. ЛЕ ХЫУ НГИА - Обеспечить политическую стабильность и обновить политическую систему. ТЬЕН ХАЙ - О черте, составляюшей сущность нашей партии : его тесной взаимосвязи с народом ● **Исследования–Обмен мнениями*** ВУ СУАН КИЕУ - Модификация структуры хозяйственных укладов в нашей стране. ЛЕ КУАНГ ТХАНЬ - Обеспечивать безопасность в условиях открытой экономики ● **Мир : проблемы и факты*** ВУ ХИЕН - Новая победа коммунистических сил.

CONTENTS

● **Striving to implement the Resolution of the Mid-term National Conference of the CPV*** Editorial - Pushing the cause of renovation forward in order to gain more significant achievements. The Resolution of the Mid-term National Conference of the CPV. The political report of the Central Executive Committee of the CPV presented by Secretary General Đỗ Mười at the Conference. The meeting and close talking of Mr Đào Duy Tùng at the cooperators' conference of *Communist Review*. ● **Marxism-Leninism and our time*** NGUYỄN HỮU CÁT and NGUYỄN VIỆT THẢO - Methods of approach to the history and era. NGUYỄN KHẮC HIỀN - The market economy and social fairness. TRỊNH TẤT ĐẠT - Keeping on developing the foreign economy. LÊ HỮU NGHĨA - Holding political stability and renovating political system. TIẾN HẢI - An important manifestation of Party's nature: being in close ties with the people. ● **Research-Exchange of Views*** VŨ XUÂN KIỀU - The structure transferring of economic sectors in our country. LÊ QUANG THÀNH - Defending the security in the condition of the open economy. ● **The World: Its Problem and Facts*** VŨ HIỀN - New victories of communist forces.

SOMMAIRE

● **S'efforcer à mettre en œuvre les Résolutions de la Conférence nationale de mi-mandat du 7e Congrès du Parti*** Editorial - Amener l'œuvre de renouveau vers de nouveaux succès plus éclatants. Résolutions de la Conférence nationale de mi-mandat du 7e Congrès du Parti. Rapport politique du C.C présenté par le Secrétaire général Đỗ Mười. Rencontre et entretien entre le Camarade Đào Duy Tùng avec la Réunion des collaborateurs de *"la Revue du Communisme"*. ● **Maxixme-Léninisme et notre époque*** NGUYỄN HỮU CÁT et NGUYỄN VIỆT THẢO - Sur les méthodes d'approche historique et contemporain. NGUYỄN KHẮC HIỀN - L'économie de marché et la justice sociale. TRỊNH TẤT ĐẠT - Continuer à intensifier l'économie extérieure. LÊ HỮU NGHĨA - Bien maintenir la stabilité politique et rénover le système politique. TIẾN HẢI - Une manifestation importante de la nature de notre parti : s'attacher étroitement au peuple. ● **Etudes-Echanges*** VŨ XUÂN KIỀU - Transformer la structure des composantes économiques au Vietnam. LÊ QUANG THÀNH - Défendre la sécurité dans les circonstances de l'ouverture économique. ● **Le Monde : Problèmes, événements*** VŨ HIỀN - Nouvelles victoires des forces communistes.

SUMARIO

● **Esforzarse por materializar las Resoluciones del VII Congreso intermedio del Partido*** Editorial - Llevar la renovación a la victoria más grande. Resoluciones del VII Congreso intermedio del Partido Comunista de Vietnam. Informe político del C.C del Partido presentado por su Secretario General Đỗ Mười. Encuentro fraternal entre el camarada Đào Duy Tùng y los colaboradores de la Revista *El Comunismo*. ● **El Marxismo-Leninismo y nuestra época*** NGUYỄN HỮU CÁT y NGUYỄN VIỆT THẢO - Sobre la metodología del acercamiento a la historia y la época. NGUYỄN KHẮC HIỀN - La economía de mercado y la igualdad social. TRỊNH TẤT ĐẠT - Continuar a intensificar la economía exterior. LÊ HỮU NGHĨA - Mantener la estabilidad política y renovar el sistema político. TIẾN HẢI - Estrecha cohesión al pueblo : una importante manifestación de la naturaleza del Partido. ● **Estudios-Intercambios*** VŨ XUÂN KIỀU - Modificación de la estructura de los sectores económicos en Vietnam. LÊ QUANG THÀNH - Mantener la seguridad en las condiciones económicas de abertura. ● **El Mundo : Problemas y acontecimientos*** VŨ HIỀN - Nuevas victorias de las fuerzas comunistas.

目錄

● 爲實現黨的兩屆大會間的全國代表會議決議而奮鬥★社論— 進一步推進改革事業發展、爭取更巨大的勝利· 黨總書記杜梅在黨的兩屆大會間的全國代表會議上所做的政治報告· 陶維松同志在《*共產雜誌*》合作者會議上與合作者親切會談並發表講話● 馬列主義與我們時代★阮有吉、阮曰操— 關于接近歷史和時代的方法· 阮克賢— 市場經濟與社會公平· 鄭必達— 繼續推進對外經濟· 黎有義— 維持政治穩定和改革政治系統· 進海— 我黨本質的重要表現: 與人民密切相連● 研究與交換★武春喬— 我國各經濟成份機構的轉換· 黎光成— 在經濟開放條件下維持安寧● 問題與事件★武賢— 共產黨力量的新勝利。

Digitized by Google

Xã luận

ĐƯA SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI TIẾN LÊN GIÀNH THẮNG LỢI TO LỚN HƠN NỮA

MỘT tin vui lớn đến với toàn đảng toàn dân ta giữa những ngày chuẩn bị mừng sinh nhật Đảng và đón Tết xuân này : Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng (họp từ 20 đến 25-1-1994 tại Hà nội) đã thành công tốt đẹp. Với 647 đại biểu của 64 đảng bộ trực thuộc Trung ương và với sự tham gia của ba đồng chí cố vấn BCH TƯ Đảng, Hội nghị đã thảo luận và quyết định nhiều vấn đề trọng đại. Hội nghị đã đánh giá nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, tổng kết một bước quá trình đổi mới từ Đại hội VI đến nay, làm sáng tỏ thêm một số vấn đề quan trọng về đường lối, quan điểm trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đề ra những chủ trương và giải pháp lớn nhằm đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa. Đại hội cũng đã bầu bổ sung 20 ủy viên BCHTƯ Đảng.

Đây là lần đầu tiên Đảng ta tiến hành hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ theo Điều lệ mới của Đảng, thể hiện một phong cách làm việc mới theo tinh thần dân chủ. Có thể nói, họp hội nghị giữa nhiệm kỳ là một cơ chế bảo đảm sinh hoạt dân chủ, phát huy tính năng động, chống trì trệ ở trong đảng.

*

Hội nghị nhận định rằng, từ sau Đại hội VII, tình hình thế giới có những diễn biến rất nhanh chóng và phức tạp, sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta một lần nữa lại phải trải qua những thử thách hết sức gay gắt, có lúc hiểm nghèo. Nhưng nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý tích cực của Nhà nước và sự nỗ lực phấn đấu của toàn dân, đất nước ta đã vượt qua được mọi khó khăn thử thách. Đến nay, mặc dù còn nhiều khó khăn, khuyết điểm và tồn tại, chúng ta đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng an ninh, mở rộng đáng kể quan hệ đối ngoại, tạo ra những tiền đề cần thiết để **đưa nước ta chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới** *- thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

Những thành tựu ấy chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, bước đi của chúng ta là thích hợp. Đảng và Nhà nước ta tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Bài học kinh nghiệm sâu sắc đối với chúng ta là : phải **giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa** *trong quá trình đổi mới, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới ; tiến hành đổi mới toàn diện, đồng bộ, nhưng phải* **có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp ; luôn luôn giữ vững sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước** *trong quá trình phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa ; phát* **hiện kịp thời và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới này sinh,** *chú ý tổng kết thực tiễn và không ngừng hoàn chỉnh lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.*

Để củng cố vững chắc những thành quả đã đạt được, từng bước đưa đất nước chuyển sang một thời kỳ phát triển mới, toàn đảng toàn dân ta cần nhận rõ cục diện tình hình, thấy hết thành tựu và khó khăn, thời cơ và thách thức. Thách thức lớn hiện nay là nền kinh tế nước ta còn rất yếu kém, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt, do đó có nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước chung quanh, kéo theo những hậu quả xấu về công ăn việc làm và đời sống, về lòng tin và sự ủng hộ của nhân dân đối với chế độ, về khả năng quốc phòng, an ninh. Trong khi đó các thế lực thù

Digitized by Google

địch vẫn đang ra sức thực hiện "diễn biến hòa bình" chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Đảng và Nhà nước ta còn có những mặt yếu kém, chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của cách mạng ; nếu không chú ý khắc phục những lệch lạc trong chỉ đạo thực hiện cương lĩnh và đường lối thì có nguy cơ đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Nạn tham nhũng, và tệ quan liêu rất nặng nề.

Tuy nhiên, chúng ta có cơ sở để tin rằng, với truyền thống rất đỗi quật cường, nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo dày dạn kinh nghiệm của Đảng ta, nhất định sẽ nêu cao ý chí tự lực tự cường, trí thông minh sáng tạo, vượt qua được mọi thử thách, tận dụng được mọi thời cơ để tạo ra những bước ngoặt lịch sử trong sự phát triển của đất nước.

Phương hướng phát triển quan trọng của nước ta trong những năm sắp tới được Hội nghị đại biểu chỉ rõ tập trung vào mấy lĩnh vực trọng yếu sau đây :

- Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, *nhằm tạo thêm nhiều công ăn việc làm, đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, từ đó tăng cường ổn định chính trị, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và giữ vững định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa. Đây thực sự là nhiệm vụ chiến lược có tầm quan trọng hàng đầu về kinh tế ở nước ta. Ngày nay chúng ta hiểu công nghiệp hóa không phải chỉ là tăng thêm một cách giản đơn tốc độ và tỷ trọng của sản xuất công nghiệp, mà là một quá trình chuyển dịch cơ cấu gắn với đổi mới công nghệ, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững và có hiệu quả cao của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Đảng và Nhà nước sẽ cân nhắc, tính toán kỹ phương hướng, quy mô, bước đi sao cho phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tế của đất nước.*

- Thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, tạo động lực và môi trường thuận lợi hơn nữa cho các thành phần, các loại hình doanh nghiệp phát triển nhanh và có hiệu quả cao. *Xây dựng và củng cố các doanh nghiệp nhà nước ở những ngành, những lĩnh vực then chốt để đóng vai trò chủ đạo và làm nòng cốt hướng dẫn, giúp đỡ các thành phần kinh tế khác phát triển đúng hướng. Đổi mới cơ bản tổ chức và cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước, thực hiện các hình thức cổ phần hóa, chia lợi nhuận... phù hợp với tính chất và lĩnh vực sản xuất kinh doanh để thu hút thêm các nguồn vốn, tạo nên động lực, ngăn chặn tiêu cực, thúc đẩy doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả hơn.*

Kinh tế hợp tác, cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân, liên doanh với nước ngoài cần tiếp tục được giải tỏa khỏi những ngăn chặn, cấm đoán phi pháp, những thủ tục hành chính phiền hà để phát triển mạnh hơn nữa. Mặc khác, Nhà nước có các biện pháp tăng cường kiểm kê, kiểm soát, hướng dẫn, điều tiết để ngăn chặn và khắc phục tình trạng kinh doanh trái pháp luật, buôn lậu, trốn thuế,... có thể dẫn đến đi chệch đường lối của Đảng và Nhà nước.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, xây dựng đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. *Sự quản lý điều tiết của Nhà nước phải bao quát toàn bộ nền kinh tế, các thành phần kinh tế, chứ không phải chỉ riêng khu vực quốc doanh. Nó thể hiện trước hết ở việc giữ ổn định về chính trị, bảo đảm môi trường hòa bình cho các hoạt động kinh tế ; xây dựng hệ thống luật pháp, tạo đủ khuôn khổ pháp lý cho các hoạt động kinh tế ; xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các chương trình dài hạn và các cân đối lớn để định hướng cho sự phát triển kinh tế - xã hội ; áp dụng các cơ chế và chính sách cần thiết, nhất là về tài chính, tín dụng, giá cả, dịch vụ thông tin, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ... để dẫn dắt, hỗ trợ các hoạt động kinh tế đi đúng hướng ; thực hiện chính sách điều tiết và phân phối thu nhập bảo đảm công bằng xã hội ; quản lý tài sản và tài nguyên quốc gia, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.*

- Chăm lo các vấn đề văn hóa, xã hội, *nhằm chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người với tư cách vừa là động lực vừa là mục tiêu của công cuộc xây dựng xã hội mới. Đặc biệt chú ý các vấn đề : việc làm, công bằng xã hội, nâng cao dân trí, lành mạnh hóa xã hội, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Thực hiện phân phối theo lao động là chính, đãi ngộ xứng đáng các tài năng ; đồng thời mở rộng phúc lợi xã hội, chăm sóc tốt những người có công với nước, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ những người nghèo, vùng nghèo.*

Đấu tranh chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội một cách kiên quyết, triệt để trong toàn bộ bộ máy, ở tất cả các cấp, các ngành, bằng một hệ thống các biện pháp đồng bộ, kết hợp việc xử lý, giải quyết trước mắt với việc ngăn ngừa, giải quyết cơ bản, từ gốc.

- Bảo đảm quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại *. Đề cao cảnh giác, tích cực*

Digitized by Google

củng cố các cơ sở chính trị và phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân. Tăng cường quản lý nhà nước về trật tự xã hội, chống các tội phạm. Nâng cao chất lượng hoạt động của các lực lượng quốc phòng và an ninh.

Tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa và đa phương hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Đổi mới hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. *Xây dựng và từng bước hoàn thiện nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân và vì dân, quản lý mọi mặt của đời sống xã hội bằng pháp luật và theo pháp luật. Có cơ chế bảo vệ quyền con người, các quyền cơ bản của công dân nêu trong Hiến pháp. Thiết lập trật tự kỷ cương xã hội, phát huy dân chủ đi đôi với đấu tranh chống các biểu hiện vô chính phủ, lợi dụng dân chủ để gây rối làm tổn hại lợi ích chung, kiên quyết trừng trị những hành vi phá hoại, phản động.*

Thực hiện rộng rãi chính sách đại đoàn kết dân tộc, tập hợp tất cả mọi người Việt nam yêu nước ở trong nước và ở nước ngoài, phấn đấu vì một nước Việt nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh. Mặt trận Tổ quốc Việt nam và các đoàn thể chính trị xã hội cần hướng hoạt động vào các mục đích đó.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng để nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm nhiệm vụ là vấn đề then chốt bảo đảm cho công cuộc đổi mới đi đúng hướng và đạt thành tựu to lớn hơn. Cần tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương ba về xây dựng Đảng. Đặc biệt chú trọng củng cố sự thống nhất về tư tưởng trong Đảng, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng. Bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên ý chí kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; phê phán, uốn nắn những quan điểm lệch lạc, những nhận thức mơ hồ, khắc phục những biểu hiện cơ hội, hữu khuynh và giáo điều, bảo thủ. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, trước hết là quan niệm và phương pháp đánh giá, tuyển chọn, sử dụng và bố trí cán bộ theo hướng thật sự dân chủ và trọng dụng nhân tài. Đồng thời đẩy mạnh việc chỉnh đốn tổ chức bộ máy, đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên và tổ chức cơ sở đảng.

*

Các quyết định của Hội nghị đại biểu toàn quốc là sự cụ thể hóa, bổ sung và phát triển Nghị quyết Đại hội VII của Đảng. Nó kết tinh trí tuệ của toàn đảng, tổng kết chắt lọc từ thực tiễn, có tiếp thụ ý kiến đóng góp của nhân dân. Cùng với các nghị quyết khác của Trung ương, nó là cơ sở tư tưởng, nhận thức và hành động của toàn đảng ta, đồng thời là sự định hướng đi lên của đất nước ta. Để cho Nghị quyết của Hội nghị đi vào cuộc sống, biến thành hiện thực, các cấp ủy đảng, toàn thể cán bộ, đảng viên cần nghiên cứu, quán triệt một cách nghiêm túc, sâu sắc để thống nhất nhận thức, thống nhất quan điểm, thống nhất hành động. Mọi cán bộ, đảng viên đều phải nói và làm theo nghị quyết Đảng. Nhà nước sớm thể chế hóa các quyết định của Đảng thành các cơ chế, chính sách, chương trình hành động để toàn dân thực hiện. Trong dịp tiến hành hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ ở các cấp (từ huyện quận trở lên) sắp tới, các cấp ủy đảng cần vận dụng sáng tạo Nghị quyết Hội nghị toàn quốc của Đảng và các chính sách, kế hoạch của Nhà nước để đề ra những chủ trương, giải pháp sát hợp với tình hình địa phương, chú trọng những khâu then chốt, cấp bách, tập trung chỉ đạo thực hiện một cách kiên quyết, có hiệu quả.

***Chúng ta** tin tưởng rằng, toàn đảng toàn dân ta đồng tâm nhất trí, đoàn kết một lòng, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước, phấn đấu thực hiện tốt những nhiệm vụ mà Hội nghị đại biểu Đảng đề ra, nhất định chúng ta sẽ vượt qua được mọi khó khăn thử thách, đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa.*

Digitized by Google

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC GIỮA NHIỆM KỲ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng họp từ ngày 20-1-1994 đến ngày 25-1-1994, tại Hà nội.

QUYẾT NGHỊ

1 - Thông qua Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành trung ương do đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười trình bày tại Hội nghị.

2 - Giao cho Ban chấp hành trung ương căn cứ vào kết quả biểu quyết và những ý kiến của Hội nghị mà Đoàn chủ tịch đề nghị tiếp thụ để chỉnh lý văn bản trước khi công bố chính thức.

Hà nội, ngày 25-1-1994

HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC GIỮA NHIỆM KỲ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

✱ Tại Hội nghị BCH TƯ Đảng họp từ ngày 17 đến ngày 18-1-1994, các đồng chí sau đây đã được bầu bổ sung vào Bộ chính trị : ***Lê Khả Phiêu, Nguyễn Mạnh Cầm, Đỗ Quang Thắng, Nguyễn Hà Phan.***

✱ Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng, 20 đồng chí sau đây được bầu bổ sung vào BCH TƯ Đảng (khóa VII) : ***Đào Trọng Lịch***, Thiếu tướng, Tư lệnh Quân Khu 2 ; ***Phan Diễn***, Chánh văn phòng TƯ Đảng ; ***Sô Lây Tăng***, Bí thư Tỉnh ủy Kon tum ; ***Bùi Quang Huy***, Bí thư Tỉnh ủy Trà vinh ; ***Lư Văn Điền***, Bí thư Tỉnh ủy Cần thơ ; ***Hồ Đức Việt***, Bí thư thứ nhất TƯ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh ; ***Lê Mai***, Thứ trưởng Bộ ngoại giao ; ***Nguyễn Thế Trị***, Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 3 ; ***Đặng Thành Học***, Bí thư Tỉnh ủy Minh hải ; ***Hoàng Thừa***, Bí thư Tỉnh ủy Hà giang ; ***Trương Công Thận***, Bí thư Tỉnh ủy An giang ; ***Trần Văn Vụ***, Bí thư Tỉnh ủy Sóc trăng ; ***Đinh Trung***, Bí thư Tỉnh ủy Bình thuận ; ***Nguyễn Phú Trọng***, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản ; ***Hà Mạnh Trí*** , Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban pháp luật của Quốc hội ; ***Lê Thanh Đạo***, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ; ***Tô Xuân Toàn***, Bí thư Tỉnh ủy Ninh bình ; ***Thái Phụng Nê***, Bộ trưởng Bộ năng lượng ; ***Võ Văn Cương***, Thường vụ Thành ủy, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh ; ***Hoàng Văn Nghiên***, Thành ủy viên, Giám đốc Công ty điện tử Hà nội.

Digitized by Google

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ

CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG TẠI HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC GIỮA NHIỆM KỲ CỦA ĐẢNG

(Do đồng chí Tổng Bí thư ĐỖ MƯỜI trình bày)



Thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương,

Thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa các đồng chí,

THAY mặt Ban Chấp hành Trung ương, tôi xin đọc Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng.

Đại hội VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới, tạo ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội VII tổng kết 5 năm thực hiện đổi mới, thông qua Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chỉ ra phương hướng tiến hành công cuộc đổi mới sâu rộng và đồng bộ.

Từ sau Đại hội VII, tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng và phức tạp. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu sụp đổ. Độc lập, chủ quyền của một số quốc gia đang bị thách thức bởi chính sách cường quyền và áp đặt. Các thế lực thù địch ra sức hoạt động chống phá công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Sự nghiệp cách mạng của chúng ta một lần nữa lại trải qua những thử thách gay go.

Tuy nhiên, trên thế giới cũng xuất hiện những nhân tố thuận lợi mới: ý chí và sức mạnh đấu tranh cho độc lập, tự chủ của các dân tộc tăng lên; xu thế hợp tác phát triển mở rộng trong đời sống cộng đồng quốc tế; từ thất bại tạm thời, các lực lượng cách mạng rút ra những bài học quý giá. Những thành tựu đổi mới ở nước ta đã tạo thêm thế và lực để nhân dân ta khắc phục khó khăn, tranh thủ thời cơ xây dựng đất nước.

Trước thách thức mới và cơ hội mới, Đảng và nhân dân ta đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng. Các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2, 3, 4 và 5 đã cụ thể hóa và phát triển đường lối Đại hội VII, giải quyết một loạt vấn đề cụ thể trên nhiều lĩnh vực đối nội và đối ngoại, phù hợp với tình hình đang diễn biến và thực tiễn cuộc sống. Chúng ta đã kiên trì công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng dân chủ, giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh, quốc phòng, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, từng bước phá thế bị bao vây, cấm vận.

Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và tổng kết một bước thực tiễn đổi mới từ

Digitized by Google

Đại hội VI đến nay, nhằm làm sáng tỏ thêm một số vấn đề trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, xác định những chủ trương và giải pháp lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên.

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VII

I - THÀNH TỰU

1 - *Thành tựu to lớn có ý nghĩa hàng đầu là* đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Cuộc khủng hoảng nảy sinh từ cuối thập kỷ 70 đầu thập kỷ 80, kéo dài suốt mười mấy năm liền, gay gắt nhất là những năm 1986 - 1988 khi lạm phát lên tới mức phi mã, ở thời điểm năm 1991 lại thêm một lần thử thách hiểm nghèo.

Song, với cố gắng to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, nền kinh tế nước ta không những đứng vững mà còn đạt được những thành tựu nổi bật, *khắc phục được nhiều mặt đình đốn, suy thoái, tốc độ tăng trưởng khá và liên tục trong 3 năm qua.*

Lạm phát được đẩy lùi, từ 67% năm 1991 xuống 17,5% năm 1992 và còn 5,2% năm 1993.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hàng năm 7,2% (mức đề ra cho 5 năm 1991 - 1995 là 5,5 - 6%). Sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện; vấn đề lương thực được giải quyết tốt, sản lượng lương thực năm 1993 xấp xỉ 25 triệu tấn, vượt mức đề ra cho năm 1995. Sản xuất công nghiệp đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm 13%, cao hơn chỉ tiêu đề ra cho kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 (8-10%). Năng lực sản xuất một số ngành và sản phẩm quan trọng như điện, dầu thô, thép, xi-măng... được tăng thêm. Hệ thống thông tin liên lạc mở rộng nhanh với thiết bị công nghệ mới. Các ngành xây dựng, vận tải, thương nghiệp, du lịch và các dịch vụ khác đều phát triển. Cơ cấu nền kinh tế đang biến đổi. Một số ngành sản xuất kinh doanh mới xuất hiện.

Quan hệ kinh tế đối ngoại được mở rộng theo hướng đa dạng hóa và đa phương hóa. Đã khắc phục được hậu quả do thị trường truyền thống bị giảm sút đột ngột, mở rộng giao lưu với nhiều bạn hàng mới, tăng kim ngạch xuất khẩu hàng năm xấp xỉ 20%. Tính đến hết năm 1993, đã cấp 836 giấy phép đầu tư trực tiếp của bên ngoài với tổng vốn đăng ký là 7,5 tỷ USD; bước đầu thu hút thêm viện trợ phát triển và vốn vay ưu đãi từ các chính phủ; lập lại quan hệ bình thường với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế.

Nền kinh tế bắt đầu có tích lũy nội bộ, tuy còn thấp. Đời sống số đông nhân dân được cải thiện.

Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đang hình thành. Các doanh nghiệp nhà nước bước đầu được sắp xếp và đăng ký lại. Đã giảm bớt một số lượng lớn những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài. Số đơn vị kinh doanh có hiệu quả tăng lên. Khu vực kinh tế nhà nước nhìn chung vẫn phát triển, nắm những lĩnh vực then chốt và giữ vị trí chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, tỷ trọng trong GDP tăng từ 34% năm 1990 lên 39,9% năm 1992. Hợp tác xã nông nghiệp có phương hướng đổi mới rõ hơn kể từ Hội nghị Trung ương 5, vai trò tự chủ của các hộ nông dân được khẳng định. Một số loại hình kinh tế hợp tác mới xuất hiện. Luật đất đai chính thức giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định, lâu dài cho nông dân đã giúp kinh tế hộ nông dân có thêm động lực phát triển mới. Kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư nhân phát triển đáng kể. Doanh nghiệp cổ phần và liên doanh thu hút vốn đầu tư thuộc nhiều hình thức sở hữu xuất hiện ngày càng nhiều.

Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đang trở thành cơ chế vận hành của nền kinh tế. Việc bổ sung pháp luật, việc tiếp tục đổi mới cơ chế và chính sách về kế hoạch hóa, về giá, tỷ giá, tài chính, ngân hàng, lao động, tiền công, đất đai... đã tạo môi trường thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp phát huy tính năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh.

Nhà nước tích lũy thêm kinh nghiệm, có tiến bộ trong việc quản lý, điều hành vĩ mô nền kinh tế quốc dân.

Cùng với phát triển kinh tế, *việc giải quyết các*

Digitized by Google



vấn đề xã hội và thực hiện chính sách xã hội được quan tâm hơn.

Nhờ sản xuất, dịch vụ phát triển, giá cả thị trường tương đối ổn định, *đời sống nhân dân* ở nhiều vùng thành thị và nông thôn được cải thiện. Số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo, nhất là hộ đói ăn, giảm bớt. Những nhu cầu cơ bản về ăn mặc của nhân dân được đáp ứng khá hơn. Việc xây dựng nhà ở, đường sá, điện, nước, trường học, cơ sở y tế... ở nhiều vùng nông thôn và đô thị có phát triển. Các quyền dân chủ, nhất là dân chủ về kinh tế, từng bước được phát huy. Nhân dân được tự do làm ăn theo pháp luật, yên tâm hơn trong việc bỏ vốn sản xuất, kinh doanh, tạo thêm công ăn việc làm.

Các chính sách giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, chính sách giúp đỡ người tàn tật, cô đơn không nơi nương tựa, giúp đỡ học sinh nghèo trở lại trường lớp được thực hiện tốt hơn.

Hoạt động *giáo dục* đạt được một số tiến bộ trong việc chống xuống cấp, đa dạng hóa các loại hình giáo dục, sắp xếp lại mạng lưới trường học, củng cố hệ thống trường chuyên, lớp chọn, các trường phổ thông dân tộc nội trú. Xã hội hóa giáo dục bước đầu được triển khai tốt. Việc học nghề, học ngoại ngữ và tin học phát triển ở các đô thị.

Khoa học và công nghệ đã bước đầu phát huy vai trò động lực, gắn việc nghiên cứu với nhu cầu của xã hội. Nhiều đề tài nghiên cứu ứng dụng, nhất là trong nông nghiệp, ngư nghiệp, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu... có giá trị thực tiễn làm tăng hiệu quả kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ. Hệ thống chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước được bố trí tập trung hơn, trong đó lần đầu tiên có các chương trình về khoa học xã hội và nhân văn.

Hoạt động *văn hóa* sôi động hơn. Giao lưu văn hóa với nước ngoài được mở rộng. Các tác phẩm *văn học, nghệ thuật phong phú hơn về nội dung và đề tài, đa dạng hơn về hình thức, thể loại và phong cách biểu hiện. Hệ thống thông tin có bước phát triển mới với việc phủ sóng truyền thanh, truyền hình đến phần lớn các huyện trong cả nước, kể cả một số vùng miền núi, vùng cao, đảo xa.*

Công tác bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể lực của nhân dân có những mặt tiến bộ như chăm sóc sức khỏe ban đầu, tiêm chủng mở rộng, khống chế bệnh dịch và bệnh xã hội, đáp ứng một phần nhu

Digitized by Google

cầu về các thuốc thiết yếu. Phong trào thể dục thể thao đạt một số kết quả đáng khích lệ.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đi vào vận động đúng đối tượng, tăng số người tự nguyện hạn chế sinh đẻ.

***2 - Thành tựu quan trọng thứ hai là* đã tiếp tục giữ vững và củng cố sự ổn định chính trị**

Nhờ những thành tựu nhiều mặt trong công cuộc đổi mới, đặc biệt là những thành tựu về kinh tế xã hội, nhờ sự lãnh đạo vững vàng của Đảng và giác ngộ chính trị của quân dân cả nước, chúng ta đã vượt qua được cơn chấn động chính trị trên thế giới vừa qua. Vai trò lãnh đạo của Đảng được củng cố, hiệu lực quản lý của Nhà nước được nâng cao hơn, dân chủ được mở rộng, quốc phòng và an ninh được bảo đảm, lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đối với công cuộc đổi mới tăng thêm, phong trào quần chúng trong một số lĩnh vực kinh tế, xã hội có bước phát triển.

Từ sau Đại hội VII, Đảng ta, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đã dành nhiều công sức cho *công tác xây dựng đảng*, coi đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nước ta và có ý nghĩa sống còn đối với Đảng ta. Hội nghị Trung ương 3 đã xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng đảng là then chốt; làm rõ hơn một số quan điểm về xây dựng đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền; xác định một số vấn đề có tính nguyên tắc trong tổ chức và sinh hoạt đảng; đặt ra nhiệm vụ củng cố hơn nữa khối đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng; đổi mới và tăng cường công tác lý luận, tư tưởng; chấn chỉnh hệ thống tổ chức đảng.

Qua hơn một năm thực hiện, đã tạo được một số chuyển biến, nâng cao hơn nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy và đảng viên đối với công tác xây dựng đảng. Đã triển khai một số việc quan trọng về chỉnh đốn hệ thống tổ chức của Đảng. Lập lại ban cán sự và đảng đoàn ở cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân; xác định vai trò, chức năng của các tổ chức cơ sở đảng; xác lập quy chế lãnh đạo và quản lý cán bộ; thực hiện các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, nhằm lập lại trật tự kỷ cương trong Đảng. Phương thức lãnh đạo và phong cách công tác của Đảng có sự chấn chỉnh và đổi mới theo hướng dân chủ, tập thể hơn, đúng nguyên tắc hơn, nhằm vừa bảo đảm sự lãnh đạo chặt chẽ và có hiệu quả của Đảng, vừa phát huy vai trò chủ động của cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Chú trọng hơn việc bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới (năm 1992 kết nạp tăng 3,9% so với năm 1991, năm 1993 kết nạp tăng 30,7% so với năm 1992).

Đảng tiếp tục đổi mới tư duy, quan tâm hơn công tác tư tưởng - lý luận, làm rõ các quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo sự nghiệp đổi mới, tích lũy thêm kinh nghiệm lãnh đạo. Đội ngũ cán bộ có bước trưởng thành, năng động hơn, dần dần quen với công tác lãnh đạo và quản lý trong công cuộc đổi mới.

Hơn 2 năm qua, *nền dân chủ của xã hội ta đã có bước phát triển đáng kể, gắn liền với việc xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.*

Sự kiện nổi bật là việc ban hành Hiến pháp năm 1992, kịp thời thể chế hóa đường lối của Đảng về xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc tổ chức thực hiện các quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, về an ninh, quốc phòng, về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân cùng với việc ban hành hàng loạt văn bản luật và pháp lệnh mới đã thúc đẩy quá trình dân chủ hóa hơn nữa các sinh hoạt xã hội trên đất nước ta.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã coi trọng các hình thức tập hợp đa dạng nhằm mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, động viên nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị, đẩy mạnh các hoạt động xã hội, chăm lo và bảo vệ lợi ích thiết thực của nhân dân. Công tác dân vận được nhiều cấp ủy đảng quan tâm hơn. Sự phối hợp giữa cơ quan nhà nước với Mặt trận và các đoàn thể trong công tác vận động nhân dân tham gia xây dựng luật pháp, chính sách, xây dựng chính quyền các cấp, thực hiện các chính sách kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng được tăng cường hơn trước.

Các lực lượng vũ trang cùng với toàn dân có

Digitized by Google

nhiều cố gắng tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới trên lĩnh vực *quốc phòng và an ninh*, xây dựng lực lượng, thực hiện có kết quả nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước ta.

Chúng ta đã tiếp tục thực hiện có kết quả cuộc điều chỉnh chiến lược lớn về quốc phòng, giảm quân số, củng cố thêm thế trận chiến tranh nhân dân, triển khai xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành. Đã điều chỉnh chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia và đổi mới phương pháp hoạt động cho phù hợp với tình hình mới, nắm tình hình và đấu tranh có hiệu quả hơn với hoạt động của các thế lực thù địch.

***3 - Thành tựu thứ ba là* quan hệ đối ngoại được mở rộng**, uy tín và vị trí của nước ta trên thế giới được nâng lên, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội VII đã xác định nhiệm vụ đối ngoại là giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đại hội nhấn mạnh tính chất rộng mở của chính sách đối ngoại: Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Trước những diễn biến mới của tình hình thế giới và khu vực sau Đại hội VII, Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương đã cụ thể hóa và phát triển đường lối đó. Chúng ta đã chủ động, tích cực *mở rộng hoạt động đối ngoại* và thu được những kết quả rất quan trọng:

Đã khôi phục quan hệ bình thường và phát triển một bước quan hệ hữu nghị, hợp tác với Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Tăng cường và củng cố quan hệ đoàn kết đặc biệt với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Tham gia ký kết và thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia, thiết lập quan hệ láng giềng hữu nghị với Vương quốc Cam-pu-chia.

Cải thiện và mở ra giai đoạn mới trong quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước ASEAN và tổ chức ASEAN; mở rộng quan hệ với các nước khác ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Gìn giữ, phát triển quan hệ truyền thống với Cu-ba, Ấn Độ, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên.

Duy trì và thúc đẩy quan hệ hợp tác vốn có với Liên bang Nga, các nước thuộc Liên xô trước đây và các nước Đông Âu.

Tiếp tục ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Pa-le-xtin, các dân tộc A-rập và nhân dân Nam Phi. Mở rộng quan hệ với các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ La-tinh. Tích cực góp phần củng cố và phát huy vai trò của phong trào Không liên kết trong tình hình mới.

Cải thiện quan hệ với các nước Tây Âu, Bắc Âu và Cộng đồng kinh tế châu Âu, với Nhật bản, Ca-na-đa, Ô-xtơ-rê-li-a, Niu Di-lân... và các nước công nghiệp mới. Khôi phục quan hệ bình thường với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế. Đạt một số tiến bộ trong quá trình đấu tranh đòi Mỹ bỏ cấm vận và thực hiện bình thường hóa quan hệ.

II - NHỮNG MẶT YẾU KÉM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI NẢY SINH

1 - Nền kinh tế vẫn mang tính chất nông nghiệp lạc hậu. Công nghiệp còn nhỏ bé, kết cấu hạ tầng kém phát triển. Cơ sở vật chất - kỹ thuật chưa xây dựng được bao nhiêu. Tích lũy từ nội bộ nền kinh tế và đầu tư phát triển còn thấp và chưa được quan tâm thích đáng. Kinh tế tuy có mức tăng trưởng khá nhưng năng suất, chất lượng và hiệu quả còn rất thấp. Năng lực sản xuất đang xây dựng gối đầu để huy động vào sử dụng trong thời gian tới không nhiều, ảnh hưởng xấu tới nhịp độ tăng trưởng trong những năm tới.

Khả năng kiềm chế lạm phát chưa vững chắc. Ngân sách thu không đủ chi, tỷ lệ bội chi ngân sách còn cao và có xu hướng tăng lên. Nợ nước ngoài đến hạn và quá hạn trả quá lớn so với kim ngạch xuất khẩu hàng năm. Trong khi đó nhiều ngành, nhiều địa phương và đơn vị, nhiều cán bộ lãnh đạo và quản lý chưa có ý thức cần kiệm xây dựng đất

Digitized by Google

nước, làm thất thoát, lãng phí rất lớn tài sản công, tiêu xài hoang phí quá khả năng làm ra.

Kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác chậm được đổi mới và củng cố. Kinh tế quốc doanh chưa làm tốt vai trò chủ đạo cả trong sản xuất và trong lưu thông. Thương nghiệp quốc doanh bỏ trống nhiều lĩnh vực và địa bàn trọng yếu, để cho một bộ phận tư thương thao túng, làm phương hại cả người sản xuất và người tiêu dùng. Đối với kinh tế tư nhân, vừa chưa tháo gỡ hết những trở ngại, gây khó khăn cho sự phát triển sản xuất, vừa thiếu sự quản lý, hướng dẫn. Tình trạng làm ăn trái pháp luật xảy ra khá phổ biến.

Cơ chế thị trường đang ở giai đoạn sơ khai, mang nhiều yếu tố tự phát. Hiệu lực quản lý nhà nước còn thấp, vừa chưa phát huy đầy đủ sức mạnh của cơ chế thị trường, vừa chưa hạn chế được nhiều mặt tiêu cực của cơ chế đó. Hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, thi hành chưa nghiêm. Công tác kế hoạch hóa, hoạt động của hệ thống tài chính, ngân hàng còn nhiều yếu kém và tiêu cực. Chế độ phân phối còn nhiều bất hợp lý, thực hiện tùy tiện và không thống nhất; nguyên tắc phân phối theo lao động chưa được tôn trọng.

2 - Văn hóa, xã hội tuy đạt được một số thành tựu nhưng vẫn là lĩnh vực còn nhiều vấn đề lớn, bức xúc chưa được giải quyết.

Tình trạng không có hoặc thiếu việc làm, nhất là đối với thanh niên đến tuổi lao động, vẫn đang là vấn đề nóng bỏng và là một trong những nguyên nhân cơ bản làm nảy sinh các tiêu cực xã hội.

Thực hiện chính sách công bằng xã hội chưa tốt. Bên cạnh những người làm giàu chính đáng, còn nhiều người giàu lên nhanh chóng do làm ăn phi pháp. Trong khi đó, nhiều gia đình có công với nước, đã hy sinh, mất mát lớn trong kháng chiến, nay vẫn còn quá khó khăn. Số người nghèo đói còn chiếm tỷ lệ đáng kể. Đời sống nhân dân ở nhiều vùng, nhất là vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn rất nghèo.

Giáo dục vẫn chưa ra khỏi tình trạng yếu kém cả về chất lượng và hiệu quả. Nhiều vấn đề về nội dung, chương trình, phương thức đào tạo chưa được xác định phù hợp với yêu cầu phát triển. Nhiều trường sở xuống cấp nghiêm trọng, thiết bị thí nghiệm, nghiên cứu khoa học thiếu thốn và lạc hậu. Tình trạng yếu kém của hệ thống trường sư phạm và đội ngũ giáo viên rất đáng lo ngại. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp ít được đào tạo, bồi dưỡng. Chi phí học tập còn quá lớn, ảnh hưởng đến việc học hành của con em gia đình nghèo.

Đầu tư cho khoa học và công nghệ có tăng hơn trước, nhưng còn quá thấp so với nhu cầu (khoảng 1% ngân sách nhà nước), sử dụng còn dàn trải, hiệu quả hạn chế. Còn thiếu các biện pháp và cơ chế để huy động các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp đầu tư cho lĩnh vực này. Chưa xây dựng được các tập thể khoa học mạnh; chưa có sự kết hợp hữu cơ giữa các cơ sở nghiên cứu khoa học và cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất. Quản lý việc nhập khẩu công nghệ có nhiều khuyết điểm, để xảy ra tình trạng nhập công nghệ và thiết bị lạc hậu, giá đắt, gây hậu quả tiêu cực lâu dài.

Tình hình văn hóa, văn nghệ còn nhiều điều đáng lo ngại: lối sống chạy theo đồng tiền, những thị hiếu không lành mạnh, những hủ tục, mê tín tăng nhanh; nhiều sản phẩm độc hại lan tràn trên thị trường. Trong sáng tác và lý luận, phê bình đã nảy sinh một số khuynh hướng lệch lạc như phủ nhận thành tựu cách mạng và văn hóa, văn nghệ cách mạng, tách văn nghệ khỏi đường lối chính trị của Đảng, khuynh hướng "thương mại hóa", truyền bá văn hóa lai căng, lối sống sa đọa. Những khuyết điểm và lệch lạc đó đã được Hội nghị Trung ương lần thứ 4 (khóa VII) nêu lên nhưng chậm được khắc phục. Sự chỉ đạo của cơ quan đảng và công tác quản lý nhà nước đối với văn hóa, văn nghệ còn yếu.

Công tác bảo vệ sức khỏe vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tối thiểu của xã hội. Y tế cơ sở yếu, nhiều bệnh viện kém cả về cơ sở vật chất và tinh thần, thái độ phục vụ.

Tỷ lệ tăng dân số đến nay vẫn còn trên 2,2%, là một nhân tố cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống, ảnh hưởng tới sự phát triển của giống nòi.

Mặc dầu có nhiều cố gắng, ngăn chặn, song tệ nạn xã hội có xu hướng gia tăng, nhất là nghiện hút, cờ bạc, mại dâm, trộm cướp.

Digitized by Google

Tham nhũng và buôn lậu nghiêm trọng làm cho nhân dân rất bất bình, ảnh hưởng lớn đến niềm tin đối với Đảng và Nhà nước.

3 - Ổn định chính trị được giữ vững song vẫn còn nhiều nhân tố phức tạp không thể xem thường.

Nhiều tổ chức Đảng và Nhà nước chưa được xây dựng trong sạch, vững mạnh. An ninh chính trị chưa thật vững chắc; trật tự an toàn xã hội chưa được bảo đảm.

Chủ trương về đổi mới và chỉnh đốn đảng chưa được thực hiện tốt. Bộ máy vẫn nặng nề, cồng kềnh. Phương thức lãnh đạo và phong cách công tác chậm được đổi mới. Chất lượng lãnh đạo và hiệu quả hoạt động của nhiều cấp ủy đảng còn thấp, có nơi còn đi chệch đường lối của Đảng.

Công tác cán bộ vẫn là một khâu yếu. Đội ngũ cán bộ nhìn chung chưa ngang tầm đòi hỏi của nhiệm vụ. Ở nhiều nơi vẫn có tình trạng hẫng hụt, lúng túng trong bố trí hạt nhân lãnh đạo. Thiếu những cán bộ giỏi và chuyên gia đầu ngành về công tác đảng, về quản lý nhà nước, về sản xuất - kinh doanh, kinh tế đối ngoại, về công tác tôn giáo, dân tộc thiểu số, công tác phụ nữ. Việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ làm chưa tốt.

Các cấp ủy còn coi nhẹ việc kiểm tra thực hiện điều lệ, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Việc cải cách bộ máy nhà nước còn chậm và kém hiệu quả. Tệ độc đoán chuyên quyền, ức hiếp, trù dập cá nhân, tình trạng quan liêu, cửa quyền, xem thường pháp luật, kỷ cương vẫn còn nặng ở nhiều nơi.

Mặt trận và các đoàn thể còn lúng túng trong nội dung và phương thức hoạt động. Đội ngũ cán bộ đoàn thể không ổn định, còn thiếu phấn khởi công tác, chưa được chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ thỏa đáng.

Trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, tình trạng mơ hồ, mất cảnh giác còn phổ biến, chưa nhận thức sâu sắc âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch hòng xóa bỏ Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Một số cán bộ, đảng viên bàng quan trước những quan điểm sai trái, những hoạt động kích động gây rối. Một số dao động về con đường xã hội chủ nghĩa, thậm chí muốn đi con đường khác. Trong khi đó, công tác tư tưởng, lý luận chưa sắc bén, thiếu kịp thời, tính chiến đấu chưa cao, chưa giải đáp có tính thuyết phục nhiều vấn đề do thực tiễn đặt ra. Nhiều cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo chủ chốt, còn lười học tập, chưa cố gắng tu dưỡng, nâng cao trình độ, rèn luyện bản thân. Tình trạng mất đoàn kết ở một số tổ chức đảng còn nặng nề.

III - TỔNG QUÁT

Mặc dù còn nhiều mặt yếu kém phải khắc phục, những thành tựu quan trọng đã đạt được **đang tạo ra những tiền đề đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước**. Những tiền đề ấy bao gồm một loạt nhân tố cả về thế và lực, cả về vật chất và tinh thần, về kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa, trong nước và ngoài nước.

Thực tiễn những năm qua cho phép khẳng định: đường lối, chủ trương và chính sách lớn của Đảng về đổi mới là đúng đắn, bước đi là thích hợp. Các nghị quyết Đại hội VI và Đại hội VII đã và đang đi vào cuộc sống.

Tổng kết thực tiễn đổi mới đưa lại cho chúng ta nhiều bài học bổ ích. Cần khẳng định rằng, những bài học kinh nghiệm bước đầu về đổi mới mà Đại hội VII nêu lên cần được tiếp tục vận dụng trong thực tế. Đó là bài học về giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới, biết kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới. Đó là bài học về sự cần thiết đổi mới toàn diện, đồng bộ, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Đó còn là những bài học về việc giữ vững sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trong đổi mới, coi trọng tổng kết thực tiễn và không ngừng bổ sung,

Digitized by Google

từng bước hoàn chỉnh lý luận về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đổi mới là sự nghiệp khó khăn, chưa có tiền lệ, nhưng chúng ta đã mạnh dạn tìm tòi, dũng cảm tiến hành và giành thắng lợi rất quan trọng. Nguyên nhân cơ bản nhất, quyết định nhất là Đảng ta đã giữ vững vai trò lãnh đạo, không chấp nhận đa nguyên đa đảng, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo, có đường lối chính sách phù hợp với quy luật và thực tiễn Việt nam, phát huy được sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng hợp tác quốc tế.

Đại hội VII đã nêu lên sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Đại hội cũng đã chỉ rõ bảy phương hướng cơ bản để từng bước thực hiện trên thực tế các đặc trưng ấy. Đó chính là *định hướng xã hội chủ nghĩa* mà các Hội nghị Trung ương (khóa VII) đã cụ thể hóa để chỉ đạo thực tiễn. Dẫu sao, xây dựng chủ nghĩa xã hội còn là sự nghiệp rất mới mẻ, đòi hỏi nhiều công phu nghiên cứu, khám phá, tìm tòi. Chúng ta phải không ngừng thông qua tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận mà từng bước hình dung ngày càng sáng tỏ về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, làm rõ những mô hình cụ thể trong từng lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa... Phải vận dụng sáng tạo và tiếp tục phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng của Lê-nin về chính sách kinh tế mới, về chủ nghĩa tư bản nhà nước, sáng tạo nhiều hình thức quá độ, những nấc thang trung gian đa dạng, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể để đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội một cách vững chắc.

PHẦN THỨ HAI

NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRONG THỜI GIAN TỚI

Trước mắt nhân dân ta là những thách thức lớn và những cơ hội lớn.

Những thách thức là: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chỉ đạo thực hiện; nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác; âm mưu và hành động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Nhưng chúng ta cũng có nhiều thuận lợi cơ bản: Đảng ta có đường lối đúng đắn, đoàn kết nhất trí; nhân dân ta cần cù và thông minh, giàu lòng yêu nước, có bản lĩnh và ý chí cách mạng kiên cường, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng; các lực lượng vũ trang tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta; những thành tựu của công cuộc đổi mới đang tạo ra thế và lực mới; sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, xu thế mở rộng quan hệ hợp tác phát triển trên thế giới và trong khu vực đem lại cho chúng ta khả năng có thêm những nguồn lực quan trọng.

Mục tiêu tổng quát mà Đại hội VII đề ra cho đến năm 1995 là: "Vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa đất nước cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay". Hai năm rưỡi vừa qua, chúng ta đã thực hiện được một phần quan trọng mục tiêu đó, nhất là mục tiêu về kinh tế. Trong những năm còn lại của nhiệm kỳ, phải *động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đồng tâm nhất trí, nỗ lực vượt bậc, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, mở rộng hợp tác quốc tế, thực hành cần kiệm liêm chính, ra sức khai thác thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát nêu trên, thúc đẩy nhanh hơn nhịp độ thực hiện những mục tiêu của chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.*

Sau đây là những nhiệm vụ chủ yếu:

1 - Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa

Những tiến bộ về kinh tế, xã hội cùng với sự mở rộng và tăng cường hợp tác phát triển với các nước và các tổ chức quốc tế cho phép chúng ta đẩy tới một bước công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, nhằm tạo thêm nhiều công ăn việc làm, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, cải

Digitized by Google

thiện hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đây là nhiệm vụ trung tâm có tầm quan trọng hàng đầu trong thời gian tới. Công nghiệp hóa và hiện đại hóa là con đường thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước chung quanh, giữ được ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ được độc lập, chủ quyền và định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa.

Đương nhiên, chúng ta tiến hành công nghiệp hóa không theo kiểu cũ, không lặp lại sai lầm nóng vội, chủ quan mà Đại hội VI đã phê phán. Công nghiệp hóa thực chất là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đó không chỉ đơn giản là tăng thêm tốc độ và tỷ trọng của sản xuất công nghiệp trong nền kinh tế, mà là quá trình chuyển dịch cơ cấu gắn với đổi mới căn bản về công nghệ, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và lâu bền của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Công nghiệp hóa phải đi đôi với hiện đại hóa, kết hợp những bước tiến tuần tự về công nghệ với việc tranh thủ những cơ hội đi tắt, đón đầu, hình thành những mũi nhọn phát triển theo trình độ tiên tiến của khoa học - công nghệ thế giới.

Phương hướng, quy mô, bước đi của tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa phải được cân nhắc kỹ trên cơ sở thấu suốt các quan điểm lớn sau đây:

- Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, xây dựng một nền kinh tế mở cả trong và ngoài nước, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ với nước ngoài; kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường.

- Kiên trì chiến lược hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả, phát huy lợi thế so sánh của cả nước cũng như từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực, trong từng thời kỳ, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, thị trường khu vực và thị trường quốc tế.

- Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương hướng phát triển, lựa chọn các dự án đầu tư và công nghệ.

- Khai thác nhanh thế mạnh của cả nước, của mỗi vùng, mỗi ngành, tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm sớm đưa lại hiệu quả cao. Đồng thời quan tâm đáp ứng những nhu cầu thiết yếu, có chính sách, cơ chế, giải pháp thiết thực đối với những nơi khó khăn, đẩy mạnh hợp tác phát triển, bảo đảm cho các vùng và các thành phần dân cư đều có lợi ích và được hưởng thành quả của sự tăng trưởng.

- Chú trọng quy mô nhỏ và vừa, vốn đầu tư ít, thu hồi nhanh, theo phương châm "lấy ngắn nuôi dài"; xây dựng một số công trình quy mô lớn cần thiết và có hiệu quả.

- Đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất và công nghệ hiện có, tập trung vào những khâu quyết định khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, bảo đảm tính tiên tiến của thiết bị và công nghệ nhập khẩu, ưu tiên cho loại công nghệ tốn ít vốn, tạo nhiều việc làm trực tiếp hoặc gián tiếp.

Từ nay đến cuối thập kỷ, phải rất quan tâm đến công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn, đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại khác. Cải tạo, mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng vật chất ở những khâu ách tắc nhất, đang cản trở sự phát triển. Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trong những ngành trọng yếu mà nhu cầu đòi hỏi bức bách và có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường để phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Phát triển sự nghiệp nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt cũng như lâu dài.

Trong khi ra sức khai thác các lợi thế so sánh trước mắt về nhân công rẻ, tài nguyên và vị trí địa lý thuận lợi, quan tâm việc nghiên cứu và dự báo chiều hướng phát triển trong khu vực và trên thế giới, chiến lược và chính sách của các bên đối tác và các đối thủ cạnh tranh; phát hiện những cơ hội,

Google

những lợi thế so sánh mới, bồi dưỡng để phát huy tối đa nguồn lực quyết định nhất là con người Việt Nam để định hướng phát triển lâu dài và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc phát triển theo định hướng đó.

Để công nghiệp hóa và hiện đại hóa, cần huy động nhiều nguồn vốn, gắn với sử dụng vốn có hiệu quả. Trong đó, nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn từ bên ngoài là quan trọng.

Để bảo đảm tăng trưởng bình quân hàng năm không dưới 8%, phải nhanh chóng đưa tổng vốn đầu tư tới mức trên 20% GDP hàng năm trong vài năm tới, và cao hơn trong những năm sau, đi đôi với nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Điều đó đòi hỏi nỗ lực lớn, có chủ trương, chính sách thích đáng để động viên toàn xã hội ra sức cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển, nhất là cho lĩnh vực sản xuất vật chất.

Đầu tư tập trung của ngân sách nhà nước có ý nghĩa quyết định đối với sự tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế. Cần tăng nhanh hơn nữa nguồn vốn đầu tư tập trung bằng cách tăng mức huy động GDP vào ngân sách; thu hút các nguồn viện trợ và tín dụng ưu đãi của các chính phủ, các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế; kiểm kê, kiểm soát, quản lý chặt chẽ, phân bổ và sử dụng có hiệu quả những tài sản công hiện có, chống thất thoát, lãng phí.

Vốn đầu tư của Nhà nước chủ yếu dùng để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, xây dựng mới một số cơ sở công nghiệp mũi nhọn, then chốt, một số cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, làm hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu và dành một phần cho việc tài trợ các dự án giải quyết việc làm, nhất là để phủ xanh đất trống đồi trọc, đánh bắt thủy hải sản, tiến mạnh ra khơi.

Nhà nước chỉ cấp vốn đầu tư cho những công trình hoặc sự nghiệp thuộc kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng trực tiếp thu hồi vốn. Phần còn lại dùng làm vốn tín dụng đầu tư của Chính phủ mà người sử dụng phải hoàn trả.

Đổi mới cơ chế quản lý xây dựng cơ bản để ngăn chặn tiêu cực, lãng phí, thất thoát vốn nhà nước, nhất là các khâu thiết kế, xác định đơn giá xây dựng, nghiệm thu công trình. Sử dụng dịch vụ thẩm định chất lượng, giá cả vật tư thiết bị nhập khẩu và kiểm toán của các công ty trong nước và ngoài nước có uy tín trong lĩnh vực này. Mỗi công trình đều phải có người làm chủ cụ thể; nếu là công trình phải thu hồi vốn, thì phải thu hồi đủ và đúng hạn cho Nhà nước.

Khai thác mọi khả năng tiết kiệm và tự đầu tư phát triển của nhân dân, của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế bằng nhiều hình thức sao cho mọi tiềm năng đều được huy động, mọi đồng vốn đều sinh lời, nâng dần tỷ trọng của nguồn vốn này trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

Để mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả đầu tư, phải bổ sung, hoàn chỉnh những *chính sách vĩ mô* cần thiết, trước hết là:

+ Ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, bảo hộ mọi hình thức sở hữu hợp pháp và quyền tự do kinh doanh theo pháp luật; ban hành luật đầu tư trong nước và các luật lệ, thể chế cần thiết khác để khuyến khích và hỗ trợ các nỗ lực đầu tư phát triển.

+ Đổi mới chính sách tài chính quốc gia, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tài chính nhà nước với tài chính của doanh nghiệp và dân cư, xử lý thỏa đáng nhu cầu động viên thu nhập tập trung vào ngân sách với nhu cầu tự đầu tư của từng doanh nghiệp và dân cư, bảo đảm lợi ích cho người đầu tư, tạo động lực mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh.

Hình thành và phát triển thị trường vốn mà nòng cốt là các ngân hàng đầu tư và ngân hàng thương mại, các công ty tài chính, các hãng bảo hiểm. Tiếp tục cải cách hệ thống ngân hàng, tuân thủ những nguyên tắc của cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế, nhằm huy động và cho vay vốn có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu tăng trưởng cao của nền kinh tế quốc dân. Phát triển các hình thức công ty cổ phần, mở rộng từng bước việc phát hành và lưu thông các loại cổ phiếu, tín phiếu, trái phiếu, tạo tiền đề thiết lập thị trường chứng khoán.

+ Bổ sung, sửa đổi các cơ chế, chính sách nhằm thực hành nghiêm ngặt chế độ tiết kiệm trong mọi hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước, quân đội, công an, các đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân, dồn vốn cho đầu tư phát triển.

Digitized by Google

+ Song song với việc khai thác các nguồn lực trong nước, cần tạo các điều kiện để thu hút nhiều hơn và có hiệu quả hơn vốn và công nghệ bên ngoài. Thực hiện các chính sách rộng rãi để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài. Xây dựng cơ chế và quy định trách nhiệm đối với việc vay nợ, trả nợ nước ngoài, bảo đảm sử dụng vốn vay có hiệu quả, không để nợ nần chồng chất. Quy hoạch các vùng, trước hết là các địa bàn trọng điểm, các khu chế xuất, khu kinh tế đặc biệt, khu công nghiệp tập trung. Xây dựng các dự án đầu tư, cân nhắc thứ tự ưu tiên các công trình cần gọi vốn đầu tư của nước ngoài. Bảo đảm căn cứ khoa học cho việc bố trí các công trình quan trọng, tránh những sai lầm gây hậu quả lâu dài. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư cả về pháp luật, thể chế, điều kiện sinh hoạt và làm việc cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Việc khuyến khích đầu tư trực tiếp của nước ngoài phải đặt trong chiến lược phát triển và cơ chế quản lý đồng bộ, bảo đảm chủ quyền, khả năng kiểm soát và định hướng của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng cơ chế quản lý nhà nước đối với việc thực hiện các dự án đầu tư có vốn nước ngoài và các công trình hoàn thành xây dựng đi vào hoạt động. Đi đôi với việc mở rộng nhiều hình thức đầu tư, cần tăng dần tỷ trọng tham gia của phía Việt Nam vào các công trình hợp tác liên doanh.

Các ngành khoa học và công nghệ phải tập trung nghiên cứu ứng dụng nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, phục vụ yêu cầu chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa, đáp ứng đòi hỏi đổi mới trang bị trong nền kinh tế quốc dân, nâng cao trình độ công nghệ hiện có, hiện đại hóa những công nghệ truyền thống và tiếp thu công nghệ mới một cách thích hợp. Góp phần quan lý, thẩm định chặt chẽ công nghệ nhập khẩu. Chú trọng phát triển các lĩnh vực điện tử, tin học, sinh học, vật liệu mới.

Bằng thực tiễn hoạt động đổi mới, bám sát cuộc sống, kịp thời phát hiện và nâng cao những sáng kiến của nhân dân, đẩy mạnh công tác nghiên cứu một cách thiết thực, tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề của chiến lược công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

2 - Thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, tạo động lực và môi trường thuận lợi hơn nữa cho các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp phát triển nhanh và có hiệu quả cao

Tiếp tục chấn chỉnh và xây dựng *khu vực doanh nghiệp nhà nước* hoạt động có hiệu quả, đảm nhiệm được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế là một việc hết sức quan trọng và cấp bách. Vai trò đó thể hiện ở chỗ mở đường và hỗ trợ cho các thành phần khác phát triển, thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh và lâu bền của nền kinh tế, là một công cụ có sức mạnh vật chất để Nhà nước điều tiết và hướng dẫn nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phân biệt sở hữu nhà nước với hình thức doanh nghiệp nhà nước. Tài sản và vốn thuộc sở hữu nhà nước được sử dụng dưới nhiều hình thức, vừa đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội cao, vừa tăng cường khả năng thúc đẩy và kiểm soát trực tiếp của Nhà nước đối với các hoạt động kinh tế, như: đầu tư vào khu vực doanh nghiệp nhà nước (gồm những doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hay Nhà nước nắm một tỷ lệ cổ phần đủ sức khống chế); giao quyền sử dụng lâu dài (đất đai, rừng...), cho thuê, tô nhượng (hầm mỏ), liên doanh; góp cổ phần, mua cổ phiếu của các doanh nghiệp thuộc những thành phần khác.

Tập trung xây dựng doanh nghiệp nhà nước ở những ngành, những lĩnh vực, những khâu như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, một số cơ sở sản xuất và dịch vụ trọng yếu, bảo đảm cho toàn bộ nền kinh tế phát triển với hiệu quả cao. Trong các lĩnh vực này, không loại trừ sự tham gia của các thành phần kinh tế khác với hình thức và mức độ khác nhau. Theo yêu cầu đó, vừa giảm bớt những doanh nghiệp không cần giữ hình thức quốc doanh, vừa củng cố, mở rộng và xây dựng mới những doanh nghiệp nhà nước cần thiết.

Củng cố và phát triển doanh nghiệp nhà nước trong nông - lâm - ngư nghiệp theo hướng liên kết, hợp tác với các loại hình doanh nghiệp khác nhau để phát huy vai trò là trung tâm công nghiệp, dịch vụ

Digitized by Google

(nhất là công nghiệp chế biến), trung tâm khoa học - kỹ thuật, trung tâm văn hóa - xã hội trên từng địa bàn.

Chấn chỉnh và tăng cường hệ thống thương nghiệp nhà nước, nắm chắc lĩnh vực kinh doanh xuất - nhập khẩu và các vật tư thiết yếu, nắm vững bán buôn, giữ tỷ trọng cần thiết trong bán lẻ, cùng các thành phần khác ổn định và phát triển lành mạnh thị trường nội địa; làm cho giao lưu hàng hóa thông suốt, phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển, bảo vệ lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng.

Đổi mới cơ bản tổ chức và cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước để vừa bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường, vừa bảo đảm sự kiểm soát của Nhà nước. Nguyên nhân cơ bản của tình trạng nhiều doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, tiêu cực và lãng phí lớn là do tài sản của Nhà nước không có người làm chủ trực tiếp, có trách nhiệm và lợi ích rõ ràng đối với việc sử dụng có hiệu quả các tài sản đó; công nhân viên chức làm việc tại doanh nghiệp không có động lực thường xuyên và bền vững để gắn bó thiết thân với sự phát triển của doanh nghiệp, không có quyền hạn vật chất và tổ chức đủ mạnh để tham gia định đoạt các quyết sách làm ăn, ngăn chặn từ gốc tệ tham nhũng, làm thất thoát, hư hỏng tài sản công. Phải tìm giải pháp khắc phục bằng được tình trạng đó.

Để thu hút thêm các nguồn vốn, tạo nên động lực, ngăn chặn tiêu cực, thúc đẩy doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả, cần thực hiện các hình thức cổ phần hóa có mức độ phù hợp với tính chất và lĩnh vực sản xuất - kinh doanh; trong đó, sở hữu nhà nước chiếm tỷ lệ cổ phần chi phối.

+ Áp dụng từng bước vững chắc phương thức bán một tỷ lệ cổ phần cho công nhân viên chức trực tiếp làm việc tại doanh nghiệp; thực hiện chia lợi nhuận theo lương cơ bản kết hợp với chia theo cổ phần.

+ Thí điểm việc bán một phần cổ phần, cổ phiếu của một số doanh nghiệp nhà nước cho các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp.

+ Trên cơ sở cổ phần hóa, tổ chức Hội đồng quản trị gồm đại diện cho sở hữu nhà nước, sở hữu của công nhân doanh nghiệp và các chủ sở hữu khác. Định thể chế và tiêu chuẩn để Hội đồng quản trị tuyển chọn giám đốc điều hành.

Hoàn thiện và áp dụng rộng rãi các hình thức khoán trong doanh nghiệp nhà nước.

Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích và thực hiện từng bước vững chắc, phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế, việc đổi mới các liên hiệp xí nghiệp, các tổng công ty theo hướng tổ chức các tập đoàn kinh doanh, khắc phục tính chất hành chính, trung gian.

Xóa bỏ dần chế độ bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản và sự phân biệt xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương.

Cơ quan nhà nước các ngành, các cấp phải chăm lo giúp đỡ doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả, nhất là giúp xử lý các vấn đề vốn, công nghệ, thị trường và đào tạo, sử dụng cán bộ. Đối với những doanh nghiệp phục vụ lợi ích chung về kinh tế - xã hội nhưng mức sinh lợi trực tiếp thấp hoặc bị thua lỗ, Nhà nước có chính sách ưu đãi hợp lý, không gây ỷ lại. Có quy chế bảo đảm sự kiểm soát của Nhà nước theo đúng chức năng, đồng thời khắc phục tình trạng thanh tra, kiểm tra tùy tiện gây hậu quả xấu cho doanh nghiệp. Đối với những doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong những khâu và lĩnh vực không thiết yếu, thua lỗ kéo dài, không có điều kiện chấn chỉnh, thì xử lý dứt điểm theo những biện pháp mà Hội nghị Trung ương 2 (khóa VII) đã nêu ra.

Đổi mới kinh tế hợp tác xã, phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ xã viên. Nhà nước giúp đỡ, hỗ trợ và hướng dẫn phát triển các loại hình kinh tế hợp tác trong các ngành và lĩnh vực của nền kinh tế, trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ, kết hợp được sức mạnh của tập thể và sức mạnh của hộ xã viên.

Đổi mới hợp tác xã và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông, lâm, ngư nghiệp theo Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII); xử lý dứt điểm những hợp tác xã trì trệ kéo dài.

Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới và thúc đẩy các hình thức kinh tế hợp tác trong tiểu thủ công nghiệp, tín dụng, thương nghiệp - dịch vụ. Hợp tác xã có thể

Digitized by Google

kinh doanh tổng hợp nhiều ngành nghề, trên nhiều địa bàn, không bị ràng buộc bởi ranh giới hành chính. Bên cạnh vốn góp cổ phần của xã viên, tài sản không chia của tập thể, hợp tác xã có thể huy động vốn và sức lao động ngoài các thành viên của mình. Xã viên được hưởng thu nhập từ hợp tác xã theo lao động và theo cổ phần. Hợp tác xã có nhiều mức độ về tập thể hóa tư liệu sản xuất, tùy theo nhu cầu sản xuất kinh doanh, nguyện vọng và lợi ích của xã viên.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ hoạt động phần lớn dưới hình thức hộ gia đình, đang là một bộ phận đông đảo và có tiềm năng to lớn, có vị trí quan trọng lâu dài. Phải có chính sách giúp đỡ, hỗ trợ thành phần này về vốn, về công nghệ, về thông tin thị trường, v.v. giúp họ làm ăn có hiệu quả, tạo thêm công ăn việc làm và đóng góp vào công cuộc phát triển đất nước. Đồng thời hướng dẫn, vận động kinh tế cá thể từng bước đi vào làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện.

Kinh tế tư bản tư nhân trong và ngoài nước đang ngày càng phát triển và có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Nhà nước tiếp tục khuyến khích kinh tế tư bản tư nhân phát triển trong những ngành và lĩnh vực mà pháp luật không cấm; bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp của các nhà kinh doanh tư nhân; góp vốn cùng tư nhân đầu tư phát triển trên cơ sở thỏa thuận; khuyến khích các chủ doanh nghiệp tư nhân dành cổ phần ưu đãi để bán cho công nhân viên làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp, giúp đỡ, hướng dẫn họ khắc phục các khó khăn, làm ăn đúng pháp luật. Có quy chế và tổ chức cụ thể nhằm thực hiện đầy đủ các chức năng quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của bên ngoài.

Đi đôi với kiểm kê kiểm soát của Nhà nước, cần phát triển cơ sở đảng, công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp hợp tác - liên doanh trong nước và với nước ngoài, nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động, ngăn chặn những việc làm phi pháp.

Tạo điều kiện và môi trường pháp lý cho hoạt động cạnh tranh hợp pháp, cho sự hợp tác, liên doanh một cách tự nguyện, cùng có lợi giữa các doanh nghiệp, không bị hạn chế bởi ranh giới ngành chủ quản hoặc địa phương; dựa vào những doanh nghiệp nhà nước lớn làm nòng cốt, hình thành những tập đoàn kinh doanh đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

3 - Xây dựng đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Tiếp tục xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế mới, kiên trì quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường đi đôi với tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cần thiết cho cơ chế thị trường hoạt động có hiệu quả: bảo đảm quyền tự chủ của các chủ thể kinh doanh; giá cả chủ yếu do thị trường định đoạt; các tín hiệu thị trường là căn cứ rất quan trọng để phân bổ nguồn lực cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh; khuyến khích cạnh tranh hợp pháp, lành mạnh, hạn chế độc quyền; nhà kinh doanh được tìm kiếm lợi nhuận một cách hợp pháp...

Nhà nước chỉ trực tiếp định giá đối với một số ít những hàng hóa - dịch vụ hoặc vì ý nghĩa kinh tế - xã hội đặc biệt quan trọng, hoặc vì tính chất độc quyền cao, song cũng thoát ly cơ sở thị trường. Xử lý đúng giá điện, nước, xăng dầu, cước phí vận tải... xóa bù lỗ, điều tiết thu nhập một cách hợp lý, tạo cơ sở để mở rộng tái sản xuất và hạn chế lãng phí trong sử dụng. Tuân thủ nguyên tắc lãi suất thực dương, theo sát mức biến động của chỉ số lạm phát, tạo thuận lợi cả cho thu hút vốn lẫn cho vay phát triển. Điều hành tốt tỷ giá hối đoái, bảo đảm mức tỷ giá thực tế, tương đối ổn định nhưng không cứng nhắc, có tác dụng thúc đẩy xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu. Hình thành giá tiền công (tiền lương) hợp lý. Có chính sách trợ giá có chọn lọc đối với hàng nông sản, hàng xuất khẩu; bảo hộ đúng mức sản xuất nội địa, bảo hộ lợi ích của cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng. Hình thành đồng bộ các loại thị trường: hàng hóa - dịch vụ, sức lao động, vốn, công nghệ, bất động sản, v.v...

Digitized by Google

Tăng cường quản lý vĩ mô của Nhà nước nhằm định hướng và chỉ đạo sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế - xã hội, tạo môi trường kinh tế và khuôn khổ pháp lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy mặt tích cực, ngăn ngừa và khống chế những tác động tự phát, tiêu cực, khắc phục những mặt khiếm khuyết vốn có của cơ chế thị trường, làm cho thị trường thật sự trở thành công cụ quan trọng trong việc phân bổ và sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn lực, phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân, bảo đảm quan hệ tích lũy - tiêu dùng, điều tiết lợi ích giữa các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh hơn, ổn định vững chắc hơn, công bằng xã hội nhiều hơn.

Quản lý vĩ mô của Nhà nước phải bao quát toàn bộ nền kinh tế quốc dân, các thành phần kinh tế, chứ không riêng khu vực doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường tính tập trung thống nhất của Chính phủ trong điều hành vĩ mô nền kinh tế, đi đôi với việc mở rộng trách nhiệm và quyền hạn của ngành và địa phương đối với những vấn đề mà các cấp này có khả năng xử lý có hiệu quả hơn; bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp.

Các bộ chuyên ngành tập trung làm tốt chức năng hoạch định chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển của toàn ngành, hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, kiểm soát các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần, trên mọi địa bàn, theo đúng chức năng quản lý nhà nước về ngành kinh tế - kỹ thuật mà bộ phụ trách. Tăng cường vai trò quản lý xuyên suốt các ngành và lĩnh vực của các bộ tổng hợp, làm cho mọi hoạt động kinh tế - xã hội đều nằm trong phạm vi quản lý vĩ mô có hiệu lực của Nhà nước.

Các cấp chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn đối với mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, không phân biệt kinh tế trung ương hay địa phương.

Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, làm cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh.

Củng cố và tăng cường vai trò tham mưu của cơ quan kế hoạch, làm tốt các chức năng lập quy hoạch, kế hoạch để định hướng phát triển; tính toán và duy trì các cân đối vĩ mô; thực hiện các ý đồ về điều chỉnh cơ cấu đầu tư; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; làm trung tâm điều phối các nguồn lực tập trung huy động được từ trong và ngoài nước để sử dụng có hiệu quả cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Tiếp tục cải cách sâu sắc và toàn diện hệ thống tài chính - tiền tệ.

Xử lý tốt các quan hệ sau đây theo hướng tăng tích lũy cho đầu tư phát triển, bảo đảm quản lý thống nhất nền tài chính quốc gia: tích lũy và tiêu dùng; tài chính nhà nước và tài chính của doanh nghiệp, của dân cư; ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; chi tiêu thường xuyên với chi đầu tư phát triển và đảm bảo quốc phòng, an ninh; huy động vốn trong nước và vốn bên ngoài; đáp ứng các nhu cầu trước mắt với tiết kiệm và đầu tư phát triển vì lợi ích lâu dài; quyền tự chủ tài chính của doanh nghiệp với sự kiểm kê, kiểm soát chặt chẽ về mặt tài chính của Nhà nước.

Khống chế bội chi ngân sách ở mức dưới 5% GDP, tăng thu để bảo đảm chi, không bù đắp bội chi ngân sách bằng phát hành tiền, tiến tới thăng bằng thu chi ngân sách.

Cải cách hệ thống kế toán. Phát triển hoạt động kiểm toán nhà nước và kiểm toán tư nhân.

Ngân hàng Trung ương có trách nhiệm xây dựng và thi hành chính sách tiền tệ, bảo đảm cung ứng vừa đủ lượng tiền cho lưu thông thông suốt; kiểm soát lạm phát, phối hợp với các cơ quan tài chính, thương mại, giá cả để giữ chỉ số tăng giá bình quân hàng năm ở mức một con số; phấn đấu cân đối cán cân thanh toán quốc tế, tăng quỹ dự trữ ngoại tệ.

Hệ thống tài chính, ngân hàng phải làm tốt chức năng tạo vốn, huy động và cho vay vốn có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế; chức năng trung tâm thanh toán và lưu thông tiền tệ của toàn xã hội.

Cải tiến cơ chế quản lý ngoại tệ, tạo điều kiện cho đồng tiền Việt Nam có thể chuyển đổi tự do, trở thành phương tiện thanh toán duy nhất trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

4 - Chăm lo các vấn đề văn hóa, xã hội

Digitized by Google

Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt các chủ trương,

chính sách của Đang và Nhà nước về các lĩnh vực văn hóa, xã hội là chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, với tư cách vừa là động lực, vừa là mục tiêu của cách mạng. Trong đó, việc làm, công bằng xã hội, nâng cao dân trí, lành mạnh hóa xã hội, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là những vấn đề nổi lên hiện nay.

Phương hướng quan trọng nhất để *tạo công ăn việc làm* là Nhà nước cùng với toàn dân ra sức tiết kiệm để đầu tư phát triển, thực hiện tốt chiến lược kinh tế - xã hội. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi công dân, mọi nhà đầu tư trong và ngoài nước mở mang ngành nghề, tạo nhiều việc làm cho người lao động, giảm nhanh số người chưa có hoặc thiếu việc làm. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Mở các lớp dạy nghề cho thanh niên, nâng cao kiến thức và tay nghề. Đối với những người dôi ra trong khu vực hành chính, sự nghiệp cũng như trong các đơn vị kinh tế, phải tổ chức đào tạo lại, dạy nghề, giúp vốn, hướng dẫn sản xuất kinh doanh, tìm việc làm mới. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm.

Trong các doanh nghiệp tư bản tư nhân, pháp luật phải bảo vệ lợi ích hợp pháp của cả người lao động và người chủ. Luật lao động, Luật tiền công, Luật bảo hiểm, Luật thuế... đã và sẽ được ban hành theo hướng vừa khuyến khích đầu tư phát triển, vừa hạn chế bất công xã hội; ngăn chặn làm ăn phi pháp. Nội quy, điều lệ và kỷ luật lao động do các doanh nghiệp đề ra không được trái pháp luật.

Tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển. Công bằng xã hội thể hiện cả ở khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất, lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, cũng như ở điều kiện phát triển năng lực của mọi thành viên trong cộng đồng.

Thực hiện nguyên tắc ai làm việc có hiệu quả cao hơn, có đóng góp nhiều hơn thì thu nhập lớn hơn và ngược lại; chống chủ nghĩa bình quân, chống dựa dẫm, ỷ lại. Phân phối theo lao động là chủ yếu, khuyến khích và đãi ngộ xứng đáng các tài năng; đồng thời phân phối theo nguồn vốn đóng góp vào sản xuất, kinh doanh.

Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo. Coi việc một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển. Đồng thời, có chính sách ưu đãi hợp lý về tín dụng, về thuế, đào tạo nghề nghiệp để tạo điều kiện cho người nghèo có thể tự mình vươn lên làm đủ sống và phấn đấu trở thành khá giả. Các vùng giàu, vùng phát triển trước phải cùng Nhà nước giúp đỡ, lôi cuốn các vùng nghèo, vùng phát triển sau để cùng vươn lên. Động viên những người giàu góp sức cùng Nhà nước giúp đỡ người nghèo theo hướng tương trợ về vốn, công cụ, vật tư, truyền bá kinh nghiệm, chỉ dẫn cách thức làm ăn.

Lập quỹ toàn dân đền ơn, đáp nghĩa những người có công với nước.

Có chính sách điều tiết hợp lý đối với những người giàu; động viên các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tự nguyện tham gia các hoạt động nhân đạo, ái hữu, từ thiện, giúp đỡ những nạn nhân chiến tranh, những nơi bị thiên tai, những người tàn tật, già cả, neo đơn không có khả năng lao động.

Đề cao trách nhiệm của mỗi công dân tự giải quyết những vấn đề của bản thân và gia đình mình; đồng thời tăng cường cộng đồng trách nhiệm của toàn xã hội, phát huy truyền thống nhân ái của dân tộc ta.

Tích cực thực hiện những mục tiêu và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) về giáo dục và đào tạo, văn hóa, văn nghệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình.

Phấn đấu trong một số năm đạt được chuyển biến đáng kể trong *giáo dục*, làm cho giáo dục ngày càng thực hiện tốt chức năng nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Trước mắt, phải thực hiện bằng được phổ cập tiểu học; những nơi có điều kiện thì thực hiện phổ cập cấp 2. Có chính sách miễn, giảm học phí và giúp đỡ thích đáng nhằm bảo đảm việc học hành của con em các gia đình nghèo, nhất là ở vùng sâu, vùng cao, vùng căn cứ cách mạng trước đây. Củng cố các trường dân tộc nội trú hiện có và mở thêm một số trường mới. Tổ chức lại hệ thống dạy nghề; củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống trường sư phạm; sắp xếp lại

Digitized by Google

hệ thống đại học theo hướng gắn học chữ với học nghề, học đi đôi với hành, gắn đào tạo, nghiên cứu với sản xuất. Xây dựng các trung tâm đại học quốc gia. Thiết kế lại mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục cho phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước. Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ giáo viên. Có chính sách ưu đãi thỏa đáng đội ngũ thầy giáo. Tăng cường quản lý nhà nước của ngành giáo dục và đào tạo.

Chăm lo xây dựng nền *văn hóa* tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Giáo dục nếp sống, đạo đức và phong cách ứng xử có văn hóa cho mọi người. Phát triển văn hóa dân tộc đi đôi với mở rộng giao lưu văn hóa với nước ngoài, vừa giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới. Kiên quyết chống những hiện tượng và hành vi thô bạo, lai căng phản văn hóa, phi đạo đức và nhân tính. Kế thừa, phát huy truyền thống nhân ái, nghĩa tình, thuần phong mỹ tục đi đôi với bài trừ hủ tục, mê tín, dị đoan và các tệ nạn xã hội khác.

Củng cố, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ. Bảo đảm dân chủ tự do cho mọi sự sáng tạo và hoạt động văn hóa đi đôi với đề cao trách nhiệm của văn nghệ sĩ trước công chúng và dân tộc. Bồi dưỡng tài năng, khuyến khích sáng tạo những tác phẩm lành mạnh, có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao. Phấn đấu có nhiều tác phẩm tốt cổ vũ công cuộc đổi mới, biểu dương những nhân tố tích cực; đồng thời kiên quyết phê phán những hiện tượng tiêu cực, những khuynh hướng lệch lạc, chống mọi luận điệu và hành động thù địch. Phát triển các hoạt động văn hóa nghiệp dư, đẩy mạnh phong trào văn hóa quần chúng ở cơ sở. Tăng cường các phương tiện truyền thông đại chúng để kịp thời phổ biến, tuyên truyền về đường lối, chính sách và pháp luật; đưa đến từng gia đình các giá trị văn hóa, văn học và nghệ thuật, giáo dục cái tốt, cái đẹp, nâng cao hiểu biết và trình độ thẩm mỹ của nhân dân, ngăn chặn sự xâm nhập của những nọc độc văn hóa, những ấn phẩm phản động, đồi trụy.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chấn chỉnh và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với hoạt động văn hóa, văn nghệ; bổ sung các chính sách, luật lệ cần thiết và thi hành nghiêm minh.

Chăm lo thích đáng công tác *chăm sóc sức khỏe nhân dân*, nhất là chăm sóc y tế ban đầu, coi phòng bệnh là bước đi trước tích cực. Phục hồi, củng cố, mở thêm các trạm y tế cơ sở ở từng cụm dân cư, lập các đội y tế lưu động ở những nơi chưa có trạm y tế. Từng bước trang bị lại và nâng cấp các bệnh viện, xây dựng một số trung tâm y tế đầu đàn và một số chuyên khoa. Thực hiện tốt chế độ bảo hiểm y tế; ban hành chính sách miễn giảm viện phí cho các đối tượng chính sách và cho người nghèo. Đẩy lùi nạn suy dinh dưỡng của trẻ em, bệnh sốt rét, bướu cổ, bệnh phong. Bằng mọi biện pháp kiên quyết ngăn chặn nạn ma túy, mại dâm và bệnh SIDA. Có biện pháp hữu hiệu để trong vài ba năm tới giảm bằng được tỷ lệ tăng dân số bình quân cả nước xuống dưới 2%, chú trọng các vùng có tỷ lệ sinh đẻ cao.

Phát triển rộng rãi phong trào *thể dục, thể thao* nhân dân trong cả nước, trước hết là trong thanh niên, học sinh, từng bước hình thành thể dục, thể thao chuyên nghiệp, đỉnh cao.

Đấu tranh chống tham nhũng là vấn đề nóng bỏng, bức bách hiện nay, phải được tiến hành một cách kiên quyết, triệt để, trong toàn bộ máy, ở tất cả các cấp, các ngành, từ trung ương đến địa phương và cơ sở. Thực hiện đồng bộ những biện pháp chủ yếu sau đây:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật và quy tắc làm việc của mọi cơ quan và nhân viên nhà nước, khắc phục bằng được các kẽ hở trong cơ chế quản lý. Bảo đảm mọi tài sản của Nhà nước đều có người chịu trách nhiệm bảo vệ, sử dụng, phát triển và khi có hành động tham nhũng thì có thể sớm phát hiện để xử lý.

Đổi mới và tăng cường công tác tài vụ, kế toán. Sử dụng rộng rãi các dịch vụ tư vấn, thẩm định, kiểm toán.

Tinh giản bộ máy, cắt giảm những chi tiêu không thật thiết yếu, bảo đảm tiền lương đủ sống cho người hưởng lương.

- Tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Thủ trưởng ngành, địa phương và đơn vị phải chịu trách nhiệm đối với các vụ việc tham nhũng trong phạm

Digitized by Google

vi mình trực tiếp phụ trách. Nâng cao trách nhiệm lãnh đạo của đảng bộ cơ sở, tổ chức, động viên đảng viên, quần chúng đấu tranh chống tham nhũng.

- Tiến hành nghiêm ngặt các biện pháp kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan chức năng và của cả các tổ chức nhân dân, kịp thời phát hiện bọn tham nhũng. Xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng luật các vụ việc, nhất là các vụ nghiêm trọng, không phân biệt kẻ vi phạm ở cương vị, cấp bậc nào.

Trong đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, phải kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa tội phạm; coi trọng các biện pháp phòng ngừa; xây dựng chương trình quốc gia về phòng ngừa tội phạm, có ngân sách dành cho chương trình đó. Thực hiện nghiêm các hình phạt do luật định đối với kẻ phạm tội; đồng thời tích cực giáo dục, kết hợp với dạy nghề và tổ chức lao động sản xuất, cải thiện các điều kiện giam giữ để cải tạo, cảm hóa phạm nhân, tạo điều kiện đưa họ trở lại làm ăn lương thiện. Ngăn chặn và nghiêm trị các hành vi ngược đãi, ức hiếp người bị giam giữ.

5 - Bảo đảm quốc phòng và an ninh

Trong khi tập trung sức xây dựng đất nước, chúng ta không một chút lơi lỏng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa.

Cần quán triệt và tiếp tục thực hiện tốt *nhiệm vụ chung về quốc phòng và an ninh*, nắm vững các quan điểm chỉ đạo mà Hội nghị Trung ương 3 đã đề ra. Tiến hành cuộc đấu tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài nhằm làm thất bại mọi âm mưu và hành động "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ.

Trong mấy năm trước mắt, cần tập trung sức làm tốt một số công tác lớn dưới đây:

- Nâng cao cảnh giác cách mạng, tăng cường các cơ sở chính trị và phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn chặt với thế trận quốc phòng toàn dân.

- Xây dựng các khu vực phòng thủ vững mạnh, các phòng tuyến an ninh nhân dân, tăng cường tổ chức phòng thủ trên các khu vực trọng điểm, bảo vệ vững chắc toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền và an ninh quốc gia.

- Bảo vệ vững chắc an ninh nội bộ, bảo vệ Đảng và chính quyền; phát hiện, ngăn chặn các hoạt động phá hoại.

- Tăng cường quản lý nhà nước về trật tự xã hội; chống tội phạm. Xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, trật tự an toàn xã hội.

- Tập trung sức xây dựng lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Bảo quản tốt trang bị kỹ thuật và từng bước hiện đại hóa có trọng điểm một số loại trang bị rất cần thiết. Đầu tư cho xây dựng công nghiệp quốc phòng. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, bảo đảm cho lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ.

- Tăng cường lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh. Kịp thời thể chế hóa về mặt nhà nước các chủ trương, chính sách về xây dựng nền quốc phòng và an ninh toàn dân. Nhanh chóng tổ chức, củng cố, nâng cao chất lượng các cơ quan và cán bộ chuyên trách giúp các cấp, các ngành triển khai nhiệm vụ quốc phòng và an ninh theo chức năng. Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ làm tốt chức năng quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc (luật về quốc phòng, về an ninh quốc gia, luật về biên giới, vùng biển, bổ sung luật nghĩa vụ quân sự và các văn bản pháp quy khác). Tổ chức thi hành có hiệu quả các luật lệ đã ban hành.

6 - Tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại

Phát huy những kết quả đạt được trong lĩnh vực đối ngoại, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa và đa phương hóa, tranh thủ tối đa mặt đồng, hạn chế mặt bất đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, cùng

Digitized by Google

tồn tại hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng, bảo đảm ổn định, an ninh và phát triển.

Tăng cường quan hệ với các tổ chức quốc tế; tích cực tham gia các hoạt động quốc tế nhằm bảo vệ môi trường, chống các bệnh hiểm nghèo, khắc phục nạn nghèo đói...

Mở rộng hoạt động đối ngoại của Đảng và đối ngoại nhân dân nhằm tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của các tổ chức và nhân dân các nước đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Phải thấy rõ khó khăn và thách thức cũng như thuận lợi và cơ hội của nước ta, theo dõi sát diễn biến phức tạp trong quan hệ quốc tế để có chủ trương thích hợp, giữ vững nguyên tắc nhưng năng động, linh hoạt; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phối hợp có hiệu quả giữa các ngành trong hoạt động đối ngoại; chú trọng bồi dưỡng, đào tạo cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực.

7 - Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đó là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng ta lãnh đạo.

Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và cũng là bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta. Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân". Nhà nước phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, cửa quyền, chống tham ô, lãng phí, đặc quyền, đặc lợi.

Bảo vệ quyền con người, các quyền cơ bản của công dân đã ghi trong Hiến pháp như quyền sở hữu, quyền sử dụng tư liệu sản xuất, quyền tự do kinh doanh hợp pháp; quyền được tự do thảo luận, tranh luận, phát biểu các ý kiến nhằm xây dựng đất nước; quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng...

Nghiêm chỉnh xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu nại và tố cáo của công dân. Tổ chức để nhân dân tham gia công việc của đất nước, đóng góp ý kiến xây dựng các chủ trương, chính sách của Đảng, các dự án luật quan trọng của Nhà nước. Cải tiến việc bầu cử. Thông qua chế độ bầu cử và tuyển chọn dân chủ, đưa người có đức, có tài vào các cơ quan đại biểu cũng như bộ máy quản lý của Nhà nước.

Thiết lập trật tự, kỷ cương xã hội, chống các biểu hiện dân chủ cực đoan. Thực hiện chuyên chính đối với những phần tử có hành vi chống lại Tổ quốc, xâm phạm lợi ích của nhân dân.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp, xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, nhất quán, thể chế hóa đường lối đổi mới của Đảng trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

Tăng cường giáo dục pháp luật, nâng cao hiểu biết và ý thức tôn trọng pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được thi hành một cách nghiêm minh, thống nhất và công bằng.

Tiếp tục tinh giản và đổi mới bộ máy nhà nước, bảo đảm quyền lực thống nhất, phân công rõ và phát huy hiệu lực của cả ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp. Làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội để làm tốt hơn nữa chức năng lập pháp và giám sát. Tăng số đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách.

Đổi mới và tăng cường hệ thống hành pháp cả về tổ chức, cán bộ, cơ chế hoạt động. Phát huy vai trò điều hành của bộ máy hành pháp. Xác định vai trò và trách nhiệm của chính quyền địa phương trên cơ sở pháp luật thống nhất và sự điều hành tập trung của Chính phủ.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức và đổi mới hoạt động

Digitized by Google

của hệ thống tư pháp. Phân định hợp lý thẩm quyền giữa các cơ quan tư pháp; từng bước xây dựng các cơ quan tư pháp mới theo yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm xử lý nghiêm minh, kịp thời, đúng luật mọi hành vi phạm pháp.

Xây dựng quy chế công chức, chế độ trách nhiệm công vụ. Tổ chức đào tạo lại cán bộ, viên chức trong bộ máy nhà nước, bảo đảm tính liên tục của nền hành chính.

8 - Đổi mới và chỉnh đốn đảng, củng cố mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân

Tiếp tục quán triệt các quan điểm và thực hiện các chủ trương, biện pháp mà Hội nghị Trung ương 3 đã đề ra. Chú trọng các vấn đề:

- Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn Đảng. Thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên quan điểm, đường lối của Đảng, nâng cao trình độ nhận thức, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những tinh hoa trí tuệ của thời đại, nhạy bén nắm bắt cái mới, xử lý đúng những vấn đề thực tiễn đặt ra.

Công tác lý luận trước hết hướng vào những vấn đề cấp bách đang cần giải quyết, thông qua nghiên cứu và tổng kết thực tiễn, làm rõ căn cứ khoa học cho các giải pháp về những vấn đề đang đặt ra của công cuộc đổi mới.

Uốn nắn những quan điểm lệch lạc, những nhận thức mơ hồ, dao động về tư tưởng; đấu tranh chống những biểu hiện cơ hội, hữu khuynh và giáo điều, bảo thủ. Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không được truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng.

- Tăng cường khối đoàn kết thống nhất trong Đảng. Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Rèn luyện đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, chống lãng phí, tham nhũng và làm ăn phi pháp. Chống chủ nghĩa cá nhân, vô kỷ luật, độc đoán, chuyên quyền, cục bộ, bè phái. Coi trọng công tác bảo vệ đảng. Giữ gìn bí mật nội bộ và bí mật quốc gia. Chống mọi âm mưu, thủ đoạn làm biến chất cán bộ. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách và Điều lệ Đảng.

- Mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân. Thấm nhuần tư tưởng của Bác Hồ, thực hiện đoàn kết rộng rãi mọi người Việt Nam tán thành công cuộc đổi mới, vì độc lập dân tộc, phấn đấu thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, tiến lên dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Lấy đại nghĩa dân tộc làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau mà không trái với lợi ích chung, cùng nhau xóa bỏ mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai. Tư tưởng đại đoàn kết phải thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hoàn thiện các chính sách bảo đảm lợi ích và phát huy vai trò của công nhân, nông dân, trí thức. Bồi dưỡng, phát huy lực lượng thanh niên, phụ nữ. Bổ sung và thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các nhà công thương, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Các cấp ủy đảng, các đảng đoàn và ban cán sự phải tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị về công tác Mặt trận và các đoàn thể nhân dân; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chính quyền và các đoàn thể. Đổi mới nội dung, phương thức và phong cách hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể.

- Đổi mới công tác cán bộ, trước hết là đổi mới quan niệm và phương pháp công tác cán bộ trong đánh giá, tuyển chọn, sử dụng, bố trí cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt. Đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài; tạo môi trường thuận lợi cho mọi người có đức, có tài, cả trong và ngoài Đảng, cả người ở trong nước và người sinh sống ở nước ngoài đều có cơ hội cống hiến tốt nhất cho đất nước. Trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Chú trọng cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Chống hẹp hòi, cục bộ, thành kiến, phân biệt đối xử.

Việc đánh giá, lựa chọn và sử dụng cán bộ lãnh đạo các cấp phải căn cứ vào những tiêu chuẩn cơ bản đã nêu trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương

Digitized by Google

3. Đặc biệt chú ý bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng; giữ gìn phẩm chất, đạo đức và lối sống lành mạnh; thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, không vướng vào tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng; có ý thức tổ chức kỷ luật, gần gũi quần chúng; có năng lực và phẩm chất ngang tầm nhiệm vụ.

Dân chủ hóa công tác cán bộ. Đánh giá cán bộ phải do tập thể cấp ủy quản lý cán bộ và các cơ quan có liên quan tiến hành theo đúng quy trình chặt chẽ, dân chủ, thận trọng, công tâm. Mỗi cán bộ cần được biết và được phát biểu ý kiến về sự đánh giá của cấp ủy, của thủ trưởng đối với mình.

Khảo sát, đánh giá lại toàn bộ đội ngũ cán bộ hiện có, trên cơ sở đó xây dựng quy hoạch cán bộ từ nay đến năm 2000 đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, số lượng, cơ cấu.

Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch. Đào tạo gắn với tiêu chuẩn từng chức danh và yêu cầu sử dụng cán bộ. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học. Đầu tư thích đáng cho việc đào tạo cán bộ đảng.

Đảng viên, nhất là cán bộ đảng các cấp, phải thường xuyên học tập trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ, rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng.

Khẩn trương chuẩn bị nhân sự cho Đại hội VIII và các năm tiếp theo.

Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến hệ thống các chính sách, chế độ đãi ngộ cán bộ.

- *Đổi mới tư duy, nâng cao tính khoa học của công tác tổ chức, tiếp tục chấn chỉnh hệ thống tổ chức*, bảo đảm bộ máy tinh gọn, có hiệu lực và hiệu quả. Xúc tiến việc nghiên cứu, tổng kết các mô hình tổ chức, cụ thể hóa chức năng nhiệm vụ, phương thức lãnh đạo của Đảng ở các cấp, các ngành, các loại hình cơ sở, từ đó có kế hoạch kiện toàn tổ chức, hợp lý hóa bộ máy của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể.

- *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng*. Đảng ta là Đảng cầm quyền, Đảng đề ra đường lối, chính sách xây dựng và bảo vệ đất nước; nắm vững tổ chức và cán bộ để bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối của Đảng. Đảng lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; lãnh đạo thông qua tổ chức đảng chứ không chỉ thông qua cá nhân đảng viên; lãnh đạo bằng các quyết định của tập thể và bằng cách theo dõi, cho ý kiến chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc, nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của Nhà nước, chứ không điều hành thay Nhà nước.

- *Nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên gắn với củng cố tổ chức cơ sở đảng*. Lúc này, tính kiên định chính trị, lòng trung thành với lý tưởng của Đảng, với lợi ích của nhân dân lao động và của dân tộc, là phẩm chất hàng đầu của người đảng viên. Điều lệ Đảng đã quy định các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của đảng viên. Mọi đảng viên đều phải chấp hành thật tốt, gương mẫu và phấn đấu trở thành người sản xuất, công tác và quản lý giỏi, hoàn thành nhiệm vụ được giao; thường xuyên học tập nâng cao trình độ và năng lực công tác; có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự thống nhất trong Đảng, chấp hành đúng pháp luật Nhà nước.

Xử lý kịp thời và nghiêm minh những đảng viên thoái hóa biến chất, vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước. Tiếp tục đưa những người không còn tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Làm tốt công tác phát triển đảng, nhất là trong thanh niên, phụ nữ, những cơ sở chưa có hoặc còn ít đảng viên. Trẻ hóa đội ngũ Đảng.

Nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Đảng và các ngày lễ lớn trong năm 1995, mở một đợt vận động giáo dục, bồi dưỡng phát triển đảng, trước hết là trong thanh niên.

Tích cực tiến hành tổng kết công tác xây dựng đảng, chuẩn bị Đại hội VIII của Đảng.

Phía trước chúng ta là một thời kỳ mới với những triển vọng đầy hứa hẹn, những thách thức lớn lao mà chúng ta nhất định phải vượt qua và những thời cơ thuận lợi mà chúng ta cần tận dụng.

Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đồng tâm nhất trí, đoàn kết một lòng, quyết tâm phấn đấu thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội VII, đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Digitized by Google

ĐỒNG CHÍ ĐÀO DUY TÙNG GẶP MẶT VÀ NÓI CHUYỆN THÂN MẬT VỚI HỘI NGHỊ CỘNG TÁC VIÊN CỦA TẠP CHÍ CỘNG SẢN



SÁNG 11-1-1994, tại Hà nội, Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã tổ chức cuộc họp mặt thân mật với các cộng tác viên (khu vực phía Bắc). Đến dự có đồng chí Đào Duy Tùng, Ủy viên Bộ chính trị, Thường trực Ban bí thư ; đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng ; các đồng chí ủy viên Trung ương Đảng : Hà Đăng, Trưởng ban tư tưởng văn hóa ; Nguyễn Đình Hương, Trưởng ban bảo vệ chính trị nội bộ ; Đặng Xuân Kỳ, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; Nguyễn Duy Quý, Giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia ; Lê Xuân Tùng, Phó bí thư Thành ủy Hà nội, cùng nhiều đồng chí lãnh đạo các ban, các bộ, các ngành, các cơ quan nghiên cứu lý luận, các báo và tạp chí...

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản*, đã báo cáo tình hình công tác năm 1993 và phương hướng biên tập năm 1994 của *Tạp chí*. Đồng chí nhấn mạnh : Năm 1993, trên các mặt biên tập, nghiên cứu, công tác bạn đọc, in ấn, phát hành, *Tạp chí* đã có những cố gắng và bước tiến đáng kể. Do chú ý đến công tác nghiên cứu, gắn công tác biên tập với nghiên cứu, tập hợp được đông đảo cộng tác viên, nên *Tạp chí* đã nâng được chất lượng bài vở, nâng được tính lý luận, tính tổng kết và tính chiến đấu. Đặc biệt, *Tạp chí* đã chú ý bám sát cuộc sống, bám sát các vấn đề lý luận và thực tiễn nóng bỏng, tuyên truyền kịp thời, tập trung và có hệ thống các nghị quyết của Trung ương, Bộ chính trị, Ban bí thư, các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ; đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ đường lối quan điểm của Đảng, nhất là trên lĩnh vực chống "diễn biến hòa bình", vấn đề quyền con người, vấn đề văn hóa văn nghệ, xuất bản ; phê phán những nhận thức lệch lạc, những quan điểm sai trái.

Mặt hạn chế, nhược điểm của *Tạp chí* là : chất lượng lý luận, hàm lượng khoa học trong một số bài còn yếu ; có bài còn mang dáng dấp một bản báo cáo chuyên ngành hoặc nặng về kể tình hình địa phương ; bài tổng kết thực tiễn tính khái quát chưa

Digitized by Google

cao, cách viết còn cũ ; một số bài thiếu sức thuyết phục.

Về phương hướng biên tập năm 1994, đồng chí Tổng biên tập cho biết, *Tạp chí* sẽ đề cập sâu thêm những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chú trọng những bài tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học, đấu tranh với những quan điểm sai lầm, uốn nắn những nhận thức lệch lạc.

Các ý kiến đóng góp của một số cộng tác viên đã bày tỏ sự nhất trí tán thành bản báo cáo của Bộ biên tập, hoan nghênh, khích lệ những cố gắng và các mặt đổi mới, tiến bộ của *Tạp chí*. Đồng thời góp thêm các biện pháp tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng *Tạp chí*. Một số đồng chí nhấn mạnh việc chuyển sang cơ chế thị trường vừa là đòi hỏi khách quan, vừa tác động trực tiếp đến công tác nghiên cứu lý luận, đến hoạt động báo chí và xuất bản. Trong bối cảnh đó, *Tạp chí Cộng sản* đã đứng vững trên vị trí của mình, làm đúng chức năng, giữ đúng tôn chỉ mục đích, làm tốt nhiệm vụ định hướng tư tưởng cho toàn xã hội, đồng thời cố gắng tiếp cận với cuộc sống thường nhật, đụng chạm đến không ít vấn đề nổi cộm, gai góc. *Tạp chí* đã vượt qua được sự thách đố, đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Nội dung phong phú, hình thức đa dạng, sinh động, thể hiện trên tất cả các lĩnh vực. Vấn đề kinh tế, một trọng tâm và nóng bỏng của xã hội đã được đề cập thoả đáng. Một số vấn đề khó như dân tộc, tôn giáo, văn hóa văn nghệ, *Tạp chí* cũng đã có nhiều bài với quan điểm đúng đắn, cách viết đúng mức, xã hội và bạn đọc "chấp nhận" được... *Tạp chí* đã đưa được số phát hành từ hơn 3,8 vạn bản (đầu năm) lên hơn 4,2 vạn (cuối năm), mở rộng được mạng lưới cộng tác viên và bạn đọc (nhất là khu vực phía Nam). Đó là điều rất đáng mừng.

Một số ý kiến đề nghị *Tạp chí* nên duy trì hình thức trao đổi, tọa đàm, hội thảo, nhất là trên những vấn đề lớn, khó ; nêu ra các ý kiến khác nhau, các ý kiến còn tranh luận để cung cấp thông tin, dữ kiện cho Đảng nghiên cứu, hoạch định quyết sách. Có thể kết hợp với các ban, ngành hoặc địa phương để tổ chức hội thảo, vừa đưa lý luận tiếp cận với cuộc sống nóng hổi, vừa bổ sung thêm thực tế cuộc sống cho lý luận.

Với phong cách làm việc thân tình và nghiêm túc, *Tạp chí* đã, đang và sẽ là nơi tập hợp lực lượng các nhà khoa học, các nhà lý luận và hoạt động thực tiễn, trở thành cầu nối quan trọng giữa khoa học và cuộc sống, giữa người làm khoa học và quần chúng rộng lớn. Sức hấp dẫn của *Tạp chí* trước hết là ở chất lượng bài vở. Trước đây, bạn đọc đến với *Tạp chí* có thể chỉ là cần và phải tìm hiểu chủ trương, đường lối của Đảng. Ngày nay trong cách mạng thông tin, bạn đọc đến với *Tạp chí* với nhu cầu và nguyện vọng phong phú và đa dạng hơn nhiều. Đặc biệt người ta muốn tìm câu trả lời, tìm những giải pháp đúng đắn cho cuộc sống bộn bề và phức tạp hôm nay.

Nhiều đồng chí cộng tác viên tỏ ý tin rằng : là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, với bề dày kinh nghiệm và với một đội ngũ cộng tác viên hùng hậu của mình, chắc chắn *Tạp chí Cộng sản* sẽ tiếp tục vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không phụ lòng tin cậy của bạn đọc.

Sau khi nghe các ý kiến nói trên, đồng chí Đào Duy Tùng đã phát biểu. Vẫn với tác phong điềm đạm, thân tình, với cách diễn đạt mộc mạc, sâu sắc, Đồng chí nói : "Là cán bộ cũ của *Tạp chí*, đã từng làm việc ở *Tạp chí* 17 năm, từ 1965 đến 1982*, hôm nay trong cuộc họp thân tình này, tôi rất vui mừng được gặp các anh chị em công tác ở *Tạp chí*, gặp các cộng tác viên, trong đó có những đồng chí đã là cộng tác viên từ những năm tôi còn công tác ở *Tạp chí*".

Biểu dương những mặt tiến bộ của *Tạp chí* trong năm qua về nội dung chất lượng bài vở, về hàm lượng trí tuệ, về đổi mới tư duy, về phạm vi các vấn đề đề cập và trình độ học vấn của người viết, đồng chí Đào Duy Tùng chỉ rõ :*Tạp chí* đã chú ý gắn lý luận với cuộc sống, có ý thức lý giải, trả lời các vấn đề do cuộc sống đặt ra. Trả lời chất lượng đến đâu còn là vấn đề, nhưng *Tạp chí* đã có cố gắng trên mặt này, và đây là một hướng đi đúng. Đồng chí nhấn mạnh : "Rõ ràng *Tạp chí* có những tiến bộ cả về nội dung, hình thức và đội ngũ cộng tác viên".

Chỉ ra mặt yếu của *Tạp chí*, Đồng chí gợi ý một số vấn đề : với tư cách là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương, *Tạp chí* đã tự tổ chức được bao nhiêu bài có chất lượng, có tầm vóc, được nhiều người cho là hay ? Đã đi sâu vào thực tiễn đổi mới từ vi mô đến vĩ mô để có thể trình bày những mô hình cụ thể trên các lĩnh vực (nhất là kinh tế) của con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta chưa ? Đã có những bài gì có hàm lượng khoa học và tính thuyết phục cao, góp phần nâng cao lòng tin của cán bộ, đảng viên vào con đường đã chọn, khắc phục sự dao động trong một bộ phận cán bộ, đảng viên trước sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu ? Đã có bao nhiêu bài có tác dụng chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện

* Đồng chí Đào Duy Tùng là Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản* từ năm 1965 đến năm 1982 (P.V.).

Digitized by Google

đường lối chung của Đảng đúng hướng ; uốn nắn kịp thời những biểu hiện chệch hướng ? Hằng ngày, hằng giờ, bằng nhiều phương tiện, các lực lượng đối lập thường xuyên tiến công vào cơ sở tư tưởng của Đảng, vào chính bản thân Đảng, vào sự nghiệp đổi mới. Những bài viết về mặt này đã phản kích kịp thời và có hiệu quả chưa ?

Về phương hướng và nhiệm vụ biên tập của *Tạp chí* trong những năm trước mắt, Đồng chí chỉ rõ :

1 - *Tạp chí* cần khẳng định, làm sáng tỏ và góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Việc này quan trọng và cấp bách. Hiện nay *Hội đồng chỉ đạo biên tập giáo trình các môn khoa học chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh* đang thảo luận để làm rõ một số vấn đề lý luận lớn, như : về vai trò của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; nhận định về tính chất và nội dung thời đại ; học thuyết về hình thái kinh tế-xã hội ; học thuyết giá trị thặng dư ; học thuyết về địa vị lịch sử của giai cấp công nhân ; và nhiều vấn đề cụ thể khác.

Vấn đề tổng quát là phải khẳng định được những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lê-nin với tính chất là học thuyết cách mạng và khoa học trước đây đúng, bây giờ vẫn đúng ; luận điểm gì phù hợp với điều kiện lịch sử trước đây, nhưng nay không còn phù hợp ; luận điểm nào mà ngay khi các vị còn sống, đã không phù hợp, trong đó có vấn đề các vị đã tự phê phán ; xem xét quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã có những đóng góp gì trong việc phát triển chủ nghĩa Mác-Lê-nin.

Đây là thời cơ để *Tạp chí* góp phần quan trọng cùng *Hội đồng* làm sáng tỏ những vấn đề lý luận. *Tạp chí* nên quan hệ chặt chẽ với *Hội đồng* để có thêm điều kiện biên tập bài vở.

2 - *Tạp chí* phải tham gia tích cực vào việc nghiên cứu, biên tập những bài góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho các quyết định của Hội nghị Trung ương 7,8 và Đại hội Đảng lần thứ VIII. Hội nghị Trung ương 7 sẽ bàn vấn đề công nghiệp hóa, khoa học và công nghệ, xây dựng giai cấp công nhân. Hội nghị Trung ương 8 sẽ bàn vấn đề nhà nước pháp quyền, khoa học xã hội nhân văn, một số vấn đề lý luận. *Tạp chí* cần bám chắc yêu cầu, nội dung chuẩn bị trình các Hội nghị trên để xây dựng chương trình biên tập cho sát hợp.

3 - Cần bám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, Nghị quyết Hội nghị đại biểu, các nghị quyết Trung ương, nắm bắt những vấn đề quan trọng về mặt kinh tế và xã hội để viết những bài khẳng định cái gì đi đúng hướng, chỉ ra cái gì đi chệch hướng.

Về kinh tế, cần có những bài về cơ cấu kinh tế, về thành phần kinh tế, về cơ chế thị trường, nhất là vấn đề doanh nghiệp nhà nước, các loại hình hợp tác xã thuộc nhiều ngành, các doanh nghiệp tư nhân, vấn đề giá cả, ngân hàng, tiền tệ, tích lũy, tiêu dùng... Về xã hội, chú ý những vấn đề việc làm, công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, sự phân hóa giàu nghèo...

Chú trọng những bài tổng kết mô hình, nhất là mô hình về các trung tâm sản xuất (như trung tâm sản xuất chè, mía, dâu tằm, cà phê, cao su...) ; chú ý những mô hình về doanh nghiệp nhà nước, về phân phối lưu thông trong điều kiện mới, mô hình hợp tác xã nông nghiệp theo hướng vừa phát huy thế mạnh của hộ xã viên vừa củng cố và tăng cường sức mạnh của tập thể xã viên...

4 - *Tạp chí* nên đi sâu hơn vào những vấn đề văn hóa, bản sắc dân tộc, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Nên khai thác những thành quả của cha ông, không phải chỉ trên phương diện đánh giặc mà ngay trên các phương diện khác như triết học, lịch sử, khoa học, văn học nghệ thuật, tôn giáo, luật pháp, ngôn ngữ...

5 - *Tạp chí* đã sớm có bài đề cập đến vấn đề chống "diễn biến hòa bình" (số 1-1993). Nhưng nay cần đi sâu hơn nữa vì cuộc đấu tranh này đang diễn ra hằng ngày hằng giờ dưới nhiều hình thức khá gay gắt.

6 - Về Đảng, bài vở trên *Tạp chí* phải thể hiện rõ công tác xây dựng Đảng là then chốt. Nội dung có nhiều, nhưng trước mắt cần coi trọng vấn đề nâng cao tính tiền phong, nâng cao trình độ, năng lực trí tuệ của Đảng. Nên có bài với cách viết hấp dẫn, thuyết phục, góp phần rèn luyện, giáo dục phẩm chất cán bộ, đảng viên, nâng cao lý tưởng cách mạng, lối sống lành mạnh, khắc phục những hiện tượng dao động, cơ hội. Đặc biệt chống nạn tham nhũng, buôn lậu, tiêu xài lãng phí.

Trong tình hình phức tạp hiện nay, *Tạp chí* cần có bài mang tính thuyết phục đấu tranh phản bác lại các luận điệu chống Đảng (chống hệ tư tưởng của Đảng, chống đường lối của Đảng, tổ chức Đảng, mua chuộc lôi kéo, tha hóa cán bộ của Đảng...). Phải rất coi trọng đến các đề tài bàn về những vấn đề cán bộ để nâng cao dần chất lượng đội ngũ cán bộ của ta.

Đồng chí Đào Duy Tùng kết luận : "Tóm lại, chúng ta phải nắm vững cơ hội, phát huy thuận lợi, ngăn ngừa và khắc phục những nguy cơ để thực hiện cho được mục tiêu mà Đại hội VII đã đề ra, không những đến năm 1995 mà đến cả năm 2000".

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng thay mặt Bộ biên tập và đội ngũ cộng tác viên, chân thành cảm ơn đồng chí Đào Duy Tùng, hứa với Trung ương Đảng sẽ làm tốt nhiệm vụ của Tạp chí.

P.V.

Digitized by Google

VỀ CÁC PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN LỊCH SỬ VÀ THỜI ĐẠI

NGUYỄN HỮU CÁT*
NGUYỄN VIẾT THẢO**

SAU sự đổ vỡ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu, hệ tư tưởng của giai cấp vô sản lại đứng trước một cơn sóng gió nghiệt ngã ; chủ nghĩa xã hội hiện thực đang phải chịu những thử thách rất nặng nề. Lợi dụng thời cơ hiếm hoi này, chủ nghĩa đế quốc ráo riết triển khai chiến lược "diễn biến hòa bình" nhằm thực hiện mục tiêu thường trực là xóa bỏ hoàn toàn chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Là một dạng thức của đấu tranh giai cấp giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng được các thế lực thù địch tiến hành bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, và đang len lỏi vào nhiều mặt của ý thức xã hội. Để vô hiệu hóa vai trò và tác dụng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, các thế lực thù địch không phải lúc nào cũng dám công khai tuyên truyền hệ tư tưởng tư sản, hoặc phủ nhận thô bạo những nguyên lý kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Thay vào đó, chúng ra sức cổ vũ, giúp đỡ về mọi mặt cho sự ra đời của các thế giới quan, phương pháp luận, quan điểm, lập trường phi mác xít. Trong đó vấn đề phương pháp tiếp cận lịch sử và thời đại chiếm vị trí rất quan trọng, bởi vì nó là cơ sở lý luận cho việc xác định hàng loạt vấn đề chính trị trọng yếu, như : giai cấp và đấu tranh giai cấp, chính quyền và hệ thống quyền lực, chiến lược và sách lược, đảng lãnh đạo và liên minh giai cấp, v.v..

*

Đối với những người mác xít chân chính, nhận thức duy vật về lịch sử coi quá trình phát triển của xã hội loài người là quá trình kế tiếp nhau của các hình thái kinh tế - xã hội, luôn luôn là cơ sở lý luận và phương pháp luận cho sự phân tích về thời đại. Nhưng gần đây, có một số người cho rằng phương pháp tiếp cận theo hình thái nói trên của Mác tỏ ra không đủ sức đứng vững trước bước chuyển mình của thời đại. Họ đề nghị thay thế bằng một số phương pháp tiếp cận mới trên cơ sở các nền văn minh, hoặc theo các nhánh phát triển Âu, Á, hoặc theo các trục lợi ích quốc gia, dân tộc, v.v..

Theo họ, hiện nay loài người đang giã từ nền văn minh công nghiệp để chuyển sang nền văn minh tin học. Họ nghi ngờ tính đúng đắn của luận thuyết tiến trình lịch sử theo 5 hình thái kinh tế - xã hội. Diện mạo của xã hội loài người ở kỷ nguyên hậu công nghiệp đã được khắc họa khá hấp dẫn trong một loạt tác phẩm xuất hiện trên thế giới trong mấy năm vừa qua. Không dừng lại ở việc mô tả, phân tích nền văn minh đương đại, các tác giả của các cuốn sách này còn ngược dòng lịch sử, "phát hiện" ra hai nền văn minh nông nghiệp và văn minh công nghiệp để trên cơ sở đó, phát biểu một quan niệm, một cách nhìn mang tính phương pháp luận về "lịch sử loài người là sự va chạm và tương tác giữa ba làn sóng (nông nghiệp, công nghiệp, hậu công nghiệp)".

Phương pháp tiếp cận *theo các nền văn minh* cũng đã được một số học giả nước ta tuyên truyền, ca tụng, coi đó như chìa khóa "giải mã" thế giới đầy biến động và mâu thuẫn ngày nay. Nội dung của phương pháp tiếp cận theo các nền văn minh bao hàm những ý lớn sau đây :

a) Lấy nền tảng kinh tế - sản xuất làm điểm xuất phát để nghiên cứu lịch sử theo một lô gích hệ thống

---

(*) (**) Cán bộ giảng dạy Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

gồm 4 bình diện : kỹ thuật, thông tin, xã hội (giáo dục) và tâm lý tinh thần.

b) Thực hiện sự phân chia xã hội làm hai nhóm thành viên : một bên là những người sản xuất ; bên kia là những người tiêu thụ, được đặt trong mối quan hệ cung - cầu như nội lực tạo ra sự vận động của xã hội.

c) Sợi chỉ đỏ xuyên suốt thế giới quan và phương pháp luận này là khái niệm then chốt trong lý thuyết hệ thống : khái niệm hoàn ngược, phản hồi hay còn gọi là "phản hồi tiêu cực".

d) Đặt những thành tựu công nghệ - kinh tế không những vào vị trí là tiền đề thúc đẩy sự vận động của lịch sử, mà còn là nhân tố dẫn dắt toàn bộ loài người đến một cuộc sống vật chất và tinh thần cao hơn, tiến bộ hơn - không cần tiến hành cách mạng xã hội, hoặc nếu cần, thì đó là sự nghiệp của "các tấm biển chỉ đường của trí tuệ".

e) Cơ sở triết học của cách tiếp cận nêu trên là quan niệm về sự thống nhất, hòa hợp như bản chất và như nguyên lý giải quyết những mâu thuẫn bên trong mỗi sự vật, xã hội. Mọi biểu hiện đấu tranh giữa các mặt đối lập, cho dù là cùng thuộc một thực thể biện chứng, đều bị xếp vào những biểu hiện lỗi thời của tư duy công nghiệp.

Hạt nhân hợp lý, hay có thể coi là ưu điểm, của cách tiếp cận theo các nền văn minh là đã xuất phát từ những biến đổi xảy ra trong nền tảng vật chất - kinh tế - công nghệ để nghiên cứu mọi mặt của đời sống xã hội và đặt chúng vào trạng thái vận động không ngừng. Nhưng điều đó chỉ càng chứng tỏ phương pháp luận duy vật biện chứng của Mác vẫn đang dồi dào sức sống ngay cả ở những người phi mác xít ! Chính Mác và Ăng-ghen - hơn cả thế hệ sau - đã dành sự quan tâm hàng đầu đến vai trò của yếu tố vật chất nói chung, và của lực lượng sản xuất nói riêng là nhân tố quyết định cuối cùng đối với quá trình phát triển của xã hội. Các ông đã chỉ rõ, để phân biệt một thời đại kinh tế, phải căn cứ vào chỗ thời đại ấy sản xuất bằng gì và sản xuất như thế nào. Vì vậy, nếu hiện nay chỉ nêu và nhấn mạnh vai trò và ý nghĩa của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, thì cùng lắm cũng chỉ là lặp lại Mác mà thôi.

Bên cạnh hạt nhân hợp lý (do tiếp thu Mác) vừa nêu, phương pháp tiếp cận theo các nền văn minh chứa đựng *nhiều sai lầm*. Trước hết, là *sai lầm về thế giới quan*. Bản chất của vật chất không phải là sự thống nhất, hòa hợp giữa các nhân tố cấu thành, mà là sự vận động không ngừng như kết quả của quá trình đấu tranh giữa các mặt đối lập để giải quyết mâu thuẫn biện chứng xuất hiện và tồn tại bên trong bản thân mỗi sự vật. Nguyên lý này đã được Mác tổng kết, đúc rút từ tinh hoa triết học nhân loại, từ Hê-ra-clit, A-ri-xtốt đến Hê-ghen.

Phát hiện việc xã hội loài người phân chia thành các giai cấp khác nhau, đối kháng nhau và cuộc đấu tranh giữa chúng tạo ra động lực phát triển lịch sử, không phải là đóng góp mới mẻ của chủ nghĩa Mác. Điều này, trước Mác các đại biểu xuất sắc của tri thức loài người đã vạch ra ; đồng thời, nó đã được khẳng định bởi vô số những bằng chứng của lịch sử. Với việc phân chia xã hội thành những người sản xuất và những người tiêu thụ, số người có quan điểm tiếp cận lịch sử theo các nền văn minh đã cố ý che giấu tính khách quan của cuộc đấu tranh giai cấp nói chung giữa kẻ bóc lột và người bị bóc lột, và của cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt, phức tạp hiện nay giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân cùng những người làm thuê khác.

Khi chủ trương tiếp cận theo nền văn minh, số người nói trên đã lớn tiếng tuyên bố : cả tư sản lẫn vô sản và người lao động, đi đôi là những xã hội tương ứng, đều là chủ nhân của quá khứ công nghiệp ! Quyền lực và hy vọng tương lai thuộc về các bộ óc tri thức tin học ! Thay vì cách nhìn lịch sử loài người như dòng chảy biện chứng của các hình thái kinh tế - xã hội, họ cường điệu hóa nền văn minh hiện đại, dường như từ xưa tới giờ loài người chưa trải qua một nền văn minh nào đáng giá cả. Học thuyết về các hình thái kinh tế - xã hội bị hiểu một cách nông cạn, theo đó dường như thế giới bị phân chia thành hai hình thái chủ yếu : tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Cả hai hình thái này, theo họ, đều tồn tại trên cơ sở một nền văn minh chung là *văn minh công nghiệp* (...). Còn nền văn minh *mới* thì không dung nạp trong bản thân nó cả hình thái tư bản chủ nghĩa lẫn hình thái xã hội chủ nghĩa như một sự phủ định hình thái trên.

Là những nhà biện chứng duy vật, Mác, Ăng-ghen và Lê-nin không bao giờ xác định nền đại công

Digitized by Google

nghiệp cơ khí là tột đỉnh của văn minh loài người. Bởi vậy, không thể gán cái giới hạn nền văn minh công nghiệp cho học thuyết của các ông về hình thái kinh tế - xã hội.

Lịch sử chứng minh rằng mỗi nền văn minh đều dung nạp nhiều hình thái kinh tế - xã hội khác nhau ; đồng thời, ở một không gian và thời gian cụ thể, nó không thể không mang một hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Ví dụ, khi nói văn minh La mã, trước hết là nói hình thái La mã của văn minh nông nghiệp, là nói cơ sở kinh tế và cấu trúc thượng tầng kiểu La mã của chế độ chiếm hữu nô lệ. Văn minh tin học, hoặc văn minh gì sau này nữa, chừng nào còn tồn tại và phát triển trong điều kiện xã hội có giai cấp, thì chừng đó, ở một không gian và thời gian cụ thể, nó còn luôn luôn được xác định bởi một kiểu hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Động lực thúc đẩy sự vận động của loài người từ nền văn minh này sang nền văn minh khác, hiển nhiên phải được tìm ở mâu thuẫn nội tại của mỗi hình thái kinh tế - xã hội, ở cuộc đấu tranh chính trị, đấu tranh giai cấp giữa các giai cấp tiêu biểu cho một hình thái kinh tế - xã hội nhất định.

"Văn minh" không những là một khái niệm khoa học, mà còn là một thuật ngữ thông dụng trong ngôn ngữ hằng ngày. Sở dĩ khái niệm "văn minh" có phạm vi sử dụng hết sức rộng rãi trước hết là vì ngữ nghĩa của nó chưa được xác định rõ. Ngay cả đến nay, khi khoa học về các phương pháp đã phát triển, chúng ta cũng mới chỉ biết mô tả các nền văn minh khác nhau, chứ chưa xác định được một cách lô gích hệ thống các yếu tố cấu thành mỗi nền văn minh.

Văn minh, bản thân nó, cũng có lịch sử. Trên cái nền lịch sử - văn minh này, các thời đại, các thời kỳ, các giai đoạn của xã hội loài người phát triển như một dòng biện chứng. Động lực của quá trình này được tạo lập bởi nhiều yếu tố, trong đó không thể không nhấn mạnh vai trò của chủ thể xã hội : cá nhân, nhóm, giai cấp, dân tộc. Khi nói đến các chủ thể xã hội là nói đến những lợi ích khác nhau, đối kháng nhau, cùng tồn tại trong một nền văn minh. Không thể tiếp cận phép biện chứng của các mâu thuẫn do các lợi ích đối kháng tạo ra, bằng một công cụ rất thiếu tính lô gích - cụ thể là phạm trù "văn minh".

Cách tiếp cận theo nền văn minh đã phủ nhận hoặc hạ thấp vai trò của đấu tranh xã hội và đấu tranh giai cấp như một động lực chủ yếu thúc đẩy sự vận động của lịch sử. Từ chỗ tước bỏ sự tồn tại và đấu tranh của các mặt đối lập, các tác giả theo quan niệm trên về phép biện chứng xã hội đã kêu gọi "từ bỏ hoàn toàn cách nhìn lưỡng phân của cách tiếp cận hình thái".

*

Lao động luôn luôn có tính hai mặt : tính xã hội và tính cá nhân, cùng tồn tại như các vế đối lập của một chỉnh thể thống nhất. Chính sự phát triển của cả hai thuộc tính này trong mâu thuẫn biện chứng giữa chúng, quyết định sự phát triển của bản thân lao động. Trên thực tế, lịch sử ghi nhận hai mô thức đối nghịch giải quyết mối quan hệ nêu trên. Mô thức châu Á chủ trương một nền sản xuất nhà nước tập trung, phi hàng hóa - tiền tệ, phi thị trường. Mô thức châu Âu xác lập nền sản xuất tư nhân, tự do trao đổi trong quan hệ hàng - tiền và do cơ chế thị trường điều tiết.

Từ điểm xuất phát lý luận và thực tiễn đó, một số học giả đã khẳng định : sẽ là ngây thơ nếu tin vào các quy luật sắt của sự nối tiếp các hình thái kinh tế - xã hội. Và họ đưa ra phương pháp phân tích lịch sử và tiếp cận thời đại *theo hai "nhánh" Á, Âu*.

Hạt nhân hợp lý của phương pháp này là ở chỗ đưa ra hai phương thức đối lập về giải quyết mâu thuẫn giữa hai thuộc tính của lao động, từ đó khái quát những đặc trưng khác nhau của các chế độ xã hội xây dựng trên cơ sở từng loại hình hoạt động vật chất đó.

Quan sát lịch sử phát triển của xã hội loài người, ta thấy đúng là có sự tồn tại của hai "nhánh" Á, Âu, nhưng không chỉ có hai "nhánh" đó mà thôi, cả khi nói về chế độ sở hữu tư liệu sản xuất cũng vậy. Vô số nhánh trung gian, cộng với hàng loạt biến thể của hai "nhánh" Á, Âu, mà thực chất quyết định tính đa dạng và sinh động của lịch sử, đã không được đề cập. Tính phiến diện của phương pháp này là ở đó !

Chính các tác giả của quan điểm tiếp cận thời đại theo hai "nhánh" Á, Âu cũng thừa nhận : do tuyệt đối hóa từng mặt của lao động, cả hai loại hình đều đưa nền sản xuất và xã hội đến bế tắc, khủng

Digitized by Google

hoàng. Cả *chủ nghĩa tư bản phương Tây*, đại diện cho chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa cá nhân cực đoan và chế độ tư hữu, lẫn *chủ nghĩa xã hội hiện thực* tổ chức theo mô hình nhà nước tập quyền và chế độ công hữu kiểu phương Đông, đều không phù hợp với chiều hướng vận động của lịch sử.

Loài người còn phải đi tiếp đến một chế độ xã hội được xây dựng trên cơ sở giải quyết hài hòa, biện chứng mâu thuẫn nội tại của lao động. Điều kiện vật chất - kỹ thuật của xã hội ấy - xã hội không còn giá trị thặng dư và bóc lột - là lực lượng sản xuất đạt tới trình độ mà công nhân đứng bên cạnh sản xuất chứ không phải là tác nhân chủ yếu của quá trình sản xuất.

Khi con người được giải phóng khỏi quá trình sản xuất trực tiếp, chuyển giao các chức năng sản xuất cho công cụ hiện đại để tạo ra sản phẩm theo đơn đặt hàng trực tiếp của người tiêu dùng, thì việc ép buộc lao động bằng biện pháp hành chính hoặc kích thích lao động bằng cơ chế thị trường, cũng như việc sản phẩm cần được xã hội thừa nhận thông qua thị trường v.v., tất cả đều trở thành thừa. Lúc đó, nền sản xuất đã được xã hội hóa cao độ, không phải bằng cách nhà nước hóa các tư liệu sản xuất, mà do những yếu tố vật chất - chất xám, trí tuệ, sự sáng tạo của người lao động với tư cách một cá nhân tự do. Rõ ràng, con đường phát triển kiểu này của lịch sử không thuộc riêng "nhánh" nào, cả Âu lẫn Á, mà thuộc về quá trình phủ định biện chứng đối với chế độ xã hội được duy trì bởi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Cũng cần nói thêm rằng : đã có người muốn đặt cuộc đấu tranh vì lợi ích quốc gia - dân tộc vào vị trí cuộc đấu tranh xã hội, đấu tranh giai cấp với ý nghĩa tạo ra động lực thúc đẩy lịch sử, để trên cơ sở đó, tước bỏ ý nghĩa thực tiễn của phương pháp mác xít tiếp cận theo các hình thái kinh tế - xã hội.

Đúng là vấn đề dân tộc tồn tại trước vấn đề giai cấp, nhưng trên thực tế, mỗi giai cấp, mỗi chế độ xã hội, trong quá trình thực hiện mục tiêu, lợi ích của mình, đều nhân danh dân tộc, và trong nhiều trường hợp, đại diện cho lợi ích dân tộc. Dân tộc, với tư cách là nhà nước quốc gia hoặc thiết chế xã hội, đã xuất hiện trong lịch sử cùng với sự phân hóa giai cấp (điển hình ở châu Âu), hoặc phân hóa đẳng cấp (ví dụ ở châu Á). Thành thử, đấu tranh dân tộc thường gắn liền với đấu tranh xã hội, đấu tranh giai cấp.

Khi khẳng định giai cấp vô sản có sứ mệnh lịch sử là đấu tranh xóa bỏ chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa, Mác và Ăng-ghen trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* không quên nhắc nhở : giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành một giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc. Ở thời điểm sôi động của vấn đề dân tộc như hiện nay, cần phải hiểu rằng : những mâu thuẫn, xung đột dân tộc, đằng sau cái vỏ sắc tộc, quốc gia, là sự đối kháng gay gắt về lợi ích giữa các nhóm, tập đoàn, giai cấp xã hội khác nhau sống ở các nước, các vùng lãnh thổ khác nhau.

*

Lịch sử xã hội loài người cho đến nay vẫn là lịch sử của sự thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội do sự phát triển kinh tế, văn hóa và đấu tranh giai cấp thúc đẩy. Nói đến học thuyết mác xít về các hình thái kinh tế - xã hội là nói đến các phương thức sản xuất với mâu thuẫn biện chứng chứa đựng trong mỗi phương thức đó ; là nói đến đấu tranh giai cấp (trong xã hội có giai cấp) như sự phản ánh tự nhiên về mặt xã hội của mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ; là nói đến vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng và khả năng tác động của cấu trúc thượng tầng... Nội dung cơ bản của học thuyết nêu trên hiển nhiên cũng bao gồm cả những vấn đề thuộc về lịch sử các nền văn minh, thuộc về quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với dân tộc và với toàn thể loài người.

Nhu cầu trừu tượng hóa khi thực hiện những khái quát khoa học về tiến trình lịch sử, không hề làm các nhà kinh điển loại trừ những hình thái quá độ, những hình thái đặc thù bên cạnh 5 hình thái kinh tế - xã hội phổ quát, cũng như khả năng biểu hiện riêng biệt, phong phú của 5 hình thái này ở những điều kiện khác nhau. Trước thách thức của lịch sử, điều duy nhất trở nên lỗi thời là nhận thức phiến diện về học thuyết nêu trên và cách áp dụng máy móc học thuyết ấy. Trí thức hiện đại còn phải trở về với những phát hiện của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, và phát triển nó trong thời đại hiện nay.

(Xem tiếp trang 49)

Digitized by Google

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

NGUYỄN KHẮC HIỀN *

KINH tế thị trường là một hình thức xã hội của tổ chức và hoạt động kinh tế, trong đó các mối quan hệ kinh tế giữa con người với con người được biểu hiện thông qua thị trường. Động lực vận động của kinh tế thị trường là lợi nhuận. Động lực của lợi nhuận đòi hỏi các doanh nghiệp phải giảm chi phí cá biệt để sản xuất hàng hóa, áp dụng kỹ thuật mới, hợp lý hóa sản xuất, để tăng năng suất lao động *cá biệt* và năng suất lao động xã hội. Kinh tế thị trường có tính năng động và khả năng thích nghi với quy luật cung cầu của thị trường. Do đó, kinh tế thị trường là nhân tố phát triển sức sản xuất, tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, kinh tế thị trường cũng có những khuyết tật cố hữu tự nó không thể vượt qua được, do tính tự phát mù quáng và sự cạnh tranh tàn nhẫn, dẫn đến phá sản, khủng hoảng, thất nghiệp... Kinh tế thị trường là môi trường thuận lợi để phát sinh và phát triển sự phân hóa giàu nghèo và bất công xã hội. Hiện nay, ở nước Mỹ mỗi ngày trung bình có 167 hãng kinh doanh bị phá sản và 105 người Mỹ trở thành triệu phú, trong khi đó thì 10 triệu người không có nhà ở và 15 triệu người da đen sống trong mức nghèo khổ cùng cực (theo tài liệu của UNESCO, 1993).

Bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa không cho phép tồn tại những hiện tượng như vậy. Công bằng xã hội là một trong những đặc trưng bản chất của chế độ xã hội mới, là ước mơ, khát vọng của nhân dân, là động lực thúc đẩy mọi người vươn tới. Chủ nghĩa Mác-Lê-nin là học thuyết về các con đường và các hình thức giải phóng toàn diện con người khỏi mọi sự áp bức, bóc lột và tha hóa, là học thuyết hướng tới công bằng xã hội.

Vấn đề đặt ra là chế độ xã hội chủ nghĩa có thể sử dụng kinh tế thị trường để phát triển sản xuất, đồng thời có các biện pháp để bảo đảm công bằng xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được không ? Đây là một vấn đề phức tạp, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu nghiêm túc và công phu.

I

Thực ra, giải pháp đúng đắn cho vấn đề kinh tế thị trường và công bằng xã hội đã được Đảng ta đề ra từ Đại hội VI (tháng 12-1986) và được khẳng định dứt khoát hơn và cụ thể hóa thêm một bước tại Đại hội VII. Đó là : Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước. Đây là kết quả của cả một quá trình nghiên cứu công phu, đổi mới tư duy, tìm tòi, suy nghĩ, thử nghiệm, kết quả tập trung trí tuệ của toàn đảng được nhân dân hưởng ứng rộng rãi và rất nhanh chóng đi vào cuộc sống, mọi người đều cảm nhận được, bạn bè trên thế giới đều thấy rất rõ và đồng tình. Tiếc rằng, một số ít người không nghiên cứu kỹ càng hoặc vì động cơ cá nhân đã có những ngộ nhận, suy nghĩ mơ hồ, thậm chí còn lập luận vòng vèo dẫn đến bác bỏ chủ nghĩa Mác-Lê-nin và từ bỏ chủ nghĩa xã hội.

Ví dụ, khi bàn về quan hệ bóc lột và bị bóc lột, có người cho rằng : "Sản phẩm người này làm ra, người kia chiếm đoạt, đó là biểu hiện trực tiếp nhất và phổ biến nhất của cuộc đấu tranh sinh tồn trong xã hội. Sự bất công này hiển nhiên là có liên quan đến sự chiếm hữu tư liệu sản xuất". "Ngay cả khi địa chủ - tư bản đã bị quét

* Chuyên viên cao cấp kinh tế

Digitized by Google

sạch, không còn chiếm hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất, chính phủ chỉ ngồi tính các chế độ tiền lương để trả cho cán bộ thôi, cũng thấy đây là bài toán không thể tìm thấy đáp số trực tiếp và chính xác được... Nhưng cứ giả sử là đã tìm được một phương án quy ước nào đó mà mọi người thỏa thuận là công bằng, thì sự công bằng ấy cũng mới là công bằng "chết", vấn đề là sự công bằng ấy có làm cho sản xuất phát triển không ?"

Lập luận nêu trên chứng tỏ tác giả của nó chưa nghiên cứu kỹ về các chế độ, hình thái kinh tế xã hội trước khi có chủ nghĩa xã hội xô viết (cuộc đấu tranh sinh tồn của con người dưới chế độ cộng sản nguyên thủy là đấu tranh với thiên nhiên và ở chế độ đó không có bóc lột, bất công), và cũng chưa rõ về chủ nghĩa xã hội xô viết.

Thực tế diễn ra ở Liên xô sau Cách mạng Tháng Mười đã hoàn toàn bác bỏ luận điểm nêu trên. Nhờ có cách mạng đem lại công bằng xã hội, năng suất lao động xã hội ở Liên xô đã tăng vọt, sự nghiệp công nghiệp hóa tiến những bước dài, mà ngay những kẻ thù của chủ nghĩa xã hội cũng phải công nhận. Brê-din-xki, nguyên chủ tịch Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ, một người chống cộng điên cuồng, cũng đã viết : "Theo những thống kê chính thức, tổng thu nhập quốc dân của Liên xô tăng gấp 4 lần trong những kế hoạch 5 năm đầu tiên, với tỉ lệ tăng trưởng hằng năm lên tới gần 15%... Từ năm 1928 đến năm 1940, điện tăng từ 5 tỉ đến 48,3 tỉ kWh ; thép từ 5,4 triệu tấn đến 18,3 triệu tấn ; máy công cụ từ 2000 lên 58 400, xe cơ giới từ 8000 lên 145 000 chiếc". (Zbignew Brzezinski "The Grand Failure". The Birth and Death of Communism in the Twentieth Century". New-York, Charles Scribner's Sons, 1989).

Như vậy là, không có địa chủ và tư bản, nền kinh tế vẫn phát triển, sự công bằng ấy không phải là công bằng "chết". Còn sở dĩ Liên xô cũ đã rơi vào tình trạng trì trệ kéo dài từ những năm 80 là do nhiều nguyên nhân mà nhiều công trình nghiên cứu đã phân tích, chứ không phải là vì không có địa chủ và tư bản.

Có ý kiến đưa ra một mô hình kinh tế như sau : "Song song với *thị trường mua bán sản phẩm* tự do là *thị trường mua bán sức lao động* tự do *thuận mua, vừa bán* ! Chính trong cuộc vật lộn hòa bình ấy mà sự hợp lý sẽ được xác lập trong từng thời gian, những sản phẩm và lao động kém chất lượng sẽ bị đào thải. Xã hội cần có luật cho kẻ bị thiệt thòi có quyền đấu tranh, có chỗ đấu tranh ; cơ quan *quyền lực* cần được tách ra thành một sức mạnh trung lập, được xã hội thuê làm nhiệm vụ trọng tài. Trọng tài chỉ cần thổi còi cho đúng để ngăn cản những tình huống quá đáng, thực hiện một số việc công ích (như giáo dục, y tế, nghiên cứu cơ bản, bảo vệ môi trường...), tuyệt nhiên không được "tham chiến" trực tiếp để kiếm ăn thêm, và cũng không cần vận động hay dạy dỗ bên nào cả. Một thị trường có tính nhân bản phải giải quyết ngày càng tốt vấn đề *sở hữu* của người lao động, bao gồm cả những mặt của "sở hữu" là mặt tư liệu sản xuất, tiền vốn và mặt *dân quyền* !

"Một mô hình sinh động như vậy chính là sự thể hiện quy luật đấu tranh sinh tồn vào xã hội loài người, trong đó sự *chọn lọc tự nhiên* và sự chọn lọc *nhân tạo* đã nhập làm một, và không có nó thì sự tiến hóa sẽ chấm dứt. Thiên đường của nhân loại sẽ là một "trường đấu" lý tưởng, trong đó các đấu thủ đều có điều kiện phát huy hết tiềm năng, và người có trí tuệ hơn, có năng lực hơn, có ý thức hơn... được bảo đảm sẽ thắng cuộc, sẽ được hưởng thụ nhiều hơn (và được duy trì nòi giống nhiều hơn ?)... và xã hội như thế mới là "xã hội không còn bóc lột" (!)

Chúng ta có thể khẳng định rằng, cái xã hội nêu ra như trên không phải là "xã hội không còn bóc lột", trái lại nó tất yếu sẽ dẫn đến những bất công xã hội ngày càng lớn và mô hình kinh tế đó chẳng qua chỉ là mô hình của chủ nghĩa tư bản tự

Digitized by Google

do của thời kỳ trước đây, trong đó chính quyền không can thiệp vào nền kinh tế thị trường.

Trong "trường đấu lý tưởng" nêu trên làm gì các đấu thủ đều có điều kiện phát huy hết tiềm năng, vì thực tế cho thấy giữa những người lao động, không phải ai cũng như ai, có người khỏe, có người yếu, có người có nhiều kiến thức, có người ít, có người có tay nghề cao, có người chưa thạo việc, có người có vốn, có người không có vốn... Đó là do kết quả của lịch sử, của các chế độ cũ, của các hoàn cảnh riêng biệt để lại, không thể một sớm một chiều khắc phục được. Kết quả trên "trường đấu lý tưởng", những người có ưu thế tự nhiên sẽ thắng, những người thua sẽ bị gạt ra ngoài, bị thất nghiệp, phá sản, lâm vào nghèo đói, như vậy làm sao có công bằng xã hội được ? Đấy là nói về trường đấu giữa những người lao động với nhau. Còn trường đấu giữa những người có vốn lớn, những nhà tư bản với những công nhân, nông dân chỉ có sức lao động làm thuê đem đi bán, thì rõ ràng hai bên không cân sức và những nhà tư bản tìm mọi cách lợi dụng ưu thế của mình để ép buộc người lao động phải chấp nhận những điều kiện nghiệt ngã nếu muốn có việc làm hay không bị đuổi. Thế thì làm sao có công bằng được ? Làm sao mà không còn bóc lột được ? Lịch sử của chủ nghĩa tư bản và thực tế ở nước ta mới bước đầu đi vào kinh tế thị trường đã chẳng chứng minh hiện tượng phân cực giàu nghèo đó sao ?

Ở nước Mỹ, 1% dân số chiếm giữ khoảng 30% thu nhập quốc dân. Ở nước ta hiện nay, theo tài liệu điều tra năm 1990 của Tổng cục thống kê, số hộ giàu chiếm 10-15%, số hộ nghèo chiếm 25%-30% tổng số hộ, chênh lệch giữa giàu nghèo là 15 lần ở thành thị và 10 lần ở nông thôn.

Sự phân cực này sẽ ngày càng phát triển nếu không có sự quản lý điều tiết của nhà nước. Nếu nhà nước "tách ra thành một sức mạnh trung lập, được xã hội thuê làm nhiệm vụ trọng tài", thì ai đứng ra giúp đỡ những người bị chiến bại trong trường đấu "lý tưởng" ? Ai thực hiện những bảo đảm xã hội, ai giải quyết nạn thất nghiệp, ai thực hiện công bằng xã hội ?

Thực ra, trong một xã hội có giai cấp, không thể có một chính quyền phi giai cấp, trung lập được. Trong các nước tư bản chủ nghĩa, chính quyền ở đó về thực chất là chính quyền của giai cấp tư bản và bao giờ cũng đứng về phía những người vừa có tiền, vừa có quyền lực (trong kinh tế thị trường tự do, người nào có nhiều tiền là có thể có nhiều quyền), chính quyền này sẵn sàng chà đạp, thậm chí đàn áp những yêu cầu về công bằng xã hội của đông đảo quần chúng. Cũng có những trường hợp, chính quyền đó phải thỏa mãn một phần yêu sách của quần chúng do sức đấu tranh của nhân dân lao động, hòng làm dịu sự căng thẳng của xã hội và duy trì sự tồn tại của mình. Nhưng về cơ bản, nó vẫn là chính quyền của giai cấp tư sản, và khi yêu cầu công bằng xã hội làm thiệt đến lợi ích của giai cấp tư sản thì chính quyền đó hoặc là sẽ đàn áp quần chúng hoặc là sẽ bị thay thế.

Lại có lập luận cho rằng : "Một hình thái kinh tế xã hội mà hạ tầng là kinh tế thị trường và thượng tầng là xã hội chủ nghĩa thì cùng một lúc xã hội chịu sự chi phối của cả hai cơ chế ngược nhau, lúc nào cũng chỉ "rình" để phủ định nhau, và nếu kết hợp với nhau thì còn nguy hiểm hơn. Người dân nghèo thấp cổ bé họng sẽ bị cả hai cơ chế ràng buộc, kẻ có quyền, có tiền sẽ lợi dụng được cả hai cơ chế đó, "chơi trò bật tường" hoặc "trò ú tim", lúc núp dưới cơ chế này, lúc núp dưới cơ chế kia, không luật pháp nào trị nổi". Và cuối cùng, đi đến đề nghị Đảng cộng sản Việt nam nên từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, từ bỏ vai trò lãnh đạo của mình(!)

Lập luận nêu trên ít ra có hai điều ngộ nhận. *Thứ nhất*, đã lầm lẫn, coi kinh tế thị trường như là một phương thức sản xuất, nên đã đối lập kinh tế thị trường với chủ nghĩa xã hội. Thực ra, thị trường là một hiện tượng kinh tế xã hội, là hiện

Digitized by Google

tượng hoạt động của con người trong nền sản xuất hàng hóa. Kinh tế thị trường không phải là một phương thức sản xuất mà chỉ là một kiểu tổ chức kinh tế-xã hội, một công nghệ của tổ chức kinh tế, một phát minh của loài người nhằm phát triển kinh tế với hiệu quả cao. Vấn đề là ở chỗ : chủ nghĩa xã hội sử dụng "công nghệ" đó như thế nào, để vừa phát huy được những mặt tích cực, đồng thời hạn chế được những mặt tiêu cực của nó, bảo đảm sự thống nhất giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội, như vậy, chủ nghĩa xã hội không phải lúc nào cũng chỉ "rình" để phủ định kinh tế thị trường, mà là kinh tế thị trường cần có sự quản lý và điều tiết của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, như Đảng ta đã chỉ rõ.

Thứ hai, chỉ dựa vào một số hiện tượng tiêu cực trong khu vực kinh tế quốc doanh, trong vấn đề "sở hữu" và một số hiện tượng tiêu cực khác (như phân hóa giàu nghèo, hình thành giai cấp tư sản, nạn thất nghiệp và bóc lột lao động làm thuê...) để kết luận rằng : nếu hai cơ chế đó (kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội) kết hợp với nhau thì càng nguy hại hơn !

Cần thấy rõ chủ nghĩa xã hội không phải là một cơ chế. Và chủ nghĩa xã hội chỉ *sử dụng* cơ chế thị trường, chứ không phải *kết hợp* với cơ chế thị trường. Còn các hiện tượng tiêu cực trong khu vực kinh tế quốc doanh và sở hữu, thì đó chỉ là những hiện tượng tạm thời mà chúng ta chậm khắc phục (và nhất định sẽ khắc phục được) trong quá trình đổi mới ; đó không phải là bản chất của chủ nghĩa xã hội.

II

Đảng ta chủ trương "phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường" là hoàn toàn cần thiết để giải phóng và phát huy được các tiềm năng sản xuất trong xã hội. Nền kinh tế nước ta hiện nay là một tập hợp của nhiều thành phần kinh tế với những hệ thống quy luật kinh tế khác nhau. Chừng nào còn có thành phần kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa thì chừng đó còn có hiện tượng chủ sở hữu những yếu tố sản xuất chiếm hữu lao động thặng dư của người làm thuê làm của riêng, tức là còn có hiện tượng bóc lột. Đã là nền kinh tế nhiều thành phần thì không thể loại trừ được các hiện tượng bóc lột, mà chỉ có thể hạn chế nó. Do đó, cần có sự điều tiết và quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Như vậy là trong nền kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội, đã và sẽ nảy sinh những công bằng và bất công xã hội mới, bởi vì, đối với bất cứ xã hội nào, càng tiến sâu vào nền kinh tế thị trường, càng có nhiều nguy cơ và rủi ro về bất công xã hội. Đối với các chế độ trước chủ nghĩa xã hội, những bất công xã hội trong nền kinh tế thị trường đã trở thành một thứ quy luật, một mâu thuẫn không thể khắc phục được giữa hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có khả năng (và chủ động) thực hiện công bằng xã hội đi đôi với nâng cao không ngừng năng suất lao động và hiệu quả kinh tế.

Nền kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội phải là nền kinh tế có sự quản lý, hướng dẫn, điều tiết của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự quản lý của nhà nước dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, bảo đảm cho kinh tế phát triển đúng hướng, chăm lo lợi ích của nhân dân, vì con người, do con người, thực hiện công bằng xã hội ; đồng thời, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật.

Điều kiện và môi trường thuận lợi để nền kinh tế thị trường phát triển đúng hướng, là nhà nước phải xây dựng được các cơ sở hạ tầng, đặc biệt là điện nước, giao thông vận tải, thông tin liên lạc,... đồng thời mở rộng giao lưu hàng hóa, hình thành các thị trường vốn, thị trường lao động, thị trường chứng khoán ; có chính sách kinh tế đối ngoại để bảo vệ sản xuất trong nước, thu hút

Digitized by Google

vốn đầu tư ngoài nước, nhập công nghệ và thiết bị tiên tiến đẩy mạnh xuất khẩu ; có chính sách đẩy mạnh khoa học, kỹ thuật, khuyến khích tài năng và sáng chế phát minh, bảo vệ môi trường ; chống buôn lậu, làm hàng giả, trốn thuế và lậu thuế. Nhà nước định hướng cho nền kinh tế phát triển bằng các công cụ kế hoạch, tài chính, tín dụng, tổ chức thông tin về thị trường trong nước và ngoài nước một cách rộng rãi và kịp thời, đồng thời xây dựng hệ thống luật pháp bảo đảm quyền bình đẳng cho các doanh nghiệp tham gia cơ chế thị trường, cạnh tranh với nhau một cách lành mạnh, chống độc quyền, chống làm hàng giả, chống buôn lậu.

Để thực hiện công bằng xã hội ngày càng tốt hơn trong nền kinh tế thị trường có nhiều thành phần, chúng ta cần áp dụng những giải pháp chính sau đây :

1- Xác định rõ sự nghiệp giáo dục xã hội chủ nghĩa là của dân, do dân, vì dân với các mục tiêu chiến lược là không ngừng nâng cao dân trí, phát triển đội ngũ nhân lực có kỹ thuật, đào tạo bồi dưỡng nhân tài. Tiếp tục điều chỉnh cải cách giáo dục theo đường lối đổi mới của Đảng, duy trì và từng bước mở rộng quy mô giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

2- Sớm ban hành luật lao động, trong đó quy định rõ quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động. Đây là cơ sở để người lao động và tổ chức của người lao động (công đoàn, nông hội) bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động, đấu tranh với những hành vi bất công, tùy tiện của người thuê lao động.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa tạo điều kiện cho toàn xã hội để mọi người có công ăn việc làm. Đương nhiên, vai trò và nhiệm vụ chủ yếu của nhà nước là hướng dẫn và tạo điều kiện để mọi người tìm được việc làm. Nhà nước có biện pháp giải quyết từng bước nạn thất nghiệp bằng cách phát triển sản xuất đúng hướng, khuyến khích trong nước tiết kiệm để bỏ vốn vào sản xuất, kinh doanh, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức dạy nghề, đào tạo và đào tạo lại, cho vay vốn sản xuất...

3- Cần khuyến khích mọi người tự tạo ra thu nhập ổn định và ngày càng nâng cao (khuyến khích làm giàu chính đáng). Có chính sách điều tiết thu nhập, bằng công cụ thuế là chính, để thu hẹp dần khoảng cách giữa thu nhập quá cao với thu nhập thấp, tạo điều kiện cho ngân sách có điều kiện hỗ trợ về mặt tài chính cho người nghèo.

Phát động quần chúng tích cực tham gia thực hiện phong trào xóa đói, giảm nghèo, động viên tinh thần tương trợ, đoàn kết xóm làng, có tấm lòng từ thiện giúp đỡ những người tàn tật, mồ côi, cơ nhỡ không nơi nương tựa.

4- Nhà nước tăng vốn đầu tư cho các vùng miền núi, các vùng dân tộc, các vùng căn cứ cách mạng ; có chính sách phân phối vốn đầu tư của nước ngoài để phát triển đồng đều các vùng, không để chênh lệch quá xa về thu nhập giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn.

5- Phát triển công tác bảo hiểm xã hội về sức khỏe, về thiên tai, hỏa hoạn...; tổ chức các bệnh viện chăm sóc không mất tiền cho những người nghèo, những gia đình chính sách...

6- Chấn chỉnh quản lý các xí nghiệp quốc doanh để quốc doanh vừa giữ được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, vừa là gương mẫu cho việc thực hiện công bằng xã hội, ở đó người lao động thực sự làm chủ.

7- Tổ chức lại các hợp tác xã theo tinh thần đổi mới, theo phương châm tự nguyện, cùng có lợi, phát huy vai trò của nông hội trong việc thực hiện công bằng xã hội ở nông thôn.

Đương nhiên, để làm tốt các việc trên, vấn đề quyết định là chính quyền phải thực hiện cải cách hành chính, chống tham nhũng có hiệu quả, sát dân, thực sự là một chính quyền vững mạnh, trong sạch, có hiệu lực.

Digitized by Google

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

TRỊNH TẤT ĐẠT*

ĐỔI MỚI

Trong quá trình chuyển đổi từ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan điểm phát triển kinh tế đối ngoại của nước ta đã được thay đổi rất lớn.

Trước đây, các quan hệ kinh tế đối ngoại phần lớn đều tập trung vào phạm vi "hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa", trong khi "các nước khác" chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ. Ngày nay, chúng ta chủ trương "*đa dạng hóa và đa phương hóa* quan hệ kinh tế với mọi quốc gia, mọi tổ chức kinh tế" (1). Nguyên tắc cơ bản chi phối các quan hệ kinh tế đó là : "tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi" (2). Như vậy, mục tiêu của kinh tế đối ngoại được nhấn mạnh một cách rõ ràng ; lợi ích kinh tế quốc gia và cách thức, phương tiện để đạt mục đích được mở ra rất rộng rãi.

Cơ chế quản lý kinh tế đối ngoại trước đây theo mô hình kế hoạch hóa tập trung, tách rời thị trường với sản xuất. Làm trung gian giữa hai khâu đó là đặc quyền của một số tổng công ty, công ty trung ương. Do đó, trong chừng mực nhất định, họ đã khống chế giá cả, lợi nhuận v.v.. Ngày nay, các hoạt động kinh tế đối ngoại vẫn được chính phủ thống nhất điều hành vĩ mô, song cơ chế quản lý đã dân chủ hơn. Được quan hệ trực tiếp với bên ngoài không chỉ có các doanh nghiệp chuyên doanh, mà còn có các doanh nghiệp sản xuất được thành lập theo luật định thuộc mọi thành phần kinh tế. Các chính quyền địa phương cũng được phân định một số quyền hạn trong ngoại thương, du lịch v.v..

Tỷ giá hối đoái cố định được thay thế bằng tỷ giá hối đoái linh hoạt phản ánh thực trạng so sánh giá trị của đồng tiền nước ta trên thị trường.

Luật đầu tư nước ngoài (công bố lần đầu tiên 1988 và được sửa đổi 2 lần sau đó) là một mốc quan trọng đánh dấu quyết tâm "mở cửa" nền kinh tế thực sự. Việc chấp nhận cho tư bản nước ngoài đầu tư vốn, lập doanh nghiệp ở Việt nam, lập các khu chế xuất, những ưu đãi dành cho các nhà kinh doanh ngoại quốc v.v. cũng là một bước ngoặt trong quan điểm. Nó thể hiện sự đoạn tuyệt với thời kỳ "đóng cửa" cùng những quan niệm cứng nhắc về chủ quyền để mở ra một thời kỳ mới trong quan hệ kinh tế đối ngoại.

CÁC THÀNH TỰU

Về *xuất khẩu*. Kể từ năm 1986 tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu hằng năm khá cao : 1987 : +3,8% ; 1988 : +21,6% ; 1989 : +87,4% ; 1990 : +23,5% ; 1991 :- 18,1% ; 1992 : +19% ; 1993 : +10,9%. So sánh với thời kỳ 1960 - 1975, suốt 15 năm kim ngạch xuất khẩu của miền Bắc chỉ tăng 82,5%, thấp hơn mức tăng của năm 1989. Thời kỳ 1976-1980, mỗi năm tăng bình quân +11% ; thời kỳ 1981-1985 : +15,6%. Điều quan trọng là từ năm 1990 chúng ta bắt đầu xóa bỏ bù lỗ cho xuất khẩu, và tổng kim ngạch xuất khẩu đạt mức 2 tỉ rúp, đô la. Năm 1992 lần đầu tiên xuất, nhập khẩu thăng bằng giá trị (nếu chưa kể phần nhập khẩu của các dự án đầu tư trực tiếp từ nước ngoài). Trong xuất khẩu đã có các mặt hàng chủ lực : gạo, dầu thô và thủy sản. Ba mặt hàng này chiếm 60 - 65% giá trị xuất khẩu trong các năm gần đây.

Về *nhập khẩu*. Giá trị hàng nhập khẩu hằng năm tăng và giảm như sau : 1987 : +13,9% ; 1988 : +12,2% ; 1989 : -0,06% ; 1990 : +7,2% ; 1991 : -20% ; 1992 : +4,5% ; 1993 : +35,5%. Cơ cấu hàng nhập khẩu thể hiện đúng mục tiêu phục vụ sản xuất trong nước : hàng tiêu dùng 15%, hàng tư liệu sản

---

(*) PTS viện Kinh tế học

(1) (2) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr.31

Digitized by Google

xuất 85% (trong đó nguyên, vật liệu khoảng 40 - 50% ; thiết bị toàn bộ 25% ; thiết bị lẻ, phương tiện vận tải, dụng cụ và phụ tùng 10 - 20%).

Về *hợp tác, đầu tư*. Đến hết năm 1993 đã có 836 dự án đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Việt nam được cấp giấy phép, với tổng số vốn đăng ký là 7,5 tỉ USD. Tốc độ tăng vốn đầu tư hằng năm như sau : 1989 : +42,2% ; 1990 : +15% ; 1991 : +101,1% ; 1992 : +67% ; 1993*: +18%. Đến hết năm 1992, đã thực hiện hơn 1,1 tỉ USD, chiếm 20% tổng số vốn đầu tư. Trong 2 năm gần đây, các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mỗi năm xuất khẩu được hơn 100 triệu USD và nộp thuế, nộp tiền thuê đất cho chính phủ ta hàng chục triệu đô la. Các xí nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đã góp phần tăng nhanh khối lượng hàng xuất khẩu, nhất là dầu thô, quần áo, thực phẩm chế biến. Đặc biệt, các hoạt động đầu tư đã góp phần biến đổi nhanh chóng các dịch vụ bưu điện và viễn thông, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh tế đối ngoại. Với 462 dự án đang hoạt động, tính đến hết năm 1992 đầu tư nước ngoài đã thu hút hơn 2 vạn người lao động làm việc trực tiếp. Ngoài số này, còn có nhiều người lao động trong các ngành xây dựng cơ bản, cung cấp nguyên vật liệu v.v. cho các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Để khuyến khích đầu tư nước ngoài và khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, nhà nước đã thành lập các khu chế xuất ở thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng v.v..

Về *du lịch và các dịch vụ thu ngoại tệ khác*. Thời kỳ 1981-1985 doanh số của ngành du lịch mới đạt 13,3 triệu rúp và 61,7 triệu USD thì thời kỳ 1986-1990 đã đạt 52 triệu rúp và 155,5 triệu USD, như vậy tăng 290,9% về mức thu đồng rúp và 152% về mức thu đồng USD. Năm 1991, ngành du lịch đón 300 000 khách nước ngoài, thu 35 triệu USD, tăng 16% so với 1990. Ngành hàng không trong những năm 1986-1990 thu 90 triệu rúp và 80 triệu USD. Dịch vụ cảng và đại lý tàu biển đạt 50 triệu rúp và 20 triệu USD ; dịch vụ bưu điện - 18 triệu rúp và 25 triệu USD ; dịch vụ ngân hàng - 15 triệu rúp và 75 triệu USD ; hợp tác lao động và chuyên gia - 370 triệu rúp và 148 triệu USD.

Về *viện trợ phát triển chính thức* (ODA). Năm 1992 đã có thêm một số nước viện trợ cho ta : Nhật bản, Ca-na-đa, Áo, Úc v.v.. Tổng số viện trợ này năm 1992 thêm 250 triệu USD.

Nhìn tổng thể, kinh tế đối ngoại nước ta từ sau đổi mới đã khởi sắc. Chỉ trong thời gian ngắn, nó đã đạt được những thành tích mà trước đó chưa bao giờ có. Đồng thời, đã xuất hiện những vấn đề đòi hỏi phải giải quyết để tiếp tục thúc đẩy nền kinh tế đối ngoại phát triển.

VAI TRÒ THAY ĐỔI

Sự đổi mới về quan điểm, các hoạt động khởi sắc và các thành tích trong phát triển đã thay đổi vai trò, vị trí của kinh tế đối ngoại trong nền kinh tế quốc dân.

Điều dễ nhận thấy là vai trò của xuất khẩu. Đại hội VI của Đảng (năm 1986) coi xuất khẩu không chỉ là một trong ba chương trình kinh tế lớn có ý nghĩa *sống còn* đối với tình hình trước mắt, mà còn là điều kiện ban đầu *không thể thiếu* để triển khai công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo. Hơn thế nữa, chương trình xuất khẩu còn được đánh giá là yếu tố có ý nghĩa quyết định để thực hiện hai chương trình lương thực và sản xuất hàng tiêu dùng.

So với các ngành kinh tế chủ yếu khác, tác động của kinh tế đối ngoại đối với sự phát triển kinh tế chung của đất nước là đáng kể và có xu hướng tăng lên. Trong những năm qua, nông nghiệp nước ta là ngành phát triển mạnh nhưng chỉ đạt mức tăng 4,9% năm (1981-1985) và 3,4% năm (1986-1990). Năm 1993 tăng 4% so với năm 1992. Ngành công nghiệp đạt mức tăng cao, giá trị sản lượng công nghiệp năm 1993 tăng 12,1% so với năm 1992. Trong khi đó, kinh tế đối ngoại (chỉ tính riêng ngành xuất khẩu) đã có mức tăng bình quân 11%/năm (1976-1980), 15%/năm (1981-1985), 27%/năm (1986-1989), 23,5% (1990), 19% (1992). Riêng năm 1991, do khủng hoảng ở Đông Âu và Liên xô cũ, nên tốc độ giảm 18,1%. Như vậy, nông nghiệp thường khó đạt mức cao hơn 4-5%/năm ; công nghiệp - 10 - 15%/năm. Riêng xuất khẩu thường có thể đạt 25-30%/năm. Điều này chứng tỏ : nếu tỷ trọng kinh tế đối ngoại trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân tăng, thì mức tăng trưởng cao của kinh tế đối ngoại sẽ kéo theo mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế.

Số liệu thống kê cho thấy, sau khi đi vào công

Digitized by Google

cuộc đổi mới, tỷ trọng của riêng xuất nhập khẩu hàng hóa đã tăng lên khá : 1986 : 7,75% ; 1987 : 6,97% ; 1988 : 4,58% ; 1989 : 27,56% ; 1990 : 29,04% ; 1993 : 22%. Trong thu ngân sách, tỷ trọng thuế xuất nhập khẩu tăng với nhịp độ cao hơn tỷ trọng thuế nông nghiệp : nếu thuế nông nghiệp trong tổng thu ngân sách năm 1988 là 6,42%, 1989 là 6,2%, 1990 là 3,72%, thì thuế xuất nhập khẩu trong tổng thu ngân sách năm 1988 là 6,17%, 1989 là 7,29%, 1990 là 9,1%, 1991 là 10,4%, 1992 là 10,1%.

Như vậy, kinh tế đối ngoại từ hai phía : mức tăng trưởng cao và tỷ trọng lớn dần lên trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân đã, đang và sẽ đóng vai trò *đầu tàu* trong quá trình tăng trưởng kinh tế ở nước ta.

NHỮNG KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC

Nền kinh tế đối ngoại nước ta những năm qua phát triển trong bối cảnh không chỉ có thuận lợi mà còn có những khó khăn, thách thức. Mục tiêu mà chúng ta theo đuổi khi "mở cửa" cũng là mục tiêu của đại đa số các nước chậm phát triển trên thế giới và trong khu vực. Đó là sử dụng các lợi thế so sánh chính thường có của các nước kém phát triển, như lao động rẻ, thị trường đông dân, giàu tài nguyên hoặc tài nguyên chưa được khai thác đầy đủ, để tận dụng vốn, công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm tổ chức quản lý kinh tế và thị trường của các nước phát triển cho sự nghiệp chấn hưng nền kinh tế của nước mình. Do đó, hiện đang diễn ra cuộc cạnh tranh quyết liệt giữa các nước chậm phát triển để tìm nguồn vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm và thị trường của các nước kinh tế phát triển. Sự cạnh tranh càng quyết liệt khi "cầu" thì ngày càng nhiều, mà "cung" lại có hạn. Số liệu thống kê cho thấy, vốn đầu tư vào các nước đang phát triển trong tổng số vốn đầu tư ra nước ngoài của các công ty đa quốc gia đã giảm đáng kể : từ 25% những năm đầu thập kỷ 80 giảm xuống còn 17% những năm cuối thập kỷ đó. Hơn nữa, trên 70% số vốn đó được dồn cho các nước như Trung quốc, Xin-ga-po, Đài loan, Bra-xin... Thêm vào đó, lệnh cấm vận của Hoa kỳ, chính sách bảo hộ của các nước phương Tây, càng làm cho tình hình thêm khó khăn đối với kinh tế đối ngoại của nước ta.

Sự phát triển của kinh tế đối ngoại còn phụ thuộc vào cơ sở của nó - nền kinh tế trong nước. Mặc dù những năm qua, kinh tế nước ta đã thoát dần ra khỏi khủng hoảng, nhưng trong nó vẫn còn những yếu tố cản trở kinh tế đối ngoại. *Thứ nhất*, tình trạng nghèo quá mức, thể hiện ở con số 220 USD bình quân đầu người/năm. Hệ quả của nó là : 1) Nợ nước ngoài lớn so với khả năng thanh toán, bội chi ngân sách và rất thiếu vốn đầu tư. 2) Đất nước có gần 70 triệu dân nhưng dung lượng thị trường nhỏ vì "cầu có khả năng thanh toán" hạn chế. 3) Chất lượng lao động hạn chế và sức ép của nạn thất nghiệp tăng. *Thứ hai*, các thành phần kinh tế khác quốc doanh gần đây mới có được các điều kiện ban đầu để phát triển, trong khi kinh tế quốc doanh rơi vào khủng hoảng. Do đó, các nguồn lực đa dạng vốn có của đất nước chưa được toàn dụng bởi các ưu thế không thể thay thế của mỗi hình thức sở hữu. Nền kinh tế phát triển còn dưới mức tiềm năng và tính năng động chưa đủ để có thể tạo ra và tận dụng các cơ hội ở bên ngoài cho phát triển. *Thứ ba*, trình độ sản xuất thấp dẫn đến cơ cấu hàng xuất khẩu chủ yếu là hàng thô và hàng gia công. *Thứ tư*, cơ sở hạ tầng yếu kém. *Thứ năm*, đội ngũ cán bộ của ngành kinh tế đối ngoại chưa đáp ứng được vai trò, nhiệm vụ mới của ngành trong giai đoạn mới.

ĐỂ TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Những chuyển biến kinh tế ở nước ta vừa qua đã cho thấy xu hướng thoát khỏi mô hình "thay thế nhập khẩu" và chuyển sang mô hình "hướng vào xuất khẩu". Đây là quá trình phù hợp với xu thế của thời đại, phù hợp với đường lối "mở cửa" của Đảng ta, cần phải được hỗ trợ bằng các *chủ trương, chính sách đồng bộ và nhất quán*.

Phát triển kinh tế đối ngoại không tách rời định hướng cơ cấu kinh tế trong nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh chung hiện nay, kinh tế trong nước chỉ có thể phát triển khi gắn với thị trường thế giới, thị trường khu vực (nhất là gắn với một trong ba trung tâm kinh tế lớn của thế giới hiện nay). Do đó, *lấy nhu cầu của thị trường bên ngoài làm mục tiêu phát triển sản xuất trong nước* là xu hướng cần phải được đẩy mạnh hiện nay.

Tăng cường vai trò của nhà nước trong các hoạt động kinh tế đối ngoại. Một mặt, nhà nước tiếp

(Xem tiếp trang 44)

Digitized by Google

GIỮ VỮNG ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ VÀ ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

LÊ HỮU NGHĨA *

Từ bài học thất bại của công cuộc cải tổ ở Liên xô và Đông Âu, từ kinh nghiệm cải cách của Trung quốc và từ thực tiễn đổi mới hơn 7 năm qua ở nước ta, chúng ta có thể khẳng định rằng : *nhất thiết phải giữ vững ổn định chính trị mới đổi mới xã hội được*. Chính trị đụng chạm đến các mối quan hệ đặc biệt phức tạp và nhạy cảm trong xã hội mà trong đó cốt lõi là quan hệ giai cấp. Chính trị là quan hệ giữa các giai cấp, các tập đoàn xã hội trong việc giành, giữ và sử dụng chính quyền nhà nước. Do đó, đụng chạm đến chính trị là đụng chạm đến nhà nước, đến chế độ xã hội, đến sự sống còn của chế độ xã hội. Có ổn định chính trị mới tập trung được vào công cuộc đổi mới ; không ổn định chính trị thì không làm được cái gì cả. Do vậy, ổn định chính trị là cơ sở cho sự *ổn định xã hội* nói chung ; mất ổn định chính trị dễ dẫn đến mất ổn định các lĩnh vực khác của xã hội.

Trong thực tế có thể thấy *hai* dạng ổn định chính trị. Có dạng ổn định đồng nghĩa với trì trệ, với không phát triển. Đương nhiên, sự ổn định như thế khó mà bền vững. Nó nhiều khi lại trở thành nguyên nhân của chính sự mất ổn định về sau này. Còn dạng ổn định mà chúng ta muốn nói ở đây là dạng gắn với phát triển, ổn định có phát triển, nhằm phát triển. Sự ổn định này không phải vì mục đích tự thân, mà ổn định chỉ là điều kiện, còn phát triển mới là mục đích. Với ý nghĩa đó, *ổn định chính trị trở thành một điều kiện, một nhân tố không thể thiếu của sự phát triển.*

Ổn định chính trị không đối lập với đổi mới chính trị. Do đó, không nên vì muốn ổn định chính trị mà không dám đổi mới chính trị. Muốn đổi mới chính trị phải ổn định chính trị, nhưng muốn ổn định chính trị - xã hội một cách cơ bản và lâu dài thì đổi mới chính trị phải đúng hướng và có hiệu quả. Sự ổn định được thực hiện bằng cách đổi mới và thông qua đổi mới. Như vậy, ổn định chính trị vừa là *tiền đề* , vừa là kết quả của đổi mới chính trị. Ổn định chính trị có sự *thống nhất biện chứng* với đổi mới chính trị ; trong ổn định có đổi mới, và trong đổi mới có ổn định. Như vậy, sự ổn định chính trị có bao hàm những thay đổi, những biến động, nhưng những thay đổi, những biến động đó phải phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế và xã hội đã đặt ra chứ không phải đi ngược lại mục tiêu đó, và về cơ bản, phải được kiểm soát bởi chủ thể lãnh đạo và quản lý là Đảng và Nhà nước. Có thể nói, ổn định chính trị là đổi mới chính trị được thực hiện có nguyên tắc, phù hợp với đường lối đổi mới của Đảng ta.

Với quan niệm nói trên, thì việc giữ vững ổn định chính trị để đổi mới chính trị và các mặt khác, bao hàm những nội dung cơ bản :

- Giữ vững quyền lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội. Điều đó có nghĩa là Đảng phải thật sự cầm quyền, phải quán triệt mục tiêu, quan điểm, nguyên tắc trong đường lối đổi mới của Đảng.

- Giữ vững chế độ chính trị với bộ máy nhà nước là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Dù cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà nước có thay đổi, song không được làm thay đổi bản chất chính trị của nhà nước ta.

- Giữ vững chế độ pháp luật của ta. Pháp luật có thể được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, song không làm thay đổi bản chất giai cấp và vì lợi ích nhân dân của nó. Chế độ pháp luật này buộc mọi người công dân, kể cả các cán bộ, đảng viên, những người cầm quyền, các tổ chức đảng và nhà nước phải tuân theo pháp luật.

Trong những năm qua, *chúng ta đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng trong*

* Phó giáo sư, phó tiến sĩ triết học

Digitized by Google

việc giữ ổn định chính trị và đổi mới hệ thống chính trị, trong bối cảnh quốc tế và trong nước cực kỳ phức tạp do sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu, sự tăng cường âm mưu phá hoại chế độ ta của các thế lực thù địch trong nước, những khó khăn về kinh tế, đời sống có lúc trở nên gay gắt. *Việc giữ được ổn định chính trị* như vừa qua đã trở thành *điều kiện tiên quyết* để bảo đảm thắng lợi cho công cuộc đổi mới. Ổn định chính trị còn là nhân tố rất cơ bản để mở rộng quan hệ quốc tế, thu hút vốn đầu tư của nước ngoài. Sự ổn định chính trị đã góp phần ngăn chặn tình trạng giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Nhìn lại mấy năm qua, hệ thống chính trị của ta đã có sự đổi mới một bước về tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng và Nhà nước. Các tổ chức chính trị - xã hội phát triển đa dạng hơn ; tính xã hội, tính chủ động của các tổ chức đó được tăng lên. Quá trình dân chủ hóa trong Đảng và ngoài xã hội được mở ra, dân chủ có sự khởi sắc hơn trong kinh tế, chính trị, văn hóa và tư tưởng. Vai trò của Quốc hội, của các tổ chức quần chúng, của các phương tiện thông tin đại chúng tăng lên rõ rệt.

Những thành tựu nói trên sẽ không có được nếu không có những thành tựu của đổi mới kinh tế. Đổi mới kinh tế vừa qua là thành tựu nổi bật nhất, và nhờ có đổi mới kinh tế mới giữ được sự ổn định chính trị và đổi mới hệ thống chính trị theo yêu cầu phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, những thành tựu về ổn định chính trị và đổi mới hệ thống chính trị không chỉ do nguyên nhân đổi mới kinh tế, mà còn do những nguyên nhân quan trọng khác như :

- Vai trò của các yếu tố trong bản thân hệ thống chính trị, trước hết phải nói đến vai trò của Đảng. Đảng ta đã sớm đề ra được đường lối đổi mới đúng đắn, phù hợp với thực tế khách quan, đáp ứng được nguyện vọng của quần chúng nhân dân, và đã biết tiến hành công cuộc đổi mới có nguyên tắc và bước đi thích hợp.

- Nhân dân ta, dân tộc ta có truyền thống đi theo Đảng, tự giác thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng, không muốn mất sự ổn định chính trị, không muốn có sự đổ vỡ của chế độ xã hội. Nhân dân ta đều mong muốn ổn định chính trị để "làm ăn", phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, không muốn đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, gây nên rối loạn xã hội.

- Lực lượng quân đội và an ninh của ta luôn trung thành với Đảng, với nhân dân, có nhiều kinh nghiệm trong việc bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chủ động chống lại có hiệu quả âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, còn có nhiều vấn đề đặt ra cần tiếp tục giải quyết. Cụ thể là :

- Đổi mới kinh tế vừa qua mới đạt thành tựu bước đầu, cơ chế kinh tế thị trường mới bắt đầu hình thành. Việc định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện kinh tế thị trường như thế nào còn nhiều lúng túng, chưa sáng tỏ cả về lý luận và thực tiễn. Sự phát triển kinh tế thị trường, kinh tế nhiều thành phần không tránh khỏi làm biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp, và thông qua đó, sẽ tác động đến hệ thống chính trị, có thể gây nên những phức tạp mới trong lĩnh vực chính trị. Cộng vào đó, các thế lực thù địch lợi dụng việc mở cửa về kinh tế, văn hóa của ta để phá hoại, nhằm gây mất ổn định chính trị, dẫn đến đổi hướng chính trị.

- Năng lực điều tiết, quản lý của Nhà nước ta đối với kinh tế thị trường còn yếu kém, dễ gây ra tình trạng rối ren, lộn xộn trong kinh tế và xã hội, vi phạm pháp luật và đạo đức (như các hiện tượng trốn thuế, làm hàng giả, tham nhũng, buôn lậu v.v.). Đây là môi trường thuận lợi cho những kẻ kinh doanh đầu cơ trục lợi câu kết với những người thoái hóa biến chất trong các cơ quan nhà nước - nguồn gốc chủ yếu và trực tiếp của tệ tham nhũng, buôn lậu.

- Một bộ phận nhân dân, kể cả cán bộ, đảng viên và nhất là tầng lớp thanh niên, còn dao động về niềm tin và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, về con đường xã hội chủ nghĩa.

- Sự đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân còn kém hiệu quả. Đổi mới hệ thống chính trị chưa thật tương ứng với đổi mới kinh tế, nhất là về tổ chức và bộ máy. Bộ máy nhà nước còn cồng kềnh, quan liêu, chưa được cải cách là bao. Hệ thống pháp luật còn thiếu và không đồng bộ, hiệu lực pháp luật còn thấp, pháp luật và kỷ cương xã hội vẫn bị vi phạm nghiêm trọng.

Digitized by Google

Hoạt động của Đảng trong cơ chế thị trường còn không ít lúng túng. Việc xây dựng nhà nước pháp quyền có nhiều vấn đề còn chưa sáng tỏ. Cơ chế hoạt động vừa bao đảm thống nhất quyền lực, vừa phân công, phân nhiệm giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp trong điều kiện kinh tế thị trường, chưa được xác lập rõ ràng.

- Đã xuất hiện một số nhân tố có thể gây mất ổn định về chính trị : những hoạt động "diễn biến hòa bình", phá hoại, bạo động, lật đổ của bọn phản động ở trong và ngoài nước. Những nhân tố này tuy chưa dẫn đến tình trạng xung đột chính trị, song không thể coi thường mà phải sớm nhận thức đầy đủ tính phức tạp, nguy cơ và hậu quả của nó, từ đó có biện pháp chủ động đề phòng, ngăn ngừa và khắc phục.

*

Từ thực tế giữ vững ổn định chính trị và đổi mới hệ thống chính trị trong những năm qua, chúng ta có thể rút ra một số điều sau đây :

1 - *Kiên quyết giữ vững và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.* Nếu thừa nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, là tạo điều kiện cho kẻ thù giai cấp ngóc đầu dậy để tranh giành quyền lãnh đạo với Đảng ta, gây mất ổn định chính trị, phá hoại, lật đổ chế độ ta.

2 - *Kết hợp đúng đắn giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị*, lấy đổi mới kinh tế làm cơ sở, còn đổi mới chính trị làm khâu then chốt. Nói đổi mới kinh tế làm cơ sở có nghĩa là đổi mới chính trị phải xuất phát từ kinh tế, theo yêu cầu phát triển kinh tế. Song như vậy không có nghĩa đổi mới chính trị phụ thuộc một cách máy móc, hoàn toàn thụ động vào đổi mới kinh tế, như "cái đuôi" của đổi mới kinh tế, mà chính trị phải giữ vai trò *chủ động* vì nó thuộc nhân tố chủ quan. Khi giải quyết những vấn đề kinh tế, cần có những quan điểm chính trị đúng đắn. Do đó, muốn đổi mới kinh tế thì ít nhiều phải có đổi mới về chính trị, ít ra phải có sự đổi mới tư duy kinh tế của các thành tố cơ bản của hệ thống chính trị là Đảng và Nhà nước. Cho nên, từ đổi mới từng bước chính trị mới giải quyết được đổi mới kinh tế ; *chủ động* tháo gỡ dần dần, từng bước, các mắt khâu của hệ thống chính trị để tạo điều kiện cho đổi mới kinh tế. Vì vậy, Lê-nin một mặt coi chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế, mặt khác lại cho rằng chính trị phải ưu tiên so với kinh tế.

3 - *Tiếp tục lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm*, ra sức phát triển kinh tế, giải quyết những vấn đề đời sống bức xúc của nhân dân. Qua đó mà tiếp tục lấy lại lòng tin của nhân dân đối với Đảng, tháo gỡ về tâm lý và tư tưởng.

4 - Giải quyết những vấn đề xã hội để tạo ra *môi trường xã hội lành mạnh* cho ổn định và đổi mới chính trị. Muốn vậy, phải giải quyết những vấn đề nóng bỏng, như phải chống tham nhũng và buôn lậu có hiệu quả, chống văn hóa phẩm độc hại từ bên ngoài vào gây "ô nhiễm" tinh thần, giảm bớt bất công xã hội, tạo nhiều việc làm cho nhân dân, hạn chế sự phân hóa giàu - nghèo, giải quyết tốt vấn đề ruộng đất ở nông thôn để không tạo thành "điểm nóng" dễ gây bùng nổ xã hội ; tăng cường cảnh giác với âm mưu "diễn biến hòa bình" và kiên quyết trấn áp hoạt động phá hoại, gây bạo loạn, lật đổ của bọn phản động trong và ngoài nước.

Tiếp tục đẩy mạnh...

(Tiếp theo trang 41)

tục tạo môi trường và các điều kiện thuận lợi cho kinh tế đối ngoại phát triển, mở ra khả năng tham gia rộng rãi cho các tổ chức kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế. Mặt khác, nhà nước cần lập lại kỷ cương trong hoạt động kinh tế đối ngoại để khắc phục tình trạng "bung ra" như hiện nay, nhằm tránh những thiệt hại do sự cạnh tranh giữa "ta với ta" gây ra. Thực tế cho thấy, chỉ có một nền kinh tế đối ngoại được tổ chức chặt chẽ, mới có thể phát triển có hiệu quả trong bối cảnh cạnh tranh quyết liệt, giành giật thị trường hiện nay trên thế giới và trong khu vực.

Để có được sự chuyển biến căn bản trong phát triển kinh tế đối ngoại, và do đó, có sự chuyển biến căn bản trong kinh tế quốc nội, cần thiết phải tập trung sức mạnh tổng hợp của cả kinh tế, chính trị, ngoại giao, tạo ra bước ngoặt thuận lợi trong quan hệ với thế giới bên ngoài.

Digitized by Google

Một biểu hiện quan trọng của bản chất Đảng ta : GẮN BÓ MẬT THIẾT VỚI NHÂN DÂN

TIẾN HẢI

I

ĐẢNG ta là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt nam, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ và chịu sự giám sát của nhân dân, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng.Ngoài lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đảng không có lợi ích nào khác. Tất cả những điều đó không phải do Đảng tự nhận, cũng không phải là sự áp đặt ý muốn chủ quan của Đảng đối với nhân dân, mà là sự thừa nhận, sự tin cậy, sự giao phó của lịch sử, của nhân dân đối với Đảng. Vì thế, theo một ý nghĩa nào đó ta có thể nói : *Đảng ta "là Đảng của dân, do dân, dựa vào dân và vì dân"* (1). Nói như vậy không phải là hòa tan Đảng vào dân, làm lu mờ tính chất giai cấp công nhân của Đảng."Đảng là đội tiền phong của giai cấp công nhân" và "Đảng là của dân, do dân, dựa vào dân và vì dân", hai vế đó không mâu thuẫn nhau, không đối lập nhau ; trái lại, nó bổ sung cho nhau để làm nên bản chất Đảng.

Từ ngày thành lập đến nay, Đảng đã thực sự xứng đáng với sự tin cậy của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc vì đã lãnh đạo toàn dân ta làm nên những chiến công hiển hách, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà ; và hiện nay, đang tiến hành thắng lợi công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn đó làm cho mối quan hệ giữa Đảng với dân ngày càng thêm gắn bó, trở thành mối quan hệ máu thịt. Đảng cần dân, dân cần Đảng ; Đảng tin dân, dân tin Đảng.

Tuy nhiên, cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng không phải chỉ toàn thắng lợi mà còn có cả những vấp váp, thậm chí những sai lầm nghiêm trọng. Thí dụ, sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức ở giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ. Và, sau đại thắng mùa xuân 1975, khi cả nước bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng đã phạm phải một số sai lầm lớn trong việc hoạch định những chủ trương, chính sách và tổ chức chỉ đạo thực hiện. Vì thế, vào giữa thập kỷ 80, kinh tế - xã hội nước ta lâm vào tình trạng khủng hoảng, đời sống nhân dân khó khăn gay gắt. Thêm vào đó, tình trạng mất dân chủ, một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, ức hiếp, trù dập quần chúng, tham nhũng, ăn cắp của công để làm giàu bất chính... đã làm cho lòng tin của quần chúng đối với Đảng bị giảm sút, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân bị rạn nứt.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng phạm sai lầm là điều khó tránh. Vấn đề quan trọng là Đảng đã luôn luôn đề cao tinh thần trách nhiệm trước giai cấp và dân tộc, dựa vào dân, tin dân,

(1) Nguyễn Văn Linh : "Phát huy truyền thống vẻ vang, tiếp tục xứng đáng là đội tiên phong chính trị của toàn xã hội", *Tạp chí Cộng sản*, số 2-1990, tr 7.

Digitized by Google

dũng cảm nhận khuyết điểm trước nhân dân và có quyết tâm sửa chữa.Đại hội VI của Đảng đã thể hiện được tinh thần đó. Đại hội đã thẳng thắn thừa nhận những sai lầm, khuyết điểm, chỉ ra những nguyên nhân và bài học lớn, đồng thời đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, khắc phục tư duy cũ và cách làm cũ. Đó là đường lối hợp quy luật, hợp lòng dân, cho nên được nhân dân đón nhận và hưởng ứng tích cực. Phong trào hành động cách mạng của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng đã được khơi dậy.

Đến nay, sau hơn bảy năm thực hiện đường lối đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội nước ta đã được cải thiện rõ rệt : bức tranh toàn cảnh về kinh tế - xã hội đã sáng sủa hơn nhiều và có sự khởi sắc rất rõ, tạo ra những tiền đề cần thiết đưa đất nước chuyển dần sang thời kỳ phát triển mới, và lòng tin của nhân dân đối với Đảng đã bước đầu được khôi phục. Tuy vậy, chúng ta không chủ quan, thỏa mãn, vì những thành tựu mới chỉ là bước đầu và chưa vững chắc ; các nhân tố chưa ổn định vẫn còn nhiều. Hơn nữa, trong quá trình đổi mới, nhất định sẽ phát sinh những mâu thuẫn mới đòi hỏi phải tỉnh táo để xử lý có kết quả.

II

Bản chất của Đảng chỉ được giữ vững, sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo chỉ có thể phát triển tốt đẹp và đạt được những thành tựu vững chắc khi Đảng có dân, được dân ủng hộ, mối quan hệ giữa Đảng với dân thường xuyên được củng cố. Muốn có được điều đó, Đảng phải không ngừng phấn đấu, rèn luyện để nâng cao và hoàn thiện sự lãnh đạo của mình. Cụ thể là :

1 - *Hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với quy luật khách quan và đáp ứng đúng yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân.*

Ở đây, tầm nhìn xa, trông rộng ; khả năng nắm bắt được các quy luật khách quan đang hoạt động trong hiện tại và dự báo một cách chính xác sự vận động của nó trong tương lai ; khả năng nắm bắt kịp thời, đúng đắn những tâm tư, nguyện vọng và đáp ứng được lợi ích chính đáng của mọi tầng lớp, giai cấp trong xã hội ; thái độ nghiêm túc, chú ý lắng nghe ý kiến của nhân dân để kịp thời sửa chữa những chỗ chưa đúng, bổ sung những chỗ thiếu, nhằm hoàn chỉnh đường lối, chính sách của mình, là những phẩm chất hàng đầu mà Đảng phải có. Trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng tập hợp và lãnh đạo được đông đảo quần chúng liên tiếp giành thắng lợi là nhờ có được những phẩm chất đó.

Ngày nay, trong giai đoạn cách mạng mới, quy mô và tính phức tạp của nó lại càng đòi hỏi Đảng phải nâng cao các phẩm chất đó lên một trình độ mới, cao hơn. Việc xác định nội dung và bước đi của công cuộc đổi mới ; cụ thể hóa những nội dung của công cuộc đổi mới trên từng lĩnh vực của đời sống xã hội sao cho chính xác và khi thực hiện thì mang lại hiệu quả cao, là những điều không đơn giản chút nào. Chúng ta chủ trương đổi mới cả hai lĩnh vực kinh tế và chính trị, trong đó kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt. Chính trị là một lĩnh vực rất nhạy cảm, cho nên việc đổi mới chính trị phải được tiến hành thận trọng và vững chắc, không để xảy ra sự mất ổn định trong xã hội, đảm bảo thuận lợi cho toàn bộ tiến trình đổi mới đất nước. Bước đi và cách tiến hành của Đảng đã được nhân dân chấp nhận và được thực tế chứng minh là đúng đắn, bởi vì không có gì dễ gây thất vọng và làm sụp đổ nhanh chóng lòng tin của quần chúng bằng những giải pháp vội vàng dẫn đến kết quả trái ngược với điều mong muốn.

2 - *Dân chủ hóa đời sống xã hội.*

Thực hiện dân chủ là bảo đảm trên thực tế quyền làm chủ của người dân trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, phát huy cao độ tính tích cực chính trị xã hội và sự sáng tạo của họ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ sau Đại hội VI của Đảng đến nay, nền dân chủ của xã hội ta đã phát triển một bước đáng kể gắn liền với việc xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân. Trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... đều đã có những chuyển động tích cực theo hướng dân chủ hóa. Các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể quần chúng đều đã có nhiều cố gắng trong việc tạo ra những cơ chế phát huy dân chủ. Song, đáng tiếc là những

Digitized by Google

chuyển biến đó chưa nhiều, chưa rộng và chưa sâu. Tình trạng vi phạm dân chủ còn nặng nề cả trong sinh hoạt của nội bộ Đảng, của các cơ quan nhà nước và đoàn thể quần chúng ; cả về quyền công dân trên các mặt của đời sống xã hội.

Để dân chủ hóa xã hội, thật sự bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân phải *kiên quyết chuyên chính với kẻ thù của nhân dân*. Nơi nào dung túng cho bọn lộng quyền, bọn tham nhũng, ăn cắp của công, đầu cơ buôn lậu, bọn lưu manh, côn đồ phá hoại an ninh, trật tự xã hội thì ở đó không thể nào có dân chủ. Càng mở rộng dân chủ càng phải *chú ý đến tập trung*. Dân chủ và tập trung là hai mặt của một thể chế dân chủ. Chúng ta chỉ chống tập trung quan liêu chứ không chống tập trung đúng đắn. Tập trung là sự thể hiện cụ thể của những đòi hỏi về tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, sự tôn trọng kỷ cương và pháp luật - những điều không thể thiếu được trong một thể chế dân chủ. Không có pháp luật, kỷ luật, kỷ cương bảo đảm thì dân chủ cũng chỉ dừng lại trên những khẩu hiệu chứ không thể trở thành hiện thực trong cuộc sống.

Để dân chủ hóa xã hội *không thể không nâng cao dân trí*. Trước hết, cần nâng cao sự hiểu biết về dân chủ và về pháp luật cho mọi người dân. Thí dụ, phải làm cho nhân dân hiểu rõ, ngày nay nói đến dân chủ thì đó hoặc là dân chủ tư sản, hoặc là dân chủ xã hội chủ nghĩa, không có thứ dân chủ chung chung, dân chủ vô bờ bến. Dân chủ ở nước ta là dân chủ của số đông, là quyền lực thực sự thuộc về nhân dân lao động. Dân chủ tư sản đi liền với chuyên chính tư sản, còn dân chủ xã hội chủ nghĩa đi liền với chuyên chính vô sản. Đánh giá nền dân chủ của một chế độ xã hội nào đó không thể chỉ căn cứ vào những khẩu hiệu nêu ra mà phải xem nó thực thi những khẩu hiệu đó như thế nào. Chế độ tư bản nêu ra những khẩu hiệu rất kêu về dân chủ nhưng đó chỉ là một cái cạm bẫy và một cái mồi giả dối đối với những người bị bóc lột. Khi quần chúng không hiểu biết đầy đủ về dân chủ và pháp luật thường dẫn đến tình trạng : *một là*, không biết mình có quyền dân chủ, nên khi quyền đó bị vi phạm cũng an phận, không đấu tranh để đòi lại ; *hai là*, dễ bị kẻ địch lợi dụng, kích động, dẫn đến đấu tranh vô nguyên tắc, có những hành động quá khích.

3 - *Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và đổi mới công tác vận động quần chúng của Đảng.*

Lâu nay, có người hiểu sai lệch nội dung khái niệm đảng cầm quyền. Họ cho rằng hoặc cố ý xuyên tạc rằng đảng cầm quyền đồng nghĩa với đảng cực quyền.Đảng cầm quyền có nghĩa là Đảng thâu tóm mọi quyền lực về tay mình. Vì thế, họ lớn tiếng kêu gọi : Hãy trả lại quyền lực cho nhân dân ; hai triệu đảng viên cộng sản không được nắm quyền của hơn sáu chục triệu dân ; quyền của Đảng và quyền của dân là hai đại lượng tỷ lệ nghịch với nhau, Đảng cầm quyền thì dân mất quyền, muốn cho dân có quyền thì Đảng phải từ bỏ vai trò lãnh đạo của mình (!) Thật ra, Đảng là người lãnh đạo để phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua các cơ quan đại diện của mình là nhà nước các cấp dưới sự lãnh đạo của Đảng. Quyền của Đảng và quyền của dân không hề đối lập nhau. Thực tế cho thấy chỉ khi nào Đảng giữ vững được vai trò lãnh đạo của mình thì dân mới có quyền lực thực sự, và ngược lại, khi nào quyền lực thực sự thuộc về nhân dân thì vị trí, vai trò, uy tín của Đảng mới được củng cố.

Trong điều kiện hiện nay, để giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng với các thành viên khác của hệ thống chính trị mà trước hết và chủ yếu là *mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước* . Cần phân biệt chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý và điều hành của Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước, nhưng hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật. Tổ chức đảng các cấp không làm thay công việc thuộc thẩm quyền của Nhà nước. Sự lãnh của Đảng đối với Nhà nước được thực hiện thông qua cơ chế dân chủ do luật định, thông qua các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước.

Đảng đặc biệt coi trọng sự nghiệp đoàn kết toàn dân tộc thông qua *Mặt trận Tổ quốc*. Các cấp ủy

Digitized by Google

đảng từ trung ương đến cơ sở cần tăng cường mối quan hệ mật thiết với Mặt trận, cử đại biểu của Đảng đến dự các cuộc sinh hoạt của Mặt trận, lắng nghe ý kiến của các đại biểu thành viên của Mặt trận Tổ quốc và các tầng lớp nhân dân ; trình bày các chủ trương, chính sách của Đảng với Mặt trận ;thực hiện tốt sự đối thoại, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa Đảng và các đoàn thể, các tổ chức, các nhân sĩ tiêu biểu trong Mặt trận Tổ quốc.

Các đoàn thể quần chúng và các tổ chức xã hội có vai trò rất quan trọng trong việc giáo dục, tổ chức phong trào quần chúng, tham gia quản lý Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động. Đảng cần hướng sự đổi mới nội dung hoạt động của các đoàn thể quần chúng và các tổ chức xã hội vào việc đoàn kết đoàn viên, hội viên, cùng nhau chăm lo lợi ích cụ thể, đa dạng của mình đi đôi với động viên nhân dân góp phần vào sự nghiệp chung của cách mạng.Từ việc đáp ứng những lợi ích vật chất và tinh thần một cách thiết thực, bênh vực những lợi ích chính đáng của từng đoàn viên, hội viên mà tạo ra sự gắn bó của họ với đoàn thể của mình nói riêng và với Đảng nói chung.

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị bằng cách : Xây dựng cương lĩnh, đường lối chiến lược, xây dựng những mục tiêu cơ bản của cách mạng, định ra những chính sách cơ bản trên các lĩnh vực đối nội, đối ngoại, định hướng hoạt động cho các tổ chức thành viên của hệ thống chính trị. Kiểm tra chặt chẽ hoạt động thực tiễn, tổng kết thực tiễn, bổ sung và hoàn chỉnh chủ trương, đường lối, kịp thời thay đổi hoặc điều chỉnh những chủ trương chưa sát với thực tế. Nắm công tác cán bộ ; chuẩn bị các cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong bộ máy nhà nước ; giới thiệu cán bộ cho các cơ quan dân cử và các đoàn thể quần chúng để họ bầu cử một cách dân chủ, không gò ép, áp đặt.

4 - *Đảng tự đổi mới, tự chỉnh đốn.*

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng phải được tiến hành đồng bộ trên tất cả các mặt : tư tưởng, tổ chức, cán bộ, phương thức hoạt động. Trước mắt, theo tôi cần chú ý làm tốt những việc sau :

+ Tiếp tục triển khai một cách tích cực và mạnh mẽ chủ trương chống tham nhũng. Xử lý thật nghiêm từ trên xuống dưới những người mắc sai lầm, khuyết điểm này, bất kể người đó ở cương vị công tác nào. Từ nay đến Đại hội VIII của Đảng, các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương cần rà soát lại những vụ vi phạm kỷ luật Đảng, vi phạm pháp luật còn tồn đọng và mới phát hiện để xử lý kiên quyết, dứt điểm. Xây dựng các quy chế,quy định ngăn chặn những sự lạm dụng chức quyền để xâm phạm tài sản của nhà nước và của tập thể.

+ Nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, bởi vì đó chính là chiếc cầu nối liền Đảng với quần chúng. Dân có tin Đảng hay không, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân có mật thiết hay không, phụ thuộc rất lớn vào các tổ chức cơ sở đảng. Dân chỉ tin Đảng và thật sự theo Đảng khi trong hoạt động thực tiễn, các tổ chức đảng và đảng viên ở cơ sở thật sự là tấm gương sáng để nhân dân noi theo.

+Đổi mới công tác cán bộ. Trong bối cảnh thực hiện công cuộc đổi mới và chuyển tiếp thế hệ lãnh đạo, công tác cán bộ có một tầm quan trọng đặc biệt. Hiện nay, nhiệm vụ hàng đầu của công tác cán bộ là đào tạo cho được đội ngũ cán bộ thích ứng nhanh với nền kinh tế thị trường, nhưng phải vững vàng về chính trị, trung thành với lý tưởng của Đảng ; loại bỏ ngay những phần tử cơ hội, nhất là cơ hội về chính trị, lợi dụng đổi mới để tấn công vào học thuyết Mác - Lê-nin, vào chủ nghĩa xã hội khoa học và vào sự lãnh đạo của Đảng ta hòng phủ định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phủ định chủ nghĩa xã hội và vô hiệu hóa vai trò lãnh đạo của Đảng, tách Đảng ra khỏi nhân dân... Ngoài ra, phải hết sức chú ý tới việc đào tạo, bồi dưỡng và kiện toàn đội ngũ cán bộ cơ sở, vì cán bộ cơ sở là những người hằng ngày và tiếp xúc với dân, đem chủ trương,chính sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống và biến thành hành động của đông đảo quần chúng. Thực tế cho thấy, ở nơi nào có đội ngũ cán bộ cơ sở vững

Digitized by Google

vàng, nhất là cán bộ cốt cán, thì ở đó phong trào mọi mặt phát triển tốt. Từ nay đến Đại hội VIII của Đảng, các cấp, các ngành cần có biện pháp tích cực bồi dưỡng, nâng cao trình độ hiểu biết mọi mặt của đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, xây dựng đảng và vận động quần chúng. Đồng thời tiếp tục rà soát, đánh giá lại đội ngũ cán bộ cơ sở, kịp thời thay thế những cán bộ không đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ, cố tình làm sai hoặc không chấp hành đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, có sai lầm, khuyết điểm lớn về phong cách, phẩm chất đạo đức và lối sống, mất tín nhiệm trong quần chúng. Việc rà soát này nên có sự chỉ đạo chặt chẽ, lắng nghe ý kiến của nhân dân, tiến hành một cách dân chủ, công khai, khách quan và khoa học.

+ Chỉnh đốn đội ngũ đảng viên, bởi vì chất lượng Đảng gắn liền với chất lượng đang viên. Muốn nâng cao chất lượng đảng viên cần xác định rõ tiêu chuẩn đảng viên trong giai đoạn cách mạng hiện nay - giai đoạn tiến hành đổi mới, phát triển kinh tế thị trường và mở rộng quan hệ đối ngoại. Trên cơ sở những yêu cầu cụ thể ấy mà tiến hành sàng lọc đảng viên. Ai không đủ tiêu chuẩn đảng viên, phải kiên quyết đưa ra khỏi Đảng.

+ Đổi mới phong cách công tác của Đảng. Mỗi cấp ủy đảng, mỗi tổ chức đảng và mỗi đảng viên đều phải xây dựng một phong cách đi sâu, đi sát quần chúng, sống giản dị, chan hòa với quần chúng. Đảng viên giữ cương vị càng cao càng phải gương mẫu về phong cách của người cộng sản. Cần bãi bỏ các quy định, các thủ tục không cần thiết, tạo nên sự xa cách giữa Đảng và quần chúng.Phong cách Hồ Chí Minh phải thật sự trở thành phong cách của mỗi đảng viên cộng sản Việt nam

Về các phương pháp...

(Tiếp theo trang 33)

Theo chúng tôi, những phương pháp tiếp cận lịch sử theo các nền văn minh, hoặc theo hai "nhánh" phát triển Á, Âu... có thể được trân trọng như sự bổ sung, cụ thể hóa phương pháp tiếp cận hình thái ở các cấp độ, các thời điểm và không gian nhất định. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin không hề loại trừ sự nghiên cứu riêng biệt những hiện tượng ở cấu trúc thượng tầng các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau mà về phương diện lô gích, văn hóa, phản ánh những giá trị nhất định về mặt văn minh, tạo cho cấu trúc thượng tầng có một chất lượng riêng biệt. Trên bình diện này, sự tồn tại khái niệm "văn minh" bên cạnh khái niệm "hình thái kinh tế - xã hội" là hợp lý. Nhưng nếu từ đó mà phủ nhận, loại bỏ phương pháp tiếp cận theo hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lê-nin thì là một sai lầm, hơn nữa là sai lầm nghiêm trọng.

Thời đại hiện nay trước hết là thời đại của sự phát triển kinh tế và khoa học - công nghệ. Cách nói này không những cho phép mô tả các biến động lớn đang làm thay đổi bộ mặt nhân loại, mà còn khơi dậy sự quan tâm hơn nữa đến phương pháp duy vật biện chứng khi nghiên cứu lịch sử. Phải xuất phát từ những biến đổi thực tế của quá trình sản xuất, của cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý để phân tích nội dung cơ cấu xã hội với những biến động của mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp, nhóm... Chỉ từ đó mới có khả năng khảo sát đặc điểm và xu thế vận động tương xứng của đời sống chính trị - xã hội và văn hóa- tinh thần.

Hiện nay đang diễn ra ở nấc thang rất cao sự phát triển và cả sự thách thức của mối quan hệ *kép* của con người : với *thế giới tự nhiên* và với *xã hội*. Mọi thiên hướng như tuyệt đối hóa, đơn giản hóa, mơ hồ về thế giới quan hoặc thiếu sâu sắc về phương pháp luận, đều dẫn đến chỗ hiểu sai và mất phương hướng về chính trị. Ở những khúc quanh co của lịch sử như hiện nay, lại càng như vậy.

Digitized by Google

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở NƯỚC TA

VŨ XUÂN KIỀU

PHÁT triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đã trở thành một quy luật tất yếu trong đời sống kinh tế - xã hội ở nhiều nước trên thế giới. Ngay nền kinh tế nước Mỹ năm 1930 đã được các nhà kinh tế thế giới gọi là nền kinh tế hỗn hợp, đa dạng nhiều thành phần. Các nước có nền kinh tế phát triển đều dựa trên cơ sở phát triển một cơ cấu kinh tế đa dạng gồm nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế cùng tồn tại, phát triển hỗn hợp, đan xen và tác động qua lại lẫn nhau.

Ở nước ta, sự phát triển cơ cấu kinh tế của các thành phần từ năm 1986 về trước, có thể nói là đơn điệu, trái với quy luật chung. Nguyên nhân chính là do chúng ta quan niệm thành phần kinh tế chỉ là một quan hệ sở hữu riêng biệt, coi sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là xã hội chủ nghĩa, còn coi các sở hữu khác đều là phi xã hội chủ nghĩa, cần phải hạn chế và thủ tiêu, vì chúng hằng ngày hằng giờ đẻ ra chủ nghĩa tư bản.

Từ năm 1986, Đảng ta đã chỉ ra những sai lầm về kinh tế, trước hết về cơ cấu kinh tế, trong đó có cơ cấu các thành phần. Để khắc phục sai lầm này, chúng ta đương nhiên phải điều chỉnh lại cơ cấu của các thành phần kinh tế. Việc chuyển dịch cơ cấu này đã được tiến hành từng bước, bổ sung, hoàn thiện cả về lý luận và thực tiễn, phù hợp với tình hình phát triển của nền kinh tế nước ta.

Như văn kiện Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã xác định, cơ cấu thành phần kinh tế ở nước ta bao gồm : 1 - Kinh tế *xã hội chủ nghĩa* gồm kinh tế *nhà nước* (quốc doanh) và kinh tế *tập thể* (hợp tác xã) ; 2 - Kinh tế *cá thể* ; 3 - Kinh tế *tư bản tư nhân* ; 4 - Kinh tế *tư bản nhà nước* ; 5 - Kinh tế *tự nhiên*.

Đến đại hội VII (năm 1991) thì cơ cấu các thành phần kinh tế có sự điều chỉnh lại như sau : 1 - Kinh tế *quốc doanh* ; 2 - Kinh tế *tập thể* ; 3 - Kinh tế *cá thể* ; 4 - Kinh tế *tư bản tư nhân*.

Tôi cho rằng việc xác định cơ cấu các thành phần kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VII là thỏa đáng hơn, vì nó phù hợp hơn với thực tế phát triển của các thành phần kinh tế ở nước ta.

Đáng tiếc là từ đó đến nay, chúng ta chưa có được số liệu thống kê phản ánh đầy đủ cơ cấu của bốn thành phần kinh tế như Đại hội VII đã xác định. Ở đây tôi chỉ có thể lấy số liệu về sự thay đổi cơ cấu kinh tế của một số ngành nhằm minh họa cho kết luận đã rút ra.

Cơ cấu giá trị tổng sản lượng công nghiệp và khối lượng luân chuyển của một số ngành.

(Tính theo %)

	1990	1991	1992
I-*Giá trị tổng sản lượng công nghiệp :*	100	100	100
- Kinh tế quốc doanh	67,6	68,5	71,1
- Kinh tế tập thể	3,1	4,8	4,2
- Xí nghiệp tư doanh	1,0	1,5	1,3
- Kinh tế cá thể	28,3	25,2	23,4
II - *Vận tải hàng hóa (tính theo khối lượng vận chuyển)*	100	100	100
- Kinh tế quốc doanh	89,9	90,4	88,7
- Kinh tế tập thể	4,5	3,3	3,4
- Kinh tế cá thể	5,6	6,3	7,9
III - *Vận chuyển hành khách (tính theo khối lượng luân chuyển)*	100	100	100
- Kinh tế quốc doanh	60,6	56,7	56,7
- Kinh tế tập thể	19,1	16,0	16,2
- Kinh tế cá thể	20,3	27,3	27,1

Digitized by Google

Căn cứ vào tốc độ chuyển dịch cơ cấu giá trị tổng sản lượng công nghiệp trong vòng 3 năm (từ 1990 đến 1992) giữa khu vực kinh tế quốc doanh và khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, chúng ta thấy hầu như không có sự thay đổi hoặc thay đổi hết sức chậm chạp.

Xét theo cơ cấu vốn đầu tư (theo số liệu của Tổng cục thống kê) thì trong tổng số vốn cố định, quốc doanh chiếm 71%, ngoài quốc doanh chiếm khoảng 29%.

Các số liệu trên phản ánh thực trạng cơ cấu các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay là : kinh tế *quốc doanh* chiếm tỷ trọng lớn về vốn đầu tư và chiếm lĩnh hầu hết các ngành nghề quan trọng, nhưng hiệu quả còn thấp. Các thành phần kinh tế *tập thể, cá thể, tư nhân* phát triển chưa cân xứng với tiềm năng hiện có, do đó chưa góp phần làm thay đổi cơ cấu kinh tế các thành phần. Như vậy, trên phương diện chung, chúng ta đã xác định được một cơ cấu thành phần kinh tế có thể coi là phù hợp với tình hình hiện tại, nhưng sự hình thành cơ cấu kinh tế của các thành phần trên thực tế thì chưa có sự chuyển dịch đáng kể. Đây là một vấn đề cần được chú ý và có biện pháp hữu hiệu để giải quyết có hiệu quả.

Mục tiêu chủ yếu từ nay đến năm 2000 là, trên cơ sở sắp xếp lại kinh tế quốc doanh, bảo đảm các xí nghiệp quốc doanh hoạt động có hiệu quả hơn. Khuyến khích phát triển kinh tế ngoài quốc doanh, làm cho khu vực này có đủ sức đảm nhiệm sản xuất phần lớn các mặt hàng cung cấp cho nhu cầu đa dạng của xã hội.

Với mục tiêu trên, từ nay đến năm 2000 theo định hướng phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa, kinh tế quốc doanh vẫn giữ vai trò chủ đạo song tỷ trọng của nó có thể sẽ giảm mạnh ở những ngành không then chốt, và nó sẽ được tăng cường về chất ở những ngành then chốt. Còn các thành phần kinh tế khác thì sẽ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, và sẽ chiếm tỷ trọng lớn hơn. Xu hướng phát triển lâu dài (theo kinh nghiệm của nhiều nước) thì khu vực kinh tế tập thể và khu vực kinh tế tư nhân, cá thể sẽ là nơi cung cấp đại bộ phận sản phẩm xuất khẩu và hàng tiêu dùng cho đời sống đa dạng của nhân dân.

Ở các nước có nền kinh tế phát triển cũng như các nước đang phát triển, ngày nay không có nền kinh tế thuần tuý kế hoạch hóa hoặc thuần tuý theo cơ chế thị trường. Nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước đòi hỏi phải kết hợp hài hòa giữa các thành phần kinh tế. Để có sự kết hợp hài hòa này, không thể không tiến hành điều chỉnh lại cơ cấu kinh tế của các thành phần bằng những biện pháp cơ bản sau đây :

Một là, kiên quyết sắp xếp lại kinh tế quốc doanh theo hướng bảo đảm cho các xí nghiệp quốc doanh thuộc các ngành kinh tế then chốt ổn định và phát triển, thực sự phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Không chấp nhận quan điểm tư nhân hóa toàn bộ kinh tế quốc doanh, nhưng phải thị trường hóa kinh tế quốc doanh, không bao cấp, bù lỗ tràn lan ; chấp nhận cạnh tranh, thực hiện sự bình đẳng về pháp luật giữa các thành phần kinh tế. Một mặt thông qua thị trường để sắp xếp lại kinh tế quốc doanh, mặt khác nhà nước chủ động có biện pháp thu hẹp các xí nghiệp quốc doanh (không thuộc ngành then chốt) làm ăn thua lỗ kéo dài. Đầu tư tập trung thích đáng về vốn, kỹ thuật và công nghệ cho các xí nghiệp quốc doanh then chốt, nhằm tạo điều kiện cho các xí nghiệp này sớm thoát ra khỏi tình trạng làm ăn thua lỗ, bù đắp được chi phí sản xuất và bảo đảm kinh doanh có lãi.

Giảm bớt kinh tế quốc doanh theo nguyên tắc : ngành nghề nào kinh tế tập thể, tư nhân, cá thể làm tốt, có lợi cho nền kinh tế, thì tạo điều kiện cho họ phát triển. Đây chính là giải pháp tích cực nhằm điều chỉnh lại cơ cấu của các thành phần kinh tế.

Hai là, đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể và tư nhân, cá thể. Vấn đề có tính nguyên tắc là không chấp nhận quan điểm cực đoan đòi giải tán các hợp tác xã, mà trái lại, phải củng cố và đổi mới hợp tác xã theo nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện, với nội dung và hình thức đa dạng và

Digitized by Google

khác trước. Chẳng hạn, hình thành các hợp tác xã dịch vụ đầu vào và đầu ra cho hộ xã viên, hợp tác xã tín dụng, v.v.. Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp thì nhanh chóng chuyển sang hình thức hợp tác xã cổ phần ; mở rộng các hình thức liên doanh giữa nhà nước, hợp tác xã và tư nhân, giữa hợp tác xã với tư nhân.

Khuyến khích kinh tế tư nhân tự do phát triển theo luật định, không hạn chế tư nhân, cá thể bỏ vốn đầu tư vào sản xuất những sản phẩm mà nhà nước cho phép. Nhà nước bảo hộ quyền tài sản, quyền làm ăn hợp pháp và giúp đỡ những đầu tư đúng hướng.

Ba là, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và đổi mới công nghệ. Phù hợp với quá trình công nghiệp hóa đất nước, không ngừng đổi mới kỹ thuật và công nghệ (cả đối với kinh tế quốc doanh lẫn đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh) nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là sản phẩm xuất khẩu. Sự chuyển dịch cơ cấu các thành phần kinh tế được tạo ra bởi kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Và chỉ khi nào có được những thay đổi có tính chất cách mạng như vậy, thì nền kinh tế nước ta mới thực sự ổn định và phát triển với nhịp độ nhanh.

Công nghiệp hóa ở nước ta là hướng tới nền kinh tế phát triển hiện đại - nội dung chủ yếu của nó là không ngừng đổi mới kỹ thuật và công nghệ với phương châm : kết hợp giữa kinh nghiệm truyền thống với kỹ thuật và công nghệ hiện đại ; giữa thủ công, nửa tự động với tự động hóa ; giữa quy mô vừa và nhỏ với việc lựa chọn có trọng điểm một số xí nghiệp quy mô lớn. Hướng tới kinh tế thị trường, không thể không nhanh chóng hiện đại hóa hệ thống giao thông (kể cả việc nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường và đổi mới phương tiện vận chuyển...) cũng như hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc và các kết cấu hạ tầng khác. Những công việc to lớn như vậy đòi hỏi phải huy động mọi tiềm năng về vốn, về lao động... từ các thành phần kinh tế.

Bốn là, tăng cường quản lý vĩ mô của nhà nước. Sự phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường nhằm tạo nên sự chuyển dịch cơ cấu của các thành phần kinh tế, đòi hỏi phải tăng cường hơn nữa vai trò quản lý của nhà nước.

Ngày nay, như nhiều nhà kinh tế trên thế giới và trong nước cảm nhận, phương thức điều hành của bộ máy nhà nước cũng có thể được coi như một loại cơ sở hạ tầng thuộc phần "mềm", mang tính đặc thù và có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các thành phần theo hướng sản xuất hàng hóa là mang tính khách quan ; nhưng sự tác động của nhà nước bằng hệ thống luật pháp, chính sách phù hợp, cũng là điều không thể thiếu đối với bất cứ nền kinh tế nào. Vì vậy, nhà nước cần xây dựng hệ thống luật lệ theo hướng khuyến khích các thành phần kinh tế cạnh tranh và hiện đại hóa công nghệ. Luật lệ cần đơn giản, rõ ràng, ổn định và dễ thực hiện.

Tạo môi trường kinh doanh ổn định và thuận lợi, khuyến khích đầu tư, sáng tạo, tài năng, nhất là tài năng kinh doanh, trong các thành phần kinh tế. Muốn vậy, cần :

+ Hoàn thiện hệ thống tài chính tiền tệ, tín dụng ngân hàng, với công nghệ và kỹ thuật hiện đại, bảo đảm nhanh nhạy và thông suốt.

+ Hình thành thị trường vốn, lao động, thị trường chứng khoán, nhằm phục vụ yêu cầu phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

+ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin, bảo đảm thông tin đầy đủ, kịp thời cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Coi thông tin là ngành dịch vụ quan trọng mà các thành phần kinh tế đều phải tham gia.

+ Xây dựng hệ thống kế toán chuẩn mực. Nếu không có hệ thống tiêu chuẩn kế toán rõ ràng thì chính phủ khó có thể xác định được mức thuế, và các thành phần kinh tế cũng không có chỗ dựa để xác định mức thuế hợp lý, vừa bảo đảm nguồn thu cho nhà nước, vừa bảo đảm công bằng trong kinh doanh giữa các thành phần kinh tế.

Digitized by Google

+ Nhà nước cần có các chính sách đòn bẩy mạnh mẽ tăng tỷ trọng của các thành phần kinh tế tập thể và tư nhân, cá thể, để các thành phần đó đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp sản phẩm hàng hóa cho xã hội.

+ Xây dựng các định hướng kế hoạch phát triển kinh tế đúng đắn để hướng dẫn các thành phần kinh tế phát triển theo một cơ cấu hợp lý, hài hòa, là một trong những chức năng quan trọng, không thể thiếu của nhà nước trong quản lý vĩ mô.

Năm là, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý giỏi cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Đội ngũ cán bộ quản lý các doanh nghiệp kinh tế ở nước ta hiện nay nói chung là còn yếu về trình độ và chưa ngang tầm với yêu cầu phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Thực tiễn này đòi hỏi nhà nước phải có kế hoạch gấp rút đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ quản lý kinh doanh cho đội ngũ cán bộ quản lý thuộc các doanh nghiệp quốc doanh và ngoài quốc doanh, tạo nên các nhà kinh doanh có tầm cỡ, đủ khả năng và trình độ đối tác với các doanh nghiệp của nước ngoài. Muốn vậy, cần :

+ Xác định hình thức, cơ cấu cán bộ quản lý kinh doanh phù hợp với cơ cấu kinh tế của các thành phần kinh tế.

+ Kết hợp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý kinh doanh cho đội ngũ cán bộ hiện có với việc đào tạo mới.

+ Coi trọng đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế quốc doanh, đồng thời coi trọng hàng ngũ những người quản lý doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

+ Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp phải gắn liền với việc phổ cập nghề và nâng cao tay nghề cho người lao động.

Giữ gìn an ninh trong điều kiện kinh tế mở

LÊ QUANG THÀNH

1- Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương kết hợp an ninh với quốc phòng, an ninh với kinh tế, an ninh với văn hóa, tư tưởng, và đã có một số quyết định quan trọng. Đáng chú ý là Chỉ thị 15 của Bộ chính trị và Quyết định 114 của Thủ tướng Chính phủ. Trên một số mặt, việc thực hiện những chỉ thị, quyết định đó đã đem lại một số kết quả nhất định, góp phần khắc phục một bước tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, giữ vững và củng cố sự ổn định chính trị, tạo tiền đề cần thiết đưa nước ta chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới.

Tuy nhiên, việc kết hợp đó không đồng đều, chưa ăn khớp, chưa hỗ trợ tích cực cho nhau, có nơi, có lúc còn tách rời, thậm chí "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược", làm hạn chế sự tăng trưởng kinh tế và sự ổn định chính trị vững chắc. Tình hình đó có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân về nhận thức tư tưởng và về cơ chế quản lý. Trong điều kiện cái mới chưa ra đời hẳn, cái cũ chưa bị xóa bỏ hẳn, khó tránh khỏi nhận thức tư tưởng của nhiều người còn chưa rõ, có phần còn lệch lạc, nhất là chạy theo kinh tế, buông lỏng an ninh, mất cảnh giác. Trong cơ chế thì còn nhiều kẽ hở thể hiện trong chính sách, luật pháp, tổ chức

Digitized by Google

thực hiện, khiến cho kẻ địch và bọn tội phạm có thể lợi dụng phá ta về kinh tế.

Trong 6 tháng đầu năm 1993, chỉ mới tính số phát hiện (còn cách xa so với thực tế) đã có gần 1700 vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, gây thiệt hại gần 185 tỉ đồng, trong đó có hơn 530 vụ tham nhũng, gây thiệt hại gần 167 tỉ đồng. Con số này tăng khá rõ so với 6 tháng đầu năm 1992 (341 vụ tham nhũng, thiệt hại 53 tỉ 54 triệu đồng). *Tệ tham nhũng không những không ngăn chặn được mà còn phát triển*, số vụ ngày càng tăng lên và thiệt hại ngày càng lớn hơn. Tệ tham nhũng xảy ra khá phổ biến ở nhiều ngành kinh tế trọng điểm, dưới nhiều dạng tinh vi, nổi lên là *tội cố ý làm trái để tham ô tài sản công*. Lợi dụng khu vực có nước ngoài đầu tư, chính quyền một số địa phương đã tự tiện bán đất trái phép, bán cả cây đứng trong rừng, xuất gỗ quý trái phép, thậm chí "thoáng" đến mức tự nguyện làm thuê không công để nước ngoài tự do khai thác tài sản quý hiếm của mình ngay trên đất của mình. Nhiều cơ quan, xí nghiệp tranh thủ xin cấp đất xây dựng nhà xưởng, trụ sở làm việc, nhưng thực chất là mua, bán đất kiếm lời. Nhiều thương nhân và cả một số công ty liên doanh có tư cách pháp nhân của Việt nam cũng sử dụng tiền của thương gia hoặc công ty nước ngoài để kinh doanh bất động sản. Những hiện tượng bán đất, bán rừng, bán biển, đều đã có.

Nạn buôn lậu vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp và nghiêm trọng ở tất cả các tuyến : đường bộ, đường biển, đường không, các tuyến biên giới phía bắc và tây-nam. Cũng chỉ trong 6 tháng đầu năm 1993, đã phát hiện và xử lý hơn 11 000 vụ buôn lậu, buôn bán hàng cấm, kinh doanh trái phép, trốn thuế, thu giữ hàng hóa trị giá hơn 188 tỉ đồng. So với 6 tháng đầu năm 1992 (phát hiện hơn 4000 vụ thu giữ hàng hóa trên 71 tỉ đồng), rõ ràng *nạn buôn lậu không giảm, mà còn tăng hơn hai lần.*

2 - Cùng với những thành tựu kinh tế trong nước, *hoạt động kinh tế đối ngoại* đã được mở rộng, quan hệ với nhiều đối tác, theo nhiều hình thức, góp phần đưa nền kinh tế vượt qua thử thách gay gắt khi Liên xô (cũ) chấm dứt viện trợ và giảm đột ngột quan hệ kinh tế - thương mại. Tuy nhiên, ngày càng thấy rõ việc mở cửa ra bên ngoài, bên cạnh mặt tích cực, cũng có không ít tiêu cực, gây khó khăn, phức tạp về an ninh chính trị, tăng thêm ô nhiễm môi trường văn hóa, xã hội. Bên cạnh nhiều trường hợp thua thiệt trong quan hệ kinh tế với bên ngoài, nạn tham nhũng, buôn lậu cũng diễn ra phổ biến trong các hoạt động kinh tế đối ngoại. Ta đã phát hiện một số đường dây buôn lậu quốc tế do một số thương gia hoặc tổ chức nước ngoài móc ngoặc với các tổ chức kinh tế, cơ quan quản lý, kiểm soát ở trong nước để nhập hàng lậu, hoặc dùng địa bàn Việt nam làm nơi trung chuyển hàng lậu, kể cả ma túy, như Interpol đã báo cho ta. Chưa kể những hành động lừa đảo của một số công ty và doanh nhân nước ngoài, khá nhiều máy móc, thiết bị do chính cơ quan nhà nước nhập, đã "bị nhầm" về giá cả, chất lượng. Đến nay ta cũng chưa thống kê được bao nhiêu trường hợp đã làm lộ bí mật quốc gia do hoạt động kinh tế đối ngoại.

3 - Nước ta với những thành tựu rất quan trọng đã đạt được trong 7 năm qua, đang trở thành một điểm nóng trong đầu tư của các nước tư bản. Các nước coi nước ta là một thị trường có sức mua của 70 triệu người, có tài nguyên phong phú, lao động giỏi và rẻ, môi trường chính trị ổn định.

Chúng ta đang đứng trước thời cơ mới và cả thách thức mới. Thời cơ mới là ở chỗ chúng ta có điều kiện mới để với tư thế một quốc gia độc lập, thống nhất, có chế độ chính trị ổn định, sử dụng nguồn lực to lớn của đất nước về sức lao động và con người, về tài nguyên và vị trí địa lý, về tiềm năng của thị trường và lợi thế của nước đi sau, rút được kinh nghiệm của những nước đi trước. Nếu chúng ta biết khai thác tốt những nhân tố đó thì nhất định sẽ tạo ra được sức hấp dẫn đối với bên ngoài trong quan hệ

Digitized by Google

kinh tế, đồng thời tranh thủ được vốn, khoa học và công nghệ mới cùng với những kinh nghiệm quản lý nền kinh tế thị trường.

Nhưng trước mắt, chúng ta sẽ phải vượt nhiều thách thức to lớn. Nền kinh tế nước ta tuy có mức tăng trưởng khá nhưng chưa vững chắc, nhiều bất trắc còn có thể xảy ra. Vốn liếng đã ít ỏi, lại thêm nạn tham nhũng buôn lậu nghiêm trọng, trong lúc nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều địa phương và đơn vị, nhiều cán bộ lãnh đạo quản lý lại vung tay quá trán, tiêu xài hoang phí và để thất thoát nghiêm trọng tài sản công. Chỉ riêng tệ tham nhũng, buôn lậu cũng đã là một thách thức lớn đối với bản thân nền kinh tế, chưa nói đến tác hại do nó gây ra đối với an ninh, trật tự, tư tưởng, văn hóa xã hội.

Nền kinh tế nước ta phải nhập cuộc đua với thế giới và khu vực trong điều kiện điểm xuất phát rất thấp, lại chưa ra khỏi khủng hoảng. Mới chuyển sang cơ chế thị trường, chúng ta đã phải chen chân trên thị trường thế giới với những điều kiện rất không thuận lợi : thiếu kiến thức và kinh nghiệm về cạnh tranh ; cánh kéo giá cả bất lợi ; kinh tế thế giới đang trong quá trình suy thoái, khủng hoảng, đầy bất trắc... Chưa kể chúng ta rất có thể phạm sai lầm, dẫn tới trệch định hướng xã hội chủ nghĩa. Chỉ xét riêng về mặt khách quan, trong quá trình đổi mới, do có sự chuyển đổi mô hình về tổ chức đời sống kinh tế - xã hội, từ mô hình *cũ* có nhiều sai lầm sang một mô hình *mới* chưa từng có trong lịch sử, tất yếu sẽ nổi lên mâu thuẫn vi mô và vĩ mô.

4 - Trong khi đó, các thế lực thù địch không ngừng thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" bằng những hình thức mới, và nếu có thời cơ, chúng không ngại sử dụng bạo lực can thiệp từ bên ngoài, nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta, hoặc lái nước ta vào quỹ đạo của chúng.

Để thực hiện "diễn biến hòa bình" trong điều kiện Mỹ bỏ cấm vận và bình thường hóa quan hệ với nước ta, các thế lực thù địch chắc sẽ tập trung vào hai con bài chủ thường dùng : *dân chủ, nhân quyền* và *thị trường tự do*. Hai con bài này gắn liền với nhau. Dưới chiêu bài "dân chủ, nhân quyền", chúng tận dụng các hình thức công khai, hợp pháp để đề cao tự do tư sản, thu thập, truyền bá thông tin, móc nối với các cơ sở cũ, kích động các phần tử cực đoan trong các dân tộc và tôn giáo nhằm tạo dựng các lực lượng đối lập với Đảng và Nhà nước ta. Nhưng điều chúng đặc biệt quan tâm là kích động, chia rẽ, phân hóa nội bộ ta, tranh thủ lôi kéo những người có quan điểm sai trái, thoái hóa biến chất, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

Một hướng ưu tiên của các thế lực thù địch tác động trực tiếp vào đường lối và quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta trong chiến lược "diễn biến hòa bình" là lợi dụng con đường đầu tư, hợp tác về kinh tế để thúc đẩy thị trường tự do tư bản chủ nghĩa. Họ hy vọng khi thành phần kinh tế tư nhân (bao gồm cả tư bản nước ngoài đầu tư vào Việt nam) chiếm tỉ trọng đáng kể trong nền kinh tế nước ta và trở thành lực lượng mạnh về kinh tế thì có thể gây sức ép làm thay đổi đường lối của chúng ta. Sự thay đổi kinh tế dẫn đến thay đổi chính trị thể hiện ở mấy điểm sau :

+ Thông qua hoạt động kinh tế, tìm cách tạo dựng cơ sở chính trị - xã hội, cụ thể là tạo dựng cơ sở giai cấp, tầng lớp xã hội, tư tưởng, tâm lý xã hội và lối sống xã hội theo ý đồ của họ.

+ Thông qua các hình thức chuyển giao công nghệ, thương mại quốc tế... kiềm chế nền kinh tế nước ta trong tình trạng lạc hậu, lệ thuộc. (Cố nhiên, không phải mọi hoạt động hợp tác, liên kết kinh tế của bên ngoài với ta đều nằm trong kênh "diễn biến hòa bình", nhưng thực tế cho thấy, hoạt động như vậy cũng không hiếm).

+ Thông qua các hình thức như học tập, hội thảo, trao đổi kinh nghiệm v.v... lái dần cách tổ chức quản lý kinh tế và đào tạo đội ngũ quản lý

Digitized by Google

kinh doanh của ta theo mẫu của họ. Thực tế cho thấy, việc học tập, tham khảo kinh nghiệm quản lý của bên ngoài thông qua các cuộc hội thảo, những lớp "tu nghiệp", đào tạo ngắn ngày... là rất cần thiết và có ích đối với ta, nhưng cũng là những cơ hội bằng vàng để các thế lực thù địch có thể khai thác bí mật của ta nhằm mục đích kinh tế là giành lợi nhuận cao và cũng không loại trừ nhằm mục đích chính trị.

+ Thông qua đầu tư, viện trợ, cho vay... gây sức ép chính trị, can thiệp vào công việc nội bộ nước ta. Thực tế đã có chính khách phương Tây nói : "Chúng tôi không có những tờ séc không chỉ. Viện trợ kinh tế tùy thuộc vào tiến độ dân chủ hóa về chính trị".

5 - Để bảo vệ vững chắc an ninh trong điều kiện kinh tế mở, với đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể như nước ta hiện nay, cần có nhiều biện pháp khác nhau và thực hiện đồng bộ các biện pháp đó.

Về **tư tưởng, chính trị,** cần làm cho mọi người dân, trước hết là đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ làm công tác quản lý kinh tế và công tác đối ngoại, nhận thức rõ những cơ hội, thuận lợi mới và cả những thách thức, nguy cơ mới. Động viên tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, xóa nỗi nhục đói nghèo, xóa bỏ mặc cảm, hận thù, đồng tâm nhất trí thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, chú trọng những vấn đề nóng bỏng đang cần tháo gỡ để ổn định nhân tâm, thống nhất nhận thức, hành động. Đó là những vấn đề rất cơ bản, như : cụ thể hóa định hướng xã hội chủ nghĩa ; quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội với bảo vệ Tổ quốc, giữa giai cấp với dân tộc, quốc gia với quốc tế ; giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa ; sự phân cực giàu nghèo, phân hóa giai cấp, những khuynh hướng tư tưởng hiện nay; v.v..

Đúng là mô hình tổng thể chưa có, bức tranh còn ở những nét phác thảo ban đầu, nhưng dù sao chúng ta đã đi vào đổi mới được 7 năm, nếu chú ý tổng kết hoạt động thực tiễn, thì có thể bước đầu giải đáp được một số vấn đề.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Đảng. Từ Đại hội VI, nhất là Đại hội VII của Đảng đến nay, ngày càng thấy rõ : ổn định là điều kiện để đổi mới, và đổi mới có kết quả lại củng cố sự ổn định. Nếu thành tựu về kinh tế tạo điều kiện củng cố sự ổn định chính trị, thì ổn định chính trị là cơ sở để đổi mới đạt thành quả về kinh tế. Đổi mới kinh tế, xét trên ý nghĩa nào đó, cũng là đổi mới chính trị (đường lối, chính sách, cơ chế quản lý). Sức mạnh, năng lực của Đảng biểu hiện trước hết ở việc vạch ra cương lĩnh chính trị, nêu được định hướng đúng đắn cho sự phát triển đất nước. Hiện nay, cần làm rõ các định hướng xã hội chủ nghĩa và cùng với nó, xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt nam. Tuy không thể đòi hỏi hình thành ngay một bức tranh đầy đủ về mô hình chủ nghĩa xã hội, nhưng cũng cần dần dần lý giải những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội trong điều kiện đổi mới. Để tiếp tục thực hiện sự nghiệp đổi mới, Đảng và Nhà nước phải có quyết tâm cao trong việc làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ chủ chốt, cả đương chức và kế cận, coi đây là một vấn đề trọng yếu nhất hiện nay.

Riêng về chống tham nhũng, cần công khai hóa tài sản của cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt từ cấp tỉnh trở lên, nhất là ở các ngành kinh tế và pháp luật (công an, tòa án, viện kiểm sát, hải quan...). Chống tham nhũng, buôn lậu phải tiến hành từ trên xuống dưới, từ cấp ủy đến đảng viên, đưa ra pháp luật xử lý dứt điểm những vụ án trọng điểm, không để xử lý nội bộ. Trừng trị nghiêm khắc những kẻ vi phạm pháp luật, chấm dứt ngay tình trạng lời nói không đi đôi với việc làm, giơ cao đánh khẽ... vốn đã gây tác hại cho uy tín của Đảng, Nhà nước.

Digitized by Google

Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, bảo đảm phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm trật tự, an ninh. Trong giai đoạn đầu này, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, ngăn ngừa, khắc phục và hạn chế những tác động tiêu cực của thời kỳ chuyển đổi về cơ chế và của bản thân cơ chế thị trường, là vấn đề cấp bách. Nhà nước cần tập trung làm tốt chức năng quản lý vĩ mô, cụ thể là :

+ Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tạo dựng đủ khuôn khổ pháp lý cần thiết, ổn định và nhất quán cho hoạt động kinh tế dựa trên cơ sở thị trường và mở cửa với bên ngoài. Quy định rõ những điều không được phép làm, những điều phải xin phép mới được làm, tạo hành lang tự do kinh doanh theo pháp luật cho các doanh nghiệp và công dân. Trước mắt, ban hành những đạo luật theo hướng vừa khuyến khích đầu tư phát triển, vừa hạn chế, ngăn ngừa bất công xã hội. Ví dụ : luật lao động, luật tiền công, luật bảo hiểm, luật thuế và điều tiết... Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế, kể cả các doanh nghiệp nước ngoài ở nước ta, đều phải chấp hành nghiêm pháp luật. Đồng thời, các cơ quan pháp luật phải chấp hành đúng luật, tự mình gương mẫu tuân theo pháp luật mới có thể duy trì hiệu lực của pháp luật đối với mọi đơn vị và cá nhân.

+ Đổi mới và tăng cường hệ thống hành pháp, cả về tổ chức, cán bộ và cơ chế hoạt động. Hệ thống hành pháp điều hành thống nhất, tập trung, thông suốt, có hiệu lực cao ; phân công rạch ròi và phát huy hiệu lực của cả ba quyền : lập pháp, tư pháp, hành pháp, từ trung ương tới địa phương. Pháp luật là của cả nước, chính quyền địa phương phải thực thi trách nhiệm trên cơ sở pháp luật thống nhất và sự điều hành tập trung của chính phủ, tránh tình trạng mỗi ngành, mỗi địa phương là một "ông vua con", một "sứ quân", coi thường phép nước.

+ Một lực lượng rất quan trọng để nhà nước tăng cường quản lý về mặt này là công an, kiểm sát, tòa án, những người trực tiếp thay mặt nhà nước giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm cho sự ổn định, phát triển về kinh tế xã hội. Các lực lượng bảo vệ này cần được tăng cường trang bị cả về nhận thức lẫn phương tiện vật chất, điều kiện làm việc, để có thể phát huy sức mạnh của mỗi tổ chức và có sự hợp tác chặt chẽ với nhau.

+ Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và áp dụng đồng bộ các chính sách xã hội như : giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, cứu trợ xã hội, bài trừ các hủ tục và tệ nạn xã hội... Đó là những chính sách vừa trước mắt vừa lâu dài để phòng ngừa tội phạm, bảo đảm tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội. Bảo đảm được công bằng xã hội ở mức độ nhất định, là bảo đảm an ninh trật tự. Theo tinh thần đó, pháp luật phải nghiêm trị mọi hành vi làm giàu phi pháp, ngăn chặn việc làm giàu bằng cách bóc lột quá đáng, trái đạo đức, bần cùng hóa người lao động. Đó chính là một nội dung quan trọng nhất của mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo đảm an ninh trật tự.

Phát triển đúng hướng kinh tế đối ngoại. Hiện nay chúng ta đang có đà tiến lên đồng thời cũng đang chịu sức ép từ nhiều phía. Trong điều kiện đó, công tác đối ngoại cần tập trung phục vụ cho lợi ích chân chính của dân tộc ta là dân giàu, nước mạnh, hòa bình, độc lập và tiến bộ xã hội. Khác với các thời kỳ trước, hiện nay các thế lực thù địch có nhiều điều kiện tác động vào nước ta nhằm làm cho ta trượt theo con đường tư bản chủ nghĩa, hoặc lái ta đi vào quỹ đạo của họ, lệ thuộc vào họ. Do đó, công tác đối ngoại cần nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh, phát triển kinh tế và bảo vệ kinh tế, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn và phát huy những truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc. Chúng ta bảo vệ an ninh quốc gia (bao gồm an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa và an ninh xã hội) bằng cách đổi mới phương thức hoạt động, phục vụ đắc lực yêu cầu phát triển kinh tế, tạo thuận lợi cho các hoạt động kinh tế đối ngoại.

Digitized by Google

VẤN ĐỀ THẨM ĐỊNH CÁC CHUẨN MỰC VÀ GIÁ TRỊ XÃ HỘI

BÙI NGỌC TRÌNH

GIỐNG như giới tự nhiên, xã hội loài người không ngừng vận động. Có thể nhìn nhận sự vận động ấy qua các hình thái kinh tế - xã hội thay thế nhau trong lịch sử. Có thể nhìn nhận sự vận động ấy qua sự phát triển của các nền văn minh kế tiếp nhau. Lại cũng có thể nhìn nhận qua sự tăng trưởng của các chuẩn mực và giá trị xã hội.

Từ sau chiến thắng lịch sử 1975, nhất là từ đầu thập kỷ 80 lại nay, cuộc sống trên đất nước ta đang thay đổi đặt ra rất nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc thẩm định những chuẩn mực và giá trị xã hội.

Từ thời chiến chuyển sang thời bình, đòi hỏi mỗi người phải có cách nghĩ mới, cách hành động mới phù hợp với yêu cầu của cuộc sống mới. Nếu trong *thời chiến*, mục tiêu tối cao của hành động xã hội là phải đánh thắng bằng bất cứ giá nào, chuẩn mực cao nhất đối với mỗi người là dám chấp nhận mọi sự hy sinh, kể cả hy sinh tính mệnh mình cho chiến thắng ; thì sang *thời bình*, mục tiêu tối cao của các hành động xã hội là đạt được hiệu quả lớn nhất trong lao động sản xuất, trong kinh doanh. Lúc này, ở mỗi người, phải chuyển đổi từ tâm thế ứng xử của người lính sang tâm thế ứng xử của người làm kinh tế. Hoạt động kinh tế không đòi hỏi sự "tiến công tiêu diệt" mà là "sự tái tạo, sinh thành". Người lao động phải sáng tạo ra những chuẩn mực mới, những tiêu chí mới từ sự cảm nhận tự phát tới cái ý thức tự giác. Trong khi cái ý thức tự giác chưa phát triển đến độ chín muồi, nghĩa là các hệ chuẩn mực mới chưa hình thành đầy đủ, thì những chuẩn mực cũ hoặc tự tan rã, hoặc không còn đủ sức sống chi đạo hành vi, nên xuất hiện sự hẫng hụt về chuẩn mực mà ta chưa bù đắp kịp.

Từ cơ chế bao cấp, tập trung quan liêu sang cơ chế hạch toán kinh doanh, từ nền kinh tế kế hoạch hóa với hai thành phần là chủ yếu chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, đất nước ta đã trải qua một cuộc đảo lộn bao trùm lên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Cái mà ngày hôm qua ta cho là hợp lý, là công bằng, thì giờ đây cuộc sống mới lại coi là không hợp lý, là không công bằng. Cái mà ngày hôm qua ta coi là tiêu cực như quy luật giá trị, hàng hóa, tiền tệ, thì giờ đây cuộc sống mới lại coi là yếu tố tích cực để giải phóng sức sản xuất xã hội. Cái mà ngày hôm qua ta còn khinh ghét, đè bỉu như buôn bán, lợi nhuận, giàu sang, cá thể v.v., thì giờ đây cuộc sống mới lại nhìn nhận hoàn toàn ngược lại. Những người lình lợi tháo vát (thậm chí chân trong chân ngoài đối với hợp tác xã) ngày hôm qua ta coi thường, thì ngày hôm nay lại được coi là những con người tài năng, những nhà sản xuất, kinh doanh giỏi, những triệu phú, tỉ phú v.v.. Diễn đạt theo kiểu Ăng-ghen, chính chúng ta, không phải ai khác, ngày hôm nay lại lên án những gì mà ngày hôm qua ta đã tôn vinh, và ngược lại cũng tôn vinh những gì mà ngày hôm qua ta còn kỳ thị. Thực tế đó là gì ? Nếu chẳng phải là sự đảo lộn những chuẩn mực và giá trị ?

Sự đảo lộn cũng diễn ra mạnh mẽ và sâu sắc khi thực tiễn buộc chúng ta phải đổi mới một số quan niệm truyền thống về chủ nghĩa xã hội, nhất là khi chủ nghĩa xã hội với tư cách là một thực thể xã hội, một hệ thống thế giới từng tồn tại trong nửa thế kỷ, bỗng dưng sụp đổ một mảng lớn. Sự sụp đổ thực thể xã hội này đã dẫn tới sự chuyển đổi các hệ chuẩn mực và giá trị được xây dựng từ ý thức hệ của giai cấp công nhân. Có phải cái mà ngày hôm qua được coi là lý tưởng thì ngày hôm nay bị phỉ báng và coi là điều phi lý ? Cái mà ngày hôm qua coi là

Digitized by Google

giá trị thì ngày hôm nay coi là sự lầm lỗi, là thứ của vứt đi, và ngược lại ? Không phải hoàn toàn như vậy. Nhưng sự khủng hoảng về mô hình chủ nghĩa xã hội, sự tan rã một mảng lớn hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới là một thực tế đã dội vào đất nước ta như trận cuồng phong làm thay đổi quan niệm của nhiều người về các hệ chuẩn "chân, thiện, mỹ".

Sự đảo lộn đó lại diễn ra vào lúc đất nước ta đang tiến hành công cuộc đổi mới, mở cửa rộng rãi với thế giới bên ngoài. Trong sự vận động có phần lộn xộn của các chuẩn mực xã hội, nhiều chuẩn mực truyền thống cũ vẫn còn giá trị, chưa dễ dàng chốc lát mất đi, nhưng bị hiểu lầm, xuyên tạc. Ngược lại, nhiều cái phản giá trị, phản văn hóa, vừa du nhập lại được nhiều người ngộ nhận, coi là chuẩn mực mới, giá trị mới. Trong bước ngoặt lịch sử này, sự lệch chuẩn là không tránh khỏi. Nhưng lệch chuẩn thế nào là hợp lý, và ngược lại, tất cả đòi hỏi một sự phân tích công phu, tự giác, khách quan, để định hướng cho việc xây dựng đạo đức lối sống xã hội, xây dựng pháp luật và các chính sách mới về xã hội.

Nhưng thực trạng việc thẩm định các chuẩn mực và giá trị xã hội ở nước ta hiện nay ra sao ? Phải nói thực rằng, chúng ta chưa tiến hành một cách tự giác, khách quan, chủ động và có hệ thống. Chúng ta chưa tiến hành việc thẩm định theo quy trình khoa học mà mới dừng ở chỗ xem xét, nhận định và thường lúng túng trong việc đề ra chủ trương mới, chính sách mới. So với những vận động biến đổi rất mau lẹ và phức tạp của hiện thực khách quan, sự xem xét, nhận định này còn thụ động, chậm chạp và còn bỏ trống nhiều lĩnh vực. Việc thẩm định không tiến hành theo quy trình khoa học, nên chưa xây dựng được hệ thống quan điểm và phương pháp đầy đủ : chưa có kế hoạch tổng thể, phân công phân nhiệm rạch ròi giữa các cơ quan chức năng nhà nước và các tổ chức xã hội. Cho nên, trên thực tế và trong lý luận, giữa cái thiện và cái ác, cái đúng và cái sai, cái tốt và cái xấu, cái cần bảo vệ, khuyến khích phát triển và cái cần đấu tranh, loại bỏ, đang còn là vấn đề tranh cãi khó kết luận. Cùng là một hiện tượng mới xuất hiện, người thì khen ngợi, người thì chê bai. Cùng là một công việc làm ăn, nơi thì cổ vũ động viên, nơi thì ra sức ngăn cấm. Cùng là một đối tượng tác động, chính sách này thì khuyến khích, chính sách kia lại hạn chế. Sự hẫng hụt, lệch pha các chuẩn mực trong pháp luật, đạo đức, trong thẩm mỹ, lối sống, trong tôn giáo tâm linh... đã làm cho không ít cơ quan quản lý nhà nước, các nhà nghiên cứu lý luận và nhà sáng tác nghệ thuật, có lúc có nơi đã mất phương hướng ứng xử. Tình trạng đó đòi hỏi chúng ta *phải khẩn trương thẩm định lại các chuẩn mực xã hội, giá trị xã hội một cách hệ thống, khách quan, khoa học*. Những chính sách xã hội hiện có còn ít liên hệ trực tiếp và tích cực đến việc thẩm định này, nhưng việc thẩm định này đặt cơ sở khoa học trực tiếp cho việc nghiên cứu, hoạch định những chính sách xã hội nhằm tác động tới việc hình thành những chuẩn mực mới và định hướng giá trị mới cho xã hội.

Yêu cầu, nội dung của việc thẩm định đối với chúng ta lúc này là gì ? Có nhiều mục đích khác nhau để định ra những yêu cầu, nội dung, thẩm định khác nhau. Theo tôi nghĩ, việc thẩm định mà ta nói đây không nhằm định giá chất lượng sống của một xã hội, cũng không nhằm tìm kiếm những sắc thái văn hóa khác nhau của từng dân tộc. Chúng ta thẩm định để góp phần xây dựng căn cứ lý luận và thực tiễn cho việc hình thành các chính sách mới về xã hội. Mục đích như vậy, thì yêu cầu nội dung việc thẩm định cũng phải đặt ra một cách thiết thực, trực tiếp với việc hoạch định chính sách.

- Trước hết, nó phải chỉ rõ được những hệ chuẩn mực xã hội và những giá trị xã hội chủ yếu đang tồn tại trong xã hội ta. Ở đây có sự đan xen, chồng lấn giữa cái cổ truyền với cái cách tân, cái quốc gia với cái quốc tế. Vào lúc hiện thực đời sống xã hội đang vận động có phần lộn xộn như hiện nay, hiện tượng *vừa gối sông vừa tròn bờ* giữa các chuẩn mực là điều không khó nhận ra, nhưng không vì thế mà dễ dàng nhận ra diện mạo chung của các hệ chuẩn mực và giá trị.

Vì thế việc thẩm định phải phân loại được các chuẩn mực, hệ thống hóa những chuẩn mực đó vào các hệ chủ yếu, đồng thời phân tích một cách khách quan, sâu sắc những ưu điểm và hạn chế của nó, để đi tới quyết định giữ lại cái gì và loại bỏ cái gì.

Digitized by Google

- Việc thẩm định phải phát hiện được những chuẩn mực mới, giá trị mới đang hình thành và dự báo được những cái sẽ hình thành trong điều kiện mới. Như trên đã nói, xã hội ta vừa mới chuyển từ chiến tranh sang hòa bình, từ "người lính công dân" sang người "công dân làm kinh tế", và đang chuyển từ sản xuất nhỏ tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa với nhiều hình thức và quy mô khác nhau v.v. nên vừa đòi hỏi những tiêu chí mới, chuẩn mực mới, vừa đòi hỏi không ngừng tăng các giá trị mới trong xã hội. Sự phát hiện đúng đắn các loại chuẩn mực và giá trị này trong quá trình thẩm định sẽ là dự báo tốt cho các nhà hoạch định chính sách, không chỉ chính sách xã hội mà cả các loại chính sách khác.

- Việc thẩm định, theo tôi nghĩ, cũng phải chỉ rõ được sự lệch chuẩn *hợp lý*, phù hợp với yêu cầu đổi mới, và những lệch chuẩn *không hợp lý* cùng những phản giá trị nảy sinh trong cơ chế thị trường.

Lệch chuẩn hợp lý là sự phá vỡ nội tại các chuẩn mực hiện có để thoát khỏi sự kìm trói, chuẩn bị cho sự ra đời nnững chuẩn mực hoàn toàn mới mẻ. Đây là sự phát triển hợp quy luật của sự tiến hóa. Ngược lại, những lệch chuẩn không hợp lý cùng những phản giá trị thì phá vỡ từ ngoài vào những chuẩn mực và giá trị hiện có, kéo lùi sự phát triển, tiến bộ. Đây là thứ vận động trái quy luật, phản tiến bộ, phần lớn do tác động tiêu cực của cơ chế thị trường. Hiện nay, những chuẩn mực mới, tiến bộ, chưa thật rõ. Những phản chuẩn, phản giá trị, cũng chưa lộ nguyên hình vì chúng thường được đưa ra nhân danh cái mới, cái hiện đại, cái sản phẩm đến sớm của tương lai v.v.. Vì vậy, yêu cầu đặt ra cho việc thẩm định là phải phân định được chúng, nhận diện được chúng.

- Việc thẩm định những chuẩn mực đang hình thành (bao gồm cả những lệch chuẩn và phản giá trị) cũng đòi hỏi phải xem xét cả tác động qua lại giữa chúng với những chính sách xã hội hiện hành, xem tác động đó là tích cực hay tiêu cực để từ đó quyết định nên hủy bỏ, bổ sung hay xây dựng mới các chính sách xã hội. Thực tế cho thấy, những chính sách xã hội hiện có thường chưa được xây dựng một cách khoa học, có hệ thống, trực tiếp thúc đẩy việc hình thành chuẩn mực mới. Không ít chính sách xã hội của ta còn mang tính cách riêng lẻ, tác động xấu đến việc hình thành các chuẩn mực và giá trị. Việc thẩm định cần đi sâu phân tích để định hướng cho sự tác động đúng đắn, tích cực của các chính sách xã hội.

Vào lúc này, thẩm định các chuẩn mực và giá trị xã hội theo những yêu cầu trên đây, chúng ta gặp không ít khó khăn, nhưng cũng có khá nhiều thuận lợi. Thuận lợi lớn đối với chúng ta là nước ta có nền văn hiến lâu đời. Văn hóa truyền thống Việt nam có bề dày lịch sử, ở đó kết tinh biết bao chuẩn mực và giá trị tốt đẹp. Những nét ưu trội như lòng yêu nước mạnh mẽ và nghĩa tình thủy chung ; cần cù thông minh, hiếu học, biết quý trọng và gìn giữ bản sắc dân tộc đồng thời cũng có khả năng thích ứng cao với cuộc sống mới, v.v.. Sự tình cờ của lịch sử đã làm cho dân tộc ta tiếp nhận (và chuyển hóa thành của mình) mấy nền văn hóa lớn của nhân loại. Những nét ưu trội và đặc điểm hội nhập của các nền văn hóa lớn tiêu biểu trên thế giới vào nước ta làm cho chúng ta có hệ quy chiếu khá rõ nét các chuẩn mực và giá trị để xem xét và thẩm định. Một thuận lợi khác, những năm gần đây, tư duy mới của Đảng đã tạo cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, các nhà khoa học của ta có tầm nhìn bao quát về tính cấp bách và những vấn đề có liên quan đến việc thẩm định. Cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ nghiên cứu nước ta lại được trang bị phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; nội dung thẩm định lại được đặt vào chương trình nghiên cứu cấp nhà nước, được nhà nước đầu tư kinh phí, v.v..

Nhưng khó khăn đặt ra cho việc thẩm định hiện nay cũng hết sức lớn. *Trước hết*, phải kể đến lực lượng sản xuất và mức sống của nước ta còn rất thấp nhưng nhu cầu phát triển đất nước lại đòi hỏi nhiều những chuẩn mực mới, giá trị mới. *Hiện thực đổi mới mấy năm vừa qua cho thấy : những chuẩn mực cũ không tan rã nhanh, còn chuẩn mực mới chưa có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn để ra đời mạnh*. Tầm vĩ mô đã gợi ra một số yếu tố cho chuẩn mực mới (như hình mẫu con người làm kinh tế năng động hiệu quả, các nhà công nghệ, các nhà doanh nghiệp, v.v.), nhưng thời gian chưa đủ để nó

Digitized by Google

chín muồi, đứng chân vững chắc ở cấp vi mô. Những quan niệm mới về chuẩn mực mới chưa trở thành phổ biến trong từng con người cụ thể, từng gia đình, từng nhóm nhỏ, chưa định hình trong lối sống.

Thứ hai, diễn biến khách quan của quốc tế và thời đại cũng hết sức phức tạp và không thuận lợi như đã nói trên. Từ khi Liên xô và Đông Âu sụp đổ, nhiều chuẩn mực cũ gắn liền với chủ nghĩa xã hội hiện thực, bị công kích, bôi nhọ. Chủ nghĩa cực quyền của các thế lực đế quốc, phản động tung ra vô số những phản giá trị, phản văn hóa, được các phương tiện thông tin hiện đại (như phát thanh, truyền hình, vi-đê-ô, băng nhạc...) chuyên tải hằng ngày đến hàng chục triệu người, đang tác động rất xấu tới tâm lý, thị hiếu và quan niệm của đông đảo quần chúng về chuẩn mực xã hội, giá trị xã hội.

Thứ ba, chúng ta còn thiếu kinh nghiệm và có ít chuyên gia giỏi trong việc tổ chức thẩm định một cách có hệ thống và đồng bộ trên phạm vi rộng lớn, trong khi đó đối tượng cần thẩm định lại rất rộng, phong phú và phức tạp... Do đó, muốn đạt hiệu qua thiết thực, việc thẩm định không thể vượt quá những gì khả năng cho phép. Trong biển cả mênh mông những chuẩn mực và giá trị, việc thẩm định nên giới hạn ở một số hệ chuẩn phổ biến, như : hệ chuẩn pháp luật (đúng, sai) ; hệ chuẩn đạo đức (thiện, ác) ; hệ chuẩn thẩm mỹ (đẹp, xấu) ; và hệ chuẩn ứng xử, lối sống v.v.. Về giá trị, cũng chỉ nên đi vào các giá trị lớn ở bốn bình diện nói trên. Có như vậy mới phù hợp với khả năng thực tế của người được giao việc thẩm định hiện nay.

Trong việc thẩm định, xác định rõ yêu cầu và nội dung là rất cần thiết, nhưng chưa đủ. Muốn thẩm định tốt, còn cần có quan điểm đúng và phương pháp tốt. Không có quan điểm đúng và phương pháp tốt, thì dù yêu cầu và nội dung có được xác định rõ ràng và hợp lý, việc thẩm định cũng khó đạt được kết quả mong muốn, càng không thể đạt được kết quả tối ưu. Quan điểm và phương pháp thẩm định, chẳng phải cái gì khác hơn là những nguyên tắc, chuẩn mực chung nhất của công việc phức tạp này. Thẩm định các chuẩn mực của xã hội mà không xác định đúng những nguyên tắc, chuẩn mực của việc thẩm định, thì sẽ mất phương hướng, sẽ phải bơi lội trong cái biển hiện thực mênh mông mà không hy vọng tới được bến bờ ; sẽ bỏ sót rất nhiều, hoặc sẽ rơi vào võ đoán.

Những quan điểm chung nhất cần được sử dụng như những nguyên tắc chỉ đạo trong quá trình thẩm định là những quan điểm nào ? *Trước hết*, đó là quan điểm **tổng hợp.** Trong đời sống xã hội, các chuẩn mực thường hình thành và được xác định từ *ba khu vực chủ yếu* : khu vực quản lý nhà nước (ở nước ta bao gồm cả Đảng lãnh đạo) ; khu vực dân gian ; và khu vực hoạt động của các nhà khoa học. Khu vực quản lý thường quy định các chuẩn mực ứng xử của các mối quan hệ xã hội thông qua việc xây dựng các chính sách và pháp luật. Khu vực dân gian quan tâm nhiều hơn đến đạo đức, thẩm mỹ và lối sống. Cả hai khu vực trên, khu vực nào cũng có mặt mạnh và mặt hạn chế, do đó cần có sự bổ sung bằng khu vực thứ ba : sự đánh giá khách quan của lực lượng các nhà khoa học. Thực tế cho thấy, trong việc thẩm định, nếu chỉ căn cứ vào đánh giá của khu vực này hay khu vực khác, mà không có cái nhìn toàn diện, không phân tích, tổng hợp một cách khoa học, thì sẽ phạm sai lầm.

Đi liền với quan điểm tổng hợp là quan điểm **dân tộc, lịch sử, cụ thể**. Chuẩn mực xã hội và giá trị xã hội là sản phẩm văn hóa của dân tộc, hình thành từ dân tộc, và gắn bó chặt chẽ với cội nguồn, sự tăng trưởng và mọi biến thiên của dân tộc. Nó vừa là một bộ phận của lịch sử dân tộc, vừa là nét biểu trưng cho dân tộc. Văn hóa của dân tộc ta chịu ảnh hưởng rõ rệt của văn hóa Trung quốc, Ấn độ, văn hóa Pháp, và mấy chục năm vừa qua, của văn hóa xô viết và một phần của "văn hóa thực dân mới". Cho nên, tính lai ghép trong các chuẩn mực xã hội ở nước ta là một hiện tượng gần như tất yếu. Nhưng việc lai ghép này lại diễn ra trên địa bàn sinh sống của nhân dân ta, gắn chặt với thiên nhiên nước ta, với công cuộc lao động và đấu tranh dựng nước và giữ nước của nhân dân ta, với đặc điểm tâm lý, với các bước thăng trầm của dân tộc ta. Chính vì vậy mà trong quá trình lai ghép, luôn diễn ra cuộc

(Xem tiếp trang 74)

Digitized by Google

THANH HÓA :
Để tiếp tục ổn định và phát triển

LÊ VĂN TU *

Là cửa ngõ vào Nam ra Bắc, xứ Thanh nằm vắt ngang đất nước, mé tây giáp giới với nước bạn Lào, sườn đông dài 102 km bờ biển - là nơi quần cư, sinh tụ của hơn 3,2 triệu người, gồm 8 dân tộc anh em, có ba vùng sinh thái kinh tế : đồng bằng, rừng núi và miền biển, miền mông 11 168 km².

Thanh hóa là vùng "mắt bão, rốn mưa" : Bình quân khoảng ba năm có một trận bão, lụt nhỏ ; 5 năm có một trận bão, lụt vừa ; 10 năm có một trận bão lụt lớn ; 45 - 50 năm có những trận bão lụt "tàn sát", gây thiệt hại lớn. Vì thế, sự mất mùa, đói kém là "nạn dịch" thường trực rình rập người dân tỉnh Thanh suốt quanh năm.

Thanh hóa lại là nơi bị chia cắt bởi núi non, sông biển, việc giao lưu đi lại rất khó khăn, dễ tạo nên những vùng tính tại "khép kín".

Thanh hóa cũng là miền đất chịu ảnh hưởng nặng nề của nghìn năm phong kiến, cam giác "cát cứ" "trì trệ", "nhất khoanh" vẫn âm ảnh trong nhiều người, suốt nhiều thời, ngay cả trong công luận nước nhà.

Nhiều năm qua, đặc biệt mấy năm nay, Thanh hóa giữ được ổn định và từng bước phát triển. Thực tiễn cho chúng tôi thấy rõ mình phải làm gì để đi theo định hướng đổi mới của Đảng ta.

Muốn ổn định, trước hết phải lo kế "bền rễ, sâu gốc"...

Ông cha ta trước kia đã từng nói : "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân". Muốn ổn định tình hình chính trị, kinh tế và xã hội, tất yếu phải lo cho dân đủ ăn, đủ mặc, phải thực hiện "khoán thư sức dân" làm kế "bền rễ, sâu gốc". Đối với tỉnh chúng tôi, khi mà nạn thiếu đói có lúc đã thành giai thoại của cả nước, khi mà "cửa ải" bình quân lương thực 300 kg/người/năm trước đây vẫn là "con số ước mơ", thì chỉ việc dân đủ ăn đã có ý nghĩa to lớn.

Năm 1993, lần đầu tiên trong lịch sử của mình, Thanh hóa đạt xấp xỉ một triệu tấn lương thực, gia nhập "câu lạc bộ tỉnh một triệu tấn" (gồm 11 tỉnh) của cả nước, với mức bình quân 330 kg lương thực/người/năm. Những năm tới, chúng tôi dự kiến sẽ vươn lên xuất khẩu một vạn tấn gạo và hai vạn tấn ngô. Chúng tôi cho rằng ở Thanh hóa, *cả trước mắt và lâu dài, nông nghiệp vẫn là mặt trận hàng đầu, góp phần quan trọng vào việc ổn định và tăng trưởng kinh tế - xã hội của địa phương*. Chúng tôi đang cố gắng xây dựng một tâm lý mới, một cung cách suy nghĩ và làm ăn mới. Hộ nông dân có vai trò hết sức quan trọng, song không vì thế mà đi tới tuyệt đối hóa kinh tế hộ ; phải nhận rõ những giới hạn mà riêng từng hộ không thể vượt qua. Với tư cách là các đơn vị kinh tế tự chủ, các hộ nông dân phải liên kết, hợp tác lại bằng nhiều hình thức, quy mô, mức độ khác nhau, có sự quản lý, hỗ trợ của nhà nước, thì mới tạo ra được sức mạnh chung và tăng năng suất, nâng cao một cách cơ bản đời sống mọi mặt của nhân dân.

Để thực hiện có hiệu quả phương hướng đó, chúng tôi đã chỉ đạo : 1 - Dứt khoát mở rộng diện tích canh tác bằng tăng vụ ; 2 - Đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất tạo ra năng suất cao ; 3 - Chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng và con vật nuôi ; 4 - Tăng cường chăn nuôi phục vụ nông nghiệp. Nhân dân đã đầu tư hàng trăm tỉ đồng vào sản xuất dưới các hình thức góp vốn, trợ giúp nhau không lấy lãi. Chỉ tính riêng 16 000 hộ giàu đã bỏ ra 60 tỉ đồng vốn để sản xuất (trong khi nhà nước chỉ có khả năng cho nông dân vay 82 tỉ đồng/năm) ; họ cũng đã tự nguyện đóng góp 23 tỉ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn... Năm 1993, do giá cả nông sản thấp, chúng tôi đã có kế hoạch bảo trợ giá mua nông sản cho nông dân nhằm tạo sự ổn định cần thiết, giữ vững nhịp độ tăng trưởng của sản xuất nông nghiệp trong cơ chế thị trường.

Cùng với việc thúc đẩy quá trình đổi mới và phát

* Bí thư Tỉnh ủy Thanh hóa

Digitized by Google

triển các hình thức kinh tế hợp tác trong sản xuất, tỉnh chúng tôi hướng tác động của chính sách, các cơ chế vào việc nhanh chóng tạo ra thị trường ở mỗi vùng, nối các thị trường trong vùng và các vùng với nhau để thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng, từng bước xóa đói giảm nghèo. Qua đó, từng bước xây dựng quy hoạch các vùng kinh tế trọng điểm ; gắn sản xuất với thị trường nhằm phá thế độc canh, thuần nông, tự cấp tự túc, cát cứ và khép kín... .

Điều chúng tôi ưu tiên số 1 là đổi mới chính sách về giống. Thanh hóa đã chỉ đạo chặt chẽ việc trợ giá giống cho bà con nông dân, và thực tế đã bù lỗ hàng trăm triệu đồng cho sản xuất giống nguyên chủng năm 1993. Đồng thời, mở rộng diện cho nông dân vay bốn tỉ đồng (tính chịu lãi suất ngân hàng) để mua giống và sản xuất ; cho phép ngành nông nghiệp trình diễn về giống mới, hỗ trợ ngân sách để mua vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất trước mùa vụ ; chỉ đạo các cơ sở ký hợp đồng với cán bộ khuyến nông. Nhờ vậy, một loạt giống mới phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán canh tác, đã được lựa chọn và sử dụng. Năm 1993, Thanh hóa có 47% diện tích vụ chiêm xuân, 59,9% diện tích vụ mùa được cấy bằng giống lúa cấp I ; 3000 ha đất trồng màu có bộ giống ngô mới : Bai-ô-xít, ĐK 888, TH 4... Cơ cấu mùa vụ được chuyển đổi rất cơ bản, đưa hệ số sử dụng ruộng đất lên 2.8 vòng/năm ; năng suất cây trồng không ngừng tăng, đạt mức khá cao so với nhiều năm trước : ngô 30 tạ/ha, khoai lang 60 - 65 tạ/ha, lúa 36 - 38 tạ/ha.

Bằng các chính sách đầu tư phù hợp, Thanh hóa đã và đang hình thành một cơ cấu kinh tế vùng khá rõ nét, xác lập một số vùng chuyên canh có tính cách chủ lực phục vụ công nghiệp. Tính đến ngày 10-11-1993, chúng tôi đã phê duyệt 37/56 dự án kinh tế - xã hội với tổng giá trị đầu tư 183,2 tỉ đồng để phát triển 8 huyện miền núi, 6 huyện miền biển. Mặt khác, có kế hoạch xây dựng thêm một số thị tứ mới dọc các trục lộ chính nhằm biến những nơi này thành những tụ điểm, đầu mối giao thông, buôn bán ở một số huyện, xã, nhất là các "trung điểm" gắn với vùng cao : Thọ xuân, Triệu sơn... Qua đây nhằm tạo điều kiện nối liền giữa các vùng sản xuất với nhau, giảm bớt độ chênh lệch giữa các vùng trên địa bàn tỉnh, từng bước xây dựng cơ cấu nông - công nghiệp và dịch vụ. Điển hình là vùng mía đường Lam sơn - một vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh đạt hiệu quả cao về mặt kinh tế - xã hội. Ở đây đã giải quyết và thiết lập được mối quan hệ giữa công nghiệp với nông nghiệp, giữa doanh nghiệp nhà nước với hộ nông dân trên những mặt cụ thể và thiết thực : vốn, chuyển giao công nghệ và khuyến nông, tiêu thụ sản phẩm... Đây cũng là nơi trong quá trình phát triển kinh tế hộ (hộ nông dân, hộ công nhân...) đã xuất hiện nhiều mô hình và phương thức hợp tác, liên doanh liên kết mới đích thực : thống nhất chăm lo bảo vệ lợi ích chung, phòng trừ rủi ro, cùng cạnh tranh và phát triển trong cơ chế thị trường... Do đó bước đầu đạt tới sự hiệp tác giữa các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, cung ứng vật tư, hoạt động tài chính tín dụng, bảo hiểm sản xuất kinh doanh trong một thể thống nhất của một hiệp hội nghề nghiệp.

Để "yên dân" của mình, Thanh hóa rất chú trọng xây dựng và thực hiện chương trình "xóa đói giảm nghèo". Đây là chính sách hết sức quan trọng đối với chúng tôi khi 30% số dân của tỉnh sống ở 8 huyện vùng rừng núi, rẻo cao đang gặp rất nhiều khó khăn gay gắt, hơn nữa những vùng này lại có vị trí trọng yếu đối với quốc phòng - an ninh. Chúng tôi đã khảo sát cụ thể về tình trạng của các hộ đói nghèo, phân loại và điều tra nguyên nhân của từng loại đó, có kế hoạch giúp đỡ, hướng dẫn và tạo điều kiện để họ vươn lên, với mục tiêu xóa đói giảm nghèo cả về kinh tế, văn hóa, xã hội, và với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm.

Muốn phát triển, trước hết phải hoạch định và lựa chọn những mũi nhọn của sự phát triển...

Kinh nghiệm bảy năm đổi mới đã cho thấy, muốn kinh tế phát triển thì không thể chỉ phát triển nông nghiệp, mà phải gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, với công nghiệp hóa và hiện đại hóa theo cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp và dịch vụ. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát, điều tra, xác lập những mũi nhọn kinh tế dựa trên những tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

Thanh hóa có một vùng biển rộng lớn với gần 17 vạn km^2 thềm lục địa và 5 cửa lạch cho tàu thuyền vào ra. Nhưng một thời gian dài, *mũi nhọn kinh tế biển* không được phát huy do cơ chế quản lý và một số chính sách cũ ràng buộc. Vì thế, mấy năm nay chúng tôi tập trung chỉ đạo đổi mới ngành kinh tế biển theo ba hướng : 1 - Chuyển đổi hình thức tổ chức sản xuất và quan hệ sở hữu chủ yếu theo thuyền nghề - ngư, lưới cụ được chuyển nhượng hoặc hán thăng cho người lao động nhằm tạo động lực mới trong việc khôi phục tay nghề, vốn đang bị mai một, và giải quyết công ăn việc làm tại chỗ cho người lao động đang dư thừa ; 2 - Từ chế độ cấp phát chuyển hẳn sang mở rộng quyền tự chủ sản xuất nhằm làm biến đổi cơ cấu ngành nghề ;

Digitized by Google

từ độc nghề tới đa nghề, gắn sản xuất với chế biến và dịch vụ tại chỗ... tạo điều kiện thay đổi cơ bản đời sống mọi mặt của nhân dân miền biển ; 3 - Chuyển mô hình hợp tác xã duy nhất sang nhiều hình thức liên kết, liên doanh, hợp tác sinh động, tạo điều kiện thực hiện quyền làm chủ đích thực của người lao động, từng bước thay đổi cơ cấu nghề nghiệp...

Chỉ trong 5 năm qua, ngư dân 6 huyện vùng biển với 48 xã mép nước bằng nhiều hình thức đã đầu tư 56 tỉ đồng vào sản xuất, mở rộng ngành nghề quy mô đi lộng đi khơi đánh bắt hải sản từ 1231 thuyền (năm 1988) lên 4000 thuyền (năm 1992), trong đó có 2300 thuyền gắn máy với tổng công suất 39 000 CV. Bà con ngư dân không chỉ bó hẹp với nghề ra khơi, mà còn tập trung khai thác các bãi triều ven biển với nghề nuôi trồng thuỷ sản. Thông qua đấu thầu, nhận khoán, họ đã bỏ ra 12 tỉ đồng để khai thác 4200 ha vùng hoang hóa dọc biển xưa nay với phương châm chuyển từ "cói lấn biển, lúa lấn cói" sang nuôi tôm của suốt từ Nga sơn tới Tĩnh gia... Tất cả đã góp phần đưa tổng sản lượng đánh bắt tăng từ 17 002 tấn (năm 1988) lên 23 000 tấn (năm 1992), và nuôi trồng tăng từ 200 tấn lên 1000 tấn sau bốn năm 1988 - 1992 ; đổi đời cho nhiều vùng biển ; tạo thêm việc làm cho 14 nghìn người, thu hút 27 nghìn người vào nghề biển (so với năm 1988 chỉ có 19 nghìn người) ; đổi mới cả về hình thức và nội dung, nên đã hình thành 745 tổ, hợp tác kinh tế kiểu mới năng động, hiệu quả... Có thể nói, đó là một bước tiến đáng ghi nhận trên mũi nhọn kinh tế biển của Thanh hóa.

Một mũi nhọn khác là *kinh tế du lịch* cũng đang được chúng tôi đầu tư khai thác có kế hoạch và có hiệu quả. Thanh hóa có bãi biển Sầm sơn, có nhiều di tích lịch sử, nhiều danh thắng nổi tiếng. Nhưng một thời gian dài, ngành "công nghiệp không có khói" này vẫn nằm trong trạng thái phát triển tự phát, nên vị trí "yết hầu" "trung độ", lợi thế thiên nhiên ban phú vẫn bị bỏ ngỏ. Mấy năm nay, chúng tôi mạnh dạn đầu tư theo cả bề rộng lẫn chiều sâu với tổng giá trị hàng tỉ đồng cho đường sá, nhà nghỉ, bãi tắm, tu tạo di tích trong tổng thể du lịch khép kín : Sầm sơn - Thành nhà Hồ - Lam kinh - hang Từ Thức... Đặc biệt, chúng tôi quy hoạch lại thị xã Sầm sơn, xây dựng vành đai du lịch ; mở rộng hệ thống du lịch nhân dân nhằm thu hút ngày càng đông khách tới nghỉ ngơi và làm việc. Năm 1993, có tới 60 vạn lượt du khách về đây. Thực tế giúp chúng tôi ngày càng nhìn rõ hiệu quả của việc phát triển tiềm năng này.

Khu vực trung du miền núi rộng lớn của Thanh hóa có *mũi nhọn kinh tế lâm nghiệp*. Mũi nhọn này chẳng những giúp khai thác có hiệu quả những tiềm năng đất đai của 8 huyện miền núi và 4 huyện vùng trung du, mà còn là điều kiện quan trọng thực hiện việc phân bố, điều chỉnh lại lực lượng sản xuất trên quy mô toàn tỉnh. Trước mắt, tiếp tục tăng nhanh diện tích rừng trồng mới ; bảo vệ rừng tự nhiên và đầu nguồn ; nhanh chóng tạo ta một hệ thống sinh thái khoa học cho vùng đất đồi, kết hợp cây lâm nghiệp với cây ăn quả và cây công nghiệp gắn với chăn nuôi đại gia súc theo phương châm xã hội hóa nghề rừng, "làm rừng như làm ruộng".

Chúng tôi quy hoạch và định hình các vùng sản xuất hàng hóa cây đặc sản, cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao : vùng chè Như xuân, Nông cống, Triệu sơn ; vùng mía Lam sơn có Triệu sơn, Ngọc lặc, Thọ xuân, Thường xuân, và trong tương lai sẽ có vùng mía đường phía bắc Thanh hóa gồm các huyện Thạch thành, Cẩm thuỷ, Vĩnh lộc, Hà trung... với phương châm lấy công nghiệp chế biến doanh nghiệp nhà nước làm nòng cốt, tạo thị trường trực tiếp, ổn định cho người sản xuất...

Thực tiễn cũng cho thấy, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nông - công nghiệp và dịch vụ du lịch ở Thanh hóa chỉ có thể đạt hiệu quả cao nếu thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp với quy mô nhỏ, vừa và lớn đan xen nhau, phù hợp với sự biến đổi của tính chất và trình độ lực lượng sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa. Bởi vậy, trên lĩnh vực công nghiệp, cùng với sự phát triển các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp, chúng tôi tập trung hướng vào một số ngành mũi nhọn phù hợp với khả năng và thực tế ở địa phương : xi măng, mía, đường và chế biến các sản phẩm khác của nông nghiệp... Chúng tôi đang đề nghị chính phủ duyệt sớm dự án cải tạo và mở rộng, nâng công suất của nhà máy xi măng Bỉm sơn ; đưa công nghiệp mía đường Lam sơn đi lên theo hướng đầu tư chiều sâu và mở rộng mô hình hiệp hội liên doanh ; củng cố công nghiệp chế biến thuốc lá, bia và nước giải khát. Kết thúc năm 1993, trong trên 350 tỉ đồng thu ngân sách, các ngành công nghiệp mũi nhọn chiếm số lượng cao : xi măng trên 140 tỉ đồng, thuốc lá hơn 50 tỉ đồng, mía đường gần 14 tỉ đồng...

Cơ cấu của nền kinh tế Thanh hóa năm 1993 với 68% thuộc khu vực sản xuất và 32% thuộc khu vực dịch vụ và du lịch càng khiến chúng tôi yên tâm đi theo phương hướng nói trên.

Muốn ổn định và phát triển, trước hết phải xây dựng đoàn kết, thống nhất từ trong Đảng...

Digitized by Google

Bài học thực tế của Thanh hóa về mặt này đến nay vẫn có ý nghĩa thiết thực. Không thể ổn định được tình hình, tạo được những bước đổi mới nếu không có sự thống nhất tư tưởng và hành động, không có sự đấu tranh kiên quyết với những tàn tích của tư tưởng cục bộ, bè phái và các tư tưởng lạc hậu khác. Tại các đại hội, các hội nghị, các phiên họp của tất cả các cấp ủy đảng, chúng tôi đều nhấn mạnh điều này. Chúng tôi thực hiện dân chủ và nghiêm túc phê bình và tự phê bình nhằm giáo dục cán bộ, đảng viên ý thức trách nhiệm cao và tinh thần đoàn kết thật sự.

Trên cơ sở sự thống nhất cao về tư tưởng chính trị, chúng tôi chỉ đạo các cấp ủy đảng từ tỉnh tới cơ sở xây dựng quy chế làm việc nội bộ và quy chế phối hợp công tác giữa đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi thành viên. Hiện nay, chúng tôi đã bảo đảm tất cả các tổ chức cơ sở đảng làm việc theo quy chế thống nhất.

Cùng với việc đó, chúng tôi tiến hành thống kê phân loại đội ngũ đảng viên, tiến hành bồi dưỡng về mọi mặt phù hợp với từng loại, phân công lại đảng viên để bảo đảm trên địa bàn 4 906 thôn, bản có đảng viên phụ trách, đặc biệt trên những địa bàn xung yếu giáp biên, giáp biển ; kiểm tra thường xuyên và đột xuất đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, xử lý kịp thời và nghiêm khắc những đảng viên vi phạm.

Mấy năm qua, chúng tôi dành nhiều công sức giải quyết vấn đề tổ chức cơ sở đảng. Bởi lẽ, sự chuyển động của tỉnh một phần quyết định phụ thuộc vào sự chuyển động của hơn 600 tổ chức cơ sở đảng. Trên cơ sở phân loại theo loại hình cơ sở đảng, chúng tôi có kế hoạch giúp đỡ cụ thể, thiết thực những cơ sở yếu kém, tổ chức rút kinh nghiệm kịp thời theo cụm, vùng ; đồng thời, tạo dựng mô hình cơ sở vững mạnh trên từng lĩnh vực (nông nghiệp, ngư nghiệp, xí nghiệp...), từ đó nhân mô hình ra diện rộng một cách thích hợp.

Có thể nói, tuy thời gian chưa đủ dài để khẳng định, nhưng bước đầu cho thấy, chúng tôi đã tạo được không ít điều kiện thuận lợi để Thanh hóa tiếp tục ổn định và phát triển.

Đồng nai phát triển kinh tế công nghiệp

PHAN VĂN TRANG*

ĐỒNG NAI, một tỉnh ở miền đông Nam bộ, có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất và du lịch. Nằm trong vùng có khí hậu ôn hòa, ít chịu ảnh hưởng của bão lụt, đất đai phì nhiêu, màu mỡ, Đồng nai rất thích hợp cho việc phát triển nông nghiệp, nhất là cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến với sản lượng hằng năm : cao su - 32 000 tấn ; cà phê - 20 000 tấn ; hạt điều - 15 000 tấn ; bông - 8 000 tấn ; mía - 450 000 tấn ; đậu nành - 24 000 tấn ; thuốc lá - 10 000 tấn ; chuối - 300 000 tấn ; bắp - 60 000 tấn... Để phát triển sản xuất nông nghiệp, cần có sự hỗ trợ của công nghiệp trong các khâu : làm đất, phân bón, thuốc trừ sâu, chất kích thích tăng trưởng, thu hoạch, bảo quản, vận chuyển, bao bì...

Rừng Đồng nai, kể cả rừng trồng với diện tích khá lớn, có nguồn lâm sản phong phú cho phát triển công nghiệp chế biến gỗ, giấy.

Khoáng sản tiềm năng nhiều, có khả năng khai thác lớn, chủ yếu cho công nghiệp vật liệu xây dựng như : đá, cát, gạch ngói và đất đồi, đủ cho nhu cầu của tỉnh và cả khu vực Nam bộ. Ngoài ra, một vài điểm về khoáng sản, đá quý đang được thăm dò, khai thác thử nghiệm, có nhiều triển vọng khả quan.

Năng lực sản xuất công nghiệp được tập trung ở Biên hòa. Khu công nghiệp Biên hòa có cơ cấu các ngành công nghiệp khá đầy đủ, quy mô vừa và lớn, trình độ công nghiệp và thiết bị khá hiện đại, có các đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài và hàng ngàn cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh, trong đó có nhiều ngành nghề truyền thống : vật liệu xây dựng, gốm mỹ nghệ, hàng thủ công mỹ nghệ, chế biến gỗ, chế biến lương thực, dệt...

Hệ thống giao thông thuận tiện với các quốc lộ

* Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Đồng nai

Digitized by Google

1, 20, 51 đi tới mọi miền, là cửa ngõ phía đông của Nam bộ và TP Hồ Chí Minh. Với nhiều nỗ lực, cố gắng của tỉnh sửa chữa, nâng cấp, làm mới nhiều đường giao thông nông thôn, đường sá trong tỉnh hiện nay đã tốt hơn trước ; việc vận chuyển nguyên liệu, nhiên liệu, trang thiết bị, sản phẩm... trong tỉnh và sang các tỉnh bạn được thông suốt và dễ dàng. Sông Đồng nai chảy qua thành phố Biên hòa đổ ra sông Nhà bè (là sông chính vào cảng TP Hồ Chí Minh), tạo điều kiện rất tốt cho phát triển giao thông đường thủy ; tàu bè trọng tải 2000 tấn có thể vào tới Biên hòa. Diện tích mặt nước ao hồ rất lớn, trong đó mặt hồ Trị an rộng 32 000 ha, có khả năng lớn để phát triển nuôi trồng thủy sản và du lịch.

Có thể nói, để phát triển công nghiệp, Đồng nai có những tiền đề hết sức cơ bản : gần vùng nguyên liệu ; được cung cấp tốt về điện, nước ; gần các thị trường lớn ; giao thông thuận lợi...

Quán triệt đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng vào thực tế địa phương, khẳng định và dựa vào tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, Đại hội lần thứ 5 của Đảng bộ tỉnh Đồng nai (họp vào tháng 10 năm 1991) đã xác định rõ : tiếp tục ổn định và phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến ; mở rộng quan hệ kinh tế trong và ngoài nước ; chú trọng phát triển hợp tác đầu tư với nước ngoài tại các khu công nghiệp : Biên hòa, Long bình, Nhơn trạch và Phước thái... Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Phấn đấu mức tăng tổng sản phẩm xã hội đạt trên 10%/năm, tạo được cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp và dịch vụ...

Để biến chủ trương này thành hiện thực, chúng tôi đã tập trung sức vào các mặt công tác sau đây :

Trước hết, làm cho các cấp, các ngành và cán bộ, đảng viên trong tỉnh thấy rõ tiềm năng phát triển công nghiệp của tỉnh, từ đó mà cố gắng suy nghĩ, tìm tòi để định hướng cho sự phát triển công nghiệp.

Trong định hướng phát triển công nghiệp, chúng tôi chú trọng nhiều vào đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm cho xuất khẩu và tiêu dùng, nhằm giải quyết việc làm cho nhiều người lao động, kích thích nông nghiệp địa phương phát triển. Địa phương có chính sách ưu đãi, khuyến khích mở các cơ sở sơ chế (như sơ chế mủ cao su, bắp, thuốc lá, cắt mì lát, làm đũa tre...) và bố trí ngay tại các vùng có nguyên liệu. Đối với việc chế biến nông sản, thực phẩm, tỉnh đang chủ trương mở rộng liên doanh, kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước, trong đó ưu tiên đặc biệt cho các dự án như : xây dựng khu chăn nuôi heo, gà và xí nghiệp chế biến thịt xuất khẩu ; khu chăn nuôi bò sữa và cơ sở chế biến sữa. Trồng cây cao su và chế biến các loại sản phẩm từ mủ cao su để mở ra sản xuất săm lốp xe ô tô, xe gắn máy và các sản phẩm cao su khác. Trồng cây và chế biến nguyên liệu làm giấy ; trồng chuối ; nuôi tôm, cua, cá xuất khẩu ; chế biến đồ hộp bằng nước trái cây (cam, quít, dứa) xuất khẩu. Mở rộng và hiện đại hóa xí nghiệp chế biến hạt điều xuất khẩu. Đầu tư nâng cao sản lượng nhà máy thuốc lá...

Mở rộng hình thức gia công hàng xuất khẩu với nước ngoài, khôi phục và phát triển mặt hàng công nghiệp truyền thống để xuất khẩu cũng là một trong những hướng được chú trọng. Chúng tôi khuyến khích phát triển không hạn chế công nghiệp may gia công, thêu ren xuất khẩu ; đối với ngành may quốc doanh, không dừng lại ở khâu gia công, mà đang định hướng phát triển thành ngành công nghiệp may xuất khẩu, vì đây là lĩnh vực có thị trường lớn, thu hút khá nhiều lao động. Mặt hàng gồm mỹ nghệ với chủng loại đa dạng, trình độ tay nghề kỹ thuật cao, đang có triển vọng phát triển mạnh ; tỉnh đang tập trung hỗ trợ đầu tư, áp dụng công nghệ hiện đại (thay việc đốt bằng củi), và quy hoạch, tổ chức lại thành các khu sản xuất tiểu, thủ công nghiệp tập trung, để khai thác tốt hơn tiềm năng này. Riêng lĩnh vực khai thác, chế biến gỗ, từ sau khi có chỉ thị 90/HĐBT, tỉnh đã chủ trương chuyển sang khai thác, chế biến gỗ từ nguyên liệu của rừng trồng, nguồn lâm sản phụ (tre, song mây, lá buông...), nguồn gỗ cao su từ các vườn cao su phải thanh lý. Định hướng cơ bản là hình thành ngành công nghiệp chế biến gỗ, tre, song mây của tỉnh, lấy khu vực Biên hòa làm điểm trung tâm, với các phương án sản phẩm là gỗ dán, ván ép dăm bào làm đồ mộc gia dụng cao cấp, hàng dùng trong kiến trúc (cửa các loại bằng gỗ), hàng từ nguyên liệu tre (đũa và hàng mỹ nghệ), song mây xuất khẩu...

Tỉnh cũng đã chú ý nhiều hơn đến công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng cát, đá, sỏi, gạch ngói và khai thác khoáng sản. Đây là lĩnh vực tỉnh có tiềm năng lớn và nhu cầu rất cao trong thời gian tới. Tỉnh đang tập trung đầu tư sản xuất cơ giới đối với ngành khai thác cát, đá, phát triển mạnh sản xuất đá ốp lát, sản xuất gạch chất lượng cao (kể cả gạch chịu lửa), trên cơ sở đó quy hoạch và lập kế hoạch khai thác nguồn nguyên liệu để cung ứng cho công nghiệp xây dựng và giao thông. Đối với việc khai

Digitized by Google

thác khoáng sản đá quý, đang triển khai khai thác theo hướng quốc doanh tập trung ở khu trung tâm với quy mô vừa phải để rút kinh nghiệm trong quản lý khai thác, chế tác, kỹ thuật, đào tạo cán bộ ; khu phụ cận, gọi tư nhân đấu thầu khai thác dưới sự quản lý của nhà nước.

Hiện nay, trên địa bàn Đồng nai, chính phủ đã giao quy hoạch 13 500 ha để làm công nghiệp. Do đó, tỉnh đã và đang tích cực tập trung đầu tư cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng : cải tạo, xây dựng mạng lưới điện ; xây dựng nhà máy nước Thiện tân ; cải tạo, mở rộng đường giao thông nội thành, nội thị ; nâng cấp đoạn quốc lộ I(khu vực thành phố Biên hòa), nâng cấp tỉnh lộ 16, 24 ; mở rộng cảng Đồng nai, xây dựng cảng Gò dầu, cảng Đồng tranh ; xây dựng, tôn tạo các điểm du lịch và các khách sạn ; nâng cấp khu văn hóa trung tâm của tỉnh ; xây dựng trung tâm dạy nghề... Đồng thời, đang tìm đối tác để nâng cấp và đầu tư vào cơ sở hạ tầng, xây dựng thêm các khu công nghiệp mới đã được quy hoạch (như khu công nghiệp Biên hòa II, khu công nghiệp Suối chùa, Long bình tân, khu công nghiệp dốc 47, Nhơn trạch, Phước thái, An phước (huyện Long thành), khu công nghiệp Long khánh, khu công nghiệp ngã ba Trị an, Hố nai...) nhằm hình thành những đơn vị sản xuất công nghiệp có tầm cỡ như : lắp ráp và chế tạo thiết bị cơ khí ; chế biến thực phẩm ; máy công cụ, phương tiện vận tải ; thiết bị điện ; điện tử ; chế biến nông, lâm, súc sản và thức ăn gia súc...

Như vậy, qua quá trình tìm tòi và thể nghiệm trong thực tế, chúng tôi thấy định hướng chính cho phát triển công nghiệp ở Đồng nai là : *chú trọng mạnh vào đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến hàng xuất khẩu ; mở rộng hình thức gia công ; khôi phục và phát huy mặt hàng truyền thống cho xuất khẩu ; phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng và khai thác khoáng sản ; tập trung nâng cấp, đầu tư vào cơ sở hạ tầng* để hình thành các khu công nghiệp có quy mô và trình độ cao.

Để thực hiện chương trình phát triển công nghiệp, tỉnh đã quan tâm thực hiện một số giải pháp quan trọng như :

- *Tạo vốn, thu hút vốn và ưu tiên phân bổ vốn.* Tỉnh đã chủ trương hình thành vốn đầu tư từ nhiều nguồn : ngân sách, tín dụng nhà nước, vốn liên doanh, đầu tư trong và ngoài nước... Ưu tiên đầu tư vốn ngân sách và tập trung vốn khấu hao cơ bản cho các doanh nghiệp nhà nước trọng điểm có sức phát triển làm hàng xuất khẩu, để tạo sự chuyển biến mới về năng suất, chất lượng và hiệu quả. Khuyến khích tư nhân trong và ngoài tỉnh đầu tư vốn xây dựng các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có quy mô lớn, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, để khai thác có hiệu quả các vùng nguyên liệu và giải quyết việc làm cho người lao động.

- *Phát huy mạnh mẽ tiềm năng của các thành phần kinh tế trên địa bàn để làm phong phú nền công nghiệp địa phương.*

Việc củng cố, phát triển các xí nghiệp quốc doanh hiện có phải xuất phát và đáp ứng được các yêu cầu : gắn với các vùng nguyên liệu lớn ; thu nhận được nhiều lao động vào làm việc ; đảm nhận các nhiệm vụ quan trọng mà các thành phần kinh tế khác không thể đảm nhận được (như đảm nhận vai trò đặc biệt liên quan tới quốc phòng và an ninh ; làm nòng cốt để thúc đẩy đổi mới công nghệ, kinh doanh có hiệu quả cao...). Những ngành và lĩnh vực đã có các doanh nghiệp trung ương đảm trách và quy mô sản xuất đã cân đối với vùng nguyên liệu thì tỉnh không cần phải phát triển thêm. Những ngành, lĩnh vực hoặc loại doanh nghiệp nào mà các thành phần kinh tế khác đầu tư có hiệu quả hơn thì khuyến khích, hỗ trợ cho họ làm, không hạn chế quy mô và địa bàn hoạt động, cho họ được tự chọn hình thức kinh doanh, kể cả liên doanh với nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành.

- *Coi trọng phát triển kinh tế đối ngoại.* Từ năm 1989 là năm dự án đầu tư nước ngoài đầu tiên ở tỉnh được cấp giấy phép, kinh tế đối ngoại được coi là một nhân tố rất quan trọng góp phần tăng cường tiềm lực sản xuất, là một cơ hội tốt để tiếp thu các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến và phương thức quản lý khoa học, để tăng thu cho ngân sách và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Đến nay, Đồng nai đã có 48 dự án đầu tư nước ngoài được cấp giấy phép với tổng số vốn 503 triệu USD, trong đó 17 dự án đã đi vào hoạt động. So với cả nước, Đồng nai hiện đứng thứ tư về thu hút vốn đầu tư nước ngoài (sau TP Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng). Hiện tại, còn một số dự án đang được thẩm định, nếu các dự án này được chính phủ chấp thuận thì Đồng nai sẽ có trên 1,2 tỉ USD vốn đầu tư nước ngoài. Có thể nói cả về vốn, kỹ thuật và công nghệ, kinh tế đối ngoại thực sự đã tác động đáng kể đến sự phát triển công nghiệp của tỉnh (chiếm trên 18% giá trị sản lượng công nghiệp địa phương).

- *Thu hút tay nghề cao, đào tạo lực lượng công*

Digitized by Google

nhân kỹ thuật trẻ và quan tâm đến công tác cán bộ. Đội ngũ thợ có tay nghề cao ở địa phương khá đa dạng, họ được động viên, được bình đẳng và trọng dụng trong lao động hành nghề. Ở một số đơn vị sản xuất công nghiệp lớn của tỉnh, các chuyên gia, lao động kỹ thuật giỏi, được trả lương cao và được tính trên cơ sở gốc ngoại tệ để họ yên tâm hướng dẫn kỹ thuật và lao động. Tỉnh còn khuyến khích phát triển các trung tâm dạy nghề, các trường lớp dạy nghề bằng nhiều hình thức, để vừa góp phần tích cực vào việc giải quyết lao động không có việc làm, vừa tạo được một đội ngũ lao động kỹ thuật trẻ đông đảo cho yêu cầu phát triển công nghiệp. Tỉnh cũng đang từng bước cố gắng để có một đội ngũ cán bộ, chuyên gia giỏi, đủ sức thẩm định, chọn lựa kỹ thuật công nghệ mới du nhập ; bồi dưỡng, nâng cao trình độ kiểm tra, giám sát đối với các xí nghiệp đầu tư nước ngoài và tư nhân ; tích cực quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý, ngoại ngữ và tin học cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo các đơn vị sản xuất công nghiệp đủ sức điều hành xí nghiệp theo cơ chế thị trường.

- *Bảo vệ quyền lợi và giáo dục nghĩa vụ cho người lao động.* Bên cạnh việc chăm sóc sức khỏe, bảo hộ lao động và vệ sinh công nghiệp là việc làm thường xuyên, có tính bắt buộc, tỉnh đang triển khai và kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các thỏa ước lao động, hợp đồng lao động trong các đơn vị sản xuất. Giao cho các tổ chức và cơ quan chức năng thường xuyên giáo dục trong công nhân tác phong công nghiệp, chấp hành pháp luật và thực hiện nghĩa vụ, đồng thời nghiên cứu việc thành lập các tổ chức đảng, đoàn thanh niên, công đoàn và hoạt động của các tổ chức đó trong các cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh và đầu tư của nước ngoài.

- *Bảo vệ tài nguyên, môi sinh.* Việc làm này phải được thể hiện ngay trong quy hoạch xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, nhất là đối với các lĩnh vực khai thác vật liệu xây dựng, khoáng sản, khai thác và chế biến gỗ, chế biến thực phẩm, công nghiệp hóa chất.

Những giải pháp nói trên là hướng đi, là sự vận dụng hệ thống chính sách chung của cả nước sát hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Được sự chỉ đạo trực tiếp và chặt chẽ của Trung ương Đảng, với quyết tâm của toàn đảng bộ, lại có sự hỗ trợ nhiều mặt của các tỉnh bạn cộng với sức mạnh và những thành tựu, kinh nghiệm của cả nước thu gặt được trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trong mấy năm qua, tỉnh đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ trong quá trình đổi mới và phát triển công nghiệp. Tuy còn nhiều khó khăn, nhưng điểm nổi bật là tỉnh đã chuyển được nền kinh tế từ cơ chế tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường ; các doanh nghiệp đã năng động hơn và hòa nhập được với cơ chế mới nên tốc độ phát triển khá nhanh : từ năm 1991 đến năm 1993, giá trị sản lượng công nghiệp trên địa bàn bình quân mỗi năm tăng 18,9%, trong đó công nghiệp địa phương tăng 19,8%. Tỷ trọng công nghiệp trong tổng sản phẩm xã hội toàn tỉnh từ 41% năm 1991 tăng lên 61,8% năm 1993, đã góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bảo đảm sự ổn định về chính trị và an ninh, quốc phòng của địa phương.

Để đổi mới và phát triển công nghiệp, tỉnh chúng tôi còn nhiều vấn đề cần được tiếp tục giải quyết tốt hơn. Đó là : Tiếp tục tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước ; tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, quy hoạch lại thành phố Biên hòa và các trung tâm của các huyện lị trong tỉnh ; đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại làm đòn xeo phát triển nền kinh tế nói chung và ngành công nghiệp nói riêng, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư trong và ngoài nước để nâng cấp, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển công nghiệp chế biến hàng xuất khẩu theo định hướng đã quy hoạch ; xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của phát triển công nghiệp ; gắn phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế đối ngoại với bảo vệ an ninh, quốc phòng, vì Đồng nai là tỉnh có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, là trung tâm của địa bàn kinh tế trọng điểm của khu vực phía nam.

Những thành tựu Đồng nai đạt được trong thời gian qua chỉ là bước đầu. Với đường lối đổi mới của Đảng, tiếp tục được sự giúp đỡ của Trung ương Đảng, Chính phủ và các bộ, ngành, sự phối hợp và kết hợp của các tỉnh, thành phố trong khu vực, đảng bộ và nhân dân Đồng nai chắc chắn sẽ thu được những thành tựu to lớn hơn nữa trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, góp phần cùng cả nước thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Digitized by Google

Đổi mới ở vùng dân tộc huyện YÊN BÌNH

VŨ TUYÊN*

CÙNG với sự biến đổi chung của cả nước, huyện Yên bình (tỉnh Yên bái) đã có những chuyển biến quan trọng trong mấy năm qua.

Là một huyện miền núi, Yên bình có diện tích tự nhiên 69 900 ha, trong đó hồ Thác Bà chiếm 13 000 ha mặt nước với 1300 hòn đảo, bán đảo, tạo nên tính đa dạng cả về mặt tự nhiên và mặt phát triển kinh tế - xã hội. Huyện Yên bình có đồng bào của 15 dân tộc cùng chung sống, số dân là 9,2 vạn người.

Nét nổi bật của Yên bình là có hồ và nhà máy thủy điện Thác Bà nằm gọn trong lòng của huyện. Quá trình xây dựng công trình quốc gia này đã gây nhiều xáo trộn về mặt dân sự và đặt ra nhiều vấn đề gay gắt về kinh tế xã hội của huyện. Trong nhiều năm trước, khó khăn chồng chất chậm được giải quyết, thuận lợi chưa có điều kiện khai thác, phát huy. Vì vậy, đời sống đồng bào các dân tộc ở đây quanh năm nghèo túng, khó khăn.

Vì lợi ích chung của xã hội, 80% đồng bào các dân tộc trong huyện phải rời lòng hồ, nơi họ đã sinh sống nhiều đời, với 5000 ha ruộng lúa nước, 2000 ha soi bãi dọc các triền sông, các vùng cây ăn quả như cam An thọ, Dương liễu..., để đến lập nghiệp ở những vùng đất cằn cỗi, khó khăn. Phần đất nổi của huyện còn ít, nên có tới 54% dân thuộc lòng hồ phải đến sinh sống ở các huyện lân cận. Suốt gần 20 năm có hồ, đồng bào các dân tộc vẫn sống trong nền kinh tế tự cấp tự túc, phụ thuộc vào thiên nhiên. Đường sá đi lại khó khăn do núi non hiểm trở, địa hình bị chia cắt bởi mặt nước hồ, sông, suối. Trong nhiều năm có điện Thác Bà, đồng bào các dân tộc ở đây lại không được dùng điện để phục vụ sản xuất, đời sống. Điện cao thế đi qua đầu mình, nhưng đồng bào hài hước giải thích rằng nó "cao thế !" nên làm sao mà xuống được với mình, dù mình sống ngay ở dưới chân nguồn điện !

Do những tình hình như vậy nên cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội thiếu thốn, xuống cấp nhanh, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất đời sống. Đồng bào ốm đau, dịch bệnh không có thuốc chữa ; các cháu đến tuổi ít tới trường, tỷ lệ mù chữ cao, dân trí thấp, đời sống kinh tế khó khăn...

Bước vào công cuộc đổi mới, đảng bộ và nhân dân Yên bình đã trăn trở tìm lối ra cho chính mình bằng việc phát huy các tiềm năng, thế mạnh của huyện. Yên bình là huyện có vị trí quan trọng trong tổng thể nền kinh tế của tỉnh, nơi có công trình thủy điện, có thể khai thác nguồn điện năng, nguồn thủy sản để phát triển kinh tế. Huyện cũng nằm trong vùng rừng nguyên liệu giấy và phòng hộ đầu nguồn sông Chảy với gần 20 000 ha có thể phát triển nghề rừng nhiều triển vọng. Bên cạnh đó, huyện còn có khoảng 4000 ha đất trồng cây công nghiệp dài ngày, chỉ cần có những chủ trương và biện pháp thích cực là có thể phát huy được sức mạnh của hơn 4 vạn lao động của đồng bào các dân tộc, làm thức dậy các tiềm năng sẵn có, tạo thế mới đi lên cho huyện. Nhận thức rõ điều đó, huyện Yên bình đã xác định hướng phát triển kinh tế theo cơ cấu nông - lâm - ngư - công nghiệp - du lịch dịch vụ.

Về sản xuất nông nghiệp, huyện khuyến khích đồng bào tận dụng và mở rộng diện tích canh tác, đầu tư thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất lương thực, trên cơ sở đảm bảo hiệu quả và tăng cây lương thực như sắn, ngô... tạo nguồn bổ sung lương thực cho đồng bào, dần dần khắc phục lối sản xuất lương thực khép kín, tự cấp tự túc sai lầm trước đây. Phần lương thực còn thiếu hụt của huyện hằng năm khoảng 3500 tấn được cân đối bằng trao đổi hàng hóa khai thác lâm sản. Đồng bào các dân tộc ở 19 xã trong huyện đã

* Chủ tịch UBND huyện Yên bình, tỉnh Yên bái

Digitized by Google

tận dụng 370 ha đất hoang hóa và chuyển diện tích trồng cây sở không có hiệu quả kinh tế sang thành ruộng cạn, ruộng nước để trồng lúa.

Để phục vụ cho phát triển nông nghiệp, khai hoang kết hợp với khoanh nuôi, bảo vệ và trồng rừng đầu nguồn, từ năm 1991 đến năm 1995 sẽ sửa chữa 37 công trình trung, tiểu thủy nông, xây dựng mới 35 công trình phai đập.

Song song với xây dựng cơ sở hạ tầng, huyện nhanh chóng mở rộng hệ thống dịch vụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp từ huyện đến xã, từng bước đưa nông nghiệp trong huyện tiếp cận với nền kinh tế thị trường.

Đối với chăn nuôi và phát triển cây công nghiệp, đồng bào các dân tộc Yên bình tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa. Huyện có từ 200 đến 250 ha đất trồng sả để chưng cất tinh dầu mỗi năm khoảng 10 - 12 tấn, có khoảng 200 ha trồng lạc, làm tăng thêm mặt hàng xuất khẩu. Cùng với việc đó, Yên bình đang tập trung khai thác gần 2000 ha đất trồng chè, trong đó nông trường Văn hưng và lâm trường Bảo ái là nòng cốt hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ gia đình và là trung tâm sản xuất chế biến chè. Với một nhà máy có công suất 16 tấn ngày, huyện phấn đấu đưa cây chè lên thành mũi nhọn xuất khẩu, tới năm 1995 đạt 4000 tấn và năm 2000 đạt 8000 tấn.

Tận dụng điều kiện tự nhiên thuận lợi, đồng bào các dân tộc đang phát triển mạnh chăn nuôi đại gia súc và tiểu gia súc, đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các khâu chọn giống mới, thú y, chế biến thức ăn tới từng hộ gia đình. Phấn đấu đến năm 2000, huyện có 12 000 con trâu, 9000 con bò, 43 000 con lợn phục vụ cho sản xuất, đời sống và tiêu dùng trong nước.

Sản xuất lâm nghiệp được đặt ra với đồng bào các dân tộc huyện Yên bình như một nghề để sinh sống gắn với nền kinh tế thị trường chung của cả nước. Bằng các nguồn vốn có thể huy động được như vốn ngân sách, vốn vay ngân hàng, vốn tự có, vốn liên kết v.v., huyện phấn đấu từ năm 1991 đến năm 2000 trồng được 17758 ha rừng theo hướng rừng kinh tế kết hợp với rừng phòng hộ ở các xã. Huyện đã đưa 8157 ha rừng nứa, rừng gỗ nghèo kiệt và đất rừng có cây mọc rải rác vào khoanh nuôi (quốc doanh là 3120 ha và hộ gia đình là 5037 ha) nhằm tái sinh rừng, ngăn chặn tệ phá rừng, hạn chế diện tích đất trống đồi trọc. Việc giao đất giao rừng được tiến hành cụ thể, dân chủ, công bằng, đảm bảo lợi ích và thuận tiện cho người lao động.

Đồng bào các dân tộc vùng hồ phát triển nghề cá bằng cách khoanh nuôi, bảo vệ những bãi cá đẻ vào mùa sinh sản, cung cấp cá giống và chăn nuôi cá bằng tận dụng mặt nước nhỏ, nuôi cá lồng... mỗi năm thu được từ 150 đến 200 tấn. Tổ chức quản lý chăm sóc, khai thác, đánh bắt ở các xã ven hồ mỗi năm được 400 - 500 tấn tôm cá. Trong tương lai, vùng hồ Thác Bà còn có thể đem lại nhiều nguồn lợi lớn về chăn nuôi, đánh bắt thủy sản và du lịch.

Yên bình nhận thức sâu sắc rằng phải phát triển giao thông làm cơ sở cho phát triển kinh tế - xã hội, nên đã đầu tư tu bổ, nâng cấp mạng lưới đường hiện có, và mở mới một số tuyến đường liên thôn, liên xã quanh hồ, hình thành mạng lưới đường xương cá nối với hai trục đường lớn tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đi lại trong vùng. Huyện dự kiến sẽ tu bổ, nâng cấp 108 km và mở mới 84 km đường liên xã ; xây dựng 79 cầu, 298 cống bê tông cốt thép. Cố gắng khai thác khả năng giao thông trên hồ, trước mắt xây dựng các bến bãi, nhà đợi khách ở Cẩm nhân, Yên thành, Phúc an, Mông sơn, Xuân long... ; hỗ trợ các xã mua phương tiện vận tải thủy có động cơ cỡ nhỏ để vận chuyển hàng hóa và phục vụ nhân dân đi lại trong vùng.

Thác Bà có điện từ năm 1970, nhưng cho tới năm 1990 nhân dân trong huyện hầu như không được dùng điện. Trong ba năm qua, nhờ sự giúp đỡ của Trung ương và khả năng của địa phương nên 2/3 số xã trong huyện đã có điện. Dự kiến đến năm 2000 sẽ hoàn chỉnh mạng lưới điện đến các trung tâm dân cư. Những nơi xa xôi hẻo lánh sẽ xây dựng các máy thủy điện nhỏ để phục vụ đồng bào.

Yên bình chăm lo giải quyết các vấn đề xã hội, coi đó như những điều kiện không thể thiếu được để ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Bằng nhiều biện pháp đã giảm tỷ lệ sinh đẻ từ 2,15% xuống 2,05%. Kết hợp điều chỉnh dân cư các xã với giao đất giao rừng, định canh định cư, giúp đỡ đồng bào

Digitized by Google

ổn định đời sống, phát triển sản xuất. Tăng cường chất lượng đội ngũ giáo viên, củng cố mạng lưới trường học, phấn đấu đến năm 2000 phổ cập cấp I toàn huyện. Xóa mù chữ cho những người ở tuổi 35 trở xuống. Đặc biệt hỗ trợ vùng dân tộc Dao, Cao lan về trường sở, giáo viên, sách giáo khoa v.v. để duy trì lớp học vừa dạy văn hóa vừa dạy tiếng phổ thông.

Huyện đã chú trọng nâng cao trình độ dân trí, khắc phục những phong tục tập quán lạc hậu, chăm sóc sức khỏe và y tế cộng đồng ; phòng chữa các dịch bệnh, củng cố các cơ sở y tế, thuốc men, phương tiện tại các bản làng.

Huyện đã tổ chức các đội thông tin lưu động tuyên truyền, các đội chiếu phim, các đội văn nghệ và lập các cụm truyền thanh để phục vụ đồng bào, xây dựng các cụm văn hóa, tổ chức các chợ từng vùng.

*

Qua mấy năm đổi mới, đồng bào các dân tộc huyện Yên bình đã từng bước tạo nên sự ổn định về kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân được cải thiện, tạo thêm công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Nhiều hộ gia đình trở nên giàu có nhờ biết làm ăn bằng kinh tế trang trại, đồi rừng và chăn nuôi. Cùng với phát triển kinh tế, đã cải tạo được môi trường sinh thái ; tăng độ che phủ các vùng đất trống đồi trọc, hạn chế việc giảm tuổi thọ của công trình thủy điện Thác Bà. Cơ sở hạ tầng của huyện như đường giao thông, thủy lợi, điện, trường học, trạm xá, các cơ sở kinh tế, du lịch, dịch vụ... không ngừng được xây dựng.

Tuy nhiên, trên con đường đổi mới để phát triển, Yên bình còn phải vượt qua nhiều khó khăn thử thách mới, không kém phần gian nan, vất vả.

Một là, tiếp cận với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần gắn với thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cán bộ và nhân dân trong huyện còn nhiều bất cập. Trình độ tổ chức quản lý của cán bộ các cấp từ huyện đến xã còn nhiều yếu kém, đa số chưa được đào tạo hoặc đào tạo lại, thiếu hiểu biết về những vấn đề mới mẻ trong thực tiễn hòa nhập vào cơ chế kinh tế mới. Đồng bào các dân tộc còn thấp về trình độ dân trí, nên việc tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất và đời sống có nhiều khó khăn cả về nhận thức, tư tưởng và tổ chức thực hiện.

Hai là, thiếu vốn nghiêm trọng để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh đối với các thành phần kinh tế. Đặc biệt các hộ gia đình là người dân tộc thiểu số, các gia đình ở vùng sâu có nhiều khó khăn, cần có sự trợ giúp ban đầu để ổn định đời sống mới có điều kiện phát triển sản xuất. Vì thế, việc tăng cường ngân sách, đầu tư qua các dự án, mở rộng liên kết với các chủ thể các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, là hết sức cần thiết đối với Yên bình.

Ba là, cơ sở hạ tầng tuy được đầu tư phát triển mấy năm qua và đã có kết quả nhất định, nhưng vẫn chưa đủ đáp ứng cho các nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống đồng bào trong điều kiện một nền kinh tế hàng hóa gắn với thị trường của cả nước và thế giới. Các tiềm năng du lịch, chăn nuôi đánh bắt thủy sản, phát triển kinh tế đồi rừng còn chưa có điều kiện đầu tư phát triển. Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản chưa tương ứng với thế mạnh kinh tế của huyện. Nhiều sản phẩm của nhân dân trong huyện làm ra còn chưa tìm được thị trường tiêu thụ.

Bốn là, những vấn đề tiêu cực của nền kinh tế thị trường mới nảy sinh đã gây nên không ít những vấn đề xã hội cần quan tâm giải quyết. Việc giữ gìn an ninh và trật tự, an toàn xã hội gặp không ít khó khăn đối với một huyện miền núi như Yên bình có địa hình sông, núi, hồ, đảo phân tán, chia cắt. Sự hiểu biết và tuân theo pháp luật của nhân dân chưa trở thành nếp sống, thói quen trong các hoạt động xã hội. Đội ngũ cán bộ cơ sở vừa thiếu lại vừa yếu, có nhiều lúng túng trong việc vận dụng thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống đang đổi mới.

Từ những kinh nghiệm bước đầu của mấy năm đổi mới, cán bộ và nhân dân huyện Yên bình đã thấy rõ hơn những cái đạt được và chưa đạt được, nhất là những khó khăn, thiếu sót của mình ; tiếp tục phấn đấu theo định hướng đổi mới của Đảng, xây dựng huyện thành vùng ở đó đồng bào các dân tộc sống yên vui và hạnh phúc.

Digitized by Google

THẮNG LỢI MỚI CỦA CÁC LỰC LƯỢNG CỘNG SẢN

VŨ HIỀN

PHONG trào cộng sản kể từ khi ra đời, phát triển và trở thành một lực lượng hùng hậu có ý nghĩa to lớn đối với vận mệnh của thế giới, chưa bao giờ gặp những khó khăn thách thức và khủng hoảng nghiêm trọng như những năm qua. Sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên xô, chủ nghĩa xã hội lâm vào tình trạng thoái trào, các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào cách mạng, phong trào giải phóng dân tộc gặp những khó khăn to lớn. Nhiều đảng cộng sản ở các nước Đông Âu và Liên xô trước đây hoặc phải giải tán, hoặc bị cấm hoạt động. Nhiều đảng cộng sản ở các nước Tây Âu đứng trước những thách đố tưởng chừng khó vượt qua. Cũng từ đó, một số đảng cộng sản, đặc biệt ở châu Âu, bị suy yếu đi bởi phải trải qua những mâu thuẫn, chia rẽ nội bộ, bởi sự phản kích điên cuồng của các thế lực chống cộng và bởi sự lôi cuốn của trào lưu dân chủ xã hội.

Nhưng tới năm 1993, tình hình đã có những chuyển biến tốt hơn. Một hiện tượng thu hút sự chú ý của nhiều nhà quan sát quốc tế là : tại nhiều nước Tây Âu, Đông Âu và những nước cộng hòa thuộc Liên xô trước đây, các lực lượng cánh tả mà trong đó nòng cốt là những người cộng sản đã giành được một số thắng lợi quan trọng trong các cuộc bầu cử quốc hội và chính quyền địa phương, nhiều đảng viên cộng sản trước kia hoặc hiện nay đã được bầu vào các vị trí trọng yếu ở nhiều nước.

Tại I-ta-li-a, Đảng dân chủ cánh tả - đảng kế tục Đảng cộng sản I-ta-li-a - đã giành được thắng lợi liên tiếp trong cuộc trưng cầu ý dân tháng 4-1993 và trong các cuộc bầu cử hội đồng thị chính sau đó. Trong cuộc bầu cử hội đồng thị chính vòng một ngày 20-9-1993, Đảng dân chủ cánh tả đã giành được quyền kiểm soát khoảng 73 trong số 145 hội đồng thị chính, trong đó có thành phố Tô-ri-nô. Trong cuộc bầu cử hội đồng thị chính vòng hai, các ứng cử viên của đảng này đã giành được thắng lợi lớn ở thủ đô Rô-ma và nhiều thành phố lớn khác như Vơ-ni-dơ, Giê-nô-va, Na-pô-li, Tơ-ri-e-xtơ. Hiện nay, trên quy mô toàn quốc, Đảng dân chủ cánh tả đang nổi lên là lực lượng hàng đầu. Báo Pháp *Lơ Mông* ngày 3-12-1993 đăng đầu đề lớn trên trang nhất : "Cánh tả I-ta-li-a đã sẵn sàng nắm chính quyền".

Tại Ba-lan, Đảng xã hội dân chủ (kế tục Đảng công nhân thống nhất Ba-lan trước đây) đã chiếm số phiếu cao nhất tại cuộc bầu cử Quốc hội và đã cùng với Đảng nông dân đứng ra lập chính phủ mới.

Ở Cộng hòa liên bang Đức, tại Bran-đen-buốc, bang lớn nhất của Đông Đức cũ, Đảng cộng sản đã chiếm số phiếu đứng sát sau Đảng dân chủ thiên chúa giáo của thủ tướng Hen-mút Côn. Đảng lao động Niu Di-lân thì chỉ thiếu một ghế là lật được Đảng quốc gia cầm quyền trong cuộc tổng tuyển cử cuối năm 1993.

Tại Lít-va, những người cộng sản thuộc phái cải cách và Đảng lao động dân chủ (được tổ chức từ Đảng cộng sản trước đây) cũng giành được thắng lợi lớn trong bầu cử quốc hội và đứng ra lập chính phủ mới. Cựu bí thư Đảng cộng sản A.Bra-đa-u-xcát đã trở thành tổng thống Lít-va với 60% số phiếu bầu.

Trong nhiều nước cộng hòa thuộc Liên xô cũ, một số nhà lãnh đạo cộng sản trước kia đã được bầu vào các vị trí lãnh đạo cấp cao hiện nay : A. Gơ-rơ-bu-nốp, nguyên là một nhà tư tưởng cộng sản, đã được bầu làm tổng thống Lát-vi-a ; P.Lút-chin-xki, bí thư thứ nhất Đảng cộng sản Môn-đô-va năm 1989, ủy viên Bộ chính trị Đảng cộng sản Liên xô năm 1990, đã được bầu làm chủ tịch Quốc hội Môn-đê-va ; A-li-ép, nguyên ủy viên

Digitized by Google

Bộ chính trị Đảng cộng sản Liên xô đã được bầu làm tổng thống A-déc-bai-gian. Các đảng cộng sản Tát-gi-ki-xtan, U-dơ-bê-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-ki-xtan vẫn tiếp tục cầm quyền. Các đảng cộng sản Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Cư-rơ-gư-xtan, Gru-di-a đang phục hồi. Đảng lao động U-crai-na đã bắt đầu hoạt động. Nhiều đảng, tổ chức cộng sản mới được thành lập, tập hợp những người cộng sản cũ, kết nạp thêm những đảng viên mới. Nhiều đảng đã tiến hành đại hội, thông qua điều lệ, cương lĩnh, khôi phục tổ chức, tập hợp lực lượng, tiến hành các hoạt động. Trên quy mô toàn liên bang cũ, có Đảng cộng sản Liên xô đổi mới là Liên đoàn các đảng cộng sản Liên xô (SKP-KPSS).

Tại Liên bang Nga, Đảng cộng sản Liên bang Nga (KPRF) có khoảng hơn nửa triệu đảng viên, tự nhận là người kế thừa hợp pháp của Đảng cộng sản Liên bang Nga trong thành phần Đảng cộng sản Liên xô trước đây. Trong cuộc bầu cử ngày 12-12-1993, Đảng cộng sản Liên bang Nga đã trở thành lực lượng chính trị lớn thứ ba tại Quốc hội Nga. Ngoài ra, còn có Liên đoàn những người cộng sản (SK), Đảng cộng sản Nga bônsêvích (VKPB), Đảng công nhân cộng sản Nga (RKRP). Những đảng này tuy chưa thống nhất được với nhau, nhưng có những mục tiêu chung là đấu tranh bảo vệ quyền lợi của người lao động và tầng lớp có thu nhập thấp, bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc, thống nhất quốc gia.

Vậy là, trái với ý muốn của những người chống cộng, phong trào cộng sản không chết, các lực lượng cộng sản không dễ bị tan. Như một làn gió mới trải khắp một vùng rộng lớn, từ Rô-ma đến Vác-sa-va, qua Mát-xcơ-va và Trung Á, những người cộng sản lại trở nên mạnh mẽ, bước đầu tìm lại vị trí và uy tín của mình, giành được thắng lợi quan trọng thể hiện qua sự tín nhiệm của cử tri. Tùy từng nơi, từng thời điểm có những nhân tố khác nhau đưa tới kết quả trên, nhưng nếu nhìn tổng quát, có thể thấy được những nguyên nhân chính :

Một là, các đảng cộng sản ở các nước kể trên đã có sự thích ứng nhất định với điều kiện và hoàn cảnh mới. Điều này thể hiện ở việc cải cách, đổi mới bản thân tổ chức đảng, ở việc thay đổi tên gọi, khẩu hiệu hành động, và đặc biệt là, từng bước gắn bó hơn với quần chúng lao động. Ở các nước Đông Âu và Liên xô trước đây, các đảng cộng sản sau một thời gian bị tan vỡ hoặc phân hóa, chia rẽ nội bộ, đã tìm ra được những giải pháp hợp nhất các nỗ lực tản mạn của từng người cộng sản để lập ra những tổ chức cộng sản mới ; áp dụng cương lĩnh, điều lệ mới, tạo ra không khí sôi động và động lực cho phong trào cộng sản. Tại các nước Tây Âu, các đảng cộng sản đã có những bước củng cố, tổ chức lại lực lượng, nắm bắt kịp thời những khả năng và điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh hoạt động, nâng cao uy tín. Thắng lợi của những người cộng sản I-ta-li-a đã chứng tỏ điều đó. Trong tình hình chính trường của I-ta-li-a bị chao đảo bởi những vụ bê bối tham nhũng và hối lộ, Đảng dân chủ thiên chúa giáo đang cầm quyền bị mất uy tín nghiêm trọng, Đảng dân chủ cánh tả đã đưa ra những chủ trương giải pháp kịp thời, hoạt động tích cực nên đã nổi lên như một đảng trong sạch nhất, quan tâm nhất đến quần chúng nhân dân.

Hai là, những khó khăn, suy sụp về kinh tế - xã hội ở các nước Tây Âu cũng như các nước Đông Âu và Liên xô trước đây đã gây ra sự bất mãn sâu sắc trong nhân dân các nước đó đối với các thế lực cầm quyền. Ở các nước phát triển phương Tây, các lý thuyết kinh tế bảo thủ của Ri-gân, Thát-chơ và những người kế nhiệm đều đã bị đổ vỡ giống như lý thuyết kinh tế thị trường xã hội của Đức, Thụy - điển, Áo. Cuộc suy thoái kinh tế trầm trọng, những cơn khủng hoảng hệ thống tài chính tiền tệ châu Âu đã thực sự là những quả bom phá hủy nhiều kết cấu kinh tế của nhiều nước Tây Âu. Trong Liên minh châu Âu hiện có đến 20 triệu người thất nghiệp, gây ra sự bùng nổ về nhu cầu cải thiện đời sống và bảo đảm việc làm. Các nước trong Cộng đồng kinh tế châu Âu đang gặp khó khăn lớn trong việc vừa phải giải quyết những mâu thuẫn và vướng mắc của tiến trình nhất thể hóa, vừa phải lo tự cứu lấy mình trong cơn xuống sức.

Tình hình kinh tế - xã hội ở các nước Đông Âu và Liên xô trước đây còn tồi tệ hơn nữa. Những cải cách kinh tế theo mẫu hình chủ nghĩa tư bản của những chính phủ các nước này đã không đem lại kết quả. Mọi lời hứa của những nhân vật cầm quyền đã bị cuốn đi theo chiều gió. Tình trạng kinh tế đình đốn, lạm phát triền miên, giá cả tăng vọt, hàng hóa khan hiếm, thất nghiệp nghiêm trọng đã đẩy người

Digitized by Google

lao động vào thế khốn cùng. Đã thế, xã hội lại mất ổn định, rối ren, vô tổ chức, tội phạm lan tràn. Người ta thấy ở Nga một nền dân chủ lạ đời là vào đầu tháng 10 năm ngoái, cơ quan hành pháp và lập pháp của nước Nga đã nói chuyện với nhau bằng súng đạn. Tất cả những điều đó gây ra tâm lý bất mãn trong đại bộ phận quần chúng nhân dân.

Ba là, lý tưởng cộng sản vẫn sống trong tim nhân dân lao động ở khắp mọi nơi. Chính đây là điều khiến cho những nhân vật chống cộng khét tiếng nhất như Ních-xơn, Brê-din-xki cũng phải lo sợ. Hai nhà học giả phương Tây là Mai-cơn He-lơ (Micheal Heller) và En-ni Krai-gen (Annie Kriegel) đã cho rằng chủ nghĩa cộng sản là "con rắn bảy đầu", và trong những năm qua, "con rắn" ấy đã hy sinh một vài cái đầu để cứu cả cơ thể của nó ! Câu nói ấy có mang tâm lý hoảng hốt, nhưng nó thừa nhận một sự thật là lý tưởng cộng sản không dễ bị thủ tiêu, nó sẽ sống mãi với thời gian. Dù người ta nói nghiêng nói ngả thì ai cũng thấy một sự thật sáng rõ như ban ngày : ở tất cả các nước Đông Âu và Liên xô trước đây, mặc dù chế độ xã hội còn nhiều khuyết tật, nhưng xét về mọi mặt, những xã hội ấy đều hơn hẳn hiện trạng hôm nay. Chế độ "hậu cộng sản" ở các nước này đã thực sự trở thành cơn ác mộng đối với dân chúng. Chẳng thế mà chính Tổng thống Tiệp-khắc, ông Ha-ven, trong bài diễn văn đọc ở Hoa kỳ năm 1993 đã nói : Trong nhiều thập niên qua, cơn ác mộng chính của thế giới dân chủ là cộng sản, ngày nay thì dường như đã có một cơn ác mộng khác thay thế cơn ác mộng cũ - đó là các chế độ hậu cộng sản !

Cuộc sống chứng tỏ rằng việc tiêu diệt chủ nghĩa xã hội không dễ. Những người chống đối chủ nghĩa xã hội có thể chiếm được chính quyền - đó là một chuyện. Nhưng sự thay đổi gốc rễ của một chế độ xã hội lại là chuyện khác. Qua những chiêm nghiệm thực tế, nhân dân lao động ở mọi nơi sẽ thấy được những giới hạn chật hẹp và những mâu thuẫn vô phương cứu chữa của chủ nghĩa tư bản, sẽ thấy rõ những di chứng tai hại của việc ồ ạt chạy theo chủ nghĩa tư bản. Những lá phiếu vừa qua của những cử tri ở các nước châu Âu và Liên xô cũ đã phần nào nói lên điều đó.

Vấn đề...

(Tiếp theo trang 61)

đấu tranh giữa *một bên* là bảo tồn những cái đã có, những cái làm nên bản sắc riêng để không bị đồng hóa, với *một bên* là tiếp nhận những yếu tố mới để thích nghi và phát triển. Trong sự tiếp nhận này, bên cạnh mặt tốt, có không ít những cái tiêu cực do không tự giác, hoặc do vị thế yếu kém của dân tộc trong những điều kiện lịch sử nhất định (chẳng hạn như thời kỳ nước ta bị đô hộ kéo dài). Nếu không nắm vững quan điểm dân tộc, lịch sử cụ thể, chúng ta sẽ không có được cái nhìn sâu xa và chính xác trong thẩm định.

Một quan điểm khác cũng không thể không coi trọng, đó là quan điểm **phát triển**, với nội dung muốn đề cập ở đây là phát triển theo định hướng *xã hội chủ nghĩa* và *hội nhập vào nền văn minh mới*. Quan điểm này chỉ đạo việc hình thành các tiêu chí để thẩm định các chuẩn mực và giá trị. Thoát ly quan điểm này, việc thẩm định sẽ rơi vào lúng túng : không biết cần loại bỏ cái gì, cần khuyến khích cái gì, và sẽ mất khả năng dự báo. Thoát ly quan điểm phát triển, việc thẩm định sẽ mất đi ý nghĩa thiết thực và cao cả.

Nếu coi những quan điểm lớn trên đây là những nguyên tắc chung chỉ đạo quá trình thẩm định thì trên thực tế ta đã đề cập tới *phương pháp luận*. Tuy nhiên, nếu quan niệm phương pháp luận là thao tác cụ thể để tư duy trong quá trình thẩm định, thì ngoài việc nắm vững ba quan điểm lớn, cần phải vận dụng có hiệu quả các phương pháp : *tiêu chuẩn hóa* các căn cứ xác định chuẩn mực và *tổng hợp hóa* nhiều cách thức phân tích, đánh giá về chuẩn mực cũng như về giá trị. Có như vậy, chúng ta mới hoàn thành tốt nhiệm vụ khó khăn và phức tạp này.

Digitized by Google

CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG THAM NHŨNG Ở TRUNG QUỐC*

Đối với việc đẩy mạnh xây dựng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, Trung quốc đặc biệt coi trọng việc đấu tranh chống suy đồi, chống tham nhũng. Chủ tịch Giang Trạch Dân tuyên bố rằng tình trạng suy đồi trong cơ quan đảng và nhà nước đã đến mức nếu không có biện pháp kiên quyết ngăn chặn, sẽ là những độc tố làm tiêu tan sự nghiệp cải cách mở cửa, cuối cùng sẽ gây nguy hại đến vai trò cầm quyền của Đảng !

Tờ **Nhân dân nhật báo** ngày 27-9-1993 cho rằng từ trước đến nay Trung quốc đã tiến hành bài trừ tham nhũng, nhưng chỉ làm bề ngoài, chỉ bài trừ hành động, hiện tượng, không truy tìm nguyên nhân ; chỉ có triệt để xóa bỏ nguyên nhân gây ra và nuôi dưỡng tham nhũng, mới diệt tham nhũng tận gốc. Nạn tham nhũng ở Trung quốc bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân : kinh tế, xã hội, văn hóa, lịch sử ; bắt nguồn từ những sơ hở trong pháp luật, trong chính sách, từ sự thiếu đồng bộ trong cải cách, từ cơ chế không hiệu lực, từ sự buông lỏng công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Trong đó, nguyên nhân quan trọng nhất, trực tiếp nhất là hệ thống luật pháp và thể chế thiếu kiện toàn ; việc kiểm tra, kiểm soát, nhất là việc thi hành kỷ luật không nghiêm, không có hiệu quả. Tờ báo cho biết, cho đến nay, Trung quốc đã có trên 300 văn bản pháp luật và dưới pháp luật về chống tham nhũng và xây dựng chính quyền trong sạch, liêm chính. Nhưng hoàn toàn chưa đủ. Nhất là trong tình hình mới, do cải cách mở cửa và kinh tế thị trường, nhiều vấn đề mới xuất hiện, đòi hỏi phải tăng cường mạnh mẽ việc xây dựng pháp luật và chế độ, tăng cường kiểm tra và kỷ luật chặt chẽ.

Điều đáng chú ý là, Trung quốc khẳng định : nạn tham nhũng không phải do kinh tế thị trường gây nên ; việc xây dựng một cơ chế thị trường lành mạnh, có luật pháp chặt chẽ, sẽ giảm bớt và loại trừ được tham nhũng. Và ngược lại, việc triệt để chống tham nhũng sẽ tạo điều kiện để đẩy mạnh xây dựng kinh tế thị trường phát triển lành mạnh.

Theo ông Vương Đức Anh, phó bí thư Ủy ban kiểm tra kỷ luật Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc viết trên tờ **Quang minh nhật báo** ngày 29-9-1993, hiện tượng tham nhũng trong cơ quan đảng và nhà nước bắt nguồn từ sự lạm dụng chức quyền. Đó là tàn dư của cơ chế quản lý tập trung quan liêu trước đây, một cơ chế được mệnh danh là "vừa đá bóng, vừa thổi còi". Ông Vương Đức Anh đã khái quát hiện tượng đó như sau : dùng quyền đổi tiền, dùng tiền mua quyền, trao đổi quyền và tiền. Ai có quyền ? Đương nhiên, đó phải là những cán bộ, đảng viên có chức có quyền ở mọi cấp trong cơ quan đảng và nhà nước.

Bài báo chỉ rõ, trong các cơ quan chủ quản kinh tế, tài chính, tiền tệ, thuế vụ, kinh tế đối ngoại, hải quan, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải... hiện tượng cán bộ lợi dụng chức quyền để chiếm dụng tiền của nhà nước rất nghiêm trọng. Một số cán bộ lãnh đạo lợi dụng chức vụ ngang nhiên bỏ túi những khoản tiền do nhà nước cấp phát, ngang nhiên nhận tiền hối lộ, tiền "lại quả", quà biếu bằng tiền, bằng hiện vật, bằng chứng khoán, bằng cổ phiếu... Thậm chí, có cán bộ lợi dụng chức quyền để tham gia buôn lậu quốc tế quy mô rất lớn. Có cán bộ lợi dụng chức quyền để ăn tiền của bọn buôn gian bán hàng giả, gây hại rất nghiêm trọng.

Thời gian gần đây, trong phong trào kinh doanh sôi động do việc xúc tiến xây dựng kinh tế thị trường, rất nhiều cơ quan đảng và nhà nước đua nhau làm kinh tế, lập công ty, hoạt động buôn bán ; sử dụng nhập nhằng kinh phí hành chính được cấp với vốn kinh doanh ; sử dụng nhập nhằng cán bộ, nhân viên, phương tiện hành chính với nhân viên, phương tiện kinh doanh ; lợi dụng quyền lực hành chính để kinh doanh. Một số cán bộ của cơ quan tư pháp và chấp pháp cũng hối lộ và nhận hối lộ, lợi dụng chức quyền để đục nước béo cò, xét xử theo tư lợi, không đúng khuôn phép. Theo ông Vương Đức Anh, gần đây, hiện tượng phạm tội kinh tế trong cơ quan đảng và nhà nước tăng lên, số vụ án lớn tăng lên, số vụ án có nhiều người đồng phạm tăng lên, đảng viên là cán bộ lãnh đạo vi phạm pháp luật tăng lên.

Về mặt văn hóa tư tưởng, có hiện tượng tiếp thu bừa bãi, không hề chọn lọc đối với văn hóa phẩm

---

* *Tài liệu tham khảo :*

1) Thông cáo của kỳ họp toàn thể lần thứ hai của Ủy ban kiểm tra kỷ luật Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc ngày 25-8-1993 ; 2) Bài "Kiên quyết đấu tranh chống hủ bại" của thủ tướng Lý Bằng ngày 17-9-1993 ; 3) *Nhân dân nhật báo* ngày 5 và 27-9-1993 ; 4) *Quang minh nhật báo*, ngày 29-9-1993 ; 5) Tạp chí *Pháp chế và dân chủ* (Trung quốc) số 9, 10, 11, 12 năm 1993.

đồi trụy độc hại, tiêm nhiễm nặng nề những quan niệm giá trị và lối sống đồi bại phương Tây. Sự sa đọa trong lối sống, sự xuống cấp đạo đức trong xã hội, chỉ tăng không giảm. Tệ nghiện hút, buôn bán ma túy, đánh bạc, mại dâm, nhậu nhẹt phung phí... diễn ra khắp nơi.

Về mặt tổ chức kỷ luật chính trị, tại một số địa phương và đơn vị, có hiện tượng vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, coi thường quyền uy lãnh đạo của Trung ương Đảng, không chấp hành chỉ thị, quyết định của cấp trên. Thường là nói một đằng, làm một nẻo. Bề ngoài thì nói thực hiện chính sách, nhưng thực tế là làm sai chính sách ; công khai thì nói làm đúng chế độ, nhưng thực tế là cắt xén chế độ hoặc đặt ra một chế độ riêng để ngấm ngầm mưu lợi cho cá nhân hoặc cục bộ, chẳng coi nguyên tắc pháp quy của Đảng và Nhà nước là gì. Trên có chính sách, dưới có đối sách ; tư tưởng bản vị, cục bộ, địa phương hết sức nghiêm trọng.

Về mặt tổ chức nhân sự, có hiện tượng chỉ dùng người thân, người nhà, người quen, người đồng hương đồng tộc, chỉ nhằm mục đích vun vén cho lợi ích cá nhân, dùng người theo tiêu chuẩn "người đó đem lại lợi ích gì" cho cá nhân mình, bất chấp chính sách và tiêu chuẩn cán bộ của Đảng.

Tất cả những căn bệnh xã hội nói trên đều có liên quan chặt chẽ với hiện tượng lợi dụng chức quyền để mưu lợi cá nhân. Nếu truy tìm nguyên nhân về tư tưởng, thì đó là do tư tưởng chạy theo đồng tiền, tư tưởng hưởng lạc, tư tưởng cá nhân cực đoan. Theo điều tra của giới tâm lý học, qua hàng triệu vụ án, những kẻ phạm tội sở dĩ phạm tội, chủ yếu là do chịu ảnh hưởng của lối sống "vung tiền qua cửa sổ" của đám người vừa mới giàu lên. Đó chủ yếu là tầng lớp văn hóa thấp trong xã hội, nhờ có cơ hội nên nhanh chóng giàu có. Sẵn có đồng tiền làm ra không mấy vất vả, họ tiêu xài xả láng, xa hoa trụy lạc, gây một không khí độc hại trong xã hội. Theo cách nói của Trung quốc, đó là "chủ nghĩa sùng bái đồng tiền", "chủ nghĩa hưởng lạc", "chủ nghĩa cá nhân cực đoan". Muốn xóa bỏ tham nhũng, cần xóa bỏ những tư tưởng đó. Việc giáo dục tư tưởng rất quan trọng, nhưng trước mắt phải dựa vào pháp luật của Nhà nước và kỷ luật của Đảng để tiến hành đấu tranh đồng bộ và triệt để.

Theo ông Vương Tư Khanh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao Trung quốc, cán bộ lãnh đạo lợi dụng chức quyền để tham ô là biểu hiện nghiêm trọng nhất, xấu xa nhất và có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong các hiện tượng suy đồi hiện nay ở Trung quốc. Cho nên, muốn làm trong sạch đội ngũ cán bộ, cần bắt đầu từ cơ quan lãnh đạo và cán bộ lãnh đạo, đặt trọng điểm công tác chống suy đồi vào các vụ án lớn, vụ án nghiêm trọng. Đồng thời, tập trung xử lý và chặn đứng những hiện tượng suy đồi đạo đức bị quần chúng căm ghét nhất.

Nhân dân nhật báo ngày 5-9-1993 cho rằng, Đảng và Nhà nước Trung quốc phải nhanh chóng ban hành "Luật trình báo tài sản", "Luật chống hủ bại, tham nhũng". Trong đó, quy định ai có tài sản lớn bất minh, ai có tài sản gửi ở nước ngoài một cách bất hợp pháp, phải bị trừng trị nghiêm khắc. Cán bộ đảng và nhà nước là người phục vụ nhân dân, nhân dân có quyền giám sát tài sản của những người phục vụ họ, giám sát về số lượng, nguồn gốc tài sản đó. Những người phục vụ (cán bộ) có trách nhiệm và nghĩa vụ tiếp thu sự giám sát đó của nhân dân. Tháng 8-1993, Ủy ban kiểm tra kỷ luật Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc đã có những quyết định như sau đối với tất cả cán bộ cơ quan đảng và nhà nước từ cấp huyện trở lên :

1 - Không được kiêm hoạt động kinh doanh, không được lập xí nghiệp ; không được dính líu vào các hoạt động môi giới có nhận tiền ; không được lợi dụng quyền lực để tạo bất cứ ưu tiên nào cho vợ (hoặc chồng), con cái, họ hàng hoặc bạn bè để mở cửa hàng kinh doanh hoặc hoạt động kinh doanh.

2 - Không được kiêm nhiệm bất cứ chức vụ nào, kể cả chức vụ danh dự, trong một tổ chức kinh tế. Một số ít cán bộ nào đó, vì lý do đặc biệt và được cấp trên cho phép, đã được kiêm nhiệm những chức vụ như vậy, sẽ không được nhận bất cứ sự trả công nào. Không được phép gợi ý cấp dưới hoặc đơn vị khác trả tiền cho những chi tiêu cá nhân.

3 - Không được phép mua bán cổ phần.

4 - Trong khi thi hành công vụ, không được phép nhận quà biếu dưới bất cứ hình thức nào, không được phép nhận thẻ tín dụng do các đơn vị trực thuộc biếu tặng ; không được sử dụng thẻ tín dụng của đơn vị mình vào mục đích cá nhân.

5 - Không được phép dùng công quỹ để tìm kiếm tư cách hội viên của bất cứ câu lạc bộ nào hoặc để tham gia bất kỳ hoạt động giải trí đắt tiền nào.

Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc còn quyết định :

- Kiên quyết ngăn chặn và chấm dứt việc thu lệ phí bất hợp pháp một cách bừa bãi đang diễn ra khắp các ngành ở cả nước.

- Cuộc vận động chống tham nhũng hiện nay tập trung chủ yếu vào các cơ quan Đảng và Chính phủ, các cơ quan tư pháp, hành pháp, các cơ quan chủ quản kinh tế, bắt đầu từ các cán bộ lãnh đạo, nhất là các quan chức cao cấp, kể cả phụ tá của các quan chức lãnh đạo. Tinh thần xử lý phải nghiêm khắc, đúng pháp luật, không loại trừ bất cứ ai.

Digitized by Google

Sẽ có những biện pháp kiên quyết để ngăn chặn những ai can thiệp và cản trở công việc điều tra, phát hiện hành vi phạm tội tham nhũng.

Tiếp theo quyết định của Trung ương Đảng, Chính phủ Trung quốc cũng ra quyết định như sau :

- Cấm thu lệ phí ngoài chế độ cho phép.
- Tách riêng các khoản thu hành chính phí và các khoản thu do phạt hoặc tịch thu. Việc thu và chi hai khoản thu nói trên phải có chế độ và bộ máy quản lý riêng, không nhập làm một.
- Nghiêm cấm dùng công quỹ để đi du lịch nước ngoài một cách trái phép.
- Tách các tổ chức kinh doanh khỏi các cơ quan đảng và nhà nước.

Chính phủ yêu cầu các bộ trưởng, thứ trưởng, cục, vụ trưởng và cấp dưới nữa, yêu cầu thủ trưởng các ngành, các cấp, các địa phương thuộc hệ thống chính quyền, nghiêm chỉnh thực hiện mọi quyết định về chống hủ bại, chống tham nhũng, xây dựng liêm chính của Ủy ban kiểm tra kỷ luật Trung ương Đảng và của Ban thanh tra Chính phủ. Thủ tướng Trung quốc Lý Bằng yêu cầu các bộ trưởng và lãnh đạo các ngành phải tự mình đi xuống các đơn vị cơ sở để tiếp thu ý kiến quần chúng, tự mình điều tra và nghiên cứu thực tiễn, tổng kết kinh nghiệm, tiến hành đến cùng cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ, ngành của mình.

Những chính sách và biện pháp chống tham nhũng nói trên của Đảng cộng sản và Chính phủ Trung quốc đang được thực hiện một cách kiên quyết ở các cấp. Có thể đây là một trong những biện pháp quan trọng nhất nhằm hai mục đích. *Một là*, xây dựng cơ chế vận hành kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa mà mục tiêu đến năm 2000 phải hoàn thành. Xuất phát từ lý luận và thực tiễn, Trung quốc khẳng định rằng việc triệt để chống tham nhũng, chống sự lạm dụng quyền lực, không hề cản trở cải cách mở cửa. Ngược lại, chỉ có làm tốt chống tham nhũng mới bảo đảm ổn định xã hội, ổn định kinh tế, mới tạo điều kiện để làm tốt việc cải cách mở cửa, xây dựng cơ chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. *Hai là*, qua việc chống tham nhũng, sẽ làm trong sạch đảng, xây dựng đảng vững mạnh, lấy lại uy tín của đảng trong quần chúng, khôi phục lòng tin của quần chúng đối với chế độ xã hội chủ nghĩa, thắt chặt quan hệ máu thịt giữa đảng và nhân dân, đề cao quyền uy lãnh đạo của đảng cộng sản cầm quyền, bảo đảm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung quốc.

LÊ PHAN DI tổng thuật

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM

"DIỄN BIẾN HÒA BÌNH" TRÊN CÁC LĨNH VỰC : CHÍNH TRỊ - TƯ TƯỞNG, KINH TẾ VÀ VĂN HÓA - XÃ HỘI

●"DIỄN BIẾN HÒA BÌNH" TRÊN LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ - TƯ TƯỞNG. "Diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực chính trị - tư tưởng là nhằm làm tan rã hệ tư tưởng Mác - Lê-nin, đi tới lật đổ chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa. Trong thực hiện "diễn biến hòa bình", các thế lực thù địch coi đó là mục tiêu hàng đầu. Người ta công khai tuyên bố : "Chúng ta cạnh tranh với Liên xô trên các lĩnh vực quân sự, chính trị và kinh tế, nhưng mấu chốt của cuộc cạnh tranh Xô - Mỹ lại là tư tưởng. Toàn bộ vũ khí của chúng ta, các hiệp định mậu dịch, viện trợ và quan hệ văn hóa sẽ không đi đến đâu nếu chúng ta thất bại trên mặt trận tư tưởng".

Những thủ đoạn thường được các thế lực thù địch sử dụng để thực hiện "diễn biến hòa bình" về chính trị - tư tưởng là :

- Ra sức tung ra các luận điệu phản bác, phủ nhận hệ tư tưởng Mác - Lê-nin, cho nó là lỗi thời, huyễn tưởng, đặc biệt là tập trung công kích, đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, xuyên tạc, bôi đen tính ưu việt và những thành tựu của chế độ xã hội chủ nghĩa.
- Tán dương các giá trị của chủ nghĩa tư bản về tự do, dân chủ tư sản, nhân quyền, lối sống tư sản ; về thị trường tự do tư bản ; về đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập trong chế độ chính trị tư sản.
- Lợi dụng tự do, dân chủ, công khai, để thổi phồng những thiếu sót sai lầm trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm lừa bịp, kích động, lôi kéo quần chúng, làm mất lòng tin đối với Đảng cộng sản, với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, với lý tưởng xã hội chủ nghĩa.
- Đặc biệt nhằm vào những người có khuynh hướng tư tưởng dao động, cơ hội, sai lầm trong nội bộ để kích động, tập hợp thành lực lượng chống đối ; đưa ra những "lý thuyết" chống lại hệ tư tưởng Mác - Lê-nin, đòi đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.
- Tìm mọi cách làm tan rã về tư tưởng, làm thay đổi quan điểm chính trị, tạo dựng lực lượng đối lập, chống đối bên trong, dần dần làm thay đổi đường lối chính trị, đi đến xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, đưa những người chống đối lên nắm chính quyền.

Digitized by Google

Bài học của sự đổ vỡ ở Liên xô và các nước Đông Âu chỉ ra rằng : không thể mất cảnh giác trước những âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch trên lĩnh vực chính trị - tư tưởng. Điều có ý nghĩa quyết định là không được dao động về lập trường chính trị tư tưởng và phải có những biện pháp hữu hiệu chống lại mọi xâm nhập và tha hóa về tư tưởng.

● "DIỄN BIẾN HÒA BÌNH" TRÊN LĨNH VỰC KINH TẾ. Các thế lực thù địch thường lợi dụng tình trạng trì trệ, kém phát triển về kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa cũng như ra sức lợi dụng các quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa để thực hiện "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực kinh tế nhằm làm cho các nước này đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa, làm cho nền kinh tế các nước này tăng dần những yếu tố tư bản chủ nghĩa và ngày càng đi theo hướng tư bản chủ nghĩa.

Những thủ đoạn "diễn biến hòa bình" về kinh tế thường được dùng là :

- Kích thích khuynh hướng phát triển thị trường tự do, tách khỏi sự quản lý của nhà nước.
- Lợi dụng sự liên doanh, liên kết, buôn bán và các quan hệ kinh tế khác, kể cả việc vay nợ và trả nợ, để cản trở, phá hoại, làm cho nền kinh tế đi chệch hướng.
- Khuyến khích các hoạt động kinh tế "ngầm", các tội phạm kinh tế, làm cho nền kinh tế không ổn định, suy giảm.
- Thổi phồng vai trò của sở hữu tư nhân, kinh tế tư bản tư nhân, kích thích nó phát triển lấn át các thành phần kinh tế khác.
- Tạo dựng một thế lực kinh tế mới - giai cấp tư sản mới - ngày càng nắm được các hoạt động kinh tế chủ yếu. Từ đó gây sức ép về chính trị, đòi thay đổi đường lối.

● "DIỄN BIẾN HÒA BÌNH" TRÊN LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI. Mục tiêu của "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực văn hóa - xã hội là xóa bỏ những truyền thống văn hóa dân tộc (bao gồm cả những truyền thống cách mạng và các chuẩn mực đạo đức, lối sống xã hội chủ nghĩa), truyền bá, ca ngợi, chạy theo lối sống tư sản (cá nhân cực đoan, dục vọng thấp hèn, bạo lực, vụ lợi, vô trách nhiệm, tôn thờ đồng tiền).

Phương tiện chủ yếu của "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực văn hóa - xã hội là dùng sách báo, tranh ảnh và các ấn phẩm khác, các phương tiện nghe, nhìn (băng nhạc, băng hình...), các đài phát thanh, truyền hình để truyền bá các quan điểm "tự do dân chủ", "nhân quyền", lối sống tư sản vào các tầng lớp xã hội, nhất là thanh niên, sinh viên. Tìm mọi cách gây nên những bất mãn, mâu thuẫn trong xã hội để phân tán nhân tâm, chia rẽ nhân dân với lãnh đạo, nhân dân với nhau. Đặc biệt, ra sức lợi dụng những vấn đề tôn giáo và dân tộc, tạo nên lực lượng phản động trong tôn giáo và dân tộc, nhất là những kẻ theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan, những bọn phản động đội lốt tôn giáo. Kích thích và thổi bùng lên ngọn lửa thù hận dân tộc, phục hồi những tình cảm tôn giáo đã bị lợi dụng v.v.. Với quan niệm "chi 1 đô la cho tuyên truyền thì có tác dụng ngang với 5 đô la chi cho quốc phòng", có nước đã sẵn sàng chi mỗi năm 1 tỉ USD cho các chương trình của đài phát thanh ngày đêm chĩa vào các nước xã hội chủ nghĩa.

Gần đây, người ta đặc biệt chú ý lợi dụng vấn đề "nhân quyền" để can thiệp vào nội bộ các nước xã hội chủ nghĩa, kích động các phần tử ly khai bất mãn, bất đồng chính kiến, chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa, rêu rao trong chế độ cộng sản quyền công dân, quyền con người bị chà đạp. Tìm mọi cách móc nối, mua chuộc những văn nghệ sĩ, những cán bộ khoa học dao động về tư tưởng và phóng đãng về lối sống để tập hợp lực lượng chống lại chế độ từ bên trong. Lợi dụng việc đi tham quan, tham gia hội thảo, du lịch, thăm người thân... của một số cán bộ nhân dân, để tìm kiếm người nhận cộng tác hoặc cài cắm người vào nội bộ ta để phá hoại trước mắt và lâu dài.

LỜI CẢM ƠN

Trong dịp đón năm mới 1994 và Tết cổ truyền Giáp Tuất của dân tộc, Bộ biên tập Tạp chí đã nhận được rất nhiều thư, quà và thiếp chúc mừng năm mới của cá nhân và tập thể các cơ quan đảng, nhà nước, các đoàn thể nhân dân ở trung ương và địa phương, các tạp chí, báo, đài, các nhà xuất bản, các hãng thông tấn ở trong và ngoài nước, các đại sứ, đại diện sứ quán và tổ chức các nước, các cộng tác viên, thông tín viên và bạn đọc Tạp chí.

Ban biên tập **Tạp chí Cộng sản** *xin chân thành cảm ơn những tình cảm cao quý và sự quan tâm sâu sắc của các đồng chí và các bạn. Chúng tôi sẽ cố gắng nhiều hơn nữa để Tạp chí xứng đáng là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng cộng sản Việt nam, xứng đáng với sự tin cậy và lòng mong mỏi của bạn đọc.*

BAN BIÊN TẬP TCCS

Digitized by Google

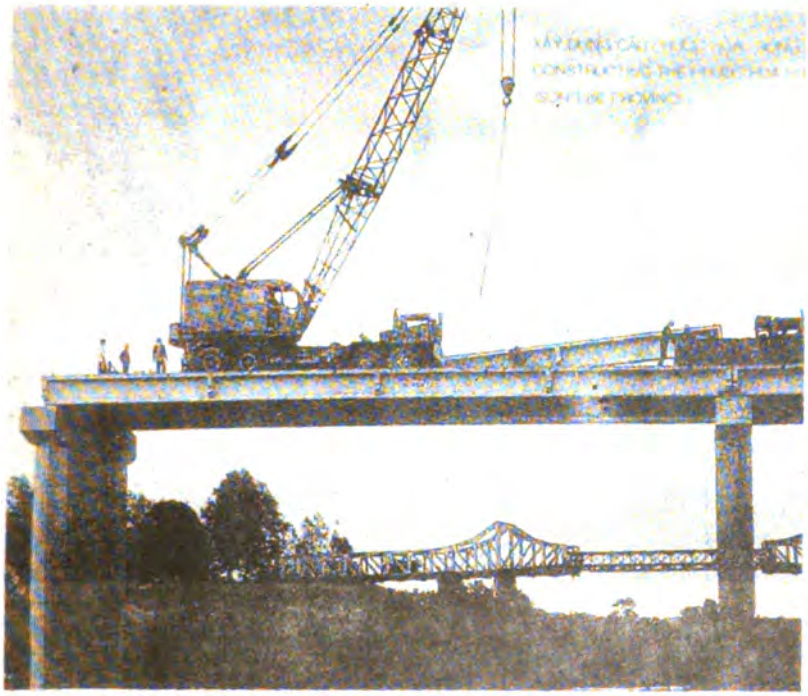
CÔNG TY CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 68

ADRESS : 6/43 ĐẶNG VĂN BI - THỦ ĐỨC DIST - HỒ CHÍ MINH CITY
TEL : 967521 CALL LINK : 904039 - 904152



DIRECTOR : ENG. LE THANH LANG

XÂY DỰNG CẦU PHƯỚC HÒA - SÔNG BÉ
CONSTRUCTING THE PHUOC HOA BRIDGE
(SONG BE PROVINCE)



* Quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước số : 939/QĐ/TCCB - LĐ ngày 17-05-93 của Bộ Giao thông Vận tải.
* Số đăng ký kinh doanh 102806 ngày 26 tháng 6 năm 1993 của Trọng tài kinh tế thành phố Hồ Chí Minh
* Tài khoản là 050095 Ngân hàng đầu tư và phát triển TP Hồ Chí Minh Công ty công trình 68



XÂY DỰNG CẢNG SÀI GÒN K12A
CONSTRUCTING THE K12A SAIGON PORT

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG :
* Xây dựng cầu tàu bến cảng
* Xây dựng cầu đường bộ, cầu đường sắt
* Xây dựng các công trình công nghiệp - dân dụng và công trình nhà ở
* Thi công đóng cọc và xây dựng nền móng nhà cao tầng
* Đảm bảo giao thông cho xe siêu nặng

CÁC THẾ MẠNH CỦA CÔNG TY :
* Thi công bằng cơ giới và có khả năng huy động số lượng lớn xe máy thi công để đảm bảo tiến độ thiết kế.
* Lực lượng công nhân kỹ thuật lành nghề, thi công đúng qui trình qui phạm kỹ thuật

Digitized by Google

Chúc mừng năm mới

CÔNG TY BỘT GIẶT

Lix

Chất lượng cao



Địa chỉ : Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 967.522 - 966.803 -960.389

960.270 - 966.388 - 966.596

Fax : 84-8 -967.522

Digitized by Google

CÔNG TY SỮA VIỆT NAM

VINAMILK

- 36 - 38 NGÔ ĐỨC KẾ · QUẬN I · TP. HỒ CHÍ MINH
- ĐIỆN THOẠI : 299377



Công ty sữa Việt Nam (VINAMILK) giới thiệu sản phẩm sữa đặc có đường

- Sữa đặc ông thọ
- Sữa ngôi sao Phương nam trắng
- Sữa ngôi sao Phương nam vàng
- Sữa đặc cacao
- Sữa đặc cà phê

- Sữa đặc có đường của VINAMILK được sản xuất trên dây chuyền thiết bị hiện đại của Mỹ, Đức, Pháp với nguyên liệu nhập ngoại có chất lượng cao như : Bột Sữa, dầu Bơ, và vitamin các loại.
- Sữa đặc có đường của VINAMILK sản xuất có chất lượng tốt nhất trên thị trường Việt Nam hiện nay và đã được khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm trong mấy chục năm qua.
- Dùng sữa của VINAMILK mỗi ngày chống suy dinh dưỡng, phát triển chiều cao, giải độc tăng tuổi thọ.
- Giá bán buôn công nghiệp tại công ty (chưa trừ chiết khấu bán buôn)
- Sữa ông thọ : 5050 đ/hộp
- Sữa NSPN (Trắng) : 4310 đ/hộp
- Sữa NSPN (Vàng) : 4090 đ/hộp

Digitized by Google

CÔNG TY LIÊN DOANH SẢN XUẤT TẤM LỢP MẦU

VIỆT ÚC

(AusViet Co. Ltd.)



Địa chỉ : 386 Cách Mạng tháng 8 tỉnh Cần Thơ

Tel : 01.71.20458 -84.71.20404

Fax : 01.71.20456 - 84.71.20456

- Giấy phép số : 703-GP do Ủy ban Nhà nước về hợp tác đầu tư cấp ngày 26-10-1993.
- Đơn vị đầu tiên liên doanh với nước ngoài tại Đồng bằng sông Cửu Long sản xuất vật liệu xây dựng.
- Kỹ nghệ tiên tiến - Nguyên liệu ngoại nhập.

★

+ Ưu điểm của tôn mầu :

- Nhẹ, bền chắc, đẹp, phản xạ nhiệt tốt và tiết kiệm.
- Chiều dài theo yêu cầu của quý khách.
- Chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Phong phú về kiểu dáng, đồng bộ : Tấm lợp, xóc nóc, máng xối, tấm đầu hồi...
- Chịu đựng được mọi thời tiết khắc nghiệt nhất.

BẠN SẼ HÀI LÒNG KHI SỬ DỤNG TÔN MÀU CỦA CTY VIỆT - ÚC

*

* *

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU ĐẾN QUÝ KHÁCH

GIÁM ĐỐC
Ông **HỒ VĂN HIỆU**
quốc tịch Úc

CHỦ TỊCH/HĐQT
Ông **TIẾT PHONG (NĂM QUANG)**
quốc tịch Mỹ

P. GIÁM ĐỐC I
Ông **VÕ HỒNG VĂN**
quốc tịch Việt Nam

In tại Nhà in Nhân dân Hà Nội II Chỉ số 12651 - ISSN - 7276 Giá : 2000đ

Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
APR 2 0 1994
CURRENT SERIALS

3
1994

Digitized by Google

1- "Mác không mắc một tí nào chủ nghĩa không tưởng cả : Mác không tưởng tượng ra, nghĩ ra một xã hội "mới" nào cả. Không, Mác nghiên cứu sự phát sinh của xã hội mới từ xã hội cũ, nghiên cứu những hình thức quá độ từ xã hội này chuyển sang xã hội kia, coi đó là một quá trình lịch sử tự nhiên vậy".

V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t 33, tr 59-60

2- "Chủ nghĩa Mác phát triển, tư tưởng của chủ nghĩa Mác lan rộng và được củng cố trong giai cấp công nhân, điều đó tất nhiên làm cho những cuộc công kích ấy của giai cấp tư sản chống chủ nghĩa Mác càng thường xuyên và càng gay gắt, nhưng chủ nghĩa Mác,sau mỗi lần bị khoa học chính thống "thủ tiêu" thì lại càng vững mạnh, càng được tôi luyện và càng sinh động hơn".

V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 17, tr 19-20

3- "Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài. Nhưng ngắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này, thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ, ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối, lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang".

Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 140.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

3 – 1994 NĂM THỨ BỐN MƯƠI (459)

MỤC LỤC

Phấn đấu thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng	VŨ KHOAN - Kinh nghiệm thế giới và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta	3
	LÊ XUÂN LƯU - Vấn đề định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế	9
	HÀ XUÂN TRƯỜNG - Mấy vấn đề về quản lý văn hóa	13
	*** Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh	18
	PHÙNG ĐỨC THẮNG - Tư tưởng đoàn kết và nhân đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh	20
Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thời đại chúng ta	KHỔNG DOÃN HỢI - Kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường với chủ nghĩa xã hội	23
	TRỊNH DÂN - Góp phần tìm hiểu kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội	26
	PHẠM VĂN CHỨC - Về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay	31
	HỒ BÁ THÂM - Chủ nghĩa nhân văn mác xít phải chăng đã lỗi thời ?	34
Nghiên cứu - Trao đổi	TRẦN ĐÌNH HIỂN và PHẠM THẮNG - Thị trường sản phẩm nông nghiệp và một số vấn đề cần giải quyết	36
	TRỊNH MAI DIỄM - Mấy khuynh hướng sáng tác trong điện ảnh gần đây	39
	NGUYỄN BẮC SƠN - Cần có giải pháp hữu hiệu trong quản lý báo chí - xuất bản	43
Điều tra	CÔNG KHÁNH - Hoạt động của thương nghiệp ngoài quốc doanh hiện nay	46
	NHỊ LÊ - Việc giải quyết "điểm nóng" ở Thanh hóa	49
Sinh hoạt tư tưởng	NGUYỄN VĂN LỘC - "Ngẫm cứu"	53
Đọc sách	VŨ HIỀN - Thế giới này ai kiểm soát ? (Nhân đọc cuốn sách của Brê-din-xki : *Ngoài vòng kiểm soát - sự rối loạn toàn cầu bên thềm thế kỷ XXI*)	54
Qua sách báo nước ngoài	*** Về chủ nghĩa sùng bái đồng tiền	58
Tìm hiểu khái niệm	Cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế	60
Tin hoạt động lý luận	Hội thảo khoa học về trào lưu xã hội - dân chủ	62

Bìa 1 – Chùa Cô lễ (Hà nam ninh)
Ảnh : VĂN PHÚC

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà Nội. Dây nói : 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP Hồ Chí Minh. Dây nói : 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

● **Всемерно воплощать в жизнь Решение межсъездовского партийного конгресса*** ВУ КХОАН - Мировой опыт и процесс индустриализации и модернизации в нашей стране. ЛЕ СУАН ЛЫУ - Вопрос социалистической ориентации в экономике. ХА СУАН ЧЫОНГ - Некоторые проблемы управления культурой. Усилить национальный монолитный блок за состоятельность народа, могущество страны, социальную справедливость и цивилизованное общество. ФУНГ ДЫК ТХАНГ - Идея сплочённости и гуманизма Президента Хо Ши Мина. ● **Марксизм–ленинизм и наша эпоха*** КХОНГ ЗОАН ХОЙ - Товарное хозяйство, рыночная экономика и социализм. ЧИНЬ ЗАН - К познаванию рыночного хозяйства при социализме. ФАМ ВАН ТЬУК - Об исторической миссии рабочего класса в современную эпоху. ● **Исследования–Обмен мнениями*** ЧАН ДИНЬ ХИЕН и ФАМ ТХАНГ - Рынок сельскохозяйственной продукции и проблемы, требующие своего разрешения. ЧИНЬ МАЙ ЗЬЕМ - О некоторых творческих направлениях кинематографии в последнее время. ● **Книжная полка*** ВУ ХИЕН - Кем контролируется современный мир? (По поводу книги Бржезинского *"Вне контролирования - глобальный хаос на пороге XXI столетия"*.

CONTENTS

● **Striving to implement the Resolution of the Mid-term National Conference of CPV *** VŨ KHOAN - Experience of the world and the process of industrialization and modernization in our country. LÊ XUÂN LƯU - Issue on the socialist orientation in the economy. HA XUÂN TRƯỜNG - Some problems on cultural management. Strengthening the Great Bloc of National Solidarity for the people's richness, country's prosperity and fairness and civilization of the society. PHÙNG DỨC THẮNG - Ho Chi Minh's thought on solidarity and humanitarism. ● **Marxism-Leninism and our time *** KHỔNG DOÃN HỢI - The economy of goods and the market economy and socialism. TRINH DÂN - Some contributions to the understanding of market economy under the socialism. PHAM VĂN CHỨC - Historical mission of the working class in our time. ● **Researches-Exchanges of Views *** TRẦN DINH HIẾN and PHAM THẮNG - The market of agricultural products and some problems to be resolved. TRINH MAI DIỄM - Some creating trends in the cinema industry of recent time. ● **Reading books *** VŨ HIẾN - Who controls the workd? (On reading the book: *"Out of control - global chaos on threshold of the 21th century"* of Z. Brzezinski).

SOMMAIRE

● **S'efforcer à mettre en œuvre les Resolutions de la Conférence nationale de mi-mandat du 7e Congrès du Parti *** VŨ KHOAN - Les expériences du monde et le processus d'industrialisation, de modernisation au Vietnam. LÊ XUÂN LƯU - Le problème d'orientation socialiste dans l'économie. HA XUÂN TRƯỜNG - Quelques problèmes de gestion culturelle. Renforcer la grande union nationale pour la richesse de la population, la prospérité du pays, la justice et la civilisation de la société. PHÙNG DỨC THẮNG - L'Union et l'humaniste dans la pensée de Hô Chi Minh. ● **Le marxisme-léniniste et notre époque *** KHỔNG DOÃN HỢI - L'économie des marchandises, l'économie de marché et le socialisme. TRINH DÂN - Contributions à l'étude de l'économie de marché dans le socialisme. PHAM VĂN CHỨC - Sur la tâche historique de la classe ouvrière à l'époque actuelle. ● **Etudes-Echanges *** TRẦN DINH HIẾN et PHAM THẮNG - Le marché des produits agricoles et quelques problèmes à résoudre. TRINH MAI DIỄM - Quelques nouvelles tendances de création dans le cinéma. ● **Lecture *** VŨ HIẾN - Ce monde est géré par qui? (En lisant: *"Hors du contrôle-le bouversement mondiale au senil du XXIe Siècle"* de Z.Brzinski)

SUMARIO

● **Esforzarse por materializar las Resoluciones del VII Congreso Intermedio del Partido*** VŨ KHOAN - Las experiencias del mundo y el proceso de industrialización y modernización en Vietnam. LÊ XUÂN LƯU - El problema de determinar la orientación socialista en la economía. HÀ XUÂN TRƯỜNG - Algunos problemas acerca de la gestión cultural. Consolidar la gran unidad nacional por un pueblo rico, un país fuerte y una sociedad justa y civilizada. PHÙNG DỨC THẮNG - El pensamiento de unidad y humanidad del Presidente Ho Chi Minh. ● **El Marxismo-Leninismo y nuestra época*** KHỔNG DOÃN HỢI - La economía mercantil y la economía de mercado con el socialismo. TRINH DÂN - Contribuir a estudiar la economía de mercado en el socialismo. PHAM VĂN CHỨC - Sobre la misión histórica de la clase obrera en la época actual. ● **Estudios-Intermedios *** TRẦN DINH HIẾN y PHAM THẮNG - El mercado de productos agrícolas y algunos problemas a resolver. TRINH MAI DIỄM - Algunas tendencias de creación en la cinematografía en la actualidad. ● **Lecture de Libros *** VŨ HIẾN - ¿ Quién controla este mundo ? (A propósito de leer: *Fuera del control-el caos global en el umbral del siglo XXI*, de Zbignew Brzezinski).

目錄：

●爲實現黨的兩屆大會間的全國代表會議決議而奮鬥 ★武寬— 世界經驗和我國工業化、現代化的過程 ●黎春榴 — 社會主義經濟導向問題 ●何春長 — 有關文化管理的若干問題 ●爲民富國强，社會公平、文明而加强民族大團結 ● 馮德勝 — 胡志明主席的團結和人道思想 ●馬列主義與我們時代 ★孔尹亥 — 商品經濟、市場經濟與社會主義 ●鄭民 — 爲了解社會主義市場經濟而貢獻一份力量 ●范文祝 — 工人階級在當今時代擔負的歷史使命 ● 研究與交換 ★陳亭軒、范勝 — 農產品市場及一些必須解決的問題 ●鄭梅爛 — 最近電影的一些創作傾向 ●閱讀 ★武賢 — 這個世界由誰控制？（讀波爾伊斯基的《*在控制之外* — 二十

KINH NGHIỆM THẾ GIỚI VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở NƯỚC TA

VŨ KHOAN *

MỘT trong những nội dung lớn mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng họp tháng giêng năm 1994 đề ra là nhiệm vụ "*thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa*", coi đó là "nhiệm vụ trung tâm có tầm quan trọng hàng đầu trong thời gian tới"(1).

Đây không phải là lần đầu tiên Đảng ta đặt vấn đề công nghiệp hóa. Ngay từ Đại hội III của Đảng họp năm 1960 cũng đã đề ra nhiệm vụ công nghiệp hóa, coi đó là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ. Mặc dầu trong quá trình công nghiệp hóa chúng ta đã mắc một số sai lầm nóng vội, chủ quan mà Đại hội VI của Đảng đã phê phán, song nhờ chủ trương công nghiệp hóa, nước ta đã có một số cơ sở công nghiệp nhất định, chiếm khoảng trên 20% tổng sản phẩm trong nước (GDP) và trên 10% lao động.

Việt nam không phải là nước duy nhất lấy công nghiệp hóa, hiện đại hóa làm trọng tâm của sự nghiệp phát triển. Trong số trên dưới 180 nước và lãnh thổ trên thế giới, ngày nay có khoảng hơn 50 nước và lãnh thổ được liệt kê vào loại các nước công nghiệp phát triển hoặc các *nước công nghiệp hóa mới* (NIC). Đó là 24 nước nằm trong Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), một số nước thuộc Liên xô trước đây và Đông Âu, các nước công nghiệp hóa mới ở Đông Á và vài ba nước ở Mỹ la tinh. Các nước này thực hiện công nghiệp hóa trong vòng trên 200 năm qua kể từ cuộc đại cách mạng công nghiệp cuối thế kỷ XVIII và về đại thể qua 4 đợt lớn : đợt *đầu* có Anh vào những năm 80 thế kỷ XVIII ; đợt *hai* có Pháp, Đức, Mỹ, Bỉ và Thụy điển vào những năm 40-50 thế kỷ XIX ; đợt *ba* có Nhật, Nga, I-ta-li-a, Ca-na-đa và vài nước Trung-Bắc Âu vào mấy thập kỷ cuối thế kỷ XIX ; đợt *bốn* có các nước công nghiệp hóa mới mà ta đã biết, chủ yếu vào những năm 60-70 thế kỷ XX.

Xem như vậy thì không phải nước nào và lúc nào cũng có thể thực hiện được công nghiệp hóa. Quá trình đó đòi hỏi một số điều kiện, một số tiền đề nhất định. Vì vậy hiện nay, khi chúng ta bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc tham khảo kinh nghiệm thế giới là điều bổ ích. Đương nhiên, tham khảo cái gì và vận dụng ra sao thì lại phải tính đến hoàn cảnh cụ thể của nước ta và điều kiện quốc tế trong thời đại ngày nay.

Về mặt này, điều đáng bàn trước hết là kinh nghiệm thế giới về *những tiền đề cho công nghiệp hóa*. Tiền đề cho công nghiệp hóa thì có nhiều, cả về kinh tế lẫn chính trị-xã hội. Ở đây chỉ xin đề cập một số tiền đề.

1 - Mọi người đều biết, *tiền đề đầu tiên*, không thể thiếu được là *tích lũy vốn*. Trong đó có vấn đề *mức độ* và *phương thức* tích lũy vốn.

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ ngoại giao

(1) "Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng", *Tạp chí Cộng sản*, số 2-1994. (Các đoạn đề trong ngoặc kép mà không ghi xuất xứ trong bài này đều trích từ văn kiện trên).

(2) Xem W.W. Rostow : *The World Economy - History and Prospect*, Mac Millan, London, 1978, tr 56

Digitized by Google

Về mức độ tích lũy, nhiều nhà kinh tế trên thế giới đều cho rằng một nước có thu nhập thấp, khoảng 200 đô la Mỹ trên đầu người, thì cần có mức tích lũy trên dưới 20% tổng sản phẩm quốc gia (GNP). Ví dụ Rô-xtâu, nhà kinh tế học nổi tiếng, chuyên nghiên cứu về vấn đề công nghiệp hóa, cho rằng : mức tích lũy phải là 17,1% GDP [2]. Kinh nghiệm CH Triều tiên - nước thực hiện công nghiệp hóa thành công - là một ví dụ đáng quan tâm. Nếu đầu những năm 60, khi CH Triều tiên bắt đầu công nghiệp hóa, mức tích lũy chỉ bằng 3% GNP thì tới giữa những năm 70 đã là 27% [3].

Hiện nay mức tích lũy ở nước ta còn quá thấp ; một số tính toán cho thấy chỉ trên dưới 8% GNP. Vì vậy, việc Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng đặt nhiệm vụ gia tăng tích lũy là phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa ở nước ta và kinh nghiệm phổ biến của thế giới.

Hội nghị cũng đặt vấn đề "nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn từ bên ngoài là quan trọng". Ngay những nước mới công nghiệp hóa có quan hệ mật thiết với các nước công nghiệp phát triển giàu có, được những nước này bảo trợ nhiều, cũng phải quan tâm huy động vốn trong nước. Ở CH Triều tiên, trước khi thực hiện công nghiệp hóa, tức là trước năm 1962, nguồn vốn trong nước chỉ bằng 10% GNP, chiếm 30% tổng số vốn đầu tư, nhưng tới giữa những năm 70, nó đã chiếm tới 100% tổng số vốn đầu tư, nhờ tăng nhanh mức tiết kiệm.

Đi đôi với việc gia tăng tiết kiệm, mức độ đầu tư có tầm quan trọng đặc biệt đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kinh nghiệm các nước đi vào công nghiệp hóa cho thấy : ở các nước có thu nhập đầu người khoảng 200 đô la, mức đầu tư phải khoảng trên dưới 20% GNP (theo tính toán của Rô-xtâu là 18,8% GNP). Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới mức độ tăng trưởng. Nhiều nhà kinh tế học khẳng định rằng muốn tăng GNP lên 1 thì phải tăng đầu tư lên 3. Tiếc rằng, mức đầu tư ở nước ta so với GNP còn khá thấp, năm 1993 chỉ khoảng hơn 10%.

Dưới góc độ đó thì việc Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng vừa qua nhấn mạnh yêu cầu nhanh chóng đưa tổng số vốn đầu tư lên trên 20% GDP (GDP nhỏ hơn GNP) là phù hợp với đòi hỏi khách quan nếu muốn phát triển nhanh kinh tế và thúc đẩy công nghiệp hóa.

Một khía cạnh quan trọng khác là huy động vốn từ thành phần nào, từ lĩnh vực nào ở trong nước và bằng những biện pháp gì. Với định hướng xã hội chủ nghĩa, nước ta không thể tăng tích lũy bằng cách bần cùng hóa nhân dân lao động, tước đoạt tài sản của nông dân, chiếm đoạt nước khác... như chủ nghĩa tư bản đã làm vào thời sơ khai. Lẽ đương nhiên, để thực hiện công nghiệp hóa thì phải lao động cật lực với cường độ cao, kỷ cương chặt chẽ, mới hy vọng tạo thêm được nhiều giá trị để tăng tích lũy. Ở các NIC vào thời gian "cất cánh", người ta đã làm việc không phải chỉ 8 giờ. Như vậy, để thực hiện công nghiệp hóa, thực chất chỉ còn cách là tiết kiệm và thúc đẩy những ngành sản xuất tạo tích lũy nhanh và cao. Đấy cũng là con đường các NIC đã đi.

Các nước đều đặt vấn đề tiết kiệm theo nghĩa rộng, chứ không chỉ là tiết kiệm chi tiêu hằng ngày mặc dầu đây cũng là một nguồn tích lũy quan trọng. Tiết kiệm trước hết là trong thu, chi ngân sách. Theo kinh nghiệm nhiều nước có mức thu nhập như nước ta, thì thu ngân sách phải đạt xấp xỉ 20% GNP, thuế phải đạt trên 15% GNP. Đáng mừng là trong vài ba năm gần đây nước ta đã đạt được tỷ lệ này ; năm 1993, thu ngân sách đã đạt trên 21% GDP. Tuy nhiên, mức bội chi của ta còn quá lớn, trên 6% GDP, ảnh hưởng nghiêm trọng tới tích lũy. Kinh nghiệm các nước cho thấy : chỉ có thể tiết kiệm nhiều nếu mức chi ngân sách lấy từ thuế thấp hơn mức chi ngân sách huy động từ giá trị gia tăng. Một nguồn tiết kiệm lớn nữa là tăng xuất, giảm nhập, triệt để tránh nhập siêu ; quản lý thật chặt chẽ, sử dụng thật hiệu quả nguồn vay và tài trợ từ bên ngoài. Tiếc rằng, năm 1993 ta lại có nhập siêu tuy không lớn ; việc sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ bên ngoài

(3) Xem *The Economic and Social Modernization of the Republic of Korea*, Harvard University Press, 1980, tr 103.

Digitized by Google

đang là mối quan tâm lớn của toàn Đảng, Chính phủ và nhân dân ta.

Một nguồn tiết kiệm không kém phần quan trọng là sự dành dụm của tư nhân. Nhiều nước và lãnh thổ công nghiệp hóa, nhất là Đài loan, rất thành công về mặt này. Muốn vậy, phải áp dụng các biện pháp đồng bộ như : phát huy truyền thống tiết kiệm của người Á Đông ; giáo dục thường xuyên về sự nghèo nàn của đất nước ; xây dựng các chính sách để khuyến khích tiết kiệm như thuế, lãi suất, bảo hiểm xã hội (giáo dục, y tế, nhà cửa...).

Việc chọn cơ cấu ngành kèm theo những cơ chế, chính sách thích hợp để tạo tích lũy cao và nhanh, cũng là một hướng có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo tiền đề cho công nghiệp hóa.

Điều hiển nhiên là tất cả các nước đi vào công nghiệp hóa đều xuất phát từ một nền sản xuất nông nghiệp, do đó chính sách nông nghiệp có tác động lớn tới quá trình công nghiệp hóa nói riêng và sự phát triển lâu dài của đất nước nói chung. Nhìn lại lịch sử, ta thấy Anh và sau đó là Mỹ đi theo con đường *trang trại* đem lại năng suất cao ; còn Pháp đi theo con đường *tiểu nông* làm cho năng suất thấp, và điều này ảnh hưởng cho tới ngày nay (hiện nay nông nghiệp Pháp vẫn còn chiếm tỷ trọng tương đối cao trong nền kinh tế quốc dân). Mặt khác, kinh nghiệm các nước công nghiệp hóa cũng đều chỉ rõ : bản thân nông nghiệp khó có thể là nguồn tích lũy lớn, trừ khi nó bị tước đoạt hoặc nhờ công nghiệp hóa trở thành nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn, năng suất cao. Điều đó không có nghĩa là coi nhẹ phát triển nông nghiệp ; vấn đề chỉ là phát triển nông nghiệp với năng suất cao, tạo ra giá trị gia tăng cao, quy mô lớn, chí ít cũng bảo đảm cho sự an toàn về lương thực. Nói cách khác, các nước đều phải công nghiệp hóa ngay cả sản xuất nông nghiệp.

Khai thác tài nguyên là một nguồn tích lũy, nhiều ít tùy thuộc vào chủng loại và trữ lượng. Tuy nhiên, có mấy nhân tố đáng chú ý : bản thân công nghiệp khai khoáng chưa phải là biểu hiện của trình độ công nghiệp hóa cao. Không ít nước, nhất là các nước xuất khẩu dầu lửa, có tỷ trọng công nghiệp rất cao trong GDP nhưng không được coi là nước công nghiệp ; trái lại nhiều nước hầu như không có tài nguyên thiên nhiên như Thụy-sĩ và Áo ở châu Âu, Nhật bản, CH Triều tiên, Đài loan, Hồng-kông và Xin-ga-po ở châu Á, lại là những nước công nghiệp hóa cao. Tài nguyên dù sao cũng chỉ có hạn, đó là chưa kể việc khai thác quá mức có thể gây ra những hậu quả tai hại về môi trường. Khai thác nhiều cũng ảnh hưởng tới giá cả : giá nguyên liệu thô có xu thế giảm dần (theo thống kê của Ngân hàng thế giới, nếu lấy giá những năm 1977-1979 là 100, thì từ năm 1948 tới cuối những năm 80, giá khoáng sản (không kể dầu khí) tụt từ khoảng 160 xuống còn khoảng 60 ; còn giá nông sản (trừ lương thực) thì tụt từ khoảng 240 xuống còn 90).

Các nước thực hiện công nghiệp hóa nói chung đều tìm nguồn tích lũy từ ngay trong công nghiệp chế tạo và dịch vụ (hiểu theo *nghĩa rộng*, bao gồm cả thương mại, kinh doanh tiền tệ, các dịch vụ vận tải, kho tàng, du lịch, tạo phần mềm cho phương tiện điện tử...).

Nhìn lại lịch sử công nghiệp hóa trong hơn 200 năm qua ở trên 50 nước, thì phần lớn các nước đều bắt đầu từ các ngành sử dụng nhiều lao động như dệt, may mặc, đồ da, chế biến nông sản, các loại hàng tiêu dùng khác. Điều đó cũng dễ hiểu, vì các ngành đó đòi hỏi vốn đầu tư tương đối ít, thu hồi vốn tương đối nhanh, nhu cầu trên thị trường lớn, tận dụng được lao động dư thừa và rẻ từ nông nghiệp. Đây chính là lợi thế tương đối của các nước đang phát triển đi vào công nghiệp hóa. Theo tờ *Straits Times* của Xin-ga-po (số ra ngày 8-7-1993) thì giá 1 giờ lao động trong công nghiệp chế tạo ở Đức là 24,87 đô la Mỹ ; ở Nhật là 16,91 ; ở Mỹ là 16,40 ; ở Pháp là 16,26 ; ở Anh là 12,37 ; ở Đài loan là 5,46 ; ở CH Triều tiên là 4,93 ; còn ở Thái lan chỉ có 0,71 và ở Trung quốc có 0,44. Xin-ga-po và Hồng-kông rất chú trọng tận dụng lợi thế của mình về dịch vụ (ngân hàng, thương mại, thương cảng, sân bay...) để đi lên.

Riêng đối với công nghiệp chế tạo thì có vấn đề chọn lựa "chiến lược hướng mạnh về xuất khẩu" hay "chiến lược thay thế nhập khẩu". Nhìn chung, các nước đi vào công nghiệp hóa đều ngả theo xu thế chọn lựa chiến lược *hướng mạnh về xuất*

Digitized by Google

khẩu. Năm 1987, Ngân hàng thế giới nghiên cứu tình hình 41 nước đang phát triển, chia ra làm 4 loại : hướng mạnh ra xuất khẩu, chú trọng hướng về xuất khẩu, chú trọng thay thế nhập khẩu và hướng mạnh về thay thế nhập khẩu. Kết quả là các chỉ số về tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm xã hội, tính theo đầu người, tiết kiệm, đầu tư, lạm phát, xuất khẩu của các nước loại 1 và 2 đều tốt hơn nhiều so với loại 3 và nhất là loại 4. Kinh nghiệm các nước cho thấy, chính sách thay thế nhập khẩu thường vẫn đòi hỏi phải nhập khẩu thiết bị và thậm chí cả một số vật tư, việc sản xuất để phục vụ thị trường nội địa thường lại ít có hiệu quả và chất lượng thấp, khả năng cạnh tranh thấp không xuất khẩu được, do đó không có tiền để thanh toán số tiền vay để nhập thiết bị và vật tư, và cuối cùng vẫn bị lệ thuộc vào bên ngoài. Hơn thế nữa, chính sách thay thế nhập khẩu còn ảnh hưởng tiêu cực tới nông nghiệp, xuất khẩu và thậm chí cả quá trình công nghiệp hóa, vì giá thành cao, lại được Nhà nước trợ giúp, ảnh hưởng tới vốn dành cho các ngành khác. Nói cách khác, khả năng tạo tích lũy của chính sách thay thế nhập khẩu rất hạn chế. Chính vì vậy mà các nước từng theo đuổi chính sách thay thế nhập khẩu, kể cả những nước lớn như Trung quốc, Ấn độ, In-đô-nê-xi-a... đều đã từ bỏ chính sách này. Chính sách hướng mạnh ra xuất khẩu chứng tỏ rõ rệt sức sống, mở rộng được thị trường vượt khỏi biên giới quốc gia, buộc phải làm ăn có hiệu quả và chất lượng để đủ sức cạnh tranh, có nguồn thu ngoại tệ để trang trải nợ nần và tạo tích lũy mở rộng sản xuất, khuyến khích người tiêu dùng sử dụng hàng nội hóa vì chúng không kém hàng ngoại...

Dưới góc độ đó, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng đặt vấn đề rất đúng là "Kiên trì chiến lược hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả", tức là thay thế nhập khẩu có chọn lọc. Vấn đề là thay thế nhập khẩu những mặt hàng gì, với điều kiện nào, lâu mau thế nào.

2 - Một tiền đề tiếp theo, không kém phần quan trọng cho công nghiệp hóa là *nhân tố con người, chính sách giáo dục*. Không phải ngẫu nhiên mà châu Âu chỉ có thể đi vào công nghiệp hóa sau thời Phục hưng. Sau "cách mạng Minh trị", Nhật đi vào công nghiệp hóa với 3 chính sách trụ cột là "công nghiệp lập quốc", "giáo dục lập quốc" và "thương mại lập quốc". Các "con rồng" châu Á đều coi giáo dục là nhân tố có ý nghĩa hàng đầu đối với sự phát triển nói chung và công nghiệp hóa nói riêng. Ngân hàng thế giới tính rằng tỷ lệ thu hồi vốn cho giáo dục tiểu học là 26%, cho cấp hai là 17% và cho cao đẳng - đại học là 14%, trong khi đó tỷ lệ thu hồi vốn cho đầu tư vật chất chỉ là 13%.

Cũng do ý nghĩa đó mà các nước thực hiện công nghiệp hóa đều dành chi phí lớn cho giáo dục, coi giáo dục không những là một bộ phận cấu thành của chính sách xã hội mà còn là một bảo đảm cho thành công của công nghiệp hóa. Theo hướng đó, các nước công nghiệp phát triển và công nghiệp hóa thường dành 15-19% chi ngân sách cho giáo dục. Với nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục, gần đây Nhà nước ta cũng từng bước tăng đầu tư cho lĩnh vực này, đưa lên tới 10-12% chi ngân sách, đó là một cố gắng lớn của chúng ta, song dù sao vẫn còn hạn hẹp.

Nhờ những cố gắng liên tục về mặt giáo dục, trình độ dân trí của nước ta không đến nỗi thấp, 90% dân số biết chữ. Thế giới đánh giá cao thành tựu của nước ta về mặt này, coi đó là một lợi thế tương đối của Việt nam. Tuy nhiên, so với các nước công nghiệp hóa mới, thì cơ cấu giáo dục của nước ta còn có sự khác biệt. Ví dụ. "hình tháp" giáo dục ở CH Triều tiên năm 1975 là : 6% đại học, 42% trung học, 36% biết đọc biết viết và 16% không được học chính thức ; còn ở nước ta năm 1989 tỷ lệ tương ứng là : 0,7%, 82,4%, 3% và 13,6%. Xem như vậy thì tỷ trọng đại học của nước ta chưa phải là cao.

Đi vào công nghiệp hóa, việc chọn hệ thống giáo dục thích hợp với yêu cầu công nghiệp hóa cũng là điều được nhiều nước quan tâm. Ví dụ nước Nhật thời cách mạng Minh trị đã nghiên cứu nhiều hệ thống giáo dục khác nhau và cuối cùng hình thành hệ thống giáo dục đa dạng :

- Hệ thống giáo dục bác học (academic) bao gồm :

Digitized by Google

6 năm tiểu học bắt buộc, 5 năm trung học, 3 năm cao học và 3 năm đại học (6-5-3-3), nhiều hơn Mỹ 1 năm. Nhật chia đất nước thành 8 khu đại học, lấy một trường đại học làm trung tâm và xây dựng hệ thống giáo dục phổ thông làm vệ tinh cho các trung tâm đó.

- Hệ kỹ thuật bao gồm : tiểu học, trường kỹ nghệ (tương đương bậc trung học nói trên) và cao đẳng kỹ thuật (tương đương đại học thuộc hệ trên).

Ngay từ đầu, Nhật đưa ra khẩu hiệu "tinh thần Nhật và công nghệ phương Tây" (wakon yôsai), tức là kết hợp truyền thống dân tộc với công nghệ tiên tiến.

Lịch sử công nghiệp hóa trong hơn 200 năm qua còn cho thấy, mỗi đợt công nghiệp hóa đều gắn với những phát minh khoa học - công nghệ nhất định. Đợt *đầu* gắn với sự ra đời của máy hơi nước và máy dệt ; đợt *hai* gắn với sự bùng nổ của đường sắt kéo theo sự phát triển bột phát của công nghệ luyện kim ; đợt *ba* chịu ảnh hưởng lớn của sự phát minh ra động cơ đốt trong, đưa tới sự ra đời của xe hơi và đi liền với nó là công nghệ khai thác, chế biến dầu lửa, đồng thời là sự phát minh ra các phương tiện truyền tin như điện báo, điện thoại, radiô ; đợt *bốn* diễn ra đồng thời với sự phát triển của công nghiệp hóa dầu, chất dẻo, máy bay phản lực, đóng tàu cỡ lớn... Ngày nay, những ngành "bùng nổ" là điện tử, công nghệ sinh học, vật liệu mới, năng lượng mới. Các nước thực hiện công nghiệp hóa đều kết hợp việc tận dụng thành tựu của khoa học, kỹ thuật, công nghệ với việc sử dụng lợi thế tương đối của mình, dành ưu tiên cho những ngành mũi nhọn làm "đầu tàu" kéo theo cả đoàn xe công nghiệp hóa.

Việc Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng đặt vấn đề gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa là rất phù hợp với xu thế chung. Vấn đề còn lại là chọn lựa những ngành phù hợp với xu thế phát triển của khoa học - công nghệ thế giới, tận dụng được lợi thế tương đối của nước mình, lấy sự phát triển của ngành đó làm đầu kéo theo cả nền kinh tế đi lên.

3 - Ngày nay đã có sự nhận thức sâu sắc và rộng rãi về tầm quan trọng của *kết cấu hạ tầng*, bao gồm hệ thống giao thông vận tải, thông tin, cung cấp điện nước... như một tiền đề không thể thiếu được cho quá trình công nghiệp hóa.

Không phải ngẫu nhiên mà mỗi đợt công nghiệp hóa trên thế giới đều gắn với sự phát triển mạnh mẽ của một phương tiện giao thông. Đợt *đầu* diễn ra cùng với việc phát triển tàu thủy chạy bằng hơi nước ; đợt *hai* diễn ra cùng với sự phát triển bùng nổ của đường sắt ; đợt *ba* diễn ra cùng với sự phát triển của xe hơi ; đợt *bốn* diễn ra cùng với sự phát triển của các phương tiện vận tải đường biển hiện đại và máy bay cỡ lớn.

Sự phát triển kết cấu hạ tầng không những tạo thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, mở rộng thị trường; tăng cường phân công lao động, giảm giá thành sản phẩm, mà còn thúc đẩy công nghiệp hóa thông qua việc chế tạo các phương tiện giao thông vận tải, thông tin, điện nước...

Do nhiều nguyên do khác nhau, hiện nay kết cấu hạ tầng ở nước ta còn quá thấp kém. Ví dụ năm 1990 chiều dài đường sắt của nước ta chỉ mới có 3219,5 km, tức là bằng của Pháp, bằng 1/2 của Đức, 1/3 của Anh và 1/5 của Mỹ vào thời điểm 140 năm trước đây. Đó là chưa kể tốc độ, trang bị quá yếu kém.

Gần đây Nhà nước ta đã đặt cao vấn đề cải tạo và xây dựng kết cấu hạ tầng. Tuy nhiên, như mọi người đều biết, việc này đòi hỏi rất nhiều vốn, lại chậm thu hồi trong khi nguồn vốn của nước ta quá hạn hẹp, do đó lẽ đương nhiên phải chọn thứ tự ưu tiên. Các nước khác đi vào công nghiệp hóa cũng đều phải làm như vậy và đều phải tính đến hoàn cảnh đặc thù của mình. Ví dụ các nước đảo, như Anh và Nhật, rất chú trọng phát triển vận tải đường biển ; ngoài việc phát triển mạnh công nghiệp đóng tàu, họ còn có chính sách thỏa đáng để khuyến khích vận tải đường biển. Ngay từ buổi đầu công nghiệp hóa, Anh đã thông qua đạo luật hàng hải bắt buộc chỉ được dùng tàu thủy của Anh hoặc cùng lắm là tàu của nước xuất hàng cho Anh chuyên chở hàng xuất-nhập khẩu. Bằng biện pháp đó, họ đạt cả hai mục tiêu : gia tăng tích lũy và khuyến khích phát triển ngành đóng tàu của Anh.

Digitized by Google

4 - Một tiền đề liên quan trực tiếp tới quá trình công nghiệp hóa là *mở rộng thị trường* bên trong và bên ngoài. Ở đây chỉ xin đề cập vấn đề mở rộng thị trường bên ngoài. Việc tăng cường quan hệ kinh tế đối ngoại có tác dụng mở rộng thị trường làm động lực cho quá trình công nghiệp hóa, gia tăng tích lũy, tận dụng lợi thế tương đối của mình, trong đó có lợi thế của nước đi sau, tiếp thu kinh nghiệm thành bại của các nước đi trước.

Các phát kiến địa lý vào thế kỷ thứ XV - XVII không những đã tạo ra nguồn vàng khổng lồ hỗ trợ cho sự phát triển của châu Âu mà còn mở rộng ở mức độ lớn thị trường tiêu thụ, "đã đem lại cho thương nghiệp, cho hàng hải, cho công nghiệp, một sự phát đạt chưa từng có" [4]. Một trong những mục tiêu của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc trong việc chiếm đoạt thuộc địa là tìm nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ cho công nghiệp hóa. Về sau này, các nước thực hiện công nghiệp hóa đều dành mối quan tâm lớn tới vấn đề mở rộng giao lưu quốc tế để tiêu thụ hàng hóa, đầu tư hoặc tranh thủ vốn đầu tư của nước ngoài, chuyển giao hoặc tiếp thụ công nghệ, giành vị trí tối ưu trong phân công lao động quốc tế, thông qua sự giao lưu quốc tế nâng cao hiệu quả và chất lượng sản phẩm. Theo thống kê của Ngân hàng thế giới thì từ năm 1720 tới năm 1985, tốc độ gia tăng xuất khẩu của 6 nước công nghiệp phát triển chủ yếu luôn luôn cao hơn tốc độ gia tăng GDP, ngoại trừ giai đoạn từ năm 1913 tới năm 1950 do hai cuộc chiến tranh thế giới và cuộc đại suy thoái 1929-1933.

Một trong những nguyên nhân làm cho Nhật tiến hành công nghiệp hóa thành công là từ bỏ chính sách bế quan tỏa cảng, trong khi đó chính quyền nhà Thanh ở Trung quốc và chính quyền nhà Nguyễn ở Việt nam lại theo đuổi chính sách cổ hủ này vào thế kỷ thứ XIX, hạn chế khả năng canh tân đất nước.

Các NIC đi vào công nghiệp hóa đều xác định chiến lược hướng mạnh ra xuất khẩu, tăng nhanh giá trị xuất khẩu và tỷ trọng xuất khẩu trong GDP.

Xu thế chung là cơ cấu xuất khẩu được cải thiện, tỷ trọng sản phẩm chế tạo gia tăng đồng thời với quá trình công nghiệp hóa. Ta có thể thấy điều này ở ngay các nước xung quanh ta đang thực hiện công nghiệp hóa. Tỷ trọng hàng công nghiệp chế tạo trong xuất khẩu của các nước này qua 10 năm (1980-1990) đã tăng như sau : từ 91 lên 92% ở Hồng-kông ; 88 lên 92,5% ở Đài loan ; 89,5 lên 93% ở CH Triều tiên ; 46,5 lên 71,5% ở Trung quốc ; 43 lên 71% ở Xin-ga-po ; 18,5 lên 53,5% ở Ma-lai-xi-a ; 25 lên 63% ở Thái lan ; 51,5 lên 78% ở Ấn độ ; và từ 2,5 lên 35% ở In-đô-nê-xi-a. Trong khi đó hàng công nghiệp chế tạo trong xuất khẩu của nước ta còn đang chiếm tỷ trọng quá nhỏ bé ; riêng sản phẩm của công nghiệp nhẹ và hàng thủ công chỉ chiếm khoảng 10% giá trị xuất khẩu ; ngoài ra, chủ là nguyên liệu cơ bản, nông - lâm - hải sản chưa chế biến hoặc ở dạng sơ chế. Trạng thái đó rõ ràng hạn chế giá trị hàng xuất khẩu và tích lũy.

Nhằm đẩy mạnh xuất khẩu phục vụ công nghiệp hóa, các nước đều đề ra những chính sách mạnh mẽ. Ví dụ Nhật đã thực hiện chính sách "thương mại lập quốc" đi đôi với chính sách "công nghiệp lập quốc", theo đó nhà nước khuyến khích các thương gia Nhật, hạn chế thương gia nước ngoài, hoàn toàn miễn thuế xuất khẩu, bảo hộ sản xuất trong nước. Nhà nước còn đứng ra nhập thiết bị toàn bộ, xây dựng nhà máy, rồi bán dần cho tư nhân lúc đó còn chưa đủ vốn...

*

Công nghiệp hóa đi đôi với hiện đại hóa là đề tài rất rộng lớn, trong phạm vi bài này chúng tôi chỉ đề cập sơ bộ một vài kinh nghiệm của các nước trong việc tạo ra một số tiền đề cho công nghiệp hóa. Còn không ít những tiền đề khác như cải tạo nông nghiệp, tiến hành cải cách hành chính, hệ thống tài chính - ngân hàng cho phù hợp với yêu cầu hiện đại hóa... Chắc chắn rằng, những vấn đề như vậy sẽ được nghiên cứu kỹ trong quá trình chuẩn bị hành trang đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

(4) C.Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tr 541

Digitized by Google

VẤN ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG KINH TẾ

LÊ XUÂN LƯU *

Từ một nền kinh tế thuần nhất về thành phần và chế độ sở hữu (quốc doanh và tập thể) chuyển qua nền kinh tế nhiều thành phần và đa dạng sở hữu ; từ nền kinh tế hiện vật chuyển qua nền kinh tế hàng hóa ; từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp chuyển qua cơ chế thị trường ; từ nền kinh tế đóng cửa chuyển qua nền kinh tế mở cửa với bên ngoài - đó là một sự chuyển hướng lớn lao, một sự thay đổi sâu sắc trong xây dựng kinh tế ở nước ta.

Trong quá trình này, vấn đề giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa được đặt ra như một nguyên tắc, một vấn đề chiến lược. Bởi vì có quá độ lên chủ nghĩa xã hội được hay không, điều đó trước hết phụ thuộc vào công cuộc xây dựng nền kinh tế có giữ vững được định hướng xã hội chủ nghĩa hay không. Định hướng đó đòi hỏi phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa bao gồm cả quan hệ sở hữu, quan hệ phân phối và vấn đề quản lý nền kinh tế. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ đó sẽ bảo đảm cho nền kinh tế không bị tụt hậu trong thời đại văn minh tin học, tạo ra được tiền đề kinh tế kỹ thuật cho sự quá độ, đồng thời không đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

Muốn quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có lực lượng sản xuất phát triển. Đất nước ta có thể quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, nhưng không thể bỏ qua những tiền đề kinh tế, kỹ thuật và văn hóa, xã hội cần thiết cho sự quá độ đó. Cái thiếu của đất nước ta là một lực lượng sản xuất phát triển. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không thể thiết lập tràn lan trên một lực lượng sản xuất quá thấp kém. Theo Mác và Ăng-ghen, chỉ có thể xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa khi đã có một nền công nghiệp hiện đại, một lực lượng sản xuất phát triển cao.

Trước đây, có lúc chúng ta nhận thức một cách ấu trĩ rằng dường như cứ có quan hệ sản xuất tiên tiến là đã có chủ nghĩa xã hội ; có sở hữu xã hội chủ nghĩa thì lực lượng sản xuất sẽ tự động phát triển, năng suất lao động sẽ tăng nhanh ; từ đó đã tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách tùy tiện, không kể trình độ lực lượng sản xuất ra sao.

Ở một nước tiểu nông như nước ta, chủ nghĩa tư bản chưa phát triển, nên chưa có mâu thuẫn kinh tế cơ bản giữa trình độ xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất với sự chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ; chế độ tư hữu vẫn còn tác dụng, thậm chí còn có tác dụng hết sức to lớn đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân. Hơn nữa, chủ nghĩa xã hội ra đời không phải từ miếng đất trống không, mà từ nền sản xuất do xã hội cũ để lại ; vì vậy xây dựng xã hội mới không phải là phủ định toàn bộ cái cũ, mà phải biết vừa xây dựng cái mới vừa sử dụng cái cũ để thúc đẩy chế độ kinh tế mới ra đời.

Do vậy, con đường để tạo ra tiền đề kinh tế, kỹ thuật cần thiết cho sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội là phải duy trì nền kinh tế nhiều thành phần nhằm huy động mọi năng lực sản xuất, phát triển nền kinh tế hàng hóa để phát triển lực lượng sản xuất. Chẳng những thế, chúng ta còn tách quyền sở hữu với quyền sản xuất kinh doanh. Tài sản quốc gia không chỉ giao cho quốc doanh mà còn giao cho tập thể và cá nhân sử dụng (như giao đất, giao rừng, cho thuê...) nhằm làm cho tài sản quốc gia có chủ trực tiếp, gắn lợi ích và trách nhiệm với việc sử dụng, có hiệu quả các tài sản đó. Việc cổ phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước cũng nhằm mục tiêu này.

Những chủ trương, biện pháp trên đây đều có mục đích chung là làm xuất hiện nhiều năng lực sản xuất

* Giáo sư triết học

Digitized by Google

mới với những mức, những trình độ kỹ thuật, công nghệ, vốn liếng và quy mô khác nhau trong nền kinh tế, giải phóng mọi năng lực sản xuất để phát triển mạnh mẽ sản xuất đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây cũng là vận dụng quy luật phát huy sức mạnh tổng hợp trong công cuộc xây dựng kinh tế.

Nền kinh tế nhiều thành phần gắn liền với sản xuất hàng hóa và thị trường. Sản xuất hàng hóa và thị trường là một thành tựu, một bước tiến về phát triển kinh tế của nhân loại, gắn liền với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Cơ chế thị trường có nhiều ưu điểm trong việc thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Nó tạo điều kiện cho việc phát huy mọi tiềm năng của nền kinh tế, thúc đẩy tính chủ động trong sản xuất kinh doanh, giúp nắm bắt nhu cầu, hướng dẫn sự lựa chọn mặt hàng sản xuất kinh doanh, thúc đẩy áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công nghệ nhằm đạt tới hiệu quả cao nhất trong môi trường cạnh tranh. Với động lực cạnh tranh để kiếm lợi nhuận, cơ chế thị trường đưa lại sự phát triển của lực lượng sản xuất, sự dồi dào về của cải xã hội. Nhưng cơ chế thị trường cũng có mặt trái của nó. Do cạnh tranh để kiếm lợi nhuận, nên gây ra tính tự phát trong sản xuất kinh doanh ; chỉ chạy theo lợi ích cá nhân và lợi ích trước mắt, không tính đến lợi ích toàn cục và lâu dài, nên gây ra các hiện tượng tiêu cực như : làm hàng giả, đầu cơ, buôn lậu, lừa đảo, phá hoại tài nguyên của đất nước và môi sinh, gây ra phá sản, thất nghiệp, phân hóa giàu nghèo và nhiều hành vi vô đạo đức khác.

Một khi sự gắn bó giữa kinh tế nhiều thành phần với sản xuất hàng hóa và thị trường là một tất yếu khách quan thì vấn đề được đặt ra là : nhà nước trong thời kỳ quá độ phải bằng hệ thống chính sách và hệ thống pháp luật mà tiến hành quản lý, điều hành nền kinh tế, phát huy mặt tích cực của cơ chế thị trường và hạn chế mặt tiêu cực của nó, làm cho cơ chế thị trường trở thành công cụ quan trọng trong việc tăng trưởng nền kinh tế và phát triển lực lượng sản xuất.

Thực hiện chính sách mở cửa với bên ngoài là một yêu cầu của thời đại và là điều kiện không thể thiếu để thúc đẩy nền kinh tế tiến lên. Trong thời đại mà khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão và đã quốc tế hóa cao đời sống kinh tế thế giới thì việc thi hành chính sách mở cửa về kinh tế, gắn sự phân công lao động trong nước với sự hợp tác phân công lao động quốc tế, gắn thị trường trong nước và thị trường thế giới là một yêu cầu khách quan. Đối với một nền kinh tế kém phát triển như nước ta, thi hành chính sách mở cửa là để khắc phục khó khăn về vốn, về kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, về thị trường và kinh nghiệm quản lý, nhất là để đổi mới công nghệ, chuyển từ công nghệ lạc hậu, năng suất lao động thấp lên công nghệ tiên tiến, năng suất lao động cao, và làm cho khoa học và công nghệ trở thành yếu tố bên trong của sản xuất, thành động lực của nền kinh tế. Đó là con đường để liên kết nguồn lực bên trong với nguồn lực bên ngoài nhằm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế của đất nước. Sự nghiệp này đang đòi hỏi một sự chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế, đổi mới kỹ thuật và công nghệ, xây dựng hạ tầng cơ sở và một số cơ sở công nghiệp nặng cần thiết trong những ngành trọng yếu của nền kinh tế. Đóng cửa xây dựng chủ nghĩa xã hội là trái với quy luật khách quan, và là con đường tự sát.

Ngày nay, cả các nước tư bản muốn nền kinh tế tiếp tục phát triển cũng phải có sự hợp tác, liên minh. Đó là điều kiện khách quan thuận lợi cho chính sách mở cửa của chúng ta. Bản thân đất nước ta cũng có những yếu tố bên trong thuận lợi cho việc thu hút nguồn lực bên ngoài. Đó là vị trí địa lý thuận lợi của nước ta, nguồn tài nguyên chưa được khai thác, lực lượng lao động đông và có trình độ văn hóa, có khả năng thích nghi với kỹ thuật và công nghệ mới, giá công lao động lại rẻ, tình hình chính trị ổn định, lạm phát đang được đẩy lùi, nền kinh tế tăng trưởng nhanh.

Nhưng mở cửa không phải chỉ có thuận lợi mà không có thử thách. Các nước trong quan hệ kinh tế với ta có những mục đích khác nhau. Có nước, ngoài mục đích kinh tế còn có cả mục đích chính trị. Ngày nay, khi mà cuộc đấu tranh chính trị đã chuyển trọng tâm sang lĩnh vực kinh tế, thì kinh tế đang được sử dụng như là một công cụ để thủ tiêu chủ nghĩa xã hội. Có kẻ đang gắn viện trợ kinh tế, đầu tư, chuyển giao công nghệ với "tư hữu hóa" để kéo đất nước ta đi vào con đường phát triển tư bản chủ nghĩa ; gắn nó với "dân chủ", "nhân quyền" để tạo

Digitized by Google

ra những thế lực chống đối phục vụ cho mưu đồ diễn biến hòa bình.

Do vậy, định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi chúng ta phải giữ vững nguyên tắc độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi trong quan hệ kinh tế quốc tế. Việc học tập kinh nghiệm các nước tư bản phát triển là điều không thể thiếu, nhưng trong học tập kinh nghiệm về tổ chức sản xuất và quản lý, phải biết chọn lọc và sáng tạo. Bởi vì, trong lĩnh vực tổ chức sản xuất và quản lý nền kinh tế, có nhiều nguyên tắc giống nhau bắt nguồn từ yêu cầu của tổ chức sản xuất và quản lý nền kinh tế hiện đại, nhưng bản chất của quá trình kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta lại khác với bản chất của quá trình kinh tế của các nước tư bản phát triển. Học tập một cách giáo điều sẽ dẫn đến những lệch lạc, xa rời bản chất của nền kinh tế mà chúng ta xây dựng, xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đất nước đang khuyến khích thành phần kinh tế tư bản tư nhân phát triển, chính sách mở cửa đang khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư và thực hiện nhiều hình thức của chế độ tô nhượng. Điều đó sẽ làm cho các lực lượng tư bản chủ nghĩa mạnh lên, và cùng với nó, sẽ hình thành các lực lượng chính trị, tư tưởng, văn hóa ; và cuộc đấu tranh để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa do đó sẽ càng trở nên phức tạp. Nhiệm vụ của nhà nước là phải bằng hệ thống chính sách và hệ thống luật pháp quán triệt sâu sắc định hướng xã hội chủ nghĩa, làm cho chủ nghĩa tư bản dưới sự quản lý của nhà nước ta, không còn nguyên vẹn những thuộc tính như nó vốn có dưới chế độ tư bản chủ nghĩa.

Không có một lực lượng sản xuất phát triển cao, không có công nghiệp hóa và hiện đại hóa thì không thể có chủ nghĩa xã hội. Nhưng chỉ có những cái đó thôi thì cũng chưa phải là đã có chủ nghĩa xã hội. Muốn có chủ nghĩa xã hội thì đi đôi với việc phát triển lực lượng sản xuất, phải chăm lo xây dựng từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế trong thời kỳ quá độ là nền kinh tế nhiều thành phần gắn liền với nhiều hình thức sở hữu, nhưng trong đó *quốc doanh đóng vai trò chủ đạo, quốc doanh và tập thể là nền tảng*. Nói quốc doanh là chủ đạo không có nghĩa là phải xây dựng xí nghiệp quốc doanh một cách tràn lan, bất chấp hiệu quả kinh tế.

Hai khái niệm *kinh tế quốc doanh* và *xí nghiệp quốc doanh* không hoàn toàn đồng nhất với nhau. Xí nghiệp quốc doanh là một doanh nghiệp nhà nước cũng như mọi doanh nghiệp khác trong cơ chế thị trường. Còn kinh tế quốc doanh là toàn bộ lực lượng kinh tế thuộc nguồn vốn của nhà nước đầu tư 100% và vốn góp vào các thành phần kinh tế khác. Vì vậy, có cổ phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước cũng không có nghĩa là thu hẹp quốc doanh, vì nhà nước có thể mở rộng quốc doanh bằng con đường góp vốn liên doanh với các thành phần kinh tế khác, góp cổ phần, mua cổ phiếu của các công ty làm ăn có lãi.

Có một vấn đề có tính nguyên tắc là : trong thời kỳ quá độ, các doanh nghiệp nhà nước phải nắm lấy những mạch máu chủ yếu, những ngành then chốt của nền kinh tế quốc dân. Những doanh nghiệp này phải được tạo ưu thế về trang bị kỹ thuật và công nghệ, có đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn kỹ thuật được đào tạo kỹ càng, bảo đảm cho nó hoạt động có hiệu quả để có thể đóng được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, làm nòng cốt hướng dẫn các thành phần kinh tế khác hoạt động đúng hướng và lành mạnh. Thiếu điều này thì định hướng xã hội chủ nghĩa sẽ không có cơ sở và trở thành lời nói suông, vì rằng các thành phần kinh tế có bản chất và định hướng phát triển riêng, không phải đều thống nhất vận động theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Định hướng xã hội chủ nghĩa còn đòi hỏi phải biết phát huy vai trò của sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể bằng những hình thức sử dụng vừa bảo đảm hiệu quả kinh tế vừa bảo đảm sự kiểm soát của nhà nước đối với nền kinh tế quốc dân. Hình thức có thể đáp ứng hai yêu cầu đó là hình thức *hỗn hợp*, đan xen giữa các thành phần quốc doanh và ngoài quốc doanh, trong nước và ngoài nước. Hình thức này *một mặt*, thực hiện sự đòi hỏi khách quan của quá trình xã hội hóa là hợp tác nhằm tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất ; *mặt khác*, tạo điều kiện cho kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể đan xen vào các thành phần kinh tế khác, từ đó mà phát huy vai trò của mình trong cơ sở hợp tác, liên doanh, các công ty cổ phần, và bảo đảm sự kiểm soát của nhà nước đối với các cơ sở kinh tế đó.

Digitized by Google

Như vậy, biết chăm lo xây dựng kinh tế quốc doanh và tập thể phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất và biết phát huy vai trò của nó bằng nhiều hình thức sử dụng là điều kiện không thể thiếu để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế trong thời kỳ quá độ.

Rồi đây trong quá trình đi lên của đất nước, cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, chắc chắn rằng cơ cấu kinh tế, chế độ sở hữu, tỷ lệ giữa các thành phần kinh tế, giữa các chế độ sở hữu, sẽ còn nhiều biến đổi, nhất là khi bước vào hình thái kinh tế xã hội chủ nghĩa ; nhưng có lẽ lúc đó, cũng vẫn là nền kinh tế hàng hóa vận hành theo cơ chế thị trường dưới sự quản lý của nhà nước.

Cùng với việc giải quyết đúng đắn vấn đề sở hữu, định hướng xã hội chủ nghĩa còn đòi hỏi phải giải quyết đúng đắn vấn đề phân phối. Một chế độ phân phối hợp lý sẽ bảo đảm tính công bằng xã hội và tạo ra động lực to lớn cho sự phát triển, vì rằng mối quan hệ kinh tế giữa con người và con người thực chất là mối quan hệ về lợi ích. Trong nền kinh tế nhiều thành phần thì nguyên tắc phân phối phải là : phân phối theo lao động và theo sở hữu, tức là theo vốn góp, theo cổ phiếu, cổ phần.

Chỉ có phân phối theo lao động một cách đúng đắn mới phát huy được tính tích cực và sáng tạo của người lao động và đưa lại sức sống cho nền kinh tế. Chủ nghĩa bình quân sẽ khuyến khích sự lười biếng, sự thiếu phấn đấu vươn lên, phá hoại công bằng xã hội và thúc đẩy những người có năng lực, lao động có hiệu quả, rời bỏ cơ quan nhà nước và các cơ sở quốc doanh để ra ngoài làm ăn.

Việc phân phối theo nguồn vốn đóng góp, theo cổ phiếu, cổ phần, cũng là tất yếu trong nền kinh tế nhiều thành phần. Có thực hiện được tốt mới thúc đẩy đầu tư để phát triển. Ngày nay, xây dựng các xí nghiệp không thể đòi hỏi tất cả đều do nhà nước đầu tư. Với chính sách khuyến khích mọi người làm giàu theo luật pháp thì dần dần số vốn trong nhân dân sẽ tăng lên. Không nên để cho số vốn đó bị tiêu dùng một cách xa xỉ, mà phải thu hút nó đầu tư vào phát triển nền kinh tế.

Bên cạnh việc thực hiện đúng đắn nguyên tắc phân phối, tính công bằng và nhân đạo của chế độ còn đòi hỏi phải thực hiện tốt các chính sách xã hội khác. Chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội của con người, do con người và vì con người. Muốn phát huy được con người thì trước hết phải chăm lo đến con người. Xã hội mà chúng ta xây dựng không phải là xã hội dựa trên sự bóc lột của giai cấp này đối với giai cấp khác, dựa vào sự tha hóa của con người, mà là xã hội có mục tiêu là làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh, con người có cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc. Lẽ dĩ nhiên, mục tiêu đó chỉ đạt được đầy đủ khi xã hội mới đã được xây dựng xong ; tuy vậy, ngay trong quá trình xây dựng xã hội mới, nó đã phải được thể hiện từng bước, từng phần trong cuộc sống của con người.

Trong thời kỳ quá độ, chúng ta còn phải duy trì nền kinh tế nhiều thành phần, thực hiện cơ chế thị trường và chính sách mở cửa. Điều đó làm nảy sinh hàng loạt vấn đề cần được giải quyết. Ví dụ, làm sao tạo ra được môi trường kinh tế xã hội thuận lợi để mọi người có thể cạnh tranh lành mạnh, làm giàu chính đáng, mà vẫn giữ được công bằng xã hội, bảo đảm được lợi ích của mọi người, hạn chế được phân hóa giàu nghèo và chăm lo được sự nghiệp y tế, giáo dục, văn hóa xã hội ? Điều đó rõ ràng đòi hỏi phải nhận thức sâu sắc và quan tâm đầy đủ việc thực hiện các chính sách xã hội như : chính sách dân số quốc gia, chính sách giải quyết việc làm cho xã hội, chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách giáo dục và đào tạo, chính sách y tế và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

Phát triển kinh tế là tiền đề để thực hiện chính sách xã hội ; thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực để phát triển kinh tế. Chỉ có kết hợp hài hòa mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội thì mới thể hiện được bản chất của chế độ và mới có thể đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

Nhà nước có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc phát triển lực lượng sản xuất và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữa các thành phần kinh tế không phải chỉ có sự hợp tác, liên minh để phát triển, mà còn có sự đấu tranh. Đó là đấu tranh giữa hai khuynh hướng : xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Hai mặt hợp tác, liên minh và đấu tranh diễn ra đồng thời trong một quá trình thống nhất. Nếu không có sự tác động điều tiết và định hướng thì

(Xem tiếp trang 59)

Digitized by Google

MẤY VẤN ĐỀ VỀ QUẢN LÝ VĂN HÓA

HÀ XUÂN TRƯỜNG

BÁO cáo chính trị của BCH TƯ Đảng (khóa VII) tại Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng nêu rõ : "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chấn chỉnh và nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước đối với hoạt động văn hóa, văn nghệ ; Bổ sung các chính sách, luật lệ cần thiết và thi hành nghiêm minh".

Lãnh đạo là định ra đường lối, hoạch định chính sách và kiểm tra việc thực hiện đường lối và chính sách đó. Quản lý là chỉ đạo bằng thể chế, cơ chế và các biện pháp cụ thể làm sao bảo đảm thực hiện được đường lối và các chính sách đã đề ra. Ở bài này tôi đề cập vấn đề quản lý văn hóa.

Văn hóa là một khái niệm có nhiều định nghĩa nhất. Ở trên thế giới người ta đã thu thập được đến 200 định nghĩa về văn hóa. Nhưng dù với nghĩa rộng hay nghĩa hẹp, dù cách hiểu nó thế này hay thế khác thì văn hóa vẫn là một hiện thực tồn tại và phát triển ở ngay trong bản thân sự tồn tại và phát triển của loài người. Một thực thể mà nhận thức không thống nhất thì làm sao bàn được công việc quản lý. Nếu hiểu như vậy thì cụm từ "quản lý văn hóa" nghe không ổn. Nhưng một xã hội có kỷ cương, có đạo đức phải là một xã hội có quản lý tốt. Văn hóa phải được quản lý. Nói đúng ra cái văn hóa có thể quản lý được và cần quản lý là đời sống văn hóa và hoạt động văn hóa. Vấn đề rất khó, tôi xin nêu một số suy nghĩ.

I

Để có quản lý đúng và có hiệu quả, thì phải xác định được phạm vi, hiểu đúng đối tượng và có quan điểm rõ ràng.

Phạm vi : Văn hóa tôi bàn đến là văn hóa theo nghĩa hẹp. Tuy vậy, chúng ta không thể không vươn tới một số mặt nhất định của khoa học, giáo dục, tôn giáo, những phạm trù nằm trong văn hóa nghĩa rộng. Tôn giáo là một hình thái văn hóa không chỉ có vấn đề tâm linh, mà còn có những công trình kiến trúc tôn giáo, nghệ thuật tôn giáo, văn học tôn giáo. Những yếu tố đó lại thuộc phạm vi văn hóa mà chúng ta phải quản lý. Đối với vấn đề giáo dục, bên cạnh hệ thống giáo dục trong nhà trường, có giáo dục ngoài nhà trường (ở đây tôi không nói tới bổ túc văn hóa hay chống nạn mù chữ, mà muốn nói tới giáo dục đạo làm người, rèn luyện tinh thần và thể chất. Công việc này thuộc phạm vi quản lý văn hóa mà chúng ta bàn đến).

Đối tượng : Như vậy trong văn hóa có nhiều thành phần cấu thành, và mỗi thành phần phải được hiểu đúng các đặc trưng của riêng nó. Văn học nghệ thuật, di sản văn hóa, lễ hội, nếp sống, giải trí... có những yêu cầu và đặc trưng riêng. Văn học, nghệ thuật lại bao gồm nhiều loại hình khác nhau không thể lấy một loại hình nào làm tiêu chuẩn cho một loại hình nào. Về văn học, văn xuôi không giống thơ và ngược lại ; tiểu thuyết không giống truyện ngắn, ngoài ra còn ký sự, hồi ký... Về nghệ thuật, không thể áp dụng tiêu chuẩn văn học cho hội họa, cũng như không thể lấy tiêu chuẩn hội họa làm tiêu chuẩn của nhiếp ảnh. Âm nhạc là một lĩnh vực riêng biệt. Điện ảnh, sân khấu, tuy cơ sở là văn học nhưng rất khác văn học, và điện ảnh cũng khác nhiều với sân khấu. Kiến trúc gắn liền với xây dựng, nhưng nó là một ngành nghệ thuật. Di sản có di sản hữu hình và di sản vô hình (còn được gọi là di sản "phi vật chất"), di sản vô hình khó bảo quản hơn nhiều ; đó là phong tục tập quán, âm thanh, lối sống... Như vậy có nhiều đối tượng cụ thể là những thành phần cấu tạo văn hóa. Do đó có những nguyên tắc quản lý chung về văn hóa, và những quy định, quy tắc quản lý cho từng đối tượng cụ thể của văn hóa.

Quan điểm :

1 - Hơn bất cứ lĩnh vực nào, lĩnh vực văn hóa là lĩnh vực yêu cầu có lãnh đạo và quản lý tốt của nhà nước. Ở các nước phương Tây trong lĩnh vực kinh tế, đại bộ phận có thể không có quản lý trực tiếp của nhà nước, nhưng về văn hóa thì nước nào cũng có bộ văn hóa chăm lo quản lý văn hóa. Nhà nước đảm nhiệm một phần quan trọng trực tiếp

Digitized by Google

quản lý những công trình văn hóa (bao gồm những công trình lịch sử cũng như những công trình nghệ thuật) và những cơ sở, viện trực tiếp phát triển phục vụ nhu cầu văn hóa của nhân dân.

2 - Văn hóa thuộc nhân dân, mọi người dân đều có quyền được hưởng thụ văn hóa ; và có nghĩa vụ đóng góp bảo vệ nền văn hóa dân tộc. Xã hội hóa quản lý văn hóa là xu thế tự nhiên của bất cứ xã hội nào. Ngoài hình thức nhà nước trong việc quản lý văn hóa, cần thực hiện các hình thức tự quản của nhân dân trong việc bảo vệ và phát triển văn hóa, đảm bảo được tính đa dạng của văn hóa và đáp ứng được nhu cầu văn hóa của toàn dân.

3 - Giải quyết đúng đắn quan hệ giữa cơ chế thị trường, nền kinh tế hàng hóa và sự phát triển văn hóa. Thế giới đã quá quen thuộc với khái niệm thị trường chỉ thuộc kinh tế. Và trên lĩnh vực kinh tế, thị trường và hàng hóa là hai khái niệm đi đôi với nhau, có cái này mới có cái kia. Thị trường và hàng hóa được phát triển dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, được coi như thuộc tính của chủ nghĩa tư bản. Mươi năm trở lại đây, ở một số nước xã hội chủ nghĩa, thị trường và hàng hóa mới được coi là sự phát triển tất yếu của nhân loại ; ở Trung quốc lại có quan điểm "thị trường xã hội chủ nghĩa". Cho đến nay, trong sách báo, thị trường là sự phát triển phạm trù chỉ có trong kinh tế chính trị. Trên thực tế, dù kinh tế là yếu tố quyết định nhất, thì một xã hội phát triển không thể chỉ có kinh tế. Kinh tế và văn hóa là những nền tảng của xã hội văn minh : nền tảng vật chất và nền tảng tinh thần. Đó là quan điểm của Đảng và Nhà nước ta nhấn mạnh những năm gần đây. Quan điểm đó phù hợp với quan điểm của thế giới hiện đại.

Từ thị trường của kinh tế đã nảy sinh sự giao lưu văn hóa, hình thành các địa bàn của các hoạt động văn hóa, những *thị trường văn hóa* : thị trường thông tin, thị trường sách, thị trường báo chí, thị trường nghệ thuật, v.v. (nếu nói rộng ra : thị trường kỹ thuật, thị trường chất xám). Ý kiến khá phổ biến hiện nay coi đó là "hàng hóa đặc biệt", nghĩa là vừa tuân theo vừa không tuân theo quy luật của hàng hóa. Tôi cho rằng văn hóa là sản phẩm tinh thần, không thể coi như sản phẩm vật chất. Trong lúc hàng hóa là yếu tố quyết định sự tồn tại của thị trường kinh tế, thì ở thị trường văn hóa sản phẩm được mua bán nhưng lại không mang tính hàng hóa (với nghĩa chặt chẽ là sản phẩm vật chất có giá trị sử dụng và giá trị trao đổi). Với cách nhìn nhận đó, tôi cho rằng có thị trường văn hóa và sản phẩm của nó không nên coi là hàng hóa, và không nên áp dụng quy luật của kinh tế vào hoạt động văn hóa, mặc dầu văn hóa chịu ảnh hưởng trực tiếp của quy luật kinh tế.

Cái chung cho các loại thị trường là dùng tiền làm đơn vị trao đổi và sự cạnh tranh (cạnh tranh lành mạnh và không lành mạnh - mặt tiêu cực của thị trường). Ở cơ chế thị trường trong nền kinh tế hàng hóa, kinh tế và văn hóa giống nhau ở chỗ : phải có tiền mới hoạt động được ; nhưng khác nhau ở chỗ : ở kinh tế, tất cả vì lợi nhuận, ở văn hóa : tất cả vì đời sống tinh thần và sự hưởng thụ tinh thần của nhân dân. Nói tóm lại, mọi hoạt động văn hóa cũng cần tiền để tồn tại nhưng không vì tiền. Để cho các hoạt động văn hóa trôi nổi theo quy luật của kinh tế hàng hóa là tiêu diệt mục tiêu của văn hóa. Có thể có một số sản phẩm văn hóa được sử dụng để kinh doanh lấy lãi, nhưng không vì thế mà biến thị trường văn hóa thành thị trường kinh tế. Vì vậy để quản lý, nhất thiết phải hiểu quy luật của thị trường của mình và tác động của thị trường kinh tế và phải đương đầu với quy luật cạnh tranh, nhưng phải nắm mục tiêu văn hóa. Khi Mác nhận định chủ nghĩa tư bản là chống nghệ thuật, là kẻ thù của nghệ thuật, là khi ông quan niệm dưới chủ nghĩa tư bản mọi thứ đều biến thành hàng hóa, kể cả xương thánh và tình yêu.

Hiện nay trong giới nghệ thuật điện ảnh của ta đang trao đổi vấn đề : có nghệ thuật thương mại không, hay chỉ có tác phẩm hay và tác phẩm dở, tác phẩm ăn khách tầm thường và tác phẩm nghệ thuật đích thực. Trên vấn đề này có thể có ý kiến khác nhau, nhưng tất cả đều nhất trí là chống khuynh hướng "thương mại hóa nghệ thuật". Đã là thương mại thì tiêu chuẩn hàng đầu là lợi nhuận.

II

Trong những vấn đề nêu lên ở các hội thảo gần đây như : di sản văn hóa, giao lưu văn hóa, thị trường và văn hóa, quản lý văn hóa, thì vấn đề thị trường và văn hóa, quản lý văn hóa trong cơ chế thị trường là những vấn đề rất mới đối với chúng ta. Vấn đề thị trường văn hóa, phần trên tôi đã trình bày, ở phần này tôi xin trình bày một số ý kiến về quản

Digitized by Google

lý đời sống văn hóa và hoạt động văn hóa trong cơ chế thị trường.

1 - Quản lý văn hóa là tạo điều kiện cho văn hóa phát triển hài hòa và nhịp nhàng giữa các yếu tố của bản thân văn hóa và trong quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị, xã hội. Các trường phái và khuynh hướng lành mạnh trong văn hóa đều được phát triển, đồng thời khuyến khích, tạo cho được thế chủ đạo của những khuynh hướng theo đường hướng của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

2 - Nhất thiết phải tạo cho các hoạt động văn hóa có *cơ sở vật chất* vững chắc (đầu tư của nhà nước, đóng góp tự nguyện của nhân dân hoặc nhân dân và nhà nước cùng làm, bảo trợ của các "mạnh thường quân", thành lập hệ thống quỹ bảo trợ văn hóa từ trung ương đến địa phương...)

3 - Quản lý văn hóa rất kỵ với các biện pháp hành chính, mệnh lệnh. Do đó phải có một cơ chế trên nguyên tắc chặt chẽ nhưng lại rộng mở ("thoáng" nói theo cách nói bây giờ), không gò bó, đảm bảo quyền tự do, dân chủ cho công dân của chế độ xã hội chủ nghĩa. Văn hóa trong quản lý văn hóa là làm cho con người trong đời sống văn hóa và trong hoạt động văn hóa luôn cảm thấy tự do, thoải mái, không bị áp đặt. Tuyệt đối không biến các hội nghề nghiệp thành cơ quan hành chính, nửa nhà nước.

4 - Mỗi đối tượng cụ thể của văn hóa cần có những quy tắc, quy định thích hợp. Cần có những đạo luật riêng cho từng hoạt động, ví dụ : các luật về xuất bản, báo chí, điện ảnh, bảo vệ di tích, luật bản quyền, luật về tổ chức vui chơi giải trí v.v.. Quản lý bằng pháp luật là phương thức quản lý tốt nhất.

Bộ văn hóa - thông tin đã có nhiều cục, vụ, viện, nhưng còn thiếu một viện nghiên cứu các thứ giải trí cho quần chúng đông đảo thuộc các giới, các thế hệ khác nhau. Giải trí thuộc về văn hóa quần chúng, nhưng chỉ một Vụ văn hóa quần chúng không thể đảm đương được nhiệm vụ này.Trong cuộc sống hòa bình, nhu cầu giải trí của nhân dân ngày càng lớn,yêu cầu phải có một cơ quan nghiên cứu và quản lý tốt để nâng cao không ngừng trình độ giải trí (cả về mặt thẩm mỹ lẫn khoa học) của nhân dân.Đánh cờ là một thể giải trí, mà được quan tâm thì trở thành một môn thể thao vừa quần chúng vừa bác học.

5 - Đã chấp nhận thị trường văn hóa thì tất yếu phải có kinh doanh văn hóa. Nhưng phải xác định cho được những bộ phận nào có thể kinh doanh, và kinh doanh là để bù đắp và nuôi dưỡng cho những hoạt động không thể kinh doanh. Tùy hoàn cảnh cụ thể mỗi nước mà quyết định kinh doanh, ngành nào, bộ phận nào ; không thể áp dụng máy móc cách thức làm ăn của các nước tư bản chủ nghĩa vào nước ta... Gần mười năm nay, chắc chắn ta có những kinh nghiệm tốt cho hoạt động kinh doanh trong văn hóa. Nên lấy một vài ngành (ví dụ : điện ảnh, mỹ thuật và mỹ nghệ) mà rút kinh nghiệm để có những cơ chế cho kinh doanh văn hóa.

6 - Một phương thức tốt nhất để thẩm định giá trị sản phẩm văn hóa là các hội đồng gồm những chuyên gia giỏi của từng ngành, từng bộ môn.

7 - Văn hóa Việt nam là văn hóa đa dân tộc, do đó cần có cơ quan riêng chăm lo việc quản lý văn hóa các vùng có dân tộc thiểu số.

Nói đến quản lý là nói đến tổ chức (bộ máy) cán bộ, cơ chế, luật pháp, phương thức, nói đến những việc rất cụ thể. Trong cơ chế thị trường hôm nay, chịu tác động lớn và trực tiếp của một nền kinh tế - hàng hóa đang hình thành nhanh chóng ở nước ta, các vấn đề của quản lý đều rất mới mẻ, đòi hỏi phải được nghiên cứu chu đáo và sớm bắt tay thực hiện. Không nên cầu toàn, nhưng không thể tùy tiện. Hiện nay khâu quan trọng nhất của quản lý là *ngành quản lý*. Người quản lý phải như thế nào, điều đó có lẽ không phải bàn cãi nhiều, nhưng đối với ta cũng cần nói đến một đức tính, một yêu cầu, đó là sự am hiểu văn hóa, hiểu những con người hoạt động văn hóa, biết yêu quý họ, biết tôn trọng họ. Tiếp đó mới nói đến những người đó là ai ? Tôi nghĩ ở nước ta không thiếu người quản lý văn hóa, vấn đề là biết lựa chọn, và biết thanh lọc. Nhưng quản lý của nhà nước dù giỏi đến đâu cũng không bằng quản lý của nhân dân, chính nhân dân ở bất cứ thời nào, bất cứ dưới thể chế nào, là người sáng tạo và người gìn giữ văn hóa tốt nhất. Do đó, người quản lý tốt nhất là nhân dân ; cần hình thành sớm *cơ chế tự quản của nhân dân* trong hoạt động văn hóa theo đúng hướng của Đảng và Nhà nước. Mặt trận và các đoàn thể quần chúng có vai trò rất lớn trong cơ chế này. Đây là thực chất của dân chủ trong quản lý văn hóa.

Digitized by Google

TĂNG CƯỜNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC *VÌ DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH, XÃ HỘI CÔNG BẰNG, VĂN MINH*

ĐOÀN kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta. Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn luôn coi trọng củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại, lãnh đạo nhân dân giành nhiều thắng lợi to lớn trong sự nghiệp cách mạng. Kinh nghiệm cho thấy, khi nào chúng ta biết nêu cao ngọn cờ đoàn kết toàn dân, phát huy được sức mạnh của cả dân tộc, thì dù khó khăn đến mấy, cách mạng cũng vượt qua được. Ngược lại, khi nào yếu tố dân tộc bị xem nhẹ, mắc phải sai lầm trong việc đoàn kết, tập hợp lực lượng nhân dân, thì cách mạng gặp không ít khó khăn, trở ngại.

Hiện nay, đất nước ta đang đứng trước cơ hội mới và những thách thức mới. *Trên thế giới*, sau sự sụp đổ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, một trật tự thế giới mới đang hình thành. Yếu tố dân tộc trở thành một đặc điểm cực kỳ quan trọng. Các nước độc lập dân tộc và đang phát triển vừa đứng trước thời cơ mới, vừa phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp để thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, chống lại các thế lực thù địch nhằm bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc ; xu thế vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình, lấy lợi ích quốc gia làm mục đích, đang phát triển. Còn *ở trong nước*, đường lối đổi mới toàn diện của Đảng và Nhà nước ta đã thu được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Nền kinh tế có bước phát triển mới và có hiệu quả đã làm tăng thêm niềm tin, sự phấn khởi trong nhân dân, tạo những điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Đồng thời cũng nảy sinh nhiều vấn đề mới về cấu trúc xã hội ; xuất hiện các giai tầng xã hội khác nhau với mức sống chênh lệch, vừa có quyền lợi và nguyện vọng chung giống nhau, vừa có lợi ích riêng khác nhau ; nảy sinh nhiều mâu thuẫn mới trong xã hội cần được quan tâm giải quyết, đặc biệt là các hiện tượng tiêu cực và các tệ nạn xã hội như : tham nhũng, buôn lậu, làm giàu phi pháp, xa hoa, lãng phí, suy thoái đạo đức... Các thế lực thù địch lại đang ráo riết thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" nhằm chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết của dân tộc ta.

Vì vậy, hơn lúc nào hết, lúc này chúng ta cần ra sức tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đưa chiến lược đại đoàn kết lên tầm cao mới và chiều sâu mới, tạo thành động lực mạnh mẽ cho sự ổn định và phát triển của đất nước.

*

Tinh thần cơ bản của chiến lược đại đoàn kết dân tộc và tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất hiện nay là : "*Phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực tự cường, đoàn kết mọi người Việt Nam tán thành công cuộc đổi mới, nhằm mục tiêu giữ vững độc lập thống nhất, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên dân giàu, nước*

Digitized by Google

mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh : Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ trên thế giới" (1).

Để thực hiện tốt những yêu cầu nêu trên, cần quán triệt các quan điểm lớn sau đây :

+ *Đại đoàn kết là vì mục tiêu giữ vững độc lập thống nhất, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.* Đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt nam, bao gồm các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người trong nước và người định cư ở nước ngoài. Đại đoàn kết chủ yếu phải lấy mục tiêu chung đó làm điều tương đồng ; đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau khi nó không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, tin cậy lẫn nhau, tất vả vì độc lập của Tổ quốc, vì tự do và hạnh phúc của nhân dân.

+ *Đại đoàn kết dân tộc là đường lối cơ bản của Đảng và Nhà nước ta.* Tư tưởng đại đoàn kết trước hết được thể hiện trong các chủ trương của Đảng cũng như trong các chính sách và pháp luật của Nhà nước, đáp ứng được lợi ích, nguyện vọng chính đáng của các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo trong xã hội ; gắn quyền lợi với trách nhiệm, lợi ích riêng của mỗi người với nghĩa vụ công dân, trong đó lấy lợi ích dân tộc làm trọng. Đồng thời tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để giải phóng sức sản xuất, khuyến khích mọi người, mọi thành phần kinh tế phát huy cao độ nguồn lực và tài năng sáng tạo, ra sức phát triển sản xuất, kinh doanh, làm giàu hợp pháp, cần kiệm xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ; khuyến khích toàn dân thực hiện tốt các chính sách xã hội, tham gia các việc công ích, các hoạt động nhân đạo và từ thiện ; giúp nhau xóa đói, giảm nghèo, phát huy truyền thống nhân nghĩa của cha ông. Chỉ có không ngừng phát triển kinh tế - xã hội, mọi người thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, đời sống ; đồng thời xử lý thỏa đáng các mối quan hệ giữa lợi ích riêng với lợi ích chung và các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân mới tăng cường được khối đại đoàn kết dân tộc.

+ *Xây dựng chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực cao, thật sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân.* Trước đây, khi chưa có chính quyền, nhiệm vụ công tác quần chúng của Đảng nói chung và nhiệm vụ công tác mặt trận nói riêng là tuyên truyền, vận động nhân dân, tổ chức, đoàn kết nhân dân đấu tranh bảo vệ lợi ích của mình, chống lại sự áp bức, bóc lột, đàn áp, khủng bố của địch, từng bước làm suy yếu chính quyền của chúng, và khi thời cơ đến thì tổ chức quần chúng nổi dậy giành lấy chính quyền. Nhưng khi chính quyền đã về tay nhân dân, thì nhiệm vụ của Mặt trận và các đoàn thể thành viên của Mặt trận là vận động, tổ chức nhân dân xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền, đồng thời cùng với chính quyền, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc và tiến bộ cho dân, bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc. Chính quyền có trách nhiệm ban hành chính sách và luật pháp để tăng cường và bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc, phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ trật tự an toàn xã hội, chấn hưng nền văn hóa dân tộc và xây dựng con người mới. Phải thực hiện đại đoàn kết dân tộc ngay trong việc tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền.

+ *Mở rộng đại đoàn kết dân tộc phải đi đôi với việc củng cố vững chắc khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức.* Cần mở rộng đại đoàn kết dân tộc, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất bằng các hình thức phong phú, đa dạng, thích hợp với từng giới, từng thành phần xã hội, từng địa phương, cơ sở... nhằm khơi nguồn trí tuệ, sáng kiến, phát huy mọi năng lực của các tầng lớp nhân dân trong công cuộc

(1) Nghị quyết 07 của Bộ chính trị ngày 17-11-1993 "Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất"

Digitized by Google

xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chú ý phát huy vai trò tích cực của những người tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo... Hướng mạnh hoạt động tới địa bàn dân cư xã, phường và hộ gia đình. Đi đôi với việc mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, phải không ngừng củng cố liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, làm cho nó thực sự trở thành *nền tảng* của khối đại đoàn kết toàn dân. Kinh nghiệm cho thấy, có củng cố vững chắc nền tảng này mới có tiền đề để mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, với sự phát triển và hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân không những phải đoàn kết với nông dân, trí thức và các tầng lớp xã hội khác, mà còn cần liên minh, hợp tác lâu dài với giới doanh nghiệp tư nhân vì lợi ích của cả hai bên theo đúng pháp luật và lợi ích chung của đất nước.

*

Thực hiện đại đoàn kết dân tộc là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Song, trước hết, *Mặt trận Tổ quốc Việt nam* có vai trò rất quan trọng. Bởi vì, Mặt trận là liên minh chính trị, là tổ chức liên hiệp tự nguyện của các đoàn thể nhân dân và các cá nhân tiêu biểu của các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo. Trong tình hình hiện nay, hơn lúc nào hết, phải đổi mới, củng cố và mở rộng Mặt trận cả về tổ chức và hoạt động, làm cho Mặt trận thực sự trở thành một tổ chức tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, nơi thể hiện nguyện vọng và ý chí của các tầng lớp nhân dân ; nơi thống nhất hành động giữa các thành viên, tham gia với chính quyền trong việc giải quyết mâu thuẫn nội bộ nhân dân, trong việc thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân ; tham gia xây dựng, giám sát, bảo vệ chính quyền ; tham gia quản lý xã hội, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng ; góp phần tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước. Riêng đối với Ủy ban Mặt trận các cấp, cần kiện toàn và mở rộng theo hướng tăng thêm những người tiêu biểu có tín nhiệm và năng lực trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, giới trí thức, giới doanh nghiệp tư nhân, tăng thêm được nhiều người ngoài Đảng. Chú trọng củng cố bộ phận thường trực của Ủy ban Mặt trận, thành lập các ban giúp việc Ủy ban Mặt trận, thu hút được nhiều cộng tác viên là những chuyên gia giỏi vào từng lĩnh vực hoạt động của Mặt trận. Đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác Mặt trận các cấp cần được kiện toàn, bảo đảm đủ sức hoàn thành nhiệm vụ. Trong hoạt động của Mặt trận, cần chú ý thực hiện tốt việc hiệp thương dân chủ, nhất là trong việc tham gia xây dựng chính quyền, xây dựng các chủ trương, chính sách, pháp luật ; tổ chức phát động các phong trào hành động cách mạng của quần chúng... Thực hiện tốt phương thức phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc và giữa Mặt trận Tổ quốc với chính quyền. Đây là phương thức hoạt động chủ yếu của Mặt trận. Mọi biểu hiện chủ quan, đơn giản, áp đặt, mệnh lệnh, thiếu dân chủ, thiếu bình đẳng... đều không phù hợp với cách làm việc của Mặt trận.

Nhà nước có vai trò rất quan trọng trong việc củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất. Mọi chủ trương, chính sách, pháp luật, mọi kế hoạch và hoạt động quản lý của nhà nước đều quan hệ trực tiếp đến các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc và các tôn giáo... Các cơ quan nhà nước, nhất là những ngành, những đơn vị có quan hệ trực tiếp với dân, cần xây dựng các tiêu chuẩn cụ thể về trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ, nhân viên chính quyền ; công bố những tiêu chuẩn đó để nhân dân biết và giám sát việc thực hiện. Nhà nước tôn trọng và tạo điều kiện để nhân dân trực tiếp hoặc thông qua đoàn thể của mình tham gia xây dựng và bảo vệ Nhà nước. Nhà nước cần thể chế hóa quyền hạn và trách nhiệm của Mặt trận, giúp cho Mặt trận thực sự trở thành cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nhất là trong việc tham gia quá trình bầu cử các cơ quan dân cử, tham

Digitized by Google

gia xây dựng các chính sách và đạo luật, tham gia quản lý kinh tế xã hội, giám sát các hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức nhà nước. Các cơ quan nhà nước còn phải phối hợp hành động với Ủy ban Mặt trận các cấp, thực hiện đầy đủ những điều quy định trong Hiến pháp và pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận hoạt động có hiệu quả.

Sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định nhất trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất. Đảng cộng sản Việt nam vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo của Mặt trận Tổ quốc Việt nam. Với tư cách là người lãnh đạo, Đảng đề ra đường lối và các chủ trương công tác đúng đắn, đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Bằng tuyên truyền, vận động, Đảng tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của đông đảo quần chúng. Bằng công tác tổ chức, kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên, Đảng lôi cuốn mọi người cùng thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Đảng tôn trọng và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, ủng hộ mọi hoạt động tích cực, sáng tạo của Mặt trận, lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể, tôn trọng nguyên tắc làm việc của Mặt trận. Đảng lãnh đạo Mặt trận thông qua đảng đoàn Mặt trận và đảng đoàn các tổ chức thành viên của Mặt trận. Các cấp ủy đảng cử phó bí thư hoặc ủy viên thường vụ tham gia ủy ban Mặt trận cùng cấp và trực tiếp làm bí thư đảng đoàn. Đại diện cấp ủy đảng tham gia Ủy ban Mặt trận trình bày các chủ trương của Đảng và kiến nghị những vấn đề cần thiết với Mặt trận ; tranh thủ ý kiến của Mặt trận trong việc tham gia xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng liên quan đến khối đại đoàn kết dân tộc.

Quán triệt sâu sắc và thực hiện đầy đủ chủ trương của Đảng về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất sẽ góp phần đẩy nhanh tiến trình đổi mới đất nước, tăng thêm nhân tố bảo đảm thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của Đảng.

TƯ TƯỞNG...

(Xem tiếp trang 22)

tự do, bình đẳng, bác ái giữa các dân tộc và giữa những con người. Mặc cho những ai còn đang lạc lõng với những mưu đồ chống lại Tổ quốc, chống lại đồng bào bằng những chiến dịch như "Chuyến lửa về quê hương", "Tuyên ngôn tháng tư" hay ngụy tạo bức tranh ảm đạm về nhân quyền ở Việt nam, hàng chục vạn quân nhân, viên chức trong chế độ cũ ở miền Nam vẫn hòa nhập vào cuộc sống của cả cộng đồng dân tộc. Nhiều người đã đem hết tài năng, tâm huyết để góp phần xây dựng lại quê hương đất nước. Họ từng là những bộ trưởng, dân biểu, tướng lĩnh... của chế độ cũ nay là những nhà khoa học, nhà kinh doanh, những người thợ có bàn tay vàng và một tấm lòng gắn bó với Tổ quốc Việt nam. Và còn hơn thế nữa, hàng trăm bộ hài cốt binh lính Mỹ đã được tìm kiếm, thu gom để trả nó về cho những người thân trong khi có hàng chục vạn đồng đội, chồng con em mình đã ngã xuống còn nằm rải rác trên khắp các nẻo đường đất nước mà chúng ta vẫn chưa tìm thấy hay quy tập.

Ngày nay, trong tình hình đất nước đang tiếp tục sự nghiệp đổi mới, việc phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh về truyền thống nhân đạo Việt nam có ý nghĩa to lớn và thiết thực. Nó sẽ giúp chúng ta tập hợp được các lực lượng, các tầng lớp xã hội đóng góp sức lực, của cải cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, đồng thời thực hiện mong muốn Việt nam làm bạn với tất cả các nước.

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG ĐOÀN KẾT VÀ NHÂN ĐẠO CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

PHÙNG ĐỨC THẮNG*

TÍNH nhân đạo, lòng bác ái, tinh thần vị tha cao cả là một truyền thống lâu đời của dân tộc Việt nam. Trải qua hàng nghìn năm đấu tranh giải phóng và giữ nước, nó đã được thử thách, phát huy tác dụng trong đời sống xã hội, và làm giàu thêm những giá trị truyền thống của Việt nam. Đó là tình thương yêu vô hạn đối với con người : những cụ già cô đơn, trẻ em cơ nhỡ và tật nguyền, những số phận đắng cay, những cảnh đời oan nghiệt... Đó cũng là tấm lòng bao dung, độ lượng, không chỉ với những kẻ đã một thời lầm lỗi mà cả với kẻ thù của dân tộc.

Tính nhân đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống dân tộc kết hợp với tinh hoa thời đại. Sự kế thừa và kết hợp đó đã làm thắm đượm thêm truyền thống nhân đạo Việt nam và nâng truyền thống đó lên một bước mới.

Ra đi trong nỗi đau vô hạn của người dân nô lệ, từ chủ nghĩa yêu nước chân chính Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tìm ra con đường giải phóng dân tộc. Chính việc đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin là cột mốc báo hiệu sự gặp gỡ giữa truyền thống nhân đạo của dân tộc và tính nhân đạo cộng sản chủ nghĩa trong con người Hồ Chí Minh. Trong những tháng năm dài dừng chân tại nhiều nước châu Âu, châu Mỹ và châu Phi, hòa mình trong cuộc sống của những người lao động, từ nỗi đau đồng bào, Người thấu hiểu thêm nỗi đau đồng loại. Người nhận ra những người lính viễn chinh đã từng cầm súng bắn vào đồng bào mình cũng chỉ là công cụ trong tay bọn bóc lột. Vì khi chiến tranh đã nổ ra thì họ cũng chỉ là vật hy sinh vô nghĩa. Từ Pa-ri, Người viết về tình cảnh cầm súng của người lính viễn chinh : "đạn nó không có quốc tịch, nên đạn bên này hay bên kia thì cũng đều phá phách đồ đạc, cũng đều giết hại người ta, dửng dưng như nhau, tàn khốc như nhau"(1). Ở tính nhân đạo của Hồ Chí Minh đã thể hiện tính nhân đạo cộng sản chủ nghĩa. Nó đã vượt qua biên giới quốc gia. Đó là đỉnh cao của tính nhân đạo. Nó là kết quả quá trình hoạt động thực tiễn và quá trình rèn luyện học tập nghiên cứu của Người.

Sau 30 năm tìm hướng đi cho dân tộc và đấu tranh cho cuộc sống tự do, bình đẳng, bác ái của con người, Hồ Chí Minh đã trở về Tổ quốc. Trải qua những tháng năm không ngừng học tập và rèn luyện, phải thay tên đổi họ nhiều lần để tránh sự lùng sục của quân thù, phải làm hàng chục nghề để kiếm sống và hoạt động cách mạng, Người càng thấu hiểu giá trị của truyền thống nhân đạo Việt nam. Nó không chỉ là đạo lý, lương tâm, mà còn là một lợi khí đấu tranh. Đối với Người, truyền thống nhân đạo Việt nam là một giá trị tinh thần đã trở thành sức mạnh vật chất và phát huy đầy hiệu quả trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Để tập hợp đông đảo lực lượng quần chúng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, Người chủ trương thức tỉnh cả đến phần ít ỏi của lương tri còn sót lại trong những con người tội lỗi. Đó cũng là nét đặc sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng con người. Tháng

* PTS khoa học lịch sử

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t1, tr 38

Digitized by Google

9-1943, sau hơn một năm bị đày đọa trong các nhà tù Quốc dân đảng Trung hoa, Hồ Chí Minh được tạm trả tự do. Vì lợi ích của Tổ quốc, Người đồng ý tham gia cải tổ tổ chức *Việt nam cách mạng đồng minh hội*, một hình thức mặt trận lúc đó quy tụ phần lớn những người Việt nam lầm đường lạc lối, sống lưu vong ở Trung quốc, như Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Trương Bội Công, Nghiêm Kế Tổ (sau thêm Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Thường Bách). Bằng trí tuệ uyên bác của một nhà cách mạng, lòng yêu nước nhiệt thành và tấm lòng vị tha cao cả của truyền thống nhân đạo Việt nam, Người đã làm phân hóa tổ chức này. Một số nhân vật quan trọng trong tổ chức này như các ông Bồ Xuân Luật, Trương Trung Phụng..., những người có tinh thần yêu nước và ý thức dân tộc nhưng do ngộ nhận, bế tắc, dẫn đến lầm đường lạc lối, đã tỉnh ngộ trở về với chính nghĩa và dân tộc.

Cách mạng Tháng Tám thành công, Người tha thiết kêu gọi đồng bào cả nước và bà con Việt kiều ở nước ngoài tham gia xây dựng đất nước, đấu tranh chống thù trong giặc ngoài để giữ vững và củng cố những thành quả cách mạng đã giành được. Người mời cả những quan chức trong chế độ cũ tham gia điều hành công việc quốc gia. Người đề nghị Vĩnh Thụy (Bảo Đại), một ông vua đã gắn bó sâu nặng với chế độ thực dân, và giám mục Lê Hữu Từ, người vẫn âm thầm nuôi dưỡng tư tưởng chống cộng, làm cố vấn cho chính phủ. Trong năm đầu tiên của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, nhiều khuôn mặt tiêu biểu của các tổ chức đối lập giữ những trọng trách trong Chính phủ và Quốc hội như Nguyễn Hải Thần (Phó chủ tịch Chính phủ), Nguyễn Tường Tam (Bộ trưởng Bộ ngoại giao), Vũ Hồng Khanh (Phó chủ tịch Quân ủy hội), Cung đình Quì, Trịnh Quốc Quang, Đàm Quang Thiện, Dương Văn Dư (trong Ban thường trực Quốc hội). Nhiều vị nguyên là khâm sai đại thần, bộ trưởng, tỉnh trưởng... dưới chế độ cũ đã hăng hái hòa nhập vào cuộc chiến đấu của toàn dân tộc. Đó là một chủ trương sáng suốt của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh để thực hiện sách lược *thêm bạn bớt thù* nhằm quy tụ đông đảo các chính khách, các tầng lớp xã hội phụng sự cho nền độc lập của nước nhà. Đồng thời, đó cũng là một cử chỉ cao đẹp tô thắm truyền thống nhân đạo Việt nam. Dù bề bộn bao công việc phải lo toan, Người đã dành thời gian về Phát diệm (Ninh bình) viếng thăm Lê Hữu Từ. Trong những lần gặp gỡ, tiếp xúc, trong thư từ, điện văn, lời kêu gọi đồng bào cả nước, Người dành những lời tâm huyết nhất gửi tới tất cả những ai còn chưa tham dự vào công việc chung. Ngày 31-5-1946, trong thư gửi đồng bào Nam bộ trước khi lên đường sang thăm nước Pháp và dự Hội nghị Phông-te-nơ-blô, Người viết : "Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài. Nhưng ngắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này, thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ, ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối, lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang"(2). Giương cao ngọn cờ đoàn kết dân tộc và phát huy truyền thống nhân đạo Việt nam, Người đã chấp nhận 70 đại biểu của các tổ chức đối lập trong Quốc hội đầu tiên của nước Việt nam dân chủ cộng hòa không thông qua bầu cử. Phần lớn trong số họ đã không đi trọn con đường hợp với đạo lý làm người. Có kẻ còn lợi dụng chức vụ để mưu cầu lợi ích cá nhân, tiếp tục con đường phản dân, hại nước. Tuy vậy, cũng có người đã nhận ra chân lý và hăng hái hòa nhập vào cuộc sống kháng chiến của toàn dân tộc, xứng đáng là đại biểu chân chính cho quyền lợi của nhân dân. Người kiên quyết giữ vững những vấn đề về nguyên tắc nhưng cũng vô cùng nhân từ, độ lượng. Tại kỳ họp thứ II của Quốc hội khóa I, tháng 11-1946, Người nói : "Về ông Phó chủ tịch Nguyễn Hải Thần, ông

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t4, tr 140

Digitized by Google

Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Tường Tam và về ông Phó chủ tịch Quân ủy hội Vũ Hồng Khanh... các ông ấy không có mặt ở đây... Lúc nước nhà đương gặp bước khó khăn, quốc dân tin ở người nào trao cho người ấy công việc lớn mà các ông ấy lại bỏ đi thì các ông ấy phải hổi lương tâm thế nào ? Những người đã bỏ việc đi kia, họ không muốn gánh vác việc nước nhà hoặc họ cũng không đủ năng lực mà gánh vác ! Nay chúng ta không có họ ở đây, chúng ta cũng cứ gánh vác được như thường" [3]. Người nói tiếp : "Nhưng nếu các anh em ấy biết nghĩ lại, dối không nổi với lương tâm, với đồng bào, với Tổ quốc mà trở về, thì chúng ta vẫn hoan nghênh"[4]. Cũng trong thời gian này, Người đã cử đồng chí Phạm Ngọc Thạch mang tiền bạc sang Hồng công cung cấp cho Vĩnh Thụy và hy vọng ông ta sẽ trở về với Tổ quốc, với đồng bào. Đối với những người đối lập, những người lầm đường lạc lối, Chủ tịch Hồ Chí Minh kiên trì giáo dục, cảm hóa, làm họ chuyển hóa trở về với lẽ phải, chính nghĩa. Cũng có trường hợp sự cảm hóa, giáo dục của Người tuy không thay đổi được tâm địa của những kẻ đã cố tình quay lưng lại với dân tộc, nhưng đã góp phần quan trọng hạn chế sự phá hoại của họ. Điều đó càng làm cho mọi người thấy rõ lòng độ lượng, bao dung của Người. Đứng trước Người, những kẻ thù hung hãn nhất dường như cũng bớt hằn học và ngạo mạn.

Tính nhân đạo Việt nam, lòng vị tha cao cả trong con người Hồ Chí Minh còn thể hiện ở thái độ của Người đối với những người đã ở trong hàng ngũ thực dân. Năm 1946, trong chuyến trở về Tổ quốc trên chiến hạm Đuy-mông Đuyếc-vin, Hồ Chí Minh đã trở thành người bạn thân của cả đoàn thủy thủ trên tàu. Họ được Người mời về Hà nội dự những cuộc vui với đồng bào Thủ đô đang khẩn trương chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến toàn quốc. Chính vì lẽ đó khi chiến tranh bùng nổ, những người bạn Pháp đó của Người đã theo lệnh cấp trên bắn những quả trái phá vào chỗ... không người. Đối với con người ngã xuống vì chiến tranh, Người xót thương cho cả những hồn tử sĩ mà hôm qua đã gây ra tai họa cho đồng bào mình. Người viết : "Tôi nghiêng mình trước anh hồn những chiến sĩ và đồng bào Việt nam, đã vì Tổ quốc mà hy sinh tính mệnh.

Tôi cũng ngậm ngùi thương xót cho những người Pháp đã tử vong.

Than ôi, trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay máu Việt cũng đều là máu, người Pháp hay người Việt cũng đều là người"[5].

Trên chiến dịch biên giới 1950, vào một chiều đông giá lạnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm trận địa, Người đã cởi tấm áo dạ ấm áp của mình khoác vào vai một bác sĩ tù binh người Pháp bị thương. Người dành thời gian viết thư thăm hỏi, tiễn đưa những người lính đối phương được trở về quê hương. Người căn dặn :"Trên đường về, hãy tự giữ gìn kỷ luật một cách gương mẫu... để cho mọi người đều giữ được những kỷ niệm tốt đẹp mãi mãi về các bạn.

Về đến nhà, hãy chuyển tới gia đình các bạn lời chào của nhân dân Việt nam. Trong số các bạn, những ai còn cha mẹ già và con nhỏ hãy nói với các cụ, các cháu là Bác Hồ gửi nhiều cái hôn tốt lành.

Xin từ biệt các bạn thân mến, từ biệt các con của Bác"[6]. Và nhiều lá thư của họ cũng thắm thiết như vậy đã được gửi lên Người để bày tỏ sự tri ân sâu sắc đối với tấm lòng nhân đạo Việt nam.

Truyền thống nhân đạo Việt nam theo Người đi suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Người không gọi trận đánh chết nhiều người là *trận đánh đẹp*.

Nhớ lời Người dạy và theo gương của Người, những con người Việt nam đang cần cù xây dựng lại đất nước hôm nay lại cố gắng làm hết sức mình để xóa bỏ hận thù và phấn đấu cho cuộc sống

(Xem tiếp trang 19)

(3), (4) Võ Nguyên Giáp : *Những chặng đường lịch sử*. Nxb Văn học, Hà nội, 1977, tr 530

(5) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 194

(6) Theo báo *Quân đội nhân dân*, ngày 5-4-1990

Digitized by Google

KINH TẾ HÀNG HÓA, KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

KHỔNG DOÃN HỢI*

NHẬN thức mới về chủ nghĩa xã hội đã cho ta kết luận rằng : nền kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội phải là nền kinh tế hàng hóa, thị trường. Sự biến đổi về chất trong phương pháp tổ chức kinh tế của xã hội đã gây ra nhiều nỗi băn khoăn cho không ít người, thậm chí cả những lời mỉa mai. Bằng nhiều luận cứ - từ di sản lý luận của các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học đến thực tiễn lịch sử, người ta đã kết luận : chủ nghĩa xã hội không có chỗ đứng cho thị trường ; rằng không phải ở nơi nào có nhiều thị trường thì ở nơi đó "bánh nướng nở phồng" hơn ; rằng ngược lại, càng nhiều thị trường bao nhiêu thì càng ít chủ nghĩa xã hội bấy nhiêu ! Có ý kiến còn cho đã là kinh tế thị trường thì đừng nói đến chủ nghĩa xã hội ; rằng cái "ruột" kinh tế thị trường không thể nào mang cái "vỏ" là chủ nghĩa xã hội. Nói kinh tế thị trường định hướng lên chủ nghĩa xã hội chẳng qua chỉ là một sự "huyễn hoặc", và nếu quả là như thế - theo ý nghĩ của những người có quan điểm này - thì "công lao" của nó là "đã cung cấp cho nhân loại thêm một con đường để tư bản hóa" !

Những ý kiến trên đây *không đúng*, vì nó đồng nhất kinh tế hàng hóa với kinh tế tư bản chủ nghĩa, đồng nhất "cách tổ chức của kinh tế xã hội" nói chung với "tổ chức kinh tế xã hội tư sản" nói riêng.

Sự thật như thế nào ? Liệu chúng ta có xa rời những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội hay không ?

Quả thật Ăng-ghen đã tóm tắt ý nghĩ của Mác năm 1875 rằng : một khi xã hội nắm giữ các tư liệu sản xuất thì nền sản xuất hàng hóa sẽ bị loại trừ. Tuy nhiên, từ những di sản lý luận của các ông, đó mới chỉ là *một* trong hai cách luận giải về vận mệnh của nền sản xuất hàng hóa trong xã hội cộng sản tương lai, xét từ góc độ biến đổi sẽ xảy ra trong tính chất của chế độ sở hữu. Còn khi hai ông xem xét vấn đề từ góc độ nguyên tắc tổ chức kinh tế, kiểm kê và thông ước về hao phí lao động, bức tranh đã biến đổi rõ, và giá trị, với tất cả các đặc thù của nó, ít ra cũng là tất yếu trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản. Nghĩa là, ở hai ông, người ta chỉ tìm thấy những phán đoán lẻ tẻ chứ chưa phải là một học thuyết hoàn chỉnh về vận mệnh của nền sản xuất hàng hóa trong tương lai ; hai phương hướng tìm kiếm khoa học giải quyết vấn đề, không một phương hướng nào cho ta câu trả lời dứt khoát.

Còn Lê-nin thì sao ? Thoạt đầu ông cũng mắc sai lầm như chính ông thừa nhận : tưởng rằng có thể trực tiếp dùng pháp luật của nhà nước vô sản để tổ chức theo kiểu cộng sản chủ nghĩa việc sản xuất và phân phối sản phẩm trong một nước tiểu nông. Và để sửa sai, ông đã đưa ra *chính sách kinh tế mới*, mà thực chất là sử dụng quan hệ hàng - tiền, đặt thương nghiệp và thị trường lên hàng đầu, coi nó như chiếc "đòn xeo" để phát triển lực lượng sản xuất. Như vậy, chính Lê-nin là người mác xít đầu tiên đã đưa ra luận điểm về sự cần thiết phải sử dụng và phát triển quan hệ hàng hóa - tiền tệ trong điều kiện chính quyền do giai cấp vô sản lãnh đạo.

Luận điểm này phù hợp với quy luật phát triển tự nhiên của lịch sử kinh tế. Theo quan điểm biện chứng duy vật, sự ngự trị của một hình thức tổ chức kinh tế - xã hội nào đó là tùy thuộc trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và nhu cầu của phương thức sản xuất công nghệ. Thoạt đầu, loài

* Chuyên viên cấp cao Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Digitized by Google

người chỉ có thể sống bằng nền kinh tế tự nhiên. Cùng với sự lớn mạnh của lực lượng sản xuất (biểu hiện ở sự phân công lao động và chuyên môn hóa sản xuất ngày càng phát triển và sâu sắc), xã hội loài người - theo Lê-nin - bước vào một "cách tổ chức của kinh tế - xã hội" mới, tức sản xuất hàng hóa. Nền kinh tế này ngày càng phát triển và trở thành nền kinh tế thị trường mà cho đến nay đang là nền kinh tế thống trị và mang tính chất toàn cầu. Loài người chưa đủ điều kiện để chuyển sang một nền kinh tế phi hàng hóa, vì nền sản xuất xã hội hóa trên thực tế chưa cao đến mức làm cho mỗi lao động tập thể cũng như cá nhân trở thành một bộ phận hữu cơ của lao động xã hội trực tiếp ; những thông số về số lượng và chất lượng lao động của mỗi thành viên đều chưa thể làm cho các thành viên khác biết rõ từ trước, và do đó, trong quá trình trao đổi hoạt động của họ, sự đóng góp của mỗi thành viên vào việc tạo ra sản phẩm cuối cùng chưa đủ rõ nét để đặt kế hoạch và thù lao cho mức đóng góp đó dưới hình thức sản phẩm. Do vậy, xã hội vẫn chưa thể vòng tránh những yếu tố thị trường và "việc xác định giá trị vẫn mang tính chất thống trị" như C.Mác đã dự đoán trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản.

Do giáo điều và định kiến, do ngộ nhận cái xã hội hóa về hình thức là cái đã xã hội hóa trên thực tế, cùng với những nguyên nhân khác, sau khi Lê-nin mất, sản xuất hàng hóa ở nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên (và sau đó ở các nước xã hội chủ nghĩa khác) đã bị thủ tiêu và được thay bằng một nền kinh tế *phi hàng hóa* (hoặc *hàng hóa hình thức)* được quản lý theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung tuyệt đối. Đúng là nền kinh tế ấy cũng đạt được sự tăng trưởng mạnh mẽ, song đó chỉ là sự tăng trưởng về chiều rộng, chỉ thích hợp với điều kiện tài nguyên nhân lực và công nghệ nhất định. Khi yếu tố tăng trưởng về lượng đã cạn, và đặc biệt khi có sự biến đổi về chất trong công nghệ, thì nền kinh tế lâm vào cuộc khủng hoảng, trì trệ. Nhưng khiếm khuyết *căn bản* của phương pháp tổ chức kinh tế phi hàng hóa trước đây là ở chỗ : nó triệt tiêu tinh thần lao động sáng tạo ; nó không trực tiếp tác động đến động lực cố hữu, thiết thân của người lao động, là lợi ích vật chất.

Cần phải tổ chức nền kinh tế như thế nào để có thể kích thích người lao động vì lợi ích thiết thân mà quan tâm tới sản xuất và hiệu quả ? Đó là kinh tế hàng hóa mà phương thức vận động của nó là cơ chế thị trường, nghĩa là theo các quy luật của sản xuất và lưu thông hàng hóa (quy luật giá trị, cạnh tranh, cung cầu...). Cơ chế thị trường là sự trao đổi lấy tiền, mà tiền thì nằm trong túi người khác, không dễ gì mà moi được ra. Bằng sự tác động hết sức lạnh lùng, cơ chế này sẽ thưởng cho những ai có tài năng và phạt những ai trây lười, vụng về. Ai sẽ được lợi ? Xã hội, tức là người tiêu dùng. Thị trường sẽ làm rõ "ai là ai" và đặt mọi người vào địa vị "ai cũng như ai". Lực lượng sản xuất cứ theo cơ chế ấy mà phát triển mạnh mẽ, từng bước xã hội hóa trong thực tế, thiếu điều này thì chủ nghĩa xã hội là điều không tưởng.

Thực tiễn nước ta, kể từ sau Đại hội VI của Đảng đến nay, là bằng chứng cho thấy tính tích cực của nền kinh tế hàng hóa và cần phát triển mạnh mẽ nó. Nhưng, trong điều kiện nước ta, sự phát triển một nền kinh tế như vậy có làm cho đất nước đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản hay không ?

Không ít người đã coi kinh tế thị trường là đồng nhất với chủ nghĩa tư bản. Sự khẳng định này là trái với cả lịch sử lẫn lô gích. Hẳn ai cũng biết sản xuất hàng hóa ra đời cách đây mấy nghìn năm. Còn chủ nghĩa tư bản đến nay mới là thế kỷ thứ 4, thứ 5 của nó. Quá khứ và hiện tại đã và đang chứng kiến những hình thức sản xuất hàng hóa cũng dựa trên cơ sở chế độ tư hữu nhưng lại mang những bản chất hoàn toàn khác nhau : *không* và *có* bóc lột lao động làm thuê. Nếu là cách "tổ chức kinh tế - xã hội tư bản", thì nhất thiết nền kinh tế thị trường phải sản sinh ra sự bóc lột. Nghĩa là, "cách tổ chức của kinh tế - xã hội" chịu sự chi phối của những quan hệ kinh tế khác nhau, do đó, có nền kinh tế hàng hóa *này* và nền kinh tế hàng hóa *khác*. Chúng khác nhau *về bản chất*, mặc dù chúng đều bị chi phối bởi những yêu cầu hết sức giống nhau về phương pháp tổ chức kinh tế.

Trong điều kiện đã có sự hiện diện của chế độ sở hữu toàn dân về những tư liệu sản xuất giữ vai trò quyết định đối với toàn bộ nền kinh tế, đã có

Digitized by Google

sự hiện diện của một nhà nước đại biểu cho lợi ích của nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, như ở nước ta, thì kinh tế thị trường vận động vì mục tiêu bảo đảm các lợi ích trong xã hội và phúc lợi của nhân dân, chứ không phải vì lợi nhuận tối đa của các nhà tư bản dựa trên cơ sở bóc lột lao động làm thuê. Nó là phương tiện để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chứ không phải để thiết lập hệ thống chuyên chính tư sản. Trong điều kiện kinh tế và chính trị như ở nước ta hiện nay, kinh tế thị trường cần và có thể kết hợp giữa việc bảo đảm tính công bằng xã hội với việc nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế. Hiệu quả sản xuất và kinh tế có tác động tích cực đến những yêu cầu về công bằng xã hội.

Sự khác nhau về chất giữa kinh tế thị trường với tính cách là tổ chức kinh tế xã hội *tư sản* với kinh tế thị trường với tính cách tổ chức kinh tế xã hội *xã hội chủ nghĩa*, là như thế. Nhưng bản chất này có tính lịch sự cụ thể của nó.

Nền kinh tế của nước ta đang là nền kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, trên bước đường đi tới một nền kinh tế thị trường ứng với chủ nghĩa xã hội, cần và có thể chấp nhận sự cùng tồn tại của nhiều hình thức sản xuất hàng hóa khác nhau, trong đó có hình thức chứa đựng sự bất công xã hội lớn nhất - sự bóc lột - nhưng có giới hạn nhất định. Đương nhiên, bóc lột là không phù hợp với lý tưởng xã hội chủ nghĩa ; nhưng trên con đường đi tới mục tiêu nhân đạo nhất là không còn áp bức, bóc lột, không phải lúc nào bóc lột cũng là điều kiêng kị, xét từ lợi ích phát triển lực lượng sản xuất, cũng như từ lợi ích trước mắt và căn bản, lâu dài của người lao động. Đó là quá trình đi từ chỗ chấp nhận bóc lột trong những điều kiện nhất định, tới chỗ xóa bỏ bóc lột.

Có điều cần phải thừa nhận rằng, một nền kinh tế hàng hóa phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa cho đến nay chưa hề có, cho nên thế hệ trực tiếp tổ chức một nền kinh tế hàng hóa như thế đang đóng vai trò người mở đường. Còn phải trải qua nhiều suy nghĩ tìm tòi chú trọng tổng kết thực tiễn, để đưa ra được lý thuyết về một nền kinh tế hàng hóa như thế. Tuy nhiên, có thể lý giải bước đầu những nét chung về con đường đi, trước hết là khả năng thực tế của sự quản lý của Nhà nước ta đối với một nền kinh tế thị trường như chúng ta chủ trương, chứ không phải như ai đó cho rằng : đã là cái gì chưa có tiền lệ lịch sử thì đều không làm được và không được phép làm. Những khả năng thực tế là : chế độ công hữu và chính quyền nhân dân theo đường lối của đảng lãnh đạo. Sức mạnh kinh tế và chính trị của Nhà nước ta được thể hiện thông qua một tổng thể biện pháp : kinh tế, hành chính, giáo dục, trong đó các biện pháp kinh tế có vai trò quan trọng nhất ; thông qua công cụ kế hoạch hóa, đòn bẩy kinh tế, pháp luật, lực lượng dự trữ...

Cơ chế thị trường là cơ chế kinh tế hợp lý, chứ không phải là cơ chế hoàn mỹ. Cùng với mặt tích cực của nó, cơ chế đó còn chứa đựng mặt tiêu cực. Bằng sức mạnh hiện thực của mình, Nhà nước ta có khả năng phát huy mặt tích cực của cơ chế này, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất mặt tiêu cực của nó và giải quyết theo tinh thần xã hội chủ nghĩa những khuyết tật cố hữu của cơ chế này. Dù trong quan hệ kinh tế nào thì cơ chế thị trường cũng mang tính tự phát, khác chăng chỉ là khả năng điều tiết nó được đến đâu. Cho nên, Nhà nước ta phải làm sao duy trì được "tính tự phát có kế hoạch". Kế hoạch hóa chính là công cụ để ngăn chặn xu hướng tiêu cực của cơ chế thị trường, xu hướng phát triển lực lượng sản xuất một cách phiến diện.

Cơ chế thị trường là cơ chế của sự cạnh tranh, đào thải. Ắt sẽ có người thắng và người thua ; sẽ có phân hóa giàu nghèo và phân hóa giai cấp ; có thể nảy sinh đối kháng xã hội... Do ý thức được điều này, Nhà nước ta một mặt chấp nhận cái tất yếu, cái tiến bộ ; mặt khác, có biện pháp hạn chế và giải quyết mọi hậu quả theo hướng : thực hiện quyền con người được bảo vệ vững chắc về mặt xã hội, chứ không chấp nhận châm ngôn "sống chết mặc bay". Trong khi khuyến khích người có tài, có sức, thả sức làm giàu chính đáng, thì đồng thời Nhà nước ta cũng tìm mọi biện pháp để vực những người "thua cuộc" và người nghèo vươn lên, theo châm ngôn mới : "không chống việc làm giàu chính đáng, mà cùng nhau đấu tranh chống sự nghèo nàn và lạc hậu". Trong thực tế, Đảng và Nhà nước ta đang phát động phong trào quần chúng theo hướng

Digitized by Google

đó, và đã thu được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, đó mới chỉ là những công việc ban đầu, còn nhiều việc chưa làm được và phải làm không dễ dàng.

Cơ chế thị trường là cơ chế vận động của đồng tiền. Thật khó mà thuyết phục mọi người rằng, trong cơ chế này đồng tiền không phải là tất cả. Sức mạnh của đồng tiền không phải không có khả năng xóa nhòa ý thức hệ này và tự phát truyền bá ý thức hệ khác. Vì lẽ đó, vấn đề đấu tranh cho một nền đạo đức mới, một lối sống lành mạnh bằng công tác tuyên truyền, giáo dục, và đặc biệt bằng công tác thực tiễn, mặc nhiên nổi lên ở tầm chiến lược, quyết định. Nếu không tỉnh táo, thị trường có thể là công cụ của sự "diễn biến hòa bình".

Nền kinh tế nước ta đang đi những bước đầu tiên vào ngưỡng cửa của thị trường. Cho nên, hãy còn quá sớm để quả quyết rằng, kinh tế thị trường trong điều kiện nước ta chỉ còn là cái thiện. Đành rằng chúng ta có khả năng phát huy cái thiện, ngăn chặn cái ác. Song khả năng chưa phải là hiện thực, càng không thể tự động trở thành hiện thực.

Tất cả phụ thuộc vào vai trò quản lý của nhà nước, vào sự mềm dẻo và cứng rắn của nhà nước. Một thị trường văn minh, chưa nói một thị trường định hướng lên chủ nghĩa xã hội, tự nó đã đòi hỏi phải duy trì được trật tự kỷ cương xã hội, phải có luật pháp và tôn trọng luật pháp, nhất thiết phải sống và làm việc theo pháp luật. Thiếu điều này, thì xu hướng ly tâm của địa phương, cơ sở sẽ trở thành hiện thực. Nạn tham nhũng, đục khoét ngân sách, phân phối tách khỏi sản xuất... là những nguy cơ phá vỡ sự định hướng xã hội chủ nghĩa. Khi ma lực của đồng tiền điều tiết người đi điều tiết, thì không bao giờ có một nền kinh tế thị trường vì phúc lợi của nhân dân. Cũng tức là, có một nền kinh tế thị trường định hướng lên chủ nghĩa xã hội, song trên hướng đi đúng, mọi vấn đề đang còn ở phía trước !

Góp phần tìm hiểu kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội

TRỊNH DÂN

KINH tế thị trường là gì ? Lý luận kinh tế học của Mỹ giải thích rằng kinh tế thị trường là một phương thức tổ chức kinh tế trong đó cung cầu quyết định mọi vấn đề liên quan đến sản xuất hàng hóa : Cần sản xuất hàng hóa gì ? Bằng phương pháp nào ? Ai sẽ nhận hàng hóa sau khi được sản xuất ra ?... Kinh tế thị trường là hình thức vận hành của nền kinh tế và cũng là phương pháp quản lý nền kinh tế. Còn thị trường là môi trường chuyển tải, môi trường thực hiện những hoạt động của kinh tế thị trường. Nói đơn giản, "thị trường" chính là nơi diễn ra quá trình mua bán, trao đổi hàng hóa. Trong thị trường, các yếu tố có tác động lớn là giá cả, cung cầu, cạnh tranh, lợi nhuận, tiền lương, lãi suất, thuế suất, hối suất... Trong đó, giá cả là yếu tố cơ bản nhất.

Kinh tế thị trường của chủ nghĩa tư bản đã trải qua mấy giai đoạn. Giai đoạn cạnh tranh tự do kéo dài mãi đến cuối thế kỷ 19. Trong giai đoạn này, nhà nước hầu như không có vai trò gì. Có thể vì thế mà Mác và Ăng-ghen đã cho rằng : tính chất của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa là *vô chính phủ*. Và cũng do đó, hai ông dự đoán bản chất kinh tế xã hội chủ nghĩa là có kế hoạch. Đến đầu thế kỷ 20, nhất là qua các cuộc khủng hoảng và đại khủng hoảng kinh tế dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới, người ta thấy rõ kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa không phải luôn thúc đẩy sự phát triển. Nó có những *khuyết tật rất cơ bản* : gây lãng phí lớn do cơ cấu kinh tế mất cân đối và bất hợp lý ; gây ra sự phân hóa giàu nghèo, bất công và bất bình đẳng trong kinh tế và do đó, cả trong chính trị và xã hội ; dẫn đến độc quyền, gây ra đầu cơ, buôn lậu, gian manh, hối lộ, tham nhũng, mua chức bán quyền và mọi bệnh trạng xã hội khác ; dẫn đến chiến tranh ác liệt, phá

Digitized by Google

hoại môi sinh, làm tha hóa con người, con người trở thành vật hy sinh cho lợi nhuận, cho đồng tiền... Sau chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế thị trường của chủ nghĩa tư bản được hoàn thiện với sự can thiệp từng bước của nhà nước tư sản vào thị trường. Người ta gọi đó là *kinh tế thị trường hiện đại*.

Trong kinh tế thị trường hiện đại, những *khuyết tật cơ bản* nói trên vẫn tồn tại và phát triển, mặc dù có sự điều chỉnh nhất định của nhà nước tư sản. Nhìn chung, kinh tế thị trường hiện đại có *những đặc trưng* như sau :

Cạnh tranh là đặc trưng *chủ yếu, đầu tiên* của kinh tế thị trường hiện đại. Cạnh tranh là biểu hiện bên ngoài của quy luật thị trường, là kết quả tác động của quy luật nội tại của sản xuất hàng hóa. Tác động này có tính chất cưỡng chế đối với người sản xuất hàng hóa. Cạnh tranh thường diễn ra xoay quanh giá cả, giữa những người bán hoặc giữa những người mua, hoặc giữa người bán và người mua qua việc hạ giá, nâng giá hàng... Trong cạnh tranh, có sự chuyển dịch giá trị từ người này sang người khác. Cạnh tranh trên thị trường phản ánh sự cạnh tranh trong sản xuất. Kết quả cuối cùng của cạnh tranh là : "ai làm tốt sẽ thắng, ai làm xấu sẽ bị loại".

Xã hội hóa là đặc trưng *thứ hai* của kinh tế thị trường hiện đại. Sản xuất không khép kín ở một vùng hay một nước. Mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh được triển khai và có mối liên hệ qua lại trên quy mô cả nước, khu vực và thế giới. Cho nên, sản xuất trong kinh tế thị trường hiện đại là sản xuất mở, xã hội hóa, quốc tế hóa. Trong thế giới tư bản hiện đại có tới 200 công ty siêu quốc gia nắm giữ gần 1/2 sản lượng công nghiệp thế giới. Điều này nói lên trình độ xã hội hóa rất cao của kinh tế thị trường hiện đại. Ở đây thị trường trở thành *cầu nối* và *vật môi giới* của toàn bộ quan hệ kinh tế-xã hội, trở thành *vật chuyển tải* của các quan hệ phức hợp kinh tế xã hội.

Trong kinh tế thị trường hiện đại, *mục đích của sản xuất và kinh doanh* là để *kiếm lời*. Việc phân phối tài nguyên trước hết là nhằm đạt được hiệu quả kinh tế cao - nghĩa là phải tăng thêm giá trị. Khi quyết định bỏ bao nhiêu vốn, người ta phải tính toán xem sinh lợi như thế nào. Hơn nữa, trong sản xuất kinh doanh, việc tìm kiếm giá trị và giá trị siêu ngạch là không có giới hạn.

Trong kinh tế thị trường hiện đại, tiếp tục có sự *phân hóa giàu nghèo*. Cơ chế thị trường không kiêng nể bất cứ ai. "Tốt" sẽ thắng, "xấu" sẽ thua - đó là kết quả tất yếu của cạnh tranh. Từ đó không tránh khỏi có sự chênh lệch về thu nhập, về giàu nghèo.

Chức năng tự nhiên của kinh tế thị trường hiện đại là *định hướng sản xuất và lưu thông* thông qua việc *phân phối hợp lý lao động xã hội, phân bổ hợp lý tài nguyên*. Kinh tế thị trường hiện đại có thể xuất phát từ động cơ lợi ích, từ sự phân bố và tình hình vận hành của các yếu tố sản xuất tại các vùng khác nhau và các ngành khác nhau, để di chuyển số tài nguyên hiện có và số tài nguyên gia tăng, đến những lĩnh vực, những ngành, những vùng nào có lợi nhất cho nền kinh tế. Từ đó, đạt tới mục tiêu tối ưu hóa cơ cấu sản xuất, bảo đảm phát triển cân đối toàn bộ nền sản xuất xã hội.

Trong kinh tế thị trường hiện đại, thị trường giữ vai trò *quyết định* trong việc điều chỉnh hệ thống cân bằng giữa tổng cung và tổng cầu. Thị trường là một kho tin tức khổng lồ cho biết những thông tin về cung và cầu. Thông qua hệ thống tín hiệu là giá cả, thị trường có thể phản ánh đúng và kịp thời tình hình biến động của cung và cầu. Nó tự phát định hướng sản xuất, định hướng tiêu dùng. Nó điều tiết quan hệ cung cầu, khiến cung cầu có sự cân đối về tổng lượng và về cơ cấu.

Trong kinh tế thị trường hiện đại, đương nhiên vẫn còn hiện tượng *mù quáng, vô chính phủ*, nhưng không hoàn toàn giống như trong kinh tế thị trường thời chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh. Kinh tế thị trường hiện đại là kinh tế thị trường *có sự điều hành vĩ mô*. Tại các nước tư bản chủ nghĩa, vai trò điều hành vĩ mô của nhà nước đối với kinh tế thị trường đã được tăng cường. Như vậy, việc điều hành vĩ mô không phải là điểm riêng có của chủ nghĩa xã hội. Ngay từ năm 1891, Ăng-ghen đã không tán thành Dự thảo Cương lĩnh của Đảng dân chủ - xã hội Đức (Cương lĩnh Ép-phuốc) viết như sau :

Digitized by Google

"Sự thiếu kế hoạch mà cơ sở là nằm trong chính ngay tính chất của sản xuất tư bản tư nhân" [1]. Ăng-ghen góp ý : "Câu này phải sửa lại rất nhiều. Tôi biết một nền sản xuất tư bản chủ nghĩa... Vậy sản xuất tư bản *tư nhân* nghĩa là gì ? Là sản xuất của người kinh doanh *riêng biệt* ; và nền sản xuất ấy há chẳng ngày càng trở thành một ngoại lệ đó sao ? Sản xuất tư bản chủ nghĩa của những *công ty cổ phần* đã không còn là một nền sản xuất *tư nhân* nữa, mà là một nền sản xuất cho một số đông cổ đông. Và nếu chúng ta đi từ những công ty cổ phần đến các tơ-rớt đang khống chế và độc quyền những ngành trọn vẹn trong công nghiệp, thì lúc đó, chẳng những nền *sản xuất tư nhân* mà cả *sự thiếu kế hoạch* nữa cũng không còn" [2]. Tháng 4-1917, căn cứ vào sự phát triển mới của kinh tế tư bản chủ nghĩa, Lê-nin cũng nói rõ : ngay từ năm 1891, tức 26 năm trước, khi người Đức thông qua Cương lĩnh Ép-phuốc, Ăng-ghen đã nhận xét : không thể cho rằng chủ nghĩa tư bản là không có kế hoạch. Còn vào thời điểm trên (tháng 4-1917), theo Lê-nin, chủ nghĩa tư bản đang trực tiếp chuyển sang một hình thức cao hơn, một hình thức có kế hoạch. Như vậy, rõ ràng không thể đơn thuần lấy kế hoạch hoặc lấy sự điều hành vĩ mô của nhà nước để phân biệt đó là kinh tế thị trường của chủ nghĩa tư bản hay của chủ nghĩa xã hội.

Sự khác nhau giữa kinh tế thị trường của chủ nghĩa tư bản và của chủ nghĩa xã hội là ở chỗ nào ? Căn cứ vào thực tiễn nước ta mấy năm qua, có thể nêu lên mấy đặc trưng như sau của kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội.

Trước hết, trong kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội, sở hữu *quốc doanh* và *tập thể* phải giữ vai trò *chủ thể* và *chủ đạo*. Chủ thể là chiếm tuyệt đại bộ phận về định lượng. Chủ đạo là giữ vị trí dẫn đường, hướng dẫn, định hướng, định tính. Đặc trưng này quy định bản chất của kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội, từ đó phân biệt với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Dưới chủ nghĩa xã hội, các yếu tố chủ thể của kinh tế thị trường vẫn là các xí nghiệp và người sản xuất hàng hóa. Nhưng trong đó, *chủ yếu* là xí nghiệp sở hữu xã hội chủ nghĩa, bao gồm quốc doanh và tập thể. Trong các đơn vị quốc doanh và tập thể, không có quan hệ chủ thợ, không có quan hệ giữa tư bản và người làm thuê. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, quá trình lưu thông hàng hóa cũng đồng thời là quá trình vận động của tư bản. Tư bản cũng là quan hệ kinh tế, quan hệ giữa người và người. Còn trong kinh tế lấy sở hữu xã hội làm chủ thể, quá trình lưu thông trên thị trường, chủ yếu là quan hệ mua bán và quan hệ tín dụng giữa các cộng đồng người lao động. Quan hệ về lợi ích giữa nhà nước, tập thể và cá nhân trong kinh tế thị trường của chủ nghĩa xã hội là do chế độ sở hữu công cộng quyết định, nhằm thực hiện mục tiêu cuối cùng là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong kinh tế thị trường của chủ nghĩa xã hội, giữa các chủ thể kinh tế khác nhau (người sản xuất, người kinh doanh, người mua, người bán, người đương sự) có lợi ích khác nhau. Đó là sự khác nhau giữa lợi ích cá thể, cục bộ, lợi ích trước mắt, lợi ích ngắn hạn. Đứng về lợi ích lâu dài và lợi ích tổng thể, các chủ thể kinh tế khác nhau đó đều có lợi ích chung, như nhau. Sự khác nhau về lợi ích riêng và sự thống nhất về lợi ích chung đó tạo nên một mối quan hệ mới, quan hệ hợp tác, cùng có lợi giữa các chủ thể kinh tế, dựa trên nền tảng của sở hữu xã hội chủ nghĩa. Nhờ đó, trong kinh tế thị trường của chủ nghĩa xã hội, giảm bớt được sự đối kháng và xung đột về lợi ích.

Đương nhiên, trong thế giới hiện đại, không có một nền kinh tế nào có một hình thức sở hữu thuần nhất. Sở hữu tư bản chủ nghĩa ngày nay rất đa dạng, không còn là sở hữu tư nhân thuần túy kiểu cổ điển. Nó bao gồm sở hữu độc quyền nhà nước, sở hữu tư bản tư nhân, sở hữu công ty siêu quốc gia, sở hữu cổ phần... Những hình thức sở hữu đó thể hiện trình độ xã hội hóa sản xuất rất cao. Tuy nhiên, xét về bản chất, vẫn là sở hữu tư bản chủ nghĩa, nghĩa là sở hữu của các nhà tư bản, các tập đoàn tư bản đối với tư liệu sản xuất. Hình thức sở hữu đó ngự trị trong sản xuất tư bản chủ nghĩa, còn các hình thức sở hữu khác chỉ là phụ thuộc, không có ý nghĩa quyết định.

(1) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t6, tr 493

(2) *Sđd*, tr 493 - 494

Digitized by Google

Trong kinh tế thị trường của chủ nghĩa xã hội cũng vậy, không thể cho rằng đã là sở hữu xã hội chủ nghĩa thì đều là sở hữu công cộng. Trong hoạt động thị trường, các thành phần kinh tế và cơ cấu sở hữu có sự biến động, xen kẽ, pha trộn với nhau. Mỗi thành phần đều cố gắng phát huy ưu thế của mình. Ví dụ, xí nghiệp quốc doanh phát hành cổ phiếu, thu hút cả vốn của tư bản nước ngoài. Công nhân viên chức trong xí nghiệp cũng mua cổ phần. Như vậy, xí nghiệp quốc doanh đó không thuần túy là sở hữu quốc doanh nữa. Các xí nghiệp tập thể cũng vậy. Các xí nghiệp tư nhân cũng có sự tham gia của cổ phần nhà nước, cổ phần tập thể. Có thể gọi đó là kinh tế hỗn hợp. Tuy nhiên, trong đó thành phần kinh tế sở hữu xã hội chủ nghĩa phải đóng vai trò chủ đạo. Cổ phần hóa là nhằm đa dạng hóa hình thức sở hữu bằng cách tách chế độ sở hữu kinh tế và quyền sở hữu tài sản, nhằm thúc đẩy sản xuất sinh lợi và phát triển. Cổ phần hóa không có nghĩa là tư nhân hóa hoặc xóa bỏ chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa. Đây là đòi hỏi tất yếu của định hướng xã hội chủ nghĩa, không thể xem nhẹ.

Vậy làm thế nào để kinh tế sở hữu xã hội chủ nghĩa có thể giữ được vai trò chủ đạo ? Thực tiễn kinh tế quốc doanh các nước tư bản phát triển cho thấy : nếu kinh tế quốc doanh thiết lập được một cơ chế kinh doanh cơ động, linh hoạt, thích ứng được với sự cạnh tranh trên thị trường, thì nó sẽ thành công. Ngược lại, không phải cứ tư nhân hóa, cứ thay kinh tế quốc doanh bằng kinh tế tư nhân, thì tự động nền kinh tế sẽ tăng trưởng. Xí nghiệp tư nhân dưới chế độ tư bản chủ nghĩa chẳng đã phá sản rất nhiều đó sao ?

Trong kinh tế thị trường của chủ nghĩa xã hội, thực hiện nguyên tắc "phân phối theo lao động" là chính, kết hợp với nhiều hình thức phân phối khác. Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là thực hiện sự cân bằng giữa hiệu suất và công bằng. Để thực hiện mục tiêu này, sẽ diễn ra các bước như sau : lần phân phối *thứ nhất*, phản ánh sự chênh lệch thu nhập do hiệu suất khác nhau ; các bước tái phân phối tiếp sau, phản ánh công bằng xã hội, bảo đảm cuối cùng đạt tới sự phồn vinh chung, cùng giàu có. Mục tiêu và bản chất của chủ nghĩa xã hội là thực hiện công bằng xã hội. Đương nhiên, dưới chủ nghĩa tư bản cũng có phúc lợi xã hội, thậm chí hiện nay phát triển tới mức rất cao, nhưng thực chất đó là chính sách nuôi con gà béo để nó đẻ trứng thật nhiều vì lợi ích của giới chủ. Kinh tế tư bản chủ nghĩa dựa trên phân phối theo vốn (tư bản) là chủ yếu. Mặc dù chủ nghĩa tư bản hiện đại có nhiều hình thức phân phối rất đa dạng, thậm chí là khoa học, song ngự trị và chi phối vẫn là hình thức phân phối theo tư bản. Chính vì chủ yếu phân phối theo tư bản, cho nên thị trường tư bản chủ nghĩa phải hoạt động theo quy luật lợi nhuận tư bản chủ nghĩa, gây ra phân hóa giai cấp, gây ra tình trạng bất công lớn trong xã hội không sao khắc phục. Xã hội của thị trường tư bản chủ nghĩa, như thực tế cho thấy, là hang ổ của mọi sự suy đồi và tệ nạn xã hội, mà nguồn gốc sâu xa là chủ nghĩa hưởng lạc, tự do cá nhân cực đoan !

Sở dĩ chủ nghĩa xã hội phải giữ vững nguyên tắc phân phối theo lao động là chính, là vì phân phối theo lao động là sự phủ định căn bản đối với chế độ người bóc lột người. Xóa bỏ chế độ người bóc lột người, thực hiện quyền làm chủ của người lao động đối với tư liệu sản xuất, đó là đặc trưng bản chất của kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội. Nếu để cho các hình thức phân phối khác chiếm vai trò chủ đạo, hoặc mở rộng quá mức các hình thức phân phối khác, để gây ra sự chênh lệch quá đáng về thu nhập, gây ra phân hóa hai cực, thì cuối cùng không tránh khỏi dẫn đến sự thay đổi tính chất của nền kinh tế, và từ đó, dẫn đến sự thay đổi tính chất của chính trị.

Cần chú ý rằng, cho phép phát triển kinh tế tư nhân (kể cả tư nhân trong nước và tư nhân nước ngoài), cho phép thuê lao động, cho phép mua cổ phần hưởng lãi suất, mua chứng khoán, gửi tiền tiết kiệm hưởng lãi suất, tất cả đều là cho phép thực hiện các hình thức phân phối theo tài sản. Nhưng trong kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội, những hình thức phân phối này bị giới hạn trong những phạm vi nhất định : 1) Đấy chỉ là những hình thức phân phối bổ sung, chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong toàn bộ thu nhập quốc dân được phân phối. 2) Đấy chỉ là những hình thức phân phối *lần thứ hai* (chứ không phải *lần đầu*). 3) Trong các hình thức phân phối bổ sung đó, chỉ có

Digitized by Google

phần kinh tế tư nhân liên quan đến việc chiếm hữu giá trị thặng dư của người lao động là mang tính chất bóc lột. Nhưng đây không phải là bóc lột giai cấp. Hình thức bóc lột này được pháp luật xã hội chủ nghĩa cho phép, vì nó còn cần thiết để thúc đẩy sản xuất phát triển trong điều kiện sức sản xuất còn thấp, còn nhiều thành phần kinh tế, thể hiện tính tất yếu về kinh tế của một nước có điểm xuất phát thấp. 4) Do tỷ trọng thấp và do có sự kiểm soát của nhà nước, hình thức bóc lột vừa nói không thể dẫn đến sự chênh lệch quá mức về thu nhập trong dân cư, do đó, không thể dẫn đến phân hóa hai cực, phân hóa giàu nghèo mang tính chất giai cấp. 5) Các hình thức phân phối bổ sung khác (như lãi suất tiền gửi tiết kiệm và cổ phần) đều thuộc phạm trù thu nhập lao động để dành của người lao động. Bởi lẽ, dưới chủ nghĩa xã hội, hầu hết những người gửi tiết kiệm, mua cổ phần, mua chứng khoán, đều là những người lao động.

Nền kinh tế thị trường của chủ nghĩa xã hội là nền kinh tế vận hành theo cơ chế : tất cả những gì để cho thị trường tự điều tiết là tốt thì để cho thị trường tự điều tiết ; nhà nước chỉ can thiệp khi thị trường có những biểu hiện tiêu cực cần ngăn chặn. Muốn vậy, nhà nước không thể không chủ động nắm vững tình hình hoạt động của thị trường để kịp thời can thiệp khi cần thiết. Thực tiễn các nước cho thấy, thị trường càng phát triển thì càng đòi hỏi có sự can thiệp của nhà nước ở tầm vĩ mô. Còn ở tầm vi mô, ở cấp cơ sở, thì các chủ thể kinh tế tự quyết định. Chỉ trong trường hợp hoạt động vi mô ảnh hưởng đến toàn cục, nhà nước mới can thiệp. Thời đại để cho "bàn tay vô hình" tự phát điều tiết kinh tế, đã qua rồi. Điều này đòi hỏi chính phủ và các cơ quan quản lý kinh tế phải chuyển từ việc trực tiếp quản lý và can thiệp vi mô sang điều hành vĩ mô, theo luật pháp. Chức năng điều hành vĩ mô của chính phủ là vạch ra quy hoạch, chiến lược, xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng trọng điểm, xây dựng hệ thống thị trường, điều tiết phân phối thu nhập quốc dân, tạo dựng môi trường thuận chiều cho hoạt động kinh tế thị trường.

Kinh tế thị trường của chủ nghĩa xã hội vì thế nhất thiết phải có sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Tăng cường và nâng cao vai trò lãnh đạo của đảng là nhân tố quyết định bảo đảm tính chất và định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển kinh tế thị trường.

Kinh tế thị trường của chủ nghĩa xã hội *không phải là "chủ nghĩa xã hội thị trường"*. "Chủ nghĩa xã hội thị trường" chủ trương hòa nhập chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản, xây dựng một nền "kinh tế hỗn hợp" trong đó chiếm hữu tư nhân là chủ thể. Như vậy, trong "chủ nghĩa xã hội thị trường", mâu thuẫn về lợi ích giữa các chủ thể kinh tế là không thể điều hòa, là mâu thuẫn đối kháng. Với kinh tế tư nhân là chủ thể và chủ đạo, "chủ nghĩa xã hội thị trường" đương nhiên lấy "đa nguyên chính trị" làm nền tảng tư tưởng. Khác với "chủ nghĩa xã hội thị trường", kinh tế thị trường của chủ nghĩa xã hội coi sở hữu xã hội chủ nghĩa là chủ thể và chủ đạo, coi tinh thần tập thể là tư tưởng chủ đạo của xã hội và của mỗi con người. Do vậy, nó xác lập được sự thống nhất giữa cấu trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa và cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Việc xác định kinh tế xã hội chủ nghĩa là kinh tế hàng hóa, cũng như việc điều hành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa theo cơ chế thị trường, là công việc hoàn toàn mới. Mặc dù Ăng-ghen từng nói sản xuất tư bản chủ nghĩa có dấu hiệu chuyển sang có kế hoạch, nhưng toàn bộ kinh tế học mác xít trước đây có *hai* khiếm khuyết lớn. *Một là*, chỉ nhấn mạnh một chiều tính chất vô chính phủ của sản xuất tư bản chủ nghĩa. Điều này có thể đúng đối với chủ nghĩa tư bản thời kỳ tự do cạnh tranh, nhưng không đúng với chủ nghĩa tư bản hiện đại. *Hai là*, chỉ tập trung nghiên cứu *tính chất* của nền kinh tế chứ không chú trọng nghiên cứu *sự vận hành* của nền kinh tế, do đó đã không nghiên cứu cơ chế vận hành và cơ chế điều hành, quản lý nền kinh tế. Chủ nghĩa tư bản hiện đại đã đi trước chúng ta trên lĩnh vực này.

Đảng ta xác định đổi mới kinh tế là khâu trung tâm trong toàn bộ tiến trình đổi mới ở nước ta. Mục tiêu của đổi mới kinh tế là nhằm hình thành một nền sản xuất hàng hóa và cơ chế thị trường. Vì vậy, việc xây dựng một hệ thống lý luận về kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội là công việc vô cùng quan trọng và rất bức xúc.

Digitized by Google

Về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay

PHẠM VĂN CHÚC *

1 - Một trong những vấn đề lý luận mà những người muốn bác bỏ học thuyết Mác tập trung phê phán là sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Có thể nêu ra mấy luận điểm phê phán chính của họ :

- Giai cấp vô sản mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin nói tới, chẳng qua là tầng lớp những người nghèo khổ nhất, tối tăm nhất, lao động cực nhọc nhất. Với thực trạng và phẩm chất ấy, họ chỉ là bộ phận đáng thương, hèn kém, cùng lắm chứa đựng trong bản thân bản năng phá hoại mù quáng và thù hận. Giai cấp này không thể có khả năng tích cực, năng lực sáng tạo, hoặc sứ mệnh giải phóng xã hội, cải tạo thế giới (!)

- Giả định rằng giai cấp vô sản thế kỷ trước có vai trò, vị trí to lớn như Mác - Ăng-ghen đã phát hiện, thì ngày nay, giai cấp công nhân đã khác xa các thế hệ tiền thân của nó. Người công nhân hiện đại đã trở nên "trung lưu hóa", "trí thức hóa" và "phi sản xuất hóa"... Do đó, càng không thể nói đến bất kỳ một "sứ mệnh lịch sử thế giới" nào ở giai cấp công nhân hiện đại (!)

- Chủ nghĩa tư bản ngày nay cũng đã tự vượt qua những giới hạn "cổ điển" của nó để tăng trưởng không ngừng. Thậm chí, các nước tiên tiến nhất đã bước vào giai đoạn "làn sóng thứ ba", "hậu công nghiệp", "tin học hóa", hay "tiêu dùng cao"... Ở đó đã bắt đầu hình thành và ngày càng phát triển một xã hội "hậu tư bản chủ nghĩa", nhưng "phi xã hội chủ nghĩa, phi cộng sản chủ nghĩa". Như vậy, chủ nghĩa tư bản có khả năng tự điều chỉnh, khắc phục mâu thuẫn bên trong mà không hề cần tới sự cải tạo cách mạng. Vì thế, chính bản thân "yêu cầu giải phóng thế giới" bị triệt tiêu, và không còn cơ sở thực tế cho hành động cách mạng của giai cấp vô sản (!)

Những luận điểm nói trên không xa lạ với những luận điểm vốn có của các học giả tư sản phương Tây trong môn "Mác học" (marxologie) và "Xô viết học" (sovietologie). Điều đáng chú ý là chúng được tung ra vào thời điểm chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu sụp đổ.

2 - Chúng ta đều biết, lý luận về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin dành nhiều thời gian và công sức để xây dựng và phát triển thành một lý thuyết hoàn chỉnh và chặt chẽ trong quá trình nghiên cứu khoa học và hoạt động cách mạng của mình. Không phải ngẫu nhiên mà tiếp theo sự khái quát của Ăng-ghen về hai phát hiện quan trọng nhất của Mác là *quan niệm duy vật về lịch sử* và *quy luật giá trị thặng dư*, Lê-nin đã nhiều lần khẳng định : công lao vĩ đại của Mác là lần đầu tiên đã làm sáng tỏ vai trò, sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp vô sản.

Ngay trong các tác phẩm đầu tay của Mác như : "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghen", "Gia đình thần thánh", "Bản thảo kinh tế triết học năm 1844", v.v. đã có thể thấy rõ những luận điểm cơ bản, sâu sắc của lý thuyết quan trọng này :

- Đối với xã hội tư bản chủ nghĩa nói chung, nước Đức vào đêm trước cách mạng tư sản đương thời nói riêng, đã đặt ra và trở thành cấp thiết yêu cầu lớn của thời đại về giải phóng xã hội và giải phóng con người. Giới trí thức tinh hoa cấp tiến tư sản đương thời đã nhận thức được vấn đề đó, song đều không đưa ra được câu trả lời thích hợp. Riêng Mác đã nêu lên một giải pháp mới về nguyên tắc : con đường giải phóng xã hội là tiến hành một cuộc cách mạng triệt để, khắc phục không chỉ bản thân thời Trung cổ mà ngay cả cái thắng lợi cục bộ đối với thời Trung cổ, tức là cuộc cách mạng cộng sản. Chủ thể cải tạo thế giới là một lực lượng vật chất - xã hội hiện thực : *giai cấp vô sản.*

* Phó tiến sĩ triết học

Digitized by Google

- Giai cấp vô sản là bộ phận chịu hậu quả tiêu cực của sự tha hóa tư bản chủ nghĩa. Không những thế, nó còn là nạn nhân đau khổ nặng nề nhất trong *toàn bộ* lịch sử tha hóa, vì chế độ tư bản chủ nghĩa là hình thái kinh tế - xã hội có tư hữu bóc lột và đối kháng giai cấp cuối cùng. Nó không phải chỉ bị đầy đọa như những giai cấp cần lao khác, mà còn đứng trước nguy cơ "phi nhân tính hóa phổ biến". Do đó, nó buộc phải tiến hành cách mạng nhằm giải trừ tất cả các dạng tha hóa, giải phóng bản thân và toàn thể xã hội, kiến tạo một kiểu tổ chức xã hội mới phù hợp với bản chất chân chính, phổ biến của con người.

- Yêu cầu khách quan và chín muồi của thời đại về giải phóng xã hội, cũng như địa vị kinh tế - xã hội của bản thân, thúc đẩy giai cấp vô sản phải cải tạo thế giới. Nhưng như thế chưa đủ để tiến tới thắng lợi. Giai cấp vô sản còn phải ý thức được đầy đủ, sâu sắc địa vị, vai trò của bản thân, tính quy luật của lịch sử xã hội, vươn lên ngang tầm *lý luận* (triết học) tiên tiến của thời đại, và chỉ bằng cách đó mới làm cho hoạt động của mình trở thành tự giác, tích cực, có tác động và ý nghĩa lịch sử thế giới.

3 - Những luận điểm nói trên của chủ nghĩa Mác một mặt là tiêu chí phân biệt với mọi sự cắt xén và phiến diện trong lý luận, mặt khác kiểm chứng và khẳng định tính chân lý, sức sống vững bền của nó trước biến thiên và thử thách của lịch sử.

Giai cấp công nhân hiện đại, nhất là từ những năm 50, khi cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ bùng nổ, đã có nhiều đặc điểm mới so với giai cấp công nhân nửa đầu thế kỷ trước. Nhưng chính giai cấp tư sản cũng biến đổi một cách tương ứng, trong sự tác động qua lại và quy định lẫn nhau với giai cấp công nhân. Trong quy trình sản xuất tư bản chủ nghĩa ngày nay, người công nhân tuy được tham gia quản lý ở mức độ nhất định, nhưng không phải họ đã trở thành ông chủ. Nhà tư bản nắm các khâu then chốt, quyết định nhất của toàn bộ quá trình sản xuất - trao đổi hiện đại : việc tiếp thị, ra quyết sách đầu tư và lập phương án lưu thông... Như vậy, dù người công nhân có được tham gia phần nào việc quản lý sản xuất hay trao đổi, thì với việc nắm quyền quản lý vĩ mô và nắm độc quyền về thông tin, giới chủ vẫn chi phối và bóc lột họ. Xét về bản chất, quan hệ giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản về cơ bản vẫn như trước đây.

Đúng là ở các nước tư bản phát triển mức sống tuyệt đối của công nhân có thể tăng, số công nhân trực tiếp sản xuất có thể giảm tương đối so với số tham gia khu vực dịch vụ, trình độ mọi mặt của người công nhân có thể cao hơn trước, thậm chí một bộ phận người làm công có thể có cổ phần xí nghiệp, hưởng thực lợi và dần dần trung lưu hóa... Song nhìn vào mức độ bị bóc lột thì chẳng những không giảm mà có phần tăng lên. Chẳng hạn nếu tỷ số m/v thời Mác là 1/1, thì nay là 3/1 (theo Gớt Hôn (Đảng cộng sản Mỹ), với 8 giờ lao động trong ngày, người công nhân Mỹ chỉ cần 2 giờ là đủ để bù đắp giá trị sức lao động, còn 6 giờ là để sản xuất giá trị thặng dư). Như vậy, tuy có những thay đổi, giai cấp công nhân ngày nay về cơ bản vẫn như Mác quan niệm. Trong quan hệ với giai cấp tư sản hiện đại, giai cấp công nhân vẫn là người không có sở hữu tư liệu sản xuất ; họ vẫn luôn kề bên nguy cơ bần cùng và tiếp tục bị tha hóa.

- Ngay khi nêu ra tư tưởng về vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản, Mác đã xem xét vấn đề không chỉ ở phạm vi dân tộc, mà còn ở quy mô toàn cầu. Sứ mệnh trọng đại của giai cấp vô sản trở nên sáng tỏ khi Mác phân tích mối quan hệ giữa nước Đức lạc hậu với các nước Anh, Pháp tiên tiến.

Theo Mác, khái niệm "giai cấp vô sản" cần được hiểu rõ trên hai mặt : về *thời gian*, nó là đại biểu cuối cùng cho các giai cấp cần lao bị nô dịch và bóc lột trong toàn bộ lịch sử của sự tha hóa ; về *không gian*, nó là cộng đồng giai cấp vô sản trên toàn thế giới. Vì vậy, nếu xem xét sự biến đổi của giai cấp công nhân ngày nay mà chỉ giới hạn ở bộ phận phát triển nhất của nó trong thế giới tư bản chủ nghĩa (chiếm khoảng 1/10 toàn bộ giai cấp công nhân), thì sẽ phiến diện và dễ đi đến những kết luận sai lầm. Muốn xem xét đầy đủ phải nghiên cứu toàn bộ giai cấp công nhân thế giới, ở các nước phát triển cũng như ở các nước đang phát triển ; trong những ngành kinh tế chủ chốt, ở trung tâm cũng như tại khu vực sản xuất gián tiếp, ngoại vi. Chỉ có nghiên cứu đầy đủ những bộ phận giai cấp vô sản khác nhau về trình độ và mức sống, cách biệt về địa lý và thông tin, thậm chí có phần khác nhau về nhu cầu và lợi ích, chúng ta mới có thể có một bức tranh toàn cảnh sinh động, phức tạp và xác thực về giai cấp vô sản

Digitized by Google

thế giới. Trên phạm vi toàn thế giới, sự phân hóa giữa các nước giàu và nước nghèo, ở phương Tây và phương Đông, ở phía Bắc và phía Nam, vẫn diễn ra ngày càng sâu sắc. Theo "Báo cáo phát triển dân số năm 1992" của Chương trình phát triển Liên hợp quốc, khoảng cách giữa các cực ngày càng tăng : năm 1960 chênh lệch giữa các nước giàu và nước nghèo là 30 lần, thì năm 1990 là 150 lần.

Như vậy, xét về tổng thể, giai cấp công nhân thế giới ngày nay tuy có sự chuyển dịch mới nhưng về cơ bản, vẫn là mặt đối lập của chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, là bộ phận chịu hậu quả tiêu cực của sự tha hóa tư bản chủ nghĩa, đang và sẽ tiếp tục bị bần cùng hóa cả tương đối lẫn tuyệt đối.

- Kể từ những chấn động đầu tiên trong hệ thống cấu trúc đầu thế kỷ trước, đến nay chủ nghĩa tư bản đã trải qua nhiều giai đoạn khủng hoảng, điều chỉnh và phát triển. Không loại trừ khả năng xã hội tư bản chủ nghĩa vẫn tiếp tục tăng trưởng, phồn vinh nhờ những nguồn hỗ trợ, thúc đẩy như : cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật diễn ra như vũ bão nhiều thập kỷ nay ; sự tan vỡ của một bộ phận rất quan trọng các nước xã hội chủ nghĩa và những khó khăn to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Tuy nhiên, tất cả những biến thiên ấy trên bộ mặt hành tinh không phủ nhận quy luật sâu xa mà Mác đã phát hiện, quy luật đã và đang chi phối sự vận động của lịch sử xã hội : từ tha hóa đến xóa bỏ tha hóa ; từ tư hữu đến công hữu ; từ cá nhân vị kỷ cực đoan đến tập thể tự do, văn minh, mà giai cấp vô sản là đại diện và chủ thể chân chính.

Trước đây, Mác đã từng khẳng định : Công xã Pa-ri thất bại, nhưng nguyên lý về xã hội mới mà nó tuyên bố thì còn mãi, và dẫu sao giai cấp công nhân cũng đã giành được điểm xuất phát có tầm quan trọng lịch sử thế giới. Ngày nay, đối với giai cấp công nhân hiện đại, yêu cầu giải phóng xã hội, cải tạo thế giới và xây dựng xã hội mới, vẫn được đặt ra. Điều đó có nghĩa là cuộc sống thực tế vẫn khẳng định và làm sâu sắc thêm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

4 - Thực chất của công cuộc đổi mới ở nước ta là xác lập và thực hiện một cương lĩnh phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm đạt tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Một trong những điều kiện thiết yếu bảo đảm thắng lợi của tiến trình này là phát huy vị trí, vai trò của giai cấp công nhân. Để làm được điều đó, cần phát triển và mở mang kinh tế, bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, đổi mới kỹ thuật, công nghệ, thực hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo một bước phát triển mới của kinh tế - xã hội. Đồng thời, tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng - đội tiên phong của giai cấp công nhân. Đó là nền tảng vật chất và tinh thần cho sự tồn tại, tăng trưởng của giai cấp công nhân, nâng cao vai trò của nó nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội mới hiện nay.

Chủ nghĩa...

(Tiếp theo trang 35)

giản là đạo đức, và càng không phải là ảo tưởng, mà đó thật sự là một triết lý cơ bản về con người và nhân loại trên lập trường của giai cấp công nhân hiện đại. Đó là một triết học mới được Mác đặt nền móng. Triết học đó là một bộ phận cơ bản không tách rời chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Từ thực tiễn lịch sử, cần phải nhận thức đúng và phát triển chủ nghĩa nhân văn mác xít, nâng nó lên một trình độ mới. Nhưng không vì vậy mà coi nó là chủ nghĩa nhân văn "lỗi thời", "cổ điển". Chủ nghĩa nhân văn mác xít là chủ nghĩa nhân văn *toàn diện, đích thực*. Nó đang được phát triển dựa trên những tư tưởng cốt lõi của chủ nghĩa Mác chân chính. Chỉ có ai cố tình không hiểu mới phủ nhận điều đó. Cũng cần nói thêm rằng : thực hiện trong thực tế chủ nghĩa nhân văn, là một quá trình đầy mâu thuẫn phức tạp, khó tránh khỏi sai lầm nào đó.

Không hiểu lịch sử mà lại phê phán chủ nghĩa nhân văn mác xít, cho nó là "cổ điển", "ảo tưởng", thì quả là sự phê phán không biện chứng, thiếu tính nhân văn !

Digitized by Google

Chủ nghĩa nhân văn mác xít phải chăng đã lỗi thời ?

HỒ BÁ THÂM *

TRƯỚC bước ngoặt phức tạp, thoái trào của chủ nghĩa xã hội, một số người cho rằng chủ nghĩa nhân văn mác xít là chủ nghĩa nhân văn *"cổ điển"*, *"lỗi thời"* !

Lập luận của họ là chủ nghĩa nhân văn mác xít chỉ thích hợp với thời văn minh nông nghiệp và công nghiệp, còn bây giờ loài người chuyển sang nền văn minh tin học thì chủ nghĩa nhân văn ấy đã là "đồ cổ". Họ cho rằng cần có "chủ nghĩa nhân văn mới" đề cao cá nhân và trí tuệ

Sự thật như thế nào ?

Trước hết phải có cái nhìn về lịch sử và từ lịch sử.

Chủ nghĩa nhân văn như là lý tưởng mang tính người, là khát vọng cháy bỏng của loài người trong suốt chiều dài lịch sử vươn tới sự bình đẳng, tự do và bác ái...

Có lẽ chủ nghĩa nhân văn cổ nhất được thể hiện trong các lý tưởng tôn giáo. Đáng chú ý nhất là *chủ nghĩa nhân văn Phật giáo*. Nội dung chính là con người cụ thể bị nhiều dục vọng cá nhân thấp hèn chi phối trở nên đau khổ và tội lỗi. Vì vậy, cần phải tu luyện, cầu kinh, thoát tục, diệt dục... để trở về với bản thể con người nói chung, trở thành Phật ở cõi Niết bàn... Đời là bể khổ, cần phải thoát khỏi bể khổ đó bằng tu luyện theo phương pháp đạo Phật. Lý tưởng yêu thương mọi người, mọi cây cỏ, sống hòa nhập với thiên nhiên, tu luyện để được thành người hạnh phúc, là tư tưởng nhân văn đáng trân trọng. Chỉ có điều là việc xác định đời là bể khổ, do dục vọng mà phải tu luyện để diệt dục, là phương thức tuy có ý nghĩa tích cực về phương diện nào đó, nhưng về cơ bản, vẫn là ảo tưởng, bất lực, phi đời thường, mang nặng thế giới quan duy tâm. Trải qua mấy ngàn năm, các tôn giáo tuy có phát huy được tác dụng phần nào, nhưng về cơ bản, vẫn không thay đổi được cuộc đời - bể khổ của con người, vì nó có nguyên nhân xã hội khách quan mà Phật giáo không phát hiện được.

Có một chủ nghĩa nhân văn nữa, cũng đáng chú ý và rất cổ, đó là *chủ nghĩa nhân văn của Khổng Tử* và của một số nhà triết học Trung quốc khác. Nếu chủ nghĩa nhân văn Phật giáo mang tính phổ quát, nhân loại đến mức phi lịch sử, phi giai cấp, thì chủ nghĩa nhân văn Khổng giáo lại mang tính lịch sử, giai cấp rất rõ ràng : đó là chủ nghĩa nhân văn *phong kiến* đặc thù. Trung tâm của chủ nghĩa nhân văn này là chữ Nhân. Sau này nó được phát triển thành thuyết nhân nghĩa và kiêm ái. Thuyết này cũng là cơ sở cho hệ tư tưởng đức trị. Theo phái đức trị thì chính trị là phù hợp với đạo đức. Đạo đức và chủ nghĩa nhân văn của đạo Khổng mang màu sắc gia trưởng được mở rộng ra quốc gia. Hạn chế chủ yếu của chủ nghĩa nhân văn Khổng tử, xét về thực chất, cũng là ở chỗ : chỉ nhấn mạnh giáo huấn, vẫn nằm trong phạm trù hệ tư tưởng phong kiến. Có thể coi nó là chủ nghĩa nhân văn của nền văn minh nông nghiệp và chế độ phong kiến phương Đông còn mang nặng tính huyết thống và phường hội.

Với sự sụp đổ của ý thức hệ chuyên chế phong kiến, ở phương Tây đã dần dần xuất hiện hệ tư tưởng tư sản với chủ nghĩa nhân văn của nó. Tiêu biểu là chủ nghĩa nhân văn thời phục hưng, và sau này được phát triển với tư tưởng nổi bật : *tự do - bình đẳng - bác ái*. Nói cách khác, đó là lý tưởng dân chủ và nhân quyền. *Chủ nghĩa nhân văn tư sản* đề cao giá trị cá nhân tư hữu, chứ không phải giá trị cộng đồng của Khổng giáo và phương Đông cổ. Cá nhân tự do trong chủ nghĩa nhân văn tư sản thực chất chỉ có ở những kẻ thống trị, giàu có, còn ở đa số nhân dân thì bị cắt xén, hạn chế. Do đó, chủ nghĩa nhân văn tư sản là ích kỷ và hẹp hòi, mặc dù dưới khẩu hiệu tốt đẹp. Chủ nghĩa nhân văn tư sản là chủ nghĩa nhân văn của thời đại duy lý và thời đại công nghiệp. Nó mang tính thực tế trần tục, chứ không

* Văn phòng Tỉnh uỷ Kiên giang

Digitized by Google

phải ảo tưởng, siêu nhiên kiểu tôn giáo. Phơ-bách muốn phá bỏ tôn giáo trên trời để tạo ra tôn giáo ở trần gian. Chủ nghĩa nhân văn của Căng và của Phơ-bách đào sâu vào con người, nhưng vẫn nặng về con người tự nhiên, trừu tượng.

Chủ nghĩa hiện sinh xuất hiện, đề cao sự giải phóng dục vọng và bản năng cá nhân, có vẻ cụ thể nhưng vẫn là chủ nghĩa nhân văn *bản năng*. Chủ nghĩa hiện sinh là một sự bế tắc cực đoan và bi quan trong việc giải phóng cá nhân.

Theo quy luật, chủ nghĩa tư bản sẽ phải nhường chỗ cho chủ nghĩa cộng sản với sự xuất hiện của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, một lực lượng tiêu biểu cho xã hội *mới*, cao hơn và tiến bộ hơn xã hội tư sản. Chủ nghĩa Mác đã cho ra đời một chủ nghĩa nhân văn mới : *chủ nghĩa nhân văn mác xít*. Nó là sự phủ định biện chứng đối với chủ nghĩa nhân văn tôn giáo, chu nghĩa nhân văn phong kiến, chủ nghĩa nhân văn tư sản.

Chủ nghĩa nhân văn mác xít có bản chất và đặc điểm mới. Nó không chỉ kế thừa hạt nhân hợp lý của các tư tưởng nhân văn trước đó, mà còn xây dựng được một hệ thống tư tưởng mới. Đó là một chủ nghĩa nhân văn trên lập trường duy vật thực tiễn, có cơ sở khoa học, vừa có tính nhân loại, vừa có tính giai cấp công nhân rõ nét.

Chủ nghĩa nhân văn mác xít quan tâm giải phóng cho cả cộng đồng, đa số người, lẫn cho từng cá nhân (Tự do của mỗi người là điều kiện tự do của tất cả mọi người). Chủ nghĩa nhân văn mác xít không chỉ quan tâm giải quyết mối quan hệ giữa con người với con người, giữa cộng đồng này với cộng đồng khác, mà còn quan tâm giải quyết mối quan hệ giữa con người với tự nhiên... Nó là chủ nghĩa nhân văn *cộng sản chủ nghĩa* dựa trên nền tảng của sự phát triển khoa học kỹ thuật tiên tiến nhất (dù lúc đó Mác chưa biết đến văn minh trí tuệ - tin học).

Với ý nghĩa đó, chủ nghĩa nhân văn mác xít từ trong cội nguồn, là chủ nghĩa nhân văn *mới, hiện đại*, chứ không phải là chủ nghĩa nhân văn "cổ điển", như một số người ngộ nhận và quy kết.

Cố nhiên ở đây có một sự thật lịch sử. Do trình độ kinh tế xã hội thực tế quy định, đồng thời cũng do sai lầm trong mô hình xã hội, do sai lầm chủ quan của một số người cầm quyền, chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ 20 chưa thực hiện được một cách cơ bản chủ nghĩa nhân văn của Mác. Đó chính là cái cớ để người ta bôi đen, phủ nhận chủ nghĩa nhân văn mác xít. Họ cố tình không biết đến phương pháp luận lịch sử.

Chủ nghĩa nhân văn mác xít cũng có những biểu hiện riêng khác nhau tùy theo điều kiện lịch sử cụ thể ở mỗi nơi mỗi lúc khác nhau. Chẳng hạn, chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh có những nét tô đậm thêm chủ nghĩa nhân văn mác xít. Đó là chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa lạc quan, lòng nhân nghĩa, tinh thần bác ái có từ đạo Phật, đạo Khổng, đạo Ki tô, và đã có ở dân tộc ta từ thuở vua Hùng. Hồ Chí Minh quý trọng con người, cỏ cây, sông núi, lo cả trồng cây, cả trồng người, lo cho tất cả, chỉ quên mình. Hòa bình, hữu nghị, thống nhất, độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc cho con người, dân tộc và toàn thế giới - đó là những nội dung quan trọng nhất của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.

Ngày nay, các thế lực thù địch đang giương cao cờ "dân chủ và nhân quyền", nhưng thực ra họ là kẻ vi phạm dân chủ và nhân quyền nhất trong lịch sử, đặc biệt là trong thế kỷ 20 này. Thế giới đương đại đang đứng trước nhiều nguy cơ toàn cầu, đe dọa số phận của con người và nhân loại, nhưng đồng thời cũng hé mở nhiều khả năng ngăn chặn các nguy cơ đó.

Loài người tiến bộ đang cần *"một chủ nghĩa nhân văn mạnh mẽ và có tinh thần đổi mới"*, như cuốn *Tiếng chuông cảnh tỉnh cho thế kỷ 21** đã nêu. Chủ nghĩa nhân văn như vậy chỉ có thể là chủ nghĩa nhân văn mác xít được bổ sung, phát triển, kế thừa mọi yếu tố nhân văn của loài người trong thời đại ngày nay.

Theo tôi, chủ nghĩa nhân văn mác xít đó không đơn

(Xem tiếp trang 33)

* Aurelio Peccei và Daisaku Ikeda : *Tiếng chuông cảnh tỉnh cho thế kỷ XXI*. Nxb chính trị quốc gia, Hà nội, 1993, tr 176.

Digitized by Google

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

TRẦN ĐÌNH HIỀN*
PHẠM THẮNG

CÙNG với quá trình đổi mới kinh tế được Đảng ta đề xướng từ Đại hội VI, sản xuất nông nghiệp đã đạt được những thành tựu đáng mừng. Đặc biệt từ khi có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (4-1988) về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp đến nay, nền nông nghiệp nước ta đã có những bước chuyển nhanh sang sản xuất hàng hóa. Giờ đây, người nông dân được toàn quyền quyết định sản xuất cái gì, bao nhiêu và tiêu thụ ở đâu. Sự thay đổi đó, cộng với sự phát triển của giao thông vận tải, của thông tin bưu điện và sự biến đổi trong những quan hệ kinh tế đối ngoại, đã mở ra khả năng phát triển cả thị trường trong nước và nước ngoài.

Sự hình thành và phát triển của thị trường sản phẩm nông nghiệp ở nước ta phản ánh bước đầu sự chuyển đổi căn bản của nền nông nghiệp từ tự cấp tự túc là chủ yếu, sang sản xuất hàng hóa. Tuy vậy, thị trường sản phẩm nông nghiệp nước ta còn nhiều hạn chế. Chúng ta chưa xác lập được một hệ thống thị trường thống nhất và ổn định. Sự vận hành của thị trường còn nhiều ách tắc, khó khăn. Quy mô thị trường cả trong và ngoài nước còn quá bé nhỏ. Chất lượng nông sản đưa ra thị trường thấp, chủng loại còn nghèo nàn và mang tính tự nhiên. Hệ thống chính sách kinh tế vĩ mô đối với sản xuất và tiêu thụ nông sản chưa đồng bộ, làm cho vai trò điều hành vĩ mô của nhà nước đối với thị trường kém hiệu lực. Tất cả những điều đó đã cản trở sự phát triển nhanh chóng của thị trường, làm cho nông nghiệp khó phát triển theo hướng sản xuất nông sản hàng hóa.

Nguyên nhân của tình hình trên có thể phản ánh tập trung ở mấy điểm sau :

1) Chưa xác định đúng phương hướng chiến lược phát triển sản xuất hàng hóa cũng như các hình thức tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Từ đó, các chính sách và biện pháp đầu tư thiếu sự tập trung dứt điểm, thiếu sự khuyến khích đối với sản xuất hàng hóa, những ách tắc trong tổ chức sản xuất chậm được cởi bỏ. Đặc biệt, chính sách đất đai và chính sách đầu tư chưa khuyến khích việc di chuyển vốn, việc tích tụ và tập trung ruộng đất và các yếu tố sản xuất khác, để đẩy mạnh sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp.

2) Về thị trường :

- Thị trường *nội địa* hạn chế cả về quy mô và tốc độ tiêu thụ nông sản. Xét về nhu cầu tự nhiên, với gần 70 triệu dân hiện nay, trong đó 70 đến 80% thu nhập của dân cư phải chi dùng cho lương thực thực phẩm đi nữa, thì thị trường nội địa vẫn là quá bé nhỏ. Xu hướng thu nhập danh nghĩa tăng không kịp với tốc độ lạm phát, trượt giá, kéo dài thêm khoảng cách giữa nhu cầu *tự nhiên* và nhu cầu *có khả năng thanh toán*, càng làm giảm sức mua của dân cư, hạn chế việc mở rộng thị trường nội địa. Hiện tượng "ế" sản phẩm nông nghiệp ở ta là giả tạo, không phải vì sản xuất quá nhiều mà vì tiêu dùng còn quá ít (theo thống kê, mức tiêu dùng bình quân nhân khẩu/tháng thời kỳ 1986-1988 ở ta mới đạt : về *lương thực* - 12 đến 14 kg ; *thịt* các loại - 0,36 đến 0,46 kg ; *cá* các loại - 0,28 đến 0,55 kg). Mức tiêu dùng thấp biểu hiện không chỉ ở mức sử dụng sản phẩm nông nghiệp ít, mà cả ở mức năng lượng thực tế cung cấp cho dân cư. Điều tra cho thấy, mức năng lượng cung cấp cho dân cư ở nước ta hiện nay mới đạt 1600-1800 calo (bằng 60-80% mức tối thiểu).

- Thị trường *ngoài nước* bắt đầu được mở rộng, nhưng tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp của ta có mặt ở đó còn rất thấp. Theo thống kê, sản phẩm hàng hóa của nước ta xuất ra nước ngoài hiện nay mới chiếm 5% tổng sản phẩm xã hội, trong đó chủ yếu là nông sản (chiếm tới 40% tổng kim ngạch xuất khẩu). Ngay cà phê, một mặt hàng xuất khẩu chiến lược của ta sang các nước Đông Âu và Liên xô trước đây, cũng chỉ chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng số cà phê nhập của họ (thời kỳ 1986-1989 bình quân mỗi năm chỉ đạt 3,6% về *khối lượng*, 3,56% về *giá trị*, so với tổng số cà phê nhập).

3) Giá cả là nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến việc mở rộng thị trường nông sản. Có thể nói giá cả nông sản nước ta chứa đựng quá nhiều yếu

* Phó tiến sĩ kinh tế, Trường đại học kinh tế quốc dân Hà nội

Digitized by Google

tố bất hợp lý cả về hai phía sản xuất và tiêu dùng. Trước hết, phải kể đến giá cả của các yếu tố đầu vào được tính theo mặt bằng giá quốc tế là hợp lý nhưng giá mua nông sản (đầu ra) lại tính theo mặt bằng giá trong nước là một điều bất hợp lý. Cơ chế tính lùi theo giá xuất đã đẩy người sản xuất đến hiệu quả âm. Số liệu ở một số xí nghiệp cà phê Đắc lắc cho thấy giá thành 1 kg cà phê nhân ở một số đơn vị sản xuất là từ 3200 đến 3895 đồng, trong khi đó giá mua cùng thời điểm của công ty xuất nhập khẩu tính là 2700 đ/kg (chỉ bằng 67% giá thành). Còn Liên hiệp các xí nghiệp chè Việt nam thì lại dựa trên giá xuất khẩu bình quân cho từng loại là 1400-1500 rúp/tấn sản phẩm chè khô, để xác định giá mua nguyên liệu chè búp tươi là 450-500 đ/kg.

Việc sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu chủ lực của ta giảm giá mạnh trên thị trường quốc tế đã làm chững lại mức tăng xuất khẩu nông sản. Theo số liệu của UNCTAD, năm 1990 so với 1989, trung bình giá lương thực thực phẩm giảm 2,4%, giá cà phê, ca cao giảm 15,8%, giá hạt có dầu và dầu thực vật giảm 13%.

4) Chất lượng sản phẩm là yếu tố quan trọng hạn chế sức cạnh tranh của các loại sản phẩm nông nghiệp của ta trên thị trường thế giới.

- Chất lượng nông sản nguyên liệu của ta thường thấp. Ví dụ, mía đường làm nguyên liệu cần có 13-14 chữ đường thì mía đường của ta thường chỉ đạt 10 chữ đường. Hoặc lạc nhân của ta hạt bé, hàm lượng aplatoxin lại cao quá tiêu chuẩn quốc tế, nên chỉ bán được 450-500USD/tấn trong khi giá chung trên thị trường là 650-700 USD/tấn.

- Do công nghệ và kỹ thuật chế biến quá lạc hậu, nên dù chất lượng nguyên liệu có thể khá hơn các nước, chất lượng sản phẩm chế biến của ta vẫn kém xa họ trên thị trường quốc tế. Chẳng hạn, so với chè Trung quốc, Ấn độ, Xri Lan-ca và Gru-di-a, chè Việt nam có hàm lượng ta nanh, ca phê in và các chất hòa tan khác cao hơn, nhưng giá chè của ta trên thị trường thế giới lại thấp hơn (năm 1989, trong khi giá chè bình quân trên thế giới là 2500 USD/tấn, thì chè ta xuất sang Hồng-công, Xin-ga-po chỉ bán được 800 USD/tấn). Gạo trắng 5% tấm của Thái-lan (giao tháng 9-1991) bán với giá 274 USD/tấn, còn của ta chỉ bán được với giá 200 USD/tấn.

Do công nghệ chế biến tồi, người chế biến không thể mua nguyên liệu với giá cao đã dồn ép lên đầu người nông dân. Ví dụ, trong chế biến đường mía, nếu áp dụng công nghệ tiên tiến, 13 tấn mía đã thu được 1 tấn đường, thì các cơ sở chế biến có thể mua với giá 35 kg đường một tấn mía. Nhưng nếu mất tới 19-20 tấn mía mới thu được 1 tấn đường (như ở nhiều nhà máy của ta hiện nay) thì đương nhiên không thể mua 1 tấn mía với giá 35 kg đường được.

5) Các chính sách kinh tế vĩ mô thiếu đồng bộ, kém hiệu lực, chưa thể hiện vai trò điều hành của nhà nước. Cụ thể là :

- Chính sách thuế đối với sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, nhìn chung còn bất hợp lý, không khuyến khích được cả người sản xuất và người tiêu dùng sản phẩm. Từ sản xuất đến tiêu thụ, sản phẩm nông nghiệp phải chịu quá nhiều loại thuế. Ví dụ, năm 1990, cà phê phải chịu các loại thuế sau : thuế nông nghiệp (14% giá trị sản lượng), thuế hàng hóa (220-230 đ/kg), thu quốc doanh (20% tổng doanh số), thuế xuất khẩu (3%).

- Chính sách đầu tư cho vay chưa thực sự tạo điều kiện cho các đơn vị sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Chính sách tín dụng còn ngặt nghèo, chưa phù hợp với đặc điểm của sản xuất nông nghiệp. Nhìn chung, tỷ lệ lãi vay ngân hàng trong giá thành sản phẩm thường khá cao (ví dụ, đối với cà phê ở Tây nguyên, tỷ lệ đó từ 21 đến 50% ; chè - từ 15 đến 25%). Đó quả thực là một vấn đề cần được xem xét.

- Các chính sách bảo trợ hàng nông sản chậm được ban hành và thực hiện, là một vấn đề lớn đã và đang ảnh hưởng không tốt đến sản xuất và gây nên hiện tượng tồn đọng nông sản.

*

Ngày nay, khi nền kinh tế nước ta chuyển sang cơ chế mới, thì thị trường tiêu thụ trở thành nhân tố trung tâm quyết định sự phát triển kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng. Vì vậy, việc tạo lập và mở rộng thị trường là một vấn đề sống còn đối với sản xuất. Để đẩy mạnh sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, chúng tôi xin nêu một số giải pháp chủ yếu sau :

1) Để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, cần *đa dạng hóa sản phẩm và đa phương hóa thị trường*. Cần chú ý cả thị trường *trong nước* và thị trường *ngoài nước*. Để mở rộng thị trường trong nước, điều cốt lõi là nâng sức mua của mọi tầng lớp dân cư. Muốn vậy, phải đồng thời giải quyết cả 2 vấn đề : tăng thu nhập của dân cư và giảm giá sản phẩm nông nghiệp, trên nguyên tắc vừa có lợi cho người sản xuất, vừa có lợi cho người tiêu dùng. Trong việc mở rộng thị trường trong nước, cần đặc biệt quan tâm tới việc khuyến khích dân cư thay đổi cơ cấu sản phẩm tiêu dùng, nâng dần mức và trình độ tiêu dùng trong nước. Để mở rộng thị trường ngoài nước, nhất thiết phải duy trì và phát triển quan hệ thương mại với các

Digitized by Google

nước khu vực I cũ, đây là thị trường quen thuộc. Đồng thời, phải tận dụng mọi cơ hội để mở rộng thị trường sang khu vực II.

2) Nâng cao chất lượng nông sản đáp ứng yêu cầu của thị trường là vấn đề sống còn, là điều kiện cần cho sự đứng vững của sản phẩm nông nghiệp nước ta trên thị trường. Để nâng cao chất lượng nông sản, cần tập trung giải quyết mấy vấn đề :

+ Nâng cao chất lượng sản phẩm ngay trong quá trình sản xuất nông nghiệp, từ các biện pháp về giống, kỹ thuật, công nghệ...

+ Nâng cấp chất lượng sản phẩm qua chế biến công nghiệp bằng các giải pháp đầu tư, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến của thế giới.

+ Đa dạng hóa ngành công nghiệp chế biến, tạo ra môi trường cạnh tranh để thúc đẩy nâng cao chất lượng sản phẩm.

+ Tổ chức hệ thống thông tin về chất lượng sản phẩm, có một hệ thống pháp quy quản lý chặt chẽ những tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm.

3) Nhà nước cần đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư thông qua các dự án để phát triển kết cấu hạ tầng cơ sở ở nông thôn, trước mắt cần tập trung vào việc xây dựng đường giao thông, hệ thống điện ở những vùng trọng điểm, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự giao lưu kinh tế, thúc đẩy sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường nông thôn nói chung và thị trường sản phẩm nông nghiệp nói riêng.

Vấn đề mở rộng thị trường nông thôn không chỉ là yêu cầu trước mắt, mà còn là yêu cầu lâu dài. Đây là một thị trường lớn tập trung tới 60% dân số cả nước, là nơi có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế, thực hiện tốt ba chương trình kinh tế lớn của Đảng. Xây dựng và mở rộng thị trường nông thôn trước hết cần hướng vào việc mở rộng sức mua, kích thích tăng nhu cầu của nông dân thông qua việc nhà nước tham gia mua bán nông sản, kích thích sản xuất, nâng cao tỷ suất hàng hóa, kể cả việc giúp nông dân tìm kiếm thị trường tiêu thụ ở bên ngoài. Để làm được việc đó, trước hết phải xây dựng được kết cấu hạ tầng ở nông thôn mà trong đó vai trò đầu tư hỗ trợ của nhà nước là điều hết sức quan trọng.

4) Nhà nước cần sớm ban hành và thực hiện một cách đồng bộ, có hiệu quả hệ thống chính sách bao trợ đối với sản phẩm nông nghiệp. Kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới cho thấy, đây là vấn đề sống còn, có tính chất chiến lược đối với sản xuất nông nghiệp. Bao trợ hàng nông sản bao gồm cả hai khía cạnh : bao trợ người sản xuất và bảo trợ người tiêu dùng.

Bao trợ hàng nông sản là cần thiết không chỉ do tình hình cung cầu luôn biến động mà còn do chính đặc điểm của sản xuất nông nghiệp : muốn điều chỉnh sản lượng cho cân bằng cung cầu, phải có thời gian, thậm chí thời gian tương đối dài. Mặt khác, do sản xuất nông nghiệp ở ta hiện nay chủ yếu là sản xuất nhỏ, nên khó có khả năng bảo đảm sản xuất tương đối ổn định. Trong khi đó, về phía tiêu dùng, tới 70-80% thu nhập của dân cư là chi cho lương thực thực phẩm. Cho nên, nếu cung cầu và giá nông sản có sự biến động đột ngột thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến thu nhập và đời sống của dân cư, đến sự ổn định kinh tế của đất nước. Vì vậy, bảo hộ hàng nông sản là điều hết sức cần thiết trong hệ thống chính sách của nhà nước nhằm khắc phục mặt trái của cơ chế thị trường, góp phần ổn định sản xuất nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng.

5) Giải quyết kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho các tổ chức lưu thông nông sản làm nhiệm vụ điều hòa cung cầu trên thị trường. Để các tổ chức kinh doanh nông sản có thể hoạt động bình thường trong cơ chế thị trường, nhà nước cần có sự hỗ trợ về vốn dưới hình thức tín dụng ưu đãi (cả về lãi suất và thời gian) để các tổ chức đó có thể mua nông sản dự trữ khi cần thiết theo cơ số đã được tính trước, nhằm bảo đảm sự an toàn và ổn định trong việc cung ứng nông sản cho xã hội. Ở thời điểm giá nông sản trên thị trường xuống thấp hơn chi phí sản xuất, các tổ chức lưu thông nông sản cần có tiền để kịp thời mua một khối lượng lớn nông sản nhằm bảo hộ người sản xuất. Nếu các tổ chức lưu thông nông sản không có khả năng làm được như vậy thì giá nông sản trên thị trường sẽ càng xuống thấp, và đó sẽ là điều tồi tệ đối với người sản xuất. Các tổ chức lưu thông nông sản cũng cần có lực lượng dự trữ để tăng cung khi cầu tăng, không để giá nông sản tăng đột biến, ảnh hưởng đến túi tiền của người tiêu dùng.

6) Sắp xếp lại các cơ sở chế biến, từng bước đầu tư để đổi mới thiết bị và công nghệ, hình thành hệ thống công nghiệp chế biến mang tính quốc gia để nâng cấp chất lượng, chủng loại nông sản qua chế biến, bảo đảm sản phẩm nông nghiệp của ta có chỗ đứng trên thị trường quốc tế.

Trên thị trường nông sản, nhiều loại phải qua con đường chế biến mới đưa ra thị trường được. Nhiều loại nông sản của ta hiện nay đưa ra thị trường thế giới chỉ bán được với giá bằng 2/3 giá thị trường. Ngoài yếu tố độc quyền, lũng đoạn và chèn ép ra, ở đây có vấn đề chế biến chưa tốt. Do chế biến chưa tốt, chất lượng hàng xuất khẩu kém, không bán được với giá cao, nên cũng không thể mua nông sản với giá cao ở trong nước để

Digitized by Google

khuyến khích sản xuất được. Vì vậy, cần đa dạng hóa khâu chế biến nhằm nâng cấp chất lượng nông sản trước khi mang ra thị trường.

7) Tổ chức bao tiêu nông sản cho người sản xuất, hạn chế bớt rủi ro, chèn ép trong tiêu thụ sản phẩm, khuyến khích phát triển nông sản hàng hóa đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.

"Sở trường" của người nông dân là sản xuất, phối hợp tổ chức và sử dụng các yếu tố sản xuất một cách hiệu quả nhất. Còn "sở đoản" của họ là đối mặt với thị trường. Thị trường không thể do người sản xuất tạo ra, lại hình thành chậm hơn so với sản xuất. Vì vậy, bao tiêu nông sản thực chất là nhà nước tự giác đứng ra làm khâu tiêu thụ trung gian nhằm nối sản xuất với thị trường, sản xuất với tiêu dùng. Tuy nhiên, muốn vậy nhà nước phải có một hệ thống tiêu thụ và một ngân sách đủ mạnh (cuối năm 1989, giá lương thực giảm mạnh, thậm chí xuống thấp hơn cả giá vốn, để giữ vững sản xuất lương thực trong nước, nhà nước đã phải chi tới 300 tỉ đồng để mua thóc với giá đảm bảo cho nông dân có lãi từ 15 đến 20%).

8) Nhà nước tổ chức tốt hệ thống tiêu thụ nông sản nhằm đảm bảo lợi ích và sự an toàn cho người sản xuất, đồng thời thực hiện vai trò điều tiết, định hướng và kiểm soát vĩ mô nền sản xuất. Trong hệ thống tiêu thụ nông sản quốc gia, cần xem các công ty kinh doanh nông sản là trục chỉ đạo.

Hệ thống tiêu thụ nông sản quốc gia là một hệ thống liên kết hữu cơ giữa các tổ chức kinh doanh, tiêu thụ nông sản từ địa phương đến trung ương. Đi đôi với việc tổ chức tốt hệ thống tiêu thụ, cần đổi mới phương thức tiêu thụ và phương thức thanh toán. Chủ động tìm kiếm, khai thác thị trường mới, bạn hàng mới nhằm mở rộng thị trường, kể cả thị trường ngoài nước, bằng nhiều cách : liên kết tiêu thụ, tiêu thụ qua trung gian, tiêu thụ trực tiếp vượt ra ngoài doanh nghiệp. Bên cạnh đó, có chính sách nới lỏng việc kiểm soát nông sản, nhất là khi giá thị trường trong nước xuống thấp. Nên áp dụng những mô hình xuất, nhập khẩu trực tiếp. Thực hiện chính sách xuất, nhập khẩu linh hoạt, hợp lý, nhằm bảo hộ sản xuất trong nước.

9) Tổ chức tốt hệ thống thông tin thị trường giá cả để người sản xuất có thể tự định hướng, để các cơ quan điều hành của nhà nước có thể thường xuyên nắm bắt được tình hình cung cầu và giá nông sản trên thị trường, do đó có biện pháp can thiệp kịp thời và có hiệu quả.

Mấy khuynh hướng sáng tác trong điện ảnh gần đây

TRỊNH MAI DIỄM *

LIÊN hoan phim Việt nam lần thứ X (tổ chức tại Hải phòng tháng 11 năm 1993) là nơi hội tụ rõ nét mặt mạnh và mặt yếu của ngành điện ảnh nói chung, của sáng tác điện ảnh nói riêng. Liên hoan phim lần này mang đậm dấu ấn thời kỳ chuyển tiếp của ngành điện ảnh từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường ; nó phản ánh mối tương quan giữa các hãng phim quốc doanh và tập thể, giữa thế hệ lão thành với thế hệ trẻ, và đặc biệt phản ánh các khuynh hướng sáng tác khác nhau.

Vượt lên những khó khăn, bỡ ngỡ của thời kỳ chuyển đổi cơ chế, đội ngũ sáng tác điện ảnh (bao gồm cả lực lượng chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp) đã có những cố gắng nhất định trong tiếp cận hiện thực đời sống và nhu cầu đa dạng của khán giả, trong tìm tòi, đổi mới hình thức nghệ thuật. Trong số những tác giả, đạo diễn có nghề, được đào tạo chính quy, lực lượng sáng tác trẻ ở độ tuổi 30 - 40 đang dần dần chiếm lĩnh vị trí xung kích, kế thừa và phát huy vốn kinh nghiệm quý báu của thế hệ đi trước. Các nhà văn cũng có ít nhiều đóng góp cho sáng tác điện ảnh, song ở Việt nam, chưa có sự hợp tác chặt chẽ, chưa khai thác được bao nhiêu vốn chất xám của đội ngũ này. Đáng tiếc là một số người không có nghề cũng lao vào hành nghề, sản xuất ra những bộ phim với cốt truyện sơ lược, rẻ tiền, vay mượn. Theo kinh nghiệm của các nước trên thế giới, chất lượng nội dung là sự sống còn của một nền điện ảnh, vì vậy họ rất coi trọng vai trò, năng lực của người sáng tác và phần nhiều dựa vào những tác phẩm văn học có giá trị.

* Nhà nghiên cứu điện ảnh

Digitized by Google

Gương mặt đội ngũ và chất lượng sáng tác ở nước ta thời gian qua thể hiện ngay ở những khuynh hướng làm phim.

Điều đáng mừng là điện ảnh Việt nam vẫn còn *dòng phim hiện thực* mang tính truyền thống và đang từng bước đổi mới của các nghệ sĩ có tâm huyết, vì sự nghiệp điện ảnh dân tộc. Có thể kể đến những bộ phim tài liệu : *Đi tìm đồng đội, Cái bến, Trở lại Ấp bắc, Bác đi chiến dịch, Đường Hồ Chí Minh, Nguyễn An Ninh niên biểu, Cô Bảy Phùng Há, Dòng sông ánh sáng, Đến với Tây nguyên, Đồng ruộng đổi thay, Thiện và ác, Cô tô - đảo ngọc quê hương, Khát thèm được nói, Xa mẹ, Chuyện làng thương binh...*, và những phim hoạt hình : *Cầu vồng hóa đá, Ông tướng canh đền, Chú lừa xám, Cái đầu, cái đuôi, Quả bầu tiên...* Tuy vậy, phim tài liệu và phim hoạt hình vì chưa được đầu tư đúng mức trong điều kiện kinh tế thị trường, nên phần nào còn lúng túng trong bước đi và cách thể hiện, chưa đáp ứng được yêu cầu của đông đảo người xem.

Bài viết này tập trung chú ý vào mảng *phim truyện* - mảng phim có nhiều ý kiến tranh cãi nhất hiện nay. Điện ảnh Việt nam thời gian qua đã có một số phim truyện vi-đê-ô và phim nhựa được đông đảo người xem ưu ái. Phim truyện vi-đê-ô, sản phẩm của nền khoa học kỹ thuật mới, đã kịp thời đáp ứng nhu cầu người xem, và không ít tác phẩm đã đạt đến giá trị xã hội - nghệ thuật nhất định, gây xúc động lòng người, như : *Băng qua bóng tối, Cô thủ môn tội nghiệp, Em còn nhớ hay em đã quên, Hai nửa yêu thương, Hạnh phúc đắng cay, Khát vọng sống, Tiếng gọi bên sông, Lời nguyền của dòng sông* (phim của Trung tâm nghe nhìn Đài truyền hình Việt nam)... Những phim được đánh giá cao, phần lớn có kịch bản chuyển thể từ tác phẩm văn học hoặc kịch bản có chất lượng. Ở đây vai trò của người sáng tác quả là vô cùng quan trọng.

Những phim truyện nhựa được nhiều người quan tâm đều là những phim gắn bó chặt chẽ với hiện thực đời sống phong phú, bề bộn và phức tạp của đất nước : *Vị đắng tình yêu, Xương rồng đen, Canh bạc, Anh chỉ có mình em, Chuyện tình bên sông, Cỏ lau, Dấu ấn của quỷ, Lương tâm bé bỏng, Hãy tha thứ cho em, Đời hát rong, Cát bụi hè đường, Bọn trẻ*, v.v.. Song sự thành công của các tác giả (hầu hết là trẻ) lại ở những cấp độ khác nhau bởi cách nhìn và cách thể hiện hiện thực cuộc sống theo nhiều chiều khác nhau. Có những phim chân phương, chủ đề tưởng không có gì mới, nhưng đã thuyết phục được người xem bởi tấm lòng nhân hậu, yêu thương, và cách thể hiện dung dị, chân thực của tác giả : *Anh chỉ có mình em, Xương rồng đen, Đời hát rong*... Bộ phim được giải Bông sen vàng *Vị đắng tình yêu* cũng vậy, cái mới ở đây là cách nhìn đối với cuộc sống hôm nay, là xúc cảm chân thành của tác giả. Phim nêu một mảng hiện thực sinh động về cuộc sống sinh viên với những mối quan hệ bè bạn, thầy trò, tình yêu và lẽ sống. Sinh hoạt và học tập trong nhà trường tuy còn gặp nhiều khó khăn thiếu thốn, xã hội và gia đình còn nhiều phức tạp, tình yêu vẫn chưa hết trắc trở, nhưng không thể làm mất đi tính hồn nhiên, tháo vát, niềm lạc quan yêu đời của lớp trí thức trẻ mang đậm dấu ấn của thời kỳ đổi mới. Một số bộ phim khác ít nhiều mang tính triết lý như *Canh bạc, Dấu ấn của quỷ, Lương tâm bé bỏng, Hãy tha thứ cho em*... Các tác giả đã cố tìm tòi, sáng tạo cả về cách đặt vấn đề, cấu trúc cốt truyện, xây dựng tính cách nhân vật, hình thức thể hiện và cách dựng phim... Sự đóng góp đó của các tác giả trẻ rất đáng khuyến khích, bởi đổi mới là điều tiên quyết để nghệ thuật điện ảnh tồn tại và phát triển. Nhưng kinh nghiệm vừa qua cho thấy, tuy có nhiệt tình và cảm xúc mạnh mẽ, dám nghĩ dám làm, dám xông vào khai phá, thử nghiệm, nhưng do vốn sống thực tế, sự hiểu biết về con người và tầm văn hóa chưa đủ độ chín, nên tác phẩm của lớp trẻ thường không đồng đều và thiếu hoàn chỉnh. Nhược điểm lớn nhất của họ thể hiện ở cách nhìn hiện thực có phần cực đoan : nhấn mạnh mặt tiêu cực, ít thấy những nhân tố tích cực, lời thoại trong phim đôi chỗ còn thiếu thận trọng, thậm chí chói gắt, gây phản ứng cho người xem.

Nhìn chung, dòng phim hiện thực đã góp một tiếng nói phản ánh không khí đi lên của đất nước ; tuy vậy, tình hình sáng tác vẫn chưa ổn định, mang nhiều tính tự phát, bộc lộ nhiều mâu thuẫn, đặc biệt xuất hiện một số *khuynh hướng lệch lạc đáng chú ý*.

Khuynh hướng sáng tác chạy theo lợi nhuận đơn thuần với hàng loạt phim đã và đang chiếm lĩnh màn ảnh cả nước, khiến người xem và báo chí phải lớn tiếng phê phán. Những người theo khuynh hướng này thường ngầm xếp mình vào loại "các nhà làm phim thương mại" nên cố tình tránh né những vấn đề nóng bỏng của xã hội ; họ nhằm vào thị hiếu nhất thời của người xem bằng cách sử dụng một cách tùy tiện, đôi khi cẩu thả, các thủ pháp câu khách trên nền những cốt truyện nhàn nhạt, vay mượn, chắp vá, trùng lặp. Sự thực ở các nước,

Digitized by Google

người ta xếp phim thương mại vào loại phim giải trí cho tầng lớp thị dân, nhưng để hấp dẫn được đông đảo người xem, tác giả và các nhà sản xuất đã phải đầu tư rất nhiều công sức, chất xám. Trong khi đó, phần lớn các phim của ta lại quá non yếu về nội dung và thấp kém về tay nghề, nên không những không đem lại cho người xem sự giải trí lành mạnh, mà trên thực tế, cũng không đạt được "tính thương mại". Xu hướng này dường như được thay hình đổi dạng, bám rễ, ăn sâu vào "nội tạng" của khuynh hướng khác.

Chính kiểu sáng tác chạy theo lợi nhuận đơn thuần đã góp phần sinh ra *khuynh hướng sáng tác xa rời hiện thực*. Đối với phần lớn phim truyện của ta, mới đầu chỉ là sự tránh né, lâu dần các nhà làm phim tách rời hẳn với hiện thực đời sống, với công cuộc đổi mới đất nước sôi động. Trên màn ảnh hầu như vắng bóng những nhân vật trung tâm của thời kỳ đổi mới, những người lao động (cả chân tay và trí óc) đang phấn đấu không mệt mỏi cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh. Trên hầu hết phim, đâu đâu cũng thấy cảnh giàu sang, ăn chơi xa hoa, đôi chỗ còn trác táng. Nhân vật phim thường quẩn quanh lớp thị dân đầy bế tắc và bấn loạn, những "thanh niên thời đại" với dáng vẻ hào hoa, thời thượng, nhưng thực chất chỉ là những con người nhỏ bé, ích kỷ, thích hưởng thụ và ít quan tâm đến sự nghiệp chung. Có thể có một mảng cuộc đời như vậy, nhưng đó không phải là hiện thực tiêu biểu của cuộc sống đất nước còn bộn bề khó khăn, con người còn đang phải lao động cực nhọc, vất vả. Điều đáng trách là cách khai thác bối cảnh phim, khai thác đề tài và miêu tả nhân vật tùy tiện của các tác giả ; họ thường đưa vào phim những cảnh làm tình, đấm đá, phóng xe, các kiểu sống lạ mắt... nhiều khi không ăn nhập gì với nội dung mà chỉ cốt đánh vào sự tò mò của người xem. Loại phim này chạy theo mốt và chúng thường xuất hiện cả xê ri nếu tập đầu ăn khách. Người ta làm sao mà nhớ hết được những tên phim rất kêu kiểu như *Oan tình, Yêu điệu thục nữ, Hoa quỳnh nở muộn, Trái tim lỡ hẹn, Sau những giấc mơ hồng, Đóa hồng cho em, Bây giờ em ở đâu* v.v. và v.v..

Qua thử thách của thời gian, những phim trên đã tỏ ra nhàm chán ngay cả đối với nhóm thị dân ưa giật gân, thích của lạ, chứ chưa nói tới quảng đại nhân dân lao động. Ai cũng biết nghệ thuật xa rời hiện thực và không gắn bó với đời sống nhân dân thì chỉ là một thứ nghệ thuật tầm thường, èo uột. Trong khi nhiều nhà điện ảnh nước ngoài đang quan tâm khai thác đề tài phong phú về hai cuộc kháng chiến và công cuộc đổi mới năng động sáng tạo của Việt nam, những sản phẩm tinh thần nói trên khiến dư luận xã hội bực bội là điều dễ hiểu.

Từ xa rời hiện thực đời sống đến *chối bỏ bản sắc dân tộc, vay mượn, lai căng*, con đường đi quả là trong gang tấc. Không bám được vào cuộc sống và thiếu tài năng sáng tạo thì tất yếu phải đi vay mượn, sao chép từ bên ngoài, thậm chí từ những kịch bản cũ của Sài gòn trước năm 1975 (phim *Xác chết trên cao nguyên* là một ví dụ). Trong quá trình xây dựng nền nghệ thuật dân tộc, chưa bao giờ lại có nhiều phim lai căng, bắt chước nước ngoài như mấy năm gần đây. Các tác giả làm phim võ hiệp, phim tâm lý xã hội, thì bắt chước phim Hồng công, Đài loan ; còn phim có bóng ma lại na ná phim của phương Tây. Có ý kiến mỉa mai là chỉ cần lồng tiếng khác, loại phim này sẽ trở thành phim nước ngoài 100%. Một số tác giả không chỉ "mượn" thủ pháp hoặc hình thức thể hiện, mà còn ăn cắp cả cốt truyện, thậm chí gán ghép cho người Việt nam những cách suy nghĩ, lối sống, hành động rất xa lạ, như các phim *Lắp xác, Ngôi nhà oan khốc, Vụ án mạng sau ống kính, Tên phim dành cho khán giả, Đảo hải tặc, Ảo ảnh tình yêu, v.v.*.. Chúng ta có thể điểm qua vài mô típ lai căng trắng trợn. Ví dụ : chuyện hai sinh viên yêu nhau từ khi còn ngồi ghế nhà trường, sau khi tốt nghiệp đại học vì chưa có việc làm, đã phải ăn nằm với mụ béo ị nhiều tiền và lão già sắp chết giàu sụ, để lấy vốn cùng mở quán cơm sinh viên sau này *(Tình đời)*. Hoặc chuyện đem người vợ nông thôn hiền hậu chăng bẫy để chiếm đoạt nhà bạn, mặc dù họ đã từng là đồng chí sống chết có nhau trong kháng chiến chống Pháp *(Cạm bẫy tình)*. Tệ hơn nữa là sự khai thác trạng thái sinh lý và thèm khát dục vọng cá nhân một cách thô thiển đến bất chấp cả lô gích phát triển của tâm lý người Việt nam, như phim *Chuyện tình trong ngõ hẻm*. Đứng trước thực trạng này, dư luận báo chí và người xem đã lo lắng và phản ứng mạnh mẽ, thậm chí có người đã sốt ruột thốt lên trong bài viết của mình : không biết điện ảnh dân tộc sẽ đi về đâu ? Các nhà điện ảnh thế giới hiện đang chú tâm khai thác những đề tài văn hóa, lịch sử, truyền thống mang đậm đà bản sắc dân tộc, thì thứ "mỹ phẩm cũ mèm" này được nhập vào ta một cách sống sượng, quả là điều không thể nào chấp nhận được.

Khuynh hướng coi thường và hạ thấp nghệ thuật

Digitized by Google

điện ảnh vừa là hệ quả, vừa có mối quan hệ tương hỗ với các khuynh hướng nêu trên. Đã có hiện tượng "nhà nhà làm phim, người người làm phim", xô bồ và bất chấp chất lượng đến mức báo động. Một số người không biết gì về nghề đạo diễn nhưng do có tiền, hoặc thân quen với người bỏ vốn, nên cũng nhảy ra làm đạo diễn phim. Một số người có nghề nhưng chỉ chạy theo số lượng để kiếm được nhiều tiền, chẳng hề quan tâm đến chất lượng nghệ thuật và trách nhiệm của người sáng tác, đạo diễn. Có nhà biên kịch một năm đã viết tới 10 kịch bản (được dựng thành phim) ; diễn viên gọi là "ngôi sao ăn khách" đã đóng đến 20 - 30 phim, mà không thuộc lời kịch bản phim nào. Điều tệ hại hơn, hiện nay người bỏ vốn sản xuất là người chỉ huy chính trong việc làm phim, chứ không phải đạo diễn. "Ông chủ" có quyền thông qua kịch bản, có quyền thêm vào các kiểu ăn chơi, các mốt quần áo, các vai hài lố bịch, các cách làm tình mùi mẫn... Trên thực tế, nhiều đạo diễn chuyên nghiệp, kể cả những người có tên tuổi, đã trở thành kẻ làm thuê, yếm thế. Lại còn tình trạng ghi tên lấy tiền của một số "cố vấn nghệ thuật", "biên tập phim", hoặc bán nhãn hiệu của hãng phim để thu cái lãi "hoa hồng"...

Mới bước vào cơ chế thị trường mà sức công phá của điện ảnh chạy theo đồng tiền dường như đã dữ dội đến mức có khả năng làm tha hóa cả một ngành nghệ thuật bao năm được nhân dân và chế độ mới vun đắp, trân trọng. Tình hình đó là do *những nguyên nhân* sau :

Về *khách quan*, sự chuyển đổi cơ chế đã tác động mạnh vào toàn bộ hoạt động của ngành điện ảnh, phá vỡ thế cân bằng và phân hóa một cách ghê gớm đội ngũ làm phim. Sự bùng nổ của nạn vi-đê-ô đen và sự tràn ngập sản phẩm "văn hóa đại chúng" không những làm méo mó thị hiếu một bộ phận công chúng mà còn ảnh hưởng không nhỏ đến khuynh hướng sáng tác điện ảnh.

Về *chủ quan*, sự quản lý của nhà nước và của ngành điện ảnh còn nhiều lúng túng, bị động, chưa theo kịp cơ chế thị trường. Có sự buông lỏng quản lý, trong khi chưa xác định rõ mục tiêu và định hướng sáng tác, chưa xây dựng được cơ chế, chế độ, chính sách và phương thức hoạt động cho phù hợp với tình hình mới ; chưa đầu tư thích đáng cho ngành đủ sức vượt qua cơn choáng ban đầu ; chưa củng cố được các hãng phim quốc doanh và lực lượng làm phim chuyên nghiệp mà đã vội vã cho bung ra các thành phần khác, v.v..

Lực lượng sáng tác, nghiên cứu, lý luận phê bình điện ảnh vừa thiếu định hướng, lại gặp khó khăn về đời sống, nên phần lớn ngại đấu tranh, dễ thỏa hiệp, tránh né những vấn đề lớn của đất nước, ngại đi vào vấn đề có tính chất đường lối, quan điểm trong sáng tác. Bản thân sự chuyển tiếp giữa các thế hệ trong sáng tác và lý luận điện ảnh cũng vấp phải những mâu thuẫn nhất định trong cách nhìn nhận và đánh giá.

Từ đầu năm 1993 đến nay, trước nhu cầu đổi mới của cuộc sống, của người xem và của ngành điện ảnh, Bộ văn hóa thông tin đã chỉ đạo triển khai một số hoạt động quan trọng, trong đó có Hội nghị nâng cao chất lượng sáng tác điện ảnh. Song đó mới chỉ là bước đầu. Để thực sự nâng cao chất lượng sáng tác, góp phần bảo vệ và từng bước phát triển nền điện ảnh dân tộc, chúng ta cần *tập trung giải quyết một số vấn đề chủ yếu* :

Trước hết, nhà nước cần thực hiện chủ trương xã hội hóa điện ảnh để huy động được nhiều nguồn vốn *đầu tư* cho điện ảnh nói chung, *cho lực lượng sáng tác* nói riêng. Tạo điều kiện về mặt tinh thần và vật chất cho đội ngũ xung kích này tiếp cận với hiện thực đời sống sôi động của đất nước, với tinh hoa và kỹ thuật tiên tiến của điện ảnh thế giới, giúp họ có được những tác phẩm phản ánh đúng hơi thở của cuộc sống và ngang tầm thời đại.

Bên cạnh việc đặt hàng và tài trợ cho mảng phim có tính chất định hướng, nhà nước nên đặc biệt chú ý xây dựng chế độ nhuận bút cho các nghệ sĩ sáng tác phù hợp với giá thành một bộ phim và lợi nhuận thu được của điện ảnh hiện nay. Tránh sự chênh lệch quá mức giữa thu nhập của người sáng tác và của những diễn viên ăn khách, giữa sự đãi ngộ của tư nhân và sự đãi ngộ của nhà nước.

Trong khi *tăng cường bồi dưỡng, đào tạo* lại đội ngũ sáng tác chuyên nghiệp và đào tạo cho hệ thống lực lượng nghiệp dư, nhà nước nên dành một số vốn nhất định nuôi dưỡng những tài năng trẻ. Có cơ chế và dám chi để khuyến khích nhập loại phim có giá trị để góp phần nâng cao trình độ cho đội ngũ sáng tác và nâng cao dần thị hiếu người xem.

Cần định hướng cụ thể và mạnh dạn đầu tư bồi dưỡng cho lực lượng lý luận phê bình, giúp họ có điều kiện và phương tiện nâng cao hiệu quả công việc, nhịp bước cùng đội ngũ sáng tác, góp phần thực sự vào chất lượng sáng tác, vào việc nâng cao nhận thức và thị hiếu thẩm mỹ của người xem.

Digitized by Google

CẦN CÓ GIẢI PHÁP HỮU HIỆU TRONG QUẢN LÝ BÁO CHÍ - XUẤT BẢN

NGUYỄN BẮC SƠN *

Từ sau Hội nghị báo chí và xuất bản toàn quốc, hoạt động báo chí và xuất bản trong phạm vi cả nước đã được chấn chỉnh lại. Luật báo chí, Luật xuất bản và những nghị định của chính phủ đã đặt cơ sở pháp lý cho hai lĩnh vực hoạt động này phát triển. Tuy vậy, nếu coi việc kiểm soát được tình hình là một trong những biểu hiện quan trọng nhất của công việc quản lý nhà nước trên bình diện này, thì ai cũng cảm thấy chưa thể yên tâm. Bởi trên thực tế vẫn xảy ra những vụ việc đáng tiếc, dư luận xã hội không đồng tình. Điều đáng nói là những vụ việc ấy đều đặt tất cả các cơ quan đảng theo dõi về lĩnh vực này cũng như các cơ quan bảo vệ an ninh chính trị và các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí và xuất bản trước sự đã rồi ! Nghĩa là khi một xuất bản phẩm nào đó chính thức hay không chính thức được phát hành rồi thì nếu có vấn đề gì chúng ta mới lo cách giải quyết. Vì vậy, việc giải quyết thường mang tính chất đối phó.

Trong thời kỳ mở cửa, với sự tác động nhiều mặt của kinh tế thị trường, của lối sống thực dụng và của chính sách "diễn biến hòa bình" mà các lực lượng thù địch đang ráo riết thực hiện, chắc chắn hoạt động báo chí và xuất bản sẽ còn chịu nhiều thử thách khắc nghiệt. Vì vậy, vấn đề đặt ra trong bài này là : *làm thế nào để từng bước thực hiện được việc kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động báo chí và xuất bản trên phạm vi toàn quốc* ?

Để giải quyết vấn đề trên, trước hết các văn bản luật và dưới luật cần quy định rõ *chế độ trách nhiệm*. Luật báo chí của ta chưa xác định trách nhiệm trực tiếp của tác giả, nhưng công dân, với tư cách là người cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí và nhà báo, thì phải : "...chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin" (chương II, điều 4, điểm 2).

Thật ra, không phải bao giờ nhà báo và cơ quan báo chí cũng nhận thông tin từ một cá nhân. Vả lại, người cung cấp thông tin có thể vì những lý do hoàn toàn cá nhân (ví dụ, trình độ nhận thức) mà cung cấp thông tin, thông tin đó *chưa phải là sự thật đầy đủ* chứ không phải là *không đúng sự thật*. Do vậy, việc kiểm tra, xác minh và sử dụng những thông tin ấy phải là trách nhiệm và nghĩa vụ chuyên môn của nhà báo và cơ quan báo chí. Hơn nữa, vấn đề còn ở chỗ : các nhà báo và cơ quan báo chí vẫn tự thu thập thông tin, tài liệu... thì đương nhiên phải chịu trách nhiệm về việc làm của mình. Vì thế, theo tôi, việc không xác định rõ trách nhiệm cá nhân của tác giả trong Luật báo chí là chưa chặt chẽ về mặt pháp lý.

Về điểm này, Luật xuất bản đã nêu rõ. Ngay trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan báo chí và nhà xuất bản (đối với nhà xuất bản còn nêu cả trách nhiệm của tổng biên tập), Luật báo chí và Luật xuất bản cũng đều xác định đúng đắn và nghiêm ngặt.

Thế còn trách nhiệm của cơ quan chủ quản các báo và nhà xuất bản thì sao ? Nghị định 133 HĐBT xác định : "... Cơ quan chủ quản báo chí phải chịu trách nhiệm liên đới về các vi phạm pháp luật của cơ quan báo chí trực thuộc" (chương II, điều 5). Ở Luật xuất bản, chương III, mục 1, điều 11 ghi : "... Giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản chịu trách nhiệm trước pháp luật về xuất bản phẩm của nhà xuất bản. Cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản liên đới chịu trách nhiệm theo nhiệm vụ và quyền hạn của mình".

Để làm rõ vấn đề này, cần "dựng lại" quá trình ra đời của một xuất bản phẩm.

Tùy theo uy tín và mối quan hệ của tác giả với các biên tập viên, tổng biên tập hoặc giám đốc nhà xuất bản, mà nhà xuất bản đưa *tên sách* và bản *tóm tắt nội dung sách* vào kế hoạch xuất bản. Nhà xuất bản "đăng ký đề tài" (đúng ra, phải gọi là "đăng ký tên sách") với Cục xuất bản. "Phiếu xác nhận đăng ký đề tài xuất bản" do Cục xuất bản cấp có ghi rõ : "Dùng để ký hợp đồng in", và chính số thứ tự của phiếu này sẽ là số giấy phép xuất bản được ghi trong cuốn sách. Như thế là, trừ những cuốn sách không nhà xuất bản nào đứng tên, được in chui và bán chui ra, còn tất cả các cuốn sách có phiếu xác

* Trưởng phòng quản lý báo chí xuất bản, Sở văn hóa thông tin Hà nội

Digitized by Google

nhận trên đều được coi là đã có giấy phép xuất bản. Và như vậy, khi in xong, về pháp lý, sách đã được phép phát hành. Với quy trình ra sách như trên, cơ quan chủ quản của nhà xuất bản nếu có duyệt sách xuất bản thì cũng chỉ là duyệt kế hoạch xuất bản của nhà xuất bản mà thôi. Thế thì tại sao và bằng cách nào mà cơ quan chủ quản của nhà xuất bản lại phải liên đới chịu trách nhiệm với nhà xuất bản về xuất bản phẩm đưa ra thị trường ? Đối với hoạt động báo chí (kể cả báo nói, báo hình), các cơ quan chủ quản các báo càng không có điều kiện để tham gia từng số báo, từng chương trình phát thanh, phát hình, do đó càng không thể nói tới việc phải chịu trách nhiệm liên đới với các báo về các vi phạm pháp luật của họ ?

Vì thế tôi cho rằng, cần phân biệt giữa hai loại trách nhiệm : *trách nhiệm tổng thể về một quá trình hoạt động* với *trách nhiệm cụ thể về từng sản phẩm*. Cơ quan chủ quản chỉ có thể liên đới chịu trách nhiệm tổng thể về tư tưởng, khuynh hướng chính trị, khuynh hướng văn học, nghệ thuật. Nói cách khác, nó phải làm cho người đứng đầu cơ quan báo chí và nhà xuất bản luôn luôn đi đúng tôn chỉ, mục đích đã vạch ra. Còn người phải chịu trách nhiệm cụ thể về từng "sản phẩm", thì như đã phân tích ở trên, trước tiên là *tác giả*, sau đó là *người đứng đầu cơ quan báo chí, xuất bản*. Trong nội bộ một cơ quan báo chí, xuất bản, các công đoạn từ tác giả đến biên tập viên, từ biên tập viên đến trưởng ban biên tập, rồi từ trưởng ban biên tập đến tổng biên tập (như đối với báo in) hoặc trên tổng biên tập còn có giám đốc (như đối với đài phát thanh, đài truyền hình và nhà xuất bản), đều cần có quy chế riêng ; trách nhiệm từng khâu, từng người cần được phân định rõ.

Về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, trong cả hai luật báo chí và xuất bản, hình như vấn đề còn bỏ ngỏ, chưa được quy định chặt chẽ. Một thông tin, một bài báo, một bức ảnh, một tác phẩm văn, thơ, sân khấu, điện ảnh... nếu còn ở dạng "bản thảo" đơn chiếc, chưa có điều kiện để phổ biến, thì chưa có mấy tác dụng. Chỉ khi đã được một cơ quan báo chí, xuất bản chấp nhận đăng, phát hoặc xuất bản, có điều kiện để phổ biến, thì nó mới thật sự phát huy tác dụng. Nhưng trước khi đưa ra phổ biến nó, có một công đoạn rất quan trọng lâu nay chưa được chú ý đúng mức : đó là vấn đề *nộp lưu chiểu*. Trên thực tế chúng ta thường chỉ coi chế độ lưu chiểu như một hình thức lưu giữ sách báo, không hơn không kém. Hầu như cả sách lẫn báo sau khi phát hành rồi thì mới nộp lưu chiểu. Ở đây cũng nảy ra câu hỏi : cơ quan quản lý nhà nước về báo chí và xuất bản sẽ tham gia công đoạn nào trong quy trình "sản xuất" ra sản phẩm để "liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật về xuất bản phẩm" ? Có lẽ, điều quyết định là kiểm tra nội dung của sản phẩm. Nếu cứ duy trì hình thức quản lý như hiện nay (cụ thể là đối với hoạt động xuất bản thì có việc duyệt kế hoạch, kiểm tra đột xuất và thanh tra, còn đối với hoạt động báo chí thì không có một hình thức kiểm tra kiểm soát gì), làm sao chúng ta có thể loại trừ được sự ra đời của những sản phẩm xấu, độc hại ? Vấn đề tự nó dẫn đến là, phải xây dựng cho được một quy chế kiểm tra kiểm soát nằm ngay trong quy trình "sản xuất" thì mới hy vọng ngăn ngừa được mọi xuất bản phẩm độc hại.

Như vậy, nếu nhìn vào quy trình sản xuất, thì lâu nay "đầu ra" của xuất bản phẩm không có người "canh gác". Để làm nhiệm vụ này, theo tôi, không có ai khác ngoài cơ quan quản lý nhà nước về báo chí và xuất bản. Nghị định 133/HĐBT đã quy định rõ về thời gian nộp lưu chiểu xuất bản phẩm trước khi phát hành : trước 3 giờ đối với báo chí, bản tin ra hằng ngày ; trước 6 giờ đối với báo chí, bản tin không ra hằng ngày ; trước 12 giờ đối với báo chí nước ngoài được phép nhập... Luật xuất bản, điều 21 cũng quy định rõ : "Trong thời hạn 2 ngày kể từ khi in xong, cơ sở in phải nộp lưu chiểu xuất bản phẩm ; ít nhất là bảy ngày trước khi phát hành, nhà xuất bản phải nộp lưu chiểu xuất bản phẩm...". Như vậy, về nộp lưu chiểu, luật quy định rất chặt. Vấn đề còn lại là : có cách gì để trong một thời gian ngắn, kiểm tra, kiểm soát được hết mọi xuất bản phẩm trước khi phát hành ?

Ở cả hai luật báo chí và xuất bản, chế độ lưu chiểu không chỉ nhằm lưu giữ xuất bản phẩm ; nó cần được coi là một *phương thức quan trọng để kiểm tra mọi hoạt động xuất bản*, và là phương thức duy nhất để kiểm tra từng xuất bản phẩm. Đã đến lúc phải xây dựng quy định kiểm tra xuất bản phẩm ở cả hai lĩnh vực báo chí và xuất bản, để chính trên cơ sở kiểm tra mà cơ quan quản lý nhà nước về báo chí và xuất bản quyết định cho phép hay không cho phép phát hành. Người lính gác "đầu ra" này, sẽ

Digitized by Google

đóng vai trò như người cán bộ KCS (kiểm tra chất lượng sản phẩm) trong sản xuất công nghiệp. Lô gích ấy tất dẫn đến việc quy định chế độ trách nhiệm pháp lý đối với từng xuất bản phẩm như sau : người chịu trách nhiệm trước tiên là tác giả ; sau đó đến tổng biên tập, giám đốc ; cuối cùng và cao nhất là cơ quan quản lý nhà nước về báo chí và xuất bản.

Mục đích của việc kiểm tra, kiểm soát trước hết là nhằm không để cho những sản phẩm xấu, độc hại được phát hành ; nhưng có lẽ cũng còn là để cho không một tác phẩm có giá trị nào không được công bố.

Việc khen thưởng trên hai lĩnh vực báo chí và xuất bản cho tới nay vẫn là điều đáng suy nghĩ. Chúng ta chưa có giải thưởng quốc gia ở cả hai lĩnh vực này. Các giải thưởng báo chí và văn học hiện nay mới là của Hội nhà báo và Hội nhà văn Việt nam, tuy mang tính toàn quốc nhưng vẫn chưa phải là *giải thưởng quốc gia* do bộ quản lý nhà nước ngành văn hóa thông tin tổ chức. Còn những vụ việc vi phạm pháp luật trên hai lĩnh vực này, chúng ta cũng chưa xử lý được một vụ nào thỏa đáng. Vì sao như vậy ? Theo tôi, nguyên nhân có lẽ ở bình diện tội phạm học ; những tội danh trong luật rất khó định tính, định lượng. Ở đây cần có quá trình nghiên cứu để đề ra những điều phù hợp và có khả năng thực thi hơn.

Để giải quyết tiếp vấn đề cơ chế, cần tìm con đường giải quyết theo mạch của sự việc. Khi một xuất bản phẩm "có vấn đề", cách giải quyết nên như thế nào ? Trước nay vẫn làm theo cách : Cục xuất bản yêu cầu nhà xuất bản tạm ngừng hoặc ngừng hẳn việc phát hành ; cũng có thể yêu cầu lập tức thu hồi xuất bản phẩm đó. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ quản của nhà xuất bản có khuyết điểm lập *hội đồng thẩm định* và kiến nghị hình thức xử lý. Với cách làm như thế, mọi việc đều tùy thuộc vào cơ quan chủ quản (chẳng khác nào một người vừa đá bóng vừa thổi còi). Kinh nghiệm nhiều nước cho thấy, cách giải quyết có hiệu quả nhất, là quy tất cả vào một mối : *bộ quản lý nhà nước* (ở địa phương là ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, mà cơ quan tham mưu là sở văn hóa thông tin, theo phân cấp của chính phủ). Các thủ tục hành chính chủ yếu mà bộ quản lý nhà nước cần thực hiện để thống nhất quản lý, là : cấp giấy phép hoạt động (như trước nay vẫn làm) ; bổ nhiệm và miễn nhiệm giám đốc, tổng biên tập các nhà xuất bản và cơ quan báo chí. Việc này trước nay đều do cơ quan chủ quản thực hiện, sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của bộ quản lý nhà nước. Một quy trình ngược lại chắc sẽ tránh được sự vận dụng tùy tiện, cục bộ thường gặp ; đồng thời, sẽ có điều kiện để tiêu chuẩn hóa cán bộ hoặc điều chuyển cân đối cán bộ trong phạm vi cả nước. Đối với các báo, nhất là báo tuần, việc thay đổi này sẽ có một ý nghĩa xã hội không nhỏ là góp phần quan trọng vào việc xóa đi những vùng cấm trong hoạt động báo chí.

Để thực hiện việc kiểm tra từng xuất bản phẩm, bộ quản lý nhà nước phải xây dựng *một hệ thống các hội đồng thẩm định* từ trung ương đến các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc từng khu vực, cùng với một quy chế hoạt động. Các hội đồng thẩm định sẽ đóng vai trò như các trọng tài, các "tòa án" chuyên ngành để giải quyết các "vụ án" báo chí, văn học ; sẽ là chỗ dựa về pháp lý để đội ngũ kiểm tra viên của các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc kiểm tra các xuất bản phẩm. Ở trung ương, các hội đồng thẩm định có thể phân theo các chuyên ngành văn, thơ, báo chí (giống như các hội đồng nghệ thuật hiện nay) để không những có thể làm nhiệm vụ thẩm định mỗi khi xuất bản phẩm "có vấn đề", mà còn có thể làm nhiệm vụ chấm và xét giải thưởng quốc gia cho các loại hình sáng tạo (kể cả báo chí) khi cần thiết.

Về các chế độ, chính sách, trong đó có chính sách tài trợ, hiện nay đã có nhiều cơ quan báo và nhà xuất bản tự hạch toán và sống được ; nhưng vẫn còn không ít cơ quan báo, tạp chí, nhà xuất bản còn phải dựa vào tài trợ của nhà nước để tồn tại. Vì vậy, về chính sách tài trợ, nên quy vào một mối là Bộ văn hóa - thông tin thông qua Bộ tài chính (ở địa phương là các sở tài chính vật giá). Điều này chắc chắn sẽ tạo thuận lợi hơn cho sự phát triển của hoạt động báo chí và xuất bản.

Tôi cho rằng, nhưng giải pháp nêu trên rất phù hợp với tư tưởng và phương hướng xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Đảng ta. Tất nhiên, để làm được như thế, còn phải giải

(Xem tiếp trang 57)

Digitized by Google

HOẠT ĐỘNG CỦA THƯƠNG NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH HIỆN NAY

CÔNG KHÁNH *

CHUYỂN sang nền kinh tế thị trường, thương nghiệp ngoài quốc doanh có nhiều điều kiện để phát triển. Đương nhiên, quá trình phát triển của nó đặt ra nhiều vấn đề mà nền kinh tế cần quan tâm.

Sau năm 1954, khi miền Bắc bước vào thời kỳ khôi phục kinh tế, hoạt động của tư thương khá mạnh, chiếm 71,9% lưu chuyển bán buôn, 80,2% lưu chuyển bán lẻ xã hội. Tới năm 1957, thương nghiệp tư doanh chủ yếu là những cửa hiệu nhỏ, phân tán, kinh doanh tập trung trong một số ngành như bách hóa, vải sợi, vật liệu xây dựng, kim khí. Tư bản thương nghiệp (kể cả tiểu thương) chiếm 47,4% lưu chuyển bán buôn, 61% tổng mức bán lẻ. Hai loại hình tư thương chủ yếu là thương nghiệp tư bản tư doanh (1753 hộ) và những người buôn bán nhỏ (226 200 người).

Cuối năm 1960 có tới 99,4% số hộ tư sản thương nghiệp được cải tạo. Sau năm 1960, số lượng tiểu thương giảm đi đáng kể : từ 206 000 người (năm 1960) xuống còn 161 000 người (năm 1965). Thời kỳ tiếp theo cho tới năm 1975, số lượng tư thương lại có chiều hướng gia tăng : tỷ trọng "thị trường tự do" trong tổng mức lưu chuyển bán lẻ xã hội từ 12,9% (năm 1965) lên 23,9% (năm 1975).

Nhìn chung, sau công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, nền kinh tế trở nên tương đối thuần nhất với hai hình thức sở hữu chủ yếu : toàn dân và tập thể. Kinh tế cá thể ngày càng bị thu hẹp, kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước bị xóa bỏ. Năm 1975, kinh tế xã hội chủ nghĩa (quốc doanh và tập thể) chiếm 88,4% tổng sản phẩm xã hội và 84,4% thu nhập quốc dân.

Sau ngày miền Nam được giải phóng, hoạt động của tư thương cũng có nhiều nét mới. Ở miền Bắc nạn đầu cơ, buôn lậu gia tăng. Tỷ trọng thị trường tự do trong tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ xã hội cũng tăng : năm 1979 là 30,7%, năm 1980 lên 37,7% ; trong ngành ăn uống, tỷ trọng trên còn cao hơn : năm 1979 - 54,1%, năm 1980 - 63,9%. Còn ở miền Nam sau ngày giải phóng có khoảng 2 vạn nhà tư sản, gấp 10 lần số nhà tư sản miền Bắc năm 1954. Giai cấp tư sản miền Nam có vốn và tài sản lớn, có mối liên hệ rộng rãi, chặt chẽ với tiểu thương, nông dân và thị trường thế giới. Năm 1976, tư sản mại bản và tư sản lớn ở miền Nam bị xóa bỏ. Năm 1978, nhiệm vụ cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh loại vừa và nhỏ ở đây coi như cơ bản hoàn thành. Song trên thực tế, việc hoàn thành cải tạo giai cấp tư sản nói trên chỉ là hình thức. Từ giữa năm 1979 trở đi, các hộ tư sản thương nghiệp cũ lại tiếp tục hoạt động ; cùng với nó, đã phát sinh một số tư sản mới, nhất là trong các ngành buôn bán vải, quần áo may sẵn, thuốc tây, hàng ngoại hóa.

Sau ngày giải phóng, ở miền Nam có hơn 1 triệu người thuộc tầng lớp tiểu thương, sống tập trung chủ yếu ở các đô thị. Trong thời gian 1977 - 1978, việc cải tạo tiểu thương được chú trọng thực hiện. Đến năm 1984 có khoảng 9 vạn người buôn bán nhỏ được chuyển sang sản xuất hoặc sử dụng trong ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Trải qua 5 năm từ 1979 đến 1984, lượng tư thương ở miền Nam đã tăng gần hai lần. Đến năm 1984, cả nước có 847 300 tư thương, tăng 33% so với năm 1980 ; trong đó kinh doanh thương nghiệp có 447 800 người (tăng 12,5%), kinh doanh ăn uống có 208 300 người (tăng 32,1%).

Tới năm 1987, số lượng tiểu thương ở nước ta xấp xỉ 1,5 triệu người, chiếm gần 50% tổng số hàng hóa lưu chuyển trên thị trường. Năm 1990, tổng mức lưu chuyển bán lẻ của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán chiếm 35,9% thì của tư nhân (với 695 916 hộ gồm 835 844 người kinh doanh thương nghiệp - dịch vụ) và các thành phần

* Chuyên viên kinh tế, Bộ thương mại

Digitized by Google

khác chiếm 64,1%. Thương nghiệp bung ra quá nhanh so với sản xuất. Năm 1991 có 730 000 hộ với 950 000 người kinh doanh (chưa kể trên 1 200 000 người buôn bán nhỏ). Trừ 4 tỉnh có tỷ trọng mức bán lẻ của tư thương dưới 50% là Vĩnh phú (34,8%), Lai châu (37,9%), Hải hưng (44,1%) và Hà sơn bình (48,7%), còn các tỉnh khác đều cao hơn 50% (nơi *cao nhất* là Tiền giang : 86,9%). Nhìn chung, ở các tỉnh phía nam tỷ trọng bán lẻ của thương nghiệp tư nhân trong tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ xã hội đều từ 65% trở lên, nơi thấp nhất (Minh hải) cũng đạt 65,3%. Năm 1992 và 6 tháng đầu năm 1993 thương nghiệp tư nhân tiếp tục mở rộng hoạt động, chiếm xấp xỉ 80% lưu chuyển hàng hóa bán lẻ xã hội. Hiện tượng kinh doanh hàng nhập lậu, hàng giả có xu hướng gia tăng : năm 1989 - 1000 tỉ đồng ; năm 1990 - 1500 tỉ đồng ; và tới nay, chưa thể ước lượng là bao nhiêu.

Qua các cuộc điều tra hoạt động của tư thương, thấy nổi lên một số vấn đề sau :

- Tỷ trọng người mới bổ sung vào lực lượng buôn bán chiếm ngày càng lớn (ở Hà nội, người về mất sức đi buôn chiếm tới 46,2%).

- Số người kinh doanh không có đăng ký chiếm tỷ trọng còn cao.

- Số thuế thất thu khá lớn và có xu hướng ngày càng trầm trọng, trong khi số hộ và quy mô kinh doanh ngày càng tăng.

- Xu hướng buôn chuyến, kinh doanh ăn uống - dịch vụ có chiều hướng gia tăng.

- Tình trạng buôn lậu, làm hàng giả, khá phổ biến và diễn ra ở nhiều nơi.

Tư duy nhất quán về phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần được nêu trong Nghị quyết Đại hội VI và được khẳng định lại trong Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, đã góp phần tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân ở nước ta hồi phục và phát triển mạnh trong những năm qua, có những biến đổi cả về lượng và về chất.

Sau khi luật doanh nghiệp tư nhân và luật công ty ra đời, đến hết tháng 1-1993 cả nước đã cấp giấy phép đăng ký kinh doanh cho 4 430 doanh nghiệp với số vốn ban đầu và vốn điều lệ là 1 681 tỉ đồng. Trong đó có 70% doanh nghiệp tư nhân, 28% công ty trách nhiệm hữu hạn, 2% công ty cổ phần. Một số địa phương có nhiều doanh nghiệp thành lập, đăng ký kinh doanh như Hà nội, đến tháng 4-1993 có 587 doanh nghiệp (267 doanh nghiệp tư nhân, 306 công ty trách nhiệm hữu hạn, 5 công ty cổ phần) với tổng số vốn hơn 200 tỉ đồng. Thành phố Hồ Chí Minh đến tháng 5-1993 có 556 doanh nghiệp (142 doanh nghiệp tư nhân, 405 công ty trách nhiệm hữu hạn, 9 công ty cổ phần) với tổng số vốn trên 371 tỉ đồng.

Kinh tế tư nhân phát triển đã góp phần làm phong phú, sống động thị trường, vừa phục vụ tiêu dùng tại chỗ, vừa đáp ứng nhu cầu ngoài nước ; nhiều ngành nghề truyền thống được phục hồi ; sự cạnh tranh giữa quốc doanh và ngoài quốc doanh ở trong và ngoài nước cũng tăng lên. Trí tuệ, chất xám và cơ sở vật chất kỹ thuật trong xã hội được tận dụng. Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực, kinh tế tư nhân cũng có nhiều tiêu cực ; bên cạnh những kết quả, cũng còn không ít vấn đề đáng lưu tâm. Cụ thể là :

- Vốn pháp định và vốn thực tế thường vênh nhau khá lớn. Chính điều này đã gây khó khăn không nhỏ cho các cơ quan quản lý và các doanh nghiệp liên quan trong các trường hợp vay mượn, cầm cố và xử lý khi vỡ nợ.

- Trình độ kế toán yếu và không chấp hành nghiêm các quy định về thống kê - kế toán - tài chính ; có một thực tế là các phi vụ làm ăn đều để ngoài sổ sách, trốn thuế, buôn lậu diễn ra ở nhiều nơi.

- Số doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo *Luật doanh nghiệp tư nhân* và *Luật công ty* còn quá ít. Cả nước có khoảng 700 hộ kinh doanh tư nhân, trong đó 27% thuộc loại A, B. Số hộ kinh doanh loại A, B có số vốn kinh doanh hơn mức vốn pháp định của doanh nghiệp tư nhân ước tính là 50%. Như vậy, cả nước có khoảng 10 vạn hộ kinh doanh tư nhân thuộc diện điều chỉnh của Luật doanh nghiệp tư nhân (theo Nghị định 221 của Hội đồng bộ trưởng ngày 23-7-1991). Số hộ tư nhân xin lập doanh nghiệp và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới bằng 5% số hộ kinh doanh thuộc diện điều chỉnh của Luật doanh nghiệp tư nhân. Hiện tượng này do hai nguyên nhân : một số chưa tiếp cận được luật ; một số muốn duy trì theo "lối làm ăn cũ" để dễ bề trốn thuế.

Nhìn lại cả chặng đường mấy chục năm qua, có thể đi tới kết luận : thương nghiệp ngoài quốc doanh có mặt tích cực và mặt tiêu cực ; chúng ta cần phát huy mặt tích cực, đồng thời có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế mặt tiêu cực. Trước đây có lúc do không nhận thức rõ quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội

Digitized by Google

là một thời kỳ lịch sử lâu dài, chúng ta đã xóa bỏ quá nhanh các thành phần kinh tế "phi xã hội chủ nghĩa", đã tiến hành việc "cải tạo" một cách ồ ạt theo kiểu chiến dịch, nên đã không thu được kết quả mong muốn. Trái lại, thời gian gần đây, chúng ta lại để cho tư thương phát triển tràn lan, không có sự kiểm soát và quản lý cần thiết, dẫn đến những hậu quả tiêu cực. Bài học rút ra ở đây là : không được làm trái quy luật khách quan.

Từ chủ trương "sớm căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa" chuyển sang chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, là một bước đổi mới quan trọng. Vấn đề là tìm ra các biện pháp cụ thể để giải phóng mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế trong xã hội. Với luật đầu tư đã sửa đổi, bổ sung, chúng ta đã tạo môi trường thuận lợi cho việc gọi tư bản nước ngoài vào nhằm thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế. Như vậy, không có lý do gì để chúng ta ngần ngại trong việc hỗ trợ cho các thành phần kinh tế đầu tư, góp phần mở mang đất nước. Trong lĩnh vực lưu thông, sự tồn tại của tư thương phải được coi như một yêu cầu khách quan, cần có chính sách và biện pháp quản lý, hướng dẫn để nó phát triển một cách đúng hướng. Tập trung vào những vấn đề :

1- Tạo điều kiện mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, nhất là thị trường ngoài nước. Nhà nước nắm giữ một số mặt hàng thiết yếu nhưng không nên độc quyền. Quy định rõ và ổn định các mặt hàng nào cấm, các mặt hàng nào kinh doanh có điều kiện, còn lại phải được tự do kinh doanh.

2 - Coi thông tin kinh tế là ngành dịch vụ trong đó mọi thành phần kinh tế đều được tham gia, tham khảo, cung cấp, tìm hiểu. Quyền của tư nhân trong lĩnh vực này cũng phải được quy định rõ trong luật hay văn bản dưới luật.

3 - Chính sách tín dụng hiện còn một số điểm bất hợp lý và chưa thể hiện quan điểm bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Năm 1992, trong tổng số vốn cho vay của nhà nước, khu vực ngoài quốc doanh chỉ chiếm 15%. Do thiếu vốn, 46% doanh nghiệp tư nhân ở Hà nội và 34,5% ở thành phố Hồ Chí Minh không phát huy được hết năng lực. Sự hỗ trợ về mặt tài chính của nhà nước đối với các thành phần kinh tế phải được xem là vấn đề có tính nguyên tắc. Tình trạng thiếu vốn và tâm lý thông thường ưa chuộng tài khoản của người tiết kiệm hiện nay đã khẳng định sự cần thiết phải có thị trường vốn - một tiền đề quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của cả kinh tế quốc doanh và ngoài quốc doanh. Việc ban hành các chính sách và thủ tục đơn giản đối với Việt kiều, tư nhân, tập thể nước ngoài đầu tư vào Việt nam với quy mô nhỏ (dưới 100 000 USD) nhằm tránh hiện tượng đầu tư "chui" như hiện nay, cũng là việc làm cần thiết.

4 - Mục đích của thuế không thay đổi, nhưng cần thay đổi sắc và biểu thuế cho phù hợp với từng giai đoạn, thời kỳ phát triển. Một mức thuế hợp lý nhằm mở rộng diện thu và nuôi dưỡng nguồn thu, cần được xem là việc làm có ý nghĩa cả trong hiện tại lẫn tương lai. Tình trạng các khoản đóng góp thường xuyên (ngoài thuế) còn chiếm một tỷ lệ không nhỏ, cũng là vấn đề đáng được các nhà quản lý quan tâm.

5 - Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, bổ sung những kiến thức cần thiết về kinh tế thị trường (nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý, tiếp thị, luật pháp v.v.) cho các chủ doanh nghiệp và tư nhân, phải được xem là biện pháp cần thiết.

6 - Việc tổ chức các loại hình doanh nghiệp cho phù hợp với độ lớn và đặc điểm, dung lượng thị trường ở từng nơi, nên dành quyền cho các thương gia. Họ phải chịu sự quản lý nhà nước của địa phương, nơi họ sản xuất kinh doanh. Cần thu hẹp, hạn chế đến mức thấp nhất đầu mối cấp giấy phép.

7 - Thành lập mới, sáp nhập, giải thể, phá sản là chuyện bình thường của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Việc sớm lập tòa án hành chính nhằm xử lý một cách bình đẳng, trung thực, khách quan và theo đúng luật các tranh chấp, cũng là bước đi cần thiết trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường.

Cuối cùng, cần sửa đổi cơ chế mở tài khoản tiền gửi và cơ chế thanh toán theo hướng đơn giản, thông thoáng hơn. Việc đáp ứng nhu cầu tiền mặt, việc tổ chức tổng kiểm kê để xác định tính hợp pháp và hợp lệ quyền sở hữu và quyền sử dụng các tài sản của doanh nghiệp làm cơ sở để ngân hàng xem xét cho vay, cũng là những việc cần làm ngay.

Tổ chức, sử dụng và quản lý thương nghiệp ngoài quốc doanh là một vấn đề phức tạp. Nó phải được giải quyết trong hệ thống lớn các vấn đề chính sách phát triển thị trường ở thập kỷ 90 này.

Digitized by Google

Việc giải quyết "điểm nóng" ở Thanh hóa

NHỊ LÊ

VẤN ĐỀ "ĐIỂM NÓNG" VÀ THỰC TẾ "ĐIỂM NÓNG" Ở THANH HÓA

Mấy năm gần đây, ở ta xuất hiện khái niệm "điểm nóng". Vậy "điểm nóng" là gì ? Quan sát nhiều vụ việc khác nhau từ nhiều nơi khác nhau, nhiều người cho rằng, *"điểm nóng" là một khái niệm chỉ nơi xảy ra đấu tranh trong nội bộ nhân dân ở mức cao, thậm chí gay gắt về một vấn đề nào đó, trên một địa bàn nhất định (từ quy mô thôn, xóm, bản trở lên...) vượt quá giới hạn giải quyết tại chỗ, đòi hỏi cấp bách phải có sự tham gia giải quyết, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự can thiệp của các cơ quan pháp luật từ cấp cơ sở trở lên.*

Thanh hóa là một tỉnh có khá nhiều "điểm nóng" xuất hiện từ cuối năm 1988. Khởi đầu là vụ tranh chấp đất đai giữa hợp tác xã Thành sơn với nông trường Sao vàng (thuộc xã Xuân sơn, huyện Thọ xuân vào ngày 22-11-1988), và rộ lên từ cuối năm 1989. Phần lớn các "điểm nóng" thường xuất hiện ở khu vực nông thôn, tập trung ở những nơi có mật độ dân cư lớn và vốn phức tạp về trật tự trị an. Quy mô "điểm nóng" chủ yếu là thôn, xã, một số ít tụ điểm ở thị xã. Tính ra, từ 22-11-1988 đến 30-12-1992, "điểm nóng" xuất hiện tập trung ở các huyện : Hậu lộc - 8 vụ, Thọ xuân - 6 vụ, Cẩm thủy - 6 vụ, Ngọc lặc - 5 vụ, Triệu sơn - 5 vụ, thị xã Thanh hóa - 9 vụ, hai thị xã Bỉm sơn và Sầm sơn mỗi nơi 2 vụ... Điều đáng lưu tâm là, "điểm nóng" có xu hướng phát triển "lây lan" với tốc độ khá nhanh và tập trung vào một thời gian ngắn. Chẳng hạn, chỉ riêng năm 1992, Ngọc lặc có 5 vụ ; Triệu sơn 4 vụ ; Hậu lộc 6 vụ ; Thiệu yên 3 vụ... Tổng cộng đến ngày 12-11-1993, tại Thanh hóa đã xuất hiện 120 "điểm nóng". Phân tích 120 "điểm nóng" đó, có thể thấy :

+ *Về quy mô :* Nội bộ trong một xã chiếm 65% số vụ ; các xã trong một huyện chiếm gần 18% số vụ ; các xã thuộc các huyện khác nhau chiếm hơn 5% số vụ ; các loại khác chiếm hơn 7% số vụ.

+ *Về dạng thức :* Chung quanh vấn đề đất đai chiếm 54% số vụ ; mất đoàn kết giữa nhân dân với cán bộ ở cơ sở chiếm 19% số vụ ; mất đoàn kết trong nội bộ nhân dân chiếm 19,5% số vụ ; trong nội bộ cơ quan nhà nước chiếm 7,5% số vụ.

+ *Về tính chất :* Mâu thuẫn về ruộng đất (chiếm phần chủ yếu) ; mâu thuẫn giữa nhân dân với cơ quan thi hành công vụ ; mâu thuẫn về tranh giành quyền lực và quyền lợi vật chất ; mâu thuẫn bột phát.

+ *Về mức độ :* Gay gắt chiếm 11% số vụ ; căng thẳng chiếm 49% số vụ ; âm ỉ chiếm 40% số vụ.

NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH "ĐIỂM NÓNG"

Có thể rút ra *ba loại* nguyên nhân chủ yếu sau đây :

1 - Loại "điểm nóng" phát sinh *trực tiếp* do một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở có hành vi tham nhũng, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, bị số đông đảng viên, quần chúng nhân dân oán ghét, tố cáo, khiếu nại, nhưng việc thanh tra, kết luận, xử lý những sai phạm đó không kịp thời, triệt để, khiến cho quần chúng thiếu thông suốt, không tin tưởng kéo dài. Có nơi, quần chúng nghi ngờ huyện bao che cho những sai phạm đó của cán bộ cơ sở, làm cho tình hình càng phức tạp, căng thẳng hơn, v.v..

Lợi dụng tình hình trên, một số phần tử xấu, trong đó có cả những cán bộ, đảng viên bất mãn, cơ hội đã kích động, lôi kéo một số người giác ngộ kém, đấu tranh theo lối cực đoan, quá khích, dẫn tới vi phạm nguyên tắc của đảng, pháp luật của nhà nước. Hình thức phổ biến là tổ chức khiếu kiện đông người, đi nhiều nơi ; yêu sách quá mức ; lăng nhục cán bộ, đảng viên có sai phạm theo kiểu "tự xử", bắt giữ người làm con tin ; dẫn đến đối đầu giữa một số người với các cơ quan lãnh đạo cơ sở.

Digitized by Google

huyện và các ngành nội chính, công an, kiểm sát, thanh tra...

Xem xét các "điểm nóng" Nam giang (Thọ xuân), Thọ ngọc (Triệu sơn), Tiến lộc (Hậu lộc), Quảng lộc (Quảng xương)... đều thấy có chung loại nguyên nhân và các biểu hiện nêu trên. Đây là dạng "điểm nóng" phức tạp, biểu hiện đặc trưng là có *"thủ lĩnh" cầm đầu khởi xướng"*. "Thủ lĩnh" có thể là một người hoặc một nhóm người. Số người này hình thành tổ chức, có sự "lãnh đạo" và phân công chặt chẽ, tự ý lập các tổ chức bất hợp pháp, núp dưới danh nghĩa "công khai, dân chủ" : "Mặt trận chống tham nhũng", "Hội chống tiêu cực"... để lôi kéo, tập hợp một bộ phận đảng viên, quần chúng ngộ nhận đi theo họ. Mặt khác, họ sử dụng những người có tiền án, tiền sự, lưu manh, côn đồ, gây áp lực đối với chính quyền và các ngành nội chính ; khủng bố, đe dọa người đấu tranh trung thực ; tung tin sai lạc, tìm mọi cách vô hiệu hóa bộ máy đảng, chính quyền cơ sở, bất huyện, tỉnh phải làm theo ý đồ của họ...

2 - Loại "điểm nóng" phát sinh do *tranh chấp địa giới hành chính, tranh chấp đất đai, chợ búa*... giữa thôn này với thôn khác, giữa xã này với xã kia, có trường hợp hai xã thuộc hai huyện. Những vụ tranh chấp này không được các cấp, các ngành có thẩm quyền quan tâm giải quyết kịp thời, dứt điểm, đã dẫn tới tình trạng quần chúng manh động xô xát, đánh nhau đông người. Trong lúc đó, chính quyền, cơ sở rơi vào thế bị động, đối phó, không kiểm soát được tình hình hoặc vì cục bộ mà "theo đuôi" quần chúng, thậm chí có trường hợp huy động cả lực lượng dân quân tự vệ dùng vũ khí để đánh nhau, gây ra hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an thôn xã và đoàn kết nội bộ nhân dân. Các "điểm nóng" Quang phúc với Quảng vọng (Quảng xương), Đông quang với Đông văn (Đông sơn), Quý lộc với Yên thọ (Thiệu yên), Vĩnh quang (Vĩnh lộc) với Cẩm vân (Cẩm thủy)... thuộc dạng trên. Loại "điểm nóng" này thường diễn ra trong một thời gian tương đối ngắn nhưng hậu quả khôn lường, gây nhiều khó khăn, ách tắc trong việc xử lý bằng các biện pháp hành chính - pháp luật. Hơn nữa, số người tham gia các "điểm nóng" này thường đông, nên khó xác định đâu là nguyên cớ, đâu là nguyên nhân, dẫn tới dễ bỏ qua bước xử lý bằng pháp luật đối với người phạm tội. Tính đến ngày 17-6-1992, Thanh hóa có tới 4 "điểm nóng" loại này, mặc dù đã ổn định được tình hình song không xử được tội phạm.

3 - Loại "điểm nóng" nổ ra do các nguyên nhân khác có *tính bột phát*, như cản trở và chống đối người thừa hành công vụ, bị kẻ xấu kích động cho nên vụ việc từ "bé" bị "xé thành to". Đây là dạng "điểm nóng" thường xảy ra ở những địa bàn phức tạp về trật tự trị an. Trong khi đó, chính quyền sở tại và cơ quan nội chính non kém không đủ sức giải quyết các tình huống cụ thể, nên "điểm nóng" càng có điều kiện phát sinh và phát triển. Nghiên cứu các "điểm nóng" : vụ đánh nhau đông người giữa đội 3 và đội 9, xã Tân tường (Tĩnh gia) ; vụ va chạm giữa công an thị xã Thanh hóa với lực lượng bảo vệ nhà ga xe lửa ; hai vụ gây rối tại Tòa án nhân dân tỉnh ; vụ vu cáo công an đánh chết người, rồi cướp xe công an chở xác người chết vào cơ quan tỉnh ủy la ó, kích động... đều thấy có một dạng chung như vậy.

GIẢI QUYẾT "ĐIỂM NÓNG" - MẤY BÀI HỌC KINH NGHIỆM BƯỚC ĐẦU

Nhìn lại 120 "điểm nóng" trong 5 năm qua, tính đến ngày 12-11-1993, về cơ bản Thanh hóa đã giải quyết xong hơn 97% số vụ, trong đó có gần 24% số vụ được giải quyết triệt để, gần 40% số vụ đã giải quyết đi vào ổn định cơ bản, số còn lại đang hoàn tất. Việc rút kinh nghiệm, sơ kết toàn diện quá trình giải quyết các "điểm nóng", Thanh hóa sẽ tổ chức hội nghị chuyên đề riêng. Song qua thực tế xử lý thành công và chưa thành công một số "điểm nóng" có quy mô rộng, hình thức phức tạp, tính chất và mức độ nghiêm trọng, bước đầu có thể rút ra một số kinh nghiệm sau :

1 - *Phát hiện sớm, tìm đúng nguyên nhân, đưa công tác tư tưởng đi trước một bước.*

Sự thành công trong việc giải quyết các "điểm nóng" ở Thanh hóa cho thấy, phải có thái độ bình tĩnh, đánh giá tình hình một cách thận trọng, khách quan, tìm đúng nguyên nhân và bản chất vụ việc để có đối sách xử lý phù hợp. Khi có dấu hiệu phát sinh thành "điểm nóng" hoặc "điểm nóng" mới ở giai

Digitized by Google

đoạn đầu, các cơ quan có trách nhiệm cần đi sâu làm rõ đâu là nguyên nhân sâu xa, đâu là nguyên cớ, chủ thể gây ra, phân tích rõ tính chất mâu thuẫn ; đồng thời, tiến hành lập tổ công tác bao gồm những cán bộ có uy tín, có khả năng và kinh nghiệm công tác Đảng, vận động quần chúng, nhạy bén trong việc xử lý các tình hình... trực tiếp thâm nhập vào các "điểm nóng" một cách khéo léo. Thông qua những người có tín nhiệm cao tại chỗ, thuyết phục, làm rõ vấn đề, cùng với dân bàn và giải quyết dứt điểm tại chỗ những băn khoăn, thắc mắc, kể cả của người thân của đối tượng, nhằm "hạ nhiệt dần", "làm dịu tình hình" và tiến tới "tháo ngòi nổ". Đặc biệt, ở những nơi quần chúng dễ bị kích động, có sẵn mặc cảm với lãnh đạo... thì công tác tư tưởng càng cần kiên trì và khéo léo để tạo được dư luận tốt trong nhân dân ; càng tạo được áp lực tốt từ dân thì hiệu quả thu được càng cao. Các "điểm nóng" ở Vĩnh ninh (Vĩnh lộc), Tân lập (Bá thước), Đông hưng (thị xã Thanh hóa)... đã được giải quyết chủ yếu theo cách như vậy. Và cũng theo cách ấy, gần 25% số "điểm nóng" của Thanh hóa được "tháo ngòi nổ" một cách cơ bản.

2 - *Biện pháp kinh tế đi liền với việc kiện toàn tổ chức bộ máy và công tác cán bộ.*

Giải quyết "điểm nóng" đòi hỏi phải có thời gian cần thiết, không thể nóng vội, chủ quan, đốt cháy giai đoạn nhưng cũng không trì trệ, chờ đợi để cho tình hình kéo dài. Thực tế cho thấy, nếu để "điểm nóng" diễn biến kéo dài thì khi giải quyết sẽ gặp nhiều khó khăn phức tạp. Cho nên, có những việc phải tiến hành khẩn trương, nhất là những việc liên quan đến ổn định đời sống mọi mặt ở cơ sở, đặc biệt là đời sống kinh tế. Chẳng hạn, có thể chỉ đạo và giúp những "điểm nóng" có khó khăn về phương thức làm ăn xây dựng một số cơ sở hạ tầng, một số công trình phúc lợi công cộng... nhằm hướng nhân dân đi vào sản xuất, dẹp bớt những xao xuyến phức tạp.

Mặt khác, cần xử lý kịp thời những việc có liên quan đến công tác tổ chức, củng cố bộ máy, tăng cường cán bộ, xử lý những người có sai phạm, nhất là đối với những cán bộ, đảng viên có sai phạm hậu quả đã rõ, không còn uy tín trước nhân dân, kể cả bằng hình thức truy tố trước pháp luật, thu hồi, bồi thường bằng vật chất (nếu có) và công khai trước nhân dân.

Kinh nghiệm xử lý các "điểm nóng" ở Thọ ngọc (Triệu sơn), Nam giang (Thọ xuân), Quảng lộc (Quảng xương), Nga thạch (Nga sơn) và một số điểm phức tạp ở Thọ xuân, Cẩm thủy... cho thấy, đây là *biện pháp rất quan trọng*, phù hợp với đòi hỏi chính đáng của cán bộ, đảng viên và quần chúng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật. Giải quyết tốt các vấn đề này sẽ không còn nguyên cớ để những phần tử bất mãn, quá khích lợi dụng làm phức tạp tình hình.

3 - *Xử lý kịp thời và nghiêm khắc trước hết từ trong nội bộ.*

Xử lý nghiêm khắc trước hết đối với những cán bộ, đảng viên tham gia vào các "điểm nóng" là việc cấp bách, cần thiết để làm "gương" trước nhân dân, có ý nghĩa quan trọng đối với việc ngăn ngừa, giải quyết các "điểm nóng". Kinh nghiệm xử lý các "điểm nóng" tiêu biểu (Thọ ngọc, Quảng lộc, Nam giang và Nga thạch) cho thấy rõ điều này. Chẳng hạn ở vụ Thọ ngọc, đã xử lý kỷ luật khai trừ ra khỏi đảng 1 người, cảnh cáo 3 người, cách chức chủ tịch ủy ban nhân dân xã và trưởng công an xã, để đồng chí bí thư đảng ủy xã nghỉ. Đặc biệt, chủ nhiệm hợp tác xã Lê Hồng Bạo bị truy tố trước pháp luật và lãnh bản án 5 năm tù giam. Từ đó "điểm nóng" cơ bản được tháo gỡ, Thọ ngọc đi vào thế ổn định và tiếp tục đi lên. Hoặc khi giải quyết các "điểm nóng" ở Quảng lộc, Nam giang và Nga thạch, 29 đảng viên ở đây đã bị xử lý kỷ luật. Sau những vụ này, các "điểm nóng" khác giảm hẳn mức độ căng thẳng, tạo đà tốt cho việc giải quyết một loạt các điểm khác trên quy mô toàn tỉnh.

Một điều đáng lưu ý là, đối với số "thủ lĩnh" cầm đầu, nói chung rất cần có thái độ và biện pháp xử lý mềm dẻo, chủ động đối thoại, lắng nghe ý kiến của họ, phân tích, thuyết phục họ, nhưng phải giữ vững nguyên tắc, kiên quyết phê phán hành vi cực đoan, quá khích vi phạm pháp luật của họ ; phân hóa, cô lập số chủ mưu cầm đầu ngoan cố với số ngộ nhận hoặc bị lợi dụng, lôi kéo, từ đó có đối sách phù hợp với từng loại đối tượng.

Digitized by Google

Cùng với việc xử lý kịp thời, nghiêm khắc từ trong nội bộ, cần kiên quyết trấn áp mạnh mẽ, đúng pháp luật đối với bọn gây rối, lưu manh côn đồ hoặc các phần tử lợi dụng "đục nước béo cò", tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân, tuyệt đối tránh manh động. Đây là một hướng giải quyết rất quan trọng. Từ 4 "điểm nóng" với 5 bản án tù giam (cao nhất là 12 năm và thấp nhất là 2 năm) đối với các đối tượng nói trên càng khẳng định rõ quan điểm : *"nghiêm từ trong nội bộ tới ngoài quần chúng"* có tác dụng to lớn như thế nào trong việc xử lý các "điểm nóng".

4 - *Tăng cường tính chủ động của cơ sở nhưng phải bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của cấp trên.*

Để giải quyết các "điểm nóng", các cấp ủy đảng, chính quyền... từ cơ sở tới huyện cần hành động một cách chủ động, nhịp nhàng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của tỉnh ủy và ủy ban nhân dân tỉnh. Đặc biệt, phải tạo được *sự thống nhất cao* từ trên xuống dưới trong việc xác định nguyên nhân phát sinh "điểm nóng" và những giải pháp lớn, chống giản đơn, chủ quan, nóng vội, muốn xử lý ngay bằng các biện pháp cứng rắn ; mặt khác, phải chống tư tưởng hữu khuynh, không dám đương đầu giải quyết, chống tư tưởng ỷ lại : cơ sở chờ huyện, huyện chờ tỉnh, các ngành chức năng đùn đẩy trách nhiệm cho nhau. Các biện pháp xử lý "điểm nóng" phải đồng bộ ; giáo dục, tuyên truyền vận động quần chúng cần đi đôi với củng cố tổ chức đảng, chính quyền và xử lý bằng các biện pháp hành chính, pháp luật.

Đối với những "điểm nóng" phức tạp, nhất là các "điểm nóng" gay gắt, căng thẳng, cần tiến hành lập đoàn công tác hoặc tổ công tác do một đồng chí lãnh đạo chủ chốt phụ trách, trực tiếp xuống "điểm nóng", có toàn quyền giải quyết sự việc theo thẩm quyền, và chịu trách nhiệm trước cấp trên về mọi hoạt động của mình. Điều cần nhấn mạnh là, việc thực thi pháp luật ở các "điểm nóng" trước hết phải dựa trên cơ sở nắm thông tin chính xác, kịp thời tham mưu cho lãnh đạo và xử lý có hiệu quả các tình huống tại chỗ một cách nhanh gọn và an toàn.

"Điểm nóng" ở phạm vi thôn, xóm, thì xã phải đích thân giải quyết, huyện giám sát và giúp đỡ ; "điểm nóng" ở xã, thì huyện phải đích thân giải quyết, tỉnh giám sát và hỗ trợ. Các ban, ngành ở tỉnh, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình mà hỗ trợ huyện. Tỉnh không làm thay, nhưng không buông lơi lãnh đạo, chỉ đạo và coi nhẹ trách nhiệm của mình.

MẤY KIẾN NGHỊ TỪ THỰC TIỄN

Từ thực tiễn Thanh hóa, để chủ động phòng ngừa "điểm nóng" phát sinh và tiếp tục giải quyết có hiệu quả những "điểm nóng" đã phát sinh nhằm giữ vững sự ổn định, đẩy mạnh thế phát triển từ cơ sở, tôi xin kiến nghị một số vấn đề sau :

Một là, trước mắt trung ương sớm sơ kết, tổng kết công tác xây dựng, củng cố cơ sở, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức toàn diện, nhất là kiến thức pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở các cơ sở, khắc phục tình trạng "mù" về kiến thức pháp luật ; tiêu chuẩn hóa kiến thức pháp luật đối với đội ngũ lãnh đạo, quản lý chủ chốt ở cấp cơ sở. Đồng thời, trung ương sớm tổng kết, rút kinh nghiệm vấn đề xây dựng mô hình tổ chức thuộc chính quyền cơ sở (thôn, xóm, bản, làng) và quy chế hoạt động của trưởng thôn, trưởng bản để áp dụng chung cho cả nước.

Hai là, trung ương sớm bổ sung các luật và các văn bản dưới luật cụ thể hóa về giải quyết đơn, thư khiếu tố, khiếu nại của công dân ; hướng dẫn quy trình giải quyết cụ thể theo chức năng và thẩm quyền của mỗi cấp, mỗi ngành đối với việc trên để bảo đảm việc giải quyết khiếu tố, khiếu nại của nhân dân thực sự có hiệu quả, kịp thời, đúng pháp luật, khắc phục tình trạng đùn đẩy, lòng vòng, khiến cho quần chúng thiếu tin tưởng.

Ba là, trung ương sớm có quy chế nhằm khắc phục những hiện tượng còn đang lúng túng, như : sử dụng lực lượng nội chính giải quyết "điểm nóng" như thế nào ; thẩm quyền và nội dung tuyên bố lệnh "giới nghiêm", "tình trạng khẩn cấp" (nếu có) ra sao cho đúng ; các phương tiện thông tin đại chúng đưa tin, bài về "điểm nóng" như thế nào để vừa bảo đảm tính chính xác, chặt chẽ, vừa chống địch lợi dụng, xuyên tạc tình hình.

Digitized by Google

"Ngâm cứu"

NGUYỄN VĂN LỘC

TÔI nhớ mãi cái tranh vui trên tờ báo nọ cách đây đã khá lâu. Tranh vẽ hai người, chắc là một "sếp", một nhân viên, cạnh đó là những con vịt nhỏ xíu với lời thoại đại thể như sau :

- Cái gì thế này ?

- Dạ, cái vụ trứng mà em xin ý kiến anh, anh bảo "để xem đã", bây giờ nở cả rồi.

Một sự phê bình nhẹ nhàng, rí rỏm mà sâu sắc. Trong công tác có vô số chuyện chậm chạp kiểu như vậy. Nhiều người đã từng giễu thói chậm chạp ấy là "ngâm cứu" và đã phê phán ra trò nhưng nó vẫn tồn tại và lại có chiều hướng phát triển cứ như là thách thức nhau vậy.

- Ai cũng biết tham nhũng đang làm nhức nhối toàn xã hội, đang là một trong những vấn đề mà Đảng và nhà nước đặc biệt quan tâm. Khi thảo luận trong hội nghị, ai cũng lớn tiếng phê phán tội tham nhũng, đòi phải xử thật nghiêm những kẻ tham nhũng. Nhưng đến khi bắt tay vào những vụ việc cụ thể thì phần lớn lại rơi vào tình trạng "ngâm cứu". Có những vụ kéo dài sự "ngâm cứu" từ năm này qua năm khác, thậm chí có vụ không biết đến bao giờ mới "ngâm cứu" xong. Sự "ngâm cứu" làm nản lòng cả những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng. Một vụ án loại làng nhàng không đến nỗi quá khó khăn như giữa tháng 5-1993 công an Quảng nam - Đà nẵng bắt được quả tang một cán bộ thanh tra của Bộ nọ đang nhận 20 triệu đồng hối lộ sau một vụ thanh tra ; người phạm tội đã nhận tội và đã bị tạm giam. Nhưng lại có lệnh của "cấp trên" phải thả ngay người ấy ra. Rồi bao nhiêu tháng cứ lặng lẽ qua đi vì còn phải "ngâm cứu hồ sơ". Án nhỏ còn như thế, huống hồ các vụ án lớn, có vụ án đã được xác định là trọng điểm từ lâu rồi cũng vẫn chưa xử được vì đang còn phải "ngâm cứu".

- Ai cũng biết lấn chiếm đất đai, làm nhà trái phép bừa bãi ở nhiều nơi là vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ cương phép nước. Rất lạ là ngay ở thành phố Hà nội nhiều nhà lấn chiếm đất, cơi nới, xây dựng trái phép đã bị chính quyền, công an sở tại lập biên bản báo cáo lên cấp trên xử lý, nhưng tháng này qua tháng khác, năm này qua năm khác, có nơi đã hoàn thiện thành nhà kiên cố rất "có giá", có nơi đã mở quán cầy tơ 7 món, mở quán cà phê giải khát, karaôkê đèn mờ... rồi, mà cấp trên có trách nhiệm vẫn chưa "ngâm cứu" xong hồ sơ, chưa có biện pháp xử lý. Một số kẻ buôn lậu lớn trốn thuế bị bắt quả tang, đã chống đối, hành hung người nhà nước thi hành công vụ một cách thậm tệ, vậy mà có những kẻ vẫn "vô can", vẫn nhởn nhơ, vì nhà chức trách đang còn "ngâm cứu" hồ sơ.

- Dân gian đã có câu : "Trai 30 tuổi đang xoan, gái 30 tuổi đã toan về già". Có những người vợ bị người chồng bội bạc hành hạ, ruồng bỏ để chạy theo người tình, đành phải làm đơn xin ly hôn để tự giải phóng cho mình, nhưng 5 lần 7 lượt đến cửa tòa vẫn chưa xử dứt điểm được vì còn phải tiếp tục "ngâm cứu" hồ sơ. Thế là một số chị em bị rơi đúng vào ác kế của người chồng độc ác muốn giam hãm tuổi xuân của vợ, khi xin ly hôn thì đang tuổi thanh niên mà khi được tòa giải quyết thì đã luống tuổi, nhan sắc đã phôi pha...

Một vài ví dụ nhỏ trên, muốn nói tình trạng "ngâm cứu" đang phổ biến ở các ngành các cấp hiện nay. Nó đang gây ra nhiều hậu quả xấu, làm chậm việc, hỏng việc và giảm lòng tin của cán bộ, nhân dân.

Công việc giải quyết nhanh mà thiếu chín chắn, hấp tấp, sai lầm thì hậu quả không lường. Bởi vậy, khi quyết định phải nghiên cứu cụ thể, khoa học là đúng, nhưng nghiên cứu quá lâu để trở thành "ngâm cứu" thì phải tránh.

Nói cho nghiêm túc, có những trường hợp không phải chỉ là "ngâm cứu". Nghiên cứu - "ngâm cứu" - chẳng qua chỉ là danh từ hoa mỹ trá hình để che giấu thực chất của vấn đề. Có khi đó là sự thiếu tinh thần trách nhiệm, sự kém cỏi, bất lực trước những vấn đề đang đặt ra trong cuộc sống. Có khi đó là sự bao che, ô dù đối với những người sai phạm vì những lợi ích cá nhân của người có trách nhiệm giải quyết hoặc vì lợi ích của cả đôi bên. Và cũng có khi đó là sự ngoan ngoãn chấp hành quyết định của người có thế lực, có chức quyền nào đó nhằm kéo dài sự việc để nó chìm dần vào lãng quên, vì như người đời đã nói : để lâu rồi sẽ hóa bùn.

Muốn khắc phục tệ "ngâm cứu" - kể cả "ngâm cứu" thật và "ngâm cứu" trá hình, không thể chỉ hô hào, động viên một cách chung chung mà cần phải có những quy định, những yêu cầu cụ thể về quy chế, về lối làm việc. Đồng thời, cần thường xuyên kiểm tra, giám sát những người thừa hành và sớm kiện toàn tổ chức, bố trí sắp xếp lại cán bộ ở những nơi cần thiết.

Digitized by Google

THẾ GIỚI NÀY AI KIỂM SOÁT ?

(Nhân đọc cuốn sách của Brê-din-xki : *Ngoài vòng kiểm soát - sự rối loạn toàn cầu bên thềm thế kỷ XXI)*

VŨ HIỀN

BRÊ-DIN-XKI, người Mỹ gốc Ba lan, nguyên là cố vấn an ninh thời tổng thống Mỹ Ca-tơ, là tác giả của nhiều cuốn sách chống cộng : "Khối xô viết - sự thống nhất và xung đột" (1960), "Giữa hai thời đại" (1970), "Kế hoạch trò chơi" (1986), "Thất bại lớn - sự ra đời và cái chết của chủ nghĩa cộng sản trong thế kỷ XX" (1989).

Năm 1993, Brê-din-xki xuất bản cuốn sách mới với tựa đề "Ngoài vòng kiểm soát - sự rối loạn toàn cầu bên thềm thế kỷ XXI". Đây là cuốn sách được chính giới Mỹ rất quan tâm và coi đó là một trong những tài liệu dùng làm luận cứ cho chiến lược quân sự *khuếch trương* mới của Mỹ.

Cuốn sách có 5 phần : Phần I - Chính trị của sự điên rồ ; Phần II - Vượt lên sự thức tỉnh chính trị ; Phần III - Cường quốc toàn cầu vô song ; Phần IV - Những bế tắc của một thế giới không có trật tự ; Phần V - Ảo tưởng về một sự kiểm soát.

Trong cuốn sách này, Brê-din-xki tiếp tục những lời lẽ vu khống và phỉ báng chủ nghĩa cộng sản ; nêu bối cảnh thế giới đầu thế kỷ XXI và ảnh hưởng của nó đối với việc thiết lập trật tự thế giới theo bài bản của Mỹ. Ông ta đề cao sức mạnh của Mỹ, nhưng đồng thời cảnh báo những nguy cơ, thách thức bên trong và bên ngoài của Mỹ. Từ đó, mục tiêu lớn nhất của cuốn sách là nêu những giải pháp để Mỹ có thể thiết lập được địa vị thống trị thế giới.

Mập mờ đánh lận...

Có người tôn ông Brê-din-xki lên bậc cao thủ trong lối viết mập mờ, làm người đọc lẫn lộn trắng đen, phải trái. Khi đọc đến cuốn sách này, ta thấy nhận xét trên thật không ngoa. Ở đây, ông ta đã đánh lộn sòng giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa chính và tà, cho tất cả vào một rọ !

Nhìn lại thế kỷ này, ông ta cho rằng "chính trị của thế kỷ XX chịu sự chi phối của những phong trào chuyên chế đáng được gọi là chính trị của sự điên rồ và có tổ chức"[1]. Theo ông ta, những phong trào chuyên chế điên rồ có tổ chức đó đều là của chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa cộng sản. Tác giả cuốn sách đã quy kết cả "hai cuộc chiến tranh thế giới và ít nhất 30 cuộc chiến tranh quốc tế quy mô lớn hoặc nội chiến" trong thế kỷ này đều là do các thứ tổ chức "chính trị điên rồ" đó gây ra.

Trong khi cố tình xuyên tạc, đồng nhất chủ nghĩa cộng sản cao thượng với chủ nghĩa phát xít tàn bạo như vậy, Brê-din-xki vẫn không hề giấu giếm sự cay cú hằn học và vu cáo một cách bỉ ổi đối với chủ nghĩa cộng sản. Ông ta viết : "Tóm lại, nỗ lực xây dựng chủ nghĩa cộng sản thất bại trong thế kỷ XX đã lấy đi sinh mạng của gần 60 triệu người, làm cho chủ nghĩa cộng sản trở thành một sự thất bại tốn kém nhất của loài người trong lịch sử từ trước tới nay". Và "xét trên quan điểm văn hóa, cả chủ nghĩa quốc xã lẫn chủ nghĩa cộng sản chẳng qua cũng đều là những dạng thức hiện tại của chủ nghĩa tàn bạo... bọn quốc xã đã hành động ở Đức và ở châu Âu bị chiếm đóng với cách thức mà về cơ bản không khác gì những nỗ lực điên cuồng của cộng sản ở Nga hoặc ở Trung quốc..." (!) Brê-din-xki đã tính là trong thế kỷ này, "có không dưới 167 triệu sinh mạng và rất có thể là hơn 175 triệu - đã bị cố ý xóa sổ qua cuộc tàn sát mang động cơ chính trị" (!)

Cái lối phán xét của Brê-din-xki bề ngoài có vẻ như là khoa học, được tính toán cẩn trọng, nhưng thực ra là hoàn toàn vũ đoán, hồ đồ, bắt nguồn từ

---

(1) Trong bài này, tất cả các đoạn để trong ngoặc kép mà không ghi xuất xứ đều trích trong cuốn sách "Ngoài vòng kiểm soát".

Digitized by Google

sự hậm hực, lo sợ chủ nghĩa cộng sản. Đúng là thế kỷ XX đã xảy ra hai cuộc chiến tranh thế giới và nhiều cuộc chiến tranh quy mô lớn nhỏ khác nữa. Và cũng đúng là các cuộc chiến tranh thảm khốc đó đã làm thiệt hại hàng chục triệu sinh mạng. Nhưng nguyên nhân của những cuộc chiến tranh này là do đâu ? Ai là kẻ gây tội và ai là người ngăn ngừa tội ác ? Brê-din-xki đã cố tình đánh lộn sòng. Có những cuộc chiến tranh mà ông ta kể ra như chiến tranh ở "Mê-hi-cô vào đầu thế kỷ, chiến tranh Pa-ra-goay - Bô-li-vi-a từ 1928-1935, nội chiến Tây-ban-nha 1936-1939, nội chiến Ni-giê-ri-a năm 1967, chiến tranh I-rắc - I-ran 1980-1987" - tất cả các cuộc chiến tranh đó những ai trung thực đều thừa nhận không hề có bàn tay của cộng sản. Rồi nữa, việc quân đội Mỹ mang súng đạn đến bắn giết một cách dã man những người dân thường ở Triều tiên, ở Việt nam thì gọi là chiến tranh gì ? Những người dân Việt nam cầm súng bảo vệ chủ quyền dân tộc chính là bảo vệ lẽ phải, bảo vệ công lý, chứ đâu phải họ muốn truyền bá áp đặt chủ nghĩa cộng sản cho ai !

Về hai cuộc chiến tranh thế giới cũng cần nhắc để ông Brê-din-xki nhớ lại. Vào đầu thế kỷ XX, do quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản (quy luật mà Lê-nin đã phát hiện), một số nước mới trỗi dậy trở thành cường quốc đế quốc như Đức, Áo-Hung, đã mâu thuẫn quyết liệt với khối nước tư bản già cỗi Anh, Pháp. Họ đòi chia lại thuộc địa và muốn giành giật ảnh hưởng đối với châu Âu. Việc sử dụng súng đạn để tranh ăn thực sự bắt đầu từ ngày 28-4-1914 giữa hai khối nước Đức- Áo - Hung - Ý và Anh - Pháp - Nga. Cuộc chiến tranh đã nổ ra kéo theo nhiều nước tham chiến và dẫn tới quy mô thế giới.

Còn cuộc chiến tranh thế giới thứ II. Chắc ai cũng nhớ rõ thủ phạm gây ra cuộc chiến tranh này là phát xít Đức. Tháng 9-1939, nước Đức quốc xã của Hít-le đánh chiếm Ba lan. Ngay sau đó, chính phủ Pháp và Anh tuyên chiến với Đức và cứ thế chiến tranh lan rộng, lôi kéo nhiều nước tham chiến để cuối cùng thành hai chiến tuyến : một bên là phe đồng minh bao gồm Liên xô, Anh, Pháp, Mỹ... và một bên là trục phát xít Đức, Ý, Nhật.

Sự thật rõ như ban ngày : không phải chủ nghĩa cộng sản gây ra chiến tranh mà chính là chủ nghĩa tư bản - phát xít ! Những người cộng sản luôn đi đầu đấu tranh chống phát xít và đã phải chịu nhiều hy sinh mất mát nhất trong cuộc đấu tranh đó. Chiến công của họ đánh bại chủ nghĩa phát xít Đức đã trở thành một sự kiện quan trọng trong toàn bộ lịch sử nhân loại. Chính tổng thống Mỹ Ru-dơ-ven đã phải thừa nhận : "Hồng quân và nhân dân xô viết đã viết những trang bất tử vào lịch sử đấu tranh chống bạo tàn và áp bức". Thủ tướng Anh, Sớc-sin tuyên bố : "Các thế hệ tương lai phải biết ơn Hồng quân cũng một cách không điều kiện như chúng tôi là những người được may mắn chứng kiến những chiến công oanh liệt đó". Thủ tướng Áo, C.Ren-nơ nhấn mạnh : "Hành động của họ (những người lính xô viết) đã dẫn tới sự sụp đổ chế độ phát xít nô dịch đáng nguyền rủa và thiết lập hòa bình lâu dài giữa các dân tộc toàn thế giới"...

Đó là những đánh giá của các chính khách phương Tây. Từ phía các nhà khoa học cũng có rất nhiều ý kiến tương tự. Xin đơn cử một trường hợp. Lai-nớt Pô-linh, nhà bác học Mỹ, người duy nhất đoạt riêng 2 giải Nô-ben, đã viết : "Tôi đồng ý là người dân xô viết nói chung chịu một tổn thất to lớn trong Đại chiến II cũng như trong các cuộc chiến tranh Na-pô-lê-ông và trong Đại chiến thế giới I... và chả có nghi ngờ gì về việc người dân Xô viết muốn hòa bình thế giới" (2).

Ngoài vòng tay Mỹ

Trước bối cảnh thế giới hiện nay, trong chính quyền Mỹ xuất hiện những câu hỏi lớn : Liệu Mỹ có chiếm được địa vị thống trị thế giới này không ? Nếu có thể thì phải làm gì ? Nếu không thể thì vì sao ? Trong cuốn sách này, Brê-din-xki cũng đề cập tới những điều đó.

Brê-din-xki cho rằng, sau khi Liên xô sụp đổ, thế giới còn lại một siêu cường duy nhất là Mỹ. Mỹ không có đối thủ có thể so sánh về sức mạnh toàn cầu. Mỹ có đủ tiêu chuẩn bá chủ thế giới vì có 4 cái nhất : sức mạnh toàn cầu về quân sự ; sức mạnh kinh tế toàn cầu ; sức thu hút văn hóa toàn cầu ; sức mạnh chính trị toàn cầu. Theo ông ta, hiện nay nước Nga vẫn là siêu cường về vũ khí hạt nhân nhưng không có khả năng triển khai ra thế giới ; Nhật tuy mạnh về kinh tế nhưng không đủ 4 yếu tố trên, đặc biệt về quân sự ; Đức cũng có nhiều

(2) L. Pô-linh, I-kê-đa : *Suốt đời tìm kiếm hòa bình*, Nxb Thế giới, Hà nội, 1993, tr 151

Digitized by Google

tiềm năng nhưng trước mắt thì chưa đủ lực. Riêng việc đánh giá Trung quốc, ông ta có phần thận trọng hơn, coi đây là đối thủ đáng gờm nhưng hiện tại chưa sánh được với Mỹ.

Cách lập luận của ông Brê-din-xki là thế này : ông có cân nhắc đến các đối thủ, đưa ra những tình huống có vẻ khách quan, nhưng rồi cuối cùng ông ta vẫn tính toán chủ quan phiến diện. Ví dụ, đối với các đồng minh của Mỹ, ông ta dự kiến sẽ "dắt mũi" họ thông qua các tổ chức quân sự - kinh tế- chính trị mà đặc biệt là tổ chức Liên hợp quốc. Nhưng điều mà ông ta không đề cập đến hoặc cố lờ đi là hiện nay, khi Liên xô đã sụp đổ, "con ngoáo ộp" mà xưa nay Mỹ thường đem ra để hù dọa và lôi kéo đồng minh cũng mất, thì cơ sở cho sự tồn tại liên minh phương Tây bị lung lay tận gốc, khả năng tập hợp yếu đi và mâu thuẫn giữa ba trung tâm của chủ nghĩa tư bản đi vào chiều sâu quyết liệt theo xu hướng vị kỷ dân tộc. Những mô hình của Mỹ với những "nền kinh tế Mỹ", "dân chủ Mỹ", "giá trị Mỹ" đều đã thành những món ăn chán ngắt mà các bạn đồng minh của Mỹ đều khó thưởng thức. Sự "tự do về chính trị kết hợp với sự khoái lạc xã hội đang phát triển tại phương Tây" - một hiểm họa như ông Brê-din-xki nhận xét, chính là nét đặc trưng của thể chế phương Tây hiện đại mà bên trong nước Mỹ có phần nổi trội nhất.

Giêm Chai (James Chaee), cựu chủ bút tờ *Những vấn đề quốc tế*, cho rằng : số phận của Mỹ như một siêu cường đã về hưu so với Đức và Nhật bản, những nước mà con đường tiêu tốn mang tầm vóc quốc tế về kinh tế hơn về quân sự. Nước Mỹ đang đứng trước những vấn đề cực kỳ nghiêm trọng. Ngay cả Brê-din-xki cũng phải thừa nhận rằng địa vị của Mỹ bị đe dọa bởi những vấn đề gay cấn về kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội. Trong cuốn sách này, ông ta đã nêu 20 bế tắc cơ bản của nước Mỹ. Xin nêu nguyên văn tiêu đề của những bế tắc đó : 1- Nợ nần quá lớn, nợ của Mỹ đã hơn 4000 tỉ đô la ; 2- Thâm hụt thương mại lớn ; 3- Khối lượng tiền tiết kiệm và đầu tư thấp hơn nhiều so với đối thủ khác ; 4- Không có khả năng cạnh tranh công nghiệp ; 5- Tỷ lệ tăng năng suất lao động thấp ; 6- Chăm sóc y tế không đầy đủ ; 7- Giáo dục trung học chất lượng kém ; 8- Cơ sở hạ tầng xuống cấp ; 9- Một giai cấp giàu có tham lam ; 10- Tình trạng kiện tụng tràn lan ; 11- Vấn đề chủng tộc và nghèo đói ngày càng sâu sắc ; 12- Tội ác và bạo lực tràn lan ; 13- Sự lan tràn của nền văn minh ma túy ; 14- Tình trạng lan tràn tâm lý tuyệt vọng ; 15- quá nhiều giấy phép mãi dâm ; 16- Sự truyền bá ồ ạt về đồi trụy tinh thần ; 17- Suy giảm về ý thức công dân ; 18- Sự nổi lên của nền văn hóa đa phương ; 19- Chính quyền quan liêu, vô trách nhiệm, tham nhũng, đặc quyền đặc lợi ; 20- Cảm giác trống rỗng về tinh thần ngày càng phổ biến.

Cứ luận theo "20 hình thế khó khăn cơ bản" của ông Brê-din-xki đưa ra, thì rõ ràng là nước Mỹ vẫn còn bị sa đà trong vòng "hội chứng sau chiến tranh lạnh" với nhiều vết tích chưa dễ chữa lành. Do vậy mà vòng tay của Mỹ đâu dễ siết chặt và càng không thể dài thêm ra như ông Brê-din-xki mong muốn.

Cơ cấu mới của thế giới

Thế giới này do ai kiểm soát ? Đó là câu hỏi mà ông Brê-din-xki không muốn nhắc tới. Tuy nhiên, ông ta không giấu được sự hoang mang về một thế giới mà Mỹ đang khó bề kiểm soát. Vì thế mà trong cuốn sách này, những giọng điệu tự tôn, cao hứng của Brê-din-xki đã không còn như ở những cuốn sách trước. Ngay lời mở đầu, ông ta viết : "Cuốn sách này không phải là lời tiên đoán mà là lời báo động khẩn thiết. Nó nói về hiện trạng chính trị toàn cầu, về những gì có thể xảy ra vào đầu thế kỷ XXI, và cũng về những gì không được phép xảy ra. Mối lo ngại của tôi về việc không thể kiểm soát nổi sự thay đổi của thế giới đòi hỏi phải thấu hiểu một cách khách quan về ý nghĩa chính trị và thông điệp của thời đại chúng ta".

Sự hoang mang và lo ngại của ông Brê-din-xki có lẽ bắt nguồn từ việc nhìn nhận lệch lạc và tiêu cực đối với những biến động của thế kỷ XX. Ông ta cho rằng "Thế kỷ XX đã trở thành một thế kỷ đẫm máu nhất và đáng căm phẫn nhất của nhân loại". Cách đánh giá như vậy là ngược với vận động khách quan của lịch sử. Thế kỷ XX chính là thế kỷ của cách mạng vô sản và của phong trào giải phóng dân tộc, là thế kỷ của sự giải phóng, khởi đầu từ Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại. Sự nghiệp ấy được tiếp tục bằng chiến thắng lịch sử của nhân dân thế giới đối với chủ nghĩa phát xít, bằng sự giành lại độc lập của hàng trăm dân tộc. Những sự kiện lịch sử ấy thúc đẩy thế giới có những bước tiến không lồ. Cũng chính những cuộc cách mạng đã đưa tới việc hình thành, lớn mạnh và sự hiện diện của chủ

Digitized by Google

nghĩa xã hội hiện thực. Điều này đã làm lành mạnh hóa quan hệ quốc tế và đã buộc chủ nghĩa tư bản thế giới phải có sự điều chỉnh lớn để có thể tiếp tục tồn tại.

Sự phát triển của nhân loại không theo đường thẳng mà vô cùng phức tạp thông qua những biến cố ngẫu nhiên. Nhưng những hiện tượng phức tạp ấy lại không nằm ngoài những tất yếu khách quan, những quy luật vận động phát triển của lịch sử. Brê-din-xki viết : "Lịch sử dạy rằng, một siêu cường không thể duy trì vai trò thống soái được lâu trừ khi đưa ra được một thông điệp thích hợp cho toàn thế giới - với niềm tin vào sự đúng đắn của chính mình". Câu nói trên chỉ đúng một nửa đầu. Lịch sử đã chứng tỏ : chẳng có một siêu cường nào có thể thống soái lâu dài thế giới. Quy luật của nhân loại là phát triển không ngừng. Ở thời đại nào thế giới cũng có những nước mạnh và nước yếu, lúc thịnh và lúc suy. Một nước có thể hưng thịnh lâu dài nếu biết tìm ra cho mình được bước đi thích hợp với điều kiện luôn thay đổi của thế giới. Điều đó có thể diễn ra song rất hiếm. Nhưng điều còn hiếm thấy hơn là chưa bao giờ có một nước thống trị lâu dài thế giới, dù nước ấy có hùng mạnh đến đâu chăng nữa. Ác giả ác báo, có bạo lực và có phản bạo lực. Bất kể ai, một khi đã có dã tâm thống trị các dân tộc khác, thì nhất định sẽ vấp phải sức giáng trả đích đáng. Lịch sử chẳng đã từng ghi nhận sự đắm chìm của các đại cường quốc nhiều thời đại như đế quốc La mã, Nguyên Mông, Hít-le... đó sao !

Trong bối cảnh phức tạp của thế giới vừa trải qua sự đổ vỡ trật tự cũ, đã nhìn thấy những điểm sáng của một cơ cấu mới và trật tự mới đang hình thành. Cơ cấu mới này xuất hiện trong những điều kiện mới của thế giới bắt nguồn từ những xu hướng lớn. *Một là*, xu hướng quốc tế hóa đời sống thế giới. *Hai là*, quá trình liên minh, hợp tác, liên kết khu vực. *Ba là*, xu hướng độc lập dân tộc và phát triển nhiều vẻ theo đặc điểm từng nước. *Bốn là*, xu hướng phục hồi, từng bước phát triển của chủ nghĩa xã hội. *Năm là*, xu hướng phát triển theo trật tự đa cực. Những xu hướng lớn trên cùng với những xu hướng và yếu tố khác sẽ quyết định cơ cấu và trật tự thế giới mới. Thế giới sẽ được kiểm soát. Sự kiểm soát thế giới một cách bền vững nhất, hoàn chỉnh nhất, phải là ý chí và nguyện vọng của tất cả các dân tộc.

Cần có giải pháp...

(Tiếp theo trang 45)

quyết nhiều việc khác, trong đó có việc tăng cường, củng cố các cơ quan chức năng giúp bộ quản lý nhà nước như cục xuất bản, vụ báo chí, để các cơ quan này đủ tầm, đủ năng lực, đủ kiến thức và phẩm chất giúp bộ quản lý, cải tiến cơ chế...

Cuối cùng, xin nêu một vấn đề nữa liên quan đến công tác quản lý nhưng chưa được nhắn mạnh đúng mức và đầy đủ trong các văn bản pháp quy, và nhất là chưa được thực hiện có hiệu quả trong thực tế. Đó là vấn đề *xử phạt về tài chính*. Khi một cuốn sách "có vấn đề" bị đình chỉ phát hành, nhà xuất bản phải bồi thường thiệt hại cho nhà in là lẽ đương nhiên, vì đã có hợp đồng kinh tế ràng buộc. Nhưng đồng thời nhà xuất bản cũng phai chịu trách nhiệm về tài chính trước cơ quan quản lý nhà nước và pháp luật. Ngược lại, nếu việc quyết định đình chỉ là sai, thì cơ quan quản lý nhà nước cũng phải chịu trách nhiệm về tài chính đối với nhà xuất bản. Bên cạnh việc xử phạt về hành chính và về hình sự như lâu nay vẫn làm, việc xử phạt thích đáng về tài chính như vậy sẽ có tác dụng tăng cường trách nhiệm của cả đôi bên (nhất là trong cơ chế thị trường).

Vấn đề quản lý các hoạt động báo chí, xuất bản theo ngành dọc và theo lãnh thổ địa phương cũng là vấn đề đang nổi cộm, nhất là ở Hà nội và TP Hồ Chí Minh, là hai địa phương có vị trí đặc biệt trong cả nước, nơi tập trung hầu hết các hoạt động báo chí xuất bản của trung ương. Hiện nay, các văn bản pháp quy đều quy định trách nhiệm và quyền hạn về quản lý nhà nước của ủy ban nhân dân địa phương (mà tham mưu là các sở văn hóa - thông tin) đối với các loại báo chí và xuất bản phẩm (không chỉ của địa phương, mà cả của trung ương) trên địa bàn lãnh thổ mình. Nhưng cho đến nay vẫn chưa có cơ chế phối hợp và phân công trách nhiệm, quyền hạn rõ ràng về mặt này giữa cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương, do đó giữa các cơ quan đó chưa có sự hỗ trợ nhau làm tốt chức trách của mình.

Digitized by Google

VỀ CHỦ NGHĨA SÙNG BÁI ĐỒNG TIỀN *

CHỦ nghĩa sùng bái đồng tiền là gì, tác hại của nó như thế nào và cần làm gì để tránh xu hướng tư tưởng này, đó là đề tài của cuộc hội thảo khoa học do Ban biên tập tờ *Quang minh nhật báo* tổ chức hồi tháng 5 tại Bắc kinh. Sau đây là những nội dung chủ yếu.

Chủ nghĩa sùng bái đồng tiền là một trào lưu tư tưởng và hiện tượng xã hội xuất hiện từ thời tích lũy nguyên thủy của chủ nghĩa tư bản. Đồng tiền là sản phẩm của con người, do con người. Nhưng khi có đồng tiền trong tay, con người bị đồng tiền chi phối. Trong thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản, xu hướng sùng bái đồng tiền đã làm cho xã hội tư bản tràn ngập tội ác. Mác đã từng mô tả rằng ma lực của đồng tiền không phải do thuộc tính tự nhiên của nó, mà thể hiện ở quan hệ xã hội mà nó phản ánh.

Dưới chủ nghĩa xã hội, do còn cần phát triển kinh tế thị trường, cho nên còn cần sử dụng và phát huy vai trò của đồng tiền. Đồng tiền được coi như là "vật ngang giá" tất yếu trong quá trình trao đổi của kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, đồng tiền cũng có khả năng gây tác hại đến tư tưởng và hành vi của con người, một bộ phận thành viên xã hội còn có những biểu hiện của chủ nghĩa sùng bái đồng tiền. Xu hướng này thể hiện như sau :

1 - Coi việc kiếm tiền là mục đích cao nhất, bất chấp đạo đức, lương tâm, danh dự, lý tưởng, nhân cách, quốc thể.

2 - Không từ bất cứ thủ đoạn nào, miễn là kiếm được tiền : tham ô, hối lộ, lừa đảo, buôn gian bán lận, buôn hàng cấm, buôn người, trộm cắp, giết người cướp của...

3 - Lạm dụng quyền lực, đem quyền lực ra trao đổi để kiếm tiền. Một chữ ký, một thư tay, một cú điện thoại để phê duyệt một dự án hoặc một khoản kinh phí, quyết định đề bạt cán bộ... Sau đó, tiền của cứ đổ về người đã có những quyết định vừa nói dưới mọi hình thức. Cứ thế, quyền lớn "kiếm" được nhiều, quyền nhỏ "kiếm" được ít hơn, không có quyền thì tìm mọi cách để "kiếm".

4 - Tiêu xài xả láng. Sẵn có đồng tiền một cách quá dễ dàng, những kẻ giàu lên nhờ làm ăn bất chính, tiêu tiền như rác, vung tiền qua cửa sổ.

Có ý kiến cho rằng chủ nghĩa sùng bái đồng tiền đang đầu độc đạo đức xã hội Trung quốc, đó là nguy cơ lớn nhất. Nó làm phát triển chủ nghĩa cá nhân cực đoan, chủ nghĩa vị kỷ, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cơ hội. Nó biến quan hệ giữa con người với con người thành quan hệ đồng tiền giá buốt, không chút tình người. Nó làm băng hoại tinh thần cách mạng và lý tưởng cao đẹp, làm biến chất cả một thế hệ, đi đến biến chất về tư tưởng, về chính trị. Trong nguy cơ đó, chủ nghĩa sùng bái đồng tiền trong cán bộ đảng và nhà nước gây tác hại lớn nhất.

Chủ nghĩa sùng bái đồng tiền hoàn toàn xa lạ với nhân sinh quan và định hướng giá trị của chủ nghĩa xã hội. Chỉ có triệt để xóa bỏ xu hướng đồi bại đó mới bảo đảm xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển lành mạnh. Chủ nghĩa sùng bái đồng tiền hoàn toàn đối lập với kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội. Cơ chế thị trường của chủ nghĩa xã hội coi trọng vai trò trao đổi của đồng tiền, nhưng không chấp nhận chủ nghĩa sùng bái đồng tiền.

Muốn đẩy lùi và xóa bỏ xu hướng sùng bái đồng tiền, cần chú trọng các giải pháp sau :

1 - Giáo dục chính trị, tư tưởng. Cần phân biệt ranh giới giữa nguyên tắc lợi ích vật chất của chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa sùng bái đồng tiền. Nguyên tắc lợi ích vật chất của chủ nghĩa xã hội dựa trên nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ yếu, coi đó là cơ sở để động viên tinh thần tích cực, sáng tạo của mọi thành viên xã hội, tạo điều kiện cho mọi người làm giàu chính đáng. Cá nhân có thể làm giàu nhưng làm giàu hợp pháp, bằng sức lực và trí tuệ của mình, không xâm phạm lợi ích xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích người khác. Một khi xảy ra mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, lợi ích xã hội, cần đặt

* Tài liệu tham khảo : 1 - "Tổng thuật hội thảo về vấn đề kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và chống chủ nghĩa sùng bái đồng tiền", *Quang minh nhật báo* (Trung quốc) ngày 2-5-1993. 2 - Các bài cùng đề tài trên các tạp chí Trung quốc : *Dân chủ và pháp luật*, số 11-1993; *Cầu thị*, số 6-1993.

Digitized by Google

lợi ích xã hội, lợi ích tập thể lên trên, nêu cao tinh thần tập thể, tinh thần phục vụ nhân dân, phục vụ xã hội.

2 - Cán bộ đảng và nhà nước là những người đi đầu và gương mẫu trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa sùng bái đồng tiền. Đặc biệt, những cán bộ có chức có quyền, cần sử dụng đúng đắn chức năng và quyền hạn của mình, nêu cao tinh thần chí công vô tư và đạo đức cộng sản, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân, phấn đấu suốt đời cho lý tưởng cộng sản. Mới đây, Đảng cộng sản Trung quốc nêu lên rằng nhiệm vụ chiến lược hàng đầu trong công tác chính trị tư tưởng của đảng hiện nay là : nêu cao tinh thần phấn đấu gian khổ và đức tính hy sinh vì lợi ích và lý tưởng xã hội chủ nghĩa ; xây dựng nhân sinh quan và định hướng giá trị mới trong đảng và trong toàn xã hội, kiên quyết chống chủ nghĩa hưởng lạc, chủ nghĩa cá nhân cực đoan, chủ nghĩa sùng bái đồng tiền.

3 - Tiếp tục kiên trì chính sách cải cách và mở cửa, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc xây dựng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Bản chất của kinh tế thị trường là dựa trên cơ sở pháp luật. Nếu để cho chủ nghĩa sùng bái đồng tiền hoành hành, thì không thể có cải cách và mở cửa, không thể có kinh tế thị trường. Vì vậy, cần tăng cường giáo dục pháp luật, triệt để thi hành pháp luật, xiết chặt kỷ luật và kiểm tra giám sát trật tự kỷ cương trong toàn đảng và toàn xã hội.

4 - Xây dựng đạo đức xã hội chủ nghĩa mà cốt lõi là chủ nghĩa tập thể, đề cao tinh thần mình vì mọi người, quan tâm và giúp đỡ lẫn nhau, luôn đặt lợi ích tập thể lên trên, kết hợp hiệu suất và công bằng, vừa làm giàu cá nhân vừa làm giàu xã hội, tiến tới mọi người đều giàu, xã hội phồn vinh.

5 - Xác định thái độ đúng đắn đối với đồng tiền, coi trọng và biết cách sử dụng đồng tiền để làm giàu cho cá nhân và đất nước, nhưng không chạy theo đồng tiền bằng mọi giá. Năm 1921, Lê-nin đã từng nhấn mạnh phải biết cách sử dụng của cải một cách hợp lý nhất để thúc đẩy công cuộc phát triển đất nước. Người nói : "... chúng ta phải tiết kiệm vàng, bán vàng với giá càng đắt càng tốt, và dùng vàng đó để mua hàng hóa với giá càng rẻ càng tốt"(1). Đồng thời, xuất phát từ mục tiêu cao đẹp của chủ nghĩa xã hội, Lê-nin không quên tỏ thái độ khinh miệt đối với xu hướng tôn thờ đồng tiền, sùng bái vàng một cách mù quáng, vì vàng mà tàn sát hàng triệu con người trong cuộc chiến tranh 1914 - 1918.

LÊ PHAN DI tổng thuật

(1) V.I Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 280

Vấn đề...

(Tiếp theo trang 12)

các thành phần kinh tế sẽ triệt tiêu sức mạnh của nhau và đi chệch mục tiêu. Do vậy, vai trò quản lý, điều hành của nhà nước là tất yếu, và là bảo đảm cho mọi thành phần phát triển và không đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước trong thời kỳ quá độ *một mặt* phải tạo ra hành lang cho các thành phần kinh tế phát huy hết tiềm năng của nó để phát triển lực lượng sản xuất, phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và ngăn chặn xu hướng phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa ; *mặt khác* phải thực hiện một chế độ phân phối hợp lý, một hệ thống chính sách xã hội đúng đắn và một sự quản lý chặt chẽ dựa vào hệ thống pháp luật được quán triệt sâu sắc định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thời kỳ quá độ là thời kỳ đang chuyển hóa. Muốn cho sự chuyển hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa thành công thì phải có một nhà nước pháp quyền mạnh. Sức mạnh của nhà nước đó chỉ có thể bắt nguồn từ sự lãnh đạo duy nhất của Đảng cộng sản Việt nam, và từ một nền kinh tế trong đó kinh tế quốc doanh đóng vai trò chủ đạo, kinh tế quốc doanh và tập thể là nền tảng. Đó là hai yếu tố cơ bản, không thể thiếu để bảo đảm cho định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nếu nền kinh tế là nền kinh tế tư nhân hóa tràn lan và nhà nước không phải là nhà nước do đảng cộng sản lãnh đạo, thì không còn gì để mà nói đến định hướng xã hội chủ nghĩa. Nếu chỉ hướng về một phía, coi "tư hữu hóa", "tự do hóa thị trường" là "tất cả", thì là xa rời con đường xã hội chủ nghĩa. Chính kẻ thù của chúng ta đang mong muốn và đang tìm mọi cách thúc đẩy chúng ta đi vào con đường này.

Digitized by Google

CƠ CẤU KINH TẾ, CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ

● CƠ CẤU KINH TẾ

Cơ cấu kinh tế là tổng thể những mối quan hệ giữa các bộ phận hợp thành nền kinh tế : các lĩnh vực (sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng) ; các ngành kinh tế quốc dân (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, y tế, giáo dục...) ; các thành phần kinh tế - xã hội (quốc doanh, tập thể, cá thể, tư nhân...) ; các vùng kinh tế.

Trong cơ cấu kinh tế có sự thống nhất giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Theo Mác, cơ cấu kinh tế của xã hội là toàn bộ những quan hệ sản xuất phù hợp với một quá trình phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất. Do tổ chức quá trình lao động và phát triển kỹ thuật một cách mạnh mẽ mà làm đảo lộn toàn bộ cơ cấu kinh tế của xã hội. Vì thế, có thể hiểu, cơ cấu kinh tế là tổng thể các mối quan hệ chủ yếu về chất lượng và số lượng tương đối ổn định của các yếu tố kinh tế hoặc các bộ phận của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong một hệ thống tái sản xuất xã hội, với những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định, vào một khoảng thời gian nhất định.

Cơ cấu kinh tế có những *tính chất chủ yếu* sau :

- Cơ cấu kinh tế mang tính khách quan. Một cơ cấu kinh tế hợp lý của nền kinh tế phải phản ánh sự tác động của các quy luật khách quan. Vai trò của yếu tố chủ quan là : thông qua nhận thức ngày càng sâu sắc về những quy luật đó, phân tích và đánh giá những xu thế phát triển khác nhau, thậm chí mâu thuẫn nhau, để tìm ra những phương án thay đổi cơ cấu có hiệu quả cao nhất trong những điều kiện cụ thể của đất nước. Mọi ý định chủ quan, nóng vội hay bảo thủ trong việc tạo ra sự thay đổi cơ cấu cần thiết, thường dẫn đến những tai họa cho sự phát triển kinh tế. Cơ cấu kinh tế tuy chịu sự tác động của những yếu tố chủ quan (như phân công lao động, thực hiện kế hoạch, bảo đảm những tỷ lệ cân đối...), nhưng không vì thế mà mất tính khách quan của nó. Cơ cấu kinh tế được phản ánh tập trung, cô đọng trong chiến lược kinh tế - xã hội.

- Mỗi cơ cấu kinh tế đều mang tính lịch sử và xã hội nhất định. Nền kinh tế chỉ phát triển khi giữa những bộ phận của quá trình tái sản xuất xã hội xác lập được những quan hệ cân đối của phân công lao động xã hội. Giữa các nền sản xuất, những yêu cầu về *số lượng* thì có thể tương tự như nhau ; nhưng những yêu cầu về *chất lượng*, cách thức thực hiện những tỷ lệ cân đối, thì khác nhau. Sự khác nhau ấy là do các quy luật kinh tế đặc thù, trước hết là quy luật kinh tế cơ bản, của mỗi phương thức sản xuất quy định. Ngay trong cùng một hình thái kinh tế - xã hội, nhưng ở những nước khác nhau, vẫn có cơ cấu kinh tế hình thành khác nhau do điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau quy định. Cơ cấu kinh tế thường biến động, gắn với sự biến đổi, phát triển không ngừng của bản thân các yếu tố, bộ phận trong nền kinh tế và những mối quan hệ giữa chúng. Phát triển kinh tế là một quá trình lịch sử mà mỗi giai đoạn đều có những vấn đề then chốt, những khâu quan trọng của quá trình tái sản xuất, trong đó có vấn đề cơ cấu kinh tế. Chỉ khi nào giải quyết thông suốt những vấn đề đó, thì toàn bộ quá trình sản xuất mới diễn ra trôi chảy.

Một số nhóm nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới sự hình thành cơ cấu kinh tế :

- Các nhân tố *địa lý - tự nhiên* (như tài nguyên, khoáng sản, nguồn nước, nguồn năng lượng, đất đai, khí hậu). Theo Mác, bất cứ nền sản xuất xã hội nào cũng là việc con người chiếm hữu những đối tượng tự nhiên trong phạm vi một hình thái xã hội nhất định.

- Các nhân tố *kinh tế - xã hội bên trong mỗi nước*. Các dạng hoạt động lao động của con người cũng như cơ cấu và kết quả của những hoạt động đó là do nhu cầu của con người quy định. Trong nền sản xuất hàng hóa, nhu cầu xã hội được phản ánh thông qua thị trường. Nhu cầu là yếu tố mang tính chủ quan, nhưng vì được phản ánh qua thị trường, nên nó trở thành đòi hỏi khách quan. Chính vì vậy, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý cũng là nhằm đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn những nhu cầu thị trường xã hội.

Digitized by Google

- Các nhân tố *kinh tế đối ngoại* và *phân công lao động quốc tế*. Tính đa dạng của nhu cầu và sự khác nhau về điều kiện sản xuất ở mỗi nước đòi hỏi phải có sự trao đổi kết quả hoạt động với bên ngoài ở mức độ và phạm vi khác nhau. Quá trình tham gia vào phân công lao động quốc tế dưới nhiều hình thức sẽ tăng khả năng thích ứng và phù hợp với cơ cấu của nền kinh tế thế giới và khu vực.

Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ, trực tiếp đến nhịp độ và quy mô tăng trưởng kinh tế. Sự hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý sẽ tạo ra tiền đề vật chất để phát triển có hiệu quả hơn nền kinh tế quốc dân. Sự tăng trưởng kinh tế do có cơ cấu hợp lý, là điều kiện cần thiết để hoàn thiện hơn nữa cơ cấu kinh tế, bảo đảm cho nền kinh tế quốc dân phát triển có hiệu quả hơn nữa trong tương lai.

Một cơ cấu kinh tế hợp lý sẽ tác động tới nền kinh tế thông qua các kênh : tạo điều kiện thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, khai thác và phát huy những nguồn lực trong nước và quốc tế một cách có hiệu quả, thúc đẩy, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng và tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh, giữ vững thành quả xây dựng đất nước.

● CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ

Cơ chế quản lý kinh tế là cách thức tổ chức, điều khiển, vận hành nhằm thúc đẩy các mối quan hệ kinh tế phát triển phù hợp với những quy luật kinh tế khách quan, với những mục tiêu và những điều kiện kinh tế - xã hội trong một giai đoạn lịch sử nhất định.

Cơ chế quản lý kinh tế tác động sâu sắc đến hiệu quả phát triển của nền kinh tế quốc dân. Thông qua cơ chế quản lý kinh tế, có thể thấy cách giải quyết các quan hệ về lợi ích kinh tế, các quy định và hành vi ứng xử của các chủ thể kinh tế. Thông qua cơ chế quản lý kinh tế, còn có thể thấy cách đánh giá của xã hội đối với hoạt động của sản xuất, kinh doanh của các tổ chức kinh tế, cách giải quyết các mối liên hệ kinh tế giữa các ngành, các lĩnh vực và các vùng lãnh thổ trong quá trình tái sản xuất xã hội.

Cơ chế quản lý kinh tế hướng vào việc đáp ứng các nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội. Do vậy, hiệu quả kinh tế là một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất đánh giá tác động của cơ chế quản lý kinh tế. Ở nước ta, từ sau Đại hội VI của Đảng đến nay, một vấn đề lớn được đặt ra là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Nội dung đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường, xác lập chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế, xây dựng một cơ chế mới phù hợp với yêu cầu quản lý nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

Cơ chế quản lý kinh tế mới đặc biệt coi trọng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế. Hiệu quả kinh tế của từng đơn vị phải đóng góp vào hiệu quả chung, không gây cản trở hay thiệt hại cho sự phát triển nền kinh tế - xã hội. Cơ chế quản lý kinh tế mới coi trọng yếu tố con người trong quá trình sản xuất, kinh doanh, khơi dậy tính chủ động sáng tạo của các địa phương, cơ sở và cá nhân người lao động ; coi lợi ích kinh tế là động lực kinh tế của sự phát triển, thông qua thực hiện lợi ích kinh tế của cá nhân hay tập thể mà thỏa mãn nhu cầu xã hội và thiết lập các mối liên hệ kinh tế giữa các ngành, các lĩnh vực, các bộ phận và các vùng lãnh thổ của đất nước trong quá trình sản xuất xã hội.

Trong cơ chế quản lý kinh tế mới, sức ép kinh tế và những tiêu chuẩn khách quan buộc các tổ chức kinh tế phải quan tâm đến hiệu quả, coi đó là lợi ích sống còn của mình. Đồng thời, vai trò của nhà nước phải được tăng cường nhằm bảo đảm những yêu cầu mới của quản lý kinh tế, bảo đảm sự phát triển của nền kinh tế mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Việc chuyển từ cơ chế quản lý kinh tế cũ sang cơ chế quản lý kinh tế mới ở nước ta là một quá trình khó khăn, phức tạp, vì nó không có mô hình có sẵn, đòi hỏi phải tìm tòi sáng tạo và thử nghiệm trong thực tiễn.

Digitized by Google

HỘI THẢO KHOA HỌC VỀ TRÀO LƯU XÃ HỘI - DÂN CHỦ

Vừa qua, tại Hà nội, đề tài khoa học cấp nhà nước KX01 - 02 đã tổ chức hội thảo về trào lưu xã hội - dân chủ (XH-DC). Đông đảo các nhà khoa học từ các cơ quan và các viện nghiên cứu đã tham gia hội thảo. Sau đề dẫn của Phó tiến sĩ Đào Duy Quát, Phó viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nhiệm đề tài KX01-02, những người tham dự đã thảo luận một số vấn đề chính sau :

1- Cách đánh giá, nhìn nhận trào lưu XH-DC.

Các ý kiến đều nhất trí cho rằng, trào lưu XH-DC về mặt bản chất nhất vẫn không khác biệt so với sự đánh giá của Mác, Ăng-ghen và Lê-nin trước đây. Tuy nhiên, hiện nay trào lưu này cũng có nhiều thay đổi, có xu hướng thiên tả. Nói gọn lại, trào lưu XH-DC có cả yếu tố tích cực và tiêu cực. Mức độ các yếu tố đó thế nào là tùy thuộc vào từng đảng và từng thời gian khác nhau.

+ *Mặt tích cực* : Do nhận thức được mâu thuẫn gay gắt giữa tư bản và lao động, giữa giàu và nghèo, giữa nước phát triển và đang phát triển, nên những nhà xã hội - dân chủ đã bênh vực (ở mức độ nhất định) lợi ích của người lao động. Bên cạnh đó, trào lưu XH-DC còn có một số yếu tố tiến bộ như : đề xuất quan niệm phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường ; chủ trương giải quyết những tranh chấp quốc tế bằng đối thoại hòa bình, v.v..

+ *Mặt tiêu cực* : Thực chất hoạt động của trào lưu này là : bảo vệ và duy trì chủ nghĩa tư bản ; chống cộng sản, chống chủ nghĩa xã hội hiện thực, bác bỏ những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Xét từ nguồn gốc, trào lưu XH-DC xuất hiện sớm nhất ở Đức. Nó bắt nguồn từ triết lý đạo đức của Căng (Kant), chịu ảnh hưởng của cái gọi là "chủ nghĩa xã hội chân chính Đức", vừa rất ảo tưởng lại vừa trừu tượng, cải lương, phủ nhận cách mạng bạo lực, bác bỏ tính giai cấp, nhấn mạnh tính cộng đồng..., như Mác từng phê phán khi còn sống.

2- Mối quan hệ (về lý luận) giữa chủ nghĩa tư bản hiện đại và chủ nghĩa xã hội dân chủ.

Chủ nghĩa tư bản hiện đại và chủ nghĩa xã hội dân chủ là hai mô hình có những điểm tương đồng và khác biệt.

+ *Điểm tương đồng* : Cả hai mô hình đều đã và đang tồn tại trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản hiện đại. So với các đảng tư sản, khi đảng XH-DC cầm quyền, họ chú ý hơn đến lợi ích của nhân dân lao động. Song, họ chủ trương *không vượt quá* giới hạn mà giai cấp tư sản "không thể chịu đựng nổi". Lập trường của họ là *điều hòa* mâu thuẫn giữa lao động và tư bản, chứ không phải là xóa bỏ nó. Do vậy, dù có ở vị trí đối lập, họ cũng chỉ đấu tranh tới mức độ mà các thế lực tư sản có thể nhượng bộ. Còn chủ nghĩa tư bản hiện đại là chủ nghĩa tư bản đã có sự điều chỉnh nhất định về quan hệ sản xuất và phương thức thống trị để thích nghi với thời đại và để duy trì sự tồn tại của nó. Sự điều chỉnh này là bắt buộc do sự phát triển của sức sản xuất : một phần do tác động của cách mạng khoa học - kỹ thuật ; một phần quan trọng do lực lượng so sánh thay đổi ở mỗi nước cũng như trên thế giới. Ngoài ra, còn có tác động của chủ nghĩa xã hội hiện thực và phong trào giải phóng dân tộc cũng như tác động của trào lưu XH-DC.

+ *Điểm khác biệt* : Chủ nghĩa xã hội dân chủ và chủ nghĩa tư bản hiện đại là hai lực lượng tác động lẫn nhau để tạo nên một "xã hội chung" mà cả hai đều có thể chấp nhận. Tuy nhiên, trong "xã hội chung" đó, người được lợi nhiều hơn vẫn là giai cấp tư sản, chứ không phải là nhân dân lao động.

3- Chúng ta có thể tham khảo những gì từ trào lưu XH-DC ?

Trước hết có thể nói, do bản chất là cải lương, có phần độc lập tương đối so với chủ nghĩa tư bản, nên trào lưu XH-DC mang tính thích nghi cao và dễ hấp dẫn quần chúng. Song, như chúng ta đã biết, trào lưu này mang trong nó cả yếu tố tích cực và tiêu cực. Vì vậy, phân biệt rõ điểm nào là tích cực, điểm nào là tiêu cực ở trào lưu này là điều rất cần thiết. Sau đây là những yếu tố mà người ta thường cho là tích cực ở trào lưu XH-DC : quan điểm về hòa bình, chống chạy đua vũ trang, về bảo vệ môi trường, về kinh tế thị trường, về dân chủ hóa, về nhà nước pháp quyền, ý thức về tự phê bình, hoàn chỉnh, phương pháp thu hút quần chúng...

Đối với một nước mà chính quyền thuộc về nhân dân và do đảng cộng sản lãnh đạo như nước ta hiện nay, có một số kinh nghiệm của trào lưu XH-DC có thể tham khảo như : nâng cao vai trò pháp quyền của nhà nước ; thực hiện nền kinh tế thị trường xã hội ; điều tiết lợi ích của các giai cấp và các tầng lớp nhân dân thông qua chế độ phúc lợi và bảo hiểm xã hội ; tìm cơ chế giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa người chủ và thợ, bảo đảm đoàn kết và ổn định xã hội, v.v..

TRỊNH CƯỜNG (thực hiện)

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

Seaprodex Vietnam



Trụ sở Tổng CTy Seaprodex VN
2.4.6 Đồng Khởi Q.1 TP.HCM

Tổng Công ty sản xuất - kinh doanh - dịch vụ xuất nhập khẩu thủy sản và thương mại tổng hợp, bao gồm các loại hình doanh nghiệp quốc doanh, cổ phần, liên doanh trong ngoài nước với:

** Các xí nghiệp chế biến đông lạnh, hàng khô, đồ hộp và tươi sống bằng kỹ thuật tiên tiến.

** Các đơn vị chế tạo thiết bị lạnh, vận tải biển, kho lạnh, sản xuất bao bì và xây dựng.

** Các dịch vụ tài chính tín dụng, kiểm tra chất lượng sản phẩm, thông tin và quảng cáo, du lịch...

** Nhận ủy thác xuất, nhập khẩu hàng hóa và vật tư thiết bị cho mọi thành phần kinh tế.

SEAPRODEX VIỆT NAM ĐÃ CÓ QUAN HỆ LIÊN DOANH - LIÊN KẾT TRONG NGOÀI NƯỚC TỪ NHIỀU NĂM NAY, CÓ UY TÍN TRONG BUÔN BÁN VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ VỚI CÁC CÔNG TY NƯỚC NGOÀI

Mọi quan hệ xin tiếp xúc tại:

- Trụ sở chính : 2-4- 6 Đồng Khởi, Q.1, TP.HCM
  ĐT : 290513 - 297214 - 293494, FAX : 84-8-290146
- Ở phía Bắc : **CÔNG TY SEAPRODEX HÀ NỘI**
  42 Đường Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
  ĐT :344437 - 345678
- Ở miền Trung : **CÔNG TY SEAPRODEX ĐÀ NẴNG**
  263 Đường Phan Châu Trinh, TP. Đà Nẵng
  ĐT : 21436 - 21984
- Ở phía Nam : **CÔNG TY SEAPRODEX SÀI GÒN**
  87 Hàm Nghi, Q.1, TP.HCM
  ĐT : 291807 - 291335
- **CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN (SEAFIC)**
  87 Hàm Nghi, Q.1, TP.HCM
  ĐT : 222750 - 296482
- **CÔNG TY THÔNG TIN & QUẢNG CÁO SEAPRODEX**
  87 Hàm Nghi, Q.1, TP.HCM
  ĐT : 293490 - 293601
- **TRUNG TÂM KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG THỦY SẢN XUẤT KHẨU (KCS)**
  21 Ngô Đức Kế, Q.1, TP.HCM
  ĐT : 297225 - 225115



CTy Seaprodex Hà Nội 42 Láng Hạ Q. Đống Đa Hà Nội

Digitized by Google



CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II

Petrolimex

SAIGON

TRỤ SỞ : 15 ĐẠI LỘ LÊ DUẨN - QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐT : 292081 - 292082 - 292083 -291433 FAX : 84-8-222082 TELEX : 811420 CTXD II - VT

Digitized by Google



CÔNG TY

BIA SÀI GÒN

187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5 TP. HCM
ĐT : 559595
6 Hai Bà Trưng, Quận I - TP. HCM - ĐT : 294083

TẠI HỘI CHỢ QUỐC TẾ HÀNG CÔNG NGHIỆP NĂM 1992 (HÀ NỘI) BIA LON "333", BIA CHAI "SAIGON" ĐỀU ĐƯỢC TẶNG HUY CHƯƠNG VÀNG.



KÍNH CHÀO QUÝ KHÁCH HÀNG

Đáp lại tấm lòng mến mộ của khách hàng, Công Ty Bia Saigon đã tổ chức 12 cửa hàng Giới thiệu và bán sản phẩm tại các quận, huyện của Thành phố Hồ Chí Minh và 18 chi nhánh, 6 Tổng đại lý tại các tỉnh nhằm phục vụ kịp thời nhu cầu của Quý khách. Mới đây Công Ty Bia Saigon đưa bia đến phục vụ tại chỗ cho các khách sạn và đơn vị kinh doanh.

Xin trân trọng giới thiệu để Quý khách hàng thuận tiện liên hệ.

Digitized by Google

CÔNG TY KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY

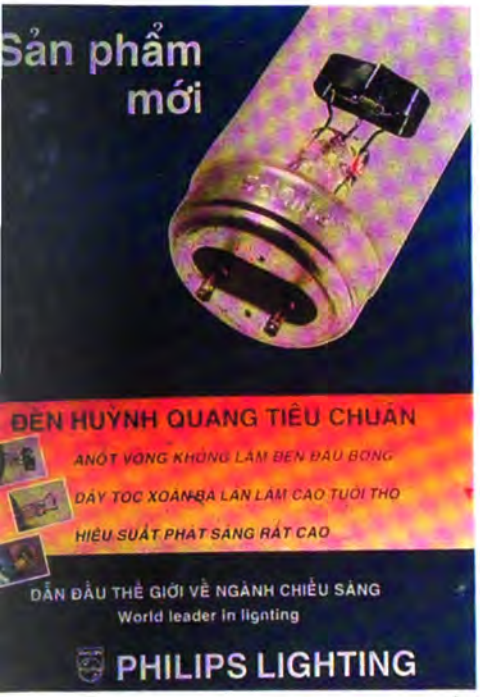
BITEX

BÌNH TÂY IMPORT-EXPORT Co.

Địa chỉ: 78-82 Hậu Giang, Q.6, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 559669-559185
Fax: 84 - 8 - 557846

Chúc Mừng Năm Mới — *Happy New Year*

MỘT KHÁM PHÁ MỚI CỦA BẠN



SẢN PHẨM CHIẾU SÁNG CỦA PHILIPS

Kính màu an toàn nhiều lớp cao cấp:

* Mới, lạ, đẹp, bền, nhiều màu sắc, đa dạng, dùng trong xây dựng, trang trí nội thất.
* Lần đầu tiên sản xuất tại Việt Nam với quy trình công nghệ nước ngoài.
* Bán sỉ và lẻ tại số 197 Hùng Vương, Q.6. ĐT: 556012

Sản phẩm chiếu sáng của Philips:

* Dùng cho các công trình cao ốc, văn phòng, khách sạn, nhà hàng, sân Golf, sân vận động, đường phố, sân ga, bến cảng... Bóng đèn Philips đáp ứng mọi yêu cầu với giá phải chăng, chất lượng đảm bảo, ánh sáng hài hòa.
* Quý khách có nhu cầu hoặc xin làm đại lý, mời liên hệ Phòng Kinh doanh của BITEX tại số 68 Hậu Giang Q.6 ĐT: 556395



* **Xuất :** Nông sản, lâm sản, thủy hải sản, quần áo may sẵn, hàng thuê đủ loại và hàng thủ công mỹ nghệ.
* **Nhập :** Hàng tiêu dùng, nguyên vật liệu.
* **Đầu tư :** Đang thực hiện dự án hợp tác kinh doanh với các công ty nước ngoài về nhà ở, văn phòng và chợ Bình Tây.
* **Du lịch :** Nhà hàng, KS Chợ Lớn, Vũ trường.

Quý khách có nhu cầu xin liên hệ văn phòng công ty số 78-80 Hậu Giang - Quận 6 TP. HCM
Điện thoại : 557846 - 559185 - 559669

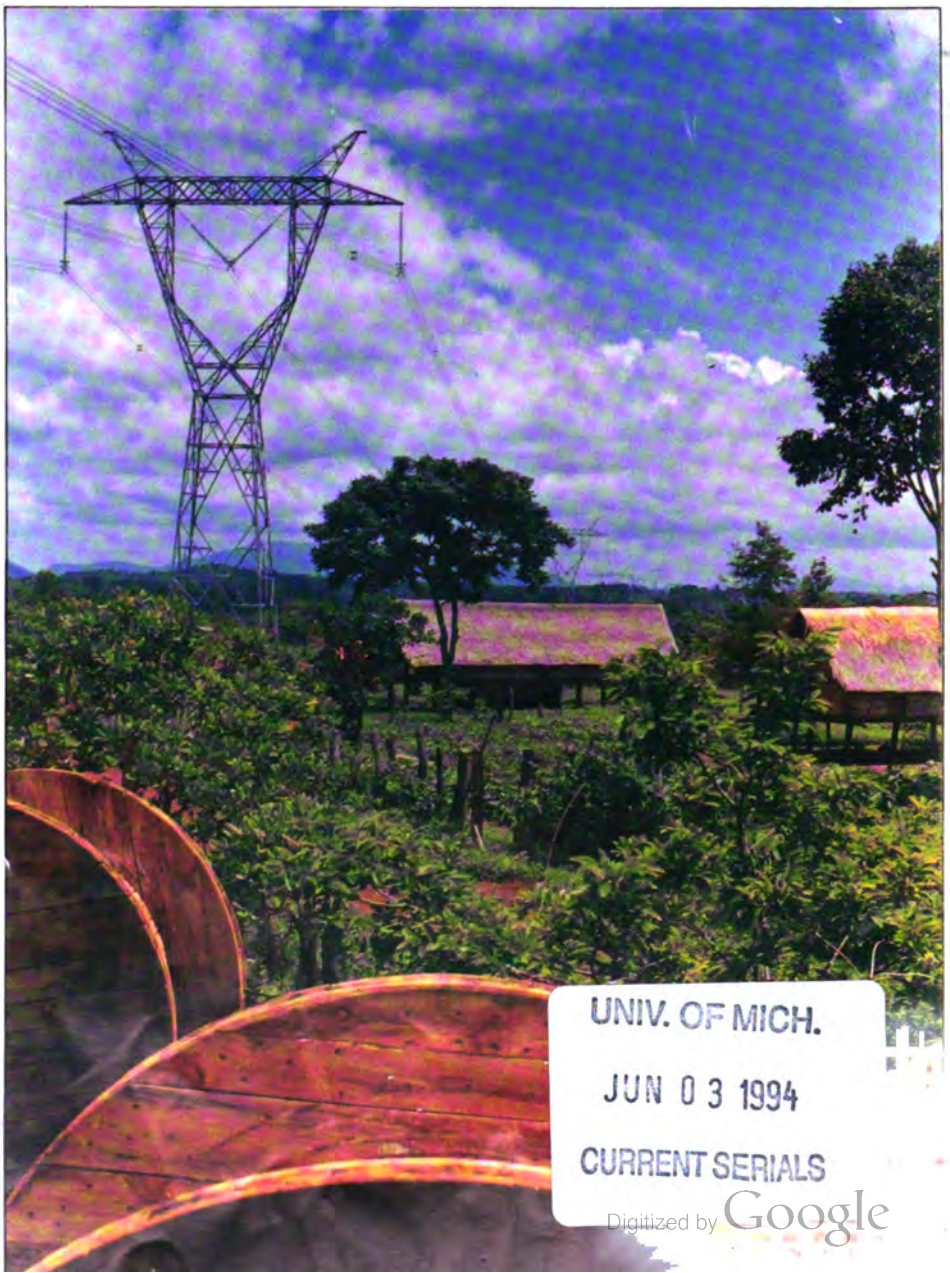
Hân hạnh đón tiếp Quý khách

In tại Nhà in Nhân dân Hà Nội II. Chỉ số 12651 - ISSN0866 - 7276 Giá 200

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



4
1994

UNIV. OF MICH.
JUN 0 3 1994
CURRENT SERIALS
Digitized by Google

CÔNG TY CÔNG TRÌNH KHAI THÁC ĐÁ 621



DIRECTOR : Eng. NGUYEN VAN THO

- Thông báo số : 134/TB ngày 29/4/93 của Văn phòng Chính phủ đồng ý cho phép Thành lập lại Doanh nghiệp Nhà nước.
- Quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước số 940/QĐ/TCCB - LB ngày 17/5/93 của Bộ Trưởng Bộ Giao Thông Vận Tải.
- Giấy phép kinh doanh số 100207 ngày 19/07/93 của Trọng Tài Kinh Tế Tỉnh Sông Bé.
- GIÁM ĐỐC : KS NGUYỄN VĂN THỌ
- Tài khoản số : 04.0102
  Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển
  TP. Hồ Chí Minh.



LÃNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU :

- Khai thác và sản xuất đá các loại để cung cấp cho các công trình xây dựng trong địa bàn TP. HCM và các tỉnh lân cận như : Sông Bé, Đồng Nai, Long An, Vũng Tàu - Bà Rịa...
- Thi công các công trình về đường bộ : nền đường, bãi, mặt đường đá dăm và đặc biệt là mặt đường, bãi bằng bê tông nhựa nóng.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

- Về sản xuất đá : Mức sản xuất hiện nay từ 85.000 - 90.000 tấn/năm. Khả năng hàng năm có thể đạt 300.000 - 400.000tấn/năm nếu có nguồn vốn lớn để đầu tư hoặc liên doanh đầu tư với nước ngoài nhằm khôi phục và hiện đại hóa dây chuyền sản xuất đá.
- Về thi công : Hàng năm Công ty có thể thi công từ 35Km - 40Km đường bê tông nhựa nóng.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

4-1994 NĂM THỨ BỐN MƯƠI (460)

MỤC LỤC

LÊ QUANG ĐẠO - Đại đoàn kết dân tộc - một bài học lớn của cách mạng Việt nam 3

CAO SỸ KIỂM - Vấn đề sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài 9

LÊ XUÂN VŨ - Mấy ý kiến về giáo dục và rèn luyện đạo đức Hồ Chí Minh 14

NGUYỄN QUANG DU - Học tập Lê-nin, xây dựng phong cách làm việc thật sự khoa học 19

Nghiên cứu - Trao đổi

TRẦN NGỌC HIÊN - Tăng trưởng và phát triển 22

PHẠM TẤT DONG - Suy nghĩ về xây dựng đội ngũ trí thức nước ta 27

HỒ VĂN THÔNG - Lý luận về hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác trong thời đại ngày nay 31

NGUYỄN KIM ĐINH - Để nâng cao chất lượng cấp ủy các cấp 36

Thực tiễn - Kinh nghiệm

VÕ HOÀNG XINH - Cần thơ phát triển công nghiệp - đường đi và nơi đến 39

NGUYỄN VĂN QUYNH - Hải ninh trong xu thế "mở cửa" 42

Điều tra

TRẦN LAN HƯƠNG - Tác dụng của việc mở rộng dân chủ đối với quá trình chuyển sang kinh tế thị trường ở nông thôn 45

Tạp chí với bạn đọc, bạn đọc với Tạp chí

*** Họp mặt cộng tác viên và bạn đọc *Tạp chí Cộng sản* khu vực phía Nam 49

Thế giới : Vấn đề, sự kiện

TRẦN BÁ KHOA - Về chiến lược toàn cầu "mở rộng" của Mỹ 50

NGÔ MẠNH LÂN - Một nét đặc trưng của nền kinh tế thế giới 53

Qua sách báo nước ngoài

ĐI-ĐI-Ê Ê-RI-BÔNG - Mác, nhà tư tưởng của thế kỷ XXI 56

Tìm hiểu khái niệm

Nhà nước pháp quyền, xã hội công dân 61

Tin hoạt động lý luận

Hội thảo khoa học : Văn hóa trong hoạt động chính trị 62

Bìa I : *Đường dây tải điện 500kV*

Ảnh : NGUYỄN VIỆT HƯNG

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội • Dây nói : 2.52061 - 2.52062

Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP Hồ Chí Minh • Dây nói : 2.25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ КУАНГ ДАО - Сплочённый монолит народа страны - большой урок вьетнамской революции. КАО ШИ КИЕМ - Проблема использования иностранных кредитов. ЛЕ СУАН ВУ - Некоторые мнения о воспитании подрастающего поколения в духе хошиминовской морали. НГУЕН КУАНГ ЗУ - Работать по-ленински, по его настоящему научному стилю. ● **Исследования–обмен мнениями*** ЧАН НГОК ХИЕН - Упрочение и развитие. ФАМ ТАТ ЗОНГ - Размышления о строительстве контигента интеллигентов в нашей стране. ХО ВАН ТХОНГ - Теория и социально-экономические формации марксизма в наше время. НГУЕН КИМ ДИНЬ - Для повышения качественного состава парткомов различных инстанций. ● **Репортажи*** ЧАН ЛАН ХЫОНГ - Эффект расширения демократии в связи с переходом села на рыночное хозяйство. ● **Мир : проблемы и факты*** ЧАН БА КХОА - О глобальной стратегии "расширения" США.

CONTENTS

LÊ QUANG DẠO - Great National Unity-a significant lesson of the Vietnamese Revolution. CAO SỸ KIÊM - On the problem of using foreign funds. LÊ XUÂN VŨ - Some ideas on education and moral improvement after Ho Chi Minh's virtues. NGUYỄN QUANG DU - Following Lenin, making our working style really scientific. ●**Research-Exchange of Views** * TRẦN NGỌC HIÊN - On enhancement and development. PHẠM TẤT DONG - Some reflections on forming the intelligent circle of our country. HỒ VĂN THÔNG - Theory and socio-economic form of Marxism today. NGUYỄN KIM ĐÍNH - On improving quality in Party's Committees at all levels. ● **Investigation**: * TRẦN LAN HƯƠNG - The efficiency of democratic broadening in the process of changing into market economy in the countryside. ● **The World: Problems and Facts** * TRẦN BÁ KHOA - On the "broadened" global strategy of the U.S.

SOMMAIRE

LÊ QUANG DẠO - La Grande Union Nationale - une leçon importante de la Révolution vietnamienne. - CAO SỸ KIÊM - Sur le problème de l'utilisation des capitaux empruntés à l'étranger. - LÊ XUÂN VŨ - Quelques idées sur l'éducation et l'entraînement de la Morale Ho Chi Minh. - NGUYỄN QUANG DU - Apprendre chez Lénine, édifier une style de travail scientifique.●**Etudes-Echanges** * TRẦN NGỌC HIÊN - Renforcement et développement. PHẠM TẤT DONG - Réflexions sur l'édification de l'intelligensia au Vietnam. HỒ VĂN THÔNG - Théorie et forme socio-économique du Marxisme à l'époque actuelle. NGUYỄN KIM ĐÍNH - Pour améliorer la qualité des organisations du Parti de divers échelons.●**Investigation** * TRẦN LAN HƯƠNG - L'effet du développement de la démocratie sur le processus de transition à l'économie de marché à la campagne.● **Le Monde : problèmes-événements** * TRẦN BÁ KHOA - Sur la stratégie globale "élargie" des États-Unies.

SUMARIO

LÊ QUANG DẠO - La gran unidad nacional-una gran lección de la revolución vietnamita. CAO SỸ KIÊM - Sobre la utilización del fondo prestado extranjero. LÊ XUÂN VŨ - Algunas opiniones sobre la educación y el forjamiento en las virtudes del Presidente Ho Chi Minh. NGUYỄN QUANG DU - A crear un estilo de trabajo científico al ejemplo de V.I. Lenin. ●**Estudios-intercambios** * TRẦN NGỌC HIÊN - Crecimiento y desarrollo. PHẠM TẤT DONG - Reflexiones sobre la edificación del contingente de intelectuales vietnamitas. HỒ VĂN THÔNG - La teoría y la forma socio-económicas del marxismo en la actual etapa. NGUYỄN KIM ĐÍNH - Por elevar la calidad de las instancias del Partido. ●**Encuesta** * TRẦN LAN HƯƠNG - El efecto de la ampliación de la democracia al proceso de transición a la economía de mercado en el campo. ●**El mundo: problemas y acontecimientos** * TRẦN BÁ KHOA - Sobre la estrategia global "ampliada" de Estados Unidos.

目錄：

黎光道－越南革命的一個課題－民族大團結 · 高士兼－使用外國貸款資金的問題 · 黎春雨－有關胡志明道德教育和鍛煉的幾點意見 · 阮光瑜－向列寧學習，樹立眞正的科學工作風格●研究與交換 * 陳玉軒－增强和發展· 范必饒－有關建立我國知識分子隊伍的一些想法· 胡文通－理論和經濟形態－處于當代的馬克思主義的社會 · 阮金鼎－提高各級黨的質量●調查 * 陳蘭香－擴大民主對農村轉入市場經濟過程之作用●世界：問題事件 * 陳伯科－有關美國全球戰略的"擴大"。

Digitized by Google

ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC MỘT BÀI HỌC LỚN CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

LÊ QUANG ĐẠO *

THỰC tế cho thấy, trong quá trình đấu tranh cách mạng, khi nào chúng ta biết nêu cao ngọn cờ dân tộc, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, phát huy được sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh quốc tế thì khó khăn đến mấy cách mạng cũng vượt qua được ; ngược lại, khi nào yếu tố dân tộc bị xem nhẹ, mắc phải sai lầm trong đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế thì cách mạng gặp không ít khó khăn, trở ngại. Đó là *bài học lớn* của cách mạng Việt nam đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tổng kết trong một mệnh đề rất ngắn, gọn : "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết ; Thành công, thành công, đại thành công".

I - ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Một đặc điểm lớn nhất của tình hình quốc tế từ sau chiến tranh thế giới thứ hai là sự tan rã của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ và mới mà cách mạng nước ta đã đóng góp phần quan trọng vào sự tan rã ấy.

Hiện nay, các nước đang phát triển vừa đứng trước thời cơ mới và thách thức mới ; phải tiến hành cuộc đấu tranh hết sức khó khăn và phức tạp để thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, giữ vững độc lập và chủ quyền quốc gia. Đây là vấn đề lớn hiện nay của thế giới. Có nước chưa giành được độc lập phải tiếp tục tiến lên giành độc lập. Có nước độc lập rồi nhưng vẫn phải đấu tranh chống lại sự xâm lược về kinh tế, văn hóa, chính trị của các thế lực thù địch, chống lại âm mưu phá hoại, thủ tiêu nền độc lập thật sự của mình.

Tình hình thế giới hiện nay còn nhiều vấn đề lớn khác nữa đòi hỏi các dân tộc phải đoàn kết, ủng hộ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội và cùng nhau giải quyết những vấn đề toàn cầu, cấp bách.

Do đó, đề cập đến vấn đề dân tộc, không có nghĩa là chỉ nói đến lợi ích của từng dân tộc mà phải nói đến đoàn kết, hữu nghị, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu chung, nhiệm vụ chung của nhân dân thế giới.

Ở trong nước, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, từ năm 1986 đến nay, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng "thoát khỏi suy thoái, thoát khỏi một bước quan trọng tình hình khủng hoảng kinh tế - xã hội", đã có nhiều thuận lợi để tiến lên hơn nữa, đẩy mạnh thêm một bước công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhưng về cơ bản, nước ta vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu, hiệu quả sản xuất xã hội còn rất thấp, còn rất nhiều khó khăn như lạm phát còn cao (tuy có tiến bộ, đã đưa xuống 1 con số), bội chi ngân sách còn lớn, số người chưa có và thiếu việc làm còn nhiều (khoảng hai triệu ở thành thị và 6 triệu ở nông thôn). Đời sống nhân dân nói chung tuy có được cải thiện nhưng còn nhiều khó khăn. Tệ tham nhũng, buôn lậu nặng nề. Các tệ nạn xã hội khác cũng đang phát triển. Còn nhiều nhân tố gây mất ổn định.

Đường lối đổi mới toàn diện đã tạo ra nhiều

* Bí thư Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt nam

Digitized by Google

nhân tố mới, tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất ; nhưng tất yếu cũng nảy sinh nhiều vấn đề mới, nhiều mâu thuẫn mới cần được quan tâm giải quyết đúng đắn. Nếu không giải quyết tốt sẽ có hại đến đại đoàn kết dân tộc, sẽ hạn chế những nhân tố tích cực và tăng thêm những nhân tố tiêu cực, gây mất ổn định.

Trong khi đó, các thế lực thù địch ra sức thực hiện "âm mưu diễn biến hòa bình" chia rẽ dân tộc, tôn giáo, chia rẽ dân với Đảng, dân với chính quyền ta, v.v..

Trong những thay đổi của tình hình trong nước, điều đáng chú ý là sự thay đổi cơ cấu xã hội, xuất hiện nhiều giai cấp, tầng lớp khác nhau. Đặc biệt là đội ngũ các nhà doanh nghiệp tư nhân đã hình thành và đang có chiều hướng phát triển mạnh. Phần lớn các nhà doanh nghiệp tư nhân này lại là trí thức, những người có học vấn, trong đó có cả cán bộ, đảng viên, gia đình cách mạng. Họ có trình độ khoa học, kỹ thuật, có trình độ quản lý, có vốn, đồng thời có khả năng huy động vốn trong và ngoài nước. Nếu chúng ta biết đoàn kết, lãnh đạo tốt, tầng lớp mới này sẽ đóng vai trò tích cực trong xây dựng đất nước. Ngược lại, nó sẽ phát triển theo chiều hướng xấu, phát triển mặt tiêu cực. Giai cấp công nhân hiện nay cũng có bước phát triển mới rất đa dạng : công nhân quốc doanh, công nhân tập thể, công nhân tư doanh, công nhân trong các doanh nghiệp liên kết, liên doanh với nước ngoài. Dù có biến động, thay đổi thế nào thì công nhân vẫn là một giai cấp. Cần phát huy vai trò rất quan trọng của giai cấp công nhân trong khối đại đoàn kết dân tộc, trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Tầng lớp trí thức cũng có nhiều thay đổi. Giai cấp nông dân thì đang có sự phân hóa lớn : giàu, trung bình, nghèo, người chủ trang trại, người làm thuê.

Trong nền kinh tế thị trường, sự phân hóa giàu nghèo, sự phát triển không đều nhau trong các tầng lớp dân cư là điều không thể tránh khỏi. Vấn đề quan trọng là ở chỗ, phải khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng, hợp pháp và giúp nhau xóa đói giảm nghèo thế nào cho tốt nhất, thực hiện cho được điều Bác Hồ hằng mong muốn "người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì tiến lên khá giả, người đã giàu thì giàu thêm".

Về tình hình trong nước cũng còn nhiều vấn đề lớn khác nữa cần quan tâm như :

+ Người Việt nam định cư ở nước ngoài (khoảng 2 triệu). Số này rời đất nước ra đi vì nhiều lý do khác nhau, ở những thời điểm khác nhau, nhưng số đông là sau khi giải phóng miền Nam.

Người Việt nam hiện định cư ở hơn 40 nước, tập trung ở Mỹ, Pháp, Đức, Úc, Ca-na-đa... Chắc là không dừng ở con số 2 triệu mà sẽ còn thay đổi. Sau này, trong phát triển giao lưu quốc tế thì những người lao động và những trí thức Việt nam, có những người làm việc ở nước ngoài rồi lại về làm việc ở trong nước và ngược lại, trong đó có cả con cái cán bộ, đảng viên ta. Tùy theo tình hình trong nước và quốc tế phát triển mà con số trên đây có thể thay đổi. Vấn đề đặt ra là đoàn kết với những người Việt nam định cư ở nước ngoài thế nào để đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của họ và phát huy khả năng của họ tham gia xây dựng đất nước.

+ Có hàng triệu người làm việc trong chế độ cũ ở miền Nam. Những người sinh sống ở trong nước nói chung đã hòa vào cộng đồng dân tộc. Sau khi giải phóng miền Nam, không có chuyện "tắm máu" trả thù như kẻ địch tuyên truyền, hù dọa. Đại đa số người làm việc trong chế độ cũ ở miền Nam, dù sống ở trong nước hoặc ở nước ngoài đều mong muốn đoàn kết dân tộc để xây dựng Tổ quốc, đem lại cuộc sống ổn định, phồn vinh cho tất cả mọi người. Nhưng giữa họ với những người kháng chiến cách mạng, nhiều người ở mức độ khác nhau còn chưa hết định kiến, mặc cảm và còn có cả hận thù. Đoàn kết, phát huy được khả năng của tất cả những người đã làm việc trong chế độ cũ mà có thiện chí vẫn là một vấn đề lớn. Nhớ lại, sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Bác Hồ và Đảng ta đã sử dụng có hiệu quả rất nhiều người làm việc trong chế độ cũ, trong đó cả những người rất tiêu biểu ở cấp cao.

Nước ta có 54 dân tộc, có hơn 10 tôn giáo.

Digitized by Google

trong đó có 6 tôn giáo lớn đang đặt ra nhiều vấn đề mới, phức tạp phải giải quyết thỏa đáng. Chủ trương chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta về phát triển kinh tế - xã hội miền núi, giải quyết vấn đề dân tộc, chưa làm được bao nhiêu. Các dân tộc thiểu số ở vùng núi cao xa xôi hẻo lánh, đời sống còn rất nghèo khổ. Phải có kế hoạch tích cực giải quyết vấn đề phát triển kinh tế-xã hội ở miền núi, ở các vùng dân tộc thiểu số, mới thực hiện được bình đẳng dân tộc, mới tăng cường được đoàn kết các dân tộc.

Với chính sách mở cửa của ta, những người nước ngoài sinh sống, làm ăn ở Việt nam sẽ ngày càng đông thêm. Chúng ta cũng cần tăng cường đoàn kết với họ theo luật pháp của ta và theo thông lệ quốc tế.

Trong tình hình mới, các giai cấp, các tầng lớp xã hội, ngoài những quyền lợi chung, nguyện vọng chung giống nhau, còn có những lợi ích riêng khác nhau, có ý thức tư tưởng khác nhau, dân tộc, tôn giáo khác nhau.

Trong sự thay đổi, phát triển của xã hội như vậy, đứng trước thời cơ mới và những thách thức mới, chúng ta phải thực hiện được đại đoàn kết dân tộc, tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp được mọi lực lượng có thể tập hợp được để tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, làm thất bại mọi âm mưu hoạt động chia rẽ, phá hoại của các thế lực thù địch, tập trung thực hiện cho được nhiệm vụ cách mạng chủ yếu trước mắt là xây dựng và bảo vệ đất nước, làm cho nước ta sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên hiện đại, giàu mạnh, văn minh, giữ vững độc lập, thống nhất, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ.

II - NHIỆM VỤ CỦA MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT

Nhiệm vụ chung của Mặt trận dân tộc thống nhất trong giai đoạn hiện nay là : "Phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, đoàn kết mọi người Việt nam tán thành công cuộc đổi mới, nhằm mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh : xây dựng một nước Việt nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ trên thế giới" (1).

Để hoàn thành nhiệm vụ nêu trên, cần quán triệt mấy chủ trương lớn sau đây, cũng tức là mấy quan điểm lớn, thể hiện tư tưởng chỉ đạo của Đảng ta trong việc thực hiện đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

1 - Đoàn kết với tất cả mọi người thuộc các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt ở trong nước và người Việt định cư ở nước ngoài tán thành phấn đấu vì mục tiêu nói trên ; lấy mục tiêu đó làm điểm tương đồng ; đồng thời chấp nhận các điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc ; xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, đoàn kết với nhau vì độc lập của Tổ quốc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Chúng ta đều biết, nếu không có sự khác nhau giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội, giữa các dân tộc, các tôn giáo, v.v. thì không cần thiết có Mặt trận và nếu không có mục tiêu chung làm điểm tương đồng để cùng nhau phấn đấu thực hiện thì không thể hình thành Mặt trận dân tộc thống nhất được.

Chúng ta luôn luôn nắm vững đường lối xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, theo Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Nhưng để tập hợp tất cả các lực lượng có thể tập hợp được nhằm thực hiện nhiệm vụ cách mạng thì cần thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất vì mục tiêu chung nêu trên.

2 - Có mục tiêu chung, đồng thời lại phải có các chủ trương, chính sách, luật pháp đúng đắn

(1) Nghị quyết 07 của Bộ chính trị ngày 17-11-1993 "Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất".

Digitized by Google

trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, đáp ứng được nguyện vọng và lợi ích chính đáng của các giai cấp và các tầng lớp xã hội. Có chủ trương, chính sách đúng để phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống các tầng lớp nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đồng thời xử lý đúng đắn các mối quan hệ giữa lợi ích riêng và lợi ích chung, và các mâu thuẫn nảy sinh trong nội bộ nhân dân. Lại cần vận động nhân dân tổ chức giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất và đời sống, những khi hoạn nạn, đẩy mạnh các hoạt động nhân đạo, từ thiện, vì tình thương yêu đồng bào, đồng chí và theo truyền thống nhân nghĩa của ông bà ta.

Phải có chủ trương, chính sách đúng, đáp ứng lợi ích chính đáng của các giai cấp, các tầng xã hội như : chính sách ruộng đất đối với nông dân ; giải quyết việc làm, tiền lương đối với công nhân ; chính sách bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động thuộc các thành phần kinh tế ; chính sách đào tạo trí thức, trọng dụng nhân tài ; chính sách đối với các lực lượng vũ trang, với thương binh, liệt sĩ, với người có công với nước, với phụ nữ, với thế hệ trẻ v.v.. Có như vậy mới đoàn kết, tập hợp được mọi lực lượng, mở rộng được khối đại đoàn kết toàn dân. Chúng ta đã làm được một phần công việc này nhưng còn rất nhiều việc phải làm, nhất là về luật pháp. Cần rà soát lại, sửa đổi những gì không còn phù hợp, bổ sung những gì chưa đủ, và ban hành những chính sách mới, luật mới cần thiết để sớm hoàn chỉnh hệ thống luật pháp của Nhà nước ta. Có chính sách, luật pháp đúng, lại phải bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh, nhất quán, mới đạt được hiệu quả mong muốn, tăng thêm lòng tin của nhân dân.

3 - Xây dựng chính quyền thật sự là của dân, do dân và vì dân. Chính quyền có trách nhiệm rất lớn trong việc ban hành chính sách và luật pháp để tăng cường và bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc, phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ trật tự an toàn xã hội, chấn hưng nền văn hóa dân tộc và xây dựng con người mới.

Phải thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc ngay trong tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền. Tổ chức chính quyền và Mặt trận phải dựa vào nhau, phải phối hợp chặt chẽ với nhau, tạo điều kiện cho nhau hoạt động có hiệu quả.

4 - Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc bằng các hình thức đa dạng, thích hợp với từng giới, từng thành phần xã hội, từng địa phương và từng cơ sở. Tùy theo tình hình, nhiệm vụ và theo yêu cầu của quần chúng, cần tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong nhiều hình thức tổ chức chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghề nghiệp, nhân đạo, từ thiện... thích hợp với từng giới, từng thành phần xã hội, từng địa phương, cơ sở. Cần thu hút đông đảo người ngoài đảng vào các tổ chức nhà nước, tổ chức kinh tế - xã hội và các đoàn thể nhân dân. Ở mỗi tổ chức cần có một số cán bộ, đảng viên nhất định có năng lực và phẩm chất tốt được quần chúng tín nhiệm để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng. Nếu trong tổ chức chính quyền, Mặt trận và đoàn thể nhân dân chỉ toàn là đảng viên hoặc hầu hết là đảng viên thì Đảng sẽ rơi vào tình trạng hẹp hòi, biệt phái, xa rời quần chúng. Trong nhân dân không thiếu những người có tài, có đức. Nếu chúng ta không tập hợp được, không phát huy được tài, đức của họ là sự thiệt thòi lớn cho đất nước.

Có Mặt trận chung là Mặt trận Tổ quốc. Nhưng lại có cả tổ chức Mặt trận hình thành riêng trong từng giới, từng đoàn thể như trong thanh niên, phụ nữ, nông dân, phụ lão, v.v.. Điều quan trọng là làm sao thu hút được thật nhiều người trong các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo thì mới hình thành được Mặt trận rộng lớn.

Mặt trận không chỉ đoàn kết bằng tổ chức mà còn phải đoàn kết bằng phong trào hành động chung từ thấp lên cao. Không chỉ đoàn kết ở bên trên mà cần tiếp tục hướng tổ chức và hoạt động của Mặt trận tới từng địa bàn dân cư xã phường và tới từng hộ gia đình.

Đi đôi với mở rộng Mặt trận, cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và không ngừng củng cố khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, thực sự làm nền tảng của Mặt trận. Giai

Digitized by Google

cấp công nhân không chỉ đoàn kết, liên minh với nông dân, trí thức, mà còn phải đoàn kết với tất cả các giai cấp và các tầng lớp nhân dân khác nữa. Nếu không tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nếu công nhân, nông dân, trí thức không đủ mạnh, không liên minh với nhau chặt chẽ thì không thể củng cố và mở rộng được khối đại đoàn kết toàn dân, Mặt trận không thể vững chắc và đi đúng hướng được.

Một vấn đề mới đặt ra là giai cấp công nhân cần liên minh, hợp tác lâu dài với các nhà doanh nghiệp tư nhân vì lợi ích của cả hai bên theo đúng pháp luật và vì lợi ích chung của đất nước. Đây là vấn đề có tính chiến lược, chứ không phải chỉ là sách lược tạm thời. Do yêu cầu phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, lâu dài, phù hợp với quy luật phát triển xã hội và tình hình thực tế nước ta để đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất, nhất thiết chúng ta phải làm tốt điều đó.

III - CỦNG CỐ VÀ MỞ RỘNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất là trách nhiệm chung của Đảng, của Nhà nước, của toàn quân và toàn dân ta chứ không phải chỉ là trách nhiệm riêng của Mặt trận Tổ quốc Việt nam, của các đoàn thể nhân dân, Ban dân vận. Đây là trách nhiệm của tất cả mọi người nhưng Mặt trận Tổ quốc Việt nam có vai trò hết sức quan trọng.

Để phát huy được đầy đủ vai trò nêu trên, Mặt trận Tổ quốc cần xác định cho thật rõ tính chất tổ chức, nguyên tắc làm việc và phương hướng củng cố, mở rộng Mặt trận.

Mặt trận Tổ quốc Việt nam là liên minh chính trị, là khối liên hiệp tự nguyện của các đoàn thể và các cá nhân tiêu biểu. Nó không phải là một đoàn thể. Hiện nay, không ít người, kể cả một số đồng chí trong cấp ủy đảng vẫn coi Mặt trận Tổ quốc như một đoàn thể. Điều đó không đúng.

Mặt trận làm việc theo nguyên tắc : hiệp thương dân chủ ; hợp tác bình đẳng ; tôn trọng lẫn nhau ; phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên theo chương trình hành động chung. Bốn nguyên tắc này liên quan mật thiết với nhau, quan trọng nhất là hai nguyên tắc hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động theo chương trình hành động chung.

Mặt trận tổ quốc Việt nam không tổ chức và làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Ở nhiều nơi vẫn còn đề nghị Mặt trận cần tổ chức từ trên xuống dưới theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có lãnh đạo, chỉ đạo như nhiều đoàn thể nhân dân. Mặt trận không phải như vậy. Nó là tổ chức liên minh, liên hiệp ngang, nhưng có quan hệ dọc, hợp tác, giúp đỡ nhau, cấp trên hướng dẫn cấp dưới.

Nguyên tắc hiệp thương dân chủ rất quan trọng. Nó là nguyên tắc làm việc cơ bản nhất của Mặt trận, cùng nhau bàn bạc để đi tới nhất trí về chủ trương, chính sách chung, chương trình hành động chung và phối hợp thống nhất cùng nhau thực hiện.

Hợp tác bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau cũng là những nguyên tắc làm việc của Mặt trận. Trong khi hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động, cần hết sức tránh vi phạm hai nguyên tắc này.

Củng cố và mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt nam phải theo hướng thật sự là tổ chức tập hợp khối đại đoàn kết dân tộc, làm đúng chức năng và nhiệm vụ của Mặt trận, thể hiện được nguyện vọng và ý chí của các tầng lớp nhân dân. Tổ chức Mặt trận tập hợp nhân dân, thay mặt các đoàn thể nhân dân và các tổ chức thành viên khác của mình để đạt những vấn đề cần thiết theo nguyện vọng chính đáng của nhân dân với Đảng và Nhà nước. Mặt trận là nơi thống nhất hành động, tham gia với chính quyền giải quyết các vấn đề mâu thuẫn nội bộ nhân dân, chăm lo bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ chung của đất nước.

Việc kiện toàn tổ chức Mặt trận cần theo hướng tăng thêm những người tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo... nhất là những người ngoài đảng. Bộ máy giúp việc phải gọn nhẹ, có chất lượng, thu hút nhiều chuyên gia giỏi, tham gia công tác trên các lĩnh vực hoạt động của Mặt trận. Có

Digitized by Google

người cho rằng Mặt trận cần gì phải có chuyên gia giỏi, nhưng thực tiễn đã chỉ rõ, có đi vào các chuyên đề mới thấy là cần có nhiều người giỏi để tham gia ý kiến xây dựng pháp luật, chính sách kinh tế - xã hội... Cán bộ chuyên trách Mặt trận từng cấp phải đủ sức hoàn thành nhiệm vụ. Ủy ban Mặt trận chủ trì việc phối hợp chung giữa các tổ chức thành viên và với chính quyền cùng cấp trong công tác vận động người cao tuổi, các nhân sĩ trí thức tiêu biểu, các công thương gia, những người tiêu biểu trong các dân tộc, các chức sắc tôn giáo, người Việt nam ở nước ngoài. Mặt trận phải làm đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình, chứ không phải chỉ phụ trách các đối tượng này. Sở dĩ Mặt trận Tổ quốc phải đảm nhiệm việc này vì về vấn đề này hiện nay không có cơ quan nào chủ trì, mà riêng một tổ chức nào đó cũng không thể làm được.

Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước đối với Mặt trận Tổ quốc là rất lớn. Cần nhấn mạnh hai điểm chủ yếu sau đây :

- Phải thể chế hóa vai trò, chức năng và nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt nam bằng các văn bản pháp quy cần thiết.

- Chính quyền và Mặt trận các cấp cần phối hợp với nhau thực hiện đầy đủ những điều quy định trong Hiến pháp và pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên hoạt động có hiệu quả.

Đảng vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo của Mặt trận Tổ quốc Việt nam. Với tư cách là người lãnh đạo, Đảng thực hiện đúng vai trò tiên phong của mình. Đảng lãnh đạo chứ không làm thay nhân dân. Đảng đứng trong nhân dân, trong giai cấp công nhân, trong Mặt trận mà lãnh đạo, chứ không thể đứng ngoài, và tuyệt đối không đứng trên để lãnh đạo. Sức mạnh vĩ đại của Đảng là ở sự gắn bó chặt chẽ với nhân dân. Tách khỏi nhân dân, Đảng không còn sức mạnh nào hết.

Đảng lãnh đạo Mặt trận qua Đảng đoàn. Điều này rất quan trọng. Đảng đoàn với tất cả các thành viên Mặt trận cùng bàn bạc, xem xét các vấn đề cần thiết đúng theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ để hình thành ra chủ trương, chương trình công tác chung của Mặt trận. Phải nắm vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo thông qua Đảng đoàn Mặt trận. Đại diện cấp ủy đảng có thể trực tiếp trình bày, chủ trương, chính sách của Đảng và kiến nghị với Mặt trận và các đoàn thể nhân dân những vấn đề quan trọng, nhưng vẫn phải tiến hành bàn bạc dân chủ để đi tới nhất trí. "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất... Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo" [2].

Cấp ủy đảng nên cử Phó bí thư hoặc Ủy viên thường vụ cấp ủy trực tiếp làm Bí thư Đảng đoàn Mặt trận, tốt nhất vẫn là Phó bí thư kiêm Bí thư Đảng đoàn. Bí thư Đảng đoàn do cấp ủy đảng chỉ định, nhưng Chủ tịch Mặt trận phải do Mặt trận lựa chọn, tiến cử và bầu theo điều lệ Mặt trận. Người được bầu làm Chủ tịch Mặt trận phải là người được lựa chọn một cách thật sự dân chủ, có tín nhiệm và tương xứng với nhiệm vụ, không nhất thiết phải trong cấp ủy đảng hay phải là đảng viên.

Lãnh đạo Mặt trận, điều quan trọng nhất là lãnh đạo sự thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên và sự phối hợp giữa các tổ chức thành viên, nhất là giữa Mặt trận với chính quyền để phát huy được sức mạnh tổng hợp, thực hiện tốt các nhiệm vụ chung.

Cần tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận, phát huy trách nhiệm của Nhà nước đối với Mặt trận, khắc phục những quan điểm tư tưởng sai lầm coi Mặt trận là tổ chức tượng trưng hình thức, "cây cảnh". Cần kiện toàn tổ chức, cải tiến lề lối làm việc, mở rộng hoạt động của Mặt trận, làm cho Mặt trận thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình và hoạt động đạt hiệu quả thiết thực để thực hiện tốt chiến lược đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất của Đảng.

---

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t3, tr 118

Digitized by Google

VẤN ĐỀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN VAY NƯỚC NGOÀI

CAO SỸ KIỆM *

Sử dụng nguồn vốn vay của các tổ chức tài chính tiền tệ thế giới là nhu cầu thiết yếu đối với mọi nước trên thế giới. Thực tế cho thấy, số nước không vay nợ và không sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài chỉ tính trên đầu ngón tay. Ngay nước có tiềm năng kinh tế đứng hàng đầu thế giới cũng phải sử dụng vốn vay hàng trăm tỉ USD. Vay nợ là việc bình thường đối với mỗi nước trong nền kinh tế thị trường. Vấn đề là sử dụng nguồn vốn vay thế nào cho hợp lý, vừa tạo ra hiệu quả kinh tế, vừa tạo ra hiệu quả xã hội đưa đất nước từng bước đi lên.

Ở nước ta, việc tranh thủ nguồn vốn vay của nước ngoài đã được các nghị quyết của Đảng xác định rõ : "Tranh thủ mọi khả năng và dùng nhiều hình thức *thu hút vốn ngoài nước*... Tranh thủ viện trợ và vay dài hạn lãi suất thấp" [1]. Thực hiện chủ trương này, năm 1993, chính sách tiền tệ ở nước ta lần đầu tiên được thực hiện theo cơ chế : chủ động, linh hoạt thích ứng với thị trường, bảo đảm yêu cầu cơ bản về vốn cho nền kinh tế, vừa kiềm chế được lạm phát, vừa tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định giá trị đồng tiền, giữ tỷ giá hối đoái ở mức hợp lý.

I- HÒA NHẬP VỚI CÁC TỔ CHỨC TIỀN TỆ THẾ GIỚI

Dưới ánh sáng các nghị quyết của Đảng và sự chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng nhà nước đã phối hợp với các bộ, các ngành kiên trì đấu tranh để cải thiện và mở rộng quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, với các ngân hàng và tổ chức tài chính tín dụng các nước, nhằm tranh thủ các nguồn vốn, nhất là các nguồn vốn ưu đãi. Trên cơ sở chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế ở trong nước, chúng ta đã từng bước mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ thế giới.

1- Quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế. Việt nam là thành viên của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng thế giới (WB) từ năm 1950, và là thành viên của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) từ năm 1966. Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng và đất nước thống nhất (1976)), Việt nam tiếp tục là hội viên của các tổ chức trên. Tuy nhiên, nước ta vay vốn của các tổ chức trên chưa nhiều. Đặc biệt, từ đầu những năm 1980 đến nay, do tình hình chính trị của khu vực và thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, hơn nữa ta có nợ quá hạn với Quỹ tiền tệ quốc tế, nên các tổ chức trên không còn cho ta vay vốn.

a)*Quan hệ với Quỹ tiền tệ quốc tế.* Quỹ tiền tệ quốc tế là một tổ chức tài chính tiền tệ lớn nhất bao gồm 178 nước thành viên và đóng vai trò quan trọng trong quan hệ tài chính tiền tệ quốc tế, do đó việc bình thường hóa vay vốn với tổ chức này là rất cần thiết nhằm khai thông quan hệ với cộng đồng tài chính quốc tế. Bằng nhiều hình thức, thông qua các hội nghị quốc tế, các cuộc tiếp xúc và gặp gỡ, chúng ta đã tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của các nước thành viên và đã xây dựng phương án nhằm tiến tới nối lại quan hệ vay vốn của tổ chức này. Đáng chú ý là nhóm nước hỗ trợ giúp Việt nam đã được thành lập (gồm Pháp và Nhật là hai nước chủ trì cùng

* Ủy viên TƯ Đảng, Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt nam

(1) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 30

Digitized by Google

7 nước khác là Phần lan, Thụy điển, Thụy sĩ, Úc, Ca-na-đa, Bỉ và Áo). Nhóm nước này đã viện trợ không hoàn lại cho nước ta số tiền là 56,2 triệu USD. Cùng với nhóm nước này, 18 ngân hàng thương mại do Ngân hàng ngoại thương Pháp (BFCE) và Ngân hàng xuất nhập khẩu Nhật bản (EXIMBANK) chủ trì đã cho Việt nam vay thêm 85 triệu USD để trả hết số nợ quá hạn (141,2 triệu USD) cho Quỹ tiền tệ quốc tế. Nhờ thương lượng ký kết và xử lý có kết quả số tiền nợ quá hạn, ta đã tạo cơ sở cho Ban giám đốc điều hành Quỹ tiền tệ quốc tế thông qua chương trình kinh tế 1 năm, khôi phục quyền vay vốn của Việt nam (từ 176 triệu USD lên 241,6 triệu USD). Như vậy, từ ngày 6-10-1993, quan hệ giữa ta với Quỹ tiền tệ quốc tế đã được khôi phục, những bất đồng trước đây đã được khép lại, mở ra khả năng mới để Việt nam hòa nhập vào cộng đồng tài chính quốc tế.

b) *Quan hệ với Ngân hàng thế giới và Ngân hàng phát triển châu Á*. Ngay sau khi quan hệ giữa Việt nam và Quỹ tiền tệ quốc tế được khai thông, Ngân hàng thế giới và Ngân hàng phát triển châu Á đã cùng với Việt nam chuẩn bị đàm phán các hiệp định vay vốn cho một số dự án. Ngân hàng nhà nước ta đã phối hợp với các bộ, các ngành liên quan tiến hành đàm phán và ký kết các hiệp định vay vốn. Kết quả cụ thể là : năm 1993 Ngân hàng thế giới đã cho nước ta vay vốn cho hai dự án về giáo dục tiểu học và đường quốc lộ 1A (đoạn Hà nội - Vinh, TP Hồ Chí Minh - Cần thơ) với tổng trị giá 228,5 triệu USD, và một dự án về nông nghiệp với trị giá 96 triệu USD...

Cùng với những dự án ký với Ngân hàng thế giới, chúng ta đã ký với Ngân hàng phát triển châu Á 3 dự án với tổng trị giá 261,5 triệu USD : dự án chống lũ và khôi phục hệ thống thủy lợi ; dự án nâng cấp đường quốc lộ 1A đoạn từ TP Hồ Chí Minh đi Nha trang ; dự án cải tạo hệ thống làm sạch và cấp nước cho TP Hồ Chí Minh.

Trong tài khóa 1993 - 1994, Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới và Ngân hàng phát triển châu Á dự kiến cho Việt nam vay khoảng 1 tỉ USD, và những tài khóa tới có thể cho Việt nam vay từ 1 đến 1,5 tỉ USD cho mỗi tài khóa.

Ngay sau khi quan hệ giữa ta và các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế được khôi phục, các vị đứng đầu các tổ chức này đã chính thức đi thăm nước ta và cam kết việc cho vay vốn. Các vị cũng đã khẳng định những thành quả của ta trong công cuộc đổi mới, mở đường cho sự tái hòa nhập của nước ta vào cộng đồng tài chính quốc tế.

Cùng với việc bình thường hóa quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, chúng ta đã tích cực tham gia đợt vận động vốn từ các nước và các cơ quan tài trợ quốc tế. Mặc khác, chúng ta đã giải quyết vấn đề nợ của Việt nam qua Câu lạc bộ Pa-ri và đang chuẩn bị để đưa nợ thương mại tư nhân ra Câu lạc bộ Luân-đôn.

c) Quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế khác. Ngân hàng nhà nước ta cũng đã phối hợp với các ngành đàm phán và ký kết các hiệp định vay vốn của các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế khác, như vay của Quỹ Kuwait cho dự án thủy lợi Yazun trị giá 17,5 triệu USD, vay của Quỹ xuất khẩu dầu lửa (OPEC) cho một số dự án khác đang chuẩn bị. Ngân hàng nhà nước cũng đã phối hợp với các ngành đàm phán và ký kết các hiệp định về sử dụng vốn tài trợ và sự trợ giúp kỹ thuật của Khối thị trường chung châu Âu (EC), Công ty tài chính quốc tế (IFC), Tổ chức SIDA (Thụy điển). Ngân hàng nhà nước cũng đã thay mặt chính phủ ký công ước tham gia cơ quan bảo đảm đầu tư đa biên quốc tế (MIGA).

Đối với hai ngân hàng của cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa trước đây là Ngân hàng hợp tác kinh tế quốc tế (MBES) và Ngân hàng đầu tư quốc tế (MIB), thời gian qua có nhiều biến động lớn, Ngân hàng nhà nước ta đã duy trì và điều chỉnh hoạt động cho phù hợp, cụ thể đã trình Chính phủ đề án trả trước nợ cho MBES, và cùng với các ngành và địa phương nghiên cứu trả vốn vay của MIB trước đây để xây dựng một số công trình.

2- Quan hệ song phương với các nước và các tổ chức ngân hàng nước ngoài.

Việc mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác song phương với các nước cũng như với các

Digitized by Google

ngân hàng và tổ chức tài chính tín dụng nước ngoài là một nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động đối ngoại của Ngân hàng nhà nước.

Trong thời gian qua, Ngân hàng nhà nước được Chính phủ ủy quyền đã tổ chức đàm phán và ký kết một số hiệp định tín dụng trị giá hàng trăm triệu USD với các nước như Pháp, I-ta-li-a, Thái-lan, Đài-loan, Thụy-sĩ để đầu tư cho một số dự án và nhập khẩu một số hàng hóa cần thiết. Ngân hàng nhà nước đã phối hợp với các ngân hàng thương mại và các ngành liên quan đàm phán và ký kết hiệp định thanh toán giữa Việt nam với Ma-lai-xi-a và Trung quốc nhằm phục vụ cho công tác thanh toán giữa hai bên, đồng thời tăng cường quan hệ hợp tác và góp phần quản lý trong quan hệ buôn bán và thanh toán.

Ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại đã mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều ngân hàng trung ương các nước như Pháp, Đức, Anh, Trung-quốc, Thái-lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Lào... nhằm tranh thủ nguồn vốn vay và sự trợ giúp kỹ thuật, đào tạo bồi dưỡng cán bộ và mở các quan hệ đại lý. Hàng trăm đoàn khảo sát và thực tập của Ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại đã được cử ra nước ngoài để bồi dưỡng và đào tạo nghiệp vụ. Đồng thời, chúng ta cũng đón nhận hàng trăm chuyên gia ngân hàng nước ngoài đến giúp ta cải tiến hệ thống ngân hàng, cải tiến cơ chế, quy chế và nghiệp vụ, tổ chức hội thảo, tập huấn tại Việt nam.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ ta về việc cho phép các ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt nam, Ngân hàng nhà nước đã tổ chức việc cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài, của các ngân hàng liên doanh và văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài tại Việt nam. Đến nay đã có 9 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 3 ngân hàng liên doanh và 30 văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài bắt đầu hoạt động tại Việt nam. Ngoài ra, Ngân hàng nhà nước đã cấp giấy phép về nguyên tắc cho Ngân hàng Standard Chartered Bank mở chi nhánh và Ngân hàng Credit Lyonnais mở chi nhánh phụ.

Việc khai thông quan hệ với các tổ chức tiền tệ thế giới (IMF, WB, ADB), mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác song phương với các ngân hàng, tổ chức tài chính của nhiều nước là những tiền đề để chúng ta thu hút vốn đầu tư và trợ giúp kỹ thuật của nước ngoài.

II- SỬ DỤNG NGUỒN VỐN VAY

Muốn sử dụng nguồn vốn vay có hiệu quả, theo tôi, cần tập trung vào mấy điểm sau đây :

1- Quản lý nguồn vốn vay của nước ngoài. Việc tổ chức theo dõi, quản lý tổng số vốn vay và từng khoản đầu tư cho từng dự án, cần được cải tiến và thực hiện chặt chẽ, chính xác, bảo đảm tính hiệu quả của dự án đầu tư và khả năng trả nợ nước ngoài khi đến hạn. Việc quản lý và sử dụng vốn phải theo quan điểm : "Nhà nước quản lý chặt chẽ việc vay nợ, trả nợ nước ngoài. Điều đình với các chủ nợ về cách giải quyết trước mắt các khoản nợ đến hạn trả, bảo đảm thực hiện cam kết, tạo lập tín nhiệm, tranh thủ nguồn vay mới"(2). Vừa qua, Chính phủ đã ban hành Nghị định 58/CP ngày 30-8-1993 là nhằm chấn chỉnh một bước công tác này. Trước hết, Chính phủ thống nhất quản lý toàn bộ nguồn vốn vay nợ nước ngoài và điều hành vĩ mô cho phù hợp với các mục tiêu lớn của nền kinh tế. Chính phủ tập trung mọi nguồn vốn đầu tư cho các cơ sở chủ yếu thuộc kết cấu hạ tầng và các công trình quan trọng khác. Đương nhiên, các công trình đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước phải được quản lý chặt chẽ từ khâu luận chứng kinh tế kỹ thuật cho đến các khâu thiết kế, dự toán thi công, kết toán... chống lãng phí và tham nhũng. Việc tổ chức thực hiện cụ thể đang được các ngành chức năng (mà tập trung là Bộ tài chính, Ngân hàng nhà nước và Ủy ban kế hoạch nhà nước) nghiên cứu hướng dẫn.

Một vấn đề quan trọng, cần có sự quan tâm đặc biệt của các cấp quản lý trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài, là việc phối hợp hoạt động tín dụng bằng đồng tiền Việt nam như

(2) *Tài liệu đã dẫn*, tr 30-31

Digitized by Google

thế nào để vừa góp phần "tiêu hóa" được số vốn nước ngoài đầu tư vào, vừa thực hiện được các mục tiêu của chính sách tiền tệ trong thời gian tới. Mục tiêu lớn nhất vẫn là kiềm chế lạm phát và giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý.

Xuất phát từ tình hình như đã nêu, trước mắt Ngân hàng nhà nước sẽ phối hợp với Bộ tài chính ra thông tư hướng dẫn việc vay, quản lý nợ và trả nợ nước ngoài. Về phần mình, Ngân hàng nhà nước sẽ chỉ đạo các ngân hàng thương mại triển khai các cơ chế vay, trả, bảo lãnh và tái bảo lãnh các khoản vốn vay nước ngoài, đặc biệt là các khoản vay thương mại của các doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, Ngân hàng nhà nước sẽ bàn với Bộ tài chính, các chủ dự án và chỉ đạo các ngân hàng thương mại quản lý sử dụng vốn vay theo các hiệp định đã ký, phù hợp với cơ chế hiện hành của ta, bảo đảm khả năng trả nợ đúng hạn cho nước ngoài. Điều cần chú ý là sắp xếp thứ tự các dự án để bảo đảm các điều kiện cho nhịp độ tăng trưởng kinh tế, có khả năng hoàn trả vốn vay, không để gánh nặng nợ cho mai sau.

2 - Quản lý ngoại hối gắn với bảo toàn vốn. Chế độ quản lý ngoại hối trong tình thế hiện nay cần được nghiên cứu thay đổi cho phù hợp với thực trạng cung cầu ngoại tệ trong nước và quá trình mở rộng quan hệ đối ngoại của ta. Việc xây dựng hoàn chỉnh một bước về chính sách quản lý ngoại hối sẽ tạo thuận lợi cho việc giao dịch và mua bán ngoại tệ thông qua ngân hàng theo tỷ giá thị trường. Mục tiêu chủ yếu là : "Tạo dự trữ ngoại tệ ngày càng lớn để có thực lực điều tiết thị trường ngoại hối, làm cho tỷ giá hối đoái phản ánh đúng hơn sức mua thực tế của đồng tiền Việt nam, tiến tới làm cho đồng tiền có khả năng chuyển đổi"(3).

Hoạt động đối ngoại của các ngân hàng thương mại cần được mở rộng. Một số biện pháp trong lĩnh vực này sẽ được triển khai như :

+ Các ngân hàng thương mại nào có đủ điều kiện thì sẽ nhanh chóng mở rộng các dịch vụ ngân hàng, nhất là nghiệp vụ thanh toán quốc tế, nhằm phục vụ tốt các dự án và chương trình vay vốn nước ngoài, góp phần quản lý, sử dụng có hiệu qua các nguồn vốn nói trên.

+ Các ngân hàng thương mại sẽ tổ chức tốt việc kinh doanh chuyển đổi các loại ngoại tệ khác nhau để tránh rủi ro về tỷ giá, bảo toàn vốn và tìm kiếm lợi nhuận.

+ Các ngân hàng thương mại Việt nam sẽ được phép mở chi nhánh và văn phòng đại diện ở nước ngoài. Trước mắt, cho phép Ngân hàng ngoại thương Việt nam mở chi nhánh tại Hồng kông, mở văn phòng đại diện tại Pháp (Pa-ri) và tiến tới thành lập một số loại công ty trực thuộc như công ty thuê mua, quỹ đầu tư...

Ngân hàng nhà nước có nhiệm vụ duy trì một chính sách tỷ giá tích cực, vừa đáp ứng nhu cầu ngoại tệ cho nền kinh tế, vừa góp phần ổn định đồng tiền Việt nam, khuyến khích xuất khẩu, bảo đảm lợi ích các doanh nghiệp trong nước. Thông qua trung tâm giao dịch ngoại tệ ở Hà nội và TP Hồ Chí Minh, điều chỉnh linh hoạt và giữ cho tỷ giá hối đoái giữa các đồng tiền dao động ở biên độ thích hợp. Đây chính là cơ sở để chuyển sang thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, chuẩn bị điều kiện cho việc hình thành thị trường hối đoái theo đúng nghĩa của nó.

3 - Cải tiến công tác thanh toán nhằm tăng nhanh vòng quay vốn. Chuyển sang nền kinh tế thị trường, Ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại cần mở rộng việc áp dụng công nghệ tin học vào lĩnh vực thanh toán, rút ngắn thời gian luân chuyển chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Nhờ sử dụng máy tính mà từ cuối năm 1993 đến nay, hằng ngày vào 9 giờ sáng Ngân hàng trung ương đã tổng hợp được số liệu kết quả thanh toán bù trừ của 53/53 tỉnh, thành phố ; biết được khả năng nguồn vốn trong thanh toán của các ngân hàng thương mại trong cả nước, làm cơ sở cho thị trường liên ngân hàng hoạt động, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại chủ động vay vốn lẫn nhau. Ngân hàng nhà nước chỉ là người cho vay cuối cùng. Cũng nhờ hệ thống thông tin, các ngân hàng thương mại đã có được những thông số chính xác về các doanh nghiệp

(3) *Tài liệu đã dẫn*, tr 24

Digitized by Google

và các tổ chức kinh tế khác trước khi quyết định đầu tư tín dụng, phòng ngừa được rủi ro. Đồng thời, các ngân hàng cũng đã mở rộng nhiều hình thức thanh toán mới, như : chuyển tiền qua mạng vi tính ; cho mở rộng rãi tài khoản tư nhân ; đẩy mạnh thanh toán bằng ngân phiếu thanh toán ; gửi tiền tiết kiệm một nơi lấy ở nhiều nơi ; giảm đáng kể tỷ trọng thanh toán bằng tiền mặt trong tổng phương tiện thanh toán, tăng nhanh vòng quay vốn trong xã hội, và cũng là biện pháp đắc lực giúp ngành ngân hàng trong việc điều hành chính sách tiền tệ.

Tóm lại, hệ thống ngân hàng có được củng cố và phát triển toàn diện, cả về nội dung hoạt động và đưa công nghệ hiện đại vào quản lý, mới có thể đáp ứng được yêu cầu thực tế của công cuộc đổi mới hiện nay. Ngân hàng trung ương có mạnh thì việc điều hành chính sách tiền tệ mới đem lại hiệu quả, mới ổn định được giá trị đồng tiền, kiềm chế được lạm phát. Hệ thống ngân hàng thương mại có mạnh thì mới huy động được các nguồn vốn xã hội phục vụ cho việc đầu tư phát triển sản xuất và kinh doanh, mới làm tốt được các dịch vụ tài chính khác cho nhu cầu của nhân dân. Mặt khác, các ngân hàng thương mại có đổi mới và hiện đại hóa nhanh, mới đủ sức cạnh tranh với các ngân hàng nước ngoài và vươn lên hòa nhập với cộng đồng quốc tế.

4 - Đào tạo cán bộ và quản lý các dự án vay vốn. Việc đào tạo lại và đào tạo cơ bản đối với đội ngũ cán bộ ngân hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ kinh doanh tiền tệ theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, đang là vấn đề bức xúc. Trình độ cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ và cán bộ kỹ thuật ngân hàng hiện nay còn hạn chế, thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Tỷ lệ cán bộ nghiệp vụ, cán bộ nghiên cứu, cán bộ lãnh đạo ngân hàng các cấp am hiểu về kinh tế thị trường, biết sử dụng khai thác máy tính cho công việc hằng ngày, còn rất thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu hiện tại. Nhiệm vụ cấp bách của ngành ngân hàng hiện nay là tập trung vào việc đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ thành thạo, ngoại ngữ tinh thông, có khả năng theo dõi quản lý các dự án vay vốn nước ngoài, làm tốt công tác thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại tệ. Theo phương hướng này, trước mắt việc đào tạo cần kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo ngắn hạn với đào tạo dài hạn ở trong nước và ở nước ngoài, nhằm có được những chuyên gia ngân hàng giỏi về nghiệp vụ chuyên môn, am hiểu luật kinh tế quốc tế, được các nước trên thế giới tín nhiệm, có khả năng thích ứng với quá trình hòa nhập vào cộng đồng tài chính quốc tế.

Học tập...

(Tiếp theo trang 21)

phản ánh những phẩm chất của con người. Song, phong cách không tự hình thành, nó cần được giáo dục và đưa vào ý thức con người. Các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và đoàn thể cần coi trọng việc giáo dục phong cách làm việc khoa học cho cán bộ, đảng viên, trước hết là cho những người đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo và quản lý..

2 - Muốn xây dựng phong cách làm việc khoa học, gắn bó với quần chúng, thì không thể chỉ hô hào, kêu gọi chung chung. *Cái chính* và *trước tiên* là *xây dựng quy chế* : quy chế lãnh đạo, quản lý ; quy chế tổ chức và kiểm tra thực hiện quy chế, quy trình ra quyết định, nghị quyết ; quy chế tuyển chọn, bố trí và sử dụng cán bộ ; quy chế đi cơ sở, lấy ý kiến quần chúng, v.v..

3 - Xây dựng phong cách làm việc mới, khoa học, không thể nôn nóng, chủ quan. Phải làm từng bước với những biện pháp tỉ mỉ, chu đáo, thì mới có thể đạt kết quả tốt.

4 - Việc xây dựng phong cách làm việc cần được gắn với những yêu cầu của sự nghiệp đổi mới phù hợp với những đặc điểm của nền kinh tế thị trường.

5 - Coi phong cách làm việc khoa học là một trong những tiêu chuẩn cơ bản của người cán bộ trong giai đoạn hiện nay.

6 - Tạo cho được dư luận xã hội rộng rãi kịp thời nêu gương, biểu dương người tốt, việc tốt. Mặt khác, tích cực đấu tranh phê phán những hiện tượng xấu, tiêu cực, trái với phong cách của những người cộng sản. Thực hiện chế độ khen thưởng, kỷ luật rõ ràng.

Digitized by Google

MẤY Ý KIẾN VỀ GIÁO DỤC VÀ RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

LÊ XUÂN VŨ

ĐẠO đức Hồ Chí Minh hơn nửa thế kỷ qua đã là nền tảng của văn hóa mới Việt nam, của con người mới Việt nam, những con ngoan, trò giỏi, người tốt, việc tốt, công dân gương mẫu, cán bộ cần, kiệm, liêm, chính, anh hùng, chiến sĩ thi đua chí hiếu tận trung làm vẻ vang cho nước, ngời sáng nhân cách, phẩm giá Việt nam. Thắng lợi của cách mạng Việt nam hơn nửa thế kỷ qua là thắng lợi của đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, đồng thời cũng là thắng lợi của văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt nam được đổi mới, kế thừa, phát huy và hiện thân rực rỡ ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, được Người truyền dạy bằng lời nói và bằng cả cuộc đời kỳ vĩ của Người.

Thế mà giờ đây nơi này nơi nọ đang có "những biểu hiện hư hỏng nghiêm trọng về đạo đức và lối sống", "đạo đức xã hội suy đồi, xuống cấp !". Ở Hội nghị lần thứ tư của Ban chấp hành TƯ Đảng (khóa VII), đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã phải nói lên "điều đáng quan tâm là các quan hệ đạo đức giữa người và người, một trong những phương diện quan trọng nhất của văn hóa, có nhiều mặt bị sa sút nghiêm trọng".

Tại sao vậy ? Có những nguyên nhân khách quan từ đời sống, kinh tế thị trường, từ sự mở rộng giao lưu quốc tế, sự phá hoại của các thế lực thù địch về ý thức đạo đức song song với phá hoại về ý thức chính trị, v.v. trong một chừng mực nào đó đã tác động xấu đến quan hệ đạo đức, cả thực tiễn lẫn ý thức đạo đức của mỗi con người, của cả xã hội. Nhưng quan trọng và bao trùm nhất vẫn là nguyên nhân chủ quan : không coi trọng đúng mức việc xây dựng đời sống tinh thần của nhân dân, trước hết là giáo dục và rèn luyện đạo đức trong những điều kiện mới. "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân", nếu không biết "giữ gìn và phát huy mãi mãi đạo đức trong sáng ấy" (1), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảnh báo chúng ta như vậy từ giữa năm 1968.

I - Đức là cái gốc, cái nguồn

Giáo dục và rèn luyện đạo đức Hồ Chí Minh, cần nhớ lời Người dạy : *đức là cái gốc, cái nguồn.* "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức..." (2).

Ngày nay, trong những biến động chính trị to lớn trên thế giới và sự chuyển đổi sang kinh tế thị trường ở nước ta, một số người không còn coi trọng cái gốc, cái nguồn ấy nữa. Hoặc cảm khái : "đạo đức đáng giá bao nhiêu tiền ?" khi suy ngẫm về sự sụp đổ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Hoặc mỉa mai : "đạo đức chẳng mài ra mà ăn được" khi thấy những cán bộ,công nhân, viên chức suốt đời trong sạch, tận tụy nay về hưu sống quá đạm bạc ! Họ không muốn sống đạo đức nhưng nghèo khổ, thậm chí chê trách thế hệ cha anh quá đạo đức, coi đức trọng hơn tài nên đất nước cứ mãi nghèo nàn lạc hậu (?). Đến con cái cũng thẳng thừng từ chối tấm gương đạo

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t10, tr 666

(2) *Sđd*, t4, tr 467

Digitized by Google

đức của bố mẹ để quyết chí làm giàu bằng mọi giá, bởi... "cuộc đời trong sáng của bố mẹ được gì nào ngoài hai chữ "thanh bần" khốn khổ, trong khi bao người khác kiếm được tiền tỉ, ô tô, nhà lầu đủ cả ?" !...

Đúng là đang có sự đảo lộn phải trái kéo theo sự đảo lộn các giá trị đạo đức. Nhưng,như Chủ tịch Hồ Chí Minh thời trẻ đã miêu tả, giữa toàn quyền Varen, tên phản bội "đã lần lượt đốt cháy những cái mà mình đã tôn thờ và đang tôn thờ những cái mà mình đã đốt cháy" với "bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập" Phan Bội Châu, ai là người chiến thắng ? Không có đạo đức vĩnh hằng bất biến, song những gì có lợi cho dân, cho nước, cho xã hội nhân quần, rốt cuộc vẫn là tiêu chuẩn để xác định mọi giá trị đạo đức, tạo nên những sức mạnh to lớn tiềm tàng.

Cũng đúng là đang có không ít người về hưu sống khó khăn, thiếu thốn. Nhưng dù có ai một lúc nào đó tự trách mình "ngu" không biết sớm lo thân, hầu hết vẫn thanh thản "an bần lạc đạo". Bởi con người ta đâu chỉ sống bằng miếng cơm, tấm áo, ô tô, nhà lầu ? Bởi tự hào đã căn bản làm tròn nghĩa vụ ở đời, lòng vẫn sáng trong như thuở ban đầu hiến thân cho sự nghiệp đổi xã hội cũ thành xã hội mới ; năng lực và công việc mỗi người khác nhau, nhưng tất cả đều đã tỏ rõ tài năng trong thời đại của mình, hy sinh phấn đấu đem lại độc lập, tự do cho Tổ quốc, mở đường đi tới xã hội ấm no, giàu mạnh.

Thời nào mà chẳng cần có người tài ? Tài mỗi thời một khác, một nhiều và muôn vẻ. Tài càng cao càng quý. Kháng chiến cần có nhân tài, kiến thiết càng cần có nhân tài. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói như vậy, ngay từ khi Cách mạng mới thành công : sau 80 năm bị bọn Pháp thực dân giày vò, nước Việt nam ta cái gì cũng kém cỏi, chỉ có lòng sốt sắng của dân là rất cao... nhân tài nước ta.., chưa nhiều lắm, phải làm cho nhân tài ngày càng phát triển [3]. Năm 1946, Người tự nhận khuyết điểm "nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân", yêu cầu các cơ quan địa phương "tìm người tài đức", báo cáo ngay cho Chính phủ biết để trọng dụng [4]. Và, nhân tài nước ta quả đã phát triển ngày càng nhiều. Ngày nay, công cuộc đổi mới lại càng cần nhiều nhân tài hơn nữa, ở tầm vóc thời đại mới, trên khắp mọi lĩnh vực của đời sống, đặc biệt là kinh tế thị trường - một lĩnh vực hoàn toàn mới mẻ đối với chúng ta - đang đòi hỏi rất nhiều tri thức, tài năng mới, không phải trên lý thuyết mà cả trong hành động và đặc biệt là hành động có hiệu quả, ra tiền, ra của.

Tuy nhiên, "có tài phải có đức". Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn gắn tài với đức. Người thường dùng từ ghép : "bậc tài đức", "kẻ hiền năng". Tài khác nhau, "nhưng ai giữ được đạo đức đều là người cao thượng" [5]. "Có tài không có đức, tham ô hủ hóa có hại cho nước. Có đức không có tài như ông bụt ngồi trong chùa, không giúp ích gì được ai" [6]. Đức, trong quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải bẩm sinh, cũng không phải chỉ là ý thức "chính tâm, tu thân" mà phải trau dồi qua đấu tranh, rèn luyện hằng ngày, trong hoạt động thực tiễn xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến và xây dựng xã hội mới. Đức tài là thống nhất trên cơ sở đức. Đức là cái nền cho tài năng nảy nở và phát triển. Cho nên người cách mạng trước hết cần có đạo đức cách mạng, xã hội cần có đạo đức công dân.

Có người nói : ở đây có cái gì giống như tư tưởng "đức trị" của Khổng tử ? Chủ tịch Hồ Chí Minh không chủ trương chỉ trị dân bằng đức. Trong điều kiện của thời mới dựng nước và đánh giặc, Người cũng đã quan tâm cả đến hành chính, pháp luật, kinh tế. Chẳng hạn, Người nói : "Để thực hiện chữ Liêm, cần có tuyên truyền và kiểm soát, giáo dục và pháp luật, từ trên xuống, từ dưới lên". Nhưng đúng là Người yêu cầu kẻ trị dân trước hết phải có đức và cũng yêu cầu phải giáo dục đạo đức mới cho toàn xã hội. Ngày nay, chúng ta tập

---

(3) (4) Xem Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t4, tr 57, 192

(5) Sách đã dẫn, t7, tr 256

(6) Sách đã dẫn, t7 tr 452

Digitized by Google

trung vào việc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật của một nhà nước pháp quyền, song yêu cầu đó của Bác Hồ đâu có thể vì thế mà bị coi nhẹ ? Trái lại, chúng ta biết có những nước kinh tế phát triển nhưng lại rơi vào khủng hoảng đạo đức triền miên và không dễ gì gỡ ra được. Chúng ta từng bước chuyển sang kinh tế thị trường, đồng tiền muốn chi phối tất cả, thì càng phải biết "trọng nghĩa khinh tài", "thấy mối lợi phải nghĩ điều nghĩa", nhớ câu "đức là gốc, của là ngọn" ("đức giả bản dã, tài giả mạt dã" - *Đại học*), bởi chúng ta chỉ khuyến khích làm giàu chính đáng, xây dựng một xã hội giàu mạnh nhưng văn minh, sống với nhau có tình có nghĩa. Vả chăng, ngay kinh tế thị trường cũng có đạo lý của nó : nó phải là một nền kinh tế công bằng, hợp lý, giữ chữ tín với khách hàng, không kể những điều đã thành luật pháp như nghĩa vụ nộp thuế, cấm đầu cơ buôn lậu, làm hàng giả v.v..

"Đức là cái gốc, cái nguồn", câu nói ấy ngày nay vẫn đúng, đúng với mọi xã hội của con người biết tôn trọng nhân cách, phẩm giá con người.

II - Chí công vô tư, cộng đồng và cá nhân

Giáo dục và rèn luyện đạo đức Hồ Chí Minh là làm cho mọi người hiểu rõ và thực hành những tư tưởng đạo đức của Người, sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương đạo đức của Người : Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công, Vô tư.

Có ý kiến cho rằng : Cần, kiệm, liêm, chính thì đúng quá rồi, nhưng chí công, vô tư e không ổn, bởi thế là nặng về cộng đồng, nhẹ về cá nhân. Đây không phải chỉ là một ý kiến bất chợt. Thực tế, cá nhân đang có yêu cầu bức xúc *phải* và *được* tự do phát triển, và cũng đang có một xu thế xa rời chủ nghĩa tập thể quay về chủ nghĩa cá nhân. Người ta biện bạch : "mình vì mọi người, mọi người vì mình" chỉ là ảo tưởng, cuối cùng vẫn là "ai lo phận nấy, chúa lo cho tất cả". Người ta chứng minh sự đổ vỡ của chủ nghĩa tập thể : quốc doanh thua tập thể, tập thể thua cá thể ; những quốc gia to lớn 70 - 80 năm thực hiện chủ nghĩa tập thể rồi cũng tan vỡ, quay về tư hữu hóa !...

Nên hiểu cho đúng hai chữ "công" và "tư". Lại nên biết rằng từ xa xưa Lão tử trong *Đạo đức kinh* cũng đã ca ngợi cái đạo "vô tư" rồi. Tinh thần "Chí công, vô tư" ngày nay được Chủ tịch Hồ Chí Minh diễn dịch rõ ràng không thể nhầm lẫn được trong yêu cầu *xây dựng chủ nghĩa tập thể, tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân* như là điều chủ chốt, là nguyên tắc xuyên suốt trong đạo đức cách mạng : "đạo đức cách mạng là đạo đức tập thể, nó phải đánh thắng và tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân"(7).

Chủ nghĩa tập thể trong quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là chủ nghĩa tập thể chân chính, từng bước phát triển theo đúng con đường của nó. Bởi vì có chủ nghĩa tập thể *thô kệch* cào bằng tất cả, có chủ nghĩa tập thể *trừu tượng* không thấy rõ vị trí và vai trò của mỗi cá thể thành viên nên "cha chung không ai khóc", có chủ nghĩa tập thể *giả hiệu* trong đó những kẻ láu cá, có dã tâm mượn danh đội lốt tập thể thực hiện mưu đồ cá nhân vinh thân phì gia - những thứ chủ nghĩa tập thể ấu trĩ, bị xuyên tạc, bị lợi dụng, thoái hóa, biến chất đó tất nhiên phải chịu thất bại, đổ vỡ. Chủ nghĩa tập thể theo đúng nghĩa của nó là "dựa vào lực lượng của số đông người", của xã hội, trong đó "mỗi người là một bộ phận của tập thể, giữ một vị trí nhất định và đóng góp một phần công lao", phấn đấu cho lợi ích chung của số đông người, của xã hội, trong đó lợi ích riêng của mỗi cá nhân "là một bộ phận", "gắn liền với lợi ích tập thể", có điều kiện để được thỏa mãn khi lợi ích chung của tập thể được bảo đảm (8).

Trên đường phát triển của nó, chủ nghĩa tập thể đã đi từ bình quân thô kệch khi con người cá thể chưa trưởng thành, qua đấu tranh dai dẳng và quyết liệt chống chủ nghĩa cá nhân để đi tới sự phát triển hài hòa giữa cá nhân và tập thể, "cá nhân thật sự với tư cách cá nhân con người" và tập thể với tư cách "cộng đồng thật

(7) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t9, tr 57

(8) Xem Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t8, tr 246

Digitized by Google

sự" của những cá nhân tự do tự nguyện liên hợp lại (Mác). Chúng ta hiện đang ở giai đoạn vừa phải làm cho mỗi cá nhân có ý thức đầy đủ về mình, được phát triển tự do toàn diện trong tập thể, vừa phải quyết liệt chống lại và đánh thắng chủ nghĩa cá nhân. Phải làm việc đầu bởi chúng ta có truyền thống cộng đồng từ xa xưa nhưng chưa có truyền thống và ý thức đầy đủ rõ ràng về phát triển cá tính, nhân cách độc lập của mỗi con người, trước hết là của nhân dân lao động. Phải đồng thời làm việc thứ hai bởi "sinh trưởng trong xã hội cũ, chúng ta ai cũng mang trong mình hoặc nhiều hoặc ít vết tích xấu xa của xã hội đó về tư tưởng, về thói quen... Vết tích xấu nhất và nguy hiểm nhất của xã hội cũ là *chủ nghĩa cá nhân*" (9) ; và bởi chủ nghĩa cá nhân lúc này đang công khai tác oai tác quái khiến cho việc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân càng trở nên bức bách, nhức nhối hơn bao giờ hết.

Chúng ta phân biệt rõ cá nhân con người và chủ nghĩa cá nhân. "Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là "giày xéo lên lợi ích cá nhân". Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình" - Chủ tịch Hồ Chí Minh nói như vậy. Và Người nói tiếp : "Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa" (10).

Đúng như vậy. Người ta không ai giống ai. Đều do xã hội và giai cấp quy định nhưng mỗi con người không phải là một hình chiếu máy móc của các quan hệ xã hội. Mỗi con người là một thế giới riêng của cảm xúc, tư duy và hành động. Mỗi con người có một tư chất riêng. Mỗi con người là một nhân cách. Tính cách cá nhân làm phong phú tính cách xã hội và tính cách xã hội phong phú lại đòi hỏi trình độ phát triển cao hơn nữa của mỗi cá nhân. Vì vậy, mỗi con người phải được chú ý như một đối tượng cụ thể, một đơn vị riêng. Có thế mới phát triển được mọi tiềm năng, sức sáng tạo của cá nhân cống hiến nhiều nhất cho xã hội. Có thể có những cá nhân vô tài bất tướng, chỉ dựa dẫm, ăn bám vào tập thể. Nhưng nếu mỗi cá nhân chỉ là con số 0 thì lẽ nào tập thể, xã hội lại có thể lớn hơn 0 ? Nếu mỗi cá nhân chỉ là con số 1 đơn điệu như nhau thì tập thể, xã hội sẽ nghèo nàn, đáng chán biết chừng nào ! Không, mỗi cá nhân là một đại lượng đáng kể, đóng góp của mỗi cá nhân cho tập thể, xã hội có thể rất khác nhau, có khi một trời một vực ; dẫu rằng làm nên lịch sử cuối cùng vẫn là lực lượng của quần chúng nhân dân đông đảo. Và, do sự tác động giữa các cá nhân với nhau mà tập thể và xã hội không phải chỉ là số cộng đơn giản của các cá nhân. Đó là chưa nói đến những cá nhân kiệt xuất. Cho nên, chủ nghĩa tập thể chân chính không phải là chủ nghĩa bình quân phủ nhận cá nhân con người, càng không phải là chủ nghĩa khổ hạnh xóa bỏ hạnh phúc cá nhân, mà trái lại, nó tôn trọng, bảo vệ, chăm sóc, tạo điều kiện cho mỗi con người đều được phát triển tự do, toàn diện.

Tuy nhiên, cá nhân chỉ có thể sống trong xã hội, gắn liền với tập thể. Con người ở ngoài xã hội là một vị thần hay một con thú. Từ khởi thủy, mỗi người đã "phải dựa vào lực lượng của số đông, tức là của tập thể, của *xã hội*". "Riêng lẻ từng cá nhân thì nhất định không thắng nổi tự nhiên, không sống còn được", "cũng không thể sản xuất được". Sẽ đến một xã hội trong đó "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người", nhưng sự phát triển tự do đó là *sự phát triển tự do trong cộng đồng và nhờ cộng đồng* (Mác). Cho nên, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Muốn cho tiền đồ mình được sung sướng vẻ vang là đúng", nhưng phải đặt tiền đồ cá nhân nằm trong tiền đồ tập thể. Không cố gắng làm cho tập thể sung sướng vẻ vang thì cá nhân không thể sung sướng vẻ vang được".

Tiếc thay, điều nhức nhối và gây phẫn nộ trong quần chúng là hiện nay trong thời kỳ chuyển đổi cơ chế, do buông lỏng giáo dục và

(9) *Sđd*, t8, tr 236
(10) *Sđd*, t8, tr 246

Digitized by Google

rèn luyện đạo đức, lại do pháp luật không đủ và không nghiêm, số người "việc gì cũng chỉ lo cho lợi ích riêng của mình", chỉ lo bòn rút, vơ vét đục khoét, "miễn là mình béo, mặc thiên hạ gầy" ngày càng nhiều, trong nhân dân, viên chức, cán bộ đảng và nhà nước. Những người này bất kỳ việc gì cũng xuất phát từ lòng tham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình, cho con cái, họ hàng, cánh hẩu của mình. Chủ nghĩa cá nhân ở họ không chỉ là "kẻ địch bên trong", mẹ đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm như quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, lãng phí, tham ô v.v. mà thực sự đã trở thành "một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội", của sự nghiệp dân giàu nước mạnh. Chủ nghĩa cá nhân này nhất định phải bị tiêu diệt !

III - Tự mình nêu gương đạo đức

Một tấm gương sống có giá trị hơn cả trăm bài diễn văn tuyên truyền. Nói chung đã vậy, trong đạo đức lại càng như vậy, nhất là ở phương Đông, ở Việt nam giàu truyền thống tôn trọng đạo đức, xét người thường quan tâm trước hết đến mặt đạo đức, niềm tin đạo đức thường đến trước, mở đường và nuôi dưỡng niềm tin chính trị. Có lẽ vì thế mà Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng đến việc nêu gương về đạo đức ? Người quan tâm biểu dương tất cả những gương "người tốt, việc tốt" muôn hình muôn vẻ nói lên tinh thần yêu nước, đạo đức trong sáng, thuần phong, mỹ tục của nhân dân ta, coi đó là vật liệu quý để xây dựng con người, là phương pháp lấy quần chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục rất lớn. Đặc biệt là Người đã tự mình nêu tấm gương đạo đức trong sáng tuyệt vời, tiêu biểu cho tinh hoa và khí phách dân tộc, được toàn dân tin theo, thế giới ngưỡng mộ : suốt đời hy sinh phấn đấu cho lý tưởng cứu nước cứu dân ; hết lòng thương yêu nhân dân theo tinh thần "nước lấy dân làm gốc", suốt đời không ngừng học tập và rèn luyện, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, sống giản dị, khiêm tốn, thanh cao.

"Các việc Bác nêu lên để yêu cầu đồng bào thực hiện - đồng chí Võ Nguyên Giáp kể - đều là những điều Bác đã làm bền bỉ suốt đời. Nếu là những việc bây giờ mới đề ra thì Bác gương mẫu làm trước. Ví như việc hô hào nhân dân mười ngày nhịn ăn một bữa để cứu đói. Một tháng ba lần đến bữa không ăn, Bác lấy phần gạo của mình, tự tay đổ vào hòm gạo chống đói. Một hôm, đúng vào bữa cơ quan nhịn ăn để gom gạo thì Tiêu Văn mời Bác đến chiêu đãi. Khi Bác về, anh em báo cáo đã đem góp phần gạo của Bác rồi, Bác vẫn quyết định nhịn ăn một bữa vào ngày hôm sau". Cũng như vậy, động viên tăng gia sản xuất thì chính Người cần cù tăng gia sản xuất ở mọi nơi Người đến ở, kêu gọi tiết kiệm thì chính Người tiết kiệm từng tờ giấy, từng miếng xà phòng, từng giờ từng phút của mình và của nhân dân ; khuyến khích rèn luyện sức khỏe thì chính Người tập thể dục đều mỗi buổi sáng tinh sương...

Cho nên, học tập và rèn luyện đạo đức Hồ Chí Minh theo phương pháp Hồ Chí Minh có nghĩa là tất cả mọi người đều phải tự giáo dục, tự rèn luyện theo gương cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, không trừ một ai. Chẳng hạn, bây giờ chúng ta đang chống tham nhũng. Ai cũng nói tham nhũng như một quốc nạn, thậm chí cả những kẻ tham nhũng lớn cũng không ngớt lời phê phán, lên án. Nói là cần thiết, nói nữa cũng không thừa. Nhưng nếu mỗi người đều *thực hành* việc chống tham nhũng, trước hết là tự mình không xâm phạm một tí gì đến của công, rồi giữ cho vợ con, người thân của mình cũng như vậy ; nếu mỗi đơn vị công tác, mỗi cơ quan, mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi địa phương đều liêm chính, có những việc làm cụ thể bảo đảm nơi mình không có tham nhũng, không dung túng, bao che mà xử phạt nghiêm minh - "quốc pháp bất vị thân" - tất cả những kẻ tham nhũng v.v. thì hiệu quả sẽ rõ rệt, đáng phấn khởi hơn nhiều ! Một bước đi trong thực tiễn, dù nhỏ, vẫn có giá trị hơn cả triệu lời nói suông.

Tóm lại, trong giáo dục và rèn luyện đạo đức Hồ Chí Minh, điều đầu tiên là phải học cho được chữ "hành", có "hành" mới có "tín". Nói một thước không bằng làm một tấc.

Digitized by Google

HỌC TẬP LÊ-NIN xây dựng phong cách làm việc thật sự khoa học

NGUYỄN QUANG DU*

ĐỔI mới phong cách làm việc là yêu cầu khách quan và là một trong những nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của một đảng mác xít - lê nin nít. Khi còn sống, V.I.Lê-nin rất quan tâm đến vấn đề này và chính Người đã nêu tấm gương mẫu mực về phong cách làm việc của người cộng sản.

Lê-nin dạy rằng, lãnh đạo có nghĩa là nhìn thấy trước ; một đảng mác xít phải hoạt động trên cơ sở khoa học. Ý nghĩa và tầm quan trọng của quan điểm khoa học trong công tác của đảng và nhà nước là ở chỗ bảo đảm cho hoạt động của các bộ máy đó phù hợp với các nhu cầu khách quan của thời đại.

Phong cách làm việc khoa học không phải là khái niệm trừu tượng, chung chung. Đó là phong cách làm việc sáng tạo, thể hiện sự vững vàng về tư tưởng và tính nguyên tắc của đảng, tính thạo việc, sự thống nhất giữa lời nói và việc làm, tính tập thể chân chính và trách nhiệm cá nhân hết sức rõ ràng, thể hiện tinh thần kỷ luật tự giác, thái độ phê phán đối với công việc và tính không khoan nhượng đối với khuyết điểm... ở người cán bộ, nhất là ở những người được đưa lên vị trí lãnh đạo, quản lý trong bộ máy đảng, nhà nước và đoàn thể.

Như vậy, đổi mới phong cách làm việc cũng chính là đổi mới con người. Nó không phải là cái gì bất động, đứng im, mà luôn luôn phát triển, biến đổi. Trong quá trình đó, người nào thích ứng được thì tiến lên, còn người nào không theo kịp được thì thoái bộ, lạc hậu.

Nhìn lại thời gian từ Đại hội VI của Đảng đến nay, cùng với sự đổi mới chung, đổi mới phong cách làm việc cũng được thực hiện khá mạnh mẽ trên cơ sở quán triệt học thuyết Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhiều cấp ủy đảng và cơ quan chính quyền đã có bước tiến rất rõ về mặt này. Tuy nhiên phải thừa nhận là tiến độ đổi mới phong cách của chúng ta còn rất chậm. Vẫn còn tình trạng nói nhiều, làm ít, lời nói không đi đôi với việc làm. Lối làm việc tùy tiện không dựa trên cơ sở khoa học ; thói gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền ; tính tự do vô kỷ luật, vô trách nhiệm ; bệnh quan liêu, giấy tờ, xa rời cuộc sống, xa rời quần chúng, v.v. còn khá phổ biến ở nhiều ngành, nhiều địa phương.

Sinh thời, Lê-nin không bao giờ tha thứ cho những căn bệnh nói trên. Người yêu cầu cán bộ phải có phong cách đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu công việc một cách nghiêm túc, thận trọng và chu đáo ; đặc biệt, phải có thái độ tôn trọng sự thật. Theo Người, sự thật cùng với việc hiểu biết lý luận, nắm vững những quy luật cơ bản của sự phát triển, là cơ sở để đề ra chủ trương, chính sách đúng.

Lê-nin là hiện thân của sự *kết hợp nhuần nhuyễn giữa lời nói và việc làm*. Người phê phán không khoan nhượng bệnh xa rời thực tế, lối làm việc chủ quan, vô trách nhiệm. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người luôn vận dụng phương pháp phân tích cụ thể một tình hình cụ thể để tìm ra chân lý. Bằng việc thu thập, xử lý tài liệu về những

* Cán bộ nghiên cứu, Viện xây dựng đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Digitized by Google

con số và "những sự thật đã được chứng minh rõ rệt và không thể chối cãi được", Người đã thuyết phục được đông đảo quần chúng lao động và giành được sự đồng tình, ủng hộ của họ.

Hiện nay, ở một số cấp ủy còn không ít những nghị quyết, những bản đề án được chuẩn bị thiếu nghiêm túc, thiếu căn cứ thực tế, khoa học. Những văn bản đó thường mang tính công thức, khuôn sáo, đôi khi sao chép lại cái cũ mà không đưa ra được một cái gì mới. Lê-nin gọi đó là bệnh "sính thảo dự án". Người rất không bằng lòng khi thấy thay cho phân tích công việc một cách sâu sắc, là dùng những từ ngữ chung chung, không xác định, không một ai bị ràng buộc. Có lần, khi tìm hiểu những luận cương trong báo cáo đọc tại Đại hội VIII các xô viết toàn Nga, Người đã yêu cầu Di-nô-vi-ép : "Soạn lại các luận cương một cách thật căn bản, về tất cả các điểm, theo hướng bỏ bớt thật nhiều những lời hứa rất không xác định, mơ hồ và quá mức, và chuyển toàn bộ trọng tâm sang những đề nghị cụ thể, thiết thực" (1).

Thật nghiêm trọng khi ở ta vẫn có những kế hoạch, đề án hiệu quả kinh tế - xã hội rất thấp, thậm chí còn gây lãng phí tiền của và sức lực của nhân dân, nhưng do núp dưới danh nghĩa "tập thể", nên chẳng mấy ai bị quy trách nhiệm. Đúng ra, đối với mọi vấn đề, cùng với việc thảo luận và giải quyết tập thể, phải có *quy định về trách nhiệm hết sức rõ ràng của từng người* . Chỉ có như vậy, mới khắc phục được nguyên tắc lãnh đạo tập thể đang bị một số cán bộ, đảng viên lạm dụng. Không ít trường hợp, người ta đã nhân danh "lãnh đạo tập thể", nhân dân "ý kiến cấp ủy", để đưa ra những quyết định, những ý kiến cá nhân thiếu cân nhắc, thiếu căn cứ khoa học.

Theo Lê-nin, không nên mở rộng vô hạn khái niệm lãnh đạo tập thể, vì như vậy sẽ dẫn đến tình trạng vô trách nhiệm. "Lãnh đạo tập thể là điều cần thiết để giải quyết các công việc của nhà nước công nông. Nhưng mọi sự thái quá về lãnh đạo tập thể,... đều là những tai hại rất lớn... Dầu sao và dầu trong trường hợp nào đi nữa, việc tập thể lãnh đạo cũng vẫn phải đi đôi với việc cá nhân phụ trách..." (2).

Một trong những yêu cầu rất cơ bản của phong cách làm việc khoa học là phải *thành thạo công việc*. Nói cách khác, phải có khả năng và uy tín chuyên môn vững vàng. Đứng trước nhiệm vụ cách mạng hiện nay, cán bộ, nhất là người lãnh đạo, phải ngang tầm với nhiệm vụ mình gánh vác. Lê-nin cho rằng, đó là điều kiện bắt buộc của bất cứ cán bộ nào. Đương nhiên, Lê-nin không bao giờ coi nhẹ phẩm chất chính trị, coi nhẹ lòng trung thành đối với sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Song chỉ có phẩm chất đó thôi thì chưa đủ. Người luôn đòi hỏi cao và nêu những yêu cầu rất sát thực, cụ thể. Chẳng hạn, khi đề nghị I-a-rô-xlap-xki phát biểu ý kiến và tập hợp ý kiến nhận xét về I-a-cô-ven-cô để Ban chấp hành trung ương thảo luận và bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ dân ủy nông nghiệp, Người đã đề nghị cần có những ý kiến thật chi tiết về :

- Tuổi ;
- Kinh nghiệm ;
- Sự kính trọng của nông dân ;
- Hiểu biết về kinh tế ;
- Tính cương nghị ;
- Trí tuệ ;
- Lòng trung thành với chính quyền xô viết.

Những ví dụ như vậy có thể tìm thấy rất nhiều trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Lê-nin. Người không chỉ có ý thức và trách nhiệm rất cao đối với công việc, mà còn hết sức quan tâm đến sự hoàn thiện con người, vì con người là chủ thể của mọi hành động.

Liên hệ chặt chẽ và gắn bó với quần chúng lao động cũng là một trong những điểm không thể thiếu của phong cách Lê-nin. Đối với Lê-nin, củng cố mối liên hệ với quần chúng không phải là một phương châm sách lược, nhất thời, mà là vấn đề chiến lược, có tính nguyên tắc, là nguồn sức mạnh vô tận, bảo đảm cho thành công của Đảng. Người đã nhắc đi nhắc lại rằng, chỉ có thể tìm thấy và xác định đúng những hình thức, phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cơ sở kinh nghiệm của hàng triệu người. Và Người đã không bỏ qua bất kỳ hình thức, phương pháp nào, nếu như điều đó có lợi cho cách mạng, cho nhân dân. Chúng

(1) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t54, tr 554

(2) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t39, tr 52 - 53

Digitized by Google

ta còn nhớ Đại hội X của Đảng cộng sản (b) Nga đã quyết định thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực. Đó là kết quả của phong cách dân chủ, gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân, của Lê-nin. Chính qua trao đổi, gặp gỡ, nói chuyện với những người nông dân Nga và nghiên cứu những bức thư của họ mà Lê-nin gọi là những văn kiện mang tính người thật sự vào mùa đông năm 1920 - 1921, Người đã viết bản báo cáo về việc thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực được thông qua tại đại hội trên.

Hơn 7 thập kỷ đã trôi qua và lịch sử sẽ còn ghi nhớ phong cách của Lê-nin, một con người luôn hướng về quần chúng, luôn vì quần chúng và dẫn dắt quần chúng tiến lên. Đặc biệt, sẽ còn vang vọng lời dạy của Người : một trong những nguy cơ đáng sợ nhất đối với một đảng cộng sản cầm quyền là cắt đứt mối liên hệ với quần chúng ; nó có khả năng bóp chết sự nghiệp cách mạng.

Thấm nhuần tư tưởng đó của Lê-nin, ngay từ khi ra đời, Đảng ta đã không ngừng chăm lo củng cố mối liên hệ với quần chúng. Ở những giai đoạn cách mạng khác nhau, kể cả lúc khó khăn nhất, Đảng ta luôn được nhân dân đùm bọc, tin yêu, che chở. Ngày nay, trước yêu cầu cao của sự nghiệp đổi mới, Đảng ta một lần nữa lại khẳng định bài học lấy dân làm gốc, coi nó là một trong những quy luật tồn tại và phát triển của Đảng ta, là nguồn sức mạnh vô địch của cách mạng nước ta.

Đặc biệt quan tâm tới việc củng cố mối liên hệ với quần chúng, Đảng ta luôn đòi hỏi những người lãnh đạo không chỉ sống với dân, hiểu rõ dân, biết được tâm trạng, nhu cầu, ý nghĩ và nguyện vọng của dân, mà còn phải học hỏi dân, là tấm gương về mọi mặt để nhân dân noi theo, tin cậy. Tuy nhiên, chúng ta còn phạm không ít khuyết điểm, chưa làm đúng những tư tưởng của Lê-nin và của Đảng ta về quan điểm quần chúng. Muốn phục vụ quần chúng, người cán bộ, nhất là người lãnh đạo, phải hoạt động trong quần chúng. Không chỉ biết lãnh đạo, mà còn phải biết kiểm tra xem mối liên hệ với quần chúng có được giữ vững không. Không có mối liên hệ như vậy của những người lãnh đạo với toàn thể quần chúng lao động, thì không thể nói tới việc thực hiện những biến đổi cách mạng căn bản.

Có thể tóm tắt những nguyên tắc quan trọng nhất về công tác quần chúng qua phác thảo ngắn gọn sau đây của Lê-nin :

"Sống trong *lòng* quần chúng.

Biết *tâm trạng* quần chúng.

Biết *tất cả*.

Hiểu quần chúng.

Biết đến với quần chúng.

Giành được lòng tin **tuyệt đối** của quần chúng". (3)

Đáng tiếc rằng, những lời dạy trên của Lê-nin chưa được mọi cán bộ, đảng viên ta lưu ý thực hiện. Trong mối liên hệ với quần chúng vẫn còn không ít những biểu hiện tiêu cực. Bệnh quan liêu, lên mặt "quan cách mạng", tính tự cao tự đại, thói mệnh lệnh, thô bạo, lối sống ích kỷ cá nhân, tệ chuyên quyền, độc đoán, thói cửa quyền, ức hiếp quần chúng, đang nhiễm vào một số cán bộ, đảng viên, kể cả những người lãnh đạo có chức, quyền. Một số ít cán bộ, đảng viên còn phụ họa theo những biểu hiện tiêu cực, lạc hậu của quần chúng, bỏ qua những nguyên tắc, quy định... Đó chính là bệnh tụt hậu, là chủ nghĩa theo đuôi, thường biểu hiện trong số cán bộ, đảng viên giác ngộ chính trị thấp. Còn phải kể đến tình trạng lừa dối, mị dân, một căn bệnh xã hội nguy hiểm, thể hiện sự thiếu tôn trọng quần chúng. Những biểu hiện nói trên thật xa lạ với phong cách làm việc của những người cộng sản. Chúng không tạo điều kiện cho khả năng sáng tạo, tìm tòi những giải pháp ; không góp phần lôi kéo, động viên quần chúng nhân dân hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ. Điều đáng nói là đến nay những biểu hiện tiêu cực đó chưa bị lên án mạnh mẽ và nhất là chưa có những biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn.

Trong điều kiện hiện nay, để tiếp tục đổi mới, xây dựng phong cách làm việc khoa học, gắn bó với quần chúng, chúng tôi cho rằng cần đặc biệt lưu ý :

1 - Phong cách chính là bản thân con người, là

(Xem tiếp trang 13)

(3) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t44, tr 608

Digitized by Google

TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN

*TRẦN NGỌC HIÊN**

I - BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC NƯỚC CÔNG NGHIỆP : TĂNG TRƯỞNG KHÔNG ĐI ĐÔI VỚI PHÁT TRIỂN

Sau một quá trình lâu dài tập trung vào tăng trưởng kinh tế, các nước công nghiệp đang bộc lộ ngày càng nhiều những vấn đề nan giải. Điều nghịch lý là, chính ở đỉnh cao của sự tăng trưởng kinh tế đã làm chín muồi những mâu thuẫn do sự tăng trưởng phiến diện gây ra.

Mỹ là nước tiêu biểu nhất cho tình hình đó. Sau hơn 200 năm tập trung cho tăng trưởng, Hoa kỳ trở thành siêu cường về kinh tế (GNP trên 5000 tỉ USD/năm), về khoa học - công nghệ, về lực lượng quân sự. Sức mạnh về kinh tế, khoa học công nghệ và quân sự của Mỹ đã thúc đẩy sự ra đời nhiều nước công nghiệp trên thế giới. Sau khi Liên xô - đối thủ chính của Mỹ - sụp đổ, người ta tưởng Mỹ bước vào thời kỳ cực thịnh mà nhiều nước trên thế giới chờ đợi. Thế nhưng, điều đó đã không xảy ra. Người ta đã nói đến "cơn hoảng loạn của nước Mỹ" và đang phân tích những giá trị cùng nền văn hóa của xã hội Mỹ và những mâu thuẫn giằng xé nước Mỹ, cả đối nội và đối ngoại. Không phải ngẫu nhiên mà Brê-din-xki đã nêu ra 20 tình thế khó khăn cơ bản của nước Mỹ sau chiến tranh lạnh [1] :

1- Nợ nần (nợ quốc gia hơn 4000 tỉ USD, thiếu hụt ngân sách 400 tỉ USD), Mỹ trở thành con nợ lớn trên thế giới.

2- Thâm hụt thương mại - đe dọa một số lĩnh vực sản xuất, làm tăng thất nghiệp.

3- Khối lượng tiền tiết kiệm và đầu tư thấp.

4- Không có khả năng cạnh tranh công nghiệp.

5- Tỷ lệ tăng năng suất lao động thấp.

6- Chăm sóc y tế không đầy đủ.

7- Giáo dục trung học chất lượng kém [2].

8- Cơ sở hạ tầng xã hội xấu đi và tình trạng sa sút lan tràn ở đô thị.

9- Một giai cấp giàu có tham lam.

10- Tình trạng kiện tụng lan tràn (hơn 1/3 số luật sư của thế giới hành nghề tại Mỹ, tiêu phí khoảng 3% GNP Mỹ).

11- Vấn đề chủng tộc và nghèo đói ngày càng sâu sắc (32,7% toàn bộ người Mỹ da đen và 11,3% người Mỹ da trắng, cả thảy là 35,7 triệu người Mỹ sống dưới mức nghèo khổ).

12- Tội ác và bạo lực tràn lan (do phim ảnh tán dương bạo lực và mua bán vũ khí tự do nên tỷ lệ giết người ở Mỹ cao nhất trong các nước công nghiệp).

13- Sự lan tràn của nền văn minh ma túy ồ ạt.

14- Tình trạng lan tràn tâm lý tuyệt vọng xã hội.

15- Quá nhiều giấy phép mại dâm.

16- Sự truyền bá ồ ạt về đồi trụy tinh thần bằng phương tiện nghe nhìn.

17- Suy giảm ý thức công dân.

18- Sự nổi lên nền văn hóa đa phương, có nhiều nguy cơ chia rẽ.

19- Một yếu tố trở ngại đang xuất hiện trong hệ thống chính trị. Chính quyền ngày càng mất uy tín với cử tri, do thiếu trách nhiệm, tham nhũng, đặc quyền đặc lợi.

---

* *Giáo sư, phó tiến sĩ kinh tế học*

(1) Xem Brê-din-xki : *Ngoài vòng kiểm soát - sự rối loạn toàn cầu bên thềm thế kỷ XXI*. Ban dịch của Tổng cục II - Bộ quốc phòng. Hà nội tháng 10-1993

(2) Ở Mỹ có 90 triệu người không thể viết một lá thư suôn sẻ hay làm phép cộng trừ trên bàn tính. (*Nhân dân chủ nhật*, số 48, ngày 28-11-93)

Digitized by Google

20- Cảm giác trống rỗng về tinh thần ngày càng phổ biến.

Hầu như từ thập kỷ 70 về trước, người ta chỉ biết đến những thành tựu của quá trình tăng trưởng kinh tế, như mức tăng khối lượng sản xuất vật chất, sự hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại, thu nhập bình quân đầu người, xã hội tiêu thụ, v.v.. Bảng liệt kê các vấn đề nan giải của nước Mỹ nói trên đã phản ánh khá đúng mặt trái của tấm huân chương tăng trưởng trên toàn thế giới, chứ chẳng riêng ở nước Mỹ.

Có thể nêu lên những khuyết tật chủ yếu của quá trình tăng trưởng phiến diện, đang gây ra sức ép và thách thức lớn lao đối với loài người :

Thứ nhất, tăng trưởng kinh tế đi đôi với *mở rộng bất công xã hội*. Ở thập kỷ 90 này, khoảng cách giữa người giàu và người nghèo không rút ngắn mà tăng lên. Theo tài liệu của UNDP : 20% số dân giàu nhất chiếm 82,7% thu nhập toàn thế giới, còn 20% số dân nghèo nhất chỉ chiếm 1,4% (3).

Sự phân tích số liệu theo chỉ tiêu tăng trưởng của 200 nước cho thấy : vào những năm 1990-1991, 52,3% số nước trên GNP theo đầu người ở dưới mức 500 USD. Trong các nước đang phát triển, có 1,3 tỉ người sống nghèo khổ; gần 800 triệu người không đủ lương thực, gần 1 tỉ người mù chữ (2 phần 3 số người mù chữ là phụ nữ), hằng năm có 17 triệu người chết vì bệnh tật do mức sống thấp. Xung đột còn xảy ra trong 60 nước (4).

Thứ hai, tăng trưởng kinh tế gắn liền với *sự tàn phá môi trường sinh thái ngày càng nghiêm trọng*. Rừng nhiệt đới bị tàn phá rất nhanh, cứ một giây thì một diện tích rừng bằng một sân bóng đá bị phá xong. Hiện có trên 850 triệu người phải sống ở vùng sa mạc hóa. Sự tàn phá môi trường sinh thái đang gây ra hậu quả to lớn, lâu dài về mặt kinh tế và xã hội, ảnh hưởng đến sự sinh tồn của loài người.

Thứ ba, *khủng hoảng xã hội và gia đình* là kết quả tất yếu của tăng trưởng phiến diện. Cuộc sống vật chất càng đầy đủ, con người càng lắm bế tắc, thì số người đi tìm lối thoát bằng mê tín, dị đoan càng nhiều (5). Lối sống dựa trên chủ nghĩa thực dụng sẽ đưa con người đến chỗ vỡ mộng, lo lắng cho tương lai mù mịt. Mối liên kết xã hội dựa trên chủ nghĩa thực dụng đã tỏ ra không bền vững. Theo La-xki, nhà khoa học chính trị Anh, "cái gắn bó những người Mỹ với nhau, đó là quyền lợi chứ không phải là những tư tưởng".

Khủng hoảng xã hội không phải chỉ có ở Mỹ. Chủ tịch Ủy ban châu Âu Giắc Đơ-lo đã nói trước Quốc hội châu Âu rằng : "Nền kinh tế đang khủng hoảng, nền dân chủ đang sụp đổ. Chính ý tưởng về một châu Âu thống nhất đang lâm nguy" (6).

Ngày nay, một câu hỏi quan trọng được đặt ra trên phạm vi toàn cầu : Tại sao những thành tựu to lớn về tăng trưởng kinh tế đã không đưa đến tiến bộ xã hội mà đưa đến khủng hoảng xã hội ? Thực tiễn đã chứng tỏ rằng : vấn đề là ở *thái độ đối với con người trong tăng trưởng kinh tế*.

Sự tiến hóa của các xã hội phương Tây ở thế kỷ 19 và 20 đã bao hàm một mâu thuẫn cơ bản. *Một mặt*, mục đích tăng trưởng kinh tế dựa trên đổi mới thường xuyên kỹ thuật đã biến người lao động thành bộ phận bổ sung của máy móc, biến con người với các quan hệ xã hội thành công cụ hoạt động kinh tế có hiệu quả trong các quan hệ giữa thống trị và phục tùng, giữa bóc lột và bị bóc lột. *Mặt khác*, sự tăng trưởng kinh tế ngày càng không thể chỉ dựa vào thể lực và cơ chế trói buộc con người, mà phải dựa nhiều hơn vào trí tuệ, tính tích cực sáng tạo của con người. Đó là bi kịch của xã hội công nghiệp tư bản.

Thứ tư, tăng trưởng kinh tế một cách phiến

---

(3) UNDP, *Human Development Report*, 1992.

(4) UNDP, *Human Development Report*, 1993

(5) Ở Mỹ có từ 1500 đến 2500 giáo phái. Pháp là nơi ít giáo phái cũng có khoảng 300-500 (*Nhân dân chủ nhật*, số 48, ngày 28-11-1993)

(6) Tạp chí *Times*, số 3-1993

Digitized by Google

diện gây ra sự mất ổn định về chính trị và sự khủng hoảng trong hệ thống chính trị. Sự giàu có về của cải vật chất do tăng trưởng kinh tế đã không đem lại sự ổn định về chính trị cho các nước công nghiệp. Những biến động chính trị trong các nước ấy bắt nguồn từ tình trạng bất công, tàn phá môi trường, khủng hoảng xã hội. Chưa bao giờ xuất hiện nhiều tổ chức chính trị, nhiều đảng phái như hiện nay.

Một số đảng cầm quyền và chính phủ của họ từng đạt nhiều thành tựu về tăng trưởng kinh tế đã phải ra đi. Nhật bản là nước đạt được sự thần kỳ về kinh tế nhờ Đảng dân chủ tự do cầm quyền suốt 38 năm, thế nhưng vừa qua, trên đỉnh cao của một siêu cường kinh tế, đảng đó đã mất vị trí cầm quyền. Nhật bản đã bước vào giai đoạn có thể được miêu tả một cách chính xác là thời kỳ bấp bênh. Tình trạng chia rẽ mới đây của Đảng dân chủ tự do và cuộc khủng hoảng trong quốc hội là những hội chứng của một tình trạng mất phương hướng chưa từng xảy ra ở Nhật bản từ sau chiến tranh.

Người ta đặt câu hỏi : Tại sao hệ thống chính trị ở các nước tư bản lớn ấy lại bất lực trước các vấn đề đối nội và đối ngoại như thế ? Câu trả lời có thể nằm trong sự mục nát của chế độ dân chủ. Tất cả những nước này đều yếu kém thực tế trên tất cả các lĩnh vực vì họ thực hiện một hình thức bị bóp méo của chế độ dân chủ, một chế độ dân chủ chú trọng đến hình thức hơn là thực chất... Một chính phủ dân chủ thực ra chỉ cần có hơn 50% dân chúng ủng hộ nó là được. Ở phương Tây, nơi cử tri đi bỏ phiếu hiếm khi đạt được 50%, thì một chính phủ được sự ủng hộ của 26% cử tri có thể là "được bầu ra một cách dân chủ"... Các chính phủ yếu kém cho ra các nhà lãnh đạo yếu kém, quan tâm đến việc xoa dịu các cử tri hơn là làm những điều đúng.

Đó là câu trả lời của thủ tướng Ma-lai-xi-a, tiến sĩ Ma-ha-thia Mô-ha-mát. Còn giáo sư Mô-rít A-le, người Pháp được giải Nô-ben về kinh tế năm 1988, cho rằng : Nếu trước đây, những khuyết tật của chủ nghĩa xã hội đã khiến khối Đông Âu sụp đổ, thì ngày nay nên coi chừng những lệch lạc của chủ nghĩa tự do sẽ kéo theo sự sụp đổ của các xã hội phương Tây.

II- TĂNG TRƯỞNG ĐI ĐÔI VỚI PHÁT TRIỂN - XU THẾ CỦA THỜI ĐẠI, VẬN HỘI CỦA DÂN TỘC TA

Theo quan niệm lịch sử, không phải ngẫu nhiên mà loài người phải trả giá cao cho sự tăng trưởng kinh tế. Có sự trả giá đó mới có những thành tựu nhiều mặt, tạo ra khả năng kết thúc quá trình lịch sử tăng trưởng phiến diện dưới hình thái tư bản chủ nghĩa, chuẩn bị điều kiện vật chất, văn hóa mở đầu quá trình phát triển toàn diện, trong đó lần đầu tiên con người trở thành động lực và mục tiêu. Hiện nay chúng ta đang trong bước đầu của sự quá độ như vậy. Thực tiễn vĩ đại này đã làm phá sản các học thuyết không tưởng lẫn chủ nghĩa thực dụng, và tiếp tục khẳng định tính đúng đắn của quan niệm duy vật lịch sử.

Trong giai đoạn quá độ, kết thúc quá trình cũ (tăng trưởng số lượng), mở đầu quá trình mới (phát triển, chất lượng), chắc chắn sẽ có những đảo lộn mang tính cách mạng sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống, dù diễn ra dưới hình thức tiến hóa hay nhảy vọt. Đây sẽ là thách thức lớn nhất đối với các chế độ xã hội, các đảng cầm quyền và các nhà lãnh đạo đương đại. Nó đòi hỏi nhiều về trí tuệ và lương tâm trong tư duy và hành động, mà không có quá khứ vinh quang nào hay giải pháp thích nghi, tùy thời nào thay thế được.

Điều quan trọng nhất hiện nay là sớm nhận thức xu thế thời đại, chủ động tạo điều kiện đón bắt thời cơ, tạo môi trường cho dân tộc giành lấy phát triển cùng với tăng trưởng. Trong giai đoạn hiện nay, tăng trưởng đi đôi với phát triển là xu thế của thời đại. Đối với nước đang phát triển thấp như nước ta, xu thế đó tác động với tính tất yếu như là quy luật hàng đầu đưa ta đi con đường "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Quy luật

Digitized by Google

này chỉ ra những phương hướng vận dụng sau đây :

***Một là**, lựa chọn mô hình kinh tế thị trường văn minh.* Hiện nay công cuộc đổi mới ở nước ta chuyển trọng tâm vào lĩnh vực kinh tế. Cuộc cạnh tranh chủ yếu và đấu tranh chính trị trên trường quốc tế sau chiến tranh lạnh, cũng chuyển trọng tâm sang kinh tế, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với nước ta. Lựa chọn mô hình kinh tế nào là sự thách thức đầu tiên, liên quan đến thành, bại toàn cục.

Trên thế giới hiện tồn tại nhiều mô hình kinh tế thị trường, vốn là sản phẩm tổng hợp của thời kỳ "tăng trưởng không đi đôi với phát triển". Cố nhiên, đó là kinh tế thị trường thiếu văn minh, nhưng nó đang đóng vai trò cái nôi, trong đó đang hình thành các nhân tố của một nền kinh tế thị trường mới, văn minh, do sự phát triển của các mâu thuẫn kinh tế - xã hội tạo ra. Nước ta cần hướng vào nghiên cứu, vận dụng những đặc điểm của mô hình kinh tế mới này. Qua khảo sát, phân tích thực tiễn, có thể vắn tắt nêu ra *những đặc điểm chủ yếu* của nền kinh tế thị trường văn minh, làm cơ sở cho sự vận dụng vào thực tiễn nước ta.

a) Cái trục xuyên suốt nền kinh tế thị trường văn minh không phải là kinh tế - kỹ thuật mà là *kinh tế - xã hội*, trên nền tảng công nghệ mới. Điều đó có nghĩa là : vấn đề xã hội được đặt ngang hàng vấn đề kinh tế thông qua lao động, sở hữu và phân phối ; nhu cầu và lợi nhuận đều là mục đích trực tiếp của kinh doanh ; bắt đầu quá trình tái hòa hợp giữa sản xuất với tiêu dùng ở trình độ mới ; đa dạng hóa sở hữu và thành phần kinh tế ; sự hình thành xí nghiệp cổ phần của công nhân tự quản bên cạnh xí nghiệp nhà nước ; quá trình hữu sản hóa công nhân và phát triển sở hữu cá nhân của mọi người lao động dưới sự dẫn đường của tư tưởng tiến bộ.

b) Nguồn lực phát triển quan trọng nhất, cơ bản nhất, là trí tuệ con người và nhân cách của họ. Nhờ đó, bắt đầu kết thúc quá trình coi con người là phương tiện tạo lợi nhuận ; xóa bỏ chủ nghĩa bình quân, đặc quyền đặc lợi, bằng cách đưa con người ở tuổi lao động vào quá trình cạnh tranh, thi tuyển và sự đánh giá, hưởng thụ theo hiệu quả lao động. Do đặc điểm này, vấn đề giáo dục, đào tạo, sử dụng đội ngũ lao động kỹ thuật và khoa học phải thật sự là quốc sách ; vấn đề cải cách bộ máy và cơ chế quản lý sẽ mang tính chất cách mạng sâu sắc.

c) Nền kinh tế thị trường văn minh còn mang tính chất một nền kinh tế sinh thái, có cơ cấu phù hợp với yêu cầu bảo vệ và hoàn thiện môi trường sống và lao động có ý nghĩa lớn lao về mặt kinh tế và mặt xã hội. Do đặc điểm này, vấn đề khoa học và công nghệ, sản xuất và kinh doanh, đặc biệt là quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, phải gắn *từ đầu* với vấn đề môi trường ; vấn đề kinh tế và môi trường phải quan hệ mật thiết với vấn đề dân số.

d) Cạnh tranh vì phát triển là một động lực của kinh tế thị trường văn minh. Nó được đặt trong quá trình dân chủ hóa kinh tế, pháp chế hóa quản lý kinh tế và xã hội. Cạnh tranh vì phát triển chỉ hình thành cùng với một đội ngũ nhà doanh nghiệp và cán bộ quản lý nhà nước có tài năng và phẩm chất.

e) Trong điều kiện toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế thị trường, vấn đề phát huy năng lực nội sinh của toàn dân tộc (về kinh tế, văn hóa, khoa học, truyền thống tốt đẹp...) có ý nghĩa rất quyết định về hai mặt của quan hệ đối ngoại : *một mặt*, để tiếp thu có chọn lọc và đồng hóa, nội sinh hóa các thành tựu bên ngoài ; *mặt khác*, để phát huy mạnh mẽ những lợi thế so sánh của dân tộc trong cạnh tranh và hợp tác quốc tế.

***Hai là**, chú ý vai trò mới của khoa học và công nghệ trong kết hợp tăng trưởng với phát triển*. Trong nền kinh tế thị trường văn minh, khoa học và công nghệ có vai trò mới, chức năng mới ở chỗ : nó mang bản chất nhân văn, từ tư duy khoa học đến áp dụng công nghệ vào thực tiễn. Cũng như con người, trước đây khoa học và công nghệ chỉ là nhân tố tăng trưởng, là phương tiện tạo lợi nhuận, do đó, nhiều khi nó

Digitized by Google

còn là tác nhân trực tiếp tàn phá môi trường, làm tha hóa con người. Bởi thế, khoa học và công nghệ sẽ được giải phóng khỏi hạn chế ấy và hoạt động phù hợp với bản chất của nó trong quá trình tăng trưởng đi đôi với phát triển. Nền kinh tế thị trường văn minh thật sự là không gian rộng lớn cho sự sáng tạo của khoa học và công nghệ. Ở đây không những là nơi vận dụng các thành tựu khoa học và công nghệ có hiệu quả nhất, mà còn là cái nôi để hoàn thiện tri thức, sáng tạo tri thức mới, thúc đẩy và tăng tốc cuộc cách mạng khoa học và công nghệ mới. Vai trò mới của khoa học và công nghệ nói trên chỉ xuất hiện với hai điều kiện : a) nâng cao trình độ và vai trò của khoa học xã hội và nhân văn, liên kết các ngành khoa học xã hội, tự nhiên và kỹ thuật ; b) xây dựng một đội ngũ khoa học có cơ cấu phù hợp với những nhà khoa học đầu ngành theo kịp trình độ quốc tế.

***Ba là**, nhìn nhận đúng vai trò của văn hóa trong kết hợp tăng trưởng với phát triển.* Sự tăng trưởng phiến diện của những thập kỷ qua và những bế tắc trong cuộc sống con người đang đòi hỏi phải nhìn nhận đúng vai trò của văn hóa trong tăng trưởng kinh tế như một nhân tố nội sinh. Văn hóa phải có vai trò định hướng trong phát triển, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, cũng như trong xây dựng đội ngũ trí thức, trong giáo dục và đào tạo cán bộ và lao động.

Trong nền kinh tế thị trường văn minh, văn hóa càng có vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh và quản lý, cũng như trong quan hệ hợp tác và cạnh tranh với bên ngoài. Nó có vai trò giữ gìn và nâng cao bản sắc dân tộc, nhân cách con người Việt nam. Khi chúng ta coi con người là chủ thể trong tăng trưởng và phát triển thì càng nhận rõ vai trò nổi bật của nhân tố văn hóa trong việc cải tạo và hoàn thiện *hai* mối quan hệ cơ bản của con người : con người với con người ; và con người với tự nhiên. Nhờ vậy mới khắc phục được tình trạng con người bị tha hóa. Sự kết hợp tăng trưởng với phát triển còn đòi hỏi nâng cao lĩnh vực *sản xuất tinh thần* nhằm thỏa mãn các nhu cầu văn hóa không ngừng tăng trong quá trình tiến bộ xã hội và cá nhân. Một khi vai trò của văn hóa được phát huy trong các lĩnh vực nói trên, thì nó trở thành một trong những nhân tố điều tiết mạnh mẽ, thường trực và tự giác của sự phát triển.

***Bốn là**, nâng cao chất lượng lãnh đạo và quản lý - điều kiện tiên quyết của sự kết hợp tăng trưởng với phát triển.* Xu thế khách quan "tăng trưởng đi đôi với phát triển" đang thúc đẩy loài người quá độ từ xã hội tư bản tăng trưởng phiến diện lên xã hội mới. Đó là xã hội nhân bản hay xã hội xã hội chủ nghĩa chân chính. Sự quá độ này đòi hỏi *hai* điều kiện :

Thứ nhất, lựa chọn mô hình kinh tế - xã hội bảo đảm kết hợp được tăng trưởng với phát triển. Hiện nay đã có khả năng thực tiễn cho sự lựa chọn ấy mà không sợ rơi vào không tưởng. Khả năng này nằm trong sự phân tích một cách tỉnh táo, đánh giá khách quan sự bế tắc của mô hình các nước công nghiệp phát triển, sự đổ vỡ của mô hình xã hội - dân chủ và mô hình xã hội chủ nghĩa xô viết. Đồng thời, phải phân tích cả những khuyết tật của mô hình các nước công nghiệp mới. Từ đó, độc lập tìm tòi mô hình phù hợp với điều kiện dân tộc và giai đoạn phát triển của đất nước, hết sức tránh sao chép nước ngoài.

Thứ hai, đổi mới chất lượng của hệ thống lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội. Sự đổi mới này nằm trong yêu cầu của cuộc cách mạng các quan hệ sản xuất và quan hệ xã hội trong thời đại hiện nay. Cuộc cạnh tranh và hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc chỉ có thể bắt đầu từ đổi mới chất lượng lãnh đạo và quản lý thì mới bảo đảm thành công. Sự ổn định chính trị - xã hội trong điều kiện thực tiễn biến đổi nhanh, cũng như tác động của định hướng xã hội chủ nghĩa vào cuộc sống, đều phụ thuộc một cách quyết định vào việc nâng cao chất lượng lãnh đạo và quản lý, mà những khâu quan trọng hàng đầu là lý luận khoa học và tổ chức cán bộ.

Digitized by Google

Suy nghĩ về xây dựng đội ngũ trí thức nước ta

PHẠM TẤT DONG*

NẾU coi trí tuệ là tài nguyên quan trọng bậc nhất của đất nước thì có thể nói, phần lớn tài nguyên này nằm trong đội ngũ trí thức. Ở đây, khái niệm "trí thức" bao gồm những người có học vấn sâu rộng (hoặc nhờ hệ thống nhà trường, hoặc nhờ học hỏi trong cuộc sống xã hội và lao động nghề nghiệp), có chuyên môn kỹ thuật cao, có sứ mạng to lớn góp phần phát triển nền văn hóa xã hội. Liên đoàn lao động trí thức quốc tế quy định : trí thức là người mà hoạt động đòi hỏi sự nỗ lực về tinh thần với sáng kiến và nhân cách thường quan trọng hơn nỗ lực thể xác. Do đó, được xem là trí thức những người làm trong lĩnh vực nghệ thuật, văn học, khoa học, những người làm nghề tự do, những lao động trí óc được trả lương (kỹ sư, công chức, chuyên viên, giáo sư...) và sinh viên.

Đặc trưng lao động của người trí thức thể hiện ở hai chức năng : chức năng sáng tạo, duy trì và phát triển những giá trị cơ bản của xã hội, và chức năng phê phán. Chức năng thứ nhất được thực hiện sẽ mang lại những giá trị khoa học và những giá trị đạo đức cho xã hội bởi hoạt động của trí thức luôn hướng tới cái CHÂN, THIỆN, MỸ. Còn chức năng thứ hai thể hiện như sự đánh giá và phê bình xã hội. Về chức năng này, trong tác phẩm "Thế nào là người trí thức", Paul Alexandre Barau viết rằng, trí thức là nhà phê bình xã hội, trước sự vật bao giờ cũng suy nghĩ đến cùng và dám phê phán những gì hiện hữu đang là vật chướng ngại ngăn cản sự vươn tới một trật tự xã hội tốt đẹp, nhân đạo và hợp lý hơn.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về trí thức đều bác bỏ cách đánh đồng khái niệm lao động trí óc với trí thức. Trí thức là người lao động trí óc, nhưng chỉ lao động trí óc không thôi thì chưa thể coi là trí thức. Trong nhân cách của trí thức có sự kết hợp chặt chẽ giữa sự hiểu biết (savoir, science) với lương tri (conscience) và đức độ (caractère). Thiếu đức độ, thiếu lương tri thì con người dù có đỗ đạt cao trong khoa cử, dù được đi học nhiều cũng không thể xếp vào đội ngũ trí thức được. Tuy nhiên, tiêu chuẩn "học vấn cao" mà ta đòi hỏi ở trí thức cũng là tương đối. Điều quan trọng là nhận thức cho được những tiêu chí cần vươn tới của người trí thức ở từng thời kỳ theo yêu cầu tất yếu của dân tộc và thời đại. Ngày xưa, cụ đồ nho hoặc người đỗ tú tài (tương đương với người tốt nghiệp trường phổ thông trung học ngày nay) đã được xem như người có trình độ hiểu biết nhiều. Còn bây giờ, chắc nếu không có bằng đại học hoặc có trình độ tương đương thì xã hội thường không coi là trí thức. Song, trong cuộc sống thực tại, có những người học vấn không cao nhưng họ lại làm công việc phát triển và truyền bá văn hóa trong nhân dân. Ví dụ, ở những bản làng xa xôi hẻo lánh, nhất là những vùng dân tộc thiểu số, giáo viên cấp I và những y sĩ thường bám sát dân, khai sáng cho dân. Có lẽ đến năm 2000, tại những nơi đó vẫn chỉ có những người ấy làm công việc thay cho các nhà tư tưởng, nhà văn hóa và nhà kỹ thuật. Họ đang được đối xử như những trí thức.

Giả sử lấy trình độ tốt nghiệp đại học làm điều kiện cần để trở thành trí thức thì hiện nay ở nước ta, cứ 1000 dân mới có trên 6 người đạt tiêu chuẩn này. So với trí thức được đào

*GS, PTS, Phó trưởng Ban khoa giáo trung ương

Digitized by Google

tạo trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thì đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa của ta giờ đây đã nhiều gấp bội. Số trí thức tập trung chủ yếu ở các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và trung học phổ thông, ở những cơ quan quản lý - chỉ đạo các cấp từ trung ương tới địa phương, ở hệ thống bệnh viện, trung tâm y tế, ở những cơ quan văn hóa, văn nghệ... Tính đến cuối năm 1992, nước ta có 252 viện nghiên cứu với 24 796 cán bộ khoa học, trong đó có 160 tiến sĩ, 1735 phó tiến sĩ. Đã có 166 người được phong danh hiệu giáo sư và 501 người là phó giáo sư.

Bên cạnh hệ thống viện nghiên cứu, chúng ta có 108 trường đại học và cao đẳng với 21 770 cán bộ giảng dạy, trong đó có 1967 người đã đạt trình độ sau đại học. Chỉ tính riêng 47 trường đại học trực thuộc Bộ giáo dục và đào tạo đã có 12 014 người đạt trình độ đại học, 1083 phó tiến sĩ, 187 tiến sĩ. Số cán bộ giảng dạy được phong phó giáo sư là 953 người, và giáo sư là 186 người.

Số lượng trí thức địa phương thường tập trung ở ngành giáo dục và y tế. Cả nước hiện có trên 1200 trường phổ thông trung học với 35 058 giáo viên, 197 trường dạy nghề với 6053 giáo viên, 271 trường trung học chuyên nghiệp với 10 633 giáo viên. Trong hệ thống y tế, số cán bộ có trình độ đại học đã trên 32 000 người, Số có trình độ sau đại học (phó giáo sư, giáo sư, phó tiến sĩ, tiến sĩ) trên 700 người.

Trí thức ở nước ta tham gia đông đảo vào các tổ chức chính trị xã hội (đặc biệt các hội chuyên ngành như : Liên hiệp các hội khoa học, kỹ thuật với 378 000 hội viên và Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật với 6322 hội viên).

Từ nay đến năm 2000, chúng ta cần xây dựng một đội ngũ trí thức thật đông đảo về số lượng và vững mạnh về chất lượng nhằm tăng tốc phát triển kinh tế - xã hội. Để làm được việc này, phải giải quyết hàng loạt vấn đề. Ở đây chỉ xin nêu những mặt cơ bản và cấp thiết nhất :

1- Nguồn đào tạo chính đội ngũ trí thức tương lai là hệ thống trường đại học và các viện nghiên cứu khoa học. Trong năm 1993, số lượng sinh viên đang theo học ở 108 trường đại học và cao đẳng là 90 054. Số lượng tuyển nghiên cứu sinh ở các trường đại học và viện nghiên cứu mỗi năm cũng tới vài ba trăm người. Tuy vậy, xét về số sinh viên được đào tạo, thì nước ta vẫn đạt ít nhất so với hàng loạt nước xung quanh. Cứ 100 000 dân, ta có trên 140 sinh viên. Trong khi đó, tỷ lệ này ở Thái lan là 2140, ở Phi-líp-pin 2642, ở Nam Triều tiên - 2400, ở Xin-ga-po - 1261... (Thống kê năm 1982). Điều đáng nói là, ở nhiều nơi trường đại học chưa thật ra trường, viện nghiên cứu còn chưa ra viện, chất lượng đào tạo còn thấp, người được đào tạo chưa có động lực nắm chắc học vấn, chuyên môn.

Việc duy trì hoạt động của hệ thống đại học lúc này thật nặng nề đối với nền kinh tế mới đang trên đà phát triển. Song nước ta muốn tăng tốc độ phát triển, tránh hiện tượng tụt hậu trong cuộc chạy đua kinh tế những năm trước mắt, thì mục tiêu ưu tiên chắc chắn chưa phải ở việc chống nạn mù chữ (cho khoảng 6000000 người) mà ở việc mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo lên ngang với mức mà các nước trong khu vực đã đạt được. Không đầu tư hơn nữa cho giáo dục đại học, chúng ta sẽ không có đội ngũ trí thức tương lai đủ sức đảm nhiệm sứ mạng văn hóa mà Đảng giao cho họ.

2- Số lượng cán bộ có trình độ sau đại học còn quá ít. Trước đây, việc đào tạo chủ yếu dựa vào sự giúp đỡ của Liên xô và một số nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. Nay nguồn đào tạo này không còn nữa. Trong khi đó, công tác đào tạo trong nước còn chậm, lại rất hạn chế về kinh phí, nên chất lượng đào tạo cũng bị ảnh hưởng đáng kể. Đó là chưa nói đến hiện tượng còn mỏng về đội ngũ hướng dẫn nghiên cứu sinh hiện nay.

Trong thập kỷ 80, tỷ trọng cán bộ có trình độ sau đại học so với tổng số cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở nước ta là 10,4%. (Theo

Digitized by Google

tính toán của SEV trước đây thì phải là 25-30%). Hiện nay, nhờ mở hệ cao học (đào tạo thạc sĩ), con số này có tăng, nhưng chưa đáng kể. Còn tiến sĩ so với phó tiến sĩ là 5,34% (theo SEV phải là 12%). Đến nay lực lượng này có chiều hướng nhích lên nhưng rất chậm, đôi chỗ còn giảm đi. Chẳng hạn, năm 1993, ở trường Đại học sư phạm Hà nội I có 10 tiến sĩ, 209 phó tiến sĩ, như vậy tỷ trọng chỉ là 4,78%. Ở hệ thống trường đại học trực thuộc Bộ giáo dục và đào tạo, con số này là 8,97%, còn ở 252 viện nghiên cứu, là 9,22%. Tóm lại, so với yêu cầu tối thiểu mà SEV đưa ra, những chỉ số nói trên vẫn là thấp.

Về cơ cấu đào tạo sau đại học, ta còn thiếu cán bộ đầu ngành ở nhiều lĩnh vực, còn để trống nhiều mảng tri thức khoa học. Trong số 579 ngành cần đào tạo sau đại học, ta mới đào tạo được 273 ngành. Trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, số ngành chưa đào tạo sau đại học là 29 ; lĩnh vực khoa học kỹ thuật là 158 ; khoa học y, dược : 28 ; khoa học nông nghiệp : 21 ; khoa học xã hội : 65. Như vậy, còn 306 ngành chưa có cán bộ đạt học hàm, học vị khoa học.

3- Những trí thức có học hàm, học vị cao, trước hết là trí thức đầu ngành, phần đông đã luống tuổi. Theo thống kê, gần 66% tiến sĩ khoa học ở vào độ tuổi trên 50. Hầu hết những người theo hệ nghiên cứu sinh thường bảo vệ luận án phó tiến sĩ lúc đã trên 40 tuổi. Khoảng 4-6 năm sau đó, họ mới bắt đầu phát huy được tác dụng của mình.

Tại trường Đại học sư phạm Hà nội I có 22 giáo sư thì : 13 người đã trên 60 tuổi (59%) ; 7 người ở độ tuổi 57-60 (27%) ; 2 người ở độ tuổi 53 - 54 (14%). Trong 69 phó giáo sư thì : 19 người trên 60 tuổi (27%) ; 27 người từ 56 tuổi đến 60 tuổi (39%) ; 16 người từ 51 đến 55 tuổi (23%) ; 7 người dưới 50 tuổi (11%).

Theo dõi các đợt phong giáo sư và phó giáo sư gần đây, ta thấy độ tuổi của những người nhận học hàm như sau :

Giáo sư : độ tuổi 46-50 : 9% ; 51- 55 : 30% ; 56-60 : 48% ; 61-65 : 6% ; 66-70 : 3% ; 70 : 3%.

Phó giáo sư : độ tuổi 31-35 : 0,8% ; 41-45 : 7% ; 46-50 : 20% ; 51-55 ; 27% ; 56-60 : 28% ; 61-65 : 11% ; 66-70 : 3,5% ; 70 : 0,8%.

4 - Cơ cấu đội ngũ trí thức của nước ta còn thiếu cân đối so với cơ cấu kinh tế. Lĩnh vực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, nhất là nông nghiệp - lĩnh vực có quy mô lớn nhất - thì số lượng cán bộ có trình độ đại học và sau đại học lại ít. Ngay trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, số cán bộ tuy đông hơn, nhưng cơ cấu đào tạo cũng chưa đáp ứng yêu cầu của sản xuất (hiện nay, cứ 100 cán bộ có trình độ đại học thì chỉ có 25 người làm việc ở các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ). Có những lĩnh vực đào tạo quá ít như công nghiệp hàng tiêu dùng (1,6%), công nghiệp in và xuất bản (0,4%) v.v..

Theo số liệu thống kê cuối thập kỷ 80, tỷ lệ cán bộ khoa học và kỹ thuật ở các lĩnh vực hoạt động như sau (%) :

Lĩnh vực hoạt động	Có trình độ đại học	Có trình độ sau đại học
Khoa học tự nhiên	6,8	34,85
Khoa học kỹ thuật	25,5	31,86
Khoa học xã hội	17,21	20,62
Y, dược	9,1	6,15
Nông, lâm, ngư	8,1	6,49
Sư phạm, ngoại ngữ	33,3	-

5- Việc phân bố, sử dụng cán bộ khoa học, kỹ thuật hiện nay chưa hợp lý, đồng thời có hiện tượng lãng phí chất xám rất nghiêm trọng. Trong số những người tốt nghiệp đại học, chỉ có chưa đầy 1% làm việc trong khu vực kinh tế tập thể. Phần lớn cán bộ khoa học, kỹ thuật tập trung ở phía bắc, nhất là Hà nội. Chỉ có khoảng 20% cán bộ khoa học kỹ thuật đang làm việc ở phía nam, đông nhất là thành phố Hồ Chí Minh. Một số cán bộ được đào tạo ở ngành này lại chạy sang làm việc ở ngành khác, không đúng với chuyên môn được đào tạo. Nhiều sinh viên tốt nghiệp đại học (kể cả sinh viên được gửi đi học ở nước ngoài) không việc làm hoặc

Digitized by Google

không chịu làm việc ở những nơi xa thành phố, có nhiều khó khăn, đã phải kiếm sống bằng nhiều nghề không cần đến học vấn đó.

Mấy năm gần đây, nhiều công ty tư nhân được thành lập, nhiều công ty nước ngoài cũng bắt đầu hoạt động trong nước ta. Họ đã trả lương cho người làm so với ngạch chung trên thế giới không cao, nhưng so với mức lương ở nước ta thì dễ chịu hơn, nên vẫn thu hút được một số nhà khoa học, giáo viên hoặc sinh viên tốt nghiệp vào loại khá và giỏi của ta vào làm. Hiện tượng người có chuyên môn vững vàng bỏ sang làm việc với công ty nước ngoài hoặc công ty tư nhân đang tăng. Những sinh viên giỏi sau khi tốt nghiệp đại học cũng dần dần định hướng việc làm ở những nơi trả lương cao. Họ không còn săn đuổi biên chế nhà nước như trước.

6- Ở những vùng xa xôi hẻo lánh, miền núi cao, nhất là nơi có các dân tộc thiểu số, chúng ta thiếu trí thức một cách trầm trọng. Trên đất nước Việt nam có 54 dân tộc chung sống. Trong số này, 12 dân tộc chưa có một ai học xong đại học, 42 dân tộc không có người đạt học vị phó tiến sĩ. Thậm chí, còn 5 dân tộc chưa có ai học hết bậc phổ thông trung học. Vì vậy, việc đào tạo trí thức người dân tộc thiểu số và việc có chính sách khuyến khích mạnh mẽ trí thức người Kinh làm việc ở các vùng dân tộc thiểu số có ý nghĩa vô cùng to lớn trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Đây có thể là một giải pháp quan trọng bậc nhất để rút ngắn khoảng chênh lệch về đời sống trong cộng đồng các dân tộc Việt nam, để phát triển kinh tế hàng hóa, mở rộng thị trường.

7- Hiện nay, trong trí thức đang có những nguyện vọng nóng bỏng. Có thể kể đến những nguyện vọng lớn nhất :

+ Hầu hết trí thức đều muốn làm việc đúng chuyên môn được đào tạo, muốn được trả lương đủ để tái sản xuất sức lao động trí tuệ của mình, không phải làm nghề phụ để tăng thu nhập nhằm bảo đảm cuộc sống của cá nhân và gia đình.

+ Những trí thức chân chính luôn thể hiện tinh thần tự tôn dân tộc, muốn được sử dụng, được tin cậy và được cống hiến nhiều cho sự nghiệp phát triển xã hội và hiện đại hóa đất nước. Họ muốn tham gia vào các lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất, đào tạo trong không khí thật dân chủ, tự do tư tưởng, giải phóng tư duy, khơi dậy trí tuệ. Trí thức hiện nay đang có mặc cảm cho rằng, vai trò và vị thế của họ trước thời đại, trước xã hội chưa được Đảng và Nhà nước đánh giá thật đúng mức và công bằng ; có khi và có nơi cấp ủy còn coi họ như là một tầng lớp tiểu tư sản, hay dao động, không tin cậy được.

+ Xét về tiềm năng, đội ngũ trí thức của ta đủ sức tiếp cận với những thành quả khoa học, kỹ thuật hiện đại, đủ năng lực sáng tạo và đóng góp vào nền văn hóa chung của thế giới. Song điều kiện đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đặc biệt là điều kiện, phương tiện làm việc của họ còn quá eo hẹp, do đó, họ không phát huy được hết lao động sáng tạo. Nguy cơ bị tụt hậu của trí thức ta so với đội ngũ trí thức của nhiều nước là khá rõ.

8- Trí thức Việt nam đang làm việc ở nước ngoài cũng thể hiện sự phong phú về năng lực sáng tạo, có khả năng đóng góp nhiều cho đất nước. Nhưng có thể nói, một số chính sách của ta đối với trí thức Việt nam đang ở nước ngoài chưa đủ độ động viên, lôi cuốn họ vào công cuộc kiến thiết đất nước, phát triển kinh tế.

Đảng và Nhà nước ta đang xem xét lại những chính sách đã ban hành, xóa bỏ những cái không còn phù hợp, bổ sung những chính sách mới nhằm đoàn kết, động viên, tập hợp trí thức thành một mặt trận rộng lớn, phát huy năng lực sáng tạo của họ, xây dựng một đội ngũ trí thức Việt nam giàu nhiệt huyết và đầy tài năng, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Digitized by Google

Lý luận về hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác trong thời đại ngày nay

HỒ VĂN THÔNG*

CHÚNG ta đi theo chủ nghĩa Mác không phải như đi theo một giáo lý, mà đi theo một khoa học để phát triển xã hội, đổi mới cuộc sống của con người. Qua thực tiễn hoạt động, chúng ta tự phê phán và lắng nghe những lời phê phán trung thực đối với chủ nghĩa Mác là điều tự nhiên. Song, có những ý kiến phản bác chủ nghĩa Mác hiện nay lại thường dựa vào những sai sót về cơ chế, chỉ đạo cụ thể trong xây dựng chủ nghĩa xã hội để phủ nhận cả một hệ thống lý luận khoa học. Cùng với điều đó, là những tư tưởng sùng bái chủ nghĩa tư bản trong lúc nó đang là "một thế giới không thể chấp nhận được"[1]. Những ý kiến phản bác này đề cập nhiều về lý luận hình thái kinh tế - xã hội.

Bài này muốn góp phần nhận thức đúng vấn đề lý luận đó của chủ nghĩa Mác.

I

Gần đây, các cách tiếp cận riêng biệt về xã hội do các tác giả hiện đại đề xuất thường nhấn mạnh đến nền văn minh trí tuệ, đến hoạt động sáng tạo trí tuệ của con người, lấy khoa học công nghệ làm điểm xuất phát để vạch ra tính chất và xu hướng phát triển của xã hội đương đại. Điều ấy có chứa đựng những giá trị tích cực trong nhận thức cụ thể về thời đại chúng ta, nhưng hoàn toàn không thể thay thế cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác được.

Cách tiếp cận từ nền văn minh trí tuệ nói trên là cách tiếp cận từ lao động trí tuệ hóa, xem đó là sự thay đổi sâu xa phương thức hoạt động của con người để giải thích xã hội. Chính điều này đã nằm trong cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội từ điểm xuất phát của nó. Cách tiếp cận từ hoạt động sống của con người, có thể phát triển, cụ thể hóa theo sự phát triển xã hội, chứ không thể đem lại căn cứ để phản bác quan điểm hình thái kinh tế - xã hội, một thứ lý luận được xây dựng trên chính điểm xuất phát đó.

Lý thuyết hình thái kinh tế - xã hội là một hệ thống quan điểm phản ánh *quan hệ nội tại giữa lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và đời sống chính trị tư tưởng*, từ đó chỉ ra *kết cấu cơ thể và các quy luật chung của sự vận động xã hội*. Đến nay chưa có lý thuyết nào có thể bác bỏ được nó. Ngay một tác giả người Mỹ là E.S. Greenberg cũng cho rằng muốn phân tích nền chính trị hiện nay của Mỹ, không thể không áp dụng phương pháp của Mác đi từ kinh tế[2].

Ngày nay, từ thực chất khoa học, tư tưởng về hình thái kinh tế - xã hội vẫn giữ nguyên giá trị. Nó là lý luận, là phương pháp luận cơ bản giúp chúng ta tiếp cận với vận động chung của lịch sử xã hội. Ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh đến một vài khía cạnh hay tranh cãi :

1 - Lý thuyết về hình thái kinh tế - xã hội không hề có nội dung về một quyết định luận kỹ thuật hay kinh tế đơn giản theo kiểu chủ nghĩa duy vật kinh tế tầm thường loại bỏ con người với hoạt động có ý thức của từng cá nhân. Ít nhất cũng vì :

+ Lý thuyết này không dừng lại ở cái trừu tượng mà đi đến cái cụ thể. Tách ra mặt lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, để thấy cái chi phối, nhưng hiểu nó trong tác động biện chứng của chỉnh thể các quan hệ. Chủ nghĩa Mác không bao giờ nói kinh tế là cái duy nhất quyết định mà nói điều đó là "xét đến cùng".

+ Xem xã hội phát triển không phải ngẫu nhiên, tùy ý, mà có quy luật khách quan. Nhưng,

---

* Giáo sư triết học

(1) Tên một cuốn sách của René Dumont, Paris, 1989

(2) E.S. Greenberg : *Chủ nghĩa tư bản và tư tưởng chính trị ở Mỹ* (tiếng Anh), New-York, 1987

Digitized by Google

xem quy luật xã hội là quy luật mang *tính xu hướng* (khác với quy luật *dynamic* hay xác suất thống kê của tự nhiên). Mọi diễn biến lịch sử đều được thực hiện thông qua các cá nhân, tầng lớp với các ý muốn, lợi ích và trình độ hiểu biết, tài năng khác nhau, chồng chéo, thậm chí đối lập nhau. Không có gì diễn ra mà không qua ý chí và tư tưởng của các chủ thể hành động khác nhau. Nếu xét trong không gian càng rộng, thời gian càng dài thì quy luật chung chi phối các hoạt động của các cá nhân, tầng lớp sẽ bộc lộ càng rõ.

Xã hội có "nhiều trục tiến hóa", có vận động độc lập tương đối của nó như tư tưởng, đạo đức, tôn giáo, tri thức, truyền thống dân tộc..., nhưng không bao giờ các trục đó tự phát triển lên cao mãi, mà phải qua sự phát triển kinh tế để có các bước phát triển tiếp theo. Cuối cùng, tất cả các trục phát triển đó phải làm phát triển lực lượng sản xuất thì mới tạo ra sự phát triển xã hội nói chung được.

Quyết định luận xã hội từ trong quan niệm về hình thái kinh tế - xã hội phản ánh tính khách quan của lịch sử trong sự thống nhất với hoạt động có ý thức của các chủ thể riêng biệt ; phản ánh tính vật chất của sản xuất kinh tế trong sự thống nhất với vận động ý thức, tư tưởng, văn hóa của con người.

Ở đây không hề thiếu vắng nhân tố ý thức, nhân tố cá nhân, và thật sự đề cao các nhân tố đó như là những nhân tố năng động, tìm tòi, sáng tạo, thử - sai để tiếp cận và vận dụng quy luật khách quan. *Hiểu và vận dụng được quy luật khách quan càng nhiều thì tự do càng lớn, và ngược lại, phải qua môi trường tự do mà các quy luật khách quan được nhận thức và vận dụng*.

Có thể nói lý thuyết về hình thái kinh tế xã hội là lý thuyết về *con người hiện thực đang hoạt động sống và phát triển như thế nào trong sự thống nhất giữa cá nhân và xã hội, giữa tự do và tất yếu*.

2 - Chiếm hữu tư liệu sản xuất dẫn đến chiếm hữu và chi phối quyền lực chính trị. Lịch sử đương đại chưa có sự kiện gì để phản bác điều này.

Trước hết, chiếm hữu trong kinh tế có nhiều mặt, nhưng cuối cùng phải dẫn đến chiếm hữu tư liệu sản xuất trực tiếp hoặc gián tiếp - tức là chi phối được tư liệu sản xuất dưới các hình thức khác nhau trong cả một hệ thống kinh tế.

Thứ hai, ngày nay, ở các nước tư bản phát triển, nhân dân lao động đấu tranh ảnh hưởng đến quyền lực của giới chủ không ít. Nhưng, những quyền lực đó, dù có thích ứng với đòi hỏi của nhân dân thì nó vẫn nằm trong tay giới chủ và các tập đoàn tư bản lớn. Nhân dân vẫn phải sống trong sự chi phối quyền lực của tầng lớp chiếm hữu tư liệu sản xuất.

Thứ ba, dù cho ngày nay và sau này, quan hệ giữa người có sở hữu trí lực và sở hữu vốn không hẳn là quan hệ bóc lột đơn giản mà còn là quan hệ hợp tác phát triển, thì lại càng khẳng định lý thuyết hình thái kinh tế - xã hội, nghĩa là lực lượng sản xuất biến đổi thì quan hệ chiếm hữu phải biến đổi theo ; quan hệ chiếm hữu biến đổi thì chính trị tư tưởng cũng phải thay đổi tương ứng. Điều này nói lên sự diễn biến có tính quy luật và phương thức chuyển hóa hình thái kinh tế - xã hội, chứ không phải phản bác lý luận đó.

3 - Quan điểm về hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa là có cơ sở khoa học và thực tiễn. Lịch sử đương đại đang có các xu hướng phát triển cơ bản như : lao động trí tuệ hóa và cùng với nó là xu hướng hình thành các *nhân cách tự do* một cách phổ biến. *Xã hội hóa kinh tế* diễn ra dưới nhiều dạng khác nhau (tư nhân hóa cũng nằm trong quá trình xã hội hóa). *Nhà nước phải thực hiện các nhiệm vụ chung cho toàn xã hội* và vì toàn bộ các công dân, ngày càng nhiều hơn. *Quốc tế hóa đời sống nhân loại* thì các quốc gia dân tộc phải hợp tác, phụ thuộc lẫn nhau cùng phát triển.

Các xu hướng này hình thành trên cơ sở tất yếu của lực lượng sản xuất trí tuệ hóa. Các nước công nghiệp càng phát triển thì các xu hướng này càng hình thành mạnh mẽ, và sẽ tạo tiền đề cho sự ra đời của xã hội xã hội chủ nghĩa (giai đoạn đầu của hình thái kinh tế cộng

Digitized by Google

sản chủ nghĩa) mà các tác giả kinh điển mác xít đã dự đoán.

Hiện nay, *dù chưa thay đổi được bản chất của chế độ tư bản chủ nghĩa nhưng các xu hướng nói trên đang làm lay động đến tận chiều sâu bản chất của chế độ đó.* Một thứ chủ nghĩa tư bản thuần túy khó mà tồn tại được, nó đang buộc phải tự điều chỉnh để thích nghi. Những người mác xít phải biết làm phong phú thêm nội dung cụ thể của lý luận về hình thái kinh tế - xã hội. Để làm việc đó, theo chúng tôi, phải chú ý những vấn đề chính sau đây :

1 - Phải xem lao động trí lực rồi sẽ là lao động chiếm đa số và tạo ra nhiều giá trị nhất, tức sẽ là *lao động phổ biến và quyết định sự phát triển lịch sử xã hội.* Về lâu dài, phạm trù lực lượng sản xuất phải được định nghĩa theo hướng sản xuất theo chiều sâu, trong đó, lực lượng sản xuất cơ bản là con người lao động trí lực với công cụ sản xuất phổ biến là các phương tiện tin học hiện đại.

2 - Vận động của quan hệ giai cấp hiện nay rõ ràng sẽ không theo hướng phân hóa giai cấp triệt để (số ít rất giàu và đa số rơi vào bần cùng). Tầng lớp trung lưu ở nhiều nước phát triển hiện nay đã chiếm đến 60 - 70% dân số. Tầng lớp này càng nhiều thì xu hướng đấu tranh xã hội sẽ diễn ra nhiều khả năng, không phải chỉ theo hướng gay gắt dẫn đến bùng nổ cách mạng.

3 - Quá trình xã hội hóa sở hữu sẽ diễn ra đa dạng, có kinh tế quốc doanh, hợp tác, công ty cổ phần, các xí nghiệp tự quản của những người lao động v.v. cùng với các cơ chế phân phối lại thu nhập quốc dân, phúc lợi xã hội. Tất cả đều thực hiện theo hướng tạo điều kiện ban đầu đủ mức cần thiết cho mỗi cá nhân tự nỗ lực không ngừng trong học tập và lao động.

Lao động ngày nay về cơ bản vẫn là người làm thuê, phụ thuộc, còn bị chi phối trực tiếp bởi quan hệ chủ - thợ. Nhưng về lâu dài, lao động trí tuệ hóa phát triển ngày càng cao, quan hệ giữa người sở hữu *vốn* và người sở hữu *năng lực sáng tạo* - trí tuệ - không thể còn đơn thuần là quan hệ chủ - tớ, mà dần dần sẽ là quan hệ giữa hai loại chủ sở hữu trong sản xuất. Và lịch sử phát triển cao hơn nữa thì người sở hữu năng lực trí tuệ sẽ chiếm ưu thế, lúc bấy giờ lao động sẽ thật sự là người chủ toàn bộ đời sống xã hội từ tính tất yếu kinh tế. Có thể xem đây là một mặt cơ bản trong lôgíc vận động của quan hệ sở hữu trong thế kỷ tới. Điều này hoàn toàn khác với cách hiểu sở hữu tư nhân sẽ bị thay thế chỉ bằng sở hữu công cộng. Cần chú ý là *xã hội hóa* không đồng nhất với *công hữu hóa*. Hình thái kinh tế xã hội chủ nghĩa không phải chỉ có công hữu mà là thực hiện quá trình xã hội hóa đa dạng theo yêu cầu của phát triển sản xuất. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là khôi phục sở hữu của người lao động. Chính sở hữu tư nhân tư bản đã làm cho sở hữu tư nhân chỉ còn là sở hữu của thiểu số, còn đa số mất sở hữu. Nhưng để giải quyết điều đó, không phải xóa bỏ sở hữu tư nhân để lập ra chỉ một sở hữu chung. Từ yêu cầu phát triển sản xuất, buộc phải tạo ra sở hữu đa dạng và gắn sở hữu với cá nhân (lợi ích và trách nhiệm) dưới các dạng khác nhau. Lợi ích và động lực cá nhân dưới sự điều tiết của nhà nước, và với cả một hệ thống kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vị trí tạo cơ sở, điều hòa, hỗ trợ cho tất cả - là cơ sở hạ tầng kinh tế lâu dài cho sự phát triển chính trị tư tưởng.

4 - Từ lực lượng sản xuất tin học hóa và sự phát triển mạnh mẽ kinh tế dẫn đến quốc tế hóa đời sống nhân loại. Ngày nay, không một quốc gia dân tộc nào có thể phát triển được nếu đứng ngoài quan hệ quốc tế. Sức mạnh của một dân tộc không phải chỉ gồm những gì của riêng mình, mà còn phải có quan hệ với các dân tộc khác để tạo nên sức mạnh của mình. Ngay cả những nước đã có lực lượng kinh tế và công nghệ hùng hậu cũng phải thế, thậm chí càng phải thế. Các nước phát triển phải có sự phân công phối hợp lẫn nhau và phải có nguyên, nhiên liệu, thị trường và phân công lao động với các nước đang phát triển để có sự phát triển liên tục và tối ưu của mình. Các nước đang phát triển phải phối hợp lẫn nhau và tận dụng mọi quan hệ quốc tế để có vốn và công nghệ mới

Digitized by Google

từ các nước phát triển nhằm rút ngắn con đường tiếp cận đến nền văn minh đương đại.

5 - Với quan niệm về hình thái kinh tế - xã hội, thì đấu tranh giai cấp về chính trị giữ vị trí hết sức cơ bản trong cấu trúc thượng tầng. Nhà nước nào cũng là chuyên chính của một giai cấp. Điều đó ngày càng được chứng minh thêm chứ không mất đi. Nhưng, điều đó có lúc đã bị tuyệt đối hóa theo hướng chỉ xem chính trị thuần túy là quan hệ giai cấp, gạt bỏ quan hệ công dân và nhà nước, tính giai cấp nhiều khi bị cô lập khỏi tính dân tộc và tính nhân loại trong nhận thức và hoạt động hiện thực.

Đấu tranh giai cấp vẫn là một trong những vấn đề cơ bản của đời sống chính trị đương đại. Nói không còn đấu tranh giai cấp là nói vu vơ. Nhưng đấu tranh giai cấp không có mục đích tự nó, mà phụ thuộc vào yêu cầu phát triển sản xuất. Hòa bình, ổn định và phát triển với tốc độ cao là mệnh lệnh của thời đại, là yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất đương đại. Mọi vấn đề xã hội sẽ được giải quyết tối ưu trong quá trình đó. Đa số con người và mọi dân tộc hiện nay đều muốn sống như thế. Và đó cũng chính là bản tính công nhân trong đấu tranh xã hội hiện nay.

Vấn đề đấu tranh để hòa hợp, đoàn kết vì sự phát triển là xu hướng chung hiện nay. Trong hiện thực, người cộng sản phải tận dụng những khả năng có thể, đấu tranh chống lợi ích và quyền lực tư sản bóp méo xu hướng đó, chứ không phải gạt bỏ xu hướng đó.

6 - Chủ nghĩa tư bản dù có thích ứng gì đi nữa, thì cũng trong giới hạn bảo đảm lợi ích và quyền lực của giới chủ. Không thể có ảo tưởng về "nhà nước xã hội" thật sự ở các nước phương Tây. Tất cả đều có sự chi phối của quyền lực tư sản từ kinh tế đến chính trị, từ quốc hội đến hành pháp, tư pháp, từ văn hóa đến thông tin, báo chí v.v.. Cuối những năm 80 và đầu những năm 90 này không thiếu gì sách báo của chính phương Tây vạch ra điều đó. Nhà nước vẫn là nhà nước chuyên chính tư sản, khó có ai xen vào chia sẻ được quyền lực giai cấp của giới chủ được cả. Ảo tưởng về một "nhà nước xã hội" thuần túy trong xã hội tư bản là ngây thơ về chính trị, nhưng không thấy mặt xã hội của nhà nước phải thực hiện ngày càng nhiều là không thấy đúng hiện thực trong chính thể đang có.

Phải chăng đây là một quá trình cái mới đang hình thành, xâm nhập, tấn công sâu vào bản chất của nhà nước tư sản và dần dần sẽ dẫn đến việc chuyển chất lượng dưới một hình thức nào đó mà hiện chúng ta chưa đủ điều kiện thực tế để xác định.

Tuy không xóa bỏ kinh tế tư nhân, nhưng làm mất sự chi phối của một "giai cấp giàu có tham lam", chuyển biến từ một xã hội bất đa số người sống phụ thuộc vào lợi ích và quyền lực của thiểu số người thành xã hội của mọi cá nhân tự do, của hệ thống kinh tế và chính trị từ con người và vì con người. *Nền văn minh trí tuệ đang hình thành chính là sự thúc đẩy cho sự chuyển biến đến một hình thái kinh tế xã hội như thế.*

II

Có ý kiến cho rằng, theo lý thuyết về hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác, thì nước ta hiện nay không có điều kiện đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là một lối tư duy so sánh hình thức, không gắn với lịch sử cụ thể.

Trước hết, lý thuyết hình thái kinh tế - xã hội là một phạm trù *trừu tượng hóa* vạch ra cấu trúc cơ thể và các quy luật chung nhất của vận động xã hội. Trong đó, vừa có tính chỉnh thể lịch sử nhân loại, vừa có sự tương tác của rất nhiều yếu tố cụ thể của từng quốc gia dân tộc và thời đại. Không có cái chung nào tồn tại ngoài cái riêng. Và do đó, mỗi quốc gia dân tộc thể hiện cái chung qua những hoàn cảnh cụ thể của mình. Những nấc thang tự nhiên của hình thái kinh tế - xã hội không phải quốc gia dân tộc nào cũng phải tuần tự trải qua. Lịch sử loài người đã chứng tỏ điều đó. Các chế độ xã hội hình thành và phát triển chính là do sự tác động qua lại giữa lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và chính trị tư tưởng trên quy mô dân tộc và thời đại lúc đó. Có thể kể ra hàng loạt yếu tố khác tham gia tác động vào đó, nhưng về cơ bản là từ các mặt trên chi phối. Việc bỏ qua

Digitized by Google

một số hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử của nhiều dân tộc là một khả năng thực tế được tạo nên do chính các quy luật chung nhất của vận động lịch sử cùng tác động trên một quy mô đã được vạch ra trong lý luận về hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác. Tách cái trừu tượng khỏi cái cụ thể là một thứ tư duy hình thức thuần túy, do đó không hiểu đúng ý Mác.

Thứ hai, Lê-nin đã khẳng định rằng, quy luật chủ yếu không phải ở trật tự trước, sau, mà là quan hệ tác động qua lại. Do đó, nếu ở một nước lực lượng sản xuất phát triển chưa cao, nhưng trong những tác động chung của thời đại và hoàn cảnh chính trị trong nước cho phép, nhân dân lao động có thể nắm lấy chính quyền, và từ chính quyền đó có thể tạo ra các điều kiện văn minh để hình thành chế độ mới. Ở đây Lê-nin không hề nói chủ nghĩa xã hội có thể ra đời trên cơ sở lực lượng sản xuất thấp kém, hay nói xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trước không cần căn cứ vào trình độ lực lượng sản xuất. Điều chủ yếu phải hiểu tư tưởng của Lê-nin là :

+ Quyền lực chính trị không phải là nguyên nhân, là điều quyết định xét đến cùng, nhưng là sức mạnh tập trung của một giai cấp để lãnh đạo, quản lý điều tiết toàn bộ xã hội theo một mục đích nào đó. Có được chính quyền rồi sẽ có tất cả, nếu được vận dụng đúng đắn. "Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế, do đó chính trị không thể không ưu tiên so với kinh tế".

+ Khi có quyền lực, nhà nước có thể điều tiết, quản lý lại tất cả các quá trình kinh tế - xã hội sao cho sự tác động qua lại giữa lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, chính trị tư tưởng hài hòa và phát triển một cách tối ưu theo sự chi phối lợi ích của toàn xã hội và nhân dân lao động.

+ Muốn có được chủ nghĩa xã hội với tư cách là một hình thái kinh tế - xã hội mới, phải có giai đoạn quá độ và nhiều bước quá độ cụ thể khác nhau để hình thành được lực lượng sản xuất hiện đại hóa, quan hệ sản xuất xã hội hóa và hệ thống chính trị do nhân dân lao động làm chủ.

Thứ ba, theo Lê-nin, những nước còn ở trình độ phát triển quá thấp muốn quá độ lên chủ nghĩa xã hội phải có *ba* điều kiện : có một số nước phát triển hoặc tương đối phát triển xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, có kinh nghiệm và nguồn tài trợ vật chất từ đấy, và có đảng cộng sản vững mạnh cầm quyền. Dựa vào ý kiến này, có người cho rằng các điều kiện đó hiện nay không còn đủ, nên nước ta không thể đi lên chủ nghĩa xã hội được. Họ không thấy được trong thực tế mấy năm qua nước ta đã giải quyết thành công các điều kiện trên bằng những mối quan hệ quốc tế mới cả về vật chất lẫn trí tuệ. Tri thức để xây dựng chủ nghĩa xã hội không chỉ từ bài học của mình, mà từ cả những giá trị chung của nhân loại đã đạt được trong nền văn minh đương đại.

Chúng ta khẳng định nước ta đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, định hướng xã hội chủ nghĩa, hoặc nói một cách chung nhất, đó là xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh với hàm ý là :

+ Lợi ích xã hội, lợi ích của nhân dân lao động là cái chi phối, là động lực chung nhất của sự phát triển. Khác với việc để cho thiểu số giàu có tự do kinh doanh, còn tất cả đều phụ thuộc.

+ Chủ nghĩa xã hội lo đến từng cá nhân, làm cho từng cá nhân có điều kiện ban đầu để tự khẳng định và phát triển. Chủ nghĩa xã hội là môi trường tự do cho cá nhân. Vấn đề tự do, dân chủ *chân thật* sẽ là một trong những vấn đề cơ bản nhất để hình thành và phát triển chủ nghĩa xã hội.

+ Nhân dân lao động nắm quyền lực chính trị không chia sẻ với ai cả, cũng như trong các nước càng tư bản thì giai cấp tư sản càng nắm quyền triệt để không chia sẻ với ai đại diện nhân dân lao động cả.

+ Tất cả hướng vào phát triển khoa học, sản xuất ; phát triển với tốc độ cao, phát triển từ con người và vì con người.

Ít nhất, đó là những điều chủ yếu mà chúng ta quan niệm về chủ nghĩa xã hội, còn lại, lịch sử sẽ dạy cho ta thêm những hiểu biết mới.

Digitized by Google

ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CẤP ỦY CÁC CẤP

NGUYỄN KIM ĐỈNH*

NGHỊ quyết Trung ương 3 (khóa VII) về xây dựng Đảng đã đề cập nhiều vấn đề về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, trong đó có vấn đề nâng cao chất lượng cấp ủy các cấp. Trong phạm vi bài này, chúng tôi xin góp thêm một số ý kiến nhằm thực hiện có hiệu quả vấn đề nêu trên.

Cấp ủy mỗi cấp là do đại hội đảng bộ cấp đó bầu ra để điều hành công việc giữa hai nhiệm kỳ của đại hội đảng bộ. Là người tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng và đảng bộ nơi mình được bầu ra, cấp ủy phải tiêu biểu cho đảng bộ về mọi mặt, nhất là về kiến thức, năng lực và phẩm chất, có khả năng đóng góp vào việc xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết của đảng bộ.

Trong một thời gian dài, do hoạt động trong cơ chế kế hoạch tập trung bao cấp, không ít tổ chức trong hệ thống chính trị thường đông người, cồng kềnh, hoạt động thụ động, cho nên khi chuyển sang cơ chế thị trường, có nơi có tổ chức đã trở thành trì trệ, quan liêu, kém hiệu lực. Cấp ủy ở một số nơi cũng khó tránh khỏi tình trạng đó. Do quan niệm cấp ủy cần đủ người nắm tất cả các ban, ngành, địa phương, các lĩnh vực và các giới, các cấp ủy viên phải có mặt ở mọi nơi để có thể chỉ đạo theo kiểu "cầm tay chỉ việc"... nên cấp ủy thường đông người. Khi cần tinh gọn, bớt ai cũng khó, vì ban, ngành, địa phương, đơn vị nào cũng cho mình là quan trọng. Cơ cấu theo mô hình này, chất lượng cấp ủy không cao còn do trình độ, năng lực các cấp ủy viên không đồng đều, cách suy nghĩ và xử lý các vấn đề không dễ thống nhất.

Trong thực tế, có cấp ủy viên không phát huy được tác dụng, cả nhiệm kỳ không có được một ý kiến đóng góp đáng kể xây dựng chủ trương, nghị quyết của cấp ủy. Số đồng chí này thường rơi vào các trường hợp "cơ cấu", trình độ thấp, không am hiểu đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, nên không có khả năng đóng góp vào quá trình ra nghị quyết của cấp ủy và cũng không có năng lực lãnh đạo tổ chức đảng viên và quần chúng thực hiện nghị quyết.

Với cơ cấu cấp ủy theo các chức danh đầu ngành, thì ở các cấp ủy quận, huyện, thị, tỉnh và thành phố, có thể nói, hầu hết các trưởng ban, ngành, giám đốc các sở đều có mặt trong cấp ủy. Vì hằng ngày phải tập trung vào công việc chuyên môn, vào nhiệm vụ mà cơ quan quản lý kinh tế, quản lý nhà nước giao cho, các đồng chí này khó mà thể hiện được tốt vai trò của một cấp ủy viên. Cũng vì vậy, mỗi khi cấp ủy họp, các đồng chí này thường chỉ làm công việc phản ánh tình hình, kể lể thành tích của cơ quan, đơn vị, ngành hoặc địa phương... do mình phụ trách, làm cho cuộc họp kéo dài mà hiệu quả thấp. Qua một số hội nghị cấp ủy mà chúng tôi có dịp theo dõi, số ý kiến của các cấp ủy viên phát biểu đúng yêu cầu và có chất lượng thường chỉ chiếm khoảng từ 30 đến 40%.

Nếu số đông cấp ủy viên trình độ, năng lực không tương ứng với yêu cầu nhiệm vụ, thì các quyết định của cấp ủy dễ rơi vào duy ý chí, thiếu cơ sở khoa học. Ở đơn vị nào mà cán bộ chủ chốt là đồng chí có quá trình lâu năm nhưng trình độ, năng lực hạn chế thì cũng dễ có tình trạng áp đặt ý kiến không đúng. Ở những nơi mặt bằng trí tuệ tập thể cấp ủy không đồng đều, cũng dễ xảy ra mất đoàn kết, do tư duy và quan điểm khác nhau. Trình độ cấp ủy thấp, còn không phát huy được chất xám của đội ngũ trí thức. Chúng tôi thường nghe một số cán bộ lãnh đạo địa phương phàn nàn là anh chị em cán bộ khoa học về công tác không làm

* Chuyên viên cao cấp Ban tổ chức trung ương (Bộ phận phía nam, TP Hồ Chí Minh)

Digitized by Google

được việc. Qua theo dõi một số nơi, chúng tôi thấy không hoàn toàn như vậy. Phần lớn trường hợp họ không làm được việc là do trình độ, năng lực cán bộ lãnh đạo ở những nơi đó hạn chế, không đồng tầng tư duy với anh chị em, nên không tiếp nhận và thẩm định được những ý kiến họ đề xuất, không có khả năng giao việc thích hợp cho họ. Chẳng những ngại tiếp xúc với cán bộ khoa học, có đồng chí phụ trách còn định kiến, tìm cách cho họ chuyển công tác. Về phía anh chị em, nếu không tự kiềm chế, cũng dễ dẫn đến bất mãn, hư hỏng. Có đồng chí phụ trách khối công việc phải quản lý vài chục kỹ sư ở các ngành nghề khác nhau mà chỉ có trình độ văn hóa lớp 7, nên chỉ biết phân công họ theo dõi, đôn đốc việc thu mua nông sản, thu thuế hoặc các công việc có tính chất thời vụ khác. Vì không được giao việc gì cần đến kiến thức chuyên môn đã học ở trường, nên chỉ sau một thời gian ngắn, số đông anh chị em trí thức trẻ tuổi này đã ngả mũ xin chào, chia tay với vị thủ trưởng của mình, mặc dù không ít công việc ở đây rất cần đến họ. Thật đúng như một nguyên lý của khoa học tổ chức đã nêu : người đứng đầu một tổ chức mà trình độ, năng lực và phẩm chất kém hơn người dưới quyền, thì sẽ phá hoại tổ chức đó.

Một nhược điểm nữa của một số cấp ủy hiện nay là việc xây dựng nghị quyết còn theo nếp cũ. Kết cấu, nội dung nghị quyết trước sau hầu như không thay đổi ; nhiều quyết định không phù hợp với điều kiện mới. Gần như nghị quyết nào cũng giống nghị quyết nào ; nghị quyết nào cũng có những mục đại loại như : đặc điểm tình hình ; mục đích, yêu cầu ; phương châm định hướng ; nguyên nhân tồn tại và thuận lợi khó khăn... Văn phong thì dài dòng ; định hướng không rõ ràng ; thông tin vừa thiếu vừa không chính xác ; thường không đi thẳng vào những vấn đề cần giải quyết ; giải pháp thường chung chung, thiếu tính khả thi. Có thể nói, nghị quyết ấy đem đặt ở đơn vị nào, địa phương nào cũng có thể được, chỉ cần thay đổi tên đơn vị, tên địa phương...

Cùng với việc nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường thì các quy luật như quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh và quan hệ tiền - hàng... cũng bắt đầu phát huy tác dụng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Điều đó đòi hỏi mọi tổ chức phải có hình thức, phương pháp, trình độ và năng lực thích hợp, nếu không khó tránh khỏi bị đào thải. Để thích nghi với môi trường mới, các cấp ủy cần tinh gọn theo phương châm "thà ít mà tốt", như Lê-nin đã nói. Về số người tham gia cấp ủy các cấp khóa tới, theo tôi nghĩ, nên giảm khoảng 30% so với số lượng tối đa quy định cho cấp ủy các cấp hiện nay. Muốn vậy, đương nhiên, phải nâng cao chất lượng các cấp ủy viên.

Có nhiều giải pháp để thực hiện giảm số lượng cấp ủy viên và nâng cao chất lượng cấp ủy các cấp. Nhưng theo tôi, trước hết cần xây dựng cấp ủy theo mô hình mới : cơ cấu *theo khối*, chứ không theo các chức danh đầu ngành như trước đây. Cụ thể như sau :

1 - *Đối với cấp tỉnh, thành phố* :

Có thể chia thành 10 khối : khối đảng ; khối đoàn thể ; khối các ngành sản xuất (công nghiệp, giao thông, bưu điện, xây dựng...) ; khối nông nghiệp (nông, lâm, ngư nghiệp) ; khối lưu thông phân phối (thương mại, dịch vụ và du lịch...) ; khối các cơ quan quản lý (tài chính, ngân hàng, giá cả, thuế, kế hoạch...) ; khối chính quyền ; khối nội chính ; khối lực lượng vũ trang ; khối quận, huyện, thị và thành phố trực thuộc (không cơ cấu khối các đơn vị cơ sở xã, phường).

2 - *Đối với cấp quận, huyện, thị và thành phố trực thuộc tỉnh* :

Chia làm 7 khối : khối đảng ; khối đoàn thể ; khối kinh tế (sản xuất, lưu thông và dịch vụ) ; khối các cơ quan quản lý ; khối chính quyền ; khối nội chính ; khối các lực lượng vũ trang ; khối các cơ sở phường, xã.

3 - *Đối với cấp phường, xã* :

Chia làm 5 khối : khối đảng ; khối đoàn thể ; khối chính quyền ; khối các lực lượng vũ trang ; khối phố và thôn ấp.

4 - *Đối với các doanh nghiệp nhà nước* :

Chia làm 5 khối : khối đảng (chuyên trách và kiêm nhiệm) ; khối đoàn thể (chuyên trách và kiêm nhiệm) ; khối các cơ quan quản lý ; ban giám đốc ; khối các phân xưởng, cửa hàng. (Không cơ cấu công nhân trực tiếp sản xuất).

5 - *Đối với các đơn vị sự nghiệp* :

Chia làm 5 khối : khối đảng (chuyên trách và kiêm nhiệm) ; khối các đoàn thể (chuyên trách

Digitized by Google

và kiêm nhiệm) ; khối chính quyền ; khối các cơ quan quản lý ; khối các khoa, các lớp học.

6 - *Đối với các đơn vị hành chính* :

Chia làm 5 khối : khối đảng (chuyên trách và kiêm nhiệm) ; khối đoàn thể (chuyên trách và kiêm nhiệm) ; khối chính quyền ; khối các vụ, phòng ban chuyên môn ; khối văn phòng và hành chính quản trị.

Tùy theo quy mô của từng đơn vị, Trung ương sẽ quyết định số lượng chung cho từng cấp.

Cấp ủy các cấp phân bổ số lượng dự kiến ban đầu ; đại biểu các khối tự lựa chọn người tiêu biểu của mình, giới thiệu với cấp ủy cùng cấp để tổng hợp, xem xét lập thành danh sách chung, trình ra đại hội lựa chọn bầu cử ; các khối nên giới thiệu số dư để dễ lựa chọn.

Song song với việc đổi mới cơ cấu cấp ủy, cần cải tiến chế độ hoạt động theo hướng kết hợp chế độ báo cáo với việc định kỳ cấp ủy cấp trên làm việc trực tiếp với các cấp ủy cấp dưới. Phương thức này có mấy điều lợi :

+ Buộc cấp dưới phải hoạt động và thực hiện đúng nội dung yêu cầu và bảo đảm tiến độ công việc theo kế hoạch, phải nắm được những thông tin cần thiết để làm việc với lãnh đạo cấp trên.

+ Cấp trên nắm được kịp thời và đồng bộ những thông tin cần thiết để xử lý trong quá trình lãnh đạo.

+ Những thiếu sót lệch lạc của cấp dưới được phát hiện và uốn nắn kịp thời ; tránh được những tổn thất, sai lầm nghiêm trọng.

+ Có điều kiện phát hiện những nhân tố mới để phát huy và nhân ra diện rộng.

+ Lãnh đạo cấp trên gần gũi và am hiểu cán bộ cấp dưới nên việc bố trí, sử dụng họ hợp lý hơn.

Trong điều kiện các phương tiện thông tin còn thô sơ, chưa có hệ thống máy vi tính xuyên suốt đến cơ sở thì đây là phương pháp làm việc tối ưu. Trong thực tế, cấp ủy nào áp dụng phương pháp này, hiệu quả lãnh đạo đều cao hơn. Việc xây dựng nghị quyết của cấp ủy cần được cải tiến theo hướng của một cơ quan chấp hành, nghĩa là cụ thể hóa đường lối, nghị quyết của Đảng vào cấp mình thế nào cho phù hợp để có thể thực hiện. Đối với phần liên quan đến lĩnh vực *kinh tế - xã hội*, do còn phải thông qua cơ quan nhà nước các cấp tổ chức thực hiện, nên chỉ cần xây dựng định hướng và mục tiêu phát triển ; các cơ quan nhà nước cùng cấp sau đó sẽ cụ thể hóa thành kế hoạch kinh tế - xã hội và tổ chức thực hiện. Còn phần *xây dựng Đảng* thì đảng bộ phải trực tiếp làm, do vậy phải xây dựng cho được các chỉ tiêu và các giải pháp cụ thể, lượng hóa các nhiệm vụ của đảng viên và đảng bộ, bảo đảm cơ sở hiện thực. Cải tiến nội dung các quyết định theo hướng ngắn gọn, cắt bỏ các phần thừa, đi thẳng vào các vấn đề cần đề cập. Khác với nghị quyết của Trung ương Đảng, nghị quyết của các cấp ủy không thể dừng ở mức định hướng như Trung ương, nó phải vừa bảo đảm tính định hướng phù hợp, vừa mang tính cụ thể, khả thi.

Cùng với việc đổi mới cơ cấu cấp ủy, cần lượng hóa tiêu chuẩn các cấp ủy viên ở từng cấp để tạo tiền đề nâng cao chất lượng cấp ủy. Ví dụ : các ủy viên cấp tỉnh, thành phố rất cần có trình độ văn hóa đại học và các kiến thức khác để có thể làm tròn nhiệm vụ được giao. Hiện nay, một số tỉnh, thành phố, quận, huyện ở phía bắc đã quy định các cấp ủy viên phải có trình độ văn hóa đại học (cấp ủy viên một số tỉnh như Quảng ninh, Thái bình... đã đạt được trình độ này), trình độ lý luận cao cấp, phải qua các lớp về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, và phải biết ít nhất một ngoại ngữ. Các tỉnh, thành phố phía nam thì đang phấn đấu để các cấp ủy viên ít nhất cũng phải đạt trình độ văn hóa hết cấp 3, trình độ lý luận cao cấp, phải qua các lớp về quản lý kinh tế và quản lý nhà nước. Nhiều doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị sự nghiệp đã quy định các chi ủy viên, đảng ủy viên phải có trình độ văn hóa đại học, trình độ lý luận từ trung cấp trở lên, phải am hiểu về quản lý kinh tế, về quản lý giáo dục đào tạo và khoa học, phải biết ít nhất một ngoại ngữ, v.v..

Nhìn chung, cấp ủy nào có trình độ được lượng hóa phù hợp với nhiệm vụ, được cơ cấu lại *theo khối* và phương thức hoạt động có sự đổi mới cần thiết, thích nghi được với cơ chế thị trường, thì sẽ có khả năng lãnh đạo thực hiện thành công đường lối đổi mới của Đảng, đưa các nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Digitized by Google

CẦN THƠ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - đường đi và nơi đến

VÕ HOÀNG XINH *

CÙNG với quá trình tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp, nhất là khi tiếp nhận Nghị quyết Trung ương 5 về nông nghiệp, nông dân và nông thôn Cần thơ càng thôi thúc, đòi hỏi công nghiệp phải tiến nhanh hơn mới có điều kiện phục vụ cho nông nghiệp nói riêng và đưa nền kinh tế - xã hội chung của tỉnh phát triển vững chắc. Điều này cho thấy rất rõ việc Cần thơ ra sức phấn đấu để đạt được sản lượng lúa cao nhất như hiện nay là một quá trình đầy cam go, thử thách, nhưng vẫn chưa làm cho xã hội nông thôn nói riêng và tỉnh Cần thơ nói chung có những đổi thay như mong muốn. Thực tế khách quan đó đòi hỏi, đúng như một số đồng chí lãnh đạo ở Trung ương về thăm tỉnh đã góp ý chân tình : "Đến lúc Cần thơ phải suy nghĩ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất mới phát huy được thế mạnh của một tỉnh nông nghiệp, mới sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, sớm vươn lên xứng đáng với vị trí của Cần thơ...". Cũng vì vậy, sau khi tham khảo, lấy ý kiến rộng rãi cán bộ ở các cấp, các ngành, nhất là cán bộ khoa học kỹ thuật ở Quân khu 9, ở Trường đại học Cần thơ, Viện lúa đồng bằng sông Cửu long, sau khi Thường trực Tỉnh ủy và Thường trực Uỷ ban đi tham quan nghiên cứu ở thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh bạn, vào giữa tháng 11-1993 Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết 03 về tiếp tục đổi mới và phát triển công nghiệp địa phương.

Công nghiệp Cần thơ đang ở vị trí nào ?

Những năm trước giải phóng, Cần thơ từng có một số cơ sở công nghiệp (điện, cơ khí, nước đá, nước ngọt, rượu bia...) và bước đầu hình thành "khu kỹ nghệ Tây đô", lao động công nghiệp xuất hiện sớm. Sau giải phóng một vài năm, các cơ sở công nghiệp vẫn duy trì hoạt động. Đặc biệt, từ sau Nghị quyết Đại hội VI và VII của Đảng, với chính sách và cơ chế mới, công nghiệp Cần thơ đã được củng cố, đổi mới một phần máy móc, thiết bị công nghệ. Đồng thời với việc cải sửa này, Cần thơ sớm mở rộng hợp tác đầu tư liên doanh với nước ngoài và xây dựng thêm một số cơ sở có quy mô lớn hơn, kỹ thuật tiên tiến hơn. Các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp cũng đa dạng hơn. Hiện nay, ngoài các cơ sở công nghiệp của địa phương (chế biến nông sản, thủy sản, thực phẩm, hóa chất, vật liệu xây dựng, may mặc, thủ công mỹ nghệ...), còn có một loạt cơ sở của trung ương (Nhà máy điện Trà nóc, Xí nghiệp sửa chữa máy kéo, các công ty xây dựng và thủy lợi miền Tây, sông Hậu và nhiều nhà máy, xí nghiệp quốc phòng Quân khu 9) đóng trên địa bàn Cần thơ. Tuy các cơ sở đó có sự phân cấp quản lý khác nhau, nhưng vì nằm trên cùng một địa bàn tỉnh, vừa có sự tương tác nội bộ ngành, vừa có khả năng mở rộng quan hệ với khu vực và cả nước, nên công nghiệp Cần thơ có rất nhiều thuận lợi để phát triển. Những năm qua, tốc độ tăng trưởng bình quân của công nghiệp Cần thơ là 6%/năm. Công nghiệp quốc doanh nắm ngành hàng và mặt hàng quan trọng, tốc độ tăng trưởng bình quân là 18%/năm, chiếm 39% giá trị sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và 32,5% sản lượng nông, công nghiệp toàn tỉnh. Nếu lập đồ thị phát triển thì sẽ thấy công nghiệp Cần thơ biến đổi theo chiều hướng tăng dần tỷ trọng trong nền kinh tế của địa phương.

Tuy nhiên, công nghiệp Cần thơ phát triển như vậy vẫn là chậm ; nó chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất, kỹ thuật yếu kém, công nghệ lạc hậu, hiệu quả kinh tế thấp. Trong 16 ngành công nghiệp đang hoạt động ở

★ Phó bí thư Tỉnh ủy Cần thơ

Digitized by Google

tinh chúng tôi thì chế biến lương thực, thực phẩm chiếm tới 55%, còn sản xuất thiết bị máy móc mới chiếm 6,9% giá trị sản lượng toàn ngành công nghiệp. 87,6% sản phẩm công nghiệp là hàng tiêu dùng ; tỷ trọng hàng công nghiệp xuất khẩu gần như không đáng kể. Công nghiệp cơ khí sửa chữa lúc đầu phát huy khá tốt nhưng sau quá khó khăn. Thực trạng công nghiệp Cần thơ như vậy là do đâu ? Nguyên nhân sâu xa là do nhận thức và năng lực của cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chưa ngang tầm nhiệm vụ. Chủ trương, chính sách cơ chế của nhà nước có một số mặt chưa phù hợp (như vấn đề cho vay vốn, thuế...), nên vô tình kìm hãm sản xuất. Giữa các xí nghiệp của trung ương với địa phương trên cùng địa bàn, về nhiều phương diện chưa có sự điều tiết hợp lý, nên dẫn đến cạnh tranh thiếu lành mạnh, triệt tiêu lẫn nhau, rốt cuộc nhà nước là người bị thiệt. Nguyên nhân trực tiếp là do bộ máy quản lý ngành yếu kém kéo dài, chậm được củng cố. Tâm lý ỷ lại của thời bao cấp vẫn còn nặng nề trong các xí nghiệp quốc doanh ; khả năng thích ứng với cơ chế thị trường dưới sự quản lý của nhà nước rất yếu. Tình trạng lãng phí máy móc, nhà xưởng, lao động trong công nghiệp còn lớn. Sản phẩm chất lượng thấp, giá thành cao, chưa có thị trường ổn định. Tất cả các nguyên nhân nói trên dẫn đến tình trạng mà chúng ta đã thấy : nhiều xí nghiệp thua lỗ kéo dài, một số cán bộ đảng viên mắc sai lầm, công nhân thất nghiệp hoặc đời sống sa sút.

Có thể nói, khi Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy ra đời thì công nghiệp Cần thơ còn ở vị trí chưa nổi rõ, tuy nhiên thuận lợi cho sự phát triển thì đã có.

Bắt đầu từ đâu ?

Chúng tôi tự xác định rằng, dù muốn hay không, cũng phải thừa nhận Cần thơ không thể giàu lên từ nông nghiệp, và càng không phải từ cây lúa. Chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp có thể làm cho Cần thơ giảm nghèo, nhưng tính chuyện làm giàu thì không thể bỏ qua khả năng công nghiệp. Vì vậy, Tỉnh ủy khẳng định đã đến lúc phải đẩy mạnh công nghiệp hóa và từng bước hiện đại hóa sản xuất nhằm thúc đẩy kinh tế địa phương tăng trưởng nhanh hơn. Trong thực tế, khi phân tích các yếu tố liên quan tới việc củng cố và phát triển công nghiệp, phải xác định "Bắt đầu từ đâu ?" thì không ít cán bộ tỏ ra ngần ngại, hoặc ít nhất cũng cảm thấy lúng túng. Đó là một thực tế bắt nguồn từ một quá khứ không lấy gì làm suôn sẻ của công nghiệp địa phương. Nhưng điều này có thể lý giải được, bởi thực tiễn sản xuất, dù bất cứ ở đâu và thời đại nào, đâu phải là con đường bằng phẳng. Vấn đề của những người trong cuộc là làm sao nhìn đúng và chọn đúng lối đi, còn nhanh hay chậm thì lại tùy thuộc vào tài nghệ của những người điều hành kinh tế, trực tiếp và gián tiếp. Tất nhiên, xóa được băn khoăn, tháo gỡ được một thói quen không còn phù hợp trong cách nhìn và quan niệm phát triển kinh tế chẳng phải là việc làm trong ngày một, ngày hai.

Như trên đã nói, để Nghị quyết 03 khi ra đời có sức thuyết phục cao, Tỉnh ủy đã chuẩn bị rất kỹ, tham khảo rất nhiều ý kiến có thẩm quyền. Tuy vậy, khi ra đời, nghị quyết chưa phải đã dễ dàng được tất cả cán bộ chủ chốt ở địa phương tiếp nhận. Cái gút mắc ở chỗ : là một tỉnh nông nghiệp, kinh phí còn khó khăn, Cần thơ sao không dốc sức vào việc "xóa đói, giảm nghèo" ở nông thôn, lại tính chuyện phát triển công nghiệp, một lĩnh vực sản xuất phải đầu tư quá lớn ? Vì vậy chúng tôi phải làm cho đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành thông suốt về quan điểm kinh tế tổng hợp, và đặc biệt phải tìm cho ra đòn bẩy lợi ích trong cơ cấu kinh tế ở địa phương. Tỉnh ủy Cần thơ đã quán triệt trong đội ngũ đảng viên quan điểm sau đây : muốn giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn ở Cần thơ, nhất thiết phải phát triển công nghiệp vốn là một ưu thế của địa phương.

Nói tóm lại, muốn phát triển công nghiệp, Cần thơ phải bắt đầu từ nhận thức, từ sự thông hiểu về quan điểm phát triển kinh tế ở địa phương, mà đứng đầu là một cấp ủy đoàn kết, thống nhất ý kiến và đầy đủ bản lĩnh. Dẫu sao thì trong suy nghĩ của mỗi người không phải đã hết nỗi ám ảnh của một thời kỳ công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp quốc doanh phát triển không lấy gì là suôn sẻ. Nhưng

Digitized by Google

với trách nhiệm của mình, chúng tôi tự thấy không thể né tránh, buông trôi ; trái lại, phải nhìn rõ thực trạng và mạnh dạn xông vào sửa đổi, dù có nơi, có việc, gần như phải làm lại từ đầu.

Làm như thế nào ?

Tỉnh ủy chúng tôi chỉ rõ, trước hết là phải quy hoạch lại công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh. Xác định rõ đâu là yêu cầu trước mắt, đâu là lâu dài, để tính toán các giải pháp cho phù hợp. Quy hoạch phát triển công nghiệp ở Cần thơ phải gắn chặt với chiến lược phát triển kinh tế và quy hoạch tổng thể của tỉnh ; nhất là thành phố Cần thơ, đô thị loại II, thị trấn Vị Thanh và các thị trấn, các cụm kinh tế - xã hội, chợ nhỏ nông thôn, đến năm 2000 - 2010 phải chấm dứt cho được tình trạng "chân phải đá chân trái" trong hoạt động kinh tế nói chung và trong hoạt động công nghiệp nói riêng trên địa bàn tỉnh. Bước đi phải đồng bộ, có hiệu quả từ sản xuất đến kinh doanh. Có thể chỉ đạo và điều hành việc phát triển công nghiệp ở Cần thơ theo 4 định hướng sau :

1 - Sắp xếp lại và củng cố công nghiệp quốc doanh theo đúng vị trí, vai trò của nó trong nền kinh tế của tỉnh. Đơn vị nào thực sự làm ăn có hiệu quả và tiếp tục phát huy được vai trò thì ưu tiên đầu tư, tạo điều kiện cho phát triển. Đơn vị nào thực sự đã "chết" thì phải tìm mọi cách giải quyết, không vì bất cứ lý do nào mà kéo dài mãi sự thua lỗ, lãng phí.

2 - Khuyến khích công nghiệp ngoài quốc doanh phát triển dưới các hình thức : doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, hợp tác xã, tổ hợp tác, tiểu chủ v.v., bằng các chủ trương, chính sách cụ thể như : cho vay vốn, giúp đỡ về kỹ thuật, bảo vệ quyền lợi hợp pháp về sản xuất, kinh doanh và tài sản, tạo điều kiện cho tiếp cận với thông tin khoa học, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất trong và ngoài nước.

3 - Đẩy mạnh hợp tác đầu tư liên doanh trong và ngoài nước để xây dựng các khu công nghiệp, nhất là các khu chế xuất, về vật liệu xây dựng, hóa chất, cơ khí, điện, điện tử, tin học... Để công việc trôi chảy, phía địa phương cần khẩn trương chuẩn bị cơ sở hạ tầng, đội ngũ cán bộ thực hành và quản lý, hoàn chỉnh luận chứng kinh tế - kỹ thuật các dự án gọi đầu tư, tạo môi trường thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đến hợp tác, đầu tư ngày càng nhiều.

4 - Khôi phục và mở rộng các ngành nghề truyền thống. Khích lệ hoạt động sản xuất kinh doanh tiểu, thủ công nghiệp nhất là ở vùng nông thôn, nhằm tạo ra nguồn hàng tiêu dùng lớn hơn cho người lao động. Làm tốt việc này còn có khả năng thu hẹp dần khối lượng người thất nghiệp ở thành thị và lao động dư thừa trong nông thôn.

Những định hướng chỉ đạo và điều hành việc phát triển công nghiệp ở Cần thơ như trên, thật ra không mới. Cốt lõi của thắng lợi là ở chỗ đã làm thì làm kiên quyết, triệt để và nhất quán. Và điều này phải được thể hiện rất cụ thể bằng các chính sách như : đầu tư và tín dụng, khoa học và công nghệ, thông tin, tiếp thị, thuế và tiêu thụ sản phẩm v.v..

Như vậy, chúng tôi đã lý giải tất cả những gì liên quan đến sự ra đời và nội dung Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy. Để biến nghị quyết đó thành hiện thực, chúng tôi chắc chắn sẽ phải phấn đấu liên tục, khắc phục không ít cam go. Trước mắt, phải giải quyết vấn đề *vốn* . Phát triển công nghiệp thì lợi nhuận lớn và nhanh hơn nông nghiệp nhiều, nhưng đầu tư thì cũng rất lớn. Có lẽ đó là "đòn cân não" và thử thách gay gắt nhất của Cần thơ khi thực hiện nghị quyết này. Nhưng thấy được trở ngại này, Cần thơ sẽ chủ động tháo gỡ khó khăn, dò tìm *lối đi*. Lối đi tốt nhất để Cần thơ phát triển công nghiệp cũng không ngoài việc đẩy nhanh tiến trình kinh tế, xã hội. Đó chính là con đường "giảm nghèo, làm giàu" ở một tỉnh chưa thoát khỏi thế độc canh trong nông nghiệp. Còn *nơi đến* của quá trình phát triển công nghiệp ở Cần thơ thì là từng cột mốc của một nền kinh tế tăng trưởng, ở đó mỗi hộ dân sẽ khá giả hơn. Bởi vì, chỉ có phát triển công nghiệp, Cần thơ mới mở rộng được vùng nguyên liệu, mới nâng được giá trị nông sản. Ngược lại, công nghiệp phát triển, lợi nhuận thu được nhiều hơn, sẽ có thêm vốn đầu tư lại cho sản xuất nông nghiệp. Sự tác động qua lại giữa công nghiệp và nông nghiệp, sẽ tạo điều kiện cho kinh tế Cần thơ phát triển toàn diện và bền vững.

Digitized by Google

HẢI NINH trong xu thế "mở cửa"

NGUYỄN VĂN QUYNH *

THỰC hiện Chỉ thị 08 ngày 16-1-1989 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ), ngày 5-2-1989 huyện Hải ninh (tỉnh Quảng ninh) bắt đầu mở cửa biên giới phía Bắc. Như vậy, một bước ngoặt mới, đồng thời cũng là một thời cơ mới đã đến với Hải ninh. Và, vấn đề cấp bách được đặt ra là Hải ninh phải làm gì để có thể trụ vững và phát triển được trong xu thế mới đó ?

1 - *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách linh hoạt, mềm dẻo.*

Từ cơ cấu kinh tế truyền thống : nông-lâm-ngư-công nghiệp, chúng tôi đã xác định lại cơ cấu kinh tế hiện nay là : nông nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch. Đây là vấn đề rất quan trọng, liên quan tới vận mệnh của Hải ninh. Bởi vậy, nó đã được thảo luận một cách rộng rãi, thậm chí cả tranh luận gay gắt ở các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân. Nhiều khía cạnh được xem xét : đâu là thế mạnh, đâu là mũi nhọn, điều kiện để xây dựng môi trường cơ cấu kinh tế mới là gì, tính hiện thực đạt đến mức độ nào, v.v.. Và cuối cùng, đã đi đến thống nhất cao.

Trải gần bốn năm qua, cơ cấu kinh tế đó đã tỏ rõ sức sống của nó. Kinh tế thương mại tiến một bước dài. Thông qua cửa khẩu Móng cái, Hải ninh đã thực hiện xuất nhập khẩu hàng hóa một cách chủ động, kịp thời phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước. Doanh số buôn bán qua cửa khẩu tăng nhanh : từ 400 tỉ đồng (năm 1991) lên tới 1000 tỉ đồng (năm 1992). Nguồn thu thuế qua cửa khẩu cũng tăng vọt : 3,3 tỉ đồng năm 1989 ; 11,3 tỉ đồng năm 1990 ; 35 tỉ đồng năm 1991 ; 85 tỉ đồng năm 1992 ; và 49,2 tỉ đồng 6 tháng đầu năm 1993. Lĩnh vực này thực tế đã góp phần rất quan trọng cho thu ngân sách, đáp ứng yêu cầu nhiều mặt về sản xuất, đời sống và xây dựng trong tỉnh. Điều đáng nói hơn là qua đây, Hải ninh đã sắp xếp lại hệ thống thương nghiệp - dịch vụ, từng bước hoàn chỉnh cơ chế quản lý mới nhằm nâng cao chất lượng phục vụ công tác kinh doanh - thương mại. Đặc biệt, Công ty liên doanh Hải ninh - Lợi lai đã được khởi công xây dựng. Đây là một mô hình kinh doanh mới, tạo điều kiện mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với nước ngoài.

Ngành kinh doanh du lịch bước đầu phát triển, chủ yếu dưới hình thức "trọn gói". Dọc theo lục địa, từ Tràng vĩ tới Trà cổ, cùng với sự nở rộ của hệ thống du lịch nhân dân, một số khách sạn và nhà nghỉ của Hải ninh ở Móng cái và Trà cổ đã và đang được hoàn tất với trên 300 giường khách. Lượng du khách trong nước và nước ngoài tới Hải ninh ngày càng tăng, trung bình mỗi ngày có từ 500 đến 800 lượt người. Chỉ tính riêng từ ngày 24 tháng 4 đến 20 tháng 7 năm 1993, có 21 079 lượt khách tới đây, mang lại nguồn thu 820 triệu đồng. Quy hoạch xây dựng khu du lịch Trà cổ đang được hoàn thiện. Nhiều nhà kinh doanh nước ngoài đã tới khảo sát, lập dự án đầu tư và một dự án đã được ký kết với số vốn pháp định trên 3 triệu đô la Mỹ.

Những bước đó đã tác động mạnh mẽ đến nhiều ngành sản xuất, đặc biệt đã tạo ra thị trường mới, đa dạng và phong phú đối với các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp và lâm nghiệp. Hải ninh tiếp tục tu sửa hồ đập, trạm bơm, kênh mương, chuẩn bị giống mới... với tổng kinh phí đầu tư riêng cho sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm 1993 tới 900 triệu đồng. Năm 1992, Hải ninh đạt mức kỷ lục về sản xuất lương thực : 12 700 tấn, bình quân đầu người năm 680 kg. Nghề đánh bắt cá biển hầu hết được cơ giới hóa. Ngành nuôi trồng thủy sản mở ra triển vọng mới : 740 ha nuôi

* Phó bí thư huyện ủy Hải ninh, tỉnh Quảng ninh

Digitized by Google

trồng hải sản hằng năm, có thể xuất khẩu 500-600 tấn cua, v.v..

2 - *Xây dựng cơ sở hạ tầng đi trước một bước* .

Nền kinh tế khó có thể cất cánh nếu thiếu cơ sở hạ tầng đủ mạnh. Thế nhưng, Hải ninh lại phải bắt đầu xây dựng kinh tế từ vùng trắng, hậu quả của hàng thập kỷ bị chiến tranh và thời gian tàn phá. Với việc xác định cơ cấu kinh tế như đã nói ở trên, các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của Hải ninh đã được hoạch định thành ba khu vực : 1 - *khu thương mại* bao gồm trung tâm buôn bán và chợ nằm cạnh cửa khẩu Móng cái ; 2 - *khu du lịch* bao gồm toàn bộ đảo Trà cô ; 3 - *khu công nghiệp chế biến xuất khẩu* nằm trên bờ phía tây sông Ka long. Các khu vực kinh tế nói trên liên quan với nhau và thúc đẩy nhau cùng phát triển, sẽ tạo thành một trung tâm kinh tế tổng hợp và giao lưu hàng hóa giúp cho sự phát triển đồng bộ của nông, lâm, ngư nghiệp, thương mại và du lịch. Do đó cơ sở hạ tầng mà Hải ninh cần ưu tiên xây dựng bằng nhiều phương thức là hệ thống các đường giao thông, thông tin liên lạc, thị trấn, công trình công cộng... Đây là vấn đề có ý nghĩa to lớn, không chỉ về kinh tế mà cả về xã hội, nhằm tạo cơ sở và sức bật cho các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn ; bảo đảm sự phát triển đồng đều và lâu dài cho cả ba vùng : vùng núi rừng giáp biên, vùng đồng bằng và vùng biển đảo, bao gồm nhiều dân tộc anh em.

Theo phương hướng đó, tuyến đường giao thông quốc gia từ Hải ninh tới Hồng gai đã được nâng cấp, rải nhựa. Cầu Ba chẽ được hoàn tất. Hệ thống vi-ba viễn thông cũng được xây dựng, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt trong nước và quốc tế. Hải ninh đang đẩy mạnh tiến độ xây dựng trung tâm thị trấn Móng cái (bao gồm hệ thống đường nội thị, điện, nước, bệnh viện, khách sạn, trường học, công sở...) với tổng kinh phí 29,5 tỉ đồng. Đang duy tu, xây dựng các tuyến đường du lịch Trà cô, đường Bình ngọc, Ninh dương, Hải xuân ; duy tu, nâng cấp tuyến đường đi bến tàu Dân tiến. Đã khảo sát xong tuyến Trà cô đi Cồn mang, bến Nãi... đảm bảo nối liền thông suốt ba vùng trên huyện. Có thể nói, hệ thống cơ sở hạ tầng mới ở chừng mực nhất định đang phát huy tác dụng và đem lại sự biến đổi thiết thực, tạo ra sự chuyển mình quan trọng về kinh tế xã hội.

3 - *Phát triển đồng bộ kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng.*

Khó có thể phân biệt rạch ròi đâu là vấn đề của riêng kinh tế, đâu là vấn đề của riêng xã hội, an ninh, quốc phòng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Hải ninh. Có vấn đề kinh tế trong vấn đề xã hội, và có vấn đề xã hội trong vấn đề kinh tế ; hay nói cách khác, phát triển kinh tế cũng bao hàm cả thúc đẩy tiến bộ xã hội và bảo đảm quốc phòng. Càng làm, Hải ninh càng nhận thức rõ một điều như thế. Ở đâu có dân thì ở đó cần có trường học, bệnh xá, dịch vụ đi trước một bước, bảo đảm đời sống mọi mặt cho nhân dân. Nơi nào hoạt động kinh tế phức tạp thì nơi ấy bảo vệ an ninh cần được coi trọng bằng nhiều hình thức từ các tổ chức chính quy cho đến các tổ chức an ninh nhân dân. Hơn nữa, là một miền đất phên giậu, Hải ninh phải bảo đảm tốt an ninh biên giới và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, có như vậy mới phục vụ tốt sản xuất và kinh doanh. Ở đâu yên dân thì ở đó kinh tế mới phát triển... Bởi thế, chúng tôi hết sức chú trọng sự nghiệp giáo dục, y tế... Riêng nửa đầu năm 1993, chúng tôi đã đầu tư trên 311 triệu đồng để sửa chữa, nâng cấp các phòng học, mua sắm thiết bị phục vụ công tác dạy và học. Ngành y tế duy trì thường xuyên chế độ khám và chữa bệnh cho nhân dân trong huyện, nhất là ở vùng núi, vùng biển và hải đảo. Đến nay, toàn huyện đã có thể xem truyền hình màu. Đặc biệt, trong cơ chế thị trường, chúng tôi dành ưu tiên lớn cho việc chăm sóc các đối tượng được hưởng chính sách xã hội, nhân dân các vùng biên giới, hải đảo. Với phương thức quyên góp tự nguyện trong nhân dân, sáu tháng đầu năm 1993, Hải ninh đã tặng toàn bộ các gia đình thương binh, liệt sĩ số tiết kiệm tình nghĩa với tổng số tiền gần 100 triệu đồng. Huyện cũng đã trang bị phương tiện thắp sáng, truyền thanh cho các vùng đảo và biên giới xa xôi.

4 - *Tăng cường "mở cửa" phải đi đôi với tăng cường lãnh đạo, quản lý tập trung thống nhất* .

Đây là vấn đề dễ nảy sinh mâu thuẫn, cần có cách giải quyết thỏa đáng để tránh tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược", "giẫm chân lên nhau"...

Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi *trước hết* xây dựng quy chế làm việc thống nhất

Digitized by Google

theo cơ chế quản lý mới, xác định rõ mối quan hệ giữa các thành viên trong hệ thống chính trị, đặc biệt trong khối nội chính. Từng thành viên trong hệ thống chính trị lại căn cứ vào đó để xây dựng quy chế riêng cho phù hợp. Nhờ vậy, cho đến nay có thể nói Hải ninh đã có đủ quy chế làm việc cần thiết, bảo đảm cho các thành viên trong hệ thống chính trị hoạt động đúng chức năng và có hiệu quả.

Hai là, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực tiễn, chúng tôi luôn chú trọng rút kinh nghiệm để có thể kịp thời kiến nghị với cấp trên điều chỉnh, sửa đổi chủ trương, chính sách cho phù hợp với cuộc sống. Chúng tôi coi đây không chỉ là trách nhiệm của mình mà còn là phương pháp tốt để rèn luyện, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và điều hành của đội ngũ cán bộ ; đồng thời cũng là thước đo để đánh giá các thành viên trong guồng máy hoạt động.

Ba là, chú ý xử lý những tồn tại và những vấn đề nóng bỏng mà nhân dân đang quan tâm theo phương châm cộng quản chặt chẽ. Thực tế cho thấy, có những công việc không thể quan niệm cứng nhắc đó là của riêng cấp ủy hay của riêng chính quyền. Đối với những trường hợp như vậy, mỗi bên phải trực tiếp tham gia giải quyết theo thẩm quyền và cùng chịu trách nhiệm chung.

Bốn là, định kỳ giao ban, rút kinh nghiệm hằng tuần và kịp thời về công tác lãnh đạo và quản lý giữa các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành trên địa bàn huyện.

5 - *Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vững mạnh*.

Nhằm thích nghi nhanh chóng với cơ chế mới, chúng tôi đã bắt tay ngay vào việc củng cố, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hải ninh có hơn 40% số cán bộ và hơn 20% số đảng viên có trình độ cao đẳng và đại học. Tuy vậy, vẫn bất cập với kinh tế thị trường trong thời "mở cửa". Những vấn đề tiếp thị, quản lý theo cơ chế mới, ngoại ngữ, nghiệp vụ kinh doanh và du lịch... thực sự là những vấn đề mới, không dễ giải quyết. Vì thế, chúng tôi đã tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, ngoại ngữ... Đồng thời, chú trọng trẻ hóa và trí tuệ hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên. Cùng với việc làm tốt công tác phát triển đảng và đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ, Hải ninh có chính sách thu hút nhân tài từ mọi ngả. Ví dụ, cán bộ, kỹ sư, giáo viên giỏi tình nguyện hay được phân công về công tác tại Hải ninh, đều có quyền mang theo gia đình và thân nhân họ sẽ được các cấp giúp đỡ, sắp xếp nơi ở, việc làm. Nhờ vậy, mấy năm qua, Hải ninh đã có thể tập hợp và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của mình. Mặt khác, chúng tôi hết sức chú ý đổi mới sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở cho phù hợp với đặc điểm biên giới, hải đảo. Chúng tôi đã ban hành thống nhất quy định về nội dung và lề lối làm việc của các tổ chức cơ sở đảng ở xã, thị trấn. Đưa vào nền nếp công tác giao ban hằng tháng giữa thường trực huyện ủy với bí thư, chủ tịch xã. Chỉ đạo việc thành lập và củng cố các chi bộ ngư nghiệp vùng giáp biên và quy định nhiệm vụ, chức năng và hình thức sinh hoạt cụ thể cho các chi bộ này. Đồng thời xây dựng quy chế phù hợp về quản lý cán bộ, đảng viên.

*

Sẽ là quá sớm để đi tới tổng kết thời gian "mở cửa" vừa qua. Nhưng tất cả những gì đã trải qua, cũng đủ để Hải ninh tự soát xét, rút kinh nghiệm, tiếp tục đi lên.

Điều trước hết cần khẳng định là : việc "mở cửa" đã tạo ra thế ổn định làm cơ sở cho sự phát triển toàn diện ; và ngược lại, chính sự phát triển đó lại là động lực để tiếp tục giữ vững thế ổn định, nhất là trên phương diện chính trị. Đây là bài học quý giá. Bởi lẽ, "mở cửa" là một xu thế hợp quy luật, và đặc biệt là hợp lòng dân, không chỉ về kinh tế, mà quan trọng hơn là về tình cảm. Nhân dân tin tưởng vào chế độ ta, vào công cuộc đổi mới và "mở cửa" có tính nguyên tắc của chúng ta. Họ yên lòng đầu tư, dốc sức xây dựng cuộc sống, gắn bó với quê hương, đất nước, trong không khí hòa bình. "Mở cửa" đã giúp Hải ninh tìm ra và khẳng định những hướng phát triển mới về kinh tế (về thị trường, về bạn hàng...), đã trở thành động lực to lớn thúc đẩy toàn bộ đời sống kinh tế xã hội phát triển với nhịp độ cao và tạo tiền đề vững chắc để củng cố an ninh và quốc phòng. "Mở cửa" đã làm bừng lên tất cả. Đất đai, rừng, biển được quy hoạch lại và được khai thác có hiệu quả hơn. Mọi sức sáng tạo của nhân dân có thời cơ phát triển. Nhiều

(Xem tiếp trang 55)

Digitized by Google

Tác dụng của việc mở rộng dân chủ đối với quá trình chuyển sang kinh tế thị trường ở nông thôn

TRẦN LAN HƯƠNG *

ĐỔI mới kinh tế phải đi đôi với từng bước đổi mới chính trị theo hướng mở rộng dân chủ, bởi dân chủ không chỉ là sản phẩm của phát triển kinh tế, mà còn là một động lực hàng đầu thúc đẩy kinh tế phát triển. Đặt vấn đề như vậy trong bài viết này, tôi muốn phác họa đôi nét về vấn đề dân chủ trong khung cảnh nông thôn đồng bằng Bắc bộ hiện nay theo hướng mở rộng dân chủ ở cả *ba* tầng : tăng quyền tự chủ của hộ gia đình nông dân, tăng quyền tự quản của xóm làng, và tăng cường pháp quyền của nhà nước.

I - Tăng quyền tự chủ của hộ gia đình và vấn đề tăng trưởng kinh tế nông thôn

Cũng như nhận định của phần đông các nhà nghiên cứu về nông thôn, tôi thấy sự phân hóa xã hội ở nông thôn miền Bắc hiện nay là đang trên đà gia tăng[1]. Kết quả điều tra một số xã ở Hà bắc và Quảng ninh năm 1992 và 1993 cho thấy : ở xã Văn môn (Hà bắc) có 57,6%, ở xã Tam sơn (Hà bắc) có 79,3%, ở xã Xuân sơn (Quảng ninh) có 75,3% số người cho rằng kinh tế gia đình mình có tăng trưởng. Các hộ có kinh tế đủ ăn trở lên tăng mạnh hơn các hộ còn thiếu ăn và nghèo đói. Cơ cấu xã hội ở nông thôn đang biến động theo hướng dần dần hình thành một tầng lớp trung nông. Sự biến động trên diễn ra dưới tác động của một loạt nhân tố, mà *nhân tố đầu tiên* phải được tính đến là : *hộ nông thôn được trao quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh*.

Khi được hỏi về nguyên nhân của sự tăng trưởng kinh tế, 95% số người ở Văn môn (1992) cho rằng kinh tế gia đình khá lên là do *bản thân* biết chiếm lĩnh lợi thế thị trường ; 94,7% ở Tam sơn (1993) cho rằng gia đình làm ăn khấm khá lên là do sự năng động của *bản thân* ; 89% ở Xuân sơn (1993) khẳng định kinh tế gia đình khá lên là do biết *tự* tính toán làm ăn. Như vậy, có thể nói : nhân tố *tự chủ* (của cá nhân và hộ gia đình nông dân) là nguyên nhân *hàng đầu* làm cho kinh tế hộ phát triển. Việc xóa bỏ cơ chế hành chính quan liêu chuyển sang cơ chế thị trường đã làm cho người nông dân tăng hứng thú lao động, chịu khó xoay xở, dám nghĩ, dám làm. Nếu như trước đây chủ nghĩa bình quân làm cho người nông dân thờ ơ với lao động, thì giờ đây qua các con số trên có thể thấy : ý thức chủ động, tranh thủ cơ hội làm giàu ở người nông dân đã tăng lên.

Ở nông thôn, việc thi hành một loạt chính sách mới về đất đai và thị trường nông sản đã tạo điều kiện cho các hộ nông dân trở thành các đơn vị kinh tế tự chủ. Trước đây, khi chưa được giao quyền sử dụng ruộng đất, nông dân luôn luôn thụ động, xã bảo trồng lúa thì trồng lúa, bảo trồng ngô thì trồng ngô cho dù chất đất không phù hợp dẫn tới thất thu. Ngày nay, trên mảnh ruộng khoán được giao, mỗi hộ nông dân là một đơn vị kinh tế tự chủ, tự quyết định lấy việc sản xuất, kinh doanh. Chính sách chia ruộng khoán và trao quyền sử dụng nó cho người nông dân, đáp ứng đúng nguyện vọng "người cày có ruộng" : 86,3% người dân Văn môn thỏa mãn với việc phân chia ruộng đất ;

* Giảng viên Phân viện báo chí, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Xem "Sự phân tầng xã hội ở nông thôn miền Bắc", *Tạp chí Cộng sản*, số 11-1993

Digitized by Google

84% người dân Tam sơn thỏa mãn với số ruộng được chia. Như vậy, bao trùm xã hội nông thôn là tâm lý thỏa mãn. Đã như vậy thì người dân không còn "chỉ mong được *tự lo*", mà còn muốn vươn tới chỗ : *tự do* đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh.

Khả năng tự chủ trong sản xuất của hộ xã viên tăng lên, thể hiện ở mức tăng về mua bán và thuê mướn công cụ sản xuất. Về các công cụ sản xuất cơ khí loại nhỏ, sức mua ở nông thôn hiện nay đã tăng lên. Ở Văn môn : 12% số hộ có máy tuốt lúa ; 2,3% có máy xay xát ; 2,3% có máy bơm nước loại nhỏ và 0,5% có xe công nông. Còn ở Tam sơn : 64% có máy tuốt lúa ; 4,7% có máy xay xát ; 4% có máy bơm nước.

Xét về mức độ *tự chủ* trong sản xuất thì các gia đình nghèo đói và thiếu ăn là thấp hơn cả, thể hiện ở chỗ không có gia đình nghèo đói nào có được 1 trong 4 loại nông cụ nói trên. Cũng vì vậy mà mức độ *bị động* trong sản xuất, phải đi thuê công cụ sản xuất, ở các gia đình nghèo đói và thiếu ăn cũng là cao hơn cả. Cụ thể ở Văn môn, tỷ lệ các loại hộ phải "đi thuê công cụ sản xuất" như sau : hộ *nghèo đói* : 80% ; hộ *thiếu ăn* : 77,4% ; hộ *đủ ăn* : 45,7% ; hộ *khá giả* : 24% ; hộ *giàu có* : 14,3%.

Khi người nông dân được tự do lưu thông nông sản, thì kinh tế hộ gia đình được tự chủ tham gia vào thị trường mua bán sản phẩm. Ở Văn môn chỉ có một nhóm nhỏ (1,7%) bán sản phẩm cho nhà nước, còn đại bộ phận dân chúng bán các sản phẩm mình làm ra cho khu vực tư thương ; 34,7% bán cho người làng ; 16% bán cho người ngoài làng ; và 34,7% bán cho dân buôn. Nhiều sản phẩm làm ra ở Văn môn được thu gom và mang đi bán ở các tỉnh khác, tới thủ đô Hà nội và cả ở biên giới Việt - Trung. Đây là điểm đáng chú ý để có chính sách thích hợp.

Một chỉ báo khác khẳng định quyền tự chủ của kinh tế hộ gia đình tăng, là mức độ thuê nhân công và số người đi làm thuê tăng. Người dân được tự chủ về sức lao động, tự do mua bán sức lao động, điều đó đã dẫn tới sự hình thành các thị trường lao động tại chỗ ở nông thôn. Ở Tam sơn, 26% số hộ có thuê nhân công ; 68% số người được hỏi, có đi làm thuê. Ở Văn môn, 16,3% có thuê nhân công và người giúp việc ; 15,3% có đi làm thuê để tăng thêm thu nhập. Trong xã này, thôn Mẫn xá có kinh tế khá nhất so với các thôn khác thì cũng là thôn có tỷ lệ thuê nhân công (34,1%) và tỷ lệ đi làm thuê (24,1%) cao nhất. Như vậy, ở nơi nào kinh tế càng phát triển thì ở nơi đó sự trao đổi hàng hóa sức lao động càng nhiều. Vì vậy, cần sớm ban hành luật lao động để kiểm soát, điều tiết sự mua bán sức lao động.

Hệ quả của sự tự chủ về thân thể và tự do tham gia vào các loại thị trường là sự gia tăng mức độ di động trong không gian xã hội. Trong số những người dân Văn môn trả lời phỏng vấn thì 97,7% đã từng ra khỏi làng ; 15,3% đã sang huyện khác ; 80,7% đã tới tỉnh khác ; và 2% đã ra nước ngoài. Tần số di động : ngày/lần là 90% ; tuần/lần là 16% ; tháng/lần là 36% ; và năm/lần là 33,7%. Điều này chứng tỏ : ở nông thôn hiện nay, người ta đã phá bỏ truyền thống đóng kín cấu trúc làng xã trong kinh tế tự túc, tạo ra thị trường mở giữa các làng xã - vùng miền - đất nước.

Tóm lại, có thể thấy rõ tác động tích cực của việc đổi mới cơ chế kinh tế làm tăng quyền tự chủ cho hộ gia đình nông thôn, thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế hộ và kinh tế nông thôn nói chung.

II - Tăng quyền tự quản xóm làng và vấn đề đẩy mạnh sản xuất - kinh doanh hàng hóa

Trong khuôn khổ bộ máy chính quyền hiện nay, thiết chế chính trị, cấu trúc quyền lực và sự vận hành của chúng ở nông thôn đồng bằng Bắc bộ vẫn lấy xã (thường là xã ghép của các làng cổ truyền) làm đơn vị cuối cùng của quản lý hành chính. Từ năm 1945 đến nay, qua hai cuộc kháng chiến, qua cải cách ruộng đất và phong trào hợp tác hóa hơn 20 năm, các làng cổ truyền thực tế đã bị lồng ghép vào khung hành chính của xã, dần dần mất đi tính tự quản truyền thống vốn có. Để chữa trị căn bệnh lâu nay do sự tắc nghẽn cơ chế quyết định gây nên, cần áp dụng nguyên tắc phân cấp lại cho hợp lý, chuyển một phần đáng kể quyền quyết định và gánh nặng vốn dồn vào cấp xã đang bị quá tải, xuống cho cấp thôn, làng. Để

Digitized by Google

khôi phục lại sự tự quản của làng cổ truyền mà các hợp tác xã thời bao cấp đã làm mất đi, mô hình tổ chức và hoạt động của chính quyền xã hiện nay được bổ sung thêm đội ngũ trưởng thôn, xóm. Việc cải cách cơ cấu hành chính xã theo hướng mở rộng sự tự quản của người dân không chỉ cho phép tạo ra mặt bằng xã hội ổn định, mà còn bảo đảm tính năng động của xã hội công dân, góp phần đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh hàng hóa, phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường.

Sự hình thành quy chế nhà nước và hoàn thiện bộ máy hành chính ở cấp thôn xóm, việc bầu chọn các trưởng thôn xóm và sự hoạt động tương đối có hiệu quả của các trưởng thôn xóm mới được bầu đã có tác dụng tích cực trong việc giúp chính quyền hướng dẫn hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức tự quản. 80% số người được hỏi ở Văn môn cho rằng chức trưởng thôn là cần thiết. Hiện nay có một nhóm ý kiến (27,7%) đề nghị nhất thể hóa hai chức danh trưởng thôn và chủ nhiệm hợp tác xã, để người trưởng thôn có quyền quản lý toàn diện kinh tế - xã hội của thôn xóm. Qua phỏng vấn sâu tìm hiểu thêm thì đại bộ phận trong nhóm ý kiến này không chủ trương giải tán hợp tác xã. Họ muốn tập trung quyền tự quản địa phương vào một đại diện là trưởng thôn. Các quyền lực hợp thành (như quản lý kinh tế, quản lý hành chính, trật tự an ninh, văn hóa, v.v.) sẽ giao cho các phó trưởng thôn hoặc ủy viên hội đồng quản trị thôn xóm phụ trách. Điều này tương tự như mô hình truyền thống tự quản làng xã ở nông thôn Việt nam ngày xưa.

Người dân cần ở người trưởng thôn những gì ? Trước hết phải là người địa phương (68% ý kiến trả lời), do dân trực tiếp đề cử và bầu bằng phiếu kín (76% ý kiến trả lời). Người đó phải biết làm kinh tế giỏi (22,3% ý kiến trả lời), và đương nhiên phải là người có đạo đức (56,3% ý kiến trả lời) và nhiều tiêu chuẩn tốt đẹp khác. Ở đây ta thấy có xu hướng muốn tăng tính đại diện trực tiếp và đề cao việc làm giàu. Song với truyền thống trọng nghĩa trọng tài, người dân nông thôn chuộng phương án kết hợp giữa năng lực làm giàu với tư cách đạo đức tốt, giữa tự do dân chủ với kỷ cương, mực thước chung của cộng đồng xóm làng.

Đội ngũ các trưởng thôn xóm đã phản ánh được tiếng nói của người dân lên chính quyền xã ; và trước mỗi quyết định, chính quyền xã đã phải tính đến tiếng nói này. Với bộ máy trưởng thôn xóm, căn bệnh kém hiệu lực của chính quyền xã đang được khắc phục. Xã không phải ôm đồm nhiều công việc mà để cho xóm thôn tự giải quyết. Chúng ta có thể thấy được tính hiệu quả này khi hỏi dân về "nơi khiếu tố" khi quyền lợi của họ bị vi phạm : 39% trả lời đến chính quyền thôn và 47,3% trả lời đến chính quyền xã, như vậy tới 86,3% khẳng định tính hiệu lực trực tiếp của chính quyền thôn xã (chỉ có 27,7% đến các cấp cao hơn). Để tăng thêm tính hiệu lực này, cần chú ý nâng cao trình độ hiểu biết của cán bộ thôn xã. Chính quyền và cộng đồng làng xã cũng đã chú ý ngăn ngừa mặt trái của cơ chế thị trường, không để các tệ nạn xã hội lây lan, làm cho người dân không an tâm làm ăn, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Khi được hỏi về "các trở ngại trong sản xuất kinh doanh" thì ở Văn môn chỉ có : 0,3% kêu ca về trật tự an ninh làng xã ; 0,3% phàn nàn về sự chiếm dụng vốn của nhau ; 0,3% kêu ca có sự tranh chấp đất đai. Điều đó cho thấy việc tăng cường tính dân chủ trực tiếp thông qua đại diện cấp thôn xóm, đã góp phần tạo thuận lợi cho người dân đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh.

III - Tăng cường nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân và vấn đề chuyển mạnh sang kinh tế thị trường

Người dân nông thôn hiện nay chủ yếu muốn *tự do* "mưu cầu hạnh phúc", song điều đó không có nghĩa là người ta không cần tới sự hỗ trợ của hợp tác xã, của nhà nước. Điều tra cho thấy : đại bộ phận nông dân vẫn cần hợp tác xã hỗ trợ về các dịch vụ như thủy lợi (83%), bảo vệ thực vật (17,3%), làm đất (9,3%)... Người dân nông thôn hiện nay không chỉ mong muốn tăng cường dân chủ trực tiếp (nghĩa là tăng cường tự do cá nhân và tự quản của cộng đồng thôn xóm), mà còn mong muốn tăng cường sức mạnh của nhà nước pháp

Digitized by Google

quyền nói chung và tăng cường hiệu quả của luật kinh tế nói riêng.

Chuyển sang kinh tế thị trường cũng có nghĩa là hình thành cơ chế thực hiện dân chủ. Hơn thế nữa, mở rộng dân chủ có tác động trở lại như một động lực hàng đầu thúc đẩy kinh tế phát triển. Do đó, khắc phục những khó khăn, trở ngại của việc mở rộng dân chủ trong kinh tế và chính trị, cũng là khắc phục phần nào những khó khăn, trở ngại của quá trình chuyển sang cơ chế thị trường.

Ở nông thôn đồng bằng Bắc bộ hiện nay, việc chuyển sang cơ chế thị trường nói chung còn ở mức độ rất thấp. Lấy xã Văn môn, một xã phát triển vào loại khá ở nông thôn đồng bằng Bắc bộ, làm ví dụ. Ở đây mới chỉ có : 1,3% số hộ *đã chuyển* ; 32,3% số hộ *chưa chuyển* ; và 64% số hộ *đang chuyển* sang cơ chế thị trường. Nguyên nhân chính của tình hình này là do chỗ người dân ở đây chủ yếu vẫn phải *tự lực* khắc phục những trở ngại trong quá trình chuyển sang cơ chế mới, họ chưa được kinh tế tập thể và nhà nước hỗ trợ.

Khó khăn và trở ngại thì có nhiều, nhưng đáng kể là : thuế cao, vốn thiếu, phương tiện thiếu, sản phẩm ứ đọng... Như vậy, khó khăn to lớn nhất đối với người dân và xã hội nông thôn hiện nay là nói chung chưa tạo ra được ưu thế thị trường trong cạnh tranh. Cái vòng luẩn quẩn của sự nghèo nàn và lạc hậu xuyên suốt lịch sử xã hội nông thôn tạo ra điểm xuất phát quá thấp kém, nghĩa là hết sức bất lợi trong cơ chế thị trường.

Hơn nữa, thị trường ở nông thôn đồng bằng Bắc bộ vốn rất yếu ớt trong truyền thống nông nghiệp tự cung tự cấp khép kín trong phạm vi xóm làng, lại bị mô hình kinh tế tập trung bao cấp kiềm chế suốt mấy chục năm qua, nên nay hình thành trở lại hết sức khó khăn, chật vật. Nhiều yếu tố "hoang dã" của thị trường làm cho người dân lo lắng, không an tâm làm ăn. Cùng với việc chuyển sang cơ chế thị trường, mặt trái của cơ chế thị trường với các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội (như cờ bạc, rượu chè, ma chay cưới xin nặng nề, hối lộ, tham nhũng, buôn lậu, mê tín dị đoan, làm hàng giả...) bộc lộ ngày càng rõ. Để chống lại các tiêu cực và tệ nạn xã hội ấy, người dân cần "lệ làng", "phép nước" thật nghiêm minh. Nhà nước cần lấy luật làm chuẩn và lấy sự thỏa thuận của cộng đồng để bổ sung, thì mới ngăn chặn được mặt trái nói trên của cơ chế thị trường.

Mong muốn của người dân ở nông thôn hiện nay là nhà nước đổi mới hơn nữa chính sách vĩ mô, giúp họ thích nghi với cơ chế thị trường đang hình thành ở nông thôn. Nguyện vọng bức thiết của các nhóm xã hội khác cũng là muốn nhà nước đổi mới nhanh chóng và mạnh mẽ hơn nữa hệ thống kinh tế và chính sách kinh tế quốc gia theo cơ chế thị trường, bởi vì họ ý thức được rằng : năng động hóa vi mô chỉ thực sự có hiệu quả kinh tế, khi điều tiết vĩ mô của nhà nước là hợp lý trên tất cả các thị trường vùng - miền, nông thôn - đô thị, trong nước - ngoài nước. Hiện tại, người dân mong muốn Đảng và Nhà nước có một hệ thống chính sách giải tỏa mạnh hơn nữa cơ chế quản lý cũ, để tạo ra động lực phát triển và giải phóng sức sản xuất, khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong dân.

*

Thực trạng và xu hướng chuyển đổi cơ chế dân chủ ở nông thôn được thấy khá rõ qua các mẫu đại diện của khảo sát, điều tra xã hội học. Thực chất của đổi mới cơ chế đó là mở rộng tự do dân chủ sao cho thích hợp với yêu cầu chuyển sang kinh tế thị trường. Công cuộc đổi mới hệ thống chính trị hiện nay đang dịch chuyển đúng theo phương hướng đó, bằng cách kết hợp cả *hai* quá trình : *một mặt*, mở rộng các hình thức tự do, dân chủ trực tiếp (như tăng quyền tự chủ của hộ gia đình và quyền tự quản của xóm làng) ; và *mặt khác*, tăng cường tự do dân chủ thông qua hệ thống đại diện, tức là tăng cường nhà nước pháp quyền theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính giải pháp kết hợp hai mặt này đang tạo ra nguồn động lực *mới* : động lực trực tiếp do năng động vi mô, và động lực *tổng hợp* nhờ đoàn kết quốc gia để cho quá trình chuyển sang kinh tế thị trường hiện đại được trôi chảy, thông suốt.

Digitized by Google

Họp mặt cộng tác viên và bạn đọc TẠP CHÍ CỘNG SẢN khu vực phía Nam

TIẾP theo cuộc họp mặt cộng tác viên khu vực phía Bắc, tổ chức ở Hà nội hồi đầu năm, ngày 1-3-1994, tại TP Hồ Chí Minh, Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã tổ chức cuộc họp mặt cộng tác viên và bạn đọc khu vực phía Nam.

Các đồng chí Võ Trần Chí, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Thành ủy TP Hồ Chí Minh ; Lê Thanh Nhàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban tư tưởng - văn hóa trung ương : Trần Trọng Tân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó bí thư Thành ủy TP Hồ Chí Minh ; Phan Văn Trang, Bí thư Tỉnh ủy Đồng nai ; Trần Văn Tư, Ủy viên thường vụ, Trưởng Ban tuyên giáo Cần thơ ; đại diện ban tuyên giáo các tỉnh Bà rịa - Vũng tàu, Long an... cùng nhiều giáo sư, tiến sĩ, nhà nghiên cứu lý luận, nhà quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, nhà báo, nhà văn... là cộng tác viên của Tạp chí đã tới dự. Một số đại diện tỉnh ủy và cá nhân không tới dự được đã gửi thư cho cuộc họp mặt.

Sau khi nghe đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản* báo cáo tóm tắt một số hoạt động của Tạp chí trong năm 1993 và phương hướng nhiệm vụ công tác biên tập của Tạp chí trong năm 1994, một số cộng tác viên đã phát biểu ý kiến.

Các ý kiến đều nhất trí với những nhận định của đồng chí Tổng biên tập, và nhấn mạnh rằng : Trong năm 1993, Tạp chí đã có nhiều cố gắng, đạt được những bước tiến đáng kể ; tính lý luận, tính tổng kết thực tiễn và tính chiến đấu được nâng thêm. Đặc biệt, Tạp chí đã tuyên truyền kịp thời, tập trung và có hệ thống các nghị quyết của Trung ương, Bộ chính trị, Ban bí thư, các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ; có nhiều bài viết tốt đấu tranh với những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ đường lối đúng đắn của Đảng ; phê phán kịp thời những luận điệu sai trái trong các vấn đề về quyền con người, vấn đề văn hóa, văn nghệ, xuất bản ; vạch trần những âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch hòng đưa cách mạng nước ta đi chệch hướng. Hiệu quả xã hội của Tạp chí đã tăng lên rõ rệt. Số lượng phát hành qua bưu điện ngày càng cao.

Mặt hạn chế của Tạp chí là chất lượng lý luận, hàm lượng thông tin khoa học trong một số bài còn yếu ; tính khái quát trong một số bài tổng kết thực tiễn chưa cao ; cách viết bài chậm đổi mới và một số bài còn thiếu tính thuyết phục.

Năm 1994, để tiếp tục phát huy những kết quả của các năm trước, trong phương hướng biên tập, *Tạp chí Cộng sản* cần đi sâu thêm vào những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng thời, Tạp chí cần chú trọng hơn những bài tổng kết thực tiễn trong công cuộc đổi mới, những bài nghiên cứu khoa học và mang bài đấu tranh, phê phán những quan điểm sai trái, uốn nắn những nhận thức lệch lạc...

Về các đề tài cụ thể, một số đồng chí gợi ý Tạp chí nên có thêm những bài về quản lý đô thị, giới thiệu các thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật thế giới, nhà nước pháp quyền, thể chế kinh tế mới, kinh nghiệm quản lý kinh tế của các nước, công tác vận động quần chúng, công tác cán bộ nữ,... cố gắng đi sâu phân tích, lý giải những cơ sở lý luận, căn cứ khoa học của đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

Về hình thức, Tạp chí cần tiếp tục đổi mới, có nhiều bài ngắn với cách viết sinh động, hấp dẫn hơn, có nhiều "món ăn" hơn. Có thể đăng thêm một số công trình nghiên cứu khoa học trong các chương trình KX. Tạp chí cũng cần suy nghĩ cách liên kết, "hợp lưu" với một số báo và tạp chí khác để làm cho bài vở có chất lượng hơn, kịp thời hơn. Cố gắng trẻ hóa cả đội ngũ cộng tác viên và bạn đọc.

Nhiều đồng chí tỏ ý tin rằng, là một tạp chí lớn của Đảng, có uy tín cao về mặt lý luận chính trị và khoa học, là tài liệu "gối đầu giường" không thể thiếu của nhiều bạn đọc, nhất là những người làm công tác lý luận và giảng dạy bộ môn chính trị, *Tạp chí Cộng sản* trong thời gian tới chắc chắn sẽ vươn lên mạnh mẽ hơn nữa, làm tốt hơn nữa những nhiệm vụ mà Trung ương giao cho, xứng đáng với lòng tin yêu của bạn đọc. Thực tế vừa qua cho thấy, nhuận bút của Tạp chí trả cho người viết chưa cao như một số báo khác, nhưng rất nhiều giáo sư, tiến sĩ, nhiều cây bút có uy tín, nhiều nhà khoa học và quản lý vẫn đến rất đông với Tạp chí của Đảng, đó quả là một "dấu hiệu dương", một dấu hiệu tích cực mà ý nghĩa của nó vượt ra ngoài phạm vi mối quan hệ thông thường giữa cộng tác viên và một tòa soạn báo.

Digitized by Google

VỀ CHIẾN LƯỢC TOÀN CẦU "MỞ RỘNG" CỦA MỸ

TRẦN BÁ KHOA*

VỚI bài diễn văn đọc trước Đại hội đồng Liên hợp quốc ngày 27-9-1993, lần đầu tiên Tổng thống Bin Clin-tơn cho thấy những luận điểm cơ bản trong học thuyết của ông. Học thuyết Clin-tơn đến nay chưa hoàn chỉnh, có nhiều điểm còn tranh cãi, nhưng những nét cốt lõi của nó đã rõ.

THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC

Sau khi Liên xô sụp đổ, cuộc đối đầu Xô - Mỹ kéo dài ngót nửa thế kỷ, chấm dứt. Tình hình quốc tế đang đứng trước một khúc quanh lịch sử mới. Mỹ cho rằng "rõ ràng nước Mỹ yên tâm và an toàn hơn so với trước đây" (An-brai-tơ, 23-9-1993) hay "sự thách thức đối với Mỹ ngày nay là lãnh đạo trên nền tảng cơ hội nhiều hơn là sợ hãi" (La-cơ, 21-9-1993). Mỹ tự nhận là siêu cường duy nhất còn lại, do đó, Mỹ cần chớp thời cơ thúc đẩy các giá trị và lợi ích của Mỹ trên toàn cầu, tìm cách áp đặt một trật tự thế giới kiểu Mỹ.

Tuy nhiên, bước sang thập kỷ mới, tình hình quốc tế tiếp tục biến động rất nhanh chóng và hết sức phức tạp, khó lường trước được hết. Suốt thời gian dài chiến tranh lạnh, nước Mỹ lâm vào tình trạng trì trệ, xuống cấp nghiêm trọng về kinh tế, xã hội, văn hóa, đạo đức, giáo dục, đe dọa vai trò siêu cường toàn cầu của Mỹ.

Thách thức đối với Mỹ là gì ? Cựu bộ trưởng quốc phòng Mỹ A-xpin đã xác định : Mỹ đang đứng trước 4 mối hiểm họa (đương nhiên là theo cách nhìn kiểu "nước lớn" của Mỹ). Đó là :

1 - Việc phổ biến vũ khí giết người hàng loạt, đặc biệt đối với các nước mà Mỹ cho là "vô trách nhiệm", "thâm hiểm" như I-ran, I-rắc...

2 - Các vấn đề khu vực như xung đột dân tộc, tranh chấp lãnh thổ, tôn giáo ; nạn khủng bố do nhà nước bảo trợ, nạn nghèo khổ bệnh tật ; ô nhiễm môi trường toàn cầu.

3 - Quá trình dân chủ hóa (có lợi cho Mỹ và phương Tây) ở các nước thuộc Liên xô cũ và ở nhiều nước đang phát triển có thể bị đảo ngược.

4 - Một nền kinh tế Mỹ yếu kém về mặt phồn vinh trong nước và khả năng cạnh tranh quốc tế và an ninh môi trường.

Trên cơ sở xác định lại vai trò và lợi ích căn bản của Mỹ trong thế giới mới, để đối phó với thách thức và chớp thời cơ, chính quyền Clin-tơn đã đưa ra chiến lược toàn cầu "mở rộng" hay "khuếch trương" (enlargement), thay thế chiến lược "ngăn chặn" chủ nghĩa cộng sản và chiến lược "vượt trên ngăn chặn" thời chiến tranh lạnh. Theo quan điểm của Mỹ, khi "đối thủ toàn cầu chủ yếu nguy hiểm nhất" của Mỹ là Liên xô trước đây biến mất, thì nhiệm vụ và mục tiêu *trung tâm* của chiến lược "mở rộng" là : mở rộng quan niệm dân chủ kiểu Mỹ, mở rộng kinh tế thị trường tự do trên toàn cầu (chủ yếu tại những nơi Mỹ có "lợi ích an ninh lớn nhất và có khả năng dẫn tới thay đổi lớn nhất"). Ngày 21-9-1993, La-cơ, cố vấn an ninh quốc gia của Mỹ nói rằng : dân chủ gồm tuyển cử đa đảng, tư pháp độc lập và nhân quyền. Cũng theo La-cơ, nền dân chủ thị trường (market democracy) của phương Tây là nền dân chủ mang tính lật đổ đối với các chế độ "độc tài" cai trị "bằng thần quyền hay tham nhũng, hay kế hoạch hóa tập trung". *Cốt lõi* của chiến lược mới là ***sử dụng dân chủ nhân quyền, kinh tế thị trường tự do kiểu phương Tây để thực hiện diễn biến hòa bình ở các nước xã hội chủ nghĩa và lật đổ các nhà nước không cùng chung quan niệm giá trị với***

* Đại tá, Viện nghiên cứu chiến lược

Digitized by Google

Mỹ, xây dựng một trật tự thế giới mới thuần khiết tư bản chủ nghĩa theo mô hình Mỹ.

MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

Chiến lược "mở rộng" chính thức chào đời vào ngày 27-9-1993 nhưng trước đó những yếu tố chủ chốt của nó đã manh nha trong chương trình tranh cử và các tuyên bố của Clin-tơn. Trong tổng thể chiến lược quốc gia, ông ta nhiều lần nhấn mạnh nhiệm vụ trung tâm là xây dựng lại nước Mỹ để duy trì địa vị siêu cường lãnh đạo thế giới lâu dài của Mỹ. Chiến lược an ninh quốc gia Mỹ dựa trên 3 trụ cột : phục hồi phồn vinh kinh tế (hàng đầu) ; quân sự mạnh sau khi cắt giảm nhiều quân số, thúc đẩy dân chủ và nhân quyền trên thế giới (Clin-tơn, 18-1-1993). Trên thực tế, những nội dung được trình bày dưới dạng "4 mục tiêu" (La-cơ, 21-9-1993), "6 ưu tiên" (Cri-xtốp-phơ, 4-11-1993), "10 điểm" (Lo, trợ lý ngoại trưởng, 31-3-1993) hoặc "chiến thắng hai cuộc chiến tranh khu vực lớn" (A-xpin, 1-9-1993), đều là sự cụ thể hóa "3 trụ cột" mà Clin-tơn đã nêu ra.

Tuy nhiên, mỗi công thức của mỗi nhà chiến lược đều có ý nghĩa quan trọng riêng có của nó.

4 mục tiêu chiến lược gồm : *Một là*, củng cố vững chắc ba nền dân chủ thị trường lớn, gồm Tây Âu, Nhật, Bắc Mỹ. *Hai là*, củng cố và mở rộng nền dân chủ thị trường tại những địa bàn then chốt như Đông Âu, Liên xô cũ, tiếp đó là châu Á - Thái bình dương, Tây bán cầu, châu Phi. *Ba là*, đối phó với các nước "tụt hậu", trọng điểm là các nước I-ran, I-rắc, Mi-an-ma... ; giúp các nước này chuyển hóa hòa bình, thoát khỏi tình trạng "phản dân chủ", đóng kín cửa. Đồng thời, giúp các nước tụt hậu khác là các nước chỉ cải cách kinh tế theo hướng thị trường mà không chịu cải cách chính trị. *Bốn là*, thực thi các hoạt động "nhân đạo" và "thúc ép hòa bình" để mở rộng nền dân chủ thị trường, trọng điểm là ở những nơi có khả năng tạo ra thay đổi nhất. Tùy theo tình hình cụ thể và dựa vào các nguyên tắc lợi ích và tính khả thi, có hiệu quả và không bị sa lầy, được nhân dân Mỹ đồng tình, Mỹ sẽ chú trọng hành động đa phương dưới danh nghĩa Liên hợp quốc hay các tổ chức khu vực. Mỹ sẽ hành động đơn phương khi lợi ích an ninh bức thiết của Mỹ đặt ra. Về quân sự, ngoài lực lượng cho hai cuộc chiến tranh khu vực lớn, Mỹ sẽ dành một lực lượng tinh nhuệ là 50000 quân để thúc ép và can thiệp hòa bình.

Trong 6 ưu tiên đối ngoại và 10 điểm chính sách đối với châu Á - Thái bình dương, điều ưu tiên *trước mắt* là hỗ trợ chủ yếu Liên bang Nga ổn định tình hình, chuyển sang nền dân chủ thị trường và liên minh với phương Tây. Còn điều ưu tiên cơ bản *lâu dài* là tăng cường lợi ích kinh tế và mậu dịch đối ngoại, từ đó xúc tiến việc củng cố và phát triển NAFTA (Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ), GATT (Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch) ; từng bước nâng cấp khối APEC (Diễn đàn kinh tế châu Á - Thái bình dương) cả về hợp tác an ninh ; thúc ép Nhật, Trung quốc và các nước Đông Á khác mở cửa cho hàng hóa Mỹ, nhằm giải quyết thâm hụt mậu dịch, phục hồi nền kinh tế Mỹ. Mục tiêu của Mỹ là tiến tới nắm quyền chi phối khu vực châu Á - Thái bình dương, nơi hiện nay cũng như sang đầu thế kỷ 21 kinh tế phát triển năng động nhất thế giới. Trong những năm 90 của thế kỷ này, Mỹ dự định duy trì ở châu Âu 100000 quân, ở Đông Á 98 000 quân, chủ yếu ở Đông - Bắc Á. Dư luận cho rằng, châu Á - Thái bình dương đang trở thành *trung tâm* của chính sách kinh tế đối ngoại của Mỹ. Trọng điểm chiến lược toàn cầu Mỹ cũng đang chuyển dịch dần sang châu Á - Thái bình dương, trước hết trên lĩnh vực kinh tế và mậu dịch ; tiến tới hình thành "cộng đồng Thái bình dương mới", với yếu tố cốt lõi : chia sẻ "phồn vinh, sức mạnh và giá trị dân chủ".

THAM VỌNG QUÁ LỚN, ĐẦY MÂU THUẪN, LỖI THỜI

Chiến lược "mở rộng" có tham vọng chớp thời cơ, thúc đẩy việc bành trướng nền dân chủ thị trường từ châu Mỹ, châu Âu ra toàn thế giới.

Trước hết, đây là nền dân chủ thị trường kiểu nào ? Hãy nghe Brê-din-xki, bộ não chống cộng khét tiếng, trả lời. Trong cuốn "Ngoài vòng kiểm soát - sự rối loạn toàn cầu bên thềm thế kỷ XXI" (1993), ông ta buộc phải thừa nhận : Mỹ là một xã hội có nền "văn hóa kích dục" từ các kênh truyền hình hằng ngày ; một xã hội "hưởng lạc cá nhân, tình dục và tội ác" ; một xã hội ở đó tự

Digitized by Google

do dân chủ, nhân quyền, đã vượt khỏi "trách nhiệm công dân" theo tinh thần truyền thống của hai bản Hiến pháp Pháp và Mỹ thế kỷ 18. Hay như Thủ tướng Ma-lai-xi-a Ma-ha-thia Mô-ha-mát từng đánh giá : đó là nền dân chủ "mục nát", "bị bóp méo ", "chú trọng đến hình thức hơn là thực chất" (báo Nation, 10-1993).

Xuất phát từ tham vọng thống soái, chỉ huy và kiểm soát mọi quá trình phát triển của nhân loại, chi phối mọi quốc gia dân tộc, Mỹ đưa ra thuyết chủ quyền "hạn chế", buộc các dân tộc khác nhất nhất tuân theo cái gậy chỉ huy và lợi ích của một "đế chế quân sự", như báo Pháp *L'Opinion* (Chính kiến) mới đây nhận xét. Tuy nhiên, thế giới đã khác xưa, đã chuyển sang thời kỳ mới, trong đó các dân tộc, nhân dân các nước trên thế giới đã giác ngộ hơn. Họ ý thức được việc phải tự giải phóng khỏi mọi hình thức áp bức, bóc lột, bá quyền của bất cứ thế lực nào. Họ không cam chịu mãi cảnh nghèo khổ trong lúc một bộ phận thiểu số (16-17%) sống xa hoa phung phí tột độ.

Thế giới mới sau chiến tranh lạnh, như Brê-din-xki nhận xét, nằm "ngoài vòng kiểm soát" của bất cứ siêu cường bá quyền nào. Tham vọng toàn cầu của Mỹ quả là lực bất tòng tâm. Chính sách đối ngoại và chiến lược toàn cầu "mở rộng" chứa đựng quá nhiều mâu thuẫn trong bản thân, và đối lập ngay với các đồng minh chiến lược của Mỹ.

Tây Âu đã tiến một bước quan trọng trong việc nhất thể hóa trên cả ba mặt : kinh tế, chính trị và an ninh. Nhật bản từ địa vị siêu cường kinh tế đang chuyển thành cường quốc chính trị, và chưa có gì bảo đảm là sẽ không trở thành cường quốc quân sự. Nga với kho vũ khí hạt nhân khổng lồ, một khi hồi phục, không dễ gì một bề để Mỹ xỏ mũi. Trung quốc, Ấn độ và nhiều nước khác đang công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhanh chóng.

Tổng biên tập tạp chí Mỹ Foreign Affairs (Các vấn đề đối ngoại), Hai-len, cho rằng : "sức mạnh lớn nhất hiện nay là chủ nghĩa dân tộc đang diễn ra khắp nơi thông qua chủ nghĩa Hồi giáo, chủ nghĩa khu vực, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch, các cuộc xung đột sắc tộc và những cuộc đảo lộn cách mạng". Đây là "hình dáng của một giai đoạn chuyển tiếp có thể kéo dài hàng thập kỷ trước khi những đường hướng lớn của một trật tự thế giới mới xuất hiện". "Việc quản lý hiện tượng muôn vẻ mới nảy sinh đó đòi hỏi những phương tiện tài chính mà hiện nay Mỹ không thể đáp ứng nổi". Hơn nữa, siêu cường Mỹ với bao khó khăn chồng chất về kinh tế, tài chính, bê bối về xã hội, văn hóa, đạo lý, không thể là tấm gương và có đủ cơ sở tài chính kinh tế để đóng vai trò thống soái thế giới.

Các quan chức Mỹ, kể cả tổng thống Clin-tơn, đã nhiều lần tuyên bố rằng Mỹ không thể làm sen đầm quốc tế, không giải quyết được mọi vấn đề của thế giới, không áp đặt mô hình dân chủ Mỹ. Thế nhưng, họ vẫn dành cho mình quyền "lãnh đạo thế giới", vẫn coi mọi nơi, mọi chốn trên thế giới đều có lợi ích của Mỹ. Do đó, họ đã và đang thúc đẩy Liên hợp quốc hoặc tự mình can thiệp vào nơi này nơi khác để xúc tiến nền dân chủ thị trường vì lợi ích của Mỹ.

Theo Tô-mát Phrây-men, nhà bình luận chính trị của tờ *Thời báo Niu-Oóc*, chính quyền Clin-tơn tuy đã chuyển sang chiến lược mới nhằm mở rộng "gia đình các nền dân chủ tự do", nhưng trên thực tế nó vẫn mở rộng sự can thiệp như thời chiến tranh lạnh, biến chiến lược "mở rộng" thành một dạng "ngăn chặn mới". Tất nhiên, để tránh khỏi bị sa lầy và thất bại như trước đây trong chiến tranh Việt nam, hiện nay Mỹ cân nhắc, tính toán kỹ hơn : chỉ tham dự vào cuộc khủng hoảng nào mà mình có thể chế ngự, với mục tiêu rõ ràng, thời gian hoạt động có giới hạn và kịp thời rút lui khi cần thiết. Do đó, Phrây-men đã đặt câu hỏi : Phải chăng chính sách đối ngoại của Clin-tơn thực sự là chính sách tự ngăn chặn ? Thực tế phát triển của tình hình sẽ giải đáp câu hỏi đó.

Rõ ràng, tư duy chiến lược của Mỹ hiện nay vẫn chưa thoát ra khỏi lô gích can thiệp và áp đặt kiểu đế quốc chủ nghĩa trước đây. Nó chưa từ bỏ các thủ đoạn bạo lực, đầy mâu thuẫn, kiềm chế và triệt tiêu lẫn nhau, những thủ đoạn đã quá lỗi thời trong bối cảnh thế giới mới.

Cuộc sống chứng tỏ chính sách đối ngoại của Mỹ chưa có kết quả mong muốn. Thực tế ở Xô-ma-li, Ha-i-ti, Nam tư cũ và nhiều nơi khác trên thế giới nói lên điều đó. Phải chăng ông Clin-tơn vẫn chưa có phương tiện và nghị lực cần thiết để thực hiện những gì tình hình mới đòi hỏi và từ bỏ những chính sách lỗi thời ?

Digitized by Google

Một nét đặc trưng của nền kinh tế thế giới

NGÔ MẠNH LÂN *

BẤT cứ một quốc gia nào muốn phát triển kinh tế, đảm bảo ấm no cho nhân dân, giữ vững được chủ quyền, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới ngày càng toàn - cầu - hóa hiện nay, đều cần có hai điều kiện :

Một là, phải có một cơ cấu sản xuất công - nông nghiệp đa dạng, có năng suất cao, có tỷ lệ tăng trưởng hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế, khách quan trong nước. Cơ cấu này phải ngày càng hòa nhập thành một hệ thống sản xuất hoàn chỉnh, tạo nên quá trình tích lũy vốn để tái sản xuất và đầu tư thuận lợi. Cần đưa vào kết cấu hệ thống sản xuất đó mọi sáng kiến và thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến để tạo ra tỷ lệ tăng trưởng hợp lý và bền vững, năng suất lao động ngày càng cao, có đủ khối lượng và đảm bảo chất lượng sản phẩm, thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của nhân dân, cạnh tranh một cách có hiệu quả trên thị trường mậu dịch và xuất nhập khẩu thế giới, *mở rộng, thống nhất và phát triển thị trường nội địa*.

Hai là, phải đạt được cán cân thanh toán hài hòa, có dự trữ các đồng tiền mạnh cho nhà nước, tạo điều kiện để nhà nước có khả năng tận dụng thị trường tài chính và tiền tệ thế giới để *tăng cường quá trình tích lũy vốn nội địa* ; tạo tiền đề cho việc xác lập được vị trí của mình trên thị trường tài chính, tiền tệ thế giới, triển khai các khả năng thu hút vốn đầu tư cần thiết từ nước ngoài nhằm hiện đại hóa đất nước, nhất là trong các ngành công nghệ và dịch vụ cao cấp.

Hai điều kiện nói trên đòi hỏi cả một quá trình kéo dài vài thế hệ đối với một nước vốn lạc hậu và khởi điểm từ trình độ và tiến độ thấp kém về các mặt kinh tế và khoa học kỹ thuật. Những điều này đã được lý luận cũng như thực tiễn phát triển của các nước thuộc "thế giới thứ ba" chứng minh rõ ràng. Điều mới lạ (mà một số ít người vì lý do chủ quan không muốn thừa nhận) là chủ nghĩa tư bản trong quá trình vừa phát triển, vừa suy thoái trong hai thập kỷ qua, đã tạo nặn ra một hệ thống tài chính, tiền tệ có vị trí "độc lập", tách rời đối với hệ thống sản xuất. Điều đó đã trở thành vấn đề bức xúc hàng đầu đối với chính phủ các nước tư bản chủ nghĩa phát triển (gọi là "nhóm 7 nước"). Nhằm khắc phục tình hình suy thoái về kinh tế và xử lý số vốn dư thừa khổng lồ, trong những năm giữa và cuối thập kỷ 80, các tổ chức kinh doanh xuyên quốc gia đầu tư ồ ạt vào châu Âu và châu Mỹ, tạo ra sự tập trung hóa hệ thống sản xuất công nghiệp xuyên quốc gia ở mức độ chưa từng thấy kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Số vốn này hiện đang "trôi nổi", lưu thông liên tục giữa các ngân hàng thế giới và trên thị trường tài chính, tiền tệ thông qua các hệ thống máy tính điện tử ngày càng tinh vi.

Chứng minh cho những luận điểm và nhận định trên là những số liệu sau đây :

Vào giữa những năm 60, kinh doanh trao đổi giữa các ngân hàng mới chiếm tỷ lệ không quá 1% tổng sản phẩm nội địa của các nước tư bản chủ nghĩa. Tỷ lệ này tăng lên rất đáng kể vào những năm 70 và 80 ; và vào giữa những năm 80, đã là 20%. Nói tóm lại, trong hai thập kỷ qua, kinh doanh trao đổi, dịch vụ giữa các ngân hàng tăng hơn hẳn mức tăng trưởng của mậu dịch quốc tế. Hệ thống tài chính, tiền tệ đã trở thành một hệ thống xuyên quốc gia, vận hành "khép kín", thoát khỏi hệ thống kinh tế thế giới. Tình trạng kinh doanh đâu cơ về tài chính,

* Giáo sư, tiến sĩ kinh tế, Việt kiều tại Pháp

Digitized by Google

tiền tệ tự do cũng này nở nhanh chóng, sinh ra các tỉ phú có đủ quyền lực đảo lộn kinh tế tiền tệ thế giới, điều mà trước đây chưa từng thấy trong lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản [1].

Nhiều công cụ tài chính, tiền tệ cũng đồng thời xuất hiện và có hiệu lực để chuyển tiền xuyên quốc gia. Ví dụ : "Thị trường hợp đồng hàng hóa bán giao sau" (futures market) (tức thị trường hợp đồng mua bán, trao đổi trên lãi suất dự đoán sẽ tăng lên trong tương lai) xuất hiện vào những năm 70 ở Mỹ rồi lan sang các thị trường Luân-đôn, Xít-nây, Tô-ki-ô, Pa-ri, Phrăng-phuốc, nay đã trở thành một công cụ tài chính vào loại quan trọng nhất trên thị trường tài chính, tiền tệ. Số liệu mới nhất cho thấy, vào đầu năm 1990, khối lượng tiền tệ mạnh, kinh doanh trên loại hợp đồng như thế, lên đến con số khổng lồ : 1200 tỉ đô la Mỹ. Công cụ tài chính này, cũng như công cụ chuyển đổi, mua bán vốn vay nợ (swaps), năm 1991 đã lên đến con số 2500 tỉ đô la Mỹ, tạo điều kiện cho các ngân hàng thế giới hòa nhập thành một hệ thống kinh doanh tiền tệ hoạt động ngoài hệ thống mậu dịch và kinh tế thế giới (đầu tư sản xuất).

Một tập đoàn dịch vụ tài chính là ngân hàng vào loại lớn nhất thế giới, *Morgan Guaranty Trust Co.*, thường có những đánh giá tình hình kinh tế sắc sảo, được các giới kinh doanh tầm cỡ hết sức chú trọng, đã phải kết luận rằng : "Sự không ổn định về kinh tế tài chính trong thập kỷ 70 đã tạo ra những khoản thâm hụt ở cấp chính phủ cũng như sự mất cân đối ở bên ngoài, nó đòi hỏi một sự tài trợ ở quy mô không có tiền đề trong thời bình. Vốn tài trợ này vượt quá khả năng đáp ứng của các thị trường tài chính vốn bị chia cắt từng mảnh. Chính yêu cầu tài trợ này trong thời điểm những tiến bộ về kỹ thuật và thông tin, đã làm nảy sinh một loạt những phát minh : từ loại tín phiếu thay thế cho hoạt động tín dụng trung gian của ngân hàng cho đến các công cụ tài chính mới bắt nguồn từ những tín phiếu, kể cả việc chuyển đổi, mua bán vốn vay nợ (swaps). Tất cả những phát minh ra các công cụ trên đã có tác dụng khắc phục tình trạng truyền thống của thị trường tài chính, đóng góp rất lớn vào quá trình sáp nhập có hiệu quả các thị trường tài chính thành một thị trường có tính chất toàn cầu"[2].

Kinh doanh ngoại tệ trên các thị trường tiền tệ quan trọng nhất hiện nay (các nước tư bản phát triển) lên đến con số khoảng 170 tỉ đô la Mỹ mỗi ngày, gấp hơn chục lần khối lượng tiền tệ trên thị trường mậu dịch và dịch vụ trên thế giới.

Tình hình khủng hoảng và suy thoái kinh tế trầm trọng ở các nước tư bản chủ nghĩa hùng mạnh nhất (Nhật, Mỹ, châu Âu) làm cho xu hướng nhận định trên càng đậm nét và triển khai mạnh hơn bao giờ hết, vì lý do đơn giản thích ứng với quy luật vận hành của chủ nghĩa tư bản : tìm kiếm lợi nhuận tối đa. Hoạt động kinh doanh lấy vốn "nhàn rỗi" cho các quốc gia và thế giới vay mượn đang được coi là chính sách tối ưu. Vốn tiền tệ "nhàn rỗi" khổng lồ này đang đi tìm các địa bàn thuận lợi nhất trên thế giới để hoạt động. Vả lại, đối với các nước "nghèo", "đang phát triển", *xu hướng* đầu tư trực tiếp từ hai thập kỷ qua không phải chủ yếu đầu tư vào sản xuất mà là vào các dịch vụ, tư vấn, bảo hiểm, quảng cáo, du lịch, v.v. [3]. Tình hình kinh tế ở Nga, Đông Âu cũng chứng minh cho nhận định này.

Một số ý kiến đề nghị :

- Do tình hình kinh tế thế giới trong thời gian trước mắt chưa cho phép nước ta, một nước còn nghèo và lạc hậu về nhiều mặt, huy động *đáng kể* vốn đầu tư từ bên ngoài vào sự nghiệp xây dựng đất nước, cho nên sự nghiệp đó chủ

(1) Năm 1993 nhà tài phiệt Georges Soros ở Mỹ đã buộc chính phủ Anh phải phá giá đồng xtéclinh và thu hút vào lợi tức ước lượng trên 100 triệu đô la Mỹ trong thời gian vài ngày

(2) *World Financial Markets*, Washington D.C. tháng 4-1991

(3) Xem *Japan External Trade Organization*, Nippon 1990 ; *Business Facts and Figures*, Tokyo, 1990 ; *Survey of Current Business*, tháng 6-1991 (và các số trước từ những năm 1980), Washington D.C. (Mỹ)

Digitized by Google

yếu vẫn là dựa vào vốn tích lũy bên trong và lòng yêu nước truyền thống của nhân dân ta. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta nên có chủ trương và chính sách phù hợp, làm sao thu hút được vào nước ta một phần số vốn tài chính, tiền tệ "nhàn rỗi" đang nằm ở các ngân hàng và thị trường tài chính, tiền tệ lớn nhất thế giới.

- Vì nhiều lý do, địa bàn truyền thống của các ngân hàng ngày càng thu hẹp trong phạm vi các nước tư bản chủ nghĩa phát triển ở châu Mỹ, châu Âu, và ở khu vực ảnh hưởng của Nhật ở châu Á [4]. Nắm được xu hướng phát triển này cũng là nắm được cơ hội có một không hai để có chủ trương, chính sách thích hợp, thu hút các nhà tài chính lớn vào hoạt động tại nước mình.

- Để có thể thu hút một phần số vốn khổng lồ "nhàn rỗi" nói trên, chúng ta nên phối hợp với các ngân hàng thế giới thành lập một tổ hợp các ngân hàng [5] với những điều kiện kinh doanh tự do, dễ dãi, hấp dẫn. Khi Việt nam trở thành địa bàn kinh doanh ngân hàng, tiền tệ với hàng chục, hàng trăm tỉ đô la Mỹ, thì ta không những có thể vay mượn được, mà nhờ hoạt động kinh doanh đa dạng của tổ hợp các ngân hàng nói trên, ta còn có được một tiềm lực dự trữ ngoại tệ khổng lồ với các đồng tiền mạnh (như US, DM, Yên, v.v.) ra vào nước ta.

(4) Chủ tịch Tổ hợp ngân hàng CS Holding, Rainer Gut đã phải thừa nhận rằng : các trung tâm ngân hàng quốc tế đang phải trải qua một cuộc khủng hoảng lớn về cơ cấu tổ chức và chiến lược hoạt động kinh doanh trước tình hình nền kinh tế thế giới đang toàn cầu hóa với nhịp độ nhanh chóng, mà ngân hàng thì lại có xu hướng "nổ tung", phân tán (Xem *The Economist*, 21 - 27-8-1993, London)

(5) Tổ hợp các ngân hàng tư nhân này có đầy đủ các chức năng hoạt động như một ngân hàng "ngoài khơi" (offshore) trên nước thứ ba

Hải ninh...

(Tiếp theo trang 44)

lĩnh vực mới mẻ xuất hiện và hòa vào cuộc sống. Nền kinh tế nhiều thành phần bắt đầu phát huy tác dụng. Cuộc sống mới rõ nét hơn, văn minh và thanh bình hơn. "Mở cửa" cũng khai thêm một "kênh" mới để Hải ninh nhìn ra thế giới, hiểu biết và học tập bạn bè thế giới nhiều hơn. Và bạn bè, các giới làm ăn từ các châu lục cũng có điều kiện tìm đến Hải ninh nhiều hơn. Hải ninh đã ký những hợp đồng hợp tác liên doanh với nước ngoài, điều mà trước đây chưa từng có. Đặc biệt, thông qua "mở cửa", mối quan hệ của nhân dân biên giới hai nước Việt - Trung ngày càng trở nên tốt đẹp hơn.

Nhưng, "mở cửa" cũng đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ và phức tạp. Kinh tế thị trường với sự phân hóa giàu nghèo, phân hóa đạo đức và lối sống là vấn đề nóng bỏng nhất. Hải ninh hiện nay không còn người đói, nhưng sớm muộn, do sự phức tạp về địa lý, sự khác nhau về điều kiện kinh tế xã hội giữa ba vùng, sẽ khó tránh khỏi nảy sinh sự chênh lệch về mức sống, nhất là đối với các gia đình đồng bào dân tộc ở sát biên giới và hải đảo. Mặt khác, lối sống thực dụng, chạy theo lợi ích vật chất và đồng tiền, thực tế đã xuất hiện và làm băng hoại nếp sống truyền thống tốt đẹp. Đã có không ít cán bộ, đảng viên bị sa ngã. Phải tiếp tục làm gì để hạn chế những mặt đó ?

Vấn đề thực hiện chính sách xã hội cũng đang là mối quan tâm lớn của Hải ninh. Vẫn còn hàng nghìn hộ gặp khó khăn trong đời sống, nhất là các gia đình thương binh liệt sĩ, đồng bào ở rẻo cao và hải đảo. Họ đang thiếu vốn để sản xuất, thiếu những điều kiện tối thiểu để bảo đảm cuộc sống. Làm sao để họ có thể theo kịp nhân dân vùng đồng bằng và thị trấn ? Làm sao có thể bảo đảm sự cân đối giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội ? Các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, trộm cướp, buôn lậu, thậm chí cả giết người, cũng đã lan tới Hải ninh. Bởi vậy, tăng cường công tác an ninh và quốc phòng như thế nào cũng là một vấn đề rất lớn.

Cùng với "mở cửa", Hải ninh đã trở thành một khu vực đối ngoại trên nhiều phương diện. Vì vậy, chúng tôi nghĩ, nhà nước cần có một quy chế riêng đối với Hải ninh, giúp cho Hải ninh có những điều kiện cần thiết để chủ động điều hành tốt các công việc trên địa bàn huyện.

Digitized by Google

KHI GIẮC ĐÊ-RI-ĐA (JACQUES DERRIDA) KHÔI PHỤC DANH DỰ CHO TÁC GIẢ BỘ "TƯ BẢN"

MÁC, NHÀ TƯ TƯỞNG CỦA THẾ KỶ XXI

Lời BBT - *Trước sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu, một số người hí hửng tuyên bố "Mác đã chết". Nhưng* **Giắc Đê-ri-đa,** *một nhà triết học hiện đại phương Tây có uy tín ở Pháp và ở Mỹ, một người chưa từng là mác-xít, mới đây đã cho xuất bản ở Pa-ri cuốn* **Những bóng ma của Mác** *("Spectres de Marx") để khẳng định sự cần thiết phải "trở về với Mác". Theo ông,* "sẽ không có tương lai nếu không có Mác, không tưởng nhớ và kế thừa Mác". *Cần phải trở về với Mác để chống lại cái* "trật tự thế giới mới" *của thị trường tư bản chủ nghĩa mà ông mô tả là* "chưa bao giờ đàn ông, đàn bà và trẻ em lại bị nô dịch, bị bỏ đói hoặc bị tiêu diệt nhiều đến như vậy".

Những nét cơ bản về Đê-ri-đa và cuốn sách nói trên của ông, bạn đọc có thể tìm hiểu qua nội dung bài viết của **Đi-đi-ê Ê-ri-bông** *(Didier Eribon) nhan đề "Mác, nhà tư tưởng của thế kỷ XXI" đăng trên báo Pháp* **Người quan sát mới** *("Le Nouvel Observateur") số ra ngày 17-10-1993. Dưới đây là bản lược dịch bài báo đó.*

Niu-oóc. Chủ nhật, 26 tháng chín, 20 giờ. Giắc Đê-ri-đa nói về La-can (Lacan), bằng tiếng Anh, trong khung cảnh một cuộc hội thảo diễn ra ở Trường Luật Các-đô-đô, trên Đại lộ 5, rất gần Quảng trường Oa-sinh-tơn. Mặc dù đây là một cuộc hội thảo "kín" và "theo giấy mời" nhưng người dự đông đến nỗi những người tổ chức đành phải bỏ giảng đường đã dự kiến ban đầu và biến phòng lớn bên ngoài thành giảng đường.

Cũng như mọi năm, Đê-ri-đa qua tháng chín ở Niu-Oóc, nơi ông dành cho một hội nghị chuyên đề ở Trường đại học tổng hợp Niu-Oóc. Và, cũng như mọi năm, sự có mặt của ông ở Niu-Oóc gây nên một không khí sục sôi đáng ngạc nhiên. Nhà triết học Pháp phải có một nghị lực khác thường mới đáp ứng được mọi lời khẩn cầu đối với ông. Giờ thì ông đi Mem-phít, bang Ten-nơ-xi, nơi có hai ngày thảo luận chung quanh tác phẩm của ông. Rồi, ngay sau đó, ông sẽ tới Duke, một trong những trường đại học tổng hợp có uy tín nhất nước Mỹ, ở bang Bắc Ca-rô-lai-na. Nhưng ông không có thời giờ dừng lâu : người ta đang dợi ông ở Niu-Oóc cho một cuộc hội thảo khác mà ông một lần nữa lại là nhân vật trung tâm, và chúng ta cũng không ngại nói từ này, nhân vật nổi tiếng. Và đây, ngày 7 tháng mười, buổi chiều ông đọc tham luận, hàng trăm người chen chúc đông nghịt trong một gian phòng rộng mênh mông với mong muốn được tham dự vào một sự kiện. Vả lại, đề tài cuộc hội thảo rất xây dựng : "Deconstruction is/in America". Thật khó dịch : "Sự phá bỏ ở Mỹ /Sự phá bỏ là Mỹ". Và nếu "sự phá bỏ" là tên để gọi phương pháp tiến hành của Đê-ri-đa, thì quả thật người ta có thể nói sự phá bỏ là ngay ở Mỹ. Có thể nhận định như vậy ít ra là qua những đám đông chen chúc nhau với một nhiệt tình tha thiết được nghe cái giọng đặc Pháp ấy... Hoặc qua số môn đệ đang hoạt động theo bước Đê-ri-đa trong các lĩnh vực hết sức khác nhau, từ triết học

Digitized by Google

cho tới nghiên cứu pháp lý, rồi lại qua nghiên cứu văn học, lịch sử nghệ thuật, kiến trúc... Bởi vì thành công của Đê-ri-đa ở Hoa kỳ, không chỉ là một hiện tượng theo mốt do các sinh viên hám *lý thuyết Pháp (French theory)* khuyến khích. Đó trước hết là bầu không khí sục sôi mênh mông về trí tuệ trong giới nghiên cứu. Với cái năng suất điển hình Mỹ nhân lên gấp bội số đầu sách, số bài báo, số các cuộc hội thảo, số các cuộc gặp gỡ... Và cả với những gì cái đó có thể gây nên, đôi khi là những sự thái quá đủ loại, từ phía những người hâm mộ cũng như từ phía những người chống đối.

Thấy Đê-ri-đa được nhiều người hâm mộ như vậy, người ta rốt cục phải tự hỏi không biết thâm tâm ông có không đồng ý với cái kiểu như bị đi đày sang Mỹ đó không. Ông trả lời có phần hài hước : *Bị đày sang Hoa kỳ ư ? Không, tuyệt nhiên không. Quả thật ở Pháp tôi được đưa ra trưng bày, đưa ra triển lãm ít hơn ở đây nhiều. Ở Pháp, tôi sống một cuộc đời ẩn dật hơn nhiều. Nhưng, như các bạn biết đấy, một năm tôi sống những mười tháng ở Pa-ri, còn ở Hoa kỳ chỉ có hai tháng thôi : bốn tuần ở Niu-Oóc và bốn tuần ở Ca-li-phoóc-ni-a. Điều tôi cảm thấy vui là sự quan tâm có thể có ở một số người ở Pa-ri cứ muốn giới thiệu tôi như một người không sống ở Pháp, và nhất là như một người gây hứng thú chủ yếu cho người nước ngoài. Ở điểm này có một cử chỉ mà tôi đã nhận thấy từ lâu, đã phân tích động cơ và phản kháng, bởi vì nó không đúng : tôi viết bằng tiếng Pháp, cho bạn đọc Pháp, tính tới khung cảnh Pháp. Tất cả những gì có thể diễn ra ở nước ngoài đều từ đó mà ra, tuyệt nhiên không từ một cách thích ứng nào của tôi với "sự việc nước ngoài".*

Thực vậy, vào lúc mà Đê-ri-đa hiện diện dưới những đèn chiếu của Trường đại học tổng hợp Mỹ, thì không phải ở Niu-Oóc ông sản sinh ra bản tham luận nổi bật nhất của mình. Mà thực sự là ở Pa-ri, nơi ông xuất bản một cuốn sách có đầu đề kích thích sự tò mò : "Những bóng ma của Mác". Chắc là những người Mỹ đã có được bản sơ thảo nội dung tác phẩm ấy. Đó là bản dịch phát triển hai bài nói chuyện rất dài của ông ở Ri-vơ-xai (Riverside), vào mùa xuân vừa qua, trong một cuộc hội thảo về đề tài : "Chủ nghĩa Mác đi tới đâu ?". Nhưng tác phẩm là bằng tiếng Pháp và dường như trước hết để nói trong bối cảnh trí thức nước ta. Một cuốn sách kỳ lạ, vừa là một tuyên ngôn chính trị, vừa là một tác phẩm triết học ở trình độ rất cao. Trong đó có sự luận chiến chống lại nhà viết tiểu luận Phran-xít Phu-cui-a-ma (Francis Fukuyama) và ý niệm của ông ta về một sự "kết thúc lịch sử" gắn với những bài bình luận và những tranh luận của Hai-đơ-gơ (Heidegger), Blăng-sô (Blanchot), Lê-vi-nát (Levinas). Và tất nhiên, của Mác nữa. Mác mà Đê-ri-đa đã đưa những tác phẩm của ông qua sự sàng lọc của một cách đọc thận trọng, tỉ mỉ, thậm chí hay bắt bẻ.

Dù sao cũng phải thừa nhận : cuốn sách này rất khó đọc. Cũng như mọi cuốn sách của Đê-ri-đa, nó dành cho các bạn đọc quen với văn hóa triết học. Nhưng cũng hiển nhiên là, mặc dù có khó khăn đó, tác dụng của cuốn sách sẽ nhanh chóng vượt xa phạm vi hạn hẹp của những đối tượng nói trên. Bởi vì Đê-ri-đa cho rằng cuốn sách của ông trước hết là một hành động chính trị. Một sự xác định lập trường : *"Công việc đọc các tác phẩm của Mác không phải là điều quan trọng nhất. Công việc này tôi đã bắt đầu từ lâu trong quá trình giảng dạy, và đứng về mặt khái niệm mà nói, mọi sợi dây của công việc trước kia của tôi, dù đó là công việc cũ hay công việc mới đây, đều gặp lại ở đấy. Điều mang tính thời sự hơn cả, điều đã thúc đẩy tôi phải cao giọng, dưới hình thức một sự xác định lập trường chính trị, đó là sự mất kiên nhẫn ngày càng tăng mà tôi cảm thấy, và tôi tin rằng không phải chỉ tôi mới cảm thấy như vậy, trước một sự nhất trí vừa hoan hỉ vừa nhăn nhó tràn ngập mọi bài diễn văn, một sự nhất trí theo đó không chỉ các xã hội có xu hướng mác xít đang tan rã, điều này là hiển nhiên, mà cả bản thân chủ nghĩa Mác nữa. Mọi trích dẫn Mác đã trở thành một thứ gì đáng nguyền rủa. Tôi đã nghĩ rằng ở đó có một ý muốn phù phép, xua đuổi tà ma, một ý muốn đáng được phân tích, và cũng đáng để người ta nổi dậy chống lại. Theo một cách nào đó, cuốn sách của tôi là một cuốn sách nổi dậy. Đó là một cử chỉ chắc là không hợp thời, một cử chỉ tới không đúng lúc. Nhưng ý niệm về sự không đúng lúc lại ở ngay cốt lõi cuốn sách. Sự không đúng lúc, đó là cái làm rã cái hiện tại. Đó là một cuốn sách đến không đúng lúc, nhưng lại bàn đến chính cái không đúng lúc. Và rồi, điều mà*

Digitized by Google

người ta luôn hy vọng khi người ta làm một cử chỉ không đúng lúc, lại chính là hy vọng rằng cử chỉ đó đến đúng lúc, vào lúc mà người ta cảm thấy rằng cử chỉ đó là cần thiết. Chính đó là một sự xác định lập trường chính trị".

Việc Đê-ri-đa cầu cứu Mác, gợi lại Mác như vậy có cái gì đó làm người ta ngạc nhiên. Đúng, ở mức độ ông chưa bao giờ là người mác xít. Ông còn gợi lại cả thời kỳ mà ông mới bắt đầu công việc giảng dạy và xuất bản sách : một thời kỳ mà như ông nói, còn *"bị đe dọa"* bởi chủ nghĩa Mác, bởi một sự *"buông thả giáo điều"* mà ông luôn luôn muốn mình không bị sa vào và luôn luôn giữ khoảng cách. Là học sinh Trường cao đẳng sư phạm phố Ulm vào đầu những năm 60, Đê-ri-đa đã sống trong một môi trường ở đó chủ nghĩa Mác ngự trị. Lúc đó ông là một trong những người *"chống lại chủ nghĩa Mác, chống lại chủ nghĩa cộng sản trên thực tế (Liên xô, Quốc tế của các đảng cộng sản và tất cả mọi thứ tiếp sau, nghĩa là nhiều chuyện...), nhưng muốn không bao giờ làm điều đó xuất phát từ những động cơ bảo thủ hoặc phản động, cũng như từ lập trường cánh hữu ôn hòa hoặc cộng hòa"*. Và cũng chính trong phạm vi đó, trong sự hiểu biết và khước từ vốn có của ông ngay từ thời kỳ ấy đối với sự khủng bố xô viết, đối với chế độ cực quyền, đối với những tai họa kinh tế - xã hội của các nước phương Đông, đối với chủ nghĩa Xta-lin trước đây và chủ nghĩa Xta-lin mới hiện nay, mà Đê-ri-đa bắt đầu công tác lý luận và bắt đầu công việc mà ngày nay người ta gọi là sự "phá bỏ". "Phá bỏ", đó là một thứ phương tiện để bác bỏ những sự tán đồng, những sự liên kết về lý luận, những gì là chính thống. Đó là đòi quyền cho tư tưởng được xem xét và đặt thành vấn đề, ở mọi lúc và mọi nơi, đối với các niềm tin triết học, những giả định, những thành kiến. Đó là đòi sự tự do. Một sự tự do mà Đê-ri-đa đã muốn truyền bá. Không nên quên điều này : nhà triết học thúc giục chúng ta hôm nay hãy nghe tiếng nói của Mác, cũng chính là người mà trong những năm 70 và 80 đã đi giúp những người ly khai của các nước phương Đông cố gắng tổ chức những chỗ suy tư mang tính chất trí tuệ bất chấp sự đàn áp không thương xót ập xuống đầu họ. Năm 1981, Đê-ri-đa thậm chí còn bị bắt giữ ở Pra-ha và bị các nhà cầm quyền cộng sản bỏ tù nhiều ngày. Họ buộc tội ông buôn bán ma túy trong lúc ông tới tham dự một hội nghị chuyên đề bí mật. Sự việc ầm ĩ lên, và chính phủ Pháp đã rất nhanh chóng đạt được điều mong muốn là cái tên nguy hiểm "buôn bán" sách và tư tưởng phá hoại ấy được phóng thích và được phép rời đất nước...

... Nhưng ngày nay, chống lại bài diễn văn *"chủ yếu và thống trị"* báo cái *"tin tốt lành"* là "Mác đã chết", đã chết và được chôn vĩnh viễn dưới đống gạch vụn của bức tường Béc-lin và dưới đống hoang tàn của chủ nghĩa cộng sản, chống lại cái lối rao giảng chính thống mới ấy, chống lại cái chủ nghĩa giáo điều mới ấy, Đê-ri-đa đã không ngần ngại tuyên bố rằng phải trở về với Mác : *"Trong truyền thống triết học, ít có những tác phẩm nào cũng có thể không có tác phẩm nào khác, mà bài học tỏ ra cấp bách hơn đối với hôm nay"*. Ông còn nói thêm rằng *"sẽ không có tương lai nếu không có Mác, không tưởng nhớ và kế thừa Mác"*... Vì sao hôm nay chúng ta lại phải quan tâm tới bóng ma của Mác ? Trước hết, bởi vì chúng ta không có sự lựa chọn, dường như Đê-ri-đa nói như thế. Bóng ma của chủ nghĩa Mác tiếp tục ám ảnh châu Âu : *"Chúng ta sống trong một thế giới, một số người thì nói là trong một nền văn hóa, đang giữ lại dấu hiệu của sự kế thừa ấy, mà chúng ta có thể trực tiếp hay không trực tiếp thấy, với một bề sâu không thể tính được"*. Mác và chủ nghĩa Mác đã tạo nên lịch sử của thế kỷ XX : *"Đó là cái đã làm cho có thể xảy ra cuộc cách mạng xô viết, và gắn liền với nó, chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa quốc xã"*, là những cái đã được tạo ra để phản ứng lại chủ nghĩa cộng sản. Và cũng rất rõ ràng là *"chúng ta đang ở hôm sau của tất cả điều đó. Tôi không nói rằng chỉ chúng ta mới là những người kế thừa Mác, nhưng chắc chắn là người ta không thể gạt bỏ Mác khỏi sự kế thừa"*. Thực ra, toàn bộ cuốn sách của Đê-ri-đa xoay quanh câu hỏi sau : kế thừa cái gì ? Ở điểm này Đê-ri-đa tiếp tục trong tác phẩm này một sự suy tư đã bắt đầu từ nhiều năm nay về đám tang và lễ tang. Chúng ta có mối quan hệ như thế nào đối với người vắng mặt - người đã chết - và người mà dù sao đối với chúng ta vẫn có mặt ("bóng ma" vượt qua sự chống lại của sự có mặt và sự vắng mặt) ? Nếu như người ta có thể nói rằng Mác đã chết, thì chúng ta cần phải biết được chúng ta kế thừa như

Digitized by Google

thế nào di sản mà ông đã để lại cho thế giới chúng ta. Và chúng ta có thể làm gì đối với di sản ấy. Kế thừa bao giờ cũng là lựa chọn, xem lại những chỗ và lựa chọn giữa những chỗ chúng ta muốn giữ lại cho mình và những chỗ chúng ta muốn gạt bỏ. Có nhiều "tinh thần của Mác", và trong những tinh thần đó cần biết tinh thần nào chúng ta phải bảo tồn, và những tinh thần nào chúng ta phải loại bỏ... Đấy là điều mà Đê-ri-đa cố gắng *"đi sâu phân tích" : "Tôi cố gắng đưa ra những công thức đọc để tách biệt trong tác phẩm của Mác, hay đúng hơn là trong các tác phẩm của Mác - bởi vì không có một tác phẩm của Mác - một số mệnh lệnh theo hướng cực quyền và một số khác theo hướng ngược lại, phản kháng chế độ cực quyền. Vì vậy mà chủ đề mệnh lệnh là không thuần nhất và mâu thuẫn. Và mọi sự kế thừa đều yêu cầu phải lựa chọn và phân biệt đối với sự kế thừa. Kế thừa, đó là đứng trước một tác phẩm mật cần phải giải trình. Kế thừa, chính là chịu trách nhiệm phân biệt đối với cái bên trong của sự kế thừa"*. Đê-ri-đa nói thêm : *"Kế thừa, đó không chỉ và chủ yếu là bảo tồn, đó là khẳng định lại một ký ức mà người ta mở ra cho tương lai. Đó là một lời kêu gọi làm chứng và hành động"*.

Trong sự kế thừa Mác đó, quả thực có một trong những "tinh thần" của chủ nghĩa Mác mà chúng ta hôm nay tuyệt đối cần để chống lại tất cả những ai tán dương tình thế hiện nay của các nền dân chủ tự do và của thị trường tư bản chủ nghĩa : đó là tinh thần phê phán xã hội, phê phán triệt để. Chính cái tinh thần đó của chủ nghĩa Mác, và cũng là sự kế thừa các nhà tư tưởng của thế kỷ Ánh sáng, mà Đê-ri-đa muốn cầu cứu, và ông phân biệt một cách rành mạch, thậm chí mãnh liệt nó với tất cả những tinh thần khác của Mác, những cái đã gắn chặt chủ nghĩa Mác với một "thực thể học thuyết", với một hệ thống triết học, với cái mà Đê-ri-đa gọi là một *"bản thể luận"* , với toàn bộ tính siêu hình của *"chủ nghĩa duy vật biện chứng"* cùng với toàn bộ những khái niệm đi theo nó, như khái niệm về lao động, về phương thức sản xuất, về giai cấp xã hội, và cùng với toàn bộ lịch sử các bộ máy của nó, như các đảng cộng sản, Quốc tế, chuyên chính vô sản, nhà nước, và sau hết là quái trạng cực quyền.

Sở dĩ Đê-ri-đa ngày nay cảm thấy như một sự cần thiết, như một sự cấp bách, cái nhiệm vụ phải phân biệt đối với sự kế thừa ấy và cái trách nhiệm mà chúng ta phải gánh vác ấy, đó là vì ông có cảm tưởng rằng nền dân chủ đang bị đe dọa bởi cái *"trật tự thế giới mới"* đang buộc mọi người phải chấp nhận. *"Thế giới bất ổn" ("The time is out of joint")*, Đê-ri-đa viết bằng cách dẫn "Hamlet". Và rồi ông dựng lên bức tranh màu đen với "10 vết loét" của cái *"trật tự mới"* ấy : thất nghiệp ; *"đuổi hàng loạt công dân không nơi cư trú ra khỏi mọi sự tham gia vào đời sống dân chủ của các nhà nước" ; "đuổi hoặc đọa đày nhiều đến như thế những người lưu vong, những người không quốc tịch, những người nhập cư"* ; chiến tranh kinh tế giữa các nước ; *"sự trầm trọng thêm của nợ nước ngoài và một số cơ chế liên quan khác đang bỏ đói hoặc đẩy tới chỗ tuyệt vọng một bộ phận lớn loài người"* ; nền công nghiệp và thương mại vũ khí *"nằm trong sự điều tiết bình thường đối với việc nghiên cứu khoa học, đối với nền kinh tế và đối với xã hội hóa lao động trong các nền dân chủ phương Tây"* ; sự mở rộng và phân tán vũ khí hạt nhân ; các cuộc chiến tranh giữa các sắc tộc *"dựa vào một khái niệm và một ảo ảnh cổ lỗ về cộng đồng, về nhà nước dân tộc, về chủ quyền, về các biên giới, về đất đai và dòng máu"* ; quyền lực của các nhà nước ma là bọn Ma-phi-a và côn-xoóc-xi-om ma túy ; hiện trạng của quyền quốc tế và các thể chế của nó...

Đê-ri-đa kết luận bằng bản buộc tội sau : *"Phải kêu to lên điều này khi một số người dám làm theo kiểu mới cái việc truyền bá kinh phúc âm nhân danh lý tưởng về một nền dân chủ tự do mà cuối cùng người ta đạt tới như là đạt tới lý tưởng của lịch sử loài người : chưa bao giờ bạo lực, sự bất bình đẳng, sự trục xuất, nạn đói, và cũng là sự áp bức kinh tế lại tác động đến chừng ấy con người trong lịch sử trái đất và lịch sử nhân loại. Thay vì ca ngợi sự đăng quang của lý tưởng về nền dân chủ tự do và về thị trường tư bản chủ nghĩa trong sự hoan hỉ về sự kết thúc của lịch sử, thay vì làm lễ kỷ niệm sự "kết thúc của các hệ tư tưởng" và sự kết thúc của những bài diễn văn lớn về giải phóng, hãy đừng bao giờ bỏ qua một điều hiển nhiên mà ai cũng thấy được do muôn vàn đau khổ đặc biệt tạo ra : đó là chưa bao giờ đàn ông, đàn bà và trẻ em lại bị nô dịch, bị bỏ đói hoặc bị tiêu diệt nhiều đến như thế trên trái đất"*.

Digitized by Google

Toàn bộ những người đàn ông và đàn bà đó, bộ phận nhân loại đau khổ đó tạo thành cái mà Đê-ri-đa gọi là một *"Quốc tế mới"*. Một quốc tế (mà chính ông dùng chữ hoa cho từ đó) không có tổ chức, không có đảng phái, không có học thuyết, không có hệ tư tưởng, nhưng cố kết bằng *"một mối liên hệ thân thuộc"*, bằng một *"sự liên minh không thể chế giữa những người tiếp tục dựa vào (cho dù từ nay họ không còn tin theo hoặc trước đây họ chưa từng bao giờ tin theo Quốc tế xã hội chủ nghĩa - mác xít, tin theo chuyên chính vô sản, tin theo vai trò Chúa cứu thế, vai trò hậu thế của liên minh thế giới của vô sản tất cả các nước) ít ra là một trong những tư tưởng của Mác hoặc của chủ nghĩa Mác để liên minh với nhau, theo một phương thức mới, cụ thể, thiết thực, trong việc phê phán (cả về mặt lý luận và về mặt thực tiễn) trạng thái của quyền quốc tế, những khái niệm về nhà nước và dân tộc. Để đổi mới sự phê phán đó và nhất là để triệt để hóa nó"*.

Sự "phê phán triệt để này" thực ra chỉ là một tên gọi khác của sự "phá bỏ". Đê-ri-đa muốn dựa sự phê phán đó trên ý niệm về sự "công bằng", một khái niệm mang tính đạo đức sâu sắc (từ này có thể sẽ làm ông khiếp sợ), mà ông muốn phân biệt với quyền (droit) và với những nguyên tắc pháp lý (règles juridiques). Bởi vì người ta có thể luôn luôn phê phán, "phá bỏ" những hình thức lịch sử của quyền. Trái lại, sự "công bằng", đó là điều thoát ra ngoài sự "phá bỏ". Đó cũng là điều mà sự phá bỏ dựa vào. Đê-ri-đa còn đi xa hơn : *"Sự công bằng*, ông nói, *đó là sự phá bỏ"*. Và không nghi ngờ gì nữa, người ta còn có thể đảo ngược công thức : sự phá bỏ, đó là sự công bằng. *"Quốc tế mới"* đang tồn tại, dù sao còn ở trạng thái tiềm tàng, và nó đang chống lại *"trật tự thế giới mới"* để giành những quyền mới, những khả năng mới, những vận may mới trong tương lai, và cũng để mở rộng không gian dân chủ. Để chống lại những ai muốn "xua đuổi" chủ nghĩa Mác nhân danh "quyền con người", Đê-ri-đa đã đưa ra cái công thức *"chống xua đuổi"* sau : đó là tinh thần phê phán mác xít, cái đối với chúng ta cần thiết hơn bao giờ hết để đưa lại một tiếng nói cho cuộc chiến đấu đó vì nền dân chủ. Vào lúc mà *"nền dân chủ bị đe dọa hơn bao giờ hết, cần phải suy nghĩ lại những tiên đề và những thể chế của nó"*.

Điều đó cũng có nghĩa phải suy nghĩ không chỉ về tình hình thế giới, mà cả về những hình thức hiện nay của đời sống chính trị, của sự thảo luận và quyết định ở các nước phương Tây. Cũng có nghĩa phải suy nghĩ về cái mà Đê-ri-đa gọi là "công nghệ từ xa" (télé - technologie), về sự biến đổi không thể tưởng tượng của cái công nghệ về thông tin và liên lạc đã diễn ra trong hai mươi năm vừa qua và đã làm đảo lộn toàn bộ *"không gian công cộng"* và sự hoạt động của nền dân chủ.

Đê-ri-đa kêu gọi trách nhiệm của các nhà trí thức. Không phải vì ông muốn lấy lại cho mình cử chỉ truyền thống của "người trí thức tự nguyện, có thái độ chính trị rõ ràng", bởi vì thời thế đã thay đổi : *"Tôi rất kính trọng đối với Xác-tơ-rơ (Sartre), đối với các nhà trí thức lớn là những người cha và những mẫu mực của chúng ta, nhưng ngay như có xuất phát từ lòng kính trọng của tôi đối với các vị ấy, tôi tin vẫn có thể nói rằng ngày nay điều đó không thể xảy ra theo cùng một cách nữa. Sự vận hành phức tạp của các công nghệ từ xa mới, những biến đổi của không gian công cộng buộc phải có những trách nhiệm mới. Người ta không thể nói như trước đây người ta đã nói nữa. Và nếu không phải là quá tham về phần tôi, thì tôi kêu gọi hãy đào tạo một kiểu trí thức mới, biết thoát ra khỏi mọi chuẩn mực đã được đặt ra cho những bài giảng, những bài diễn văn và tham luận"*.

Nhưng Giắc Đê-ri-đa, ông muốn làm gì vậy ? Ông đề nghị điều gì ? Ông mỉm cười. *"Tôi ấy à ? Không gì cả. Tôi làm những điều không hợp thời, thế thôi. Quả thật tôi đã không đề nghị một bài diễn văn lớn công khai, mang tính nhân dân. Điều mà tôi hy vọng, đó là việc gián tiếp thông qua một số những việc làm trung gian hòa giải, tôi cùng những người khác tham gia vào một phong trào chung vượt quá sức tôi"*. Bằng cách nói với bóng ma của Mác ư ? Và bằng cách nghênh tiếp bóng ma đó khi nó xuất hiện ? Đúng vậy. Đó là vai trò của nhà trí thức. Lại phải một lần nữa trích dẫn "Hamlet" thôi : *"You are a scholar, speak to it"*, Mác-xê-lớt (Marcellus) nói với Hô-ra-xi-ô (Horatio) khi bóng ma xuất hiện. Dịch : *"Anh là một người có học, hãy nói với bóng ma ấy"*.

HỒNG LÊ dịch

Digitized by Google

NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN, XÃ HỘI CÔNG DÂN

● NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

Nhà nước pháp quyền là một kiểu nhà nước dựa trên cơ sở pháp luật, được thực hiện thông qua pháp luật và bị hạn chế bởi chính pháp luật. Nhà nước pháp quyền là nhà nước mà hoạt động dựa hẳn vào các đạo luật và nhằm thực hiện nghiêm chỉnh các đạo luật, tuân thủ nghiêm chỉnh và bảo vệ các quyền của công dân, của các đơn vị kinh tế và của các tổ chức xã hội ; giữa chúng có sự liên hệ chặt chẽ với nhau bởi trách nhiệm pháp lý. Nhà nước pháp quyền là hệ thống toàn diện các thể chế và yêu cầu dân chủ và pháp luật nhất định. Nhà nước pháp quyền là tổ chức chính trị của xã hội, thông qua pháp luật để tạo ra các điều kiện cho sự tồn tại và hoạt động của xã hội công dân - một xã hội bao gồm hệ thống các thiết chế xã hội để mỗi công dân và các liên hiệp của họ thực hiện tự do những khả năng lao động sáng tạo của mình.

Thuật ngữ "nhà nước pháp quyền" được đưa ra và sử dụng đầu tiên ở Đức nửa đầu thế kỷ XIX và sau đó được phổ biến rộng rãi ở các nước khác. Sự hình thành nhà nước pháp quyền gắn liền với việc phát triển dân chủ, loại trừ chuyên quyền độc đoán, vô chính phủ và vô pháp luật... Điều cốt lõi của nhà nước pháp quyền là khẳng định và bảo đảm sự thống trị của pháp luật trong đời sống nhà nước và xã hội. Tư tưởng đó nảy sinh từ xa xưa như một sự đối lập với chuyên quyền, độc đoán, của người cầm quyền. Nhà triết học cổ Hy lạp Pla-tôn (427 - 347 trước công nguyên) đã thấy rõ sự sụp đổ nhanh chóng của nhà nước ở những nơi mà pháp luật không có hiệu lực và nằm dưới quyền lực của một người nào đó. A-ri-xtốt (383 - 322 trước công nguyên) nhấn mạnh : Pháp luật cần thống trị trên tất cả.

Đến các nhà triết học chính trị sau này như J.Lốc-cơ, Mông-te-xki-ơ, I.Can-tơ... đã phát triển các tư tưởng trên đây như một thế giới quan pháp lý mới. Đó là thế giới quan chống lại sự chuyên quyền độc đoán phong kiến và tình trạng vô pháp luật ; khẳng định tư tưởng nhân đạo, các nguyên tắc tự do, bình đẳng của mọi người, thừa nhận quyền con người, tìm tòi những cơ cấu, hình thức và công cụ chống lại sự tiếm đoạt quyền lực chính trị công khai (công quyền) và tình trạng sử dụng quyền lực vô trách nhiệm đối với các cá nhân và xã hội. Đến nay, nhiều nhà khoa học cho rằng, những cơ sở triết học của lý luận nhà nước pháp quyền là do nhà triết học Đức I.Can-tơ (1724 - 1804) xác lập. Theo Can-tơ, chính nhà nước trong toàn bộ hoạt động của mình phải dựa vào pháp luật và thực hiện mọi hoạt động của mình phù hợp với pháp luật ; làm khác đi, nhà nước sẽ mất niềm tin của những người tạo nên nó - những công dân. Can-tơ khẳng định quyền lập pháp có tính tối cao, trên quyền hành pháp. Tư pháp phải được thực hiện bởi tòa án do nhân dân bầu. Hê-ghen (1770 - 1831) quan niệm các đạo luật và nhà nước pháp quyền là hai thực thể phải được thực hiện trong ý niệm dưới những hình thức nhất định của tồn tại thực tế của con người.

Tư tưởng nhà nước pháp quyền ra đời gắn liền với sự khẳng định chủ quyền của nhân dân là nguồn gốc của quyền lực, gắn liền với việc bảo đảm quyền tự do của nhân dân, sự phụ thuộc của nhà nước vào xã hội. Điều này đã được C.Mác nhấn mạnh : Tự do là ở chỗ biến nhà nước từ cơ quan đứng trên xã hội thành cơ quan hoàn toàn phụ thuộc vào xã hội.

Khái niệm nhà nước pháp quyền bao hàm những nội dung phong phú, gồm những mặt cơ bản khác nhau của hiện tượng xã hội - nhà nước ở một trình độ phát triển nhất định. Các nhà nước pháp quyền ở những nước khác nhau được xác lập không giống nhau. Nhà nước pháp quyền tư sản khác nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa từ trong bản chất giai cấp của nó.

Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, nhà nước tồn tại và hoạt động vì lợi ích của giai cấp tư sản, phục vụ và bảo vệ giai cấp tư sản.

Ở nước ta, theo tinh thần đổi mới, Đảng và Nhà nước ta xác định phải xây dựng nhà nước pháp quyền, coi đây là một trong những vấn đề quan trọng của công cuộc đổi mới. Là nhà nước pháp quyền, đương nhiên nhà nước ta phải quản lý xã hội bằng pháp luật và theo pháp luật ; nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc tập trung quyền lực và có sự phân công phân nhiệm rõ ràng trong các hoạt động thực thi quyền lực để bảo đảm hiệu quả cao và chế ước, ngăn ngừa những sự lạm dụng quyền lực. Tuy nhiên, khác với nhà nước pháp quyền tư sản, nhà nước của ta được xây dựng trên cơ sở khối đại đoàn kết toàn dân, trong đó liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức là nòng cốt, do đảng cộng sản lãnh đạo, đồng thời kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa của dân tộc. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định làm cho nhà nước thực sự là nhà nước của dân, do dân và vì dân, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

● XÃ HỘI CÔNG DÂN

Xã hội công dân là xã hội con người được hình thành trong quá trình biến cư dân của một nước thành những công dân - những thành viên của xã hội có khả năng và cảm thấy xứng đáng được tham gia vào đời sống chính trị của cộng đồng. Quá trình này diễn ra đồng thời với việc biến cộng đồng tộc người thành quốc gia dân tộc có chủ quyền - một quốc gia dân tộc có ý thức luật pháp nâng lên thành ý thức về sự cần thiết phải thừa nhận và thực hiện các quyền tự nhiên của con người và của công dân. Các quyền này được bảo đảm bằng một khế ước xã hội. Hiến pháp có thể được coi là khế ước xã hội đã được thông qua trên cơ sở trưng cầu ý dân. Nó đặt mọi cơ quan nhà nước phụ thuộc vào ý chí chủ quyền của nhân dân, vì chỉ có nhân dân là cội nguồn hợp pháp của quyền lực. Nhà nước có nghĩa vụ bảo đảm các quyền tự nhiên không thể thiếu được của con người. Những quyền ấy phát triển, biến đổi ở mỗi giai đoạn phát triển nhất định của xã hội. Đó là quyền được sống và được tồn tại một cách xứng đáng như một thứ quyền được rút ra một cách lô gíc từ giá trị mà mỗi cá nhân xứng đáng được hưởng. Ví dụ : quyền được lập gia đình, có tổ quốc, có bản sắc dân tộc, quyền bảo vệ môi trường ; quyền tự do chính trị, quyền bầu đại diện của mình vào các cơ quan nhà nước, vào các cơ quan lãnh đạo của các tổ chức xã hội ; quyền được làm việc, được nghỉ ngơi, học hành và được hưởng thụ những giá trị văn hóa. V.v..

Khái niệm "xã hội công dân" được các nhà tư tưởng chính trị châu Âu sử dụng từ giữa thế kỷ XVIII để mô tả cộng đồng chính trị, nơi mà mọi thành viên đều phục tùng hiệu lực của luật, nhờ luật mà sự bình an xã hội được đảm bảo. Ngay từ thời A-ri-xtốt, xã hội công dân và nhà nước đã được xem như những thuật ngữ có thể thay thế được nhau. Một người là thành viên của xã hội công dân cũng có nghĩa là công dân - thành viên của nhà nước, do đó phải hành động theo pháp luật của nhà nước và phải kiềm chế tránh gây hại cho những công dân khác.

Vào nửa cuối thế kỷ XVIII, quan niệm kinh điển về xã hội công dân bắt đầu bị biến dạng. Đến thế kỷ XIX, thuật ngữ này vẫn

Digitized by Google

duy trì như từ chuẩn trong tư duy chính trị ở châu Âu, nhưng nội dung của nó đã trở nên đa dạng. Xã hội công dân và nhà nước trước đây về mặt quan niệm gắn bó với nhau, thì nay coi như những hiện tượng khác biệt. Trong chính trị học hiện đại, tư tưởng phân định xã hội công dân và nhà nước được coi là nguyên tắc tổ chức chủ yếu của thế giới hiện đại.

Sự mất đi tính thần công dân đã làm thay đổi thái độ của công dân đối với chính quyền, đồng thời tạo ra tiền đề cho sự cai trị chuyên chế. Muốn loại trừ chế độ chuyên chế, những công dân có đặc quyền phải nâng cao ý thức công dân, duy trì mối quan hệ giữa công dân và nhà nước theo nguyên tắc cơ bản : xây dựng cộng đồng công dân cho toàn bộ xã hội công dân.

Những tư tưởng tiến bộ này gắn liền với cuộc cách mạng tư sản ở Pháp và ở Mỹ. Hê-ghen cũng cho rằng sự can thiệp của nhà nước vào xã hội công dân là hợp pháp. Nó loại bỏ sự bất công, bất bình đẳng trong xã hội công dân ; nó bảo vệ và tác động tới việc thực hiện lợi ích chung của các thành viên trong xã hội công dân.

Xã hội công dân phát triển trước hết do tiến trình lịch sử nhất định. Nhà nước pháp quyền được xây dựng trên cơ sở xã hội công dân. Đồng thời, xã hội công dân được hoàn thiện và phát triển trên cơ sở nhà nước pháp quyền. Xã hội công dân càng phát triển thì càng có nhiều cơ sở cho hình thức dân chủ nhà nước. Ngược lại, xã hội công dân càng yếu ớt thì càng dễ xảy ra tình trạng chuyên quyền, độc đoán của quyền lực nhà nước. Muốn xã hội công dân sinh ra nhà nước pháp quyền thì trong xã hội ấy trình độ hiểu biết pháp luật của dân phải được nâng cao, tạo thành thói quen tôn trọng pháp luật, sống và làm việc theo pháp luật. Xã hội công dân có khả năng làm cho bộ máy nhà nước phải tuân thủ ý chí của mình.

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN ★ TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN

HỘI THẢO KHOA HỌC : Văn hóa trong hoạt động chính trị

Vừa qua, tại Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa Văn hóa xã hội chủ nghĩa đã tổ chức hội thảo khoa học về đề tài *Văn hóa trong hoạt động chính trị*. Tới dự hội thảo có các đại biểu của Bộ ngoại giao, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Tạp chí Cộng sản.

1- Trước khi đi sâu phân tích một số nội dung cơ bản, những người tham dự hội thảo đã nghe bản đề dẫn "Văn hóa trong hoạt động chính trị" của GS Trần Văn Bính. Đề cập khái niệm "văn hóa", báo cáo đề dẫn cho rằng : cho đến nay, khái niệm "văn hóa" vẫn có nhiều cách hiểu khác nhau. Có người coi "văn hóa" như "hoạt động chuyên môn của một ngành" (thuộc Bộ văn hóa - thông tin). Lại có người đồng nhất "văn hóa" với "trình độ học vấn"... Cách hiểu như trên thường dẫn tới chỗ giảm nhẹ vai trò của văn hóa trong đời sống ; tách rời, thậm chí đối lập các hoạt động nhằm phát huy các tiềm năng sáng tạo của con người. Xét *về nguồn gốc*, văn hóa có ý nghĩa là *gieo trồng*. Từ gieo trồng chuyển nghĩa thành *giáo hóa*. Trong ý nghĩa hiện đại, văn hóa được gắn với các giá trị *Chân, Thiện, Mỹ*, là những giá trị cơ bản nhằm nâng cao phẩm giá con người như : lương tâm, trí tuệ, tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng, lòng tin, tình yêu, v.v..

Tóm lại, văn hóa là tổng hòa của mọi giá trị tinh thần do con người tạo ra, là nền tảng tinh thần của mỗi con người cũng như của cả xã hội... Môi trường văn hóa tác động trực tiếp tới sự hình thành nhân cách, sự phát huy mọi năng lực sáng tạo, khả năng giao tiếp của con người với con người, của con người với tự nhiên.

2- *Về văn hóa và sự nghiệp chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh*

Nhiều nhà nghiên cứu trong hội thảo chỉ ra rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành từ ba nguồn : 1) Chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; 2) Những tư tưởng truyền thống cao đẹp của dân tộc ; 3) Những tinh hoa của các cuộc cách mạng tư sản phương Tây thời cận đại, của triết học phương Đông, và của một số nhà cách mạng dân chủ trên thế giới. Chính nhờ những giá trị đó, Hồ Chí Minh đã giải quyết một cách có hiệu quả các mối quan hệ : giữa phương Đông và phương Tây, giữa quốc gia và quốc tế ; giữa hành động và thi ca ; giữa truyền thống và cách mạng ; giữa lý trí và tình cảm.

Ở Hồ Chí Minh nổi lên *ba* phẩm chất : *nhất quán, nhân đạo* và *khiêm tốn*. Đấy vừa là những phẩm chất của các nhà hoạt động chính trị, vừa là những giá trị văn hóa của con người... Có thể tóm tắt sự nghiệp hoạt động chính trị của Hồ Chí Minh bằng một nhận xét bao quát : Người luôn xuất phát từ tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân vừa bằng những kiến thức uyên bác, kinh nghiệm và tài nghệ, vừa bằng sự tận tụy và liêm khiết. Chính vì vậy, Người đã giành được sự kính trọng và biết ơn của nhân dân.

Đối với Hồ Chí Minh cũng như đối với Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông,... văn hóa đã trở thành một năng lượng tinh thần cho sự phát triển và hoàn thiện nhân cách, cho các hoạt động chính trị và xã hội. Riêng với Hồ Chí Minh, văn hóa thực sự đã trở thành động lực và mục tiêu của hoạt động chính trị. Vì chính trị của Hồ Chí Minh là chính trị của dân, do dân và vì dân, đó là chính trị mà mục tiêu cuối cùng là sự phát triển của đất nước và hạnh phúc cho mỗi con người. Đây là bài học lớn, có ý nghĩa thiết thực đối với sự lãnh đạo chính trị của Đảng ta trong công cuộc đổi mới hiện nay.

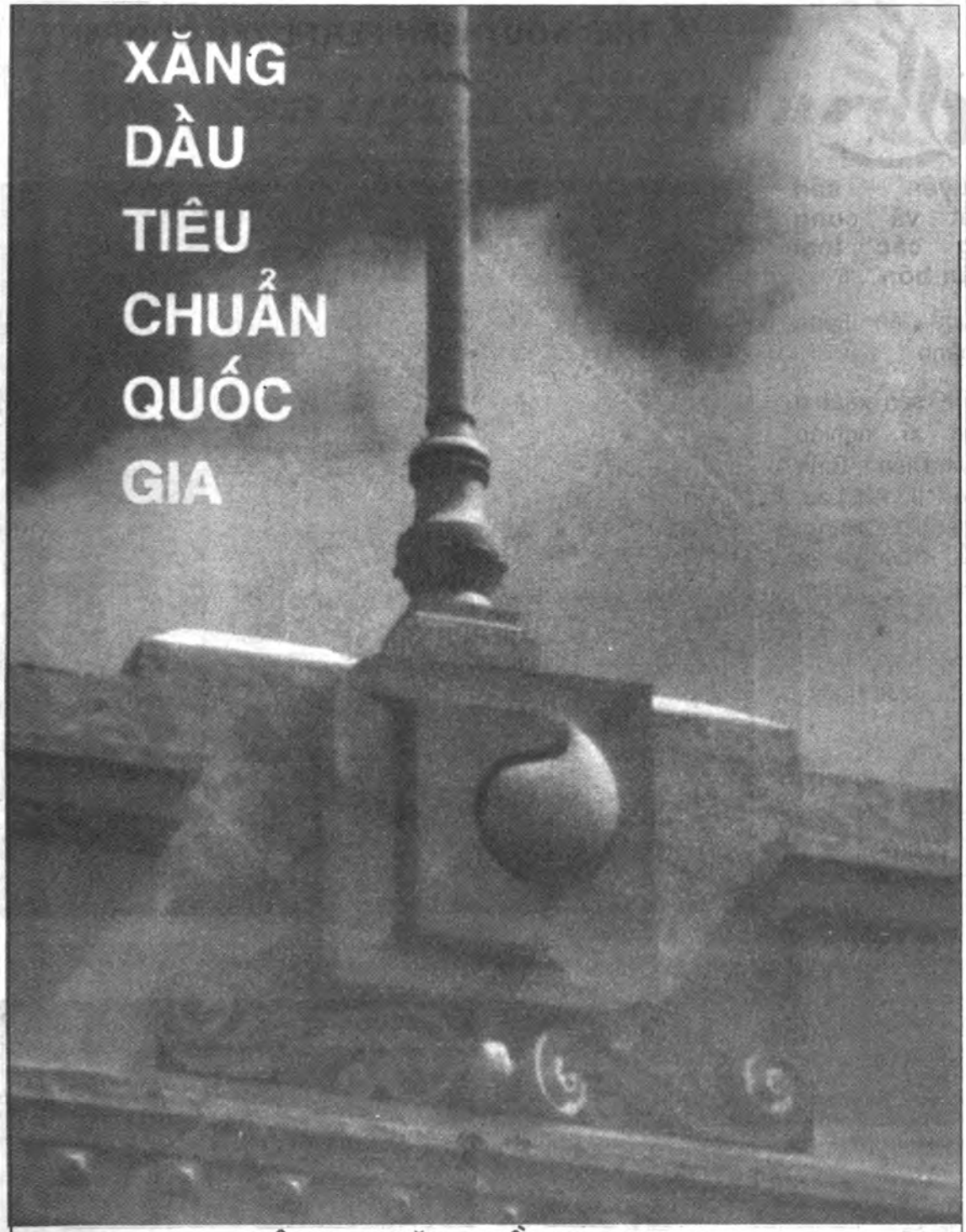
3- *Về văn hóa trong sự lãnh đạo chính trị của Đảng*

Những người dự hội thảo nhất trí khẳng định : Văn hóa trong sự lãnh đạo chính trị của Đảng phải tiếp thụ truyền thống nhân văn trong lãnh đạo chính trị của dân tộc và những thành tựu khoa học của thời đại. Văn hóa trong lãnh đạo chính trị của Đảng là chiều cạnh trí tuệ, dân chủ và nhân văn thể hiện trong các quan điểm chính trị, trong công nghệ chính trị, hành vi chính trị của tổ chức đảng ; biểu hiện trong công tác bố trí và sử dụng cán bộ của Đảng. Những người dự hội thảo cũng khẳng định : phát huy vai trò của văn hóa trong lãnh đạo chính trị của Đảng không chỉ cần thiết ở cấp chiến lược và sách lược, mà còn phải được quán triệt ở cấp cơ sở, cấp thực hiện ; cả trong công tác đối ngoại, công tác xây dựng Đảng lẫn trong việc *văn hóa hóa* bộ máy nhà nước.

Hội thảo cũng đề cập đến các giải pháp văn hóa nhằm nâng cao sức mạnh của Đảng trong lãnh đạo chính trị hiện nay. Tuy nhiên, hội thảo cũng cho rằng đây là vấn đề mới, có nhiều nội dung đặt ra như : văn hóa đảng, văn hóa chính trị, các chuẩn mực văn hóa của hoạt động chính trị, v.v. cần được tiếp tục nghiên cứu thêm.

PTS PHẠM DUY ĐỨC
thực hiện

Digitized by Google



CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II

Petrolimex
SAIGON

TRỤ SỞ : 15 ĐẠI LỘ LÊ DUẨN - QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐT : 292081 - 292082 - 292083 - 291433 FAX : 84-8-222082 TELEX : 811420 CTXD - VT

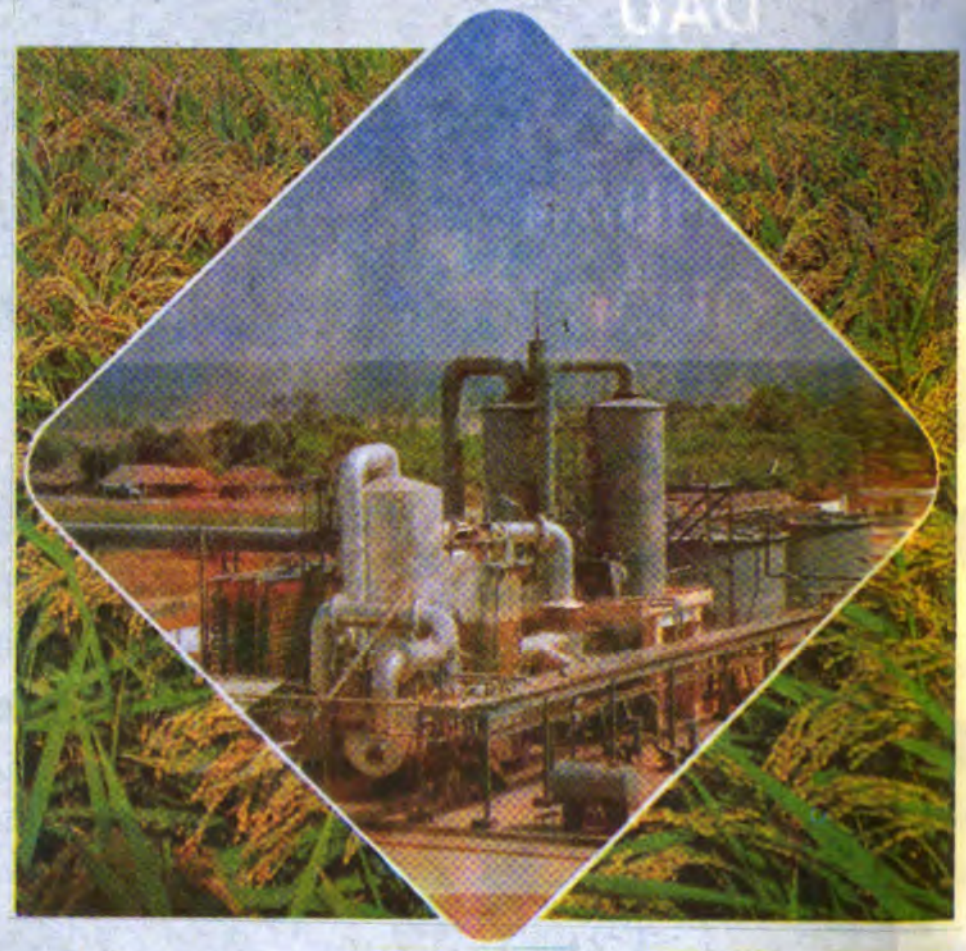
Digitized by Google

CÔNG TY PHÂN BÓN MIỀN NAM

THE SOUTHERN FERTILIZER COMPANY

Chuyên sản xuất và cung ứng các loại phân bón

- Supe lân Long Thành
- NPK sản xuất ở các xí nghiệp Bình Điền I, Bình Điền II, An Lạc, Chánh Hưng, Cửu Long và Trung tâm nghiên cứu
- NPK, Urê, DAP, phân Kali nhập ngoại
- Axit Sunphuric (H_2SO_4) phục vụ cho sản xuất công nghiệp







Digitized by Google

SỬA CHỮA TÀU BIỂN SÀI GÒN

Saigon ShipYard

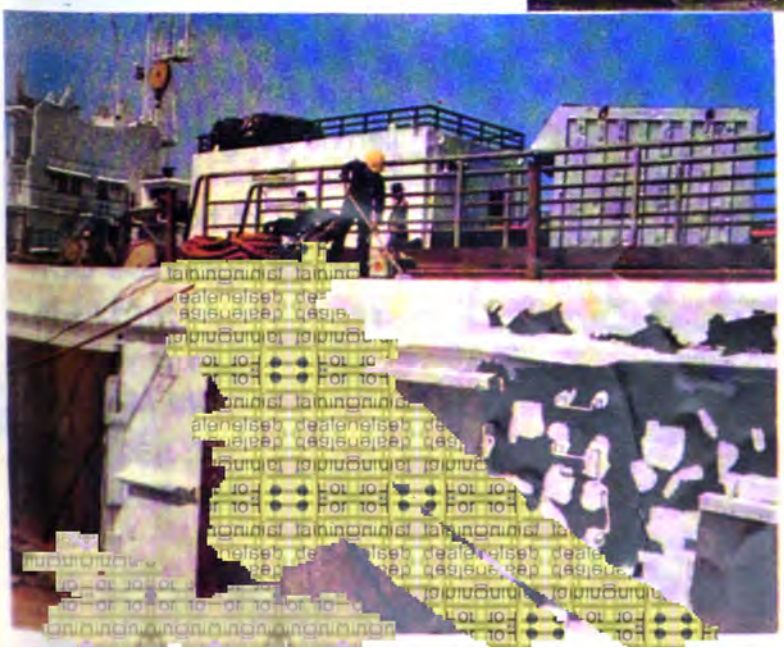
- Địa chỉ : 27 - 28 Tôn Đức Thắng, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 299539 - 297072 - 291525.
- Telex : 812733 VT
- Fax : 84-8-295811
- Hoạt động kinh doanh chính : Sửa chữa tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác

- Address : 27 - 28 Ton Duc Thang St., Ho Chi Minh city.
- Telephone :299539 -297072 -291525.
- Telex : 812733 VT
- Fax : 84-8-295811
- Main business activities : Shiprepairs and other services maritime .

NHẬN KÍ HỢP ĐỒNG VỚI CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ VÀ CÁ NHÂN TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI CÓ NHU CẦU :

- TIỂU TU - TRUNG TU - ĐẠI TU : VỎ, ĐIỆN, MÁY TÀU BIỂN, TÀU PHA SÔNG BIỂN, TÀU SÔNG VÀ CÁC PHƯƠNG TIỆN THỦY KHÁC.
- CÓ ÔXY BÁN DƯỚI MỌI HÌNH THỨC.
- CÓ NHIỀU Ụ ĐỂ NHẬN CÁC PHƯƠNG TIỆN TÀU BIỂN CÓ TRỌNG TẢI TỪ 300 ĐẾN 1000 TẤN, SÀ LAN 2000 TẤN VÀ NHẬN SỬA CHỮA Ở 2 ĐẦU BẾN.
- THIẾT BỊ, VẬT TƯ THEO YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG.
- THỜI GIAN NHANH.
- GIÁ THÀNH VỪA PHẢI, THỎA THUẬN - BẢO HÀNH CHẤT LƯỢNG.
- THỦ TỤC NHANH GỌN, CÓ THƯỞNG VÀ GIẢM GIÁ.
- CHẤP NHẬN THANH TOÁN DƯỚI MỌI HÌNH THỨC.





We're willing to enter into contracts with any economic units or any individuals at home and abroad having the following requirements :

- Vessels'minor repairs —medium sized repairs — major repairs for ships'hull electricity-marine engines of various kinds. Our drydocks with sufficent facilities are able to face with the vessels ranging from 300 dwt to 1000 dwt and barges of 2000 tons as well.
- Repairs can even be arranged on the spot.
- Equipments and materials to be supplied at our customers'demand and services performed promptly.
- Our staff takes great pleasure to do the work and satisfy customers by offering reasonable charges and warranting our repairing quality.
- Any terms of payment can be accepted with very simple formality
- For mutual interests, negotiations for obtaining favourable costs and discount for dealers to be included

Digitized by Google

Công ty đường Lam sơn

LAM SON SUGAR.CO.

Địa chỉ : Thị trấn Lam sơn, Thọ xuân, Thanh hóa
Office : Tho Xuan District, Thanh hoa Province.
Tel : 33.256 - 33.257 Fax : 0084.37.33.258.



Nhà máy trên vùng nguyên liệu

NĂM 1994

- Sản xuất 20.000 tấn đường.
- Sản xuất 1.500.000 lít cồn 96°
- Sản xuất 1.000.000 lít rượu mầu.
- Sản xuất 600.000kg bánh kẹo
- Sản xuất 200.000kg khí CO_2.
- Sản xuất 5.000 tấn phân bón tổng hợp sinh học.

+ Đạt giá trị sản lượng hàng hóa 60 tỷ đồng - tăng 15 tỷ đồng so với 1993.

+ Nộp Ngân sách Nhà nước 16 tỷ đồng , tăng 6 tỷ đồng so với 1993.

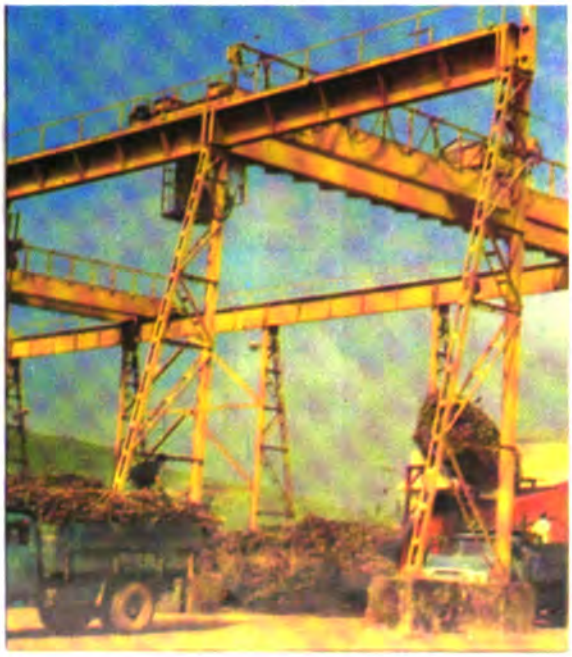
+ Đồng thời xúc tiến dự án hợp tác liên doanh với Hãng Tatte & Lyle (Vương quốc Anh) mở rộng vùng nguyên liệu lên 20.000 ha và mở rộng nhà máy lên 6.000 tấn/ngày, đạt sản lượng 90.000 tấn đường vào năm 1996-1997.

* CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI
-5B,phố Minh Khai quận Hai Bà Trưng
- Tel : 621106

★

* CHI NHÁNH TẠI THỊ XÃ THANH HÓA
- 21 đường Dương Đình Nghệ

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
LÊ VĂN TAM



Đưa mía vào dây chuyền ép



Đường trắng vào kho

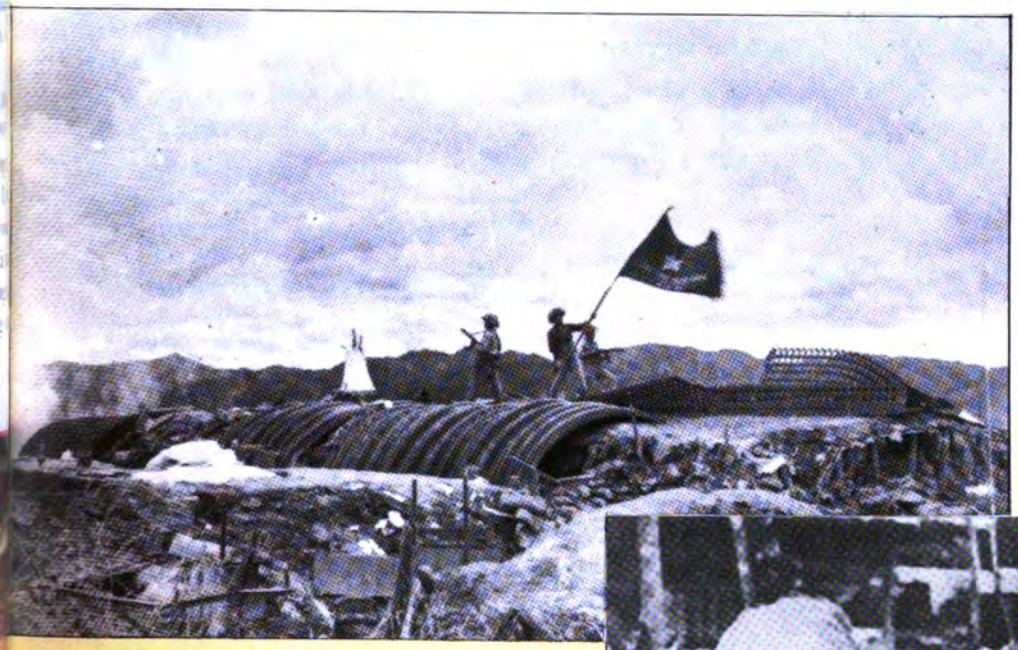
Hân hạnh được đón tiếp Quý khách

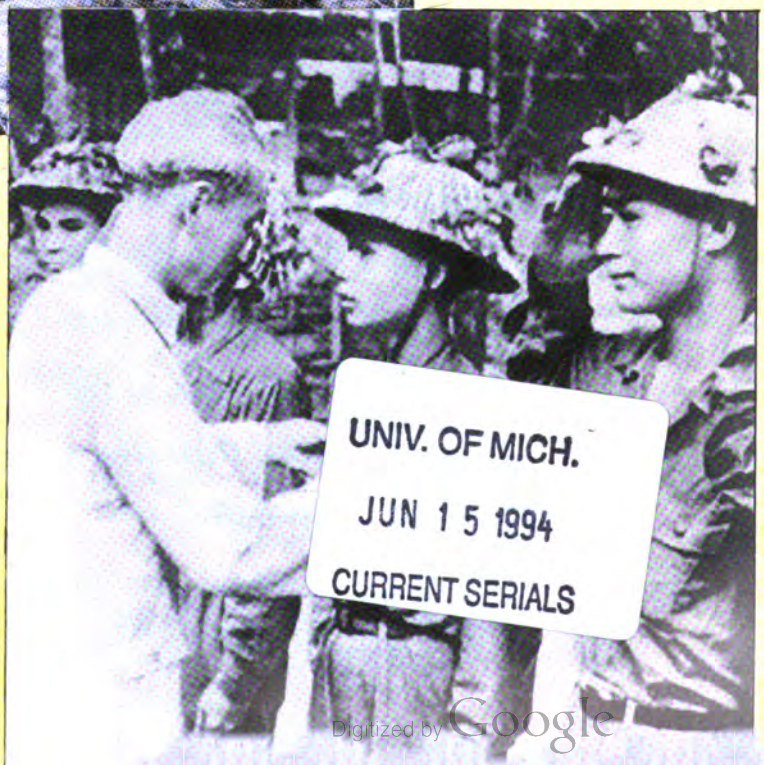
IN TẠI NHÀ IN NHÂN DÂN HÀ NỘI !! CHỈ SỐ 12651 - ISSN0866 - 7276 GIÁ : 2000đ

Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản





UNIV. OF MICH.
JUN 15 1994
CURRENT SERIALS

5
1994

Digitized by Google

Chiến thắng Điện biên phủ "là thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta, mà cũng là thắng lợi chung của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Chiến thắng Điện biên phủ càng làm sáng ngời chân lý của chủ nghĩa Mác - Lê - nin trong thời đại ngày nay : chiến tranh xâm lược của bọn đế quốc nhất định thất bại, cách mạng giải phóng của các dân tộc nhất định thành công".

Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t9, tr 661

" Điện biên phủ mãi mãi sẽ tiêu biểu cho tinh thần quật cường của dân tộc ta, đem sức mạnh đoàn kết phấn đấu, đem tinh thần anh dũng của một dân tộc nhỏ yếu, của một quân đội nhân dân còn non trẻ mà chống chọi với đội quân hùng mạnh của một nước đế quốc".

Võ Nguyên Giáp : *Điện biên phủ*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà nội, 1964, tr 209

" Điện biên phủ mãi mãi là niềm tự hào chính đáng của dân tộc Việt nam, là niềm tin sắt đá của các dân tộc bị áp bức vùng lên chiến đấu để tự giải phóng cho mình".

Trường Chinh : *Kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng lịch sử Điện biên phủ*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, tr 13

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

5- 1994 NĂM THỨ BỐN MƯƠI (461)

MỤC LỤC

Kỷ niệm 40 năm Chiến thắng lịch sử Điện biên phủ (7-5-1954 - 7-5-1994)	VÕ NGUYÊN GIÁP - Điện biên phủ : 40 năm sau nhìn lại...	3
	LÊ KHẢ PHIÊU - Phát huy tinh thần Điện biên phủ trong công cuộc đổi mới	7
	DƯƠNG VŨ - Nhân kỷ niệm 40 năm giải phóng Điện biên, đọc : "Khép lại quá khứ đau thương"	11
Kỷ niệm lần thứ 104 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-1994)	ĐẶNG XUÂN KỲ - Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh	15
	HỒ TRỌNG VIỆN - Tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu và con đường phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta	21
Kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của đồng chí Trần Phú (1-5-1904 - 1-5-1994)	NGUYỄN TRỌNG THỤ - Trần Phú, một tấm gương cộng sản	25
Nghiên cứu - Trao đổi	ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG - Về hiện tượng phân tầng xã hội ở nước ta hiện nay	30
	NGUYỄN THẾ UẨN - Một nhân tố quan trọng thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế	34
	ĐÀM VĂN NHUỆ và ĐINH ĐỨC SINH - Mục tiêu, nhiệm vụ của hệ thống doanh nghiệp nhà nước	38
Thực tiễn - Kinh nghiệm	BÙI TIẾN SINH - Bình thành (Đồng tháp) : một hướng đi đúng tích cực và hiệu quả	41
	LÊ XUÂN ĐÌNH và HỮU ĐỨC - Quang châu trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội	45
Điều tra	XUÂN HẢI và ĐẶNG NGỌC CHIẾN - Đình công ở một số xí nghiệp liên doanh với nước ngoài	49
Sinh hoạt tư tưởng	LỆ MAI - "Của chùa"	53
Thư gửi Bộ biên tập	BÙI THỊ NGỌ - Đâu phải nhân dân ta thiếu những con người đẹp, sự việc hay để nhà văn viết	54
Thế giới : Vấn đề, sự kiện	TRẦN TRỌNG - Nghĩ về một chiến công bất diệt	56
Qua sách báo nước ngoài	*** Về cuộc nội chiến ở Bô-xni-a - Héc-xê-gô-vi-na	58
Tìm hiểu khái niệm	Hệ thống chính trị, hệ thống chính trị của xã hội xã hội chủ nghĩa	61
Tin hoạt động lý luận	Hội thảo về phát triển kinh tế - xã hội miền núi	62

Ảnh bìa 1 : ● Điện biên phủ trong giờ phút chiến thắng — ● Bác Hồ thưởng công cho chiến sĩ Điện biên phủ.

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền – Hà nội ● Dây nói : 2.52061 – 2.52062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP Hồ Chí Minh ● Dây nói : 2.25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

● **Навстречу 40-летию исторической победы под Дьенбьенфу (7-5-1954 - 7-5-1994)** * ВО НГУЕН ЗИАП - Дьенбьенфу : взгляд назад спустя 40 лет. ЛЕ КХА ФЬЕУ - Развивать дух Дьенбьенфу в ходе обновления. ЗЫОНГ ВУ - По случаю 40 лет освобождения Дьенбьенфу читая *"Закрываем дверь в многострадальное прошлое"* ● **По случаю 104-летнего юбилея Президента Хо Ши Мина (19-5-1890 - 19-5-1994)** * ДАНГ СУАН КИ - Хошиминовская идея и его нравственные качества. ХО ЧОНГ ВЬЕН - Хо Ши Мин о целях и путях социально-экономического развития в нашей стране. ● **90-летие со дня рождения Чан Фу (1-5-1904 - 1-5-1994)** * НГУЕН ЧОНГ ТХУ - Коммунист Чан Фу - образец для подражания ● **Исследования-обмен мнениями** * ДО НГУЕН ФЫОНГ - О происходящем социальном расслоении в нашей стране. НГУЕН ТХЕ УАН - Важный фактор, стимулирующий экономический рост. ДАМ ВАН НЬЕ и ДИНЬ ДЫК ШИНЬ - Цели и задачи государственных экономических структур ● **МИР : проблемы и факты** * ЧАН ЧОНГ - Размышления о бессмертном подвиге.

CONTENTS

● **On the celebration of the 40th Anniversary of the Dien Bien Phu historical victory (7/5/1954 - 7/5/1994)** * VÕ NGUYÊN GIÁP - Dien Bien Phu - In retrospect to it after 40 years. LÊ KHẢ PHIÊU - Promoting the Dien Bien Phu spirit for the cause of renovation . DƯƠNG VŨ - On the celebration of the 40th anniversary of the Dien Bien liberation, making a review of *"Let's Our Sorrowful Past Fall into Oblivion"*. ● **On the Commemoration of the 104th Birthday Anniversary of President Ho Chi Minh (19/5/1890 - 19/5/1994)** * ĐẶNG XUÂN KỲ - President Ho Chi Minh's thought and ethics. HỒ TRỌNG VIỆN : The Ho Chi Minh's thought on the aim and the path of socio-economic development in our country ● **On the celebration of the 90th Birthday Anniversary of the Comrade Tran Phu (1/5/1904 - 1/5/1994)** * NGUYỄN TRỌNG THỤ - Tran Phu - a communist example ● **Research - Exchange of Views** * ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG - On the phenomenon of social classification in our country nowadays. NGUYỄN THẾ UÂN - An important factor to enhance the economic growth. ĐÀM VĂN NHUỆ and ĐINH ĐỨC SINH - The aims and tasks of the State-run business system. ● **The World : Problems and Facts** * TRẦN TRỌNG - Reflection on an ever-shining exploit.

SOMMAIRE

● **40e anniversaire de Dien Bien Phu (7/5/1954 - 1994)** * VÕ NGUYÊN GIÁP - Dien Bien Phu revue quarante ans après. LÊ KHẢ PHIÊU - Que l'enthousiasme de Dien Bien Phu anime l'œuvre de la renovation. DƯƠNG VŨ - Un livre à lire à l'occasion du 40e anniversaire de Dien Bien Phu : *"Refermer les pages du passé douloureux"*. ● **104e anniversaire du Président Ho Chi Minh (19/5/1890 - 19/5/1994)** * ĐẶNG XUÂN KỲ - La pensée morale de Ho Chi Minh. HỒ TRỌNG VIỆN - Le point de vue de Ho Chi Minh sur l'objectif et la voie du développement du socio-économique au Vietnam. ● **90e anniversaire du camarade Trần Phú (1/5/1904 - 1/5/1994)** * NGUYỄN TRỌNG THỤ - Trần Phú - un exemple communiste. ● **Etudes - Echanges** * ĐỖ NGUYỆN PHƯƠNG - Sur la structure des classe sociales au Vietnam à l'heure actuelle. NGUYỄN THẾ UÂN - Un facteur important de la croissance économique. ĐÀO VĂN NHUỆ et ĐINH ĐỨC SINH - L'objectif et la tâche des entrepirises d'Etat. ● **Le Monde : Problèmes - événements** * - TRẦN TRỌNG - Réflexions sur une victoire historique .

SUMARIO

● **40 aniversario de la histórica victoria de Dien Bien Phu (7/5/1954 - 7/5/1994)** * VÕ NGUYÊN GIÁP - Dien Bien Phu : 40 años después. LÊ KHẢ PHIÊU - A desplegar el espíritu de Dien Bien Phu en la renovación. DƯƠNG VŨ - Lecture del libro *"Se cierra el doloroso pasado"* con motivo del 40 aniversario de la liberación de Dien Bien Phu. ● **104 aniversario del Natalicio del Presidente Ho Chi Minh (19/5/1890 - 19/5/1994)** * ĐẶNG XUÂN KỲ - Pensamientos y virtudes de Ho Chi Minh. HỒ TRỌNG VIỆN - El pensamiento de Ho Chi Minh sobre el objetivo y el camino de desarrollo socio-económico en Vietnam ● **90 aniversario del Natalicio del camarada Tran Phu (1/5/1904 - 1/5/1994)** * NGUYỄN TRỌNG THỤ - Tran Phu - un ejemplo comunista ● **Estudios - Intercambios** * ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG - Sobre el fenómeno de jerarquización social en Vietnam actualmente. NGUYỄN THẾ DÂN - Un importante factor para impulsar el incremento económico. ĐÀM VĂN NHUỆ y ĐẶNG ĐỨC SINH - Los objetivos y tarcas del sistema de las empresas estatales. ● **El Mundo : problemas y acontecimientos** * TRẦN TRỌNG - Reflexión en una hazaña inmortal.

目錄：

● 紀念奠邊府歷史大捷四十 周年(1954年5月7日— 1994年5月7日)★ 武元甲— 奠府： 四十年後之回顧 ●黎可飄— 在革新事業中發輝奠邊府精神 ●楊武— 紀念奠邊府解放四十 周年， 讀《 忘記悲痛的過去》 ● 紀念胡志明主席104周年誕辰(1890年5月19日— 1890年5月19日)★ 鄧春琪— 胡志明思想、道德 ●胡仲援— 胡志明思想對我國經濟社會發展的目標和道路的指導● 紀念陳富同志九十周年誕辰(1904年5月1日— 1904年5月1日)★ 阮仲受— 共產黨人的榜— 陳富● 研究與交換 ★ 杜元方— 目前我國的社會分層現象 ●阮世蘊— 促進經濟增長的一個重要因素 ●譚文銳和丁德生— 國營企業系統的目標、任務● 世界： 問題、事件 ★ 陳仲— 回顧一個不滅的戰功。

Digitized by Google

ĐIỆN BIÊN PHỦ
40 năm sau nhìn lại...

Đại tướng VÕ NGUYÊN GIÁP

NĂM nay, trong khung cảnh đất nước ta hoàn toàn độc lập, thống nhất đang trên đường xây dựng Tổ quốc phồn vinh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhân dân ta kỷ niệm lần thứ 40 Chiến thắng Điện biên phủ (7-5-1954 – 7-5-1994).

Cùng với Bạch đằng, Chi lăng, Đống đa..., cùng với Cách mạng Tháng Tám và chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, Điện biên phủ là một "cái mốc chói lọi bằng vàng" (1) trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt nam, là một trong những thắng lợi có ý nghĩa quyết định của cuộc chiến tranh giải phóng và giữ nước 30 năm, hết chống Pháp rồi chống Mỹ.

Gần nửa thế kỷ đã trôi qua. Biết bao biến thiên diễn ra trên thế giới. Mặc dù vậy, những chiến công oanh liệt của quân và dân Việt nam trong thời đại Hồ Chí Minh, càng lùi sâu vào thời gian, ý nghĩa càng sâu sắc. Điện biên phủ là một chiến công như thế.

*

Trí tuệ loài người đang tiến những bước nhảy vọt. Khoa học lịch sử không ngừng phát triển, rọi chiếu ánh sáng tư duy mới vào những trang lịch sử xa xưa. Vì thế mà 40 năm sau nhìn lại, chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta trong Đông-Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện biên phủ, lại càng thêm rực rỡ.

Dưới góc độ khoa học, để đánh giá một chiến công lịch sử, không thể chỉ bằng lòng với những diễn biến trong thời gian xảy ra sự kiện. Phải tìm về cội nguồn, phải suy ngẫm về tương lai. Khoa học và tư duy biện chứng giúp chúng ta thấy rõ hơn nguyên nhân thắng lợi, hiểu rõ hơn ý nghĩa của chiến công lịch sử.

Chiều sâu của Chiến thắng Điện biên phủ tiềm ẩn trong truyền thống quật cường, bất khuất mấy nghìn năm của dân tộc, từ khí phách huyền thoại của em bé làng Gióng mới lên ba tuổi đã đánh đuổi giặc nước mà đã cho là muộn, giận chín tầng trời còn thấp khi bay tận mây xanh (2). Chiều sâu ấy tiềm ẩn trong câu thơ "Nam quốc sơn hà Nam đế cư" của Lý Thường Kiệt, từ Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo... đến Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong tài mưu lược đã sáng tạo ra nghệ thuật đánh giặc của một nước nhỏ luôn đánh thắng những đạo quân xâm lược lớn mạnh. Cho đến ngày nay, bước vào thời đại mới, khi phải chống lại quân đội hiện đại của chủ nghĩa đế quốc trong tình hình Việt nam còn là một nước nông nghiệp lạc hậu vừa thoát khỏi ách thực dân, Đảng ta với đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, đã thừa kế và phát triển sáng tạo truyền thống quân sự oanh liệt của tổ tiên, động viên, tổ chức mọi

(1) Hồ Chí Minh : Toàn tập, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t.9, tr.713.

(2) "Phá tặc đàn hiềm tam tuế vãn
Đằng vân do hận cửu thiên đê"

Digitized by Google

sức mạnh của dân tộc và của thời đại, vượt qua thử thách, giành thắng lợi vẻ vang.

Điện biên phủ là chiến công vang dội đầu tiên của một dân tộc vốn là thuộc địa, đánh thắng quân đội hiện đại của một đế quốc phương Tây. Đây cũng là trận tiêu diệt chiến lớn điển hình nhất trong lịch sử đấu tranh của các dân tộc bị áp bức chống quân xâm lược nước ngoài, mở đầu thời kỳ sụp đổ của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới. Ý nghĩa dân tộc và quốc tế lớn lao của Điện biên phủ là ở chỗ đó. Chính vì vậy mà Điện biên phủ mãi mãi là biểu tượng sáng ngời của con người Việt nam quật cường, bất khuất, thông minh sáng tạo, là niềm tin của các dân tộc đấu tranh thoát ách áp bức bóc lột, vươn tới độc lập tự do.

*

Điện biên phủ là thành quả của 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Thời gian không hề làm phai mờ chiến công lịch sử. Những kinh nghiệm thực tiễn của Điện biên phủ còn giữ nguyên giá trị.

Đó là kinh nghiệm về *sức mạnh to lớn khôn lường của một dân tộc đoàn kết đứng lên chiến đấu giành quyền sống thiêng liêng,* "thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" (3). Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và bộ thống soái tối cao, cuộc kháng chiến cứu nước phát triển lên trình độ mới : một cuộc *chiến tranh toàn dân,* trong đó "bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc" đều đánh giặc, vì độc lập tự do và thống nhất đất nước. Toàn dân ta từ tiền tuyến đến hậu phương, từ Bắc đến Nam, từ miền xuôi đến miền ngược, đoàn kết hy sinh chiến đấu, cùng các lực lượng vũ trang con em của mình càng đánh càng mạnh, từng bước giành lại quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính, đẩy quân địch vào thế sa lầy, bị động, cuối cùng đã giành được thắng lợi vẻ vang trong trận quyết chiến chiến lược ở Điện biên phủ. Cũng với sức mạnh toàn dân ấy, quân và dân ta lại viết tiếp những trang sử anh hùng đánh Mỹ diệt ngụy, giành toàn thắng cho dân tộc trong mùa Xuân 1975.

Ngày nay, trước tình hình và nhiệm vụ cách mạng mới, Điện biên phủ nhắc nhở chúng ta phát huy sức mạnh to lớn của *khối đại đoàn kết toàn dân,* học tập và lao động sáng tạo, kiên quyết đưa đất nước từng bước đuổi kịp trình độ phát triển của thế giới, theo đường lối đổi mới của Đảng ta.

Điện biên phủ là thành quả của đường lối cách mạng và khoa học, luôn bám sát thực tiễn, phát hiện quy luật, hành động đúng quy luật bằng biện pháp sáng tạo, kiên quyết đến cùng.

Mùa Thu năm 1953, trong một cố gắng rất lớn, đối phương ra sức xây dựng khối chủ lực cơ động, tiến tới giành lại quyền chủ động chiến lược, hòng kết thúc chiến tranh trên thế mạnh. Với kinh nghiệm chiến đấu dày dạn, với tư duy biện chứng, bộ thống soái tối cao cách mạng đã phân tích tình hình, hiểu địch, hiểu ta, phát hiện mâu thuẫn và chỗ yếu của địch, quy luật vận động của chiến tranh. Trong chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954, bằng một sự điều động binh lực cơ động, linh hoạt, tiến công vào những nơi yếu và hiểm yếu của địch, ta đã buộc chúng phân tán binh lực ra nhiều hướng, phải đánh theo ý định của ta, chủ động tạo thế tạo lực để giành thắng lợi quyết định. Kế hoạch Na-va bắt đầu bị phá sản.

Đối phương tập trung lực lượng ngày càng lớn ở Điện biên phủ, xây dựng thành tập đoàn

(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập,* Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t4, tr. 202

Digitized by Google

cứ điểm mạnh nhất Đông dương ở một địa bàn cô lập trên rừng núi Tây Bắc với mưu đồ thu hút và đánh bại chủ lực ta. Ta đã kịp thời phát hiện cái mới trong ý đồ và sự bố trí lực lượng của địch, hạ quyết tâm thay đổi phương châm tác chiến chiến dịch ở phút cuối cùng, đổi cách đánh từ "đánh nhanh, giải quyết nhanh" sang "đánh chắc, tiến chắc". Từ chỗ chủ trương diệt địch trong 2 ngày 3 đêm trong một trận, ta đã chuyển sang tiêu diệt địch từng bộ phận, bóp nghẹt chúng trong một hệ thống trận địa, sáng tạo, tiến công và bao vây địch, tiến lên tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện biên phủ trong 55 ngày đêm. Với sự phối hợp chiến đấu chặt chẽ và có hiệu quả của các chiến trường cả nước, sự đoàn kết chiến đấu của quân và dân hai nước bạn trên bán đảo Đông dương, chiến dịch Điện biên phủ đã toàn thắng.

Không phải ngẫu nhiên mà bài học thực tiễn ấy được lặp lại 21 năm sau. Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, khi cuộc chiến phát triển, tình hình chuyển biến rất nhanh, bộ thống soái tối cao cũng đã nhạy bén thay đổi kế hoạch, thay đổi cách đánh, chuyển từ kế hoạch cơ bản sang kế hoạch thời cơ. Kết hợp tiến công và nổi dậy, quân và dân ta anh dũng xốc tới theo mệnh lệnh "thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng", giành toàn thắng trong thời gian 2 tháng, không phải mất từ 2 đến 3 năm như dự kiến trong kế hoạch tác chiến ban đầu.

Hiện nay, bài học *bám sát thực tiễn, hành động đúng quy luật* với tinh thần đổi mới lại được Đảng ta vận dụng sáng tạo trong công cuộc xây dựng đất nước. Từ một nền kinh tế bao cấp một thời có tác dụng tích cực trong chiến tranh, chúng ta đã chuyên sang nền kinh tế hàng hóa, mở cưa, với cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chu nghĩa khi tình hình đã thay đổi. Mặc dù còn nhiều khó khăn, phức tạp, những thành tựu đáng phấn khởi thu được trong mấy năm gần đây chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn. Với nỗ lực chủ quan vượt bậc, nền kinh tế nước ta đang phát triển trong ổn định, đời sống của nhân dân từng bước cải thiện, đất nước đang đứng trước vận hội mới hết sức lớn lao.

Điện biên phủ là một minh chứng rực rỡ của tinh thần tự lực tự cường, độc lập tự chủ, trong khi ra sức tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế. Từ những năm chiến đấu trong vòng vây đế quốc, chúng ta đã xây dựng lực lượng chính trị và quân sự của toàn dân, xây dựng các đại đoàn chủ lực làm "quả đấm thép" quyết định chiến trường. Cả dân tộc đứng lên không ngại hy sinh, gian khổ, "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng". Chính sự nỗ lực chủ quan của quân và dân ta đã tạo điều kiện tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của Trung quốc, Liên xô, sử dụng có hiệu quả cao sự giúp đỡ quý báu của các nước bạn về vũ khí và phương tiện chiến tranh. Nhân tố quyết định bao giờ cũng là nhân tố bên trong. Con người Việt nam dũng cảm và có tri thức, có kinh nghiệm chiến đấu là nhân tố quyết định đưa kháng chiến đến thắng lợi.

Từ Đại hội VI của Đảng đến nay, chính sách của Đảng và Nhà nước ta chủ trương tranh thủ sự hợp tác và viện trợ quốc tế về vốn đầu tư, khoa học và công nghệ, đưa nền kinh tế nước ta từng bước tiến kịp nền kinh tế các nước tiên tiến và phát triển. Càng mở cửa ra thế giới, chúng ta càng nêu cao tinh thần tự lực tự cường, độc lập tự chủ, ra sức nâng cao dân trí, bồi dưỡng lao động, đào tạo nhân tài, giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy cao độ mọi tiềm lực và tài nguyên, nhất là thế mạnh của con người Việt nam, chinh phục những đỉnh cao mới trên mặt trận xây dựng đất nước.

Những bài học của Điện biên phủ 40 năm sau

Digitized by Google

vẫn nóng hổi tính thời sự. Chiến thắng lịch sử dạy chúng ta giữ vững cái "bất biến" là con đường cách mạng Bác Hồ đã lựa chọn, giữ vững độc lập, chủ quyền và bản sắc văn hóa dân tộc, tự lực tự cường, luôn luôn đổi mới phù hợp với thực tiễn và quy luật khách quan, đưa đất nước vững bước đi lên, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" và mọi nguy cơ có thể đến từ nhiều phía.

Điện biên phủ là một tất yếu lịch sử. Chế độ thực dân hà khắc đã dẫn tới Điện biên phủ, nếu không phải ở Việt nam thì cũng ở một nơi nào khác là mắt xích nóng bỏng nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Vai trò của dân tộc Việt nam làm nên Điện biên phủ, mở đầu kỷ nguyên vùng dậy của các dân tộc thuộc địa là do lịch sử giao phó. Nhân dân ta đã không phụ sự ủy thác lịch sử này.

Đương nhiên, vinh quang và trách nhiệm phải đổi bằng sự hy sinh to lớn về người, về của, về sự chậm trễ trong xây dựng và phát triển đất nước. Thế nhưng, "không có gì quý hơn độc lập, tự do". Cái giá phải trả để giành độc lập, thống nhất là cần thiết và xứng đáng. Lê-nin nói : Cái gì đưa chúng ta đến thắng lợi trong chiến tranh thì cũng đưa ta đến thắng lợi trong cách mạng. Mặc dù quy luật của hòa bình xây dựng khác với quy luật của chiến tranh, nhưng vẫn có những chân lý chung mang tính phổ biến. Những giá trị tinh thần hun đúc trong khói lửa chiến tranh là tài sản quý giá vĩnh hằng, sẽ tạo điều kiện khắc phục sự chậm tiến nhất thời. Bài toán đầy lùi nghèo nàn lạc hậu, xây dựng xã hội mới, thực hiện hoài bão ngàn đời của dân tộc nhất định sẽ được giải quyết bằng ý chí cách mạng và tài năng của con người Việt nam, bằng tinh thần Điện biên phu.

*

Sau ngày 7 tháng 5 năm 1954, xuất hiện một cụm từ như là biểu trưng của thời đại : *"Việt nam - Hồ Chí Minh - Điện biên phủ"*.

Việt nam là đất nước anh hùng, là con người sáng tạo. Hồ Chí Minh là đường lối đúng đắn. Điện biên phủ là thắng lợi vẻ vang. Ý nghĩa của cụm từ ấy càng sâu sắc bốn chục năm sau, đẹp thêm bởi cành nguyệt quế mùa Xuân 1975 toàn thắng và những thành tựu của công cuộc đổi mới đang làm cho đất nước chuyển biến từng ngày.

Trên Tổ quốc hoàn toàn độc lập, tự do, hòa bình, thống nhất, dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân ta đang tiến lên trong kỷ nguyên mới : kỷ nguyên xây dựng đất nước giàu mạnh, mang lại cuộc sống hạnh phúc cho toàn dân. Đón chào vận hội lớn, chúng ta không quên sự hy sinh vô giá của toàn dân tộc trong cuộc chiến đấu 30 năm đã chuẩn bị tiền đề.

Nhớ lại ngày chiến thắng năm nào, trên chiến trường khói đạn còn chưa tan hết, các chiến sĩ Điện biên phủ đã nhận điện khen của Bác Hồ, kèm theo lời dặn dò không bao giờ cũ : "Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu [4]. "Chớ vì thắng mà kiêu, chớ chủ quan khinh địch" [5]. Bác cũng từng dạy bảo : Muốn "xây lầu thắng lợi", phải củng cố vững chắc cái "nền nhân dân", và đừng quên chống loài mối mọt.

Trong tình hình đất nước hôm nay, nhân dân ta quyết làm theo lời Bác. Mang tinh thần quyết chiến quyết thắng của Điện biên phủ vào trận mới, mặt trận xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, con người Việt nam tự hào, phấn khởi, quyết tâm chống lại những dòng nước ngược, đưa đất nước cất cánh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ cuộc sống ấm no, công bằng, văn minh và phát triển.

(4) *Sđd*, t6, tr551
(5) *Sđd*, t6, tr553

Digitized by Google

PHÁT HUY TINH THẦN ĐIỆN BIÊN PHỦ TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

Thượng tướng LÊ KHẢ PHIÊU

ĐIỆN BIÊN PHỦ là một chiến thắng lừng lẫy và vang dội của dân tộc Việt nam ta trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân vì độc lập và tự do trong thế kỷ 20. Tuy đã cách xa 40 năm, nhưng ý nghĩa, tầm vóc của chiến thắng lịch sử này không chút phai mờ. Ngược lại, thời gian giúp chúng ta nhận thức sâu sắc và đầy đủ hơn những kinh nghiệm và bài học của Điện biên phủ để vận dụng vào công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước hôm nay. Vượt lên khuôn khổ của một sự kiện quân sự, Chiến thắng Điện biên phu đã cho chúng ta nhiều bài học quý, có thể nghiên cứu vận dụng chẳng những vào lĩnh vực quân sự, quốc phòng, mà còn vào nhiều lĩnh vực khác : chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, ngoại giao...

Trước hết, Điện biên phủ không chỉ có giá trị to lớn đối với chúng ta, mà còn có ý nghĩa lớn lao đối với quốc tế. Suốt 40 năm qua, ba từ *Việt nam- Hồ Chí Minh - Điện biên phủ*, như bạn bè ta đánh giá, "đã làm rung động con tim của hàng tỉ người khát khao độc lập tự do", là "tiếng kèn xung trận" đối với các phong trào giải phóng dân tộc, là "một sự thức tỉnh", "một sự thật vĩ đại chói lọi niềm hy vọng to lớn và tươi sáng"... Có thể nói, từ thung lũng hiểm trở của Tây Bắc xa xôi, Chiến thắng Điện biên phủ có sức phát sáng diệu kỳ, bản thân chúng ta - người trong cuộc - nhiều khi cũng không lường hết vòng tỏa sáng của nó. Chúng ta tự hào coi Điện biên phủ là di sản tinh thần quý báu của dân tộc Việt nam, đồng thời là di sản chung của nhân loại. Trách nhiệm của các thế hệ chúng ta là trân trọng gìn giữ, bảo vệ di sản đó, phát huy đến mức cao nhất những giá trị tinh thần của Điện biên phu vào sự nghiệp dựng nước, giữ nước hôm nay và mai sau.

Điện biên phu là biểu tượng của khát vọng độc lập tự do của dân tộc ta. Giá trị lớn nhất của Chiến thắng Điện biên phủ thể hiện ở chân lý :*một dân tộc, dù nhỏ yếu, nếu biết đoàn kết chiến đấu với tinh thần triệt để cách mạng, theo đường lối đúng đắn của chính đảng của giai cấp vô sản, thì có thể chiến thắng bất cứ bọn đế quốc hung ác nào và nhất định giành được độc lập tự do.* Đó cũng là chân lý : *nhân nghĩa thắng bạo tàn.* Để đạt tới chân lý đó, nhân dân ta từ thế hệ này đến thế hệ khác, đã phải đổ biết bao xương máu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện hết sức súc tích chân lý đó bằng một câu tiêu biểu cho ý chí quật cường của cả một dân tộc : "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Từ Điện biên phủ cho đến những năm kháng chiến lâu dài và anh dũng sau này chống bọn xâm lược Mỹ, cả dân tộc ta đã chiến đấu với tinh thần đó, ý chí đó, và đã vượt qua mọi gian khổ hy sinh, giành thắng lợi trọn vẹn. Và suốt hơn 20 năm đi tiếp chặng đường đấu tranh giải phóng, từ năm 1954, và sau đó là cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, không lúc nào chúng ta quên Điện biên phủ. Ngược lại, tinh thần Điện biên phủ được phát huy cao độ trong những năm kháng chiến. Ở những thời điểm gay go nhất, quyết liệt nhất, tinh thần Điện biên phủ có sức thúc giục cổ vũ đặc biệt. Chính từ Điện biên phủ năm 1954, chúng ta có Điện biên phủ trên không tháng chạp năm 1972. Chỉ cái tên *Điện biên phu* thôi, đã nói lên tất cả : sự bất khuất. Không gì có thể khuất phục một dân tộc biết đoàn kết, có sự lãnh đạo đúng đắn, đứng lên bảo vệ quyền được sống trong độc lập tự do, dù cho đó là những kẻ hung hãn và tàn bạo nhất, được trang bị tối tân hiện đại nhất.

40 năm sau Điện biên phủ, đất nước ta đã hoàn toàn độc lập, tự do, cả nước thống nhất, nhân dân ta được sống trong hòa bình, cùng đoàn kết xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phấn đấu

Digitized by Google

thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, tinh thần Điện biên phủ vẫn ngời sáng, bởi vì độc lập dân tộc vẫn là vấn đề sống còn. Đất nước chỉ có thể phát triển, tiến lên chủ nghĩa xã hội khi độc lập dân tộc được giữ vững. 45 năm trước, bằng cuộc Cách mạng Tháng Tám, nhân dân ta đã thoát khỏi ách nô lệ, giành lại tự do và độc lập. Chúng ta quyết không bao giờ chịu đánh mất điều quý giá nhất : quyền được hưởng tự do, và độc lập, quyền được mưu cầu hạnh phúc. Đảng ta đề ra hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chính là nhằm đưa đất nước vào thế ổn định và phát triển, từng bước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện bước vào thời kỳ phát triển mới : công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Chúng ta học được gì từ Chiến thắng Điện biên phủ ? Hôm nay đặt câu hỏi này và mai sau, con cháu chúng ta sẽ còn trở lại câu hỏi này nữa. Bởi lẽ sức sống của tinh thần Điện biên phủ bắt nguồn từ truyền thống đấu tranh hàng nghìn năm của dân tộc và thấm sâu vào nhiều thế hệ. Mỗi thế hệ sẽ tự tìm cho mình những điều giá trị nhất, phù hợp nhất, biến tinh thần Điện biên phủ thành hành động cách mạng, giải quyết những vấn đề cụ thể của thế hệ mình.

Điện biên phủ - trước hết là *sức mạnh của ý chí quyết chiến quyết thắng của toàn dân tộc ta vì mục tiêu cao cả : độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.* Từ tháng chạp năm 1946, theo Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn quân, toàn dân ta đã lao vào cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ với quyết tâm : "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", "Dù phải đốt cháy dãy Trường Sơn, cũng quyết giành cho được độc lập". Nhân dân và các lực lượng vũ trang ta, với niềm tin sắt đá vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến, đã chấp nhận mọi gian khổ, hy sinh, quyết đánh và quyết thắng ở Điện biên phủ.

Trong kháng chiến cũng như trong xây dựng hòa bình, sức mạnh của ý chí quyết tâm là động lực vô cùng quan trọng, là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi. Chúng ta tránh để không rơi vào duy ý chí, nhưng rõ ràng, làm một việc dù nhỏ không có quyết tâm cũng dễ thất bại. Chính lúc này, mỗi người Việt nam và toàn dân tộc phải có ý chí quyết tâm cao để chiến thắng nghèo nàn lạc hậu, đưa đất nước đi lên. Đồng thời, cũng phải có quyết tâm dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Chúng ta không cam chịu nô lệ và cũng không cam chịu đói nghèo. Chúng ta có quyết tâm và có niềm tin : tin vào đường lối và sự lãnh đạo của Đảng, tin vào tiềm năng trí tuệ của con người Việt nam, tin vào sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Tuy hiện tại Việt nam vẫn thuộc vào hàng các nước chậm phát triển, nhưng những năm qua, nhờ kiên trì đường lối đổi mới, với sự cố gắng to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, chúng ta đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, nền kinh tế bắt đầu có tích lũy nội bộ, đời sống nhân dân có cải thiện. Cùng với những tiến bộ về kinh tế-xã hội, chúng ta đã giữ vững được ổn định chính trị, củng cố an ninh - quốc phòng ; vị trí của Việt nam trên trường quốc tế được nâng cao. Bài học rút ra từ thực tiễn của công cuộc đổi mới những năm qua chính là sự phát triển mới của bài học Điện biên phủ năm xưa : đó là sự kiên định mục tiêu, kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng, tinh thần kiên quyết phấn đấu vượt khó khăn, sự linh hoạt sáng tạo và tìm tòi trong phát hiện và giải quyết những vấn đề thực tiễn đã và đang đặt ra. Khó khăn ở mặt trận Điện biên phủ là rất lớn và có tác động đến tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta, nhưng nhờ ý chí quyết tâm cao, chúng ta đã vượt qua những khó khăn trở ngại đó, giành chiến thắng. Trong thực tiễn xây dựng đất nước, xây dựng lực lượng vũ trang giờ đây cũng vậy, mỗi giai đoạn lại xuất hiện những yêu cầu mới, khó khăn mới, nhưng nếu vững vàng, kiên định mục tiêu, quyết tâm phấn đấu thì vượt qua được khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ.

Điện biên phủ cũng là *bài học sáng ngời về tinh thần tự lực tự cường.* Ở tình thế không cân bằng về lực lượng, phương tiện và trang

Digitized by Google

bị kỹ thuật, trong một hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, quân và dân ta đã phát huy cao nhất tính chủ động, sáng tạo chuẩn bị tốt mọi mặt cho chiến dịch : chuẩn bị về chính trị - tư tưởng, về lực lượng, hậu cần, kỹ thuật, phương án tác chiến, cách đánh... liên tục tạo ra những bất ngờ, những điều ngạc nhiên đối với đối phương. Trước mỗi một giai đoạn của chiến dịch, trước từng đợt tiến công, biết bao vấn đề phức tạp đặt ra, nhưng chúng ta đã phát huy được trí tuệ tập thể, tìm ra những giải pháp thích hợp. Và như vậy, tuy có rất nhiều khó khăn, như về so sánh lực lượng, về khả năng trang bị kỹ thuật, quân và dân ta đã nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng, tự lực tự cường, dũng cảm hy sinh, sáng tạo nhiều cách đánh, biện pháp độc đáo, thông minh, có hiệu quả, khiến địch bất ngờ không đối phó nổi. Có thể nói, trong chiến dịch Điện biên phủ, chúng ta đã biết phát huy những đức tính và phẩm chất quý báu nhất của con người Việt nam, phát huy được nội lực để chiến đấu và chiến thắng.

Ngày nay, bài học về tinh thần tự lực tự cường vẫn giữ nguyên giá trị. Với chính sách đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, bạn bè ta trên thế giới ngày càng đông, tạo ra thuận lợi mới cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, nhưng chúng ta xác định, sự phát triển của đất nước bao giờ cũng dựa vào sức mạnh nội tại, sức mạnh bên trong là chính. Nếu ỷ lại, trông chờ vào nước ngoài, chúng ta sẽ trở thành người lệ thuộc. Trên cơ sở phát huy cao nhất tinh thần độc lập tự chủ, phải biết sử dụng tốt những thuận lợi và thời cơ mới để hợp tác, tranh thủ sự giúp đỡ từ bên ngoài, kết hợp với nguồn lực dồi dào từ bên trong tạo sức mạnh mới để phát triển đất nước. Càng tự lực, tự cường, chúng ta càng phải cần kiệm, tích cực chống tham ô - lãng phí, tranh thủ từng đồng vốn, sử dụng tốt các nguồn lực, dồn tất cả vào phát triển sản xuất, tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Xây dựng quân đội, xây dựng lực lượng vũ trang lúc này cũng dựa trên nguyên tắc đó - tự mình là chính, phát huy cao nhất tiềm năng tại chỗ và trong nước, triệt để tiết kiệm. Không một quốc gia nào có thể phát triển mà không thực hiện chính sách tiết kiệm. Đối với đất nước cũng như đối với từng cơ sở, từng gia đình, từng con người, muốn làm giàu, muốn phát triển phải chắt chiu từng đồng bạc.

Nói đến tinh thần Điện biên phủ cũng là nói đến bài học cơ bản nhất :*vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và sự thường xuyên chăm lo tăng cường sức mạnh lãnh đạo của các tổ chức đảng và đảng viên.* Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình, phân tích khoa học thực tiễn, kịp thời tổng kết, rút kinh nghiệm từng giai đoạn, từng đợt tiến công, từng trận đánh... mà Đảng và Bác Hồ - người Cha thân yêu của các lực lượng vũ trang - đã kịp thời có những quyết định đúng đắn, thể hiện sự nhạy bén, thông minh và bản lĩnh vững vàng. Giữa hai quan điểm đánh nhanh, giải quyết nhanh với đánh chắc, tiến chắc, từ thực tiễn tình hình, chúng ta đã phân tích một cách khách quan, khoa học, quyết tâm chuyển hướng chỉ đạo đánh chắc, tiến chắc, giải quyết tốt tâm lý nôn nóng để giành thắng lợi. Trong những năm kháng chiến và sau này là trong xây dựng hòa bình, Đảng ta đã tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng. Trước những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn, bao giờ cũng phải phân tích đánh giá tình hình hết sức khách quan, sát, đúng, kịp thời và thẳng thắn chỉ ra khuyết điểm, sai lầm để sửa chữa, khẳng định và phát huy mặt đúng, mặt tốt. Làm như vậy, dù trong hoàn cảnh khó khăn, vẫn tạo được niềm tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước. Khi đã có quyết tâm và niềm tin, thì các quyết sách lớn của Đảng và Nhà nước, các chính sách và biện pháp sẽ được nhân dân nhất trí đồng tình ủng hộ, biến thành ý chí và hành động cách mạng của toàn dân.

Ở Điện biên phủ, Đảng ta đã lãnh đạo chiến dịch không chỉ bằng những phương hướng, quyết định vừa thận trọng, vừa táo bạo và sáng suốt, mà còn bằng sự gương mẫu, vai trò tiên phong của từng đảng viên. Đã có những lúc tình hình diễn biến phức tạp, nảy sinh tư tưởng bi quan, dao động, nôn nóng, thậm chí những tư tưởng tiêu cực, giảm sút ý chí chiến đấu. Trong các tổ chức cơ sở đảng đã tiến hành sinh hoạt phê bình, tự phê bình, đấu tranh thẳng thắn ngay từ trong Đảng, trong cán bộ, đảng viên,

Digitized by Google

qua đó tạo sức mạnh, niềm tin cho quần chúng. Đảng viên gương mẫu cả trong lời nói và việc làm. Đảng viên đương đầu với khó khăn, gian khổ và hy sinh. Những tấm gương chiến đấu của các đảng viên có sức lôi cuốn mạnh mẽ mọi người. Đây chính là yếu tố cực kỳ quan trọng tạo ra sức mạnh lãnh đạo, chỉ huy, tạo ra tinh thần tự giác hy sinh trong cán bộ, chiến sĩ và toàn dân. Bài học này còn giá trị nóng hổi cho hôm nay. Đảng muốn khẳng định vai trò lãnh đạo của mình trong xã hội, muốn tạo được sức mạnh niềm tin trong quần chúng, nhất thiết từng đảng viên phải là tấm gương cho quần chúng noi theo. Không một lời nói suông mỹ miều nào có thể tạo ra uy tín và sức mạnh của Đảng. Trong kháng chiến, đảng viên chấp nhận hy sinh, thì trong thời bình cũng phải chấp nhận gian khổ, hy sinh, lo cho nhân dân trước hết, mọi lời nói và việc làm phải góp phần nâng cao uy tín của Đảng trong nhân dân.

Cũng cần nói tới một bài học nữa của Điện biên phủ, có thể sẽ gợi mở cho chúng ta những suy nghĩ sáng tạo phù hợp với điều kiện hiện nay - đó là *bài học về huy động, tập hợp sức mạnh và trí tuệ của toàn dân*. Có được Chiến thắng Điện biên phủ, phải nói đến một yếu tố quan trọng là Đảng và Nhà nước ta đã huy động và sử dụng có hiệu quả sức mạnh tổng hợp của cả nước với tinh thần : Tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho chiến dịch Điện biên phủ, cả nước hướng về Điện biên phủ, các chiến trường phối hợp với Điện biên phủ. Ở những thời điểm quyết định, chúng ta đã biết dồn sức người, sức của của cả nước, từ các địa phương, các mặt trận, quyết thực hiện thắng lợi mục tiêu : đánh tan tập đoàn cứ điểm Điện biên phủ. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới, hướng đi và mục tiêu phấn đấu của chúng ta đã rõ ràng, chúng ta cũng đã xác định bước đi thích hợp với từng thời kỳ. Vấn đề quan trọng là phát huy cao nhất khả năng và tiềm năng lao động, trí tuệ của cả nước, mọi địa phương, mọi người, mọi nhà để thực hiện cho được mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Chúng ta đã tạo được điều kiện, tiền đề để đưa đất nước vào thời kỳ phát triển mới, nhưng mục tiêu có trở thành hiện thực hay không là phụ thuộc vào sự nỗ lực của từng địa phương, từng cấp, từng ngành và của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng tháng giêng năm 1994 đã phân tích tình hình đất nước, chỉ rõ những thời cơ mới và thách thức mới của đất nước ta trong thời kỳ đổi mới. Ở thời điểm này, chúng ta cần nghiên cứu những bài học kinh nghiệm của Điện biên phủ, trên thực tế là bài học khai thác tối đa những thuận lợi của thời cơ mới để vượt qua khó khăn, thử thách đi tới thắng lợi cuối cùng. Nếu nói đến thử thách, thì Điện biên phủ không thiếu bất cứ một kiểu thư thách gì, và khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua nổi. Vượt qua được khó khăn, sử dụng chính xác, có hiệu qua thời cơ trong mỗi giai đoạn, mỗi trận chiến đấu cũng như cả chiến dịch, đó là nghệ thuật, là biểu hiện ý chí, tài năng của con người Việt nam. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, để vượt qua thách thức, tranh thủ thời cơ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta càng phải phát huy ý chí, tài năng và nỗ lực của toàn dân.

Điện biên phủ là sự kế thừa truyền thống dựng nước và giữ nước của ông cha ta từ ngàn xưa. Truyền thống Điện biên phủ - một giá trị tinh thần vô giá - cần được gìn giữ và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhưng, truyền thống đó không phải là hiện vật để lưu giữ trong bảo tàng, mà đó là sức sống và ý chí vươn tới. Mỗi giai đoạn lịch sử của đất nước, chúng ta lại nhìn nhận ý nghĩa của Chiến thắng Điện biên phủ với những suy nghĩ mới và phát hiện mới. Trong thuận lợi và trong khó khăn, chúng ta đều có thể tìm thấy trong giá trị tinh thần Điện biên phủ cái cốt lõi nhất :*ý chí quyết chiến, quyết thắng của dân tộc ; khát vọng vươn tới độc lập, tự do, hạnh phúc của toàn dân ta*. Bằng khối óc và bàn tay của mình, bằng tài năng và chí sáng tạo, chúng ta hoàn toàn có thể biến khát vọng đó thành hiện thực.

Với suy nghĩ như vậy, Điện biên phủ sẽ mãi mãi trường tồn với lịch sử, tinh thần Điện biên phủ bất cứ lúc nào, ở thời đại nào, cũng tràn đầy sức sống ! Điện biên phủ mãi mãi là niềm tin, niềm tự hào của dân tộc ta !

Digitized by Google

NHÂN KỶ NIỆM 40 NĂM GIẢI PHÓNG ĐIỆN BIÊN, ĐỌC :

"KHÉP LẠI QUÁ KHỨ ĐAU THƯƠNG" *

DƯƠNG VŨ

RẤT có thể trong đoàn khách hành hương vào tham quan và du lịch nước ta nhân kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng Điện biên sẽ có không ít những cựu chiến binh người Pháp. Chắc chắn họ sẽ rất vui và không khỏi bồi hồi khi đón nhận tác phẩm còn thơm mùi mực của ông Kỳ Thu, một tác phẩm mang cái tên rất gợi nhớ : "Khép lại quá khứ đau thương" (Hồi ký về trại tù binh sĩ quan Pháp số 1, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, Hà nội, 1994).

Cuốn sách hơn 200 trang, gồm 10 chương xinh xắn, khắc họa chân dung những con người ở đằng sau cuộc chiến, "con người-chiến sĩ"(1) và "con người - kẻ thù hôm qua" trải hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, đặt ra biết bao câu hỏi và tìm ở nhau bao câu trả lời về số phận, về nhân phẩm, về nỗi đắng cay mất mát, và hơn hết là về cái thật, cái giả, về lẽ sống ở đời.

Sau cuộc chiến tranh tàn khốc, ai đâu dễ gì nguôi ngoai. Vì vậy, chính vị đương kim tổng thống nước Cộng hòa Pháp, ông Phrăng-xoa Mit-tơ-răng, qua mấy chục năm dài dằng dặc, nay mới "trực tiếp đến Việt nam để hòa giải" và để nói lên tiếng nói khách quan rằng : "Về phía Pháp, đó là sự sai lầm lớn".

Ta coi đó là lời nói chân thành của người đại diện cho nhân dân Pháp, mặc dù hơi muộn. Song có lẽ ngài tổng thống khó mà hiểu được người Việt nam đã từng nhận ra chân lý ấy ngay từ những ngày đầu kháng chiến, với chiếc gậy tầm vông và cây mã tấu, quyết giữ lấy nền độc lập tự do của dân tộc mình. Cắt nghĩa thế nào về quyết tâm và ý chí sắt đá đó ? Quyển sách của ông Kỳ Thu đã góp phần nhỏ vào việc phân tích nguyên nhân.

*

Ngay những trang đầu tiên của cuốn sách, người đọc đã bị lôi cuốn bởi một không khí rộn ràng, nhộn nhịp, tựa như ngày hội của quần chúng cách mạng, bước vào cuộc chiến tranh chính nghĩa. Từng đoàn người "lưng gùi những chiếc sọt tre hoặc kĩu kịt trên vai những gánh nặng... Họ là người Hmông, người Dao, người Nùng, người Tày, người Kinh từ đỉnh núi cao các bản heo hút, các thị trấn mới giải phóng, đổ về xuôi phục vụ tiền tuyến"...

"Thấm thoắt đã ba năm, họ ăn ngô, ăn sắn, ăn cháo cầm hơi, một lòng hướng về cách mạng để có ngày vui hôm nay làm chủ cuộc đời". Rồi chẳng bao lâu, đến Đông-Xuân 1953 – 1954, dòng người đó vẫn tiếp tục đổ ra tiền tuyến với "sức mạnh không gì ngăn cản nổi". Trên những con đường hướng về Điện biên phủ "người và xe cứ cuồn cuộn tiến về phía trước".

Hòa cùng cộng đồng mang sức mạnh bão táp ấy, là những cán bộ, chiến sĩ trên mặt trận làm công tác binh vận, địch vận, sống gian khổ, thầm lặng trong rừng sâu, khôn khéo, kiên trung và dũng cảm thực hiện nghiêm chỉnh chính sách khoan hồng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của nhà nước còn non trẻ - nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa.

Nhiệm vụ nặng nề không chỉ ở khối lượng công việc mà còn ở tính chất phức tạp của nó. Trong các trại tập trung tù binh, buổi đầu gặp không ít khó khăn. Từ việc lo chỗ ăn, chỗ ở, lo chạy đủ gạo, thuốc men, quần áo cho hàng ngàn người, đến việc bảo vệ chiến sĩ và đồng bào, tổ chức quản lý tù binh khi cuộc chiến vẫn đang trong thế cài răng lược. Nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát, giáo dục tù binh, biến họ từ lực lượng đối lập, kiêu ngạo và ương ngạnh, nhất là đội ngũ sĩ quan (những sĩ quan khét tiếng như Sác-tông, Lơ-pa-giơ...), thành lực lượng tự nguyện lập chiến tuyến mới, đấu tranh trực tiếp với nhà nước Pháp, phản đối chiến tranh, đòi được hồi hương, trở về nước, đâu phải là việc đơn giản và dễ dàng. Ở đây, không chỉ có nhiệt tình và tinh thần dũng cảm ; không chỉ có tính kiên trì và sự khoan dung. Ở đây còn phải có tầm trí tuệ, có trái tim mẫn cảm và một nhân cách thực sự văn hóa, được thể hiện trong hành

* Hồi ký của Kỳ Thu viết về trại tù binh sĩ quan Pháp số 1, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1994.

(1) Những chỗ có ngoặc kép trong bài mà không ghi xuất xứ đều trích từ tác phẩm của Kỳ Thu

Digitized by Google

vi, hành động đúng và đẹp với nguyên nghĩa của nó. Trước thử thách khắc nghiệt tưởng như không vượt nổi, bài học dựa vào dân, khai thác tiềm năng của dân, lại vẫn là bài học quý giá và thiết thực. Trong tác phẩm của Kỳ Thu chúng ta thấy một nhân dân khiêm nhường, nhân ái và công bằng ; một nhân dân biết vì nghĩa lớn mà quên đi "chuyện vặt", kể cả những mối thù còn đang cháy bỏng hôm qua. Hãy xem đoạn dưới đây kể về nhận xét của một ông chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chính xã (nơi có trại tù binh đóng) :

- Về bộ đội, tôi chỉ có một điều dặn dò : chớ ăn thịt bò trong nhà dân. Dân kiêng lắm đấy. Cái ma nó không ưng đâu...

Còn tù binh, hồi mới về đây, tù binh ăn cắp của dân nhiều lắm vớ. Nhưng chỉ là "vặt vãnh" thôi, chẳng đáng bao đồng tiền. Chắc tù binh đói...

Vừa ngồi xuống, ông chủ tịch lại đứng lên nói lớn :

- Đã nói thì nói cho hết, bộ đội có ưng không ? Ta phải công bằng với tù binh mới thỏa cái bụng, sai nói sai, tốt nói tốt. Bây giờ dân bằng lòng với tù binh rồi đấy. Tại sao à ? Một là, tù binh không ăn cắp vặt của dân nữa vớ. Hai là, tù binh giúp dân nhiều việc lắm vớ... Chiều, tù binh có đứa cõng trẻ con đi chơi trong bản nữa đấy. Bộ đội giáo dục tù binh giỏi quá. Dân ưng rồi.

Qua lời nhận xét trên của ông chủ tịch, người ta không chỉ thấy rõ tấm lòng độ lượng của nhân dân ta mà còn thấy rõ thành quả công tác của chiến sĩ và cán bộ ta trong cuộc đấu tranh bền bỉ. Hơn nữa, nó còn cho thấy sự đúng đắn của *một chính sách lớn*, gọn sắc, ít lời, mà các anh ở đây coi như một "cẩm nang quý báu, một vũ khí duy nhất". Đó là chính sách khoan hồng của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện súc tích qua đoạn thư sau đây của Người gửi tù binh năm 1951 : "Chúng tôi có mối căm thù, một mối căm thù thiêng liêng và mãnh liệt chống lại bọn thực dân đầu sỏ. Nhưng sự căm thù đó không dành cho các người, những nạn nhân của chính sách tội ác thực dân mà đối với các người có nghĩa là sự nô lệ, khốn cùng và cái chết". Tất nhiên, tư tưởng nhân văn cao cả đó ở Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ có ở đoạn thư trên. Nó được thể hiện nhất quán ngay từ những ngày đầu cả nước vừa giành được độc lập đã phải đứng lên giành và giữ chính quyền. Năm 1946, trong thư gửi đồng bào Việt nam, người Pháp và người thế giới, Người đã viết : "*Than ôi*, trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay máu Việt cũng đều là máu, người Pháp hay người Việt cũng đều là người "[2]. Đến thư trả lời Sôt-xi (22-9-1947), Người còn nhắc lại : "Theo tinh thần bốn bể đều là anh em, tôi yêu mến thanh niên Pháp cũng như yêu mến thanh niên Việt nam. Đối với tôi, sinh mệnh của một người Pháp hay sinh mệnh của một người Việt nam đều đáng quý như nhau. Tôi thành thực mong thanh niên Pháp và thanh niên Việt nam hiểu biết lẫn nhau và yêu mến nhau, như anh em"[3].

Ôi, lòng nhân ái bao la với tầm nhìn ra bốn biển của vị chủ tịch nước đầu tiên có sức lay động biết bao tâm hồn ! Nhắc lại ở đây điều này một phần cũng là để trả lời những ai, trong phút giây mơ hồ nào đó, đã trách cứ rằng tại sao lúc đó ta không "tránh đi" một cuộc chiến tranh ; rằng trong quá khứ dường như dân tộc Việt nam đã "mài giữa nghệ thuật chết !" [4]. Người Việt nam đâu có thích chiến tranh. Đó hoàn toàn là sự bắt buộc của lịch sử ! Và nếu ai đó vẫn còn cố tình chưa muốn tin, xin vui lòng giở tập hồi ký của ông Kỳ Thu, tìm hiểu kỹ những lời thú nhận của tù binh Pháp cách đây hơn 40 năm, và đọc lời phát biểu của ông đương kim tổng thống Pháp trong cuộc họp báo chính thức tại nhà khách Bộ quốc phòng ở Hà nội ngày 10-2-1993, sẽ rõ.

Cũng cần nhận biết tấm lòng và đạo đức của Hồ Chí Minh không chỉ đọng trên lời nói mà còn được thể hiện rõ nét ở hành động cụ thể. Trong giá rét, nhiều lần vị lãnh tụ không chỉ cởi áo mình khoác cho những thương binh nặng của ta mà còn khoác cho cả tù binh (trang 32 của cuốn sách, ông Kỳ Thu đã nêu). Ở tập sách "Bao la nhân ái Hồ Chí Minh"(Nhà xuất bản Thanh niên) lại có đoạn kể lại lời đại úy quân y Pháp cùng bị bắt với Lơ-pa-giơ trong chiến dịch biên giới nói với người phụ trách trại giam : "Càng nói chuyện với ông cố vấn mặt trận, tôi càng kính phục ông (Bác đóng giả là cố vấn mặt trận để hỏi chuyện tù binh). Ông hỏi chuyện gia đình, tôi rất cảm động. Đến khi ông cởi áo cho tôi, tôi giơ tay nhận áo mà nước mắt trào ra...".

Một nhân dân như vậy, một lãnh tụ như vậy, và đây nữa, hãy xem chiến sĩ và cán bộ của quân

(2),(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb sự thật, Hà Nội 1984 t4, tr194, 161

(4) *Diễn đàn*, số 6 (3-1992), in tại Pa-ri

Digitized by Google

đội ta qua những trang ghi chép của ông Kỳ Thu ! Những gương mặt thân quen như anh Cấm nhiều năm chuyên tải bạc từ cục địch vận ở Thái nguyên lên Cao bằng, không bao giờ thất thoát một xu ; anh Liệu chuyên giải tù binh đi chợ ; anh Tựu tận tình hướng dẫn tù binh nấu ăn ; cụ Liễu, người thủ kho già, tay hòm chìa khóa, liêm khiết và tốt bụng ; cháu Phoóng 16 tuổi, mặt còn măng tơ, vai đeo khẩu "Mút" dài ngoẵng làm nhiệm vụ bảo vệ trại. Đó là những người bạn mà ông Kỳ Thu không bao giờ quên được. Từng chia ngọt sẻ bùi, nằm gai nếm mật, họ sống với nhau qua mùa xuân nọ đến mùa xuân kia, xa nhà, nhớ nhung, vậy mà sao thân thương, đằm ấm. Có điều rất lạ, kẻ thù đâu biết được rằng, chính họ mới gần đây thôi là những nạn nhân trực tiếp của cuộc chiến, đã từng bị quân Pháp bắt giam, tra khảo, đánh đập tàn nhẫn ; quê hương họ bị đốt phá, bị vây ráp, chà đi xát lại ; nhiều người thân của họ bị giặc giết hại. Thế mà nay họ chịu kiên gan, nén đau, nén giận dang tay nâng đỡ, chăm chút từng bát cơm, manh áo cho những kẻ lầm đường lạc lối, đã từng cuồng dại lao vào cuộc chiến tranh ăn cướp.

Miêu tả những nhân vật có thật bằng xương bằng thịt ấy với đường nét mộc mạc, đơn sơ, Kỳ Thu mang đến cho người đọc một lô gic suy tư, rằng để bảo vệ Tổ quốc thân yêu của mình, người Việt nam đã đi vào cuộc chiến đấu rất nhẹ nhàng, thanh thản. Với dáng vẻ ấy, họ luôn đứng ở vị thế của người chiến thắng.

Song nói như nhà thơ Chế Lan Viên, cuộc đời đâu phải "ta là ta mà ta cứ mê ta". Cái nét đẹp ấy, cái dáng vẻ ấy chỉ có thông qua con mắt người khác (ở đây là con mắt tù binh), ta mới thấy hết chiều sâu, bề rộng và tầm cao của nó. Và ta càng biết ơn Hồ Chí Minh với tư tưởng nhân đạo ngời sáng của Người, không chỉ thấm sâu vào mạch máu cán bộ chiến sĩ và nhân dân ta mà còn có ảnh hưởng trực tiếp đến tâm tưởng đối phương. Nó chính là sức mạnh đáng sợ, là đòn "tâm công" sắc bén nhất (vũ khí của cha ông xưa trong lịch sử đã dùng) để giành giật lấy lòng người và chiến thắng.

Theo ông Kỳ Thu thì tù binh Âu Phi bị bắt trong các chiến dịch có đến 36 quốc tịch khác nhau... Đó là một thế giới thu nhỏ, một "quần cư" hỗn tạp, thể hiện sự huy động to lớn của quân đội Pháp, và cũng nói lên nỗi đau chung của nhiều dân tộc đã bị kéo vào một cuộc chiến mù quáng.

Trong hàng ngũ tù binh đó có nhiều người đã là con cưng của đội quân viễn chinh Pháp ở Viễn Đông. Quan năm Lơ-pa-giơ và Sác-tông hàng chục năm từng làm "quan cai trị" hoặc lê gót giày đi tham chiến ở nhiều nước. Xuất thân từ những gia đình thượng lưu có vai vế ở "nước mẹ", họ quen sống một cuộc sống nhung lụa, được vuốt ve chiều chuộng. Nay đến với trại tù Việt minh trong mặc cảm, chán chường, họ thường đổ lỗi cho người khác và luôn hợm mình, ngạo mạn. "Họ sợ sự trả thù của người chiến thắng. Nhiều người nguyền rủa số phận từ chối họ không để chết trong khi chiến đấu". Nhưng rồi năm tháng qua đi, "thay cho cái hốc tối tăm của sự quên lãng", họ đã "tìm thấy ánh sáng". Ánh sáng ập đến "từ cửa sổ nhà tù...", ánh sáng lan tỏa "trên hòn đảo tình thương", ánh sáng len lỏi vào trái tim u buồn của họ... Rồi những điều trông thấy, những công việc thường nhật, những giờ giải trí, những trải nghiệm ngọt ngào và chua chát... Tất cả sự thật bày ra nhỡn tiền, không thể chối cãi. Tất cả như một hồi chuông vọng vào đáy sâu tâm linh của họ, khiến họ bừng tỉnh... Nhiều chương trong tập sách, như "Mùa xuân không đến muộn", "Khi lương tâm thức tỉnh", là những chương viết hay, rất xúc động. Nó tựa như giọng đàn bầu sâu lắng trong toàn bộ bản hợp xướng, một gam màu mát dịu trong toàn bộ bức tranh cuộc chiến. Chúng ta hãy xem đoạn tác giả hồi tưởng buổi liên hoan của tù binh nhân ngày lễ giáng sinh : "Thực đơn "Nô-en 1951" được viết nắn nót trên trang giấy trắng, điểm một bông hồng đỏ thắm với hàng chữ đậm "NOËL PAIX AU VIET NAM" đặt trên bàn tiệc danh dự dành cho người chỉ huy trại".

"Một hàng rào danh dự, đứng đầu là hai viên quan năm Sác-tông và Lơ- pa-giơ, chào đón nghiêm trang người đại diện quân đội nhân dân Việt nam. "Anh bộ đội Cụ Hồ" vẫn mặc chiếc áo trấn thủ hình quả trám mỏng, đầu đội chiếc mũ cứng bọc vải ka ki vàng nhạt, chân đi dép lốp cao su đen, ngồi trên chiếc ghế danh dự dành cho người chiến thắng giữa đám sĩ quan, tinh hoa của đạo quân viễn chinh Pháp". Quả là đẹp. Một vẻ đẹp bất ngờ được khắc sâu vào trong ký ức. Tôi chắc với phẩm chất thẳng thắn trung thực của Kỳ Thu (qua nhận xét của tù binh trong tư liệu), ông đâu có chủ quan tô vẽ nên hình ảnh tuyệt vời đó. Cuối buổi lễ, người trưởng trại đứng dậy nói vắn tắt :

Digitized by Google

- Tất cả các dân tộc đều mong muốn hòa bình... Chiến tranh có lợi cho ai ? Phải đấu tranh để giành lấy hòa bình ! Đó là quyền lợi thiết thân của các anh để mau chóng trở về sum họp với gia đình. Trong khi chờ đợi, tôi mong các anh thực hiện đúng ba lời khuyên của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Hãy giữ kỷ luật. Hãy tỏ ra có ích. Hãy giữ gìn sức khỏe".

Chân lý sao mà giản dị và dễ hiểu. Song chỉ có một dân tộc đã từng nếm trải những ngày nô lệ, chìm đắm trong bể khổ của máu và nước mắt, chỉ có một dân tộc đã đi chặng đường dài hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, mới thấm sâu được chân lý đó. Tất nhiên, hành trình đi tìm chân lý của bản thân những tù binh người Pháp cũng chẳng trơn tru và bằng phẳng chút nào. Bởi chính phủ Pháp lúc đó đã biến quân đội Pháp thành "người hoàn toàn câm lặng", những kẻ chỉ biết bấm cò súng, không muốn dính đến chính trị, không muốn làm chính trị. Chỉ đến khi họ trực tiếp nghe thấy, trông thấy, họ quan hệ, từ "quan hệ với lính gác", "quan hệ với cán bộ", đến "quan hệ với dân chúng" và quan hệ giữa chính họ với nhau, lẽ phải mới dần dần hiện ra rõ nét. Họ viết : "Lương tâm con người, lương tâm của người công dân, mà lâu nay sự ích kỷ, sự kiêu ngạo, cuối cùng là cảnh khốn cùng của chúng tôi đã làm chìm đắm trong cơn mê, bắt đầu thức tỉnh". Đặc biệt, điều quan trọng nhất được phơi bày và khiến họ hiểu ra : Họ chính là "những nạn nhân của sự dối trá khủng khiếp". "Chúng tôi đã bị lừa dối một cách bỉ ổi bởi những nhà chính trị vô lương chỉ vì muốn thỏa mãn những quyền lợi bỉ ổi của họ đã không ngần ngại biến chúng tôi thành những công cụ mù quáng của một chính sách khả ố và áp bức, một chính sách chiến tranh và cướp bóc". Cuối cùng họ khẳng định : "Cuộc chiến tranh đó, trái với lợi ích của nhân dân Pháp, mỗi năm hao tốn hơn 500 tỉ phơ răng và 30 000 sinh mạng con người".

Thực tình, ở một góc độ nào đó, Kỳ Thu đã giải bài toán một cách ngắn gọn, đã đưa ra một đáp số xác thực cho thế hệ hôm nay và cả ngày mai về cái giá phải trả cho một tham vọng ngông cuồng. Nếu những trang tư liệu, những trang tự bạch của tù binh kia còn nằm sâu trong đáy hòm của cá nhân hay trong viện bảo tàng, thì làm sao ngày nay tuổi trẻ trên đất Pháp và trên đất Việt nam có đủ chứng cớ để bác bỏ một cách đanh thép luận điệu của những kẻ cứ muốn đánh tráo bản chất hai cuộc chiến tranh, cứ muốn đổ đồng cả người chiến thắng và kẻ chiến bại, cứ muốn vẽ lên khuôn mặt méo mó của con người trước máu lửa và bom đạn... hòng biện minh cho cái lý thuyết "nhân bản" thuần túy muôn đời nào đó ?

Tôi đồng ý với nhận xét của Ga-bri-en Côn-cô (tác giả cuốn "Giải phẫu một cuộc chiến tranh", Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1991) : "Thơ ca và tiểu thuyết đã nở rộ, chính bởi vì chuyện kể lịch sử không đủ sức diễn đạt nội dung tinh tế và phong phú của hoạt động loài người : các phong trào rộng lớn của nhân dân, những lo âu và chịu đựng, những nguyện vọng và vui mừng của họ... Nhưng chiến tranh Việt nam cho đến nay đã vượt quá các nhà thơ và các nhà tiểu thuyết". Ông còn nhấn mạnh : "Bất cứ ở đâu, số liệu cũng chỉ nói lên cái xấp xỉ của những xu hướng. Tôi rất ghét chuyện những thảm kịch to lớn về xã hội và về con người vào các máy điện tử".

Đúng vậy, máy điện tử nào đo đếm hết được nhịp đập trái tim con người trong chiến tranh ? Máy điện tử nào nói hộ được khát vọng cháy bỏng của nhân dân mong muốn hòa bình và hạnh phúc ? Nhưng rồi cái gì đến cũng sẽ đến. Một mùa thu đầy ắp kỷ niệm, một mùa thu khắc khoải đợi chờ của bao sinh linh - Mùa thu hòa bình - đã đến.

"Hòa bình thế giới muôn năm !". Tiếng hô của Lơ-pa-giơ trước buổi lên đường về nước rất có thể được bật ra từ sau những đêm dài trăn trở, dằn vặt của ông. Bởi vì, như ông nghĩ : "Bây giờ tất cả chúng tôi đều cảm thấy từ trong sâu thẳm của trái tim mình, rằng hai dân tộc chúng ta (Việt - Pháp) được sinh ra là để hòa thuận với nhau...". Tấm lòng ấy, ngay tức khắc, đã được Kỳ Thu - người trưởng trại tù binh - đáp lại bằng cái bắt tay siết chặt : "Từ giờ phút này, các anh là bạn của nhân dân Việt nam chúng tôi".

*

Mặc dù là thể loại hồi ký, nhưng tác phẩm của Kỳ Thu không miên man, sa đà, kể lể dài dòng về cuộc đời riêng tư của ông, mà cái chính, như vào chuyện ông đã nói, là để phản ánh "một mảng màu trong công tác binh, địch vận - một mặt trận "đánh vào lòng người" của quân đội và nhân dân ta trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp".

(Xem tiếp trang 20)

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG XUÂN KỲ*

I - NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh là một trong những nhà tư tưởng, những lãnh tụ cách mạng đã bàn nhiều nhất đến vấn đề đạo đức. Người không để lại những tác phẩm đạo đức lớn, nhưng những tư tưởng đạo đức lớn của Người đã được chứa đựng trong những bài viết, bài nói ngắn gọn, được diễn đạt rất cô đọng, hàm súc theo phong cách phương Đông, rất quen thuộc với con người Việt nam. Bản thân Người lại thực hiện trước nhất và nhiều nhất những tư tưởng đạo đức ấy, nhiều hơn cả những điều Người đã viết, đã nói về đạo đức. Đó là đặc trưng nổi bật của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh để phân biệt với rất nhiều nhà tư tưởng, nhiều lãnh tụ cách mạng khác từ trước đến nay.

Nền tảng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống đạo đức dân tộc Việt nam, đã được hình thành trong trường kỳ lịch sử, đồng thời chắt lọc những tư tưởng đạo đức phương Đông và những tinh hoa đạo đức của nhân loại. Điều đặc biệt quan trọng là đã bắt nguồn từ những tư tưởng đạo đức của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, cũng như những tấm gương đạo đức trong sáng mà các ông đã để lại, từ đó Hồ Chí Minh hình thành những tư tưởng đạo đức của mình, phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt nam trong thời đại mới. Đó là "tấm gương sáng về sự giản dị vĩ đại và sự khiêm tốn cao độ" "là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị"[1].

Hồ Chí Minh đã sử dụng hết sức tài tình những khái niệm, những phạm trù đạo đức đã từng quen thuộc với dân tộc Việt nam từ lâu đời, kể cả những khái niệm đạo đức của Nho giáo và đưa vào đấy những nội dung mới, đồng thời bổ sung những phạm trù, khái niệm đạo đức của thời đại mới. Chính vì vậy mà những giá trị đạo đức mới đã hòa nhập với những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, làm cho mỗi con người Việt nam đều thấy gần gũi, lại kết hợp với những giá trị đạo đức mà Người rút ra từ nền văn hóa thế giới, khiến cho số đông người nước ngoài đều có thể chấp nhận được tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa dân tộc và nhân loại cũng là đặc trưng rất nổi bật của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Từ Hồ Chí Minh, nền đạo đức Việt nam đã mang bản chất mới và đã được Người gọi là *đạo đức mới (đạo đức cách mạng)*. Đạo đức mới đã lật ngược lại các kiểu đạo đức cũ. "Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất, chân chổng lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngửng lên trời"[2]. Đạo đức mới xóa bỏ những chuẩn mực đạo đức phong kiến vốn luôn trói buộc nhân dân lao động vào những lễ giáo hủ bại, phục vụ cho chế độ đẳng cấp, nô dịch của xã hội phong kiến. Đạo đức mới hoàn toàn đối lập với đạo đức cá nhân chủ nghĩa, ích kỷ cực đoan của giai cấp tư sản. Nó cũng xa lạ với đạo đức của người tiểu tư sản, kìm hãm con người trong những lợi ích riêng tư, cục bộ, hẹp hòi, cũng như trong vòng gia trưởng nhỏ bé. Nó càng xa lạ với đạo đức tôn giáo

* Ủy viên TƯ Đảng, GS triết học, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr 232

(2) Hồ Chí Minh : *Về đạo đức cách mạng*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1976, tr 41

Digitized by Google

luôn khuyên con người tu thân, khắc kỷ, cam chịu, chấp nhận số phận để hướng về một cuộc sống tốt đẹp hơn sau khi chết.

Đạo đức mới do Hồ Chí Minh đề xướng và cùng với Đảng ta dày công xây dựng bồi đắp là đạo đức mang bản chất của giai cấp công nhân, kết hợp chặt chẽ với những truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt nam và những tinh hoa đạo đức của nhân loại. Nền đạo đức ấy ngày càng phát triển cùng với sự vận động của thực tiễn cách mạng Việt nam. Nó đã trở thành vũ khí mạnh mẽ của Đảng và của dân tộc ta trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, vì hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các dân tộc khác trên thế giới.

Hồ Chí Minh coi đạo đức là *cái gốc, cái nền tảng* của người cách mạng, là *nguồn nước* làm cho tinh thần cách mạng không bao giờ cạn. Như Người vẫn thường nói, đối với con người, sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng, vì sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp rất khó khăn, to lớn và lâu dài. Nó đòi hỏi sự phấn đấu không ngừng của mỗi người, hơn nữa của nhiều thế hệ nối tiếp nhau.

Việc chăm lo cái gốc, cái nền, cái nguồn đạo đức ấy phải là công việc thường xuyên của toàn đảng, toàn dân, của mỗi gia đình và mỗi con người trong xã hội ta. Bởi vì, muốn làm cách mạng thì trước hết con người phải có cái tâm, cái đức trong sáng đối với giai cấp công nhân, nhân dân lao động, với cả dân tộc mình. Phải có tâm, có đức mới thực sự đi đến được học thuyết Mác - Lê-nin, càng phải có tâm, có đức mới đưa được học thuyết đó vào cuộc sống, mới đi tới cùng với học thuyết đó trong sự phát triển biện chứng của cuộc sống. Con đường Hồ Chí Minh đi đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một minh chứng rất rõ về điều đó.

Ngay từ bài mở đầu trong cuốn sách "Đường cách mệnh" là cuốn sách bồi dưỡng lớp cán bộ đầu tiên của cách mạng Việt nam đi theo học thuyết Mác - Lê-nin và con đường của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, Hồ Chí Minh đã viết bài "Về tư cách một người cách mạng". Và đến bài viết cuối cùng đăng trên báo *Nhân dân* nhân dịp 39 năm ngày thành lập Đảng (3-2-1969), Hồ Chí Minh lại đề cập đến vấn đề đạo đức của cán bộ đảng viên với đầu đề "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân". Rồi trong *Di chúc*, Người lại nhắc nhở Đảng ta phải đào tạo thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng thành những người vừa "hồng" vừa "chuyên". Chắc chắn chúng ta không thể tìm thấy một trường hợp nào giống như vậy. Phải chăng, Hồ Chí Minh đã nêu ra một quan điểm lớn : phải có cái đức để đi đến cái trí. Và khi đã có cái trí, hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, về đường lối, phương pháp cách mạng, thì cái đức chính là cái bảo đảm cho người cách mạng *giữ vững được chủ nghĩa* mà mình đã giác ngộ, đã chấp nhận, đã đi theo.

II - NHỮNG PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC CƠ BẢN NHẤT

Bất cứ người Việt nam nào cũng có thể tìm thấy những vấn đề đạo đức mà Hồ Chí Minh đã đặt ra rất gần gũi với mình, những phẩm chất mình cần tu dưỡng, những định hướng để vươn tới cái chân, cái thiện, cái mỹ của cuộc sống con người. Đó là những vấn đề đạo đức Người rút ra từ cuộc đời thực của những con người Việt nam, khái quát thành tư tưởng, lý luận đạo đức, từ đó lại trở lại cải tạo hiện thực, cải tạo con người. Phải chăng đó là 4 phẩm chất đạo đức sau đây :

1 - Trung với nước, hiếu với dân

Về quan hệ đạo đức thì mối quan hệ của mỗi người với đất nước mình, với nhân dân, dân tộc mình là mối quan hệ lớn nhất. Về phẩm chất đạo đức thì trung với nước, hiếu với dân cũng là phẩm chất bao trùm nhất, quan trọng nhất. Tư tưởng trung với nước, hiếu với dân của Hồ Chí Minh không những kế thừa giá trị của chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc, mà còn vượt qua những hạn chế của truyền thống đó.

Digitized by Google

Trung với nước là trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, với con đường đi lên của đất nước. Nước ở đây là nước của dân, còn dân lại là chủ nhân ông của đất nước. Khi Hồ Chí Minh đặt vấn đề "bao nhiêu quyền hạn đều của dân", "bao nhiêu lợi ích đều vì dân", bao nhiêu "quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân"(3), Đảng và Chính phủ là *"đầy tớ nhân dân chứ không phải là "quan" nhân dân"*(4), thì quan niệm về nước và dân đã hoàn toàn đảo lộn so với trước. Có thể thấy rất ít lãnh tụ cách mạng đã nói về dân đến như vậy. Hơn nữa không phải chỉ là nói, mà quan trọng hơn là đã làm như thế nào, điều này càng làm cho tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vượt lên trước rất nhiều.

Hiếu với dân không còn dừng lại ở chỗ thương dân với tính chất là những đối tượng cần phải dạy dỗ, chăn dắt, ban ơn, mà vấn đề là phải gần dân, gắn bó với dân, dựa hẳn vào dân, lấy dân làm gốc. Theo tinh thần của Hồ Chí Minh, lãnh đạo phải nắm vững dân tình, hiểu rõ dân tâm, lại phải thường xuyên quan tâm đến việc cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, để nhân dân biết sử dụng quyền làm chủ, xứng đáng là người làm chủ. Có được cái đức ấy thì người cách mạng, người lãnh đạo sẽ được dân tin yêu, quý mến, kính trọng, nhất định sẽ tạo ra được sức mạnh to lớn cho cách mạng, cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, không gì có thể lay chuyển nổi.

2 - **Yêu thương con người**

Tình yêu thương đó trước hết dành cho những người cùng khổ, những người lao động bị áp bức bóc lột. Tình yêu thương đó đã được thể hiện bằng ham muốn tột bậc của Người là nước được độc lập, dân được tự do, mọi người ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Nếu không có tình yêu thương con người như vậy thì không thể nói đến cách mạng, càng không thể nói đến chủ nghĩa xã hội - chủ nghĩa cộng sản.

Tình yêu thương con người còn được thể hiện trong mối quan hệ bạn bè, đồng chí, với mọi người bình thường trong quan hệ hằng ngày. Nó đòi hỏi mỗi người phải luôn luôn chặt chẽ, nghiêm khắc với mình, rộng rãi, độ lượng với người khác. Nó đòi hỏi thái độ tôn trọng con người, phải tìm cách nâng con người lên, chứ không phải hạ thấp, càng không phải vùi dập con người. Điều này đặc biệt quan trọng đối với những người ở cương vị lãnh đạo, bất cứ cấp nào.

Tình yêu thương con người, theo Hồ Chí Minh, còn được thể hiện đối với những người có sai lầm khuyết điểm nhưng đã nhận rõ khuyết điểm, sai lầm và cố gắng sửa chữa. Kể cả đối với những người lầm đường lạc lối đã hối cải, kể cả đối với những kẻ thù đã bị thương, bị bắt. Chính tình yêu thương đó đã đánh thức những gì tốt đẹp mà Người tin rằng trong mỗi con người đều có, tuy nhiều ít khác nhau.

Trong *Di chúc*, Người căn dặn Đảng "phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau". Đây chính là điều nhắc nhở cán bộ đảng viên phải luôn luôn chú ý đến phẩm chất yêu thương con người. Đây cũng là tình yêu thương trên nguyên tắc tự phê bình và phê bình một cách chân thành giữa những người cùng lý tưởng, cùng phấn đấu cho một sự nghiệp chung. Nó hoàn toàn xa lạ với thái độ dĩ hòa vi quý, càng xa lạ với thái độ yêu nên tốt, ghét nên xấu, bè cánh có thể đưa đến những tổn thất cho Đảng, cho cách mạng.

3 - **Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư**

Đối với mỗi người, phẩm chất này có hay không, có nhiều hay ít đều được thể hiện qua hoạt động thực tiễn trong đời công cũng như đời tư, trong sinh hoạt cũng như trong những công việc người đó làm, những cương vị người đó đảm nhiệm. Trong cuộc sống, nếu sự dối trá vẫn còn tìm được nhiều chỗ ẩn náu, thì những thói lười biếng, xa phí, bất liêm, bất chính, chỉ thu vén lợi ích riêng tư, làm hại lợi ích chung, những hành vi trái ngược với cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lại khó che giấu được con mắt của những người bình thường.

Hồ Chí Minh đã sử dụng những khái niệm cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của đạo đức phương Đông và đạo đức truyền thống

(3) Xem Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1985, t 5, tr 299

(4) Hồ Chí Minh : Sđd, t 10, tr 506

Digitized by Google

Việt nam. Người đã giữ lại những gì tốt đẹp của quá khứ, lọc bỏ những gì không còn phù hợp và đưa vào những nội dung mới, của sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đặt ra.

Mỗi chữ cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư đã được Người giải thích rất rõ, rất cụ thể, rất dễ hiểu với mọi người. Nếu phẩm chất này đã cần thiết đối với con người Việt nam khi đất nước còn nghèo, còn chiến tranh, thì lại càng cần thiết khi đất nước phát triển xây dựng hòa bình. Vì đây không phải chỉ là yêu cầu về đạo đức, mà còn là yêu cầu của chính sự phát triển kinh tế.

Phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư đòi hỏi mỗi người phải lấy chính mình là đối tượng để tự điều chỉnh. Chính vì vậy, đây là vấn đề rất phức tạp, nói dễ làm khó, và trong cuộc sống vẫn thường hay vi phạm. Bởi vì, nó đụng chạm đến không phải chỉ những lợi ích vật chất cụ thể, mà còn những lợi ích khác như danh, vị, chức, quyền, mà chủ nghĩa cá nhân ích kỷ vụ lợi thường đưa con người đi đến những hành vi vô đạo đức.

4 - Tinh thần quốc tế trong sáng

Đó là tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản mà Hồ Chí Minh đã nêu lên bằng mệnh đề *"Bốn phương vô sản đều là anh em !"*(5). Đó là tinh thần đoàn kết các dân tộc bị áp bức với nhân dân lao động các nước, mà Hồ Chí Minh là người đã dày công vun đắp bằng hoạt động cách mạng thực tiễn của bản thân mình và bằng sự nghiệp của cả dân tộc.

Sự đoàn kết ấy nhằm những mục tiêu lớn của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước, các dân tộc.

Tinh thần quốc tế vô sản gắn liền với tinh thần yêu nước. Nếu tinh thần yêu nước không chân chính và tinh thần quốc tế không trong sáng thì có thể dẫn đến chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sô vanh, biệt lập, kỳ thị chủng tộc, sắc tộc ; có thể phá vỡ cả một quốc gia dân tộc hay một liên bang đa quốc gia, phá vỡ tình đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chung, thậm chí có thể trở thành đối đầu, đối địch.

Tinh thần quốc tế trong sáng là phẩm chất đạo đức, là yêu cầu về đạo đức nhằm vào mối quan hệ rộng lớn, vượt qua khuôn khổ quốc gia dân tộc. Không phải đối với bất cứ ai, vào bất cứ lúc nào cũng thấy được tinh thần quốc tế có hay không, trong sáng hay không trong sáng, nhưng việc giáo dục của đảng và việc rèn luyện của cá nhân mỗi người về tinh thần quốc tế lại không thể coi nhẹ. Trong vấn đề này, đường lối chính trị của Đảng lãnh đạo cũng như những chủ trương cụ thể của nhà nước có ý nghĩa định hướng đúng đắn cho việc bồi dưỡng tinh thần quốc tế ở mỗi người.

III - NHỮNG NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC MỚI

1 - Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời

Theo Hồ Chí Minh, "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong"(6). Nếu không làm như vậy thì một người ở thời kỳ này giữ được đạo đức tốt, nhưng ở thời kỳ khác có thể lại thoái hóa biến chất, hư hỏng. Đó là điều đã diễn ra trong cuộc sống hằng ngày.

Đối với mỗi người, việc tu dưỡng đạo đức phải được thực hiện trong mọi hoạt động thực tiễn của bản thân mình, trong đời tư cũng như đời công, trong sinh hoạt, học tập, lao động cũng như trong chiến đấu ; trong mọi mối quan hệ từ hẹp đến rộng, từ nhỏ đến lớn, từ gia đình, nhà trường đến xã hội ; từ quan hệ bạn bè đến đồng chí, anh em, đối với tổ quốc, tập thể, với cấp trên, cấp dưới, với đảng, với nước, với nhân dân, trong các quan hệ quốc tế. Trong cuộc sống, mỗi người có nhiều cương vị, nhiều vai trò khác nhau, đòi hỏi phải điều chỉnh hành vi của mình, và phẩm chất đạo đức của mỗi người được thể hiện rất cụ thể, phong phú, đa dạng. Có làm công phu như thế,

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 764
(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 248

Digitized by Google

con người mới có được phẩm chất đạo đức tốt đẹp, và những phẩm chất ấy ngày càng được bồi đắp, nâng cao.

2 - Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức

Không ở một lĩnh vực nào mà sự đòi hỏi lời nói phải đi đôi với việc làm lại đặt ra như ở trong lĩnh vực đạo đức. Điều này đã được Hồ Chí Minh nêu ra ngay trong "Đường cách mệnh", khi nói về tư cách của một người cách mệnh. Trong suốt cuộc đời mình, Người đã giáo dục mọi người và chính bản thân Người đã thực hiện điều đó một cách nghiêm túc và đầy đủ nhất. Hơn nữa, chúng ta còn thấy Người nói ít nhưng làm nhiều, có nhiều vấn đề đạo đức Người làm mà không nói. Phải đi thật sâu vào hành vi đạo đức của Người, chúng ta mới khám phá ra được những tầng bản chất sâu xa tư tưởng đạo đức của Người.

Trong lĩnh vực đạo đức, lời nói phải đi đôi với việc làm thì mới đem lại hiệu quả thiết thực cho chính bản thân mỗi người và có tác dụng đối với người khác. Nếu nói nhiều làm ít, hoặc nói mà không làm, hơn nữa nói một đằng làm một nẻo thì chỉ đem lại những hậu quả phản tác dụng. Thói đạo đức giả là đặc trưng đạo đức của các giai cấp bóc lột, nó hoàn toàn xa lạ với đạo đức cách mạng, chúng ta phải phấn đấu để làm sao trong xã hội ta không còn những kẻ đạo đức giả mà vẫn dạy dỗ người khác về đạo đức.

Từ đó chúng ta thấy rằng không ở lĩnh vực nào mà vấn đề nêu gương lại được đặt ra như trong lĩnh vực đạo đức. Trong gia đình, đó là tấm gương của bố mẹ đối với con cái, của anh chị đối với các em ; trong nhà trường, đó là tấm gương của thầy, cô giáo đối với học trò ; trong tổ chức, tập thể, đảng, nhà nước, đó là tấm gương của những người phụ trách, lãnh đạo, của cấp trên đối với cấp dưới ; trong xã hội, đó là tấm gương của người này đối với người khác, là những gương "người tốt, việc tốt" mà Hồ Chí Minh đã phát hiện để mọi người học tập, noi theo. Một trăm bài diễn thuyết hay không bằng một tấm gương sống - điều mà Hồ Chí Minh nói về Lê-nin, đã nêu lên một nguyên tắc rất cơ bản để xây dựng đạo đức mới. Đó cũng là điều chúng ta nói về Hồ Chí Minh, một tấm gương đạo đức trong sáng tuyệt vời của một cuộc đời trọn vẹn.

Đối với cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh đã nêu ra một luận điểm quan trọng : "Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" mà ta được họ yêu mến.

Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước" [7]. Luận điểm ấy đã khẳng định rất rõ vấn đề nêu gương có tầm quan trọng đặc biệt trong đời sống đạo đức, nhất là đối với trách nhiệm đạo đức của cán bộ, đảng viên.

3 - Xây đi đôi với chống

Muốn xây dựng đạo đức mới, muốn bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức cách mạng cho hàng triệu, hàng triệu con người, nhất thiết phải chống những hiện tượng vi phạm những yêu cầu của đạo đức mới, tức những hiện tượng thoái hóa biến chất, tiêu cực. Trong đời sống hằng ngày, những hiện tượng tốt, xấu, đúng sai, cái đạo đức và cái vô đạo đức vẫn đan xen nhau, đối chọi nhau. Vì vậy, xây phải đi đôi với chống, muốn xây phải chống, chống nhằm mục tiêu xây.

Xây nghĩa là phải giáo dục những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mới, nêu những tấm gương đạo đức trong sáng xuất hiện trong cuộc sống và khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh để mỗi người tự giác về trách nhiệm đạo đức của mình mà cảm nhận sâu sắc ý nghĩa của việc trau dồi đạo đức cách mạng. Tiếp nhận sự giáo dục đạo đức là vấn đề nhất thiết không thể thiếu được, nhưng sự tự giáo dục, tự trau dồi đạo đức ở mỗi người còn quan trọng hơn nhiều.

Chống nghĩa là phải loại bỏ cái xấu, cái sai, cái vô đạo đức vẫn thường diễn ra. Điều quan trọng là phải phát hiện sớm, hướng được mọi người vào cuộc đấu tranh cho sự lành mạnh, trong sạch về đạo đức. Hơn nữa, còn phải thấy

Digitized by L-00016

trước những gì có thể xảy ra để đề phòng, ngăn chặn.

Ngay trong thời kỳ 1925 - 1927, Hồ Chí Minh đã nhắc nhở mọi người không được hiếu danh, kiêu ngạo, không ham muốn về vật chất... Chỉ sau đó không lâu, Người đã phát hiện ra hàng loạt những lỗi lầm rất nặng của cán bộ, đảng viên cần phải chống, đó là : cậy thế, hủ hóa, tư túng, kiêu ngạo, địa phương chủ nghĩa, bè phái, hình thức v.v.. Tất cả những lỗi lầm đó khái quát lại đều ở ba tệ nạn là tham ô, lãng phí, quan liêu, mà Người gọi là "giặc nội xâm", và nguồn gốc sinh ra nó chính là chủ nghĩa cá nhân, kẻ thù nguy hiểm của nhân dân chẳng khác gì chủ nghĩa tư bản, đế quốc.

Để xây và chống có kết quả phải đưa thành phong trào quần chúng rộng rãi. Hồ Chí Minh đã phát động nhiều phong trào như vậy. Chỉ điểm qua một vài mốc lịch sử để thấy rõ vấn đề này. Đó là phong trào thi đua thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu năm 1952 ; cuộc vận động "nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật ; chống tham ô, lãng phí, quan liêu", gọi tắt là "3 xây, 3 chống" năm 1963... Có phong trào, có cuộc vận động chung cho toàn đảng, toàn dân ; có phong trào, có cuộc vận động riêng cho một ngành, một giới. Qua đó lôi cuốn mọi người vào cuộc đấu tranh nhằm xây gì, chống gì rất cụ thể, rõ ràng, thôi thúc trách nhiệm đạo đức cá nhân phấn đấu tự bồi dưỡng và nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng. Thực tiễn chứng minh những cuộc vận động đó đã mang lại kết quả rất lớn.

Những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới gắn bó chặt chẽ với nhau. Đó là những nguyên tắc chỉ đạo cho mỗi người phấn đấu để trở thành người có đạo đức. Đó cũng là những nguyên tắc lãnh đạo của Đảng trong việc xây dựng nền đạo đức mới đối với toàn xã hội.

---

(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 184

Nhân kỷ niệm...

(Tiếp theo trang 14)

Xen kẽ qua những bước ngoặt trong cuộc đời công tác của ông, những phút giây gặp gỡ giao cảm với bạn bè, và nhất là qua quan hệ với tù binh ở tư cách người trưởng trại, ta thấy Kỷ Thu thể hiện đúng tư chất một con người "tin tưởng, chân thành, trung thực và quên mình".

Mặt mạnh của ông là đã tham gia vào một công việc chuyên sâu trong một thời gian dài và một không gian rộng lớn. Với dữ kiện tư liệu ngổn ngộn trước mặt, đã có lúc ông tỏ ra lúng túng trong phương pháp thể hiện : đi theo dòng chảy thời gian, sự kiện hay theo lối lập luận vấn đề ? Vì vậy, ở một số trường hợp không làm chủ được mình, tác giả đã để cho tư liệu lấn át, đôi lúc lộn xộn và trùng lặp. Con người ông chân chất, mộc mạc, thế nhưng văn ông có lúc tỏ ra quá bóng bẩy, khiến có đoạn đã tước đi cái chất sinh động, hồn nhiên, thô ráp của cuộc sống.

Ông không phải là người cộng sản nhưng công việc của ông rất có ích cho Đảng, cho dân. Có những sáng kiến của ông được tù binh đánh giá "là điều có một không hai trong biên niên sử tù binh mọi thời đại và mọi xứ sở".

Nhiều tư liệu của ông có tính chân xác và đầy sức thuyết phục, như bức ảnh chụp chung giữa bộ đội ta và tù binh Pháp trong "ngày tết đại thắng lợi" hay bản danh sách chi li sòng phẳng có chữ ký của từng tù binh và ghi tiền đền bù vật phẩm trước ngày trao trả... Tất cả đều như những chứng lý rất thực, gợi mở nhiều vấn đề.

Gần 70 tuổi, vậy mà khi hồi tưởng lại, hình ảnh quá khứ đầu tiên ập về với ông lại là gương mặt trái xoan, đôi mắt mở to, đôi môi mọng đỏ của người con gái Pháp trẻ trung trong bức ảnh gửi cho chồng ở ngoài chiến trận. Sau bức ảnh có ghi : "Em yêu anh, em yêu anh, em sẽ yêu anh vượt qua không gian và thời gian".

Lời nhắn gửi thiết tha đằm thắm đó làm cho người lính già bồn chồn, day dứt ? Nỗi day dứt về bước gian truân, vất vả của con người đi tìm hạnh phúc, tìm một cuộc sống bình yên, không tiếng súng...

Có phải đó cũng chính là một trong những động lực mạnh mẽ thôi thúc ông cầm bút và hiến cho bạn đọc một tập hồi ký đầy tâm huyết ?

Digitized by Google

Tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu và con đường phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta

HỒ TRỌNG VIỆN*

VẤN đề cơ bản, có ý nghĩa quyết định sự thành bại của một cuộc cách mạng là xác định đúng mục tiêu (bao gồm mục tiêu cuối cùng và mục tiêu trung gian) và con đường dẫn tới mục tiêu. Nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh là mục tiêu và con đường phát triển kinh tế - xã hội Việt nam.

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã xác định rõ trong luận cương đầu tiên của mình : *đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội*. Đó cũng chính là lý tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Song Người không quan niệm chủ nghĩa xã hội một cách chung chung như một thứ lý thuyết cao siêu, trừu tượng, xa vời, mà như một xã hội hiện thực, ra đời và trưởng thành, hoàn thiện dần từng bước, gắn với hoàn cảnh lịch sử đặc thù của Việt nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Đảng lao động Việt nam khi định ra đường lối chính trị của mình, luôn luôn cố gắng kết hợp chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lê-nin với thực tiễn cách mạng Việt nam"(1). Đường lối chính trị đó hướng tới mục tiêu là hình thành một xã hội *nhân dân làm chủ* và không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Nhân dân làm chủ xã hội là quan điểm xuyên suốt toàn bộ tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã nhiều lần khẳng định : *bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân... quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân*. Chính nhân dân làm nên lịch sử, chính nhân dân là lực lượng quyết định sự thành công hay thất bại của cách mạng : "chở thuyền cũng là dân mà lật thuyền cũng là dân" khi đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước hợp lòng dân hay không hợp lòng dân.

Từ quan điểm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đường lối tổ chức và cán bộ là nhằm phục vụ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Người nói : "...chế độ ta là chế độ *dân chủ*. Tức là nhân dân làm chủ. Tức là cán bộ và nhân viên từ cấp trên đến cấp dưới đều là *đầy tớ của nhân dân*, đều phải *một lòng một dạ phục vụ nhân dân*... phải kính trọng dân... Không thể tha thứ những thái độ khinh miệt dân, những việc làm dối trá đối với nhân dân"(2). "Các cơ quan của chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân"(3) ; phải *"thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân*, lắng nghe ý kiến của quần chúng"(4).

Cả cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng ngời về tinh thần và ý thức tôn trọng và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Cho đến lúc sắp "đi xa", Người vẫn còn ân cần dặn lại trong *Di chúc* : "Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân là mục tiêu cơ bản, vừa cấp bách, vừa lâu dài trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người không hề phủ nhận mô hình mục tiêu chủ nghĩa xã hội như các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã nêu, mà

---

* Phó tiến sĩ kinh tế, Trưởng Khoa quản lý kinh tế, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, phân viện TP Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t10, tr 604

(2) Hồ Chí Minh : "Một lòng một dạ phục vụ nhân dân" (Ký tên T.L) báo *Nhân dân* ngày 18-1-1961

(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t4, tr 36

(4) *Sđd*, t10, tr 492

Digitized by Google

quán triệt sâu sắc mục tiêu đó bằng việc cụ thể hóa cho từng giai đoạn lịch sử.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, mục tiêu chủ nghĩa xã hội cần đặt ra cho *thời đoạn đầu* của thời kỳ quá độ ở Việt nam là *cơm ăn, việc làm* cho nhân dân. Người chỉ rõ : "Chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn, việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc"(5) . "Chủ nghĩa xã hội là mọi người dân được áo ấm, cơm no, nhà ở tử tế, được học hành"(6). Người còn lý giải thêm rằng : "Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ"(7).

Đấy cũng chính là mục tiêu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nguyện phấn đấu và hiến dâng cả cuộc đời mình. Có lẽ trong mỗi người Việt nam chúng ta sẽ còn mãi mãi vang vọng lời nói đầy tâm huyết của Người : "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là... đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành"(8). Và cả khi sắp từ giã cõi đời, Người vẫn không quên dặn lại trong *Di chúc* : "Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân".

Quan điểm, đường lối "vì dân", "dân là gốc" với mô hình mục tiêu "thực hiện dân giàu, nước mạnh" mà Đảng ta đề ra và phấn đấu thực hiện, chính là sự nhận thức và vận dụng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về mục tiêu chủ nghĩa xã hội đặt ra cho từng thời đoạn lịch sử, như đã nói ở trên.

*

Trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh con đường phát triển kinh tế - xã hội nhằm đạt mục tiêu ấy được thể hiện tập trung ở ba vấn đề lớn :

Một là, *bắt đầu từ nông nghiệp và nông dân.* Quan điểm lấy nông nghiệp làm khởi điểm được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định ngay từ năm 1960 khi nước ta mới bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển kinh tế. Người chỉ rõ rằng : "Nước ta là một nước nông nghiệp... Muốn phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế nói chung phải lấy việc phát triển nông nghiệp làm gốc, làm chính"(9). "Vì nông nghiệp là nguồn cung cấp lương thực và nguyên liệu, đồng thời là một nguồn xuất khẩu quan trọng, nông thôn là thị trường tiêu thụ to nhất hiện nay, cho nên cần phải cải tạo và phát triển nông nghiệp thì mới có cơ sở để phát triển các ngành kinh tế khác.

Phải cải tạo và phát triển nông nghiệp để tạo điều kiện cho việc công nghiệp hóa nước nhà. Phải có một nền nông nghiệp phát triển thì công nghiệp mới có thể phát triển mạnh"(10).

Khi nhấn mạnh vai trò của nông nghiệp, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phát triển một nền nông nghiệp toàn diện, đồng thời hết sức chú trọng sản xuất lương thực, thực phẩm và nông sản xuất khẩu. Người nói : "Sản xuất lương thực là việc cần thiết nhất cho đời sống của nhân dân, là bộ phận cực kỳ quan trọng trong kế hoạch kinh tế của Nhà nước"(11).

Đây là vấn đề có tính quy luật đối với những nước đang trong quá trình vận động từ sản xuất nhỏ lên nền sản xuất lớn. Thời kỳ thực hiện *chính sách kinh tế mới* ở nước Nga xô viết, Lê-nin cũng đã từng nhấn mạnh : "Vấn đề lương thực là vấn đề cơ bản của công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội"(12), và "Cần phải lấy lương thực làm khởi điểm, vì gốc rễ của tất cả những khó khăn chính là ở chỗ đó"(13).

Quan điểm bắt đầu từ nông dân được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra, và giải thích rằng : "Đa số dân ta là nông dân. Mỗi việc đều phải dựa vào nông dân"(14), "vai trò của nông dân là quân chủ lực của cách mạng, là bạn đồng minh

(5) *Sđd*, t8, tr 603
(6) *Sđd*, t8, tr 654
(7) *Sđd*, t4, tr 87
(8) Sđd, t4, tr 100
(9) *Sđd*, t8, tr 751
(10) *Sđd*, t8, tr 600
(11) *Sđd*, t8, tr 6
(12) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t39, tr 192
(13) *Sđd*, t43, tr 311
(14) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t8, tr 57

Digitized by Google

chủ yếu và tin cậy nhất của giai cấp công nhân, là lực lượng cơ bản cùng với giai cấp công nhân xây dựng chủ nghĩa xã hội"[15].

Chủ trương tập trung phát triển nông nghiệp, chú trọng chương trình mục tiêu sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, cải thiện đời sống nông dân và xây dựng nông thôn mới, như các nghị quyết Đại hội VI và VII của Đảng, Nghị quyết Trung ương 5 đã nêu, là hoàn toàn phù hợp với quan điểm tư tưởng nói trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hai là, *các biện pháp tạo động lực thúc đẩy sản xuất phát triển*. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, sau khi đã xác định rõ mục tiêu và điểm xuất phát, thì yếu tố quyết định kết quả là ở hệ thống động lực của sự phát triển. Nó thể hiện ở các biện pháp chủ yếu như sau :

a - *Đề cao công tác quản lý.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định : "Chế độ làm khoán là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội"[16] và "trong công cuộc xây dựng nước nhà, việc *quản lý kinh tế tài chính* là cực kỳ quan trọng"[17]. Đồng thời, Người cũng chỉ ra phương châm thực hiện là : *"quản lý phải dân chủ, tài chính phải công khai*, sổ sách phải minh bạch"[18].

Trong lĩnh vực quản lý, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức chú trọng công cụ kế hoạch (trong đó khâu đặt kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch được Người đặc biệt quan tâm). Người nhắc nhở : phải nắm vững quy luật phát triển của cách mạng, phải tính toán cẩn thận những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể. Kế hoạch phải chắc chắn, cân đối. Chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế.

b - *Đẩy mạnh sản xuất đi liền với thực hành tiết kiệm.*

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn động viên, khích lệ cán bộ, đồng bào ra sức tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Người thường nhắc nhở : chúng ta chỉ có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Sản xuất mà không tiết kiệm thì khác nào gió vào nhà trống. "Tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm là hai việc then chốt để khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, để cải thiện dần đời sống của nhân dân..., tiến dần lên chủ nghĩa xã hội"[19].

Đây là sự vận dụng một cách tinh tế và sáng tạo quy luật tăng năng suất lao động xã hội vào chỉ đạo thực tiễn, được diễn đạt theo phong cách riêng của Người để quần chúng hiểu và làm theo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn giải thích thêm rằng : tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm là điều kiện để cải thiện đời sống nhân dân, và khi đời sống nhân dân được cải thiện lại tạo điều kiện để đẩy mạnh sản xuất hơn nữa. Đó là con đường phát triển biện chứng của nước ta.

Cả cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương mẫu mực về chăm lo phát triển sản xuất và tiết kiệm vì đời sống của nhân dân. Cho đến khi sắp vĩnh viễn đi xa, Người vẫn còn ân cần dặn lại trong *Di chúc* : "Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thời giờ và tiền của của nhân dân".

c - *Hết sức chú trọng nhân tố con người*, trong đó quan trọng nhất là sử dụng hợp lý lực lượng lao động, giải quyết thỏa đáng quan hệ lợi ích và nâng cao trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật cho người lao động.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh : *phải biết quý trọng sức người là vốn quý nhất của ta. Chúng ta cần hết lòng chăm sóc sức khỏe và sử dụng thật hợp lý sức lao động của nhân dân ta.* Và để khai thác, tận dụng được nguồn vốn quý đó, Người hết sức quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, đào tạo (thể hiện qua nhiều bài viết và nói, nhiều bức thư gửi thầy cô giáo và học sinh nhân ngày khai trường). Đồng thời, Người cũng hết sức quan tâm đến việc giải quyết quan hệ lợi ích đối với người lao động, vì như Ăng-ghen đã nói : ở đâu không có sự nhất trí về lợi ích thì ở đó không

(15) *Sđd*, t8, tr 604
(16) *Sđd*, t7, tr 612
(17) *Sđd*, t9, tr 529
(18) *Sđd*, t9, tr 393
(19) *Sđd*, t7, tr 623

Digitized by Google

thể có sự nhất trí về mục đích, chứ đừng nói đến sự thống nhất trong hành động. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn khẳng định : "Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa"(20), và để thực hiện điều đó, phải quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động, với một sự công bằng, hợp lòng dân. Người nói : "Phân phối phải theo mức lao động. Lao động nhiều thì được phân phối nhiều, lao động ít thì được phân phối ít. Lao động khó thì được phân phối nhiều, lao động dễ thì được phân phối ít"(21) - nghĩa là phải căn cứ vào số lượng và chất lượng lao động ; và : "Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng ;

Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên"(22).

Nhân tố con người trong việc làm chủ khoa học - kỹ thuật và không ngừng phát triển nó được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Người nói : "Cách mạng xã hội chủ nghĩa gắn liền với sự phát triển khoa học và kỹ thuật"(23). "Khoa học phải từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, nhằm *nâng cao năng suất lao động và không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân*, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi. Như vậy, nhiệm vụ của khoa học, kỹ thuật là cực kỳ quan trọng"(24).

Có thể nhận thấy vấn đề "Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu", được Đảng ta ghi vào văn kiện Đại hội VII, là sự kế tục và phát triển tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhân tố con người đã nêu ở trên.

Ba là, *phát động quần chúng đấu tranh khắc phục những yếu tố tiêu cực* cản trở sự phát triển, mà trong đó quan trọng nhất là chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh : nhận rõ mục tiêu, xác định đúng điểm xuất phát, tạo được hệ thống động lực mạnh và khắc phục các lực cản là những yếu tố hợp thành bảo đảm cho sự thắng lợi của con đường cách mạng nước ta. Người dạy : "muốn lúa tốt thì phải nhổ cỏ cho sạch, nếu không, thì dù cày bừa kỹ, bón phân nhiều, lúa vẫn xấu, vì lúa bị cỏ át đi.

Muốn thành công trong việc tăng gia sản xuất và tiết kiệm cũng phải nhổ cỏ cho sạch, nghĩa là phải *tẩy sạch nạn tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu*. Nếu không, thì nó sẽ làm hại đến công việc của ta"(25). Người còn nhấn mạnh : *"Tham ô là trộm cướp*. Lãng phí tuy không lấy của công đút túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ. Có khi tai hại hơn nạn tham ô"(26).

Sau khi phân tích sự tai hại của tệ tham ô, lãng phí, Người chỉ ra nguyên nhân chính gây ra nó là bệnh quan liêu : "vì những người và cơ quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu thành thử có mắt mà không thấu suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững... kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí". Và Người kết luận : "chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận : *Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị*"(27).

Đã hơn ba mươi năm trôi qua, những lời giáo huấn đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn như một chỉ thị nóng bỏng, và càng trở nên bức xúc, thiết thực đối với việc chống tham nhũng và quan liêu hiện nay.

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về mục tiêu và con đường phát triển kinh tế - xã hội Việt nam là sự nhận thức và vận dụng một cách nhuần nhuyễn, tinh tế và sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của đất nước trong từng thời đoạn lịch sử. Đó là sự gợi ý, chỉ dẫn quý báu, chân xác và rất thiết thực đối với toàn Đảng, toàn dân ta trong sự kế thừa và phát triển tư tưởng của Người nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới hiện nay.

---

(20) *Sđd*, t8, tr 246
(21) *Sđd*, t9, tr 170
(22) *Sđd*, t10, tr 464
(23) *Sđd*, t8, tr 559
(24) *Sđd*, t9, tr 497
(25), (26), (27) *Sđd*, t6, tr 263, 265, 266

Digitized by Google

TRẦN PHÚ
một tấm gương cộng sản

NGUYỄN TRỌNG THỤ

TRẢI qua hơn sáu thập kỷ đấu tranh cách mạng gian khổ và kiên cường, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân giành được những thắng lợi to lớn, làm rạng rỡ lịch sử nước ta. Cũng trong quá trình đó, được sự dìu dắt, rèn luyện của Đảng và Bác Hồ, lớp lớp những người con ưu tú đã anh dũng phấn đấu và hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Trong số những người tiêu biểu đó, có đồng chí Trần Phú, Tổng bí thư đầu tiên của Đảng ta.

1. Tấm gương của đồng chí Trần Phú thể hiện trước hết ở việc cống hiến toàn bộ cuộc đời mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Đồng chí Trần Phú sinh ngày 1 tháng 5 năm 1904, tại huyện Tuy an, tỉnh Phú yên, nơi thân phụ của đồng chí đang nhậm chức. Quê của đồng chí là làng Tùng ảnh, huyện Đức thọ, tỉnh Hà tĩnh. Là con một "quan huyện", nhưng Trần Phú chịu cảnh long đong từ tấm bé: Lên bốn tuổi, mồ côi cha, lên 6 tuổi lại chịu tang mẹ. Sau khi mẹ mất, Trần Phú được một người dì ruột ở Huế đưa về nuôi cho ăn học.

Sau khi đỗ đầu kỳ thi Thành chung ở Huế năm 1922, Trần Phú được bổ làm giáo viên trường tiểu học Cao Xuân Dục ở thành phố Vinh. Ngoài việc dạy học, đồng chí bắt đầu tham gia các hoạt động yêu nước. Trong số học sinh của Trần Phú lúc này, có Nguyễn Thị Minh Khai, về sau đã thành một cán bộ ưu tú của Đảng.

Những năm này ở Vinh đã xuất hiện một số cuộc đấu tranh của công nhân. Phong trào đấu tranh đó đã ảnh hưởng đến những người trí thức, dẫn đến việc thành lập *Hội Phục Việt*, một tổ chức yêu nước ở thành phố Vinh (về sau, khi thấy mật thám Pháp đã biết ít nhiều về những hoạt động của mình, *Phục Việt* liền đổi tên là *Hưng Nam*). Đồng chí Trần Phú là một trong những hội viên đầu tiên. Đồng chí đã cùng các hội viên khác tổ chức truy điệu cụ Phan Chu Trinh, tham gia phong trào làm đơn lấy chữ ký đòi thực dân Pháp trả tự do cho cụ Phan Bội Châu, mở các lớp học ban đêm dạy chữ quốc ngữ cho người lao động trong thành phố, v.v..

Tháng 6-1925, tại Quảng châu (Trung quốc), đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng lập *Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội*. Được tin đó, tháng 7-1926, *Hội Hưng Nam* cử một đoàn đại biểu, trong đó có đồng chí Trần Phú, sang Quảng châu gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc và Tổng bộ Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Đến Quảng châu, Trần Phú đã báo cáo với đồng chí Nguyễn Ái Quốc về tình hình trong nước, về phong trào đấu tranh của công nhân Vinh và về những hoạt động của Hội Hưng Nam. Đồng chí cũng bày tỏ nguyện vọng của Hội Hưng Nam muốn được hợp nhất với *Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội*. Tháng 8-1926, Trần Phú được dự lớp huấn luyện do đồng chí Nguyễn Ái Quốc tổ chức và trực tiếp giảng dạy. Tháng 10-1926, khi lớp huấn luyện kết thúc, Trần Phú được kết nạp vào *Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội*, và sau đó được đồng chí Nguyễn Ái Quốc giới thiệu vào *Cộng sản đoàn*, một tổ chức mà người được kết nạp phải có tiêu chuẩn gần như tiêu chuẩn của đảng viên cộng sản.

Digitized by Google

Tháng 11 năm 1926, Trần Phú trở về Vinh báo cáo với Tổng bộ Hưng Nam về những điều đã thu nhận được trong thời gian ở Quảng châu. Theo đề nghị của đồng chí, Hội Hưng Nam đã sửa đổi lại chương trình hành động và Điều lệ của hội.

Trước "mối nguy cộng sản" ngày càng phát triển ở Việt nam, bọn thực dân Pháp mở một chiến dịch truy lùng gắt gao những người cách mạng. Trần Phú nằm trong danh sách bị truy lùng đó. Biết chắc Trần Phú khó thoát khỏi sự truy nã của địch, Hội Hưng Nam yêu cầu đồng chí phải trốn ra nước ngoài để tiếp tục hoạt động. Trần Phú trở lại Quảng châu vào tháng 1-1927, làm việc tại cơ quan của Tổng bộ Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Để đào tạo cán bộ, chuẩn bị lực lượng lâu dài cho cách mạng, đồng chí Nguyễn Ái Quốc giới thiệu Trần Phú sang Mát-xcơ-va (Liên xô) học *Trường đại học cộng sản của nhân dân lao động phương Đông*, gọi tắt là Trường đại học phương Đông. Những năm ở trường, tuy sức yếu do mang bệnh, nhưng nhờ trí thông minh và sự nỗ lực, Trần Phú không ngừng đạt thành tích xuất sắc trong học tập. Đồng chí được cử làm Bí thư nhóm cộng sản Việt nam gồm 5 người đang học tại trường.

Trong thời gian ở Liên xô, Trần Phú đã được tham gia một số công việc của Đại hội VI Quốc tế cộng sản họp từ 17-7 đến 2-9-1928 tại Mát-xcơ-va. Qua Đại hội, đồng chí có dịp hiểu kỹ *Đề cương về cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa* và các nghị quyết khác của Quốc tế cộng sản đã được thông qua trong Đại hội.

Hết khóa học ở Trường đại học phương Đông, Trần Phú rời Mát-xcơ-ca về nước. Sau một cuộc hành trình khá dài và bí mật qua Đức, qua Bỉ, qua Pháp, đồng chí về Sài gòn và ít ngày sau lại đi Hồng công. Tại Hồng công, Trần Phú được đồng chí Nguyễn Ái Quốc cho biết Hội nghị hợp nhất Đảng đã thành công, các tổ chức cộng sản ở Việt nam đã được thống nhất thành *Đảng cộng sản Việt nam*. Sau đó, đồng chí Nguyễn Ái Quốc giới thiệu Trần Phú về nước tham gia hoạt động cùng Ban chấp hành trung ương lâm thời của Đảng.

Về tới Hà nội, Trần Phú đã đề nghị và được Đảng chấp thuận cho đi khảo sát tình hình ở một số địa phương như Nam định, Thái bình, Hải phòng, Hòn gai, v.v.. Đầu tháng 7-1930, trở lại Hà nội, đồng chí được bố trí đến ở và làm việc tại căn hầm nhà số 90 phố Hàng bông thợ nhuộm. Tại căn hầm chật hẹp, nóng bức ở ngôi nhà này, Trần Phú đã viết bản dự thảo *Luận cương chính trị* nổi tiếng.

Tháng 10 năm 1930, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ nhất ở Hồng công (Trung quốc). Hội nghị đã thông qua nội dung bản *Luận cương chính trị*. Đồng chí Trần Phú được Hội nghị bầu làm Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng.

Sau Hội nghị, Đảng chuyển cơ quan lãnh đạo về Sài gòn, nơi có đường giao thông thuận lợi cho cả trong và ngoài nước.

Cuối năm 1930, phong trào cách mạng gặp nhiều khó khăn. Thực dân Pháp thẳng tay bắt bớ, đàn áp. Từ tháng 3-1931, nhiều cơ sở của Đảng bị vỡ, nhiều cán bộ, đảng viên sa lưới mật thám. Ngày 19 tháng 4 năm 1931, Trần Phú bị địch bắt tại Sài gòn. Mật thám Pháp đã tra tấn đồng chí cực kỳ dã man. Nhưng dù bị chết đi sống lại nhiều lần, đồng chí vẫn kiên quyết không khai báo. Đồng chí đã nhiều lần trả lời thẳng vào mặt bọn địch là đồng chí biết nhiều người, nhiều việc là để làm việc cho Đảng, cho cách mạng, chứ không phải để khai với bọn chúng.

Những ngày bị giam cầm ở Khám lớn Sài gòn, Trần Phú vẫn tìm cách tổ chức những buổi huấn luyện cho anh chị em tù chính trị. Khi giảng về việc lãnh đạo giành chính quyền, Trần Phú đã nêu ý kiến : "Ở hoàn cảnh một nước thuộc địa như nước ta, nếu đánh đổ được đế quốc phong kiến thì cần thành lập một chính phủ cộng hòa dân chủ và lá quốc kỳ nên là một lá cờ nền đỏ và có sao vàng năm cánh" [1]. Nhớ lời Trần Phú, các đồng chí ở

(1) *Một số hồi ký cách mạng Hà tĩnh*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh uỷ Hà tĩnh xuất bản, 1965, tl, tr 29

Digitized by Google

Nam kỳ đã giương cao lá cờ đỏ sao vàng bên cạnh lá cờ búa liềm trên mái đình Long hưng, Mỹ tho năm 1940 khi nổ ra cuộc khởi nghĩa Nam kỳ.

Bị giam cầm, đọa đầy, Trần Phú ngày càng kiệt sức. Bệnh phổi lại tái phát và ngày càng trầm trọng. Khi đồng chí đã gần như quy hẳn, bọn Pháp phải cho vào Nhà thương Chợ quán điều trị. Ngày 6-9-1931, tại nhà thương này, Trần Phú đã trút hơi thở cuối cùng, sau khi gửi lời dặn lại anh em đồng chí *"Hãy giữ vững chí khí chiến đấu !"*.

2 - *Tên tuổi của đồng chí Trần Phú gắn liền với bản* **Luận cương chính trị** *của Đảng ta, mà đồng chí là người khởi thảo.*

Hội nghị thành lập Đảng ngày 3 tháng 2 năm 1930 đã thông qua *Chính cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt*. Như tên gọi của nó, các văn kiện này mới chỉ phác họa những nét cơ bản nhất. Để tập hợp được đông đảo quần chúng lao động, bảo đảm quyền lãnh đạo duy nhất của mình, Đảng phải có cương lĩnh tương đối hoàn chỉnh. Trong lần gặp hồi tháng 3-1930 ở Hồng công, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã giao cho đồng chí Trần Phú chủ trì việc dự thảo *Luận cương chính trị* của Đảng. Trong quá trình dự thảo Luận cương, đồng chí Trần Phú đã vận dụng nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kinh nghiệm phong trào cộng sản quốc tế và *Đề cương về cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa* của Quốc tế cộng sản, nghiên cứu tham khảo các văn kiện có tính chất cương lĩnh của Đảng, kết hợp với kết quả việc đi khảo sát thực tế trong nước về phong trào công nhân và nông dân. Cũng trong quá trình đó, đồng chí đã được nhiều ý kiến đóng góp của các đồng chí trong Ban chấp hành trung ương lâm thời của Đảng. *Luận cương chính trị* do vậy là kết quả sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, và là sản phẩm của trí tuệ tập thể, trong đó phần đóng góp nhiều nhất là thuộc về đồng chí Trần Phú, người đã trực tiếp viết Luận cương.

Phân tích tình hình thế giới, *Luận cương chính trị* chỉ rõ cách mạng Đông dương diễn ra trong lúc trên thế giới cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa đã lên đến trình độ rất cao. Phong trào cách mạng sôi nổi trên thế giới (đặc biệt là ở Trung quốc và Ấn độ) lại ảnh hưởng mạnh đến phong trào đấu tranh ở Đông dương, làm cho cách mạng Đông dương càng mau phát triển. Vì vậy cách mạng thế giới và cách mạng Đông dương có quan hệ rất khăng khít với nhau.

Về những đặc điểm tình hình ở Đông dương, *Luận cương chính trị*, sau khi phân tích những mâu thuẫn kinh tế và mâu thuẫn giai cấp ở Đông dương, đã khẳng định : kinh tế Đông dương vẫn là kinh tế nông nghiệp, mà trong nền kinh tế ấy thì phương thức bóc lột phong kiến lại chiếm địa vị trọng yếu. Tất cả những điều kiện ấy làm cho kinh tế Đông dương không thể phát triển độc lập được. Phong trào đấu tranh của công nông ở Đông dương ngày càng lan rộng, có tính chất độc lập rất rõ rệt, chớ không phải là chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa quốc gia như lúc trước nữa.

Căn cứ vào những sự phân tích nói trên, *Luận cương chính trị* chỉ rõ : trong lúc đầu, cuộc cách mạng Đông dương sẽ là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, trong đó giai cấp vô sản và giai cấp nông dân là hai động lực chính, nhưng quyền lãnh đạo thuộc về giai cấp vô sản.

Nội dung chủ yếu của cách mạng tư sản dân quyền là *một mặt* phải đấu tranh để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bản, thực hành cách mạng ruộng đất cho triệt để ; *mặt khác* là đấu tranh để đánh đổ chủ nghĩa đế quốc Pháp, làm cho Đông dương hoàn toàn độc lập. Hai mặt đấu tranh đó có quan hệ mật thiết với nhau. Có đánh đổ chủ nghĩa đế quốc mới xóa bỏ được giai cấp địa chủ và tiến hành cách mạng ruộng đất được. Có xóa được chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được chủ nghĩa đế quốc.

Luận cương chính trị cũng đã nêu lên những nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng tư sản dân quyền, phân tích vai trò của các giai cấp trong

Digitized by Google

cuộc cách mạng đó, nói rõ thái độ của Đảng đối với các giai cấp. Luận cương chỉ rõ : nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng ở Đông dương là phải có một Đảng cộng sản có đường lối chính trị đúng, có kỷ luật, gắn bó mật thiết với quần chúng, qua thực tiễn đấu tranh mà trưởng thành. Đảng là đội tiền phong của giai cấp vô sản, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm gốc v.v.. *Luận cương chính trị* cũng đã đề cập đến phương pháp đấu tranh cách mạng. Khi chưa có tình thế cách mạng, thì phải tùy theo tình hình mà đặt khẩu hiệu đấu tranh giành lấy "phần ít" để bênh vực lợi ích của quần chúng như tăng tiền lương, bớt giờ làm, giảm thuế, chống thuế v.v., từ đó dẫn dắt quần chúng đấu tranh cách mạng. Khi đã có tình thế cách mạng, thì phải lập tức lãnh đạo quần chúng đứng lên giành lấy chính quyền. Trong quá trình đấu tranh phải đoàn kết với giai cấp vô sản thế giới, đặc biệt là giai cấp vô sản Pháp, và các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Đường lối cách mạng do *Luận cương chính trị* vạch ra về sau đã được các đại hội Đảng và các hội nghị trung ương bổ sung và phát triển. Tuy Luận cương còn có những mặt hạn chế như chưa đánh giá đúng khả năng cách mạng của giai cấp tiểu tư sản ; chưa nhìn thấy trong giai cấp tư sản bản xứ có tư sản mại bản và tư sản dân tộc, do đó chưa thấy hết khả năng phản đế của tư sản dân tộc. Nhưng xét về nội dung cơ bản, nó là ngọn cờ dẫn đường cho toàn bộ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta. Với *Luận cương chính trị*, Đảng ta tuy mới ra đời chưa tròn một năm, đã xác định được những vấn đề về chiến lược và sách lược cơ bản của cách mạng. Đánh giá về *Luận cương chính trị*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết : "... Trong bản Cương lĩnh cách mạng tự sản dân quyền năm 1930, Đảng đã nêu rõ nhiệm vụ *chống đế quốc và chống phong kiến*, thực hiện dân tộc độc lập, người cày có ruộng. Cương lĩnh ấy rất phù hợp với nguyện vọng thiết tha của đại đa số nhân dân ta là nông dân. Vì vậy, Đảng đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn chung quanh giai cấp mình. Còn các đảng phái của các giai cấp khác thì hoặc bị phá sản hoặc bị cô lập. Do đó, quyền lãnh đạo của Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân - không ngừng củng cố và tăng cường" [(2)].

3 - Tên tuổi của đồng chí Trần Phú còn gắn liền với sự chỉ đạo kịp thời và kiên quyết trong khoảng thời gian từ cuối năm 1930 đến tháng 4 năm 1931 của Trung ương Đảng, mà đồng chí là Tổng bí thư.

Cho đến tháng 10-1931, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, một cao trào cách mạng đã dâng lên sôi nổi khắp nơi, mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh. Đồng chí Trần Phú đã cùng với Ban chấp hành trung ương Đảng theo dõi tình hình và đề ra những chủ trương thích hợp chỉ đạo phong trào. Từ thực tế của phong trào, bước đầu thấy được vai trò quan trọng của Mặt trận thống nhất dân tộc chống đế quốc ở Đông dương, ngày 18 tháng 11 năm 1930, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra *"Chỉ thị về vấn đề thành lập Hội phản đế đồng minh"*. Chỉ thị nêu rõ phải phấn đấu để có một tổ chức quần chúng thật rộng rãi, bao gồm cả các trí thức, các tư sản dân tộc, và cả các địa chủ có đầu óc dân tộc, oán ghét thực dân Pháp, muốn cho nước nhà độc lập. Phải đưa tất cả những tầng lớp và cá nhân đó vào hàng ngũ chống đế quốc Pháp, vận động họ cùng toàn dân nhất tề hành động nhằm chống khủng bố trắng và ủng hộ cách mạng công nông.

Trong tình thế lúc đó của cách mạng Việt nam, chủ trương như vậy là rất sáng suốt.

Cuối tháng 12-1930, trong cuộc họp Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng, Trần Phú đã nêu rõ tầm quan trọng của việc giáo dục lý luận, chính trị, nâng cao trình độ giác ngộ cách mạng cho cán bộ, đảng viên và đẩy mạnh công tác tuyên truyền của Đảng. Theo đề nghị của đồng chí, Thường vụ Trung ương quyết định xuất bản tạp chí *Cộng sản*, cơ quan lý luận của

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t.8, tr 593

Digitized by Google

Đảng, do đồng chí trực tiếp phụ trách. Ngày 1 tháng 2 năm 1931, số 1 tạp chí *Cộng sản* đã ra đời. Tạp chí đã có những bài viết có phân tích lý luận những vấn đề quan trọng trong hoạt động của Đảng như vấn đề tổ chức đảng, việc tự phê bình trong Đảng, công tác vận động công nhân v.v.. Trong hoàn cảnh Đảng mới ra đời, còn phải hoạt động bí mật, khó khăn thiếu thốn nhiều bề, tạp chí *Cộng sản* vẫn thể hiện rõ nét là cơ quan lý luận và chính trị của Đảng. Qua tạp chí *Cộng sản*, mà đồng chí Trần Phú là người sáng lập và chủ trì, thấy rất rõ sự cố gắng của Đảng trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt nam, lấy lý luận tiên phong soi sáng cho hướng đi của Đảng.

Cuối năm 1930, quân địch khủng bố ngày càng dữ dội, nhiều cơ sở đảng bị vỡ, nhiều đảng viên, quần chúng bị tàn sát. Xu hướng hữu khuynh xuất hiện ở một số nơi. Quan điểm "củng cố đã rồi mới đấu tranh" cản bước tiến của phong trào. Ngày 3 tháng 1 năm 1931, Thường vụ Trung ương đã kịp thời ra *Thông cáo cho các xứ ủy*, kịch liệt phê phán quan điểm đó. Thông cáo vạch rõ phải dựa vào sức mạnh của quần chúng để chống khủng bố, đồng thời phát triển các đội tự vệ công nông để bảo vệ cho quần chúng đấu tranh.

Cuối năm 1930, đầu năm 1931, bên cạnh chính sách khủng bố trắng, đế quốc Pháp và tay sai mở chiến dịch chiêu hàng, cưỡng bách đầu thú, phát thẻ quy thuận.Thủ đoạn thâm độc này tạo điều kiện cho bọn cường hào, địa chủ phản động ngóc đầu dậy, cho những phần tử bất mãn chuyển hẳn sang phe phản cách mạng ; đồng thời đánh vào tâm lý mệt mỏi của một số quần chúng nhằm ly gián lực lượng cách mạng, cô lập Đảng ta. Ngày 25 tháng 1 năm 1931, Thường vụ Trung ương Đang đã ra *Thông cáo về việc đế quốc Pháp buộc dân cày ra "đầu thú"* phân tích rõ âm mưu nham hiểm của địch và chỉ rõ những biện pháp cụ thể lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Cuối tháng 3 năm 1931, Ban chấp hành trung ương Đảng đã họp hội nghị toàn thể dưới sự chủ tọa của đồng chí Trần Phú. Hội nghị đã phê phán những sai lầm của các đảng bộ địa phương trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, phê phán những biểu hiện của sai lầm hữu khuynh và "tả" khuynh, như theo đuôi quần chúng, lo tổ chức đã rồi mới đấu tranh, khi đấu tranh lại đấu tranh liên miên không có lối ra v.v.. Hội nghị cũng đã đề ra những nhiệm vụ cấp thiết trước mắt về công việc tổ chức của Đảng và về sự lãnh đạo quần chúng nhằm kịp thời đối phó với những diễn biến phức tạp của tình hình.

Như vậy, trước những khó khăn ngày càng chồng chất do sự đàn áp khốc liệt của kẻ thù gây ra, trước những tổn thất ngày càng nặng nề của một số cơ sở Đảng, đồng chí Trần Phú vẫn giữ vững bản lĩnh của người lãnh đạo cao nhất của Đảng, cùng Trung ương Đảng kiên trì tìm những phương sách đối phó với tình hình.

*

Kỷ niệm lần thứ 90 Ngày sinh của đồng chí Trần Phú đến với chúng ta giữa lúc đất nước đang có bước chuyển mình. Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã và đang thu được những thành tựu quan trọng. Trên đất nước đã sạch bóng quân xâm lược, thử thách đối với người cộng sản không còn là nhà tù và máy chém của đế quốc, mà lại là những mặt trái của nền kinh tế thị trường và sự chống phá của các thế lực thù địch. Điều đó càng đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên không ngừng nâng cao khí tiết cách mạng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với cách mạng. Điều đó cũng đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng nâng cao trình độ lý luận, sức sáng tạo, góp phần cùng toàn đảng tìm ra những hướng đi đúng cho cách mạng nước ta trong tình hình đặc biệt phức tạp của thế giới ngày nay. Về cả hai mặt đó, khí tiết cộng sản và tư duy của đồng chí Trần Phú đã và sẽ là tấm gương sáng đối với mỗi chúng ta.

Digitized by Google

VỀ HIỆN TƯỢNG PHÂN TẦNG XÃ HỘI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG *

TRONG xu hướng biến động của cơ cấu xã hội nước ta hiện nay, hiện tượng phân tầng xã hội đang nổi lên như một vấn đề có tính thời sự cấp bách.

Có nhiều người lo ngại cho rằng sự phân tầng, hay nói rộng hơn, sự phân hóa xã hội hiện nay, là không bình thường, trái với quy luật kinh tế và phát triển xã hội của nước ta ; nó sẽ tạo ra những điều kiện đưa nước ta đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Theo tôi, không hoàn toàn như vậy.

Sự phân tầng xã hội, phân hóa xã hội ở nước ta đụng đến "tầng bản chất" của xã hội mới vì nó liên quan đến vấn đề con người mà chúng ta đang xây dựng. Nó tác động trực tiếp đến các khía cạnh của con người, tức là đến từng cá nhân, đến nhân cách, đến văn hóa vật chất và tinh thần, đến lối sống và chất lượng sống, đến tính nhân đạo và ý nghĩa nhân văn trong đời sống con người.

1- Tôi cho rằng phân tầng là hiện tượng xã hội phổ biến. Thế giới ngày nay, trong đó có chúng ta, đang sống trong một xã hội phân tầng. Nó gắn với bất bình đẳng xã hội. Sự bất bình đẳng đó thường biểu hiện trong các mối quan hệ với tài sản, quyền lực và uy tín, tạo ra những cộng đồng người có địa vị kinh tế, địa vị chính trị và địa vị xã hội khác nhau. V.I.Lê-nin cho rằng : "Kết cấu xã hội của xã hội và chính quyền có nhiều biến đổi, nếu không tìm hiểu các biến đổi này thì không thể tiến được một bước trong bất kỳ lĩnh vực và hoạt động xã hội nào" (1).

Như vậy, phân tầng xã hội *một mặt* gắn với sự bất bình đẳng xã hội, *mặt khác* gắn với sự phân công lao động xã hội. Hai mặt đó tưởng là đối lập nhau, nhưng thực chất là mâu thuẫn trong sự thống nhất biện chứng. Biết điều chỉnh nó, biết đánh giá đúng nó, sẽ hạn chế được mặt tiêu cực liên quan đến bất bình đẳng xã hội, và sẽ phát huy được mặt tích cực liên quan đến sự phân công lao động xã hội.

Theo ý nghĩa nào đó, xã hội có phân tầng là xã hội có tính cơ động phát triển, con người được giải phóng và tính năng động của con người được phát huy và kéo theo nó là một xã hội cơ động và cởi mở. Phân tầng xã hội, cơ động xã hội và phát triển con người là những phạm trù khác nhau nhưng có quan hệ biện chứng, nhân quả với nhau. Chúng là những mắt khâu của một xã hội tiến bộ và văn minh. Nói cách khác, một trong những tiêu chuẩn để đánh giá một xã hội, một khu vực, một địa phương có phát triển, có năng động và tiến bộ hay không, là xem xét tính chất và mức độ của sự phân tầng xã hội. Phân tầng xã hội phản ánh kết quả phát triển của một nền kinh tế đa sở hữu, nhiều thành phần, một nền kinh tế được vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

2- Ở nước ta, phân hóa giàu nghèo đang là vấn đề nóng bỏng, là cái trục trung tâm của sự phân tầng xã hội. Theo tôi, có mấy điểm sau đây cần được lưu ý :

Thứ nhất, việc xác định giàu nghèo chỉ mang tính tương đối tùy theo chất lượng cuộc sống từng địa bàn dân cư. Có hộ là đủ ăn ở địa phương này nhưng so với địa phương khác lại là nghèo. Có hộ giàu về thu nhập vật chất, nhưng nghèo về đời sống văn hóa - tinh thần.

---

* PGS, PTS, Phó giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t20, tr221

Digitized by Google

Trong đời thường có nhiều người ăn, mặc, ở và tiêu xài rất sang, quá đáng, nhưng đời sống văn hóa tinh thần lại quá nghèo nàn, thậm chí thiếu hẳn hoặc "nghèo" về tri thức và vốn văn hóa cơ bản. Do vậy, chúng ta phải xác định những *tiêu chí* toàn diện về các khái niệm : nghèo tương đối, nghèo tuyệt đối, thiếu đói, đói gay gắt, giàu, trung lưu...

Có nhiều tiêu chí để đánh giá giàu - nghèo, như : thu nhập, nhà ở, tiện nghi sinh hoạt, chi tiêu gia đình, hưởng thụ văn hóa... Nhưng rõ ràng, thu nhập về kinh tế (thông qua V + m) là tiêu chí đáng chú ý hơn cả. Căn cứ vào tiêu chí này thì :

+ Người ở tình trạng *nghèo tuyệt đối* là người không có khả năng thỏa mãn các nhu cầu tối thiểu để duy trì cuộc sống. Ở ta, người rơi vào tình trạng này là người có thu nhập dưới mức 15 kg gạo/tháng, hoặc dưới mức 25 000 đ/tháng ở nông thôn và 30.000 đ/tháng ở đô thị. Nếu căn cứ theo mức này thì tỷ lệ số người ở tình trạng nghèo tuyệt đối ở nước ta hiện nay là : 21,96% - 35,61% ở nông thôn, và 8,11% ở đô thị [2].

+ Người ở tình trạng *thiếu đói* là người có thu nhập dưới mức 12 kg gạo/tháng, hoặc dưới mức 20 400đ/tháng ở nông thôn và 24 500đ/tháng ở đô thị. Nếu căn cứ theo mức này thì tỷ lệ số người ở tình trạng thiếu đói ở nước ta hiện nay là : 16,30 - 20,50% ở nông thôn, và 4,26% ở đô thị [3].

+ Người ở tình trạng *đói gay gắt* (mỗi ngày được cung cấp chưa đầy 1500 calo) là người có thu nhập dưới mức 8kg gạo/tháng, hoặc dưới mức 13 600đ/tháng ở nông thôn và 16 300 đ/tháng ở đô thị. Tỷ lệ số người rơi vào tình trạng này ở nước ta hiện nay là : 5,7 - 7,96% ở nông thôn, và 4,42% ở đô thị [4].

+ Hộ *giàu* ở nông thôn nước ta, theo điều tra của Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm năm 1992, là hộ có mức thu nhập V + m là 1 triệu đồng/người/năm. Nếu tính như vậy thì ở nông thôn nước ta có từ 15 đến 20% số hộ giàu ở mức độ khác nhau tùy vùng (có vùng như Hòa bình chỉ có 5,8%, nhưng có vùng như Tiền giang lại lên đến 35%). Còn hộ giàu ở đô thị thì mức thu nhập trên cao hơn. Qua điều tra 809 hộ tại Hà nội, hộ giàu là hộ có thu nhập 1000 USD/người/năm (tương đương khoảng 1 triệu đồng/người/tháng). Do đó, hộ nghèo ở đô thị cũng khác ở nông thôn. Hộ nghèo ở nội thành Hà nội là hộ có thu nhập dưới mức 200 USD/người/năm, tức khoảng dưới mức 200 000đ/tháng. Ngay trong các hộ nghèo, 34,4% số hộ có ti vi đen trắng ; 12,5% có ra-đi-ô cát-xét. Mức độ giàu ở các miền cũng khác nhau. Điều tra số hộ nông dân giàu tại ngoại thành TP Hồ Chí Minh cho thấy : mức thu nhập bình quân của mỗi hộ là 32 700 000 đ/năm, của mỗi người là 5 078 000đ/năm. Hộ có thu nhập cao nhất là 347,3 triệu đồng/năm (trong đó thu nhập từ trồng trọt : 14,66%, từ chăn nuôi : 45,38%, và từ ngành nghề : 39,95%).

Thứ hai, khoảng cách giữa giàu và nghèo ngày càng xa nhau trong sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Nhìn chung, khoảng cách này những năm 60-70 là 1,5 - 2 lần, những năm 70-80 là 3 - 4 lần, những năm 80-90 là 6 -8 lần ; hiện nay có thể từ hàng chục đến 100 lần (ở Hà nội có người thu nhập 30 000 đ/tháng, song cũng có người thu nhập 3 triệu đồng/tháng, hoặc hơn nữa). Sự chênh lệch giàu nghèo diễn ra theo xu hướng : thu nhập của hộ giàu ngày một tăng và số hộ giàu nhiều lên ; người nghèo không tăng lên tương ứng và mức nghèo giảm đi theo từng năm. Như vậy, sự phân hóa giàu nghèo càng đậm nét và dễ nhận thấy ở những nơi kinh tế thị trường phát triển. Hộ nông dân giàu ở ngoại thành TP Hồ Chí Minh mức thu nhập thấp nhất là 5 triệu đồng và mức cao nhất là 347,3 triệu đồng. Phải chăng nền kinh tế thị trường đã tác động và làm tăng tính cơ động xã hội, mà sự phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo là một biểu hiện sinh động của tính cơ động đó ?

Sự phân hóa giàu nghèo ở thành phố nổi bật hơn ở nông thôn, và ở miền xuôi thì rõ nét hơn ở miền núi. Ở Tây nguyên, sự phân hóa này mới chỉ biểu hiện rõ ở thị xã, còn ở vùng sâu, vùng cao thì biểu hiện còn mờ nhạt. Ở vùng này, mức độ giàu nghèo chủ yếu dựa vào số lượng trâu, bò, voi, cồng, chiêng, ché. Thậm chí có nơi còn dựa vào uy tín xã hội, như bằng khen, huân chương, huy chương (vì thường người có những thứ này là người biết cách làm ăn, canh

(2), (3), (4) Theo thống kê của Bộ lao động - thương binh và xã hội

Digitized by Google

tác, quy tụ được nhân dân và có mức sống cao trong vùng).

Ngay trong một cộng đồng, một giai cấp, sự phân hóa giàu nghèo cũng đã xuất hiện cùng với tính cơ động của nền kinh tế thị trường. Công nhân làm việc trong các xí nghiệp tư nhân hoặc liên doanh với nước ngoài thì giàu hơn làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước. Trí thức có tham gia các dự án, chương trình hợp tác quốc tế thì thu nhập cao hơn các trí thức khác. Nông dân có ngành nghề phụ, gắn với thủ công nghiệp và thương nghiệp thì giàu hơn nông dân thuần nông.

Tất nhiên, trong nền kinh tế thị trường, khi sức lao động (cả lao động chân tay và lao động trí óc) trở thành hàng hóa thì sự phân hóa giàu nghèo còn tùy thuộc vào tính năng động của từng cá nhân, từng gia đình và cơ quan.

Thứ ba, số hộ giàu và mức độ giàu tăng thêm ở nước ta hiện nay là một hiện tượng tiến bộ, phù hợp với tính quy luật phát triển xã hội. Hộ giàu là nhân tố mới trong sự phát triển kinh tế đúng quỹ đạo và theo mục tiêu : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Ở nước ta hiện nay, mức độ giàu có không hoàn toàn gắn với sự gia tăng tỷ lệ bóc lột giá trị thặng dư ; người giàu lên chủ yếu là do biết cách làm ăn, biết cách quản lý và có vốn tri thức về sản xuất kinh doanh và khoa học, công nghệ. Các hộ giàu ở nông thôn nước ta chủ yếu không phải do chiếm dụng ruộng đất và bóc lột địa tô. Họ là những hộ biết tổ chức sản xuất. Tuy có thuê lao động, thậm chí cả lao động trí tuệ cao (như kỹ sư nuôi, trồng thủy, hải sản), nhưng quan hệ chủ thợ ở đây chủ yếu là quan hệ sòng phẳng, hợp tác, bình đẳng trong tạo việc làm cho người lao động. Đây là những hộ nông dân mới, chủ trang trại mới, tiêu biểu cho những nhân tố mới của một nền nông nghiệp mới, một phương thức sản xuất mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn nước ta. Những hộ giàu và cách làm giàu ở thành phố có phức tạp hơn, vì ít nhiều đều gắn với bóc lột sức lao động. Tuy vậy, ở đây chủ yếu vẫn là tạo việc làm, tăng nhanh sức sản xuất xã hội.

Sự xuất hiện những hộ giàu trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ một cách nhanh chóng ở thành phố là một hiện tượng bình thường, tiến bộ trong nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, ở đây có nhiều vấn đề đặt ra cần phải nghiên cứu như : phân hóa giàu nghèo có dẫn đến chỗ đẻ ra giai cấp tư sản mới hay không ; quan niệm về bóc lột và đảng viên làm kinh tế tư nhân, làm chủ các doanh nghiệp tư nhân và trở thành tư sản ; căn cứ để xác định là tiêu chủ, là tư sản ; thành lập nghiệp đoàn, công đoàn trong công nhân lao động và cả trong giới chủ trong nền kinh tế thị trường... Chẳng hạn về người giàu ở Hà nội, qua điều tra xã hội học bằng phương pháp phỏng vấn, người ta thấy : 80% số hộ giàu trong khu vực kinh tế quốc doanh là những hộ có người trong gia đình làm ở những ngành có quan hệ giao dịch với nước ngoài (như ngoại giao, thương vụ, tàu viễn dương). Các hộ này thường có liên kết kinh tế với các hộ kinh doanh ngoài quốc doanh. Vì vậy, đã có người muốn khái quát : hộ giàu ở Hà nội là hộ có liên quan đến nghề hướng ngoại + liên kết ngoài quốc doanh. Qua điều tra xã hội học, chúng ta thấy : 75% số người được hỏi tán thành giàu có là một hiện tượng bình thường ; chỉ có 12,7% cho hiện tượng đó là không bình thường (trong đó có 5,7% cho giàu có là do làm ăn bất chính được che chở ; 1,5% cho đó là hiện tượng bất công xã hội).

Thứ tư, nghèo đói đang là một hiện tượng cản trở, gây thêm khó khăn cho sự phát triển kinh tế xã hội ở nước ta. Nghèo đói, về cơ bản, không phải do sai lầm trong việc thực hiện chính sách kinh tế gây ra. Nó có những tính chất và nguyên nhân phức tạp.

Về *tính chất*, mặc dù dân cư đã bắt đầu có tích lũy do thu nhập bình quân tăng, mặc dù tỷ lệ dân cư có số thu cao hơn số chi trên 10% cũng tăng, nhưng cả ở đô thị lẫn nông thôn số người nghèo tương đối đều tăng từ 5 đến 10%. Khoảng cách giàu nghèo tăng nhanh : chênh nhau 20 lần ở nông thôn và hơn 40 lần ở đô thị. Tỷ lệ nghèo tuyệt đối có xu hướng giảm nhưng không chắc chắn. Đói gay gắt thường xuyên và cấp tính vẫn tồn tại và còn là vấn đề hết sức cấp bách, thậm chí có xu hướng tăng, tuy rằng lương thực bình quân đầu người ở ta tăng và nước ta là nước đứng thứ 3 sau Thái lan và Mỹ trong xuất khẩu gạo. Tỷ lệ người đói gay gắt trong dân nông nghiệp năm 1990 là 7%, năm 1991 là 16%, năm 1992 là 12%.

Digitized by Google

Về *nguyên nhân*, có nhiều nguyên nhân phức tạp và quan hệ với nhau. Trong các nguyên nhân gây ra nghèo đói có một số nguyên nhân *khá ổn định*, như : thiếu vốn, không có kinh nghiệm làm ăn. Song cũng có những nguyên nhân *không ổn định* và khác nhau theo địa phương, như : đông con, tình trạng đất đai, thiên tai... Điều tra cho thấy nguyên nhân do thiếu vốn khoảng 70 - 80% ; do đông con khoảng 50 - 60% ; do thiếu kinh nghiệm làm ăn khoảng 40 - 50% ; do thiếu lương, thiếu việc làm khoảng 10 - 30% ; do rủi ro, đau ốm khoảng 10 - 15% ; do neo đơn, thiếu lao động khoảng 5 - 10% ; do lười lao động, lãng phí 5 - 6% ; do các tệ nạn xã hội khoảng 2 - 3%.

Nhìn chung, tỷ lệ người nghèo ở nước ta còn khá cao : khoảng 35%. Số người nghèo tham gia công việc lãnh đạo và quản lý chỉ khoảng 10 - 15%, và thường ở chức vụ thấp. Trong xã hội ta, nhiều người nghèo là người trong sạch, giàu lòng hy sinh, có cuộc sống giản dị, gương mẫu, từng được toàn xã hội quý trọng. Ở thời điểm hiện nay, với tính cơ động xã hội của nền kinh tế thị trường, chúng ta không coi khinh người nghèo, nhưng phải quyết tâm tạo mọi điều kiện xóa đói, giảm nghèo, tăng giàu và biết làm giàu một cách hợp pháp ; xã hội không chấp nhận những người nghèo do lười lao động, không biết cách học hỏi làm ăn, hoặc do bị lôi cuốn vào các tệ nạn xã hội.

Thứ năm, phân hóa giàu nghèo là hiện tượng xã hội có tính hai mặt : tích cực và tiêu cực. Những mặt tích cực là chủ yếu, vì cơ bản nó gắn với sự phân phối theo kết quả lao động. Sự phân hóa giàu nghèo chủ yếu là sự phân cực về kinh tế, nhất là ở nông thôn ; còn ở các thành phố lớn, từ sự phân cực kinh tế đã bắt đầu dẫn đến phân hóa xã hội, tức là xuất hiện những nhà tư sản dân tộc trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

Nhìn chung, hộ giàu và người giàu là nhân tố mới, mang tính tích cực, còn hộ nghèo và người nghèo là lực cản sự phát triển. Nhưng phải công nhận rằng, cùng với sự xuất hiện ngày càng đông hộ giàu và người giàu thì mặt trái của nó, vấn đề bảo đảm công bằng xã hội, làm lành mạnh xã hội ngày càng được đặt ra. Trong cách làm giàu đã xuất hiện những tiêu cực xã hội đa dạng và phức tạp như : tham nhũng, hối lộ, ăn cắp, trốn thuế, buôn lậu, coi thường người nghèo...

Xã hội ta chỉ khuyến khích hộ giàu và phương thức làm giàu chính đáng bằng sức lao động và tri thức khoa học kỹ thuật cũng như năng lực quản lý điều hành. Đồng thời phê phán và ngăn chặn sự làm giàu bằng những thủ đoạn "phi kinh tế", tiêu cực, gây thêm khó khăn cho đất nước, làm cạn kiệt tài nguyên, hủy hoại môi sinh, làm rối loạn xã hội và vi phạm đạo đức, nhân phẩm con người.

3 - Về lý thuyết, phân tầng xã hội sẽ dẫn đến phân hóa giai cấp. Nhưng điều đó còn phụ thuộc vào các điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan. Ở nông thôn nước ta, sự phân hóa xã hội không dẫn đến hình thành giai cấp địa chủ, không dẫn đến hình thức bóc lột địa tô phong kiến kìm hãm sự phát triển kinh tế xã hội nông thôn. Mặc dù có hiện tượng người nông dân phải bán lúa non, vay nặng lãi trong lúc giáp hạt, nhưng đó không phải là hiện tượng phổ biến, điển hình. Ở thành phố, việc xác định là nhà tư sản hay không phải căn cứ vào nhiều yếu tố. Ngoài yếu tố bóc lột giá trị thặng dư (thông qua sự thỏa thuận và mua bán sức lao động), còn phải tính tới một loạt yếu tố khác : vốn đầu tư, số lượng công nhân, phương thức hoạt động, lợi nhuận thu được và mức sống...

Qua khảo sát thực tiễn, chúng tôi thấy có những dấu hiệu về sự hình thành và xuất hiện của một giai cấp tư sản dân tộc vừa và nhỏ trong quá trình phát triển của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Đây là một cộng đồng xã hội tuy số lượng tuyệt đối không nhiều, nhưng có vai trò và vị trí nhất định đối với sự phát triển của nền kinh tế nước ta trong chặng đầu của thời kỳ quá độ. Mức thu nhập và đời sống của họ cao hơn các tầng lớp dân cư khác, tuy rằng nhà nước có điều tiết để hạn chế sự bóc lột quá đáng giá trị thặng dư.

Từ Đại hội VI, Đảng ta đã nêu lên quan điểm sử dụng nhiều thành phần kinh tế ; cho phép những nhà tư sản nhỏ sử dụng vốn, kiến thức kỹ thuật và quản lý của họ để tổ chức sản xuất kinh doanh trong một số ngành nghề thuộc khu vực sản xuất dịch vụ ở những nơi cần thiết trong cả nước ; hướng dẫn họ đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội bằng nhiều hình thức, trong đó có kinh tế tư bản nhà nước. Đến Đại

Digitized by Google

hội VII, Đảng ta lại nhấn mạnh : trong nền kinh tế thị trường với quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo đảm, từ ba loại hình sở hữu cơ bản (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân) sẽ hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng. Không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế; không tước đoạt tài sản hợp pháp ; không gò ép tập thể hóa tư liệu sản xuất ; không áp đặt hình thức kinh doanh.

Do vậy, sự hình thành và hiện diện của giai cấp tư sản trong các ngành công, thương nghiệp và dịch vụ là một thực tế khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sẽ là không thực tế nếu về cơ cấu *kinh tế* có thành phần kinh tế tư bản tư nhân và tư bản nhà nước, nhưng về cơ cấu *xã hội* lại không có thành phần giai cấp tư sản dân tộc. Khảo sát ở Hà nội và TP Hồ Chí Minh cho thấy : đã xuất hiện một số chủ doanh nghiệp tư nhân có số vốn lớn từ 10 tỉ đến trên 20 tỉ đồng, thuê từ 1000 đến 9000 công nhân, làm ăn có lãi, hiệu quả kinh doanh khá cao. Do đó, có thể nhận định rằng sự tồn tại của giai cấp tư sản dân tộc là một vấn đề hợp với tính quy luật của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Sự tồn tại của giai cấp tư sản dân tộc không có nghĩa là nền kinh tế nước ta đã chuyển sang quỹ đạo kinh tế tư bản chủ nghĩa. Vấn đề là ở chỗ : thành phần nào giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, và nó phát triển theo định hướng nào ? Mặt khác, sự tồn tại của giai cấp tư sản dân tộc không đồng nghĩa với sự tồn tại một lực lượng chính trị đối lập, vì đây là một giai cấp tồn tại trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trên thực tế, họ đã trở thành một cộng đồng xã hội - nghề nghiệp thông qua các "hội công kỹ nghệ gia", "hội công thương gia", và là một thành viên của Mặt trận Tổ quốc các cấp. Hoạt động của cộng đồng này mang tính tập hợp các nhà tư sản dân tộc, động viên công sức, vốn liếng, kỹ thuật và kinh nghiệm của họ vào sản xuất kinh doanh phục vụ cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Một nhân tố quan trọng thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế

NGUYỄN THẾ UẨN *

CHUYỂN sang nền kinh tế thị trường, mỗi quốc gia cần có bước đi cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể. Và đương nhiên, mỗi nước cũng sẽ tự xác định cho mình những nhân tố quan trọng nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế. Trong phạm vi bài viết này, tôi đề cập đến vấn đề *thị trường* và *giá cả*, một trong những yếu tố quan trọng để tăng trưởng kinh tế.

Nước ta mới bước đầu tiếp cận với cơ chế thị trường nhưng đã dần dần tự khẳng định được mình để phát triển nền kinh tế theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng đã phân tích, đánh giá toàn diện các mặt thành tựu và khó khăn tồn tại của nền kinh tế nước ta. Ở đây tôi muốn nói rõ thêm một số điểm :

Một là, nền kinh tế nước ta cho đến nay nói chung vẫn ở trong tình trạng manh mún và lạc hậu. Về mặt tổng sản phẩm quốc dân tính theo đầu người, nước ta vẫn là một trong những nước nghèo của thế giới. Sản xuất nhỏ còn giữ vị trí quan trọng. Cấu trúc hạ tầng còn quá lạc hậu, trình độ phân công lao động và quản lý kinh tế còn yếu kém. Mức độ tiền tệ hóa nền kinh tế chưa cao. Các hoạt động ngoại thương còn bị hạn chế, v.v.. Nói cách khác, sản xuất hàng hóa ở nước ta hiện đang trong tình trạng :

+ sản xuất cá biệt và kinh doanh cá biệt theo lối "đánh quả" còn có ưu thế ;

* PGS. PTS kinh tế học, Bộ thương mại

Digitized by Google

+ chi phí cá biệt và lợi nhuận cá biệt còn đóng vai trò điều tiết ;

+ lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất chưa định hình và chưa có tác động điều tiết toàn diện đối với sản xuất và kinh doanh ;

+ lợi nhuận của thương nghiệp còn cao hơn lợi nhuận của sản xuất, cho nên chưa thu hút được vốn đầu tư cho sản xuất.

Hai là, sản xuất nông nghiệp khẳng định rõ mình là một ngành sản xuất chủ chốt, có vai trò quyết định thúc đẩy nền kinh tế nước ta hiện nay. Điều đó thể hiện rõ ở các mặt sau đây :

+ Sản xuất nông nghiệp nói chung tạo ra hơn một nửa thu nhập quốc dân của cả nước, đáp ứng một phần không nhỏ các nhu cầu thiết yếu về sản xuất và đời sống trong nước. Nông nghiệp được mùa hay mất mùa có tác động rất lớn đến tình hình kinh tế - xã hội trong nước.

+ Đầu tư cho sản xuất nông nghiệp không lớn so với công nghiệp, nhưng sản xuất nông nghiệp vẫn phát triển đều đặn. Tỷ lệ tiêu hao vật chất trên một đơn vị thu nhập quốc dân ở đây là thấp nhất so với các ngành kinh tế khác.

+ Tạo ra một khối lượng vật tư xuất khẩu khá lớn, đặc biệt là gạo, tôm và các cây công nghiệp. Qua đó, góp phần đưa kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh những năm cuối thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90. Nhờ thu nhập của nông dân tăng, nên khả năng tự đầu tư của nông dân nhằm thâm canh, đẩy mạnh sản xuất nông sản hàng hóa, cũng tăng.

+ Dân số nông nghiệp còn chiếm khoảng 80% số dân cả nước. Thu nhập của nông dân mà được cải thiện thì sẽ tạo ra một sức mua rất lớn không những đối với các sản phẩm trong nước, mà cả đối với các sản phẩm nhập khẩu. Vì vậy, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tạo cho nông dân có thu nhập cao, thực tế là một trong những cơ sở quan trọng để công nghiệp hóa đất nước trong cơ chế thị trường.

Ba là, nền công nghiệp nước ta hiện nay nói chung còn đang ở thời kỳ hình thành và khắc phục những thiếu sót cũ để xác định bước đi cho thích hợp với xu thế thời đại. Sản lượng công nghiệp đến nay mới chiếm 20 - 30% tổng giá trị thu nhập quốc dân trong cả nước ; số lao động công nghiệp mới chiếm khoảng 11 - 12% tổng lao động của cả nước. Dân số phi nông nghiệp, trong đó có công nghiệp, chỉ chiếm trên dưới 20% tổng dân số v.v.. Đặc điểm cơ bản của công nghiệp nước ta hiện nay là : cơ cấu hạ tầng lạc hậu so với nhu cầu phát triển ; hậu quả công nghiệp hóa của thời kỳ bao cấp để lại còn nặng nề ; đầu tư xây dựng cơ bản trong những năm qua bị hạn chế, trong lúc nhu cầu đổi mới thiết bị và công nghệ rất lớn ; trình độ quản lý công nghiệp của nhà nước còn yếu. Hiệu quả sản xuất công nghiệp nói chung rất thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế.

Bốn là, thị trường nước ta còn kém phát triển. Đại bộ phận các sản phẩm nội địa, đặc biệt là công nghệ phẩm, chưa có thị trường tiêu thụ ổn định. Khủng hoảng "đầu ra" vẫn là một vấn đề rất lớn. Sự xâm nhập của hàng ngoại càng làm cho việc tiêu thụ các sản phẩm nội địa thêm khó khăn. Mâu thuẫn giữa sản xuất và thị trường ngày càng gay gắt. Bên cạnh đó, thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường sức lao động v.v. chưa có, hoặc còn kém phát triển, đã và đang gây khó khăn cho thị trường hàng hóa. Nói chung, thị trường nước ta còn mang tính chất của thị trường ở một nước sản xuất nhỏ. Thị trường địa phương và khu vực còn có vị trí quan trọng. Buôn bán nhỏ trong điều kiện hiện nay có khả năng thích ứng nhanh với những biến động phức tạp của thị trường tự do. Nhờ quay vốn nhanh, buôn bán nhỏ ít bị rủi ro về vốn và thị trường, phù hợp với tính chất của sản xuất nhỏ.

Năm là, ngoại thương nước ta nói chung còn trong tình trạng kinh doanh theo lối "chạy chợ", chưa có cơ cấu và thị trường lâu dài để có thể hoạt động kinh doanh ổn định. Kim ngạch xuất

Digitized by Google

nhập khẩu trong những năm gần đây hầu như giẫm chân tại chỗ. Cán cân thanh toán quốc tế còn khó khăn, do nợ nước ngoài đến hạn tồn đọng chưa giải quyết được. Trước mắt, xuất nhập khẩu có thể cân đối, nhưng cân đối trong thế phải hạn chế nhu cầu nhập khẩu, đặc biệt là đối với những hàng hóa quan trọng để mở rộng sản xuất, thay đổi cơ cấu. Cân đối xuất nhập khẩu theo nghĩa đó, không có tác động tích cực đối với một nền kinh tế lạc hậu như nước ta đang trong quá trình đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhập trước xuất sau, là mô hình thích ứng của các nước kém phát triển. Mô hình đó dựa vào nhập siêu bằng con đường vay nợ, và xuất sau để có tiền trả nợ. Nhập khẩu là để trang bị kỹ thuật, thay đổi cơ cấu, áp dụng công nghệ tiên tiến và du nhập kinh nghiệm quản lý hiện đại. Nói chung, là để tranh thủ các yếu tố cần thiết để chuyển hóa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn.

*

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm công bằng xã hội là một đòi hỏi rất cơ bản và cấp bách đối với nước ta. Căn cứ vào những phân tích trên đây, chúng ta thấy để tăng trưởng kinh tế, phải áp dụng rất nhiều biện pháp, mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, trong đó giải quyết tốt vấn đề thị trường và giá cả có ý nghĩa rất lớn. Nó nhằm đạt được các mục tiêu :

- Tạo điều kiện cho hàng triệu hộ sản xuất tập thể, cá thể và tư nhân tham gia vào quá trình trao đổi hàng hóa và dịch vụ. Người sản xuất nhỏ có thể tập dượt tiếp cận thị trường nhằm định hướng và đẩy mạnh sản xuất, cải tiến và liên doanh tiêu thụ để giữ vững thị trường.

- Từng bước bình quân hóa các định mức kinh tế - kỹ thuật cá biệt của các ngành hàng khác nhau thành những định mức chung có tính chất kinh tế quốc dân được thị trường chấp nhận. Trên cơ sở đó hình thành dần lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất. Qua đó, nhà nước có căn cứ để hoạch định và hoàn thiện chính sách.

- Sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế như tín dụng, lãi suất, giá cả, tiền lương... để điều hòa mối quan hệ hữu cơ giữa các khâu sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng trong quá trình tái sản xuất xã hội ở trong nước.

- Tự do hóa thị trường và giá cả để các quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng trong nước vận động theo đúng quy luật khách quan. Tất nhiên, trong quá trình đó nhà nước cần hiểu rõ và vận dụng đúng các đòn bẩy kinh tế như giá cả, tiền lương, lãi suất, tín dụng v.v. để điều tiết nền kinh tế về mặt vĩ mô. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho sự liên kết hữu hiệu giữa sản xuất và thị trường, dùng thị trường để thúc đẩy sản xuất, và ngược lại, dùng sản xuất để ổn định thị trường.

Để thực hiện được các mục tiêu nói trên, nhà nước cần tập trung vào mấy điểm sau đây :

a) Chú ý đúng mức đến quy luật cạnh tranh của thời kỳ đầu của sản xuất hàng hóa, trong đó thành phần kinh tế cá thể của hàng chục triệu hộ sản xuất và kinh doanh còn chiếm vị trí quan trọng. Để cho các đơn vị sản xuất và kinh doanh nhỏ đó được cạnh tranh một cách rộng rãi sẽ có tác dụng thúc đẩy nhanh chóng quá trình bình quân hóa các định mức kinh tế - kỹ thuật và lợi nhuận chung của cả nước. Thông qua sàng lọc của cạnh tranh, sẽ thúc đẩy nhanh chóng quá trình tập trung và tích tụ tư bản trong sản xuất và kinh doanh, từ quy mô nhỏ lên quy mô lớn, từ khu vực thương nghiệp qua khu vực sản xuất, tạo điều kiện phát triển nhanh sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Hiện nay, trình độ tập trung và tích tụ tư bản trong sản xuất và kinh doanh của nước ta còn thấp. Thị trường chưa bị các công ty độc quyền khống chế. Tự do cạnh tranh vẫn chiếm ưu thế điều tiết.

b) Hạn chế mức độ can thiệp có tính chất độc quyền của nhà nước vào các hoạt động sản xuất và kinh doanh. Sắp xếp lại khu vực kinh

Digitized by Google

tế quốc doanh, mạnh dạn thu hẹp những xí nghiệp, đơn vị làm ăn không có hiệu quả, kể cả trong một số ngành hàng quan trọng. Nhà nước cần điều tiết thị trường thông qua chính sách và luật pháp. Trong đó, luật thuế đóng vai trò rất quan trọng. Ngay từ thế kỷ 18, thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, A.Xmít đã nhấn mạnh chính sách thuế "hợp lý", theo đó việc thu thuế phải phù hợp với khả năng thực hiện về mặt tài chính của người nộp thuế, bảo đảm thế nào để cách đánh thuế là có lợi nhất cho người nộp thuế, và mức chi phí cho việc thu thuế là thấp nhất. Muốn hoạch định chính sách thuế hợp lý để điều tiết sản xuất và kinh doanh nhằm tăng thu ngân sách, nhà nước cần có quy chế thống nhất về công tác kế toán và kiểm toán cho tất cả các cơ sở sản xuất và kinh doanh trong cả nước.

c) Quản lý thống nhất các hoạt động kinh tế đối ngoại trong cả nước để có thể sử dụng có hiệu quả nhất lợi thế của phân công lao động quốc tế nhằm đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế trong nước. Do kinh tế nước ta còn lạc hậu, khả năng cạnh tranh quốc tế còn thấp, nhà nước không thể để mặc cho các quan hệ kinh tế đối ngoại tự do chi phối thị trường trong nước. Áp dụng chính sách mở cửa không có nghĩa là nhà nước buông lỏng việc quản lý thống nhất các quan hệ kinh tế đối ngoại. Mục đích của nó là nhằm :

+ Tranh thủ vốn và kỹ thuật cũng như công nghệ tiên tiến từ các nước công nghiệp phát triển. Đây là một trong những mục tiêu cơ bản mà các nước đang phát triển kiên trì thực hiện. Xây dựng một cơ cấu kinh tế hiện đại thích ứng với trình độ và đặc điểm của kinh tế Việt nam là một nhiệm vụ chiến lược xuyên suốt thời kỳ quá độ. Đất nước đi lên nhanh hay chậm phụ thuộc vào quá trình hiện đại hóa cơ cấu kinh tế.

+ Đẩy mạnh các ngành sản xuất hàng xuất khẩu, tạo dựng một cơ cấu xuất khẩu hiện đại thích ứng với nhu cầu của thị trường thế giới.

Hiện nay, cơ cấu xuất khẩu của nước ta chủ yếu còn dựa vào các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp, khai khoáng, v.v. là các sản phẩm mang tính tự nhiên. Thêm vào đó, do sản xuất nhỏ, nên việc huy động hàng xuất khẩu phải qua nhiều tầng lớp thương nhân hoạt động theo lối tự phát, có nghĩa là thu mua tùy theo thời tiết của thị trường. Sản xuất luôn ở trong tình trạng bị động và có nhiều rủi ro. Vì vậy :

- Nhà nước cần có chính sách xuất khẩu thống nhất bảo đảm cho các thành phần kinh tế khác nhau có thể tham gia một cách chủ động. Nhà nước có chính sách đầu tư thích đáng cho sản xuất hàng xuất khẩu, kết hợp tốt thị trường trong nước và ngoài nước, trợ cấp xuất khẩu đối với hàng nông sản, tạo điều kiện mở rộng thị trường xuất khẩu, mở rộng nhập khẩu phục vụ xuất khẩu v.v..Tóm lại, nhà nước dùng nhiều biện pháp khác nhau để đẩy mạnh xuất khẩu.

- Nhà nước kiên trì các mục tiêu của chiến lược kinh tế đối ngoại của đất nước. Tham gia vào các hiệp ước hai bên và nhiều bên có liên quan đến các hoạt động kinh tế đối ngoại để có thể dần dần tạo thế đứng vững chắc trên thị trường thế giới, trước hết là thị trường khu vực châu Á - Thái bình dương.

Hiện nay, vấn đề "đầu ra" của xuất khẩu rất quan trọng. Nhà nước cần khuyến khích tổ chức các hiệp hội có tính chất các-ten, xanh-đi-ca để điều tiết thống nhất việc tiêu thụ hàng ra nước ngoài.

Giải quyết tốt vấn đề thị trường và giá cả trong nước trên cơ sở quản lý thống nhất các quan hệ kinh tế đối ngoại của nhà nước sẽ tạo bước phát triển hợp lý trong việc sử dụng có mục tiêu các ưu thế của thị trường thế giới để đưa nền kinh tế nước ta tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

Mục tiêu, nhiệm vụ của hệ thống doanh nghiệp nhà nước

ĐÀM VĂN NHUỆ *
ĐINH ĐỨC SINH **

TRẢI qua nhiều năm xây dựng, cải tạo, phát triển kinh tế, một hệ thống các doanh nghiệp nhà nước đã hình thành, phát triển trên tất cả các vùng lãnh thổ của đất nước, trong tất cả các ngành nghề của nền kinh tế. Hệ thống đó được kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ, và nó đã thực hiện được những nhiệm vụ mà lịch sử đặt ra trong những thời kỳ đầu xây dựng và phát triển kinh tế, đặc biệt trong những năm tháng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Năm 1975, sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, hệ thống doanh nghiệp nhà nước đứng trước những nhiệm vụ lịch sử mới, đòi hỏi phải được tổ chức sắp xếp lại cho phù hợp. Tuy vậy, cho tới năm 1985, việc sắp xếp lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước vẫn chưa tiến hành được, trong khi đó hàng loạt doanh nghiệp nhà nước mới lại được đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động. Đến cuối năm 1989, hệ thống doanh nghiệp nhà nước đã có tới 12 084 đơn vị, trong đó có nhiều doanh nghiệp hoạt động trong tình trạng lãi giả, lỗ thật, kém hiệu quả. Đây là một trong những nguyên nhân hạn chế tốc độ tăng trưởng, làm giảm sút hiệu quả kinh tế, gây nên lạm phát phi mã trong các năm 1986 - 1989.

Với đường lối xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, một lần nữa vấn đề sắp xếp lại và đổi mới quản lý các doanh nghiệp nhà nước lại được đặt ra một cách nghiêm túc.

Theo chủ trương này, Quốc hội đã ban hành một số đạo luật mới (đặc biệt là các luật về thuế thay thế chế độ thu quốc doanh trước đây, luật phá sản...). Chính phủ đã tiến hành hàng loạt biện pháp nhằm sắp xếp lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước (như kiểm kê vốn, thanh toán công nợ, xét cấp lại đăng ký kinh doanh, làm thử về cổ phần hóa, về lập hội đồng quản trị trong doanh nghiệp nhà nước...). Và hiện nay, luật đầu tư trong nước, luật doanh nghiệp nhà nước, luật ngân sách, luật lao động... đang được hoàn thiện để phê chuẩn kịp phục vụ cho công cuộc sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước trong thời gian tới.

Mặc dù chúng ta đã đạt được một số thành tựu như đã nói ở trên, nhưng nhìn chung công cuộc sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước cho tới nay vẫn chưa thu được kết quả mong muốn về hiệu quả kinh doanh, về nhịp độ tăng trưởng, về đổi mới cơ cấu, về ưu thế trong cạnh tranh quốc tế và trong nước. Những hạn chế này đòi hỏi các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta phải có những quyết định mới, đặc biệt là về việc cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước, làm cho nó thực sự đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Để có giải pháp đúng cho việc cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước trong thời gian tới, chúng tôi cho rằng vấn đề hàng đầu là phải xác định đúng mục tiêu và nhiệm vụ của hệ thống doanh nghiệp nhà nước. Vì hiện nay, giữa việc tổ chức và sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước với mục tiêu kinh tế mà chúng ta mong muốn, vẫn còn khoảng cách lớn. Chúng tôi xin nêu rõ một số khía cạnh về khoảng cách này :

+ *Về mục tiêu giải quyết công ăn việc làm cho xã hội.* Cho đến nay toàn bộ hệ thống doanh nghiệp nhà nước mới thu hút được hơn 1,8 triệu lao động, chỉ bằng 2% lực lượng lao động xã hội. Để thu hút được số lao động đó vào các doanh nghiệp nhà nước, ngân sách (tính đến 1-1-1993) đã phải bỏ ra 56 069 tỉ đồng mua sắm tài sản cố định cho các doanh nghiệp đó. Tính

* PTS, Trường đại học kinh tế quốc dân Hà nội
** Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương

Digitized by Google

ra, cứ một chỗ làm phải đầu tư 30 triệu đồng. Mức đầu tư như vậy là quá cao so với khả năng của ngân sách cũng như quá cao so với mức đầu tư cho các thành phần kinh tế khác. Rõ ràng, trong thời gian tới không thể cứ tiếp tục đầu tư như vậy, mà phải có sự cân nhắc, lựa chọn hướng đầu tư có hiệu quả hơn, bảo đảm tạo thêm công ăn việc làm, khắc phục tình trạng mất cân đối nghiêm trọng về cung - cầu sức lao động hiện nay.

+ *Về tầm quan trọng của doanh nghiệp nhà nước* . Đảng ta đã nhiều lần khẳng định vai trò *nền tảng, chủ đạo* của kinh tế quốc doanh, và đang cố gắng tìm mọi biện pháp để nâng cao vai trò, hiệu quả của kinh tế quốc doanh. Đó là chủ trương và hướng đi rất đúng đắn. Vấn đề là phải phân tích thật cụ thể và có giải pháp cụ thể.

Có ý kiến cho rằng doanh nghiệp nhà nước đang chiếm tỷ trọng cao trong tổng sản phẩm xã hội : năm 1990 là 33%, năm 1991 là 36,8%, năm 1992 là 41,6%. Đó là điều đáng mừng. Tất nhiên, chỉ đáng mừng thật sự khi vừa có tỷ trọng cao, lại vừa có hiệu quả cao. Đáng tiếc là, doanh nghiệp nhà nước làm ăn còn kém hiệu quả. Tỷ suất lợi nhuận bình quân của hệ thống doanh nghiệp nhà nước theo vốn sử dụng năm 1991 là 4,9%, năm 1992 tụt xống còn 4,8%. Trong khi đó, tỷ lệ lạm phát ở nước ta năm 1991 là 67%, năm 1992 là 18%. Rõ ràng, với tỷ suất lợi nhuận như trên và tỷ lệ lạm phát như trên, chưa thể coi là có lãi. Trong khi sản xuất kinh doanh còn kém hiệu quả thì việc tỷ trọng đầu tư cao và ngày càng cao không thể được xem là điều đáng mong muốn.

Có ý kiến cho rằng doanh nghiệp nhà nước quan trọng bởi nó đang là nguồn thu chủ lực của ngân sách. Hiện tại đó là sự thật. Nhưng ở đây cũng cần xem xét một cách khách quan theo *hai* hướng : *một là*, đánh giá thu trong quan hệ gắn bó với chi ; *hai là*, đánh giá đúng tỷ lệ đóng góp thực sự của doanh nghiệp nhà nước. Theo hướng *thứ nhất*, có thể thấy sự đóng góp của doanh nghiệp nhà nước cho ngân sách tuy lớn nhưng chưa tương xứng với vốn ngân sách nhà nước cấp. Theo hướng *thứ hai*, có thể lấy tình hình năm 1992 để phân tích. Năm 1992 thu từ hệ thống doanh nghiệp nhà nước chiếm 60,5% tổng thu ngân sách. Theo chúng tôi, không phải bất cứ khoản nộp ngân sách nào cũng là thành tích của doanh nghiệp nhà nước. Chẳng hạn, thuế là khoản nộp cần phải loại trừ, bởi vì bất kỳ thành phần kinh tế nào đã kinh doanh đều có nghĩa vụ nộp thuế. Nếu trừ thuế, nguồn thu từ doanh nghiệp nhà nước chỉ còn chiếm 18% tổng thu ngân sách. Khoản nộp khấu hao cũng là vấn đề cần được xem xét kỹ lưỡng. Nếu tính số năm phải khấu hao là 20 năm, thì tổng thu khấu hao hằng năm từ các doanh nghiệp nhà nước phải trên 2,5 ngàn tỉ đồng. Trên thực tế mới thu bình quân hằng năm khoảng 700 tỉ, như vậy còn thất thu gần 2 ngàn tỉ đồng. Khoản thất thu này thực sự là một sự lãng phí lớn, làm giảm lượng vốn đầu tư của nhà nước nhằm bổ sung tài sản cố định cho các doanh nghiệp nhà nước.

Nhìn chung, hoạt động của doanh nghiệp nhà nước còn kém hiệu quả, song trong điều kiện hiện nay ở nước ta, nó có vai trò rất quan trọng. Quan trọng không chỉ ở chỗ các doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn, chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế quốc dân, mà còn ở nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế xã hội của các doanh nghiệp đó. Trong việc xác định nhiệm vụ của các doanh nghiệp nhà nước, phải vừa căn cứ vào tình hình cụ thể trước mắt, vừa bám sát các mục tiêu trong tương lai.

Một là, nền kinh tế nước ta đang trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường. Trong thời kỳ quá độ này, cơ cấu của nó có những mặt chưa hoàn thiện, chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, và sẽ có nhiều mâu thuẫn mới nảy sinh cần có biện pháp giải quyết kịp thời, nhanh nhạy.

Hai là, nước ta đi lên từ tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, lại trải qua nhiều năm chiến tranh, nên thực lực của các thành phần kinh tế còn nhiều hạn chế. Nhà nước cần có chính sách giúp đỡ các thành phần kinh tế tạo vốn, và khuyến khích đầu tư mở rộng sản xuất.

Ba là, hệ thống doanh nghiệp nhà nước đã được hình thành ở các ngành và các địa phương, đang giữ vị trí quan trọng trong cân đối kinh tế quốc dân. Mặc dù có hiện tượng kinh doanh kém hiệu quả ở nhiều doanh nghiệp, nhưng việc sắp xếp lại do nhiều lý do, không nên làm ồ ạt theo kiểu chiến dịch, mà phải có bước đi vững chắc. Hơn nữa, ở một số ngành, các thành phần kinh tế khác chưa đủ lực để thay thế lực lượng kinh tế nhà nước.

Khi xác định những mục tiêu, nhiệm vụ của các doanh nghiệp nhà nước, theo chúng tôi, cần

Digitized by Google

phân biệt giữa mục tiêu, nhiệm vụ chung với mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể mà từng doanh nghiệp đảm nhận. Có thể xác định mục tiêu nhiệm vụ chung cho các doanh nghiệp nhà nước như sau : 1 - Doanh nghiệp nhà nước là một công cụ vật chất để nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, bảo đảm sự phát triển có hiệu quả và khắc phục những khuyết tật của kinh tế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa ; 2 - Doanh nghiệp nhà nước tham gia với các mức độ khác nhau vào việc bảo đảm sự cân bằng cung cầu thị trường tùy theo các ngành hàng và ở những thời điểm cụ thể. Thông qua hai nhiệm vụ trên, các doanh nghiệp nhà nước góp phần giải quyết công ăn việc làm cho xã hội và tăng thu cho ngân sách... Đối với từng doanh nghiệp, thì mục tiêu, nhiệm vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh phải nhằm vào hai hướng : 1 - Tối đa hóa lợi nhuận và nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ ; 2 - Tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng và xã hội. Nhiệm vụ của hệ thống doanh nghiệp nhà nước gắn liền với chủ trương của nhà nước về đầu tư xây dựng mới, mở rộng, hay thu hẹp hoạt động đối với các doanh nghiệp nhà nước. Còn nhiệm vụ của từng doanh nghiệp nhà nước thì được thực hiện thông qua hoạt động của hội đồng quản trị (hay đại diện của nhà nước trong hội đồng quản trị), của giám đốc và các thành viên khác.

Việc tổ chức sắp xếp lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước phải theo yêu cầu phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước. Trong điều kiện mới, hệ thống doanh nghiệp nhà nước phải trở thành công cụ vật chất để nhà nước định hướng, điều tiết nền kinh tế, và phải tham gia vào việc bảo đảm cân bằng cung cầu trên thị trường. Trong việc tổ chức đăng ký lại các doanh nghiệp nhà nước, chúng ta cần kiên quyết sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước theo hướng : cho đăng ký tiếp tục kinh doanh, hoặc giải thể hay sáp nhập. Số lượng doanh nghiệp nhà nước đến 1-6-1993 còn 7 060, giảm 5 024 so với thời điểm 31-12-1989. Số doanh nghiệp nhà nước không được tiếp tục hoạt động, nói chung là các doanh nghiệp địa phương do huyện, tỉnh quản lý bị thua lỗ nhiều năm và không có khả năng trụ nổi trong kinh tế thị trường.

Việc tổ chức sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước hiện nay chưa thể dừng lại, bởi vì số doanh nghiệp nhà nước còn lớn, quy mô từng doanh nghiệp lại quá nhỏ, bố trí phân tán về mặt địa lý và về mặt quản lý. Thật vậy, về *quy mô*, trên 66% tổng số doanh nghiệp nhà nước hiện nay có số lao động dưới 200 người, và gần 50% có số vốn dưới 1 tỉ đồng Việt nam. Về *quản lý*, các doanh nghiệp nhà nước vẫn có mặt ở khắp các ngành nghề, kể cả ở những ngành nghề nó kinh doanh không có hiệu quả bằng các thành phần khác. Hiện nay, gần 70% số doanh nghiệp nhà nước do các địa phương quản lý, số còn lại do trung ương quản lý (trực thuộc 37 bộ và cơ quan trung ương). Vì vậy, theo ý kiến chúng tôi, trong thời gian tới cần tập trung giải quyết một số vấn đề chủ yếu sau đây :

- Đi đôi với việc phân loại các doanh nghiệp nhà nước hiện có theo các tiêu thức thích hợp để có thái độ xử lý đúng đắn, cần xóa bỏ kiểu quản lý trực tiếp của các cơ quan chủ quản đối với doanh nghiệp nhà nước. Bởi đây là một nguyên nhân quan trọng gây nên sự chia cắt, phân tán. Thực tế cho thấy, chừng nào mỗi cơ quan chủ quản ở trung ương hay địa phương còn trực tiếp quản lý một số doanh nghiệp và có nhiều quyền lợi do sự quản lý ấy đem lại, thì khó có thể tổ chức, sắp xếp hệ thống doanh nghiệp nhà nước theo một sơ đồ chung hay theo một sơ đồ ngành và vùng hợp lý được.

Trong nền kinh tế thị trường không có chỗ đứng cho lối quản lý trực tiếp của các cơ quan chủ quản. Bởi lẽ, chức năng tổ chức quản lý trực tiếp quá trình sản xuất kinh doanh trong mỗi doanh nghiệp là thuộc hội đồng quản trị và giám đốc của chính doanh nghiệp ấy. Các cơ quan "chủ quản" *không quản lý trực tiếp*, mà chỉ thực hiện quyền quản lý nhà nước về kinh tế với hai nội dung chủ yếu : quản lý theo ngành và theo vùng lãnh thổ. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy luật khách quan về phân công lao động xã hội cũng diễn ra theo ngành và theo vùng lãnh thổ. Khái niệm "quản lý trực tiếp" không thể hiện rõ đối tượng quản lý cũng như nội dung quản lý.

- Gắn việc sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước với việc giải quyết quyền lợi kinh tế - xã hội cho tập thể cán bộ, công nhân viên chức của các doanh nghiệp giải thể, sáp nhập với

(Xem tiếp trang 55)

Digitized by Google

BÌNH THÀNH (ĐỒNG THÁP)

Một hướng đi đúng, tích cực và hiệu quả

BÙI TIẾN SINH

Kề bên huyện lỵ Thạnh hưng, Bình thành là một xã đông dân của tỉnh Đồng tháp. Xã có 20788 nhân khẩu, 2070 ha đất tự nhiên, chạy dài 11 km theo sông Sáng lớn nối liền Tiền giang với Hậu giang.

Trước năm 1989, xã đã xây dựng được 24 tập đoàn sản xuất, một số liên tập đoàn và hợp tác xã quy mô nhỏ. Chi bộ đảng và chính quyền đã lãnh đạo các tập đoàn và hợp tác xã đẩy mạnh việc làm thủy lợi, chuyển vụ, tăng vụ và thâm canh đạt được một số kết quả bước đầu. Nhưng cơ chế "khoán 100" có những hạn chế như ta đã biết, nên không động viên được tính tích cực của người nông dân. Nhiều tập đoàn chỉ có cái vỏ, cái phiên hiệu, còn thực chất là làm ăn riêng lẻ. Vì vậy, bấy giờ Bình thành cũng giống như hàng trăm xã bình thường khác ở đồng bằng Nam bộ, chưa được nhiều người chú ý.

Nhưng khoảng bốn năm lại đây, Bình thành nổi lên như một điển hình tích cực về tổ chức lại sản xuất theo cơ chế mới, đạt hiệu quả cao trong kinh tế và tiến bộ xã hội, tạo ra niềm tin tưởng sâu sắc và sự gắn bó chặt chẽ giữa dân với Đảng. Bình thành được cả tỉnh Đồng tháp biết đến, cán bộ nhiều tỉnh chung quanh tìm tới nghiên cứu, học tập. Kinh nghiệm nổi bật nhất ở đây là gì ? Theo chúng tôi, *đó là sự vận dụng đúng đắn và sáng tạo Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (khóa VI) về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế tập thể trong nông nghiệp, để xác lập trên địa bàn xã một quan hệ sản xuất mới và một cơ cấu kinh tế mới phù hợp với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất và tâm lý, nguyện vọng của nhân dân.*

Thật vậy. Ai đã tới Bình thành đều biết xã này nằm trên một địa thế thuận lợi : gần bờ sông Hậu, nước ngọt quanh năm, phù sa màu mỡ. Lại có thị tứ bến phà Vàm cống - nối liền Đồng tháp với An giang, Kiên giang và một phần tỉnh Cần thơ. Có chợ Lấp vò, nay là chợ huyện, thương mại và dịch vụ phát triển, nhộn nhịp. Nhưng xét riêng về nông nghiệp, thì không hoàn toàn thuận lợi như nhìn tổng thể. Bởi nằm giữa Đồng tháp mười, song diện tích canh tác bình quân đầu người ở đây vào loại thấp. Đất canh tác chỉ có 1189 ha (bằng 57,4% đất tự nhiên), nếu chia cho 9 555 nhân khẩu trong diện hộ sống bằng nghề nông thì bình quân đầu người chỉ có 1200 m^2, thấp hơn nhiều so với bình quân các xã trong vùng. Còn nếu chia cho tổng số nhân khẩu hiện sinh sống bằng các nghề nghiệp khác nhau trong xã, thì diện tích bình quân chỉ đạt khoảng 500 m^2. Đất chật, người đông đã làm cho chi bộ đảng ở đây, trước hết là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, một mặt phải xử lý ổn thỏa 480 vụ tranh chấp ruộng đất diễn ra quyết liệt trong nội bộ nhân dân những năm 1988 - 1989, mặt khác phải tích cực xây dựng *một quan hệ sản xuất mới* và cơ cấu kinh tế phù hợp, phát huy được những thuận lợi sẵn có, bằng không sẽ không thoát khỏi cảnh đói nghèo.

Như trên đã nói, vào thời điểm này, các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã phần đông chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Nhiều nơi ở đồng bằng Nam bộ, tiếp thu Nghị quyết 10 của Bộ chính trị chỉ thiên về phía nhấn mạnh đến vai trò tự chủ sản xuất của hộ gia đình mà không chú ý đến mặt đổi mới quan hệ sản xuất cho phù hợp. Có người ngộ nhận : "Nghị quyết 10 đồng nghĩa với giải tán tập đoàn, liên tập đoàn và hợp tác xã". Thậm chí có nơi, có người cho rằng : "Thời kinh tế thị trường, sản xuất hàng hóa như lúc này, giữ lại tập đoàn, hợp tác xã, thì chỉ kìm hãm sản xuất, chẳng có lợi gì. Đã lấy kinh tế hộ làm đơn vị kinh tế tự chủ thì để hộ tự lo". Thế rồi, hàng loạt tập đoàn, liên tập đoàn và hợp tác xã trong vùng thi nhau tan rã, rất nhanh chóng như hồi nào đánh trống ghi tên khởi dựng !

Với Bình thành, các đồng chí lãnh đạo chi bộ

Digitized by Google

và chính quyền phân tích : Để các hộ tự chủ sản xuất kinh doanh là đúng. Nhưng nếu không có hợp tác xã lo hỗ trợ các khâu dịch vụ thì nhiều khâu các hộ sẽ không lo nổi. Dẫu một số hộ nào đó có thể lo nổi, thì cũng khó làm giàu thực sự trên cái diện tích 500 m^2 đầu người ở vùng lúa nước. Nhưng hợp tác xã, muốn có sức mạnh phục vụ tốt cho kinh tế hộ thì phải tổ chức lại. Thay vì chia cắt manh mún ra hàng chục cái, bằng thống nhất lại thành một cái, giảm đầu mối, giảm biên chế gián tiếp, thoát hẳn nhiệm vụ quản lý hành chính, đi sâu vào kinh doanh, phục vụ sản xuất theo hướng có lãi. Lãnh đạo xã còn phân tích : Nông nghiệp là mặt trận cực kỳ quan trọng, nhưng cả xã chỉ có 64% số hộ sống bằng nông nghiệp, còn gần một nửa sống bằng các nghề thủ công, dịch vụ và thương nghiệp. Bởi vậy, hợp tác xã toàn xã bên cạnh nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp là chính, phải phục vụ cả các yêu cầu sản xuất kinh doanh của các đối tượng dân cư khác, miễn là các hộ này làm ăn chính đáng, không đi buôn lậu. Có như vậy, kinh tế xã mới tăng trưởng nhanh, dân trong xã mới mong thoát khỏi đói nghèo, xã mới có nguồn thu để chi cho các sự nghiệp phát triển xã hội.

Quyết định không giải tán các tập đoàn, liên tập đoàn, hợp tác xã nhỏ, mà tổ chức lại thành một *hợp tác xã toàn xã*, kinh doanh tổng hợp theo cơ chế mới, là một quyết định sáng suốt và táo bạo, có vẻ đi ngược xu thế phổ biến lúc bấy giờ, bị không ít người phản đối. Nhưng được huyện, tỉnh đồng ý cho làm thử, Bình thành đã quyết tâm xây dựng hợp tác xã toàn xã, và bây giờ, sau hơn ba năm tồn tại và phát triển, hợp tác xã đó đã chứng tỏ sức sống mạnh mẽ của mình. Đối với các tỉnh Nam bộ, hợp tác xã quy mô lớn như Bình thành hiện nay còn hiếm. Song chúng tôi nghĩ, nó sẽ trở thành phổ biến trong tương lai. Bởi vì, với hộ là đơn vị kinh tế tự chủ trong nông nghiệp, muốn chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa, phát huy tối đa sức sản xuất, thì không thể thiếu một sự liên kết, phối hợp trên cùng địa bàn sản xuất, không thể thiếu một quan hệ sản xuất thích hợp, một kiểu hợp tác xã có khả năng phục vụ tối ưu cho nó.

Bình thành hơn ba năm qua đã đáp ứng được những đòi hỏi này của kinh tế hộ. Được huyện ủy và tỉnh ủy góp ý kiến, lãnh đạo đảng và chính quyền Bình thành đã xác định rõ hướng phát triển của hợp tác xã là :

+ Bám trụ mặt trận nông nghiệp, phục vụ nông nghiệp, không tham gia buôn bán vòng vèo những hàng lậu thuế làm rối thị trường. Tìm cách sinh lợi trong dịch vụ nông nghiệp.

+ Giảm biên chế gián tiếp 5%, giảm gần 30 đầu mối xuống còn 5 đội. Thực hiện việc lãnh đạo tập thể đối với sản xuất theo lịch thời vụ, theo kế hoạch cụ thể đối với từng vùng.

+ Thực hiện các khâu canh tác - dịch vụ xã viên không làm, hoặc làm nhưng hiệu quả không cao. Đồng thời, huy động và cung cấp vốn cho xã viên vay để phát triển sản xuất với lãi suất thỏa thuận, hợp lý.

Theo định hướng này, hợp tác xã đảm nhiệm các khâu : làm đất, hỗ trợ thu hoạch, thủy nông và tín dụng. Về làm đất, hợp tác xã đảm nhận 75% khâu cày xới ; giữ lại 4 máy cày lớn và 9 máy xới để cày xới thuê cho các hộ xã viên theo giá thỏa thuận. Hộ xã viên nào có trâu cứ việc cày trâu, có máy nhỏ cứ dùng máy nhỏ, ai muốn thuê máy tư nhân cũng được. Nhưng giá thuê của hợp tác xã thường rẻ hơn của tư nhân 3000 đồng trên một công đất, và có thể trả bằng thóc vào lúc thu hoạch, nên xã viên thích thuê máy của hợp tác xã hơn. Vào vụ thu hoạch, hợp tác xã chỉ có 16 máy tuốt mà nhu cầu cần tới 36 máy, nên các hộ xã viên phải thuê cả máy tuốt của tư nhân. Để tránh cho xã viên khỏi bị tư nhân ép giá lúc thời vụ, hoặc bị tư nhân gây khó dễ theo kiểu "dễ làm, khó bỏ", lúa bị hư hao, hợp tác xã đã đứng ra ký hợp đồng, thống nhất giá cả hợp lý với các chủ máy tư nhân, để xã viên căn cứ vào đó mà thanh toán trực tiếp với họ. Cách làm này thực tế đã tránh cho xã viên khỏi bị thiệt thòi và bảo đảm tốt việc thu hoạch của hợp tác xã.

Trong các hoạt động dịch vụ, kinh doanh của hợp tác xã Bình thành, có hiệu quả nhất phải kể tới công tác *thủy nông* và công tác *tín dụng*.

Về thủy nông, hợp tác xã xác định đây là khâu cốt tử đối với sản xuất nông nghiệp. Thay vì phá nát hệ thống bờ bao nội đồng, kênh cống, như đã diễn ra ở nhiều nơi khi chuyển sang kinh tế hộ, Bình thành chủ trương : giữ lại, nạo vét, nới rộng và hoàn chỉnh hệ thống thủy nông lớn nhỏ ; giữ quyền quản lý toàn diện việc tưới,

Digitized by Google

tiêu nước, điều chỉnh mực nước hợp lý cho các khu vực canh tác trong toàn xã. Hợp tác xã huy động xã viên đắp 185 con đập, 4 cống sập lớn và 12 cống nhỏ. Tôn cao và mở rộng hệ thống bờ bao, biến bờ bao thành lộ làng chạy được xe 4 bánh. Hợp tác xã còn đầu tư xây mới 48 dàn bơm điện, nắm trong tay hàng chục máy bơm dầu để dự phòng, nên hoàn toàn chủ động việc tưới và tiêu nước, điều chỉnh mực nước thích hợp cho 1116 ha trên tổng diện tích 1189 ha canh tác.

Nhờ chủ động về thủy nông, nên vụ đông - xuân nào Bình thành cũng xuống giống sớm hơn các xã chung quanh ít nhất là một tháng. Khi nước chưa rút khỏi đồng ruộng các xã chung quanh, thì lúa của Bình thành đã lên xanh. Vào vụ sớm hơn các xã trong vùng, nên tiền công làm đất của Bình thành rẻ hơn các nơi khoảng 5 - 10%. Thu hoạch sớm hơn khoảng một tháng, Bình thành lại bán được thóc với giá cao hơn từ 5 đến 10%. Chỉ với giá chênh lệch này, Bình thành đã thu lợi hàng trăm ngàn đồng trên mỗi héc ta canh tác so với các xã trong vùng xuống giống và thu hoạch muộn.

Hiệu quả công tác thủy nông phục vụ kinh tế hộ xã viên hết sức rõ ràng. Mọi nhà đều công nhận nó hơn hẳn lối làm ăn trước đây theo kiểu : "ruộng ai nấy đắp bờ", "ruộng ai nấy lo chạy nước". Với lối làm ăn theo kiểu mạnh được yếu thua ấy, không khéo là xảy ra xung đột, hiềm khích trong thôn xóm.

Có nước, chủ động được tưới tiêu, các gia đình ra sức mở rộng sản xuất, tăng vụ, nên nhu cầu vay vốn ngày càng tăng. Mấy năm đầu, hợp tác xã thực hiện cung ứng vật tư theo cách ứng trước cho dân bằng hiện vật, rồi sau thu lại bằng thóc. Nhưng từ năm 1992 lại nay, chuyển hẳn sang phương thức cho vay tín dụng ; xã viên vay tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu rất dễ dàng, tiện lợi, vì thị trường rất sẵn. Thay vì để xã viên phải mất công đi lại xa xôi và làm các thủ tục phức tạp về thế chấp mới vay được tiền của ngân hàng, Bình thành chủ trương huy động tiền gửi trong dân rồi cho dân vay với lãi suất hợp lý. Các hộ dịch vụ, thủ công và thương nghiệp có tiền nhàn rỗi đem gửi, tiền đó cộng với tiền lãi kinh doanh của hợp tác xã nhập vào, tạo ra nguồn vốn chính. Xã viên, ai cần vốn lớn hàng triệu thì tới ngân hàng, còn ai vay ba, bốn trăm ngàn thì chỉ cần làm đơn mang đến chủ nhiệm ký duyệt là có thể nhận tiền trong 15 phút, không phải tín chấp. Hợp tác xã thu lãi với mức 5% một tháng, tuy có cao hơn so với ngân hàng (vì hợp tác xã phải trả lãi cao sát nút cho người góp vốn), nhưng mức lãi ấy cũng chỉ bằng nửa mức lãi vay của tư nhân ; vay lại nhanh và tiện, nên xã viên thích vay của hợp tác xã. Vụ đông - xuân năm 1992 - 1993 hợp tác xã đã cho các hộ xã viên (phần đông là các hộ nghèo và hộ thuộc diện chính sách) vay với 420 triệu đồng ; cuối vụ đã thu hồi gần đủ, không có tình trạng dây dưa.

Việc huy động vốn nhàn rỗi tại chỗ thông qua hình thức tín dụng mà Bình thành thực hiện, đã trực tiếp góp phần đưa tổng sản lượng lương thực năm 1992 của xã lên tới 13079 tấn, tăng gấp 4 lần năm 1976, và đạt bình quân 1369 kg đầu người một năm trong diện hộ làm nông nghiệp. Lãi từ hoạt động tín dụng và từ các hoạt động khác mỗi năm một tăng : năm 1990 - 261 triệu ; năm 1991 - 293 triệu ; năm 1992 - 346 triệu ; năm 1993 - gần 400 triệu. 40% số lãi này được dùng để trả lương cho cán bộ quản lý và những người trực tiếp hoạt động kinh doanh dịch vụ. 60% còn lại thì được đầu tư cho tái sản xuất và các công trình phúc lợi.

Chúng tôi muốn lưu ý bạn đọc : Quá trình huy động vốn và thu lãi trên đây là quá trình thu dựa trên sáng kiến của địa phương và sự đóng góp tự nguyện của các hộ xã viên. Song song với quá trình này, còn có một quá trình thu khác. Đó là việc xã tận thu các lệ phí mà mình được phép thu để chi cho các sự nghiệp hành chính và xã hội. Ở một xã có bến phà, có thị tứ, có chợ huyện, lại có gần 2000 hộ làm các dịch vụ công thương nghiệp như Bình thành, thì phần lệ phí mà xã được thu là rất lớn. Xã nêu nguyên tắc : *không lạm thu nhưng phải tận thu.* Đúng đối tượng thu thì dù chỉ 3000 đ/tháng cũng phải thu. Nhờ vậy, nguồn thu cho ngân sách mà xã nắm được cũng tăng với nhịp độ vững chắc và ổn định như nguồn thu từ phía hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh tổng hợp. Năm 1988, số thu cho ngân sách xã mới là 5 triệu đồng/tháng, nay đã là 55 triệu đồng/tháng, tăng gấp 10,5 lần.

Để có thêm kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội, Bình thành còn chú ý vận động

Digitized by Google

những gia đình khá giả đóng góp thêm vào các *quỹ* : đường, điện, học và sức khỏe. Nhờ vậy, mấy năm qua, xã đã xây dựng được 40 km đường làng rộng 6 mét, ô tô đi được ; 53 km đường điện cùng 48 dàn bơm điện ; 82 cầu xi măng ; 26 đường cống và 12 cống sập. Xã còn tạo điều kiện thuận lợi cho tư nhân mở những cơ sở sản xuất, chế biến. Các hộ tư nhân đã dựng được 16 nhà máy xay xát lúa và 25 cơ sở mộc ; sắm thêm 30 máy cày, 9 máy xới, v.v..

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, lấy nguồn thu từ phát triển kinh tế trong xã để phát triển mạnh các sự nghiệp xã hội, đó là tư tưởng chỉ đạo, ý chí quyết tâm của cán bộ, đảng viên xã Bình thành. Khi chúng tôi viết bài này thì 63% hệ thống trường học ba cấp của Bình thành đã được xây dựng mới, với nhà hai tầng kiên cố gồm 20 phòng học, trị giá khoảng 1,5 tỉ đồng. Tình trạng học ca ba đã được xóa bỏ. Năm học 1992 - 1993 đã động viên được 89,9% thanh, thiếu niên trong tuổi học tới trường. Mạng lưới chăm sóc sức khỏe cho dân được duy trì, củng cố, không để tan rã khi chuyển sang cơ chế mới. Xã đang xây một trạm xá lớn theo hướng hiện đại với vốn đầu tư 270 triệu. Và để đổi mới bộ mặt nông thôn, xã đã thực hiện các việc : đưa điện vào các gia đình ; bỏ ra 150 triệu để rải cát và nâng cấp mặt đường ; khuyến khích và hỗ trợ các hộ dân cư xây nhà kiên cố, mua sắm thêm các phương tiện nghe nhìn. Riêng đối với các hộ nghèo, xã đã trích hàng chục triệu đồng giúp họ phát triển sản xuất, tạo dựng nơi ở. Số hộ nghèo đã thu hẹp từ 20 - 30% xuống còn khoảng 10% ; không còn hộ đói. Xã đặt quyết tâm năm 1995 sẽ thực hiện xong chương trình xóa đói giảm nghèo.

Kinh tế tăng trưởng, văn hóa xã hội phát triển đã làm cho nhân dân ở đây rất phấn khởi. Mọi người công nhận đường lối đổi mới của Đảng, thể hiện cụ thể ở Nghị quyết 10 đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, là đúng đắn. Công nhận rằng chế độ cũ thời Mỹ - ngụy dù lắm bạc nhiều tiền nhưng chưa bao giờ làm nổi thủy lợi nội đồng và giao thông thuận tiện cho dân, chưa bao giờ xây được trường học và nơi chữa bệnh tử tế cho dân, và nhất là chưa đưa được ánh điện về cho dân. Đạo giáo cũng vậy, bàn nói nhiều tới hạnh phúc của dân, nhưng cũng chưa hề đem lại cho dân những thứ này. Cho nên, nhân dân Bình thành giờ đây rất tin vào Đảng cộng sản, vào chính quyền cách mạng, vào những cán bộ, đảng viên trong xã. Còn cán bộ, đảng viên cũng rất phấn khởi, hăng hái bám máy, bám ruộng, bám địa bàn, để vừa tự mình sản xuất kinh doanh tăng thu nhập, vừa hướng dẫn, động viên quần chúng sản xuất và kinh doanh đúng hướng. Để bảo đảm cho số cán bộ đảng viên chuyên trách ở xã ấp có thu nhập thỏa đáng, ủy ban nhân dân xã đã trích ngân sách trả lương theo chức danh cho cả thảy 52 người : cấp ủy đảng - 4 ; chính quyền - 10 ; công an - 10 ; xã đội - 3 ; các đoàn thể - 9 ; cán bộ ấp - 16. Mức cao nhất (chủ tịch xã) là 290 nghìn đồng/tháng ; mức thấp nhất là 150 nghìn/tháng. Ngoài 52 định suất trên, xã còn chi thêm một số định suất cho ngành văn hóa, y tế và an ninh, trật tự. Tổng số chi lương hành chính sự nghiệp cho cán bộ xã ấp trích từ ngân sách xã mỗi tháng lên tới 20 triệu 336 ngàn, bằng khoảng 40% tổng số thu. Ngoài số chi thường xuyên này, xã còn giúp đỡ các cán bộ đảng viên chưa có nhà ở ổn định, tạo dựng nơi ở mới để yên tâm công tác, v.v..

*

Có người nói : "Bình thành là một loại "siêu xã", "siêu hợp tác xã" và "siêu điển hình". Giỏi thật, hay thật, nhưng làm sao học nổi ?". Chúng tôi nghĩ, quả thật Bình thành có nhiều lợi thế về địa hình kinh tế, trước đây nơi này cũng ít bị tàn phá bởi chiến tranh. Nhưng con đường vận động phát triển cũng chẳng phải suôn sẻ, thuận chiều. Theo tinh thần Nghị quyết 5 của Trung ương Đảng và *Chương trình hành động* của Tỉnh ủy Đồng tháp, Bình thành còn phải phấn đấu nhiều mới xóa hẳn được diện đói nghèo, mới xây dựng được nhiều nhà kiên cố sử dụng lâu dài. Bình thành phải đi vào thâm canh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hóa ngành nghề để thu hút lao động dư thừa và bảo đảm nguồn tiêu thụ ổn định... Nhiều vấn đề khó khăn vẫn còn nằm ở phía trước. Nhưng bài học của Bình thành về *đoàn kết nhất trí, có tinh thần trách nhiệm cao trước dân*, về *vận dụng đúng đắn Nghị quyết của Trung ương Đảng trong những năm đổi mới vừa qua*, là bài học quý.

Digitized by Google

QUANG CHÂU TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ - XÃ HỘI

LÊ XUÂN ĐÌNH *, HỮU ĐỨC

QUANG CHÂU, một xã nằm ở phía nam huyện Việt yên, tỉnh Hà bắc, cách Hà nội 32 km về phía bắc ; có 7 km đê bắc sông Cầu bao bọc, gần 3 km quốc lộ 1A và đường sắt chạy qua ; lại nằm giữa hai thị xã Bắc ninh và Bắc giang, nên việc giao lưu phát triển kinh tế khá thuận lợi. Từ năm 1988 về trước, Quang châu là xã sản xuất thuần nông, độc canh lúa, năng suất thấp do đất đai quanh năm ngập úng, yếm khí và độ phèn cao. Đời sống nhân dân vì thế gặp nhiều khó khăn, cả xã hằng năm có tới gần 30% số hộ thiếu đói. Năm 1990 cả xã còn 7 hợp tác xã quy mô thôn. Tình trạng cát cứ, cục bộ đã gây trở ngại cho việc huy động những tiềm năng hiện có của toàn xã.

Dưới ánh sáng Nghị quyết 10 của Bộ chính trị về đổi mới quản lý nông nghiệp, đảng bộ và nhân dân Quang châu đã kiên trì phấn đấu và bước đầu đạt được những kết quả đáng mừng :

CƠ CẤU GIÁ TRỊ TỔNG SẢN LƯỢNG NGÀNH NGHỀ VÀ LAO ĐỘNG
(TÍNH THEO MẶT BẰNG GIÁ NĂM 1993)

Các chỉ tiêu cơ bản	Năm 1990		Năm 1991		Năm 1992		Năm 1993		Năm 1993 so với năm 1990 (lần)
	Giá trị tuyệt đối	Tỷ trọng (%)	Giá trị tuyệt đối	Tỷ trọng (%)	Giá trị tuyệt đối	Tỷ trọng (%)	Giá trị tuyệt đối	Tỷ trọng (%)	
1 – Giá trị tổng sản lượng (triệu đồng)	2 746	100	9 103	100	12 607	100	16 021	100	5,8
Trong đó :									
– Trồng trọt	2 248	81,86	2 800	30,76	3600	28,56	4500	27,95	2,0
– Chăn nuôi	417	15,19	903	9,92	1000	7,93	2270	14,29	5,4
– Ngành nghề	81	2,95	5 400	59,32	8007	63,51	9251	57,76	114,2
2 – Cơ cấu lao động (người)									
– Trồng trọt			2 500	78,1	2400	68,6	2200	60,8	– 22%*
– Chăn nuôi			200	6,3	490	14,0	520	14,4	+ 160%*
– Ngành nghề			500	15,6	610	17,4	900	24,8	+80%*
3 – Thu nhập bình quân nhân khẩu trong năm (triệu đồng)	0,4		1,2		1,7		2,1		5,3

(*) So sánh năm 1993 với năm 1991

* PTS kinh tế

Digitized by Google

Sản xuất lương thực đã có bước phát triển vượt bậc, năng suất lúa bình quân từ 5,5 tấn/ha năm 1991 lên 8,5 tấn/ha năm 1993. Việc giải quyết tốt vấn đề lương thực đã tạo động lực cho chăn nuôi phát triển, nâng số đầu lợn bình quân từ 1 con/hộ năm 1991 lên 2 con/hộ năm 1993. Ngành nghề phát triển mạnh ; thu nhập năm 1993 so với năm 1990 tăng 114 lần. Cơ cấu lao động các ngành nghề cũng có sự chuyển biến rõ rệt.

Những kết quả tích cực về kinh tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kết cấu hạ tầng, giải quyết tốt các chính sách xã hội và phát triển nông thôn. Cho đến nay 100% số hộ trong xã đã ngói hóa nhà ở và sử dụng điện cho sinh hoạt. Xã đã sửa chữa và nâng cấp đường thôn và liên thôn, xây mới trường học, phổ cập loa truyền thanh cho các thôn, xóm, xây dựng quy ước "làng văn hóa" và "nếp sống văn minh". Năm 1993, số hộ giàu tăng nhanh ; số hộ thiếu đói không còn ; số hộ nghèo giảm xuống còn 4,7%. Tỷ lệ tăng dân số là 1,9% (năm 1990 là 2,3%). Các gia đình thương binh liệt sĩ và có công với cách mạng được chăm lo chu đáo.

Từ thực tế phát triển sản xuất - kinh doanh ở xã Quang châu, có thể rút ra một số kinh nghiệm bước đầu góp phần nhỏ bé vào việc phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn cấp xã :

1 - *Đổi mới cách nghĩ cách làm, nhạy cảm nắm bắt và thích nghi với xu thế phát triển mới.*

Như trên đã phân tích, xã Quang châu có thế mạnh về lao động và đất đai, có vị trí địa lý tự nhiên thuận lợi. Nhưng trước năm 1988 Quang châu vẫn đói nghèo do không phát huy được những thuận lợi này. Thực tế đó làm cho cán bộ, đảng viên Quang châu trăn trở, ngày đêm suy nghĩ tìm lối đưa Quang châu nhanh chóng thoát khỏi cảnh đói nghèo. Được Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, rồi Nghị quyết 10 của Bộ chính trị và Nghị quyết 04 (năm 1991) của Huyện ủy Việt yên soi rọi, đảng bộ Quang châu đã kịp thời nghiên cứu, vận dụng thích hợp với điều kiện cụ thể của xã, tìm khâu then chốt, đề ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn, đưa kinh tế xã từng bước đi lên vững chắc.

Nhiệm vụ *trước tiên* là tập trung cho thâm canh, tăng năng suất lúa, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực. Chỉ có bao đảm cho nhân dân đủ ăn và có phần dư thừa lương thực, thì mới có thể nghĩ đến đẩy mạnh chăn nuôi và mở rộng ngành nghề. Như mọi người đều biết, để giải quyết cơ bản vấn đề lương thực, bài học của "khoán 100" và "khoán 10" là ở chỗ : trước hết, phải làm cho đất đai thực sự có chủ. Vì vậy, vấn đề giao đất cho hộ xã viên đã được xã tiến hành một cách khẩn trương, dứt điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, sai đâu sửa đấy. Cùng với việc giao đất cho hộ xã viên sử dụng lúc đó đã nảy sinh một vấn đề mới : giải quyết các dịch vụ về thủy lợi, giống và bảo vệ thực vật cho hộ xã viên như thế nào ? Sau khi bàn bạc, đảng bộ Quang châu đã đi đến quyết định : hợp nhất các hợp tác xã quy mô thôn thành hợp tác xã quy mô toàn xã chuyên lo các dịch vụ ấy. Nhờ có quyết định đúng đắn đó, Quang châu đã có điều kiện tập trung sức người, sức của trên quy mô toàn xã ; đã có thể thống nhất và chủ động điều hành việc tưới và tiêu nước, thúc đẩy việc thâm canh, cải tạo đất trên địa bàn ; đưa giống mới có năng suất cao vào đồng đất của mình. Và cũng nhờ vậy, chỉ trong vòng ba năm, đã đưa tổng sản lượng lúa lên gần gấp đôi, tạo tiền đề cho việc phát triển chăn nuôi và mở rộng ngành nghề, nâng cao thu nhập.

Thực tế ở Quang châu cho thấy, nếu chỉ bám vào cây lúa thì không thể làm giàu được. Vì vậy, xã đã khuyến khích các hộ xã viên tận dụng nguồn đất bãi ven sông Cầu, đầu tư phát triển nghề gạch, vôi với quy mô từ nhỏ đến lớn. Và cũng nhờ vậy, chỉ trong vòng 3 năm (1991 - 1993), nghề sản xuất gạch ở Quang châu đã phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng (gạch làm ra đến đâu tiêu thụ hết đến đấy).

Tóm lại, một tư duy đúng đắn, mạnh dạn và sáng tạo, bao giờ cũng gắn liền với những kết quả kinh tế - xã hội tương xứng với nó. Mặc dù kết qua mà đảng bộ và nhân dân Quang châu đạt được mới là bước đầu, còn nhỏ bé, song đó chính là kết quả của lối tư duy năng động và sáng tạo mà chúng ta cần trân trọng, nâng niu, cổ vũ để Quang châu có bước phát triển tốt hơn về kinh tế - xã hội.

2 - *Đổi mới cơ cấu kinh tế phải gắn liền với đổi mới kết cấu hạ tầng, bảo đảm các chính sách xã hội.*

Ở Quang châu, sự phát triển đi lên từ thế độc canh (thuần nông) đã kéo theo hàng loạt thay đổi có tính nhân quả. Cơ cấu kinh tế thay đổi, từ độc canh sang đa canh và phát triển nhiều nghề phụ đã làm thay đổi cơ cấu phân công lao động trong xã và trong từng hộ gia đình. Thời gian nông nhàn cũng theo đó mà ngày một ít dần. Phát triển ngành nghề kéo theo việc phải đương đầu với quy luật cạnh tranh của thị trường, và vì thế đã tạo động

Digitized by Google

lực cho người nông dân tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất. Năm năm trước đây, người dân Quang châu đâu dám nghĩ đến việc xây lò vôi liên hoàn, thế mà ngày nay trong xã đã có hai hộ gia đình xây dựng 2 lò với công suất bình quân mỗi lò 5 tấn vôi/ngày. Trước năm 1991, kỹ thuật làm gạch "phơ" (gạch mộc) ở đây chủ yếu là đóng bằng khuôn tay thủ công, thế mà năm 1993 cả xã đã có 38 máy đùn gạch đồng bộ (bao gồm máy động lực trên dưới 20 mã lực và bộ phận đùn gạch phơ). Trên lĩnh vực trồng trọt, nhờ áp dụng mạnh mẽ các loại giống lúa mới cho năng suất cao, nhờ đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, mà sản lượng lương thực đã tăng nhanh. Khi nông dân không chỉ đã ăn no mà còn có phần dự trữ, thì ở họ sẽ nảy sinh nhu cầu về các giống cây, con chất lượng cao. Thấy được điều đó, xã đã có giải pháp chuyển một phần đất sang trồng các loại lúa và cây đặc sản, trồng các rau màu chất lượng cao cung cấp cho các thị xã ven quốc lộ 1A và thành phố Hà nội. Trong các hộ xã viên đang rộ lên phong trào tận dụng mặt nước sông Cầu để nuôi cá lồng, nuôi các con đặc sản như ba ba, ếch ; một số gia đình bắt đầu có thu hoạch khá.

Một cơ cấu kinh tế hợp lý, phù hợp với sức người và sức của, thì ở đâu cũng trở thành động lực cho sự phát triển. Hơn thế nữa, nó còn là lực hút để các yếu tố khác vận động xoay quanh nó (lúa - màu - chăn nuôi - ngành nghề, dịch vụ) phát triển. Tuy nhiên, muốn mở rộng sản xuất thì phải có thị trường tiêu thụ sản phẩm. Sản phẩm làm ra có tiêu thụ được thì nông dân mới hăng hái đầu tư phát triển sản xuất. Ở Quang châu, đi liền với sự phát triển của các lò sản xuất gạch, vôi, là sự phát triển của nghề vận tải đường bộ và đường sông ; là sự sôi nổi hẳn lên của các dịch vụ ăn uống và dịch vụ lao động vào mùa làm gạch. Chính nhờ có bước đi mạnh dạn, vững vàng, toàn diện (vừa làm vừa rút kinh nghiệm), mà Quang châu đã có thể khẳng định : đổi mới cơ cấu kinh tế có hiệu quả sẽ có tác dụng thúc đẩy các lĩnh vực khác như kết cấu hạ tầng, y tế, giáo dục, thông tin, văn hóa, bảo trợ xã hội... cùng phát triển.

Kết quả tổng hợp và thước đo bao quát về tính hiệu quả của đổi mới cơ cấu kinh tế ở Quang châu là thu nhập của nông dân ngày một tăng, đời sống ngày một cải thiện, văn hóa phát triển đa dạng, dân trí được nâng cao... Đây cũng chính là sự thống nhất giữa kinh tế và xã hội. Mỗi bước tiến về kinh tế đều tác động đến văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân Quang châu.

3 - *Xây dựng mô hình phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn không thể không gắn liền với một hình thức kinh tế hợp tác xã.*

Sau "khoán 10", cũng như nhiều xã khác trong huyện, Quang châu gặp không ít khó khăn, lúng túng không biết đổi mới hợp tác xã như thế nào cho phù hợp với tình hình mới. Xoay quanh vấn đề đổi mới nội dung và hình thức hoạt động của hợp tác xã ở Quang châu đã có không ít ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Có người cho rằng từ bỏ hợp tác xã là từ bỏ chủ nghĩa xã hội, do đó muốn giữ nguyên hợp tác xã như cũ. Có người lại quá "sốt sắng" muốn giải tán hết các hợp tác xã để nông dân tự do làm ăn. Trước những ý kiến đó, đảng bộ Quang châu đã xác định rất đúng : giải quyết vấn đề hôm nay không phải chỉ cho hôm nay mà còn cho lâu dài, vì vậy phải có hướng đi đúng, phù hợp với sự vận động khách quan của nền kinh tế. Trên mảnh đất của chính quê hương mình, người dân Quang châu đã thấy được cái gốc của vấn đề đổi mới hợp tác xã là bảo đảm nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi. Muốn vậy, việc làm thiết thực là hợp nhất các hợp tác xã quy mô thôn thành hợp tác xã quy mô toàn xã chuyên lo các dịch vụ mà các hộ xã viên cần. Đến nay, hợp tác xã dịch vụ thực tế đã phát huy hiệu quả bước đầu ở một số khâu như thủy lợi, tưới tiêu nước, giống cây, con... Trong xã hiện chỉ còn mỗi thôn Núi hiểu là đứng ngoài hợp tác xã, nhưng các hộ nông dân ở đây đang bị hợp tác xã thu hút vì họ vẫn cần đến dịch vụ của hợp tác xã với giá rẻ hơn, lại thuận tiện.

Nhờ hợp nhất các hợp tác xã quy mô thôn thành hợp tác xã quy mô toàn xã chuyên lo dịch vụ cho các hộ xã viên mà Quang châu đã cơ bản khắc phục được tình trạng chia cắt, quản lý thiếu tập trung thống nhất, khắc phục được những điểm yếu về mặt địa hình, phát huy và khai thác được mọi tiềm năng trên địa bàn xã. Quang châu đang có kế hoạch củng cố và hoàn thiện mô hình hợp tác xã dịch vụ toàn xã, biến nó từ hợp tác xã dịch vụ *một số khâu* như hiện nay thành hợp tác xã dịch vụ *nhiều khâu* và vươn tới trở thành hợp tác xã dịch vụ *kinh tế - xã hội*, tôn trọng tuyệt đối quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các hộ xã viên. Mặt khác, xã khuyến khích các hình thức hợp tác *đa dạng* : về lao động, về vốn, về kỹ thuật, về vận tải, về tiêu thụ sản phẩm cho từng vụ, từng việc... Đảng bộ và chính quyền xã đã có chủ

Digitized by Google

trương động viên, khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các xã viên có thể dồn sức người, sức của cho việc phát triển sản xuất theo hướng đa canh, đa ngành nghề.

4 - *Giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của đảng bộ với sự quản lý của chính quyền xã, động viên sức mạnh tổng hợp của các đoàn thể quần chúng.*

Toàn bộ những thành tựu mà Quang châu đạt được đều gắn với sự lãnh đạo của đảng bộ và sự quản lý sát sao của chính quyền xã, gắn với sự tham gia tích cực của các đoàn thể quần chúng trong xã. Vai trò lãnh đạo của đảng bộ xã thể hiện trước hết ở việc xác định phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và tìm ra những giải pháp cơ bản để thực hiện có kết quả các mục tiêu đó. Còn chức năng của ủy ban nhân dân xã là làm thế nào để biến nghị quyết của đảng bộ thành hiện thực. Điều đó cũng có nghĩa là việc tổ chức quản lý thực hiện các nghị quyết của đảng bộ là thuộc chức năng của chính quyền. Đảng ủy và chi bộ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và kịp thời phát hiện những lệch lạc, thiếu sót để có giải pháp uốn nắn, xử lý kịp thời. Nói cách khác, sau khi ra nghị quyết, đảng có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện ; còn các đoàn thể quần chúng thì dựa trên cơ sở nghị quyết chung để động viên mọi tầng lớp quần chúng tham gia.

Kết quả nghiên cứu thực tế ở Quang châu cho thấy, vai trò lãnh đạo của đảng bộ và sự quản lý của chính quyền xã ở đây sở dĩ bảo đảm tốt, trước hết là vì giữa các đồng chí trong thường trực đảng ủy và ủy ban nhân dân xã, giữa đồng chí bí thư đảng ủy và chủ tịch xã có sự phân rõ chức năng, có sự phối hợp và kết hợp chặt chẽ trên cơ sở những mục tiêu phương hướng phát triển kinh tế - xã hội mà đảng bộ xã đã nhất trí vạch ra và được nhân dân đồng tình ủng hộ. Chúng tôi cho rằng, trong phạm vi một xã, cái bảo đảm cho việc thực hiện triệt để các chủ trương, phương hướng do đảng bộ đề ra là sự đồng tâm nhất trí của bộ phận chủ chốt là thường trực đảng ủy và ủy ban nhân dân xã ; là sự phối hợp và kết hợp chặt chẽ giữa bí thư đảng ủy và chủ tịch xã. Ngay như việc vạch ra phương hướng, mục tiêu, chủ yếu cũng do bộ phận chủ chốt này. Và việc thực hiện nó tốt hay không, cũng do bộ phận chủ chốt này có lắng nghe ý kiến của các đoàn thể và nhân dân hay không ? Thực tế ở Quang châu cho thấy, bất kỳ một nghị quyết hay quyết định nào của đảng bộ cho dù đúng đắn, nếu không được các đoàn thể quần chúng góp ý kiến, không được nhân dân tham gia, thì việc thực hiện nó sẽ rất khó, thậm chí thất bại.

*

Phát huy những kết quả và kinh nghiệm đã đạt được, hiện nay đảng bộ và nhân dân Quang châu đang tích cực phấn đấu thực hiện phương hướng phát triển kinh tế - xã hội với những nội dung chủ yếu sau đây :

- Phát huy hơn nữa lợi thế về vị trí địa lý, giao thông, lao động và đất đai, khai thác tiềm năng sẵn có, phá thế độc canh cây lúa, thực hiện đa canh cây trồng, phát triển chăn nuôi và sản xuất nhiều nông sản hàng hóa, chuyển dần Quang châu thành vệ tinh và vành đai cung cấp thực phẩm cho thị xã Bắc ninh, Bắc giang và Hà nội.

- Tăng thêm đàn lợn, nâng mức bình quân mỗi hộ từ 2 con năm 1993 lên 3 con năm 1995. Chú trọng nuôi trồng thủy sản đặc sản ; cải tạo, lai *sin* đàn bò, tăng nuôi bò thịt, tiến tới nuôi cả bò sữa, khuyến khích các hộ chăn nuôi theo hướng bảo đảm phát triển sản xuất hàng hóa theo nhu cầu của thị trường.

- Tiếp tục mở rộng ngành nghề, dịch vụ, thu hút thêm lao động. Có thể cho mở thêm lò gạch, lò vôi, đóng thuyền lưới bê tông vận tải đường sông, trên cơ sở tự nguyện góp vốn, cùng có lợi. Khuyến khích các hộ năng động tiếp thị mở mang thêm ngành nghề mới.

- Phấn đấu đến năm 1995 Quang châu đạt mức thu nhập bình quân đầu người 2,8 triệu đồng/năm, xóa 4,7% hộ nghèo, nâng các hộ trung bình, khá thành các hộ khá và giàu. Giảm tỷ lệ tăng dân số xuống còn 1,7%. Bảo đảm chất lượng khám bệnh định kỳ cho nhân dân. Chuẩn bị tốt các điều kiện cho việc thực hiện phương án quy hoạch dân cư (nếu được cấp trên cho phép). Trước mắt, nhanh chóng hoàn thành việc xây dựng đường thôn và liên thôn, phát triển phương tiện giao thông đường thủy. Hoàn thiện số phòng học hiện có, bảo đảm trang bị, điện đầy đủ. Bảo đảm 100% các cháu ở độ tuổi đi học đều được đến trường ; khuyến khích các cháu thi đua học giỏi.

Chúng tôi tin rằng, với quyết tâm cao và những kinh nghiệm đã có, đảng bộ và nhân dân Quang châu nhất định sẽ thực hiện được những phương hướng và nhiệm vụ đã đề ra.

Digitized by Google

ĐÌNH CÔNG Ở MỘT SỐ XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VỚI NƯỚC NGOÀI

XUÂN HẢI và ĐẶNG NGỌC CHIẾN

CẢ nước ta hiện có 638 xí nghiệp liên doanh với nước ngoài. Ở các xí nghiệp này, tính đến ngày 25-12-1993 đã xảy ra trên 30 cuộc đình công của công nhân, lao động. Đây là một hiện tượng có thể nói là rất mới mẻ ở nước ta. Cụ thể các cuộc đình công đó đã diễn ra như thế nào ? Vì sao lại xảy ra ? Có thể rút ra những bài học gì từ các cuộc đình công đó ?... Bài viết này nhằm góp phần làm sáng tỏ những vấn đề nêu trên.

I - Một số cuộc đình công tiêu biểu

1 - *Đình công ở các xí nghiệp 100% vốn là của nước ngoài.*

Tiêu biểu nhất là cuộc đình công ở *Xí nghiệp Sài gòn Kim cương* với 100% số vốn là của Hồng công. Tại đây, chủ bắt công nhân làm việc từ 10 đến 12 giờ một ngày, công nhân phải đeo kính lúp khi làm việc cho nên rất mệt mỏi, căng thẳng, trong khi đó lương lại thấp (20 - 25 USD/tháng). Công nhân đình công, đòi tăng lương, giảm giờ làm, chủ không giải quyết còn đánh đập.

2 - *Đình công ở các xí nghiệp liên doanh có một phần vốn của ta*

- *Xí nghiệp dệt vớ* quận Tân bình (liên doanh với Nam Triều tiên). Tại đây, chủ bắt công nhân làm việc từ 10 đến 12 giờ một ngày, nhưng không trả phụ cấp tăng giờ. Công nhân đình công, yêu cầu chủ trả tiền làm thêm giờ, không những không được giải quyết mà còn bị đốc công người Nam Triều tiên đánh đập.

- *Công ty may Việt thắng* (liên doanh với Nam Triều tiên). Đốc công người Nam Triều tiên ra lệnh làm thêm giờ mà không có thỏa thuận trước với công nhân. Công nhân ta không biết tiếng, hết giờ ra về liền bị gọi lại. 5 người đã bị đưa vào phòng bảo vệ, bắt úp mặt vào tường, bị bạt tai và đập đầu vào tường. Công nhân bất bình, đình công.

- *Công ty Lạc tỉ* (liên doanh giữa nhà máy giày An lạc với Đài loan). Chủ người Đài loan đã bắt công nhân làm việc 12 giờ một ngày. Cường độ lao động cao, nhiều công nhân không chịu nổi, ngất ngay trên bàn máy. Công nhân yêu cầu giảm giờ làm, thực hiện đúng hợp đồng lao động, chủ không nghe. Hàng trăm công nhân buộc phải nghỉ việc, biểu tình phản đối.

- *Công ty may 3-2* (liên doanh giữa Sông bé với Nam Triều tiên). Một vài công nhân may không đúng kỹ thuật bị đốc công người Nam Triều tiên ném, đập quần áo vào mặt. Thấy đồng nghiệp bị sỉ nhục, công nhân cùng nhau biểu tình phản đối.

- *Công ty liên doanh REEYOUNG* (liên doanh với Nam Triều tiên). Những kiến nghị chính đáng, hợp pháp của công nhân ở đây không được hội đồng quản trị giải quyết. Cán bộ điều hành là người Việt nam lại vô trách nhiệm, đồng tình với giám đốc công ty là người nước ngoài, làm ngơ trước yêu cầu chính đáng của công nhân. Vì vậy, ngày 6-2-1993, công nhân toàn xí nghiệp (bao gồm 18 tổ máy chính và 18 tổ máy phụ) đã đình công đòi xí nghiệp phải tăng lương, ký kết hợp đồng lao động với từng công nhân, không được đánh đập công nhân ; và phải để họ thành lập công đoàn cơ sở bảo vệ quyền lợi của họ.

3 - *Đình công ở các xí nghiệp của ta làm hàng gia công cho nước ngoài.*

- Xí nghiệp giày da xuất khẩu quận Phú nhuận (gia công hàng da cho Nam Triều tiên). Ở xí nghiệp này, về nguyên tắc, phía Việt nam có toàn quyền quyết định, phía Triều tiên chỉ có chuyên gia hướng dẫn kỹ thuật hoặc kiểm hóa. Thế nhưng ở đây trên thực tế chuyên gia người Nam Triều tiên lại được toàn quyền điều hành mọi công việc, kể cả việc cúp lương, phạt tiền, đình chỉ không cho làm việc, dọa nạt; đánh đập công nhân, đuổi công nhân ra khỏi nhà máy. Điều đáng nói là giám đốc xí nghiệp lại đứng về phía chuyên gia, đổ lỗi cho công nhân, thậm chí còn yêu cầu công an

Digitized by Google

đến can thiệp, truy bức công nhân, không để chủ tịch công đoàn tiếp xúc với công nhân.

- Xưởng sản xuất giày Bến Vân đồn thuộc *Công ty giày Hiệp hưng* (gia công cho Đài loan). Đốc công người Đài loan yêu cầu công nhân làm thêm ca để kịp lô hàng xuất ; anh chị em công nhân đồng ý, nhưng ăn cơm xong một số bỏ ra về, đốc công liền thu thẻ. Công nhân cho rằng việc làm này không đúng thẩm quyền của ông ta, do đó họ đã đình công để phản đối.

II - Nhận xét

1 - Nguyên nhân cơ bản dẫn đến các cuộc đình công nêu trên là do chủ các xí nghiệp không thực hiện đúng luật pháp có liên quan đến người lao động mà Nhà nước ta đã ban hành, như Nghị định số 28-HĐBT ngày 6-2-1991 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) hướng dẫn thi hành luật đầu tư, Nghị định số 233-HĐBT ngày 22-6-1990 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) về quy chế sử dụng lao động trong các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài, Quyết định số 365 ngày 29-8-1990 của Bộ lao động, thương binh, xã hội hướng dẫn về chế độ tiền lương công nhân trong các xí nghiệp nói trên. Các nghị định và quyết định đó chỉ rõ : chủ xí nghiệp phải trực tiếp ký hợp đồng lao động với từng công nhân ; công nhân chỉ phải làm việc 8 giờ một ngày trong đó có 30 phút nghỉ để ăn cơm giữa ca ; tuần làm việc là 48 giờ, nếu làm tăng giờ được trả công gấp 1,5 lần ; làm vào ngày nghỉ, ngày lễ được trả công gấp đôi ; tổng thời gian làm thêm không quá 150 giờ/năm, lương tối thiểu của công nhân là 50 USD/tháng. Nhưng trong thực tế, hầu như tất cả các xí nghiệp đều không thực hiện nghiêm chỉnh các quy định nêu trên. Đến nay trong cả nước mới có khoảng 30% đến 40% xí nghiệp liên doanh với nước ngoài thực hiện việc ký hợp đồng với công nhân. Trong số các hợp đồng đã ký kết thì đa số không bảo đảm đúng nội dung như luật pháp đã quy định. Kiểm tra 9 cơ sở liên doanh ở Hà nội thì chỉ có 4 cơ sở ở đó công nhân được ký hợp đồng ; trong 4 cơ sở này thì có tới 3 cơ sở ở đó nội dung hợp đồng lao động không tuân thủ các hướng dẫn của Chính phủ và Bộ lao động, thương binh, xã hội.

Bởi vậy ta mới thấy các chủ doanh nghiệp tùy tiện sử dụng lao động ; cúp lương, phạt tiền vô tội vạ ; đuổi công nhân ra khỏi nhà máy một cách vô cớ. Hầu hết các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài đều bắt công nhân làm việc từ 10 đến 12 giờ một ngày mà không trả tiền làm thêm giờ. Một số nơi tăng giờ công, ngày công vượt quá mức quy định của nhà nước. Có tới trên 50% số xí nghiệp liên doanh với nước ngoài trả lương thấp hơn 50 USD/tháng, phổ biến ở mức 30 đến 35 USD/tháng, thậm chí có nơi chỉ ở mức 9 đến 15 USD/tháng (tương đương 90 000 đ đến 150 000 đ Việt nam). Các chế độ phép năm, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội không được thực hiện tốt. Trong khi đó, nhiều xí nghiệp quốc doanh đóng trên cùng một địa bàn với các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài sản xuất lại ổn định, công nhân có mức thu nhập cao hơn (khoảng 600 000 đ đến 700 000 đ một tháng), ngoài ra còn được hưởng nhiều khoản phúc lợi xã hội khác như nhà ở, nghỉ mát, xe đưa đón... Thêm vào đó, nhân phẩm công nhân ở các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài thường không được tôn trọng. Người điều hành thường có thái độ đối xử không tốt, thậm chí chửi mắng, đánh đập, sỉ nhục họ. Điều đáng buồn là có một số người Việt nam trong các ban điều hành vì bị giới chủ mua chuộc nên đã thờ ơ, thậm chí đồng tình với các hành động sai trái. Trước tình hình đó, công nhân bất bình, phản ứng, khiếu nại. Nhưng cơ sở và cấp có thẩm quyền chậm hoặc không giải quyết, điều đó làm công nhân mất niềm tin, dẫn họ tới hành động phản ứng quyết liệt là đình công.

2 - Mục tiêu của các cuộc đình công rất rõ : ở mức thấp là đòi xí nghiệp bảo đảm quyền lợi chính đáng của công nhân như luật pháp đã quy định ; và ở mức cao là đòi xí nghiệp phải để công nhân thành lập các tổ chức công đoàn đại diện và bảo vệ quyền lợi cho mình. Tùy tình hình cụ thể từng nơi, từng lúc, đình công có thể diễn ra dưới hình thức thấp hay hình thức cao, ở mức phản ứng nhóm, đình công bộ phận hay ở mức biểu tình toàn nhà máy. Ở các nơi công nhân lúc đầu thường chỉ phản ứng lẻ tẻ, sau mới kết thành các nhóm, cử đại diện lên gặp chủ đưa kiến nghị đòi thỏa mãn các yêu sách. Đại diện của họ tuy trẻ nhưng dũng cảm, biết đối thoại, thương lượng có lý, có tình.

Digitized by Google

Các cuộc đình công vừa qua, phần lớn diễn ra ở các doanh nghiệp thuộc ngành dệt. Rất tiếc là ở đó chưa có các đoàn thể quần chúng, đặc biệt là tổ chức công đoàn ; hoặc nếu có thì các tổ chức này chưa phát huy được tác dụng. Rõ ràng, khi công nhân không có tổ chức hợp pháp đại diện cho mình đứng ra ký thỏa ước lao động tập thể, thương lượng với giới chủ để bảo vệ quyền lợi cho công nhân, thì giới chủ sẽ hành động hết sức tùy tiện, bất chấp luật pháp.

Hiện nay mới chỉ có 15 - 20% số xí nghiệp liên doanh với nước ngoài có tổ chức công đoàn. Nhưng vai trò của tổ chức công đoàn ở đó rất mờ nhạt, chưa trở thành chỗ dựa vững chắc của công nhân. Bản thân giới chủ chưa tôn trọng tính đại diện hợp pháp của công đoàn, của cán bộ công đoàn, bởi vậy cán bộ công đoàn không dám đứng ra tổ chức, lãnh đạo công nhân đấu tranh, vì sợ bị trù úm, sa thải. Hiện tại Chính phủ chưa có quy định bảo vệ cán bộ công đoàn và người đại diện của công nhân trong các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài. Tổng liên đoàn lao động cũng chưa có biện pháp gì hữu hiệu để chăm lo đến vấn đề này. Cả hệ thống công đoàn, từ trung ương đến cấp trên cơ sở, đều lúng túng, chưa có một chiến lược và sách lược cơ bản đáp ứng đòi hỏi của phong trào công nhân, chỉ khi xảy ra các vụ việc cụ thể mới có mặt để can thiệp (nhiều khi lại rất chậm).

Các cơ quan quản lý nhà nước (đặc biệt là các cơ quan chức năng) chưa thanh tra, kiểm tra thật chặt chẽ việc thực hiện pháp luật ở các doanh nghiệp này. Bởi vậy, các mặt chưa hợp lý của pháp luật chưa được phát hiện kịp thời ; việc chủ đầu tư vi phạm pháp luật, dẫn đến những sự việc không tốt nêu trên, đã không được giải quyết thích đáng. Chính quyền địa phương cũng chưa phát huy tốt vai trò quản lý hành chính, còn thiếu nhạy bén chính trị, thiếu sâu sát cơ sở, do đó thường lúng túng, bị động trong xử lý các tình huống xảy ra.

3 - Việc chọn, cử cán bộ của ta tham gia hội đồng quản trị ở các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài cũng chưa tốt. Chúng ta mới chú ý nhiều tới số cán bộ có năng lực đối tác kinh doanh (nhưng ngay năng lực này không phải ở cán bộ nào cũng đã vững vàng). Các mặt về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, ý thức giai cấp, chưa được coi trọng đúng mức. Một khi cán bộ ta chọn đưa vào tham gia quản lý xí nghiệp liên doanh mà năng lực quản lý yếu, không thạo ngoại ngữ, không nắm vững pháp luật, bản lĩnh chính trị lại không vững vàng, thì rất dễ bị đối tác nước ngoài mua chuộc, sẵn sàng làm ngơ trước cảnh công nhân mình bị đe nẹt, tăng giờ làm, cúp lương, thải hồi...

III - Kiến nghị

Đảng ta, Nhà nước ta chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần nhưng theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Định hướng đó đòi hỏi phải quan tâm bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động. Chúng ta có đầy đủ điều kiện để thực hiện điều đó, bởi nước ta là nước độc lập có chủ quyền, Nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Chúng ta chấp nhận kinh tế nhiều thành phần, trong đó có thành phần tư bản tư nhân, cũng có nghĩa chấp nhận một mức độ nhất định cạnh tranh và bóc lột ; thấy trước những mâu thuẫn sẽ nảy sinh trong quan hệ giữa chủ và thợ.

Trong xã hội tư bản, đình công là biểu hiện tất yếu của mâu thuẫn giữa chủ và thợ. Nó là vũ khí cuối cùng của người công nhân để chống lại sự áp bức của giới chủ. Còn ở ta nói chung không phải như vậy. Vì cũng như các tầng lớp nhân dân khác, công nhân nước ta hiện nay là người làm chủ đất nước, có chính quyền trong tay, có Đảng cộng sản lãnh đạo ; đình công không phải là vũ khí cuối cùng. Nhưng đình công ở các xí nghiệp tư bản tư nhân hoặc ở các công ty liên doanh với nước ngoài, theo chúng tôi, lại là cần thiết, vì đây là một cách để công nhân, lao động ở từng cơ sở biểu hiện sức mạnh, buộc giới chủ phải bảo đảm quyền lợi chính đáng của họ. Nó còn là hành động để buộc giới chủ phải tôn trọng pháp luật khi nhà nước ta chưa có biện pháp kịp thời xử lý những hiện tượng vi phạm pháp luật. Bởi vậy, đình công là quyền của công nhân ở các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài cần được luật pháp bảo đảm.

Tuy nhiên, để đỡ hoặc khỏi xảy ra đình công ở các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài, bảo đảm ổn định và phát triển sản xuất, bảo vệ lợi ích

Digitized by Google

chính đáng của cả hai phía chủ và thợ, chúng ta cần chủ động giải quyết tốt các vấn đề sau :

1 - Trên cơ sở hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế nói chung và kinh tế đối ngoại nói riêng, sớm định rõ các chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân trong quá trình xây dựng nền kinh tế công nghiệp hiện đại. Từ đó, hoàn chỉnh đồng bộ công tác quản lý lao động và xã hội, đưa lên cùng một mặt bằng pháp lý toàn bộ việc quản lý lao động và xã hội, bảo đảm phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy nhân tố con người, khai thác và sử dụng tối đa tiềm năng lao động xã hội trong mọi thành phần kinh tế, phát triển sản xuất, thực hiện công bằng xã hội, ổn định chính trị, phát triển đất nước. Chúng ta phải tạo cho người lao động có được thế bình đẳng về mặt pháp luật đối với người sử dụng lao động. Những quy định tối thiểu về việc làm, về thời gian lao động, nghỉ ngơi, an toàn lao động, tiền công, về tổ chức đại diện hợp pháp của công nhân v.v. để người lao động có địa vị pháp lý rõ ràng trong quan hệ với giới chủ, là hết sức cần thiết. Địa vị pháp lý là điều quan trọng nhất đối với người công nhân trong các cơ sở liên doanh với nước ngoài hiện nay. Bởi vậy nhà nước cần khẩn trương ban hành những bộ luật liên quan đến vấn đề này và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các bộ luật đó. Cũng với nhận thức đó, chúng tôi đề nghị nhà nước ban hành sớm luật lao động ; đề nghị Bộ lao động, thương binh, xã hội sửa đổi lại mức lương tối thiểu trong Quyết định số 242 áp dụng đối với công nhân lao động trong các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài. Quy định đó đến nay đã lạc hậu so với thực tế, bởi vì nhà nước ta đã thực hiện chính sách tiền lương mới từ ngày 1-4-1993. Chính phủ cần thống nhất một đầu mối, giao cho Bộ lao động, thương binh, xã hội phối hợp với công đoàn tiến hành thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước ta về quan hệ giữa chủ và thợ trong các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài ; tăng cường quyền lực cho thanh tra lao động, đặc biệt quan tâm tới thanh tra an toàn lao động ; có các quy định về bảo vệ cán bộ đoàn thể trong các doanh nghiệp này.

2 - Quan tâm xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể khác trong các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài. Chúng ta cần nói rõ cho các chủ đầu tư hiểu rằng Hiến pháp nước ta cho phép lập các tổ chức đó ở đây. Hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, các tổ chức đó chỉ có lợi cho cả hai bên. Các cấp ủy đảng khẩn trương hình thành, kiện toàn, củng cố tổ chức đảng ở các cơ sở này. Ban tổ chức trung ương Đảng cần có những hướng dẫn cụ thể để tổ chức đảng có thể hoạt động hợp pháp ở các cơ sở này, giữ được vai trò lãnh đạo trong việc ổn định và phát triển sản xuất của doanh nghiệp. Ở những cơ sở chưa có đảng viên, Đảng cần cử các đảng viên trung kiên, có năng lực vào hoạt động. Tổng liên đoàn lao động và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cần khẩn trương có các hình thức, biện pháp cụ thể để các tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên sớm hình thành và đi vào hoạt động ở các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài nhằm trước hết là bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động, và sau đó là để giúp nhau tiến bộ. Đảng phải quan tâm tới việc lựa chọn và đào tạo cán bộ điều hành ở các doanh nghiệp này, sớm có một đội ngũ cán bộ có đủ bản lĩnh và năng lực đối tác, lập trường chính trị vững vàng. Cũng xin lưu ý ở khu vực xí nghiệp liên doanh với nước ngoài đã bắt đầu xuất hiện hiện tượng giành giật quần chúng, tập hợp quần chúng ngoài công đoàn. Đó có thể là hành động tự phát của công nhân, nhưng cũng có thể là hành động do giới chủ thúc đẩy với ý đồ riêng. Bởi vậy, nếu tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng không tăng cường, mở rộng vai trò lãnh đạo, tập hợp công nhân, thì là một thiếu sót lớn.

3 - Vai trò chủ động kiểm tra và can thiệp của chính quyền địa phương khi xảy ra các cuộc đình công, tranh chấp ở các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài, là hết sức quan trọng. Bởi vậy, khi thấy có sự vi phạm hợp đồng lao động, vi phạm các quy định của Nhà nước ta ở các xí nghiệp này, chính quyền địa phương cần kịp thời làm việc với giới chủ, giúp đỡ, hướng dẫn công nhân đối thoại để hai bên đi đến thỏa thuận với nhau, vừa bảo đảm cho doanh nghiệp có thể ổn định và phát triển sản xuất, vừa bảo đảm cho quyền lợi công nhân không bị vi phạm.

Digitized by Google

"Của chùa"

LÊ MAI

MỘT lần đến thăm anh bạn ở khu tập thể K, tôi ngạc nhiên khi thấy quang cảnh ở đây thay đổi nhanh quá. Ngay lối rẽ là hai ngôi biệt thự sang trọng thế chỗ cho hai ngôi nhà tập thể lụp xụp trước kia. Còn bạn tôi, vì quá thật thà trong cơ chế thị trường, đành chịu cảnh "nấp lưng hai ông vãi ba tầng" kia mà thở một cách khó nhọc, trong cái không gian chưa đầy 14 m^2 của mình. Khi mời tôi cốc nước cho bớt mệt, anh nói khẽ : "Chả mấy khi rồng đến nhà tôm ; cả nhà chỉ có mỗi cái quạt máy "tai chuột" phải ưu tiên cho con nhỏ nhà mình đang học. Ông cầm tạm cái quạt nan này vậy".

- Này, hai cái vi-la kia ở đâu mọc ra nhanh thế ?

- Dào, mấy tay cùng ở chỗ mình ấy mà. Các vị ấy phất lên nhờ "lộc chùa". Chả bù cho ngày trước, cũng rách rưới như nhau...

Dần dà, tôi cũng hiểu được cái gọi là "lộc chùa" mà bấy lâu nay dân gian ta quen gọi. Nay "được lộc" đồng nghĩa với "trúng mánh". Số là, cơ quan bạn tôi đang xây lại trụ sở, nghe đâu vốn đầu tư cũng kha khá. Là đệ tử của "sếp", hai vị được thay mặt thủ trưởng ký kết hợp đồng. Bên A bên B mấy lần gặp nhau, bừng bừng khí thế vì những lon bia và ly rượu ngoại. Dự tính, trụ sở này sẽ được hoàn thành vào cuối năm, đúng ngày thành lập cơ quan. Nhưng ban điều hành cam kết sẽ hoàn thành trước thời hạn một tháng. Mà đúng, họ thực thi nhiệm vụ không sai kế hoạch một ngày. Khốn nỗi, sau một thời gian sử dụng ngắn ngủi, tường bắt đầu bong, gạch men thì sủi lên... Nhưng ai bắt được ma ăn cỗ lúc nào cơ chứ. Chẳng là khi nghiệm thu, người ta đã đánh giá công trình vào loại tốt rồi mà. Nay muốn sửa, thì cơ quan lại phải bỏ tiền ra. Chẳng còn cách nào khác.

Thế là tiền mất, tật mang. Chỉ được lợi cho mấy kẻ vô trách nhiệm tham lời, tiền nhà nước thành ra "của chùa". Mà mấy kẻ tham thì lại "đục" rất khéo. Nghe đâu, ngoài lối làm ăn vòng vèo, đầu ra, đầu vào gian dối, hai cậu ấy còn được "thưởng" vì đã có tinh thần "dám nghĩ dám làm".

Nghe bạn kể, tôi sực nhớ lại chuyện ông H. ở cơ quan tôi. Vốn là một trung cấp kế toán, qua một thời gian tu nghiệp tại chức với các điểm số vừa khít trung bình, ông H trở về cơ quan với chức vụ trưởng phòng. "Kể ra, - ông nói - mấy cậu trẻ mới tốt nghiệp đại học thì cũng khá đấy, nhưng tớ ăn đứt các cậu về cái khoản kinh nghiệm, tuổi tác". Ấy là nói lý, chứ thực ra ai cũng biết ông là chú họ của giám đốc - Cháu có quyền, chú cầm tiền, thế là "O.K."

Chuyện bắt đầu vỡ lở từ ngày có hai cô gái áng độ chưa tới "tam thập" đến cơ quan tìm ông có chuyện riêng. Rồi bỗng chốc, chẳng hiểu chuyện trò ra sao, cả hai cô đều to tiếng khẳng định ông H cùng với ngôi nhà mà ông vừa tậu ở ngoại thành là "của mình". Thì ra, dù đã có vợ ở quê, lại đã lên chức ông ngoại, ông H vẫn không chừa được cái khoản "tính tình tang". Ông đã xoay xở để "mua cho em" ngôi nhà cùng với các tiện nghi sang trọng. Theo lời của Ban thanh tra thì trong các loại hàng xuất khẩu (cơ quan tôi được quyền xuất khẩu nông sản), ông H đã đánh mấy chục tấn lạc từ loại I xuống loại II, và ung dung bỏ túi 30 triệu "tiền chùa". Số tiền để nhập khẩu phân đạm, ông cũng đã kịp gửi ngân hàng để lĩnh gọn 2 tháng lãi suất, mặc cho hợp đồng với nông dân đã ký. Chẳng hiểu bây giờ bị buộc thôi việc, ông đã "thấm" hay chưa ?

Cũng nhờ có "của chùa" mà nhiều kẻ không ngần ngại ném tiền qua cửa sổ. Triết lý của họ là "Đời người chỉ sống có một lần, phải sống sao cho khỏi phí". Để khỏi "phí", họ học đòi lối sống "đế vương". Dù sao, một ngày "vịn mạn thuyền rồng" cũng đáng lắm chứ. Họ hiện lên trước mặt mọi người như một kẻ sành điệu, chịu chơi ! Năm trước trong chuyến đi công tác ở miền Nam, tôi được mời dự cuộc họp tổng kết của Xí nghiệp X. Nhìn vào chương trình hội nghị, tôi đã thấy "chóng mặt" : *Ngày thứ nhất* : Sáng : họp ; Trưa : giám đốc chiêu đãi ; Tối : "Phim ca nhạc tây xịn". *Ngày thứ hai* : Sáng : "Nghe giám đốc trình bày kế hoạch 5 năm tới" ; Chiều : Tắm biển Vũng tàu...

Quả thật, khi bước vào dự tiệc, ai nấy đều phải phục sự hào phóng của chủ nhà. Anh bạn tôi hứng chí, ghé vào tai tôi nói nhỏ : "Khi về nhà, tớ sẽ tuyên bố với vợ, chỉ ăn toàn rau trong 28 ngày còn lại, vì lượng prôtit đã có đủ cho cả tháng rồi". Còn tôi, tôi lấy làm ái ngại. Sau gần một năm, vẫn anh bạn nhà báo tếu kia tin cho tôi biết : "Xí nghiệp X sập tiệm". May mà "luật phá sản" chưa được công bố, nên ông giám đốc hào phóng lại được chuyển sang cơ quan khác với chức vụ tương đương. Thật đáng băn khoăn, nếu ở cương vị mới, "tiền chùa" lại một lần nữa rơi vào tay ông thì sự thể không biết sẽ ra sao ?!

Những kẻ chuyên đục khoét "của chùa" bao giờ cũng lắm mưu, nhiều kế. Trên thì họ dựa ô dù, dưới thì sử dụng các đệ tử trung thành. Ô dù sẽ bao che, đệ tử thì ngồi tù thay khi họ gặp hồi bĩ cực, xui xẻo. Cả hai đường đã bọc kín. Đến lúc đủ túi tham, họ tính cách "hạ cánh an toàn".

Hơn lúc nào hết, lúc này chúng ta đang phải chắt chiu từng đồng vốn để xây dựng đất nước. Vậy mà, có những kẻ sẵn chức quyền trong tay, trực tiếp hoặc gián tiếp chiếm đoạt, bòn rút, phung phí của cải của nhân dân để thỏa mãn những dục vọng tầm thường. Tệ nạn ấy, với quan niệm "của chùa" mạnh ai nấy hưởng, đã đến lúc cần được pháp luật nghiêm trị.

Digitized by Google

Đâu phải nhân dân ta thiếu những con người đẹp, sự việc hay để nhà văn viết !

Kính gửi : BAN BIÊN TẬP
TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Tôi là Bùi Thị Ngọ, cán bộ quân đội nghỉ hưu, ở Khu tập thể Cục ô tô K82, Đường Bưởi, Phường Cống vị, Quận Ba đình - Hà nội. Chi bộ hưu của chúng tôi có gần 40 đảng viên mà mỗi tháng chỉ có 1 quyển *Tạp chí Cộng sản*, vì thế việc mượn đọc không được thường xuyên. Mới đây tình cờ, tôi được đọc Tạp chí số tháng 12-1993. Tôi thích một số bài, trong đó có bài "Suy nghĩ tản mạn về một số tác phẩm văn học thời gian gần đây" của bác sĩ Trần Hữu Nghiệp. Các tác phẩm mà bác sĩ Nghiệp nói trong bài, tôi cũng có được đọc và được nghe nhiều người phê phán*. Nói chung, những người nhân hậu, quý trọng quá khứ vẻ vang của đồng đội, đồng bào, người thân, "ăn không quên đũa, ở không quên ơn"... thì đều rất buồn trước những tác phẩm đó. Ngày nay, vì thực dụng, hoặc vì muốn sống quá khả năng của mình, muốn hưởng thụ xa láng hoặc muốn chạy theo một quan niệm, một "mốt mới" nào đó trong sáng tác, người ta đã nỡ bóp méo lịch sử, xuyên tạc lịch sử, vẽ nên những khuôn mặt rúm ró để xúc phạm lịch sử. Gia đình tôi, bạn bè tôi, đồng đội tôi không có ai giống như họ ta trong các tác phẩm "câu khách" ấy. Phải chăng gia đình tôi, bạn bè tôi, đồng đội tôi, đều là những người tuyệt vời ? Không ! Đó là một "làng", như bao làng khác trong đất nước chúng ta. Nó mang trong mình không biết bao nhiêu nét ưu trội, và cũng không ít những khuyết tật. Nhưng lịch sử của nó trước sau vẫn là lịch sử. Chỉ có người ta nhìn nó bằng con mắt nào : nâng niu, quý trọng, biết ơn, hay hằn học (vì rất có thể có khi bản thân nhà văn là người liên quan đến đối phương, đến đối tượng ta cải tạo ; hoặc chỉ cốt bán được sách). Tôi đọc bài của bác sĩ Nghiệp mà thấy có nhiều sự đồng cảm. Tôi học kinh tế quốc dân, công việc không dính gì đến văn học, nhưng tôi quan tâm đến các mặt chính trị, văn hóa, phụ nữ, trẻ em. Trong văn hóa thì tôi quan tâm đến văn học, thơ, hội họa, âm nhạc, mặc dù tôi chẳng sành môn nào cả.

Đọc bài của anh Nghiệp tôi thấy rất thích. Từ cuộc sống của bản thân qua chiến tranh, tôi có nhiều bạn bè hoàn cảnh thật éo le mà tôi không thể giúp được. Bạn tôi hiện có 4 chị đều là cựu chiến binh, nay đã ở tuổi 52 - 53 mà chưa một lần lấy chồng, không có 1 đứa con nào, và cũng chưa hề bị ai "xì xào" từ lúc trẻ đến khi già. Chị thì bạn trai ra trận không trở về ; chị thì đi thanh niên xung phong lúc hòa bình trở về đã luống tuổi ; chị thì mải lo chiến đấu rồi do tự ái, thất vọng trong mối tình đầu mà ở vậy... Phần nhiều là do hoàn cảnh thời chiến. Các chị như những bằng chứng sống về sự hy sinh của một lớp phụ nữ của một thời kỳ đáng tự hào của dân tộc. Riêng phần tôi, đã năm lần chuyển đơn vị, bốn lần chuyển nhà, họ hàng thân quyến có tới hơn trăm người, như một huyện, một tỉnh thu nhỏ. Vậy mà chưa thấy có ai có thể là nhân vật con người thời chiến để các nhà văn tả như trong các tác phẩm mà anh Nghiệp đã nói đến. Vậy là tại nhà văn chứ đâu phải tại nhân dân thiếu những con người tốt đẹp, nhân hậu để nhà văn viết ?

Tôi đã trao đổi hết với anh Nghiệp trong lá thư mà tôi đã gửi đến anh với dòng ghi chú như ghi chú dưới bài viết của anh trên *Tạp chí Cộng sản*. Vậy mà thư bị gửi trả lại. Tôi không biết do địa chỉ không rõ, hay do mọi người đều bận nên không ai chuyển giúp ?

---

* Đó là các tác phẩm : "Nỗi buồn chiến tranh", "Ly tán", "Nỗi loạn", "Bi kịch nhỏ", "Chuyện làng cuội" v.v. (BT)

Digitized by Google

Thưa các đồng chí,

Vì vẫn muốn được trao đổi với bác sĩ Nghiệp, nên tôi xin gửi kèm với thư này lá thư riêng tôi đã viết cho bác sĩ Nghiệp. Kính nhờ các đồng chí chuyển đến anh Nghiệp giúp tôi. Tôi đoán bác sĩ Nghiệp có bài đăng trên Tạp chí thì chắc sẽ có dịp đến tòa soạn hoặc để địa chỉ chỗ tòa soạn.

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các đồng chí.

Kính chúc các đồng chí trong Ban biên tập luôn dồi dào sức khỏe và hạnh phúc.

Xin gửi tới các đồng chí lời chào kính trọng.

BÙI THỊ NGỌ
4.N1 Khu tập thể Cục ô tô (K82),
Đường Bưởi, Phường Cống vị,
Quận Ba đình - Hà nội

Lời của Ban thường trú
Tạp chí Cộng sản tại TP Hồ Chí Minh

Ngày 13-3-1994, Ban thường trú chúng tôi nhận được bức thư trên đây của chị Bùi Thị Ngọ từ Hà nội gửi vào, kèm theo phong thư dán kín của chị nhờ chúng tôi chuyển tới bác sĩ, nhà giáo nhân dân Trần Hữu Nghiệp. Phong thư này chị đã viết và gửi trực tiếp cho bác sĩ Nghiệp nhưng vì ghi lạc địa chỉ, nên bưu điện đã gửi trả lại chị. Ngày 14-3-1994, chúng tôi đã chuyển phong thư chị nhờ tới nhà riêng bác sĩ Nghiệp ở Đường Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, T.P Hồ Chí Minh và bác sĩ Nghiệp đã nhận được ngay hôm đó.

Đây chỉ là một trường hợp cụ thể. Ngoài bức thư của chị Ngọ, chúng tôi còn nhận được một số thư khác với ý kiến tương tự của các cán bộ, chiến sĩ, các nhà nghiên cứu văn hóa xã hội về những cuốn sách văn học mà bác sĩ Nghiệp đã dẫn trong bài viết đăng trên **Tạp chí Cộng sản** *số tháng 12-1993. Chúng tôi thấy đó là những ý kiến rất tâm huyết và chân tình mà anh chị em cầm bút có thể tham khảo, rút kinh nghiệm trong khi phản ánh hiện thực, nhất là hiện thực chiến tranh cách mạng trong quá khứ và hiện thực xây dựng đất nước trong công cuộc đổi mới hôm nay.*

MỤC TIÊU....

(Tiếp theo trang 40)

doanh nghiệp khác hoặc chuyển sang công ty cổ phần. Điều này cũng có nghĩa chúng ta cần có những chủ trương chính sách thích hợp nhằm tạo động lực cho việc tổ chức, sắp xếp lại được khẩn trương và có hiệu quả hơn.

- Gắn việc tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước với việc tiếp tục đầu tư xây dựng mới, nhất là đầu tư chiều sâu, đổi mới và hiện đại hóa công nghệ thiết bị để các doanh nghiệp nhà nước đứng vững trong môi trường kinh tế mới. Trên 80% số doanh nghiệp nhà nước hiện đang hoạt động trong điều kiện công nghệ, thiết bị lạc hậu so với các nước khác từ 3 đến 4 thế hệ. Hơn thế nữa, do nhiều nguồn trang bị khác nhau (26% từ Liên xô cũ, 24% từ các nước Đông Âu, 20% từ các nước ASEAN...) nên tính đồng bộ kém, mức sử dụng năng lực trang thiết bị chỉ đạt mức 50% công suất. Do công nghệ lạc hậu, máy móc cũ kỹ nên tiêu hao nguyên, vật liệu lớn, chất lượng kém. Chỉ có khoảng 15% sản phẩm đủ điều kiện để xuất khẩu. Thực tế này đòi hỏi phải khẩn trương sắp xếp, thu hẹp một số doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, tập trung vốn đầu tư cho các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Đây cũng chính là một biện pháp cấp bách bảo đảm tăng khả năng đầu tư của nhà nước cho hệ thống doanh nghiệp nhà nước để các doanh nghiệp này có thể đứng vững và làm ăn có hiệu quả sau khi được sắp xếp lại.

- Sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước phải được tiến hành đồng thời với việc đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước. Đây là vấn đề lớn, chúng tôi chỉ xin nêu lên 2 kiến nghị :

Một là, cần sớm nghiên cứu các loại hình doanh nghiệp nhà nước trong điều kiện mới. Sắp xếp lại không có nghĩa là xóa sổ các doanh nghiệp nhà nước cũ hoặc cho các doanh nghiệp đó tiếp tục kinh doanh, mà theo chúng tôi là phải tổ chức lại từng doanh nghiệp và xác định xem hình thức nào thì phù hợp với điều kiện mới.

Hai là, phải có những mô hình mới về bộ máy quản lý doanh nghiệp nhà nước trong đó làm rõ được trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu, của người giám đốc điều hành, của người lao động. Bộ máy cần gọn nhẹ, bảo đảm khả năng nhanh, nhạy và có hiệu quả quản lý cao.

Digitized by Google

NHÂN NGÀY CHIẾN THẮNG PHÁT XÍT 9-5

NGHĨ VỀ MỘT CHIẾN CÔNG BẤT DIỆT

TRẦN TRỌNG *

CHIẾN thắng chủ nghĩa phát xít, dập tắt cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, là một trong những sự kiện lớn nhất của thế kỷ 20. Dù thế giới đã trải qua bao thay đổi, đó vẫn là một chiến công đời đời bất diệt.

55 năm trước đây, một tai họa lớn ập xuống châu Âu và toàn thể loài người. Sau khi lập trục liên minh Đức - Ý - Nhật, ngày 1-9-1939 nước Đức quốc xã đưa quân tiến công Ba-lan, mở đầu cuộc chiến tranh thế giới thứ hai. Cuộc chiến tranh do phát xít Đức gây ra kéo dài gần 6 năm, lôi cuốn 61 nước với tổng số dân 1700 triệu người vào vòng chiến. Số người cầm súng tham chiến lên tới 110 triệu. Âm mưu của bọn Đức quốc xã là đánh chiếm toàn bộ châu Âu, tiêu diệt Liên xô, đưa chủ nghĩa phát xít lên nắm quyền bá chủ thế giới. Toàn nhân loại đứng trước thảm họa diệt chủng của thế lực phát xít hung bạo nhất.

Sau khi chiếm một loạt nước châu Âu : Ba-lan, Na-uy, Pháp, Bỉ, Hà-lan, Nam-tư, Hy-lạp, Đan-mạch... phát xít Đức tập trung đại bộ phận lực lượng tiến công Liên xô. Liên xô trở thành đối tượng chủ yếu của phát xít Đức. Mặt trận Xô - Đức trở thành chiến trường chủ yếu có tính chất quyết định. Đứng trong phe đồng minh với Mỹ, Anh và Pháp, Liên xô đã đảm đương xuất sắc vai trò chủ yếu, đánh bại chủ nghĩa phát xít. Trên chiến trường châu Âu, trong tổng số 783 sư đoàn của phát xít Đức bị tiêu diệt, có trên 606 sư đoàn do Hồng quân Liên xô tiêu diệt. Hồng quân Liên xô cũng là lực lượng duy nhất tiến quân vào Bec-lin, tiêu diệt lực lượng phát xít tận hang ổ đầu não của chúng. Một loạt quốc gia ở châu Âu đã được giải phóng khỏi ách phát xít.

Liên xô cũng đóng góp có ý nghĩa quyết định trong việc đánh bại đạo quân Quan Đông của Nhật, buộc Nhật phải đầu hàng không điều kiện. Thắng lợi này đã tạo điều kiện thuận lợi rất cơ bản cho nhân dân nhiều nước châu Á đứng lên giành độc lập, tự do.

Tổng thống Mỹ Ru-dơ-ven đã thừa nhận : "Rõ ràng là Hồng quân và nhân dân Liên xô đã buộc các lực lượng vũ trang Hít-le đi tới thất bại hoàn toàn và đã giành được sự khâm phục lâu dài của nhân dân Mỹ". Không phải chỉ có nhân dân Mỹ, nhân dân các dân tộc trên thế giới đã và sẽ mãi mãi khâm phục và ghi nhận công lao to lớn đó của nhân dân và quân đội xô viết.

Ngày nay, thế giới vẫn chưa có hòa bình và ổn định. "Chiến tranh lạnh" giữa các nước lớn đã qua đi, nhưng lại có hai cuộc chiến tranh khác đang tiếp tục. Một cuộc diễn ra đối với *các nước xã hội chủ nghĩa còn lại*, chủ yếu dưới dạng "diễn biến hòa bình". Một cuộc diễn ra đối với *các nước đang phát triển* dưới dạng đói nghèo và lạc hậu. Ngoài ra, ở nhiều nơi trên thế giới đã bùng nổ các cuộc xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ... Và, ở châu Âu, *chủ nghĩa phát xít mới* đã ngóc đầu dậy và đang hoành hành. Trong bối cảnh quốc tế như vậy, một lần nữa ý nghĩa thời đại, ý nghĩa thực tiễn sâu sắc của chiến thắng phát xít lại nổi rõ hơn bao giờ hết. Dù hiện nay chủ nghĩa xã hội ở Liên xô không còn nữa, nhưng chiến thắng của Hồng quân và nhân dân Liên xô trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại, cứu loài người khỏi thảm họa phát xít, vẫn là bằng chứng hùng hồn, không gì có thể bác bỏ, về tính ưu việt và sức mạnh to lớn của chế độ xã hội chủ nghĩa. Chúng ta còn nhớ : thời kỳ đầu chiến tranh, về công nghiệp, phát xít Đức mạnh hơn Liên xô tới 3 - 4 lần. Vậy mà chỉ một thời gian không lâu sau khi chuyển nền kinh tế từ thời bình sang thời chiến, Liên xô đã sản xuất vượt Đức : về *pháo* và *súng cối* - 3,7 lần ; về *xe tăng* và *pháo tự hành* - 3 lần ; về *máy bay* - 2,4 lần... làm cho lực lượng so sánh trên chiến trường có sự thay đổi đáng kể. Cũng chỉ trong 5 tháng sau khi chiến tranh nổ ra, Liên xô đã lập thêm được 300 sư đoàn (291 sư đoàn + 94 lữ đoàn). Rõ ràng, đó là những kỷ lục mà chưa một cường quốc nào đạt được. Nó nói lên sức mạnh *tổng hợp*, cả về tiềm lực chính trị - tinh thần, kinh tế và quân sự, của chế độ xã hội chủ nghĩa xô viết lúc đó.

Chiến thắng phát xít trong chiến tranh thế giới

* Đại tá, nhà báo, Tổng cục chính trị QĐND

Digitized by Google

thứ hai có ảnh hưởng rất to lớn đối với cách mạng Việt nam. Nó đã tạo điều kiện khách quan rất thuận lợi cho nhân dân ta giành thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám, thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hòa năm 1945.

Một trong những bài học lớn nhất của nhân dân xô viết trong chiến thắng phát xít là : *chỉ có luôn nêu cao tinh thần cảnh giác và sẵn sàng chiến đấu trong thời bình mới có thể giành được chiến thắng trong thời chiến*. Trong bối cảnh quốc tế và khu vực còn nhiều diễn biến phức tạp như hiện nay, lợi dụng quan hệ của nước ta với nước ngoài ngày càng được mở rộng, các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước đang ráo riết thực hiện "diễn biến hòa bình", thậm chí gây bạo loạn lật đổ, hòng phá hoại sự ổn định chính trị, an ninh quốc gia và độc lập chủ quyền của đất nước ta. Tình hình đó đòi hỏi toàn đảng, toàn dân và toàn quân ta phải nêu cao cảnh giác, ra sức xây dựng và tăng cường nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Chúng ta phải kịp thời sửa đổi, bổ sung và thể chế hóa về mặt nhà nước các chủ trương chính sách về quốc phòng, an ninh. Tăng cường củng cố cơ sở chính trị và phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng các tuyến phòng thủ và khu vực phòng thủ, các phòng tuyến an ninh nhân dân vững mạnh. Tăng cường tổ chức phòng thủ trên các khu vực trọng điểm, bảo vệ vững chắc, toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền an ninh nội địa, vùng biển, vùng trời, hải đảo và biên giới.

Trong công cuộc xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân, chúng ta cần phải làm những việc thiết thực nhất để thật sự nâng cao chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu của quân đội nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở. Chúng ta cần làm cho các lực lượng vũ trang trở thành một trụ cột kiên định nhất trên lĩnh vực chính trị tư tưởng, luôn nêu cao ngọn cờ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; kiên quyết giữ vững mục tiêu và lý tưởng xã hội chủ nghĩa cao đẹp, góp phần quyết định giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên đất nước Việt nam thân yêu. Đồng thời, trên cơ sở ổn định tổ chức lực lượng thời bình với quy mô thích hợp và có chất lượng cao, nghiên cứu tổ chức lực lượng sẵn sàng đối phó với mọi tình huống, kể cả chiến tranh công nghệ cao. Làm tốt hơn nữa việc xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân, tự vệ. Tiếp tục tổng kết và đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học quân sự. Chú trọng tổng kết thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng quốc phòng trong thời bình, quán triệt tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, giữ gìn hình ảnh "bộ đội Cụ Hồ" ; ra sức làm tốt công tác chính trị tư tưởng ; nâng cao tính kỷ luật, tính đảng, tính giai cấp, tính cách mạng, tinh thần "gian khổ hy sinh, vì nhân dân quên mình" ; kiên quyết và triệt để khắc phục mọi ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế thị trường trong các lực lượng vũ trang. Đổi mới công tác đối ngoại quân sự trong khuôn khổ đường lối, chủ trương, nguyên tắc của Đảng, phù hợp với những yêu cầu mới về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

Để không ngừng tăng cường tiềm lực quốc phòng, phải tích cực và khẩn trương hoàn thiện cơ chế kết hợp kinh tế với quốc phòng và các mặt xây dựng khác một cách toàn diện, đồng bộ. Xúc tiến việc xây dựng công nghiệp quốc phòng, gắn chặt việc xây dựng công nghiệp quốc phòng trong nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Một nền kinh tế vững mạnh là nền tảng để xây dựng lực lượng quốc phòng hùng mạnh. Đồng thời, hết sức nâng cao hiệu quả quân đội làm kinh tế, góp phần tích cực vào chủ trương của Đảng đẩy mạnh xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tình hình quốc tế và trong nước đòi hỏi phải không ngừng tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước đối với quốc phòng và an ninh. Chưa bao giờ vấn đề này lại có tầm quan trọng như hiện nay. Chỉ có sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng mới bảo đảm các lực lượng quốc phòng và an ninh hoàn thành chức năng nhiệm vụ của mình trong tình hình mới, bảo vệ và phục tùng lợi ích cao nhất của nhân dân và của Tổ quốc. Mặt khác, chúng ta phải ra sức tăng cường giáo dục quốc phòng trong toàn dân, coi đó là một trong những nhiệm vụ bức xúc nhất hiện nay. Qua đó, tạo chuyển biến mạnh mẽ, sâu sắc trong cán bộ chủ trì các ngành, các cấp, trong toàn dân, nhất là trong thanh niên, về trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ, nêu cao cảnh giác, luôn luôn tỉnh táo trước mọi âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch.

Kỷ niệm Chiến thắng phát xít năm nay, nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân ta hăng hái vươn lên thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ do Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng đã đề ra, ra sức bảo vệ công cuộc hòa bình xây dựng Tổ quốc, góp phần tích cực làm cho "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh".

Digitized by Google

Về cuộc nội chiến Ở BÔ-XNI-A – HÉC-XÊ-GÔ-VI-NA

***Lời người biên tập** : Cuộc nội chiến ở Bô-xni-a - Héc-xê-gô-vi-na (thuộc Nam tư cũ) bùng nổ vào tháng 4-1992, đến nay đã trở thành tiêu điểm xung đột sắc tộc ở khu vực này và đã diễn biến thành cuộc chiến tranh nóng có quy mô lớn nhất ở châu Âu từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, khiến cho nhiều người trên thế giới rất lo ngại. Hơn 1 năm qua, nhất là thời gian gần đây, phương Tây và cộng đồng quốc tế đã có nhiều cố gắng nhằm kết thúc cuộc chiến tranh này, nhưng kết quả chưa được là bao. Tình hình vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp. Nói về cuộc xung đột này, tạp chí* Nghiên cứu các vấn đề quốc tế *của Trung quốc quý 1-1994 có bài "Cuộc nội chiến ở Bô-xni-a - Héc-xê-gô-vi-na : nguồn gốc - diễn biến - triển vọng". Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu tóm tắt nội dung bài viết này để bạn đọc tham khảo.*

BÔ-XNI-A là một trong 6 nước cộng hòa tự trị thuộc Nam-tư cũ, diện tích 51 000 km^2, dân số 5,8 triệu người, chủ yếu gồm người Xéc-bi-a, người Crô-a-ti-a và người Hồi giáo. Ngày 3-3-1992 các nhà lãnh đạo người Hồi giáo và người Crô-a-ti-a chính thức tuyên bố Bô-xni-a độc lập và thành lập chính phủ. Việc này khiến người Xéc-bi-a phản ứng mạnh mẽ. Họ nêu rõ nếu Bô-xni-a rút khỏi Liên bang Nam-tư thì người Xéc-bi-a sẽ rút khỏi Bô-xni-a.

Sau khi tuyên bố độc lập, Bô-xni-a nhanh chóng được phương Tây và cộng đồng quốc tế công nhận. Ngày 6-4-1992, EC công nhận, một ngày sau đến lượt Mỹ, tiếp đó là châu Âu và nhiều nước khác. Nhưng tình hình bên trong Bô-xni-a vì vậy cũng xấu đi nhanh chóng. Những chủ trương khác nhau trong vấn đề độc lập của ba tộc người ở Bô-xni-a đã chuyển rất nhanh sang thù địch, nổ ra xung đột đổ máu ở những vùng các tộc người này chung sống.

Cuộc chiến ở Bô-xni-a đến nay đã trải qua ba giai đoạn :

Giai đoạn 1 (trước năm 1993) : Cuộc nội chiến gồm một bên là người Xéc-bi-a được quân đội nhân dân Nam tư ủng hộ, một bên là người Crô-a-ti-a và người Hồi giáo được Crô-a-ti-a ủng hộ. Lực lượng vũ trang hai bên huy động gồm hơn 40 vạn người, sử dụng hầu như toàn bộ vũ khí hạng nặng gồm cả máy bay, xe tăng, pháo lớn. Ngọn lửa chiến tranh lan ra toàn cõi Bô-xni-a, vô cùng ác liệt.

Giai đoạn 2 (từ đầu năm 1993) : Lực lượng vũ trang của người Hồi giáo và người Crô-a-ti-a vốn liên minh chống người Xéc-bi-a, nay quay sang thù địch nhau, giành giật địa bàn ở miền Nam Trung bộ Bô-xni-a, từ đó hình thành cục diện hỗn chiến *ba* bên : Xéc-bi-a, Crô-a-ti-a và Hồi giáo.

Giai đoạn 3 (từ tháng 5-1993 tới nay) : Cùng với những cố gắng giải quyết về chính trị, hai dân tộc Xéc-bi-a và Crô-a-ti-a có lợi ích gần gũi nhau hơn, lại ngang sức trên chiến trường, nên các cuộc chiến đấu vũ trang giữa hai bên dần dần dịu đi, trong khi chiến tranh giữa họ với những người Hồi giáo chỉ tăng chứ không giảm, hình thành cục diện trên thực tế là người Xéc-bi-a và người Crô-a-ti-a liên minh chống người Hồi giáo.

Lực lượng vũ trang của người Xéc-bi-a có thực lực mạnh nhất trên chiến trường, gồm 7 vạn quân, được huấn luyện tốt, trang bị tốt. Lực lượng vũ trang người Crô-a-ti-a gồm 5 vạn quân, thực lực cũng chẳng kém. Lực lượng vũ trang Hồi giáo có 12 vạn người, sức chiến đấu tương đối yếu, vũ khí hạng nặng lạc hậu hơn hai lực lượng kia nhiều. Ngoài ra, còn có tin khoảng 3500 người từ Áp-ga-ni-xtan, Pa-ki-xtan, Xu-đăng, A-rập Xê-ut, và Thổ-nhĩ-kỳ đang giúp người Hồi giáo tác chiến.

Nhìn vào tình hình chiến trường hiện nay, chiến tuyến 3 bên đã cơ bản cố định. Người Xéc-bi-a kiểm soát 72% lãnh thổ, người Crô-a-ti-a kiểm soát 19%, và người Hồi giáo 9%. Cuộc nội chiến ở Bô-xni-a đến nay đã làm hơn 20 vạn người chết, số dân tị nạn lên đến trên 270 vạn, trong đó hơn 40 vạn đã tràn sang các nước châu Âu láng giềng. Ngọn lửa chiến tranh đã thiêu hủy trên một nửa công trình xây dựng ở thành thị, thiệt hại kinh tế trực tiếp trên 10 tỉ USD.

Cuộc nội chiến này bắt nguồn từ sự chia rẽ trong lòng Liên bang Nam-tư cũ, là kết quả các mâu thuẫn dân tộc kéo dài ở Nam-tư cũ phát triển ác tính dưới tác động của các nhân tố bên trong và bên ngoài hiện nay.

Digitized by Google

1- *Mâu thuẫn dân tộc, phân ly dân tộc và xung đột dân tộc là nguyên nhân chủ yếu của cuộc nội chiến ở Bô-xni-a.*

Vấn đề sắc tộc ở Bô-xni-a hiện nay là hình ảnh thu nhỏ của vấn đề sắc tộc ở Nam-tư trước đây.

Tháng 11-1945, Liên đoàn cộng sản Nam-tư do Ti-tô đứng đầu, thành lập "Cộng hòa nhân dân Liên bang Nam-tư" (tới 1963 đổi thành Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa Nam-tư). Liên bang Nam-tư có 6 thành viên : Cộng hòa Xéc-bi-a, Cộng hòa Crô-a-ti-a, Cộng hòa Bô-xni-a, Cộng hòa Xlô-vê-ni-a, Cộng hòa Môn-tê-nê-grô, Cộng hòa Ma-xê-đô-ni-a (nằm trong Cộng hòa Xéc-bi-a). Ti-tô thực hiện chính sách tự trị dân tộc, có vai trò tích cực nhất định trong việc làm dịu mâu thuẫn dân tộc, nhưng chưa giải quyết được vấn đề dân tộc từ gốc rễ. *Một là*, trừ người Xéc-bi-a, các dân tộc ở Nam-tư đều hờ hững với việc duy trì một nhà nước thống nhất nhiều dân tộc, họ luôn luôn có nguyện vọng nóng bỏng phân ly dân tộc, xây dựng một nhà nước độc lập có chủ quyền. *Hai là*, các khu vực ở Nam-tư trước đây, kinh tế phát triển không đồng đều, không lợi cho đoàn kết dân tộc. Để xóa bỏ khoảng cách trên, Liên bang Nam-tư từng thực hiện chính sách "lấy của nơi giàu giúp nơi nghèo", khiến mâu thuẫn giữa các nước cộng hòa càng thêm gay gắt. *Ba là*, chính sách phi trung ương tập quyền hóa thực hiện từ nửa cuối thập kỷ 60 đã làm suy yếu quyền lực của Liên bang. Đoàn chủ tịch Liên bang làm việc theo nguyên tắc : "Tập thể làm việc, tập thể phụ trách, tập thể quyết sách, hiệp thương nhất trí". Sự phân tán quyền lực kinh tế và tăng quyền lực chính trị cho bên dưới đã tạo điều kiện khách quan cho việc phân ly dân tộc. Năm 1980 với việc Ti-tô qua đời, Liên bang Nam-tư mất đi trụ cột quan trọng duy trì sự thống nhất đất nước và đoàn kết dân tộc, mầm mống cuộc khủng hoảng chính trị ở Nam-tư ngày càng lộ rõ. Thể chế chính trị dần dần từ tập trung đi tới lỏng lẻo. Quyền lực trong tay các nước cộng hòa ngày càng lớn, hình thành cục diện cát cứ trên thực tế. Trong lúc đó, kinh tế Nam-tư tiếp tục trì trệ, không chuyển biến được, khiến các mâu thuẫn càng thêm gay gắt.

2- *Những biến động dữ dội ở châu Âu và sự can thiệp từ bên ngoài đã thúc đẩy thêm cuộc nội chiến ở Bô-xni-a.*

Năm 1989, trong tình hình Đông Âu biến động dữ dội, Liên đoàn cộng sản Nam-tư cũng tuyên bố từ bỏ "một đảng lũng đoạn", thực hiện chế độ đa đảng. Các nước cộng hòa sôi nổi thành lập các chính đảng phân chia theo dân tộc. Tháng 1-1990, Liên đoàn cộng sản Nam-tư công khai chia rẽ và tan rã, làm mất thêm một nhân tố quan trọng duy trì một liên bang Nam-tư thống nhất. Chủ nghĩa dân tộc phát triển nhanh, các nước cộng hòa bắt đầu tìm cách thoát khỏi liên bang, tiến tới độc lập.

Khi cuộc khủng hoảng vừa xuất hiện ở Nam-tư, các nước phương Tây về cơ bản hoàn toàn nhất trí ủng hộ một nước Nam-tư thống nhất và lãnh thổ toàn vẹn, kêu gọi các bên ở Nam-tư giải quyết cuộc khủng hoảng bằng phương thức hòa bình. Sau khi cuộc xung đột vũ trang bùng nổ ở Xlô-vê-ni-a và Crô-a-ti-a, EC nhanh chóng cử đại diện đến hòa giải, ép các bên tiếp nhận phương án hòa bình dưới tiền đề thống nhất. Nhưng rồi, cùng với sự phát triển của tình hình, thái độ các nước phương Tây bắt đầu thay đổi. Đức và Áo vốn có quan hệ truyền thống với Xlô-vê-ni-a và Crô-a-ti-a, tuyên bố "phải để nhân dân Nam-tư tự quyết định vận mệnh của mình. Châu Âu cần ủng hộ những cố gắng của họ theo hướng ấy"... Tiếp đó, các nước thành viên EC và Mỹ đua nhau công nhận Xlô-vê-ni-a, Crô-a-ti-a và Bô-xni-a - Héc-xê-gô-vi-na. Vì sao trong vấn đề công nhận này, Tây Âu và Mỹ từ bất đồng chuyển sang nhất trí ? Có ba nguyên nhân :

a) Tiến trình khủng hoảng ở Nam-tư chứng tỏ dân tộc phân ly và đất nước chia cắt đã trở thành xu thế lớn, khó đảo ngược. Các nước phương Tây hy vọng việc công nhận các quốc gia mới độc lập sẽ có lợi để nhanh chóng dập tắt khủng hoảng.

b) Đức phát huy vai trò chủ đạo. Tháng 12-1991, Đức tuyên bố sẽ đơn độc công nhận Xlô-vê-ni-a và Crô-a-ti-a, gây sức ép rất lớn với các nước EC. Lúc đó, Hiệp ước Ma-xtơ-rích vừa ký, các nước EC đã tiếp nhận chủ trương của Đức để bảo vệ sự thống nhất của bản thân EC, giữ quan hệ chặt chẽ với nước Đức. Xuất phát từ tính toán dựa vào Đức để chi phối công việc của châu Âu trong tương lai, Mỹ cũng chuyển sang ủng hộ lập trường của Đức.

c) Vai trò của ý thức hệ : Trước những thay đổi lớn lao diễn ra ở khu vực Liên xô - Đông Âu, chỉ có Xéc-bi-a và Môn-tê-nê-grô vẫn giữ lại chính quyền do các nhà lãnh đạo Liên đoàn cộng sản Nam-tư trước đây làm hạt nhân. Vì vậy, phương Tây đã gọi hai nước này là "đinh lũy bôn-sê-vích cuối cùng ở châu Âu". Công nhận nền độc lập của Xlô-vê-ni-a, Crô-a-ti-a và Bô-xni-a cũng có nghĩa là làm suy yếu Nam-tư do Xéc-bi-a giữ vị trí chủ đạo.

Sự công nhận nói trên của phương Tây làm cho việc giải quyết cuộc xung đột giữa các bên qua thương lượng hòa bình thêm khó khăn. Người Xéc-bi-a ở Bô-xni-a hết sức bất mãn trước việc công nhận nền độc lập của Bô-xni-a, nên tuyên bố độc lập với nước này. Xung đột ở Bô-xni-a cuối cùng đã bùng nổ.

Trong khi đó, bên ngoài vùng Ban-căng, các nước Hồi giáo ra mặt ủng hộ nền độc lập của Bô-xni-a. Họ thông qua mọi con đường để giúp đỡ những người Hồi giáo ở Bô-xni-a, với hy vọng thành lập được một nhà nước Hồi giáo trên lãnh thổ Nam-tư cũ. Nga, một nước có quan hệ chặt chẽ lâu đời với Xéc-bi-a, tuy đang ở thế yếu cả về đối nội và đối ngoại, cũng không chịu để mất ảnh hưởng ở khu

Digitized by Google

vực này. Còn các nước phương Tây cũng đều ý thức rằng, một khi cuộc nội chiến ở Bô-xni-a làm bùng lên cuộc khủng hoảng ở Ban-căng, thì điều đó không thể không đe dọa an ninh và sự ổn định của toàn châu Âu, không thể không là một thách thức nghiêm trọng đối với chủ trương của Mỹ thiết lập "trật tự thế giới mới" sau chiến tranh lạnh. Tình hình Bô-xni-a xấu đi, những hoạt động dàn xếp ở bên ngoài do Mỹ và Tây Âu chỉ đạo, đã được triển khai nhanh.

Cuộc nội chiến kéo dài ở Bô-xni-a khiến các bên xung đột thiệt hại nặng nề, nguyện vọng hòa bình của nhân dân đang mạnh lên, trong khi nhận thức và thái độ của cộng đồng quốc tế cũng thay đổi. Nhưng các mâu thuẫn đưa đến nội chiến vẫn chưa được giải quyết, những nhân tố không xác định còn nhiều, tình hình Bô-xni-a khó mà nhanh chóng trở nên sáng sủa. Tuy nhiên, căn cứ vào thực tế, có thể tình hình sẽ diễn biến theo những khả năng sau :

1- *Thành lập nhà nước theo sắc tộc*

So với các phương án hòa bình trước đây, phương án mới mà hạt nhân là thành lập các quốc gia theo sắc tộc là phương án có vẻ hiện thực hơn cả. Bởi lẽ : a/ Phương án mới phản ánh đòi hỏi chung của người Xéc-bi-a, người Crô-a-ti-a và tình hình thực tế trên chiến trường, lực lượng người Hồi giáo nhỏ bé, ở vào thế yếu, chỉ dựa vào bản thân thì khó mà xoay chuyển tình hình. b/ Hơn một năm nội chiến và thanh trừng sắc tộc tàn khốc đã khiến ba dân tộc ở Bô-xni-a thêm oán hận nhau, khó mà trở lại chung sống như trước đây trong một quốc gia có chủ quyền đơn nhất. c/ Mục tiêu ưu tiên trong chính sách của phương Tây với Bô-xni-a là ổn định tình hình, ngăn chặn ngọn lửa chiến tranh lan sang các nước xung quanh. Phương án mới phù hợp với chiến lược ấy, đương nhiên là được phương Tây ủng hộ.

Nhưng việc thực hiện một nền hòa bình lâu dài trên cơ sở phương án phân chia Bô-xni-a cũng chẳng phải dễ dàng. Bởi lẽ : a) Việc phân chia lãnh thổ cụ thể đụng chạm đến lợi ích thiết thân của mỗi bên, cần tính đến nhiều nhân tố phức tạp, phải có cuộc mặc cả gian nan. b) Người Hồi giáo chưa từ bỏ mục tiêu thiết lập một nhà nước liên bang tập quyền thống nhất do người Hồi giáo giữ vị trí chủ đạo, nên vẫn tích cực tìm kiếm sự ủng hộ từ bên ngoài. c) Các dân tộc ở Bô-xni-a hiện nay vẫn sống xen kẽ. Nếu thực hiện phương án trên, sẽ dẫn đến sự di dân hàng loạt, điều đó khó tránh khỏi dẫn đến tái diễn xung đột sắc tộc. d) Mục tiêu cuối cùng của người Xéc-bi-a và Crô-a-ti-a là hợp nhất với "đất mẹ" thành lập nhà nước "đại Xéc-bi-a" và "đại Crô-a-ti-a", kết quả sẽ là Bô-xni-a hoàn toàn tan vỡ và đường biên giới sẽ bị sửa đổi lại, mục tiêu này không những bị người Hồi giáo kiên quyết phản đối, mà cả phương Tây cũng không chấp nhận.

2- *Li-băng hóa*

Nếu ba bên ở Bô-xni-a chậm trễ không thực hiện được hòa bình, thì cục diện vừa đánh vừa đàm trên chiến trường Bô-xni-a có thể kéo dài. Cục diện không đánh, không hòa "kiểu Li-băng" tất sẽ níu kéo phương Tây và cộng đồng quốc tế vào Bô-xni-a một cách lâu dài.

3- *Làm nổ "thùng thuốc súng Ban-căng"*

Một số người ở phương Tây lo ngại nếu không ngăn chặn người Xéc-bi-a ở Bô-xni-a, thì việc Xéc-bi-a càng liều lĩnh hơn ở Kô-xô-vô và Ma-xê-đô-ni-a, mở rộng cuộc xung đột thành cuộc chiến tranh toàn vùng Ban-căng, lôi cuốn cả các nước láng giềng như An-ba-ni, Bun-ga-ri, Hy-lạp và Thổ-nhĩ-kỳ dính líu vào, là điều không phải không có khả năng xảy ra. Tuy nhiên, phần lớn các chuyên gia cho rằng, không hoàn toàn loại trừ khả năng đó, song nguy cơ thực tế không lớn, bởi cuộc nội chiến ở Bô-xni-a đã kiềm chế lực lượng chủ yếu của Xéc-bi-a.

Đương nhiên, dù cuộc chiến ở Bô-xni-a kết thúc ra sao, nó vẫn ảnh hưởng sâu xa và lâu dài đến tình hình châu Âu. Vì sao ?

a) Kể từ khi Đông Âu biến động dữ dội, Liên xô tan rã đến nay, cuộc nội chiến ở Bô-xni-a thể hiện mức độ nghiêm trọng của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chứng tỏ chiến tranh lạnh kết thúc chẳng hề đem lại an ninh cho thế giới. Sự bất lực của Mỹ và Tây Âu trong việc can thiệp vào tình hình Bô-xni-a đã bộc lộ cơ chế an ninh châu Âu hiện nay không còn thích ứng với tình hình mới, không còn đủ sức đối phó với những thách thức mới. Đây là một đòn nặng nề giáng vào chủ trương của phương Tây, nhất là Mỹ, muốn tạo ra "trật tự thế giới mới" theo ý muốn của mình.

b) Cuộc nội chiến Bô-xni-a làm cho mâu thuẫn giữa Mỹ và Tây Âu thêm sâu sắc. Cuộc đấu tranh ngấm ngầm và công khai giữa Mỹ và Tây Âu trong việc dàn xếp cuộc xung đột ở Bô-xni-a thực tế là cuộc đọ sức giữa hai bên nhằm giành giật quyền chi phối công việc của châu Âu, mở rộng ảnh hưởng trong vùng Ban-căng. Do lợi ích khác nhau và ý kiến bất đồng, Tây Âu và Mỹ không thể nhất trí hành động.

c) Cuộc nội chiến ở Bô-xni-a đã phơi trần nhược điểm của các cường quốc Tây Âu ở khu vực này. Nó chứng tỏ các nước lớn ở đây cũng không hoàn toàn nhất trí, không có được "tiếng nói chung". Đặc biệt, việc Đức không đếm xỉa gì đến ý kiến của các thành viên EC khác, chủ trương chia cắt Nam-tư, đã khiến cho Anh, Pháp và các nước khác bực tức. Ý đồ của Đức muốn vị trí cường quốc của mình nổi bật ở đây, tất sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến tiến trình hợp nhất Tây Âu và những thay đổi trong tình hình châu Âu.

VÕ THU PHƯƠNG thực hiện

Digitized by Google

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CỦA XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

● HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Hệ thống chính trị là cơ chế chính trị của một chế độ xã hội, bao gồm các tổ chức, các thiết chế chính trị xã hội, bảo đảm thực hiện có kết quả quyền lực chính trị của giai cấp thống trị trong quan hệ với các giai cấp, tầng lớp và nhóm xã hội khác.

Hoạt động của hệ thống chính trị bị quy định bởi bản chất và mục đích của chế độ kinh tế, chế độ chính trị của một xã hội nhất định, và là sự thể hiện và thực hiện đường lối của giai cấp nắm quyền điều khiển xã hội. Hệ thống chính trị (trong đó nhà nước là trung tâm) bao giờ cũng mang tính giai cấp, nó đại diện cho giai cấp cầm quyền và phục vụ mục đích duy trì sự thống trị của giai cấp cầm quyền ấy.

Trong xã hội tư bản, hệ thống chính trị có thể có nhiều hình thức khác nhau tùy theo tình hình cụ thể ở mỗi nước, nhưng tựu trung nó đều phản ánh bản chất chính trị và quyền lợi của giai cấp tư sản, phục vụ sự thống trị và đặc quyền của giai cấp tư sản, đồng thời cũng phản ánh những mâu thuẫn của các giai cấp và tầng lớp trong xã hội.

● HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CỦA XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Hệ thống chính trị của xã hội xã hội chủ nghĩa là cơ chế chính trị (bao gồm cả cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành) bảo đảm thực hiện quyền lực của nhân dân lao động trên cơ sở liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức do đảng cộng sản lãnh đạo.

Hệ thống chính trị của xã hội xã hội chủ nghĩa là một tổng thể các lực lượng chính trị, bao gồm đảng cộng sản, nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội và các tập thể lao động hoạt động theo một cơ chế phù hợp với quy luật phát triển của xã hội.

Hệ thống chính trị của xã hội xã hội chủ nghĩa được thiết lập ngay sau thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, và được từng bước hoàn thiện trong tiến trình của cuộc cách mạng đó. Nó phản ánh những thay đổi cơ bản của cơ sở kinh tế và cơ cấu xã hội diễn ra cùng với những thắng lợi của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng xã hội mới.

Đặc điểm nổi bật của hệ thống chính trị trong xã hội xã hội chủ nghĩa là toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân. Nhân dân lao động trao quyền lực cho những người đại diện của mình trong bộ máy nhà nước để phục vụ lợi ích của mình. Nhân dân còn sử dụng rộng rãi các hình thức tổ chức xã hội - chính trị ngoài bộ máy nhà nước, những liên minh chính trị - xã hội và những phong trào quần chúng, để thực hiện quyền lực của mình, bảo đảm lợi ích của mọi người lao động.

Mối liên hệ và sự quy định lẫn nhau giữa các thiết chế trong hệ thống chính trị của xã hội xã hội chủ nghĩa, sự thống nhất và sự hoàn chỉnh của nó được bảo đảm bởi các mối liên hệ và quan hệ tồn tại trong nội bộ hệ thống. Do vậy, những quan hệ lãnh đạo chính trị, như quan hệ giữa đảng lãnh đạo với các tổ chức nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, là những quan hệ được quy định bởi các tiêu chuẩn và truyền thống của đời sống chính trị - xã hội. Trình độ chính trị của đông đảo quần chúng, việc củng cố nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta, thuật ngữ "hệ thống chính trị", "đổi mới hệ thống chính trị" mới được dùng trong những năm gần đây (sau Đại hội VI của Đảng). Thực chất và mục đích của đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta là xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân bằng một cơ chế thích hợp. Có thể nói, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động là mục đích, là bản chất, là linh hồn của hệ thống chính trị.

Còn mấu chốt của đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta là phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ và cơ chế hoạt động giữa đảng, nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội, làm cho mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị đều phát huy tốt vai trò của mình, và toàn bộ hệ thống chính trị hoạt động một cách năng động, nhịp nhàng, có hiệu quả, chống được quan liêu, xơ cứng, kém hiệu lực.

Digitized by Google

HỘI THẢO VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI MIỀN NÚI

Việc xây dựng phương hướng phát triển kinh tế - xã hội miền núi là nhiệm vụ đã, đang và sẽ còn thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, nhiều tổ chức hoạt động thực tiễn trong nước và quốc tế. Những năm qua, thông qua một số chính sách có hiệu quả như định canh định cư, giao đất giao rừng, di dân xây dựng vùng kinh tế mới, miền núi đã đổi thay cả về phương thức canh tác, tập quán và lối sống... Tuy vậy, những giải pháp còn mang tính đơn lẻ, tình thế. Để góp tiếng nói thiết thực cho vấn đề này, vừa qua, tại thị xã Hòa bình, Ban chủ nhiệm đề tài KX 08.10 cùng Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa bình tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề "Định hướng và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi".

Dự hội thảo có nhiều nhà khoa học, các giáo sư, tiến sĩ, một số chuyên gia nước ngoài. Đồng chí Nguyễn Nhiêu Cốc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Bạch Công Điệu, Chủ tịch UBND tỉnh đã đến dự. Hội nghị đã tập trung thảo luận và làm sâu sắc hơn những đánh giá và nhận định trong báo cáo đề dẫn của chủ nhiệm đề tài, PGS, PTS Trần Thanh Bình ; đồng thời thảo luận và tranh luận một số điểm còn chưa thống nhất. Vấn đề lớn, có ý nghĩa chỉ đạo và định hướng cho nghiên cứu, thu hút hội nghị là, có thể xây dựng được "chiến lược phát triển" cho miền núi không ? Và làm thế nào để có vốn đầu tư cho miền núi ?

Một số ý kiến cho rằng trình độ sản xuất của đồng bào miền núi còn mang nặng dấu vết của xã hội cộng đồng thị tộc, cơ sở hạ tầng quá sơ sài và yếu kém, dân trí thấp, nhân dân chưa có quan niệm và kiến thức về phát triển kinh tế thị trường, nhà nước ta lại chưa đủ thực lực vươn tới đầu tư cho miền núi, cho nên đến nay thực tế chưa có một cuộc tổng điều tra nào về tiềm năng đất đai, khoáng sản, nguồn lao động, v.v. ở miền núi. Một khi chưa phác họa được bức tranh tổng quát về nông thôn miền núi thì làm sao có căn cứ (lý luận và thực tiễn) để bàn chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở đây ?

Ý kiến khác lại cho rằng, nếu đợi đến khi có đầy đủ các điều kiện và yếu tố mới xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở đây thì sẽ mất thời cơ và làm cho hố ngăn cách giữa miền núi và miền xuôi càng sâu thêm... Phải biết từ những lợi thế vốn có của miền núi, truyền thống và đặc thù của miền núi mà "đi tắt", "đón đầu" ở một số ngành sản xuất và lĩnh vực kinh tế, tạo lực kéo cho các ngành kinh tế khác và thu hút vốn đầu tư ở bên ngoài. Hiện nay, miền núi có tới 19 triệu ha đất lâm nghiệp, 13 triệu ha đồi núi trọc, như vậy tiềm năng phát triển cây công nghiệp, khai thác gỗ rất lớn.Miền núi lại có nguồn nước tự nhiên dồi dào, thế năng lớn, rất thuận cho việc phát triển thủy điện và nuôi trồng thủy sản. Môi trường thiên nhiên ở đây lại trong lành, cảnh đẹp, thuận lợi cho việc phát triển ngành du lịch ! Đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi lại có kỹ năng canh tác trên đất dốc, v.v. Rõ ràng, đó là những tiền đề cho phép có thể phát triển sớm kinh tế - xã hội ở miền núi.

Đương nhiên, khi đã có chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đã có quyết tâm, thì vẫn còn một bài toán khó phải giải quyết là vốn đầu tư. Đối với các tỉnh miền núi, vấn đề này càng khó khăn. "Khơi trong, hút ngoài" là phương châm chỉ đạo để giải bài toán này. Nếu những năm qua, nhà nước đã dành một khoản ngân sách không nhỏ cho việc phát triển miền núi, thì trong vòng 5 - 10 năm tới, đầu tư của nhà nước cho việc này vẫn giữ vai trò quyết định. Hiện tại miền núi quá nghèo (thu nhập bình quân chỉ khoảng 60 đô la/người/năm ; 60% trẻ em ở đây bị suy dinh dưỡng...). Không thể tiếp tục kéo dài mãi tình trạng đầu tư ở miền núi chỉ để xóa đói giảm nghèo, với phương châm "cứu tế" bình quân là chính. Đã tới lúc cần chuyển hướng đầu tư, hướng nó vào việc phát triển sản xuất, khai thác thế mạnh và tiềm năng của từng vùng sinh thái. Và ở mỗi vùng sinh thái cũng phải chọn lựa thứ tự ưu tiên. Nơi nào trước hết cần và có thể phát triển giao thông, nâng cao dân trí ; nơi nào trước hết lại cần và có thể mở rộng du lịch, trồng và khai thác rừng v.v.,Ngoài vốn đầu tư của nhà nước ra, cần có chính sách ưu đãi, tạo môi trường thuận lợi để thu hút thêm vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác và của nước ngoài. Cần nhận thức sâu sắc rằng, đầu tư cho miền núi hôm nay thực tế là đầu tư cho môi trường sống của chúng ta ngày mai.

Một số ý kiến tiếp cận "sự phát triển trong mối quan hệ với tiến hóa" đặt vấn đề : phải chăng có thể thực hiện chiến lược "đi tắt", "đón đầu" để kịp và vượt trước, mà không cần xem xét nó trong sự phát triển tự nhiên - văn hóa - sinh thái - nhân văn ? Không thể không thấy điều này : thời gian qua, nhà nước ta đã xây dựng ở miền núi một số công trình công nghiệp quy mô lớn, hiện đại, có tác động và ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của nhân dân cả nước. Nhưng cũng chính từ các công trình này mà môi trường sinh thái - kinh tế - nhân văn của một vùng lãnh thổ, của một bộ phận dân cư đã bị thay đổi và biến dạng. Hiệu ứng xã hội tiêu cực của thủy điện Hòa bình là một bài học đáng xem xét. Khi đường dây dẫn 500 kilôvôn đi vào vận hành thì không chỉ nhân dân miền Bắc mà nhân dân cả nước đều được hưởng thụ dòng điện sông Đà. Vậy mà hiện tại đồng bào vùng lòng hồ Hòa bình vẫn đang xoay xở, loay hoay để thích nghi với nơi cư trú mới của mình. Phía trước nhà máy thủy điện Hòa bình là sự ngời sáng của ánh đèn thủy ngân cao áp thì phía sau nhà máy, nhân dân vẫn phải thắp sáng bằng ngọn đèn dầu v.v. Không thể để tồn tại nghịch lý là vùng đất nào giàu tài nguyên gì thì nhân dân vùng đó lại nghèo đi vì nó (!). Như vậy, đi đôi với khai thác miền núi, phải có chính sách đầu tư trở lại cho miền núi như thế nào cho hợp lý và hiệu quả. Hơn nữa, miền núi từng là căn cứ địa cách mạng trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ đất nước, đồng bào các dân tộc thiểu số ở đây đã hy sinh, đóng góp lớn cho cách mạng, vì vậy giờ đây không thể để miền núi tiếp tục "tụt hậu" trong sự phát triển chung của đất nước và dân tộc. Cần nhận thức sâu sắc : đầu tư cho miền núi không chỉ là trách nhiệm và nghĩa vụ của nhân dân cả nước, mà còn là đạo lý của cuộc sống.

PHẠM VĂN HUỲNH
(thực hiện)

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CÔNG TY
THƯƠNG NGHIỆP TỔNG HỢP AN GIANG



Giám đốc **THÁI HAI THỌ**

Địa chỉ :

- Số 02 Đường Ngô Gia Tự
  Thị xã Long Xuyên - An Giang
- ĐT : 52354

Văn phòng Giao dịch tại
TP. Hồ Chí Minh

- Số 94 Đường Cao Thắng - Q3
- ĐT : 224103
- Fax : 52354



Văn phòng công ty

*** Công ty Thương nghiệp tổng hợp An Giang chuyên thu mua và chế biến các loại nông, lâm, hải sản, xuất khẩu như đậu xanh, đậu nành, đậu phộng, mè, hạt tiêu, tôm đông lạnh, trứng muối, thuốc lá v.v... Công ty còn kinh doanh các mặt hàng khác như thực phẩm công nghiệp, điện máy kim khí, vật liệu xây dựng v.v...**

*** Là Doanh nghiệp nhà nước, Công ty Thương nghiệp tổng hợp An Giang đã có quan hệ mua bán với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước, được khánh hàng tín nhiệm bởi quan hệ sòng phẳng, mọi thủ tục mua bán nhanh gọn.**

*** Trong gần 18 năm hình thành và phát triển, công ty luôn là đơn vị điển hình trong toàn quốc về thành tích kinh doanh, đóng góp cho nhà nước và giải quyết tốt lực lượng lao động tại địa phương, đã được nhận nhiều phần thưởng cao quí của Đảng và Nhà nước.**

Digitized by Google

CÔNG TY

BIA SAI GON

. Bia lon 333
. Bia chai NT.45cl.
. Bia hơi.

- Có chất lượng cao Thơm - ngon - bổ dưỡng
- Phương thức mua bán dễ dàng và thuận lợi
- Địa chỉ liên hệ : số 6 Hai Bà Trưng, Q1 TP Hồ Chí Minh (gặp chị Mai)
- Điện thoại : 294081 - 294083



CÔNG TY BIA SÀI GÒN XIN HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP SỢI-DỆT KIM HÀ NỘI

HANOSIMEX

Nº1 MAI ĐỘNG, QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI - VIỆT NAM
Tel : 2.64619 - 2.64611 - 2.62334. Telex : 412414 SPIN VT Fax : 84-4.262334



THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI - CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN-QUẢN LÝ GIỎI - CÔNG NHÂN LÀNH NGHỀ - CHẤT LƯỢNG CAO - UY TÍN LÂU NĂM

SẢN PHẨM

* SỢI PECO - COTTON - PE...

* VẢI DỆT KIM CÁC LOẠI : RIB, INTERLOCK, SINGLE...

* CÁC LOẠI ÁO MẶC LÓT, MẶC NGOÀI : T-SHIRT, POLO SHIRT, THỂ THAO VÀ CÁC LOẠI KHĂN BÔNG...

HANOSIMEX
LUÔN LÀM HÀI LÒNG QUÝ KHÁCH

Digitized by Google

Công ty đường Lam sơn

LAM SON SUGAR.CO.

Địa chỉ : Thị trấn Lam sơn, Thọ xuân, Thanh hóa
Office : Tho Xuan District, Thanh hoa Province.
Tel : 33.256 - 33.257 Fax : 0084.37.33.258.

NĂM 1994

- Sản xuất 20.000 tấn đường.
- Sản xuất 1.500.000 lít cồn 90°
- Sản xuất 1.000.000 lít rượu màu.
- Sản xuất 600.000 kg bánh kẹo
- Sản xuất 200.000kg khí CO_2.
- Sản xuất 5.000 tấn phân bón tổng hợp sinh học.

+ Đạt giá trị sản lượng hàng hóa 60 tỷ đồng - tăng 15 tỷ đồng so với 1993.

+ Nộp Ngân sách Nhà nước 16 tỷ đồng, tăng 6 tỷ đồng so với 1993.

+ Đồng thời xúc tiến dự án hợp tác liên doanh với Hãng Tatte & Lyle (Vương quốc Anh) mở rộng vùng nguyên liệu lên 20.000 ha và mở rộng nhà máy lên 6.000 tấn/ngày, đạt sản lượng 90.000 tấn đường vào năm 1996-1997.



Nhà máy trên vùng nguyên liệu

* CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI
-5B,phố Minh Khai, quận Hai Bà Trưng
- Tel : 621106

★

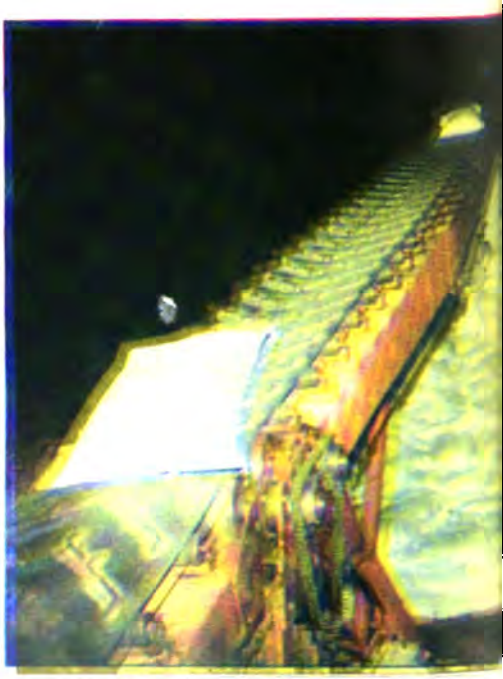
* CHI NHÁNH TẠI THỊ XÃ THANH HÓA :
- 21 đường Dương Đình Nghệ.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

LÊ VĂN TAM



Đưa mía vào dây chuyền ép



Đường trắng vào kho

Hân hạnh được đón tiếp Quý khách

Digitized by Google

IN TẠI NHÀ IN NHÂN DÂN HÀ NỘI II CHỈ SỐ 12651 - ISSN0866 - 7276 GIÁ : 2000đ

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
AUG 10 1994
CURRENT SERIALS

6
1994

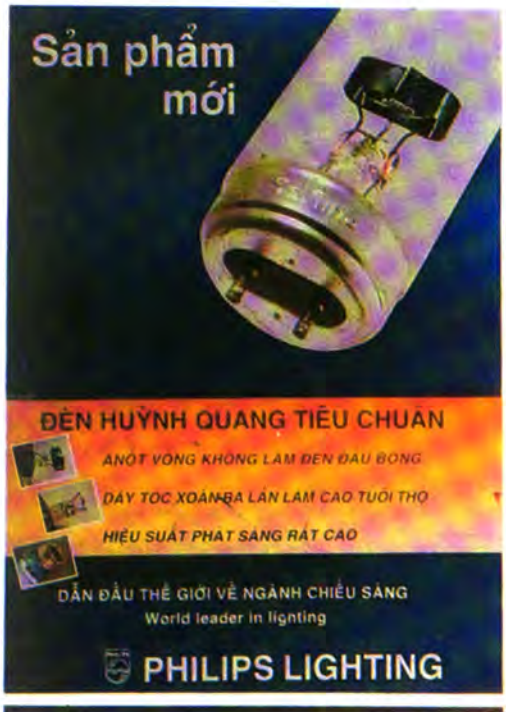
Digitized by Google

CÔNG TY KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY

BITEX

BÌNH TÂY IMPORT - EXPORT Co.

Địa chỉ 78 - 82 Hậu Giang, Q6, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại : 559669-559185
Fax : 84 - 8 - 557846



MỘT KHÁM PHÁ MỚI CỦA BẠN

SẢN PHẨM CHIẾU SÁNG CỦA PHILIPS

Kính màu an toàn nhiều lớp cao cấp :

★ Mới, lạ, đẹp, bền, nhiều màu sắc, đa dạng, dùng trong xây dựng, trang trí nội thất.

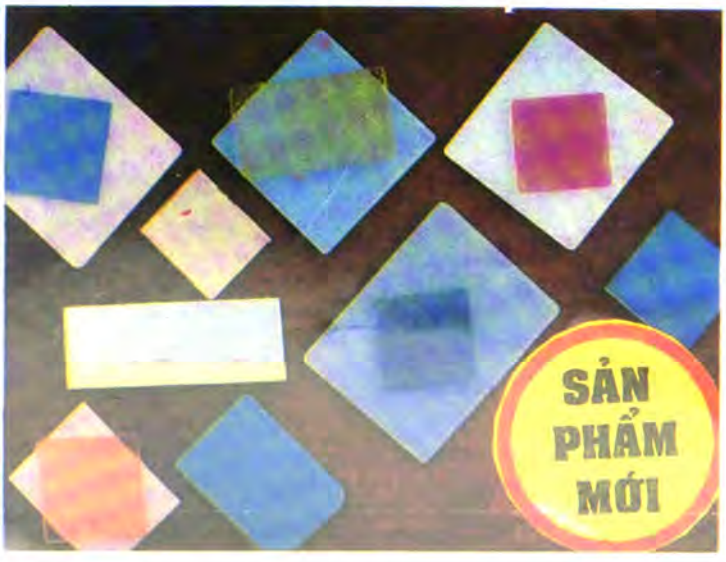
★ Lần đầu tiên sản xuất tại Việt Nam với quy trình công nghệ nước ngoài.

★ Bán sỉ và lẻ tại số 197 Hùng Vương, Q.6. ĐT : 556012

Sản phẩm chiếu sáng của Philips :

★ Dùng cho các công trình cao ốc, văn phòng, khách sạn, nhà hàng, sân Golf, sân vận động, đường phố, sân ga, bến cảng... Bóng đèn Philips đáp ứng mọi yêu cầu với giá phải chăng, chất lượng đảm bảo, ánh sáng hài hòa.

★ Quý khách có nhu cầu hoặc xin làm đại lý, mời liên hệ Phòng Kinh doanh của BITEX tại số 68 Hậu Giang Q.6 ĐT : 556395



★ **Xuất** : Nông sản, lâm sản, thủy hải sản, quần áo may sẵn, hàng thuê đủ loại và hàng thủ công mỹ nghệ.

★ **Nhập :** Hàng tiêu dùng, nguyên vật liệu.

★ **Đầu tư :** Đang thực hiện dự án hợp tác kinh doanh với các công ty nước ngoài về nhà ở, văn phòng và chợ Bình Tây.

★ **Du lịch :** Nhà hàng, KS Chợ Lớn, Vũ trường

★ *Quý khách có nhu cầu xin liên hệ văn phòng công ty số 78-80 Hậu Giang - Quận 6 TP. HCM*

★ *Điện thoại : 557846 - 559185 - 559669*

Hân hạnh đón tiếp Quý khách

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

6-1994 NĂM THỨ BỐN MƯƠI (462)

MỤC LỤC

	TÀO HỮU PHỪNG - Chính sách tài chính quốc gia trong giai đoạn hiện nay	3
	VÕ TÒNG XUÂN - Khuyến nông và công cuộc xóa đói giảm nghèo ở nông thôn	7
	NGUYỄN TÀI THƯ - Bảo vệ giá trị truyền thống dân tộc	12
	*** Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm *Tạp chí Cộng sản*	17
Nghiên cứu - Trao đổi	HÀ XUÂN TRƯỜNG - Về chủ nghĩa xã hội mác xít	18
	KHỔNG ĐOÀN HỢI - Hiểu thế nào về *học thuyết giá trị thặng dư* của Mác trong điều kiện hiện nay	23
	VŨ NGỌC NHỪNG - Làm gì để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế	26
	MAI HỮU THỰC - Mấy suy nghĩ về quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta	30
	ĐỖ ĐỨC ĐỊNH - Kinh nghiệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa của một số nước và khả năng vận dụng sáng tạo ở Việt nam	34
Thực tiễn - Kinh nghiệm	TRẦN QUANG NHIỆP - Tạo bước chuyển biến mới đối với vùng đồng bào các dân tộc	38
	DƯƠNG BÁ PHƯỢNG - Phát triển kinh tế - xã hội ở Sơn la	42
	THU LINH - Mô hình làng văn hóa ở nông thôn hiện nay	46
Điều tra	TIẾN HẢI - Nhức nhối ngành than Quảng ninh	49
Sinh hoạt tư tưởng	ĐAN TÂM - Mua bán chức tước	53
Thư gửi Bộ biên tập	KHUẤT DUY HẢI - Để có nhiều người ham đọc sách lý luận chính trị	54
Thế giới : vấn đề, sự kiện	THANH TÙNG - Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các nước công nghiệp mới ở Đông Á	56
Qua sách báo nước ngoài	TÊ-CHƯ-ĐÔ PHU-OA - "Bàn về phong trào của chủ nghĩa xã hội khoa học"	59
Tìm hiểu khái niệm	Công bằng xã hội. Bình đẳng trước pháp luật	61
Tin hoạt động lý luận	Hội thao về quyền con người	62

Bìa 1 : Cảng than Cửa Ông (Quảng ninh)
Ảnh : Trần Thành Công

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội ● Dây nói : 2.52061 - 2.52062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP Hồ Chí Minh ● Dây nói : 2.25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ТАО ХЫУ ФУНГ - Государственная финансовая политика в настоящий период. ВО ТОНГ СУАН - Поощрение земледелия и дело ликвидации голода, уменьшения бедности. НГУЕН ТА И ТХЫ - Охрана традиционных национальных ценностей. ● **Исследования-обмен мнениями** * ХА СУАН ЧЫОНГ - О марксистском социализме. КХОНГ ЗОАН ХОЙ - Как понять *марксистскую теорию прибавочной стоимости* применительно к современным условиям? ВУ НГОК НЮНГ - Что делать, чтобы надёжно отстоять социалистическую направленность экономики? МАЙ ХЫУ ТХЫК - Некоторые размышления о индустриализации и модернизации в нашей стране. ДО ДЫК ДИНЬ - Опыт, приобретенный в ходе индустриализации и модернизации в ряде зарубежных стран, и возможность его творческого применения в нашей стране. ● **Мир : проблемы и факты** * ТХАНЬ ТУНГ - Перемещение экономических структур новых индустриальных стран Восточной Азии.

CONTENTS

TÀO HỮU PHÙNG - The policy of national finance in the current time. VÕ TÒNG XUÂN - The encouragement of agriculture and the cause of liquidation of starvation and reduction of poverty in the rural areas. NGUYỄN TÀI THƯ - Protection of traditional values of the nation. ● **Research-Exchange of Views** * HÀ XUÂN TRƯỜNG - On the marxist socialism. KHỔNG DOÃN HỢI - On the understanding of K.Marx's *Doctrine of surplus value* in present condition. VŨ NGỌC NHUNG - What to do to maintain the socialist orientation in the economy. MAI HỮU THỰC - Some reflections on the process of industrialization and modernization in our country. ĐỖ ĐỨC ĐỊNH - Experiences on the industrialization and modernization in several countries and the creative application in Vietnam. ● **The World - Facts and figures** * THANH TÙNG - The shifting of economic structures in the newly industrialized countries of East Asia.

SOMMAIRE

TÀO HỮU PHÙNG - La politique de finance nationale à l'étape actuelle. VÕ TÒNG XUÂN - L'encouragement agricole et la lutte contre la famine et la pauvreté à la campagne. NGUYỄN TÀI THƯ - Défendre lé valeurs traditionelles nationales. ● **Etudes-Echanges** * HÀ XUÂN TRƯỜNG - Sur le socialisme marxiste. KHỔNG DOÃN HỢI - Pour comprendre *"la plus value"* du marxisme dans les circonstances actuelles. VŨ NGỌC NHUNG - Que faire pour maintenir l'orientation socialiste dans l'économie. MAI HỮU THỰC - Quelques réflexions sur le processus d'industrialisation et de modernisation au Vietnam. ĐỖ ĐỨC ĐỊNH - Les expériences d'un certain nombre de pays dans l'industrialisation et la modernisation et les possibilités de les appliquer de façon créative au Vietnam. ● **Le Monde : Problèmes-Evénements** * THANH TÙNG - Le changement de la structure économique des nouveaux pays industriels de l'Asie de l'Est.

SUMARIO

TÀO HỮU PHÙNG - La política nacional de finanzas en el presente período. VÕ TÒNG XUÂN - La promoción de la agricultura y el trabajo de liquidar el hambre y reducir la pobreza en el campo. NGUYỄN TÀI THƯ - Proteger el valor de la tradición nacional. ● **Estudios - Intercambios** * HÀ XUÂN TRƯỜNG - Sobre el socialismo marxista. KHỔNG DOÃN HỢI - ¿Cómo se comprende de la *doctrina de plusvalía* de Carlos Mark en la condición actual? VŨ NGỌC NHUNG - ¿Qué se hace para mantener la orientación socialista en la economía? MAI HỮU THỰC - Algunas reflexiones sobre el proceso de industrialización y modernización en Vietnam. ĐỖ ĐỨC ĐỊNH - Experiencias de industrialización y modernización de algunos países y posibilidad de aplicarlas creadoramente en Vietnam. ● **El Mundo - Problemas y acontecimientos** * THANH TÙNG - El paso de la estructura económica de los países de nuevas industrias en Asia Oriente.

目錄：

曹友逢 — 現階段的國家財政政策。武從春 — 農村的勉農及掃飢減貧工作。阮才青 — 維護民族傳統價值 ● 研究與交換 ★ 何春長 — 關于馬克思社會主義。孔尹亥 — 如何理解目前條件下的馬克思*剩余價值學說*。武玉絨 — 如何堅持社會主義經濟定向。梅有實 — 關于我國工業化、現代化的幾點想法。杜德定 — 一些國家工業化、現代化的經驗及在越南創造性地運用的可能性 ● 世界：問題、事件 ★ 青松 — 東亞新興工業國家經濟結構之轉移。

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH QUỐC GIA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TÀO HỮU PHÙNG *

Từ sau Đại hội VI của Đảng đến nay, nền kinh tế nước ta đã có sự chuyển đổi rất nhanh chóng. Các hoạt động kinh tế, tài chính trở nên sôi động và đã dần dần hình thành các thị trường vận hành theo quan hệ cung cầu, như thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường vốn. Sự thành công bước đầu của công cuộc đổi mới ở nước ta được thể hiện rõ nét trên các chỉ tiêu : tăng trưởng kinh tế, giảm lạm phát, từng bước ổn định và nâng cao đời sống của các tầng lớp nhân dân. Bên cạnh đó, cơ chế mới cũng đang bộc lộ những hạn chế, thiếu sót, như sự phân hóa xã hội, tính tự phát của các hoạt động kinh tế, tài chính, v.v.. Ở đây, một vấn đề quan trọng cần được lưu ý là trong cơ chế mới, vai trò, vị trí của nhà nước đã có sự thay đổi rõ rệt ; nhà nước không can thiệp trực tiếp vào các hoạt động kinh tế, tài chính của các đơn vị như trước đây, mà có hệ thống pháp luật để điều chỉnh và thực hiện vai trò quản lý vĩ mô. Để đảm nhận được vai trò này, vấn đề hoạch định chiến lược và chính sách, trong đó có chiến lược và chính sách tài chính quốc gia, có ý nghĩa rất to lớn.

Mục tiêu của chính sách tài chính quốc gia đã được khẳng định là "hướng vào việc tạo vốn, và sử dụng vốn có hiệu quả trong toàn xã hội, tăng nhanh sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, điều tiết quan hệ tích lũy - tiêu dùng theo hướng nâng dần tỷ lệ tích lũy, cải thiện từng bước vững chắc đời sống của nhân dân, thực hiện công bằng xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế"(1). Chính sách tài chính quốc gia là một hệ thống chính sách đối với từng lĩnh vực tài chính, từng khâu tài chính. Trong mỗi giai đoạn phát triển của nền kinh tế xã hội cần có một chính sách tài chính phù hợp. Vì vậy, *Báo cáo chính trị* tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII) của Đảng đã vạch rõ : *tiếp tục khắc phục cho được những nguy cơ, thử thách đặt ra cho nền kinh tế quốc dân, đặc biệt là nguy cơ tụt hậu về kinh tế và nguy cơ tham nhũng, buôn lậu*, vì đó là hai nguy cơ gắn trực tiếp với vấn đề quản lý tài chính. Với nhận thức đó, tôi cho rằng, chính sách tài chính quốc gia trong giai đoạn tới phải hướng vào các nội dung lớn sau đây :

1 - *Chính sách huy động các nguồn vốn phục vụ cho đầu tư phát triển kinh tế.* Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 đề ra mục tiêu tăng gấp đôi tổng sản phẩm trong nước. Điều đó đòi hỏi phải tăng cường đầu tư với khối lượng vốn cần thiết từ 40 đến 45 tỉ USD. Xét về khả năng nguồn vốn, chúng ta có thể huy động từ 20 đến 22 tỉ USD từ ngoài nước thông qua đầu tư trực tiếp, viện trợ, vay ODA, kiều hối và phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế. Phần còn lại phải huy động từ tiết kiệm trong nước. Phân tích tình hình phân phối GDP mấy năm qua cho thấy tỷ lệ tiết kiệm ở nước ta còn thấp, thậm chí rất thấp (chỉ khoảng 13% GDP theo đánh giá của các chuyên gia nước ngoài, so với 17 - 25% bình quân ở các nước đang phát triển và 30 - 34% ở Trung quốc). Do đó, cần có chính sách và biện pháp tăng tỷ lệ tiết kiệm cho đầu tư ở tất cả các khu vực : nhà nước, doanh nghiệp, hộ gia đình và các tổ chức tài chính. Một trong những biện pháp quan trọng ở đây là phát triển thị trường vốn và đa dạng hóa các công cụ của thị trường này bằng cách thành lập thị trường chứng khoán, phát hành các loại cổ phiếu và trái phiếu (trái phiếu của

* GS. TS kinh tế học. Thứ trưởng Bộ tài chính

(1) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 27

Digitized by Google

chính phủ, trái phiếu của địa phương, trái phiếu của công ty). Một nội dung quan trọng khác của chiến lược vốn là có biện pháp khuyến khích tiết kiệm, định hướng tiêu dùng. Ở đây, vấn đề đặt ra là *vừa* phải có chính sách hạn chế việc tiêu dùng lãng phí, xa xỉ, vượt quá khả năng của nền kinh tế và mức sống của xã hội ; *vừa* phải có chính sách khuyến khích, tạo môi trường cho các tầng lớp nhân dân bỏ vốn đầu tư phát triển kinh tế theo định hướng của nhà nước và sử dụng có hiệu quả các nguồn tiết kiệm, trong đó có cả việc bảo vệ lợi ích của người gửi tiền và bảo đảm giá trị của tiền gửi.

Chiến lược vốn gắn với yêu cầu sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn vốn ; tính hiệu quả của đồng vốn thể hiện ở việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tốc độ hiện đại hóa và công nghiệp hóa nền kinh tế. Bằng các chính sách và công cụ như thuế, lãi suất, chi tiêu ngân sách nhà nước, chính sách tín dụng nhà nước v.v., nhà nước có thể định hướng đầu tư và trực tiếp đầu tư vào các lĩnh vực then chốt, làm động lực thúc đẩy các doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư theo định hướng của chiến lược đã được hoạch định.

2 - *Chính sách tiền tệ - tín dụng*. Trong những năm gần đây, tốc độ lạm phát đã được đẩy lùi, song những vấn đề về tiền tệ, tín dụng vẫn cần được tiếp tục đổi mới. Trước hết, cần tăng cường hoạt động của Ngân hàng nhà nước với đầy đủ các chức năng và sử dụng triệt để các công cụ (ký quỹ, chiết khấu, thị trường mở) để kiểm soát thị trường tiền tệ. Bên cạnh đó, lưu ý kiểm soát lượng tiền trong lưu thông sau cấm vận. Ở đây, vấn đề tỷ giá và chính sách tỷ giá có ý nghĩa hết sức quan trọng để xử lý vấn đề lạm phát và thực hiện chính sách phát triển kinh tế cũng như chính sách kinh tế đối ngoại.

Đối với hoạt động của các ngân hàng thương mại, trong những năm qua đã có nhiều đổi mới về mặt công nghệ, phương thức kinh doanh. Song xét về khả năng phục vụ và mạng lưới các chi nhánh của hệ thống ngân hàng thương mại, hoạt động của hệ thống này chưa phải đã đáp ứng được yêu cầu. Cần sớm tách chức năng của ngân hàng nhà nước ra khỏi các ngân hàng thương mại ; không chuyển vốn của ngân sách nhà nước sang cho ngân hàng thương mại sử dụng làm nguồn vốn kinh doanh.

3 - *Chính sách thuế*. Chính sách thuế có ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, đầu tư, tiêu dùng xã hội, đến tăng giảm giá cả trên thị trường. Do đó, dựa vào các sắc thuế, nhà nước có thể tác động đến việc khuyến khích hoặc hạn chế sự phát triển sản xuất kinh doanh. Đương nhiên, tùy theo tình hình cụ thể, nhà nước có thể chủ động điều chỉnh thuế mới để tác động trở lại đối với nền kinh tế. Nếu như nền kinh tế có lạm phát, thì việc tăng thuế suất có tác dụng ức chế sự gia tăng của tổng cầu. Khi nền kinh tế có dấu hiệu suy thoái, thì việc hạ thuế suất sẽ có tác dụng kích thích sản xuất và đầu tư, nâng cao nhu cầu tổng thể, tạo điều kiện cho việc phục hồi kinh tế. Như vậy, chính sách thuế có vai trò vô cùng quan trọng trong nền kinh tế, nó kích thích hoặc hạn chế tốc độ tăng trưởng kinh tế trong cơ chế thị trường phù hợp với định hướng phát triển kinh tế trong từng giai đoạn cụ thể.

Hiện nay, hệ thống thuế đã hình thành và thực hiện thống nhất trong cả nước, tỷ trọng thu ngân sách nhà nước đã tăng đáng kể và đạt trên 22% GDP trong năm 1993. Tuy nhiên, việc hoàn thiện hệ thống thuế vẫn đang là một đòi hỏi cấp bách, cần phải xây dựng cơ sở lý luận cho việc xác định tỷ lệ động viên hợp lý nhằm bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước và kích thích sản xuất phát triển. Bên cạnh đó, việc cải cách triệt để hệ thống thu và bộ máy thu cùng việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính nhằm chống buôn lậu, chống tham nhũng, là một nhiệm vụ hết sức quan trọng.

Trong hệ thống thuế, thuế doanh thu đang được quan tâm với nhiều ý kiến khác nhau. Cần có chính sách rõ ràng và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc chuyển đổi từ thuế doanh thu sang thuế trị giá gia tăng (TVA)

nhằm khắc phục sự chồng chéo và trùng lắp của thuế. Đồng thời, cần sớm sửa đổi, bổ sung thuế thu nhập, thuế chuyển quyền sử dụng đất và thuế giao quyền sử dụng đất... Vấn đề đặt ra là làm thế nào trong từng thời kỳ lựa chọn được chính xác các lĩnh vực các ngành hàng, mặt hàng sản xuất kinh doanh được khuyến khích để có chính sách thuế phù hợp. Điều cần chú ý là thông qua chính sách thuế, góp phần thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội.

4 - *Chính sách ngân sách.* Cho tới nay, hoạt động của ngân sách nhà nước và quản lý ngân sách nhà nước tuy đã được đổi mới, song về cơ bản ngân sách nhà nước vẫn chưa thực sự hoạt động có hiệu quả ; việc quản lý ngân sách nhà nước còn nhiều sơ hở, tạo điều kiện cho tệ nạn tham ô, tham nhũng phát triển. Trong giai đoạn tới, cùng với việc ban hành luật ngân sách nhà nước, hoạt động của ngân sách nhà nước cần được thay đổi theo hướng tập trung thống nhất ; ngân sách nhà nước phải là công cụ tài chính quan trọng để nhà nước tạo ra các "cú đấm" chiến lược nhằm góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, xóa bỏ tình trạng phân biệt giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương ; ngân sách nhà nước phải được tập trung mạnh về trung ương để giải quyết các nhu cầu, chi tiêu quan trọng của quốc gia, như an ninh, quốc phòng, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, thực hiện các dự án đầu tư kinh tế lớn và các chương trình quốc gia về kinh tế, xã hội.

Tuy nhiên, trong quản lý ngân sách nhà nước, cũng cần thiết phải có sự phân công, phân cấp quản lý giữa các ngành, các cấp, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước. Đổi mới cơ chế quản lý ngân sách nhà nước phải được thể hiện trong toàn bộ chu trình ngân sách, từ khâu lập và quyết định ngân sách nhà nước, tới khâu chấp hành, kiểm tra và quyết toán ngân sách nhà nước. Trong việc chấp hành ngân sách nhà nước, vấn đề quan trọng là phải đổi mới hình thức cấp phát kinh phí ngân sách nhà nước, thay việc cho phép các đơn vị dự toán mở tài khoản riêng để rút tiền về tự chi tiêu như hiện nay ; phải áp dụng hình thức cấp phát trực tiếp từ kho bạc nhà nước cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ. Đây là một giải pháp rất quan trọng trong quản lý ngân sách nhà nước, góp phần tích cực vào việc chống tiêu cực, chi tiêu sai mục đích, tùy tiện. Tuy nhiên, đối với tình hình ở nước ta, việc thực hiện nguyên tắc này chắc chắn sẽ gặp nhiều khó khăn, cần phải thực hiện từng bước.

Một vấn đề khác trong chính sách ngân sách là vấn đề bội chi và xử lý bội chi ngân sách. Chính sách nhất quán của chúng ta là không tiêu dùng vượt quá khả năng, mọi khoản chi thường xuyên phải được đáp ứng từ các nguồn thu thường xuyên từ thuế và phí, tiến tới có tiết kiệm ngày càng tăng để dành cho đầu tư xây dựng cơ bản. Trường hợp thiếu vốn đầu tư, nếu chi phải được Quốc hội phê chuẩn, và sẽ dùng biện pháp vay vốn của dân hoặc của nước ngoài để bù vào.

5 - *Chính sách tài chính đối ngoại.* Trong giai đoạn phát triển mới của nền kinh tế đất nước, hoạt động kinh tế - tài chính đối ngoại có nhiều thuận lợi, song cũng không ít khó khăn, thử thách. Để nền kinh tế nước ta hòa nhập với nền kinh tế thế giới, chính sách tài chính phải hướng vào mục tiêu khuyến khích cải tiến công nghệ, tạo điều kiện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu. Ở đây, vai trò của công cụ thuế và công cụ ngân sách có vị trí hết sức quan trọng. Chính sách thuế phải hướng vào việc tạo thuận lợi cho các hoạt động xuất khẩu, bằng việc xác định khung thuế suất hợp lý đối với các mặt hàng nhập khẩu để chế biến hàng xuất khẩu, và khung thuế suất ưu đãi cho các mặt hàng xuất khẩu. Việc bố trí ngân sách để tài trợ cho các hoạt động sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu, cần được coi là một chính sách quan trọng của nhà nước. Có thể lập quỹ hỗ trợ phát triển có thu hồi, và dành một phần quỹ này để cho vay với lãi suất thấp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu.

Bên cạnh đó, một nội dung quan trọng khác của chính sách tài chính đối ngoại là phát triển

Digitized by Google

các mối quan hệ về tài chính với các nước và các tổ chức tài chính quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ bằng việc huy động các nguồn tài trợ ưu đãi (ODA) và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trên. Đối với vốn đầu tư của nước ngoài, cần có sự chọn lọc và có chính sách phù hợp để các nhà đầu tư nước ngoài có thể yên tâm đầu tư, đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước phát triển, bảo đảm sự cạnh tranh lành mạnh, tránh tình trạng để các doanh nghiệp nước ngoài lấn át và chiếm lĩnh thị trường nội địa.

Trong thời gian tới, nhu cầu vốn đầu tư cho nền kinh tế còn lớn, quan điểm của chúng ta là lấy nguồn vốn trong nước làm cơ sở, song cũng cần thiết phải thu hút các nguồn vốn nước ngoài. Do đó, bên cạnh các nguồn tài trợ (ODA), các nguồn vốn đầu tư trực tiếp, cần phải có chính sách đa dạng nhằm khuyến khích kiều hối và mở cửa ra thị trường vốn quốc tế thông qua các hình thức : phát hành trái phiếu của chính phủ và cổ phiếu hoặc trái phiếu của công ty ra một số thị trường quốc tế. Đây là một lĩnh vực mới, cần có hệ thống pháp luật bảo đảm và phải được chuẩn bị chu đáo và có bước đi thích hợp.

6 - *Chính sách tài chính doanh nghiệp.* Các cơ sở kinh tế ở nước ta bao gồm các doanh nghiệp với nhiều thành phần kinh tế khác nhau, trong đó doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí chủ đạo. Chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với các doanh nghiệp, thể hiện rõ trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác, là chính sách khuyến khích, tạo điều kiện, hành lang, môi trường cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển. Đối với các doanh nghiệp nhà nước, vị trí chủ đạo không phải thể hiện ở số lượng hoặc doanh số, mà ở chỗ tạo tiền đề, tạo điều kiện cho sự phát triển của các thành phần kinh tế khác ; đồng thời, bảo đảm thực hiện tốt việc điều chỉnh thị trường, chống độc quyền và chống những cơn sốt có thể tạo ra dây chuyền khủng hoảng kinh tế (làm đảo lộn mặt bằng giá cả). Tuy nhiên, hiện nay số lượng các doanh nghiệp nhà nước còn lớn, trong đó có nhiều doanh nghiệp không thực hiện được vai trò của mình. Đối với loại doanh nghiệp này, nhà nước có chính sách đa dạng hóa sở hữu thông qua cổ phần hóa.

Số doanh nghiệp nhà nước còn lại cần được đổi mới cơ chế quản lý nhằm xử lý dứt điểm mối quan hệ giữa người *sở hữu* (nhà nước) và người *sử dụng* (ban giám đốc) theo hướng : nhà nước phải thể hiện được vai trò là người sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Nhưng đồng thời, mỗi doanh nghiệp nhà nước có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh. Một trong những bước quan trọng để thực hiện mục tiêu này về mặt pháp lý là việc ban hành luật doanh nghiệp nhà nước. Khi luật ra đời, thì vấn đề thành lập, quản lý đối với doanh nghiệp nhà nước sẽ được và phải được giải quyết theo luật. Một trong những nội dung đổi mới chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước, là đổi mới hệ thống kế toán doanh nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường, bảo đảm hạch toán chính xác, trung thực đối với mọi chi phí và kết quả, nghiêm cấm mọi biểu hiện gian lận, thiếu trung thực, gây thất thoát tài sản, công quỹ của nhà nước ; tăng cường việc kiểm tra, giám sát đối với công tác kế toán ở các doanh nghiệp nhà nước.

Tóm lại, chính sách tài chính quốc gia là một hệ thống chính sách đối với từng lĩnh vực tài chính, từng khâu tài chính. Quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, cần có một chính sách tài chính phù hợp nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Để chính sách tài chính quốc gia đi vào cuộc sống, cần có những điều kiện nhất định. Phải đào tạo được một đội ngũ cán bộ quản lý tài chính có năng lực, có trình độ. Phải có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh ; có hệ thống kiểm tra, thanh tra tốt ; xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm luật (như tham ô, tham nhũng, trốn lậu thuế v.v.). Và cuối cùng, phải tổ chức được một bộ máy quản lý tài chính gọn nhẹ, hợp lý, ở tất cả các ngành, các cấp.

Digitized by Google

KHUYẾN NÔNG VÀ CÔNG CUỘC XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở NÔNG THÔN

VÕ TÒNG XUÂN *

DƯỚI thể chế xã hội chủ nghĩa đổi mới của nước ta, vai trò quan trọng của hộ nông dân cá thể được Nhà nước chính thức công nhận từ năm 1988, và được củng cố thêm bởi các nghị quyết sau đó, gần đây nhất là Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Trung ương Đảng. Từng người nông dân đã và đang sử dụng mọi tài nguyên thiên nhiên và lao động của gia đình mình để đạt sản lượng cao nhất. Các tỉnh đã thấy phải đưa tiến bộ công nghệ nông, lâm, ngư xuống tận tay người nông dân, chứ không phải chỉ đến ban chủ nhiệm hợp tác xã hoặc ban giám đốc nông trường quốc doanh như trước.

Tuy vậy, ở một số tỉnh, phong trào khuyến nông hiện nay đang trở nên một kiểu "thời trang" mới, với những phương pháp không đồng nhất. Trong khi An giang đã mạnh dạn phát triển phong trào khuyến nông thật sâu rộng ở nông thôn từ năm 1987, và đã đưa sản lượng nông nghiệp hằng năm của tỉnh tăng vọt, thì một số tỉnh khác lại rất lúng túng, chờ chủ trương từ trên, không dám tổ chức các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh và không gắn khuyến nông với xóa đói giảm nghèo.

Nghị quyết 5 của Trung ương Đảng đã nêu rõ, trong nhiều năm qua, nước ta đã vượt qua những khó khăn kinh tế xã hội rất đáng mừng. Nhưng từ đây bước đi của chúng ta có nhanh được không là tùy khả năng tạo công ăn việc làm cho hơn một triệu lao động mới mỗi năm để xóa đói giảm nghèo. Lịch sử phát triển kinh tế của các nước chung quanh ta cũng cho thấy thực trạng tương tự như ở nước ta : những người đói và nghèo trong thành thị phần lớn là những người từ nông thôn đến với hy vọng tìm công ăn việc làm, nhưng không có việc làm. Trong nông thôn, nơi mà hơn 80% dân số đang sống phụ thuộc vào nông, lâm, ngư nghiệp, người nghèo còn chiếm đa số, lao động dư thừa không việc làm còn rất nhiều, triển vọng là số người này sẽ tiến ra thành thị, gây thêm nhiều khó khăn cho xã hội, nếu tại nông thôn họ không có khả năng làm ra tiền. Do đó, sức mua của đại bộ phận dân chúng vẫn còn ở mức thấp không đủ để thúc đẩy công cuộc công nghiệp hóa đất nước. Nghị quyết Trung ương 5 kêu gọi toàn dân tham gia phát triển nông thôn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nông dân làm giàu, đưa nền nông nghiệp Việt nam sớm vượt lên ngang hàng các nước tiên tiến trên thế giới. Nhưng ta biết, từ trước đến nay Đảng và Nhà nước vẫn quan tâm đến giai cấp nông dân. Vậy thì việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 có gì đặc biệt hơn phải nói ? Có lẽ bây giờ đã đến lúc chúng ta cần thấy rõ hơn bao giờ hết là, công tác khuyến nông có quan hệ chặt chẽ với vấn đề xóa đói giảm nghèo.

*

Trước đây nhà nước quan tâm đến dân nghèo ở nông thôn bằng cách suy nghĩ giùm họ, rồi chỉ đạo bằng cách giao chỉ tiêu cho họ sản xuất lương thực ở mọi nơi bằng mọi giá, thậm chí phải phá rừng để trồng cây lương thực cũng không tiếc. Ngày nay, trong cơ chế thị trường, mỗi người lãnh đạo từ trung ương đến tỉnh, huyện, thôn xã, đều nhận ra rằng : mỗi vùng khác nhau của đất nước đều có thế mạnh đặc thù về sinh thái và môi trường, có thể sản xuất nhiều sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp đa dạng, không chỉ biết có mỗi việc trồng cây lương thực. Nông dân khắp nơi trên thế giới đã khám phá từ lâu một sự thực : sản xuất lương thực chỉ làm no cái bụng nhưng không thể làm no túi tiền ! Bây giờ nhà nước đang khuyến khích

* GS, Phó hiệu trưởng, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và phát triển hệ thống canh tác, Trường đại học Cần thơ.

Digitized by Google

chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. Nhưng vấn đề đặt ra cho lãnh đạo và nông dân các tỉnh là : chuyển dịch thế nào để bảo đảm nâng cao thu nhập cho từng nông hộ, và đồng thời giữ cho môi trường sản xuất được ổn định lâu bền ? Người nghèo ở nông thôn có thể ví như người bệnh. Một bệnh nhân tuy biết mình cảm thấy khó chịu, đau đớn trong người như thế nào, nhưng vì không có kiến thức chuyên môn của các bác sĩ, nên không thể tự mình chẩn đoán căn bệnh để ghi đơn mua thuốc điều trị. Người nghèo ở nông thôn biết rõ những diễn biến về đất, nước, cây trồng, mưa, gió... nơi mình sinh sống từ đời này sang đời khác, nhưng vì không có kiến thức của những nhà chuyên môn về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, chế biến, kinh tế... nên không tận dụng hữu hiệu các tài nguyên thiên nhiên và lao động của gia đình mình để làm giàu. Vì vậy, sự thành công trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 đòi hỏi các nhà lãnh đạo, các nhà khoa học và bà con nông dân cần áp dụng một phương pháp tiếp cận khác trước : cần phải đi thẳng vào nông hộ, người lãnh đạo không thể tiếp tục suy nghĩ giùm và đặt chỉ tiêu cho nông dân sản xuất theo cảm tính của cấp trên. Cần phát huy vai trò của các nhà khoa học liên ngành để họ cùng với nông dân xác định hướng sản xuất nông, lâm nghiệp cụ thể cho từng nhóm nông hộ, vừa phù hợp điều kiện vùng sinh thái vừa phù hợp mục tiêu phát triển của nhà nước. Phương pháp tiếp cận này là xu thế của các chương trình phát triển nông thôn trên thế giới hiện nay mà phổ biến nhất là Ấn độ. Các nhà khoa học xã hội quốc tế đã tổng kết những kinh nghiệm phong phú và thành công của phương pháp "tiếp cận từ cơ sở lên" này, và gọi chung với cái tên *Participatory Rural Appraisal* (viết tắt là PRA), tạm dịch là *đánh giá nông thôn với sự tham gia của nông dân*. Tổ chức Quỹ tài trợ phát triển nông nghiệp quốc tế (IFAD) hưởng ứng yêu cầu phát triển nông thôn của Việt nam, đã cấp vốn ưu đãi để thực hiện một chương trình đồng bộ tại tỉnh Tuyên quang, sử dụng chủ yếu phương pháp PRA để từ đó rút kinh nghiệm lần lượt tài trợ cho các tỉnh khác. Những định hướng sản xuất đã được nhóm liên ngành cùng nông dân xác định, sẽ là những nội dung cụ thể cho các chương trình xóa đói giảm nghèo hữu hiệu nhất, và hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp hợp lý nhất (trồng thêm cây gì, nuôi thêm con gì, trong thời vụ nào, trên địa bàn nào). Từ đó chúng ta cũng sẽ xác định được cụ thể hơn hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn (công nghệ gì, chế biến ra sao, ngành nghề phụ nào, ngừng dịch vụ nông thôn nào). Tín dụng của nhà nước hoặc của những ngân hàng nông nghiệp cổ phần tư nhân sẽ căn cứ vào yêu cầu cụ thể của những định hướng này mà cho vay đúng đối tượng và đúng mục đích. Từ đó cán bộ khuyến nông tại thôn xã sẽ đóng vai trò tích cực trong việc hướng dẫn nông dân nghèo sử dụng tín dụng đúng mục tiêu và áp dụng kỹ thuật đúng phương pháp để bảo đảm sự thành công của nông hộ, mà cũng là sự thành công của chương trình xóa đói giảm nghèo, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động. Như vậy, mỗi địa phương cần tổ chức chương trình khuyến nông của mình gắn chặt với chương trình xóa đói giảm nghèo, coi hai chương trình này như là hai bộ phận của một chương trình toàn diện "phát triển nông thôn".

*

Khuyến nông là gì ?

Đó là một ngành giáo dục tổng hợp được nghiên cứu đặc biệt để phục vụ cho đối tượng người lớn, bao gồm đại đa số nông dân, trong bối cảnh nông thôn. Mọi phương pháp khuyến nông đều nhằm mục tiêu biến đổi người nông dân bình thường thành những nông dân tiên tiến có : *thu nhập cao ; trình độ văn minh cao ; và đời sống văn hóa cao*. Để đạt được mục tiêu này, mỗi chương trình khuyến nông cần hội đủ những yêu cầu cần thiết sau đây :

- Có cán bộ biết phương pháp khuyến nông ;
- Biết xác định đúng nội dung cụ thể của chương trình khuyến nông ở từng địa phương khác nhau ;
- Nắm cụ thể những tiến bộ kỹ thuật và nhu cầu yểm trợ cho từng hộ nông dân.

Nội dung chương trình khuyến nông

Phần lớn chương trình ở các tỉnh hiện nay chưa xác định những nội dung cần và đủ do nông dân yêu cầu, mà là những nội dung nông dân phải thực hiện theo kế hoạch nhà nước địa

Digitized by Google

phương đã vạch ra, không nhất thiết có lợi nhất cho nông hộ. Một số chương trình lại được thiết kế với những nội dung rườm rà, không những sẽ không thích hợp với địa phương, và không đáp ứng nhu cầu của nông hộ, mà còn lãng phí thời gian cho cả nông dân và cán bộ khuyến nông.

Nhóm khuyến nông của Trường đại học Cần thơ từ năm 1977 đã áp dụng phương pháp *điều tra nhanh nông thôn (Rapid Rural Appraisal - RRA)* để xác định những nội dung cần nghiên cứu, để truyền đạt cho nông dân, qua những luận văn tốt nghiệp của sinh viên thực hiện tại đồng ruộng của nông dân. Gần đây, *Chương trình lâm nghiệp liên tỉnh* của Thụy điển thực hiện tại một số tỉnh miền núi phía bắc đang áp dụng phương pháp *đánh giá nông thôn với sự tham gia của nông dân (Participatory Rural Appraisal - PRA)*. Những định hướng sản xuất đã được nhóm liên ngành cùng nông dân xác định nói trong phần "xóa đói giảm nghèo" trên đây, cũng là những nội dung cụ thể cho các chương trình khuyến nông hữu hiệu nhất.

Phương pháp khuyến nông

Tùy hoàn cảnh địa phương, tùy khả năng kinh phí, và tùy sáng kiến của cấp ủy địa phương, công tác khuyến nông của mỗi tỉnh hoặc huyện đã được tổ chức thành *trung tâm khuyến nông tự lập* (như ở phần lớn các tỉnh) hoặc *chương trình khuyến nông kết hợp với một số cơ quan liên ngành* (như ở An giang). Vấn đề cơ bản nhất là công tác khuyến nông phải thích nghi với điều kiện vùng hoạt động của mình. Do đó, người tổ chức chương trình cần phải nắm rõ những điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, và nhất là những trở ngại đối với sản xuất của nông hộ. Những giải pháp nhằm khắc phục những trở ngại đó sẽ được chọn từ những kết quả nghiên cứu (cơ bản) của các viện, trường hoặc trung tâm vùng. Những kết quả đó sẽ được thử nghiệm tiếp theo tại địa phương đến khi xác định được tiến bộ kỹ thuật thích nghi nhất rồi mới được phổ biến rộng rãi cho các nông hộ. Phần lớn các trung tâm chương trình khuyến nông cua tỉnh chưa đạt đến yêu cầu này của công tác khuyến nông. Phần lớn cán bộ kỹ thuật cấp tỉnh và huyện đã được chuyển sang làm dịch vụ, khuyến khích nông dân sử dụng nhiều sản phẩm - nhất là thuốc trừ sâu - của công ty mình, cho nên hệ sinh thái trên đồng ruộng bị thay đổi, làm cho sâu bệnh trở nên ngày càng trầm trọng hơn. Vấn đề chính cần giải quyết đối với nhiều trung tâm chương trình khuyến nông của các tỉnh hiện nay là làm sao tách việc làm thương mại khỏi công tác khuyến nông, để thật sự có thêm người bảo vệ quyền lợi nông dân và bảo vệ môi trường sống của nhân dân.

Tổ chức mạng lưới khuyến nông

Nghị quyết Trung ương 5 yêu cầu một chương trình phát triển toàn diện nông thôn ở nước ta, đặt cơ sở trên sự phát triển hộ nông dân là chính. Chương trình hành động cụ thể sẽ phải được tiến hành đồng bộ trong bối cảnh một nước còn nghèo, thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn chỉ đạt từ 60 đến 90 đôla, nhất là những người sống ở vùng nông thôn sâu hoặc miền núi. Điều kiện cấu trúc hạ tầng sản xuất nông nghiệp còn rất thô sơ, nhất là đường sá giao thông quá kém, thậm chí chưa có. Nạn phá rừng làm rẫy xảy ra phổ biến ở nhiều nơi, chưa có biện pháp khắc phục, vì đồng bào dân tộc không đủ cái ăn. Để phát triển đến mức ổn định đời sống cho nông dân trong điều kiện khó khăn ở từng vùng sinh thái, nhà nước cần nhận định cụ thể những trở ngại trong sản xuất của người dân ở nông thôn tại từng tiểu vùng sinh thái, và nhận định những mong muốn của họ về mặt sản xuất, để từ đó tìm những tiến bộ kỹ thuật thích nghi đưa vào tận từng vùng cho bà con nông dân. Quan điểm phát triển là làm sao cho hợp với tình hình xã hội và chính trị của từng địa phương. Để cho mỗi nông hộ thật sự là đơn vị trung tâm, cần tạo điều kiện để họ phát huy tiềm năng của họ, sản xuất sao cho vừa tăng nhanh thu nhập gia đình, vừa duy trì độ màu mỡ đất đai, không tổn hại môi trường. Do đó, một kế hoạch phát triển nông thôn đồng bộ cần dựa trên một chương trình đồng bộ gồm các thành phần theo trình tự sau đây :

Bước 1. Đánh giá nông thôn với sự tham gia của các hộ nông dân, việc này cần được thực hiện tại từng tiểu vùng sinh thái của từng tỉnh trong nước để nắm chắc nhu cầu phát triển của nông dân trong vùng đó ;

Bước 2. Nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ

Digitized by Google

thuật nông, lâm, ngư nghiệp để đáp ứng nhu cầu đã được xác định trong bước 1 ;

Bước 3. Thực nghiệm kết quả trên các điểm trình diễn theo hệ thống canh tác thích hợp ;

Bước 4. Huấn luyện kỹ thuật cho nông dân theo những nội dung cụ thể từ những nhu cầu đã xác định ở bước 1 ;

Bước 5. Thiết lập các hệ thống thủy lợi nhỏ nếu cần để đáp ứng nhu cầu xác định ở bước 1 ;

Bước 6. Xây đắp đường sá nối liền các huyện và xã ;

Bước 7. Cho vay tín dụng ưu tiên cho các hộ nông dân nghèo để họ có thể áp dụng các kỹ thuật có lợi đã được xác định trong bước 3. Cán bộ khuyến nông cần theo sát, hướng dẫn họ thực hiện đúng kỹ thuật để đạt kết quả chắc chắn.

Điểm nổi bật cần chú ý là sự hình thành một hệ thống nghiên cứu kết hợp khuyến nông, thay vì lập riêng thành hai ngành, để cho ít tốn biên chế, vừa nâng cao hiệu quả công việc, tránh tình trạng nông dân bị các cán bộ công ty dịch vụ lợi dụng như hiện nay ở nhiều tỉnh. Để nắm được thực tế, cán bộ kỹ thuật và khuyến nông cần phải rành chuyên môn đa ngành và biết phương pháp "đánh giá nhanh nông thôn với sự tham gia của nông dân" để đi vào nông thôn, nhận định những trở ngại chính của nông dân và những mong muốn của nông dân, từ đó lập ra những hướng phát triển nông thôn toàn diện cho từng vùng sinh thái cụ thể.

Theo hướng đó, mỗi tỉnh cần củng cố hoặc xây dựng và trang bị đầy đủ một *Trung tâm nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật nông, lâm nghiệp* ở cấp tỉnh, với một lực lượng cán bộ các ngành nông nghiệp gom lại từ các cơ quan nông nghiệp khác trong tỉnh. Các cán bộ này sẽ được huấn luyện về "khái niệm và phương pháp hệ thống canh tác", "đánh giá nông thôn với sự tham gia của nông dân", "những tiến bộ mới nhất trong các bộ môn nông, lâm, ngư nghiệp", "phương pháp thực nghiệm ngoài đồng", "phương pháp phân tích kết quả thí nghiệm", "cách viết báo cáo khoa học", "kỹ thuật huấn luyện nông dân và cán bộ", v.v.. Trong lớp học này, một nhóm huấn luyện và yểm trợ kỹ thuật cấp tỉnh sẽ được thành lập (gồm 6 chuyên ngành : trồng trọt, chăn nuôi, thú y, lâm nghiệp, kinh tế, thủy lợi). Một nhóm tương tự cho mỗi huyện cũng sẽ được thành lập. Nhóm huấn luyện và yểm trợ kỹ thuật cấp huyện sẽ huấn luyện cho cán bộ khuyến nông xã, mỗi xã một người ; nhóm huấn luyện và yểm trợ kỹ thuật huyện sẽ cùng cán bộ khuyến nông của mỗi xã đi điều tra nhanh nông thôn với sự tham gia của nhân dân trong xã. Họ sẽ cùng bà con nông dân thảo luận để xác định những hướng phát triển nông thôn của họ. Tùy theo nhu cầu của nông dân, Trung tâm nghiên cứu ứng dụng sẽ tìm từ đủ mọi nguồn trong và ngoài nước cho có được những tiến bộ kỹ thuật (giống cây, con, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thú y...) đem về thực nghiệm trước tiên tại Trung tâm để khu vực hóa, sau đó sẽ đưa xuống huyện cho nhóm huấn luyện và yểm trợ kỹ thuật cùng cán bộ khuyến nông ứng dụng tại xã ; cán bộ khuyến nông xã cũng sẽ sinh hoạt thường xuyên với nông dân, và tổ chức mỗi năm một đợt huấn luyện nâng cao dần trình độ nông dân. Cả hệ thống cần được trang bị xe ôtô và xe gắn máy (cấp tỉnh, huyện) và xe đạp (cấp xã). Các công ty dịch vụ vẫn tiếp tục hoạt động để cung cấp vật tư nông nghiệp cho dân ; nông dân lúc đó sẽ có trình độ cao hơn nhờ có cán bộ khuyến nông xã hướng dẫn, nên chắc chắn sản xuất sẽ khá hơn. Nông hộ giàu khi nông thôn được đầu tư đúng mức như thế, thì nông nghiệp sẽ phát triển lâu bền hơn, góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa đất nước.

Chính sách và dịch vụ yểm trợ khuyến nông và xóa đói giảm nghèo

Ngoài những điều kiện nêu ra trong các nước phát triển nông thôn trên đây, ít nhất sáu chính sách sau đây sẽ rất cần thiết để cho nông thôn phát triển :

1 - *Giáo dục và đào tạo tay nghề.* Chúng ta thường nghe nói nạn thất nghiệp đang gia tăng trong xã hội. Cần phân biệt thất nghiệp và không biết nghề. Trên địa bàn nông thôn, những chương trình xóa đói giảm nghèo đồng thời cũng có tác dụng tạo thêm công ăn việc làm cho lao động dư thừa. Tuy nhiên, đội quân thất nghiệp của nông thôn, nhất là những người lao động trẻ, không chỉ không có việc làm mà rất nhiều người không biết nghề. Do đó, việc đào

Digitized by Google

tạo nghề nghiệp cho lao động thừa ở nông thôn, nhất là cho các học sinh đã tốt nghiệp trung học, đã trở thành một biện pháp bức xúc trong công cuộc phát triển nông nghiệp mà ngành giáo dục cần ưu tiên đầu tư. Công tác giáo dục hướng nghiệp ngay từ các thanh niên còn học trung học phổ thông từ lớp 10 đến lớp 12, cần được nhanh chóng nghiên cứu áp dụng, giảm dần những học sinh tốt nghiệp trung học với kiến thức phổ thông chung chung, không biết làm việc.

2 - *Chăm sóc sức khỏe.* Môi trường sống ở nông thôn đang bị ô nhiễm đến mức có hại cho sức khỏe con người. Trong khi đó những kiến thức về chăm sóc sức khỏe ban đầu và bảo vệ môi trường chưa được truyền đạt đến từng hộ nông dân. Nhà nước cần hết sức chú ý đến mặt này để bảo đảm một nông thôn lành mạnh cho sản xuất ngày càng gia tăng.

3 - *Dịch vụ tài chính nông thôn.* Bên cạnh các ngân hàng nông nghiệp của nhà nước, những mô hình ngân hàng cổ phần tư nhân nông thôn (điển hình là ngân hàng Cờ đỏ và Thạnh thắng của tỉnh Cần thơ) cần được khuyến khích thành lập. Đây là cách hữu hiệu huy động vốn của nhân dân đầu tư trực tiếp vào sản xuất nông nghiệp. Chính sách cho vay của ngân hàng phải mở rộng và đa dạng, tăng khối lượng và định mức vay trung và dài hạn, cho vay sản xuất không nên chỉ giới hạn ở cây lúa, mà cần bao gồm cả những đối tượng cây con khác, phù hợp với hệ thống canh tác của các nông hộ. Ngân hàng cần đi đầu trong phong trào chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp của địa phương. Chúng ta cũng cần phát triển những quỹ tín dụng nông thôn để cho nông dân có phương tiện đầu tư, tiết kiệm tiền của họ ; để sử dụng cho các dịch vụ cho vay để sản xuất nông nghiệp hay mua bán, hoặc làm dịch vụ phi nông nghiệp.

4 - *Giá nông sản.* Trong khi giá các mặt hàng khác gia tăng theo tỷ lệ lạm phát, thì giá lúa và các nông sản khác lại ít tăng, thậm chí giảm, làm cho giá trị thực tế của lao động nông thôn ngày càng giảm. Điển hình nhất là nông dân sản xuất lúa để xuất khẩu, thu nhập của họ sụt giảm rõ rệt. Nhà nước trung ương cần thường xuyên xem xét lại tình cảnh này để sớm chặn đứng chiều hướng thụt lùi của sản lượng nông nghiệp và công nghiệp.

5 - *Làm tăng giá trị thặng dư của nông sản.* Trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, một hiện tượng đáng mừng là nhiều cơ sở công nghiệp chế biến nông sản đã ra đời trong thời gian qua. Theo cơ chế thị trường, nông dân ở một số địa phương đã trở nên khá giả hơn nhờ bán nông sản cho xí nghiệp chế biến nào mua giá cao nhất. Và cũng vì thế, một số xí nghiệp đã phải thua lỗ vì giá đầu vào cao (tranh mua) mà giá đầu ra thì thấp (tranh bán). Giải pháp ở đây là thay vì nhà nước địa phương giành độc quyền mua nông sản của nông dân với giá rẻ, nên cho các nhà đầu tư công nghiệp nông thôn, quốc doanh hoặc tư doanh, có cơ hội điều tra nghiên cứu thị trường cho tường tận trước khi quyết định xây nhà máy gì, và phải cải tiến quy trình kỹ thuật và thiết bị thế nào để hạ giá thành sản xuất. Ngành khoa học và công nghệ cũng cần nghiên cứu tăng năng suất và phẩm chất nông sản để góp phần hạ giá thành sản xuất, ngõ hầu Việt nam có thể cạnh tranh lành mạnh đối với các nước trong khu vực.

6 - *Chính sách cán bộ khuyến nông.* Cho đến nay chúng ta vẫn chưa có một chính sách thỏa đáng để khuyến khích cán bộ khuyến nông chịu khó đi sát nông dân hướng dẫn họ sản xuất và nâng cao trình độ văn hóa văn minh nông thôn. Trong tương lai rất gần, khi nông dân được tập hợp lại thành những hiệp hội, có lẽ công tác khuyến nông sẽ được kết chặt với hội nông dân, qua những hình thức hợp đồng đa dạng. Một chính sách cán bộ thích hợp để động viên tinh thần hoạt động phục vụ nông thôn là rất cần thiết. Người cán bộ khuyến nông tại mỗi cấp hoạt động cũng cần được coi trọng bằng cách cho lương bổng thích đáng, cấp phương tiện hoạt động (tài liệu phổ biến ; xe đạp, xuồng...) và giao nhiệm vụ cụ thể. Một cách làm có thể là kết hợp nhiệm vụ khuyến nông với nhiệm vụ cán bộ kỹ thuật của ngân hàng tín dụng nông thôn ; như vậy cán bộ khuyến nông sẽ có thể nhận thêm một ít hoa hồng của ngân hàng trong khi thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, hoặc sẽ được hưởng thêm một ít lệ phí bảo vệ cây trồng và vật nuôi do nông dân đóng góp.

Digitized by Google

BẢO VỆ GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC

NGUYỄN TÀI THƯ *

TRONG đời sống của từng dân tộc, có thể có nhiều giá trị. Có giá trị có tính chất lâu bền, tồn tại qua nhiều giai đoạn và trở thành giá trị truyền thống. Nó được lặp đi lặp lại, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác và kéo dài cho đến ngày nay, có tác dụng duy trì và phát triển sự sống của cộng đồng dân tộc.

Giá trị truyền thống dân tộc là sản phẩm của lịch sử, nhưng không phải bất cứ giá trị nào cũng đều được hình thành từ thời cổ đại, từ mấy nghìn năm trước, trái lại, hệ giá trị đó được hình thành dần trong quá trình lịch sử, ngày càng được bổ sung cho phong phú.

Giá trị truyền thống dân tộc được sản sinh ra trong sinh hoạt của cộng đồng dân tộc, do con người của dân tộc sáng tạo ra. Nhưng như vậy không có nghĩa là trong giá trị truyền thống dân tộc chỉ toàn là những cái của riêng dân tộc mình mà không bao gồm một số giá trị nào đó của dân tộc khác. Quan điểm đặt các đạo Nho, Phật, Lão ra ngoài phạm vi hình thành giá trị truyền thống dân tộc, vì cho rằng ba đạo đó là từ ngoài truyền vào, là quan điểm thiển cận, không phù hợp với lịch sử. Không thể nào khác, bản địa và ngoại lai đều là những nguồn gốc hình thành nên giá trị truyền thống dân tộc.

Làm thế nào để nhận diện được giá trị truyền thống dân tộc ? Không thể tùy tiện đưa một hiện tượng nào đó vào trong dân tộc và gọi đó là truyền thống dân tộc, càng không thể vì lòng tự hào dân tộc mà đưa tất cả những giá trị tinh túy của loài người vào trong dân tộc, rồi gọi đó là truyền thống dân tộc. Cách làm không có cơ sở như thế không những không nâng được giá trị của dân tộc lên mà còn gây ra sự hoài nghi, từ hoài nghi về cái gán ghép đến hoài nghi cả cái thực sự đang tồn tại. Cách làm hợp lý chỉ có thể là xét xem điều kiện gì, hoàn cảnh nào khiến cho dân tộc ta tạo ra được những giá trị để tồn tại và phát triển trong hàng nghìn năm lịch sử đầy gian nan thử thách.

Như các dân tộc khác, dân tộc ta trong quá trình sinh tồn của mình cũng đứng trước hai hoàn cảnh xã hội và tự nhiên. Con người không ngừng tác động vào hai hoàn cảnh ấy, và ngược lại, hai hoàn cảnh ấy cũng không ngừng chi phối con người. Nhưng hai hoàn cảnh ấy ở Việt nam có những nét khác khiến cho hoạt động thực tiễn của con người và giá trị mà họ làm nên cũng có sắc thái riêng.

Về điều kiện tự nhiên, Việt nam ở kề một dân tộc lớn, lại ở vào điểm nút của trục giao thông Bắc - Nam, Đông - Tây của khu vực ; về điều kiện xã hội, Việt nam trong lịch sử là một đất nước không phát triển, nền kinh tế lạc hậu, quốc phòng có lúc suy yếu. Do đó, dân tộc ta dựng nước chưa được bao lâu đã bị phương Bắc thống trị hơn 1000 năm, và về sau, trong thời kỳ độc lập, nhiều lần bị các đế quốc to đến xâm lược và đã có một số lần chúng đặt được ách thống trị. Phải đổ biết bao máu và nước mắt, phải tốn biết bao trí lực, dân ta mới giành được độc lập, mới giữ được tự do. Sự đọ sức giữa dân tộc ta với các thế lực xâm chiếm bên ngoài diễn ra trong trường kỳ lịch sử, như một sự tất yếu, đã tạo cho người Việt nam một phẩm giá vô cùng cao quý. Đó là *tinh thần yêu nước*. Đúng như Hồ Chí Minh đã nói : "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"(1).

Tinh thần yêu nước Việt nam thể hiện trên nhiều phương diện. Với các cường quốc xâm lược và thống trị mình thì luôn có ý thức đòi độc lập, tự chủ và bình đẳng. Ở thời Lý thì đó là lời tuyên bố : "Nam quốc sơn hà Nam đế cư" (Lý Thường Kiệt) ; ở cuộc khởi nghĩa

* GS, Phó viện trưởng Viện triết học, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

(1) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t1, tr 484-485

Digitized by Google

Lam sơn đầu thế kỷ XV là lời khẳng định nguyên lý ngang hàng với phương Bắc về các mặt : văn hiến, lãnh thổ, phong tục, lịch sử, nhân tài, do đó Đại Việt phải được độc lập, phải được tự do ; ở cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là lời tuyên bố : "tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng ; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do "[(2)], do đó dân tộc Việt nam phải được bình đẳng, phải được tự do.

Tinh thần yêu nước còn thể hiện trên thái độ kiên cường bất khuất trước kẻ thù dân tộc, như Trần Bình Trọng (thế kỷ XIII) nói với quân Nguyên : " Thà làm ma nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc" ; như Lê Quýnh (thế kỷ XVIII) nói với quân Thanh : "Đầu có thể chặt nhưng tóc không thể cắt" ; như Nguyễn Văn Trỗi (thế kỷ XX) hiên ngang trước pháp trường của Mỹ - ngụy, v.v.. Với nghĩa lớn của dân tộc thì tinh thần yêu nước thể hiện trên sự sẵn sàng hy sinh tính mệnh của cá nhân, như Dã Tượng cắm thuyền đợi chủ tướng Trần Hưng Đạo, mặc dù quân Nguyên đã bao vây bốn phía ; như Lê Lai liều mình cứu chủ soái Lê Lợi ; như Phạm Hồng Thái không quản gian nguy, đã mưu giết toàn quyền Méc-lanh ở Sa điện để dấy lên ngọn lửa yêu nước,v.v.. Với thời kỳ sau chiến tranh thì đó là ý thức xây dựng một xã hội thái bình thịnh trị : "Thái bình tu nỗ lực, Vạn cổ thử giang san" (Trần Quang Khải), "Làm cho hang cùng ngõ hẻm không còn tiếng hờn giận, oán sầu" (Nguyễn Trãi), v.v.. Chính tinh thần yêu nước với các biểu hiện trên là nguyên nhân của những thắng lợi dường như không thể hiểu được : ít địch được nhiều, yếu thắng được mạnh, thô sơ thắng được hiện đại.

Nếu như chống ngoại xâm để giành và giữ độc lập cho đất nước đã tạo nên tinh thần yêu nước Việt nam thì việc khai phá miền đất hoang sơ ở châu thổ sông Hồng, sông Mã, sông Lam của người Việt cổ, rồi việc giành giật với thiên nhiên khắc nghiệt để có miếng cơm manh áo của người Việt sau này, đã tạo cho con cháu một đức tính cơ bản khác, một giá trị làm người khác, đó là *siêng năng, cần cù trong lao động và trong học tập.*

Đức tính trên thể hiện trên nhiều phương diện. Đó là tận dụng thời gian để lao động và học tập. Làm lụng thì một nắng hai sương, suốt ngày lặn lội ở ngoài đồng... Đi học thì sớm tối dùi mài kinh sử, học cho đến già... Đó là khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Làm ruộng không có cày thì dùng cuốc, không có trâu bò cày kéo thì dùng sức người thay thế, cấy trồng thì hồng cây này trồng cây khác, đất đai thì thực hiện luân canh gối vụ... Đi học không có giấy thì viết vào lá chuối, không có dầu đèn thì bắt đom đóm chiếu sáng... Đó là ung dung chấp nhận mọi sự vất vả : "Thả cày cuốc góc, nghỉ học chăn trâu", "tháng năm năm việc, tháng mười mười việc", "làm ruộng ăn cơm nằm, chăn tằm ăn cơm đứng", v.v.. Những cái đó như thấm vào máu thịt và được truyền từ đời này sang đời khác.

Người Việt làm các việc trên không phải là ngẫu nhiên, cũng không phải chỉ do hoàn cảnh bức bách, mà quan trọng hơn là do thấy được kết quả sẽ đạt tới của sức lao động kết hợp với tư liệu lao động : "Tấc đất - tấc vàng". "Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng",... Ngoài ra, còn do hiểu được lẽ sống : có lao động khó nhọc thì mới có cuộc sống khá giả. "Có khó mới có miếng ăn", "Có làm thì mới có ăn, không dưng ai dễ đem phần đến cho", "Có công mài sắt có ngày nên kim", "Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu", v.v.. Chính vì nhận thức được ý nghĩa trên mà đức tính cần cù, siêng năng không hề mất đi khi hoàn cảnh thay đổi, trái lại càng được duy trì và củng cố.

Đi đôi với tinh thần yêu nước và đức tính siêng năng cần cù trong lao động và trong học tập là *ý thức cộng đồng*. Ý thức này nảy sinh từ buổi sơ khai của tộc Việt, lúc người Việt thấy được sự cần thiết phải gắn bó với nhau thành một khối, thấy cá nhân mình sống không thể tách rời khối, thấy khối là chỗ dựa cho sự sống và sức mạnh của cá nhân. Ý thức này càng được củng cố và trở nên mạnh mẽ khi cả cộng đồng có nguy cơ diệt vong trước nạn ngoại xâm, khi phong tục tập quán và tình cảm giữa mọi người sống cùng nhau đã trở thành muôn nghìn sợi dây ràng buộc họ. Ý thức cộng

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr 351

Digitized by Google

đồng là một truyền thống lớn, một giá trị lớn của dân tộc.

Ý thức cộng đồng Việt nam được thể hiện trên nhiều phương diện. Đó là tinh thần trách nhiệm của cá nhân trước làng xã, tổ tiên, đất nước. Đó là ý thức xem trọng sự nương tựa vào nhau, cố kết với nhau, vì "một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao". Đó là sự đồng cam cộng khổ của người trên đối với kẻ dưới để thực hiện nghĩa lớn ; là rượu hòa nước lã cho nhiều để mỗi người đều cùng được uống lúc khao quân (nghĩa quân Lê Lợi). Đó là lòng nhân ái, yêu thương cứu vớt những người hoạn nạn, vì trông người lại ngẫm đến ta, vì thiện giả thiện báo, vì ở hiền gặp lành, vì con người phải giúp con người, v.v.. Đó là sự hứng thú của các cá nhân đối với các sinh hoạt của cộng đồng, vì có như thế thì mới giải tỏa được nỗi cô đơn, mới ham sống và tài năng mới phát triển. Xẻ được núi, đắp được đê, đào được sông, lấn được biển, trước hết là nhờ ở ý thức cộng đồng và sức mạnh cộng đồng.

Đi liền với ba đức tính trên là *lối sống thanh cao, có văn hóa* của người lao động và của tầng lớp trí thức gắn bó với họ. Lối sống này là lối sống đẹp, một giá trị truyền thống đáng trân trọng của dân tộc.

Nhiều người ở nhiều thời trong lịch sử nước ta có lối sống trong sạch, giản dị. Có người học để ra làm quan, nhưng nước vô đạo, đã bỏ quan ra về và sống cuộc đời ẩn dật. Có người như Nguyễn Trãi đương lúc quyền cao chức trọng vẫn sống thanh cao : "Tứ bích gia bần phú lục kinh" (Bốn vách nhà nghèo, chỉ có giàu ở sách - Nguyễn Mộng Tuân). Và điển hình ở thời đại ngày nay là Hồ Chí Minh, người đứng đầu nhà nước mà vẫn "cuộc đời thanh bạch chẳng vàng son" (Tố Hữu). Những người như vậy không phải không có điều kiện để có cuộc sống giàu sang, không phải không biết hưởng thụ, mà là vì họ biết được lẽ sống đẹp. Người đời gọi họ là cây tùng, cây bách, là hoa lan, hoa sen. Cốt cách và hương thơm đó truyền mãi về sau và ngày càng được nhiều người noi gương.

Bốn đức tính trên như bốn phương diện làm nên sự tồn tại của con người Việt nam trong lịch sử. *Tinh thần yêu nước* giúp họ bảo vệ được giang sơn gấm vóc ; *ý thức cộng đồng* khiến các quan hệ trong họ được bền vững ; *đức tính siêng năng cần cù* giúp họ duy trì được cuộc sống ; *lối sống trong sạch giản dị* nâng nét văn hóa trong con người họ lên, thúc đẩy chiều hướng tiến bộ ở họ. Thật không thể nào khác, đó là bốn nét chính trong hệ giá trị truyền thống dân tộc.

Nhưng những giá trị trên không phải do tất cả mọi người Việt nam tạo nên. Đó chỉ là sản phẩm của đa số tiêu biểu, còn thiểu số tham lam ích kỷ, những kẻ hèn nhát, lười biếng thì chỉ có thể tạo nên các phản giá trị. Nhưng các phản giá trị đó đã bị chìm đi trước các giá trị to lớn trên của dân tộc.

Những giá trị trên không phải ở các dân tộc khác không có. Những dân tộc có điều kiện gần như dân tộc ta cũng có các giá trị tương tự. Cái khác là ở chỗ biểu hiện cụ thể và ở trật tự trước sau của các giá trị ấy trong hệ thống.

*

Xã hội ta ngày nay là xã hội có nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là một xã hội khác nhiều so với các xã hội đã từng tồn tại ở nước ta trong lịch sử. Không những chỉ khác với xã hội phong kiến, xã hội thực dân nửa phong kiến, mà còn khác với xã hội gọi là xã hội chủ nghĩa nhưng xây dựng trên cơ chế quan liêu bao cấp trước đây. Sự thay đổi về nền tảng kinh tế - xã hội tất sẽ đi đến những thay đổi về cơ chế chính trị, về hoạt động văn hóa và tinh thần, trong đó có vấn đề giá trị và hệ giá trị của dân tộc.

Do những thay đổi về sự vận hành kinh tế, hiện nay xã hội ta đang đối diện với những giá trị của nền văn minh thế giới hiện đại, đã thấy được sự cần thiết phải tiếp thụ, nhưng vẫn còn lúng túng ; đối diện với những giá trị mới đã hình thành từ sau sự nghiệp đổi mới, nhưng chưa rõ nét ; đồng thời cũng đối diện với những giá trị do truyền thống để lại, nhưng vẫn còn ngỡ ngàng chưa tìm được vị trí thích đáng. Tình hình đó đòi hỏi có sự nhìn nhận, lựa chọn và vận dụng làm sao cho phù hợp. Sự nhìn

nhận và lựa chọn đó càng đúng đắn và kịp thời bao nhiêu thì càng có lợi cho đất nước bấy nhiêu.

Khi nói tới phục vụ cho xã hội hiện nay, nhiều người thường đề cấp đến vấn đề chuyển đổi giá trị. Nhưng chuyển đổi giá trị không có nghĩa là vứt bỏ tất cả những giá trị cũ để xây dựng nên những giá trị gọi là hoàn toàn mới, hoặc tự ý đưa vào những cái mới không có căn cứ. Sự chuyển đổi đó chỉ có thể là xử lý cái cũ thế nào cho phù hợp, là đưa vào cái mới thực sự là mới, là sự sắp xếp bảng giá trị theo trật tự thế nào để chủ thể giá trị phát huy được tính tích cực cao nhất, kết hợp được cả cũ và mới trên cơ sở đáp ứng được yêu cầu phát triển của xã hội ngày nay.

Giá trị truyền thống là của quý của dân tộc. Nó đã là động lực tinh thần mạnh mẽ, là niềm tự hào cho bao thế hệ con người Việt nam. Nhưng đó là thành quả của lịch sử. Nếu không phát triển thì khi đề cập chỉ là nói tới điều đã qua, khi ca ngợi chỉ là ca ngợi cái dĩ vãng. Và như vậy thì khó có sự tác động đối với hoạt động thực tiễn trước mắt, vì sự vận động của xã hội đã sang một giai đoạn khác đòi hỏi những phát triển tương ứng.

Để có tác động thiết thực, giá trị truyền thống phải được nâng lên một tầm cao hơn. Những hiện tượng yêu nước, siêng năng cần cù, tính cộng đồng, lối sống trong sạch, giản dị, đã chứng tỏ sức sống bền vững trong lịch sử, giờ đây phải được tăng cường, đổi mới và hoàn thiện cả về nội dung, phương hướng và trật tự trong sắp xếp.

Lối sống mà ngày nay nói tới cũng phải là lối sống của con người hiện đại. Lối sống đó không phải là sự trong sạch theo dạng "khổ hạnh" mà là trong sạch trong quyền hưởng thụ thích đáng những của cải vật chất và tinh thần do mình làm ra, không phải chỉ là bản thân sống liêm khiết mà còn là đấu tranh để người khác cũng phải thực hiện liêm khiết, v.v..

Cách chuyển đổi giá trị và đưa giá trị lên một trình độ cao hơn trước không phải là việc làm mới mà là việc đã từng làm của các thời trước khi xã hội có những thay đổi, cũng không phải là sự áp đặt, mà đó là yêu cầu của thời đại mới, càng không phải là trong dân chưa có suy nghĩ gì, mà là đã nung nấu và đang chờ đợi sự khái quát và nâng cao.

Bên cạnh việc phát huy những giá trị truyền thống, cần phải xây dựng những giá trị mới. Cơ sở để xây dựng không phải là gì khác, mà chính là những giá trị làm nên sự phát triển của thế giới ngày nay và những giá trị đã thu nhận được từ khi đất nước đổi mới. Có trên những cơ sở đó, giá trị mới mới có ý nghĩa hiện thực, và dân ta mới có điều kiện phát huy được sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại. Ở đây có thể nêu lên một số phương hướng cơ bản :

Một là, *sống có lý tưởng cao đẹp.* Niềm tin và lý tưởng bao giờ cũng là động lực mạnh mẽ. Lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa trước đây đã xác định và đã từng có tác dụng tích cực nhất định. Gần đây do sự sụp đổ của Liên xô và các nước xã hội xã hội chủ nghĩa Đông Âu mà một số người trở nên hoài nghi. Nhưng sự sụp đổ kia, khi tìm nguyên nhân, chúng ta hiểu đó không phải là thiếu sót của bản thân lý tưởng. Lý tưởng hướng tới một xã hội không còn áp bức bóc lột, mọi người đều được bình đẳng, dân chủ, mọi người đều có cuộc sống hạnh phúc, vẫn là mục tiêu cao cả mà loài người phải phấn đấu nhiều mới có thể đạt tới. Lý tưởng ấy vẫn là mục tiêu lâu dài của chúng ta. Trước mắt là thực hiện "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" sau đó thực hiện các mục tiêu tiếp, để cuối cùng tiến tới chủ nghĩa cộng sản. Có nhằm tới một lý tưởng sống thì mỗi người mới trở thành lực đẩy và cả nước mới trở thành một hợp lực to lớn.

Hai là, *tư duy khoa học và năng động.* Sống hàng nghìn năm dưới chế độ phong kiến và với nền sản xuất nhỏ, tư duy người Việt chủ yếu là tư duy kinh nghiệm. Tư duy kinh nghiệm không có khả năng phát hiện lớn và khái quát lớn, không thể tạo ra những bước nhảy trong hoạt động vật chất và tinh thần. Mấy chục năm dưới chế độ mới, trình độ khoa học của người dân đã được nâng lên một bước, tư duy kinh nghiệm đã được chú ý khắc phục, nhưng chưa được bao nhiêu. Ngày nay, nước ta đã tham gia vào trào lưu phát triển của thế giới. Mỗi ngày có bao nhiêu lượng kiến thức và

Digitized by Google

thông tin đưa tới đòi hỏi phải tổng kết, khái quát, và xử lý ở trình độ cao, nghĩa là phải có tư duy khoa học. Vì vậy, tư duy khoa học đang là một đòi hỏi mới của dân ta trong thế đi lên, đang trở thành một giá trị mới cần có sự nhận thức và thúc đẩy.

Hơn lúc nào hết, lúc này là lúc vận động của xã hội loài người diễn ra với nhịp độ nhanh chưa từng có. Hôm qua còn là mới, hôm nay có thể là cũ, hôm qua là tiên tiến, hôm nay có thể là lạc hậu. Mà thắng lợi thì bao giờ cũng thuộc về cái mới, cái tiên tiến. Quy trình mới, công nghệ mới, cách làm mới bao giờ cũng có ưu thế hơn. Phép biện chứng của triết học Mác cũng như các phép biện chứng khác được khái quát lên từ thực tế cho thấy không có cái gì là đứng im tại chỗ ; cái gì cũng trong quá trình vận động và thay đổi. Nhưng trong thực tế, có khi vì say sưa với một thắng lợi đã qua nào đó mà ta lại làm trái phép biện chứng. Vì vậy, xây dựng một tư duy năng động nhạy bén, luôn xuất phát từ thực tế, đang là một nhiệm vụ cấp bách hiện nay, đang là một giá trị mới cần phải được bồi dưỡng.

Ba là, *sáng tạo trong lao động, trong tổ chức đời sống và sinh hoạt văn hóa.* Sáng tạo là động lực to lớn làm nên các nền văn minh, là điều kiện để có những thành công, những thắng lợi. Lịch sử dân tộc cho thấy khi tổ tiên ta sáng tạo trong cách đánh giặc giữ nước thì thắng lợi, còn khi bắt chước nước ngoài hoặc cổ xưa thì thất bại ; xã hội trước mắt cũng cho thấy những người, những sự việc sáng tạo thì thành công và thu hút được sự ngưỡng mộ của nhiều người. Nhưng sáng tạo chưa trở thành một truyền thống của dân tộc ta. Những kỳ tích của ta chưa nhiều. Nhiều thành tựu văn hóa và khoa học kỹ thuật của thế giới du nhập vào ta chưa được phát triển bao nhiêu. Nhiều hàng hóa của ta xuất hiện trên thị trường chỉ thích mang tên của nước ngoài và làm giống như nước ngoài, và người tiêu dùng tuy biết rằng đó là của giả, của rởm mà vẫn chấp nhận. Cho nên, không phải ngẫu nhiên mà có người nhận định rằng người Việt nam có thói quen bắt chước. Đã đến lúc phải xây dựng cho người Việt nam một tâm lý và một tư tưởng sáng tạo, có như thế thì khi lao động họ mới đi sâu tìm hiểu đối tượng lao động, mới tìm ra được cách làm thích hợp, mới loại bỏ được thói quen và thành kiến có hại, v.v..

Bốn là, *dân chủ và kỷ luật trong đời sống và trong tổ chức xã hội.* Dân chủ là thành quả của văn minh hiện đại. Xã hội trước đây không có dân chủ đối với người dân. Xã hội cổ đại Hy lạp - La mã chỉ có dân chủ trong tầng lớp chủ nô ; xã hội thời Trung cổ châu Âu không có dân chủ ; xã hội tư bản chủ nghĩa có dân chủ của những người có của. Xã hội phong kiến phương Đông, trong đấy có nước ta, càng không có dân chủ. Cái gọi là "dân chủ xóm làng", "quyền tự trị tương đối trong công xã", "lệ làng hơn phép vua", chỉ là biểu hiện của một xã hội đóng kín, không phát triển, của một tình trạng tinh thần còn lạc hậu, ở đó chỉ nói lên tính chất phân tán, tính chất địa phương cục bộ, và chỉ có tác dụng tích cực nhỏ nhoi khi chính quyền trung ương đã thoái hóa và đối lập với dân ; nó xa lạ với khái niệm dân chủ có nội dung là quyền làm chủ về mọi mặt của người dân ở ngày nay. Chính vì vậy, dân chủ và sinh hoạt dân chủ trong xã hội ta hiện nay còn là điều mới mẻ. Tuy thời gian qua đã có những sự thực hiện nhất định, đã có những chủ trương của Đảng và Nhà nước về bảo đảm quyền dân chủ của người dân, nhưng điều kiện chủ quan và khách quan để thực hiện quyền đó còn thiếu. Xu thế phát triển của đất nước vẫn đang cần có dân chủ hơn nữa. Vì vậy, cần thiết phải xem dân chủ là một giá trị mới để chủ động nhận thức và thực hiện.

· Dân chủ phải gắn liền với kỷ luật, kỷ cương của nhà nước và xã hội. Không thể nhầm lẫn dân chủ với tự do vô chính phủ, với việc cá nhân muốn làm gì thì làm. Không thể không biết tới một xã hội phát triển đâu đâu cũng cần có kỷ cương, trật tự, đâu đâu cũng phải tuân thủ những quy định chung.

Cùng với việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị và văn hóa trong thời kỳ mới, một loạt các giá trị mới của dân tộc đang hình thành. Trong đó giá trị cũ được nâng lên, giá trị mới được nhìn nhận và xây dựng. Ở đây, cả cũ và mới đang bổ sung cho nhau để trở thành một hệ thống các động lực thúc đẩy xã hội. Hệ thống đó sẽ trở nên mạnh mẽ nếu nó trở thành ý thức và hành động của mọi người.

Digitized by Google

Đại tướng VÕ NGUYÊN GIÁP thăm TẠP CHÍ CỘNG SẢN



TRONG không khí cả nước tưng bừng kỷ niệm 40 năm Chiến thắng Điện biên phủ, chiều ngày 4-5-1994, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nguyên Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt nam, nguyên Tư lệnh mặt trận Điện biên phủ, nguyên Ủy viên Ban biên tập *Tạp chí Cộng sản*, đã đến thăm và gặp gỡ thân mật toàn thể anh chị em Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*.

Mở đầu câu chuyện, Đại tướng khẳng định rằng Chiến thắng Điện biên phủ là thắng lợi của tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh và lý luận quân sự Việt nam. Khoa học quân sự Việt nam độc đáo là ở chỗ : một nước nhỏ đánh thắng đế quốc to. Sức chiến đấu của quân đội ta trước đó chỉ tiêu diệt các cứ điểm cỡ tiểu đoàn của địch. Điện biên phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh nhất lúc bấy giờ, do 13 tiểu đoàn tinh nhuệ nhất của quân đội viễn chinh Pháp bảo vệ. Nhưng chúng ta đã đánh thắng. Đó là do ta đã vận dụng quan điểm chiến tranh toàn dân, phát động sức mạnh vô tận của dân tộc Việt nam, của con người Việt nam, nêu cao tinh thần yêu nước, giải phóng dân tộc, vì độc lập tự do của Tổ quốc. Về nghệ thuật quân sự, chúng ta đã kịp thời chuyển từ "đánh nhanh thắng nhanh", sang "đánh chắc tiến chắc". Việc đánh giá đúng địch ta và nắm vững quy luật chiến tranh là căn cứ chủ yếu để đưa ra quyết định thay đổi đó. Chúng ta đã biết phát huy thế mạnh và cách đánh sở trường của ta, không cho địch phát huy thế mạnh và cách đánh sở trường của chúng. Chúng ta lấy thế mạnh của ta đánh thắng vào chỗ yếu của địch, liên tục chiến đấu phá tan âm mưu của chúng, tiến tới chiến thắng hoàn toàn.

Tư tưởng quân sự đó sau này lại được vận dụng trong chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng hoàn toàn miền Nam. Đồng chí Võ Nguyên Giáp kể, sau khi ta giải phóng Buôn mê thuột, thấy rõ thời cơ đã đến, ta lập tức thay đổi chủ trương, từ đánh lâu dài sang tốc chiến tốc thắng. Đồng chí rút ra kết luận : trong quân sự cũng như trong kinh tế, phải luôn luôn xuất phát từ thực tiễn, tổng kết thực tiễn, rút ra quy luật và hành động theo đúng quy luật. Chỉ có như vậy chúng ta mới giành được thắng lợi. Và khi đã giành được thắng lợi, dù to lớn đến đâu, cũng không được chủ quan. Ở đây, lý luận có vai trò cực kỳ quan trọng ; làm lý luận rất hấp dẫn và lý thú. Đồng chí nói vui : nếu cho tôi bắt đầu làm lại từ đầu, tôi sẽ chọn con đường lý luận !

Đồng chí hy vọng *Tạp chí Cộng sản* sẽ có nhiều đóng góp về mặt lý luận, lý luận nói chung và lý luận quân sự nói riêng, góp phần đưa sự nghiệp đổi mới của Đảng ta tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản*, đã thay mặt Bộ biên tập chân thành cảm ơn Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến thăm và nêu lên những vấn đề có ý nghĩa thực tiễn và ý nghĩa lý luận của cách mạng nước ta. Đồng chí bày tỏ với Đại tướng sẽ luôn luôn học tập tinh thần dũng cảm bất khuất của Điện biên phủ, mãi mãi nêu cao truyền thống cách mạng của dân tộc, thể hiện những điều đó trong công tác nghiên cứu khoa học, lý luận liên hệ thực tế, làm tốt chức năng là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng cộng sản Việt nam.

Digitized by Google

LÊ TỊNH

VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI MÁC XÍT

HÀ XUÂN TRƯỜNG

Đó là *chủ nghĩa xã hội khoa học* như Ăng-ghen đã gọi để phân biệt với chủ nghĩa xã hội không tưởng. Tôi gọi nó là *chủ nghĩa xã hội mác xít* (hay *chủ nghĩa xã hội cộng sản chủ nghĩa)* cũng để chứng minh rằng chỉ có một chủ nghĩa xã hội khoa học do Mác, Ăng-ghen lập ra, được Lê-nin phát triển, là hiện thực.

Những tôn giáo lớn ra đời sớm, như Phật giáo, Thiên chúa giáo, Hồi giáo... không một tôn giáo nào không nêu lên một xã hội công bằng, bình đẳng, bác ái, không lấy con người làm đối tượng trung tâm, từ con người và vì con người, để xây dựng đạo lý của mình. Khổng Tử khi đề ra thuyết lý của mình, cũng mong "một thế giới đại đồng". Cùng một sự mong muốn, nhưng có nhiều tư tưởng khác nhau. Chủ nghĩa xã hội cũng vậy, tuy tên gọi giống nhau, nhưng tư tưởng không giống nhau. Mác và Ăng-ghen đã phân biệt rành rẽ tư tưởng xã hội chủ nghĩa của các ông với các loại tư tưởng "xã hội chủ nghĩa" khác. Các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác đều dựa vào sự mong muốn mang tính đạo đức mà xây dựng một xã hội tốt đẹp lý tưởng. Những thể nghiệm cụ thể cho một xã hội như vậy mang tư tưởng, ý chí chủ quan. Mác đã tiếp nhận chân lý xã hội chủ nghĩa bằng con đường khác - con đường khoa học, bằng phương pháp khoa học. Phương pháp của Mác là phương pháp duy vật lịch sử và duy vật biện chứng. Mác đã tập trung phân tích hình thái kinh tế - xã hội đương thời : chủ nghĩa tư bản. Với một khối tài liệu đồ sộ tích lũy trong một thời gian không ít hơn 25 năm, Mác đã phân tích hết sức tỉ mỉ những quy luật vận hành và quy luật phát triển của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xã hội khoa học là chủ nghĩa cộng sản thay thế chủ nghĩa tư bản.

Xã hội mà Mác, Ăng-ghen muốn xây dựng, là xã hội cộng sản. Bắt đầu từ *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* Mác phê phán các thứ chủ nghĩa xã hội theo quan điểm phong kiến, tiểu tư sản và tư sản. Trong một bài báo viết năm 1845, Ăng-ghen đã giải thích : "Ở nước Đức, từ "chủ nghĩa xã hội" không có nghĩa gì cả, ngoài những phăng-te-di (fantaisie) mơ hồ, không rõ rệt của những người thấy rằng cần phải dùng nó, nhưng không thể giải quyết được hệ thống cộng sản chủ nghĩa với tất cả những kết luận của họ"(1). Hai ông yêu cầu phải làm "cách mạng cộng sản chủ nghĩa". Trong *Phê phán cương lĩnh Gô-tha* Mác có nói đến "tư tưởng xã hội chủ nghĩa", chủ nghĩa xã hội. Mác phân chủ nghĩa cộng sản làm 2 giai đoạn (giai đoạn *thấp* và giai đoạn *cao*) là để chống lại Cương lĩnh của Lát-xan và những người xã hội dân chủ Đức lý tưởng hóa chủ nghĩa xã hội ngay trong lòng của chủ nghĩa tư bản. "Cái xã hội mà chúng ta nói ở đây không phải là một xã hội cộng sản chủ nghĩa *đã phát triển* trên những cơ sở của chính nó, mà trái lại là một xã hội cộng sản chủ nghĩa vừa *thoát thai* từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó là một xã hội, về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần - còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lọt lòng ra "(2).

Trong cuộc đấu tranh suốt đời mình, mục tiêu Mác quan tâm là *tổ chức kinh tế - xã hội sau chủ nghĩa tư bản, tức chủ nghĩa cộng sản.*

Trong ba bộ phận của chủ nghĩa Mác (triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học), thì chủ nghĩa xã hội khoa học, với tư cách là *một chế độ,* là phần ít được phân tích nhất. Chủ nghĩa xã hội khoa học được hiểu thông qua học thuyết kinh tế chính trị của Mác và triết học mác xít. Đối với sự nghiệp xây dựng chủ

(1) C.Mác và Ph-Ăng-ghen : *Tuyển tập (bản tiếng Nga), t2, tr 530*

(2) C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập.* Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t4, tr 477

Digitized by Google

nghĩa xã hội, Mác chỉ mới đưa ra những nét rất chung, và Lê-nin cũng không có cách nào hơn, phải mò tìm từ thực tiễn sau Cách mạng Tháng Mười. Lê-nin nói : "Còn bây giờ thì phải thấu triệt các chân lý không thể chối cãi được là người mác-xít phải chú trọng đến cuộc sống sinh động, đến những sự thật chính xác của *hiện thực*, chứ không nên tiếp tục bám lấy cái lý luận ngày hôm qua, lý luận này cũng như mọi lý luận, bất quá chỉ vạch ra được nét căn bản, nét chung, chỉ *tiến gần tới* chỗ nắm được tính chất phức tạp của cuộc sống mà thôi"(3). "Chủ nghĩa xã hội sẽ như thế nào khi nó đạt tới những hình thức hoàn chỉnh của nó, điều đó chúng ta không biết, không thể nói lên được"(4).

Trước đó, khi nghiên cứu chủ nghĩa Mác trong tinh thần hệ thống triết học - lịch sử truyền thống, Lê-nin cũng đã nhấn mạnh khi phê phán Mi-khai-lốp-xki, người theo chủ nghĩa dân túy : "... Mác chỉ nói đến độc một "hình thái kinh tế - xã hội" thôi, hình thái tư bản chủ nghĩa, nghĩa là ông nói rằng ông chỉ phân tích quy luật phát triển của riêng hình thái đó thôi, chứ không phải một hình thái nào khác nữa(5). Mác "đã phân tích một cách *khoa học một* xã hội và *một* sự tiến bộ nhất định, tức là : xã hội tư bản chủ nghĩa, và sự tiến bộ tư bản chủ nghĩa"(6).

Khi phân tích phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, Mác phát hiện ra những mâu thuẫn không thể giải quyết được của chủ nghĩa tư bản trong quá trình phát triển của nó. Trong phạm vi xã hội tư bản chủ nghĩa, khuynh hướng xã hội hóa tư liệu sản xuất sẽ hoàn thiện dần và cuối cùng tất yếu sẽ dẫn đến (hay quá độ sang) phương thức sản xuất hậu tư bản chủ nghĩa (hay xã hội chủ nghĩa). Khác với các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, Mác đi vào phân tích kinh tế, tìm ra quy luật của sự hoạt động và phát triển của một phương thức sản xuất nhất định. Ăng-ghen đã nêu rõ cơ sở của chủ nghĩa xã hội khoa học là hai phát hiện vĩ đại của Mác : chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư.

Bằng phương pháp duy vật lịch sử, Mác đã chứng minh những hiện tượng như giai cấp, sự tách biệt tư liệu sản xuất khỏi người sản xuất, tính đối kháng giữa những người có của và người không có của, sự bóc lột giữa người với người, là những hiện tượng không phải bao giờ cũng có trong lịch sử, mà chỉ xuất hiện trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Mác nghiên cứu những điều kiện vật chất sinh ra những hình thức sở hữu trong lịch sử và sự bất bình đẳng trong xã hội ; chỉ rõ những hiện tượng đó có quan hệ với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Và ông đi đến kết luận : sự tiến bộ của lực lượng sản xuất dần dần có thể tạo điều kiện vật chất để khắc phục sự phân chia thành các giai cấp đối kháng trong xã hội, để tư liệu sản xuất kết hợp làm một với người lao động, và từ đó thủ tiêu tệ bóc lột của những người chiếm hữu tư liệu sản xuất. Mác nói đến thủ tiêu quyền *tư hữu* là nói thủ tiêu quyền *sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa*, Mác không bao giờ chủ trương thủ tiêu quyền sở hữu *cá nhân,gia đình* và *hợp tác xã*. Chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác một mặt đặt cơ sở lý luận cho chủ nghĩa xã hội, mặt khác góp phần phê phán chủ nghĩa tư bản trên tinh thần cộng sản chủ nghĩa. Nội dung chủ yếu của lý luận đó là vạch rõ những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, những mâu thuẫn cố hữu sẽ dẫn đến phá vỡ bản thân xã hội tư bản chủ nghĩa, dẫn đến một xã hội *sau nó*, một xã hội cho phép khắc phục những mâu thuẫn của nó, đưa xã hội phát triển lên một nền văn minh *cao hơn* : nền văn minh *cộng sản chủ nghĩa*. Về quan hệ giữa việc phân tích chủ nghĩa tư bản với việc hình thành quan điểm về chủ nghĩa xã hội, Lê-nin đã nói : "Mọi người đều biết, chẳng hạn là bộ "Tư bản" - tác phẩm chủ yếu và cơ bản trình bày chủ nghĩa xã hội khoa học..."(7). Nhưng cũng phải nói rằng, trong bộ "Tư bản", Mác không dùng từ "chủ nghĩa xã hội", mặc dầu nhiều lần ông nhắc đến một cơ cấu xã hội mới mà tiền đề của nó do chủ nghĩa tư bản tạo nên ; nhiều lần ông dùng từ "chủ nghĩa

(3) V.I - Lê-nin :*Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, t31, tr 162-163

(4) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t36, tr 82-83

(5) V.I. Lê-nin : *Sđd*,t1, tr157-158. Ở đây xin lưu ý : những nhà kinh điển mác xít phân biệt kinh tế chính trị theo nghĩa *rộng* và theo nghĩa *hẹp*. Với nghĩa hẹp, đó là lý thuyết kinh tế *tư bản chủ nghĩa*

(6) V.I-Lê-nin : *Sđd*, t1, tr 170

(7) V.I.Lê-nin : *Sđd*,t1, tr 226

Digitized by Google

cộng sản" để chỉ hình thái tổ chức xã hội cao nhất mà lịch sử nhân loại phải vươn tới. Ông cho đó là hình thái kế hoạch hóa "một nền sản xuất xã hội hóa" đối lập với quan hệ sản xuất tư hữu. Khi phân chia hai giai đoạn của chủ nghĩa cộng sản, Mác không nói tới sự phân biệt về quan hệ sản xuất. Ông quan niệm chủ nghĩa xã hội cũng là xã hội thủ tiêu quan hệ tiền - hàng, ở đó quan hệ trao đổi vật phẩm thay cho sự mua bán, mọi của cải vật chất đều phân phối theo kế hoạch. Định tính cách của chủ nghĩa xã hội, Mác giải thích rằng mọi người sản xuất nhận ở xã hội một cái phiếu để nhận vật phẩm cần thiết ngang bằng với lao động người sản xuất bỏ ra[8]. Mác hiểu rằng cách phân phối như thế là không phân biệt được chất lượng lao động ; coi sự "ngang bằng" đó "còn bị hạn chế trong khuôn khổ tư sản". Về sự không bình đẳng trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, Mác giải thích : người công nhân này lập gia đình rồi, người kia chưa ; người này nhiều con hơn người kia..., do đó người này nhận tiền lương hơn người kia...[9]. Trong *Chống Đuy-rinh*, Ăng-ghen cũng đã giải thích vấn đề này. Cái chính mà ông nhấn mạnh là *sự bất bình đẳng trong sở hữu sinh ra sự bất bình đẳng trong phân phối*. Những sai lầm cực đoan tả khuynh trong phong trào công nhân đều có nguyên nhân từ nhận thức không rõ về hai giai đoạn của chủ nghĩa cộng sản. Lê-nin đã nói trong *Nhà nước và cách mạng* : "Về mặt chính trị, thì chắc chắn là sự khác nhau giữa giai đoạn đầu hay giai đoạn thấp và giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản, sau này sẽ rất lớn, nhưng ngày nay, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa mà chú trọng đến vấn đề đó, thì thật là buồn cười" [10]. Lê-nin giải thích : "Cái mà người ta thường gọi là chủ nghĩa xã hội, thì Mác gọi là giai đoạn "đầu" hay giai đoạn thấp của xã hội cộng sản chủ nghĩa. Trong chừng mực tư liệu sản xuất đã biến thành sở hữu *chung*, thì danh từ "chủ nghĩa cộng sản" ở đây có thể dùng được, miễn là đừng quên rằng đó *không* phải là chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn"[11]. Lê-nin còn nói : "Toàn thể xã hội sẽ chỉ còn là một phòng làm việc, một xưởng máy, với chế độ lao động ngang nhau và lĩnh lương ngang nhau" [12]. Sau này, Lê-nin đã xem xét lại quan điểm đó, và coi chủ nghĩa xã hội là sự hợp tác của những người văn minh. Như vậy, đã có lúc cả Mác và Lê-nin đều quan niệm chủ nghĩa xã hội là một xã hội trong đó quan hệ hàng - tiền bị thủ tiêu. Cũng cần nhận xét rằng, trong *Nhà nước và cách mạng*, ở Chương V mục "Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa", Lê-nin có đề cập đến sự phân biệt một cách khoa học giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, nhưng ở đây ông không đặt vấn đề xem xét lại đặc điểm của chủ nghĩa xã hội như đã nói ở trên, mà bàn đến vấn đề nhà nước tiêu vong.

Thực hiện chủ nghĩa cộng sản ở nước Nga, Lê-nin sáng tạo một quan niệm mới về chủ nghĩa xã hội mác xít.

Sự không phân biệt rõ ràng khái niệm "cộng sản chủ nghĩa" và "xã hội chủ nghĩa" tồn tại ngay ở những tác phẩm của Lê-nin sau Cách mạng Tháng Mười. Lê-nin khẳng định : Chủ nghĩa xã hội là thủ tiêu giai cấp. Lê-nin lại nói về "chủ nghĩa xã hội" sẽ thực hiện nguyên tắc "làm việc theo khả năng, hưởng theo nhu cầu". Dần dần hai khái niệm đó nhập lại làm một trong phạm vi một định hướng cộng sản chủ nghĩa.

"Chủ nghĩa cộng sản thời chiến" có phải là sự áp dụng quan điểm trên không ? Có phần không phải. Vì hoàn cảnh lịch sử lúc đó là hoàn cảnh chiến tranh, trước đó Nga hoàng đã động viên mọi lực lượng vật chất cho chiến tranh, đất nước ở tình trạng siêu lạm phát, không còn quan hệ tiền - hàng bình thường nữa. Trong báo cáo *Chính sách kinh tế mới và nhiệm vụ của các ban giáo dục chính trị* tháng 10-1921, Lê-nin đã nhớ lại và phân tích những sai lầm :"... do những tình huống ấy và nhiều tình huống khác, nên chúng ta đã phạm một sai lầm đã quyết định chuyển ngay sang việc sản xuất và phân phối cộng sản chủ nghĩa"[13]. Cần chú ý là khi chủ trương chuyển sang chính sách kinh tế mới (NEP), Lê-nin tự phê bình về những sai lầm đã gây nên "một sự thất bại rất nặng nề".

(8)(9) Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t4, tr 478, 479

(10) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t33, tr 120

(11)V.I.Lê-nin : *Sđd*, t33, tr 121

(12) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t33, tr 125

(13) V.I.Lê-nin : *Sđd*,t44, tr 197

Digitized by Google

đồng thời còn coi đó là "một sự rút lui rất nghiêm trọng" (14).

Đến tháng 1-1923, khi Lê-nin nêu lên là "chúng ta buộc phải thừa nhận là toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản" (15) và nhấn mạnh tới trình độ quản lý kinh tế, tới văn hóa, giáo dục, đến cách mạng văn hóa ở nông thôn, thì ông không còn sống được bao lâu. Vấn đề bước ngoặt của chủ nghĩa xã hội về mặt lý luận sau khi Lê-nin mất không được triển khai.

Nội dung cơ bản của NEP do Lê-nin đề xướng là :

1 - Chấp nhận kinh tế nhiều thành phần. Chấp nhận "việc khôi phục chủ nghĩa tư bản trên một mức độ lớn. Khôi phục đến mức độ nào, chúng ta chưa thể biết được"(16). Vấn đề là "hướng chủ nghĩa tư bản đi theo đúng phương hướng mà nhà nước (vô sản) đã vạch ra, và tạo ra một thứ chủ nghĩa tư bản phục tùng nhà nước và phục vụ nhà nước (vô sản)".

2 - Phải lôi kéo những người tư bản vào quản lý, học họ để thắng họ trong cạnh tranh.

3 - Không biết quản lý, không có chủ nghĩa xã hội. Phải *tự mình* quản lý. Những người tư bản sẽ ở bên cạnh các đồng chí. "Bên cạnh các đồng chí... cũng sẽ có các người tư bản nước ngoài... ; họ sẽ quơ của các đồng chí những món lợi nhuận lên tới hàng trăm phần trăm ; họ sẽ làm giàu bên cạnh các đồng chí. Cứ để cho họ làm giàu ; còn các đồng chí thì sẽ học được ở bọn họ cách quản lý kinh tế, chỉ có như thế, các đồng chí mới xây dựng được cộng hòa cộng sản chủ nghĩa" (17).

Đồng thời với những vấn đề nêu trên, Lê-nin đặc biệt quan tâm đến nhà nước vô sản, đến cán bộ cộng sản, đến cuộc đấu tranh "ai thắng ai" ; nói tóm lại, Lê-nin đặc biệt quan tâm đến *ý chí cách mạng và trí tuệ* của Đảng cầm quyền. Chính trong thời điểm này, Lê-nin chủ trương chống ba tệ nạn : 1 - Kiêu ngạo cộng sản ; 2 - Tham nhũng ; 3 - Dốt.

Cơ sở lý luận của NEP đã vượt ra khỏi đặc trưng của chế độ xã hội chủ nghĩa theo quan điểm của Mác-Ăng-ghen và của bản thân Lê-nin trước đó. Tuy vậy, chúng ta cũng không đủ cứ liệu để nói rằng Lê-nin đã bỏ hoàn toàn nguyên tắc chủ nghĩa xã hội là xã hội không có hàng hóa, không có tiền tệ. Bởi vậy, việc kết "tội" Xta-lin chống Lê-nin trong việc thi hành "hệ thống kinh tế hỗn hợp", phải được xem xét một cách hết sức khách quan và thận trọng.

Cách hiểu chủ nghĩa xã hội như là một hệ thống quan hệ sản xuất, mà cơ sở của nó là kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, là một cách nhận thức hoàn toàn mới. Thực tiễn đổi mới ở nước ta mấy năm nay cho thấy, không thể nhận thức rằng kinh tế xã hội chủ nghĩa chỉ là quốc doanh, là nhà nước nắm, còn quan hệ tiền hàng, cơ chế thị trường là thuộc hàng thứ hai. Vì nhận thức như vậy là hạ thấp quan hệ tiền - hàng, hạ thấp cơ chế thị trường, muốn hay không sẽ trở lại như trước kia. Các nghị quyết của Đảng, đặc biệt Nghị quyết của Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ đã khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, đồng thời đặt các xí nghiệp quốc doanh vào trong quan hệ tiền - hàng trong nền kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường dưới sự quản lý và điều tiết của nhà nước. Có thể nói, đó là một mấu chốt rất quan trọng, có tính quyết định của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Không thể coi vấn đề sở hữu và các hình thức sở hữu đơn thuần là mục đích của một chế độ, nhưng cũng không được coi chúng như những phương tiện, vì chúng có quan hệ đến việc bảo đảm sự vẹn toàn của một chế độ. Để nghiên cứu, chúng ta không nên bỏ qua nhận xét sau của một số nhà nghiên cứu xô viết : Vào cuối đời, Mác có chú ý tới những công trình của Iohan Yakob Bathofen và Louis Henri Morgan. Mác đã có ý cho rằng : cơ sở hợp tác và công hữu không phải là hình thức tổ chức xã hội có thể trực tiếp đưa đến hình thái cao của xã hội hóa không qua giai đoạn sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nhận định ấy thể hiện trong bức thư Mác gửi cho bà Vê-ra Da-xu-lít để trả lời câu hỏi của bà về hình thái cổ đại của công xã nông thôn ở Nga. Nhưng đây mới là một ý nghĩ, chưa thành một quan điểm. Hiện nay chủ nghĩa tư bản đang tiếp tục phát triển, nhưng ở trong thế mất ổn định thường xuyên, sự suy

(14)V.I.Lê-nin : *Sđd*, t44, tr 199
(15)V.I.Lê-nin : *Sđd*, t45, tr 428
(16) V.I.Lê-nin :*Sđd*,t44, tr 200
(17)V.I.Lê-nin :*Sđd*, t44, tr 209

Digitized by Google

thoái cặp kè với sự tăng trưởng rất chật vật. Vì đúng như Mác đã phân tích, những mâu thuẫn cơ bản của nó tự nó không thể giải quyết nổi, mà phải giải quyết bằng quy luật phủ định của phủ định. Đó là con đường xây dựng một chế độ, *về bản chất*, khác với chủ nghĩa tư bản. Chúng ta gọi chế độ đó là chủ nghĩa xã hội.

Trong phạm vi học thuyết của Mác và những phát triển của Lê-nin, với những kinh nghiệm của hơn 70 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô, Đông Âu và với những thực tiễn của ta, cần có quan niệm dứt khoát về định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam lấy NEP là một bước quan trọng làm tiền đề cho sự thay đổi quan điểm về chủ nghĩa xã hội, từ đó mà bổ sung và phát triển đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đại hội VI, Đại hội VII và Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng ta đã và đang đi theo hướng này.

Chủ nghĩa xã hội là khâu tiếp nối thay chủ nghĩa tư bản phát triển trong lịch sử nhân loại. Chủ nghĩa tư bản hiện đại thực tế đã không còn như chủ nghĩa tư bản cổ điển, một số yếu tố của chủ nghĩa xã hội đã xuất hiện, nhưng những yếu tố đó không phải tự phát sinh từ chủ nghĩa tư bản, mà do cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và đội tiền phong của nó là đảng cộng sản. Sự phát triển của những yếu tố đó là tiền đề cho việc giải quyết những mâu thuẫn trong chủ nghĩa tư bản hiện đại.*Sẽ không có sự phát triển tột cùng của chủ nghĩa tư bản hiện đại với tư cách là chủ nghĩa tư bản mà chỉ có chủ nghĩa xã hội thay thế chủ nghĩa tư bản.* Sự thay đổi đó *phải bằng biện pháp cách mạng* ; cách mạng tuần tự hay đột biến, cách mạng trong hòa bình hay vũ trang, điều đó tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi nước. Khi nói đến vũ trang, người ta nghĩ đến thuyết bạo lực. Theo quan điểm mác xít, có nhiều hình thức bạo lực, mà vũ trang là hình thức bắt buộc cuối cùng giai cấp vô sản phải dùng đến. Cũng như quan điểm phân chia và đấu tranh giai cấp trong xã hội, quan điểm về bạo lực không phải của riêng Mác mà là của giai cấp tư sản. Mác chỉ áp dụng kinh nghiệm của họ vào cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản.

Chủ nghĩa xã hội tất yếu mang trong mình những dấu ấn của chủ nghĩa tư bản. Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới xóa bỏ được những dấu ấn đó. Đó là quan điểm của Mác về chủ nghĩa xã hội khoa học. Mác đã phát hiện ra quy luật vận động và sự tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản, nhưng đã dự báo không đúng về thời gian xuất hiện của chủ nghĩa xã hội, giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa xã hội mà Mác dự kiến đã bắt đầu xuất hiện do sự phát triển tột cùng của chủ nghĩa tư bản. Cuộc đấu tranh giai cấp giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội là tất yếu trong lòng chủ nghĩa tư bản, cuộc đấu tranh đó đang diễn ra theo nhiều dạng, nhiều vẻ.

Lê-nin trong một hoàn cảnh khác đã có những phát triển mới về chủ nghĩa xã hội trong một nước chưa có sự phát triển cao của chu nghĩa tư bản. Hồ Chí Minh muốn có chủ nghĩa xã hội ở Việt nam - một nước nông nghiệp lạc hậu vừa thoát khỏi chủ nghĩa thực dân. Tất cả đều trong sự tìm tòi, phát hiện nhằm bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác. Không thể có một mô hình xã hội chủ nghĩa cứng nhắc cho mọi nước. Đã có những thành tựu vĩ đại của chủ nghĩa xã hội, nhưng chưa có một mô hình nào hoàn chỉnh, trong lúc những lệch lạc, những chệch hướng đã diễn ra, phá vỡ cả hệ thống. Mô hình cụ thể về chủ nghĩa xã hội vẫn đang là sự tìm tòi của mỗi dân tộc. Con đường đi của nó chứa bao khó khăn, kể cả bi kịch và thảm kịch. Bi kịch, thảm kịch không phải từ chủ nghĩa xã hội, mà do hiểu sai chủ nghĩa xã hội, do nóng vội, do chủ quan, do xa rời đặc điểm dân tộc, và do sự phản bội của một số người cầm đầu, nhân danh đổi mới xã hội chủ nghĩa mà phản bội chủ nghĩa xã hội.

Lịch sử đã để lại cho chúng ta nhiều lý thuyết về chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội trước Mác đã được chứng minh là ảo tưởng. Chủ nghĩa xã hội dân chủ thì thoát ly khỏi phong trào cộng sản chủ nghĩa, thực chất là chủ nghĩa tư bản cải lương, không giải quyết được những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản. Nguyện vọng của nhân loại về một xã hội tốt đẹp hơn chủ nghĩa tư bản, thực tế cuộc đổi mới đang diễn ra ở nước ta, cho phép chúng ta tin vào chủ nghĩa xã hội xuất phát từ chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Digitized by Google

Hiểu thế nào về HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ của Mác trong điều kiện hiện nay

KHỔNG DOÃN HỢI

TRONG nhiều phát hiện khoa học quan trọng mang tên Mác, có hai phát hiện quan trọng nhất là : *chủ nghĩa duy vật lịch sử* và *học thuyết giá trị thặng dư*. Hai phát hiện này đã làm nổ ra cuộc cách mạng thực sự trong toàn bộ khoa học lịch sử và kinh tế, trang bị cho giai cấp vô sản một vũ khí sắc bén đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Học thuyết giá trị thặng dư, theo Lê-nin, là *"hòn đá tảng trong lý luận kinh tế của Mác"*.

Ngay từ khi mới ra đời, học thuyết này, như Mác viết, đã bị những "nữ thần báo thù cho lợi ích riêng, xông lên vũ đài chống lại nó". Thế nhưng, như bình luận của Ăng-ghen, vì là một kết luận khoa học, cho nên các nhà kinh tế học quan phương thậm chí cũng tránh không dám mưu toan bác bỏ nó. Kết luận ấy không phải chỉ có giá trị trên bàn giấy. Với học thuyết này, chủ nghĩa cộng sản không còn là một bóng ma lởn vởn đâu đó, mà đã trở thành một thực thể xã hội với lịch sử gần một thế kỷ.

Song từ sau khi Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, cùng với những đảo lộn về nhiều mặt trong cuộc sống do cuộc cách mạng khoa học và công nghệ ngày nay đưa đến, nhiều hiện tượng kinh tế, xã hội mới mẻ xuất hiện, khiến cho không ít người phủ nhận hoặc hoài nghi học thuyết này. Còn những kẻ xưa nay vốn là "những nữ thần báo thù cho lợi ích riêng", giờ đây đang lợi dụng thời cơ hiếm có để "xông lên" đập tan "hòn đá tảng" của lý luận kinh tế học mác xít, một trong những nội dung chủ yếu nhất, quan trọng nhất của chủ nghĩa Mác.

Có luận điểm nói rằng : nếu học thuyết của Mác khẳng định lao động sống và chỉ có lao động sống mới tạo ra giá trị và giá trị thặng dư thì ngày nay, khi lao động sống ngày càng giảm, cấu thành hữu cơ của tư bản ngày càng cao, khi xuất hiện những người máy, những nhà máy với rất ít lao động sống, khi những phát minh mới của khoa học và công nghệ được ứng dụng vào sản xuất v.v., nghĩa là khi tỷ trọng lao động sống đang giảm và còn giảm nữa trong khi lợi nhuận của nhà tư bản cứ không ngừng tăng, học thuyết ấy đã để lộ rõ cái "gót chân A-sin" của nó. Người có thái độ đôi chút khách quan thì công nhận học thuyết ấy là đúng khi lao động cơ bắp là "hoàng đế". Số người khác thì nhân đây phủ định hoàn toàn học thuyết này, cho rằng nó sai ngay từ đầu, do Mác đã cường điệu vai trò của lao động sống, lao động cơ bắp, coi nhẹ lao động trí tuệ (!)

Ai đã đọc tác phẩm của Mác dù chỉ một lần, cũng thấy ngay sự cố ý xuyên tạc luận điểm của Mác về quá trình sản xuất. Trong khi phê phán những luận điểm của các nhà kinh tế học trước Mác về nguồn gốc của của cải vật chất, về vai trò của lao động trong việc tạo ra của cải vật chất, giá trị sử dụng, Mác đã nhiều lần chỉ ra rằng : dù hình thái xã hội của sản xuất là như thế nào chăng nữa, thì người lao động và tư liệu sản xuất bao giờ cũng vẫn là những nhân tố của sản xuất. Muốn sản xuất thì hai cái đó phải kết hợp với nhau. Nói đến tư liệu sản xuất là nói đến công cụ lao động, mà máy móc là một giai đoạn phát triển của nó. Cho nên đổ lỗi cho Mác bỏ qua lao động vật hóa, máy móc, vốn liếng v.v. là không có căn cứ.

Mác đã nhiều lần phân tích về vai trò của khoa học, kỹ thuật, lao động trí óc v.v. trong quá trình sản xuất và quá trình tạo ra giá trị. Chỉ riêng luận điểm "khoa học là một động lực lịch sử, là một lực lượng cách mạng"[1], cũng đủ nói lên sự trân trọng của Mác đối với lao động khoa học, đối với trí tuệ như thế nào. Trong học thuyết của

(1) C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t5, tr 662

Digitized by Google

mình, Mác khái quát lao động khoa học là lao động *phức tạp* - một bộ phận cấu thành của lao động sống.

Theo Mác, lao động quản lý cũng là một loại lao động sống. Nó cũng tạo ra giá trị và là một yêu cầu khách quan trong nền sản xuất xã hội hóa, tựa như một dàn hợp xướng nhất thiết phải có người chỉ huy là nhạc trưởng. Duy có điều người ta cường điệu yếu tố này và biện hộ cho giai cấp tư sản, rằng nguồn thu nhập của giai cấp tư sản cũng là từ lao động của mình, không ai bóc lột ai ! Sự thực, lợi nhuận không phải là tiền công của lao động quản lý. Lợi nhuận không phụ thuộc hay tỷ lệ với quy mô hay tính chất phức tạp của hoạt động quản lý, mà phụ thuộc vào quy mô của tư bản. Sự khác biệt giữa lợi nhuận và tiền công quản lý sẽ lộ ra rõ rệt khi nhà tư bản thuê giám đốc quản lý xí nghiệp. Lợi nhuận của nhà tư bản lớn gấp bội cái gọi là tiền công của lao động quản lý, bởi vì đó là lao động thặng dư của sức lao động không công cho tư bản.

Điều mà trước Mác không có nhà kinh tế nào giải thích nổi, là vai trò của mỗi nhân tố của sản xuất trong quá trình sản xuất và quá trình tạo ra giá trị. Bước ngoặt cách mạng ở đây là ở chỗ Mác phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa. Nhờ phát hiện này mà làm rõ được vai trò của lao động quá khứ và lao động sống. Máy móc là lao động quá khứ, không thay đổi lượng giá trị của nó trong sản phẩm mới, mặc dù nó là điều kiện không thể thiếu để tạo ra sản phẩm mới. Giá trị của nó được chuyển vào, được bảo tồn, được tái hiện trong giá trị sản phẩm mới. Nhưng nó không thể tự bảo tồn được, tự tái hiện được nếu không có lao động cụ thể, lao động sống của công nhân tác động vào. Vì thế, *giá trị của máy móc chỉ là một bộ phận cấu thành của giá trị sản phẩm mới, chứ không phải là nguồn gốc của giá trị và giá trị thặng dư.* Cũng vì lẽ đó, nhà tư bản không phải lúc nào cũng dùng máy móc. Nhà tư bản chỉ dùng máy móc khi nào số lao động hao phí để sản xuất ra máy móc ít hơn số lao động do việc sử dụng máy móc thay thế.

Lao động sống cải tử hoàn sinh, hà hơi sống cho các tư liệu sản xuất (máy móc, rô bốt). Nó chuyển giá trị cũ sang sản phẩm mới, đồng thời tạo ra một giá trị lớn hơn giá trị của bản thân nó, đó là giá trị thặng dư.

Một câu hỏi đặt ra : nếu máy móc không tạo ra giá trị thì tại sao những xí nghiệp có máy móc, công nghệ hiện đại lại mang đến cho nhà tư bản nhiều lợi nhuận ? Điều này cũng đã được Mác đề cập đến. Mác đánh giá rất cao vai trò của máy móc hiện đại trong quá trình tạo ra giá trị. Theo Mác, máy móc hiện đại làm tăng thêm sức sản xuất của lao động, nghĩa là làm thay đổi chất lượng của lao động sống, làm cho tính chất phức tạp của lao động tăng lên, mà lao động phức tạp, là bội số của lao động giản đơn. Nhờ đó mà (khi máy móc chưa được sử dụng phổ biến) nhà tư bản thu được lợi nhuận siêu ngạch, tức là thứ lợi nhuận thu được qua quá trình phân phối lại giá trị thặng dư toàn xã hội. Đồng thời, nhà tư bản nhờ máy móc hiện đại mà thu được khối lượng lợi nhuận nhiều hơn do số lượng sản phẩm được sản xuất ra nhiều hơn trước.

Tóm lại, cho đến nay vẫn chưa ai bác bỏ được kết luận của Mác nói rằng : "Tư bản là lao động chết, nó giống như con quỷ hút máu chỉ sống nhờ hút được lao động sống và nó càng hút được nhiều lao động sống bao nhiêu thì nó lại càng sống được nhiều bấy nhiêu"(2)

*

Chủ nghĩa tư bản ngày nay khác xa chủ nghĩa tư bản thời Mác và Lê-nin. Có nhà khoa học đã so sánh sự khác nhau ấy bằng hình ảnh : nếu Mác đi bằng ngựa thì Lê-nin đi bằng ô tô, và ngày nay con người bắt đầu đi bằng con tàu vũ trụ.

Chủ nghĩa tư bản ngày nay có những biến đổi về quan hệ sở hữu (công ty cổ phần), về quan hệ phân phối (một bộ phận dân cư có mức sống sung túc ; chú trọng chính sách xã hội, v.v.). Những biến đổi này đã làm cho không ít người không thấy được bản chất của chủ nghĩa tư bản, cho rằng chủ nghĩa tư bản đã có sự thay đổi về cấu trúc bên trong và đã làm "tư sản hóa" giai cấp công nhân. Chủ nghĩa tư bản ngày nay dường như là một thứ "chủ nghĩa tư bản công cộng", "chủ nghĩa tư bản hỗn hợp", "nửa tư bản chủ nghĩa". Lại có cả ý kiến cho rằng, với sự phát triển của nó, dường như "lịch sử đã kết thúc ở nó". Và giờ đây, loài người đang chứng kiến chủ nghĩa tư bản tự chuyển thành chủ nghĩa xã hội (!), và do

(2) *Sđd*, t3, tr 346

Digitized by Google

đó, hãy "từ bỏ đấu tranh giai cấp", hãy "giã từ cách mạng" (!)...

Ở đây có nhiều vấn đề cần phân tích, song trước hết cần làm rõ một điều : chủ nghĩa tư bản ngày nay phải chăng đã thay đổi bản chất ? Bằng học thuyết giá trị thặng dư của mình, Mác đã vạch trần bản chất của chủ nghĩa tư bản là bóp nặn được càng nhiều giá trị thặng dư càng tốt ; nói cách khác : bóc lột được sức lao động nhiều bao nhiêu hay bấy nhiêu. Tất cả bí quyết khiến tư bản có khả năng sinh sôi nảy nở là ở cái việc giản đơn này : làm sao sử dụng được sức lao động của người khác mà không phải trả công.

Ngày nay, ở các nước tư bản phát triển, hiện tượng công nhân có tiền mua cổ phiếu và do đó được tham dự vào việc quản lý kinh doanh ở mức độ nhất định là phổ biến. Ví dụ, ở Thụy điển 21% dân cư có cổ phần ; ở Mỹ 10% số lao động làm thuê có cổ phần ; ở Pháp số cổ đông là 6 triệu ; ở Anh là 8 triệu, v.v.. Hiện tượng này có phủ định bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản ngày nay hay không ? Không ! Vì hình thức sở hữu cổ phần là một phương tiện để tư bản tồn tại trong cạnh tranh và duy trì bầu không khí hòa dịu trong các công ty ; là nhân tố để tư bản nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế của hoạt động sản xuất. Với tư cách là cổ đông, người lao động được chia một phần lợi nhuận, nhưng đó chỉ là sự thu hồi một phần giá trị thặng dư của chính mình sản xuất ra mà thôi. Hơn nữa, như mọi người đều biết : có vài ba cổ phiếu, người lao động chưa có đủ điều kiện để "lột xác" thành nhà tư bản. Quyền quyết định thuộc về số cổ phiếu khống chế nằm trong tay các nhà tư bản.

Không phải toàn bộ xã hội tư bản ngày nay đều có mức sống sung túc, mà chỉ có một bộ phận không đáng kể đội ngũ lao động làm thuê ở các nước tư bản phát triển là có mức sống này. Đúng như nhận định của G.Ghen-brây-tơ, giáo sư danh dự trường đại học Ha-vớt : những người lao động có trình độ kỹ thuật cao, ở các ngành ổn định, không bị ảnh hưởng của sự cạnh tranh nước ngoài. Phần đông còn lại là những người lao động thực hiện các công việc mà một công nhân nơ đủ không nhận làm. Nhưng dù có mức sống sung túc đi nữa thì họ vẫn chỉ là những người lao động làm thuê được trả công tương đối cao. Trong số này phải kể đến cả đội ngũ nhân viên quản lý mà nhà tư bản thuê, trong đó không ít người có mức sống như nhà tư bản, ngay cả khi họ không có cổ phiếu. Đó chính là bộ phận lao động làm thuê hiện đại.

Phải thừa nhận rằng, trong các nước tư bản phát triển nhất, ở vùng trung tâm của chủ nghĩa tư bản, mức sống của người lao động làm thuê được cải thiện so với trước đây. Nguyên nhân là chủ nghĩa tư bản trích một phần siêu lợi nhuận thu được nhờ sử dụng những kỹ thuật mới và bóc lột theo kiểu thực dân mới, để cải thiện phần nào đời sống công nhân nước mình hòng xoa dịu cuộc đấu tranh của họ. Giai cấp công nhân và các tổ chức của nó đã trở thành một lực lượng hùng mạnh. Giai cấp tư sản cần tăng sức cầu của dân cư bằng cách tăng thu nhập cho họ (miễn không vượt mức tăng của năng suất lao động) để mở rộng thị trường tiêu thụ bên trong.

Tất cả những nhân tố đó đưa đến sự cải thiện đời sống của người lao động, nhưng người lao động đó vẫn là người lao động *làm thuê*, chứ không phải ai khác. Dù đời sống có được cải thiện (ở đây chưa bàn tới yếu tố lịch sử của tiền công), người lao động làm thuê ở các nước tư bản phát triển ngày nay phải chăng không còn là đối tượng bóc lột của chủ nghĩa tư bản ? Phải chăng mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản ở đây đã biến mất ?

Trả lời những ai nghĩ rằng công nhân hiện nay không còn là người vô sản, nhiều người cộng sản Pa-na-ma có nói : Quả thật, hình ảnh người công nhân hiện nay hoàn toàn không như hình ảnh nó đã có, chẳng hạn, vào đầu thế kỷ này. Tuy nhiên, có một thực tế không thay đổi : công nhân lúc đó và công nhân hiện nay vẫn là đối tượng của sự bóc lột tư bản chủ nghĩa ; họ là con người về mặt xã hội, nhưng về thực chất và về mặt chính trị, là người không có tự do. Liệu bản chất xã hội của chủ nghĩa tư bản có thay đổi không ? Tuyệt nhiên không. Dù ở hình dạng khác, nó vẫn tiếp tục là nó như cũ, nghĩa là nó vẫn là kẻ bóc lột [3].

Suy xét về bản chất của chủ nghĩa tư bản không thể chỉ dừng lại ở vùng trung tâm của nó, mà còn phải tính đến vùng ngoại vi của nó, nghĩa là phải xem xét nó như một hệ thống thế giới. Trên quan

(3) Xem tạp chí *Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội*, số tháng 1-1990, tr 37

Digitized by Google

điểm ấy, bộ mặt đích thực của thế giới tư bản chủ nghĩa cuối thế kỷ XX, cũng như trước kia, là không thể tách rời khỏi tệ bóc lột của một số ít người và cảnh nghèo khổ của hàng trăm triệu người. Ngày nay, những sự tương phản xã hội giữa phương Nam thuộc địa kiểu mới và phương Bắc phồn vinh ngày càng sâu sắc như : nguyên liệu và các nguồn tài nguyên được phân bố hết sức không đều (1/4 loài người tiêu thụ 3/4 số của cải được sản xuất ra) ; tiền lương tối thiểu tại các trung tâm tư bản chủ nghĩa là khoảng 1 000 USD/tháng, còn ở vùng ngoại vi thì không quá 50 USD/tháng ; tại các nước đang phát triển, hàng năm có 40 triệu người bị chết đói ; tình trạng bị nô dịch, nợ nần của thế giới thứ ba rất nghiêm trọng ; v.v.. Với cách nhìn đó, Rơ-nê Đuy-mông, một tác giả người Pháp, trong cuốn *Một thế giới không thể chấp nhận được* do Học viện Nguyễn Ái Quốc xuất bản năm 1990, đã kết luận : nền kinh tế chạy theo lợi nhuận không thể hạn chế sự lãng phí, ô nhiễm, sự vũ trang... những bất công xã hội, lại còn khuyến khích chúng hay tệ hơn không thể kiểm soát nổi chúng... Các nước giàu cũng có kẻ khổ... Đâu đâu sự nghèo khổ cũng chiếm lĩnh trận địa...

Khi giới thiệu ngắn gọn "cái sườn" bộ "Tư bản" của Mác, Lê-nin viết : cuốn sách đó "giúp cho chúng ta thấy được tổ chức hàng hóa của nền kinh tế xã hội phát triển như thế nào ; thấy được tổ chức đó chuyển biến như thế nào thành kinh tế tư bản chủ nghĩa đồng thời lại tạo ra những giai cấp đối kháng... ; thấy được tổ chức đó nâng cao hiệu suất lao động xã hội như thế nào và do đó đã đem lại một nhân tố hiện đang trở nên mâu thuẫn không thể điều hòa được với những cơ sở của chính bản thân cái tổ chức tư bản chủ nghĩa ấy"(4).

Ngày nay, mặc dù chủ nghĩa tư bản có nhiều biến đổi và sẽ còn có thể biến đổi, song đó vẫn là xã hội của những giai cấp đối kháng, của những mâu thuẫn không thể điều hòa và điều chỉnh được. Chính việc Mác phát hiện ra giá trị thặng dư đã cho ta kết luận như thế. Kết luận đó đúng với trước kia, và đúng cả với ngày nay. Học thuyết giá trị thặng dư vẫn là "hòn đá tảng trong lý luận kinh tế của Mác".

(4) V.I Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t1, tr 164

Làm gì để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế

VŨ NGỌC NHUNG*

CHÚNG ta chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là một chủ trương hoàn toàn đúng. Nhưng muốn biến nó thành hiện thực, cần phải xác định cụ thể thế nào là định hướng xã hội chủ nghĩa và đồng thời phải tìm ra được các giải pháp để giữ vững định hướng đó.

Lý tưởng cao cả của chủ nghĩa xã hội là xây dựng một xã hội công bằng, mọi người đều có quyền lao động và được phân phối theo lao động, không còn có cảnh người bóc lột người. Lý tưởng đó từ các thế kỷ trước đã hấp dẫn không chỉ những người lao động mà cả một số chủ xí nghiệp.

Có thể nói, một trong những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là xóa bỏ *khủng hoảng kinh tế chu kỳ* và *thất nghiệp*, hai khuyết tật lớn nhất của chủ nghĩa tư bản, để trên cơ sở đó, xóa bỏ bất công xã hội. Kê-in-xơ (J.M. Keynes), nhà kinh tế học nổi danh là nhà cách mạng trong kinh tế học tư bản chủ nghĩa, cũng đã tự đặt ra mục tiêu xóa bỏ hai khuyết tật trên bằng lý thuyết tổng quát về nhân dụng, lãi suất và tiền tệ. Tôi cho rằng chưa có nhà kinh tế học nào của thế

* Nhà nghiên cứu kinh tế (TP Hồ Chí Minh)

Digitized by Google

giới tư bản thành công như Kê-in-xơ, vì từ năm 1933 tới nay, kinh tế tư bản chủ nghĩa không còn khủng hoảng mà chỉ còn suy thoái chu kỳ. Nếu như trong cuộc khủng hoảng năm 1929 - 1932 (thường gọi là đại suy thoái), kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới bị giảm tới 30% sản lượng, trở lại với mức sản xuất của 25 năm trước đó, thì trong các cuộc suy thoái chu kỳ, nó chỉ bị giảm từ 1 đến 2% sản lượng.

Nhưng vì Kê-in-xơ nặng về sử dụng lạm phát để chống khủng hoảng kinh tế và thất nghiệp, nên đến thập kỷ 70, người ta đã đổ tội cho ông là đã gây ra cuộc *siêu lạm phát toàn cầu* và nạn *lạm suy**. Các trường phái kinh tế khác ra sức bài bác, cho lý thuyết của Kê-in-xơ là thô sơ, là phiêu lưu, chỉ kêu gào bội chi ngân sách. Kê-in-xơ chỉ đưa ra được phương thuốc chữa "thiếu phát", từ đó chấm dứt được tác dụng cộng hưởng gây khủng hoảng kinh tế ; chứ ông chưa chữa được "suy thoái" là thể nhẹ của căn bệnh khủng hoảng kinh tế.

Như vậy, chúng ta phải đặt lại vấn đề thế nào là khủng hoảng kinh tế, để tìm cách xóa bỏ nó.

Khủng hoảng kinh tế có nhiều loại. Chúng ta bỏ qua các loại khủng hoảng kinh tế như ở Đông Âu do sự đổ vỡ của thể chế chính trị. Vậy khủng hoảng kinh tế là gì ? Là *tình trạng sản xuất thừa so với nhu cầu có khả năng thanh toán*. Sản xuất hiện nay còn lâu mới thỏa mãn được toàn bộ nhu cầu của xã hội. Vậy, chính cái *nhu cầu có khả năng thanh toán* là vấn đề *then chốt* trong mâu thuẫn giữa sản xuất và nhu cầu. Chúng ta đã từng cho rằng mâu thuẫn này nằm trong khâu phân phối của chủ nghĩa tư bản, và như vậy chỉ cần xóa bỏ tư hữu, nắm lấy khâu phân phối, là có thể chấm dứt được khủng hoảng kinh tế và thất nghiệp.

Thực ra, các nước xã hội chủ nghĩa như ở Liên xô và Đông Âu trước đây đã từng xóa bỏ được khủng hoảng kinh tế và thất nghiệp trong thời kỳ hưng thịnh vào những năm 60 và 70. Nhưng do cách kế hoạch hóa kinh tế quốc dân bằng mệnh lệnh hành chính theo một tư duy chủ quan, cho nên dần dần đã làm mất động lực phát triển kinh tế. Các đòn bẩy kinh tế (như tiền lương, lãi suất, tiền tệ v.v) đều không được sử dụng. Tất cả tình hình trên đã gặm nhấm nền kinh tế và đẩy xã hội vào một cuộc khủng hoảng kinh tế "nghịch đảo" : sản xuất thiếu so với nhu cầu có khả năng thanh toán. Cuộc khủng hoảng này kéo dài cho đến cuộc đổ vỡ đau đớn mà chúng ta đều biết.

Phân tích nhu cầu có khả năng thanh toán, tôi thấy cách đặt vấn đề từ khâu phân phối là đúng, bởi vì thật là vô lý khi sản xuất vật phẩm tiêu dùng dồi dào mà người lao động sản xuất ra nó lại không được sử dụng chỉ vì không có khả năng thanh toán. Rõ ràng, khả năng thanh toán đó đã bị mất đi trong quá trình phân phối : một bên là người giàu thì thừa khả năng thanh toán, đến độ tiêu xài hoang phí gấp cả trăm lần người nghèo ; một bên là người nghèo chỉ được hưởng quá ít so với cái mình đã làm ra. Từ suy nghĩ trên, tôi thấy giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế cần bắt đầu từ khâu phân phối, để làm sao xóa dần khoảng cách giữa *nhu cầu* và *nhu cầu có khả năng thanh toán*.

Hiện nay chúng ta hầu như mới sử dụng các đòn bẩy kinh tế, các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô vào việc kích thích kinh tế phát triển, chứ chưa vào việc kiểm soát phân phối. Thậm chí, ở một số ngành như tài chính, lao động xã hội, còn có những hành động thực tế là khuyến khích cho việc phân phối không công bằng. Ví dụ như trong việc quản lý *ngân sách nhà nước*, người ta thường lấy lý do là "nước ta còn nghèo, ngân sách còn thất thu lớn", để hạn chế việc cải cách tiền lương. Việc trả lương không đúng theo giá trị sức lao động đối với viên chức nhà nước là chỗ dựa để các doanh nghiệp tư nhân và các công ty liên doanh với nước ngoài có thể hạ lương, cúp lương, thẳng cánh bóc lột công nhân ta. Tiền lương trước cuộc

* Stagflation, do hai từ "stagnation" (suy thoái) và "inflation" (lạm phát) ghép lại.

Digitized by Google

chiến tranh phá hoại của Mỹ đã đạt mức lương tối thiểu là 27 đồng, ngang với 1 chỉ vàng. Tại sao ta không đặt vấn đề chống tham nhũng, đục khoét ngân sách và thất thu ngân sách, để có đủ tiền khôi phục tiền lương ngang mức trước chiến tranh, mà lại đi cắt xén từng khoản đưa vào lương, như tiền nhà. Chỉ cần ngăn chặn được nạn tham ô trong xây dựng cơ bản là nhà nước đã có 2000 tỉ đồng để tăng gấp rưỡi khoản tiền dành cho cải cách tiền lương.

Thuế suất cũng vậy, chưa hướng vào việc phân phối lại thu nhập. Thuế thu nhập hiện nay chẳng hạn, đánh vào người ăn lương là chủ yếu, còn đối với nguồn thu nhập từ kinh doanh lớn gấp nhiều lần thì hầu như lại không bị nó đụng tới. Ở một số nước tư bản, nhà nước đánh thuế thu nhập cả vào chủ công ty tư nhân. Các chủ công ty này sau khi nộp thuế lợi tức, còn phải nộp quỹ bảo hiểm lao động gần ngang quỹ lương. Trong khi đó, chúng ta còn chưa sử dụng tốt công cụ phân phối này để giảm bớt sự phân hóa giàu nghèo.

Công cụ *giá cả* cũng mới chỉ được sử dụng một cách khá hạn chế trong việc bảo vệ nông dân chống lại tư thương ép giá.

Tóm lại, nắm vững khâu phân phối, tạo một ngân sách lớn, tạo các quỹ bảo hiểm, quỹ trợ giá mạnh... đủ sức thu hẹp khoảng cách giữa nhu cầu và nhu cầu có khả năng thanh toán, đó chính là giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực xóa khủng hoảng kinh tế chu kỳ, cả ở dạng nhẹ là suy thoái. Bên cạnh đó, chúng ta cũng không coi nhẹ các luận điểm mới về sử dụng bội chi ngân sách khi cần thiết, sử dụng tiền tệ, cụ thể là việc phát hành tiền, để chống suy thoái và thất nghiệp. Khi có dấu hiệu suy thoái, chúng ta vẫn có thể dùng lạm phát nhẹ, kiềm chế ở mức trên dưới 10% để kích thích kinh tế phát triển. Không nên giáo điều theo các sách giáo khoa kinh tế của một số trường phái quá sợ hãi lạm phát, thổi phồng việc ổn định tiền tệ lên như là mục tiêu số 1 về kinh tế mà các mục tiêu khác (như chống suy thoái, chống thất nghiệp) đều phải phục tùng.

Các nhà tư bản ở nhiều nước cũng đã nhận thấy rằng : bóc lột quá đáng sức lao động là một nguyên nhân gây khủng hoảng kinh tế, và kích thích cách mạng xã hội chủ nghĩa vào những năm 50 cho đến những năm 70. Do đó, kết quả đấu tranh của giai cấp công nhân các nước này đã đưa đến nhiều giải pháp, nhiều sắc thuế thu hẹp sự phân hóa giàu nghèo, cũng là thu hẹp khoảng cách giữa nhu cầu và nhu cầu có khả năng thanh toán. Thực ra, tư tưởng nhân văn xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đã qua vẫn để lại dấu ấn tốt đẹp trong nhiều doanh nghiệp ở nước ta, vì vậy ở đó không khí giữa chủ và thợ vẫn mang những nét tốt đẹp riêng, không có sự phân chia giai cấp, sang hèn, như ở một vài công ty liên doanh với nước ngoài.

Chống suy thoái cũng là dùng các đòn bẩy kinh tế để kiềm soát sự phá sản của các doanh nghiệp, và hạn chế đến mức tối đa sự phá sản hàng loạt các doanh nghiệp như thời kỳ chủ nghĩa tư bản vô chính phủ của thế kỷ trước và đầu thế kỷ này. Vì vậy, nó cũng là nguyện vọng của các nhà kinh doanh. Để thích nghi với thời đại mới, chủ nghĩa tư bản đã có nhiều đạo luật, nhiều chế độ và công cụ quản lý kinh tế vĩ mô để ngăn ngừa sự đổ vỡ hàng loạt như trong cuộc đại suy thoái những năm 1929 - 1932. Đây là những điều mà chúng ta cần kết hợp với lý luận Mác - Lê-nin nghiên cứu khai thác sử dụng. Đồng thời, chúng ta cũng cần cảnh giác với khả năng xấu. Vì chưa có kinh nghiệm về kinh tế thị trường, chúng ta rất có thể rơi vào tình trạng sản xuất vô chính phủ, dẫn đến cung lớn hơn cầu.

Việc các doanh nghiệp phá sản hàng loạt này, chúng ta cũng đã từng phân tích là do sản xuất vô chính phủ, nên có lúc đã đơn giản tưởng rằng có thể dùng kế hoạch sẽ phá vỡ được tình trạng này, và từ đó "biến lao động tư nhân thành lao động xã hội trực tiếp", và thế là chấm dứt được khủng hoảng sản xuất thừa. Rồi từ quan điểm sai lầm này lại nảy sinh quan điểm cực đoan khác : "xóa sạch kế hoạch hóa". Thật ra, sai lầm không phải ở chỗ đi vào kế hoạch

Digitized by Google

hóa, mà ở chỗ đã tiến hành kế hoạch hóa theo kiểu mệnh lệnh hành chính, tập trung quan liêu, cái gì cũng lập kế hoạch, kế hoạch đến từng mặt hàng của xí nghiệp, bất chấp thị trường ra sao. Kế hoạch hóa, theo tôi, trước sau vẫn là *công cụ để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa*, miễn là kế hoạch phải thực sự là những tính toán cân đối ở tầm vĩ mô để phát hiện trước những mất cân đối có thể nảy sinh, để chỉ huy nền kinh tế đi đúng quỹ đạo và tránh được suy thoái.

Xóa bỏ thất nghiệp là lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa xã hội, nhưng tỷ lệ thất nghiệp hiện nay khá lớn. Các nước tư bản cũng nhận ra thất nghiệp là khuyết tật xấu xa của chủ nghĩa tư bản nên vừa chống thất nghiệp vừa xây dựng các quỹ trợ cấp thất nghiệp. Chúng ta không phủ nhận các lý thuyết cũng như các giải pháp về chống thất nghiệp của kinh tế học tư bản chủ nghĩa. Nhưng tôi cho rằng nó chưa đủ, chưa có cơ sở lý luận vững chắc (vì còn đang tranh cãi chưa ai chịu ai) ; ta cần dựa trên cơ sở lý luận Mác - Lê-nin để phân tích và tìm ra giải pháp tốt hơn, có cơ sở khoa học hơn.

Thất nghiệp thường gắn với suy thoái, cho nên các giải pháp chống suy thoái và thất nghiệp thường gắn với nhau. Như theo học thuyết của Kê-in-xơ lấy bội chi ngân sách để tạo ra các công trường thu hút lao động, vừa giải quyết thất nghiệp vừa tạo được sức mua mới để chống suy thoái. Các giải pháp này đã có tác động mạnh vào trước và sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhiều chính phủ đã mở cả những công trường quét tuyết để thu nhận đông đảo những người thất nghiệp mà không cần đầu tư lớn. Nhưng rồi cuộc siêu lạm phát toàn cầu vào những năm 60 và 70 với chu kỳ suy thoái chỉ 2-3 năm, ngắn hơn nhiều so với chu kỳ khủng hoảng kinh tế trước đây kéo dài tới 10 - 15 năm, đã làm cho các chính phủ tư bản mất lòng tin vào các giải pháp này. Các giải pháp chống thất nghiệp từ đó mang tính gián tiếp nhiều hơn, như : dùng lãi suất thấp để kích thích đầu tư và qua đó tạo ra công ăn việc làm ; dùng quỹ trợ cấp thất nghiệp để trợ giúp người thất nghiệp.

Tôi cho rằng giải pháp xóa đói giảm nghèo của ta mang tính trực tiếp và tích cực hơn giải pháp trợ cấp thất nghiệp, vì nó tạo ra công ăn việc làm, vừa tăng cung hàng hóa vừa tăng cầu qua thu nhập có được của người được trợ giúp. Vừa qua, khoản kinh phí cho xóa đói giảm nghèo còn quá ít, chưa đến mức phải phát hành thêm tiền để tạo quỹ này. Tôi đề nghị sắp tới ta nên sử dụng một phần nguồn vốn phát hành để tạo quỹ xóa đói giảm nghèo.

Chúng ta cũng phải nghĩ tới việc sử dụng ngân sách và cả tín dụng vào việc mở các công trường để tạo công ăn việc làm. Từ kế hoạch phát triển kinh tế vĩ mô, chúng ta có khả năng thấy được những cân đối cung - cầu lớn của nền kinh tế, vì vậy có thể tạo công ăn việc làm mà không gây mất cân đối cung - cầu ở một lĩnh vực nào đó. Mặt khác, phân tích kinh nghiệm của cuộc siêu lạm phát toàn thế giới tư bản vào những năm 60 và 70, thì nguyên nhân chính lúc ấy không phải do chi tiêu cho chống thất nghiệp mà là cho chạy đua vũ trang. Điển hình là Mỹ bị lạm phát nặng tới mức giá vàng từ 35 USD tăng lên tới 500 USD/1 ao-xơ (nghĩa là tiền mất giá tới 14,3 lần), trong lúc Nhật không chạy đua vũ trang nên đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế thần kỳ (10%/năm và đồng yên Nhật đã lên giá gấp đôi so với đô la (từ 360 yên/1 USD tới chỗ chỉ còn 180 yên/1 USD).

Xóa khủng hoảng kinh tế và thất nghiệp là giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa cơ bản về kinh tế, nhưng đây cũng là hai vấn đề khó khăn nhất trong kinh tế học. Vì vậy, dù mới chỉ là suy nghĩ bước đầu, tôi vẫn mạnh dạn viết ra, mong gợi được sự quan tâm chung cùng các ý kiến chỉ giáo, trao đổi cho sáng rõ vấn đề.

Digitized by Google

MẤY SUY NGHĨ VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở NƯỚC TA

MAI HỮU THỰC*

CÔNG nghiệp hóa đã và đang là quá trình mang tính quy luật phổ biến đối với tất cả các nước. Nước ta đã tiến hành công nghiệp hóa từ những năm 60 của thế kỷ này, tuy nhiên đến nay việc xác định quan điểm về công nghiệp hóa như thế nào cho đúng, vẫn là vấn đề đặt ra đòi hỏi phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu.

Đối với nước ta, công nghiệp hóa là nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, là con đường để nước ta thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu. Chúng ta phải tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa như thế nào để đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất, đó là quan điểm chỉ phối toàn bộ quá trình đó. Nói cụ thể hơn, nước ta nên công nghiệp hóa theo mô hình nào ? Tiến trình của nó ra sao ? Cơ cấu kinh tế sẽ chuyển dịch như thế nào trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ?... Bài viết này muốn nêu một vài suy nghĩ nhỏ trên những vấn đề đó.

1 - Về mô hình công nghiệp hóa

Có nhiều mô hình công nghiệp hóa, nhưng khái quát lại có *hai* mô hình : công nghiệp hóa *thay thế nhập khẩu* (hướng nội), và công nghiệp hóa *hướng về xuất khẩu* (hướng ngoại).

Công nghiệp hóa ở nước ta trước đây phần lớn xuất phát từ nhu cầu trong nước - hướng nội. Không phải chỉ nước ta mà không ít nước khác cũng tiến hành công nghiệp hóa theo mô hình như vậy. Điều đó có nguyên nhân sâu xa của nó. Các nước vốn là thuộc địa, sau khi giành được độc lập về chính trị, thường muốn giành được độc lập cả về kinh tế, nên muốn cắt đứt mọi mối liên hệ với các chính quốc cũ. Mô hình công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu trùng với nguyện vọng đó. Thực tế cho thấy, công nghiệp hóa theo mô hình này kém hiệu quả. Thêm vào đó, do sai lầm về phương hướng đầu tư (ưu tiên cho các ngành công nghiệp nặng, đặc biệt là các ngành cơ khí và chế tạo, lại ham quy mô lớn) nên hiệu quả công nghiệp hóa càng thấp, và do đó, nền kinh tế càng mất cân đối nghiêm trọng.

Rút kinh nghiệm trước đây, nước ta cần thực hiện công nghiệp hóa theo mô hình nào ?

Hiện nay, cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang diễn ra hết sức mạnh mẽ trên thế giới, đặc biệt ở các nước công nghiệp phát triển. Nó đã trở thành nhân tố quan trọng nhất thúc đẩy sự tiến bộ xã hội, đưa nhân loại tới làn sóng văn minh mới. Do cuộc cách mạng đó, cơ cấu kinh tế của mỗi nước cũng như cơ cấu kinh tế thế giới, cơ cấu phân công lao động quốc tế, đang biến đổi rất sâu sắc. Bằng nhiều hình thức liên kết, nền kinh tế hiện đại có xu hướng trở thành một hệ thống toàn cầu trong đó quan hệ kinh tế giữa các nước chủ yếu là quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, nhưng sự phụ thuộc lẫn nhau này là do quan hệ phân công và hợp tác lao động quốc tế quyết định, chứ không phải do quan hệ chính quốc và thuộc địa quyết định như trước. Trong điều kiện như vậy, nước ta không thể không mở cửa về kinh tế, tham gia vào hệ thống phân công và hợp tác quốc tế, tận dụng cho được các lợi thế so sánh trong các quan hệ kinh tế quốc tế.

Trong việc xác định mô hình công nghiệp hóa ở nước ta, những điều vừa trình bày trên, đương nhiên cần được tính đến. Tuy nhiên, để xác định mô hình công nghiệp hóa của một nước, còn phải tính đến hoàn cảnh cụ thể của nước đó. Và không phải cứ một nước công nghiệp hóa theo mô hình "hướng ngoại", có nghĩa là nó sẽ không có yếu tố nào hoặc không bao giờ "hướng nội". Chẳng hạn, Nam Triều tiên theo chiến lược "hướng ngoại", nhưng nay lại chú ý tới thị trường trong

* PTS kinh tế chính trị, Trường đại học kinh tế quốc dân Hà nội

Digitized by Google

nước nhiều hơn. Nhật bản đang chuyển từ nền kinh tế hướng về xuất khẩu sang nền kinh tế hướng về tiêu dùng. Thực ra, giữa hai mô hình "hướng ngoại" và "hướng nội" không có sự ngăn cách tuyệt đối. Chúng chỉ khác nhau ở chỗ xác định thị trường hướng vào đâu, "bên ngoài" hay "bên trong", là chủ yếu.

Trong điều kiện nước ta, công nghiệp hóa có lẽ nên theo *mô hình kết hợp* vừa "hướng ngoại" vừa "hướng nội", trong đó *hướng ngoại là chủ yếu*, nghĩa là phải *kiên trì chiến lược hướng mạnh vào xuất khẩu*. Vấn đề là nước ta phải tìm cho được *thế mạnh riêng* trong sự phân công và hợp tác quốc tế. Muốn vậy, cần lưu ý *hai* vấn đề then chốt : 1) *Đổi mới căn bản công nghệ sản xuất*, để hàng hóa sản xuất ra có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới ; 2) *Sử dụng triệt để lợi thế so sánh*, xem nên sản xuất loại hàng nào để xuất khẩu, còn nên nhập loại hàng nào thì có lợi.

Tuy nhiên, cùng với việc hướng mạnh vào xuất khẩu, không thể không chú ý tới thị trường trong nước. Cần tự sản xuất và thay thế nhập khẩu những mặt hàng mà trong nước có điều kiện sản xuất và sản xuất có hiệu quả. Làm như vậy vừa bảo đảm được các mặt hàng tiêu dùng mà nhân dân cần, vừa giảm bớt được số ngoại tệ dùng để nhập các mặt hàng đó trong quá trình công nghiệp hóa. Hiện nay hàng ngoại, đặc biệt là hàng tiêu dùng Trung quốc, đang ồ ạt tràn vào thị trường nước ta. Điều rất không bình thường là trong các hàng tràn vào đó, có không ít loại ta hoàn toàn có thể sản xuất bằng nguyên liệu trong nước với chất lượng tốt hơn.

Để thị trường trong nước và các ngành sản xuất "hướng nội" ổn định, nhà nước cần có biện pháp bảo vệ cần thiết. Kinh nghiệm các nước đang phát triển cho thấy : trong giai đoạn đầu công nghiệp hóa, các nước này thường xuất khẩu sản phẩm sơ cấp (nguyên liệu thô hoặc chế biến qua), và nhập khẩu công nghệ phẩm. Do đó, họ thường phải chịu một sự trao đổi *không công bằng*, bị các nước công nghiệp phát triển chèn ép. Vì vậy, các nước đang phát triển phải làm thế nào tăng dần tỷ trọng các mặt hàng công nghệ phẩm xuất khẩu. Chẳng hạn, Nam Triều tiên thời kỳ đầu công nghiệp hóa, xuất khẩu chủ yếu là các mặt hàng tốn nhiều lao động, nhưng đến năm 2000 theo dự tính, 1/3 xuất khẩu của Nam Triều tiên sẽ là các mặt hàng kỹ thuật cao. Đối với nước ta, để tránh được tình trạng trao đổi không công bằng nói trên, rõ ràng không thể không thay đổi công nghệ, không thể không áp dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất để tăng dần tỷ trọng các mặt hàng công nghệ phẩm xuất khẩu.

2 - Về bước đi của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại đang làm cho các yếu tố của lực lượng sản xuất xã hội phát triển vượt bậc và thay đổi về chất. Trong hệ thống lực lượng sản xuất đang diễn ra một cuộc cách mạng quy mô lớn và toàn diện : tự động hóa và tin học hóa sản xuất ; sử dụng các nguồn năng lượng mới và vật liệu mới ; áp dụng quy trình công nghệ mới. Như vậy, cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại đã đưa tới sự đổi mới về chất bộ máy sản xuất hiện hành trên cơ sở kỹ thuật và công nghệ mới.

Lợi dụng những thành tựu của cuộc cách mạng này, các nước trong khu vực đang phát triển rất năng động. Nam Triều tiên, từ một nước của những người nông dân nghèo khổ đã trở thành nước tiên tiến nhất trong các nước công nghiệp mới (NIC), và đang ở hàng đầu trong các nước đi vào kỷ nguyên thông tin. Đài loan đang chuyển mạnh nền kinh tế từ sản xuất những sản phẩm dễ làm sang những sản phẩm điện tử có giá trị cao. Trung quốc trong những năm gần đây luôn giữ được nhịp độ tăng trưởng kinh tế trung bình hằng năm là 10%, và đến năm 2050, như ông Đặng Tiểu Bình nói, sẽ đạt được mức là "nước phát triển trung bình". Thái lan, tuy chưa hoàn thành quá trình công nghiệp hóa, nhưng từ kinh tế nông nghiệp đang đi đến kinh tế du lịch. Theo một số nhà nghiên cứu, các nước công nghiệp mới (NIC) nhìn chung đã *cách mạng hóa* lý thuyết phát triển kinh tế của mình, họ dường như bỏ qua giai đoạn công nghiệp hóa mà đi thẳng vào nền kinh tế thông tin.

Dĩ nhiên, bước đi của công nghiệp hóa ở nước ta là do điều kiện cụ thể của nước ta quyết định. Song dù thế nào thì cũng không thể không tính đến sự tác động của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại cũng như sự phát triển năng động của các nước trong khu vực như vừa nói ở trên.

Digitized by Google

Trong điều kiện nền kinh tế vẫn trong tình trạng nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp nhỏ bé, kết cấu hạ tầng vật chất thấp kém, chúng ta không có khả năng cơ khí hóa đồng bộ ngay mọi ngành kinh tế và mọi khâu của quá trình sản xuất, và càng không thể bỏ qua cơ khí hóa mà nhảy thẳng lên tự động hóa hoàn toàn. Nhưng cũng không thể vì thế mà áp dụng nguyên xi cái tiến trình mà các nước công nghiệp hóa đầu tiên đã thực hiện : thủ công - nửa cơ khí - cơ khí - tự động hóa. Ở nước ta, cần giải quyết *đồng thời* nhiều quá trình, nhiều mức độ kỹ thuật mà các nước đi trước đã giải quyết vào những thời điểm khác nhau. Chúng ta phải biết *thích nghi với môi trường công nghệ cao*, đồng thời biết *kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại*, cố gắng hiện đại hóa công nghệ truyền thống. Như vậy, *công nghiệp hóa phải đi đôi với hiện đại hóa.*

Bước đi trình tự chủ yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là cơ khí hóa bộ phận, tiến tới cơ khí hóa đồng bộ, rồi tự động hóa. Nhưng ở một số cơ sở và một số ngành thì có thể áp dụng ngay tự động hóa và tin học hóa sản xuất, tạo nên những mũi nhọn về công nghệ hiện đại, nghĩa là phải tranh thủ cơ hội đi tắt, đón đầu, để đạt được trình độ khoa học - công nghệ tiên tiến của thế giới.

Như vậy, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình *nâng cao trình độ khoa học - công nghệ* cho tất cả các ngành, *bằng sự kết hợp nhiều trình độ công nghệ, chú trọng công nghệ hiện đại.* Ở đây, vấn đề lựa chọn công nghệ thích hợp có ý nghĩa quan trọng, sao cho vừa phù hợp với khả năng của đất nước vừa đảm bảo tính tiên tiến của công nghệ để có khả năng cạnh tranh.

Chính những điều kiện trên đã quyết định phương hướng của đầu tư và sự kết hợp các loại quy mô của các công trình. Phương hướng chủ yếu của đầu tư là *đầu tư theo chiều sâu*, kết hợp với đầu tư theo chiều rộng. Trong sự kết hợp các loại quy mô, chú trọng quy mô vừa và nhỏ, xây dựng có chọn lọc một số công trình lớn cần thiết mà trong nước có điều kiện làm và làm có hiệu quả (thật ra, do tác động của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại, tỷ trọng các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngay ở các nước phát triển cũng đang tăng lên). Trong sự kết hợp các loại quy mô, tùy từng ngành, từng lĩnh vực mà xác định loại quy mô nào là chủ yếu. Chẳng hạn, đối với một số ngành sản xuất hàng tiêu dùng, thì quy mô vừa và nhỏ là thích hợp và có hiệu quả, nhưng đối với các ngành công nghiệp nặng thì chủ yếu lại phải là quy mô lớn.

3 - Về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tất yếu sẽ đưa đến sự biến đổi, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trước đây, công nghiệp hóa là chuyển nền kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp, hiện nay ở các nước công nghiệp phát triển, nó là chuyển nền kinh tế từ công nghiệp sang dịch vụ.

Cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta, gắn liền với sự đổi mới về chất của lực lượng sản xuất và công nghệ sản xuất, cơ cấu kinh tế nước ta cũng sẽ có sự chuyển dịch.

Khi nghiên cứu vấn đề các giai đoạn của công nghiệp hóa, người ta phân biệt *ba* giai đoạn. Giai đoạn *một* là giai đoạn tạo những tiền đề cho công nghiệp hóa, như : tạo vốn ; đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân lành nghề, cán bộ quản lý ; phát triển ở một mức độ nhất định kết cấu hạ tầng vật chất. Giai đoạn *hai* là giai đoạn triển khai mạnh mẽ công nghiệp hóa. Điều kiện để thực hiện nó là : đáp ứng một cách ổn định những nhu cầu thiết yếu của nhân dân ; tích lũy đủ vốn để tạo nên một tốc độ cao về tăng trưởng kinh tế ; năng lực sản xuất của một số ngành quan trọng đáp ứng được yêu cầu chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng công nghiệp chế biến. Giai đoạn *ba* là giai đoạn hoàn chỉnh cơ cấu. Trong hai giai đoạn đầu, do phải tập trung sức vào một số ngành và một số lĩnh vực có tác dụng thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, nên có thể đưa đến những sự không cân đối, vì vậy đến giai đoạn này, cần có sự bổ sung về đầu tư cho những lĩnh vực còn yếu để tạo nên sự cân đối, tức là hoàn chỉnh cơ cấu kinh tế.

Nếu theo cách chia như vậy, thì có thể nói rằng nước ta đang còn ở *giai đoạn một* của quá trình công nghiệp hóa. Song như Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII) của Đảng đã nhận định : những thành tựu quan trọng đạt được *đã và*

Digitized by Google

đang tạo ra những tiền đề đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Vậy cơ cấu kinh tế của nước ta sẽ hình thành và chuyển dịch như thế nào trong giai đoạn hiện tại và tương lai (đầu thế kỷ XXI) ? Để có thể đáp ứng một cách ổn định nhu cầu thiết yếu của nhân dân và tích lũy đủ vốn ban đầu cho công nghiệp hóa, cần quan tâm đến việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, mở rộng thương nghiệp và dịch vụ. Để tạo những điều kiện cho sự tăng trưởng kinh tế, cần xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trong những ngành chủ yếu mà nước ta hiện nay đang cần và có điều kiện về vốn và công nghệ để làm có hiệu quả ; cần cải tạo và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng vật chất ở những khâu đang cản trở sự phát triển. Như vậy, cơ cấu kinh tế của nước ta hiện nay là cơ cấu *nông - công nghiệp - dịch vụ.*

Khi có đủ điều kiện để triển khai mạnh mẽ công nghiệp hóa và hoàn thành cơ bản giai đoạn này, thì cơ cấu kinh tế của nước ta sẽ chuyển dịch thành cơ cấu công - nông nghiệp - dịch vụ. Xét từ phương diện ngành thì cơ cấu kinh tế nước ta là cơ cấu *đa ngành*, trong đó hình thành rõ những ngành kinh tế trọng yếu của đất nước.

4 - Công nghiệp hóa với vấn đề giữ vững độc lập, tự chủ của đất nước

Các thế lực thù địch đang ráo riết thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" đối với nước ta. Chúng sử dụng nhiều thủ đoạn chống phá ta từ nhiều hướng, nhiều lĩnh vực, đặc biệt về tư tưởng và kinh tế. Vì vậy, trong khi tiến hành công nghiệp hóa, phát triển kinh tế, mở rộng quan hệ đối ngoại, chúng ta không được lơi lỏng cảnh giác để mất độc lập tự chủ, hoặc mắc mưu những kẻ xấu bụng.

Có người nói rằng, trong điều kiện ngày nay, những cân nhắc về kinh tế cần phải vượt lên trên những cân nhắc về chính trị. Điều đó có thể phù hợp với nước nào đó, chứ đối với nước ta - một nước đang phát triển và mới giành được độc lập - thì việc bảo vệ sự độc lập, tự chủ là một nguyên tắc bất di bất dịch.

Như chúng ta đã biết, một trong những khó khăn không dễ gì vượt qua đối với các nước đang phát triển trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là thiếu vốn. Nước ta cũng gặp khó khăn như vậy, nên có thể có ai đó muốn lợi dụng nhu cầu thu hút vốn đầu tư để gây sức ép đòi ta chấp nhận đa nguyên chính trị. Chúng ta cần tỉnh táo cảnh giác. Một mặt hết sức tranh thủ các dự án đầu tư theo phương châm hai bên cùng có lợi, nhưng mặt khác, phải xem xét thận trọng mục đích đầu tư và phải có kế hoạch chủ động theo yêu cầu của ta.

Cũng xin nói thêm rằng, không phải bất cứ nước nào nếu không có sự trợ giúp của phương Tây thì sẽ không phát triển được. Chẳng hạn nền kinh tế Trung quốc, được xếp vào làn sóng phát triển thứ hai : miền Nam Trung quốc đã tự nuôi dưỡng sức mạnh của sự tăng trưởng nhờ sự năng động trong vùng mà không cần sự chuyển giao vốn ồ ạt. Do đó, đối với nước ta, nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn bên ngoài là quan trọng. Việc vay vốn đầu tư của nước ngoài cũng như việc nhận viện trợ, cần được xem xét cả về phương diện kinh tế lẫn phương diện chính trị an ninh.

Đừng quên rằng, thông qua viện trợ, đầu tư, hợp tác về kinh tế, văn hóa, giáo dục, luật pháp, người ta có thể lung lạc tư tưởng mỗi người ; đặc biệt bằng bồi dưỡng lý thuyết về kinh tế thị trường và luật pháp phương Tây, người ta có thể làm thay đổi định hướng từ kinh tế tới chính trị. Vì vậy, khi tiếp nhận sự chuyển giao công nghệ, đầu tư, hợp tác, viện trợ từ bên ngoài, đặc biệt từ phương Tây, cần có sự cảnh giác, thận trọng ở mọi cấp, mọi người.

Điều có ý nghĩa quyết định để bảo vệ độc lập tự chủ của đất nước là tạo ra được cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, để nước ta khỏi tụt hậu và hình thành được cơ cấu kinh tế cần thiết, cho phép nước ta vừa tham gia được vào sự phân công và hợp tác quốc tế, vừa phát triển được nền kinh tế độc lập có nhịp độ tăng trưởng cao.

Digitized by Google

Kinh nghiệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa của một số nước và khả năng vận dụng sáng tạo ở Việt nam

ĐỖ ĐỨC ĐỊNH*

NGHIÊN cứu các nước công nghiệp mới (NIC) và một số nước ở châu Á cho thấy, những thành công trong phát triển kinh tế - xã hội bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mỗi nước. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng quát thì các nước này đã giải quyết tốt các vấn đề chủ yếu sau đây :

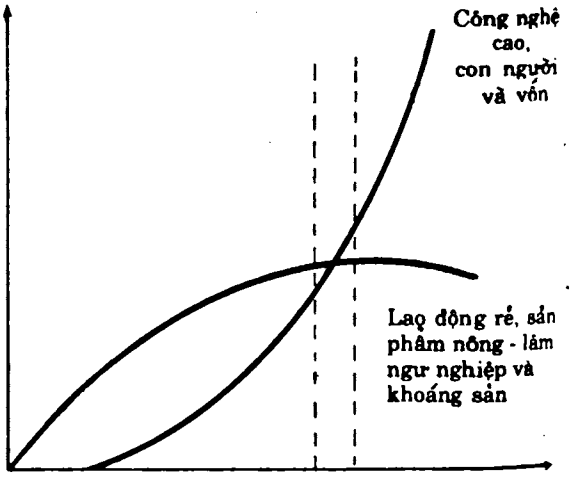
1 - Phát triển kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước.

2 - Mở rộng kinh tế đối ngoại, kết hợp thực hiện chiến lược thay thế nhập khẩu và hướng vào xuất khẩu, trong đó xuất khẩu ngày càng quan trọng và trở thành yếu tố chi phối quá trình phát triển ;

3 - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đặc biệt, để tiến hành thành công quá trình công nghiệp hóa, các nước này đã đi vào khai thác tối ưu các lợi thế so sánh về tài nguyên con người, tài nguyên thiên nhiên, vốn (tư bản), công nghệ và thị trường. Năm lợi thế so sánh này đã được vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi nước. Tác dụng của chúng được phát huy tối đa trong một tổng thể thống nhất, có sự kết hợp giữa lợi thế bên trong với lợi thế bên ngoài, nhằm rút ngắn quá trình và nâng cao hiệu quả công nghiệp hóa. Việc rút ngắn quá trình và nâng cao hiệu quả công nghiệp hóa đã diễn ra theo hai xu hướng sau đây :

Hướng *thứ nhất* là *tuần tự từ thấp đến cao*. Quá trình này gồm 2 giai đoạn : a) giai đoạn đầu (kéo dài khoảng 20 - 30 năm) với trọng tâm là ưu tiên phát triển các ngành dùng nhiều lao động và tài nguyên thiên nhiên ; b) giai đoạn hai với trọng tâm là hiện đại hóa khi đất nước đã có các lợi thế về công nghệ, về con người, và về vốn (thu nhập quốc dân theo đầu người đã đạt khoảng 1500 - 2000 USD ; công nghiệp chế tạo đã chiếm khoảng 30 - 40% GDP trở lên).



Biểu đồ - Các giai đoạn công nghiệp hóa và vị trí, vai trò các lợi thế so sánh

Hướng *thứ hai* là *chuyển từ hướng nội, tự lực cánh sinh, đóng cửa, thay thế nhập khẩu, sang mở cửa, hướng ngoại, hướng vào xuất khẩu*. Việc chuyển hướng này không có nghĩa chuyển từ cực này sang cực kia, từ đóng cửa sang mở toang cửa không có định hướng.

* Phó tiến sĩ kinh tế, Viện kinh tế thế giới

Digitized by Google

Kinh nghiệm của những nước thành công chỉ ra rằng : giải pháp hợp lý nhất là thực hiện một *chính sách bổ sung giữa hướng vào xuất khẩu và thay thế nhập khẩu, lấy hướng vào xuất khẩu làm trọng tâm.* Giải pháp này cho phép kết hợp một cách có hiệu quả các lợi thế bên trong (nội lực) với các lợi thế bên ngoài (ngoại lực). Chẳng hạn ở Đài loan và Nam Triều tiên, giai đoạn đầu kéo dài suốt những năm 50 - 60, giai đoạn hai được mở đầu dần dần từ những năm 70. Ở Xin-ga-po, giai đoạn đầu kéo dài đến những năm 70, giai đoạn tiếp theo (được gọi là "cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai") phát triển mạnh từ những năm 80. Ở Ma-lai-xi-a, giai đoạn đầu kéo dài đến hết những năm 70, giai đoạn hai được đẩy mạnh từ những năm 80. Ở Thái lan, dự định giai đoạn hai bắt đầu từ những năm 80, nhưng do lực yếu, đến nay vẫn chưa đủ sức để hiện đại hóa rộng rãi và phát triển các ngành có hàm lượng tư bản lớn và công nghệ cao. Năm 1989, ông tổng thư ký Ủy ban phát triển của Thái lan vẫn còn phải nói : "Phương hướng phát triển tương lai của Thái lan là phát triển công nghiệp loại vừa và công nghiệp nhẹ ; không cần công nghiệp lớn như gang thép và đóng tàu, mà cần xây dựng những xí nghiệp mang tính mũi nhọn trong lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao như xe hơi, hàng không và công nghiệp điện tử, xây dựng xí nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, qua đó để đạt đến mục đích điều chỉnh cơ cấu các ngành sản xuất"[1]. Trong những năm gần đây, chính sách bổ sung giữa hướng vào xuất khẩu và thay thế nhập khẩu, lấy hướng vào xuất khẩu làm trọng tâm, càng được coi trọng, nhất là ở các nước vừa nêu trên, nổi bật là Đài loan, Nam Triều tiên, Ma-lai-xi-a và Thái lan.

Như vậy, chính sách công nghiệp hóa không thể là một chính sách tĩnh, xác định một lần là xong, như kiểu mô hình công nghiệp hóa cũ lấy công nghiệp nặng làm "then chốt" để tự chốt chặt mình lại, không phát triển lên được. Chính sách công nghiệp hóa mới là một chính sách *động*, vận động theo sự thay đổi tương quan giữa các lợi thế so sánh.

Liên hệ với Việt nam và xét mặt mạnh, mặt yếu của ta về 5 lợi thế so sánh như đã nêu ở trên, có thể thấy : thực hiện quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hai hướng đó là hoàn toàn phù hợp. Nghĩa là Việt nam cần thực hiện *chiến lược công nghiệp hóa hai giai đoạn (từ công nghiệp hóa tiến nhanh lên hiện đại hóa) gắn với chính sách bổ sung giữa hướng vào xuất khẩu và thay thế nhập khẩu, lấy hướng vào xuất khẩu làm trọng tâm.*

Từ định hướng chiến lược trên đây, có thể thấy một hệ thống các chính sách, biện pháp chủ yếu cần thực hiện trong khoảng 20 - 30 năm tới như sau :

a) Do cơ sở hạ tầng của ta quá yếu kém, đang là một trong những trở ngại lớn nhất cho quá trình công nghiệp hóa nói riêng và cho sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung, chúng ta cần trước hết *ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng* (trong đó quan trọng nhất là thông tin liên lạc, giao thông vận tải, tài chính, ngân hàng, y tế, giáo dục) để tạo môi trường thuận lợi cho công nghiệp phát triển ; đồng thời *ưu tiên phát triển một số ngành mũi nhọn* như điện, dầu lửa, máy công cụ phục vụ nông nghiệp và chế biến nông, lâm, hải sản. Những ngành này chủ yếu do nhà nước đầu tư phát triển ; các *xí nghiệp quốc doanh là lực lượng nòng cốt* thực hiện ; các thành phần kinh tế tư nhân có thể tham gia, nhưng ở mức độ hạn chế.

b) Để sử dụng một cách có hiệu quả các lợi thế mà đất nước đang có, ít nhất trong 20 năm đầu công nghiệp hóa, *cần khuyến khích phát triển mạnh các ngành có hàm lượng cao về lao động, về tài nguyên nhiệt đới và về khoáng sản mà đất nước sẵn có.* Những ngành này phần lớn thuộc khu vực hoạt động kinh doanh tự do, cạnh tranh năng động, mang lại hiệu quả cao, đóng góp lớn cho tích lũy vốn, tạo nhiều việc làm, là khu vực sẽ tạo ra sản phẩm nhiều nhất cho đất nước, góp phần đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa. *Tư nhân là khu vực kinh tế có thế mạnh, là lực lượng quan trọng trong lĩnh*

(1) *Thương mại Thái lan* (tiếng Anh), tháng 9-1989

Digitized by Google

vực này. Do đó, nhà nước cần có các chính sách và biện pháp kích thích, hỗ trợ về thuế, ưu đãi về tín dụng (ưu đãi theo ngành, chứ không phải theo sở hữu quốc doanh hay tư nhân), bỏ những thủ tục quan liêu nặng nề, tạo điều kiện thuận lợi về pháp lý và hành chính, nhất là khẳng định và bảo vệ *quyền hữu sản*... để các hộ tư nhân có thể yên tâm đầu tư phát triển sản xuất.

c) Công nghiệp sẽ không phát triển được nếu thị trường không phát triển, do đó cần *gắn chính sách phát triển công nghiệp với chính sách phát triển thị trường*. Ở nước ta hiện nay, cần phát triển mạnh các thị trường vốn, lao động, đất đai... nhằm hỗ trợ tích cực cho sự nghiệp công nghiệp hóa.

Chính sách vốn cần bao hàm cả tính chiến lược và sách lược. Về chiến lược, cần xác định nguồn vốn trong nước là quyết định. Nhưng về sách lược, trong giai đoạn đầu công nghiệp hóa, khi thu nhập quốc dân theo đầu người còn quá thấp, thị trường vốn trong nước chưa phát triển và khả năng huy động vốn trong nước còn hạn chế, thì cần coi trọng cả vốn trong nước và ngoài nước, thậm chí ở một số ngành, vào từng thời điểm cụ thể, có thể cần dựa vào vốn nước ngoài nhiều hơn. Tuy nhiên, để thực hiện ý đồ chiến lược vốn trong nước là quyết định, ngay từ bây giờ cần tích cực phát triển thị trường vốn, kể cả việc tính tới khả năng xây dựng Việt nam thành một trung tâm tài chính trong khu vực. Một điểm quan trọng cần xác định rõ là : trong kinh tế thị trường, tư nhân là một lực lượng kinh tế, vốn của tư nhân đã và sẽ là một nguồn vốn quan trọng, vì vậy, cần có chính sách tốt để huy động đến mức tối đa nguồn vốn này cho sự nghiệp công nghiệp hóa.

Thị trường lao động hiện nay trên thực tế gần như đã được phát triển tự do, không còn có sự hạn chế về số lượng nhân công được thuê. Nhưng ở đây đang nổi lên một số vấn đề cần được giải quyết như : giá nhân công ; chế độ hợp đồng ; vai trò của công đoàn ; quá trình di dân từ nông nghiệp sang công nghiệp, từ nông thôn ra thành thị và các trung tâm công nghiệp ; việc đào tạo con người theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa... Kinh nghiệm các nước cho thấy, các vấn đề này thường được giải quyết theo cách kết hợp những giải pháp trước mắt, giải pháp tình thế, với việc chuẩn bị các tiền đề cần thiết cho phát triển dài hạn, vừa bảo đảm lợi ích cho người lao động, vừa phát triển và tăng trưởng nền kinh tế quốc dân.

Về *đất đai*, như một số công trình nghiên cứu lịch sử cho biết, trước đây ở nước ta từng tồn tại hai chế độ sử dụng đất : thời phong kiến có đất vua, chùa làng, quan điền, dân điền ; thời Pháp thuộc có đất nhà nước, công điền, tư điền. Nay chúng ta xác định đất thuộc sở hữu toàn dân, và đi kèm với nó là 5 quyền sử dụng đất đai. Năm quyền này đã có tác động tích cực trong nông nghiệp, nhưng vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, nhất là đối với khu vực thành phố và đầu tư nước ngoài, vì vậy cần có sự nghiên cứu và hoàn thiện thêm. Theo tôi nghĩ, cần sớm cấp giấy trước bạ rộng rãi cho dân. Vì, giống như quyền hữu sản, đây là yếu tố bảo đảm độ tin cậy của hoạt động công nghiệp và kinh doanh lâu dài. Đúng như ông cha ta nói : "Có an cư, mới lạc nghiệp", nếu không thì chủ yếu sẽ vẫn là đầu tư ngắn hạn, "bóc ngắn cắn dài", khó mà có được đầu tư lớn, dài hạn.

d) Công nghiệp trong nước có thể được xây dựng, nhưng khó vượt qua được các phương pháp cổ truyền nếu như ngày nay không có sự hỗ trợ của một *chính sách kinh tế đối ngoại rộng mở*. Kinh nghiệm nhiều nước đang phát triển cho thấy, quan trọng nhất trong kinh tế đối ngoại là các chính sách : khuyến khích xuất khẩu ; thu hút đầu tư nước ngoài ; tự do hóa nhập khẩu ; bảo hộ công nghiệp ; nhận viện trợ nước ngoài. Điều này có thể thấy rõ ở hầu hết các nước châu Á đã thực hiện công nghiệp hóa thành công. Có nước cho rằng ngoại thương là đầu tàu, có nước coi cả ngoại thương và đầu tư nước ngoài là đầu tầu của tăng trưởng kinh tế. Ở nước ta, những năm đổi mới vừa qua đã chứng minh vai trò to lớn của kinh tế đối

Digitized by Google

ngoại mở cửa, nay cần tiếp tục nâng cao hiệu quả lĩnh vực hoạt động này.

Về *xuất khẩu*, cần tăng cường chính sách và biện pháp ưu đãi, kích thích về thuế, tín dụng, trong đó đặc biệt cần khuyến khích việc đa dạng hóa sản phẩm, mà quan trọng nhất là đa dạng hóa theo hướng giảm dần xuất khẩu các sản phẩm thô, sơ chế và tăng dần xuất khẩu các sản phẩm của các ngành công nghiệp chế biến và chế tạo, nhất là công nghiệp chế tạo.

Viện trợ nước ngoài là quan trọng, nhưng quan trọng hơn là *đầu tư trực tiếp của nước ngoài*. Trong sử dụng đầu tư nước ngoài và viện trợ nước ngoài, những lĩnh vực cần được ưu đãi là : các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ; các dự án sản xuất để xuất khẩu ; các dự án dùng nhiều lao động, tài nguyên sẵn có, thị trường lớn ; các dự án công nghiệp mũi nhọn có hàm lượng công nghệ mới cao.

Tự do hóa *nhập khẩu* không có nghĩa là thả lỏng hay bỏ mặc hoàn toàn, mà là gỡ bỏ những cấm đoán hành chính, giảm đến mức thấp nhất chế độ côta, thay vào đó là những biện pháp thuế quan có điều chỉnh theo sản phẩm và theo thời gian. Cần giảm nhẹ thuế đối với các hàng nhập để phát triển các ngành thuộc diện ưu tiên, như : cơ sở hạ tầng, công nghiệp sản xuất để xuất khẩu, công nghiệp dùng nhiều lao động và tài nguyên nội địa, công nghiệp có hàm lượng công nghệ mới cao. Mặt khác, cần đánh thuế cao đối với các hàng nhập có hại cho công nghiệp trong nước, như máy nông nghiệp, xe đạp, máy thu thanh, xe máy... là những thứ mà ta đã có khả năng sản xuất được ở trong nước. Tuy nhiên, để tránh tình trạng các ngành này ở ta không chịu cải tiến mặt hàng, không nâng cao trình độ công nghệ, không hạ giá thành sản xuất, không nâng cao chất lượng sản phẩm, không nỗ lực để tăng sức cạnh tranh, nhà nước cần thường xuyên điều chỉnh biểu thuế theo hướng giảm dần mức thuế đối với các sản phẩm nhập thuộc các ngành đó. Đây cũng là một biện pháp để thúc đẩy sự lớn mạnh của các ngành công nghiệp còn non trẻ của ta.

d) Công nghiệp hóa trong kinh tế thị trường là cơ hội tốt cho người có tài, siêng năng và sáng tạo, nhất là các nhà doanh nghiệp, nhưng mặt khác nó cũng là môi trường sôi động của cuộc cạnh tranh gay gắt, dễ dàng hất ra khỏi "guồng máy đang vận hành" những người lười biếng, bất tài, yếu kém và không gặp may. Chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn, vấn đề xã hội trở nên gay gắt, môi trường bị tàn phá,... tất cả tình hình đó đòi hỏi nhà nước phải có các chính sách xã hội và môi trường phù hợp nhằm bảo đảm các mục tiêu phát triển lâu dài, hạn chế tối đa những hậu quả xấu. Biện pháp quan trọng là trợ cấp thất nghiệp và bảo trợ xã hội (y tế, giáo dục, hỗ trợ tạo việc làm...). Tuy nhiên, ở các nước đang phát triển, do ngân sách nhà nước còn eo hẹp, tỷ lệ thất nghiệp thường lại quá cao, nên không thể áp dụng đầy đủ những biện pháp trên. Thay vào đó, người ta thường lập các quỹ, như quỹ tạo việc làm thông qua xây dựng các công trình công cộng (đường sá, cầu cống...), quỹ trợ cấp tạo việc làm cho kinh tế hộ gia đình, quỹ tương trợ, quỹ từ thiện - nhân đạo... Đài loan là một ví dụ thành công về cân đối giữa tăng trưởng và công bằng xã hội, nhờ chính sách trung lưu hóa xã hội (mức chênh lệch giữa 10% số dân có thu nhập cao nhất và 10% số dân có thu nhập thấp nhất chỉ khoảng 4 - 5 lần).

Ở nước ta, các sáng kiến về tạo lập quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ hỗ trợ tạo việc làm, các hoạt động từ thiện và nhân đạo bước đầu đã có những kết quả khả quan. Tuy nhiên, các hoạt động này cần được nâng lên thành chính sách quốc gia, trong đó đặt trọng tâm vào việc phát triển tầng lớp trung lưu, nhằm xây dựng một xã hội bình đẳng trong giàu có, đồng thời khuyến khích những người có nhiều tài năng làm giàu hợp pháp, nhất là các nhà công nghiệp, các nhà tài chính và các doanh nhân khác. Bên cạnh đó, cần bảo đảm nhu cầu cơ bản (ăn, mặc, ở, học hành, bảo hiểm y tế) cho những người nghèo, không gặp may, làm ăn kém trong kinh tế thị trường. Tóm lại, chính sách quốc gia của

(Xem tiếp trang 41)

Digitized by Google

TẠO BƯỚC CHUYỂN BIẾN MỚI ĐỐI VỚI VÙNG ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC

TRẦN QUANG NHIỆP

HƠN ba năm thực hiện Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng và Quyết định 72 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ), với các chính sách và cách làm mới của các ngành ở trung ương và địa phương, vùng đồng bào các dân tộc đã có những chuyển biến đáng kể.

Về kinh tế, đã có bước chuyển đổi về cơ cấu cây trồng, chăn nuôi, nghề rừng, kinh tế vườn, đồi, vườn rừng và một số ngành nghề truyền thống của dân tộc. Đồng bào ở nhiều vùng đã khai thác tiềm năng thế mạnh của mình, tranh thủ sự đầu tư, giúp đỡ của nhà nước về vốn, giống, kỹ thuật... xây dựng các mô hình kinh tế trang trại, vườn rừng. chăn nuôi, đem lại hiệu quả rõ rệt. Cơ cấu cây trồng, chăn nuôi mới nhằm tạo ra những sản phẩm hàng hóa gắn với thị trường trong nước và thế giới đã mở ra hướng phát triển kinh tế vùng đồng bào các dân tộc, từng bước khắc phục nền kinh tế tự cấp tự túc. Việc thực hiện các dự án và chương trình phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước và của các tổ chức quốc tế đã giúp đồng bào nhiều nơi phát triển nghề rừng gắn với phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ môi trường. Nhiều nghề truyền thống được khôi phục, làm cho nền kinh tế của đồng bào trở nên sống động. Nhờ đó, đời sống nhân dân được cải thiện, một số vấn đề khó khăn cố hữu xưa nay như vấn đề lương thực, dần dần được khắc phục.

Trên các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, thông tin, y tế, đã có những tiến bộ rõ rệt. Nhiều trường dân tộc tập trung được củng cố, nâng cấp, thu hút ngày càng đông con em các dân tộc đến trường. Chương trình y tế cộng đồng nhằm chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ đồng bào ngày càng thiết thực, có hiệu quả hơn. Công tác thông tin, văn hóa, phủ sóng truyền thanh, truyền hình, được thực hiện trong mấy năm qua có tác dụng trực tiếp phục vụ cải thiện đời sống tinh thần của đồng bào.

Tuy nhiên, miền núi còn nhiều khó khăn, yếu kém, nổi lên *ba điểm chính* cần được đặc biệt quan tâm :

1- Sản xuất có phát triển nhưng tốc độ chậm, miền núi vùng dân tộc vẫn là vùng nghèo đói, và khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển, về mức sống so với các vùng khác không những không thu hẹp, mà còn doãng xa hơn. Kinh tế vùng dân tộc thiểu số, nhất là vùng cao biên giới, vùng sâu, vùng xa còn thấp kém, trì trệ mang tính tự nhiên, nửa tự nhiên. Mức thu nhập của đồng bào còn quá thấp, nhiều huyện vẫn trên 50% số dân bị nghèo đói, thiếu nước sinh hoạt, đi lại khó khăn, bệnh tật phát triển. Thiếu nước cho sản xuất, sinh hoạt, cũng là trở ngại lớn đối với việc định canh, định cư. Khoảng cách về mức sống, trình độ dân trí, trình độ văn hóa giữa vùng thấp, vùng đô thị, gần trục lộ giao thông so với vùng cao, vùng sâu, tiếp tục tăng lên. Tỷ lệ người mù chữ trong độ tuổi từ 15 đến 35 ở nhiều vùng còn cao. Số trẻ em trong độ tuổi đi học mà không có điều kiện đến trường còn nhiều. Đa phần trường lớp tiểu học ở tình trạng rách nát, sơ sài. Giáo viên tiểu học còn thiếu ở rất nhiều vùng, nhất là giáo viên được đào tạo từ con em các dân tộc địa phương.

Bệnh tật và các yếu tố gây bệnh còn nhiều. Cán bộ y tế và phương tiện y tế còn thiếu nhiều so với yêu cầu bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân. Trừ một số nơi gần đường giao thông, gần các tụ điểm kinh tế, văn hóa, đồng bào nhiều nơi chưa biết đến sinh hoạt văn hóa, thông tin, sách báo, tiếp cận với những văn minh tiến bộ mới. Tình trạng mê tín dị đoan lan tràn ở nhiều nơi, làm ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất, đời sống đồng bào. Ở nhiều vùng dân tộc, tỷ lệ sinh đẻ còn cao. Trái lại ở một số ít dân tộc, do nhiều nguyên nhân, tỷ lệ sinh lại thấp hơn tỷ lệ chết.

Digitized by Google

Nhưng nhìn chung, chất lượng dân cư dân tộc thấp, và cơ cấu dân cư dân tộc không đồng đều.

2- Kết cấu hạ tầng kinh tế và cơ sở hạ tầng xã hội còn rất thấp kém, lạc hậu, đã kìm hãm sự phát triển sản xuất và đời sống xã hội. Nhiều vùng bao nhiêu năm không có đường hoặc không được mở mang đường sá. Nhiều con đường từ lâu không được sửa chữa, xuống cấp, hạn chế khả năng sử dụng. Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất làm tăng thêm sự cách biệt với vùng thấp và miền xuôi. Đặc biệt ở vùng cao biên giới, vùng sâu, vùng xa, nhiều nơi chưa có đường ô tô, thậm chí đường đi bộ cũng rất khó khăn. Vì thế, nền kinh tế hàng hóa, các yếu tố thị trường, các tiến bộ về văn hóa, xã hội khó có điều kiện thâm nhập. Thông tin bưu điện cũng hầu như mới chỉ liên lạc được tới huyện. Trừ một số vùng thuận tiện, còn hầu như các vùng dân tộc xa xôi, heo lánh chưa có điện phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào. Thủy lợi miền núi hiện còn là một đòi hỏi cấp bách của sản xuất chưa được đáp ứng. Nhiều xã còn rất thiếu hoặc chưa có trường học, trạm xá, bệnh viện, nhà văn hóa, nơi chiếu phim, thư viện, trạm trại, v.v..

3- Tài nguyên môi trường vẫn tiếp tục bị tàn phá, gây nhiều hậu quả trước mắt và lâu dài. Ở hầu hết các vùng dân tộc, những tài nguyên như gỗ, lâm sản, thủy sản, khoáng sản, đặc sản, kể cả khoáng sản quý như vàng, đá quý, cũng bị khai thác bừa bãi. Rừng đầu nguồn và các loại tài nguyên quý bị khai phá đến mức suy kiệt, khó có khả năng hồi phục, gây nhiều hậu quả tai hại. Điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều vùng dân tộc, làm thiếu đất canh tác, thiếu nước sinh hoạt, cạn kiệt môi trường, dẫn đến đồng bào phải di cư, đi tìm nơi ở mới. Nhiều hộ ở các tỉnh miền núi phía bắc đã di cư tự do vào các tỉnh phía nam, gây nên tình trạng không ổn định, đời sống bấp bênh, tranh chấp đất đai. Trong số đồng bào di cư tự do, có tới 70% phải sống trong cảnh thiếu thốn, bấp bênh. Cái vòng luẩn quẩn "đói nghèo - di cư - phá rừng - đói nghèo..." đã diễn ra từ lâu, tới nay vẫn chưa khắc phục được, đang là mối quan tâm lớn của toàn xã hội.

*

Để khắc phục những khó khăn trên, tạo bước chuyển biến mới về kinh tế - xã hội ở các vùng dân tộc trong những năm tới, chúng ta tập trung thực hiện *các nhiệm vụ chủ yếu* sau :

1- Đổi mới cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy tiềm năng thế mạnh của từng vùng, tập trung phát triển một số cây con, gắn với chế biến theo hướng sản xuất hàng hóa. Trong nhiều năm đối với miền núi, lương thực là nhân tố kìm hãm lớn, gây nên sự lúng túng trong xác định cơ cấu kinh tế. Ngày nay, bằng cơ chế thị trường, nhân tố ấy đã được giải quyết về cơ bản. Việc xác định rõ thế mạnh của từng vùng để xây dựng cơ cấu kinh tế thích hợp là rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định tạo bước phát triển mới cho mỗi vùng dân tộc. Kinh nghiệm thực tế nhiều nơi cho thấy, ngay cả ở những vùng đất đai không tốt, nhưng xác định đúng cơ cấu cây con, với sự giúp đỡ của nhà nước về vốn, giống, kỹ thuật, thì sẽ tạo ra được những vùng kinh tế trù phú theo mô hình vườn đồi, vườn rừng, với cơ cấu cây rừng, cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày, cây ăn quả, chăn nuôi theo phương thức nông - lâm kết hợp. Xây dựng những mô hình kinh tế thích hợp với từng vùng sẽ làm thay đổi cơ cấu kinh tế cũ, kém hiệu quả của nền kinh tế tự cấp tự túc, đem lại nhiều sản phẩm hàng hóa đa dạng, phong phú. Đương nhiên, phải gắn liền việc này với việc mở mang đường sá mới có sự giao lưu hàng hóa, kích thích sản xuất hàng hóa phát triển. Cùng với những việc đó, là tích cực tìm kiếm và dành vốn đầu tư thích đáng cho việc tìm kiếm những công nghệ, thiết bị phù hợp, coi đó là nhân tố quan trọng để đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa ở các vùng dân tộc. Cần chú trọng phát huy vai trò nòng cốt của các cơ sở công nghiệp nặng, công nghiệp khai khoáng, các cơ sở quốc doanh nông lâm nghiệp, tạo ra sự hỗ trợ thiết thực và gắn bó với nhau giữa các cơ sở đó với các hộ nông dân nhằm tập trung sức lực khai thác tiềm năng kinh tế địa phương.

2- Chỉ đạo tốt công tác giao đất giao rừng và thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần ở các vùng dân tộc. Giao đất giao rừng là một chủ trương lớn không chỉ có ý nghĩa về kinh tế, mà còn có ý nghĩa nhiều mặt về xã hội. Các mô hình kinh tế vườn rừng, đồi rừng, trang trại đã chứng minh khi đồng bào được làm chủ đất rừng thì không những làm cho đất tái sinh, mà còn bộc lộ nhiều khả năng sáng tạo của đồng bào. Ở những vùng giao đất, giao rừng tốt, đồng bào đã làm ra một khối lượng sản phẩm phong phú, đa dạng ; đời sống đồng bào được

Digitized by Google

cải thiện rõ rệt, nhiều hộ gia đình trở thành giàu có. Vì vậy, phát triển kinh tế hộ gắn với giao đất giao rừng là một giải pháp đem lại hiệu quả, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội vùng dân tộc nước ta. Cùng với việc giúp đỡ, tạo điều kiện để các hộ nông dân có khả năng phát triển sản xuất kinh doanh, cần khuyến khích các hộ có vốn, có sức lao động nhận thêm đất, rừng mở rộng quy mô kinh doanh.

3- Tập trung giải quyết những vấn đề bức bách về kết cấu hạ tầng và cơ sở xã hội. Điều cần được ưu tiên hàng đầu là nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông vận tải, tăng thêm sản lượng điện và cải thiện điều kiện thông tin liên lạc. Giải quyết vấn đề này là điều kiện quyết định để chuyển từ nền kinh tế tự nhiên tự cấp tự túc sang nền kinh tế hàng hóa, phát triển du lịch, dịch vụ.

Trong điều kiện vốn đầu tư còn rất hạn chế, nên tập trung hoàn thành đúng tiến độ những danh mục công trình đã được xét chọn ưu tiên và đã được cân đối nguồn vốn. Đồng thời, cố gắng tìm thêm nguồn vốn để sớm đầu tư vào các công trình giao thông cần thiết khác. Phấn đấu đến hết năm 1995 cải thiện được một bước mạng lưới và chất lượng giao thông vận tải trên các tuyến đường giao thông xung yếu ở các vùng dân tộc. Kết hợp với các đơn vị kinh tế quốc doanh trung ương, với các đơn vị bộ đội đóng trên địa bàn, để khai thác các nguồn vốn, sức người, kỹ thuật vào việc mở rộng mạng lưới giao thông, nối liền với các trục giao thông chính thành hệ thống thông suốt. Cần có sự khảo sát thiết kế xây dựng mới hệ thống điện lưới cho một số khu vực dân cư ở gần các nhà máy thủy điện lớn, gắn việc phát triển các cơ sở thủy điện, lưới điện quốc gia với việc xây dựng các công trình thủy lợi vừa, nhỏ, nhằm phục vụ cho sản xuất và đời sống của đồng bào.

Việc mở rộng mạng lưới thông tin bưu điện đang là nhu cầu bức xúc để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh. Từ nay đến năm 1995, tạo một bước tiến về thông tin nội bộ vùng và nối liền với mạng lưới thông tin quốc gia, quốc tế. Trước mắt tập trung nguồn vốn vào xây dựng một số cơ sở vi-ba số, cải tạo và mở rộng mạng lưới thông tin nội bộ các tỉnh, trang bị thêm các tổng đài và phương tiện thông tin thích hợp.

4- Chăm lo giải quyết các chính sách xã hội trên địa bàn miền núi. Xây dựng các dự án cụ thể, thiết thực về định canh định cư ở các tỉnh có đồng bào du canh du cư. Tăng cường chỉ đạo các trọng điểm định canh định cư, giúp đỡ đồng bào trong một số năm có cuộc sống ổn định và có điều kiện phát triển kinh tế vững chắc. Định canh định cư phải gắn với công tác trồng rừng, giải quyết lương thực, nước uống, nước sinh hoạt, và trồng cây công nghiệp, phủ xanh đất trống đồi trọc. Địa bàn định canh định cư phải là nơi đất tốt, địa thế thuận lợi, được già làng, trưởng bản tán thành.

Thực hiện tốt các chương trình quốc gia về y tế, phòng chống các bệnh chủ yếu như sốt rét, bướu cổ, dịch hạch, bệnh phong... Bảo đảm có thuốc và thầy thuốc, có muối i ốt đến tận đồng bào đang cần chữa trị, đặc biệt ở vùng cao, vùng xa. Tổ chức rộng các đội y tế lưu động đến các vùng trọng điểm, xa xôi heo lánh. Củng cố mạng lưới y tế cơ sở vùng cao, lấy buôn làng làm đơn vị, phấn đấu trong một vài năm trước mắt không còn xã trắng về y tế. Xây dựng thêm và nâng cấp các phòng khám đa khoa khu vực, từng bước đầu tư nâng cấp bệnh viện tỉnh, tăng cường đào tạo bồi dưỡng cán bộ y tế là người dân tộc thiểu số.

Xây dựng nội dung chương trình và cách tổ chức dạy học phù hợp với đặc điểm các vùng dân tộc, với quy mô bản làng. Củng cố các trường dân tộc nội trú để tạo nguồn cán bộ lâu dài, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường chuyên nghiệp, đại học trên địa bàn miền núi.

Có biện pháp thiết thực bảo đảm và tăng thêm các phương tiện thông tin đại chúng, chăm lo các nhu cầu sinh hoạt văn hóa của đồng bào. Tôn trọng và phát huy những phong tục tập quán tốt đẹp, những truyền thống văn hóa của các dân tộc. Coi trọng công tác nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn bảo tàng vốn quý văn hóa dân tộc.

5- Giữ vững an ninh, quốc phòng. Trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp tác động mạnh mẽ đến nước ta cộng với những hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch trong nước, việc giữ vững an ninh quốc phòng các vùng dân tộc là hết sức cần thiết. Đặc biệt, đối với đồng bào các dân tộc sinh sống ở biên giới, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, cần được chăm lo về đời sống, nâng cao sự hiểu biết, lòng yêu nước, cảnh giác với mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Tăng cường khả năng

Digitized by Google

phòng thủ, kịp thời xử lý các vấn đề phức tạp nảy sinh, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội trên từng địa bàn.

Những nhiệm vụ nêu trên chỉ được thực hiện có hiệu quả nếu chúng ta chú ý :

1- Nâng cao vai trò của nhà nước đối với việc phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc. Cụ thể là có sự đầu tư, giúp đỡ tích cực và có phần ưu tiên của nhà nước. Bởi vì, có nhiều việc, nếu chỉ riêng đồng bào lo liệu, thì không sao làm nổi. Ở đây thật sự cần đến nhà nước tạo điều kiện thỏa đáng để đồng bào có thể tự vươn lên. Trước mắt là những điều kiện để ổn định đời sống, đáp ứng những yêu cầu tối thiểu về văn hóa - xã hội nhằm dần dần ra khỏi những khó khăn không dễ gì khắc phục được. Sự đầu tư của nhà nước thông qua các dự án, cần có sự kiểm tra chặt chẽ, tránh thất thoát hoặc kém hiệu quả. Nhà nước nghiên cứu kỹ để có một loạt chính sách kinh tế, xã hội phù hợp, nhất quán, lâu dài đối với các vùng dân tộc.

2- Tăng cường vai trò của cấp tỉnh là cấp có trách nhiệm chính trong việc cân đối về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên từng địa bàn. Cấp tỉnh cũng cần chủ động xây dựng các dự án cụ thể, điều phối, chỉ đạo, kiểm tra giám sát quá trình thực hiện các dự án ở các địa bàn trong tỉnh. Các cơ quan lãnh đạo tỉnh thường xuyên bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình để có biện pháp giải quyết đúng đắn, kịp thời, tại chỗ những vấn đề nảy sinh, nhất là tạo đà cho các địa bàn đi lên. Tỉnh và trung ương cần có mối liên hệ chặt chẽ, chỉ đạo thống nhất và tập trung, tránh mọi biểu hiện chồng chéo, phân tán, không huy động được sức mạnh chung.

3- Tích cực đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ công tác ở các vùng dân tộc. Họ cần có những kiến thức đa năng để vận động tuyên truyền, giáo dục đồng bào thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Việc chăm lo tạo nguồn cán bộ là con em các dân tộc tại địa phương chiếm vị trí hàng đầu trong công tác đào tạo. Có chính sách giáo dục, đào tạo, sử dụng đội ngũ cán bộ các vùng dân tộc một cách thỏa đáng, khuyến khích họ yên tâm, tự nguyện phục vụ lâu dài ở miền núi và các vùng dân tộc ; có chính sách đãi ngộ, sử dụng già làng, trưởng bản có uy tín đối với dân tộc.

Kinh nghiệm...

(Tiếp theo trang 37)

chúng ta nên là *"làm giàu hợp pháp, trung lưu hóa, xóa đói, giảm nghèo"*. Chỉ có như vậy, mới thúc đẩy mạnh mẽ động lực cơ bản nhất của sự phát triển là con người, với tư cách vừa là cá nhân vừa là tập thể ; mới khắc phục được tình trạng bình quân, cào bằng, làm triệt tiêu mọi động lực phát triển ; mới vươn tới mô hình phát triển năng động, phát huy cao độ lợi ích và sự đóng góp của từng cá nhân và của toàn xã hội.

Nhà nước còn có nhiệm vụ thông qua các luật để thực hiện chính sách bảo vệ môi trường sinh thái, ngăn chặn kịp thời những tác hại mà nền công nghiệp có thể gây ra.

e) Trong kinh tế thị trường, tư nhân là khu vực kinh tế năng động trong làm giàu, nhưng tư nhân lại có xu hướng tự phát, gây ra hỗn độn, mất phương hướng, có lúc làm tổn hại đến lợi ích quốc gia, chính vì vậy cần có vai trò can thiệp, định hướng và điều tiết của nhà nước, nhằm kết hợp giữa bàn tay vô hình và bàn tay hữu hình.

Mặt khác, theo tôi, nhà nước trong cơ chế thị trường không nên can thiệp sâu (vượt quá những yêu cầu khách quan) vào công việc kinh doanh của xí nghiệp. Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, khu vực kinh tế quốc doanh không nên dàn trải, ôm đồm quá nhiều lĩnh vực, dẫn đến phân tán vốn, làm ăn kém hiệu quả, mà cần tập trung làm tốt những công việc sau đây : xây dựng cơ sở hạ tầng ; cung cấp các hàng hóa và dịch vụ công cộng thiết yếu ; phát triển các ngành mũi nhọn. Làm được như vậy, các xí nghiệp quốc doanh không những sẽ phát huy được vai trò chủ đạo, giảm gánh nặng bù lỗ của chính phủ, mà còn khai thác được những lợi thế so sánh của đất nước, góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước trong vùng.

Digitized by Google

Phát triển kinh tế - xã hội ở Sơn la

DƯƠNG BÁ PHƯỢNG *

LÀ một tỉnh nghèo nằm ở khu vực miền núi Tây Bắc nước ta, Sơn la đã có nhiều nỗ lực khắc phục khó khăn, tìm tòi hướng đi nhằm ổn định và phát triển kinh tế, cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc. Thành quả bước đầu tuy còn khiêm tốn nhưng cũng đã thể hiện rõ trên nhiều mặt, đặc biệt là trong sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và cơ cấu ngành nghề.

VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

Địa hình tự nhiên của Sơn la chủ yếu là đất dốc, ở độ cao từ 600 đến 1000m, đất đai phì nhiêu, lớp mùn dày, thích hợp với cây rễ sâu, dài ngày, giữ ẩm tốt, có nhiều đồng cỏ lớn có khả năng phát triển mạnh chăn nuôi đại gia súc. Nhưng những năm trước đây, với lối tư duy tự cung tự cấp, khép kín, tỉnh đã gượng ép tăng diện tích trồng cây lương thực lên gấp hơn 3 lần so với diện tích có khả năng trồng cây lương thực. Mặc dù vậy, vấn đề lương thực ở đây vẫn gặp khó khăn, vì hơn 60% diện tích là trồng lúa nương, năng suất quá thấp (dưới 1 tấn/ha). Hậu quả còn tồi tệ hơn nữa là rừng bị tàn phá, đất bị xói mòn, bạc màu dần, lũ lụt và hạn hán xảy ra liên miên. Dưới ánh sáng các nghị quyết của Đảng về đổi mới kinh tế nói chung và đổi mới kinh tế nông nghiệp nói riêng, Sơn la đã sớm nhận thức được những sai lầm trong việc bố trí cơ cấu cây trồng theo hướng tập trung chủ yếu cho cây lương thực, và đã mạnh dạn chuyển sang cơ cấu cây trồng đa dạng (gồm cả cây công nghiệp, cây ăn quả) và chăn nuôi đại gia súc theo hướng sản xuất hàng hóa. Cơ cấu sản xuất như trên vừa đáp ứng được nhu cầu của thị trường, vừa phù hợp với điều kiện tự nhiên, đất đai, khí hậu của tỉnh.

Diện tích một số cây trồng chính của Sơn la qua các thời kỳ như sau :

Các loại cây trồng	Bình quân các năm 1981 - 1985	Bình quân các năm 1986 - 1990	Năm 1991	Năm 1992	Năm 1993*	Tỷ lệ tăng - giảm diện tích (năm 1993 so với năm 1991)
Lúa	55	49	48	48	45	- 2,1
Chè	950	1500	1600	1700	1800	+ 4,2
Cà phê	105	340	953	1760	2500	+ 54,1
Dâu tằm			23	331	1700	+ 2430,4
Bông		1645	1868	1908	2000	+ 2,4
Đậu tương		3500	4200	4300	4500	+ 2,4

* *Số ước tính và làm tròn*

Nguồn : Ủy ban kế hoạch - thống kê tỉnh Sơn la

Số liệu trên cho thấy nhu cầu tiêu dùng về lương thực vẫn được bảo đảm trong khi diện tích trồng lúa giảm đáng kể. Cây chè và cây cà phê vốn đã có từ lâu trên đất Sơn la, nhưng một thời gian dài bị cây lương thực lấn át không phát triển được, gần đây đã phát triển khá. Cây dâu tằm mới được đưa vào đồng đất Sơn la (cùng với việc đầu tư về giống tằm) từ vài năm nay, nhưng diện tích đã tăng rất nhanh và bước đầu đạt hiệu quả khá cao. Một số cây ngắn ngày khác, như bông, đậu tương... đang được nông dân đầu tư phát triển mạnh. Hiện nay, toàn tỉnh đã có trên 3 nghìn ha cây ăn quả, trong đó chủ yếu là các cây đặc sản như mận, xoài, cam, chuối... tập trung dọc hai bên quốc lộ số 6. Ngoài ra, còn phải kể đến nhiều loại cây dược liệu quý có giá trị kinh tế cao, như quế chi, thảo quả, tam thất, đỗ trọng... đang có xu hướng phát triển thành các vùng trồng tập trung với quy mô lớn.

Sơn la với những cao nguyên rộng lớn có nhiều đồng cỏ quanh năm xanh tốt như Mộc châu, Nà sản... thích hợp cho phát triển chăn nuôi đại gia súc. Đây là một lợi thế so với các địa phương khác. Tuy nhiên, chăn nuôi đại gia súc mấy năm gần đây mới được khôi phục và chú ý phát triển, nổi bật là chăn nuôi trong các hộ gia đình. Đàn trâu bò toàn tỉnh thời kỳ 1976 - 1980 trung bình mỗi năm có khoảng 60 nghìn con, đến những năm 1990 - 1992 trung bình mỗi năm đã có khoảng 160 - 170 nghìn con (tăng gấp 3 lần), trong đó bò có trên

* Viện kinh tế Việt nam, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn

Digitized by Google

dưới 80 nghìn con, trâu có trên dưới 90 nghìn con. Đàn lợn mỗi năm có khoảng 250 - 270 nghìn con.

Từ khi có hồ sông Đà của thủy điện Hòa bình, triển vọng phát triển nghề đánh bắt, nuôi trồng thủy sản trên hồ đã mở ra. Chỉ riêng huyện Phù yên đã có 346 lồng cá và hàng trăm tay lưới, hàng năm nuôi và đánh bắt hàng trăm tấn cá. Nhờ vậy tỉnh đã có thêm điều kiện để giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho nhân dân vùng ven hồ...

Với hơn 1 triệu ha đất có khả năng phát triển ngành lâm nghiệp, Sơn la đã xúc tiến việc giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình tiến hành trồng, khoanh nuôi, chăm sóc, quản lý và khai thác rừng theo phương châm "lâm nghiệp xã hội" và "nông lâm kết hợp". Quan điểm trồng rừng gắn với việc trồng cây công nghiệp, cây ăn quả dài ngày, cây nguyên liệu giấy, đã nâng cao được hiệu quả kinh tế của nghề rừng và rút ngắn được thời gian phủ xanh đất trống đồi trọc. Do kết hợp tốt các chương trình phát triển kinh tế của tỉnh với các chương trình trồng rừng phòng hộ của nhà nước có sự tài trợ quốc tế, kinh tế lâm nghiệp Sơn la mấy năm qua phát triển tương đối vững chắc, có kết quả cao.

Bên cạnh những kết quả bước đầu về chuyển dịch cơ cấu cây trồng, sự chuyển dịch cơ cấu ngành ở Sơn la mấy năm qua cũng có bước tiến đáng kể :

CƠ CẤU GIÁ TRỊ TỔNG SẢN PHẨM XÃ HỘI VÀ THU NHẬP QUỐC DÂN

(tính theo giá cố định năm 1989)

	Năm 1990		Năm 1991		Năm 1992	
	Tỉ đồng	%	Tỉ đồng	%	Tỉ đồng	%
● *Giá trị tổng sản phẩm xã hội*	171,7	100	180,6	100	192,7	100
Trong đó :						
- Nông nghiệp	149,5	87,1	156,5	86,7	166,8	86,5
- Công nghiệp	11,7	6,8	12,2	6,7	12,6	6,6
- Thương mại, dịch vụ	10,5	6,1	11,9	6,6	13,3	6,9
● *Thu nhập quốc dân sản xuất*	101,3	100	103,1	100	107,9	100
Trong đó .						
- Nông nghiệp	93,8	92,6	94,0	91,2	97,9	90,1
- Công nghiệp	2,5	2,5	3,0	2,9	3,6	3,9
- Thương mại, dịch vụ	5,0	4,9	5,9	5,9	6,4	6,0

Nguồn : Tổng cục thống kê và Ủy ban kế hoạch - thống kê tỉnh Sơn la

Như vậy, giá trị tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân sản xuất của Sơn la mấy năm qua có chiều hướng tăng khá (khoảng 6% bình quân hằng năm). Nông nghiệp tuy còn chiếm trên dưới 90%, nhưng tỷ trọng đang có xu hướng giảm dần. Công nghiệp, cũng như thương mại dịch vụ, tỷ trọng chưa bao nhiêu, nhưng đang có xu hướng tăng. Thu nhập quốc dân (tính theo giá hiện hành) tăng dần : năm 1990 143,4 tỉ đồng ; năm 1991 323,2 tỉ đồng ; năm 1992 372,2 tỉ đồng ; năm 1993 433 tỉ đồng.

Trong khu vực công nghiệp, tỷ trọng giá trị tổng sản lượng giữa khu vực quốc doanh và ngoài quốc doanh tương đương nhau. Từ năm 1991 đến nay, khu vực ngoài quốc doanh có nhịp độ tăng trưởng nhanh hơn (13,8%) so với khu vực quốc doanh (11,7%). Khi nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường, nhiều ngành nghề làm ăn kém hiệu quả trong khu vực quốc doanh đã bị thu hẹp ; chỉ còn công nghiệp chế biến, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và nông cụ cầm tay là được chú trọng phát triển. Sơn la có nhiều khoáng sản quý, hiện nay tiềm năng này chưa được phát huy do còn có khó khăn về vốn và giao thông vận tải, nhưng về lâu dài công nghiệp khai khoáng sẽ là một ngành công nghiệp lớn của tỉnh.

Trong lĩnh vực thương mại, thương nghiệp quốc doanh trước đây chiếm ưu thế, nhưng đang dần nhường chỗ cho thương nghiệp ngoài quốc doanh, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ ăn uống... Còn các ngành khác như vận tải, du lịch... trước đây quá nhỏ bé, nhưng mấy năm gần đây đã có bước phát triển khá, và đang mở ra nhiều triển vọng mới (nhất là ngành du lịch) cho sự phát triển kinh tế toàn diện trên địa bàn tỉnh.

Để phát huy triệt để thế mạnh của một tỉnh miền núi, Sơn la đã được chia thành 3 vùng với những điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội khác nhau :

Vùng 1, dọc theo quốc lộ số 6, bao gồm các huyện Mộc châu, Yên châu, Mai sơn, Thuận châu và thị xã Sơn la. Đây là vùng sản xuất hàng hóa với 6 loại cây *chủ lực* (chè, cà phê, dâu tằm, ngô tẻ đỏ, bông và đậu tương) và một số cây ăn quả như mận, chuối, cam, xoài... Đồng thời, cũng là vùng phát triển mạnh chăn nuôi đại gia súc như trâu, bò thịt, bò sữa...

Vùng 2, dọc ven hồ sông Đà, bao gồm một phần lãnh thổ Mộc châu, các huyện Phù yên, Bắc yên

Digitized by Google

và Mường la. Phương hướng phát triển của vùng này là : vườn - rừng ; rừng phòng hộ ; rừng nguyên liệu giấy tập trung ; các vườn cây ăn quả, cây dược liệu ; đánh bắt, nuôi trồng thủy sản... Tương lai, đây sẽ là vùng có khối lượng và tổng giá trị sản phẩm hàng hóa cao so với các vùng khác trong tỉnh.

Vùng 3, vùng núi cao, bao gồm các huyện sông Mã, Quỳnh nhai và một phần lãnh thổ của các huyện Mai sơn, Thuận châu và Yên châu. Vùng này địa hình hiểm trở, khó khăn về giao thông vận tải, cho nên không thể chuyển ngay sang phát triển kinh tế hàng hóa được. Vì vậy, ở đây trước mắt vẫn phải duy trì nông nghiệp theo kiểu tự cung tự cấp lấy sản xuất lương thực là chủ yếu ; tiếp tục đẩy mạnh nghề rừng bằng việc giao đất, giao rừng đến từng hộ nông dân ; thực hiện định canh, định cư, phát triển những cây dược liệu quý...

Tuy nhiên, để đạt được các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội trên cả ba vùng, bên cạnh những mặt thuận lợi cần phải phát huy, Sơn la còn gặp không ít khó khăn cần có biện pháp tháo gỡ.

NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP

a) *Thuận lợi* :

- Giống như một số tỉnh vùng núi Tây Bắc, Sơn la có điều kiện tự nhiên, nguồn tài nguyên trên mặt đất và trong lòng đất phong phú giúp cho việc thiết lập những ngành kinh tế có nhiều lợi thế so với các vùng, các địa phương khác, cũng như có nhiều lợi thế trên thị trường trong và ngoài nước. Đó là các ngành công nghiệp khai khoáng, các ngành nuôi trồng các cây, con đặc sản có giá trị kinh tế cao.

- Từ khi thủy điện Hòa bình đi vào hoạt động, cùng với chủ trương đưa điện đến các tỉnh Tây Bắc, đã có một nguồn năng lượng cho phép điện khí hóa một số khu vực dân cư, một số ngành kinh tế của tỉnh. Hồ sông Đà cho phép khai thác nguồn lợi thủy sản, cải tạo môi trường khí hậu, sinh thái, tài nguyên sinh vật, thủy lợi, và đặc biệt là hệ thống giao thông vận tải thủy trên hồ, cùng với đường quốc lộ số 6 và hệ thống đường "xương cá", giúp cho việc phát triển kinh tế hàng hóa của Sơn la thuận lợi hơn.

- Đảng bộ và chính quyền các cấp có quyết tâm cao trong việc tìm tòi hướng đi thích hợp để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở phát huy lợi thế của toàn tỉnh. Đội ngũ cán bộ phần lớn là những người trẻ, khỏe, có tâm huyết và có tri thức. Cán bộ chủ chốt ở cấp tỉnh, huyện, đều đã qua đào tạo cơ bản và trưởng thành từ hoạt động thực tế ở cơ sở.

- Nhân dân các dân tộc ở Sơn la có truyền thống cần cù lao động, có khả năng tiếp thu những kinh nghiệm mới, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh.

- Việc đổi mới cơ chế kinh tế ở tầm vĩ mô, đặc biệt là việc mở rộng giao lưu kinh tế giữa các vùng và mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế, đã giúp cho Sơn la có thể chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy triệt để các lợi thế so sánh, phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

b) *Khó khăn* :

- Khó khăn lớn nhất đối với sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời gian trước mắt cũng như lâu dài là vấn đề thiếu vốn đầu tư cho sản xuất và kinh doanh. Thu ngân sách hằng năm của tỉnh quá thấp, bội chi ngân sách lại rất lớn (trên 70%), vốn đầu tư cho hoạt động kinh tế còn quá ít ỏi. Vốn ngưng đọng trong dân cũng không nhiều.

- Giao thông vận tải của Sơn la đang gặp khó khăn trở ngại lớn. Muốn đẩy mạnh hệ thống vận tải thủy, vấn đề quan trọng hiện nay là làm thế nào để có vốn mua sắm phương tiện vận chuyển, xây dựng cảng hồ, trang bị kỹ thuật và nâng cao tay nghề cho người lao động. Đường quốc lộ số 6 quá hẹp, lắm đèo dốc, lại xuống cấp nhiều ; giao thông nội tỉnh quá ít và xấu ; một số huyện, xã vùng cao (42 xã) tới nay vẫn chưa có đường giao thông bảo đảm cho xe cơ giới có thể đến được các bản, làng. Nhiều nơi, từ huyện xuống xã và xuống bản, phải đi bộ hàng ngày đường mới tới.

- Công cuộc di dân, tái định cư đối với đồng bào vùng lòng hồ sông Đà đã mất rất nhiều thời gian, công sức và tiền của, nhưng đến nay vẫn

Digitized by Google

chưa hoàn tất. Còn phải tiếp tục di chuyển khá nhiều hộ nông dân đi nơi khác, thì mới ổn định được sản xuất và đời sống. Hiện có 230 nghìn dân trong 22 xã vùng lòng hồ gặp nhiều khó khăn về đi lại, về nước cho sinh hoạt và sản xuất, về trạm xá, trường học... Tóm lại, có rất nhiều vấn đề về dân sinh đang đặt ra đòi hỏi phải có biện pháp cấp bách để giải quyết.

- Trình độ dân trí thấp là một cản trở rất lớn đối với việc tiếp thu khoa học - kỹ thuật để phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành nghề ở Sơn la. Hiện toàn tỉnh còn khoảng 33% số dân bị mù chữ ; đại bộ phận dân cư chủ yếu là trình độ văn hóa cấp I ; số có trình độ cao và được đào tạo nghề nghiệp chuyên môn rất ít.

- Vấn đề thị trường và đầu ra cho các sản phẩm hàng hóa của toàn tỉnh cũng đang gặp nhiều khó khăn : tiêu thụ chậm, giá cả hạ ; điều đó gây tâm lý chán nản trong bà con nông dân các dân tộc, hạn chế việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và phát triển nghề phụ.

c) *Một số giải pháp* :

Một là, đầu tư để cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông vận tải đường bộ và đường thủy. Trước hết, cần cải tạo, nâng cấp đường quốc lộ số 6 ; đồng thời, xây mới và cải tạo hệ thống cảng và đường "xương cá" hai bên hồ sông Đà, tạo ra một hệ thống giao thông thủy - bộ liên hoàn trong tỉnh và nối liền với các tỉnh khác. Đây chính là tiền đề cơ bản giúp cho việc mở rộng giao lưu kinh tế giữa các địa phương trong tỉnh với nhau, và giữa tỉnh Sơn la với các tỉnh bạn. Việc mở rộng hệ thống giao thông như vậy sẽ cần đến một nguồn vốn lớn. Do đó, ngoài nguồn vốn huy động trong tỉnh, cần có sự chi viện tích cực của nhà nước trung ương.

Hai là, xúc tiến việc đầu tư xây dựng, cải tạo mạng lưới các cơ sở hạ tầng khác như thông tin liên lạc, cung cấp điện, nước và thủy lợi, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và đời sống nhân dân ở các thị trấn và nông thôn.

Ba là, quy hoạch và xây dựng mạng lưới các thị tứ, đô thị, những trung tâm buôn bán ở các cảng dọc hai bên hồ sông Đà và một số điểm nút trên các trục giao thông đường bộ, tạo thành hệ thống đầu mối giao lưu kinh tế - xã hội nhằm thúc đẩy, lôi kéo các khu vực dân cư khác phát triển theo. Các thị tứ và trung tâm buôn bán sầm uất này sẽ là nơi thu hút thương nhân từ các địa phương khác đến mua bán, trao đổi hàng hóa, tạo thị trường đầu ra để giải tỏa những ách tắc về tiêu thụ sản phẩm và cung cấp kịp thời những hàng hóa cần thiết cho đồng bào trong tỉnh.

Bốn là, xúc tiến việc hợp tác, liên kết chặt chẽ với các cơ quan nghiên cứu khoa học ở trung ương để khảo sát, điều tra, nghiên cứu các nguồn tài nguyên, nhất là tài nguyên trong lòng đất của tỉnh, giúp cho việc định hướng đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư sao cho có hiệu quả cả về kinh tế, xã hội và môi trường.

Năm là, có chính sách thực sự cởi mở, ưu đãi... nhằm thu hút các nhà doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, tham gia các tổ chức hợp tác liên doanh để khai thác các tiềm năng kinh tế của tỉnh, trước hết là trong các lĩnh vực khai khoáng, chế biến, xây dựng cơ sở hạ tầng.

Sáu là, tiến hành có hiệu quả các chương trình giáo dục, đào tạo và nâng cao trình độ dân trí. Đây chính là tiền đề cơ bản để nâng cao trình độ nghề nghiệp, trình độ văn hóa của các dân tộc vùng sâu và vùng xa, để đồng bào các dân tộc trong toàn tỉnh có điều kiện tiếp thu kinh nghiệm làm ăn tiên tiến. Thực hiện nhiệm vụ này đòi hỏi phải có sự phối hợp nhịp nhàng, khẩn trương tích cực và có hiệu quả giữa các cấp, các ngành, đặc biệt là phải có sự chi viện rất lớn của trung ương về kinh phí và nội dung chương trình đào tạo.

Bảy là, có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho các hộ nông dân phát triển kinh tế theo kiểu trang trại vườn - rừng. Trước mắt, việc mở rộng hình thức này có thể còn có khó khăn, song cần thấy về lâu dài, đây là một trong những hình thức chủ yếu để phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh. Điều mà các cấp, các ngành trong tỉnh cần quán triệt và thực hiện có hiệu quả là hoàn thiện và khuyến khích mở rộng các hình thức hợp tác, liên kết giữa những nhóm hộ trong từng việc và từng khâu công việc trên cơ sở tự nguyện, cùng có lợi.

Digitized by Google

Mô hình làng văn hóa ở nông thôn hiện nay

THU LINH *

SUỐT mấy chục năm qua, việc nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ tất yếu của quá trình xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Đảng và Nhà nước ta đã rất chú trọng xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và đã khẳng định nhiệm vụ của cách mạng tư tưởng - văn hóa là đưa văn hóa thâm nhập vào cuộc sống hằng ngày của nhân dân. Chủ trương này đã đáp ứng đúng và kịp thời nguyện vọng của quần chúng và nhanh chóng trở thành phong trào trong cả nước. Đời sống văn hóa ở nông thôn (nhất là miền núi) đã có điều kiện nâng lên một mức đáng kể. Thiết chế văn hóa cũng đã được triển khai rộng rãi ở nhiều địa phương. Tuy vậy, công việc đó lâu nay chủ yếu vẫn là do nhà nước làm cho dân. Các diễn biến xấu, tốt của tình hình phụ thuộc trực tiếp vào những biến đổi của tổ chức bộ máy, định suất biên chế, của các yếu tố kinh tế - xã hội trong hệ thống nhà nước. Tính chất bao cấp, khuôn mẫu định sẵn, thậm chí áp đặt của các thiết chế nhà nước là không tránh khỏi, nhất là trong thời kỳ chiến tranh. Nó đã tạo thuận lợi cho công tác điều hành thống nhất trên quy mô quốc gia, nhưng đến nay trên thực tế, mô hình cũ đã tỏ ra không còn phù hợp với tình hình mới. Trong hoàn cảnh khoán hộ và kinh tế thị trường, ở nhiều vùng nông thông và miền núi, hoạt động văn hóa cơ sở bị thả nổi hoặc bỏ trắng.

Để lấp vào chỗ trống, một số nơi nhân dân tự phát, mò mẫm tìm cách làm riêng, xây dựng làng văn hóa nhằm đáp ứng những nhu cầu tinh thần mới của mình. Khuynh hướng này đang thực sự là mối quan tâm của các nhà lãnh đạo, quản lý và của giới nghiên cứu. Bởi vì ngày nay, hơn lúc nào hết, chúng ta ý thức rõ vai trò động lực của văn hóa đối với công cuộc xây dựng một nông thôn mới, phát triển toàn diện, kết hợp hài hòa cả ba nhân tố tăng trưởng, bền lâu và công bằng xã hội. Theo tinh thần ấy, chúng ta phải sớm khảo sát, nghiên cứu, phân tích, đánh giá, tổng kết mặt được và chưa được của cách làm này, kịp thời chỉ đạo, định hướng, nhân rộng điển hình.

Đánh giá mô hình xây dựng làng văn hóa trong tình hình hiện nay, chúng ta không thể không đề cập tới vị trí của *làng* và *văn hóa làng*. Vì trong tiến trình dựng nước, giữ nước của dân tộc, làng và văn hóa làng đã đóng vai trò quan trọng trong việc tạo dựng, xác lập những giá trị tinh thần, đưa nền văn minh nông nghiệp lúa nước cổ truyền của dân tộc tới đỉnh cao của hình thái này. Làng và văn hóa làng từng là cái nôi, lá chắn, đã sáng tạo, giữ gìn và che chở những giá trị tinh thần, chống lại các âm mưu đồng hóa về văn hóa từ bên ngoài.

Làng xã với cơ cấu và tổ chức của nó là hiện tượng đặc thù của xã hội Việt nam. Dưới chế độ cũ, làng xã được coi như một cấp hành chính trong hệ thống chính quyền. Làng là đơn vị cơ bản chiếm hữu và phân phối đất đai công cộng với nền kinh tế tiểu nông, tự cấp, tự túc. Làng gắn với những nghề thủ công tinh xảo, truyền thống. Làng cũng là đơn vị văn hóa, xã hội, nơi tập hợp cư dân quanh mái đình, ngôi chùa, nhà thờ, với tín ngưỡng, lễ giáo, tập tục riêng.

Nói đến làng là nói đến tính huyết thống, dòng họ, đến ý thức cộng đồng. Ý thức

* PTS văn hóa học, Phó tổng biên tập tạp chí *Quản lý nhà nước*, Học viện hành chính quốc gia

Digitized by Google

đó càng được củng cố và xây dựng trên cơ sở của quá trình đấu tranh với thiên nhiên và xã hội. Làng còn thể hiện mối quan tâm chung, mang tính tập thể, tính tự quản cao, được tập trung ở những phép tắc, thể lệ, hương ước...

Song ở làng, tính chất độc đáo và rõ nhất vẫn là sự thể hiện trong đường nét văn hóa xã hội, văn hóa tư tưởng và văn hóa nghệ thuật. Đó là những biểu tượng mang giá trị truyền thống, là mối dây bền chặt ràng buộc con người với cộng đồng, như cây đa, bến nước, sân đình... ; những câu chuyện lịch sử, những huyền thoại về anh hùng dựng nước và giữ nước, những ông tổ lập nên làng...; những tháng ngày hội hè đình đám mang dáng vẻ rất riêng... Tất cả cái đó được vun đắp, bổ sung hoàn thiện cùng thời gian, tạo nên bộ mặt văn hóa làng.

Tuy vậy, nói đến làng, người ta cũng thường nghĩ ngay đến một không gian khép kín, cục bộ, tù đọng, với biết bao rơi rớt của những tư tưởng, tâm lý, tình cảm còn ở mức nguyên sơ, thậm chí lạc hậu, do lịch sử và thời gian thấm đượm. Hiện nay, trong nền kinh tế hàng hóa và đặc biệt trong cơ chế khoán hộ, làng trở lại vị trí quan trọng của nó trong quản lý xã hội ở nông thôn, dần dần được khẳng định như là một đơn vị kinh tế xã hội quan trọng.

Thực tế cho thấy, mọi chủ trương, chính sách, chương trình quốc gia như xóa đói giảm nghèo, phủ xanh đồi trọc, dân số - kế hoạch hóa gia đình, xóa nạn mù chữ, phổ cập tiểu học, giữ gìn bản sắc văn hóa... cuối cùng đều tác động đến người nông dân qua đơn vị thôn, làng (tuy không phải là một cấp pháp nhân công quyền). Tính chất đóng kín, "phép vua thua lệ làng", cộng đồng lấn át cá nhân... của làng cũ đang được cuộc sống mới loại bỏ, cải tạo phát triển thành làng mở ngõ, hoạt động trong khuôn khổ luật pháp. Làng mở ngõ ngày nay phải có cơ sở hạ tầng vật chất (đường sá, cầu cống, chợ, trường học, trạm xá, các thiết chế văn hóa...) và đời sống xã hội tốt, để có thể giao lưu và mở rộng sản xuất hàng hóa. Sự phát triển của làng trong tình hình mới, phản ánh mối liên hệ của nó với yêu cầu xây dựng làng văn hóa, phù hợp với biến đổi của kinh tế làng.

Do sớm nhận thức được vị trí vai trò của làng trong phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa và xây dựng đời sống văn hóa - xã hội trong giai đoạn mới, nhiều địa phương đã mau chóng chuyển hướng, đưa các hoạt động văn hóa từ cấp huyện, xã về làng, lấy làng làm đơn vị xây dựng mô hình văn hóa để gắn văn hóa với phát triển sản xuất.

Qua khảo sát xã hội học và qua các cuộc hội thảo về *mô hình làng văn hóa* thuộc các địa phương khác nhau, chúng ta thấy nổi lên ba *nội dung chính* sau :

1- Trong mô hình xây dựng làng văn hóa thì *hương ước* đóng vai trò "bản lề", là khung "pháp lý" tự nguyện để dân làng cùng nhau xây đắp các giá trị văn hóa tinh thần, cơ sở hạ tầng đời sống xã hội của làng. Từ chỗ là sự biểu hiện tính "tự trị" của làng sau khi đã làm xong các nghĩa vụ sưu thuế, binh dịch đối với nhà nước phong kiến, hương ước mới ngày nay là sự mở rộng, nối dài của pháp luật, cụ thể hóa pháp luật vào điều kiện sát thực của từng thôn, là thể hiện mối liên hệ tốt đẹp giữa nhà nước và thôn làng.

Kế thừa, phát triển những hạt nhân hợp lý của hương ước cũ, hương ước mới với nội dung rộng lớn, phục vụ nhiệm vụ phát triển nông thôn, thường quy định như sau :

+ bảo vệ mùa màng, phát triển sản xuất

+ bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn các công trình phúc lợi công cộng

+ tôn trọng kỷ cương xã hội, trật tự thôn xóm, nếp sống gia đình, tình làng nghĩa xóm, thuần phong mỹ tục, bảo vệ an ninh thôn xóm, chống tệ nạn xã hội, trộm cắp...

+ khuyến khích sự học hành, thi cử đỗ đạt ; động viên sự đóng góp của các thành viên trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng đời sống xã hội, giúp đỡ người gặp khó khăn...

Từ thực tiễn cuộc sống, rút ra rằng việc xây dựng hương ước phải dựa vào *ba* nguyên tắc : phù hợp với luật pháp ; bảo đảm tính định hướng của chính quyền địa phương ; phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của người dân và đặc thù kinh tế - văn hóa - xã hội từng vùng.

2 - *Phong trào xây dựng con người mới*

Digitized by Google

cũng là một nội dung chính yếu của mô hình làng văn hóa. Phong trào này dựa vào mạng lưới của các tổ chức chính trị - xã hội như Đảng, Đoàn, Hội quần chúng ; dựa vào các tổ chức truyền thống của làng như hội bách nghệ, hội hiếu, quỹ từ thiện v.v.. Trong mạng lưới của phong trào xây dựng con người mới thì xây dựng *gia đình văn hóa* là cốt lõi, là hạt nhân. Ngày nay, vấn đề xây dựng gia đình văn hóa dựa trên các tiền đề của kinh tế hộ, của tâm lý và giáo dục văn hóa của gia đình, vì trong sản xuất nông nghiệp, kinh tế hộ gia đình có vị trí then chốt. Tự lực sản xuất, sáng tạo và giữ gìn bí quyết kinh nghiệm làm ăn là nét tâm lý mạnh mẽ của các gia đình nông thôn. Cơ chế bao cấp vừa qua đã can thiệp trực tiếp vào quá trình lao động của gia đình nông thôn, nên đã đem lại kết quả không chờ đợi cho cả người đề xướng và thực hiện. Nông dân cần sự giúp đỡ về điều kiện, phương tiện kỹ thuật để tự họ tổ chức lao động theo hộ gia đình. Do đó, xây dựng gia đình văn hóa ở các địa phương trong tình hình mới, thường nhằm vào *bốn* tiêu chuẩn liên quan đến những vấn đề nội tại của bản thân gia đình là :

+ gia đình thuận hòa, hạnh phúc, tiến bộ

+ các gia đình đoàn kết giúp đỡ nhau với tình làng, nghĩa xóm

+ thực hiện khoa học hóa trong sinh đẻ có kế hoạch, trong ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nuôi con khỏe dạy con ngoan...

+ tuân thủ những quy định của luật pháp.

3- Để trở thành làng văn hóa, còn cần có *các thiết chế văn hóa* như là điều kiện cho sáng tạo và chuyển tải các thông tin mọi mặt (chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ; những kỹ năng, công nghệ mới, giống mới, giá cả ; văn học nghệ thuật...), nhằm mở mang dân trí. Phát triển nông thôn trong điều kiện kinh tế thị trường đòi hỏi phải sử dụng có hiệu quả các thiết chế này cho một đời sống tinh thần năng động, đổi mới không ngừng. Vừa tận dụng hết công suất các thiết chế sẵn có, vừa xây dựng các thiết chế mới tùy theo điều kiện của từng nơi. Việc tôn tạo các di sản văn hóa truyền thống (như đình làng, chùa làng, nhà thờ), khôi phục các hội bách nghệ, hội đồng môn, các sinh hoạt hội hè vốn gắn với tín ngưỡng nông nghiệp cổ xưa, đang có chiều hướng phát triển với ý nghĩa tôn vinh nghề nông, tôn trọng những người làm ra thóc gạo, của cải... Đồng thời chú ý việc chấn chỉnh, định hướng lại phương thức hoạt động của các thiết chế văn hóa mới để đáp ứng tốt hơn nhu cầu tinh thần đa diện, phong phú của một nông thôn mới đang chuyển đổi cơ cấu kinh tế và phân tầng xã hội mạnh. Cuốn hút lớp trẻ đầu tư vào sự nghiệp phát triển nông thôn mới.

Như vậy, cùng với tiến trình phát triển của đất nước, khái niệm làng văn hóa cũng phát triển. Những năm 60 - 70, làng văn hóa là danh hiệu dành riêng cho những làng có truyền thống văn hóa đặc sắc ; đến những năm 80, đó là những làng đạt được những mặt hoạt động văn hóa thông tin do ngành văn hóa đề ra (thường nghiêng về chỉ tiêu số lượng, về các thiết chế văn hóa mới, các hoạt động do nhà nước làm cho dân). Đến nay, làng văn hóa là danh hiệu của các làng đạt được các nội dung của mô hình làng văn hóa do chính dân làng xây dựng nên, dưới sự quản lý hành chính của nhà nước.

Thực tiễn phong trào xây dựng mô hình làng văn hóa ở Hà bắc (tổng kết của Sở văn hóa thông tin) cho thấy, hơn 500 làng xây dựng theo mô hình này đều có những chuyển biến tích cực trên nhiều mặt, như : không có tình trạng tranh chấp về ruộng đất, về di tích lịch sử - văn hóa giữa làng này với làng khác ; không có hoặc giảm hẳn tình trạng trẻ em thất học ; sản xuất phát triển, thôn làng ổn định hơn và tình làng nghĩa xóm cũng khăng khít hơn... Hầu hết các hương ước mới không vượt ra ngoài khuôn khổ của luật pháp. Những yếu tố tích cực của phong trào xây dựng mô hình làng văn hóa ở nhiều vùng nông thôn hiện nay, không tách rời với việc phân tích phê phán, uốn nắn kịp thời *những yếu tố lệch lạc* đã xuất hiện trong thực tiễn như : sự sống dậy của những tập tục lỗi thời (phân biệt dân "ngụ cư" với dân "chính cư", phân biệt đẳng cấp, ngôi thứ, khao vọng...), vấn đề dòng họ ; tình trạng cục bộ, cát cứ với "phép vua thua lệ làng"; sự can thiệp, ràng buộc quá mức

(Xem tiếp trang 52)

Digitized by Google

Nhức nhối ngành than Quảng ninh

TIẾN HẢI

NGÀNH than Quảng ninh đã từng oanh liệt một thời ; thế mà, khi chuyển sang cơ chế thị trường có người đã nhận xét : "Nó giống hệt như một chú ngựa già, đủng đỉnh đi từng bước một, chưa khi nào phi nước kiệu, chứ đừng nói gì tới phi nước đại". Thực trạng đó đã làm cho lãnh đạo Bộ năng lượng và lãnh đạo tỉnh Quảng ninh nhiều lúc phải đau đầu.

Tháng 10-1991, Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Quảng ninh lần thứ IX đã nhận xét về tồn tại của ngành than như sau : "Sản xuất than vẫn gặp khó khăn gay gắt về nhiều mặt. Tình hình sản xuất, tiêu thụ than và đời sống công nhân chưa ổn định ; thị trường tiêu thụ than trong nước giảm ; tài chính mất cân đối lớn, phải thu hẹp diện sản xuất ; lao động, thiết bị dư thừa nhiều. Việc bóc đất đá, đào lò chuẩn bị cho sản xuất không cân đối với khai thác than, dẫn tới vi phạm quy trình kỹ thuật khai thác, không bảo đảm an toàn và thiếu sự chuẩn bị cho lâu dài, giảm tiềm lực sản xuất của những năm sau. Công tác quản lý nhà nước về khai thác than trên địa bàn còn nhiều thiếu sót, sơ hở, để thất thoát tài nguyên và ảnh hưởng xấu tới môi trường sinh thái".

Tới tháng 3-1994, Hội nghị đại biểu đảng bộ tỉnh giữa nhiệm kỳ (khóa IX) lại nhận xét : "Công nghiệp than là ngành kinh tế chủ yếu của tỉnh nhưng phát triển chậm, tổ chức quản lý chưa hợp lý, sản xuất than gặp khó khăn lớn về thị trường tiêu thụ ; hiệu quả kinh tế và khả năng tự cân đối về tài chính còn thấp ; thiếu vốn đầu tư xây dựng cơ bản để bóc đất đá và đào lò chuẩn bị đáp ứng nhu cầu về than cho những năm sau".

Như vậy là sau hai năm rưỡi, ngành than Quảng ninh vẫn *"giẫm chân tại chỗ"* và *"chưa có tiến bộ nào đáng kể"*. Những cụm từ trong dấu ngoặc kép này là tôi trích nguyên văn trong tham luận của một số đại biểu tại Hội nghị. Còn đồng chí Nguyễn Bình Giang, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy thì cho rằng ngành than Quảng ninh hiện đang đứng trước những thách thức rất lớn và có rất nhiều khó khăn. Có những khó khăn đã trở thành điều nhức nhối trong nhiều năm.

Vậy những khó khăn, nhức nhối đó là gì ?

1 - Sản xuất bị thu hẹp ; lao động và thiết bị dư thừa ; đời sống của cán bộ, công nhân viên gặp nhiều khó khăn ; chất xám bị chảy máu.

Khi bước vào cơ chế thị trường, ngành than Quảng ninh phải đối đầu với một thực tế rất khắc nghiệt : khả năng tiêu thụ than trên thị trường thấp hơn khá nhiều so với năng lực sản xuất của các mỏ, vì thế dẫn đến tình trạng phải thu hẹp sản xuất, người lao động thiếu việc làm, thu nhập thấp. Mấy năm nay, nhiều mỏ chỉ đủ việc làm cho 5 ngày/tuần. Công ty than Hòn gai với 14 000 cán bộ, công nhân viên ; hiện tại chỉ cần 8 000 người trong dây chuyền sản xuất. Như thế có nghĩa là dư thừa khoảng 6000 người. Số người này nếu bị đẩy ra ngoài xã hội thì họ biết làm gì để sống ? Và những tiêu cực gì sẽ xảy ra ? Giải quyết cho thỏa đáng vấn đề này quả thật không đơn giản một chút nào. Bảo đảm cho mọi người đều có công ăn việc làm thì tất yếu công việc phải trải ra, dàn đều, quỹ lương phải xé nhỏ và như vậy thu nhập của người lao động sẽ thấp. Đẩy bớt một số người ra khỏi dây chuyền sản xuất, thu nhập của số người còn lại sẽ cao hơn. Chỉ có hai con đường đó, hai cách giải quyết đó, tùy từng cơ sở lựa chọn. Xuất phát từ điều kiện lịch sử cụ thể và từ tính đặc thù của đội ngũ công nhân mỏ, hầu hết các cơ sở sản xuất than ở Quảng ninh đều tìm cách xoay xở, cố gắng giải quyết tạm đủ công ăn việc làm cho người lao động, hạn chế tới mức tối đa việc đẩy họ ra khỏi dây chuyền sản xuất. Song, đây chỉ là giải pháp tình thế, là cách giải quyết tạm thời, không

Digitized by Google

thể kéo dài mãi được, bởi vì như vậy thì động lực trực tiếp của sự phát triển sẽ bị triệt tiêu.

Sản xuất bị thu hẹp cũng có nghĩa là các thiết bị sản xuất cũng sẽ bị dư thừa. Vì thế, một vấn đề đặt ra là phải niêm cất, bảo quản số thiết bị này như thế nào cho tốt để đến khi sản xuất được mở rộng thì có thể đem ra sử dụng được ngay. Niêm cất, bảo quản thiết bị (có cả những thiết bị rất hiện đại) đòi hỏi phải có người, có hệ thống kho tàng. Và, như vậy cũng có nghĩa là lại phải ném vào đó một lượng kinh phí không nhỏ. Vậy, lấy ở đâu ra tiền ? ! Đành phải giật gấu vá vai vậy thôi chứ biết làm sao nữa. Cái vòng luẩn quẩn này làm cho các đồng chí lãnh đạo ngành than Quảng ninh hết sức lúng túng.

Sản xuất bị thu hẹp, lao động và thiết bị dư thừa đã dẫn đến tình trạng phải bố trí cả những kỹ sư, những thợ lành nghề làm những công việc "lao động giản đơn". Khi kiến thức và khả năng chuyên môn của họ không được sử dụng đúng thì họ sẽ sinh ra chán nản, bất mãn. Nhiều người đã xin thôi việc, bỏ nghề, chuyển sang các ngành khác, hoặc làm kinh tế tư nhân. Như vậy, trên thực tế là chất xám ở ngành than Quảng ninh đã bị chảy máu. Và khi cần đến thì liệu có thể gọi họ trở về với ngành than được không. Khó lắm ! Giả thử họ có đồng ý trở về thì lúc đó cũng phải đào tạo lại vì kiến thức và tay nghề của họ đã bị mai một do không được sử dụng thường xuyên.

2 - *Thiếu vốn đầu tư xây dựng cơ bản để bóc đất đá và đào lò.*

Tài nguyên than ở Quảng ninh rất phong phú, trữ lượng than lớn. Nhưng, để có được một tấn than thì chi phí cho nó không nhỏ. Chỉ xin nói riêng về việc bóc đất, đá và đào lò. Hiện nay, hầu hết các mỏ ở Quảng ninh, muốn có một tấn than thì phải bóc bình quân khoảng *sáu* mét khối đất, đá (gọi tắt là hệ số 6). Chi phí cho việc bóc một mét khối đất, đá là 30 000 đ. Như vậy, để có một tấn than phải chi 180 000 đ (30 000 đ x 6) cho việc bóc đất, đá. Thế mà, giá bán than trong nước, loại tốt nhất cũng chỉ được 160 000 đ/tấn. Như vậy là lỗ. Còn muốn đào lò, mở mỏ mới, thông thường phải đào sâu tới 50 mét. Đã đào lò, mở mỏ mới thì phải có kinh phí mua gỗ chống lò. Thế nhưng, cả nguồn vốn để mua gỗ chống lò và cả nguồn cung cấp gỗ chống lò đều thiếu. Khó khăn chồng chất khó khăn. Chỉ tính riêng mỏ Hà tu (thuộc Công ty than Hòn gai) năm 1994, kế hoạch bóc 2,1 triệu mét khối đất, đá và xin vay vốn nhà nước là 24 tỉ, nhưng cho đến hết quý một vẫn chưa được vay một đồng nào. Với tình trạng này, chắc chắn trong năm 1994, mỏ Hà tu không thể hoàn thành được kế hoạch đã đề ra.

Một vấn đề rất đáng chú ý là việc đầu tư vốn cho ngành than không giống với việc đầu tư vốn cho ngành công nghiệp nhẹ hoặc các ngành nghề khác. Đó là vốn đầu tư cho ngành than phải mất thời gian từ 5 đến 7 năm sau mới có hiệu quả. Vì thế các công ty than ở Quảng ninh đều khẩn thiết đề nghị, đối với ngành than nhà nước nên có cơ chế cho vay vốn riêng. Cụ thể là :

- Cho vay đủ mức yêu cầu ;
- Cho vay liên tục, không ngắt quãng ;
- Lãi suất thấp.

Nếu không có các điều kiện tối thiểu đó thì ngành than không thể tồn tại và phát triển được. Khi đó, một nguy cơ chắc chắn sẽ ập tới, đó là chúng ta sẽ phải nhập than của nước ngoài với giá cao. Thật không có gì phi lý cho bằng ngồi trên đống than của mình mà lại phải mua than của nước ngoài !

3 - *Tình trạng khai thác và tiêu thụ than còn khá lộn xộn.*

Ở Quảng ninh, ngoài các công ty than của trung ương và địa phương là những đơn vị nhà nước có tư cách pháp nhân trong việc khai thác than, còn có cả lực lượng khai thác than của tư nhân. Đây thực chất là bọn khai thác trộm than của nhà nước, là bọn ăn cắp tài nguyên quốc gia (các đồng chí ở Quảng ninh gọi đó là "than thổ phỉ"). Lực lượng này khá đông, hoạt động có tổ chức hẳn hoi, đứng đầu là những tên cai đầu dài. Bọn cai đầu dài đứng ra thuê công nhân khai thác, thu mua than của những kẻ ăn cắp rồi trực tiếp bán cho các cơ quan và đơn vị có nhu cầu. Vì là "than thổ phỉ" nên giá bán thường rẻ hơn khá nhiều so với giá của các công ty nhà nước. Đồng chí Trương Công Điều, giám đốc Công ty than Hòn gai cho chúng tôi biết, số lượng than bị thất thoát bởi lực lượng ăn cắp này hằng năm chiếm khoảng trên 20% tổng số than khai thác của các công ty nhà nước. Con số đó thật không nhỏ.

Digitized by Google

Để khắc phục tình trạng nêu trên, các công ty than ở Quảng ninh đều kiến nghị :

- Địa phương nên có biện pháp chỉ đạo thật chặt chẽ, dứt điểm ; kiên quyết không cho số lao động tỉnh ngoài vào làm thuê cho bọn cai than. (Thực tế cho thấy, số lao động mà bọn cai than thuê, tuyệt đại đa số là người tỉnh ngoài).

- Địa phương nên phối hợp với Bộ năng lượng để có kế hoạch thống nhất trong việc quản lý và tiêu thụ than ; đặc biệt, phải quản lý thật chặt chẽ việc cấp giấy phép xuất khẩu than. Có quản lý chặt chẽ việc tiêu thụ than, quản lý chặt chẽ thị trường, thì việc khai thác than bừa bãi mới sớm được khắc phục.

- Dẹp bỏ ngay các điểm khai thác than ngoài ranh giới quản lý của các mỏ. Đây thực sự là vấn đề cấp bách, đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa địa phương, ngành chủ quản và lực lượng bảo vệ của các công ty.

4 - *Hệ thống tổ chức và quản lý ngành than chưa thật hợp lý.*

Một trong những nguyên nhân làm cho ngành than Quảng ninh chậm phát triển là hệ thống tổ chức và quản lý ngành than chưa thật hợp lý. Gần đây, Bộ năng lượng có Quyết định số 354. Theo tinh thần của quyết định này thì các công ty than là những doanh nghiệp ; các xí nghiệp trực thuộc công ty *là những đơn vị cơ sở có tư cách pháp nhân không đầy đủ, hạch toán kinh tế phụ thuộc*. Và như thế có nghĩa là các xí nghiệp than không được ký hợp đồng trực tiếp ; con dấu của xí nghiệp không có tính pháp lý ra bên ngoài. Một mỏ than cỡ trung bình ở Quảng ninh cũng có tới khoảng 2500 - 3000 công nhân với tài sản cố định khoảng 50 - 60 tỉ đồng, thế mà chỉ được coi như một đơn vị chức năng, giống như một công trường, phân xưởng ; tuy có con dấu nhưng hoàn toàn không có giá trị pháp lý. Trong khi đó, ở ngoài xã hội, một công ty trách nhiệm hữu hạn vèn vẹn có vài chục người thế mà con dấu của họ lại có giá trị pháp lý. Thật trớ trêu thay và cũng thật vô lý thay !

Quyết định nêu trên của Bộ năng lượng thực tế đã cho thấy là chưa hợp lý, bởi vì, chẳng những nó không phát huy được vai trò tự chủ, mà còn hạn chế cả tính sáng tạo của các đơn vị cơ sở. Mọi việc của các xí nghiệp, công ty đều phải chỉ đạo và điều hành trực tiếp. Với một địa bàn quá rộng, cơ sở vật chất và phương tiện không đảm bảo, cộng với trình độ, năng lực quản lý của công ty còn hạn chế, thiếu nhạy bén, thì không thể nào phát huy được tính chủ động của các xí nghiệp để mang lại hiệu quả cao trong sản xuất và kinh doanh.

Các đồng chí lãnh đạo ngành than ở Quảng ninh cho biết, sắp tới nhà nước sẽ tổ chức lại ngành than theo bốn cấp : bộ - tổng công ty - công ty - xí nghiệp. Và theo các đồng chí đó, cách tổ chức như vậy là "vẫn chưa hợp lý". Bởi lẽ : *Thứ nhất*, các xí nghiệp vẫn chỉ là những đơn vị chức năng giống như công trường, phân xưởng ; không có tư cách pháp nhân đầy đủ ; không có quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh. *Thứ hai*, lại đẻ thêm ra một cấp trung gian không cần thiết đó là cấp tổng công ty. Các đồng chí ở đây cho rằng, hệ thống tổ chức ngành than nên gọn nhẹ ; các cơ sở xí nghiệp phải là những doanh nghiệp được quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh và có tư cách pháp nhân đầy đủ ; bộ chủ quản làm chức năng quản lý hành chính nhà nước. Có như thế thì việc quản lý, chỉ đạo, điều hành ngành than mới nhanh gọn, kịp thời và có hiệu quả cao.

5 - *Tâm tư của các công ty than khi nói về Vinacontrol.*

Khi tiếp xúc với các đồng chí lãnh đạo ngành than ở Quảng ninh tôi đều nhận được những ý kiến kêu ca, phàn nàn về những phiền hà trong quan hệ với *Công ty giám định hàng hóa xuất nhập khẩu Việt nam* (Vinacontrol). Điều chủ yếu là kết quả giám định của Vinacontrol thường không chính xác, gây ra một số thiệt hại cho các công ty than. Xin nêu một trường hợp cụ thể. Gần đây, do giám định sai mới tính riêng ở một tàu than, Vinacontrol đã làm cho Công ty than Uông bí suýt nữa bị mất trắng hơn một tỉ đồng. Sự việc như sau : Công ty than Uông bí, thông qua Coalimex (Công ty xuất nhập khẩu than) ký hợp đồng xuất khẩu 40 000 tấn than cho khách hàng SSM (Tây Âu). Coalimex thuê Vinacontrol giám định lô hàng này. Theo hợp đồng ký kết giữa Coalimex với SSM, than chỉ được phép có độ ẩm tối đa là 8%.

Đầu tháng 12-1993, tàu HUA ZHUANG vào nhận than. Công ty than Uông bí đã bốc rót xuống

Digitized by Google

tàu gần 40 000 tấn than theo hợp đồng. Vinacontrol đã giám định lô hàng này và cấp chứng thư làm cơ sở thanh toán. Chứng thư ghi rõ : số lượng 39 721 tấn ; độ ẩm 14,2%.

Trước khi xuất than, Công ty than Uông bí đã tự giám định, thấy độ ẩm của lô hàng trong khoảng từ 7,6% đến 7,8%. Vì thế, Công ty than Uông bí đã có văn bản đề nghị Vinacontrol kiểm tra lại kết quả giám định. Bằng văn bản số 104/GĐ, Vinacontrol vẫn khẳng định kết quả giám định của mình là chính xác. Dựa vào kết quả giám định của Vinacontrol, SSM buộc Công ty than Uông bí phải chịu phạt 59 780,1 USD (tương đương với 650 triệu đồng Việt nam) và trừ ngay trên hóa đơn.

Cực chẳng đã, Công ty than Uông bí đành phải chịu phí tổn để thuê Công ty kiểm định độc lập của Pháp (SOCOR) giám định lại lô hàng kể trên tại cảng nhận than ở một nước Tây Âu. SOCOR đã giám định lô hàng trên ở cảng nhận, đồng thời với hãng giám định do người mua than thuê là SGS (Thụy-sĩ). Kết quả giám định của SOCOR, lô hàng trên chỉ có 7,6% độ ẩm và kết quả giám định của SGS là 7,71%, đều dưới mức cho phép. Mặt khác, khối lượng lô hàng cũng được xác định lại là 39 981 tấn, cao hơn mức ghi ở chứng thư của Vinacontrol 260 tấn. Dựa vào kết quả giám định kể trên, hãng mua than SSM đã phải trả lại Công ty than Uông bí 59 780,1 USD.

So sánh khoản tiền SSM thanh toán theo chứng thư của Vinacontrol và kết quả giám định lại của SOCOR cũng như của SGS thì ngoài khoản thiệt hại đã nói ở trên, phía Việt nam còn mất 260 tấn than và chịu bồi thường trọng lượng khống (chênh lệch về độ ẩm) cho vận tải hàng hải. Tổng các khoản thiệt hại sẽ lên tới trên một tỉ đồng(*).

Trong lịch sử giám định hàng hóa quốc tế, sai số giữa các hãng giám định thường ở mức rất thấp ; không thể có sai số gần gấp hai lần như Vinacontrol đã thực hiện.

(*) Xin tham khảo thêm *Tin tức buổi chiều* của TTXVN số ra ngày 4-4-1994

MÔ HÌNH...

(Tiếp theo trang 48)

của các tổ chức làng có thể làm hạn chế tính tích cực, sáng tạo của cá nhân.

Tuy nhiên, việc phê phán những biểu hiện lệch lạc trong quá trình xây dựng mô hình làng văn hóa không có nghĩa là phủ nhận một hướng đi có nhiều triển vọng, chứa đựng tính chủ động của bà con nông dân trong việc tự tổ chức lấy đời sống văn hóa tinh thần cho chính mình. Xu hướng xây dựng làng văn hóa gắn bó với công cuộc phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa thể hiện tính quy luật của phát triển văn hóa. Nhân dân lao động thường xuyên tiến hành sản xuất vật chất, nên cũng tạo ra những điều kiện để sáng tạo giá trị văn hóa trong lao động của mình. Động thái văn hóa của nhân dân lao động có ý nghĩa hành động, tạo tác để cải tạo các quan hệ kinh tế, quan hệ xã hội. Một nền văn hóa lớn được tạo ra chính nhờ quá trình tự đào luyện này của nhân dân lao động. Đặc biệt, trong điều kiện mở cửa, hội nhập vào nền kinh tế thế giới và tăng cường giao lưu văn hóa quốc tế, thì ảnh hưởng văn hóa từ bên ngoài vào là rất mạnh mẽ, tạo thành lối sống quốc tế và cũng làm nảy sinh nhu cầu giữ gìn, khẳng định lại các giá trị văn hóa độc đáo của mỗi dân tộc. Quay trở về xây dựng làng văn hóa (với những nội dung mới) để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đang trở thành một trong những giải pháp ở một số nước trên thế giới hiện nay.

Công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng là nhằm làm sáng tỏ bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa, giải phóng tiềm năng sáng tạo, giải phóng lực lượng sản xuất. Trong bối cảnh đó, sự quản lý của nhà nước đối với mọi lĩnh vực, đặc biệt là đối với văn hóa, cần dựa vào sức mạnh tổng hợp của mọi thành phần kinh tế, mọi lực lượng xã hội. Nhà nước cần khuyến khích mô hình làng văn hóa và điều chỉnh kịp thời bằng các chính sách văn hóa, bằng nguồn ngân sách và các văn bản pháp quy để phong trào phát triển đúng hướng.

Digitized by Google

Mua bán chức tước

ĐAN TÂM

CHỨC tước ra đời và gắn liền với lịch sử ra đời của nhà nước. Chức tước lại gắn chặt với quyền và lợi của cá nhân. Có chức tước là có quyền, có lợi. Xã hội ta thời phong kiến, thực dân, muốn có chức tước thì hoặc là phải học hành cho đến nơi đến chốn rồi thi cử và đỗ đạt (đây là con đường chính đáng) ; hoặc là phải bỏ tiền ra mà mua. Chẳng hạn, người ta có thể mua các chức tước như : bát phẩm văn giai ở nơi phủ, huyện, tổng ; hoặc nhiêu, đồ nơi làng xã. Chính vì chức tước có thể mua được, cho nên không ít kẻ mang hàm nọ phẩm kia, nhưng thực ra là dốt đặc cán mai.

Đó là một hủ tục đáng khinh rẻ, vì, công danh, phẩm giá không phải tự mình làm nên, mà do mua bán. Vì vậy, nó đã bị làn sóng Cách mạng Tháng Tám (1945) nhấn chìm cùng với chế độ thực dân, phong kiến thối nát.

Nhưng oái oăm và đáng buồn thay, hủ tục trên lại đã và đang trỗi dậy khá mạnh ở nước ta, nhất là từ khi nước ta chuyển sang cơ chế thị trường.

Ở không ít cuộc gọi là bầu bán dân chủ, có một số người đã khôn khéo "giấu đuôi" và "đổi màu" như con kỳ nhông để mua phiếu cho mình. Người ta không tiếc dùng tiền của của công để mua chuộc những người dưới quyền bằng hình thức "phân phối" phúc lợi, tiền thưởng ; kể cả thanh lý tài sản, chia chác đất đai theo "sáng kiến" năng động và "lòng tốt" của họ. Nếu ai đó không đồng tình mà phát giác, tố cáo họ với cấp trên, thì chẳng những bản thân không được xơ múi gì, mà còn bị trù dập. Có không ít trường hợp, họ kéo được cả những người "có máu mặt" trong đơn vị đứng về phía họ. Rất đáng tiếc, trong những trường hợp như thế, cơ quan quản lý và thanh tra cấp trên đã không sâu sát, không kiểm tra chặt chẽ, đưa ra những kết luận không đúng với thực chất sự việc.

Đó là cách mua và "nắm" quần chúng ở cơ sở. Còn đối với cấp trên, họ biết rằng, hai phần ba việc quyết định chức tước của họ là ở cấp trên (trực tiếp và gián tiếp), cho nên họ cũng tìm cách mua và "nắm". Cách làm thông thường của họ là bơm to thành tích, vẽ ra những thành tích tưởng tượng, và khéo léo làm biến mất các sai lầm, khuyết điểm, nhất là thuộc trách nhiệm cá nhân của họ. Họ mua cấp trên cả bằng những lời nịnh nọt, tán dương, cả bằng những quà biếu, tiền của, kỳ vật quý giá. (Tất nhiên, họ biết chọn thời cơ thuận lợi để đưa, như vào dịp lễ tết, ngày truyền thống đơn vị, lúc vui buồn... và biết chọn đúng người để đưa như vợ con cấp trên chẳng hạn).

Thực ra, việc mua bán chức tước, xét cho cùng cũng là một mặt hoạt động của lớp người hám danh, nhất là trong môi trường xã hội cái danh còn kéo theo cái lợi. Điều làm chúng ta suy nghĩ là tại sao những năm gần đây, tệ nạn đó lại trỗi dậy nhanh như vậy ?

Trước hết, do cơ chế chức tước của ta quá gắn với quyền lợi. Chức lên thì lợi lên, bất kể chức đó có đòi hỏi phải làm việc nhiều hay ít, trách nhiệm lớn hay nhỏ, và đem lại cái lợi gì cho tập thể. Không ít trường hợp đang hưởng lương sản xuất và công tác bình thường, nhưng được cử hoặc bầu lên chức nọ tước kia, thì lương bổng cũng nhảy vọt. Đây chính là ma lực thúc giục không ít người cố tìm cách mua cho được chức tước.

Hai là, việc nhận xét, đánh giá, lựa chọn, sử dụng, nhất là quản lý cán bộ còn kém, không thật sự là công việc của tập thể cấp ủy, tập thể lãnh đạo, mà nhiều khi chỉ căn cứ vào ý kiến của cá nhân một vài người hoặc chỉ dựa vào ý kiến của bộ phận tổ chức. Thường khi sự việc xảy ra thì nặng khuynh hướng "thí tốt, giữ xe". Điều này làm cho việc sàng lọc cán bộ không kịp thời, ít hiệu quả ; người hám danh dễ có điều kiện mua, và ai đã được đưa lên thì coi như "bất khả kháng".

Ba là, chưa thấy hết tính chất nguy hại của việc mua bán chức tước thời nay. Thời xưa, người ta mua chức tước chủ yếu bằng tiền cá nhân và chỉ được hưởng một ít lợi lộc hạn chế. Ngày nay, người ta mua chức tước bằng tiền của chung mà quyền và lợi thì rất lớn. Quyền tạo ra lợi vô biên. Nguy hại hơn khi có chức tước rồi, người ta lo củng cố chức tước hơn là lo làm việc. Họ mua được chức tước thì họ cũng sẵn sàng bán mình cho đô, đê (đô la Mỹ và đê mác Đức) là cái biểu hiện bằng vật chất của chức tước. Kinh tế thị trường và mở cửa là môi trường thuận lợi cho những kẻ "bán mình". Nó là một mũi của diễn biến hòa bình từ trong ra, không thể xem thường.

Digitized by Google

ĐỂ CÓ NHIỀU NGƯỜI HAM ĐỌC SÁCH LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

KHUẤT DUY HẢI *

SÁCH lý luận chính trị có vai trò to lớn trong đời sống xã hội. Nó cung cấp những tri thức cơ bản về lý luận chính trị, đồng thời có tác dụng hướng dẫn và định hướng tư tưởng. Tuy nhiên, đó lại là loại sách thường khó đọc vì ngoài sự khô khan ra, nó đòi hỏi người đọc phải có một trình độ nhận thức nhất định. Vì vậy trong hoàn cảnh xã hội còn nhiều khó khăn và biến động thì việc độc giả xa lánh sách lý luận chính trị cũng là một điều dễ hiểu.

Công cuộc đổi mới mạnh mẽ của Đảng ta đã mang lại những thành tựu đáng kể trong những năm gần đây. Những thành quả đó đã góp phần củng cố lòng tin của nhân dân vào con đường mà Đảng ta đã chọn. Ngoài những người ham thích hoặc do yêu cầu công việc thường xuyên phải đọc sách lý luận chính trị, nhiều độc giả mới cũng đã tìm đến với loại sách này, và thừa nhận rằng, sau khi đọc, đã được trang bị thêm những kiến thức cơ bản, những thông tin mới cần thiết.

Tình hình gần đây cho thấy có một số người rất ham tìm đọc, say sưa nghiên cứu những vấn đề lý luận chính trị - xã hội. Đối tượng này không chỉ dừng ở những người thường làm công tác lý luận, công tác tư tưởng và công tác giảng dạy, mà còn bao gồm cả những trí thức ngoài Đảng, cán bộ hưu trí và một bộ phận thanh niên sinh viên. Chính vì vậy, các cuốn sách lý luận chính trị xã hội có chất lượng cao, đáp ứng đúng nhu cầu của bạn đọc, thường bán hết rất nhanh, không ít trường hợp nhiều người còn đến tận nhà xuất bản để xin mua hoặc đề nghị tái bản thêm.

Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng sách lý luận chính trị còn khó tiêu thụ. Có những cuốn được in với số lượng rất ít, nhưng vẫn không tiêu thụ hết. So với số dân nước ta hiện nay là trên 70 triệu người thì tỷ lệ sách lý luận chính trị chỉ như muối bỏ bể. Theo điều tra gần đây tại một quầy bán sách, cứ 100 cuốn sách bán ra, thì chỉ có 1 cuốn là sách chính trị xã hội. Đó là một thực trạng đáng báo động.

Vì sao còn ít người ham đọc sách lý luận chính trị như vậy ?

Về phía *người đọc*, không phải chỉ ở nước ta, mà hầu như ở khắp nơi trên thế giới, người ta coi đây là loại sách "khô khan", là "món ăn khó nuốt". Khá nhiều người thờ ơ với sách lý luận chính trị vì họ quan niệm nó không liên quan gì đến cuộc sống hằng ngày của họ. Họ có thể thích đọc sách, song đó là những sách thuộc chuyên môn của họ, hoặc những sách văn học có tính chất giải trí. Cũng vì sách lý luận chính trị rất khó đọc cho nên ở nhiều nước, khi muốn truyền bá một tư tưởng nào đó thông qua sách lý luận chính trị, người ta thường sẵn sàng bỏ kinh phí ra làm sách đó bán với giá rất rẻ, thậm chí cho không, để ai cũng có thể đọc hoặc buộc phải đọc.

Ở ta, bối cảnh bên trong và bên ngoài hiện nay tác động không nhỏ đến tâm lý bạn đọc. Tâm lý dao động, hoài nghi trước sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu ảnh hưởng khá lớn đến sự quan tâm của bạn đọc đối với sách lý luận chính trị. Việc chuyển đổi nền kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường, bên cạnh mặt tích cực (như làm cho nền kinh tế sống động, mọi người có điều kiện phát huy cao nhất năng lực của mình để làm giàu cho cá nhân và xã hội), cũng có mặt tiêu cực là làm cho nhiều người chỉ lao vào kiếm tiền mà ít quan tâm đến việc bồi dưỡng về mặt tri thức. Ngay trong cán bộ, đảng viên, cũng không hiếm hiện tượng lười học tập, ngại trau dồi kiến thức, không chịu khó nâng cao trình độ hiểu biết của mình về các mặt.

Ngoài ra, cũng có những người thấy được sự cần thiết và tác dụng của sách lý luận chính trị, rất muốn đọc, nhưng do trình độ học vấn, do không có thời gian, do không có tiền mua sách (giá sách lý luận chính trị hiện nay tuy khá thấp so với sách văn học nghệ thuật, nhưng vẫn là cao so với đồng lương), do không có nơi mượn sách, nên đành chịu.

Về phía *người viết*, không phải tác giả nào cũng có khả năng và dám mạnh dạn đi sâu nghiên cứu những vấn đề lý luận chính trị nóng bỏng mà bạn đọc đang rất quan tâm, bàn đến những vấn đề thiết thực của cuộc sống, những khái niệm cần được bổ sung hoặc làm sáng tỏ. Cách viết của nhiều tác giả cũng còn thiếu sức thuyết phục, thiếu sinh động, thậm chí còn mang tính áp đặt.

Công tác lý luận bên cạnh những thành tựu, vẫn còn nhiều mặt yếu và lúng túng. Chúng ta còn chậm tổng kết thực tiễn, chưa giải đáp được nhiều vấn đề phức tạp và phong phú mới nảy sinh.

---

* Nhà xuất bản chính trị quốc gia

Digitized by Google

Việc đấu tranh về phương diện lý luận đối với các quan điểm sai trái và những nhận thức lệch lạc còn chưa kịp thời và chưa thật sắc bén. Đã xuất hiện những tư tưởng sùng bái phương Tây, chỉ thấy cái hay, cái tốt của xã hội tư bản, mà không thấy hoặc coi nhẹ những mặt tiêu cực của nó đã được của chính ngay những người sống dưới chế độ tư bản tự viết ra.

Về *công tác xuất bản*, ở ta vẫn còn *những mặt yếu kém*.

Thứ nhất, sách lý luận chính trị chưa đi vào những vấn đề bức bách, then chốt, như về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta ; về giai cấp và đấu tranh giai cấp ; về dân chủ, tôn giáo, v.v.. Có chăng có một số cuốn sách viết về những vấn đề này thì việc đề cập còn sơ sài, sao chép, chưa có cơ sở lý luận và thực tiễn có tính thuyết phục cao.

Thứ hai, chưa có những cuốn sách tầm cỡ, có giá trị khái quát và tổng kết thực tiễn có tính khoa học, mà thường thiên về những vấn đề có tính nhất thời.

Thứ ba, nhiều cuốn sách lý luận chính trị chưa nhằm vào một đối tượng phục vụ cụ thể, mà vẫn dừng ở một đối tượng phục vụ chung chung, do đó, cả nội dung và cách trình bày đều không thật thích hợp với một loại độc giả nào cả, thành ra "chân không đến đất, cật không đến trời".

Thứ tư, một số ít cuốn sách còn để lọt những quan điểm lệch lạc, gây tác hại không nhỏ đến tư tưởng người đọc.

Ngoài ra, *sự quan tâm lãnh đạo, quản lý và đầu tư đối với việc xuất bản sách lý luận chính trị, cũng chưa được chú ý đúng mức*. Vẫn còn quan niệm cho rằng : loại sách này là loại sách phải bù lỗ, để giảm bớt bù lỗ cần giảm bớt giá đầu vào bằng cách dùng loại giấy, bìa rẻ tiền, in ở nơi có công in thấp, không cần chú ý nhiều đến hình thức trình bày... Kết quả là, có những thời kỳ sách lý luận chính trị in trên giấy đen đến mức không đọc được, hình thức trình bày rất xấu, nó như bị chìm nghỉm giữa sách văn học, nghệ thuật in trên giấy trắng tinh, hình thức trình bày rất đẹp với đủ màu sắc. Gần đây, các nhà xuất ban có quan tâm thích đáng hơn đến hình thức sách lý luận chính trị, song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của bạn đọc. Nếu không khắc phục những yếu kém vừa nêu trên mà chỉ đổ lỗi cho những nguyên nhân bên ngoài, thì các nhà xuất bản thực tế là "bỏ rơi trận địa của mình".

Mạng lưới phát hành sách cũng như công tác tuyên truyền giới thiệu sách lý luận chính trị nhìn chung còn yếu. Chẳng hạn, Nhà xuất bản chính trị quốc gia cho tới nay hầu như vẫn phải tự tiêu thụ toàn bộ số sách lý luận chính trị của mình, trong khi nó không thể có mạng lưới phát hành lẻ đến các địa phương. Do đó, sách của nhà xuất bản tới nay chủ yếu vẫn là tiêu thụ ở một số thành phố lớn. Việc tuyên truyền nội dung và tên sách qua các phương tiện thông tin đại chúng đòi hỏi những chi phí khá lớn, điều đó thực tế cũng "bó tay" các nhà xuất bản.

Để khắc phục tình trạng trên, theo tôi, cần tập trung làm tốt một số việc sau đây :

Một là, tăng cường hơn nữa công tác lý luận và tư tưởng của Đảng. Tập trung vào những vấn đề bức xúc, then chốt của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; đặc biệt, cần chú trọng tổng kết thực tiễn và đề ra những chủ trương, giải pháp đúng đắn chỉ đạo sự nghiệp xây dựng kinh tế - xã hội ở nước ta. Trong điều kiện cuộc đấu tranh giữa hai hệ tư tưởng vô sản và phi vô sản đang diễn ra gay gắt, nhất là trước những âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, công tác lý luận - tư tưởng phải khẳng định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta...

Hai là, có biện pháp đòi hỏi các cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc học tập lý luận, trau dồi tư tưởng, bồi dưỡng kiến thức để nâng cao nhận thức và năng lực hoạt động thực tiễn của mình.

Ba là, nâng cao chất lượng công tác xuất bản sách lý luận chính trị. Chú ý đa dạng hóa các chủng loại (như sách tuyên truyền, phổ biến đường lối quan điểm, sách tổng kết kinh nghiệm... sách dịch của các nước, kể cả sách tham khảo). Cải tiến cách trình bày, nâng cao chất lượng bìa, tăng giá trị thẩm mỹ, giá trị nghệ thuật..., đa dạng về khổ sách...

Nhà nước cần có chính sách đặt hàng cho các tác phẩm có giá trị, bởi những tác phẩm này thường là phải đầu tư lớn, chuẩn bị công phu và thu hồi vốn chậm. Nhà nước có thể đặt hàng trực tiếp với nhà xuất bản để tổ chức việc xuất bản và in ấn, còn sau đó sản phẩm có thể sẽ do nhà nước thông qua cơ quan nào đó phân phối... Có chính sách trợ giá cho sách lý luận chính trị và trợ giá sách cho các vùng xa xôi hẻo lánh, vùng biên giới, hải đảo.

Nâng cao chất lượng và kiểm tra nghiêm túc các kỳ thi quốc gia về các môn học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và lịch sử Đảng.

Digitized by Google

SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ CỦA CÁC NƯỚC CÔNG NGHIỆP MỚI Ở ĐÔNG Á

THANH TÙNG *

BỐN nước công nghiệp mới ở Đông Á thuộc hai loại hình khác nhau. Đài loan và Cộng hòa Triều tiên là hai nước hải đảo và bán đảo, thuộc loại hình xã hội nông nghiệp truyền thống chuyển sang xã hội công nghiệp hiện đại. Hồng công và Xin-ga-po là loại hình kinh tế đô thị, mậu dịch chuyển khẩu và dịch vụ tiền tệ.

Nhìn lại quá trình phát triển kinh tế sau chiến tranh, các nước công nghiệp mới Đông Á có những điểm chung. Sau khi hoàn thành khôi phục kinh tế sau chiến tranh, các nước này đều tiến hành công nghiệp hóa theo chiến lược "thay thế nhập khẩu". "Thay thế nhập khẩu" là phát triển công nghiệp trong nước nhằm sản xuất các loại sản phẩm, bao gồm tư liệu sản xuất và vật phẩm tiêu dùng, thay cho nhập khẩu. Để thực hiện chiến lược này, chính phủ chú trọng khuyến khích và tạo mọi thuận lợi để phát triển công nghiệp trong nước, hạn chế tới mức tối đa việc nhập khẩu những mặt hàng mà trong nước có thể tự sản xuất được.

Chiến lược thay thế nhập khẩu là bước đi tất yếu để thực hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ tiểu nông và kỹ thuật lạc hậu sang cơ cấu kinh tế hiện đại.

Thực tiễn Nam Triều tiên và Đài loan cho thấy, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, trước hết là chuyển dịch cơ cấu bản thân nông nghiệp. Việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp có hai công việc quan trọng phải tiến hành tốt ngay từ đầu. Đó là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, và phát triển nhiều ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn. Đó là hai tiền đề tất yếu để chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Đối với những nước thuộc mô hình kinh tế tiểu nông, con đường cơ bản để tiến hành công nghiệp hóa là thực hiện hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp, bao gồm nông nghiệp, chăn nuôi, thủy, hải sản, rừng, và hiện đại hóa kinh tế nông thôn.

Về vấn đề chuyển dịch cơ cấu nội bộ nông nghiệp, trong thời kỳ đầu, cần tiến hành hai quá trình song song. Trước hết, đa dạng hóa các ngành nghề của sản xuất nông nghiệp, phá bỏ độc canh, phát triển nông nghiệp toàn diện, đưa chăn nuôi, thủy, hải sản thành những ngành sản xuất chính. Đó là một phương hướng quan trọng để tăng giá trị sản lượng nông nghiệp và giải quyết việc làm cho nông dân. Tuy nhiên, việc đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp vẫn là sự phát triển thuần nông nghiệp. Lịch sử kinh tế cận, hiện đại cho thấy chưa nước nào có thể hiện đại hóa bằng thuần nông. Các ngành thuần nông được phát triển đa dạng sẽ làm cho một bộ phận nông dân ngày càng khá giả, giàu có, và nói chung làm tăng giá trị sản lượng nông nghiệp, góp phần làm tăng tổng sản phẩm xã hội. Nhưng xét đến cùng, sự gia tăng của các ngành thuần nông, vẫn không thể làm gia tăng một cách căn bản giá trị tổng sản phẩm xã hội. Ngược lại, quy luật của công nghiệp hóa và hiện đại hóa là giá trị nông nghiệp ngày càng giảm tương đối và giá trị công nghiệp ngày càng tăng tương đối. Tại Đài loan, năm 1952, trong tổng sản phẩm quốc nội, nông nghiệp chiếm 36%, công nghiệp 18%, nghĩa là công nghiệp lúc đó chỉ bằng 1/2 nông nghiệp. Năm 1989, nông nghiệp chỉ còn 5,9%, công nghiệp tăng lên đến 43,6%, còn lại là dịch vụ và các ngành khác. Mặc dù nông nghiệp chỉ còn tỷ trọng 5,9%, nhưng giá trị tuyệt đối đã tăng gấp mấy lần, trong đó chủ yếu là nhờ đa dạng hóa cơ cấu bản thân nông nghiệp và hiện đại hóa sản xuất.

Cho nên, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo

* Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

hướng công nghiệp hóa phải là : *vừa* hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp, *vừa* phát triển công nghiệp nông thôn, bao gồm công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản, và các ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn, thực hiện biện pháp "ly nông không ly hương". Đó là con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa cơ bản của các nước tiểu nông.

Việc đa dạng hóa ngành nghề nông nghiệp và phát triển công nghiệp nông thôn là bước đầu tiên để thực hiện sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, và cũng là để thực hiện chiến lược thay thế nhập khẩu. Bốn nước công nghiệp mới ở Đông Á đã áp dụng thành công chiến lược thay thế nhập khẩu. Họ đã giải quyết được việc làm cho hàng triệu người ; đã đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước ; đã nâng cấp kỹ thuật từ thủ công lạc hậu lên tiên tiến bằng cơ khí hóa ; đã tích lũy ngoại tệ ; và đặc biệt là đã du nhập được kỹ thuật hiện đại và kinh nghiệm quản lý kinh doanh hiện đại. Tất cả những cái đó đã tạo đà cho những nước này cất cánh kinh tế từ những thập kỷ 50, 60.

Tuy nhiên, mô hình thay thế nhập khẩu ngày càng bộc lộ những nhược điểm lớn. *Một là*, do phải bảo vệ công nghiệp dân tộc, hạn chế nhập khẩu, nên sản phẩm trong nước giá thành cao, chất lượng kém, người tiêu dùng không ưa chuộng, sự hòa nhập vào thị trường thế giới gặp khó khăn. *Hai là*, việc phát triển công nghiệp "thay thế nhập khẩu", vẫn phải nhập thiết bị, nguyên vật liệu cần thiết, trong lúc trong nước còn thiếu vốn. Cho nên, không tránh khỏi sự lệ thuộc nước ngoài. *Ba là*, thị trường trong nước nhỏ hẹp và sức mua thấp, không bảo đảm tiêu thụ những mặt hàng sản xuất hàng loạt.

Trước tình hình đó, đồng thời do điều kiện thị trường quốc tế thay đổi, các nước công nghiệp mới ở Đông Á chuyển sang chiến lược hướng về xuất khẩu thay cho chiến lược thay thế nhập khẩu.

Để thực hiện chiến lược hướng về xuất khẩu, các nước công nghiệp mới ở Đông Á chú trọng điều chỉnh và chuyển dịch cơ cấu kinh tế mang tính chiến lược theo phương hướng : tăng nhanh việc nâng cấp và đổi mới ngành chế tạo ; thúc đẩy đa dạng hóa, đa phương hóa mậu dịch đối ngoại ; chuyển những ngành mất ưu thế cạnh tranh ra nước ngoài ; ra sức phát triển ngành dịch vụ ; tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội. Sau đây là các biện pháp lớn theo phương hướng nói trên.

Đẩy mạnh việc nâng cấp ngành chế tạo, ưu hóa sản phẩm xuất khẩu. Việc sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng cần nhiều sức lao động chỉ cần đến một giới hạn nhất định và tạm thời. Lối thoát chủ yếu nhất là khai thác tối ưu lợi thế so sánh, đầu tư mạnh vào ngành chế tạo và kỹ thuật cao để tạo giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu. Dựa vào cơ sở đó, từng bước phát triển toàn diện nền kinh tế, bảo đảm đạt được sự tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao nhất có thể có, tạo môi trường thuận lợi để phát triển các công trình vi sinh, vi điện tử, v.v...

Thúc đẩy đa phương hóa mậu dịch đối ngoại. Để giảm bớt xung đột của chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch và sự cạnh tranh sản phẩm của các nước khác, các nước công nghiệp mới Đông Á đã thi hành chính sách đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm xuất khẩu và hợp lý hóa thị trường xuất khẩu, khuyến khích mở rộng xuất khẩu sang các nước phát triển ở châu Âu, Mỹ, Nhật ; tránh sự cạnh tranh các loại hàng cần nhiều lao động của các nước đang phát triển ở châu Á - Thái bình dương ; đồng thời tích cực mở rộng thị trường mới - các nước đang phát triển có trình độ thấp hơn mình - để xuất khẩu thiết bị.

Chuyển những ngành mất ưu thế cạnh tranh ra nước ngoài. Tháng 8-1993, Đài loan cho Phi-líp-pin vay 60 triệu USD để nước này xây dựng khu công nghiệp thu hút đầu tư của các thương gia Đài loan. Đài loan cũng thành lập tổ công tác hướng dẫn các hạng mục đầu tư công nghiệp ở Phi-líp-pin và Việt nam. Hồng công và Xin-ga-po cũng có kế hoạch khảo sát nhiều nước đang phát triển ở Đông - Nam Á, Nam Á, Bắc Phi, Mê-hi-cô... nhằm tìm khả năng chuyển một số ngành công nghiệp của mình đến những nơi này.

Tăng nhanh phát triển ngành dịch vụ. Quy luật phổ biến về quá trình chuyển dịch cơ

Digitized by Google

cấu kinh tế trên thế giới hiện nay là giá trị ngành dịch vụ ngày càng chiếm một tỷ lệ rất cao trong tổng sản phẩm xã hội và trong số người có việc làm. Bốn nước công nghiệp mới ở Đông Á xác định ngành tiền tệ là trọng điểm thúc đẩy phát triển ngành dịch vụ. Hồng công và Xin-ga-po coi dịch vụ là ngành kinh tế chủ đạo. Tháng 3-1990, Xin-ga-po công bố một loạt chính sách ưu đãi, như giảm tỷ lệ thuế để thu hút ngân hàng và các tổ chức tiền tệ nước ngoài thành lập chi nhánh tiền tệ tại Xin-ga-po. Cộng hòa Triều tiên và Đài loan nới lỏng việc quản lý ngoại hối nhằm đẩy mạnh quốc tế hóa tiền tệ.

Tăng nhanh việc xây dựng cơ sở hạ tầng. Những năm gần đây và những năm tới, bốn nước công nghiệp mới ở Đông Á đẩy mạnh việc xây dựng các công trình hạ tầng về sân bay, mạng lưới đường quốc lộ, đường sắt, bến cảng, nguồn năng lượng, hệ thống thông tin vệ tinh, máy tính và các thiết bị thông tin mũi nhọn. Cơ sở hạ tầng không chỉ bao gồm các công trình cơ sở vật chất như giao thông, điện lực, nước, thông tin nói trên, mà còn bao gồm *cơ sở hạ tầng về tài chính - tiền tệ* với hệ thống tổ chức thực hiện chính sách thuế, ngân hàng, giá cả, tỷ giá hối đoái hợp lý, thúc đẩy cạnh tranh. *Cơ sở hạ tầng về pháp lý* : luật pháp nghiêm minh và đồng bộ, chống làm ăn phi pháp, độc quyền, cửa quyền, đặc quyền, quan liêu, đặc biệt chống lợi dụng chức quyền để tham ô, hối lộ. *Cơ sở hạ tầng về xã hội* : quan trọng nhất là hệ thống giáo dục, bảo vệ sức khỏe, các loại hình bảo hiểm.

Việc thiết lập một hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nói trên là đặc trưng cơ bản của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Thực hiện chính sách cơ cấu sở hữu hợp lý . Các nước công nghiệp mới đều có kinh tế quốc doanh, kinh tế tư nhân và kinh tế hỗn hợp. Đương nhiên, do tính chất của chế độ xã hội, kinh tế tư nhân ở các nước này giữ vai trò chủ thể. Kinh tế quốc doanh chủ yếu là các ngành phục vụ công cộng (như điện, nước, thông tin, ngân hàng, giáo dục, y tế), các công trình khai thác tài nguyên quan trọng (như dầu khí, giao thông vận tải), các ngành công nghiệp có quan hệ đến an ninh (như vũ khí, thuốc nổ). Ở một số nước, nhà nước nắm độc quyền một số sản phẩm có nguồn thu ngân sách lớn như rượu, thuốc lá, muối. Nam Triều tiên nắm cả chế biến nhân sâm.

Nói chung, quan điểm của các nước nói trên là : ngành nào tư nhân làm được thì để tư nhân làm, chính phủ không phải lo đến việc đầu tư, lại thu được thuế. Nhà nước chỉ cần có sự hướng dẫn và quản lý và kiểm soát ở tầm vĩ mô. Điều này khác với quan điểm : ngành nào quốc doanh không làm được mới để tư nhân làm. Sở hữu hỗn hợp là hình thức kinh tế tương đối phổ biến ở các nước công nghiệp mới. Một doanh nghiệp vừa có sở hữu nhà nước, vừa có vốn tư nhân trong nước và ngoài nước. Việc lựa chọn hình thức sở hữu hỗn hợp là tùy thuộc mức độ bảo đảm lợi ích nhiều hay ít đối với nền kinh tế chung. Kinh tế hỗn hợp ngày nay được coi như là hình thức có lợi cho việc tạo vốn từ ngoài nước và trong nước, tiếp thu kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý kinh doanh tiên tiến.

Việc chuyển từ chiến lược "thay thế nhập khẩu" sang chiến lược "hướng về xuất khẩu" là sự chuyển dịch kinh tế hết sức quan trọng. Thực chất của chiến lược "hướng về xuất khẩu" là đặt nền kinh tế trong quan hệ cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Chiến lược này có thể phát huy lợi thế so sánh cả về tự nhiên, kinh tế và xã hội. Nó buộc sản xuất trong nước phải luôn đổi mới công nghệ, luôn nâng cao năng suất và chất lượng, chỉ có thế mới có thể tồn tại và phát triển. Hướng về xuất khẩu không có nghĩa là xem nhẹ nhu cầu trong nước, không chú ý thay thế nhập khẩu. Không chỉ sản phẩm xuất khẩu mà tất cả sản phẩm sản xuất trong nước đều phải có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Đích cuối cùng của hướng về xuất khẩu là đáp ứng nhanh nhạy các nhu cầu của thị trường với giá rẻ, kể cả thị trường quốc tế và thị trường trong nước. Chỉ có trên cơ sở đó, cơ cấu của nền kinh tế mới chuyển dịch theo hướng hiện đại hóa và có hiệu quả nhất.

Digitized by Google

"BÀN VỀ PHONG TRÀO CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC"

Lời Bộ biên tập - *Cuốn sách "Bàn về phong trào của chủ nghĩa xã hội khoa học" của đồng chí* **Tê-chu-đô Phu-oa,** *Chủ tịch Đoàn chủ tịch Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Nhật-bản, do Nhà xuất bản Shiu Nipon (nước Nhật-bản mới) phát hành vào tháng 11-1993, đang gây sự chú ý và quan tâm của độc giả Nhật-bản. Cuốn sách đề cập đến vấn đề trung tâm của thời đại :* **chủ nghĩa xã hội khoa học.**

Tạp chí Cộng sản *trân trọng giới thiệu cuốn sách này cùng bạn đọc.*

Trong phần mở đầu cuốn sách, đồng chí Phu-oa cho rằng : luận cứ quan trọng nhất mà những kẻ công kích chủ nghĩa xã hội khoa học dựa vào là đồng nhất *chế độ được xây dựng ở Liên xô* với *"chế độ mẫu" mà chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ xây dựng*, như vậy khi "chế độ mẫu" đã sụp đổ rồi thì "những sai lầm của chủ nghĩa xã hội khoa học coi như đã được chứng minh"(1). Sự tan rã của Liên xô chủ yếu là do chế độ xã hội ở đây đã đi chệch hướng của chủ nghĩa xã hội khoa học cả về đối ngoại lẫn về đối nội (chủ nghĩa quan liêu, mệnh lệnh), do đó không thể coi là sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản hay sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội khoa học được.

Sai lầm thứ hai trong những luận điệu của các lực lượng thù địch là coi *chế độ xã hội được xây dựng ở Liên xô và các nước Đông Âu trước đây là khuôn mẫu của chủ nghĩa xã hội*. Điều này hoàn toàn xa lạ với học thuyết và sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội khoa học. Chủ nghĩa xã hội khoa học là học thuyết ra đời từ sự phân tích một cách khoa học xã hội tư bản chủ nghĩa hiện thực, và từ đó vạch ra phương hướng có tính chất quy luật cho sự phát triển xã hội, vạch ra phương hướng tiến lên có tính chất đại cục cho cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Chính bản thân các bậc tiền bối, Mác, Ăng-ghen, Lê-nin đã nghiêm khắc phê phán những ai lý tưởng hóa học thuyết đó, hoặc coi nó như liều thuốc vạn năng. Những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, coi chế độ đã bị sụp đổ ở Liên xô như là khuôn mẫu của một chế độ được xây dựng theo bài thuốc của Mác, để rồi từ đó đổ hết trách nhiệm về sự thất bại và sự sụp đổ cho Mác, là điều đổi trắng thay đen, không thể chấp nhận được.

Tại Đại hội lần thứ 19 (họp năm 1990), Đảng cộng sản Nhật-bản đã tập trung làm rõ vấn đề này về mặt lý luận, định nghĩa chủ nghĩa xã hội khoa học trên ba phương diện : là một *học thuyết*, là một *chế độ*, và là một *phong trào*. Chủ nghĩa xã hội khoa học là một học thuyết, vì nó là trí tuệ của loài người và phát triển không ngừng. Là một phong trào, vì nó vận động hợp quy luật theo tình hình thực tế của từng nước, vì tiến bộ xã hội. Là một chế độ, vì Lê-nin đã xây dựng nó thành một chế độ xã hội, sau đó có những lệch lạc, nhưng sự phát triển thực sự của nó đang và sẽ là vấn đề của ngày nay và mai sau.

Trong cuốn "Bàn về phong trào của chủ nghĩa xã hội khoa học", đồng chí Phu-oa đã chứng minh chủ nghĩa xã hội khoa học là một phong trào qua một số phát biểu của Mác, Ăng-ghen và qua những thực tế diễn ra sau đó.

Cốt lõi của phong trào chủ nghĩa xã hội khoa học không phải ở chỗ : phong trào đó buộc xã hội hiện thực phải khuôn theo một xã hội lý tưởng mà người ta tưởng tượng ra trong đầu ; mà ở chỗ : được học thuyết khoa học dẫn đường, vạch rõ những mâu thuẫn của xã hội hiện thực, phong trào đó thông qua những giai đoạn cần thiết để cải tạo xã hội hiện thực theo con đường hợp quy luật, giải quyết những mâu thuẫn của xã hội đó theo hướng phục vụ lợi ích của đông đảo quần chúng nhân dân. Sức sống của chủ nghĩa xã hội khoa học không phải do các yếu tố bên ngoài, mà

(1) Trong bài này, tất cả các đoạn để trong ngoặc kép mà không ghi xuất xứ đều trích trong cuốn sách "Bàn về phong trào của chủ nghĩa xã hội khoa học"

Digitized by Google

do phong trào thực tế ở mỗi nước có đóng góp cho sự phát triển hợp quy luật ở xã hội nước mình hay không quyết định. Ở Nhật-bản, lịch sử của Đảng cộng sản là lịch sử theo lý tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học trong gần 70 năm qua. Trước và sau chiến tranh thế giới thứ hai, đó là lịch sử trong đó Đảng luôn đấu tranh cho lợi ích cơ bản của quần chúng nhân dân trong nước và thúc đẩy xã hội Nhật-bản phát triển hợp quy luật.

Tác phẩm đã dành nhiều trang để phân tích những luận điểm của Mác, Ăng-ghen nói về chủ nghĩa xã hội khoa học. Tác giả cho rằng những luận điểm của Mác, Ăng-ghen không phải là những suy tư tư biện. Xuất phát từ thực tế đấu tranh của giai cấp vô sản và quần chúng nhân dân lao động chống sự bóc lột và bần cùng hóa của chủ nghĩa tư bản, từ những yêu cầu của cuộc đấu tranh về tư tưởng, lý luận, Mác, Ăng-ghen đã tiến hành cuộc đấu tranh không mệt mỏi bảo vệ những chân lý của thời đại là độc lập dân tộc, tự do và dân chủ, các điều kiện để phát triển tự do một cách lành mạnh. Tác phẩm cũng đã dành nhiều trang đánh giá xứng đáng công lao của Lê-nin trong việc nghiên cứu triệt để những lý luận cùng những vấn đề thực tiễn mà Mác, Ăng-ghen đã đặt ra ; cố gắng nắm những tinh túy trong những quan điểm của Mác về chủ nghĩa xã hội khoa học để vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của nước Nga. Cách mạng Nga do Lê-nin lãnh đạo là một cống hiến rất to lớn đối với sự phát triển của lịch sử loài người. Cách mạng Nga và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt nam đã góp phần to lớn vào việc làm cho trào lưu độc lập dân tộc trở thành trào lưu có tính chất quyết định trong lịch sử phát triển của thế giới.

Một trong những phát hiện vĩ đại nhất của Mác là quan niệm duy vật lịch sử và phép biện chứng - thế giới quan của chủ nghĩa xã hội khoa học. Chính nhờ có quan niệm duy vật lịch sử và phép biện chứng mà chúng ta có thể đánh giá được một cách chính xác thế giới, vạch rõ bản chất sự phát triển của xã hội và tự nhiên. Xét về thế giới quan, thì thế kỷ 20 là thế kỷ trong đó thế giới quan khoa học của chủ nghĩa xã hội khoa học đã thắng lợi, vì nó đã cho chúng ta cách nhìn khoa học về thế giới.

Nhờ có thế giới quan khoa học của chủ nghĩa xã hội mà chúng ta có thể phân biệt đúng sai trong khi đánh giá các vấn đề và hiện tượng xã hội, tránh được cách nhìn phiến diện. Mặt khác, chính thế giới quan của chủ nghĩa xã hội khoa học đã và sẽ là kim chỉ nam giúp chúng ta đánh giá đúng hiện tình và tiền đồ của nước Nga.

"Nếu nhìn vào toàn bộ lịch sử thế giới để bàn về chế độ xã hội, thì những diễn biến ghê gớm ở Liên xô và Đông Âu chỉ là vấn đề cục bộ trong một thời điểm nhất định. Từ 14 năm trước, tại Đại hội lần thứ 14 (1977), Đảng cộng sản Nhật-bản đã vạch rõ quan điểm là không thể lấy hiện trạng ở một nước xã hội chủ nghĩa hiện tồn để đánh giá tương lai của chủ nghĩa xã hội của nhân loại. Một lần nữa tôi khẳng định, không thể lấy tình hình rối loạn ở Liên xô và Đông Âu để đánh giá ý nghĩa và triển vọng tương lai của sự nghiệp (chủ nghĩa xã hội khoa học)".

Đồng chí Phu-oa cho rằng, trong lúc tình hình thế giới đang diễn biến hết sức nhanh chóng và phức tạp như hiện nay, những phát hiện vĩ đại của Mác, Ăng-ghen, và sau đó là những bổ sung của Lê-nin để hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học, vẫn là cơ sở khoa học để chúng ta nhìn nhận và đánh giá hiện trạng của tình hình thế giới.

"Có người nhìn vào tình trạng hỗn loạn ở Liên xô và Đông Âu rồi nói "chủ nghĩa tư bản đã chiến thắng". Nhưng ngay những người có lương tâm, ít nhiều có hiểu biết đúng đắn về tình hình, nằm trong số những người có quan điểm ủng hộ chủ nghĩa tư bản, cũng biết rất rõ rằng luận điệu "chủ nghĩa tư bản muôn năm" là không có cơ sở". Chủ nghĩa tư bản hiện nay vẫn đang lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng. Hệ thống lý luận kinh tế học của Kê-in-xơ (Keynes) đã từng là cơ sở cho các chính sách kinh tế của chủ nghĩa tư bản, thì nay đã mất vai trò là la bàn định hướng chính sách cho các nước phương Tây. Chủ nghĩa tư bản đã vứt bỏ nó, nhưng trớ trêu thay, lại chưa tìm ra được luận thuyết mới thay thế nó. Mỹ là nước có tiềm lực mạnh nhất trong thế giới tư bản chủ nghĩa nhưng đang mang trên mình đầy rẫy những mâu thuẫn và bất công. Nhập siêu trong mậu dịch quốc tế và thâm hụt về ngân sách như "hai đứa trẻ sinh đôi", một căn bệnh kéo dài, trong nền kinh tế. Nền công nghiệp Mỹ đang tiếp tục bị "rỗng ruột", suy thoái trong lĩnh vực tiền tệ - tài chính đạt đến quy mô không lồ. Từ một nước là chủ nợ, Mỹ đã trở thành con nợ lớn nhất thế giới. Hiện tượng khủng hoảng có tính chất xã hội diễn

Digitized by Google

ra trên nhiều mặt, ngày càng trầm trọng. Chênh lệch giàu nghèo ngày càng tăng ; trừ một bộ phận nhỏ giàu sang ra, còn phần lớn người lao động thu nhập thực tế ngày càng giảm. Vấn đề chủng tộc cũng hết sức phức tạp. Ngoài ra, ở nhiều thành phố Mỹ, tình trạng tội phạm, nghiện ngập ma túy, SIDA, cơ sở hạ tầng, giáo dục xuống cấp đang có xu hướng tăng lên.

Các nước tư bản chủ nghĩa đang đẩy mạnh sự bóc lột đối với các nước đang phát triển thông qua những thủ đoạn hết sức tinh vi. Mạng lưới các xí nghiệp đa quốc gia đã len lỏi vào khắp các nước đang phát triển. Tình trạng nghèo đói ngày một trầm trọng. Hiện nay, các nước đang phát triển có khoảng trên 1 tỉ người sống dưới mức nghèo khổ.

Trên cơ sở phân tích sâu sắc chủ nghĩa xã hội khoa học theo ba bình diện *học thuyết, phong trào* và *chế độ*, đồng chí Phu-oa khẳng định : chủ nghĩa xã hội khoa học đã có những đóng góp to lớn được ghi vào lịch sử của thế kỷ thứ 20. Trên đường phát triển của mình, chủ nghĩa xã hội có gặp những bước quanh co, khúc khuỷu, nhưng đó vẫn là hướng đi lên của xã hội loài người. Chừng nào chủ nghĩa tư bản còn tồn tại, áp bức bóc lột còn tồn tại, thì chủ nghĩa xã hội khoa học còn triển vọng phát triển. Đồng chí Phu-oa kết luận : "Thế kỷ 21 tới đây sẽ là một thế kỷ mà trong đó nhân dân mỗi nước, thông qua điều kiện và phương pháp của mình, sẽ thoát khỏi và vượt lên trên khuôn khổ chủ nghĩa tư bản, tiến lên với những bước phát triển mới".

ĐOÀN NGỌC CẢNH
lược thuật

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM

CÔNG BẰNG XÃ HỘI. BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT

● CÔNG BẰNG XÃ HỘI

Công bằng xã hội là một phạm trù chính trị - xã hội thể hiện mối quan hệ của các thành viên trong xã hội dựa trên nguyên tắc thống nhất cống hiến và hưởng thụ.

Từng thành viên gắn bó với cộng đồng xã hội trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thông qua sự cống hiến theo khả năng trí tuệ, sức lực của mình cho sự phát triển của xã hội, và được xã hội chăm sóc, bù đắp trở lại một cách tương xứng. Công bằng xã hội thể hiện ở hệ thống chính sách, luật pháp dựa trên những quan niệm đạo đức, lối sống và hành vi ứng xử theo nguyên tắc làm theo năng lực, hưởng theo lao động, người có sức lao động không làm thì không hưởng, và không thừa nhận những nguồn thu thập không chính đáng. Không thể lẫn lộn công bằng xã hội với sự bình quân, cào bằng trong chế độ phân phối hay chế độ nghĩa vụ đối với mọi người. Chừng nào xã hội còn có sự khác nhau giữa các thành viên về điều kiện chủ quan và khách quan, về khả năng nhận thức và hoạt động... thì chừng đó còn phải thực hiện công bằng xã hội theo nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, có sức lao động không làm thì không hưởng. Vi phạm chính sách công bằng xã hội, thực hiện chủ nghĩa bình quân, cào bằng, sẽ làm triệt tiêu các động lực xã hội. Vì vậy, vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc hoạch định các chính sách của nhà nước có vị trí chính trị trực tiếp tới thực hiện công bằng xã hội.

Cùng với các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cần có biện pháp bảo đảm công bằng xã hội, không chờ cho kinh tế phát triển cao mới thực hiện công bằng xã hội. Nhưng cũng không để việc thực hiện công bằng xã hội làm ảnh hưởng không tốt đến động lực phát triển kinh tế.

Để thực hiện công bằng xã hội trong điều kiện nước ta hiện nay, cần giải quyết mấy vấn đề chủ yếu sau :

Tạo và tăng việc làm cho người lao động là biện pháp đầu tiên bảo đảm công bằng xã hội. Ở nước ta hiện nay do nhiều nguyên nhân, số người lao động không có việc làm hoặc thiếu việc làm còn nhiều. Không thể nói thực hiện công bằng xã hội mà lại cứ để mãi tình trạng người lao động có sức lao động mà không sao tìm được việc làm để trước hết có thể nuôi sống bản thân mình. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta coi giải quyết việc làm cho người lao động thông qua các chính sách kinh tế và chính sách xã hội là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu để thực hiện công bằng xã hội.

Người lao động chẳng những có việc làm, mà còn được xã hội tạo điều kiện để có thể phát huy năng lực, sở trường của mình, cống hiến cho xã hội, đó cũng là một yêu cầu quan trọng thực hiện công bằng xã hội. Cho nên, đầu tư cho chiến lược con người có kiến thức, có tay nghề, có đạo đức, có sức khỏe, là cần thiết để xã hội phát triển, con người trong xã hội ấy được thực hiện nguyên tắc công bằng trong cống hiến và hưởng thụ.

Phân phối thu nhập, phân phối lại thu nhập, đánh thuế thu nhập cao và lũy tiến ; thực hiện tốt các chính sách

xã hội, đặc biệt đối với những người có công với nước, thương binh, gia đình liệt sĩ, đối với người già cô đơn, trẻ em mồ côi tàn tật, cũng là những biện pháp quan trọng nhằm đảm bảo công bằng xã hội đối với mọi người. Chú ý phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, miền núi, vùng cao biên giới, hải đảo... để hạn chế sự chênh lệch quá lớn về đời sống giữa thành thị và nông thôn, giữa miền xuôi và miền núi, là công việc có ý nghĩa to lớn đối với thực hiện công bằng xã hội.

Một trong những giá trị và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là tạo ra công bằng xã hội. Vì vậy, trong tình hình hiện nay, thực hiện công bằng xã hội không những là động lực thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội, mà còn là một nội dung quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa.

● BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT

Bình đẳng trước pháp luật là sự ngang hàng, như nhau của mọi công dân trước mọi điều khoản được quy định trong pháp luật, trước việc thi hành và xử lý mọi vi phạm các điều khoản đó, không phân biệt địa vị xã hội, chức vụ, quyền hạn. Mọi công dân đều có nghĩa vụ tuân theo pháp luật của nhà nước. Ai vi phạm pháp luật, dù ở cương vị, chức vụ nào, cũng phải bị xử lý nghiêm minh theo đúng luật.

Bình đẳng trước pháp luật là khẩu hiệu tiến bộ giai cấp tư sản đưa ra trong quá trình đấu tranh lật đổ chế độ phong kiến, thủ tiêu các đặc quyền, đặc lợi của bọn vua quan phong kiến đứng trên hay đứng ngoài pháp luật.

Trong xã hội tư sản, quan niệm bình đẳng trước pháp luật cũng như tư tưởng bình đẳng nói chung chỉ che đậy thực trạng bất bình đẳng ngày càng tăng về kinh tế và xã hội. Lê-nin đã chỉ rõ : trong chế độ dân chủ tư sản, sự bình đẳng chỉ là hình thức, hoặc chỉ là sự bình đẳng giữa kẻ bóc lột và người bị bóc lột. Đối với giai cấp tư sản, sự bất bình đẳng *thực tế* trong xã hội là một phạm trù vĩnh cửu, không gì có thể xóa bỏ.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin quan niệm bình đẳng không đơn thuần chỉ là bình đẳng trước pháp luật, xóa bỏ đặc quyền đặc lợi về mặt pháp lý, mà điều quan trọng hơn, là bình đẳng *trên thực tế*, bình đẳng về *mọi mặt*, muốn vậy đương nhiên phải có những điều kiện vật chất và tinh thần nhất định. Bình đẳng sẽ chỉ là một từ rỗng tuếch nếu không xóa bỏ áp bức bóc lột, xóa bỏ bất công xã hội.

Xã hội ta một mặt nêu cao nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, đấu tranh xóa bỏ những hiện tượng đứng ngoài hoặc đứng trên pháp luật ; mặt khác đang tạo điều kiện vật chất và tinh thần cho mọi công dân, dù ở thành phần kinh tế và xã hội nào, đều có khả năng thực hiện sự bình đẳng trong thực tế, xóa bỏ những bất công xã hội, xây dựng một xã hội có kỷ cương, pháp luật, có điều kiện thực hiện công bằng xã hội.

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN ★ TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN

HỘI THẢO VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Trong hai ngày 2 - 3/5/1994 tại Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đã tổ chức hội thảo về quyền con người (đề tài khoa học KX 07-16). 58 bài viết và công trình nghiên cứu của nhiều nhà khoa học và hoạt động thực tiễn gửi tới đã phân tích các khía cạnh khác nhau về quyền con người : quan niệm quyền con người trong thế giới hiện đại ; thực trạng quyền con người hiện nay ; quyền con người trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Các ý kiến tranh luận trong hội thảo cho thấy rõ : *quyền con người* là một khái niệm hết sức phức tạp và luôn luôn mới, gắn liền với những tiến bộ lịch sử và phát triển nhân văn. Sự phát triển của xã hội loài người chứng tỏ sức mạnh vô địch của những khát vọng về quyền được sống, quyền mưu cầu tự do, bình đẳng, công lý, hạnh phúc. Trong thế giới hiện đại, với sự phát triển và phổ cập các tư tưởng nhân đạo, cộng đồng quốc tế và mỗi quốc gia đã xác định ngày càng rõ hơn các giá trị về quyền con người. Cách mạng khoa học, công nghệ và tin học, xu thế khách quan về hợp tác giao lưu quốc tế... đã và đang tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của nhân quyền. Nhân quyền trở thành cầu nối giữa lợi ích quốc gia và văn minh nhân loại, trở thành mối quan tâm chung của cộng đồng thế giới. Khái niệm quyền con người được xã hội hóa qua quá trình giáo dục, đào tạo, đấu tranh, phát triển. Quyền con người là một phạm trù tổng hợp, một khái niệm vừa có tính phổ biến, vừa có tính đặc thù trong tổng thể các quan hệ cá nhân - cộng đồng, chính trị - dân sự, kinh tế - văn hóa, giữa tự do dân chủ, chủ quyền quốc gia, tư cách cá nhân và nhu cầu phát triển xã hội. Trên thế giới có thể và cần thiết có tiếng nói chung về nhân quyền, đồng thời mỗi quốc gia phải chịu trách nhiệm về nhân quyền trước lịch sử, trước hết là trước đất nước, dân tộc mình.

Từ thực tế lịch sử và truyền thống đất nước, con người Việt nam nhanh chóng cảm nhận những giá trị cao quý của quyền con người, tích cực tham gia đấu tranh chung để bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. Việc xác định rõ hơn các giá trị nhân quyền trong Hiến pháp và các đạo luật, trong chính sách và các hoạt động cải cách, cho thấy con người trở thành mục tiêu và động lực thúc đẩy sự phát triển đất nước.

Sau cuộc *Hội thảo về nhân quyền - lịch sử và lý luận* tháng 3-1993, cuộc hội thảo lần này là một bước phát triển mới trong nghiên cứu quyền con người. Hội thảo phân tích thực trạng quyền con người và các bảo đảm thực hiện quyền con người về kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật và dân trí, cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để hoàn thiện hệ thống quan điểm về quyền con người ở Việt nam trong sự hòa nhập và phát triển quan hệ với cộng đồng quốc tế.

PTS **CHU HỒNG THANH**
(thực hiện)

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

GIADINH BANK

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN GIA ĐỊNH



NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

- Huy động vốn dưới nhiều hình thức khác nhau ở trong và ngoài nước
- Cung ứng Tín dụng, đầu tư, liên doanh, hùn vốn bằng tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ.
- Thực hiện kinh doanh ngoại hối và các dịch vụ liên quan đến ngoại hối.
- Thực hiện kinh doanh vàng bạc và đá quý.
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế.
- Đến với Gia Định Ngân hàng quí vị sẽ hài lòng với phương châm hoạt động :
- Tôn trọng tuyệt đối quyền lợi và uy tín của khách hàng đảm bảo bí mật.
- Vốn Điều lệ : 20.000.000.000đ00

Thời gian hoạt động 50 năm.

Rất hân hạnh được phục vụ quý khách tại :

HỘI SỞ

68 Bạch Đằng, Phường 24, Q.Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

ĐT : 990532 - 990736 - 991567

Fax : 84.8.990325 - Telex : 813143 GDB

CHI NHÁNH BẠCH ĐẰNG :

473 C Bạch Đằng, Phường 2.Q Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT : 441310

CHI NHÁNH ĐA KAO :

14 Nguyễn Huy Tự, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

ĐT : 231291

PHÒNG GIAO DỊCH THỦ ĐỨC :

42 Lê Văn Ninh, Thị trấn Thủ Đức, huyện Thủ Đức.

ĐT : 966081

Thường xuyên có Quà tặng
cho Khách hàng gởi tiền Tiết kiệm

Rất hân hạnh được phục vụ Quý khách

Digitized by Google

CÔNG TY SỮA VIỆT NAM (VINAMILK)

SẢN PHẨM MỚI

SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG ĐÓNG HỘP GIẤY TETRAPAK



Được sản xuất và đóng gói trên dây chuyền thiết bị hiện đại của thế giới do hãng Tetrapack Thụy Điển chế tạo.

Sản phẩm có chất lượng cao - thuận tiện trong sử dụng và bảo quản - Bảo hành 6 tháng ở nhiệt độ bình thường.

Dùng sản phẩm VINAMILK mỗi ngày, chống suy dinh dưỡng, phát triển chiều cao, giải độc, tăng tuổi thọ.

Mọi chi tiết xin liên hệ Công ty VINAMILK

Địa chỉ : 36 - 38 Ngô Đức Kế - QI

Điện thoại : 299377 - 299644.

Digitized by Google



Hân hạnh được
đón tiếp quý khách

Công ty Bia SAIGON

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5, TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 559595 - 6 HAI BÀ TRƯNG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT : 294083

Chất Lượng Thơm Ngon Bổ Dưỡng

Digitized by Google

Seaprodex Vietnam



Trụ sở Tổng CTy Seaprodex VN
2.4.6 Đồng Khởi Q1. TP. HCM

Tổng Công ty sản xuất - kinh doanh - dịch vụ xuất nhập khẩu thủy sản và thương mại tổng hợp, bao gồm các loại hình doanh nghiệp quốc doanh, cổ phần, liên doanh trong ngoài nước với :

** Các xí nghiệp chế biến đông lạnh, hàng khô, đồ hộp và tươi sống bằng kỹ thuật tiên tiến.

** Các đơn vị chế tạo thiết bị lạnh, vận tải biển kho lạnh, sản xuất bao bì và xây dựng.

** Các dịch vụ tài chính tín dụng, kiểm tra chất lượng sản phẩm, thông tin và quảng cáo, du lịch ...

** Nhận ủy thác xuất, nhập khẩu hàng hóa và vật tư thiết bị cho mọi thành phần kinh tế.

SEAPRODEX VIỆT NAM ĐÃ CÓ QUAN HỆ LIÊN DOANH - LIÊN KẾT TRONG NGOÀI NƯỚC TỪ NHIỀU NĂM NAY, CÓ UY TÍN TRONG BUÔN BÁN VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ VỚI CÁC CÔNG TY NƯỚC NGOÀI

Mọi quan hệ xin tiếp xúc tại :

- Trụ sở chính : 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, Q.1 TP. HCM
  ĐT : 290513 - 297214 - 293494, Fax : 84-8-290146
- Ở phía Bắc : **CÔNG TY SEAPRODEX HÀ NỘI**
  42 Đường Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
  ĐT : 344437 - 345678
- Ở miền Trung : **CÔNG TY SEAPRODEX ĐÀ NẴNG**
  263 Đường Phan Châu Trinh, TP. Đà Nẵng
  ĐT : 21436 - 21984
- Ở phía Nam : **CÔNG TY SEAPRODEX SÀI GÒN**
  87 Hàm Nghi, Q.1, TP. HCM
  ĐT : 291807 - 291335
- **CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN (SEAFIC)**
  87 Hàm Nghi, Q.1, TP. HCM
  ĐT : 222750 - 296482
- **CÔNG TY THÔNG TIN & QUẢNG CÁO SEAPRODEX**
  87 Hàm Nghi, Q.1, TP. HCM
  ĐT : 293490 - 293601
- **TRUNG TÂM KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG THỦY SẢN XUẤT KHẨU (KCS)**
  21 Ngô Đức Kế, Q.1, TP. HCM
  ĐT : 297225 - 225115



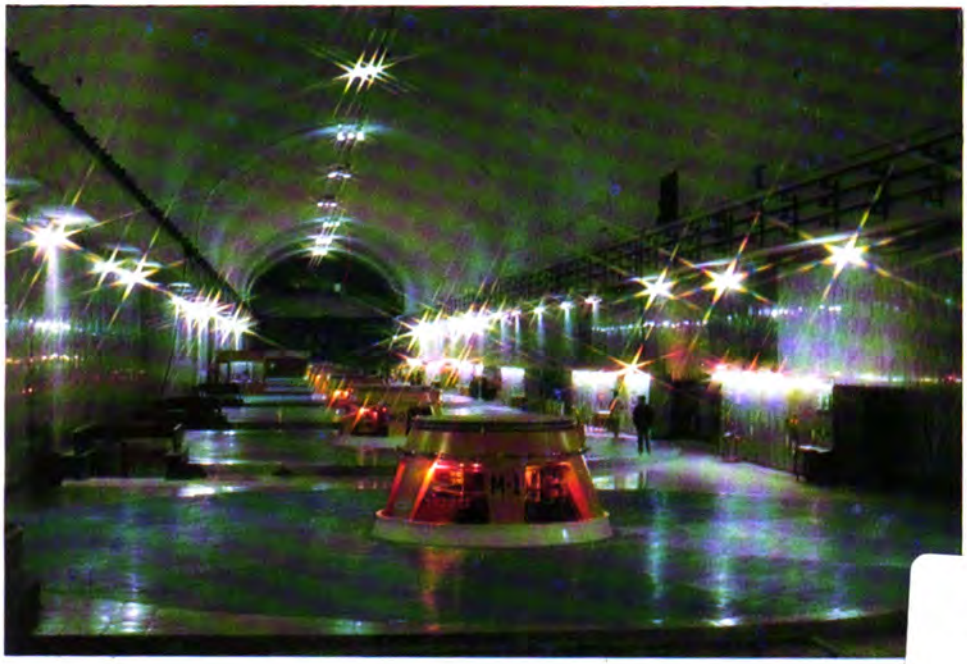
CTy Seaprodex Hà Nội 42 Láng Hạ Q.Đống Đa Hà Nội

Digitized by Google

IN TẠI NHÀ IN NHÂN DÂN HÀ NỘI II CHỈ SỐ 12651 - ISSN0866 - 7276 GIÁ : 2000đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
AUG 15 1994
CURRENT SERIALS



7
1994

Digitized by Google

CÔNG TY CÔNG TRÌNH KHAI THÁC ĐÁ 621



DIRECTOR : Eng. NGUYEN VAN THO



TRẠM TRỘN BÊ TÔNG NHỰA NÓNG CÔNG SUẤT 150T/GIỜ

- Thông báo số : 134/TB ngày 29/4/93 của Văn phòng Chính phủ đồng ý cho phép Thành lập lại Doanh nghiệp Nhà nước.
- Quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước số 940/QĐ/TCCB - LB ngày 17/5/93 của Bộ Trưởng Bộ Giao Thông Vận Tải.
- Giấy phép kinh doanh số 100207 ngày 19/07/93 của Trọng Tài Kinh Tế Tỉnh Sông Bé.
- GIÁM ĐỐC : **KS. NGUYỄN VĂN THỌ**
- Tài khoản số : 04.0102
  Ngân Hàng Đầu Tư và Phát triển
  TP. Hồ Chí Minh



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU:

- Khai thác và sản xuất đá các loại để cung cấp cho các công trình xây dựng trong địa bàn TP. HCM và các tỉnh lân cận như : Sông Bé, Đồng Nai, Long An, Vũng Tàu - Bà Rịa...
- Thi công các công trình về đường bộ : nền đường, bãi ,mặt đường đá dăm và đặc biệt là mặt đường, bãi bằng bê tông nhựa nóng.



NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG :

- Về sản xuất đá : Mức sản xuất hiện nay từ 85.000 - 90.000 tấn/năm. Khả năng hàng năm có thể đạt 300.000 - 400.000tấn/năm nếu có nguồn vốn lớn để đầu tư hoặc liên doanh đầu tư với nước ngoài nhằm khôi phục và hiện đại hóa dây chuyền sản xuất đá.
- Về thi công : Hàng năm Công ty có thể thi công từ 35 Km - 40 Km đường bê tông nhựa nóng.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

7 - 1994 NĂM THỨ BỐN MƯƠI (463)

MỤC LỤC

Vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	BÙI DANH LƯU - Phát triển kết cấu hạ tầng và đổi mới công nghệ giao thông vận tải theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	3
	CAO DUY HẠ - Hai vấn đề cơ bản để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà	7
	PHAN THANH PHỐ - Chuyển giao công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt nam	11
	HOÀNG ĐÌNH PHU - Góp thêm cách nhìn mới trong phát triển khoa học và công nghệ	15
	NGUYỄN SĨ LỘC - Vấn đề năng lực nội sinh trong khoa học và công nghệ nước ta	19
Nghiên cứu - Trao đổi	THANH LÊ - Đô thị hóa và vấn đề quản lý đô thị	23
	HOÀNG NGỌC HÒA - Phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội ở nông thôn nước ta hiện nay	27
	TRẦN ĐƯƠNG - Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo	30
	TIẾN HẢI và NGUYỄN ĐÌNH LUÂN - Để có được phong cách lãnh đạo khoa học	33
Thực tiễn - Kinh nghiệm	THẾ GIA - Thành phố Hồ Chí Minh : Hợp tác xã kiểu mới tỏ rõ sức sống	37
	XUÂN HẢI - Ngành đường sắt với việc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu	41
	PHAN QUỲNH ANH - Sách văn học dịch thời mở cửa	44
Sinh hoạt tư tưởng	HÀ KHANH - Nỗi niềm biết tỏ cùng ai ?	49
Tạp chí với bạn đọc, bạn đọc với Tạp chí	★★★ Hội nghị công tác viên và bạn đọc *Tạp chí Cộng sản* khu vực miền Trung	51
Thế giới : vấn đề, sự kiện	HỒNG HOA - Ê-rích Hô-nếch-cơ - một người cộng sản kiên cường	56
Qua sách báo nước ngoài	★★★ Ngoại giao nhân quyền của Mỹ	59
Tìm hiểu khái niệm	Nền hành chính. Quản lý hành chính	61
Tin vắn	Lễ trao tặng Huân chương Độc lập hạng nhất và Huy chương "Vì sự nghiệp báo chí Việt nam".	62

Bìa 1 ● Lắp đặt rôto cuối cùng ở Nhà máy thủy điện Hòa bình
● Hoàn thành xây lắp Nhà máy nhiệt điện Bà rịa
Ảnh : Thông tấn xã

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội ● Dây nói : 252061 - 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3 TP. Hồ Chí Minh ● Dây nói : 2.25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

● **Вопрос об индустриализации и модернизации страны.** БУЙ ЗАНЬ ЛЫУ - Развитие инфраструктуры и обновление технологии транспорта и путей собщения в направление индустриализации и модернизации. КАО ЗУЙ ХА - Два главных момента в индустриализации и модернизации страны. ФАН ТХАНЬ ФО - Передача технологий в ходе индустриализации и модернизации во Вьетнаме. ХОАНГ ДИНЬ ФУ - Вдобавок к новому взгляду на развитие наук и технологий. НГУЕН ШИ ЛОК - Вопрос о внутренних возможностях отечественных наук и технологий. ● **Исследования, обмен мнениями.** ТХАНЬ ЛЕ - Убранизация и проблема управления городом. ХОАНГ НГОК ХОА - Развитие экономики и решение социальных проблем деревни в нашей страны. ЧАН ДЫОНГ - Хо Ши Мин о религии. ТЬЕН ХАЙ и НГУЕН ДИНЬ ЛУАН - Выработать научный стиль руководства. ● **Мир : Проблемы и факты.** ХОНГ ХОА - Эрик Хоннеко - убежденный комунист.

CONTENTS

• **Issues on industrialisation and modernization of the country** * BÙI DANH LƯU - The development of infrastructure and the renovation in transport technology towards industrialization and modernization. CAO DUY HẠ - The two basic problems in industrializing and modernizing the country. PHAN THANH PHỐ - Technological transfer in the process of industrialization and modernzation of the country. HOÀNG ĐÌNH PHU - Another new point of view on the development of science and techonology. NGUYỄN SĨ LỘC - Issue on latent capacity in science and technology of our country • **Research - Exchange of Views*** THANH LÊ - Urbanization and urban management. HOÀNG NGỌC HOÀ - Developing the economy and resolving social problems in the rural areas. TRẦN ĐƯƠNG - Ho Chi Minh's thought on religion. TIẾN HẢI and NGUYỄN ĐÌNH LUÂN - For a scientific method of leadership • **The World : Problems and Facts** * HỒNG HOA - Erick Honecker - a staunch communist.

SOMMAIRE

• **Sur l' industrialisation et la modernisation du Vietnam** * BÙI DANH LƯU - Le dévelopement de l'infrastructure et la rénovation de la technologie des transports et de la communication vers l'industrialisation et la modernisation. CAO DUY HẠ - Deux problèmes fondamentaux pour réaliser l'industrialisation et la modernisation au Vietnam. PHAN THANH PHỐ - Le transfert technologique dans les processus de l'industrialisation et de la modernisation au Vietnam. HOÀNG ĐÌNH PHU - Un autre nouveau point de vue sur le développement scientifique et technologique. NGUYỄN SĨ LỘC - Sur la capacité latente dans les sciences et la technologie de notre pays • **Etudes - Echanges** * THANH LÊ - Urbanisation et la gestion urbaine. HOÀNG NGỌC HOÀ - Développer l'économie et résoudre les problèmes sociaux dans les régions rurales du Vietnam à l'heure actuelle. TRẦN ĐƯƠNG - La pensée de Ho Chi Minh sur la religion. TIẾN HẢI et NGUYỄN ĐÌNH LUÂN - Pour arriver à une méthode de diriger scientifique • **Le monde : Problèmes - Evénements** * HỒNG HOA - Erik Honecker - un communiste indomptable.

SUMARIO

• **El problema de la industrialización y la modernización de país** * BÙI DANH LƯU - El desarrollo de la infraestructura y la revolución y transporte en dirección de industrialización y modernización. CAO DUY HẠ - Dos problemas fundamentales para realizar la industrialización y modernización en Vietnam. PHAN THANH PHỐ - La transferencia tecnológica en el proceso de industrialización y modernización en Vietnam. HOÀNG ĐÌNH PHU - Una nueva mirada más para el desarrollo de ciencia y tecnología. NGUYỄN SĨ LỘC - El problema de la capacidad endógena en la ciencia y tecnología de Vietnam • **Estudios-Intercambios** * THANH LÊ - Urbanización y la gestión urbana. HOÀNG NGỌC HOÀ - El desarrollo económico y la solución de los problemas sociales en el campo vietnamita en la actualidad. TRẦN ĐƯƠNG - El pensamiento Ho Chi Minh sobre la religión. TIẾN HẢI y NGUYỄN ĐÌNH LUÂN - Para tener el estilo de un dirigente científico • **El Mundo : Problemas-Acontecimientos** * HỒNG HOA - Erik Honecker - un comunista indomable.

目錄:

●國家工業化、現代化的問題 ★ 裴名留一 按工業化、現代化方向發展下層結構及改革交通運輸工藝・ 高維夏 一 實現國家工業化、現代化的兩個基本問題・ 潘清 浦 一 在越南實現工業化、現代化過程中的工藝轉交・黃亭夫 一在發展科學和 工藝中的又一 新的看法・ 阮士祿 一 我國科學和 工藝中的內生能力的問題 ●研究與交換 ★ 清 黎 一 都市化和 都市的管理問題・黃玉和 一發展經濟與解決 目前我國農村的一 係列社會問題・ 進海和 阮亭倫 一 要具備科學的領導風格 ● 世界: 問題、事件 ★ 紅花 一 埃里希・昂納克 一 一位堅強的共產黨人

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

BÙI DANH LƯU *

KẾT cấu hạ tầng chi phối tất cả các giai đoạn phát triển của nền kinh tế ; do đó muốn nền kinh tế cất cánh, mỗi quốc gia đều phải có một kết cấu hạ tầng phù hợp, nếu không sẽ gây bế tác cho sự phát triển. Kinh nghiệm thành công của nền kinh tế châu Á - Thái bình dương trong những năm gần đây cho thấy vai trò và sự thúc bách của nhu cầu mở rộng, củng cố hệ thống kết cấu hạ tầng. Đối với nước ta, một nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề, nay bước sang quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, thì vấn đề kết cấu hạ tầng lại càng trở nên bức bách.

Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành giao thông vận tải là khâu quan trọng nhất của kết cấu hạ tầng, là một trong những yếu tố cơ bản cấu thành tư liệu lao động của toàn xã hội. Giao thông vận tải là cửa mở, là đòn xeo đối với toàn bộ các hoạt động kinh tế xã hội, thúc đẩy các quá trình giao lưu kinh tế và văn hóa, phát triển và phân bố lực lượng sản xuất trên quy mô toàn lãnh thổ ; là cầu nối để mở rộng giao lưu quốc tế, trước hết là với các nước láng giềng và trong khu vực. Vì vậy, phát triển giao thông vận tải từ trước tới nay, với mọi quốc gia, đều là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong nền kinh tế quốc dân. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, việc xây dựng và mở rộng kết cấu hạ tầng giao thông vận tải vừa là điều kiện, vừa là nội dung cơ bản để tạo cơ sở quan trọng cho sự đổi mới nền kinh tế. Sự yếu kém của kết cấu hạ tầng vừa là nguyên nhân rất quan trọng hạn chế sự phát triển kinh tế - xã hội ; vừa là hậu quả của một nền công nghiệp chậm phát triển.

Ngành giao thông vận tải đi trước một bước, phát triển với tốc độ cao, với trình độ tiên tiến và với tiêu chuẩn hiện đại, sẽ tạo điều kiện và động lực cho nền kinh tế phát triển, giúp cho nước đi sau rút ngắn khoảng cách và hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới đã có nhiều thập kỷ phát triển kinh tế. Trong phạm vi một quốc gia, với một hệ thống giao thông vận tải hoàn chỉnh và đồng bộ sẽ tạo điều kiện mở rộng giao lưu kinh tế, phát triển đồng đều giữa các vùng lãnh thổ, làm giảm sự chênh lệch về mức sống và dân trí ở các khu vực dân cư. Ở các đô thị, với hệ thống giao thông vận tải hiện đại sẽ góp phần làm nổi bộ mặt văn minh của đất nước, bảo đảm trật tự và nhịp điệu trong sinh hoạt đô thị.

Trong khoảng hơn hai thập kỷ qua, thực tế do hạn chế về ngân sách, giao thông vận tải ở nước ta đã không được đầu tư thích đáng nên đã không thể đi trước một bước, phát triển với nhịp độ cao hơn nhịp độ nói chung của nền kinh tế quốc dân. Và cũng vì vậy, trong thời kỳ mở cửa vừa qua, mặc dù có nhiều cố gắng và đạt được nhiều thành tựu đáng phấn khởi, nhưng sự yếu kém của giao thông vận tải vẫn là một trong những nguyên nhân gây cản trở cho sự thu hút đầu tư ; đồng thời, cũng gây lúng túng trong việc xây dựng chiến lược kinh tế của đất nước. Để làm nền tảng cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, trong thời gian trước mắt (từ nay đến năm 2000), giao thông vận tải phải được sớm đầu tư với tỷ lệ ưu tiên số một (chủ trương này cũng xuất phát từ chỗ các kết cấu hạ tầng kỹ thuật khác như điện, thủy lợi, trong thời gian qua đã được đầu tư khá hơn, nay đã và đang phát huy tốt hiệu quả).

Từ những điều vừa nói, *nhiệm vụ của giao thông vận tải từ nay đến năm 2000* được xác định là : Bảo đảm vận tải nhanh chóng, an toàn giữa các miền đất

* GS, Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải

Digitized by Google

nước, thông suốt giữa đồng bằng và miền núi ; bảo đảm sự đi lại nhanh chóng, an toàn của nhân dân các địa phương, đi lại thanh thoát trong các đô thị. Nâng cấp hệ thống đường bộ hiện có ; xây dựng hệ thống đường sá tương đối hoàn chỉnh, đặc biệt là xây dựng một số trục đường quan trọng nối miền Bắc với miền Nam, nối các trung tâm lớn trên các địa bàn trọng điểm, nối địa bàn trọng điểm với các vùng và địa phương xung quanh và ra quốc tế. Xây dựng và nâng cấp các tuyến đường bộ từ tỉnh đến huyện, xã. Tổ chức tốt vận tải công cộng tại các đô thị, các khu công nghiệp tập trung, với các phương tiện tiên tiến, hiện đại. Phát triển hệ thống cảng biển, cảng hàng không lớn ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam ; xây dựng thêm nhiều cảng biển, sân bay địa phương. Giành đủ thương quyền vận tải biển và hàng không quốc tế. Củng cố, nâng cấp các tuyến đường sắt hiện có, mở thêm một số đoạn quan trọng, khai thông các tuyến liên vận quốc tế. Chỉnh trị hệ thống sông ở hai vùng đồng bằng sông Hồng, và sông Cửu long để phục vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong vùng.

Phát triển giao thông vận tải với tốc độ cao và quy mô hiện đại theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm đạt *mục tiêu tổng quát* là : Nâng cao một bước quan trọng trình độ sản xuất với công nghệ mới ở tất cả các lĩnh vực hoạt động trong ngành, từ khảo sát, thiết kế, xây dựng công trình đến sản phẩm công nghiệp ; đưa vào các phương thức tiên tiến với thiết bị hiện đại trong hoạt động vận tải, bốc xếp ; xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn (tiêu chuẩn hóa) theo kịp trình độ tiên tiến của quốc tế trong hoạt động quản lý và điều hành. Trên cơ sở đó, tạo ra năng suất cao ; hoạt động sản xuất chính quy và đồng bộ ; sản phẩm có chất lượng cao.

Nhằm đạt mục tiêu trên, ngành giao thông vận tải xác định *một số quan điểm định hướng lớn* trong quá trình phát triển kết cấu hạ tầng và đổi mới công nghệ của ngành theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa như sau :

1 - *Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa phát huy cơ sở vật chất hiện có với xây dựng mới theo hướng hiện đại*. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có của ngành phần lớn ở trong tình trạng trình độ công nghệ kém, kỹ thuật lạc hậu. Cần tìm hiểu, đánh giá, phân tích cơ sở vật chất hiện có để có phương án cải tạo, xây dựng mới theo hướng hiện đại phù hợp với quy hoạch chung của ngành. Trong khi xây dựng cái mới, cần cân đối hài hòa giữa *đi tắt* và *đi tuần tự từng bước* theo trình tự cổ điển. Trong điều kiện nguồn vốn không thỏa mãn được mọi yêu cầu, thì sự tính toán kỹ lưỡng, cân nhắc từng bước đi để có chủ trương, biện pháp đúng, là rất quan trọng. Xuất phát từ đó, ngành giao thông vận tải đã cố gắng định hướng cụ thể cho các chuyên ngành, lựa chọn một số lĩnh vực để tập trung phát triển với tốc độ nhanh, như :

- Hiện đại hóa một số cảng biển quan trọng theo hướng phục vụ vận tải bằng công-te-nơ, bằng tàu lớn, là hướng đang có đà phát triển mạnh. Đổi mới nhanh chóng hệ thống điều hành, kể cả hệ thống thông tin báo hiệu, xây dựng và áp dụng phương thức vận tải đa dạng, tạo điều kiện cho việc giải tỏa nhanh và đưa hàng đến tận hộ tiêu dùng, cung cấp hàng không qua kho hàng. Song song với công việc này, đổi mới nhanh chóng đội tàu, trẻ hóa đội tàu, khai thác hai chiều và đi biển xa ; xây dựng đội tàu chở công-te-nơ, tàu lớn chở hàng rời và tàu chở dầu phục vụ xuất khẩu.

- Quy hoạch xây dựng mới, nâng cấp đồng bộ, hiện đại ở mức độ cao, các ga khách quốc tế và nội địa ở 3 sân bay Nội bài (5 - 7 triệu hành khách/năm), Đà nẵng (1,5 triệu hành khách/năm) và Tân sơn nhất (7 - 10 triệu hành khách/năm). Đầu tư chiều sâu hai cơ sở sửa chữa máy bay A75 và A76.

Tăng cường số máy bay hiện đại (mua - thuê) cho Hãng hàng không quốc gia. Có thể tổ chức liên doanh với một số hãng hàng không quốc tế để mở thêm đường bay xa và khu vực. Đồng thời, khôi phục và đưa vào khai thác các sân bay nội địa ở các tỉnh, nhất là ở những vùng mà hệ thống giao thông mặt đất còn khó khăn.

- Ngành đường sắt trong nội dung hiện đại hóa cần tập trung đổi mới hệ thống thông tin tín hiệu đã quá lạc hậu. Nâng cấp tuyến đường sắt Thống nhất, đường sắt Đông Tây ; nâng cấp toàn bộ hệ thống toa xe chở khách có đủ tiện nghi không chỉ riêng ở các đoàn tàu Thống nhất ; thay thế hệ đầu máy quá cũ, hiện đại hóa công nghệ ở các cơ sở sửa chữa đầu máy toa xe. Tăng cường việc đầu tư sửa chữa và nâng cấp đường để tăng dần tốc độ bình quân và tốc độ kỹ thuật. Nghiên cứu chế tạo các toa xe chở hàng

Digitized by Google

chuyên dùng chở công-te-nơ để phối hợp với ngành vận tải biển trong vận tải đa phương thức.

- Hiện đại hóa các trục đường quốc gia then chốt. Cải tạo theo hướng hiện đại một bước cơ bản hệ thống giao thông và vận tải ở thủ đô Hà nội, TP Hồ Chí Minh và một số thành phố lớn. Xây dựng mới hoặc cải tạo hệ thống đường bộ (theo tiêu chuẩn) ở các vùng kinh tế đặc biệt, ở các khu chế xuất và vùng du lịch. Muốn vậy, phải có phương án tập trung đổi mới thiết bị xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân.

Quản lý thật chặt chẽ thủ tục xây dựng cơ bản. Tổ chức chặt chẽ hệ thống quản lý, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm tra chất lượng và công nghệ để vừa phát huy được hiệu quả đồng vốn, vừa tiết kiệm được tiền để mua sắm các thiết bị hiện đại khác, chuẩn bị cho việc xây dựng ở các năm sau năm 2000.

- Ngành đường sông tập trung việc đổi mới tín hiệu luồng lạch và đổi mới đội tàu sông. Đây là một khâu yếu cho đến nay chúng ta chưa có một định hướng rõ rệt cũng như chưa có bước đi thích hợp. Tập trung nghiên cứu luồng lạch trên sông Cửu long và sông Hồng - đó là các trục giao lưu quốc tế quan trọng.

- Trong lĩnh vực công nghiệp, theo phương châm công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thời gian tới chúng ta phải làm được những việc sau đây : *Một là*, xây dựng các nhà máy cỡ lớn để đóng và sửa chữa tàu biển có trọng tải lớn, lắp ráp và sản xuất ô tô du lịch, vận tải và ô tô khách, sản xuất các thiết bị xây dựng, sản xuất toa xe... *Hai là*, xây dựng nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng như xi măng cấp cao dùng cho xây dựng công trình giao thông quan trọng, xây dựng hệ thống các mỏ đá tiêu chuẩn có quy mô lớn và chất lượng cao, phân bố đều trong cả nước. *Ba là*, đưa dây chuyền công nghệ hiện đại trong việc sản xuất rầm cầu bê tông và rầm thép cũng như các phối kiện và cấu kiện phục vụ cho công tác xây dựng cơ bản. *Bốn là*, nghiên cứu để chế tạo các thiết bị phục vụ việc cơ giới hóa thi công cầu đường, bến cảng, nạo vét luồng lạch cũng như việc sản xuất nhựa đường trong nước và các vật tư chuyên dụng và thông dụng khác.

- Ở các thành phố lớn, phải có một bước chuyển biến mạnh về bộ mặt giao thông đô thị, trước hết bảo đảm yêu cầu chống ách tắc và trật tự vận tải trong thành phố. Phải nhanh chóng tổ chức hệ thống vận tải hành khách công cộng ở thành phố Hà nội, Hải phòng và thành phố Hồ Chí Minh, hiện đại hóa mạng điều khiển trung tâm, điều hành xe buýt và tắc xi công cộng, xây dựng nút chính ở những nơi thường gây ách tắc. Bộ mặt giao thông thành phố phải được thay đổi cơ bản.

Ở các địa phương tỉnh, huyện, rà lại quy hoạch và hoàn thiện để bảo đảm nội dung nâng cấp (nhựa hóa, đá hóa) đường địa phương và đường nông thôn ; xóa bỏ cầu tạm trên trục và cầu khỉ ở đường liên thôn ; đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và mỹ thuật, tiện nghi cho các phương tiện vận tải khách.

2 - *Xây dựng và củng cố các doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt các doanh nghiệp có tầm cỡ quốc gia* (như đường sắt, tàu biển, hàng không...). Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các doanh nghiệp nhà nước sẽ có quy mô lớn hơn, trình độ sản xuất tiên tiến hơn, và nhất là hoạt động kinh doanh có hiệu quả hơn, đảm nhận được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, mở đường và hỗ trợ cho các thành phần kinh tế khác phát triển. Hiện tại, cơ sở vật chất kỹ thuật và lực lượng lao động ở các doanh nghiệp nhà nước trong ngành giao thông vận tải là to lớn, cần được triệt để khai thác. Đây chính là tiền đề vật chất quan trọng cho các doanh nghiệp nhà nước trong ngành vươn lên thực hiện tốt vai trò chủ đạo của mình.

Đường sắt : Đây là ngành hiện nay chỉ làm nhiệm vụ vận tải. Đối với ngành, ngoài việc đầu tư xây dựng, nâng cao năng suất, chất lượng vận tải và phục vụ, cần tìm mọi biện pháp chống lỗ vốn. Cũng cần nghiên cứu và phân tích kỹ về thực chất của việc hạch toán lỗ của ngành đường sắt hiện nay. Chỉ có như vậy, mới tìm được lối ra, và mới định được phương hướng phát triển.

Hàng không : Phải xây dựng hãng hàng không quốc gia (Vietnam Airlines) có tầm cỡ là một hãng hàng không mạnh, không chỉ ở trong nước mà cả trong khu vực. Cần đầu tư để mua sắm máy bay mới, hiện đại, bảo đảm vận chuyển từ 40 đến 50% số khách đi các nước.

Hàng hải : Tổ chức lại đội tàu biển, không để manh mún như hiện nay. Ngoài việc đầu tư đóng tàu và mua tàu mới, tàu công-te-nơ, tàu dầu, cần nghiên cứu để tổ chức thành một hãng tàu lớn, hoặc một tập đoàn vận tải hàng hải.

Vận tải đường bộ : Do yêu cầu vận chuyển ở một

Digitized by Google

số tuyến quan trọng không hấp dẫn các thành phần kinh tế khác, nên phải xây dựng và củng cố một số xí nghiệp ô tô quốc doanh để làm các nhiệm vụ chiến lược (cả về vận tải hàng hóa và vận tải hành khách). Đối với các địa phương cũng vậy, xây dựng các đơn vị quốc doanh để phục vụ các mục tiêu chiến lược và điều tiết các hoạt động vận tải nói chung. Đồng thời, khuyến khích các lực lượng ngoài quốc doanh hoạt động trong lĩnh vực vận tải đường bộ, dưới hình thức hiệp hội hoặc tập đoàn nhỏ, hợp tác xã, và xây dựng cơ chế quản lý nhà nước đối với các lực lượng này.

Tương tự như vậy, ngành *vận tải đường sông* cũng phát triển theo hướng như ngành vận tải đường bộ.

Với các doanh nghiệp xây dựng cơ bản, dịch vụ tổng hợp và xuất nhập khẩu, tùy theo từng loại hình đối tượng hành nghề mà tổ chức lại thành các tập đoàn đủ mạnh, bảo đảm hoạt động có hiệu quả trong cơ chế thị trường.

Song song với việc xây dựng và củng cố các doanh nghiệp nhà nước, cần tạo điều kiện để các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác phát triển và hoạt động có hiệu quả thông qua sự quản lý nhà nước của ngành. Hoạt động của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh sẽ góp phần đẩy nhanh tốc độ hiện đại hóa, thay đổi thiết bị, nhập công nghệ mới, và nó có tác dụng như một đối chứng đối với quá trình đi lên của các lực lượng sản xuất. Ngành sẽ tập trung chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện và thực hiện tốt *các văn bản pháp quy* như : pháp lệnh và các văn bản dưới luật, thể chế về bảo vệ công trình giao thông và an toàn giao thông, luật đường sắt Việt nam, luật đường bộ Việt nam, luật đường sông ; các quy phạm, quy trình về khảo sát, thiết kế, xây dựng và nghiệm thu công trình ; quy chế về thực hành tiết kiệm, chống tiêu cực, chống tham nhũng. Đây chính là những văn bản pháp quy nhằm hỗ trợ và mở đường cho các thành phần kinh tế khác tham gia hoạt động giao thông vận tải.

3 - *Coi trọng yếu tố con người trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành cũng như trong sự nghiệp phát triển ngành giao thông vận tải.* Đây là một quan điểm chỉ đạo quan trọng để có thể thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của ngành. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân lành nghề được đào tạo và rèn luyện trong nhiều năm, là vốn quý của ngành, cần được trân trọng nâng niu và sử dụng một cách có hiệu quả, nhất là trong điều kiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức có trình độ ngày càng cao, cả về kiến thức, ngoại ngữ, máy tính và tay nghề. Vấn đề đào tạo, bồi dưỡng đang đặt ra hết sức cấp thiết.

Phải đánh giá lại thật chắc chắn năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, công nhân hiện nay. Từ đó, đề xuất được một chương trình đào tạo lại và bồi dưỡng đúng mục đích, đúng đối tượng, phù hợp với yêu cầu mới. Xây dựng chính sách khuyến khích tài năng, ưu đãi đối với cán bộ giỏi, công nhân giỏi, có sự đóng góp lớn cho sự nghiệp của ngành. Chú trọng đào tạo và sắp xếp hợp lý cán bộ đầu đàn. Xây dựng các chương trình đào tạo cán bộ ở các lĩnh vực mũi nhọn của ngành. Hoàn thiện quy chế cử người đi học trong nước và nước ngoài đúng yêu cầu và dự kiến trước sự phát triển. Trước mắt, tập trung đào tạo ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh.

Chăm lo đời sống mọi mặt cho cán bộ, công nhân, viên chức ; nghiên cứu điều trị các bệnh nghề nghiệp và xây dựng cơ sở vật chất, nơi ăn chốn ở cho cán bộ, công nhân, viên chức, đặc biệt ở các đơn vị xây dựng cơ bản và duy tu đường sá. Cần ban hành các chính sách ưu đãi đối với nữ công nhân và công nhân ở cung đường miền núi. Thực hiện tốt các quyền lợi bảo hiểm xã hội, nghỉ ngơi điều dưỡng, đồng thời hết sức chống tiêu cực, chống tham nhũng và bất công trong phân phối thu nhập, nhằm làm cho cán bộ, công nhân, viên chức phấn khởi và cống hiến hết sức mình trong công việc.

Bài học của nhiều nước trong khu vực là : nếu có chiến lược con người đúng đắn thì dù không có nhiều tài nguyên, vẫn xây dựng được một nền kinh tế phồn vinh, hiện đại.

4 - *Thực hiện tốt chính sách đầu tư và sử dụng vốn.* Vốn luôn là một vấn đề có tính quyết định trong quá trình phát triển ngành, cũng như quá trình hiện đại hóa, công nghiệp hóa ngành. Trước đây, chính sách đầu tư của chúng ta nhằm vào đầu tư chiều sâu để phát huy năng lực hiện có và chống xuống cấp cho kết cấu hạ tầng. Trong tình hình hiện nay, việc đầu tư chiều sâu phải được cân nhắc kỹ nhằm tối đa hóa năng lực sản xuất và công nghệ hiện vẫn còn

(Xem tiếp trang 55)

Digitized by Google

HAI VẤN ĐỀ CƠ BẢN ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NƯỚC NHÀ

CAO DUY HẠ *

LỊCH sử công nghiệp hóa nhiều nước trên thế giới cho thấy, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền sản xuất là quá trình lâu dài, khó khăn, phức tạp. Ở nước ta, từ Đại hội III (năm 1960), Đảng ta đã đề ra chủ trương công nghiệp hóa để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng từ đó đến nay, chúng ta đã gặp không ít khó khăn khách quan và chủ quan. Nào là phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ muốn đưa nước ta trở lại thời kỳ đồ đá. Nào là cơ chế quản lý kinh tế thời chiến, tập trung quan liêu, bao cấp kéo dài, đã gây trở ngại không ít cho sự phát triển của lực lượng sản xuất. Nào là nội dung và hướng đi của công nghiệp hóa, do nhiều nguyên nhân, chúng ta chưa xác định được một cách thật rõ ràng và phù hợp với hoàn cảnh thực tế của đất nước... Những khó khăn đó thực tế đã làm cho quá trình công nghiệp hóa ở nước ta diễn ra không suôn sẻ, kết quả đạt được còn hạn chế. Hiện tại, nước ta vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu, lao động thủ công chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế quốc dân, năng suất lao động xã hội thấp, thua xa so với các nước phát triển. Để khỏi tụt hậu xa hơn so với các nước phát triển, để phát triển nhanh hơn trên con đường đã lựa chọn, chúng ta không có cách nào khác là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Muốn vậy, chúng ta phải tạo cho được *hai điều kiện cơ bản* sau đây :

I - XÁC ĐỊNH ĐÚNG NỘI DUNG VÀ HƯỚNG ĐI CỦA CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

Đại hội VII và Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII) của Đảng đã chỉ rõ : Từ nay đến năm 2000 và một số năm sau đó, nền kinh tế nước ta phải tạo ra được một bước phát triển cơ bản ; tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình hàng năm đạt ít nhất trên dưới 8% ; thu nhập quốc dân bình quân tăng hàng năm từ 8% đến 9% ; tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người từ 400 đến 500 USD. Dựa vào thành quả bước đầu đó, đất nước sẽ chuyển sang giai đoạn phát triển mới để từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Để đạt được mục tiêu nói trên, chúng ta phải khéo kết hợp giữa ổn định chính trị với tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là con đường đúng đắn nhất để nước ta thoát khỏi nguy cơ tụt hậu so với các nước khác, giữ được ổn định chính trị xã hội, bảo vệ được độc lập, chủ quyền và định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa.

Xã hội loài người đã và đang trải qua những nấc thang phát triển vĩ đại. Nếu sự giàu có của một nước trước kia được đo bằng đất đai, vàng, dầu lửa, sắt thép và máy móc, thì ngày nay lại được đo chủ yếu bằng số lượng và chất lượng thông tin thu nhận và thích ứng được. Ngày nay, hầu hết các nước trên thế giới muốn tồn tại và phát triển, đều phải có dự báo và chiến lược phát triển dài hạn để vươn lên, hoặc ít ra cũng ngăn ngừa được nguy cơ mình bị tụt hậu quá xa. Trung quốc có chiến lược phát triển 15 - 20 năm ; In-đô-nê-xi-a và một số nước Đông Á và Tây Âu có chiến lược phát triển từ 25 đến 30 năm ; Nhật bản có chiến lược phát triển 50 năm. Đối với nước

* PTS khoa kinh tế, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

ta, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược để đưa đất nước tiến lên hiện đại và văn minh. Để thực hiện được nhiệm vụ chiến lược đó, "điều kiện cần" là xác định đúng nội dung và hướng đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm trước mắt.

Công nghiệp hóa, thực chất là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền sản xuất hiện đại. Trước sự bùng nổ của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai, để đất nước tiến nhanh, tiến mạnh lên hiện đại, phải triệt để lợi dụng thành tựu kỹ thuật hiện có của thế giới. Do đó, công nghiệp hóa phải đi đôi với hiện đại hóa để không thua kém các nước công nghiệp phát triển trên thế giới. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay, *vừa* nhằm mục đích cơ khí hóa nền sản xuất, thay thế lao động thủ công bằng lao động sử dụng máy móc ; *vừa* nhằm tạo ra những bước nhảy vọt, đi tắt từ thủ công lên thẳng tự động hóa ở một số ngành mũi nhọn. Đối với một số lĩnh vực kinh tế có điều kiện, chúng ta có thể "không chỉ đi tuần tự qua các bước cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa, mà còn kết hợp đồng thời các thành tựu trên nhiều lĩnh vực, và có những mũi nhọn phát triển đi tắt, đón đầu ; không chỉ áp dụng các công nghệ tiên tiến mà còn phải biết tận dụng và hiện đại hóa công nghệ truyền thống" [1]. Trong thời đại ngày nay, xu hướng quốc tế hóa lực lượng sản xuất đang diễn ra khá mạnh mẽ. Điều đó vừa bắt buộc, vừa tạo khả năng khách quan cho các nước kinh tế lạc hậu như nước ta, có thể kết hợp những bước tiến tuần tự với những bước tiến nhảy vọt về công nghệ, rút ngắn thời gian đuổi kịp các nước tiên tiến và không rơi vào tình trạng bị tụt hậu xa hơn.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta phải kết hợp giữa việc đầu tư kỹ thuật cao cho sản xuất, nhất là ở các ngành mũi nhọn, để tăng nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, tạo ra năng suất lao động cao, với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, từ cơ cấu kinh tế lạc hậu, không hợp lý, sang cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ hiện đại. Kết hợp nhiều thành phần kinh tế, đa dạng hóa hình thức sở hữu, đa dạng hóa quan hệ kinh tế cả trong và ngoài nước. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa không chỉ đơn thuần là phát triển công nghiệp, mà còn là thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong từng ngành, từng lĩnh vực và toàn bộ nền kinh tế quốc dân theo hướng công nghệ tiên tiến. Chỉ có như vậy, nền kinh tế nước ta mới có thể phát triển đi lên với tốc độ nhanh và hiệu quả cao, rút ngắn dần khoảng cách giữa nước ta với các nước tiên tiến trên thế giới.

Ở một nước nông nghiệp lạc hậu, trải qua nhiều năm chiến tranh tàn phá như nước ta, sự chênh lệch về kinh tế và văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng, trung du và miền núi, giữa miền Nam và miền Bắc, là khá xa. Do đó, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta không thể không chú trọng đến các vùng còn lạc hậu và quá lạc hậu ; không thể không coi trọng đầu tư vốn cho nông nghiệp và nông thôn miền núi ; không thể không gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với nông nghiệp và kinh tế nông thôn, để nhanh chóng tạo ra sự phát triển kinh tế và văn hóa đồng đều giữa các vùng trong cả nước. Báo cáo chính trị tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII) đã chỉ rõ : "Từ nay đến cuối thập kỷ, phải rất quan tâm đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn"[2]. Việc đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, coi công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm, có tầm quan trọng hàng đầu, là phù hợp với tình hình thực tế ở nước ta ; nó không mâu thuẫn với chủ trương tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp. Địa bàn nông thôn nước ta hiện có khoảng 80% số dân sinh sống, với nhân tài, vật lực... phong phú, đa dạng. Đây chính là tiềm năng to lớn cần khai thác, và cũng là mục tiêu, đối tượng của chủ trương "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, mọi người ấm no, tự do hạnh phúc".

II - TẠO VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN CÓ HIỆU QUẢ

Một trong những vấn đề cơ bản nhất để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa là phải có vốn. Vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa gồm nhiều loại : vật tư kỹ thuật, đất đai, tiền tệ, lực lượng lao động có tri thức khoa học cao và tay nghề giỏi... Ở nước

(1) Đảng cộng sản Việt nam : *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ* (khóa VII), 1994, tr 75

(2) *Sđd*, tr 29

Digitized by Google

ta hiện nay, tiềm năng những loại vốn này khá phong phú. Vấn đề là làm thế nào huy động được từ các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, từ các thành phần kinh tế, từ các tổ chức, cá nhân trong xã hội để tạo thành nguồn vốn lớn. Nhu cầu về vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta ngày càng lớn, nó cần được giải quyết trước hết bằng nguồn vốn trong nước. Nguồn vốn trong nước là quyết định, còn nguồn vốn nước ngoài là quan trọng. Kinh nghiệm một số nước châu Á cho thấy, thời gian đầu công nghiệp hóa, họ phải huy động ở trong nước khoảng 50 - 80% số vốn cần thiết, và phải duy trì liên tục trong nhiều năm mức đầu tư trên 30% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) mới trở thành những "con rồng" như ngày nay. Đối với nước ta trong những năm trước mắt, để có mức tăng trưởng bình quân hàng năm không dưới 8%, phải nhanh chóng đưa tổng số vốn đầu tư hàng năm lên trên mức 20% GDP trong vài năm tới và cao hơn nữa trong những năm sau. Do đó, huy động vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân ta trong thời gian tới.

Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước ở nước ta, có nhiều biện pháp để huy động vốn. Trên bình diện vĩ mô của toàn bộ nền kinh tế, cần vận dụng tốt 6 *biện pháp cơ bản* sau đây :

1 - Nhà nước có chính sách bảo đảm lợi ích thỏa đáng cho người có vốn đầu tư (đặc biệt là chính sách thuế và lợi nhuận) để từ đó có thể huy động tối đa các nguồn tích lũy từ trong nội bộ nền kinh tế. Những năm gần đây, nguồn tích lũy từ trong nước ở ta bằng khoảng 10% GDP (còn ở các nước xung quanh ta bằng khoảng 25 - 30% GDP). Nếu ta phấn đấu đưa tỷ lệ này lên mức 15 - 20% và huy động được tối đa nguồn tích lũy đó cho đầu tư phát triển sản xuất, thì mỗi năm chúng ta có thể có hàng ngàn tỷ đồng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2 - Huy động tối đa nguồn tiền nhàn rỗi trong dân để cho vay tín dụng, biến chúng thành những đồng vốn hoạt động sinh lợi. Theo tính toán của một số nhà kinh tế, nguồn vốn hiện đọng trong dân (dưới dạng vàng, đôla, tiền Việt nam...) ước khoảng 20000 tỉ đồng. Số kiều hối từ nước ngoài gửi về hàng năm theo con số thống kê được, cũng đã tới 500 triệu USD. Các nguồn này hiện nay chưa chảy mạnh vào "kênh" đầu tư cho sản xuất kinh doanh là do nhiều nguyên nhân : tâm lý lo ngại về hiệu quả, an toàn vốn đầu tư ; mặt bằng để xây dựng và mở rộng sản xuất kinh doanh chưa đủ ; nhà nước chưa quan tâm hỗ trợ, đặc biệt là chưa có chính sách lợi ích hấp dẫn ; thủ tục giấy tờ đăng ký sản xuất kinh doanh còn nhiều phiền hà... Nếu chúng ta khắc phục được những trở ngại trên thì chắc chắn nền kinh tế sẽ có thêm vốn đầu tư đáng kể cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3 - Tổ chức tốt các hình thức liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế, cổ phần hóa một số lớn doanh nghiệp nhà nước để thay thế vốn nhà nước bằng vốn liên doanh và vốn cổ phần. Đây là biện pháp có nhiều khả năng thực thi để nhà nước có điều kiện tập trung vốn vào các lĩnh vực mũi nhọn, công nghệ cao, cần nhiều vốn, nhằm đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hiện tại, chúng ta còn có khoảng 7000 doanh nghiệp nhà nước, trung bình mỗi đơn vị nắm từ 3 đến 4 tỉ đồng vốn của nhà nước, nhưng hoạt động lại không có hiệu quả, phần lớn bị thua lỗ hoặc hòa vốn. Nếu chúng ta chuyển chúng thành các xí nghiệp cổ phần hóa thì nhà nước ít nhất cũng có thêm nguồn vốn khoảng 20000 tỉ để đầu tư cho các lĩnh vực cần có sự đầu tư tập trung của nhà nước, như xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng, xây dựng các nhà máy lớn, hiện đại...

4 - Huy động tốt nguồn vốn "bảo hiểm xã hội" tạm thời các công ty bảo hiểm chưa sử dụng để phát triển thêm các ngành nghề sản xuất dịch vụ mới, vừa góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vừa tăng thêm của cải vật chất cho xã hội. Nền kinh tế hàng hóa càng phát triển, thu nhập của dân cư càng tăng, bảo hiểm xã hội càng phát triển thì nguồn vốn "bảo hiểm xã hội" tạm thời nhàn rỗi cũng càng tăng. Đây cũng là một nguồn vốn đáng kể cần được huy động và sử dụng có hiệu quả.

5 - Huy động nguồn vốn nước ngoài thông qua chính sách mở cửa kinh tế dưới nhiều hình thức, kết hợp các lợi thế bên trong và lợi thế bên ngoài. Đây là một biện pháp quan trọng để huy động vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Theo dự đoán, chúng ta có thể huy động từ nước ngoài khoảng vài chục

Digitized by Google

tỉ đôla thông qua các hình thức : đầu tư trực tiếp ; khai thác các nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA) ; khuyến khích kiều hối ; phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế... Thực tế vừa qua cho thấy, chúng ta chỉ mới đi vào chính sách mở cửa và ban hành luật đầu tư nước ngoài, nhưng đã nhận được 836 dự án đầu tư vào nhiều ngành với số vốn là 7,5 tỉ USD. Nước ta hiện có nhiều điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài : nền kinh tế đang trong chiều hướng phát triển và tăng trưởng tốt ; Đảng và Nhà nước ta có chủ trương, chính sách đối ngoại rộng mở ; Mỹ đã bỏ cấm vận... Do đó, gọi vốn đầu tư từ nước ngoài để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, là một trong những biện pháp có nhiều triển vọng.

6 - Để thu hút tốt các loại vốn tạo thành nguồn vốn tập trung, nhà nước với tư cách là người quản lý, phải tạo ra nhiều "kênh" cho vốn hoạt động, đặc biệt là thiết lập và phát triển thị trường vốn để tạo môi trường cạnh tranh đầu tư, hướng các nguồn vốn đi vào những lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có hiệu quả và thuận lợi nhất.

Huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả là hai mặt của một vấn đề, có mối quan hệ mật thiết với nhau. Chỉ có sử dụng vốn có hiệu quả, mới tạo điều kiện tốt cho huy động vốn. Ở nước ta hiện nay, việc sử dụng vốn liên quan đến cả một cơ chế phân bổ, kiểm soát, chống lãng phí và thất thoát vốn đầu tư... Theo tôi, trước mắt nhà nước cần :

Một là, tập trung vốn cho việc khai thác những tiềm năng kinh tế hiện thực, cần ít vốn mà sớm cho hiệu quả cao. Cần lựa chọn kỹ đối với những ngành hút vốn đầu tư lớn để đạt *hai* mục tiêu : vừa phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vừa đem lại hiệu quả kinh tế cao. Kết hợp cả đầu tư chiều rộng và chiều sâu đối với các ngành đang hoạt động cần tăng vốn đầu tư. Không đổ vốn đầu tư vào những ngành chưa cần hoặc chưa cấp bách. Vốn nhà nước cần ưu tiên dành cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, những ngành không có khả năng thu hồi vốn ; dành cho việc xây dựng một số cơ sở công nghiệp mũi nhọn then chốt, một số cơ sở chế biến nông, lâm, thủy, hải sản xuất khẩu ; dành cho việc tài trợ các dự án giải quyết việc làm, phủ xanh đồi trọc, đánh bắt thủy, hải sản.

Hai là, thống nhất quản lý toàn bộ nguồn vốn vay nợ nước ngoài và điều hành việc sử dụng cho phù hợp với các mục tiêu lớn của nền kinh tế theo yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ba là, chú ý đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt ở một số ngành mũi nhọn, ngành có lợi nhuận cao, có khả năng hoàn vốn nhanh và có khả năng tạo thu nhập lớn cho xã hội. Đây cũng là yêu cầu của công nghiệp hóa ở thời đại ngày nay.

Bốn là, sử dụng tốt nhất nguồn "chất xám khoa học" là nguồn vốn có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Nguồn vốn vật chất (tiền tệ, vật tư kỹ thuật, đất đai...) dù to lớn đến đâu mà không có "chất xám khoa học" để sử dụng có hiệu quả, thì tác dụng cũng rất hạn chế. Tiềm năng "chất xám khoa học" ở ta khá lớn, nhưng lâu nay sử dụng chưa hợp lý, đãi ngộ chưa thỏa đáng, nên hiệu quả chưa tương xứng. Vì vậy, cần có chiến lược sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này. Cần bố trí lực lượng khoa học kỹ thuật theo đúng ngành nghề, đúng yêu cầu, để có thể khai thác và phát huy cao nhất trí tuệ và tay nghề của họ. Muốn vậy, không thể không đổi mới chính sách đãi ngộ đối với cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề. Cần nghiên cứu, bổ sung và sửa đổi những mặt chưa phù hợp, chưa thỏa đáng trong chính sách đãi ngộ, nhằm tạo ra một đòn bẩy "lợi ích" mạnh mẽ lôi cuốn mọi người mang hết trí tuệ và tay nghề phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Năm là, tăng vòng quay vốn bằng cách áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý và sử dụng vốn, đặc biệt là phân bổ hợp lý các loại vốn (vốn cố định, vốn lưu động ; vật tư, hàng hóa, tiền tệ...) trong từng xí nghiệp, từng ngành cũng như trong toàn bộ nền kinh tế, để vốn chu chuyển được liên tục, không bị gián đoạn.

Sáu là, thực hiện nghiêm ngặt chế độ thống kê - kế toán, chế độ kiểm toán đối với tất cả các loại vốn đang hoạt động trong nền kinh tế để phát hiện và giải quyết kịp thời những biểu hiện sử dụng vốn lãng phí, không có hiệu quả hoặc hiệu quả thấp.

Bảy là, phối hợp giữa ngân hàng và Bộ tài chính ra những thông tư, chỉ thị cần thiết, hướng dẫn các ngành, các cấp quản lý việc sử dụng vốn vay nước ngoài đầu tư cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa thế nào để vừa đạt được hiệu quả cao nhất, vừa bảo toàn được vốn vay, trả nợ các nước đúng kỳ hạn, giữ được uy tín trong quan hệ quốc tế.

Digitized by Google

CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt nam

PHAN THANH PHỐ *

CÔNG nghiệp hóa là bước đi tất yếu mà các quốc gia sớm muộn đều trải qua. Trong thời đại ngày nay, dưới tác động của cách mạng khoa học - công nghệ, công nghiệp hóa không thể không gắn liền với hiện đại hóa. Nội dung chủ yếu của công nghiệp hóa là xây dựng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn liền với việc tổ chức, phân công lại lao động và đổi mới chính sách đầu tư ; là trang bị công nghệ mới hiện đại, đưa nước nhà từ kém phát triển trở thành quốc gia có nền kinh tế phát triển.

Lịch sử và kinh nghiệm công nghiệp hóa trên thế giới cho thấy, việc trang bị công nghệ cho các ngành trong nền kinh tế quốc dân diễn ra qua *hai* con đường : công nghiệp hóa cổ điển (tự xây dựng, tự trang bị), và công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa và mở cửa, thông qua chuyển giao công nghệ. Lịch sử cũng chỉ rõ, công nghiệp hóa theo kiểu cổ điển chỉ thích dụng với thời kỳ đầu của nước đầu tiên làm công nghiệp hóa (nước Anh) gắn với nền kinh tế đóng kín về mặt hàng và công nghệ.

Tiến trình cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa diễn ra theo trật tự từ *thủ công* lên *nửa cơ khí* rồi *cơ khí*, từ *công nghiệp nhẹ* lần lượt từng bước sang *công nghiệp nặng*. Việc sản xuất máy móc lúc đầu do những người thợ có tay nghề bậc cao chế tạo bằng phương pháp thủ công, kéo dài cho đến khi xuất hiện công xưởng với những máy công cụ và ngành cơ khí chế tạo ra dời. Từ kinh nghiệm của nước Anh, các nước tư bản đi sau đã rút ngắn được thời gian phát triển nhờ giảm bớt được thời kỳ mò mẫm, nhưng họ vẫn chưa có điều kiện rút ngắn đáng kể thời gian và trình độ do quy luật phát triển tuần tự đang còn ngự trị.

Các nước chọn con đường xã hội chủ nghĩa nói chung tiến hành công nghiệp hóa theo mô hình Liên xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên. Thực chất, đây cũng là công nghiệp hóa theo kiểu cổ điển, nhưng theo hướng khác và có sự cải biên nhất định : không đi từ công nghiệp nhẹ mà đi từ công nghiệp nặng ; công nghiệp nặng được ưu tiên phát triển hơn nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Điều này có nguyên nhân khách quan : là nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, Liên xô không có cách nào khác là phải nhanh chóng tạo ra cho mình một cơ sở vật chất kỹ thuật đủ mạnh để có thể tồn tại và phát triển trong vòng vây của chủ nghĩa tư bản.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, dưới tác động của quy luật phát triển không đều và cách mạng khoa học và công nghệ, mô hình công nghiệp hóa của các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa bắt đầu có sự thay đổi. Các nước đó không thể không tính đến bối cảnh lịch sử mới và tính đến cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại. Song do nhiều nguyên nhân, nhất là do mô hình kinh tế chỉ huy, do cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp kéo dài, do những khó khăn về vốn và đổi mới công nghệ, các nước đó đã không đổi mới được bao nhiêu mô hình công nghiệp hóa của mình, và kết quả đều lâm vào tình trạng khủng hoảng và đổ vỡ như chúng ta đã biết.

Mô hình công nghiệp hóa ở ta chịu ảnh hưởng không ít của mô hình công nghiệp hóa ở Liên xô, nên cũng không thoát khỏi tình trạng trên. Sau nhiều năm công nghiệp hóa, *nông nghiệp* nước ta cho đến nay vẫn trong tình trạng lạc hậu. Chúng ta vẫn chưa thể dựa vào nông nghiệp để nâng thu nhập bình quân đầu người lên một cách đáng kể. Nông sản hàng hóa chưa trở thành nguồn tài chính mà chúng ta có thể dựa vào để xây dựng công nghiệp và kết cấu hạ tầng phục vụ công nghiệp. Các giống cây con còn nghèo

* PGS,PTS kinh tế, Trường đại học kinh tế quốc dân, Hà nội

Digitized by Google

nàn và cơ cấu sản xuất chưa thay đổi bao nhiêu, nên khả năng thu ngoại tệ từ nông sản hàng hóa xuất khẩu còn rất hạn chế. Nguồn thuế thu từ nông nghiệp, nông thôn kém xa nguồn thuế thu từ khu vực thành thị. Năm 1989, trong khi Hà nội và Hải phòng nộp 178,1 tỉ đồng thuế thì đồng bằng sông Hồng chỉ nộp 4,6 tỉ đồng ; trong khi TP Hồ Chí Minh và vùng ngoại vi nộp 655,0 tỉ đồng thì đồng bằng sông Cửu long chỉ nộp 134,8 tỉ đồng. Điều đáng nói nữa là số thuế mà khu vực nông thôn nộp, sau đó phần lớn lại được nhà nước đầu tư trở lại cho nông nghiệp và nông thôn. Thành thử nguồn thu từ khu vực nông thôn vào ngân sách nhà nước hầu như bằng không (nguồn IBRD, 1992, tr 65).

Về *công nghiệp*, nước ta cho đến nay vẫn chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ. Ngành công nghiệp nói chung mới chiếm 19%, còn công nghiệp chế tạo, chế biến mới chiếm 16% tổng sản phẩm quốc nội (GDP), trong khi tỷ trọng tương ứng ở Đài loan năm 1960 là 25% và 17%, ở Thái lan năm 1970 là 25% và 16%, và ở Trung quốc năm 1980 là 45% và 37%. Về một số sản phẩm công nghiệp theo đầu người, hiện nay ta còn kém xa Đài loan và Trung quốc (Đài loan năm 1960 và Trung quốc năm 1980 đã hơn ta khoảng 20 - 30 lần về *thép* và *máy công cụ*, khoảng 10 - 20 lần về *động cơ* và *quạt điện)*.

Nói tóm lại, như một giáo sư người Mỹ* ở Trường đại học tổng hợp Johns Hopkins Washington đã nhận định : quá trình phát triển công nghiệp theo hướng tự cung tự cấp ở Việt nam trong 20 năm qua chưa tạo ra được một cơ sở công nghiệp có quy mô gần với quy mô mà Đài loan và Trung quốc tạo ra trong giai đoạn phát triển công nghiệp hướng nội, nghĩa là chậm hơn 10 năm so với Trung quốc và chậm hơn 20 - 30 năm so với Đài loan.

Thực tế cho thấy, con đường công nghiệp hóa cổ điển nói chung và mô hình công nghiệp hóa ở các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa (trong đó có nước ta) có những *hạn chế* nhất định. Với mô hình đó, sẽ khó tránh khỏi rơi vào tình trạng :

+ Lạc hậu về thế hệ công nghệ, do đó khó đuổi kịp các nước có trình độ cao về phát triển kinh tế và văn minh xã hội ;

+ Không tận dụng được các nguồn lực, các lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh, sản phẩm làm ra không có khả năng cạnh tranh, do đó rất khó hội nhập với kinh tế thị trường thế giới.

Vì vậy, nếu cứ giữ mô hình đó, sẽ không tránh khỏi lạc hậu, lạc lõng và lạc điệu trước bước tiến như vũ bão của thế giới.

Trong thời đại ngày nay, quy luật phát triển không đều chịu sự tác động mạnh mẽ của cách mạng khoa học và công nghệ. Vì vậy, sự phát triển không đều về trình độ công nghệ và văn minh giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển có xu hướng ngày càng tăng. Nếu ở thế kỷ trước, lý thuyết về sự phát triển không đều và lý thuyết về lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh chưa có ý nghĩa quan trọng, thì trong thời đại ngày nay lại có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Ngày nay, dựa vào các lý thuyết này, vận dụng quy luật phát triển nhảy vọt và quy luật phát triển tuần tự, người ta có thể rút ngắn đáng kể thời gian cần thiết để từ một nước kinh tế chậm phát triển trở thành một nước có nền kinh tế phát triển. Chính dựa vào các lý thuyết đó, hầu hết các nước tiến hành công nghiệp hóa sau đều gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa và quốc tế hóa qua chuyển giao công nghệ. Kinh nghiệm Nhật bản và các nước công nghiệp mới (NIC) cho thấy, nhờ thực hiện công nghiệp hóa theo con đường như vậy, họ đã khắc phục được những hạn chế của con đường công nghiệp hóa cổ điển và nhanh chóng đưa nền kinh tế của họ lên trình độ cao.

Từ kinh nghiệm lịch sử, có thể dự báo : trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, các nước tiến hành công nghiệp hóa muộn sẽ chọn con đường "công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa và quốc tế hóa qua chuyển giao công nghệ", hay con đường "công nghiệp hóa theo hướng xuất khẩu".

*

Thực chất của chuyển giao công nghệ là đưa công nghệ, cả *phần cứng* (máy móc, thiết bị) và *phần*

* Xem James Riedel : *Việt nam : theo dấu chân những con hổ.* Trường đại học tổng hợp Johns Hopkins Washington. (Bài viết được thực hiện dưới sự bảo trợ của Ngân hàng thế giới thông qua Chương trình phát triển thương mại của UNDP)

Digitized by Google

mềm (quy trình, phương pháp công nghệ...), từ nước này sang nước khác, làm thay đổi quyền sở hữu và quyền sử dụng đối với công nghệ được chuyển giao. Theo kinh nghiệm của Nhật bản và các nước công nghiệp mới châu Á (trong đó có Đài loan, Trung quốc, Thái lan), việc chuyển giao công nghệ gắn liền với việc xây dựng chiến lược công nghiệp hóa theo hướng xuất khẩu. Bởi lẽ thị trường thế giới là điểm tập kết những hàng hóa đòi hỏi rất nghiêm ngặt về quy cách, chất lượng, thời gian và giá cả. Sự cạnh tranh ở đây diễn ra theo đúng các quy luật của kinh tế thị trường. Ở đây sự cạnh tranh trong nội bộ thị trường dân tộc, trong từng quốc gia, chuyển thành sự cạnh tranh về hàng hóa giữa các dân tộc có lợi ích khác nhau. Dân tộc hay quốc gia nào sử dụng có hiệu quả lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh, thì dân tộc đó, quốc gia đó đứng vững và thắng lợi trong cạnh tranh. Trong điều kiện đó, các quốc gia kém phát triển thời kỳ đầu thường áp dụng chiến lược công nghiệp hóa theo hướng thay thế nhập khẩu, là chiến lược chỉ thích hợp với thị trường nội địa và nền kinh tế đóng kín, sản xuất chủ yếu dựa vào công nghệ trong nước. Kinh nghiệm cho thấy, nếu duy trì chiến lược công nghiệp hóa theo hướng thay thế nhập khẩu thì không thể nhanh chóng làm giàu cho đất nước được. Vì vậy cần chuyển sang chiến lược công nghiệp hóa theo hướng xuất khẩu.

Chuyển giao công nghệ là con đường mở ra khả năng to lớn để các nước phát triển muộn về công nghiệp có thể đi nhanh vào hiện đại hóa trong thời đại ngày nay. Song muốn vậy, cần có những tiền đề nhất định. Theo tôi, muốn thực hiện công nghiệp hóa qua chuyển giao công nghệ ở nước ta, cần có *những điều kiện và giải pháp chủ yếu* sau đây :

1- Có trình độ dân trí cao và ham hiểu biết. Đây là điều kiện đầu tiên cần phải có. Theo kinh nghiệm của Nhật bản, nếu thiếu điều kiện này, thì không thể có năng lực tiếp thu công nghệ của nước ngoài, cho dù thời kỳ đầu chỉ là sự bắt chước làm theo. Hiện nay, về tỷ lệ học sinh và tỷ lệ người lớn biết chữ so với số dân, Việt nam đạt xấp xỉ mức Đài loan, Thái lan và Trung quốc vào thời điểm bắt đầu cất cánh. Điều đó có nghĩa là Việt nam có thể chuyển từ chiến lược công nghiệp hóa theo hướng nhập khẩu sang chiến lược công nghiệp hóa theo hướng xuất khẩu qua chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên ở đây có điểm cần lưu ý : hiện nay nước ta phát triển chậm hơn Đài loan từ 25 đến 30 năm, chậm hơn Thái lan và Trung quốc từ 15 đến 20 năm. Về chất lượng giáo dục đào tạo, chúng ta hiểu biết kém họ về kinh tế thị trường và khoa học công nghệ. Hiện tượng học sinh phổ thông và đại học lười học là khá phổ biến. Ý thức tự hào và tự trọng dân tộc chưa ngang tầm yêu cầu chuyển giao công nghệ.

Những hạn chế nói trên, nhất là về chất lượng giáo dục đào tạo và lòng tự hào, tự trọng dân tộc, đã và đang gây trở ngại cho việc tiếp nhận công nghệ mới qua chuyển giao công nghệ. Vì vậy, cần có các giải pháp đúng đắn và mang tính khả thi. Cần thực sự coi khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo là "quốc sách hàng đầu". Cần xã hội hóa sự nghiệp giáo dục đào tạo. Và tất cả phải được thể hiện ngay từ chính sách đầu tư của nhà nước và xã hội.

2- Bảo đảm tốt việc tích lũy trong nước và đầu tư. Có lẽ khỏi phải bàn nhiều về tích lũy và quan hệ giữa tích lũy và đầu tư, nhất là đầu tư qua chuyển giao công nghệ. Tích lũy là một quy luật của tái sản xuất mở rộng và hiện đại hóa. Nguồn tích lũy bao gồm cả ở trong nước và ngoài nước. Đây cũng là tiền đề cho việc chuyển giao và tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới gắn với việc chuyển hướng chiến lược công nghiệp hóa ở ta. Tích lũy ở ta hiện nay còn thấp. Đầu tư mới đạt mức 12% (trong khi Đài loan đạt mức 20% ở thời điểm năm 1960 ; Trung quốc 29% và Thái lan 26% ở thời điểm năm 1970). Tỷ lệ tích lũy trong nước tương đối thấp, nguyên nhân chủ yếu là do khả năng hạn chế của khu vực kinh tế nhà nước. Tích lũy ở khu vực kinh tế tư nhân tăng khá, từ năm 1988 đến năm 1990 đã tăng gấp đôi (từ 5% lên 10%). Đó là xu thế tất yếu hay chỉ là hiện tượng nhất thời do áp dụng các giải pháp tình thế ? Xung quanh câu hỏi này, còn có những ý kiến khác nhau. Điều đó dễ hiểu, bởi lẽ những giải pháp đưa ra chưa thật cơ bản ; kết quả đạt được phần lớn là ở kinh tế hộ gia đình, chưa phải ở các hãng tư

Digitized by Google

nhân lớn. Hơn nữa, thời gian để đánh giá, tổng kết còn quá ngắn, mọi vấn đề đang còn ở phía trước.

Kinh nghiệm của Đài loan và Thái lan cho thấy : sự yếu kém của nền tài chính quốc gia hạn chế khả năng tích lũy trong nước, là trở ngại lớn nhất cho quá trình chuyển từ chiến lược công nghiệp hóa theo hướng nhập khẩu sang chiến lược công nghiệp hóa theo hướng xuất khẩu qua chuyển giao công nghệ hiện đại. Để thoát ra khỏi trở ngại trên, theo tôi, cần :

a- Tính đến kinh nghiệm của Nhật bản : "tích lũy không dựa vào vốn nước ngoài" và bảo đảm "tỷ lệ tăng dân số thấp" trong thời gian chuyển giao và tiếp nhận chuyển giao công nghệ. Có thể tóm tắt phương pháp tích lũy *ban đầu* của Nhật bản như sau : bóc lột nông dân (bằng thuế và các khoản thu cao) ; giữ tiền lương ở mức tương đối thấp ; thực hiện phương châm "năng nhật chặt bị", đề cao ý thức tự giác tiết kiệm ; thông qua cơ chế tín dụng ngân hàng để tạo vốn cho sản xuất. Nhật bản luôn chú ý giữ tỷ lệ tăng dân số ở mức thấp : từ năm 1920 đến 1936 là 1,1% ; từ năm 1940 đến 1950 là 1% ; từ năm 1950 đến 1975 là 1,2% ; sau năm 1975 đến nay là 0,8%. Nhật bản chỉ vay vốn nước ngoài khi thật cần thiết.

b- Thực hiện nhất quán chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, gắn với kinh nghiệm của Nhật bản về sử dụng cơ cấu *hai* tầng : một tầng là các doanh nghiệp *khổng lồ* có kỹ thuật và vốn tập trung khá cao ; một tầng khác là các doanh nghiệp *vừa* và *nhỏ* với công nghệ đòi hỏi nhiều lao động, tiền lương thấp. Hai tầng này vừa cạnh tranh vừa hợp tác, cùng tồn tại và phát triển.

c- Mở rộng quan hệ với nước ngoài chủ yếu bằng thu hút vốn liên doanh hoặc vốn đầu tư toàn bộ dựa trên chuyển giao công nghệ hiện đại.

d- Giảm hơn nữa tỷ lệ tăng dân số. Hiện nay tỷ lệ tăng dân số ở ta tuy có giảm so với trước nhưng vẫn còn cao (trên dưới 2%). Không tiếp tục giảm tỷ lệ tăng dân số thì chúng ta sẽ không nhanh chóng khắc phục được tình trạng đất đai trở nên khan hiếm, rừng và môi trường suy giảm, việc làm thiếu nghiêm trọng, tổng sản phẩm quốc gia (GNP) theo đầu người giảm, tích lũy đạt tỷ lệ thấp... Điều đó đương nhiên ảnh hưởng rất lớn đến việc tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới.

3- *Bảo đảm công nghệ giữa nước xuất và nước nhập công nghệ không chênh lệch nhau nhiều*. Đây là một điều kiện cho việc lựa chọn trong quá trình chuyển giao và tiếp nhận công nghệ. Nếu nước nhập công nghệ lựa chọn công nghệ quá cao mà không có sự chuẩn bị trước, thì sẽ không thể tận dụng, bảo đảm an toàn và hiệu quả khi sử dụng công nghệ mới.

Hiện nay, về trình độ công nghệ, các ngành nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng kết cấu hạ tầng ở ta còn thua kém nhiều so với các nước láng giềng khi các nước này ở vào thời điểm chuyển sang giai đoạn phát triển công nghiệp hóa (ví dụ, so với Trung quốc chậm tới 10 năm, so với Đài loan chậm từ 20 đến 30 năm). Vì vậy, để việc chuyển sang giai đoạn phát triển công nghiệp hóa được thuận lợi, chúng ta cần :

a- Chuẩn bị sớm các điều kiện cần để tiếp nhận công nghệ hiện đại, như : xác định đúng lĩnh vực và ngành mũi nhọn cần đột phá ; đào tạo trước một bước đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ ; sắp xếp lại sản xuất và phân công lại lao động xã hội giữa các ngành truyền thống và ngành mới...

b- Bố trí quy mô các doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ một cách có căn cứ khoa học và phù hợp với thực tiễn. Coi trọng cả hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình trong việc định tỷ suất khấu hao tài sản cố định khi nhận chuyển giao công nghệ mới. Rút ngắn hợp lý thời gian thi công và lắp đặt khi du nhập công nghệ mới...

4- *Nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của nhà nước*. Việc chuyển giao công nghệ mới trên thế giới ngày nay có nhiều thuận lợi, nhưng cũng không kém phần phức tạp. Để việc nhận chuyển giao công nghệ mới được dễ dàng, cần nâng cao vai trò "bà đỡ" và năng lực quản lý vĩ mô của nhà nước. Đặc biệt, cần xây dựng toàn diện chính sách công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa thông qua nhận chuyển giao công nghệ mới. Đồng thời, nâng cao năng lực, tinh thần trách nhiệm và đạo đức "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư" ở đội ngũ chuyên làm công tác chọn và nhận chuyển giao công nghệ mới ở nước ta.

Digitized by Google

Góp thêm cách nhìn mới trong phát triển khoa học và công nghệ

HOÀNG ĐÌNH PHU *

CUỘC cách mạng công nghệ đương đại phát triển sôi động trên thế giới với những thành tựu kỳ diệu của mình đang làm biến đổi sâu sắc mọi lĩnh vực hoạt động của con người và bộ mặt của xã hội.

1 - *Cách mạng công nghệ đang đưa loài người quá độ sang xã hội thông tin và nền văn minh tin học.*

Trong sản xuất và dịch vụ, thông tin đang trở thành một nguồn lực ngày càng quan trọng, vượt lên trên các nguồn lực vật chất. Trong đời sống văn hóa xã hội, thông tin tin học và hệ thống viễn thông hiện đại đang đẩy nhanh quá trình nâng cao dân trí, dân chủ hóa đời sống xã hội, mà nội dung cơ bản là dân chủ hóa thông tin, đổi mới phương thức quản lý kinh tế và quản lý xã hội, làm xích lại gần nhau các cộng đồng, các dân tộc, các quốc gia.

Xã hội thông tin đề ra những yêu cầu trí tuệ rất cao đối với con người, không chỉ đối với đội ngũ cán bộ chuyên sâu về các ngành khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và công nghệ, mà đối với toàn xã hội. Tri thức tổng hợp đi đôi với nghệ thuật điều hành của cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp cũng như tri thức nghề nghiệp đi đôi với tay nghề cao của những người lao động trực tiếp có vị trí hết sức trọng yếu trong xã hội thông tin.

2 - *Trong xã hội thông tin, nền kinh tế ngày càng mang tính chất một nền kinh tế kiến thức.*

Những đặc điểm cơ bản của nền kinh tế này là : sáng tạo thay cho tái sản xuất ; sản xuất của cải tinh thần ngày càng lấn bước của cải vật chất ; chất lượng được coi trọng hơn số lượng ; đầu vào vật chất ngày càng giảm, đầu vào trí tuệ ngày càng tăng ; đầu tư cho trí tuệ chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong các xí nghiệp sản xuất và dịch vụ (đào tạo và đào tạo lại, nghiên cứu triển khai, xử lý thông tin...).

Những đặc điểm đó kéo theo những biến đổi rất căn bản trong tổ chức và quản lý sản xuất. Tổ chức sản xuất theo kiểu Tê-lơ (Taylor) làm tha hóa con người, được thay thế bằng những kiểu tổ chức khác phát huy tính năng động sáng tạo của con người, đề cao trách nhiệm của các nhóm nhỏ và các cá nhân trong sản xuất, thu hút mọi người tham gia vào công tác quản lý và các công việc chung của xí nghiệp. Cơ cấu lao động cũng biến đổi một cách căn bản. Lao động không chuyên giảm mạnh, lao động có nghề cũng giảm ; ngược lại, xuất hiện ngày càng nhiều những gương mặt mới trong các xí nghiệp : kỹ thuật viên văn phòng dùng máy vi tính, các máy văn phòng và thông tin viễn thông để giải quyết mọi công việc của văn phòng một cách nhanh chóng và chuẩn xác ; cán bộ điều hành và điều tiết các hệ thống sản xuất tự động hóa ; công nhân bảo trì làm nhiệm vụ bảo dưỡng, kiểm tra phát hiện hư hỏng và sửa chữa máy móc thiết bị với sự giúp đỡ của các "hệ chuyên gia" ; cán bộ tiếp thị kiểu mới vừa có kiến thức tiếp thị vừa có trình độ khoa học và công nghệ, am hiểu tiềm năng mọi mặt của xí nghiệp và do đó, có khả năng đàm phán ký kết với khách hàng những hợp đồng có lợi nhất cho xí nghiệp.

Trong nền kinh tế kiến thức, chiến lược trí tuệ mà nội dung cơ bản là giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học đang trở thành bộ phận trung tâm của mọi chiến lược phát triển.

3 - *Trong xã hội thông tin, nền văn hóa cũng đang quá độ chuyển sang nền văn hóa màn hình.*

Nền văn hóa màn hình làm phong phú thêm cho nền văn hóa chữ viết và nền văn hóa truyền khẩu đã có từ mấy nghìn năm, hàng vạn năm nay. Kỹ thuật tin học, kỹ thuật nghe - nhìn và kỹ thuật viễn thông kết hợp lại với nhau đang hình thành một kết cấu hạ tầng văn hóa mới của thời đại, làm phát triển hết sức phong phú các phương thức hoạt động văn hóa, khoa học, giáo dục, ảnh hưởng to lớn đến phong cách tư duy và lối sống của con người.

Ngồi trước màn hình, người ta không chỉ đối thoại

* Cố vấn Viện nghiên cứu dự báo chiến lược khoa học - kỹ thuật

Digitized by Google

với một tác giả nào đó trên một trang sách mà là đối thoại với bất kỳ tác giả nào có liên quan đến vấn đề đang nghiên cứu trong nước hoặc ngoài nước. Những tư tưởng và sản phẩm của các tác giả đó, cũng như mọi tri thức cần thiết khác sẵn có trong bất kỳ cơ sở dữ liệu nào, đều có thể hiện lên màn hình bằng những dòng chữ, bằng hình ảnh hoặc hoạt hình, có thể kèm theo cả âm thanh. Tư duy lôgic, kết hợp với xúc cảm hình ảnh và âm thanh, có khả năng kích thích mạnh mẽ sức sáng tạo của con người.

*

Trong bối cảnh cách mạng công nghệ đó, có một vài suy nghĩ sau đây về chiến lược phát triển kinh tế xã hội ở nước ta.

1 - *Nước ta phải sớm xây dựng một xã hội thông tin và phát triển kinh tế theo định hướng một nền kinh tế kiến thức*. Đó là yêu cầu của thực tế khách quan và cũng là một thách thức cần được chấp nhận, nếu chúng ta muốn thực sự hòa nhập vào nền kinh tế thế giới trên tư thế bình đẳng, tương hợp được với những đặc điểm và yêu cầu của thời đại, chứ không phải lạc lõng bên rìa của cộng đồng thế giới với cách nghĩ, cách làm cũ kỹ, lạc hậu cả một cấp độ văn minh.

Nếu đi theo con đường công nghiệp hóa cổ điển mà các nước khác đã trải qua, chúng ta sẽ phải đầu tư một cơ sở vật chất kỹ thuật khổng lồ, lại phải bằng lòng với một sự phát triển tiệm tiến kéo dài nhiều thập kỷ (mà điều này chưa chắc đã có khả năng thực hiện được, bởi vì các nước khác đi nhanh hơn sẽ rất có thể ngăn chặn những nẻo đường đi lên của chúng ta). Còn đi vào mô hình "kinh tế kiến thức", đương nhiên cũng không dễ, bởi vì hiện nay, ngay cả những nhu cầu vật chất cơ bản nhất, chúng ta còn chưa đáp ứng được hết. Thế nhưng, trong thời đại ngày nay, có đi vào kinh tế kiến thức, chúng ta mới có thể giải quyết được các nhu cầu đó với chi phí đầu vào ít nhất. Tất nhiên, chúng ta sẽ gặp khó khăn do trình độ học vấn còn thấp của nhân dân ta, nhưng đây là khó khăn chúng ta hoàn toàn có thể khắc phục được nếu có quyết tâm cao. Hơn nữa, nhân dân ta vốn có một tiềm năng trí tuệ đáng tự hào, tiềm năng này không chỉ được lịch sử ghi nhận mà còn được thể hiện trong các hoạt động kinh tế và văn hóa trong thời gian gần đây.

Mặt khác, các sản phẩm phi vật chất cũng không kém phần quan trọng đối với những nhu cầu cơ bản của nhân dân ta hiện nay. Thật vậy, điều làm chúng ta day dứt nhất hiện nay chưa hẳn ở chỗ cái ăn cái mặc còn chưa đủ, mà chủ yếu có lẽ ở chỗ các giá trị văn hóa tinh thần trong xã hội xuống cấp nghiêm trọng. Cần lưu ý rằng, trong điều kiện mạng lưới viễn thông truyền hình đang không ngừng vươn rộng, vươn xa, không chỉ bao trùm khắp các châu lục, mà còn lan tỏa tới cả những vùng xa xôi hẻo lánh nhất của mỗi nước thì, nếu chúng ta để hình thành và kéo dài một "vùng áp thấp" văn hóa trong nước, lập tức các sản phẩm văn hóa ngoại lai sẽ ùa vào, ập đến, hoa thơm thì ít, cỏ dại cỏ độc thì nhiều, vượt ra ngoài vòng kiểm soát và chọn lọc của chúng ta. Không thể khắc phục hiện tượng đó một cách căn bản bằng biện pháp hành chính, mà phải bằng những sản phẩm văn hóa tinh thần lành mạnh của bản thân chúng ta, có tính nghệ thuật cao, phong phú, đa dạng, có khả năng hấp dẫn được mọi tầng lớp nhân dân, chiếm lĩnh được không gian văn hóa của xã hội, trên cơ sở đó mà mở rộng giao lưu văn hóa với các nước khác trên thế giới. Vì vậy, mặc dù nước ta còn nghèo, sản xuất của cải phi vật chất phải được xem là một lĩnh vực sản xuất hết sức quan trọng và cấp bách hiện nay.

Cần có một bước nhảy khái niệm để có thể thích nghi được với một thế giới đang đột biến, mạnh dạn và tự tin đi vào xã hội thông tin và nền kinh tế kiến thức.

2 - *Công tác giáo dục đào tạo phải được đặt lên hàng đầu các ưu tiên quốc gia*. Đây là biện pháp chiến lược quan trọng nhất, là cái chìa khóa mở cửa cho nhân dân ta đi vào xã hội thông tin và nền kinh tế kiến thức. Trong thời đại cách mạng khoa học và công nghệ, ở nước ta cũng như ở bất kỳ nước nào khác, *giáo dục phải là giáo dục thường trực, học tập phải là học tập suốt đời*. Một dự báo gần đây của các nhà khoa học Pháp cho biết : sau 20 năm nữa, 1/4 số nghề lúc đó sẽ là các nghề hiện nay chưa ai biết, còn 1/2 số nghề thì nội dung rất khác so với hiện nay. Vì vậy, học tập ở trường phải được kết hợp chặt chẽ với các phương thức học tập khác : tại nhà,

Digitized by Google

tại xí nghiệp, tại cơ quan ; đào tạo lại và tự học ; đào tạo tại chỗ và đào tạo từ xa ; do nhà nước và không do nhà nước, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, v.v., *hình thành một hệ thống giáo dục đào tạo liên kết của toàn xã hội.*

Trong hệ thống giáo dục đào tạo liên kết đó, hệ thống giáo dục phổ thông có vị trí cực kỳ quan trọng và có ý nghĩa quyết định. Cần hết sức coi trọng giáo dục về đạo đức, về môi trường, về các khoa học nhân văn trong các trường phổ thông ở những lứa tuổi hình thành nhân cách. Tin học, với tư cách làm một ngành khoa học hỗ trợ cho các hoạt động tư duy, cũng phải được xem như một ngành khoa học nhân văn, phải được dạy từ cấp phổ thông trung học, và là một môn học bắt buộc ở bậc đại học tại tất cả các ngành khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật. Các kiến thức văn hóa và khoa học giảng dạy tại các trường phổ thông, các phương thức giáo dục gắn liền lý luận với thực tế, nhà trường với xã hội, suy cho cùng, cũng là nhằm hình thành nhân cách, đào tạo con người. Còn để nắm được kỹ thuật đến mức có thể vận dụng được vào sản xuất, thì đã có những lớp bồi dưỡng, những lớp đào tạo khác, những phương thức giáo dục đào tạo khác tiếp nối theo. Ngay cả các trường đại học chuyên ngành thì chủ yếu cũng là đào tạo diện rộng đi sâu vào những kiến thức công nghệ cơ bản, tạo cơ sở vững chắc cho việc tự học trong công tác sau này và cho việc tiếp thu những công nghệ đổi mới sẽ xảy ra nhiều lần trong một cuộc đời nghề nghiệp. Tóm lại, chức năng cơ bản của hệ thống giáo dục tại trường, đặc biệt tại các trường phổ thông, là *dạy làm người, dạy cách học, dạy cách sáng tạo.* Kết quả thực hiện chức năng đó ảnh hưởng sâu sắc đến hiệu quả của toàn bộ hệ thống giáo dục đào tạo liên kết và đến chất lượng của toàn xã hội.

Cần phát triển nhanh chóng, có chất lượng cao và có hệ thống *công tác phổ biến khoa học và công nghệ* cho các lứa tuổi, các ngành nghề các trình độ, thông qua nhiều phương thức hoạt động khác nhau ; chú trọng khai thác các phương tiện nghe nhìn hiện đại, đang được phát triển rộng rãi và có sức hấp dẫn cao. Khuyến khích *tinh thần tự học* của mỗi người ở bất kỳ cương vị công tác nào, thực hiện nghiêm chỉnh chế độ tự học, tổ chức biên soạn những tài liệu tự học thích hợp với từng ngành, từng cấp.

Công tác giáo dục đào tạo của chúng ta không những chỉ nhằm vào 13 triệu thanh, thiếu niên trên ghế nhà trường, mà còn phải nhằm vào 30 triệu lao động trong cả nước, để không ngừng nâng cao năng lực trí tuệ của mọi người trong lao động sản xuất trên đồng ruộng, trong các xí nghiệp, công trường, cơ quan. Đó là một cuộc *cách mạng giáo dục* thực sự, cần huy động lực lượng của toàn xã hội tham gia thực hiện với vai trò chủ đạo của ngành giáo dục đào tạo, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của đảng và nhà nước.

3 - *Xây dựng sớm mạng lưới viễn thông tin học kết hợp với các cơ sở dữ liệu và phương tiện nghe nhìn bao trùm mọi vùng đất nước và liên kết với các mạng lưới nước ngoài.* Đây là kết cấu hạ tầng kinh tế và văn hóa cực kỳ quan trọng bảo đảm cho sự phát triển nhanh chóng của đất nước về mọi mặt, hỗ trợ đắc lực cho các hoạt động quản lý kinh tế, quản lý xã hội ở tầm vĩ mô và vi mô, cho công tác giáo dục đào tạo và phổ biến khoa học và công nghệ, cho các hoạt động sáng tạo khoa học và nghệ thuật, cho việc giao lưu trí tuệ và giao lưu thông tin, cho việc hợp tác kinh tế và văn hóa với các nước khác trên thế giới.

Tháng 8 năm 1993, Chính phủ ta đã ban hành Quyết định 49/CP về chính sách công nghệ thông tin. Đó là một chủ trương hết sức đúng đắn, đáng được chào mừng như một sự kiện quan trọng đáng ghi nhớ trong đời sống kinh tế văn hóa và khoa học ở nước ta. Bộ khoa học công nghệ và môi trường đang chỉ đạo thực hiện chính sách đó nhằm thiết lập một hệ thống các mạng thông tin phục vụ quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh, các hoạt động giáo dục và khoa học.

Hiện nay, mạng lưới viễn thông kỹ thuật số của ta đang phát triển mạnh mẽ từ bắc chí nam, từ thành thị đến nông thôn, miền núi, kết nối và tương hợp với mạng lưới viễn thông của thế giới ; hệ thống phát thanh truyền hình cũng đang thực hiện phủ sóng toàn quốc đến cả những vùng xa xôi hẻo lánh nhất. Đó là những điều kiện thuận lợi rất cơ bản để xây dựng mạng lưới công nghệ thông tin trong phạm vi cả nước, và kết nối với mạng lưới của nước ngoài.

Digitized by Google

Tuy vậy, để hình thành được một hệ thống viễn thông tin học hoàn chỉnh, có thể đưa vào khai khác có hiệu quả cao, thì còn phải giải quyết hàng loạt vấn đề khó khăn phức tạp với một khối lượng công việc rất lớn, đặc biệt là trong việc xây dựng các cơ sở dữ liệu, bồi dưỡng cán bộ tin học và xây dựng cơ sở công nghiệp đầu tiên của công nghệ thông tin.

Mặt khác, phải có cơ chế vận hành và những chính sách thích hợp để phát huy cao nhất hiệu quả của mạng lưới. Các nhà quản lý, các nhà kinh doanh, các nhà khoa học và mỗi một người có nhu cầu đều có thể tiếp cận được mạng lưới, dễ dàng nhận được các thông tin cần thiết cho hoạt động của mình, không để xảy ra hiện tượng phân cực, tạo thêm một sự bất công mới trong xã hội, giữa người có khả năng tiếp cận được thông tin (do đó, phát huy được năng lực sáng tạo của mình) với người không có được khả năng đó. Mạng lưới viễn thông - tin học mở ra với thế giới đang được xây dựng ở nước ta, phải trở thành một kho trí tuệ vô tận, thực sự là sở hữu toàn dân, của mọi người và của mỗi người.

4 - *Phát triển nhanh chóng các ngành công nghệ cao trong một cơ cấu đa nguyên công nghệ.* Trong cuộc cách mạng công nghệ đương đại, xuất hiện một lớp các công nghệ mới được gọi là công nghệ cao. Đó là những công nghệ dựa vào những thành tựu mới nhất của các ngành khoa học hiện đại như vật lý vi mô, hóa học lượng tử, sinh học phân tử, vận dụng những quy luật vận động ở cấp vi mô của vật chất và vật liệu sống. Đó là các ngành điện tử tin học, công nghệ sinh học, vật liệu mới, các công nghệ gia công chính xác và tự động hóa.

Tại các nước phát triển, các ngành công nghệ cao có *hai chức năng cơ bản*. Chức năng *thứ nhất* là làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, đưa lại lợi ích to lớn cho các nhà kinh doanh. Công nghệ cao đòi hỏi nhiều chất xám nhưng ít năng lượng, ít vật liệu, không gây hoặc ít gây ô nhiễm môi trường ; và quan trọng hơn hết đối với họ, là có giá trị gia tăng rất cao. Chức năng *thứ hai* là, với các công nghệ cao, người ta có thể làm trẻ lại nhiều ngành công nghiệp như dệt, luyện kim, ô tô..., những ngành tưởng như đã đạt đến trình độ tột cùng, đưa lại cho các ngành đó những sản phẩm có tính năng mới... Ở phương Tây người ta đã gọi quá trình này là quá trình "tái công nghiệp hóa".

Trong điều kiện nước ta, cũng cần phát huy cả hai chức năng đó của các ngành công nghệ cao, nhưng *trong thời gian trước mắt*, phải nhằm chủ yếu vào *chức năng thứ hai*, có nhu cầu rất to lớn và cấp bách. Các cơ sở sản xuất công nghiệp hiện có, các ngành thủ công mỹ nghệ mà thế mạnh là thu hút được nhiều lao động, nếu không được hiện đại hóa trên cơ sở những thành tựu của công nghệ cao để nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế, thì không thể nào đứng vững và phát triển được trong cơ chế thị trường, chưa nói là còn có nguy cơ dẫn đến tái thất nghiệp, như đã diễn ra tại nhiều nơi từ mấy năm nay.

Trong nhiều năm qua, chúng ta quá dè dặt trong việc tiếp cận các công nghệ cao, đầu tư nhỏ giọt và chưa có chính sách khuyến khích các công nghệ cao. Hình như chúng ta bị ám ảnh bởi cái "tư tưởng tuần tự" với lý do là phải đi từng bước vững chắc, trong khi đó thì nhiều nước khác, kể cả các nước Đông - Nam Á, khởi động sau ta nhưng lại đã bứt lên đi trước ta. Đã đến lúc phải nhìn nhận lại vấn đề, thấy hết ý nghĩa chiến lược của việc đi thẳng, đi nhanh vào các ngành công nghệ cao trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Cần nhanh chóng nâng cấp các phòng thí nghiệm thuộc các ngành công nghệ cao tại các viện nghiên cứu và trường đại học để đủ sức tiếp thu những thành tựu công nghệ cao mới nhất của thế giới và vận dụng vào việc hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân, đồng thời hết sức quan tâm cập nhật hóa các kiến thức công nghệ mới và phương pháp nghiên cứu mới cho đội ngũ cán bộ của ta thuộc các lĩnh vực công nghệ đó. Cần tiến hành điều tra nghiên cứu để xây dựng một chương trình nâng cấp các phòng thí nghiệm công nghệ cao đến năm 2000 trình Chính phủ xét duyệt để thực hiện.

Chương trình đó, cùng với chương trình viễn thông tin học đang tiến hành, phải được xem như những nội dung quan trọng nhất của nhiệm vụ xây dựng kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ đến năm 2000 để chuẩn bị bước vào thế kỷ 21.

Digitized by Google

VẤN ĐỀ NĂNG LỰC NỘI SINH TRONG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NƯỚC TA

NGUYỄN SĨ LỘC *

THỜI gian qua, Bộ chính trị Đảng ta đã hai lần ra nghị quyết (vào các năm 1981 và 1991) để cập một cách toàn diện từ nhận thức đến phương châm hành động, quyết tâm đưa khoa học và công nghệ trở thành động lực cho sự nghiệp xây dựng và đổi mới đất nước.

Khoa học và công nghệ có vai trò không thể phủ nhận trong phát triển. Tuy nhiên, đằng sau nó là những quan hệ qua lại và chuyển hóa không ngừng theo xu hướng thời đại. Khoa học không tự động đi vào cuộc sống, nó đòi hỏi ở mỗi quốc gia, mỗi dân tộc những điều kiện (từ bên trong) để tiếp nhận nó và biến nó trở thành nhân tố then chốt cho sự phát triển.

1 - Công nghiệp hóa bằng khoa học và công nghệ

Thuật ngữ *công nghiệp hóa* dùng để chỉ một quá trình cải tạo cơ cấu bên trong của toàn bộ nền kinh tế quốc dân dựa trên việc ứng dụng triệt để những tiến bộ của khoa học và công nghệ hiện đại. Với nghĩa đó, công nghiệp hóa không chỉ bó hẹp và liên quan trực tiếp đến công nghiệp, mà còn là một quá trình vận động diễn ra trong toàn bộ cơ thể nền kinh tế quốc dân.

Sự tiến bộ không ngừng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế qua các nền văn minh của nhân loại là một quá trình từ thấp đến cao. Qua những nấc thang lịch sử đó, mỗi nền văn minh có những phương thức tiêu biểu tác động lên thế giới tự nhiên. Loài người đã biết tới văn minh *nông nghiệp,* ở đó phương thức nuôi trồng, chăn thả chiếm ưu thế tuyệt đối. Trong nền văn minh *công nghiệp,* phương thức sản xuất theo lối công xưởng, hàng loạt, dựa trên sự lợi dụng các nguồn năng lượng và vật chất của trái đất mà con người đã làm chủ. Ngày nay, con người đang bước tới một nền văn minh *mới,* văn minh *trí tuệ*. Ở đó, bên cạnh di sản của văn minh nông nghiệp và công nghiệp, những giá trị mới của loài người đang được tạo ra, ở mức độ đáng kể nhờ vào sự vận động của thông tin, một thuộc tính khác phản ánh cấu trúc, trật tự của vật chất.

Công nghiệp hóa bắt nguồn từ thời đại văn minh công nghiệp, khi công nghiệp nổi lên và chiếm ưu thế trong nền kinh tế. Nó thường được hiểu như một sự phổ cập rộng rãi các phương pháp sản xuất cũng như phương thức tổ chức sản xuất theo kiểu công nghiệp và các lĩnh vực khác của hoạt động con người, trước hết là hoạt động kinh tế. Ngày nay, tại những khu vực phát triển nhất của thế giới, nền văn minh đó dường như đã bị vượt qua. Dưới tác động của cách mạng công nghệ, dần dần phương thức công nghiệp theo kiểu cổ điển không còn chiếm địa vị thống trị tuyệt đối nữa. Hiện đang ra đời những phương thức tiến bộ hơn để tổ chức và thực hiện các hoạt động kinh tế và các hoạt động khác trong xã hội. Đó thực chất là một quá trình "khoa học hóa", theo thói quen thường được gọi là "công nghiệp hóa". Như vậy, công nghiệp hóa ở đây được hiểu theo nghĩa *khoa học hóa nền kinh tế quốc dân*. Nó gắn liền với việc đưa kiến thức khoa học thông qua công nghệ vào mọi mặt đời sống xã hội, tạo ra cấu trúc bên trong, mới về chất (xét theo các tiêu chuẩn : trình độ công nghiệp, hiệu quả sản xuất và khả năng làm lành mạnh môi trường). Công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của quá trình đưa nước ta "cất cánh" vào đầu thế kỷ tới.

2 - Công nghệ, cạnh tranh và phát triển

Trong các hoạt động sản xuất và dịch vụ của mình, thực tế bao giờ con người cũng tiến hành theo những ý tưởng công nghệ nhất định. Ngày nay, chúng ta đang chứng kiến thế kỷ của những cuộc cách mạng về ý tưởng công nghệ, những cuộc cách mạng bằng trí tuệ.

* PTS kinh tế, Bộ khoa học, công nghệ và môi trường

Digitized by Google

Nó đang làm đảo lộn những nếp nghĩ quen thuộc trước đây về các con đường để tồn tại và phát triển. Nó đang cách mạng hóa các hình thức tổ chức đời sống xã hội, nhập cuộc khung cảnh văn minh mới, mở ra cơ hội thực tế cho sự phát triển nhảy vọt. Trong một thế giới cạnh tranh gay gắt, dân tộc nào không bắt kịp với trào lưu tiến bộ chung của thời đại sẽ có nguy cơ thua cuộc.

Cuộc cách mạng công nghệ cũng đã tạo ra những điều kiện mới, chưa hề có trong cuộc cạnh tranh quốc tế. Chẳng hạn giờ đây máy điện toán, liên lạc viễn thông và các thiết bị điều khiển không những chắp cánh cho các công ty siêu quốc gia hoạt động hữu hiệu, mà còn tạo điều kiện cho các công ty *nhỏ* và *vừa* làm được những việc như các công ty *lớn*. Nhờ có các công nghệ mới, các công ty có thể nắm được các nhu cầu thị trường ở xa và phản ứng kịp thời trước những diễn biến của các nhu cầu đó. Điều này cho phép các công ty có thể tổ chức sản xuất và dịch vụ theo hướng phân tán, hợp lý hóa tối ưu các nguồn lực trong kinh doanh. Với khả năng này, các công ty nhỏ có thể giảm được giá thành sản phẩm, tăng được sức cạnh tranh ; các xí nghiệp mới, các quốc gia mới, có thể phát huy được lợi thế độc đáo của mình và vượt lên. Chính trong bối cảnh đó đã hình thành các mô hình công nghiệp hóa *rút ngắn*, mà tiêu biểu là các nước công nghiệp mới (NIC) ở khu vực châu Á - Thái bình dương. Một yếu tố rất cơ bản ở những nước này là xã hội đã thích nghi được với tiến bộ khoa học và công nghệ, biến nó thành yếu tố bên trong tạo nên sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ, tạo nên sức mạnh kinh tế của đất nước.

3 - Bản chất và nội dung của năng lực nội sinh trong khoa học và công nghệ

Bất kỳ nước nào, ở trình độ phát triển nào, cũng cần có năng lực khoa học và công nghệ nội sinh để tồn tại và phát triển. Đó là năng lực xử lý các vấn đề khoa học và công nghệ nảy sinh trong cuộc sống, là năng lực biết ra quyết định một cách có căn cứ (như phải làm gì, làm thế nào, hợp tác với ai cho có lợi nhất) trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, phục vụ phát triển.

Để làm được điều này, trước hết cần nhận rõ nhu cầu *bức xúc nhất* của xã hội mà muốn giải quyết thì phải có các giải pháp nào về khoa học và công nghệ ; phải tổ chức cơ sở hạ tầng nghiên cứu và học tập kinh nghiệm thế giới ra sao để tạo nguồn cung cấp ý đồ đổi mới công nghệ ; phải có chính sách linh hoạt như thế nào để tận dụng lợi thế so sánh giữa cộng đồng dân tộc và cộng đồng quốc tế. Trong các yếu tố thì các yếu tố về tiềm lực khoa học và công nghệ nói chung (như con người, vốn liếng, trang thiết bị nghiên cứu, thông tin) và các cơ sở nghiên cứu khoa học trong nước nói riêng, chỉ là các yếu tố *cần*, nhưng *chưa đủ* để giành thắng lợi trong cuộc chạy đua kinh tế.

Năm 1989, tiến hành tổng kết sâu rộng trên phạm vi toàn cầu mười năm thực hiện *Chương trình hành động Viên năm 1979*, Liên hợp quốc đã rút bài học kinh nghiệm và đưa ra một cách tiếp cận mới nhằm tái thúc đẩy chương trình này một cách mạnh mẽ hơn, theo một chiến lược hợp lý hơn, đưa khoa học và công nghệ phục vụ cho công cuộc phát triển, cho sự phát triển năng lực nội sinh.

Chiến lược đó *một mặt* dựa vào khả năng các nước nghèo tự tổ chức lại xã hội cho phù hợp với xu thế của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại ; *mặt khác*, đòi hỏi sự hỗ trợ từ bên ngoài thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế. Thực tế cho thấy, nước nhận viện trợ chỉ có thể sử dụng có hiệu quả viện trợ quốc tế, nếu tự mình có khả năng xử lý ở mức độ nhất định các vấn đề khoa học và công nghệ. Chính điều này đòi hỏi mỗi nước phải xây dựng năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ. Cũng vì vậy, điểm mấu chốt trong hoạt động của Liên hợp quốc về khoa học và công nghệ trong những năm 90 là tăng cường năng lực nội sinh.

4 - Tăng cường năng lực nội sinh trong khoa học và công nghệ ở nước ta

Trước những vấn đề xã hội bức xúc ở nước ta như xóa đói, giảm nghèo thì việc huy động năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ để giải quyết có một ý nghĩa thời sự. Ai cũng thừa nhận, hộ nghèo trước hết đang cần vốn. Nhưng đồng vốn nhà nước cho vay, cũng như các hỗ trợ khác từ bên ngoài, chỉ phát huy được tác dụng nếu hộ được trợ giúp là hộ biết làm ăn, hay nói cách khác, là hộ biết vận dụng khoa học và công nghệ một cách tự giác. Vì thế, biện pháp xóa đói, giảm nghèo hữu hiệu nhất là giúp cho người nghèo biết *cách* thoát khỏi nghèo túng. Người nông dân biết làm ăn hiện nay phải vừa là nhà kinh tế vừa là nhà kỹ thuật, am hiểu thị trường tư liệu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Họ phải là người nắm vững tập quán tiêu dùng

Digitized by Google

của địa phương trước khi ra quyết định trồng gì, nuôi thả con gì, bán đi đâu, bán cho ai. Kiến thức, kinh nghiệm đó họ có thể dựa vào sự trợ giúp của các nhà khoa học cũng như từ phía các chương trình mà họ đang theo đuổi.

Hỗ trợ theo hướng này là cách thiết thực để người nông dân tăng cường năng lực nội sinh của mình về mặt khoa học và công nghệ, tức là tự mình có thể đưa ra những quyết định về giải pháp công nghệ thích hợp với mục tiêu, hoàn cảnh, công cuộc làm ăn của họ trong phong trào xóa đói, giảm nghèo hiện nay.

Bản chất của cách tiếp cận năng lực nội sinh là phát huy và khai thác triệt để các nhân tố bên trong, bảo đảm một sự phát triển bền vững, lâu dài cho tương lai đất nước trên cơ sở tận dụng tối đa các hỗ trợ từ bên ngoài. Để thực hiện điều này, nguyên tắc cơ bản là làm sao cho các quyết định liên quan đến khoa học và công nghệ thực sự xuất phát từ nhu cầu ưu tiên của công cuộc phát triển, khai thác được mọi khả năng, tận dụng được mọi phương án, nhất là các phương án mới, mà đất nước có được, và đáp ứng được nhu cầu của mọi tầng lớp trong cộng đồng tham dự các quá trình phát triển. Muốn vậy, nước nhà phải có khả năng phân định chính xác nhu cầu và cơ hội phát triển, lựa chọn được công nghệ thích hợp với điều kiện đặc thù, thích nghi được với nó, cải tiến hoặc phát triển nó phù hợp với hoàn cảnh của mình, và nhân ra diện rộng. Điều quan trọng là tất cả những công việc như vậy cần có sự nỗ lực chung của toàn xã hội.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, việc tăng cường năng lực nội sinh thực tế bao quát một phạm vi rộng lớn các vấn đề : xác định hướng ưu tiên ; hoạch định chính sách, cơ chế quản lý kinh tế và khoa học ; tổ chức thực hiện cụ thể. Song, theo tôi, có hai vấn đề nổi cộm, đáng được quan tâm và có ý nghĩa chiến lược lâu dài trong xây dựng năng lực nội sinh, đó là :

a) *Tạo lập một cấu trúc trong quy trình làm quyết định, sao cho các nghiên cứu khoa học và công nghệ thực sự đáp ứng được các nhu cầu nóng bỏng, bức xúc của xã hội.*

Một trong những quy luật của sự phát triển là khoa học và công nghệ phải thực sự xuất phát từ nhu cầu thực tiễn. Vấn đề là làm thế nào để khoa học thật sự xã hội hóa và sống bằng các đơn đặt hàng của xã hội. Điều quan trọng nhất trong xây dựng năng lực khoa học và công nghệ nội sinh, là làm thế nào để xã hội có được một *cơ chế hữu hiệu* bảo đảm thực hiện nguyên lý đó. Phát triển nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước là môi trường tốt cho sự hình thành một cơ chế như vậy.

Xét về mặt đó, có thể nói, sự đổi mới lớn nhất trong khoa học và công nghệ nước ta thời gian gần đây là ở chỗ đã tăng cường được mối quan hệ giữa khoa học với thực tiễn, sản xuất và đời sống. Nền khoa học của nước ta đã bắt đầu được tổ chức lại, được điều hành và phát triển nhằm vào các mục tiêu đích thực của xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều việc phải làm để tiếp tục đổi mới theo hướng này, mà trọng tâm là hình thành cho được một *thị trường công nghệ* trong nền kinh tế của đất nước.

Như chúng ta đã biết, với việc ban hành Pháp lệnh về sở hữu công nghiệp (năm 1989), Nhà nước ta đã chính thức công nhận quyền hợp pháp của các đối tác kinh tế, công nhận người bán và người mua đều bình đẳng và cùng có lợi trên thị trường *công nghệ*, sản phẩm quan trọng nhất của hoạt động khoa học và công nghệ của một quốc gia. Đó là cái mốc đánh dấu sự thay đổi toàn bộ cục diện phát triển khoa học và công nghệ ở nước ta trong những năm gần đây. Đó cũng là yếu tố chi phối phương thức phát triển khoa học và công nghệ ở nước ta hiện nay và trong tương lai.

Trước năm 1989, vì nhiều lý do, chính sách khoa học và công nghệ ở nước ta đặt trọng tâm vào việc phát triển hạ tầng nghiên cứu và triển khai. Đi vào nội dung, có thể thấy đối tượng điều tiết chủ yếu của các văn bản pháp lý là các quan hệ trong cộng đồng nghiên cứu gồm các viện nghiên cứu, chưa với tới các đơn vị sản xuất kinh doanh. Nhìn chung, trong việc hoạch định mục tiêu nghiên cứu, tiếng nói của các *nhà khoa học* đại diện cho giới nghiên cứu khoa học và công nghệ áp đảo tiếng nói của các *nhà doanh nghiệp* đại diện cho giới sử dụng công nghệ. Vì vậy, nếu gọi chính sách khoa học, công nghệ thời kỳ này là chính sách "hướng về phòng thí nghiệm" thì có lẽ cũng không phải điều gì quá đáng.

Chính sách "hướng về phòng thí nghiệm" khi đó có nguyên nhân khách quan về kinh tế, xã hội. Lúc đó, nền kinh tế nước ta lệ thuộc vào viện trợ bên ngoài và

Digitized by Google

chủ yếu phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc. Các công trình nghiên cứu hàm lượng khoa học rất thấp, lại cô lập với thị trường bên ngoài ; quan hệ giữa khoa học và kinh tế không bình thường, kinh tế không phát huy được vai trò là nhân tố chi phối và đặt hàng cho khoa học và công nghệ phát triển. Việc chuyển giao công nghệ chủ yếu diễn ra qua kênh viện trợ kỹ thuật *phi thương mại*. Nền công nghiệp chế tạo trong nước quá yếu, nhìn chung chưa đủ sức bắt chước, tái tạo công nghệ nhập vào cũng như thực hiện các kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong nước. Khoa học, trong bối cảnh đó, đương nhiên chưa thể xuất phát từ nhu cầu sản xuất theo đúng nghĩa của nó.

Ngày nay, sự nghiệp đổi mới đang diễn ra trên đất nước ta, tự nó là một quá trình đáp ứng đòi hỏi từ bên trong xã hội, do nhu cầu phát triển liên tục của dân tộc. Trong sự nghiệp đó, khoa học và công nghệ là một yếu tố quan trọng. Đó cũng là sự nghiệp của quần chúng, thông qua bàn tay vô hình của hàng triệu, hàng triệu con người góp sức làm cho khoa học tồn tại và phát huy tác dụng trong xã hội. Khoa học đích thực chỉ có thể là của dân, do dân và vì dân. Nhân dân là người sáng tạo ra, cũng là người hưởng thụ các thành tựu của khoa học và công nghệ. Chừng nào chưa có được một cơ chế tạo điều kiện dễ dàng cho nhân dân làm chủ trên lĩnh vực này, thì chưa thể tạo nên năng lực nội sinh trong khoa học và công nghệ.

b) *Tăng cường chức năng thẩm định và đánh giá công nghệ.*

Một vấn đề đặt ra là về mặt công nghệ, thường có nhiều cách giải quyết khác nhau. Vì vậy, thẩm định và đánh giá công nghệ để có thể chọn đúng những quy trình hoặc những khâu công nghệ cần thiết, phù hợp với hoàn cảnh riêng của đất nước, phù hợp với nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và cấp bách hiện nay là bảo vệ môi trường, duy trì sự phát triển bền vững, là điều vô cùng quan trọng. Chính do yếu kém về mặt này mà ở ta không ít chủ đầu tư đã cho nhập các công nghệ không đúng với yêu cầu về kinh tế, kỹ thuật và môi trường, gây lãng phí và tác hại rất lớn. Chúng ta vẫn chưa thực hiện tốt việc kiểm soát dòng công nghệ nhập vào, cũng như chưa hết lúng túng trong việc xác định các hướng công nghệ cần phát triển.

Khi đánh giá một công nghệ hay một hướng công nghệ, thường phải huy động trí tuệ của không ít chuyên gia liên ngành trong toàn xã hội. Vì thế, đây là một hoạt động mang tính xã hội hóa cao, đòi hỏi có sự tác động tích cực của nhà nước về mặt tổ chức. Để lo hoạt động này, cần có một hệ thống các cơ quan chuyên trách, kể cả các cơ quan hoạt động theo cơ chế thị trường như các công ty tư vấn đầu tư và phát triển công nghệ. Tiếc rằng, ở nước ta cả hai loại cơ quan nói trên còn quá yếu, chưa đáp ứng được nhiệm vụ bức xúc của phát triển và chuyển giao công nghệ hiện nay. Xây dựng khả năng thẩm định và đánh giá công nghệ là một yêu cầu mới. Cấp thiết trong bước đường tạo lập năng lực khoa học và công nghệ nội sinh.

Chăm lo xây dựng những nhân tố nội sinh trong khoa học và công nghệ là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước. Dù chúng ta coi nhập công nghệ hay dựa vào năng lực sáng tạo của bộ máy nghiên cứu trong nước là chính, thì khả năng ra quyết định về những hoạt động đó đều phải xuất phát từ nhu cầu của thị trường và nhu cầu phát triển nói chung của toàn xã hội. Phải có sự tham gia thực sự của mọi thành phần kinh tế và các lĩnh vực liên quan trong toàn xã hội. Và vì vậy, phải có một cơ cấu thích hợp, bảo đảm cho toàn xã hội có thể tham gia, giám sát và làm chủ các hoạt động khoa học và công nghệ. Trong những việc cần làm ngay, có các việc : xây dựng và củng cố mạng lưới dịch vụ tư vấn làm cầu nối giữa cộng đồng doanh nghiệp và cộng đồng nghiên cứu ; thẩm cứu công nghệ trong các dự án đầu tư trong nước và nước ngoài. Tăng cường năng lực nội sinh phải gắn chặt với những nhân tố mới hình thành trong cơ chế thị trường ; đồng thời phải phát huy được hơn nữa hiệu quả quản lý của nhà nước. Chỉ có hình thành được cấu trúc mới của quá trình ra quyết định, mới có thể cải thiện được tình hình, nâng cao được hiệu quả của công tác phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy nhanh được nhịp độ xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

ĐÔ THỊ HÓA VÀ VẤN ĐỀ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THANH LÊ *

Đô thị hóa và quản lý đô thị là một trong những vấn đề nóng hổi của thời đại chúng ta. Người ta nói đến sự "bùng nổ" của quá trình đô thị hóa, cũng như đã từng nói đến sự "bùng nổ" về dân số. Ở các nước phát triển, dân cư đô thị đã chiếm tới 3/4 hoặc 4/5 số dân. Còn ở các nước đang phát triển, dân cư đô thị cũng tăng theo nhịp độ nhảy vọt. Hàng loạt vấn đề được đặt ra : Quá trình đô thị hóa này sẽ đi tới đâu ? Nó đang và sẽ mang lại những gì cho đời sống con người ? Liệu con người và tự nhiên có còn giữ được mối liên hệ hữu cơ với nhau nữa không ? Làm thế nào để kìm hãm, để điều khiển quá trình đô thị hóa này ? V.v. và v.v..

Có không ít những cách nhìn khác nhau đối với quá trình đô thị hóa. Đối với người này, đó là một quá trình tiến bộ ; đối với người khác thì ngược lại - đó là một quá trình thoái hóa của loài người. Thậm chí có người đã đưa ra lời kêu gọi thống thiết : hãy từ bỏ nơi thị thành và trở về với đời sống thôn dã, tự nhiên, nguyên thủy. Đây đó, người ta còn "thí nghiệm" lối sống nguyên thủy giữa những vùng tự nhiên hoang vắng. Nhưng trong khi đó, đô thị vẫn mọc lên không ngừng, và quá trình đô thị hóa vẫn cứ diễn ra không thể nào cưỡng lại được. Nước ta cũng không vượt qua xu thế chung này. Vậy, cần phải lý giải nó như thế nào, xử lý nó ra sao, để quá trình đô thị hóa diễn ra như một hiện tượng tích cực trong đời sống xã hội. Bài này xin nêu lên một vài suy nghĩ bước đầu.

I - Sự hình thành và xu hướng phát triển đô thị.

Quá trình đô thị hóa hiện đại đòi hỏi phải xem xét lại khái niệm "đô thị hóa". Trước đây, đô thị hóa được hiểu là quá trình phát triển đô thị theo chiều "rộng", là sự nâng cao vai trò của đô thị trong đời sống đất nước. Ngày nay, đô thị hóa được hiểu là quá trình phát triển đô thị theo chiều "sâu", một quá trình phát triển kinh tế - xã hội với các đặc trưng : tập trung, tăng cường và phân hóa các hoạt động của đô thị ; hình thành các hình thức mới, các cơ cấu không gian mới của đô thị ; phổ cập rộng rãi lối sống đô thị. Trước đây, đô thị hóa diễn ra trong phạm vi các thành phố, còn ngày nay nó diễn ra rộng khắp, cả ở nông thôn. Quá trình đô thị hóa hiện đại là quá trình hình thành các hoạt động tập trung ở một số tương đối ít địa bàn và trung tâm, ở đó lao động có hiệu quả lớn nhất. Đó là một quá trình hình thành khách quan do sự phát triển của xã hội, chịu sự chi phối của phương thức sản xuất, của những quy luật chung của chế độ xã hội - kinh tế. Vì vậy, nó diễn ra khác nhau ở các chế độ tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, quá trình ấy có tính chất tự phát, vô tổ chức, làm sâu thêm những mâu thuẫn xã hội và gây ra những mâu thuẫn mới, gắn liền với sự phân hóa đô thị theo chiều sâu. Ở các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa thì quá trình ấy diễn ra một cách có kế hoạch nhằm phân bố hợp lý dân cư và bảo đảm sự phát triển cân đối về kinh tế, xích lại gần nhau giữa thành thị và nông thôn. Những nhược điểm của đô thị và đô thị hóa sẽ được loại trừ dần bằng cách mở rộng những đô thị vừa và nhỏ kiểu tối ưu, do đó không phải lo ngại về hiện tượng đô thị hóa "quá mức" với những hậu quả tiêu cực của nó.

Một vấn đề khác được đặt ra : *Quá trình đô thị hóa hiện đại đi theo những xu hướng nào* ? Nhìn lại quá khứ, trong thời kỳ cách mạng công nghiệp, đô thị hóa gắn chặt với công nghiệp hóa. Còn hiện nay, trong điều kiện cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại, một trong những nhân tố chủ yếu của đô thị hóa là sự "sản xuất" tri thức và thông

* TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

tin, là sự phát triển của các dịch vụ và hoạt động quản lý. Xu hướng mới này của quá trình đô thị hóa hiện đại thấy rất rõ ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, đặc biệt là ở Mỹ. Ở đó người ta chứng kiến một sự giảm sút tương đối, thậm chí tuyệt đối vai trò của công nghiệp, sự mở rộng không ngừng của lĩnh vực dịch vụ, sự tăng thêm tỷ trọng các hoạt động nghiên cứu khoa học, quản lý, giáo dục và đào tạo nhân lực lành nghề. Quá trình ấy có liên quan trực tiếp đến sự biến đổi rất to lớn trong sự phân công lao động xã hội, thể hiện ở sự thay đổi về tương quan giữa các khu vực sản xuất và phi sản xuất.

Quá trình ấy là một nhân tố quan trọng trong sự phát triển của xã hội hiện nay. Đô thị là một hình thức cư trú cơ bản của con người, và các vùng đô thị hóa là hình thức cư trú tiến bộ nhất. Tất nhiên, quá trình ấy đẻ ra rất nhiều vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu để đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả kinh tế và đời sống con người.

II - Một số vấn đề cấp thiết trong quản lý đô thị

1 - *Vấn đề con người và thiên nhiên*

Với sự hình thành những thành phố lớn và các cụm thành phố đang đặt ra vấn đề về sự tiến bộ giữa con người và tự nhiên. Đô thị vẫn là một bộ phận khăng khít của văn minh nông thôn bao trùm lên nó, đời sống của người dân đô thị vẫn triển khai trên bối cảnh nông thôn, nhịp sống của họ vẫn ăn nhịp với nhịp độ thiên nhiên. Thật ra, vấn đề bảo vệ môi trường thiên nhiên của dân đô thị cũng không phải giản đơn, vì môi trường đô thị là một hệ thống không đồng nhất gồm các yếu tố khác nhau : vật lý khí hậu, thủy văn, địa hình, sinh vật, kỹ thuật và xã hội. Vấn đề đặt ra là phải có một quan điểm sinh thái học đúng đắn đối với môi trường đô thị của con người.

2 - *Thành phố lớn, thành phố nhỏ*

Đây cũng là một trong những vấn đề các nhà nghiên cứu đang bàn cãi. Nhưng có điều là không thể phủ nhận tính chất tiến bộ của các thành phố lớn, thể hiện ở những điểm sau :

+ Thành phố lớn là nơi có trình độ giao tiếp cao và không ngừng tăng lên, khiến cho việc sản xuất tri thức và lĩnh hội tri thức cần thiết cho sự phát triển toàn diện của cá nhân đạt đến mức tốt nhất ;

+ Thành phố lớn là nơi có điều kiện thông tin và sinh hoạt văn hóa tốt nhất ;

+ Thành phố lớn là nơi diễn ra mạnh nhất sự san bằng những khác biệt về văn hóa, học vấn, khiến cho các tầng lớp dễ xích lại gần nhau ;

+ Thành phố lớn là nơi có điều kiện giúp san bằng sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị ;

+ Thành phố lớn là nơi có hiệu suất kinh tế cao hơn các thành phố nhỏ.

Vấn đề đặt ra là có nên để các thành phố lớn ở nước ta như Hà nội, TP Hồ Chí Minh, Hải phòng tiếp tục lớn lên hay cần nhân rộng chúng.

Ở đây cũng cần nói tới vai trò của các thành phố nhỏ ở nước ta như Huế, Đà lạt, Mỹ tho, Cần thơ, Vũng tàu, Đà nẵng, Biên hòa, v.v .. Thành phố nhỏ là khâu nối giữa nông thôn và vùng thành thị trong hệ thống cư trú. Đối với vùng nông thôn, thành phố nhỏ có mối liên hệ về lãnh thổ - hành chính, về kinh tế lao động - sản xuất và sinh hoạt. Do đó, các quá trình xã hội ở nông thôn được phản ánh vào sự phát triển của thành phố nhỏ. Mặt khác, thành phố nhỏ lại có sự giao lưu đa dạng với các thành phố lớn, vì vậy nó chịu ảnh hưởng rất lớn của các thành phố lớn.

3 - *Vấn đề dân số và gia đình*

Đô thị hóa có ảnh hưởng lớn đến những quá trình dân số, vì nó làm thay đổi tính chất lao động và sinh hoạt của con người. Ảnh hưởng ấy thể hiện trước hết ở quá trình di dân từ nông thôn về thành thị, từ miền (vùng) này sang miền (vùng) khác. Người bổ sung cho đô thị phần lớn là thanh niên, vì vậy về cơ cấu lứa tuổi, thành thị có xu hướng trẻ ra, còn nông thôn có chiều hướng già đi. Quá trình đô thị hóa và di dân đều là những hình thức thích nghi của dân cư với những thay đổi về điều kiện sống. Dân số tập trung ở đô thị là nét đặc trưng của đô thị hóa hiện đại.

Đô thị hóa cũng ảnh hưởng lớn đến vấn đề sinh đẻ. Đó là một trong những nhân tố chủ yếu làm cho tỷ lệ sinh đẻ giảm xuống. Kinh nghiệm cho thấy chỉ số trẻ con ở đô thị ít hơn ở nông thôn. Đô thị càng lớn thì chỉ số này càng thấp. Xu hướng kết hôn muộn ở các đô thị cũng có ảnh hưởng tới quá trình dân số. Với lối sống thành thị cũng hình thành những quan niệm mới về số con và lý tưởng về số người trong gia đình. Chức năng xã hội của gia đình thay đổi thì "giá trị kinh tế" của con cái, như là chỗ dựa của tuổi già, cũng giảm đi. Mặt khác, giá trị học vấn lại tăng lên : cha mẹ phải lo cho con ăn học đến nơi đến chốn, và do đó phải

Digitized by Google

chịu tốn kém rất lớn. Tất nhiên, đó không phải là một xu hướng hoàn toàn có tính chất tự phát, nó đòi hỏi một sự tác động xã hội, kinh tế và tâm lý để điều chỉnh sự gia tăng dân số ở đô thị một cách hợp lý.

4 - *Vấn đề lối sống đô thị*

Xét về các lĩnh vực lao động sản xuất, sinh hoạt và thông tin xã hội, lối sống đô thị có những đặc thù đòi hỏi con người thích nghi một cách tích cực. Đó là sự hòa nhập của con người với lao động và sinh hoạt đô thị. Hay nói cách khác, đây là vấn đề thích nghi với lao động công nghiệp và đời sống đô thị.

Sự thích nghi của những người lao động xuất thân từ nông thôn với lao động công nghiệp là một quá trình phức tạp, lâu dài, có mâu thuẫn. Quá trình đó đòi hỏi sự tiếp thu dần dần những mẫu mực về giá trị mới, cải tạo những mẫu mực đã có sẵn, do đó, đòi hỏi phải cải tạo cơ cấu tâm sinh lý của con người cho phù hợp với cơ cấu tổ chức của các cơ sở công nghiệp. Để cho quá trình thích nghi này diễn ra thuận lợi, cần xây dựng cơ cấu tổ chức lao động và cơ cấu tổ chức dịch vụ và các mặt phục vụ xã hội khác, như : dịch vụ di chuyển, y tế, bảo hiểm, an ninh, phòng cháy chữa cháy, trả lời pháp luật, vui chơi giải trí, giữ xe, ăn uống, tìm việc làm, v.v.. Không phải vì ý muốn chủ quan mà có thể do hoàn cảnh khách quan, người dân đô thị phải thay đổi liên tục về việc làm hoặc làm nhiều nghề khác nhau để nâng cao mức sống. Điều này thấy rất rõ trong nền kinh tế hàng hóa.

Về mặt thông tin xã hội, cần nhớ rằng quá trình đô thị hóa cũng là quá trình tăng cường thông tin xã hội, thường gắn liền với sự tiến bộ xã hội. Đô thị là hệ thống các trung tâm giao tiếp mà thành phần và cơ cấu do hoạt động của các hệ thống thông tin toàn xã hội quyết định. Nét đặc trưng căn bản của môi trường đô thị hiện đại là tính đa dạng ngày càng tăng của nó. Môi trường ấy đòi hỏi phải mở rộng sự tiếp cận của đông đảo quần chúng lao động với những thành tựu cao nhất về khoa học và văn hóa. Do đó, vấn đề đặt ra là phải tổ chức và quản lý đời sống của đô thị như thế nào để cho quá trình thông tin xã hội ở đô thị diễn ra theo hướng có lợi nhất cho sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân. Điều cần chú ý là điều đó có lợi không chỉ cho dân đô thị, mà cho cả dân nông thôn nữa, vì môi trường đô thị cũng là môi trường để đông đảo quần chúng ở nông thôn thích nghi với những thành tựu cao nhất của văn hóa, văn minh.

Một khía cạnh của lối sống đô thị không thể không đề cập đến là vấn đề giáo dục thanh, thiếu niên. Sự kiểm soát xã hội đối với hành vi của thanh, thiếu niên ở các đô thị, nói chung khó thực hiện hơn ở nông thôn. Vì vậy, vấn đề giáo dục thanh, thiếu niên ở các đô thị lớn, nhỏ, cần được đặt ra một cách mạnh mẽ, nghiêm ngặt, và đòi hỏi phải có những biện pháp có hiệu quả nhằm hình thành những phẩm chất tốt đẹp của con người.

5 - *Vấn đề giao thông vận tải ở đô thị*

Khả năng giao thông của không gian đô thị hoàn toàn phụ thuộc vào tiến bộ kỹ thuật và năng lực quản lý. Tùy theo phương tiện giao thông mà cường độ giao tiếp hàng ngày của con người được thực hiện ở trình độ này hay trình độ khác. Và đó là một trong những nhân tố quyết định sự phát triển của không gian đô thị.

Phương án tối ưu cho việc phát triển đô thị một cách hợp lý là, bên cạnh việc xây dựng các khu nhà ở hợp lý, tổ chức hệ thống giao thông thuận lợi, nhanh chóng và rẻ tiền, nhằm chủ yếu là rút ngắn ngày làm việc cho người lao động và giảm bớt những tai nạn do người lái xe cộ đi lại mất trật tự gây ra.

Một vấn đề khác được đặt ra về sự hợp tác liên thành phố trong phạm vi chùm đô thị khu vực, được thể hiện trong giao thông vận tải, hệ thống cống rãnh, hệ thống các mạng lưới khác. Nói tóm tắt, đường sá và giao thông chắc chắn là một khâu quan trọng về vấn đề đô thị. Hay nói cách khác, nói đến đô thị, trước hết phải nói đến giao thông vận tải.

Những vấn đề nói trên chưa nói lên hết tính đa dạng và phức tạp của quá trình đô thị hóa hiện đại, nhất là những vấn đề xã hội gắn liền với quá trình ấy. Dù sao, một điều chắc chắn là phải xem xét đô thị hóa như một quá trình khách quan mà việc quản lý đô thị cần phải được đặt ra ngang tầm với sự phát triển đó.

III - Vài ý kiến nhỏ về đô thị hóa và quản lý đô thị ở nước ta hiện nay

Ở một nước có nền văn minh lâu đời như nước ta, đô thị đã xuất hiện rất sớm. Nhiều chứng tích khảo cổ học cho thấy, sự tập trung sản xuất thủ công nghiệp đã hình thành từ thời Hùng Vương

Digitized by Google

(không có những trung tâm sản xuất ấy, làm sao có thể sản xuất những đồ đồng có tính chất kỹ thuật cao như trống đồng, thạp đồng và những vật phẩm khác ?). Những trung tâm hành chính, quân sự (mà thành Cổ loa là một bằng chứng điển hình) cũng chính là những hình thức đô thị đầu tiên ở nước ta. Và chúng ta cũng có đủ cơ sở để khẳng định rằng những trung tâm ấy đã có một trình độ phát triển khá cao.

Nhưng những đô thị kiểu như vậy, cũng như những đô thị ra đời và phát triển trong chế độ phong kiến (những "thành", "đô", "trấn", "phố" v.v.), không thể coi là những đô thị kiểu hiện đại. Ít nhất cũng vì một lẽ đơn giản : đó chưa phải là những đô thị gắn liền với nền sản xuất công nghiệp. Ngay cả những đô thị dưới thời Pháp thuộc, trừ một vài nơi có cơ sở sản xuất công nghiệp (như Hải phòng, Vinh, Sài gòn...) còn nói chung cũng chỉ là những trung tâm hành chính, thương nghiệp và thủ công nghiệp, trong đó phần lớn dân cư sống bằng những hoạt động phi sản xuất.

Bước vào cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Bắc nước ta mới bắt đầu quá trình đô thị hóa hiện đại. Quá trình ấy bao gồm *hai* mặt. *Một mặt*, cải tạo những thành phố chủ yếu có tính chất phi sản xuất thành những đô thị chủ yếu có tính chất sản xuất, đặc biệt là bằng việc xây dựng những xí nghiệp công nghiệp mới hoặc mở rộng và đổi mới những xí nghiệp công nghiệp sẵn có. *Mặt khác*, xây dựng những trung tâm công nghiệp mới (như khu công nghiệp Việt trì, khu gang thép Thái nguyên...). Do đó, tỷ trọng dân cư đô thị tăng lên đáng kể ; đặc biệt là giai cấp công nhân đã có một bước phát triển quan trọng về số lượng cũng như chất lượng.

Nhưng cũng phải thừa nhận rằng quá trình đô thị hóa hiện đại ở miền Bắc nước ta chưa nhanh, nói đúng ra là quá chậm chạp, vì chiến tranh làm đảo lộn. Rất nhiều cơ sở công nghiệp của ta đã bị đế quốc Mỹ tàn phá trong cuộc "chiến tranh không quân" của chúng nhằm đưa miền Bắc trở lại "thời kỳ đồ đá". Một trong những tháng lợi lịch sử của ta là vẫn duy trì được đời sống đô thị dưới những hình thức sản xuất và sinh hoạt "thời chiến" trong những năm chiến tranh hết sức khắc nghiệt. Vì vậy, sau khi hòa bình được lập lại, các đô thị ở miền Bắc nước ta lại khôi phục sản xuất và sinh hoạt được ngay và đứng trước những triển vọng phát triển mới ngày càng có quy mô lớn.

Còn ở miền Nam, trong hơn 20 năm trước ngày giải phóng, cũng đã diễn ra một quá trình "đô thị hóa" nhưng là "đô thị hóa" theo kiểu chủ nghĩa thực dân mới. Ở đó, các đô thị phình lên với nhịp độ chóng mặt. Riêng Sài gòn, một thành phố có khoảng 50 vạn dân, sau một thời gian ngắn đã biến thành một thành phố có trên 3 triệu người. Tỷ trọng dân cư đô thị tăng lên nhanh do hàng triệu dân nông thôn bị lùa về. Nền kinh tế đô thành Sài gòn cũng như nền kinh tế miền Nam thở bằng những "lá phổi" ngoại lai, bằng "viện trợ" quân sự và kinh tế của Mỹ. Trừ một số rất ít cơ sở công nghiệp - chủ yếu là công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm - kinh tế đô thị miền Nam dựa vào việc phục vụ mua đi bán lại hàng "viện trợ" của Mỹ và bộ máy ngụy quân, ngụy quyền. Toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị và xã hội ở miền Nam nói chung và ở các đô thị nói riêng, đều nằm trong tay đế quốc Mỹ và giai cấp tư sản quan liêu, quân phiệt và mại bản. Quá trình "đô thị hóa" ấy không phù hợp với quy luật phát triển xã hội một cách bình thường.

Sau Đại thắng mùa Xuân 1975, cả nước ta đi vào con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong công cuộc đô thị hóa, chúng ta phải tính đến những đặc điểm nói trên, để bảo đảm cho quá trình đô thị hóa diễn ra theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với quy luật phát triển xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Quá trình đô thị hóa hiện đại ở nước ta bao gồm hàng loạt vấn đề về phương hướng, nhịp độ, hình thức, v.v.. Những vấn đề ấy đòi hỏi một sự nghiên cứu công phu, có sự phối hợp chặt chẽ của nhiều bộ môn khoa học khác nhau : kinh tế học, xã hội học, kiến trúc... Trên cơ sở đó cũng đặt ra vấn đề quản lý đô thị một cách thích hợp. Quản lý đô thị là một công việc hết sức phức tạp, nội dung vừa mang tính khoa học tổng hợp, vừa mang tính pháp lý rất chặt chẽ. Trong khi đó, chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm. Để công tác quản lý đô thị có hiệu quả, trước hết cần pháp chế hóa đồng bộ trên cơ sở luận chứng kinh tế kỹ thuật, tất cả những gì

(Xem tiếp trang 29)

Digitized by Google

Phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội ở nông thôn nước ta hiện nay

HOÀNG NGỌC HÒA*

THỰC tiễn nước ta đã chỉ rõ, các điều kiện xã hội bảo đảm cho một cuộc sống ổn định, tiến bộ, chỉ có khi nền kinh tế phát triển. Nhiều vấn đề xã hội nan giải chỉ có thể khắc phục được khi xã hội có thể : bảo đảm cho các thành viên của mình những khả năng đương đầu với các rủi ro của cuộc sống ; tạo điều kiện cho người lao động có tích lũy dự phòng cho những lúc sống không có thu nhập ; trực tiếp can thiệp khi cần khắc phục hoặc loại bỏ những trục trặc do sự biến động và mặt trái của cơ chế thị trường gây ra. Những điều cơ bản cần thiết cho sự bình ổn xã hội trên đây, không thể có được trong cuộc sống bằng ý tưởng của lòng từ thiện ; cũng không thể đạt được bằng các quy định và văn bản pháp lý. Tất cả những điều đó chỉ có thể đạt được trên cơ sở một nền kinh tế phát triển cân đối vì :

- Nền kinh tế đó tác động tích cực đến tiến bộ xã hội, thúc đẩy việc mở rộng phân công lao động xã hội, tạo ra một quá trình phát triển kinh tế năng động, có nhiều việc làm, dẫn tới tăng sản xuất, tăng hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập.

- Nó là cơ sở bảo đảm cho những quyền và mong muốn chính đáng của những người có khả năng lao động được thực hiện. Và cũng chỉ có như vậy, mới có thể có tác động tích cực của thành thị đối với nông thôn, của công nghiệp đối với nông nghiệp, của công nhân và trí thức đối với nông dân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Và cũng chỉ có như vậy, bộ mặt nông thôn mới nhanh chóng đổi mới, nông dân không những được đáp ứng tốt hơn những nhu cầu thiết yếu mà còn có nhiều điều kiện thuận lợi tăng thu nhập từ lao động để tích lũy, dự phòng thiên tai bất trắc, tuổi già và những rủi ro trong cuộc sống.

- Nó là bảo đảm vững chắc cho việc tăng thu ngân sách nhà nước để từ đó nhà nước, nhân danh xã hội, có nhiều khả năng tăng chi cho sản xuất hàng hóa và dịch vụ công cộng, tăng chi về "bảo hiểm xã hội" nhằm giúp đỡ và trợ cấp (bằng hàng hóa, dịch vụ hoặc bằng tiền) cho những nông dân vì lý do nào đó mà không thể có được mức thu nhập tối thiểu cần thiết.

- Nó sẽ tạo nên sức mạnh kinh tế cho nhà nước can thiệp vào thị trường để bình ổn vật giá và tỷ giá giữa hàng nông sản với hàng công nghệ phẩm trong mối quan hệ tối ưu về kinh tế - xã hội ; để bảo vệ, hỗ trợ những người dân nông thôn trước những sự cạnh tranh không cân sức và trước những kẻ lợi dụng tình cảnh khó khăn của họ để bóc lột họ.

Phát triển và tăng trưởng kinh tế có vai trò cực kỳ to lớn đối với tiến bộ xã hội. Song không thể "khoanh tay", thụ động ngồi chờ đến lúc kinh tế phát triển cao mới quan tâm và bắt tay giải quyết các vấn đề xã hội. Vì rằng, chính bản thân việc giải quyết tốt những vấn đề xã hội lại là điều kiện quyết định để tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển và tăng trưởng kinh tế. Chúng ta không có ảo tưởng sớm có một đời sống xã hội ở nông thôn tốt đẹp khi mà nông dân còn chiếm hơn 80% dân số của cả nước với nguồn thu nhập chủ yếu vẫn dựa vào nền nông nghiệp độc canh và thuần nông, trên một diện tích canh tác vốn đã ít lại đang ngày càng bị thu hẹp bởi dân số tăng nhanh; khi mà dân cư nông thôn thiếu việc làm trầm trọng, lại thường xuyên bị thiên tai đe dọa ; khi mà các ngành có liên quan trực tiếp đến nông nghiệp đều còn kém phát triển, chưa phục vụ tốt sản xuất, đời sống của nông dân và nông thôn. Nhưng chúng ta cần và có thể thực thi ngay từ đầu việc kết hợp đẩy mạnh phát triển kinh tế với nâng cao dân trí, đổi mới

* Phó tiến sĩ kinh tế học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

thuần phong mỹ tục, xây dựng nếp sống có kỷ cương văn hóa lành mạnh, tiến bộ và công bằng xã hội ở nông thôn. Bởi vì :

- Nhiều vấn đề tệ nạn xã hội và hủ tục ở nông thôn hiện nay (như cờ bạc, số đề, nghiện rượu, nghiện hút, mê tín dị đoan, cưới xin, ma chay...) đang là trở ngại đáng lo ngại cho phát triển kinh tế. Điều này không phải chỉ do kinh tế kém phát triển, mà chủ yếu do lãnh đạo, quản lý, kỷ cương pháp luật bị buông lỏng, đạo đức xuống cấp nghiêm trọng. Nhiều nơi chưa quan tâm đúng mức giải quyết các vấn đề xã hội, chưa có giải pháp hữu hiệu kết hợp đẩy mạnh phát triển kinh tế với nâng cao dân trí, xây dựng nếp sống văn hóa, đạo đức và công bằng xã hội ở nông thôn.

- Các vấn đề xã hội có ảnh hưởng rất lớn đối với kinh tế, nếu không giải quyết tốt các vấn đề xã hội thì cũng sẽ không thể đẩy mạnh phát triển và tăng trưởng kinh tế một cách vững chắc. Ở nông thôn nước ta hiện nay, cơ cấu dân cư và tầng lớp xã hội không thuần nhất, lại càng phức tạp hơn dưới tác động của sự chuyển sang cơ chế thị trường. Do đó, các mối quan hệ xã hội dưới tác động chi phối của các quan hệ lợi ích cũng rất phức tạp. Muốn thúc đẩy kinh tế phát triển, điều cơ bản đầu tiên là giải quyết tốt các mối quan hệ lợi ích này, tạo được sự vận động thống nhất về mục tiêu của các chiều hướng, hình thành nên lực tổng hợp thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển.

- Nông dân là nhân tố chủ thể của xã hội ở nông thôn và cũng từ nông thôn mà cung cấp nhân lực, nhân tài cho đất nước. Do đó, lợi ích của nông dân được đáp ứng thỏa đáng, xã hội nông thôn được cải thiện, thì các tiềm năng, thế mạnh của nông dân và nông thôn sẽ được phát huy đúng hướng, tạo nên động lực nội tại mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế, đưa nông thôn thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, trì trệ.

- Đưa các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống nông thôn vào kỷ cương pháp luật là nhân tố xã hội tích cực tác động thúc đẩy kinh tế phát triển. Cùng với nó, việc xây dựng lối sống, nền văn hóa dân tộc truyền thống và phong tục tập quán xã hội sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế của nông thôn.

- Tôn giáo và tín ngưỡng là một nhân tố xã hội khác cũng rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế nông thôn, nhất là ở các vùng theo đạo và vùng dân tộc thiểu số. Do đó, cần có nhận thức mới và cách giải quyết tốt đối với đời sống tâm linh và truyền thống tình cảm dân tộc. Đây thật sự là một nhu cầu khách quan, nhất là trong hoàn cảnh cuộc sống nông thôn hiện nay.

*

Mấy năm gần đây, nhiều nước công nghiệp phát triển bậc nhất cũng gặp khó khăn, mức tăng trưởng kinh tế thấp, ngân sách tài chính thâm hụt, lại phải đối phó với nhiều vấn đề xã hội nan giải. Ngay trong lòng các nước đó đã xuất hiện cái gọi là "thế giới thứ tư". Một loạt vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng đang trở thành mối lo của toàn nhân loại.

Trong bối cảnh thế giới và đất nước như vậy, việc kết hợp tối ưu giữa phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội ở nông thôn nước ta đang là một trong những thách thức quan trọng nhất đối với công cuộc đổi mới. Muốn đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thì không thể không giải quyết tốt những vấn đề xã hội gắn liền với phát triển kinh tế, làm cho sản xuất nông nghiệp, đời sống nông dân, bộ mặt nông thôn sớm thoát khỏi tình trạng thấp kém.

Sự kết hợp giữa phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội trong sự nghiệp đổi mới ở nông thôn nước ta hiện nay nên theo hướng sau :

- Thúc đẩy và bảo đảm việc sử dụng các yếu tố sản xuất hiện có vào những lĩnh vực có năng suất cao nhất, làm sao để hiệu quả sử dụng các yếu tố đó không ngừng tăng lên.

- Tạo nên những hoạt động kinh tế đa dạng rộng lớn, làm nền cho việc xây dựng và thực hiện chính sách xã hội, trước mắt là nhằm giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động ; đồng thời, tăng nguồn thu cho ngân sách để bảo đảm nhu cầu chi cho những vấn đề xã hội.

- Phát triển sản xuất hàng hóa và dịch vụ công

Digitized by Google

cộng, đáp ứng có hiệu quả những nhu cầu xã hội, nhất là những nhu cầu bức xúc về đi lại, học hành, hưởng thụ văn hóa ; đồng thời, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện và tổ chức thực thi tốt các chính sách xã hội ở nông thôn. Ở đây chính sách xã hội được coi là những nhân tố xã hội có tác động trực tiếp. Song chính sách xã hội không được làm ảnh hưởng đến mặt tích cực của kinh tế thị trường. Nếu không, chính sách xã hội tự nó lại làm nảy sinh những bất công xã hội mới. Xã hội cần và có thể giúp đỡ những đối tượng chính sách, bảo trợ cho những đối tượng và những hoạt động xã hội cần thiết khác, nhưng quỹ này chủ yếu phải được hình thành từ ngân sách nhà nước và do ngân sách nhà nước chi. Song có một số lĩnh vực xã hội, chẳng hạn lĩnh vực an toàn xã hội, không phải chỉ do nhà nước đảm nhiệm. Xét về mặt kinh tế, vấn đề an toàn xã hội như chăm sóc tuổi già, bảo hiểm cho từng cá nhân trước những rủi ro trong cuộc sống, ốm đau, không có khả năng làm việc, v.v. là do các thành viên xã hội tham gia đóng góp bảo hiểm. Xã hội đòi hỏi mỗi người dân đóng bảo hiểm để khi gặp rủi ro, họ không trở thành gánh nặng cho người khác.

Trong điều kiện kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhà nước không bao giờ được "vắng bóng", mà trái lại càng phải tăng thêm trọng trách đối với việc thực thi các chính sách xã hội. Nhà nước điều hành bằng luật pháp và thông qua các công cụ kinh tế để bảo đảm sự phát triển kinh tế theo một cơ cấu hợp lý, đồng thời chú trọng giải quyết những vấn đề xã hội như giáo dục, y tế, phúc lợi công cộng, tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân, nông thôn phát huy và sử dụng một cách có hiệu quả những tiềm năng, thế mạnh của mình, tự giác và năng động chăm lo cuộc sống, khắc phục sự thụ động, trông chờ vào nhà nước, chủ động, tích cực đẩy mạnh phát triển kinh tế gắn liền với thực hiện nếp sống văn minh, tiến bộ và công bằng xã hội.

ĐÔ THỊ...

(Tiếp theo trang 26)

liên quan đến việc bảo vệ môi trường, xây dựng lối sống đô thị, v.v..

Vấn đề đặt ra là cần hướng tới việc hiện đại hóa và cải cách cơ cấu điều hành, có sự phân công, phân cấp hợp lý, nhằm bảo đảm sự quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương. Hiện đại hóa quản lý đô thị cần bao hàm cả việc làm cho các đô thị trong cả nước trở thành những căn cứ vững chắc của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong bất cứ trường hợp nào, quản lý đô thị theo định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ là quản lý về mặt kinh tế, mà còn là và trước hết là về mặt xã hội.

Trong quản lý đô thị, ít nhất có *ba* vấn đề cần lưu ý : sự hợp tác giữa các thành phố trong nước ; sự hợp tác giữa các khu vực nhà nước và tư nhân ; sự hợp tác giữa các thành phố trên toàn cầu. Sự hợp tác liên thành phố trong phạm vi chùm đô thị có vấn đề nổi lên hàng đầu là giao thông vận tải và các mạng lưới khác. Sự hợp tác giữa nhà nước và tư nhân trong cung cấp dịch vụ hạ tầng cơ sở, dẫn tới việc cải thiện công tác quản lý. Và việc quản lý phải đặt ra, khi thông tin xã hội không dừng ở một nước, một khu vực, mà mang tính toàn cầu. Ngày nay, không một thành phố nào không tiếp nhận các kênh thông tin liên lạc đó.

Để giải quyết vấn đề quản lý đô thị ở nước ta hiện nay, không thể không tính đến các khu nhà ổ chuột hay nhà nằm trên kênh rạch, cũng như vấn đề đường sá xuống cấp, tắc nghẽn giao thông. Cây xanh đô thị cũng là một trong những đối tượng của quản lý đô thị, vì nó có tác dụng trong điều hòa ôn độ môi trường, môi sinh của đô thị, v.v..

Xây dựng đô thị (đô thị hóa) và quản lý đô thị là hai mặt của một vấn đề. Về mặt này, cuộc đấu tranh chống lối sống không lành mạnh ở một số ít người, phải được tiến hành một cách kiên quyết và có hiệu quả. Đô thị của xã hội mới không thể là nơi dung dưỡng cho sự rồi rãi lười biếng, ăn cắp và những hành vi phi pháp khác. Đó phải là nơi đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa, có cuộc sống tập thể và cá nhân hài hòa, phong phú.

Digitized by Google

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo

TRẦN ĐƯƠNG

TRONG di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh, có một bộ phận cấu thành quan trọng, đó là tư tưởng của Người về tôn giáo và công tác tôn giáo. Bài viết này xin đề cập một số nét tiêu biểu về tư tưởng đó của Người.

Trước hết, Hồ Chí Minh coi tôn giáo như *một di sản văn hóa của loài người*. Để có được sự nhìn nhận và đánh giá ấy, Người đã trải qua một quá trình tiếp thu, chắt lọc và phát triển mọi giá trị văn hóa của loài người, nhằm phục vụ sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Những nhận thức và quan điểm của Người về tôn giáo là nền tảng, là điểm xuất phát và cũng là kim chỉ nam cho việc chỉ đạo công tác tôn giáo trong suốt nửa thế kỷ vừa qua của Nhà nước ta.

Vào những ngày đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người viết :

"Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân.

Tôn giáo của Chúa Giê-su có ưu điểm là lòng bác ái cao cả.

Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp biện chứng.

Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách "Tam dân" thích hợp với điều kiện nước ta.

Khổng Tử, Giê-su, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những ưu điểm chung đó sao ?

Các vị ấy đều mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu hạnh phúc chung cho xã hội...

Nếu các vị ấy còn sống trên cõi đời này, nếu các vị ấy họp lại một chỗ, tôi tin rằng các vị ấy nhất định sống chung với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết.

Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy [1].

Dĩ nhiên, Người khẳng định những lý tưởng cao đẹp của các tôn giáo, hoàn toàn không có nghĩa Người đồng nhất thế giới quan duy vật và thế giới quan duy tâm. Người có lần nói : "Chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật là ngược nhau, rõ ràng là thế !" [2]. Nhưng, Người cũng chỉ ra ràng : không phải vì vậy mà bài xích, nghi kỵ, đối đầu nhau ; cần phải tôn trọng tự do tín ngưỡng. Tháng 3-1955, nói chuyện với Đại hội đại biểu công giáo yêu nước toàn quốc họp tại thủ đô Hà nội, Người tâm sự một cách cởi mở : "Các cụ, các cô, các chú biết tôi là người không có đạo và là người cộng sản theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, suốt đời hy sinh đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào. Nay nước nhà đã được giải phóng khỏi ách thực dân, nhân dân ta được hòa bình, độc lập, tự do. Tôi và Đảng, Chính phủ lo cho dân có cơm ăn, áo mặc, các cháu được học hành, người ốm đau có thuốc, vào bệnh viện để chữa bệnh, đời sống tinh thần, vật chất ngày càng được ổn định và nâng cao, để xây dựng lại đất nước cho giàu đẹp, đồng thời đấu tranh vì hòa bình thống nhất đất nước, cho Bắc Nam được sum họp một nhà. Các cụ, các cô, các chú cùng với chúng tôi lo làm các việc đó có gì mâu thuẫn hay sai trái với giáo lý của đạo, lời dạy của Chúa Giê-su không ? Bà con giáo dân của các cụ, các cô, các chú cũng cần phải ăn mặc, học hành và chữa bệnh ; ai ai cũng muốn đời sống được yên ổn, cải thiện, sống hạnh phúc và đoàn tụ gia đình, có phải không ? Còn việc đạo, kinh lễ, Chính phủ để các cụ tự do, miễn là đừng làm gì trái pháp luật, trở ngại cho việc chung của dân, của nước..." [3].

Điều đó chứng tỏ rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy rất rõ giá trị nhân bản của tôn giáo ; ý tưởng của tôn giáo có nhiều khía cạnh phù hợp với lý tưởng của người cộng sản, cũng như đạo đức của

---

(1) Xem *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Viện Hồ Chí Minh xuất bản, Hà nội, 1993, t2, tr 134

(2) Trần Tam Tỉnh : *Thập giá và lưỡi gươm*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 1988, tr 73

(3) Xem báo *Người công giáo Việt nam*, 19-5-1985

Digitized by Google

tôn giáo có nhiều điều mang ý nghĩa tích cực trong việc giáo dục con người mới.

Trên cơ sở khẳng định những yếu tố tích cực về đạo đức và những khía cạnh nhân văn, niềm tin vào con người của các tôn giáo, Hồ Chí Minh luôn luôn nêu cao tư tưởng : *Tôn trọng tự do tín ngưỡng và nhu cầu tôn giáo của nhân dân.*

Ngày 3-9-1945, chỉ một ngày sau khi tuyên bố nước Việt nam độc lập, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Người nêu sáu nhiệm vụ cấp bách của nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Về nhiệm vụ thứ sáu, Người nói : "Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương, để dễ bề thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố : *Tín ngưỡng tự do* và Lương Giáo đoàn kết" (4).

Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước dân chủ cộng hòa Việt nam và Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Người cũng khẳng định tư tưởng đó. Ngày 3-3-1951, trong lời phát biểu kết thúc buổi ra mắt của Đảng lao động Việt nam, Người nêu rõ : "Chúng tôi xin nói thêm hai điểm, nói rõ để tránh mọi sự có thể hiểu lầm :

Một là vấn đề *tôn giáo*, thì Đảng lao động Việt nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người..." (5).

Ngày 14-6-1955, trên cương vị Chủ tịch nước Việt nam dân chủ cộng hòa, Người ký sắc lệnh số 234/SL của Chính phủ về vấn đề tôn giáo. Chương I của Sắc lệnh là : "Đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng" và Điều 1 khẳng định : "Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy. Mỗi người Việt nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào" (6).

Tư tưởng đó nhất quán từ trước đến sau, và Người đã thể hiện nó một cách chân thành, có hiệu quả to lớn. Ông Xanh-tơ-ni, đại diện của chính phủ Pháp ở Việt nam những năm 1945 - 1947, xác nhận sự chân thành của Người đối với tôn giáo như sau :

"Về phần tôi, phải nói rằng chưa bao giờ tôi có cơ để nhận thấy nơi các chương trình của Cụ Hồ Chí Minh một dấu vết nào, dầu rất nhỏ, của sự công kích, đa nghi ; hoặc chế giễu đối với một tôn giáo nào bất kỳ" (7).

Đoàn kết, không phân biệt lương - giáo, đó là một trong những yếu tố cơ bản nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo.

Nhận thức rõ giá trị nhân văn của tôn giáo, từ tôn trọng tự do tín ngưỡng, Người đã thực hiện đoàn kết toàn dân để tiến hành cách mạng cứu nước cứu nhà, xây dựng cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc. Đoàn kết không phân biệt lương - giáo là một bộ phận trong tư tưởng "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết ; Thành công, thành công, đại thành công" của Hồ Chí Minh. Ngay từ khi hoạt động ở nước ngoài, Người đã không ngừng hiệu triệu quốc dân muôn người như một, không phân biệt lương - giáo, không phân biệt người Kinh hay người dân tộc, người Trung hay người Bắc, Nam ; đặc biệt, Người luôn ân cần thăm hỏi nhắc nhủ đồng bào công giáo thực hiện tốt lòng kính Chúa và yêu nước, tức là giải quyết tốt mối quan hệ giữa tín đồ và công dân, việc đạo và việc đời.

Từ bao đời nay, nhân dân ta hết sức coi trọng "tình làng, nghĩa xóm", "người chung một nước...", và đó là một trong những yếu tố xuyên suốt để chiến thắng ngoại xâm từ trước đến nay. Hồ Chí Minh còn mở rộng đối tượng cần đoàn kết đến "tất cả những ai vẫn còn thừa nhận mình là con dân nước Việt nam", nhờ thế mà gạt đi những đối kháng về quyền lợi bộ phận trong những hoàn cảnh nhất định để tập trung phục vụ lợi ích chung.

"Đại đoàn kết" không chỉ là một khẩu hiệu, mà là cả một tư tưởng vĩ đại, kế tục và phát triển lời kêu gọi của Mác - Ăng-ghen : "Giai cấp vô sản toàn thế giới, liên hợp lại !".

Tháng 8-1962, Người đến thăm một lớp cán bộ mặt trận do Mặt trận trung ương tổ chức. Tại đây, về vấn đề tôn giáo, Người nói rõ với anh chị em học viên : "Phải đoàn kết chặt chẽ giữa *đồng bào lương và đồng bào các tôn giáo*, cùng nhau xây

---

(4) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội 1984, t4, tr 7

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t6, tr 53

(6) Chính sách của Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam về vấn đề tôn giáo (Văn kiện nói về chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng), in tại Nhà in Việt Hoa, tháng 1-1977, tr 3

(7) Trần Tam Tỉnh : *Thập giá và lưỡi gươm*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 1988, tr 80

Digitized by Google

dựng đời sống hòa thuận, ấm no, xây dựng Tổ quốc. Phải chấp hành đúng chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng đối với tất cả các tôn giáo" (8).

Trong thư gửi Hội nghị đại biểu giáo hữu toàn miền Bắc (gồm 350 đại biểu thuộc nhiều xứ họ khắp miền Bắc...), Người cho rằng : Người công giáo tốt phải là người công dân tốt... Kính Chúa và yêu nước là nhiệm vụ không thể phân chia ; có hết lòng phục vụ Tổ quốc thì mới làm sáng danh đạo Chúa... Người còn viết : "Kinh thánh có câu : "Ý dân là ý Chúa". Con đường yêu nước mà đồng bào đang đi là hoàn toàn đúng. Tôi mong các cụ phụ lão, các vị giám mục và linh mục hăng hái khuyến khích tín đồ trong mọi công việc ích nước lợi dân.

Lương giáo đoàn kết, toàn dân đoàn kết, cả nước một lòng, nhân dân ta nhất định sẽ thắng lợi trong công cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc và xây dựng một nước Việt nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh" (9).

Ngay từ giây phút đầu tiên,sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố nước Việt nam độc lập, tuyệt đại đa số các tín đồ các tôn giáo trong cả nước nhiệt liệt hưởng ứng các phong trào yêu nước như quyên góp vàng bạc ủng hộ chính quyền, tham gia kháng chiến. Nhiều người còn nhớ cử chỉ của giám mục Hồ Ngọc Cẩn, đã dâng thánh giá bằng vàng trong "Tuần lễ vàng" để dựng xây đất nước. Và chính tư tưởng đại đoàn kết toàn dân không phân biệt lương giáo, dân tộc... của Người đã là một trong những yếu tố quan trọng góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi.

Ngay từ buổi đầu của Nhà nước dân chủ cộng hòa Việt nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn luôn thân ái động viên đồng bào theo đạo tự bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng đã được Hiến pháp quy định, đồng thời động viên họ hăng hái làm tròn nghĩa vụ của người công dân đối với đất nước. Có thể nhắc lại một câu chuyện cảm động. Người về thăm đồng bào tỉnh Thái bình ngày 28-4-1946. Đồng bào lương, giáo đã tặng Người nhiều sản vật như đồ dùng thủ công, đồ mỹ nghệ, hoa quả... Sau đó, Người đã viết thư cảm ơn : "Trong các vật kỷ niệm, cái khung ảnh bằng lụa, do nhà dục anh công giáo thêu, và Liên đoàn công giáo biếu tôi, làm cho tôi đặc biệt cảm động... Tôi trông thấy trong mỗi đường kim, trong mỗi mối chỉ, đã thấm thía bao nhiêu cái tinh thần yêu mến giữa đồng bào công giáo với tôi. Do đó, chúng ta đủ thấy rằng : đồng bào ta không chia lương giáo, ai cũng tương ái, tương thân, đoàn kết chặt chẽ thành một khối" (10).

Tuy nhiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh *kiên quyết phê phán những hành vi lợi dụng tôn giáo, lợi dụng tự do tín ngưỡng để kích động hoạt động chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân, xâm phạm lợi ích chung của đất nước, của dân tộc*. Người đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm *ngăn chặn việc lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo*, trong đó giải pháp quan trọng nhất là pháp luật hóa đầy đủ chính sách tự do tín ngưỡng. Vì thế, Hiến pháp đầu tiên năm 1946 đã có riêng một điều ghi nhận tự do tín ngưỡng, đoàn kết lương giáo. Sắc lệnh tháng 6-1955 ghi ở điều 1, chương I : "Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy" ; điều 7 : "Pháp luật sẽ trừng trị những kẻ nào mượn danh nghĩa tôn giáo để phá hoại hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, tuyên truyền chiến tranh, phá hoại đoàn kết, ngăn trở tín đồ làm nghĩa vụ công dân, xâm phạm đến tự do tín ngưỡng và tự do tư tưởng của người khác, hoặc làm những việc khác trái pháp luật".

Người đã ca ngợi, động viên những giáo sĩ, tín đồ có cống hiến cho sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc, cả những giáo sĩ Pháp, Trung quốc nêu gương sáng về lòng kính Chúa yêu nước. Người luôn luôn nhắc nhở cán bộ ta thực hiện tốt chính sách tôn giáo, không vi phạm quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, đồng thời phải kiên quyết đấu tranh, vạch trần những kẻ lợi dụng tôn giáo để chống nhân dân, chống chế độ.

Trong thư gửi Giám mục Lê Hữu Từ, Người khẳng định chính sách tự do tín ngưỡng của nhân dân, "kẻ nào vi phạm Hiến pháp và khiêu khích bà con công giáo sẽ bị xử lý". Người viết : "Về phần

(Xem tiếp trang 58)

(8) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t9, tr 403
(9) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t9, tr 778 - 779
(10) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t4, tr 132 - 133

Digitized by Google

ĐỂ CÓ ĐƯỢC PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO KHOA HỌC

TIẾN HẢI và NGUYỄN ĐÌNH LUÂN

PHONG cách lãnh đạo, theo chúng tôi hiểu, là một hệ thống những phương pháp, cách thức mà người lãnh đạo sử dụng để tác động vào đối tượng lãnh đạo nhằm đạt mục tiêu chung đã đặt ra. Vì vậy, nó có quan hệ hữu cơ với năng lực và phẩm chất của người cán bộ. Không nên quan niệm phong cách chỉ là vẻ bề ngoài, thuộc tác phong sinh hoạt, là cá tính riêng, không quan trọng lắm. Nói theo nghĩa nào đó, phong cách chính là hình thức thể hiện phẩm chất chính trị, phẩm chất công tác và phẩm chất cá nhân của người cán bộ ; là sự cụ thể hóa năng lực lãnh đạo ; là một trong những nhân tố cơ bản quyết định chất lượng và hiệu quả công tác lãnh đạo. Chẳng hạn, phong cách chuyên quyền, độc đoán thì phản ánh sự yếu kém về năng lực trí tuệ, sự thoái hóa về đạo đức và những khát vọng quyền lực, lợi ích vị kỷ cá nhân không giới hạn của một cán bộ nào đó.

Phong cách gắn liền với con người, là sự biểu hiện thực tiễn hàng ngày năng lực, phẩm chất của người cán bộ. Cho nên, khi thấy ở phong cách của người lãnh đạo có những biểu hiện trái với những giá trị nhân văn cao cả, thì cần phải xem xét, đánh giá lại người cán bộ đó một cách nghiêm túc về phẩm chất và năng lực, để có những kết luận chính xác và biện pháp xử lý kịp thời. Trong thực tế đã có không ít những trường hợp cán bộ lãnh đạo quan liêu, hống hách, xa rời quần chúng, không gương mẫu, tha hóa về lối sống, bị tập thể và quần chúng phản đối, nhưng vẫn được dung túng, bao che vì cho đó chỉ là tác phong sinh hoạt cá nhân.

V.I.Lê-nin thường nói : Đảng là trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại. Những giá trị cao quý ấy không phải chỉ được nhận thức, đánh giá như những tiêu chí chung, mà cần được thể hiện, cụ thể hóa trong phong cách hằng ngày của người lãnh đạo - phong cách lãnh đạo khoa học. Những đặc trưng cơ bản của phong cách đó là :

+ Bảo đảm sự thống nhất giữa tính đảng và tính khoa học trong việc phân tích các hiện tượng khác nhau của đời sống xã hội.

+ Kết hợp sự lãnh đạo tập thể với nâng cao trách nhiệm cá nhân.

+ Thực hiện dân chủ hóa, công khai hóa và luôn dựa vào quần chúng.

+ Thành thạo công việc, luôn sâu sát thực tế, kiểm tra cụ thể, thống nhất giữa lời nói và việc làm, kiên trì khắc phục khó khăn.

+ Kết hợp giữa tự phê bình và phê bình một cách nghiêm túc.

+ Khiêm tốn, giản dị, thẳng thắn và luôn tôn trọng, bảo vệ sự thật.

+ Thu nhận thông tin đầy đủ và biết xử lý thông tin chính xác trong quá trình lãnh đạo.

Những yếu tố cơ bản nêu trên nằm trong sự thống nhất biện chứng và tạo thành nội dung của phong cách lãnh đạo khoa học. Chúng cần được quán triệt đầy đủ trong quá trình nhận xét, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ. Coi nhẹ một yếu tố nào đều có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của công tác lãnh đạo. Chẳng hạn như vấn đề tự phê bình và phê bình. Nếu người lãnh đạo chỉ biết phê bình người khác mà không nghiêm khắc tự phê bình thì sự phê bình ấy chẳng những không mang lại hiệu quả mà còn làm triệt tiêu tác dụng nêu gương của người lãnh đạo.

*

Phong cách lãnh đạo khoa học không thể hình thành một cách tự nhiên, mà đòi hỏi phải có sự rèn luyện nghiêm túc. Hay nói cách khác, muốn

Digitized by Google

có phong cách lãnh đạo khoa học phải chú ý tới một số yêu cầu cơ bản sau đây :

1 - *Cần bảo đảm có sự phù hợp thường xuyên giữa trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người lãnh đạo (tức chủ thể lãnh đạo) với đòi hỏi của đối tượng bị lãnh đạo (tức khách thể lãnh đạo) đang liên tục vận động, phát triển.*

Sự phù hợp ấy là cơ sở giúp cho người lãnh đạo nâng cao được năng lực nhận thức quy luật khách quan của sự vật và biết vận dụng chúng một cách sáng tạo để đề ra những quyết định, giải pháp chính xác, kịp thời trong từng trường hợp cụ thể. Để có sự phù hợp đó :

+ Trước hết, người lãnh đạo cần nắm vững và biết vận dụng sáng tạo *phương pháp tiếp cận hệ thống*. Có như vậy mới nhận thức đúng được quy luật vận hành và phát triển của khách thể lãnh đạo với những đặc điểm riêng biệt và mối quan hệ của nó với môi trường. Ở đây khách thể lãnh đạo có thể phân theo vùng lãnh thổ, theo đơn vị lao động, theo ngành, theo lĩnh vực, theo tổ chức xã hội... Mỗi một đối tượng cần được xem xét như một hệ thống có tính độc lập tương đối, vận động theo những quy luật đặc thù, đồng thời nằm trong mối liên hệ tác động qua lại và chịu sự chi phối của các quy luật của hệ thống lớn mà nó chỉ là một yếu tố thành phần. Chẳng hạn, lĩnh vực (hệ thống) kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần một mặt vận hành theo những quy luật nội tại của nó (quy luật kinh tế cơ bản, quy luật giá trị, quy luật giá trị thặng dư v.v.), mặt khác vận hành theo những quy luật của sự vận động và phát triển của hệ thống lớn (toàn bộ xã hội) theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phương pháp tiếp cận hệ thống, tự bản thân nó luôn đòi hỏi *sự thống nhất giữa lý luận với thực tiễn*. Sử dụng thành thạo phương pháp này trong một thể thống nhất với các phương pháp khác của phép biện chứng duy vật là cơ sở vững chắc bảo đảm tính khoa học và tính đảng trong quá trình lãnh đạo.

+ Người lãnh đạo cũng cần *nắm vững tri thức về con người, biết trao đổi, làm việc với từng đối tượng, từng con người cụ thể một cách dân chủ, có văn hóa*. Đối tượng của sự lãnh đạo là những con người cụ thể, có tập quán, thói quen, có nhu cầu, lợi ích, tâm lý, nhân cách riêng. Do đó, người lãnh đạo cần có sự hiểu biết sâu sắc về họ để tìm ra những biện pháp lãnh đạo thích hợp. Có thể nói nếp nghĩ và phong cách lãnh đạo thời bao cấp đã là một sức ỳ quá lớn làm cho không ít cán bộ quên mất đối tượng lãnh đạo của mình trong điều kiện hiện nay. Ngày nay, việc sử dụng các thành tựu tin học, vi điện tử ; sự giao lưu quốc tế rộng rãi ; xu thế công khai, dân chủ hóa được mở rộng ; trình độ dân trí ngày một tăng thì mỗi người cán bộ, mỗi thành viên của xã hội sẽ có một loạt nhu cầu, lợi ích mới phong phú, đa dạng và đòi hỏi một cách ứng xử mới phù hợp. Chẳng hạn, xu thế chung của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đòi hỏi người lãnh đạo phải đối xử, quan hệ với người dưới quyền, với quần chúng không phải như sự ban ơn, mà phải có văn hóa, phải ứng xử như với những chủ thể độc lập, sáng tạo. Nếu không chú ý tới những nhu cầu mới, đòi hỏi mới của quần chúng dưới quyền để đổi mới phong cách lãnh đạo thì người lãnh đạo không thể đạt được kết quả mong muốn.

Các thành viên trong xã hội không tồn tại biệt lập, mà luôn liên kết với nhau thành những cộng đồng (nhóm xã hội) nhất định có nhu cầu, lợi ích, lối sống đặc thù khác biệt. Cần tìm hiểu, nắm vững điều này để xác định những biện pháp tác động phù hợp với đặc điểm của từng nhóm. Phong cách lãnh đạo đối với trí thức khác phong cách lãnh đạo đối với nông dân. Bản thân đội ngũ trí thức cũng không thuần nhất, được chia thành các nhóm xã hội khác nhau : văn nghệ sĩ, viên chức hành chính, cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu khoa học kỹ thuật, cán bộ nghiên cứu khoa học xã hội v.v.. Mỗi nhóm đòi hỏi một phong cách lãnh đạo riêng. Cùng một phong cách lãnh đạo, có thể phát huy tác dụng tốt đối với địa phương này, nhưng lại không đạt kết quả khi áp dụng đối với các địa phương khác. Hoặc, lãnh đạo một đơn vị mà đa số cán bộ, công nhân viên là nữ, đòi hỏi

Digitized by Google

một phong cách nhẹ nhàng, tế nhị hơn so với một đơn vị đa số cán bộ, công nhân viên là nam, v.v..

Tri thức về con người thật phong phú và rộng lớn, chỉ có thường xuyên học hỏi, đi sát quần chúng, tìm hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng của từng đối tượng, con người cụ thể mới có thể xây dựng và hoàn thiện được phong cách lãnh đạo khoa học.

+ Người lãnh đạo còn phải biết cách tổ chức, xây dựng hệ thống thông tin và xử lý thông tin chính xác, kịp thời. Thiếu thông tin, không biết xử lý thông tin một cách chính xác, kịp thời, người lãnh đạo rất dễ mắc phải phong cách quan liêu, độc đoán.

Để thu nhận thông tin đầy đủ, một mặt người lãnh đạo phải bám sát thực tế, biết lựa chọn đối tượng, biết cách trao đổi, đối thoại dân chủ ; mặt khác, cần xây dựng một mạng lưới có khả năng cung cấp đầy đủ những thông tin xác thực về khách thể lãnh đạo của mình. Hiện nay, khối lượng thông tin về các mặt của đời sống xã hội trong nước và quốc tế ngày càng lớn. Chỉ tính riêng thông tin về giá cả các mặt hàng trong nước, giá cả quốc tế, tỷ suất hối đoái v.v. hàng ngày đã vô cùng phức tạp. Người lãnh đạo không nắm vững và biết xử lý nó thì khó có thể nói tới lãnh đạo kinh tế một cách khoa học được.

Trong việc xử lý thông tin, người lãnh đạo phải luôn quán triệt quan điểm giai cấp và nguyên tắc tính đảng, nhất là trong điều kiện cơ cấu giai cấp xã hội ở nước ta hiện nay rất đa dạng, quan hệ quốc tế rất phong phú và phức tạp.

2 - *Người lãnh đạo phải thường xuyên kiên trì tự rèn luyện*

Như trên đã nói, phong cách gắn liền với con người, do đó sức thuyết phục, thu hút, lôi kéo tập thể quần chúng của người lãnh đạo không chỉ phụ thuộc vào năng lực trí tuệ, mà còn phụ thuộc cả vào phẩm chất đạo đức, tác dụng nêu gương của cá nhân người đó nữa. Có thể coi sự biến dạng về phong cách lãnh đạo cũng là hậu quả của sự biến dạng, suy đồi về đạo đức.

Vị thế của một đảng cầm quyền rất dễ nảy sinh nguy cơ làm biến chất một bộ phận các thành viên của Đảng. Lúc chưa giành được chính quyền, người cán bộ, đảng viên thường gần gũi, đồng cam, cộng khổ với nhân dân ; nhưng khi có chức, có quyền trong tay, một số người đã không coi chức vụ ấy là do xã hội giao phó cho họ để phục vụ lại lợi ích của xã hội, mà coi nó như một thứ đặc quyền, đặc lợi của riêng mình.

Rõ ràng, để hình thành phong cách lãnh đạo khoa học, cần phải không ngừng học tập tu dưỡng, *nâng cao đạo đức cách mạng* (cả về ý thức, tình cảm và ý chí). Ý thức đạo đức thể hiện ở quan điểm của người lãnh đạo về những quy tắc ứng xử với người xung quanh, ở sự tương quan giữa lợi ích của mình với lợi ích của người khác. Cách ứng xử phải mang tính nhân văn, văn hóa và người lãnh đạo phải phục tùng lợi ích toàn xã hội, phải luôn tự giác và tự nguyện quan tâm tới tất cả các nhu cầu, lợi ích của người lao động. Nâng cao ý thức đạo đức phải gắn liền với trau dồi *tình cảm đạo đức* (sự ham muốn, nguyện vọng muốn biến ý thức đạo đức của mình thành hiện thực). Tình cảm này được gọi là lương tâm. Nếu lương tâm người cán bộ không bị cắn dứt, giày vò, ân hận bởi những hành vi sai trái của mình đối với người khác, thì ý thức đạo đức của anh ta về những điều tốt đẹp cũng chỉ là đạo đức giả mà thôi. Để thực hiện được một hành vi đạo đức đòi hỏi phải có *ý chí đạo đức* nữa. Ý chí này biểu hiện ở sự quyết tâm, nghị lực kiên trì thực hiện bằng được nguyện vọng đạo đức của mình.

Các mặt trên của đạo đức có mối liên hệ thống nhất, quy định lẫn nhau và có tác động trực tiếp tới phong cách lãnh đạo. Sự tu dưỡng đạo đức cần được thực hiện trong quá trình học tập và trong hoạt động thực tiễn hàng ngày. Chỉ có hòa mình vào cuộc sống và phong trào quần chúng thì người cán bộ mới ngày càng ý thức sâu sắc được chuẩn mực đạo đức đúng đắn, nuôi dưỡng tình cảm đạo đức chân thành và rèn luyện nghị lực để cải tạo bản thân mình về lối sống và phong cách lãnh đạo.

Tác dụng nêu gương trong phong cách lãnh đạo của người cán bộ còn thể hiện ở *thái độ dám chịu trách nhiệm trước tập thể : tự phê bình nghiêm túc*

Digitized by Google

và có phương pháp phê bình thẳng thắn, chân tình, đúng mực ; thống nhất giữa lời nói và việc làm. Để có được đức tính ấy, người cán bộ cần thường xuyên tự ý thức về mình, về lợi ích của mình, biết đặt lợi ích chung của Đảng lên trên lợi ích của cá nhân và dám hy sinh lợi ích cá nhân khi cần thiết.

3 - *Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng cũng như của toàn bộ hệ thống chính trị.*

Thực tế cho thấy, phong cách lãnh đạo kiểu hành chính, mệnh lệnh là sản phẩm của sự nhận thức không đúng về chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, nhiều lúc làm cho tổ chức đảng sa vào những công việc của cơ quan nhà nước. Vì vậy, quá trình xây dựng phong cách lãnh đạo khoa học phải gắn liền với quá trình đổi mới cơ chế lãnh đạo và quản lý xã hội, mà trước hết là phân định rõ chức năng lãnh đạo của đảng với chức năng quản lý của nhà nước. Đảng có chức năng lãnh đạo chính trị, do đó cán bộ lãnh đạo của Đảng cần phải thực hiện sự lãnh đạo của mình bằng các *phương pháp chính trị*. Phương pháp chính trị có mục tiêu tác động là *trí tuệ* và *trái tim con người, nhu cầu, lợi ích của họ*. Cho nên, người lãnh đạo cần học tập, rèn luyện kỹ năng thuyết phục con người, biết đối thoại với họ, biết tập hợp và khích lệ họ. Về bản chất, phương pháp chính trị mang tính dân chủ, là sự thể hiện cụ thể phong cách lãnh đạo khoa học. Trình độ sử dụng phương pháp này là thước đo hiệu quả công tác lãnh đạo.

Phong cách lãnh đạo là sự thể hiện mối quan hệ giữa người lãnh đạo và người bị lãnh đạo trong hệ thống "người - người" theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Ở đây, mỗi người bị lãnh đạo phải tuân thủ sự lãnh đạo chung ; đồng thời phải có tính độc lập sáng tạo. Có thể nói, mối quan hệ giữa người lãnh đạo và người bị lãnh đạo vừa mang *tính chất tòng thuộc*, vừa mang *tính bình đẳng* (tồn tại vì nhau và cùng hướng tới một đích). Quan niệm sai lệch về vấn đề này sẽ làm biến dạng hệ thống "người - người" hoặc là không phát huy được tính sáng tạo của người dưới quyền, hoặc là rơi vào tình trạng vô tổ chức, vô kỷ luật.

Cần chú ý tới vai trò góp ý kiến, phê bình của quần chúng đối với sự hoàn thiện phong cách lãnh đạo của cán bộ. Để phát huy nhân tố này, việc mở rộng dân chủ cần được cụ thể hóa bằng các quy chế tổ chức thiết thực để quần chúng có quyền giám sát hoạt động, chất vấn, phê bình cán bộ nói chung, cán bộ lãnh đạo nói riêng, theo định kỳ. Đồng thời, đẩy mạnh tổ chức nghiên cứu dư luận xã hội về đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, điều tra cụ thể, rõ ràng, chính xác, đặt cơ sở khoa học cho các biện pháp giáo dục, chỉnh đốn đội ngũ cán bộ. Những vấn đề quan trọng, phức tạp, nên có sự giải đáp công khai.

Trong hệ thống tổ chức, vai trò của các cấp ủy đối với việc hình thành phong cách lãnh đạo khoa học là rất quan trọng. Khi cán bộ có những biểu hiện quan liêu, độc đoán hoặc vô tổ chức, vô kỷ luật thì cấp ủy ở đó phải chịu trách nhiệm một phần không nhỏ. Nếu như tập thể cấp ủy và từng cấp ủy viên dũng cảm, dám và biết đấu tranh, phê bình, góp ý đúng mức cho đồng chí của mình theo đúng nguyên tắc đảng thì nhất định đồng chí ấy sẽ nhận thấy cái sai để sửa chữa.

Theo tuyến liên hệ chiều dọc "trên - dưới", cũng cần tính tới sự tác động, thẩm thấu qua lại trong phong cách lãnh đạo giữa cấp trên và cấp dưới. Cấp trên mà quan liêu, hống hách thì cũng dễ lây truyền phong cách ấy cho cấp dưới. Vì vậy, đổi mới phong cách lãnh đạo cần được tiến hành đồng bộ, cán bộ cấp càng cao thì càng phải gương mẫu trong phong cách.

Các yêu cầu cơ bản nêu trên có quan hệ chặt chẽ, phụ thuộc, quy định lẫn nhau. Hiệu quả tác động của các yếu tố khách quan (cơ chế tổ chức, phương thức hoạt động của Đảng ; sự đóng góp ý kiến, phê bình của cấp ủy và của các tổ chức quần chúng ; sự gương mẫu của cấp trên, v.v.) phần lớn phụ thuộc vào "màng lọc" chủ quan của cán bộ lãnh đạo (năng lực trí tuệ, phẩm chất chính trị, phẩm chất cá nhân v.v.). Do đó cần thực hiện các yêu cầu này một cách thống nhất, đồng bộ. Có như vậy, mới xây dựng và hoàn thiện được phong cách lãnh đạo khoa học.

Digitized by Google

Thành phố Hồ Chí Minh :

HỢP TÁC XÃ KIỂU MỚI TỎ RÕ SỨC SỐNG

THẾ GIA

NGHỊ quyết 10 của Bộ chính trị và các nghị quyết khác của Trung ương Đảng đã mở ra một thời kỳ mới trong phát triển nông nghiệp và nông thôn ngoại thành TP Hồ Chí Minh.

Điều dễ nhận thấy là nông nghiệp từ năm 1990 đến nay tăng liên tục. Trong tổng giá trị nông nghiệp, chăn nuôi từ 28,8% năm 1990 tăng lên 41,4% năm 1992. Bình quân mỗi năm trồng trọt chỉ tăng 3,8%, thì chăn nuôi tăng 8,2%. Các cơ sở quốc doanh nông nghiệp chuyển hướng sang sản xuất con giống và làm dịch vụ kỹ thuật. Đã hình thành nhiều trang trại nhỏ chăn nuôi trong các hộ dân. Đàn bò sữa của thành phố có khoảng 7000 đến 8000 con (bằng nửa số bò sữa và trên 60% số bò cả nước), mỗi ngày cung cấp 30.000 lít sữa tươi. Các huyện Bình chánh, Nhà bè và Cần giờ mở rộng diện tích nuôi tôm, cua lột và cua gạch son, hằng năm thu được trên 300 tấn tôm và hơn 30 tấn cua cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của thành phố.

HỢP TÁC XÃ KIỂU MỚI TỎ RÕ SỨC SỐNG

Từ năm 1987 trở về trước, thành phố xây dựng được cả thảy 190 hợp tác xã nông nghiệp và 460 tập đoàn sản xuất. Khi có Nghị quyết 10 giao ruộng đất cho nông dân, hộ nông dân trở thành đơn vị tự chủ về kinh tế, thì tổ chức hợp tác xã và tập đoàn sản xuất theo kiểu cũ tự nhiên không còn giữ nguyên được, lần lượt tan rã, để lại một số cơ sở vật chất đáng kể. Hiện nay thành phố chỉ còn 18 hợp tác xã hoạt động ở những mức độ khác nhau, tập trung ở 3 huyện Hóc môn, Nhà bè, Gò vấp và quận 8.

Hợp tác xã tập trung vào làm các dịch vụ như cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu, bảo vệ thực vật, làm đất, thú y... Tùy điều kiện cụ thể của từng hợp tác xã mà ban quản lý tổ chức các dịch vụ khác nhau, giúp bà con nông dân phát triển sản xuất và xây dựng nông thôn mới, dù còn hạn chế.

Hợp tác xã nông nghiệp Xuân lộc (xã Thạnh lộc, huyện Hóc môn) thành lập từ năm 1985 với 732 hộ xã viên và 199 ha đất canh tác nông nghiệp. Trong thời gian còn hưng thịnh, hợp tác xã có 15 đội sản xuất phân đều trong 7 ấp của xã. Hợp tác xã đã tổ chức kinh doanh đa dạng qua các hình thức liên kết đầu tư và hợp đồng thu mua ủy thác nông sản. Nhờ phát triển sản xuất gắn với kinh doanh, từ năm 1985 đến năm 1989 hợp tác xã đã tích lũy được vốn đầu tư xây dựng một số cơ sở vật chất như trụ sở làm việc, nhà kho, sân phơi, các cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp. Hợp tác xã đã xác định sản xuất nông nghiệp là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển. Bằng nguồn vốn tự có, hợp tác xã đã tổ chức và quản lý sản xuất theo phương thức hợp đồng hai chiều ; hướng dẫn cụ thể thời vụ ; áp dụng các loại giống lúa mới ; thành lập các đội bảo vệ thực vật và làm thủy lợi nội đồng nhằm thau chua rửa phèn, phòng chống ngập úng. Hợp tác xã còn đầu tư xây dựng mạng lưới điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt trên toàn xã ; sửa chữa cầu đường, xây dựng trạm y tế xã, trường mẫu giáo. Nhìn chung, ngay ở thời kinh tế bao cấp, tuy việc đầu tư cho sản xuất còn mang tính phục vụ, nhưng hợp tác xã đã chú ý xây dựng các cơ sở tiểu, thủ công nghiệp (như xay xát, xẻ gỗ, làm đường kết tinh, làm bánh tráng xuất khẩu), phát triển ngành nghề (như chăn nuôi heo tập thể, mua xe vận tải chuyên dùng...) mang lại hiệu quả kinh tế cao, giải quyết được việc làm cho số lao động nhàn rỗi. Từ năm 1989 đến nay, hợp tác xã đã kịp thời chuyển hướng, tự tổ chức lại sản xuất kinh doanh cho phù hợp với cơ chế thị trường, bảo đảm sản xuất kinh doanh ổn định. 407 hộ xã viên đã hoàn toàn tự nguyện ở lại hợp tác xã cùng làm ăn tập thể, với 166 ha đất canh tác và khoảng 20 triệu đồng vốn do xã

Digitized by Google

viên tự đóng góp. Hợp tác xã thay phương thức hợp đồng hai chiều trước đây bằng phương thức cho xã viên vay vốn theo từng thời điểm. Duy trì các đội sản xuất làm đầu mối, hợp tác xã chuyển sang làm dịch vụ tất cả các khâu : giống, phân, bảo vệ thực vật, thủy lợi, làm đất và thú y. Hợp tác xã chăm lo phúc lợi các mặt cho xã viên. Hàng năm, hợp tác xã trả lãi cổ phần cho các xã viên. Điều đáng chú ý là hợp tác xã biết lượng sức để tổ chức kinh doanh ngành nghề đa dạng, phục vụ sản xuất và đời sống xã viên. Bằng nguồn vốn tự có, hợp tác xã dám bỏ tiền cho 4 con em xã viên đi học đại học nông nghiệp để về phục vụ địa phương ; dám bỏ tiền đào tạo 2 kỹ thuật viên chuyên làm nhiệm vụ chiết ghép cây, nuôi trồng cây cảnh cho hợp tác xã.

Hợp tác xã Phú lợi (quận 8) cũng được thành lập từ năm 1985 với 326 hộ, 127 ha đất sản xuất nông nghiệp. Từ năm 1989, thực hiện Nghị quyết 10, hợp tác xã đã chuyển sang hình thức sản xuất hoàn toàn tự chủ của hộ xã viên ; quản lý năng động, gắn sản xuất với phát triển ngành nghề dịch vụ kinh doanh tổng hợp. Chỉ 2 năm sau, sản xuất của hợp tác xã đã có nhiều thay đổi. Nếu chủ lực trước đây của hợp tác xã là cây cói, thì nay là cây lúa, cây cau, con cá. Hệ thống thủy lợi được phát triển phù hợp với một vùng mà hàng năm 6 tháng nước mặn, 6 tháng nước ngọt. Do vậy, năng suất lúa từ 4 tấn tăng lên 5,4 tấn. 1/4 diện tích của hợp tác xã trước đây là biển trũng, ao hồ, nay được nông dân cải tạo thành đồng ruộng trồng rau nuôi cá. Nhờ tận dụng đất đai và thâm canh, nhiều gia đình xã viên khá giả hẳn lên. Cùng với đổi mới cơ cấu sản xuất, hợp tác xã cũng đổi mới bộ máy quản lý, đổi mới nhiệm vụ. Từ 24 người, ban quản lý rút xuống còn 9 người, chuyên lo làm dịch vụ sản xuất cho xã viên, phát triển ngành nghề kinh doanh tổng hợp để hỗ trợ sản xuất. Thực tế mấy năm qua cho thấy, tuy hợp tác xã có sự đổi mới về cung cách quản lý, thay đổi về cơ cấu sản xuất và chủ thể kinh tế giờ đây là gia đình, nhưng tình cảm gắn bó xã viên với hợp tác xã vẫn nguyên vẹn. Với nguồn vốn lưu động hơn 90 triệu đồng, hợp tác xã làm dịch vụ các khâu : cung cấp giống, làm đất, thủy lợi, cung cấp vật tư, bảo vệ thực vật, xay xát, trợ vốn cho xã viên gặp khó khăn. Cứ mỗi lần tết đến, hợp tác xã lo cho xã viên đủ thứ : thịt, trứng,... công nợ xã viên cũng được thanh toán đầy đủ. Sinh hoạt, hoạt động công ích của xã viên rất đa dạng, thấm đậm tình cảm xã viên, bồi đắp thêm tình làng nghĩa xóm. Hợp tác xã quy định rõ chế độ ma chay, cưới xin, chữa bệnh. Ngoài ra, hợp tác xã còn làm các công trình điện, đường sá, mở các lớp dạy nghề, lớp học tình thương, trợ vốn cho công tác xóa đói giảm nghèo, tạo cho xã viên một chỗ dựa vững chắc mà người ngoài không có, chăm lo đầy đủ từ sản xuất tới đời sống. Ngoài phục vụ sản xuất, hợp tác xã còn phát triển ngành nghề kinh doanh tổng hợp, tạo việc làm cho lao động nhàn rỗi.

Một số hợp tác xã còn tồn tại được đến nay là do kịp thời chuyển được hoạt động theo yêu cầu khách quan của sản xuất, ổn định được sản xuất kinh doanh, bảo toàn được nguồn vốn trong điều kiện chuyển sang cơ chế thị trường. Tuy nhiên, hoạt động của các hợp tác xã này với tính chất như một đơn vị kinh tế tập thể thì chưa thật rõ nét. Chưa có một chủ trương và chính sách cụ thể nào bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển đi lên của hợp tác xã. Một ví dụ : trong năm 1993, để phát triển thêm các dịch vụ, căn cứ vào nhu cầu thực tế của địa phương, hợp tác xã Xuân lộc đã làm thủ tục xin giấy phép lập một cơ sở dịch vụ cho thuê băng từ vi-đê-ô vừa phục vụ nhu cầu giải trí của xã viên và nhân dân địa phương, vừa tạo thêm nguồn thu nhập cho hợp tác xã, nhưng đã không được chấp nhận vì theo quy định, hợp tác xã nông nghiệp không phải là đối tượng được cấp giấy phép. Cùng thời điểm đó, trên địa bàn xã, có tới 3 cơ sở dịch vụ cho thuê băng vi-đê-ô do tư nhân quản lý có giấy phép kinh doanh. Một ví dụ nữa. Hợp tác xã có 1 xe chuyên làm dịch vụ vận tải thu lời hàng tháng cho xã viên, nhưng khi đổi giấy phép kinh doanh cũng bị từ chối, với lý do hợp tác xã không nằm trong diện được cấp giấy phép vận tải chuyên nghiệp. Khi kể câu chuyện trên, một số cán bộ xã Thạnh lộc có nhiều ưu tư nói với tôi rằng : "Hay là hợp tác xã nông nghiệp không tồn tại nữa trong cơ chế thị trường, không là một thành phần trong nền kinh tế chung ?". Các ban quản lý hợp tác xã trước đây vốn thuộc Sở nông nghiệp và Trường cán bộ nông thôn, mấy năm nay các cơ sở này đã giải thể, nên không còn ai theo dõi, hỗ trợ các ban này nữa.

CÁC HÌNH THỨC KINH TẾ HỢP TÁC MỚI

Sau khi các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất tan rã, với chủ trương phát triển kinh tế hộ và yêu cầu sản xuất hàng hóa thì từng hộ nông dân không thể

Digitized by Google

giải quyết được toàn bộ các khâu có liên quan đến quá trình sản xuất từ đầu vào đến đầu ra, đặc biệt là khâu tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy, mấy năm gần đây ở ngoại thành, các hình thức hợp tác đa dạng với nhiều tên khác nhau, như *tổ hợp tác* hoặc *hội nghề nghiệp* của nông dân, đã phát triển mạnh, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. *Tổ hợp tác* là dạng hợp tác tự nguyện liên kết trách nhiệm giữa các hộ nông dân hoặc giữa lao động với nhau ở từng khâu hay nhiều khâu công việc, bổ sung về vốn, công cụ lao động, kinh nghiệm sản xuất. Theo số liệu chưa đầy đủ, hiện nay có 238 tổ kinh tế hợp tác, như : tổ hợp tác đường nước, tổ hợp tác chăn nuôi ở xã Tân thạnh đông, Phước vĩnh an (Củ chi), Hiệp phước, Phước lập (Nhà bè), Bình trưng, Phú hữu (Thủ đức) ; tổ hợp tác nuôi bò sữa ở Tân bình, Gò vấp, Hóc môn ; tổ hợp tác nuôi tôm, nghêu, cua, cá ở Duyên hải, Nhà bè, vùng bưng sáu xã, Tân kiên (Bình chánh) ; tổ hợp tác trồng rau, cây kiểng ở Xuân thới thượng, Thạnh lộc (Hóc môn) ; tổ hợp tác đan túi bàng ở xã Tân thông hội (Củ chi)... Nhiều mô hình hợp tác tuy còn giản đơn, nhưng rất thiết thực, làm ăn có hiệu quả.

Các tổ hợp tác đường nước sử dụng nguồn nước kênh Đông, xây dựng chế độ khoán và trách nhiệm chặt chẽ, không còn cảnh tranh giành nguồn nước, mâu thuẫn giữa người ở đầu nguồn, người ở cuối nguồn. Nhờ đó kênh mương cũng được bảo vệ tốt hơn, nguồn nước được sử dụng hợp lý hơn, tình đoàn kết xóm làng gắn bó hơn. Sản xuất 3 vụ, năng suất, sản lượng đều tăng. Thủy lợi phí thu được gấp 4 lần những năm trước. Đời sống của nông dân khá lên rõ rệt. Nhiều hộ nông dân xây nhà ngói, sắm sửa thêm tiện nghi trong gia đình, con cái được đến trường. Xã Đa phước, huyện Bình chánh là vùng bị nhiễm mặn từ 6 đến 7 tháng trong năm, sản xuất gặp nhiều khó khăn. Để cải tạo đất phát triển sản xuất, trước hết phải giải quyết thủy lợi nội đồng, không thể nằm chờ trời và cấp trên. Các hộ đã bàn bạc tự nguyện kết hợp với nhau thành lập tổ hợp tác thủy lợi Đa phước, người góp vốn, người góp lao động để đắp bờ bao giải quyết nước ngọt tưới cho 50 ha, nhờ đó năng suất tăng lên gấp đôi năm trước. Tổ hợp tác dịch vụ chăn nuôi vịt ở xã Tân thạnh đông (Củ chi) ra đời cũng rất tự nhiên. Lúc đầu, hộ ông Nguyễn Văn Mai nuôi 2 000 con vịt đẻ, thu lời khá. Bà con lối xóm muốn làm theo, ông cho ấp vịt con cung cấp giống, thức ăn, thú y và hợp tác với 10 hộ nông dân, sau này lên tới 53 hộ nuôi 13 000 con, góp phần giải quyết việc làm cho nông dân gặp khó khăn.

Hiệp hội bò sữa là một mô hình hợp tác cần được nghiên cứu. Ai cũng biết, nuôi bò sữa phụ thuộc rất nhiều khâu : giống, thức ăn, vắt sữa, sơ chế, vận chuyển... Khâu *đầu* cung cấp con giống, tinh đông viên, chuyển giao công nghệ (khuyến nông) do các cơ sở quốc doanh đảm nhiệm ; khâu *giữa*, nuôi bò, do nông dân lo ; khâu *cuối*, tiêu thụ sữa, do các cơ sở quốc doanh lo. Đến nay, hình thức hợp tác như vậy về bò sữa đã phát triển hoàn chỉnh, gồm các khâu đan xen kinh tế nhà nước và kinh tế gia đình liên hoàn từ A đến Z. Người nông dân đã tự nguyện tham gia hiệp hội vì có nhiều công việc phải làm mà từng hộ nông dân không giải quyết nổi. Mặt khác, hiệp hội còn mở rộng hoạt động tư vấn, hướng dẫn khoa học kỹ thuật nâng cao chất lượng sữa, kiến nghị các cơ sở thu mua điều chỉnh giá để cho người nông dân có lời, tạo điều kiện cho giới nuôi bò sữa phát triển sản xuất. Hiệp hội bò sữa là mô hình hợp tác thúc đẩy quá trình chuyên môn hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện phân công lao động trên lĩnh vực một ngành nghề, một sản phẩm : sữa bò. Ở nông thôn ngoại thành hiện nay, đây chính là con đường thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực khác, sản phẩm khác.

Tôi có dịp về thăm cơ sở chế sữa của chị Nguyễn Thị Thu ở ấp 5, xã Tân thới hiệp. Chị Thu vui vẻ cho chúng tôi biết : Buổi đầu chập chững vào nghề là năm 1984. Lúc đầu, đàn bò sữa của thành phố còn rất ít, mỗi ngày chỉ có độ 100kg sữa tươi. Chị mua về cô đặc và bán cho các tiệm cà phê giải khát. Đến khi đàn bò tăng lên, lượng sữa hàng ngày lên đến hàng ngàn kg, các tiệm quán không tiêu thụ hết. Chị rất lúng túng, không biết làm sao mua hết được lượng sữa tươi trong vùng. Chị đành ký hợp đồng cung cấp cho Công ty sữa Thống nhất. Việc này, theo chị cũng là bắt buộc thôi, bởi vì nhận cung cấp sữa cho Công ty sữa không dễ. Thực tế có lúc sữa giao cho Công ty bị trả lại (do chất lượng kém), chị đã phải bán đi 5 con bò sữa để củng cố công việc làm ăn. Từ năm 1992, mỗi ngày trong ấp thu trên 2 000 kg sữa, nếu không được bảo quản và sơ chế ngay thì chỉ sau 3 giờ là sữa sẽ bị hư. Từng hộ gia đình không thể đem sữa cho Công ty hàng ngày được. Vì vậy, cần phải có một cơ sở tập trung vừa

Digitized by Google

thu mua vừa sơ chế bảo quản trước khi đưa về Công ty. Chị đã chuyển điểm thu mua của mình thành một điểm trung chuyển của Công ty. Như vậy, kết hợp được quá trình hợp tác giữa *ba* chủ thể : *hộ nông dân - điểm sơ chế - nhà máy sữa*. Cơ sở của chị đến nay có một dây chuyền làm lạnh sữa tươi và cô đặc sữa, mỗi ngày thu mua 6 000kg sữa của 250 hộ dân, giải quyết được việc làm cho trên 20 lao động tại địa phương. Nhờ mối quan hệ mật thiết với các hộ nông dân, chị thực hiện việc cung cấp trước hèm bia và cám tổng hợp cho bà con sau đó nhận lại bằng sữa tươi, hoặc ứng vốn trước cho một số bà con chăn nuôi nghèo. Mỗi tháng tính ra chị đã ứng trước cho bà con 20 xe hèm, 20 tấn cám tổng hợp và 20 triệu đồng vốn lưu động. Còn đối với Công ty sữa Thống nhất, cơ sở của chị Thu là một vệ tinh, mỗi năm cung cấp hàng ngàn tấn sữa tươi. Để giúp bà con nông dân tiêu thụ hết số sữa tươi, các cơ sở sơ chế cần có đủ vốn để đầu tư thiết bị. Thiết nghĩ, Công ty sữa Việt nam cần ứng vốn cho các cơ sở sơ chế mua thiết bị, đầu tư nguồn thức ăn, và cho các hộ chăn nuôi vay khi cần thiết.

ĐÔI ĐIỀU SUY NGHĨ

Rõ ràng, từ khi có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị, ở nông thôn ngoại thành TP Hồ Chí Minh đã xuất hiện nhiều loại hình hợp tác mới để trao đổi cách làm ăn, đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, giúp nhau mua bán vật tư, tiêu thụ sản phẩm. Các tổ hợp tác này hoạt dộng có hiệu quả thiết thực. Tại sao khi nhà nước giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân, qua quá trình sản xuất lại xuất hiện một cách tự nhiên *sự hợp tác tự nguyện* ? Tiếc rằng chúng ta chậm nghiên cứu tổng kết để tìm ra mặt bản chất có tính quy luật và phổ biến, rút ra những kinh nghiệm để hướng dẫn phát triển đúng hướng. Phải chăng khi kinh tế hộ được khôi phục, trở thành kinh tế tự chủ trong nông nghiệp, khơi dậy các tiềm năng kinh tế xã hội ở nông thôn, tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất nông nghiệp phát triển, thì người ta có thiên hướng nặng về kinh tế hộ mà chưa chú ý đầy đủ tới kinh tế hợp tác ?

Từ thực tiễn hoạt động của các hình thức hợp tác mới xuất hiện, có thể nêu mấy suy nghĩ sau đây :

Đưa ruộng đất về cho nông dân, kết hợp với chính sách một giá, là động lực lớn làm cho nông dân phấn khởi sản xuất. Nhưng nếu chỉ thỏa mãn với việc giao ruộng khoán cho nông dân thì hoàn toàn chưa đủ, vì động lực ấy đến lúc nào đó cũng không còn tác dụng, và trong nông dân vẫn không tránh khỏi có sự phân hóa giàu nghèo. Khi giao ruộng về cho nông dân, kinh tế hộ phát triển, nhưng nhiều hợp tác xã nông nghiệp vẫn tồn tại và phát huy tác dụng nhờ biết kịp thời chuyển đổi nội dung hoạt động. Điều đó chứng tỏ, kinh tế hợp tác vẫn tỏ rõ sức sống nếu có hình thức tổ chức phù hợp. Vả lại, hợp tác là đòi hỏi khách quan khi sản xuất phát triển. Đó là nhu cầu tất yếu của quá trình sản xuất theo cơ chế thị trường, là động lực mới phát triển kinh tế nông thôn. Chính từ thực tiễn ấy chúng ta cần suy nghĩ sâu sắc hơn về kinh tế hợp tác như một hợp lực, khi ruộng đất đưa về cho nông dân và kinh tế hộ vẫn còn tác dụng phát triển. Kinh tế hợp tác hoàn toàn không đối lập với kinh tế hộ gia đình, mà ngược lại, còn tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát huy tiềm năng to lớn và qua đó, lại tạo tiền đề cho sự hợp tác mới ra đời.

Một số dạng hợp tác mới xuất hiện còn mang tính tự phát, giản đơn, thực chất vẫn là kinh tế tư nhân, nhưng dù sao vẫn là kinh tế hợp tác. Mà đã là kinh tế hợp tác thì chỉ phát huy được tác dụng khi có tổ chức thích hợp, như kinh nghiệm xây dựng hợp tác xã lâu nay đã chứng minh. Phát triển các hình thức hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn, bao gồm các quá trình, các loại hình, các trình độ tổ chức liên kết, hợp tác từ thấp lên cao giữa các hộ nông dân với nhau, giữa hộ nông dân với các thành phần kinh tế khác. Từ trong bản chất, các hình thức kinh tế hợp tác sẽ rất đa dạng. Đó là một quá trình phát triển mà quy mô xuất phát từ nhu cầu khách quan, không thể gò ép, bắt buộc. Vai trò kinh tế hợp tác rất cần cho người nông dân cả trước mắt lẫn lâu dài. Chỉ có thông qua kinh tế hợp tác, mới hạn chế được cảnh phân hóa giàu nghèo, và qua đó, mới chuyển dịch được cơ cấu kinh tế đúng hướng. Và cũng chỉ có thông qua kinh tế hợp tác, mới có điều kiện tiến hành công cuộc công nghiệp hóa nông nghiệp. Vì lẽ đó, cần kịp thời nghiên cứu các hình thức kinh tế hợp tác mới ra đời, làm cho kinh tế hợp tác dần dần chiếm đại bộ phận kinh tế nông thôn. Cần có chính sách, cơ chế tổ chức, quản lý và sự tập trung chỉ đạo để các hình thức hợp tác ngày càng phát triển.

Digitized by Google

Ngành đường sắt với việc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu

XUÂN HẢI

LIÊN hiệp đường sắt Việt nam (trước đây là Tổng cục đường sắt) vừa là đơn vị sản xuất kinh doanh, vừa là đơn vị có chức năng quản lý nhà nước về một số mặt của lĩnh vực vận tải đường sắt. Lực lượng cán bộ, công nhân viên của toàn ngành đông, phần lớn làm việc lưu động suốt từ Nam ra Bắc ; công việc đa dạng, phong phú, phức tạp và mang tính đặc thù rất rõ rệt. Tài sản nhà nước giao cho ngành quản lý rất lớn, nhưng lại khó bảo quản vì nó phân tán và phần nhiều phơi bày ngoài trời. Nhà nước đã đầu tư và đổi mới nhiều, nhưng đến nay đại bộ phận thiết bị, máy móc của ngành vẫn ở tình trạng lạc hậu. Kinh tế thị trường với mặt trái của nó cùng các tiêu cực của xã hội đang hằng ngày, hàng giờ trực tiếp tấn công ngành đường sắt. Các hiện tượng tham ô, làm trái và lãng phí ; các hiện tượng tiếp tay cho bọn buôn lậu xuất hiện nhiều, trắng trợn, gây bất bình trong cán bộ, công nhân và hành khách đi tàu, làm suy giảm uy tín xã hội của ngành.

Trước tình hình nêu trên, lãnh đạo ngành đường sắt (bao gồm ban giám đốc và đảng ủy) xác định một trong những nhiệm vụ chính trị chủ yếu, trước mắt của toàn ngành là phải tích cực đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu. Do xác định đúng như vậy, cộng với thái độ kiên quyết, tích cực và có biện pháp thích hợp, cho nên bước đầu đã đạt được những kết quả tương đối tốt. Chỉ tính riêng năm 1993, toàn ngành đã thu hồi cho ngân quỹ nhà nước 902 triệu đồng do làm sai chế độ chính sách ; thu hồi 577 m^2 nhà ở, 3500 m^2 đất phân phối, 23 000 m^2 đất bán sai quy định, vượt thẩm quyền ; truy thu cước vận tải 36 triệu đồng ; phạt đọng xe, đọng bãi 12 triệu đồng ; phát hiện, thu giữ, chuyển giao cho các ngành chức năng xử lý 670 triệu đồng hàng hóa ; hỗ trợ các đội kiểm soát liên ngành, các cơ quan thuế vụ thu thuế và phạt hành chính 2 tỉ 800 triệu đồng. Lượng vật chất bước đầu được thu lại cho nhà nước như trên là rất đáng mừng. Nhưng đáng mừng hơn nữa là phong trào đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu và các hiện tượng tiêu cực khác đã góp phần đáng kể làm cho các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của toàn ngành chẳng những ổn định mà còn tăng trưởng ở mức độ nhanh. 99% các chuyến tàu chạy đúng giờ. Tàu hàng Bắc - Nam chỉ chạy 52 giờ/chuyến. Tàu khách Bắc-Nam từ 60 giờ/chuyến rút xuống 52 giờ, 48 giờ, 42 giờ, 38 giờ, rồi 36 giờ/chuyến. 83% các chuyến tàu đi, đến an toàn, không có tai nạn nặng. 98% số hành khách được hỏi đều trả lời vận tải đường sắt đã tiến bộ nhiều, thái độ phục vụ tốt, tàu chạy tương đối đúng giờ, vệ sinh, trật tự ngày càng hơn trước. Doanh thu của toàn ngành năm 1993 so với năm 1992 vượt 17,9%.

Làm thế nào để đạt được những kết quả nêu trên ?

1 - Năm 1990, khi Chỉ thị 16 của Ban bí thư Trung ương Đảng và Quyết định 240 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu ra đời, cán bộ, công nhân, viên chức trong ngành, nhiều người cho rằng tham nhũng, buôn lậu chỉ có ở người có chức, có quyền, chỉ có ở cấp trên, vì vậy hãy chống ở những người đó, nơi đó trước đi. Nhiều người lại cho rằng cứ có đủ việc làm, có thu nhập cao là tự khắc tham nhũng, buôn lậu sẽ hết. Một số khác thì quan niệm, tham nhũng, buôn lậu nặng nề ở các ngành khác ; ngành mình là ngành vận tải thuê, có hệ thống quản lý chặt chẽ thì tham nhũng, buôn lậu chỉ nhỏ nhoi thôi, việc gì phải hành động ráo riết, gay gắt... Cá biệt có cán bộ, có đơn vị đo cục bộ, ham thành tích, sợ khuyết điểm, sợ mất chức, nên ngần ngại, chần chừ, không tích cực thực hiện chủ trương chống tham nhũng, buôn lậu của lãnh đạo và cấp ủy ngành. Tâm trạng bao trùm là chưa tin rằng sẽ chống được căn bệnh này. Bởi vậy, những năm 1990, 1991 và đầu năm 1992, việc chống tham nhũng và buôn lậu, ngành đường sắt có làm, có phát động, nhưng tiến độ rất ì ạch và hiệu quả thấp.

Digitized by Google

Quý 3 năm 1992 Bộ chính trị ra Chỉ thị 15 và Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định 114 về tiếp tục chống tham nhũng, buôn lậu. Liên hiệp đường sắt xem đây là một sự nhắc nhở, hướng dẫn rất quan trọng. Đảng ủy và ban giám đốc Liên hiệp cho rằng, đến lúc này nếu ngành đường sắt thiếu chủ động, không kiên quyết chống tham nhũng và buôn lậu, tức là tự giết mình ; còn làm tốt công việc này, chính là một trong những điều kiện để ngành đường sắt tồn tại và phát triển. Đảng ủy và ban giám đốc phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong ngành tiến hành việc *khơi thông tư tưởng, thống nhất nhận thức và hành động*. Tất cả cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức trong toàn ngành phải được biết và thảo luận nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và kế hoạch chống tham nhũng, buôn lậu của đảng ủy và ban giám đốc Liên hiệp. Có đảng bộ, chi bộ trực thuộc do làm việc phân tán, lưu động, các cấp ủy viên đã phải đến từng ban, từng ca kíp (thậm chí chỉ có một người) để phổ biến. Đến nay, 100% đảng viên và hầu hết cán bộ, công nhân viên đã được học tập, nghiên cứu và nắm được các văn bản này. Do kiên trì, công phu như thế, cho nên nhận thức của cán bộ, công nhân, viên chức đã được nâng lên một bước, ý chí đã được thống nhất hơn. Mọi người đều thấy rõ trách nhiệm phải chống tham nhũng, buôn lậu từ chính bản thân mình, cơ sở mình, ngành mình ; phải kiên quyết và nghiêm khắc, phải làm từ nhỏ đến lớn, phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa trong ngành và ngoài ngành, giữa cấp trên và cấp dưới.

2 - Thống nhất nhận thức trong toàn ngành mới chỉ là tiền đề ; điều cơ bản là phải xây dựng cho được *một kế hoạch chỉ đạo cụ thể, phù hợp với hoàn cảnh đặc thù của ngành đường sắt*. Theo *yêu cầu, mục tiêu* trước mắt của cuộc đấu tranh chống tham nhũng và buôn lậu, đảng ủy và ban giám đốc Liên hiệp khẳng định cần tập trung sức lực vào việc giải quyết các vấn đề : tham ô ; hối lộ ; cố ý làm trái và sử dụng lãng phí tiền vốn, vật tư, tài sản của nhà nước ; cố tình buôn lậu, sử dụng phương tiện nhà nước buôn lậu và tiếp tay cho bọn buôn lậu. Để làm được việc đó, ngành đường sắt đã *tiến hành ngăn ngừa, đấu tranh với mọi đối tượng* : từ lãnh đạo đơn vị đến nhân viên quản lý tiền hàng, quản lý phương tiện vận tải, nhân viên giám sát ; *tiến hành ngăn ngừa, đấu tranh ở mọi loại công việc*, như : xây dựng quy chế, định mức sản xuất, vật tư, đơn giá, duyệt giá, cấp phát vốn, nghiệm thu sản phẩm và thanh toán, quyết toán công trình ; *tiến hành ngăn ngừa, đấu tranh ở mọi địa bàn*, trên khắp các tuyến tàu của cả ba miền Bắc, Trung, Nam.

Tiến hành *rà soát lại toàn bộ hệ thống quy chế* hoạt động sản xuất, kinh doanh của Liên hiệp ; thay thế những điểm lỗi thời, bổ sung những điểm mới phù hợp, nhằm hạn chế các kẽ hở trong quản lý, tạo ra hành lang ngăn chặn tham nhũng, buôn lậu phát sinh ; tiến hành ký kết trách nhiệm giữa tổng giám đốc Liên hiệp với các đơn vị trực thuộc và giữa lãnh đạo các đơn vị với công nhân ; kiên quyết không để những biểu hiện tham nhũng và buôn lậu xảy ra ở từng đơn vị.

Trước tình hình tuyến đường sắt phía Bắc bị bọn luôn lậu thao túng, trước tình hình các đoàn tàu Bắc - Nam có nhiều biểu hiện tiêu cực, đảng ủy và ban giám đốc Liên hiệp kịp thời chỉ đạo một cách cụ thể. Ví dụ : phân công xí nghiệp liên hợp vận tải đường sắt khu vực I phối hợp chặt chẽ với các địa phương và các ngành liên quan tổ chức 8 điểm chốt và tăng cường kiểm tra tuyến phía Bắc 24/24 giờ trong ngày. Với tuyến tàu Bắc - Nam, thành lập 3 đoàn kiểm tra do ba đồng chí phó tổng giám đốc của Xí nghiệp liên hợp vận tải đường sắt khu vực II phụ trách, chốt chặt ở các ga Thuận lý, Đà nẵng, Nha trang. Chỉ sau một tháng thực hiện kiên quyết như vậy, doanh thu của toàn liên hiệp đã tăng trung bình mỗi ngày khoảng 50 triệu đồng.

Công tác kiểm tra của Đảng, đoàn thể, thanh tra của chuyên môn rất được coi trọng, có sự phối hợp ăn ý, thường xuyên và liên tục. Không những kiểm tra tổ chức và người thực hiện, mà còn kiểm tra cả tổ chức và người được giao quyền lực và lực lượng làm công tác kiểm tra, thanh tra. Năm 1993 toàn liên hiệp tổ chức 12 đoàn thanh tra lớn, nhỏ ; từng xí nghiệp liên hợp lại lập ra các đoàn, tổ kiểm tra của riêng mình. Xí nghiệp liên hợp vận tải đường sắt khu vực I tổ chức 42 tổ kiểm tra... Điều vui mừng là hầu hết các đoàn kiểm tra, tổ kiểm tra đều làm tốt nhiệm vụ được giao, dũng cảm, kiên quyết và khéo léo phát hiện nhiều lô hàng lậu lớn, truy thu cước, thuế cho công quỹ...

Ngành đường sắt là một ngành xã hội hóa cao, tài sản ở khắp mọi miền của Tổ quốc dễ bị phá hoại và lấy cắp. Nhân viên đường sắt, nhất là nhân viên trên tàu và các nhà ga chịu ảnh hưởng trực tiếp và nhanh của các mặt trái xã hội, nhất là mặt trái của kinh tế

Digitized by Google

thị trường, bởi vậy, để bảo vệ được tài sản của nhà nước, để nhân viên của mình khỏi sa ngã trước mọi cám dỗ, lãnh đạo của ngành chủ trương phải làm tốt công tác *phối hợp, kết hợp với mọi lực lượng ngoài xã hội, ở mọi địa bàn và mọi thời điểm*. Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, các ngành chức năng trên phạm vi toàn quốc đã phối hợp kịp thời và ủng hộ các yêu cầu của ngành đường sắt. Nhờ vậy, việc giải quyết các môi trường phát sinh tiêu cực như rượu chè, cờ bạc, nghiện hút... ở các nhà ga dọc các tuyến đường sắt được tiến hành tốt. Việc bảo vệ đường ray, các thiết bị tín hiệu an toàn được chăm lo thường xuyên và thành phong trào đông đảo của các lực lượng quần chúng, nhân dân.

Chăm lo đời sống, nâng cao thu nhập của cán bộ, công nhân viên ; có chế độ khen thưởng kịp thời và xử lý nghiêm minh, cũng là một trong những biện pháp rất có tác dụng. Bên cạnh việc cố gắng lo đủ việc làm, tiến tới có đủ việc làm thường xuyên cho 45 000 lao động, có thu nhập hợp lý và dần dần được nâng lên, các đơn vị đã kịp thời biểu dương người tốt, việc tốt, khen thưởng xứng đáng về vật chất và tinh thần. Chăm lo thường xuyên tới các chế độ bảo hiểm, điều dưỡng, bảo vệ sức khỏe cho người lao động. Đối với các hiện tượng vi phạm, các đơn vị đều xử lý nghiêm minh. Năm 1993, diện cán bộ (kể cả cán bộ đảng và chuyên môn) do cấp liên hiệp quản lý đã có 25 người bị thi hành kỷ luật (trong đó có 10 trường hợp là giám đốc, phó giám đốc và tương đương). Các cấp cơ sở trực thuộc cũng xử lý nghiêm túc các trường hợp vi phạm tham nhũng, buôn lậu. Ví dụ : Xí nghiệp liên hợp vận tải đường sắt khu vực I năm 1993 cũng đã xử lý 1562 vụ vi phạm lớn nhỏ...

Các cấp lãnh đạo từ cơ sở đến liên hiệp đã thực hiện nghiêm túc, thường xuyên chế độ giao ban, trao đổi tình hình và sơ kết từng bước việc chống tham nhũng, buôn lậu. Từ đó, chương trình, kế hoạch chống tham nhũng, buôn lậu của toàn ngành được điều chỉnh kịp thời và cụ thể.

3 - Vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng là yếu tố quyết định để ngành đường sắt đạt được những kết quả tốt trên mặt trận chống tham nhũng, buôn lậu. Năm 1991 đảng bộ đường sắt Việt nam được thành lập lại, thống nhất một mối trực thuộc Trung ương. Đó là một thuận lợi rất cơ bản đối với ngành đường sắt. Tập thể đảng ủy đường sắt là một tập thể mạnh, đoàn kết và thống nhất. Đảng ủy coi chống tham nhũng và buôn lậu là một trong các nội dung nhằm giúp cho đổi mới và chỉnh đốn đảng trong ngành có hiệu quả. Đảng ủy xác định rất rõ vai trò lãnh đạo của các cấp ủy, các đảng viên trên mặt trận này. Vai trò đó được thể hiện ở việc xây dựng và chỉ đạo kế hoạch, thiết lập bộ máy, lựa chọn con người, và tinh thần xung phong, gương mẫu của từng đảng viên trong cương vị công tác do mình đảm nhiệm. Qua các kỳ sơ kết, đảng ủy đường sắt càng khẳng định rằng trong phát triển kinh tế thị trường, muốn đảng viên trưởng thành, muốn cơ sở đảng trưởng thành, phải đưa đảng viên vào vị trí chiến đấu, đặc biệt là chiến đấu chống tham nhũng, buôn lậu. Các cấp ủy đảng khi phân loại đảng viên, khi xét các danh hiệu thi đua, đều lấy việc chống tham nhũng và buôn lậu là một trong các tiêu chí phải xem xét. Đảng ủy ngành đã huy động liên tục, thường xuyên các cơ quan giúp việc của đảng ủy như văn phòng, tuyên huấn, tổ chức, kiểm tra vào mặt trận này. Giữ vai trò lãnh đạo và điều phối, đảng ủy đã yêu cầu chính quyền và tất cả các tổ chức đoàn thể quần chúng phải phối hợp với nhau thật chặt chẽ. Chính quyền có chương trình kế hoạch hành động cụ thể. Công đoàn vận động công nhân, viên chức xây dựng và phấn đấu đạt tiêu chuẩn cán bộ, công nhân đường sắt. Đoàn thanh niên tổ chức các đội xung kích trên tất cả các tuyến, các chốt. Các phương tiện thông tin đại chúng trong ngành đường sắt có trách nhiệm tuyên truyền, cổ động thường xuyên cho nhiệm vụ này.

Đảng bộ toàn ngành đã xây dựng được một nền nếp kỷ luật tốt. Cấp dưới chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết chỉ thị của cấp trên. 7 860 đảng viên sinh hoạt trong 102 cơ sở đảng đều đồng lòng nhất trí tiến quân vào mặt trận chống tham nhũng và buôn lậu, mặc dầu biết rằng đây là một mặt trận không kém gian khổ, nguy nan.

Muốn bảo vệ được tài sản nhà nước thì phải xác định rõ chủ quản lý của nó và giao nó cho người quản lý có đức, có tài, có trách nhiệm. Bởi vậy, lãnh đạo ngành đường sắt coi việc *xây dựng đội ngũ cán bộ của ngành* là một trong các công việc vừa thường xuyên, vừa cấp bách. Các cấp ủy giữ vai trò quan trọng trong nhiệm vụ này. Toàn ngành đã kiện toàn đội ngũ cán bộ, trong đó chú trọng đặc biệt tới các chức danh giám đốc, kế toán, tài vụ, quản lý vật tư... Ai không đủ tiêu chuẩn dứt khoát phải thay thế. Cán bộ, đảng viên vi phạm phải xử lý nghiêm minh.

Digitized by Google

Những nhân tố tốt được động viên kịp thời, quần chúng tốt được giúp đỡ và giới thiệu với đảng. Đến tháng 10-1993 toàn ngành đã kết nạp được 365 đảng viên mới, trong đó có 140 người là đoàn viên đoàn thanh niên.

4 - Chống tham nhũng và buôn lậu trong ngành đường sắt là việc làm không chỉ có thuận chiều, chỉ có kết quả, mà còn rất nhiều hạn chế. Mặc dầu các cấp ủy đảng và chuyên môn thống nhất, kiên quyết xông trận, nhưng các hiện tượng tham ô, cố ý làm trái, lãng phí, bao người, bao hàng lậu vẫn còn, có lúc sự việc tái diễn trầm trọng (như đầu tháng 11-1993, hai nhân viên tổ tàu thuộc Xí nghiệp toa xe khách Hà nội đã bao 600 kg thuốc nổ để nhận 600 000 đồng). Rõ ràng, chống tham nhũng và buôn lậu là cuộc chiến đấu dai dẳng, kiên trì, thường xuyên đòi hỏi phải có sự phối hợp đồng bộ, bởi vậy ngành đường sắt đã kiến nghị với Trung ương Đảng và Chính phủ một số vấn đề :

- Đảng và Nhà nước cần kịp thời bổ sung một số chế độ chính sách về quản lý kinh tế cho phù hợp với tình hình mới (ví dụ bổ sung chính sách thuế, đặc biệt là thuế xuất nhập khẩu, nhằm hạn chế từ gốc việc buôn lậu ; chính sách về phát triển vận tải đường sắt ; chính sách cán bộ) ; kịp thời xử lý nghiêm các hiện tượng vi phạm...

- Song song với phát triển kinh tế, cần quan tâm nhiều hơn nữa tới việc giải quyết các vấn đề xã hội ; chăm lo thật tốt đến trật tự an toàn xã hội.

- Kiện toàn tổ chức và bồi dưỡng, đào tạo cán bộ các ngành bảo vệ pháp luật, đặc biệt bồi dưỡng về kiến thức kinh tế, về trình độ nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao ý chí chiến đấu, bản lĩnh và lương tâm trách nhiệm của người chiến sĩ bảo vệ pháp luật. Phát động rộng rãi phong trào chống tham nhũng, buôn lậu trong nhân dân.

Ngành đường sắt vốn đã có quy trình quản lý chặt chẽ, lại được sự quan tâm thường xuyên của Đảng và Chính phủ, đó là thuận lợi cơ bản để ngành làm tốt việc chống tham nhũng và buôn lậu. Là một ngành sản xuất có tính xã hội cao, ngành đường sắt luôn luôn cần có sự hỗ trợ của các lực lượng xã hội ; nay trong chống tham nhũng, lại càng cần có sự hỗ trợ của các lực lượng đó. Hy vọng rằng, rồi đây, sự phối hợp giữa ngành đường sắt và các ngành khác sẽ ngày càng chặt chẽ và có hiệu quả hơn.

Sách văn học dịch thời mở cửa

PHAN QUỲNH ANH

ĐÁNH giá thực trạng sách văn học dịch ra tiếng Việt từ năm 1989 đến giữa năm 1993, có nhiều ý kiến khác nhau. Người thì cho rằng đây là mảng sách vô cùng hỗn loạn, có nhiều sách đen độc hại, nguy hiểm ; người khác lại phản đối sự nóng vội, mất bình tĩnh trong cách nhìn nhận nói trên, nhấn mạnh đến quy luật cung cầu của thị trường và tin tưởng vào sự tự điều chỉnh thị hiếu của bạn đọc.

Khách quan mà nói, trong giai đoạn mở cửa này, tủ sách văn học nước ngoài của chúng ta đã trở nên *đa dạng* và *phong phú*. Về số lượng, nếu như suốt cả giai đoạn trước năm 1975 ở miền Bắc mới chỉ in được khoảng 500 đầu sách của Liên xô (cũ) và Trung quốc, 100 đầu sách cổ điển phương Tây và một số nước khác (tập trung ở *Nhà xuất bản Văn học)*, thì gần đây, hàng năm đã có đến 200 đầu sách được xuất bản [1]. Bạn đọc cả nước có điều kiện làm quen với tác phẩm cổ điển, cận đại, đặc biệt là *đương đại* của hầu khắp các nền văn học thế giới, kể cả những tác phẩm được giải lớn (Gông-cua, Nô-ben...). Hơn thế, giới văn học nước ta còn trực tiếp tiếp cận với (chứ không chỉ nghe đến) tác phẩm thuộc các dòng, các trào lưu, thể loại, xu hướng văn học và tư tưởng khác nhau, như tác phẩm của M. Prut, Ph. Cap-ca, Giêm Gioi-xơ (dòng "ý thức") ; A.Ca-muy, J.P. Xac-tơ-rơ, Ph. Xa-gan (dòng "hiện sinh") ; N.Xa-rốt, A.R. Gri-ê (dòng "tiểu thuyết mới") ; A.Cri-xti, C.Đoi-lơ, Gac-nơ, J.H. Chây-xơ (thể loại truyện

(1) Do hoàn cảnh khách quan, những thống kê trong bài hầu hết là thống kê chưa *hoàn toàn* đầy đủ

Digitized by Google

trinh thám và kinh dị), v.v.. Có thể nói, sự phát triển của văn học dịch thời gian qua không những mở rộng tầm nhìn của công chúng, mà còn tạo điều kiện thúc đẩy các nhà văn trong nước tìm tòi học hỏi về nội dung và hình thức nghệ thuật, nhằm từng bước đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của người đọc.

Tuy nhiên, cần phải thẳng thắn chỉ ra rằng, văn học dịch vừa qua có sự *mất cân đối, thiên lệch, thậm chí hụt hẫng* trong việc tạo dựng lại diện mạo văn học thế giới ở nước ta.

Hãy xem xét số đầu sách dịch ra tiếng Việt từ một số nền văn học thời gian gần đây :

Đầu sách văn học dịch / Năm	Tổng số (*)	Anh	Pháp	Mỹ	Nga xô viết	Trung quốc
1989	236	42	35	35	12	23
1990	120	26	30	28	2	1
1991	362	33	57	78	6	16
1992	119	13	19	42	0	1
6 tháng đầu 1993	60	11	7	16	3	5

* Không tính số truyện cổ tích nước ngoài đã dịch (vì không có điều kiện)

Nhìn bảng trên ta thấy, không chỉ giữa các nền văn học, ngay trong số đầu sách được giới thiệu của một nước cũng có sự thiên lệch thái quá. Hơn bốn năm qua, sách Anh, Pháp, Mỹ chiếm từ 1/2 đến 2/3 tổng số sách dịch, trong đó hầu hết là loại sách bán chạy (best seller) của văn hóa đại chúng và tập trung vào một số tác giả. Trong 199 cuốn sách Mỹ đã dịch thì có trên 1/4 là những cuốn đang "ăn khách nhất hiện nay" (quảng cáo trên bìa sách) của riêng bốn tác giả Đ.Xtin, Giác-ki Cô-lin, H.Rô-bin, X.Sen-đơn. Trong 125 cuốn của Anh thì loại truyện trinh thám - kinh dị chiếm đầu bảng với khoảng 30 cuốn của J.H. Chây-xơ và xấp xỉ 20 cuốn của A.Cri-xti. Người ta đua nhau lao vào dịch các tác giả này như lao theo những mốt thời thượng một cách vội vã, hấp tấp, thiếu lựa chọn và cân nhắc. Đáng chú ý là, sự *mất cân đối và thiếu lựa chọn* ấy nằm ngay ở *nội dung sách*. Lúc mới xuất hiện, loại sách này phần nào đáp ứng nhu cầu giải trí, tìm cái mới lạ của công chúng Việt nam (nhất là ở miền Bắc). Với cốt truyện lắt léo, ly kỳ, pha chút tình yêu - tình dục, được chất găng-xtơ và trộn cả sắc màu đạo lý, với những nhân vật của thương trường, chính trường, vật lộn với cuộc sống để đạt mục đích bằng mọi giá, những cuốn sách này dẫn công chúng vào một miền đất mới, khác hẳn với miền đất giàu hương vị trữ tình hoặc đậm chất lý tưởng của văn học Nga xô viết trước đây. Sự phát triển mạnh của tính cách nhân vật và nhịp gấp gáp của giọng văn tạo nên sức hút đối với một bộ phận thị dân đang ở bước chuyển sang cơ chế thị trường.

Nhưng chỉ ít lâu sau, bạn đọc dễ dàng nhận thấy sự trùng lặp, nhàm chán trong cốt truyện và kiểu nhân vật của không ít tác giả. Riêng về kiểu nhân vật nữ vươn lên làm giàu từ dưới đáy xã hội cũng có hàng chục cuốn sách. Rồi hàng loạt những trò phiêu lưu mạo hiểm, thanh toán lẫn nhau trong giới ma-phi-a, thám tử, những cuộc tình rực lửa của các cô đào Hô-li-út... mới đọc thấy hay hay, nhưng đọc xong, chẳng có gì thật sâu sắc, lắng đọng trong lòng người. Vậy tại sao sách vẫn tiếp tục được dịch, dù số lượng in chỉ còn khoảng 1/3 hoặc 1/4 so với những năm 1989 - 1990 ? Bởi vẫn tồn tại nhu cầu giải trí, vẫn tồn tại lớp độc giả thanh, thiếu niên tò mò chuộng lạ và lớp tiểu thị dân ưa phiêu lưu mùi mẫn. Đối tượng của văn học đại chúng là vậy.

Sách văn học đại chúng ở các nước phương Tây là loại sách đạt lợi nhuận lên hàng đầu. Sự xuất hiện ồ ạt của loại văn học này đang làm chai lì năng lực tiếp nhận những giá trị văn học đích thực của công chúng và khiến cho những nền văn học lớn như Pháp, Ý, Tây-ban-nha... cũng phải liêu xiêu trong cơn khủng hoảng. Tuy nhiên, ranh giới giữa văn học đại chúng và văn học đích thực đâu có rạch ròi, tỷ như việc xếp loại các tiểu thuyết trinh thám nổi tiếng của A.Cri-xti và C.Đoi-lơ vậy. Chúng ta chưa có đầy đủ cơ sở để phân loại, đánh giá chính xác những tác giả *best seller* đã

Digitized by Google

dịch ; song không phải vì thế mà những người làm xuất bản không thể cảm nhận được sách nào là hay, sách nào *không nên dịch* hoặc nên hạn chế, vì nó sẽ công phá thuần phong mỹ tục và làm tổn hại đến đạo đức, lối sống của dân tộc ta, đặc biệt của thế hệ trẻ. Về lý, chúng ta chưa có văn bản quy định rõ thế nào là tuyên truyền dâm ô, bạo lực. Do vậy, khó có thể kết tội các nhà làm sách dịch, song về tình, lại có nhiều điều đáng bàn khoăn suy nghĩ. Phần nhiều sách dịch mở ra là thấy *sex*, thấy con người bản năng nổi trội. Chúng ta nghĩ gì khi chính người nước ngoài phải thốt lên kinh ngạc về sự bùng nổ của "cách mạng tình dục" ở Việt nam ? Sự thực, bản thân tình dục không có tội nếu nó hài hòa với tình cảm, là yếu tố cần thiết cho cốt truyện, phục vụ cho việc xây dựng tính cách nhân vật và đem lại cho người đọc những xúc cảm thẩm mỹ. Thật khó quên mối tình mãnh liệt và nên thơ của cha Ran-phơ và Méc-ghi trong *Tiếng chim hót trong bụi mận gai* (Cô-lin Mác-cơ-lâu). Song lại không dễ chịu chút nào khi đọc *Thế giới đầy những người đàn ông có vợ* (Giác-ki Cô-lin) hoặc *Vĩnh biệt Gia-nét* (H.Rô-bin),... bởi ở đó cốt truyện và nhân vật chỉ đơn thuần làm giá đỡ cho các cảnh làm tình và các mối quan hệ tình dục nhớp nhúa. Trên các bìa sách nhan nhản những cụm từ giật gân, câu khách : "dục tình cháy bỏng", "bốc ngọn lửa tình", "cảnh bạo dâm", "sự sa đọa", v.v. và v.v..

Liệu có quá lời không, khi nói rằng ta đang làm sang cho những loại sách thứ phẩm không được coi trọng ngay ở văn đàn đích thực quê hương chúng ? ! Và điều quan trọng nhất là, nhiều cuốn trong số chúng phơi bày một lối sống trái ngược với những chuẩn mực trong xã hội ta. Chúng không còn đơn thuần là sách giải trí, mà đang trở thành những con dao hai lưỡi. Cùng là trinh thám, nhưng phần lớn sách của J.H. Chây-xơ khác với sách của A.Cri-xti và C.Đoi-lơ. Có thể nói, sách của Chây-xơ mang đậm dấu ấn khủng hoảng tinh thần của xã hội phương Tây hiện đại. *Thằng khùng* là một ví dụ khá điển hình. Sinh ra trong hoàn cảnh thừa mứa vật chất, thiếu hụt tình cảm, từ thuở nhỏ "thằng khùng" đã coi mục đích cuộc đời là sự liều lĩnh và dẫn dà hắn bị thôi thúc từ tâm thức : hãy giết người để chứng tỏ "trí thông minh", dũng cảm và "khả năng sáng tạo". Hắn trượt từ vụ giết người này tới vụ giết người khác như một định mệnh với cái cảm giác "bình thản", "hứng khởi" sau mỗi lần hành sự. Quả tình, Chây-xơ đã đạt đến "bậc thầy" của nghệ thuật phân tích tâm lý - tâm lý của loại người ác độc, bấn loạn, cuồng sát. Chỉ có điều chắc chắn là, khi tiếp cận loại nhân vật này không phải ai cũng phân biệt được rõ ràng, đúng sai, đặc biệt là bạn đọc thanh, thiếu niên hiếu kỳ, ưa cảm giác mạnh, thích trinh thám. Thực tế cho thấy, nhiều vụ tống tiền, trấn lột, ẩu đả có căn nguyên ảnh hưởng từ các loại truyện đề cao bạo lực, dã man và khốc liệt.

Sự xuất hiện ồ ạt và thiếu chọn lọc của sách dịch, nhất là sách văn học thương mại, nhiều lúc, đã ảnh hưởng xấu đến nền văn học và thị trường sách trong nước. Tuy số đầu sách dịch chỉ bằng 1/2 hoặc 1/3 đầu sách văn học trong nước, song số bản in ra lại lớn gấp từ 2 đến 10 lần. Sách văn học trong nước đã có lúc bị ép vào chân tường và để tồn tại, cạnh tranh được với sách dịch, một số cây bút, ý thức hoặc vô ý thức, đã học theo hình mẫu văn học đại chúng một cách vội vã, tạo nên những thứ phẩm lai căng, sống sít. Sự lộn xộn này không những "giết chết" sách văn học đích thực đương đại trong nước, mà còn cản trở hoặc làm lu mờ chương trình giới thiệu các giá trị văn học khác.

Về mặt *quản lý* mà nói, các cấp quản lý chưa kiểm soát hết được nội dung sách, số lượng bản in cũng như quy trình ra sách. Xưa nay, các nhà xuất bản là nơi chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng sách. Cục xuất bản là nơi cấp giấy phép dựa trên cơ sở xem xét danh sách các đầu sách và bản tóm tắt nội dung sách của các nhà xuất bản. Quy định là như vậy, nhưng thực tế lại biến thiên muôn hình vạn trạng.

Nguồn sách để dịch của các nhà xuất bản hiện nay chủ yếu do một số Việt kiều và cán bộ công tác, lao động ở nước ngoài lựa chọn và cung cấp. Sách gốc vào Việt nam qua rất nhiều con đường

Digitized by Google

và hoàn toàn có tính chất cá nhân, chỉ có một số ít sách dịch hợp tác do các tổ chức, cơ quan ngoại giao các nước trao tặng cho các cơ quan, tổ chức của ta. Những đầu mối cung cấp sách thường dựa vào bảng danh mục sách ăn khách nhất hàng năm in trên các báo nước ngoài để lựa chọn. Chính vì thế mới có tình trạng nhiều nhà xuất bản đổ xô vào dịch sách của một vài tác giả, nhất là khi tên tác giả đó đã trở thành quen với bạn đọc ta thì xấu tốt hay dở cũng dịch tuốt. Sách mới ra đời cuối năm trước ở bản địa, đầu năm sau đã ra mắt ở Việt nam. Hiện tượng "chụp giựt", giẫm chân lên nhau và "xé rào" để cướp lấy thời cơ và thị trường không phải là ít. Năm 1993, khi *Nhà xuất bản Phụ nữ* xin được giấy phép ra cuốn *Ngôi sao chiếu mệnh* (X. Sen-đơn) và chưa kịp in thì sách đã xuất hiện ở miền Nam do đầu nậu chạy giấy phép bất hợp lệ và in trước. Sự cạnh tranh trong "làng xuất bản" cũng sinh ra không ít trò "ảo thuật" lừa dối nhau. Còn tốc độ dịch và biên tập sách thời nay thì nhanh đến chóng mặt. Một cuốn sách 200-300 trang, trước đây biên tập mất 2-3 tháng, thì nay cả khâu dịch, biên tập lẫn xuất bản chỉ vẻn vẹn... một tháng. Chất lượng nhiều cuốn sách dịch giảm sút nghiêm trọng. Điều đó làm nản lòng những cố gắng nghiêm túc của những người dịch có tài năng và tâm huyết.

Các nhà quản lý đã làm gì trước tình hình đó ? Nhiều văn bản, chỉ thị ra đời, nhưng phần nhiều mang tính *định hướng chung chung*, hoặc là sự điều chỉnh, *điều tiết có tính chất ngăn chặn, tạm thời*. Ví như chủ trương tạm đình việc xuất bản sách văn học dịch ở tất cả các nhà xuất bản (Quyết định số 238/BTT, ra ngày 11-4-1989) hay việc hạn chế ra loại sách dịch nặng về tình dục, bạo lực của một số tác giả ăn khách... Những biện pháp hành chính này cũng có tác dụng làm giảm được tỷ lệ sách dịch so với tỷ lệ sách văn học trong nước (năm 1993 tỷ lệ đó là 1/5) ; kìm bớt được "cơn sốt" H. Rô-bin, J.H. Chây-xơ, Giác-ki Cô-lin... ; tăng được tỷ lệ sách văn học cổ điển (khoảng 20% năm 1993). Song đó chỉ là những giải pháp theo sau tình hình. Làm sao Cục xuất bản với bộ máy vài chục người có thể quản hết được nội dung của hàng nghìn đầu sách các loại, trong đó sách văn học dịch chỉ là một phần nhỏ ? Nếu trước đây chức năng xuất bản sách dịch chỉ nằm ở một số nhà xuất bản chuyên ngành, chuyên nghiệp, thì nay "nhà nhà làm sách dịch". Thậm chí nhà xuất bản tỉnh lẻ hoặc một bộ, ngành còn in nhiều sách dịch hơn các nhà xuất bản *Văn học* và *Hội nhà văn* (năm 1991 : Nhà xuất bản Hội nhà văn - 47 cuốn, Nhà xuất bản Văn học - 35 cuốn ; Nhà xuất bản Trẻ - 38 ; Nhà xuất bản Thanh niên - 44). Trong khi đó, đội ngũ cán bộ biên tập ở một số nhà xuất bản địa phương lại quá mỏng về số lượng, yếu về chất lượng. Có nơi, chỉ một giám đốc với vài ba nhân viên lo sự vụ là chính, còn nội dung sách, số lượng in và cách thức phát hành... - tất cả đều dựa vào đầu nậu. Bởi thế, các văn bản, quy định của các cấp quản lý mới chỉ nằm trên bề nổi của dòng chảy làm sách dịch. Sắp xếp quy hoạch lại ngành xuất bản và phân định chức năng cho phù hợp là vấn đề khẩn thiết được "kêu cứu" từ lâu. Chính phủ đã thành lập một *hội đồng chuyên trách* gồm đại diện các cơ quan hữu quan. Song tới nay, ngoài việc đình chỉ hoạt động của 7 nhà xuất bản "phạm quy", chúng ta đang còn phải chờ đợi những bước tiến tiếp theo của hội đồng này.

Dù cuối năm 1993 và 6 tháng đầu năm 1994 đã có luật và tình hình xuất bản sách dịch có khả quan hơn, song tôi vẫn băn khoăn, bởi những *nguyên nhân gốc* vẫn chưa được đặt ra và giải quyết.

Thứ nhất là, *khả năng tiếp nhận, tiếp biến của các cấp quản lý xuất bản chưa theo kịp thị trường sách* thời mở cửa. Hơn 5 năm qua, dù đã có nhiều bài học kinh nghiệm, chúng ta vẫn chưa xây dựng được một cơ chế quản lý vừa thích hợp với những quy luật thị trường, vừa điều tiết, định hướng được ở tầm vĩ mô hoạt động xuất bản nói chung và xuất bản sách văn học dịch nói riêng. Vẫn còn những rơi rớt của kiểu quản lý hành chính, mệnh lệnh ; ngõ là chặt chẽ, nhưng lại có rất nhiều khe hở tạo nên sự lộn xộn trong xuất bản.

Thứ hai là, chúng ta *chưa thực sự đánh giá đúng*

Digitized by Google

vị trí, vai trò của sách văn học dịch trong chiến lược giao lưu văn hóa cũng như trên mặt trận văn hóa tư tưởng. Một số người quan niệm, cứ xuất bản sách văn học dịch là có lãi và coi loại sách này như một phương tiện để "nuôi" nhà xuất bản cũng như "nuôi" các loại sách định hướng khác. Một số khác lại cực đoan hóa vị trí của sách dịch trên mặt trận đấu tranh tư tưởng, chỉ nhìn thấy những khiếm khuyết trong xuất bản sách dịch vừa qua ; họ cũng chỉ dừng lại ở mức phê phán, kêu gọi, chứ chưa tìm ra được hướng giải quyết thích hợp. Tựu trung lại, chúng ta chưa nhận thức được ràng xuất bản sách dịch đồng nghĩa với việc giới thiệu những tinh hoa văn học thế giới ở Việt nam một cách có hệ thống, có chọn lọc. Để thực hiện được mục tiêu đó, cần chú trọng nghiên cứu, đầu tư sức người, sức của.

Nguyên nhân sâu xa nhất trong việc xuất bản sách dịch tùy hứng hiện nay chính là *chưa tổ chức nghiên cứu các nền văn học (trên cả phương diện lý luận và văn học sử), nhất là văn học đương đại Âu - Mỹ*. Do hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm của quá trình giảng dạy, giáo trình văn học nước ngoài (phần văn học phương Tây) ở các trường đại học miền Bắc hiện nay chỉ dừng ở văn học đầu thế kỷ 20 và một số chuyên đề về văn học những năm 60. Ở cơ quan nghiên cứu (Viện văn học) cũng có tình trạng tương tự ; chỉ gần đây, khi sách văn học đương đại Âu - Mỹ xuất hiện quá nhiều, Viện mới bắt đầu để tâm vào một số đề tài nhất định. Cần lưu ý ràng, chúng ta không những thiếu chuyên gia, mà còn thiếu sách nghiên cứu về các mảng văn học này. Không nên chỉ vì lý do kinh tế mà hạn chế dịch sách lý luận và văn học sử. Thực tế cho thấy, những cuốn sách như *Lịch sử văn học Thụy điển, Văn xuôi Thụy điển đương đại* (I. An-gu-lin)... xuất hiện cùng lúc với những tác phẩm văn học bản địa đã nâng cao giá trị của những tác phẩm này, giúp người đọc và đặc biệt là các nhà văn chúng ta hình dung được một cách cụ thể và đầy đủ gương mặt của một nền văn học với những tên tuổi tầm cỡ thế giới như A. Xrin-bớc, X. La-gơ-lớp, A. Linh-gren... và những tác giả đương đại nổi tiếng như Pơ Ô-lốp En-quy-xtơ, Pơ Oat-xbớc, T. Linh-gren, v.v..

Hy vọng các cấp quản lý, các cơ quan hữu quan khi thấy rõ những gốc rễ của tình trạng dao động, xu thời trong xuất bản sách dịch thời mở cửa, sẽ nhanh chóng đi đến những giải pháp hữu hiệu. Trước mắt, tôi xin kiến nghị :

Nhà nước cần coi sách văn học dịch là một trong những đối tượng chính của quá trình nghiên cứu xây dựng *chiến lược giao lưu văn hóa*. Đồng thời, cần có những biện pháp cấp bách để đào tạo đội ngũ chuyên gia nghiên cứu các nền văn học thế giới ; xây dựng một cơ chế quản lý xuất bản mới với chế độ tài trợ và chính sách thuế thích hợp ; phân định lại chức năng ra sách dịch của các nhà xuất bản ; tạo mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa công tác quản lý xuất bản sách dịch và công tác nghiên cứu văn học.

Muốn điều tiết, định hướng được hoạt động xuất bản sách dịch, cần đẩy nhanh công tác nghiên cứu văn học thế giới. Trong điều kiện ngân sách nhà nước có hạn, các nguồn tài trợ nước ngoài cho văn hóa, xuất bản không phải là nhỏ, nhưng đang ở tình trạng phân tán và "mạnh ai nấy được", nhà nước cần lập một *Viện nghiên cứu văn học thế giới* để tranh thủ và sử dụng có hiệu quả các nguồn đầu tư vào việc nghiên cứu, hoạch định một chương trình hợp tác, giao lưu văn học mang tính hệ thống, chọn lọc và toàn diện. Cơ quan này còn có trách nhiệm phối hợp với các nhà xuất bản, các trường đại học trong việc gìn giữ, xây dựng và phát triển đội ngũ dịch giả chuyên sâu, nhằm bảo vệ chất lượng sách dịch trước sức công phá mạnh mẽ của thị trường.

Nhìn xa hơn nữa, diện mạo của nền văn học nước nhà, bộ mặt văn hóa tinh thần và đạo đức của các thế hệ cũng như thắng lợi của cuộc đấu tranh "ai thắng ai" trên mặt trận tư tưởng, phụ thuộc rất lớn vào việc hoạch định một chiến lược văn hóa, trong đó có vấn đề giao lưu văn hóa với các nước trên thế giới.

Digitized by Google

Nỗi niềm biết tỏ cùng ai ?

HÀ KHANH

ĐÃ lâu tôi chưa có dịp đến thăm anh - người bạn đồng nghiệp. Nhân ngày 21-6 (Ngày báo chí Việt nam), tôi tìm đến nhà anh trên một căn phòng nhỏ, gác 5, khu tập thể Thanh xuân. Anh em chúng tôi thường gọi đùa anh là "lão tướng chống tiêu cực", vì những bài anh viết về mảng này được dư luận bạn đọc rất hoan nghênh ; nhiều vụ việc do công anh phanh phui đã được đưa ra ánh sáng công lý, thu lại cho nhà nước hàng trăm triệu đồng. Kỳ này tôi đến cốt để nghe anh kể về chuyến đi đài xuống cơ sở của anh, loanh quanh thế nào lại xoay sang đề tài "nỗi niềm của người viết báo chống tiêu cực".

Bên bàn trà, điếu thuốc cầm tay, anh nói : Cái khó đầu tiên mà người viết báo chống tiêu cực thường hay gặp là câu hỏi : chống tham nhũng thế nào cho có hiệu quả, không gây phản tác dụng ? Loại trừ những bài báo vì động cơ thiếu trong sáng, viết sai sự thật, còn những bài báo viết đúng, thì giới hạn giữa "hiệu quả" với "phản tác dụng" nằm ở chỗ nào ? Có phải đơn vị, cá nhân nào cũng ủng hộ báo chí đấu tranh chống tiêu cực đâu. Những người mắc vào tiêu cực, tham nhũng không ủng hộ đã đành ; cả một số người khác (những người bàng quan, "mũ ni che tai") nhiều khi cũng không thích. Người ta cho rằng mấy ông nhà báo chỉ "nhiễu sự", "vạch vòi", "bới lông tìm vết", làm cho người ta không yên ổn làm ăn. Có những nhà báo viết bài chống tham nhũng thì lập tức bị gây khó dễ, thậm chí có khi bị mua chuộc hoặc trả thù.

Chỉ thị 15 của Bộ chính trị và Quyết định 114 của Thủ tướng chính phủ về chống tham nhũng, chống buôn lậu, lãng phí, xa hoa là chỗ dựa vững chắc và có sức cổ vũ rất lớn đối với làng báo chúng ta. Song khi thực hiện không phải không có những lúng túng. Ví dụ : điều 4 trong Nghị định 133 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) về thi hành luật báo chí có ghi : "Sử dụng tài liệu nội bộ của các tổ chức, phải được các tổ chức đồng ý". Bộ văn hóa - thông tin có hướng dẫn bổ sung là "có thể sử dụng, nhưng báo chí phải hoàn toàn chịu trách nhiệm". Nhưng người viết báo chống tiêu cực vẫn thấy lúng túng lắm ! Có người khuyên : "Trong việc phanh phui những vụ tiêu cực, đừng để quần chúng qua việc báo nêu mà mất niềm tin vào chế độ", hoặc khi viết bài đấu tranh bảo vệ những gia đình có công với cách mạng thì "phải có tác dụng cổ vũ, tránh kích động...". Lời khuyên đó là rất đúng và chân tình. Nhưng trong thực tế không phải trường hợp nào cũng phân định được đâu là "cổ vũ" và đâu là "kích động". Mới đây, có bài báo tố cáo một vụ cưỡng chế đời nhà của bà mẹ hai liệt sĩ ở phố Đỗ Hạnh, Hà nội. Sau khi đọc bài báo này, đồng chí Phạm Thế Duyệt, Bí thư thành ủy Hà nội đã gạch dưới nhiều đoạn và ghi bên lề bài báo : "Tôi chưa rõ vì sao lại để một gia đình cụ già cách mạng như thế này ? Dù khó gì, tôi cũng đề nghị phường, quận, sở nhà đất, tòa án và ủy ban thành phố xử lý ngay...". Nhưng tòa án lại có thư lên Ban tư tưởng - văn hóa trung ương nói bài báo đó có "tư tưởng kích động" ! ? Chưa biết sự việc sẽ ra sao nếu Bộ văn hóa - thông tin không tổ chức buổi đối thoại công khai và đi đến kết luận : "bài báo có tác dụng nâng cao trách nhiệm chung đối với những người có công với cách mạng"... Chỉ đến lúc đó, tác giả bài báo này mới thở phào, nhẹ nhõm...

- Nếu các nhà báo thật sự dũng cảm, khách quan, làm việc công tâm, khoa học, đưa ra được những chứng lý rõ ràng, thuyết phục, thì có gì mà phải sợ.

- Tôi cắt ngang câu chuyện đang say sưa của anh - Mình làm việc chính nghĩa cơ mà !

- Đúng thế ! Nếu giới báo chí ta không làm việc với tinh thần như vậy thì làm gì có được những thành tựu như vừa qua. Nhưng phải thừa nhận rằng, trong đội ngũ làng báo ta cũng còn có những anh thiếu bản lĩnh, kém trung thực, thậm chí có cả những kẻ cơ hội muốn kiếm chác trong đấu tranh chống tiêu cực. Mặt khác, có không ít vụ tham nhũng, tiêu cực được báo chí đưa ra nhưng chưa được các cơ quan chức năng kết luận, xử lý nghiêm minh. Điều 2, chương 1 trong Nghị định số 133, ngày 20-4-1992 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) về thi hành luật báo chí có ghi : "Khi nhận được ý kiến, kiến nghị, phê bình khiếu nại, tố cáo của công dân do cơ quan báo chí chuyển đến, hoặc đăng trên báo chí, trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được,

Digitized by Google

người đứng đầu cơ quan nhà nước, hoặc tổ chức xã hội hữu quan phải thông báo cho cơ quan báo chí biết việc giải quyết". Thế nhưng, nhiều vụ việc đâu có được cơ quan có trách nhiệm trả lời theo đúng luật. Đã vậy, người và cơ quan có trách nhiệm cao hơn cũng không chiểu theo luật định mà kiểm tra, xử lý. Thậm chí có cấp, có ngành cơ quan chức năng còn làm động tác giả, gây nhiễu, hạ uy tín phóng viên để đối phó với báo chí ; có khi còn ỷ vào chức trách quyền hạn được giao, tăng giảm tội một cách tùy tiện, làm thay đổi bản chất vụ việc, bất chấp cả công luận. Tình trạng chung vẫn là : nể nang, né tránh ; xem xét chiếu lệ, đưa đẩy vòng vo ; xử người khác, ngành khác thì nhanh, trong ngành mình thì bê trễ, thậm chí có những quyết định trái với sự thật.

- Đúng là có cái khó khăn phức tạp ; bọn tiêu cực, tham nhũng có trăm phương nghìn kế, trăm ngón đòn, thủ thuật để chạy tội ; thậm chí còn "ô che, lọng cắm", nhưng chẳng lẽ chúng ta lại chịu thua ? - Tôi hỏi lại anh.

- Trong đấu tranh, báo chí cũng đã rút ra nhiều bài học kinh nghiệm : sử dụng nhiều thể loại ; tăng hơn các bài điều tra trực diện, đấu tranh có địa chỉ, chú ý tính phát hiện cao, chứ không phải chỉ mô tả việc đã rồi ! Nâng cao tính khách quan, tránh lạm dụng, thổi phồng, đại ngôn, bơm to, cường điệu. Đơn thư khiếu tố nhận được không nên gửi về chính nơi xảy ra vụ việc. Cần điều tra thì phải qua quần chúng, qua người có trách nhiệm, chứ không phải gặp chính người bị tố cáo. Khi gặp vụ việc tiêu cực lớn, phải phối hợp với các báo bạn "nổ súng đồng loạt", và đã cầm chắc lẽ phải mà "đánh một trận, hai trận" chưa dứt điểm, thì phải truy kích đến cùng !

- Làm được như thế, người viết báo chống tiêu cực chắc phải gặp nhiều gian khổ, có khi phải chịu nhiều mất mát, hy sinh phải không anh ?

- Tất nhiên. Người viết báo chống tiêu cực có thể bị "mất nhiều thứ, và có khi mất hết !" Trước hết là mất thời gian, vì phải ngồi tiếp dân, phải đọc đơn thư khiếu tố, phải nghiên cứu luật để đối chiếu đúng sai. Thứ hai là mất công sức, vì phải điều tra, xác minh, sưu tập chứng cứ... Rồi còn mất "mặt mũi", vì người đi khiếu kiện vốn đau khổ, oan khuất, lại thấy chậm xem xét nên dễ nổi nóng mắng mỏ nhà báo cho hả. Có trường hợp đi lại giằng co tới vài ba năm... Nhưng day dứt nhất vẫn là khi bài báo đăng rồi, bao nhiêu đơn từ phản ứng của người bị phê phán ; bao nhiêu "ô dù", "chân gỗ" hù dọa ; rồi trên gọi dưới kêu, rồi giải trình chất vấn... Thời gian này mà được lãnh đạo bình tĩnh, động viên, còn đỡ, chứ rối lên hốt hoảng thì phóng viên chỉ còn muốn giải nghệ. Có phải trường hợp nào chúng ta cũng đã đi đến cùng trong việc đấu tranh bảo vệ các nhà báo đâu !

Càng nghe anh tâm sự tôi càng nhận thấy nỗi vất vả, gian nan của những người viết báo chống tiêu cực. Nhưng tôi thiết nghĩ, những người viết báo chống tiêu cực đâu phải chỉ có "mất" mà còn có cả cái "được", và cái "được" cũng lớn lắm chứ. Tôi động viên lại anh : loại trừ "những con sâu làm rầu nồi canh", những người viết báo chống tiêu cực chân chính sẽ được toàn đảng toàn dân tin yêu, bạn bè, xã hội trân trọng, vì chí ít là đã tham gia bảo vệ lẽ phải và sự công bằng, làm dịu được nỗi đau của những con người - nạn nhân trực tiếp của những hiện tượng tiêu cực !

Anh cười và nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi hiểu cái cười tỏ sự đồng tình và có phần tự tin, tự hào ấy.

LỜI CẢM ƠN

Nhân **Ngày báo chí Việt nam 21-6,** *Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản đã được các đồng chí lãnh đạo Ban tổ chức trung ương Đảng, Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng liên đoàn lao động Việt nam, Bộ lâm nghiệp v.v. đến thăm, chúc mừng và tặng quà. Bộ biên tập Tạp chí cũng đã nhận được thư chúc mừng của một số cơ quan đảng, nhà nước, các đoàn thể ở trung ương và địa phương.*

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn những tình cảm quý báu và thân tình đó của các đồng chí. Tạp chí sẽ cố gắng nhiều hơn nữa để xứng đáng với sự tin cậy và lòng mong mỏi của bạn đọc.

BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

Hội nghị cộng tác viên và bạn đọc TẠP CHÍ CỘNG SẢN khu vực miền Trung

TIẾP theo các cuộc hội nghị cộng tác viên và bạn đọc *Tạp chí Cộng sản* ở Hà nội và thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26-5-1994, được sự giúp đỡ của Tỉnh ủy Khánh hòa, Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã tổ chức hội nghị cộng tác viên và bạn đọc khu vực Tây nguyên và các tỉnh duyên hải nam Trung bộ.

Tham dự hội nghị có đồng chí Bùi Hồng Thái, Bí thư tỉnh ủy Khánh hòa, các đồng chí ủy viên thường vụ, trưởng phó ban tuyên giáo tỉnh ủy, giám đốc, phó giám đốc bưu điện tỉnh và đại diện bạn đọc của 10 tỉnh :Khánh hòa, Đắc lắc, Lâm đồng, Gia lai,Kon tum, Quảng ngãi, Bình định, Phú yên, Ninh thuận, Bình thuận. Tỉnh sở tại Khánh hòa còn có các đồng chí trưởng phó ban của tỉnh ủy, giám đốc, phó giám đốc thư viện tỉnh, trường Đảng tỉnh, trường Đảng thành phố Nha trang, tổng biên tập báo, đài của tỉnh và trưởng ban tuyên giáo các huyện...

Sau lời khai mạc và chào mừng của đồng chí Bùi Hồng Thái, Bí thư tỉnh ủy Khánh hòa, đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên trung ương Đảng, Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã trình bày một số điểm chính về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của *Tạp chí Cộng sản*, về những việc Bộ biên tập đã làm được trong những năm đổi mới vừa qua cũng như những tồn tại, khó khăn phải tiếp tục phấn đấu vượt qua. Hội nghị đã nghe 14 đồng chí phát biểu ý kiến phản ánh dư luận chung của địa phương mình đối với *Tạp chí Cộng sản*. Các ý kiến đều đánh giá cao vai trò tích cực của *Tạp chí Cộng sản* trong đời sống chính trị, lý luận và đời sống tinh thần của Đảng và xã hội, đồng thời chỉ ra những mặt còn hạn chế, đề xuất những vấn đề mà Tạp chí cần tiếp tục cải tiến, nâng cao.

Vì khuôn khổ hạn hẹp, dưới dây chúng tôi chỉ xin lược trích ý kiến của một số đồng chí.

*ĐÀO DUY SANG** : Chúng tôi rất vui mừng nhận thấy, những năm gần đây Tạp chí đã không ngừng đổi mới về hình thức và nâng cao chất lượng về nội dung, góp phần làm sáng tỏ các quan điểm lớn của Đại hội VI, Đại hội VII và các nghị quyết của Trung ương Đảng, giúp bạn đọc hiểu sâu hơn, tin tưởng hơn vào chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; giúp cán bộ, đảng viên nắm được những kiến thức mới về lý luận và thực tiễn để đấu tranh phê phán kịp thời những quan điểm sai trái và những tiêu cực trong xã hội ; giúp cho cán bộ tuyên giáo và giảng dạy chính trị những tài liệu quý để soạn thảo các văn bản nghị quyết, các bài nói, bài giảng, hoặc viết các bài cho đài, báo địa phương.

Ở tỉnh Khánh hòa mấy năm gần đây số bạn đọc *Tạp chí Cộng sản* ngày càng tăng, lượng phát hành Tạp chí ngày càng nhiều. Năm 1993 cả tỉnh đã mua tới 815 cuốn mỗi số ; quý I - 1994 tăng lên 830 và tới quý II lại tăng lên 840. Số tăng đó tuy chưa phải là nhiều, song nó biểu thị sự phát triển của nhu cầu lý luận và giáo dục. Đây là một dấu hiệu đáng mừng.

Chúng tôi có thiếu sót là, thời gian qua chưa đề xuất với các cấp ủy về nguồn kinh phí để mua Tạp chí thường xuyên ; chưa có kế hoạch hướng dẫn cụ thể việc sử dụng *Tạp chí Cộng sản* đến từng cơ sở ; chưa theo dõi tổng kết, rút kinh nghiệm trong việc phát hành, và tổng hợp ý kiến bạn đọc đóng góp với Tạp chí. Sắp tới, chúng tôi sẽ khắc phục thiếu sót này, sẽ chủ động viết bài phản ánh thực tiễn địa phương, và cũng mong sự hướng dẫn giúp đỡ thêm của Bộ biên tập...

*NGUYỄN HOÀI BẢO*** :... Hiện nay, số chủng loại báo chí có mặt ở Lâm đồng, nhất là thành phố Đà lạt không phải ít, nhưng bạn đọc ở Lâm đồng rất trân trọng *Tạp chí Cộng sản*, gửi gắm vào đó rất nhiều niềm tin. Nhân dịp này, tôi xin chia vui với Bộ biên tập về những thành tích to lớn mà các đồng chí đã đạt được. Đồng thời, chúng tôi cũng chia sẻ với các đồng chí về những suy nghĩ để đổi mới và nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác lý luận.

Thực tiễn đang đặt ra hàng loạt vấn đề, mong được trả lời bằng lý luận. Nhưng lý luận lại phải được kiểm nghiệm và khái quát từ thực tiễn. Mà thực tiễn thì đang vận động. Không có mô hình sẵn có để ta theo, nên phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Có cái phải mò mẫm mãi mới kết luận được. Tình hình như vậy, nếu đòi hỏi Tạp chí giải đáp được tất cả mọi thứ ngay một lúc là không thực tế. Tuy nhiên, tôi cũng tán thành ý kiến của anh Sang ở Khánh hòa, trong tình hình thông tin bùng nổ, trình độ bạn đọc đã được nâng cao, thì công tác biên tập lý luận của Tạp chí phải vươn lên cao nữa, mới lý giải được nhiều vấn đề một cách thỏa đáng. Những vấn đề như kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa

---

* Phó ban tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh hòa

** Ủy viên thường vụ, Trưởng ban tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm đồng

Digitized by Google

có gì khác với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa , sự phân hóa giai cấp, phân hóa giàu nghèo trong nền kinh tế nhiều thành phần, vấn đề giữ chủ quyền trong mở cửa, trong liên doanh liên kết với nước ngoài, vấn đề dân chủ, nhân quyền, vấn đề Đảng lãnh đạo và xây dựng Đảng, v.v. tất cả đều cần được lý giải với hàm lượng lý luận và khoa học cao mới thuyết phục được. Bên cạnh những bài "chủ công" như vậy, Tạp chí cần mở rộng hơn mục giải thích khái niệm, đăng nhiều hơn những bài sinh hoạt tư tưởng, bởi loại này vừa ngắn vừa sinh động, hấp dẫn, có ý nghĩa giáo dục tốt, được nhiều người tìm đọc. Bài viết về kinh nghiệm các địa phương là rất cần, nhưng nên cố gắng khai thác cái riêng của từng nơi, có nét riêng, có kinh nghiệm riêng để góp vào cái chung.

Về phát hành : Lâm đồng đã phối hợp giữa tuyên giáo, báo, đài địa phương và bưu điện, để đưa *Tạp chí Cộng sản* về tận cơ sở. Tuy nhiên, cái khó của Lâm đồng là nguồn ngân sách rất eo hẹp, nhất là kinh phí cho hoạt động của Đảng, nên số lượng chi bộ đảng viên có tiền mua Tạp chí còn ít. Đó là chưa kể phân nửa chi bộ ở vùng núi cao, vùng dân tộc ít người, trình độ đảng viên cũng còn rất hạn chế trong việc đọc và tiếp thu. Những vấn đề này Thường vụ Tỉnh ủy đã biết và Ban tuyên giáo chúng tôi đang tìm cách giải quyết trong thời gian tới. Đề nghị Tạp chí hàng năm nên duy trì hình thức họp cộng tác viên như thế này.

*HOÀNG TRƯƠNG** : Chúng tôi cũng giống Lâm đồng ở nguồn kinh phí hạn hẹp. Thế nhưng, số lượng phát hành tạp chí trong tỉnh vẫn ngày một tăng. Riêng khu vực thị xã đã mua tới 233 cuốn mỗi kỳ,huyện Tuy nghĩa mua tới 66 cuốn. Cán bộ khối đảng và mặt trận, cán bộ khối kinh tế và nhà trường mua *Tạp chí Cộng sản* với số lượng lớn và đọc thường xuyên. Vừa rồi chúng tôi đã triển khai chỉ thị mua đọc báo đảng, trong đó có *Tạp chí Cộng sản*. Qua kiểm tra, chúng tôi thấy những nơi chưa mua, phần lớn là do thiếu tiền. Nhưng cũng có nơi không hẳn là như vậy. Chẳng hạn như ở thị xã, 11 xã phường, thì mới có 8 xã phường tổ chức cơ sở đảng mua đọc *Tạp chí Cộng sản* thường xuyên. Còn lại 3 xã phường vẫn còn là ba "cơ sở trắng". Rõ ràng ở đây không phải thiếu tiền mà vì chưa nhận thức rõ sự cần thiết phải có nó trong sinh hoạt Đảng. Chúng tôi đã gặp thị ủy, nêu vấn đề, và bàn cách khắc phục ngay trong quý III-1994 này. Với mặt bằng giá cả hiện nay, một cuốn *Tạp chí Cộng sản* chỉ bán 2000 đồng là quá rẻ.

Về nội dung, trước khi tới dự cuộc hội nghị này, chúng tôi đã họp với các đồng chí đại diện cho các huyện, thị xã, và một số cơ sở để lấy ý kiến đóng góp cho Tạp chí. Mọi người thống nhất nhận định : *Tạp chí Cộng sản* đã có tác dụng rất to lớn, rất bổ ích đối với cán bộ, đảng viên, giúp cán bộ đảng viên quán triệt quan điểm đường lối của Đảng, chủ trương chính sách của Nhà nước và nhiệm vụ cụ thể trong từng giai đoạn. Đem đến cho họ nhiều thông tin mới về lý luận, về chính trị tư tưởng, về quản lý kinh tế, về kinh nghiệm thực tiễn, về âm mưu diễn biến hòa bình, sự chống phá của các thế lực thù địch, v.v..

Bạn đọc Quảng ngãi tán thành các chuyên mục hiện có trên Tạp chí. Đặc biệt, nhiều người rất tán thưởng những bài phê phán các biểu hiện lệch lạc trong văn hóa văn nghệ, phê phán quan điểm "dân chủ, nhân quyền" của phương Tây. Tuy vậy, tôi cũng tán thành ý kiến của anh Sang, anh Bảo : Hãy còn rất nhiều vấn đề lý luận đòi hỏi Tạp chí phải đi sâu, lý giải để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, của các địa phương. Tạp chí vừa phải chứng minh một cách khoa học những giá trị bất hủ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định mạnh mẽ những nguyên tắc bất di bất dịch của cách mạng Việt nam, vừa phải trình bày có lý luận về những thay đổi cần thiết trong điều kiện thế giới đã đổi thay. Đối với những luận điệu phản động, xảo biện, phản bội lại lý tưởng cách mạng. Tạp chí phải phê phán kịch liệt, nhưng có cơ sở khoa học, có tính thuyết phục cao ; phải đánh gục những quan điểm lý luận sai lầm bằng chính những quan điểm lý luận đúng đắn. Có như vậy, mới tạo ra sự thống nhất trong toàn đảng về mặt tư tưởng, để từ sự thống nhất về tư tưởng mà tạo ra sự thống nhất trong hành động, muôn người như một.

*CHÂU KHẮC CHƯƠNG*** : Đắc lắc có đầy đủ các đặc điểm của một tỉnh miền núi Tây nguyên và biên giới (240km đường biên giới). Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đắc lắc một lòng tin tưởng, theo Đảng. Những năm qua nhân dân Đắc lắc đạt nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị, phát triển văn hóa xã hội. Điều đó có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân rất quan trọng là do đội ngũ cán bộ các cấp của Đắc lắc vững vàng trong mọi thử thách. Sự vững vàng ấy có được một phần lớn là do có sự chỉ dẫn của *Tạp chí Cộng sản*. Tạp chí đã giúp chúng tôi củng cố niềm tin đối với Đảng, giữ vững niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vào con đường đang đi và sẽ đi của dân tộc, vào sự nghiệp đổi mới...

Nhưng Đắc lắc và Tây nguyên còn nhiều khó khăn lắm, còn nhiều vấn đề mà người Tây nguyên chưa thể tự mình lý giải và giải quyết tốt. Phát triển Tây nguyên là nhiệm vụ chung của cả nước. Bởi vậy, về phương diện lý luận cũng như phương diện tổ chức thực tiễn, chúng tôi đề nghị *Tạp chí Cộng sản* làm rõ thêm nhiều vấn đề về Tây nguyên, trước mắt là những vấn đề : Vai

* Ủy viên thường vụ, Trưởng ban tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng ngãi

** Ủy viên thường vụ, Trưởng ban tuyên giáo Tỉnh ủy Đắc lắc

trò của Tây nguyên trong sự nghiệp đổi mới của đất nước, trong thời kỳ kinh tế thị trường, kinh tế mở ? Tây nguyên thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa như thế nào ? Các vấn đề văn hóa, dân tộc, vấn đề xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền của dân, vì dân, do dân ở Tây nguyên ra sao ? Công tác cán bộ, đặc biệt là cán bộ cơ sở ?... Đây là những vấn đề thời gian qua Tạp chí tuy có đề cập nhưng còn quá ít.

Tạp chí Cộng sản là món ăn tinh thần không thể thiếu được của cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc Đắc lắc, nơi xa trung ương. Sắp tới chúng tôi sẽ tiếp tục làm tốt hơn nữa việc đọc và làm theo Tạp chí.

*NGUYỄN SĨ DU** : Tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến của các anh đã phát biểu trước. Tôi xin bổ sung thêm : chúng tôi coi *Tạp chí Cộng sản* không phải chỉ là loại hình báo chí đơn thuần, nó là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng ta, là một vũ khí hạng nặng trong các binh chủng làm công tác tư tưởng.Trong nhiều năm qua, Tạp chí đã đề cập toàn diện nhiều vấn đề lớn, định hướng cho công tác tư tưởng, được khai thác sử dụng sâu rộng cả trong đảng và ngoài đảng, thể hiện rõ tính đa dạng và tính toàn quốc. Vì vậy nó có uy tín rất cao, và là tài liệu gối đầu giường của cán bộ, đảng viên.

Tôi cho rằng tăng thêm số lượng phát hành của Tạp chí mới chỉ là một mặt, vấn đề quan trọng hơn là "chuyển tải", là "tỏa rộng" tư tưởng của Tạp chí đến mọi tầng lớp cán bộ, nhân dân. Trách nhiệm đó là của tất cả các cấp ủy trong cả nước ; các cấp ủy nên kiểm tra thường xuyên trách nhiệm này.

Phú yên có 4 huyện đồng bằng, 3 huyện miền núi và thị xã ; dân số khoảng 90 vạn người với hơn 9000 đảng viên. Những năm qua cán bộ, đảng viên và nhân dân Phú yên luôn luôn coi trọng *Tạp chí Cộng sản*. Hàng năm mua hơn 8400 cuốn, Tạp chí thường đến muộn vào cuối tháng. Ban tuyên giáo tỉnh đã triệt để sử dụng Tạp chí trong công tác tư tưởng ở địa phương. Sắp tới, chúng tôi sẽ đề nghị cấp ủy có kế hoạch tăng cường hơn nữa việc nghiên cứu Tạp chí và phát hành Tạp chí ở địa phương mình.

Tôi đề nghị bên cạnh những bài lý luận cao, Tạp chí cần có thêm những bài mang tính phổ cập, những bài tổng kết, trao đổi kinh nghiệm, cố gắng mở rộng và nâng cao các mục "Qua sách báo nước ngoài", "Tìm hiểu khái niệm"... Hàng năm Tạp chí nên tổ chức các cuộc gặp mặt cộng tác viên theo từng vùng như thế này. Tôi thấy rất bổ ích, vì đây là dịp nhắc nhở nhau thực hiện tốt hơn nữa Chỉ thị của Ban bí thư về công tác của *Tạp chí Cộng sản*.

*ĐỖ TIẾN HOÀNG*** :... Nằm giữa Tây nguyên, Gia lai có 36 dân tộc, 80 vạn dân, gần một nửa là đồng bào các dân tộc thiểu số như Jarai, BahNah... phân bố trên 16 066km^2. Từ tỉnh ly đến huyện xa nhất 150km ; từ huyện ly đến xã xa nhất 50km. Địa bàn rộng, giao thông khó, nhưng *Tạp chí Cộng sản* vẫn đến tay bạn đọc thường xuyên, tuy có chậm. Năm 1993 và quý I-1994 số người mua và sử dụng *Tạp chí Cộng sản* tăng hơn nhiều so với năm 1992. Bình quân mỗi số cả tỉnh tiêu thụ 850 cuốn/549 cơ sở đảng. Hiện nay, các tổ chức đảng, các xí nghiệp, trường học, cơ quan, các đồng chí lãnh đạo của huyện, tỉnh đều có *Tạp chí Cộng sản*. Huyện mua nhiều nhất tới 364 cuốn, ít nhất cũng 35 cuốn mỗi số. Cán bộ về hưu, người có tiền thì tự mua, người không có tiền mua thì tìm mượn đọc. Sở dĩ nhu cầu tăng cao như vậy là do :

- Về mặt lý luận, Tạp chí giúp các cấp ủy, các cán bộ lãnh đạo và quản lý hiểu biết thêm về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt nam. Qua đó, củng cố niềm tin vào lý tưởng đã chọn, nâng nhận thức quy luật khách quan, làm sáng tỏ các vấn đề thực tiễn... góp phần vận dụng các nghị quyết của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của đảng bộ mình.

- Tạp chí đã đăng tải các chủ trương, quan điểm, nhất là những quan điểm mới trong các nghị quyết của Trung ương ngay sau các kỳ họp, cho nên đã góp phần quan trọng vào việc quán triệt, triển khai một cách kịp thời các nghị quyết của Đảng.

- Tạp chí có những bài viết về xây dựng Đảng, có chuyên mục "Sinh hoạt tư tưởng"đã góp phần giáo dục nhân sinh quan cộng sản và đạo đức, phẩm chất cho cán bộ, đảng viên (nhất là những bài đề cập tới tính cục bộ địa phương, cá nhân tư lợi, bảo thủ trì trệ, hình thức phô trương, tiêu xài lãng phí... đã tạo thuận lợi cho các tổ chức đảng và nhà nước đấu tranh, phê bình, để xây dựng nội bội tốt hơn).

- Qua những bài tổng kết từ thực tiễn trong nước và thế giới, Tạp chí đã giúp người đọc hiểu thêm lý luận và thực tiễn về xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Đảng trong điều kiện mới... Qua đó, giúp cán bộ lãnh đạo và quản lý nâng nhận thức để liên hệ vào việc lãnh đạo, quản lý của địa phương, của đơn vị mình.

Cùng với các báo và tạp chí khác phát hành trong cả nước, *Tạp chí Cộng sản* đã thực sự đổi mới về cả nội dung bài vở và hình thức trình bày. Tạp chí có vị trí rất cao, rất xứng đáng trong xã hội Việt nam ta.

Chúng tôi chỉ xin kiến nghị với Bộ biên tập mấy điểm sau đây :

1 - Tạp chí nên tăng lượng bài viết về miền núi, về

---

* Ủy viên thường vụ, Trưởng ban tuyên giáo Tỉnh ủy Phú yên

** Ủy viên thường vụ, Phó ban tuyên giáo Tỉnh ủy Gia lai

Digitized by Google

xây dựng kinh tế - xã hội miền núi. Đây là lĩnh vực rất quan trọng, nhưng vừa qua thực hiện còn nhiều ách tắc, hiệu quả thấp...

2 - Vấn đề văn hóa - xã hội vùng đồng bào các dân tộc Tây nguyên cũng còn nhiều phức tạp. Tập tục lạc hậu xen lẫn với sự lợi dụng của tôn giáo, tổ chức từ thiện để lôi kéo, giành giật quần chúng ; những yếu tố gây mất ổn định về quốc phòng, an ninh... Bản thân chúng tôi phải tìm cách xử lý, song với khả năng có hạn, nhiều vấn đề chưa xử lý có hiệu quả. Mong sao Tạp chí dành nhiều thời gian nghiên cứu, có bài viết gợi mở vấn đề này để giúp chúng tôi từng bước hoàn thiện chủ trương, giải pháp thực hiện.

3 - Do khó khăn về giao thông, Tạp chí đến Gia lai thường chậm, nên một số bài gắn với thời sự như kỷ niệm các ngày lễ lớn trở nên lạc hậu. Bởi vì trước đó các phương tiện phát thanh, truyền hình và báo hằng ngày đã nói đủ và kịp thời. Cho nên, Tạp chí nên tính kỹ khi đăng các loại bài thời sự kiểu này. Đối với việc triển khai nghị quyết của Trung ương, Tạp chí nên dành công sức nghiên cứu, trình bày sâu sắc các quan điểm gốc để giúp chúng tôi nắm vững và quán triệt, sáng tỏ thêm ; không cần phải đăng lại nghị quyết, bởi vì các báo hằng ngày, hằng tuần đã đăng, và Ban tư tưởng - văn hóa cũng có in thành từng tập.

*PHẠM THÀNH LANG** : Tôi rất hoan nghênh Bộ biên tập đã cùng với Tỉnh ủy Khánh hòa tổ chức cuộc họp cộng tác viên - bạn đọc ở khu vực miền Trung. Tôi cũng tán thành ý kiến các đồng chí trưởng ban tuyên giáo các tỉnh đã nhận xét về vai trò, tác dụng của *Tạp chí Cộng sản* trong đời sống tinh thần của Đảng và xã hội ta. Tôi chỉ nhấn mạnh thêm một số ý mà chúng tôi vừa mới gom được trong dư luận bạn đọc ở Bình định gần đây :

Thứ nhất, *Tạp chí Cộng sản* đã góp phần to lớn vào sự ổn định chính trị, ổn định tư tưởng chính trị, tạo ra niềm tin tưởng lớn trong cán bộ, đảng viên và nhân dân ta đối với công cuộc đổi mới.

Thứ hai, *Tạp chí Cộng sản* đã thực sự góp phần nâng cao trí tuệ cán bộ, đảng viên. Đã giúp cán bộ, đảng viên nâng cao trình độ lý luận chính trị, đổi mới tư duy trên mọi lĩnh vực.

Thứ ba, trong đổi mới, Tạp chí đã đáp ứng được nhiều loại đối tượng trên nhiều lĩnh vực : chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại...

Đây là tờ tạp chí lớn và có uy tín của Đảng, được nhiều người chú ý tìm đọc ; nó nói được nhiều vấn đề hết sức cơ bản và hệ trọng của đất nước. Vừa qua, Ban tuyên giáo chúng tôi đã sử dụng rất nhiều bài của Tạp chí để làm công tác chính trị, tư tưởng ở địa phương. Mong mỏi của chúng tôi là làm sao Tạp chí phát hành rộng rãi hơn nữa, thâm nhập sâu hơn nữa vào mọi cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân.

Hiện tại, Bình định mới đặt mua thường xuyên 715 cuốn mỗi kỳ.Chúng tôi đã đặt vấn đề với Thường vụ Tỉnh ủy, cho kiểm tra lại việc đưa báo *Nhân dân* và *Tạp chí Cộng sản* vào các đối tượng. Sau hội nghị này, chúng tôi sẽ có cuộc họp chuyên đề với các huyện, thị để bàn những biện pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh việc tăng số lượng phát hành và nâng cao hiệu quả sử dụng. Chúng tôi thấy, đi liền với khâu đẩy mạnh phát hành, Ban tuyên giáo tỉnh, huyện cần "nhân bản", "chế biến" các bài trong Tạp chí để đưa chúng đến với mọi trình độ, mọi người, có như vậy mới làm cho tờ tạp chí của Đảng đến được với đông đảo đảng viên, quần chúng.

Về đóng góp ý kiến với Bộ biên tập, chúng tôi muốn đề nghị Tạp chí :

- Chú ý thêm những bài lý luận và thực tiễn về xây dựng Đảng trong sự nghiệp đổi mới. Xây dựng Đảng trong điều kiện mới còn gặp nhiều khó khăn về cả lý luận và thực tiễn, bạn đọc rất mong những bài có tầm cỡ lý luận về xây dựng Đảng, chứ không phải chỉ một vài kinh nghiệm cụ thể nghiêng về đảng vụ.

- Có thêm các bài đấu tranh chống các quan điểm sai trái như anh Trương (Quảng ngãi) và một số đồng chí khác đã nêu.

- Tăng thêm những bài thông tin về phong trào cộng sản và công nhân thế giới, cũng như những bài viết về chủ nghĩa tư bản hiện đại, về mặt trái của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, mặt trái của cơ chế thị trường, giúp cho mọi người hiểu biết, có cách phòng tránh, tạo sức đề kháng, để đánh bại âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

*LÊ VĂN TIÊN*** : Ở Ninh thuận, cấp ủy đảng đã khai thác khá triệt để các nội dung cơ bản của *Tạp chí Cộng sản* để nâng cao công tác lãnh đạo và tổ chức thực tiễn ở địa phương mình. Nhưng cũng phải nói thật với các đồng chí rằng việc hướng dẫn đọc Tạp chí chúng tôi làm chưa thành nền nếp, nhất là ở các chi bộ thuộc vùng núi, vùng dân tộc.

Mấy năm gần đây Tạp chí trình bày đẹp, sinh động ; nên tăng thêm một số ảnh nói về các sự kiện lịch sử, về các hoạt động trên các lĩnh vực của cả nước. Nội dung của Tạp chí phong phú, thiết thực. Bạn đọc ở Ninh thuận rất thích các bài sinh hoạt tư tưởng, các bài tổng kết kinh nghiệm, nhưng nên viết gọn hơn, rõ hơn. Tạp chí cần thường xuyên có các bài lý luận về công tác dân tộc, về kinh tế biển, điều tra về công tác tư tưởng và nhiều bài đấu tranh tư tưởng hơn nữa.

*NGUYỄN VĂN CỐI**** : Bình thuận ở cực nam

---

* Ủy viên thường vụ, Trưởng ban tuyên giáo Tỉnh ủy Bình định

** Ủy viên thường vụ, Trưởng ban tuyên giáo Tỉnh ủy Ninh thuận

*** Phó ban tuyên giáo Tỉnh ủy Bình thuận

Digitized by Google

Trung bộ, có 8 huyện và một thị xã (3 huyện vùng núi và huyện đảo Phú quý). Bình thuận là một tỉnh nghèo, có nhiều khó khăn. Hàng tháng *Tạp chí Cộng sản* đã tới các đảng bộ cơ sở, nhưng tập trung nhiều ở thị xã. Ban tuyên giáo Tỉnh ủy dự kiến sẽ phối hợp với bưu điện tỉnh làm tốt hơn nữa việc đưa *Tạp chí Cộng sản* đến các cơ sở đảng trong tỉnh.

Đọc *Tạp chí Cộng sản*, cán bộ, đảng viên ở Bình thuận thêm vững tin vào con đường mà Bác Hồ, Đảng ta, nhân dân đã lựa chọn. Nhiều vấn đề chính trị, kinh tế, xây dựng đảng được các bài viết lý giải rõ ràng, thuyết phục. Chúng tôi mong Tạp chí có nhiều bài trao đổi kinh nghiệm về xây dựng Đảng, về các vấn đề quản lý kinh tế nhiều thành phần, quản lý ruộng đất, tôn giáo, dân tộc... Nếu được, Tạp chí nên có chuyên mục dành riêng cho địa phương. Giá bán Tạp chí hiện nay quá rẻ, không biết có phải bù lỗ không ? Tôi cho rằng dù Tạp chí có phải bù lỗ thì đó là lỗ về tài chính. Cái chính vẫn là lãi về giáo dục tư tưởng - một thứ lãi không thể nào đo đếm được.

*

Hội nghị cũng đã nghe các đồng chí đại diện bưu chính tỉnh Kon tum, đại diên bạn đọc ở thành phố Đà lạt (Lâm đồng) thị trấn La hà (Quảng ngãi), thành phố Nha trang (Khánh hòa) phản ánh về tình hình mua và đọc *Tạp chí Cộng sản* ở địa phương.

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, thay mặt Bộ biên tập Tạp chí, nhiệt liệt hoan nghênh và cảm ơn những ý kiến chân tình và sâu sắc của các đại biểu, cảm ơn sự giúp đỡ rất chu đáo của Tỉnh ủy Khánh hòa, hứa sẽ cố gắng thực hiện tốt những điều mong mỏi của bạn đọc. Đồng chí cũng đề nghị các cấp ủy đảng thường xuyên cung cấp thông tin, viết bài cho Tạp chí ; tổ chức tốt hơn nữa việc phát hành, mua và đọc Tạp chí ; tiếp sức, nhân bản, vận dụng những bài đăng trên Tạp chí để tuyên truyền vào địa phương... theo đúng tinh thần Chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng :"Các cấp ủy đảng cần tổ chức sử dụng Tạp chí có hiệu quả trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Cho phép các đảng bộ cơ sở và chi bộ đảng viên được sử dụng đảng phí mua *Tạp chí Cộng sản*. Các đồng chí giữ trách nhiệm chủ chốt của các ngành và các địa phương cần quan tâm góp ý kiến nhận xét, phê bình và viết bài cho Tạp chí " (Trích Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban bí thư Trung ương Đảng về công tác của Tạp chí Cộng sản).

P.V.

Phát triển...

(Tiếp theo trang 6)

khả năng cho sản phẩm hữu ích về mặt kinh tế. Nói chung, cần tập trung các nguồn vốn có được từ ngân sách, từ nguồn vốn vay tín dụng, từ các nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA)... cho hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa công nghệ.

Ngành giao thông vận tải xây dựng và thực hiện các chính sách, biện pháp huy động vốn như sau :

- Huy động tổng lực, khuyến khích đầu tư trong nước, mở rộng hình thức liên doanh liên kết với nước ngoài.

- Tổng kết rút kinh nghiệm và mở rộng các biện pháp vay mua, thuê và trả dần.

- Chuẩn bị tốt các dự án và kêu gọi đầu tư theo hình thức B.O.T. (xây dựng, vận hành, chuyển giao).

- Huy động vốn của nhân dân, sự hỗ trợ của nhà nước để phát triển mạnh giao thông nông thôn.

- Đổi mới cơ chế quản lý xây dựng cơ bản ; mở rộng sử dụng dịch vụ thẩm định chất lượng, giá cả vật tư, thiết bị nhập khẩu và kiểm toán của các công ty trong nước và nước ngoài nhằm sử dụng vốn có hiệu quả.

Trong thời gian tới, nhà nước sẽ ưu tiên vốn cho ngành giao thông vận tải, tuy nhiên so với nhu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì vẫn còn hạn chế. Bởi vậy, ngành đề nghị nhà nước : cho thu phí các công trình theo phương châm "lấy đường nuôi đường" ; cho để lại khấu hao cơ bản để tái đầu tư thiết bị ; có chính sách cho vay trung hạn và dài hạn, nhất là đối với đầu tư cơ bản cho các cơ sở công nghiệp và đối với công nghệ mới ; giúp cho ngành, các đơn vị vay vốn của nước ngoài.

Với các định hướng cơ bản, ngành sẽ chỉ đạo xây dựng và thực hiện các đề án cụ thể cho các chuyên ngành, cho các lĩnh vực, phấn đấu làm tròn sứ mạng tiền đề cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân ở nước ta.

Digitized by Google

Ê-RÍCH HÔ-NẾCH-CƠ, một người cộng sản kiên cường

HỒNG HOA

NGÀY 29 tháng 5 vừa qua, đồng chí Ê-rích Hô-nếch-cơ, nguyên Tổng bí thư UBTU Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, Chủ tịch Hội đồng nhà nước nước CHDC Đức trước đây, đã trút hơi thở cuối cùng tại Xan-ti-a-gô (Chi-lê). Ông ra đi trong niềm tiếc thương của bạn bè, đồng chí, người thân, những người luôn chung vai sát cánh bên ông, kể cả những lúc ông lâm bệnh nặng, bị giam giữ trong tù ở tuổi ngoài tám mươi hay những lúc lánh nạn nơi đất khách. Ông ra đi giữa lúc dư luận có những nhận định khác nhau về ông. Một số người vì động cơ chính trị không trung thực đã kết tội và đòi trừng trị ông bằng mọi giá ; số khác cho rằng bi kịch cuộc đời ông là ở chỗ ông "không nhận thức được" sự biến đổi hoàn toàn của thời cuộc và đã trở thành nạn nhân của "trò hề chính trị". Song có một thực tế không ai có thể phủ nhận được : đó là trong suốt hơn 60 năm qua, ông đã đấu tranh không mệt mỏi cho lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa cộng sản. Trọn đời mình, ông luôn là một người cộng sản kiên cường.

Ê-rích Hô-nếch-cơ sinh ngày 25-8-1912 tại Noi-kiếc-sen (Neunkierchen), trong một gia đình công nhân mỏ. Cha ông là đảng viên cộng sản, hoạt động trong phong trào công nhân, đấu tranh cho các quyền lợi của công nhân. Quê hương ông có truyền thống cách mạng bất khuất. Ông đã sớm gia nhập Đội thiếu niên cộng sản, sau đó là Đoàn thanh niên cộng sản. Mười bảy tuổi,ông đã được kết nạp vào Đảng cộng sản Đức (DKP). Mục tiêu trước sau như một của DKP là đấu tranh cho hòa bình, công ăn việc làm, bánh mì và an toàn xã hội. Đó cũng chính là lý tưởng, mục tiêu phấn đấu của Ê-rích Hô-nếch-cơ. Bắt đầu cuộc đời chính trị, ông kiên trì đấu tranh vì lý tưởng chủ nghĩa cộng sản, kiên định theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa chân chính.

Sớm nhận rõ bản chất và nguy cơ của chủ nghĩa quốc xã, ông đã tích cực tham gia các cuộc đấu tranh của phong trào thanh niên, phong trào cộng sản chống chủ nghĩa phát xít. Năm 1933, chính quyền quốc xã thi hành chính sách khủng bố tàn khốc, truy lùng, săn đuổi những người cộng sản Đức và những người xã hội dân chủ. Năm 1935, ông bị chính quyền phát xít bắt. Năm 1937, bị tuyên án 10 năm tù. Mười năm bị giam giữ trong ngục tù phát xít là 10 năm dược tôi luyện trong trường học gian khổ. Ngục tù phát xít không bẻ gẫy nổi ý chí, tinh thần đấu tranh cách mạng và lập trường kiên định của ông. Trong tù, ông vẫn tham gia hoạt động chống phát xít, liên lạc với phong trào cách mạng, tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng. Năm 1945, ông được Hồng quân Liên xô giải phóng.

Năm 1946, ông được bầu là ủy viên UBTU Đảng cộng sản Đức (sau này là Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức). Năm 1950, ông được bầu là ủy viên dự khuyết Bộ chính trị, và từ năm 1958 ông là ủy viên Bộ chính trị, ủy viên Ban bí thư trung ương.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, cũng như sau này khi trở thành Tổng bí thư UBTU Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, Chủ tịch Hội đồng nhà nước nước CHDC Đức, ông luôn giữ vững thế giới quan cộng sản. Ông đã nhiều lần trình bày quan điểm của mình về chiến tranh và hòa bình. Hòa bình mang lại hạnh phúc cho mọi dân tộc. Để đi tới hòa bình, cần cố gắng đấu tranh chống sự bao vây của các lực lượng thù địch. Nguyện vọng tha thiết của ông là gìn giữ hòa bình, để cho các dân tộc có thể xây dựng tương lai của mình trong hòa bình. Một thế giới hòa bình, ổn định, là một thế giới không có mối đe dọa của chiến tranh hạt nhân. Ông lên án việc tập trung vũ khí hạt nhân ở

Digitized by Google

đường biên giới hai nước Đức trước đây. Ông kiên trì đấu tranh cho quá trình hòa dịu và giải trừ quân bị. Với cương vị là người lãnh đạo cao nhất nước CHDC Đức, ông đã góp phần vào việc tăng cường liên minh quân sự với các nước xã hội chủ nghĩa nhằm duy trì nền hòa bình, an ninh, bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở châu Âu. Điều này ảnh hưởng tích cực đến hòa bình trên thế giới, thúc đẩy quá trình giảm bớt đối đầu, phát triển sự hợp tác quốc tế. Ông đã đóng góp vào việc xây đắp, củng cố tình đoàn kết chiến đấu, hữu nghị với các dân tộc anh em, với các đảng cộng sản, với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, với các lực lượng dân chủ yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Ông đã dành cho nhân dân Việt nam những tình cảm tốt đẹp và sự ủng hộ chí tình, cả trong những năm chiến tranh cũng như trong những năm hòa bình xây dựng.

Với sự kiên định và nỗ lực hiếm có, đồng chí Hô-nếch-cơ đã làm tất cả những gì cần thiết để thực hiện lý tưởng mà đồng chí hàng đeo đuổi, đem lại cuộc sống hạnh phúc cho nhân dân. Mười tám năm giữ chức Tổng bí thư Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, mười ba năm làm Chủ tịch Hội đồng nhà nước nước CHDC Đức, đồng chí đã cùng đảng và nhân dân đưa nước CHDC Đức trở thành một trong những cường quốc công nghiệp mạnh của thế giới, làm cho nước CHDC Đức có vị trí, ảnh hưởng lớn lao trong cộng đồng quốc tế. Những đóng góp tích cực của Ê-rích Hô-nếch-cơ đối với nhân dân và phong trào cách mạng là những dấu ấn không thể phai mờ trong một chặng đường lịch sử vẻ vang của nước CHDC Đức.

Là người cộng sản, và vì giữ vững lập trường giai cấp nên trong cuộc đời, Hô-nếch-cơ luôn phải đối mặt với kẻ thù. Chẳng đợi đến khi ông bị chính quyền CHLB Đức bắt giam, kẻ thù mới ra sức công kích ông, mà ngay từ những năm còn lãnh đạo nước CHDC Đức, ông đã là đối tượng công kích của chúng. Đã có thời kỳ ngay chính tại nước Đức, bọn phát xít đã ném hàng triệu đảng viên cộng sản vào nhà tù và các lò thiêu người. Chúng chiếm trụ sở, đốt phá nhà cửa, săn lùng những người cộng sản. Thái độ thù địch ấy gần đây lại được nhen lên, được hà hơi tiếp sức bởi một số phần tử cực hữu hiếu chiến. Ê-rích Hô-nếch-cơ là một trường hợp điển hình trong số những người cộng sản Đức bị phân biệt đối xử và truy bức chính trị. Ông đã trở thành nạn nhân của những mưu đồ chính trị mập mờ và thấp hèn.

Để hợp pháp hóa việc bắt giữ và xét xử ông, người ta đã ngụy tạo một loạt chứng cớ "tội lỗi". Ngày 30-11-1990, tòa án Tây Béc-lin ban bố lệnh bắt giam Ê-rích Hô-nếch-cơ với lý do ông bị tình nghi về "tội giết người" ở đường biên giới hai nước Đức trước đây. Ngày 14-5-1992, cơ quan tư pháp Béc-lin khởi tố ông vì "tội đã ra lệnh bắn vào những người vượt biên". Ngày 5-6-1992, cơ quan tư pháp Béc-lin lại ban bố thêm một lệnh mới bắt giam ông vì "tội tham ô và lạm dụng chức quyền". Người ta đã gán cho ông đủ mọi thứ tội : từ "tòng phạm giết người", "kích động giết người", sang phải "chịu trách nhiệm trong các vụ giết người", phải chịu trách nhiệm vì đã "tham gia vào việc xây dựng bức tường Đông - Tây, giam giữ cả một dân tộc suốt 28 năm" (!)...

Song, đằng sau những gì có vẻ "hợp pháp" và "đúng đắn" đó trong việc giam giữ, xét xử Ê-rích Hô-nếch-cơ, là tất cả những gì phi pháp, phi lý.

Một số báo Đức cho rằng ông Ê-rích Hô-nếch-cơ phải ra trước tòa để góp phần mình vào việc làm sáng tỏ những quá khứ của nước Đức. Nhưng, những gì thuộc về lịch sử nước CHDC Đức phải do chính người dân Đông Đức là những người làm nên lịch sử của nước mình tự phán quyết. Kết tội ông Hô-nếch-cơ, như một chứng nhân lịch sử, thực chất là kết tội số phận của cả dân tộc. Để xử lý và tẩy rửa quá khứ và để "xóa bỏ một cách vĩnh viễn tính hợp pháp về mặt lịch sử của nước CHDC Đức", họ đã đưa ông ra xét xử, bất chấp những chứng cớ có đủ sức thuyết phục về mặt pháp lý hay không.

Xét về công pháp quốc tế và hiệp ước thống nhất giữa hai nhà nước Đức, thì việc cưỡng bức ông Ê-rích Hô-nếch-cơ từ sứ quán Chi lê ở Nga trở về Đức để xét tội, là vi phạm tinh thần công ước quốc tế về dân quyền và các quyền chính trị.

Vụ xét xử Ê-rích Hô-nếch-cơ thu hút sự chú ý của mọi người, bởi lẽ, theo lời bình luận của một số tờ báo Đức, đây là một "cuộc báo thù chính trị", không những liên quan đến "số phận cay đắng" của một con người bị vùi dập, mà còn liên quan đến người dân Đông Đức nói chung. Vụ án diễn ra trong bối cảnh không mấy thuận lợi. Một

Digitized by Google

số chính khách cho rằng uy tín của nền tư pháp Đức sẽ bị ảnh hưởng nếu tiếp tục kéo dài vụ án Ê-rích Hô-nếch-cơ trong tình trạng sức khỏe suy sụp của ông. Có lẽ vì thế mà ngày 12-1-1993 Tòa án bang Béc-lin đã quyết định đình chỉ vụ xét xử và bãi bỏ lệnh bát giam Ê-rích Hô-nếch-cơ.

Trong bước đường gian truân cuối đời, Ê-rích Hô-nếch-cơ luôn tin tưởng, một niềm tin chắc chắn vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội. Trước phiên tòa xét xử ông năm ngoái, ông đã kiên quyết bảo vệ lý tưởng của mình. Lòng tin không gì lay chuyển nổi của Ê-rích Hô-nếch-cơ vào sức sống mãnh liệt của chủ nghĩa cộng sản đã nâng đỡ ông trong những ngày cuối cùng của cuộc đời.

Như niềm tin của ông, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã, đang và sẽ còn tồn tại, phát triển hùng mạnh, bất chấp những khó khăn thử thách, sự chống phá điên cuồng của các thế lực phản động. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục nuôi dưỡng giấc mơ hão huyền là tìm mọi cách xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa khỏi bản đồ thế giới. Nhưng thực tế cho thấy, lý tưởng cộng sản vẫn sống mãi cùng thời gian. Các lực lượng cộng sản vừa qua đã liên tiếp giành lại vị trí, vai trò ảnh hưởng của mình qua các cuộc trưng cầu ý dân. Một số đảng cộng sản ở châu Âu đã giành được đa số phiếu trong các cuộc bầu cử quốc hội và đã nắm quyền lãnh đạo. Trước sau, lý tưởng cộng sản vẫn là mục tiêu cao đẹp mà loài người vươn tới.

Con đường mà Ê-rích Hô-nếch-cơ đã đi, sự nghiệp mà ông đã làm là biểu hiện của sự trung thành với lý tưởng cộng sản.

Những người cộng sản Việt nam, nhân dân Việt nam luôn luôn trân trọng và gìn giữ những tình cảm tốt đẹp đối với đồng chí Hô-nếch-cơ. Chúng ta nhớ mãi hình ảnh một người bạn lớn cùng với nhân dân nước Cộng hòa dân chủ Đức suốt một thời gian dài luôn luôn đứng bên cạnh chúng ta trên mỗi bước đường cách mạng với sự giúp đỡ đầy tình nghĩa, nhớ mãi hình ảnh một người cộng sản kiên cường, trung thực và cao thượng.

TƯ TƯỞNG...

(Tiếp theo trang 32)

tôi, tôi không bao giờ tin rằng đồng bào công giáo chống lại Việt minh, đồng bào công giáo tha thiết với nền độc lập của Tổ quốc và sự tự do tín ngưỡng thật đầy đủ, và tôi cũng tin rằng mọi người đều tuân theo khẩu hiệu "phụng sự Thiên chúa và Tổ quốc" (11).

Chúng ta còn nhớ trước làn sóng đồng bào công giáo di cư vào Nam những năm 1954 - 1956, trong thư mừng Giáng sinh 1954, Người nói rõ chính sách của nhà nước để đồng bào di cư yên tâm :

"Tôi xin nhắc lại cho đồng bào rõ : Chính phủ ta thật thà tôn trọng tín ngưỡng tự do. Đối với những giáo hữu đã nhẩm di cư vào Nam, Chính phủ đã ra lệnh cho chính quyền địa phương giữ gìn cẩn thận ruộng vườn, tải sản của những đồng bào ấy và sẽ giao trả lại cho những người trở về" (12).

Người nghiêm khắc phê phán những cán bộ vi phạm chính sách tôn giáo của chính phủ, tỏ lời khen ngợi các giáo sĩ và tín đồ đã thân ái giúp cán bộ sửa chữa sai lầm, thực hiện đúng chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng của chính phủ. Người kiên nhẫn, tế nhị, bao dung khi giải quyết những vấn đề vướng mắc trong quan hệ tôn giáo.

Với lòng nhân ái bao la, bằng trí tuệ sáng suốt của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta những bài học vô giá về nhận thức và phương pháp xử lý các vấn đề tôn giáo. Những bài học đó vẫn giữ nguyên giá trị đối với toàn Đảng, toàn dân ta trong công tác tôn giáo hôm nay. Đứng trước những thời cơ mới, vận hội mới của đất nước, trước đòi hỏi về sự ổn định xã hội và đoàn kết toàn dân, những bài học mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại càng có ý nghĩa hết sức to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giàu đẹp.

(11) Theo Trần Tam Tỉnh : *Thập giá và lưỡi gươm*. Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 1988, tr 71 - 72

(12) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t7, tr 104

Digitized by Google

NGOẠI GIAO NHÂN QUYỀN CỦA MỸ

Lời người biên tập : *Tạp chí "Nghiên cứu các vấn đề quốc tế" phát hành tại Bắc kinh số 3-1993 có bài của giáo sư Lưu Văn Tôn với nhan đề nói trên. Bài tổng thuật sau đây giới thiệu nội dung bài báo đó (có tham khảo thêm một số bài báo khác).*

"Hoa kỳ coi nhân quyền là quốc sách cơ bản". Đó là lời của nguyên phó tổng thống Mỹ Quyn phát biểu tại Hội nghị nhân quyền quốc tế năm 1990. Xem xét những luật do Quốc hội Mỹ thông qua từ năm 1961 đến nay, có thể thấy nội dung chính sách ngoại giao nhân quyền đó như sau :

1 - Mục tiêu chủ yếu của chính sách ngoại giao của Mỹ là thúc đẩy các nước tôn trọng những tiêu chuẩn nhân quyền được quốc tế công nhận (thực chất là được Mỹ công nhận).

2 - Mỹ sẽ không viện trợ về an ninh và kinh tế cho bất cứ nước nào bị Mỹ coi là thường xuyên vi phạm nghiêm trọng nhân quyền được quốc tế công nhận. Mỹ không viện trợ tài chính cho những nước che chở những phần tử khủng bố quốc tế.

3 - Mỹ sẽ sử dụng đầy đủ quyền phát ngôn và quyền bỏ phiếu ở các tổ chức quốc tế như Ngân hàng thế giới, Ngân hàng châu Á, Ngân hàng châu Phi... để thúc đẩy sự nghiệp nhân quyền.

4 - Mỹ sẽ không thực hiện chế độ tối huệ quốc và cho vay thương mại đối với những nước kinh tế phi thị trường (tức các nước xã hội chủ nghĩa) ; không cho phép công dân nước mình được tự do di cư ra nước ngoài hoặc sẽ đánh thuế thật nặng và phạt tiền những công dân nào muốn di cư ra nước ngoài.

Ngoài việc quy định thành luật như trên, Mỹ còn thành lập các cơ quan chuyên trách nhân quyền. Trong chính phủ có Cục nhân quyền và nhân đạo. Cục này mỗi năm phải trình Quốc hội Mỹ một bản báo cáo về tình hình nhân quyền của tất cả các nước thành viên Liên hợp quốc. Năm 1976, còn thành lập Ủy ban phối hợp giữa quốc hội và chính phủ về nhân quyền. Ủy ban này theo dõi việc thực hiện các điều khoản về nhân quyền trong "Tuyên ngôn Hen-xin-ki", thực chất là theo dõi tình hình nội chính của Liên xô cũ và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cũ. Năm 1983, Quốc hội Mỹ thông qua cái gọi là kế hoạch xúc tiến dân chủ trên toàn cầu, và lập quỹ tài trợ cho kế hoạch đó. Quốc hội Mỹ nhấn mạnh rằng việc bảo vệ nhân quyền phải nhằm thúc đẩy sự thay đổi cơ cấu xã hội theo hướng dân chủ kiểu Mỹ hoặc thiết lập một cấu trúc thượng tầng dân chủ, thực hiện nền chính trị nghị trường nhiều đảng phái. Mục tiêu của ngoại giao nhân quyền là như vậy ư ? Thế thì có khác gì mục tiêu của diễn biến hòa bình hoặc của hoạt động lật đổ ! Với chính sách vừa nói, ở Mỹ đã xuất hiện nhiều tổ chức, nhiều quỹ chính phủ và phi chính phủ lấy danh nghĩa nhân quyền và dân chủ để hoạt động, nhằm gây ảnh hưởng và can thiệp vào công việc nội bộ các nước khác, chủ yếu là các nước đang phát triển. Các tổ chức trên đã thâm nhập và đang hoạt động dưới mọi hình thức ở Trung quốc và các nước đang phát triển khác. Việc chính phủ Mỹ rút khỏi UNESCO năm 1984 cũng vì lý do Mỹ cho rằng tổ chức quốc tế này không làm theo ý muốn của Mỹ, cho rằng UNESCO nặng về lợi ích các nước đang phát triển, trong khi phần lớn các nước đang phát triển lại không theo tiêu chuẩn nhân quyền của Mỹ.

Cái mà Mỹ gọi là "tiêu chuẩn nhân quyền được quốc tế công nhận", thực chất là gì ? Đó chủ yếu là 10 điều ở phần đầu luật sửa đổi hiến pháp Mỹ. Nội dung chính của 10 điều ấy như sau : 1. Công dân Mỹ có các quyền tự do cá nhân về tín ngưỡng tôn giáo, về ngôn luận và xuất bản, về hội họp hòa bình và nêu kiến nghị, về sở hữu và mang theo vũ khí, về không cho phép quân đội đóng trong nhà dân, về không bị xâm phạm thân thể và nhà ở, về sở hữu tài sản. 2. Công dân Mỹ có quyền về tố tụng, bao gồm : quyền bồi thẩm, quyền không thể bị phạt 2 lần cùng một tội danh, quyền có luật sư bào chữa, quyền không bị cưỡng bức khai cung nhận tội. 3. Về chế độ phân quyền liên bang, điều 10 hiến pháp Mỹ quy định : những quyền không do chính phủ liên bang thực thi và cũng không cấm chính quyền các bang thực thi thì sẽ do chính quyền bang hoặc nhân dân bang bảo lưu.

Những điều trên cho thấy : "nhân quyền" mà Mỹ đề cao, chủ yếu là quyền công dân và quyền chính trị, cơ bản không bao gồm quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Điều này đã tụt hậu xa so với những tiêu chí nhân quyền phổ biến hiện nay của các nước trên thế giới. Đối với tất cả các nước đang phát triển, nhân quyền bức xúc nhất là quyền sinh sống, quyền phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Hiện nay thế giới có khoảng 200 quốc gia và lãnh thổ khác nhau, hàng nghìn dân tộc khác nhau, theo những tôn giáo khác nhau, truyền thống văn hóa khác nhau, trình

Digitized by Google

độ phát triển và văn minh khác nhau. Do sự khác nhau về điều kiện lịch sử, nên tất yếu có sự khác nhau trong sự nhận thức và thực thi về nhân quyền, không thể bắt buộc tất cả các nước đều phải theo một quan niệm thống nhất và một mô hình thống nhất về nhân quyền. Nước theo Hồi giáo khác với nước theo Cơ đốc giáo, khác với nước theo Phật giáo, Nho giáo. Văn hóa Đông, Tây có những sắc thái khác nhau. Chúng ta khuyến khích giao lưu văn hóa, nhưng không chấp nhận sự áp đặt về văn hóa. Cộng đồng quốc tế có những công ước và tuyên ngôn về nhân quyền, trong đó có những chuẩn mực nhân quyền được cộng đồng quốc tế công nhận. Tính chất quốc tế của nhân quyền thể hiện trong cuộc đấu tranh chung của cộng đồng quốc tế chống những hành động gây tổn hại đến hòa bình, an ninh và ổn định quốc tế hoặc khu vực, như chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, xâm lược vũ trang, khủng bố quốc tế, những chính sách bá quyền và chính trị cường quyền... Những chuẩn mực quốc tế đó đòi hỏi tất cả các nước phải tuân thủ và phải thực thi, kể cả Mỹ. Ngoài những lĩnh vực ấy, bất cứ nước nào cũng không thể lấy hiến pháp của mình, lấy tiêu chuẩn nhân quyền riêng của mình, để đánh giá nhân quyền nước khác. Càng không thể áp đặt tiêu chuẩn và quan niệm nhân quyền của nước mình đối với các nước khác.

Mỹ lợi dụng chiêu bài nhân quyền để can thiệp công việc nội bộ nước khác. Cũng năm 1990, nguyên phó tổng thống Mỹ Quyn còn nói : "Ngày nay, một chính phủ mà bị tố cáo là vi phạm nhân quyền thì không còn có thể viện cớ bảo vệ "chủ quyền", "không cho ai can thiệp vào công việc nội bộ" để biện hộ cho mình nữa, thời đại ấy đã qua rồi !" Nguyên trợ lý ngoại trưởng chuyên trách nhân quyền của chính phủ Mỹ cũng tuyên bố : "Không thể coi vấn đề nhân quyền, về bản chất, là thuộc quyền nội bộ mỗi nước". Thậm chí tại Mỹ, còn có người rêu rao rằng : "Nhân quyền không có biên giới. Mỗi nước có quyền theo dõi vấn đề nhân quyền ở nội bộ nước khác, và họ có quyền hành động riêng lẻ hoặc tập thể. Việc làm đó là hợp pháp, không phải là can thiệp công việc nội bộ nước khác". Những luận điệu đó căn bản trái với công pháp quốc tế hiện hành và trái với tinh thần cơ bản của các công ước quốc tế về nhân quyền. Chỉ cần nêu một vài ví dụ. "Công ước quốc tế về quyền công dân và quyền chính trị" đã quy định : các nước thành viên thừa nhận đối với "những trường hợp không có trong luật pháp hiện hành hoặc trong các biện pháp khác" thì "các nước có thể dựa vào hiến pháp nước mình để quy định những luật hoặc các biện pháp cần thiết, nhằm thực hiện những quyền lợi ghi trong công ước này". "Công ước châu Âu về nhân quyền" cũng quy định : "Mọi người có quyền tự do ngôn luận", nhưng việc thực hiện quyền tự do ấy "phải kèm theo trách nhiệm và nghĩa vụ. Phải chịu sự ràng buộc của pháp luật (mỗi nước)". Những điều vừa nêu trên cho thấy : việc thực thi những quyền và tự do được ghi trong các công ước quốc tế về nhân quyền đều phải thông qua luật pháp mỗi nước.

Trên thế giới hiện nay, có nước lớn và nước nhỏ, có nước phát triển và nước chậm phát triển, có nước mạnh và nước yếu. Đối với những nước đang phát triển, muốn có nhân quyền, trước hết phải có chủ quyền, thông qua chủ quyền và dựa vào chủ quyền để thực thi và bảo vệ nhân quyền của dân tộc mình. Không có chủ quyền thì không thể có nhân quyền. Rõ ràng, tuy có những chuẩn mực quốc tế, vấn đề nhân quyền muốn thực thi phải do mỗi nước, thông qua luật pháp của mình. Đành rằng trong quan hệ quốc tế hiện đại, có những hiện tượng mới, đòi hỏi cộng đồng quốc tế hoặc cộng đồng khu vực phải hợp lực cùng nhau giải quyết. Do đó, quan niệm về chủ quyền quốc gia có thể có những yếu tố mới, có những đổi mới. Nhưng *về nguyên tắc cơ bản,* vấn đề "chủ quyền quốc gia" và vấn đề "công việc nội bộ của mỗi nước" vẫn là những vấn đề cần được tuân thủ nghiêm chỉnh. Mỹ ngang nhiên phá bỏ nguyên tắc này là hoàn toàn sai lầm.

Hoa kỳ không phải là một nước mẫu mực về nhân quyền. Cho đến nay, Mỹ vẫn chưa tham gia một số công ước quan trọng về nhân quyền đã được Liên hợp quốc thông qua, như "Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi sự kỳ thị chủng tộc" (năm 1965), "Công ước về quyền lợi kinh tế xã hội văn hóa" (năm 1966), "Công ước quốc tế về cấm và trừng phạt tội phân biệt chủng tộc" (năm 1973), "Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ" (năm 1980). Ngay tại Mỹ, những hoạt động phân biệt chủng tộc nghiêm trọng vẫn diễn ra, tội ác và bạo lực tràn lan, ma-phi-a và các thế lực đen tối đang khống chế một bộ phận đông đảo dân cư ; hàng chục triệu người sống dưới mức nghèo khổ, không nhà không cửa ; hàng chục triệu người bị gạt ra ngoài thiết chế dân chủ. *"Thời báo Niu Oóc"* ngày 18-2-1992 đã viết về vấn đề này như sau : "Các chính khách Mỹ trước hết hãy suy nghĩ và trả lời câu hỏi sau đây : Cộng đồng quốc tế có quyền can thiệp vào công việc nội bộ nước Mỹ một khi nhân quyền ở Mỹ bị vi phạm hay không ?".

Mặt khác, cái gọi là "giá trị dân chủ vĩnh hằng" mà Hoa kỳ luôn rêu rao, thực tế đang lung lay tận gốc rễ. Chẳng thế mà tạp chí *Nhà kinh tế học* (Anh) đã viết trong số ra nhân kỷ niệm 150 năm tạp chí này như sau : "Có một nghịch lý là sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản không phải có lợi mà lại có nguy cơ tạo ra cho các nền dân chủ phương Tây một thời kỳ khủng hoảng sâu sắc... (do) tình trạng đại đa số công dân bị gạt ra ngoài lề hoặc phải chịu sự chi phối của một thiểu số, (trong khi một số thế lực) vùng vẫy như những hải tặc trong cảnh quan chính trị hiện đại".

Một nước mà nhiều nhân quyền cơ bản đang bị vi phạm, một nước mà nền dân chủ đang bị đặt thành vấn đề, làm sao lại có thể áp đặt những thứ đó cho người khác được ?

LÊ PHAN DI
tổng thuật

Digitized by Google

NỀN HÀNH CHÍNH ● QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

● NỀN HÀNH CHÍNH

Nền hành chính được hiểu như một hoạt động, một cách tổ chức và quản lý xã hội chuyên nghiệp. Sự quản lý đó nằm trong phạm vi của quyền hành pháp. Vì vậy, một mặt nó có mối liên hệ khăng khít với quyền lực chính trị và quyền xét xử ; mặt khác nó được xác định bởi các điều kiện kinh tế, xã hội, tương quan giai cấp, đặc điểm dân tộc, vv.. Khi nói đến nền hành chính, không thể không nói đến vai trò của nó đối với việc giải quyết các vấn đề thuộc về chính trị, về quyền lực và về chính sách kinh tế. Nền hành chính bao hàm : bộ máy hành chính ; hệ thống các chức sắc có mối quan hệ công tác với nhau ; hệ thống chính trị, trong đó có vai trò trội hơn thuộc về những quan chức nhà nước nắm quyền lực trong tay, những viên chức điều hành bộ máy nhà nước ; những phương pháp quản lý có hiệu quả ; những luật lệ hành chính...

Có bộ máy nhà nước, tất yếu có hoạt động hành chính bảo đảm những nguyên tắc vận hành của bộ máy đó. Vì thế, không nên hiểu hành chính chỉ là những thủ tục giấy tờ thuần túy. Trong cuốn *Phê phán triết học pháp luật của Hê-ghen* và *Nội chiến ở Pháp*, C.Mác đã chỉ ra tính độc lập tương đối của nền hành chính đối với các lực lượng và các lợi ích khác nhau trong xã hội, thể hiện nhu cầu quản lý ổn định của nhà nước nhằm điều hòa những xu hướng, những màu sắc chính trị và chính kiến khác nhau. Nền hành chính góp phần giữ vững sự ổn định trong mối quan hệ giữa các tầng lớp xã hội. Đó là vai trò điều hành thống nhất và có chuẩn mực của bộ máy quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực hoạt động của xã hội và của mọi công dân.

Khi nói đến vai trò của nền hành chính, trước hết phải nói tới vai trò của nhà nước và vai trò của nó trong mối tương quan của quyền hành pháp - điều hành với các hình thức quyền lực khác của nhà nước đối với các hoạt động của xã hội. Vai trò của nhà nước được thể hiện ở vai trò của bộ máy của nó và của các viên chức trong bộ máy đó. Vai trò của nhà nước luôn luôn được xác định trong mối liên hệ với những thay đổi về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội...

Xu hướng chung của thế giới là vai trò kinh tế - xã hội của nhà nước ngày càng được tăng cường và có mối liên hệ rõ rệt hơn với các lực lượng, các giai tầng trong xã hội. Chức năng của nền hành chính ngày càng được củng cố theo hướng chuyên nghiệp hóa cao hơn và rõ hơn. Nền hành chính ngày nay đã chuyển từ nền hành chính chỉ biết quy định sang một nền hành chính tổ chức có mối liên hệ mật thiết với xã hội công dân. Thước đo hoạt động của nền hành chính là hiệu quả xã hội của nó.

● QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

Quản lý hành chính là hoạt động của những cơ quan thuộc bộ máy hành chính nhằm thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ của nền hành chính ở mỗi nước.

Bộ máy quản lý hành chính bao gồm các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Trong đó cơ quan hành pháp, cơ quan quản lý nhà nước, được tổ chức thành một hệ thốnng hành chính quốc gia thống nhất từ trung ương xuống cơ sở. Các cơ quan hành chính do cơ quan đại diện quyền lực (Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp) lập ra và chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước các cơ quan đại diện đó.

Hệ thống quản lý hành chính ở nước ta được tổ chức theo các nguyên tắc :

- Tập trung dân chủ, địa phương phục tùng trung ương, bộ phận phục tùng cả nước, trên cơ sở phát huy tính tích cực sáng tạo của địa phương ; một mặt chống tập trung quan liêu, mặt khác chống cục bộ địa phương.
- Kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo lãnh thổ. Trong sự kết hợp này, có ba loại quan hệ : quan hệ trung ương với địa phương, quan hệ ngành của trung ương với chính quyền địa phương, và quan hệ giữa các địa phương với nhau. Kinh tế của địa phương là một bộ phận cấu thành nền kinh tế của cả nước.
- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động quản lý hành chính. Sự lãnh đạo của Đảng được thực hiện thông qua việc xác định đường lối chủ trương để trên cơ sở đó cơ quan hành chính có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Nguồn cán bộ lãnh đạo của các cơ quan quản lý hành chính là do Đảng đào tạo, bố trí, sắp xếp. Các tổ chức đảng không bao biện làm thay công việc quản lý hành chính nhà nước. Mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng với những hoạt động quản lý hành chính cần được quy định rõ ràng bằng văn bản.
- Phân định rõ quản lý hành chính với quản lý sản xuất kinh doanh, tránh tình trạng quản lý hành chính can thiệp vào các hoạt động nghiệp vụ, kinh doanh của các đơn vị kinh tế. Cần đổi mới phương thức quản lý, thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, giao hẳn chức năng sản xuất kinh doanh cho các tổ chức và các đơn vị kinh tế.
- "Cán bộ quyết định tất cả" là nguyên tắc phát triển đội ngũ công chức, viên chức nhà nước. Những phẩm chất và truyền thống của người viên chức là tính kỷ luật, trung thực, ham học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, yêu lao động, sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ.
- Kết quả hoạt động quản lý hành chính còn được đặt trên một nền dân trí của nhân dân cả nước. Nhân dân cần có sự hiểu biết cần thiết về vị trí pháp lý, các quyền và nghĩa vụ của mình ; tham gia các hoạt động quản lý trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Để tăng cường quản lý hành chính, yêu cầu cấp bách hiện nay ở nước ta là xây dựng nền hành chính quốc gia ; thực hiện những cải cách hành chính đúng hướng ; đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công chức, viên chức nhà nước có đủ phẩm chất và trình độ chuyên môn nghiệp vụ làm công việc hành chính có nền nếp, đáp ứng những yêu cầu của công cuộc đổi mới xây dựng đất nước văn minh, tiến bộ. Phải kiện toàn đội ngũ theo yêu cầu như vậy trong các cơ quan quản lý hành chính từ trung ương đến cơ sở.

Digitized by Google

● TRAO TẶNG ĐỒNG CHÍ HÀ XUÂN TRƯỜNG HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT



Ngày 21-6-1994, tại Hà nội, Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã tổ chức lễ trao Huân chương Độc lập hạng nhất tặng đồng chí Hà Xuân Trường, nguyên Ủy viên dự khuyết BCH TU Đảng, nguyên Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản*.

Tới dự, có đồng chí Đào Duy Tùng, Ủy viên Bộ chính trị, Thường trực Ban bí thư, và các đồng chí Hà Đang, Ủy viên trung ương Đảng, Trưởng Ban tư tưởng - văn hóa trung ương, Trần Hoàn, Ủy viên trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ văn hóa - thông tin, Cù Huy Cận, Chủ tịch Ủy ban liên hiệp văn học nghệ thuật Việt nam, đại diện Hội nhà văn Việt nam, Hội nhà báo Việt nam, Hội điện ảnh Việt nam, báo *Nhân dân*, báo Văn nghệ, Cục điện ảnh và gia đình đồng chí Hà Xuân Trường.

Đồng chí Đào Duy Tùng đã trao Huân chương và chúc mừng đồng chí Hà Xuân Trường.

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên trung ương Đảng, Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã chúc mừng và trao quà của Bộ biên tập tặng đồng chí nguyên Tổng biên tập Tạp chí.

Nhiều đồng chí đại diện các ngành đã tặng hoa, phát biểu và đọc thơ chúc mừng.

Trong không khí đầm ấm và xúc động, trước những lời chúc tốt đẹp và thân tình của đảng bộ và cơ quan, của bạn hữu, đồng chí Hà Xuân Trường đã phát biểu ý kiến. Đồng chí cảm ơn Đảng và Nhà nước đã trao cho phần thưởng cao quý và coi đây là sự kiện đánh dấu một chặng đường dài trong quá trình hoạt động cách mạng của mình. Đồng chí nguyện tiếp tục phấn đấu cống hiến trọn đời cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

● TRAO HUY CHƯƠNG "VÌ SỰ NGHIỆP BÁO CHÍ VIỆT NAM"

Nhân **Ngày báo chí Việt nam 21-6**, Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã tổ chức lễ trao tặng Huy chương "Vì sự nghiệp báo chí Việt nam" của Hội nhà báo Việt nam cho nhà báo Trần Thị Xuân Diệu, phó Ban thư ký của Tạp chí và nhà báo Nguyễn Thị Thảo, cán bộ Ban thư ký.

Như vậy, đến nay Tạp chí Cộng sản đã có 28 đồng chí được nhận Huy chương cao quý này.

Digitized by Google

CỬU LONG TOURIST

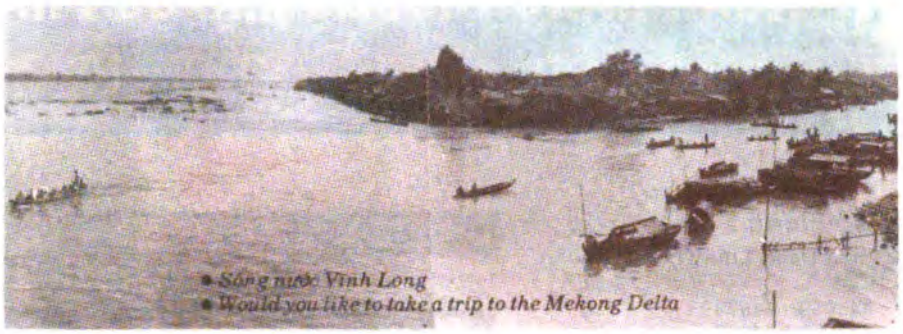
CÔNG TY DU LỊCH CỬU LONG

Trụ sở : Số 1 đường 1 tháng 5 Thị xã Vĩnh Long
ĐT : 23616 - 23357 - 23529
Fax 84-8-293990
CHI NHÁNH : 45 Đinh Tiên Hoàng quận1 TP HCM
Điện thoại : 293990 -291611
Fax : 84-8-293990

CÁC DỊCH VỤ CHÍNH :

Tổ chức các chương trình du lịch trong và ngoài nước
Cung cấp các dịch vụ du lịch :
- Làm thủ tục nhập xuất cảnh
- Đăng ký vé máy bay - đặt phòng khách sạn
- Cho thuê các loại xe, tàu

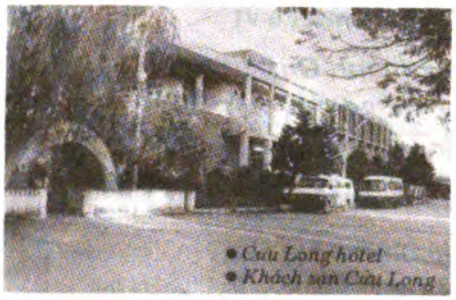
Đặc biệt : Kể từ năm 1993, tổ chức du lịch trên sông vùng đồng bằng sông Cửu Long : Liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước để khai thác du lịch và kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.



• Sông nước Vĩnh Long
• Would you like to take a trip to the Mekong Delta

PLEASE COME ON A VISIT TO VINH LONG (a central part of the Mekong Delta). A PLACE WHERE LOVES ARE ALWAYS ENCHANTED.

CUU LONG TOURIST WILL BE AT YOUR DISPOSAL



• Cửu Long hotel
• Khách sạn Cửu Long

TY LIÊN DOANH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM AN THÁI

CTY THƯƠNG NGHIỆP TỔNG HỢP AN GIANG LIÊN DOANH CTY THAI HINLONG SINGAPORE



MÌ ĂN LIỀN

AN THÁI LUCKY - HẠNH PHÚC





Địa chỉ : 27/9 Trần Hưng Đạo - Mỹ Thới - Thị xã Long xuyên - An Giang
Điện thoại : 34232 - 34325 - 34120
Fax : 84 - 76 - 34326

- MÁY MÓC THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI, BẰNG LOẠI THÉP KHÔNG GỈ
- ĐẶC BIỆT CHẢO CHIÊN MÌ GIA NHIỆT BẰNG HƠI NÊN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM LUÔN ỔN ĐỊNH.
- SẢN PHẨM ĐẠT TIÊU CHUẨN CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM, ĐƯỢC TẶNG 05 HUY CHƯƠNG VÀNG VÀ 07 BẰNG KHEN TẠI HỘI CHỢ QUỐC TẾ NĂM 1993
- ĐÃ XUẤT KHẨU SANG CÁC NƯỚC : ÚC, SINGAPORE, SNG, PHÁP, CAMPUCHIA, NAUY, BALAN



Digitized by Google

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á
Eastern Asia Commercial Bank

Trụ sở chính :
130 Phan Đăng Lưu, Q. Phú Nhuận
TP. HCM
Tel : 443659 - 446739 -
443550 - 443670
Fax : 84.8.443550
Telex : 813148 EAB VT

Chi nhánh Quận 1 :
52 Nguyễn Công Trứ Q.1 TP. HCM
Tel : 231996 - 241779 - 241780
Chi nhánh Quận 6 :
15 Huỳnh Thoại Yến Q.6 TP. HCM
Tel : 560913 - 560914

Chi nhánh Hà Nội :
192 B Quan Thánh Q. Ba Đình Hà Nội
Tel : 252104 - 123165
Fax : 84.4.236091



Trụ sở chính của Đông Á Ngân Hàng

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG :

- Nhận tiền gởi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam, vàng và ngoại tệ.
- Cho vay sản xuất kinh doanh, cho vay trả góp trên địa bàn chợ, cho vay tiêu dùng.
- Kinh doanh vàng bạc và ngoại tệ.
- Hùn vốn đầu tư liên doanh, liên kết, Tiếp nhậnvốn uy thác đầu tư.
- Dịch vụ tài khoản thanh toán giữa các khách hàng.
- Thực hiện các nghiệp vụ của ngân hàng đối ngoại như : mơ L/C, nhận L/C thu hộ (D/P, D/A), chi hộ (M/T, T/T)
- Chuyển tiền nhanh TP. HCM - Hà Nội và ngược lại



Chi nhánh Hà Nội của Đông Á Ngân Hàng

Đặc biệt :

Từ 01 / 04 /1994

Đông Á Ngân hàng phát hành các loại kỳ phiếu bằng đồng VN, vàng & ngoại tệ

HÂN HẠNH ĐÓN TIẾP VÀ PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH.

Digitized by Google

CÔNG TY BÊ - TÔNG 620 (BT CHÂU THỚI)

(THUỘC TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 6 - BỘ GTVT)









Địa chỉ : Xã Bình An - Huyện Thuận An - Tỉnh Sông Bé

Tel : 01.61.36043

Công ty bê tông 620 được thành lập lại theo thông báo đồng ý thành lập doanh nghiệp Nhà nước số : 134/TB ngày 29-4-1993 của Văn phòng Chính phủ và quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước số : 942/QĐ/TCCB- LĐ ngày 17 -5 1993 của Bộ Giao Thông Vận Tải.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

- Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, vật liệu xây dựng.
- Lắp cấu kiện bê tông
- Gia công cơ khí

CÁC SẢN PHẨM BÊ TÔNG ĐÚC SẴN CHÍNH :

- Dầm bê tông tiền áp các loại ;

T.24,70 m - T.18,60m - T.12,50m theo tiêu chuẩn AASHO - HS.20

1.24,54m - 1.33m theo TCVN - H.30 - XB.80

- Các loại cọc vuông BTCT .0,m45 x 0,45 - 0,m40 x 0,40 - 0,m35 x 0,35 - 0,m30 x 0,30 - 0,m25 x 0,25 - Có chiều dài từ 6m đến 22 m

Cọc ống BTCT ly tâm đường kính 0,m55 dài từ 8m đến 12m.

Trụ điện ly tâm BTCT, trung và hạ thế dài 10,m5 và 12,50m

Ống cống BTCT đường kính 1,5m - 1,00m -0,80m và 1m

Công ty bê tông 620 nhận gia công tất cả các loại cấu kiện bê tông cốt thép theo yêu cầu và thiết kế của khách hàng.

Hợp đồng vận chuyển sản phẩm của công ty đến tận chân công trình hoặc đến bến cảng. Nhận lao phóng dầm cầu và căng áp hậu áp.

Công ty bê tông 620 đảm bảo chất lượng đúng quy trình quy phạm Nhà nước về XDCB và theo đúng yêu cầu thiết kế của khách hàng .

Sản phẩm bê tông bảo hành theo thời gian quy định cho các công trình XDCB của Nhà Nước.





Digitized by Google

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ NHÀ QUẬN 8

Địa chỉ : 118 Hưng phú - Quận 8 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại : 557332 - 557298

LÃNH VỰC HOẠT ĐỘNG



■ *Ảnh phối cảnh - khu phố thương nghiệp Phường 5 (Nhị Thiên Đường) Nhà liên kế*

1. Xây dựng cơ bản :

- Thiết kế quy hoạch xây dựng
- Khảo sát thiết kế, dự toán các công trình xây dựng.
- Lập luận chứng kinh tế kỹ thuật các công trình xây dựng
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và trang trí nội thất

2. Kinh doanh địa ốc :

- Mua bán, cho thuê nhà ở, văn phong làm việc, mặt bằng sản xuất

3. Sản xuất và kinh doanh VLXD :

- Sản xuất gạch bông các loại chất lượng tốt - các loại cửa sắt cửa gỗ, hoa sắt, hoa bê tông, ống cống...
- Mua bán, cung ứng các loại VLXD cho khách hàng theo yêu cầu

4. Hợp tác đầu tư :

- Sẵn sàng liên doanh, hợp tác đầu tư với các đơn vị cá nhân trong và ngoài nước trong lãnh vực kinh doanh Địa Ốc

CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG và KINH DOANH ĐỊA ỐC

- Có đội ngũ kiến trúc sư, kỹ sư, công nhân xây dựng kinh qua thực tiễn nhiều kinh nghiệm, đã thi công nhiều công trình lớn trước đây như : Thư viện Khoa học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh
- Hiện đang thi công nhiều công trình lớn và các khu gia cư với phương châm :

CHẤT LƯỢNG - UY TÍN
KỸ - MỸ THUẬT



■ *Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh*

■ *THE LIBRARY OF SCIENCE OF HO CHI MINH CITY*

IN TẠI NHÀ IN NHÂN DÂN HÀ NỘI II CHỈ SỐ 12651 - ISSN 0866 - 7276 GIÁ : 2000đ

Digitized by Google

IX
9
168B

Tạp chí Cộng sản





8
1994

UNIV. OF MICH.
SEP 0 8 1994
CURRENT SERIALS
Digitized by Google

"Công nghiệp hóa thực chất là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đó không chỉ đơn giản là tăng thêm tốc độ và tỷ trọng của sản xuất công nghiệp trong nền kinh tế, mà là quá trình chuyển dịch cơ cấu gắn với đổi mới căn bản về công nghệ, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và lâu bền của toàn bộ nền kinh tế quốc dân".

"Công nghiệp hóa phải đi đôi với hiện đại hóa, kết hợp những bước tiến tuần tự về công nghệ với việc tranh thủ những cơ hội đi tắt, đón đầu, hình thành những mũi nhọn phát triển theo trình độ tiên tiến của khoa học - công nghệ thế giới".

"Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là con đường thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước chung quanh, giữ được ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ được độc lập, chủ quyền và định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa".

(Trích *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng tháng 1-1994*)

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

8 – 1994 NĂM THỨ BỐN MƯƠI (464)

MỤC LỤC

Phấn đấu thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy BCHTU Đảng khóa VII	Thông báo Hội nghị lần thứ bảy BCHTU Đảng khóa VII	3
	XÃ LUẬN - Nắm vững các quan điểm cơ bản chỉ đạo quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta	4
	ĐỖ MƯỜI - Đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh	7
	NGUYỄN THÀNH BANG - Mấy suy nghĩ về con đường hiện đại hóa đất nước trong thời đại ngày nay	17
	MAI HỮU THỤC - Về phạm trù công nghiệp hóa	21
	LÊ NHƯ HÙNG - Năng lượng đối với công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Việt nam	24
Thực tiễn - Kinh nghiệm	LÊ HUY NGỌ - Nhìn lại hai năm thực hiện Nghị quyết 3 của Trung ương về đổi mới và chỉnh đốn đảng	29
	LÊ XUÂN TÙNG - Hà nội sau hai năm thực hiện khâu đột phá trong đổi mới và chỉnh đốn đảng	34
	ĐẶNG THÀNH HỌC - Tiềm năng Minh hải - dự báo và khai thác	38
	LÊ VĂN THỤ - Hải phòng - bước tiến mới về bảo vệ an ninh trật tự	41
Nghiên cứu - Trao đổi	XUÂN CANG - Giai cấp công nhân và chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân	44
	PHAN CỰ ĐỆ - Giao lưu văn hóa quốc tế và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc	48
Điều tra	VÕ ĐĂNG THIÊN - Điện ảnh Việt nam - bài toán đang tìm lời giải	52
Sinh hoạt tư tưởng	NGUYỄN VĂN LỘC - "Ông tú điển"	57
Thế giới : vấn đề, sự kiện	LÊ TINH - Thấy gì qua những cuộc xung đột gần đây trên thế giới	58
Qua sách báo nước ngoài	*** Chung quanh cuộc khủng hoảng hạt nhân ở Triều tiên	61
Tìm hiểu khái niệm	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa	
Tin vắn	Đoàn đại biểu *Tạp chí Cộng sản* thăm và làm việc tại Lào	63

Bìa 1 : - *Lắp ráp tivi tại công ty điện tử Hà nội (HANEL)*
- *Cầu cảng Trường sa (tỉnh Khánh hòa)*

Ảnh : KHẮC HƯƠNG, ĐỖ HẢO

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội ● Dây nói : 252061 - 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3 TP. Hồ Chí Minh ● Dây nói : 2.25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Информация 7ого заседания ЦК КПВ. *Передовая* - Усвоить основные концепции по руководству индустриализацией и модернизацией в нашей стране. ДО МЫОЙ - Продвинуть вперед дело индустриализации и модернизации во имя процветания страны, социальной справедливости, цивилизованного общества. НГУЕН ТХАНЬ БАНГ - Модернизация страны в современную эпоху под угром личных соображений. ЛЕ НЬЫ ХУНГ - Енергия для индустриализации и модернизации в нашей стране • ЛЕ ГЮИ НГО - Два года исполнения 7ого решения ЦК КПВ об обновлении и упорядочении Партии - взгдяд назад. ЛЕ СУАН ТУНГ - Ханой после двух ударных лет обновления и упорядочения партии. СУАН КАНГ - Рабочий класс и касающаяся его социальная политика. ФАН КЫ ДЕ - Взаимодействие культур народов мира и развитие национа - льной самобытной культуры ЛЕ ТИНЬ-О чём говорят последние конфликты и мире ?

CONTENTS

The communique of the 7th Conference of the C.E.C of the Party (7th term). Editorial - Grasping the basic points of view directing the process of industrialization and modernization of the country. ĐỖ MƯỜI - Steping forward the cause of industrialization and modernization of the country aiming at making the people weathy, the country prosperous and the society fair and ciliviaed. NGUYỄN THÀNH BANG - Reflections on the way of modernizing the country at present time. LÊ NHƯ HÙNG - The role of enerry in the work of industrialization and modernization in Vietnam. LÊ HUYNGỌ - A retrospect onto the 2 years of implementation of the 3rd Decision of C.C on renovation and rectification of the party. LÊ XUÂN TÙNG - The capital of Hanoi after 2 years of making a beakthrough in renovating and rectifying the Party. XUÂN CANG - The working class and social policies for it. PHAN CỰ ĐỆ - The international cultural exchange and the enhancement of the cultural characterof the nation. LÊ TỊNH - Wha't been seen through recent conflicts in the world?

SOMMAIRE

Communipuédu 7e Plénum du CC du Parti (isu du VIIe Congrès). Editorial - Bien saiser les points de vue fondamenteaux régissant le pro cessus d'industrialisation, de modernisation dans notre pays. ĐỖ MƯỜI - Impulsons d'un pas l'oeuver d'industrialisation, de modernisation du pays dans l'objectif de render le peuple riche, le pays prospère, laciété juste et civilisée. NGUYỄN THÀNH BANG- Quepues réflexion sur la voie de modernisation du pays à l'époque actuelle - Sur la catégorie d'industrialisation. LÊ NHƯ HÙNG - L'énergie et l'oeuver d'industrialisation et de modernisation au Vietnam. LÊ HUY NGỌ - Un regard rétrospectif sur l'exécution de la Résolution No du CC sur la renouveau et la rectification du Parti. XUÂN CANG - La classe ouvrière et la politique social à leur égard. PHAN CỰ ĐỆ - Les échanges culturels internationaux et la promotion de l'indentité culturelle nationale. LÊ TỊNH - Qu'est-ce qui resort dé récents conflits dans le monde?

SUMARIO

Comunicaciones del Séptimo Pleno del C.C del Partido (VII Congreso). Editorial - Conocer bien los puntos de vista fundamentales que dirigen el proceso de la industrilización y de modernización en Vietnam. ĐỖ MƯỜI - Impular de un paso más la obra de industrilización y de modernización del país en el objetivo de enriquecer al pueblo, hacer el país próspero y la sociedad justa y civilizada. NGUYỄN THÀNH BANG - Algunas reflexiones sobre la Vía de modernización del país en la época actual. LÊ NHƯ HÙNG - La energía y la obra de industrilización y de modernización en Vietnam. LÊ HUY NGỌ - Una mirada retrospéctiva sobre la curso de los dos años anterires. LÊ XUÂN TÙNG - La Capital Hanoi después de dos años de la ejecución del " abrimiento de brecha" en la renovacción y la ractificación del Partido . XUÂN CANG - La classe obrera y la política social para con alla misma . PHAN CỰ ĐỆ - Intercambios y la promoción de la indentidad cultural nacional. LÊ TỊNH - ¿ Qué se observa através de los recientes conflictos en el mundo?

目錄

黨中央委員會七　屆七中全會公報
社論-牢固掌握指導我國工業化、現代化過程的基本觀點。杜梅 - 為民富國強、社會公平,文明的目標,進一步推進我國的工業化,現代化事業。阮成邦- 關于當代國家現代化通路的某些想法。　黎如雄- 越南的工業化和現代化中能源所起的作用。黎輝午 -回顧兩年來實現中央三中全會有關革新和整黨的決議。 黎春松 - 河內兩年后實現革新和整黨突破口。春剛-工人階級和社會政策對于工人階級。潘距弟 - 國際文化交流及發揮民族文化本色。黎靜 - 從世界上的最近的衝突所看到的問題。

Digitized by Google

THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VII

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã họp từ ngày 25 đến ngày 30-7-1994, tại thủ đô Hà Nội.

Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã có những bài phát biểu quan trọng tại các buổi khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Hội nghị Trung ương tập trung thảo luận và thông qua Nghị quyết về "Phát triển công nghiệp, công nghệ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới", nhằm thực hiện nhiệm vụ đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ đã đề ra.

Hội nghị Trung ương đã bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Thám làm Ủy viên Ủy ban kiểm tra Trung ương và xem xét quyết định một số vấn đề khác về công tác của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Với tinh thần phấn khởi và sự nhất trí cao, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã thành công tốt đẹp.

Digitized by Google

Xã luận

NẮM VỮNG CÁC QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CHỈ ĐẠO QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở NƯỚC TA

MUỐN cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, đất nước từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, đi đôi với việc củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất tiên tiến, chúng ta nhất thiết phải phát triển được lực lượng sản xuất với năng suất lao động xã hội ngày càng cao. Không có lực lượng sản xuất hùng hậu với năng suất lao động xã hội cao thì không thể nói đến chủ nghĩa xã hội. Mà muốn có lực lượng sản xuất hùng hậu và năng suất lao động cao thì không thể chỉ dựa vào nông nghiệp sử dụng lao động thủ công ; trái lại, phải phát triển mạnh công nghiệp cùng với đổi mới công nghệ ngày càng hiện đại, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Nói cách khác, chúng ta phải tiến hành công nghiệp hóa theo hướng hiện đại hóa. Công nghiệp hóa là một giai đoạn phát triển tất yếu đối với các quốc gia muốn tiến lên từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu. Đây là xu thế chung của lịch sử.

Trong thời đại ngày nay, công nghiệp hóa không chỉ đơn thuần là phát triển công nghiệp hoặc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, cũng không phải chỉ đơn giản là tăng thêm tốc độ và tỷ trọng của sản xuất công nghiệp. Công nghiệp hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và sự tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao. *Nó bao gồm hai nội dung rất cơ bản là : trang bị kỹ thuật - công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp và các ngành khác của nền kinh tế quốc dân ; và tạo lập cơ cấu kinh tế mới mà nòng cốt là cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp và dịch vụ hiện đại. Như vậy, công nghiệp hóa tất yếu gắn liền với hiện đại hóa để từng bước tạo ra những giá trị vật chất mới với trình độ công nghệ cao, hoàn thành cơ bản việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.*

Đối với nước ta, một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa càng là một yêu cầu cấp bách, là nhiệm vụ trung tâm có tầm quan trọng hàng đầu trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thông qua công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta sẽ tạo ra một trình độ phát triển mới về kinh tế - xã hội, tránh được nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước, cải thiện được đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, có điều kiện củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ độc lập chủ quyền của Tổ quốc.

Từ trước tới nay Đảng ta luôn luôn thấy rõ vị trí quan trọng và ý nghĩa chiến lược của vấn đề công nghiệp hóa. Ngay từ những năm 60 Đảng đã đề ra và thực hiện nhiều quyết định trong đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Tuy nhiên, trong những năm cuối thập kỷ 70 đầu thập kỷ 80, trước tình hình khủng hoảng kinh tế - xã hội, Đảng ta chủ trương phải điều chỉnh quy mô và cơ cấu đầu tư, tập trung vào ba chương trình kinh tế lớn là lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, nhằm khắc phục khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tạo tiền đề để đẩy mạnh công nghiệp hóa ở giai đoạn sau.

Sau mấy năm tiến hành đổi mới, đến nay, bên cạnh nhiều mặt yếu kém phải tiếp tục khắc phục,

Digitized by Google

chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, tạo ra những tiền đề để chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. **Những tiền đề** *ấy bao gồm một loạt các nhân tố cả về thế và lực, cả về vật chất và tinh thần, cả về kinh tế, chính trị và văn hóa, xã hội, cả trong nước và ngoài nước. Quan trọng nhất là : chúng ta đã giải quyết được tương đối vững chắc vấn đề lương thực ; tăng thêm được năng lực cung ứng nguyên liệu nông, lâm, hải sản cho công nghiệp ; kiềm chế và đẩy lùi được lạm phát ; nền kinh tế bắt đầu có tích lũy từ nội bộ ; thị trường trong nước được mở rộng hơn, kim ngạch xuất khẩu tăng lên đáng kể, đã tạm cân đối được nhu cầu ngoại tệ để nhập khẩu vật tư, hàng hóa thiết yếu ; quan hệ quốc tế được mở rộng, có điều kiện tranh thủ ngày càng nhiều nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ bên ngoài, vốn vay và viện trợ của các nước và các tổ chức quốc tế ; nguồn vốn trong dân còn khá ; trình độ dân trí được nâng cao ; đội ngũ trí thức và lao động kỹ thuật ngày càng đông ; sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước có thêm kinh nghiệm.*

So với nhiều nước trên thế giới, nước ta hiện đang có **những lợi thế** *rất quan trọng : vị trí địa - kinh tế thuận lợi, nằm trong vùng phát triển sôi động, trên tuyến giao lưu quốc tế và khu vực ; nguồn nhân lực dồi dào và có khả năng tiếp thu công nghệ mới ; giá nhân công tương đối rẻ ; tài nguyên đa dạng và phần đáng kể chưa được khai thác ; lại là nước đi sau có thể học hỏi kinh nghiệm của các nước đi trước và tiếp thu công nghệ tiên tiến của thế giới.*

Mặt khác, chúng ta tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong một hoàn cảnh có nhiều khó khăn, đất nước đứng trước **những thách thức to lớn và gay gắt** *: điểm xuất phát của nền kinh tế còn rất thấp, kết cấu hạ tầng yếu kém, trình độ công nghệ lạc hậu ; khả năng về vốn có hạn ; tài chính tiền tệ còn căng thẳng, lạm phát chưa được kiềm chế vững chắc ; sức mua của thị trường trong nước thấp ; việc làm, đói nghèo, tham nhũng... vẫn đang là vấn đề nóng bỏng ; nhiều vùng còn rất lạc hậu, nhất là vùng miền núi, Tây nguyên, vùng căn cứ cách mạng trước đây ; tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch vẫn đang có những âm mưu và hành động chống phá nước ta ; cạnh tranh trong quan hệ kinh tế, thương mại khá gay gắt.*

Vì vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa không thể tiến hành một cách nóng vội, chủ quan. Trái lại, đó là một quá trình phấn đấu liên tục, gian khổ và lâu dài, từng giai đoạn phải có bước đi thích hợp. Trong những năm trước mắt, chúng ta chưa có điều kiện triển khai một cách toàn diện với quy mô lớn, tốc độ cao, mà mới chỉ là "đẩy tới một bước". Hội nghị lần thứ 7 BCHTU Đảng khóa VII sau khi phân tích những thuận lợi, khó khăn, thực trạng của đất nước và tính toán các mặt, đã chỉ ra mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ nay đến năm 2000 là : phấn đấu đạt và vượt các mục tiêu đã xác định trong chiến lược kinh tế - xã hội, chuẩn bị những tiền đề cần thiết cho bước phát triển cao hơn trong thập kỷ sau. Cụ thể là phải bảo đảm tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) từ 2 đến 2,5 lần so với năm 1990, trong đó riêng công nghiệp tăng bình quân hằng năm là 13 - 15%, đưa tỷ trọng công nghiệp trong GDP lên trên 30% vào năm 2000.

Hướng ưu tiên phát triển công nghiệp và công nghệ *trong những năm trước mắt là : Đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, ra sức phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, các ngành du lịch, dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn. Cải tạo, mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng ở những khâu ách tắc nhất. Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trong những ngành trọng yếu và có điều kiện. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến và chế tạo, đặc biệt quan tâm phục hồi và phát triển các ngành cơ khí, điện tử. Chú ý một số công trình về năng lượng, luyện kim, hóa chất, sản xuất nguyên liệu, vật liệu... Coi trọng phát triển công nghiệp quốc phòng, kết hợp kinh tế với quốc phòng, phục vụ nhu cầu quốc phòng có hiệu quả. Phát triển sự nghiệp nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo, y tế và bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt cũng như lâu dài.*

Trong quá trình thực hiện các mục tiêu và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói trên, điều hết sức quan trọng là phải **nắm vững và quán triệt một số quan điểm chỉ đạo cơ bản** *mà Trung ương Đảng đã chỉ ra. Có thể tóm tắt thành 5 điểm sau đây :*

1 - **Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.** *Điều kiện*

Digitized by Google

bảo đảm theo định hướng xã hội chủ nghĩa là : Trong khi phát triển kinh tế nhiều thành phần phải luôn luôn bảo đảm thành phần quốc doanh là chủ đạo, kinh tế quốc doanh cùng với kinh tế hợp tác dần dần trở thành nền tảng ; nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường nhưng có sự quản lý của Nhà nước - nhà nước của dân, do dân và vì dân ; phải gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội vì lợi ích của nhân dân, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường sinh thái ; chú ý giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Đặc biệt coi trọng việc bồi dưỡng nguồn nhân lực để phát huy sức mạnh quyết định của nhân tố con người và vì con người ; chăm lo giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao dân trí, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Khuyến khích làm giàu đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo, tiến tới xóa nghèo, nhất là ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng trước đây. Và điều quyết định nhất là phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn bộ tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2 - **Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế** *; tận dụng mọi nguồn vốn, trong đó vốn trong nước là quyết định, vốn bên ngoài là quan trọng. Kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh.*

Kiên trì chiến lược hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả. Xây dựng nền kinh tế mở cả trong nước và với bên ngoài. Phát huy lợi thế so sánh của cả nước cũng như từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực, trong từng thời kỳ, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và thị trường thế giới.

3 - **Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ.** *Trừ những tổ chức có nhiệm vụ chủ yếu phục vụ quốc phòng - an ninh và phúc lợi xã hội, tiêu chuẩn hiệu quả quan trọng nhất đối với các doanh nghiệp là kinh doanh có lãi một cách hợp pháp. Ở tầm vĩ mô, Nhà nước xem xét hiệu quả toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh và môi trường sinh thái, cả trước mắt và lâu dài.*

Khai thác nhanh thế mạnh của cả nước, của mỗi vùng, mỗi ngành ; tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm có điều kiện sớm đưa lại hiệu quả cao. Đồng thời quan tâm đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của sự phát triển ở mọi vùng trong nước, có chính sách hỗ trợ đối với những nơi khó khăn, đẩy mạnh hợp tác phát triển, bảo đảm cho các vùng và các thành phần dân cư đều có lợi ích và đều được hưởng thành quả của sự tăng trưởng.

4 - **Có chính sách và bước đi thích hợp.** *Chú trọng quy mô vừa và nhỏ, vốn đầu tư ít, thu hồi vốn nhanh ; xây dựng một số công trình quy mô lớn cần thiết và có hiệu quả. Thực hiện sự hiệp tác, phân công, bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau giữa các loại doanh nghiệp có quy mô khác nhau, lấy doanh nghiệp lớn làm nòng cốt.*

Chú trọng đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất và công nghệ hiện có, tập trung vào những khâu quyết định khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Coi phát triển khoa học - công nghệ là nền tảng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là nhân tố bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, ưu tiên cho loại công nghệ tốn ít vốn, tạo nhiều việc làm trực tiếp và gián tiếp, tranh thủ đi tắt, đón đầu ở những khâu, những lĩnh vực công nghệ có điều kiện và có ý nghĩa quyết định đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

5 - **Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn xã hội.** *Toàn đảng, toàn dân phải đồng tâm nhất trí, đoàn kết một lòng, nêu cao tinh thần tự lực tự cường, ra sức làm ăn có hiệu quả, đặc biệt phải đề cao ý thức cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

Nắm vững và vận dụng đúng đắn các quan điểm nêu trên, chắc chắn chúng ta sẽ thu được những kết quả tốt đẹp trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội tiến bộ, công bằng, văn minh ; tránh được những khuynh hướng sai lầm : hoặc nóng vội, chủ quan, hoặc do dự chần chừ ; hoặc chệch hướng về phía tăng trưởng kinh tế đơn thuần, hoặc chệch hướng về phía để đất nước tụt hậu xa hơn về kinh tế.

Digitized by Google

ĐẨY TỚI MỘT BƯỚC SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC VÌ MỤC TIÊU DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH, XÃ HỘI CÔNG BẰNG, VĂN MINH *

ĐỖ MƯỜI
Tổng Bí thư ĐCS Việt nam

Để cụ thể hóa Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Hội nghị toàn thể lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương sẽ bàn định phương hướng, chủ trương, chính sách nhằm đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong quá trình chuẩn bị, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã trực tiếp cho ý kiến để Tiểu ban soạn thảo bổ sung, chỉnh lý báo cáo trình Hội nghị Trung ương. Việc tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các cấp ủy đảng, các nhà khoa học, các cán bộ quản lý, các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ cao cấp nghỉ hưu và một số trí thức người Việt ở nước ngoài đã tạo điều kiện huy động trí tuệ của nhiều tập thể và cá nhân vào việc xây dựng báo cáo. Nhờ vậy, chất lượng báo cáo đã được nâng lên, làm cơ sở để Trung ương thảo luận và ra quyết định. Các đồng chí Trung ương đã nghiên cứu kỹ nội dung trình bày trong báo cáo, vì vậy, tôi không nhắc lại mà chỉ phát biểu làm rõ thêm một số vấn đề sau đây.

Như báo cáo đã nêu, công nghiệp hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động kinh tế, xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, tạo ra năng suất lao động xã hội cao. Đối với nước ta, đó là một quá trình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhằm ***cải biến một xã hội nông nghiệp lạc hậu thành một xã hội công nghiệp,*** gắn với việc hình thành từng bước ***quan hệ sản xuất*** tiến bộ, ngày càng thể hiện đầy đủ hơn bản chất ưu việt của chế độ mới.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải tạo ra những điều kiện cần thiết về vật chất - kỹ thuật, về con người và khoa học - công nghệ, ***thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế,*** nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, không ngừng tăng năng suất lao động xã hội, làm cho nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường, sinh thái.

Thật ra, từ nhiều năm nay chúng ta đã nêu ra vấn đề công nghiệp hóa, coi đó là nhiệm vụ trung tâm xuyên suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Điểm mới lần này là gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa, với việc áp dụng rộng rãi những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thời đại, đúng như Các Mác đã nói : "Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà

* Nội dung bài phát biểu tại Hội nghị lần thứ bảy BCHTƯ Đảng khóa VII ngày 25-7-1994

Digitized by Google

là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào". Trên ý nghĩa đó, có thể coi công nghiệp là phương tiện chuyển tải công nghệ mới vào cuộc sống. Để làm được việc này, điều quyết định là ở con người, với trí tuệ và năng lực ngày càng cao ; tất cả là do con người và vì con người. Qua đây, chúng ta càng hiểu sâu sắc rằng nâng cao cả mặt bằng dân trí và đỉnh cao dân trí, bồi dưỡng, phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là tạo ra tiềm lực to lớn, đủ khả năng xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của toàn dân, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc. Đó là một quá trình phấn đấu lâu dài, gian khổ, đòi hỏi mọi người phải có hoài bão lớn, quyết tâm cao, chấp nhận những khó khăn, thử thách và hy sinh cần thiết để vĩnh viễn đưa dân tộc ta thoát khỏi lạc hậu, nghèo nàn, tiến lên "sánh vai cùng các cường quốc năm châu" như Bác Hồ từng nói. Đó cũng là lòng mong ước của biết bao thế hệ đi trước mà ngày nay chúng ta phải nỗ lực làm bằng được. Song, mục tiêu và mong ước đó không phải là điều xa vời, mà phải thể hiện ngay trong từng bước phát triển, quan tâm đáp ứng các nhu cầu thiết thân hằng ngày của nhân dân, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động ; xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa lợi ích trước mắt và lâu dài ; huy động đi đôi với bồi dưỡng sức dân, chăm lo nhu cầu đời sống hằng ngày đi đôi với ra sức tiết kiệm để đầu tư phát triển... Chính sự quan tâm thường xuyên đó sẽ tạo ra động lực mạnh mẽ và bền vững để thực hiện mục tiêu lâu dài, bảo đảm sự thành công của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là ***sự nghiệp của toàn dân***. Đó là một cuộc cách mạng toàn diện và sâu sắc trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, đòi hỏi phải đầu tư rất nhiều trí tuệ, sức người, sức của. Chỉ có huy động sức mạnh và khả năng sáng tạo to lớn của toàn dân, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý điều hành có hiệu lực và hiệu quả của Nhà nước thì mới bảo đảm thắng lợi.

Chính sách công nghiệp nhằm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải hướng tới hình thành ***một số ngành công nghiệp trọng yếu*** đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, trong đó trọng tâm là ***công nghiệp chế biến và chế tạo,*** mà công nghiệp cơ khí và điện tử có vị trí hàng đầu. Phải vươn lên theo kịp trình độ tiên tiến của thế giới, với bước đi, cơ cấu và quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện trong nước và khả năng hợp tác với bên ngoài trong từng thời kỳ phát triển. Chính sách công nghiệp phải gắn kết chặt chẽ với các chính sách và giải pháp phát triển các ngành và lĩnh vực khác, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau, tạo nên sự phát triển đồng bộ trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong những năm trước mắt, khả năng vốn còn có hạn, nhu cầu công ăn việc làm rất bức bách, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, tình hình kinh tế - xã hội chưa thật ổn định vững chắc. Vì vậy, ***cần tập trung nỗ lực đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn,*** ra sức phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, các ngành du lịch, dịch vụ... cả ở thành thị và nông thôn. Khôi phục, phát triển, từng bước hiện đại hóa các ngành nghề tiểu, thủ công truyền thống có thị trường tiêu thụ lớn trong và ngoài nước.

Phát triển mạnh công nghiệp chế biến và chế tạo ; đặc biệt quan tâm phục hồi và phát triển ngành cơ khí, phát triển ngành điện tử và tin học.

Cân nhắc, lựa chọn những dự án cũng như thời điểm khởi công trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển công nghiệp nặng như năng lượng, luyện kim, hóa chất, sản xuất nguyên vật liệu...

Quan tâm đúng mức đến công nghiệp quốc phòng. Xây dựng phương án và cơ chế để huy động các ngành công nghiệp dân dụng phục vụ những nhu cầu quốc phòng một cách có hiệu quả. Đồng thời, tận dụng năng lực của công nghiệp quốc phòng để làm hàng dân dụng, góp phần đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống.

Phát triển các loại hình doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ, với công nghệ tiên tiến, vốn đầu tư ít, suất sinh lời cao, thời gian thu hồi vốn nhanh, theo phương châm lấy ngắn nuôi dài. Đồng thời, cần xây dựng hoặc tích cực chuẩn bị để xây dựng một số công trình lớn cần thiết đối với phát triển kinh tế, xã hội trước mắt và lâu dài.

Digitized by Google

Quan tâm thích đáng đầu tư chiều sâu, đổi mới trang thiết bị nhằm khai thác có hiệu quả năng lực sản xuất hiện có.

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ ***giữa công nghiệp và nông nghiệp, công nhân và nông dân, thành thị và nông thôn*** là vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nước ta hiện là một nước nông nghiệp với 80% dân cư đang sinh sống ở nông thôn. Đây cũng là địa bàn tập trung đại bộ phận người nghèo trong xã hội. Vì vậy, phát triển nông nghiệp và kinh tế - xã hội nông thôn đã, đang và sẽ còn là mối quan tâm hàng đầu của chúng ta. Song, nông nghiệp không thể tự mình đổi mới cơ sở vật chất - kỹ thuật và công nghệ, không có khả năng tăng trưởng đủ nhanh để tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho nông dân. Phải có tác động mạnh của công nghiệp, dịch vụ ; phát huy vai trò hạt nhân của các đô thị trên từng vùng, từng địa bàn. Chỉ có như vậy thì mới phá vỡ được trạng thái trì trệ, lạc hậu của nền kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ, tăng nhanh sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, tiến tới xóa nghèo, làm cho nông dân và nông thôn ngày càng khá giả. Đặc biệt quan tâm tới vùng căn cứ cách mạng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng sâu.

Mặt khác, bản thân nông nghiệp và nông thôn cũng phải phát triển một cách tương ứng theo quan điểm công nghiệp hóa để tạo cơ sở cho công nghiệp phát triển bền vững, có hiệu quả. Phải xuất phát từ yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà đặt vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn. Đầu tư cho công nghiệp trước hết phải nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng đa dạng về nông - lâm - ngư nghiệp, thúc đẩy nhanh việc hình thành các vùng tập trung chuyên canh, đưa công nghệ sinh học và các phương pháp canh tác tiên tiến vào nông nghiệp, từng bước công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, bảo đảm vững chắc nhu cầu lương thực, thực phẩm cho cả thành thị và nông thôn, tạo nguồn nguyên liệu có khối lượng lớn, chất lượng cao, giá thành hạ, đủ tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu của công nghiệp chế biến, tăng khối lượng và giá trị hàng nông sản xuất khẩu ; tăng thêm công ăn việc làm và thu nhập cho nông dân, phân công lại lao động xã hội, mở rộng thị trường cho sản phẩm và dịch vụ công nghiệp. Đồng thời, nông nghiệp phải góp phần tích lũy vốn cho công nghiệp hóa, đáp ứng nhu cầu phát triển, trước hết là phát triển chính bản thân nông nghiệp và nông thôn ; bổ sung cho các ngành công nghiệp lực lượng lao động có văn hóa, sức khỏe và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết.

Vì vậy, xây dựng quan hệ hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi, hỗ trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa công nghiệp và nông nghiệp, thành thị và nông thôn, công nhân, nông dân và trí thức, là một khâu mấu chốt trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp được thực hiện bằng các quan hệ trực tiếp qua đầu tư của công nghiệp vào nông nghiệp, hoặc bằng quan hệ gián tiếp qua thị trường. Chấn chỉnh lưu thông hàng hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghệ phẩm và nông sản phẩm. Đây chính là thể hiện liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức trên cơ sở tự nguyện, cùng có lợi, hỗ trợ nhau cùng phát triển, từ liên minh kinh tế mà củng cố, tăng cường liên minh chính trị. Tăng cường vai trò chủ đạo của thương nghiệp quốc doanh, nhất là trong khâu bán tư liệu sản xuất và mua nông sản, thực hiện trao đổi ngang giá để thúc đẩy sản xuất phát triển, bảo đảm lợi ích của nông dân.

Phát triển giáo dục, y tế, thủy lợi, điện, giao thông nông thôn, bảo đảm nước sạch cho sinh hoạt, xây dựng nông thôn ngày càng văn minh, giảm bớt sự cách biệt về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội giữa thành thị và nông thôn, hạn chế việc di chuyển dân cư từ nông thôn vào các đô thị, khuyến khích nông dân : "Rời ruộng không rời làng", phát triển ngành nghề trên địa bàn, không làm nông nghiệp nhưng vẫn sinh sống ở nông thôn.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi phải ***động viên các thành phần kinh tế*** tích cực tham gia đầu tư phát triển.

Trong điều kiện một nền kinh tế chậm phát triển, nhất là trong hoàn cảnh nước ta, để rút ngắn thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Nhà nước phải động viên mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Dân ta còn nghèo, khả năng đầu tư còn ít, nên có nhiều việc Nhà nước phải đảm đương vì lợi ích chung của xã hội. Vì vậy, cần chấn chỉnh, đổi mới và phát triển có hiệu quả khu vực doanh nghiệp

Digitized by Google

nhà nước, làm tốt vai trò chủ đạo, hỗ trợ và thúc đẩy các thành phần khác cùng phát triển. Tập trung cố gắng của doanh nghiệp nhà nước vào những khâu then chốt như kết cấu hạ tầng, những công trình đòi hỏi kỹ thuật cao, vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi chậm và kéo dài ; đồng thời, đáp ứng nhu cầu về hàng hóa, vật tư, dịch vụ khoa học kỹ thuật, thương mại, tài chính, ngân hàng v.v. cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân và của toàn xã hội.

Chú trọng phát triển quốc doanh cả trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng, sản xuất và lưu thông phân phối. Trong thương nghiệp, không chỉ nắm đại bộ phận bán buôn mà còn phải tổ chức bán lẻ với những hình thức và quy mô phù hợp như các siêu thị, có nhiều mặt hàng phong phú, bảo đảm văn minh thương nghiệp. Cần sớm khắc phục tình trạng để cho thương nghiệp quốc doanh suy sụp, thương nghiệp hợp tác xã tan rã, đại bộ phận vận tải ôtô bị tư nhân hóa như vừa qua.

Phân loại doanh nghiệp nhà nước để có chính sách và cơ chế quản lý phù hợp :

- Có loại nhà nước đầu tư 100% vốn. Có loại nhà nước nắm tỷ lệ cổ phần khống chế, phần còn lại bán cho công nhân, viên chức của doanh nghiệp hoặc cho các doanh nghiệp khác, các thành phần kinh tế khác. Có loại nhà nước liên doanh trong và ngoài nước.

- Có loại hoạt động vì lợi ích chung của nền kinh tế, vì phúc lợi xã hội, không nhằm mục tiêu kinh doanh có lãi hoặc có thể bị lỗ và được nhà nước tài trợ. Có loại hoạt động độc lập, tự chủ trong kinh doanh, làm ăn có lãi và cạnh tranh được với các thành phần kinh tế khác.

- Có những doanh nghiệp không cần giữ hình thức quốc doanh thì có thể cho thuê hoặc chuyển đổi sở hữu.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động được giao mà xác định quy mô và lực lượng của từng doanh nghiệp nhà nước : có doanh nghiệp quy mô quốc gia, quốc tế ; có doanh nghiệp quy mô khu vực, địa phương. Chuẩn bị hình thành một số tổ chức kinh tế lớn có mức tích tụ, tập trung cao về vốn, tổ chức chính quy, hiện đại, đủ sức cạnh tranh có hiệu quả trên thị trường trong nước và thế giới.

Xác định rõ và có những hình thức thích hợp để bảo đảm thực hiện có hiệu quả quyền sở hữu của nhà nước đối với những tài sản công giao cho doanh nghiệp sử dụng. Mặt khác, cần trao quyền tự chủ đầy đủ, rõ ràng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng theo đúng pháp luật, quy định của nhà nước như các thành phần kinh tế khác. Tích cực tìm kiếm và áp dụng các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của khu vực doanh nghiệp nhà nước, trong đó có việc thí điểm các hình thức cổ phần hóa, tổ chức hội đồng quản trị, cử giám đốc điều hành, xóa bỏ dần cơ chế "chủ quản"...

Kinh tế hợp tác có nhu cầu và triển vọng phát triển rộng lớn đối với người sản xuất nhỏ, cá thể, do tác động khách quan của quá trình xã hội hóa sản xuất. Hình thức kinh tế hợp tác rất đa dạng, theo cả chiều dọc và chiều ngang, kết hợp, đan xen nhiều loại hình sở hữu, áp dụng những biện pháp tổ chức quản lý khác nhau, những phương thức phân phối khác nhau, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả và lợi ích của các thành viên, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi.

Kinh tế tư nhân cần được khuyến khích, hỗ trợ, hướng mạnh vào phát triển sản xuất, giảm bớt buôn bán ; phải làm ăn đúng pháp luật. Nhà nước bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động, đồng thời bảo hộ sở hữu và quyền lợi hợp pháp khác của giới chủ. Xây dựng quan hệ lao động, quan hệ chủ thợ lành mạnh trong các doanh nghiệp, chủ và thợ đoàn kết, phối hợp với nhau xử lý các mâu thuẫn, các khó khăn nảy sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh, để doanh nghiệp làm ăn phát đạt, chủ doanh nghiệp có lãi, đời sống người lao động được cải thiện, cùng nhau làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

Nhà nước tạo môi trường kinh tế thuận lợi, có luật lệ, quy chế rõ ràng, nhất quán và ổn định, thực hiện nghiêm minh, để nhân dân yên tâm đầu tư, mở mang sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có điều kiện cạnh tranh lành mạnh, hợp pháp.

Nhà nước giúp đỡ, hỗ trợ kinh tế hợp tác, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân về công nghệ, thông tin thị trường, đào tạo cán bộ, thương mại, tín dụng ; hợp tác, liên doanh, góp cổ phần vào các doanh nghiệp ngoài quốc doanh để giúp họ mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

Chính sách kinh tế nhiều thành phần, với nhiều hình thức, quy mô, mức độ trên đây sẽ còn tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung, hoàn chỉnh. Đó là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng của

Digitized by Google

V.I. Lê-nin về chính sách kinh tế mới, mà một nội dung quan trọng của nó là chủ nghĩa tư bản nhà nước, phù hợp với hoàn cảnh thực tế nước ta trong thời đại ngày nay.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải được tiến hành theo mô hình một ***nền kinh tế mở***, cả trong nước và với nước ngoài. Phát huy hơn nữa quyền tự chủ, tính năng động sáng tạo, tăng cường liên doanh, liên kết, hợp tác cùng có lợi giữa các ngành, các địa phương và cơ sở để phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Khuyến khích các hình thức đa dạng và các giải pháp cụ thể, thi đua đuổi kịp và vượt các đơn vị, địa phương khác, nhưng phải chống cục bộ, bản vị, vô tổ chức, vi phạm kỷ luật, kỷ cương, pháp luật của Nhà nước, phương hại đến lợi ích chung.

Nhà nước cũng như doanh nghiệp phải tìm cách thích ứng và khai thác tốt những thuận lợi của xu thế quốc tế hóa sản xuất và đời sống, hiểu rõ đối tác, có chiến lược và sách lược khôn ngoan để chiến thắng trong cuộc cạnh tranh kinh tế ngày càng gay gắt.

Trong bối cảnh khu vực và quốc tế hiện nay, sự hạn chế về quỹ đất và về phần lớn các loại tài nguyên, sự dồi dào về nguồn nhân lực, lợi thế về giá nhân công rẻ, vị trí địa lý thuận lợi, đòi hỏi và cho phép chúng ta lựa chọn chiến lược công nghiệp hóa ***hướng về xuất khẩu*** là chính để phát triển nhanh, đồng thời thay thế nhập khẩu những hàng hóa - dịch vụ trong nước tự cung ứng có hiệu quả hơn. Hướng về xuất khẩu là cách thức tận dụng những lợi thế so sánh, tranh thủ sức mua lớn trên thị trường thế giới để tích tụ vốn nhằm nhanh chóng mở rộng quy mô và nâng cao trình độ sản xuất trong nước, tạo thêm nhiều việc làm và thu nhập, tăng khả năng nhập vật tư, thiết bị để tạo ra những hàng hóa, dịch vụ có giá trị gia tăng lớn, chất lượng cao, có sức cạnh tranh mạnh cả trên thị trường nội địa và thị trường thế giới, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân.

Để thực hiện thành công chiến lược hướng về xuất khẩu, phải tạo được sự tin cậy trong quan hệ quốc tế trên ba mặt sau đây : trong thanh toán bằng ngoại tệ, trong việc thực hiện các hợp đồng buôn bán, trong việc bảo đảm phẩm chất của hàng hóa. Đặc biệt chú trọng không ngừng nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu.

Hướng về xuất khẩu phải đi đôi với khuyến khích phát triển mạnh và bảo hộ đúng mức sản xuất nội địa, không để hàng ngoại nhập lậu tràn lan, bóp chết hàng nội, khiến sản xuất trong nước bị giảm sút hoặc đình đốn, người lao động mất công ăn việc làm và thu nhập.

Nước ta trải dài dọc theo bờ biển, bề ngang hẹp, khoảng cách giữa vùng đồng bằng duyên hải và các trung tâm đô thị tới các vùng trung du, miền núi không xa. Trong khi đó, vùng biển của ta rất rộng lớn, với nhiều tiềm năng phong phú, nhiều tuyến giao lưu quốc tế, nằm trong khu vực đang và sẽ phát triển sôi động nhất trên thế giới. Một số vùng tuy nằm xa bờ biển nhưng lại tiếp giáp với các nước láng giềng, có điều kiện mở rộng giao lưu, hợp tác. Cần tận dụng lợi thế này để tích cực mở cửa thu hút đầu tư trong và ngoài nước vì lợi ích của từng vùng và của cả nước, mở mang kinh tế biển, kinh tế vùng biên giới, làm cho giao thông liên lạc, giao lưu hàng hóa thông suốt giữa các vùng. Nơi đã mở, có điều kiện tốt thì mở mạnh hơn ; nơi chưa đủ điều kiện thì tích cực chuẩn bị để mở cửa ; nơi thiếu hoặc không có điều kiện thì hợp tác, liên kết với nơi có điều kiện để mở cửa. Qua đó, huy động được toàn dân tham gia vào quá trình phát triển, phân phối lợi ích công bằng hơn, giảm bớt mức độ chênh lệch về kinh tế - xã hội giữa các tầng lớp dân cư và các vùng trong nước.

Kinh tế hợp tác, liên doanh với nước ngoài không chỉ là phương thức chính để thu hút vốn đầu tư bên ngoài, mà còn là con đường thích hợp để tiếp nhận công nghệ, kỹ năng, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, mở lối đi vào thị trường khu vực và thị trường thế giới, thúc đẩy xuất khẩu, tăng năng lực cạnh tranh, điều chỉnh và chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với biến đổi của tình hình quốc tế, khai thác có hiệu quả những lợi thế so sánh trong từng thời kỳ phát triển.

Chúng ta cần tích cực cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư, đổi mới tổ chức và quản lý hoạt động hợp tác, liên doanh với nước ngoài, có nhiều hình thức thích hợp để tận dụng mọi nguồn vốn đầu tư, chú trọng phát triển các quan hệ hợp tác với các công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia nhằm tạo thế đứng trong quá trình hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới.

Chính sách kinh tế mở là đúng đắn và phải được tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa, hiệu quả hơn nữa. Phải tập trung cho những chương trình, lĩnh vực, địa bàn thiết yếu, lựa chọn

Digitized by Google

những dự án cần thiết, tranh thủ thu hút vốn, công nghệ hiện đại và kỹ năng quản lý tiên tiến.

Phải tăng cường quản lý và chỉ đạo thống nhất quá trình mở cửa, hợp tác với bên ngoài. Chuẩn bị tốt cả về kinh tế và chính trị. Chuẩn bị tốt các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án hợp tác với bên ngoài, không bỏ lỡ thời cơ, không gây thiệt hại cho lợi ích của dân tộc. Đồng thời, chuẩn bị tốt về tổ chức, cán bộ, cả về quan điểm, tư tưởng, năng lực và phẩm chất. Hợp tác phải trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền, bảo đảm lợi ích kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải được thực hiện ***theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.***

Xử lý tốt mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường. Việc xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp và công nghệ phải xuất phát từ những yêu cầu của sản xuất và đời sống trong nước và xuất khẩu, thông qua việc đánh giá và dự báo đúng đắn nhu cầu và chiều hướng phát triển của thị trường trong và ngoài nước. Giá cả phần lớn hàng hóa, dịch vụ được hình thành trên thị trường, Nhà nước can thiệp trong trường hợp thật cần thiết. Thị trường phản ánh nhu cầu xã hội, có tiếng nói quyết định trong việc phân bổ phần lớn các nguồn lực để sản xuất cái gì, bao nhiêu, cho ai, bằng cách nào, kể cả đối với những nguồn lực tập trung của Nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước cũng như tư nhân được tạo đủ điều kiện tự chủ kinh doanh, căn cứ vào tín hiệu thị trường, thông qua cạnh tranh lành mạnh, hợp pháp mà đổi mới và phát triển.

Đối với mọi quốc gia, kể cả nước ta, chi tiêu của Nhà nước bao giờ cũng là nguồn chi lớn nhất. Nguồn chi đó phải được kế hoạch hóa thông qua việc Nhà nước sử dụng một cách tập trung các nguồn vốn trong và ngoài nước, các công cụ và phương tiện cần thiết để đầu tư cho các chương trình, dự án trọng điểm, chủ yếu là xây dựng kết cấu hạ tầng và một số ngành, lĩnh vực, công trình then chốt có tác dụng thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của toàn bộ nền kinh tế và xã hội. Việc chi tiêu của Nhà nước phải được hạch toán và quản lý chặt chẽ, lấy hiệu quả làm thước đo, với tinh thần triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô, làm với bất cứ giá nào.

Đồng thời, Nhà nước phải thực hiện tốt vai trò quản lý toàn bộ quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Thông qua pháp luật, các chương trình, kế hoạch, chính sách phát triển, các biện pháp tổ chức, hành chính, kinh tế, trong đó biện pháp kinh tế là chính, Nhà nước duy trì cân bằng cung cầu, xuất nhập, thu chi, tiền hàng..., ổn định vĩ mô, tạo môi trường và thể chế thuận lợi cho sản xuất kinh doanh phát triển ; can thiệp và điều tiết thị trường, khắc phục những biến động lớn, những khuyết tật vốn có của thị trường để nó hoạt động hữu hiệu, trở thành công cụ điều tiết có hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Nhà nước cũng thi hành các chính sách, biện pháp chăm lo sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng an ninh, duy trì hiệu lực của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho toàn dân làm ăn, sinh sống.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi phải ***huy động và sử dụng có hiệu quả cao mọi nguồn vốn*** trong và ngoài nước.

Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ đã chỉ rõ : "Để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần huy động nhiều nguồn vốn, gắn với sử dụng vốn có hiệu quả. Trong đó, nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn từ bên ngoài là quan trọng". Đây là một tư tưởng chỉ đạo quan trọng cần được quán triệt sâu sắc, cả trước mắt và lâu dài.

Nguồn vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa bao gồm nguồn nhân lực, tài sản cố định tích lũy từ nhiều thế hệ, tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý và nhiều loại vốn hữu hình cũng như vô hình khác. Đó là nguồn vốn rất to lớn và quý báu của nước ta, nhưng một bộ phận đáng kể chưa được huy động và sử dụng tốt, thậm chí còn bị lãng phí, thất thoát, bị chiếm đoạt vì lợi ích riêng của một số người.

Chúng ta phải tận dụng khả năng để thu hút tối đa các nguồn vốn bên ngoài. Song trên thị trường vốn quốc tế hiện nay, cung về vốn cho các nước đang phát triển thấp hơn nhiều so với cầu về vốn của các nước đó. Chúng ta đang và sẽ gặp phải những đối thủ cạnh tranh rất mạnh trên lĩnh vực này. Thật là sai lầm nếu kỳ vọng quá lớn vào nguồn vốn bên ngoài, ỷ lại, trông chờ vào đó, trong khi không tận lực khai thác nguồn vốn sẵn có bên trong.

Vốn bên ngoài, dù là viện trợ phát triển chính

Digitized by Google

thức (ODA) hay vốn đầu tư trực tiếp (FDI) hầu hết là loại vốn phải hoàn trả, kèm theo lãi suất. Nguồn trang trải quy cho đến cùng chính là từ kết quả lao động của bản thân chúng ta ; kể cả ngân sách cũng là do toàn dân đóng góp. Vì vậy, phải tính toán thận trọng, huy động và sử dụng vốn bên ngoài vào những lĩnh vực, những địa bàn cần thiết, có hiệu quả. Chỉ có như vậy, chúng ta mới giữ vững được độc lập, chủ quyền về kinh tế, tránh được tình cảnh nợ nần chồng chất cũng như những hậu quả nghiêm trọng về nhiều mặt khác.

Chúng ta không máy móc, đòi hỏi bất cứ công trình gì, tại thời điểm nào, vốn đầu tư trong nước cũng phải chiếm tỷ trọng lớn hơn vốn bên ngoài. Cơ quan điều hành các cấp phải căn cứ vào những điều kiện cụ thể, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cao nhất để quyết định những phương án thích hợp. Song cần nhấn mạnh rằng, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của bản thân nhân dân ta, do sức ta làm nên là chính.

Phải chấn chỉnh hoạt động tài chính - ngân hàng, huy động, phân bổ và sử dụng vốn có hiệu quả. Tính toán chi tiêu thận trọng, tiết kiệm, căn cứ vào khả năng thu. Mọi người phải sống bằng kết quả lao động của bản thân, của gia đình ; lo cho cuộc sống trước mắt và lâu dài, đồng thời đóng góp để phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta phải nỗ lực vượt bậc, phấn đấu làm ăn có hiệu quả, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường, ra sức cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, khắc phục những yếu kém và tiêu cực gây thất thoát, lãng phí tiền của của Nhà nước và nhân dân, dồn vốn cho đầu tư phát triển.

TRONG thời đại xu hướng quốc tế hóa sản xuất và đời sống ngày một gia tăng, cách mạng khoa học - kỹ thuật trên thế giới đang diễn ra như vũ bão, thì công nghiệp hóa phải đi đôi với hiện đại hóa, với việc đổi mới và nâng cao trình độ ***văn hóa - giáo dục, khoa học - công nghệ.***

Ngày nay, văn hóa được coi là một yếu tố nội sinh, không phải chỉ là kết quả mà còn là nguyên nhân của sự phát triển. Phát triển kinh tế - xã hội phải đặt trên nền tảng văn hóa mang bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thụ các giá trị tinh hoa của loài người. Văn hóa phải kết tinh thành trí tuệ của cả dân tộc, được kế thừa, phát triển qua nhiều thế hệ, tạo ra sức mạnh vật chất, tinh thần to lớn của toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Khoa học và công nghệ có vai trò quyết định lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển của các quốc gia. Phần thắng trong cuộc chiến "ai thắng ai" trên thị trường, quy cho đến cùng là do trí tuệ và năng lực sáng tạo của cả dân tộc, biết học hỏi một cách khôn ngoan kinh nghiệm và thành tựu tri thức của nhân loại, tận dụng được lợi thế của nước đi sau, đề ra được những chủ trương, biện pháp thích hợp với đất nước trong hoàn cảnh mới, giải quyết có hiệu quả các vấn đề kinh tế - xã hội, công nghệ, kỹ thuật, môi trường, sinh thái. Muốn vậy, phải chú trọng bồi dưỡng và sử dụng tốt nguồn nhân lực có trình độ văn hóa và kỹ năng nghề nghiệp ngày càng cao, ưu tiên hàng đầu cho phát triển giáo dục - đào tạo, nghiên cứu và triển khai, xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ ngày càng lớn mạnh, giải quyết tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa trong quá trình phát triển.

Những chính sách, giải pháp đúng trong phát triển giáo dục và đào tạo phải hướng tới hình thành một nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời đại ngày nay. Đó là một nguồn nhân lực bao gồm những con người có đức, có tài, ham học hỏi, thông minh, sáng tạo, làm việc quên mình vì nền độc lập và sự phồn vinh của Tổ quốc ; được chuẩn bị tốt về kiến thức văn hóa, được đào tạo thành thạo về kỹ năng nghề nghiệp, về năng lực quản lý sản xuất kinh doanh, về điều hành vĩ mô nền kinh tế và toàn xã hội, có trình độ khoa học - kỹ thuật vươn lên ngang tầm thế giới.

Chính sách khoa học và công nghệ không chỉ giới hạn ở việc xử lý các vấn đề công nghệ và kỹ thuật trong quá trình phát triển công nghiệp. Công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi chúng ta phải quan tâm xây dựng và phát huy tốt lực lượng nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, kết hợp có hiệu quả thành tựu của nhiều bộ môn khoa học vào việc giải quyết các vấn đề được đặt ra.

Muốn cho khoa học và công nghệ trở thành

Digitized by Google

động lực của sự phát triển thì trước hết phải tìm ra động lực cho sự phát triển của bản thân khoa học và công nghệ. Động lực này nằm ở lợi ích của những người nghiên cứu, phát minh và ứng dụng có hiệu quả khoa học và công nghệ, bao gồm cả lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần, lợi ích kinh tế và lợi ích chính trị - xã hội. Sản phẩm trí tuệ trước hết phải là sở hữu của người trực tiếp tạo ra chúng, được coi như những thứ hàng hóa đặc biệt, được trả giá tương xứng với giá trị của chúng.

Gắn hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ với thực tiễn, với nhu cầu xã hội, thiết lập các quan hệ trực tiếp giữa doanh nghiệp với cơ quan và người làm công tác nghiên cứu, phát minh, sáng chế trên cơ sở bạn hàng, cùng có lợi ; trả công thỏa đáng, tương xứng với hiệu quả kinh tế - xã hội của việc áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ nhằm khuyến khích các nhà khoa học hăng hái, miệt mài sáng tạo, sáng chế, phát minh để có cuộc sống ngày càng đầy đủ hơn bằng chính trí tuệ của mình. Thực hiện nghiêm chỉnh pháp lệnh của Nhà nước về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và điều lệ của Chính phủ về sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và sáng chế. Đó là một trong những phương hướng quan trọng nhất tạo nên động lực bền vững cho sự phát triển khoa học và công nghệ.

Tạo những điều kiện làm việc cần thiết cho nhà khoa học như cung cấp thông tin, trang bị phương tiện thí nghiệm, các cơ sở triển khai... ; ứng dụng nhanh các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Xây dựng môi trường dân chủ, đoàn kết và ý thức trách nhiệm cao trong lĩnh vực nghiên cứu. Khuyến khích, trân trọng những tìm tòi khoa học, những kiến giải khác nhau về các vấn đề của tự nhiên, kỹ thuật cũng như kinh tế - xã hội, không định kiến, hẹp hòi, làm thui chột nhiệt tình sáng tạo của người nghiên cứu. Phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng tài năng. Tìm ra những hình thức tổ chức, phương thức và cơ chế hoạt động cho phép kết hợp và phát huy tối đa trí tuệ tập thể cũng như tài năng cá nhân của nhà khoa học. Đó cũng là những biện pháp quan trọng tạo nên động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển của khoa học và công nghệ.

Về phần mình, các nhà khoa học phải nêu cao lòng yêu nước, xây dựng hoài bão lớn, cống hiến quên mình cho sự nghiệp nghiên cứu, sáng chế, phát minh, đóng góp tích cực và có hiệu quả cho xã hội, cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đáp ứng sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Đương nhiên phải có sự ***đầu tư thỏa đáng*** về phương diện tài chính thì mới có thể tạo ra tiềm lực khoa học và công nghệ mạnh. Đầu tư lâu nay thấp xa so với mức tối thiểu cần thiết. Điều đó có nguyên nhân ở việc chưa coi đầu tư cho khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển, cũng có phần do khó khăn chung của nền kinh tế và sự eo hẹp của ngân sách. Song cái chính là ở chỗ cách xử lý chưa trúng nguồn vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ ; cơ chế quản lý khoa học - công nghệ, huy động, phân bổ và sử dụng vốn còn mang nặng tính tập trung quan liêu bao cấp, kém hiệu quả.

Đầu tư cho nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ, nhất là ở khâu nghiên cứu và triển khai, phải là nhiệm vụ của cả xã hội, trong đó nguồn lớn nhất là từ các cơ sở sản xuất kinh doanh, nơi mà cạnh tranh thị trường đòi hỏi phải luôn luôn tìm cách áp dụng các phát minh sáng chế, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, đổi mới mẫu mã sản phẩm, nâng cao chất lượng, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm. Ở nhiều nước, các doanh nghiệp không chỉ mua phát minh, sáng chế, đặt hàng và tài trợ cho các trung tâm khoa học và cho các nhà khoa học, mà còn tự tổ chức những cơ sở nghiên cứu và triển khai có đủ trang bị kỹ thuật, phương tiện vật chất và nguồn nhân lực cần thiết.

Ở nước ta, các doanh nghiệp từ hộ nông dân, ngư dân, tiểu, thủ công nghiệp đến các cơ sở kinh tế lớn của Nhà nước đều đang có nhu cầu rất bức bách về đổi mới công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh để có thể đứng vững và phát triển. Do năng lực bản thân còn có hạn, họ rất cần những dịch vụ khoa học - kỹ thuật, những phát minh, sáng chế cả về công nghệ lẫn về tổ chức, quản lý. Nắm bắt đúng các nhu cầu thực tiễn, xây dựng các mối quan hệ liên kết trực tiếp giữa khoa học và sản xuất, tổ chức ký kết các hợp đồng nghiên cứu, ứng dụng đem lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp... là phương thức và cơ chế cho phép tăng nguồn vốn đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ, đồng thời bảo đảm sử dụng vốn có hiệu quả. Doanh nghiệp phải là người tài trợ chính và trực tiếp cho nghiên cứu và triển khai, cũng là người kiểm nghiệm, đánh giá và cùng chia sẻ lợi ích của việc áp dụng thành quả

Digitized by Google

khoa học với nhà nghiên cứu, phát minh. Các doanh nghiệp lớn sẽ dần dần lập ra những cơ sở nghiên cứu triển khai của riêng mình, trong khi vẫn dựa vào bộ máy và lực lượng của cả nước để giải quyết các vấn đề lớn về khoa học và công nghệ.

Các cơ sở nghiên cứu và lực lượng cán bộ khoa học thực hiện các đề tài nghiên cứu ứng dụng cụ thể phải từng bước chuyển sang hạch toán kinh doanh, gắn với các doanh nghiệp, lấy kết quả thu được từ việc ứng dụng thành tựu khoa học vào thực tiễn sản xuất kinh doanh mà bù đắp chi phí và phát triển. Chấp hành nghiêm túc chế độ bảo mật đối với những sáng chế có liên quan đến quốc phòng, an ninh và những sáng chế cần giữ bí mật vì lợi ích quốc gia.

Nhà nước có những hỗ trợ nhất định cho các nghiên cứu ứng dụng cụ thể, nhất là trong giai đoạn đầu, nhưng người gánh vác phần chủ yếu phải là doanh nghiệp. Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng đồng bộ, trang bị đủ phương tiện cần thiết cho những trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ tầm cỡ quốc gia ; tài trợ cho những đề tài nghiên cứu khoa học cơ bản, xử lý những vấn đề mang tính vĩ mô, liên ngành ; thực hiện những giải pháp lớn nhằm phát triển các ngành khoa học cơ bản với công nghệ cao, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Tận dụng lợi thế của nước đi sau, chúng ta phải tập trung trước hết cho việc tiếp thu và vận dụng sáng tạo các thành tựu khoa học, kỹ thuật của thế giới ; ứng dụng, làm chủ và nhân rộng các công nghệ tiến bộ đi đôi với quản lý chặt chẽ công nghệ nhập, lường trước và ngăn chặn các hậu quả tiêu cực, lâu dài. Đồng thời, phải biết dành nỗ lực nhất định cho những mũi nhọn phát triển, tìm cách đi tắt, đón đầu, tạo nên lợi thế cạnh tranh mạnh cả về phương diện khoa học và công nghệ để bảo đảm sự tăng trưởng nhanh và lâu bền của nền kinh tế, gắn với việc xử lý tốt các vấn đề công bằng và tiến bộ xã hội, môi trường sinh thái.

•

NHIỆM vụ chính trị quan trọng nhất của Đảng ta trong thời kỳ này là xây dựng và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, động viên mọi thành phần, mọi tầng lớp nhân dân trong nước và người Việt nam sinh sống ở nước ngoài đồng tâm nhất trí, nỗ lực phấn đấu góp phần đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Muốn vậy, trước hết phải xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tầm nhìn sâu rộng, tổ chức chặt chẽ, nghiêm minh, năng lực lãnh đạo và chỉ đạo giỏi, để ra và thực hiện được những đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, tranh thủ thời cơ đẩy mạnh phát triển kinh tế, đưa đất nước vượt qua mọi khó khăn thử thách, trở thành một nước công nghiệp trong vài ba thập kỷ tới.

Cán bộ, đảng viên phải vừa có giác ngộ sâu sắc về lý tưởng, vừa có kiến thức và năng lực chuyên môn, gương mẫu, sáng tạo, cần kiệm trong lao động sản xuất và trong sinh hoạt, biết tổ chức và vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Cần tập trung nghiên cứu xác định đúng vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước trong cơ chế mới. Trên cơ sở đó, chấn chỉnh, đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của bộ máy nhà nước, làm cho bộ máy gọn nhẹ, trong sạch, cán bộ tinh thông nghiệp vụ, tận tụy với công việc, làm việc có hiệu lực và hiệu quả.

Kiên quyết bài trừ nạn tham nhũng, thói xa hoa, lãng phí, tệ quan liêu, ức hiếp dân, tình trạng thiếu kỷ luật, kỷ cương, đang gây ra thất thoát nghiêm trọng, làm xói mòn lòng tin của nhân dân, làm suy yếu khối thống nhất ý chí và hành động của toàn dân.

Phải coi vấn đề xây dựng giai cấp công nhân và công tác công đoàn là một nhiệm vụ trọng tâm của toàn đảng trong thời kỳ phát triển mới, bởi vì chỉ với một giai cấp công nhân trưởng thành về chính trị, có trình độ tổ chức, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cao, mới có thể là nòng cốt để liên minh với nông dân, trí thức, tập hợp và đoàn kết các thành phần khác, phấn đấu cho thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Việc chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, mở rộng hợp tác liên doanh với bên ngoài, cùng những tác động mới về khoa học - công nghệ đang và sẽ làm biến đổi cơ cấu, chiều hướng phát triển của giai cấp công nhân, các mối quan hệ chính trị-xã hội giữa công nhân với những thành phần xã hội khác. Ngày nay, đội ngũ công nhân không chỉ là những người lao động sản xuất và dịch vụ công nghiệp thuộc các doanh nghiệp

Digitized by Google

nhà nước và hợp tác xã, mà còn bao gồm những công nhân lao động thuộc khu vực tư nhân, cá thể, hợp tác liên doanh với nước ngoài. Một số ngành nghề, lĩnh vực hoạt động bị thu hẹp hoặc biến mất, trong khi đó một số ngành nghề khác lại đang được mở rộng và phát triển ; đã, đang và sẽ xuất hiện những ngành nghề, lĩnh vực mới do tiến bộ khoa học - công nghệ và đòi hỏi khách quan của xã hội, của việc quốc tế hóa sản xuất và đời sống. Xu hướng trí thức hóa công nhân, giảm bớt lao động chân tay nặng nhọc, tăng cường yếu-tố trí tuệ và lao động trí óc ngay trong dây chuyền công nghiệp đang tăng lên.

Xây dựng giai cấp công nhân phải bắt đầu từ việc tạo động lực cho giai cấp công nhân vươn lên đi đầu trong công cuộc đổi mới đất nước, làm lực lượng chủ yếu trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, không ngừng phát triển về số lượng, nâng cao về chất lượng, thích ứng với cơ chế mới, làm chủ công nghệ hiện đại.

Động lực trực tiếp đối với người công nhân chính là những lợi ích thiết thân về việc làm, thu nhập, các nhu cầu ngày càng tăng về văn hóa-xã hội. Cần quan tâm thường xuyên và có giải pháp cụ thể để đáp ứng tốt hơn những nhu cầu đó. Song, lợi ích của người công nhân chỉ có thể thực hiện bằng chính lao động của bản thân mình, doanh nghiệp mình với năng suất cao, chất lượng tốt, chi phí thấp, cạnh tranh thắng lợi trên thị trường trong và ngoài nước. Mỗi người phải phát huy cao độ năng lực tự chủ, sáng tạo, ra sức học tập nâng cao trình độ nghề nghiệp, kiến thức và kỹ năng lao động ; xử lý tốt những vấn đề phát sinh, nhất là quan hệ về lợi ích, nhằm xây dựng quan hệ cộng đồng trách nhiệm, hợp tác cùng có lợi trong nội bộ doanh nghiệp nhà nước cũng như tư nhân, tham gia cải tiến tổ chức quản lý, áp dụng công nghệ tiến bộ để phát triển doanh nghiệp có hiệu quả, tuân thủ pháp luật nhà nước.

Đồng thời, động lực sâu xa của sự phát triển giai cấp công nhân với tư cách giai cấp tiên phong là ở chỗ lãnh đạo thành công công cuộc xây dựng một xã hội mới, trong đó nhân dân lao động làm chủ, đất nước độc lập và phồn vinh, xóa bỏ áp bức bất công, mọi người đều có điều kiện phấn đấu cho cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Lợi ích đó phù hợp về căn bản với lợi ích chung của cả dân tộc, được đặt ra và giải quyết trong quan hệ tổng hòa về lợi ích với nông dân, trí thức, các tầng lớp lao động khác cũng như giới chủ doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân, hợp tác, liên doanh với nước ngoài.

Giai cấp công nhân phải là nòng cốt để phát triển các quan hệ liên minh vững chắc về kinh tế và chính trị với nông dân, thúc đẩy giao lưu hàng hóa giữa công nghiệp và nông nghiệp, thành thị và nông thôn, từng bước công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, mở rộng thành phần công nhân trong lao động nông nghiệp. Giai cấp công nhân phải vươn lên làm chủ khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới, tự mình trí thức hóa, đồng thời có chính sách đoàn kết và động viên giới trí thức đem hết tâm huyết và tài năng phục vụ sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Giai cấp công nhân phải là chỗ dựa tin cậy của Đảng, giúp đỡ, hướng dẫn các tầng lớp nhân dân lao động khác khắc phục khó khăn, ra sức phát triển sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống, tham gia giải quyết các công việc chung của xã hội. Giai cấp công nhân phải hỗ trợ, khuyến khích giới chủ doanh nghiệp yên tâm đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh theo đúng pháp luật nhà nước, tạo thêm nhiều việc làm, làm giàu cho mình và cho Tổ quốc, có vị trí xứng đáng trong cộng đồng dân tộc.

Giai cấp công nhân chỉ trở thành giai cấp lãnh đạo khi mỗi thành viên ngày càng giác ngộ sâu sắc về lý tưởng cách mạng, về sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình, được tổ chức chặt chẽ và được dẫn dắt bởi một đảng tiền phong vững mạnh. Xây dựng giai cấp công nhân đòi hỏi phải xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh, có cơ sở sâu rộng trong tất cả các ngành, các lĩnh vực, các thành phần kinh tế ; củng cố, đổi mới và phát triển công đoàn cùng các tổ chức chính trị xã hội khác dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đồng thời, giai cấp công nhân có nhiệm vụ góp phần xây dựng đảng, xây dựng công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, thống nhất ý chí và hành động để đưa cả dân tộc tiến lên, hoàn thành xuất sắc công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Digitized by Google

MẤY SUY NGHĨ VỀ CON ĐƯỜNG HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

NGUYỄN THÀNH BANG *

BƯỚC sang thập kỷ 90 - thập kỷ bản lề vượt thế kỷ, nhiều nước đang chuẩn bị hành trang để tiến vào *nền văn minh trí tuệ với đặc trưng cơ bản là sự phát triển không dựa vào các nguồn dự trữ tự nhiên mà chủ yếu dựa vào tri thức khoa học và công nghệ, có khả năng tái sinh và tự sinh sản.*

Nhân loại đang chứng kiến những biến đổi sâu sắc nhất trong lịch sử phát triển của mình. Nền kinh tế thế giới đang được cấu trúc lại trên quy mô toàn cầu với xu thế nhất thể hóa và khu vực hóa dựa vào thực lực kinh tế cũng như tiềm năng trí tuệ. Xu thế này đã làm thay đổi về căn bản vị trí và vai trò của các siêu cường ; đồng thời cũng làm nảy sinh những mâu thuẫn mới giữa các cường quốc, nhất là ở khu vực châu Á - Thái bình dương, nơi đang diễn ra sự phát triển năng động nhất trên thế giới.

1 - Bối cảnh trên đây đã mở ra cho đất nước ta những thời cơ thuận lợi để hội nhập vào nền kinh tế thế giới, đồng thời cũng đặt nước ta trước những thử thách lớn lao, đòi hỏi chúng ta phải biết rút ra những bài học thành bại của các nước khác trên con đường công nghiệp hóa, cũng như những kinh nghiệm từ sự vấp váp của chính bản thân mình để phát triển nhanh và đúng hướng.

Điều đó có nghĩa là : *trong vài ba thập kỷ tới Việt nam phải thực hiện thành công quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước theo xu thế của thời đại để rút ngắn khoảng cách đã quá xa so với các nước trong vùng ; tạo ra các tiền đề cần thiết để hội nhập, đua tranh và sau đó vươn lên sánh vai với các cường quốc trong khu vực cũng như trên thế giới.*

2 - Trong thời đại ngày nay, tốc độ phát triển của nền kinh tế được xác định bởi tốc độ của công việc giao dịch, thời gian ra quyết định, tốc độ để ra sáng kiến mới trong phòng thí nghiệm và đưa các sáng kiến đó vào thị trường cũng như tốc độ chu chuyển vốn và thông tin trong nền kinh tế.

Sự đẩy nhanh phản ứng của hệ thần kinh trong nền kinh tế ở các nước công nghiệp phát triển sẽ gây ra những hậu quả không thể nào lường hết đối với các nước chậm phát triển, bởi vì *thời gian đã trở thành yếu tố cạnh tranh.* Một khi thời gian đã trở thành vàng ngọc thì các yếu tố cổ truyền của sản xuất như nguyên liệu, vật liệu và sức lao động, (các yếu tố mà các nước chậm phát triển cho đến nay vẫn còn hy vọng dựa vào) sẽ ngày càng trở nên ít có giá trị.

Sự phát triển kinh tế theo chiều hướng trên đây là quá trình chuyển nền sản xuất xã hội từ trình độ công nghệ thấp lên trình độ công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại, làm dịch chuyển cơ cấu các ngành sản xuất, phân công lại lao động xã hội trên cơ sở chấp nhận phân công lao động quốc tế để hội nhập vào nền kinh tế thế giới nhằm không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong nền kinh tế. Đây chính là quá trình công nghiệp hóa, hay nói đúng hơn, là quá trình hiện đại hóa đất nước trong thời đại ngày nay.

Về thực chất, *quá trình hiện đại hóa đất nước trong thời đại ngày nay là quá trình phát triển công nghệ nhằm làm thay đổi cơ cấu các ngành sản xuất, cơ cấu lao động và cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu, không ngừng nâng cao hiệu quả cũng như khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.*

Quan niệm trên đây về căn bản khác với quan niệm lâu nay ở nước ta cho rằng công nghiệp hóa chỉ đơn thuần là quá trình phát triển các ngành công nghiệp.

3 - Đứng trước những thách thức lớn lao của thời đại, đất nước ta không thể một lần nữa lại phạm sai lầm trong việc lựa chọn con đường hiện đại hóa đất nước ; nếu lại phạm sai lầm thì không thể nào tránh khỏi nguy cơ ngày càng tụt hậu và do đó không thể nào giữ vững ổn định chính trị -

* Tiến sĩ kinh tế, Trưởng ban nghiên cứu phát triển, Viện nghiên cứu dự báo - chiến lược khoa học và công nghệ

Digitized by Google

xã hội, độc lập chủ quyền và định hướng xã hội chủ nghĩa của đất nước.

Hiện đại hóa đất nước trong thời đại ngày nay không nhất thiết phải bắt đầu từ *công nghiệp nặng, không nhất thiết chỉ ưu tiên phát triển công nghiệp nặng*, mà có thể bắt đầu từ những ngành có lợi thế so sánh, không đòi hỏi vốn đầu tư lớn nhưng lại có khả năng sinh lợi nhanh,tạo ra nhiều việc làm, có thị trường tiêu thụ lớn và ổn định.

4 - Trong quá trình công nghiệp hóa, *chúng ta xuất phát từ nhu cầu của thị trường tiêu thụ sản phẩm để tìm kiếm và lựa chọn công nghệ thích hợp*. Các chủ doanh nghiệp có quyền và phải chủ động lựa chọn công nghệ theo phương án kinh doanh của mình. Tuy nhiên, trong bối cảnh "bùng nổ công nghệ" trên thế giới,chuyển giao công nghệ trở thành một nội dung chủ yếu của quan hệ Bắc - Nam, cho nên cần tăng cường vai trò quản lý nhà nước về mặt công nghệ theo hướng "cảnh báo công nghệ". Giúp cho các doanh nghiệp (nhất là các doanh nghiệp trong khu vực nhà nước) lựa chọn được công nghệ thật sự có hiệu quả, tránh được những thiệt hại vật chất không đáng có do thiếu thông tin, hoặc do thiếu trách nhiệm đối với lợi ích quốc gia, những tác hại đối với môi trường, tránh tình trạng lệ thuộc vào công nghệ nước ngoài và nhất là tránh nguy cơ tụt hậu bất lợi của các công nghệ lạc hậu.

5 - Quá trình công nghiệp hóa ở Việt nam phải gắn liền với đẩy nhanh sự hội nhập của nền kinh tế nước ta vào nền kinh tế thế giới,tạo thế chủ động tham gia vào phân công lao động quốc tế trên cơ sở phát huy cao nhất lợi thế so sánh của cả nước, của từng vùng, từng ngành và từng lĩnh vực.

Trong tình hình thế giới hiện nay, chúng ta cần khai thác triệt để những thuận lợi,hạn chế những bất lợi, bảo đảm sự ổn định lâu dài để phát triển đất nước. Trên cơ sở đó kiên trì thực hiện *chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu là chủ yếu*, chỉ thực hiện công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu trong một số trường hợp mà việc sản xuất ở trong nước vẫn còn có lợi về mặt kinh tế - xã hội, từng bước vươn lên cạnh tranh có hiệu quả ngay trên thị trường trong nước ; xây dựng một nền kinh tế mở cửa hợp tác trong lẫn bên ngoài.

6 - Hiện đại hóa đất nước theo các định hướng trên đây về thực chất là *quá trình chuyển đổi của ta theo chiều sâu để phát triển công nghiệp, nhằm làm thay đổi về căn bản cơ cấu của nền kinh tế*. Ngay trong giai đoạn đầu của quá trình hiện đại hóa, phải coi nguồn nhân lực là yếu tố quyết định. Phải coi con người là mục đích chứ không phải chỉ là phương tiện, không hy sinh con người cho sự nghiệp hiện đại hóa đất nước, trong các khấu hao phải tính đến khấu hao con người. Theo tinh thần đó,giáo dục - khoa học và công nghệ có vai trò và vị trí cực kỳ quan trọng.

Giáo dục không chỉ đơn thuần là quá trình truyền đạt và hấp thụ kiến thức, càng không phải là quá trình "nhồi nhét" kiến thức ; mà chủ yếu là quá trình nuôi dưỡng và khơi dậy tiềm năng sáng tạo to lớn trong mỗi con người. Như vậy, giáo dục là nền tảng của sự nghiệp hiện đại hóa đất nước, là bệ phóng để đưa đất nước tiến vào tương lai, tiến vào nền văn minh trí tuệ.

Sự xuống cấp của hệ thống giáo dục trong thời gian qua kể từ khi nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường thể hiện sự hiểu biết kém cỏi của chúng ta về những thách thức của thời đại ; nếu không có những biện pháp đặc biệt để khắc phục thì nó sẽ trở thành hiểm họa thật sự đối với tương lai của đất nước, tiền đồ của dân tộc.

Cùng với giáo dục, khoa học (bao gồm cả khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn) là động lực của quá trình hiện đại hóa đất nước, không chỉ tạo ra tri thức mới để thúc đẩy sự phát triển mà còn có nhiệm vụ đặt nó vào vị trí nền tảng của những giá trị văn hóa và đạo đức, bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước.

Công nghệ gắn bó hữu cơ với giáo dục và khoa học, là đòn bẩy mạnh mẽ nhất đưa các thành tựu khoa học và giáo dục vào cuộc sống. Từ lâu công nghệ đã được công nhận là yếu tố cực kỳ quan trọng trong xây dựng tiềm lực kinh tế và thúc đẩy sự tăng trưởng, là cơ sở để sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực của quốc gia, góp phần chủ yếu tạo nên năng suất lao động cao.

7 - Vì nhiều nguyên nhân, Việt nam đã tụt hậu so với các nước trong vùng trên nhiều phương diện kinh tế, mà thực chất là tụt hậu về khoảng cách công nghệ. Do năng lực đổi mới công nghệ của đất nước còn nhiều hạn chế, để phát huy lợi thế của nước đi sau trong một thế giới mà tốc độ phát triển công nghệ mới ngày càng gia tăng,con đường tối ưu để hiện đại hóa đất nước là chuyển hẳn sang nền kinh tế thị trường, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy nhanh quá trình đổi mới và chuyển giao công nghệ. Từ nay đến năm 2000,

Digitized by Google

cần tập trung mọi nỗ lực đẩy nhanh quá trình chuyển giao công nghệ từ bên ngoài vào thông qua các luồng chủ yếu như : đầu tư trực tiếp với 100% vốn nước ngoài hoặc liên doanh,mua li-xăng thông qua các hợp đồng thương mại hoặc khai thác khả năng di trú của thành phần mang bí quyết công nghệ, trong đó đặc biệt chú ý đến đội ngũ chuyên gia công nghệ người Việt ở nước ngoài. Quá trình này cần được đẩy nhanh hơn nữa trong thời gian tới theo một kế hoạch hành động cụ thể và thiết thực ; bởi công nghệ nói chung là sản phẩm thương mại, một loại hàng hóa đặc biệt, nhiều khi có tiền vị tất đã mua được. Cho nên không thể hy vọng tìm kiếm các công nghệ cần thiết để hiện đại hóa đất nước theo lối tự phát mà phải tính toán chu đáo công nghệ gì cần mua, cái gì có thể tự làm lấy và phải có đầu tư vốn, có chính sách tương ứng để tạo ra năng lực công nghệ môi sinh theo 4 cấp độ : khả năng thực hành, khả năng lĩnh hội, khả năng thích ứng và khả năng sáng tạo.

Chuyển giao công nghệ về thực chất là chuyển giao các "bí quyết công nghệ". Động cơ chính của việc chuyển giao công nghệ là vấn đề lợi nhuận. Cách tiếp cận thực tế nhất để đẩy nhanh quá trình này là *sớm tạo ra một khung thể chế sao cho cả hai bên (bên giao và bên nhận) đều có lợi*. Sẽ là ảo tưởng nếu cứ chờ mong người ta cho không các "bí quyết công nghệ".

Trong hơn 5 năm qua kể từ khi Luật đầu tư và Pháp lệnh chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt nam được ban hành, quá trình chuyển giao công nghệ theo một nghĩa nào đó cũng đã diễn ra ở nước ta,nhưng hầu hết các luồng chuyển giao công nghệ cũng chỉ mới dừng ở mức "chuyển dịch kỹ thuật" và có rất ít trường hợp quá trình chuyển giao công nghệ diễn ra theo đúng nghĩa của khái niệm này.

Có nhiều nguyên nhân,song theo tôi, trở ngại chính trên con đường chuyển giao công nghệ nước ngoài vào nước ta là môi trường thể chế còn "tù mù giữa cũ và mới". Trong môi trường thể chế như vậy, lợi nhuận không sinh ra từ năng suất, chất lượng nhờ đổi mới công nghệ và cải tiến quản lý, mà chủ yếu từ mua rẻ, bán đắt, trốn thuế, lậu thuế và lừa đảo. Môi trường đó xô đẩy con người chạy theo lợi ích trước mắt và lối sống tiêu xài lãng phí, không khuyến khích đầu tư dài hạn và do đó cũng không thể khuyến khích chuyển giao công nghệ.

8 - Để đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa đất nước trong thời đại bùng nổ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ với làn sóng dịch chuyển và đổi mới công nghệ ngày càng dâng cao, phải giải quyết những vấn đề cốt lõi hiện nay đối với nước ta :

Trước hết, tập trung mọi nỗ lực ở tầm chính sách vĩ mô nhằm tạo ra một môi trường thể chế rõ ràng, nhất quán cho sự vận động của nền kinh tế thị trường trên cơ sở chấp nhận cơ chế cạnh tranh để khuyến khích đổi mới và chuyển giao công nghệ. Trên cơ sở đó,từng bước tạo dựng một môi trường xã hội thích ứng với cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, tức tạo ra các điều kiện cần thiết cũng như các cơ hội thuận lợi để các nhân tài kỹ thuật, các doanh nghiệp dễ dàng tiếp thu làn sóng dịch chuyển cơ cấu công nghệ trên thế giới và biến chúng thành các lợi ích cụ thể trên thị trường.

Thứ hai,tập trung sức nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở những khâu ách tắc nhất, đang là trở ngại hoặc là mối hiểm nguy đối với sự phát triển lâu dài của đất nước.

Thứ ba, áp dụng các quy chế đặc biệt để đẩy nhanh quá trình đổi mới và chuyển giao công nghệ. Thực tế cho thấy, sự chuyển biến của môi trường thể chế, chính sách kinh tế vĩ mô cũng như tổ chức bộ máy và công tác cán bộ để thích ứng với nền kinh tế thị trường của chúng ta diễn ra hết sức chậm chạp, chưa hội đủ các điều kiện thuận lợi cho việc đổi mới và chuyển giao công nghệ theo các định hướng của chiến lược phát triển. Điều đó có thể làm nản lòng các nhà đầu tư nước ngoài muốn làm ăn lâu dài với Việt nam.

Vì vậy, cần mở thêm các khu chế xuất, các khu công nghiệp tập trung, các thành phố và thậm chí các vùng lãnh thổ với quy chế đặc biệt để thu hút vốn đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên nhập công nghệ, khuyến khích chuyển giao các kỹ thuật cao, các công nghệ hiện đại nhằm đẩy nhanh xuất khẩu ; mở rộng và phát triển thị trường, thích ứng với điều kiện cạnh tranh quốc tế, làm đầu tàu lôi kéo các khu vực khác phát triển.Thông qua đó rút ra các bài học kinh nghiệm trong chuyển giao công nghệ, các bài học cụ thể trong việc sửa đổi, hoàn thiện môi trường thể chế để đẩy nhanh hơn nữa quá trình đổi mới và chuyển giao công nghệ.

Thứ tư, tăng cường hệ thống đánh giá công nghệ ở trung ương cũng như ở các ngành, các cấp nhằm

Digitized by Google

tổ chức tốt việc đăng ký và chuẩn bị các hợp đồng chuyển giao công nghệ, tiến hành tốt việc giám định công nghệ đối với các dự án đầu tư trực tiếp hoặc liên doanh với nước ngoài, kiểm tra chặt chẽ tác động của công nghệ đối với môi trường trong quá trình thực hiện các dự án nói trên.

Thứ năm, sửa đổi và bổ sung kịp thời một số chính sách khuyến khích đổi mới và chuyển giao công nghệ.Trong từng thời kỳ, Nhà nước ban hành danh mục các sản phẩm khuyến khích sản xuất ở trong nước cùng với các chính sách ưu đãi về tài chính ; đồng thời áp dụng chế độ thuế đặc biệt đối với các sản phẩm nhập ngoại có thể cạnh tranh với các sản phẩm được khuyến khích nói trên.

Áp dụng chế độ ưu đãi cũng như chế độ ưu tiên cho vay dài hạn từ các quỹ viện trợ phát triển với lãi suất thấp đối với các doanh nghiệp đổi mới công nghệ hoặc tiến hành nghiên cứu triển khai công nghệ mới ; đồng thời áp dụng chế độ miễn giảm thuế trong một thời gian nhất định kể từ khi sản xuất đi vào thế ổn định.Cần điều chỉnh mức thuế nhập khẩu theo hướng khuyến khích nhập những công nghệ ưu tiên và hạn chế việc nhập những công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, nguyên liệu, gây ô nhiễm môi trường...

Thứ sáu, gấp rút lập kế hoạch dài hạn phát triển giáo dục, khoa học và công nghệ phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và 2020, trên cơ sở đó ban hành các quy chế về chi phí cho giáo dục, đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, cho nghiên cứu và triển khai ở các trường đại học,các viện nghiên cứu và các cơ sở sản xuất lớn, cho kết cấu hạ tầng cũng như dịch vụ khoa học và công nghệ.

Xây dựng một số chương trình với tài trợ đặc biệt để nghiên cứu một số hướng công nghệ ưu tiên ở tầm quốc gia. Gấp rút đào tạo cán bộ giỏi về công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên này.

Thay đổi về căn bản phương thức tổ chức đào tạo,nghiên cứu và triển khai theo hướng nhất thể hóa 3 khâu này sao cho hoạt động nghiên cứu và triển khai ở các trường, các viện gắn chặt hơn nữa với nhu cầu đổi mới công nghệ của khu vực sản xuất. Trên cơ sở đó đổi mới và hoàn thiện chương trình đào tạo nhằm phát triển óc sáng tạo của lớp trẻ trong việc thực hiện đổi mới và chuyển giao công nghệ.

Khuyến khích việc thành lập các cơ sở nghiên cứu triển khai trong các doanh nghiệp hoặc do các doanh nghiệp đầu tư phục vụ cho đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm hoặc nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Nâng mức độ tự chủ về tài chính của các cơ quan nghiên cứu và triển khai thông qua các hoạt động dịch vụ và bán các kết quả nghiên cứu theo hợp đồng. Cần chuyển việc cấp kinh phí theo chương trình, đề tài sang phương thức khoán gọn theo chế độ thi tuyển trên cơ sở đánh giá khách quan, công bằng.

Thứ bảy, có chính sách cụ thể khuyến khích đầu tư và chuyển giao công nghệ để phát triển công nghiệp nông thôn theo hướng đa dạng hóa các ngành nghề phù hợp với từng vùng, chủ yếu với quy mô vừa và nhỏ,kể cả quy mô hộ gia đình ; nâng cấp và hiện đại hóa các công nghệ truyền thống nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.

Phát triển công nghiệp nông thôn phải nhằm biến đổi cơ cấu của nền nông nghiệp cổ truyền, mở rộng không gian hoạt động kinh tế ở nông thôn và phát huy cao độ lợi thế của từng vùng, tạo thêm nhiều việc làm, góp phần tăng nhanh thu nhập cho hơn 11 triệu hộ nông dân, làm biến đổi hẳn bộ mặt của nông thôn, góp phần nâng cao sức mua của thị trường nội địa và do đó góp phần đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa đất nước.

Thứ tám, trong khi ra sức khai thác lợi thế so sánh về nguồn nhân lực với giá rẻ, về tài nguyên thiên nhiên đa dạng, về vị trí địa lý, cần nghiên cứu và dự báo các chiều hướng phát triển công nghệ của các nước trong khu vực và trên thế giới, chiến lược và chính sách của các bên đối tác cũng như các đối thủ cạnh tranh, tập trung sức đột phá vào một số ngành mũi nhọn để tạo ra những lợi thế so sánh mới, phát huy tối đa nguồn lực quyết định nhất là con người Việt nam, đẩy nhanh hơn nữa quá trình hiện đại hóa đất nước.

Cuối cùng, cải cách về cơ bản chính sách tài chính quốc gia (bao gồm chính sách thuế, chính sách tiền tệ - tín dụng, chính sách đầu tư và tiết kiệm), sớm tạo ra thị trường vốn nhiều thành phần để huy động đến mức cao nhất các nguồn vốn ở trong nước kết hợp với các nguồn vốn từ bên ngoài nhằm giải quyết có hiệu quả các vấn đề then chốt nói trên trong quá trình hiện đại hóa đất nước.

Digitized by Google

VỀ PHẠM TRÙ CÔNG NGHIỆP HÓA

MAI HỮU THỰC *

MỖI một phương thức sản xuất nhất định đều có cơ sở vật chất kỹ thuật tương ứng. *Cơ sở vật chất kỹ thuật* của một xã hội nhất định thường được hiểu là toàn bộ yếu tố vật chất của lực lượng sản xuất cùng với kết cấu xã hội đã đạt được một trình độ phát triển tương ứng.

Cơ sở vật chất kỹ thuật của một xã hội tồn tại trong phạm vi các quan hệ sản xuất nhất định nên nó mang dấu ấn và chịu sự tác động của các quan hệ sản xuất trong việc tổ chức quá trình công nghệ, trong cơ cấu sản xuất xã hội... Vì vậy khái niệm cơ sở vật chất kỹ thuật gắn bó chặt chẽ với hình thức xã hội của nó.

Đặc trưng cơ sở vật chất kỹ thuật của các phương thức trước chủ nghĩa tư bản là kỹ thuật thủ công lạc hậu. Còn cơ sở vật chất kỹ thuật của nền sản xuất lớn hiện đại chỉ có thể là nền công nghiệp hiện đại và cân đối dựa trên trình độ khoa học và công nghệ ngày càng cao. Để có cơ sở vật chất kỹ thuật như vậy, các nước đang phát triển cần phải tiến hành công nghiệp hóa. Đối với nước ta, công nghiệp hóa không chỉ là tất yếu, mà còn là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu trong giai đoạn hiện nay.

1 - *Công nghiệp hóa là gì.*

Từ trước đến nay, có nhiều định nghĩa khác nhau về "công nghiệp hóa". Vậy nên hiểu phạm trù này như thế nào ? Trước hết chúng ta nghiên cứu định nghĩa phạm trù công nghiệp hóa của các nhà kinh tế. Trong cuốn giáo khoa kinh tế chính trị của Liên xô được dịch sang tiếng Việt năm 1958, người ta đã định nghĩa : Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là phát triển đại công nghiệp, trước hết là công nghiệp nặng, sự phát triển ấy cần thiết cho việc cải tạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân trên cơ sở kỹ thuật tiên tiến. Trong cuốn "Từ điển kinh tế" do G.A. Cô-dơ-lốp làm chủ biên (đã được dịch ra tiếng Việt) cũng có định nghĩa tương tự như vậy về công nghiệp hóa.

Các quan điểm trên đã đồng nhất công nghiệp hóa với quá trình xây dựng và phát triển đại công nghiệp, trước hết là công nghiệp nặng.

Quan niệm như vậy về công nghiệp hóa có thể là thích hợp với điều kiện thực tế của Liên xô khi đó. Nước Nga trước cách mạng tuy có đại công nghiệp, nhưng chủ yếu vẫn là nước nông nghiệp, và mức độ phát triển công nghiệp lạc hậu hơn những nước tư bản chính một cách rõ rệt. Mặt khác, như Lê-nin đã nhấn mạnh, chiến tranh thật là tàn nhẫn, nó đặt ra vấn đề một cách gay gắt : hoặc là diệt vong, hoặc là mở hết tốc lực vượt lên trước. Chính trong hoàn cảnh như vậy, để bảo vệ độc lập của đất nước, Liên xô đã tập trung phát triển công nghiệp nặng và người ta quan niệm rằng công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trước hết là phát triển công nghiệp nặng, mà trọng tâm là ngành chế tạo máy móc.

Tuy vậy, trên sách báo kinh tế Liên xô sau này chúng ta thấy có những định nghĩa phản ánh được một trong những nội dung căn bản của công nghiệp hóa và mục đích của nó. Chẳng hạn "Bách khoa toàn thư kinh tế chính trị" đã định nghĩa "công nghiệp hóa là quá trình tạo ra sản xuất lớn máy móc trong nền kinh tế quốc dân hoặc trong một ngành của nó, đảm bảo ưu thế của sản xuất sản phẩm công nghiệp trong nền kinh tế của đất nước, biến một nước nông nghiệp hoặc nông-công nghiệp thành một nước công-nông nghiệp hoặc công nghiệp" (1).

Quan điểm công nghiệp hóa là quá trình xây dựng và phát triển đại công nghiệp, trước hết là công nghiệp nặng của các nhà kinh tế Liên xô đã được chúng ta tiếp nhận thiếu sự phân tích khoa học điều kiện cụ thể của nước ta.

Cuốn "Từ điển tiếng Việt" đã giải thích công nghiệp hóa là "quá trình xây dựng nền sản xuất cơ khí lớn trong tất cả các ngành của nền kinh tế quốc dân và đặc biệt công nghiệp nặng, dẫn tới sự tăng nhanh trình độ trang bị kỹ thuật cho lao động

* PTS kinh tế học, Trường đại học kinh tế quốc dân, Hà nội

(1) *Bách khoa toàn thư kinh tế chính trị*, Nxb Bách khoa toàn thư xô viết, Mát-xcơ-va, 1975, tr 12

Digitized by Google

và nâng cao năng suất lao động" (2). Còn trong cuốn giáo trình "kinh tế chính trị" của Trường đại học kinh tế quốc dân, các tác giả đã định nghĩa : "Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là quá trình xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, xây dựng "nền đại công nghiệp cơ khí hóa có khả năng cải tạo cả nông nghiệp" và toàn bộ nền kinh tế quốc dân nhằm biến nước ta từ một nước kinh tế chậm phát triển thành một nước xã hội chủ nghĩa có cơ cấu công nông nghiệp hiện đại" (3).

Tư tưởng chung của các định nghĩa trên là nhấn mạnh vai trò của công nghiệp nặng. Quan điểm về ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, đặc biệt là ngành cơ khí chế tạo máy móc được thực hiện trong thực tế đã mang lại nhiều hậu quả như mọi người đã biết. Thực tế cho thấy công nghiệp hóa không chỉ đơn thuần là phát triển đại công nghiệp, càng không thể quy về phát triển công nghiệp nặng, mặc dù sự phát triển này có ý nghĩa quan trọng.

Năm 1963, Tổ chức phát triển công nghiệp của Liên hợp quốc (UNIDO) đã đưa ra một định nghĩa : Công nghiệp hóa là một quá trình phát triển kinh tế, trong quá trình này một bộ phận ngày càng tăng các nguồn của cải quốc dân được động viên để phát triển một cơ cấu kinh tế nhiều ngành ở trong nước với kỹ thuật hiện đại. Đặc điểm của cơ cấu kinh tế này là có một bộ phận luôn thay đổi để sản xuất ra tư liệu sản xuất và hàng hóa tiêu dùng, và có khả năng đảm bảo cho toàn bộ nền kinh tế phát triển với nhịp độ cao và đảm bảo đạt tới sự tiến bộ của nền kinh tế và xã hội. Theo quan điểm này, quá trình công nghiệp hóa nhằm thực hiện nhiều mục tiêu chứ không phải chỉ nhằm một mục tiêu kinh tế - kỹ thuật.

Cũng theo hướng đó, các tác giả của cuốn "Công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Việt nam và các nước trong khu vực" đã đưa ra định nghĩa : "Công nghiệp hóa là một quá trình lịch sử tất yếu nhằm tạo nên những chuyển biến căn bản về kinh tế - xã hội của đất nước trên cơ sở khai thác có hiệu quả các nguồn lực và lợi thế trong nước, mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế, xây dựng cơ cấu kinh tế nhiều ngành với trình độ khoa học - công nghệ ngày càng hiện đại" (4). Theo chúng tôi, định nghĩa về công nghiệp hóa như vậy là quá rộng, nó bao gồm tất cả những kết quả mà công nghiệp hóa đưa lại, nhưng còn chưa làm nổi bật nội dung căn bản của công nghiệp hóa. Nó như là mục tiêu phát triển kinh tế và xã hội của đất nước trong một thời kỳ tương đối dài nào đó.

Mỗi một phạm trù kinh tế có nội dung riêng xác định. Định nghĩa một khái niệm là làm rõ nội dung của nó. Vì thế, để có thể định nghĩa phạm trù "công nghiệp hóa", cần làm rõ nội dung căn bản của nó. Theo tôi, những nội dung căn bản của công nghiệp hóa là :

a) *Công nghiệp hóa là quá trình trang bị kỹ thuật và công nghệ hiện đại cho tất cả các ngành của nền kinh tế quốc dân, biến lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc.* Nói cách khác, đó *chính là quá trình cơ khí hóa sản xuất xã hội dựa trên cơ sở áp dụng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến.*

Việc cơ khí hóa, trang bị công nghệ hiện đại cho các ngành của nền kinh tế quốc dân trong điều kiện hiện nay không đòi hỏi một cách bắt buộc phải ưu tiên phát triển công nghiệp nặng và xây dựng hệ thống công nghiệp nặng hoàn chỉnh. Quá trình đó cần được giải quyết theo quan điểm *xây dựng nền kinh tế mở*, đặt nó trong quá trình tham gia vào sự phân công và hợp tác quốc tế. Thật khó có nước nào đó lại sản xuất ra được tất cả các kỹ thuật và công nghệ hiện đại hơn hẳn các nước khác để trang bị cho các ngành kinh tế của nước mình, mà không cần nhập của nước khác.

Chính quan niệm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ theo kiểu khép kín (nền kinh tế đóng) đã dẫn đến quan niệm phiến diện cho rằng công nghiệp hóa là quá trình xây dựng và phát triển đại công nghiệp, trước hết là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng mà trọng tâm là ngành cơ khí chế tạo. Thực tế cho thấy công nghiệp hóa theo quan điểm như vậy rất kém hiệu quả.

Tiến trình cơ khí hóa, trang bị công nghiệp hiện đại cho các ngành của nền kinh tế được thực hiện tùy theo điều kiện cụ thể của mỗi nước. Đối với

(2) *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1988, tr 229

(3) *Kinh tế chính trị (phần XHCN)*, Trường đại học kinh tế kế hoạch, Hà nội, 1981, trang 90

(4) *Công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Việt nam và các nước trong khu vực* (Phạm Khiêm Ích - Nguyễn Đình Phan chủ biên) Nxb Thống kê, Hà nội, 1994, tr 59-60

Digitized by Google

nước ta, nền kinh tế còn mang nặng tính chất nông nghiệp lạc hậu, bước đi trình tự chủ yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cơ khí hóa bộ phận, tiến tới cơ khí hóa đồng bộ, rồi tiến tới tự động hóa. Tuy nhiên, một số ngành, một số cơ sở có thể và cần phải áp dụng công nghệ hiện đại, tự động hóa ngay ở giai đoạn đầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

b) *Công nghiệp hóa là quá trình xây dựng cơ cấu kinh tế mới.* Cơ cấu đó cho phép khai thác tốt nhất các nguồn lực của đất nước. Trong quá trình công nghiệp hóa phải gắn sự biến đổi về chất của lực lượng sản xuất và công nghệ với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Xét về các nhóm ngành trong nền kinh tế, có thể phân thành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Trong giai đoạn đầu của công nghiệp hóa, nông nghiệp thường giữ vai trò hàng đầu, là hoạt động kinh tế cơ bản của dân cư. Vì phát triển nông nghiệp sẽ giải quyết được những nhu cầu thiết yếu của dân cư về lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, tạo nguồn hàng xuất khẩu, góp phần tích lũy vốn cho công nghiệp hóa. Nhưng đến một trình độ phát triển nhất định, tỷ trọng của nông nghiệp trong nền kinh tế giảm xuống, nông nghiệp không còn giữ vị trí hàng đầu nữa.

Không nên quy nội dung công nghiệp hóa về quá trình phát triển đại công nghiệp, tuy nó là quá trình cơ bản của công nghiệp hóa. Vì vậy, việc phát triển đại công nghiệp được sự quan tâm thường xuyên và được dành sự ưu tiên. Do đó, trong quá trình công nghiệp hóa, tốc độ và tỷ trọng của sản xuất công nghiệp sẽ tăng dần.

Không thể đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh, ổn định khi mà hệ thống dịch vụ sản xuất và xã hội, đặc biệt là hệ thống kết cấu hạ tầng thấp kém. Vì vậy, ngay trong giai đoạn đầu của công nghiệp hóa, các ngành dịch vụ cần phát triển tương ứng với các lĩnh vực khác.

Như vậy, trong quá trình công nghiệp hóa, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch từ cơ cấu nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ sang cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ. Xét về phương diện ngành thì một cơ cấu kinh tế nhiều ngành được hình thành, trong đó những ngành trọng yếu của nền kinh tế phải được xác lập rõ.

Trong quá trình công nghiệp hóa, cơ sở vật chất kỹ thuật của nền sản xuất lớn hiện đại và cơ cấu kinh tế mới được hình thành và xác lập tạo nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh và lâu bền của toàn bộ nền kinh tế. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII) của Đảng đã xác định đúng đắn rằng "Công nghiệp hóa thực chất là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đó không chỉ đơn giản là tăng thêm tốc độ và tỷ trọng của sản xuất công nghiệp trong nền kinh tế, mà là quá trình chuyển dịch cơ cấu gắn với đổi mới căn bản về công nghệ, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và lâu bền của toàn bộ nền kinh tế quốc dân" (5)

Rõ ràng, tác dụng của công nghiệp hóa là vô cùng to lớn về nhiều mặt, nó dẫn đến những sự cải biến sâu sắc không chỉ về kinh tế mà cả về xã hội. Tuy nhiên, nếu gom vào trong định nghĩa công nghiệp hóa tất cả các kết quả mà nó mang lại, thì sẽ làm mờ đi nội dung căn bản của công nghiệp hóa, cái mà chúng ta cần xác định rõ ràng trong định nghĩa. Chúng tôi không có kỳ vọng nêu lên một định nghĩa hoàn chỉnh về công nghiệp hóa, nhưng qua sự phân tích trên, có thể nêu lên một định nghĩa phản ánh nội dung cơ bản của nó như sau :

Công nghiệp hóa là quá trình trang bị kỹ thuật và công nghệ hiện đại cho tất cả các ngành của nền kinh tế quốc dân và cùng với quá trình đó hình thành cơ cấu kinh tế mới cho phép khai thác tốt nhất các nguồn lực của đất nước, nhờ đó tạo nền tảng cho sự tăng trưởng kinh tế cao, lâu bền cho toàn bộ nền kinh tế và đảm bảo tiến bộ xã hội.

2 - *Công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa.*

Theo nghĩa của từ, hiện đại hóa là làm cho một cái gì đó mang tính chất của thời đại ngày nay. Vậy hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân là làm cho kỹ thuật và công nghệ sản xuất đạt được trình độ tiên tiến của thời đại hiện nay.

Ở các nước tư bản phát triển phương Tây, quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa được thực hiện ở những giai đoạn lịch sử khác nhau. Quá trình thứ nhất được thực hiện bởi cuộc cách mạng

(Xem tiếp trang 28)

(5) Đảng CSVN : *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII)*, tr 27

Digitized by Google

Năng lượng đối với công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Việt nam

LÊ NHƯ HÙNG*

XÂY dựng ngành năng lượng theo hướng hiện đại hóa là một nội dung quan trọng của sự nghiệp công nghiệp hóa ở nước ta. Đây chẳng những là yêu cầu bức xúc được đặt ra từ nay đến năm 2000, mà còn là yêu cầu cơ bản trong sự nghiệp đổi mới nhằm đưa nền kinh tế nước ta tiến lên hòa nhập vào cộng đồng quốc tế.

I

Đánh giá thực trạng ngành năng lượng của ta, có thể tập trung vào mấy điểm sau :

Về tổng sản lượng điện, với tổng công suất của nhà máy thủy điện Hòa bình và các nhà máy thủy điện và nhiệt điện khác hiện có, mới bảo đảm cung cấp ở mức bình thường cho các trạm tưới tiêu, các xí nghiệp, các thành phố, thị trấn và một số xã... Còn điện khí hóa nông thôn, cung cấp điện cho việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp hóa nông nghiệp là vấn đề còn lâu mới có thể thỏa mãn được. Một số chuyên gia đã tính toán rằng, khi sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa được đẩy mạnh, ta sẽ thiếu điện nghiêm trọng.

Hơn nữa, xăng dầu và những nguyên liệu lẽ ra ngành dầu khí phải cung cấp cho công nghiệp hóa chất, ta vẫn phải nhập vì chưa có lọc dầu và hóa dầu.

Trước mắt, để đạt sản lượng than sạch là 5437000 tấn cho năm 1995, ngành than phải cố gắng về mọi mặt, phải khôi phục lại năng lực sản xuất và chuẩn bị những tiền đề cho sự phát triển có tính đột biến sau năm 1997 khi hệ thống nhiệt điện ở miền Bắc mở rộng công suất (nhu cầu than cho riêng ngành điện sẽ là 4,5 triệu tấn than/năm), và đến năm 2000 sẽ phải khai thác và tiêu thụ 10 triệu tấn than sạch.

Về dầu mỏ, ngoài mỏ Bạch hổ và mỏ Rồng, mỏ Đại hùng có thể bát đầu khai thác trong năm 1994 với dự kiến sản lượng ban đầu là 3300 tấn/ngày và sau khoảng 43 tháng từ khi ký hợp đồng liên doanh với tổ hợp các công ty dầu khí nước ngoài (tức là đến 1995), sản lượng có thể lên tới 30000 tấn/ngày. Nhưng tất cả chỉ mới là con số ước tính, tất cả còn tùy thuộc vào việc triển khai công việc với nhiều yếu tố mà quan trọng là vốn đầu tư và trình độ kỹ thuật của các công ty đã trúng thầu [1].

Về thủy điện, sau công trình Thác mơ, ta đã khởi công xây dựng thủy điện Y-a-li (tháng 7-1993), và tổ máy 1 sẽ vận hành vào đầu năm 1998. Công trình được xây dựng trong 7 năm với tổng công suất 600 - 700 MW, điện lượng là 3,5 tỉ kWh/năm, số vốn đầu tư là 5713 tỉ đồng (trong đó vốn ngoài nước là 1803 tỉ đồng).

Trong tương lai, nếu dùng toàn bộ sản lượng than khai thác được ở mức tối đa (10 đến 15 triệu tấn/năm) và sản lượng dầu khí khai thác được cũng ở mức tối đa (30 triệu tấn/năm) để phát điện và khai thác hết nguồn thủy điện hiện có (khoảng 90 đến 95 tỉ kWh/năm) thì tổng sản lượng điện của Việt nam, theo tính toán của Hội khoa học kỹ thuật Mỏ Việt nam, cũng chỉ đạt tối đa là 210 đến 225 tỉ kWh/năm, và mức bình quân đầu người tối đa trong tương lai chỉ đạt 1000 đến 1200 kWh/năm, kém xa mức bình quân đầu người hiện nay của thế giới [2].

Tiềm năng về than tính theo đầu người của Việt nam chỉ đạt khoảng 15 tấn nhiên liệu quy chuẩn,

* Phó giáo sư, tiến sĩ

(1) Theo bài : "Đại hùng và triển vọng" của GS.TS Phạm Quang Dụ, *Thế giới mới*, số 62, tr 15.

(2) Chiến lược phát triển và chính sách quốc gia về tài nguyên khoáng sản (báo cáo tổng quan), Dự thảo lần thứ 3, Hội khoa học kỹ thuật Mỏ, Hà nội, 6-1994, tr 11.

Digitized by Google

trong khi mức bình quân của thế giới là 106 tấn/người. Trữ lượng dầu khí của ta chỉ đạt khoảng 47 tấn/người, bằng trên 50% mức bình quân chung của thế giới đến năm 2000 là 91 tấn/người [3].

Sở dĩ ta gặp khó khăn về năng lượng là do những nguyên nhân chủ yếu sau đây :

1 - *Chậm đề ra chiến lược năng lượng toàn diện và lâu dài, phù hợp với đặc điểm của Việt nam.* Thực tế cho thấy, chúng ta chỉ mới tập trung đầu tư cho thủy điện lớn và dầu khí, than, coi nhẹ các dạng năng lượng khác. Thủy điện lớn cần nhiều vốn, thi công lâu và khó khăn về kỹ thuật, trong khi thủy điện vừa và nhỏ, vốn đầu tư ít, thi công nhanh, kỹ thuật không phức tạp, đội ngũ cán bộ kỹ thuật cũng như thiết bị, ta đều có ở trong nước. Theo thống kê chưa đầy đủ, ta có hơn 400 vị trí thuận lợi cho việc xây dựng các trạm thủy điện với công suất từ 100 kW đến 20000 kW. Nếu tính đến việc xây dựng cả những trạm thủy điện công suất dưới 100 kW, số lượng sẽ cao hơn gấp nhiều lần [4]. Các trạm thủy điện này rất cần cho việc chạy máy bơm nước, máy xay xát, chế biến nông sản thực phẩm và thắp sáng ở nông thôn và miền núi.

Khai thác than, dầu khí... là cần thiết, ta có thể khai thác trên quy mô lớn và sử dụng trực tiếp dễ dàng, nhưng nó đòi hỏi nhiều vốn và thời gian, và chúng không thể tái tạo được, mà tiềm năng của ta về than, dầu mỏ cũng hạn chế, điều kiện khai thác ở Việt nam lại có nhiều khó khăn, nơi khai thác lại ở xa nơi tiêu thụ, than và dầu mỏ cũng gây ra ô nhiễm môi trường nặng. Cho nên không thể coi nhẹ việc khai thác và tận dụng các dạng năng lượng khác như : tia sáng mặt trời, địa nhiệt, khí sinh học (biomos), gió, sóng biển... được tái tạo thường xuyên và có thể sử dụng ở nhiều nơi, không gây ô nhiễm môi trường và rất thích hợp với sản xuất phân tán, quy mô nhỏ ở Việt nam. Ví dụ như năng lượng mặt trời, từ vĩ tuyến 16 trở vào hầu như có thể sử dụng quanh năm, từ vĩ tuyến 16 trở ra có thể sử dụng từ 6 tháng đến 9 tháng, ở miền núi : khoảng 5 tháng.

Nếu ta có chiến lược và quy hoạch khai thác và sử dụng toàn diện các dạng năng lượng nói trên, chắc chắn tình hình cung cấp năng lượng sẽ đầy đủ hơn và đáp ứng nhu cầu của công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt nhanh hơn, đồng thời có thể tiết kiệm được vốn và các tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường tốt hơn.

2 - *Tổn thất và lãng phí trong khai thác và sử dụng năng lượng còn rất phổ biến và nghiêm trọng.* Tình trạng khai thác than bất hợp pháp và bừa bãi của một số "cai đầu dài" và một số tư nhân, một số ngành và địa phương đã gây lãng phí lớn về tài nguyên và gây khó khăn cho việc khai thác mỏ sau này. Ngay cả một số xí nghiệp quốc doanh cũng vi phạm kỹ thuật khai thác, tranh thủ moi than, ít đầu tư bóc đất hay đi lò chuẩn bị. Năng suất lao động và thiết bị quá thấp, chi phí nguyên liệu, vật liệu cao gây ra lỗ lớn ở một số mỏ than.

Một lượng lớn khí đồng hành được hút lên từ mỏ dầu Bạch hổ đều bị đốt bỏ, ta chậm có biện pháp giải quyết ; hiện khó khăn, trở ngại còn nhiều, chưa chắc năm 1994 đã đưa được khí vào bờ để sử dụng.

Công tác quản lý vận hành lưới điện chuyển tải chưa tốt, hiện tượng cháy biến thế, đứt dây, vỡ sứ... xảy ra còn nhiều, gây mất điện ở nhiều khu vực. Tổn thất điện năng lớn, có nơi lên đến 40% - 50%, đặc biệt là nạn ăn cắp điện xảy ra phổ biến và nghiêm trọng, chỉ mới được khắc phục rất ít.

Vấn đề sử dụng tiết kiệm năng lượng chưa trở thành một quốc sách nên đã để xảy ra lãng phí lớn về điện, xăng dầu, than.

3 - *Công nghệ khai thác than, dầu khí của ta còn nhiều mặt yếu.* Hiện nay, công nghệ khai thác than hầm lò của ta còn lạc hậu, chậm hơn thế giới gần 50 năm, lao động thủ công là chủ yếu, năng suất rất thấp. Ở các mỏ lộ thiên, trình độ cơ giới hóa tương đối cao nhưng do trên 50% các mỏ này nằm ở phía dưới mức thoát nước, ta lại chưa có phương pháp công nghệ thích hợp, nên đã hạn chế

(3) *Tài liệu đã dẫn*, tr 9-10
(4) Etudes Vietnamiennes, 2-1990, tr 67

Digitized by Google

một cách nghiêm trọng năng suất thiết bị, đặc biệt là máy xúc và ô tô [5].

Về dầu khí, ta vẫn chưa có đủ cán bộ nắm vững công nghệ tiên tiến nên còn tùy thuộc vào các chuyên gia nước ngoài và trình độ công nghệ, kỹ thuật của các đối tác của ta trong các công ty liên doanh với nước ngoài.

4 - *Việc bảo vệ tài nguyên và bảo vệ môi trường còn nhiều thiếu sót.* Pháp lệnh về bảo vệ tài nguyên khoáng sản được Hội đồng nhà nước công bố ngày 7-8-1989 ; sau ba năm, Hội đồng bộ trưởng mới ra nghị định 95/HĐBT về việc thi hành pháp lệnh đó. Như vậy là quá chậm. Những quy định trong pháp lệnh và nghị định về bảo vệ tài nguyên khoáng sản cũng chưa được chấp hành nghiêm chỉnh. Luật về bảo vệ môi trường vừa được ban hành cũng chưa đi vào cuộc sống.

II

Tình hình trên đây là đáng lo ngại. Cần có những giải pháp kịp thời và có hiệu quả để bảo đảm vững chắc và ngày càng tốt hơn cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa trước mắt cũng như trong tương lai.

Mục tiêu trước mắt là bảo đảm nhu cầu năng lượng cho nền kinh tế quốc dân trong năm 1994 và 1995, đồng thời tăng cường bảo vệ tài nguyên và môi trường, chống thất thoát và lãng phí năng lượng trong tất cả các khâu khai thác, vận chuyển và sử dụng, thực hiện triệt để tiết kiệm năng lượng. Xuất khẩu dầu thô và than, nâng cao chất lượng than xuất khẩu. Đồng thời, chuẩn bị tốt các điều kiện về chính sách, chiến lược, quy hoạch, công nghệ cũng như vốn đầu tư và đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân lành nghề... cho sự phát triển mạnh mẽ và sử dụng ngày càng có hiệu quả các nguồn năng lượng trong tương lai.

Mục tiêu lâu dài là thực hiện có kết quả chính sách, chiến lược và quy hoạch về năng lượng đã được xác định, cung cấp ngày càng đầy đủ năng lượng cho công nghiệp hóa và hiện đại hóa, cho điện khí hóa nông thôn, cung cấp đủ nhiên liệu cho thành thị, nông thôn và miền núi, cung cấp đủ nguyên liệu cho công nghiệp hóa chất, luyện kim, thực hiện chính sách xuất khẩu mềm dẻo dầu khí, than với thị trường ngày càng mở rộng và ổn định, nâng dần tỷ lệ cổ phần tham gia của phía Việt nam trong các liên doanh với nước ngoài về khai thác năng lượng, đặc biệt là dầu khí.

Thực hiện những mục tiêu trên đây trên cơ sở từng bước hiện đại hóa ngành năng lượng, và bằng các giải pháp chủ yếu sau đây :

Một là, xây dựng chiến lược năng lượng toàn diện và lâu dài, phù hợp với đặc điểm và nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt nam. Chiến lược này cần quán triệt các quan điểm cơ bản :

1 - Nhanh chóng phát triển toàn diện các dạng năng lượng mà ta có khả năng, ưu tiên phát triển thủy điện, nhất là thủy điện vừa và nhỏ, với nhịp độ cao, coi trọng và nâng cao khai thác dầu khí và than, đồng thời phát triển khai thác các dạng năng lượng mặt trời, khí sinh học, gió, sóng biển, thủy triều... ở tất cả các nơi có nhu cầu và có điều kiện, khả năng. Tiếp tục xuất khẩu dầu mỏ, than (tiến tới xuất khẩu khí hóa lỏng) theo một chính sách xuất khẩu mềm dẻo.

2 - Tối ưu hóa việc khai thác và sử dụng các tài nguyên khoáng sản theo hướng :

- Hoàn thiện cơ cấu năng lượng và việc phân phối năng lượng, xác định đúng đắn tỷ lệ các dạng năng lượng trong từng thời kỳ phân phối năng lượng một cách tối ưu phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nâng cao hiệu quả khai thác than và dầu khí, chống lãng phí trong thăm dò, khai thác, vận chuyển.

- Sử dụng tổng hợp và có hiệu quả các tài nguyên khoáng sản và các công trình thủy điện, sớm xây dựng các nhà máy lọc dầu và hóa dầu, phát triển việc sử dụng than làm nhiên liệu cho tiêu dùng và sản xuất ở nông thôn, miền núi và thành thị, phát huy tác dụng của thủy điện trong việc chống lũ, vận tải sông, nuôi cá, ngăn chặn nạn phá rừng.

(5) Báo cáo khoa học, Viện nghiên cứu khoa học kỹ thuật mỏ (Bộ năng lượng), tr 2-5

Digitized by Google

3 - Khuyến khích triệt để tiết kiệm năng lượng bằng cách :

- Hoàn thiện và đổi mới công nghệ và thiết bị trong các xí nghiệp đang hoạt động, xác định suất tiêu hao năng lượng để tính toán việc xây dựng các nhà máy mới.

- Đảm bảo các chuyển dịch cơ cấu trong nền kinh tế cho phép nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng. Chế tạo các thiết bị tiết kiệm năng lượng.

- Chống lãng phí và thất thoát năng lượng ở tất cả các khâu, các ngành, các xí nghiệp, chống nạn ăn cắp điện và nhiên liệu, thực hiện triệt để tiết kiệm năng lượng trong các cơ quan, các dịch vụ công cộng và trong nhân dân bằng các biện pháp giáo dục, hành chính, pháp luật và chính sách giá cả phù hợp.

4 - Thực hiện triệt để luật bảo vệ môi trường, trước hết là ở các mỏ than, mỏ dầu khí và ở các xí nghiệp sử dụng nhiều nhiên liệu "không sạch" cũng như ở thành phố. Kiểm tra thường xuyên và buộc các chủ mỏ, chủ xí nghiệp (kể cả quốc doanh) phải có thiết bị và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, cải tạo đất, rừng, nguồn nước, không khí bị ô nhiễm, hủy hoại do họ gây ra.

5 - Coi trọng và bảo đảm vốn đầu tư cho việc thực hiện chiến lược năng lượng theo phương châm :

- Lấy ngắn nuôi dài.

- Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm, theo quy hoạch chung của cả nước.

- Thu hút vốn đầu tư của nước ngoài, nâng dần phần tham gia của phía Việt nam trong các công ty liên doanh với nước ngoài.

- Sử dụng vốn vay dài hạn với lãi suất thấp của các ngân hàng thế giới và quỹ tiền tệ quốc tế.

6 - Chiến lược năng lượng phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ và có sự phối hợp, kết hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

Hai là, xây dựng quy hoạch dài hạn và kế hoạch trung hạn, ngắn hạn để thực hiện chiến lược năng lượng. Muốn thực hiện được chiến lược năng lượng, theo tôi, cần tập trung vào mấy điểm :

1 - Đẩy mạnh công tác thăm dò địa chất, khảo sát trữ lượng dầu, khí, than... đồng thời điều tra khảo sát về tiềm năng thủy điện, năng lượng mặt trời, địa nhiệt, khí sinh học, gió, sóng biển... làm căn cứ cho các kế hoạch khai thác các dạng năng lượng và xác định đúng đắn tỷ lệ của chúng trong từng thời kỳ.

2 - Điều tra, thống kê nhu cầu năng lượng của nền kinh tế và của nhân dân để tối ưu hóa việc phân phối.

3 - Cân đối vững chắc năng lượng dùng trong nước với năng lượng để xuất khẩu theo hướng ưu tiên cho công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

4 - Bố trí tối ưu các nguồn vốn đầu tư cho các dạng năng lượng và cải cách đầu tư xây dựng cơ bản về năng lượng để nâng cao hiệu quả vốn, chống lãng phí, thất thoát vốn.

Ba là, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc thăm dò, khai thác, chế biến các tài nguyên năng lượng theo hướng :

- Kết hợp nhiều trình độ công nghệ khác nhau, tranh thủ tối đa công nghệ tiên tiến khai thác các yếu tố phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, ngày càng hướng mạnh về chiều sâu. Tận dụng lợi thế của loại hình xí nghiệp quy mô vừa và nhỏ.

- Chú trọng cải tiến công nghệ trong các mỏ dầu, khí, mỏ than và các công trình thủy điện lớn, đồng thời nghiên cứu và phổ biến rộng rãi các công nghệ thủy điện vừa và nhỏ và cách khai thác các dạng năng lượng tái tạo khác (địa nhiệt, khí sinh học, tia sáng mặt trời...) để các địa phương có thể tham gia theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm.

- Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ khai thác tổng hợp đối với các tài nguyên khoáng sản nhằm tận thu các trữ lượng hiện có, áp dụng các công nghệ chế biến hiện đại để nâng cao giá trị sử dụng của khoáng sản, tận dụng được các loại khoáng sản nghèo như than bùn, than nâu...

- Cơ giới hóa và nửa cơ giới hóa với quy mô phù

Digitized by Google

hợp các mỏ hầm lò, áp dụng công nghệ khai thác liên tục, có mức độ cơ giới hóa và tự động hóa cao ở những khoáng sàng có điều kiện.

- Nghiên cứu công nghệ thăm dò và khai thác, sử dụng khí trong lòng đất ở đồng bằng Bắc bộ, công nghệ hóa lỏng khí, hóa lỏng than, khí hóa than, công nghệ hóa dầu...

Bốn là, nghiên cứu để có chính sách mềm dẻo về nhập khẩu và xuất khẩu dầu mỏ, than, khí đốt. Việc tiếp tục xuất khẩu dầu thô, than (và sau này, cả khí đốt) là cần thiết nhưng cần nâng cao chất lượng than xuất khẩu và nhanh chóng xây dựng nhà máy lọc dầu và hóa dầu để không phải xuất dầu thô, mà xuất dầu đã lọc và các sản phẩm đi theo chúng nếu trong nước dùng không hết.

Đi đôi với việc đẩy mạnh điều tra, khảo sát trữ lượng dầu, khí và than, cần có chính sách xuất khẩu mềm dẻo, bảo đảm ưu tiên cho nhu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa và theo dõi sát, dự đoán đúng xu hướng giá cả trên thị trường thế giới để xuất khẩu một cách có lợi nhất.

Năm là, đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật ngang tầm nhiệm vụ, duy trì và phát triển lực lượng công nhân kỹ thuật năng lượng giỏi tay nghề, có sức khỏe và đời sống ngày càng được cải thiện. Có kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo các kỹ sư địa chất, mỏ, dầu khí, điện..., đẩy mạnh công tác đào tạo sau đại học để nhanh chóng hình thành một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý tiến kịp trình độ thế giới, một đội ngũ chuyên gia đủ sức giải quyết các vấn đề phức tạp về khoa học kỹ thuật và quản lý trong ngành năng lượng.

Có chính sách nâng cao tay nghề, đồng thời chăm lo chu đáo về việc làm, đời sống, sức khỏe và an toàn lao động cho đội ngũ công nhân làm việc ở các mỏ than, dầu, khí và ở các công trình thủy điện ; đặc biệt chú ý những người lao động trong các điều kiện nặng nhọc và nguy hiểm.

Sáu là, phát động một phong trào quần chúng sâu rộng lôi cuốn tất cả các ngành, các địa phương, các thành phần kinh tế và toàn quân, toàn dân tham gia thực hiện chiến lược và quy hoạch, kế hoạch về năng lượng, đóng góp trí tuệ, công sức và tiền vốn nhằm thực hiện các mục tiêu đề ra cho từng thời kỳ, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của chính quyền, nhằm khai thác toàn diện và có hiệu quả mọi dạng năng lượng, sử dụng tiết kiệm năng lượng và bảo vệ tốt tài nguyên và môi trường.

Về phạm trù...

(Tiếp theo trang 23)

công nghiệp vào thế kỷ 18, còn quá trình sau được thực hiện cùng với cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật được bắt đầu từ những năm giữa thế kỷ này cho đến ngày nay.

Hiện nay, cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại đang dưa tới sự thay đổi triệt để về chất kỹ thuật và công nghệ sản xuất. Bởi vậy, quá trình công nghiệp hóa ở nước ta có đặc điểm khác với quá trình công nghiệp hóa trước đây ở các nước đi trước. Một điều rất rõ ràng là chúng ta không thể thực hiện xong xuôi quá trình công nghiệp hóa với nội dung căn bản là cơ khí hóa các ngành của nền kinh tế quốc dân, rồi mới thực hiện hiện đại hóa. Vả lại, khi thực hiện cơ khí hóa cũng không thể sử dụng máy móc lạc hậu được sản xuất trước đây, mà phải sử dụng kỹ thuật và công nghệ sản xuất tiên tiến hiện nay. Theo ý nghĩa đó, công nghiệp hóa trong điều kiện hiện nay *bao hàm những yếu tố của hiện đại hóa*, công nghiệp hóa phải đi liền với hiện đại hóa.

Vì vậy, trong quá trình công nghiệp hóa ở nước ta cần giải quyết *đồng thời* nhiều quá trình, nhiều mức độ kỹ thuật mà các nước đi trước đã giải quyết ở những thời điểm khác nhau. Trình tự các bước đi chủ yếu của công nghiệp hóa ở nước ta là cơ khí hóa bộ phận, tiến tới cơ khí hóa đồng bộ, rồi tiến tới tự động hóa ; ở một số cơ sở, một số ngành có thể và phải áp dụng ngay công nghệ tiên tiến, tự động hóa. Vấn đề quan trọng là phải xác định đúng những ngành, lĩnh vực, cơ sở cần và có điều kiện áp dụng ngay kỹ thuật và công nghệ hiện đại.

Chỉ có như vậy công nghiệp hóa mới đưa lại hiệu quả kinh tế cao, và mới là con đường thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Digitized by Google

NHÌN LẠI HAI NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 3 CỦA TRUNG ƯƠNG VỀ ĐỔI MỚI VÀ CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

LÊ HUY NGỌ *

NGHỊ quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành trung ương Đảng về "Một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng" ra đời vào thời điểm mà tình hình quốc tế có những diễn biến hết sức phức tạp ; công cuộc đổi mới của nhân dân ta đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, nhưng vẫn chưa vượt qua được khủng hoảng kinh tế, xã hội ; Đảng ta đứng trước những thách thức gay gắt có ý nghĩa sống còn.

Trong bối cảnh đó, *"đổi mới và chỉnh đốn Đảng"* là nhằm tiếp tục kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp, những thành quả to lớn về sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng, đồng thời đổi mới tư duy, đổi mới công tác xây dựng đảng cho phù hợp với sự đổi mới về kinh tế - xã hội đang diễn ra rất sâu sắc và toàn diện.

Do có những chủ trương sát hợp, Nghị quyết 3 của Trung ương đã được đông đảo cán bộ, đảng viên, quần chúng hoan nghênh và tích cực thực hiện. Thời gian triển khai mới trên hai năm, đó cũng là quá trình vừa quán triệt, vừa cụ thể hóa, vừa tổ chức thực hiện. Vì vậy, việc đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết phải có cách nhìn nhận khách quan và phải căn cứ vào những yêu cầu, nội dung cơ bản đã được xác định trong Nghị quyết ; đồng thời cũng phải xem xét việc thực hiện Nghị quyết này trong mối tương quan với quá trình thực hiện các nghị quyết khác của Đảng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...

Nhìn một cách *tổng quát trên những nhiệm vụ cơ bản nhất,* có thể thấy rõ những kết quả chủ yếu sau đây :

1 - Về chính trị và tư tưởng :

Sự thống nhất về chính trị và tư tưởng là bảo đảm vững chắc về tinh thần của Đảng. Do đó, các tổ chức đảng đã rất chú trọng việc tổ chức cho cán bộ, đảng viên, quần chúng quán triệt Nghị quyết 3 của Trung ương Đảng. Việc phổ biến Nghị quyết được tổ chức chặt chẽ với nhiều hình thức sinh động từ trung ương đến cơ sở. Đó là nền tảng của sự nhất trí về tư tưởng và chính trị trong đảng.

Việc quán triệt Nghị quyết gắn liền với xây dựng chương trình hành động, thực hiện công cuộc đổi mới, khắc phục tình trạng học suông, phổ biến suông ; làm cho mọi tổ chức, cán bộ, đảng viên đi vào hành động thiết thực, tạo chuyển biến ngay trong cuộc sống hàng ngày của nhân dân, của tổ chức.

Nhiều đảng bộ chú trọng công tác tổng kết thực tiễn, qua đó tạo cơ sở cho sự thống nhất về tư tưởng của cán bộ, đảng viên đối với sự nghiệp đổi mới. Trên cơ sở cùng phân tích, cùng nhận thức những thành công và thất bại của các mô hình kinh tế - xã hội mà tạo sự thống nhất tự giác từ trong đảng ra quần chúng.

Nhiều tổ chức đảng đã chú trọng việc giáo dục chính trị, tư tưởng đi đôi với giáo dục nâng cao phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên; đã kịp thời tổng kết, nêu gương những tổ chức, cán bộ, đảng viên làm việc tốt, được quần chúng tín nhiệm ; đồng thời tiến hành kiểm tra và xử lý kịp thời những tổ chức, cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật.

Do kiên trì lãnh đạo công tác giáo dục chính trị và tư tưởng ; do có những thành quả trực tiếp của công cuộc đổi mới tác động tích cực đến cuộc sống hàng ngày của nhân dân, cho nên đã củng cố được sự thống nhất và nâng cao được niềm tin của đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân vào công cuộc đổi mới ; khẳng định được vai trò lãnh đạo của Đảng. Tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban thường trực, Ban tổ chức Trung ương Đảng

Digitized by Google

đấu tranh để bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, bảo vệ sự đoàn kết thống nhất trong đảng, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch ; ý thức trách nhiệm của các cấp ủy, của đông đảo đảng viên về công tác xây dựng đảng, về vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội cũng được nâng cao.

Tuy vậy, những chuyển biến nói trên mới chỉ là bước đầu. Tình hình tư tưởng trong đảng và trong nhân dân còn diễn biến phức tạp. Những ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế thị trường, của chính sách mở cửa hàng ngày vẫn tác động đến đảng viên và quần chúng. Trong khi đó, công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén ; việc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa giải đáp kịp thời những vấn đề do công cuộc đổi mới đặt ra, cho nên chưa phát huy được những nhân tố tích cực và tiềm năng trí tuệ trong đảng, trong nhân dân.

2 - **Về tổ chức :**

Sự thống nhất về chính trị và tư tưởng được bảo đảm *bằng tổ chức*. Thực tế cho thấy, Đảng không chỉ lãnh đạo bằng đường lối, chủ trương, bằng công tác cán bộ, bằng sự gương mẫu của đảng viên mà còn lãnh đạo *thông qua tổ chức, bằng tổ chức. Tổ chức chính là sức mạnh của Đảng*. Đảng thông qua tổ chức để lãnh đạo nhà nước, lãnh đạo quần chúng. Về tổ chức, chúng ta đã chú trọng một số mặt như :

- *Củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức đảng*. Do điều kiện lịch sử, bộ máy của các cơ quan đảng và các đoàn thể nhân dân còn nhiều vấn đề phải nghiên cứu hoàn thiện. Vừa qua chúng ta đã tập trung giải quyết mấy vấn đề lớn : Xây dựng và hoàn thiện tổ chức các ban của Đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước và toàn xã hội. Hiện nay, ở trung ương có 11 ban đảng. Mỗi cơ quan bộ và ngang bộ đều có ban cán sự đảng. Mỗi đoàn thể chính trị đều có đảng đoàn. Đang nghiên cứu xây dựng ban cán sự đảng ở một số doanh nghiệp lớn và trọng yếu về kinh tế. Đã xây dựng xong quy định về chức năng, nhiệm vụ cụ thể và phương thức hoạt động của 5 loại hình cơ sở đảng (xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp, trường học).

Kinh nghiệm cho thấy, những vấn đề nêu trên đều là những vấn đề phức tạp, đòi hỏi phải nghiên cứu, chuẩn bị công phu cả về lý luận và thực tiễn ; phải làm rõ vấn đề nào là *do cơ chế lãnh đạo*,, vấn đề nào là *do tổ chức*, trên cơ sở đó mới có một mô hình tổ chức hợp lý, nếu không sẽ dẫn tới tình trạng "tách" rồi lại "nhập" ; "nhập" rồi lại "tách", làm cho bộ máy và cán bộ không ổn định, gây nên sự phức tạp về tư tưởng và cán bộ.

- *Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng*. Các tổ chức đảng đã chú trọng thực hiện đúng những nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng ; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và đối với toàn xã hội ; khắc phục được một bước quan trọng tình trạng hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, sự lỏng lẻo về tổ chức và sinh hoạt. Nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ lãnh đạo tập thể của các cấp ủy được tăng cường ; dân chủ trong sinh hoạt đảng được thực hiện ; một số nơi đã khắc phục được tình trạng mất đoàn kết nội bộ ; vai trò của chính quyền và đoàn thể nhân dân các cấp được tôn trọng và phát huy. Việc tổ chức để quần chúng tham gia xây dựng đảng đã trở thành nhu cầu của các tổ chức đảng và ngày càng trở nên quan trọng để bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng được đúng đắn, khách quan và khoa học. Nhiều tổ chức đảng đã cụ thể hóa và hệ thống hóa những vấn đề nói trên thành quy chế để thực hiện một cách thường xuyên.

Tất cả những nguyên tắc quan trọng nêu trên lâu nay đã nói nhiều, nhưng lần này mới được quy định thành chế độ, thành phương thức lãnh đạo của mỗi tổ chức, bao gồm : quy chế về sinh hoạt của cấp ủy, thường vụ ; quy chế về lãnh đạo kiểm tra ; hướng dẫn về tổ chức quần chúng xây dựng đảng v.v.

Ủy ban kiểm tra các cấp của Đảng đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy chế đó. Nhờ vậy mà những nguyên tắc cơ bản được thực hiện tương đối nghiêm túc trong sinh hoạt đảng.

- *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng*. Tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng là để bảo đảm thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng. Vừa qua, Ban bí thư đã ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức cơ sở đảng ; tiêu chuẩn đảng bộ vững mạnh, trong sạch. Những quy

Digitized by Google

định này nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo, sinh hoạt của các tổ chức đảng cho phù hợp với yêu cầu mới.

Căn cứ vào quy định đó, nhiều tổ chức cơ sở đảng đã xây dựng được quy chế hoạt động. Các địa phương đã cơ bản hoàn thành việc tổ chức lại các chi bộ, tổ đảng theo địa bàn dân cư (thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố), tạo điều kiện thúc đẩy các chi bộ hoạt động tích cực hơn, có nội dung lãnh đạo toàn diện hơn, tạo được sự gắn bó giữa tổ chức đảng với nhân dân. Việc giải quyết các tổ chức cơ sở đảng yếu kém, các "điểm nóng" và những hiện tượng tiêu cực được tiến hành khẩn trương. Tuy đây mới là kết quả bước đầu nhưng đã có thêm nhiều kinh nghiệm để chấn chỉnh các cơ sở yếu kém.

Hiện nay, việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân, hợp tác liên doanh với nước ngoài còn nhiều lúng túng. Song, cần khẳng định, dù hình thức kinh tế nào cũng phải có sự lãnh đạo của Đảng. Vấn đề quan trọng là ở chỗ tổ chức và cách thức lãnh đạo phải phù hợp với đặc điểm của tổ chức kinh tế đó.

- *Nâng cao chất lượng đảng viên.* Mấy năm trước đây, việc phát triển đảng có phần chững lại, thậm chí có một số nơi trong thời gian dài không kết nạp được đảng viên mới. Trong đảng số đông chí lớn tuổi nhiều ; phân công khó khăn ; có một số tổ chức đảng đã trở nên kém hấp dẫn. thời gian 2 năm lại đây, tình hình phát triển đảng khá hơn, năm 1992 tăng 3,9%, năm 1993 tăng0%. Trong đó số đông là thanh niên, trí thức, công nhân. Đó là dấu hiện đáng mừng.

Vừa qua chúng ta đã dành một đợt tập trung tiến hành việc phân tích chất lượng đảng viên ; làm cho mỗi tổ chức cơ sở đảng thấy rõ tình hình, chất lượng, tác dụng, hoàn cảnh của mỗi đảng viên ; trên cơ sở đó mà có sự phân công hợp lý với từng người, phát huy tác dụng của mỗi đảng viên đối với tổ chức. Đối với các đồng chí có khó khăn về đời sống, Đảng tạo điều kiện thuận lợi, giúp các đồng chí đó tự xóa đói, giảm nghèo. Đối với các đồng chí già yếu, Đảng có chính sách miễn, hoãn hoặc chuyển sinh hoạt. Đối với các đồng chí trình độ thấp thì có chế độ bồi dưỡng riêng, không làm đồng loạt đối với mọi đối tượng đảng viên có trình độ khác nhau.

Đảng khuyến khích đảng viên làm giàu chính đáng nhưng không cho đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân. Đối với những đảng viên đã làm kinh tế tư bản tư nhân thì giúp đỡ các đồng chí đó chuyển sang hình thức sở hữu cổ phần, hợp doanh với các tổ chức kinh tế của nhà nước. Đây là vấn đề khá phức tạp còn phải tiếp tục nghiên cứu và có những quy định cụ thể hơn nữa.

3 - Về vấn đề cán bộ :

Trong thời kỳ kinh tế thị trường, mở cửa, đây là công việc vừa mới mẻ, vừa phức tạp. Nó đặt ra những yêu cầu rất mới đối với cán bộ cả về đức và tài. Đã có sự "hẫng hụt" về cán bộ. Đó là sự hẫng hụt về kiến thức và kinh nghiệm, về đội ngũ và tài năng, nhất là đội ngũ cán bộ quản lý kinh doanh, đối ngoại, cán bộ lãnh đạo tầm chiến lược.

Giải quyết vấn đề cán bộ, các tổ chức đảng đã có thêm kinh nghiệm và quan tâm tới mấy vấn đề quan trọng :

+ *Thứ nhất,* xây dựng tiêu chuẩn cụ thể về phẩm chất và năng lực đối với từng loại cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý. Yêu cầu về bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất cách mạng trong sáng là tiêu chuẩn chung đối với tất cả các loại cán bộ. Nhưng về năng lực phải có yêu cầu cụ thể đối với từng loại cán bộ trên những lĩnh vực công tác khác nhau như : công tác đảng ; quản lý nhà nước ; quản lý kinh doanh ; quản lý khoa học kỹ thuật, văn hóa văn nghệ, công tác ở trung ương, địa phương v.v. Tiêu chuẩn đề ra phải sát với thực trạng đội ngũ cán bộ, với yêu cầu của công việc, phải cụ thể, không trừu tượng, không đạt ra những yêu cầu mà thực tế đội ngũ cán bộ chưa có, không so sánh với người lãnh đạo tiền nhiệm. Bởi vì làm như thế rất dễ đưa công tác cán bộ vào chỗ bế tắc.

+ *Thứ hai,* công tác đánh giá, tuyển chọn, đề bạt, xử lý cán bộ đã có sự đổi mới. Vừa qua, Bộ chính trị đã ra quyết định mới về công tác cán bộ. Các cấp ủy đảng cũng đang tập trung xây dựng *quy trình dân chủ* từ khâu chuẩn bị đến khâu quyết định về cán bộ, và coi đó là công việc của tập thể cấp ủy, không phải là công việc *của một người* và cũng không khoán trắng cho cơ quan tổ chức. Mỗi cấp ủy chịu trách nhiệm trước Đảng về

Digitized by Google

quản lý, sử dụng, đề bạt cán bộ, thực hành dân chủ trong công tác cán bộ, để phát hiện được nhiều người có tài, đức, bảo đảm sự đúng đắn, vô tư, bảo đảm sự đoàn kết trong đội ngũ cán bộ.

+*Thứ ba,* thời kỳ xây dựng đất nước với nhiều thành phần kinh tế đòi hỏi sự đoàn kết dân tộc rộng rãi. Để đáp ứng yêu cầu đó, công tác cán bộ đã mở rộng nguồn tuyển chọn ; ngoài nguồn là đảng viên ra, đã chú ý phát hiện những quần chúng ưu tú, sinh viên ưu túu ở các trường đại học, trung học v.v. Đó là nguồn sinh lực mới bổ sung cán bộ cho Đảng và Nhà nước. Tư tưởng hẹp hòi trong công tác cán bộ đã được khắc phục đáng kể.

+ *Thứ tư,* vấn đề phẩm chất của cán bộ đang được quần chúng rất quan tâm. Việc chuyển sang cơ chế thị trường, cùng với những mặt tích cực, cũng đã xuất hiện nhiều tiêu cực, có mặt rất trầm trọng, làm giảm ủy tín của Đảng. Đó là tình trạng tham nhũng, buôn lậu, lãng phí tài sản của nhân dân. Đảng và Nhà nước đã tổ chức việc đấu tranh ngăn chặn, đẩy luùi các tiêu cực này. Vấn đề quan trọng là phải tổ chức tốt lực lượng, kịp thời phát hiện, kiểm tra, xử lý công bằng và nghiêm minh theo pháp luật ; đồng thời phải hoàn thiện cơ chế quản lý và hệ thống pháp luật của nhà nước.

4 - Về phương thức lãnh đạo :

Qua thực tiễn công tác lãnh đạo trong điều kiện mới, càng ngày càng thấy đây là vấn đề quan trọng, *ảnh hưởng sâu sắc đến chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng.* Về phương thức lãnh đạo, trong thời gian qua những vấn đề sau đây đã được các cấp quan tâm hơn :

Vận động nhân dân, gắn công tác xây dựng đảng với việc củng cố Mặt trận và các đoàn thể, phát huy vai trò người đảng viên trong các tổ chức quần chúng. Những nơi làm tốt việc đổi mới và chỉnh đốn đảng thường là những nơi biết dựa vào chính quyền và các đoàn thể ; coi trọng việc tổ chức và lãnh đạo nhân dân tham gia ý kiến xây dựng đảng ; tổ chức tốt các phong trào hành động thiết thực của quần chúng.

Phát huy dân chủ, tập trung trí tuệ của cán bộ, đảng viên, các chuyên gia, các nhà khoa học nhằm nâng cao chất lượng của các quyết định được ban hành. Những nghị quyết lớn của Đảng có liên quan đến đời sống của nhân dân, trước khi quyết định, Đảng không chỉ lấy ý kiến tham gia của tổ chức đảng các cấp mà còn lấy ý kiến rộng rãi của cán bộ về hưu, giới khoa học và các tổ chức quần chúng.

Mở rộng thảo luận dân chủ trong các cấp ủy ; tạo điều kiện để các cấp ủy viên được bày tỏ quan điểm của mình; đối với những vấn đề quan trọng, đã tổ chức lấy biểu quyết bằng phiếu.

Việc lãnh đạo tổ chức thực hiện, cụ thể hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng là một khâu công tác khó khăn và đòi hỏi sự cố gắng rất lớn không thua kém gì so với việc đầu tư trí tuệ, thời gian để ra nghị quyết. Riêng về Nghị quyết "Đổi mới và chỉnh đốn Đảng", Bộ chính trị, Ban bí thư đã có tới 43 quyết định, quy định kèm theo để chỉ đạo thực hiện những nội dung cơ bản đã được đề ra trong Nghị quyết.

Xây dựng cơ chế kiểm tra thực hiện nghị quyết của cấp uỷ và quy chế tiến hành các cuộc kiểm tra của Ủy ban kiểm tra các cấp.

Tăng cường điều kiện vật chất, phương tiện thông tin, hiện đại hóa quy trình làm việc của các cấp ủy để vừa giảm nhẹ sức lực, vừa nâng cao trí tuệ và hiệu quả công tác.

Càng đi sâu vào phương thức lãnh đạo của Đảng, càng thấy sự lúng túng, yếu kém về phương pháp quần chúng và cách thức lãnh đạo của Đảng, nhất là ở các đơn vị hành chính sự nghiệp, các phường, các doanh nghiệp tư nhân và liên doanh.

Hơn hai năm thực hiện Nghị quyết 3 của Trung ương về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, bên cạnh những kết quả đã đạt được, cũng có những vấn đề tồn tại. Đó là sự chuyển biến chưa đồng đều về nâng cao năng lực và chất lượng lãnh đạo của các cấp uủy và tổ chức đảng, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên. Các biểu hiện *tham nhũng, buôn lậu,* lãng phí chưa được đẩy lùi. Một bộ phận cán bộ, đảng viên sa sút về phẩm chất chưa được xử lý theo yêu cầu đã đề ra. Sự chỉ đạo của các cấp ủy cũng còn những mặt đáng chú ý như : Thiếu sự đồng đều giữa các vùng, các loại hình cơ sở và chưa thật đồng bộ. Sự chuyển biến ở các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và cơ quan chậm hơn ở các vùng nông thôn và các đơn vị quân đội, công an. Sự đổi mới ở các cấp ủy

Digitized by Google

MỤC LỤC
Tạp chí Cộng sản năm 1994

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
I- Những vấn đề chung		
- Phát huy thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng nước ta vững bước tiến lên	Đỗ Mười	1
- Yêu cầu bức bách và khả năng bước vào một thời kỳ mới của sự phát triển kinh tế - xã hội	Võ Văn Kiệt	1
- Những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác-Lê-nin	Đặng Xuân Kỳ	1
-Vấn đề con người, cá nhân và xã hội trong học thuyết Mác	Trần Đức Tiến	1
- Kinh tế thị trường và vai trò lãnh đạo của Đảng	Nguyễn Phú Trọng	1
- Đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn nữa	Xã luận	2
- Kinh tế thị trường và công bằng xã hội	Nguyễn Khắc Hiếu	2
- Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh	★ ★ ★	3
- Vấn đề định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế	Lê Xuân Lựu	3
- Tư tưởng đoàn kết và nhân đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh	Phùng Đức Thắng	3
- Kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường với chủ nghĩa xã hội	Khổng Doãn Hợi	3
- Góp phần tìm hiểu kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội	Trinh Dân	3
- Chủ nghĩa nhân văn mác xít phải chăng đã lỗi thời?	Hồ Bá Thâm	3
- Đại đoàn kết dân tộc - một bài học lớn của cách mạng Việt nam	Lê Quang Đạo	4
- Lý luận về hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác trong thời đại ngày nay	Hồ Văn Thông	4
- Mác, nhà tư tưởng của thế kỷ XXI	Đi-đi-ê Ê-ri-bông	4
- Điện biên phủ : 40 năm sau nhìn lại...	Võ Nguyên Giáp	5
- Phát huy tinh thần Điện biên phủ trong công cuộc đổi mới	Lê Khả Phiêu	5
- Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh	Đặng Xuân Kỳ	5
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu và con đường phát triển kinh tế -xã hội ở nước ta	Hồ Trọng Viện	5
- Về chủ nghĩa xã hội mác xít	Hà Xuân Trường	6
- Hiểu thế nào về *học thuyết giá trị thặng dư* của Mác trong điều kiện hiện nay	Khổng Doãn Hợi	6
- Nắm vững các quan điểm cơ bản chỉ đạo quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta	Xã luận	8

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Để Cao bằng hòa nhập với cả nước trong cơ chế mới	Nông Hồng Thái	9
- Công ty cao su Lộc ninh đứng vững trong cơ chế thị trường	Lê Văn Thạnh	9
- Thương nghiệp với việc phát triển công nghiệp và công nghệ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Hoàng Đạt	10
- Công nghiệp quốc phòng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nguyễn Minh Khải	10
- Thị trường Hà nội : Thực trạng, tiềm năng và định hướng phát triển	Hoàng Thọ Xuân - Công Khánh	10
- Huyện Gia lâm qua những năm đổi mới	Lê Quý Đôn	10
- Những chuyển biến tích cực của Đông anh mấy năm gần đây	Nguyễn Duy Diễn	10
- Xuân thủy phấn đấu phát triển kinh tế - xã hội	Nguyễn Vũ Bình	10
- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Nguyễn Tiến Phồn	11
- Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Phan Trung Kiên	11
- Kiên giang với sự nghiệp đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nguyễn Tấn Dũng	12
- Thuế ở vùng biển	Doãn Huề	12
III - Chính trị - triết học		
- Về các phương pháp tiếp cận lịch sử và thời đại	Nguyễn Hữu Cát - Nguyễn Viết Thảo	2
- Giữ vững ổn định chính trị và đổi mới hệ thống chính trị	Lê Hữu Nghĩa	2
- Giữ gìn an ninh trong điều kiện kinh tế mở	Lê Quang Thành	2
- Đổi mới ở vùng dân tộc huyện Yên bình	Vũ Tuyên	2
- Về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay	Phạm Văn Chúc	3
- Tác dụng của việc mở rộng dân chủ đối với quá trình chuyển sang kinh tế thị trường ở nông thôn	Trần Lan Hương	4
- Về hiện tượng phân tầng xã hội ở nước ta hiện nay	Đỗ Nguyễn Phương	5
- Tạo bước chuyển biến mới đối với vùng đồng bào các dân tộc	Trần Quang Nhiếp	6
- Để có nhiều người ham đọc sách lý luận chính trị	Khuất Duy Hải	6
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo	Trần Đương	7
- Hải phòng - bước tiến mới về bảo vệ an ninh trật tự	Lê Văn Thụ	8
- Góp phần nghiên cứu mâu thuẫn cơ bản trong thời kỳ quá độ ở nước ta	Sóng Tùng	9
- Nên giảng dạy các môn lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin như thế nào?	Hồ Tấn Phong	9
- Việc quản lý xây dựng đô thị của thủ đô Hà nội	Lê Ất Hợi	10
- Về phong trào "xây dựng người tốt, việc tốt" ở Hà nội	Lưu Minh Trị	10
- Về đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã	Vương Văn Biện	11
- Quân đội làm kinh tế và lao động sản xuất	Phan Thu	12

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Nghệ thuật quân sự Việt nam - truyền thống và hiện đại	Hoàng Minh Thảo	12
- Những đặc trưng trong quá trình xây dựng quân đội ta	Hoàng Phương	12
IV - Văn hóa - xã hội		
- Văn học về chiến tranh và cách nhìn của nhà văn	Bùi Việt Thắng	1
- Vấn đề thẩm định các chuẩn mực và giá trị xã hội	Bùi Ngọc Trình	2
- Mấy vấn đề về quản lý văn hóa	Hà Xuân Trường	3
- Mấy khuynh hướng sáng tác trong điện ảnh gần đây	Trịnh Mai Diêm	3
- Cần có giải pháp hữu hiệu trong quản lý báo chí - xuất bản	Nguyễn Bác Sơn	3
- Mấy ý kiến về giáo dục và rèn luyện đạo đức Hồ Chí Minh	Lê Xuân Vũ	4
- Suy nghĩ về xây dựng đội ngũ trí thức nước ta	Phạm Tất Dong	4
- Nhân kỷ niệm 40 năm giải phóng Điện biên, đọc : "Khép lại quá khứ đau thương"	Dương Vũ	5
- Đâu phải nhân dân ta thiếu những con người đẹp, sự việc hay để nhà văn viết	Bùi Thị Ngọ	5
- Bảo vệ giá trị truyền thống dân tộc	Nguyễn Tài Thư	6
- Mô hình làng văn hóa ở nông thôn hiện nay	Thu Linh	6
- Góp thêm cách nhìn mới trong phát triển khoa học và công nghệ	Hoàng Đình Phu	7
- Vấn đề năng lực nội sinh trong khoa học và công nghệ nước ta	Nguyễn Sĩ Lộc	7
- Đô thị hóa và vấn đề quản lý đô thị	Thanh Lê	7
- Sách văn học dịch thời mở cửa	Phan Quỳnh Anh	7
- Giai cấp công nhân và chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân	Xuân Cang	8
- Giao lưu văn hóa quốc tế và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc	Phan Cự Đệ	8
- Điện ảnh Việt nam - bài toán đang tìm lời giải	Võ Đăng Thiên	8
- Môi trường và công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Đặng Hữu	9
- Hải Triều - một chiến sĩ văn hóa mác xít dũng cảm và đầy tài năng	Trần Hoàn	9
- Sân khấu thủ đô nhìn về tương lai	Lê Quý Hiền	10
- Đại học Vinh trên con đường đổi mới của sự nghiệp giáo dục	Võ Đăng Thiên	10
- Từ đâu đến "Nỗi buồn chiến tranh"?	Trần Duy Châu	10
- Đối thoại với Bùi Tín (Điểm sách "Mặt thật" của Bùi Tín)	Trần Văn Anh	10
- Nghị quyết về văn hóa văn nghệ của Đảng qua hai năm thực hiện	Hà Đăng	11
- Từ những bà mẹ anh hùng, càng ngời sáng thêm gương mặt *Mẹ Việt nam*	Dương Tùng	12
- Vấn đề lao động nữ trong điều kiện cơ chế thị trường	Trần Thị Vân Anh	12
- Xây dựng nền văn hóa nghệ thuật theo tinh thần nhân văn Hồ Chí Minh	Lê Quý Đức	12

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
VIII - Tin hoạt động lý luận		
- Hội thảo khoa học : "Chuẩn mực xã hội, giá trị xã hội, định hướng giá trị mới và quan hệ giữa chúng với chính sách xã hội"		1
- Hội thảo khoa học về trào lưu xã hội - dân chủ		3
- Hội thảo khoa học : Văn hóa trong hoạt động chính trị		4
- Hội thảo về phát triển kinh tế - xã hội miền núi		5
- Hội thảo về quyền con người		6
- Kỷ niệm và hội thảo khoa học về Hải Triều		9
- Hội thảo khoa học về dân số - kế hoạch hóa gia đình		10
- Cuộc trao đổi ý kiến về tính dân tộc trong thơ		10
- Công trình nghiên cứu *"Về một số vấn đề lý luận văn nghệ cơ bản đang được tranh luận qua công cuộc đổi mới (1987-1992)"*		11
- Hội thảo quốc tế về quyền con người		11
- Hội thảo về tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh		12
- Hội thảo khoa học quốc tế về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế Việt nam		12
IX - Văn kiện - Tư liệu		
- Thông báo Hội nghị lần thứ sáu BCHTƯ Đảng (khóa VII)		1
- Bạn đọc và cộng tác viên ở Cần thơ với *Tạp chí Cộng sản*		1
- Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ Đảng cộng sản Việt nam		2
- Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng (do đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười trình bày)		2
- Đồng chí Đào Duy Tùng gặp mặt và nói chuyện thân mật với Hội nghị cộng tác viên của *Tạp chí Cộng sản*		2
- Họp mặt cộng tác viên và bạn đọc *Tạp chí Cộng sản* khu vực phía Nam	★ ★ ★	4
- Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm *Tạp chí Cộng sản*	★ ★ ★	6
- Hội nghị cộng tác viên và bạn đọc *Tạp chí Cộng sản* khu vực miền Trung	★ ★ ★	7
- Lễ trao tặng Huân chương Độc lập hạng nhất và Huy chương "Vì sự nghiệp báo chí Việt nam"		7
- Thông báo Hội nghị lần thứ bảy BCHTƯ Đảng (khóa VII)		8
- Đoàn đại biểu *Tạp chí Cộng sản* thăm và làm việc tại Lào		8
- Đoàn đại biểu *Tạp chí Cộng sản* thăm Trung quốc		10

Digitized by Google

bên trên chưa đáp ứng được yêu cầu của cơ sở. Một số vấn đề cấp bách như chống tham nhũng, buôn lậu, kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt, sắp xếp các ban đảng... làm còn chậm và hiệu quả chưa cao. Một số nơi chưa kết hợp chặt chẽ công tác xây dựng đảng với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị ; sự chỉ đạo chỉ tập trung cao vào thời gian đầu, sau đó thì lơi lỏng dần ; chỉ đạo điểm không sâu ; làm lướt cho xong và làm theo phương pháp cũ nên kết quả rất hạn chế.

Thời gian tới chúng ta cần tập trung thực hiện tốt những vấn đề sau đây :

- Sự phát triển mạnh mẽ và phức tạp của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước đòi hỏi Đảng phải vươn lên, tự giác và chủ động tự đổi mới, tự chỉnh đốn để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình, xứng đáng với vị trí là người lãnh đạo, khởi xướng và di tiên phong trong công cuộc đổi mới ấy.

- Phải rất chú trọng gắn đổi mới với chỉnh đốn. Những vấn đề không còn phù hợp thì phải đổi mới ; những vấn đề đã đúng mà chưa làm được thì phải chỉnh đốn. Trong đó phải chú trọng 4 vấn đề : tư tưởng, tổ chức, cán bộ và phương thức lãnh đạo.

- Đảng phải gắn bó mật thiết với nhân dân, xây dựng cơ chế chặt chẽ, có hình thức thích hợp, tạo điều kiện để nhân dân tham gia xây dựng đảng. Đó là một trong những điều kiện quan trọng bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng được đúng đắn.

- Phải hết sức chú trọng việc cụ thể hóa Nghị quyết về đổi mới và chỉnh đốn Đảng để các tổ chức cơ sở đảng dễ thực hiện. Phải thực hiện chỉ đạo điểm trước một bước để lấy kinh nghiệm chỉ đạo diện rộng ; kịp thời phát hiện những sáng kiến của tổ chức cơ sở đảng để bổ sung và hoàn thiện các giải pháp về đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

Hà nội...

(Tiếp theo trang 37)

viên và xếp loại cho thật chính xác để đánh giá cho đúng thực trạng đội ngũ đảng viên.

- Chỉ đạo rút kinh nghiệm và bổ sung nội dung quy chế hoạt động của các TCCSĐ.

- Đưa sinh hoạt chi bộ, đảng bộ vào nền nếp, làm cho sinh hoạt chi bộ, đảng bộ thực sự mang tính chiến đấu và tính giáo dục.

- Tập trung giải quyết trong một thời gian ngắn tình trạng yếu kém ở những cơ sở còn lại và tiếp tục giải quyết ở những cơ sở yếu kém mới phát sinh.

- Thực hiện các biện pháp đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các cấp ủy trên cơ sở ; xác định rõ nội dung và phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với chính quyền và các tổ chức thành viên khác của hệ thống chính trị.

- Tiến hành đổi mới, chỉnh đốn các cấp chính quyền và đoàn thể quần chúng, coi đó là một khâu quan trọng không thể thiếu trong nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn đảng.

- Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ trì nhằm tạo ra sự chuyển biến đáng kể về công tác cán bộ.

- Nghiên cứu, tiến tới xác định rõ nội dung và phương thức hoạt động của tổ chức đảng trong các cơ sở liên doanh, liên kết với nước ngoài ; các công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp tư nhân.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác phát triển đảng nhằm bổ sung nguồn sinh lực mới và trẻ hóa đội ngũ đảng viên của từng đảng bộ.

Thành ủy và Ban thường vụ Thành ủy Hà nội sẽ thường xuyên lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ hơn nữa công tác đổi mới, chỉnh đốn đảng nói chung và công tác đổi mới, chỉnh đốn các TCCSĐ nói riêng nhằm xây dựng đảng bộ thủ đô vững mạnh, ngang tầm với yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới.

Digitized by Google

Hà nội sau hai năm thực hiện khâu đột phá trong đổi mới và chỉnh đốn Đảng

LÊ XUÂN TÙNG*

THỰC hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của BCHTU Đảng (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn đảng, Thành ủy Hà nội đã xây dựng chương trình số 14 CT/TU về *"Thực hiện nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng"*, coi đó như một *khâu đột phá*. Quá trình đổi mới và chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng (TCCSĐ) được tiến hành theo hai giai đoạn : *tập trung* và *thường xuyên*. Giai đoạn tập trung được thực hiện trong gần hai năm (cuối 1992 - giữa 1994) nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và giải quyết một số vấn đề cấp bách về tổ chức như : Phân tích đánh giá cho đúng thực trạng của từng TCCSĐ ; phân tích chất lượng đảng viên, phân công công tác cho từng đảng viên, kiểm điểm, xử lý những đảng viên có sai phạm ; hướng dẫn các TCCSĐ xây dựng chương trình hành động và quy chế hoạt động ; đề ra nội dung, biện pháp đổi mới, chỉnh đốn cho thiết thực và phù hợp với từng cơ sở... Tiếp sau đó là những năm của giai đoạn thường xuyên.

Sau gần hai năm thực hiện Nghị quyết 3 của Trung ương và chương trình 14 của Thành ủy, Hà nội đã thu được một số kết quả bước đầu :

1 - *Nhận thức về vị trí hạt nhân chính trị của TCCSĐ được khẳng định rõ hơn ; những biểu hiện chao đảo, ngả nghiêng hữu khuynh, hạ thấp vị trí và vai trò lãnh đạo của TCCSĐ đã được khắc phục.*

Trước khi tiến hành cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn TCCSĐ, do những ảnh hưởng tiêu cực của tình hình quốc tế và trong nước : chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô sụp đổ ; các đảng cộng sản ở Đông Âu và Liên xô tan rã ; mặt trái của cơ chế thị trường ; những sơ hở, thiếu sót trong cơ chế quản lý mới ; công tác xây dựng đảng chậm được đổi mới và chỉnh đốn... cho nên vị trí, vai trò lãnh đạo của nhiều TCCSĐ ở Hà nội bị hạ thấp, có nơi bị hạ thấp đến mức nghiêm trọng. Hầu hết các cơ sở đảng đều rất lúng túng trong việc xác định vị trí, nội dung, phương thức lãnh đạo. Nhưng đến nay, các TCCSĐ đã nhận thức rõ hơn về phạm vi, nội dung và trách nhiệm lãnh đạo của mình đối với mọi mặt hoạt động của đơn vị ; những nhận thức sai lệch về vai trò của TCCSĐ đã được uốn nắn. Có thể nói, trong điều kiện biến động phức tạp của tình hình thế giới cũng như trong điều kiện nước ta chuyển mạnh sang cơ chế thị trường và mở cửa với bên ngoài như hiện nay, việc khẳng định và tạo ra được sự nhất trí cao về mặt nhận thức đối với vị trí lãnh đạo của TCCSĐ trong mọi mặt hoạt động ở cơ sở là một bước chuyển biến rất quan trọng. Việc xác định đúng vị trí lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở không chỉ góp phần củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng mà còn là căn cứ để đề ra yêu cầu, nội dung, phương thức lãnh đạo và xây dựng quy chế hoạt động của TCCSĐ cho phù hợp với điều kiện mới. Nó còn là cơ sở giúp cấp ủy có căn cứ để kiểm điểm, liên hệ, thấy được những mặt mạnh, mặt yếu của mình, từ đó đề ra những nội dung, biện pháp đổi mới, chỉnh đốn được thiết thực, cụ thể, có chiều sâu, đồng

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó bí thư thường trực, Thành ủy Hà nội

Digitized by Google

thời cũng có căn cứ để phê phán những biểu hiện lệch lạc, thiếu sót.

2 - *Bước đầu xác định rõ được một số vấn đề về nội dung và phương thức lãnh đạo của TCCSĐ trong điều kiện mới.*

Thực tế cho thấy, vai trò lãnh đạo của nhiều TCCSĐ bị giảm sút có nguyên nhân chủ yếu do lúng túng, không xác định được nội dung và phương thức lãnh đạo của mình khi chuyển sang cơ chế quản lý kinh tế mới. Với các quy định mới của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng ; với 5 nhiệm vụ cụ thể trong chương trình số 14 CT/TU của thành ủy về việc "thực hiện nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng" và các văn bản hướng dẫn khác, các TCCSĐ đã có căn cứ pháp lý để xây dựng quy chế hoạt động của mình. Nếu như trước đây, phạm vi, mức độ trách nhiệm và mối quan hệ giữa chính quyền, chuyên môn với tổ chức đảng cũng như giữa bí thư cấp ủy và thủ trưởng đơn vị chưa được phân định rõ ràng thì nay đã được quy định tương đối cụ thể.

Các đảng bộ xã đã gắn quá trình đổi mới và chỉnh đốn đảng với việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội, xác định trách nhiệm lãnh đạo sản xuất, dịch vụ, xây dựng nông thôn mới, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, thực hiện chính sách xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, chú ý tới các gia đình có công với cách mạng, thương binh, gia đình liệt sĩ và người neo đơn, không nơi nương tựa. Trước mắt tập trung vào nhiệm vụ giảm hộ nghèo.

Các đảng bộ phường, thị trấn, mặc dù còn nhiều khó khăn, song đã xác định nhiệm vụ chính trị của mình là lãnh đạo phát triển sản xuất, dịch vụ ; chống buôn lậu, trốn thuế ; quản lý đô thị ; giữ gìn trật tự, trị an ; xây dựng nếp sống văn hóa mới.

Tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước đã tập trung trí tuệ, năng lực của mình vào việc xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển sản xuất kinh doanh, các biện pháp nhằm bảo toàn và phát triển vốn, tạo công ăn việc làm, chăm lo đời sống người lao động, hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước, xây dựng đơn vị an toàn, văn minh.

Tổ chức cơ sở đảng trong các đơn vị sự nghiệp (viện nghiên cứu, bệnh viện, trường học...) đã xác định rõ được trách nhiệm tham gia lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị, quán triệt và thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

Trong các cơ quan, TCCSĐ đã quan tâm hơn tới trách nhiệm giáo dục, rèn luyện đảng viên nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan.

Đối với công tác tổ chức và cán bộ, các TCCSĐ đều xác định rõ trách nhiệm : Đảng phải thống nhất lãnh đạo và quản lý cán bộ. Tập thể cấp ủy, hoặc ban thường vụ cấp ủy bàn bạc, quyết định việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bố trí, khen thưởng, kỷ luật... đối với những cán bộ thuộc diện quản lý trực tiếp theo phân cấp.

Đã có trên 1000 TCCSĐ xây dựng được quy chế hoạt động. Việc làm đó đã tạo được căn cứ cho sự lãnh đạo của cấp ủy đối với hệ thống chính trị ở cơ sở, xác định được những mối quan hệ cơ bản, nhất là mối quan hệ giữa cấp ủy với chính quyền, chuyên môn ; giữa bí thư cấp ủy và thủ trưởng đơn vị. Phần lớn các đảng bộ, chi bộ đã xây dựng được chương trình công tác, chương trình hoạt động, làm nổi bật những nhiệm vụ trọng tâm phải giải quyết trong từng thời gian. Các cuộc họp của cấp ủy nhìn chung đã có nội dung cụ thể, thiết thực hơn ; sau khi họp, đối với những nhiệm vụ quan trọng đều có nghị quyết và phân công người thực hiện. Nhiều TCCSĐ không chỉ dừng lại ở việc xây dựng quy chế hoạt động của đảng bộ mà còn ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quy trình hoạt động, quy trình về công tác phát triển đảng... của các chi bộ trực thuộc.

3 - *Năng lực và sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên được nâng cao hơn trước.*

Một thực tế đáng ghi nhận, sau gần hai năm thực hiện đổi mới và chỉnh đốn các TCCSĐ, năng lực và sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên được nâng cao khá rõ rệt. Lòng tin của đảng viên vào đường lối đổi mới được củng cố. Tính đảng, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ đảng viên được khơi dậy. Đã có hơn 90% số đảng viên dự kiểm điểm, phân loại chất lượng đảng viên. Việc này được tiến hành nghiêm túc,

Digitized by Google

chặt chẽ ở hầu hết các TCCSĐ. Kết quả phân loại đảng viên cho thấy : trên 60% phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao ; 30% đủ tư cách nhưng còn một vài mặt hạn chế ; số còn lại khoảng gần 10% vi phạm tư cách hoặc không đủ tư cách. Qua phân loại đảng viên, nhiều TCCSĐ một mặt nghiêm khắc xử lý đối với những người vi phạm tư cách hoặc không đủ tư cách đảng viên ; mặt khác có kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ đảng viên phấn đấu vươn lên khá cụ thể. Nhiều nơi có cách làm hay. Điển hình là xã Cổ loa (Đông anh). Đảng bộ Cổ loa đã phân công công tác cho trên 95% số đảng viên với 13 loại việc cụ thể ; đảng ủy, chi ủy trước khi giao việc còn mở lớp bồi dưỡng, tạo điều kiện để đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, từng thời gian có sơ kết, điều chỉnh, biểu dương kịp thời những đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đối với những đảng viên vi phạm tư cách (loại 3) và không đủ tư cách (loại 4), các TCCSĐ đã tiến hành xử lý một cách nghiêm khắc : xóa tên 492 người ; chấp nhận đơn xin ra Đảng của 304 người ; xử lý kỷ luật 1092 người (trong đó khiển trách 519, cảnh cáo 418, cách chức 30, khai trừ 125).

Việc kết nạp đảng viên mới có tiến bộ so với trước cả về số lượng và chất lượng. Năm 1993, toàn đảng bộ thành phố đã kết nạp được 1700 đảng viên mới, tăng 18% so với năm 1992. Riêng khối đại học - cao đẳng kết nạp được 300 đảng viên, trong đó có 200 người có trình độ từ đại học trở lên.

Cho tới nay, có thể nói đội ngũ đảng viên của đảng bộ Hà nội đã được sàng lọc một bước ; tính đảng và tính tích cực chính trị - xã hội của đảng viên được phát huy ; vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên được thể hiện rõ nét hơn trước.

4 - *Đội ngũ cấp ủy viên, trước hết là ban thường vụ và thường trực cấp ủy bước đầu được củng cố và kiện toàn.*

Trong gần hai năm qua, Hà nội đã tiến hành rà soát, phân tích chất lượng cụ thể của từng cấp ủy và từng cấp ủy viên ở tất cả các loại hình TCCSĐ để có kế hoạch, biện pháp từng bước củng cố và kiện toàn. Qua rà soát và kiểm điểm, đến nay đã thay thế khoảng 20% số cấp ủy viên và cán bộ cốt cán do không hoàn thành nhiệm vụ, năng lực kém hoặc có vi phạm về phẩm chất đạo đức. Tình trạng đùn đẩy nhau, cất cử luân phiên nhau nhận nhiệm vụ công tác đảng (nhất là bí thư chi bộ) về cơ bản đã được khắc phục. Những vị trí lãnh đạo chủ chốt đều do những đồng chí có năng lực và uy tín đảm nhiệm. Ở nhiều nơi, trình độ của bí thư cấp ủy ngang với thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo chính quyền ; đồng thời tính đảng, ý thức trách nhiệm đối với cấp ủy của số đông thủ trưởng chuyên môn thể hiện khá rõ. Nhiều đảng viên là thủ trưởng đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp... trực tiếp làm bí thư cấp ủy. Ở cấp xã, nhiều bí thư chi bộ trực tiếp làm trưởng thôn, trưởng xóm. Ở các trường đại học, cấp ủy có trên 80% là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và phó tiến sĩ.

5 - *Hệ thống TCCSĐ đã được sắp xếp lại cho phù hợp với địa bàn dân cư hoặc nhiệm vụ chuyên môn.*

Nhiều TCCSĐ đã tiến hành sắp xếp lại chi bộ theo địa bàn dân cư hoặc nghiệp vụ chuyên môn, sản xuất kinh doanh. Đối với các xã, chi bộ được tổ chức theo thôn, xóm và ngành nghề (trường học, trạm y tế, nhà trẻ...). Mô hình bí thư chi bộ làm trưởng thôn hoặc trưởng xóm đã được áp dụng rộng rãi và phát huy tác dụng tốt. Ở cấp phường, nhiều nơi có số lượng đảng viên rất lớn. Ở những nơi đó, chúng tôi chủ trương cho thành lập đảng bộ bộ phận (cấp dưới của đảng bộ phường). Đảng bộ bộ phận được tổ chức gắn liền với cụm dân cư và chi bộ gắn liền với tổ dân phố ; nhiều bí thư đảng bộ bộ phận làm cụm trưởng cụm dân cư và bí thư chi bộ làm tổ trưởng tổ dân phố. Cách tổ chức này giúp cho các chi bộ, đảng bộ ở phường sát dân hơn, thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo của mình cụ thể, thiết thực và có hiệu quả hơn. Còn trong các doanh nghiệp, các chi bộ và đảng bộ bộ phận đều được tổ chức gắn liền với đơn vị sản xuất, kinh doanh. Để tăng cường tổ chức và nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng trong các doanh nghiệp nhà nước, Hà nội đã thành lập ba đảng bộ khối các doanh nghiệp (đảng bộ cấp trên cơ sở) : công nghiệp nhẹ, năng lượng và

Digitized by Google

du lịch. Các đảng bộ khối nêu trên đang đi vào hoạt động và chúng tôi sẽ tiến hành rút kinh nghiệm về tác dụng của đảng bộ khối trước khi triển khai trên diện rộng.

Kết quả tổng hợp của cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn TCCSĐ thể hiện tập trung ở việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Chúng tôi nhận thức : chừng nào chưa lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội làm thước đo kết quả công tác xây dựng đảng thì cuộc vận động xây dựng đảng vẫn chưa vượt ra khỏi công tác đảng vụ đơn thuần. Điều vui mừng là 3 năm qua (1991 - 1993) kinh tế của thủ đô phát triển tương đối toàn diện, tốc độ tăng trưởng khá (bình quân gần 11%/năm), việc làm và đời sống được cải thiện, chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội có tiến bộ... Đạt được thành quả chung nói trên, có phần tác động tích cực của công tác xây dựng đảng. Tuy nhiên, mức độ khai thác các tiềm năng giữa các cơ sở chưa đồng đều, thậm chí có nơi rất thấp hoặc kém hiệu quả, điều đó nói lên mục tiêu của công tác xây dựng đảng đang là vấn đề đặt ra để tiếp tục phấn đấu thực hiện.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến kết quả của cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn đảng ở Hà nội vừa qua, song trước hết và chủ yếu phải kể tới các nguyên nhân sau đây :

+ Chương trình 14 CT/TU của Thành ủy, chọn nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn TCCSĐ làm khâu đột phá để thực hiện Nghị quyết 3 của Trung ương là rất đúng, phù hợp với tình hình thực tế của đảng bộ Hà nội. Do đó nó đã được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ.

+ Thành ủy và ban thường vụ thành ủy đã có sự chỉ đạo chặt chẽ, khoa học từ khâu khảo sát, xây dựng nội dung chương trình, đến khâu tổ chức thực hiện. Đã duy trì khá tốt chế độ giao ban, thông tin và kiểm tra. Tổ chức các hội nghị chuyên đề rút kinh nghiệm ở từng khu vực và từng loại hình TCCSĐ. Kịp thời phát hiện những lệch lạc để uốn nắn ; phổ biến những kinh nghiệm tốt, những việc làm hay ; nhân rộng những điển hình tiên tiến...

+ Các cấp ủy quận, huyện và đảng bộ trực thuộc cũng như các tổ chức cơ sở do nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa thiết thực của Nghị quyết 3 của Trung ương và chương trình 14 CT/TU của Thành ủy nên đã có quyết tâm cao, phát huy trí tuệ tập thể, chủ động, sáng tạo trong việc cụ thể hóa chủ trương, kế hoạch của cấp trên vào địa bàn và đơn vị mình.

+ Có sự phối hợp, giúp đỡ, động viên kịp thời của các ban, bộ, ngành ở trung ương và các cơ quan thông tin đại chúng.

+ Đảng bộ Hà nội đã khiêm tốn học tập, trân trọng tiếp thu những kinh nghiệm tốt của các tỉnh và thành phố khác...

*

Những kết quả mà đảng bộ Hà nội đạt được trong gần hai năm thực hiện nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng mới chỉ là bước đầu. Còn nhiều vấn đề đặt ra phải tiếp tục giải quyết. Hiện nay chúng tôi bắt đầu tiến hành giai đoạn hai của cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn đảng. Trước mắt, trong thời gian từ nay đến hết năm 1995, nhiệm vụ chủ yếu đặt ra là : một mặt, nâng cao hơn nữa chất lượng của những việc đã làm trong giai đoạn một, đưa công tác xây dựng đảng đi vào nền nếp thường xuyên ; mặt khác, thực hiện những nhiệm vụ mà ở giai đoạn một chưa phải là trọng tâm tiến hành. Tất cả những việc làm trên hướng vào một mục tiêu duy nhất : lấy kết quả xây dựng đảng để thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và các chương trình công tác lớn của Thành ủy, coi đó là thước đo kết quả đổi mới và chỉnh đốn đảng ở mỗi cấp, mỗi cơ quan, đơn vị. Cụ thể là :

- Thực hiện tiếp một số chuyên đề về đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của TCCSĐ.

- Chỉ đạo việc xem xét, kết luận và xử lý dứt điểm số cán bộ, đảng viên vi phạm hoặc không đủ tư cách đảng viên (loại 3 và loại 4) ; đồng thời xem xét, công nhận sự tiến bộ của những cán bộ, đảng viên đã phấn đấu tốt, sửa chữa được những thiếu sót, khuyết điểm của mình.

- Tiếp tục rà soát, phân tích chất lượng đảng

(Xem tiếp trang 33)

Digitized by Google

Tiềm năng Minh hải
DỰ BÁO VÀ KHAI THÁC

ĐẶNG THÀNH HỌC*

Để tiếp tục sự nghiệp đổi mới, bước sang giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, với những thành tựu đã đạt được, Minh hải phải xác định đứng đắn những bước đi tới của mình. Mặc dù từ nhiều năm nay bán đảo Cà mau nổi tiếng giàu tiềm năng đã thật sự lọt vào "mắt xanh" của các nhà kinh tế và không ít nhà đầu tư nước ngoài, nhưng tới nay vấn đề bức xúc nhất của bán đảo này vẫn là làm sao khai thác mạnh mẽ và có hiệu quả những tiềm năng sẵn có.

Có thể ví Minh hải như cái đuôi của con rồng Việt nam. Cái đuôi ấy cứ ngày càng dài ra và vững chắc hơn bởi phù sa từ chín cửa sông bồi đắp theo những dòng nước gặp nhau. Với sự vươn ra biển ngày càng xa về phía đông và nam, Minh hải thật sự là miền đất mới, miền đất hứa của Tổ quốc ta.

Nhìn tổng thể, Minh hải được tạo nên bởi ba vùng lớn : vùng nội địa, vùng ven biển và vùng biển.

Minh hải với diện tích 7700 km^2 là tỉnh lớn thứ hai ở nước ta. Nằm bên bờ biển Đông và vịnh Thái lan, được phù sa bồi tụ lâu đời, Minh hải có vùng đất phì nhiêu rộng tới hơn 400 nghìn ha thích hợp cho nhiều loại cây trồng và con vật nuôi, tạo nên *vùng kinh tế nội địa*. Với hàng trăm ngàn ha đất nông nghiệp, trong đó có hơn 300 nghìn ha trồng lúa, hàng năm Minh hải đã tạo ra một khối lượng khá lớn về nông sản hàng hóa. Năm 1993, Minh hải đạt 1,2 triệu tấn thóc, trong đó hơn 500 nghìn tấn là thóc hàng hóa. Minh hải có 40 nghìn ha dừa tập trung ở các huyện Cái nước, Trần Văn Thời và Đầm dơi, trong đó có 26 nghìn ha đang thu hoạch, hàng năm cho gần 26 tấn cơm dừa. Minh hải còn có một vùng đất đặc thù hơn 15 nghìn ha gồm các huyện Hồng dân, Thới bình, hoàn toàn thích hợp cho việc phát triển cây dứa và nhiều loại cây ăn quả khác. Vùng này hiện mới khai thác được 5 nghìn ha (với năng suất bình quân 15 tấn quả/ha/năm). Minh hải còn hơn 10 nghìn ha nữa có thể trồng mía cho hàm lượng đường cao (với năng suất khoảng 100 tấn/ha), nhưng diện tích đó cũng mới khai thác được khoảng hơn 40%.

Điều quan trọng nhất đối với Minh hải hiện nay là làm sao có được những dự án khả thi, khai thác có hiệu quả cao các tiềm năng.

Là một vùng đất ba bề biển bao bọc, Minh hải có dải bờ biển dài hơn 300 km, tạo thành *vùng kinh tế ven biển*. Trên dải bờ biển ấy là hàng nghìn cửa sông lớn nhỏ bắt nguồn từ hệ thống sông, kênh, rạch chằng chịt, đan chéo dày đặc trong nội địa vào loại hiếm có trên thế giới. Bên cạnh hệ thống kênh rạch và dải bờ biển ấy là những ao, đầm, bãi bồi rộng lớn thuận lợi cho việc hình thành và phát triển rừng ngập mặn. Đó cũng là môi trường, là "thiên đường" sinh tồn và phát triển của nhiều loại thủy sản và các sinh vật vùng triều có giá trị kinh tế cao.

Phía tây Minh hải, từ sông Ông Đốc trở lên tới tận sông Cái lớn (Kiên giang) là rừng. Rừng ngập mặn chiếm tới gần 30% diện tích tỉnh. Rừng ngập mặn của Minh hải có lẽ chỉ kém rừng ở vùng A-ma-dôn (Nam Mỹ) mà thôi. Trong gần 180 nghìn ha rừng đã quy hoạch, có 125 nghìn ha rừng đước và 50 nghìn ha rừng tràm, thuộc loại rừng hiếm trên thế giới. Rừng này gồm 15 họ thực vật, 16 giống và 30 loài cây quý, cung cấp nguyên liệu sản xuất giấy, làm chất đốt và nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp khác. Đó là vùng rừng rộng lớn có năng suất sinh học khá cao, có vai trò cân bằng sinh thái nên cần được bảo vệ nghiêm ngặt.

Vùng kinh tế biển của Minh hải với ngư trường rộng là nơi sinh trưởng thuận lợi của 660 loài cá, 33 loài tôm... có trữ lượng ước tính khoảng 500 nghìn tấn hải sản các loại, nhưng hiện nay chỉ mới khai thác được hơn 150 nghìn tấn/năm, trong đó có trên 40 nghìn tấn tôm.

Du lịch cũng đang là một tiềm năng lớn của Minh hải, với các vườn nhãn, "sân chim", rừng đước, rừng tràm, đầm phá. Cả miền Nam có sáu "sân chim" thì Minh hải có bốn : Vĩnh thành, Hiệp

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Minh hải

Digitized by Google

hưng, Đầm dơi và Cây khô. Du khách có thể bơi thuyền trên đầm Thị trường - đầm rộng mà nông, rất nhiều thủy sản - đầy thi vị. Rừng tràm U minh, rừng đước Năm căn, vườn nhãn Bạc liêu cũng là những nơi đầy sức hấp dẫn. Ngoài biển, cách Rạch tàu 17km, Minh hải có đảo Hòn khoai. Nhìn từ phía tây nam thì cực nam của Tổ quốc là một vùng biển trời xanh ngắt một màu rừng cây nhiệt đới.

*

Trên cơ sở khảo cứu và quy hoạch tổng thể của Minh hải, đã hình thành dự án nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản. Với việc phát triển nuôi trồng thủy sản trên diện tích hơn 60 nghìn ha tập trung ở các huyện Ngọc hiển, Đầm dơi, Cái nước, Vĩnh lợi và Giá rai dự tính đạt sản lượng 35 nghìn tấn/năm, Minh hải có khả năng từng bước đẩy lùi quảng canh, đi dần vào thâm canh. Hơn 10 nghìn ha vùng ven biển thuộc các huyện Giá rai, Vĩnh lợi và Bạc liêu sẽ trở thành vùng thâm canh chính được đầu tư gần 35 triệu đô la Mỹ cho việc sản xuất con giống và chế biến thức ăn.

Bên cạnh đó, Minh hải chú trọng phát triển khai thác nguồn lợi cá đồng bằng nhiều hình thức nuôi chuyên, nuôi kết hợp trong diện tích trồng lúa, nuôi trong rừng tràm ở các huyện Thới bình, U minh, Trần Văn Thời, Cái nước, Đầm dơi... có thể đạt từ 12 đến 15 nghìn tấn/năm. Để thực hiện mục tiêu này, Minh hải đã có dự án được chuẩn y đầu tư liên doanh hoặc vay vốn dài hạn với lãi suất thấp trị giá 1 triệu đô la Mỹ cho việc khôi phục và phát triển nguồn lợi cá đồng, chủ yếu dùng vào việc đào đắp bờ bao, tạo nguồn cá giống và chế biến thức ăn bổ sung.

Để khai thác tiềm năng đánh bắt hải sản trên ngư trường của tỉnh, cùng với việc đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao năng lực khai thác nhằm đạt 150 - 160 nghìn tấn/năm, Minh hải còn phải chú trọng giải quyết vấn đề bao tiêu, chế biến hải sản. Hiện nay, đã làm xong dự án đầu tư xây dựng nhà máy cá hộp, bột cá thực phẩm với 1 triệu đô la Mỹ, có công suất 1700 tấn/năm tại thị trấn sông Ông Đốc.

Rừng và đất rừng cũng là một thế mạnh tiềm ẩn của Minh hải. Minh hải đã xây dựng xong dự án với vốn đầu tư khoảng 50 triệu đô la Mỹ cho việc khôi phục và phát triển rừng và dự án với vốn đầu tư khoảng 120 triệu đô la Mỹ cho việc xây dựng nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu tại cảng Năm căn có công suất 2000 tấn/năm. Minh hải đang tìm đối tác vay vốn dài hạn, lãi suất thấp, trả bằng sản phẩm rừng và kêu gọi sự tài trợ của các tổ chức quốc tế cho việc bảo vệ môi trường sinh thái. Minh hải đang hoàn tất dự án đầu tư khoảng 7 triệu đô la Mỹ để thâm canh 10 nghìn ha dứa và xây dựng một nhà máy chế biến dứa xuất khẩu.

Sản xuất lương thực và thực phẩm đang có triển vọng mới. Mấy năm nay, sản lượng thóc của Minh hải luôn đạt từ 1 đến 1,2 triệu tấn/năm, bình quân đầu người 700 kg/năm. Để nâng cao năng suất và chất lượng đạt tiêu chuẩn gạo xuất khẩu, Minh hải tích cực xây dựng cơ sở hạ tầng, đưa công tác khuyến nông vào nền nếp, bảo đảm công nghệ sau thu hoạch và chế biến lương thực xuất khẩu. Đàn lợn của Minh hải hàng năm đều đạt từ 350 đến 400 nghìn con, trong đó từ 50 đến 60% sản lượng thịt có thể đưa vào chế biến xuất khẩu. Minh hải đang tìm đối tác đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thịt lợn tại thị xã Bạc liêu có công suất 10 nghìn tấn/năm và bao tiêu sản phẩm.

Cảng Năm căn có vị trí rất quan trọng. Ngay từ năm 1988, cảng Năm căn đã được khôi phục, duy tu để bốc dỡ hàng hóa, phục vụ xuất khẩu trực tiếp và đã tiếp nhận được tàu có trọng tải 2000 tấn vào ra thuận lợi. Những năm tới, Minh hải cố gắng đầu tư xây dựng hệ thống bến bãi, nạo vét luồng lạch dài gần 7 km ở cửa Bồ đề để có thể tiếp nhận tàu 5000 tấn, đáp ứng nhu cầu vận chuyển ngày càng lớn của Minh hải.

Do đặc điểm tự nhiên như đã nói trên, tỉnh chú trọng phát triển du lịch trên sông nước, rừng đước, rừng tràm, sân chim, bãi bồi, trên đảo, nâng cấp các cơ sở vật chất của ngành du lịch ở hai thị xã Cà mau và Bạc liêu, liên doanh với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài xây dựng một số khách sạn ở thị xã Cà mau và Ngọc hiển chuẩn bị phục vụ cho vùng kinh tế mở đang hình thành.

*

Minh hải đang từng bước thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp với những tiềm năng của tỉnh. Trước hết, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, phát triển toàn diện nông-

Digitized by Google

ngư-lâm-nghiệp, khai thác tốt lợi thế và điều kiện sinh thái của Minh hải, để trước mắt, đến năm 1995 đạt 50% tổng giá trị thu nhập quốc dân. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể, những lợi thế và dự báo xu hướng phát triển của từng vùng, một mặt bố trí lại cơ cấu cây trồng, con vật nuôi, cơ cấu đầu tư, phân bố hợp lý lao động, dân cư... Mặt khác, coi phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch ở cả thành thị và nông thôn, trong các thành phần kinh tế, đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại là hướng quan trọng của tỉnh. Quy hoạch phát triển các thị trấn, thị tứ, các cụm kinh tế - xã hội thành đầu mối hoạt động thương mại và dịch vụ nông thôn. Chuẩn bị đưa điện vào 50% số xã và thị trấn nông thôn trong những năm sắp tới. Cùng với điện khí hóa, sẽ phát triển giao thông đường bộ, đặc biệt là đường bộ nông thôn theo hướng "nhà nước và nhân dân cùng làm" nhằm khắc phục sự chia cắt bởi địa hình, gây ách tắc lưu thông từ nhiều năm nay, với phương châm : "ấp liền xã, xã liền huyện, huyện liền tỉnh".

Minh hải tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức kinh tế phát triển trên cơ sở soát xét lại các doanh nghiệp nhà nước đã có, có sự ưu đãi đối với những doanh nghiệp phục vụ lợi ích chung về kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc thành lập những doanh nghiệp mới của nhà nước phải nhằm vào những ngành, những khâu trọng yếu trên các lĩnh vực khai thác tiềm năng nông - ngư - lâm nghiệp, phục vụ xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, bảo đảm đủ điều kiện và đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Tiến hành làm thử việc bán một số cổ phần cho công nhân, viên chức trong doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp, việc chia lợi nhuận của doanh nghiệp nhà nước (sau khi nộp đủ thuế, tiền tích lũy và phúc lợi) theo lương cơ bản cho công nhân.

Đổi mới từng bước kinh tế hợp tác và kinh tế hộ xã viên trên cơ sở tổng kết, rút kinh nghiệm, nhân ra những hình thức hợp tác mới kết hợp được sức mạnh của tập thể với tính chủ động của hộ một cách tự nguyện, cùng có lợi, chú trọng phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, thương mại.

Khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân trong những ngành và lĩnh vực mà pháp luật không cấm, tạo môi trường thuận lợi để họ yên tâm đầu tư, phát triển sản xuất, chấp hành đúng pháp luật nhà nước. Động viên chủ doanh nghiệp tư nhân bán cổ phần cho công nhân viên chức tại doanh nghiệp ; đồng thời nhà nước góp vốn cùng tư nhân đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trên cơ sở thỏa thuận.

Sự tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với việc giải quyết tốt những vấn đề xã hội, đây chính là động lực tiềm tàng để phát triển kinh tế. Minh hải đã và đang kiên trì thực hiện phương hướng cơ bản nhằm giải quyết việc làm cho người lao động : thực hiện tốt các dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi công dân khôi phục ngành nghề truyền thống, mở thêm ngành nghề mới, mở rộng hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm, mở lớp dạy nghề cho thanh niên và các đối tượng lao động khác, đi đôi với việc giúp đỡ về vốn, kinh nghiệm sản xuất và tạo môi trường kinh doanh để nhiều người có điều kiện tìm kiếm việc làm.

Minh hải đã quan tâm giải quyết vấn đề công bằng xã hội từ khâu phân phối tư liệu sản xuất đến phân phối kết quả lao động và phát triển năng lực của mọi người. Vì không thể cùng một lúc mọi người, mọi vùng đều giàu lên, cho nên có một bộ phận dân cư, một số vùng giàu trước là bình thường và cần thiết. Chính những người, những vùng giàu trước là đầu tàu, cùng với sự giúp đỡ của nhà nước, lôi cuốn những người nghèo, vùng nghèo vươn lên trở thành giàu có.

Tỉnh dành một phần ngân sách thỏa đáng cho các chương trình phát triển đồng bộ các vùng kháng chiến cũ, vùng sâu và xa, vùng đồng bào Khơ me đang có nhiều khó khăn trong đời sống và sản xuất. Đi đôi với việc vận động "toàn dân đền ơn đáp nghĩa", tỉnh còn xây dựng quỹ giúp đỡ người tàn tật, bất hạnh, neo đơn, người không còn khả năng lao động. Việc này được tổ chức rộng rãi dưới nhiều hình thức với nội dung hoạt động đa dạng và phù hợp với hoàn cảnh từng nơi.

Tỉnh đã có chính sách và biện pháp cụ thể thu hút những người có tiềm năng về "chất xám" hăng hái đóng góp sức lực, trí tuệ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Digitized by Google

HẢI PHÒNG bước tiến mới về bảo vệ an ninh trật tự

LÊ VĂN THỤ *

NHỮNG năm 1988 - 1990, thành phố Hải phòng có nhiều mặt yếu kém phải khắc phục : ngân sách và điện năng bị thất thoát lớn, kinh tế chậm phát triển, thành phố bị ô nhiễm nặng, đặc biệt là trật tự an toàn xã hội diễn biến phức tạp đến mức làm cho cán bộ và nhân dân không yên tâm, đồng bào ở các địa phương khác cũng như khách nước ngoài đến làm ăn, du lịch ở Hải phòng đều lo ngại.

Trước tình hình đó, đảng bộ và nhân dân Hải phòng đã nhìn thẳng vào thực trạng và nguyên nhân của những mặt yếu kém nổi cộm nói trên, quyết tâm thực hiện các biện pháp hữu hiệu để lập lại an ninh trật tự của thành phố. Nhờ vậy, mấy năm qua, Hải phòng đã đạt được những tiến bộ đáng kể trên lĩnh vực này.

Năm 1993 và 6 tháng đầu năm 1994, cùng với nhân dân, công an Hải phòng đã đảm bảo ổn định chính trị - xã hội, phát hiện, xử lý 173 vụ việc tham nhũng, 208 vụ buôn lậu, trị giá hàng chục tỉ đồng, thụ lý khám phá 86,6% các vụ án hình sự. Tội phạm nói chung giảm gần 30%, riêng tội phạm hình sự nguy hiểm năm 1993 giảm 61% so với năm 1992, và 6 tháng đầu năm 1994 tiếp tục giảm 14,3% so với 6 tháng đầu năm 1993. Trật tự giao thông và trật tự công cộng ở Hải phòng khá hơn, thành phố sạch sẽ, sáng sủa hơn trước nhiều. Các tệ nạn xã hội đều giảm. Nạn cháy, nổ giảm 20% so với năm 1992 và không có vụ nào lớn. Nạn thất thu điện giảm nhiều. Những ấn tượng không tốt đẹp trước đây về Hải phòng đã phai mờ dần trước con mắt của mọi người, tạo thuận lợi cho sự phát triển của một thành phố mở cửa về kinh tế và du lịch.

Trong những thành tựu quan trọng đó, có sự đóng góp tích cực của lực lượng công an thành phố. Ba năm liền (1990 - 1992), công an thành phố được Bộ nội vụ tặng cờ thi đua xuất sắc. Năm 1993, công an thành phố vinh dự được nhận cờ thi đua luân lưu của Thủ tướng Chính phủ về thành tích xuất sắc trên mặt trận bảo vệ an ninh trật tự. Nhiều đơn vị và cá nhân được Bộ nội vụ tặng cờ thi đua, Ủy ban nhân dân thành phố tặng bằng khen. Năm 1993 có 82% phường, 87% xã, 73% cơ quan xí nghiệp trong thành phố đạt tiêu chuẩn an toàn.

Từ thắng lợi ban đầu trên mặt trận giữ gìn an ninh trật tự trong mấy năm qua của Hải phòng, có thể rút ra mấy điều chủ yếu sau :

1 - *Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ an ninh trật tự thành phố phải toàn diện, sâu sát*

Công cuộc đổi mới của đất nước đã tạo ra những chuyển biến quan trọng trong đời sống xã hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề mới trên lĩnh vực an ninh trật tự của thành phố. Điều đó đòi hỏi phải đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an ninh trật tự và đối với ngành công an. Sự lãnh đạo của Đảng trong ngành công an phải toàn diện, không phải như trước kia chỉ chú trọng khâu "chính trị tư tưởng". Thực tế cho thấy, sự lãnh đạo toàn diện là nhân tố quyết định tạo nên sức mạnh tổng hợp trên mặt trận bảo vệ an ninh trật tự của thành phố mấy năm qua. Nó tạo điều kiện thuận lợi cho ngành công an phát huy cao độ vai trò tham mưu cho cấp ủy đảng và chính quyền các cấp, phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể để hoàn thành nhiệm vụ. Nó đã tác động mạnh mẽ đến việc tăng cường sức chiến đấu của ngành từ thành phố đến cơ sở. Vai trò của hơn 70% cán bộ, chiến sĩ là đảng viên thuộc đảng bộ công an thành phố đã được phát huy trên từng nhiệm vụ cụ thể. Sự lãnh đạo toàn diện, sâu sát của Đảng còn có tác dụng tích cực nâng cao bản lĩnh chính trị, tư tưởng đạo đức cho cán bộ, chiến sĩ trong ngành. Các cán bộ, chiến sĩ là đảng viên đã giữ được sinh hoạt chi bộ đều đặn với nội dung và hình thức thích hợp. Những năm 1991 - 1993,

* Ủy viên thường vụ Thành ủy, Giám đốc Sở công an TP Hải phòng

Digitized by Google

đảng bộ công an Hải phòng được Thành ủy Hải phòng công nhận là đảng bộ vững mạnh.

2 - *Chú trọng phát huy nhân tố con người trong cán bộ, chiến sĩ công an*

Là một trong những lực lượng nòng cốt bảo vệ đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, nên đảng bộ công an Hải phòng thường xuyên chăm lo giáo dục rèn luyện cho cán bộ, chiến sĩ có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, sẵn sàng hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Đặc biệt, trước tác động tiêu cực của những biến động phức tạp trên thế giới, nhất là khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu sụp đổ, công tác chính trị tư tưởng đối với cán bộ, chiến sĩ đã được coi trọng hơn. Đảng bộ đã tổ chức học tập, nghiên cứu kỹ để mọi người thấu suốt quan điểm, đường lối, chính sách đổi mới của Đảng, từ đó mà đổi mới tư duy, và phải thể hiện tư duy mới trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác của mình. Công an Hải phòng đã chú ý tổ chức đúc kết kinh nghiệm, nâng cao trình độ nghiệp vụ, kiến thức về pháp lý, khoa học - kỹ thuật, trình độ ngoại ngữ... cho cán bộ, chiến sĩ để họ làm tốt hơn công tác được giao. Việc này đã trở thành nhu cầu cấp thiết của nhiều anh chị em. Nhiều cán bộ, chiến sĩ tự lo học phí, tranh thủ thời gian, hăng hái học tập bằng nhiều hình thức. Đây là nét mới, khác hẳn thời kỳ bao cấp trước đây thường phải cử cán bộ đi học một cách gượng ép.

Công tác tổ chức cán bộ thời gian qua cũng có tiến bộ rõ rệt. Sau chiến tranh, trong cơ chế bao cấp lâu dài, lực lượng của ngành đã phình to, hiệu quả kém. Theo chủ trương tinh giản bộ máy, giảm quân số nhưng vẫn bảo đảm khả năng chiến đấu, trong thời gian ngắn, công an Hải phòng phải giảm biên chế gần 2 000 người. Đây là bài toán khó giải. Đảng ủy và giám đốc cùng các ban, phòng chức năng đã thận trọng, xem xét kỹ lưỡng, giải quyết đạt lý, thấu tình đối với từng trường hợp. Cùng với việc tinh giản lực lượng là bố trí hợp lý các ban, phòng, giảm được nhiều đầu mối tổ chức trung gian và làm tốt công tác quy hoạch, đề bạt cán bộ. Trong những công việc liên quan đến con người này, phải đảm bảo nguyên tắc phát triển và kế thừa, kết hợp hài hòa giữa thế hệ trẻ năng động sáng tạo với thế hệ trước được rèn luyện, thử thách và có nhiều kinh nghiệm.

Ngành công an có nhiều khó khăn trong công tác, chiến đấu, cũng như trong đời sống của cán bộ, chiến sĩ và chịu nhiều tác động tiêu cực. Đảng ủy và giám đốc cũng như cán bộ lãnh đạo, chỉ huy các cấp của công an thành phố đều nhận thấy, bên cạnh việc bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ, còn phải quan tâm tìm cách cải thiện điều kiện làm việc và đời sống của anh chị em, tạo được không khí yên tâm công tác, đoàn kết trong từng đơn vị và toàn lực lượng. Lãnh đạo các cấp của ngành đã cố gắng giải quyết công việc một cách công bằng, có tình có lý, thực hiện thưởng phạt nghiêm minh.

Với phương châm quản lý đến từng con người, lãnh đạo các cấp quan tâm tìm hiểu hoàn cảnh, tâm tư, nguyện vọng của từng cán bộ, chiến sĩ và có kế hoạch giúp đỡ cụ thể, thiết thực. Điều này đã tác động rất tốt đến sự đoàn kết gắn bó trong đơn vị. Mỗi đơn vị có một cách làm phù hợp với hoàn cảnh của mình, như trợ cấp khó khăn hay theo dõi, giúp đỡ đời sống cá nhân từng cán bộ, chiến sĩ, thăm hỏi người trong ngành đã về hưu, gặp gỡ thường kỳ các gia đình cán bộ, chiến sĩ... Việc thưởng phạt nghiêm minh là biện pháp rất quan trọng để phát huy tính tích cực của từng cán bộ, chiến sĩ. Nó vừa giữ nghiêm kỷ luật, vừa động viên, khuyến khích, tạo nên không khí thi đua sôi nổi, mang lại hiệu quả công tác, chiến đấu cao. Mỗi năm, hàng trăm cán bộ, chiến sĩ được xét khen thưởng thích đáng về thành tích đột xuất. Công an thành phố đã trích quỹ hàng chục triệu đồng khen thưởng cho nhiều tập thể và cá nhân xuất sắc. Mặt khác, đã xử lý nghiêm khắc, kịp thời đối với cán bộ, đảng viên, chiến sĩ vi phạm kỷ luật, thiếu trách nhiệm, đặc biệt là vi phạm pháp luật như tham nhũng, ăn hối lộ, bao che tội phạm.

3 - *Dựa vào dân, lấy lợi ích của dân làm mục đích*

Công an Hải phòng qua nhiều năm đấu tranh bảo vệ an ninh trật tự và qua những thăng trầm của phong trào, đã thấy điều cốt yếu là phải bắt đầu từ cơ sở, từ phong trào quần chúng. Việc bám sát cơ sở, xây dựng cơ sở, khởi động phong trào ở cơ sở là yếu tố quan trọng làm nên thắng lợi. Điều này được thể hiện rõ khi tình hình an ninh trật tự trở nên nóng bỏng, công an thành phố đã hướng mạnh về cơ sở, đầu tư cho cơ sở, phát động được phong trào từ cơ sở. Chúng tôi đã tập huấn và cử gần 400 cảnh sát hình sự, cảnh sát phòng, chống tệ nạn xã hội, cảnh sát trật tự xuống cơ sở (phường, xã...) để cùng với cán bộ và nhân dân ở

Digitized by Google

cơ sở giải quyết ngay tại chỗ những vấn đề phát sinh về an ninh trật tự, do đó đã thay đổi được tình hình. Công an tìm thấy sức mạnh ở quần chúng và phát huy tốt sức mạnh đó để giành thắng lợi. Nhân dân tìm thấy ở cán bộ, chiến sĩ công an chỗ dựa đáng tin cậy và không thể thiếu cho cuộc sống của mình, nên đã tích cực tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Mỗi đơn vị, mỗi cơ sở đã tìm ra những hình thức tiếp xúc, phối hợp phù hợp, đem lại kết quả tốt.

Ở Hải phòng có đặc điểm là có nhiều tôn giáo, nhiều người xuất cảnh trái phép đã hồi hương, lại là địa bàn du lịch và thu hút đầu tư của nước ngoài, nơi đầu mối thẩm lậu nhiều tài liệu phản động, đồi trụy... Do đó, lực lượng an ninh phải thường xuyên đổi mới phương thức hoạt động, tìm ra những biện pháp mới thích hợp, có hiệu quả để giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh đầy phức tạp này. Cán bộ, chiến sĩ công an đã dựa vào dân, thực hiện việc "xã hội hóa" công tác an ninh trật tự nhằm phát huy sức mạnh của các tổ chức quần chúng và cùng hoạt động với các tổ chức đó. Một số biện pháp cụ thể đã có kết quả như : tổ chức giao ban với các giáo sĩ, nên đã phần nào xóa đi sự ngăn cách đạo với đời ; kết hợp với ngành thương binh và cựu chiến binh giáo dục, giúp đỡ số thương binh vi phạm luật pháp ; đến dự câu lạc bộ giám đốc để làm rõ nhiệm vụ bảo vệ an ninh nội bộ cơ quan, xí nghiệp ; giao ban với các chủ khách sạn để chống tệ mại dâm ; phối hợp với các cơ quan thông tin để nâng cao cảnh giác cho mọi người, phòng ngừa các loại tội phạm... Bằng những biện pháp đó, công an Hải phòng đã xử lý được nhiều vụ việc phức tạp, ngăn chặn kịp thời những hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra, kể cả các điểm nóng. Khi giải quyết điểm nóng, đã phân biệt rõ đâu là quần chúng lạc hậu, đâu là phần tử bất mãn, kích động, gây rối để có cách xử lý thích hợp. Có thể nói, an dân là tư tưởng xuyên suốt dẫn đến thành công trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ở Hải phòng trong những năm qua.

Trong việc phát huy sức mạnh quần chúng ở cơ sở, lực lượng công an phường, xã có vai trò quan trọng trực tiếp. Tiêu biểu cho vai trò này là công an phường Đồng Quốc Bình (quận Ngô Quyền), phường Minh khai, phường Thượng lý (quận Hồng bàng) xã Đại hợp (huyện Kiến thuy), xã Quang Trung (huyện An lão) v.v. Những cán bộ, chiến sĩ ở đây đã tận tâm, tận lực vì lợi ích của nhân dân, bám sát dân, vận động nhân dân, làm sống lại phong trào bảo vệ trật tự an ninh Tổ quốc ở cơ sở. Các phường, xã này đã đi đầu trong việc xây dựng mô hình tổ chức tự quản của dân phố, thôn xóm. Đó là "ngôi nhà an toàn", "liên kết phường với phường", "xã với xã", "phường, xã với các cơ quan, xí nghiệp, trường học" và "phường với phong trào tự quản đường hè". Công an các phường, xã ở đây thực hiện quy trình điều tra khảo sát, lập kế hoạch, nội dung quy định, lấy ý kiến quần chúng, triển khai thực hiện, cuối cùng là tăng cường tổ chức kiểm tra thường xuyên và tổng kết rút kinh nghiệm, nhân điển hình.

Ngoài việc xây dựng mô hình công an phường, xã điển hình trên, Hải phòng còn xây dựng các ban công an xã, ban bảo vệ dân phố, đội an ninh quốc phòng, tổ hòa giải... Các tổ chức này góp phần đáng kể vào thắng lợi của công tác giữ gìn an ninh trật tự.

Ở Hải phòng, quần chúng nhân dân còn tự nguyện đóng góp vào các quỹ an ninh địa phương bằng tiền, bằng hiện vật để nuôi dưỡng phong trào. Kết quả mà phong trào đem lại là : nhân dân đã cung cấp cho công an nhiều tin có giá trị, giúp công an, bộ đội biên phòng chủ động bảo vệ tốt an ninh chính trị của thành phố, giữ vững chủ quyền, an ninh quốc gia ở cảng, hải đảo và vùng biển ; phát hiện, điều tra bắt hàng ngàn tội phạm, triệt phá hàng trăm ổ, nhóm lưu manh và chủ chứa các tệ nạn xã hội.

Tuy nhiên, trên mặt trận giữ gìn an ninh trật tự ở Hải phòng vẫn còn không ít vấn đề cần phải tiếp tục giải quyết và giải quyết tốt hơn, trong đó cần được chú ý quan tâm hơn cả là giáo dục nâng cao cảnh giác cho mọi người, tích cực phòng, chống mọi âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Với những kinh nghiệm đã thu được trong mấy năm qua, với tinh thần "vì nước quên thân, vì dân phục vụ", dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự đùm bọc, giúp đỡ của nhân dân, lực lượng công an Hải phòng sẽ cố gắng phấn đấu giành những thắng lợi mới, to lớn hơn nữa, góp phần đưa sự nghiệp đổi mới và mở cửa của thành phố phát triển tốt đẹp trên nền tảng chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng ổn định vững chắc.

Digitized by Google

GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐỐI VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN

XUÂN CANG

VIỆC xác định rõ đối tượng tác động là yêu cầu đầu tiên đối với các nhà hoạch định chính sách xã hội, từ đó mới tính đến các mục đích, biện pháp thực hiện và tính khả thi của chính sách. Hiện nay, đang có những ý kiến khác nhau về định nghĩa "giai cấp công nhân", xếp những lực lượng nào vào giai cấp công nhân. Sở dĩ như vậy là vì các nhà nghiên cứu còn có sự khác nhau trong cách tiếp cận vấn đề. Nhưng dù còn có ý kiến khác nhau, họ vẫn thống nhất với nhau ở điểm sau đây : Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội những người lao động mà thu nhập chủ yếu là tiền công lao động ; tập đoàn xã hội ấy trước hết bao gồm những người sản xuất, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp (trong số này có cả một tầng lớp trí thức gắn mình với các hoạt động trên) ; tập đoàn xã hội ấy, do nắm giữ những cơ sở sản xuất vật chất kỹ thuật then chốt và đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến trong toàn xã hội, nên tất yếu có vai trò đi đầu trong tiến trình lịch sử của xã hội hiện đại.

Chỗ khác nhau trong ý kiến của họ liên quan tới đặc điểm lịch sử đất nước. Cần hay không cần tính vào giai cấp công nhân mấy triệu người làm công ăn lương trong các cơ quan nhà nước và xã hội mà dưới sự lãnh đạo của Đảng, đang thực thi vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với toàn xã hội ? Chẳng lẽ trong một đất nước do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo mà những viên chức nhà nước lại không nằm trong giai cấp công nhân ?

Do còn có ý kiến khác nhau như vậy, nên trong bài này, tôi xin chỉ bàn tới vấn đề chính sách xã hội đối với *đội ngũ giai cấp công nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp* mà thôi. Đây là bộ phận chủ yếu trong giai cấp công nhân, chiếm khoảng 5 - 6 triệu người. Chính bộ phận này nắm giữ những cơ sở vật chất kỹ thuật then chốt, là lực lượng chủ yếu trong nguồn nhân lực thực hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; lực lượng nhận chuyển giao công nghệ trong thời kỳ mới. Khi xem xét những vấn đề của giai cấp công nhân, các nhà xã hội học cũng khảo sát bộ phận chủ lực này là chính, tất nhiên không coi nhẹ những bộ phận khác.

Để xây dựng giai cấp công nhân trong tình hình mới, có hàng loạt việc cần làm, trong đó có việc phải trở thành một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta : ***đổi mới từng bước và toàn diện chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân.***

Chính sách xã hội là chính sách tác động trực tiếp vào cả một tập đoàn người, và vào từng con người. Một chính sách xã hội đúng đắn là một chính sách bảo đảm cho đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nó phát huy được cao nhất vị trí, vai trò cần thiết của mình trong xã hội. Chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân phải bảo đảm cho giai cấp công nhân phát triển về số lượng và chất lượng, thích ứng được với cơ chế thị trường và tiếp cận được với công nghệ hiện đại. Chính sách đó phải tạo động lực vật chất và động lực tinh thần cho giai cấp công nhân, trong công cuộc đổi mới đất nước. Ngày nay, động lực trực tiếp đối với đông đảo công nhân là *việc làm* và *thu nhập*. Trong khi giải quyết vấn đề lợi ích của giai cấp công nhân, cần gắn với lợi ích của cả cộng đồng, của dân tộc. Về cơ bản, lợi ích giai cấp công nhân nằm trong lợi ích dân tộc.

Vì sao cần đổi mới từng bước và toàn diện chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân ? Trước hết, vì giai cấp công nhân, dưới tác động của cơ chế thị trường và trong quá trình chuyển giao công nghệ, đã có những chuyển dịch về cơ cấu xã hội, xuất hiện những nhu cầu mới trên bình diện rộng, mà chỉ có sự đổi mới chính sách xã hội mới đáp ứng được. Sau nữa, vì bản thân các chính

Digitized by Google

sách xã hội hiện nay đối với giai cấp công nhân đã bộc lộ nhiều mặt hạn chế, do đó không thể có tác dụng tích cực đối với việc xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ mới.

Có thể nói, gần 50 năm nay, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành (kể cả bổ sung, sửa đổi) hàng nghìn văn bản liên quan đến chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân. Nhìn tổng quát, toàn bộ chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân toát lên một tinh thần nhân bản : nhà nước chăm lo người công nhân về nhiều mặt (các chính sách bảo vệ lao động nữ ; thai sản ; nhà trẻ, mẫu giáo ; học nghề, tuyển dụng, biên chế suốt đời ; lương, thưởng ; bảo hộ lao động ; bảo hiểm xã hội, trong đó có khoản tiền tuất khi qua đời...).

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, các chính sách xã hội của ta lâu nay thường nặng về khuyến khích tính tiền phong cách mạng của giai cấp công nhân, mà nhẹ về bảo đảm các lợi ích xã hội ; nặng về khai thác sự cống hiến sức lao động, nhẹ về bồi dưỡng, tái tạo sức lao động. Việc khai thác sức lao động được thể hiện rất quy mô trong các chính sách thu hút lao động (tuyển dụng, biên chế suốt đời, khuyến khích rời đô thị, đi về nơi xa xôi, hẻo lánh ; rời miền xuôi lên miền núi...). Trong nhiều trường hợp, sự khuyến khích đó là đúng và rất cần thiết, nhưng việc bồi dưỡng, tái tạo sức lao động thể hiện rất khiêm nhường trong các chính sách lương, chính sách phân phối theo tem phiếu tính theo số calo bù đắp chỉ vừa đủ tái tạo sức lao động cơ bắp ; không tính đầy đủ đến sức lao động trí tuệ, sức lao động xã hội. Chẳng hạn trong việc khai thác phát huy sức lao động nữ, tinh thần các chính sách là đề cao bình đẳng nam nữ trong lao động, coi lao động là tiêu chí bình đẳng, không coi trọng đầy đủ thiên chức người phụ nữ trong việc tái tạo nguồn lao động xã hội ; tách người phụ nữ ra khỏi gia đình, không coi trọng đầy đủ các chính sách củng cố gia đình.

Các chính sách xã hội của chúng ta thể hiện rất phong phú trong việc khuyến khích phát huy năng lực, nhiệt tình lao động của giai cấp công nhân (khen thưởng, đề cao người anh hùng...). Nhưng bên cạnh đó không coi trọng đầy đủ các chính sách bảo đảm xã hội. Chế độ lương chẳng hạn, chúng ta đã kéo dài chính sách lương bao cấp và sửa đổi chắp vá rất nhiều lần, sinh ra sự rối loạn trong đánh giá cống hiến và hưởng thụ, trong giá cả sức lao động.

Về cơ chế, nhìn tổng thể, việc ban hành các chính sách xã hội trong giai cấp công nhân mang tinh thần ban phát, phân phối, ban ơn, và do thực hành trong nhiều năm, nên ảnh hưởng tiêu cực khá nặng nề. Chúng làm suy kiệt sức sáng tạo, suy giảm sức khỏe người lao động. Về tâm lý, chúng tạo nên tâm lý thụ động, trông chờ Đảng và Nhà nước ; không kích thích tính năng động xã hội, tính chủ động cao của người lao động trong khi giải quyết các vấn đề của bản thân.

Việc đổi mới từng bước và toàn diện chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân là yêu cầu khách quan, cấp bách nhằm cải thiện, phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; là một giải pháp quan trọng và không thể thiếu trong phương hướng nhiệm vụ xây dựng giai cấp công nhân trong tình hình mới (sau đây sẽ gọi tắt là "giải pháp chính sách xã hội").

Về mục tiêu của giải pháp chính sách xã hội, tôi đã trình bày ở trên. Về **nội dung** chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân, theo tôi quan niệm, bao gồm hai loại : các chính sách bảo đảm xã hội và các chính sách khuyến khích xã hội.

Các *chính sách bảo đảm xã hội* gồm : chính sách về thu nhập (lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng - với tư cách tăng thu nhập) ; chính sách về đời sống (kinh tế gia đình, nhà ở, trang bị đồ dùng, đi lại, mua bán) ; các chính sách bảo hiểm, bảo hộ lao động, cứu trợ, v.v..

Tư tưởng chủ đạo khi xây dựng các chính sách bảo đảm xã hội là bảo đảm tái sản xuất sức lao động xã hội. Sức lao động ở đây không chỉ đơn thuần là lao động giản đơn, cơ bắp, mà không kém phần quan trọng là lao động trí tuệ, chất xám. Từ đó, cần chú trọng một số vấn đề cụ thể sau đây :

- Hết sức coi trọng việc cải thiện điều kiện lao động, môi trường lao động, bảo hộ lao động.

- Bảo vệ sức khỏe lao động nữ, bảo hộ lao động nữ, đưa phụ nữ ra khỏi các công việc cấm sử dụng lao động nữ, tăng mức hưởng thụ văn hóa nghệ thuật cho lao động nữ, có chính sách củng cố và cải thiện rõ rệt khu gia đình công nhân, giảm nhẹ gánh nặng đời sống gia đình cho nữ công nhân, có

Digitized by Google

chính sách bảo vệ và chăm sóc trẻ em khu gia đình công nhân.

- Coi trọng các chính sách thu nhập trong công nhân, đặc biệt là nguồn thu từ lao động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp. Đây là động lực chủ yếu khiến công nhân quan tâm đến năng suất, chất lượng, hiệu quả.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho công nhân được học tập, đào tạo và đào tạo lại liên tục, để không ngừng nâng cao trình độ, đáp ứng những đòi hỏi của sự tăng trưởng về kinh tế và khoa học-công nghệ.

- Tôn trọng quyền đình công kinh tế của công nhân, nhưng tạo mọi thuận lợi cho giải pháp thương lượng khi có tranh chấp lao động.

Các *chính sách khuyến khích xã hội* gồm : chính sách thi đua, khen thưởng ; chính sách thu hút ; chính sách phát huy dân chủ, v.v..

Tư tưởng của các chính sách khuyến khích xã hội là *khen* đi đôi với *thưởng*, trích theo tỷ lệ làm lợi ; không khuyến khích những xu hướng tăng thu nhập ngoài lương với tỷ lệ cao hơn lương (trừ trường hợp ngoại lệ). Chỉ tổ chức thi đua ở những bộ phận so sánh được, tăng thêm các giải thưởng vật chất.

Phương châm chiến lược đổi mới chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân hiện nay, theo tôi nghĩ, trước mắt là tăng cường các chính sách bảo đảm xã hội (tạo động lực về lợi ích vật chất, tinh thần ; nâng mức sống trung bình của đông đảo công nhân cao hơn so với mức sống hiện nay ; cải thiện điều kiện làm việc và môi trường lao động ; bảo hiểm xã hội bằng ba nguồn đóng góp cho công nhân ở mọi thành phần kinh tế ; có cơ chế giải quyết tranh chấp lao động, vừa bảo vệ lợi ích hợp pháp người lao động, vừa bảo đảm phát triển kinh tế xã hội) nhằm đưa giai cấp công nhân ra khỏi thực trạng thấp kém và sự tha hóa, đồng thời coi trọng đúng mức các chính sách khuyến khích xã hội.

Từ những tư tưởng chính sách nêu trên, tôi xin đề cập **một số vấn đề trong quá trình ban hành, điều chỉnh chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân** (cơ chế vận hành chính sách). Ở đây, có một số vấn đề có tính nhạy cảm :

Một là , thường xuyên chú ý điều chỉnh quan hệ hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội. Lâu nay, chúng ta thường nhấn mạnh một chiều phải đạt tới mức tăng trưởng kinh tế nhất định thì mới có khả năng giải quyết các vấn đề xã hội. Nay thực tiễn cho thấy những tiến bộ xã hội có vai trò quyết định trong sự thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Sự lạc hậu và trì trệ trong ngành giáo dục hiện nay đã trở thành gánh nặng trong đổi mới và phát triển. Tuy nhiên, việc giải quyết tiến bộ xã hội quá sức chịu đựng của kinh tế cũng tạo nên sự ức chế đối với tăng trưởng kinh tế. Kinh nghiệm một số nước đã cho thấy như thế.

Hai là, luôn coi trọng yếu tố công bằng xã hội ; chú ý điều chỉnh quan hệ công bằng (khác với bình quân) trong thu nhập, giá trị và giá cả của lao động nói chung và trong lao động trí tuệ nói riêng ; quan hệ giữa trí thức với công nhân, công nhân với nông dân ; quan tâm việc cứu trợ xã hội đối với bộ phận nghèo khổ và bất hạnh, rủi ro trong giai cấp công nhân.

Ba là, luôn coi trọng việc xã hội hóa các hoạt động chăm lo trong nhiều lĩnh vực xã hội của công nhân, như : giải quyết việc làm ; bồi dưỡng, đào tạo lại ; phát hiện và bồi dưỡng tài năng ; chăm lo cho người già và trẻ em ; cứu trợ xã hội, v.v.. Nhà nước cần có chính sách và cơ chế tạo thuận lợi cho việc xã hội hóa các hoạt động kể trên. Cần tăng cường khả năng người công nhân tự giải quyết những vấn đề của bản thân.

Về quy trình soạn thảo chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân, cũng giống như quy trình chung, nhưng cần lưu ý *bốn bước* sau đây trong việc chuẩn bị và soạn thảo chính sách :

Bước 1 - Khảo sát, điều tra thực trạng tình hình liên quan đến đề tài soạn thảo chính sách (bao gồm tình hình xã hội và tình hình chính sách hiện hành).

Khi tiến hành công tác điều tra bằng phiếu trong công nhân, cần chú ý đặc điểm : do công nhân có tính tổ chức cao, nên muốn tiếp cận sự thật, câu hỏi đưa ra phải hết sức tinh tế. (Có ngành có người tham nhũng lớn, báo chí đã phát hiện, nhưng khi tổ chức điều tra xã hội học, phát ra hàng nghìn phiếu hỏi trong đó có câu "ngành ta có tiêu cực không ?" thì 100% số phiếu thu về trả lời "không" (!)).

Bước 2- Quá trình dự thảo chính sách, có mấy điểm quan trọng :

Digitized by Google

+ Xác định mục tiêu của chính sách, đối tượng thi hành chính sách, nguồn tài chính của chính sách, từ đó xác định phạm vi, giới hạn, tính khả thi của chính sách.

+ Coi trọng vai trò công đoàn tham gia dự thảo chính sách, đặc biệt là các công đoàn ngành nghề vì họ có ưu thế rất lớn trong việc nắm vững tình hình công nhân theo hệ thống nghề nghiệp. Nội dung các chính sách xã hội đối với công nhân bao giờ cũng gắn với cơ cấu ngành nghề (các chính sách lương, bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động... đều như vậy).

+ Coi trọng sự tham gia của các chuyên gia khoa học xã hội, nhất là trong việc phân tích các quan hệ xã hội, phát hiện những tình huống, những hoàn cảnh xã hội cần quan tâm.

+ Coi trọng việc tham khảo ý kiến quần chúng công nhân, lao động, đối tượng của các chính sách xã hội. Người lao động, do lợi ích thiết thân của họ, thường có những phản ứng nhạy bén nhất đối với từng quy định của mỗi chính sách. Họ thường có ý kiến về những khía cạnh cụ thể này nọ khi chính sách đưa vào thực tế. Trong lĩnh vực này, vai trò của báo chí là đặc biệt quan trọng.

+ Đối với những chính sách quan trọng, cần làm thử trước khi quyết định. Có những nội dung làm thử theo hệ thống nghề nghiệp và theo hệ thống địa phương. Cần bảo đảm những quy tắc khoa học của thử nghiệm xã hội học.

Bước 3 - Sau khi chính sách được ban hành, cần có một cuộc điều tra khoa học đối chiếu với những mục tiêu ban đầu để biết tác dụng, kết quả khi chính sách tiếp cận với cuộc sống, những vấn đề tồn tại. Thường phản ứng của công nhân đối với chính sách là phản ứng *ngay*, phản ứng *có tổ chức*. Cần có đối sách đúng đắn với phản ứng của công nhân.

Bước 4 - Điều chỉnh, bổ sung ; không có chính sách nào không có điều chỉnh, bổ sung. Làm tốt bước 1 và bước 2 thì cũng chỉ có thể giảm bớt về số lượng những điều cần điều chỉnh, bổ sung. Loại trừ những điều chỉnh, bổ sung do sai lầm, những điều chỉnh, bổ sung cần thiết (theo tần số chuyển dịch của giai cấp công nhân trong cơ chế thị trường) là không ít. Có những vấn đề cần điều chỉnh ngay nhằm loại trừ những phản ứng (có cơ sở) của công nhân ; nhưng cũng có những vấn đề không thể điều chỉnh ngay mà phải theo đúng quy trình điều chỉnh, bổ sung mà bài này chưa có điều kiện đề cập.

Cuối cùng là **đánh giá hiệu quả chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân**. Lâu nay, chúng ta thường căn cứ vào một chỉ báo tổng hợp là thái độ lao động và kết quả lao động (năng suất, chất lượng, hiệu quả) để đánh giá hiệu quả chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân. Giờ đây, cách đánh giá đó không đủ nữa. Cần xây dựng một hệ thống chỉ báo xã hội để khảo sát xem các chính sách xã hội đem lại những hệ quả gì trong đời sống xã hội của giai cấp công nhân. Hệ thống chỉ báo đó, theo tôi, phải phản ánh được 11 tiêu chí sau đây :

- Những chuyển dịch về giới, tuổi, nghề nghiệp, học vấn, tay nghề
- Số lượng công nhân tham gia các quá trình chuyển giao công nghệ hiện đại
- Số lượng công nhân tham gia các hoạt động chính trị, xã hội
- Mức thu nhập bình quân từ lao động làm công, từ nguồn làm thêm, các nguồn khác...
- Tỷ trọng các nhóm chi phí (ăn, mặc, ở, chi xã hội, chi văn hóa) ; quỹ dự trữ
- Mức hưởng thụ văn hóa, số lượng công nhân hoạt động văn hóa, thể thao
- Sức khỏe, bệnh nghề, tai nạn lao động
- Bảo hiểm xã hội
- Gia đình hạt nhân
- Hoạt động tôn giáo
- Phản ứng tập thể.

Trên đây là những nét cơ bản nhất của chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân, một vấn đề hết sức quan trọng trong quá trình xây dựng giai cấp công nhân Việt nam đáp ứng yêu cầu của giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nó là một hệ thống hoàn chỉnh từ tư tưởng, đối tượng, mục tiêu đến các bước tiến hành cụ thể và những vấn đề có liên quan. Tất cả phải được tiến hành đồng bộ, hợp lý, có cơ sở khoa học, với sự tham gia của nhiều cấp, nhiều ngành, và toàn xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, vì một giai cấp công nhân Việt nam hiện đại, trụ cột của đất nước trong thời kỳ phát triển mới.

Google

Giao lưu văn hóa quốc tế và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

PHAN CỰ ĐỆ*

GIAO lưu là nguyên tắc của sự phát triển trong một xã hội văn minh, giao lưu văn hóa là quy luật của sự phát triển mọi nền văn hóa dân tộc. Thế kỷ 20 và thế kỷ 21 sáp tới là những thế kỷ bùng nổ thông tin, cuộc cách mạng thông tin không cho phép một dân tộc nào có thể sống trong tình trạng phong bế về văn hóa. Huống hồ Việt nam lại nằm trong khu vực giao thoa giữa các nền văn minh phương Đông và phương Tây, chịu sự tác động trực tiếp của các quan hệ quốc tế vừa phong phú, hấp dẫn, vừa gay gắt, phức tạp hiện nay.

Thời đại chúng ta phải giải quyết những vấn đề lớn toàn cầu liên quan đến vận mệnh con người, những vấn đề được ưu tiên trước bất cứ lợi ích giai cấp hay dân tộc nào (môi trường, dân số...). Xu thế phát triển của thời đại là một nền kinh tế hội nhập, mở rộng chân trời ra ngoài biên giới các quốc gia. Trong thời kỳ đổi mới, Việt nam chấp nhận kinh tế thị trường, mở cửa làm ăn với nước ngoài, muốn làm bạn với tất cả các dân tộc vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội, do đó văn hóa Việt nam cũng phải có sự hòa nhập với văn hóa thế giới.

Do hoàn cảnh lịch sử của một đất nước bị đô hộ hàng mấy thế kỷ và liên tục chống ngoại xâm, nên việc giao lưu văn hóa với thế giới của Việt nam bị chậm trễ so với nhiều nước. Tuy nhiên trong lịch sử, chúng ta đã có kinh nghiệm hội nhập văn hóa mà không bị đồng hóa, chủ yếu là nhờ dân tộc ta đã có một truyền thống văn hóa từ trước, một bảng giá trị đạo đức và tinh thần mang sắc thái độc đáo của Việt nam. Trong lịch sử mấy ngàn năm, nhân dân ta đã xây dựng và bảo vệ một gia tài văn hóa tốt đẹp mang đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời cũng tiếp thu một cách tự giác hoặc không tự giác những ảnh hưởng của văn hóa Trung - Ấn và văn hóa phương Tây. Nhìn chung, giao lưu văn hóa ở các thế kỷ trước bị hạn chế và nằm trong khuôn khổ tự phát, thẩm thấu một cách tự nhiên. Từ sau Cách mạng Tháng Tám (1945), đặc biệt là sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954), chúng ta chủ trương giao lưu văn hóa một cách có ý thức, có tổ chức. Bộ văn hóa, Vụ văn hóa đối ngoại, các cơ quan thông tấn, báo chí, xuất bản (đặc biệt là Nhà xuất bản *Ngoại văn*), các viện nghiên cứu, các trường đại học... đã có những chương trình giao lưu văn hóa hằng năm, chủ yếu là với các nước xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, việc giao lưu văn hóa với thế giới trong mấy chục năm qua cũng bị nhiều hạn chế do những điều kiện ngặt nghèo của chiến tranh, do cơ chế quan liêu bao cấp ; các hình thức giao lưu vì thế chưa năng động, chưa đa dạng và phong phú. Trong 30 năm chiến tranh, và cả cho đến hôm nay, khi chúng ta đã có chính sách đổi mới và mở cửa ra thế giới, khi chúng ta đã có quan hệ ngoại giao với rất nhiều nước, chúng ta vẫn chưa có một viện nghiên cứu văn hóa thế giới có tầm cỡ và quy mô thích hợp. Cần phải đầu tư một cách thích đáng cho việc nghiên cứu những nền văn hóa lớn của nhân loại. Không nghiên cứu một cách nghiêm túc và thực sự cầu thị thì khó lòng nói đến chuyện đối thoại về mặt văn hóa một cách bình đẳng.

Trong những hạn chế của mấy chục năm qua, cũng phải nói đến sự chi phối của những quan niệm giai cấp hẹp hòi, của sự đồng nhất văn hóa với ý thức hệ. Văn hóa mang tính giai cấp (văn hóa thực dân kiểu cũ, văn hóa thực dân mới) nhưng cũng mang tính dân tộc và nhân loại. Ngay

* Giáo sư, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu văn hóa quốc tế

Digitized by Google

văn hóa cung đình vẫn còn lại ít nhiều sắc thái dân tộc. Nhiều công trình văn hóa (tranh vẽ của Mi-ken Lăng-giơ, các pho tượng La Hán chùa Tây phương) tuy có vẻ minh họa cho những câu chuyện tôn giáo, nhưng trong sâu thẳm vẫn mang một nội dung dân tộc và nhân dân. Cần chú ý là các giai cấp đang lên ở từng thời kỳ lịch sử đều có những đóng góp quan trọng vào văn hóa dân tộc và nhân loại, chính điều đó tạo nên tính liên tục và kế thừa về văn hóa. Trong khi thu hẹp phạm vi giao lưu chủ yếu với các nước xã hội chủ nghĩa, một số đồng chí chúng ta không khỏi có những định kiến hẹp hòi với nền văn hóa của xã hội phong kiến và xã hội tư sản, không quán triệt luận điểm của Lê-nin về hai nền văn hóa trong một nền văn hóa dân tộc.

Những năm 80, bước vào thời kỳ đổi mới, chúng ta chủ trương hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị xã hội khác nhau, trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình. Đây là một điều kiện mới, một vận hội mới để mở rộng giao lưu văn hóa quốc tế, không phân biệt ý thức hệ và chế độ chính trị của các quốc gia. Vận hội mới cũng đòi hỏi các nhà hoạt động văn hóa phải có những quan điểm mới về văn hóa và giao lưu văn hóa.

*

Trong nghị quyết Hội nghị lần thứ tư BCHTU Đảng (khóa VII) về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt có đoạn viết : "Phát triển văn hóa dân tộc đi liền với mở rộng giao lưu văn hóa với nước ngoài, tiếp thụ những tinh hoa của nhân loại, làm giàu đẹp thêm nền văn hóa Việt nam. Ngăn chặn và đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại văn hóa độc hại, bảo vệ nền văn hóa dân tộc"(1). Ý kiến trên đã bao quát được hầu hết các quan điểm cơ bản về văn hóa và giao lưu văn hóa quốc tế trong tình hình mới ở nước ta.

Văn hóa là mục tiêu và động lực của sự phát triển xã hội nói chung. Ngày nay, khái niệm một xã hội phát triển không chỉ thu hẹp trong khuôn khổ của nền kinh tế nhảy vọt, mà còn bao hàm sự tiến bộ xã hội một cách toàn diện, trong đó có văn hóa, giáo dục và các hoạt động tinh thần khác, sự phát triển tự do và hài hòa, sự hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân. Sự phát triển phiến diện của một số nước công nghiệp hiện đại, của những xã hội lấy tiêu thụ làm cứu cánh có thể dẫn đến những xung đột xã hội và sự tha hóa con người, những tấn bi kịch đau xót của gia đình và cá nhân. Đó là chưa kể đến sự tàn phá các môi trường sinh thái, các mối quan hệ hài hòa giữa con người và con người, con người và tự nhiên. UNESCO khi đề ra "thập kỷ thế giới phát triển văn hóa" (1988 - 1997), chắc chắn là muốn lưu ý nhân loại phải nhìn nhận đúng vai trò của văn hóa trong sự phát triển. Và cũng không phải ngẫu nhiên mà ông Tổng giám đốc SIDA Carl Tham, trong diễn văn khai mạc Hội nghị hợp tác và phát triển văn hóa ba châu (Á, Phi, Mỹ la tinh) tại Xtốc-khôn tháng 9-1991 đã nói : "Nhiều người chỉ nhấn mạnh tầm quan trọng của những điều kiện vật chất đối với sự phát triển văn hóa. Nhưng chúng tôi thấy, chỉ một mình sự phát triển vật chất không quyết định được sự tiến hóa và biến đổi của một xã hội" (2). Ông Carl Tham chủ trương phải bảo vệ, gìn giữ truyền thống và bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc, nhưng đồng thời phải chống lại chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chống lại khuynh hướng bài trừ cái ngoại lai. Ông kêu gọi một sự đối thoại văn hóa chung giữa các dân tộc nhằm góp phần vào nền văn minh của nhân loại. *Phát triển*, theo ông, là sự thống nhất giữa cái phổ biến và bộ phận, giữa truyền thống và hiện đại, là tạo khả năng tiếp cận với cái mới, là mở rộng chân trời cho sự sáng tạo văn hóa của nhân loại. Trong thời kỳ đổi mới, Việt nam chấp nhận mô hình kinh tế thị trường, do đó chúng ta đã chủ trương phát triển hài hòa cả ba mặt : kinh tế, văn hóa và xã hội. Quan niệm phiến

(1) Báo *Văn nghệ*, số 8, ngày 20-2-1993

(2) "Diễn văn khai mạc của ông Carl Tham", *Hội thảo về văn hóa và hợp tác phát triển* (tiếng Anh), SIDA, Stockholm, 1991, tr 4-5

Digitized by Google

diện tách rời văn hóa với các mặt khác của đời sống xã hội sẽ để lại những hậu quả nghiêm trọng trong sự phát triển đi lên của đất nước.

Giao lưu văn hóa quốc tế và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là hai mặt của vấn đề phát triển văn hóa. Việc tiếp thu văn hóa tiên tiến của nhân loại sẽ làm giàu đẹp thêm cho văn hóa Việt nam, đẩy văn hóa Việt nam tiến nhanh trên con đường hiện đại hóa. Đối thoại với các nền văn hóa khác là quy luật của sự phát triển văn hóa dân tộc. Mặt khác, Việt nam chỉ có thể đóng góp tốt vào kho tàng văn hóa nhân loại khi chúng ta phát huy cao độ bản sắc của văn hóa dân tộc. Khuynh hướng tìm về bản sắc dân tộc, khẳng định truyền thống văn hóa dân tộc đã trở thành một khuynh hướng quốc tế rộng rãi, được coi như một điều kiện quan trọng của sự giao lưu văn hóa quốc tế, của tiến trình phát triển các dân tộc trong cộng đồng nhân loại. Nhật bản và một số nước Đông Á đã biết kết hợp những thành tựu khoa học hiện đại với truyền thống văn hóa dân tộc, với những giá trị tinh thần, đạo đức của phương Đông, nên đã tạo được những bước tiến xã hội - kinh tế nhanh chóng, làm cho các nước phương Tây kinh ngạc. Nhiều học giả phương Tây đã đổ xô về phương Đông, nghiên cứu những di sản tinh thần của phương Đông. Giao lưu văn hóa Đông - Tây cũng là một đặc trưng của thời đại mới. Cùng với phong trào giải phóng dân tộc, đấu tranh cho độc lập tự do thì sự khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc cũng là một nhiệm vụ cấp bách đối với thế giới thứ ba. Nhiều nước đã có hàng loạt công trình nghiên cứu bản sắc văn hóa dân tộc, thu hút sự chú ý của các nhà khoa học thế giới (văn minh trống đồng, văn hóa Đông sơn, văn hóa Hòa bình của Việt nam, các lễ hội dân gian châu Á, kho tàng sân khấu châu Phi...).

Việc *giao lưu văn hóa* với nước ngoài *cần tiến hành song song với việc giới thiệu một cách có hệ thống tinh hoa văn hóa Việt nam* với cộng đồng nhân loại. Hiện nay, chúng ta chưa có một bộ hoàn chỉnh các tập *Lịch sử Việt nam, Lịch sử văn học Việt nam, Tuyển tập Văn học Việt nam, Lịch sử nghệ thuật Việt nam, Đất nước con người Việt nam*... bằng tiếng Anh hoặc các ngoại ngữ khác để giới thiệu với thế giới, thành ra đôi khi người nước ngoài, cả Việt kiều, lại tìm hiểu Việt nam qua những tài liệu phiến diện hoặc có khi bị xuyên tạc. Nhà xuất bản *Thế giới* đang cố gắng để có một bộ sách hoàn chỉnh như vậy bằng bốn thứ tiếng, nhưng lại gặp những khó khăn vì kênh đặt hàng của nhà nước quá ít, các cơ quan đối ngoại bị hạn chế về kinh phí. Đó là chưa kể cước phí gửi ra nước ngoài quá cao, chất lượng kỹ thuật của sách báo, phim ảnh còn yếu, chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Muốn đối thoại, giao lưu văn hóa với nước ngoài, trước hết chúng ta phải hiểu sâu bản sắc dân tộc của mình. Không nên nghĩ ta là người Việt nam thì đương nhiên ta là nhà Việt nam học. Không có một quá trình nghiên cứu nghiêm túc qua nhiều năm, chúng ta có thể trở thành lạc hậu so với một số nhà Việt nam học ở nước ngoài ! Giao lưu văn hóa quốc tế không buộc chúng ta phải hiện đại hóa tuồng, chèo, cải lương, các điệu múa dân gian, lễ hội dân gian, nhưng lại đòi hỏi phải nâng cao truyền thống văn hóa dân tộc dưới ánh sáng tư duy hiện đại, trên cơ sở các phương tiện kỹ thuật hiện đại. Qua giao lưu mà đẩy nhanh nền văn hóa dân tộc lên trình độ hiện đại. Nhưng điều cần chú ý là ta tiếp thu cái hiện đại, cái tiên tiến, chứ không phải là bất cứ hình thức nào của chủ nghĩa hiện đại phương Tây.

Giao lưu văn hóa phải trên cơ sở hợp tác bình đẳng giữa các dân tộc. Phải bảo vệ chủ quyền dân tộc trong hội thảo văn hóa, hợp tác phim ảnh ; không nên quan niệm việc mua bán phim ảnh, các tài liệu văn hóa hoàn toàn dưới góc độ thương mại. Nếu không cẩn thận, có khả năng trong tương lai chúng ta phải mua lại các di sản văn hóa (văn bia, gia phả, tượng cổ ở các chùa chiền, phim ảnh, lưu trữ, báo chí, sách vở đầu thế kỷ...) từ nước ngoài với một giá cắt cổ để xây dựng bảo tàng văn hóa Việt nam !

Chúng ta mở rộng cửa tiếp thu tinh hoa văn hóa

Digitized by Google

nhân loại, đồng thời cũng kiên quyết đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại hình văn hóa độc hại, chống nguy cơ diễn biến hòa bình qua con đường văn hóa. Cần phải *đấu tranh chống khuynh hướng phi tư tưởng hóa trong văn hóa chính trị*. Người ta muốn xóa nhòa những khác biệt về tư tưởng, ý thức hệ trong quan hệ đối ngoại và giao lưu văn hóa. Văn hóa tất nhiên mang bản sắc dân tộc và nhân loại, nhưng văn hóa cũng là một mặt trận; văn hóa cũng có tính giai cấp. Không thể nói "cách nhìn chính trị" nhấn mạnh lập trường giai cấp, còn "cách nhìn văn hóa" thì chỉ quan tâm đến sự thống nhất của những giai cấp khác nhau, cuối cùng đi đến cơ sở tính người và những giá trị nhân loại phổ biến. Lê-nin đã phê phán "việc truyền bá lòng tin vào một nền văn hóa dân tộc siêu giai cấp" trong những xã hội còn có người bóc lột người. Lê-nin viết : "Trong *mỗi* nền văn hóa dân tộc, đều có những *yếu tố*, mặc dầu không phát triển, của một nền văn hóa dân chủ và xã hội chủ nghĩa, vì trong *mỗi* dân tộc đều có quần chúng lao động và bị bóc lột mà điều kiện sinh sống của họ nhất định phải sản sinh ra một hệ tư tưởng dân chủ và xã hội chủ nghĩa. Nhưng trong *mỗi* dân tộc, cũng có... một nền văn hóa *thống trị*..., nền văn hóa của địa chủ, thầy tu, giai cấp tư sản" [3]. Ý kiến này của Lê-nin cho đến hôm nay vẫn còn có tác dụng định hướng cho chúng ta trong công việc tiếp thu tinh hoa của các nền văn hóa dân tộc.

Mặt khác, chúng ta cũng cần phải chú ý đến những âm mưu diễn biến hòa bình bằng con đường văn hóa. Cuộc xâm lăng quân sự chấm dứt không phải không có khả năng biến thái đi thành cuộc diễn biến hòa bình trên lĩnh vực kinh tế và văn hóa. Đó là một chiến lược của các lực lượng thù địch nhằm phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa bằng con đường thẩm thấu dần dần trên các lĩnh vực chính trị tư tưởng, văn hóa văn nghệ, kinh tế xã hội. Lợi dụng thị trường văn hóa mở cửa, kẻ thù đã tung hàng loạt sản phẩm văn hóa độc hại vào nước ta bằng nhiều con đường hợp pháp và không hợp pháp nhằm làm đảo lộn các định hướng giá trị, các chuẩn mực về đạo đức, lối sống tốt đẹp của dân tộc. Chúng muốn biến con người thành những kẻ chạy theo các dục vọng thấp kém và những nhu cầu thẩm mỹ tầm thường. Các tác phẩm cổ điển trong và ngoài nước, những phim ảnh chân chính có nguy cơ bị chèn ép, không ăn khách bằng các tiểu thuyết best-seller của phương Tây, bằng các phim ảnh có pha tình dục, bạo lực. Không thể không tiến hành một cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa chống các âm mưu diễn biến hòa bình, đây cũng là một bộ phận của cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ chủ quyền đất nước, độc lập dân tộc. Một vài nhà bình luận quốc tế đã nói đến nguy cơ bá quyền văn hóa, một thứ chủ nghĩa đế quốc văn hóa, thậm dư về buôn bán văn hóa. Cần chú ý hiện tượng phát triển không đồng đều giữa các nước phát triển và đang phát triển. Một số nước có tiềm lực kinh tế và khoa học phát triển mạnh, đôi khi có khuynh hướng áp đặt nền văn hóa của họ đối với các nước chậm phát triển. Những sản phẩm văn hóa tiêu dùng, các mốt thời trang đắt tiền tràn vào qua con đường thị trường, tạo nên một tình trạng xâm thực phi lý, tạo nên cái tâm lý sùng ngoại bài nội, tâm lý chạy theo các kiểu tiêu dùng xa xỉ bằng bất cứ giá nào, tạo nên những nhu cầu giả tạo trong sinh hoạt của cả những tầng lớp lao động mà đời sống hàng ngày còn gặp nhiều khó khăn. Đây là một hiện tượng nghịch lý về văn hóa, con người lấy tiêu thụ làm cứu cánh, con người biến thành những cái máy tiêu thụ vật chất, tiêu thụ văn hóa. Trong giao lưu văn hóa phải bảo đảm sự bình đẳng giữa các nền văn hóa dân tộc, chống sự độc tôn, bá quyền về văn hóa, chống sự áp đặt các hệ thống giá trị và tiêu chuẩn văn hóa của dân tộc này lên dân tộc khác.

Bảo đảm chủ quyền dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa, trên nguyên tắc bình đẳng, chúng ta sẵn sàng mở rộng cửa giao lưu văn hóa với thế giới.

3) *V.I Lê-nin bàn về văn hóa, văn học*, Nxb Văn học, Hà nội, 1977, tr 146 - 147

Digitized by Google

ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM bài toán đang tìm lời giải

VÕ ĐĂNG THIÊN

ĐIỆN ảnh Việt nam 40 năm gắn bó với cuộc đấu tranh của dân tộc và giành không ít vinh quang nay đang trải qua một cuộc khủng hoảng kéo dài mà lối ra còn ở phía trước. Công cuộc đổi mới sâu sắc và toàn diện của đất nước đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Thế nhưng, riêng trong lĩnh vực điện ảnh, cái gọi là thành tựu còn nhỏ nhoi và khiêm tốn so với sự xuống cấp, sa sút, khiến ai cũng phải băn khoăn, lo lắng. Tại sao như vậy ? Đã có nhiều hội nghị, hội thảo bàn cãi và đưa ra nhiều câu trả lời khác nhau. Ở đây, tôi chỉ xin đề cập đến điện ảnh từ hai góc nhìn cơ bản.

I - *Điện ảnh - một ngành nghệ thuật*

Từ trong bản chất đích thực và sản phẩm đóng góp cho xã hội, điện ảnh thực sự là một ngành nghệ thuật. Đó là điều không ai có thể nghi ngờ. Là một trong những thành quả kỳ diệu của tiến bộ khoa học - kỹ thuật đầu thế kỷ, điện ảnh mang trong mình những ưu thế mà khó có một ngành nghệ thuật nào sánh được về quy mô, phạm vi ảnh hưởng và khả năng tác động đến đông đảo công chúng. Là một bộ phận của nền văn hóa nghệ thuật dân tộc, điện ảnh có đầy đủ những chức năng cao quý về giáo dục chân-thiện-mỹ, trực tiếp tham gia vào mọi vấn đề chung của cả cộng đồng bằng một đội ngũ hoạt động sáng tạo, bằng những phương tiện riêng có của mình.

Điện ảnh Việt nam mấy chục năm qua như con đẻ của cách mạng, lớn lên cùng cách mạng.

Đến năm 1989, điện ảnh dường như chấm dứt một chặng đường, giã từ cái nôi bao cấp yên ổn và ấm êm của nhà nước để nhập cuộc với cơ chế thị trường, một môi trường hoàn toàn mới lạ, chứa đựng nhiều hấp dẫn nhưng cũng đầy rủi ro, bất trác. Hàng loạt vấn đề nảy sinh từ đó. Trước hết là hiện trạng : chất lượng phim thường không đi đôi với số lượng phim ; thậm chí số lượng càng tăng, chất lượng lại có chiều càng giảm. Về danh nghĩa, nhà nước không cho phép thành lập hãng phim tư nhân, nhưng trên thực tế, sự ra đời của một loạt hãng phim địa phương và đoàn thể cùng hình thức liên kết với tư nhân (chủ yếu là góp vốn sản xuất) đã làm cho số lượng phim tăng lên không ngừng. Chỉ trong 3 năm (1991-1993) đã có 63 phim truyện nhựa và 89 phim truyện vi-đê-ô ra đời. Nếu so với năm cao nhất của thời bao cấp chỉ có 15 bộ thì đây quả là một bước phát triển. Thế nhưng, theo thống kê của Cục điện ảnh, trong số phim nói trên chỉ có 15% trên trung bình, còn lại là "thứ hàng chợ tầm tầm" và có đến 25% yếu kém, chưa thể gọi là tác phẩm điện ảnh. Tỷ trọng phim trung bình và yếu kém như vậy là quá cao so với một nền điện ảnh bình thường.

Báo cáo của Cục điện ảnh tại Hội nghị nâng cao chất lượng sáng tác điện ảnh đã nêu ra bốn khuynh hướng không lành mạnh trong điện ảnh : *khuynh hướng thương mại hóa, nghiệp dư hóa, bắt chước phim nước ngoài và né tránh hiện thực*. Sự phân chia trên đây là tương đối, bởi đó chỉ là những biểu hiện cụ thể của một căn bệnh : căn bệnh chạy theo đồng tiền, coi điện ảnh là phương tiện kinh doanh kiếm lời đơn thuần. Điều đó có nghĩa là ở loại phim này, bản chất đích thực và chức năng cao quý của nghệ thuật điện ảnh đã bị gạt sang một bên để nhằm vào mục đích ăn khách tầm thường. Ở đây, dường như điện ảnh được coi là công cụ để kiếm tiền và kiếm danh. Sản phẩm của những nhà sản xuất loại này là những bộ phim nhợt nhạt, có nội dung na ná nhau và phần nhiều né tránh những vấn đề cốt tử của hiện thực cuộc sống và con người. Điều dễ nhận thấy nhất, là nó *thiếu đi bản sắc dân tộc, lai căng một cách thô thiển và sống sượng*. Mà một khi, nghệ thuật thiếu *bản sắc dân tộc* thì chỉ là cái xác không hồn. Vấn đề này vừa qua cũng đã được đưa ra bàn luận nhiều. Định nghĩa thế nào là bản sắc dân tộc trong

Digitized by Google

điện ảnh, có thể còn nhiều ý kiến khác nhau. Nhưng nhìn vào hàng loạt bộ phim đã trình chiếu, người xem không hiểu câu chuyện trong phim diễn ra ở đất nước nào, ở thời kỳ lịch sử nào, với những cảnh đời, con người, với những cách cảm, cách nghĩ và lối hành động... hoàn toàn xa lạ với con người Việt nam. Thực ra, bản sắc dân tộc trong điện ảnh nói riêng và nghệ thuật nói chung đâu chỉ đơn giản là áo dài, khăn đóng, là đi hia đội mũ, là cung kiếm giáo mác... như ở một số phim gần đây. Nó cao hơn và sâu hơn ở cốt cách và tâm hồn con người, ở những vấn đề, những mối quan tâm, những nỗi niềm, những giá trị... mà cả cộng đồng đang ngày đêm trăn trở, vật lộn để tìm kiếm, khẳng định. Tất cả những điều đó phải được toát lên từ nội dung, hình thức, đến hình tượng nhân vật, và nhất là ngôn từ (ngôn từ điện ảnh) để đi vào lòng người, tạo nên mối đồng cảm đối với người xem. Nó không tách bạch, riêng lẻ mà thực sự bao trùm, thấm sâu vào tác phẩm và cái chính là đọng lại ở hiệu quả nghệ thuật.

Vấn đề bản sắc dân tộc trong điện ảnh còn gắn bó chặt chẽ với yêu cầu đưa điện ảnh Việt nam hòa nhập vào điện ảnh thế giới. Đó cũng là một trong những khả năng tháo gỡ, giúp đẩy nhanh sự trưởng thành của điện ảnh Việt nam trong cơ chế thị trường.

Là một trong những ngành nghệ thuật có tính phổ biến rộng rãi, điện ảnh không thể tồn tại nếu không tính đến yếu tố công chúng. Những năm trước đây, giữa điện ảnh và người xem đã hình thành mối quan hệ tâm giao. Điện ảnh thời đó (tuy không tránh khỏi những khiếm khuyết) thực sự là món ăn tinh thần lành mạnh và bổ ích của nhân dân. Mối quan hệ đó, mấy năm gần đây hầu như đã bị phá vỡ. Điện ảnh ta đang mất dần khán giả. So với năm cao nhất của thời bao cấp : 300 triệu lượt người xem, thì nay không bằng 1/6. Số người xem cũng giảm rõ rệt qua từng năm. Cái thời nhộn nhịp của những bộ phim ăn khách thu lãi bạc tỷ của năm 91 - 92 nay đã qua. Ngay trong thành phần khán giả với những thị hiếu khác nhau cũng bộc lộ những điều không bình thường : 70 - 80% khán giả đến rạp là thanh niên tuổi dưới 28, trong đó rất ít trí thức, sinh viên, cán bộ, công nhân, viên chức nói chung ; chưa kể đến những vùng nông thôn rộng lớn gần như bị bỏ trống. Mà đấy lại là đối tượng phục vụ chính, là cội nguồn cho sự sống của điện ảnh.

Công tác nghiên cứu lý luận và phê bình điện ảnh, chiếc cầu nối giữa điện ảnh và công chúng, là chỗ dựa cho những định hướng phát triển của điện ảnh, thời gian qua không được chú ý đúng mức, nếu không nói là gần như bị bỏ quên. Hàng loạt vấn đề có tính lý luận cấp bách, đặt ra khi điện ảnh chuyển sang cơ chế mới, đều chưa có lời giải đáp bằng những công trình nghiên cứu chuyên tâm, sâu sắc. Công tác phê bình chỉ dừng lại ở mức giới thiệu, điểm phim, thậm chí quảng cáo; chưa có nhiều bài phê bình nghiêm túc, sâu sắc, có tính định hướng, được viết ra bởi những cây bút phê bình điện ảnh có uy tín.

Mỗi tác phẩm điện ảnh là một công trình tập thể, nhưng suy cho cùng, sự thành bại của một bộ phim phụ thuộc vào sáng tạo của từng cá nhân các nghệ sĩ. Vì vậy, đề cập đến điện ảnh với tư cách là một nghệ thuật cần thấy trách nhiệm và vai trò của đội ngũ nghệ sĩ. Sẽ không thể có một nền điện ảnh đích thực nếu thiếu một đội ngũ những nhà biên kịch, đạo diễn, diễn viên, quay phim... lành nghề, tài năng và tâm huyết. Đội ngũ đó, ai cũng biết chúng ta đã có, nhưng suốt 5 năm qua, cơn lốc thị trường cùng những sai lầm và lỏng lẻo trong quản lý đã làm cho họ gần như tan tác. Một loạt những đạo diễn, diễn viên tài năng từng một thời vang bóng đã bị cái thứ "điện ảnh thương mại" gạt bỏ không thương tiếc để nhường chỗ cho một đội ngũ không có nghề nhưng lại lắm tiền hoặc được tiếng "mến mộ" lên ngôi thành "đạo diễn" này, "minh tinh" nọ ! Một số nghệ sĩ khác, vì miếng cơm manh áo, không cưỡng nổi trước những món tiền "cát xê" hàng chục triệu đồng cũng đã tự đánh mất mình và đánh mất lòng tin của khán giả.

Cũng cần nói thêm, điện ảnh hôm nay có những yêu cầu mới, mà phần đông nghệ sĩ của ta được đào tạo theo kiểu cũ nếu không nắm bắt được để tự đổi mới mình, nhất định có bước hụt hẫng,

Digitized by Google

không phù hợp. Vì vậy, việc đào tạo lại, đào tạo mới một đội ngũ nghệ sĩ điện ảnh cho thời kỳ mới, đi liền với hệ thống chính sách thỏa đáng nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của người nghệ sĩ trước nền điện ảnh dân tộc, trước công chúng đang là vấn đề thời sự.

Thành công đáng ghi nhận của các nghệ sĩ trẻ tại liên hoan phim Việt nam lần thứ 10 vừa qua là những tín hiệu cho phép ta hy vọng về một thế hệ mới đang trưởng thành trong điện ảnh Việt nam.

II - *Điện ảnh - một ngành hoạt động mang tính kinh tế - kỹ thuật*

Nói đến điện ảnh, không thể quên thuộc tính thứ 2 của nó : điện ảnh là một ngành hoạt động mang tính kinh tế - kỹ thuật (có người còn gọi đó là một ngành công nghiệp - công nghiệp điện ảnh). Nó phụ thuộc trực tiếp vào các khâu : quản lý - sản xuất - kinh doanh, và luôn luôn đòi hỏi nâng cao trình độ kỹ thuật.

Ở khâu quản lý, năm 1989, sự ra đời mô hình Liên hiệp điện ảnh với tư cách là một đơn vị sản xuất - kinh doanh thuần túy đã khiến cho điện ảnh phải chịu những tác động nặng nề như một cú "sốc". Sự thay đổi đột ngột về cơ chế quản lý mà không có bước đệm, không căn cứ vào những đặc trưng của công nghiệp điện ảnh, đã tạo ra sự hẫng hụt, tạo ra khoảng trống cho những hiện tượng tiêu cực tràn vào. Nạn đại dịch băng hình vi-đê-ô nhập lậu cùng với một số vụ việc tham nhũng tiêu cực nặng trong Liên hiệp đã đủ để chấm dứt sự tồn tại của cái Liên hiệp điện ảnh này.

Sự ra đời Quyết định 417 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (nay là Thủ tướng chính phủ) tháng 12-1991 là kịp thời và đúng lúc đã kéo theo những thay đổi lớn về tổ chức của ngành. Hai năm rưỡi đã trôi qua, nhưng bước đi của điện ảnh vẫn còn đang e dè và chậm chạp. Thực ra, công tác quản lý nhà nước là một quá trình hoàn thiện không ngừng các công cụ quản lý để bắt kịp những thay đổi của thực tiễn. Tuy nhiên, riêng lĩnh vực điện ảnh, ta chưa có một quy hoạch và chiến lược tổng thể mang tính khả thi mà phần nhiều chỉ là sự đối phó, vá víu, chạy theo tình hình. Tình trạng loạn vi-đê-ô, sự bung ra của nhiều hãng phim, mâu thuẫn kéo dài giữa 3 khâu : sản xuất - phát hành - chiếu bóng, sự thiếu chặt chẽ trong quan hệ giữa ngành dọc và địa phương, vĩ mô và vi mô vẫn là bài toán khó giải của công tác quản lý.

Ở khâu sản xuất, nổi cộm lên là tình trạng lạc hậu, cũ kỹ, thiếu thốn về cơ sở vật chất kỹ thuật của các hãng phim, nhất là ở những hãng lớn, từng là trụ cột của ngành từ bao năm qua. Để có một bộ phim hay, ngoài các yếu tố cơ bản về nghệ thuật, tư tưởng, yếu tố kỹ thuật cũng đóng vai trò quyết định. Bởi không thể gọi một bộ phim là thành công nếu lúc trình chiếu, hình và tiếng đều méo mó hoặc màu sắc nhom nhem, nhợt nhạt. Bởi vậy, không thể nói đến việc nâng cao chất lượng phim trong điều kiện hầu hết máy móc, phương tiện kỹ thuật làm phim của ta đều đã lạc hậu, ít nhất 20 năm so với thế giới.

Sự bất hợp lý giữa "đầu vào" với "đầu ra" trong sản xuất phim cũng đang là một nhân tố gây cản trở. Giá vé xem phim (đầu ra) ở ta hiện nay với mức bình quân 5 000 - 10 000 đồng ở thành phố và 2 000 - 3 000 đồng ở nông thôn vẫn tương đối cao so với thu nhập chung của dân ta, nhưng lại quá thấp so với mức bình quân của thế giới (5-10 USD). Trong khi đó, "đầu vào" (nguyên liệu làm phim) ta lại phải mua theo giá quốc tế. Vì vậy, khả năng thu hồi vốn cho một bộ phim nhựa màu là rất khó. Con số 3 phim nhựa bên cạnh 90 phim vi-đê-ô sản xuất trong cả năm 1993 là một dấu hiệu cho thấy sự sa sút của sản xuất phim. Bởi không thể gọi là một nền điện ảnh nếu sản phẩm chỉ là băng hình vi-đê-ô.

Phát hành, chiếu bóng và kinh doanh xuất nhập khẩu phim và băng hình, là khâu nhạy cảm nhất với quan hệ thị trường nên càng bộc lộ tính phức tạp của điện ảnh. Quyết định 417 đã sắp xếp lại cơ bản mối quan hệ kinh doanh mua bán phim. Nhà sản xuất ngày nay có quyền tự phát hành phim thẳng với các rạp. Công ty xuất nhập khẩu - phát hành phim Việt nam (Fafim), doanh nghiệp nhà nước duy nhất có chức năng kinh doanh phát hành và xuất nhập khẩu phim mặc nhiên bị gạt ra ngoài, không đủ vốn để khống chế thị trường phim mà vay vốn ngân hàng theo lãi suất hiện nay để kinh

Digitized by Google

doanh phim lại càng mạo hiểm. Công tác xuất nhập khẩu phim cũng ở tình trạng tương tự. Phim của ta chất lượng nghệ thuật và nhất là kỹ thuật quá kém (do máy móc cũ nát) nên không được nước ngoài chấp nhận. Phim nước ngoài, loại chất lượng cao, Fafim không có tiền mua theo giá quốc tế, đành thúc thủ, chấp nhận làm đại lý cho một vài hãng phim nước ngoài ăn "hoa hồng" để nhập vào ta loại phim hàng chợ tầm tầm. Thị trường băng hình vi-đê-ô sôi động, một nguồn thu cực kỳ quan trọng cũng nằm ngoài tầm tay Fafim bởi hơn 80% băng hình đang lưu hành trên thị trường là băng ngoài luồng, nhập lậu. Tệ nạn ăn cắp bản quyền bằng cách sao trộm (cả băng hình nhựa và phim nhựa) đang diễn ra trắng trợn, công khai mà chưa có biện pháp ngăn chặn cũng là một đòn nặng nề, làm nản lòng các nhà sản xuất và kinh doanh phim. Tỷ lệ ăn chia bất hợp lý giữa chủ phim (40%) và chủ rạp (60% doanh thu của một bộ phim) đang là một đề tài gây tranh cãi. Thêm vào đó là tình trạng lộng quyền, cát cứ của các chủ rạp ở một số thành phố lớn (chỉ chấp nhận chiếu những bộ phim ăn khách rẻ tiền mà từ chối chiếu những bộ phim có tác dụng tuyên truyền). Công tác thu chi tài chính của ngành cũng là vấn đề đáng bàn : năm 1992, ngành chiếu bóng đạt doanh thu 60 tỉ đồng, nộp ngân sách nhà nước 6 tỉ đồng ; hệ thống cửa hàng kinh doanh băng hình toàn quốc đạt doanh thu hằng năm ước tính 200 tỉ đồng. Trong khi đó, cũng năm 92, nhà nước chỉ đầu tư cho điện ảnh vẻn vẹn có 2,5 tỉ đồng. Mâu thuẫn ở đây là hệ thống chiếu bóng và kinh doanh băng hình (thu số tiền không nhỏ) lại do các địa phương quản lý, chịu trách nhiệm nộp ngân sách cho địa phương.

Cơ sở vật chất của hệ thống rạp chiếu bóng trong toàn quốc cũng không khá gì hơn các xưởng phim. Từ 500 rạp thời bao cấp, nay cả nước chỉ còn khoảng 200 rạp. Phần lớn các rạp (kể cả ở các thành phố lớn) đã bị khai thác quá tải, dẫn đến xuống cấp hoàn toàn và thường biến thành rạp... chiếu vi-đê-ô.

Trước thực trạng nêu trên, không ít người, do quá nôn nóng và sốt ruột đã thốt lên : "Điện ảnh Việt nam sẽ đi về đâu ?". Không ít tín hiệu cấp báo đã vang lên từ các diễn đàn. Thế nhưng để sắp xếp lại một cơ đồ đã ít nhiều bị xáo trộn và đổ vỡ cũng cần không ít thời gian, công sức và tiền của.

Trước hết cần có một cái nhìn tổng thể và khách quan đối với điện ảnh, nhận rõ nét đặc trưng và đặt điện ảnh trong thực trạng chung của nhiều ngành văn hóa nghệ thuật trước cơn "sốc" của cơ chế thị trường. Vậy đặc trưng của điện ảnh so với các ngành văn hóa nghệ thuật khác là gì ? Đó là sự kết hợp giữa *tính nghệ thuật* và yêu cầu kinh doanh, giữa tác dụng giáo dục tư tưởng thẩm mỹ và hiệu quả về kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm điện ảnh. Nói như vậy không có nghĩa là một số ngành nghệ thuật khác không có yêu cầu kinh doanh ở những mức độ khác nhau, nhưng riêng với sản phẩm điện ảnh, yêu cầu kinh doanh được thể hiện rõ nét nhất như một thuộc tính không thể thiếu. Vì vậy, một chiến lược chấn hưng và phát triển điện ảnh không thể không tính đến cả hai mặt trên, trong đó lấy hiệu quả chính trị - xã hội làm trọng tâm, đồng thời khai thác hiệu quả kinh doanh của nó một cách hợp lý. Ở đây cần hiểu yêu cầu kinh doanh được thể hiện ở khâu trao đổi, mua bán (kể cả xuất nhập khẩu), tiêu dùng sản phẩm điện ảnh trong xã hội, khác hẳn với khuynh hướng *thương mại hóa*, tìm lợi nhuận bằng bất cứ giá nào, xa rời chức năng của nghệ thuật. Như vậy, đối với điện ảnh, yêu cầu *xã hội hóa triệt để* đồng thời *đề cao vai trò quản lý của nhà nước* cần được thực hiện song song, với mục đích cuối cùng là : xây dựng một nền điện ảnh dân tộc đạt trình độ nghệ thuật, tư tưởng và kỹ thuật cao, giàu bản sắc dân tộc đồng thời từng bước đạt hiệu quả doanh thu. Có nghĩa là làm sao để điện ảnh dần dần vừa tự nuôi sống được mình vừa đem lại lợi ích tinh thần và vật chất cho xã hội.

Từ những quan điểm nêu trên, tôi cho rằng cần khẳng định dứt khoát mô hình của điện ảnh ta phải là mô hình doanh nghiệp và mọi tác động của Nhà nước đối với điện ảnh về mặt vật chất phải thông qua các quan hệ thị trường như : cho vay vốn, ưu đãi về thuế, đặt hàng, mua bản quyền... Tất nhiên, trừ một số khu vực đặc biệt Nhà nước

Digitized by Google

phải tài trợ 100% hoặc từng phần (có quy định riêng), chẳng hạn, hoạt động chiếu bóng ở miền núi, hải đảo, nông thôn sâu, sản xuất phim tài liệu, phim hoạt hình v.v.

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã dành cho điện ảnh sự quan tâm đúng mức, các cơ quan chức năng có nhiều nỗ lực trong việc tháo gỡ khó khăn của điện ảnh. Điện ảnh được đặt thành một trong 3 chương trình hoạt động lớn, trọng tâm của ngành văn hóa - thông tin trong năm 1994, cùng với bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa và đưa văn hóa thông tin về cơ sở. Nhà nước cũng đã có chương trình đầu tư 20 tỉ đồng cho điện ảnh trong hai năm 1994 - 1995. Tuy nhiên những khó khăn cơ bản vẫn chưa được giải quyết.

Về quản lý, cần nhanh chóng bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp quy, tiến tới soạn thảo và trình Quốc hội thông qua luật về điện ảnh, đồng thời kiện toàn, nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước về điện ảnh để công tác quản lý đạt hiệu quả cao hơn, đưa các hoạt động của điện ảnh vào khuôn khổ của luật pháp.

Về sản xuất, trên phương diện nghệ thuật, yếu tố gốc, quyết định chất lượng nghệ thuật một bộ phim - mà hiện nay là khâu yếu nhất - là *kịch bản văn học*. Đây là khâu cần có sự đầu tư thích đáng để có thể chọn ra được những kịch bản hay, có chất lượng cao cả về tư tưởng, nghệ thuật và kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với cơ chế mới. Trên phương diện kỹ thuật, theo tính toán của các chuyên gia, từ nay đến năm 2000, để xây dựng được hai trung tâm kỹ thuật điện ảnh đạt tiêu chuẩn quốc tế ở Hà nội và TP Hồ Chí Minh, cần có một khoản đầu tư khoảng 10 triệu USD, và cũng trong thời gian trên, để hoàn thiện hệ thống rạp chiếu bóng trong toàn quốc, mỗi năm cần trên 30 tỉ đồng. Thật là một khoản đầu tư không nhỏ trong điều kiện ngân sách của nhà nước còn eo hẹp, nhưng nó lại là yêu cầu đầu tiên để vực dậy ngành sản xuất phim.

Ở khâu phát hành, chiếu bóng và kinh doanh xuất nhập khẩu phim, yêu cầu đầu tiên là chấn chỉnh, sắp xếp lại hệ thống rạp ; chấm dứt tình trạng chia cắt, cát cứ hiện nay ; điều chỉnh mối quan hệ phân phối giữa người sản xuất và các chủ rạp, sao cho vừa bảo đảm hiệu quả tuyên truyền, vừa có tác dụng hỗ trợ, kích thích sản xuất, bảo đảm nguồn thu cho nhà nước. Mấy năm qua, phim nhựa đã chịu sự chèn ép nặng nề của vi-đê-ô, hầu hết các rạp đã bị vi-đê-ô hóa. Trong tương lai cần trả các rạp về cho phim nhựa, bởi với đà tăng trưởng của nền kinh tế và mức sống hiện nay, vi-đê-ô sẽ chuyển dần về các đầu máy gia đình thông qua hệ thống cửa hàng cho thuê. Bởi vậy, việc quản lý chặt chẽ hệ thống cửa hàng kinh doanh băng hình vừa có ý nghĩa xã hội (loại trừ những băng hình xấu, độc hại) vừa có ý nghĩa kinh tế, bảo đảm một nguồn thu lớn cho nhà nước (hàng chục tỉ đồng mỗi năm). Bên cạnh đó, cần có chính sách ưu đãi về thuế và vốn để giúp Fafim làm tốt vai trò của mình, đủ sức khống chế thị trường phim trong nước theo định hướng có lợi cho nhà nước, đồng thời chủ động vươn ra thị trường quốc tế, đưa phim Việt nam ra nước ngoài và đưa phim nước ngoài (chất lượng cao) về cho công chúng Việt nam, một yêu cầu không chỉ thuần túy về mặt kinh doanh mà còn có ý nghĩa văn hóa : mở rộng giao lưu quốc tế.

Cuối cùng, tưởng cũng cần nêu lên ý kiến đề xuất của một số người có trách nhiệm trong ngành điện ảnh về việc thống nhất toàn bộ hoạt động điện ảnh của nhà nước vào một đầu mối quản lý duy nhất trên toàn quốc (có thể theo mô hình *tập đoàn* hay *liên hiệp*), nhằm khắc phục những trở ngại lớn cho sự phát triển điện ảnh : mối quan hệ quay lưng lại nhau giữa 3 khâu : sản xuất - phát hành - chiếu bóng ; giữa quản lý theo ngành dọc và quản lý theo lãnh thổ (địa phương). Nhà nước có thể nắm chắc "đầu vào" và "đầu ra" của điện ảnh để có chính sách tác động tích cực, tạo nên mối quan hệ gắn bó, hỗ trợ lẫn nhau giữa các khâu nêu trên vì sự phát triển chung của điện ảnh. Với ước muốn xây dựng một *nền công nghiệp điện ảnh Việt nam* hiện đại, gắn liền với sự phát triển chung của đất nước, mong rằng đề xuất trên đây được các cấp có thẩm quyền lưu tâm xem xét.

Digitized by Google

Ông từ điển

NGUYỄN VĂN LỘC

TRONG hoàn cảnh mới hiện nay, có những cán bộ luôn tỏ ra là có kiến thức, hiểu biết rộng khi chuyện trò, đàm đạo với bạn bè cũng như khi phát biểu, tham luận ở các cuộc hội nghị. Từ những vấn đề lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội khoa học cho đến những vấn đề về cơ chế kinh tế, quản lý kinh tế, vấn đề trong nước, vấn đề ngoài nước, vấn đề nào các đồng chí ấy cũng tỏ ra thành thạo. Có người đã được bạn bè gọi vui là "ông từ điển", và khi gặp điều gì khó chưa hiểu, thì lại đến nhờ đồng chí ấy giải thích, như người tra từ điển vậy.

Nhưng rồi ở đâu cũng vậy, qua thực tiễn cuộc sống, đã từng bước lọc những người ấy ra thành hai lớp. Lớp thứ nhất, là những người thật sự có trình độ, có hiểu biết rộng, rất đáng tin cậy. Lớp thứ hai, là những người tuy nói năng lưu loát nhưng hàm lượng thông tin thường cũ kỹ, chẳng mấy bổ ích, hoặc bên cạnh những điều nói đúng cũng điểm những điều không chính xác, có khi còn sai lạc, kể cả khi nói về những ý tứ quan trọng. Ngay với một số người vốn được coi là "ông từ điển" cũng có nhược điểm ấy. Số người này thường có cương vị công tác quan trọng và bằng lòng với cương vị đó, ít chịu khó nghiên cứu, học tập thêm ; nếu có ai thân tình nhắc bảo thì chỉ ra sức thanh minh là quá bận công tác, không có thì giờ học ! Mặt khác, đó là số đồng chí tuy việc học hành mới ở trình độ nhất định, kiến thức chưa được bao nhiêu thì đã được ưu ái cấp bằng này, bằng nọ, được "phong" là có trình độ này, trình độ kia, nên cứ ngỡ mình đã thuộc vào loại "tầm cỡ" có thể "bằng chân như vại", không cần phải học tập gì nữa. Ở nhiều nơi, do bận bịu với các chương trình, kế hoạch công tác, người ta đã không quan tâm đầy đủ đến việc tổ chức và bảo đảm chế độ học tập cho cán bộ, đảng viên ; ai học hay không học đều được cả. Mà kể cũng lạ, có những nơi người ta có thể dễ dàng bỏ ra mấy trăm triệu đồng để sắm một chiếc xe hơi sang trọng, bỏ ra nhiều triệu đồng để liên hoan chè chén, nhưng lại nói chỉ đủ kinh phí để mua vẻn vẹn vài tờ báo *Nhân dân*, vài cuốn *Tạp chí Cộng sản*. Cũng có những nơi mua không ít sách báo, cán bộ lãnh đạo đều có tiêu chuẩn báo riêng, nhưng nhiều khi cả báo và tạp chí chỉ nằm yên trong cặp các thủ trưởng, khi nào "sếp" chợt nhớ ra mới xem vội vàng qua quít.

Có thể nói, trong thời đại ngày nay, khi các nước đang tranh thủ vươn lên để trở thành những nước phát triển giàu có, thì sự kém cỏi, nghèo nàn về kiến thức cũng là một thứ "tụt hậu" đáng lo ngại. Nó làm cho con người trở thành bất lực trước nhiều vấn đề đang đặt ra trong cuộc sống. Có sớm thực hiện được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" hay không, có sớm đuổi kịp được các nước trong khu vực hay không, điều hết sức quan trọng là đội ngũ cán bộ đảng viên, trước hết là những cán bộ chủ chốt, có đủ kiến thức, trí tuệ và năng lực lãnh đạo, quản lý hay không. Chúng ta đang đứng trước hàng loạt vấn đề mới mẻ, phức tạp của sự nghiệp xây dựng đất nước. Chỉ với cái vốn kiến thức ít ỏi, với những kinh nghiệm cũ, thì không thể giúp cho người cán bộ giải quyết tốt được những vấn đề của ngày hôm nay, thậm chí nhiều khi còn làm hỏng việc.

Lại còn phải chú ý rằng, hiện nay các thế lực thù địch đang ra sức thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" đối với nước ta bằng nhiều thủ đoạn thâm độc, trong đó chúng hết sức coi trọng việc tung ra những hỏa mù về lý luận, để đánh phá ta về tư tưởng. Nếu cán bộ đảng viên ta không có trình độ cần thiết, thì sẽ dễ lẫn lộn vàng - thau, khó phân biệt được đâu là những quan điểm lý luận đúng đắn đích thực, đâu là những luận điệu vu cáo, xuyên tạc nham hiểm của kẻ thù ; do đó mà thiếu lòng tin vững chắc vào lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường xã hội chủ nghĩa.

Bởi vậy, xét về nhiều phương diện, chính lúc này việc chăm lo học tập để không ngừng nâng cao trình độ, kiến thức, năng lực tư duy, năng lực hoạt động thực tiễn đối với cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt, lại càng có ý nghĩa bức thiết hơn bao giờ hết.

Digitized by Google

THẤY GÌ QUA NHỮNG CUỘC XUNG ĐỘT GẦN ĐÂY TRÊN THẾ GIỚI

LÊ TỊNH

THẾ giới đang rất lo ngại về việc có hàng loạt cuộc xung đột khu vực, bao gồm mâu thuẫn sắc tộc, bùng nổ tôn giáo, tranh chấp tài nguyên và lãnh thổ ; trong đó chủ yếu vẫn là xung đột sắc tộc dưới mọi hình thức. Dường như vấn đề chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa cuồng tín tôn giáo đang nổi lên, trong khi vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp trên thế giới không hề lắng dịu. Thật vậy, hàng ngày chúng ta đang chứng kiến hàng loạt sự việc liên quan, như vấn đề người da đen ở Mỹ, người Quê-bếch ở Ca-na-đa, người thổ dân ở Mê-hi-cô, ở Ô-xtơ-rê-li-a, người Anh-điêng ở Bắc Mỹ, người Ai-len ở Anh, người Ba-xcơ ở Tây-ban-nha, người A-rập và người Do thái ở Trung Đông, người Ta-min và người Cuốc ở Nam Á và Tây Á, người Du-lu ở Nam Phi... Và đặc biệt nhức nhối hơn cả là cuộc xung đột sắc tộc đẫm máu kéo dài ở vùng Ban-căng và Trung Á !

Trước hết hãy nói về vùng Ban-căng. Nam-tư cũ là một nước đa dân tộc. Tại đây có trên 20 dân tộc lớn nhỏ cùng chung sống. Những dân tộc này từ miền Nam nước Nga di cư đến đây từ hơn 1000 năm trước. Nhưng cho đến tận trước chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), họ vẫn luôn sống trong xung đột, mâu thuẫn, không thể xây dựng được một nhà nước thống nhất. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, tại đây, lần đầu tiên trong lịch sử, một nhà nước thống nhất được thành lập. Đó là Vương quốc Xéc-bi - Crô-a-chi-a - Xlô-vê-ni-a (năm 1919 đổi tên là Vương quốc Nam-tư), trong đó người Xéc-bi chiếm ưu thế, họ nắm chính quyền vương quốc và thi hành chính sách đại Xéc-bi, đàn áp tàn bạo các dân tộc khác. Năm 1941, Hít-le lập Vương quốc Crô-a-chi-a thay cho Vương quốc Nam-tư, để người Crô-a-chi-a nắm chính quyền, thực hiện chính sách diệt chủng đối với người Xéc-bi, gần 1 triệu người Xéc-bi bị giết chết. Vì vậy, hận thù dân tộc rất sâu sắc và luôn chứa đựng khả năng bùng nổ.

Năm 1945, nguyên soái Ti-tô (1892 - 1980) thành lập Liên bang Nam-tư, gồm 6 nước cộng hòa và hai khu tự trị. Suốt thời kỳ dưới chính thể cộng hòa xã hội chủ nghĩa (1945 - 1990), vấn đề sắc tộc về cơ bản lắng dịu xuống. Người ta sống với nhau trong sự hòa hợp và đoàn kết. Năm 1991, tiếp theo những biến động ở Đông Âu, Liên bang Nam-tư tan rã. Hai nước cộng hòa đầu tiên tuyên bố độc lập là Xlô-vê-ni-a và Crô-a-chi-a. Lúc đầu, các nước phương Tây vẫn muốn duy trì một nước Nam-tư thống nhất như cũ. Nhưng sau khi nước Đức công nhận Xlô-vê-ni-a và Crô-a-chi-a, thì các nước khác cũng lần lượt làm theo. Nam-tư cũ chia thành 5 nước độc lập. Trong đó, nước cộng hòa của người Xéc-bi và Môn-tê-grô giữ nguyên tên Liên bang Nam-tư, gọi là *Nam-tư mới*, thay thế vị trí của Nam-tư cũ của Liên hợp quốc và trên thế giới. Trong Nam-tư mới, người Xéc-bi là dân tộc chủ thể. (Nam tư mới đang bị Liên hợp quốc trừng phạt vì giúp đỡ người Xéc-bi ở Bô-xni-a Héc-xê-gô-vi-na, ở Crai-na thuộc Cộng hòa Crô-a-chi-a và ở các nơi khác thuộc Nam-tư cũ, gây xung đột ở các nơi này). Cộng hòa Bô-xni-a Héc-xê-gô-vi-na là một trong 5 nước cộng hòa mới. Tại đây, có chính phủ và quốc hội thống nhất, nhưng thực tế chỉ bao gồm người Hồi giáo và người Crô-a-chi-a. Người Xéc-bi ở Bô-xni-a (tại Bô-xni-a, có 1,5 triệu người Xéc-bi trong tổng số 2 triệu người Xéc-bi sống ngoài liên bang Nam-tư mới) có quốc hội riêng, họ không chịu sống chung với người Hồi giáo và người Crô-a-chi-a. Họ muốn gia nhập nước Nam-tư mới, nhưng không thành. Nói chung, người Xéc-bi sống tại các nước cộng hòa khác, đều mang nặng tư tưởng đại dân tộc. Họ không chịu ở vị thế bị coi là dân tộc thiểu số ở bất cứ nước cộng hòa nào, nhất là ở Bô-xni-a.

Xung đột sắc tộc ở Bô-xni-a cũng đồng thời là xung đột tôn giáo. Người Crô-a-chi-a theo đạo Thiên chúa. Người Xéc-bi theo đạo chính thống. Còn người Hồi giáo cũng chính là người Xéc-bi, nhưng theo đạo Hồi. Người Hồi giáo và người Xéc-bi cùng nói một thứ tiếng, nhưng văn hóa khác hẳn nhau do tôn giáo khác nhau. Sự chia năm xẻ bảy của Nam-tư cũ cùng với mâu thuẫn sâu sắc giữa ba dân tộc trong nội bộ nước cộng hòa Bô-xni-a

Digitized by Google

Héc-xê-gô-vi-na, đã làm cho xung đột sắc tộc ở đây không thể kiểm soát nổi.

Nhìn lại thực tiễn gần nửa thế kỷ qua của Nam-tư cũ có thể thấy gì ? Cũng vẫn những sắc tộc ấy, cũng vẫn những mâu thuẫn ấy, nhưng vì sao suốt một thời gian dài dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, những người theo chủ nghĩa xã hội ở đây đã hòa giải được, đã tập hợp được các sắc tộc dưới một ngọn cờ ? Vì sao khi Nam-tư cũ tan rã, cũng là sự tan rã của tổ chức những người xã hội chủ nghĩa thì ở đây mất đi chất keo gắn bó các dân tộc ? Nếu những người lãnh đạo các sắc tộc ở Nam tư hiện nay không có những tham vọng quyền lực cá nhân và lợi ích ích kỷ sắc tộc, biết xem xét tới lợi ích của cộng đồng, của khu vực, không bị lôi cuốn vào chủ nghĩa phục thù dân tộc, giống như những người xã hội chủ nghĩa trước đây, thì chắc gì nhân dân các dân tộc sống trên lãnh thổ Nam-tư cũ bị rơi vào cảnh bắn giết nhau thảm khốc như hiện nay ? Liệu có bàn tay nào từ bên ngoài thọc vào lợi dụng mâu thuẫn sắc tộc để gây rối hòng "đục nước béo cò" không ?

Tại Liên xô cũ, 15 nước cộng hòa đã ra đời sau sự kiện tháng 8-1991. Mỗi nước cộng hòa là một quốc gia đa sắc tộc. Nhìn chung trong 70 năm tồn tại dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, hầu hết các dân tộc và bộ tộc tại Liên xô cũ đã có một quan hệ tốt đẹp, không hề xảy ra xung đột lớn. Họ cùng nhau chung lưng đấu cật xây dựng một liên bang hùng mạnh. Tuy nhiên, điều đó không thể che giấu những sai lầm lớn về mặt chính sách dân tộc. Và sai lầm này đã để lại hậu quả ngày nay. Chẳng hạn, vùng Na-go-rơ-nui Ca-ra-bác vốn nằm về phía Ác-mê-ni, nhưng lại bị cố ý phân chia về A-déc-bai-gian, nhằm chống lại cái gọi là tư tưởng đại dân tộc Ác-mê-ni ! Người Tréc-tren-xơ, người In-gu-sơ và người Ta-ta-rơ là ba dân tộc trong số 11 dân tộc từng bị buộc phải di chuyển khỏi quê hương của mình vì lý do "an ninh". Chuyện này xảy ra khi Liên xô phải đương đầu với phát xít Đức. Nay các dân tộc này đòi độc lập, tách khỏi Nga. Mặt khác, trong một thời kỳ lâu dài trước đây, người Nga, người U-crai-na v.v. có mặt tại nhiều nước cộng hòa khác. Ví dụ, tại Ca-dắc-xtan, số người Nga (9,5 triệu) gần bằng số người Ca-dắc. Cho đến năm 1989, có 49 triệu người Nga sống tại các nước cộng hòa Trung Á. Đây là vùng có nhiều người Nga nhất, chủ yếu do việc di chuyển công nghiệp quy mô lớn thời chiến tranh vệ quốc ; thập kỷ 50 lại có việc động viên người Nga đi khai hoang ở khu vực này. Vấn đề người Nga (chiếm 70% số dân) tại bán đảo Crưm lại mang tính chất khác : năm 1956, chính quyền Liên xô cũ giao bán đảo Crưm cho U-crai-na, mặc dù, trước đó, Crưm thuộc Nga. Tình hình người Nga ở ven sông Đơ-ni-ét-xtơ-rơ ở Cộng hòa Môn-đô-va cũng tương tự. Tại Lát-vi-a và E-xtô-ni-a, người Nga chiếm 35% và 30% số dân. (Có lẽ vì chuyện này mà cho đến tháng 7-1994, 12 000 quân Nga ở đây vẫn chưa rút về nước). Dưới chủ nghĩa xã hội, cuộc sống chung đó là một xu hướng bình thường. Nhưng nay đang trở thành gay cấn.

Vấn đề sắc tộc ở Cáp-ca-dơ cũng khá phức tạp. Gru-di-a vốn là một trong 15 nước cộng hòa của Liên xô cũ. Áp-kha-di-a trước kia là nước tự trị trong cộng hòa Gru-di-a. Sau khi Gru-di-a tuyên bố độc lập, Áp-kha-di-a được coi là một tỉnh. Áp-kha-di-a có trên 0,5 triệu dân, trong đó 43,9% là người Gru-di-a, chỉ có 17,1% là người Áp-kha-đi, còn lại là người Nga. Với tính cách là thành phần của Gru-di-a, Áp-kha-di-a vốn là nơi có công nghiệp phát triển nhất, chiếm phần lớn bờ biển (Biển Đen) của Gru-di-a, có những hải cảng chủ yếu của Gru-di-a. Tháng 3-1989, Áp-kha-di-a đã đòi tách khỏi Gru-di-a, nhưng bị phản đối. Tháng 7-1992, họ lại tuyên bố độc lập. (Cho đến nay, chưa có nước nào công nhận độc lập của Áp-kha-di-a). Cuộc xung đột đẫm máu bắt đầu từ đó. Người Nga chiếm gần 40% số dân ở Áp-kha-di-a, vì vậy, nước Nga rất quan tâm vấn đề Áp-kha-di-a, họ đã can thiệp và làm trung gian hòa giải.

Qua những cuộc xung đột sắc tộc ở Nam-tư cũ và Liên xô cũ ta thấy : đó là hậu quả của sự tan rã nhà nước liên bang, dẫn đến sự xuất hiện hàng loạt nước cộng hòa mới với những mâu thuẫn dân tộc vốn có nổi lên, bùng nổ thành xung đột. Những xung đột ấy, chủ yếu là do mâu thuẫn dân tộc, nhưng không chỉ là vấn đề dân tộc, mà kèm theo đó là tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên, tranh chấp lợi ích quốc gia và khu vực. Nhiều nơi còn pha trộn thêm mâu thuẫn tôn giáo. Riêng tại Liên xô cũ, một phần là do vấn đề người Nga sinh sống tại nước sở tại. Mặt khác, thực tiễn lịch sử cũng cho thấy, chính sách đoàn kết và bình đẳng dân tộc ở các nước đã lựa chọn chủ nghĩa xã hội, mặc dù có những hạn chế nhất định trong thực thi, nhưng là đúng đắn và đã có những thành công đáng kể.

Nhìn vào châu Phi và một số nơi khác, chúng ta thấy xung đột sắc tộc thường diễn ra trong nội bộ một nước có chủ quyền. Nam Phi có vấn đề phân biệt chủng tộc, nhưng đã bước đầu được giải quyết qua các cuộc bầu cử gần đây. Các nước châu Phi khác thì hầu hết đều có vấn đề sắc tộc, chủng tộc. Người ta ước tính tại châu Phi có tới gần 1000 dân

Digitized by Google

tộc, bộ tộc khác nhau. Trong khi đó, với chính sách "chia để trị", chủ nghĩa thực dân thống trị trước đây đã lập ra các nước ở đây với ranh giới mà theo đó hầu như các dân tộc đều bị chia ra làm mấy mảng khác nhau, phần thuộc nước này, phần thuộc nước nọ. Đó chính là một trong những nguồn gốc gây xung đột sắc tộc hiện nay ở châu Phi. Một hiện tượng thường thấy ở châu Phi là khi chính quyền ở nước nào đó nằm trong tay người của bộ tộc này thì người của bộ tộc khác khó mà không bất bình nổi dậy chống lại. Vì vậy, ở nước nào mà không có một chính quyền đủ mạnh có thể tập hợp, đoàn kết các dân tộc và thực thi một chính sách dân tộc đúng đắn, thì ở đó khó mà tránh được các cuộc xung đột sắc tộc. Tình trạng nghèo đói và chậm phát triển ở châu Phi càng làm cho mâu thuẫn sắc tộc ở đây thêm trầm trọng. Ở những nước như Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích và ở Áp-ga-ni-xtan, mặc dù đã có chính quyền hòa giải dân tộc, nhưng tranh chấp giữa các phe phái vẫn kéo dài và ác liệt. Xung đột phe phái kết hợp với mâu thuẫn bộ tộc đang làm kiệt quệ nhiều nước vốn đã rất nghèo nàn. Những gì đang diễn ra ở Ru-an-đa đã cho thấy hậu quả khủng khiếp và rất khó dập tắt khi vấn đề sắc tộc đã bị bùng nổ. Một nước nhỏ bé 36,3 nghìn km^2, 7,5 triệu người phải chịu cảnh "nồi da nấu thịt" với hơn nửa triệu người chết, nhiều thành phố, làng mạc bị phá hủy. Thực tế này nhắc nhở cộng đồng quốc tế và cả châu Phi cần nhận rõ hơn nữa mối hiểm họa của mâu thuẫn sắc tộc.

Ở Trung Đông, Trung Á, Nam Á và nhiều nơi khác, xung đột sắc tộc thường xen lẫn với mâu thuẫn tôn giáo hoặc tranh chấp lãnh thổ, tranh chấp tài nguyên. Tuy nhiên, cũng có nơi, xung đột chủ yếu do tôn giáo, như sự trỗi dậy của chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan ở An-giê-ri, cuộc chiến tranh của những người Hồi giáo cầm quyền chống lại những người không theo Hồi giáo ở Xu-đăng. Nhìn chung, sự phát triển cuồng nhiệt của phong trào Hồi giáo ở rất nhiều nơi là một nét nổi bật của thế giới những năm gần đây. Người ta đã và đang nói đến một cuộc "cách mạng Hồi giáo". Ngày nay, đạo Hồi đã trở thành một lực lượng chính trị to lớn. Và cũng giống như bất cứ một học thuyết chính trị nào khác, nó muốn phát triển ảnh hưởng của mình, muốn truyền bá giá trị của mình. Sự thu hẹp trận địa của hệ thống xã hội chủ nghĩa sau biến động ở Đông Âu và Liên xô cũ, phải chăng là vận hội cho sự phát triển của đạo Hồi ? Nhưng điều này trước hết lại gây lo ngại cho đạo Thiên chúa và đạo Do thái, bởi lẽ cả ba tôn giáo lớn này, ngày nay, chỉ biết " chăm lo phấn đấu cho cương lĩnh của riêng mình" (lời của Ghi-ơ Kê-pen, chuyên gia về chủ nghĩa Hồi giáo cấp tiến, Hội khoa học chính trị quốc gia Pa-ri). Đương nhiên, chủ nghĩa Hồi giáo cấp tiến cũng tạo ra những phiền toái cho sự ổn định và phát triển tại những nơi đang mong muốn hoặc đã tạo lập được sự ổn định và phát triển.

Làn sóng xung đột khu vực trên thế giới thời gian qua cho thấy điều gì ? Có thể khẳng định xu hướng cơ bản của cục diện quốc tế là hòa bình, hợp tác và phát triển ; nguy cơ chiến tranh lớn đã giảm xuống mức thấp nhất. Nhưng các mâu thuẫn và đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc vẫn rất gay gắt. Điều nhức nhối của nhân loại hiện nay là thảm họa của các cuộc xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp tài nguyên, lãnh thổ. Các cuộc xung đột này đang làm cho tình hình thế giới thêm phức tạp và chứa đựng nhiều yếu tố bất trắc. Bản đồ của những vùng tập trung xung đột có thể còn biến động. Tác động tiêu cực của các cuộc xung đột đối với an ninh và ổn định khu vực, có thể còn diễn biến phức tạp. Cộng đồng thế giới và mỗi nhà nước có liên quan còn cần phải quan tâm và có giải pháp đúng đắn. Tuy nhiên, khả năng lây lan và phát triển của xung đột đang bị chặn lại. Sự chia cắt thành các quốc gia theo từng sắc tộc là không hợp quy luật. Sự chiếm đoạt tài nguyên và lãnh thổ của nước khác là điều không luật pháp nào cho phép.

Về vấn đề sắc tộc và tôn giáo, giải pháp thích hợp nhất và có khả năng thành công nhất là mỗi nhà nước phải tự mình dàn xếp là chính, sự giúp đỡ và can thiệp của bên ngoài là cần thiết nhưng không thể quyết định. Cần cố gắng kiềm chế để hạn chế xung đột, và cần thông qua hòa giải, thương lượng để giải quyết.

Vấn đề xung đột sắc tộc và tôn giáo trên thế giới có ảnh hưởng nhất định đến Việt nam. Chúng ta cần hết sức cảnh giác với những âm mưu lợi dụng sắc tộc và tôn giáo để phá hoại đất nước ta. Chúng ta cần ra sức thực hiện chính sách đúng đắn của nhà nước ta về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, bảo đảm tự do tín ngưỡng. Mặt khác, cần thấy rằng các dân tộc ở Việt nam đã có truyền thống chung lưng đấu cật hàng nghìn năm nay để dựng nước và giữ nước. Được hun đúc bằng chủ nghĩa yêu nước sâu sắc và lý tưởng xã hội chủ nghĩa cao đẹp, các dân tộc và các tôn giáo ở Việt nam mãi mãi sẽ tiến bước dưới ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội do Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo, xây dựng một nước Việt nam hòa bình, ổn định, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Digitized by Google

CHUNG QUANH CUỘC KHỦNG HOẢNG HẠT NHÂN Ở TRIỀU TIÊN

Lời người biên tập : *Vấn đề khủng hoảng hạt nhân ở Triều tiên đang được nhiều người quan tâm. Để giúp bạn đọc tìm hiểu thêm về vấn đề này, chúng tôi xin giới thiệu bài báo dưới đây của tờ United Morning News (Xin-ga-po) do "Hải ngoại tinh vân" của Trung quốc trích đăng ngày 22-5-1994.*

MỘT quan điểm tương đối phổ biến hiện nay cho rằng chưa có chứng cớ đầy đủ chứng minh Triều tiên đã có vũ khí hạt nhân, nhưng không nghi ngờ gì nữa, Triều tiên đang nghiên cứu phát triển loại vũ khí này.

Berkellum (Bk) là một loại nguyên tố kim loại nhân tạo mang tính chất phóng xạ, là nhiên liệu hạt nhân quan trọng. Theo các cơ quan tình báo Mỹ và Hàn quốc tiết lộ, Triều tiên hiện đã có 22kg Bk, tương đương số nhiên liệu để làm 3 trái bom hạt nhân như loại của Mỹ đã ném xuống Na-ga-xa-ki (Nhật bản).

Ninh biên ở tây bắc Bình nhưỡng là khu vực trọng điểm mà Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế đòi kiểm tra. Lò phản ứng nguyên tử số 1 đã được xây dựng ở đây năm 1982, tiếp đó là lò số 2. Mọi dấu hiệu chứng tỏ lò số 3 và lò số 4 cũng đang được xây dựng nhằm phát triển vũ khí hạt nhân và sản xuất Bk.

Các chuyên gia quân sự Nhật bản cho rằng từ sản xuất được Bk đến khi chế tạo được vũ khí hạt nhân cần ít nhất hai năm, trong đó then chốt nhất là chế tạo ngòi nổ. Triều tiên đã tiến hành 70 lần thí nghiệm, bộ phận gây nổ đã đạt yêu cầu.

Phương tiện chuyên chở vũ khí hạt nhân gồm hai loại máy bay ném bom cỡ lớn và tên lửa. Triều tiên hiện chỉ có máy bay chiến đấu Mic 23 và máy bay ném bom cỡ nhỏ. Bởi vậy, thời gian gần đây, Triều tiên tập trung nghiên cứu chế tạo tên lửa "Lao động 1". Theo tin từ Hàn quốc, tên lửa "Lao động 1" vừa được chế tạo thành công có tầm bắn 500km, nếu cải tiến thêm, có thể tới 1000 km.

Nhưng cũng có nhiều chuyên gia cho rằng kỹ thuật hạt nhân của Triều tiên chỉ bằng trình độ của Liên xô đầu thập kỷ 50, kém rất xa nước Mỹ. Xét về so sánh lực lượng, nếu nổ ra cuộc đối đầu hạt nhân trên bán đảo Triều tiên, tên lửa của Triều tiên chưa kịp rời bệ phóng thì Bình nhưỡng đã biến thành biển lửa. Bởi vậy, nhấn mạnh mối đe dọa hạt nhân của Triều tiên thật ra lại là khía cạnh khác.

CHƠI CON BÀI VŨ KHÍ HẠT NHÂN

Động cơ lớn nhất của Triều tiên trong việc phát triển vũ khí hạt nhân là "chơi con bài hạt nhân"với các nước phương Tây do Mỹ đứng đầu, lợi dụng vũ khí hạt nhân buộc Mỹ ngồi vào bàn thương lượng, tiến tới bình thường hóa quan hệ với Mỹ.

Từ cuộc chiến tranh Triều tiên đầu thập kỷ 50 đến nay, Mỹ vẫn không đếm xỉa đến sự tồn tại của Triều tiên, thực hiện chính sách "ba không" (không công nhận, không thương lượng, không tiếp xúc) với Bình nhưỡng. Chính sách đó ảnh hưởng đến thái độ của Nhật bản và các nước công nghiệp khác đối với CHDCND Triều tiên.

Cuối năm 1991 đã nổi lên vấn đề vũ khí hạt nhân ở Triều tiên. Tháng 1-1992, Mỹ tổ chức cuộc hội đàm cấp cao đầu tiên với Triều tiên ở Niu Oóc với điều kiện"chỉ thương lượng một lần". Sau hội đàm, phía Bình nhưỡng nêu rõ đây là vấn đề quan trọng, yêu cầu tiến hành nhiều cuộc hội đàm. Oa-sinh-tơn đã nhượng bộ, để làm cho Bình nhưỡng sớm tiếp nhận sự kiểm tra của Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế, và quay lại với Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT). Cũng có nghĩa là từ khi ấy, Triều tiên đã lấy được ở Mỹ "con bài ngoại giao" là vũ khí hạt nhân. Thành quả của con bài này là các quan chức cấp cao Mỹ và Triều tiên đã tiếp xúc với nhau hai lần vào tháng 6 và tháng 7-1993. Đồng thời, Mỹ buộc phải từ bỏ cuộc tập trận liên hợp mùa xuân với Hàn quốc. Bởi vậy, có lý do để tin rằng Triều tiên sẽ tiếp tục chơi con bài đó.

MỸ, NHẬT, NGA, HÀN QUỐC ĐỀU CHƠI "CON BÀI BÌNH NHƯỠNG"

Chỉ nói Triều tiên chơi "con bài hạt nhân" là không công bằng. Trong cuộc khủng hoảng ở bán đảo Triều tiên, chẳng phải chính Mỹ, Nhật, Nga,

Digitized by Google

Hàn quốc đều vì lợi ích và mục đích riêng đã chơi "con bài Bình nhưỡng" đó sao ?

Ly Hu Rac năm 1972 là Cục trưởng Cục tình báo trung ương Hàn quốc (KCIA). Ông từng đến Triều tiên và nay là người có quyền uy nhất trong"vấn đề miền Bắc". Gần đây ông nêu rõ : mối đe dọa thật sự đối với Hàn quốc là lực lượng quân sự thông thường của Triều tiên (chứ không phải vũ khí hạt nhân), nhất là 70% binh lực cùng số lượng đáng kể xe tăng, xe bọc thép, tên lửa, tàu ngầm bố trí ở tuyến Bình nhưỡng - Nguyên sơn luôn luôn trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu, cộng thêm 4,5 triệu thùng dầu, hàng triệu tấn đạn dược dự trữ trong hàng trăm hầm ngầm gần giới tuyến ngừng bắn khiến Hàn quốc như ngồi trên đống lửa. Vì vậy, Xơ-un đã nhiều lần yêu cầu Mỹ tăng cường bảo hộ về quân sự. Sau khi Clin-tơn vào Nhà trắng, đã có tin ông định rút quân khỏi Hàn quốc, khiến Xơ-un hết sức lo ngại. Nay mượn cớ cuộc khủng hoảng vũ khí hạt nhân ở miền Bắc, Xơ-un có thể giữ lại và có thêm lực lượng quân sự mới từ Oa-sinh-tơn đến một cách danh chính ngôn thuận.

Về mối đe dọa hạt nhân của Triều tiên, Nhật bản còn la to hơn Hàn quốc, nhất là khi có tin quần đảo Nhật bản nằm trong tầm bắn của tên lửa "Lao động 1", Tô-ki-ô càng tỏ ra đặc biệt quan tâm đến vấn đề này. Các quan chức Cục phòng vệ nói Nhật bản sẽ là mục tiêu tiến công thứ hai của Triều tiên.

"Đề cương kế hoạch phòng thủ" vạch ra cách đây 18 năm là vấn đề còn tranh cãi ở Nhật bản. Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, có người đề nghị sửa đổi bản đề cương trên, dưới tiền đề giảm chi phí phòng thủ, song một số người khác kiên quyết phản đối, với lý do Nhật cần tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc. Nay mỗi khi nổi lên cuộc tranh luận trên, ngoài việc nhắc lại những luận điệu cũ, chắc chắn những người phản đối còn nhấn mạnh "mối đe dọa hạt nhân" của Triều tiên.

MỘT VIỆC LÀM HÀI HƯỚC

Điều hài hước hơn là trong khi Thủ tướng Nhật bản lúc đó là ông Hô-xô-ca-oa triển khai một loạt hoạt động ngoại giao để giải quyết cuộc khủng hoảng hạt nhân ở Triều tiên thì ngày 5-4-1994, Nhật bản cho vận hành lò phản ứng nguyên tử cao tốc có thể sản xuất Bk ở tỉnh Phu-cui. Lò phản ứng này mang tên "Văn Thù", vị bồ tát tượng trưng cho trí tuệ trong đạo Phật. Khi cả thế giới đều chú ý đến "Lò số 2" ở Ninh biên (Triều tiên), Nhật bản lặng lẽ cho vận hành lò "Văn Thù" có kỹ thuật tiên tiến hơn Triều tiên đến 30 năm, quả là một việc làm giàu "trí tuệ" !

Trung quốc nhiều lần nêu rõ cần giải quyết cuộc tranh chấp hạt nhân ở Triều tiên qua đối thoại, và mong Mỹ ngồi vào bàn thương lượng. Nga về cơ bản có chủ trương giống như Trung quốc, mong muốn giải quyết cuộc tranh chấp quốc tế này qua thương lượng, và cho rằng còn quá sớm để có bất cứ hành động trừng phạt nào đối với Triều tiên. Khi sang thăm Bắc kinh, Tổng thống Hàn quốc Kim Dâng Sam kiến nghị Mỹ, Nhật, Trung quốc, Nga cùng hợp tác giải quyết cuộc tranh chấp này. Trên thực tế, đằng sau việc Nga thừa nhận việc kiểm tra hạt nhân đã trở thành "vấn đề lớn của cộng đồng quốc tế" là 200 chuyên gia hạt nhân và tên lửa Nga đã được cử sang giúp Triều tiên phát triển vũ khí hạt nhân. Khi đưa ra kiến nghị ở Bắc kinh, thật ra tổng thống Kim Dâng Sam nói một đằng, nghĩ một nẻo. Nhưng Nga lại nhấp nhổm muốn thực hiện ngay. Đề nghị của Kim Dâng Sam chính là cơ hội hiếm có để Nga nhúng tay vào công việc ở châu Á.

Ý ĐỒ THẬT SỰ CỦA MỸ

Rốt cuộc Triều tiên có vũ khí hạt nhân không ? Mỹ đã sớm tìm ra câu trả lời qua những tấm ảnh do vệ tinh quân sự Mỹ chụp được, hiện nằm trong hồ sơ của Lầu năm góc và Cục tình báo trung ương Mỹ. Trong cuộc mật đàm với ngoại trưởng Nhật lúc đó là ông Ha-ta và Chủ tịch Đảng Tân sinh Ô-da-oa ngày 20-1 năm nay tại Tô-ki-ô,Cục trưởng Cục tình báo trung ương Mỹ Giêm đã thông báo cho Nhật những tin tức mà Mỹ nắm được quanh vấn đề này. Mỹ kháng kháng đòi Triều tiên để Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế kiểm tra toàn diện các thiết bị hạt nhân của Triều tiên. Đây chỉ là hành động ra oai. Ý đồ thật sự của Mỹ là cảnh cáo Ấn độ và các nước đang phát triển khác đang nghiên cứu chế tạo vũ khí hạt nhân.

Ngoài ra, mấy năm gần đây thường xảy ra va chạm kinh tế giữa Mỹ và Hàn quốc. Năm 1993, việc Mỹ yêu cầu Xơ-un mở cửa thị trường nông sản làm dấy lên làn sóng chống Mỹ ở xứ sở này đã khiến Mỹ thất vọng. Ngày nay, Oa-sinh-tơn đang lợi dụng những bế tắc trong việc kiểm tra hạt nhân ở Triều tiên và tâm lý nôn nóng cầu viện của Tổng thống Kim Dâng Sam để dè bẹp "thái độ sô vanh" của Xơ-un.

Xem ra, trong canh bạc kiểm tra hạt nhân ở Triều tiên, các quốc gia và các bên hữu quan đều có con bài và những tính toán riêng. Vậy thì không nghi ngờ gì nữa, ván bài này còn tiếp tục.

NGUYỄN THỊ HOA
(thực hiện)

Digitized by Google

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

Có nhiều cách tiếp cận khái niệm công nghiệp hóa. Nói bao quát nhất, công nghiệp hóa là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xã hội theo hướng phát triển mạnh công nghiệp, tạo ra sự vượt trội của công nghiệp trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, áp dụng rộng rãi với hiệu quả cao những tiến bộ khoa học, công nghệ mới, hiện đại, làm nền tảng cho sự tăng trưởng và phát triển nhanh, vững chắc của toàn bộ nền kinh tế - xã hội.

Công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa. Hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ chỗ theo những quy trình công nghệ thủ công là chính sang chỗ sử dụng một cách phổ biến những quy trình công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tạo ra năng suất lao động, hiệu quả và trình độ văn minh kinh tế, xã hội cao.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xu thế phát triển tất yếu đối với các quốc gia muốn tiến từ một nền kinh tế nông nghiệp lên thành một nước công nghiệp, phù hợp với xu thế phát triển chung của nhân loại.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã và đang là quá trình mang tính quy luật đối với các nước trên thế giới. Có nhiều mô hình công nghiệp hóa, tùy theo điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể của từng nước. Có hai loại mô hình chủ yếu : công nghiệp hóa *thay thế nhập khẩu* (hướng nội) và công nghiệp hóa *hướng về xuất khẩu* (hướng ngoại). Đôi khi người ta còn nói tới công nghiệp hóa *kiểu "con thoi"* (vừa "hướng ngoại", vừa "hướng nội", trong đó "hướng ngoại" là chủ yếu).

Hiện nay, cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang diễn ra hết sức mạnh mẽ trên thế giới, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Nó đã trở thành nhân tố quan trọng nhất thúc đẩy sự tiến bộ xã hội, đưa nhân loại tới làn sóng văn minh mới. Do đó, cơ cấu kinh tế của mỗi nước cũng như của thế giới, cơ cấu phân công lao động quốc tế đang biến đổi rất sâu sắc. Các hình thức liên kết phong phú và đa dạng làm cho nền kinh tế hiện đại có xu hướng trở thành một hệ thống toàn cầu phụ thuộc lẫn nhau. Bởi vậy, những nước đang phát triển như nước ta không thể không mở cửa về kinh tế, hòa nhập với nền kinh tế thế giới, tham gia vào hệ thống phân công và hợp tác quốc tế, tận dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều kiện để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa là : sự ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội. Nền kinh tế phải ngày một tăng trưởng, có tích lũy từ nội bộ. Những vấn đề bức thiết như lương thực, thực phẩm phải đáp ứng được nhu cầu của đời sống nhân dân. Năng lực cung cấp nguyên liệu nông, lâm, hải sản cho công nghiệp chế biến phải ngày càng tăng. Những cơ sở công nghiệp về nguyên, nhiên, vật liệu và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phải được xây dựng, tiến tới thỏa mãn nhu cầu phát triển đa dạng của các ngành sản xuất. Nguồn nhân lực - yếu tố quan trọng nhất để công nghiệp hóa, hiện đại hóa - cần được đặc biệt chú ý, và điều đó phải thể hiện ở kế hoạch đào tạo và chính sách khai thác mọi nguồn tiềm năng về chất xám và kỹ năng lao động, khuyến khích nâng cao năng suất lao động. Thị trường trong nước phải không ngừng được mở rộng, tăng sức cạnh tranh, thúc đẩy nhu cầu đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tiêu dùng trong nước và mở rộng xuất khẩu.

Cần có chiến lược và sách lược đúng đắn thích ứng với xu hướng *khu vực hóa* và *toàn cầu hóa* đời sống kinh tế để tranh thủ thời cơ, tiếp thu những thành tựu mới của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, đổi mới cơ cấu nền kinh tế và tổ chức lại đời sống xã hội.

Đối với nước ta, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhằm thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, từng bước thu hẹp, tiến tới xóa bỏ khoảng cách giữa nước ta với các nước phát triển, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa để tạo ra những giá trị vật chất mới với trình độ công nghệ cao (cơ khí hóa, tin học hóa, tự động hóa, sinh học hóa, hóa học hóa...), hoàn thành cơ bản việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bảo đảm tăng trưởng nhanh về kinh tế một cách vững chắc, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có thể kết hợp những bước tiến tuần tự về công nghệ với việc tranh thủ những cơ hội đi tắt, đón đầu, hình thành những mũi nhọn phát triển theo trình độ tiên tiến của khoa học - công nghệ thế giới. Từ nay đến năm 2000, chúng ta phải đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, ra sức phát triển các ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, từng bước thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, tạo đà cho sự chuyển đổi cơ cấu và phát triển kinh tế nhanh hơn trong các thập kỷ sau. Tạo một số ngành công nghiệp mũi nhọn, hình thành bước đầu cơ cấu công nghiệp mới có hiệu quả, phát triển cân đối công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng.

Kết hợp nhiều trình độ, nhiều quy mô, coi trọng quy mô nhỏ và vừa, tranh thủ đi thẳng vào công nghệ hiện đại có chọn lọc ở những khu vực cần thiết. Đồng thời tận dụng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có trên cơ sở đồng bộ hóa, cải tiến và nâng cao hiệu quả sử dụng, chú trọng hiện đại hóa công nghệ truyền thống. Các công nghệ được lựa chọn phải phù hợp với yêu cầu của sản xuất, với điều kiện tiếp thu, sớm đưa lại hiệu quả cho nền kinh tế quốc dân và không gây ảnh hưởng về môi trường sinh thái. Coi trọng các công nghệ sản phẩm, công nghệ quản lý, những công nghệ đòi hỏi suất đầu tư thấp, thu hồi vốn nhanh, tạo nhiều việc làm. Phát triển đô thị tương ứng với phát triển công nghiệp và dịch vụ. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những thập kỷ sau năm 2000.

Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, xây dựng một nền kinh tế "mở", đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ kinh tế với nước ngoài, kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường.

TIN VẮN ★ TIN VẮN ★ TIN VẮN

ĐOÀN ĐẠI BIỂU *TẠP CHÍ CỘNG SẢN* THĂM LÀO

Nhận lời mời của Ban biên tập tạp chí A-lun-mày, cơ quan lý luận của Đảng nhân dân cách mạng Lào, Đoàn đại biểu *Tạp chí Cộng sản* do PGS, PTS Nguyễn Phú Trọng, ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập *tạp chí* dẫn đầu, đã sang thăm và làm việc tại Lào từ ngày 3 đến ngày 10-7-1994.

Đoàn đã hội đàm, trao đổi kinh nghiệm công tác với Ban biên tập tạp chí A-lun-mày do đồng chí Viêng-xay Xô-va-lít, Tổng biên tập, dẫn đầu. Dự hội đàm, về phía bạn, còn có đại diện Ban đối ngoại trung ương và Ban tuyên huấn trung ương ; về phía ta có Tham tán Đại sứ quán Việt nam tại Lào. Đoàn còn có các cuộc gặp gỡ và trao đổi ý kiến với đồng chí Ô-sa-kan Tham-ma-the-va, ủy viên Trung ương Đảng,Trưởng ban tuyên huấn trung ương, Bộ trưởng Bộ văn hóa thông tin, với đồng chí Bun-nhăng Vô-la-chít, Tỉnh ủy Luông Pra-bang,với Trường Đảng Thà-ngòn, và đi thăm một số cơ sở kinh tế, văn hóa ở Viêng-chăn và Luông Pra-bang.

Ngày 9-7, đồng chí Thoong-xing Thăm-ma-vông, ủy viên Bộ chính trị Đảng NDCM Lào, đã thân mật tiếp Đoàn. Cùng dự buổi tiếp có đồng chí Viêng-xay Xô-va-lít, Tổng biên tập tạp chí A-lun-mày và đồng chí Bùi Xuân Thanh, Đại sứ nước ta tại Lào.

Digitized by Google

CÔNG TY THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM

VIETNAM PESTICIDE COMPANY

VIPESCO

- ĐỊA CHỈ : 96 - 102 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU - QUẬN 1 - TP HỒ CHÍ MINH
- ĐT : 230751 - 224635
- Telex : 811216 VIPES - VT
- Fax : 84 - 8 - 230752
- Cable : VIPESCO HCM CITY



Công ty thuốc sát trùng Việt nam tên quan hệ quốc tế là VIPESCO, một công ty quốc gia duy nhất trong nước có chức năng xuất nhập nguyên liệu và các chế phẩm bảo vệ cây trồng. Trong quá trình sản xuất và cung ứng các loại thuốc trừ dịch hại, phục vụ nông nghiệp, công ty đã được Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng tặng thưởng nhiều huân chương, bằng khen và cờ luân lưu.

VỚI MẠNG LƯỚI TỔ CHỨC, PHÂN PHỐI TIÊU THỤ HIỆN NAY GỒM

- 2 Chi nhánh : Hà nội và Huế
- 9 xí nghiệp sản xuất, dịch vụ. Trong đó có 1 xí nghiệp Liên doanh với Malaysia và Singapore sản xuất hàng gia dụng, 1 xí nghiệp Liên doanh Thuốc sát trùng với Cần thơ.
- 2 Trung tâm nghiên cứu Nông dược : Hà nội và TP Hồ Chí Minh.
- 1 trung tâm nghiên cứu Sinh học và quảng bá Nông dược tại TP Hồ Chí Minh.
- 1 Trại thực nghiệm Bảo vệ cây công nghiệp Di linh, Lâm đồng.
- 40 Tổng đại lý, 10 Tổng kho và các cửa hàng trực thuộc Công ty tại các tỉnh.

Công ty có năng lực sản xuất từ 30.000 - 40.000 tấn/năm. Bà con nông dân an tâm tiêu dùng các loại thuốc trừ sâu, trừ bệnh, trừ cỏ, chất điều hòa sinh trưởng, chất bảo quản kho tàng, thuốc gia dụng và mua dễ dàng tại các Tổng đại lý có mạng lưới cửa hàng phân phối tiêu thụ tới huyện, xã.

Digitized by Google

WELCOME TO THE REX HOTEL

★★★★



141 NGUYEN HUE Blvd. - HO CHI MINH CITY - VIETNAM
TEL : 84-8-292185 or 84-8-293115
TELEX : 811201 HOTBT - VT
FAX : 84-8-29-65-36 or 84-8-29-14-69

Một khi đã chọn khách sạn REX, quý khách đã tự đặt mình vào giữa trung tâm náo nhiệt của Thành phố Hồ Chí Minh, địa điểm thương mại lớn nhất Việt Nam.

Digitized by Google

CÔNGTY LIÊN DOANH
VINABICO KOTOBUKY



VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ : 436 Nơ Trang Long. Quận Bình Thạnh TP. Hồ Chí Minh
ĐT : 945584 - 940537

Tổng giám đốc
VŨ MẠNH HẢI

- Công ty liên doanh Vinabico KoToBuKi là đơn vị liên doanh với nước ngoài trên lãnh vực sản xuất bánh kẹo đầu tiên với quy mô lớn nhất ở các tỉnh phía nam, chuyên sản xuất các loại bánh kẹo phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Vinabico KoToBuKi là liên doanh thực hiện quá trình điều hành sản xuất tiên tiến; Vai trò lãnh đạo của Đảng, các đoàn thể, tinh thần sáng tạo của công nhân được phát huy tốt, đời sống công nhân không ngừng được cải thiện thông qua chế độ lương khoán khuyến khích công nhân tăng năng suất lao động.

- Vinabico KoToBuKi luôn hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với nhà nước, được khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm.



TỔNG GIÁM ĐỐC: **VŨ MẠNH HẢI**

IN TẠI NHÀ IN NHÂN DÂN HÀ NỘI II CHỈ SỐ 12651 - ISSN 0866 - 7276 GIÁ : 2000đ
Digitized by Google

IX
I
168B

Tạp chí Cộng sản



9

1994

UNIV. OF MICH.
OCT 10 1994
CURRENT SERIALS
Digitized by Google

Đại đoàn kết là truyền thống quý báu, là sức mạnh vô địch của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Kế thừa và phát huy truyền thống đó, Đảng cộng sản Việt nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và lãnh đạo, đã tập hợp nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, đánh thắng các thế lực xâm lược, bảo vệ nền độc lập, thống nhất nước nhà, và đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng trong sự nghiệp đổi mới toàn diện xây dựng đất nước. Bài học lớn của dân tộc ta là : Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công.

Trước vận hội mới của đất nước, Đại hội lần thứ IV MTTQ Việt nam là Đại hội đoàn kết, tập hợp mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt nam, đem hết tinh thần và nghị lực tiến hành công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, làm cho Tổ quốc phồn vinh, xã hội công bằng, văn minh, mọi người sống tự do hạnh phúc, đưa nước ta hòa nhập trào lưu tiến hóa chung của thời đại.

Đại hội nhất trí khẳng định : Đại đoàn kết dân tộc là sức mạnh to lớn, là động lực quan trọng, bảo đảm thành công của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, ý chí tự lập tự cường, sự kết hợp hài hòa lợi ích của mỗi người, mỗi gia đình với lợi ích của toàn xã hội, của Tổ quốc là lẽ sống của người Việt nam chúng ta.

Chương trình của MTTQ Việt Nam
(Thông qua tại Đại hội IV MTTQVN -19-8-1994)

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

9-1994 NĂM THỨ BỐN MƯƠI (465)

MỤC LỤC

Phấn đấu thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 BCHTU Đảng khóa VII	XÃ LUẬN - Xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	3
	ĐỖ MƯỜI - Đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt nam	7
	PHAN VĂN KHẢI - Một số nội dung mới trong quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng	13
	*** Phát triển khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	19
	ĐẶNG HỮU - Môi trường và công nghiệp hóa, hiện đại hóa	22
	TRƯƠNG VĂN PHÚC - Phát triển doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn theo hướng công nghiệp hóa	25
	Nhân kỷ niệm 40 năm ngày mất của Hải Triều (1954 - 1994)	
	TRẦN HOÀN - Hải Triều - một chiến sĩ văn hóa mác xít dũng cảm và đầy tài năng	30
Nghiên cứu - Trao đổi	NHẬT TÂN - Sức sống của chủ nghĩa Mác	33
	NGÔ ĐỨC THỊNH - Quan hệ Mác và Ăng-ghen, một nhân tố chủ quan trong sự hình thành học thuyết Mác	36
	SÔNG TÙNG - Góp phần nghiên cứu mâu thuẫn cơ bản trong thời kỳ quá độ ở nước ta	39
Thực tiễn - Kinh nghiệm	PHẠM VĂN THỌ - Hải hưng đổi mới, chỉnh đốn đảng gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế	43
	NÔNG HỒNG THÁI - Để Cao bằng hòa nhập với cả nước trong cơ chế mới	48
	LÊ VĂN THẠNH - Công ty cao su Lộc ninh đứng vững trong cơ chế thị trường	51
Sinh hoạt tư tưởng	VŨ LÂN - "Vi nhân nan, vi nhân nan"	54
Thư gửi Bộ biên tập	HỒ TẤN PHONG - Nên giảng dạy các môn lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin như thế nào ?	55
Thế giới : vấn đề, sự kiện	ĐOÀN NGỌC CẢNH - Đại hội 20 của Đảng cộng sản Nhật bản qua các văn kiện	57
Qua sách báo nước ngoài	Phải chăng sự khác nhau về trình độ văn minh là nguyên nhân của các xung đột trên thế giới ?	60
Tìm hiểu khái niệm	Cơ cấu kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	63
Tin hoạt động lý luận	Kỷ niệm và Hội thảo khoa học về Hải Triều	64

Bìa 1 : Đại hội IV Mặt trận Tổ quốc Việt nam
Ảnh : TTX Việt nam

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội ● Dây nói : 252061- 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3 TP Hồ Chí Minh ● Dây nói : 225768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Передовая * Укрепление рабочего класса в соответствии с требованиями дела индустриализации и модернизации страны ДО МЫОЙ - Великая национальная сплоченность, укрепление и расширение рядов Отечественного фронта Вьетнама ФАН ВАН КХАЙ - О некоторых новых моментах в системе взглядов партии на индустриализацию и модернизацию страны *** Развитие науки и технологии в деле индустриализации и модернизации страны ДАНГ ХЫУ - Окружающая среда, индустриализация и модернизация ЧЫОНГ ВАН ФУК - Развитие мелких предпринимательских структур в деревне в направлении индустриализации ЧАН ХОАН - Хай Чиеу - талантливый мужественный борец на культурном фронте марксистского толка НЯТ ТАН - Жизненная сила марксизма НГО ДЫК ТХИНЬ - Отношения между К.Марксом и Ф.Энгельсом - субъективный фактор, формировавший марксизм ДОАН НГОК КАНЬ - Форумы японских коммунистов в документах.

CONTENTS

• **Editorial** * Building the working class solid, meeting demands of the cause of industrialization and modernization. ĐỖ MƯỜI - The Great National Unity, the work of fostering and expanding the National Front of Vietnam. PHAN VĂN KHẢI - Some new issues in the Party's point of view about the industrialization and modernization. *** Developing the science and technology in the cause of industrialization and modernization of the country. ĐẶNG HỮU - The environment and the industrialization and modernization. TRƯƠNG VĂN PHÚC - Growing small enterprises in the countryside in the direction of industrialization. TRẦN HOÀN - Hải Triều - a brave and talent marxist and cultural activist. NHẬT TÂN - The vitality of the Marxism. NGÔ ĐỨC THỊNH - The relations between M.Marx and F. Enghen, a subjective factor in the formation of the marxist doctrine. ĐOÀN NGỌC CẢNH - The Congresses of the Janpanese Communist Party through documents.

SOMMAIRE

• **Editorial** * Fortifier la classe ouvrière en réponse aux besoins de l'œuvre d'industrialisation et de modernisation. ĐỖ MƯỜI - La Grande Unité du Peuple, renforcer et élargir le Front de la Patrie du Vietnam. PHAN VĂN KHẢI - Certains contenus nouveaux dans le point de vue du Parti sur l'industrialisation et la modernisation. *** Développer les sciences et la technologie dans l'œuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. ĐẶNG HỮU - l'environnement et l'industrialisation et la modernisation. TRƯƠNG VĂN PHÚC - Développer de petites entreprises à la campagne dans l'orientation de l'industrialisation. TRẦN HOÀN - Hải Triều - un combattant courageux et talentueux de la culture marxiste. NHẬT TÂN - La vitalité du Marxisme. NGÔ ĐỨC THỊNH - Relations Marx-Engels, un facteur subjectif de la formation de la théorie marxiste. ĐOÀN NGỌC CẢNH - Le Congrès du Parti Communiste Japonnais à travers de ses documents.

SUMARIO

• **Editorial** * Edificar la clase obrera fuerte por satisfacer a las exigencias de la obra de industrialización y modernización. ĐỖ MƯỜI - Por la gran unidad nacional, ha de consolidar y ampliar el Frente de la Patria de Vietnam. PHAN VĂN KHẢI - Algunos nuevos contenidos en el criterio del partido sobre la industrialización y la modernización. *** El desarrollo de la ciencia y la tecnología en la obra de industrialización y modernización del país. ĐẶNG HỮU - El medio ambiental y la industrialización y modernización. TRƯƠNG VĂN PHÚC - Desarrollar las pequeñas empresas en el campo en dirección de industrialización. TRẦN HOÀN - Hải Triều - un valiente y talentoso combatiente marxista en el frente cultural. NHẬT TÂN - La viveza del Marxismo. NGÔ ĐỨC THỊNH - La relación entre Carlos Mark y Federico Engel, un factor subjectivo en la formación de la doctrina marxista. ĐOÀN NGỌC CẢNH - El Congreso del Partido Communista Japonés através de los documentos.

目錄:

● 社論 ★ 爲滿足工業化、現代化事業的要求而建立强大、牢不可破的工人階級隊伍 ● 杜梅 — 民族大團結，鞏固、發展越南祖國陣線 ● 潘文凱 — 按照黨的革新路線的工業化、現代化中一些新的內容 ★★★ 發展國家工業化、現代化事業的科學和工藝 ● 鄧友 — 環境和工業化、現代化 ● 張文福 — 按工業化方向發展農村小型企業 ● 陳環 — 海潮 —— 一位勇敢有豐富才能的馬克思主義文化戰士 ● 日新 — 馬克思主義的活力 ● 吳德盛 — 形成馬克思主義學說的主觀因素之一 —— 馬克思和恩格新的關系 ● 段玉景 — 日本共產黨代表大會有關文件

□

Digitized by Google

Xã luận

XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN VỮNG MẠNH, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN DẠI HÓA

GIAI cấp công nhân nước ta hiện có khoảng hơn 5 triệu người, chiếm hơn 13% lao động xã hội và gần 8% dân số, nắm giữ các cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng trong nền kinh tế quốc dân.

Từ khi chuyển sang cơ chế mới, giai cấp công nhân nước ta có những biến động lớn về số lượng, ngành nghề và bộc lộ khá rõ những mặt mạnh, mặt yếu của mình.

Số lượng công nhân trong khu vực quốc doanh giảm đáng kể, hiện chỉ có khoảng 1,76 triệu người. Công nhân ngoài quốc doanh tăng nhanh, hiện có khoảng 3,64 triệu người, trong đó một bộ phận quan trọng chuyển từ khu vực quốc doanh sang.

Về cơ cấu ngành nghề, bên cạnh một số ngành truyền thống như cơ khí, luyện kim, than... đã có thêm một số ngành nghề mới và phát triển nhanh như dầu khí, bưu chính viễn thông, hàng hải, hàng không, tin học, điện tử, tài chính, ngân hàng, chuyển giao công nghệ... Những ngành này thu hút rất nhiều lao động. Công nhân ở các vùng đô thị tăng nhanh. Đội ngũ công nhân quốc phòng giữ được ổn định, có kỷ luật, kỷ cương, là lực lượng mạnh trong giai cấp công nhân Việt nam. Đó là chưa kể hơn 29 vạn người đi lao động hợp tác ở nước ngoài, phần đông có điều kiện mở mang kiến thức, tay nghề, rèn luyện tác phong công nghiệp. Hiện đã có hơn 20 vạn người về nước, nhưng phần lớn chưa được bổ sung vào đội ngũ công nhân.

Trong công cuộc đổi mới, giai cấp công nhân nước ta đã tỏ rõ sự vững vàng về chính trị, ý thức được vai trò và sứ mạng lịch sử của mình, tán thành xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, hưởng ứng việc sắp xếp lại sản xuất, sắp xếp lại lao động trong khu vực quốc doanh, mặc dù biết đó là thử thách gay gắt đối với bản thân mình. Rất nhiều công nhân đã thích ứng nhanh với cơ chế mới, tiếp thu được công nghệ hiện đại, góp phần đưa một số doanh nghiệp quốc doanh vượt qua khó khăn, thử thách, tạo thế phát triển. Nhiều người đã đảm đương được những công việc có trình độ kỹ thuật cao, góp phần đưa một số ngành nghề trở thành mũi nhọn trong nền kinh tế quốc dân. Điều đáng mừng nữa là trình độ học vấn của đội ngũ công nhân cũng được nâng lên. Hiện có gần 70% công nhân trong khu vực quốc doanh có trình độ văn hóa từ phổ thông cơ sở trở lên, 66% có trình độ tay nghề từ bậc bốn trở lên. Một bộ phận công nhân, nhất là số công nhân trẻ đã có trình độ ngoại ngữ khá, nắm bắt được công nghệ mới và khoa học tiếp thị. Nhiều người đã thật sự trí thức hóa. Tuy nhiên, chuyển sang cơ chế mới, những nhược điểm của công nhân nước ta cũng bộc lộ khá rõ : chưa quen với tác phong công nghiệp, còn tùy tiện, phân tán, thiếu chủ động, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh, lúng túng khi tiếp cận với công nghệ hiện đại và văn minh công nghiệp. Trong không ít công nhân đã có những biểu hiện phai nhạt về ý thức giai cấp, nặng tư tưởng phường hội ; chỉ quan tâm tới cái lợi trước mắt, cục bộ mà không chú ý tới những lợi ích căn bản, lâu dài, toàn cục ; một số suy thoái về đạo đức và lối sống.

Điều kiện làm việc của công nhân nói chung chậm được cải thiện. Ở nhiều nơi, trình độ công nghệ, tổ chức lao động còn lạc hậu ; lao động thủ công, nặng nhọc chiếm tỷ lệ cao ; nhà xưởng, máy móc cũ kỹ, hư hỏng có nguy cơ gây ra nhiều sự cố và tai nạn ; môi trường lao động bị ô nhiễm

Digitized by Google

nghiêm trọng, các yếu tố độc hại vượt quá xa giới hạn cho phép ; tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp chẳng những không giảm mà còn có chiều hướng gia tăng, nhất là ở khu vực sản xuất tư nhân ; sức khỏe của công nhân, nhất là công nhân nữ giảm sút, một số do mất sức phải về hưu trước tuổi từ 5 đến 10 năm, thậm chí 15 năm.

Đời sống vật chất của công nhân tuy có được cải thiện nhiều so với trước nhưng nhìn chung còn thấp, chủ yếu là do thiếu việc làm. Hiện có khoảng hơn 50% số gia đình công nhân có người thiếu việc làm.

Một hiện tượng mới đáng chú ý là ở một số nơi đã xảy ra đình công. Tính từ năm 1989 đến nay, trên phạm vi cả nước đã có gần 100 vụ và từ đầu năm 1994 có xu hướng tăng lên. Đình công không chỉ xảy ra ở khu vực doanh nghiệp tư nhân, khu vực liên doanh với nước ngoài, mà còn xảy ra ở một số doanh nghiệp nhà nước. Nguyên nhân của các cuộc đình công nói trên là do người lao động đã ý thức được quyền sở hữu sức lao động của bản thân mình, biết giá trị và giá cả của nó trong nền sản xuất hàng hóa ; trong khi đó, các chủ đầu tư, chủ doanh nghiệp lại lợi dụng sơ hở, thiếu sót về hợp đồng, về quy chế lao động để bóc lột công nhân, không coi trọng quyền lợi của người lao động, thậm chí còn có những biểu hiện vi phạm phẩm giá con người.

Nhìn một cách tổng quát, cho tới nay, giai cấp công nhân nước ta thông qua đảng tiền phong của mình vẫn là lực lượng lãnh đạo và là một động lực quan trọng của cách mạng Việt nam. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển sang cơ chế mới, nhiều nơi thiếu quan tâm chăm lo tới những nhu cầu và lợi ích chính đáng của người lao động, đáng chú ý nhất là đã có biểu hiện coi nhẹ vị trí, vai trò lịch sử của giai cấp công nhân, coi nhẹ việc xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh. Đó là những thiếu sót lớn cần sớm được khắc phục.

*

Gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giai cấp công nhân đương nhiên sẽ phát triển nhanh về số lượng và chất lượng ; cơ cấu ngành nghề sẽ đa dạng hơn và sẽ có những chuyển dịch lớn về cơ cấu xã hội. Hoạt động trong tình hình mới đó, những công nhân có tài năng, chăm chỉ sẽ được trọng dụng ; ngược lại sẽ bị đào thải. Tình trạng tranh chấp lao động, mâu thuẫn giữa người lao động và người sử dụng lao động rất có thể sẽ xảy ra, thậm chí có nơi, có lúc trở nên gay gắt. Vì thế, chúng ta cần chủ động chăm lo xây dựng đội ngũ công nhân đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

1 - Để xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, trước hết **cần quán triệt sâu sắc một số quan điểm cơ bản của Đảng về vấn đề này :**

- Giai cấp công nhân là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; là cơ sở xã hội chủ yếu của đảng và nhà nước ; là hạt nhân của liên minh công - nông - trí thức và khối đại đoàn kết các dân tộc ở nước ta.

- Lợi ích của giai cấp công nhân gắn liền với lợi ích dân tộc, nằm trong lợi ích dân tộc. Nhiệm vụ của giai cấp công nhân là : đoàn kết, hợp tác với các giai cấp và các tầng lớp nhân dân trong xã hội để hoàn thành công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước vững bước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh là trách nhiệm của đảng, nhà nước, công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội ; đồng thời là trách nhiệm của mỗi người, mỗi tập thể công nhân.

2 - Cùng với quá trình phát triển công nghiệp và công nghệ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, **cần xây dựng giai cấp công nhân phát triển về số lượng, giác ngộ về giai cấp, vững vàng về chính trị, tư tưởng, có trình độ học vấn và tay nghề cao, có năng lực tiếp thu và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, vươn lên làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình.** *Đó là mục tiêu chung, mục tiêu tổng quát về xây dựng giai cấp công nhân. Còn mục tiêu cụ thể từ nay đến năm 2000 là :*

- Nâng cao giác ngộ giai cấp, nhận thức chính trị, ý thức công dân và lương tâm nghề nghiệp ;

Digitized by Google

đồng thời nâng cao trình độ học vấn, bảo đảm hầu hết công nhân có trình độ văn hóa phổ thông cơ sở. Công nhân ở thủ đô và các thành phố công nghiệp tập trung phải phấn đấu đạt trình độ cao hơn. Đối với các ngành nghề then chốt, công nhân phải có trình độ phổ thông trung học trở lên. Tổ chức tốt việc đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu của công nghệ mới.

- Tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập, cải thiện điều kiện sống và làm việc, chăm lo bảo hộ lao động, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của công nhân.

- Nâng cao mức hưởng thụ văn hóa so với hiện nay. Xây dựng lối sống có văn hóa, có tình nghĩa, tôn trọng pháp luật, quan tâm đến lợi ích của cộng đồng, gương mẫu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống buôn lậu và các tệ nạn xã hội khác.

3 - Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, **cần giải quyết tốt một số vấn đề cấp bách sau đây :**

- Bồi dưỡng, nâng cao ý chí và năng lực của giai cấp công nhân, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp và công nghệ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ theo định hướng xã hội chủ nghĩa là cuộc đấu tranh gian khổ của nhân dân ta. Thắng lợi của cuộc đấu tranh đó tùy thuộc chủ yếu vào ý chí và năng lực sáng tạo của đội ngũ giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và của cả cộng đồng dân tộc. Do đó, hơn bao giờ hết, chúng ta phải tăng cường công tác giáo dục, bồi dưỡng, phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực tự cường, nâng cao năng lực trí tuệ của giai cấp công nhân và đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ quản lý. Các phương tiện thông tin đại chúng, các hoạt động văn hóa giáo dục, các trường học từ phổ thông, dạy nghề đến đại học cần có chương trình, nội dung giáo dục về giai cấp công nhân, bồi dưỡng, phát huy tinh thần bất khuất, ý chí quật cường, vượt qua khó khăn, thử thách, khơi dậy mạnh mẽ tính năng động sáng tạo của mọi người trong cuộc đấu tranh vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, làm thất bại mọi âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế cần dành ngân sách và tổ chức tốt việc bổ túc văn hóa, đào tạo nghề cho công nhân. Có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho công nhân tự học nâng cao trình độ văn hóa và tay nghề, trình độ ngoại ngữ, trình độ tiếp thị ; có chế độ thích đáng đối với những người có tài năng đặc biệt trong các ngành, nghề, những công nhân giỏi một nghề, biết nhiều nghề, những gia đình có nhiều thế hệ công nhân. Các ngành văn hóa, thể thao phối hợp với Công đoàn và Đoàn thanh niên xây dựng các chuẩn mực sống, làm việc, giao tiếp có văn hóa, động viên phong trào rèn luyện lối sống : "khẩn trương, năng động, tôn trọng pháp luật, ham thích sáng tạo" ; đẩy mạnh các hoạt động văn hóa quần chúng, thể dục thể thao, tổ chức tốt đời sống văn hóa của công nhân ở cơ sở, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, đấu tranh ngăn chặn các thói hư tật xấu, các hành vi đồi trụy, phản động. Tăng mức hưởng thụ văn hóa cho công nhân, trước hết là nữ công nhân.

- Phát động sâu rộng trong công nhân phong trào lao động sáng tạo, tích cực góp phần vào việc phát triển công nghiệp và công nghiệp hóa nông thôn. Giai cấp công nhân phải đi đầu trong việc thực hiện Nghị quyết 7 của Trung ương Đảng về phát triển công nghiệp, công nghệ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao ; năng động sáng tạo, làm ra nhiều sản phẩm có khả năng chiếm lĩnh thị trường trong nước và xuất khẩu, bảo đảm tiến độ và chất lượng các công trình. Công đoàn, Đoàn thanh niên, các tổ chức khoa học kỹ thuật cần phối hợp hướng dẫn các phong trào thi đua lao động sáng tạo trong công nhân. Nhà nước đổi mới cơ chế, chính sách khen thưởng để động viên, thúc đẩy phong trào. Giai cấp công nhân cùng với trí thức không ngừng phát huy trí sáng tạo, đổi mới công nghệ nhằm làm ra nhiều sản phẩm công nghiệp có chất lượng cao, giá thành hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nhu cầu tiêu dùng của nông dân, chuyển giao công nghệ tiến bộ, đặc biệt là công nghệ sinh học, công nghệ chế biến, tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển, nâng cao giá trị hàng hóa nông

Digitized by Google

sản ; hỗ trợ nông dân phát triển tiểu công nghiệp, nghề thủ công truyền thống, từng bước công nghiệp hóa nông thôn.

- Các cấp ủy đảng trong từng cơ quan, từng doanh nghiệp phải thực sự dựa vào công nhân, đòi hỏi cơ quan quản lý thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp, chính sách, chế độ của Nhà nước, nhất là chính sách tài chính, phân phối ; thực hiện nghiêm quy chế công chức ; khuyến khích công nhân phát hiện các hiện tượng làm sai chính sách, luật pháp, làm chỗ dựa tin cậy cho những người trung thực hăng hái đấu tranh khắc phục tệ tham nhũng, bảo đảm dân chủ và công bằng xã hội.

- Nghiên cứu hình thành cơ chế, chính sách tạo động lực ; đổi mới và thực hiện tốt các chính sách xã hội, chăm lo đời sống của công nhân, lao động và đội ngũ trí thức.

*

Đảng, Nhà nước, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội đều có trách nhiệm rất cao đối với việc xây dựng giai cấp công nhân.

***Đảng** là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Giai cấp công nhân chỉ có thể phát huy được vai trò lãnh đạo của mình trong điều kiện có đảng tiền phong vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Các cấp ủy đảng cần chăm lo củng cố, tăng cường công tác xây dựng đảng trong các doanh nghiệp ; thường xuyên kiểm tra, giáo dục đảng viên về lập trường, quan điểm giai cấp công nhân, đấu tranh chống những biểu hiện quan liêu, thoái hóa trong cán bộ quản lý và trong nội bộ đảng. Khẩn trương đổi mới nội dung giáo dục về giai cấp công nhân trong các trường đảng. Có kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đảng trong công nhân, tăng tỷ lệ đảng viên xuất thân từ công nhân, bổ sung những cán bộ xuất sắc xuất thân từ công nhân vào các cương vị quản lý nhà nước và các cấp ủy đảng. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức Công đoàn, công nhân và phong trào công nhân. Tăng cường hơn nữa việc tổ chức nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân và công đoàn trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Tiến tới có quy hoạch xây dựng giai cấp công nhân về cơ cấu ngành nghề, về tư tưởng, văn hóa, xã hội, về trình độ học vấn, trình độ nghề nghiệp, về năng lực thích ứng với cơ chế thị trường, tiếp cận công nghệ hiện đại.*

***Nhà nước** cần thể chế hóa quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng giai cấp công nhân. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa việc huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế với việc bảo vệ lợi ích hợp pháp và chính đáng của công nhân, lao động. Chỉ đạo, kiểm tra các cấp, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế triển khai thực hiện tốt luật lao động ; phát huy vai trò của công đoàn và các tổ chức chính trị, xã hội trong việc tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội theo luật định. Cùng với Công đoàn giải quyết kịp thời, đúng luật pháp các tranh chấp lao động. Nghiên cứu, bổ sung các quy định về trách nhiệm của các doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp do nước ngoài đầu tư...*

***Công đoàn** các cấp cần đẩy mạnh hơn nữa việc đổi mới tổ chức và hoạt động của mình ; thực hiện nghiêm chỉnh luật công đoàn, làm cho công đoàn thật sự là tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp của công nhân, lao động, là trường học công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đối với giai cấp công nhân. Coi trọng việc xây dựng, kiện toàn tổ chức công đoàn ở các ngành kinh tế then chốt, các khu công nghiệp tập trung, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp trọng điểm ; đồng thời phải quan tâm chỉ đạo phát huy vai trò của công đoàn viên chức trong các cơ quan nhà nước.*

***Mặt trận Tổ quốc Việt nam, các tổ chức chính trị, xã hội** cần làm cho các thành viên của mình nhận thức đúng về vai trò, vị trí và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ; tăng cường mối quan hệ phối hợp với tổ chức công đoàn, củng cố và tăng cường liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, làm nền tảng mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vì sự trường tồn và phát triển của đất nước, của dân tộc.*

Digitized by Google

ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, CỦNG CỐ VÀ MỞ RỘNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM *

ĐỖ MƯỜI
Tổng bí thư ĐCS Việt nam

THAY mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt nam, tôi nhiệt liệt chào mừng Đại hội lần thứ IV Mặt trận Tổ quốc Việt nam, ngày hội lớn của khối đại đoàn kết dân tộc ; nhiệt liệt chào mừng các vị đại biểu, những đại diện tiêu biểu cho khối đại đoàn kết và thống nhất của nhân dân các dân tộc Việt nam. Từ diễn đàn long trọng này, tôi xin gửi tới đồng bào cả nước và đồng bào ở nước ngoài lời thăm hỏi thân thiết và lời chúc an khang, hạnh phúc và thành đạt.

Trong niềm vui mừng, phấn khởi hôm nay, toàn dân ta hướng về Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại với lòng biết ơn vô hạn. Người đã sáng lập Đảng, Mặt trận và Nhà nước ta, lãnh đạo nhân dân ta kế thừa và phát huy truyền thống đại đoàn kết, nguồn sức mạnh vô địch của dân tộc Việt nam trải mấy ngàn năm lịch sử đấu tranh oanh liệt dựng nước và giữ nước. Chân lý mà Người tổng kết : "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công" mãi mãi tỏa sáng mỗi bước đường phát triển của dân tộc ta.

Cũng trong dịp này, chúng ta tưởng nhớ các vị và các đồng chí từng cộng tác mật thiết bên cạnh Bác Hồ, tiếp thụ và thể hiện xuất sắc tư tưởng đại đoàn kết của Người, cống hiến vào sự nghiệp vẻ vang của Mặt trận dân tộc thống nhất và để lại những hình ảnh đẹp đẽ, những kinh nghiệm quý báu về tổ chức và công tác Mặt trận. Đó là các vị và các đồng chí : Huỳnh Thúc Kháng, Tôn Đức Thắng, Nguyễn Văn Tố, Bùi Bằng Đoàn, Phan Kế Toại, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt, Trần Huy Liệu, Dương Đức Hiền, Xuân Thủy, Huỳnh Tấn Phát, Phan Anh, Trần Đăng Khoa, Trịnh Đình Thảo, Phùng Văn Cung, Bồ Xuân Luật và nhiều vị khác.

Xin gửi những tình cảm thắm thiết đến Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam, nguyên Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam, nhà trí thức yêu nước đã có những đóng góp quý báu vào sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân trong mấy thập kỷ qua, đặc biệt là trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc kiên cường, bất khuất của đồng bào miền Nam anh hùng.

Tôi xin chuyển lời thăm hỏi ân cần của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tới các vị và các đồng chí đã có nhiều đóng góp vào việc củng cố, tăng cường Mặt trận trong những năm qua. Xin nhiệt liệt biểu dương và cảm ơn các vị, các đồng chí đang hoạt động trong Mặt trận các cấp ; đặc biệt là các vị và các đồng chí ở cơ sở đã thường xuyên gần gũi nhân dân trên khắp mọi miền đất nước, làm cầu nối vững chắc giữa dân với Đảng, với chính quyền, vận động đồng bào đoàn kết, tương thân tương ái, đùm bọc lẫn nhau xây dựng phường, xã, bản, làng ngày càng tiến bộ.

Chúng ta nhiệt liệt chào mừng các vị khách quý tới dự Đại hội, mang đến cho nhân dân ta tình hữu nghị, tình đoàn kết quốc tế và sự ủng hộ chí tình của bè bạn khắp năm châu.

*

Các thế hệ Việt nam ngày nay có may mắn lớn được sống trong một thời đại huy hoàng nhất của lịch sử dân tộc - thời đại Hồ Chí Minh. Hơn sáu thập kỷ qua, theo tiếng gọi của Người, tập hợp dưới ngọn cờ của Đảng, đoàn kết chặt chẽ trong Mặt trận, nhân dân ta từ cảnh đời nô lệ, nước mất, nhà tan, đã đứng lên làm Cách mạng tháng Tám năm 1945 giành lại quyền làm người và quyền làm chủ đất nước, lập nên nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông - Nam Á, khẳng định vị trí của mình trong hàng ngũ

* Nội dung bài phát biểu tại Đại hội IV MTTQ Việt nam

Digitized by Google

các dân tộc đi tiên phong trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do và tiến bộ xã hội. Chúng ta đã tiến hành cuộc kháng chiến cứu nước lâu dài, gian khổ và vô cùng vẻ vang, với chiến thắng lẫy lừng Điện Biên Phủ 1954 và đại thắng Mùa Xuân 1975, bảo vệ nền độc lập và thống nhất Tổ quốc. Kế thừa và phát huy truyền thống của tổ tiên, nhân dân ta đã ghi tiếp những trang sử vẻ vang trong thời đại mới. Đó là thiên anh hùng ca giải phóng dân tộc được viết nên bằng xương máu của nhiều thế hệ, bằng sức mạnh của mấy ngàn năm văn hiến, bằng ý chí sắt đá của cả dân tộc "thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

Nhân dịp này, tôi xin thay mặt nhân dân ta chân thành cảm ơn bạn bè quốc tế gần xa đã hết lòng ủng hộ, giúp đỡ chúng ta trong những năm tháng đấu tranh gian khổ đó, góp phần tích cực vào thắng lợi của nhân dân Việt nam.

Ngày nay, vượt qua khó khăn trong nước và những thử thách do tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, nhân dân ta đang nỗ lực tiến hành công cuộc đổi mới sâu rộng, toàn diện do Đảng Cộng sản Việt nam đề xướng và lãnh đạo, đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Đất nước không những đứng vững mà còn tiếp tục tiến lên ; đời sống của số đông nhân dân được cải thiện ; dân chủ ngày càng mở rộng, nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân không ngừng củng cố ; quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nước ta với các nước trong cộng đồng thế giới không ngừng phát triển, uy tín quốc tế của Việt nam không ngừng nâng cao. Đạt được những thành tựu đó là do công sức của nhân dân, của mọi người Việt nam yêu nước thuộc các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, từ miền ngược đến miền xuôi, từ thành thị đến nông thôn, đồng bào trong nước và đồng bào đang sinh sống ở nước ngoài ; mọi người đều đồng tâm nhất trí, đoàn kết chặt chẽ, hăng hái thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Là dân tộc đã từng trải qua những hy sinh to lớn trong chiến tranh và những nỗ lực vượt bậc trong xây dựng, nhân dân Việt nam có nguyện vọng thiết tha và xứng đáng được hưởng một cuộc sống trong hòa bình, độc lập, tự do, hạnh phúc và có đủ khả năng để phấn đấu biến nguyện vọng đó thành hiện thực. Song con đường đi tới đích còn nhiều chông gai, thử thách. Đến nay, bên cạnh những thuận lợi và thời cơ tạo ra vận hội cho giai đoạn phát triển mới của dân tộc, nước ta vẫn đang còn trong tình trạng lạc hậu, nghèo nàn ; thu nhập bình quân đầu người còn thấp hơn nhiều nước trên thế giới và trong khu vực. Trong khi đó, vẫn còn những nhân tố gây mất ổn định không thể kem thường. Mặt khác, nạn tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội đang diễn ra nghiêm trọng, khiến cho tình hình càng thêm phức tạp.

Sinh thời, Bác Hồ thường nhắc nhở : "Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong". Nhân dân đã là nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong chiến tranh và thành tựu trong đổi mới, thì nhân dân cũng là nhân tố quyết định nắm lấy vận hội, khắc phục khó khăn, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách để vươn lên thoát khỏi lạc hậu, nghèo nàn, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, đưa nước ta tiến kịp các nước phát triển trong cộng đồng thế giới.

Đó là nhiệm vụ trọng đại đang đặt ra cho thế hệ ngày nay. Hơn lúc nào hết, chúng ta phải ra sức xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập, tự chủ, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, đoàn kết mọi người trong nước và ở nước ngoài trong đại gia đình dân tộc Việt nam, tạo ra sức mạnh của nhân dân cả nước để thực hiện mục tiêu cao cả đó.

Giai cấp công nhân Việt nam là lực lượng tiên phong của dân tộc, hơn nửa thế kỷ qua đã đi đầu trong cuộc đấu tranh cách mạng dân tộc - dân chủ nhân dân và ngày nay lại đang đi đầu trong sự nghiệp đổi mới. Cơ cấu kinh tế nước ta đang có chuyển dịch lớn, gắn với những biến đổi trong cơ cấu xã hội và trong bản thân giai cấp công nhân. Trong nền kinh tế nhiều thành phần, năm triệu công nhân và lao động nước ta hiện nay không chỉ làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước hay tập thể, mà cả trong những doanh nghiệp tư nhân, các liên doanh với nước ngoài. Phải nâng cao trình độ mọi mặt của giai cấp công nhân, tăng cường đoàn kết trong nội bộ giai cấp công nhân, giữa những người lao động trong và ngoài doanh nghiệp nhà nước, thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc ; đồng thời hợp tác với các nhà doanh nghiệp tư nhân, các chủ đầu tư nước ngoài để phát triển kinh tế ; làm ăn

Digitized by Google

đúng pháp luật, chính sách và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước ; tôn trọng quyền lợi hợp pháp của giới chủ, đồng thời bảo đảm lợi ích chính đáng của người lao động.

Nông dân là lực lượng đông đảo của cách mạng nước ta, đã chịu đựng gian khổ, hy sinh, có nhiều đóng góp to lớn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của cách mạng trong giai đoạn mới hiện nay là phấn đấu xây dựng nông thôn giàu đẹp, tiến bộ, không ngừng cải thiện đời sống nông dân trên cả nước, đảm bảo tốt hơn công bằng xã hội và dân chủ ở nông thôn, chăm lo các vấn đề giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, dân số và kế hoạch hóa gia đình, từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn.

Trí thức Việt nam đã gắn bó với nhân dân lao động, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc trong hơn nửa thế kỷ qua. Đội ngũ trí thức nước ta ngày càng đông đảo, với gần 70 vạn người có trình độ đại học và trên đại học, là lực lượng đang và sẽ có nhiều đóng góp to lớn vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiều người có uy tín lớn trên thế giới. Nhân dân ta rất tự hào về đội ngũ trí thức của mình, được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau nhưng cùng chung một nguyện vọng xây dựng đất nước ngày càng tươi đẹp hơn, giàu mạnh hơn. Mặt trận cần mở rộng đoàn kết các nhà trí thức Việt nam ở trong nước và ở nước ngoài. Nhà nước cần có chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài. Trí thức là đại diện cho trí tuệ của dân tộc, luôn nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình đối với tiền đồ của Tổ quốc. Những trí thức chân chính bao giờ cũng nặng lòng yêu nước, thương dân, dám rũ bỏ tị hiềm, mạc cảm để làm tròn trách nhiệm của mình với dân, với nước. Ông cha ta đã để lại những tấm gương lớn của nhiều nhà trí thức như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Chu Văn An, Nguyễn Bỉnh Khiêm, La Sơn Phu Tử, Ngô Thì Nhậm, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền... Ngày nay, Bác Hồ cũng truyền lại cho chúng ta nhiều bài học quý báu về thu phục nhân tâm, trọng dụng nhân tài.

Liên minh công nhân, nông dân và trí thức nước ta là lực lượng chủ yếu trong Mặt trận, làm nòng cốt tập hợp, động viên sức mạnh của toàn dân để tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tầng lớp tiểu chủ, tư sản dân tộc đã tỏ rõ lòng yêu nước, đóng góp khả năng của bản thân và gia đình mình vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, Đảng và Nhà nước ta tạo môi trường thuận lợi hơn nữa nhằm khuyến khích tư nhân hăng hái đầu tư phát triển sản xuất, tích cực tham gia quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà.

Hiện nay có hơn hai triệu đồng bào vì nhiều lý do và hoàn cảnh khác nhau đã rời quê hương định cư ở nước ngoài. Đây là một bộ phận khăng khít trong đại gia đình dân tộc Việt nam. Chúng ta khẳng định rằng tuyệt đại bộ phận người Việt hoặc gốc Việt sinh sống ở nước ngoài luôn hướng về Tổ quốc, nhớ đến cội nguồn, mong muốn góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, nhân dân hạnh phúc, sánh vai với các nước văn minh, hiện đại. Vừa qua, nhiều người đã có đóng góp xứng đáng ; nay cần tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để bà con tìm hiểu tình hình đất nước, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, tạo cơ hội cho bà con đóng góp thiết thực và có hiệu quả vào sự nghiệp chung của nhân dân ta.

Gần 20 năm trôi qua kể từ khi thống nhất nước nhà, đại đa số những người làm việc với chế độ cũ, dù đang ở trong nước hay định cư ở nước ngoài, đã hòa nhập cộng đồng dân tộc. Đó là truyền thống của dân tộc ta. Đó cũng là tấm gương sáng mà Bác Hồ để lại. Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, Người đã thay mặt nhân dân cả nước mở rộng vòng tay tiếp nhận những người tiêu biểu trong chế độ cũ và giao phó những chức vụ quan trọng. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Bác Hồ đã thiết tha kêu gọi "tất cả những người thật thà yêu nước, không phân biệt tầng lớp nào, tín ngưỡng nào, chính kiến nào và trước đây đã đứng về phe nào, chúng ta hãy thật thà cộng tác, vì dân, vì nước mà phấn đấu để thực hiện hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong nước Việt nam yêu quý của chúng ta".

Nước ta có nhiều dân tộc và đồng bào theo các tôn giáo khác nhau. Chúng ta phải ra sức thực hiện bình đẳng dân tộc, thiết thực chăm lo đời sống tinh thần và vật chất của đồng bào, thực hiện tốt xóa đói, giảm nghèo, chống nạn mù chữ, nâng cao dân trí, phòng, chữa bệnh, chống thoái hóa giống nòi trong

Digitized by Google

một số dân tộc. Quan tâm đầy đủ hơn nữa đến cuộc sống của đồng bào dân tộc ở các vùng xa, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng trước đây. Coi trọng đoàn kết lương giáo, tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng ; không can thiệp vào công việc nội bộ các tôn giáo ; khuyến khích tinh thần "tốt đời, đẹp đạo", hướng tới chân, thiện, mỹ ; chống mọi hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng. Việc nghiêm trị một số ít kẻ lợi dụng tôn giáo để chia rẽ dân tộc, phá hoại đoàn kết, vi phạm pháp luật là nhằm giữ vững kỷ cương của đất nước, bảo đảm lợi ích của giáo dân và của cả cộng đồng.

Đảng Cộng sản Việt nam đã nhiều lần nêu rõ tư tưởng và quan điểm của mình về đại đoàn kết dân tộc. Chúng ta đang sống trong bối cảnh quốc tế mà vấn đề dân tộc trở thành một nhân tố cực kỳ quan trọng. Một lần nữa, thay mặt Đảng và Nhà nước, tôi thiết tha kêu gọi toàn thể đồng bào Việt nam hãy thấm nhuần tư tưởng cao cả của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lấy đại nghĩa dân tộc làm trọng, lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, hòa hợp thành một khối thống nhất vì lợi ích của đất nước và dân tộc, cùng nhau ra sức phấn đấu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm thất bại mọi mưu toan của bất cứ thế lực nào cản trở bước tiến của nhân dân ta.

*

Thực hiện đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của tất cả các cấp, các ngành, trong đó Mặt trận Tổ quốc Việt nam giữ vai trò quan trọng.

Từ khi mới thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt nam luôn luôn chăm lo đến chính sách, tổ chức và công tác Mặt trận. Trong tình hình mới, chính sách, tổ chức và công tác Mặt trận càng trở nên quan trọng. Vừa qua, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra nghị quyết "Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất" ; coi đại đoàn kết dân tộc là đường lối cơ bản, thể hiện trong chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại nhằm đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của các giai tầng xã hội.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, từ kinh nghiệm bản thân và qua kiểm nghiệm trong thực tiễn, nhân dân ta đã thừa nhận Đảng Cộng sản Việt nam là người lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt nam. Sự thừa nhận ấy là khách quan, không tùy thuộc vào bất kỳ ý muốn và sức mạnh chủ quan nào, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói : "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo".

Hơn sáu mươi năm qua, nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình, Đảng đã lãnh đạo, chèo lái con thuyền cách mạng Việt nam vượt qua nhiều ghềnh thác hiểm nghèo, cùng nhân dân từng bước tiến lên giành thắng lợi vẻ vang. Đảng Cộng sản Việt nam luôn luôn ý thức rằng : Đảng ở trong lòng dân, Đảng tồn tại vì nhân dân, Đảng đại diện trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt nam. Chỉ có phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân, Đảng mới được nhân dân tin yêu, quý trọng. Chính nhân dân là nguồn gốc của mọi thắng lợi như Bác Hồ từng nói :

"Gốc có vững cây mới bền
Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân".

Những người cộng sản Việt nam biết ơn sâu sắc nhân dân và Tổ quốc Việt nam đã sinh thành và nuôi dưỡng, xây dựng và ủng hộ Đảng với tất cả tấm lòng thủy chung son sắt, giúp Đảng thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình. Đảng Cộng sản Việt nam chân thành cảm ơn Mặt trận dân tộc thống nhất Việt nam đã gắn bó keo sơn với Đảng trong mọi thời kỳ cách mạng, lúc khó khăn, sóng gió cũng như khi thắng lợi vẻ vang ; cùng Đảng tập hợp toàn dân dưới ngọn cờ đại nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Đảng rất tự hào vì đã xứng đáng là một thành viên tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt nam.

Với tinh thần trên đây, các cấp ủy đảng, các đảng đoàn, ban cán sự, các tổ chức đảng phải quán triệt và tích cực thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chính quyền với Mặt trận và các đoàn thể ; đổi mới nội dung, phương thức và phong cách hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể ; kiểm điểm và ra sức khắc phục tình trạng xem nhẹ chính sách và công tác Mặt trận, thậm chí tự đặt mình đứng trên hoặc đứng ngoài Mặt trận.

Digitized by Google

Với tư cách là thành viên, Đảng có trách nhiệm trình bày với Mặt trận các chủ trương, chính sách của Đảng, cùng bàn bạc, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên của Mặt trận, động viên phong trào hành động cách mạng rộng lớn của nhân dân ; giáo dục cán bộ, đảng viên nhận rõ tầm quan trọng của chính sách và công tác mặt trận, gương mẫu tham gia các hoạt động của Mặt trận, khiêm tốn tiếp thu ý kiến nhận xét, phê bình của nhân dân và tích cực sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm của mình.

Đảng phải lãnh đạo hệ thống chính trị thực hiện tốt chính sách và công tác Mặt trận, tạo điều kiện để Mặt trận làm tốt chức năng của mình. Đối với những chủ trương, chính sách lớn, có ý nghĩa quan trọng về quốc kế dân sinh, Đảng cần lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể có liên quan trước khi quyết định.

Nhà nước là cơ quan quản lý, điều hành công việc quốc gia, bàn bạc với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam để thể chế hóa về mặt nhà nước quyền hạn và trách nhiệm của Mặt trận trong việc xây dựng, hoàn thiện các chính sách Mặt trận đã có và những chính sách mới sẽ ban hành. Trước mắt, rà soát và bổ sung các chính sách về dân tộc, tôn giáo, Việt kiều, trí thức, bao gồm trí thức Việt và gốc Việt ; xây dựng chính sách bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài ; chính sách đối với những người có công với nước ; chính sách hợp tác giữa người lao động với nhà doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển đất nước hiện nay. Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp cùng Mặt trận đồng cấp xây dựng quy chế phối hợp, thực hiện đầy đủ những điều Hiến pháp và pháp luật đã quy định đối với Mặt trận Tổ quốc Việt nam và các tổ chức thành viên, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Mặt trận, nhất là phương tiện, điều kiện làm việc, kinh phí... giáo dục viên chức nhà nước quán triệt chính sách Mặt trận trong công việc của mình.

Từ khi thành lập, Mặt trận dân tộc thống nhất của chúng ta, trải qua nhiều giai đoạn lịch sử với nhiều tên gọi khác nhau, đã luôn giữ vai trò hết sức quan trọng trong việc tập hợp và đoàn kết toàn dân vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, trước vận hội mới đang mở ra tiền đồ tươi sáng của đất nước. Mặt trận phải thật sự trở thành liên minh rộng rãi và tự nguyện của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu thuộc các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, thể hiện ý chí và nguyện vọng của toàn dân, tập hợp mọi nguồn trí tuệ của dân tộc để cùng nhau trao đổi và tìm kiếm những giải pháp tích cực, phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên với chính quyền, góp phần thực hiện mục tiêu chung của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Mặt trận là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn nhất, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân ; tổ chức trên cơ sở liên hiệp, làm việc theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, hoạt động theo phương thức phối hợp và thống nhất hành động. "Mặt trận phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, cùng Nhà nước chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, động viên nhân dân thực hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức Nhà nước" như điều 9 Hiến pháp đã quy định.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt nam hoan nghênh và tán thành phương hướng, nhiệm vụ chung của Mặt trận Tổ quốc Việt nam cũng như một số chủ trương lớn và các giải pháp nêu trong Báo cáo chính trị và Chương trình Mặt trận do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam trình bày tại Đại hội.

Chúng tôi xin nhấn mạnh một số điểm sau đây :

Một là, nhiệm vụ bao trùm của Mặt trận dân tộc thống nhất trong giai đoạn hiện nay là : tập hợp, đoàn kết mọi người Việt nam yêu nước, tán thành công cuộc đổi mới, tán thành mục tiêu độc lập dân tộc, giữ vững chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu : "xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh". Mục tiêu đó cũng chính là nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng.

Hai là, những nhiệm vụ lớn để củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay là :

- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Nhà nước pháp quyền Việt nam của

Digitized by Google

dân, do dân và vì dân. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của dân ; mọi người sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, giữ nghiêm trật tự, kỷ cương trong bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể và trong toàn xã hội ; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

- Xây dựng và thực hiện chính sách đúng đắn, tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước ; cải thiện đời sống nhân dân ; từng bước giải quyết tốt những vấn đề xã hội, trước hết là việc làm cho người lao động ; triển khai trong toàn quốc phong trào xóa đói giảm nghèo đi đôi với khuyến khích làm giàu hợp pháp ; vận động toàn dân ra sức thực hành tiết kiệm trong sản xuất và đời sống để tích lũy đầu tư phát triển ; kiên quyết chống lãng phí, quan liêu, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

- Xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh và thực hiện các chính sách văn hóa, xã hội, từng bước xã hội hóa công tác văn hóa - xã hội.

- Củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, tăng cường an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội ; bảo vệ chế độ, bảo vệ và phát huy những thành quả cách mạng.

- Song song với hoạt động đối ngoại Nhà nước, cần mở rộng hoạt động đối ngoại nhân dân với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội, các tổ chức quốc tế, trên cơ sở hợp tác bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, theo những nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình.

Ba là, kiện toàn tổ chức và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt nam. Những biến đổi sâu sắc về cơ cấu và thành phần kinh tế cũng như sự biến đổi về các giai tầng xã hội đã đem lại cho Mặt trận những yếu tố mới. Trước tình hình đó, để bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát và mục tiêu trước mắt cũng như nhiệm vụ bao trùm đã nêu trong Báo cáo chính trị và Chương trình hành động của Mặt trận, Mặt trận và các tổ chức thành viên cần đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, khắc phục tình trạng hành chính, quan liêu, cải tiến hình thức, nội dung sinh hoạt và tập hợp nhân dân, nhất là ở cơ sở, để nâng cao chất lượng hội viên, đoàn viên.

Mặt trận cần mở rộng tổ chức và hoạt động thực tiễn, tham gia thiết thực các hoạt động cụ thể của xã hội theo chức năng, nhiệm vụ của mình, mang lại lợi ích thiết thực cho các tổ chức thành viên và các tầng lớp nhân dân. Các đoàn thể cần tích cực mở rộng và đa dạng hóa việc tập hợp lực lượng nhằm thu hút đông đảo nhân dân thuộc giới mình, góp phần mở rộng mặt trận chung.

Mặt trận cần hướng mạnh về cơ sở, trên mọi địa bàn dân cư, đến từng hộ gia đình. Cùng với thống nhất hành động thông qua tổ chức thành viên, cần coi trọng hơn nữa việc thực hiện đoàn kết thông qua các phong trào chung, hành động chung của đông đảo nhân dân, hợp tác với từng nhóm và cá nhân riêng biệt.

*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Mặt trận Tổ quốc Việt nam diễn ra trong thời điểm rất có ý nghĩa, vào lúc Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng vừa ra nghị quyết nhằm đẩy tới một bước công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa nước ta chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới trong lịch sử dân tộc. Đó là một nghị quyết hành động, là sự nghiệp của toàn dân.

Trải qua mấy nghìn năm đấu tranh bất khuất, kiên cường để bảo vệ nền độc lập, đến nay nước ta vẫn đang là một nước nông nghiệp lạc hậu, nghèo nàn. Ý chí sắt đá và nguyện vọng tha thiết của toàn dân ta lúc này là phải quyết tâm đưa đất nước ra khỏi tình trạng đó, trở thành một nước Việt nam giàu đẹp, vững mạnh, văn minh, hội nhập dòng thời đại với đầy đủ bản sắc của mình. Công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa chỉ có thể hoàn thành khi cả dân tộc ta đồng tâm nhất trí, triệu người như một, mang hết tinh thần, nghị lực và tài năng cống hiến cho đất nước, vì tương lai xán lạn của thế hệ hôm nay và con cháu mai sau.

Đảng cộng sản Việt nam nguyện mãi mãi xứng đáng với lòng tin cậy của nhân dân ta thuộc mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo trong đại gia đình dân tộc Việt nam, quyết tâm cùng toàn dân thực hiện bằng được sự nghiệp vô cùng trọng đại đó.

Digitized by Google

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI TRONG QUAN ĐIỂM CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA CỦA ĐẢNG

PHAN VĂN KHẢI *

NGHỊ quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII) của Đảng đã nêu : "Chúng ta tiến hành công nghiệp hóa không theo kiểu cũ, không lặp lại sai lầm nóng vội, chủ quan mà Đại hội VI đã phê phán [1]. Điều đó không có nghĩa là phủ nhận những kết quả đã đạt được trong những năm tiến hành công nghiệp hóa trước đây, đặc biệt là những công trình xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật đã và đang phát huy tác dụng trong nền kinh tế, như điện và hệ thống tải điện, dầu khí, xi măng, thủy lợi v.v. Trước đây cũng như hiện nay, công nghiệp hóa vẫn được coi là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ, nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, vẫn mang nội dung cốt lõi là cải biến nền sản xuất xã hội từ lao động thủ công sang lao động bằng máy móc và phương tiện kỹ thuật mới, tăng năng suất lao động xã hội, tạo cơ sở mở rộng tích lũy và nâng cao đời sống của nhân dân. Quá trình công nghiệp hóa luôn luôn hướng vào nâng cao trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đồng thời từng bước hình thành quan hệ sản xuất phù hợp, tiến bộ, tạo ra cơ sở hạ tầng vững chắc cho chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Như vậy, *công nghiệp hóa trước đây và hiện nay thống nhất về mục tiêu và định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Xuất phát từ thực tiễn của quá trình công nghiệp hóa trên đất nước ta, hướng tới tương lai với tinh thần kế thừa và phát huy những thành tựu của thời kỳ trước, Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng đã xác định : "mục tiêu lâu dài của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng - an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" [2].

Mục tiêu đó khẳng định *định hướng xã hội chủ nghĩa của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa* trên đất nước ta. Nhân tố quyết định bảo đảm giữ vững định hướng đó là sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân - đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc - và sự điều hành, quản lý của Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Tuy nhiên, công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo đường lối đổi mới rất khác phương thức tiến hành trước đây.

1 - Công nghiệp hóa trước đây tiến hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, nay theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Nếu như trước đây, hầu như toàn bộ việc đầu tư phát triển và phần lớn hoạt động sản xuất kinh doanh đều theo chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh giao từ trên xuống, thì ngày nay, theo cơ chế mới, kế hoạch nhà nước chủ yếu mang tính định hướng, còn thị trường phản ánh nhu cầu xã hội có tiếng

---

* Ủy viên Bộ chính trị, Phó thủ tướng Chính phủ

(1) *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII)* của Đảng, tháng 1-1994, tr27

(2) *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy*, BCH TƯ Đảng (khóa VII) Hà nội, 1994, tr70

Digitized by Google

nói quyết định trong việc phân bố các nguồn lực của nền kinh tế, đặc biệt là đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh, từ đó hình thành cơ cấu kinh tế theo tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế - xã hội.

Chúng ta đã có một bước chuyển rõ nét sang kinh tế thị trường, nhưng còn nhiều vấn đề phải tiếp tục giải quyết để phát huy tác dụng tích cực của nó :

- Bảo đảm đầy đủ quyền tự do kinh doanh theo pháp luật, quyền tự chủ của các chủ thể kinh doanh. Người kinh doanh căn cứ vào pháp luật và tín hiệu của thị trường để tự quyết định sản xuất cái gì, bao nhiêu và bằng cách nào, tiêu thụ sản phẩm ở đâu, với giá nào, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh doanh và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

- Hình thành thị trường đầy đủ để các quan hệ kinh tế diễn ra theo quy luật của thị trường. Hiện nay quan hệ thị trường được xác lập chủ yếu với các yếu tố ở đầu ra (các sản phẩm, dịch vụ), còn các yếu tố ở đầu vào chưa có hoặc mới có ở mức sơ khai, chưa có luật lệ rõ ràng (thị trường lao động, thị trường vốn, thị trường bất động sản, thị trường công nghệ...).

- Tạo môi trường cạnh tranh hợp pháp, lành mạnh, hạn chế độc quyền kinh doanh. Cạnh tranh là động lực mạnh nhất của sự phát triển trong kinh tế thị trường, nó thúc đẩy cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm. Độc quyền sinh ra lũng đoạn, thoái hóa, làm biến dạng kinh tế thị trường. Những lĩnh vực do đặc điểm công nghệ nên mang tính chất độc quyền tự nhiên, hoặc do điều kiện lịch sử chưa xóa bỏ được độc quyền, như điện, cấp nước, đường sát, viễn dương, bưu điện... thì Nhà nước phải có biện pháp kiểm soát và quản lý, đặc biệt là về giá cả. Những lĩnh vực chỉ có doanh nghiệp nhà nước cũng nên tạo ra một số doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác để có sự cạnh tranh với nhau (như bưu điện, hàng không...).

Vậy Nhà nước có vai trò gì ? Tuy không điều khiển nền kinh tế bằng chỉ tiêu pháp lệnh và mệnh lệnh hành chính như trước, nhưng Nhà nước có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và công cuộc công nghiệp hóa nói riêng, nhất là đối với sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế muốn phát triển nhanh và bền vững phải có sự cân đối giữa các ngành, các vùng, có sự kết hợp hài hòa lợi ích chung và lợi ích riêng. Cơ chế thị trường có mặt tích cực là năng động, nhạy bén với nhu cầu xã hội, hiệu quả kinh doanh nhưng cũng có những tác động tiêu cực, nổi lên là : xu hướng tự phát của các doanh nghiệp chỉ quan tâm đến lợi ích riêng, thiếu tầm nhìn xa, nhất là khi hầu hết các đơn vị kinh tế thuộc loại nhỏ và vừa ; sự phân hóa giàu nghèo theo lối "cá lớn nuốt cá bé" ; tâm lý coi đồng tiền trên hết. Trong việc phân bố các nguồn lực, cơ chế thị trường cũng mang tính thiển cận và thiếu phối hợp, dẫn tới nhiều hệ quả xấu. Do đó sự hướng dẫn, hỗ trợ của Nhà nước theo các chức năng dưới đây là rất cần thiết :

a) *Một là*, Nhà nước tạo môi trường và hành lang ổn định, an toàn cho hoạt động kinh tế :

- Trước hết là môi trường chính trị - xã hội ổn định và quan hệ quốc tế thuận lợi.

- Hành lang pháp chế với luật pháp rõ ràng, nhất quán và được thực hiện nghiêm minh.

- Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, quan trọng nhất là kiểm soát được lạm phát, ổn định tỉ giá, lãi suất, thuế suất.

b) *Hai là*, hướng dẫn, tạo điều kiện và hỗ trợ cho đầu tư phát triển :

- Xây dựng kế hoạch định hướng (trên cơ sở phân tích, dự báo về thị trường cả trong và ngoài nước) và lập quy hoạch các địa bàn (từ quy hoạch vùng đến từng địa phương, từng đô thị, từng khu công nghiệp).

- Gánh vác phần chủ yếu trong việc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội. Nhiều nhà kinh tế coi kết cấu hạ tầng cũng thuộc môi trường kinh tế vĩ mô.

- Hỗ trợ các nhà đầu tư về nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, về vốn và về thông tin kinh tế, năng lực tiếp thị (về ba yếu tố công nghệ, vốn, tiếp thị, các nhà kinh doanh vừa và nhỏ còn nhiều hạn chế, cần có sự giúp đỡ của Nhà nước).

- Dùng các đòn bẩy kinh tế để khuyến khích và lái các nỗ lực phát triển của xã hội theo định hướng và mục tiêu kế hoạch.

Về các đòn bẩy kinh tế, để điều tiết sản xuất, cần chú ý đến các công cụ và biện pháp tạo thuận lợi trực tiếp cho đầu tư phát triển từng ngành hoặc từng vùng, như : xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết cho sự phát triển ngành hoặc vùng cần ưu tiên, áp dụng chính sách tín dụng ưu đãi, hỗ trợ về ứng

Digitized by Google

dụng công nghệ mới, về đào tạo, về thông tin, tiếp thị... Việc dùng thuế để điều tiết sản xuất, phải cân nhắc kỹ tác dụng và hiệu quả của nó, không trái với nguyên tắc chung của chế độ thuế, phải đơn giản, rõ ràng (ít thuế suất), công bằng và ổn định để các nhà đầu tư yên tâm phát triển sản xuất kinh doanh.

c) *Ba là*, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tập trung của Nhà nước, quản lý tốt tài sản công.

Vốn đầu tư của Nhà nước dựa vào nguồn tích lũy trong nước được động viên vào ngân sách và nguồn tài trợ của bên ngoài (dưới hình thức cho không và cho vay ưu đãi, hầu hết qua kênh ngân sách nhà nước). Nguồn vốn này rất quan trọng không chỉ ở khối lượng lớn mà còn ở tính chất tập trung của nó, cho phép tạo nền móng và hỗ trợ cho việc hình thành cơ cấu kinh tế mới.

Hướng và hình thức sử dụng nguồn vốn này trước hết là tập trung cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, trong đó chỉ những cơ sở không có khả năng thu hồi vốn mới được đầu tư bằng hình thức ngân sách cấp phát. Một phần vốn của Nhà nước được đưa vào đầu tư dưới hình thức tín dụng (cho vay ưu đãi hoặc hỗ trợ lãi suất) hoặc góp cổ phần vào các cơ sở liên doanh, mua cổ phiếu của các công ty cổ phần trong những lĩnh vực mà Nhà nước thấy cần hỗ trợ hoặc cần tham gia kiểm soát trực tiếp. Việc quản lý và sử dụng có hiệu quả các tài sản công khác như đất đai, tài nguyên, bất động sản, dự trữ quốc gia... cũng là trách nhiệm lớn của Nhà nước.

Trong việc thực hiện các chức năng trên, chính sách kinh tế của nhà nước còn phải quan tâm đến khía cạnh xã hội, bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng, tiến bộ xã hội.

Tóm lại, vai trò quản lý của Nhà nước trong kinh tế thị trường hết sức quan trọng và nặng nề. Điều cần nhấn mạnh lúc này là phải nhận thức rõ và thực hiện đúng các chức năng của Nhà nước như đã nêu trên, khắc phục tình trạng "nắm quá chặt cái cần buông, nhưng lại buông lỏng cái cần nắm". Như vậy mới thiết lập được trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế, đồng thời giúp ích mà không hạn chế tính chủ động, sáng tạo của các nhà kinh doanh trong môi trường cạnh tranh, hợp tác của kinh tế thị trường.

2 - *Công nghiệp hóa trước đây theo xu hướng kinh tế khép kín, tự cấp tự túc, nay được tiến hành theo hệ thống kinh tế mở, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu có hiệu quả.*

Công nghiệp hóa theo kiểu cũ hướng vào mục tiêu chính là nâng cao khả năng tự đáp ứng các nhu cầu của sản xuất và đời sống trong nước ; do đó phải ưu tiên phát triển công nghiệp nặng để tự giải quyết các nhu cầu về vật tư, trang bị kỹ thuật, dần dần thay thế nhập khẩu, coi đó là con đường xây dựng kinh tế độc lập tự chủ, tránh bị lệ thuộc vào nước ngoài. Với một đất nước khá đông dân, đang thiếu đủ thứ, cần đủ thứ, thì xu hướng đó tất yếu dẫn đến chủ trương xây dựng một nền công nghiệp tương đối hoàn chỉnh, gồm nhiều công trình với quy mô lớn, thoát ly điều kiện và khả năng thực tế ; rốt cuộc hiệu quả rất thấp.

Xu hướng khép kín, tự cấp tự túc trước đây còn thể hiện trong cơ cấu sản xuất và đầu tư của từng địa phương ; ngay các cơ sở sản xuất cũng muốn làm ra sản phẩm từ đầu đến cuối, dẫn tới hạn chế chuyên môn hóa, lãng phí tài nguyên và thiết bị... Kết quả cuối cùng là hiệu quả sản xuất và đầu tư của từng địa phương, từng ngành, từng cơ sở đều thấp.

Theo quan điểm kinh tế mở, nền kinh tế nước ta phải hội nhập với kinh tế thế giới, phát huy lợi thế so sánh của mình để giành chỗ đứng trên thị trường quốc tế, tạo ra quan hệ phụ thuộc lẫn nhau. Trong thời đại ngày nay, không một nước nào, kể cả những nước lớn nhất, giàu nhất, có thể tự đáp ứng mọi nhu cầu trong nước, mà phải biết tận dụng lợi thế của mình, đồng thời khai thác cái hay, cái tốt của bên ngoài thông qua xuất, nhập khẩu, thu hút đầu tư và công nghệ. Cơ cấu sản xuất và đầu tư tối ưu của mỗi nước (kể cả đầu tư từ bên ngoài) phải hướng vào những sản phẩm và dịch vụ có khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và thế giới. Những thứ trong nước cần, nhưng điều kiện sản xuất trước mắt cũng như lâu dài đòi hỏi chi phí lớn hơn sản phẩm của nước ngoài (đã tính cả phí vận tải) thì nhập từ bên ngoài lợi hơn tự sản xuất trong nước. Đó là một lợi thế của kinh tế mở. Nhập khẩu nhiều không hẳn là lệ thuộc nếu cân bằng được và tiến tới xuất siêu trong cán cân thương mại quốc tế.

Hướng mạnh về xuất khẩu là con đường buộc sản phẩm trong nước phải có sức cạnh tranh (bao

Digitized by Google

gồm chất lượng, giá cả, tín nhiệm...) với sản phẩm bên ngoài, cả trên thị trường trong nước và quốc tế. Chỉ bằng cách đó mới phát huy được lợi thế so sánh, đẩy nhanh việc đổi mới công nghệ, và mới mở rộng được thị trường tiêu thụ, đưa nền kinh tế phát triển nhanh với cơ cấu kinh tế có hiệu quả. Hướng về xuất khẩu không có nghĩa là coi nhẹ thị trường trong nước mà ngược lại còn làm cho thị trường trong nước có điều kiện mở rộng và phát triển. Vì kim ngạch xuất khẩu tăng thì sức mua nội địa tăng, khả năng nhập khẩu cho sản xuất và đời sống trong nước cũng tăng thêm. Chính sách hướng về xuất khẩu không loại trừ việc thay thế nhập khẩu, nhưng không phải thay thế với bất cứ giá nào, mà phải thay thế bằng sản xuất trong nước có hiệu quả, có sức cạnh tranh với hàng bên ngoài.

Cơ cấu kinh tế mở không chỉ đặt ở tầm quốc gia mà còn có ý nghĩa lớn cả đối với từng địa phương trong quan hệ kinh tế với các địa phương khác và với bên ngoài, tạo ra thị trường thông suốt trong cả nước và với thị trường quốc tế, không bị chia cắt hay hạn chế về địa giới hành chính.

Chiến lược kinh tế mở đòi hỏi tính hợp lý, đúng mức trong chính sách bảo hộ sản xuất nội địa.

Hàng rào bảo hộ thường được thiết lập bằng biện pháp hành chính như cấm nhập, định hạn ngạch nhập, và quan trọng nhất là bằng chính sách thuế quan. Bảo hộ hợp lý, đúng mức có nghĩa là hình thức và mức độ bảo hộ có giảm nhẹ một phần sức ép cạnh tranh của hàng ngoại trong thời gian đầu, nhưng hướng lâu dài là phải thúc đẩy sản xuất trong nước vươn lên nâng cao sức cạnh tranh chứ không được ỷ lại vào hàng rào bảo hộ. Trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, việc thiết lập hàng rào bảo hộ cần được cân nhắc thận trọng, với chính sách thuế nhập khẩu hợp lý, không chỉ quan tâm lợi ích của người sản xuất mà còn phải chú ý lợi ích của người tiêu dùng. Điều này còn góp phần quan trọng đấu tranh có hiệu quả chống buôn lậu. Đối với sản xuất trong nước, cách bảo hộ tích cực và có hiệu quả hàng rào thuế quan là Nhà nước áp dụng các chính sách, biện pháp hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa, đồng thời xử lý tỉ giá hối đoái theo cơ chế thị trường, phù hợp với sức mua thực tế của đồng tiền Việt nam và đồng ngoại tệ, có tác dụng khuyến khích xuất khẩu, điều tiết nhập khẩu. Vấn đề đặt ra cho chúng ta hiện nay là phải có biện pháp xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa chính sách bảo hộ, khả năng chống buôn lậu và yêu cầu tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước.

3 - *Công nghiệp hóa trước đây hầu như chỉ dựa vào đầu tư của Nhà nước, thông qua khu vực quốc doanh và tập thể là chủ yếu ; nay phải dựa vào tiết kiệm và đầu tư của toàn xã hội, phát huy tiềm năng của tất cả các thành phần kinh tế.*

Trước đây, từ cơ sở hạ tầng đến các đơn vị sản xuất kinh doanh, kể cả nhà ở đô thị đều do Nhà nước đầu tư. Các hợp tác xã rất ít khả năng tích lũy đầu tư, ngoài việc huy động một số công lao động. Các thành phần khác vừa không dám, vừa thiếu khả năng đầu tư, kể cả xây dựng nhà ở đô thị.

Từ khi đổi mới, đã có chuyển biến bước đầu trong đầu tư phát triển của nhân dân và các doanh nghiệp. Song có hai điều đáng chú ý :

- Mức tiết kiệm và tích lũy của các doanh nghiệp và nhân dân còn rất thấp ; năm 1993 chỉ vào khoảng 30% tổng đầu tư (ở các nước công nghiệp mới, tỷ lệ này là 80 - 90%, ngay cả trong giai đoạn đầu phát triển).

- Phần lớn nguồn đầu tư này dồn vào thương nghiệp, dịch vụ và xây dựng nhà ở, ít đưa vào sản xuất.

Phải làm gì để khắc phục tình hình này ?

- *Một là*, phải thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước và khu vực quốc doanh trên cơ sở nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, mở rộng các hình thức kinh tế hợp tác trên cơ sở tự nguyện, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế cá thể, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, các cơ sở hợp tác, và thu hút sự đầu tư của nước ngoài, áp dụng các hình thức kinh tế đan xen, hỗn hợp nhiều loại sở hữu. Mặt khác, cần tạo môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng giữa các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế.

- *Hai là*, ban hành luật khuyến khích đầu tư trong nước với các chính sách đủ mạnh để tạo ra không khí an tâm, mạnh dạn đầu tư trong xã hội. Về lâu dài, cần tiến tới thống nhất chính sách khuyến khích đầu tư và coi trọng hướng dẫn đầu

tư, hỗ trợ về thông tin, tiếp thị đối với người trong nước cũng như ngoài nước.

- *Ba là*, đi đôi với việc cải cách hệ thống thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, ổn định, thuế suất hợp lý, chính sách tài chính phải giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa phần tích lũy tập trung vào ngân sách và phần tích lũy để lại cho doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp nhà nước) và nhân dân tự tái đầu tư. Quan hệ tỉ lệ này phải phù hợp với yêu cầu đầu tư phát triển trong từng thời kỳ (thời kỳ đầu, ngân sách phải tập trung thích đáng để xây dựng cơ sở hạ tầng, song hướng lâu dài thì phải tăng dần tỉ trọng tích lũy đầu tư ngoài ngân sách).

- *Bốn là*, phải mở rộng nhiều hình thức thu hút vốn, hình thành và phát triển thị trường vốn, tiến tới thiết lập thị trường chứng khoán. Người đầu tư kinh doanh chỉ dựa vào vốn mình có thì khả năng phát triển rất hạn chế, trong khi đó, trong xã hội có những khoản tiền chưa dùng đến bị cất giữ (kể cả dưới dạng vàng, đô la), trở thành đồng tiền chết. Phát triển thị trường vốn chính là làm cho mọi khoản tiền nhàn rỗi, dù nhỏ cũng trở thành vốn sống, quay vòng, sinh lời.

Trước hết, phải bảo đảm vững chắc khả năng kiềm chế lạm phát, vì đồng tiền mất giá thì người có tiền sẽ chuyển tiền ngay thành vàng, đô la để cất giữ, không ai dám bỏ vốn đầu tư, nhất là đầu tư vào sản xuất, khi rủi ro quá lớn.

Ngân hàng phải bảo đảm thanh toán thuận tiện, nhanh chóng cho mọi người có tài khoản tiền gửi và tiền tiết kiệm, tạo điều kiện cho người ta gửi tiền, rút tiền mặt hay chuyển khoản được dễ dàng, an toàn trong mọi tình huống, thì tiền gửi vào ngân hàng mới ngày càng nhiều, tạo thành nguồn vốn vãng lai đáp ứng một phần nhu cầu tín dụng ; các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt cũng có điều kiện mở rộng nhanh.

Phát triển nhiều hình thức thu hút tiền nhàn rỗi, thích hợp với nhiều đối tượng ; bên cạnh những hình thức đã có như gửi tiết kiệm, mua các loại trái phiếu, cần mở rộng việc phát hành cổ phiếu trên cơ sở phát triển các công ty cổ phần mới và xúc tiến cổ phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước ; phát triển các quỹ bảo hiểm. Chú trọng các hình thức thu hút tiền gửi trung hạn và dài hạn để tạo nguồn vốn tín dụng đầu tư.

- *Năm là*, cải tiến công tác tín dụng đầu tư cả về đối tượng cho vay (căn cứ vào hiệu quả và khả năng trả nợ, không phụ thuộc vào thành phần kinh tế), và cơ chế lãi suất (phù hợp với quan hệ cung - cầu trên thị trường vốn), giảm nhẹ thủ tục, tránh gây phiền hà. Biện pháp hữu hiệu nhất là tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các tổ chức tín dụng.

Trong khi chú trọng khai thác tiềm năng về vốn trong nhân dân, chớ quên rằng tiềm năng lớn nhất mà chúng ta có ưu thế tương đối, đồng thời là nhân tố có ý nghĩa cơ bản và lâu dài đối với sự phát triển của đất nước ta là nguồn nhân lực và con người Việt nam.

Hội nghị lần thứ 4 của Trung ương Đảng (tháng 1 năm 1993) đã thông qua các nghị quyết tương đối toàn diện về các lĩnh vực hoạt động nhằm chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh. Tuy thời gian qua đã có một số chuyển biến mới về giáo dục, đào tạo, văn hóa, văn nghệ, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, về thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, song phải tiếp tục thấu suốt và triển khai thực hiện các nghị quyết đó sâu rộng hơn nữa trong giai đoạn mới.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng đưa lên hàng đầu việc phát triển nguồn nhân lực trong các chính sách và biện pháp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và dành một phần quan trọng nêu phương hướng, nhiệm vụ "xây dựng giai cấp công nhân phát triển về số lượng, giác ngộ về giai cấp, vững vàng về chính trị, tư tưởng, có trình độ học vấn và tay nghề cao, có năng lực tiếp thụ và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, vươn lên làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình".

Sự phát triển, trưởng thành cũng như việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân không thể tách rời mà phải đặt trong sự nghiệp xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, động viên mọi người Việt nam ở trong nước và ở nước ngoài, thuộc các tầng lớp, các thế hệ, các dân tộc, các tôn giáo, chung lòng, chung sức phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Tinh thần không cam chịu nghèo nàn, lạc hậu, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước, ở mỗi người Việt nam, đặc biệt là trong thế hệ trẻ, phải mãnh liệt không kém ý chí rửa nỗi

Digitized by Google

nhục mất nước đã từng thôi thúc toàn dân đứng lên giải phóng và thống nhất đất nước. Có như vậy thì mới có sức và mới triệt để tiết kiệm, đẩy mạnh đầu tư phát triển, tạo khí thế tiến quân vào khoa học, công nghệ, xóa đói giảm nghèo, vươn lên giàu có. Đó là một nhân tố quyết định đối với thành công của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cho phép thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển so với các nước xung quanh.

4 - Tích lũy và đầu tư của nước ta trước đây hầu như dựa hoàn toàn vào nguồn vốn bên ngoài. Trong điều kiện hiện nay "để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần huy động nhiều nguồn vốn, gắn với sử dụng vốn có hiệu quả, trong đó nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn từ bên ngoài là quan trọng".

Nhìn lại, từ 1976 đến 1990, không những toàn bộ số tích lũy mà cả một phần tiêu dùng trong nước phải đựa vào bên ngoài. Từ năm 1991, bắt đầu có tích lũy bằng vốn trong nước nhưng còn nhỏ bé ; năm 1993 - 1994 mới đạt khoảng 10% GDP, chỉ bằng 1/4 đến gần 1/2 phần tích lũy trong nội bộ nền kinh tế của nhiều nước xung quanh.

Vì sao nguồn vốn trong nước là quyết định ?

Xét tổng thể và lâu dài, sự phát triển trên cơ sở bảo đảm độc lập, tự chủ của một nước bao giờ cũng phải dựa vào sức mình là chính ; nguồn lực bên ngoài chỉ phát huy tác dụng tốt khi nó làm tăng nguồn lực bên trong. Vốn vay bên ngoài, dù là vay ưu đãi, cũng phải tính thời hạn và khả năng trả nợ. Dựa vào vốn nước ngoài đầu tư trực tiếp thì phải nhường cho người ta một phần tài nguyên và lợi nhuận. Tuy nhiên nói như vậy không có nghĩa là chúng ta coi nhẹ vốn bên ngoài, nhất là trong giai đoạn đầu phát triển. Chúng ta tích cực tranh thủ vốn bên ngoài theo khả năng cao nhất, song muốn hấp thu và sử dụng có hiệu quả, cần có một lượng vốn tương ứng trong nước. Thông thường, khoảng một nửa số vốn bên ngoài là thiết bị, công nghệ và vật tư nhập khẩu ; còn một nửa là tiền công và vật liệu xây dựng đòi hỏi trong nước phải cung ứng một khối lượng sản phẩm và dịch vụ cần thiết. Thiếu phần này, sẽ mất cân đối tiền - hàng, gây ra lạm phát với nhiều hậu quả rất có hại cho nền kinh tế. Đây là một nguyên nhân của tình trạng đầu tư "quá nóng" đã từng xảy ra ở một số nước.

Trước đây, nguồn vốn bên ngoài hầu hết là từ Liên xô cũ, một phần từ các nước Đông Âu và đều thông qua hiệp định Chính phủ, tập trung toàn bộ vào ngân sách. Nay việc thu hút vốn bên ngoài vừa đa phương hóa, vừa đa dạng hóa.

Nguồn tài trợ chính thức qua kênh Chính phủ (ODA) có phần song phương (với từng nước), phần đa phương (với các tổ chức quốc tế), trong đó một phần nhỏ là viện trợ không hoàn lại, phần chủ yếu là tín dụng ưu đãi về lãi suất và thời hạn trả nợ.

Nhưng nguồn vốn lớn hơn từ bên ngoài được thu hút qua hình thức đầu tư trực tiếp (FDI) dưới các dạng hợp tác, liên doanh, đầu tư 100% vốn, kể cả theo phương thức BOT (xây dựng - kinh doanh - chuyển giao). Tính đến hết tháng 6-1994 chúng ta đã cấp giấy phép cho hơn 800 dự án với tổng số vốn đăng ký trên 8,7 tỉ USD (không kể 160 dự án đã rút giấy phép) : số vốn đã thực hiện đến hết năm 1993 gần 2,1 tỉ, ước tính năm nay thêm 1,5 tỉ.

Khi đề ra ưu tiên cho đầu tư trực tiếp, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng nhấn mạnh "đặc biệt là từ những công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia có tầm cỡ trên thế giới, để tranh thủ chuyển giao công nghệ hiện đại, kỹ năng quản lý điều hành tiên tiến, mở lối thâm nhập vào thị trường khu vực và quốc tế". Thực tế đầu tư của các công ty đa quốc gia đã góp phần quan trọng vào sự phát triển của một số nước công nghiệp mới hoặc đang công nghiệp hóa.

Trong thời gian tới, đầu tư trực tiếp của nước ngoài cần được thu hút theo hướng tập trung vào các khu chế xuất và khu công nghiệp ; vào xây dựng cơ sở hạ tầng ; vào khai thác, chế biến dầu khí, một số khoáng sản, vật liệu xây dựng và một số cơ sở cơ khí chế tạo, lắp ráp ; vào các dự án nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản ; vào một số loại dịch vụ đòi hỏi công nghệ cao.

Để thu hút mạnh hơn và phát huy tốt hơn hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, cần tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư (hoàn chỉnh luật pháp và bảo đảm kỷ cương phép nước), coi trọng việc thúc đẩy thực hiện các dự án được cấp giấy phép và quản lý các doanh nghiệp đã đi vào hoạt động, đặc biệt chú ý việc chuyển giao công nghệ tiên tiến, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường quốc tế, bảo vệ môi trường ; lựa chọn và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực này (đặc biệt

Digitized by Google (Xem tiếp trang 24)

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

TRONG công cuộc đổi mới đất nước, khoa học và công nghệ đã có những đóng góp đáng kể.

Trên lĩnh vực nông nghiệp, cùng với chính sách đổi mới, nhờ ứng dụng những tiến bộ khoa học và công nghệ, chúng ta đã đạt được một bước tăng trưởng quan trọng về tổng sản lượng lương thực và năng suất cây trồng. Trong khoảng hơn 10 năm, năng suất lúa bình quân đã tăng gấp rưỡi (năm 1980, 20,8 tạ/ha, năm 1993 : 35 tạ/ha) ; trong công nghiệp, nhờ đổi mới công nghệ, một số ngành đã đứng vững, tham gia cạnh tranh trên thị trường và đóng góp vào xuất khẩu. Một số ngành, nhờ nhập công nghệ có chọn lọc, đi thẳng vào công nghệ hiện đại, đã nhanh chóng thay đổi bộ mặt. Một số xí nghiệp công nghiệp nhẹ, nhờ đổi mới dây chuyền công nghệ, thiết bị, đã đứng vững ở nội địa và đưa được sản phẩm tới thị trường thế giới v.v.

Tuy nhiên, khoa học và công nghệ nước ta vẫn còn nhiều yếu kém, khó khăn. Chúng ta tiến hành công nghiệp hóa và hiện đại hóa với điểm xuất phát rất thấp về mặt công nghệ. Hệ thống thiết bị lạc hậu, thô sơ, chắp vá từ nhiều nguồn, đã dẫn đến tiêu hao nhiên liệu - năng lượng cao, gây ô nhiễm môi trường, năng suất và chất lượng sản phẩm thấp, mẫu mã đơn điệu, khó chiếm lĩnh thị trường nội địa, khả năng xuất khẩu kém... Năng suất lao động còn rất thấp, trong công nghiệp chỉ đạt 30% mức trung bình của thế giới ; trong nông nghiệp, một lao động chỉ nuôi được 3 - 5 người, trong khi ở các nước phát triển chỉ số này là 20 - 30 người.

Đến nay, công nghệ tiên tiến nhập vào Việt nam chưa đáp ứng được yêu cầu cả về số lượng lẫn quy mô, đặc biệt đối với một số ngành then chốt có tác động sâu rộng tới nền kinh tế như cơ khí, năng lượng, giao thông, hóa chất, xây dựng... Trong các dự án liên doanh với nước ngoài, phần chi phí về vật tư, nguyên liệu nhập rất lớn, có khi tới hơn 70%, hàm lượng công nghệ góp phần vào giá trị gia tăng còn thấp, chỉ đạt khoảng 10 - 20%. Số công nghệ được sản sinh trong nước nhờ các hoạt động nghiên cứu - triển khai còn ít. Hàm lượng công nghệ và dịch vụ ở nông thôn còn yếu ớt... Bên cạnh đó, hiện tượng thiếu thông tin, thiếu đội ngũ cán bộ đủ hiểu biết về công nghệ và công tâm trong việc mua công nghệ của nước ngoài cũng góp phần làm chậm quá trình đổi mới công nghệ. Sự khởi sắc, tăng trưởng của nền kinh tế Việt nam trong những năm gần đây phần lớn nhờ vào thành tựu đổi mới về cơ chế quản lý, về chính sách thương mại mở cửa, chứ *chưa phải dựa vào một nền tảng vững bền từ công nghệ - công nghiệp.* Cơ cấu nền kinh tế Việt nam trong nhiều năm qua chuyển dịch rất chậm, cho đến nay về cơ bản vẫn là một cơ cấu lạc hậu, kém hiệu quả. Nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng 36% GDP và 72% lao động cả nước. Công nghiệp và dịch vụ nhỏ bé, xuất khẩu sản phẩm thô chiếm tỷ lệ áp đảo ; chưa phát huy cơ chế khuyến khích ứng dụng khoa học và công nghệ, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu - triển khai nhằm đổi mới công nghệ.

Nước ta hiện có một đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đáng kể. Số có trình độ đại học trở lên, tới 70 vạn. Đây là một thế mạnh, một vốn quý để phát triển kinh tế - xã hội. Nhưng việc phân bố, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có nhiều điều không hợp lý. Quy mô đào tạo chưa mở rộng. Chất lượng đào tạo còn thấp, chưa cập nhật được tri thức hiện đại của khu vực và thế giới, bị "hổng" nhiều về hiểu biết công nghệ, quản trị kinh doanh, tiếp thị, ngoại ngữ. Cả nước hiện có gần 300 viện, trung tâm nghiên cứu, 102 trường đại học, cao đẳng.

Digitized by Google

Nhưng việc phân bố mạng lưới này theo vùng lãnh thổ - sinh thái còn mất cân đối lớn. Cơ sở hạ tầng (thiết bị, thông tin) của các viện và trường cũng còn nghèo và lạc hậu. Chưa xác lập được thị trường khoa học và công nghệ.

Trong khi đó, nhận thức về vai trò khoa học và công nghệ của các cấp chưa thể hiện bằng các biện pháp cụ thể về mức đầu tư tài chính, chính sách cán bộ... chưa tạo lập được hệ thống chính sách buộc hoạt động kinh tế, từ sản xuất, dịch vụ đến quản lý, phải dựa trên khoa học và công nghệ và làm cho hoạt động khoa học và công nghệ hướng đến mục tiêu kinh tế - xã hội một cách tự nhiên. Mức độ đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước hàng năm không quá 1%, lại bị cấp phát dàn trải. Chúng ta không chú ý huy động nguồn vốn cho khoa học và công nghệ từ doanh nghiệp ; nhiều doanh nghiệp ỷ lại vào sự bao cấp của nhà nước ; nhà nước không có nguồn lực mạnh để đầu tư thích đáng cho các lĩnh vực giáo dục, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe, hoặc cho những hướng nghiên cứu triển khai quan trọng.

Các chính sách và quy định về biên chế cứng nhắc, cùng với chế độ tiền lương, tiền thưởng chưa hợp lý chẳng những đã không tạo ra được một động cơ hướng khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế, đổi mới công nghệ, không khuyến khích phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, mà còn làm "chảy máu chất xám" và "già hóa" đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ v.v.

*

Để khắc phục những thiếu sót trên đây, đẩy nhanh tốc độ phát triển khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ đóng được vai trò nền tảng của quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành trung ương Đảng đã chỉ rõ những quan điểm cơ bản, mục tiêu và các chương trình trọng yếu phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2000 và những năm tiếp theo. Đồng thời, chỉ rõ các chính sách và biện pháp lớn, để toàn đảng, toàn dân phấn đấu thực hiện, nhằm làm cho mục tiêu và các chương trình này trở thành hiện thực.

+ Về phương hướng và mục tiêu

Hội nghị chỉ rõ, phát triển khoa học và công nghệ gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tầm trung và dài hạn phải góp phần tích cực vào việc thực hiện cách đi kết hợp "tuần tự" và "không tuần tự" trên con đường phát triển ; mau chóng đạt đến trình độ phát triển mới về năng suất, chất lượng, thúc đẩy việc chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ, thu hẹp dần khoảng cách về công nghệ so với các nước phát triển, trước hết là các nước trong khu vực.

Từ nay đến năm 2000, khoa học và công nghệ tập trung đóng góp có hiệu quả vào quá trình ra quyết định ở mọi cấp, từ quản lý nhà nước đến các doanh nghiệp ; bảo đảm cho các chính sách, chủ trương, các quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư có căn cứ khoa học, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội rõ rệt.

Áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ thế giới để đẩy nhanh quá trình đổi mới công nghệ, và nâng cao trình độ công nghệ trong các ngành sản xuất và dịch vụ chủ yếu, tạo được tiến bộ rõ rệt về năng suất, chất lượng, hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm chủ yếu.

Tập trung năng lực nghiên cứu, hỗ trợ cho việc lựa chọn và hình thành một số ngành công nghiệp có triển vọng dựa trên công nghệ cao, và một số ngành chế tác, tạo tiền đề cho việc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở giai đoạn tiếp theo.

Nâng cao một bước năng lực nghiên cứu triển khai trong nước. Xây dựng được lực lượng cán bộ khoa học - công nghệ có khả năng tiếp cận với khoa học và công nghệ thế giới, có thể lựa chọn, thích nghi, làm chủ các công nghệ nhập, cải tiến và hiện đại hóa công nghệ truyền thống.

Song song với việc xây dựng và tăng cường năng lực công nghệ nội sinh, cần tập trung vào quá trình tìm kiếm, tiếp thu, chuyển giao công nghệ tiên tiến thích hợp từ nước ngoài, chú ý hạn chế và thải loại dần các công nghệ tiêu tốn năng lượng, nguyên liệu, gây ô nhiễm môi trường và các hậu quả xã hội tiêu cực khác

Digitized by Google

Trong các dự án có vốn đầu tư của nước ngoài cần chú ý đặc biệt tới yếu tố chuyển giao công nghệ, từ thiết bị - kỹ thuật, đào tạo đội ngũ tới thông tin, bí quyết công nghệ. Phổ cập các loại hình công nghệ thích hợp trên địa bàn nông thôn, miền núi.

Trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, *lấy nghiên cứu ứng dụng, tiếp thu công nghệ làm chính*. Để thực hiện được quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo mô hình "không tuần tự", cần mạnh dạn sử dụng công nghệ cao - vi điện tử, tin học, tự động hóa, sinh học, vật liệu mới - trong những lĩnh vực trọng yếu. Đẩy mạnh những công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm tiêu dùng có chất lượng cạnh tranh được trên thị trường, đòi hỏi vốn không lớn, thu hút nhiều lao động. Hiện đại hóa các công nghệ truyền thống thủ công nghiệp, làng nghề. Chấn chỉnh, phát triển ngành cơ khí chế tạo thiết bị để nó trở thành xương sống của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Về xây dựng tiềm lực, quản lý khoa học và công nghệ, cần tạo chuyển biến căn bản trong hệ thống khoa học và công nghệ từ quan điểm, phương thức hoạt động đến sắp xếp cơ cấu tổ chức theo hướng gắn kết với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xóa bỏ quan niệm coi khoa học và công nghệ chỉ là công việc riêng của các nhà khoa học, mà phải coi đây là công việc của mọi hoạt động kinh tế - xã hội và tập trung cao ở các dự án phát triển quốc gia.

Phấn đấu để sau năm 2000 khoa học và công nghệ hội nhập được với các quốc gia trong khu vực. Cố gắng làm cho một số sản phẩm từ sản xuất đến dịch vụ, có hàm lượng trí tuệ hoặc khéo tay, có khả năng cạnh tranh và xuất hiện ổn định trên thị trường thế giới, như sản phẩm dệt, may và một số sản phẩm khác của công nghiệp nhẹ ; sản phẩm tin học - phần mềm phục vụ thiết kế, quản lý. Lực lượng khoa học và công nghệ trở thành một phần quan trọng ở những khu công nghệ cao tại Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh. Một số cơ sở đào tạo - nghiên cứu trọng điểm có trình độ ngang tầm các nước phát triển trong khu vực Đông Nam Á. Tiềm năng chất xám của con người Việt nam được khai thác, phát triển đạt đến vị trí rõ nét trong khu vực Đông Nam Á và hội nhập quốc tế.

+ Về chính sách và giải pháp

Từ nay đến năm 2000, *chúng ta coi nhập công nghệ là một mục tiêu ưu tiên ; hoạt động nghiên cứu - triển khai có vai trò chủ yếu*. Nhà nước vừa đưa ra các định hướng ưu tiên, vừa áp dụng các cơ chế chính sách nhằm khuyến khích việc chuyển giao các công nghệ tiên tiến có hiệu quả cao và ngăn chặn việc nhập các công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường và các hậu quả xã hội tiêu cực khác, hoặc cản trở những bước phát triển tiếp theo.

Nước ta hiện đang thiếu vốn, thiếu công nghệ nhưng có nguồn nhân lực dồi dào, vì vậy cần có chính sách công nghệ vừa nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, vừa tạo ra nhiều việc làm. Không tiếp thu công nghệ mới thì không thể phát triển bất cứ ngành nào, từ sản xuất, dịch vụ đến quản lý. Chính sách đúng đắn là phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ cần nhiều nhân công mà không sử dụng các công nghệ lạc hậu, thô sơ. Với quan điểm này, chính sách công nghệ ở nước ta là *mạnh dạn đi thẳng vào công nghệ hiện đại có chọn lọc ở những khu vực cần thiết, đồng thời vẫn sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có với điều kiện được đồng bộ hóa, cải tiến và nâng cao hiệu quả sử dụng, chú trọng hiện đại hóa công nghệ truyền thống*. Trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân phải *ưu tiên hiện đại hóa công nghệ* cho các khu vực sản xuất hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu, các ngành nghề có tác động nhiều đến sự phát triển của các ngành khác như : thông tin liên lạc, điện, hóa chất, chế tạo máy, xây dựng cơ sở hạ tầng v.v.

Các quan điểm, mục tiêu và chính sách công nghệ nêu trên phải được thể hiện thành các chương trình, kế hoạch và biện pháp cụ thể, mang tính khả thi, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời phát triển bản thân khoa học và công nghệ.

Hệ thống chương trình và biện pháp này cần đặc biệt hướng vào việc tạo lập thị trường cho các hoạt động khoa học và công nghệ ; biến sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ trong

(Xem tiếp trang 29)

Digitized by Google

MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

ĐẶNG HỮU*

1 - Sự phát triển công nghiệp một cách ồ ạt trên phạm vi toàn thế giới một mặt đã làm cho của cải nhân loại giàu lên gấp bội, mặt khác cũng dẫn đến sự xuống cấp nghiêm trọng môi trường sống, làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, đặt loài người trước nguy cơ của sự phát triển không bền vững. Trong hơn 150 năm qua, mức tiêu thụ năng lượng trên toàn thế giới tăng lên 20 lần. Năng lượng là chìa khóa cho bất cứ chiến lược phát triển nào. Song cũng chính việc sử dụng năng lượng với tốc độ như vậy đã dẫn tới tàn phá môi trường với mức độ ngày càng tăng. Người ta nói đến trục "3E" trong phát triển : Energy, Environment and Economy, tức năng lượng, môi trường và kinh tế không thể tách rời. Vấn đề là phải bảo đảm sự thăng bằng trong hệ thống đó, hay nói cách khác, phải đạt được sự phát triển bền vững. Song thực tế có chiều hướng đang đi ngược lại mong ước này.

Hiện tượng hạn hán lan tràn, sự suy giảm tầng ôzôn trong khí quyển, trái đất nóng lên có khả năng dẫn đến tan băng Nam cực làm nước biển dâng cao, các trận lũ lụt, xói mòn liên tiếp xảy ra gây thiệt hại lớn cho nhiều vùng, sự ô nhiễm bầu không khí, ô nhiễm biển, ô nhiễm nguồn nước, mưa axít và sự tê liệt sinh thái của cả những khu vực lớn do sự tác động, tàn phá vô thức của con người đang cảnh tỉnh các thế hệ ngày nay và tương lai. Nhiều trường hợp không thể khôi phục được những gì đã bị tàn phá, hoặc nếu có chăng thì nó đòi hỏi một chi phí tốn kém không thể biện minh được cho các thế hệ mai sau.

Do đó, đã đến lúc loài người phải thay đổi cơ bản phương thức tác động vào thiên nhiên, phương thức công nghiệp hóa. Thay cho phương thức sản xuất công nghiệp ồ ạt phục vụ cho tiêu dùng hàng loạt, phải nghĩ tới một nền sản xuất không gây ô nhiễm môi trường. Đó là một nền công nghiệp và nông nghiệp sử dụng các công nghệ sạch. Thực chất, đây là một cuộc cách mạng - cách mạng công nghiệp - sinh thái như người ta thường nói. Nội dung của cuộc cách mạng đó là thay đổi cách sản xuất và tiêu thụ sao cho tiêu hao ít năng lượng, nguyên liệu, không gây hậu quả xấu tới môi trường sinh thái, thực chất là sự ứng dụng các công nghệ sạch, các công nghệ thân hữu môi trường.

Ở nước ta, mặc dù trình độ phát triển còn thấp, công nghiệp hóa chưa được bao nhiêu so với thế giới, nhưng hiện tượng suy thoái môi trường rất đáng báo động. Biểu hiện cụ thể là diện tích tự nhiên có rừng che phủ bị giảm sút nghiêm trọng, từ 45% năm 1945 nay chỉ còn 27% diện tích tự nhiên. Đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến lũ lụt, hạn hán, nhiều vùng bị mất nước nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn tới sản xuất và đời sống. Tính đa dạng sinh học đang suy giảm, nhiều loài thú có ích đang vắng bóng dần, những loài côn trùng có hại xuất hiện nhiều, tàn phá mùa màng, gây bệnh tật.

Tại các thành phố lớn và khu công nghiệp, nạn ô nhiễm đã trở nên trầm trọng. Do nhiều công nghệ hiện đang sử dụng đã quá lạc hậu, khoảng 3000 nhà máy đang hoạt động cho ra một lượng chất phế thải lớn và đang tăng lên nhanh chóng. Nước thải từ các khu sản xuất, các khu dân cư đổ ra sông, ra biển phần lớn đều chưa qua xử lý. Hàng năm, thành phố Hải phòng thải ra 70 triệu, Hà nội 120 triệu và TP Hồ Chí Minh 300 triệu m^3 nước thải. Theo số liệu kiểm tra, ô nhiễm không khí rất cao trong một số khu công nghiệp xen trong nội thành Hà nội, vượt giới hạn cho phép 12 - 19 lần về nồng độ SO_2, 3 - 4 lần về bụi, 4 - 4,5 lần về CO_2, 2 - 2,5 lần về CO, chưa kể các loại khí độc khác. Môi trường sống như vậy đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của nhân dân.

Tại các vùng nông thôn nước ta, tình hình ô nhiễm môi trường cũng nghiêm trọng do việc sử dụng các loại thuốc trừ sâu, diệt cỏ, phân hóa học và các hóa chất độc hại một cách tràn lan trong canh tác nông

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ khoa học, công nghệ và môi trường

Digitized by Google

nghiệp. Tình trạng vệ sinh thấp kém đang làm ô nhiễm các nguồn nước sinh hoạt. Các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, (các lò gạch và gốm sứ) thải nhiều khói và bụi ngay trong các khu dân cư. Ở nhiều vùng đất mới, phương thức canh tác không hợp lý (do không nghiên cứu điều tra kỹ) đã dẫn tới phá hoại cân bằng sinh thái, ngăn cản sự phát triển của tự nhiên, gây hậu quả nghiêm trọng (quai đê nuôi tôm ở bãi bồi, ngọt hóa, mặn hóa một cách tùy tiện ở một số vùng).

Trước khi xây dựng một số công trình lớn, chúng ta không nghiên cứu kỹ tác động của nó đối với môi trường, cho nên khi xây dựng xong đã có những tác động xấu, khó khắc phục.

Vùng biển khơi nước ta cũng không còn là trường hợp ngoại lệ. Việc khai thác dầu ngoài khơi và vận tải biển đang làm tăng ô nhiễm nước biển. Hàng năm có khoảng 4000 tàu biển qua lại trên vùng biển nước ta, trong đó tàu chở dầu với khối lượng 200 triệu tấn mỗi năm từ Trung Đông đi Nhật bản, đang là những mối đe dọa tiềm tàng về môi trường biển. Những khu du lịch như vịnh Hạ long cũng có nguy cơ bị làm bẩn và mất dần vẻ đẹp hấp dẫn du khách.

2 - Như trên đã nói, kinh tế phát triển càng mạnh, nếu không được cân nhắc kỹ sẽ càng gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay đang bước sang giai đoạn mà trọng tâm chuyển dịch cơ cấu hướng sang công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đầu tư trong và ngoài nước năm sau tăng hơn năm trước cả mấy chục phần trăm. Trước tình hình đó, Nhà nước ta đã kịp thời thể chế hóa việc quản lý môi trường. Điều đó được thể hiện ở sự kiện quan trọng : kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa IX đã thông qua Luật bảo vệ môi trường. Đây là lần đầu tiên Nhà nước ta cam kết dành những nỗ lực cao nhất phấn đấu cho một môi trường trong sạch vì hạnh phúc của nhân dân. Một điều rất có ý nghĩa là Luật bảo vệ môi trường được ban hành không lâu trước khi Hội nghị lần thứ 7 BCH TƯ Đảng (khóa VII) ra nghị quyết về "Phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới". Nghị quyết có đoạn viết : "Thực hiện cơ cấu công nghệ kết hợp nhiều trình độ, các giải pháp về công nghệ đều phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái làm tiêu chuẩn cao nhất".

Cần tạo ra ý thức toàn dân bảo vệ và cải thiện môi trường, coi đó như một đòi hỏi không thể thiếu của ý thức công dân, ý thức về trách nhiệm và quyền của con người được sống trong một môi trường trong lành. Nếu không bảo vệ môi trường ngay hôm nay thì không thể phát triển lâu dài được và cái giá phải trả cho việc khôi phục ngày mai còn đắt hơn rất nhiều so với chi phí bỏ ra hôm nay. Cụ thể là phải gắn chính sách kinh tế với chính sách môi trường ngay từ đầu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tư tưởng này phải được quán xuyến trong từng hoạt động, từng dự án kinh tế. Mỗi dự án đầu tư phải được đánh giá, thẩm định đầy đủ không những về kinh tế mà cả tác động đối với môi trường. Nếu không có thẩm định về môi trường thì dự án đầu tư không được phép tiến hành hoặc phải đình chỉ hoạt động. Tất cả những chi phí cho mục đích bảo vệ môi trường cần được tính đủ trong chi phí chung của dự án sản xuất. Khi so sánh hiệu quả của các dự án, phải so sánh cả hiệu quả về môi trường, tức phải tính các chi phí cho bảo vệ môi trường, cho việc khắc phục các hậu quả đối với môi trường, cho chi phí bù đắp tổn thất tài nguyên và suy giảm chất lượng môi trường...

Nhà nước sẽ xây dựng cơ chế kinh tế để sao cho khôi phục lại được môi trường. Đó là cơ chế khuyến khích nâng cao không chỉ hiệu quả kinh tế mà cả hiệu quả môi trường. Bài toán hiệu quả môi trường đòi hỏi phải tính đủ các chi phí về môi trường có liên quan đến dự án kinh tế đang triển khai và có khoản lệ phí dành cho mục đích bảo vệ môi trường. Ví dụ, các dự án khai thác dầu khí và các khoáng sản khác đều phải nộp lệ phí để lập ngân sách dành cho các biện pháp chung về bảo vệ môi trường. Những chi phí này trong chừng mực nhất định có thể làm giảm lợi nhuận trực tiếp của các doanh nghiệp, song phải coi đó là chi phí xã hội cần thiết cho một môi trường trong lành của chúng ta.

Các cơ quan, các tổ chức kinh tế và cá nhân gây ra sự cố làm ô nhiễm môi trường có trách nhiệm đền bù vật chất để bồi thường sức khỏe cho dân và thanh toán các khoản chi phí về khắc phục hậu quả do sự cố gây ra. Do đó, để giảm tối đa những khoản chi phí thêm về môi trường này, các tổ chức kinh tế phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường. Trong nông nghiệp, các loại thuốc trừ sâu và phân bón hóa học phải được cơ quan có trách nhiệm quản lý nhà nước hướng dẫn và cho phép sử dụng để tránh làm cho đất đai bị phèn hóa, mặn hóa... Chú ý gìn giữ các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ tính đa dạng sinh học.

Một trong những biện pháp quan trọng nhất để bảo vệ môi trường là phát triển và sử dụng các công

Digitized by Google

nghệ sạch, không có những chất phế thải gây ô nhiễm môi trường. Các công nghệ đưa vào vận hành trong kinh tế, bất kể theo con đường nào, qua đầu tư trong nước hay nước ngoài, đều phải tuân theo các tiêu chuẩn về môi trường đã ban hành. Theo đó, không cho phép nhập vào nước ta các công nghệ cũ, gây ô nhiễm, lại càng không cho phép nhậpcác chất thải công nghiệp độc hại bất kỳ vì mục đích gì. Hiện nay đã có công ước quốc tế về vấn đề chất thải ; chúng ta cần dựa vào đó để bảo vệ môi trường nước nhà.

Vấn đề bảo vệ môi trường là vấn đề mang tính chất toàn cầu, ngày càng chi phối các quan hệ quốc tế. Do đó, chúng ta cũng cam kết tuân theo các công ước về vấn đề này. Chúng ta đã tham gia Hội nghị thượng đỉnh về trái đất tại Rio de Janeiro (Brasil) và sẽ tiếp tục cùng cộng đồng quốc tế đóng góp vào những nỗ lực chung khác trên phạm vi khu vực và toàn thế giới.

3 - Chúng ta đã có chương trình hành động về bảo vệ môi trường, chính sách môi trường và Luật bảo vệ môi trường. Các chính sách này chỉ có thể trở thành hiện thực nếu chúng ta thực hiện một cách có hệ thống việc quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, bao gồm việc tổ chức thực hiện các van bản pháp luật ; ban hành hệ thống tiêu chuẩn bảo vệ môi trường ; xây dựng hệ thống các công trình có liên quan đến bảo vệ môi trường ; thẩm định báo cáo đánh giá tác động đối với môi trường của các dự án sản xuất kinh doanh ; cấp hay thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường ; giám sát, thanh tra, kiểm tra, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại ; đào tạo cán bộ về quản lý môi trường ; nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ; quan hệ quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Cần củng cố hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường từ trung ương đến địa phương. Bộ khoa học, công nghệ và môi trường chịu trách nhiệm trước chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Các bộ và các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo chức năng và quyền hạn của mình phối hợp với Bộ khoa học, công nghệ và môi trường trong nhiệm vụ quản lý này. Ủy ban nhân dân và Sở khoa học, công nghệ và môi trường ở các tỉnh chịu trách nhiệm quản lý môi trường tại địa phương mình.

Trách nhiệm của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương, của mọi thành phần kinh tế là phải nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đấu tranh chống lại mọi hành vi phá hoại môi trường.

Một số...

(Tiếp theo trang 18)

là cán bộ tham gia quản lý các cơ sở liên doanh). Ngoài hình thức đầu tư trực tiếp, một số công ty tài chính nước ngoài ngỏ ý đầu tư dưới hình thức góp cổ phần, mua cổ phiếu nhưng không tham gia quản lý trực tiếp, chủ yếu là đầu tư chiều sâu vào các cơ sở hiện có. Đây là hình thức mới mà ta cần nghiên cứu áp dụng thử để rút kinh nghiệm.

Ngoài các hình thức trên, nói chung không đặt vấn đề vay vốn ngắn hạn theo lãi suất thương mại của bên ngoài để sử dụng vào đầu tư phát triển.

Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm đạt và vượt các mục tiêu đã xác định trong Chiến lược kinh tế xã hội 1991 - 2000 : tăng GDP từ 2 đến 2,5 lần so với năm 1990, trong đó công nghiệp tăng bình quân hàng năm 13 - 15%, đưa tỉ trọng công nghiệp trong GDP lên khoảng 30% vào năm 2000.

Việc thực hiện các mục tiêu đó đòi hỏi khối lượng vốn đầu tư lớn hơn dự tính trong Chiến lược 1991 - 2000. Chúng ta có những khả năng mới cho phép đáp ứng nhu cầu đó, song những khả năng đó chỉ có thể trở thành hiện thực thông qua những nỗ lực lớn hơn trong việc đẩy mạnh tiết kiệm đầu tư trong nước cũng như trong việc thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn bên ngoài.

Những nội dung mới về quan điểm công nghiệp hóa nêu trên có quan hệ chặt chẽ với nhau. Có thể nói tổng quát : đó là quan điểm công nghiệp hóa trong điều kiện kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và trong bối cảnh mới của tình hình thế giới và quan hệ quốc tế của nước ta. Việc thấu suốt những quan điểm ấy sẽ giúp chúng ta nghiên cứu, tiếp thu và thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng cả về mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, chủ trương cũng như chính sách và biện pháp phát triển công nghiệp và công nghệ. Những quan điểm đó cũng định hướng cho việc tiếp tục đẩy mạnh cải cách kinh tế kết hợp với cải cách hành chính nhằm tạo cơ chế thích hợp cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Digitized by Google

Phát triển doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn theo hướng công nghiệp hóa

TRƯƠNG VĂN PHÚC*

TẠI Hội nghị lần thứ 7 BCH TƯ Đảng (khóa VII), đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười chỉ rõ, *"cần tập trung nỗ lực đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn"* (1). Đẩy mạnh phát triển các doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn theo hướng công nghiệp hóa hiện nay không chỉ góp phần làm tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, cơ cấu lao động và cơ cấu thu nhập ở nông thôn, mà còn góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của BCH TƯ Đảng.

Chúng ta có thể xem xét thực trạng sự phát triển các doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn nước ta trên một số khía cạnh sau :

1 - *Về loại hình doanh nghiệp.* Các doanh nghiệp nhỏ nông thôn có thể chia thành 3 loại : doanh nghiệp hộ gia đình, doanh nghiệp tư nhân và tổ hợp. Doanh nghiệp hộ gia đình là những đơn vị sản xuất chủ yếu dựa vào lao động trong gia đình. Doanh nghiệp tư nhân hoạt động chủ yếu dựa vào lao động làm thuê. Tổ hợp được phân biệt với doanh nghiệp tư nhân ở đặc trưng cơ bản là có hai hay nhiều chủ sở hữu. Phổ biến trong nông thôn hiện nay là doanh nghiệp hộ gia đình và doanh nghiệp tư nhân.

Xét về tính chất ngành nghề, có hai nhóm doanh nghiệp chính là : nhóm sản xuất nông nghiệp (nông, lâm, ngư trại) và nhóm phi sản xuất nông nghiệp (tiểu, thủ công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ nông thôn). Các doanh nghiệp nhỏ sản xuất nông nghiệp được hình thành trước hết ở một số vùng có điều kiện tự nhiên và khả năng đất đai thuận lợi như đồng bằng sông Cửu long, vùng duyên hải, vùng núi và trung du. Doanh nghiệp phi sản xuất nông nghiệp chiếm đại bộ phận và được xem như đầu máy của sự tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm trong khu vực.

Phần lớn các doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn khá non trẻ, 60% được thành lập vào những năm đầu của công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông thôn (1988-1990) ; trong khi đó 60% doanh nghiệp nhỏ thành thị được thành lập trước 1988.

2 - *Về cơ cấu ngành nghề.* Cơ cấu ngành nghề cũng như hướng phát triển của các doanh nghiệp nhỏ nông thôn chưa được hình thành một cách rõ ràng, có cơ sở khoa học như ở thành thị. Về cơ cấu ngành nghề của các doanh nghiệp nhỏ nông thôn, giữa các tỉnh cũng như giữa phía bắc và phía nam có sự khác nhau rõ rệt. Những kết quả khảo sát chung ở 5 tỉnh trọng điểm cho thấy : 64% có hoạt động chính là sản xuất (trong đó tiểu, thủ công nghiệp : 37,5% ; chế biến nông sản : 26,5% ; dịch vụ cơ khí : 10,8% ; dịch vụ thương nghiệp : 8,3% ; các hoạt động khác : 17%). Ở khu vực thành thị các chỉ số tương ứng là : 90% ; 87,5% ; 2,5% ; 3,6% ; 2% và 4,5%. Có thể nhận thấy các doanh nghiệp nhỏ có hoạt động chính là chế biến nông sản, dịch vụ sửa chữa các loại, buôn bán nhỏ và dịch vụ ăn uống giải khát ở khu vực nông thôn chiếm tỉ lệ cao hơn khu vực thành thị từ 4 đến 10 lần. Điều đó chứng tỏ phần lớn các doanh nghiệp nhỏ phi nông nghiệp ở nông thôn hiện nay đang hướng các hoạt động chính vào các ngành không đòi hỏi đầu tư nhiều vốn, kỹ thuật cao, nhiều lao động ; thị trường cung ứng

* PTS Kinh tế, Viện khoa học lao động và các vấn đề xã hội, Bộ lao động thương binh và xã hội.

(1) *Tạp chí Cộng sản*, số 8-1994

Digitized by Google

vật tư và tiêu thụ sản phẩm hầu hết là tại chỗ, thu hồi vốn nhanh và ít bị cạnh tranh trên thị trường.

3 - *Về quy mô sản xuất.* Vốn ban đầu của doanh nghiệp nông thôn rất thấp so với thành thị, bình quân các doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn có số vốn nhỏ hơn 5 lần, sử dụng lao động ít hơn 1-3 lần và mức đầu tư cho một lao động nhỏ hơn 3 lần. Ở khu vực nông thôn năm 1992 bình quân vốn của doanh nghiệp gia đình là 1010 USD, của doanh nghiệp tư nhân là 2 500 USD (ở thành thị tương ứng là 4 200 USD và 15 140 USD), và có sự khác nhau rất lớn về quy mô vốn ban đầu giữa các tỉnh và giữa các doanh nghiệp trong cùng một tỉnh. Tỉnh có mức cao nhất và tỉnh có mức thấp nhất chênh lệch tới gần 4 lần. Phân tích cơ cấu vốn ban đầu của doanh nghiệp nông thôn sẽ thấy rõ nguyên nhân của tình trạng trên : hơn 60% doanh nghiệp dựa vào vốn tự có và vốn vay không lãi của bạn bè và người thân khi mới thành lập. Khoảng 15% doanh nghiệp hộ gia đình và 29% doanh nghiệp tư nhân có tạo thêm vốn từ nguồn vốn vay không chính thức nhưng mức độ cũng không nhiều. Tín dụng của khu vực chính thức hầu như chưa có vai trò trong việc hình thành vốn ban đầu của các doanh nghiệp.

4 - *Trình độ cơ khí hóa còn ở mức rất thấp.* Khoảng gần 50% số doanh nghiệp nông thôn chỉ dùng công cụ cầm tay : 15,5% sử dụng công cụ nửa cơ giới, 39,4% có sử dụng máy chạy điện. Trình độ cơ khí hóa trong các doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn giữa các tỉnh, giữa các loại hình tổ chức, giữa các ngành nghề cũng rất khác nhau. Ở phía bắc, tỷ lệ số doanh nghiệp chỉ sử dụng công cụ cầm tay cao hơn hẳn so với phía nam. Sự chuyển giao công nghệ chủ yếu từ nguồn máy móc của công nghiệp thành thị loại thải và tự chế tự dùng. Gần đây, một số cơ sở có vốn đã nhập một số máy móc, thiết bị của nước ngoài, nhất là của Trung quốc ; tuy nhiên trình độ công nghệ, kỹ thuật vẫn còn rất hạn chế.

Trình độ cơ khí hóa phụ thuộc vào mức độ điện khí hóa. Điện khí hóa ở nông thôn còn thấp và không ổn định (về giá và chất lượng) đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc nâng cao trình độ cơ khí hóa trong các doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế do hệ thống cung ứng và quản lý điện trong khu vực nông thôn còn nhiều bất hợp lý nên nhiều nơi, nhiều doanh nghiệp có điều kiện sử dụng điện nhưng vẫn dùng công cụ cầm tay hoặc công cụ nửa cơ giới. Ví dụ : ở Hải phòng cuối 1992 số doanh nghiệp có điện chiếm tới 87% nhưng số doanh nghiệp sử dụng máy chạy điện chỉ chiếm 43,5%, tỷ lệ sử dụng công cụ nửa cơ giới còn khá lớn (24,2%).

Tình trạng sử dụng công cụ cầm tay còn khá phổ biến đã ảnh hưởng đến mức giá trị tăng thêm bình quân của một lao động. Một nửa số doanh nghiệp sử dụng công cụ cầm tay có mức giá trị tăng thêm của một lao động trong năm khoảng 326 USD, trong khi các doanh nghiệp sử dụng máy chạy điện có mức thấp nhất là 483 USD (gấp 1,48 lần).

5 - *Về hiệu quả sản xuất kinh doanh.* Hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ nông thôn thấp hơn nhiều so với thành thị. Số liệu 1992 cho thấy ở nông thôn doanh thu bình quân của doanh nghiệp tư nhân chỉ bằng hơn 50% và doanh nghiệp hộ gia đình hơn 1/3 so với doanh nghiệp cùng loại ở thành thị. Trung bình một doanh nghiệp ở thành thị tạo ra giá trị tăng thêm gấp 2-3 lần doanh nghiệp ở nông thôn.

Khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nông thôn rất yếu và chưa thích ứng với kinh tế thị trường. Sản phẩm làm ra chủ yếu phục vụ cho thị trường tại chỗ (66% tiêu thụ tại huyện, 21% tại xã, 12% tại làng, chỉ có 1% xuất khẩu).

Có thể nêu một số nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn hiện nay như sau :

1) *Sự thấp kém về cơ sở hạ tầng*, đặc biệt là hệ thống giao thông, cung cấp năng lượng và thông tin liên lạc. Qua điều tra (1992-1993) chỉ có 68,8% doanh nghiệp nông thôn có điện, trong khi đó ở thành thị là 97,8%. Giao thông vận tải, thông tin liên lạc, nước dùng cho sản xuất là những nhu cầu thiết yếu và cũng rất bình thường đối với các doanh nghiệp ở thành thị, thì ở nông thôn nhiều doanh nghiệp lại ở trong tình trạng rất thiếu hoặc không có.

2) *Sự đơn điệu về nguồn vốn* đã làm cho không ít các doanh nghiệp nhỏ nông thôn lâm vào tình trạng thiếu vốn. Kết quả điều tra năm 1993 cho thấy : 64,6% doanh nghiệp hộ gia đình và 33,9% doanh

Digitized by Google

nghiệp tư nhân ở trong tình trạng thiếu vốn. Vốn quá thiếu, mức đầu tư cho một chỗ làm việc quá nhỏ (chênh lệch nhiều so với các doanh nghiệp nhỏ thành thị) đã đưa các doanh nghiệp nhỏ nông thôn vào tình trạng không có khả năng mở rộng đầu tư theo chiều sâu, nâng cao trình độ cơ khí hóa sản xuất cũng như áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất. Năng suất lao động, chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp nhỏ nông thôn so với các doanh nghiệp nhỏ thành thị cũng vì thế mà ngày càng cách xa nhau. Nguy cơ phá sản của các doanh nghiệp nhỏ nông thôn sẽ ngày càng tăng cùng với quá trình phát triển và mở rộng thị trường vốn, thị trường lao động và thị trường tiêu thụ hàng hóa.

3) *Sự hạn hẹp về nguồn cung ứng vật tư kỹ thuật* và thị trường tiêu thụ sản phẩm cũng như về mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan ở trong và ngoài vùng ngày càng hạn chế khả năng thích ứng của các doanh nghiệp nhỏ nông thôn trước yêu cầu của nền kinh tế thị trường.

Quan hệ hợp tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chưa có điều kiện mở rộng đã ảnh hưởng rất lớn đến khả năng phát triển sản xuất. Nhiều doanh nghiệp ở nhiều địa phương phải tạm thời ngừng sản xuất do không tìm được thị trường tiêu thụ sản phẩm : Hà tây có 17,4%, Nam hà : 8,5%, Tây ninh : 4,5%, Đồng nai : 6,5%, thành phố Hồ Chí Minh : 3,4% (số liệu điều tra 1993).

4) *Hoạt động của các doanh nghiệp ở nông thôn thường chịu tác động trực tiếp của chu kỳ sản xuất nông nghiệp*. Tính chất thời vụ trong nông nghiệp là một trong những nguyên nhân chính làm cho nhiều doanh nghiệp nông thôn phải tạm ngừng hoạt động. Những doanh nghiệp chế biến nông sản thực phẩm chịu ảnh hưởng này nặng nề hơn.

Kết quả điều tra ở Hà tây năm 1992 cho thấy, có 20% doanh nghiệp nông thôn phải ngừng sản xuất do thời vụ nông nghiệp, ở Tây ninh năm 1993 có 15%...

5) *Chưa xác lập được mối quan hệ cần thiết với các doanh nghiệp nhà nước và khu vực thành thị trong quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ vật tư kỹ thuật cũng như tiêu thụ sản phẩm.*

Kết quả điều tra các doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn do Viện khoa học lao động và các vấn đề xã hội tiến hành trong 2 năm 1992-1993 cho thấy : trong khi vật tư kỹ thuật của các doanh nghiệp nhà nước (kể cả sản xuất và thương nghiệp, cung ứng cho các doanh nghiệp nông thôn chỉ chiếm 9,9% tổng số thì tỷ lệ này của các cá nhân và doanh nghiệp tư nhân là 89%. Cũng vì vậy việc bảo đảm "đầu vào" cho sản xuất của các doanh nghiệp nông thôn đã gặp nhiều khó khăn. Qua khảo sát, 38,8% số doanh nghiệp nông thôn cho rằng khó khăn chủ yếu là do nguyên, vật liệu cung ứng không đủ ; 8,6% cho là chất lượng không bảo đảm ; 32,9% cho là do thiếu năng lượng.

*

Để có thể thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp nông thôn theo tinh thần Nghị quyết 7 của BCH TƯ Đảng, chúng tôi cho rằng cần thực hiện những biện pháp đồng bộ trong hệ các chương trình có liên quan đến quá trình phát triển doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn trên phạm vi cả nước.

Những biện pháp cần sớm được thực hiện là :

1 - *Tổ chức và thực hiện tốt hệ thống tín dụng nhân dân trong khu vực nông thôn.*

Thiếu vốn đang là một hạn chế chủ yếu và thường xuyên đối với sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ nông thôn. Trong điều kiện nền tài chính của nước ta còn nhiều khó khăn, không có giải pháp nào tốt hơn để khắc phục tình trạng nêu trên là tạo ra một hệ thống tài chính phục vụ cho các doanh nghiệp nhỏ nông thôn với nguồn tín dụng dựa trên cơ sở thương mại chặt chẽ và huy động các đồng vốn nhàn rỗi trong dân. Việc bổ sung vốn cho các doanh nghiệp nhỏ và những người có nhu cầu tạo việc làm ở nông thôn, thông qua hệ thống tín dụng nông thôn và quỹ việc làm quốc gia sẽ trực tiếp làm tăng thêm việc làm, tạo cơ hội cho người nghèo tìm được việc làm để có thêm thu nhập, dần bớt được một phần lao động đang tập trung quá nhiều trong nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp ở nông thôn.

Đi đôi với việc tăng cường động viên mọi nguồn vốn, cần tích cực cải tiến việc phân chia vốn. Một mặt, làm cho mọi người thật sự tin tưởng vào đường

Digitized by Google

lối đổi mới cũng như các chính sách của chính phủ ; mặt khác, ngân hàng phải bảo đảm mức lãi suất có tác dụng khuyến khích cả với người gửi cũng như người vay... Phải có một hệ thống tài chính (cả về tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ nghiệp vụ cũng như quy chế và các thủ tục cần thiết) để cấp vốn dễ dàng cho tất cả các bạn hàng trên cơ sở thương mại chặt chẽ, chính sách rõ ràng và không phân biệt đối xử. Có như vậy mới khai thác hết tiềm năng vốn trong dân và hướng sự quan tâm của các doanh nghiệp vào những hoạt động dài hạn có tác dụng tích cực đến công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội chung ở nông thôn.

2 - *Xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp một số cơ sở hạ tầng thiết yếu, đặc biệt ở những vùng có khả năng tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn.* Nếu không đáp ứng yêu cầu này thì không thể nói đến việc đầu tư kỹ thuật, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ cho các doanh nghiệp nông thôn. Muốn vậy, cần có sự tập trung dứt điểm của nhà nước trong lĩnh vực này, để sớm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của hệ thống doanh nghiệp nông thôn. Giải quyết vấn đề này cũng là để thực hiện mục tiêu và giải pháp về việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho nông thôn.

3 - *Hoàn thiện và mở rộng các hình thức tổ chức sản xuất của doanh nghiệp nông thôn.*

Hiện nay, phần lớn các doanh nghiệp nhỏ nông thôn có thể chia thành ba loại : doanh nghiệp hộ gia đình, doanh nghiệp tư nhân và tổ hợp. Trong đó, doanh nghiệp hộ gia đình đang chiếm tỷ lệ cao nhất và còn tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong các năm tới. Tuy vậy, chính các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn mới đóng vai trò có ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của doanh nghiệp nông thôn cả trước mắt lẫn lâu dài. Với đối tượng này, nhà nước nên hỗ trợ bằng việc cho vay vốn, trợ giá cả đầu vào và đầu ra, chính sách thuế ưu đãi, giúp khai thác nguồn hàng, tổ chức liên kết, gia công, tiêu thụ sản phẩm...

Việc tổ chức liên kết giữa doanh nghiệp nhỏ nông thôn với công nghiệp và thương nghiệp quốc doanh thành thị có ý nghĩa rất lớn trong việc củng cố mối quan hệ giữa nông thôn và thành thị cũng như phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong nền kinh tế nhiều thành phần. Để mở rộng quan hệ này, các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp lớn cần chủ động xây dựng mạng lưới và cơ chế gia công phù hợp ; mặt khác nên phát huy vai trò tích cực của đội ngũ chủ bao mua, bao thầu ở khu vực nông thôn.

4 - *Đổi mới công nghệ và kỹ thuật* : Trước hết, các đơn vị sản xuất kinh doanh phải tự mình tổ chức đổi mới công nghệ và kỹ thuật cho mình là chính. Tuy nhiên, chúng ta cũng không thể bỏ qua một thực tế là, các đơn vị này thường có quy mô nhỏ, kinh doanh trên một thị trường nhỏ hẹp và không đủ thông tin, nhất là các thông tin kỹ thuật công nghệ. Mặt khác, mỗi đơn vị cũng khó có thể tự mày mò, nghiên cứu thiết kế và sản xuất thiết bị máy móc và công nghệ cho bản thân mình. Vì vậy, để tạo điều kiện cho các đơn vị này đổi mới kỹ thuật công nghệ, cần giải quyết một số vấn đề như :

- Tổ chức tốt công tác nghiên cứu, thiết kế, sản xuất và nhập khẩu công nghệ và thiết bị một cách có định hướng cho công nghiệp nông thôn.

- Tổ chức giới thiệu thông tin về công nghệ, thiết bị và tổ chức mạng lưới hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật và công nghệ mới cho công nghiệp nông thôn.

- Đảm bảo vốn cho việc đổi mới thiết bị và công nghệ của doanh nghiệp nông thôn. Tăng cường khả năng huy động các nguồn vốn trong dân ; phát huy vai trò của chính quyền, các tổ chức đoàn thể ở nông thôn trong việc cho nhau vay vốn cũng như trong việc xử lý tranh chấp, thanh toán nợ nần... để khuyến khích và bảo vệ lợi ích cho người cho vay, người đầu tư. Đồng thời, sử dụng có hiệu quả quỹ quốc gia về việc làm và các quỹ tài trợ khác nhằm tạo nên sự kích thích ban đầu và tạo điều kiện về vốn cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

5 - *Mở rộng thị trường cho doanh nghiệp nông thôn.* Thị trường sản phẩm đang hình thành và phát triển ở nông thôn, song quy mô còn hạn chế do thu nhập ở nông thôn còn thấp làm cho quỹ mua (và sức mua) cũng thấp. Các thị trường về các yếu tố sản xuất cũng mới chỉ đang trong quá trình hình thành và khó có thể trở thành thị trường độc lập trong vài ba năm tới. Để hỗ trợ cho việc hình thành và mở rộng thị trường nông thôn, có thể tập trung vào mấy hướng :

Digitized by Google

- Mở rộng hệ thống chợ ở nông thôn nhằm thúc đẩy trao đổi hàng hóa. Tăng cường chức năng quản lý của các cấp chính quyền, tạo các điều kiện thuận lợi về mặt bằng, thủ tục, bảo đảm an ninh trật tự, giảm hoặc miễn thuế (thời kỳ đầu) cho các hộ, các cơ sở kinh doanh, gắn với việc quy hoạch lại hệ thống cụm dân cư, thị trấn, thị tứ...

- Đa dạng hóa các thành phần kinh tế tham gia thị trường nông thôn, đặc biệt là hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức hệ thống đại lý ở địa phương.

6 - *Hoàn thiện và tăng cường sự quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nông thôn.*

Bộ máy quản lý các doanh nghiệp nông thôn ở các địa phương hiện còn quá ít và chưa có đủ thực lực. Hiệu lực và tác dụng của quản lý nhà nước vì thế rất thấp. Các mô hình quản lý hiện nay được đưa ra quá nhiều, nhưng chưa có mô hình tối ưu, hợp lý. Rõ ràng, cần có thời gian để thực tế kiểm nghiệm và đánh giá. Yêu cầu đặt ra là phải thu hút lực lượng liên ngành vào việc quản lý doanh nghiệp nông thôn nhưng phải bảo đảm sự gọn nhẹ và có sự quản lý thống nhất từ một đầu mối để điều hòa, phối hợp giải quyết các vấn đề có liên quan.

Mở rộng và kiện toàn hệ thống các trung tâm hỗ trợ và phát triển kinh tế nông thôn, các trung tâm dịch vụ và môi giới, các trung tâm hướng nghiệp, đào tạo, dạy nghề cho lao động nông thôn với các hình thức và quy mô thích hợp. Kết hợp đào tạo kỹ thuật, tay nghề cho lao động cũng như kiến thức quản lý kinh tế và tiếp thị cho các chủ doanh nghiệp.

Mặt khác, cần bổ sung và hoàn thiện các chính sách về quản lý, về kinh tế, về lao động xã hội để nhanh chóng tháo gỡ các vướng mắc đang cản trở quá trình đi lên của các doanh nghiệp nhỏ nông thôn hiện nay.

Thực hiện sự phân cấp quản lý, trao quyền quản lý rộng rãi hơn cho các cấp chính quyền cơ sở (huyện, xã), tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho sự hình thành và phát triển của các doanh nghiệp nhỏ nông thôn trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

PHÁT TRIỂN...

(Tiếp theo trang 21)

giai đoạn đầy thách thức hiện nay trở thành công việc của toàn xã hội, của mọi cấp điều hành nhà nước, mọi thành phần kinh tế và cộng đồng các nhà khoa học.

Nhà nước sớm ban hành những quy định khuyến khích các địa phương, các doanh nghiệp tự bản thân hoặc liên kết với các cơ sở nghiên cứu - triển khai, đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ. Đồng thời dành một phần đầu tư thích đáng cho phát triển khoa học và công nghệ.

Tổ chức lại lực lượng khoa học và công nghệ theo hướng phân công và liên kết có hiệu quả giữa các trường đại học, các viện nghiên cứu, quốc gia và đông đảo các cơ sở nghiên cứu - triển khai trong doanh nghiệp, giữa nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Đổi mới các hoạt động đào tạo, tuyển chọn, sử dụng..., khắc phục hiện tượng phân bố lực lượng khoa học và công nghệ bất hợp lý hiện nay. Có chính sách khuyến khích các cán bộ khoa học và công nghệ làm việc tại cơ sở, nông thôn và miền núi. Chuyển phần lớn các viện nghiên cứu - triển khai về các doanh nghiệp. Có quy chế kiểm soát các quá trình chuyển giao công nghệ theo những chỉ tiêu nghiêm ngặt về kinh tế - kỹ thuật và môi trường ; ngăn chặn tình trạng biến nước ta thành bãi thải công nghệ lạc hậu của thế giới.

Các cấp ủy đảng, các tổ chức kinh tế - xã hội cần nghiên cứu, quán triệt các quan điểm, mục tiêu, các chính sách và biện pháp về phát triển khoa học và công nghệ mà Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương đã đề ra, để triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mình, chung sức đẩy tới một bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, từng bước đưa nước ta thoát ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Digitized by Google

HẢI TRIỀU
Một chiến sĩ văn hóa mác xít dũng cảm và đầy tài năng

TRẦN HOÀN *

CÁCH đây tròn 40 năm, chúng ta vĩnh biệt một người con ưu tú của Đảng, một nhà văn hóa mác xít giàu nhiệt huyết, một cây bút chính luận nổi tiếng khắp ba miền Bắc, Trung, Nam. Đó là đồng chí Hải Triều kính mến, người đã góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng nền văn hóa dân tộc theo hệ ý thức mới trong những năm 1930 của thế kỷ này. Hải Triều vĩnh viễn ra đi sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông dương vừa được ký kết, đất nước bước vào giai đoạn cách mạng mới : xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Hải Triều tên thật là Nguyễn Khoa Văn, sinh năm 1908 ở làng An cựu, ngoại vi thành phố Huế. Cha ông là nhà nho nghèo, có một thời gian là nghị viên của Viện dân biểu Trung kỳ (1926). Mẹ ông là nữ sĩ Đạm Phương, người từng viết sách báo bênh vực cho phụ nữ và nhi đồng. Nhiều người thân yêu trong gia đình từng tham gia nhiều tổ chức yêu nước. Lớn lên, ông học Trường Quốc học Huế, và chính từ đây Hải Triều bát đầu tiếp xúc với tư tưởng cách mạng. Cậu học sinh trung học ấy đã từng vận động học sinh đòi thực dân Pháp trả tự do cho cụ Phan Bội Châu, để tang nhà chí sĩ Phan Chu Trinh, đã nghe "Ông già Bến ngự" nói chuyện nhiều lần về tâm sự cứu nước, cứu dân,sau thất bại của phong trào Đông du, và là một trong những người tổ chức, lãnh đạo phong trào bãi khóa sôi nổi trong các trường ở Huế. Chính vì các hành động yêu nước đó, Hải Triều bị đuổi khỏi Trường Quốc học.

Năm 1927, Hải Triều tham gia Đảng Tân Việt, sau đó đổi tên thành "Đông dương cộng sản liên đoàn", một tổ chức mác xít ở Trung kỳ bấy giờ. Ba năm sau, tháng 6-1930, ông trở thành đảng viên Đảng cộng sản Đông dương và tham gia Tỉnh ủy Thừa thiên. Cũng trong năm đó, ông được Đảng điều vào công tác ở Sài gòn và tham gia Thành ủy Sài gòn - Chợ lớn. Năm 1931, Hải Triều bị địch bắt ở Sài gòn và đưa ra Huế kết án 9 năm khổ sai, 8 năm quản thúc. Nhưng tháng 7-1932 ông được trả tự do. Sau đó, ông còn bị địch tiếp tục theo dõi, đe dọa, khủng bố nhiều lần, cuối cùng đưa ông đi an trí vào thời kỳ xảy ra chiến tranh thế giới thứ hai.

Hải Triều bát đầu viết báo từ lúc chưa đầy hai mươi tuổi, và dần dần ngòi bút của ông tung hoành trong nhiều lĩnh vực của văn hóa. Đến thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936-1939) thì tên tuổi Hải Triều nổi hẳn trong làng bác Việt nam. Ánh sáng mác xít đã đưa ông đến với thế giới quan và nhân sinh quan mới, với quan niệm khoa học về dân tộc, thời đại, giai cấp và đảng tiền phong. Sách báo mác xít và nhiều trào lưu tư tưởng, văn hóa tiến bộ từ nước ngoài vào bí mật hoặc nửa công khai lưu hành ở Huế, Sài gònvà nhiều thành phố khác, đã đem lại cho ông một vốn kiến thức rộng, phong phú và sâu sắc.

Trong đời cầm bút của mình, Hải Triều đã có hai cuộc tranh luận nổi tiếng, mà dư âm của nó

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ văn hóa - thông tin

Digitized by Google

còn vọng mãi về sau này. Đó là cuộc tranh luận với Phan Khôi về "duy vật hay duy tâm", "nước ta có chế độ phong kiến hay không", và cuộc tranh luận với nhóm nhà văn Thiếu Sơn, Hoài Thanh, Lưu Trọng Lư... về "nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh". Qua những cuộc tranh luận đó, nói như đồng chí Trần Huy Liệu (nhà hoạt động chính trị, nhà báo và nhà sử học), đồng chí Hải Triều "chẳng những đã đánh bại đối phương không còn một mảnh giáp, mà còn nhân dịp tuyên truyền rộng rãi về lập trường quan niệm của người mác xít trong lĩnh vực tư tưởng và nghệ thuật..., mở màn cho cuộc đấu tranh về chính trị trong phong trào dân chủ rộng lớn"(1)

Nhiều bài báo của Hải Triều sau đó đã được tập hợp thành sách và xuất bản, như *Chủ nghĩa Mác phổ thông, Văn sĩ và xã hội, Về văn học nghệ thuật* và gần đây (1987) là *Hải Triều - Tác phẩm*.

Ngày nay, đọc lại các bài báo, các tác phẩm của Hải Triều, chúng ta càng kính phục tầm nhìn mang tính chiến lược của ông đối với nền văn hóa mác xít của dân tộc và hoài bão xây dựng đất nước theo hướng xã hội chủ nghĩa. Giữa những năm ba mươi, đứng trước các quan điểm tư tưởng, văn hóa rối ren, Hải Triều một mặt đấu tranh cho đời sống văn hóa, nghệ thuật vì dân tộc, dân chủ và dân sinh, mặt khác khẳng định sứ mệnh cao cả của nghệ thuật, vai trò và trách nhiệm của trí thức, nhà văn và nghệ sĩ, tác động của tác phẩm văn hóa - nghệ thuật đối với đời sống xã hội. Trong khi bọn bồi bút ra sức xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản, hệ tư tưởng và "văn chương giai cấp" thì Hải Triều dõng dạc nói đến quy luật tiến hóa của giá trị tinh thần và đề cao tự do sáng tạo nghệ thuật theo lý tưởng thẩm mỹ giàu tính nhân văn, tính dân tộc và thời đại. Trong khi bọn chúng tô vẽ hình ảnh những chiến sĩ cộng sản như những kẻ "thiếu nhân tính", "lập dị" thì đối lại, Hải Triều trân trọng giới thiệu những gương mặt văn hóa mác xít tiêu biểu trên thế giới được nhân loại tiến bộ tôn vinh, như M.Gorki, H.Barbusse, R.Rolland. Ông đề cao các tác phẩm đề cập đến lớp người đói cơm, thiếu chữ của Nguyễn Công Hoan, Lan Khai, Từ Ngọc ; dẫn chứng các tài năng văn hóa nghệ thuật tiến bộ trên thế giới trong các bài báo và luận văn của mình. Đó là tư tưởng chủ đạo và nhất quán của Hải Triều, một chiến sĩ văn hóa mác xít dũng cảm và đầy bản lĩnh.

Lòng trung thành với lý tưởng đã thúc đẩy Hải Triều trau dồi kiến thức về nhiều mặt, để ngòi bút chiến đấu ngày càng thêm già dặn, sắc bén. Ngòi bút chính luận có sức thuyết phục lớn của ông chẳng những đã làm cho tên tuổi Hải Triều được bạn đọc mến mộ mà còn tạo thêm uy tín cho Đảng, tạo thuận lợi cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Các đối thủ tranh luận với ông, tuy thất bại, nhưng đều thán phục tài năng và nhân cách của ông. Những kẻ thù của dân tộc trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa, tuy hằn học, tức tối cũng đành ngậm đắng nuốt cay. Những lý lẽ ngụy biện của bọn bồi bút cuối cùng đã phải khuất phục trước những lập luận đanh thép của ngòi bút Hải Triều. Và sau này, khi Cách mạng Tháng Tám thành công, với cương vị là Giám đốc Sở tuyên truyền Trung bộ, rồi Liên khu 4, ngòi bút ấy càng uyển chuyển và sâu sắc. Rất tiếc là con người tài năng và người chiến sĩ cộng sản trung kiên ấy đã từ giã cõi đời lúc trí tuệ đang thời sung mãn, không kịp nhìn thấy sự phát triển vượt bậc của nền văn hóa dân tộc tiên tiến do Đảng lãnh đạo mà vì nó ông đã trọn đời đem hết tâm huyết ra đấu tranh và phụng sự.

Kỷ niệm 40 năm ngày mất Hải Triều, nhìn lại cuộc đời và sự nghiệp của ông, chúng ta càng quý trọng tài năng và nhân cách của ông, trân trọng vai trò và sự cống hiến to lớn của ông đối với nền văn hóa mác xít của dân tộc. Đánh giá công lao của Hải Triều, Hồng Chương, người đồng chí và người bạn thân thiết của ông, đã viết :

Giữa lúc đế quốc Pháp mở nhiều tiệm hút thuốc phiện, tiệm nhảy, tuyên truyền chủ nghĩa duy tâm thần bí, chấn hưng Phật giáo, khuyến khích thứ văn chương lãng mạn tiêu cực, để đánh lạc hướng quần chúng, nhất là thanh niên, giữa lúc giai cấp tư sản nước ta ra sức phát triển thứ văn chương ủy mị, "không đau mà rên", khiến cho con người mềm như sợi bún, mất hết ý chí đấu tranh, giữa lúc tâm lý buồn rầu u uất lan tràn trong xã hội sau thất bại của phong trào

(1) Xem Lời giới thiệu của Trần Huy Liệu trong cuốn *Về văn học nghệ thuật*, Nxb Văn học, Hà nội, 1983, tr 14

Digitized by Google

Xô viết Nghệ Tĩnh, Hải Triều giương cao lá cờ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và của Đảng cộng sản, tả xung hữu đột, kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng thực dân, tư tưởng phong kiến, tư tưởng tư sản, nghiêm khắc phê phán chủ nghĩa duy tâm và quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật, giành thắng lợi vang dội cho chủ nghĩa duy vật và quan điểm nghệ thuật vị nhân sinh. Thành tích đó của đồng chí Hải Triều được Đảng đánh giá rất cao. Trong tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt nam*, đồng chí Trường Chinh đã viết : "Đồng chí Hải Triều đã làm cho chủ nghĩa duy vật thắng chủ nghĩa duy tâm, quan điểm "nghệ thuật vị nhân sinh" đánh bại quan điểm "nghệ thuật vị nghệ thuật" (2).

*

40 năm đã trôi qua, kể từ ngày Hải Triều vĩnh biệt chúng ta, nhưng những bài viết của Hải Triều, dẫu rằng còn có những hạn chế nhất định, nhưng tư tưởng, dũng khí và tâm hồn của Hải Triều vẫn còn sáng chói và là những bài học quý giá cho hoạt động văn hóa văn nghệ của chúng ta ngày nay. Bên cạnh những chuyển biến to lớn trong hoạt động văn hóa văn nghệ những năm qua do sự nghiệp đổi mới đem lại, cũng chưa phải đã hết những quan điểm sai trái, những hiện tượng phục hồi lối suy luận lỗi thời, tách rời việc sáng tác với trách nhiệm của người nghệ sĩ, hoặc quẩn quanh trong "tháp ngà" của cái tôi, đi vào ngõ cụt, muốn làm sống lại những khuynh hướng đã từng bị lịch sử lên án, từng bị Hải Triều phê phán trong những bài bút chiến sắc bén của mình cách đây 60 năm. Những gì Hải Triều đã để lại, đã muốn nói với người đời, với văn hóa văn học Việt nam, rất đáng để chúng ta nghiên cứu, học tập một cách nghiêm túc, rút ra những bài học bổ ích để tiếp tục phát triển và nâng cao nhằm góp phần xây dựng một nền văn hóa văn nghệ Việt nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

---

(2) Xem Lời giới thiệu của Hồng Chương trong cuốn *Trên mặt trận tư tưởng, văn hóa*, Nxb Thuận hóa, Huế, 1993, tr 31

CÔNG TY...

(Tiếp theo trang 53)

các đoàn thể quần chúng... thực hiện sự kiểm tra giám sát, kịp thời phát hiện và cùng với giám đốc giải quyết dứt điểm những vấn đề không bình thường mới nảy sinh. Đây chính là nhân tố quan trọng bảo đảm sự đoàn kết nhất trí giữa tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Đây cũng là động lực thúc đẩy sản xuất ngày một phát triển, các quan hệ trong ngoài công ty cũng được cải thiện rõ rệt. Năm 1991 CTCS Lộc ninh đã xứng đáng được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng hai, được Bộ chủ quản tặng bức trướng vì thành tích xuất sắc trong phong trào đổi mới.

Với những kinh nghiệm bước đầu có được, để CTCS Lộc ninh không dừng lại ở những thành quả trước mắt, chúng tôi xin có đôi điều kiến nghị như sau :

- Nếu Tổng công ty cao su Việt nam thực sự là đơn vị kinh doanh, thì các công ty thành viên nên là đơn vị hạch toán độc lập, gắn bó với Tổng công ty trên tinh thần tự nguyện, cùng có lợi. Chỉ có trên quan niệm như vậy mới có thể phát huy tinh thần dám làm, dám chịu, khắc phục tình trạng độc quyền lúc nhu cầu cao su lên cao, và thả lỏng khi nhu cầu cao su giảm xuống, kèm theo là sự ép cấp, ép giá.

- Về chính sách vĩ mô, phải vận dụng Luật đất đai như thế nào đó để người trồng cao su có quyền sử dụng, thừa kế vườn cây lâu dài và ổn định, có như vậy họ mới yên tâm đầu tư và mua vườn cây. Đây là vấn đề mà chúng tôi đang tháo gỡ và cần sự giúp đỡ của các cấp để làm thử việc bán vườn cây.

- Đề nghị Nhà nước dành một số vốn cho vay với lãi suất thấp (dài hạn và trung hạn) nhằm thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển cây cao su (vì thời gian kiến thiết cơ bản của cây cao su từ 5 đến 7 năm, chu kỳ khai thác kéo dài 35 - 37 năm, hoàn vốn chậm).

- Cần có chính sách khuyến khích như trợ giá, thuế ưu đãi, nhập thiết bị kỹ thuật... nhằm tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia rộng rãi, đặc biệt đối với Lộc ninh vừa là một địa phương miền núi vừa là một vùng biên giới tây nam của đất nước, mỗi cán bộ, công nhân ở đây còn phải đảm đương nhiệm vụ của một chiến sĩ trên mặt trận bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Digitized by Google

SỨC SỐNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC

NHẬT TÂN

Sự sụp đổ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã làm cho các thế lực thù địch hí hửng thi nhau xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác. Khác với các lần trước, lần này chúng có thêm sự ủng hộ của các lực lượng mới đây còn ca ngợi nhưng nay phản bội, quay lại nguyền rủa chủ nghĩa Mác. Tất cả bọn họ nhất loạt dấy lên làn sóng toàn cầu tuyên truyền rùm beng, ràng chủ nghĩa Mác là "huyễn hoặc" và lần này thì "cáo chung" hẳn (!). Ràng chủ nghĩa xã hội hiện thực chỉ là "hiện tượng xã hội học", chứ không phải là "khoa học" ; nó dầy rẫy những "sai lầm", "tội lỗi". Chủ nghĩa Mác sau hơn một thế kỷ tồn tại và "huyễn hoặc" nhân loại, té ra chỉ là "không tưởng" và nhân loại cần phải từ bỏ nó (!).

CHỦ NGHĨA MÁC PHẢI CHĂNG LÀ "HUYỄN HOẶC", "KHÔNG TƯỞNG"

Trước hết, dù có sự sụp đổ một mảng lớn của chủ nghĩa xã hội hiện thực thì cũng không thể *đồng nhất* chủ nghĩa Mác với chủ nghĩa xã hội hiện thực, cũng như không thể *tuyệt đối hóa* các dự đoán của Mác và Ăng-ghen về xã hội tương lai. Không thể coi hiện tượng Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ là "chủ nghĩa xã hội sụp đổ", và do đó, "chủ nghĩa Mác là không tưởng". Bởi vì, chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu không phải là mô hình duy nhất, mà chỉ là một trong những mô hình của chủ nghĩa xã hội. Hơn nữa, mô hình đó lại phản ánh không đầy đủ, không trung thực và nhất là thiếu sáng tạo đối với toàn bộ tinh thần và ý tưởng của học thuyết Mác về chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta biết ràng, các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác, đúng như bản thân Mác nói, chỉ là "kim chỉ nam", hoặc là những định hướng. Các nguyên lý đó không thể có sự phù hợp tuyệt đối với thực tiễn cách mạng và cuộc sống ở các nơi. Vì vậy, các nguyên lý đó đòi hỏi có sự vận dụng không giống nhau ở những nơi khác nhau. Và cũng vì thế, không thể coi chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu cùng với những khuyết tật của nó, là toàn bộ chủ nghĩa Mác. Phải chăng có thể hiểu như V.X. Xtê-pin, viện sĩ thông tấn Viện hàn lâm khoa học Liên xô (trước đây), nói : Chủ nghĩa Mác giống như một cái cây mọc um tùm, mỗi cành của nó như một trào lưu riêng, một phương diện, một sự lý giải những tư tưởng và những nguyên lý mác xít, những ý định muốn giải thích và giải thích lại chúng từ góc độ kinh nghiệm lịch sử đã tích lũy được. Chủ nghĩa Mác không chỉ là một cấu trúc lý luận, mà còn là một hệ thống những phương châm về thế giới quan trong đó có một hạt nhân khởi đầu và bao quanh hạt nhân đó là những phương pháp tư tưởng và những yếu tố huyền thoại [1].

Những kẻ phản bác chủ nghĩa Mác đã biến những dự đoán của Mác và Ăng-ghen thành những điều khẳng định cứng nhắc, cuối cùng, đặc biệt là dựa vào một số dự đoán của Mác vì điều kiện đã thay đổi mà không trở thành hiện thực để đi đến phủ nhận toàn bộ chủ nghĩa Mác.

Ai cũng biết ràng, đã gọi là dự đoán, nhất là dự đoán tương lai xa xôi, thì rất có thể trong nó bao hàm cả yếu tố chưa chuẩn xác, dù khi đưa ra dự đoán người ta đã sử dụng những cơ sở và phương pháp khoa học nào đi nữa. Bất kỳ một tiên đoán lịch sử nào, dù là thiên tài đi nữa, thì cũng khó tránh khỏi có những yếu tố chưa phù hợp, nhất là trong những chi tiết cụ thể mô tả tương lai. Trên thực tế, dường như không có một học thuyết xã hội nào xuất hiện trong một thời gian dài mà tất cả mọi bộ phận chi tiết của nó đều luôn luôn đúng, hoặc không có một nguyên lý, một tiên đoán nào của nó bị bác bỏ, hay thay đổi. Do vậy, điều quan trọng là phải biết làm

(1)Xem tạp chí *Những vấn đề triết học* (tiếng Nga), số 10-1990,tr22.

Digitized by Google

sáng tỏ cái gì trong chủ nghĩa Mác có ý nghĩa lâu dài, còn cái gì bị hạn chế bởi thời đại sinh thành ra nó.

Kẻ thù của chủ nghĩa Mác cố gán cho nó cái tên "không tưởng", "huyễn hoặc", là cốt để hạ thấp giá trị khoa học của chủ nghĩa Mác và để che đậy sự bối rối, hoảng sợ trước sự phát triển và ngày càng cho thấy tính khoa học của chủ nghĩa Mác. Nếu chủ nghĩa Mác thực sự là "không tưởng", thì việc gì các thế lực tư bản phải sợ nó đến như vậy ? Chúng ta đều nhớ : vào giữa thế kỷ trước, ngay sau khi chủ nghĩa Mác xuất hiện thì, như Mác nói, những nữ thần báo thù cho lợi ích riêng đã xông ra, quyết liệt chống lại. Không phản bác được chủ nghĩa Mác về lý luận và thực tiễn, kẻ thù đã điên cuồng cấm đoán việc xuất bản, lưu hành những tác phẩm của Mác và Ăng-ghen, kể cả việc trục xuất, truy lùng, săn đuổi hai ông. Vì sao chúng sợ các ông đến như vậy ? Bởi vì chính hai ông đã vạch ra cái lô gích tự nhiên của lịch sử là *loài người phải tiến đến chủ nghĩa cộng sản.* Mà, "chủ nghĩa cộng sản không phải là một *trạng thái* cần phải sáng tạo ra, không phải là một *lý tưởng* mà hiện thực phải khuôn theo..., chủ nghĩa cộng sản là một phong trào *hiện thực*, nó xóa bỏ trạng thái hiện nay. Những điều kiện của phong trào ấy là kết quả của những tiền đề hiện đang tồn tại" (2).

Chủ nghĩa Mác càng không phải là "không tưởng" khi mà những nguyên lý của nó đã và đang thấm sâu vào cuộc sống, thức tỉnh hàng tỉ người cần lao vùng dậy tự giải phóng khỏi ách áp bức, bóc lột, để xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa, đem lại hạnh phúc cho mọi người lao động.

CHỦ NGHĨA MÁC VẪN LÀ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA CHÚNG TA

Chủ nghĩa Mác đã trải qua một thế kỷ rưỡi đầy những biến cố lịch sử, nhưng vẫn tỏ rõ tính khoa học và hiện thực của nó. Ngày nay, chủ nghĩa Mác tuy đang đứng trước sự tiến công điên cuồng của các thế lực thù địch, nhưng cũng như những lần trước, nó sẽ vượt qua được và vẫn là nền tảng tư tưởng của chúng ta. Nhận định này dựa trên mấy cơ sở sau đây :

1 - Những điều kiện thực tế khách quan ngày nay, về cơ bản, vẫn chứng minh cho sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa Mác. Ngay từ năm 1847 Ăng-ghen đã nói : "Chủ nghĩa cộng sản nảy sinh ra từ nền đại công nghiệp và những hậu quả của đại công nghiệp, từ sự xuất hiện của thị trường thế giới và cuộc cạnh tranh không thể kìm hãm được do sự xuất hiện của thị trường thế giới gây ra ; từ những cuộc khủng hoảng thương nghiệp ngày càng có tính chất phá hoại và tính chất phổ biến và giờ đây đã hoàn toàn trở thành những cuộc khủng hoảng của thị trường thế giới ; từ sự hình thành ra giai cấp vô sản và sự tích tụ của tư bản ; và từ cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản do đó mà nảy sinh ra. Chủ nghĩa cộng sản, ở mức độ nó là lý luận, là sự biểu hiện lý luận của lập trường của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh đó và sự khái quát lý luận của những điều kiện giải phóng của giai cấp vô sản" (3).

Ngày nay, sự vận động của lịch sử vẫn còn xoay quanh cái trục cơ bản đó, vậy làm sao có thể loại bỏ được chủ nghĩa Mác ? Mác và Ăng-ghen đã nghiên cứu rất sâu sắc sự vận động của xã hội qua các thời đại, đặc biệt là sự vận động của xã hội tư bản, đã rút ra được đặc trưng cơ bản nhất của con người là tính xã hội. Tính xã hội không ngừng được nâng cao và hoàn thiện qua những nấc thang tiến hóa của những hình thái kinh tế - xã hội kế tiếp nhau. Từ đó và bằng phép biện chứng duy vật, các ông đã rút ra một lô gích tất yếu là *loài người phải tiến lên chủ nghĩa cộng sản.* Đó chính là vấn đề cốt lõi của chủ nghĩa Mác. Hiện tại, dù đang diễn ra bao nhiêu thăng trầm, đổ vỡ của phong trào cộng sản, của chủ nghĩa xã hội hiện thực, người ta thấy chưa hề mất đi những điều kiện cơ bản khiến cho chủ nghĩa Mác tồn tại và phát triển. Chẳng hạn, một trong điều kiện cơ bản đó là yếu tố "toàn cầu hóa" trên nhiều mặt của đời sống xã hội. Yếu tố này tuy chưa lớn và còn mang nhiều tính chất phức tạp, nhưng là xu hướng phổ biến, tiềm ẩn và nảy sinh từ trong lòng sự vận động của lịch

(2) C.Mác- Ph.Ăng -ghen : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, t1, tr297.
(3) Sđd, t1, tr433.

Digitized by Google

sử. Nó đang lớn lên và phát triển như là nhu cầu bên trong, sống còn, không cưỡng lại được từ xu thế chung của bản thân cuộc sống.

2 - Những định hướng lý luận chủ yếu của chủ nghĩa Mác nhằm phát hiện ra thế giới mới qua sự phê phán thế giới cũ, ngày nay vẫn còn nguyên giá trị. Chẳng hạn, chủ nghĩa Mác đã khẳng định : phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa lấy của cải làm mục đích cuối cùng và duy nhất của sự phát triển là một kiểu phát triển chứa đựng những yếu tố làm cho chính nó bị tiêu diệt. Lúc này đây, vào những năm cuối của thế kỷ 20, định hướng lý luận ấy của chủ nghĩa Mác về chủ nghĩa tư bản vẫn đúng. Giắc Đê-ri-đa, nhà triết học Pháp nổi tiếng mới xuất bản cuốn sách *Những bóng ma của Mác* tại Pa-ri năm 1993 đã nói lên điều đó. Mặc dù chưa bao giờ là nhà triết học mác xít, ông lại khẳng định sự cần thiết phải "trở về với Mác" để chống lại cái "trật tự thế giới mới" của thị trường tư bản chủ nghĩa mà ông mô tả là "chưa bao giờ đàn ông, đàn bà và trẻ em lại bị nô dịch, bị bỏ đói khát hoặc bị tiêu diệt nhiều đến như thế" (4). Bản thân trật tự thế giới mới đang tiềm ẩn ít nhất là "10 vết loét không có hy vọng chữa trị. Đó là : thất nghiệp ; *"đuổi hàng loạt công dân không nơi cư trú ra khỏi mọi sự tham gia vào đời sống dân chủ của các nhà nước" ; đuổi hoặc đọa đầy nhiều đến như thế những người lưu vong, những người không quốc tịch, những người nhập cư ;* chiến tranh kinh tế giữa các nước ; *"sự trầm trọng thêm của nợ nước ngoài và một số cơ chế liên quan khác đang bỏ đói hoặc đẩy tới chỗ tuyệt vọng một bộ phận lớn loài người ;* nền công nghiệp và thương mại vũ khí *"nằm trong sự điều tiết bình thường đối với việc nghiên cứu khoa học, đối với nền kinh tế và đối với xã hội hóa lao động trong các nền dân chủ phương Tây"* ; sự mở rộng và phân tán vũ khí hạt nhân ; các cuộc chiến tranh giữa các sắc tộc *"dựa vào một khái niệm và một ảo ảnh cổ lỗ về cộng đồng, về nhà nước dân tộc, về chủ quyền, về các biên giới, về đất đai và dòng máu"* ; quyền lực của các nhà nước ma là bọn ma-phi-a và côn-xoóc-xi-om ma túy ; hiện trạng của quyền quốc tế và các thể chế của nó...(5)

Với một "trật tự thế giới mới" bệnh hoạn như vậy, nhân loại sẽ đi đến đâu nếu nó không có khả năng đổi hướng hoàn toàn sự tiến hóa của xã hội tiêu thụ dựa trên nền tảng lợi nhuận của chủ nghĩa tư bản để tạo ra một xã hội phát triển trong sự thống nhất giữa kinh tế với xã hội và tự nhiên, như xã hội mà Mác đã phác họa ?

3 - Từ trước tới nay, chưa có một học thuyết nào như học thuyết Mác đã trở thành hệ tư tưởng của hàng trăm chính đảng và đã được hàng tỉ người lấy đó làm vũ khí cho việc thực hiện mục tiêu giải phóng khỏi ách áp bức, bóc lột và bất công. Với sứ mạng cao cả như vậy, dù còn những khiếm khuyết, chủ nghĩa Mác không hề mất đi cái vĩ đại. Thực tế, một thế kỷ rưỡi qua, chủ nghĩa Mác đã đem lại cho loài người tiến bộ một động lực tinh thần mạnh mẽ chưa từng có. Chính chủ nghĩa Mác đã cổ vũ phong trào cộng sản và công nhân thế giới đi đầu trong cuộc đấu tranh chống và tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, cứu loài người khỏi hiểm họa hủy diệt. Chính chủ nghĩa Mác đã trang bị cho những người cộng sản và lực lượng tiến bộ trên thế giới một vũ khí sắc bén để gìn giữ hòa bình, hạn chế và ngăn chặn sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản, buộc chủ nghĩa tư bản phải có những biến đổi nhất định để thích nghi.

Tuy nhiên, trên con đường thực hiện những ý tưởng tốt đẹp của chủ nghĩa Mác, những người cộng sản đã có những vấp váp, sai lầm. Có lẽ vấp váp, sai lầm nặng nề nhất là đã làm cho chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu sụp đổ. Trải qua năm tháng, sự thực phũ phàng này đang làm cho những người cộng sản tỉnh ngộ và dần dần hồi phục, làm nòng cốt cho các lực lượng cánh tả giành được quyền lãnh đạo ở một số nơi. Điều đó chứng tỏ : *tư tưởng của chủ nghĩa xã hội vẫn còn sống, không dễ gì xóa bỏ được.*

4 - Xét từ bản chất khoa học và cách mạng, chủ nghĩa Mác luôn có tính tự phê phán, khắc phục những thiếu sót và lạc hậu của mình để tự bảo vệ và phát triển. Điều này phản bác lại ý kiến cho rằng

(4) Xem Đi-đi-ê E-ri-bông : "Mác, nhà tư tưởng của thế kỷ XXI", *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1994, tr59.
(5) Như trên.

Digitized by Google

chủ nghĩa Mác không thể có sức sống, vì nó mang tính "ngông cuồng", "huyễn tưởng", và nó sẽ tự kết liễu số phận mình bởi chính những khuyết tật đó (!).

Nếu ai đã nghiên cứu một cách nghiêm túc và có hệ thống chủ nghĩa Mác thì đều thấy rằng, vì hạn chế của lịch sử, có những vấn đề Mác chỉ nêu những suy nghĩ ban đầu, những gợi ý dự đoán, đòi hỏi các thế hệ sau phải tiếp tục nghiên cứu, lý giải. Ngay khi Mác và Ăng-ghen còn sống, các ông đã tự điều chỉnh những luận điểm của mình đưa ra trước đó không còn phù hợp. Chẳng hạn, có lúc Mác và Ăng-ghen đã dự đoán rằng cách mạng vô sản ở châu Âu nhất định sẽ nổ ra nhanh chóng, nhưng thực tế lại không diễn ra như vậy. Ăng-ghen thừa nhận : "Lịch sử đã chứng minh rằng chúng tôi và tất cả những ai nghĩ giống như chúng tôi đều sai lầm. Lịch sử đã chỉ rõ rằng trạng thái phát triển kinh tế trên lục địa lúc bấy giờ còn rất lâu mới chín muồi để xóa bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa"[6]. Lê-nin cũng khẳng định : "Đúng, Mác và Ăng-ghen đã lầm nhiều và thường lầm trong khi phán đoán cách mạng sắp nổ ra, trong khi hai ông hy vọng cách mạng sẽ thắng lợi (chẳng hạn, cách mạng năm 1848 ở Đức)"[7]. Sở dĩ các ông luôn có thái độ khách quan và thực sự cầu thị như vậy, bởi vì các ông đã nhận thức được những việc làm của các ông và thời đại của các ông đang sống "hầu như chỉ mới ở bước đầu của lịch sử nhân loại, và những thế hệ sau này sẽ uốn nắn lại *chúng ta* (các ông - N.T.) tất phải đông hơn rất nhiều so với những thế hệ mà nhận thức hiện phải được chúng ta (các ông - N.T.) uốn nắn lại - lắm lúc với một thái độ khá khinh miệt" [8].

Nhìn lại toàn bộ học thuyết Mác, chúng ta thấy học thuyết đó đã được xây dựng như một hệ thống mở luôn luôn đòi hỏi phải được gắn liền với thực tiễn cuộc sống để vận động, bổ sung và phát triển. Chủ nghĩa Mác đã, đang và sẽ là nền tảng tư tưởng của chúng ta.

(6)C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t6, tr603 - 604.
(7)V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t15, tr293 - 294.
(8) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t5, tr124.

Quan hệ Mác và Ăng-ghen, một nhân tố chủ quan trong sự hình thành học thuyết Mác

NGÔ ĐỨC THỊNH*

BÀN đến sự hình thành bất kỳ học thuyết nào, không thể không tính đến những tiền đề khách quan và chủ quan. Tiền đề khách quan được xem là yếu tố tất yếu. Còn tiền đề chủ quan là yếu tố có ý nghĩa quyết định. Song khi lý giải về sự ra đời của học thuyết Mác, người ta ít bàn đến tiền đề chủ quan hoặc có bàn thì bàn chưa đầy đủ, chưa ngang tầm với vị trí của nó.

Nhân tố chủ quan hình thành học thuyết Mác có nhiều : Mác thời niên thiếu ; ảnh hưởng của gia đình và nhà trường ; hoài bão và ước mơ ; tình bạn và tình yêu, v.v.

Quan hệ tình bạn giữa Mác và Ăng-ghen là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hình thành học thuyết Mác. Nói về tình bạn giữa Mác và Ăng-ghen, Lê-nin viết : "Những chuyện cổ tích thường kể lại những tấm gương cảm động về tình bạn. Giai cấp vô sản châu Âu có thể nói rằng khoa học của mình là tác phẩm sáng tạo của hai nhà bác học kiêm chiến sĩ mà tình bạn đã vượt xa tất cả những gì là cảm động nhất trong những truyền thuyết của đời xưa kể về tình bạn của con người"[1]. Lê-ni, vợ của Ăng-ghen cũng nói rằng : Điều tôi tin chắc là hai ông sống không thể thiếu nhau được. Hai ông ngưỡng mộ nhau không biết chán. Mác và Ăng-ghen ý hợp tâm đầu trên những lĩnh vực : tâm tư, tình cảm, lý tưởng, học thuyết. Cuối tháng 8 năm 1844, Ăng-ghen gặp Mác ở Pa-ri,

* Trưởng khoa triết học, Phân viện báo chí, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
(1) V.I.Lê-nin :*Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t2, tr12.

Digitized by Google

đây là "cuộc gặp mặt lịch sử". Trong những ngày Ăng-ghen ở Pa-ri, Mác hầu như không rời ông. Qua những câu chuyện cởi mở hàng ngày, hai ông hoàn toàn thống nhất với nhau về những vấn đề lý luận và thực tiễn, đồng thời nhất trí với nhau cùng phấn đấu cho hoài bão khoa học của mình. Và cũng từ đó, hai ông trở thành đôi bạn hiếm có trong lịch sử.

Bằng cả cuộc đời, hai ông đã chứng minh rằng : từ mục đích lý tưởng và học thuyết, họ đã sống vì nhau, cho nhau trọn cả cuộc đời. Họ đã dành cho nhau những gì tốt đẹp nhất, tôn trọng và quý mến nhau hơn cả chính bản thân mình. Có lần Mác nói với người con rể tương lai là Pôn La-phác (Paul Lafargue) : "Sở dĩ Mác là Mác vì có Ăng-ghen là Ăng-ghen ; và sở dĩ Ăng-ghen là Ăng-ghen vì có Mác là Mác". Vì chưa hiểu Ăng-ghen, nên người con rể không thừa nhận vế một mà chỉ thừa nhận vế hai của mệnh đề trên. Thấy thế, Mác đã nói rõ thêm : "Không có Ăng-ghen, có lẽ tôi không thành Mác".

Mác kể rằng : Ăng-ghen luôn đi trước tôi trên nhiều lĩnh vực. Mọi điều tiên đoán ở tôi (Mác) bao giờ xảy ra cũng muộn hơn ở Ăng-ghen, và tôi bao giờ cũng theo gót anh ấy. Trong lĩnh vực kinh tế lại càng rõ hơn. Ăng-ghen nghiên cứu trước, viết "Phác thảo về kinh tế". Chính phác thảo này đã thúc đẩy tôi sau khi đọc, nảy ra ý phải đi vào nghiên cứu môn kinh tế chính trị.

Mác coi "Phác thảo về kinh tế" của Ăng-ghen là một thiên tài. Mác còn nói rõ : Tôi không bao giờ lạm dụng từ đó. Bởi lẽ "Tư bản", tác phẩm chủ yếu của học thuyết Mác, tác phẩm mà Mác đã dành suốt 40 năm, nghĩa là gần như cả cuộc đời để tạo ra nó, chính là được thai nghén từ phác thảo trên. Trong "Tư bản", nhiều ý kiến của Ăng-ghen trong "Phác thảo về kinh tế" đã được Mác lấy làm luận cứ cho quan điểm của mình.

Trong quá trình viết "Tư bản", Mác thường xuyên trao đổi với Ăng-ghen về kết cấu, nội dung và những tư liệu cần thiết, về quân sự, chiến tranh và những sự kiện lịch sử khác...

Hơn thế nữa, chỉ vì một lý do duy nhất lấy tiền nuôi Mác và gia đình Mác, để Mác viết "Tư bản", Ăng-ghen đã phải làm cái nghề "khốn nạn" - thư ký hãng buôn - trong gần 20 năm. Và cũng vì thế, có lần Mác đã chỉ vào bộ "Tư bản" và nói với Pôn La-phác rằng : Chính đây là của Ăng-ghen.

Mác cũng đã thấy : Ăng-ghen chắc còn có thể sáng tạo thêm bao công trình đồ sộ, nếu gần 20 năm ấy ông được tự do, không bị cái nghề trên cầm tù khổ sai. Bởi lẽ, Ăng-ghen là người có khối óc bách khoa, sắc sảo, với sự hiểu biết phong phú lạ thường và với khả năng làm việc kỳ diệu. Mác có lúc đã nhận xét hóm hỉnh về Ăng-ghen như sau : Vào bất kỳ lúc nào, ngày cũng như đêm, ngay sau bữa ăn no nê hay khi bụng đói cồn cào, lúc tỉnh táo cũng như lúc ngà say, suy nghĩ vẫn sáng suốt, viết lách vẫn nhanh như quỷ sứ.

Mác ngưỡng mộ, tự hào và lấy làm thỏa mãn về đạo đức, tài trí của Ăng-ghen.

Mác yêu mến Ăng-ghen hơn cả bản thân mình, sẵn sàng hy sinh cả bản thân vì bạn. Có lần viên chưởng lý Héc-cơ ra lệnh tầm nã Ăng-ghen. Lệnh đăng trên báo *Cô-lô-nhơ*, bên cạnh có ghi những nét nhận dạng đại thể : tuổi 27 ; cao 1m72 ; răng tốt ; tóc màu hạt dẻ ; người cân đối... Nói chung nhận xét là đúng. Chỉ có chi tiết : trán - bình thường là không đúng. Đọc xong, Mác đập tay xuống bàn và la lên : Trời ! Trán Ăng-ghen mà bình thường ư ? Quên cả mối nguy hiểm, Mác định gửi thư cho viên chưởng lý bác bỏ chi tiết đó, vì Mác xem nhận xét đó như sự sỉ nhục Ăng-ghen và cũng là sỉ nhục mình.

Mác luôn luôn lo cho sự an toàn của Ăng-ghen trong mỗi lần đi săn, vì Ăng-ghen thích thả cương phi ngựa qua cánh đồng và vượt những chướng ngại. Mác sẵn sàng quên cả bản thân mình để bảo vệ Ăng-ghen.

...

Còn Ăng-ghen, sở dĩ là Ăng-ghen vì có Mác

Digitized by Google

là Mác. Ăng-ghen sớm biết Mác là một người thông minh, ham học, ham hiểu biết, say mê đi tìm chân lý, có nhiều phát kiến trong trò chơi, kể chuyện sinh động, giàu hình ảnh, và có khả năng sáng tạo đủ loại chuyện cổ tích, thần thoại. Thời thơ ấu, Mác từng được bạn bè ví như Prô-mê-tê trong thần thoại Hy lạp, là vị thần đem lại hiểu biết cho con người, đem lửa đến cho con người để họ thoát khỏi đói rét, tối tăm.

Mác - con người uyên bác trên nhiều lĩnh vực kinh tế - chính trị, sử học, triết học, văn học thế giới, toán học...

Ở Mác có *hai* phát minh lớn : *chủ nghĩa duy vật lịch sử* và *học thuyết giá trị thặng dư* (người nào chỉ phát kiến được một trong hai điều đó cũng đã sung sướng lắm rồi).

Theo Ăng-ghen, Mác là một *thiên tài* với đúng nghĩa của từ đó, còn chúng ta giỏi lắm chỉ là người có tài. Ông nói : Những điều tôi đóng góp vào học thuyết của chúng ta, Mác có thể làm một cách dễ dàng mà không cần đến sự tham gia của tôi (trừ đôi ba lĩnh vực chuyên môn). Còn điều mà Mác đã làm thì tôi không bao giờ có thể làm nổi. Mác đứng cao hơn, nhìn xa hơn, bao quát rộng hơn, và nhạy bén hơn tất cả chúng ta.

Thiên tài của Mác, đó là học thuyết của Mác, được thể hiện qua nhiều tác phẩm, nhưng trước hết và chủ yếu là bộ "Tư bản". Mác đã dành cho nó bao nhiêu năm tháng của cuộc đời, bao nhiêu đêm không ngủ, bao nhiêu sức lực và tâm huyết, bao nhiêu trí tuệ, thần kinh và máu của mình.

"Tư bản" là tác phẩm biểu hiện một trí tuệ tuyệt vời với trình độ hiểu biết phi thường. Nhưng đối với tất cả chúng ta, những người gần gũi Mác, "Tư bản" chưa thể hiện hết thiên tài và sự hiểu biết của Người. Trí tuệ Mác cao hơn nhiều so với những tác phẩm của mình.

Thiên tài của Mác thể hiện đặc biệt rõ trong những tình huống khủng hoảng hoặc trong những thời điểm tình hình phát triển theo hướng bùng nổ cách mạng. Khó có ai có được tầm nhìn như Mác. Và sự phán đoán của Mác dường như khó có sai lầm.

Mác thiên tài, nhưng rất khiêm tốn, tôn trọng và quý mến bạn. Ăng-ghen còn nhớ ngay từ buổi đầu gặp Mác, hai người đã trở thành đôi bạn thắm thiết và thỏa thuận với nhau về sự cộng tác trong các lĩnh vực hoạt động sau này. Tác phẩm viết chung đầu tiên của hai ông là "Gia đình thần thánh". Gọi là viết chung, nhưng thật ra Mác viết gần như toàn bộ, còn Ăng-ghen chỉ viết một chương. Tuy vậy, Mác vẫn để ngoài bìa sách tên Ăng-ghen như đồng tác giả thực sự.

Đối với Mác, Ăng-ghen luôn tự cho mình chỉ là vai phụ. Còn bất kỳ ở đâu và bất kỳ trong vở diễn nào, Mác bao giờ cũng là kép chính. Tên tuổi Ăng-ghen vang lừng khắp thế giới, vì nó luôn gắn với tên tuổi và học thuyết của Mác.

Ăng-ghen luôn luôn chăm lo tới Mác về mọi mặt, không những về công việc, mà cả về sức khỏe và cuộc sống gia đình.

Do điều kiện tài chính khó khăn và do làm việc quá sức, Mác khó tránh khỏi bị ốm đau. Mỗi lần Mác ốm, Ăng-ghen sốt sắng sưu tầm các loại sách báo nói về bệnh tật và phương thức điều trị và tự mình trở thành bác sĩ điều trị cho Mác. Ăng-ghen cũng đã trở thành linh hồn của gia đình Mác và luôn giữ vai trò là trung tâm dung hòa những mâu thuẫn, là trọng tài trong các cuộc vui gia đình. Ăng-ghen nuôi hầu hết các con của Mác và được họ xem như người cha thứ hai của mình. Từ lâu Ăng-ghen đã trở thành người thân thiết nhất trong gia đình Mác. Không thể nói tới Ăng-ghen mà không nói tới Mác, và ngược lại. Hai con người, hai cuộc đời, nhưng chỉ là một mà thôi.

Mác và Ăng-ghen, Ăng-ghen và Mác, tên của hai con người đã quyện vào nhau như một. Bản thân học thuyết Mác và thực tiễn lịch sử nước Đức cũng như lịch sử toàn thế giới đã ghi nhận mối liên hệ vĩnh hằng giữa hai tên gọi đó - Các Mác và Phri-đrích Ăng-ghen.

Digitized by Google

Góp phần nghiên cứu mâu thuẫn cơ bản trong thời kỳ quá độ ở nước ta

SÓNG TÙNG

Lời BBT : Mâu thuẫn cơ bản trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một vấn đề lý luận rất cơ bản, quan trọng, nhưng hiện đang còn nhiều ý kiến khác nhau. Trong tinh thần nghiên cứu, chúng tôi đăng bài này để bạn đọc tham khảo.

THỜI kỳ quá độ là một tất yếu khách quan của bất cứ nước nào đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhưng mỗi nước đều có đặc điểm, hoàn cảnh lịch sử, trình độ phát triển riêng, do vậy, thời kỳ quá độ ở mỗi nước cũng không giống nhau. Đặc biệt đối với các nước kinh tế kém phát triển như nước ta, thời kỳ quá độ lại càng quan trọng, dài hơn và phức tạp hơn nhiều, vì đó là sự quá độ từ một hình thái kinh tế - xã hội tiền tư bản chủ nghĩa, vượt qua chế độ tư bản chủ nghĩa để đi lên chủ nghĩa xã hội.

Lịch sử của phong trào cộng sản trên thế giới hơn nửa thế kỷ nay đã chỉ rõ : ở đâu và lúc nào đảng cộng sản lãnh đạo xác định được đúng đắn bản chất của thời kỳ quá độ, có chủ trương và hành động hợp quy luật thì cách mạng thuận lợi tiến lên, ngược lại thì sẽ dẫn đến trì trệ, khủng hoảng và có thể thất bại.

Để hiểu được thực chất của sự phát triển của xã hội trong thời kỳ quá độ, vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu về mặt lý luận cũng như thực tiễn là xác định được những mâu thuẫn cơ bản của thời kỳ đó, sự đấu tranh và vận động biện chứng của các mâu thuẫn ấy, từ đó hiểu sâu sắc và cụ thể những quy luật chủ yếu quy định quá trình phát triển của xã hội, xác định được những nội dung và nhiệm vụ cơ bản của thời kỳ, vận dụng đúng đắn quy luật để giải quyết các mâu thuẫn. Đó là mấu chốt để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước.

Cho đến nay, các nhà nghiên cứu lý luận của ta đã bàn nhiều về mâu thuẫn cơ bản trong thời kỳ quá độ, nhưng vẫn chưa đi đến một kết luận dứt khoát. Bài này mong muốn nêu lên một số suy nghĩ góp phần nghiên cứu vấn đề quan trọng và cấp bách nói trên.

*

Vấn đề nghiên cứu mâu thuẫn cơ bản trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội có thể có nhiều cách tiếp cận khác nhau. Chúng ta đều thừa nhận rằng một xã hội đi vào thời kỳ quá độ có mang trong lòng nó những nhân tố của xã hội cũ và những nhân tố của xã hội mới. Nhưng hiểu đúng đắn thực chất mối quan hệ giữa những nhân tố ấy là một vấn đề hết sức phức tạp, đồng thời cũng hết sức quyết định để tìm đúng mâu thuẫn cơ bản.

Ở đây, tôi chỉ xin nêu lên hai cách tiếp cận vấn đề như sau :

1 - Cách tiếp cận *thứ nhất* là phân chia xã hội ta trong thời kỳ quá độ thành hai trận tuyến đối lập : một bên là các nhân tố tiền tư bản chủ nghĩa, tư bản chủ nghĩa và có khuynh hướng tư bản chủ nghĩa, và một bên là các nhân tố xã hội chủ nghĩa và có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa ; và biến hai trận tuyến ấy thành hai mặt đối lập của mâu thuẫn cơ bản của xã hội nước ta trong thời kỳ quá độ (1).

Cách tiếp cận vấn đề như trên tuy có khái quát được toàn bộ cuộc đấu tranh của cả thời kỳ, nhưng nó cũng dễ làm người ta hiểu sai và dẫn đến cách phân chia siêu hình giữa hai trận tuyến, làm lẫn lộn những nhân tố tích cực và những nhân tố tiêu cực trong từng bước đi của

(1)Xem "Về mâu thuẫn cơ bản trong thời kỳ quá độ ở nước ta", *Tạp chí cộng sản*, số 1-1991, tr 41 - 42

Digitized by Google

thời kỳ quá độ, có lúc có nơi thì nhân tố này tích cực dù là ở "trận tuyến bên kia" (ví dụ vấn đề nông dân), có lúc có nơi thì nhân tố kia lại tiêu cực dù là ở "trận tuyến bên này" (ví dụ áp dụng quá sớm những nhân tố của chủ nghĩa xã hội bất chấp quy luật), như vậy dễ đưa đến lẫn lộn bạn thù, giải quyết sai các chính sách liên minh, tập hợp lực lượng... là những vấn đề cốt tử của cách mạng.

Vả lại, khi nói mâu thuẫn cơ bản, người ta muốn nói đến hai mặt đối lập hiện hữu và cụ thể đang thống nhất và đấu tranh với nhau để thúc đẩy xã hội tiến lên. Nếu ta đưa ra những nhân tố có tính chất quá trừu tượng (như tiền tư bản, tư bản chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa...) sẽ khó xác định các mặt đối lập hiện hữu và cụ thể, do đó không giúp phân tích rõ được bản chất sự vật trong từng giai đoạn, và không xác định được các quy luật vận động của chúng, và các biện pháp để giải quyết mâu thuẫn.

2 - Cách tiếp cận *thứ hai*, thừa nhận thời kỳ quá độ từ xã hội nọ sang xã hội kia không thể không bao gồm những nhân tố của cả hai xã hội ấy, nhưng những nhân tố đó hòa quyện lẫn nhau một cách phức tạp, tác động vào nhau một cách biện chứng, khó lòng tách ra một cách rành mạch ; chúng vận động theo những quy luật tự nhiên nhất định, mà con người và xã hội có thể tự giác vận dụng, chứ không phải vận động theo ý muốn chủ quan.

Xã hội ta dù là trong thời kỳ quá độ, cũng vẫn là một xã hội hoàn chỉnh, có tính chỉnh thể, do vậy, như bất cứ xã hội nào khác, nó cũng được cấu thành từ các kết cấu cơ bản như lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, và trên cơ sở các quan hệ sản xuất đó (cơ sở kinh tế) mà dựng lên một cấu trúc thượng tầng của riêng nó.

Để tìm ra mâu thuẫn cơ bản của xã hội đó, cần trở về với học thuyết của Mác. Chủ nghĩa duy vật lịch sử đã xác định : thúc đẩy xã hội tiến lên luôn luôn là do sự thống nhất và đấu tranh giữa hai mặt đối lập cụ thể là lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội. Mác nói : "... không thể nhận định được về một thời đại đảo lộn như thế mà chỉ căn cứ vào ý thức của thời đại ấy. Trái lại, phải giải thích ý thức ấy bằng những mâu thuẫn của đời sống vật chất, bằng sự xung đột hiện có giữa các lực lượng sản xuất xã hội và những quan hệ sản xuất xã hội..." (2)

Khi nghiên cứu chủ nghĩa tư bản, Mác và Ang-ghen đã chỉ ra mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản. Theo Ăng-ghen, trong xã hội tư bản việc sản xuất đã trở thành một hành vi xã hội ; việc trao đổi, và cùng với việc trao đổi là việc chiếm hữu, vẫn còn là những hành vi cá nhân, hành vi của cá nhân riêng biệt : sản phẩm của lao động xã hội bị anh tư bản riêng biệt chiếm hữu. Đây là một *mâu thuẫn cơ bản*, do đó nảy ra tất cả mọi mâu thuẫn mà trong đó xã hội này đang vận động...

Như vậy, về mặt lý luận cũng như trong thực tiễn của phong trào cộng sản trên thế giới, có thể nói rằng : chính lực lượng sản xuất xã hội và quan hệ sản xuất xã hội là hai mặt đối lập cơ bản nhất quy định sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người qua các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, quy định sự tồn tại và phát triển của mỗi xã hội cụ thể trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể, do vậy cũng quy định sự tồn tại và phát triển của mỗi xã hội trong thời kỳ quá độ. Đó là nói chung, còn biểu hiện cụ thể của các mặt đối lập nói trên thì mỗi lúc, mỗi nơi đều rất khác nhau ; phải phân tích cụ thể các tình hình cụ thể đó thì mới xác định được những bản chất, tìm ra được những quy luật và các biện pháp đúng đắn để giải quyết các mâu thuẫn.

Cũng có đồng chí cho rằng, trong thời đại ngày nay, một xã hội ở thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội rất phức tạp, nếu xem xét nguồn gốc phát triển của xã hội mà chỉ giới hạn ở mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất sẽ làm nghèo nàn bức tranh chung của mâu thuẫn trong đời sống xã hội.

Về vấn đề này, Lê-nin đã viết : "Mác chỉ dùng độc có những quan hệ sản xuất để *giải thích* cơ cấu và sự phát triển của một hình thái xã hội nhất định, song ở mọi nơi và mọi lúc, ông đều phân tích những cấu trúc thượng tầng tương ứng với những quan hệ sản xuất ấy, và đã thêm thịt thêm da cho cái sườn đó" (3).

Vả lại, khi nghiên cứu các vấn đề quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, chúng ta cũng

(2)C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, t2, tr 638

(3)V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tl, tr 164 - 165

Digitized by Google

không nên quên rằng : những khái niệm đó không phải đứng yên một chỗ mà không ngừng vận động và phát triển. Ngày nay, trong thời đại mới, thế giới càng biến động thì càng phải đổi mới cách xem xét các vấn đề trên cho phù hợp. Trong hoàn cảnh mới, sản xuất không còn chỉ là một vấn đề đơn thuần kinh tế, nên khái niệm về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất còn bao hàm rất nhiều vấn đề, cả về văn hóa, xã hội, chính trị..., không chỉ hạn hẹp trong phạm vi một nước mà còn mở rộng ra quốc tế.

Như vậy, học thuyết Mác - Lê-nin về hình thái kinh tế - xã hội đã chỉ ra rằng : mâu thuẫn cơ bản thúc đẩy một xã hội đi lên chính là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội ; nhưng các mặt đó, dù là cơ bản, cũng chỉ là cái "sườn", khi nghiên cứu nó, không thể không kết hợp nghiên cứu quan hệ giữa cấu trúc thượng tầng và cơ sở kinh tế (các quan hệ sản xuất). Có nghiên cứu như vậy mới thấy hết mọi mặt của mâu thuẫn cơ bản và các mối liên quan của nó trong xã hội, mới vận dụng được tốt quy luật của sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, đồng thời kết hợp vận dụng đúng đắn quan hệ biện chứng giữa cấu trúc thượng tầng và cơ sở hạ tầng : cấu trúc thượng tầng được xây dựng lên từ cơ sở hạ tầng, nhưng nó có thể phát huy tác dụng tích cực to lớn đối với cơ sở khi nó phù hợp với hướng đi lên tất yếu của cơ sở, và có tác dụng thúc đẩy cơ sở đó phát triển thuận lợi (nhất là những bộ phận của cấu trúc thượng tầng có liên hệ trực tiếp với cơ sở như nhà nước và pháp luật, các tổ chức chính trị và hệ tư tưởng chính trị). Trong khi thừa nhận vai trò to lớn của cấu trúc thượng tầng, chúng ta cũng không nên quên rằng tác động qua lại lẫn nhau giữa cơ sở kinh tế và cấu trúc thượng tầng là một "sự tác động qua lại trên cơ sở tính tất yếu kinh tế, là một tính tất yếu, xét đến cùng, bao giờ cũng tự vạch ra con đường đi của nó" (4).

Có thể tóm lại : thời kỳ quá độ là thời kỳ chuyển biến cách mạng từ xã hội cũ sang xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa ; nó có *hai* nhiệm vụ cơ bản gắn chặt với nhau : *một là*, phát triển kinh tế, mà cơ bản là không ngừng cải biến quan hệ sản xuất cho phù hợp nhằm thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển liên tục và nhanh chóng ; và *hai là*, xây dựng, củng cố, hoàn thiện cấu trúc thượng tầng nhằm tạo tiền đề, tạo điều kiện cho cơ sở kinh tế phát triển thuận lợi và đúng hướng, chống mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù bên trong và bên ngoài.

*

Ở Việt nam, trong hoàn cảnh của thời đại ngày nay, vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mật thiết liên hệ với nhau, cuộc đấu tranh của nhân dân ta bảo vệ Tổ quốc, tất nhiên gắn chặt với cuộc đấu tranh cho một xã hội tốt đẹp hơn - xã hội *xã hội chủ nghĩa*.

Sau khi giải phóng được một nửa nước (1954), chúng ta một mặt tiếp tục đấu tranh giải phóng cả nước, mặt khác bắt tay xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, và đã tạo ra được một số nhân tố ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Nhưng đồng thời cũng đã bắt đầu phạm phải một số khuyết điểm trong sự nghiệp mới mẻ và khó khăn phức tạp này. Tuy vậy, hậu quả của những khuyết điểm đó chưa bộc lộ ra một cách rõ rệt, vì lúc ấy, mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt nam vẫn là mâu thuẫn giữa dân tộc với đế quốc xâm lược cùng tay sai, quy luật chi phối chung cho cả nước vẫn là quy luật chiến tranh, người dân sẵn sàng hy sinh mọi quyền lợi riêng tư cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước ta quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ làm thay đổi những mối quan hệ giữa các giai cấp đối địch ; mâu thuẫn giữa các giai cấp cách mạng với chủ nghĩa tư bản quốc tế và bọn tay sai từ chỗ gay gắt nhất đã lùi một bước ; những mâu thuẫn gay gắt khác nổi lên : cấu trúc thượng tầng đã có tiến bộ, nhưng cơ sở kinh tế vẫn còn quá lạc hậu. Lực lượng sản xuất ở trình độ rất thấp, với tính chất tự cấp tự túc là chính, đòi hỏi bức xúc quan hệ sản xuất phải thay đổi phù hợp để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển nhanh chóng theo yêu cầu của xã hội mới. Trong lúc đó thì quan hệ sản xuất cũ đã bị xáo trộn, quan hệ sản xuất mới chưa hình thành.

Hoàn cảnh đó tạo dịp cho một xu hướng sai

(4)C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t6, tr788

Digitized by Google

lầm muốn dùng cấu trúc thượng tầng để thay đổi nhanh chóng quan hệ sản xuất với lòng mong muốn chủ quan đẩy lực lượng sản xuất tiến nhanh, nhưng chúng ta lại không thấy hết mối quan hệ biện chứng giữa cấu trúc thượng tầng và cơ sở hạ tầng, và không quan tâm vận dụng quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất.

Trong hành động thực tế, chúng ta đã tách xa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất, tách người lao động với tư liệu sản xuất của họ, do vậy không giải phóng được các lực lượng sản xuất như chúng ta mong muốn ; đồng thời, bộ máy đảng và nhà nước có phần rơi vào quan liêu hóa, xa thực tế, xa quần chúng, cấu trúc thượng tầng tách rời cơ sở kinh tế, càng làm cho kinh tế không phát triển lên được. Khuyết điểm này kéo dài đã dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Để khắc phục tình hình đó, Đại hội VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới, đường lối này được Đại hội VII tiếp tục khẳng định và phát triển. Nhờ đổi mới, chúng ta đã uốn nắn được một số lệch lạc, điều chỉnh được một số mặt của quan hệ sản xuất cho phù hợp với trình độ, tính chất và yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất (như xác định lại thời kỳ và mục tiêu ; xác định tính chất nền sản xuất hàng hóa ; bố trí lại cơ cấu kinh tế và các thành phần kinh tế (quan hệ sở hữu) ; điều chỉnh quan điểm về cải tạo xã hội chủ nghĩa ; thay đổi cơ chế quản lý ; xác định cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; giải quyết một số bất hợp lý trong lưu thông, phân phối v.v.), làm cho quan hệ sản xuất ngày càng ổn định và phù hợp với lực lượng sản xuất hơn.

Trên phạm vi quốc tế, Đảng ta đã chủ trương đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ kinh tế quốc tế, kết hợp khôn ngoan sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, để khai thác tốt nhất các nguồn lực, nhằm chọn cho được sự phân công lao động quốc tế thích hợp nhất cho dân tộc.

Đồng thời, chúng ta cũng đã có những cố gắng trong việc đổi mới một số mặt của cấu trúc thượng tầng (như đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước, xây dựng pháp luật, củng cố tổ chức, phát huy dân chủ trong Đảng và ngoài xã hội, phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng...), làm cho cấu trúc thượng tầng phù hợp, thúc đẩy và bảo vệ cơ sở kinh tế phát triển.

Những chủ trương đường lối đổi mới đó rõ ràng đã mang lại những kết quả rất tích cực : ổn định được tình hình chính trị, và từng bước phát triển kinh tế. Mặc dù còn nhiều khó khăn, và trong quá trình thực hiện đổi mới không phải không còn khuyết điểm, nhưng nhìn chung những thành quả thu được là hết sức quan trọng, chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, hợp quy luật, do vậy cũng hợp lòng dân.

Bài học lớn cần rút ra là : chúng ta không thể xem nhẹ vấn đề mâu thuẫn cơ bản của thời kỳ quá độ. Nếu không làm rõ thấu đáo vấn đề này, rất có thể dẫn đến những sai lầm và tác hại không lường hết được.

Vấn đề mâu thuẫn cơ bản và các quy luật cần vận dụng để giải quyết mâu thuẫn đó là vấn đề được đặt ra từ đầu đến cuối thời kỳ quá độ. Chúng ta đều biết, lực lượng sản xuất không ngừng phát triển và lại biến đổi nhanh hơn quan hệ sản xuất, nên thường có sự không phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, giữa cấu trúc thượng tầng và cơ sở kinh tế. Ngoài mâu thuẫn cơ bản, những mâu thuẫn khác nảy sinh từ mâu thuẫn cơ bản cũng tác động vào, và vận động không ngừng, làm cho tình hình xã hội càng thêm phức tạp. Điều đó đòi hỏi Đảng lãnh đạo cần luôn luôn quan tâm theo dõi, nhận thức, phát hiện những biến đổi trong các mâu thuẫn, xác định những biểu hiện cụ thể của mâu thuẫn cơ bản, và kịp thời nghiên cứu vận dụng quy luật để giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh.

Nước ta từ sản xuất nhỏ phân tán đi lên chủ nghĩa xã hội trong một thế giới đang sôi động phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật, đó là một đặc điểm không thể nào xem nhẹ, *đòi hỏi chúng ta có những bước đi táo bạo mà lại hợp quy luật, sáng tạo trên những nguyên tắc lý luận đã được xác định.* Chúng ta tin rằng Đảng ta, trên cơ sở tổng kết thực tiễn của công cuộc đổi mới, sẽ tìm ra những bước đi phù hợp với đặc điểm tình hình nước ta và hoàn cảnh quốc tế, đưa đất nước vững bước tiến trên con đường đã chọn.

Digitized by Google

HẢI HƯNG ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG GẮN VỚI CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

PHẠM VĂN THỌ *

ĐẢNG bộ Hải hưng vừa tiến hành sơ kết hai năm thực hiện Nghị quyết 3 của Trung ương về đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Hai năm chưa phải là thời gian đủ để thử thách, khẳng định một cách thật vững chắc những kết quả đạt được. Nhưng điều dễ thấy là sau hai năm thực hiện Nghị quyết 3, Hải hưng đã có những bước tiến khá rõ nét.

Nếu như mấy năm về trước, ở Hải hưng rộ lên những "điểm nóng" làm tình hình mất ổn định, căng thẳng, thì nay những "điểm nóng" đó đã lùi về quá khứ. Nếu như mấy năm về trước những vụ lộn xộn, bê bối như ở xã Hợp tiến, Xuân trúc, Tứ dân, người dân kéo nhau về huyện, lên tỉnh, lên trung ương kêu oan, kiện tụng, làm nhiều người không mấy thiện cảm khi nghĩ về Hải hưng, thì nay tiếng thơm từ các làng, xã như Mễ sở, Trai trang, Hạ lễ, Minh tân, Ninh hòa... đã thu hút nhiều khách thập phương về đây nghiên cứu, trao đổi, học tập kinh nghiệm. Chỉ riêng xã Mễ sở (Châu giang) đến nay đã có hàng trăm đoàn khách trong và ngoài nước đến tham quan, nghiên cứu kinh nghiệm.

Đứng trước tình hình kinh tế xã hội ở Hải hưng có nhiều khó khăn, phức tạp ; sản xuất còn nhiều mặt trì trệ, công tác xây dựng đảng có nhiều mặt yếu kém... Tỉnh ủy Hải hưng coi việc triển khai thực hiện Nghị quyết 3 của Trung ương là điều kiện rất thuận lợi để đẩy lên một bước việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Chúng tôi xác định rất rõ là đổi mới và chỉnh đốn Đảng phải đáp ứng yêu cầu thực hiện tháng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương mà trọng tâm là phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo ; phải gắn bó chặt chẽ với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, củng cố tổ chức, chấn chỉnh và giữ vững các nguyên tắc sinh hoạt đảng.

Hướng trọng tâm của công tác đổi mới, chỉnh đốn Đảng ở Hải hưng là *cơ sở* mà chủ yếu là *cơ sở nông thôn*. Phải củng cố, chỉnh đốn những cơ sở yếu kém đi liền với xây dựng cơ sở vững mạnh ; chống những biểu hiện tiêu cực đi đôi với xây dựng quy chế lãnh đạo, công tác. Tỉnh ủy cũng xác định phải qua việc đổi mới, chỉnh đốn Đảng mà nâng cao trình độ nhận thức, năng lực lãnh đạo của cán bộ, đảng viên, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt, phải chú trọng kiện toàn đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, cán bộ quản lý nhà nước, quản lý sản xuất, kinh doanh. Phương châm xử lý, lựa chọn, đánh giá cán bộ là : "kỷ cương và tình thương ; uy tín và hiệu quả".

Đến nay, sau hai năm triển khai thực hiện Nghị quyết 3 của Trung ương, cũng như nhiều địa phương khác, Hải hưng đã thu được những kết quả bước đầu, rút ra được một số kinh nghiệm cho những bước tiếp theo. Sau đây là một số kết quả nổi bật :

1 - *Củng cố các cơ sở đảng yếu kém, xóa được các "điểm nóng", nâng cao được vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng.*

Thời điểm Tỉnh ủy Hải hưng bắt đầu triển khai thực hiện Nghị quyết 3 của Trung ương cũng là lúc trong tỉnh có nhiều tổ chức cơ sở đảng yếu kém và nhiều "điểm nóng" phát sinh. Thông thường, ở nơi nào có "điểm nóng" thì tổ chức cơ sở đảng ở đó cũng thuộc loại yếu kém ; cán bộ, đảng viên kém cả về phẩm chất, năng

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hải hưng

Digitized by Google

lực. Cuối năm 1992, trong toàn tỉnh có 130/1064 cơ sở đảng yếu kém (chiếm tỷ lệ 12%), trong đó, riêng ở khu vực nông thôn có 38 cơ sở yếu kém toàn diện và 60 cơ sở yếu kém từng mặt. Ở những tổ chức đảng yếu kém chỉ có 14,2% đảng viên đủ tư cách, phát huy tác dụng ; 63,6% đảng viên đủ tư cách nhưng còn một số mặt hạn chế. Nguyên tắc sinh hoạt đảng bị vi phạm nghiêm trọng. Chẳng hạn, chỉ có 40% số đảng viên ở xã Tân việt (Cẩm bình), 50% ở Tân hưng (Phù tiên), 55% ở Hùng cường, Vũ xá (Kim thi)... tham gia sinh hoạt đảng đều đặn. Có những nơi như ở huyện Tứ lộc, trong khi bị mất mùa nặng, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn thì trong huyện có tới 28 "điểm nóng" trong tổng số 51 xã (có 12 "điểm nóng" trầm trọng).

Nhiều vụ gây lộn xộn, tranh chấp đất đai, chợ búa ; nhiều mâu thuẫn âm ỉ, kéo dài không được giải quyết thỏa đáng, cho nên chỉ cần một nguyên cớ nhỏ nào đó là "điểm nóng" sẽ bùng lên. Ở một số nơi, tổ chức cơ sở đảng yếu kém, "điểm nóng" nảy sinh, mọi quyết định của chính quyền đều vô hiệu, trật tự an toàn xã hội không giữ vững được, sản xuất đình trệ, đời sống nhân dân không ổn định...

Các cơ sở đảng yếu kém, các "điểm nóng" có nhiều biểu hiện khác nhau, nhưng tựu trung đều do một số nguyên nhân sau đây :

- Đội ngũ cán bộ, đảng viên sa sút về phẩm chất, yếu kém về năng lực, có những biểu hiện mất đoàn kết, bè cánh, cục bộ, tham ô.
- Có sự thiếu công bằng, bất hợp lý trong việc giải quyết các vấn đề về đất đai, chợ búa, nhà cửa, cơ sở hạ tầng...
- Có những vụ việc không được giải quyết dứt điểm, thỏa đáng, cấp trên thì quan liêu, cục bộ...
- Mâu thuẫn dòng họ, xóm làng, tôn giáo.
- Một số kẻ xấu kích động, lôi kéo, gây chia rẽ trong nội bộ cán bộ và nhân dân.

Trước tình hình bức bối, phức tạp ở nhiều nơi, Tỉnh ủy Hải hưng đã chọn vấn đề củng cố các cơ sở đảng yếu kém, xóa các "điểm nóng" đi đôi với xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh làm khâu đột phá trong đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Ban thường vụ Tỉnh ủy xác định : Việc giải quyết các cơ sở đảng yếu kém, các "điểm nóng" phải đạt mục tiêu xây dựng được nhiều cơ sở đảng vững mạnh, gắn chặt với củng cố và phát huy hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền, đẩy mạnh hoạt động của các đoàn thể, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Việc củng cố cơ sở đảng yếu kém, giải quyết các "điểm nóng" kết hợp với sàng lọc đảng viên, làm trong sạch đội ngũ trước hết tập trung vào khu vực nông thôn.

Tỉnh ủy đã lập các tổ công tác của tổ chức đảng cấp trên do đồng chí ủy viên ban thường vụ huyện ủy làm tổ trưởng để tập trung chỉ đạo trực tiếp. Theo tinh thần chung của Tỉnh ủy thì cơ sở phải tự xác định yếu kém và tự giải quyết là chính cho nên phải hết sức chủ động, sáng tạo, không cứng nhắc, rập khuôn, máy móc. Củng cố cơ sở yếu kém, giải quyết các "điểm nóng" là công việc rất phức tạp, tế nhị vì đây là cuộc đấu tranh trong nội bộ Đảng, giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Nếu giải quyết không thỏa đáng, không dứt điểm, mâu thuẫn vẫn tồn đọng kéo dài ; nhưng nếu giải quyết một cách thiếu bình tĩnh, không nghiên cứu kỹ, biện pháp không phù hợp sẽ làm cho tình hình căng thẳng thêm, kẻ xấu dễ lợi dụng kích động và xuyên tạc. Do đó, tùy từng trường hợp, tùy từng vụ việc, tùy mức độ mâu thuẫn khác nhau mà có những giải pháp thích ứng. Nhưng dù thế nào thì trước hết cũng phải xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước ; khai trừ những đảng viên thoái hóa, biến chất, gây chia rẽ, bè phái, tham nhũng, ức hiếp quần chúng, vô tổ chức, vô kỷ luật, nói và làm trái với quan điểm, đường lối và nghị quyết của Đảng, gây hậu quả nghiêm trọng.

Việc củng cố các cơ sở đảng yếu kém, xóa các "điểm nóng", đi đôi với xây dựng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh không chỉ đem lại sự ổn định tình hình về mọi mặt, thúc đẩy sản xuất phát triển mà còn có tác dụng giúp các cấp ủy đảng rút ra được nhiều kinh nghiệm bổ ích ; nhất là về phương pháp trong việc tự mình chủ động giải quyết dứt điểm những vấn đề phức tạp nảy sinh. Chẳng hạn, huyện ủy Tứ lộc đã rút ra được 6 kinh nghiệm : *Một là*, nắm chắc tình hình, tìm đúng nguyên nhân, lựa chọn phương pháp phù hợp. *Hai là*, báo cáo kịp thời tình hình với cấp trên để xin ý kiến chỉ đạo, xác định trách nhiệm của huyện, xã tự giải quyết là

Digitized by Google

chính. *Ba là,* cấp ủy phải thật sự đứng ra chỉ đạo, điều hành, sử dụng đồng bộ các biện pháp, tạo ra lực lượng đông đảo quần chúng ủng hộ Đảng. *Bốn là,* đi đôi với việc giải quyết "điểm nóng" phải rất chú trọng chăm lo các vấn đề kinh tế - xã hội. *Năm là,* đáp ứng các nhu cầu chính đáng, hợp lý của nhân dân, phải dựa vào dân. *Sáu là,* thực hiện nghiêm túc các nguyên tác tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tác tập trung dân chủ, có sự chỉ đạo, chỉ huy thống nhất trên cơ sở nắm chắc tình hình diễn biến sự việc.

Do chọn đúng khâu đột phá, có bước đi và cách làm phù hợp, cho nên đến cuối năm 1993 những tổ chức cơ sở đảng yếu kém đã được củng cố, các "điểm nóng" đã được giải tỏa, nhiều cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đã được xây dựng. Nếu như năm 1992 có 369 cơ sở đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh (chiếm 35% tổng số tổ chức cơ sở đảng trong tỉnh) thì năm 1993 con số đó là 405 cơ sở (đạt tỷ lệ 40%) ; năm 1994 có 560 cơ sở đảng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn này. Đặc biệt, 38 đảng bộ xã yếu kém toàn diện ở khu vực nông thôn đã được giải quyết dứt điểm ; thu lại số lượng đáng kể đất đai, lương thực và tiền cho tập thể và nhà nước. Cùng với tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng đã được củng cố, kiện toàn một bước. Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào chủ trương của Đảng. Một số cơ sở đảng từ yếu kém đã vươn lên thành khá. Một số "điểm nóng" chẳng những dã trở lại thanh bình mà còn tiến lên trở thành những điển hình tiên tiến về thâm canh lúa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống nhân dân như : Hợp tiến, Nam chính (Nam thanh), Tứ dân (Châu giang), Tam đa (Phù tiên), An thanh (Tứ lộc), Hồng quang, Tân trào, Tiền phong (Ninh thanh).

2 - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Ở Hải hưng, xuất phát từ đặc điểm của địa phương, chúng tôi đã chú ý gắn nhiệm vụ đổi mới, chỉnh đốn Đảng với nhiệm vụ phát triển kinh tế mà trước mắt là chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Nhưng vấn đề khó khăn là định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế như thế nào cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh ? Sản xuất lương thực đến đâu ? Cơ cấu cây lương thực như thế nào thì đem lại hiệu quả cao nhất ? Phải có chính sách, giải pháp gì để đẩy nhanh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nhanh chóng làm thay đổi bộ mặt nông thôn ?... Không thể một lúc tìm ra câu trả lời thỏa đáng cho mọi vấn đề. Cũng không thể ngồi chờ tìm được lời giải thỏa đáng rồi mới bắt tay thực hiện. Do vậy, chúng tôi xác định phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

Mấy năm nay, đi đôi với việc đổi mới, chỉnh đốn Đảng, Hải hưng từng bước thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng chủ yếu là *:hình thành một vùng nông nghiệp đa dạng và những ngành công nghiệp có lợi thế gắn liền với các đô thị lớn và khu kinh tế trọng điểm phía Bắc. Thị trường của nông nghiệp Hải hưng chính là các đô thị lớn, ven các khu công nghiệp.* Xu thế đó hiện nay đang diễn ra khá sôi nổi, đa dạng, phong phú, và có hiệu quả rõ rệt. Huyện Châu giang, trước đây thường được giao kế hoạch trồng 4800 ha đay/năm ; giá trị thu được từ cây đay chỉ đạt 14 triệu đồng/ha/năm. Ba năm qua, Châu giang đã chuyển 3000 ha đất trồng đay sang trồng loại cây khác có giá trị kinh tế cao. Giá trị thu được từ các loại cây này tăng hơn hai lần so với trồng đay.

Ở các vùng ven đô thị, diện tích cây lương thực đã và đang được thu hẹp song song với việc đưa giống mới và kỹ thuật canh tác tiến bộ vào để có năng suất cao, chất lượng tốt ; một số diện tích được chuyển sang trồng và nuôi các cây; con có giá trị kinh tế cao. Xã Mễ sở (Châu giang) là một điển hình tốt về loại hình này. Đảng ủy xã chủ trương đẩy mạnh phát triển kinh tế một bước để tạo niềm tin, củng cố cơ sở đảng. Bình quân ruộng đất ở Mễ sở chỉ có 396m^2/người ; diện tích cấy lúa từ 194 ha (trước đây) rút xuống còn 12 ha (năm 1993). Bằng các loại cây, con mới đưa vào nuôi, trồng như táo, quất, cam, quýt, đào, cây cảnh, ba ba, cá trê... Mễ sở đã nâng giá trị thu nhập từ 5-7 triệu đồng/ha/năm lên 30-50 triệu đồng/ha/năm. Do mức thu nhập của các hộ ngày càng cao, cho nên cơ sở hạ tầng nông thôn ở đây phát triển toàn diện. Hệ thống điện, nước, giao thông và các công trình phúc lợi như trường học, trạm y tế, chợ, cũng như nhà ở của nhân dân được xây dựng đều khắp, khang trang. Xu hướng "biến ruộng thành vườn", "biến vườn thành công viên" đang được mở rộng. Ở Mễ sở có 20% hộ giàu (thu nhập trên 20 triệu đồng/năm), 30% hộ

Digitized by Google

khá (thu nhập từ 15 đến 20 triệu đồng/năm). Số hộ được xếp vào loại nghèo cũng có mức thu nhập từ 3 đến 5 triệu đồng/năm.

Còn ở những vùng chiêm trũng như Cẩm bình, Nam thanh, Tứ lộc... với 2 vụ lúa bấp bênh, năng suất thấp đang có xu hướng đào ao, cải tạo đất, hình thành cơ cấu kinh tế mới : vải thiều - chuối - cá - ong. Ở xã Cẩm hoàng (Cẩm bình) với 35 ha vườn trồng vải, nhãn, chuối và 65 ha ao, hồ nuôi cá đã tạo ra giá trị 10,8 tỉ đồng/năm, tương đương với 391 ha trồng lúa.

Đối với vùng chuyên trồng lúa, các cấp ủy đảng, chính quyền, nhân dân cũng đã và đang bố trí lại cơ cấu giống lúa, chọn giống có chất lượng và năng suất cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các tầng lớp dân cư có mức sống khác nhau. Ở những nơi tiếp giáp đô thị hình thành cơ cấu cây trồng mới như : lúa mùa + hành + đậu tương hoặc lúa mùa + hành + bí xanh + đậu tương. Với cơ cấu này, một số nơi thu được 3-4,5 triệu đồng/sào Bắc bộ/năm (nếu đơn thuần cấy lúa chỉ đạt 300-400 nghìn đồng/sào/năm). Ngoài ra, phong trào "phá tre xòe nhãn, vải" cũng đang được mở rộng ; nghề nuôi vịt, nuôi ong, nuôi bò, lợn phát triển đi đôi với mở mang nghề sấy long nhãn, ấp trứng vịt, chế biến các sản phẩm nông nghiệp.

Việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi kéo theo sự phát triển nhiều loại hình dịch vụ mới như : xay xát gạo, vận tải, làm bún, bánh, làm giò, chả... Sự phân công lại lao động trong nông nghiệp tạo ra nhiều nghề mới với nhiều loại hàng hóa ; lao động trong nông nghiệp không còn khép kín như trước đây nữa.

Các làng nghề truyền thống ở Hải hưng đang được phục hồi, phát triển. Nhiều nghề mới đã hình thành ở các vùng trước đây thuần nông nghiệp. Theo thống kê chưa đầy đủ, hiện nay ở Hải hưng có 54 nghề ở 32 làng nghề truyền thống. Toàn tỉnh có 18780 hộ tư nhân làm nghề thủ công, tăng 3000 hộ so với năm 1992. Giá trị thu nhập của công nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn Hải hưng năm 1993 tăng 10,6% so với năm 1992.

Mô hình xã Trai trang (Mỹ văn) lại là một kiểu chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với những tụ điểm dân cư trong xu hướng đô thị hóa. Các lĩnh vực dịch vụ chủ yếu của Trai trang là : chế biến và buôn bán lương thực, thực phẩm, buôn bán đường dài, dịch vụ vận tải. Năm 1993, thu nhập của toàn xã đạt 27 598 triệu đồng, trong đó thu từ trồng trọt là 6 714 triệu ; từ chăn nuôi là 3 274 triệu ; từ công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp là 9 384 triệu và từ thương nghiệp, dịch vụ là 11 800 triệu. Cơ cấu kinh tế của Trai trang hiện nay được xác lập là : thương nghiệp - dịch vụ + công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp + nông nghiệp, với tỉ lệ tương ứng là 4,0 + 3,5 + 2,5.

3 - Nâng cao được trình độ nhận thức của đảng viên, đổi mới công tác cán bộ

Việc tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết 3 của Trung ương về đổi mới và chỉnh đốn Đảng được Tỉnh ủy chỉ đạo chặt chẽ, đồng bộ. Vì thế, nhận thức của các cấp ủy, đảng viên về tính cấp bách, tầm quan trọng của việc đổi mới, chỉnh đốn Đảng, đã được nâng cao một bước. Hầu hết cán bộ, đảng viên đều nhất trí với chủ trương, nhiệm vụ và các biện pháp nêu ra trong Nghị quyết 3 của Trung ương, vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, nâng cao ý thức trách nhiệm đối với công tác xây dựng Đảng.

Một trong những kết quả nổi bật của Hải hưng là đã tạo ra được bước tiến quan trọng trong công tác cán bộ. Thực tiễn mấy năm qua là điều kiện tốt để đội ngũ cán bộ các ngành, các cấp ở Hải hưng rèn luyện, thử thách. Qua thực tiễn, phần đông cán bộ đã tỏ ra vững vàng, kiên định lập trường, lý tưởng của Đảng và ngày một trưởng thành.

Bằng việc rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ chủ chốt đương chức, các cấp ủy đảng đã nắm được những điểm mạnh, điểm yếu của đội ngũ cán bộ hiện tại, trên cơ sở đó có kế hoạch bố trí, sắp xếp, phân công cho phù hợp. Mấy năm thực hiện Nghị quyết 3, giải quyết các "điểm nóng" và các cơ sở đảng yếu kém càng khẳng định rằng chất lượng cán bộ là nhân tố quyết định chất lượng, hiệu quả phong trào ở cơ sở. Căn cứ vào những tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ, năng lực công tác, với phương pháp làm việc dân chủ, việc xem xét đánh giá, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ chủ chốt hiện nay nói chung là chính xác. Trong tổng số 144 đồng chí thuộc diện Tỉnh ủy quản lý, số có khả năng đưa lên vị trí công tác cao hơn là 15,6%, số ở nguyên vị trí cũ là 72,5% ; số phải về nghỉ là 11,7%. Các huyện, thị xã và đảng ủy

Digitized by Google

trực thuộc cũng đã rà soát, đánh giá 3 227 cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở. Kết quả cho thấy có 411 đồng chí có khả năng đảm nhận chức vụ công tác cao hơn, 1 909 cán bộ giữ nguyên vị trí công tác cũ, 310 cán bộ phải nghỉ việc (trong số đó có 94 bí thư đảng ủy xã và 68 chủ tịch xã).

Tỉnh ủy cũng đã tiến hành việc lập quy hoạch, chuẩn bị cán bộ cho ngày mai. Đến nay 12 huyện, thị xã và 27 ngành trong tỉnh đã tiến hành quy hoạch cán bộ dự bị thuộc diện Tỉnh ủy quản lý. Có 349 cán bộ trong diện dự bị, trong đó có 182 người thuộc diện dự bị trưởng, phó ngành của tỉnh ; 83 người dự bị thường trực huyện ủy, thị ủy ; 94 người dự bị cho thường vụ huyện, thị ủy. Đội ngũ cán bộ dự bị thuộc huyện, thị xã quản lý có 2 657 người, trong đó dự bị trưởng, phó phòng cấp huyện, thị là 630 người, 499 cán bộ dự bị bí thư đảng ủy xã ; 492 cán bộ dự bị chủ tịch xã và 1 058 cán bộ dự bị các chức vụ chủ chốt khác ở xã.

Trên cơ sở rà soát, đánh giá, quy hoạch đội ngũ cán bộ đương chức và dự bị, các cấp ủy đảng đã có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp và có chế độ, chính sách tương đối thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ. Bằng cách làm này Hải hưng đang dần dần khắc phục được sự hẫng hụt trong công tác cán bộ.

Quá trình thực hiện Nghị quyết 3 của Trung ương cũng là quá trình củng cố niềm tin của nhân dân. Việc gắn đổi mới, chỉnh đốn Đảng với những nhiệm vụ kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo đã củng cố niềm tin của nhân dân vào chủ trương, đường lối của Đảng. Với những việc làm thiết thực nói trên, người dân không còn coi việc thực hiện Nghị quyết của Đảng là công việc của riêng đảng viên nữa.

Niềm tin đó được thể hiện rõ ở việc nhiều quần chúng có nguyện vọng vào Đảng. Trong hai năm 1992, 1993 và 6 tháng đầu năm 1994 ở Hải hưng đã có 6 284 quần chúng ưu tú tham gia các lớp bồi dưỡng đối tượng phát triển đảng. Cùng trong thời gian ấy có 3 870 quần chúng ưu tú được kết nạp vào đảng. Điều đáng mừng là trong số đảng viên mới có 33% là nữ, 66% là đoàn viên thanh niên, 69% có tuổi đời từ 30 trở xuống ; 87,2% số đảng viên này có trình độ văn hóa, chuyên môn trung học và đại học. Từ năm 1993 đến nay có 90% số cơ sở đảng trong tỉnh kết nạp được đảng viên mới.

Niềm tin đó còn được thể hiện ở những tình cảm thắm thiết của số đông quần chúng đối với các tổ chức đảng, nhất là trong các dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng.

*

Phát huy những kết quả đã đạt được, trong những năm tới, Hải hưng sẽ tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng và tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau đây :

Một là, tạo ra cho được sự chuyển biến sâu sắc và những tiến bộ mới về năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy đảng và tổ chức cơ sở đảng trên mặt trận phát triển kinh tế- xã hội. Gắn chặt hơn nữa nhiệm vụ xây dựng đảng với các nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà trọng tâm là đổi mới kinh tế hợp tác xã, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, chăm lo giải quyết đúng đắn các vấn đề xã hội, khai thác tốt tiềm năng của địa phương, quản lý tốt nguồn vốn, chống quan liêu, tham nhũng, v.v.

Tiếp tục củng cố các tổ chức cơ sở đảng yếu kém trước đây và giải quyết kịp thời những cơ sở yếu kém mới phát sinh ; đẩy mạnh phong trào xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh.

Hai là, tiếp tục đổi mới công tác cán bộ cả về nhận thức, phương pháp đánh giá, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí. Thay đổi ngay những cán bộ không đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ được giao. Quan tâm hơn nữa đến công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cho việc bổ sung đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp. Có chế độ, chính sách thỏa đáng đối với cán bộ, nhất là cán bộ làm công tác đảng, cán bộ các đoàn thể, cán bộ cơ sở...

Ba là, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Tổ chức khảo sát, phân loại, đánh giá, phân công tác cho đảng viên, đưa mọi đảng viên vào hoạt động theo khả năng và yêu cầu của tổ chức đảng.

Quan tâm hơn nữa đến công tác phát triển đảng, trước hết nhằm vào đoàn viên thanh niên, cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ nữ, đội ngũ công nhân...

Bốn là, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ; phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng và tổ chức chính quyền ; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của tổ chức đảng với sự quản lý của chính quyền, nhất là ở cấp cơ sở.

Digitized by Google

ĐỂ CAO BẰNG HÒA NHẬP VỚI CẢ NƯỚC TRONG CƠ CHẾ MỚI

NÔNG HỒNG THÁI*

1 - Cho tới hôm nay, do nhiều nguyên nhân, điểm xuất phát để Cao bằng đi vào kinh tế thị trường vẫn rất thấp. Cao bằng là tỉnh rộng nhưng núi đá chiếm hầu hết diện tích, bình quân đầu người chưa đủ 3 sào đất canh tác. Toàn tỉnh Cao bằng được Chính phủ xếp vào khu vực vùng cao, có huyện xa tỉnh lỵ tới gần 200km, có xã xa huyện lỵ gần 100km. Dân số Cao bằng tăng nhanh, trước 1945 chỉ có 9 vạn, nay đã là 60 vạn. 60% dân số Cao bằng sống ở vùng cao của tỉnh, hẻo lánh, xa quốc lộ, tỉnh lộ. Đường giao thông trong tỉnh chưa được mở mang, nâng cấp ; hầu như ô tô mới chỉ đến được các huyện lỵ, nhưng cũng rất chật vật. Nguồn tài chính của Cao bằng rất mỏng, không đủ trang trải cho làm đường, xây dựng cơ sở hạ tầng, huống chi là mở mang sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân. Vì đường sá cách trở, vì kinh tế hàng hóa chưa phát triển nên Cao bằng thiếu thị trường. Nhiều hàng hóa bán không ai mua, trong lúc nhiều thứ cần thiết không biết mua ở đâu ? Cao bằng là một trong những tỉnh được hưởng chế độ bao cấp toàn diện, bởi vậy khi chuyển sang cơ chế mới, nhân dân còn bỡ ngỡ nhiều, tâm lý ỷ lại, trông chờ còn khá nặng, một bộ phận còn tư tưởng công thần, đòi hỏi nhà nước phải chiếu cố nhiều hơn nữa tới một tỉnh vốn là căn cứ địa của cách mạng... Bên cạnh những khó khăn phức tạp đó, nhân dân Cao bằng cũng phải thường xuyên đối đầu với những thử thách mới của âm mưu "diễn biến hòa bình". Những thử thách này nhức nhối, có lúc căng thẳng, ảnh hưởng không nhỏ tới các hoạt động của địa phương.

Với truyền thống đoàn kết và cách mạng, lại được sự lãnh đạo, giúp đỡ của Trung ương, những năm gần đây, đặc biệt là hai năm 1992, 1993, nhân dân và đảng bộ Cao bằng đã thực sự chuyển mình và khởi sắc trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng đảng và chính quyền, góp phần tạo ra nhiều tiền đề và điều kiện để tỉnh nhà hòa nhập với cả nước trong cơ chế mới. Tổng sản phẩm xã hội của Cao bằng hai năm 1992, 1993 tăng bình quân hàng năm 7,4%. Năm 1993 sản lượng lương thực đạt 171 000 tấn. Công nghiệp khai khoáng có nhiều hiệu quả, sản lượng măng gan 1992 đạt 25 000 tấn, sản lượng thiếc thỏi hai năm 1992, 1993 đạt 150 tấn. Đã và đang xuất hiện nhiều sản phẩm mới của công nghiệp như gang thép, xi măng, gạch, ngói... Xuất khẩu tăng nhanh, năm 1992 và 1993 đạt 108 tỷ. Nạn khan hiếm hàng hóa dần dần được khắc phục. Đời sống văn hóa xã hội của nhân dân các dân tộc trong tỉnh bước đầu được cải thiện. Đã xóa xã trắng về giáo dục, củng cố hệ thống các trường phổ thông, nâng cao chất lượng dạy và học, mở mang và củng cố các trường dân tộc nội trú, tạo điều kiện để trẻ em nghèo, trẻ em các dân tộc được đi học. Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân được chú ý, các ổ dịch bệnh được phát hiện, dập tắt kịp thời. Các hoạt động văn hóa, tuyên truyền có nhiều đổi mới, sinh động. Hệ thống phát thanh và truyền hình đang mở rộng địa bàn phủ sóng. Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng chính sách xã hội được kịp thời. Mặc dầu phải luôn luôn đối phó với các tình huống vi phạm chủ quyền và lãnh thổ của ta ở nhiều điểm, nhưng quân và dân Cao bằng vẫn bình tĩnh, làm chủ tình hình, không để xảy ra điều gì đáng tiếc. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn luôn giữ vững. Vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng được tăng cường từ tỉnh đến tận các bản làng xa xôi hẻo lánh. Chính quyền các cấp điều hành và quản lý năng động, hiệu quả. Dân chủ trong đảng và ngoài xã hội được phát huy và có nhiều bước chuyển mới, có chiều sâu và bề rộng. Lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ không ngừng được củng cố.

Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của đảng bộ Cao bằng khẳng định, những năm qua, kinh tế Cao bằng có bước tăng trưởng khá, Cao bằng đang thực sự chuyển dần từ kinh tế tự cung tự cấp, đơn ngành sang kinh tế hàng hóa đa ngành, phong phú. Đó là những nhân tố mới, mở ra nhiều triển vọng, tạo thế cho Cao bằng xóa đói, giảm nghèo, tạo dựng một nền kinh tế thị trường phát triển, bắt nhịp với bước chuyển của nền kinh tế cả nước. Tổng kết những bước tiến này, Cao bằng đã rút ra một số kết luận ban đầu quan trọng :

Một là : Đối với một tỉnh miền núi có nhiều

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Cao bằng.

Digitized by Google

khó khăn như Cao bằng, muốn hòa nhập với cả nước trong cơ chế mới, không được nôn nóng đốt cháy giai đoạn, không ỷ lại, trông chờ, phải chủ động xác định rõ mục tiêu vươn tới, phải lựa bước đi thích hợp bằng các dự án, giải pháp khoa học cụ thể trên thế mạnh của mình.

Hai là : Kinh nghiệm những năm qua cho thấy, để Cao bằng thực sự có kinh tế thị trường thì phải có hàng loạt các chủ trương, chính sách mở, thông thoáng, kịp thời, nhằm khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi người dân trong tỉnh cũng như ngoài tỉnh phát triển sản xuất, tạo ra hàng hóa và của cải. Cao bằng đã ổn định vấn đề ruộng đất cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh, khuyến khích phát triển kinh tế hộ, đồi vườn, trang trại. Chuyển đầu tư nhỏ giọt, manh mún sang đầu tư theo dự án, chương trình cho định canh, định cư. Các ngành kinh tế của tỉnh trước hoạt động theo kế hoạch cứng nhắc, nặng về cấp phát, nay chuyển sang hoạt động tập trung dứt điểm theo chuyên đề, dự án, dịch vụ tổng hợp, cụ thể như trong các vấn đề giống, bảo vệ cây trồng, tín dụng nông thôn, chương trình VAC, chương trình phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ... Ngân sách tỉnh còn nghèo, nên phải tiết kiệm nhiều khoản chi tiêu, tập trung đầu tư cho việc xây dựng các cơ sở hạ tầng. Hệ thống tỉnh lộ bắt đầu được nâng cấp, trước hết là 3 tuyến đường ra 3 cửa khẩu chính. Mạng lưới điện quốc gia đã về tới một số huyện. Đang và sẽ tích cực khuyến khích mở mang thủy điện nhỏ ở những nơi xa điện lưới. Tổng đài điện thoại tự động đã đi vào hoạt động, liên lạc từ huyện đến tỉnh và trung ương đã thông suốt...

Ba là : Kiên trì phát hiện, xây dựng điển hình mới, tổng kết và nhân rộng điển hình. Đối với một tỉnh miền núi, dân trí thấp thì đây là một cách chỉ đạo có hiệu quả cao. Những năm qua ở Cao bằng đã xuất hiện nhiều cá nhân và đơn vị làm kinh tế giỏi, giữ gìn an ninh tốt, nhiều đảng viên và chi bộ, đảng bộ gương mẫu lãnh đạo nhân dân phát triển tốt nhiều phong trào thiết yếu với đời sống của mọi người. Chi bộ Nà vài, xã Bế triều, huyện Hòa an có 16 đảng viên đã lãnh đạo 70 hộ trong xóm xóa đói giảm nghèo có hiệu quả. Từ một xóm đói ăn, nay không còn hộ đói, 100% hộ có radiô, 27 hộ có ti vi, 25 hộ có xe máy. Các tổ chức chính quyền, đoàn thể đều hoạt động tốt. Những điển hình như thế đang được rút kinh nghiệm để mở rộng ra nhiều nơi.

Bốn là : Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của đảng bộ trên tất cả các lĩnh vực, các địa bàn, là đòi hỏi cấp thiết đối với Cao bằng vì sự phát triển về mọi mặt của địa phương, vì cuộc sống ngày càng tốt hơn của đồng bào các dân tộc trong tỉnh, đồng thời vì sự vững mạnh của đất nước. Đảng bộ Cao bằng có 583 tổ chức cơ sở đảng với trên 21 900 đảng viên. Đại đa số đảng viên Cao bằng có lập trường cách mạng vững vàng, được tôi luyện trong các thời kỳ cách mạng, trung thành với Đảng, nhưng đến nay tuổi đã cao (tuổi bình quân đảng viên các xã là 50 tuổi) vì vậy mặc dù gương mẫu trong sinh hoạt, công tác, nhưng tư duy kinh tế thì chậm được đổi mới, hạn chế, bởi vậy nhiều tổ chức cơ sở đảng lúng túng trong việc xác định nhiệm vụ lãnh đạo, ảnh hưởng tới uy tín của Đảng. Nhận thức rõ những hạn chế này, trên cơ sở những hướng dẫn của Trung ương về đổi mới, chỉnh đốn đảng và căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, đảng bộ Cao bằng đã tập trung giải quyết một số vấn đề sau đây :

Nâng cao sức chiến đấu của đảng viên và các tổ chức cơ sở đảng trên cơ sở giữ vững các nguyên tắc hoạt động của Đảng, tăng cường đoàn kết thống nhất trong nội bộ đảng ; duy trì nền nếp sinh hoạt đảng với các nội dung phong phú, thiết thực ; cấp ủy đảng cơ sở có quy chế làm việc rõ ràng, đảng viên có chương trình hành động cụ thể. Đến nay kỷ luật đảng được tăng cường, đảng viên hầu hết đã tích cực phấn đấu thực hiện nhiệm vụ cụ thể của mình, 21% cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, 59% cơ sở đảng khá từng mặt, trong hai năm 1992, 1993 đã kết nạp được 830 đảng viên mới.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của ban chấp hành đảng bộ tỉnh và đảng ủy các cấp. Đến nay 100% các cấp ủy đảng trong tỉnh đã có quy chế làm việc và lãnh đạo. Các cấp ủy đã xây dựng nền nếp làm việc theo chương trình, theo đề án thiết thực và có hiệu quả. Trách nhiệm cá nhân các đồng chí trong cấp ủy được đề cao; việc đôn đốc kiểm tra được coi trọng. Việc nắm thông tin và xử lý thông tin trong lãnh đạo nhanh, kịp thời và đúng mức, chế độ giao ban theo cụm huyện trong toàn tỉnh được thực hiện tốt. Mối quan hệ lãnh đạo giữa cấp ủy đảng với chính quyền, cũng như với các đoàn thể bảo đảm tính dân chủ, chặt chẽ mà không bao biện ; sinh động nhưng không buông lỏng và trốn tránh trách nhiệm.

Cao bằng hiện đang thiếu nhiều cán bộ, nhất là chuyên gia giỏi về kinh tế, về khoa học kỹ thuật, về quản lý kinh doanh, vì vậy đảng bộ Cao bằng coi đây là một trong những vấn đề phải có biện pháp khẩn trương khắc phục. Bên cạnh việc bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ đang có, tỉnh khuyến khích và cử nhiều cán bộ đi học ở các trường của Trung ương và mở thêm nhiều lớp bồi dưỡng chính trị, kinh tế, tin học, ngoại ngữ tại chỗ. Tỉnh

Digitized by Google

khuyến khích, trọng dụng nhân tài các nơi đến làm việc ở Cao bằng. Hiện nay về cơ bản, tỉnh đã định hình được chính sách đãi ngộ cho cán bộ xóm, xã và phường.

2 - Thành tựu bước đầu của đảng bộ và nhân dân Cao bằng những năm qua là đáng khích lệ, nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, sức vóc của Cao bằng. Nền kinh tế của tỉnh vẫn mang đậm dấu vết của sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp, sản phẩm hàng hóa chưa nhiều, chưa phong phú, ngân sách ít, không ổn định. Cơ sở hạ tầng vẫn thấp kém, lạc hậu, đời sống nhân dân nhất là nhân dân vùng cao còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn. Câu hỏi đặt ra với Cao bằng là, chặng đường tiếp theo, Cao bằng sẽ làm gì và làm như thế nào để không lùi lại phía sau so với các tỉnh bạn, nhất là các tỉnh miền núi có hoàn cảnh và đặc điểm tương tự, trên bước đường đổi mới.

Mục tiêu từ nay đến năm 1995 của Cao bằng là : tích cực, chủ động vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển có trọng điểm kinh tế xã hội, cải thiện một bước đời sống nhân dân, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội. Giải pháp cơ bản để đạt mục tiêu này, là : Chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển nông-lâm-công nghiệp và thương mại trên cơ sở khai thác triệt để các tiềm năng vốn có của mình là : đất rừng, khoáng sản và nguồn lao động tại chỗ. Tiếp tục ổn định các chính sách nhằm khuyến khích phát triển kinh tế nông thôn, kinh tế nhiều thành phần, kinh tế vùng biên. Coi trọng củng cố doanh nghiệp nhà nước, phát triển nhanh các mũi nhọn công nghiệp là khai thác và chế biến khoáng sản sắt, vàng, măng gan, thiếc và sản xuất vật liệu xây dựng. Khơi dậy và mở rộng nguồn tài chính, tiếp tục đầu tư cho cơ sở hạ tầng. Giải quyết có hiệu quả cao hơn các vấn đề văn hóa, xã hội. Kiên quyết giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, bảo đảm chủ quyền quốc gia. Đổi mới và tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng bộ, tăng cường vai trò quản lý của nhà nước và hoạt động của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội...

Mục tiêu phấn đấu của Cao bằng có thể còn rất thấp so với nhiều địa phương khác, nhưng với Cao bằng, đảng bộ và nhân dân phải kiên trì, gian khổ lắm mới có thể thực hiện nổi, bởi như đã trình bày ở trên, Cao bằng còn rất nhiều khó khăn.

Cũng như các tỉnh miền núi khác, Cao bằng có nhiều tiền đề để tăng trưởng và phát triển như nguồn khoáng sản quý hiếm, phong phú ; đất rộng ; có nhiều cửa khẩu thuận tiện cho việc mở rộng giao lưu, buôn bán với nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa ; nhiều danh lam thắng cảnh có thể đầu tư xây dựng thành những điểm du lịch tốt ; nhân dân lao động cần cù, đoàn kết thủy chung, tin tưởng vào cách mạng. Muốn phát huy tốt tác dụng của những tiền đề ấy trong kinh tế thị trường, Cao bằng cần có thêm một số điều kiện tối thiểu như : có nguồn tài chính lớn để trước nhất là cải tạo và nâng cấp nhanh toàn bộ hệ thống cơ sở hạ tầng như công trình thủy lợi, đường sá, cầu cống, thông tin liên lạc để nối liền thị trường trong tỉnh với thị trường toàn quốc, thị trường trong tỉnh với thị trường nước bạn ; sau nữa là để đầu tư mở mang công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, đầu tư cho nhân dân các dân tộc phát triển các cây, con đặc sản trở thành nguồn hàng hóa lớn của tỉnh. Trên cơ sở phát triển sản xuất mà cải thiện dần đời sống nhân dân. Cao bằng rất cần một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi, đội ngũ cán bộ quản lý kinh doanh thành thạo trong tác nghiệp. Những điều kiện ấy về cơ bản nhân dân Cao bằng có thể cố gắng tạo ra, nhưng không thể nhanh chóng được và nguy cơ tụt lại phía sau là rất rõ. Thấy được mặt mạnh và mặt yếu, thuận lợi và khó khăn của mình, đảng bộ Cao bằng quyết tâm lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh nỗ lực hết sức mình để vượt qua đói nghèo, tiến lên giàu mạnh, văn minh.

Cao bằng là một tỉnh miền núi biên giới, 60% số xã ở vùng cao, có đường biên giới dài với nước bạn, nhân dân hai bên sống xen kẽ từ lâu đời, có quan hệ hữu nghị với nhau, nhưng tình hình cũng không đơn giản. Đường sá ở những vùng này hiểm trở, dân không sống tập trung, du canh, du cư, sinh hoạt lạc hậu. Cho nên, đẩy mạnh phát triển kinh tế trong tỉnh, chăm lo đời sống nhân dân, giữ vững thế trận lòng dân, chăm lo sự nghiệp bảo vệ chủ quyền lãnh thổ là những công việc đòi hỏi phải đầu tư lớn về tiền của và sức lực, đòi hỏi phải kiên trì, thận trọng, tỉ mỉ, tế nhị và thường xuyên liên tục.

Đầu tư cho miền núi, đầu tư cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước là vấn đề chiến lược, là quốc sách. Đảng ta, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương và nghị quyết về vấn đề này, nhưng nhìn chung những chủ trương đó, chính sách đó chậm đi vào cuộc sống, chậm được cụ thể hóa với từng địa phương. Đảng bộ và nhân dân Cao bằng hy vọng rồi đây trong sự đổi mới của đất nước, Cao bằng sẽ được sự quan tâm cụ thể, toàn diện hơn của Trung ương và sự cộng tác, giúp đỡ nhiều hơn của cả nước.

Digitized by Google

Công ty cao su Lộc ninh đứng vững trong cơ chế thị trường

LÊ VĂN THẠNH*

NÔNG trường quốc doanh cao su Lộc ninh, nay là Công ty cao su (CTCS) Lộc ninh, được thành lập từ năm 1978, trên cơ sở đồn điền CEXO do thực dân Pháp xây dựng từ năm 1909. CTCS Lộc ninh nằm trên địa bàn trung du và miền núi kéo dài 210km biên giới phía tây và tây bắc của tỉnh Sông bé tiếp giáp với Cam-pu-chia. Diện tích đất có khả năng canh tác của công ty tính đến năm 1994 có khoảng 22500 ha, trong đó có 9324 ha cao su. Tổng số nhân khẩu là 8000 người, trong đó có 2778 lao động.

Tiềm năng về đất đai, lao động của công ty rất lớn, nhưng từ năm 1988 về trước, do cơ chế bao cấp CTCS Lộc ninh liên tiếp làm ăn thua lỗ, không hoàn thành kế hoạch giao nộp sản phẩm, tiền lương của công nhân rất thấp (có tháng không có lương), đời sống gặp nhiều khó khăn. Sản xuất của công ty có thể nói là ở tình trạng đình đốn. Hàng ngàn héc ta cây cao su bị cháy và bị chặt phá. Do thiếu vốn nên việc đầu tư kiến thiết cơ bản các vườn cây cao su rất hạn chế, nhỏ giọt, kém hiệu quả. Diện tích cao su trồng mới không đáng kể so với diện tích mất đi. Bên cạnh đó, giữa CTCS với địa phương có nhiều mâu thuẫn, thiếu sự phối hợp chặt chẽ, dẫn đến tình trạng mạnh ai nấy làm, các hiện tượng phá hoại, trộm cắp liên tục xảy ra, nhưng không được xử lý kịp thời, nhiều khi gây hậu quả nghiêm trọng. Trong tình hình đó, nội bộ công ty lại mất đoàn kết, công tác tổ chức quản lý công ty bê trễ, mọi việc của công ty đều trông chờ, ỷ lại vào cấp trên, chờ cấp trên giải quyết.

Trước tình hình khó khăn, tưởng như vô phương cứu chữa, nhiều lúc đã nảy sinh ý kiến khác nhau : có ý kiến cho rằng nên giải tán công ty, giao đất cho địa phương ; ngược lại cũng có ý kiến cho rằng nếu cán bộ, công nhân trong công ty đoàn kết, quyết tâm chung vốn, chung sức để khôi phục công ty thì có thể vượt qua khó khăn, vươn lên được. Điều đó đã làm cho những người lãnh đạo công ty chúng tôi ngày đêm trăn trở tìm lối thoát. Và từ tháng 6-1988 CTCS Lộc ninh đã mạnh dạn tiến hành đổi mới tổ chức quản lý sản xuất. Kết quả bước đầu thật đáng khích lệ : (xem biểu). Có thể nói, cho đến nay, CTCS Lộc ninh đã tạo thế phát triển ổn định và đứng vững trong cơ chế thị trường.

KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT - KINH DOANH

Năm	Tổng diện tích (ha)	Sản lượng khai thác chế biến (tấn)	Tổng số lao động (người)	Lương bình quân quy ra USD	Năng suất lao động (kg/người)	Năng suất trồng trọt (kg/ha)	Bình quân diện tích đầu người (ha)	Sản lượng mủ có chất lượng cao loại CSV5L (tấn)
1987	8448	2425	6360	3,80	381	287	1,3	0
1988	8638	3507	4981	6,12	704	406	1,8	10
1989	8288	3100	4501	13,94	689	374	1,9	4
1990	8155	2754	4116	11,99	669	338	2,0	12
1991	8519	3000	3286	18,27	913	368	2,6	157
1992	8507	3500	2955	41,66	1184	411	2,9	1104
1993	8949	3950	3196	38,00	1236	441	2,8	2913
1994*	9324	4100	2778	45,00	1476	440	3,4	-

* Con số ước tính

* Giám đốc CTCS Lộc ninh

Digitized by Google

Quãng đường đã qua tuy ngắn ngủi nhưng đã đem lại cho chúng tôi một số bài học sâu sắc, giúp chúng tôi vững bước trên chặng đường tiếp theo.

1- *Sắp xếp lại bộ máy tổ chức quản lý, giảm bớt khâu trung gian là cái mốc khởi đầu sự thay da đổi thịt, thể hiện sự hòa quyện giữa ý đảng, lòng dân.* Chúng tôi đã tìm ra mắt xích yếu nhất dẫn đến trì trệ, làm ăn kém hiệu quả, đó là việc tổ chức quản lý. Từ đó chúng tôi đã chấn chỉnh lại việc tổ chức quản lý, giảm bớt khâu trung gian, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công nhân trong công ty, bảo đảm cho mỗi bộ phận, mỗi con người đều có thể cống hiến và hưởng thụ ở mức cao hơn. Việc làm này đã được đại đa số quần chúng ủng hộ, tuy nhiên đây là vấn đề mới, lại đụng chạm đến lợi ích một số cá nhân, do đó không tránh khỏi những phản ứng tiêu cực, cản trở bước tiến của công ty.

Một trong những điểm mấu chốt của quá trình đổi mới tổ chức quản lý của công ty là xóa bỏ các phòng, ban và nông trường, xí nghiệp, xác lập sự quản lý thống nhất của công ty, dưới công ty là các trợ lý và đội, tổ trực thuộc. Trong cơ chế bao cấp trước đây, nông trường, xí nghiệp chỉ là cấp trung gian, chia cắt, cục bộ gây không ít khó khăn cho việc điều hành quản lý thống nhất và phát huy hiệu quả kinh tế tổng hợp của cả công ty. Cái lợi trông thấy của việc sắp xếp lại tổ chức quản lý là giảm mạnh bộ máy quản lý gián tiếp từ 240 người (của 16 phòng, ban) còn 19 người (từ giám đốc đến nhân viên hành chính) ; biên chế của công ty năm 1994 giảm 2,3 lần so với năm 1987 nhưng sản lượng khai thác, chế biến mủ cao su lại tăng gấp 1,7 lần.

Chúng tôi tiến hành công việc nói trên với thái độ thận trọng, kiên quyết và dứt điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Nhờ đó chỉ trong một thời gian ngắn guồng máy của công ty đã hoạt động nhịp nhàng, năng suất lao động tăng dần, đời sống công nhân từng bước được cải thiện, lòng tin của quần chúng đối với công ty được nâng cao.

Bài học rút ra từ sắp xếp lại tổ chức quản lý ở công ty chúng tôi là phải có quan điểm đúng về con người. Nói sắp xếp lại tổ chức quản lý không có nghĩa là đẩy cán bộ công nhân ra khỏi biên chế như thế nào cũng được, mà đây là một cuộc cách mạng về giải quyết việc làm, gắn lao động với hưởng thụ, có chính sách thích đáng với những người vì lý do gì đó phải nghỉ việc.

2- *Đổi mới kỹ thuật, công nghệ trồng, khai thác, chế biến mủ cao su gắn liền với đào tạo con người tại chỗ.* Muốn cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước thì phải chăm lo đến chất lượng sản phẩm. Vì vậy phải có kỹ thuật và công nghệ tiên tiến. Song song với đổi mới và kiện toàn tổ chức quản lý, CTCS Lộc ninh đã tập trung sức người, sức của từng bước đổi mới công nghệ trồng, khai thác và chế biến mủ cao su. Trước thực trạng cao su bị chặt phá, cháy, già cỗi, mật độ cây thưa thớt như vậy, không còn cách nào khác là phải bắt tay ngay vào trồng mới - phục hồi lại vườn cây. Từ năm 1988 đến nay công ty đã trồng mới hàng ngàn héc ta cao su với tỷ lệ sống trên 95%, và đã trở thành một trong những đơn vị đi đầu trong toàn ngành. Công nghệ chế biến mủ cũng có nhiều tiến bộ. Năm 1993 công ty đã trang bị thêm nhiều dây chuyền công nghệ mới, áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm vật tư, hóa chất, năng lượng và sức lao động để hạ giá thành. Năm 1993 chúng tôi đã giảm được 3,4% chi phí trên một tấn mủ so với năm 1992. Với cái đà đó, năm 1994 phấn đấu giảm 6,78% chi phí so với năm 1992. Lợi nhuận ròng năm 1994 tăng 50% so với năm 1993. Trong công nghệ khai thác mủ, anh em công nhân đã có sáng kiến cạo mủ bằng thang (ở các vườn nhóm II và III) thay cho kỹ thuật cạo mủ bằng dao cán dài, nhờ đó đã đem lại hiệu quả sản xuất khá hơn trước.

Muốn đổi mới công nghệ trồng và chế biến, trước hết phải có những con người có trình độ về kỹ thuật và công nghệ. Nắm vững yếu tố then chốt này, công ty đã dành nhiều công sức cho việc đào tạo, nâng cao kiến thức và tay nghề cho đội ngũ công nhân. Trong mấy năm qua, công ty đã đào tạo thêm 700 công nhân có tay nghề giỏi cho vườn cao su nhóm I.

Rõ ràng ở công ty chúng tôi, trong việc đổi mới kỹ thuật, đổi mới công nghệ, dù ở bất cứ lĩnh vực nào, vấn đề đào tạo con người tại chỗ giữ vai trò quyết định.

3- *Huy động tối đa các nguồn lực tại chỗ bằng cơ chế kinh tế hợp lý.* Việc huy động vốn thuộc các chủ sở hữu khác nhau để cùng hợp tác phát triển cây cao su đã có tác dụng lôi cuốn mọi người góp vốn, tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất của công ty. Nhờ chúng tôi đã làm tốt vấn đề này mà việc giảm biên chế cũng không nặng nề như trước. Vốn, lao động được huy động nhiều hơn, bảo đảm sản xuất liên tục phát triển và ổn định. Từ năm 1990, mặc dù không được cấp vốn, Tổng công ty sao su cũng không giao chỉ tiêu mở rộng diện tích trồng mới, nhưng bằng nguồn vốn tự có và vốn huy động trong dân, công ty chúng tôi đã trồng mới hơn 2000 ha cao su(riêng năm 1993 trồng thêm gần 1000 ha).

Để có được kết quả trên, công ty đã áp dụng hình thức đa dạng trong liên doanh đầu tư :

Một là, công ty đầu tư vốn trồng mới (cung cấp giống, vận chuyển, làm đất...) và giao hẳn cho hộ tư nhân với điều kiện họ phải hoàn trả vốn bằng

Digitized by Google

mủ cao sau cho công ty. Với hình thức này, công ty chỉ cần bỏ ra 3,34% lượng vốn cần thiết cho xây dựng cơ bản, mà vẫn đảm bảo số lượng và chất lượng mủ khai thác.

Hai là, công ty đầu tư vốn (khai hoang, làm đất, giống, phân bón) cho các hộ trồng cao su kiến thiết cơ bản trong vòng 6 năm, sau đó các hộ phải giao lại vườn cây cho công ty. Lao động đóng góp của các hộ gia đình công nhân được tính theo định mức kinh tế - kỹ thuật của Tổng công ty cao su Việt nam. Đây là hình thức huy động sức người của các hộ nghèo (có sức lao động nhưng không có vốn).

Ba là, liên doanh với các cơ quan và địa phương khác, trên cơ sở cùng bỏ vốn trồng cao su, cùng chịu rủi ro và hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp.

Bốn là, hợp đồng giao khoán cho tư nhân chăm sóc và khai thác, đây là kiểu khoán gọn phần chi phí vật tư và tiền công - toàn bộ sản phẩm (mủ) giao nộp cho công ty chế biến.

Trong năm 1994 chúng tôi đẩy mạnh nghiên cứu áp dụng một số hình thức kinh tế mới như :

- Thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần (theo quyết định số 31/NN-CSQL của Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm) nhằm huy động nguồn vốn trong dân để phát triển mạnh cây cao su trên đất Lộc ninh.
- Theo thông tư 01/LBTT của Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm, chúng tôi đang tổ chức nghiên cứu, làm thử việc bán vườn cây cho các hộ công nhân (bằng hình thức trả góp cả vốn lẫn lãi bằng sản phẩm mủ cao su cho công ty) trên diện tích gần 100ha của đội sản xuất số 6 để rút kinh nghiệm.
- Tiếp tục hoàn thiện các hình thức khoán chi phí cho các hộ công nhân.
- Nếu được cấp trên cho phép, CTCS Lộc ninh sẽ mở rộng liên doanh, liên kết, hợp vốn với các tổ chức trong và ngoài nước để phát triển cao su theo chiều sâu, kể cả công nghiệp chế biến cao su.

4- *Đi đôi với phát triển sản xuất, phải chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.* Như đã nêu ở trên, muốn phát huy sức mạnh của con người, trước hết phải chăm lo chu đáo đời sống cho họ. Vào thời điểm khó khăn, trong khi nhiều xí nghiệp quốc doanh thả nổi cho công nhân bươn chải, tự tạo thu nhập để sống, thì ở CTCS Lộc ninh, chúng tôi nêu phương châm : "người làm cao su phải thực sự sống bằng đồng lương từ cao su". Muốn vậy lãnh đạo công ty phải tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động. Trong cơ chế thị trường, để làm được điều đó, phải giải quyết tốt đầu ra. Rất may là trong mấy năm vừa qua, ngoài sự nỗ lực chủ quan của công ty, chúng tôi còn nhận được sự giúp đỡ tích cực của Tổng công ty cao su Việt nam trong việc tạo đầu ra, do đó đã mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm vừa phong phú vừa ổn định. Có việc làm, có đoanh thu là công nhân có thu nhập. Trong 7 năm qua, tính bình quân lương của công nhân tăng 1,7 lần hàng năm (theo trị giá đồng đô la). Công ty chúng tôi đã xây dựng 28 235 m^2 nhà ở, nâng cấp và tu bổ hàng loạt các nhà bán kiên cố và nhà tạm, xây dựng trường học, bệnh xá, hoàn chỉnh hệ thống giao thông, nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Ngoài ra chúng tôi còn góp phần cùng với địa phương xây dựng và tu bổ đường giao thông, trường học, bệnh viện, giải quyết tốt các chính sách xã hội, nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với nước.

Nhờ giải quyết tốt những vấn đề nêu trên mà mối quan hệ giữa công ty chúng tôi với địa phương ngày càng gắn bó. Trách nhiệm của công ty đối với địa phương và của địa phương với công ty được xây dựng trên cơ sở bảo đảm lợi ích của hai bên, cái gì làm lợi cho công ty cũng có nghĩa làm lợi cho địa phương. Sự tăng trưởng kinh tế của công ty tác động tốt tới sự ổn định và phát triển kinh tế xã hội của địa phương ; ngược lại sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện bảo đảm sự ổn định và phát triển sản xuất của công ty.

5- *Giải quyết tốt mối quan hệ giữa lãnh đạo Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng.* Trong cơ chế thị trường còn có nhiều xí nghiệp đang lúng túng trong việc xử lý các mối quan hệ trong bộ máy lãnh đạo quản lý, đặc biệt là vai trò lãnh đạo của Đảng. Thậm chí có nơi tổ chức đảng bị "lép vế" đứng ngoài cuộc sản xuất - kinh doanh. Để tránh tình trạng này, CTCS Lộc ninh chúng tôi đã mạnh dạn áp dụng cơ chế *giám đốc kiêm bí thư đảng ủy công ty*. Thực tế ở công ty chúng tôi cho thấy, cơ chế này đã thực sự phát huy tác dụng tốt trong những năm qua. Trước hết nó bảo đảm sự gọn nhẹ, tập trung thống nhất sự lãnh đạo và chỉ đạo về một mối. Và để tránh sự tập trung quan liêu, chuyên quyền độc đoán, công ty chúng tôi đã giải quyết khá tốt khâu đầu tiên là xây dựng phương hướng phát triển kinh tế của công ty. Tổ chức cho quần chúng tham gia góp ý, đưa ra đảng bộ thảo luận và biểu quyết, vấn đề còn lại là làm thế nào tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, phương hướng đã nêu ra. Chúng tôi đã thực hiện dân chủ bàn bạc thật sự, nhưng sự chỉ đạo thực hiện phải tập trung thống nhất vào một mối. Đó là giám đốc kiêm bí thư đảng ủy công ty. Căn cứ vào một hệ thống các quy chế chặt chẽ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các chức danh và đơn vị tổ chức trong công ty, các phòng ban, đảng ủy,

(Xem tiếp trang 32)

Digitized by Google

"Vi nhân nan, vi nhân nan"

VŨ LÂN*

CHUYỆN xưa kể ràng : Đời Xuân Thu, triều Việt vương, ở thôn Trữ la, có một cô con gái tuyệt đẹp, tên gọi Tây Thi. Mỗi lần nàng đau bụng, nhăn mặt, càng "nghiêng nước, nghiêng thành". Cạnh nhà nàng, một bà hàng xóm - vốn đĩ đã như "quỷ dạ xoa", thấy vậy, cũng ôm bụng, nhăn mặt theo, lòng những muốn mình sẽ đẹp lên (?). Nhưng, nhìn thấy vậy, người trong thôn tưởng bà là ma quỷ hiện hình ! Sợ hết vía. Người giàu vội đóng chặt cửa. Người nghèo thì dắt vợ, bồng con chạy trốn...

Chuyện xưa cũng kể : có một người thợ ngọc qua hàng thợ đá, thấy một tảng đá trong có ngọc. Mua về dẽo, được ngọc, trở nên giàu có. Anh thợ đá thấy thế cũng làm theo. Đem tất cả kho đá của mình ra đập. Đá tan vụn. Chẳng thấy ngọc đâu. Bị lỗ vốn, anh buồn, lăn ra chết.

Mình *không phải* Tây Thi mà bắt chước Tây Thi, kết quả là làm trò hề cho thiên hạ cười chê, xa lánh.

Mình *không* có con mắt nhìn được ngọc trong đá cũng làm như anh thợ ngọc, khiến nên cùng quẫn rồi chết queo.

Những tưởng mấy chuyện loại như trên là chuyện ngày xửa ngày xưa chỉ có ở nước người.

Té ra, ngay ở nước mình, giờ đây, vẫn có chuyện tương tự như rứa !

Có ông nọ, thuở đất nước còn bom đạn mịt mù, ông chiến đấu khá gan dạ, ăn ở với đồng bào, đồng đội rất "ngon". Cũng vì thế, mặc dù trình độ học vấn của ông còn có hạn, song chiếu cố tới công lao của ông, cũng như cái "ngon" trong quan hệ bạn bè, đồng chí của ông trước kia nên ông vẫn được trao đảm đương cương vị lãnh đạo ở một cơ quan nọ.

Nào dè, từ ngày ấy, "con heo đang ngủ trong lòng mình" - nói theo cách nói của Charles Mosnelet - bỗng chốm dậy.

Ông tự cho mình cái gì cũng biết tuốt tuột, chẳng cần tham khảo ý kiến một ai. Cán bộ cấp dưới, ai có nhiệt tình hiến kế thì ông cũng gật gật, song ngay sau đó ông "quên" phứt !

Cũng "lạ", kể từ ngày ông ngồi vào cái ghế có đệm bông ấy, tính ông rất hay "quên". "Quên" bẵng cả những người đã từng cùng ông "chia bom, sẻ đạn", đã từng cùng ông chụm đầu suy nghĩ, bàn tính việc chung. Ngược lại, ông lại rất "nhớ" những ai có chức vụ cao hơn ông. Nhớ cả ngày sinh, tháng đẻ của con cái những người "bạn mới" ấy để chỉ thị cho "quân" của ông liệu mua quà tặng sao cho... "tương xứng" !

Nay ông về hưu rồi. Nhà ông to lắm, phòng tiếp khách của ông sang trọng lắm. Nhưng vắng teo. Ông thui thủi trong cảnh quạnh hiu, buồn tẻ... Còn mà ông như đã "không còn" trên dương thế này !

Lại có trường hợp khác... Kể cũng "lạ".

Một ông trí thức được Chính phủ ta nuôi ăn học từ bậc trung học, rồi cho sang nước bạn "tu luyện", thi phó tiến sĩ, rồi tiến sĩ. Nay được cử làm hiệu trưởng một trường đại học bán công tại một thành phố lớn nọ. Ông ta cũng "quên", quên đến mức dám tuyên bố với một nhà báo nước ngoài ràng mình đã "vạch ra một chương trình học (cho sinh viên trường mình) *không dính dáng gì đến học thuyết chính thống về chính trị" của chế độ này (!)* ; ràng mình *"không mắc nợ gì với chính phủ cả"* (!).

*

Có ai đó nhắc tôi một câu nói của SHAKESPEARE : "Chỉ có người ngu mới tin mình là Thánh và chỉ bậc Thánh mới biết rõ cái ngu của mình".

Nhớ lại bà hàng xóm của Tây Thi, ông thợ đá, ông "biết tuốt tuột", ông "không dính dáng", tôi bỗng nghĩ đến một lời than của Khổng Phu Tử : *"Vi nhân nan... Vi nhân nan..."* (Làm *Người* là khó... Làm *Người* là khó...)" !

---

* Nhà mỹ học (thành phố Cần thơ)

SỬA LẠI

Trên *Tạp chí Cộng sản*
- Số 7-1994, trang 32, cột 1, dòng 27, xin đọc : đã dâng dây đeo thánh giá
- Số 8-1994, trang 31, cột 1, dòng 31, xin đọc : năm 1993 tăng 30%

Digitized by Google

NÊN GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHỦ NGHĨA MÁC-LÊ-NIN NHƯ THẾ NÀO ?

HỒ TẤN PHONG*

HIỆN nay, trong việc giảng dạy các môn lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin đang có những ý kiến khác nhau. Trong khi chờ kết quả biên soạn sách giáo khoa mới của các môn học về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tôi muốn nêu lên một vài suy nghĩ của mình nhằm trao đổi làm rõ thêm về một số nhận thức đối với việc giảng dạy những môn khoa học này.

Có ý kiến cho rằng : *Cần phải giảng dạy các môn lý luận Mác - Lê-nin đúng hệt như những gì Mác và Lê-nin đã viết, không cần bổ sung, phát triển.* Cái đúng, sai trong ý kiến đó là gì ?

Đúng là trong thời gian qua, ở một số trường, việc giảng dạy các môn lý luận Mác - Lê-nin có sự cắt xén, suy diễn tùy tiện, thậm chí đem cả quan điểm của các nhà kinh tế học tư sản xa lạ với quan điểm của chủ nghĩa Mác để gán ghép vào quan điểm của các nhà kinh điển Mác - Lê-nin. Thêm bớt như vậy là không đúng. Nhưng nếu từ sai lầm đó, rút ra kết luận : giảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin chỉ được bó lại trong những gì Mác và Lê-nin đã viết, thì lại phạm một sai lầm khác không kém phần tai hại, đó là việc coi chủ nghĩa Mác - Lê-nin như cái gì đã hoàn chỉnh, không còn phát triển. Chúng tôi hiểu nghĩa phát triển ở đây trên cả hai mặt : một mặt, phải nhận thức được những gì Mác và Lê-nin viết là hoàn toàn đúng trong những hoàn cảnh cụ thể, giữ nguyên giá trị lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận. Mặt khác, cần phải bổ sung, phát triển, làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lê-nin bằng tất cả những gì rút ra từ thực tiễn cách mạng nước ta, thực tiễn cách mạng thế giới, cũng như những thành tựu khác của nhân loại. Cuộc khủng hoảng đang diễn ra trong phong trào cách mạng thế giới hiện nay có nguyên nhân ở chỗ : những người cộng sản đã không nhận thức đầy đủ và phát triển sáng tạo được chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong thời đại mới.

Trở lại lịch sử phát triển của chủ nghĩa Mác vào cuối thế kỷ 19, khi mà "Phong trào dân chủ - xã hội quốc tế hiện đang trải qua một thời kỳ đao động về tư tưởng. Từ trước đến nay, những học thuyết của Mác và Ăng-ghen được coi như nền tảng vững chắc của lý luận cách mạng, nhưng giờ đây, khắp nơi đã có những người lên tiếng cho rằng những học thuyết đó là không đầy đủ và đã lỗi thời rồi"(1). Lê-nin đã viết về nhận thức và thái độ cần phải có của những người cộng sản để thoát ra khỏi tình trạng đó : "Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm ; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa *cần phải* phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống"(2).

Trong tác phẩm "Về một số đặc điểm trong sự phát triển lịch sử của chủ nghĩa Mác" khi phân tích nguyên nhân của cuộc khủng hoảng diễn ra ở nước Nga sau thất bại của cuộc cách mạng 1905 - cuộc khủng hoảng phản ánh "sự tan rã sâu sắc, sự hoang mang, những giao động đủ các loại, tóm lại là : một cuộc khủng hoảng vô cùng trầm trọng *bên trong* chủ nghĩa Mác"(3). Lê-nin còn chỉ rõ : "Chính vì chủ nghĩa Mác không phải là một giáo điều chết cứng, một học thuyết nào đó đã hoàn thành hẳn, có sẵn đâu vào đấy, bất di bất dịch, mà là một kim chỉ nam sinh động cho hành động..."(4).

Sự phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin luôn luôn gắn liền với thực tiễn cách mạng mỗi nước, với những thành tựu của thời đại. Bởi vậy, phải tổng kết những bài học thành công, và cả những bài học thất bại của hơn 70 năm chủ nghĩa xã hội ở Liên xô (cũ), của các nước Đông Âu, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, những sai lầm của thời kỳ "quan liêu bao cấp", cũng như những thành tựu trong sự nghiệp đổi mới hiện nay để bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin chỉ có thể luôn luôn là một khoa học, là cách mạng khi không ngừng được bổ sung, phát triển. Nếu chỉ dừng lại ở những gì Mác và Lê-nin đã viết, giảng dạy nguyên xi như vậy thì sẽ đưa đến những nhận thức giáo điều chết cứng

---

* PTS kinh tế, Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh

(1) V.I Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t4, tr230

(2)V.I Lê-nin : *Sđd*, t4, tr232

(3) (4) :V.I.Lê-nin : *Sđd*, t20, tr103

Digitized by Google

về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, biến những môn học lý luận này thành những môn học mang tính lịch sử mà thôi.

Lại có *ý kiến không đúng khác cho rằng : chủ nghĩa Mác - Lê-nin cần được phát triển bằng các môn khoa học khác, thậm chí muốn thay thế dần việc giảng dạy các môn lý luận Mác - Lê-nin bằng những môn khoa học khác.*

Khi Đảng ta thực hiện đường lối đổi mới nền kinh tế nước ta phát triển theo hướng kinh tế hàng hóa, chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường, thì nhìn lại, chúng ta thấy nhiều nhận thức của chúng ta trước đây về chủ nghĩa Mác - Lê-nin tỏ rõ là giáo điều. Rõ ràng, trên nhiều vấn đề, về lý luận cũng như thực tiễn, cần phải nhận thức lại nhằm góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, để cho sự nghiệp đổi mới của đất nước ta luôn có "kim chỉ nam". Trong công tác nghiên cứu, giảng dạy, vấn đề này liên quan trực tiếp và trước hết đến môn kinh tế chính trị học. Nhưng lại có xu hướng tìm lời giải đáp cho những vấn đề thực tiễn đặt ra trong các môn học khác, ví dụ : môn kinh tế học. Có trường đại học đã đưa môn học này vào chương trình giảng dạy với ý thức nâng dần vị trí của nó thành cơ sở cho các môn kinh tế chuyên ngành ; nghiã là với vị trí đó, môn kinh tế học sẽ thay dần môn kinh tế chính trị học Mác - Lê-nin.

Trong một số bài báo gần đây, người ta đã chỉ viện dẫn quan điểm của các học giả tư sản làm luận cứ cho những ý kiến của mình khi phân tích những vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước. Chúng tôi cho rằng đây là vấn đề cần được thảo luận rộng rãi và nghiêm túc. Có hay không có một môn "kinh tế học" không gắn với chính trị ? Ai đã đọc cuốn sách kinh tế học của Paul A.Samc sclson -William D.Nordhaus thì đều có thể nhận thấy những lý thuyết kinh tế thị trường đó bao giờ cũng gắn với thực tiễn phát triển kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa, với đường lối, chính sách kinh tế của chính phủ các nước đó, trực tiếp là Mỹ. Trong sơ đồ "gia đình cây kinh tế" mà chính tác giả cuốn sách đó đưa ra thì học thuyết kinh tế của Mác và Lê-nin chỉ là một nhánh phát triển của kinh tế học, bắt đầu chia ra từ học thuyết kinh tế của D.Ricardo (còn nhánh kia phát triển thành các trào lưu của kinh tế học tư sản hiện đại). Như vậy "kinh tế học" đó là kinh tế chính trị học, nhưng không phải là kinh tế chính trị học Mác-Lê-nin, mà là kinh tế chính trị học tư bản chủ nghĩa.

Trong lý thuyết kinh tế học tư sản hiện đại có những hạt nhân hợp lý, những thành tựu mà chúng ta cần tiếp thu để vận dụng vào việc phát triển kinh tế đất nước, và đó cũng là tri thức để phát triển học thuyết Mác-Lê-nin. Về mặt phương pháp luận, cách đặt vấn đề như vậy là đúng, như những gì mà trước đây Mác đã làm khi ông kế thừa có phê phán và chọn lọc, có phủ định và phát triển các học thuyết kinh tế trước Mác, để xây dựng nên học thuyết kinh tế của mình. Nhưng trong những lý thuyết kinh tế học tư sản hiện đại chứa đựng cả những quan điểm đối lập với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, những quan điểm hình thành từ thực tiễn nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Khi các giáo viên giảng dạy môn kinh tế học trong hoàn cảnh tài liệu tham khảo chính là các lý thuyết kinh tế học tư sản, trong điều kiện chưa có sách giáo khoa, giáo trình, cũng như đề cương bài giảng chưa thống nhất, thì rất có thể xảy ra việc giảng dạy, truyền bá cả những quan điểm xa lạ, trái với kinh tế chính trị học mác xít. Chúng ta chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là theo định hướng xã hội chủ nghĩa chứ không phải là bất cứ nền kinh tế hàng hóa nào. Bởi vậy, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mà trực tiếp là kinh tế chính trị học Mác - Lê-nin vẫn luôn luôn là cơ sở lý luận cho đường lối đổi mới của đất nước.

Về môn *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, có ý kiến cho rằng cần giảng dạy đúng như những gì mà tác giả các học thuyết đó đã viết, không nên phân tích, phê phán các học thuyết này !

Đây cũng là quan điểm chúng tôi không thể đồng tình. Bởi vì khi nghiên cứu hay giảng dạy một học thuyết kinh tế, phải có sự nhìn nhận, đánh giá những yếu tố khoa học và không khoa học, sự phát triển hay thụt lùi của học thuyết đó khi đặt nó trong sự phát triển chung của lý luận kinh tế. Vậy đứng trên quan điểm nào để nhìn nhận, đánh giá ? Không lẽ giảng viên chỉ làm cái việc truyền đạt y nguyên những gì các học thuyết đó có mà không phân tích, bình luận gì ?

Khi xác định chủ nghĩa Mác - Lê-nin là kim chỉ nam cho hành động, có nghĩa coi đó là công cụ để nhận thức thực tiễn. Tuy nhiên, chúng ta cũng không đồng tình với những người nhân danh chủ nghĩa Mác - Lê-nin để giảng các học thuyết kinh tế khác chỉ với thái độ phê phán, bài xích, không có sự phân tích khoa học.

Những vấn đề chúng tôi nêu ở trên liên quan trực tiếp đến việc quản lý dạy và học các môn lý luận Mác - Lê-nin, và những môn học mới được đưa vào chương trình giảng dạy ở một số trường đại học. Một trong những công cụ quản lý quan trọng nhất là việc biên soạn, cho ra đời những sách giáo khoa về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trong đó cần phải thể hiện được sự nhận thức đúng đắn, sự phát triển trung thành, sáng tạo những nguyên lý của học thuyết khoa học và cách mạng đó.

Digitized by Google

ĐẠI HỘI 20 CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN NHẬT BẢN QUA CÁC VĂN KIỆN

ĐOÀN NGỌC CẢNH *

TRONG những năm gần đây, sự tan rã của Liên xô và sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu đã tác động không nhỏ đến tình hình phong trào cộng sản quốc tế nói chung, đến từng đảng cộng sản nói riêng, trong đó có Đảng cộng sản Nhật bản. Lợi dụng sự tan rã và sụp đổ nói trên, chủ nghĩa tư bản và những lực lượng vốn chống chủ nghĩa xã hội được dịp xuyên tạc và bóp méo. Người ta đưa ra đủ mọi luận thuyết về "Sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội", "Sự cáo chung của chủ nghĩa cộng sản", "Chủ nghĩa tư bản muôn năm"... Đúng là sự khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội có gây những khó khăn nhất định cho các đảng và phong trào cộng sản, tác động đến một bộ phận nhất định trong đảng cũng như ngoài xã hội, nhất là ở một nước chủ nghĩa tư bản phát triển như Nhật bản, trong đó giai cấp tư sản có một bộ máy thông tin đại chúng khổng lồ. Song, cách mạng là sáng tạo. Ở mỗi nước, mỗi đảng có hoàn cảnh đặc thù, không thể lấy thất bại của nước này để kết luận nước khác cũng sẽ như vậy. Trong bối cảnh đó, Đại hội lần thứ 20 của Đảng cộng sản Nhật bản họp từ ngày 19 đến 23-7-1994 tại thành phố A-ta-mi, tỉnh Shi-dư-ô-ca được Đảng bạn coi là một đại hội có ý nghĩa lịch sử đối với sự phát triển của mình.

Từ Đại hội 19 (năm 1990), Đảng cộng sản Nhật bản đã nhận thức rằng, việc đánh giá chính xác về chủ nghĩa xã hội khoa học là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt. Những hiện tượng có tính chất phủ định diễn ra ở nước này nước kia trong số các nước xã hội chủ nghĩa, không phải là bản chất của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Đại hội 20 Đảng cộng sản Nhật bản khẳng định : "Sự xác lập và phát triển của học thuyết về chủ nghĩa xã hội khoa học trong khoảng một thế kỷ rưỡi qua đã chứng minh sức sống của chủ nghĩa xã hội khoa học". "Đảng cộng sản Nhật bản vẫn coi chủ nghĩa xã hội khoa học là một học thuyết, một phong trào và một chế độ" (*Nghị quyết Đại hội*).

"Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thành công ở nước Nga dưới sự lãnh đạo của Lê-nin. Mặc dù có những hạn chế mang tính lịch sử vì khởi đầu từ một nền kinh tế và xã hội rất lạc hậu, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa lại phải mò mẫm tìm tòi lối đi đã phát huy được những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội khoa học, và với thành tựu đạt được, đã cống hiến to lớn cho sự tiến bộ của thế giới. Đặc biệt, việc chính quyền mới tuyên bố và thực hiện quyền tự quyết dân tộc, ra sắc lệnh hòa bình, thực hiện quyền bình đẳng nam nữ, thực hiện chế độ ngày làm việc 8 giờ, chế độ nghỉ phép có lương, chế độ bảo hiểm xã hội... đã khích lệ quần chúng lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới, tác động to lớn đến các nước tư bản chủ nghĩa. Ý nghĩa lịch sử thế giới đó không hề bị mất đi bởi sai lầm tích tụ lại của những người lãnh đạo sau đó... mà kết quả là sự tan rã của Liên xô" (*Cương lĩnh sửa đổi*).

Từ Đại hội 14 (năm 1977), Đảng cộng sản Nhật bản khi đánh giá về tình hình ở các nước xã hội chủ nghĩa, đã nhận định rằng : "Nếu nhìn về mặt lịch sử thế giới, thì chủ nghĩa xã hội mới đang trong quá trình "trưởng thành". Quan điểm về "thời kỳ trưởng thành" đã chỉ rõ ràng, những nước này sẽ phát triển nếu như "khắc phục được những hạn chế có tính lịch

* Phó vụ trưởng, Ban đối ngoại Trung ương Đảng

Digitized by Google

sử và những khuynh hướng phủ định". "Chúng ta đã dự kiến những thực tế phủ định đó, nếu không được khắc phục, sẽ dẫn đến kéo lùi lịch sử trở lại".

Các văn kiện Đại hội lần này phân tích kỹ về những nguyên nhân dẫn đến sự tan rã của Liên xô và sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu. Có những nguyên nhân bên trong và nguyên nhân bên ngoài. Đó là những biểu hiện của chủ nghĩa quan liêu, mệnh lệnh, sự không tôn trọng quyền tự quyết của dân tộc khác. Sự sụp đổ đó không phải là sự phá sản của chủ nghĩa xã hội khoa học mà "là sự phá sản của đường lối sai lầm, đi chệch khỏi chủ nghĩa xã hội khoa học" (*Nghị quyết Đại hội*). Cùng với nó còn có nguyên nhân khác nữa, đó là "sự ảo tưởng, tô hồng cho chủ nghĩa tư bản" từ trong bản thân các nước này.

Các văn kiện Đại hội đã phân tích nhiều về chủ nghĩa tư bản sau khi Liên xô tan rã và chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu sụp đổ. "Phải chăng" "chủ nghĩa tư bản muôn năm", như luận điệu rùm beng của các nước tư bản chủ nghĩa ? Sự giải thể của Liên xô không có nghĩa là chủ nghĩa tư bản ưu việt. Mâu thuẫn trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển ở trình độ cao, không còn khả năng khống chế nổi lực lượng sản xuất, đang bộc lộ trên một phạm vi và mức độ trầm trọng chưa từng có trên thế giới cũng như ở ngay Nhật bản. Tình hình đời sống của những người lao động ngày thêm tồi tệ. Suy thoái kinh tế kéo dài, thất nghiệp gia tăng, môi trường bị phá hoại trầm trọng. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân vẫn treo lơ lửng, đe dọa trái đất và nhân loại" (*Cương lĩnh sửa đổi*). Ngay "ở các nước tư bản chủ nghĩa đứng đầu là Mỹ, không chỉ có vấn đề thất nghiệp ngày càng trầm trọng, mà còn có vấn đề chênh lệch giàu nghèo, vấn đề "rỗng ruột" nền kinh tế ngày càng tăng. Ở nước Mỹ tư bản chủ nghĩa lớn nhất thế giới, có hơn 30 triệu người sống dưới mức nghèo khổ. Tất cả những cái đó chứng minh chủ nghĩa tư bản mang lại cho người lao động cái gì" (*Nghị quyết Đại hội*).

"Trong quan hệ với các nước đang phát triển, sự chênh lệch Bắc - Nam ngày càng mở rộng. Trên thực tế, sự bần cùng ngày càng trầm trọng. Trong các nước đang phát triển, hàng ngày có hơn 800 triệu người bị nạn đói đe dọa, 1/3 trẻ em bị suy dinh dưỡng, 200 triệu trẻ em phải lao động trong những điều kiện nghiệt ngã. Đó là điều đáng hổ thẹn đối với nhân loại" (*Nghị quyết Đại hội*).

"Ở các nước thuộc Liên xô cũ và Đông Âu, việc chuyển nhanh sang chủ nghĩa tư bản mang lại bi kịch cho người lao động : rối loạn về kinh tế và tình hình phạm tội gia tăng. Sự thất bại là không thể tránh khỏi. Việc chuyển nhanh sang chủ nghĩa tư bản ở các nước này đang gây nên sự bất bình và phê phán mạnh mẽ trong quần chúng nhân dân".

Các văn kiện phân tích một cách sinh động rằng, trong mấy trăm năm tồn tại của chủ nghĩa tư bản, những mâu thuẫn nội tại vẫn còn đó, không có khả năng giải quyết. Bản chất áp bức và bóc lột của chủ nghĩa tư bản không hề thay đổi, mà có xu hướng ngày càng trầm trọng hơn dưới những hình thức tinh vi hơn. Chủ nghĩa xã hội đang ở "thời kỳ trưởng thành" nhưng đã tạo ra những giá trị đích thực. Sẽ phạm sai lầm nếu như chỉ thấy sự phát triển của "cách mạng khoa học kỹ thuật" và "cách mạng tin học" (thực ra đó cũng chỉ là thành quả lao động của các nhà khoa học, của giai cấp công nhân thôi) mà quên đi sự áp bức, bóc lột, sự bất công và bao tệ hại khác do chủ nghĩa tư bản gây ra mà đông đảo quần chúng nhân dân lao động đang phải chịu đựng. "Nhìn vào hiện thực chủ nghĩa tư bản, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội khoa học càng tỏa sáng" (*Nghị quyết Đại hội*).

"Sau khi Liên xô tan rã, thế giới đứng trước nguy cơ nghiêm trọng. Đó là việc Mỹ tiếp tục duy trì một lực lượng quân sự hùng mạnh bao gồm cả lực lượng hạt nhân. Với vị trí là một siêu cường duy nhất trên thế giới, Mỹ đang thi hành một chiến lược thế giới mang tính chất bá quyền, can thiệp vào các cuộc xung đột tại các khu vực trên toàn thế giới, duy trì "trật tự" mang tính chất đế quốc" (*Cương lĩnh sửa đổi*). Chiến lược đó dựa trên "hai trụ cột" : "tìm cách kéo dài vô thời hạn Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) và tổ chức lại các khối quân sự, mở rộng hoạt động của Hiệp ước an ninh Nhật - Mỹ ra phạm vi toàn cầu, mở rộng hoạt động của khối quân sự Bắc Đại tây dương sang khu vực Đông Âu và các khu vực khác". "Trong bối cảnh duy trì một lực

Digitized by Google

lượng quân sự hùng hậu đó, Mỹ còn theo đuổi bá quyền trong lĩnh vực kinh tế, thông qua các tổ chức và diễn đàn kinh tế, và ngày càng tìm cách nắm lấy khu vực châu Á - Thái bình dương là khu vực có nền kinh tế năng động và có tốc độ phát triển cao".

Các văn kiện Đại hội 20 và các tham luận tại Đại hội dành phần xứng đáng để phân tích cuộc khủng hoảng chính trị nghiêm trọng và sự suy thoái kinh tế chưa từng có và kéo dài ở Nhật bản.

Từ sau Đại hội 19 của Đảng, Nhật bản lâm vào cuộc khủng hoảng chính trị nghiêm trọng nhất sau gần 40 năm cầm quyền của Đảng dân chủ tự do. Các vụ tham nhũng, hối lộ, trốn thuế, kinh doanh trái phép của các chính khách liên tiếp bị phát giác trong khi nền kinh tế Nhật bản sa sút, suy thoái kéo dài. Mâu thuẫn và cuộc đấu tranh quyền lực đã dẫn đến sự thay đổi chính quyền. Đó là sự ra đời của chính phủ liên hiệp. Chính quyền mới, về cơ bản, vẫn tiếp tục thực hiện các chính sách của các chính phủ trước đây thuộc Đảng dân chủ tự do. Tiếp tục các chính sách của chính quyền trước đó, chính quyền mới không những không phá vỡ được bế tắc, mà còn làm cho cuộc khủng hoảng chính trị và sự suy thoái kinh tế thêm trầm trọng. Mọi hậu quả của cuộc khủng hoảng chính trị và sự suy thoái kinh tế đều đổ lên đầu người lao động : quyền dân chủ và các quyền khác của người lao động bị xâm phạm ; phúc lợi xã hội và y tế bị cắt giảm ; thu nhập của người lao động giảm trong khi thuế và các khoản đóng góp khác tăng.

Các văn kiện Đại hội, bằng những chứng cứ và tư liệu thực tế, đã phân tích *giá trị sự tồn tại của các đảng cộng sản nói chung và của Đảng cộng sản Nhật bản nói riêng*. "Đảng có thể tự hào nói về ý nghĩa sự tồn tại của mình như một lực lượng thúc đẩy sự phát triển xã hội hợp với quy luật *(Nghị quyết Đại hội)*. Sự đóng góp của các đảng cộng sản trong thế kỷ 20 là rất to lớn. Đó là việc lãnh đạo các cuộc đấu tranh chống xâm lược, chống chủ nghĩa phát xít, giải phóng dân tộc, mang lại các quyền lợi to lớn về chính trị, kinh tế cho người lao động, và giải phóng họ khỏi áp bức, bóc lột, đóng góp to lớn vào tiến bộ xã hội. Tại Nhật bản, trong 72 năm hoạt động không mệt mỏi, Đảng cộng sản đã không khuất phục trước bất kỳ sự đàn áp nào, trước sau như một chống chiến tranh xâm lược, vì các quyền dân sinh, dân chủ của nhân dân Nhật bản, vì mục tiêu xây dựng một nước Nhật bản độc lập, dân chủ, hòa bình,trung lập và phồn vinh.

Trên cơ sở phân tích tình hình quốc tế và trong nước Nhật bản, những nguy cơ và diễn biến phức tạp, Đại hội đã nêu ra tầm quan trọng và triển vọng của tình đoàn kết quốc tế trong tình hình hiện nay. Đại hội chỉ rõ : "... sự giải thể của Liên xô đã làm nảy sinh những rối loạn và sự thụt lùi, nhưng nếu nhìn về một triển vọng lâu dài, thì người ta lại thấy đang xuất hiện những điều kiện mới và tích cực cho sự phát triển tự chủ của phong trào vì sự tiến bộ xã hội của các nước... Trong tình hình những mâu thuẫn về chính trị và xã hội trong thế giới tư bản chủ nghĩa ngày càng trầm trọng, ở một loạt nước trên thế giới người ta đang tìm hướng đi cho chủ nghĩa xã hội khoa học ; những mầm mống mới của phong trào tự tìm kiếm con đường tiến lên cho sự nghiệp tiến bộ xã hội, đang xuất hiện " *(Nghị quyết Đại hội)*.

Để thúc đẩy tình đoàn kết quốc tế, ngăn chặn những nguy cơ mới sau khi Liên xô sụp đổ, thực hiện mục tiêu hòa bình và tiến bộ xã hội, Đại hội đã vạch ra *những vấn đề mang tính quốc tế* mà tình đoàn kết quốc tế cần tập trung vào : 1 - Thủ tiêu vũ khí hạt nhân, một vấn đề khẩn cấp và then chốt để bảo vệ hòa bình thế giới ; 2 - Thủ tiêu các khối và liên minh quân sự, rút bỏ các căn cứ quân sự và quân đội nước ngoài ; 3 - Chống chủ nghĩa bá quyền dưới mọi hình thức, bảo đảm quyền tự quyết dân tộc ; 4 - Giải quyết mâu thuẫn trầm trọng Bắc - Nam, một vấn đề cấp bách đối với cả nhân loại.

Trong tình hình phong trào cộng sản khủng hoảng như hiện nay, một vấn đề chung, có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển và thắng lợi của phong trào chủ nghĩa xã hội khoa học, là vấn đề xây dựng Đảng. Các văn kiện của Đại hội cũng như các tham luận của các đại biểu Đại hội đã bàn nhiều về vấn đề xây dựng Đảng, về tổ chức và tư tưởng trong hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của Nhật bản. Các văn kiện

(Xem tiếp trang 62)

Digitized by Google

PHẢI CHĂNG SỰ KHÁC NHAU VỀ TRÌNH ĐỘ VĂN MINH LÀ NGUYÊN NHÂN CỦA CÁC XUNG ĐỘT TRÊN THẾ GIỚI ?

Lời người biên tập : *S.P. Hơn-tinh-tơn, giáo sư chính trị học Mỹ đã cho công bố bài luận văn dài nhan đề : "Sự đụng độ giữa các nền văn minh" (The clash of Civilizations). Bài này đăng trên tạp chí Mỹ NGOẠI GIAO số 3 Vol 72 năm 1993, sau đó đăng lại trên THỜI BÁO NIU Y-OÓC và các báo khác của Mỹ. Giới nghiên cứu ở Mỹ và nhiều nơi khác trên thế giới rất chú ý đến những luận điểm khác thường của Hơn-tinh-tơn. Sau đây là nội dung chính trong bài viết của ông và nhận xét của chúng tôi.*

HƠN-TINH-TƠN viết : "Nguồn gốc cơ bản của các cuộc xung đột trong thế giới mới này sẽ không thiên về mặt hệ tư tưởng cũng như về kinh tế. Đường phân ranh giới cơ bản giữa con người với nhau và nguồn gốc trội lên của cuộc xung đột sẽ mang tính chất văn hóa... Sự đụng độ giữa các nền văn minh sẽ là nhân tố chủ đạo của nền chính trị thế giới".

Theo tác giả, xa xưa là các cuộc chiến tranh tôn giáo. Đó là thời đại trước Hiệp ước Oét-pha-len (Westfalen : một tỉnh của Đức) ký năm 1648, Hiệp ước kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm. Sau đó là thời kỳ chiến tranh về quyền lợi giữa các quốc gia dân tộc. Từ 1917 là chiến tranh hệ tư tưởng. Hiện nay, sau chiến tranh lạnh, là các cuộc chiến tranh (đụng độ) giữa các nền văn minh, chủ yếu là giữa văn minh phương Tây và văn minh ngoài phương Tây ! Hơn-tinh-tơn cho rằng tương lai của loài người sẽ được quyết định bởi sự tương tác giữa 7-8 nền văn minh : Phương Tây, Khổng giáo (Nho giáo), Nhật bản, Hồi giáo, Ấn độ giáo, Chính giáo, Xla-vơ, Mỹ la tinh và có thể cả châu Phi nữa. Sự khác nhau về văn hóa, văn minh đang thổi bùng lên những mâu thuẫn và xung đột mà nhân loại đang chứng kiến ! Từ nay, sự xung đột giữa các nền văn minh sẽ ngự trị nền chính trị thế giới ! Vì sao ? Theo Hơn-tinh-tơn, đó là vì :

- Văn minh phương Tây đang ở đỉnh cao, trong khi văn minh ngoài phương Tây đang cố vươn mình lên để cải tạo thế giới theo mô thức của mình. Do đó, có xung đột.

- Sự khác biệt về văn minh mang tính chất căn bản và sâu sắc hơn là khác biệt về hệ tư tưởng và chế độ chính trị.

- Thế giới đang thu nhỏ, sự tiếp xúc giữa các nền văn minh ngày càng nhiều. Điều này vừa thúc đẩy sự tiếp cận, vừa gia tăng sự bất đồng.

- Ranh giới quốc gia đang mờ nhạt dần, trong khi đó các tôn giáo nổi lên bành trướng. Đặc tính của văn hóa rất khó thay đổi, không dễ biến hóa như các nhân tố chính trị hay kinh tế. Một con người, có thể là công dân của hai nước, có thể 1/2 là Pháp, 1/2 là Ả rập, nhưng không thể 1/2 là Thiên chúa giáo, 1/2 là Hồi giáo ! Trong xung đột giai cấp và hệ tư tưởng, vấn đề mấu chốt là : "Anh theo bên nào ?". Trong xung đột giữa các nền văn minh, người ta hỏi : "Anh là ai ?". Và nếu trả lời trật (không quan trọng là anh ở đâu : Bô-xnia, Cáp-ca-dơ hay Xô-ma-li) là có thể nhận một viên đạn vào đầu.

- Trước xu thế quốc tế hóa và khu vực hóa, nhiều nước, nhất là những nước lớn, đang có xu hướng quay về với chính mình, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc. Nhật bản nhấn mạnh tính chất "châu Á". Ấn độ đang "Ấn độ hóa". Trung Đông đang "Hồi giáo hóa". Trung quốc khẳng định "màu sắc Trung hoa". Đó là nhân tố cản trở sự tiếp cận giữa các nền văn minh. Do mang đậm tính chất Đông Á, nên Nhật bản không thể thực hiện nhất thể hóa

Digitized by Google

kinh tế ở Đông Á như ở châu Âu và Bắc Mỹ. Ngược lại, so dự giống nhau về văn hóa nổi trội hơn sự khác nhau về chính trị, nên Trung quốc đang trở thành trung tâm của kinh tế Đông Á, bao gồm Trung quốc, Hồng kông, Đài loan, Xin-ga-po là những nơi có chung nền văn hóa. Sự giống nhau về văn hóa - tôn giáo đã liên kết 10 nước Hồi giáo không phải Ả rập là I-ran, Pa-ki-xtan, Thổ nhĩ kỳ, A-déc-bai-dan, Ca-dắc-xtan, U-dơ-bê-ki-xtan, và Áp-ga-ni-xtan...

Xuất phát từ quan điểm khác biệt về văn minh, Hơn-tinh-tơn cho rằng phương Tây đang phải ra sức chống lại thế giới ngoài phương Tây. Theo ông, phương Tây hiện đang ở đỉnh cao về sức mạnh, do đó, về quyền lực, Mỹ, Anh, Pháp, Đức, cả Nhật đang liên kết mật thiết, khống chế Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, cả Quỹ tiền tệ quốc tế và các tổ chức kinh tế quốc tế. Thuật ngữ "Cộng đồng thế giới" thực chất là một uyển ngữ thay cho thuật ngữ "thế giới tự do" nhằm mang lại tính hợp pháp cho những hành động phản ánh lợi ích toàn cầu của Hoa kỳ và các cường quốc phương Tây. Hơn-tinh-tơn viết : "Phương Tây đang sử dụng các thiết chế quốc tế, sức mạnh quân sự và nguồn lực kinh tế để cai trị thế giới nhằm duy trì sự thống trị của mình, bảo vệ lợi ích của mình và đề cao những giá trị chính trị và kinh tế của mình". Ông nói : những lý tưởng của phương Tây về chủ nghĩa cá nhân, về con người đang bị các nước văn hóa phương Đông lên án là "chủ nghĩa đế quốc về quyền con người". Giá trị cao đẹp nhất của phương Tây lại ở vị trí thấp nhất trong phần còn lại của thế giới. Xuất phát từ lập trường chống lại cái gọi là sự thách thức của thế giới ngoài phương Tây, Mỹ và phương Tây đang ra sức kiểm soát và khống chế sự phát triển vũ khí, trước hết là vũ khí hạt nhân của nhiều nước đang phát triển.

Theo Hơn-tinh-tơn, tiềm lực quân sự không ngừng gia tăng của Trung quốc là nhân tố mấu chốt đối lập với phương Tây. Sự tăng cường sức mạnh quân sự không ngừng của Trung quốc và việc nước này củng cố ảnh hưởng của mình trong khu vực biển Đông đang kích động cuộc chạy đua vũ trang ở khu vực. Ngoài ra, Trung quốc đang trở thành một nước xuất khẩu vũ khí và công nghệ quốc phòng lớn. Những mối liên hệ quân sự giữa hai nền văn minh Khổng giáo và Hồi giáo nhằm chống lại sức mạnh quân sự phương Tây đang trở thành sự thật.

Trước những thách thức đó của văn minh ngoài phương Tây, phương Tây cần làm gì ? Vẫn theo Hơn-tinh-tơn :

- Phương Tây cần gia tăng tập hợp lực lượng, nhất là giữa Bắc Mỹ và châu Âu, tranh thủ hợp tác với các nền văn minh tiếp cận phương Tây như Mỹ la tinh, Đông Âu.

- Ngăn chặn sự bành trướng lực lượng quân sự của các quốc gia Nho giáo và Hồi giáo.

- Các nước phương Tây nói chung cần giảm bớt quân sự, nhưng phải giữ ưu thế quân sự ở Trung Đông và Tây Nam Á.

- Giúp đỡ những cộng đồng quốc gia nào tỏ ra đồng tình với các giá trị và lợi ích của phương Tây.

- Phương Tây phải chú ý bảo vệ lợi ích tự thân, bảo vệ thực lực kinh tế và quân sự của mình ; đồng thời học cách chung sống với các quốc gia văn minh khác.

Những giải pháp trên nói lên điều gì ? Chẳng lẽ đó không phải là để bảo vệ lợi ích chính trị của phương Tây ? Hơn-tinh-tơn đã tự mâu thuẫn. Ông ta nói bất đồng văn hóa đang thay thế bất đồng chính trị. Nhưng rốt cuộc, ông ta cũng vẫn không thoát ra khỏi mớ bòng bong của mâu thuẫn và xung đột chính trị. Đơn thuốc của ông Hơn-tinh-tơn xét đến cùng là để cứu nguy cho chủ nghĩa tư bản phương Tây. Chỉ có điều là được nêu dưới dạng văn hóa - văn minh. Phải thừa nhận rằng Hơn-tinh-tơn đã cung cấp những luận cứ quan trọng mà chính giới Mỹ và các nước phương Tây đang dựa vào đó để xác định chiến lược quân sự sau chiến tranh lạnh và các giải pháp kinh tế.

Đối với người phương Tây, luận thuyết "xung đột giữa các nền văn minh" đến với họ như cái chìa khóa để giải mã những rối rắm ở I-rắc, Xô-ma-li, Bô-xni-a, Ha-i-ti... Rồi cả sự sụp đổ của Liên xô, Đông Âu, kèm theo sự suy thoái kinh tế, vấn đề dân chủ và nhân quyền ở Đông Á, thậm chí cả những mâu thuẫn về mậu dịch giữa các nước phương Tây với nhau ; tất thảy đều được cắt nghĩa theo luận thuyết của Hơn-tinh-tơn. Khái niệm "đụng độ giữa các nền văn minh" đang được nhắc đến với tần số ngày càng cao trên nhiều sách báo và diễn đàn quan trọng.

Chúng ta công nhận một sự thật : sự thành lập các khối kinh tế gần đây có một phần dựa trên sự tương đồng về văn hóa và văn minh [1]. Đồng thời, cũng có khi sự xung đột về văn hóa (nói cho đúng là về giá trị văn hóa) lại kèm theo xung đột về chính trị và kinh tế. Đó là trường hợp mâu thuẫn và xung đột giữa các nước đang phát triển và các nước phát triển, đây đích thực là có bất đồng về quan niệm giá trị, về dân chủ, nhân quyền, về chính sách kinh tế...

(1) Có ý kiến cho rằng : văn hóa thể hiện trình độ phát triển của con người. Người nguyên thủy đã biết dùng đồ đá, đó là văn hóa đồ đá. Nhưng người nguyên thủy chưa có văn minh (Civilization). Văn minh là văn hóa ở trình độ cao.

Digitized by Google

Nhưng không thể coi sự khác nhau về văn minh là cội nguồn mọi xung đột. Cái gì là một trong những mồi lửa đốt nóng các cuộc xung đột mà loài người đã và đang chứng kiến ? Đó là hệ thống lợi ích : lợi ích về lãnh thổ, về tài nguyên, về quyền lực của cá nhân và của cộng đồng, lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc, lợi ích toàn nhân loại ; lợi ích kinh tế và lợi ích chính trị... Nếu đã hiểu rằng hệ thống lợi ích là một trong những nguyên nhân cơ bản của các cuộc xung đột trong lịch sử thì không thể lẫn lộn giữa lợi ích chính trị và văn hóa, giữa chính trị và văn minh ; không thể lấy văn hóa thay chính trị ; lấy chiêu bài văn hóa để tách rời và làm mờ nhạt chính trị. Cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh về chính trị, về hệ tư tưởng, về quan niệm giá trị luôn ngự trị trong mọi lĩnh vực.

Hơn-tinh-tơn đã tuyệt đối hóa sự khác nhau về văn hóa. Đạo Phật, đạo Cơ đốc, đạo Khổng và nhiều quan niệm giá trị văn hóa khác nhau, đều có những nhân tố tích cực, đều có thể giao lưu và cùng tham khảo, để cùng thúc đẩy lịch sử đi lên.

Sự suy thoái kinh tế hiện nay của nhiều nước phương Tây, kèm theo sự suy thoái về văn hóa và giá trị đạo đức là do đâu ? Có phải do xung đột với các nền văn minh khác hay không ? Không ! Đó là do hậu quả của chính chế độ xã hội phương Tây. Không thể đổ lỗi cho cái gọi là sự thách thức của văn minh Nho giáo hoặc Hồi giáo phương Đông. Vì nếu cứ đổ vấy như vậy, tất yếu sẽ coi phương Đông là thù địch, và sẽ đi đến những giải pháp sai lầm.

Không tuyệt đối hóa sự khác nhau về văn hóa. Nhưng cũng không thể coi thường công cuộc xây dựng văn hóa, nâng cao văn minh. Nền văn minh và văn hóa phương Tây cũng có những yếu tố có tính phổ quát và có ảnh hưởng to lớn. Văn hóa và văn minh ngoài phương Tây cần tiếp thu và tham khảo những yếu tố tích cực trong giá trị văn hóa, văn minh phương Tây. Đồng thời, cần bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc mình, không thể đánh mất mình trước sự xâm nhập của "văn hóa" bên ngoài, bất kể từ đâu đến. Thông qua công nghiệp hóa, hiện đại hóa để xây dựng nền văn hóa mới, nâng cao trình độ văn minh. Đó là sự nghiệp quan trọng bậc nhất. Chỉ cần nhớ cho kỹ : hiện đại hóa nhưng không Tây hóa !

LÊ PHAN DI
(thực hiện)

ĐẠI HỘI...

(Tiếp theo trang 59)

khẳng định : "Đảng cộng sản Nhật bản là đội tiền phong của giai cấp công nhân, là một tổ chức tiên tiến nhất trong các tổ chức của người lao động và nhân dân Nhật bản, là tổ chức có trách nhiệm hoàn thành sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân... tiến hành cách mạng dân chủ nhân dân, xây dựng một nước Nhật bản mới độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập và nâng cao đời sống thông qua cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Nhật bản, tiến lên thực hiện xã hội cộng sản chủ nghĩa" *(Điều lệ sửa đổi)*. "Đảng lấy chế độ tập trung dân chủ làm nguyên tắc xây dựng Đảng, lấy chủ nghĩa xã hội khoa học làm cơ sở lý luận", lấy thế giới quan của chủ nghĩa xã hội khoa học để trang bị cho đảng viên, tăng cường công tác xây dựng đảng về tư tưởng và tổ chức, nâng cao tính chiến đấu, tính đảng trong hoạt động của Đảng nói chung và của từng đảng viên nói riêng. Đảng chú trọng thông qua hoạt động cơ sở, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng, phát triển phong phú các hoạt động của Đảng trong quần chúng. Hai trọng tâm hoạt động để đưa Đảng trở thành một lực lượng chính trị lớn mạnh là phát triển bạn đọc báo AKAHATA và phát triển đảng viên. Đảng chú trọng những hoạt động của Đảng theo những phương châm và mục tiêu nói trên, chuẩn bị lực lượng tiến lên giành thắng lợi trong các cuộc bầu cử sắp tới.

Trong diễn văn bế mạc Đại hội lần thứ 20, đồng chí T.Phu-oa, Chủ tịch Đoàn chủ tịch kêu gọi toàn Đảng "hãy biến các quyết định của Đại hội thành sức mạnh, phát huy toàn diện giá trị đích thực của Đảng theo chủ nghĩa xã hội khoa học, tiến lên giành những thắng lợi to lớn, chủ động mở ra những trang sử mới để bước vào thế kỷ 21".

Digitized by Google

CƠ CẤU KINH TẾ. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

• Cơ cấu kinh tế

Xét về mặt triết học, *cơ cấu* là một phạm trù phản ánh cấu trúc bên trong của một đối tượng,là tập hợp những mối liên hệ cơ bản, tương đối ổn định giữa các yếu tố cấu thành đối tượng đó, trong một thời gian nhất định.

Cơ cấu kinh tế của một nước là tổng thể những mối liên hệ giữa các bộ phận hợp thành nền kinh tế của nước đó : các lĩnh vực (sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng) ; các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải...) ;các thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, tư nhân...) ;các vùng kinh tế, v.v.

Ở mỗi vùng, mỗi ngành lại có cơ cấu kinh tế riêng của mình tùy theo điều kiện tự nhiên, xã hội, địa - kinh tế cụ thể.

Trên phạm vi cả nước, cơ cấu kinh tế là biểu hiện tập trung của chiến lược kinh tế - xã hội. Một cơ cấu kinh tế hợp lý phải phản ánh sự tác động của các quy luật phát triển khách quan. Vai trò của yếu tố chủ quan chỉ là thông qua nhận thức ngày càng sâu sắc những quy luật đó mà phân tích, đánh giá những xu thế phát triển khác nhau, đôi khi còn mâu thuẫn nhau, để tìm ra những phương án thay đổi cơ cấu có hiệu quả cao nhất trong những điều kiện cụ thể của đất nước. Mọi ý định chủ quan, nóng vội hay bảo thủ trong việc tạo ra sự thay đổi cơ cấu thường dẫn đến hậu quả không nhỏ đối với nền kinh tế.

Mỗi một cơ cấu kinh tế đều mang tính lịch sử xã hội nhất định và luôn biến động, gắn với sự biến đổi, phát triển không ngừng của các yếu tố, các bộ phận cấu thành nền kinh tế và những mối liên hệ giữa chúng.

Sự hình thành cơ cấu kinh tế thường bị chi phối bởi *các nhân tố* chủ yếu như :

- Những nhân tố địa lý - tự nhiên (tài nguyên, khoáng sản, nguồn nước, nguồn năng lượng, đất đai, khí hậu...)Bất cứ nền sản xuất xã hội nào cũng là việc con người chiếm hữu những đối tượng tự nhiên trong phạm vi một hình thái xã hội nhất định. Sản xuất là quá trình "chiếm hữu tự nhiên", gắn bó với tự nhiên, phụ thuộc tự nhiên, đồng thời tác động trở lại tự nhiên.

- Những nhân tố kinh tế -xã hội bên trong đất nước. Nhu cầu của con người quy định các dạng hoạt động lao động của con người cũng như cơ cấu và kết quả của những hoạt động đó. Nhu cầu xã hội, với tính cách là động cơ thúc đẩy bên trong của sản xuất là những tiền đề của cơ cấu kinh tế.

Trong nền sản xuất hàng hóa, nhu cầu của xã hội được phản ánh qua thị trường. Cơ cấu kinh tế - xã hội phải thể hiện gián tiếp nhu cầu của thị trường, và tác động của thị trường sẽ nói lên tính hợp lý và hoàn thiện hay không của nhu cầu xã hội.

Trình độ phát triển của một nước là nhân tố ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự hình thành cơ cấu kinh tế của nước đó (bao gồm cả hình thức, bước đi của quá trình phát triển).

- Những nhân tố về kinh tế đối ngoại và phân công lao động quốc tế. Sự tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế dưới nhiều hình thức sẽ gia tăng sự thích ứng và phù hợp về cơ cấu của nền kinh tế với bên ngoài. Tính đa dạng của các nhu cầu phổ biến và sự khác nhau về điều kiện thuận lợi cho nền sản xuất ở các nước, đòi hỏi bất cứ nền kinh tế nào cũng phải có sự trao đổi kết quả hoạt động với bên ngoài với mức độ và phạm vi khác nhau.

• Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là quá trình làm thay đổi cấu trúc và các mối liên hệ của một nền kinh tế theo một chủ đích và phương hướng nhất định. Ví dụ : hiện nay nước ta đang bắt đầu tiến hành chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Ở các địa phương đang tiến hành chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, khai thác tối đa thế mạnh của địa phương, từng bước phát triển công nghiệp, khoa học và công nghệ, nhằm thu được những kết quả và giá trị kinh tế cao nhất.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình làm biến đổi nền kinh tế từ chỗ có cơ cấu chủ yếu là nông nghiệp lạc hậu, sang cơ cấu kinh tế công nghiệp - nông nghiệp và dịch vụ hiện đại. Đó là quá trình làm tăng thêm tốc độ và tỉ trọng của sản xuất công nghiệp trong nền kinh tế gắn liền với đổi mới căn bản về công nghệ, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và lâu bền của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chúng ta không chỉ đơn thuần phát triển công nghiệp, mà còn làm thay đổi cơ cấu trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng vùng và toàn bộ nền kinh tế quốc dân theo hướng công nghệ tiến bộ ; không chỉ đi tuần tự qua các bước cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa, mà còn kết hợp đồng thời các thành tựu trên nhiều lĩnh vực, và có những mũi nhọn phát triển đi tắt, đón đầu ; không chỉ áp dụng những công nghệ tiên tiến, mà còn phải biết tận dụng và hiện đại hóa công nghệ truyền thống.

Hội nghị lần thứ bảy BCHTƯ Đảng (khóa VII) đã xác định, trong những năm trước mắt,chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta cần theo hướng công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông,lâm, thủy sản, công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn, đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại. Cải tạo, mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới kết cấu hạ tầng làm cơ sở cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Xây dựng những cơ sở công nghiệp nặng trong các ngành trọng yếu để phát huy tác dụng tích cực của chúng thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Mở rộng các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, đáp ứng đòi hỏi đổi mới trang bị trong nền kinh tế quốc dân, nâng cao trình độ công nghệ hiện có, hiện đại hóa những công nghệ truyền thống và tiếp thu công nghệ mới một cách thích hợp. Thực hiện *hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu* những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả,phát huy lợi thế của cả nước cũng như từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực, từng thời kỳ nhằm không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, thị trường khu vực và thị trường quốc tế.

Digitized by Google

KỶ NIỆM VÀ HỘI THẢO KHOA HỌC VỀ HẢI TRIỀU

NGÀY 12-8-1994, tại Nhà văn hóa Trung tâm báo chí Hội nhà báo Việt nam đã diễn ra lễ kỷ niệm và hội thảo khoa học về nhà báo, nhà văn, nhà văn hóa mác xít Hải Triều nhân 40 năm ngày mất của ông. Hội thảo khoa học lần này đã được chuẩn bị và tổ chức một cách chu đáo do sự phối hợp của 5 cơ quan : Bộ văn hóa - thông tin, Viện văn học, Hội nhà báo Việt nam, Hội nhà văn Việt nam, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa thiên - Huế.

Đến dự kỷ niệm và hội thảo khoa học có Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nhà thơ Tố Hữu ; các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng : Hà Đàng, Trưởng ban tư tưởng văn hóa Trung ương ; Trần Hoàn, Bộ trưởng Bộ văn hóa - thông tin ; Nguyễn Phú Trọng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản, cùng đại biểu của hơn 40 cơ quan nghiên cứu văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản, các trường đại học, gia đình và bạn bè thân thiết của Hải Triều.

Trong diễn văn khai mạc, Bộ trưởng Trần Hoàn đã đánh giá cao công lao to lớn của Hải Triều trong việc truyền bá tư tưởng Mắc - Lê-nin vào nước ta và lòng trung thành với lý tưởng cộng sản của ông. Chính những hoạt động văn hóa sôi nổi mang tính chiến đấu cao đã làm cho Hải Triều trở thành người chiến sĩ tiên phong của Đảng trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Với ngòi bút sắc sảo, đầy nhiệt huyết, Hải Triều đã tả xung hữu đột trên văn đàn, đánh bại quan điểm duy tâm của Phan Khôi (1933) và giành phần thắng vang dội trong cuộc tranh luận với nhóm "nghệ thuật vị nghệ thuật" (1935-1939).

Phân tích Hải Triều dưới góc nhìn của một nhà báo, Tổng thư ký Hội nhà báo Phan Quang đã chỉ ra những đóng góp quý báu của Hải Triều đối với sự nghiệp báo chí nước ta trong thập kỷ 30. Đến nay chúng ta đã sưu tập được một số tác phẩm của Hải Triều song công việc này cần phải được tiếp tục. Những bài viết của Hải Triều trên tờ *Tiếng Dân* và một số tờ báo khác còn chưa được sưu tầm đầy đủ.

Giáo sư Phong Lê đã đánh giá một cách khá toàn diện sự nghiệp của Hải Triều, đặc biệt là những cống hiến của ông trong việc xây đắp một nền văn hóa mới. Đóng góp to lớn của Hải Triều - theo giáo sư Phong Lê - là ở chỗ, ông đã khẳng định tính ưu việt của nền văn nghệ *tả thực xã hội*, đề cao vai trò và trách nhiệm công dân của nghệ sĩ, khẳng định văn nghệ phải trở thành một vũ khí đấu tranh tư tưởng sắc bén và có hiệu quả. Những bài viết của Hải Triều cũng cho thấy sự quan tâm của ông về phương diện hình thức nghệ thuật, coi trọng sự phù hợp giữa nội dung và hình thức. Tuy còn một số điểm đơn giản và sơ lược do hạn chế của hoàn cảnh lịch sử, những trang viết của Hải Triều chứng tỏ một cái nhìn sắc sảo, tinh tế khi nói về nghệ thuật ; những "hạt nhân hợp lý" trong quan điểm của ông về vai trò và sứ mạng của một nền văn nghệ mới cần được tìm tòi và phát triển.

Là những người bạn, những người đồng chí thân thiết của Hải Triều, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và nhà thơ Tố Hữu đã xúc động ôn lại những kỷ niệm về nhà văn quá cố. Khi chủ động "khai hỏa" cho những cuộc tranh luận vào những năm 30, Hải Triều còn là một chàng trai trẻ. Nhưng với nhiệt tình cách mạng, được sự kích thích của lý tưởng cộng sản, cộng với vốn kiến thức phong phú, sự nhạy bén trước những vấn đề trọng đại của đời sống xã hội, Hải Triều trở thành một "kiện tướng" sung sức, một hình ảnh đẹp về người chiến sĩ trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Giương cao ngọn cờ Mác - Lê-nin, Hải Triều đã chứng minh rằng nền văn hóa của giai cấp vô sản chính là nền văn hóa của tương lai. Đọc lại những trang viết của Hải Triều, nhà thơ Tố Hữu cho rằng, chính sự xanh tươi và sống động trong lý luận, chất triết học sâu sắc trong những bài viết đã tạo ra "trường hấp dẫn" của ngòi bút Hải Triều.

Các tham luận khoa học của các giáo sư Vũ Khiêu, Trường Lưu, Vũ Đức Phúc... đã tập trung phân tích sự nghiệp của Hải Triều trên ba phương diện cơ bản :*nhà văn-nhà báo-nhà văn hóa*. Với quan điểm lịch sử cụ thể, các nhà nghiên cứu đều thống nhất đánh giá cao sự nghiệp hoạt động cách mạng của Hải Triều. Những cống hiến quý báu của ông, những quan niệm của ông về nghệ thuật đến nay thực sự vẫn là những chỉ dẫn để chúng ta tiếp tục xây dựng một nền văn hóa nghệ thuật Việt nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc.

Thay mặt gia đình Hải Triều, nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm, Thứ trưởng Bộ văn hóa - thông tin, ôn lại những kỷ niệm về người cha, về truyền thống gia đình, quê hương, về tất cả những nhân tố đã giúp Hải Triều trở thành một nhà văn hóa tài năng, suốt đời phụng sự cho lý tưởng cách mạng.

Kết thúc hội thảo, giáo sư Phong Lê nêu bật ý nghĩa của những di sản của Hải Triều. Toàn bộ sự nghiệp văn học của Hải Triều vừa toát lên tính chiến đấu không khoan nhượng với những quan điểm sai trái về nghệ thuật, vừa thể hiện sự uyển chuyển của tư duy biện chứng thấm đậm chất nhân văn. Có thể nói, chính những yếu tố này đã làm cho Hải Triều vẫn song hành với chúng ta trong công cuộc đổi mới hôm nay. Nhiều quan điểm của ông về nghệ thuật vẫn tỏ ra có sức thuyết phục và giữ nguyên giá trị của nó. Nhớ về Hải Triều, tìm hiểu cuộc đời và sự nghiệp của ông, những người làm văn hóa nghệ thuật Việt nam càng thấm thía lời dạn của Bác Hồ trong thư gửi các họa sĩ năm 1951 : Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy.

MAI HẢI OANH
(thực hiện)

Digitized by Google

ỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH I (CIENCO I)

IUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT
:Ở THƯỞNG LUÂN LƯU CỦA
:HÍNH PHỦ

- Địa chỉ cơ quan : 278 Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội
- Tel : 514406 - 513726
- Fax : 84 - 4 - 510857
- Tổng Giám đốc : Kỹ sư. **Phạm Quang Tuyến**



Thủ tướng Võ Văn Kiệt kiểm tra đường ôtô Thăng Long - Nội Bài trước ngày thông xe

30 NĂM TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH I

THÀNH lập năm 1964, Tổng công ty xây dựng Công trình I đã có 30 năm sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng Công trình Giao thông vận tải.

Tổng công ty đã và đang hoàn thiện tổ chức quản lý chiều sâu công nghệ, tiếp tục phát huy tiềm năng hiện có để trở thành doanh nghiệp mạnh về xây dựng công trình cầu, đường, bến cảng, sân bay và các công trình dân dụng công nghiệp.

Tổ chức sản xuất của các công ty, xí nghiệp trong Tổng Công ty phong phú, đa dạng bao gồm :

Hai Công ty chuyên xây dựng cầu cảng

Hai công ty xây dựng cầu đường hỗn hợp

Tám Công ty xây dựng nền, mặt đường và lắp đặt đại tu đường sắt.

Năm Công ty làm nhiệm vụ hỗ trợ : Khảo sát thiết kế, thí nghiệm vật liệu, sản xuất đá, xi măng, cung ứng vật tư thiết bị và một trường đào tạo công nhân kỹ thuật.

* Lực lượng lao động của Công ty hiện nay có 5000 người trong đó có 415 kỹ sư, 420 trung cấp, 4750 công nhân kỹ thuật (có 750 thợ bậc 5 trở lên).

Tổng Công ty có 600 đầu phương tiện, thiết bị hiện đại đa phần là thiết bị tiên tiến, công suất lớn, mới nhập của Nhật Bản, Đức như : Máy ủi 130÷350 mã lực, máy xúc dung tích trên 1m^3; máy san tự hành, dầm rung bánh lốp 25 tấn; cần cẩu 16÷100 tấn; xe vận tải 7 ÷12 tấn; Máy rải cấp phối, rải đá nhỏ, phun nhựa có hệ thống điều khiển tự động, công suất lớn của Đức; trạm trộn di động bê tông át phan, bê tông xi măng 25 tấn ÷ 50 tấn/h; Búa động cọc 1,8 tấn; 2,8 tấn, búa rung BP70; máy nghiền sàng đá 100 tấn/h.

Giá trị của phương tiện thiết bị tính quy đổi ra ngoại tệ tương ứng 15 triệu USD.

Những tiến bộ kỹ thuật và dây chuyền công nghệ mới Tổng công ty đã và đang ứng dụng :

Đúc, hạ cọc ϕ 1000mm xuống độ sâu 60m.

Đúc dầm bê tông dự ứng lực L = 33m/60 tấn (căng kéo trước hoặc sau) trên bệ căng kéo không cố định

Đúc khung T trên đỉnh trụ (L =18÷28m) để mở rộng khẩu độ dầm.

Đúc hẫng dầm bê tông dự ứng lực L = 102 m cầu Phú Lương

* Gia công dầm thép L = 43-64m; l=1.800mm
* Thi công nền, mặt đường theo quy trình công nghệ tiên tiến.
* Thi công nền đường đạt K98, móng đường bằng lớp cấp phối đá dăm gia cố xi măng.
* **Những công trình lớn Tổng Công ty XDCT 1 đã và đang xây dựng :**
* *Cải tạo nâng cấp đường ôtô Quốc lộ* 1,2,4,6,18 đường nội thành Hà Nội, nút giao thông cầu Chương Dương.
* *Xây dựng đường sắt* Kép - Bãi Cháy, Hà Nội -Lạng Sơn, Hà Nội- Lào Cai, đường sắt Bắc - Nam
* *Các cầu lớn* : Phố Lu, Hoàng Thạch, Lục Nam, Chương Dương, Lai Vu, Thái Bình, Long Đại
* *Các Cảng* : Hải Phòng, Phả Lại, Hoàng Thạch, Hà Nội.
* *Sân bay* : Yên Bái, Nội Bài
* *Nhà máy* : Đóng tàu Hạ Long, Sửa chữa tàu biển Phà Rừng
* *Đường Bắc Thăng Long - Nội Bài*
* *Đường và cầu vào Nhà máy thuỷ điện IALI*
* *Đường 13 Bắc Lào* (Công trình đầu tiên thắng thầu quốc tế)
* Đang dự thầu các dự án mở rộng Quốc lộ 5, nâng cấp Quốc lộ 1A, Quốc lộ 18.
* *Đang xây dựng các cầu* : Nông Tiến, Đò Quan, Phú Lương, Mường Thanh, Cốc Lếu, Hà Đông, Đông Kinh và 7 cầu trên Đường 13 Bắc Lào.
* Doanh thu của Tổng Công ty thực hiện quy đổi ra ngoại tệ :
* 1991: 5 triệu USD
* 1992: 10 triệu USD
* 1993: 20 triệu USD
* 1994: 30 triệu USD (theo giá trị hợp đồng đã ký)
* Ngoài việc mở rộng thị trường trong nước, Tổng Công ty đã mở rộng liên doanh, liên kết trong việc mua sắm thiết bị, công nghệ, đào tạo công nhân, cán bộ kỹ thuật và đối tác dự thầu với các Công ty của các nước: Nhật Bản, Mỹ, Pháp, Trung Quốc, Đài Loan, Singapore, Hàn Quốc, CHDCND Triều Tiên, Thuỵ Sĩ, Lào

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH I
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI



Đường cao tốc Thăng Long - Nội Bài đã đưa vào sử dụng



Cầu tàu cảng Chùa Vẽ - Hải Phòng



Thiết bị hiện đại thi công đường 13 Bắc Lào (Công trình thắng thầu Quốc tế)



CẦU ĐÒ QUAN : Công trình ứng dụng nhiều tiến bộ kỹ thuật mới

Digitized by Google

HX
9
.T68B

Tạp chí Cộng sản





10
1994

UNIV. OF MICH.
DEC 05 1994
CURRENT SERIALS
Digitized by Google

NÔNG TRƯỜNG BÒ SỮA GIỐNG LÂM ĐỒNG

(BỘ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM)



Địa chỉ
- Xã Hiệp Thạnh - Đức Trọng
- ĐT: 47336.

Giám đốc
Ông TRẦN KHẮC ĐỘ

Đông chí Võ Nguyên Giáp đến thăm nông trường

QUY MÔ SẢN XUẤT

- 1500 bò bê các loại, giống Holstein Fris thuần chủng và các loại lai F1, F2 đã cung cấp bò cái giống cho các tỉnh phía nam nuôi lấy sữa.
- Bò có sản lượng cao nhất 11.000 kg sữa/chu kỳ
- Năng suất bình quân 15 lít/con/ ngày.
- Năng suất cao nhất 47lít/con/ ngày



Nơi làm việc của Nông trường bộ

NHÂN LỰC VÀ PHƯƠNG TIỆN

- Có nhà máy chế biến sữa tươi công suất 30.000 lít/ngày thành các sản phẩm sữa đặc có đường, cafein, bơ sữa tươi thanh trùng, sữa bánh, sữa chua.
- Đội ngũ kỹ sư, bác sĩ, chuyên viên kỹ thuật nhiều kinh nghiệm, tay nghề giỏi được đào tạo trong và ngoài nước.
- Là trung tâm ứng dụng và hướng dẫn các tiến bộ kỹ thuật về chăn nuôi bò sữa.
- Có các loại cỏ và ngô chăn nuôi năng suất , chất lượng cao, được tuyển chọn và nhập từ nước ngoài vào để nuôi bò sữa và các loại gia súc khác.

Nông trường sẵn sàng liên doanh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước theo luật đầu tư của Việt Nam.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

10-1994 NĂM THỨ BỐN MƯƠI (466)

MỤC LỤC

Nhân kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng Thủ đô	PHẠM THẾ DUYỆT - Hà nội trong sự nghiệp đổi mới	3
	LÊ ẤT HỢI - Việc quản lý xây dựng đô thị của thủ đô Hà nội	8
	LƯU MINH TRỊ - Về phong trào "xây dựng người tốt, việc tốt" ở Hà nội	12
Nghiên cứu - Trao đổi	NGUYỄN CƠ THẠCH - Để tạo ra động lực mạnh mẽ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa	15
	HOÀNG ĐẠT - Thương nghiệp với việc phát triển công nghiệp và công nghệ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	19
	NGUYỄN MINH KHAI - Công nghiệp quốc phòng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	24
	LÊ QUÝ HIỀN - Sản phẩm thời kỳ nhìn về tương lai	26
Điều tra	HOÀNG THỌ XUÂN và CÔNG VIỆT HÀ - Thị trường Hà nội thực trạng, triển vọng và định hướng phát triển	30
Thực tiễn - Kinh nghiệm	VŨ ĐÌNH THÀNH - Kết quả bước đầu trong việc đổi mới và chỉnh đốn đảng ở nông thôn Thái bình	34
	LÊ QUÝ ĐÔN - Huyện Gia Lâm trong nhịp sống đổi mới	38
	NGUYỄN HUY DIỄN - Những chuyển biến tích cực của Đông Anh mấy năm gần đây	42
	NGUYỄN VŨ BÌNH - Xuân Trường phấn đấu phát triển kinh tế - xã hội	46
	VÕ ĐẠNG THIỀN - Đại học Vinh trên con đường đổi mới của sự nghiệp giáo dục	50
Sinh hoạt tư tưởng	THÁI SƠN - "Nhất thành bất biến"	53
Thư gửi Bộ biên tập	TRẦN DUY CHÂU - Tà dâu đến "Nỗi buồn chiến tranh"?	54
	TRẦN VĂN ANH - Đối thoại với Bảo Ninh (Đọc sách "Mặt thật" của Bảo Ninh)	56
Thế giới : vấn đề, sự kiện	TRẦN TRỌNG [illegible]	59
Tản mạn khái niệm	Pháp luật, pháp chế, hợp hiến và hợp pháp	61
Tin hoạt động lý luận	- Hội thảo khoa học về dân số - kế hoạch hóa gia đình	63
	- Giới thiệu [illegible]	63
Tin vắn	Đoàn đại biểu Tạp chí Cộng sản [illegible]	64

Bìa 1 - *Đường cáp cao Thăng Long - Nội Bài*

- Dây chuyền sản xuất ống cấp nước mới được đưa vào hoạt động Ảnh : TTXVN

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội • Dây nói : 252061 - 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP Hồ Chí Minh • Dây nói : 225768

Digitized by Google

СОДЕРЖАИЕ

Фам Тхе Зует - Ханой в деле обновления. Ле Ам Хой - Об управлении градостроительством Ханоя. Лыу Минь Чи - О массовом движении в Ханой : "Отзывчивые люди - добрые дела". Нлуен Ко Тхать - Создать мощную движущую силу индустриализации и модернизации. Хоанг Дат - Торговля и дело развития промышленности и технологии в направлении индустриализации и модернизации. Нлуен Минь Кхай - Оборонная промышленность в процессе индустриализации и модернизации. Хоанг Тхо Суан и Конг Кхань - Ханойский рынок : современное состояние, потенциалы и направление развития. Ву Динь Тханъ - первые результаты обновления и упорядочения рядов партии в деревне Тхайбинъ. Во Данг Тхиен - Виньские вузы в ходе обновления системы образования. Чан Чонг - ООН : жгучая проблема.

CONTENTS

PHẠM THẾ DUYỆT - Hanoi in the cause of renovation. LÊ ẤT HỢI - The management of urban construction of the Capital of Hanoi. LƯU MINH TRỊ - On the "Good People, Good Deeds" movement in Hanoi. NGUYỄN CƠ THẠCH - To give a strong fillip to industrialization and modernization. HOÀNG ĐẠT - Commerce along with the development of industry and technology in the direction of industrialization and modernization. NGUYỄN MINH KHẢI - The Industry for the National Defence in the cause of industrialization and modernization. HOÀNG THỊ XUÂN and CÔNG KHÁNH - The Hanoi market: its facts, potentialities and orientation for development. VŨ ĐÌNH THÀNH - The initial results of the renovation and rectification of the Party in the rural areas of Thai Binh province. VÕ ĐĂNG THIÊN - The Vinh College of Advanced Education on the way to renovation along the cause of education. TRẦN TRỌNG - UNO: Its problems.

SOMMAIRE

PHẠM THẾ DUYỆT - Hanoi dans l'œuvre de renouveau. LÊ ẤT HỢI - Sur la gestion des constructions urbanistes de la Capitale Hanoi. LƯU MINH TRỊ - Sur le mouvement "les gens de bonne volonté et les bons actes" à Hanoi. NGUYỄN CƠ THẠCH - Pour créer la force motrice puissante à l'industrialisation et la modernisation. HOÀNG ĐẠT - Le commerce avec le développement de l'industrie et de la technologie dans l'orientation d'industrialisation et de modernisation. NGUYỄN MINH KHẢI - L'industrie de défense nationale dans l'œuvre d'industrialisation et de modernisation. HOÀNG THỊ XUÂN et CÔNG KHÁNH - Le marché de Hanoi, état réel, potentialités et orientation de développement. VŨ ĐÌNH THÀNH - De premiers résultats dans le renouveau et la rectification du Parti à la campagne du Thai Binh. VÕ ĐĂNG THIÊN - L'Ecole supérieure de Vinh sur la voie de renouveau de l'éducation. TRẦN TRỌNG - L'ONU: ses problèmes urgents.

SUMARIO

PHẠM THẾ DUYỆT - Hanoi en la obra de renovación. LÊ ẤT HỢI - La gestión de la construcción urbana de la Capital Hanoi. LƯU MINH TRỊ - Sobre el movimiento de "formación del hombre bueno y hechos buenos" en Hanoi. NGUYỄN CƠ THẠCH - Por la creación de la fuerza motriz fuerte para la industrialización y modernización. HOÀNG ĐẠT - El comercio para con el desarrollo de la industria y la tecnología en la dirección de la industrialización y modernización. NGUYỄN MINH KHẢI - La industria de defensa nacional en la obra de la industrialización y modernización. HOÀNG THỊ XUÂN y CÔNG KHÁNH - El mercado de Hanoi : realidad, potencial y orientación del desarrollo. VŨ ĐÌNH THÀNH - Primeros resultados en la renovación y reorganización del Partido en el campo de Thai Binh. VÕ ĐĂNG THIÊN - La Universidad de Vinh en el camino de la renovación educacional. TRẦN TRỌNG - ONU : el problema apremiante.

目錄：

范世閱一處于革新事業中的河內. 黎乙亥一首都河內都市建設之管理工作劉明治一河內市展開《好人好事》運動. 阮基石一爲工業化、現代化造就巨大的動力. 黃達一商業與按工業化方向發展的工業和工藝的關係. 阮明凱一工業化、現代化事業中的國防工業. 黃壽春、公慶一河內市場：實際狀況、潛能及定向發展. 武亭成一太平省農村革新、整頓工作的初步結果. 武登天一榮市大學在教育改革事業道路上. 陳仲一聯合國：一些迫切的問題

Digitized by Google

HÀ NỘI TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

PHẠM THẾ DUYỆT *

1954 - 1994, - 40 năm chỉ là một thời gian ngắn ngủi trong lịch sử dài lâu của dân tộc nói chung và của thủ đô Hà nội nói riêng. Nhưng 40 năm qua, đối với Hà nội, là một chặng đường vẻ vang. Nhìn lại quá khứ, thấy rõ hiện tại, hướng tới tương lai, ta thấy đó là 40 năm phủ định một thủ đô dưới quyền kiểm soát của ngoại bang và khẳng định một thủ đô của một nước độc lập, tự chủ, đang trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng xã hội công bằng, văn minh.

Lịch sử thủ đô Hà nội gắn bó mật thiết với lịch sử của dân tộc Việt nam. Từ thời Hà nội lầm than của thợ thuyền và nhân dân lao động, chi bộ cộng sản đầu tiên đã ra đời, để rồi lập nên đảng kiểu mới của Lê-nin, của Nguyễn Ái Quốc, xây dựng và dẫn đầu phong trào cách mạng sôi nổi của nhân dân hòa nhịp cùng với phong trào Đông dương đại hội, phong trào Việt minh tiến khởi nghĩa, tiến tới ngày Cách mạng Tháng Tám thành công và ngày 2-9-1945 - thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Hà nội ngàn năm văn vật đã trở thành thủ đô và trung tâm chính trị của cả nước. Hà nội, "60 ngày khói lửa" hun đúc nên khối thép Trung đoàn thủ đô và tinh thần "Cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh", mở đầu cho cuộc kháng chiến toàn quốc, toàn dân và toàn diện để bảo vệ và phát huy thành quả Cách mạng Tháng Tám. Chín năm kháng chiến với chiến thắng Điện biên lừng lẫy địa cầu, miền Bắc được giải phóng, Hà nội thoát khỏi chế độ thực dân xâm lược, trở thành trung tâm của cả nước - trung tâm của chế độ xã hội mới. Hơn 20 năm chống Mỹ, cứu nước, đảng bộ và nhân dân Hà nội luôn nêu cao tinh thần yêu nước, phát huy truyền thống cách mạng, sẵn sàng chấp nhận mọi khó khăn thiếu thốn để tập trung chi viện cho miền Nam. Mặt khác, Hà nội cũng nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đây là những ngày tháng cực kỳ sôi động của thủ đô với các phong trào thi đua "Ba sẵn sàng", "Ba đảm đang", "Ba quyết tâm v.v. được đẩy lên mạnh mẽ ở khắp các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp, trường học, đường phố. "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", khẩu hiệu đó đã cổ vũ con em Hà nội lại tiếp bước cha anh, nô nức lên đường góp phần giải phóng miền Nam. Quân dân Hà nội đã lập chiến công "Điện biên phủ trên không", đập tan cuộc phản kích chiến lược của đế quốc Mỹ. Ngày 30-4-1975, cuộc Tổng tấn công thần thánh của nhân dân ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Trong lịch sử nghìn năm của mình, chưa bao giờ Hà nội náo nức vui sướng như những ngày này. Cả Hà nội xuống đường trong bài ca "Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng". Cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa VI (25-4-1976) đã hoàn thành việc thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Hà nội trở thành thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Thủ đô Hà nội cùng cả nước bước vào thời kỳ khắc phục hậu quả của chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế. Tháng

* Bí thư Thành ủy Hà nội

Digitized by Google

3-1982, Đại hội lần thứ V của Đảng đã đề ra phương hướng chiến lược của kế hoạch 5 năm (1981 - 1985) và những năm 80. Ngày 21-1-1983, Bộ chính trị ra Nghị quyết 08 về công tác của thủ đô, đã khẳng định : "Hà nội là trung tâm đầu não về chính trị, về văn hóa và khoa học kỹ thuật, đồng thời là một trung tâm lớn về kinh tế và một trung tâm giao dịch quốc tế của cả nước". Đó là phương hướng chỉ đạo phát triển thủ đô của giai đoạn hiện tại và tương lai.

Tháng 12-1986, Đại hội lần thứ VI của Đảng khẳng định sự nghiệp đổi mới, tiếp tục thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đại hội nêu cao quyết tâm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, tạo động lực phát triển cho toàn xã hội.

Những ngày đầu của sự nghiệp đổi mới, nhân dân thủ đô cũng như đồng bào cả nước, chưa mấy ai đã dễ quên cuộc sống khó khăn, vất vả. Chúng ta phải chạy gạo từng ngày lo cho bữa ăn của hàng triệu nhân dân Thủ đô. Cán bộ công nhân viên chức chỉ biết trông vào đồng lương ít ỏi lại không được nhận đúng kỳ. Trong khi đó giá cả tăng hàng giờ, lạm phát đạt tốc độ phi mã. Nông dân ngoại thành thu nhập thấp, làm không đủ ăn, số hộ nghèo tới 15 - 17%. Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã kìm hãm sản xuất, làm cho nền kinh tế xơ cứng, phố xá, cửa hàng vắng vẻ, hàng hóa thiếu thốn. Nhiều nhà máy, xí nghiệp đứng trên bờ vực phá sản vì thiếu nguyên liệu, vật liệu, thiếu điện cho sản xuất, không có thị trường tiêu thụ sản phẩm do sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô. Công nhân thiếu việc làm, hàng chục vạn người dư thừa vì chỉ biết trông mong vào sản xuất ở các xí nghiệp quốc doanh và tập thể.

Cơ sở hạ tầng của Hà nội những năm này như nhà cửa, điện nước, đường sá hầu như không được tu sửa, xây dựng gì đáng kể. Hệ thống đường giao thông nội ngoại thành bị xuống cấp nghiêm trọng, hệ thống chiếu sáng cũ kỹ. Hệ thống thông tin liên lạc trong nước và quốc tế rất lạc hậu, cách trở. Hệ thống sân ga, bến bãi, sân bay còn rất thô sơ, đơn giản. Người nước ngoài vào làm ăn với Hà nội còn rất ít.

Thời kỳ này, Hà nội chưa có khách sạn cao cấp. Hệ thống nhà nghỉ, nhà khách, quán trọ chỉ đáp ứng được những nhu cầu tối thiểu. Cửa hàng, cửa hiệu lúc đó chủ yếu là "mậu dịch quốc doanh" bán hàng phân phối. Các công trình công cộng như trường học, bệnh viện, công viên, vườn hoa, hồ Tây, hồ Hoàn kiếm v.v. ít được tu sửa, cải tạo. Nhiều công trình xuống cấp nghiêm trọng.

Chỉ sau mấy năm thực hiện công cuộc đổi mới, nhân dân thủ đô cùng với nhân dân cả nước đã giành được những thành tựu đáng kể, nhân dân càng phấn khởi, tin tưởng ở đường lối đổi mới của Đảng.

Thành công đầu tiên của Thủ đô mấy năm qua là sự quyết tâm vận dụng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương một cách năng động, sáng tạo. Đó là quá trình đổi mới nhận thức sâu sắc, triệt để, từ việc chuyển đổi cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước, phát huy tính chủ động, năng lực sáng tạo của từng đơn vị sản xuất, kinh doanh và từng hộ gia đình ; từ nhìn nhận kinh tế thị trường đồng nghĩa với chủ nghĩa tư bản sang nhìn nhận kinh tế thị trường là sản phẩm phát triển chung của nhân loại. Chúng ta đã và đang cố gắng đa phương hóa mọi mối quan hệ với phương châm "Việt nam muốn làm bạn với tất cả các nước". Chúng ta đã thay đổi được quan niệm "chia cắt" về vai trò Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, xây dựng nhận thức mới về phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội..., đồng thời phát huy tính chủ động trong khuôn khổ pháp luật của các cấp chính quyền và cơ quan quản lý, phát huy mọi vốn liếng, tài năng của nhân dân để làm ăn sinh sống. Nhờ vậy đã huy động được sức mạnh của toàn dân, của các cấp lãnh đạo, của trung ương và địa phương, của trong nước và ngoài nước, tạo lực và thế mới cho thủ đô phát triển.

Căn cứ vào đặc điểm tình hình cụ thể của địa phương, cùng với yêu cầu phát triển của xã hội, Hà nội đã từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Digitized by Google

từ "công nghiệp - nông nghiệp - thương mại - dịch vụ" sang "công nghiệp ; thương mại - du lịch, dịch vụ ; nông nghiệp". Từ chủ trương đó, Hà nội đã sắp xếp lại sản xuất kinh doanh, củng cố kinh tế quốc doanh, huy động vốn từ các nguồn lực, phát triển kinh tế ngoại thành và xây dựng nông thôn mới ; khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển ; mở rộng kinh tế đối ngoại ; đổi mới cơ chế quản lý. Kết quả thực hiện các chủ trương trên được thể hiện ở những mặt chủ yếu sau :

+ Sản xuất công nghiệp mấy năm trước đó rất lúng túng, khó khăn. Gần 70% xí nghiệp sản xuất bị đình đốn. Nay nhờ có trang thiết bị mới, nên sản xuất được nhiều mặt hàng mới có chất lượng như : máy biến thế, động cơ điện, quạt Điện cơ Thống nhất, bia Halida, bánh kẹo Hải hà, màn tuyn 10 tháng 10, phích nước Rạng đông, giày vải Thượng đình, Thụy khuê v.v.. Những mặt hàng này đã tìm được nhiều thị trường tiêu thụ ở trong và ngoài nước. Công nghiệp quốc doanh trung ương, địa phương, hợp tác xã, tư nhân, hộ gia đình... đều phát triển khá mạnh. Những năm 80, sản xuất công nghiệp giẫm chân tại chỗ hoặc sa sút, thì 3 năm 91 - 93 công nghiệp địa phương tăng bình quân hàng năm 15,6%, chiếm khoảng 31% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của thành phố. Sáu tháng đầu năm 1994, sản xuất công nghiệp đạt mức tăng cao hơn cùng kỳ năm trước, ước tính giá trị sản lượng công nghiệp trên lãnh thổ tăng 22,9%, đạt 47,4% kế hoạch năm ; công nghiệp địa phương tăng 33,7%, đạt 50,5% kế hoạch năm ; công nghiệp quốc doanh tăng 28,1%, đạt 50,60% kế hoạch năm ; công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 43,5%, đạt 50,5% kế hoạch năm. Công nghiệp trung ương có 11/15 ngành tăng hơn cùng kỳ năm trước. Công nghiệp địa phương có 14/17 ngành tăng. Đã có nhiều doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng, hợp đồng ký trước, chứng tỏ khả năng tiếp thị khá, hàng hóa có uy tín trên thị trường, kế hoạch sát với sản xuất, cung cầu hàng hóa, nguyên liệu cân đối kịp thời. Công nghiệp giữ mức tăng trưởng khá, là do một số doanh nghiệp đã được cấp hỗ trợ ngân sách và vay vốn ngân hàng để đầu tư chiều sâu trong các năm 1992 - 1993, và đến nay tiếp tục phát triển. Đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp đã thích nghi với cơ chế thị trường, năng động trong sản xuất, kinh doanh.

+ Thương mại, dịch vụ tăng nhanh, chiếm 63% trong cơ cấu GDP của thành phố. Thị trường Hà nội phát triển nhanh, hàng hóa phong phú, đa dạng, không những đáp ứng nhu cầu hàng hóa thiết yếu, mà cả hàng hóa cao cấp. Các mặt hàng lương thực, thực phẩm và hàng hóa khác ít biến động. Hà nội trở thành trung tâm buôn bán phát triển với 75000 điểm bán hàng. Quốc doanh bán lẻ vẫn chiếm 32% tổng doanh số bán lẻ trên thị trường và tổng mức bán lẻ tăng bình quân 25% trong ba năm (1991 - 1993). Nhà nước vẫn giữ được chủ động đối với các mặt hàng thiết yếu như vật tư nông nghiệp, xăng dầu, vật liệu xây dựng và dự trữ lương thực...

Kinh doanh khách sạn, du lịch của Hà nội phát triển nhanh. Chúng ta đã có thêm 200 khách sạn và nhà nghỉ các loại với trên 3000 phòng có đầy đủ tiện nghi để đón khách trong và ngoài nước. Số lượt khách vào Hà nội hiện nay tăng hơn ba lần so với các năm trước. Một số khách sạn cao cấp đang được triển khai xây dựng như Khách sạn Đại hà, Mêtrôpôn, Cát linh, Yên phụ, Hà nội vàng, K5, Nghi tàm v.v.

Hệ thống dịch vụ thông tin, bưu điện được hiện đại hóa. Các sân bay, nhà ga, bến bãi, đường sá đều được tu bổ, nâng cấp.

Hoạt động tài chính, ngân hàng được cải tiến, đã chấm dứt hiện tượng thiếu tiền mặt. Các công cụ tài chính, thuế, tín dụng tiền tệ, giá cả được đổi mới, tạo môi trường thuận lợi hơn cho các thành phần kinh tế phát triển.

+ Nông nghiệp ngoại thành tuy chiếm 6% GDP của thành phố, nhưng đã có những thay đổi lớn về cơ cấu giống, cây trồng, vật nuôi, làng nghề và dịch vụ. Công nghiệp mới phát triển. Nông nghiệp phát triển theo xu thế kinh tế hàng hóa. Hiện nay nông nghiệp ngoại thành không chỉ cung cấp cho nội thành lương thực, rau quả, mà còn trồng các loại lúa cho gạo ngon, rau quả cao cấp, nuôi cá lồng, chim, bò sữa, tăng giá trị gấp hàng chục lần so với các năm trước. Ngoài ra, nghề trồng hoa, cây cảnh theo mùa, vụ, lễ, tết cũng được đầu tư và phát triển gấp hàng chục lần so với trước. Vì vậy, tổng giá trị sản phẩm gieo

Digitized by Google

trồng năm 1990 chỉ có 14,9 triệu đồng/héc ta, thì năm 1993 đã đạt 21,3 triệu đồng/héc ta. Số hộ nông dân thiếu ăn lúc giáp vụ từ trên 10% những năm trước, nay giảm xuống còn 5,5%. Đã có 29 xã làm tốt đường giao thông, trường học, bệnh xá, đạt tiêu chuẩn nông thôn mới của thành phố đề ra.

+ Kinh tế đối ngoại của Thủ đô trong mấy năm gần đây phát triển với tốc độ đáng mừng. Từ chỗ chưa có quan hệ gì với các nước (ngoài các nước xã hội chủ nghĩa trước đây), chỉ sau hơn 3 năm đã có 143 dự án của 22 nước đầu tư vào thành phố với tổng số vốn là 1680 triệu đô la Mỹ. Đã có trên 630 triệu đô la đang được triển khai thực hiện, trong đó vốn đầu tư vào sản xuất chiếm 36,7%. Những cơ sở đầu tư này mở ra triển vọng phát triển công nghiệp mới ở Thủ đô với những sản phẩm công nghiệp cao cấp như : đèn hình, ti vi, các hàng điện tử khác... ở Sài đồng và khu chế xuất Sóc sơn, tạo thế phát triển công nghiệp và giải quyết việc làm cho lao động Thủ đô trong những năm sắp tới.

Có thể nói, đổi mới đã mang lại cho Thủ đô bộ mặt mới, sắc màu mới. Hà nội đang và sẽ được xây dựng lại khang trang hơn, văn minh, to đẹp hơn, dời sống kinh tế, văn hóa, xã hội sẽ từng bước phát triển. Hà nội đã được quy hoạch và Chính phủ đã phê duyệt. Các đường giao thông vành đai đang mở rộng, các tuyến đường xuyên tâm được mở ra. Tuyến đường Thăng long - Nội bài và các cửa ô mở rộng cho ta cảm giác thành phố như rộng ra. 64% đường nội thành được rải thảm nhựa. Hàng năm với vốn của dân là chính, thành phố đã xây dựng gần 20 vạn m^2 nhà ở, tăng 4,5 lần so với các năm trước đây. Ở các khu Nghi tàm, Quảng bá, Nghĩa đô... sẽ xây dựng nhiều nhà cao tầng có kiến trúc đẹp, hiện đại. Hà nội rồi đây sẽ có sắc thái mới với những nét đẹp hài hòa đan xen giữa phố cổ, phố cũ và phố mới. Ngoài ra, Chính phủ và thành phố cũng đã có kế hoạch mở rộng và cải tạo các công trình : sân bay, bến xe. Các công trình văn hóa như Cổ loa, đền Sóc, Văn miếu, các chùa cổ ở thủ đô đều được lần lượt tu sửa, tôn tạo. Hầu hết các trường học ở nội thành và 50% trường ngoại thành được xây nhiều tầng. Nhiều bệnh viện của trung ương, địa phương được tu sửa và trang bị nội thất hiện đại hơn. Nhờ có quy hoạch và hướng phát triển đúng, Hà nội sẽ là một thủ đô đẹp ở Đông Nam Á và trên thế giới trong tương lai.

Cùng với việc phát triển kinh tế và xây dựng đô thị, Hà nội đang coi trọng xây dựng nếp sống văn minh, khắc phục các tệ nạn xã hội, luôn quan tâm đến mục tiêu "vì con người". Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa sau nhiều năm bị xuống cấp, nay đã có bước phát triển đáng phấn khởi. Hà nội đang tiến tới phổ cập giáo dục cấp II cho toàn thành phố, chất lượng dạy và học ngày một tốt hơn. Các phong trào học nghề, học tin học, ngoại ngữ... trở thành nhu cầu rộng rãi trong thanh niên.

Phong trào "đền ơn đáp nghĩa", chăm lo các gia đình chính sách được quan tâm và có hiệu quả thiết thực. Nhà nhà làm việc thiện, người người làm việc thiện... ngày càng trở thành phong trào mang tính xã hội tích cực, là một trong những nội dung của phong trào "người tốt - việc tốt" đang tôn thêm nếp sống đẹp của nhân dân thủ đô.

Tám chương trình quan trọng để triển khai Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, Đại hội XI và hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của thành phố, đã được Thành ủy chỉ đạo tổ chức thực hiện khá chặt chẽ, hướng tới mục tiêu đẩy mạnh sự phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô. Thành ủy coi trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp của thành phố, bảo đảm đoàn kết nhất trí, phát huy ngày càng cao sự lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của chính quyền thành phố. Các đoàn thể quần chúng hoạt động khá sâu rộng, lôi cuốn được các tầng lớp công - nông - trí thức phấn đấu cho sự nghiệp đổi mới của Đảng. Lòng tin của nhân dân Thủ đô vào công cuộc đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cố và có chiều sâu.

Tuy nhiên, phải nghiêm túc nhận thấy rằng, sự "bứt lên" của thủ đô qua mấy năm đổi mới vẫn còn chậm ; kinh tế phát triển chưa vững chắc, chưa khai thác và sử dụng có hiệu quả các tiềm năng trí thức, vốn liếng và sức lao động có trình độ tay nghề cao của thủ đô. Nhiều chính sách kinh tế vận dụng còn chậm trễ. Đội ngũ cán bộ ở nhiều quận, huyện, ngành vẫn còn hẫng hụt, chưa đồng bộ. Kinh tế công nghiệp vẫn chưa được đổi mới

Digitized by Google

nhanh về trang bị kỹ thuật và tìm kiếm thị trường, chưa phục vụ tốt cho nông nghiệp thủ đô và các tỉnh đồng bằng Bắc bộ.

Kinh tế đối ngoại tuy phát triển nhưng trong lĩnh vực công nghiệp còn thấp. Cơ cấu công nghiệp chiếm 31% là còn ít, chưa thể hiện được cơ cấu kinh tế do thành phố đề ra.

Việc xây dựng cơ sở hạ tầng của thành phố như nhà ở, đường giao thông, điện, nước, phòng cháy, chữa cháy, còn nhiều điều bất cập. Vẫn còn tình trạng ô nhiễm môi trường và ùn tắc giao thông vào giờ cao điểm. Trong xây dựng còn bộc lộ nhiều yếu kém về quản lý đô thị, kiến trúc và quản lý kỹ thuật, ý thức chấp hành kỷ cương pháp luật còn thấp, chưa có tầm nhìn và hiểu biết về một thủ đô văn minh hiện đại như thủ đô của các nước bạn bè trên thế giới. Vì thế, hai nhiệm vụ trọng tâm "phát triển kinh tế và quản lý, xây dựng đô thị" của Thủ đô đều chưa đạt yêu cầu đề ra.

Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại. Tệ quan liêu, tham nhũng, kém tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ vẫn còn nhiều. Đội ngũ cán bộ vững về chính trị, tinh thông về trình độ nghiệp vụ chuyên môn, được nhân dân tin cậy vẫn chưa nhiều. Vai trò của cấp ủy còn hạn chế. Phong trào hoạt động của các đoàn thể nhân dân và tổ chức xã hội chưa cao, phương thức và nội dung hoạt động còn nhiều lúng túng, chưa thiết thực. Nhiều vấn đề nảy sinh trong công cuộc đổi mới chưa được tổng kết kịp thời để có phương hướng chỉ đạo phù hợp. Giữa Hà nội với trung ương, các ngành, các tỉnh thành trong cả nước vẫn chưa có mối quan hệ tương xứng khả dĩ tạo được một sức mạnh đồng bộ, bổ sung cho nhau để xây dựng Thủ đô xứng đáng là trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị của cả nước.

Để khắc phục những mặt tồn tại, những thiếu sót nói trên, tiếp tục đẩy nhanh sự nghiệp đổi mới toàn diện Thủ đô xứng đáng với vị trí trung tâm của cả nước, từ nay đến năm 2000 Hà nội cần tập trung làm tốt những nhiệm vụ chính sau đây :

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, đặc biệt chú trọng công nghiệp điện tử, cơ khí, chế biến... Phấn đấu đưa cơ cấu kinh tế công nghiệp đạt 40 - 50% tỷ trọng trong GDP của thành phố. Công nghiệp hiện có phải được trang bị hiện đại, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Phát triển công nghiệp phải thúc đẩy thương mại, dịch vụ và nông nghiệp phát triển hài hòa để hằng năm GDP tăng 12 - 13% vào những năm 1994 - 1995, và đạt bình quân thu nhập đầu người trên 1000 USD vào năm sau 2000 (năm 1993 là 565 USD/người). Nền kinh tế nhiều thành phần phát triển mạnh theo đúng luật pháp.

- Tiếp tục phát triển mạnh thương nghiệp, dịch vụ đi lại, thông tin, ngân hàng, tài chính v.v. Phấn đấu đến năm 2000 trên địa bàn thành phố có ít nhất 10 - 15 khách sạn đạt tiêu chuẩn 4 đến 5 sao và một số siêu thị để thu hút ít nhất hàng triệu khách du lịch vào năm 2000. Kinh tế đối ngoại, xuất nhập khẩu phải phát triển nhanh, đúng hướng, góp phần thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển.

- Quan tâm phát triển nông nghiệp Thủ đô, làm cho nông nghiệp và nông thôn ngoại thành có bước tiến rõ về công nghiệp nông thôn, về đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Phấn đấu giảm số người nghèo túng xuống còn không đáng kể, số hộ khá và giàu tăng nhanh ; đưa đại bộ phận trong số 140 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn nông thôn mới của Thủ đô. Đến năm 2000 đạt giá trị sản phẩm bình quân 25 - 27 triệu đồng/1 ha/năm. Cố gắng làm sao để một ngày không xa, vùng nông thôn mới của Thủ đô sẽ đủ sức hấp dẫn nhân dân nội thành ra thăm viếng, nghỉ ngơi vào những ngày nghỉ cuối tuần.

- Về quy hoạch đô thị, tập trung giải quyết các vấn đề giao thông, nhà ở, môi trường, tu bổ và cải tạo các phố cũ, phố cổ và xây dựng các khu phố mới cao tầng hiện đại. Thúc đẩy nhanh việc thiết kế quy hoạch chi tiết các khu vực nội thành, các thị trấn. Trước mắt tập trung hoàn thành quy hoạch các khu chế xuất, khu công nghiệp kỹ thuật cao, khu cần giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình. Quy hoạch mới các vùng đang đô thị hóa nhanh ở ven đô và nghiên cứu thành lập quận mới ở vùng ven đô đáp ứng xu hướng đô thị hóa mạnh mẽ hiện nay.

Giữ vững, tu bổ, cải tạo các cảnh quan như : hồ Hoàn kiếm, hồ Thiền quang, công viên Lê-nin...

(Xem tiếp trang 11)

Digitized by Google

VIỆC QUẢN LÝ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI

LÊ ẤT HỢI *

NĂM 1954, khi mới được giải phóng, Hà nội mới chỉ có khoảng 1200 ha với 25 vạn dân, đến nay diện tích và dân số đã tăng lên nhiều. Dự kiến đến năm 2010 (thủ đô tròn 1000 năm tồn tại) Hà nội sẽ có diện tích khoảng 8000 - 9000 ha và có thể lên tới 12000 ha với trên 2 triệu dân.

Vào năm 1964, Hà nội mới giải phóng được 10 năm, chưa kịp thực hiện được những dự án thiết kế xây dựng thì lại phải bắt đầu dồn sức chống trả cuộc chiến tranh phá hoại ác liệt của đế quốc Mỹ. Suốt 10 năm chiến tranh phá hoại, những tàn phá do Mỹ gây ra đã làm cho Hà nội thêm khó khăn, vất vả trong sự nghiệp xây dựng. Từ khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, cả nước thống nhất, thủ đô Hà nội phải khắc phục không ít hậu quả chiến tranh, nhưng có điều kiện thuận lợi hơn để xây dựng lại. Đặc biệt là sau 8 năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện, thủ đô Hà nội đã có bước tiến bộ rõ rệt về xây dựng và quản lý.

Đến nay, thành phố đã có quy hoạch mặt bằng tổng thể được Chính phủ phê duyệt. Thành phố đang đẩy nhanh tốc độ xây dựng và quy hoạch chi tiết, quy hoạch chuyên ngành, xây dựng chính sách kiến trúc và các văn bản pháp quy để quản lý việc cấp đất, cấp phép xây dựng theo đúng pháp luật của Nhà nước. Công tác xây dựng đô thị đang đạt tốc độ nhanh. Đầu tư cho xây dựng nhà ở và các công trình công cộng năm 1991 chiếm 16% tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản, năm 1992 chiếm 24%, gấp 1,8 lần năm 1991, năm 1993 chiếm 18,42%, gấp 1,22 lần năm 1992. Do vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản không ngừng tăng, nên cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng đô thị đang được nâng cấp và hiện đại hóa. Theo thống kê chưa đầy đủ, chỉ trong ba năm 1991 - 1993, Hà nội đã xây dựng được thêm 486800 m^2 nhà ở (riêng năm 1993 là 187400 m^2, tăng 18% so với năm 1992). Hệ thống đường giao thông được cải tạo, các cửa ô được mở rộng, năm 1993 Hà nội đã triển khai xây dựng hệ thống đường vành đai 1 gồm các tuyến : Cầu giấy - Ô Chợ Dừa - Kim liên - Đại Cồ Việt - Trần Khát Chân - Vĩnh tuy ; Bắc Thăng long và Nam Thăng long ; Cầu giấy - Hùng vương và các tuyến đường ngang liên hoàn. Tỷ trọng đường nội thành được rải thảm nhựa bê tông từ 48% năm 1992 lên 63% năm 1993. Hệ thống cấp thoát nước đang được đầu tư nâng cấp, hệ thống cấp điện đang cố gắng giữ ổn định. Hệ thống thông tin liên lạc đang được hiện đại hóa theo hướng điện tử và số hóa mạng viễn thông. Tổng số máy điện thoại từ 26000 máy (bình quân 1,2 máy/100 người) năm 1992, đã tăng lên 36000 máy (bình quân 1,7 máy/100 người) năm 1993. Hệ thống thông tin di động GSM với 5 vùng phủ sóng cho toàn bộ nội, ngoại thành Hà nội đã đi vào sử dụng. Hệ thống công viên cây xanh đang được nâng cấp, tôn tạo. Vấn đề môi trường đang được đặt ra một cách phù hợp với tiến trình đô thị hóa.

Việc sắp xếp trật tự vỉa hè, lòng đường, trật tự an toàn giao thông những năm qua có nhiều tiến

* Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP Hà nội

Digitized by Google

bộ do việc thực hiện có kết quả chỉ thị 57 của Ủy ban nhân dân thành phố. Nhiều vỉa hè, lòng đường và một số điểm ách tắc giao thông đã được giải phóng. Hệ thống giao thông nội thành đang được phân luồng hợp lý. Hệ thống thoát nước, mương tiêu, hồ chứa đã được nạo vét, khơi thông, bước đầu bảo đảm vấn đề môi sinh cho thành phố. Các biện pháp tích cực để nâng cao dân trí và duy trì trật tự kỷ luật giao thông đường phố đang được áp dụng v.v.

Tuy vậy, thành phố vẫn còn có nhiều khó khăn, yếu kém :

Hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống điện sinh hoạt, hệ thống thông tin liên lạc và hệ thống khách sạn, nhà nghỉ chưa thỏa mãn được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều vùng còn thiếu điện, thiếu nước sạch và bị úng lụt. Hệ thống giao thông nội thị chưa làm thay đổi về căn bản tình hình tắc nghẽn giao thông trong các giờ cao điểm. Cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng đô thị chưa đáp ứng được yêu cầu của một thủ đô trong thời kỳ mở cửa để tập trung phát triển kinh tế. Quy hoạch tổng thể phát triển thành phố đến năm 2000 đã được Chính phủ phê duyệt từ đầu năm 1992, nhưng chậm hoàn chỉnh và công bố các quy hoạch chuyên ngành về giao thông, điện lực, thoát nước và quy hoạch chi tiết từng khu vực, từng tuyến phố và các trục đường chính, để nhân dân tham gia ý kiến. Việc quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý đất đai chưa chặt chẽ và nghiêm túc, dẫn đến tình trạng bộ mặt kiến trúc đô thị, đất xây dựng bị biến dạng, chia cắt manh mún, vừa gây lãng phí, vừa gây mất cảnh quan vốn có và cản trở sự phát triển của Thủ đô hiện đại sau này.

Sự yếu kém trong xây dựng về các mặt kỹ thuật, công nghệ, quản lý, tổ chức chẳng những đã tạo ra những công trình kém chất lượng mà còn tạo điều kiện cho các hiện tượng tiêu cực phát sinh.

Nguyên nhân chính của tình trạng nêu trên có phần do công tác quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị của nhiều năm trước đây bị coi nhẹ, nhưng về cơ bản là do việc quản lý nhà nước và quy hoạch, xây dựng đô thị còn kém. Vì vậy, khi có chủ trương tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực này thì các ngành, các cấp lúng túng trong việc sử dụng hai giải pháp cơ bản về cơ chế chính sách và tổ chức cán bộ.

Từ nay đến năm 2000, trước yêu cầu đẩy tới sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì tốc độ xây dựng và đô thị hóa ở thủ đô Hà nội sẽ còn nhanh hơn nữa. Sự xuất hiện các khu công nghiệp tập trung, các khu phố mới, các vùng đô thị mới ở thủ đô Hà nội sẽ làm thay đổi cơ bản mạng lưới phân bố dân cư và nảy ra hàng loạt các mâu thuẫn gay gắt trong công tác quản lý nhà nước về quy hoạch và quản lý đô thị : Mâu thuẫn giữa mức độ tập trung dân cư, các cơ quan, các đơn vị sản xuất kinh doanh trong nước và quốc tế ngày càng đông với sức chứa hạn hẹp và tình trạng lạc hậu, xuống cấp nghiêm trọng của cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng đô thị. Mâu thuẫn giữa nhu cầu nhanh chóng xây dựng mở rộng, nâng cấp hiện đại hóa thủ đô với khả năng hạn hẹp về nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Mâu thuẫn giữa nhu cầu nhanh chóng xây dựng, mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa thủ đô với một số cơ chế chính sách cũ chưa kịp thời đổi mới, tạo kẽ hở cho nhiều hiện tượng tiêu cực phát sinh. Mâu thuẫn giữa tốc độ hiện đại hóa đô thị nhanh với trình độ dân trí và trình độ quản lý nhà nước của chính quyền các cấp về quy hoạch, xây dựng và tổ chức nếp sống đô thị v.v. còn thấp.

Trước những mâu thuẫn gay gắt này, ngày 4-2-1993 Thành ủy Hà nội đã ra Nghị quyết số 20 về công tác quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị theo những tư tưởng chủ đạo :

- Tập trung xây dựng và trình duyệt mặt bằng tổng thể, chính sách kiến trúc của Hà nội để định hướng quá trình xây dựng lại, hiện đại hóa khu vực nội thành và đô thị hóa các vùng cận nội thành.

- Huy động vốn, có biện pháp khai thác các nguồn lực để nhanh chóng hiện đại hóa cơ sở hạ tầng đô thị.

- Tăng cường vai trò quản lý nhà nước của chính quyền các cấp trong việc cấp đất, cấp phép xây dựng và quản lý trật tự vỉa hè, lòng đường, xây dựng nếp sống đô thị văn minh, hiện đại.

Digitized by Google

- Có nhiều biện pháp giải quyết nhu cầu nhà ở của nhân dân, đặc biệt là nhà ở của những người có thu nhập thấp, theo quy hoạch của thành phố.

Để đạt được những yêu cầu nói trên, trong những năm tới, thành phố Hà nội sẽ tăng cường, đổi mới hơn nữa công tác quản lý đô thị. Trước mắt tập trung giải quyết một số việc sau :

1 - Hoàn thiện cơ chế chính sách quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng đất đai nhằm tiết kiệm đất xây dựng. Thành phố sớm có quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đai, từng bước hạn chế đến mức thấp nhất việc cấp đất lẻ cho nhân dân và cơ quan, đơn vị tự xây dựng nhà ở. Thể chế hóa ngay các quy định để phía ta trong các liên doanh với nước ngoài không được coi đất đai của thành phố là điều kiện duy nhất và tài sản duy nhất góp vào liên doanh. Trong quy hoạch thiết kế, xây dựng thủ đô, thành phố sẽ chú ý bảo tồn, tôn tạo, khai thác có hiệu quả các khu phố cổ, phố cũ, các di tích lịch sử và các danh lam thắng cảnh và có quy định nghiêm ngặt để thi công theo đúng quy hoạch.

2 - Tăng cường hơn nữa quản lý nhà nước về xây dựng cơ bản nhằm chống lãng phí, thất thoát vốn đầu tư, nhất là vốn ngân sách từ khâu chuẩn bị đầu tư, xây dựng đến việc tổ chức xây dựng và đưa công trình vào sử dụng có hiệu quả. Thống nhất quản lý nhà nước đối với những doanh nghiệp hành nghề xây dựng, khảo sát, thiết kế, những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và kinh doanh nhà đất trên địa bàn. Sắp xếp lại một bước lực lượng xây dựng và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn theo hướng hình thành tập đoàn xây dựng đủ mạnh, từng bước xóa bỏ cơ chế cơ quan chủ quản, ưu tiên đầu tư chiều sâu nhằm nâng cao năng lực của lực lượng xây lắp và công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu xây dựng lớn của Thủ đô và đủ sức cạnh tranh với bên ngoài.

3 - Từng bước thỏa mãn nhu cầu nhà ở ngày càng tăng của nhân dân là một trong những nhiệm vụ lâu dài, cơ bản của các cấp ủy đảng và chính quyền thành phố. Mục tiêu bao trùm trong hai năm 1994 - 1995 là : huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, từng bước nâng cấp, hiện đại hóa quỹ nhà hiện có, phát triển quỹ nhà mới, xây dựng đồng bộ các khu đô thị mới. Tổ chức đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu nhà ở cho các hộ dân cư trong thành phố bằng các hình thức bán trả một lần, bán trả góp hoặc cho thuê. Trong hai năm 1994 - 1995 Ủy ban nhân dân thành phố sẽ chi vốn ngân sách để xây dựng nhà cho các đối tượng chính sách xã hội và hỗ trợ một phần để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên một số trục đường chính, cải tạo môi trường đô thị của một số khu nhà có cơ sở kỹ thuật hạ tầng bị hư hỏng nặng, xử lý một số trường hợp xây dựng không phép và trái phép theo quy định của pháp luật hiện hành, tạo dựng một cơ chế thích hợp để cho các tổ chức và nhân dân góp vốn hoặc tự bỏ vốn xây dựng nhà ở theo quy hoạch.

4 - Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và chính sách kiến trúc sao cho vừa đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, vừa giữ gìn bản sắc dân tộc, di sản văn hóa, đường nét kiến trúc riêng của Hà nội và môi trường sinh thái trong sạch.

Nói đến quy hoạch, không có nghĩa là chỉ có đồ án quy hoạch được duyệt hay có đủ quy hoạch chi tiết "phủ kín" lãnh thổ, mà là cả hệ thống công việc phải thực hiện đồng bộ.

Khâu đầu tiên phải quan tâm đến là có đủ hệ thống các văn bản pháp quy về quản lý quy hoạch đô thị, từ văn bản luật đến các văn bản quản lý chuyên ngành, rồi đến các văn bản dưới luật của địa phương. Tiếp đó, phải sớm có đủ điều kiện để tổ chức thiết kế và xét duyệt quy hoạch. Những khâu quan trọng cần chú ý là quản lý cải tạo và xây dựng theo quy hoạch được duyệt, bảo vệ cảnh quan, môi trường sống đô thị, quản lý việc sử dụng và khai thác đất đai, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của đô thị, giải quyết tranh chấp, thanh tra và xử lý vi phạm. Từ quy hoạch tổng thể được duyệt, cố gắng sớm hoàn chỉnh các quy hoạch chuyên ngành và các quy hoạch chi tiết "phủ kín" toàn đô thị để làm cơ sở pháp lý cho quản lý xây dựng. Công tác này không thể chỉ do

Digitized by Google

Hà nội tự mình làm được, mà cần được các bộ, các ngành ở trung ương quan tâm phối hợp.

Sau công tác quy hoạch, Hà nội cần có nhiều biện pháp để quản lý chặt chẽ đất đô thị, như cấp phép xây dựng, hướng dẫn, giám sát việc xây dựng theo giấy phép, đăng ký, cấp giấy chứng nhận sở hữu công trình, thống kê lưu trữ và cải tiến các thủ tục hành chính. Sớm thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính và định giá loại đất đô thị ; sớm lập kế hoạch sử dụng đất, có chính sách thỏa đáng về giao đất, cho thuê đất, khuyến khích sử dụng tiết kiệm đất và kiên quyết thu hồi đất không sử dụng, lập phương án kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng khi sử dụng đất, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực hiện việc giao đất ổn định và lâu dài cho người sử dụng đất theo luật định.

Công tác quản lý cảnh quan kiến trúc của thành phố cũng đang là việc cần quan tâm. Hà nội ngày nay có sức hấp dẫn với nước ngoài, bởi vì nó chứa đựng nét riêng bên trong mà ít đô thị trên thế giới còn giữ được. Việc bảo toàn những yếu tố cổ, những yếu tố đan xen hài hòa giữa cũ và mới, phát triển những yếu tố mới là công việc rất quan trọng mà nhiều đô thị khác đã làm. Nhưng "liều lượng" của những yếu tố đó ra sao là vấn đề cần mất công nghiên cứu chu đáo, toàn diện, không thể tùy hứng.

Việc quản lý, quy hoạch, xây dựng Thủ đô thể hiện trình độ văn hóa của toàn xã hội. Do vậy, nâng cao hiểu biết và thẩm mỹ của nhân dân Thủ đô là một yêu cầu không thể thiếu được để làm cho mọi người dân có nhận thức và trách nhiệm bảo vệ, xây dựng cảnh quan và môi trường chung của thành phố, tạo điều kiện chấm dứt tình trạng tùy ý xây dựng, cơi nới, chắp vá lộn xộn như hiện nay. Chẳng còn bao lâu nữa, thủ đô Hà nội sẽ bước vào năm thứ 1000 của mình. Từ nay đến đó, được sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ của Đảng và Nhà nước, sự quan tâm giúp đỡ của cả nước, chắc chắn thủ đô Hà nội của chúng ta sẽ ngày càng to đẹp hơn, đàng hoàng hơn mà vẫn giữ được bản sắc dân tộc độc đáo của mình, đáp ứng lòng mong muốn của nhân dân cả nước và sự quan tâm của bạn bè trên thế giới.

HÀ NỘI...

(Tiếp theo trang 7)

Quy hoạch xây dựng khu du lịch hồ Tây, các khu thương mại, dịch vụ mới gắn với quy hoạch các tỉnh, thành phố lân cận.

Khôi phục, tu tạo các di tích lịch sử "ngàn năm văn hiến" của Thủ đô, đồng bộ, hài hòa với sự phát triển của thành phố hiện đại. Bảo đảm Hà nội được cung cấp đủ điện, nước sạch cho nhân dân, không bị ách tắc giao thông, khắc phục ô nhiễm môi trường và úng lụt trong thành phố, giữ gìn trật tự an ninh và an toàn đô thị.

*

Để thực hiện tháng lợi những phương hướng nêu trên, đảng bộ và nhân dân Hà nội cần nắm vững và làm tốt hai nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế ; xây dựng và quản lý đô thị, đồng thời nắm vững phương châm xây dựng đảng là khâu then chốt.

Trước mắt, thủ đô Hà nội vừa có nhiều việc cấp bách phải làm, vừa phải chuẩn bị cho sự phát triển sau này. Bên cạnh những thuận lợi và những tiến bộ đạt được mấy năm qua, Hà nội còn không ít khó khăn cần phải sớm khắc phục. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ ; với tinh thần phấn khởi và tin tưởng vào tiền đồ của đất nước, với ý chí tiếp tục sự nghiệp đổi mới toàn diện, giai cấp công nhân, nông dân, anh chị em trí thức, văn nghệ sĩ, các cán bộ nghỉ hưu, chiến sĩ các lực lượng vũ trang, các tầng lớp nhân dân thủ đô phát huy truyền thống cách mạng tốt đẹp, tăng cường đoàn kết, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống, xây dựng đảng bộ và chính quyền thành phố ngày càng vững mạnh, quyết tâm đưa sự nghiệp đổi mới của thành phố tiến lên đạt chất lượng mới.

Đảng bộ và nhân dân Hà nội đã đi đầu trong Cách mạng Tháng Tám, anh dũng kiên cường trong kháng chiến cứu nước, ngày nay cố gắng phấn đấu đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đạt nhiều thành tích trong sự nghiệp đổi mới, xứng đáng với niềm tin yêu, mong đợi của nhân dân cả nước.

Digitized by Google

Về phong trào "xây dựng người tốt, việc tốt" ở Hà nội

LƯU MINH TRỊ *

TRONG dịp cùng cán bộ, đảng viên và nhân dân Thủ đô đón xuân Nhâm Thân 1992, đồng chí Phạm Văn Đồng, cố vấn BCH TƯ Đảng bày tỏ lòng mong muốn đảng bộ và nhân dân Thủ đô phát động phong trào xây dựng, nêu gương và học tập "người tốt, việc tốt". Trong câu chuyện rất thân mật và nghiêm túc, cố vấn Phạm Văn Đồng nói : "Tôi suy nghĩ và mong muốn các đồng chí ở đây là những người lãnh đạo có chức có quyền ở các ngành các cấp của thành phố, cũng như từng người dân Thủ đô hãy cùng suy nghĩ : Từ năm mới này, chúng ta phấn đấu thực hiện cho được điều mong ước của Bác Hồ lúc sinh thời, là Hà nội, thủ đô của cả nước, ngày càng có nhiều người tốt, việc tốt" (1).

Sau buổi làm việc đó với cố vấn Phạm Văn Đồng, Thường vụ Thành ủy và Hội đồng thi đua thành phố thống nhất phát động và chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua xây dựng "người tốt, việc tốt" - gọi tắt là phong trào "người tốt, việc tốt" - trong toàn thành phố ; phổ biến cho các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và thông tin rộng rãi trong nhân dân. Với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy và Hội đồng thi đua thành phố, sự hưởng ứng của các cấp, các ngành, các đoàn thể, phong trào "người tốt, việc tốt" đã đi vào cuộc sống xã hội ở Hà nội gần ba năm nay.

Phong trào "người tốt, việc tốt" khơi dậy và phát huy mạnh mẽ những cái tốt đẹp vốn có của con người

Sinh thời, Bác Hồ thường căn dặn là làm sao phải khơi động, phát huy những cái tốt đẹp của con người, của quần chúng nhân dân. Suy ngẫm, càng nhận rõ lời dạy của Bác và ý kiến của đồng chí Phạm Văn Đồng là vô cùng sâu sắc.

Trước đây, Bác Hồ đã từng nói : "Nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm... Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng", và "Nhân dân ta rất cần cù, thông minh và khéo léo. Trong sản xuất và sinh hoạt, họ có rất nhiều kinh nghiệm quý báu. Cán bộ ta cần tham gia tổng kết những kinh nghiệm quý báu ấy". (2).

Hiểu người tốt, việc tốt ở đây là con người Việt nam trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Bác Hồ luôn quý trọng con người, tin tưởng con người và Bác gắn sự nghiệp cứu nước, cứu dân với những đức tính quý báu của con người Việt nam và dân tộc Việt nam. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước ta coi chiến lược con người là chiến lược hàng đầu. Trong cán bộ và nhân dân, cái ưu điểm, cái tốt đẹp là rất lớn, dù cái xấu vẫn còn không ít ; cái tốt, cái hay luôn nảy nở và tỏa sáng trong đời sống xã hội. Đồng chí Phạm Văn Đồng phân tích rằng : "Không có đất xấu, chỉ có con người chưa biết làm ; không có khúc gỗ vô dụng, chỉ có con người chưa biết sử dụng ; không có con người hoàn toàn không làm được gì có ích cho xã hội, tất cả tùy thuộc ở chỗ biết dùng mỗi người vào việc gì người ấy làm được. Con người Việt nam ta, nhân dân lao động nước ta, lao động thể lực và lao động trí lực là những con người giàu những tiềm lực quý báu mà không ai lường hết được, đã từng chứng minh những giá trị vô song này trong lịch sử xa xưa, trong đấu tranh cách mạng mấy thập kỷ qua và trong quá trình đổi mới ngày nay".

---

* Ủy viên thường vụ Thành ủy, Trưởng ban tuyên giáo Hà nội

(1) Các đoạn dẫn lời cố vấn Phạm Văn Đồng đều trích từ cuốn "Tài liệu hướng dẫn việc tổ chức thực hiện phong trào "người tốt, việc tốt" ở Thủ đô do Thường vụ Thành ủy và Hội đồng thi đua thành phố Hà nội xuất bản năm 1992 và 1994.

(2) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t2, tr542, 292.

Digitized by Google

Phong trào "người tốt, việc tốt" - sức sống và động lực thúc đẩy sự nghiệp đổi mới ở Thủ đô

Thực hiện phong trào "người tốt, việc tốt", nêu gương, học tập những cá nhân và tập thể tốt là việc làm thường xuyên lâu dài, phải được triển khai rộng khắp với nhiều hình thức phong phú từ các ngành, địa phương, cơ sở, các đoàn thể, từ đội ngũ cán bộ lãnh đạo đến mọi tầng lớp nhân dân. Ngày nay, thi đua và phong trào thi đua đều gắn chặt chẽ với các chính sách kinh tế, xã hội, với lợi ích từng con người và với trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội của mọi người. Qua thực tiễn cho thấy, phong trào "người tốt, việc tốt" ở Hà nội đã thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của từng đơn vị cơ sở và toàn thành phố hướng vào việc thực hiện tháng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, xây dựng và quản lý đô thị, học tập, tuân thủ pháp luật và thực hiện nếp sống văn minh... Việc tổ chức chỉ đạo và thực hiện phong trào "người tốt, việc tốt" phải tiến hành đồng bộ, gắn với các chương trình và các phong trào thi đua hiện có ; kết hợp các biện pháp giáo dục, tuyên truyền với tổ chức, kết hợp trách nhiệm của tập thể với ý thức chủ động tự giác của từng người ; kết hợp biểu dương khen thưởng những gương tốt với việc phê phán, đấu tranh, lên án những biểu hiện tiêu cực, những hành vi xấu. Những động lực làm nên sức sống của phong trào "người tốt, việc tốt" bao gồm việc động viên, khuyến khích thích đáng về vật chất và tinh thần, việc khen thưởng của các cơ quan và đoàn thể và sự biểu dương của dư luận xã hội. Động lực này là chất men kích thích người tốt, việc tốt cùng phấn đấu vươn lên đạt những thành tích mới, đồng thời cổ vũ những người khác nuôi dưỡng cho mình ý chí làm nên việc tốt, trở nên người tốt. Hết sức quan tâm tạo lập sức mạnh của dư luận xã hội thúc đẩy phong trào "người tốt, việc tốt" thông qua phổ biến, học tập và nhất là thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các bản tin và truyền thanh ở xã, phường, cơ quan, trường học, xí nghiệp...

Việc xây dựng tiêu chuẩn người tốt, việc tốt là rất cần thiết. Người tốt là người tiêu biểu cho các phong trào cách mạng, được tập thể lựa chọn. Bất cứ người cán bộ, người dân nào, kể cả những người trước đây có lỗi lầm, sai phạm, cũng có thể trở thành người tốt, nếu nay họ đã làm được những việc có ích cho gia đình, con cháu, người xung quanh, cho tập thể, cho đất nước... Việc xây dựng tiêu chuẩn người tốt chính là lượng hóa kết quả công việc của từng người, từng công việc theo nội dung từng phong trào cách mạng của Thủ đô. Các cơ quan, xí nghiệp, bệnh viện, trường học, phường, xã, đơn vị công an... có trách nhiệm xây dựng tiêu chuẩn sát hợp với từng người thi đua hoàn thành nhiệm vụ được giao. Sở, ngành, quận, huyện, thành phố đều xây dựng tiêu chuẩn lựa chọn người tốt, việc tốt cấp tương ứng ; từ đó làm căn cứ lựa chọn những gương người tốt, việc tốt về dự họp mặt và trao thưởng. Hiện nay, ở một số cơ sở, ngành và thành phố đã có quyển "Sổ vàng" ghi tên những người tốt từng năm.

Phong trào "người tốt, việc tốt" đã và đang trở thành cuộc vận động xã hội sâu rộng, có tính giáo dục và tác động vào mọi mặt đời sống xã hội ở Hà nội gần ba năm nay. Từ năm 1992 đến nay, phong trào "người tốt, việc tốt" được chỉ đạo kiên trì và đồng bộ từ thành phố đến cơ sở. Hàng năm, vào dịp kỷ niệm ngày sinh Hồ Chủ tịch, các cấp và thành phố tổ chức hội nghị kiểm điểm lại sự chỉ đạo phong trào, đồng thời đề ra các công việc chuẩn bị cho *cuộc họp mặt "người tốt, việc tốt" các cấp và toàn thành phố vào dịp kỷ niệm ngày giải phóng Thủ đô*. Cuộc họp mặt đầu tiên nhân ngày giải phóng Thủ đô năm 1992, gồm 600 gương mặt người tốt, việc tốt. Cuộc họp mặt năm 1993 gồm 800 đại biểu xuất sắc người tốt, việc tốt. Năm nay, kỷ niệm lần thứ 40 ngày giải phóng Thủ đô, cuộc họp mặt biểu dương người tốt, việc tốt sẽ được tổ chức trọng thể tại Cung văn hóa hữu nghị Việt-Xô, với 1000 gương mặt người tốt, việc tốt được lựa chọn ở các ngành, các cơ sở về dự. Trong một năm qua, báo chí Thủ đô đã phát hiện và biểu dương hơn 300 gương người tốt, việc tốt. Các báo Hà nội mới, Nhân dân, Quân đội nhân dân và nhiều báo, đài phát thanh và truyền hình đã thường xuyên nêu gương người tốt, việc tốt. Có thể nói, báo chí là trợ thủ rất tích cực của phong trào "người tốt, việc tốt" ở Hà nội trong những năm qua.

Phong trào "người tốt, việc tốt", cùng với các phong trào khác đang tạo ra sức sống mới tác động mạnh mẽ, thúc đẩy mọi mặt đời sống xã hội ở Thủ đô. Cuộc sống càng chỉ rõ rằng : trong công

Digitized by Google

cuộc đổi mới, trong đời sống thường ngày của xã hội, trong mọi tầng lớp nhân dân, luôn luôn có những gương miệt mài lao động, dám nghĩ dám làm, say mê sáng tạo, dũng cảm quên thân vì việc nghĩa, có lòng nhân ái vị tha... Phong trào "người tốt, việc tốt", do đó đã nhanh chóng được triển khai rộng khắp với những nội dung, hình thức phong phú, thiết thực được đông đảo nhân dân hưởng ứng và dần dần đi vào cuộc sống ở Thủ đô. Những thành tựu rất đáng phấn khởi đạt được ở Thủ đô đến ngày hôm nay là do các chủ trương, chính sách, và cơ chế quản lý kinh tế - xã hội được cuộc sống chấp nhận và nhân dân thực hiện, có đóng góp của các phong trào thi đua, trong đó có phong trào "người tốt, việc tốt".

Phong trào "người tốt, việc tốt", cuộc vận động "xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa", và "giảm hộ nghèo, tăng hộ giàu" là những cuộc vận động lớn của thành phố Hà nội. Phong trào "người tốt, việc tốt" có ý nghĩa hành động và giáo dục sâu rộng trong mọi ngành, mọi cấp, trong cán bộ lãnh đạo, quản lý và người dân. Nó đi sâu vào đời sống, việc làm và hoạt động của con người hướng tới những giá trị cao của lao động, tài năng và sáng tạo, tình thương và lẽ phải... Chính nó góp phần thúc đẩy sự nghiệp đổi mới, và cũng chính bản thân những gương người tốt, việc tốt làm hạn chế những tiêu cực, những cái xấu và yếu kém.

Trong thời gian tới, phong trào "người tốt, việc tốt" ở Hà nội tập trung vào những mặt trọng tâm sau đây :

- Một mặt đẩy mạnh việc xây dựng, nêu gương người tốt, việc tốt một cách rộng khắp trong mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý đô thị, giúp đỡ nhau trong cuộc sống... ; mặt khác tập trung *cố gắng lãnh đạo và chỉ đạo vào các địa bàn, ngành và cơ sở có liên quan mật thiết với lợi ích của nhân dân*, đặc biệt chú trọng các ngành quản lý tài chính, tiền tệ, xuất nhập khẩu, đầu tư của nước ngoài, quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, nội chính (công an, viện kiểm sát, tòa án, thanh tra...). Ở những nơi này, như đồng chí Phạm Văn Đồng chỉ rõ, "phong trào người tốt, việc tốt phải có ý thức đầy đủ và sâu sắc tầm quan trọng và tính bức xúc của cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, cùng các tệ nạn xã hội khác gây sự phẫn nộ chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Đây là nguồn gốc và sự thể hiện rõ nét những bất công xã hội mà chế độ ta không thể chấp nhận được. Phải đem ánh sáng của người tốt, việc tốt vào các ngóc ngách đầy rẫy những âm mưu đen tối cần phải phát hiện và xử lý nghiêm minh".

- Phong trào "người tốt, việc tốt" tác động vào việc xây dựng tổ chức đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh ; xây dựng lực lượng cán bộ các cấp có đầy đủ phẩm chất và năng lực hoàn thành nhiệm vụ trước Đảng, trước dân. Đồng chí Phạm Văn Đồng lưu ý : "mọi người đều biết rất rõ ràng đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị nước ta, trước tiên ở những ngành mà người có chức có quyền có thể dẫn tới những lầm lỗi, thậm chí những tội ác gây tổn thất nghiêm trọng đến lợi ích xã hội và của nhân dân. Phấn đấu làm cho đội ngũ này trở nên trong sạch, lành mạnh, thì đây là phương thức hay nhất để chữa tận gốc những căn bệnh đáng nguyền rủa không thể dung thứ được".

- Các ngành các cấp, các đoàn thể, các tổ dân phố, các trưởng thôn xóm, các cơ quan tuyên truyền... thường xuyên xây dựng, bồi dưỡng, phát hiện, biểu dương những gương "người tốt, việc tốt" để mọi người học tập, noi theo. Các cơ quan thông tin đại chúng tiếp tục là những phương tiện thiết thực và nhanh nhạy thúc đẩy phong trào "người tốt, việc tốt" đi sâu, tỏa rộng vào các tầng lớp nhân dân. Đội ngũ làm văn học, nghệ thuật, văn hóa thông tin đi sâu vào các lĩnh vực đời sống xã hội, phát hiện, sáng tác về những gương "người tốt việc tốt". Gần đây, hơn hai mươi nhà văn, nhà báo đã đến các cơ sở viết về những gương người tốt để cho ra đời cuốn sách "Người tốt, việc tốt", xuất bản nhân kỷ niệm lần thứ 40 ngày giải phóng Thủ đô. Đó là một việc làm rất bổ ích.

Đảng bộ và nhân dân Hà nội sẽ cố gắng nhiều hơn nữa thực hiện nhiệm vụ nặng nề nhưng rất vinh quang như cố vấn Phạm Văn Đồng đã nói : "Hà nội, Thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, trái tim của cả nước, phải trở thành tấm gương sáng của phong trào "người tốt, việc tốt" đối với mọi miền đất nước, như vậy tất cả chúng ta đều có việc làm, và phải làm được việc, nhằm hiệu quả thiết thực, tránh hình thức, vì những lẽ phải lớn của chúng ta là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Digitized by Google

ĐỂ TẠO RA ĐỘNG LỰC MẠNH MẼ CHO CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

NGUYỄN CƠ THẠCH

1- Mục đích của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là phát triển mạnh lực lượng sản xuất, thực sự làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) đã nhấn mạnh rằng, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội... nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao, chi phí sản xuất thấp và chất lượng sản phẩm cao. Như vậy, công nghiệp hóa là một cuộc cách mạng rất sâu sắc và rộng lớn, làm thay đổi toàn bộ đời sống xã hội. Để giành được thắng lợi to lớn trong cuộc cách mạng này, chúng ta phải làm sao tạo ra được những động lực mạnh mẽ cho sự nghiệp công nghiệp hóa.

Bước đổi mới những năm qua đã đưa nền kinh tế nước ta thoát ra khỏi giai đoạn cao nhất của cuộc khủng hoảng, giải phóng một bước lực lượng sản xuất. Nền kinh tế nước ta đang phát triển với tốc độ tương đối cao, nhưng phải thừa nhận là chất lượng còn thấp, năng suất lao động thấp, lãng phí lớn, giá thành cao, hiệu quả kinh tế thấp và tham nhũng còn nghiêm trọng. Tình trạng này chỉ có thể giải quyết trước hết bằng những biện pháp vĩ mô và tổng thể. Nếu cứ để môi trường cơ chế quản lý kinh tế vĩ mô như hiện nay thì khó có thể đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất như mong muốn.

2- Trong lịch sử nhân loại, sau thời kỳ cộng sản nguyên thủy, loài người đã phải giải quyết mâu thuẫn cơ bản giữa sự khan hiếm của cải, tài nguyên với nhu cầu không giới hạn của con người. Mâu thuẫn này chỉ có thể mất đi khi sản xuất trong xã hội đã phát triển đến mức thỏa mãn được nhu cầu của con người, tức là khi loài người bước vào chủ nghĩa cộng sản khoa học. Cuộc đấu tranh để giải quyết mâu thuẫn này là một động lực rất to lớn làm cho lực lượng sản xuất phát triển ; đồng thời cũng giải quyết mâu thuẫn giữa cung và cầu diễn ra trong mỗi một người, trong mỗi xã hội, mỗi quốc gia và trên toàn thế giới. Mỗi một người muốn thỏa mãn đầy đủ nhu cầu của mình, phải ra sức lao động để cung cấp sản phẩm với giá trị tương đương cho xã hội. Mỗi một người vừa là người mua lại vừa là người bán, cho nên đều phải cân bằng với mức cao nhất cung và cầu của cá nhân mình và giải quyết một cách tốt nhất mâu thuẫn ngày càng cao giữa cung và cầu. Đồng thời, mỗi người phải thực hiện trao đổi sản phẩm với những người khác theo nguyên tắc trao đổi ngang giá thông qua thị trường. Hiện nay thế giới đang từng bước trở thành một thị trường thống nhất. Thị trường đó hoạt động một cách tự nhiên và có hiệu quả. Như vậy, việc mỗi người có lợi ích phải cân bằng cung và cầu của cá nhân, và toàn xã hội có lợi ích phải cân bằng cung cầu của toàn xã hội, là một động lực của sự cân bằng vĩ mô và vi mô của các nền kinh tế, tạo ra sự ổn định và trật tự trong đời sống kinh tế từ nhiều nghìn năm nay trên thế giới.

Cơ chế thị trường có khả năng tự điều chỉnh cung và cầu, tạo môi trường thuận lợi cho cuộc đấu tranh trực tiếp giữa cung và cầu trong mỗi người và trong toàn xã hội. Cơ chế thị trường lập

Digitized by Google

quan hệ ngang trực tiếp giữa cung và cầu, và giữa các hoạt động kinh tế của xã hội như giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa nghiên cứu khoa học và sản xuất. Trái lại, cơ chế tập trung quan liêu bao cấp tách cung ra khỏi cầu, xóa bỏ mối quan hệ ngang và trực tiếp giữa cung và cầu, giữa các hoạt động kinh tế của xã hội. Cơ chế tập trung quan liêu lập quan hệ quản lý theo hệ thống dọc của nhà nước trực tiếp với cung và trực tiếp với cầu, cũng như với từng ngành hoạt động kinh tế khác. Nó làm cho cuộc đấu tranh giữa hai mặt cung và cầu không thực hiện được một cách tự nhiên, trực tiếp, trong từng người và trong toàn xã hội. Nhà nước thay thế nhân dân để xử lý mâu thuẫn giữa cung với cầu của từng người và trong toàn xã hội ; mỗi người dân và toàn xã hội ngồi chờ nhà nước và không có trách nhiệm đối với cung cũng như đối với cầu. Do đó làm mất đi nguồn động lực to lớn trong việc giải quyết mâu thuẫn giữa cung và cầu.

Cơ chế thị trường bắt buộc mỗi người, muốn được thỏa mãn đầy đủ nhu cầu ngày càng cao của mình thì phải ra sức lao động để cung cấp cho thị trường những sản phẩm có chất lượng ngày càng cao. Người làm nhiều, làm tốt thì hưởng nhiều và tốt. Người làm kém thì hưởng ít. Mọi người đều có lợi ích trong việc tạo ra cân bằng giữa cung và cầu. Bất cứ cá nhân nào hoặc một xã hội nào vi phạm nguyên tắc này đều bị trừng phạt một cách nghiêm khắc : hoặc sẽ thua lỗ về kinh tế, hoặc bị đào thải, hoặc lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Trái lại, cơ chế tập trung quan liêu bao cấp phân phối sản phẩm quân bình cho mọi người, làm tốt cũng như làm không tốt. Ở nước ta cơ chế tập trung quan liêu bao cấp được mở rộng trong toàn quốc từ năm 1975 đã góp phần đưa đến cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài trong những năm 80. Chính sách đổi mới của ta, nhất là đổi mới về giá cả, đã làm cho nước ta vượt ra khỏi vực xoáy của cuộc khủng hoảng.

Trong cơ chế thị trường, mỗi người đều chủ động trong việc giải quyết nhu cầu riêng và sở thích riêng của cá nhân mình cũng như trong việc cung cấp sản phẩm cho xã hội theo khả năng riêng của mình. Mỗi người dân đều có nhiều phương án để xử lý những vấn đề kinh tế thiết thân của mình một cách linh hoạt, năng động, thay đổi phương án của mình mỗi khi có sự biến động của thị trường. Cơ chế thị trường tạo được môi trường thuận lợi cho mỗi người trong xã hội xử lý tốt nhất những vấn đề kinh tế đặt ra hàng ngày, hàng giờ phù hợp với lợi ích và nghĩa vụ của từng người. Một bộ máy nhà nước dù to lớn đến đâu và tài giỏi đến đâu cũng không thể xử lý được hàng ngày, hàng giờ tất cả các vấn đề kinh tế phù hợp với từng người. Cơ chế kinh tế tập trung quan liêu đã đẻ ra bộ máy nhà nước rất cồng kềnh, kém hiệu quả và chế độ quan liêu rất nặng nề. Do đó những vấn đề kinh tế đã không được quyết định do dân và phù hợp với lợi ích của từng người dân.

3- Cạnh tranh là một đặc điểm rất quan trọng của kinh tế thị trường. Cơ chế thị trường tạo ra những điều kiện thuận lợi cho cạnh tranh bình đẳng, đầy đủ và hợp pháp giữa các cá nhân và các thành phần kinh tế trong mỗi nước cũng như giữa các nước. Thị trường không phân biệt đối xử và không có chính sách ưu đãi đối với một số người, một số thành phần, một số ngành, một số vùng. Trong cuộc cạnh tranh bình đẳng, mọi người đều phải làm hết sức mình để cho sản xuất đạt hiệu quả cao nhất, đạt năng suất lao động cao nhất, với chất lượng tốt nhất, triệt để tiết kiệm, làm cho chi phí sản xuất và giá thành thấp nhất. Cuộc cạnh tranh lành mạnh sẽ tặng thưởng công bằng cho những người làm tốt và làm giỏi, và sẽ trừng phạt nghiêm khắc những người làm không tốt và không giỏi. Cạnh tranh lành mạnh là một hình thức thi đua trong toàn xã hội. Những người muốn có thu nhập cao thì phải giành được thắng lợi trong cuộc cạnh tranh, còn những người không thành công trong cuộc cạnh tranh thì thu nhập thấp hoặc bị loại trừ. Cuộc cạnh tranh bình đẳng là động lực rất to lớn để phát triển sản xuất.

Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp thường có chính sách ưu đãi hoặc phân biệt đối xử đối với một số người, một số thành phần, một số ngành, một số vùng, tạo ra tình trạng không bình đẳng trong cuộc cạnh tranh kinh tế. Những người được ưu đãi không cần phải phấn đấu để làm tốt nhất, vì bất kể làm tốt hoặc làm không tốt, làm có lãi hoặc lỗ, họ vẫn được trợ cấp và ưu đãi. Dù làm không tốt, họ vẫn đấu tranh để duy trì chế độ ưu đãi và nhà nước không dám bỏ rơi họ. Những người bị phân biệt đối xử dù có cố gắng bao nhiêu cũng vẫn bị thiệt thòi. Tạo ra môi trường cạnh

Digitized by Google

tranh bình đẳng và hợp tác chân thành khuyến khích hàng mấy chục triệu người nỗ lực làm việc cũng là một động lực to lớn làm cho toàn bộ nền kinh tế nước ta phát triển với hiệu quả cao. Để tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng và hiệu quả, cần phải chấm dứt chính sách ưu đãi đối với một số đối tượng và phân biệt đối xử với những đối tượng khác.

Trong hoạt động kinh tế, nếu áp dụng chính sách ưu đãi và phân biệt đối xử thì sẽ tạo nguồn gốc đẻ ra tệ quan liêu và tham nhũng. Chính sách ưu đãi đẻ ra nhiều thủ tục và trao quyền cấp thủ tục cho nhiều cấp chính quyền. Và bộ máy nhà nước phải tổ chức đầy đủ ban bệ, tăng nhiều biên chế thì mới làm được việc quản lý. Do đó bộ máy nhà nước rất cồng kềnh. Đã có trường hợp muốn được phép kinh doanh phải xin tới hàng chục chữ ký của các cấp và các cơ quan. Người nông dân muốn chuyển đất trồng lúa sang trồng cây công nghiệp cũng phải xin phép nhiều cửa ; muốn vay được vốn của ngân hàng có khi phải xin tới 8 chữ ký. Rõ ràng là muốn có ưu đãi và đặc quyền đặc lợi, người ta phải chạy chọt, luồn lọt hết cửa nọ đến cửa kia và phải đút lót. Chấm dứt được chế độ ưu đãi và phân biệt đối xử trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời xây dựng được khuôn khổ luật pháp cho cạnh tranh bình đẳng là biện pháp chống quan liêu và tham nhũng triệt để nhất. Có như thế thì mới làm nhẹ được bộ máy nhà nước. Nếu tiếp tục chống quan liêu và chống tham nhũng như cách hiện nay thì chủ yếu là giải quyết hiện tượng mà không giải quyết được nguyên nhân.

4 - Cơ chế giá cả và nguyên tắc trao đổi ngang giá là yếu tố rất quyết định của cơ chế thị trường. Cơ chế thị trường tôn trọng giá cả thị trường. Ngược lại, cơ chế tập trung quan liêu bao cấp dùng mệnh lệnh hành chính kiểm soát giá cả và thường định giá thấp hơn giá trị trường. Kinh nghiệm của chúng ta trong những năm 80 là việc kiểm soát giá cả và định giá thấp đã gây ra hỗn loạn trong cung cầu, kìm hãm lực lượng sản xuất phát triển, hàng hóa khan hiếm lạm phát trầm trọng. Năm 1989, việc ta cho thả nổi giá cả phần lớn các sản phẩm và thả nổi tỉ giá hối đoái là bước đổi mới rất quan trọng, đưa nước ta bước ra khỏi đỉnh cao của cuộc khủng hoảng. Chúng ta cần tiếp tục cải thiện thêm cơ chế giá cả cũng như tỉ giá hối đoái với sự điều tiết của nhà nước.

5 - Sau 40 năm chiến tranh lạnh và chạy đua vũ trang, thời kỳ chạy đua kinh tế trên toàn cầu đang bắt đầu, đặc biệt là giữa 5 trung tâm của thế giới. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba đang đưa đến những thay đổi rất to lớn, sâu sắc và nhanh chóng. Cuộc cách mạng công nghiệp lần này sẽ đưa đến những thay đổi về chất trong nền kinh tế thế giới. Chỗ mạnh của thị trường thế giới là nó có mọi thứ sản phẩm. Do đó thương mại thế giới có lợi cho tất cả các nước. Nền thương mại thế giới ngày càng phát triển cao và mở rộng cùng với việc từng bước giảm mạnh và xóa bỏ hàng rào quan thuế. Thế giới đang có xu hướng trở thành một thị trường chung. Tất cả các nước lớn nhỏ ngày càng quan hệ chặt chẽ với nhau và phụ thuộc lẫn nhau. Không một nước nào có thể đóng cửa tự cấp tự túc được. Chính sách mở cửa của ta và chính sách đẩy mạnh xuất khẩu là phù hợp với xu thế chung của kinh tế thế giới. Hòa nhập vào nền kinh tế thế giới và chọn một sự phân công lao động tối ưu trong nền kinh tế thế giới là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế của chúng ta. Ngoại thương là một nhân tố quyết định sự phát triển của các nước (nhất là đối với sự phát triển của các nước nhỏ như Bỉ, Xin-ga-po, Thụy sĩ v.v.. Ngoại thương của các nước này lớn hơn cả tổng sản phẩm xã hội của họ). Thị trường rộng lớn của thế giới sẽ giúp chúng ta mở rộng thị trường cho nền kinh tế và mở rộng quy mô sản xuất những sản phẩm mà chúng ta có lợi thế. Phân công lao động quốc tế là một nhân tố làm tăng mạnh năng suất lao động. Để có được sự phân công lao động tối ưu trên quốc tế, chúng ta cần chú trọng nghiên cứu kinh tế và thị trường thế giới. Muốn tranh thủ được thuận lợi này, cần thúc đẩy sự cạnh tranh trong nội bộ nền kinh tế của ta. Đó là điều kiện để thúc đẩy xuất khẩu và điều kiện cho việc mở cửa. Không có một nền kinh tế thị trường với sức cạnh tranh đầy đủ, thì mở cửa sẽ là một cuộc tự sát trước sự tràn ngập của hàng hóa nước ngoài.

6 - Cơ chế thị trường tạo ra động lực lớn cho sự phát triển kinh tế. Nhưng, cơ chế thị trường cũng có nhiều khuyết tật : phân hóa mạnh mẽ giàu nghèo, gây ra khủng hoảng, thất nghiệp, lạm phát, và có thể đưa đến chế độ tư bản. Để phát huy mặt

Digitized by Google

tích cực, hạn chế và khắc phục mặt trái của nó, chúng ta cần thiết lập cơ chế thị trường đồng bộ dưới sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước phải tăng cường vai trò quản lý, điều tiết ở những địa hạt quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Hiện nay có nhiều vấn đề quan trọng cần có vai trò rất quyết định của nhà nước thì nhà nước không làm hoặc làm không đầy đủ. Trái lại, có những vấn đề thuộc trách nhiệm chủ yếu của thị trường thì nhà nước lại bao biện làm thay. Trách nhiệm lớn nhất của nhà nước là quản lý, thúc đẩy nền kinh tế hoạt động có hiệu quả, thực hiện công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và tạo điều kiện vĩ mô cho nền kinh tế phát triển và ổn định.

Nhà nước phải bảo vệ độc lập, hòa bình và an ninh cho quốc gia, tạo môi trường quốc tế thuận lợi để xây dựng và phát triển kinh tế. Nhà nước cần có một hệ thống luật pháp đầy đủ tạo khuôn khổ pháp lý cho các thành phần kinh tế. Luật pháp bảo vệ người làm ăn lương thiện, chống lừa đảo, chống lũng đoạn và độc quyền. Chúng ta đang từng bước làm việc này nhưng nói chung còn chậm và chưa kịp thời. Nhà nước cần tập trung xây dựng một hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh cho kinh tế phát triển, bao gồm giao thông đường bộ, đường thủy và hàng không, năng lượng, thông tin liên lạc, viễn thông. Nhà nước có chính sách đầu tư vào nghiên cứu khoa học cơ bản và có một hệ thống giáo dục đào tạo con người, nhân tố sản xuất quyết định nhất. Nhà nước cần hoàn thiện hệ thống chính sách thuế và chính sách phúc lợi xã hội nhằm phân phối lại thu nhập quốc dân, đảm bảo công bằng xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế. Nhà nước sử dụng những công cụ chủ yếu về tiền tệ và tài chính để giữ vững ổn định vĩ mô của nền kinh tế quốc dân. Nhà nước cần tác động khi nền kinh tế phát triển, trì trệ hoặc giảm sút, có biện pháp tích cực chống thất nghiệp, tạo cho người lao động có đủ việc làm, và chống lạm phát làm cho giá cả ổn định. Tuy vậy, nhà nước không can thiệp trực tiếp vào hoạt động của thị trường, mà sử dụng cẩn thận và khéo léo quyền lực của mình về tài chính và tiền tệ để điều tiết. Về tài chính, đó là quyền đánh thuế và quyền chi tiêu thuộc ngân sách. Về tiền tệ, đó là quyền quyết định lượng cung ứng tiền trên thị trường, tác động đến vốn đầu tư qua lãi suất ngân hàng cho vay hoặc lãi suất tiết kiệm v.v. Nhà nước tác động vào quan hệ cung - cầu của toàn bộ nền kinh tế quốc dân bằng công cụ tài chính và tiền tệ, giúp cho thị trường tự điều chỉnh. Do đó ngành ngân hàng và ngành tài chính cần phải được củng cố và tăng cường để có thể giúp Nhà nước quản lý vĩ mô nền kinh tế. Nhà nước làm tốt những chức năng và nhiệm vụ nêu trên tức là giải quyết được một khâu quyết định trong sự nghiệp đổi mới. Tuy nhiên, đây là một việc khó khăn, nhiều khi là do quan niệm cũ, do thói quen của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, và do lợi ích của một số người gắn chặt với cơ chế cũ.

Công cuộc đổi mới của nước ta trong những năm qua đã đem lại những kết quả đáng mừng. Bước đổi mới vừa qua đã không gây ra hỗn loạn về giá cả và tỉ giá hối đoái ; ngược lại đã giải quyết những hỗn loạn về kinh tế, xã hội nhờ việc quản lý có hiệu quả của nhà nước. Chúng ta đã chấm dứt nhanh chóng và gọn gàng nạn lạm phát phi mã 3 con số, bình ổn được giá cả thị trường, chấm dứt được nạn khan khiếm hàng hóa, nạn khan hiếm tiền, chấm dứt được nạn thâm hụt ngân sách triền miên, xóa bỏ được một phần nạn đầu cơ, tích trữ, buôn lậu. Chúng ta cũng đã giảm nhẹ được một phần bộ máy cồng kềnh của nhà nước. Chẳng những thế, việc xóa bỏ cơ chế nhà nước quyết định giá cả đã cởi trói cho lực lượng sản xuất, làm cho nó phát triển với tốc độ cao. Việc xóa bỏ cơ chế nhà nước quyết định giá cả đã giải quyết nguyên nhân cơ bản đẻ ra những trì trệ về kinh tế và xã hội. Những kinh nghiệm trong bước đổi mới về giá cả là những bài học quý báu để chúng ta tiến hành những bước đổi mới tiếp theo.

Sự nghiệp công nghiệp hóa là một cuộc cách mạng rất sâu sắc, tác động đến toàn bộ đời sống xã hội. Để giành được thắng lợi to lớn trong cuộc cách mạng này, chúng ta phải tôn trọng quy luật kinh tế. Kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, xây dựng cơ chế thị trường đồng bộ dưới sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đề cao quyền làm chủ của nhân dân, đặc biệt là trong đời sống kinh tế theo nguyên tắc do dân và vì dân. Làm được những việc đó là tạo ra được động lực mạnh mẽ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

Digitized by Google

THƯƠNG NGHIỆP VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHỆ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

HOÀNG ĐẠT*

MỘT thời gian dài trước đây chúng ta chủ trương thực hiện công nghiệp hóa và phát triển công nghiệp theo hướng xây dựng nền đại công nghiệp cơ khí có khả năng cải tạo nông nghiệp với ngành chế tạo máy là trung tâm. Đáng tiếc là mô hình trên chưa đem lại hiệu quả như chúng ta mong muốn. Điều này có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là cơ chế quản lý cũ chưa thích hợp với nền kinh tế.

Năm 1963, Tổ chức phát triển công nghiệp của Liên hợp quốc (UNIDO) đưa ra khái niệm : Công nghiệp hóa là một quá trình phát triển kinh tế, trong quá trình này một bộ phận ngày càng tăng các nguồn của cải quốc dân được động viên để phát triển một cơ cấu kinh tế nhiều ngành ở trong nước với kỹ thuật hiện đại. Đặc điểm cơ cấu kinh tế này là có một bộ phận chế biến luôn thay đổi để sản xuất ra những tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng, có khả năng bảo đảm cho toàn bộ nền kinh tế phát triển với nhịp độ cao và đạt tới sự tiến bộ về kinh tế - xã hội.

Công nghiệp hóa theo quan điểm trên đây làm cho nền kinh tế các nước NIC châu Á đạt tốc độ tăng trưởng cao (bình quân là 7-10%/năm). Nam Triều tiên vào đầu những năm 70 đã chuyển dịch cơ cấu theo hướng xuất khẩu, ưu tiên những ngành công nghiệp mũi nhọn (công nghiệp điện tử), đồng thời cải tạo công nghệ ở những ngành truyền thống như dệt, may mặc... Xin-ga-po lại đi từ dịch vụ vận tải biển, coi đây là ngành mũi nhọn. Mặt khác, họ chú trọng huy động vốn đầu tư trực tiếp và dựa vào liên doanh với các công ty đa quốc gia. In-đô-nê-xi-a, Thái lan lại chọn nông nghiệp làm trọng điểm trong giai đoạn đầu, nhằm tạo tích lũy ban đầu cho công nghiệp hóa.

Đương nhiên, các chiến lược công nghiệp hóa phải gắn với điều kiện từng nước, và phải phát huy được lợi thế so sánh trong hệ thống kinh tế thế giới ngày càng mở. Ở nước ta, trong bài phát biểu tại Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng vừa qua, đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã nhấn mạnh : "Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải tạo ra những điều kiện cần thiết về vật chất - kỹ thuật, về con người và khoa học - công nghệ, *thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế*, nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, không ngừng tăng năng suất lao động xã hội, làm cho nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, thực hiện công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái". Điều cần chú ý là công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải gắn với việc áp dụng rộng rãi những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thời đại. Chúng ta thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhằm cải biến một xã hội nông nghiệp lạc hậu thành một xã hội công nghiệp gắn với việc hình thành từng bước quan hệ sản xuất tiến bộ, ngày càng thể hiện đầy đủ hơn bản chất ưu việt của chế độ mới.

Trong hệ thống quan điểm về công nghiệp hóa, Đảng ta rất chú trọng chiến lược hướng mạnh vào xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng

* Giáo sư, Viện trưởng Viện kỹ thuật thương mại

Digitized by Google

những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả. Mặt khác, coi trọng xây dựng nền kinh tế mở cả trong nước và với bên ngoài, phát huy lợi thế so sánh của cả nước cũng như của từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực, trong từng thời kỳ, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và thị trường thế giới. Hướng về xuất khẩu là cách tận dụng những lợi thế so sánh, tranh thủ sức mua trên thị trường thế giới để tích tụ vốn nhằm nhanh chóng mở rộng quy mô, nâng cao trình độ sản xuất trong nước, tạo thêm nhiều việc làm và thu nhập, tăng khả năng nhập vật tư, thiết bị để tạo ra những hàng hóa, dịch vụ có giá trị lớn, chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trên thương trường.

Trong định hướng phát triển các ngành công nghiệp và công nghệ từ nay đến cuối thập kỷ, chúng ta đặc biệt coi trọng công nghệ chế biến nông, lâm, thủy sản và hàng tiêu dùng, một số lĩnh vực công nghiệp quan trọng mà ta có khả năng đi nhanh vào như công nghiệp cơ khí và điện tử, làm cho ngành điện tử - tin học dần dần trở thành ngành mũi nhọn với công nghệ hiện đại. Công nghiệp sản xuất nguyên, nhiên, vật liệu cũng được đặc biệt quan tâm. Mục tiêu của ta là phải vươn lên theo kịp trình độ của các nước tiên tiến với bước đi, cơ cấu và quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện trong nước và khả năng hợp tác với bên ngoài trong mỗi thời kỳ phát triển. Đương nhiên, chính sách phát triển công nghiệp phải gắn kết chặt chẽ với các chính sách và giải pháp phát triển các ngành và các lĩnh vực, hỗ trợ và thúc đẩy nhau cùng phát triển.

Trong hệ thống chính sách và giải pháp lớn phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, bên cạnh các chính sách nhân lực, vốn, chính sách kinh tế nhiều thành phần, cần đặc biệt coi trọng chính sách thị trường. Báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Hội nghị lần thứ bảy nhấn mạnh : "Hiện nay, thị trường trong và ngoài nước là một trong những yếu tố quyết định, cũng là một thách thức lớn đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta". Đây là một trong những vấn đề hết sức quan trọng đòi hỏi chúng ta phải tìm hiểu các đối tác, có chiến lược và sách lược khôn ngoan trong việc mở rộng và chiếm lĩnh thị trường, nhất là trong điều kiện cạnh tranh kinh tế ngày càng phức tạp và gay gắt.

Thực tế cho thấy, sự phát triển của thương nghiệp và cơ cấu kinh doanh của nó chịu ảnh hưởng rất lớn của những thay đổi trong cơ cấu sản xuất và trong công nghệ. Xuất phát từ nhu cầu của thị trường, từ lợi thế so sánh của hàng hóa mỗi nước trên thị trường quốc tế, từ hiệu quả kinh tế - xã hội tổng hợp, thương nghiệp lại tác động mạnh mẽ đến cơ cấu sản xuất, thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ để ngày càng có nhiều sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới, có thể thay thế hàng nhập khẩu và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày một lớn của nhân dân.

Hoạt động thương nghiệp và thị trường trong những năm đổi mới (từ 1989 lại đây) tuy còn rất nhiều thiếu sót, nhược điểm xét từ giác độ tác động đến đổi mới cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng cũng đã hé mở những triển vọng và xu thế :

- Phát tín hiệu sản phẩm hàng hóa bão hòa (có dấu hiệu ứ đọng) về các sản phẩm nông nghiệp truyền thống dưới dạng nguyên liệu thô, về các sản phẩm công nghiệp tiêu dùng chất lượng thấp, tính năng đơn giản và giá cả thiếu sức cạnh tranh. Đáng chú ý là hàng ngoại tràn lan khiến cho nhiều mặt hàng trong nước khó tiêu thụ, nhiều cơ sở sản xuất bị đình đốn. Mặc dù vậy cũng đã có không ít cơ sở sản xuất vươn lên, từng bước khẳng định chỗ đứng trên thương trường. Bước đầu nó đã thúc đẩy xu hướng gắn thương nghiệp với sản xuất, đầu tư vào sản xuất để tạo ra sản phẩm thích hợp với nhu cầu của thị trường.

- Với xu hướng lợi nhuận thương nghiệp ngày càng xoay quanh một tỷ lệ lợi nhuận bình quân trung bình ở mức thấp (vì chênh lệch giá ngày càng thu hẹp), thì kiểu kinh doanh "phi vụ, chụp giựt" sẽ giảm dần. Các doanh nghiệp muốn tồn tại phải có chiến lược kinh doanh, phải tổ chức hợp lý mối quan hệ giữa sản xuất và thương nghiệp, giữa sản xuất và xuất nhập khẩu. Mối quan hệ đó một mặt chịu tác động của các nguyên lý ma-két-ting ; mặt khác, chịu chi phối bởi quy

Digitized by Google

luật chuyên môn hóa sản xuất kinh doanh ngày một sâu mới bảo đảm hiệu quả.

- Tỷ trọng các hàng chế biến trong tổng kim ngạch xuất khẩu có xu hướng tăng từ khoảng 5% năm 1990 lên 19 - 20% năm 1993. Điều đó nói lên : sản xuất và xuất khẩu có chuyển dịch theo đòi hỏi của nhu cầu thị trường. Mặt khác, chuyển sang chế biến sẽ giải quyết được vấn đề công ăn việc làm cho người lao động trong nước. Đương nhiên, xu hướng này xuất hiện cả trong lĩnh vực chế biến nông, lâm, hải sản, và sản xuất hàng tiêu dùng, đặc biệt có tốc độ phát triển nhanh trong lĩnh vực may mặc xuất khẩu.

- Ở nước ta, tuy chưa đồng bộ, đều khắp, nhưng ở quy mô hộ gia đình tại thôn, xã, huyện... đều xuất hiện xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nông nghiệp theo hướng tìm cây trồng, con vật nuôi có hiệu quả, khai thác thế mạnh của các làng nghề truyền thống và hướng về sản phẩm xuất khẩu. Điều đáng chú ý là đã xuất hiện nhiều hộ làm kinh tế vườn, chăn nuôi có thu nhập từ 20 triệu đến 100 triệu đồng/năm (mức thu nhập của các hộ này tăng gấp hàng chục, vài chục lần so với các hộ vẫn giữ cơ cấu sản xuất truyền thống).

Mặc dù vậy, vấn đề khó nhất vẫn là nghiên cứu, thăm dò, dự báo thị trường, nắm vững đối tác buôn bán và đối tác cạnh tranh để có chiến lược mặt hàng và chính sách thị trường thích hợp.

Trong một thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, từ bỏ kế hoạch kiểu tập trung quan liêu, chuyển sang kế hoạch có định hướng, nhưng không thể là kiểu định hướng chung chung. Thị trường trong bước quá độ đòi hỏi những kế hoạch chỉ đạo sát sao, thể hiện ý đồ chiến lược, bám sát các mục tiêu kinh tế - xã hội, cân đối cung - cầu vĩ mô tích cực và vững chắc. Có như vậy thương nghiệp mới đóng được vai trò chỉ ra cho sản xuất lĩnh vực hoạt động và phương thức sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Các tổ chức thương nghiệp lớn của nhà nước phải trở thành người bạn tin cẩn của nhà sản xuất, bảo đảm thị trường tiêu thụ cho các nhà đầu tư đổi mới cơ cấu sản phẩm và công nghệ, giảm bớt rủi ro cho họ. Thương nghiệp không chỉ nắm đại bộ phận bán buôn mà còn phải tổ chức bán lẻ với những hình thức và quy mô phù hợp như các siêu thị, có nhiều mặt hàng phong phú, bảo đảm văn minh thương nghiệp. Cần sớm khắc phục tình trạng để cho thương nghiệp quốc doanh suy sụp, thương nghiệp hợp tác xã tan rã.

Để thương nghiệp có khả năng tác động có hiệu quả vào công nghiệp, công nghệ và cơ cấu kinh tế, chúng ta không thể duy trì một nền thương nghiệp nhỏ với tổ chức thị trường theo lối thô sơ, đơn giản, với phương thức kinh doanh của các doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp lớn của nhà nước) theo kiểu kiếm lợi trong từng phi vụ, mà phải hình thành dần các tổ chức kinh tế lớn, phát triển các liên đoàn, hiệp hội thương mại có sức mạnh kinh tế, có khả năng nghiên cứu thị trường, có năng lực cạnh tranh trên thị trường thế giới, gắn chuyên môn hóa với hợp tác hóa, chuyên doanh với kinh doanh tổng hợp, vừa làm công cụ kinh tế đắc lực của nhà nước để ổn định và định hướng thị trường, vừa làm chỗ dựa cho các nhà sản xuất. Để thương nghiệp ngày càng gắn bó chặt chẽ với việc phát triển công nghiệp và công nghệ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, theo tôi, cần thực hiện mấy vấn đề sau đây :

1 - Nhanh chóng tổ chức ở tầm quản lý vĩ mô sự phối hợp giữa ngành thương mại và các ngành sản xuất nông - công nghiệp, hình thành chiến lược sản phẩm theo hướng phát huy lợi thế so sánh, thay cho các chiến lược được xây dựng trước đây chủ yếu dựa trên năng lực sản xuất của các ngành. Với quan điểm : "Nâng cao *khả năng tiếp thị* (marketing) của các doanh nghiệp. Xây dựng các hiệp hội kinh doanh, tăng cường phòng thương mại và công nghiệp làm đầu mối hỗ trợ quan hệ giao dịch giữa các nhà kinh doanh trong và ngoài nước. Phát triển nhiều hình thức dịch vụ thông tin kinh tế, quảng cáo, hội chợ, triển lãm... Tạo điều kiện thuận lợi cho người sản xuất trực tiếp tìm hiểu nhu cầu thị trường, giao dịch với bạn hàng trong và ngoài nước" (1).

2 - Phối hợp đồng bộ giữa ngành nông nghiệp với các ngành công nghiệp thực phẩm, hải sản,

(1) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr25

Digitized by Google

thương nghiệp, giao thông vận tải, khoa học công nghệ... Đi nhanh vào sản phẩm rau quả nhiệt đới và nâng trình độ chế biến để tăng chất lượng các sản phẩm đang có thị trường (như lương thực, cà phê, hạt điều, thủy sản...). Hiện nay, các mặt hàng trên, do trình độ chế biến thấp, chất lượng sản phẩm kém nên không đạt lợi thế về giá.

3 - Đầu tư để tăng nhanh các sản phẩm tiêu dùng đòi hỏi trình độ kỹ thuật gia công khéo léo và tinh xảo, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và thị trường ngoài nước : quần áo may sẵn và giày dép chất lượng cao, hợp thời trang, kiểu dáng không ngừng đổi mới ; các sản phẩm gia dụng bằng chất dẻo, gỗ và các chất liệu khác ; sản phẩm điện kỹ thuật gia dụng ; đồ chơi, quà tặng, các đặc sản như lụa tơ tằm, quần áo tơ tằm v.v.

4 - Cần đi nhanh vào lắp ráp các đồ điện tử phục vụ trong nước và xuất sang các nước có khí hậu nhiệt đới ; mặt khác, cần coi trọng kết hợp sản xuất với dịch vụ kỹ thuật như phát triển công nghệ tin học đi đôi với xuất khẩu dịch vụ và kỹ thuật phần mềm.

5 - Đẩy mạnh việc phát triển công nghiệp và công nghệ phục vụ mở rộng hoạt động dịch vụ lên ngang mức trung bình của thế giới. Đây là lĩnh vực ta có khả năng tiếp thu kỹ thuật công nghệ tiên tiến, đồng thời lại có vị trí địa lý thuận lợi cho nên có tiềm năng phát triển nhanh. Vì vậy, các cơ sở thương nghiệp quốc doanh cần làm tốt chức năng đại diện cho người tiêu dùng để đặt hàng cho người sản xuất. Mở rộng quan hệ hợp đồng trong nước và nước ngoài. Với quan điểm đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ kinh tế với mọi quốc gia, mọi tổ chức kinh tế trên thế giới, trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi, giữ vững và tăng cường quan hệ buôn bán ở các thị trường quen thuộc và các bạn hàng truyền thống, tích cực thâm nhập và tạo chỗ đứng ở các thị trường mới.

Về phía ngành thương nghiệp, cần tập trung vào mấy điểm then chốt :

1 - Nghiên cứu kỹ nhu cầu của thị trường trong, và ngoài nước bằng phương thức kinh doanh và tổ chức hợp lý các quan hệ trao đổi hàng hóa giữa nông nghiệp và công nghiệp, trong nước và ngoài nước để mở rộng thị trường cho sản phẩm công nghiệp.

2 - Ngăn chặn và triệt tiêu tình trạng buôn lậu và nhập lậu. Chính sách nhập khẩu phải phục vụ có hiệu quả cho phát triển sản xuất và đổi mới công nghệ, thúc đẩy nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa, đáp ứng được nhu cầu của sản xuất và đời sống nhân dân.

3 - Tìm hiểu các công nghệ có sức cạnh tranh, hàng hóa có thị trường tương lai để giới thiệu cho các ngành sản xuất ; cùng đầu tư với công nghiệp để làm ra sản phẩm mới, mở ra thị trường mới. Các doanh nghiệp trong nước có thể vay vốn nước ngoài để tự đầu tư với điều kiện bảo đảm việc trả nợ, tranh thủ công nghệ tiên tiến và hiện đại nhằm từng bước hòa nhập vào nền kinh tế thế giới.

4 - Có hệ thống chính sách nhập khẩu, chính sách thị trường nội địa phù hợp, đủ mềm dẻo, linh hoạt để kích thích sự chuyển dịch cơ cấu, nhất là cơ cấu hướng về xuất khẩu như kinh nghiệm các nước quanh ta đã làm.

5 - Thị trường là một thể thống nhất không thể chia cắt. Thị trường trong nước và thị trường ngoài nước có liên quan chặt chẽ với nhau, hỗ trợ nhau cùng phát triển. Cho nên nhà nước cần coi trọng sự đồng bộ, tính thống nhất của thị trường trong việc hoạch định các chính sách vĩ mô, tổ chức hệ thống và chỉ đạo kinh doanh.

6 - Coi trọng việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế thị trường. Nhanh chóng đưa vi tính vào trong quản lý kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả kinh tế. Cán bộ ngành thương mại cần có trình độ ngoại ngữ tinh thông để giao tiếp với bạn hàng quốc tế, ký kết các hợp đồng kinh tế và học hỏi để nâng cao trình độ quản lý kinh tế.

Digitized by Google

Công nghiệp quốc phòng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

NGUYỄN MINH KHẢI *

CÔNG nghiệp hóa, hiện đại hóa là một tất yếu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Để thực hiện thành công sự nghiệp này, cần có nhiều giải pháp để khai thác mọi nguồn lợi quốc gia, tạo ra sự đột phá, vượt qua đói nghèo, đi lên. Chúng tôi xin đề cập tới công nghiệp quốc phòng với tư cách là một nguồn lực quốc gia, một bộ phận của nền kinh tế quốc dân. Có thể và cần phải làm gì để trở thành một chủ thể kinh tế tham gia có hiệu quả vào tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*

Công nghiệp quốc phòng (CNQP) theo cách hiểu trước đây là khu vực sản xuất không sinh lợi, là gánh nặng đối với nền kinh tế quốc dân ; nó hạn chế khả năng tích lũy vốn để xây dựng kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân. Ngày nay, CNQP không chỉ là khu vực sản xuất đáp ứng nhu cầu phòng thủ đất nước, mà còn đảm bảo sự ổn định để phát triển nền kinh tế. Trong những điều kiện lịch sử nhất định và cơ chế điều hành phù hợp, CNQP có thể từ một khu vực sản xuất không sinh lợi, trở thành một khu vực sinh lợi ; từ chỗ là gánh nặng cho nền kinh tế trở thành lực lượng đáng kể góp phần nâng cao sự tăng trưởng chung. Mặt khác, CNQP với những đòi hỏi cao về khoa học và công nghệ, nơi tập trung đông đảo cán bộ khoa học - kỹ thuật và công nhân lành nghề, với tiềm lực vật chất đáng kể, sẽ là nơi sản sinh ra những đột phá về khoa học và công nghệ, nhất là khi thực hiện có hiệu quả chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Những năm qua, CNQP đã có sự chuyển hướng và đạt được những kết quả bước đầu. Từ 1990, tốc độ tăng trưởng hằng năm của bộ phận làm kinh tế đạt trên dưới 40%. Năm 1993, tổng doanh thu : 4980 tỉ đồng, nộp ngân sách 120 tỉ đồng, kim ngạch xuất nhập khẩu và thu ngoại tệ : 90 triệu USD, giải quyết việc làm có thu nhập ổn định cho 6 vạn lao động và góp phần đáng kể vào thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Năm 1994, dự kiến tổng doanh thu : 2500 tỉ đồng, nộp ngân sách : 150 tỉ đồng, kim ngạch xuất khẩu và thu ngoại tệ : 110 triệu USD [1]. Những con số nêu trên thể hiện tiềm lực và khả năng phát triển đáng kể của CNQP khi có chủ trương và chính sách đúng.

Đây là sự đóng góp không nhỏ trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tại hội nghị lần thứ 7 BCHTƯ Đảng khóa VII, đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười nêu rõ : "Quan tâm đúng mức đến công nghiệp quốc phòng. Xây dựng phương án và cơ chế để huy động các ngành công nghiệp dân dụng phục vụ những nhu cầu quốc phòng một cách có hiệu quả. Đồng thời, tận dụng năng lực của công nghiệp quốc phòng để làm hàng dân dụng, góp phần đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống " [2].

Rõ ràng, cần phải khẳng định : khu vực sản xuất quốc phòng là một bộ phận trong tổng thể nền kinh tế quốc dân thống nhất. Công nghiệp quốc phòng là bộ phận không thể tách rời của công nghiệp quốc gia trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, là một trong những thế mạnh cần được nuôi dưỡngvà khai thác có hiệu quả hơn.

Để đẩy mạnh phát triển CNQP, đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, theo chúng tôi, cần tập trung khai thác ba lĩnh vực cơ bản sau :

1 - *Chuyển hướng sử dụng một phần năng lực vật chất của CNQP để sản xuất hàng hóa và dịch vụ dân sự*

Có một số ý kiến cho rằng, chuyển hướng CNQP sang sản xuất hàng hóa và dịch vụ dân sự sẽ làm suy yếu CNQP, dẫn đến bị động và lúng

---

* Học viện chính trị quân sự

(1) Xem *Thời báo kinh tế Việt nam*, số 18-1994, tr11

(2) *Tạp chí Cộng sản*, số 8-199[illegible]

Digitized by Google

tung khi chiến tranh xảy ra. Do đó, CNQP chỉ nên tập trung sản xuất vũ khí, trang bị hậu cần cho quân đội ; không nên làm kinh tế vì quân đội làm kinh tế không có hiệu quả.

Theo chúng tôi, sự chuyển hướng CNQP để hòa nhập vào nền kinh tế đất nước vừa tạo sinh lực mới cho CNQP vừa góp phần đáng kể vào phát triển nền kinh tế đất nước. Một thực tế dễ nhận thấy là, khi nền kinh tế đang cần vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sẽ là một lãng phí lớn nếu CNQP (có tổng số vốn và doanh nghiệp đứng thứ 2 trong các ngành kinh tế) chỉ thực hiện một nhiệm vụ là sản xuất vũ khí và trang bị hậu cần cho quân đội. Theo tính toán của Tổng cục công nghiệp quốc phòng và xây dựng kinh tế hiện nay, để bảo đảm các nhu cầu trong thời bình, các doanh nghiệp quốc phòng mới sử dụng 15 - 30% công suất thiết bị và lực lượng lao động. Vì vậy, việc chuyển hướng CNQP, tận dụng năng lực sản xuất để sản xuất hàng hóa và dịch vụ dân sự là một đòi hỏi cấp bách, tạo ra nguồn vốn đáng kể cho nền kinh tế mà không cần phải đầu tư thêm.

Hiệu quả của sự chuyển hướng này không chỉ có ý nghĩa về kinh tế mà còn có ý nghĩa về quốc phòng và xã hội. Bởi lẽ, tham gia vào sản xuất hàng hóa và dịch vụ dân sự, CNQP có thể tự tái trang bị và nuôi sống mình ; mặt khác giảm được một phần ngân sách quốc gia để chuyển sang các lĩnh vực cần ưu tiên khác. Bản thân CNQP khi tự tái trang bị được những công nghệ hiện đại hơn càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu phòng thủ đất nước, thực hiện tốt chiến lược kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế.

2 - *Thực hiện sự chuyển giao công nghệ giữa CNQP và các ngành kinh tế dân sự*

Do những đòi hỏi cao về công nghệ, CNQP nước ta trong những năm qua đã phát triển không ngừng và có tiềm lực khoa học, công nghệ đáng kể như : cơ khí chính xác, luyện kim, đúc chi tiết lớn, sản xuất thuốc nổ, hóa chất, đóng và sửa chữa tàu thuyền, bảo dưỡng và sửa chữa máy bay, sản xuất linh kiện điện tử và thiết bị thông tin...

Để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đất nước đã phải bỏ ra một lượng vốn không nhỏ để nhập thiết bị, công nghệ và thuê chuyên gia nước ngoài. Trong khi tìm kiếm công nghệ ở thị trường nước ngoài, chúng ta cần có chính sách khuyến khích chuyển giao công nghệ trong nước, xóa bỏ sự biệt lập giữa các ngành, các lĩnh vực và các cơ sở nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Xét trên góc độ này, CNQP có thế mạnh và vai trò đáng kể trong chuyển giao công nghệ cho nền kinh tế quốc dân. Vấn đề hợp tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng cần được mở rộng giữa các liên hiệp khoa học - sản xuất của quân đội với các cơ sở khoa học, công nghệ quốc gia để tránh lãng phí nguồn chất xám to lớn đang tiềm ẩn trong các cơ sở do quân đội quản lý.

3 - *Phát huy hơn nữa thế mạnh của quân đội, xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế*

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, các đơn vị công binh, xây dựng cầu đường và vận tải quân đội đã làm nên những kỳ tích mà thế giới phải khâm phục, đảm bảo mạch máu giao thông thông suốt từ hậu phương đến tiền tuyến. Đất nước bước vào thời kỳ kiến thiết, các đơn vị xây dựng cơ bản của quân đội đã trụ vững và tham gia xây dựng nhiều công trình trọng điểm quốc gia.

Hiện nay, ngành xây dựng cơ bản quân đội đã được trang bị xe, máy và thiết bị thi công tương đối hiện đại, đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý có kinh nghiệm sẽ là lực lượng đáng kể tham gia vào xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế.

Một thế mạnh của quân đội cần được khai thác là xây dựng cảng biển và cảng hàng không. Các quân, binh chủng Hải quân, Không quân, Công binh cần có sự hợp tác chặt chẽ để triển khai khi có đơn hàng. Trước mắt là cải tạo, nâng cấp một số quân cảng, sân bay ; tính toán bố trí để có thể chuyển một phần năng lực của các cảng biển và sân bay sang phục vụ vận tải dân sự...

Các đơn vị quân đội thường trực nằm trên các địa bàn chiến lược như Tây nguyên, vùng núi phía bắc, tây Nam bộ, ven biển và hải đảo cần được sử dụng để tham gia sửa chữa, nâng cấp, xây dựng các công trình, cầu đường, thủy lợi, thủy điện... vừa phục vụ mục tiêu cơ động quân sự vừa tạo cơ sở hạ tầng kinh tế dân sinh. Nhiệm vụ này góp phần gắn bó giữa quân và dân trong thế trận quốc phòng toàn dân ở các địa bàn mà quân đội đứng chân.

*

Để phát huy hết tiềm năng của CNQP trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp sau :

1. Hiện nay, CNQP có quá nhiều doanh nghiệp,

Digitized by Google

hoạt động đa ngành, trước mắt có thể phát huy được tính chủ động sáng tạo trong kinh doanh, song về lâu dài sẽ làm phân tán nguồn lực,hạn chế đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị, công nghệ. Do vậy, trên cơ sở bố trí chiến lược kinh tế - quốc phòng và sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, CNQP cần được bố trí, sắp xếp lại cho phù hợp (trước hết là bố trí cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ). Đồng thời tiến hành nghiên cứu thành lập một số tập đoàn kinh tế và tổ hợp công nghiệp quân sự theo ngành hoặc theo lãnh thổ để phát huy sức mạnh tổng hợp, tạo sức cạnh tranh và khả năng điều hòa vốn linh hoạt trên thị trường.

Trong việc bố trí lại CNQP cần tránh lãng quên mục tiêu chính là sản xuất phục vụ các nhu cầu quân sự. Giải pháp cho vấn đề này là tập trung sản xuất hàng hóa và dịch vụ dân sự có tính lưỡng dụng ; bố trí một cơ cấu sản xuất và công nghệ "mềm" để có thể chuyển đổi nhanh từ sản xuất dân sự sang sản xuất quân sự và ngược lại.

Do điều kiện địa lý dễ bị chia cắt khi chiến tranh xảy ra, nên việc bố trí lại CNQP phải hết sức lưu ý đến cơ cấu lãnh thổ, tạo thế bố trí chiến lược đồng đều trên các địa bàn, bảo đảm đáp ứng kịp thời yêu cầu của quốc phòng trong tình huống xấu nhất. Hiện nay, có xu hướng các doanh nghiệp quân đội ở vùng xa xôi, hẻo lánh đang muốn chuyển về các vùng đô thị với lý do thuận tiện cho sản xuất kinh doanh. Thực tế cũng cho thấy thị trường miền núi đang bị bỏ trống nhiều ; do đó các doanh nghiệp quân đội nên có một chiến lược để đứng vững và chiếm lĩnh thị trường rộng lớn này.

Căn cứ vào năng lực sản xuất, tiến hành phân loại các xí nghiệp quốc phòng, có chủ trương và chính sách đúng với từng loại doanh nghiệp. Theo chúng tôi, trước mắt có thể phân loại như sau : *Loại 1* : các xí nghiệp có khả năng sản xuất, nghiên cứu và triển khai công nghệ mạnh, nên tập trung sản xuất, sửa chữa hàng quân sự, chỉ sử dụng không quá 30% năng lực sản xuất để làm hàng dân sự. *Loại 2* : các xí nghiệp có trình độ công nghệ trung bình, tính đặc thù sản xuất quốc phòng thấp ; có thể chuyển hướng chủ yếu sản xuất hàng dân sự (khoảng 70%), số năng lực còn lại vẫn đảm nhận sản xuất hàng quân dụng. *Loại 3* : các xí nghiệp còn lại có trình độ trang bị kỹ thuật thấp, vốn ít, nếu để sản xuất hàng quân dụng sẽ không có hiệu quả ; loại này nên chuyển 100% sang sản xuất hàng dân sự, nếu cần nên chuyển khỏi cơ cấu của CNQP.

2. *Về vốn và công nghệ* : Cũng như các cơ sở sản xuất khác trong nước, hiện tượng đói công nghệ và vốn đang phổ biến trong các xí nghiệp CNQP. Do đó, cần tính đến mở rộng liên doanh, hợp tác giữa CNQP với nước ngoài theo hướng khai thác tối đa công nghệ lưỡng dụng. Cho đến nay, việc triển khai mở rộng hợp tác còn quá chậm. Năm 1993 trong 15 dự án đề nghị được thẩm định, chỉ có 9 dự án được cấp giấy phép đầu tư với tổng số vốn là 154 triệu USD, dự kiến năm 1994 có 10 dự án được cấp giấy phép.

Tuy nhiên, do tính đặc thù của CNQP có liên quan đến an ninh và phòng thủ nên mọi sự liên doanh, hợp tác với nước ngoài cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ quốc phòng với Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư để một mặt không làm thất thoát những bí mật quốc gia, mặt khác lại tranh thủ được vốn và công nghệ nước ngoài để phát triển tiềm lực CNQP.

Để giải quyết vốn và bảo đảm hiệu quả đồng vốn, đề nghị nhà nước cho phép thành lập một ngân hàng thương mại của quân đội. Ngân hàng này sẽ là một trong những đảm bảo cho tính chủ động trong sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp quân đội, nó cũng là một dịch vụ mà quân đội cần vươn ra và nắm lấy trong điều kiện cơ chế thị trường, là trợ thủ cho CNQP vươn ra thị trường thế giới. Nhà nước có thể cho phép các doanh nghiệp quân đội được bán trái phiếu doanh nghiệp để thu hút vốn đang nhàn rỗi trong dân cư để phát triển CNQP, bước đầu việc bán trái phiếu này có thể hướng vào đội ngũ sĩ quan đang tại ngũ của quân đội.

Để có thể đi tắt đón đầu công nghệ mới và nhanh chóng tái trang bị công nghệ hiện đại cho CNQP, vấn đề đào tạo, đào tạo lại và thu hút đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của quân đội là một đòi hỏi bức xúc trong lúc này nếu như CNQP không muốn bị tụt hậu ; áp dụng cùng một lúc nhiều loại hình đào tạo, kể cả gửi đi nước ngoài đào tạo do các doanh nghiệp tài trợ.

Các doanh nghiệp quốc phòng có thể thông qua các cơ sở kinh tế dân sự đã liên doanh hợp tác với nước ngoài để tìm kiếm công nghệ mới như : công

Digitized by Google

nghệ thông tin, luyện kim, sản xuất ô tô, xe máy, đóng tàu, sản xuất xi măng mác cao.

3. *Đổi mới cơ chế quản lý trong các doanh nghiệp quân đội*

Trên cơ sở sắp xếp lại cơ cấu CNQP, cần tiếp tục tháo gỡ những ách tắc hiện nay về cơ chế quản lý đối với CNQP. Xóa bỏ tận gốc hiện tượng "nước sông công lính" sản xuất bằng bất cứ giá nào, không tính toán hiệu quả kinh tế. Hiện nay, do tính đặc thù của CNQP, việc xử trí cơ chế quản lý gặp nhiều khó khăn hơn các doanh nghiệp dân sự, tính bao cấp theo kiểu cấp phát, giao nộp còn quá nặng nề ; tình trạng nhiều cấp, nhiều tầng nấc trung gian còn khá phổ biến.

Để CNQP có thể trở thành chủ thể kinh tế thật sự, làm ăn có hiệu quả, nhà nước cần sớm ban hành cơ chế quân đội làm kinh tế và sản xuất phục vụ quốc phòng, có hướng dẫn cụ thể cho từng loại hình doanh nghiệp, bảo đảm sự bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi giữa các doanh nghiệp quân đội và các doanh nghiệp dân sự để mọi người yên tâm trong sản xuất, kinh doanh, phát huy tính năng động sáng tạo, vừa phát triển được sản xuất hàng dân sự vừa bảo đảm được năng lực sản xuất quốc phòng. Xây dựng một hệ thống tổ chức và cơ chế thích hợp nhằm làm rạch ròi giữa hạch toán kinh tế với bao cấp quốc phòng, để các doanh nghiệp có thể tính toán đầy đủ hiệu quả sản xuất kinh doanh của mình. Theo chúng tôi, nhà nước cần phân biệt hai loại ngân sách quốc phòng : Loại thứ nhất đầu tư phát triển CNQP, khoản này phải được hoàn trả bằng nộp khấu hao cơ bản (nguồn ngân sách không bao cấp, được hạch toán đầy đủ vào giá thành). Loại thứ hai là ngân sách dùng để trả cho các đơn hàng quốc phòng (giao cho Bộ quốc phòng quản lý) được dùng để ký hợp đồng đặt hàng với các cơ sở sản xuất hàng quốc phòng. Xây dựng một mô hình quản lý phù hợp từ bộ quốc phòng đến các cơ sở sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc phân định rõ quản lý nhà nước với quản lý kinh doanh, giảm bớt các cấp trung gian, thực hiện nghiêm chế độ thống kê, kế toán... Cần có biện pháp xử lý kịp thời các xí nghiệp sản xuất hàng dân sự không có hiệu quả ; có chính sách hỗ trợ thỏa đáng đối với các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn xa xôi, hẻo lánh để tăng cường sức sống và cạnh tranh của các doanh nghiệp này.

SÂN KHẤU THỦ ĐÔ NHÌN VỀ TƯƠNG LAI

LÊ QUÝ HIỂN *

KHÔNG thể bàn về sân khấu Hà nội trong tương lai nếu tách nó khỏi mối liên hệ với sân khấu hôm qua và hôm nay. Tương lai của sân khấu Hà nội *sẽ ra sao* nếu như cái thực trạng *đang ra sao* của nó chưa được xác định ? Để tìm hiểu về thời hiện tại đó, nên chăng gắn sân khấu với những quy luật vận động, phát triển tự nhiên trong hoàn cảnh xã hội cụ thể, và nên khảo cứu ngành nghệ thuật này cả từ hai phía : đối tượng sáng tạo và đối tượng tiếp nhận. Chúng ta đã có nhiều hội thảo và không ít tiếng kêu về thực trạng sân khấu, nhưng vẫn thiếu những luận bàn đầy đủ về thị hiếu, khán giả, về sự lên hay xuống cấp của sân khấu...

Vậy *sân khấu có xuống cấp hay không* ? Sân khấu vắng khách là xuống cấp nhưng bao nhiêu khách là đông, là vắng. Nhìn rộng trên bình diện xã hội, ngành lương thực là một ví dụ rõ nét. Trước đây, các cửa hàng gạo luôn đầy ắp những dòng người rồng rắn, nhân viên thì tha hồ cửa quyền ; nay họ gần như giải nghệ để từng gánh gạo đến tận từng gia đình, thậm chí lấy tiền sau mà gạo rõ ràng ngon hơn trước. Vậy lương thực đâu có xuống cấp ?

Sân khấu ta trước đây cũng có tình trạng mua vé phải xếp hàng, phải có giấy giới thiệu, thậm chí phải mua lại của "lực lượng phe". Còn nay, sân khấu sẵn sàng đến tận từng đơn vị, cơ quan. Thế nhưng gạo thì biết ngay ngon - dở, mà vở diễn thì chưa có sự tổng kết đánh giá khái quát nào ngoài những bài phê bình hiếu hỷ trên mặt báo. Có ý kiến cho rằng, sân khấu Hà nội hiện nay

* Nhà lý luận phê bình sân khấu, Viện sân khấu - Viện văn hóa nghệ thuật.

Digitized by Google

xuống cấp trầm trọng so với giai đoạn những năm 1960-1970, nhưng ngay những vở diễn hay nhất, đông khách nhất thời ấy đến hôm nay liệu có còn khán giả ?

Đi tìm nguyên nhân, không ít người cho rằng khán giả hôm nay có thị hiếu thấp, thẩm mỹ thiếu lành mạnh. Trong khi đó, chúng ta vẫn ca ngợi nhân dân với tất cả những đức tính tốt đẹp, vậy khán giả không phải là nhân dân sao ? Cần xác định cho rõ : khán giả là đông dảo các tầng lớp nhân dân với những nhu cầu, thị hiếu thẩm mỹ đa dạng, phong phú, hay chỉ là một tầng lớp, một nhóm người hiện đang có tiền mua vé vào rạp ? Xét về mặt kinh tế thì sức mua đối với sân khấu bị giảm sút rõ rệt. Hãy so sánh lương khởi điểm của cán bộ có trình độ đại học với giá vé (giá nhà nước) và giá gạo (giá tự do) ở ba mốc thời gian như sau :

- 1975 : lương 60 đồng, gạo 3 đồng/kg, vé 1,2 đồng

- 1986 : lương 55000 đồng, gạo 3000 đồng, vé 1500 đồng

- 1993 : lương 150000 đồng, gạo 2000 đồng, vé 7000 đồng

Như vậy, năm 1975 lương cán bộ tốt nghiệp đại học mua được 50 vé, đến 1986 mua được 36 vé và năm 1993 được 21 vé. Còn về gạo, năm 1975 một kg bằng 2 vé rưỡi, đến 1986 chỉ bằng 2 vé và năm 1993 chưa bằng 1/3 vé. Ngoài sức mua về sân khấu, mối quan tâm đến sân khấu trong khán giả đang bị giảm sút. Sự bùng nổ của vô tuyến truyền hình, vidêô và các loại hình nghệ thuật khác cũng chưa phải là nguyên nhân chính, bởi sân khấu luôn có sức hấp dẫn riêng của nó mà không một loại hình nào thay thế được. Điều cơ bản là nhịp sống hiện nay quá sôi động, cuốn hút công chúng của chúng ta vào bao nỗi lo toan, vất vả, hiếm khi còn thời gian nghỉ ngơi, nhàn tản.

Đối tượng tiếp nhận sáng tạo là như vậy đấy, còn lực lượng sáng tạo ? Nghèo ư, khó khăn ư, phải bán quán ư ? Đó là một thực tế không chỉ riêng của các nghệ sĩ. Khi đồng lương không đủ sống thì những việc làm lương thiện ngoài giờ là hợp lý và cần thiết. Tìm nguyên nhân sân khấu xuống cấp ở mặt này là không tôn trọng nghệ sĩ. Cuộc sống khó khăn cũng làm chúng ta mất đi một số nghệ sĩ. Nhưng thực tế cho thấy, những người còn trụ lại với nghề thì dù phải bươn chải bán quán, làm thuê..., vẫn vẹn nguyên một niềm say mê sáng tạo một khi đã bước lên sàn diễn. Vấn đề là tạo điều kiện, cơ hội để nghệ sĩ sáng tạo mà thôi.

Về phía quản lý sáng tạo, đã có sự cố gắng tài trợ 100% cho việc dựng vở, song sự tài trợ này mới chỉ đến được khâu duyệt, còn duyệt xong đông - vắng khách ra sao thì chưa được nghiên cứu đến. Thế là để có khách (mà khách thường là một nhóm người có khả năng mua vé chứ không phải là đông dảo các tầng lớp xã hội), vở diễn - dù được tài trợ - vẫn cứ phải hướng vào một đối tượng khán giả. Do vậy, đã làm mất đi tính đại chúng của sân khấu và nhiều khi còn hạ thấp tính chân thực và giá trị phản ánh của vở diễn. Trên sân khấu Hà nội gần đây vắng bóng những gương mặt năng động, sáng tạo, thông minh và thanh lịch của người dân thành phố. Có hội diễn, tỷ lệ nhân vật gái điếm, chợ trời cứ trội lên mà công nhân, nông dân, giáo viên... thì hầu như vắng bóng.

Rõ ràng, sự vắng khách của sân khấu hôm nay là do nhiều nguyên nhân, chứ chưa hẳn đã là sự xuống cấp. Theo tôi, không nên bàn luận nhiều về sự lên hay xuống cấp của sân khấu. Sự thay đổi về cơ chế trong xã hội đã tác động toàn diện vào mọi tầng lớp, mọi ngành, mọi nghề, không loại trừ sân khấu. Đối tượng phục vụ và phương thức phục vụ của sân khấu thay đổi, hoàn cảnh xã hội để sân khấu tồn tại cũng đổi thay, lẽ tự nhiên sân khấu cũng phải chuyển mình, đi tìm sự thích ứng.

Sân khấu Hà nội đang thay đổi trong cơ chế mới, và dù đổi thay thế nào nhất định cũng sẽ tốt hơn bởi các thành phần của sân khấu đều hướng tới điều tốt đẹp : trình độ khán giả ngày một nâng cao ; nghệ sĩ và các thành phần sáng tạo yêu nghề

Digitized by Google

và có trình độ khá hơn ; thành phần quản lý sáng tạo cũng đổi mới cách nhìn nhận, đánh giá - thoáng và tinh hơn v.v.

Hiển nhiên là, khi sân khấu đi tìm sự thích ứng trong hoàn cảnh mới không thể lấy tư duy cũ làm thước đo, làm "kim chỉ nam" cho phương thức hoạt động mới. Khán giả hôm nay không đi xem xô bồ, ào ạt mà chọn lọc, kén vở hơn. Các nhà hát cũng không thể cho vở ra rạp đợi khán giả mà đang *đi tìm*, thậm chí là lùng sục *khán giả của mình*. Phía quản lý sáng tạo cũng tìm mọi cách để nhân dân được hưởng thụ văn hóa và sử dụng chính văn hóa làm công cụ thúc đẩy xã hội.

Thật là vô lý nếu các nhà quản lý khen thưởng các đơn vị có doanh thu lớn, đêm diễn nhiều, mà quên không xác định dàn kịch mục có phục vụ đại chúng không, hay chỉ đến với một vài lớp khán giả. Tôi đồng ý với quan niệm của Sở văn hóa Hà nội là chú trọng ra nhiều vở phục vụ đông đảo quần chúng lao động (từ *đông đảo* nên hiểu là kịch mục đông thành phần khán giả chứ không hẳn đông một loại khách).

Hiện nay, bên cạnh việc diễn tại rạp, các đoàn đã chú trọng phương thức "*phục vụ tận nơi*", một hình thức phục vụ của toàn xã hội hiện nay. Ở các ngành khác, cơm bê tận chỗ, gạo bán tận nhà, sân khấu cũng tuân thủ luật tự nhiên, phục vụ tại nhà máy, leo lên tầng 5, tầng 7 của trụ sở cơ quan, về nơi làng mạc, hải đảo... Sẽ có người băn khoăn rằng, với phương thức ấy liệu sân khấu có còn là "thánh đường" như trước nữa không ? Xin thưa : vẫn còn. Có điều xưa, thánh đường là sự đạo mạo nghiêm trang, nay thánh đường - đi vào bản chất - là nơi tẩy rửa tâm hồn. Đem sân khấu đến cùng công chúng, giúp họ thanh lọc suy nghĩ, tình cảm, phỏng có gì cao quý và ích lợi hơn ? Hay nói cách khác, chỗ nào tẩy rửa được tâm hồn, chỗ đó là thánh đường.

Lại nữa, xưa sân khấu phải bề thế, mở màn dúng 19h30, đóng màn phải sau 22 giờ. Nay, độ dài thời gian của vở diễn không quan trọng bằng lượng thông tin và chất lượng vở. Vở hơn một tiếng vẫn là một vở dài (*Những linh hồn sống*), chưa thấy ai đòi giảm tiền vé hoặc trách cứ nhà hát. Xu hướng ngắn gọn bắt đầu xuất hiện. Kịch Hà nội thể nghiệm một loạt vở ngắn. Chèo Hà nội làm những trích đoạn cũ và mới hút được khách, bởi càng gọn và súc tích càng mang tính đích thực của sân khấu. Bước tìm tòi ban đầu ấy phù hợp với xu thế thời đại, với sự bùng nổ của cách mạng thông tin hiện nay.

Cung cách làm ăn của các đoàn cũng khác. Xưa, ai có vở thì đem đến. Hội đồng duyệt thông qua thì dựng. Rồi các trại viết liên tục mở ra với các giải thưởng, nhưng tỷ lệ kịch bản dàn dựng được vẫn không cao. Thực ra, đó là cách làm theo kiểu ăn đong của một thời bao cấp. Nay, kịch Hà nội, chèo Hà nội chẳng hạn, dám chủ động đầu tư để chuẩn bị kịch bản theo kế hoạch của mình. Và chính sự đầu tư này sẽ dần dần biến sân khấu Hà nội thành sân khấu phục vụ đại chúng với các kịch bản phù hợp nhu cầu của đông đảo các tầng lớp trong xã hội. Những kịch bản thể nghiệm sẽ xuất hiện làm phong phú nền nghệ thuật sân khấu nước nhà. Mối quan hệ trong tập thể sáng tạo vở diễn sẽ bền chặt, bởi có nền móng từ buổi sơ khai, khi tác giả đặt bút viết kịch bản...

Thật đáng mừng là sân khấu chúng ta đang đi tìm sự thích ứng, phù hợp với guồng máy vận động của toàn xã hội, phù hợp với quy luật phát triển tự nhiên, không chủ quan áp đặt...

Sự định hướng hôm nay báo hiệu con đường đi tới của *sân khấu Hà nội trong tương lai.*

Nhìn vào quy luật phát triển tự nhiên, chúng ta thấy nhu cầu của người tiêu thụ trong mọi lĩnh vực xã hội ngày càng tăng. Mua vé xem sân khấu hay mua bất cứ vật dụng nào cũng đều là thỏa mãn những nhu cầu bản thân. Xã hội phát triển, tính cá nhân trong nhu cầu cũng phát triển theo tỷ lệ thuận. Và vì vậy, nhu cầu của công chúng sẽ rất phong phú và đa dạng. Cứ nhìn kiểu cách ăn mặc hôm nay sẽ thấy : mỗi người một vẻ, các tiệm may phát triển, quần áo may sẵn đồng loạt ít được chú ý đến. *Cảm thụ sân khấu* của khán giả hôm nay cũng không theo số đông mà *theo cá tính*, từ đó không thể có vở diễn cho tất cả. Người ta đến

Digitized by Google

với sân khấu không phải để giải buồn chung chung như trước đây, khi không còn phương tiện giải trí nào khác. Nay, công chúng đến với vở diễn nhiều khi chỉ là tìm đến với diễn viên quen thuộc, với mốt quần áo mới xuất hiện trong vở. Có người chỉ thích vở diễn có cốt truyện ly kỳ. Người thích ngôn ngữ đối thoại, người thích vở luận đề có tính triết luận, người thích vở phải có khóc, cười, v.v. và v.v. Không thể khen hay chê sở thích này hay sở thích kia. Điều quan trọng là sân khấu có thỏa mãn được những nhu cầu đa dạng trong đời sống xã hội hay chỉ thỏa mãn được những nhu cầu của khán giả có khả năng mua vé.

Từ sự đa dạng của cá tính cảm thụ trong công chúng, *sân khấu tương lai sẽ rất hùng hậu trong kịch mục*. Dàn kịch mục của bất cứ đoàn diễn, nhà hát nào sẽ có đủ đề tài, với rất nhiều cách viết, cách diễn khác nhau. Đó là giai đoạn đầu. Sau này, điểm trội trong kịch mục mỗi đoàn sẽ hút một số khán giả về với mình và từ đó sẽ có nhà hát hài kịch, nhà hát kịch, nhà hát bi kịch... Nhưng dù nhà hát diễn, dựng theo kiểu nào cũng không thể có rạp trên hai - ba trăm chỗ ngồi. Một thời, nhà hát là bộ mặt của địa phương nên có xu hướng xây to, bề thế, trên dưới một ngàn ghế. Từ nay, những rạp như vậy chỉ có thể sử dụng hết công suất trong một vài ngày của năm, và như vậy là lãng phí. Xu hướng phòng khán giả thu hẹp dần là một tất yếu trong quá trình phát triển của cá tính cảm thụ và nó đi liền với sự phong phú của cá tính sáng tạo nghệ thuật. Tuy nhiên, phòng khán giả và rạp nhiều khi thu mở theo tỷ lệ nghịch. Cùng với sự phát triển của xã hội, nhu cầu của khán giả ngày càng cao. Nhà hát, bên cạnh việc biểu diễn còn phải thỏa mãn thêm những nhu cầu khác như giấy bút, quà lưu niệm, thuốc lá, giải khát..., và vì vậy sẽ trở thành một quần thể kín của dịch vụ.

Xét về mặt kinh tế, không thể lấy doanh thu nghệ thuật để phát triển một nền nghệ thuật chân chính, mà cần có *các Mạnh Thường Quân tài trợ* (nhà nước, tập thể hoặc tư nhân). Việc làm kinh tế trong một đơn vị nghệ thuật ở hoàn cảnh kinh tế thị trường là điều có thể xảy ra và xảy ra thường xuyên. Ở các nhà máy, doanh nghiệp, bên cạnh việc sản xuất mặt hàng chính, việc mở quán kinh doanh các mặt hàng phụ là bình thường, lẽ nào các rạp hát lại không được làm như vậy ? Tạo điều kiện cho các đoàn nghệ thuật có những thu nhập ngoài nghệ thuật là một việc làm hợp lý và cần thiết.

Các đoàn nghệ thuật sẽ nhiều thêm bởi không thể có nhiều nhà hát cố định trong khi nhu cầu khán giả ngày càng đa dạng. Mặt khác, sự phát triển của các vùng dân cư bỏ xa sự phát triển của các rạp, nhà hát. Vấn đề đi lại, sở thích của công chúng cũng sẽ làm phát triển các đoàn nghệ thuật dưới hình thức câu lạc bộ. Các câu lạc bộ sân khấu có thể của nhà nước, của các cơ quan bộ, hội, cũng có thể của tư nhân, nhưng do các diễn viên chuyên nghiệp đóng.

Khi các đoàn và các câu lạc bộ phát triển, *khái niệm quỹ lương, biên chế ở* các nhà hát *sẽ dần dần thay đổi, mở rộng*. Số diễn viên của nhà hát chỉ nằm ở bộ khung. Diễn viên tự do làm hợp đồng theo thời gian là chính, và sự giao lưu sân khấu giữa các đoàn sẽ tạo điều kiện để nghệ sĩ học hỏi, nâng cao trình độ. Các đoàn có điều kiện chọn tìm vai diễn thích hợp, không bị gò bó trong số biên chế cố định của đoàn, nhà hát. Đồng thời với sự thay đổi cơ chế sử dụng nghệ sĩ, sẽ là sự ra đời của những *chính sách mới* nhằm đánh giá đúng mức và *phát huy ở mức cao nhất tài năng của các thành phần sáng tạo* ; khắc phục chủ nghĩa bình quân với các định mức, đơn giá cứng nhắc.

Song song với việc *tăng cường ngân sách đầu tư* trong giai đoạn quá độ này, Nhà nước (cụ thể là Bộ văn hóa và các Hội) sẽ *thường xuyên tổ chức liên hoan, hội diễn* với chu kỳ ngắn hơn, đều đặn hơn để động viên, khuyến khích những tài năng sân khấu và các vở có giá trị. Sự đầu tư cho những *công trình khoa học* nghiêm túc *nghiên cứu* về khán giả, diễn viên, nhà hát... của Hà nội cũng sẽ góp phần tạo ra bộ mặt mới tích cực hơn của sân khấu Thủ đô.

Digitized by Google

THỊ TRƯỜNG HÀ NỘI : thực trạng, tiềm năng và định hướng phát triển

HOÀNG THỌ XUÂN* và CÔNG KHÁNH**

HÀ NỘI thời "mở cửa" đã có nhiều đổi thay so với ngày xưa. Một nghịch lý hợp thời cuộc đã xuất hiện : thương nghiệp quốc doanh từ chuyên doanh sâu đã chuyển sang kinh doanh tổng hợp, còn thương nhân lại phát triển mạnh chuyên doanh. Ngày nay đi trên đất Hà nội, người ta đã thấy xuất hiện hàng loạt các đường phố chuyên doanh vải sợi, xe đạp, xe máy, tủ lạnh, đồ điện tử, rượu - bánh kẹo, cả đến ngoại tệ (đô la, D mác) và người làm thuê cũng có phố chuyên doanh.

Do nhu cầu thực tế trong thời đổi mới, "mở cửa", các khách sạn lớn ở Hà nội đều nâng cấp, thậm chí có khách sạn xây dựng lại hoàn toàn. Nếu số khách du lịch quốc tế vào Hà nội năm 1990 là 47000 lượt người thì đến năm 1993 là 300000 lượt người, doanh thu đạt 40 tỉ đồng. Hiện nay, Hà nội có nhiều khách sạn lớn của quốc doanh, khách sạn mini và nhà khách với trên dưới 3000 phòng đạt tiêu chuẩn quốc tế. Nếu Hà nội có cơ sở hạ tầng tốt và coi trọng đẩy mạnh dịch vụ du lịch thì số lượng khách đến Hà nội sẽ đông hơn.

Hàng ngoại đang tràn ngập thị trường Hà nội, đồ mới, đồ tân trang, đồ cũ, đồ "bãi rác", cả đến thuốc lá ngoại cấm lưu hành vẫn được bày bán công khai (khoảng hơn 5000 người chuyên bán thuốc lá) trên các vỉa hè, ngõ phố.

Nếu đánh giá khách quan thì phải thừa nhận rằng chính sách và cơ chế quản lý thương mại hiện hành ở Hà nội đã có những bước tiến khá xa trong tư duy kinh tế và tư duy quản lý. Nó đã góp phần quan trọng trong việc đổi mới và làm phong phú, đa dạng một thương trường, nơi mà diện tích chỉ xấp xỉ 923km^2 với hơn 2 triệu dân và gần 40000 khách vãng lai mỗi ngày.

Tính phong phú của "giai điệu" thị trường bao giờ cũng kèm theo những vấn đề phức tạp, nan giải đặt ra. Số thương nhân ở Hà nội phát triển khá nhanh, toàn thành phố hiện có 53668 hộ với gần 70000 lao động có mặt trên tất cả các ngành hàng (đó là chưa kể tới hàng vạn người kinh doanh nhỏ, hàng rong, xe thồ có tính chuyên nghiệp và hàng chục nghìn người chỉ buôn bán "tranh thủ" một vài giờ trong ngày). Cơ cấu thành phần thương nhân cũng có nhiều biến đổi : số hộ lâu đời chỉ chiếm 9,5% ; số hộ là cán bộ nghỉ hưu, mất sức chiếm 46,2%.

Đường phố Hà nội chỉ chiếm hơn 4% diện tích thành phố (ở các nước tiên tiến, đường đô thị chiếm 15 - 20% diện tích). Hè đường nơi rộng nhất chỉ xấp xỉ 3,5m, toàn thành phố có 52 hè đường rộng không quá 2m, vậy mà riêng nội thành đã có gần 24000 hộ chuyên kinh doanh trên vỉa hè, trong đó có hơn 15000 hộ kinh doanh trên vỉa hè thuộc các tuyến đường, đoạn đường phải sắp xếp lại. Mạng lưới thương nhân lớn nhỏ giăng khắp các đường phố, cửa ô, các trục giao thông cùng 135 chợ lớn, nhỏ đang góp phần biến Hà nội dần dần trở thành một cái chợ khổng lồ.

Hà nội "mở cửa" cũng góp phần làm biến đổi về "chất" khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Nam 1989, thành phố có 45 xí nghiệp và công ty tư doanh, năm 1990 con số đó đã tăng lên 65. Sau khi luật doanh nghiệp tư nhân và luật công ty ra đời, tới nay

* Phó tiến sĩ, Phó Viện trưởng, Bộ thương mại
** Chuyên viên kinh tế, Bộ thương mại

Digitized by Google

đã có 888 công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và doanh nghiệp tư nhân (3/4 số này hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ). Mặc dù đã có những bước phát triển nhất định, song hoạt động của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô. Phần lớn hoạt động của khu vực này kinh doanh theo "thương vụ". Nhiều doanh nhân có "hạng" từ trước Cách mạng Tháng Tám có kinh nghiệm và khả năng rất lớn về vốn vẫn chưa ai mở doanh nghiệp.

Hà nội "mở thị trường" cũng đặt ra nhiều vấn đề với thương nghiệp quốc doanh. Với sự có mặt của 226 tổng công ty, công ty, xí nghiệp thuộc các bộ cùng 50 đơn vị thuộc sở, phòng thương nghiệp thành phố, quận, huyện và 61 công ty với 70 điểm của các ngành thuộc các tỉnh, thành phố bạn đăng ký hoạt động ở 4 quận, đã hình thành một mạng lưới với hơn 2500 điểm bán, giao dịch, kinh doanh, góp phần đáng kể làm sống động thị trường, chiếm bình quân 30% tổng mức lưu chuyển bán lẻ xã hội. Vượt qua những nghiệt ngã ban đầu của co chế thị trường, bước đầu khẳng định vị trí của mình, song thương nghiệp quốc doanh thành phố vẫn đang đứng trước nhiều câu hỏi lớn : nó đã đủ sức để chi phối, điều khiển, hướng dẫn thị trường chưa ? Nó tồn tại và cần thiết trên lĩnh vực nào, mặt hàng nào, đến mức độ nào ? Có một hay hai chức năng cho thương nghiệp quốc doanh ? Nó quan hệ thế nào với sản xuất ? Nó có kết hợp được giữa trung ương, địa phương, thành phố, quận, huyện và các tỉnh bạn để quốc doanh có được "tiếng nói" nhất định trên thương trường ? Có nên cổ phần hóa thương nghiệp quốc doanh không và cổ phần hóa đến đâu ?...

Các hợp tác xã mua bán ra đời cách đây trên 20 năm, sau những hoạt động sôi nổi trong thời bao cấp, tới nay chỉ còn 43 đơn vị với 570 lao động và thu nhập bình quân chỉ có 75000 đ/tháng/người. Nhìn chung, nó gần như mất hẳn vị trí, tác dụng của mình. Số hợp tác xã mua bán còn tồn tại đến nay đang có xu hướng "tư nhân hóa" dần.

Thị trường vốn mang đặc tính cơ bản là tự do cạnh tranh để sinh tồn, vô chính phủ, vì lợi ích cá nhân, cục bộ, nên trong quá trình vận động, bên cạnh mặt tích cực, đã bộc lộ nhiều tiêu cực. Hà nội mới qua vài năm "mở cửa" mà thông số vi phạm các chủ trương, chính sách nhà nước đã lên tới mức báo động. Năm 1992, có 22260 vụ kinh doanh trái phép, buôn bán hàng cấm, làm hàng giả. Năm 1993 và 6 tháng đầu năm 1994 con số đó đã vượt gấp nhiều lần. Trong 3 năm 1991 - 1993 đã xử lý nhiều vụ, thu nộp cho ngân sách 100 tỉ 244 triệu đồng, đồng thời đưa ra truy tố 274 vụ.

Một vài nét chấm phá nêu trên cho ta đi đến một kết luận : Hà nội rất cần một phác thảo chiến lược thương mại - dịch vụ theo hướng kinh tế mở - một chiến lược nhằm làm cho Thủ đô ngay trong thập kỷ 90 này trở thành một trung tâm giao lưu kinh tế vào loại lớn nhất cả nước, có sức hấp dẫn và lôi cuốn khách hàng trong và ngoài nước.

Tiềm năng của Hà nội nhìn nhận theo quan điểm của kinh tế thị trường hiện đại chính là lợi thế so sánh tổng hợp, trong đó đề cao những yếu tố lợi thế vô hình, khác với lợi thế sản phẩm theo quan điểm cổ điển của kinh tế kế hoạch hóa tập trung, chủ yếu xuất phát từ những yếu tố lợi thế hữu hình và có sẵn. Hà nội là mảnh đất đắc địa có lịch sử phát triển lâu đời, tụ điểm của các trục giao thông lớn, nơi có "yếu tố thị" và tầng lớp "thị dân - kẻ chợ" hình thành sớm nhất, có bề dày lịch sử và cũng để lại nhiều "trầm tích" nhất của văn minh hàng hóa. Hà nội là thành phố đông dân thứ hai, nhưng lại có mật độ dân số lớn nhất cả nước. Đó là một lợi thế về dung lượng thị trường và về sự "đậm đặc" của nhu cầu. Hà nội còn nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng, một vùng có số lượng và mật độ dân số lớn nhất so với các vùng khác. Nó cách không xa cửa ngõ của vùng trung du và miền núi phía bắc - một vùng rộng lớn, còn thưa dân, trình độ phát triển kinh tế và tiêu dùng còn thấp, nhưng chứa đựng một quy mô rất lớn nhu cầu tiềm ẩn về hàng hóa và dịch vụ. Hà nội là nơi đón đầu luồng hàng hóa từ các tỉnh trung du, miền núi, nơi tiếp nhận luồng hàng nông sản của đồng bằng sông Hồng... một lợi thế của "điểm nút" giao lưu hàng hóa giữa các vùng và với nước ngoài. Hà nội là nơi tập trung nhiều trí thức, nhân tài, là môi trường đậm đặc về khoa học kỹ thuật. Chất lượng sức lao động của Hà nội cũng cao hơn các địa

Digitized by Google

phương khác (12% sức lao động có trình độ chuyên môn và kỹ thuật được đào tạo, 80% số cán bộ nghiên cứu và quản lý có trình độ trên đại học của cả nước làm việc tại Hà nội). Đó là tiềm năng của những tiềm năng, lợi thế của những lợi thế cần được khai thác và phát huy một cách khoa học và nghệ thuật.

Cơ chế quản lý song trùng "nửa cũ, nửa mới" trong thời gian qua đã gây không ít tiêu cực cho một thị trường phức tạp, đa dạng như thị trường Hà nội. Trong khi tổ chức lại, Hà nội phải trở thành một thị trường nhiều thành phần, bình đẳng, cạnh tranh và liên kết, một thị trường phong phú, vừa phục vụ việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của Thủ đô, vừa góp phần ổn định và phát triển thị trường cả nước. Trong 10 năm tới, cơ cấu kinh tế của Hà nội sẽ là : công nghiệp - thương mại, du lịch, dịch vụ - nông nghiệp. Với cách đặt vấn đề như vậy, chúng tôi cho rằng, việc tổ chức lại thị trường Hà nội phải hướng vào những nội dung sau :

1 - *Đổi mới tổ chức và quản lý kinh doanh*

Trong bước đầu chuyển sang nền kinh tế thị trường, Hà nội cần tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế hoạt động trên những nguyên tắc của thị trường (tự do kinh doanh theo pháp luật, cạnh tranh và bình đẳng trong thương trường...). Mặt khác, Hà nội cần có những biện pháp quản lý và điều hành thích hợp để vừa bảo đảm phát triển thương mại sống động, vừa có trật tự, hiệu quả, văn minh.

Đối tượng quản lý của Sở thương mại chỉ tập trung vào các hoạt động kinh doanh (mọi quan hệ giữa các doanh nghiệp với các khách hàng của mình). Sở cần được tổ chức lại theo hướng : phân định rõ chức năng hành chính tác động (là chức năng chủ yếu, lâu dài) với chức năng hành chính tài phán (về lâu dài hai chức năng này sẽ độc lập với nhau). Cơ quan trọng tài kinh tế chuyển hoạt động theo hướng của một tòa án kinh tế. Tòa án kinh tế không có chức năng cấp giấy phép kinh doanh, nhưng mọi doanh nghiệp khi được thành lập đều phải đăng ký trình tòa mọi giấy tờ có tính pháp lý. Cần tách quyền xác định mức thuế với hoạt động thu thuế và công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật thuế. Như vậy, trong cơ quan thuế sẽ có 3 bộ phận hoạt động tương đối độc lập với nhau. Quyền thống quản thị trường phải được giao cho Ủy ban nhân dân thành phố, hình thức quản lý nhiều tầng, nhiều cấp như hiện nay cần xóa bỏ.

2 - *Tổ chức lại thị trường bán buôn*

Trên cơ sở những ngành hàng thiết yếu và sự phối hợp liên kết giữa các ngành, các xí nghiệp trọng điểm, các doanh nghiệp lớn của trung ương và địa phương, Hà nội quy hoạch, tổ chức, hình thành các trung tâm thu mua, giao dịch phát luồng bán buôn. Như vậy, kết hợp sự định hình trong lịch sử với xu hướng phát triển trong tương lai, Hà nội sẽ có 5 - 7 khu vực thương mại "láng giềng" tương ứng với 5 - 7 khu vực sản xuất công nghiệp. Đó là khu mua buôn, bán buôn hàng dệt và hàng thực phẩm công nghệ, khu mua buôn, bán buôn hàng vật liệu xây dựng, khu mua buôn, bán buôn hàng hóa chất, thủy tinh, đồ gỗ, đồ điện tử, máy móc, thiết bị...

Bên cạnh đó, việc phối hợp với thành phố Hồ Chí Minh (liên doanh, liên kết) để kế hoạch hóa và làm chủ việc phát luồng hai đầu của thị trường cả nước cũng là việc làm có ý nghĩa quan trọng.

3 - *Sắp xếp lại thị trường bán lẻ*

Do ảnh hưởng của các nhân tố xã hội, thị trường bán lẻ ở Hà nội đã phát triển mạnh trong những năm qua. Vấn đề đặt ra là cần tổ chức lại để vừa phù hợp với thực tại vừa đón đầu được tương lai. Theo đó các quận Ba đình và Hoàn kiếm sẽ là trung tâm thương mại - dịch vụ lớn. Từ trung tâm này phát triển theo ba hướng thành ba trung tâm phụ cận :

- Dải phía tây và tây bắc với các trục Hồ Tây - Hoàng Hoa Thám - Nam Thăng long và khu vực Hồ Tây.

- Dải phía Nam theo trục đường số 1 và dải phía đông trên trục đường Nguyễn Văn Cừ sẽ là hai trung tâm thương mại lớn hướng vào nhu cầu có chất lượng cao và đồng bộ. Hai trung tâm này còn thực hiện quan hệ giao lưu hàng hóa với bên ngoài.

- Các khu phố cổ, khu biệt thự, các khu vực Thành công, Thanh xuân, Nghĩa đô, Thịnh hào, Yên hòa, Mai động, Gia lâm sẽ là những địa bàn quan trọng của thị trường bán lẻ, phục vụ tại chỗ, nhu cầu thường ngày là chính.

Cùng với việc làm trên, cần coi trọng khai thác,

Digitized by Google

phát huy khả năng của các cơ sở hiện có đi đôi với việc đầu tư, đổi mới và từng bước hiện đại hóa.

4 - *Quy hoạch lại hệ thống chợ*

Hệ thống chợ cần được quy hoạch lại theo hướng bám sát các tụ điểm dân cư, đầu mối, trục, tuyến giao thông chính. Theo hướng đó sẽ hình thành các chợ trung tâm (Đồng xuân, Cửa nam, Hàng da, Hôm - Đức viên...) và chợ đầu mối (Cầu giấy, Long biên, Ngã tư sở, Mơ, Gia lâm...) và các chợ vệ tinh. Các chợ nội thành sẽ hướng vào hàng công nghệ phẩm, tư liệu tiêu dùng, hoa quả. Các chợ đầu mối sẽ hướng vào hàng nông sản, thực phẩm, tư liệu tiêu dùng, tư liệu, vật tư phục vụ cho sản xuất nông nghiệp... Chợ vệ tinh phục vụ nhu cầu thường ngày. Trước mắt, khắc phục hậu quả tai nạn ở chợ Đồng xuân để các hộ kinh doanh bán buôn bán lẻ trở lại nhịp độ bình thường nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và cải thiện đời sống nhân dân.

5 - *Hình thành các trung tâm thương mại vệ tinh và xuyên vùng*

Cần có những trung tâm thương mại vệ tinh (Hà bắc, Hà đông, Nam định, Bắc thái...) và trung tâm thương mại xuyên vùng, đặc biệt là 4 luồng giao lưu sau :

- Thị trường thế giới - Nội bài - thị trường cả nước
- Thị trường Trung quốc - Hà nội - thị trường cả nước
- Thị trường Hải phòng - Quảng ninh - Hà nội - thị trường cả nước
- Thị trường thành phố Hồ Chí Minh - Hà nội - thị trường các tỉnh phía bắc.

Nếu các trung tâm thương mại vệ tinh và xuyên vùng sớm được hình thành và giao lưu một cách thông thoáng sẽ góp phần mở rộng quan hệ trao đổi giữa Hà nội với các vùng, miền và cả nước. Đương nhiên, Hà nội sẽ trở thành đầu mối - trung tâm "thu nhận và phát sóng" của cả nước, xứng đáng là trung tâm kinh tế, chính trị và văn hóa của cả nước.

6 - *Tổ chức lại hệ thống thương nghiệp quốc doanh*

a) Trước hết tiến hành việc phân loại các tổ chức thương nghiệp quốc doanh của các ngành, các cấp đóng trên địa bàn theo hướng :

- Loại cần giữ lại thì tạo điều kiện về vốn để hoạt động và có dự trữ lưu thông cần thiết.
- Loại không cần phải là doanh nghiệp nhà nước, nhưng đang hoạt động tốt thì củng cố và từng bước chuyển hóa sở hữu theo hướng công ty cổ phần.
- Giải thể những tổ chức làm ăn thua lỗ, phá sản.

b) Tiến hành thử nghiệm một trong các phương án sau :

- Hòa nhập các đơn vị bán lẻ của các tổng công ty, công ty trung ương thuộc các bộ với các công ty thương nghiệp quốc doanh thành phố theo chế độ chuyển sở hữu. Các tổng công ty và công ty trung ương chỉ tổ chức cửa hàng giới thiệu, thăm dò thị trường, bán buôn. Như vậy, theo hướng này, thương nghiệp trung ương đảm nhiệm bán buôn, thương nghiệp thành phố tập trung vào bán lẻ.
- Hòa nhập (liên kết) một tổng công ty hay công ty trung ương với một công ty địa phương để hình thành một mô hình hoạt động như một hãng vừa bán buôn, bán lẻ trên địa bàn thủ đô, vừa vươn rộng tầm với trong vùng và cả nước.

c) Tổ chức lại hệ thống thương nghiệp quốc doanh các huyện, quận. Huyện chỉ nên tổ chức một công ty thương nghiệp tổng hợp trên cơ sở các đơn vị hiện có. Ở các quận, các công ty, nhà hàng kinh doanh có hiệu quả, thì duy trì để tiếp tục hoạt động. Số còn lại có thể hòa nhập với các đơn vị thương nghiệp quốc doanh thành phố theo ngành hàng kinh doanh hoặc giải thể. Về lâu dài không nhất thiết quận hay huyện nào cũng phải có công ty thương nghiệp, công ty, xí nghiệp ngoại thương, vật tư.

d) Thử cổ phần hóa một đơn vị. Cổ phần hóa là một chủ trương lớn của nhà nước, nhưng trước mắt triển khai thực hiện gặp không ít khó khăn. Vì thế cần chọn một vài đơn vị làm ăn có hiệu quả và có hướng phát triển trong tương lai để tiến hành làm thử.

7 - *Về thị trường vốn*

Để thực hiện vai trò là thương trường khu vực đầu mối xuất nhập khẩu, Hà nội cần có sự chuyển biến mạnh mẽ có tính chất toàn vùng trong 3 lĩnh vực :

(Xem tiếp trang 49)

Digitized by Google

KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU TRONG VIỆC ĐỔI MỚI VÀ CHỈNH ĐỐN ĐẢNG Ở NÔNG THÔN THÁI BÌNH

VŨ ĐÌNH THÀNH *

ĐẢNG bộ tỉnh Thái bình có 876 tổ chức cơ sở với 84 000 đảng viên, trong đó có 279 đảng bộ xã, thị trấn ; 70% số đảng viên sinh hoạt ở các đảng bộ nông thôn. Vì vậy, trong quá trình đổi mới, chỉnh đốn Đảng, Tỉnh ủy Thái bình xác định việc xây dựng cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên ở nông thôn là một trong những trọng điểm và là khâu đột phá rất quan trọng.

Trước khi triển khai Nghị quyết 3 của Trung ương về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, trong số 279 đảng bộ xã và thị trấn, hàng năm có khoảng 35% đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, 50% thuộc loại khá, 15% thuộc loại yếu kém (phân loại theo tiêu chuẩn cũ).Trong tỉnh có gần 20 cơ sở được xác định là "điểm nóng". Ngay cả ở những đảng bộ được đánh giá là "trong sạch vững mạnh" và "khá" cũng có không ít biểu hiện yếu kém, nhất là trong việc lãnh đạo phát triển kinh tế. Chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức cơ sở đảng cũng chưa được xác định đúng đắn, rõ ràng. Vẫn còn tình trạng một số cấp ủy bao biện, làm thay công việc của chính quyền ; có nơi, tổ chức cơ sở đảng buông lỏng sự lãnh đạo, kiểm tra, vận động quần chúng thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Đội ngũ đảng viên ở nông thôn chỉ có khoảng 30% phát huy được vai trò lãnh đạo ; gần 80% chưa được giao nhiệm vụ cụ thể, cho nên việc kiểm điểm, đánh giá, phân loại đảng viên có nhiều khó khăn và thiếu chính xác. Vị trí, vai trò của người đảng viên trong giai đoạn cách mạng mới chưa thật rõ nét, nhiều đảng viên không hơn gì quần chúng bình thường.

Tiêu chuẩn phân loại đảng viên trước đây, đến nay có những điều không còn phù hợp. Hơn nữa, do việc phân loại đảng viên thường được làm một cách đơn giản, chiếu lệ, hình thức cho nên đã không phản ánh đúng thực trạng tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên. Có tình trạng số cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh và số đảng viên đủ tư cách thường là năm sau cao hơn năm trước (có nơi đạt tới 99% đảng viên đủ tư cách) nhưng tình hình kinh tế - xã hội ở cơ sở chuyển biến không rõ rệt, tiêu cực xã hội không được ngăn chặn mà lại có xu hướng phát triển. Tình hình đó cũng cho thấy công tác xây dựng đảng còn tách rời nhiệm vụ kinh tế - xã hội, chủ yếu đi vào công tác đảng vụ đơn thuần, hiệu quả công tác xây dựng đảng không cao.

Vấn đề đặt ra đối với đảng bộ Thái bình là phải xác định đúng đắn, rõ ràng tiêu chuẩn,yêu cầu đối với đảng viên ; phương pháp phân tích, đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên trong giai đoạn cách mạng hiện nay ; gắn công tác xây dựng đảng với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng.

Từ nhận thức trên, Tỉnh ủy Thái bình đã có văn bản hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Đối với các tổ chức cơ sở đảng ở khu vực nông thôn, tỉnh quy định 5 tiêu chuẩn cụ thể. Đó là phải lãnh đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ quan trọng nổi bật trong giai đoạn hiện nay về : kinh tế mà trọng tâm là việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ; văn hóa, giáo dục và đào tạo ; an ninh, quốc phòng ; xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng nông thôn ; xây dựng đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Mỗi tiêu chuẩn được lượng hóa một số chỉ tiêu cụ thể để có cơ sở kiểm điểm, đánh giá, phân loại.

Để các đảng bộ phấn đấu đạt các tiêu chuẩn

* Phó bí thư Tỉnh ủy Thái bình

Digitized by Google

trên, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số biện pháp chủ yếu sau đây :

1 - *Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng đội ngũ đảng viên*

Tỉnh ủy quy định việc vận dụng tiêu chuẩn một cách cụ thể và hướng dẫn các tổ chức cơ sở đảng phân tích chất lượng đảng viên theo từng loại :

- Những đảng viên đủ tư cách, phát huy tốt vai trò lãnh đạo.
- Những đảng viên đủ tư cách nhưng còn một số mặt hạn chế (già, yếu, hoàn cảnh gia đình quá khó khăn không có điều kiện để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao).
- Những đảng viên có sai lầm, khuyết điểm cần được xem xét, xử lý kỷ luật, trong đó có số đảng viên phải đưa ra khỏi đảng.
- Những đảng viên trình độ giác ngộ quá thấp.

Tình hình kinh tế, đời sống của đảng viên cũng được xem xét, phân loại : đảng viên giàu ; đảng viên có mức sống khá ; đảng viên nghèo ; đảng viên thiếu ăn...

Phân loại, đánh giá đảng viên theo cách trên đây, Tỉnh ủy bước đầu nắm tương đối chắc chất lượng đội ngũ đảng viên, tình hình đời sống, kinh tế của đảng viên và gia đình họ ; từ đó có phương hướng, giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém.

2 - *Xây dựng chương trình hành động*

Cùng với việc nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết 3 của Trung ương, tất cả các tổ chức cơ sở đảng đã xây dựng chương trình hành động cụ thể. Chương trình hành động chủ yếu tập trung vào việc phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng, khai thác và phát triển kinh tế VAC, xây dựng 4 công trình cơ sở vật chất cho nông thôn mới (đường, điện, trường, trạm). Về xây dựng đảng, chương trình hành động tập trung vào việc xây dựng và thực hiện nghiêm túc các chế độ công tác đảng. Chương trình hành động phải có tính khả thi và xác định cụ thể mục tiêu cho từng thời gian thực hiện. Ban thường vụ các huyện ủy, thị ủy phải hướng dẫn và duyệt các chương trình hành động của từng tổ chức cơ sở đảng thuộc diện mình quản lý.

3 - *Xây dựng quy chế lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng*

Trên cơ sở quy định của Ban bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ của các đảng bộ xã, Tỉnh ủy hướng dẫn và yêu cầu tất cả các tổ chức cơ sở đảng phải xây dựng và thực hiện quy chế lãnh đạo, làm việc, coi đây là một biện pháp rất quan trọng để nâng cao năng lực lãnh đạo, tăng cường sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng. Quy chế phải quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức cơ sở đảng, lề lối làm việc và mối quan hệ giữa tổ chức đảng và cá nhân ; giữa tổ chức cơ sở đảng với chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Làm tốt việc xây dựng và thực hiện quy chế lãnh đạo thực chất là đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, khắc phục được khuynh hướng bao biện, làm thay công việc của chính quyền hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của đảng.

4 - *Củng cố chi bộ xóm*

Chi bộ xóm được bố trí lại với quy mô trên dưới 30 đảng viên, có nhiệm vụ lãnh đạo trực tiếp, toàn diện các mặt công tác của xóm, đặc biệt là lãnh đạo sản xuất, an ninh quốc phòng, công tác xây dựng đảng. Bí thư chi bộ xóm đồng thời là trưởng xóm. Tỉnh ủy, các huyện ủy, thị ủy đặc biệt chú trọng chỉ đạo kiện toàn ban chi ủy, trong đó bí thư chi bộ phải là người thật sự có phẩm chất, năng lực, kiến thức nhất định và có sức khỏe. Sau khi bố trí bí thư chi bộ, các huyện ủy, thị ủy tiến hành tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cần thiết về quản lý kinh tế, xã hội, công tác xây dựng đảng cho các đồng chí này.

5 - *Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt*

Các huyện ủy, thị ủy tiến hành phân loại, đánh giá đội ngũ cán bộ chủ chốt, trên cơ sở đó kiện toàn một bước đội ngũ cán bộ ở cơ sở. Trước hết, phải bố trí bộ máy cấp xã gọn, mạnh. Trước đây, đội ngũ cán bộ xã và hợp tác xã thường có từ 45 đến 50 người, nay chỉ còn 13 cán bộ xã và 5 cán bộ hợp tác xã nông nghiệp. Ở những nơi có điều kiện, bí thư đảng ủy có thể làm chủ tịch ủy ban nhân dân xã. Nói chung, mỗi cán bộ phải kiêm nhiệm một số việc. Do bộ máy gọn, nhẹ cho nên việc chọn cán bộ, thay đổi hoặc cho nghỉ theo chế độ chính sách cũng có nhiều thuận lợi. Trong dịp này, các huyện ủy, thị ủy đã điều chỉnh, cho nghỉ chế độ khoảng 20% số cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Đồng thời với việc điều chỉnh, thay đổi cán bộ yếu

Digitized by Google

kém, Tỉnh ủy đã đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đến nay, gần 100% số thường vụ đảng ủy xã đã và đang được học các lớp trung cấp về lý luận - chính trị ; 100% cán bộ chính quyền được học về quản lý nhà nước tại các trường trong tỉnh. Ngoài ra, Tỉnh ủy còn tổ chức cho cán bộ đi tham quan, trao đổi kinh nghiệm và học tập những điển hình tiên tiến trong và ngoài tỉnh. Qua đó, đã nâng cao một bước năng lực trí tuệ và năng lực thực tiễn cho đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở.

6 - *Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên*

Qua phân loại chất lượng đảng viên, Tỉnh ủy chỉ đạo và hướng dẫn các cơ sở kịp thời có biện pháp giải quyết phù hợp đối với từng loại đảng viên. Vấn đề có tính chất quyết định là các cơ sở phải tiến hành phân công, giao việc, đưa đảng viên vào các nhiệm vụ cụ thể, chủ yếu là vào việc phát triển kinh tế. Mọi đảng viên phải đi đầu trong việc thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng, trong phong trào thâm canh lúa, cải tạo vườn, ao, phát triển ngành nghề... Trong tình hình hiện nay, Đảng không lãnh đạo kinh tế giỏi thì không thể thực hiện được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Người đảng viên phải biết xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng cho gia đình và xã hội thì mới tập hợp được quần chúng và phát huy được vai trò tiền phong gương mẫu. Ngoài làm kinh tế, các đảng viên phải thực hiện tốt các chế độ công tác đảng như sinh hoạt đảng, phê bình và tự phê bình, phát triển đảng, vận động quần chúng... Đảng viên phải gương mẫu tham gia sinh hoạt và thực hiện tốt nhiệm vụ của đoàn thể mà mình tham gia sinh hoạt, không để một đảng viên nào có sức khỏe, có điều kiện mà không được giao nhiệm vụ cụ thể. Định kỳ ba tháng một lần, chi bộ kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ đảng viên được giao. Những trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng thì bị phê bình, nhắc nhở, nếu sau đó không có chuyển biến tốt thì phải xem xét tư cách đảng viên. Chỉ có như vậy, người đảng viên mới thể hiện rõ vai trò tiên phong, gương mẫu qua công việc cụ thể của mình, mới gắn bó với quần chúng và tập hợp, lôi cuốn quần chúng thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

Đối với những đảng viên già yếu, không có điều kiện tham gia công tác và sinh hoạt đảng, tự nguyện xin miễn, được chi bộ nhất trí thì được miễn giao công tác cụ thể, được chuyển hình thức sinh hoạt cho phù hợp với sức khỏe và tuổi tác. Những đảng viên này vẫn phải gương mẫu giữ gìn phẩm chất, lối sống, giáo dục con cháu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước.

Tỉnh ủy đặc biệt coi trọng việc bồi dưỡng, giáo dục, nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ đảng viên. Trước hết, coi trọng việc bồi dưỡng cho đội ngũ đảng viên lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin và những kiến thức về quản lý kinh tế, về khoa học, kỹ thuật, về công tác xây dựng đảng và vận động quần chúng... Hình thức bồi dưỡng đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, từng cơ sở, vừa chú trọng mở các lớp vài ba ngày cho tất cả đảng viên, vừa lựa chọn những đảng viên trẻ có triển vọng cử đi học các lớp tập trung ở huyện với thời gian dài hơn.

*

Qua hai năm thực hiện các nội dung và biện pháp trên đây, đến nay, các tổ chức cơ sở đảng ở khu vực nông thôn Thái bình đã có những chuyển biến tích cực. 100% số đảng bộ xã đã xây dựng được quy chế lãnh đạo và làm việc, khắc phục được một bước quan trọng sự chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ giữa tổ chức đảng với chính quyền. Độ đồng đều giữa các cơ sở đảng được nâng lên ; số cơ sở yếu kém trước là 15%, nay còn 5%. Những "điểm nóng" về cơ bản đã được giải quyết. Tình hình nông thôn nhìn chung ổn định. Số cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh được bảo đảm chất lượng, lãnh đạo tốt các hoạt động ở địa phương.

Điều đáng phấn khởi là nhiều cơ sở đã năng động, sáng tạo trong việc vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và đạt hiệu quả tốt. Từ khi có Nghị quyết 5 của Trung ương, nhiều cơ sở đã vận dụng, chỉ đạo việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, tạo bước chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế nông thôn. Có trên 80% số xã đạt năng suất 10 tấn thóc/ha/năm, một số xã đạt 14 - 15 tấn/ha/năm. Việc khai thác kinh tế hộ gia đình, cải tạo vườn, ao được tiến hành tích cực. Phong trào trồng cây và nuôi các con có

Digitized by Google

giá trị kinh tế cao như ong mật, ếch, ba ba, lươn, rắn, nuôi cá lồng trên sông, làm sinh vật cảnh... đang phát triển. Việc khôi phục các ngành nghề truyền thống và du nhập ngành nghề mới để xây dựng các làng nghề đang được thực hiện có kết quả. Toàn tỉnh hiện có trên 40 làng nghề. Riêng huyện Kiến xương có 10 làng nghề. Ở những làng nghề, cơ cấu thu nhập của hộ nông dân thay đổi rõ nét : thu từ ngành nghề và dịch vụ chiếm tới 60 - 70%, thu từ nông nghiệp chỉ còn 30 - 40%. Xã Tân lễ (Hưng hà) khôi phục, đưa nghề dệt chiếu vào tất cả các hộ gia đình xã viên, thu hút hàng nghìn lao động, thu nhập hàng năm trên 10 tỉ đồng. Các xã Hồng thái, Lê Lợi, Nam cao (Kiến xương) khôi phục ngành nghề, đưa sản xuất về từng hộ gia đình xã viên, mỗi xã thu hút hàng nghìn lao động, đưa thu nhập từ ngành nghề lên 70% tổng thu nhập của xã...

Phong trào xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn có chuyển biến tích cực. Đến nay 100% số xã đã có điện, 92% số hộ nông dân dùng điện cho sinh hoạt và sản xuất, 50% số xã có đường đá láng nhựa, 30% số xã có đường làm bằng vật liệu cứng. Trường học, trạm y tế xã phần lớn được xây nhiều tầng và có mái bằng. Một số xã đã có điện thoại và hệ thống nước sạch. Bộ mặt của nông thôn đang ngày một đổi thay rõ nét.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên đã có những chuyển biến tốt. Nhận thức tư tưởng và ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên được nâng lên một bước. Đặc biệt, đã có bước đổi mới quan trọng trong nhận thức và hành động về Đảng lãnh đạo kinh tế. Trước đây, chỉ có trên dưới 20% đảng viên được phân công công tác. Đến nay, trừ số đảng viên già, yếu được miễn công tác, số còn lại phần lớn được phân công cụ thể, trong đó có trên 70% tham gia làm kinh tế. Điều tra sơ bộ, có 80% số đảng viên đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có 25 - 30% đảng viên thâm canh lúa giỏi ; 15 - 20% đảng viên chăn nuôi giỏi ; 7 - 10% làm kinh tế VAC giỏi. Có 148 đảng viên nhận đấu thầu 839 ha đất ven sông, ven biển để nuôi trồng, khai thác thủy sản ; có đảng viên nhận đấu thầu tới 200 ha đầm ; hàng trăm đảng viên hoạt động trong các tổ hợp sản xuất, hàng nghìn đảng viên làm ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp. Nhiều đảng viên ở diện đói nghèo, được sự giúp đỡ của chi bộ đã vươn lên mức sống trung bình hoặc khá. Số đảng viên làm kinh tế giỏi ngày một tăng, có nơi chiếm tới 15 - 20% tổng số đảng viên.

Ngoài hoạt động kinh tế, nhiều đảng viên tích cực tham gia hoạt động xã hội, làm công tác vận động quần chúng như tham gia sinh hoạt trong các tổ chức đoàn thể, các hội nghề nghiệp và xã hội như hội làm vườn, hội nuôi ong, hội sinh vật cảnh, hội bảo thọ... Đa số đảng viên thể hiện được vai trò tiền phong, gương mẫu, bằng việc làm cụ thể và kết quả công việc của mình để lôi cuốn quần chúng làm theo. Hầu hết đảng viên làm kinh tế đều chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, chính sách của Nhà nước ; chưa phát hiện có trường hợp nào vi phạm. Một số đảng viên có thu nhập cao đã chủ động, tự giác tham gia đóng góp vào các hoạt động từ thiện, đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi công cộng. Bằng cách làm trên đây, giữa đảng viên với nhau và đảng viên với quần chúng đã có sự gắn bó ngày càng chặt chẽ.

Công tác làm trong sạch đảng và phát triển đảng cũng có chuyển biến rõ. Có trên 4000 đảng viên (4,9% đảng viên toàn tỉnh) phải xem xét lại tư cách, trong đó có 1902 đảng viên được gia hạn phấn đấu, 736 đảng viên bị kỷ luật, 1652 đảng viên bị đưa ra khỏi đảng. Năm 1992 đảng bộ Thái bình đã kết nạp 868 đảng viên mới (tăng 54% so với năm 1991), năm 1993 con số này là 1212, quý I-1994 số đảng viên được kết nạp tăng 30% so với quý I năm 1993.

Tuy đạt được một số kết quả bước đầu nói trên, hiện nay trong các tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên ở nông thôn Thái bình cũng còn những mặt yếu kém, tồn tại cần tiếp tục được khắc phục, giải quyết. Chẳng hạn, trình độ, năng lực của nhiều đảng viên còn hạn chế, không đồng đều ; nhiều tổ chức cơ sở đảng còn lúng túng, thiếu năng động, nhạy bén trong lãnh đạo kinh tế ; ở một số nơi còn biểu hiện mất đoàn kết, có tư tưởng cục bộ trong bố trí, sử dụng cán bộ, một số đoàn thể hoạt động còn mang tính hình thức, kém hiệu quả ; nhiều đảng viên chưa phát huy tác dụng, chưa nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu... Nhưng điều quan trọng là qua quá trình thực hiện đổi mới và chỉnh đốn Đảng, các cấp ủy đảng đã rút ra được

Digitized by Google

một số kinh nghiệm để làm tốt hơn trong các giai đoạn tiếp theo :

Một là, phải gắn công tác đổi mới và chỉnh đốn, củng cố cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên với các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, lấy kết quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân làm thước đo kết quả đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Đồng thời thông qua lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, sàng lọc đảng viên. Hai vấn đề này có mối quan hệ chặt chẽ, tác động lẫn nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển. Tách rời hai nội dung trên, công tác xây dựng đảng sẽ không có hiệu quả và khó đi vào cuộc sống.

Hai là, trong quá trình đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đi đôi với việc chú trọng quán triệt các quan điểm tư tưởng cơ bản của Nghị quyết 3 của Trung ương, phải xây dựng được chương trình hành động cụ thể của từng cấp, từng ngành, xác định rõ nội dung công việc thích hợp cho từng thời gian. Trong xây dựng chương trình hành động cần chú ý nêu rõ và gắn chặt hai vấn đề : phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân và tăng cường công tác xây dựng đảng.

Ba là, cấp ủy phải đích thân chỉ đạo, đồng thời phát huy tốt vai trò các cơ quan tham mưu. Trong chỉ đạo, chú ý toàn diện, đồng thời xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, chú ý chỉ đạo điểm, tạo dựng mô hình, đúc rút kinh nghiệm để chỉ đạo chung. Các ban của đảng phải có sự phối hợp, kết hợp chặt chẽ, giúp cấp ủy kiểm tra, hướng dẫn, sơ kết, rút kinh nghiệm kịp thời, chú ý những nơi yếu kém, có khó khăn.

Bốn là, chỉ đạo củng cố cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên phải đồng bộ với nhiều biện pháp, kết hợp chặt chẽ củng cố đảng với củng cố chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Quan tâm bố trí đúng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt. Giúp cho các cơ sở xây dựng được quy chế lãnh đạo, xác định rõ chức năng nhiệm vụ cụ thể của tổ chức cơ sở đảng. Đồng thời, xác định rõ tiêu chuẩn và xây dựng được mô hình cơ sở đảng trong sạch vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.

Huyện Gia lâm qua những năm đổi mới

LÊ QUÝ ĐÔN*

GIA LÂM là một huyện ven đô, cửa ngõ Đông Bắc Hà nội, nằm trong vùng châu thổ của sông Đuống, sông Hồng. Gia lâm có đường quốc lộ số 1 và số 5 chạy qua, có đường thủy sông Đuống, sông Hồng, có đường sắt ngược lên phía Bắc và xuôi cảng Hải phòng, Quảng ninh, có sân bay, bến bãi, kho tàng, có hệ thống thông tin giao dịch trong và ngoài nước đang ngày một phát triển.

Huyện Gia lâm có tổng diện tích đất tự nhiên 17 550 ha, trong đó đất nông nghiệp 8965 ha, đất bãi 2100 ha, diện tích đất canh tác 8405 ha ; dân số 29,2 vạn người, trong đó 6,5 vạn người sống ở bốn thị trấn và 22,7 vạn người sống ở 31 xã, với 14 vạn nhân khẩu nông nghiệp và 56200 lao động. Bình quân đất canh tác cho một nhân khẩu nông nghiệp là 642 m^2. Các xã ven trục đường quốc lộ số 1 và quốc lộ số 5 biến đổi rất nhanh theo hướng đô thị hóa. Những năm tới, đất canh tác có thể chuyển sang xây dựng cơ bản bình quân mỗi năm từ 30 - 40 ha. Riêng Công ty điện tử Hanel đã sử dụng tới 50 ha trong thời gian từ năm 1992 đến năm 1995.

Trên địa bàn huyện có nhiều nhà máy lớn được thành lập ngay từ khi hòa bình được lập lại như : các nhà máy xe lửa Gia lâm, diêm Thống nhất, gỗ Cầu đuống, đại tu ô tô số 3, cơ khí Yên viên, cơ khí địa chất, hóa chất Đức giang, công ty may 10 v.v. Những nhà máy này thu hút hàng vạn lao động có tay nghề cao. Trên địa bàn Gia lâm cũng có nhiều công ty kinh

*Bí thư Huyện ủy Gia lâm

Digitized by Google

doanh lớn của trung ương như : Công ty phụ tùng, Công ty xăng dầu khu vực I, Công ty dầu lửa, Công ty xe đạp miền Bắc, Công ty hóa chất, Công ty may Đức giang v.v., cung cấp những mặt hàng thiết yếu cho miền Bắc và phục vụ xuất khẩu ; một số các cơ quan khoa học đóng trên địa bàn huyện như : Trường đại học nông nghiệp I, Viện nghiên cứu rau quả trung ương, Trung tâm bò sữa Phù đổng, Liên hiệp dâu tằm tơ trung ương...

Từ những đặc điểm của tình hình nói trên đây, Gia lâm đã có bước phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua theo hướng đô thị hóa, công nghiệp hóa :

- Đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp và cải biến cơ cấu kinh tế nông thôn trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới. Huyện phấn đấu đến năm 1995, giá trị nông sản hàng hóa đạt 26 - 28 triệu đồng/ha. Để đạt chỉ tiêu tổng hợp đó cần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp : đưa giá trị sản phẩm cây lương thực xuống khoảng 50% ; tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm cây công nghiệp, rau quả, chăn nuôi, ngành nghề ; đưa tốc độ tăng trưởng về chỉ tiêu giá trị cao hơn tốc độ tăng trưởng về sản lượng. Phát triển các ngành nghề truyền thống, sử dụng nhiều lao động để làm ra sản phẩm tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Từng bước chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang các ngành nghề khác, cung cấp lao động cho các khu vực công nghiệp trong huyện và Thủ đô. Coi trọng đầu tư chiều sâu, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển ngành nghề mới như dâu tằm, bò sữa, cá lồng, dịch vụ v.v. Những năm trước đây vườn tạp bị bỏ hoang nhiều và sử dụng kém hiệu quả, đời sống nhân dân còn thấp. Từ những năm đổi mới người nông dân khai thác vườn tốt hơn theo cơ chế thị trường. Từ việc trồng các loại cây giống, hoa, rau quả tới cây cảnh cao cấp. Từng bước chuyển vườn ra đồng và từ vườn thành vườn công viên phấn đấu cho một nền nông nghiệp "sạch" theo hướng đô thị hóa, công nghiệp hóa.

- Song song với những việc làm nói trên, huyện đổi mới cơ cấu đầu tư, cung cấp vốn, với hệ thống chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn. Như vậy mới tiếp tục giải phóng được sức sản xuất, mở rộng các ngành nghề, tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nông dân, từng bước xóa đói giảm nghèo ở nông thôn.

Gia lâm từng bước đổi mới cơ cấu giống cây trồng và con vật nuôi có chất lượng tốt, vừa cho năng suất cao, lại vừa có giá trị hàng hóa lớn. Theo hướng phát triển này, Gia lâm ổn định diện tích cây lương thực, mà trọng tâm là diện tích lúa trong vài năm tới, để chuẩn bị đến cuối thế kỷ sẽ giảm dần diện tích cây lương thực, tăng diện tích cây ăn quả, cây hoa, cây nông sản thực phẩm cao cấp và thức ăn cho chăn nuôi, nhất là bò sữa. Trong chăn nuôi, tập trung thay đổi toàn bộ giống lợn theo hướng nạc hóa đàn lợn. Mở rộng vùng nuôi bò sữa ra toàn huyện để cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến sữa Phú thị. Tổ chức đưa các loại giống và công nghệ chăn nuôi công nghiệp vào từng hộ gia đình, tổ chức nuôi thực nghiệm để nhân rộng thủy sản như : cá lồng, rắn, ếch, ba ba... Trên cơ sở đổi mới cơ cấu giống, huyện chuẩn bị quy hoạch để đẩy nhanh việc xây dựng vùng kinh tế rõ rệt : vùng đô thị hóa để phát triển công nghiệp, dịch vụ, thương mại ở 4 thị trấn ; vùng sứ thủ công nghiệp gồm các xã Bát tràng, Kim lan, Vân đức, Đa tốn ; vùng phát triển rau cao cấp, hoa, quả cung cấp cho nội thành và các xã ven đô như : Yên thường, Thạch bàn, Yên viên, Ngọc thụy, Bồ đề, Đông dư, Gia thụy, Việt hưng, Long biên ; vùng trọng điểm lúa gồm một số xã ở vùng Nam Đuống, Bắc Đuống ; vùng chế biến dược liệu gồm Ninh hiệp, Đình xuyên ; vùng phát triển nghề phụ như Dương xá, Yên viên, Kiêu kỵ, với nghề dát vàng, may da truyền thống...

Mục đích của việc chuyển dịch cơ cấu giống và xây dựng vùng kinh tế chuyên là để nhanh chóng có tỷ suất, khối lượng hàng hóa ngày một tăng, giá trị ngày một lớn.

*

Digitized by Google

Để làm được việc đó, trong những năm qua Gia lâm đã khai thác đến mức cao tiềm năng lao động, tiềm năng chất xám của nhiều cơ quan nghiên cứu khoa học, kỹ thuật của trung ương và Hà nội đóng trên địa bàn địa phương ; thực hiện nhất quán 9 điểm sử dụng phát triển các thành phần kinh tế và tiếp tục phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế ấy ; tiếp tục đổi mới kinh tế hợp tác xã, rút kinh nghiệm các loại hình kinh tế - xã hội mới xuất hiện để hướng dẫn giúp đỡ các hợp tác xã đó hoạt động đúng hướng, có hiệu quả ; khuyến khích mở rộng các hình thức hợp tác theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi, phát huy vai trò kinh tế hộ ở nông thôn và thị trấn trong cơ chế thị trường, hộ xã viên là đơn vị sản xuất tự chủ. Như thế quy mô hợp tác xã không còn đóng vai trò quyết định như trước. Vì vậy Gia lâm chủ trương không xáo trộn quy mô hợp tác xã mà giữ nguyên quy mô hợp tác xã toàn xã. Đổi mới ban quản lý hợp tác xã, kiện toàn cơ cấu bộ máy gọn nhẹ nhằm thực hiện có hiệu quả một số chức năng quản lý và dịch vụ nông nghiệp. Chức năng của đội trưởng cũng thay đổi, chủ yếu là theo dõi, đôn đốc và giúp cho xã viên thực hiện nghiêm túc các hợp đồng kinh tế với hợp tác xã về ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác, và làm tròn trách nhiệm với nhà nước và tập thể. Ruộng đất đã giao cho hộ xã viên theo tinh thần "khoán 10". Do đổi mới mô hình hợp tác xã, đổi mới cơ chế quản lý nên công cụ, trang thiết bị sản xuất của tập thể và hộ gia đình nông dân tăng thêm nhiều. Các hộ nông dân đã mạnh dạn bỏ vốn vào đầu tư cho phát triển sản xuất kinh doanh. Kinh tế gia đình xã viên phát triển, đạt trên 50% tổng thu nhập. Bộ phận lớn nông dân có đời sống ổn định, bước đầu cải thiện và có tích lũy. Nhiều gia đình xây dựng được nhà ở khang trang, mua sắm được nhiều tiện nghi sinh hoạt đắt tiền. Số hộ làm ăn khá giả chiếm 54,4%, số hộ khó khăn giảm dần, còn 3,2%. Huyện phấn đấu đến năm 1995 đưa số hộ nghèo xuống dưới 2,5%.

Nhận rõ khó có thể làm giàu được bằng sản xuất thuần nông, Gia lâm chú trọng phát triển mạnh thủ công nghiệp, công nghiệp, coi đây là biện pháp cơ bản để giải quyết vấn đề lao động. Bước đầu ngành nghề thủ công còn gắn với sản xuất nông nghiệp, dần dần hình thành các hộ nông dân đa ngành, đa nghề, khôi phục và phát triển những ngành nghề truyền thống như : gốm sứ, thảm, may da, dát vàng... Mạnh dạn đưa vào huyện những ngành nghề mới : chế biến nông sản thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, tơ tằm v.v. Chính việc kết hợp nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp trong từng gia đình, trong các nhóm nghề... là một giải pháp hợp lý trong giai đoạn đầu để giải quyết vấn đề lao động, phát triển sản xuất, tích lũy vốn để từng bước thực hiện sự phân công lao động mới trong nông thôn, tạo bước chuyển ban đầu cho quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Các đơn vị công nghiệp của huyện tuy còn nhiều khó khăn, nhưng từng bước giải quyết được việc sắp xếp lại bộ máy, đổi mới thiết bị kỹ thuật. Vì thế đã duy trì và phát triển sản xuất, mọi người có việc làm, giao nộp thuế đầy đủ, thanh toán được các khoản nợ và đưa tỷ trọng công nghiệp lên chiếm tới 37,5% giá trị tổng sản lượng nông - công nghiệp huyện. Gia lâm cũng coi trọng và mở rộng liên doanh, liên kết, tranh thủ sự giúp đỡ mọi mặt của các đơn vị công nghiệp, khoa học - kỹ thuật của trung ương và thành phố để từng bước đổi mới cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất hàng hóa.

Kết cấu hạ tầng nông thôn có vai trò quyết định đối với việc phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, thúc đẩy sản xuất, giao lưu hàng hóa phát triển, tạo ra bộ mặt mới cho nông thôn và nông nghiệp, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương, đất nước. Vì thế, Gia lâm đặc biệt quan tâm xây dựng nông thôn mới, đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển giao thông nông thôn, chú trọng đổi mới quy hoạch và xây dựng kinh tế nông thôn mới gắn với cơ chế thị trường nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng, giải quyết nước sạch cho nông thôn và đô thị. Cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, từng bước xây dựng hệ thống thông

Digitized by Google

tin liên lạc phục vụ sản xuất và đời sống. Chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân. Nhiều năm qua theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, Gia lâm đã đầu tư hàng tỷ đồng cho xây dựng cơ sở vật chất phục vụ nông nghiệp và đời sống. Đầu tư hơn 6 tỉ cho xây dựng 14 trường phổ thông cơ sở cao tầng và 700 triệu đồng cho chống xuống cấp... Nhiều xã bằng nguồn vốn tự có và sự đóng góp của nhân dân như Thạch bàn, Gia thụy, Trâu quỳ, Cổ bi, Đa tốn, Yên thường, Thượng thanh, Việt hưng, Kim sơn, Yên viên... đã làm được đường giao thông rải nhựa, bê tông hoặc cấp phối. Hệ thống điện tiêu dùng trải dài khắp 31 xã và 4 thị trấn của huyện ; mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân được nâng lên cùng với tiện nghi sinh hoạt trong nhiều gia đình tăng thêm. Những di tích lịch sử truyền thống văn hóa của dân tộc được tôn tạo và giữ gìn. Trong giáo dục, chú ý nâng cao chất lượng dạy và học. Đến cuối năm 1993 toàn huyện đã phổ cập giáo dục cấp I ; 6 xã, thị trấn đã phổ cập cấp II. Công tác y tế đã chú ý chăm lo sức khỏe ban đầu của nhân dân, củng cố mạng lưới y tế cơ sở. Phong trào thể dục thể thao và rèn luyện thân thể được duy trì ở nhiều cơ sở, ở huyện và đã thu được những thành tích đáng phấn khởi. Các hoạt động văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ đáng kể, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn hiện nay.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Gia lâm cũng còn nhiều khó khăn, thiếu sót. Tiềm năng đất đai chưa khai thác hết, số lao động dôi dư trong nông nghiệp cũng chưa giải quyết được. Vấn đề tiêu thụ sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn, chưa có hướng giải quyết căn bản, ổn định, dẫn đến có lúc nông dân không tiêu thụ được sản phẩm, thiếu yên tâm sản xuất, nhất là đối với cây công nghiệp xuất khẩu, từ đó làm cho giá trị sản lượng hàng nông sản xuất khẩu giảm. Giá cả vật tư cho sản xuất cao, ít khuyến khích được người lao động.

Tệ nạn xã hội còn nhiều, kỷ cương luật pháp chưa nghiêm, xu hướng đô thị hóa ngày càng tăng nhanh, song công tác quản lý đô thị vẫn bộc lộ nhiều yếu kém. Nước thải, rác, vệ sinh môi trường chưa được xử lý tốt. Việc phân định địa giới thiếu rõ ràng, làm ảnh hưởng tới sự điều hành và quản lý đô thị.

Trong những năm tới, trên cơ sở đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa, đáp ứng nhu cầu hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, lấy phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp và xây dựng nông thôn mới giàu mạnh, văn minh làm nhiệm vụ trọng tâm, trong đó sản xuất công nghiệp, lương thực thực phẩm, rau quả, dịch vụ du lịch, xây dựng vành đai kinh tế của Thủ đô là những việc chính. Kết hợp phát triển nông nghiệp với phát triển tiểu, thủ công nghiệp, phát triển ngành nghề. Với địa thế giao thông thuận lợi, Gia lâm từng bước vươn lên trở thành một đầu mối chế biến, gia công sản phẩm hàng hóa, đầu mối giao lưu hàng hóa.

Dưới đây là mấy công việc lớn mà sắp tới đảng bộ và nhân dân huyện Gia lâm phải tiếp tục làm để đạt được những mục tiêu của mình :

1 - Tập trung giải quyết việc làm bằng con đường phát triển sản xuất của các thành phần kinh tế.

2 - Phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện theo hướng thâm canh tăng vụ, tăng nông sản hàng hóa, đẩy mạnh kinh tế gia đình theo hướng VAC và phát triển ngành nghề thủ công.

3 - Phát triển phong phú các mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

4 - Có những hình thức hoạt động thích hợp của các ngành văn hóa, xã hội nhằm nâng cao dân trí, đáp ứng những nhu cầu lành mạnh của nhân dân.

5 - Làm tốt nhiệm vụ an ninh quốc phòng, xây dựng cơ quan, xí nghiệp, thôn xã, thị trấn vững mạnh về chính trị, trật tự an toàn xã hội.

6 - Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức đảng ở một huyện đang có xu hướng đô thị hóa trong cơ chế thị trường, nâng cao chất lượng đảng viên theo những yêu cầu mới, phát huy hiệu lực quản lý của chính quyền huyện và xã, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong các thành phần kinh tế.

Digitized by Google

Những chuyển biến tích cực của Đông anh mấy năm gần đây

NGUYỄN HUY DIỄN *

MẤY năm gần đây, huyện Đông anh có những chuyển biến tích cực theo hướng đi lên trong phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trên các lĩnh vực khai thác tiềm năng, xây dựng cơ sở hạ tầng, đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và bảo đảm các vấn đề văn hóa, xã hội. Những kết quả đạt được qua mấy năm đổi mới đã và đang khích lệ đảng bộ, nhân dân Đông anh trong bước đi sắp tới, tạo sự phấn khởi, tin tưởng của nhân dân vào sự nghiệp đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giúp chúng tôi có thêm kinh nghiệm để lãnh đạo đảng bộ và nhân dân Đông anh tiếp tục đi lên.

Dưới đây là một số kinh nghiệm mà chúng tôi tâm đắc nhất.

1 - *Mạnh dạn trong việc vận dụng đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương*

Là một huyện ven đô, có vị trí quan trọng ở Hà nội, Đông anh có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển, đi lên. Nhưng thử thách khó khăn cũng còn nhiều. Theo chúng tôi, khó khăn chủ quan lớn nhất ở Đông anh là cách làm ăn, nếp suy nghĩ cũ còn khá nặng nề, tư tưởng tiểu nông manh mún, chăm lo lợi ích cục bộ, ít quan tâm đến lợi ích chung còn là vấn đề phổ biến. Chính những cái đó là lực cản trên con đường dẫn đến cái mới. Một thời gian dài trước đây, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước, của thành phố đều được tổ chức học tập rộng rãi, nhưng khi vận dụng vào điều kiện cụ thể thì thường tỏ ra lúng túng, không thoát ra khỏi sự níu kéo vô hình ở mỗi cơ sở, mỗi đơn vị và trong từng con người.

Huyện ủy chúng tôi thấy rõ điều đó và quyết tâm khắc phục tình trạng này. Trên cơ sở nghiên cứu, nắm chắc các quan điểm đổi mới của Trung ương Đảng và của Thành ủy Hà nội gần đây, nhất là Nghị quyết 5 của Trung ương về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, Nghị quyết 3 về đổi mới, chỉnh đốn Đảng và các chương trình của Thành ủy, chúng tôi tiến hành phân tích, đánh giá đúng những đặc điểm, tình hình, thế mạnh cùng những khó khăn, hạn chế của huyện để vận dụng, đề ra các chủ trương công tác phù hợp. Trong quá trình chuẩn bị các quyết định, chúng tôi chú ý mở rộng dân chủ, bàn bạc kỹ trong cấp ủy, lắng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên, các đoàn thể quần chúng, nhất là ý kiến của những cán bộ lão thành. Bằng cách này, mấy năm qua chúng tôi đã từng bước xác định được cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện, điều mà lâu nay huyện ủy còn lúng túng hoặc chưa xác định rõ. Cơ cấu kinh tế của Đông anh hiện nay được xác định là : nông nghiệp - công nghiệp - thương nghiệp, dịch vụ. Với xu hướng phát triển của đất nước, vài năm sau lĩnh vực công nghiệp sẽ giữ vị trí hàng đầu trong cơ cấu này và dự báo sau năm 2000 vị trí đó sẽ thuộc về lĩnh vực du lịch, dịch vụ.

Để xác định được cơ cấu kinh tế như vậy, ngoài việc bám chắc các quan điểm của Đảng, chúng tôi dựa vào quy hoạch phát triển của thủ đô Hà nội, căn cứ vào điều kiện, đặc điểm, thế mạnh của Đông anh. Kế hoạch và xu thế phát triển của Hà nội là dần dần xây dựng các khu công nghiệp tập trung tại các huyện ngoại thành. Địa bàn như Đông anh sẽ trở thành khu công nghiệp tập trung và trở thành vành đai cung cấp lương thực, thực phẩm, rau, hoa quả, phục vụ du lịch... Đông anh còn là cầu nối giữa thủ đô Hà nội với cảng hàng không quốc tế Nội bài, giao lưu hàng hóa sẽ rất nhộn nhịp. Địa hình của Đông anh lại không bằng phẳng, nơi cao thì đất bạc màu, nơi trũng thì thường bị ngập nước. Nếu đơn thuần chạy theo cây lương thực thì sẽ không đạt hiệu quả cao vì chi phí cho điện và thủy lợi quá lớn. Trên địa bàn huyện chúng tôi có cả đường bộ, đường sắt, đường sông và đường hàng không. Đông anh lại có nhiều điều kiện phát triển du lịch, dịch vụ, đặc biệt có di

* Bí thư huyện ủy Đông anh

Digitized by Google

tích lịch sử Cổ loa nổi tiếng, nếu được tu bổ, tôn tạo, thì sẽ là nơi du lịch hấp dẫn, thu hút khách thập phương. Đông anh cũng có những thế mạnh về ngành, nghề, thâm canh, chăn nuôi ; nhân dân cần cù chịu khó, ham muốn tiếp cận cái mới. Đó là những thuận lợi cho việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế như đã xác định. Thay cho cách phân chia huyện thành vùng thấp, vùng cao trước đây, nay chúng tôi đã chia huyện thành 4 vùng kinh tế, dựa trên thế mạnh, đặc điểm địa lý, truyền thống và xu thế phát triển :

- Vùng lúa chất lượng cao đồng thời cũng là vùng phát triển tiểu, thủ công nghiệp, tập trung ở các xã miền đông của huyện như Vân hà, Dục tú, Thụy lâm, Liên hà, Việt hùng...

- Vùng rau, hoa, cây cảnh, phục vụ du lịch, thể thao, tập trung chủ yếu ở các xã như Nam hồng, Bắc hồng, Tiên dương, Vân nội, Kim nỗ, Hải bối...

- Vùng phát triển gia súc, cây công nghiệp, nuôi thủy sản, tập trung ở 8 xã ven sông Hồng, sông Đuống.

- Vùng phát triển công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ, tập trung ở khu trung tâm của huyện và các xã dọc theo quốc lộ số 3.

Xác định cơ cấu kinh tế phù hợp, phân chia các vùng kinh tế hợp lý vừa là định hướng vừa là cơ sở để tập trung đầu tư cho sự phát triển lâu dài, tạo ra những mũi nhọn sản xuất hàng hóa tập trung.

2 - *Xác định rõ trọng tâm công tác, phân rõ trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ*

Để khắc phục tình trạng dàn đều công việc, đầu tư tràn lan, trách nhiệm thiếu rõ ràng, ngay từ đầu nhiệm kỳ, huyện ủy đã đề ra 10 chương trình công tác chủ yếu, lập kế hoạch thực hiện, phân công cán bộ, cấp ủy phụ trách cụ thể. Trên cơ sở những nhiệm vụ chủ yếu của huyện, các ngành, các cấp, các đơn vị cũng được huyện ủy chỉ đạo lập chương trình, kế hoạch, xác định những nhiệm vụ trọng tâm của mình. Ở từng giai đoạn, từng mùa vụ, huyện ủy cũng xác định rõ những công việc trọng tâm. Làm như vậy, huyện ủy dễ chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, tập trung được công sức, trí tuệ, đầu tư kinh phí hoàn thành dứt điểm từng nhiệm vụ. Chúng tôi chia huyện thành 5 vùng, mỗi vùng bao gồm 4 - 5 xã. Mỗi vùng được giao cho một đồng chí ủy viên ban thường vụ huyện ủy phụ trách. Mỗi xã giao cho một đồng chí huyện ủy viên hoặc trưởng, phó ban, ngành của huyện phụ trách. Những đồng chí phụ trách, ngoài sự am hiểu, nắm chắc tình hình, còn phải có khả năng giải quyết những vấn đề đặt ra ở nơi đó. Khi có những vấn đề mới, khó khăn, phức tạp xảy ra quá khả năng và quyền hạn của các đồng chí phụ trách thì các đồng chí phụ trách xã báo cáo trực tiếp với đồng chí thường vụ phụ trách vùng, và khi cần thì ban thường vụ huyện ủy cho ý kiến chỉ đạo, giải quyết kịp thời.

Với cách thức lãnh dạo như trên, mấy năm gần đây chúng tôi đã từng bước giải quyết khá vững chắc nhiều nhiệm vụ trong phát triển kinh tế - xã hội như xây dựng hệ thống thủy lợi, mạng lưới điện, hệ thống đường giao thông, các trường học, bệnh xá, nhà tình nghĩa, đô thị hóa v.v. Kết quả là, đến năm 1993, toàn huyện đã có hệ thống thủy lợi với 20 km kênh dẫn nước bằng gạch ; 100% số hộ của huyện đã có điện sinh hoạt ; tất cả các xã, thị trấn đều có trường học cao tầng và trạm y tế, đường làng ngõ xóm đang từng bước được củng cố, mở mang, nâng cấp. Một trong những công tác trọng tâm hiện nay của Đông anh là mở mang, nâng cấp hệ thống đường giao thông kết hợp với nâng cấp hệ thống thủy lợi và các trạm biến thế điện. Hiện nay, trên địa bàn huyện đã có 120 km đường giao thông được rải nhựa hoặc đổ bê tông ; 30% đường trong các thôn, xã được láng nhựa hoặc lát gạch. Có xã như Dục tú, Nam hồng hầu hết đường làng, ngõ xóm đã được gạch hóa hoặc bê tông hóa.

Chúng tôi cũng đã thực hiện phân cấp quản lý đường giao thông : cấp huyện quản lý và đầu tư cho đường liên xã, cấp xã quản lý và đầu tư cho đường liên thôn, thôn quản lý đường trong các xóm. Cách quản lý này tỏ ra có hiệu quả vì mỗi con đường đều có chủ rõ ràng.

Trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của các cấp, chúng tôi rất coi trọng vấn đề tạo mô hình, tổng kết thực tiễn, nhân điển hình. Các ban, ngành chức năng của huyện được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này. Khi nào mô hình đạt hiệu quả tốt, huyện sẽ tổ chức rút kinh nghiệm và nhân ra diện rộng. Cách làm này có tác dụng vừa rèn luyện cán bộ trong thực tiễn, vừa gắn cán bộ huyện với cơ sở, vừa giúp cho các cấp đảng và chính quyền trong huyện nâng cao trình độ lãnh dạo, chỉ đạo, thực hiện tốt nghị quyết đã đề ra.

3 - *Thực hiện đầu tư tập trung, huy động vốn bằng phương pháp "gây men"*

Digitized by Google

Sở dĩ mấy năm gần đây một số lĩnh vực ở Đông anh có sự phát triển vững chắc với tốc độ khá nhanh, một phần vì chúng tôi áp dụng những biện pháp phù hợp trong cách đầu tư, khơi nguồn vốn. Chúng tôi tập trung đầu tư vào những công trình sớm đem lại hiệu quả, những mô hình kinh tế mũi nhọn và những lĩnh vực liên quan mật thiết đến đời sống nhân dân, bảo đảm những vấn đề xã hội. Nếu như trước đây có thời gian nhiều xã ở Đông anh đua nhau xây dựng trụ sở xã thì nay các xã dấy lên phong trào làm đường giao thông, xây dựng công trình thủy lợi, phong trào chuyển đổi mùa vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng.

Để khắc phục nhanh tình trạng ỷ lại, tư tưởng trông chờ cấp trên cấp vốn, huyện ủy thực hiện chủ trương để cơ sở chủ động trong xây dựng các công trình, thực hiện các chương trình kinh tế, xã hội theo kế hoạch, quy hoạch. Huyện chỉ cấp một phần vốn và chỉ cấp vốn khi nào cơ sở xây dựng xong luận chứng kinh tế - kỹ thuật, khi cơ sở đã tìm được nguồn vốn và có các điều kiện để hoàn thành công trình theo thời gian quy định. Chúng tôi gọi cách làm như trên là : huy động vốn bằng phương pháp "gây men". Cách làm này vừa nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng động, sáng tạo của cơ sở, vừa huy động được vốn từ nhiều nguồn, vừa tránh được những thất thoát vốn không đáng có.

Việc xây dựng khu trung tâm thương nghiệp, dịch vụ ở huyện, cũng như các khu trung tâm dịch vụ ở các xã - thị trấn, bằng phương pháp "lấy ruộng đắp lên bờ" đã đạt hiệu quả cao. Trên cơ sở quy hoạch đất xây dựng, thiết kế công trình, quy định chất lượng, thời gian hoàn thành, huyện đã tổ chức cho đông đảo cán bộ, nhân dân, trong và ngoài huyện đấu thầu công khai theo phương thức huyện công bố đơn giá tối thiểu đã được tính đủ, gồm : lệ phí đất theo luật định ; kinh phí đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng và công trình phúc lợi công cộng tại khu vực đó, ai đặt giá cao hơn sẽ được nhận đất xây dựng. Vì vậy mà các khu trung tâm đều được xây dựng đúng quy hoạch và kế hoạch, đồng thời lại có thêm nguồn kinh phí đáng kể để đầu tư cho các lĩnh vực khác.

Gắn việc xây dựng, củng cố đảng với công tác phát triển kinh tế - xã hội là chủ trương đúng đắn của Đảng ta. Huyện ủy Đông anh coi xây dựng đảng là nhiệm vụ then chốt, thường xuyên, và đã cụ thể hóa chủ trương này của Đảng. Ví dụ : trong việc cấp kinh phí đầu tư phát triển, huyện ủy quyết định : những nơi nào mà cơ sở đảng yếu kém, nội bộ mất đoàn kết, nảy sinh nhiều tiêu cực thì chưa đầu tư mà tập trung vào việc củng cố cơ sở đảng trước. Làm như vậy, chúng tôi vừa gắn việc củng cố, đổi mới, chỉnh đốn cơ sở đảng với việc phát triển kinh tế - xã hội, vừa làm cho cấp ủy đảng thấy rõ trách nhiệm của mình trước nhân dân, lại vừa tránh được những tiêu cực trong việc sử dụng vốn đầu tư.

4 - *Phát triển kinh tế gắn với những bảo đảm về xã hội, chuẩn bị con người cho hôm nay và cho mai sau*

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chúng tôi rất chú ý gắn với đảm bảo những vấn đề xã hội, với mục đích cao nhất là nâng cao mức sống của nhân dân, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Việc đầu tư cho phát triển kinh tế vì thế phải tính đến yếu tố thiết thực, hiệu quả cao và lợi ích về mặt xã hội. Mấy năm qua, kinh tế của Đông anh có mức tăng trưởng đáng kể. Năm 1993, sản lượng lương thực quy ra thóc đạt 71931 tấn (tăng 7,9% so với năm 1992). Bình quân lương thực đầu người đạt 400 kg (vượt mức kế hoạch về thời gian là 2 năm). Giá trị sản lượng nông nghiệp là 18,5 triệu đồng/ha đất canh tác, tăng 2,8 triệu đồng so với năm 1992. Chăn nuôi phát triển, đàn gia súc gia cầm đa dạng và tăng nhanh. Tổng giá trị công nghiệp quốc doanh tăng 14,6%, công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 35%. Thương nghiệp, dịch vụ được mở mang, phát triển. Nhiều ngành nghề phát triển đa dạng. Năm 1993 ngân sách đạt 32 tỷ 490 triệu đồng (gấp 2 lần so với năm 1992). Các mặt khác đều có những chuyển biến tích cực.

Kinh tế phát triển đã nâng nhanh mức sống của nhân dân : 95% gia đình đã được ngói hóa ; 100% gia đình có điện sinh hoạt ; 20% gia đình có xe máy ; nhiều gia đình có ôtô, máy công nông, các công cụ sản xuất có giá trị ; 50% gia đình có tivi hoặc radiô ; số hộ giàu hoặc khá ngày càng tăng ; số hộ nghèo giảm rõ rệt (hiện nay còn khoảng hơn 4%), không còn hộ phải cứu đói. Các công trình phúc lợi xã hội được quan tâm phát triển : trung tâm y tế của huyện có 150 giường bệnh ; tất cả các xã, thị trấn đều đã có các trạm y tế và có bác sĩ khám, chữa bệnh ; các xã, thị trấn đều có trường học được xây dựng kiên cố, khang trang. Công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ được đặc

Digitized by Google

biệt chú ý, có hiệu quả rõ rệt : trong 3 năm đã xây dựng 88 nhà tình nghĩa, tặng 733 sổ tiết kiệm với tổng số tiền là 172 triệu đồng, xây dựng, nâng cấp 5 nghĩa trang liệt sĩ ; công tác từ thiện, xóa đói giảm nghèo được mở rộng và đạt kết quả thiết thực. Ba năm qua, thông qua hình thức tín chấp huyện đã giúp 68000 hộ nông dân vay 48 tỷ 831 triệu đồng để phát triển sản xuất. Phong trào xây dựng các cụm văn hóa, nhà văn hóa, đời sống văn hóa ở nông thôn đang có những chuyển biến tốt.

Muốn phát triển kinh tế - xã hội, muốn tránh được nguy cơ tụt hậu thì một trong những yếu tố cần quan tâm đặc biệt là đào tạo cán bộ, chuẩn bị tốt con người cho hôm nay và cho mai sau. Chúng tôi ngày càng nhận thức rõ điều đó và tập trung đầu tư cho công tác này. Ngoài việc quan tâm chăm sóc xây dựng trường sở, đào tạo đội ngũ giáo viên, đảm bảo điều kiện cho việc dạy và học tốt ở các trường phổ thông, chúng tôi còn thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng tại huyện. Trước đây Đông anh cũng đã cử nhiều cán bộ, con em nhân dân đi đào tạo, bồi dưỡng ở các trường ở Hà nội và trung ương, nhưng việc đào tạo và sử dụng nhiều khi không ăn khớp với nhau, cán bộ đương chức không hào hứng, yên tâm học tập vì xa nhà, khó khăn về đời sống, về hoàn cảnh gia đình... trong khi đó huyện thiếu cán bộ có phẩm chất, năng lực làm việc. Từ thực tế đó, mấy năm vừa qua, chúng tôi khắc phục tình trạng trên bằng cách mở lớp tại huyện thông qua hình thức ký hợp đồng với các trường đại học, trường đảng, trường quản lý hành chính, quản lý kinh tế v.v. Toàn bộ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đương chức được huyện chi trả. Với các đối tượng học sinh chuyên nghiệp khác, huyện cấp địa điểm học và đài thọ chi phí cho giáo viên. Cán bộ đương chức đi học được huyện cấp tiền ăn trưa, tiền mua giáo trình, tài liệu, giấy, bút. Bằng phương thức này, đến nay huyện chúng tôi đã có 400 lượt cán bộ đương chức được bồi dưỡng, nâng cao trình độ về lý luận - chính trị, về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế ; nhiều cán bộ được theo học các lớp ngoại ngữ. 121 giáo sinh tiếng Anh, 40 sinh viên Đại học nông nghiệp (thú y), 145 sinh viên Đại học pháp lý, 100 sinh viên Đại học tài chính đang theo học và một số sắp ra trường. Sắp tới chúng tôi sẽ ký hợp đồng mở các lớp cao học khác tại huyện.

Ngoài ra, các hình thức khác như tổ chức nói chuyện thời sự, báo cáo chuyên đề, tổ chức tham quan, học tập thực tế... cũng đã góp phần nâng cao kiến thức, trình độ, năng lực của cán bộ, đảng viên. Nhờ chú ý thích đáng đến vấn đề con người, chúng tôi đang từng bước khắc phục được sự hẫng hụt về cán bộ, thực hiện tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ. Chẳng hạn, hiện nay những cán bộ tham gia huyện ủy lần đầu bắt buộc phải có trình độ từ đại học trở lên ; cán bộ chủ chốt của xã phải có trình độ từ trung học trở lên.

*

Trên con đường đi lên, Đông anh gặp không ít khó khăn và cũng còn nhiều thiếu sót, tồn tại. Thấy rõ những hạn chế đó, với những tiềm năng, thế mạnh của một huyện ven đô, với những thành quả đã đạt được và những kinh nghiệm tích lũy được trong mấy năm vừa qua, đảng bộ và nhân dân Đông anh đang vươn lên, cố gắng thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu đã được đề ra :

- Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi để khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng, phát triển mạnh sản xuất hàng hóa, xây dựng huyện trở thành một trọng điểm kinh tế của thủ đô.

- Tạo nhanh môi trường thuận lợi để khuyến khích và thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Tranh thủ mở rộng kinh tế hướng ngoại, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng kinh tế.

- Coi trọng công tác quy hoạch tổng thể và chi tiết, quản lý chặt chẽ quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn mới và phát triển đô thị.

- Tiếp tục phát triển sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục, chăm lo bảo đảm và giải quyết các vấn đề xã hội.

- Tiếp tục xây dựng chính quyền vững mạnh, nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước, của các đoàn thể nhân dân.

- Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của địch.

- Tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng. Gắn quá trình phát triển kinh tế xã hội với công tác xây dựng đảng. Tiếp tục quan tâm làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, làm tốt công tác chuẩn bị con người cho tương lai.

Digitized by Google

Xuân thủy phấn đấu phát triển kinh tế - xã hội

NGUYỄN VŨ BÌNH

XUÂN THỦY là một huyện đồng bằng ven biển thuộc tỉnh Nam hà, nằm ở hữu ngạn sông Hồng, ba mặt giáp sông và biển. Dân số 35,4 vạn người, bình quân ruộng đất đầu người vào loại thấp nhất tỉnh (0,047ha/người, trong đó đất trồng lúa hai vụ : 1,1 sào Bắc bộ). Năng suất lúa lại thấp, giai đoạn 1986 - 1990 mới đạt bình quân 67,4 tạ/ha, nhiều hợp tác xã chỉ đạt 50tạ/ha. Do đó, sản lượng lương thực bình quân đầu người chưa được 300kg/năm, trong khi đó diện tích trồng lúa mỗi năm bị thu hẹp gần 100 ha. Sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp của huyện (nơi thu hút 3,5 vạn lao động và chiếm 20% giá trị tổng sản lượng) hầu như bị đình trệ, nhất là khi thị trường Liên xô và Đông Âu bị tan vỡ. Hàng loạt hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp không còn khả năng hoạt động, người lao động mất việc làm, thu nhập giảm sút. Đó là thực trạng của Xuân thủy những năm trước đổi mới.

Từ khi có đường lối đổi mới của Đảng, huyện ủy và UBND huyện Xuân thủy đã phát huy tính năng động, sáng tạo, xác định phương hướng và bước đi thích hợp. Là huyện thuộc vùng trọng điểm lúa của tỉnh, Xuân thủy coi nhiệm vụ hàng đầu của mình là giải quyết vấn đề lương thực - thực phẩm. Đây chính là cơ sở của việc phát triển toàn diện kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Xuân thủy còn xác định mũi nhọn kinh tế là khai thác tiềm năng của biển, đồng thời phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống theo hướng tổ chức, sắp xếp lại các cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện, khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư vào các lĩnh vực với mọi hình thức và quy mô khác nhau nhằm giải quyết việc làm, tạo nguồn thu nhập cho người lao động.

Qua quá trình phấn đấu thực hiện mục tiêu, phương hướng nêu trên, đảng bộ và nhân dân Xuân thủy đã gặt hái được những kết quả bước đầu đáng khích lệ :

- Thành tích nổi bật trong mấy năm qua là tốc độ phát triển sản xuất lương thực khá cao và ổn định. Tổng sản lượng bình quân giai đoạn 1991 - 1993 tăng 1,5 lần so với thời kỳ 1986 - 1990, tốc độ tăng bình quân năm là 18,6%. Sản lượng bình quân đầu người từ 300kg năm 1989 tăng lên 503kg năm 1993. Nhờ giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, nông dân đủ ăn và có phần dự trữ, Xuân thủy có điều kiện để mở mang và phát triển các ngành nghề khác.

- Triển khai với quy mô tương đối lớn chương trình khai thác kinh tế vùng bãi bồi ven biển. Nhờ thực hiện tốt phương châm "Nhà nước và nhân dân, trung ương và địa phương cùng làm", trong vòng 3 năm (1990 - 1993) kinh phí đầu tư cơ bản cho việc quai đê lấn biển, khoanh vùng nuôi tôm... đã lên đến 23 tỉ đồng (trong đó nhà nước đầu tư 3,7 tỉ đồng - chiếm 16% ; huyện và nhân dân bỏ ra hơn 18 tỉ đồng - chiếm 84%). Chỉ tính riêng việc khai thác vùng bãi bồi ven biển mỗi năm đã thu hút hơn 2000 lao động trong vùng ; đánh bắt 200 - 300 tấn tôm nguyên liệu, 50 tấn cua rèm, 50 tấn rong câu... doanh thu toàn vùng đạt bình quân khoảng 15 tỉ đồng/năm.

Xem Biểu 1 - So sánh việc nuôi trồng hải sản của huyện Xuân thủy trong hai năm 1989 và 1993 (Nguồn : Báo cáo khoa học về huyện Xuân thủy) :

(Biểu 1)

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm		Mức tăng % 1993 so với 1989
		1989	1993	
Diện tích khai thác (đầm tôm, cá)	ha	837	1872	223,6
Sản lượng tôm, cá các loại	tấn	357	445	118,9

Digitized by Google

Đáng chú ý là một số hộ nuôi tôm, cá đã chuyển sang nuôi nửa thâm canh, đạt hiệu quả kinh tế khá cao với mức thu nhập 20 - 30 triệu đồng một năm. Đây là một hướng đi đúng, có triển vọng.

- Phát triển ngành nghề phi nông nghiệp theo hướng bám sát nhu cầu của thị trường,tổ chức tốt các dịch vụ "đầu vào" và "đầu ra", tạo điều kiện, khuyến khích các đơn vị, hộ gia đình sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. Năm 1993 giá trị doanh thu toàn ngành đạt trên 150 tỉ đồng (giá hiện hành) tăng 247,4% so với năm 1989 ; trong cơ cấu giá trị doanh thu, khu vực quốc doanh chiếm 19,7%, ngoài quốc doanh chiếm 80,3%. Đặc biệt, do sức ép về việc làm và một phần do truyền thống "xuất khẩu lao động" của địa phương, số lao động làm việc ngoài địa bàn huyện hằng năm chiếm tới 12 - 14% lực lượng lao động của toàn huyện ; với tổng số tiền đưa về cho gia đình họ, chỉ tính năm 1993 lên tới 56 tỉ đồng. Đây là một hiện tượng đặc thù cần được phát huy hơn nữa. Một xu hướng khác cũng đáng ghi nhận là số cơ sở sản xuất công nghiệp và ngành nghề tăng lên đáng kể : từ 6768 cơ sở năm 1989 lên 9410 cơ sở năm 1993 (trong đó số cơ sở tập thể giảm từ 57 xuống còn 16 ; hộ cá thể và các hộ liên doanh liên kết tăng nhanh). Tổng số lao động được thu hút vào các ngành nghề tăng từ 26 150 lao động năm 1989 lên 33 850 lao động năm 1993.

Tóm lại, mặc dù ở trong một huyện trọng điểm lúa của tỉnh, nhưng trước đổi mới, người dân Xuân thủy vẫn còn thiếu ăn. Nhờ thực hiện đổi mới, biết phối hợp đồng bộ các biện pháp, huyện Xuân thủy đã đạt được những thành tích toàn diện về phát triển kinh tế. Trong đó việc nâng mức bình quân lương thực đầu người từ 300 lên 500kg không chỉ có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển các ngành nghề khác, mà còn tạo tiền đề cơ bản cho việc đa dạng hóa kinh tế nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện.

Bên cạnh những thành tích đạt được trong mấy năm qua, Xuân thủy còn có một số mặt hạn chế :

- *Một là*, cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu nông nghiệp nói riêng hầu như chưa có sự chuyển dịch.

Xem Biểu 2 - Cơ cấu giá trị tổng doanh thu năm 1989 và 1993 (quy giá 1993) (Nguồn : Báo cáo khoa học về huyện Xuân thủy) :

(Biểu 2)

Ngành	1989		1993	
	Số lượng (triệu đồng)	Tỷ lệ %	Số lượng (triệu đồng)	Tỷ lệ %
Tổng cộng	222 478	100	470 974	100
- Nông nghiệp	161 500	72,7	320 110	68
- Công nghiệp	23 242	10,6	51 544	10,9
- Thương nghiệp và dịch vụ	37 736	16,7	99 320	21,1

Nhìn vào Biểu trên, chúng ta thấy quy mô sản xuất của các ngành nghề có phát triển và mở rộng, song về cơ cấu kinh tế giữa các ngành gần như không có gì thay đổi. Đây là hạn chế cơ bản nhất, bởi vì cơ cấu kinh tế còn mang nặng tính chất thuần nông (ngành nông nghiệp chiếm 70% giá trị tổng sản lượng) sẽ hạn chế khả năng làm giàu của huyện.

- *Hai là*, việc khai thác các điều kiện và năng lực sản xuất hiện có chưa triệt để. Đặc biệt, vấn đề phát huy tiềm năng kinh tế mũi nhọn còn hạn chế. Trong khai thác kinh tế biển, mới đưa vào sử dụng khoảng 20% diện tích vùng bãi bồi ven biển để khoanh đầm nuôi tôm. Tuy nhiên, với phương thức khai thác quảng canh như hiện nay, hiệu quả còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có. Trong việc nuôi trồng hải sản, (xem Biểu 1), mức tăng sản lượng tôm, cá (118,9%) thấp hơn nhiều so với quy mô mở rộng vùng đầm tôm (223,6%). Năng suất thu hoạch trong mấy năm vừa qua ngày một giảm.

Quy mô khai thác và đánh bắt hải sản còn rất hạn chế, phương tiện đánh bắt lạc hậu và cũ kỹ. Vì vậy sản lượng khai thác được hiện nay rất thấp (chưa vượt quá 1000 tấn/năm), ngư trường của huyện thường xuyên được các tỉnh, huyện bạn khai thác "hộ". Dải đất bãi bồi ven sông Hồng, sông Ninh cơ trù phú thích hợp với trồng dâu nuôi tằm nhưng chưa được khai thác có hiệu quả. Các làng nghề truyền thống như nước

Digitized by Google

mám Sa châu, đúc đồng, đan lát đã được khôi phục song chưa trở thành ưu thế phát triển.

- *Ba là*, cơ sở vật chất kỹ thuật vừa qua có được tăng cường một bước nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế địa phương. Về điện lưới, tuy tất cả các xã đều đã có, nhưng mới bảo đảm 30% yêu cầu về sản lượng điện. Hệ thống thông tin mới chỉ tập trung ở khu vực huyện lỵ, một số xã vẫn sử dụng phương tiện cũ lạc hậu. Đặc biệt, hệ thống giao thông đường bộ còn kém, mới có 12% đường trục của huyện được rải nhựa ;chiều rộng lòng đường và tải trọng cầu cống đều không đạt tiêu chuẩn, do vậy việc đi lại khó khăn, không an toàn.

Một trong những nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế nêu trên là dân số của huyện quá đông, sức ép về công ăn việc làm, về lương thực rất lớn... đòi hỏi tập trung nhiều cố gắng vào sản xuất nông nghiệp, đảm bảo đời sống cơ bản của nhân dân.

Cơ sở vật chất kỹ thuật giao thông, thông tin, y tế, giáo dục của huyện nhìn chung còn yếu và thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Trình độ tổ chức quản lý và đội ngũ cán bộ huyện trong những năm qua tuy có được củng cố, nâng lên, song so với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường, có sự quản lý của nhà nước thì còn nhiều mặt chưa cân xứng.

Để khắc phục những mặt tồn tại, đồng thời phát huy có hiệu quả những gì đã tạo lập được, thực hiện thành công bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện trong những năm tới, theo tôi cần tập trung thực hiện một số biện pháp sau đây :

Một là, tập trung các nguồn lực để thực hiện bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đây là nhiệm vụ trọng tâm của Xuân thủy trong giai đoạn tới. Huyện cần có biện pháp tập trung sức người sức của cho một số ngành có khả năng làm thay đổi tỉ trọng giá trị ngành công nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ trong giá trị tổng sản lượng. Chẳng hạn như ngành hải sản, dâu tằm và một số làng nghề truyền thống : đúc đồng, nước mắm (Sa châu), đan lát có ưu thế trên thị trường. Đối với ngành nuôi trồng và đánh bắt hải sản, cần giải quyết vấn đề nguồn vốn cho đầu tư song song với việc áp dụng kỹ thuật chuyển sang nuôi nửa thâm canh 2000 héc ta đầm tôm hiện có. Phát triển khai thác ngư trường bằng việc phát huy nghề cá nhân dân. Vùng bãi bồi ven sông Hồng, sông Ninh cơ cần đưa nhanh vào khai thác bằng việc thúc đẩy triển khai dự án "Dâu tằm tơ" ; sớm hình thành nhà máy ươm tơ trên địa bàn huyện để không những giải quyết nguồn nguyên liệu của địa phương mà còn thu hút nguyên liệu của các vùng lân cận. Trong việc phát triển các làng nghề truyền thống, cần ưu tiên nguồn vốn tín dụng cho các hộ ngành nghề, đồng thời giúp tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm đó. Như vậy, tập trung các nguồn lực để nâng cao số lượng và chất lượng một số sản phẩm có ưu thế của địa bàn là chìa khóa cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Xuân thủy.

Hai là, chuyển mạnh sang khai thác theo chiều sâu năng lực sản xuất hiện có. Trọng tâm của hướng đi này chính là thực hiện đổi mới công nghệ. Thực tiễn của Xuân thủy đã chứng minh được tác động quan trọng của công nghệ giống đối với việc đẩy nhanh nhịp độ phát triển lương thực trong những năm qua. Vì vậy, trước mắt cũng như lâu dài, muốn khai thác có hiệu quả tiềm năng kinh tế huyện, không thể không quan tâm tới việc áp dụng công nghệ mới. Hơn nữa, trong cơ chế thị trường hiện nay, vấn đề nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường là điều kiện sống còn của nền kinh tế. Chính vì vậy mà trong từng dự án đầu tư, phương án tổ chức sản xuất, cần coi việc nâng cấp, đổi mới công nghệ sản xuất (cả trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, đánh bắt hải sản, chế biến nông sản v.v.) là mục tiêu ưu tiên, là lối thoát có hiệu quả để giúp cho Xuân thủy vượt qua khó khăn, chen chân và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm (cả thị trường trong nước và ngoài nước). Để thực hiện yêu cầu này, cần có các biện pháp tăng cường năng lực tiếp thu công nghệ tại chỗ, đồng thời chủ động thu hút các lực lượng khoa học, công nghệ từ bên ngoài về hỗ trợ cho huyện.

Ba là, chủ động và mạnh dạn tìm kiếm, thu

Digitized by Google

hút các đối tác bên ngoài vào việc phát triển kinh tế của huyện. Một trong những khó khăn lớn của huyện là vấn đề vốn. Để khai thác các tiềm năng kinh tế, đặc biệt là kinh tế biển, cần có những nguồn đầu tư rất lớn. Trong khi đó tổng số vốn đầu tư tín dụng của huyện rất thấp, tỉ trọng vốn vay dài hạn so với tổng mức tín dụng năm cao nhất mới có 7%. Mặt khác, nguồn vốn huy động tại địa bàn rất khó khăn, mới chỉ đáp ứng 10% nhu cầu vốn vay. Như vậy, để giải quyết vấn đề nguồn vốn cho đầu tư, ngoài việc cải tiến hệ thống ngân hàng, áp dụng hệ thống tín dụng đa dạng để thu hút lượng vốn còn nằm trong nhân dân, Xuân thủy cần sớm mở ra hướng liên doanh liên kết với nước ngoài. Đây là hướng đi rất có triển vọng, bởi lẽ cùng với việc thu hút vốn là việc tiếp thu được kỹ thuật, công nghệ hiện đại. Trong điều kiện cơ chế quản lý còn nhiều trùng lắp và chồng chéo, đề nghị cấp trên cho phép Xuân thủy được đặt quan hệ trực tiếp với các nhà đầu tư, các tổ chức quốc tế, các nước trong vùng lân cận. Tuy nhiên việc huy động nguồn vốn bên trong vẫn là chủ yếu, còn nguồn vốn bên ngoài là rất quan trọng.

Bốn là, đẩy mạnh việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm đa dạng của địa phương. Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc giải quyết đầu ra cho các sản phẩm có tính chất quyết định. Có thể nói, đối với một số sản phẩm của huyện, tuy sản xuất chưa nhiều nhưng hiện đang bị bế tắc trong việc tiêu thụ. Giải quyết khó khăn này, một mặt cần nâng cao chất lượng hàng hóa, hạ thấp giá thành sản phẩm ; mặt khác, phải chủ động tìm tòi các hình thức và cơ chế nâng cao khả năng tiếp thị đối với một số sản phẩm có thế mạnh của huyện. Theo hướng này, cần sớm tăng cường hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, những yếu tố quan trọng nhất trong việc thu nhận các tín hiệu của thị trường. Đồng thời, huyện có thể lập ra một bộ phận nghiên cứu thị trường thực hiện chức năng tiếp thị đối với đa số các sản phẩm của địa phương.

THỊ TRƯỜNG HÀ NỘI...

(Tiếp theo trang 33)

vốn, công nghệ chế biến nông sản và làm hàng xuất khẩu. Với quy mô thị trường mở rộng không chỉ trong nước mà cả với nước ngoài, với đặc điểm của hoạt động thương mại là chịu sự chi phối của các quy luật thị trường mang tính phổ biến, Hà nội không thể chỉ bó hẹp trong phát triển thị trường hàng hóa, mà phải sớm tổ chức các loại hình thị trường đồng bộ, và bức xúc nhất là thị trường vốn.

Phương ngôn có câu : "Buôn tài không bằng dài vốn". Thiếu vốn là một trong những khó khăn lớn cho các doanh nghiệp tư nhân. Ở Hà nội có 46% doanh nghiệp tư nhân không phát huy hết năng lực sản xuất do thiếu vốn ; 66% cho rằng khi vay vốn ngân hàng gặp rất nhiều khó khăn. Thực tế cho thấy, nguồn vốn cần cho kinh doanh, đầu tư dài hạn rất thiếu. Tình trạng thiếu vốn và tâm lý thông thường ưa chuộng thanh khoản của người tiết kiệm hiện nay đã khẳng định sự cần thiết phải có thị trường vốn. Những biện pháp trước mắt là tạo điều kiện, môi trường để phát triển đa dạng các hình thức tín dụng để huy động các khoản vốn nhàn rỗi, tiết kiệm trong dân cư, bao gồm :

- Tín dụng ngân hàng
- Tín dụng của các tổ chức tài chính : công ty bảo hiểm, các công ty và tổ chức tài chính khác
- Tín dụng thương mại giữa các đơn vị kinh tế
- Tín dụng của các tổ chức và cá nhân
- Tín dụng của thị trường vốn : trái phiếu, tín phiếu, cổ phiếu.

Để thị trường Hà nội phát triển theo hướng đi lên, cần có sự hỗ trợ tích cực của các ngành và các cơ quan có thẩm quyền ở trung ương. Mặt khác, Hà nội cần phát huy mọi thế mạnh của mình để xứng đáng là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của cả nước.

Digitized by Google

ĐẠI HỌC VINH
trên con đường đổi mới của sự nghiệp giáo dục

VÕ ĐĂNG THIÊN

TRƯỜNG đại học sư phạm Vinh (ĐHSP Vinh) năm nay tròn 35 tuổi. Là trường đại học có tính chất địa phương đầu tiên trong cả nước, được thành lập năm 1959, tại vị trí tuyến đầu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Trường là cơ sở đào tạo lớn thứ hai trong ngành sư phạm, sau Trường đại học sư phạm Hà nội I. Trong suốt chặng đường phát triển của mình, Trường ĐHSP Vinh đã trải qua những bước thăng trầm và vượt qua nhiều thử thách. Đây là trường đại học duy nhất bị chiến tranh tàn phá hoàn toàn. Gần hết thời gian kể từ khi thành lập cho đến năm 1975, trường phải tồn tại trong cảnh sơ tán, di chuyển liên miên, cơ sở đào tạo phải xé lẻ ra nhiều nơi. Trường đứng chân tại một vùng đất mà người dân vốn nổi tiếng xưa nay về ý chí vượt khó khăn, về tinh thần cần cù, hiếu học và thông minh, nhưng đồng thời cũng nổi tiếng về cái nghèo, về điều kiện khí hậu khắc nghiệt và kinh tế chậm phát triển. Tất cả những điều đó cộng lại tạo nên nét độc đáo trong sự phát triển của Trường ĐHSP Vinh.

Đến nay, Trường đã đào tạo được gần 16 000 giáo viên phổ thông trung học có trình độ hoàn chỉnh 4 năm (chiếm 1/3 số giáo viên trung học trong cả nước), và gần 500 có trình độ cao học (thạc sĩ). Sinh viên của Trường hiện có mặt trên khắp mọi miền đất nước, nhiều người đang giữ cương vị quản lý trong ngành giáo dục ở các địa phương. Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Trường hiện có 380 người, trong đó 15% là phó giáo sư, phó tiến sĩ (một tỷ lệ tương đối cao nếu so với các trường địa phương khác). Trường có đầy đủ các hệ đào tạo, từ hệ phổ thông chuyên toán đến hệ đào tạo giáo viên các cấp có trình độ đại học, hệ cao học và gần đây được công nhận là đơn vị đào tạo nghiên cứu sinh. Nhiều giáo sư, nhà khoa học danh tiếng ở những trung tâm lớn của đất nước đã trưởng thành từ cái nôi ĐHSP Vinh.

Vào cuối những năm 80, Trường ĐHSP Vinh đứng trước những thách thức rất gay gắt. Đó là thời điểm mà kinh tế và đời sống của cả nước nói chung và khu vực Nghệ tĩnh nói riêng lâm vào hoàn cảnh khó khăn và khủng hoảng trầm trọng. Tình cảnh của Trường lúc đó phải nói là bi đát. Cơ sở vật chất, giảng đường, lớp học, phòng ở sinh viên... thảy đều tạm bợ, cũ nát. Đa số cán bộ, giáo viên lương không đủ sống, phải buơn chải làm thêm nhiều nghề. Về mặt chuyên môn, đào tạo, những thách thức đối với trường còn nghiêm trọng hơn. Ở "đầu ra" là tình trạng ngành giáo dục các tỉnh trong khu vực và cả nước thừa giáo viên phổ thông trung học. Tỉnh Thanh hóa, năm học 1989-1990 thừa 300 giáo viên phổ thông trung học, năm học 1990-1991, thừa 500 người. Do vậy, tỉnh đã chính thức thông báo cho nhà trường là Thanh hóa không còn nhu cầu sử dụng sinh viên tốt nghiệp ĐHSP. Tỉnh Nghệ tĩnh (cũ) đến tháng 11-1990, có 800 giáo viên phổ thông trung học dôi thừa. Hệ quả kèm theo là hàng trăm sinh viên của trường tốt nghiệp không có nơi để dạy. Thời gian trước (kể từ sau khi miền Nam được giải phóng), Trường ĐHSP Vinh còn một "thị trường tiêu thụ sản phẩm" khá rộng lớn là các tỉnh phía Nam. Nhưng đến cuối thập kỷ 80 nhu cầu giáo viên phổ thông trung học của khu vực này cũng đã bão hòa. "Đầu ra" bị tắc, đầu vào phải "teo" lại. Số thí sinh dự thi vào Trường giảm hẳn. Các kỳ tuyển sinh trong những năm 1990-1992 đều không gọi đủ số thí sinh theo chỉ tiêu cho lần gọi đầu. Năm 1990, ở hệ đào tạo giáo viên phổ thông trung học thiếu 102 học sinh trên chỉ tiêu 250. Năm 1991 thiếu 87 người trên chỉ tiêu 250 ; năm 1992 thiếu 49 trên 220. Tình trạng giảm đầu vào đã kéo theo những hậu quả nghiêm trọng. Kinh phí đào tạo được nhà nước phân bổ theo số lượng sinh viên. Số sinh viên giảm thì kinh phí giảm. Với 730 cán bộ, nhân viên trên 1000 sinh viên, sức ép về biên chế và kinh phí quả là rất nặng nề. Bên cạnh đó là sự suy giảm chất lượng đào tạo do sự chọn lựa trong tuyển sinh quá hẹp. Trong tình hình như vậy, nhà trường còn phải chịu một cái "nạn" khác : "tình trạng chảy máu chất xám". Những khó khăn triền miên cộng với vị thế bấp bênh của Trường đã khiến cho hàng loạt giáo viên (chủ yếu là cán bộ trẻ đã được đào tạo chính quy) bị hút về hai trung tâm lớn ở hai đầu đất nước là Hà nội và

Digitized by Google

thành phố Hồ Chí Minh, những nơi có điều kiện tốt hơn hẳn về mọi mặt.

Tóm lại, Trường ĐHSP Vinh lúc đó bị đặt trước một câu hỏi : "Tồn tại hay không tồn tại ?". Nguy cơ bị giải thể hay sáp nhập vào các trường ở khu vực khác đã hiện hình rõ nét. Một trường đại học, đã từng có lịch sử hơn 30 năm với nhiều thành tích đáng tự hào, lại đứng chân ở một vùng có tiếng là "đất học" và hiện đang có một tiềm lực khá mạnh về con người và chất xám mà bị đặt trước nguy cơ "xóa sổ" thì quả là đau xót. Phải tồn tại và tìm lối ra ! Đó là quyết tâm của thầy trò Trường Vinh.

Cũng may là vào thời điểm trường ĐHSP Vinh trăn trở tìm một lối thoát để tồn tại và đi lên, thì cũng là thời điểm mà ngành giáo dục, nhất là khối giáo dục đại học và chuyên nghiệp bắt đầu có những đổi mới sâu sắc để thích ứng với những đổi mới chung của đất nước. Nội dung chính của những đổi mới đó là : *xã hội hóa giáo dục, đa dạng hóa, mềm hóa loại hình và quy mô đào tạo,* gắn sự nghiệp giáo dục và đào tạo với nhu cầu và trách nhiệm của xã hội. Hướng đổi mới trên đây kéo theo yêu cầu cải tổ và sắp xếp lại hệ thống các trường đại học và chuyên nghiệp.

Riêng đối với Trường ĐHSP Vinh, nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước nhân những dịp về thăm và làm việc với trường trong những năm 1990-1991, sau khi tìm hiểu thực trạng và những khó khăn của Trường, đều có chung một ý kiến *Trường ĐHSP Vinh cần nghiên cứu mở rộng mục tiêu đào tạo để trở thành một trường đại học có tính chất tổng hợp (đa ngành) cho vùng các tỉnh phía Bắc miền Trung.*

Bộ giáo dục và đào tạo cũng đề ra chủ trương mới đối với các trường ĐHSP : các trường ĐHSP không nên chỉ đào tạo giáo viên phổ thông và giáo viên phổ thông cũng không nên chỉ được đào tạo tại các trường sư phạm. Các trường ĐHSP cần được tổ chức lại thành các trường khoa học cơ bản với mục tiêu đào tạo giáo viên, đào tạo cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ quản lý xã hội và đào tạo nguồn vào giai đoạn II cho các trường đại học chuyên ngành khác. Trong tương lai, các trường ĐHSP địa phương (chẳng hạn ĐHSP Vinh, ĐHSP Quy nhơn) nếu chỉ bó hẹp trong mục tiêu đào tạo giáo viên thì khó có lý do để tồn tại, bởi nhu cầu của xã hội đã bão hòa. Vì vậy, cần chuyển dần thành các trường đại học đa ngành.

Trong nền kinh tế thị trường, nếu ta tạm quan niệm rằng giáo dục cũng là một "ngành sản xuất" mà sản phẩm của nó là sinh viên tốt nghiệp (sản phẩm trí tuệ, chất xám) thì dĩ nhiên nhà trường phải điều chỉnh lại mục tiêu đào tạo để sản phẩm của trường được xã hội chấp nhận và sử dụng. Những chủ trương của Bộ giáo dục và đào tạo cùng những đổi mới cụ thể của ngành chính là cơ sở xuất phát, đồng thời cũng là sự khai thông cho những thử nghiệm bước đầu mà Trường Vinh đã mạnh dạn tiến hành từ năm 1989 với mục tiêu cụ thể lúc đó là : phá cái thế "độc canh" sư phạm bằng việc mở thêm một số ngành mà qua tìm hiểu cho thấy địa phương có nhu cầu. Mở đầu là Khoa sinh vật của Trường liên kết với Trường đại học thủy sản Nha trang mở ngành đào tạo kỹ sư nuôi trồng và chế biến thủy sản. Thử nghiệm này không tránh khỏi những trở ngại, cả trong nhận thức lẫn những thất bại tạm thời trong thực tế, nhưng điều quan trọng là nó đã mở ra một hướng đi.

Hướng đi đã mở nhưng để chuyển từ Trường ĐHSP Vinh chuyên ngành thành một Trường đại học Vinh đa ngành và trong tương lai thành Viện đại học Vinh có tầm cỡ quốc gia là cả một quá trình không đơn giản đòi hỏi không ít công sức và thời gian, với sự đầu tư lớn cả về trí tuệ lẫn vật chất.

Điều quan trọng đầu tiên là Trường đã xác lập được sự thống nhất về tư tưởng và nhận thức về hướng đi mới của trường trong toàn thể cán bộ giáo viên và công nhân, viên chức. Không ít người lúc đầu do đã quá quen với nếp cũ, cho nên rất sợ những thay đổi lớn, lo rằng đổi mới theo hướng trên, ngành sư phạm bị hạ thấp, bị coi nhẹ. Qua trao đổi, bàn bạc, thậm chí cả đấu tranh thẳng thắn, dân chủ, nhà trường dần dần tạo được sự đoàn kết, nhất trí, cơ sở sức mạnh đầu tiên cho những kế hoạch đổi mới.

Nhà trường còn tổ chức nghiên cứu đề tài khoa học cấp bộ : "Mở rộng quy mô đào tạo Trường ĐHSP Vinh theo mô hình đại học đa ngành cho vùng các tỉnh phía Bắc miền Trung". Công trình khoa học này do đích thân giáo sư hiệu trưởng Phan Đức Thành làm chủ nhiệm đề tài, có thể ví nó như một bản "thiết kế" kiêm "luận chứng kinh tế - kỹ thuật" cho việc xây dựng "ngôi nhà" Đại học Vinh. Công trình đã làm rõ những cơ sở lý luận và thực tiễn của việc mở rộng quy mô ĐHSP Vinh thành Đại học Vinh. Những người tham gia công trình đã tiến hành nghiên cứu tỉ mỉ một số

Digitized by Google

mô hình đại học đa ngành có tính chất vùng ở nước ta như : Đại học Cần thơ, Đại học Đà lạt, Đại học Tây nguyên ; một số mô hình giáo dục đại học ở các nước phát triển và đang phát triển : Mỹ, Ca-na-đa, Nhật bản, Thái lan. Đồng thời điều tra cụ thể những đặc điểm về tài nguyên, sinh thái, sự phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đào tạo cán bộ của các tỉnh phía Bắc miền Trung, từ Thanh hóa đến Quảng bình. Đó là những điều kiện khách quan. Còn chủ quan là tiềm lực về con người và cơ sở vật chất của Trường ĐHSP Vinh cũng được phân tích cụ thể để từ đó đi đến một kết luận : có thể xây dựng được Trường đại học Vinh đa ngành từ Trường ĐHSP Vinh. Mô hình tương lai của Trường đại học Vinh, từ các nguyên tắc quản lý, tổ chức, điều hành đến mục tiêu đào tạo, phương thức hình thành và các bước thực hiện cũng được thiết kế cụ thể.

Gần đây, sau quyết định thành lập Đại học quốc gia Hà nội, Thủ tướng Chính phủ cũng đã có quyết định thành lập hai trường đại học ở địa phương theo mô hình đại học đa ngành là Thái nguyên và Huế. Hướng phát triển tương lai của Đại học Vinh cũng như vậy, nhưng có một điểm khác, và cũng là khó khăn riêng của Trường Vinh so với các trường Thái nguyên và Huế là ở hai địa phương này, khi thành lập đại học đa ngành đã có sẵn một cụm 3-4 trường dại học nên việc sáp nhập các trường này lại thành trường đa ngành khá thuận lợi về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ. Còn đối với Trường Vinh, chỉ đơn độc một mình Trường ĐHSP phải tự vượt lên để trở thành trường đa ngành. Vả lại, là một trường sư phạm, trường chỉ mạnh về lý thuyết cơ bản theo từng môn học. Nhận rõ điều đó, trong buổi đầu chập chững "đa ngành", trường đã chọn phương án liên kết đào tạo với các trường đại học lớn ở Hà nội, và được sự đồng ý của Bộ giáo dục và đào tạo.

Vừa "thiết kế" vừa "thi công", tự rút kinh nghiệm và phát huy thành quả, kể từ năm 1989 đến nay, nhà trường đã mở thêm được các ngành : thủy sản (nuôi trồng và chế biến, do Khoa sinh vật liên kết với Trường đại học thủy sản Nha trang) ; tự động hóa, điện, điên tử, tin học (do Khoa vật lý liên kết với Trường dại học bách khoa Hà nội ; luật (do Khoa chính trị - luật học liên kết với Trường đại học luật Hà nội) và ngoại ngữ v.v. Các ngành mới mở thêm này đa phần đều thành công vượt dự kiến, với số lượng tuyển sinh năm sau cao hơn năm trước. Rõ ràng, nhu cầu học tập, đào tạo và đào tạo lại của nhân dân trong khu vực ngày càng tăng là một thực tế cần được nhà nước khuyến khích và giúp đỡ.

Theo công trình "thiết kế", quá trình từ ĐHSP Vinh chuyển thành Đại học Vinh phải trải qua ba thời kỳ : thời kỳ tạo tiền đề (1991-1995) ; thời kỳ quá độ (1996-2000) và thời kỳ Đại học Vinh (sau năm 2000). Như vậy, hiện nay, trường đang ở vào cuối thời kỳ tạo tiền đề với số lượng sinh viên đã tăng lên trên 3000. Một điều đáng nói là đổi mới mạnh mẽ nhưng trường vẫn không coi nhẹ cái gốc truyền thống, đồng thời là nhiệm vụ chính trị cơ bản của mình : ngành sư phạm đào tạo giáo viên. Hiện nay, ngành vẫn chiếm 60% sinh viên và là phần chính trong hoạt động đào tạo của trường. Trong tương lai, sư phạm vẫn là ngành chính bên cạnh một số ngành cơ bản đã được xác định : kinh tế, luật, công nghệ, ngoại ngữ, y khoa...

Đại học Vinh hôm nay, dù mới chỉ qua 5 năm đổi mới, nhưng đã thực sự đổi thay so với trước. Với sự hỗ trợ kinh phí của Bộ giáo dục và đào tạo, Trường đã xây dựng được một khu giảng đường cao tầng khang trang, hiện đại. Các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của trường diễn ra sôi nổi. Bên cạnh việc mở thêm các ngành mới, trường còn khuyến khích các khoa tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, cấp nhà nước, ký kết hợp đồng kinh tế với các cơ quan, đơn vị trong khu vực, mạnh dạn đầu tư mở các trung tâm dạy tin học, ngoại ngữ v.v. Nhờ những cái "mở" trên mà hiện nay, đa số cán bộ, giáo viên nhà trường đã tạm đủ sống bằng lao động và chất xám của mình, đồng thời cũng bước đầu nhập cuộc làm quen với cơ chế thị trường. Nạn "chảy máu chất xám" đã giảm đi khá nhiều.

Những gì mà Trường Vinh đã có hôm nay vừa xuất phát từ những nhu cầu nội tại của Trường, và nhu cầu khách quan của xã hội, vừa là một nhân tố tích cực trong trào lưu đổi mới chung của ngành giáo dục - đào tạo mấy năm qua. Tuy chưa được nhà nước công nhận chính thức nhưng thực tế đã hình thành một Trường đại học Vinh đa ngành trên nền móng của Trường ĐHSP Vinh. Nếu sắp tới Trường được ngành giáo dục, đào tạo và nhà nước xem xét công nhận chính thức tên gọi *Đại học Vinh* và có sự hỗ trợ tích cực về cơ sở vật chất và cán bộ, thì nhà trường sẽ có thêm điều kiện thuận lợi để phát triển trên bước đường đổi mới.

Digitized by Google

"Nhất thành bất biến"

THÁI SƠN

TRONG công tác cán bộ, Đảng ta luôn chủ trương : "Có lên, có xuống", "có vào, có ra". Như thế có nghĩa là, ai được đề bạt (đưa lên) mà không đảm đương nổi công việc ở cương vị mới thì phải đưa xuống ; ai được bầu vào cấp ủy mà không hoàn thành nhiệm vụ thì phải đưa ra... chứ không thể "nhất thành bất biến". Nhưng oái oăm thay, giữa chủ trương và cuộc sống vẫn đang còn một khoảng cách khá xa. Thực tế vẫn có không ít trường hợp bố trí và sử dụng cán bộ không theo đúng chủ trương trên của Đảng. Xin nêu một thí dụ. Ông Q (hàng xóm nhà tôi) được đề bạt làm thứ trưởng ở một bộ đã nhiều năm nay. Khi ông được "thăng quan, tiến chức" như vậy, mặc dù mừng cho ông nhưng ai cũng thấy lạ, và lo, bởi vì ngoài quá trình công tác lâu dài và đức tính hiền lành, ông không có gì khác bảo đảm là ông có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ở cương vị được giao. Lúc đầu, người ta phân công ông phụ trách vài ba lĩnh vực chuyên môn. Nhưng vì trình độ văn hóa, lý luận, nghiệp vụ hạn chế, cho nên ông không thể am hiểu tường tận các lĩnh vực mà ông phụ trách. Thế là ông liền bị cán bộ cấp dưới "bịp" mà không biết. Công việc cứ rối tung cả lên. Còn ông thì đành khoanh tay bất lực. Thấy vậy, người ta chuyển ông sang phụ trách công tác tổ chức. Vốn hiền lành nhưng thiếu quyết đoán và không có chính kiến rõ ràng cho nên ông cứ lúng ta lúng túng như gà mắc tóc khi giải quyết công việc. Làm trợ lý cho bộ trưởng về công tác tổ chức, nhưng trên thực tế, bộ trưởng lại phải làm "trợ lý" cho ông. Đồng chí bộ trưởng "ngán quá" đành phải giao cho ông phụ trách khối văn phòng. Nhưng công việc văn phòng đâu có đơn giản. Những chuyện như mua bán, sám sửa, xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng ; những kiến thức về kế toán, tài vụ, v.v. ông cũng đều lơ mơ cả. Vì thế, giữa ông và anh em cánh văn phòng Bộ nảy sinh mâu thuẫn. Cánh văn phòng thì coi thường ông. Còn ông thì bảo một số anh em văn phòng là "láo", dám vượt mặt ông... Thật không ổn chút nào. Rồi, người ta lại giao cho ông phụ trách cơ quan đại diện ở phía Nam (cốt để giữ cho được cái chức thứ trưởng). Phụ trách cơ quan đại diện ở phía Nam nhưng ông lại "đóng đô" ở Hà nội. Vì đã luống tuổi, chậm chạp, sức yếu, ngại đi lại nhiều, cho nên ông dùng chiến thuật "điều khiển từ xa". Vậy là cũng không xong. Cánh tay ông "ngắn quá", không với nổi...

Ông Q là con người như thế đó. Ấy thế mà ông vẫn yên vị, vẫn "nhất thành bất biến". Người ta chỉ còn cách tế nhị, cố chờ một thời gian nữa, rồi sẽ thuyết phục ông thôi quản lý. Trò đời đã "lên" rồi sao khó xuống làm vậy ? !

Không biết trong xã hội ta lúc này còn bao nhiêu trường hợp giống như ông hàng xóm nhà tôi ? !

Để khắc phục tình trạng "nhất thành bất biến" hay "biến lung tung" như kiểu trên, trước hết cần định ra tiêu chuẩn cho từng loại cán bộ một cách khoa học. Nếu cán bộ có đủ các tiêu chuẩn về năng lực, phẩm chất, uy tín thì giữ họ lâu dài ở một vị trí nhất định để ổn định đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm và năng động, cầu tiến là cần thiết. Trái lại, nếu cán bộ kém năng lực, phẩm chất, bảo thủ mà "nhất thành bất biến" thì là một tai họa.

Mỗi giai đoạn, thời điểm khác nhau, đòi hỏi phải có những con người thích ứng với nó, tức là anh ta phải theo kịp vòng quay của xã hội. Người ta không thể thành công trong những công việc lớn chỉ bằng kinh nghiệm cũ. Có người làm tốt công việc ở giai đoạn này, nhưng lại không thể gánh vác được vẫn công việc ấy ở giai đoạn khác. Và người ta có thể làm tốt công việc khi cộng tác với người này, nhưng lại làm kém, thậm chí hỏng việc khi phải cộng tác với người khác. Bố trí đúng cán bộ thì công việc sẽ chạy, tiến triển tốt đẹp ; ngược lại thì công việc sẽ ách tắc, lộn xộn, giẫm đạp lên nhau. Vì vậy, một trong những mối châm lo, quan tâm cơ bản nhất của công tác cán bộ là phải biết đặt và sử dụng cán bộ vào đúng chỗ của họ.

Ngạn ngữ Việt nam có câu : "Người cứ như con dao pha". Lời khen đó thường dành cho những ai có nhiều khả năng, làm được nhiều loại việc của đời thường. Ấy nhưng trong các lĩnh vực chính trị, khoa học kỹ thuật, hoặc trong sản xuất kinh doanh mà cái gì cũng biết một tí nhưng đều hết sức lơ mơ thì thật không ổn chút nào.

Mọi sự tùy tiện, nể nang, cảm tình cá nhân trong công tác cán bộ đều gây nguy hại cho sự nghiệp đổi mới của chúng ta, cần phải được kiên quyết gạt bỏ.

SỬA LẠI

Trên *Tạp chí Cộng sản* số 9-1994, trang 14, cột 1, dòng 36 trở xuống, xin đọc : Những lĩnh vực chỉ có doanh nghiệp nhà nước cũng nên tạo ra một số doanh nghiệp cạnh tranh nhau...

Thành thật xin lỗi tác giả và bạn đọc.

Digitized by Google

Từ đâu đến "Nỗi buồn chiến tranh" ?

Lời người biên tập :

Tiểu thuyết " Thân phận tình yêu" ("Nỗi buồn chiến tranh") của Bảo Ninh được Giải thưởng của Hội nhà văn Việt nam 1991 - 1992 đã gây phản ứng khác nhau của bạn đọc và một số nhà phê bình. Tạp chí Cộng sản đã nhận được ý kiến của một số bạn đọc và trên một số bài cũng đã đề cập đến vấn đề này. Gần đây "Nỗi buồn chiến tranh" được một tờ báo nước Anh trao giải thưởng trên cơ sở bản dịch tiếng Anh của một dịch giả người Anh, dường như có ý muốn xóa nhòa ranh giới giữa chiến tranh cứu nước và chiến tranh xâm lược. Trong dịp này, chúng tôi lại nhận được ý kiến của bạn đọc phản ứng đối với giải thưởng trên. Dưới đây, chúng tôi trích đăng ý kiến của một bạn đọc.

KHÔNG thể nào thực hiện được bằng những tư tưởng, những suy luận sáng sủa rõ ràng, Bảo Ninh phải cầu viện đến sự rối rắm, mơ hồ, hỗn độn của cái gọi là "trực giác" "vô thức" để tạo nên một hình ảnh đảo ngược của hiện thực, chuyển đổi các giá trị, biến trắng thành đen, thay khúc ca khải hoàn của toàn dân tộc thành tiếng hát bi thương của bài ai điếu của những kẻ lạc loài. Người viết (cũng như nhân vật) phải biến mình thành một kẻ mộng du lang thang chập chờn với cái tâm trí huyền thuật (mentalité magique) của người mơ mộng, đúng hơn là của kẻ mắc bệnh tâm thần, nghĩa là những người được "miễn truy cứu trách nhiệm" trước tòa án lương tâm thời đại, được miễn trừ sự phán xét của lý trí lành mạnh, tỉnh táo của bạn đọc xa gần. Vì vậy, theo tôi, cái siêu nhiên, cái hoang đường trong "Nỗi buồn chiến tranh" chỉ là thuần túy kỹ thuật - một sự khéo tay nếu có - nó không hề mang lại một ý nghĩa nào có giá trị trên bình diện triết học, cũng như trên bình diện thẩm mỹ.

Tác giả muốn hút người đọc vào không khí hư hư thật thật bằng những lối biểu hiện quanh co, lối diễn đạt nghịch lý (nếu đúng chỗ cũng tạo nên sự thú vị nhất thời cho người đọc) nhưng rõ ràng Bảo Ninh đã không thành công trong việc quấn chặt lấy người đọc (Đây không chỉ là cảm tưởng của người viết bài này ; những người quan tâm đến vấn đề thử làm một cuộc điều tra xã hội học xem sao !). Mỗi lần muốn cùng đi với tác giả, hòa nhập vào nhân vật để tìm thử cái lý của nó, tôi - người đọc - lại cứ thoát ra, như một phản xạ tự nhiên, khỏi sự huyễn hoặc, để ngắm, để nhìn, như nhìn vào một cỗ máy được dàn dựng - có lẽ cũng khéo tay, nhưng thiếu hẳn một cái gì đó. Cái thiếu hẳn ấy gọi là "linh hồn của văn học" theo nghĩa người đọc không tìm thấy trong tác phẩm nghệ thuật những điều giúp cho con người giữ được hình ảnh lý tưởng mà nó có về con người, được thừa kế từ nền văn hóa của dân tộc và của cả nhân loại.

Tác phẩm "Nỗi buồn chiến tranh" còn được mang một tên khác khi mới ra đời : "Thân phận tình yêu". Cả hai tên sách đều đúng, và nếu đặt bên nhau, người đọc sẽ nắm được ngay ý đồ của tác giả hình thành từ lúc tác phẩm còn trong thời kỳ thai nghén. Bảo Ninh đã trừu xuất tất cả ra khỏi hoàn cảnh lịch sử cụ thể để trình diễn cuộc "xung đột vĩnh hằng" giữa con người (tình yêu) và cái con người đã tạo ra (chiến tranh), tức là phản ánh tình trạng con người đánh rơi mất bản thân mình, nói theo ngôn ngữ triết học. Thêm nữa, trong "Nỗi buồn chiến tranh", dụng ý trực tiếp của tác giả còn là muốn vẽ nên huyền thoại về tình yêu để đối lập với một sức mạnh xã hội mù quáng làm cho con người mất hết "nhân tính và nhân dạng". Tình yêu ở đây - trong quan hệ của Kiên và Phương, một thiếu nữ có "một dạng thánh nhân và tiên nữ", có "vẻ đẹp lạc thời và lạc loài" - là sự gắn gũi tuyệt đối của "hai tự do". Họ là những con người không tin vào bất cứ giá trị nào ngoài tình yêu của họ, họ luôn luôn cảm thấy ngột ngạt khi đặt mình vào một tổ chức hay một quan hệ xã hội nào. Họ là "những kẻ xa lạ" trên mảnh đất đã sinh ra và nuôi dưỡng họ. Do đó họ không tìm thấy chỗ đứng trong cuộc sống chung của dân tộc. Tình yêu trở thành nơi ẩn náu duy nhất của họ để phản ứng lại cái mà họ xem là phàm tục... Kết cục tình yêu ấy đã bị chiến tranh vùi dập.

Đúng là trong cuộc đấu tranh chống lại cái gọi là số phận, tình yêu thường chiếm một vị trí quan trọng, thể hiện những khát vọng

Digitized by Google

của con người, để làm cho "con người trở thành người hơn trong thế giới con người".

Vậy thì, thử hỏi chiến đấu vì phẩm giá con người gắn liền với phẩm giá dân tộc có làm cho con người trở nên người hơn không ?! Với "Nỗi buồn chiến tranh", Bảo Ninh muốn gây sự phẫn nộ, muốn gieo sự khiếp đảm cho người đọc. Nhưng tác giả cũng nhận thức được là mình sẽ không gặp nhiều may mắn. Từ trong bề dày lịch sử, người Việt nam rất nhạy cảm trước những lợi ích sống còn của dân tộc, luôn đủ thông minh và tỉnh táo để phân biệt đâu là "đại nghĩa", đâu là "hưng tàn", đâu là "chí nhân" và đâu là "cường bạo". Do đó ở đây một mặt cần phải "viết sao cho xao xuyến nỗi lòng, nỗi dạ, xúc động nổi trái tim con người như thể viết về tình yêu..." (tr.59), mặt khác cần phải có "ảo thuật" trong viết và lách bằng cách luôn luôn công khai phơi bày sự tự mâu thuẫn ; không phải là thứ "mâu thuẫn thống nhất" nằm trong sự vật, cũng chẳng phải là những phản đề va chạm nhau trong tư duy biện chứng để tìm ra chân lý, mà là sự mâu thuẫn của những luồng suy nghĩ không những khác nhau mà còn đối địch nhau nhằm đặt lại vấn đề cơ bản trong tinh thần hoài nghi hàm chứa sự phủ định đối với những giá trị đã được xác lập, đối với cả con đường đi lên của đất nước hiện nay và mai sau.

Trong "Nỗi buồn chiến tranh", không phải là "cái thật" được chiếc đũa thần của nghệ thuật "làm cho thật hơn", mà ngược lại "ảo thuật và kỹ thuật" đã làm nó biến dạng, biến chất "như thể ấy là một cuộc chiến tranh chưa từng được biết tới" (tr.53). Chỉ có một cái thật - thật một cách trần trụi và không che giấu : "sự vỡ mộng đau đớn với đời", đưa đến sự hằn học và cái "cao ngạo" của người viết. Chính những xung lực này đã tạo nên "Nỗi buồn chiến tranh" và dệt nên bức tranh phản hiện thực. Cứ nhìn vào hình ảnh của "cuộc chống Mỹ cứu nước" được vẽ nên trong tác phẩm : "Chân trời chết chóc mở ra mênh mang, vô tận những nấm mồ bộ đội mọc lên nhấp nhô tựa sóng cồn, "bên bếp lửa" đàn ghi ta bập bùng, quân lính thời 74 hát, lời ca khốc liệt làm ớn lạnh những đêm trường, "ôi chiến trận : không bến không bờ - ngày mai hay hôm nay, hôm nay hay ngày mai, nói đi số mệnh ơi, bao giờ tôi sẽ..." (tr.17). Hoặc "Hết trận tháng này đến trận tháng khác, nhưng đường chiến tranh vẫn hun hút, mịt mù, tuyệt vọng vô phương". (tr.16). Và đây, những nét khắc họa về hình ảnh người lính mang "tính chất nghĩa quân nông dân", "thích hợp tuyệt đối với cảnh địa ngục chiến hào". Nào là "đồng đội của anh (Kiên) mỗi người mỗi kiểu say sưa mơ màng trong khói hồng ma" ; nào là "cùng với thời kỳ bài bạc và hút xách ấy là thời kỳ mà khắp trung đoàn đầy rẫy những lời đồn đại, những sấm truyền và những điều tiên tri" ; nào là "nạn đào ngũ lan rộng khắp trung đoàn, chẳng khác nào những cơn ói mửa làm ruỗng nhiều trung đội, không thể chấn giữ ngăn bắt nổi", (tr.24).

Những người lính "mang tính chất nghĩa quân nông dân" ấy chỉ bị nhồi nhét một thứ : "liên miên chính trị, chính trị sáng, chính trị tối, tối lại cũng chính trị. Ta thắng địch thua, miền Bắc được mùa, thế giới chia làm ba phe rõ rệt" (tr.10), để biến họ thành những máy giết người và bị người giết !

Cái chết bao trùm, cái chết khắp nơi, nó biến cuộc đời thành số phận. Khi luôn luôn phải đối diện với cái chết như cuộc đời những người lính trận ; mà không thấy rõ cái lý của sự hy sinh chắp cánh cho họ, thì con người chỉ là trò chơi trong bàn tay số mệnh nghiệt ngã, ý thức hiện hữu trước hết gắn liền với ý thức về hư vô, và cuộc đời trở thành vô nghĩa và phi lý ! Nhưng những người lính chống Mỹ hay đúng hơn là tuyệt đại bộ phận trong họ lại không phải thế ! Cả nhân loại tiến bộ qua hình ảnh của chính họ đã nhìn thấy "cái giới hạn của sức mạnh kỹ thuật khi đương đầu với Con Người" (La-cu-tua, dẫn lại Trần Văn Giàu trong "Vĩ đại một con người"- Văn nghệ số 37).

Nhân đây, xin bày tỏ một suy nghĩ của người viết : Bằng sự bôi nhọ sự nghiệp chống Mỹ của nhân dân ta, Bảo Ninh không chỉ xúc phạm đến những người đang sống, đang tiếp tục đi theo con đường lớn mà cuộc chiến tranh cách mạng đã tạo nên một "đột phá khẩu", "một cái đã sống" để đi lên và đi xa. Tác giả "Nỗi buồn chiến tranh" còn muốn giết chết hẳn những người đã vĩnh viễn nằm xuống để cho "dân tộc quyết sinh". Lần thứ nhất, những cái chết của họ là sự hy sinh cao cả - những người có lương tri cần phải biết ơn, không chỉ bằng tượng đồng bia đá, mà cả suy nghĩ, hành động, xử thế hàng ngày. Còn lần sau ? Đó là sự khai tử của một ngòi bút quá nhẫn tâm đã coi họ là vật hy sinh mù quáng cho những cuồng vọng của con người. Và hãy nhìn vào những gia đình liệt sĩ, những thương binh, bệnh binh... họ sẽ như thế nào khi mất đi những giá trị làm vật chống đỡ cho cuộc đời bất hạnh của họ ? Chẳng lẽ đó không phải là chủ nghĩa nhân đạo, là vấn đề của con người ?

Cũng xin nói thêm : Khi đề cập đến con người phải nghĩ rằng con người không chỉ là tổng số những cái nó tự tạo cho nó, mà còn là cái nó đang suy nghĩ, đang hy vọng, còn là cái đang biến đổi nó, tách nó ra khỏi hoàn cảnh và quá trình phát triển của nó. Không như thế thì không bao giờ hiểu đúng con người và nói đúng những vấn đề của con người....

TRẦN DUY CHÂU
(TP Hồ Chí Minh, tháng 8 - 1994)

Digitized by Google

Đối thoại với Bùi Tín

(Điểm sách 'Mặt thật" của Bùi Tín)

Lời người biên tập :

"Đối thoại với Bùi Tín" là đầu đề một bức thư gửi Bùi Tín từ California (Mỹ), ngày 2-2-1994 của ông Trần Văn Anh (cựu sĩ quan quân lực Việt nam cộng hòa). Trong bức thư này, ông Trần Văn Anh với cách nhìn của mình đã đưa ra những ý kiến có tính chất tranh luận với một số luận điểm của Bùi Tín nêu trong cuốn sách "Mặt thật" (Nhà xuất bản Sài gòn Press, in tại Pháp, 1993). Mặc dù có nhiều vấn đề chúng tôi không nhất trí với ông Trần Văn Anh (chẳng hạn ông đặt Cộng sản bên cạnh Công giáo để so sánh, cho rằng kể từ năm 1945 tới nay, trên đấu trường chính trị ở Việt nam chỉ có hai thế lực đối chọi nhau là Công giáo và Cộng sản ; Mỹ chỉ là kẻ bị Vatican và Ngô Đình Diệm lợi dụng lôi kéo vào cuộc chiến tranh với Việt nam ; rằng cả Công giáo và Cộng sản đều có rất nhiều tội lỗi, v.v.), nhưng để bạn đọc thấy rõ thêm tư tưởng và nhân cách của Bùi Tín, chúng tôi xin trích đăng một số đoạn trong bức thư này (vì khuôn khổ Tạp chí có hạn).

Cũng xin nói thêm : người gửi cho chúng tôi bức thư này là ông Nguyễn Văn Sôi, địa chỉ : 177 Libbett AVC, Clayton Sonth VIC 3721, Australia.

Chúng tôi xin cảm ơn tác giả Trần Văn Anh và ông Nguyễn Văn Sôi.

Thân gửi anh Bùi Tín,

Lần đầu tiên tôi được biết đến Bùi Tín là qua tập phim VIỆT NAM : A TELEVISION HISTORY. Lúc đó Bùi Tín trông hơi ốm, ăn nói nhỏ nhẹ, có cảm tình với người xem phim.

Sau khi Bùi Tín bỏ Việt nam qua Pháp, rồi xuất bản cuốn HOA XUYÊN TUYẾT, tôi lại được nhìn thấy hình Bùi Tín, có mập hơn đôi chút. Đọc hết cuốn HOA XUYÊN TUYẾT, tôi tự nói với tôi : Bùi Tín đã bỏ Đảng cộng sản đi "tìm tự do", nhưng ít ra anh đã không nói xấu hoặc chửi bới những người đã cùng cộng tác với anh trong suốt mấy chục năm qua hoặc các cấp trên của anh. Bởi vì thói thường khi người ta đi tìm một "minh chủ" mới, người ta thường nói xấu những "minh chủ" cũ để tỏ ra ràng mình đã dứt khoát, để được đón nhận một cách ít ngờ vực hơn ! Bùi Tín còn giữ được một chút khí tiết, kể cũng đáng phục. Tuy nhiên, đó chỉ là sự đánh giá của một số người ở hải ngoại. Còn đa số những kẻ vong bản ở hải ngoại quyết "chống cộng" tới người cuối cùng (chống bằng mồm dĩ nhiên), thì lại đả kích Bùi Tín thậm tệ, cho rằng Bùi Tín là một kẻ trá hàng, thấy khối cộng sản Đông Âu sụp đổ nên bỏ cộng sản để hàng phục bọn chúng hầu hy vọng có một chỗ đứng trong một tương lai mới. Tôi thấy thương Bùi Tín quá ! Bùi Tín đã từng là kẻ chiến thắng, hiên ngang vào dinh Độc lập nhận sự đầu hàng vô điều kiện của tướng Dương Văn Minh, nay bị chúng đánh giá hỗn xược như vậy chắc không khỏi đau lòng.

Tuy nhiên bước chân đã lỡ, không biết sẽ phải làm gì hơn !

Cho đến khi Bùi Tín xuất bản cuốn MẶT THẬT để kể ra hết những cái xấu xa của chế độ cộng sản miền Bắc và cổ võ cho nhóm Dân chủ đa nguyên của Nguyễn Gia Kiểng thì tôi lại thấy thương Bùi Tín hơn nhiều.

Bùi Tín biết rất nhiều chuyện ở miền Bắc và anh đã viết ra hết những điều anh trông thấy và nghe thấy..., tuy ràng anh nhấn mạnh ở những lầm lỗi của những nhà lãnh đạo miền Bắc hơn là những công lao của họ đã để cả cuộc đời vào tù ra khám để cố giật lại chủ quyền cho dân tộc, chấm dứt nạn nô lệ thực dân sau gần một thế kỷ bị đô hộ. Người đọc sách tìm thấy sự cố ý của tác giả ở điểm này... Sự đánh giá của anh có đúng hay không là điều lịch sử sẽ phân tách khách quan.

Tôi là một người sanh ra ở miền Trung nhưng trưởng thành ở miền Nam. Tôi đã từng cầm súng chiến đấu trong quân đội miền Nam gần hai mươi năm, thương tích cũng nhiều. Tôi đã được dạy ràng cầm súng chiến đấu như vậy là để chống cộng sản độc tài, để xây dựng tự do dân chủ cho quê hương. Nhưng đến khi tôi được biết ràng cái lý tưởng mà họ gán ghép cho tôi chỉ là ngụy tạo, che đậy cho biết bao âm mưu đen tối, thì cả tuổi thanh xuân của tôi đã không còn. Nhìn lại quê hương suốt bao nhiêu năm chinh chiến điêu linh tôi chỉ còn biết khóc...

Anh Bùi Tín thân mến,

... Bùi Tín có thể nói với tôi ràng : tôi bỏ cộng sản để ra ngoại quốc, nhưng tôi đâu có theo Công giáo. Tôi chủ trương xây dựng tự do dân chủ cho đất nước theo phương thức dân chủ đa nguyên đấy chứ !

Thú thực, những điều anh nói đã có nhiều người làm trước anh từ lâu rồi. Tôi biết họ là những người yêu nước thật sự. Họ có tài có đức hơn anh nhiều. Họ có lý tưởng thật cao... Nhưng việc làm của họ không đi đến đâu. Có người chết cho lý tưởng của họ. Có người chán nản bỏ về vui thú điền viên.

Ở ngoại quốc,... khối dân chủ đa nguyên của Nguyễn Gia Kiểng cũng chỉ là một công cụ của công giáo mà thôi. Họ đã viết ra một cương lĩnh dân chủ đa nguyên thật hay, thật là hấp dẫn, thật là dân chủ, thật là yêu nước. Tôi đọc bản cương lĩnh đó cũng phải mê. Nhưng đó cũng chỉ là

Digitized by Google

công cụ để cướp chánh quyền mà thôi. Bởi khi chưa có chánh quyền trong tay thì người Công giáo thường chê trách người cộng sản là không có tự do dân chủ, làm như chỉ có họ là những nhà vô địch xây dựng tự do dân chủ. Nhưng khi họ nắm được chánh quyền rồi thì lại khác hẳn. Cương lĩnh đó chỉ còn là một tờ giấy lộn. Miền Nam Việt nam trước kia chẳng có một hiến pháp hết sức hay đẹp đó sao ? Và Ngô Đình Diệm đã thi hành hiến pháp ra sao ? Chắc tôi khỏi cần nhắc lại.

Thì ra cái cương lĩnh dân chủ đa nguyên đó chỉ là một phương tiện để lừa bịp. Họ đã lừa được khá nhiều người, kể cả những tay cự phách như Trần Thanh Hiệp, như Nguyễn Ngọc Huy, như Bùi Tín. Như vậy, thật không lạ khi họ lừa bịp được các em sinh viên du học ở Tiệp, ở Đức, ở Nga. Những người này vốn bất mãn với đảng cộng sản, nay họ viết báo ca tụng Ngô Đình Diệm làm tôi buồn cười quá ! Chẳng khó khăn gì khi họ lừa bịp được những người trong nước chưa có cơ hội biết nhiều về họ... Những người này dù lật đổ được cộng sản cũng không nắm được chánh quyền. Một cái bánh vẽ có thể lừa được mấy trăm triệu người thì nếu ta có bị lừa cũng đừng nên buồn... Bởi vì tôi cũng có thể hứa với Bùi Tín là, nếu Bùi Tín theo tôi, làm nô lệ cho tôi, thì bao nhiêu tội lỗi của Bùi Tín tôi sẽ gánh giùm hết. Và lúc chết Bùi Tín sẽ được lên thiên đàng ! Hứa như thế nào có khó khăn gì ? Ai làm không được ?

Anh Bùi Tín thân mến,

Công cuộc xây dựng tự do dân chủ ở Việt nam có nhiều phức tạp chứ không giản dị như anh tưởng. Một đứa con nít cũng biết rằng "tự do dân chủ là tốt đẹp hơn độc tài". Huống chi những nhà lãnh đạo của cả một quốc gia. Thế nhưng, khi tự do dân chủ được dùng như một khí giới để khuynh đảo, để lật đổ, thì họ phải đề đạt là điều dễ hiểu. Và lại những kẻ hô hào cho tự do dân chủ, một khi họ nắm chánh quyền rồi, họ lại độc tài hơn những người họ đã lật đổ thì sao ? Biết bao xương máu và công sức của dân tộc Việt nam đã đổ ra để giành lại chủ quyền, thoát ách đô hộ của thực dân, nay chúng ta lại muốn chui vào một ách nô lệ nữa sao ?...

Hiện nay ở Việt nam tôi thấy có một hiện tượng đáng ngại là dân chúng Việt nam, cả Nam lẫn Bắc, ngưỡng vọng người Mỹ nhiều quá. Họ mê Mỹ quá rồi ! Họ mê đồng đô la Mỹ, mê âm nhạc Mỹ, mê cách sống Mỹ, mê cả những Việt kiều ở Mỹ về ! Họ mê côca côla Mỹ, mê thuốc lá Mỹ ! Người Mỹ đã thành công trong công cuộc chuyển hóa nhân tâm của người Việt, kể cả một số lớn đảng viên cộng sản và họ đã đi được một phần ba trên đường khuynh đảo. Các đài phát thanh quốc tế như đài BBC Anh Quốc, đài Pháp quốc tự do, đài Tiếng nói Hoa kỳ, đài Á châu tự do đều là những công cụ giúp Mỹ trong công cuộc chuyển hóa nhân tâm này. Sách lược của họ là nói thật một trăm điều, nhưng lâu lâu chỉ nói láo một điều thôi, là người ta sẽ bị mắc lừa vào câu nói láo này ngay !...

Sách lược xảo lược này đã đến độ tinh vi không thể tưởng tượng được. Việc làm nào không đánh giá đúng mức đều có thể là tai họa. Thí dụ việc viện trợ thuốc trừ sâu nhằm giúp cho nông nghiệp của các quốc gia kém mở mang, tưởng là một hành động hào hiệp. Thực chất chỉ là việc loại bỏ những hóa chất độc hại không được phép dùng trong nước, nay đem cho các nước khác ! Một cuộc hành quân cứu đói được Liên hiệp quốc cho phép, nhưng thực chất là một cuộc xâm lược để nô lệ hóa như ở Somalia, đến nỗi ngay cả những người đói cũng dành phải cầm súng đứng lên để đẩy lùi cuộc xâm lăng. Ngay cả những hành vi nhân đạo cũng có dấy hậu ý...

Anh Bùi Tín thân mến,

Tôi xin lỗi đã lang bang nói nhiều ra ngoài chủ đề của bức thư này. Nhưng tôi quá tình vẫn tin tưởng ở một tương lai xán lạn của quê hương. Nhiều Việt kiều du lịch về nói rằng Việt nam đang ở trong tình trạng phát triển rất mạnh. Công cuộc xây dựng rầm rộ ở khắp mọi nơi, vì ở trong nước đã có không khí cởi mở hơn trước... Và chắc chắn chẳng bao lâu Việt nam sẽ trở thành một con rồng Á châu giống như năm con rồng hiện nay...

Anh Bùi Tín thân mến,

Thơ đã dài, tôi muốn chấm dứt ở đây. Chắc anh cũng thắc mắc là tôi muốn so sánh những điều anh viết về Cộng sản miền Bắc với những điều tôi viết về Công giáo miền Nam để làm gì ? Nếu phải chọn giữa Cộng sản và Công giáo thì tôi phải chọn ai ? Thực là khó cho tôi !

Chọn Công giáo ư ? Tôi đã biết quá nhiều về họ với những giáo lý bịp bợm, những hành động tàn ác phản dân hại nước suốt bao năm qua.

Chọn Cộng sản ư ? Tôi đã cầm súng chống lại họ suốt gần hai mươi năm. Tôi đã từng bị Cộng sản cầm tù nhiều năm. Tôi dâu có ưa gì Cộng sản. Nhưng dấy chỉ là trường hợp cá nhân của tôi. Tôi không để cho những tức khí nhất thời làm sai lạc những nhận định của tôi về dòng lịch sử của dân tộc, về những nguyên nhân của nỗi thống khổ của quê hương suốt hơn một trăm năm qua, về vấn đề đâu là cứu nước, dâu là bán nước.

Tôi đã quá già không còn chọn lựa được nữa. Nhưng tôi muốn nhờ anh qua bức thơ này nói dùm với các bạn trẻ hai điều :

- *Thứ nhứt* : Các bạn sẽ là những nhà lãnh đạo tương lai của nước Việt nam. Các bạn phải hết sức cẩn thận vì những mưu mô thâm độc ngụy trang dưới những hình thức hết sức tinh vi. Các bạn phải chịu khó đọc sách nhiều và luôn luôn ghi nhớ những bài học của lịch sử.

- *Thứ hai* : Dù các bạn muốn theo một con đường nào mà bạn cho là hay nhất, tốt đẹp nhất, dù bạn có tôn thờ một giáo điều nào, dù lý tưởng có tuyệt vời cách mấy đi chăng nữa thì con đường đó, lý tưởng đó, giáo điều đó cũng phải đặt dưới quyền lợi và danh dự của Tổ quốc Việt nam.

Đó là những điều tâm huyết tôi muốn nói với các bạn. Còn riêng tôi chỉ còn có một ước vọng : Đó là tôi sẽ trở về, tôi sẽ trở về một mai được chết trên mảnh đất quê hương.

Xin cám ơn anh Bùi Tín.

Thân ái,
TRẦN VĂN ANH
(Cựu sĩ quan QLVNCH)

Digitized by Google

LIÊN HỢP QUỐC : VẤN ĐỀ BỨC XÚC

TRẦN TRỌNG *

NHỮNG diễn biến phức tạp của quá trình đấu tranh xây dựng một trật tự quốc tế mới sau khi Liên xô sụp đổ làm cho dư luận thế giới hết sức quan tâm, đặc biệt nổi lên là vấn đề cải tổ Liên hợp quốc (LHQ). Nhiều nước mong muốn sao cho LHQ có vai trò lớn hơn trong việc thực hiện chức năng là một tổ chức quốc tế gìn giữ hòa bình.

Nhìn lại lịch sử ngót nửa thế kỷ tồn tại, LHQ đã làm được nhiều việc lớn được nhân dân nhiều nước thừa nhận. Đó là vận động, kêu gọi tài giảm quân bị, cắt giảm và loại trừ vũ khí hạt nhân và các vũ khí giết người hàng loạt ; kêu gọi và tổ chức đối thoại Bắc - Nam ; vận động hòa giải và hòa hợp, giải quyết hòa bình các cuộc xung đột ; vận động bảo tồn và phát triển các giá trị lịch sử và văn hóa, mở rộng giao lưu văn hóa... Nhiều chủ trương, nghị quyết của LHQ cũng thể hiện được mối quan tâm và nguyện vọng của đông đảo nhân dân các nước trên thế giới như đề ra các "Năm", "Tuần" "Ngày" hành động quốc tế : phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, phòng chống AIDS, bảo vệ thiếu nhi, ngày dân số, v.v.

Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng trong cả quá trình đó, LHQ trong nhiều trường hợp đã không làm tròn chức năng của mình. Danh nghĩa LHQ còn bị lợi dụng, quyền lực của LHQ còn bị thao túng, lũng đoạn bởi chính sách cường quyền của một số nước lớn. Chính vì có sự lũng đoạn đó, chủ yếu là tập trung ở Hội đồng bảo an (HĐBA) mà đã có một số nghị quyết và việc làm sai trái, được thực hiện dưới danh nghĩa LHQ. Đó là những nghị quyết như đưa quân một số nước vào tham chiến trong chiến tranh Triều tiên (1950 - 1953), trong chiến tranh vùng Vịnh chống I-rắc (1990 - 1991), v.v. Các nghị quyết trừng phạt về kinh tế, lập vùng cấm bay ở nước này, nước nọ v.v. là những việc mà trong Hiến chương cũng như các Công ước quốc tế và luật lệ của LHQ trước đây không hề đề ra. Ngược lại, có hàng trăm nghị quyết khác không được thực hiện (đặc biệt là trong việc giải quyết quan hệ giữa I-xra-en và các nước Ả-rập). Gần đây, đó là việc LHQ đưa quân can thiệp vào Xô-ma-li (lý do lúc đầu là để cứu đói), việc chấp thuận các phương án áp đặt phân chia Bô-xni-a - Héc-xê-gô-vi-na thành 3 nước cộng hòa, thành 10 tỉnh... mà đằng sau đó thấp thoáng ý đồ vì lợi ích của nước này, khối nọ v.v. Những chủ trương và việc làm như vậy đã dẫn đến chủ quyền của nhiều nước bị vi phạm, nhiều khi rất nghiêm trọng.

Thực tế đó cho thấy, việc cải tổ LHQ cả về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn lẫn phương thức hoạt động của nó, là một yêu cầu tất yếu và cấp thiết, đặc biệt là trong tình hình quốc tế đã có nhiều thay đổi và phát triển. Vấn đề là nên cải tổ như thế nào. Đã có khá nhiều phương án đề xuất. Tựu trung về cơ bản, nổi lên 3 vấn đề lớn sau đây :

Một là, vấn đề cải tổ cơ cấu tổ chức, bổ sung, sửa đổi Hiến chương và các luật lệ của LHQ.

Về vấn đề này, Thủ tướng Ma-lai-xi-a Ma-hát-thia đã nói : "Cần phải cải tổ LHQ. Chiến tranh thế giới đã chấm dứt hơn 40 năm rồi. Kết quả cuộc chiến tranh đó không thể cứ ảnh hưởng đến LHQ một cách vĩnh viễn... Cần phải bãi bỏ quyền phủ quyết của 5 ủy viên thường trực Hội đồng bảo an. Chừng nào còn bảo lưu quyền phủ quyết của các nước ấy, chừng đó vẫn không thay đổi được hình ảnh chuyên chế của LHQ". (Reuter, 14-2-1993). Đúng vậy. Vấn đề cơ bản nhất cần cải tổ về tổ chức LHQ là HĐBA, bởi vì mọi nghị quyết của LHQ đều do HĐBA quyết định hoặc trực tiếp chi phối. Theo cơ cấu từ trước đến nay, chỉ có 5 nước lớn (Mỹ, Liên xô trước đây và nay là Cộng hòa Liên bang Nga, Anh, Pháp và Trung quốc) giữ ghế thường trực vĩnh viễn, không phải bầu. Ngoài ra, HĐBA còn 10 ủy viên không

* Đại tá, nhà báo, Tổng cục chính trị QĐNDVN

Digitized by Google

thường trực do Đại hội đồng bầu ra có nhiệm kỳ 2 năm. Cơ cấu này rõ ràng không hợp lý và không phù hợp với tinh thần cơ bản mà Hiến chương LHQ đề ra là "tổ chức này được thiết lập trên nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của mọi thành viên". Có phương án đề nghị mở rộng thành phần ủy viên thường trực HĐBA với các ứng cử viên là Nhật, Đức, Ấn độ, In-đô-nê-xi-a, Ai-cập, Bra-xin, Ni-giê-ri-a, Mê-xi-cô... Có phương án đòi phân chia công bằng số ghế ở HĐBA và tăng số lượng các thành viên thêm nữa... Hiện nay, Nhật và Đức đang tích cực vận động để sớm trở thành ủy viên thường trực. Nhìn chung về thực chất đó vẫn là những phương án có tính chất cải lương. Bởi vì, xét cho cùng, cơ cấu 5 nước ủy viên thường trực HĐBA không phải bầu, về cơ bản vẫn là cơ cấu tập trung quyền lực, dành đặc quyền ở LHQ cho một số nước lớn.

Để thể hiện đúng tinh thần bình đẳng và dân chủ thật sự của một tổ chức quốc tế có tầm vóc như LHQ, toàn bộ thành viên của HĐBA phải được Đại hội đồng bầu ra theo nhiệm kỳ. Tất cả các ủy viên thường trực do toàn thể HĐBA bầu ra cũng theo nhiệm kỳ chứ không có thành viên nào được giữ ghế vĩnh viễn.

Liên quan đến cơ cấu đó là vấn đề quyền phủ quyết (pravo véto) của các ủy viên thường trực. Tính chất thiếu dân chủ và không bình đẳng thường thể hiện tập trung ở đây. Có những nghị quyết của thường trực HĐBA hoặc của toàn thể HĐBA, dù được tuyệt đại đa số ủy viên tán thành, nhưng chỉ cần một nước ủy viên thường trực phủ quyết cũng trở thành không có giá trị. Để cho hợp lý, quyền phủ quyết nên chuyển sang cho toàn thể HĐBA với một tỷ lệ phiếu như thế nào đó, khoảng 3/4 trở lên chẳng hạn.

Dĩ nhiên, việc sửa đổi như trên gặp rất nhiều trở ngại, trước hết là các nước ủy viên thường trực HĐBA không muốn từ bỏ đặc quyền của mình.

Hai là, vấn đề phạm vi quyền hạn của LHQ và chủ quyền quốc gia của các nước. Tình hình quốc tế hiện nay, nhất là sau chiến tranh lạnh, các quan hệ quốc tế đã có nhiều thay đổi khác trước. Đây thực chất là vấn đề phân định rõ lợi ích quốc tế và lợi ích quốc gia. Chúng ta thừa nhận rằng, do tình hình của các nước có nhiều biến đổi mà quan hệ giữa các nước cũng phát triển theo hướng quốc tế hóa ngày càng mạnh trên nhiều lĩnh vực. Thực tế đó đòi hỏi quan niệm về chủ quyền quốc gia cũng phải có những thay đổi cần thiết cho phù hợp. Trước kia, người ta cho rằng một quốc gia nào đó, trong phạm vi lãnh thổ, lãnh hải và không phận của mình, có toàn quyền muốn làm gì thì làm, không có gì bị ràng buộc và không ai có quyền can thiệp. Nhưng thế giới ngày nay không thể hoàn toàn như vậy được. Chẳng hạn ở một nước nào đó có những di tích lịch sử văn hóa lâu đời nổi tiếng thì chúng vừa là tài sản thuộc chủ quyền của nước đó, lại vừa là tài sản chung của nhân loại. Chính quyền ở nước đó chỉ có bảo tồn, tôn tạo, chứ không thể vì chúng thuộc chủ quyền của mình mà được phá hủy. Không một nước nào có thể tự ý đổ các chất phế thải độc hại, kể cả phế thải hạt nhân một cách vô trách nhiệm vào các vùng biển, dù các vùng đó thuộc chủ quyền lãnh hải của mình. Hoặc giả những nước nằm trên lưu vực sông A-ma-dôn không thể coi việc triệt phá, hủy hoại vùng sinh thái rộng lớn được coi là lá phổi của thế giới này là hoàn toàn thuộc quyền hành động của mình được. Còn nhiều vấn đề khác như chiến tranh, thử vũ khí hạt nhân bừa bãi, các dịch bệnh nguy hiểm như AIDS, nạn tăng dân số, v.v. đều đòi hỏi cộng đồng quốc tế phải có trách nhiệm tham gia giải quyết. Lợi ích quốc tế và lợi ích của mỗi nước có quan hệ chặt chẽ với nhau và chủ quyền quốc gia của mỗi nước ngày nay chẳng những không thể tách rời mà còn chịu sự ràng buộc và hạn chế nhất định trong mối quan hệ đó.

Dĩ nhiên, việc phân định rõ giới hạn giữa chủ quyền quốc gia và lợi ích quốc tế có rất nhiều khó khăn phức tạp, vì đây là vấn đề rất nhạy cảm. Cần vạch rõ ràng, nhiều năm gần đây, những hiện tượng vi phạm chủ quyền quốc gia của các nước có xu hướng tăng lên. Điển hình là những sự kiện như : từ việc chống hành vi xâm lược Cô-oét lúc đầu sau dẫn đến chiến tranh lớn chống I-rắc ; việc đưa quân vào Xô-ma-li để hỗ trợ cho nhiệm vụ cứu đói dẫn đến xung đột vũ trang giữa quân LHQ với các lực lượng bản xứ. Ngoài ra, còn rất nhiều vấn đề mới nảy sinh chưa có tiền lệ trong việc giải quyết và đang có nhiều tùy tiện, như xác định phạm vi chủ quyền không phận quốc gia, do thám trên không, lập vùng cấm bay, thanh tra, thanh sát các cơ sở sản xuất vũ khí và cơ sở hạt nhân, kiểm tra vi phạm nhân quyền v.v. Đó là chưa kể có những nước lớn, lợi dụng vị thế có lợi về kinh tế, chính trị, quân sự của mình, đã đưa ra những yêu sách lãnh thổ, bất chấp chủ quyền của nước khác, bất chấp công pháp quốc tế.

Digitized by Google

Tất cả những điều đó đòi hỏi LHQ cần có những sửa đổi, bổ sung cả Hiến chương, Công ước và luật lệ cho phù hợp. Phải bảo đảm kết hợp đúng đắn, hài hòa chủ quyền quốc gia và lợi ích của các nước lớn nhỏ với lợi ích quốc tế trên nguyên tắc bình đẳng và dân chủ mà LHQ là người đại diện.

Ba là, vấn đề chức năng và vai trò quân sự của LHQ.

Lĩnh vực thường có nhiều gay cấn nhất trong quan hệ giữa độc lập, chủ quyền quốc gia với trách nhiệm của cộng đồng quốc tế là việc đối phó với các cuộc xung đột vũ trang và chiến tranh. Do sự phát triển của thế giới, ngày nay một cuộc xung đột vũ trang ở một nước nào đó đều có thể đe dọa hòa bình và ổn định của cả khu vực. Vậy chức năng và vai trò quân sự của LHQ nên giới hạn đến đâu ? Điều 43 trong Hiến chương LHQ có quy định "Tất cả các thành viên LHQ cần có sự đóng góp vào việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, có trách nhiệm cung cấp quân đội, trang bị và giúp đỡ cần thiết cho HĐBA trên cơ sở các mệnh lệnh và hiệp định đặc biệt của HĐBA, kể cả việc cho phép các đơn vị duy trì hòa bình và an ninh quốc tế được quá cảnh".

Cho đến nay, LHQ đã thực hiện vai trò quân sự ở nhiều mức độ trong hơn 30 cuộc xung đột. Về cơ bản có hai hình thức như sau : 1 - Dùng các đoàn thanh tra quân sự, giám sát quân sự, bộ đội "giữ gìn hòa bình" (không hoặc có mang vũ khí) ; 2 - Sử dụng quân đội của các nước thành viên (chủ yếu là do các nước lớn cung cấp quân đội, trang bị vũ khí và trực tiếp chỉ huy) với nhiều mức độ khác nhau. Với hình thức thanh tra, giám sát, từ tháng 8-1948, các lực lượng giữ gìn hòa bình đã được phái đến các nơi xảy ra xung đột I-xra-en - Ả-rập. Từ đó đến nay, hình thức này trong nhiều trường hợp đã có tác dụng tốt nhưng cũng có nhiều vi phạm. Trong nhiều năm sau này, LHQ thường áp dụng nhiều hơn hình thức thứ hai, tức là dùng quân đội của các nước có trang bị hiện đại, tiến vào những nơi xảy ra chiến sự. Điển hình cho loại hoạt động này là việc LHQ đưa hơn 70 vạn quân của 29 nước (có 46 vạn quân Mỹ) tham gia cuộc chiến tranh vùng Vịnh (1990 - 1991). Hiện nay, LHQ vẫn duy trì hơn 80 000 quân hoạt động ở nhiều nơi trên thế giới. Đánh giá hoạt động của các loại liên quân của LHQ, dư luận phương Tây cho rằng các đạo quân này "rách việc nhiều hơn được việc".

Ngoài hai hình thức đó, tháng 7-1992, Tổng thư ký LHQ B.Ga-li đã đưa ra một sáng kiến mới : đề nghị thành lập quân đội thường trực của LHQ. Các nước thành viên có nhiều phản ứng khác nhau. Một số nước có động cơ riêng đang vận động, cổ vũ cho sáng kiến đó.

Nhiều người cho rằng hiện nay cũng như nhiều năm sắp tới, chức năng và vai trò quân sự của LHQ tốt nhất là chỉ nên thực hiện trong phạm vi kiểm soát, giám sát việc thi hành các hiệp định ngừng bắn, không đi xa hơn nữa. Thực tế chứng tỏ : việc dùng quân đội các nước thành viên, tổ chức thành liên quân làm lực lượng giữ gìn hòa bình, đưa đi can thiệp vũ trang, thường không có chất lượng chiến đấu cao mà rất phức tạp. Chiến tranh là chiến tranh. Nó có quy luật của nó. Quân đội của một siêu cường nhiều khi không thể đảm đương nổi một cuộc chiến tranh thông thường, huống hồ đây là một đội quân "ô hợp". Điều quan trọng hơn là do nhiều nguyên nhân, hình thức này thường vi phạm độc lập và chủ quyền quốc gia của nước này nước khác, làm tổn hại đến uy tín của LHQ. Cũng không nên vì việc sử dụng lực lượng quân đa quốc gia không có hiệu quả mà tổ chức ra quân đội thường trực của LHQ. Bởi vì, nếu tổ chức ra một quân đội thường trực để có một công cụ mạnh hơn các "quân đội góp" thì quân đội thường trực ấy phải có quy mô tổ chức, trang bị và sức chiến đấu đến mức nào là đủ ? Và, nếu giả thiết rằng có một nước lớn, một cường quốc nào đó, phá hoại hòa bình, vi phạm Hiến chương LHQ thì đội quân thường trực đó của LHQ có đủ mạnh để đánh bại được quân đội của nước ấy không ? Nên nhớ rằng hiện nay LHQ phải chật vật lắm mới chi nổi mỗi năm ngót ba tỉ đô la cho các lực lượng "giữ gìn hòa bình". Trong lúc đó, hàng năm các nước lớn mỗi nước chi phí cả hàng chục, thậm chí hàng trăm tỉ đô la để nuôi dưỡng, trang bị cho quân đội của họ. Còn nếu quân đội thường trực của LHQ được tổ chức ra chỉ để làm nhiệm vụ chống lại các đối tượng là quân đội của các nước vừa và nhỏ thì về nguyên tắc rõ ràng là không nên.

Thực tế, việc cải tổ Liên hợp quốc có nội dung rộng lớn, bao gồm cơ chế hoạt động của Đại hội đồng, của Tổng thư ký, của các tổ chức kinh tế của Liên hợp quốc... Dư luận mong muốn từ nay đến tháng 9-1995, kỷ niệm 50 năm thành lập LHQ, sẽ có những cải tổ quan trọng, trước hết là về ba vấn đề bức xúc nói trên.

Digitized by Google

PHÁP LUẬT, PHÁP CHẾ. BỘ LUẬT VÀ LUẬT

+ PHÁP LUẬT

Là hệ thống các quy tắc xử sự, là công cụ điều chỉnh các quan hệ xã hội do nhà nước ban hành, thể hiện ý chí của giai cấp cầm quyền và được thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế của nhà nước.

Mỗi hình thái kinh tế - xã hội đều có một kiểu nhà nước và một kiểu pháp luật tương ứng. Lịch sử xã hội loài người đã có các kiểu pháp luật chủ nô, pháp luật phong kiến, pháp luật tư sản và pháp luật xã hội chủ nghĩa. Pháp luật hoàn toàn không phải là sản phẩm thuần túy của lý tính hay bản tính tự nhiên phi giai cấp của con người như học thuyết pháp luật tự nhiên quan niệm. Pháp luật, như Mác - Ăng-ghen phân tích, chỉ phát sinh, tồn tại và phát triển trong xã hội có giai cấp, có nhà nước ; bản chất của pháp luật thể hiện ở tính giai cấp của nhà nước. Tuy nhiên, pháp luật cũng mang tính xã hội, bởi vì ở mức độ nhất định, nó phải thể hiện và bảo đảm những yêu cầu chung của xã hội về văn hóa, phúc lợi, môi trường sống... Về mặt này, pháp luật xã hội chủ nghĩa có sự thống nhất giữa tính giai cấp và tính xã hội.

Pháp luật còn là một bộ phận quan trọng của cấu trúc thượng tầng xã hội. Nó do cơ sở hạ tầng quyết định, nhưng có tác động trở lại đối với cơ sở hạ tầng. Nếu pháp luật phản ánh đúng đắn các quy luật vận động và phát triển của xã hội, nhất là các quy luật kinh tế thì pháp luật sẽ có tác động tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội. Ngược lại, pháp luật sẽ kìm hãm sự phát triển đó.

Theo Lê-nin, "một đạo luật là một biện pháp chính trị, là chính trị" (1). Trong lịch sử, bất cứ giai cấp cầm quyền nào cũng dựa vào pháp luật để thể hiện và thực hiện chính trị của giai cấp mình. Pháp luật trở thành hình thức thể hiện tập trung, trực tiếp chính trị của giai cấp cầm quyền, là một công cụ sắc bén thể hiện quyền lực của nhà nước để thực hiện những yêu cầu, mục đích, nội dung chính trị của nó. Do đó, Nhà nước nào, pháp luật ấy. Những thuộc tính cơ bản của pháp luật là tính quy phạm, tính cưỡng chế, tính khách quan, tính nhà nước, tính hệ thống và tương đối ổn định.

+ PHÁP CHẾ

Là một chế độ và trật tự pháp luật trong đó tất cả các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân đều phải tôn trọng và thực hiện pháp luật một cách nghiêm chỉnh, triệt để và chính xác.

Pháp chế và pháp luật có quan hệ mật thiết với nhau, nhưng không đồng nhất. Pháp chế là một phạm trù thể hiện sự đòi hỏi và những yêu cầu đối với các chủ thể pháp luật, phải triệt để tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật trong đời sống xã hội.

Một nền pháp chế thống nhất, vững chắc là cơ sở cần thiết cho hệ thống pháp luật điều chỉnh có hiệu quả các quan hệ xã hội, phát huy được hiệu lực của mình ; mặt khác, chỉ khi có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ, phù hợp và được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung kịp thời khi cần thiết, thì nền pháp chế mới được củng cố và tăng cường.

Pháp chế cần được đề cao thành nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Nó đòi hỏi việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước phải được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật ; mọi công chức nhà nước phải nghiêm chỉnh và triệt để tôn trọng pháp luật khi thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, mọi vi phạm pháp luật đều phải xử lý nghiêm minh. Các tổ chức chính trị, xã hội cũng có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật của nhà nước. Thực hiện tốt nguyên tắc pháp chế là cơ sở bảo đảm cho bộ máy nhà nước hoạt động nhịp nhàng, đồng bộ, phát huy đầy đủ hiệu lực của mình và bảo đảm công bằng xã hội. Điều 12 Hiến pháp 1992 của nước ta quy định "nhà nước quản lý xã hội theo pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa".

Tính thống nhất của pháp chế xã hội chủ nghĩa đòi hỏi bộ máy nhà nước, các địa phương và mọi công dân trong cả nước phải nhận thức và thực hiện giống nhau đối với toàn bộ hệ thống pháp luật đã ban hành. Nó không cho phép mỗi nơi có luật lệ riêng, duy trì tình trạng "phép vua thua lệ làng", thực hiện pháp luật của nhà nước theo cách "vận dụng" riêng của mình. Nó chống lại thói cục bộ, địa phương. Bảo đảm tính thống nhất của pháp chế là điều kiện không thể thiếu để thực hiện dân chủ đối với mọi công dân và quyền lực của nhà nước.

+ BỘ LUẬT VÀ LUẬT

Đều là văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội ban hành để cụ thể hóa Hiến pháp nhằm điều chỉnh các loại quan hệ xã hội trong các lĩnh vực hoạt động của xã hội. Các bộ luật và luật này có giá trị pháp lý cao (chỉ sau Hiến pháp) và có phạm vi tác động rộng lớn đến đông đảo các tầng lớp nhân dân. Vì vậy khi xây dựng các văn bản dưới luật phải dựa trên cơ sở các quy định thể hiện trong các văn bản bộ luật và luật, không được trái với các quy định đó. Các bộ luật và luật thường được ban hành theo một trình tự hết sức chặt chẽ, gồm 4 giai đoạn : soạn thảo dự án luật, thảo luận dự án luật, thông qua luật, và công bố luật.

Tuy nhiên cần phân biệt giữa *bộ luật* và *luật*. Bộ luật là một văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội ban hành nhằm điều chỉnh và tác động rộng rãi đến các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực hoạt động nào đó của xã hội (ví dụ : bộ luật hình sự, bộ luật tố tụng hình sự, bộ luật lao động, bộ luật dân sự...). Còn *luật* cũng là một văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội ban hành, trình tự ban hành và hiệu lực giống bộ luật, song phạm vi các quan hệ xã hội cần điều chỉnh hẹp hơn, chỉ trong một lĩnh vực hoạt động, một ngành hoặc một giới (ví dụ, luật công ty, luật đất đai, luật thuế, luật đầu tư nước ngoài...).

(1) V.I. Lê-nin :*Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, t 30, tr 129

Digitized by Google

● HỘI THẢO KHOA HỌC VỀ DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

Ngày 24-8-1994, tại Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia diễn ra Hội thảo khoa học về "Tính khả thi của chiến lược dân số - kế hoạch hóa gia đình (DS - KHHGĐ) ở nước ta từ nay đến năm 2000". Cơ quan tổ chức và chủ trì Hội thảo là Ủy ban quốc gia DS-KHHGĐ cùng với tạp chí Dân tộc và Thời đại của Hội dân tộc học Việt nam. Tham gia hội thảo có nhiều nhà khoa học thuộc Viện dân tộc học, Khoa sử Trường đại học tổng hợp Hà nội, Hội KHHGĐ Việt nam, Trung tâm nghiên cứu môi trường, Trung tâm nghiên cứu gia đình - phụ nữ, Tạp chí Cộng sản, tạp chí Văn hóa các dân tộc...

Về tầm quan trọng của vấn đề DS-KHHGĐ, các nhà khoa học thêm một lần nữa nêu bật vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của đất nước, và khẳng định chiến lược DS-KHHGĐ phải được quán triệt sâu sắc hơn nữa trong toàn đảng, toàn dân và toàn quân.

Từ đề tài chính của Hội thảo là "Tính khả thi của chiến lược DS-KHHGĐ ở nước ta từ nay đến năm 2000", 19 báo cáo khoa học đã tập trung phân tích tình hình, đặc điểm dân số và kế hoạch hóa gia đình ; tình hình kinh tế - xã hội ở nước ta thời gian qua và hiện nay, nhằm kiến nghị những biện pháp giải quyết vấn đề DS-KHHGĐ từ nay đến năm 2000 đối với cả nước cũng như với từng vùng, từng dân tộc cụ thể. Ví dụ, trong khi có dân tộc tỉ lệ tăng dân số còn ở mức rất cao : 4,0% (Mông), lại đang có vài dân tộc ở trong tình trạng giảm số dân. Có dân tộc đang tiến dần tới mức sinh thay thế : 2,92 con (Hoa), thì nhiều dân tộc số con bình quân của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ còn ở mức : 8,8 con (Mông)... Mặt khác, qua hơn 30 năm thực hiện KHHGĐ, ở các thành phố, thị xã, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh và thủ đô Hà nội, tỷ lệ tăng dân số đã được hạ xuống khá thấp. Nhưng ở các vùng nông thôn, miền núi thì kết quả thu được chưa đáng là bao. Kết quả cho thấy, về các chỉ tiêu này còn có sự chênh lệch khá lớn ngay giữa các vùng nông thôn đồng bằng và các vùng nông thôn miền núi. Vì vậy, trong việc chỉ đạo và thực hiện chiến lược DS-KHHGĐ từ nay đến năm 2000 cần phải đề ra những biện pháp, những chỉ tiêu cụ thể đối với từng dân tộc, từng khu vực. Cần đặc biệt chú ý đến đặc điểm kinh tế, xã hội, tâm lý, phong tục tập quán của từng vùng, từng dân tộc cụ thể.

Nhiều báo cáo đã chỉ ra nguyên nhân quan trọng làm cho dân số tăng nhanh là sự lạc hậu của nền kinh tế - xã hội, sự thấp kém về trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật của cư dân. Từ đó kiến nghị cần tạo điều kiện nâng cao đời sống kinh tế, trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật cho cư dân nông thôn, nhất là nông thôn miền núi và vùng các dân tộc thiểu số. Cần đẩy mạnh quá trình đô thị hóa ở cả nông thôn đồng bằng và nông thôn miền núi. Tạo ra dư luận mới, tốt đẹp về mô hình gia đình ít con, xóa bỏ tư tưởng "đông con, nhiều của", "trời sinh voi, trời sinh cỏ" ; "có nếp, có tẻ" v.v.

Đối với phụ nữ, cần tạo điều kiện để chị em thực sự làm chủ gia đình, làm chủ xã hội và làm chủ bản thân. Xã hội đẩy mạnh công tác giáo dục về DS-KHHGĐ cho nam, nữ thanh niên tiền hôn nhân. Ở đây trách nhiệm của nhà trường, gia đình và Đoàn thanh niên là rất lớn.

Hội thảo còn đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao mức độ an toàn của các biện pháp tránh thai và sức khỏe cho người sử dụng. Áp dụng đồng bộ những thành tựu khoa học - kỹ thuật tiên tiến vào công tác DS-KHHGĐ. Hội thảo còn chỉ ra tầm quan trọng và cách thức khai thác những bài thuốc tránh thai hết sức đa dạng và hiệu quả mà nhân dân các dân tộc ở nước ta đã đúc kết và lưu giữ được. Hội thảo cũng chỉ rõ, để làm tốt chiến lược DS-KHHGĐ ở nước ta từ nay đến năm 2000, cần có sự kết hợp một cách đồng bộ giữa các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương ; giữa các ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, giữa các tổ chức DS-KHHGĐ dân sự và trong quân đội.

PHẠM VĂN LỢI (lược thuật)

● CUỘC TRAO ĐỔI Ý KIẾN VỀ TÍNH DÂN TỘC TRONG THƠ

Nhìn vào nền thơ Việt nam gần đây, ai cũng thấy sự "bung ra" về số lượng các tập thơ đã xuất bản. Song điều đáng quan tâm là số lượng chưa đi đôi với chất lượng. Tình trạng này khiến nhiều người yêu thơ cảm thấy băn khoăn. Và đó cũng là lý do để nhiều cuộc thảo luận về thơ được tổ chức, mong tìm ra một sự "tháo gỡ" nào đó... Trong các cuộc trao đổi, bàn bạc ấy, vấn đề tính dân tộc trong thơ thu hút sự quan tâm của nhiều người, nhiều giới.

Cuộc Hội thảo khoa học "Vấn đề tính dân tộc trong thơ Việt nam hiện nay" đã được Trường viết văn Nguyễn Du tổ chức vào trung tuần tháng 4-1994. Tổng thuật cuộc hội thảo này trên báo *Lao động* số ra ngày 26-4-1994, Y Trang cho rằng "Đã đến lúc, chúng ta không nên quá đề cao sự độc đáo của nền văn hóa dân tộc mình". Nhận xét này lập tức gây ra sự phản ứng. Trần Mạnh Hảo đã có lời đáp trên báo *Quân đội nhân dân* số ra ngày 30-7-1994. Anh cho rằng : cách đặt vấn đề như Y Trang gây ra cảm giác "người ta đã đưa chiêu bài

Digitized by Google

tính dân tộc trong thơ Việt nam ra để giễu cợt nó, thậm chí tìm cách đối lập tính dân tộc và tính hiện đại". Gần gũi với Trần Mạnh Hảo là ý kiến Nguyễn Sĩ Đại (báo *Nhân dân* ngày 20-8-1994). Nguyễn Sĩ Đại coi một số tham luận được trình bày trong cuộc hội thảo do Trường viết văn Nguyễn Du tổ chức thể hiện thái độ "nôn nóng" đổi mới, hoặc với động cơ cá nhân "không trong sáng", thậm chí có ý kiến quá đà muốn "hạ thấp" tính dân tộc trong văn học. Với ý định giải quyết về cơ bản tính dân tộc về phương diện lý thuyết, Nguyễn Sĩ Đại đưa ra hai yếu tố chính yếu làm nên tính dân tộc trong thơ : tinh thần dân tộc và phương thức biểu hiện.

Trần Mạnh Hảo là người rất tâm huyết trong việc bảo vệ tính dân tộc trong thơ ; anh viết dồn dập một loạt bài đăng trên nhiều báo và tạp chí. Anh coi tinh thần dân tộc như một *giá trị*, và phải lấy tính dân tộc làm một căn cứ quan trọng để soi xét giá trị tác giả, tác phẩm. Trong bài viết "Sự mất ngủ của lửa hay là bệnh ngủ của thơ" *(Người Hà nội* số ra ngày 29-5-1994), Trần Mạnh Hảo nhận xét : Nguyễn Quang Thiều đã tự sáng tác thơ bằng tiếng Anh hoặc tiếng Tây ban nha rồi lại tỉ mẩn dịch nó ra tiếng Việt. Thơ Nguyễn Quang Thiều "tịch không có chút không khí Việt nam nào, toàn là một thứ thơ tây giả cầy". Đánh giá về Đặng Đình Hưng qua tập "Ô mai" *(Người Hà nội* số 22 ngày 14-8-1994), Lê Đạt qua tập "Bóng chữ" *(Văn nghệ quân đội* 7-1994) và Hoàng Hưng qua tập "Người đi tìm mặt" *(Quân đội nhân dân*, 27-8-1994), Trần Mạnh Hảo đều tỏ ra không hài lòng về sự tìm tòi của các nhà thơ này. Anh cho rằng, với Lê Đạt, đó là ý muốn "làm một cuộc "lai giống" giữa thơ ta và thơ Tây", song "việc đưa thơ ca Việt nam vào cuộc thí nghiệm chạy ma-ra-tông với thơ Tây hóa ra lại là một điều phiêu lưu và vô vọng". Còn thơ Đặng Đình Hưng thì "quyết không nằm trong ngôi đền thơ ca". Những tìm tòi của Hoàng Hưng chỉ dẫn đến *"hũ nút"*, "đánh mất lý trí, từ bỏ nhận thức, xua đuổi sự hiểu ra khỏi ngôn từ"... Trong một bài đăng liền trên hai số *Văn nghệ* (33, 34-1994) Trần Mạnh Hảo mượn cách nói Hoài Thanh để đặt tên cho bài viết của mình : "Có một thời đại mới trong thi ca", khẳng định những thành tựu của văn nghệ cách mạng giai đoạn 1945 - 1975. Trong bài viết này, Trần Mạnh Hảo đã có lý khi anh khẳng định mạnh mẽ thành tựu và vai trò của nền thơ ca cách mạng đặt trong toàn bộ tiến trình văn học Việt nam.

Vương Trí Nhàn không trực diện tham gia bàn về tính dân tộc mà chỉ đi vào "Những tìm tòi hình thức trong thơ gần đây" *(Văn nghệ*, số 32-1994). Để nói thay quan điểm của mình, Vương Trí Nhàn đã giới thiệu "quan điểm cởi mở" của Xuân Diệu về tính dân tộc *(Đặc san Văn nghệ* 8-1994). Mặc dù được viết từ năm 1939, song những ý kiến của Xuân Diệu vẫn rất đáng chú ý. Xuân Diệu một mặt cho rằng "chúng ta phải giữ gìn cho tính cách An nam", mặt khác, ông lại "cởi mở" khi nhận xét : những người An nam có chịu ảnh hưởng Âu Tây nhưng rốt cuộc họ vẫn là người An nam. Cách hiểu tính dân tộc trên hai bình diện : *một là*, cần phải giữ cái riêng, cái An nam của mình, *hai là*, phải tiếp thu văn hóa nước ngoài một cách hiểu được được nhiều người tán đồng. Cách hiểu đó là cách hiểu đúng ; quan điểm của Đảng ta cũng tương tự. Hoàng Vũ Thuật trong bài "Cội nguồn và hành trình thơ hôm nay" *(Văn nghệ quân đội*, 8-1994), ngoài việc thừa nhận "cội nguồn của thơ trước hết là dân tộc", đã khẳng định : "Tính dân tộc trong thơ không bất biến mà luôn luôn năng động và phát triển", "không nên nhân danh truyền thống, sự bảo tồn bản sắc, đặc thù dân tộc mà ném đi không thương tiếc, bỏ ra ngoài tai những sản phẩm có ý thức tìm tòi".

Cuộc thảo luận về thơ và tính dân tộc trong thơ chắc chắn sẽ còn tiếp tục và mang lại cho chúng ta nhiều điều bổ ích.

MAI HẢI OANH (thực hiện)

TIN VẮN ★ TIN ★ TIN VẮN

ĐOÀN ĐẠI BIỂU TẠP CHÍ CỘNG SẢN THĂM TRUNG QUỐC

Nhận lời mời của tạp chí *Cầu thị* (cơ quan lý luận của Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc), Đoàn đại biểu *Tạp chí Cộng sản* do đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Phó tổng biên tập làm Trưởng đoàn, đã sang thăm Trung quốc từ 10-9 đến 20-9-1994

Đoàn đã làm việc với Ban biên tập tạp chí *Cầu thị*, trao đổi kinh nghiệm công tác và những vấn đề lý luận, thực tiễn trong tình hình hiện nay. Đoàn đã đi thăm một số cơ sở kinh tế, văn hóa, báo chí ở Bắc kinh, Thượng hải, Triết giang, Quảng châu, Thâm quyến.

Ngày 12-9 Bộ trưởng Bộ liên lạc đối ngoại Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc Lý Thục Tranh đã tiếp đoàn. Cùng dự buổi tiếp có Tổng biên tập tạp chí *Cầu thị* Hình Bôn Tư và đồng chí Trần Xuân Nhiễm, tham tán Đại sứ quán Việt nam tại Trung quốc.

Digitized by Google



CÔNG TY KHAI THÁC CHẾ BIẾN LÂM SẢN II

LÂM ĐỒNG

Tên giao dịch quốc tế : FORILA

** Giám đốc Cty*
** The Director of the company*

Trụ sở : Thị trấn Liên Nghĩa - Đức Trọng - Lâm Đồng
Điện thoại : 43144 Đức Trọng - Lâm Đồng
GIÁM ĐỐC : NGUYỄN BÁ HƯNG

Được thành lập theo quyết định 897/UB - TC ngày 7-12-92 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Giấy phép kinh doanh số 103925 cấp ngày 19-12-1992 của chủ tịch trọng tài kinh tế tỉnh Lâm Đồng.

Chức năng :
- Khai thác, chế biến gỗ và lâm sản tiêu thụ nội địa và xuất nhập khẩu.
- Tổ chức sản xuất nông lâm công nghiệp và kinh doanh du lịch.

Nhiệm vụ chủ yếu :
- Hàng năm khai thác từ 20.000 - 25.000m^3 gỗ tròn lớn và 1.500 - 2.000 tấn nhựa thông
- Chế biến gỗ từ 12.000 - 15.000m^3. Trong đó tinh chế cho xuất khẩu từ 3.000 - 3.500m^3
- Chế biến đũa tre xuất khẩu 500 - 800 tấn/năm
- Ván bóc cung cấp cho ép : 400.000 - 1.000.000m^2
- Chế biến từ 1200 - 1400 tấn colopal và dầu thông xuất khẩu
- Trồng cây công nghiệp dài ngày như : cà phê, dâu tằm, điều... khoảng 500 ha và sản phẩm tham gia xuất khẩu.



** Văn phòng công ty*

** The Head office*

Digitized by Google

CTY LIÊN DOANH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM AN THÁI

CTY THƯƠNG NGHIỆP TỔNG HỢP AN GIANG LIÊN DOANH CTY THAI HINLONG SINGAPORE

MÌ ĂN LIỀN

AN THÁI - LUCKY - HẠNH PHÚC

- Địa chỉ : 27/9 Trần Hưng Đạo
- Mỹ Thới - Thị xã Long Xuyên - An Giang
- Điện thoại : 34232 - 34325 - 34120
- Fax : 84-76-34326







❑ Máy móc thiết bị hiện đại, bằng loại thép không gỉ.

❑ Đặc biệt chảo chiên mì gia nhiệt bằng hơi nước nên chất lượng sản phẩm luôn ổn định.

❑ Sản phẩm đạt tiêu chuẩn công nghệ thực phẩm, được tặng 05 Huy chương vàng, 12 huy chương bạc và 07 bằng khen tại hội chợ Quốc tế năm 1993 - 1994.

Sản phẩm cũng đạt huy chương vàng tại Hội chợ Châu Á Thái Bình Dương năm 1994 tổ chức tại Bắc Kinh.

❑ Đã xuất khẩu sang các nước: Úc, Pháp, Singapore, Na Uy, Ba Lan, Miến Điện, Campuchia, Lào, SNG.....

Digitized by Google



THỨC ĂN VIỆT NAM VÀ HƯƠNG VỊ NGON, ÊM DỄ UỐNG CỦA HALIDA SẼ MANG LẠI ĐIỀU KỲ DIỆU TRONG CUỘC SỐNG. MỘT BỮA ĂN NGON, HẤP DẪN NHƯNG THIẾU BIA HALIDA SẼ MẤT ĐI Ý NGHĨA THỰC CỦA NÓ.

NHÀ MÁY BIA ĐÔNG NAM Á

167 MINH KHAI - HÀ NỘI - TEL : 631131 - 631871. FAX : 631303

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí cộng sản



11.1994

UNIV. OF MICH.
DEC 05 1994
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

Công ty

Bia SAIGON

THƠM NGON
BỔ DƯỠNG

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 559595

6 HAI BÀ TRƯNG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 296342

BIA CHAI NT 45CL
BIA CHAI XK 45CL
BIA LON 333
BIA HƠI



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

11 - 1994 NĂM THỨ BỐN MƯƠI (467)

MỤC LỤC

VÕ VĂN KIỆT - Tin tưởng và quyết tâm, giữ vững độc lập tự chủ, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh 3

NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Không có chuyện chủ nghĩa Mác-Lê-nin sụp đổ hay lỗi thời 11

TRƯỜNG MẬU - Đi lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan 19

HÀ ĐẢNG - Nghị quyết về văn hóa văn nghệ của Đảng qua hai năm thực hiện 24

VŨ KHOAN - Việt nam và ASEAN 28

Nghiên cứu - Trao đổi

PHẠM VĂN CHÚC - Về thành tựu và cống hiến lịch sử của chủ nghĩa xã hội hiện thực 32

LÊ HỮU NGHĨA - Quan điểm của chủ nghĩa Mác về giai cấp và đấu tranh giai cấp 36

NGUYỄN DŨNG SINH - Đảng cầm quyền và phương pháp tiếp cận đối với hoạt động cầm quyền của các chính đảng 40

NGUYỄN TIẾN PHỒN - Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 42

Thực tiễn - Kinh nghiệm

PHAN TRUNG KIÊN - Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa 46

VƯƠNG VĂN BIỆN - Về đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã 50

Sinh hoạt tư tưởng

NGUYỄN TRUNG THỰC - Lại nói về những chuyện "hâm" 54

Thế giới : vấn đề, sự kiện

VŨ HIỂN và NGUYỄN KHANG - Những giá trị và bài học của Cách mạng Tháng Mười 55

LẠ CÔN - Ha-i-ti : Dân chủ viện trợ 59

Tìm hiểu khái niệm

Thị trường chứng khoán. Sở giao dịch chứng khoán 61

Tin hoạt động lý luận

Công trình nghiên cứu "*Về một số vấn đề lý luận văn nghệ cơ bản đang được tranh luận qua công cuộc đổi mới (1987-1992)*". 62

Hội thảo quốc tế về quyền con người 63

Tranh bìa 1 : *V.I. Lê-nin tại Đại hội II các xô viết toàn Nga.* Họa sĩ V. Xê-rốp

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội. Dây nói 2.52061 - 2.52062

Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch. Quận 3, TP Hồ Chí Minh. Dây nói : 225768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ВО ВАН КИЕТ - С уверенностью и решимостью отстоять независимость и суверенитет, приблизить цели - богатый народ, могущественная страна, социальная справедливость и цивилизованное общество. НДУЕН ДЫК БИНЬ - Крушение и устарелость марксизма-ленинизма - ничего подобного ! ЧЫОНГ МАУ - Движение к социализму обусловлено объективной необходимостью. ХА ДАНГ - Спустя два года выполнения Решения партии о работе в областях культуры, литературы и исскуства . ВУ КХОАН - Вьетнам и АСЕАН. ФАМ ВАН ТЬЮК - О достижениях и исторических заслугах реального социализма. ЛЕ ХЫУ НГИА - Марксистское учение о классах и классовой борьбе. НГУЕН ЗУНГ ШИНЬ - Правящая партия и способы познавания управляющей деятельности политических партий. НГУЕН ТИЕН ФОН - Реализация принципа демократического централизма в ходе индустриализации и модернизации страны. ВУ ХИЕН и НГУЕН КХАНГ - Ценности Октябрьской революции и извлечённые уроки. ЛА КОН - Гаити : демократия в качестве помощи.

CONTENTS

VÕ VĂN KIỆT - Having reliance and determination in keeping firm the independence and self-confidence, in implementing the policy of making people rich, country proper, society just and civilized. NGUYỄN ĐỨC BÌNH - There's no saying that Marxist-Leninism would collapse nò would it be out-of-date. TRƯỜNG MẬU - The way towards the socialism is an objective necessity. HÀ ĐĂNG - After 2 years of implementation of the Party's Resolution on Culture, Literature and Arts. VŨ KHOAN - Vietnam and ASEAN. PHẠM VĂN CHỨC - On the achivements and historical contributions of the realist socialism. LÊ HỮU NGHĨA - The Marxist point of view on the class and class struggle. NGUYỄN DŨNG SINH - The ruling party and the approaching method for the powering activities of political parties. NGUYỄN TIẾN PHỒN - Carrying out the principle of democratic centralism in the cause of industrialization and modernization of the country. VŨ HIỀN and NGUYÊN KHANG - Values of and lessons drawn from the October Revolution. LA CÔN - Haiti: a sort of foreign-supported democracy.

SOMMAIRE

VÕ VĂN KIỆT - Soyons résolus à maintenir l'indépendance, la souveraineté, à rendre la peuple riche, le pays prospère, la société juste et civilisée. NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Il n'est pas question que le marxisme-léninisme soit démoli ou démodé. TRƯỜNG MẬU - Marcher vers le socialisme est une nécessité objective. HÀ ĐĂNG - La résolution du Parti sur la culture, les lettré et les arts après deux ans d'application. VŨ KHOAN - Le Vietnam et l'ANASE. PHẠM VĂN CHỨC - Sur les acquis et les apports historiques du socialisme réaliste. LÊ HỮU NGHĨA - La conception du marxisme sur la classe et la lutte de classes. NGUYỄN DŨNG SINH - Le parti au pouvoir et les méthodes d'approche vis-à-vis les activités des partis politiques. NGUYỄN TIẾN PHỒN - Réaliser le principe du centralisme démocratique dans l'œuvre d'industrialisation et de modernisation dy pays. VŨ HIỀN et NGUYÊN KHANG - Les valeurs et leçons de la Révolution russe d'Octobre. LA CÔN - Haiti : Une démocratie secourue.

SUMARIO

VÕ VĂN KIỆT - Mantener con confianza y decisión la independencia y la soberanía por hacer el pueblo rico, el país próspero y la sociedad justa y civilizada. NGUYỄN ĐỨC BÌNH - ¡Que no exista ni el derrumbe ni la caducidad del Marxismo-Leninismo! TRƯƠNG MẬU - El avance al socialismo, una necesidad objetiva. HÀ ĐĂNG - Dos años de realización de la Resolución del Partido sobre la cultura y las artes. VŨ KHOAN - Vietnam y la ASEAN. PHẠM VĂN CHỨC - Sobre los logros y aportes históricos del socialismo realista. LÊ HỮU NGHĨA - El criterio del Marxismo sobre la clase y la lucha clasista. NGUYỄN DŨNG SINH - El Partido en poder y el método de acercamiento a las actividades de gobierno de los partidos políticos. NGUYỄN TIẾN PHỒN - Cumpir el principio del centralismo democrático en la obra de industrialización y modernización del país. VŨ HIỀN y NGUYÊN KHANG - Los valores y las lecciones de la Revolución de Octubre. LA CÔN - Haití: Democracia en la ayuda.

目錄：

武文杰一堅信和決心維護獨立主權，實現國強民富，社會公平、文明・阮德平一不存在馬克思一列寧主義崩潰或已過時之事・長茂一朝社會主義邁進在客觀上是必要的・ 何登一兩年來實現黨的有關文化、藝術的決議・武寬一越南與東盟・范文祝一社會主義現實對歷史的貢獻及其成就・黎友義一馬克思一列寧主義關於階級和階級鬥爭的觀點・阮勇生一執政黨和關於各政黨的執政活動的接近方法・阮進繁一在國家工業化、現代化事業中實現民主集中制・武賢和阮泰一十月革命的價值和教訓・羅昆一海地：民主援助

Digitized by Google

TIN TƯỞNG VÀ QUYẾT TÂM
GIỮ VỮNG ĐỘC LẬP TỰ CHỦ, THỰC HIỆN DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH, XÃ HỘI CÔNG BẰNG, VĂN MINH

VÕ VĂN KIỆT
Ủy viên BCT, Thủ tướng Chính phủ

***Lời BBT** : Ngày 20-10-1994, tại kỳ họp thứ 6 của Quốc hội khóa IX, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã trình bày bản báo cáo quan trọng của Chính phủ. Báo cáo có 2 phần : Phần I đánh giá tình hình năm 1994, và phần II nêu ra một số vấn đề lớn của năm 1995.*

***Tạp chí Cộng sản** xin trân trọng giới thiệu phần II của bản báo cáo này. Đầu đề do chúng tôi đặt.*

TRONG mấy năm qua nhân dân ta đã nỗ lực giành được nhiều thành tựu quan trọng, tăng cường thêm một bước tiềm lực kinh tế của đất nước, củng cố sự ổn định về chính trị, nâng cao vị trí nước ta trong quan hệ quốc tế. Những tiến bộ mới của đất nước ngày càng cổ vũ kiều bào ở nước ngoài hướng về Tổ quốc và cùng chung sức xây dựng đất nước, khuyến khích bè bạn và các đối tượng hợp tác của nước ta phát triển những mối quan hệ mới. Những thành tựu này khẳng định sự nghiệp đổi mới đang tiến triển đúng hướng, tăng cường động lực phát triển của nước ta, làm rõ thêm hướng và khả năng đi lên của đất nước, tạo thêm thuận lợi cho việc tranh thủ cơ hội đưa nước ta vào một thời kỳ phát triển nhanh và bền vững hơn.

Trước khi trình bày một số vấn đề lớn của năm 1995, tôi xin nhấn mạnh **tình hình phát triển của đất nước đòi hỏi phải đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới.**

Những thành tựu giành được trong những năm từ khi Đảng ta lãnh đạo nhân dân ta tiến hành sự nghiệp đổi mới cho đến nay đang đặt ra cho toàn bộ đời sống kinh tế xã hội nước ta nhiều vấn đề mới.

Nông nghiệp không thể dừng lại ở chỗ xác lập quyền sử dụng ruộng đất của nông dân. Yêu cầu bức xúc của nông dân ngày nay là áp dụng kỹ thuật mới trong phương thức làm ăn của mình. Đó không thể là những phương thức cũ, nhưng chắc chắn cũng không thể là phương thức mạnh ai nấy lo hoặc lại để diễn ra quá trình tích tụ ruộng đất thông qua thôn tính lẫn nhau. Lại cũng không thể phát triển và hiện đại hóa trên cơ sở 10 lao động nông nghiệp làm ăn trên 1 ha ruộng, mỗi năm người nông dân có bình quân vài tháng nông nhàn... Từ vài năm nay nhiều vùng nông thôn ngày càng đòi hỏi phát triển kinh tế vườn, cây công nghiệp, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ... Như vậy xây dựng những mô hình hợp tác gì là phù hợp, làm gì để đưa thêm nhiều

Digitized by Google

ngành nghề mới này về nông thôn, làm thế nào để có thể cung cấp thêm đầu vào, bao gồm cả vốn, công nghệ và những dịch vụ cần thiết khác cho quá trình này, sản phẩm mới của nông dân và của lao động trong nông thôn làm ra bán đi đâu? ... Thật khó hình dung hết sức ép gay gắt của những vấn đề mới này.

Công nghiệp nước ta trong những năm đổi mới và trong cơ chế thị trường đang buộc phải sắp xếp và cơ cấu lại. Hội nghị Trung ương 7 đã đề ra một số nhiệm vụ công nghiệp đến năm 2000 và đã đề cập yêu cầu nghiên cứu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với nội dung hướng vào xuất khẩu. Ngày nay xem xét từ bất kỳ góc độ nào, đẩy mạnh công nghiệp hóa đồng nghĩa với yêu cầu phải tham gia ngày càng sâu rộng vào phân công lao động quốc tế, cũng có nghĩa là phải chấp nhận và xử lý được sự cạnh tranh và sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng trên thị trường thế giới.

Lịch sử phát triển công nghiệp của nước ta trong bốn thập kỷ vừa qua với nhiều kinh nghiệm sâu sắc có thể giúp chúng ta hình dung được nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa sắp tới của đất nước khó khăn phức tạp như thế nào - đặc biệt là trong một môi trường thế giới ngày nay cách mạng khoa học và công nghệ mang lại những khả năng và thách thức không lường hết được, thị trường thế giới ngày càng toàn cầu hóa đang thúc đẩy hợp tác kinh tế đồng thời tạo ra cạnh tranh gay gắt hơn giữa các quốc gia.

Nhìn rộng ra những lĩnh vực khác của cả nước, những yêu cầu của phát triển càng vô cùng bức xúc. So với cách đây 5 năm, tổng sản phẩm trong nước chúng ta làm ra tăng hơn gấp rưỡi, lưu lượng hàng hóa xuất khẩu tăng hơn ba lần, nhập khẩu tăng hơn hai lần... Cũng so với cách đây 5 năm sức mua của dân tăng lên gấp hai lần, nhu cầu của nền kinh tế về nguyên liệu, năng lượng, giao thông vận tải, dịch vụ... đều tăng khá. Trong những năm tới, theo dự tính kế hoạch, những chỉ số này còn phải cao hơn nữa. Ví dụ năm 2000 kim ngạch xuất khẩu phải tăng khoảng 2 - 2,5 lần, nhiều sản phẩm công nghiệp như xi-măng, thép xây dựng... phải tăng gấp 2 - 3 lần, phải chế biến thêm được nhiều mặt hàng lương thực, thực phẩm mới - nhất là dành cho xuất khẩu, v.v.. Sắp tới, đòi hỏi của đất nước về thị trường, vốn, công nghệ, công ăn việc làm cũng như về phát triển giáo dục, y tế và các phúc lợi xã hội khác ngày càng lớn.

Ngày nay nước ta đã mở ra quan hệ làm ăn buôn bán với trên 100 nước trên thế giới, bản thân nền kinh tế nước ta phải hướng mạnh vào xuất khẩu, do đó chúng ta phải chấp nhận cạnh tranh trực tiếp với nền kinh tế của 2 tỷ người trong khu vực châu Á. An ninh quốc phòng trong tình hình mới đòi hỏi phải đủ vững mạnh. Trong vòng 5 năm tới yêu cầu phát triển của nền kinh tế nước ta mỗi năm cần thu hút được 3 đến 5 tỷ USD các nguồn lực từ bên ngoài và nhiều hơn nữa trong những năm sau đó. Điều này cũng có nghĩa phải ra sức huy động những khoản vốn đối ứng rất lớn từ những nguồn lực trong nước, phải làm tốt hơn nữa việc cân đối mối quan hệ tiền - hàng...

Tình hình năm 1994 cũng cho thấy chúng ta phải tiếp tục nỗ lực hoàn thiện và phát triển những mối quan hệ sản xuất mới đang hình thành, nhằm tạo ra được những liên kết mới giữa các thành phần kinh tế, giữa công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, cho phép phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước. Đó là điều kiện không thể thiếu được để phát triển nhanh, tăng sức cạnh tranh với thế giới bên ngoài. Mặc dầu công tác kế hoạch hóa gia đình đã và đang được tiếp tục đẩy mạnh, nhưng tỷ lệ tăng dân số nước ta vẫn ở mức cao trong vòng 10 năm tới, trong khi đó đất đai nông nghiệp sẽ giảm đi rất nhiều cả về diện tích chung và diện tích tính theo đầu người - vì dân số tăng, vì quá trình phát triển cơ sở hạ tầng và đô thị hóa...

Có thể khẳng định đất nước ta đang đứng trước cơ hội phấn đấu sớm thoát khỏi số phận nghèo nàn lạc hậu, trở thành một nước văn minh, hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng đồng thời cũng phải nói rằng sự tụt hậu của chúng ta hiện nay có khả năng hội tụ mọi nguy cơ khác và là thách thức gay gắt nhất đối với đất nước của chúng ta, ngay trong thời bình, giữa lúc nhân dân ta đã hoàn thành sự nghiệp giải phóng và thống nhất đất nước, và trong một thế giới đã hoàn toàn thay

Digitized by Google

đổi. Lịch sử thế giới trước đây và trong những năm vừa qua đã chứng kiến : Sự tồn vong của một quốc gia, dù là nước nhỏ hay là một cường quốc, trước hết phụ thuộc vào khả năng của nó vượt lên trên được hay chịu thua thiệt trước những biến động của thế giới ! Dân tộc ta ngày nay phải có câu trả lời !

Giả sử chúng ta đạt được chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước tính theo đầu người vào năm 2000 là 450 USD, khoảng cách phát triển lúc đó giữa nước ta với hầu hết các nước trong khu vực vẫn rộng thêm. Vì vậy tìm ra con đường và gấp rút chuẩn bị cho sự phát triển cao hơn và bền vững, và để từ những năm sau năm 2000 chúng ta có thể thu hẹp dần khoảng cách phát triển là vấn đề sống còn, đồng thời có như vậy mới tăng thêm thế và lực cho an ninh và quốc phòng của nước ta. Thỏa mãn với thành tựu, bi quan trước những khó khăn, hoặc phân vân không dám có những bước đi quyết đoán trước những thách thức, cả ba thái độ xử sự này đều không thể đưa đất nước ta đi lên.

Trình bày những điều vừa nói trên, tôi muốn nhấn mạnh dứt khoát chỉ có kiên trì đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới tiến lên phía trước, chúng ta mới có thể tìm ra con đường thực hiện những yêu cầu phát triển rất thúc bách của đất nước. Tình hình đòi hỏi toàn thể dân tộc ta hơn lúc nào hết phải nỗ lực và quyết tâm cao nhất, tất cả nhằm giữ vững độc lập tự chủ, thực hiện dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Từ cách nhìn như vậy, năm 1995 mang ý nghĩa quyết định cho việc phấn đấu vượt cao những mục tiêu đã đề ra cho kế hoạch 5 năm 1991 - 1995, và là năm bản lề cho nhiệm vụ giành lấy sự phát triển xa hơn nữa của đất nước trong những năm còn lại của thế kỷ này. Đấy là quyết tâm chiến lược của toàn Đảng và toàn dân ta.

Trong toàn bộ công việc của năm 1995, tôi xin thay mặt Chính phủ trình bày trước Quốc hội những vấn đề lớn sau đây.

1- Khẩn trương cải cách hệ thống tài chính tiền tệ

Đây là vấn đề bức bách cần thực hiện, nhằm tạo ra những công cụ chủ yếu của kinh tế thị trường, bảo đảm sự quản lý vĩ mô nền kinh tế.

Điều cần chú ý là các nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 1995 rất nặng nề : phần chi phải gánh thêm một số công việc của năm 1994, phải đảm đương việc từng bước khắc phục những hậu quả của thiên tai lớn trong năm 1994, sự thúc bách của tăng chi đầu tư phát triển, nghĩa vụ trả nợ nước ngoài từ năm 1995 ngày càng lớn hơn. Tình hình đòi hỏi các ngành các cấp bảo đảm thu đủ, thu đúng theo chính sách, chống thất thu, coi đây là nhiệm vụ hàng đầu của mình, thực hiện nghiêm ngặt các chỉ tiêu chi, hết sức quán triệt ý thức tiết kiệm, cố gắng tập trung cho đầu tư phát triển. Tất cả các ngành các cấp cần thông suốt tinh thần này và không chi dàn đều, không bố trí ngân sách chi vào những vấn đề chưa phải cấp thiết nhất. Cả nước phải tuân thủ nguyên tắc chỉ bố trí nguồn chi khi đã được cân đối chắc chắn, đồng thời có trách nhiệm cùng nhau góp phần vào việc giữ bội chi ở mức Quốc hội đã cho phép.

Thực tế hiện nay là nhu cầu chi đang tăng lên trong quá trình phát triển và do đó mang yếu tố kích thích lạm phát. Nhưng kinh nghiệm của bản thân chúng ta trong những năm vừa qua là nhờ kiên quyết kiềm chế lạm phát nên từng bước đã ổn định nền kinh tế và tạo ra sức phát triển mới như ngày nay. Năm 1995 chúng ta càng phải kiên trì nguyên tắc này, và đây là một trong những yếu tố chính để có thể tăng thêm sự bền vững của tăng trưởng kinh tế.

Về vấn đề vốn, báo cáo của Chính phủ về kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 1995 đã nêu rõ những nguồn vốn có thể huy động được cho năm 1995. Các nguồn thu ngân sách năm 1995 đã được cân nhắc kỹ và đã được trình Quốc hội. Song tình hình đòi hỏi phải có nhiều cố gắng rất lớn, trước hết là nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và thẩm định, tăng cường sự điều phối và quản lý chặt chẽ mọi nguồn vốn trong nền tài chính quốc gia.

Ngạn ngữ ta có câu "trông giỏ, bỏ thóc". Người có vốn - dù là trong nước hay nước ngoài - nếu họ biết chắc rằng đồng vốn của họ bỏ ra được bảo hộ và sẽ sinh lời, chắc chắn

Digitized by Google

chúng ta sẽ huy động được vốn. Điều quyết định ở đây là chúng ta phải thay đổi phương thức huy động, ban hành những chính sách khuyến khích, phát triển các dịch vụ thuận lợi trong lĩnh vực tài chính tiền tệ, cải tiến những thủ tục thẩm định, xét duyệt... để có thể làm tốt việc huy động vốn.

Về huy động vốn trong dân, cái gốc của vấn đề là các dự án đầu tư phải có tính khả thi, có khả năng tạo ra lãi suất hấp dẫn. Đặc biệt cần đẩy mạnh nghiên cứu cổ phần hóa có định hướng những xí nghiệp làm ăn có lãi, để những xí nghiệp này phát triển nhanh hơn, đồng thời tạo điều kiện thúc đẩy quá trình tích tụ, tập trung vốn cho những mục tiêu lớn hơn. Đây cũng là con đường hình thành những xí nghiệp mạnh hoặc những tập đoàn kinh tế lớn, đồng thời thúc đẩy sự phát triển năng động của kinh tế quốc doanh.

Chúng ta cần đẩy mạnh việc phát triển thị trường vốn bằng nhiều hình thức. Trên cơ sở cân nhắc thấu đáo các mặt, cần phải đẩy mạnh hơn nữa sự hợp tác với bên ngoài - trước hết là các tổ chức tài chính và ngân hàng nước ngoài - để phát triển nhanh thị trường vốn ở nước ta.

Những chính sách nói trên chỉ có thể thành công trong quá trình đổi mới triệt để nền tài chính quốc gia - bao gồm cả hệ thống ngân sách quốc gia, chính sách thuế, các chế độ kế toán, kiểm toán, các dịch vụ ngân hàng..., ban hành những chính sách kinh tế tài chính mới phù hợp có liên quan. Năm 1995 phải tạo ra sự chuyển biến lớn trong lĩnh vực này để xử lý vấn đề vốn nói riêng và để nâng cao hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế nói chung. *Quan điểm bao trùm về vấn đề sử dụng vốn trong thời gian trước mắt là ưu tiên cho những công trình đem lại lợi nhuận cao và thu hồi vốn nhanh, đóng góp tích cực vào quá trình tích luỹ trong nước.*

Đặc biệt nhằm đáp ứng những đòi hỏi của phát triển kết cấu hạ tầng, những đòi hỏi đầu tư theo chiều sâu cho những cơ sở kinh tế hiện có, chúng ta cần vận dụng nhiều hình thức mới khác trong việc huy động vốn đầu tư gián tiếp hoặc trực tiếp của nước ngoài để mở mang những công trình kinh tế mới đáp ứng những đòi hỏi của phát triển kết cấu hạ tầng, những đòi hỏi đầu tư theo chiều sâu cho những cơ sở kinh tế hiện có.

2- Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển

Về thực chất đây là một trong những khâu quyết định của chiến lược phát triển kinh tế. Chúng ta đã làm được một số việc quy hoạch vùng và trong phạm vi cả nước trong khuôn khổ một quy hoạch tổng thể cho hiện tại và cho một vài thập kỷ tới. Tuy nhiên công tác khảo sát điều tra nghiên cứu còn rất hạn chế, quan điểm chiến lược phát triển kinh tế - bao gồm cả chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa - còn đang trong quá trình hình thành, có nhiều vấn đề phải sau Đại hội VIII mới rõ, có nhiều vấn đề phát triển của nền kinh tế còn tùy thuộc vào sự thành công sắp tới của chúng ta trong việc tạo ra động lực phát triển trong nước và thu hút hợp tác quốc tế. Chất lượng công tác quy hoạch ở tầm vĩ mô còn rất có giới hạn, quy hoạch ngành và vùng mới làm được ở mức độ nhất định, luận chứng khả thi của từng công trình chất lượng còn kém, thứ tự ưu tiên của các công trình chưa có sức thuyết phục cao. Quỹ đất đai của chúng ta rất hạn hẹp, sự phân bố dân cư không đều, tài nguyên thiên nhiên của nước ta tuy đa dạng nhưng có hạn, nên càng đòi hỏi phải được tính toán, quy hoạch rất nghiêm ngặt.

Trong năm 1995 phải tăng cường hơn nữa công tác quy hoạch, đồng thời cần tiếp tục ban hành những chính sách ưu đãi kích thích đầu tư phát triển tạo ra những công trình kinh tế và những ngành công nghiệp mũi nhọn cho nền kinh tế quốc dân. Điều này sẽ giúp chúng ta có thêm nhiều thuận lợi trong việc phân bố đúng đắn và huy động có hiệu quả mọi nguồn lực trong và ngoài nước, tránh được những lãng phí nghiêm trọng, tránh trùng lặp và ách tắc, giảm bớt nguy cơ làm ăn không trả được nợ, nâng cao hiệu quả kinh tế và tạo ra được những tiền đề cho việc phát triển nhanh.

3- Phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế

Để đạt được nhịp độ tăng trưởng cao hơn của nền kinh tế quốc dân, chúng ta cần kiên trì và thực hiện tốt hơn nữa chính sách kinh tế nhiều thành phần, làm cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trở thành sự nghiệp

Digitized by Google

của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, của mỗi người Việt nam ở trong nước và ngoài nước, làm cho mọi người vì lợi ích và tương lai của bản thân mình, con cháu mình mà tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước giàu mạnh.

Chúng ta cần phát huy tốt hơn và nâng cao hơn nữa hiệu quả khu vực kinh tế Nhà nước, trước đây cũng như trong tương lai, đóng vai trò quan trọng bảo đảm những vị trí then chốt của nền kinh tế quốc dân. Muốn vậy, chúng ta cần tập trung sức kiện toàn những ngành và lĩnh vực then chốt nhất, hình thành những tổ chức kinh tế có khả năng tích tụ và tập trung, đáp ứng kịp thời và có hiệu quả các yêu cầu của nền kinh tế và của thị trường trong nước và nước ngoài. Các tổ chức đó có cơ chế hoạt động tự chủ, bằng cách đó chúng ta có điều kiện từng bước chuyển các bộ và cơ quan (chủ quản) thành các cơ quan quản lý Nhà nước, giảm bớt số các cục, vụ, đồng thời tăng cường thích đáng vai trò của các cơ quan quản lý Nhà nước, kết hợp được cải cách kinh tế với cải cách hành chính.

Về quy hoạch tổng thể, chúng ta phải xác định rõ những ngành nào cần duy trì và phát triển doanh nghiệp Nhà nước, những ngành nào, lĩnh vực nào doanh nghiệp Nhà nước sẽ được cổ phần hóa bằng các bước đi và hình thức thích hợp, những ngành nào, lĩnh vực nào không cần duy trì, để tập trung các nguồn lực vào những lĩnh vực quan trọng nhất.

Chúng ta phải tạo điều kiện, đồng thời đòi hỏi doanh nghiệp Nhà nước đạt hiệu quả cao hơn, tương xứng với tiền vốn và dầu tư đã bỏ ra, đóng góp lợi nhuận tạo ra được vào ngân sách Nhà nước, đóng vai trò tích cực vào việc xây dựng những ngành công nghiệp mới, đưa công nghiệp tiên tiến vào nền kinh tế quốc dân.

Theo phương hướng như vậy, chúng ta sẽ thực hiện nhất quán việc phát huy và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư và phát triển kinh doanh như luật khuyến khích đầu tư trong nước đã bảo đảm.

Chúng ta cần khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển theo định hướng có lợi cho quốc kế dân sinh, mở rộng phạm vi hoạt động phù hợp với điều kiện của Việt nam và hoàn cảnh quốc tế ngày nay.

Kinh tế sản xuất nhỏ đang phát triển rất năng động, sáng tạo, chúng ta cần dành cho sự hỗ trợ trên mọi phương diện công nghệ, vốn, tiếp thị và những ưu đãi khác có thể được.

Trong khi quá trình tích tụ vốn ở nước ta còn ở giai đoạn thấp, xây dựng và phát triển các mối quan hệ liên kết liên doanh dưới mọi hình thức linh hoạt và có hiệu quả giữa các thành phần kinh tế, đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác xã, chẳng những là con đường tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn bộ nền kinh tế nước ta nói chung, giảm bớt được yếu tố tự phát trong cơ chế kinh tế mở, đồng thời còn là một bảo đảm quan trọng cho phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

4 - Tranh thủ những thuận lợi mới phát triển kinh tế đối ngoại

Đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta đang mang lại những yếu tố quan trọng cho việc mở rộng hơn nữa quan hệ kinh tế đối ngoại trên mọi lĩnh vực.

Năm 1995 chúng ta cần tập trung đẩy mạnh xuất khẩu, tăng tốc độ thực hiện những công trình đầu tư đã ký kết với bên ngoài, đưa nhanh vào sử dụng những nguồn tài trợ phát triển đã thỏa thuận được, mở rộng tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực, đẩy mạnh công tác tiếp thị để khai phá thị trường mới và tranh thủ thêm đối tượng hợp tác mới.

Về ngoại thương : Nền kinh tế nước ta hiện nay đòi hỏi gay gắt phải đổi mới ngoại thương, với mục tiêu khai thác tối đa mọi tiềm năng xuất khẩu của đất nước, đồng thời quản lý chặt chẽ và có hiệu quả nhập khẩu để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực trong nước hoặc vốn huy động từ bên ngoài, phải cố gắng giảm nhập siêu.

Cần thay đổi công tác điều hành thương mại theo phương thức quản lý kinh tế vĩ mô trong cơ chế thị trường và chủ yếu bằng các biện pháp kinh tế. Nhưng đồng thời Bộ Thương mại cũng phải tìm ra được những chính sách và biện pháp hình thành những đơn vị kinh doanh lớn trong lĩnh vực ngoại thương, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh giữa các đơn vị

Digitized by Google

kinh tế trong nước thuộc mọi thành phần - nhưng không làm suy yếu thế của ta trong làm ăn với bên ngoài.

Chúng ta cần phấn đấu giảm xuống mức thấp nhất buôn bán qua trung gian, đồng thời chấn chỉnh lại hải quan, không thể chấp nhận duy trì tình trạng xuất khẩu manh mún và hàng nhập lậu như hiện nay.

Đặc biệt Bộ Thương mại cần làm tốt hơn nữa công tác tiếp thị, dự báo những diễn biến của thị trường trong nước và trên thế giới, hỗ trợ đắc lực cho công việc kinh doanh của các đơn vị kinh tế. Cần tăng cường vai trò các tổ chức nghiệp đoàn của giới kinh doanh, nhằm đẩy nhanh sự trưởng thành của giới kinh doanh nước ta và có thêm thuận lợi mở rộng giao dịch với bên ngoài. Cần khuyến khích những dịch vụ phục vụ ngoại thương - như kiểm tra giá cả, chất lượng, tìm thị trường, tín dụng, pháp lý...

Về thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài : Nước ta là thị trường đang có sức thu hút đối với nguồn vốn này. Nhưng lợi thế này chỉ có thể phát huy được nếu chúng ta có hướng chiến lược phát triển đúng và loại bỏ được những thủ tục phiền hà, tiêu cực cũng như cách làm việc quá nhiều "cửa" như hiện nay.

Điều cần lưu ý trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài là phải xử lý hài hòa những yêu cầu khác nhau trong quá trình phát triển hiện nay của nền kinh tế nước ta như đẩy mạnh xuất khẩu, tạo thêm công ăn việc làm, tranh thủ chuyển giao kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu sản xuất thay thế nhập khẩu. Từ thực tiễn và những kinh nghiệm trong những năm vừa qua trên lĩnh vực này, Chính phủ đã và đang sửa đổi các quy định có liên quan đến các vấn đề như thẩm định dự án, thủ tục cấp đất, giá thuế đất, cấp giấy phép xây dựng..., thực hiện nguyên tắc một cửa, hướng việc thu hút đầu tư nước ngoài phù hợp hơn nữa với chiến lược phát triển của nước ta, khắc phục tình trạng hiện nay là đầu tư nước ngoài chưa phục vụ tốt yêu cầu hình thành những ngành công nghiệp có lợi thế của nước ta trong tương lai. Chúng ta cũng cần khuyến khích các thành phần kinh tế tích cực tham gia vào quá trình thu hút đầu tư nước ngoài trong khuôn khổ quy hoạch và chính sách phát triển kinh tế của Chính phủ.

Về thu hút những nguồn vốn tài trợ phát triển : Do triển vọng nền kinh tế Việt nam và chính sách đối ngoại đúng đắn của nước ta, chúng ta có khả năng mở rộng thu hút nguồn vốn này, tuy nhiên phải tích cực giải quyết những thủ tục chưa thích hợp để việc huy động đạt hiệu quả cao.

Trước hết, cần tích cực làm tốt việc vận động để giành được số lượng vốn lớn hơn và phù hợp với yêu cầu của ta nhiều hơn, bởi vì nước cung cấp tài trợ phát triển cũng có yêu cầu riêng của họ. Đồng thời chúng ta cần làm tốt hơn nữa những việc ở các khâu quy hoạch và luận chứng khả thi, chuẩn bị tốt vốn đối ứng cũng như việc cung cấp những yếu tố sản xuất khác phía trong nước (đất đai, nhân lực, nguyên vật liệu, thiết bị trong nước chế tạo được...).

Chính phủ đã ban hành quy chế vận động và sử dụng nguồn vốn tài trợ phát triển, các ngành các địa phương cần thực hiện nghiêm túc, tránh những trở ngại, chậm trễ không đáng có như trong năm 1994. Có làm được như vậy mới tăng nhanh khối lượng vốn đưa vào sử dụng và tạo thêm thuận lợi cho việc vận động nguồn tài trợ này cho những năm sau.

5- Tiến hành cải cách hệ thống giáo dục, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng con người

Trước hết chúng ta cần đẩy mạnh cải tiến và nâng cao nội dung giáo dục ở tất cả các bậc, với mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực rất quý báu của nước ta.

Những việc có thể xúc tiến ngay là điều chỉnh mục tiêu giáo dục tiểu học cho phù hợp với yêu cầu đào tạo và sử dụng sau này, nghiên cứu mở rộng việc phân ban ở phổ thông trung học, nâng cao chất lượng các trường dân tộc miền núi, sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học và đổi mới nội dung giảng dạy, đồng thời dành nhiều công sức bồi dưỡng, bổ túc, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ viên chức. Công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ cần bám sát hơn nữa những yêu cầu phát triển mới của đất nước, từng bước đưa việc dạy ngoại ngữ vào chương trình giáo dục ngay từ bậc phổ thông, khuyến khích cán bộ viên chức học ngoại ngữ. Việc đào tạo cán bộ ở

Digitized by Google

nước ngoài cần được quy hoạch và khẩn trương tổ chức thực hiện.

Năm 1995 cần phấn đấu xóa các "xã tráng" về cơ sở y tế, phát triển đội ngũ y tế lưu động chăm lo sức khỏe cho dân ở những vùng cao, hẻo lánh, hải đảo, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của các bệnh viện, trạm xá. Đặc biệt từ năm 1995, vận động toàn dân ăn muối i-ốt để phòng ngừa và khắc phục bệnh bướu cổ, bệnh dần độn, tiếp tục đẩy mạnh chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, phòng chống các bệnh dịch khác. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình cần tiếp tục thực hiện những nội dung đã được xác định cho thời kỳ 1993 - 1995, phủ kín mạng lưới làm công tác này ở 1/3 số xã, phường còn lại, đặc biệt chú trọng tổng kết và nhân rộng các mô hình.

Chúng ta cần đặc biệt quan tâm gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa và bản sắc dân tộc. Trong quá trình mở rộng giao lưu hợp tác với bên ngoài, đòi hỏi này càng trở nên quan trọng. Bởi vì đây là một trong những yếu tố quyết định tăng cường sức mạnh của cộng đồng dân tộc ta, một đòi hỏi không thể thiếu được trong hội nhập và đua tranh với thế giới bên ngoài.

Nhìn chung, Chính phủ đã cố gắng bố trí ngân sách cho những lĩnh vực này có mức tăng cao hơn tốc độ tăng ngân sách. Nhưng điều không kém phần quan trọng là phải đẩy mạnh việc huy động sự tham gia đóng góp của nhân dân, cải tiến hơn nữa hệ thống các trường dân lập, các quỹ bảo hiểm, đa dạng hóa các biện pháp thực hiện theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm.

6- Cải cách nền hành chính quốc gia gắn với đổi mới kinh tế

Quá trình đổi mới và sự phát triển của nền kinh tế đã đi tới thời điểm buộc phải cải cách rất cơ bản hệ thống và cơ chế hành chính hiện hành. Sự yếu kém của thể chế hành chính hiện nay chẳng những bất cập so với chức năng nhiệm vụ của nó, mà còn có nguy cơ trở thành yếu tố kìm hãm sự phát triển của đất nước.

Yêu cầu trung tâm của cải cách hành chính là nâng cao năng lực quản lý và điều hành đất nước, làm cho các cơ quan chức năng nhà nước và cán bộ viên chức trong biên chế đáp ứng được đòi hỏi của nhiệm vụ trong tình hình mới. Chúng ta nhận thức sâu sắc rằng cải cách hành chính liên quan mật thiết đến cấu trúc kinh tế, chính trị, xã hội hiện nay và phong tục tập quán của đất nước và là một trong những khâu then chốt bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng và luật pháp của Nhà nước trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội. Không thể hình dung được rằng mọi chủ trương đường lối đúng đắn của Đảng có thể thực hiện tốt thông qua một bộ máy điều hành đất nước yếu kém.

Nhiệm vụ cải cách hành chính phải tiến hành ngay từ đầu năm 1995, gắn chặt với việc đổi mới kinh tế, đạt được một bước tiến thiết thực trong việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của nền hành chính quốc gia bằng những biện pháp như sau :

Về quan hệ giữa nền hành chính với nhân dân, phải tiếp tục xúc tiến việc đổi mới thủ tục hành chính, kiên quyết bỏ mọi thủ tục rườm rà, chỉ đạo sát sao và từng bước thông báo kết quả với nhân dân để nhân dân nắm được và giám sát. Phải xây dựng được cơ chế thực hiện quyền tham gia thực sự của dân vào công việc của Nhà nước, thực hiện việc công bố công khai các thủ tục hành chính, mở rộng thông tin công việc của Nhà nước đến dân. Đặc biệt là cần thiết lập cơ quan tài phán hành chính, đó là một thiết chế dân chủ, chống quan liêu, cửa quyền, chống sự lộng hành và vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Về quan hệ giữa các ngành các cấp của nền hành chính quốc gia, cần phải có những đổi mới thiết thực về cơ chế, tổ chức và con người, để làm cho bộ máy hành chính trong sạch, tinh gọn và năng động, chặn đứng và từng bước khắc phục tình trạng phân tán, thiếu kỷ luật, thiếu trách nhiệm, đồng thời khắc phục tình trạng tập trung quan liêu.

Trong bộ máy Nhà nước cũng như toàn xã hội, năm 1995 phải đánh dấu một bước tiến bộ rõ rệt về trật tự, kỷ cương, tuân thủ pháp luật. Đội ngũ viên chức Nhà nước cần được gấp rút đào tạo lại và đào tạo mới, nhằm thực hiện chế độ công vụ và quy chế công chức mà Chính phủ sẽ phải ban hành và thực hiện. Về mặt kinh tế, mục tiêu cao nhất của cải cách hành chính là tạo môi trường cho mọi

Digitized by Google

hoạt động, mọi nguồn lực của xã hội phải sinh lời, không được để vốn chết, mọi nguồn lãi thu được phải dành phần thỏa đáng thực hiện các nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách và phúc lợi xã hội, động viên khuyến khích từng thành viên kinh tế trong xã hội yên tâm tìm hướng làm ăn lâu dài, không áp đạt sự hạn chế nào cho làm giàu nhưng đòi hỏi phải trong khuôn khổ luật pháp. Như vậy cải cách hành chính còn là công cụ quan trọng thực hiện dân chủ trong kinh tế, làm rõ thêm con đường thực hiện dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Trong năm 1995, cùng với việc đẩy mạnh cải cách hành chính, chúng ta cần thực hiện mọi biện pháp ra sức vận động tiết kiệm, xây dựng chế độ quản lý ngân sách và tài sản Nhà nước, đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh chống tham nhũng và buôn lậu, bằng biện pháp cơ bản là thực hiện những chính sách, cơ chế vừa mở đường cho sản xuất, vừa ngăn cản buôn lậu và tham nhũng, đồng thời phải nghiêm minh xét xử và nghiêm trị những người phạm tội.

Trong diện rộng lớn của các mặt hoạt động kinh tế, xã hội năm 1995, sáu vấn đề tôi vừa trình bày trên đây là những khâu rất quan trọng, thể hiện quan hệ tác động qua lại chặt chẽ giữa đổi mới kinh tế với cải cách hành chính. Việc đẩy mạnh bằng những biện pháp thiết thực sáu loại công việc ấy có tác dụng thúc đẩy toàn bộ tiến trình đổi mới và phát triển của đất nước, mang lại những thành quả cụ thể trong năm 1995 và tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ trong những năm sau.

Tư chất con người Việt nam và ý thức đại đoàn kết hòa hợp dân tộc là những yếu tố quyết định nhất tạo nên chủ nghĩa yêu nước Việt nam, là nguồn gốc khả năng sáng tạo và sức mạnh tinh thần của dân tộc ta từ thời dựng nước cho đến nay. Trong sự nghiệp đổi mới, tinh thần tự lập tự cường, lòng tự trọng dân tộc, nghị lực phấn đấu và khả năng sáng tạo của con người Việt nam đang thay đổi bộ mặt kinh tế xã hội của đất nước và mở ra tiền đồ phát triển đầy hy vọng.

Trước đây toàn thể dân tộc ta, không phân biệt thành phần xã hội, chính kiến và tôn giáo, đã cùng nhau chung lưng đấu cật xóa nỗi nhục mất nước. Ngày nay toàn thể dân tộc ta càng phải đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, cùng nhau phấn đấu ra khỏi tình trạng của nước nghèo, kém phát triển ! Hơn lúc nào hết, mỗi người Việt nam, dù ở trong nước hay định cư ở nước ngoài, cần nâng cao trách nhiệm và nghĩa vụ thiêng liêng của mình đối với vận mệnh của đất nước, tất cả cùng nhau góp công góp của vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội nước ta.

Làm được như vậy, chính là Đảng ta và nhân dân ta thừa hưởng tư tưởng vĩ đại của Bác Hồ "Đoàn kết, đại đoàn kết ! Thành công, đại thành công !". Đó là truyền thống, giá trị tinh thần và phẩm chất quý báu của dân tộc Việt nam ta.

Chính phủ hoan nghênh mọi sáng kiến góp vào các chính sách xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tôn trọng các ý kiến khác nhau, vì đó là biểu hiện của một xã hội phát triển, là điều đáng mừng. Đã vì đoàn kết và hòa hợp dân tộc, nhất thiết phải lắng nghe ý kiến của nhau, để tiếp cận lẽ phải. Hãy lấy mục tiêu chung là sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh làm điểm tương đồng, chấp nhận những điểm khác nhau, miễn là những điểm khác nhau ấy không trái với lợi ích chung.

Thực tiễn năm 1994 càng khẳng định chúng ta chỉ có thể thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới bằng nêu cao đại đoàn kết, hòa hợp dân tộc trên cơ sở phát huy nền dân chủ của dân, do dân, vì dân, xây dựng hệ thống luật pháp của Nhà nước pháp quyền, kết hợp hài hòa giữa phát triển đất nước và xây dựng xã hội công bằng, văn minh, giữa phát triển và phúc lợi xã hội, giữa phát triển và xóa đói giảm nghèo, giữa bảo đảm lợi ích chính đáng và nghĩa vụ của người công dân.

Đó là những yếu tố cần ra sức phát huy, bảo đảm cho nước ta nắm bắt được thời cơ đang đến cho sự nghiệp xây dựng đất nước, hội nhập được vào sự phát triển của thế giới, đồng thời giữ gìn được bản sắc dân tộc, tiến lên nhanh hơn, vững chắc hơn.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc Việt nam ta tin tưởng và hăng hái tiến vào thời kỳ phát triển mới của đất nước.

Digitized by Google

KHÔNG CÓ CHUYỆN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN SỤP ĐỔ HAY LỖI THỜI

NGUYỄN ĐỨC BÌNH *

NHỮNG mưu toan "đánh đổ" chủ nghĩa Mác - Lê-nin thường dựa chủ yếu vào sự sụp đổ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, coi đây là lý lẽ có sức nặng nhất. Để bác bỏ những mưu toan ấy, vì thế phải bắt đầu từ đây và để hiểu đúng nguyên nhân đưa đến sự sụp đổ, chúng ta cần điểm lại vài nét về diễn biến tình hình.

Từ tháng 11-1917 cho đến sự kiện tháng 8-1991, chủ nghĩa xã hội ở Liên xô đã tồn tại hơn 70 năm, ở các nước Đông Âu hơn 40 năm kể từ năm 1945. Chủ nghĩa xã hội hiện thực đã trải qua một thời kỳ phát triển rực rỡ, có những thành tựu to lớn và đã phát huy tác dụng mạnh mẽ đến tiến trình phát triển lịch sử của loài người.

Sự phát triển như vũ bão của ba dòng thác cách mạng trong suốt mấy thập kỷ đã gắn liền với sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực, với hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu và công tích viết nên những trang sử vàng của cuốn biên niên sử thế giới ấy, chủ nghĩa xã hội hiện thực, do diễn ra trong những hoàn cảnh khác nghiệt có sự chống phá điên cuồng của đủ loại kẻ thù cộng với sự thiếu kinh nghiệm, những ấu trĩ và nôn nóng chủ quan, nên cũng đã kèm theo cả những hạn chế, nhược điểm, thiếu sót, thậm chí cả khuyết tật. Đáng tiếc là những hạn chế, nhược điểm, thiếu sót, những khuyết tật ấy lại chậm được phát hiện và khắc phục khiến sức sống của xã hội mới không được phát huy, gây nên những hậu quả tiêu cực ngày một tích tụ, để cuối cùng đến cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu lâm vào tình trạng trì trệ kéo dài, dẫn tới khủng hoảng trầm trọng vào những năm cuối thập kỷ 80. Từ tháng 4-1989 trở đi, sự đổ vỡ diễn ra liên tiếp ở các nước Đông Âu. Chỉ trong vòng hai năm, đến tháng 9-1991, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và sáu nước Đông Âu đã bị sụp đổ hoàn toàn. Sự đổ vỡ cũng diễn ra ở Mông-cổ, An-ba-ni, Nam-tư. Đại hội VII của Đảng ta (tháng 6-1991) mới chỉ nói đến "những biến động đã và đang xảy ra trong các nước xã hội chủ nghĩa", lúc đó nhiều nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã sụp đổ, nhưng Liên xô vẫn tồn tại. Vậy mà chỉ sau có mấy tháng, Liên bang xô viết - nhà nước xã hội chủ nghĩa hùng mạnh nhất, đã biến mất trên bản đồ chính trị thế giới.

Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu diễn ra quá nhanh. Đó là một sự sụp đổ

*Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng

Digitized by Google

có tính chất dây chuyền trên một phạm vi địa lý rất rộng. Người ta nói đến "trận động đất chính trị", "trận cuồng phong chính trị". Sự sụp đổ diễn ra nhanh đến mức một số chính khách phương Tây đã phải lúng túng, chưa kịp có những đối sách thích hợp. Những người tỉnh táo, cơ kinh nghiệm chính trị nhận thấy rằng quá trình sụp đổ này có cái gì hết sức không bình thường.

Tại sao có sự sụp đổ bất ngờ và to lớn chưa từng có như vậy của ngay một nước xã hội chủ nghĩa hùng cường đã có chiều dày lịch sử trên 70 năm, đã vượt qua nhiều thử thách khốc liệt nhất về chính trị, quân sự và cả những thách thức về kinh tế, đã từng viết nên những trang anh hùng ca chói lọi về xây dựng chế độ mới và bảo vệ thành trì cách mạng thế giới ? Kẻ thù của chủ nghĩa xã hội hí hửng reo lên : đây là sự sụp đổ "tất yếu" không tránh khỏi của một chế độ "lỗi thời" và đó là một cuộc "cách mạng". Họ tuyên bố : trên đống gạch vụn của chế độ "cũ" tan rã, người ta sẽ nhanh chóng xây dựng một xã hội "dân chủ, tự do", yên bình, đầy những phúc lợi, nhân dân đứng trước viễn cảnh một sự phát triển hứa hẹn ! Hơn ba năm trôi qua, tình hình những nước này ra sao thì mọi người đã thấy rõ.

Kẻ thù của chủ nghĩa Mác - Lê-nin quả quyết rằng đó là sự sụp đổ của chính chủ nghĩa Mác - Lê-nin, một học thuyết sai lầm, đầy ảo tưởng ; rằng chủ nghĩa xã hội là một bước đi lầm lạc của lịch sử tất nhiên phải sụp đổ (!). Các thế lực chống chủ nghĩa xã hội không thể nói khác, bởi vì từ khi chủ nghĩa xã hội còn là một học thuyết, nhất là từ khi chủ nghĩa xã hội trở thành hiện thực, họ đã làm tất cả để "chôn vùi" nó.

Chúng ta hiểu rằng sự đổ vỡ ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác là một tổn thất chưa từng có đối với sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc đang đấu tranh cho tự do trên toàn thế giới. Nó làm thay đổi hẳn so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới có lợi cho chủ nghĩa đế quốc và bất lợi cho các lực lượng cách mạng. Mỹ và các cường quốc phương Tây không giấu giếm ý đồ thiết lập "trật tự thế giới mới" khi không còn ai làm đối trọng.

Sự sụp đổ cả một mảng lớn của chủ nghĩa xã hội thế giới là bước thoái trào chưa từng thấy của cách mạng. Nó làm cho sự nghiệp cách mạng của chúng ta khó khăn phức tạp thêm bội phần. Song chúng ta trả lời thẳng với những ai tuyên bố về sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội, của chủ nghĩa Mác - Lê-nin rằng : hoàn toàn không có chuyện đó, không có chuyện chủ nghĩa xã hội cáo chung, chủ nghĩa Mác - Lê-nin sụp đổ. Bước tiến của cách mạng chậm lại, song không ai có thể quay ngược bánh xe lịch sử.

Trước các biến cố to lớn, đột ngột, nghiêm trọng và phức tạp, không ai ngay một lúc có thể hiểu được đầy đủ cái gì đã diễn ra. Sự việc cho đến bây giờ và có thể trong nhiều năm nữa còn phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu.

Những người cộng sản Việt nam chúng ta qua chăm chú theo dõi tình hình, đặc biệt là diễn biến của công cuộc cải tổ ở Liên xô, đã bước đầu rút ra hai loại nguyên nhân. *Nguyên nhân sâu xa* là trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, bên cạnh những thành tựu vĩ đại về nhiều mặt có ý nghĩa lịch sử và quốc tế, có những nhược điểm và khuyết điểm to lớn chậm được phát hiện và khắc phục, gây ra tình trạng trì trệ về kinh tế - xã hội và khủng hoảng. Đồng thời, có *hai nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp* sau đây :

Một là, trong cải tổ Đảng cộng sản Liên xô đã mắc sai lầm rất nghiêm trọng về đường lối chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đó là đường lối xét lại, phản bội chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở một số người lãnh đạo cao nhất đã từng bước khống chế ban lãnh đạo của Đảng.

Hai là, chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng phản động quốc tế không lúc nào ngừng chiến lược chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội. Lợi

Digitized by Google

dụng những khó khăn và đường lối sai lầm của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa, họ đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hòa bình" cực kỳ thâm độc, nguy hiểm, can thiệp toàn diện vừa tinh vi vừa tráng trợn vào nội bộ các nước xã hội chủ nghĩa. Cuối cùng, chủ nghĩa đế quốc đã đạt được mục đích là xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu mà không cần chiến tranh. Dĩ nhiên họ không thể làm được điều này, nếu cải tổ có đường lối đúng đắn, nếu đảng cộng sản có tinh thần cảnh giác cách mạng không để cho bọn phản bội thao túng cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Hàng loạt sự kiện trước, trong, sau cải tổ và sau khi Liên xô sụp đổ, những tiết lộ của các nhà lãnh đạo Liên xô qua các hồi ký của họ chứng minh nhận định trên đây của Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn.

Chúng ta phân tích cụ thể hơn những nguyên nhân nói trên.

Vì sao chúng ta nhận định những khuyết điểm, sai lầm kéo dài trong lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội liên quan đến mô hình của chủ nghĩa xã hội là *nguyên nhân sâu xa* dẫn đến khủng hoảng và nguy cơ sụp đổ ?

Vấn đề xác định mô hình của chủ nghĩa xã hội là một trong những vấn đề khó khăn và phức tạp nhất của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Điều này các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã từng nói rõ. Từ trước Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin viết : "Chúng ta không kỳ vọng rằng Mác hay những người theo chủ nghĩa Mác đều hiểu biết mọi mặt cụ thể của con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Như thế sẽ là phi lý. Chúng ta chỉ biết phương hướng của con đường đó và những lực lượng giai cấp nào dẫn đến con đường đó ; còn như về cụ thể và trên thực tế con đường đó ra sao thì *kinh nghiệm của hàng triệu con người* sẽ chỉ rõ, khi họ bắt tay vào hành động"[1]. Như vậy, xác định phương hướng đúng về cơ bản vẫn chưa đủ để xây dựng chủ nghĩa xã hội có hiệu quả. Còn phải cụ thể hóa thành "mô hình" và biết điều chỉnh, thay đổi mô hình khi điều kiện thực tế thay đổi và đòi hỏi.

Xã hội mới ra đời thường không tránh khỏi một thời kỳ mò mẫm, non nớt và ấu trĩ, một thời kỳ tìm tòi và thử nghiệm, một quá trình phạm nhiều sai lầm và sửa chữa sai lầm. Lê-nin chỉ rõ : "...nếu người ta xét thực chất của vấn đề, liệu có bao giờ người ta thấy trong lịch sử lại có một phương thức sản xuất mới nào đứng vững ngay được, mà không trải qua nhiều thất bại, nhiều sai lầm và tái phạm không ?"[2].

Vấn đề đánh giá mô hình đầu tiên của chủ nghĩa xã hội được áp dụng ở Liên xô là vấn đề rất không đơn giản. Nhiều người đã và đang phê phán nó một cách phiến diện, thiếu quan điểm lịch sử. Với cách nhìn chủ quan, họ đã phủ nhận hoàn toàn vai trò và tác dụng to lớn của mô hình này. Một số người thông qua phê phán "mô hình" cốt để phủ nhận hoàn toàn mọi thành tựu của chủ nghĩa xã hội và phủ nhận bản thân chủ nghĩa xã hội. Mô hình đầu tiên của chủ nghĩa xã hội ra đời ở Liên xô trong bối cảnh đặc biệt. Từ sau Cách mạng Tháng Mười đến kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai, Liên xô là nước xã hội chủ nghĩa duy nhất. Điều kiện xây dựng chế độ mới cực kỳ khó khăn phức tạp : nền kinh tế lạc hậu bị tàn phá nặng nề trong thế chiến thứ nhất, rồi nội chiến, rồi chiến tranh can thiệp của 14 nước đế quốc và bị bao vây cấm vận về kinh tế, v.v.. Mặc dù vào đầu những năm 20 Lê-nin thiên tài đã đề ra chính sách kinh tế mới, song đường lối đúng đắn này sau khi Lê-nin mất không được quán triệt thực hiện đầy đủ. Hơn nữa, chưa được bao lâu thì từ cuối những năm 20 đầu những năm 30, triệu chứng cuộc chiến tranh thế giới mới ngày càng lộ rõ. Trong bối cảnh ấy phải làm sao nhanh chóng biến nước Nga lạc hậu thành cường quốc công nghiệp,

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t 34, tr 152-153

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979 t 39, tr 22

Digitized by Google

vừa để xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, vừa để đối phó với nguy cơ chiến tranh. Giải quyết nhiệm vụ này trong một thời gian ngắn nhất là vấn đề sống còn đạt ra đối với vận mệnh của Tổ quốc và chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong điều kiện như vậy, để giải quyết nhiệm vụ lịch sử vô cùng khó khăn nói trên, nhà nước xô viết không thể không áp dụng cơ chế kế hoạch hóa tập trung cao, một cơ chế có thể thực hiện được khi chính quyền đã trong tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Ai cũng biết rõ, Liên xô đã thành công rực rỡ trong sự nghiệp công nghiệp hóa với thời gian chưa đầy 20 năm. Phải nói thêm rằng, trong hai thập kỷ ấy, đã mất quá nửa thập kỷ nội chiến, chống chiến tranh can thiệp và khôi phục kinh tế sau chiến tranh. Chỉ có chủ nghĩa xã hội cho phép phát huy cao độ tinh thần anh dũng, hy sinh của hàng trăm triệu quần chúng nhân dân mới thực hiện được kỳ tích như vậy. Không thể phủ nhận vai trò to lớn có ý nghĩa lịch sử của mô hình đầu tiên này của chủ nghĩa xã hội. Song, nói thế không phải để bào chữa cho những sai lầm, khuyết tật đã phạm phải. Sai lầm cũng có nhiều loại. Có những sai lầm khó tránh, thậm chí không thể tránh khỏi. Ngay như chính sách cộng sản thời chiến do Lê-nin đề ra và được áp dụng trong những năm 1918 đến mùa xuân 1921, lúc đầu cũng là cần thiết không thể khác nhằm bảo đảm cung cấp lương thực cho quân đội, cho tiền tuyến, cho công nhân và cho nhân dân thành thị trong điều kiện lương thực cực kỳ khan hiếm. Sai lầm chỉ ở chỗ về sau tưởng có thể "nhất cử lưỡng tiện" - bằng chính sách đó chuyển trực tiếp lên quan hệ cộng sản chủ nghĩa, điều mà Lê-nin đã tự phê bình là sai lầm. Có những sai lầm khó có thể biện bạch được bằng lý do khách quan. Loại sai lầm này người ta có thể kể ra không ít như chủ nghĩa quan liêu, bệnh chủ quan duy ý chí, sự thoái hóa hư hỏng của một bộ phận cán bộ đảng viên v.v.. Song sai lầm chủ yếu dẫn đến sự trì trệ là chậm phát hiện và chậm sửa chữa những khuyết tật của mô hình đầu tiên của chủ nghĩa xã hội. Như trên đã nói, mô hình này có tác dụng to lớn trong những hoàn cảnh cụ thể như : thời chiến, thời kỳ gấp rút công nghiệp hóa, thời kỳ khôi phục kinh tế sau chiến tranh (ngay trong những điều kiện ấy nó cũng đã bộc lộ dần những khuyết tật, mặc dù mặt tích cực vẫn là chính). Song, khi nền kinh tế bước sang thời kỳ phát triển theo chiều sâu thì mô hình cũ bộc lộ đầy đủ những khuyết tật của nó. Ban lãnh đạo Đảng cộng sản Liên xô không nhận thức được điều này hoặc nhận thức quá chậm, không đầy đủ, không sâu sắc. Trong mô hình cũ đã tuyệt đối hóa cơ chế kế hoạch hóa tập trung cao, từ bỏ hay gần như từ bỏ một cách chủ quan duy ý chí nền kinh tế hàng hóa, cơ chế thị trường, thực hiện chế độ bao cấp tràn lan, triệt tiêu tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị kinh tế và cá nhân người lao động. Chế độ quản lý siêu tập trung bao cấp và cơ chế phân phối bình quân làm suy yếu một trong những động lực cực kỳ quan trọng của phát triển kinh tế là lợi ích trực tiếp của người lao động. Hậu quả của sự kéo dài cơ chế tập trung quan liêu bao cấp là nền kinh tế Liên xô lâm vào tình trạng trì trệ, tốc độ phát triển chậm dần, tính hiệu quả ngày càng thua kém các nước tư bản, đời sống nhân dân ngày càng khó khăn, nền kinh tế rơi vào khủng hoảng trầm trọng. Trong khi gặp khó khăn chồng chất về kinh tế, chế độ xã hội chủ nghĩa hùng mạnh nhất này vẫn phải dành một tỷ lệ ngân sách quá lớn cho quốc phòng trước sự thách thức chạy đua vũ trang của Mỹ. Gần đây người ta mới biết Liên xô đã thổi phồng những thành tựu về kỹ thuật quân sự của họ để đe dọa Liên xô, và nhằm buộc Liên xô phải lao vào cuộc chạy đua vũ trang đến kiệt sức về kinh tế.

Sai lầm, khuyết tật gắn với mô hình cũ, không chỉ trên lĩnh vực kinh tế. Nó còn thể hiện ở việc xây dựng hệ thống chính trị, ở phương thức lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của nhà nước. Hệ thống chính trị, chủ yếu là bộ máy đảng và nhà nước ngày càng cồng

Digitized by Google

kênh, tốn kém và ngày càng kém hiệu lực, nhất là trong quản lý kinh tế. Một trong những khuyết điểm lớn của mô hình cũ là không phát huy được tính ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân đã bị vi phạm nghiêm trọng. Chủ nghĩa quan liêu hoàn toàn trái ngược với bản chất của chủ nghĩa xã hội, nhưng với cơ chế cũ thì không có cách gì ngăn chặn sự phát triển của nó.

Do chậm đổi mới cơ chế kinh tế, hệ thống quản lý, nói chung là chậm đổi mới mô hình của chủ nghĩa xã hội , nên hậu quả là Liên xô đang trên đà rút ngắn dần khoảng cách về trình độ phát triển thì từ giữa những năm 70 tình hình diễn ra theo chiều hướng ngược lại. Sự thua kém rõ rệt của Liên xô thể hiện trong lĩnh vực công nghệ và năng suất lao động. Mà đây lại là yếu tố như Lê-nin nói, xét đến cùng, quyết định thắng lợi hoàn toàn của chế độ mới.

Chủ nghĩa giáo điều, sự xơ cứng trong tư duy lãnh đạo dẫn tới chậm phát hiện các sai lầm đã nói ở trên. Người ta cũng đã thi hành một vài cải cách. Nhưng những cải cách đó không cơ bản, không giải quyết trúng vấn đề, lại phạm những sai lầm mới về chính trị và kinh tế, nhảy từ tả sang hữu (như cuộc cải cách của Khơ-rút-sốp).

Những sai lầm chủ quan nghiêm trọng kéo dài đã nói ở trên cản trở sự đổi mới đúng đắn là nguyên nhân sâu xa làm chế độ xã hội chủ nghĩa suy yếu, rơi vào khủng hoảng. Đó không phải những sai lầm khuyết tật do bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, mà do quan niệm giáo điều về chủ nghĩa xã hội.

Cuộc khủng hoảng từ những năm 80 là rất trầm trọng. Song Liên xô có thể khắc phục được cuộc khủng hoảng đó bằng một cuộc cải cách sâu sắc, toàn diện được chỉ đạo bởi một đường lối đúng đắn, có nguyên tắc, phù hợp với tình hình thực tế, giữ vững con đường phát triển xã hội chủ nghĩa . Nhưng, trái với mong đợi của chúng ta, cuộc cải cách như thế đã không diễn ra, thay vào đó là cuộc "cải tổ" mà hậu quả của nó mọi người đã biết.

Chúng ta phân tích cụ thể hơn *những nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp* dẫn tới sự sụp đổ.

Giữa những năm 80, Liên xô ở vào thời điểm bước ngoặt, hết sức phức tạp. Ở thời điểm như thế, sai lầm chính trị nghiêm trọng ở cấp lãnh đạo cao nhất có thể là sai lầm cuối cùng quyết định vận mệnh của chế độ xã hội chủ nghĩa . Và sự tình đã diễn ra đúng như thế.

Cuộc cải tổ bắt đầu từ năm 1986 đã kết thúc trong sự đổ vỡ hoàn toàn năm 1991. Vì sao vậy ? Vì đường lối cải tổ thực chất là đường lối trượt dài từ cơ hội hữu khuynh đến xét lại, đến từ bỏ hoàn toàn chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Những lời tuyên bố lúc ban đầu : "cải tổ để có nhiều dân chủ hơn, nhiều chủ nghĩa xã hội hơn", "chúng ta sẽ đi tới chủ nghĩa xã hội tốt đẹp hơn chứ không đi ra ngoài nó", "chúng ta tìm trong khuôn khổ của chủ nghĩa xã hội chứ không phải ở ngoài giới hạn của nó những câu trả lời cho các vấn đề do cuộc sống đặt ra" v.v., rốt cuộc chỉ là những tuyên bố suông nguỵ trang cho ý đồ phản bội. Thực tế quá trình cải tổ đi ngược lại những lời hứa hẹn đó. Cải tổ đã tuân theo cái lôgích đưa đất nước từng bước đi ra ngoài quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội , cái lôgích của sự phản bội, sự đầu hàng cả về hệ tư tưởng lẫn trong chính trị thực tiễn đấu tranh giai cấp giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đế quốc.

Những người lãnh đạo cải tổ lùi dần từng bước, từng bước, thậm chí ngày càng công khai tuyên bố từ bỏ những mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà họ đã từng hứa hẹn, từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, từ bỏ vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản. Trong thực tế, họ định hướng theo phương Tây tư bản chủ nghĩa.

Chủ trương đưa ra lúc đầu là "tăng tốc" về kinh tế để chấm dứt sự trì trệ. Đẩy mạnh nhịp độ phát triển không có gì sai mà là tất yếu, bức bách. Vấn đề là tăng tốc bằng cách nào

Digitized by Google

thì không có câu trả lời đúng đắn. Đổi mới công nghệ bằng cách nào cũng bế tắc. Người ta liền quy cho cơ chế quản lý kinh tế nhưng rồi cũng trầy trật ; người ta bèn chuyển nhanh sang cải tổ chính trị coi đây là "cái chìa khóa" cho mọi vấn đề. Thế là Hội nghị Đảng toàn quốc lần thứ 19 chủ trương chuyển trọng tâm sang cải tổ hệ thống chính trị trên cơ sở cái gọi là "tư duy chính trị mới". Đến đây thì nguy cơ sụp đổ đã rõ đối với những ai có nhạy cảm về chính trị. Toàn bộ diễn biến của các sự kiện sau đó ngày càng bóc trần thực chất phản động của cái gọi là "tư duy chính trị mới". Thực chất đó là sự thỏa hiệp vô nguyên tắc, là sự đầu hàng, là từ bỏ lập trường giai cấp, là sự phản bội chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phản bội sự nghiệp xã hội chủ nghĩa . Cuộc cải cách chính trị đánh thẳng vào hệ thống chính trị của chủ nghĩa xã hội , trước hết là vào tổ chức đảng. Nhóm lãnh đạo cải tổ tìm cách loại bỏ khỏi Ủy ban trung ương Đảng hàng loạt những người không tán thành đường lối sai lầm của cải tổ, kiên trì đường lối chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Những người ngấm ngầm hoặc công khai thù địch với chủ nghĩa Mác - Lê-nin chiếm các vị trí chủ chốt trong bộ máy đảng và nhà nước.

Bằng phát súng lệnh "công khai", "dân chủ", "không có vùng cấm", cải tổ đã nhanh chóng tạo ra làn sóng phê phán, công kích, bôi đen tất cả những gì gắn với lịch sử 70 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, phủ định sạch trơn mọi thành tựu của chủ nghĩa xã hội. Nó gây hoang mang, xáo động đến cực độ trong tư tưởng xã hội, phá vỡ niềm tin của quần chúng đối với những giá trị của chủ nghĩa xã hội . Người ta sử dụng toàn bộ phương tiện thông tin đại chúng để làm việc này và chiến dịch tuyên truyền đào bới và phủ định quá khứ được các đài báo phương Tây tiếp sức mạnh mẽ và lái theo những ý đồ và mục đích đen tối của chúng.

Chủ trương cải cách hệ thống chính trị đề ra tại Hội nghị Đảng lần thứ 19 năm 1988 thực chất là xóa bỏ hoàn toàn cơ chế đảng lãnh đạo, thực hiện đa nguyên chính trị, nhưng trong cái "đa nguyên" này thì quyền lực rơi đến vào tay các thế lực chống chủ nghĩa xã hội . Bản thân đảng cộng sản đã bị ban lãnh đạo làm cho rệu rã trong quá trình đi từ "đa nguyên ý kiến" đến đa cương lĩnh, nghĩa là chia năm xẻ bảy, đến mức bị tê liệt, ngay những lực lượng tích cực, trung thành cũng không còn biết làm gì, phản ứng thế nào trước các sự kiện diễn ra. Liên xô đã sụp đổ trên thực tế từ sau sự biến tháng 8-1991 và đến tháng 12 năm đó thì cái tên "Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết" chính thức bị xóa trên bản đồ chính trị thế giới.

Như trên đã nói, chủ nghĩa đế quốc thường xuyên tiến hành một cuộc chiến tranh khi bằng súng đạn, khi bằng "diễn biến hòa bình" chống chủ nghĩa xã hội, chống Liên xô. Chính chúng đã gây ra cuộc chiến tranh lạnh từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Chúng xem cuộc khủng hoảng của Liên xô là thời cơ 70 năm có một để đẩy mạnh các hoạt động chống phá. Các chiến lược gia phương Tây sớm nhận ra "cái gót chân A-sin" của cải tổ : đó là đường lối xét lại, là hệ tư tưởng tư sản, là chính sách thỏa hiệp, nhân nhượng vô nguyên tắc với Mỹ và phương Tây, thể hiện tập trung ở "tư duy chính trị mới". Các thế lực chống chủ nghĩa xã hội ở bên ngoài theo sát quá trình cải tổ, tìm mọi cách để lái nó đi theo ý đồ của họ. Họ làm việc đó thông qua những người lãnh đạo chủ chốt của cải tổ mà (ít nhất về mặt khách quan của xu hướng chính trị) họ đã nắm chắc trong tay, trong số này có một số phần tử được dùng như "con ngựa thành Tơ-roa" để phá từ bên trong. Các thế lực bên ngoài tác động vào cải tổ cả về tư tưởng, chính trị và tổ chức. Hứa hẹn viện trợ kinh tế được dùng làm một thứ vũ khí rất lợi hại để lái cuộc cải tổ theo quỹ đạo mà phương Tây mong muốn. Đây thực sự là một kịch bản "diễn biến hòa bình" theo đúng nghĩa của từ này để "chiến thắng không cần chiến tranh". Trong cuốn sách mang tên gọi này, Nich-xơn cho rằng "mặt trận tư tưởng là mặt trận quyết định

Digitized by Google

nhất". Ông ta viết : "Toàn bộ vũ khí của chúng ta, các hiệp định mậu dịch, viện trợ kinh tế sẽ không đi đến đâu nếu chúng ta thất bại trên mặt trận tư tưởng". Chiến lược của Mỹ trước sau như một là "đưa chiến tranh vào bên trong bức màn sắt" (Bu-sơ).

Tóm lại, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc cùng với sự phản bội từ bên trong và từ trên chóp bu của cơ quan lãnh đạo cao nhất là *nguyên nhân trực tiếp* làm cho Liên xô sụp đổ. Hai nguyên nhân này quyện chặt vào nhau, tác động cùng chiều, tạo nên một lực cộng hưởng rất mạnh và nhanh như một cơn lốc chính trị trực tiếp phá sập ngôi nhà xã hội chủ nghĩa. Tất nhiên, xét cho cùng, chính bọn cơ hội, xét lại và phản bội, sự mất cảnh giác cách mạng trong hàng ngũ những người cộng sản đã tạo cơ hội bằng vàng cho chủ nghĩa đế quốc "chiến thắng mà không cần chiến tranh".

Chúng ta cho rằng, trong tình hình chủ nghĩa xã hội trì trệ và khủng hoảng do những sai lầm của mô hình cũ, thì cải tổ là tất yếu. Vì chỉ có một cuộc cải cách, đổi mới sâu sắc, toàn diện, mới đưa chủ nghĩa xã hội thoát khỏi khủng hoảng để bước vào thời kỳ phát triển mới. *Cải tổ là tất yếu, nhưng sụp đổ thì không là tất yếu*. Vấn đề ở chỗ : cải tổ thế nào, nhằm mục đích gì, theo đường lối nào. Lịch sử không có chữ "nếu", nhưng lịch sử cung cấp những bài học không thể bỏ qua. Nếu cải tổ được thực hiện theo một đường lối đúng đắn, thật sự mác xít, lê nin nít về chính trị, tư tưởng và tổ chức, không phạm những sai lầm cực kỳ nghiêm trọng thì làm sao Liên bang xô viết có thể sụp đổ được ? Vì vậy, việc đồng nhất sự sụp đổ ấy với "sự cáo chung" của chủ nghĩa xã hội , chủ nghĩa Mác - Lê-nin, là hoàn toàn vô căn cứ, cần phải bác bỏ.

Kẻ thù đang ra sức khai thác sự kiện Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ để rêu rao về "cái chết của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác - Lê-nin nói chung". Chúng nhằm đánh lạc hướng sự chú ý của nhân dân thế giới đối với nguyên nhân thật sự của sự sụp đổ ; đồng thời, tác động tinh thần vào các nước xã hội chủ nghĩa còn lại và phong trào cách mạng nói chung trên thế giới, khoét sâu tình trạng bối rối, hoang mang, mất lòng tin đối với lý tưởng cộng sản. Nhưng những thủ đoạn chiến tranh tâm lý dù tinh vi đến đâu cũng không che đậy được sự thật lịch sử.

Thật ra đối với chúng ta, những thủ đoạn vừa nêu không có gì mới lạ. Đây là những thủ đoạn mà kẻ thù của chủ nghĩa xã hội từ lâu vẫn thường dùng. Khác chăng chỉ ở chỗ những thủ đoạn ấy được khai thác và lợi dụng triệt để trong điều kiện mới mà thôi. Ngược dòng lịch sử, chúng ta thấy đây không phải là lần đầu tiên kẻ thù âm mưu xóa bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Mỗi khi cách mạng gặp khó khăn, lâm vào thoái trào, kẻ thù lại thừa cơ tấn công mạnh mẽ vào chủ nghĩa Mác và lớn tiếng tuyên bố : chủ nghĩa Mác đã lỗi thời, đã bị lịch sử vượt qua. Vào thời kỳ chủ nghĩa tư bản phương Tây đi vào thế ổn định từ năm 1872 đến 1914 đã có những người lên tiếng cho rằng "học thuyết của Mác và Ăng-ghen là không đầy đủ và lỗi thời rồi". Sau thất bại của cách mạng Nga năm 1905, kẻ thù của chủ nghĩa Mác lại lớn tiếng về "một cuộc khủng hoảng vô cùng trầm trọng bên trong chủ nghĩa Mác". Nhưng cứ mỗi lần vượt qua thử thách như vậy, chủ nghĩa Mác lại lớn mạnh, phát triển lên một bước mới.

Hiện nay một mảng quan trọng của chủ nghĩa xã hội hiện thực đã bị sụp đổ, nhưng tuyệt nhiên không nói lên rằng chủ nghĩa Mác sai lầm và phá sản, mà điều đó là do những nguyên nhân như đã phân tích trên.

Những nước xã hội chủ nghĩa còn lại vẫn tiếp tục con đường đi của mình theo định hướng của chủ nghĩa Mác.

Chủ nghĩa Mác vẫn tiếp tục sống trong cuộc đấu tranh của những người cộng sản và nhân dân ngay tại những nước mà chế độ xã hội chủ nghĩa vừa bị sụp đổ.

Digitized by Google

Chủ nghĩa Mác vẫn tiếp tục sống trong phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Ngay nhiều học giả tư sản sáng suốt cũng thừa nhận rằng sẽ là sai lầm nếu vội vã tuyên bố học thuyết Mác và chủ nghĩa xã hội đã chết còn chủ nghĩa tư bản thì vĩnh hằng ; rằng Mác vẫn sống ngay trong các trường đại học ở phương Tây; rằng sẽ không có tương lai nếu không có Mác, rằng Mác là nhà tư tưởng của thế kỷ 21, v.v. và v.v..

Thực tiễn cách mạng Việt nam là một trong những minh chứng đầy sức thuyết phục về sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Là vũ khí vô địch của chúng ta trong cách mạng giải phóng dân tộc trước đây, chủ nghĩa Mác - Lê-nin vẫn đang là vũ khí tư tưởng không gì thay thế được của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới.

Tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin được chứng minh không chỉ qua những thắng lợi, những thành tựu cách mạng. Nó còn được chứng minh cả bằng những tấm gương phản diện, qua cả những thất bại tạm thời kể cả thất bại to lớn nhất, như sự sụp đổ của Liên xô và Đông Âu với tất cả những hậu quả bi thảm của nó khiến nhiều người trước đây vì nhầm lẫn và nuôi hy vọng vào một sự thay đổi "dân chủ" thì nay cũng vỡ mộng.

Sự sụp đổ ấy chứng tỏ cho ta thấy rằng sự ra đời của một chế độ mới quả không bao giờ là một quá trình êm thấm, suôn sẻ, phẳng phiu. Nó ra đời trong sự liên tục tìm tòi và thể nghiệm bản thân, trong cuộc đấu tranh quyết liệt, phức tạp và dai dẳng với những thế lực thù địch luôn luôn tìm cách xóa bỏ nó. Trong quá trình tìm tòi, thể nghiệm và đấu tranh ấy, có khi do sai lầm bản thân, có khi do tương quan lực lượng, có khi do bối cảnh chung không thuận lợi, có khi do tác động kết hợp cả mấy nhân tố ấy mà chế độ mới tạm thời phải lùi bước hoặc thất bại. Cách mạng tư sản mà điển hình là cách mạng Pháp đã diễn ra như vậy. Kể từ năm 1789, trải qua bao nhiêu là biến cố thăng trầm, phục hồi và chống phục hồi, khi nghiêng tả khi ngả sang hữu, cuối cùng phải đến tháng 2-1848 (nghĩa là mất gần 60 năm) nền chuyên chính tư sản mới được xác lập tuyệt đối và hoàn toàn. Lịch sử ra đời của chế độ tư bản đã như vậy. Đối với chế độ xã hội chủ nghĩa càng như vậy, bởi chủ nghĩa xã hội là một chế độ hoàn toàn mới về chất so với mọi chế độ bóc lột.

V.I. Lê-nin từng nói, nếu hình dung lịch sử thế giới là con đường thẳng tắp, trơn tru, không có những bước gập ghềnh, khúc khuỷu, quanh co, không có những bước giật lùi tạm thời, đôi khi rất lớn, thì không biện chứng, không khoa học, không đúng về mặt lý luận. Đối với phong trào cách mạng thế giới kể từ Cách mạng Tháng Mười, nhất là từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, chúng ta chỉ thấy một mạch đi lên, cao trào nối tiếp cao trào, ba dòng thác không ngừng tiến công. Một thời gian dài chúng ta quá quen với cách nhìn thuận buồm xuôi gió như vậy, do đó khi cách mạng gặp trắc trở, lại là trắc trở cực lớn như sự đổ vỡ vừa rồi, thì ở không ít người cú sốc thật kinh hoàng ghê gớm ! Đây là bài học lớn khi chúng ta nhớ lại luận điểm nói trên của Lê-nin, một luận điểm có ý nghĩa cực kỳ quan trọng về mặt phương pháp luận đối với mọi người cách mạng trong thời kỳ hết sức phức tạp hiện nay của tiến trình lịch sử thế giới.

Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu là một tổn thất lớn lao đối với phong trào cách mạng thế giới. Nhưng nếu từ trong sự sụp đổ này chúng ta biết rút ra được bài học phản diện đúng đắn và bổ ích khiến chúng ta khôn ngoan hơn lên, bản lĩnh chính trị già dặn hơn lên, thì thất bại lại trở thành "mẹ của thành công", bài học phản diện trở thành bài học tích cực. Có thể đây chưa phải là sự trả giá cuối cùng, nhưng dứt khoát là rốt cuộc chủ nghĩa xã hội bằng cách này, cách khác, nhất định sẽ phục hồi sức sống mãnh liệt và tiếp tục tiến lên. Bởi lẽ đó là quy luật của lịch sử không gì ngăn nổi.

Digitized by Google

ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI LÀ MỘT TẤT YẾU KHÁCH QUAN

TRƯỜNG MẬU

1- Từ cuối những năm 70 đến nay, cách mạng nước ta phải đương đầu với những thách thức lớn, thậm chí có thời điểm hiểm nghèo : cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội ở nước ta có lúc rất nghiêm trọng ; sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô đội mạnh vào xã hội ta ; sự bao vây, cô lập Việt nam của các thế lực gây cho chúng ta những khó khăn không nhỏ, v.v.. Vượt qua những thách thức đó, nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tiến hành công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Đất nước đang chuyển dần sang thời kỳ mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thuận lợi rất lớn nhưng khó khăn cũng nhiều.

Sống và chiến đấu trong những năm tháng lịch sử này, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta đã và đang thể hiện rõ bản lĩnh chính trị của mình, không chùn bước trước bất cứ khó khăn nào, kiên trì và vững tin vào con đường đã chọn - con đường xã hội chủ nghĩa. Sự kiên trì ấy có cơ sở vững chắc là ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta đã được hình thành trong thực tiễn đấu tranh trong nhiều thập kỷ cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nhiều người đã sống qua hai chế độ, biết rõ thế nào là kiếp sống của người nô lệ mất nước và cuộc sống của người dân trong độc lập tự do. Đường lối đổi mới của Đảng hợp lòng dân, sớm đi nhanh vào cuộc sống, càng làm cho nhân dân ta vững tin vào con đường đã chọn.

Đương nhiên, tình hình không chỉ diễn ra theo chiều hướng thuận. Có một số người, khi đương đầu với thách thức đã dao động, giảm sút ý chí, thậm chí mất lòng tin, muốn rẽ sang con đường khác. Điều đó có thể do mấy nguyên nhân :

Một, trong quá trình đấu tranh cho độc lập dân tộc, nhiều thế hệ đã đến với chủ nghĩa xã hội , chiến đấu dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Với sự ra đời và lớn mạnh của Liên xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa những năm 50, 60, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta có lòng tin vững chắc vào chủ nghĩa xã hội. Một thời gian dài, nhiều người chỉ được biết về thành tựu của chủ nghĩa xã hội , ít được thông tin về những mặt yếu kém của các nước xã hội chủ nghĩa , nhất là thời kỳ trì trệ, khủng hoảng, ít biết những sai lầm trong lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội của các đảng. Vì vậy, khi Liên xô tan rã, có một số người không đủ sức phân tích tình hình, thiếu vững vàng đi tới dao động, hoặc mất lòng tin.

Hai, trong mấy thập kỷ qua, các nước tư bản phát triển có sự điều chỉnh về chính sách kinh tế, chính sách xã hội, sử dụng nhanh các thành tựu khoa học và công nghệ, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm v.v.. Nhịp độ phát triển kinh tế ở những nước này

Digitized by Google

có thời gian nhanh. Trước đây, có lúc các phương tiện thông tin của ta thường nói nhiều những mặt xấu và sự suy yếu của chủ nghĩa tư bản, ít nói đến những thành tựu phát triển kinh tế mà họ đã đạt được. Ngày nay, trong điều kiện bùng nổ thông tin, sự tiếp cận của nhân dân ta với thế giới mở rộng hơn nhiều. Qua đó, có người lại chỉ thấy những thành tựu về phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ của các nước tư bản mà không thấy những khó khăn, những mâu thuẫn gay gắt, những vấn đề nan giải của họ. Trước tình hình ấy, công tác tư tưởng của ta chưa phân tích được sâu sắc, cụ thể thực trạng của các nước trong hệ thống tư bản, nhất là các nước tư bản phát triển, những vấn đề nan giải của chủ nghĩa tư bản một cách có căn cứ, có sức thuyết phục.

Ba, sau chiến tranh thế giới thứ hai, xung quanh ta có một số ít nước phát triển khá nhanh. Có người đặt câu hỏi : vì sao họ lại phát triển được như vậy ? Công tác thông tin của ta thường nói nhiều về những thành tựu và kinh nghiệm thành công của các nước đó, điều đó là cần ; nhưng chưa cắt nghĩa được sâu sắc vì sao họ phát triển nhanh ; họ tiến lên như vậy trong hoàn cảnh nào ; họ phát triển được do có những thuận lợi gì ; điểm xuất phát của họ khác ta chỗ nào ; họ phát triển theo con đường nào ? v.v.. Vì sao trong hệ thống tư bản chủ nghĩa có hàng trăm nước phát triển ở trình độ thấp vẫn không thể vươn lên trình độ phát triển cao ?

Bốn, bản thân nước ta cũng lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội. Sự nghiệp đổi mới với những thành tựu mà chúng ta đạt được đã có tác dụng củng cố lòng tin vào chủ nghĩa xã hội. Nhưng nước ta còn nghèo, khó khăn còn nhiều, tệ tham nhũng, buôn lậu và nhiều tệ nạn khác còn nghiêm trọng. Điều đó tác động đến lòng tin vào chủ nghĩa xã hội đối với một số người.

Ở đây chưa kể đến sự tuyên truyền xuyên tạc của một số cơ quan thông tin nước ngoài.

2- Vì sao đi lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan ?

Như mọi người đều biết, việc lựa chọn con đường cách mạng vô sản, từ cách mạng giải phóng dân tộc tiến tới mục tiêu chủ nghĩa xã hội, đã được Bác Hồ nêu trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng* : "làm *tư sản dân quyền cách mạng* và *thổ địa cách mạng* để đi tới *xã hội cộng sản*"[1]. Sự lựa chọn ấy dựa trên hai căn cứ chủ yếu : *một là*, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải phóng được nhân dân lao động khỏi mọi áp bức, bất công, mới đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân ; *hai là*, thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917 đã mở ra thời đại mới, tạo ra khả năng hiện thực cho các dân tộc lạc hậu tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống đế quốc xâm lược và những thành tựu bước đầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội , công cuộc đổi mới ở nước ta, chứng tỏ sự định hướng mục tiêu chủ nghĩa xã hội của Đảng ta từ đầu là đúng đắn.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954, vấn đề bước vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trở thành lẽ đương nhiên. Xét cả về lý luận và thực tiễn, cả về tình hình trong nước và hoàn cảnh quốc tế, không những cho phép, mà còn đòi hỏi phải như thế. Bởi vì :

- Nhân dân lao động nước ta đã từng chiến đấu, hy sinh không chỉ nhằm mục đích giành lại độc lập dân tộc, mà còn vì cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Những yêu cầu đó chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đáp ứng được.

- Trong cách mạng dân tộc dân chủ, giai cấp công nhân thông qua đội tiền phong của mình là đảng cộng sản để lãnh đạo cách mạng. Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của mình. Đảng ta

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, t 2, tr 295

Digitized by Google

phấn đấu vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa. Khi giành được chính quyền, để từng bước thực hiện được mục đích nói trên, cách mạng Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng không thể không bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- Những năm 50, Liên xô đã trở thành một cường quốc, cùng với một loạt nước xã hội chủ nghĩa ra đời, tạo thành hệ thống xã hội chủ nghĩa vững mạnh. Toàn bộ lịch sử cách mạng Việt nam đã chứng minh rõ quy luật của cách mạng nước ta là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ; chỉ có đi lên chủ nghĩa xã hội mới giành và giữ được độc lập, tự do cho dân tộc. Không quán triệt sâu sắc ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thì không huy động được sức mạnh tổng hợp của nhân dân trong nước cũng như nhân dân thế giới, trong quá trình đấu tranh vì độc lập dân tộc. Không tiến lên chủ nghĩa xã hội mà đi con đường tư bản chủ nghĩa có nghĩa là chuyển các thành quả cách mạng vào tay lực lượng khác có lợi ích đối lập với lợi ích của nhân dân. Không phải ai khác, chính nhân dân lao động sẽ một lần nữa rơi vào vòng bị áp bức, bóc lột. Đông đảo nhân dân nhất định không chấp nhận điều đó.

Cũng có người nêu câu hỏi : **kinh tế nước ta còn lạc hậu, vì sao nước ta lại quá độ lên chủ nghĩa xã hội ?**

Đúng là nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ điểm xuất phát rất thấp về trình độ phát triển kinh tế. Nếu sự quá độ của nước Nga năm 1917 lên chủ nghĩa xã hội là một kiểu quá độ đặc biệt so với dự kiến của Mác và Ăng-ghen, thì sự quá độ từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ là phổ biến lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là kiểu quá độ càng đặc biệt hơn. Với tất cả những hạn chế trong tiền đề kinh tế như thế, chúng ta vẫn khẳng định nước ta có khả năng trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Từ đầu những năm 20, Lê-nin đã chỉ ra tư tưởng có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng rằng, nếu để xây dựng chủ nghĩa xã hội cần phải đạt tới một trình độ phát triển lực lượng sản xuất nhất định, thì tại sao chúng ta lại không bắt đầu trước hết từ việc giành lấy những điều kiện tiên quyết cho trình độ kinh tế đó bằng con đường cách mạng để sau đó, bằng chính quyền công nông, thông qua chế độ xô viết mà tiến lên và đuổi kịp những dân tộc khác, rằng những sự thay đổi như thế trong tiến trình lịch sử thông thường không phải là không thể có được [2].

Lịch sử đã từng chứng kiến nước Nga đi con đường "quá độ đặc biệt" mà vẫn đạt tới những thành tựu to lớn.

Khi nhận định về tiền đề kinh tế trong sự hình thành chủ nghĩa tư bản, Lê-nin viết : "...vin vào cớ là nền kinh tế nhân dân ở nước ta lạc hậu về kỹ thuật, và lao động thủ công hiện đang chiếm ưu thế, v.v., để đem đối lập chế độ của nước Nga với chủ nghĩa tư bản... là hoàn toàn phi lý, bởi vì chủ nghĩa tư bản tồn tại cả khi kỹ thuật còn kém phát triển cũng như khi kỹ thuật đã được phát triển tới cao độ" [3]. Hiện nay cơ sở kinh tế của nước ta còn lạc hậu, nhưng với chính quyền trong tay, nhân dân ta có khả năng động viên mọi nguồn lực vật chất, trí tuệ của dân tộc, tranh thủ có kết quả những khả năng to lớn do cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, do quá trình quốc tế hóa nền kinh tế thế giới tạo ra, để từng bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

Một điều rất quan trọng không thể quên được là nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội trong thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, mở đầu bằng cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại.

---

(2) Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, t 45, tr 433

(3) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, t 1, tr 575

Digitized by Google

3- Có ý kiến đặt vấn đề : **liệu có con đường nào khác nữa không ?**

Trước sự đổ vỡ, khủng hoảng của các nước xã hội chủ nghĩa và trước những khó khăn kinh tế của nước ta, có người muốn đi con đường tư bản.

Thế nhưng, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa liệu có thể thực hiện được mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh* không ? Chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định chủ nghĩa tư bản là chế độ xã hội đã lỗi thời về mặt lịch sử, sớm hay muộn cũng phải được thay thế bằng hình thái kinh tế - xã hội mới mà bước đầu là chủ nghĩa xã hội. Ở giai đoạn hiện nay, với những cố gắng cao để thích nghi với tình hình mới, chủ nghĩa tư bản vẫn không thoát khỏi những mâu thuẫn cơ bản. Những mâu thuẫn này ngày càng phát triển gay gắt và sâu sắc hơn do chính bản thân phương thức sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất tạo ra. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của loài người, không phải là con đường có thể giải quyết được những vấn đề lớn và gay gắt đang đặt ra trước loài người. Vả lại, để đạt đến trình độ phát triển như hiện nay, chủ nghĩa tư bản đã phải trải qua lịch sử mấy trăm năm với sự bóc lột thậm tệ những người lao động, với những cuộc chiến tranh đẫm máu giữa các quốc gia và xâm lược, cướp bóc các dân tộc thuộc địa. Chẳng lẽ, chúng ta cũng đi theo con đường ấy hay sao, cũng lập lại tất cả những gì chủ nghĩa tư bản đã làm ?

Hơn nữa, trong hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay (gần 200 nước) chỉ có khoảng hơn 20 nước trải qua hàng mấy trăm năm mới phát triển ở trình độ cao ; trong số còn lại có hơn 100 nước chưa trở thành nước tư bản phát triển, thậm chí có nhiều nước vẫn sống trong đói khổ.

Cũng có người muốn đi con đường xã hội dân chủ. Những người xã hội dân chủ có thời gian nắm chính quyền ở một số nước ; họ có tiến hành một số cải cách, nhưng những cải cách đó nằm trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản, không hề đụng chạm đến nền tảng của chủ nghĩa tư bản. Mô hình xã hội dân chủ dựa trên cơ sở : chế độ tư hữu, cơ chế thị trường tự do và đa nguyên chính trị ; quyền thống trị vẫn nằm trong tay giai cấp tư sản. Với mô hình ấy, chắc chắn quyền lực và lợi ích - cả chính trị và kinh tế - không thuộc về nhân dân lao động. Trước đây cũng như hiện nay, ở một số nước tư bản phát triển, đảng xã hội nắm quyền. Nhưng, thử hỏi nền tảng tư tưởng tư bản chủ nghĩa ở các nước đó có thay đổi không ?

Như vậy, xét cả trên mặt lý luận và thực tiễn, cả tình hình trong nước và kinh nghiệm quốc tế, muốn thay đổi căn bản cuộc sống của người lao động, từ kiếp nô lệ, làm thuê trở thành người làm chủ, *không có con đường nào khác ngoài con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.*

4- Có người lo ngại rằng **hiện nay ở nhiều nước, chế độ xã hội chủ nghĩa đã bị sụp đổ, liệu chúng ta có đi lên chủ nghĩa xã hội được không ?**

Chế độ xã hội chủ nghĩa ở một số nước sụp đổ do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân đảng cộng sản ở đó phạm sai lầm về đường lối chính trị, tư tưởng, tổ chức, chọn sai người lãnh đạo chủ chốt, để cho các lực lượng chống chủ nghĩa xã hội chi phối về đường lối chính trị, tư tưởng và tổ chức. Ở nước ta, tuy có rất nhiều khó khăn, các lực lượng thù địch cũng đang tìm cách xóa bỏ chế độ ta, nhưng chắc chắn chúng sẽ bị thất bại và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta nhất định sẽ thành công. Đó là vì :

- Qua thể nghiệm tìm tòi, qua việc phát huy trí tuệ của toàn đảng, toàn dân, Đảng ta đã xây dựng được đường lối đổi mới đúng đắn, hình thành được trên những nét chủ yếu quan niệm về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng và con đường xây dựng chủ

Digitized by Google

nghĩa xã hội ở nước ta được thể hiện tập trung ở Cương lĩnh và nhiều văn kiện khác của Đảng. Công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo mấy năm qua đã thu được thành tựu rất quan trọng. Nghĩa là, Đảng ta đã tìm được lối ra để từng bước khắc phục nghèo nàn, lạc hậu, đưa nước ta từng bước tiến lên giàu mạnh, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

- Đông đảo cán bộ, đảng viên của Đảng là những người trung thành với sự nghiệp cách mạng, nhất trí với đường lối của Đảng, có ý chí biến đường lối đó thành hiện thực. Nhiều người đã trải qua chiến đấu, rèn luyện gian khổ mấy chục năm ; gắn bó cả cuộc đời với Đảng, với chế độ. Điều quan trọng nữa là Đảng ta đã lựa chọn được cơ quan lãnh đạo đoàn kết, trung thành với sự nghiệp cách mạng, được rèn luyện trong đấu tranh, vững vàng về chính trị, có khả năng lãnh đạo đất nước vượt qua những khó khăn, thử thách.

- Nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, gắn bó với chế độ, với Đảng. Qua các sự kiện diễn ra ở một số nước, nhiều người đã thấy rõ đi theo con đường của các nước đó thì thành quả cách mạng sẽ bị xóa sạch, đất nước sẽ rối loạn, quyền làm chủ của nhân dân sẽ mất, cuộc sống của bản thân và gia đình họ sẽ bị đảo lộn. Việt nam là một nước có 72 triệu dân, nhân lực dồi dào, tài nguyên đa dạng. Nhân dân ta đã xây dựng chủ nghĩa xã hội được mấy chục năm, đã bước đầu xây dựng được những cơ sở chính trị, kinh tế, xã hội của chủ nghĩa xã hội. Điều quan trọng là đã tìm ra được con đường đúng để đi lên chủ nghĩa xã hội. Những bài học kinh nghiệm thành công cũng như thất bại của chủ nghĩa xã hội thế giới và của bản thân giúp chúng ta có thêm kinh nghiệm. Một khó khăn của ta là phải có vốn để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nguồn vốn ấy trước hết phải tự ta tạo ra từ các nguồn trong nước, kết hợp với việc mở rộng quan hệ quốc tế. Với chính sách đối ngoại đúng đắn, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, cho phép chúng ta có thể thu hút được vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ bên ngoài.

Nước Nga xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước tư bản loại trung bình. Năm 1913 dân số là 130 triệu, sản xuất được 4 triệu tấn gang thép, 28 triệu tấn than, 10 triệu tấn dầu, 500 kg lương thực/đầu người, điện lực rất ít. Sau nội chiến giá trị sản lượng công nghiệp chỉ còn 1/7 giá trị sản lượng năm 1913. Liên xô lại xây dựng chủ nghĩa xã hội trong vòng vây của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa đế quốc đã huy động toàn lực để đè bẹp Liên xô. Lúc đó, Liên xô là nước đầu tiên xây dựng chủ nghĩa xã hội, chưa có kinh nghiệm của một nước nào khác. Trong điều kiện ấy, Liên xô đã xây dựng chủ nghĩa xã hội , biến Liên xô thành một cường quốc. So sánh với Liên xô lúc đó, ta có những mặt yếu, nhưng có những mặt thuận lợi trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sự lãnh đạo của Đảng ta, một đảng giàu tinh thần cách mạng, sáng tạo, gắn bó với quần chúng, là nhân tố có ý nghĩa quyết định hàng đầu. Đảng đã lãnh đạo nhân dân làm Cách mạng Tháng Tám thành công. Đảng đã lãnh đạo tháng lợi hai cuộc chiến tranh giải phóng đất nước trong điều kiện quốc tế cực kỳ phức tạp. Trong những thời điểm khó khăn của phong trào cách mạng thế giới do sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu, Đảng ta vẫn vững vàng, lãnh đạo nhân dân ta vượt qua những thử thách hiểm nghèo. Đảng ta lại sớm nhận ra và chủ động đề xướng công cuộc đổi mới và đã lãnh đạo sự nghiệp ấy giành được những thành tựu quan trọng, đưa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta tiến lên.

Với tất cả những căn cứ thực tế nói trên, chúng ta hoàn toàn tin tưởng và có thể khẳng định rằng : nhân dân ta nhất định xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước Việt nam yêu quý của chúng ta.

Digitized by Google

NGHỊ QUYẾT VỀ VĂN HÓA, VĂN NGHỆ CỦA ĐẢNG QUA HAI NĂM THỰC HIỆN

HÀ ĐẶNG *

NGHỊ quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII "Về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt" đã trải qua gần hai năm thực hiện. Tuy chưa có điều kiện tiến hành việc tổng kết, nhưng cũng đã đến lúc, cần xem xét một cách đúng đắn quá trình triển khai và các kết quả đầu tiên thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết 4 về văn hóa, văn nghệ, như chúng ta biết, là nghị quyết đầu tiên của Ban chấp hành trung ương Đảng ta về lĩnh vực này. Nghị quyết làm sâu sắc quan điểm và đường lối nhất quán của Đảng coi văn hóa văn nghệ là một sự nghiệp quan trọng của cách mạng, xem văn hóa là một động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ trung tâm của văn hóa, văn nghệ là góp phần xây dựng con người Việt nam về trí tuệ, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, có nhân cách tốt đẹp, có bản lĩnh vững vàng, ngang tầm sự nghiệp đổi mới, vì dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

Nghị quyết nêu lên tư tưởng chỉ đạo và các giải pháp lớn nhằm đẩy tới sự nghiệp văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt.

Có thể nói, với việc thực hiện Nghị quyết 4, hai năm qua, *đời sống văn hóa, văn học và nghệ thuật nước ta đã có những chuyển biến đáng ghi nhận.*

Trước hết, đó là *sự chuyển biến về nhận thức* trong những người làm công tác lãnh đạo, quản lý văn hóa, văn nghệ và trong đội ngũ văn nghệ sĩ. Sự tiếp thụ những quan điểm của Nghị quyết hoàn toàn mang tính tự nguyện. Trong quá trình Trung ương chuẩn bị ra nghị quyết, một số anh chị em văn nghệ sĩ đã từng có suy nghĩ : trong lãnh đạo văn hóa, văn nghệ, Đảng "mở ra" rồi có lẽ lại muốn "thắt lại" đây ! Cũng không phải không có những lời đồn đoán rằng lần này, Trung ương sẽ "cạo gọt", "uốn nắn", phê phán nặng nề những sai sót, lệch lạc. Dần dần qua các đợt sinh hoạt nghiên cứu sau này, mọi người đã tìm thấy ở Nghị quyết một sự đánh giá khách quan, sáng suốt về tình hình văn hóa văn nghệ ; càng thấy rõ sự trân trọng những thành tựu, sự ưu ái giới văn nghệ sĩ ; sự nghiêm khắc nhưng độ lượng đối với những sai lầm, khuyết điểm trên lĩnh vực này. Qua liên hệ với tình hình thực tế và với bản thân, bình tĩnh nhìn lại cái được và cái mất, đại bộ phận văn nghệ sĩ đã bày tỏ sự đồng tình ngày càng cao và cho rằng Nghị quyết Trung ương 4 "đẩy chất trí tuệ", là nghị quyết "mang tính định hướng đúng đắn", "tạo điều kiện cho văn nghệ tiếp tục đổi mới, phát triển".

Các cấp ủy đảng, các cơ quan quản lý nhà nước cũng tìm thấy ở nghị quyết những định hướng lớn và biện pháp thực tế để thực hiện sự đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Trong một thời gian ngắn, các tỉnh, thành của cả nước đều đề ra chương trình hành động cùng

* Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban tư tưởng-văn hóa trung ương

Digitized by Google

với các kế hoạch thực hiện Nghị quyết 4, trong đó 40 tỉnh, thành ra nghị quyết chuyên đề về văn hóa, văn nghệ ở địa phương. Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 25/TTg ngày 19-1-1993 "Về một số chính sách nhằm xây dựng và đổi mới sự nghiệp văn hóa, nghệ thuật", trong đó đã nêu lên những quyết định quan trọng về chính sách đầu tư, tài trợ, bảo hộ cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và cho đội ngũ văn nghệ sĩ. Các bộ văn hóa - thông tin, tài chính, lao động - thương binh và xã hội lần lượt ban hành các nghị định, thông tư, các văn bản dưới luật khác nhằm cụ thể hóa và thể chế hóa một số chủ trương biện pháp lớn đề ra trong Nghị quyết 4 và trong Quyết định 25/TTg.

Sự chuyển biến về nhận thức đó đã thúc đẩy các *hoạt động văn hóa, nghệ thuật phát triển một bước.*

Các hoạt động văn hóa được chú ý nhiều hơn cả về mặt lãnh đạo, quản lý và việc đầu tư, tài trợ, bảo trợ. Một chương trình cấp nhà nước bát đầu được thực hiện với kinh phí vài trăm tỉ đồng cho việc xây dựng và phát triển văn hóa ở cơ sở (đặc biệt chú trọng vùng nông thôn, vùng núi, vùng sâu); giữ gìn và tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa; củng cố và phát triển điện ảnh. Nhà nước cũng đã chi hàng trăm tỉ đồng cho việc phủ sóng phát thanh và nối liền mạng lưới truyền hình trên toàn quốc. Hơn một nửa số dân cả nước đã có thể trực tiếp nghe các chương trình phát thanh của Đài tiếng nói Việt nam; hơn một phần ba số dân có thể cùng một lúc xem trực tiếp các chương trình truyền hình của Đài truyền hình Việt nam. Hơn 500 đội thông tin lưu động trên toàn quốc được tổ chức và trang bị để thường xuyên đi phục vụ đồng bào vùng nông thôn, miền núi. Nhiều thư viện huyện, tỉnh và nhà văn hóa được khôi phục. Một số di tích lịch sử, văn hóa được trùng tu, tôn tạo với lượng kinh phí không nhỏ.

Theo tư tưởng chỉ đạo "*văn hóa, văn nghệ là sự nghiệp của toàn xã hội*", với phương châm "*nhà nước và nhân dân cùng làm*", nhiều địa phương đã huy động sức dân cùng phối hợp với nhà nước và các tổ chức xã hội để xây dựng các câu lạc bộ, các nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, cụm văn hóa gia đình v.v.. Các cơ sở này hoạt động khá sôi nổi và thường xuyên, góp phần tạo môi trường văn hóa lành mạnh, vui tươi cho nhiều tầng lớp cư dân. Các cuộc liên hoan ca hát, sân khấu... theo từng vùng, từng ngành ; các cuộc thi tuyển chọn người đẹp, người thanh lịch, thời trang... được tổ chức với hàng triệu lượt người hưởng ứng. Đáng chú ý là sự phát triển các sinh hoạt truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc, như : các lễ hội mừng xuân, mừng được mùa, đua thuyền, lễ hội tưởng nhớ các danh nhân, anh hùng, liệt sĩ, các vị tổ nghề nghiệp, các truyền thống tốt đẹp của địa phương v.v..

Cánh cửa giao lưu văn hóa giữa nước ta và các nước trên thế giới tiếp tục mở rộng. Thông qua giao lưu văn hóa, mỗi người dân ngày càng có thêm hiểu biết về các nền văn hóa, về các tác phẩm nghệ thuật, về các hoạt động văn hóa trên thế giới. Bạn bè trên thế giới cũng ngày một hiểu biết thêm về đất nước, con người Việt nam thông qua các đoàn nghệ thuật, văn hóa của ta đi biểu diễn, giới thiệu ở nhiều nước gần, xa.

Đời sống văn học, nghệ thuật sau một thời gian ngắn có phần chìm lắng, đã lại tiếp tục diễn ra sôi động, phong phú. Nhiều giải thưởng văn học, nghệ thuật được nhà nước và các hội sáng tạo trao cho nhiều nhà văn, nghệ sĩ, diễn viên. Các báo, tạp chí, các cơ quan, đoàn thể, các nhà xuất bản và các đài phát thanh, truyền hình... đã phát động nhiều cuộc thi sáng tác văn học, nghệ thuật. Các cuộc thi này được đông đảo văn nghệ sĩ chuyên nghiệp và lực lượng sáng tác không chuyên nghiệp nhiệt tình đóng góp tác phẩm. Có cuộc thi thơ nhận được hàng vạn bài thơ, có cuộc thi truyện có hàng ngàn truyện gửi đến. Qua các cuộc thi, công chúng nghệ thuật được thưởng thức thêm nhiều tác phẩm tốt. Đáng chú ý là trong lao động sáng tạo văn học nghệ thuật, đang xuất hiện nhiều gương mặt trẻ có tài năng và triển vọng.

Trong văn học đang có sự khởi sắc của truyện ngắn, có sự tìm tòi nâng cao chất lượng thơ. Trong sân khấu cùng với những cố gắng

Digitized by Google

chấn hưng các loại hình sân khấu dân tộc, đang xuất hiện những tác phẩm sân khấu nhỏ, được dư luận chú ý. Nghệ thuật tạo hình có nhiều tìm tòi trong phong cách biểu hiện qua vài trăm cuộc triển lãm hội họa, điêu khắc hàng năm. Giới điện ảnh có một số tác phẩm được nhận giải thưởng trong nước và quốc tế, đang tích cực chuẩn bị làm phim cho các ngày kỷ niệm lớn năm 1995. Nghệ thuật nhiếp ảnh có dấu hiệu được mùa. Nghệ thuật kiến trúc trở thành nhu cầu bức bách của xã hội. Âm nhạc Việt nam, bài hát Việt nam ngày càng được công chúng yêu thích và có tiếng vang trên thế giới. Nghệ thuật múa cũng đang có những bước chuẩn bị cho sự phát triển.

Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật diễn ra sôi nổi vào dịp những ngày kỷ niệm lớn, cụ thể nhất là kỷ niệm 40 năm Chiến thắng Điện biên phủ và 40 năm Ngày giải phóng Thủ đô mới đây.

Khẳng định chuyển biến tích cực và những kết quả bước đầu đạt được nói trên, chúng ta đồng thời thấy rõ *những mặt khiếm khuyết, những sai sót cùng một số vấn đề mới nảy sinh cần giải quyết* trong thực tiễn hoạt động thời gian qua.

Sự lành mạnh hóa đời sống văn hóa, văn nghệ nói riêng cũng như đời sống xã hội nói chung, đòi hỏi ở chúng ta những cố gắng to lớn hơn nữa, trước hết là những cố gắng trong lãnh đạo và quản lý. Gần hai năm qua, sự lãnh đạo, quản lý văn hóa, văn nghệ tuy có những tiến bộ nhất định, vẫn còn một số mặt bất cập. Việc thể chế hóa các tư tưởng và biện pháp lớn đề ra trong Nghị quyết còn chưa đủ, chưa kịp thời, một số văn bản pháp quy đã ban hành cũng còn có nhiều điểm phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc đầu tư cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ còn kém hiệu quả. Việc lập lại trật tự, kỷ cương trong đời sống văn hóa, trong xuất bản, báo chí, điện ảnh, hoạt động biểu diễn v.v. còn chậm và còn nhiều sơ hở. Vẫn còn nặng nề các tệ nạn xã hội, hủ tục, mê tín và những biểu hiện suy đồi trong lối sống và đạo đức xã hội. Vẫn còn không ít những bộ phim mang tính "thương mại hóa" được sản xuất và chiếu trên màn ảnh. Tình trạng băng hình độc hại nhập lậu, chiếu lậu chưa hạn chế được bao nhiêu. Việc giao lưu văn hóa với nước ngoài còn thiếu nhiều thể chế cần thiết v.v.. Sự xâm nhập của văn hóa độc hại ngoại lai là điều đáng lo ngại. Trong khi đó, công tác sắp xếp tổ chức, bố trí và tăng cường chất lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa văn nghệ ; nghiên cứu xây dựng mô hình và phương thức hoạt động cho các hội văn học, nghệ thuật, các tổ chức văn hóa ở trung ương và địa phương tiến hành còn chậm.

Đội ngũ văn nghệ sĩ, từ sau Nghị quyết 4, đã có một số chuyển biến tích cực theo hướng gắn liền hoạt động sáng tạo với sự nghiệp đổi mới xã hội, gắn liền tự do sáng tạo với trách nhiệm người nghệ sĩ - chiến sĩ. Tuy vậy, điều đáng tiếc là sau khi có Nghị quyết vẫn còn xuất hiện một số tác phẩm không lành mạnh : nặng về mô tả cái xấu, cái ác, cái bản năng tầm thường một cách tự nhiên chủ nghĩa. Các biểu hiện phủ nhận quá khứ, phủ nhận thành tựu cách mạng và thành tựu đổi mới được khắc phục một bước ; có nơi, có lúc những tác phẩm hoặc quan điểm lý luận viết theo chiều hướng này lại được một số người động viên, cổ vũ, coi đó là "văn chương đích thực" là "văn học đổi mới". Một số anh chị em văn nghệ sĩ vẫn còn có biểu hiện mất lòng tin vào con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ; một số ít trong khi loay hoay tìm tòi ngôn ngữ sáng tạo lại rơi vào tình trạng bế tắc của các trào lưu văn học; nghệ thuật tư sản đã lỗi thời, trượt ra ngoài chỗ đứng cơ bản là dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong lý luận phê bình, từ quan điểm phủ nhận văn học cách mạng, coi văn học cách mạng là văn học "quan phương", "cung đình", "phải đạo", "cán bộ", nay lại có ý kiến cho rằng đó là nền văn học chỉ có giá trị "phổ cập", "kịp thời", "tuyên truyền", có "sự tự nguyện hy sinh giá trị nghệ thuật của các văn nghệ sĩ". Sự hạ thấp văn học cách mạng đi liền với sự đề cao quá đáng văn học "tiền chiến", văn học "hải ngoại"... Do những lệch lạc đó trong công tác lý luận, phê bình, các nhân tố mới, các giá trị chân chính trong sáng tạo văn học, nghệ thuật không được phát

Digitized by Google

hiện kịp thời và đề cao đúng mức ; các biểu hiện lệch lạc, không lành mạnh, các giá trị giả trong văn học nghệ thuật không những không được phê phán mà trái lại, còn được đề cao ; các âm mưu, thủ đoạn và luận điệu phản động của các thế lực thù địch chưa bị vạch trần và đấu tranh thích đáng.

Đáng mừng là gần đây, những cuộc tranh luận về thơ, về lý luận văn học, nghệ thuật được khơi dậy và mang một sắc thái mới. Chúng ta còn phải làm nhiều hơn nữa để khắc phục những thiếu sót mà nghị quyết của Đảng đã nêu lên : Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật phát triển chưa tương xứng với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc ; tính chiến đấu trong công tác lý luận phê bình còn thấp,...

Một trong những quan tâm của Nghị quyết 4 là phải hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường đối với văn hóa, văn nghệ. Xu hướng chạy theo đồng tiền, chạy theo lợi nhuận trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ hai năm qua tuy có bị đẩy lùi nhưng vẫn còn khá phổ biến. Chính cái xu hướng đó, chính sự hám lợi của những người đứng ra tổ chức, đi liền với việc chiều theo các thị hiếu không lành mạnh của một bộ phận công chúng, đã là một trong những nguyên nhân gây ra sự lộn xộn trong xuất bản, báo chí, điện ảnh, biểu diễn nghệ thuật, trong kiến trúc xây dựng đô thị, trong triển lãm mỹ thuật vừa qua. Mặt khác, cũng cần thấy rõ những thiếu sót trong công tác lãnh đạo và quản lý, có lúc, có nơi còn thể hiện sự lúng túng, hữu khuynh, buông lỏng.

Hai năm thực hiện Nghị quyết 4 của Trung ương về văn hóa, văn nghệ đã đem lại chuyển biến tích cực cùng với những tiến bộ đáng ghi nhận. Một số sai sót, lệch lạc, nhược điểm nảy sinh trong quá trình đó là điều khó tránh khỏi. Điều quan trọng là *cần sớm có sự tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm*, thành công và chưa thành công cả trong lãnh đạo, quản lý cũng như trong sáng tạo và thưởng thức văn học nghệ thuật.

Nghị quyết 4 nêu lên mục tiêu hết sức thiết thực là : "Trong những năm trước mắt, các hoạt động văn hóa, văn nghệ phải được phát triển lành mạnh, phong phú, đa dạng, đáp ứng những nhu cầu thiết yếu về đời sống tinh thần của nhân dân ; phấn đấu có nhiều tác phẩm tốt về công cuộc đổi mới, phản ánh những hiện tượng, những nhân tố, những xu hướng tích cực trong cuộc sống ; lấy việc xây dựng và sáng tạo những giá trị mới, việc bồi dưỡng, bảo vệ và phát huy mọi tài năng làm mục tiêu lớn nhất. Mặt khác, kiên quyết phê phán những hiện tượng tiêu cực, những khuynh hướng lệch lạc, đấu tranh chống mọi hành động và luận điệu thù địch với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, đẩy lùi các tệ nạn xã hội đang phá hoại thuần phong mỹ tục của dân tộc" (1).

Sắp tới, các hội văn học, nghệ thuật ở trung ương sẽ họp đại hội của mình. Đây là sinh hoạt chính trị và nghề nghiệp rất quan trọng của đội ngũ văn nghệ sĩ trong cả nước, cũng là sự kiện có ý nghĩa lớn trong đời sống văn học, nghệ thuật nước nhà. Nghị quyết của Trung ương về văn hóa, văn nghệ là cơ sở định hướng quan trọng để các hội tiến hành đại hội.

Ba yêu cầu đặt ra cho đại hội của các hội là :

- Đánh giá đúng tình hình hoạt động của hội trong nhiệm kỳ vừa qua, khẳng định những thành tựu, đồng thời phân tích những mặt yếu kém và tồn tại cần khắc phục trong lĩnh vực hoạt động của mình. Từ thực tiễn hoạt động, cố gắng tổng kết các vấn đề có tính lý luận, các bài học kinh nghiệm ; đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho hoạt động sáng tạo và các biện pháp có tính khả thi để tiếp tục xây dựng, phát triển, đổi mới hoạt động của hội.

- Đoàn kết, tập hợp rộng rãi đội ngũ, tạo không khí hồ hởi, hăng say sáng tạo, phát huy phẩm chất tốt đẹp của người nghệ sĩ - chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, nghệ thuật ; phấn

(Xem tiếp trang 31)

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư BCHTU Đảng khóa VII "Về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt". *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư BCHTU khóa VII*. Hà nội, 1993, tr. 53-54

Digitized by Google

VIỆT NAM VÀ ASEAN

VŨ KHOAN *

TRONG những năm gần đây, quan hệ giữa nước ta với các nước ở Đông-Nam Á cũng như với Hiệp hội các nước Đông-Nam Á (ASEAN) phát triển mạnh mẽ, mang tính "bùng nổ". Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao ASEAN họp ở Băng-cốc tháng 7-1994 vừa qua chính thức "khẳng định sẵn sàng chấp nhận Việt nam là thành viên của ASEAN và chỉ thị cho các quan chức cấp cao và Tổng thư ký ASEAN sớm xúc tiến trao đổi với các quan chức Việt nam về những dàn xếp và thủ tục". Sau hội nghị trên, hai bên đã bắt tay vào chuẩn bị cho việc Việt nam gia nhập ASEAN. Như vậy là, lịch sử quan hệ Việt nam - ASEAN đã sang một trang hoàn toàn mới, chuyển từ sự nghi kỵ, thù nghịch sang hợp tác.

Những diễn biến này liên quan tới sự chuyển hóa của bản thân ASEAN , sự đổi mới trong chính sách đối ngoại của nước ta cũng như những thay đổi trong tình hình quốc tế và khu vực.

ASEAN bao gồm các nước In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Thái-lan, Xin-ga-po và Bru-nây (gia nhập năm 1984), ra đời ngày 8-8-1967 vào lúc tình hình nội bộ của nhiều nước thành viên còn rối rắm, cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt nam - Đông dương diễn ra ác liệt, Mỹ lôi kéo cả một số nước Đông-Nam Á vào trận chiến và đã chịu hết thất bại này tới thất bại khác. Nước Anh buộc phải rút khỏi "phía đông kênh Xu-ê". Tổng thống Pháp Đờ Gôn sang Nông pênh đưa ra khẩu hiệu "trung lập hóa" Đông-Nam Á. Ở Trung quốc, "cách mạng văn hóa" đang phát triển tới điểm cao và ảnh hưởng trực tiếp đến cả các nước Đông-Nam Á có cộng đồng người Hoa đông đảo. Liên xô lúc đó bắt đầu vận động hình thành một hệ thống "an ninh tập thể châu Á".

Trong bối cảnh ấy, sự xuất hiện của ASEAN về phương diện nào đó là sự tập hợp lực lượng để ứng phó với những khó khăn bên trong và những diễn biến ở bên ngoài.

Sau khi Mỹ buộc phải xuống thang chiến tranh, chuyển sang thực hiện "Học thuyết Níchxơn", năm 1971 ASEAN đưa ra sáng kiến lập Khu vực hòa bình, tự do, trung lập (gọi tắt là ZOPFAN); và sau khi Mỹ hoàn toàn thất bại trong chiến tranh xâm lược ở Việt nam - Đông dương, Hội nghị cấp cao đầu tiên của ASEAN họp ở Ba-li (In-đô-nê-xi-a) năm 1976 đã ký Hiệp ước thân thiện và hợp tác, khẳng định 5 nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình. Cũng trong thời gian này, ngoài In-đô-nê-xi-a vốn đã có quan hệ với nước ta từ trước, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Thái-lan lần lượt thiết lập quan hệ ngoại giao với nước ta, và sau đó đã có một số bước phát triển quan hệ như tiến hành các cuộc thăm viếng lẫn nhau, kể cả ở cấp cao (Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Duy Trinh và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thăm các nước Đông-Nam Á vào năm 1978), ký một số hiệp định hợp tác kinh tế, thương mại...

Bản thân ASEAN cũng gia tăng hợp tác với nhau, kể cả trên các lĩnh vực kinh tế - thương mại, văn hóa - xã hội, khoa học - công nghệ.

Tiếc rằng sau đó, để đối phó với hành động xâm lược của phe nhóm Pôn Pốt ở biên giới Tây-Nam và làm việc đại nghĩa, Việt nam phải đưa quân vào Cam-pu-chia. Vin vào cớ đó, nhiều nước thực thi chính sách bao vây, cô lập Việt nam. Các nước ASEAN cũng tham gia vào chính sách này và từ đó toàn bộ hoạt động của ASEAN chịu ảnh hưởng của "vấn đề Cam-pu-chia", quan hệ ASEAN - Việt nam

* Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ ngoại giao

Digitized by Google

trở nên lạnh nhạt, trì trệ, nếu không nói là thù nghịch. Ngay sự hợp tác kinh tế trong nội bộ ASEAN cũng không tiến triển nhiều.

Vào đầu những năm 90, trước những chuyển biến sâu sắc của tình hình thế giới và khu vực châu Á - Thái bình dương nói chung, cũng như ở Đông-Nam Á nói riêng, trong đó có việc đàm phán và ký kết Hiệp định về giải pháp chính trị toàn bộ cho vấn đề Cam-pu-chia, nội dung hoạt động của ASEAN cũng như mối quan hệ giữa các nước thành viên ASEAN với Việt nam đã có những thay đổi sâu sắc.

Trong hoạt động của ASEAN, sự hợp tác kinh tế nổi dần lên như một hướng quan trọng. Mọi người đều biết, các nước ASEAN vốn là thuộc địa hoặc lệ thuộc vào các nước phương Tây, trong một thời gian dài chủ yếu là nguồn cung cấp nguyên liệu cho "chính quốc". Khoảng hai thập kỷ gần đây các nước này đã đạt được sự phát triển kinh tế đáng kể. Chỉ trong thập kỷ 80, tổng sản phẩm nội địa (GDP) tính theo đầu người của các nước ASEAN đã tăng 2-3 lần và tới đầu những năm 90 đã đạt mức sau : khoảng 15000 USD ở Xin-ga-po và Bru-nây (Xin-ga-po đã được xếp vào hàng các nước công nghiệp hóa mới hay "con rồng châu Á", còn Bru-nây chủ yếu nhờ thu nhập cao về xuất khẩu dầu lửa) ; 2300 USD ở Ma-lai-xi-a ; trên 1400 USD ở Thái lan; trên 700 USD ở Phi-lip-pin ; trên 600 USD ở In-đô-nê-xi-a. Trong một thời gian dài, các nước ASEAN duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao, bình quân hàng năm gần 6%, gấp đôi, gấp ba mức tăng trưởng bình quân của nền kinh tế thế giới.

Tại các nước này cũng diễn ra quá trình chuyển dịch cơ cấu mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa. Ngoại trừ In-đô-nê-xi-a, công nghiệp chế tạo (không kể công nghiệp khai thác) chiếm tỷ trọng khoảng 20% GDP, còn ở các nước khác đều xấp xỉ 30%. Với chính sách "hướng ngoại", nền ngoại thương của ASEAN phát triển nhanh chóng, tăng hơn gấp đôi trong vòng 10 năm, đạt trên 160 tỉ USD vào đầu những năm 90, nâng tỷ trong trong nền ngoại thương thế giới từ 3,6% lên 4,7%. ASEAN cũng là đối tượng thu hút nhiều vốn đầu tư của thế giới, vào cuối những năm 80 bình quân hàng năm tranh thủ được 13,5 tỉ USD, so với 4,6 tỉ USD vào đầu những năm 80.

Những thành tựu đó có liên quan tới một loạt nhân tố khách quan và chủ quan. Về *khách quan*, do vị trí địa - chính trị và địa - kinh tế thuận lợi, nên các nước Đông-Nam Á được sự quan tâm lớn của các nước bên ngoài, nhất là các nước lớn. Điều đó đã đưa tới sự nhòm ngó và giành giật quyết liệt ở Đông-Nam Á. Không phải ngẫu nhiên mà các nước ở đây đều bị các nước thực dân xâm lược, và chính ở đây đã diễn ra các cuộc chiến tranh lâu dài nhất, ác liệt nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Mặt khác, trong thời bình, nhất là khi nhu cầu mở rộng thị trường buôn bán và đầu tư gia tăng, các nước ở đây cũng trở thành những đối tượng được chú ý tới nhiều. Gần nửa thế kỷ qua, trong khi các nước Đông dương bị nhấn chìm trong khói lửa chiến tranh, thì các nước ASEAN được an hưởng hòa bình tương đối, thậm chí một số nước còn giành được mối lợi không nhỏ qua việc phục vụ chiến tranh của Mỹ ở Đông dương.

Về *chủ quan*, các nước ASEAN đã "thức thời" điều chỉnh chiến lược phát triển, chuyển từ chiến lược thay thế nhập khẩu, tận dụng lợi thế về tài nguyên thiên nhiên sang chiến lược hướng mạnh vào xuất khẩu. Các nước ASEAN cũng đã thực hiện được việc chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa cùng với phát triển dịch vụ, trong khi vẫn chú ý khai thác thế mạnh vốn có về tài nguyên và nông nghiệp, kết hợp việc gia tăng mạnh mẽ tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân (khoảng 30-40% GDP) với việc ra sức thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài và tận dụng thị trường kinh tế, nhất là của Mỹ và Nhật ; chú trọng xây dựng kết cấu hạ tầng, khuyến khích mạnh mẽ giáo dục, kết hợp phát triển kinh tế với việc duy trì truyền thống, bản sắc dân tộc. Đương nhiên, hình thức và mức độ thực hiện những chính sách trên cũng như kết quả gặt hái được, không phải lúc nào cũng như nhau. Bên cạnh những thành công, có những nước phải gánh chịu những hậu quả không nhỏ của sự phát triển không cân bằng giữa kinh tế và xã hội.

Một nhân tố không nhỏ góp phần vào sự phát triển của ASEAN là sự hợp tác giữa các nước thành viên với nhau và với các nước khác ở bên ngoài, chủ yếu là các nước được gọi là "đối thoại", bao gồm : Mỹ, Ca-na-đa,

Digitized by Google

Nhật bản, Ô-xtơ-rê-li-a, Niu Di-lân, Liên minh châu Âu, Hàn quốc.

Thực ra, ý tưởng về sự hợp tác để phát triển đã nảy sinh ngay từ khi ASEAN ra đời. Từ năm 1976, ASEAN đã lập ra 5 ủy ban về hợp tác kinh tế : tài chính - ngân hàng ; lương thực, nông-lâm nghiệp; công nghiệp, khoáng sản - năng lượng; giao thông vận tải; thương mại - du lịch và bốn ủy ban về khoa học - công nghệ, phát triển xã hội, chống ma túy và văn hóa - thông tin. Các nước thành viên ASEAN cũng đã ký những hiệp định hợp tác đa phương, xúc tiến một số dự án và chương trình hợp tác với nhau và với các nước "đối thoại" trên nhiều lĩnh vực.

Tuy nhiên, trước những năm 90, hoạt động của ASEAN bị cuốn hút vào các vấn đề chính trị, nhất là "vấn đề Cam-pu-chia"; đồng thời, các nước ASEAN đều hướng ra bên ngoài khối, chứ chưa coi trọng sự hợp tác với nhau. Hơn nữa, "lực" của các nước ASEAN trong thời kỳ đó còn có hạn, do đó sự hợp tác về kinh tế - thương mại còn chưa đáng kể.

Từ đầu những năm 90, các nước ASEAN đã "mọc lông, mọc cánh", sức mạnh kinh tế đã gia tăng. Từ những nước nhận viện trợ, Xin-ga-po, Thái-lan, Ma-lai-xi-a đã lần lượt trở thành những nước viện trợ (tuy hạn chế), dự trữ ngoại tệ tăng khá (Xin-ga-po có trên 30 tỉ USD, Bru-nây có thể trên 25 tỉ, Thái-lan trên 20 tỉ, In-đô-nê-xi-a trên 10 tỉ, Phi-líp-pin 4,5 tỉ). Các nước này cũng bắt đầu đầu tư ra ngoài, chuẩn bị điều kiện để "cất cánh" vào thế kỷ thứ XXI với tư cách là các nước công nghiệp mới hoặc công nghiệp phát triển. Chính trong bối cảnh đó, đứng trước những cơ hội cũng như thách thức mới do quá trình cơ cấu lại nền kinh tế thế giới dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ mới cũng như của xu thế quốc tế hóa và khu vực hóa, Hội nghị cấp cao họp ở Xin-ga-po tháng 1-1992 đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử ASEAN, chuyển mạnh sang hợp tác kinh tế với *hai* quyết định quan trọng : hình thành Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), theo đó trong vòng 10-15 năm giảm dần thuế quan đánh vào sản phẩm công nghiệp chế tạo và nông sản chế biến xuống còn 0-5% ; và ký Hiệp định khung về hợp tác kinh tế. Giữa các nước ASEAN đã hình thành các đa giác phát triển, như các tam giác : Xin-ga-po - Giô-ho (của Ma-lai-xi-a) - Ba-tan (của In-đô-nê-xi-a) ; Nam Thái-lan - Bắc Ma-lai-xi-a - Xu-ma-tơ-ra (của In-đô-nê-xi-a) ; Min-đa-nao (của Phi-líp-pin) - Xu-la-uê-xi (của In-đô-nê-xi-a) - Đông Ma-lai-xi-a, nhằm tận dụng sự liên kết, tạo nên sức mạnh chung.

Để thực hiện những mục tiêu rộng lớn và lâu dài như vậy, các nước ASEAN cần có môi trường hòa bình và ổn định, cũng như một thị trường rộng lớn. Vì vậy mà ASEAN đưa ra sáng kiến về một Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), lôi kéo các nước lớn và các nước quan sát viên của ASEAN tham gia thảo luận về những biện pháp bảo đảm an ninh khu vực. Cũng trong bối cảnh đó, đã xuất hiện những khái niệm về "ASEAN mở rộng", từng bước tranh thủ sự tham gia của cả 10 nước ở Đông-Nam Á, trước mắt là Việt nam, rồi Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma. Cùng với sự lớn mạnh về lực lượng kinh tế, trước những chuyển biến trên thế giới và ở khu vực, vai trò quốc tế của ASEAN cũng ngày càng được nâng cao, ý thức độc lập tự chủ được củng cố. Ngày nay, ASEAN đã trở thành một thực thể có vị trí đáng kể trong sinh hoạt quốc tế, có tiếng nói riêng trên nhiều vấn đề, kể cả trong việc bảo vệ chủ quyền, trên các vấn đề thuộc lợi ích kinh tế, nhân quyền...

ASEAN là một tập hợp các quốc gia có điều kiện, lịch sử, văn hóa, chính trị kinh tế xã hội khác nhau, do đó đương nhiên giữa các nước thành viên cũng có những khác biệt, thậm chí xung khắc, mâu thuẫn trên vấn đề này hay vấn đề khác, kể cả về đất đai lãnh thổ, về chính sách đối nội và đối ngoại. Tuy nhiên, các nước thành viên chủ trương theo đuổi nguyên tắc "thống nhất trong sự đa dạng", tăng cường hợp tác vì những lợi ích chung, song vẫn tôn trọng bản sắc riêng của mỗi nước. Vì vậy mà một trong những nguyên tắc chủ yếu của ASEAN là "consensus" (nhất trí), mọi quy định đều phải có sự nhất trí của các nước thành viên ; việc tham gia các dự án, chương trình cụ thể tùy thuộc vào lòng mong muốn của mỗi nước. Nhân đây cũng cần nói rằng, cho tới nay, sự hợp tác về mặt quân sự chỉ mang tính chất song phương, không mang tính chất của cả hiệp hội.

Ý muốn của ASEAN có hòa bình, ổn định, mở rộng hợp tác, bắt gặp chủ trương của

Digitized by Google

chúng ta là tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi, môi trường hòa bình và ổn định để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", trùng hợp với chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa của nước ta, trong đó mối quan tâm hàng đầu được dành cho sự hợp tác trong khu vực. Với việc ký Hiệp định Pa-ri về giải pháp chính trị toàn bộ cho vấn đề Cam-pu-chia, trở ngại cơ bản tồn tại hơn 10 năm trong quan hệ giữa nước ta với các nước trong ASEAN đã được gỡ bỏ ; quan hệ giữa nước ta với các thành viên ASEAN phát triển nhanh chóng trên cả cơ sở song phương lẫn đa phương. Các chuyến viếng thăm lẫn nhau ở cấp cao diễn ra dồn dập ; gần 40 hiệp định ở cấp nhà nước và chính phủ được ký kết ; quan hệ kinh tế, thương mại nở rộ. ASEAN tiêu thụ hoặc tái xuất 30% - 50% hàng xuất khẩu của ta ; với số vốn đang ký khoảng 1,5 tỉ USD, ASEAN chiếm khoảng 15% tổng số vốn đầu tư của nước ngoài vào Việt nam.

Năm 1992, nước ta tham gia Hiệp ước thân thiện và hợp tác Ba-li và trở thành quan sát viên của ASEAN. Năm 1994, ta tham gia các ủy ban khoa học - công nghệ, văn hóa - thông tin, phát triển xã hội, chống ma túy, môi trường, dịch vụ dân sự cũng như 5 dự án chuyên ngành về thủ công, du lịch, phòng ngừa ma tuy (dành cho thanh niên), đào tạo nhân viên du lịch. Hội nghị bộ trưởng ngoại giao ASEAN họp ở Bang cốc tháng 7 vừa qua hoan nghênh Việt nam tham gia ASEAN và bắt tay vào chuẩn bị cho bước tiến này. Đây là sự kiện đánh dấu một mốc mới trong quan hệ Việt nam - ASEAN cũng như trong xu thế hợp tác ở khu vực Đông-Nam Á vốn đã bị xâu xé, chia rẽ suốt gần nửa thế kỷ qua.

Sự kiện này phù hợp với xu thế khu vực hóa đang diễn ra trên thế giới cũng như ở khu vực ; nó đáp ứng lợi ích của nước ta và ASEAN là cần có môi trường hòa bình, ổn định và đẩy mạnh hợp tác vì lợi ích phát triển ; nó cũng trùng với ý nguyện của nhân dân các nước, nhất là các nước châu Á - Thái bình dương ; muốn có một Đông-Nam Á ổn định, mở rộng thêm thị trường và đối tác về kinh tế - thương mại, khoa học - công nghệ, văn hóa - xã hội. Xem như vậy thì việc nước ta gia nhập ASEAN có lợi cho xu thế chung là hòa bình và hợp tác. Việc đó không gây trở ngại, mà còn hỗ trợ cho việc thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, mở rộng hơn nữa quan hệ hữu nghị hợp tác với tất cả các nước theo khẩu hiệu "Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

NGHỊ QUYẾT...

(Tiếp theo trang 27)

đấu để có nhiều tác phẩm hay, phản ánh chân thực với tính tư tưởng và nghệ thuật cao công cuộc đổi mới trong thời kỳ đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Xây dựng được mô hình thích hợp của hội trên các mặt chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, nội dung hoạt động và tạo điều kiện phát huy mọi tiềm năng sáng tạo, bảo đảm thực hiện đúng tôn chỉ mục đích của hội. Bầu ra một ban lãnh đạo mới của hội đáp ứng những yêu cầu nhiệm vụ nêu trên, trong đó những người lãnh đạo chủ chốt cần vững vàng về chính trị, có uy tín, phẩm chất và năng lực điều hành công việc - một công việc ngày càng phong phú, đa dạng của hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật.

Hy vọng rằng, đại hội các hội sẽ là một bước mới trong việc đưa nghị quyết Trung ương 4 vào cuộc sống - một nhiệm vụ có tầm chiến lược, đòi hỏi nhiều thời gian và phải huy động sức mạnh tổng hợp : phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước ; phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của giới sáng tạo và đội ngũ cán bộ văn hóa, văn nghệ ; động viên được các lực lượng trong toàn xã hội đóng góp cho sự nghiệp phát triển văn hóa dân tộc.

Digitized by Google

VỀ THÀNH TỰU VÀ CỐNG HIẾN LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC

PHẠM VĂN CHÚC

ĐANG và sẽ còn tiếp diễn cuộc tranh luận và khảo sát lại một cách khoa học để đi đến nhận thức và đánh giá chính xác, toàn diện *chủ nghĩa xã hội hiện thực* trên thế giới nói chung, cũng như chế độ xã hội đã tồn tại ở Liên xô và Đông Âu nói riêng. Ở đây, một mặt, khó có thể bỏ qua hoàn toàn sự xa cách hiển nhiên giữa hiện thực đó với lý luận *chủ nghĩa xã hội khoa học*. Mặt khác, cũng không thể phủ nhận niềm tin chân thành, nhiệt tình cao cả và thành quả cụ thể lớn lao của hàng trăm triệu con người đã đem mồ hôi và xương máu của mình hiến dâng cho một sự nghiệp khởi đầu tốt đẹp kéo dài gần suốt một thế kỷ. Sự đan xen giữa các nhân tố xã hội chủ nghĩa và không xã hội chủ nghĩa dẫn tới chỗ khó nắm bắt, đánh giá được cụ thể mặt tích cực và mặt tiêu cực trong chủ nghĩa xã hội hiện thực. Có thể có nhiều thành tựu không hẳn chỉ thuộc về chủ nghĩa xã hội hiện thực. Ngược lại, có thể có một số khiếm khuyết phát sinh từ chính chủ nghĩa xã hội hiện thực, mà ít liên quan tới những tàn tích quá khứ, hay sự xâm nhập ngoại lai tư bản chủ nghĩa và tiền tư bản chủ nghĩa.

Để giải quyết vấn đề đã đặt ra, trước hết phải hiểu được *thực trạng* của " chủ nghĩa xã hội hiện thực" về mặt định tính và định lượng một cách rõ ràng, đồng thời phải kiểm chứng nó một cách khách quan từ hệ tiêu chí lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Khi đề cập đến xã hội tương lai (xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa), cũng như quá trình hình thành và phát triển của nó, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã nêu lên một số tư tưởng chính sau :

- Kể từ khoảng giữa thế kỷ XIX trở đi, trên cơ sở chủ nghĩa tư bản, đại công nghiệp đã bắt đầu quá trình tất yếu của sự hình thành và phát triển một hình thái xã hội mới (xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa) ;

- Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản gắn liền với tính năng động, tích cực và sáng tạo của nhân tố chủ quan, trước hết là giai cấp công nhân với chính đảng (Đảng công sản) và hệ tư tưởng (chủ nghĩa Mác - Lê-nin) của nó ;

- Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không phải chỉ là một trạng thái có sẵn, xong xuôi, hoàn chỉnh ngay sau khi vừa mới ra đời, mà nó còn là một quá trình vận động, một *phong trào*, một sự phát triển ;

- Bản thân xã hội tương lai cũng có hai trình độ thấp và cao, hay hai giai đoạn đầu và tiếp sau - là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản hoàn thiện ;

- Giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản là thời kỳ quá độ đầy khó khăn, phức tạp,

Digitized by Google

lâu dài và quanh co, được mở ra từ sau thắng lợi của cuộc cách mạng vô sản, và bao gồm "những cơn đau đẻ dài" :

- Nguyên lý phổ biến xét trên quy mô toàn cầu, toàn nhân loại và lịch sử toàn thế giới về tiến trình tất yếu đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thông qua thời kỳ quá độ, không loại trừ, mà trái lại còn bao hàm khả năng thời kỳ này bắt đầu trong những điều kiện không gian và thời gian lịch sử cụ thể của *chủ nghĩa tư bản phát triển thấp*, thậm chí của *xã hội tiền tư bản chủ nghĩa;*

- Không những thế, phép biện chứng trên của cái chung và cái riêng, cái toàn thể và cái bộ phận, cái phổ biến và cái đặc thù còn đồng thời mở ra cơ hội có tính hiện thực trực tiếp tại những địa bàn nhất định, ở những thời đoạn nhất định, và với những dân tộc, quốc gia nhất định mà thời kỳ quá độ được thực hiện thuận lợi và chóng vánh hơn ;

- Trong thời đại ngày nay, xu hướng đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là một khả năng lịch sử hiện thực và rộng rãi. Một mặt, sự hình thành xã hội mới, hay quá trình *hiện thực hóa* lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, là lâu dài và khó khăn. Mặt khác, có thể coi bản thân quá trình này đã chính là những trình độ, hình thái phát triển và hoàn thiện dần dần của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản hiện thực.

Như vậy, "chủ nghĩa xã hội hiện thực" về bản chất là *xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Trên phạm vi toàn cầu, thời kỳ này không phải là một quá trình ngắn ngủi, tiệm tiến, đi lên giản đơn, mà có thể bắt đầu, tạm kết thúc, tái diễn một cách phức tạp, không liên tục, không đơn tuyến, nghĩa là gián đoạn, nhất thời, ở nơi này hoặc nơi khác, vào lúc này hay lúc khác. Thậm chí nếu những xã hội đó sau một thời gian tồn tại, đi lên mà lại tụt hậu, tan rã, thì điều này không hề mâu thuẫn với những tư tưởng đã nêu trên. Có thể hình dung thời kỳ quá độ theo dạng "các đợt sóng", trong đó mỗi "đợt" sẽ góp một phần xung lượng cần thiết cho hợp lực cuối cùng là cơn sóng bạc đầu lật nhào vật cản. Trong suốt thời kỳ này, sự tồn tại của chủ nghĩa xã hội là một *cơ sở bản thể* của sự phối hợp và tác động qua lại phức tạp trong không gian và thời gian, giữa liên tục và đứt đoạn, thuộc tính và hiện thực, trào lưu đấu tranh và thiết chế xã hội... Theo ý nghĩa đó, ngay từ trước khi Công xã Pa-ri thất bại, Mác đã khẳng định : nếu Công xã bị thất bại, thì cuộc đấu tranh sẽ chỉ kéo dài mà thôi, những nguyên tắc của Công xã tồn tại mãi và không thể bị thủ tiêu ; những nguyên tắc đó vẫn cứ biểu hiện chừng nào giai cấp công nhân còn chưa được giải phóng.

Thực tế cho thấy, vẫn còn có những quốc gia và dân tộc đang kiên trì, sáng tạo mở đường đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, bất chấp khúc quanh 1989-1991 đầy thách thức. Ngày nay, cả chủ nghĩa tư bản lẫn những trào lưu đang nỗ lực *hiện thực hóa* lý tưởng xã hội chủ nghĩa có thể sẽ còn trải qua nhiều biến động, điều chỉnh, đổi mới, song ngay điều đó cũng không thể bẻ ngoặt được dòng chảy chủ đạo đã nêu trên của lịch sử.

Chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu trước đây nói riêng, các xã hội quá độ định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang tồn tại trên thế giới hiện nay nói chung, đều mang dấu ấn lịch sử thời đại của toàn thể giới. Những thành tựu và cống hiến của nó biểu hiện một cách sinh động trong các mối quan hệ chính :

1- Chủ nghĩa xã hội hiện thực và lịch sử xã hội loài người.

Lý luận mác xít về lịch sử cho rằng, xã hội loài người phát triển qua năm hình thái kinh tế - xã hội với những đặc trưng riêng về kết cấu kinh tế và xã hội, trong đó hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa là hình thái văn minh - tương lai của loài người.

Những tài liệu sử học, khảo cổ học, dân tộc học về các nền văn hóa, văn minh phương Đông và phương Tây đều xác nhận rằng, những ý tưởng xã hội chủ nghĩa đầu tiên, như nguyện vọng về một "thế giới đại đồng", hay ước mơ về một "kỷ nguyên vàng son"... đã xuất hiện ngay từ khi hình thái kinh tế - xã hội thứ nhất tan rã và hình thái kinh tế - xã hội thứ hai ra đời. Hơn nữa, thực tế cho thấy, tới một lúc nào đó trong xã hội có tư hữu và giai cấp tồn tại dai đẳng suốt bao nhiêu năm,

Digitized by Google

đã xuất hiện tư tưởng xã hội chủ nghĩa thấm đượm tinh thần nhân đạo.

Tư tưởng xã hội chủ nghĩa qua các hình thái xã hội và phương thức sản xuất khác nhau có những nội dung cụ thể khác nhau, và chiếm giữ vai trò, vị trí khác nhau trong đời sống tinh thần của con người và xã hội nói chung. Mặc dù vậy, tư tưởng đó luôn luôn có cơ nguyên xuất phát cũng như mục tiêu hiện thực, hợp lý và đến Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) nó đã trở thành hiện thực.

Với tư cách là *một chế độ xã hội*, chủ nghĩa xã hội hiện thực đánh dấu bước ngoặt lớn trong toàn bộ tiến trình lịch sử. Nó báo hiệu quá trình phủ định các hình thái xã hội có tư hữu và giai cấp đối kháng, đồng thời cũng mở đầu sự khẳng định hình thái xã hội cộng sản văn minh.

2- Chủ nghĩa xã hội hiện thực và lịch sử chủ nghĩa xã hội.

Từ sự phân tích trên có thể rút ra nhận xét :

Thứ nhất, theo lý luận mác xít về hình thái kinh tế - xã hội thì tư tưởng xã hội chủ nghĩa có cơ sở vật chất - xã hội hiện thực là một thuộc tính khách quan trong sự phát triển tất yếu của lịch sử.

Thứ hai, thuộc tính đó bao hàm các mặt kinh tế - sản xuất, giai cấp - xã hội và văn hóa - tinh thần ; phong trào xã hội chủ nghĩa cận đại và hiện đại chính là hình thái biểu hiện ban đầu, tương đối tập trung của nó. Phong trào này có quá trình vận động, phát triển gắn liền với sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội.

Thứ ba, lịch sử của phong trào xã hội chủ nghĩa có thể xét theo hai khía cạnh : một là, từ thuộc tính đến hiện thực ; từ hiện thực đơn thù, bộ phận đến hiện thực phổ biến, hoàn chỉnh ; từ hiện tượng riêng lẻ, khiếm khuyết đến thực thể chín muồi, ưu việt ; hai là, ý thức xã hội chủ nghĩa từ ước mơ, nguyện vọng không tưởng đến lý luận, học thuyết khoa học.

Với sự kiểm chứng khắc nghiệt của thực tế lịch sử, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã tan rã một mảng lớn vào những năm 1989-1991. Tuy nhiên, nó đã xác nhận một cố gắng *ban đầu* trong cả quá trình lâu dài đầy khó khăn của giai cấp vô sản và nhân loại tiến bộ với đầy niềm tin, nhiệt huyết chân thành nhằm hiện thực hóa lý luận khoa học về chủ nghĩa xã hội. Sự khủng hoảng, tan rã, sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở một nơi nào đó còn có thể xảy ra, song không hề trái với những quy luật vận động và phát triển biện chứng của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản xét trên quy mô toàn cầu mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã tiên liệu. Sự thất bại đó chỉ là tạm thời và thuộc về một hay một số mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực cụ thể, còn có những hạn chế vấp váp khi xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chính điều đó càng xác nhận tính phức tạp của tiến trình lịch sử nói chung, của lịch sử chủ nghĩa xã hội nói riêng, mà trải qua tiến trình đó chủ nghĩa xã hội mới trở thành hoàn thiện về lý luận và thực tiễn.

Như vậy, nếu xét trong cả chiều dài lịch sử loài người thì chủ nghĩa xã hội hiện thực thế kỷ XX đã là một cột mốc sáng ngời báo hiệu thời đại mới, thời đại mở đầu cho hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh. Từ góc độ lịch sử chủ nghĩa xã hội, chế độ xã hội chủ nghĩa đã khẳng định tính khách quan, hợp quy luật của phong trào xã hội chủ nghĩa nói chung và của một hiện thực xã hội xã hội chủ nghĩa nói riêng. Với sự hiện diện và ảnh hưởng sâu rộng của mình trên khắp hành tinh, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã có cống hiến vô giá cho sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa của toàn nhân loại, một sự nghiệp sáng tạo khó khăn, lâu dài.

3- Chủ nghĩa xã hội hiện thực và các dân tộc xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô, Đông Âu, Trung quốc, Việt nam... bất kể dưới sự thẩm định và thách thức nào của thời gian, chắc chắn vẫn sẽ là một giai đoạn đặc biệt, ghi dấu ấn đậm nét mặt tích cực và tiến bộ trong toàn bộ lịch sử phát triển của các dân tộc đã và đang lựa chọn, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội hiện thực đã bước đầu khơi dậy, phát huy những mặt, những lực lượng mang tính xã hội của bản chất tốt đẹp của con người từ lâu vẫn tiềm ẩn trong các

Digitized by Google

xã hội áp bức, bóc lột. Nó kết hợp trong bản thân mình nhận thức chân thực về xu hướng xã hội chủ nghĩa tồn tại hiện thực trong thời đại ngày nay với ước vọng ngàn đời không gì dập tắt nổi của nhân dân lao động về bình đẳng, tự do, tiến bộ, văn minh và nhân đạo. Vì thế, dù còn những khuyết tật, chủ nghĩa xã hội hiện thực non trẻ đã mở ra một chân trời mới cho sự phát triển của xã hội loài người.

Như vậy, về mặt định tính khái quát, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã khởi đầu một kỷ nguyên mới về chất trong lịch sử phát triển của các dân tộc đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Ngay cả ở những địa bàn mà chế độ xã hội mới này tạm thời thất bại thì sự tồn tại chưa lâu dài của nó vẫn mang ý nghĩa trọng đại, xác nhận sự tăng trưởng, tiến bộ của các dân tộc đó.

Chủ nghĩa xã hội hiện thực về cơ bản đã hạn chế nạn người bóc lột người, bước đầu thật sự đem lại cho nhân dân lao động những quyền con người và công dân ở mức độ nhất định. Quá trình dân chủ hóa xã hội chủ nghĩa đang được thực hiện ở các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, tuy còn hạn chế, vấp váp, nhưng dù sao vẫn có nhiều ý nghĩa, tác dụng tích cực.

Chủ nghĩa xã hội hiện thực cũng đã đem lại một tiềm lực kinh tế và khoa học, kỹ thuật hùng mạnh. Từ một nước lạc hậu, Liên xô đã trở thành một siêu cường công nghiệp và quốc phòng. Những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Trung quốc cũng rất to lớn ; đặc biệt từ 1978 đến 1986, công nghiệp tăng hơn 2 lần, sản xuất than từ thứ ba lên thứ hai thế giới, xi măng từ thứ tư lên thứ nhất, thép từ thứ năm lên thứ tư, máy thu hình từ thứ tám lên thứ ba, v. v..

Về mặt văn hóa, giáo dục và y tế, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn. Trước Cách mạng Tháng Mười, các nhà nghiên cứu cho rằng muốn xóa nạn mù chữ trên toàn nước Nga, phải mất 180 năm cho nam giới và 280 năm cho nữ giới, nhưng chính quyền xô viết chỉ cần 20 năm đã thực hiện được việc này.

Khi so sánh, đối chiếu trực tiếp chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, còn thấy được rằng, để "quá độ" ra khỏi chế độ phong kiến, chủ nghĩa tư bản phải mất 300 năm. Và để có "cơ đồ" như ngày nay, chủ nghĩa tư bản chỉ có khoảng 10% là các nước công nghiệp phát triển, 20% các nước phát triển vừa và phát triển mới (NIC), còn lại là thế giới thứ ba nghèo nàn, lạc hậu, nợ nần chồng chất, tương lai mờ mịt, nó còn phải mất thêm 200 năm nữa. Vậy mà chủ nghĩa xã hội hiện thực mới tồn tại hơn 70 năm, đã có nước trở thành siêu cường công nghiệp vũ trụ và nguyên tử, có nước chỉ mấy thập kỷ đã vượt qua điểm xuất phát giai đoạn tư bản chủ nghĩa sơ kỳ, thậm chí tiền tư bản chủ nghĩa. Tuy sụp đổ một mảng quan trọng, nhưng chủ nghĩa xã hội ra đời và tồn tại vẫn là "sự kiện quan trọng nhất thế kỷ XX" như cựu tổng thống Mỹ R.Nich-xơn thừa nhận. Nó vẫn tiếp tục có ảnh hưởng sâu xa trong tiến trình lịch sử của loài người.

Quan niệm mang màu sắc "phi tư tưởng hệ" về "các nền văn minh" trong sự phát triển lịch sử xã hội loài người của một số người không thể thay thế cho lý luận về hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác. Sau hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa là hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội, đó là những nấc thang phát triển tự nhiên của lịch sử.

Với nhãn quan triết học - chính trị mác xít, có thể thấy rõ ý nghĩa trọng đại và tầm vóc lớn lao của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong đời sống nhân loại thế kỷ XX. Xét theo các góc độ khác nhau, có thể nhận định rằng, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã ghi dấu son đậm nét trong đời sống của các dân tộc. Chủ nghĩa xã hội hiện thực có tác dụng như một đợt sóng ban đầu mạnh mẽ tạo thế cho những đợt sóng không gì ngăn cản nổi tiếp theo để đưa con người vào hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh. Đúng như Lê-nin đã khẳng định, chủ nghĩa xã hội hiện thực ở thế kỷ này chính là "một phát minh lịch sử vĩ đại nhất"(1).

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va, 1978, t.45, tr.130

Digitized by Google

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC VỀ GIAI CẤP VÀ ĐẤU TRANH GIAI CẤP

LÊ HỮU NGHĨA*

CÓ lẽ chưa bao giờ quan điểm của chủ nghĩa Mác về giai cấp và đấu tranh giai cấp lại bị xuyên tạc, công kích và bác bỏ nhiều như hiện nay trên thế giới. Người ta tìm mọi cách đổ vấy, quy mọi sai lầm, tội lỗi, thậm chí cả tội ác ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây và mọi tai họa mà ngày nay nhân dân Liên xô (cũ) gánh chịu vào cho quan điểm mác xít về giai cấp và đấu tranh giai cấp. Họ nói rằng mọi tai họa là bắt nguồn từ đó ! Không chỉ những nhà chính trị tư sản mà cả những người trước đây từng mang danh là lãnh tụ cộng sản nay cũng có cùng luận điệu như vậy. Họ tuyên bố : "hãy từ bỏ giáo điều về đấu tranh giai cấp", "tai họa của chúng ta là từ những giáo lý của chủ nghĩa Mác, do Mác và Ăng - ghen quá chú ý đấu tranh giai cấp" v.v. và v.v..

Rõ ràng vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp đã trở thành *điểm nóng* của cuộc đấu tranh tư tưởng - lý luận hiện nay. Vì vậy, nhận thức cho đúng *thực chất* quan điểm của Mác, Lê - nin về giai cấp và đấu tranh giai cấp và khẳng định ý nghĩa của những quan điểm đúng đắn đó trong thời đại ngày nay là điều rất quan trọng. Ở đây *tuyệt nhiên không nên lẫn lộn* những quan điểm của Mác với những sai lầm về nhận thức và thực tiễn trong quá trình đấu tranh giai cấp ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây - những sai lầm đó đã làm biến dạng lý luận mác xít về giai cấp, tạo "cơ sở" cho kẻ thù phê phán chủ nghĩa Mác. Mặt khác, phải vạch trần những luận điệu xuyên tạc quan điểm mác xít về giai cấp ; đồng thời phải dựa trên những đặc điểm mới của thời đại, của nền văn minh tin học, *bổ sung, phát triển* lý luận mác xít về giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Như chúng ta biết, Mác không phải là người có công phát hiện ra giai cấp và đấu tranh giai cấp. Công lao đó thuộc về các nhà sử học tư sản như Chi-e-ri, Ghi-dô, Mi-nhê ... *Cái mới* ở Mác như đã được nêu lên trong thư Mác gửi Vây-đơ-may-e là khẳng định sự tồn tại giai cấp chỉ gắn với những giai đoạn lịch sử nhất định, đấu tranh giai cấp tất yếu dẫn đến chuyên chính vô sản, chuyên chính vô sản là bước quá độ để đi đến xóa bỏ mọi giai cấp. Mác đã tìm thấy ở giai cấp công nhân sứ mệnh lịch sử là xóa bỏ áp bức, bóc lột, giải phóng cho mình đồng thời giải phóng cho toàn nhân loại.

Lý luận mác xít về giai cấp phản ánh thực tế của xã hội có giai cấp, trong đó đấu tranh giai cấp là tất yếu, là một trong những động lực phát triển của xã hội có giai cấp. Quan điểm về giai cấp và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác *mang tính nhân đạo hiện thực sâu sắc*, và thống nhất với chủ nghĩa nhân đạo. Bởi vì, đấu tranh giai cấp không chỉ nhằm giải phóng một giai cấp, mà giải phóng cho toàn thể nhân loại. Và đấu tranh giai cấp là vì con người, vì lợi ích tiến bộ của con người, vì lý tưởng con người là tự do, công bằng, bác ái. Do đó, không được đối lập chủ nghĩa nhân đạo với quan điểm mác xít về đấu tranh giai cấp, hoặc coi đấu tranh giai cấp là tạo cảnh "nồi da nấu thịt", làm tổn thương con người.

Trên vấn đề đấu tranh giai cấp ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, nhiều lúc, nhiều nơi đã có sự sai lầm trong nhận thức và hành động nên đã gây những hậu quả nặng nề :

- Hiểu tính giai cấp theo nghĩa biệt phái, rơi vào "chủ nghĩa thành phần", từ đó tách rời và đối lập một cách siêu hình giai cấp công nhân với các giai cấp khác, có định kiến với chủ nghĩa tư bản, mặc cảm với trí thức.

* PGS, PTS triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

- Quy con người chỉ về *con người giai cấp*, coi giai cấp như yếu tố *duy nhất* trong con người, quy mọi cái vào quan hệ giai cấp trực tiếp, không thấy quan hệ biện chứng giữa *cái giai cấp, cái dân tộc* và *cái nhân loại*, từ đó coi nhẹ nhân tố con người.

- Cường điệu đấu tranh giai cấp trong chủ nghĩa xã hội, từ đó đi đến các biện pháp cực đoan.

Những kẻ phê phán Mác đã đem đối lập vấn đề đấu tranh giai cấp với vấn đề con người. Họ cho rằng phần lớn nội dung các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là dành cho vấn đề đấu tranh giai cấp, còn vấn đề con người chỉ nói tới một cách sơ lược. Họ còn cho rằng theo quan điểm của Mác, xã hội chỉ là những cuộc đấu tranh giai cấp triền miên; con người chỉ là con người giai cấp, và đó là cơ sở để thiết lập chủ nghĩa duy vật lịch sử, hoạch định chương trình cách mạng vô sản và xây dựng chủ nghĩa xã hội (!?).

Thực tế cho thấy, do sống trong thời đại đấu tranh giai cấp gay gắt giữa tư sản và vô sản, nên Mác và Ăng- ghen phải quan tâm đến vấn đề đấu tranh giai cấp và giáo dục ý thức giai cấp cho công nhân. Còn Lê-nin cũng quan tâm đến vấn đề đấu tranh giai cấp, bởi vì thời đó cuộc đấu tranh giai cấp ở Nga diễn ra rất quyết liệt, nhất là thời kỳ trước, trong và sau Cách mạng Tháng Mười để giành và giữ chính quyền vô sản. Tuy nhiên, ngay trong những thời kỳ đấu tranh giai cấp gay gắt đó, Mác, Ăng-ghen và Lê-nin không bao giờ coi *chỉ có* đấu tranh giai cấp mới là động lực phát triển xã hội, và không quy sự phát triển xã hội *chỉ về* đấu tranh giai cấp. Các ông cũng không bao giờ đem đối lập đấu tranh giai cấp với trí tuệ, với khoa học. Đối với Mác, khoa học cũng là một động lực phát triển xã hội. Tuy nhiên, Mác và Ăng-ghen luôn luôn nhấn mạnh đến quan niệm nền tảng của chủ nghĩa duy vật lịch sử là xét đến cùng, sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất là cơ sở của lịch sử, của đời sống xã hội. Còn trí tuệ, khoa học tham gia vào quá trình đó đến mức nào vẫn không làm thay đổi thực chất của vấn đề. Trí tuệ không phải là cốt lõi của sự tiến hóa lịch sử. Nó không phải là yếu tố quyết định lịch sử (ngay cả trong thời đại được gọi là văn minh trí tuệ đi chăng nữa). Chỉ duy tâm mới quan niệm ngược lại mà thôi. Còn bản thân việc đấu tranh trí tuệ cũng không loại trừ và không thay thế cho đấu tranh giai cấp, bởi vì đấu tranh trí tuệ là một hình thức của đấu tranh giai cấp.

Để bác bỏ vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp, có người phải vay mượn quan điểm về *xã hội phân cực không phân tầng*. Cực ở đây là gì? Theo họ đó là thống trị và bị trị. Nhưng trên thực tế, thống trị và bị trị là những giai cấp có lợi ích căn bản đối lập nhau. Cho nên rốt cuộc họ cũng phải thừa nhận vấn đề giai cấp. Tuy nhiên theo họ, *cái trí* của xã hội tập trung ở cực thống trị, còn *cái tâm* nằm ở giai cấp bị trị, tức những người sản xuất ra của cải nhưng bị thiệt thòi trong ăn chia. Và, trí tuệ mới là yếu tố quyết định, đấu tranh trí tuệ mới là động lực của sự phát triển, cái quyết định thắng thua là ở trình độ trí tuệ. Theo lô gích đó thì nhân dân lao động mãi mãi phải cam chịu phận tôi đòi, còn giai cấp tư sản là tiêu biểu cho trí tuệ xã hội thì sẽ thống trị muôn năm !!!

Khi sáng lập ra quan niệm duy vật về lịch sử, Mác đã xuất phát từ con người hiện thực, cụ thể, với tổng hòa những quan hệ xã hội mà trong đó quan hệ giai cấp chỉ là một trong nhiều quan hệ. Mác và Ăng-ghen viết rằng tiền đề xuất phát của chúng tôi là "từ chính ngay những cá nhân hiện thực và sống" [1]. Với điểm xuất phát ấy, Mác đã khắc phục những thiếu sót của toàn bộ triết học cũ, nhất là triết học của Phơ-bách. Trong lời tựa cuốn "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị", Mác đã trình bày một cách tập trung và cô đọng những nguyên lý cơ bản của quan niệm duy vật lịch sử. Ở đây hoàn toàn không thấy bóng dáng con người giai cấp làm cơ sở để thiết lập chủ nghĩa duy vật lịch sử như một số người đã cố tình xuyên tạc Mác.

Ngày nay, có người cho rằng sự khủng hoảng và sụp đổ của nhiều nước xã hội chủ nghĩa chứng tỏ chủ nghĩa xã hội đang "hội tụ" vào chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản đã thay đổi căn bản, giai cấp vô sản đã có mức sống cao, có tư liệu sản xuất, có cổ phần nên không bị bóc lột như trước. Giai cấp công nhân ngày càng nhỏ bé vì số người sản xuất vật chất ngày càng ít, ví dụ ở một số nước tư bản phát triển thì công nhân chỉ chiếm 20 - 25% tổng số lao động. Giai cấp công nhân vì vậy đang tan biến và hòa nhập vào chủ nghĩa tư bản, bị "xã hội

(1) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr 277

Digitized by Google

hậu công nghiệp" lấy mất bản chất cách mạng và do đó mất cả sứ mệnh lịch sử của mình. Giai cấp công nhân không còn là giai cấp trung tâm của xã hội nữa, vai trò đó thuộc về tầng lớp trí thức khoa học - kỹ thuật. Do vậy, tầng lớp trí thức là chủ thể của xã hội, là lực lượng cơ bản thúc đẩy lịch sử tiến lên bởi lẽ họ sáng tạo ra tri thức, tin học và công nghệ mới. Còn giai cấp tư sản thì không bóc lột công nhân như trước đây nữa, mà chủ yếu bóc lột người máy. Do đó, xã hội không còn đối kháng giai cấp giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Xã hội tư bản là xã hội "phúc lợi chung", "tiêu dùng phổ biến", mọi người đều giàu có. Trên thế giới, xu thế đối thoại đang tang lên, những vấn đề toàn cầu đang nổi lên, vấn đề giai cấp cần phải trở nên nhỏ bé đi v.v.. Từ những nhận định ấy, họ kết luận rằng : ngày nay "khái niệm giai cấp đã biến mất", chỉ còn lại các tầng lớp khác nhau về thu nhập, xã hội đang "trung lưu hóa" và cái mà Mác, Lê-nin nói về giai cấp, đấu tranh giai cấp, về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, không còn đúng nữa (!)

Vậy phải chăng quan điểm mác xít về giai cấp và đấu tranh giai cấp ngày nay đã lỗi thời ? Không ! nó không lỗi thời, ngược lại nó vẫn còn giá trị !

Trong thế giới ngày nay, vẫn còn giai cấp và đấu tranh giai cấp, tuy *điều kiện và hình thức đấu tranh đã có sự thay đổi*. Cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra *gay go và phức tạp*, trong bối cảnh tương quan lực lượng bất lợi cho chủ nghĩa xã hội và các lực lượng cách mạng trên thế giới.

Các thế lực thù địch vẫn thực hiện âm mưu chiến lược là xóa bỏ chủ nghĩa xã hội vào cuối thế kỷ này. Chúng tìm mọi cách can thiệp, phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa, thực hiện "diễn biến hòa bình" đối với các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Chúng mưu đồ thiết lập một trật tự thế giới mới sau thời kỳ "chiến tranh lạnh", "hậu kỳ Liên xô" có lợi cho các thế lực thù địch và sự bá chủ của Mỹ.

Ngày nay, tuy xu thế đối thoại và hợp tác tăng lên, song như vậy không có nghĩa là không còn sự đối đầu và cạnh tranh. Trên thực tế, đối đầu và cạnh tranh nhiều khi vẫn diễn ra gay gắt và quyết liệt. Hơn nữa, đối thoại và hợp tác không có nghĩa là không còn đấu tranh giai cấp, nhưng hình thức đấu tranh đã thay đổi và "mềm dẻo" hơn, đi sâu hơn vào lĩnh vực kinh tế, lĩnh vực khoa học - kỹ thuật. Thế giới ngày nay không chỉ có những yếu tố hòa bình, mà còn có cả những yếu tố chiến tranh. Các thế lực thù địch vẫn sẵn sàng dùng bạo lực để can thiệp vào các nước khi cần thiết.

Trong thế giới ngày nay đang nổi lên những vấn đề toàn cầu và những giá trị chung của nhân loại, đòi hỏi phải có sự hợp tác giữa các quốc gia, giữa các dân tộc. Nhưng điều đó không loại trừ đấu tranh giai cấp, bởi lẽ những vấn đề toàn cầu đó *phần lớn* là do các thế lực đế quốc gây ra. Vì vậy, giải quyết những vấn đề toàn cầu này không chỉ bằng hợp tác, mà bằng cả đấu tranh. Điều này không những không mâu thuẫn, mà còn *thống nhất* với lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Trong các nước mà chế độ xã hội chủ nghĩa bị sụp đổ, cuộc đấu tranh giai cấp vẫn tiếp tục diễn ra dưới hình thức đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Còn ở những nước xã hội chủ nghĩa còn lại, đó là cuộc đấu tranh giữa xu hướng phát triển xã hội chủ nghĩa ; và xu hướng phát triển tư bản chủ nghĩa; ngoài ra còn phải đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Trong các nước tư bản, nhất là các nước tư bản phát triển có sự *biến động* về cơ cấu giai cấp - xã hội, về tương quan giai cấp. Tuy nhiên, điều đó không thủ tiêu mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân và nhân dân lao động, và *giai cấp công nhân vẫn là lực lượng nòng cốt, chỉ đạo* trong cuộc đấu tranh chống sự áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản.

Giai cấp công nhân ở các nước tư bản phát triển tuy có *mức sống* cao hơn nhiều so với trước đây là do trình độ phát triển của xã hội, chứ không phải do thiện chí của nhà tư sản đối với công nhân, song vẫn bị giai cấp tư sản bóc lột với tỉ suất giá trị thặng dư ngày càng tăng. Ví dụ từ những năm 50 đến 1985, tỉ suất này tăng từ 150% đến 300%.

Nếu như ở thế kỷ 19, công nhân chủ yếu là lao động cơ bắp thì hiện nay, công nhân hiện đại không chỉ lao động cơ bắp mà lao động trí tuệ ngày càng tăng. Do yêu cầu của sản xuất hiện đại nên trình độ tri thức về khoa học kỹ thuật, về chuyên môn của công nhân đã được nâng cao. Vì thế, bộ phận công nhân "cổ trắng"

Digitized by Google

(các kỹ sư, kỹ thuật viên ...) tăng lên. Nghĩa là cơ cấu thành phần công nhân đã có sự thay đổi. Ví dụ ở Pháp năm 1987 đã có gần 1 triệu kỹ sư, 90 vạn kỹ thuật viên, 60 vạn công nhân lành nghề ... Trong cơ cấu giai cấp công nhân hiện nay, tỉ lệ công nhân trong sản xuất công nghiệp và nông nghiệp ngày càng nhỏ, còn công nhân trong lĩnh vực dịch vụ, thông tin ngày càng lớn. Ở một số nước tư bản phát triển, tỉ lệ đó là 25% và 75%. Như vậy, khái niệm giai cấp công nhân đã được mở rộng. Theo Rơ-nê Lơ-ghen (ủy viên Bộ chính trị ĐCS Pháp) thì thành phần giai cấp công nhân hiện đại gồm thợ phụ, công nhân lành nghề và công nhân tay nghề thấp, tuyệt đại đa số kỹ thuật viên, một bộ phận kỹ sư và những người lao động làm thuê mà người ta liệt vào viên chức [2].

Ngày nay, tuy một bộ phận công nhân đã có sở hữu cổ phần, nhưng điều đó vẫn chưa làm mất đi bản chất giai cấp công nhân. Ví dụ ở Mỹ, trong số 30-40 triệu công nhân làm thuê đã có 10-12 triệu công nhân có sở hữu cổ phần, ở Pháp có 6 triệu công nhân, ở Anh có 8 triệu công nhân có cổ phần, còn ở Thụy điển thì 21% dân cư đã có cổ phần. Tuy nhiên, giá trị cổ phần của công nhân chiếm tỉ lệ rất nhỏ so với tổng số vốn của nhà tư bản, còn số lãi do cổ phần của công nhân đem lại cũng chỉ chiếm tỉ lệ rất nhỏ so với tiền lương của công nhân (ở Pháp, tỉ lệ này là từ 1% đến 5% tiền lương). Do đó nó vẫn không làm thay đổi được sự thao túng của nhà tư bản trong toàn bộ guồng máy sản xuất. Người công nhân dù có cổ phần, vẫn là *người lao động làm thuê cho nhà tư bản và bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư.*

Như vậy, ngày nay trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, giai cấp tư sản vẫn là lực lượng thống trị lao động. Dù cho chủ nghĩa tư bản có tìm mọi biện pháp để thích nghi, để điều chỉnh hòng xoa dịu mâu thuẫn giữa tư sản với công nhân và nhân dân lao động thì vẫn không thể giải quyết được mâu thuẫn đó. Muốn giải quyết được phải thông qua đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội dưới nhiều hình thức phong phú, sinh động mà không phải nhất thiết bao giờ cũng bằng bạo lực vũ trang.

(2) Xem Tạp chí "*Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội*", số 1 - 1987

Ha-i-ti .....

(Tiếp theo trang 60)

sang bang Phlo-ri-da của Mỹ một cách công khai. Vấn đề này đã trở thành quốc nạn đối với Mỹ. Vì thế, ba ngày trước khi đổ quân vào Ha-i-ti, tổng thống Clin-tơn đã phải đọc một bài diễn văn để thanh minh cho hành động này. Ông tố cáo chính quyền quân sự Ha-i-ti đã thi hành chính sách đàn áp khủng bố, đẩy người Ha-i-ti phải rời bỏ tổ quốc đi tị nạn ở Mỹ và đó chính là điều "gây ảnh hưởng đến an ninh và lợi ích của Mỹ".

Thứ tư, nó mâu thuẫn với các đối thủ chính trị của Clin-tơn và ê-kíp của ông, nhất là với những đối thủ trong Đảng cộng hòa đang tìm mọi cơ hội để làm giảm lòng tin của nhân dân Mỹ với chính quyền của Đảng dân chủ trong cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ tháng 11 năm nay và trong cuộc bầu cử tổng thống tháng 11-1996. Cựu tổng thống Bu-sơ và nhiều nhân vật chóp bu của Đảng cộng hòa đã lên tiếng đả kích mạnh mẽ cuộc can thiệp quân sự vào Ha-i-ti.

Cuối cùng, nó mâu thuẫn với chính ông A-ri-xtít. Ông A-ri-xtít tỏ ý bất mãn vì Mỹ đã không tham khảo ý kiến của ông và cũng không hề báo cho ông biết khi hoạch định kế hoạch tiến quân vào Ha-i-ti. Hơn nữa, hiện có một nỗi lo lắng trong dân chúng nước Mỹ rằng, liệu Mỹ có bị sa lầy ở Ha-i-ti như ở Xô-ma-li-a không ? Và có gì bảo đảm rằng sẽ không có lính Mỹ bị giết chết, bởi theo kế hoạch của Tổng thống Clin-tơn, đến tháng 2-1996 lực lượng quân Mỹ mới rút khỏi Ha-i-ti...

Như vậy, mô hình "dân chủ viện trợ" của chính quyền Clin-tơn xem ra không dễ thực hiện, dẫu rằng mô hình đó núp dưới danh nghĩa nào và có nét gì mới so với mô hình "chính phủ thân hữu" mà các chính quyền Mỹ theo đuổi trước đây.

Digitized by Google

Đảng cầm quyền và phương pháp tiếp cận đối với hoạt động cầm quyền của các chính đảng

NGUYỄN DŨNG SINH*

ĐẢNG cầm quyền là một khái niệm nói về quyền lực, vai trò và hoạt động của một chính đảng đối với chính quyền nhà nước trong một quốc gia nhất định. Đảng cầm quyền là chính đảng của giai cấp nào nắm quyền thống trị trong xã hội, nó là nhân tố quy định bản chất của chính quyền nhà nước và bản chất chế độ xã hội. Trong lịch sử hiện đại, khái niệm đảng cầm quyền đã được bàn đến rất nhiều. Cơ sở chính trị - triết học của nó là các hệ tư tưởng, các học thuyết chính trị khác nhau. Nhưng sự tồn tại của chính đảng bao giờ cũng gắn liền với sự tồn tại của giai cấp. Vì vậy, khi xã hội đã phân chia thành giai cấp và chưa xóa bỏ được sự phân chia giai cấp thì khái niệm đảng cầm quyền vẫn còn được tiếp tục bổ sung và phát triển cả về nội dung lý luận và phương pháp tư duy lý luận đối với các yếu tố nội hàm của khái niệm này.

Với các biến cố lịch sử và quá trình phát triển kinh tế, chính trị, khoa học, công nghệ, văn hóa, xã hội ... khái niệm đảng cầm quyền đang tiếp tục được làm sáng tỏ trên nhiều khía cạnh mới. Cũng như nhiều lĩnh vực của cuộc sống, thực tiễn là chuẩn mực đánh giá tính khoa học của những luận điểm tư tưởng khác nhau khi bàn về đảng cầm quyền. Sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên xô đồng thời cũng là sự mất quyền lãnh đạo của đảng cộng sản ở các nước này thì đối với các đảng cộng sản đang cầm quyền, vấn đề đảng cầm quyền đã được đặt ra ở một tầm nhìn mới. Một điều rõ ràng, giờ đây không còn là lúc bàn cãi "đảng cầm quyền" hay "lãnh đạo chính quyền" ; đảng "đứng trong", "hóa thân" vào nhà nước hay "đứng ngoài" ... để lãnh đạo nhà nước nữa. Một chính đảng nếu không tự mình phát hiện và đáp ứng được những yêu cầu cơ bản trong việc thực hiện vai trò lãnh đạo nhà nước và xã hội thì mọi sự tồn tại theo lối hình thức chủ nghĩa đều có thể bị xóa bỏ. Khi chính đảng cầm quyền bị tước bỏ quyền lực và vai trò lãnh đạo, nhà nước và hệ thống chính trị tất yếu bị biến dạng.

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực khác thù địch với chủ nghĩa xã hội đã và đang triệt để lợi dụng cơn khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội. Sau thất bại của các đảng cộng sản ở Liên xô và Đông Âu, những luận điệu tuyên truyền cũ kỹ và lỗi thời lại tiếp tục được tung ra, hòng xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Kẻ thù của chủ nghĩa xã hội tiếp tục công kích vai trò lãnh đạo của các đảng cộng sản, hệ tư tưởng - lý luận của đảng, thậm chí đòi phán xét cả những quá trình lịch sử. Để cổ vũ cho lý thuyết đa đảng, đa nguyên chính trị, chúng cố tình hạ thấp vai trò và uy tín của đảng cộng sản, cho rằng chỉ một đảng lãnh đạo là "không dân chủ".

Vậy thử hỏi, ở các nước tư bản chủ nghĩa, bên trong cái vỏ "đa đảng", "đa nguyên", sự đa dạng về hình thức tổ chức, cơ chế vận hành của hệ thống chính trị với hai nhân tố cơ bản - chính đảng và nhà nước - thì có phải là nhiều đảng cầm quyền, hay thực chất là lúc nào và ở đâu cũng chỉ có một đảng duy nhất được cầm quyền là đảng của giai cấp tư sản có thế lực nhất ?

Nói đến dân chủ mà không nói đến bản chất của nền dân chủ thì chỉ là nguỵ biện, đối trá. Nói đến dân chủ mà cố tình loại bỏ hết các mối quan hệ xã hội đang tồn tại đa dạng và phức

* Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

tạp, cố tình xóa nhòa ranh giới giữa giai cấp cầm quyền và các giai cấp khác trong xã hội thì thực chất chỉ là luận điệu tuyên truyền mỵ dân của các thế lực cầm quyền phản động và thù địch, là đi ngược lại lợi ích của đông đảo quần chúng nhân dân.

Không cần phải chứng minh, ai cũng nhận thấy, trong lịch sử và hiện nay vẫn tồn tại nhiều chế độ xã hội khác nhau, nhiều kiểu nhà nước khác nhau. Tuy vậy, ở đâu thì bộ máy nhà nước cũng vẫn phải chịu sự tác động, chi phối của một lực lượng chính trị đại biểu cho lợi ích của một giai cấp nhất định. Khi loài người chưa thể bước ra bên ngoài ranh giới của một xã hội có sự phân chia giai cấp thì không có và không thể có một nền dân chủ phi giai cấp.

Do vậy, vấn đề cần bàn không phải là tính khách quan về sự tồn tại của một đảng hay nhiều đảng trong một quốc gia mà là sự tồn tại của chính đảng và hoạt động cầm quyền của nó đại biểu cho lợi ích của giai cấp nào trong xã hội; những nhân tố nào quy định sự tồn tại và vai trò cầm quyền của nó. Vai trò cầm quyền của một chính đảng bao giờ cũng được quy định bởi những yếu tố cơ bản sau đây :

Một là, tương quan lực lượng giữa các giai cấp và các tầng lớp trong xã hội mà các chính đảng là lực lượng đại biểu. Một chính đảng của giai cấp này không thể trở thành đảng cầm quyền khi chưa đánh bại được sự thống trị của giai cấp khác đang cầm quyền. Chính đảng cầm quyền phải là sản phẩm đích thực của một giai đoạn lịch sử nhất định của đất nước, dân tộc. Giai cấp có vai trò lãnh đạo xã hội và nhân dân giao phó cho chính đảng - lực lượng tiêu biểu của giai cấp mình - sứ mệnh cầm quyền chứ không phải chính đảng tự tạo được cho mình sứ mệnh ấy.

Ở một nước này, do sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội và những yếu tố lịch sử nhất định nào đó mà giai cấp tư sản phát triển mạnh mẽ trong lúc giai cấp công nhân chưa trưởng thành, thì giai cấp tư sản đảm đương vai trò lãnh đạo cách mạng, lật đổ chế độ phong kiến, giành lấy quyền thống trị xã hội.

Nhưng ở một nước khác, cũng do nền tảng kinh tế - xã hội và những yếu tố lịch sử quy định, trong khi giai cấp tư sản còn nhỏ bé, yếu ớt nhưng giai cấp công nhân đã đạt đến độ trưởng thành, có khả năng tập hợp xung quanh mình giai cấp nông dân và đông đảo các tầng lớp nhân dân thì giai cấp công nhân vẫn có thể lật đổ sự thống trị của giai cấp địa chủ phong kiến câu kết với chủ nghĩa đế quốc, thực dân xâm lược, vượt qua giai cấp tư sản, giành lấy quyền thống trị xã hội. Lịch sử đã chứng kiến nhiều cuộc cách mạng như vậy.

Hai là, mỗi dân tộc, quốc gia đều có những đặc điểm, đặc thù về kinh tế, chính trị, văn hóa; truyền thống, tâm lý dân tộc. Không thể áp dụng thành công bất cứ một công thức sẵn có nào của nước này để giải quyết những vấn đề chính trị - thực tiễn của nước khác. Mỗi dân tộc chỉ có thể phát triển và tránh được những bước giật lùi khi dân tộc ấy - mà đại biểu là lực lượng cầm quyền - tự mình tìm kiếm được cho mình những con đường và biện pháp đúng đắn phù hợp với điều kiện, đặc điểm dân tộc.

Đem hình mẫu của nước này để áp đặt ở nước khác nếu không phải là có ý đồ về chính trị thì cũng là biểu hiện của một trình độ nhận thức và tư duy lý luận còn non kém. Thực tiễn đã chứng minh sự sai lầm và cái giá phải trả cho những cách làm tương tự. Điều đó đòi hỏi giai cấp cầm quyền, chính đảng cầm quyền phải hướng giai cấp và dân tộc mình đứng vững và đi lên bằng đôi chân của chính mình, không có con đường nào khác.

Ngày nay, trong điều kiện khoa học, công nghệ phát triển và theo đó, là sự phát triển rất mạnh, rất nhanh của lực lượng sản xuất xã hội, việc xác định con đường đi lên của mỗi quốc gia, dân tộc đòi hỏi ở chính đảng cầm quyền một tầm nhìn trí tuệ. Khác với giới hạn lịch sử của thời kỳ Mác, không ít vấn đề trong những giai đoạn lịch sử trước đây, giai cấp tư sản cầm quyền không có khả năng giải quyết, thì ngày nay nó có thể thực hiện được để thích nghi và kéo dài sự tồn tại của chính nó. Chủ nghĩa xã hội muốn chiến thắng chủ nghĩa tư bản thì các đảng cộng sản cầm quyền phải có tầm nhìn vượt trước thực tiễn, phải nắm bắt nhanh hơn những yêu cầu của thực tiễn, những quy luật vận động của thực tiễn để xác định đúng đắn và tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các vấn đề cơ bản về chiến lược, sách lược phù hợp điều kiện, đặc điểm mỗi nước.

Digitized by Google

Ba là, nhà nước là cơ quan đại diện cho quyền lực của nhân dân. Giai cấp nào lãnh đạo cách mạng thì khi lật đổ sự thống trị của giai cấp cầm quyền cũ đều thiết lập nên nhà nước của mình. Muốn thực hiện quyền lực chính trị đối với toàn xã hội không thể không thông qua vai trò và hoạt động của nhà nước. Do đó, giải quyết mối quan hệ giữa chính đảng cầm quyền với nhà nước là vấn đề cốt lõi trong hoạt động cầm quyền của các chính đảng.

Nhà nước không thể là công cụ của một số ít người nhân danh giai cấp và nhân dân, nhưng nhà nước thực sự là công cụ của giai cấp cầm quyền. Thông qua nhà nước, là con đường duy nhất để giai cấp cầm quyền thực hiện quyền lực của mình đối với xã hội. Trở thành đảng cầm quyền, các chính đảng tư sản sử dụng nhà nước tư sản bảo vệ và tăng cường lợi ích của giai cấp tư sản, giới chủ tư bản. Trong những thập kỷ gần đây, mặc dầu các nhà nước tư sản có điều chỉnh chính sách cai trị, chú ý giải quyết một số vấn đề về xã hội, nhưng điều đó không hề xuất phát từ lợi ích của đại đa số nhân dân lao động. Cải cách trong chủ nghĩa tư bản là để củng cố địa vị cầm quyền của giai cấp tư sản, chính đảng tư sản. Không làm như vậy, vai trò cầm quyền của các chính đảng tư sản sẽ bị uy hiếp.

Đảng cộng sản cầm quyền phải là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Nhà nước do đảng cộng sản lãnh đạo phải là cơ quan quyền lực của nhân dân, là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Chỉ khi nào nhà nước thể hiện được đầy đủ lợi ích, ý chí, nguyện vọng của nhân dân, trước hết là của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và những người lao động khác trong xã hội thì nhà nước mới thực sự là "của dân, do dân, vì dân".

Đảng cộng sản cầm quyền là thông qua việc giải quyết mối quan hệ giữa các cơ quan lãnh đạo của đảng với hệ thống tổ chức, bộ máy nhà nước để bảo đảm thực hiện đầy đủ những quyền mà nhân dân đã giao phó cho cán bộ, nhân viên trong bộ máy nhà nước, những người thay mặt mình tổ chức, quản lý các hoạt động xã hội.

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

NGUYỄN TIẾN PHỒN

TRONG bài phát biểu tại Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII về "Phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới", đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười một lần nữa nhấn mạnh sự cần thiết phải thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ : "Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi phải thực hiện *nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ vững trật tự kỷ cương*. Phải mở rộng dân chủ, động viên mọi người phát huy sáng tạo, tìm tòi các phương pháp, giải pháp có hiệu quả, tạo ra phong trào cách mạng sâu rộng của hàng triệu con người. Song, phải đảm bảo tập trung, vì thiếu tập trung, buông lỏng trật tự, kỷ cương sẽ lập tức dẫn tới rối loạn" (1).

Luận điểm trên đây bao hàm nhiều ý nghĩa. Nó có mối liên hệ trực tiếp không chỉ với việc triển khai các nhiệm vụ thực tiễn để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mà còn với toàn bộ các hoạt động lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước, phát huy tính tự giác, chủ động và sáng tạo của quần chúng nhân dân trong cuộc đổi mới. Có thể nhận rõ ý nghĩa *lý luận* và *thực tiễn* của luận điểm trên ở những khía cạnh sau :

Trước hết, tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, là nguyên tắc

(1) Đảng Cộng sản Việt nam : *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành trung ương khóa VII*, Hà nội, 1994, tr 107-108

Digitized by Google

lãnh đạo và quản lý các quá trình chính trị, kinh tế và xã hội. Tập trung dân chủ *dựa trên cơ sở* mở rộng dân chủ, thực hiện mục tiêu dân chủ, *và được bảo đảm bằng* tập trung, thông qua tập trung. Tập trung trong tính thống nhất hữu cơ với dân chủ trở thành *phương thức* và *điều kiện* cần thiết đảm bảo cho dân chủ được thực hiện một cách đầy đủ và tích cực.

Sự thống nhất hữu cơ, sự ràng buộc và chế ước lẫn nhau giữa dân chủ và tập trung là một đòi hỏi tất yếu, khách quan, làm cho dân chủ không tách rời trật tự, kỷ cương, không rơi vào rối loạn. Nó đồng thời đảm bảo cho tập trung thực sự là tập trung dân chủ, chẳng những không phương hại tới dân chủ mà trái lại, còn là sự cần thiết như một tất yếu tự nhiên (xét từ góc độ tổ chức - quản lý) làm cho dân chủ từ khả năng trở thành hiện thực. Cần hình dung tập trung dân chủ vừa là một nguyên tắc tổ chức, vừa là một cơ chế thực hiện dân chủ. Hơn nữa, tập trung dân chủ còn là cơ chế bảo đảm dân chủ, làm cho dân chủ tránh khỏi sự biến dạng thành hai thái cực : tự do vô chính phủ và quan liêu chuyên chế. Hai trạng thái này đều cùng dẫn tới hậu quả tiêu cực như nhau, kìm hãm và làm trệch hướng sự phát triển nền dân chủ thực sự.

Hai là, tập trung dân chủ làm cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đúng đường hướng, mục tiêu đã chọn. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, như chúng ta đã biết, là nhiệm vụ chiến lược nhằm đưa nước ta vượt qua cửa ải đói nghèo, lạc hậu, chậm phát triển, tiến tới văn minh và hiện đại. Giải pháp này chính là câu trả lời mà toàn đảng, toàn dân ta đã tìm kiếm từ trong thực tiễn công cuộc đổi mới. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được đặt ra trong một bối cảnh có nhiều điều mới mẻ so với trước đây. Nét nổi bật của bối cảnh này, xét từ nhân tố bên trong, là đất nước đã và đang đổi mới, đã và đang diễn ra những chuyển đổi từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa gồm nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của kế hoạch vĩ mô. Thực chất đó là nền kinh tế mở, vừa ra sức giải phóng sức sản xuất và khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nước, vừa kết hợp với sự hỗ trợ phát triển từ bên ngoài do hợp tác đa phương và song phương đem lại. Cùng với sự chuyển động tích cực của đổi mới kinh tế, là những đổi mới về hệ thống chính trị, nhằm nâng cao năng lực và vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, mở ra những khả năng to lớn nhằm phát huy sức sáng tạo của nhân dân trong quản lý kinh tế-xã hội và quản lý nhà nước. Thành tựu của đổi mới kinh tế cũng như việc giữ vững, ổn định chính trị mà chúng ta đạt được tạo ra thế và lực để tiếp tục đưa công cuộc đổi mới vào chiều sâu, đây chính là những nền tảng vô cùng quan trọng để công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gặt hái nhiều tháng lợi trong bước đường đi tới. Mặt khác, thành công trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa lại tạo tiền đề thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Thành tựu của dân chủ hóa đúng đắn với những bước đi thích hợp, có định hướng rõ ràng, chính là xuất phát từ việc tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ. Có lẽ cũng chính vì vậy mà đất nước ta đã không rơi vào vực thẳm của sự mất ổn định và suy thoái trầm trọng, cho dù gặp không ít khó khăn do những biến cố chính trị của cuộc khủng hoảng ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước đây, sự đổ vỡ và thoái trào của trật tự thế giới, những thay đổi trong các quan hệ hợp tác giữa các nước, các khu vực, cũng như những tác động của đời sống chính trị quốc tế gây ra. Bên cạnh đó, cuộc đấu tranh trên lĩnh vực hệ tư tưởng vẫn tiếp tục diễn ra phức tạp, gay gắt, rất tinh vi và rất nhiều biểu hiện mới. Thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", chủ nghĩa đế quốc và các thế lực chống chủ nghĩa xã hội đang bằng nhiều cách xâm nhập đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội nước ta với tham vọng làm trệch hướng đổi mới. Điều này có thể gây ảnh hưởng bất lợi, tiêu cực cho công cuộc đổi mới, làm mất ổn định quá trình thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, nếu chúng ta lơ là, mất cảnh giác và thiếu kiên định trong nhận thức và hành động.

Những điều trình bày trên đây cho thấy : công nghiệp hóa, hiện đại hóa không dừng lại ở nội dung kinh tế - kỹ thuật - công nghệ. Nó

Digitized by Google

còn bao hàm nội dung chính trị - xã hội - văn hóa. Nó càng không xa rời các vấn đề hệ tư tưởng. Nó đụng chạm trực tiếp tới các nguyên tắc tổ chức, tới hoạt động lãnh đạo, quản lý ở mọi cấp độ khác nhau. Cũng vì vậy, việc triển khai công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong tình hình, bối cảnh hiện nay, không thể không có *một hệ tư tưởng thật sự khoa học*, một tiêu chí sắt đá xuất phát từ lợi ích dân tộc, lợi ích của nhân dân lao động. Và cũng vì vậy, hiệu quả của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện hiện nay, nhất thiết phải được thể hiện *một cách toàn diện*, cả về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục, cả về lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài. Muốn đạt được điều đó, không thể thiếu nhân tố bảo đảm là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động. Để cho việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhất quán với đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải có điểm tựa vững chắc là các nguyên tắc chính trị.

Rõ ràng là, ngay từ đầu, cần khắc phục những hạn chế và nhược điểm rất dễ mắc bởi cách tiếp cận phiến diện, phải bảo đảm mối quan hệ như một chỉnh thể giữa kinh tế với chính trị, văn hóa, giáo dục, xã hội nói chung. Không thể vì đất nước đang cần vốn, tư bản và ngoại tệ, mà làm mất đi kỷ cương, phép nước, thuần phong mỹ tục, lòng tự trọng và tự tin của dân tộc. Đúng là dân ta còn nghèo, nhưng không thể vì chạy theo đồng tiền mà chà đạp lên luân thường đạo lý, xem nhẹ phẩm chất con người trong xã hội Việt nam ngàn năm văn hiến. Tiếc rằng trên thực tế, không ít nơi, không ít cơ sở đã quá buông lỏng vấn đề này trong nhiều lĩnh vực, gây hậu quả nghiêm trọng. Xem nhẹ nguyên tắc tập trung dân chủ thực tế là tạo điều kiện cho chủ nghĩa cơ hội, tư tưởng cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa hoành hành, như vậy không tránh khỏi làm cho lợi ích trước mắt mâu thuẫn với lợi ích lâu dài, lợi ích toàn cục, cả nước mâu thuẫn với lợi ích bộ phận, địa phương, làm cho đồng vốn vay và huy động được sử dụng kém hiệu quả, bị thất thoát, làm cho nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác có cơ phát triển...

Từ thực tiễn cuộc sống, chúng ta nhận thức rõ vì sao Đảng ta lại nhấn mạnh : phải thực hiện nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây là mối quan hệ giữa nội dung, mục tiêu phát triển, với phương thức, phương tiện và điều kiện bảo đảm cho mục tiêu đó được thực hiện có hiệu quả cao nhất ; đây cũng là mối quan hệ giữa kinh tế, xã hội và chính trị trong quá trình phát triển đất nước.

Công nghiệp hóa - hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn đảng, toàn dân, sự nghiệp này đòi hỏi huy động mọi cố gắng sáng tạo của cả xã hội, sự tham gia của toàn cộng đồng người Việt nam ở trong và ngoài nước, để có thể tập trung mọi nguồn lực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, nhanh chóng đạt tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Mục tiêu cao cả của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là làm cho xã hội phát triển, kinh tế và văn hóa phồn thịnh, mức sống của người dân được nâng cao, con người Việt nam ngày một phát triển toàn diện. Một sự nghiệp có quy mô và tầm vóc như thế, đương nhiên đòi hỏi các chủ thể lãnh đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước phải nâng cao năng lực trí tuệ, trình độ, bản lĩnh. Nó cũng đồng thời đòi hỏi sự tham gia của mọi cấp, mọi ngành, mọi tổ chức kinh tế, xã hội, các nhà khoa học, các nhà công nghệ, các nhà doanh nghiệp, các chuyên gia với tất cả tinh thần trách nhiệm, sự sáng tạo và hoạt động có hiệu quả. Kết quả của toàn bộ quá trình đang diễn ra hôm nay là tạo ra trong những năm tới sự chuyển dịch căn bản về cơ cấu kinh tế, sự đổi mới về phương thức tổ chức sản xuất - kinh doanh, từ các đơn vị kinh tế cơ sở cho đến các địa phương, các vùng, và trên quy mô cả nước.

Cùng với sự chuyển dịch này, nhiều ngành nghề mới sẽ xuất hiện, lực lượng lao động sẽ được xếp sắp tổ chức lại, nhiều mô hình tổ chức quản lý sản xuất - kinh doanh và dịch vụ sẽ hình thành, tất cả sẽ đi qua sự khảo nghiệm của thực tiễn mà chứng minh sức sống của nó, định hình sự tồn tại và phát triển. Đi liền với nó là việc xác định các hình thức sở hữu, làm sao để các cơ sở then chốt, trọng yếu của khu vực kinh tế quốc doanh không chỉ đứng vững mà còn phát huy được sức mạnh cạnh tranh trên thương trường, tỏ rõ ưu

Digitized by Google

thế chỉ đạo của mình ; làm sao để các thành phần kinh tế đều bình đẳng trong sản xuất kinh doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể và tư nhân đều phát triển mạnh mẽ với những hình thức hợp lý, năng động và có hiệu quả nhất. Tất nhiên, tất cả điều vừa nói sẽ được giải quyết và chứng minh trong thực tiễn cuộc sống.

Vấn đề đặc biệt quan trọng hiện nay là các giải pháp về vốn đầu tư, về huy động các nguồn vốn trong nước và từ nước ngoài, về xây dựng cơ sở hạ tầng cho việc mở rộng sản xuất, về tập trung triển khai tiến bộ kỹ thuật-công nghệ, về đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa. Quan hệ kinh tế hợp tác, liên doanh giữa nước ta với nước ngoài sẽ không ngừng được mở rộng. Các tổ chức kinh doanh, các công ty, các tập đoàn, các nhà doanh nghiệp nước ngoài đến và làm việc tại nước ta sẽ tăng lên. Đó là điều tự nhiên đối với một nền kinh tế mở trong điều kiện hiện nay. Song, như một lô gích tất yếu, sự phát triển kinh tế sẽ đòi hỏi sự phát triển tương ứng về các lĩnh vực xã hội và văn hóa, giáo dục; đồng thời, bản thân sự phát triển kinh tế cũng tự nó làm nảy sinh và kéo theo hàng loạt các vấn đề đòi hỏi phải chủ động dự báo để có những giải pháp, quyết sách kịp thời và đúng đắn. Đứng về mặt tổ chức, lãnh đạo và quản lý các hoạt động trong đời sống kinh tế, chính trị và xã hội mà xét, ta thấy tập trung dân chủ là nguyên tắc khoa học và hợp lý nhất. Và ở đây tôi thấy như đang vang vọng (và hãy để cho nó vang vọng bên tai mỗi đảng viên, mỗi công dân Việt nam ta hôm nay) câu nói của Lê-nin, lãnh tụ thiên tài của phong trào vô sản thế giới : "Không ai có thể tiêu diệt được chúng ta, ngoài những sai lầm của bản thân chúng ta" (2).

Tinh thần tập trung dân chủ đòi hỏi phải bảo đảm tối đa việc thảo luận, tranh luận dân chủ để có thể khai thác tốt nhất mọi sáng kiến, mọi giải pháp hợp lý, có ích ; để có thể cân nhắc kỹ lưỡng mọi phương án thực hiện, hình dung hết mọi khó khăn, thuận lợi, dự báo đúng tình hình và triển vọng. Đồng thời, với tư cách là nguyên tắc, là luật pháp, là cơ chế tổ chức, lãnh đạo và quản lý, tập trung dân chủ cũng đòi hỏi phải bảo đảm tối đa hiệu lực, quyền lực của tập trung khi đã hình thành hệ thống luật lệ chặt chẽ và đã có các quyết sách quan trọng. Không như vậy, rối loạn sẽ lập tức nảy sinh, thói tùy tiện, tự do vô chính phủ sẽ xuất hiện.

Dân chủ mất đi sự bảo đảm của tập trung sẽ biến tướng thành chủ nghĩa địa phương, cục bộ, coi thường lợi ích chung, vi phạm pháp luật, chính sách, vi phạm kỷ cương phép nước. Trong tình hình đó, các cơ quan lãnh đạo, các cấp quản lý sẽ khó mà kiểm soát được tình hình. Thực tiễn đã cho thấy nhiều bài học, nhiều kinh nghiệm như thế. Chính vì vậy, "phải nghiêm chỉnh chấp hành chính sách và pháp luật. Việc gì trái với chính sách, pháp luật hiện hành thì nhất thiết phải báo cáo cấp trên, không được tự ý quyết định. Chống mọi hành vi tự do tùy tiện cục bộ địa phương, làm sai đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Mỗi đảng viên, cán bộ lãnh đạo phải sống và làm việc theo pháp luật, đảng viên phải làm theo Điều lệ và nghị quyết của Đảng" (3). Đòi hỏi trên là xuất phát từ lợi ích chung, từ sự phát triển lành mạnh của toàn cục.

/ Muốn vậy, từ cá nhân tới tập thể, từ mỗi thành viên đến tổ chức của nó, nhất là những cá nhân và cơ quan có trọng trách, từ cơ sở, địa phương đến trung ương, tất cả đều phải thống nhất tôn trọng pháp luật, gắn liền quyền lợi với nghĩa vụ, lợi ích với trách nhiệm.

Tinh thần trách nhiệm, chế độ trách nhiệm phải được coi trọng và nghiêm túc thực hiện, theo tinh thần thảo luận thì chung, trách nhiệm thì riêng. Phải tăng cường kiểm tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, điều chỉnh ; bảo đảm tốt thông tin, xử lý thông tin một cách khách quan, trung thực; bảo đảm tính chính xác, tính khả thi của mọi quyết định, mọi chính sách.

*

Tập trung dân chủ không chỉ là một phạm trù chính trị, một nguyên tắc của lãnh đạo chính trị và quản lý nhà nước. Nó thực sự là một nguyên tắc khoa học của việc tổ chức đời sống cộng đồng, chỉ đạo các hoạt động kinh tế - xã hội một cách văn minh, có văn hóa. Nó thực sự cần thiết đối với sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa của chúng ta.

(2) V.I Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979 t 42, tr 311

(3) Đảng cộng sản Việt nam : *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành trung ương khóa VII*, Hà nội, 1994, tr 108

Digitized by Google

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP TRÊN DỊA BÀN TỈNH THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN DẠI HÓA

PHAN TRUNG KIÊN *

ĐỒNG nai là một tỉnh ở miền đông Nam bộ, nằm trong "khu vực tam giác tăng trưởng" TP Hồ Chí Minh - Đồng nai - Bà rịa - Vũng tàu. Tính vốn có tiềm năng về nông nghiệp, nhưng chưa được khai thác một cách đầy đủ và có hiệu quả cao. Quán triệt quan điểm của Đảng về đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa : "... Cần tập trung nỗ lực đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, ra sức phát triển ngành công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản ...", Tỉnh ủy Đồng nai đã ra nghị quyết nhấn mạnh : tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn của tỉnh theo hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả gắn với công nghiệp chế biến.

Để thực hiện tháng lợi những nhiệm vụ trên đây, chúng tôi cần giải quyết nhiều vấn đề, trong đó vấn đề chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có vai trò quan trọng đặc biệt. Vậy làm thế nào để chuyển dịch có hiệu quả cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh? Trước hết, về tư tưởng chỉ đạo đối với nông nghiệp, chúng tôi thấy cần nhấn mạnh một số quan điểm chủ yếu sau đây :

Một là, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp phải nhằm mục đích phát triển sản xuất hàng hóa. Sự ra đời và phát triển của sản xuất hàng hóa đánh dấu bước tiến có ý nghĩa to lớn trong lịch sử loài người. Chuyển từ nông nghiệp tự túc, tự cấp sang nông nghiệp hàng hóa là quá trình phát triển tất yếu đối với nền nông nghiệp của nước ta nói chung và của tỉnh Đồng nai nói riêng. Quá trình này đánh dấu bước chuyển căn bản từ nền nông nghiệp chủ yếu dựa vào việc khai thác độ màu mỡ tự nhiên với năng suất thấp sang nền nông nghiệp phát triển trên cơ sở khai thác các lợi thế so sánh, thúc đẩy phân công lao động ngày càng sâu và gắn chặt với thị trường. Đó là một xu hướng tiến bộ. Sản xuất trong điều kiện kinh tế ngày nay luôn phải lấy thị trường và thỏa mãn nhu cầu của thị trường làm mục đích. Đã nói đến thị trường là nói đến sản xuất hàng hóa và trao đổi hàng hóa. Cơ cấu kinh tế sẽ chậm biến đổi nếu không có sản xuất hàng hóa, không có hoạt động thị trường. Cho nên có thể nói, không thể đẩy mạnh sản xuất hàng hóa mà không biến đổi cơ cấu sản xuất; và ngược lại, nếu không biến đổi cơ cấu sản xuất thì cũng không có, hoặc có rất ít hàng hóa để cung ứng cho thị trường, cho xã hội. Trong việc chuyển sang cơ chế thị trường thì vấn đề chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa phải được xem là vấn đề cốt lõi. Và cũng chỉ trên cơ sở đó, quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp mới thực sự đạt hiệu quả kinh tế cao, tạo điều kiện cho việc mở mang và phát triển các ngành nghề khác trong tỉnh.

Hai là, việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp phải nhằm khai thác tốt nhất các lợi thế so sánh. Nói đến lợi thế so sánh là nói đến ưu thế của nơi này so với nơi khác, của doanh nghiệp này so với doanh nghiệp khác trong việc cung ứng sản phẩm cho thị trường. Một cơ cấu sản xuất nông nghiệp chỉ thực sự

* Tỉnh ủy viên, Phó giám đốc Sở nông - lâm Đồng nai

Digitized by Google

có hiệu quả nếu nó có khả năng đưa ra thị trường những sản phẩm cùng loại với chi phí thấp hơn và chất lượng cao hơn. Trong nền kinh tế thị trường gắn với xu hướng quốc tế hóa, mỗi nước và mỗi địa phương đều có những lợi thế trong việc cung ứng một số nông sản của mình. Vấn đề là phải tìm kiếm, thậm chí đôi khi phải nghiên cứu hoặc thử nghiệm để có được những nông sản đó. Đồng nai là một tỉnh có nhiều tiềm năng. Lợi thế của Đồng nai không chỉ ở điều kiện tự nhiên, mà còn ở điều kiện tiêu thụ đặc biệt thuận lợi (kể cả trước mắt và lâu dài). Vì vậy, khai thác đầy đủ các lợi thế so sánh để sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao là một quan điểm cần được nhấn mạnh trong quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

Ba là, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp Đồng nai phải gắn liền với quá trình hiện đại hóa và đô thị hóa đất nước. Đặc biệt, Đồng nai lại nằm trong "khu vực tam giác tăng trưởng", cho nên quá trình đô thị hóa ở đây sẽ diễn ra nhanh hơn, và chắc chắn nó sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển nông nghiệp của tỉnh. Có thể nói, sự phát triển của "khu vực tam giác tăng trưởng" sẽ là một yếu tố kích thích đối với nông nghiệp Đồng nai, và đây cũng có thể là một lợi thế của tỉnh. Vì thế, trong quá trình chỉ đạo phát triển nông thôn và chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, cần nắm bắt, đón trước xu hướng này, có biện pháp chuyển hướng kịp thời, bảo đảm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

Bốn là, quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở Đồng nai phải bảo đảm nâng cao hiệu quả kinh tế. Phát triển kinh tế có hiệu quả là mục tiêu của mọi quốc gia, là đặc trưng của hoạt động kinh tế. Việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp không phải chỉ nhằm mục đích tăng hiệu quả của ngành nông nghiệp mà còn tính đến hiệu quả kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Hiệu quả của chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, suy cho cùng, thể hiện ở tỷ suất hàng hóa cao, khối lượng sản phẩm dồi dào, giá thành sản phẩm thấp, năng suất đất đai, năng suất lao động cao, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh ngày càng được nâng cao. Trong những năm qua, mặc dù sản xuất nông nghiệp Đồng nai đã có bước tiến đáng kể, nhưng nhịp độ tăng trưởng vẫn còn thấp (bình quân thời kỳ 1991 - 1993 là 2,7%, trong khi nhịp độ chung của cả nước là 4,7%). Điều này có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân về cơ cấu sản xuất. Xem xét hiệu quả của chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp phải dựa trên quan điểm toàn diện, nghĩa là phải đặt nó trong mối quan hệ chặt chẽ với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh và cả nước.

Trong nền kinh tế thị trường, các chủ thể sản xuất hàng hóa luôn tìm cho mình khả năng có thu nhập cao nhất thông qua việc sản xuất và trao đổi hàng hóa. Cơ chế thị trường tự phát dẫy người sản xuất chạy theo lợi nhuận, cho nên nếu không có sự điều hành, hướng dẫn của nhà nước, ắt sẽ dẫn đến những rủi ro, lãng phí nguồn lực của xã hội. Vì thế, để có hiệu quả, quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp cần có định hướng và điều tiết ở tầm vĩ mô của nhà nước, trực tiếp là cấp tỉnh.

Năm là, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp phải gắn hiệu quả kinh tế với hiệu quả xã hội và môi trường. Vấn đề môi trường, sinh thái là vấn đề có tính chất toàn cầu. Mỗi quốc gia đều phải tự giác góp phần mình vào việc bảo vệ sự cân bằng sinh thái và giữ gìn sự trong sạch của môi trường. Vấn đề này cũng đang đặt ra cấp bách ở Đồng nai. Xác định một cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý có hiệu quả là góp phần quan trọng vào việc giải quyết vấn đề này. Gắn hiệu quả kinh tế với hiệu quả xã hội và môi trường trong chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp cũng có nghĩa là gắn việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp với việc giải quyết vấn đề xã hội và môi trường, làm sao vừa tạo ra được nhiều việc làm, tăng được thu nhập cho mọi tầng lớp dân cư, lại vừa bảo vệ được sự cân bằng sinh thái và môi trường.

Quán triệt những quan điểm trên về chuyển dịch có hiệu quả cơ cấu sản xuất nông nghiệp, theo chúng tôi , cần tiếp tục thực hiện *một số giải pháp chính* sau đây :

Digitized by Google

1- Về chế biến nông sản, tiếp thị và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản

Quá trình đổi mới kinh tế của tỉnh Đồng nai không tách khỏi quá trình đổi mới kinh tế của cả nước. Trong quá trình này, vấn đề *thị trường* nổi lên như là một giải pháp quan trọng nhất. Bởi vì, vấn đề sản xuất cái gì, số lượng bao nhiêu, cơ cấu chủng loại ra sao ... không chỉ phụ thuộc vào điều kiện sản xuất của doanh nghiệp, của địa phương hay vùng nào đó, mà trên mức độ lớn còn phụ thuộc vào khả năng tiêu thụ sản phẩm trên thị trường. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp Đồng nai theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa thì thị trường là yếu tố quyết định. Thị trường có nghĩa là "đầu ra", cho nên không giải quyết được "đầu ra" thì đầu tư cho "đầu vào" cũng không có ý nghĩa. Đồng nai không chỉ là một tỉnh có thế mạnh về phát triển cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày, mà còn là một tỉnh có nhiều điều kiện để phát triển lâm nghiệp. Có thể nói, trong tập đoàn cây trồng ở tỉnh Đồng nai thì cây dài ngày chiếm ưu thế nổi trội. Đây là thế mạnh, nhưng cũng là điều cần phải hết sức thận trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Vì vậy, tìm các giải pháp hữu hiệu về thị trường để thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp trong tỉnh được chúng tôi xem là điều quan trọng đầu tiên.

Trong cơ chế thị trường, suy cho cùng, sản phẩm sản xuất ra phải bán được và bán với giá cao. Vì vậy, vấn đề *tiếp thị* để mở rộng thị trường và tạo được thị trường ổn định lâu dài cho tiêu thụ sản phẩm có ý nghĩa quyết định hiệu quả chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, trong vấn đề tiếp thị, cần chú ý hướng dẫn và chuyển giao thông tin về thị trường cho nông dân - những người trực tiếp thực hiện quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất.

Bên cạnh vấn đề tiếp thị và mở rộng thị trường là vấn đề *chế biến nông sản* để tăng giá trị và tăng khả năng tiêu thụ sản phẩm. Công nghiệp chế biến cũng tạo khả năng thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng phát triển và hình thành các vùng nguyên liệu để cung cấp cho các cơ sở chế biến. Hiện tại ở tỉnh chúng tôi đã hình thành một số cơ sở chế biến sử dụng nguyên liệu nông sản như Xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc Proconco (liên doanh Việt - Pháp), Xí nghiệp CP (Thái lan), các xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc của TP Hồ Chí Minh, Công ty VEDAN - VIET NAM và nhiều cơ sở chế biến khác. Đây chính là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Ngay khi đã có đầu tư nước ngoài, đầu tư cho chế biến sử dụng nguyên liệu nông sản ở tỉnh vẫn ở mức rất thấp. Theo tài liệu của Chi cục thống kê tỉnh, trong tổng số 772 triệu USD đầu tư của nước ngoài, số đầu tư liên quan đến chế biến nông sản địa phương chỉ mới chiếm 0,5%.

Vấn đề mở rộng thị trường để tạo điều kiện thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngày càng nổi cộm ở tỉnh chúng tôi. Đến nay, Đồng nai đã có quan hệ thị trường với nhiều nơi như Hồng-công, Đài-loan, Xin-ga-po, Pháp, Ô-xtơ-rê-li-a, Thái lan, Trung quốc... nhưng nhập siêu vẫn là chủ yếu. Thị trường tiêu thụ trong tỉnh cũng nằm trong trạng thái chung của cả nước, đó là thị trường nông sản chậm phát triển và chưa ổn định do : thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, giá cả không có lợi cho người sản xuất ; các ngành chế biến nông sản chưa được mở rộng để tạo điều kiện cho việc tiêu thụ loại sản phẩm này ; mức tiêu thụ nông sản hàng hóa ở thị trường nội địa tăng rất chậm, nên nhiều nông sản sản xuất ra có lúc không tiêu thụ được.

Để khắc phục tình hình trên, chúng tôi đang cố gắng giải quyết đồng thời cả hai vấn đề chế biến và tiêu thụ nông sản.

+ *Về chế biến nông sản*. Thực hiện đa dạng hóa sản phẩm của công nghiệp chế biến. Khuyến khích các nhà đầu tư trong nước phát triển công nghiệp chế biến thông qua chính sách miễn hoặc giảm thuế, ưu đãi về tín dụng trong đầu tư cho lĩnh vực này. Bên cạnh đó, mở cửa và khuyến khích nước ngoài đầu tư vào công nghiệp chế biến có nguyên liệu từ nông sản. Chú ý ràng buộc phần trách nhiệm của nước ngoài trong việc bao tiêu sản phẩm sau chế biến ra thị trường thế giới.

Digitized by Google

+ Về tiêu thụ sản phẩm. Trong việc tiếp thị để tìm kiếm và mở rộng thị trường, chúng tôi coi trọng khuyến khích tiêu thụ, đề cao công tác thông tin và điều hòa thị trường.

2 - Về xây dựng kết cấu hạ tầng trong nông thôn, trước hết là hệ thống giao thông và hệ thống thông tin liên lạc trong tỉnh.

Đây là vấn đề hết sức quan trọng góp phần thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp trong tỉnh. Giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giao lưu hàng hóa, thúc đẩy quá trình hình thành các trục, các tụ điểm giao lưu hàng hóa.; nó cũng giúp cho người sản xuất nắm bắt được những cơ hội của thị trường để lựa chọn, tạo cho họ khả năng chuyển đổi cơ cấu sản xuất và tham gia thị trường. Trong việc xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng, việc phát triển hệ thống điện, đưa điện về các khu vực nông thôn, cũng là yêu cầu quan trọng góp phần thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp trong tỉnh chúng tôi. Có thể nói, quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở Đồng nai không thể tiến triển nhanh nếu không tích cực triển khai hệ thống kết cấu hạ tầng. Tuy nhiên, đây là một vấn đề lớn, đòi hỏi rất nhiều vốn đầu tư. Vì vậy, nó chỉ có thể đạt được trên cơ sở có sự kết hợp tốt giữa nhà nước và nhân dân, giữa trung ương và địa phương.

3 - Về các chính sách tài chính, tín dụng, khuyến nông và bảo hộ sản xuất.

Có thể nói, trực tiếp liên quan đến khả năng chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp của tỉnh chúng tôi là vấn đề tài chính và khả năng đầu tư. Hiện nay, trong cơ chế thị trường, với việc thừa nhận vai trò độc lập, tự chủ của kinh tế nông hộ thì lực lượng trực tiếp tạo ra sự thay đổi trong cơ cấu sản xuất là hộ nông dân. Tuy vậy, sự phát triển kinh tế hộ không thể tách khỏi vai trò giúp đỡ, định hướng của nhà nước thông qua hệ thống chính sách kinh tế, trong đó các chính sách tài chính đóng vai trò hết sức quan trọng.

Trong 3 năm từ 1991 đến 1993, vốn đầu tư cho nông nghiệp chỉ mới chiếm 11.7% trong cơ cấu vốn đầu tư của tỉnh. Vốn đầu tư cho nông nghiệp còn thiếu hụt nghiêm trọng : về cho vay tín dụng, năm 1991, vốn huy động trong tỉnh chỉ mới đáp ứng được 33% nhu cầu ; năm 1992, còn thiếu 250 tỉ đồng, và 6 tháng đầu năm 1993, còn thiếu tới 380 tỉ đồng mới thỏa mãn được nhu cầu. Như vậy, nhu cầu về vốn cho nông nghiệp đang nổi lên như một trong những vấn đề cấp bách. Điều này nếu chỉ dựa vào nhà nước, nhất là vốn ngân sách (của trung ương và của tỉnh) thì khó mà đáp ứng được. Vì vậy, cần tiếp tục mở rộng mạng lưới tín dụng ở nông thôn với lãi suất hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu của nông dân về vốn đầu tư. Cần hình thành mạng lưới đại lý tín dụng cho ngân hàng, mở rộng hình thức tín dụng ứng trước. Cần có chính sách cho nông dân vay vốn với lãi suất ưu đãi theo chương trình mục tiêu, không cho vay tràn lan. Bản chất tín dụng xuất phát từ bản chất hàng hóa và quay trở lại phục vụ sản xuất hàng hóa.

Bên cạnh vấn đề giải quyết vốn, chính sách tài chính chúng tôi còn chú ý tới việc miễn hoặc giảm thuế sử dụng đất trong thời gian đầu thay đổi cơ cấu cây trồng (tất nhiên tùy loại cây trồng mà quy định thời gian miễn giảm khác nhau). Ngoài ra, nhà nước cần có chính sách bảo vệ sản xuất, chính sách khuyến khích và bảo hộ đầu tư vào nông nghiệp, nhất là đầu tư nào nhằm thay đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp nói riêng và cơ cấu kinh tế nông thôn nói chung.

4- Về áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp.

Đặc trưng của sản xuất nông nghiệp là sản xuất theo phương pháp sinh học. Vì vậy, việc áp dụng các thành tựu của cuộc cách mạng sinh học có ý nghĩa lớn trong việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Ở Đồng nai, hướng ưu tiên là ứng dụng các thành tựu về giống các loại cây công nghiệp, cây ăn quả, cây màu, về giống một số gia súc như bò, lợn, cá. Trong việc áp dụng giống mới, cần đặc biệt chú ý bồi dưỡng và nâng cao sự hiểu biết cho nông dân thông qua hoạt động khuyến nông, khuyến lâm của tỉnh. Đồng thời, chúng tôi cũng chủ trương mở rộng sự hợp tác với

Digitized by Google

các cơ quan khoa học chuyên ngành nhằm tranh thủ nguồn chất xám cho quá trình chuyển dổi cơ cấu sản xuất của tỉnh trong thời gian tới.

5 - Về củng cố các hình thức doanh nghiệp trong nông nghiệp.

Đây là yêu cầu rất quan trọng trong chuyển dổi cơ cấu sản xuất của tỉnh chúng tôi. Thừa nhận hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ. Tạo môi trường pháp lý và những điều kiện thuận lợi cho kinh tế hộ phát triển. Khuyến khích và trợ giúp nông hộ về kỹ thuật, về bao tiêu sản phẩm và các dịch vụ kỹ thuật tiên tiến cho hộ thông qua hệ thống doanh nghiệp hoặc tổ chức của nhà nước. Phát triển các hình thức kinh tế hợp tác mới trong nông thôn, tạo điều kiện và tiền đề cho việc chuyển dịch có hiệu quả cơ cấu sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

6 - Về chính sách sử dụng đất.

Mạnh dạn để cho hộ nông dân tự quyết định cơ cấu cây trồng và đầu tư sản xuất nông nghiệp trên đất đai được giao. Các cơ quan chức năng địa phương chỉ làm nhiệm vụ hướng dẫn kỹ thuật, cung ứng các dịch vụ nông - lâm - ngư nghiệp đến tận hộ thông qua các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư. Tránh can thiệp quá sâu vào quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Vấn đề chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp nói riêng và cơ cấu kinh tế nông thôn nói chung, theo chúng tôi , không chỉ là việc riêng của bản thân ngành nông nghiệp mà là sự nghiệp chung của các cấp, các ngành ở trung ương và trong tỉnh. Vì vậy, sự giúp đỡ của các cấp, các ngành ở trung ương và các ban, ngành địa phương sẽ tạo thành sức mạnh tổng hợp thúc đẩy nhanh chóng quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp tỉnh với hiệu quả cao theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

VỀ ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ

VƯƠNG VĂN BIỆN*

ĐỐI với nước ta, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, nông dân chiếm tuyệt đại bộ phận số dân trong cả nước, nên chính quyền cấp xã có vị trí rất quan trọng. Hiện nay, 80% dân số nước ta đang làm ăn, sinh sống ở nông thôn - điều đó có nghĩa là 80% dân cư do chính quyền cấp xã quản lý. Đặc biệt từ khi có nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Trung ương Đảng (khóa VII) về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn thì vấn đề đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã là một nội dung quan trọng, cấp bách trong giai đoạn hiện nay, nhằm xây dựng một hệ thống chính quyền cơ sở vững mạnh, góp phần bảo đảm cho sự ổn định và phát triển nền kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước. Trong phạm vi bài viết này, qua tình hình thực tế ở Hà tây, tôi xin nêu một số suy nghĩ bước đầu về đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã trong giai đoạn hiện nay.

*

Quyết định số 112/HĐBT ngày 15-10-1981 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã xác định rõ : "Chính quyền nhà nước cấp xã bao gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã được nhân dân bầu ra theo Hiến pháp và pháp luật, là cơ quan quản lý nhà nước ở xã". Chính quyền xã là chính quyền cơ sở nằm trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước 4 cấp của nước Cộng hòa xã

* Chủ tịch UBND tỉnh Hà tây

Digitized by Google

hội chủ nghĩa Việt nam, là cầu nối trực tiếp giữa Nhà nước với nhân dân. Ở đây, ngoài mối quan hệ về hành chính, còn có mối quan hệ tình làng, nghĩa xóm, quan hệ gia tộc, họ hàng. Chính quyền xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội v.v., hàng ngày trực tiếp giải quyết những vấn đề về dân quyền, dân sinh, dân trí, bên cạnh những phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của địa phương. Chính quyền cấp xã phải thực sự là một tổ chức hành động, là cấp chính quyền vừa ra quyết định, lại vừa thực hiện quyết định; vừa phải theo đúng các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, vừa phải sát hợp với tình hình thực tế ở địa phương, phải thấu tình đạt lý trong quan hệ làng xóm. Chính quyền cấp xã vững mạnh, hoạt động có hiệu lực sẽ là cơ sở đẩy mạnh hoạt động và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy chính quyền các cấp, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giai đoạn hiện nay.

Thực tiễn cho thấy về cơ bản tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã đã từng bước được ổn định và hoạt động có hiệu quả. Ở nơi nào thực hiện tốt nguyên tắc Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ, nhà nước quản lý thì ở đó chính quyền cấp xã đã làm tốt chức năng của mình, đưa các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống.

1- *Về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND) xã :*

Mấy năm gần đây, tổ chức và hoạt động của HĐND cấp xã đã có những chuyển biến mới : tiêu chuẩn, chất lượng, trình độ của đại biểu HĐND được nâng lên, hoạt động của HĐND được cải tiến.

Các kỳ họp của HĐND đảm bảo đúng thời gian luật định, và tập trung thảo luận, ra nghị quyết sát hợp với tình hình thực tế địa phương. HĐND xã đã đạt ra những vấn đề cụ thể thiết thực để giải quyết như xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, xây dựng trường học, trạm y tế, xây dựng và cải tạo mạng lưới điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt ; cải tạo hệ thống thủy lợi, xây dựng đường làng ngõ xóm sạch đẹp ; tập trung bàn các biện pháp thực hiện các chủ trương về dân số, kế hoạch hóa gia đình, về quản lý đất đai, giữ gìn an ninh trật tự, xây dựng nếp sống văn hóa mới, đấu tranh chống các tệ nạn xã hội v.v..

Ở nhiều xã, HĐND đã cải tiến phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng kỳ họp của HĐND. Nội dung chương trình kỳ họp được thông báo trước tới từng tổ đại biểu, tuyên truyền trên đài truyền thanh của xã để các đại biểu có điều kiện tập hợp và chuẩn bị ý kiến tham gia. Hoạt động của các đại biểu HĐND được coi là một biện pháp quan trọng góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND. Nhiều đại biểu đã nêu cao ý thức trách nhiệm, gương mẫu chấp hành và vận động nhân dân cùng nghiêm chỉnh thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tuy vậy, ở một số nơi hoạt động của HĐND còn mang tính hình thức, chất lượng và hiệu quả công tác còn hạn chế. Sinh hoạt không đúng thời gian luật định, chưa thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cũng như quy chế hoạt động của HĐND. Một số đại biểu HĐND chưa thật sự gương mẫu trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ; việc kiểm tra, giám sát thi hành nghị quyết còn bị buông lỏng. Do đó, chưa thể hiện được vai trò của cơ quan quyền lực ở địa phương.

2- *Về tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân (UBND) xã :*

UBND là cơ quan chấp hành của HĐND, là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND. UBND thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước do HĐND giao cho ; chỉ đạo, điều hành hàng ngày những công việc của nhà nước ở địa phương. Tổ chức và hoạt động của UBND cấp xã trong những năm vừa qua đã có sự thay đổi tiến bộ hơn trước. Đội ngũ cán bộ chủ chốt của UBND xã đã được bồi dưỡng những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước, nâng cao trí thức về pháp luật ; hiểu biết về quản lý kinh tế và chuyên môn nghiệp vụ. Vì vậy hiệu quả công tác của UBND cấp xã được nâng lên từng bước. Từ năm 1991 đến năm 1994, ở Hà tây đã bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho 273 chủ tịch, 391 phó chủ tịch, 211 trưởng ban thư ký HĐND, 312 ủy viên UBND và cán bộ văn phòng.

Digitized by Google

Bộ máy của UBND xã trước đây được tổ chức thành 5 ban, 2 trạm. Qua thực tế hoạt động, nhiều nơi đã bố trí theo các khối công việc như khối nội chính, khối kinh tế - kế hoạch, khối văn hóa - xã hội. Quyết định số 112/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định UBND xã có từ 5 đến 7 thành viên (xã miền núi có nhiều dân tộc xen kẽ thì có từ 5 đến 9 thành viên). Theo chúng tôi , quy định này là phù hợp, vì chỉ cần có một số chức danh cần thiết phải cấu tạo là thành viên UBND xã, còn những cán bộ chuyên môn không nhất thiết phải là thành viên UBND xã. Song những cán bộ này phải được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và cần được bố trí ổn định. Ở nhiều nơi UBND xã nêu cao vai trò của chính quyền nhà nước ở cơ sở, lãnh đạo nhân dân thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, thực hiện nghị quyết của HĐND. Nhờ vậy, bộ mặt nông thôn dần dần được đổi mới, đời sống của nhân dân được nâng lên một bước, kinh tế trên địa bàn xã đã và đang có những biến đổi sâu sắc. Nông nghiệp dần dần thoát khỏi tình trạng tự cung tự cấp và độc canh ; tiểu - thủ công nghiệp, giao thông vận tải nông thôn phát triển, thị trường ở nông thôn gắn liền với sự giao lưu hàng hóa và chu chuyển vốn mở rộng ra ngoài phạm vi xã, huyện và ngoài tỉnh. Trong quá trình thực hiện cơ chế mới, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên.

Tuy nhiên, về tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót như sau :

- Ở một số nơi, chính quyền cấp xã chưa phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính nhà nước với chức năng quản lý sản xuất kinh doanh, dẫn tới tình trạng có lúc đã làm vượt quá phạm vi chức năng nhiệm vụ, hay có lúc lại buông lỏng quản lý.

- Trước đây vai trò của Trưởng ban thư ký HĐND chưa được xác định đúng mức nên thiếu chủ động, công việc ách tắc, chất lượng và hiệu quả kém.

- Việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội v.v. ở một số nơi đạt hiệu quả chưa cao, chưa ngăn chặn kịp thời và xử lý thích đáng những trường hợp vi phạm chế độ quản lý kinh tế, quản lý đất đai, buôn bán hàng giả, trốn, lậu thuế v.v.. Cá biệt có nơi chính quyền xã còn làm sai cả những quy định, pháp luật của nhà nước như trong việc bán đất, cấp đất, bắt giữ người... vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

- Chế độ thường trực, tiếp dân, hội họp chưa được duy trì thành nền nếp thường xuyên, xử lý công việc còn tùy tiện, giải quyết khiếu nại của dân chưa kịp thời và qua nhiều tầng nấc làm cho nhân dân phải đi lại nhiều lần.

Có nhiều nguyên nhân của tình trạng trên, song có thể khái quát ở mấy điểm chính sau:

- Nhận thức của các cấp, các ngành về vai trò, vị trí, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã trong giai đoạn mới chưa đầy đủ. Hoạt động của HĐND còn mang tính hình thức, còn có quan niệm coi UBND chỉ là cơ quan hành chính đơn thuần. Do đó, chưa thật sự quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã.

- Về chức năng, chính quyền cấp xã rơi vào tình trạng lúng túng do trước đây đối tượng lãnh đạo và quản lý chủ yếu là hợp tác xã, nay tình hình đã thay đổi khi hộ được xác định là đơn vị sản xuất tự chủ.

- Mô hình bộ máy, biên chế cán bộ chính quyền cấp xã chậm được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình đổi mới của toàn xã hội. Mô hình tổ chức bộ máy không thống nhất, mỗi nơi thực hiện một khác dẫn đến tình trạng chỉ đạo không thống nhất, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác của hệ thống chính quyền nhà nước. Công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, hướng dẫn của chính quyền cấp trên có lúc chưa thường xuyên, kịp thời và lúng túng khi chuyển sang cơ chế thị trường.

- Chưa quan tâm thường xuyên, liên tục việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Có nơi còn nặng về cơ cấu, chưa thật sự chú trọng đến tiêu chuẩn chất lượng cán bộ. Ở xã khối lượng công việc nhiều nhưng số lượng cán bộ ít, lại làm việc chủ yếu theo kinh nghiệm, nên hạn chế chất lượng, hiệu quả công tác.

- Chế độ, chính sách đối với cán bộ xã tuy đã được bổ sung, sửa đổi nhưng vẫn chưa hợp

Digitized by Google

lý, làm cho cán bộ không yên tâm công tác. Do nhiệm kỳ của HĐND xã và nhiệm kỳ của ban chấp hành đảng bộ xã khác nhau nên việc quy hoạch, bố trí cán bộ thường bị xáo trộn, không ổn định; ảnh hưởng đến chất lượng công tác của cán bộ và sự ổn định của bộ máy chính quyền cơ sở.

*

Đổi mới tổ chức hoạt động của bộ máy chính quyền cấp xã là vấn đề rộng lớn đòi hỏi phải có sự nghiên cứu công phu, nghiêm túc, để có được những kết luận khoa học. Từ thực tiễn, với những kinh nghiệm đã rút ra được và những suy nghĩ ban đầu, chúng tôi mạnh dạn nêu một số kiến nghị như sau :

1- Trước hết cần phải làm cho các cấp, các ngành có nhận thức mới về vai trò, vị trí quan trọng của chính quyền cấp xã. Chính quyền cấp xã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình là điều kiện giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, thực hiện công bằng xã hội, xây dựng nông thôn mới. Phải thấy rõ chính quyền cấp xã nằm trong hệ thống chính quyền toàn quốc, bảo đảm trong thực tế các quyền và nghĩa vụ công dân.

2 - Cần tổng kết và thể chế hóa các quy định mới trong mối quan hệ giữa đảng ủy và chính quyền xã, bảo đảm tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền cơ sở, tạo điều kiện cho HĐND và UBND hoạt động theo đúng chức năng của mình.

3 - Chính phủ sớm có văn bản quy định lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của chính quyền cấp xã cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Tổ chức bộ máy của UBND xã nên tổ chức theo các khối công việc như khối nội chính, khối kinh tế - kế hoạch, khối văn hóa - xã hội, v.v.. Việc củng cố chính quyền cấp xã cần dựa chắc vào những quy định nói trên và vào nguyên tắc của pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung.

4 - Nhiệm vụ đặt ra cho chính quyền cấp xã trong giai đoạn hiện nay ngày càng nặng nề, phức tạp, đòi hỏi chính quyền cấp xã phải nâng cao trình độ, năng lực toàn diện để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trên mọi lĩnh vực đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng ở địa phương. Chính quyền xã cần xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng ; xây dựng ngân sách xã, xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội và kỹ thuật ; quản lý nhà nước đối với các thành phần kinh tế, các tổ chức kinh tế. Chính quyền xã phải nắm vững pháp luật, giáo dục, hướng dẫn nhân dân trong xã sống và làm việc theo pháp luật, giữ vững kỷ cương trật tự an toàn xã hội. Điều đó cũng đòi hỏi nhà nước xây dựng và ban hành đầy đủ các bộ luật thì chính quyền các cấp mới có thể làm tốt được nhiệm vụ.

5 - Đẩy nhanh việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ chính quyền xã, nhằm từng bước nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ xã. Trước hết, cần mở các lớp bồi dưỡng về kiến thức quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, kiến thức về pháp luật cho đội ngũ cán bộ chủ chốt ở xã. Những cán bộ chuyên môn như địa chính, tài chính, thuế, văn phòng v.v. cần sớm được đào tạo, bồi dưỡng và chuyên môn hóa, ổn định, không nên thay đổi xáo trộn làm ảnh hưởng đến công tác chuyên môn nghiệp vụ (trừ những trường hợp thật cần thiết phải thay đổi).

Nâng cao tiêu chuẩn, chất lượng đại biểu HĐND để đảm bảo HĐND thực sự là cơ quan quyền lực ở địa phương, UBND là cơ quan quản lý nhà nước ở cấp xã.

6 - Chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ chính quyền xã cần được bổ sung, sửa đổi kịp thời, thỏa đáng để cán bộ yên tâm công tác, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Cần nghiên cứu sắp xếp sao cho nhiệm kỳ của Ban chấp hành đảng bộ xã sát với nhiệm kỳ của HĐND xã để việc sắp xếp cán bộ được ổn định, không bị đảo lộn, ảnh hưởng đến công tác.

7 - Để sát với tình hình thực tế nhằm giúp chính quyền cấp xã quản lý những công việc cần thiết trên địa bàn các thôn, bản, nhiều nơi đã bố trí cán bộ mang chức danh trưởng thôn, trưởng bản, nhưng đó không phải là một cấp chính quyền. Đề nghị Chính phủ sớm có quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, tiêu chuẩn và chế độ, chính sách đối với trưởng thôn, trưởng bản để các địa phương thực hiện được thống nhất.

Digitized by Google

Lại nói về những chuyện "hâm"

NGUYỄN TRUNG THỰC

GẦN đây, trong giờ giải lao của Hội nghị bàn về công tác cán bộ, một đồng chí chuyên viên cao cấp nói với tôi : "Bài *Hâm* của ông (đăng trên *Tạp chí Cộng sản* số 5-1993) được nhiều người đồng tình, hoan nghênh". Tôi mừng. Đối với người làm báo, thông tin ấy là một món quà. Và sau đó, anh có kể cho tôi nghe thêm vài mẩu chuyện nho nhỏ nữa mà theo anh nói là để *"bổ sung vào cái kho tàng tư liệu về những chuyện hâm"*. Dưới đây là nội dung của những chuyện đó.

1- Đồng chí Đ. nam nay đã ngoài 70 tuổi, tham gia cách mạng từ năm 1936, vào Đảng năm 1938. Đồng chí đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng của đảng, nhà nước và quân đội. Quê đồng chí ở một vùng giàu truyền thống cách mạng. Và đồng chí chính là người đầu tiên đã nhen nhóm ngọn lửa cách mạng ở quê mình. Có thể nói, đối với quê hương, đồng chí là người có rất nhiều công lao. Dường như để đền đáp cái công lao đó và với truyền thống "uống nước nhớ nguồn", "an quả nhớ người trồng cây", mà các đồng chí lãnh đạo của xã đã quyết định cấp cho đồng chí Đ. một suất đất ở ngay sát quốc lộ. Trong thời buổi kinh tế thị trường và trong cơn sốt đất hiện nay, cái suất 250 mét vuông đất ấy có giá lắm chứ. Bỏ rẻ, mỗi mét vuông cũng được hai chỉ vàng. Như vậy 250mét vuông là 50 cây, tương đương với 250 triệu đồng tiền ta. Các đồng chí lãnh đạo xã còn có "sáng kiến" cho đồng chí Đ. được quyền quyết định theo "cơ chế thoáng". Có nghĩa là, đồng chí lấy đất cũng được ; nếu không lấy đất thì cứ quy đổi thành vàng, thành tiền ; xã sẽ có trách nhiệm chuyển đổi giúp. Không phải là bậc "khai quốc công thần" thì làm sao có được cái đặc ân đó. Quả thật, nếu đồng chí Đ. cứ nhận thì chắc chẳng có ai chê trách, phàn nàn, điều ra tiếng vào chi cả, bởi vì đồng chí xứng đáng được hưởng. Nhưng đồng chí Đ. đã kiên quyết từ chối. Hành động ấy của đồng chí được rất nhiều người khâm phục ; nhưng cũng có không ít người cho đó là "triệu chứng của bệnh hâm"!

2 - Đồng chí K. cũng đã từng là cán bộ cao cấp của Đảng, danh tiếng một thời. Khi về hưu, đồng chí trả lại Đảng và Nhà nước cái biệt thự ở Hà nội và về quê (một tỉnh ở miền Trung) sống trong một căn hộ loàng xoàng với con, cháu. Đồng chí K. khi còn đương chức đã nổi tiếng là một con người sống giản dị, liêm khiết, thanh đạm ; rất nghiêm khắc với bản thân, nhưng lại rất độ lượng và thường xuyên chăm lo tới mọi người. Nhiều cán bộ trẻ dưới quyền vẫn cứ thân mật gọi đồng chí bằng "bố". Một lần, đồng chí phải đi tới một tỉnh ở Tây nguyên để giải quyết việc riêng. Đồng chí quyết định mua vé đi xe đò (xe khách) mà không xin xe của tỉnh ủy. Tới thị xã của tỉnh đó, với tư cách là một cán bộ bình thường đã về hưu, đồng chí vào nhà khách của tỉnh ủy xin ngủ nhờ một đêm. Vì không biết đồng chí, và lại, mấy hôm đó, quả thật nhà khách đã hết chỗ, cho nên các đồng chí phụ trách nhà khách từ chối, không nhận. Đồng chí vui vẻ cáo lui và thuê một chỗ ngủ ở nhà trọ bình dân, ăn cơm bình dân.

Hôm sau, không hiểu từ nguồn tin nào mà tỉnh ủy biết đồng chí K. đến nhà khách tỉnh ủy xin ngủ nhờ và bị từ chối. Thế là tỉnh ủy bèn cử người đi tìm đồng chí. Nhưng rồi tỉnh ủy được biết đồng chí K. đã giải quyết xong việc, và đã đi xe đò về quê.

Nghe đồng chí chuyên viên kể như vậy, tôi nói :

- Việc gì phải khiêm tốn thế, "cụ" cứ nói thẳng ra mình nguyên là cán bộ cao cấp thì đã sao.

- Thế mới có chuyện ; thế người ta mới gọi là "hâm"; còn nếu như cứ đòi hỏi, cứ yêu sách, cứ kể công thì có khi lại được coi là "bình thường" !

3- Anh H. (gọi là anh cho thân mật vì anh còn đương chức, chứ thật ra anh đã ngoại lục tuần) là một cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng. Quê anh ở miệt vườn Nam bộ. Vì yêu cầu công tác, anh phải xa vợ con để sống và làm việc ở Hà nội. Anh sống độc thân, giản dị, làm việc tất bật mà không đòi hỏi cho cá nhân mình. Nhu cầu của anh quả đơn giản, không cao xa. Anh vẫn giữ một nếp sống gần như khắc khổ của những năm ở chiến khu trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

Một lần đi công tác ở thành phố Hồ Chí Minh, anh được biết tin vợ anh (hiện đang sống ở quê) mệt nặng ; anh bận quá không về thăm được. Anh em bàn bạc là anh cho xe về đón chị, nhưng anh không chịu, vì anh không muốn dùng xe công để giải quyết việc riêng ... Anh giữ ý đến thế là cùng. Vì quá "giữ gìn" như vậy cho nên cũng có người đã bảo anh "hâm" !

*

Nghe xong mấy chuyện trên, những câu chuyện cũng bình thường, nhỏ nhoi thôi, nhưng tôi không khỏi suy nghĩ và cảm phục những con người biết giữ mình, nhất là trong thời buổi kinh tế thị trường này. Tôi hỏi đồng chí chuyên viên vừa kể, anh có bình luận gì không . Anh bảo, chuyện đã quá rõ rồi còn bình chi nữa; nếu có bình, thì chỉ xin nói ngắn gọn một câu : *"Hâm như thế thì đáng quý quá"*.

Digitized by Google

NHỮNG GIÁ TRỊ VÀ BÀI HỌC CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI

VŨ HIỂN * - NGUYỄN KHANG **

VÀO nửa đầu và nửa cuối thế kỷ XX, tại nước Nga diễn ra hai sự kiện tác động sâu sắc đến tình hình thế giới : Cách mạng Tháng Mười năm 1917 và sự tan rã Liên bang xô viết năm 1991.

Cách mạng Tháng Mười là niềm vinh quang của những người vô sản cùng với hàng trăm triệu người lao động thành thị và nông thôn nước Nga. Họ đã lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản và phong kiến, giành quyền làm chủ cuộc sống của mình. Đó là sự đột phá quan trọng vào một mắt khâu yếu nhất trong dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc, đưa tới sự ra đời của một nhà nước kiểu mới, một chế độ xã hội kiểu mới mà trước đó chưa hề có trong lịch sử xã hội loài người - chế độ xã hội chủ nghĩa.

Nếu như Cách mạng Tháng Mười là bài ca chiến thắng, là niềm tự hào bất tận của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới thì sự sụp đổ thể chế xã hội ở Đông Âu và Liên xô là tổn thất lớn lao của phong trào xã hội chủ nghĩa cũng như của toàn bộ phong trào cách mạng thế giới.

Xem xét hai sự kiện ngược chiều đó, chúng ta có thể rút ra nhiều vấn đề mang ý nghĩa thời đại.

1- *Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười chứng tỏ chủ nghĩa tư bản đã suy yếu, các thế lực phản động không thể ngăn nổi phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức.*

Vào "đêm trước cuộc Cách mạng Tháng Mười", chế độ Nga hoàng là đinh lũy kiên cố của các thế lực phản động Nga và của cả giai cấp tư sản ở Châu Âu. Nga hoàng không những đại diện cho giai cấp đại địa chủ, cho các tầng lớp quý tộc mà còn đại diện cho giai cấp tư sản. Chính vì thế, giai cấp tư sản vẫn muốn duy trì nền quân chủ chuyên chế, giữ ngai vàng cho Mi-khai-in. Nga hoàng có trong tay một đội quân không lồ mấy triệu binh lính. Ở nước Nga khi ấy còn tồn tại nhiều thế lực phản cách mạng trợ giúp cho Nga hoàng và giai cấp tư sản như bọn Bun, Trăm đen, Ca-đê, bọn "xã hội chủ nghĩa cách mạng" v.v.. Tất cả đều dựa vào quyền lực chính trị và bạo lực phản cách mạng của Nga hoàng. Đó cũng là "cái cột trụ chống trời" của chế độ phong kiến quan liêu tư sản hóa ở Nga. Trong khi đó, giai cấp vô sản và các dân tộc Nga không có gì ngoài "hai bàn tay trắng". Xét tương quan chung trong nước và trên phạm vi quốc tế vào thời điểm đó là không có lợi cho các lực lượng cách mạng Nga. Các thế lực phản động do ưu thế về lực lượng đã thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng. Kê-ren-xki tuyên bố dùng "sắt và máu" để khủng bố nhân dân Nga. Bọn tướng tá bạch vệ chủ trương mở rộng án tử hình không chỉ đối với binh lính ngoài mặt trận, mà trong toàn nước Nga. Chúng nhân nhượng các nước đế quốc, đưa lực lượng quân đội từ tiền tuyến trở về các thành phố lớn để sẵn sàng nổ súng vào các cuộc biểu tình. Chúng âm mưu mở cửa Pê-tơ-rô-grát cho quân Đức tràn vào đàn áp công nhân. Chúng vu cáo Lê-nin và các đảng viên bôn sê vích là "phản quốc". Nhưng những hoạt động của các thế lực phản động ở Nga không ngăn chặn được sự bùng nổ của cách mạng. Chúng không thể

* Tạp chí Cộng sản

** Viện Lịch sử Đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Digitized by Google

giữ vững chế độ phản động hà khắc chứa đựng những mâu thuẫn gay gắt chồng chéo, khủng hoảng và thối nát. Việc Nga hoàng dùng bạo lực để đàn áp nhân dân chứng tỏ sự suy yếu của nó, và đây chính là hành động tự sát. Mặc dù giai cấp vô sản và các dân tộc Nga, như Mác nói, họ không hề có một quyền hành pháp nào cả, nhưng trong xu thế phát triển của thời đại, họ đã dùng sức mạnh của sự đoàn kết cộng đồng với tinh thần dũng cảm vô song để lật đổ các cột trụ của xã hội tư sản. Nga hoàng và giai cấp tư sản, địa chủ đã không thể chống lại sự nổi dậy của hàng triệu công nhân và binh lính ở Pê-tơ-rô-grát và Mát-xcơ-va, của nông dân nghèo ở các tỉnh nước Nga. Nga hoàng và chính phủ tư sản lâm thời hoàn toàn thất bại. Bằng thực tiễn của mình, Cách mạng Tháng Mười đã làm sáng rõ chân lý của thời đại. Những thế lực phản động không thể ngăn chặn được phong trào của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức.

Mấy chục năm gần đây, sau các cuộc cách mạng ở Trung quốc, Cu ba và Việt nam, chưa có cuộc cách mạng nào của giai cấp vô sản lật đổ hoàn toàn chế độ phản động. Nhưng điều đó không có nghĩa là chủ nghĩa đế quốc đã ngăn được phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Mặc dù chủ nghĩa tư bản hiện đại đang cố gắng làm dịu bớt những vấn đề nảy sinh trong lòng nó, nhưng không thể xóa bỏ được mâu thuẫn gay gắt giữa chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất với lực lượng sản xuất ngày càng được xã hội hóa. Chừng nào còn tồn tại mâu thuẫn đó, tất yếu sẽ xuất hiện những cuộc bùng nổ xã hội mang tính cách mạng. Do đó, những kẻ cho rằng Cách mạng Tháng Mười đã thuộc về dĩ vãng là sai lầm. Họ không thể đảo ngược, cũng như không thể xóa bỏ quy luật thép của lịch sử. Với sức sống bất diệt, Cách mạng Tháng Mười đã khai sinh hệ thống xã hội chủ nghĩa từng tồn tại trong nhiều năm, đã đưa đất nước xô viết tiến lên với những giai đoạn phát triển thần kỳ mà chính chủ nghĩa tư bản đã phải run sợ, thừa nhận. Sự phát triển hợp quy luật lịch sử của Cách mạng Tháng Mười đã tạo ra cho Liên xô đánh bại chủ nghĩa phát xít, kẻ thù hung bạo nhất của nhân loại trong thế kỷ XX.

2- *Chế độ xô viết và chủ nghĩa xã hội hiện thực - thành quả của Cách mạng Tháng Mười, đã có những cống hiến lớn lao đối với sự phát triển của xã hội loài người.*

Thành quả to lớn nhất của Cách mạng Tháng Mười là sự ra đời một thể chế xã hội mới - xã hội chủ nghĩa. Nếu như xã hội tư bản chủ nghĩa có giai cấp tư sản là trung tâm, là giai cấp thống trị đối với tuyệt đại bộ phận dân cư thì trong chủ nghĩa xã hội, trung tâm quyền lực thuộc về nhân dân lao động.

Thực tiễn tồn tại hơn 70 năm của chế độ xô viết, của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu đã để lại cho nhân loại những ấn tượng không thể xóa mờ.

Một là, chủ nghĩa xã hội tồn tại như một thực thể xã hội mang tính tất yếu bởi trên một mức độ lớn, nó đã giải quyết được những vấn đề gay gắt và tồn đọng mà chủ nghĩa tư bản và cả những xã hội trước đó không thể nào giải quyết được. Điều đó thể hiện rõ ở những điểm sau đây :

- Về *bảo hiểm xã hội* : Trong chủ nghĩa xã hội, con người được tôn trọng và bảo hiểm đầy đủ nhất. Liên xô trước đây còn nghèo hơn một số nước, nhưng chế độ bảo hiểm không đâu sánh được. Những chính sách bảo hiểm xã hội đã trở thành yếu tố bền vững không tách biệt với đời sống xã hội. Bảo hiểm thể hiện ở chỗ tính mạng, tài sản, an toàn xã hội được bảo đảm. Liên xô trước đây không có trộm cắp, đĩ điếm, người ăn xin. Sống ở nhà nghỉ công đoàn, ở trường học, ở bệnh viện, khu an dưỡng, các khoản đều hoàn toàn do xã hội bảo trợ, điều thèm khát và không thể có được ở các nước phương Tây.

- Về *công bằng xã hội* : Đây là điều khác xa với xã hội trước đó. Nó đảm bảo tính ổn định xã hội, không có bóc lột, không có áp bức bất công. Vì vậy, nó trở thành niềm tin, chất keo gắn bó con người với xã hội.

- Về *lý tưởng xã hội* : Chưa có một xã hội nào mà bản chất ưu việt của nó thấm đượm thành ý thức công dân, thành niềm tin, thành động lực như trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Con người sống có ích hơn, có sức mạnh và có lẽ sống, làm cho cuộc sống đẹp giàu hơn.

Hai là, chủ nghĩa xã hội đã thành một chế độ hiện thực mới mẻ, chưa hề có trong lịch

Digitized by Google

sử loài người. Có lúc chủ nghĩa xã hội đã tồn tại như một hệ thống hùng mạnh chia đôi thế giới và có tính quyết định đến vận mệnh phát triển của thế giới, đã thách thức và buộc chủ nghĩa tư bản phải điều chỉnh bản thân, làm biến dạng chủ nghĩa tư bản, làm lu mờ chủ nghĩa tư bản, làm gương sáng cho những nước thoát khỏi chủ nghĩa thực dân đế quốc.

Ba là, chủ nghĩa xã hội đã tìm ra và đón gặp được nguồn lực phát triển đồng điệu với khát vọng vươn tới của con người, phù hợp với hoài bão của con người : tự do, xóa bỏ bất công, con người được giải phóng, con người nhân văn cao thượng, con người vươn lên sáng tạo không ngừng. Bản thân chủ nghĩa xã hội nếu thật tự giác phát triển đúng quy luật sẽ tạo ra cho mình sức mạnh vô cùng lớn lao, là hiện thân của sự văn minh hơn hẳn các chế độ trước đó.

Bốn là, chủ nghĩa xã hội đã đạt được tốc độ phát triển hiếm có trong lịch sử. Thành tựu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật ở Liên xô những năm 40 - 50 là những bước phát triển đáng khâm phục. Điều đáng khâm phục hơn nữa là toàn bộ những nền tảng vật chất ấy lại được xây dựng cho tất cả mọi người, vì tất cả mọi người, vì thế nó thực sự là lực hấp dẫn lớn đối với các dân tộc.

Năm là, chủ nghĩa xã hội đã góp phần quan trọng trong sự phát triển của nền văn minh nhân loại, làm thay đổi cách thức phát triển của xã hội, làm bớt tính hung hăng, làm nhụt khát vọng của những kẻ cuồng chiến đế quốc, làm tăng tính tự tin của nhiều dân tộc nhỏ yếu lạc hậu.

Sáu là, chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô đã từng giải quyết thành công những vấn đề hết sức gay cấn của xã hội loài người như vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo, đã đoàn kết được mọi dân tộc, mọi tầng lớp, mọi giáo phái thực hiện lý tưởng chung là xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn cho cả mọi người.

Bảy là, chủ nghĩa xã hội có trình độ điều hành xã hội ở quy mô lớn, thể hiện tính tổ chức chặt chẽ và sự phân công hợp lý của cộng đồng một nước và cộng đồng nhiều nước, đã làm cho vấn đề nhân đạo, hòa bình thành vấn đề chung mà cả thế giới phải thực hiện. Chủ nghĩa xã hội cũng là tấm gương về sự giúp đỡ những nước nhỏ yếu một cách vô tư, trong sáng, chí tình chí nghĩa, là mẫu mực về sự đoàn kết quốc tế trên cơ sở mẫu số chung là tất cả vì sự nghiệp giải phóng con người.

3- *Bài học lớn mang tính thời đại rút ra từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười và từ sự đổ vỡ chủ nghĩa xã hội hiện thực ở một số nước chính là : phải không ngừng sáng tạo.*

Sáng tạo là đặc trưng quan trọng, là yêu cầu bức thiết đối với mọi cuộc cách mạng trong thời đại. Cách mạng Tháng Mười là một điển hình trong lĩnh vực này.

Trước đây Mác đã dự kiến về khả năng thành công của cuộc cách mạng vô sản. Người cho rằng : cách mạng vô sản muốn thắng lợi phải nổ ra đồng loạt ở các nước tư bản, hoặc ít nhất cũng phải nổ ra ở một số nước tư bản tiên tiến như ở Anh, Pháp, Đức v.v.. Kết luận trên của Mác rút ra từ thực tiễn, vào lúc chủ nghĩa tư bản đã trở thành một hệ thống chính trị quốc tế. Một cuộc tiến công của giai cấp vô sản vào bất cứ một mắt xích nào trong hệ thống đó cũng có nghĩa là đánh vào toàn bộ hệ thống đế quốc. Vì vậy, chúng tạm dẹp các mâu thuẫn nội bộ để đàn áp các cuộc trỗi dậy của giai cấp vô sản. Do đó, cách mạng vô sản muốn giành thắng lợi không thể nổ ra ở một nước mà phải nổ ra đồng loạt ở nhiều nước tư bản.

Kết luận đó của Mác đã được không ít người đương thời tiếp nhận như một công thức cứng nhắc, một định đề bất di bất dịch mặc dù khi hoàn cảnh lịch sử đã thay đổi. Vì thế, họ đưa ra khẩu hiệu "liên bang châu Âu". Theo họ, liên bang đó là kết quả thắng lợi của các cuộc cách mạng vô sản nổ ra đồng loạt trong nhiều nước. Họ không nhận thấy từ cuối thế kỷ 19 sang đầu thế kỷ 20, chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang chủ nghĩa đế quốc, và quy luật phát triển không đều đã làm hệ thống đế quốc rạn nứt, phân tán, tạo điều kiện thắng lợi cho cách mạng vô sản ở từng nước riêng biệt. Ở Nga, những nhà "cách mạng đầu lưỡi" lúc đó cũng có cùng giọng điệu. Họ còn phủ nhận việc coi Nga hoàng là kẻ thù chung của giai cấp vô sản và các dân tộc Nga, là kẻ thù của các dân tộc và giai cấp vô sản toàn châu Âu. Mặt khác, họ không thể thấy hết sức mạnh

Digitized by Google

to lớn của giai cấp vô sản liên minh với các dân tộc Nga cũng như mối quan hệ tương tác của giai cấp vô sản và phong trào dân tộc tiến bộ ở châu Âu với giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức ở Nga.

Họ chờ đợi một cuộc cách mạng thuần túy và đương nhiên là họ không bao giờ thấy nó cả. Lê-nin đã cho rằng : Họ là người cách mạng nói suông không hiểu một cuộc cách mạng thật sự.

Đảng bôn-sê-vích Nga đứng đầu là Lê-nin cho rằng : Cần thấu triệt cái chân lý không thể chối cãi được là người mác xít phải chú ý đến cuộc sống sinh động, đến những sự thật chính xác của hiện thực, chứ không phải bám lấy cái chân lý ngày hôm qua. Trên tinh thần đó, Lê-nin và Đảng bôn-sê-vích Nga vận dụng sáng tạo các luận điểm của Mác vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước Nga đầu thế kỷ 20. Lê-nin chỉ ra : mặc dù các thế lực phản động có xu hướng câu kết với nhau, nhưng do sự phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc, mỗi tên có quyền lợi riêng. Vì quyền lợi riêng, trong nhiều trường hợp chúng không điều hòa nổi mâu thuẫn nội bộ của hệ thống đế quốc. Người còn nhận thấy trong việc câu kết của chúng có tính chất lỏng lẻo, bấp bênh. Chúng sẵn sàng biến "bạn đồng minh trở thành chó sói". Chính vì thế, cách mạng có thể nổ ra thắng lợi ở một nước riêng rẽ. Sự thống trị của Nga hoàng đã làm nảy sinh trong lòng xã hội Nga những mâu thuẫn gay gắt, không thể điều hòa. Nước Nga trở thành một mắt xích yếu kém trong hệ thống dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc. Do đó, cách mạng có thể giành được thắng lợi. Thực tiễn đã khảo nghiệm sự phân tích đúng đắn của Lê-nin và Đảng bôn-sê-vích Nga.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười và Nhà nước xô viết trong quá trình xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội đã là minh chứng và là bài học hùng hồn về đường lối cách mạng sáng tạo. Bài học sáng tạo đó có ý nghĩa soi sáng cho việc phân tích những vấn đề nảy sinh hôm qua và cung cấp phương pháp luận cho hôm nay :

- Như chúng ta đã biết, ở Đông Âu và Liên xô (trước đây), chủ nghĩa xã hội hiện thực không phải là kết quả trực tiếp của việc phủ định chủ nghĩa tư bản. Tiền đề vật chất để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước này chưa thật đầy đủ. Bởi vậy, để xây dựng thành công một phương thức sản xuất cao hơn chủ nghĩa tư bản, thì tất yếu phải là một công việc đầy khó khăn, đòi hỏi tính tự giác cao và không ngừng sáng tạo một cách có nguyên tắc. Nhưng chủ nghĩa xã hội hiện thực ở những nơi này có lúc đã không thật sáng tạo, hoặc "sáng tạo" vô nguyên tắc, thậm chí, ở giai đoạn cuối cùng của nó, những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin lại bị phá vỡ. Thiếu sáng tạo, hoặc nhân danh sáng tạo mà từ bỏ nguyên tắc, đều là những nguyên nhân trong rất nhiều nguyên nhân làm đổ vỡ chủ nghĩa xã hội hiện thực.

- Cả trong lý luận và thực tiễn đều cho thấy, chủ nghĩa xã hội là có thực, có thể xây dựng được, bảo vệ được và phát triển được. Sự đổ vỡ chủ nghĩa xã hội hiện thực không phải tự nó. Nếu biết tìm ra những phương pháp, cách thức, bước đi hợp lý, nhất định có thể khắc phục được những yếu kém của chủ nghĩa xã hội để đưa nó phát triển đi lên.

- Trong khi bảo vệ, củng cố, phát triển chủ nghĩa xã hội hiện nay, cần nhận thức rõ mấy khía cạnh. *Một là*, chủ nghĩa xã hội đang cùng tồn tại với chủ nghĩa tư bản, và hiện thời có phần kém lợi thế hơn so với chủ nghĩa tư bản. Vì thế, phải nhận biết những thách thức và những chống phá của chủ nghĩa tư bản để có đối sách hợp lý, kịp thời. *Hai là*, khung cảnh của thế giới hiện đại là những quan hệ chằng chịt. Nhiều hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, nhiều cách thức phát triển xã hội khác nhau đang cùng tồn tại. Quan hệ quốc tế ngày càng đa dạng, nhiều chiều, phức tạp. Giữa các nước và các chế độ xã hội có sự đấu tranh với nhau, có sự tác động phụ thuộc lẫn nhau, thâm nhập vào nhau và có cả chuyển hóa lẫn nhau. Vậy nên, thực hiện quá trình đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ quốc tế là phải biết giữ mình, không để méo mó đi hoặc bị hòa tan. *Ba là*, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước khác nhau có thể được tiến hành bằng những con đường khác nhau, thể hiện dưới những hình thức khác nhau, tùy thuộc đặc điểm riêng của mỗi nước và mỗi dân tộc.

Digitized by Google

Ha-i-ti : Dân chủ viện trợ

LA CÔN

CUỘC đổ bộ của quân Mỹ sáng 19-9-1994 vào Ha-i-ti đã mở màn cho kịch bản "khôi phục dân chủ" ở đảo quốc nhỏ này. Qua những nét chủ yếu do các nhà lãnh đạo Mỹ công bố và những dự kiến được bàn bạc trong hậu trường, có thể thấy đây là sự thể nghiệm chính sách đối ngoại mới của Mỹ thời "sau chiến tranh lạnh". Mục tiêu là thiết lập một thể chế "dân chủ kiểu Mỹ" bằng sự giúp đỡ về quân sự, chính trị, kinh tế... gọi là "mô hình dân chủ viện trợ".

"Mô hình dân chủ viện trợ" dựa trên khái niệm mới về triết lý đối ngoại : *quyền đòi dân chủ*. Khái niệm này được trình bày trong cuốn sách xuất bản năm 1992, mà một đồng tác giả là Mo-tơn Han-prin, một quan chức Bộ quốc phòng thời Giôn-xơn được mời làm trợ lý cho Hen-ri Kít-xin-gơ (cố vấn an ninh quốc gia thời tổng thống Ních-xơn) như sau :

Trong những năm gần đây, quyền con người và dân chủ gắn liền với nhau mật thiết đến mức một số học giả đã nói đến quyền được đòi dân chủ như một nguyên tắc mới của công pháp quốc tế. Quyền này sẽ tạo ra nghĩa vụ của cộng đồng quốc tế phải hành động để bảo vệ hay thúc đẩy dân chủ. Nước Mỹ rất quan tâm đến việc thúc đẩy chiều hướng đó một phần vì nó cung cấp cho Mỹ và các chính phủ dân chủ khác một công cụ gây sức ép buộc một nhà nước mới phải dựng lên một cơ cấu chính phủ ban bố những quyền dân chủ cho nhân dân nước mình [1].

Đặc điểm cơ bản của "mô hình" này là nước nhận viện trợ sẽ luôn luôn bị phụ thuộc vào nước viện trợ. Như vậy, quan hệ giữa Mỹ và Ha-i-ti về cơ bản sẽ vẫn là quan hệ như hơn 37 năm qua - từ khi Phrăng-xoa Đuy-va-li-ê lên nắm quyền cai trị đảo quốc này năm 1957 với sự ủng hộ của tổng thống Mỹ Ai-xen-hao. Chế độ độc đoán đó kéo dài cho tới năm 1986 khi Đảng cộng sản Ha-i-ti, liên minh 12 chính đảng và các nhóm chính trị xã hội khác lãnh đạo quần chúng nổi dậy lật đổ Đuy-va-li-ê con, thiết lập chính quyền lâm thời. Hiến pháp năm 1987 sau đó có điều khoản cấm các quan chức cao cấp (quân sự và dân sự) của chính quyền độc tài Đuy-va-li-ê tham gia bộ máy nhà nước trong 10 năm. Nhưng với sự ủng hộ của hai tổng thống Mỹ Ri-gân và Bu-sơ, trong những năm 1987 - 1992 các quan chức này lần lượt trở về nắm lại bộ máy chính quyền. Cả khi tổng thống Giăng Béc-tơ-răng A-ri-xtit lên cầm quyền với đa số phiếu bầu trong cuộc bầu cử tổng thống ngày 16-2-1991, giới quân sự và cảnh sát vẫn nắm quyền kiểm soát đất nước và đã tiến hành đảo chính lật đổ ông A-ri-xtit tháng 9-1991, buộc ông phải sống lưu vong.

Sau khi ông A-ri-xtit bị lật đổ, dư luận Mỹ và nhiều nơi trên thế giới đã lên án cuộc đảo chính quân sự, đòi phục hồi chức vụ cho ông. Và tổng thống Mỹ Bin Clin-tơn sau ngày vào Nhà trắng tháng 1-1993 đã vấp phải một bài toán nan giải, đó là làm sao gạt bỏ được giới quân sự chóp bu để ông A-ri-xtit trở lại nắm quyền mà vẫn giữ được lợi ích chiến lược của Mỹ... Sau các cú đòn cân não về kinh tế, chính trị, quân sự và ngoại giao, cuối cùng giới quân sự Ha-i-ti đứng đầu là tướng Xê-đrat đã phải ký vào bản hiệp định theo đó ông ta và hai phụ tá là tham mưu trưởng quân đội và cảnh sát trưởng sẽ từ chức chậm nhất vào ngày 15-10-1994 để ông A-ri-xtit trở lại nắm quyền.

Theo kịch bản "dân chủ viện trợ", các nhà ngoại giao và quân sự Mỹ ở Ha-i-ti hiện đang cố gắng dựng lên một thể chế dựa trên những lực lượng chính trị, xã hội đã ủng hộ tổng thống A-ri-xtit - những trí thức đại diện cho lớp dưới của giai cấp địa chủ và tư sản thương mại. Cuộc chiếm đóng quân sự hoàn tất với

(1) Xem Morton H.Halperin, David J.Scheffer, Patricia L.Small : *Self-determination in the New World Order* (Quyền tự quyết trong trật tự thế giới mới), Washington, 1992, tr 60, 61

Digitized by Google

việc triển khai gần 2 vạn lính Mỹ đã chấm dứt màn một của "dân chủ viện trợ". Màn hai đã bắt đầu với hoạt động của Quốc hội Ha-i-ti từ ngày 28-9 bàn vấn đề ân xá cho những người đã tham gia đảo chính ; tiến hành thanh trừ những phần tử cốt cán của chế độ Đuy-va-li-ê để tạo ra "bầu không khí chính trị trong đó tổng thống A-ri-xtit có thể tự do hoạt động", như các nhà lãnh đạo Mỹ tuyên bố. Song song với hoạt động của quốc hội, đội quân chiếm đóng Mỹ còn ép giới lãnh đạo quân sự Ha-i-ti phải giải thể các đơn vị vũ khí hạng nặng, tập trung các vũ khí đó dưới sự kiểm soát của Mỹ. Đồng thời, số vũ khí nhẹ cũng bị giảm nhiều bằng việc Mỹ bỏ tiền ra mua lại trong quân đội và nhân dân. Tổng thống Clin-tơn đặc biệt chú trọng việc cắt giảm mạnh lực lượng an ninh Ha-i-ti đông tới 25000 người nằm dưới sự kiểm soát của quân đội. Tổ chức an ninh mới sẽ được đặt dưới quyền kiểm soát của các nhà lãnh đạo dân sự...

Tuy nhiên, mô hình "dân chủ viện trợ" chứa đựng *những mâu thuẫn sâu sắc* :

Thứ nhất, nó mâu thuẫn với giới cầm đầu quân sự và cảnh sát vẫn còn rất mạnh. Lực lượng này dựa trên cơ sở xã hội vững vàng mà mọi biện pháp quân sự thuần túy không làm suy yếu được. Đó là những địa chủ giàu có và những nhà buôn lớn. Ở đất nước nghèo nhất Mỹ la tinh này, địa vị xã hội và thế lực chính trị của hai giai cấp này (từng là chỗ dựa cho chế độ độc tài Đuy-va-li-ê trong suốt 37 năm qua) chắc chắn trong một thời gian dài, vẫn là trở ngại lớn cho sự phát huy dân chủ thật sự. Vụ khủng bố làm 5 người chết, 43 người bị thương trong cuộc biểu tình ủng hộ tổng thống A-ri-xtit ngày 29-9 vừa qua, rõ ràng là lời cảnh cáo của các thế lực đúng 3 năm trước đã làm đảo chính quân sự.

Thứ hai, nó mâu thuẫn với các chính đảng đại diện cho các tầng lớp nhân dân lao động và những trí thức tiến bộ, yêu nước bị gạt khỏi danh sách "viện trợ" của chính quyền Clin-tơn. Các lực lượng này ngay từ những năm 1991 - 1992 đã từng lên tiếng phản đối một cuộc can thiệp quân sự (có thể xảy ra) của chính quyền Bu-sơ. Tuần báo Ha-i-ti có xu hướng tiến bộ *Progress* ngày 23-10-1991 đã dõng dạc tuyên bố : Nhân dân Ha-i-ti có đầy đủ khả năng trừ bỏ chế độ khủng bố Tông-tông Ma-cút bằng sức mạnh của chính mình, và chúng ta không thể vì cái cớ trừ bỏ chế độ đó mà sa vào nguy cơ nghiêm trọng hơn là một cuộc can thiệp quân sự của nước ngoài. Tờ báo đã nhắc lại bài học đau xót của nhà lãnh đạo Công-gô Lu-mum-ba năm 1961, sau khi kêu gọi Liên hợp quốc đưa lực lượng vào giúp dỡ thì chính ông đã bị sát hại như thế nào.

Thứ ba, nó mâu thuẫn với các tổ chức chống chiến tranh, các tổ chức công đoàn và các tổ chức dân quyền của người da màu ở nước Mỹ. Các tổ chức này đã ủng hộ việc thành lập "Ủy ban điều tra về những tội ác chống lại quyền con người ở Ha-i-ti" do cựu bộ trưởng tư pháp Ram-xây Clac đứng đầu. Ông cũng là người đã đứng ra tổ chức "Tòa án quốc tế xét xử tội ác chiến tranh của chính quyền Bu-sơ ở I-rắc" và là người chủ trì cuộc "Điều trần trước công chúng về tội ác chiến tranh của Hoa kỳ" tại Niu-Oóc ngày 11-5-1991.

Các tổ chức công đoàn và các tổ chức dân quyền của người da màu ở Mỹ đã tố cáo chính quyền Ri-gân gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với nhân dân lao động Mỹ mà ngày nay không có biện pháp kinh tế - xã hội nào có thể giải quyết nổi. Ngay từ năm 1981, năm đầu tiên bước vào Nhà trắng, Ri-gân đã khuyến khích việc tổ chức hàng trăm trung tâm bí mật ở Ha-i-ti và bốn nước Mỹ la tinh khác để tuyển mộ đưa bí mật vào Mỹ hàng triệu người làm đội quân lao động dự trữ sẵn sàng thay thế công nhân Mỹ ở những đồn điền lớn thuộc các bang miền nam khi họ bị sa thải, làm sống lại chế độ nô lệ đã bị lịch sử lên án. Đồng thời, cũng là để cung cấp nhân công rẻ mạt cho hàng trăm xưởng sản xuất thô sơ ở Mỹ dùng sức người thay cho những nhà máy lớn bị bốc dỡ đưa ra nước ngoài. Hậu quả của chính sách thâm độc đó là, chỉ riêng năm 1981, đã có hơn 1 triệu lao động nhập cư trái phép vào Mỹ bị bắt. Con số đó cứ tăng lên mỗi năm, tới 8 triệu người trong nhiệm kỳ đầu của tổng thống Ri-gân.

Song song với các trung tâm tuyển mộ bí mật, những hành động đàn áp ở Ha-i-ti cũng thúc đẩy người lao động ở đây ra đi hàng loạt. Hàng triệu "thuyền nhân" vượt biển Ca-ri-bê

(Xem tiếp trang 39)

Digitized by Google

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN. SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

• THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Thị trường chứng khoán là *nơi giao dịch mua bán chứng khoán*. Chứng khoán là một danh từ chung để chỉ các loại chứng từ xác nhận quyền sở hữu về tài sản của người sở hữu chứng khoán. Chứng khoán gồm các loại cổ phiếu và trái phiếu.

Cổ phiếu là loại chứng từ xác nhận quyền sở hữu về vốn của một cổ đông đối với một công ty cổ phần. Cổ đông là người có cổ phần thể hiện bằng cổ phiếu. Người có cổ phiếu có các quyền hạn và trách nhiệm đối với công ty như : được chia lợi tức theo kết quả kinh doanh; được quyền bầu cử, ứng cử vào ban quản lý, ban kiểm soát của công ty ; chịu trách nhiệm về sự lỗ lãi, phá sản của công ty trong giới hạn số vốn cổ phần của mình. Cổ phiếu có *hai* loại :

+ Cổ phiếu *ưu đãi* là loại cổ phiếu có lợi tức cố định. Người có cổ phiếu này không có quyền bỏ phiếu tham gia công việc quản lý, kiểm soát công ty. Khi công ty bị giải thể hoặc phá sản, người có cổ phiếu ưu đãi được ưu tiên thanh toán vốn trước.

+ Cổ phiếu *thường* là loại cổ phiếu chỉ được chia lợi tức khi công ty kinh doanh có lãi và sau khi đã phân phối lợi tức cho các cổ phiếu ưu đãi. Người có cổ phiếu thường được quyền bầu cử, ứng cử vào các cơ quan quản lý, kiểm soát công ty.

Trái phiếu là loại chứng từ xác nhận đơn vị phát hành có một món nợ đối với người sở hữu trái phiếu. Trái phiếu là loại chứng khoán có lợi tức cố định được ấn định trước, gọi là *lãi suất*. Trái phiếu chỉ được hoàn trả khi đến hạn. Trái phiếu do chính phủ hoặc chính quyền địa phương phát hành gọi là *công trái*. Trái phiếu do các doanh nghiệp (quốc doanh hoặc ngoài quốc doanh) phát hành gọi là *trái phiếu công ty*.

Căn cứ theo *tiêu chuẩn pháp lý*, chứng khoán có *hai* loại. Chứng khoán *vô danh* là loại không ghi rõ tên chủ sở hữu. Việc mua bán, chuyển nhượng loại này rất dễ dàng, không cần có thủ tục pháp lý hành chính. Còn chứng khoán *ký danh* là loại ghi rõ họ tên người sở hữu. Việc mua bán, chuyển nhượng do đó phải qua thủ tục đăng ký tại một cơ quan có thẩm quyền.

Căn cứ theo *tính chất tài chính*, chứng khoán cũng phân làm *hai* loại. Chứng khoán *có lợi tức cố định* là loại có vốn và lãi được hoàn trả theo thời hạn định trước. Còn chứng khoán *có lợi tức không cố định* là loại mà lợi tức hoàn toàn tùy thuộc kết quả kinh doanh của đơn vị phát hành, có thể *cao, thấp*, thậm chí *không có* (nếu đơn vị làm ăn thua lỗ).

Thị trường chứng khoán thực hiện *hai chức năng chính* :

Thị trường sơ cấp là thị trường chứng khoán được phát hành lần đầu nhằm tạo lập một doanh nghiệp cổ phần. Doanh nghiệp thì phát hành *cổ phiếu* hoặc *trái phiếu*; còn chính phủ hoặc chính quyền địa phương thì phát hành *trái phiếu*.

Thị trường thứ cấp là thị trường chứng khoán các loại đã được phát hành qua thị trường sơ cấp. Đây là nơi gặp nhau giữa cung và cầu các chứng khoán đã có, thông qua đó giá từng loại chứng khoán được hình thành theo quan hệ cung cầu trên thị trường.

Thị trường chứng khoán có tổ chức hoạt động theo *ba nguyên tắc cơ bản* :

1- *Nguyên tắc trung gian*. Thị trường chứng khoán do các nhà trung gian, các công ty kinh doanh môi giới chứng khoán (gọi tắt là công ty chứng khoán) thực hiện, chứ không phải trực tiếp do những người muốn mua bán chứng khoán thực hiện. Nguyên tắc trung gian bảo đảm cho thị trường chứng khoán hoạt động có trật tự, lành mạnh, hợp pháp và ngày càng phát triển. Đồng thời, nó cũng bảo đảm quyền lợi cho người mua chứng khoán, người đầu tư. Thực tế cho thấy, người đầu tư không bao giờ có thể xác định được một cách chính xác giá trị thực tại và tương lai của mỗi loại chứng khoán.

2- *Nguyên tắc đấu giá*. Việc định giá chứng khoán trên thị trường hoàn toàn thuộc về các nhà môi giới chứng khoán. Mỗi nhà môi giới định giá mỗi loại chứng khoán tại một thời điểm tùy theo sự xét đoán, kinh nghiệm và kỹ thuật riêng của mình căn cứ vào số lượng cung cầu loại chứng khoán đó trên thị trường. Việc định giá được thực hiện qua một cuộc thương lượng đấu giá giữa những người môi giới cần mua và những người môi giới cần bán. Giá chứng khoán sẽ được xác định khi hai bên đã thống nhất.

3- *Nguyên tắc công khai*. Tất cả các hoạt động trên thị trường chứng khoán, các loại chứng khoán được đưa ra mua bán, tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của các công ty phát hành chứng khoán, đều được công khai hóa. Số lượng và giá mỗi loại chứng khoán đều được thông báo công khai trên thị trường và trên các phương tiện thông tin. Nguyên tắc công khai bảo đảm cho người đầu tư khỏi bị lầm lẫn trong việc chọn lựa mua bán chứng khoán.

Các nguyên tắc hoạt động nêu trên của thị trường chứng khoán được quán triệt trong hệ thống luật pháp của các nước theo kinh tế thị trường và được các cơ quan quản lý, giám sát thị trường thực hiện.

• SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Sở giao dịch chứng khoán là một tổ chức tài chính đặc biệt do *Hội đồng chứng khoán quốc gia* thành lập nhằm tạo ra một thị trường cho các giao dịch mua bán chứng khoán. Sở giao dịch chứng khoán là một tổ chức có tư cách pháp nhân, tự chủ về tài chính, chịu sự quản lý và giám sát của Hội đồng chứng khoán quốc gia.

Sở giao dịch chứng khoán thực hiện các nhiệm vụ : tổ chức, phục vụ việc giao dịch mua bán chứng khoán đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán ; cung ứng các dịch vụ phục vụ cho hoạt động giao dịch mua bán chứng khoán (lập trung tâm thông tin về chứng khoán và thị trường chứng khoán, trung tâm lưu giữ chứng khoán và trung tâm thanh toán bù trừ).

Quản lý sở giao dịch chứng khoán là *hội đồng quản trị*. Thành phần hội đồng quản trị thường bao gồm : chủ tịch và ba ủy viên do Hội đồng chứng khoán quốc gia bổ nhiệm; ba ủy viên được bầu trong số đại diện các công ty môi giới chứng khoán thành viên của sở giao dịch chứng khoán ; và một ủy viên là đại diện của công ty có chứng khoán được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán.

Điều hành sở giao dịch chứng khoán là một ban điều hành, gồm giám đốc và một số phó giám đốc, do Hội đồng chứng khoán quốc gia bổ nhiệm. Ban điều hành sở giao dịch chứng khoán có quyền hạn và trách nhiệm trong việc tổ chức, quản lý điều hành các nghiệp vụ của sở giao dịch chứng khoán và các trung tâm dịch vụ liên quan.

Digitized by Google

● CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU *"VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VĂN NGHỆ CƠ BẢN ĐANG ĐƯỢC TRANH LUẬN QUA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1987 - 1992)"*

Vừa qua, Bộ giáo dục và đào tạo đã nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình nghiên cứu "*Về một số vấn đề lý luận văn nghệ cơ bản đang được tranh luận qua công cuộc đổi mới (1987 - 1992)*". Đây là công trình nghiên cứu cấp bộ, mã số B91-27-08, do PGS Lê Bá Hán (Đại học sư phạm Vinh) chủ biên,với sự tham gia của PGS, PTS Trần Đình Sử (Đại học sư phạm Hà nội) và các đồng chí Từ Đức Trịnh, Lê Văn Dương, Lê Quang Hưng, Lê Hồng Vân (Đại học sư phạm Vinh).

Đặt ra nhiệm vụ *tổng thuật* lại những vấn đề cơ bản của lý luận văn nghệ mấy năm qua, các tác giả công trình đã tiến hành phân loại ý kiến, từ đó đưa ra những "lời bàn", những *kiến giải* riêng dưới ánh sáng của quan điểm lịch sử trung thực và khách quan. Công trình tập trung vào *bốn* vấn đề chính :

1. Văn học phản ánh hiện thực
2. Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa
3. Đánh giá thành tựu văn nghệ giai đoạn 1945 - 1975
4. Văn nghệ và chính trị.

Về vấn đề văn học phản ánh hiện thực : Qua 60 bài viết, chương I của công trình đã nêu *ba* khía cạnh được mọi người quan tâm : 1- Phản ánh hiện thực là thuộc tính hay là nhiệm vụ của văn học ?;2- Vai trò của chủ thể trong sáng tạo nghệ thuật ; 3- Các tác giả kinh điển bàn về vấn đề văn học phản ánh hiện thực. Các tác giả khẳng định : nếu tiếp nhận văn học như là một hình thái ý thức phản ánh đời sống xã hội, thì phản ánh hiện thực là thuộc tính của văn học. Song nếu xét văn học trên phương diện mục đích của nó, thì không nghi ngờ gì nữa, có thể coi phản ánh hiện thực không chỉ là nhiệm vụ, mà còn là nhiệm vụ *hàng đầu* của văn học. Tuy nhiên, khi khẳng định nhiệm vụ to lớn của văn học là phản ánh hiện thực, thì cần có cái nhìn mới, đúng đắn hơn đối với phạm trù "hiện thực". Trước đây, đã có lúc khái niệm hiện thực được hiểu có phần hạn hẹp, đường như chỉ là hiện thực chính trị, hiện thực cách mạng. Trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay, hiện thực cuộc sống đang đặt ra biết bao vấn đề phong phú khác trước và vận động theo những quy luật hết sức phức tạp. Điều đó đòi hỏi người nghệ sĩ không thể có cái nhìn đơn giản, bị động; càng không thể chỉ duy lý hóa một cách cứng nhắc đối với hiện thực, mà cần phải có cái nhìn toàn vẹn, sâu rộng, đa chiều, đi sâu vào hiện thực, tích cực khám phá và sáng tạo. Ai cũng biết vai trò của chủ thể trong sáng tạo nghệ thuật có ý nghĩa cực kỳ quan trọng ; sáng tạo nghệ thuật là lĩnh vực đòi hỏi tài năng nghệ thuật. Cho nên, nếu tạo ra sự đối lập giữa phản ánh và chủ thể phản ánh là một điều khó chấp nhận. Chủ thể chỉ có thể được xác định trong mối quan hệ với khách thể. Để giải quyết vấn đề này, các tác giả cho rằng, nhà lý luận phải phân biệt được tính tích cực của chủ thể phản ánh nói chung và vai trò của chủ thể trong phản ánh nghệ thuật nói riêng; phân biệt được phản ánh một cách sáng tạo với hành động sáng tạo đích thực của chủ thể trong quá trình lao động nghệ thuật. Một nền văn nghệ lành mạnh là một nền văn nghệ đề cao nhiệm vụ văn học phản ánh hiện thực, đồng thời không triệt tiêu vai trò sáng tạo của chủ thể. Nói cách khác, nếu coi nhẹ nhiệm vụ phản ánh hiện thực, tất sẽ "thiếu cơ sở để phát triển mọi năng lực của chủ thể".

Gắn với phản ánh hiện thực, là **vấn đề hiện thực xã hội chủ nghĩa và phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa**. Đây là loại đề tài đã từng thu hút các nhà lý luận suốt mấy thập kỷ nay. Trong những năm đổi mới, các ý kiến về hiện thực xã hội chủ nghĩa tựu trung được chia làm hai khuynh hướng : 1- hoài nghi hoặc phủ định hiện thực xã hội chủ nghĩa ; 2- tiếp tục khẳng định hiện thực xã hội chủ nghĩa ở những mức độ khác nhau. Giữa hai khuynh hướng này là một vài ý kiến còn băn khoăn, không dứt khoát khẳng định hoặc phủ định sự hiện diện của hiện thực xã hội chủ nghĩa. Theo các tác giả của công trình, cả hai khuynh hướng nêu trên, đều xuất phát từ những suy nghĩ nghiêm túc, chân thành, mong muốn có thể nhận thức lại một cách đầy đủ hơn về hiện thực xã hội chủ nghĩa nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới văn học. Có điều, các ý kiến trên đều còn lúng túng, chưa đưa ra được những đề xuất có sức thuyết phục về vai trò của phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa. Cái "vướng" chủ yếu ở đây vẫn là thuật ngữ "phương pháp". Điều đó cho thấy, đã đến lúc phải xem xét lại tiền đề lý thuyết quen thuộc : sự xuất hiện của khái niệm phương pháp. Đặt vị trí "phương pháp" trong tiến trình văn học, các tác giả cho rằng, về thực tế, sự tồn tại của khái niệm này không đóng góp gì cho nghệ thuật, thậm chí còn gây nhiễu cho công tác thẩm định, phê bình, giảng dạy văn học. Có thời, chúng ta muốn đề cao hiện thực xã hội chủ nghĩa nhưng lại coi thường sự tồn tại và khả năng của các khuynh hướng nghệ thuật khác; coi tất cả các phương pháp phi hiện thực xã hội chủ nghĩa là "không đáng kể". Từ cách xem xét này, có thể thấy khái niệm "phương pháp sáng tác" khó mà còn chỗ đứng trong lịch sử nghệ thuật.

Vậy giải pháp được đưa ra là thế nào ? Theo các tác giả của công trình, cần trở lại với khái niệm "khuynh hướng nghệ thuật". Tuy nhiên, trong khi đề nghị trở lại với khái niệm "khuynh hướng nghệ thuật", các tác giả chủ trương tiếp thu mặt định hướng triết học - thẩm mỹ - nhân văn, vốn là yếu tố quan trọng nhất của phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa. Như vậy, có thể sẽ lại nảy sinh mâu thuẫn mới. Vấn đề này còn bỏ ngỏ, và đáng bàn luận thêm trong giới lý luận.

Dù bàn đến nhiều khía cạnh khác nhau của văn học, rút cuộc, các nhà lý luận phê bình văn học vẫn đứng trước một vấn đề bức xúc : **đánh giá thế nào về thành tựu văn học cách mạng giai đoạn 1945 - 1975** ? Nhìn chung, thời gian qua, có ba khuynh hướng đánh giá văn học giai đoạn này : 1- Đánh giá thấp, thậm chí phủ định hoặc lên án gay gắt, coi đó là thứ văn học minh họa, quen nói một chiều ; 2- Đề cao quá mức thành tựu văn học giai đoạn này, coi những khuyết điểm, hạn chế của nó chỉ là do khách quan, do hoàn cảnh lịch sử ; 3- Khẳng định thành tựu văn học giai đoạn này, đồng thời thẳng thắn chỉ ra những yếu kém của nó với tinh thần khách quan, khoa học.

Để đánh giá thành tựu văn học giai đoạn 1945 - 1975, các tác giả công trình không dừng lại ở cấp vĩ mô, mà để đạt một cách xem xét văn học ở cấp vi mô, "nói có sách mách có chứng", theo quan điểm lịch sử (bao gồm cả quan điểm hiện đại). Về *cơ bản*, các tác giả đồng tình với loại *ý kiến thứ ba*. Mặt khác, các tác giả chỉ ra rằng không thể dùng khái niệm "sử thi" một cách tùy tiện để vận dụng vào việc đánh giá văn học giai đoạn 1945 - 1975. Để nhìn nhận văn học giai đoạn này một cách chính xác, việc chú ý đầy đủ hơn đối với truyền thống dân tộc cũng được coi là một tiêu chí quan trọng, hợp với quan điểm lịch sử. Cố nhiên, những đề xuất và kiến giải trên đây của các tác giả chưa phải là những kết luận cuối cùng về văn học giai đoạn 1945 - 1975, mà mới chỉ dừng lại ở những đề nghị để các nhà lý luận tiếp tục tìm tòi và suy ngẫm.

Digitized by Google

Về **mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị**, điều đáng tiếc là các tác giả mới chỉ nêu ra ở mức tổng thuật,mà đáng lẽ ra, trên cơ sở các cứ liệu đã có, có thể đóng góp những nhận xét ban đầu hoặc những kiến giải riêng. Có *bốn* vấn đề tranh luận đã được điểm lại ở chương này : 1- Sự thống nhất nhưng không đồng nhất giữa văn nghệ và chính trị ; 2- Về vấn đề "văn nghệ phục vụ chính trị"; 3- Vấn đề quan hệ giữa người lãnh đạo chính trị, người cầm quyền và nghệ sĩ ; 4- Đánh giá đường lối và sự lãnh đạo của Đảng về văn nghệ (và những đề nghị).

Quả thật, chính trị và văn nghệ là hai hình thái ý thức xã hội. Ở phương diện này, chúng tồn tại độc lập với nhau. Song, như các tác giả công trình đã khẳng định, cái quan trọng không phải là ở chỗ thiên về khái niệm, mà cơ bản là phải chú ý đến thực tiễn, mà ở đây sự thật hiển nhiên là *văn nghệ phục vụ chính trị*. Có điều, để đổi mới, cần phải có một quan niệm thực sự cởi mở về mối quan hệ được coi là cốt tử này.

Vì một nền văn hóa nghệ thuật tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xuất phát từ cái nhìn biện chứng, lịch sử, giới lý luận văn nghệ *một mặt* phải đánh giá lại những thành tựu và hạn chế của văn nghệ quá khứ, mặt khác phải vươn lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực sự có tác dụng trực tiếp đến đời sống văn nghệ. Trong mạch chung ấy, có thể nói sự đóng góp của các tác giả công trình lý luận trên đây mang một ý nghĩa mới.

Thứ nhất, nó theo sát thời sự văn nghệ và đưa ra một cái nhìn tổng quan toàn bộ những vấn đề lý luận văn nghệ đã được đặt ra và bàn cãi trong mấy năm đổi mới vừa qua; trước mắt nó phục vụ cho công tác giảng dạy ở các trường, đồng thời về lâu dài, nó cũng là những gợi ý trên chặng đường tiếp theo của công tác nghiên cứu lý luận văn nghệ.

Thứ hai, trên cơ sở những dữ kiện tập hợp được, đặc biệt những ý kiến tranh luận của nhiều bài về lý luận văn nghệ, đồng thời đưa ra cách lý giải mới về các vấn đề đó, các tác giả đã giúp mỗi người chúng ta có dịp phân tích, so sánh, tự mình phân định đúng, sai để dần dần tiếp cận chân lý.

Thứ ba, công trình thể hiện tinh thần làm việc nghiêm túc, khách quan, gợi ý một phương pháp nghiên cứu khoa học trong tình hình hiện nay là tôn trọng sự thật, tôn trọng người khác. Bằng tư duy lô gích, tiếp cận với sự vật, hiện tượng trong quá trình phát triển lịch sử cụ thể của nó, các tác giả đã đưa ra những kiến giải bước đầu mang tính thuyết phục, tránh được những định kiến, những thói quen áp đặt, võ đoán, những tư tưởng và thái độ ngoài khoa học.

MAI HẢI OANH (thực hiện)

● HỘI THẢO QUỐC TẾ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Trong 3 ngày 24 , 25 và 26 tháng 8 năm 1994, tại Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa nhà nước - pháp luật và đề tài KX 07 -16 đã tổ chức hội thảo quốc tế "Quyền con người - lịch sử và lý luận". Các giáo sư, các nhà khoa học thuộc tổ chức phát triển quốc tế Thuỵ điển (SIDA) cùng với các nhà khoa học Việt nam đã thảo luận về nguồn gốc của vấn đề nhân quyền và quá trình phát triển lịch sử nhân quyền, các công ước và nguyên tắc luật quốc tế về các quyền, các tổ chức và hệ thống quan hệ quốc tế về nhân quyền. Các báo cáo trong hội thảo quan tâm đến nền tảng triết học của nhân quyền, tính tổng quát của nhân quyền và quan hệ giữa nhân quyền với quyền lực, văn hóa, dân chủ, mối tương quan qua lại giữa các quyền dân sự, chính trị với kinh tế, xã hội và văn hóa, cơ chế thực hiện nhân quyền, quan hệ giữa nhân quyền và chủ quyền quốc gia. Các báo cáo cũng dành thời gian phân tích khái quát cơ chế pháp lý và sự bảo hộ của Hiến pháp đối với nhân quyền, kinh nghiệm của Thuỵ điển đối với việc tôn trọng và bảo đảm nhân quyền, Tổ chức ABDUDSMAN... Có thể nói lịch sử tư tưởng nhân quyền gắn liền lịch sử xã hội và lịch sử nhà nước, với những tư tưởng nhân đạo, đặc biệt là các tư tưởng nhân đạo trong giải quyết vấn đề chiến tranh... Các nhà tư tưởng lớn như Johannes Althusius, John Locke, Jean-Jacques Rousseau, Thomas Jefferson... đã có công xây dựng những nguyên tắc cơ bản của quyền con người. Tư tưởng của các ông được thể hiện trong các văn kiện pháp lý quan trọng : Luật của nước Anh về các quyền (1689), Tuyên ngôn độc lập của Mỹ (1776), Tuyên ngôn dân quyền và nhân quyền của Pháp (1789)... và nhiều tác phẩm khác. Tuy nhiên, phải đến thời điểm sau chiến tranh thế giới thứ hai, các lực lượng đồng minh chống phát xít và các quốc gia trên thế giới mới thấy cần thiết phải có tiếng nói chung và tổ chức liên kết bảo vệ nhân quyền. Sau khi Liên hợp quốc ra đời và thành lập Uỷ ban nhân quyền, vấn đề nhân quyền mới thực sự trở thành vấn đề chính trị quốc tế rộng lớn. Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948 khẳng định các quyền cơ bản của con người. Hai công ước quốc tế năm 1966 là 2 văn kiện pháp lý quan trọng cụ thể hóa nội dung các quyền con người về kinh tế, xã hội văn hóa và các quyền dân sự, chính trị.

Hội thảo quốc tế "Quyền con người - lịch sử và lý luận" là một bước phát triển quan trọng trong hợp tác quốc tế nghiên cứu về nhân quyền, cung cấp cơ sở lý luận để tiếp tục hoàn thiện pháp luật và chính sách bảo đảm quyền con người trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

PTS. CHU HỒNG THANH (thực hiện)

TIN VẮN ★ TIN VẮN ★ TIN VẮN

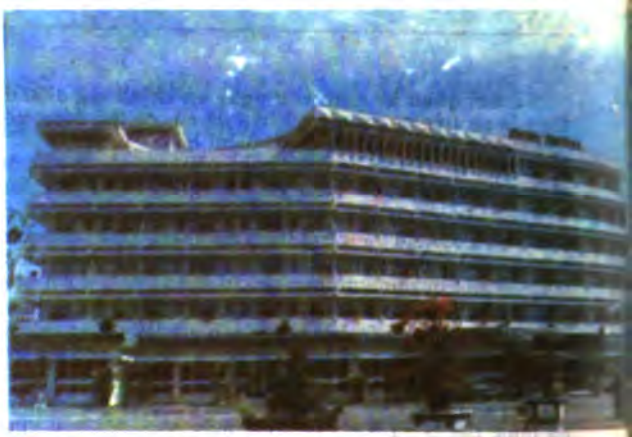
Hưởng ứng Chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng, toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân viên *Tạp chí Cộng sản* đã đóng góp được 5 triệu đồng, gửi giúp đồng bào các tỉnh đồng bằng sông Cửu long bị thiệt hại do lũ, lụt.

Số tiền trên đã được chuyển tới Mặt trận Tổ quốc Việt nam ngày 13-10-1994 để kịp gửi tới đồng bào các nơi bị thiên tai.

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

LIÊN HIỆP CÁC XÍ NGHIỆP DÂU TẰM TƠ VIỆT NAM





Ngành trồng dâu,nuôi tằm, ươm tơ của Liên hiệp phát triển với tốc độ nhanh đạt trình độ công nghệ hiện đại của thế giới.

Liên hiệp DTTVN đã giải quyết việc làm cho hàng trăm ngàn lao động. Tại Lâm Đồng có gần 20000ha dâu tằm và hàng chục nhà máy ươm tơ, dệt lụa.



"Với tinh thần tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước; bằng mồ hôi, sức lực và tâm huyết của mình, các đồng chí đã biến nơi đây thành một xứ sở của dâu tằm.

Tôi rất vui mừng được nhìn thấy những thành quả lao động mà các đồng chí đã xây dựng nên ngày hôm nay.

Chúc toàn thể cán bộ công nhân viên Liên hiệp dâu tằm tơ Việt Nam lập được nhiều thành tích mới trong lao động sản xuất, không ngừng đưa ngành tơ tằm Việt Nam ngày càng phát triển, góp phần đưa đất nước ta sớm thoát khỏi ngưỡng đói nghèo, chậm phát triển. Ngành tơ tằm Việt Nam sớm sánh vai với ngành tơ tằm thế giới"

(2/1991 - ĐỖ MƯỜI)
Nhân chuyến thăm Liên hiệp

UNION OF SERICULTURE ENTERPRISES OF VIETNAM

VISERI

Digitized by Google

LIÊN HIỆP CÁC XÍ NGHIỆP

Dâu Tằm Tơ Việt Nam



* *Trụ sở LHDTTVN*
Head office of the Việt Nam worm silk cooperation

1. TRỤ SỞ : BẢO LỘC - LÂM ĐỒNG
TEL : 41047 BẢO LỘC - 2183 ĐÀ LẠT
TELEX : 631047 VISERI VT
FAX : 2183

2. ĐẠI DIỆN TẠI HÀ NỘI :
6 NGUYỄN CÔNG TRỨ
TEL : 53462
TELEX : 411500 VISERI VT

3. ĐẠI DIỆN TẠI TP. HCM :
28 MẠC ĐĨNH CHI - Q.1
TEL : 298438 - 231375 - 231262
TELEX : 811474 VISERI VT
FAX : 84 - 8 -94086



ÔNG NGUYỄN VĂN - Tổng giám đốc LH các XN dâu tằm tơ Việt Nam.

Chủ tịch nhóm tư vấn phát triển dâu tằm tơ khu vực Châu Á - Thái Bình Dương thuộc ESCAP (nhiệm kỳ 1990 -1992)

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP 4

UNION OF ENTERPRISES N.4

BỘ THỦY LỢI

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP 4 là một doanh nghiệp Nhà nước chuyên xây dựng các công trình dân dụng và công trình công nghiệp, kỹ thuật cơ sở hạ tầng, giao thông, thủy lợi, thủy điện quy mô lớn, sản xuất VLXD, kinh doanh nhập khẩu vật tư thiết bị xây dựng...

Sinh ra từ một tập đoàn chuyên ngành lớn là LH CÁC XN XD THỦY LỢI 4 - Bộ Thủy lợi.

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP 4 đã từng xây dựng thành công công trình Thủy lợi Dầu Tiếng (Tây Ninh), công trình thủy điện Trị An (Đồng Nai) cùng hàng loạt công trình thủy lợi ở ĐB sông Cửu Long. Hiện nay XNLH4 là lực lượng chủ công xây dựng tuyến áp lực công trình Thủy điện Thác Mơ (Sông Bé), công trình Thủy lợi sông Quao (Bình Thuận), nhà máy Thủy điện sông Pha (Ninh Thuận).

Với gần 2000 CBCNV, trong đó có 190 kỹ sư, 300 CB có trình độ trung học và trên 1.500 công nhân kỹ thuật lành nghề, giàu kinh nghiệm, cùng hệ thống hơn 500 xe máy, thiết bị thi công, đồng bộ, hiện đại được chế tạo bởi các hãng chế tạo máy nổi tiếng thế giới như Mitsubishi, Komatsu, Kobelco, HITACHI, FIAT, TER-BERG, VOLVO, KRAZ, CATERPILAT... XNLH4 luôn luôn hoàn thành các công trình đúng tiến độ thi công và chất lượng kỹ thuật, mỹ thuật cao, các doanh nghiệp trực thuộc XNLH4 gồm :

- **XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG THỦY LỢI 4.**
- **XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG THỦY LỢI 6.**
- **XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG & CUNG ỨNG VẬT TƯ THIẾT BỊ.**

Năm 1993, tổng giá trị doanh thu của XNLH 4 là 175,6 tỷ đồng. Năm 1994 dự kiến tổng giá trị doanh thu là 200 tỷ đồng.

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP 4 đã và luôn luôn sẵn sàng tham gia đấu thầu các công trình trong nước & quốc tế.



GĐ : KS NGUYỄN CAO TÂM

Trụ sở : 79/5 Xô Viết Nghệ Tĩnh
P.26-Q.Bình Thạnh-TP.HCM
Điện thoại : 993850 - 990877
Fax : 84-8-993851

VP đại diện : 198 Bạch Mai - Q. Hai Bà Trưng
Điện thoại : 631196





Đập tràn công trình thủy điện Thác Mơ (Sông bé)

HÂN HẠNH ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH

IN TẠI NHÀ IN NHÂN DÂN HÀ NỘI II CHỈ SỐ 12651 - ISSN 0866 - 7276 GIÁ : 2000 Đ

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
468B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
JAN 0 9 1995

12
1994

Digitized by Google

"Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

(Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t 9, tr 814)

"Quân đội nhân dân Việt nam đã gắn bó máu thịt với nhân dân, luôn luôn được nhân dân thương yêu đùm bọc. Quân đội ta đã phát huy được bản chất cách mạng của giai cấp công nhân và truyền thống quật cường của dân tộc. Sức mạnh của quân đội bắt nguồn từ khả năng và tiềm lực vô tận của nhân dân lao động, của cộng đồng các dân tộc Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ; từ truyền thống oanh liệt và kinh nghiệm quý báu chống ngoại xâm của dân tộc hình thành qua hàng ngàn năm lịch sử".

(Đỗ Mười : *Diễn văn đọc tại cuộc mít tinh kỷ niệm lần thứ 45 ngày thành lập QĐND Việt nam*, 22-12-1989)

"Xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại, tinh nhuệ, với cơ cấu tổ chức và quân số hợp lý ; nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu... Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và sự nghiệp quốc phòng, bảo đảm quân đội luôn luôn là lực lượng trung thành với Tổ quốc, với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân, vững vàng trong mọi tình huống".

(Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 86)

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

12 - 1994 NĂM THỨ BỐN MƯƠI (468)

MỤC LỤC

Kỷ niệm lần thứ 50 Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt nam - Ngày hội quốc phòng toàn dân (22/12/1944 - 22/12/1994)	VÕ NGUYÊN GIÁP - Mấy nét đặc sắc trong đường lối quân sự của Đảng ta	3
	ĐOÀN KHUÊ - Quân đội ta mãi mãi là quân đội của nhân dân, vì nhân dân chiến đấu	8
	LÊ KHẢ PHIÊU- Xây dựng về chính trị làm cơ sở - một bài học cơ bản của 50 năm trưởng thành và chiến thắng của quân đội ta	13
	PHAN THU- Quân đội làm kinh tế và lao động sản xuất	18
	HOÀNG MINH THẢO - Nghệ thuật quân sự Việt nam - truyền thống và hiện đại	21
	HOÀNG PHƯƠNG - Những đặc trưng trong quá trình xây dựng quân đội ta	25
	DƯƠNG TÙNG - Từ những bà mẹ anh hùng, càng ngời sáng thêm gương mặt Mẹ Việt nam	29
Thực tiễn - Kinh nghiệm	NGUYỄN TẤN DŨNG - Kiên giang với sự nghiệp đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa	33
	VŨ LÂN- Nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước	38
Nghiên cứu - Trao đổi	BÙI NGỌC CHƯƠNG - Kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa	42
	TRẦN THỊ VÂN ANH- Vấn đề lao động nữ trong điều kiện cơ chế thị trường	47
	LÊ QUÝ ĐỨC - Xây dựng nền văn hóa nghệ thuật theo tinh thần nhân văn Hồ Chí Minh	49
Điều tra	DOÃN HUỀ- Thuế ở vùng biên	54
Sinh hoạt tư tưởng	HẢI DƯƠNG- Tôi cũng thích	57
Thế giới: Vấn đề, sự kiện	LÊ TỊNH - Bước phát triển mới của Trung quốc và mối quan hệ Việt - Trung	58
Tìm hiểu khái niệm	Chế độ xã hội. Chế độ kinh tế	60
Tin hoạt động lý luận	Hội thảo về tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh	61
	Hội thảo khoa học quốc tế về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế Việt nam	61
	Bìa 1 : Diễu binh *Ảnh : Minh Trường*	

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội. Dây nói : 252061 - 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3. TP Hồ Chí Minh. Dây nói : 2 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ВО НГУЕН ЗИАП - О некоторых отличительных моментах в военной линии КПВ. ДОАН КХУЕ - Наша армия всегда будет народной армией, сражающейся во имя народа. ЛЕ КХА ФИЕУ - Политическое строительство армии - основной урок, извлечённый из 50-летнего возмужания и победного шествия нашей армии. ФАН ТХУ - Хозяйственная жизнь армии. ХОАНГ МИНХЬ ТХАО - Вьетнамское военное искусство - традиции и современность. ХОАНГ ФЫОНГ - Отличительные черты армейского строительства в нашей стране. ЗЫОНГ ТУНГ - Матери-герои - воплощение лучших качеств вьетнамских женщин-матерей. НГУЕН ТАН ЗУНГ - Киензянг в деле индустриализации и модернизации. БУЙ НГОК ТЬЫОНГ - Рыночная экономика и ориентация на социализм. ЛЕ ТИНЬ - Новый шаг в развитии Китая и вьетнамско-китайских отношений

CONTENTS

VÕ NGUYÊN GIÁP - Some characteristics of our Party's military policy. ĐOÀN KHUÊ - Our army - the army of the people and for the people as forever. LÊ KHẢ PHIÊU - Taking the political building as the fundament - a basic lesson of 50 years of growth and victory of our army. PHAN THU - Business running and productive labouring in the army. HOÀNG MINH THÃO - The martial art of Vietnam - its tradition and modernity. HOÀNG PHƯƠNG - Some specific features in the process of building the army. DƯƠNG TÙNG - Becoming more brilliant the face of the *Mother of Vietnam* through many examplary mother-heroines. NGUYỄN TẤN DŨNG - The province of Kiên Giang with the cause of stepping forward the industrialization and modernization. BÙI NGỌC CHƯỞNG - The market economy and socialist orientation. LÊ TỊNH - A new pace of development of the China and the Sino-Vietnamese relations.

SOMMAIRE

VÕ NGUYÊN GIÁP - Quelques traits caractéristiques de la ligne militaire de notre Parti. ĐOÀN KHUÊ - Notre armée reste à jamais l'armée du peuple combattant pour le peuple. LÊ KHẢ PHIÊU - Prendre comme base l'édification politique - une des leçons essentielles tirées des 50 ans de grandissement et de victoires de notre armée. PHAN THU - L'armée dans les activités économiques et de production. HOÀNG MINH THÃO - L'art militaire vietnamien - tradition et modernité. HOÀNG PHƯƠNG - Sur les caractéristiques du processus de l'édification de notre armée. DƯƠNG TÙNG - Les mères-héros contribuent à faire rayonner le portrait de la *Mère Vietnamienne*. NGUYỄN TẤN DŨNG - Kiên Giang dans l'œuvre d'industrialisation et de modernisation. BÙI NGỌC CHƯỞNG - L'économie du marché et l'orientation socialiste. LÊ TỊNH - Un nouveau pas de développement de la Chine et les relations Vietnam-Chine.

SUMARIO

VÕ NGUYÊN GIÁP - Algunas particularidades de la línea militar de nuestro Partido. ĐOÀN KHUÊ - Es siempre nuestro Ejército del pueblo y por el pueblo lucha. LÊ KHẢ PHIÊU - Edificación política como la base - una lección fundamental de 50 años de crecimiento y victoria de nuestro Ejército. PHAN THU - La participación del ejército en la economía y la producción. HOÀNG MINH THÃO - El arte militar de Vietnam - sus carácteres tradicional y moderno. HOÀNG PHƯƠNG - Las particularidades en el proceso de la edificación de nuestro ejército. DƯƠNG TÙNG - El rostro *La Madre Vietnamita* se destaca más con las madres heroínas. NGUYỄN TẤN DŨNG - La provincia de Kiên Giang en su avance a la industrialización y modernización. BÙI NGỌC CHƯỞNG - La economía de mercado y la orientación socialista. LÊ TỊNH - El nuevo paso de desarrollo de China y las relaciones vietnamita-china.

目錄

武元甲—我黨軍事路線的特色 · 段奎—我國軍隊永遠是人民的爲人民而戰鬥的軍隊 · 黎可鏢—建設軍隊要以政治爲基礎—我國軍隊50年來成長並取得勝利的基本的一課 · 潘秋—軍隊搞經濟及進行生產勞動 · 黃明草—越南的軍事藝術—傳統與現代相結合 · 黃方—我國軍隊建設過程中的特徵 · 楊松—母親英雄使得越南母親的形象更輝煌 · 阮晉勇—進一步推進工業化、現代化中的堅江省 · 裴文掌—市場經濟和社會主義定向 · 黎並—中國新的發展步伐及越—中的關系。

Digitized by Google

MẤY NÉT ĐẶC SẮC TRONG ĐƯỜNG LỐI QUÂN SỰ CỦA ĐẢNG TA

Đại tướng VÕ NGUYÊN GIÁP



Kỷ niệm 50 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt nam và ngày Quốc phòng toàn dân, chúng ta tự hào với những chiến công hiển hách của nhân dân và quân đội ta trong sự nghiệp giành lại độc lập thống nhất của Tổ quốc. Lần đầu tiên trong lịch sử cận hiện đại, Việt nam là nước nhỏ vốn là thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế lạc hậu, quân đội non trẻ, đã chiến thắng quân đội hiện đại của hai đế quốc to, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Nhân dịp này, tôi muốn phát biểu một số ý kiến về những nét đặc sắc trong đường lối quân sự của Đảng ta.

Đường lối quân sự của Đảng ta luôn xuất phát từ đường lối chính trị, lấy chủ nghĩa Mác-Lê - nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam

*

Nét độc đáo và đặc sắc nhất trong đường lối quân sự của Đảng ta và của tư tưởng Hồ Chí Minh về quân sự là ở hai chữ TOÀN DÂN. Quan điểm "chiến tranh toàn dân" của Đảng ta là sự kế thừa truyền thống ông cha ta đánh giặc trong mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước. Đó là truyền thống "cả nước chung sức" "tận dân vi binh" của Trần Quốc Tuấn ; là chủ trương "tập hợp bốn phương manh lệ" (dân nghèo) "bốn phương nổi dậy" của Nguyễn Trãi.

Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển sáng tạo truyền thống quân sự quý báu của dân tộc, nâng lên tầm cao mới, phù hợp với điều kiện lịch sử mới. Tầm cao mới và chất lượng mới đó thể hiện ở mục tiêu chính trị của chiến tranh, giai cấp lãnh đạo, tính chất và quy mô của toàn dân và khối đoàn kết toàn dân, phương pháp chỉ đạo chiến lược và chiến thuật ; cũng như ở bản chất giai cấp của quân đội, hình thức và nguyên tắc tổ chức quân sự. Sự phát triển về thực chất đó thể hiện trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp, cứu nước" (1). "31 triệu đồng bào ta ở cả hai miền, bất kỳ già trẻ, trai gái, phải là 31 triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mỹ, cứu nước, quyết định thắng lợi cuối cùng"(2).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân tự giác đứng lên chiến đấu với tất cả những gì có trong tay, với lòng yêu nước nồng nàn, với tinh thần hy sinh dũng cảm phi thường, và với trí thông minh chủ động sáng tạo tuyệt vời. "Toàn dân kháng chiến" luôn gắn liền với

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t4, tr.202

(2) Hồ Chí Minh : *Với các lực lượng vũ trang nhân dân*. Nxb Quân đội nhân dân. Hà nội, 1975, tr.468

Digitized by Google

"toàn diện kháng chiến", đánh địch bằng một chiến lược tổng hợp về các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao.

Quan điểm chiến tranh TOÀN DÂN là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt 30 năm chiến tranh. Ngày nay, trong thời bình, Đảng và Nhà nước ta đã vận dụng tư tưởng chiến tranh toàn dân trong sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Trong kháng chiến, toàn quân và toàn dân làm chiến tranh. Trong hòa bình, toàn dân và toàn quân chung sức bảo vệ những thành quả của kháng chiến, chung sức thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta đang tập trung xây dựng kinh tế, không ngừng tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước, nâng cao địa vị và uy tín của nước Việt nam trên trường quốc tế. Đồng thời thường xuyên giáo dục toàn dân có ý thức quốc phòng, toàn dân thực sự tham gia xây dựng lực lượng vũ trang, làm cho lực lượng vũ trang phát triển rộng rãi, tạo thành thế trận quốc phòng toàn dân hùng mạnh ; trong đó, quân đội nhân dân vừa làm nhiệm vụ xây dựng vừa làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, làm trụ cột vững chắc cho quốc phòng toàn dân. Đảng ta đang phát huy sức mạnh của quân đội trong khối đại đoàn kết toàn dân. Sức mạnh toàn dân tộc đã là nguồn lực to lớn nhất trong chiến tranh, nay vẫn là nguồn lực to lớn nhất trong hòa bình xây dựng và trong quốc phòng toàn dân. Đó là bức thành đồng vững chắc nhất để chống diễn biến hòa bình, giữ vững an ninh, ổn định chính trị kinh tế xã hội, đưa sự nghiệp đổi mới không ngừng tiến lên giành những thắng lợi mới.

*

Tổ chức quân sự như thế nào cho thích hợp từng thời kỳ là nội dung quan trọng của đường lối quân sự. Trong lịch sử nước ta, vấn đề tổ chức quân sự đã từng bao gồm quân đội của triều đình, của các lộ, các hương binh, dân binh, "tràm họ chung sức" chống ngoại xâm. Đó là truyền thống và kinh nghiệm rất quý báu của dân tộc ta. Đó cũng là những nét rất đặc sắc, hiếm có trong lịch sử của các dân tộc. Tổ chức quân sự của Đảng ta không tách rời kinh nghiệm và truyền thống đó.

Tổ chức quân sự hiện đại của chúng ta có bước phát triển mới. Lực lượng vũ trang của chúng ta gồm ba thứ quân : bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, trong đó, quân đội nhân dân - bao gồm bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương - là nòng cốt. Bộ đội chủ lực là lực lượng chủ yếu tiến hành chiến tranh chính quy, là lực lượng cơ động trên những địa bàn quan trọng của chiến trường cả nước, là những "quả đấm thép" có hiệu lực chiến lược to lớn để đánh bại ý chí xâm lược của địch, giành thắng lợi quyết định. Tuy nhiên, dân quân du kích là lực lượng vũ trang quần chúng, thể hiện tính chất toàn dân rộng rãi của tổ chức quân sự trong chiến tranh cách mạng Việt nam. "Dân quân, tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ địch hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó, thì địch nào cũng phải tan rã"[3]. Dân quân du kích là nguồn lực và là nền tảng để từ đó hình thành quân đội nhân dân. Đây là một đặc trưng rất quan trọng của quân đội ta, một quân đội ra đời từ nhân dân, trên cơ sở phong trào đấu tranh chính trị và quân sự rộng khắp của nhân dân.

Đội quân chủ lực đầu tiên mà Bác giao cho tôi thành lập ngày 22-12-1944 đã tập hợp những chiến sĩ ưu tú chọn lọc từ các đơn vị dân quân du kích ở Cao - Bắc - Lạng. Từ trận Phay khắt, Nà ngần của đội quân chủ lực đầu tiên, đến Điện biên phủ với nhiều sư đoàn, đến chiến dịch Hồ Chí Minh với nhiều quân đoàn, quân đội ta đã từng bước phát triển thành một đội quân hùng mạnh với quy mô tổ chức ngày càng lớn, hiện đại, chính quy, với nhiều binh chủng và quân chủng. Có thể thấy Đảng ta đã căn cứ vào nhiệm vụ cách mạng từng thời kỳ lịch sử khác nhau, vào hình thức đấu tranh và đối tượng tác chiến cụ thể khác nhau, giải quyết một cách sáng tạo việc tổ chức lực lượng vũ trang phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể, xây dựng thành công một lực lượng vũ trang cách mạng của một nước nhỏ đương đầu thắng lợi với các đế quốc to.

Quá trình khảo nghiệm nghiệt ngã của nửa thế kỷ đấu tranh đã khẳng định tính chất đúng đắn của nguyên tắc tổ chức quân sự của chiến tranh nhân dân Việt nam. Nhưng đó là tổ chức quân sự thời chiến. Ngày nay, chúng ta phải

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t4, tr 364

Digitized by Google

chuyển hướng sang xây dựng tổ chức quân sự thời bình, thực hiện cuộc điều chỉnh chiến lược lớn về quốc phòng, xây dựng một nền quốc phòng toàn dân vững mạnh ; gắn quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng ; xây dựng quân đội nhân dân có chất lượng cao, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại và có số lượng thích hợp ; xây dựng lực lượng hậu bị và dân quân tự vệ rộng rãi làm nền tảng ; kết hợp xây dựng lực lượng công an nhân dân vững mạnh ; xây dựng công nghiệp quốc phòng trên cơ sở công nghiệp hóa, hiện đại hóa kinh tế, nhằm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn của xã hội, ổn định của đất nước, bảo vệ công cuộc lao động hòa bình của nhân dân. Đồng thời, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm vùng đất, vùng trời, vùng biển, vùng thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của nước ta.

Trong chiến tranh cũng như trong xây dựng, vấn đề không ngừng đổi mới và hoàn thiện tổ chức lực lượng cũng như tổ chức bộ máy điều hành và quản lý luôn là yếu tố cực kỳ quan trọng để giành thắng lợi.

*

Quân đội nhân dân ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, luôn mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời mang tính dân tộc sâu sắc. Sức mạnh của quân đội cách mạng là sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố. Sức mạnh đó là sản phẩm của sự kết hợp biện chứng giữa con người và vũ khí, chính trị và kỹ thuật, khoa học quân sự và phương tiện chiến tranh, tư tưởng và tổ chức. Mỗi yếu tố đều có tầm quan trọng tạo nên sức mạnh chiến đấu của quân đội. Chúng ta không thể coi nhẹ bất cứ yếu tố nào, cũng không tuyệt đối hóa yếu tố nào. Nhưng đối với quân đội cách mạng, điều cơ bản nhất là yếu tố con người, yếu tố chính trị, là sự nhận thức của quân đội về lý tưởng, về mục tiêu chiến đấu, về mục đích chính trị của chiến tranh, là tinh thần chiến đấu quyết chiến quyết thắng của cán bộ và chiến sĩ, của con người Việt nam. Ngay trong tiến trình hiện đại hóa quân đội, để tránh sự tụt hậu trước thách thức của chiến tranh xâm lược với kỹ thuật cao, chúng ta không bao giờ được coi nhẹ tính chất chính trị của quân đội. "Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng lại có hại"[4].

Để bảo đảm bản chất chính trị cách mạng của quân đội, điều cốt tử là phải làm tốt công tác xây dựng đảng trong quân đội, đó là bài học lớn trong suốt quá trình trưởng thành của quân đội ta. Xây dựng đảng bộ quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nhằm bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối và trực tiếp của Đảng đối với quân đội. Dù thời chiến hay thời bình, dù du kích hay chính quy, đây vẫn là nguyên lý bất di bất dịch. Nhờ luôn luôn xây dựng quân đội về chính trị, mà trong suốt nửa thế kỷ qua, quân đội ta đã luôn tỏ ra : "Trung với nước, hiếu với dân", "Trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh tháng"[5].

Trong giai đoạn mới, cần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác chính trị tư tưởng trong quân đội, nâng cao trình độ lý luận của cán bộ, tiếp tục giáo dục cho bộ đội lòng tin vững chắc vào mục tiêu, vào lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cảnh giác với những luận điệu "phi chính trị hóa" quân đội. Chống lại xu hướng không coi trọng đúng mức hoặc hạ thấp việc xây dựng quân đội về chính trị và vai trò công tác chính trị. Làm thất bại mọi mưu đồ "diễn biến hòa bình", "chiến tranh không khói súng". Phát huy bản chất tốt đẹp của "bộ đội Cụ Hồ", bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, tăng cường kỷ luật, xây dựng ý chí cách mạng, tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng quân đội, xây dựng đất nước.

Trước đây, sự giúp đỡ quốc tế đã góp phần tạo nên sức mạnh to lớn của dân tộc ta, là một trong những nhân tố thắng lợi của chiến tranh cách mạng. Ngày nay, quân đội ta cần thấm nhuần chính sách của Đảng và Nhà nước ta muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, thực hiện sự đa dạng và đa phương trong quan hệ quốc tế. Trong tình hình ấy, quân đội ta phải cùng với nhân dân

(4) Hồ Chí Minh: *Những bài viết và nói về quân sự*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà nội, 1987, t 2, tr 53

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t 9, tr 814

Digitized by Google

ra sức bảo vệ truyền thống vẻ vang và bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Đó là nội dung mới, một yêu cầu mới của công tác chính trị trong quân đội ta hiện nay.

*

Muốn có quân đội vững mạnh, trước hết phải có đội ngũ cán bộ vững mạnh. Cán bộ là yếu tố quyết định thành bại trong xây dựng quân đội. "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc", "Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém"(6). Suốt đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc nào cũng chăm lo tới việc dào tạo và bồi dưỡng cán bộ, trong đó có cán bộ quân đội.

Quan điểm sử dụng cán bộ của Chủ tịch Hồ Chí Minh là công minh, vì lợi ích chung, trọng dụng nhân tài. Người nói : *"Phải có gan cất nhắc cán bộ"*, nhưng phải "biết rõ ràng cán bộ, mới có thể cất nhắc cán bộ một cách đúng mực". Cần hết sức tránh xa "những chứng bệnh" : Ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn... Ham dùng những kẻ khéo nịnh hót mình, mà chán ghét những người chính trực. Ham dùng những người tính tình hợp với mình, mà tránh những người tính tình không hợp với mình (7).

Đối với các tướng lĩnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên sáu yêu cầu : *trí, dũng, nhân, tín, liêm, trung.*

Quan hệ giữa cán bộ và chiến sĩ trong quân đội thể hiện bản chất của quân đội cách mạng. Tất cả cùng nhau đoàn kết chiến đấu vì sự nghiệp chung, lý tưởng chung. Cán bộ chăm lo đời sống chiến sĩ. Chiến sĩ yêu mến tôn trọng cán bộ. Nội bộ đoàn kết yêu thương, giúp đỡ nhau lúc thường cũng như lúc ra trận. Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy chúng ta: "Từ tiểu đội trưởng trở lên, từ tổng tư lệnh trở xuống, phải săn sóc đời sống vật chất và tinh thần của đội viên, phải xem đội viên ăn uống như thế nào, phải hiểu nguyện vọng và thắc mắc của đội viên. Bộ đội chưa ăn cơm, cán bộ không được kêu mình đói. Bộ đội chưa đủ áo mặc, cán bộ không được kêu mình rét. Bộ đội chưa đủ chỗ ở, cán bộ không được kêu mình mệt" (8). "Người đội trưởng, người chính trị viên phải là người anh, người chị, người bạn của đội viên. Chưa làm được như vậy là chưa hết nhiệm vụ" (9).

Bản chất cách mạng của quân đội còn thể hiện ở mối đoàn kết quân dân. Quân đội luôn kính trọng dân, giúp đỡ dân, bảo vệ dân, không xâm phạm cái kim sợi chỉ của dân, luôn được dân tin, dân phục, dân yêu.

Nhắc lại một số lời dạy của Bác về vấn đề cán bộ quân đội là cốt để chúng ta tiếp tục thực hiện đường lối công tác cán bộ của Đảng theo tư tưởng của Người. Quan điểm quần chúng mà Bác dạy chúng ta thật sáng ngời chân lý, giàu lòng nhân ái, chứa chan tình thương yêu giữa những con người cùng chung lý tưởng. Điều quan trọng là phải đặt công tác cán bộ trong mối quan hệ với nhiệm vụ quân sự trong mỗi giai đoạn cách mạng. Hiện nay, hơn bao giờ hết, chúng ta đang cần có một đội ngũ cán bộ nói chung và cán bộ quân đội nói riêng hết sức vững vàng, vừa có bản lĩnh chính trị, vừa có đạo đức phẩm chất, vừa có trình độ kiến thức hiện đại. Muốn vậy, khâu then chốt là học tập và nắm vững thực chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê - nin và của tư tưởng Hồ Chí Minh, thật sự vận dụng vào cuộc sống.

*

Thực tiễn Việt nam cho thấy, nghệ thuật quân sự là một yếu tố quyết định trong chiến tranh. Trước đây, ông cha ta đã xây dựng và phát triển một nghệ thuật quân sự kiệt xuất. Đó là nghệ thuật đánh giặc cứu nước của một dân tộc nhỏ đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược của nước lớn. Đó là nghệ thuật lấy ít đánh nhiều, lấy yếu chống mạnh, lấy đoản binh chế trường trận.

Những thập kỷ qua, dân tộc ta vẫn phải chiến đấu trong hoàn cảnh một nước nhỏ chống lại quân xâm lược của nước lớn. Tuy nhiên, thời đại đã đổi thay, tình hình địch ta đã khác trước. Đảng ta đã kế thừa nhuần nhuyễn những kinh nghiệm của ông cha ta, nâng cao nghệ thuật quân sự Việt nam lên một trình độ mới. Khi nhận xét về nghệ thuật quân sự Việt nam, đại tướng Pháp Xa-lăng có nói:

---

(6) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 452

(7) Xem Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 498-502.

(8),(9) Hồ Chí Minh: *Với các lực lượng vũ trang nhân dân*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà nội, 1975, tr 157 - 158 ; 139

Digitized by Google

"Tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân, phải coi họ là bậc thầy".

Ở đây, chú trọng nói về nghệ thuật quân sự theo nghĩa phương pháp và hình thức tác chiến. Đó là sự vận dụng phương pháp luận biện chứng trong đánh giá so sánh lực lượng địch ta, phán đoán đúng âm mưu, thủ đoạn của đối phương, xác định phương án tác chiến tối ưu để thắng địch. Đây là nghệ thuật *tạo lực, lập thế, tranh thời, biết đánh bằng mưu, thắng địch bằng thế, lấy ít thắng nhiều, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông* với tinh thần tiến công cao nhất, luôn đánh địch trên thế chủ động. Đó là cách đánh kết hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ; kết hợp tác chiến đu kích và tác chiến tập trung ; kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn ; kết hợp nhiều phương pháp và hình thức tiến công tiêu diệt địch ; kết hợp quân sự, chính trị, văn hóa, ngoại giao... Đó là cách đánh dũng mãnh, táo bạo, mưu trí, bí mật, bất ngờ, là sự phát huy cao độ yếu tố con người Việt nam trong thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh.

Nghệ thuật quân sự Việt nam là nghệ thuật dám đánh và biết đánh, quyết chiến và quyết thắng. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đang vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm quý giá của nghệ thuật quân sự trong chiến tranh toàn dân, tìm ra phương pháp khoa học để chỉ đạo phát triển, đưa đất nước tiến lên với nhịp độ nhanh và vững, có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới.

*

Nói đến quân đội và chiến tranh không thể không nói đến tính chất chiến tranh. Không thể không nói đến tính tất yếu lịch sử của chiến tranh cách mạng Việt nam. Nhà lý luận quân sự Đức Clau-dơ-vít đã rất đúng khi ông ta nói rằng chiến tranh là kế tục của chính trị. Nhưng gần đây một số nhà sử học phương Tây đã phân loại chiến tranh không theo tính chất chiến tranh, mà theo quan hệ so sánh lực lượng. Theo đó, có ba loại chiến tranh : mạnh thắng yếu thua, hai bên ngang sức và một bên thua, yếu thắng mạnh. Theo các nhà sử học này, lịch sử quân sự thế giới đánh giá cao nhất đối với loại chiến tranh yếu thắng mạnh, kể cả đối với tướng soái của bên yếu. Vì vậy, họ đã xếp chiến tranh Việt nam vào loại hình thứ ba. Chúng ta có quyền tự hào nhưng không vì thế mà tán thành cách phân loại của họ. Na-pô-lê-ông là một tướng tài, nhưng nhân loại luôn lên án những cuộc chiến tranh xâm lược thôn tính dẫm máu của ông ta. Chiến công của nhân dân ta đánh thắng các đế quốc to sở dĩ được nhân loại ca ngợi, không phải chỉ vì chúng ta là nước nhỏ, mà trước hết là vì chúng ta có chính nghĩa, là sự hy sinh vô bờ bến của nhân dân. Tổ quốc đời đời ghi ơn các anh hùng liệt sĩ, các bà mẹ Việt nam và tất cả những người có công trong chiến tranh. Chúng ta đã lấy đại nghĩa thắng hung tàn. Một sự thật lịch sử là : chiến tranh cách mạng Việt nam sở dĩ đã diễn ra là do kẻ thù áp đặt. Chúng ta buộc phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng. Lịch sử còn ghi nhận lời tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 13-12-1946 : "Đồng bào tôi và tôi thành thật muốn hòa bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh... Cuộc chiến tranh này, chúng tôi muốn tránh bằng đủ mọi cách... Nhưng cuộc chiến tranh ấy, nếu người ta buộc chúng tôi phải làm thì chúng tôi sẽ làm"(10). Người còn nói : "Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa"(11). Những lời tuyên bố trịnh trọng nói trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện khát vọng hòa bình của nhân dân ta, nói lên bản chất chính nghĩa và tính tất yếu của chiến tranh cách mạng Việt nam. Đồng thời, những lời đó cũng cho thấy nguồn gốc và trách nhiệm lịch sử của chiến tranh Việt nam là thuộc về ai.

*

Ngày nay, sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa là hoàn toàn mới. Những giá trị tinh thần được hun đúc trong chiến tranh là bệ phóng vững hàng để Đảng ta vươn lên ngang tầm thời đại, đưa dân tộc ta tiến lên giành những thắng lợi ngày càng to lớn.

(10) (11) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 201 , 202

Digitized by Google

QUÂN ĐỘI TA MÃI MÃI LÀ QUÂN ĐỘI CỦA NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN CHIẾN ĐẤU

Đại tướng ĐOÀN KHUÊ *

22-12-1944 - 22-12-1994, Quân đội nhân dân Việt nam tròn 50 tuổi.

Suốt nửa thế kỷ được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp tổ chức, lãnh đạo và giáo dục, được Nhà nước tập trung xây dựng, được nhân dân nuôi dưỡng, sát cánh cùng chiến đấu, Quân đội nhân dân (QĐND) đã chiến đấu không mệt mỏi vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, lớn mạnh không ngừng, càng đánh càng mạnh, đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược và trở thành một quân đội có đầy đủ sức mạnh bảo vệ vững chắc Tổ quốc thân yêu của mình. Đó là một trong những thành tựu cách mạng vĩ đại của toàn đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Quân đội ta sinh ra và lớn lên trong cuộc đấu tranh sống còn của dân tộc nhằm lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân - phong kiến, đập tan xích xiềng nô lệ, giành độc lập cho Tổ quốc, xây dựng cuộc sống hòa bình, tự do, ấm no, hạnh phúc, văn minh cho muôn đời con cháu Lạc Hồng.

Mầm mống lực lượng vũ trang cách mạng của nhân dân ta đã có từ những năm 1930-1931 trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh. Đó là các Đội tự vệ đỏ, Đội tự vệ công nông, các lực lượng tự vệ được thành lập nhằm chiến đấu chống quân thù khủng bố, đàn áp ; bảo vệ quần chúng và phong trào cách mạng, bảo vệ chính quyền cách mạng và làm công tác vận động quần chúng. Thời kỳ 1939-1945, thời kỳ chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, những tổ chức tiền thân của QĐND ra đời như Đội du kích Bắc sơn, Quân du kích Nam kỳ, Cứu quốc quân, Quân du kích Ba tơ... *Ngày 22-12-1944, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị thành lập Đội Việt nam tuyên truyền giải phóng quân (nay trở thành Ngày kỷ niệm thành lập QĐND Việt nam).* Những nhóm vũ trang yêu nước do Đảng ta và nhân dân xây dựng trong các cuộc khởi nghĩa từng phần, đã vụt lớn thành đội quân cách mạng cùng với toàn dân tiến vào con đường giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội.

Giải phóng quân và các đội tự vệ, đội du kích ở các địa phương cùng với nhân dân tiến hành thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa, đập tan chính quyền thực dân - phong kiến phản động, lập nên nhà nước công nông đầu tiên ở Đông - Nam Á trong cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945. QĐND và lực lượng vũ trang nhân dân được nhân dân cùng sát cánh chiến đấu đã đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) đến thắng lợi với trận quyết chiến lẫy lừng ở Điện biên phủ, giải phóng nửa nước, tạo điều kiện đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội. Lực lượng vũ trang nhân dân, QĐND cùng với nhân dân cả nước đập tan huyền thoại về "sức mạnh không thể tưởng tượng nổi" của không quân và hải quân Mỹ trong cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại, kết thúc thắng lợi rất oanh liệt cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954-1975) bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà. Những năm tiếp theo, lực lượng vũ trang nhân dân cùng với toàn dân đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược ở hai đầu đất nước, đã góp phần tích cực vào bảo vệ công cuộc lao động hòa bình, ổn định của đất

* Ủy viên Bộ chính trị, Bộ trưởng Bộ quốc phòng

Digitized by Google

nước, tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh của Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Cùng với những chiến công mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như những biểu tượng sáng ngời về một quân đội của dân, vì dân chiến đấu, QĐND đã viết nên những truyền thống anh hùng và thu được nhiều bài học kinh nghiệm vô giá. Ở đây chỉ có thể nêu ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu - và sự vận dụng, nâng cao, phát triển những bài học ấy để xây dựng QĐND trong giai đoạn cách mạng mới.

1- Trước hết, *Đảng cộng sản Việt nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp tổ chức, lãnh đạo và giáo dục lực lượng vũ trang cách mạng và QĐND.*

QĐND Việt nam được xây dựng, phát triển và chiến đấu theo những nguyên lý xây dựng quân đội kiểu mới của Đảng - *nguyên lý xây dựng quân đội mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc.* Đó là công cụ bạo lực vũ trang chủ yếu của Đảng và Nhà nước ta cùng với toàn dân giành chính quyền, giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ mới : chế độ dân chủ nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đó là quân đội từ nhân dân mà ra, vì nhân dân hy sinh chiến đấu, thực hiện khát vọng của nhân dân, của dân tộc "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", làm cho "nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành", với ba chức năng là đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân sản xuất.

Đường lối cách mạng, đường lối quân sự, đường lối chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân, đường lối xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng là ngọn cờ bách chiến bách thắng của quân đội ta. Đi theo ngọn cờ đó, QĐND đã phát triển từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, từ yếu thành mạnh, càng đánh càng mạnh và lập nên những chiến công rực rỡ. Rõ ràng, sự trưởng thành và sức mạnh chiến thắng của QĐND chỉ có thể bắt nguồn trước hết từ sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh - *từ đường lối cách mạng, khoa học, sáng tạo, độc lập tự chủ của đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt nam.*

Ngày nay, *điều cơ bản quyết định là, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với QĐND, giữ vững và nâng cao một bước mới bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc của QĐND.*

Đường lối đổi mới xã hội chủ nghĩa, đường lối quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng nêu bật địa vị lãnh đạo của giai cấp công nhân, quyền làm chủ của nhân dân - cái gốc của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và giữ vững bản chất giai cấp công nhân của QĐND về thực chất là làm cho QĐND luôn nắm vững *chức năng vũ trang bảo vệ vững chắc Tổ quốc và chế độ xã hội chủ nghĩa đổi mới đang được xây dựng ở nước ta, bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.* Đó là mục tiêu chiến đấu cơ bản lâu dài, bất biến của QĐND. Trong tình hình chế độ xã hội chủ nghĩa ở nhiều nước bị sụp đổ, các thế lực thù địch mưu toan thủ tiêu chủ nghĩa xã hội ở nước ta trước khi bước sang thế kỷ 21, vấn đề bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa càng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng và là biểu hiện tập trung bản chất giai cấp công nhân của QĐND. Giai cấp công nhân Việt nam - giai cấp công nhân làm chủ còn phải bảo vệ quyền lợi cơ bản và lợi ích thiết thân của nhân dân và của toàn dân tộc. Điều đó thể hiện sâu sắc tính nhân dân và tính dân tộc của QĐND. *Bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt nam, bảo vệ tính mạng tài sản và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ bản sắc dân tộc,* đó là mục tiêu chiến đấu rất cơ bản và lâu dài của QĐND. Chỉ có sự lãnh đạo của Đảng mới làm cho QĐND thật sự tiêu biểu cho quyền lợi cơ bản của nhân dân và của cả cộng đồng dân tộc.

Bước phát triển mới về bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân , tính dân tộc của QĐND là *sự thống nhất biện chứng giữa bảo vệ độc lập dân tộc, bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo vệ Tổ quốc và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, chống cả giặc ngoài và thù trong.* Bởi vì Tổ quốc đích thực do nhân dân làm chủ phải

Digitized by Google

là Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ; chủ nghĩa xã hội chỉ có thể được xây dựng trên địa bàn quốc gia- dân tộc nhất định ; chủ nghĩa xã hội đổi mới ở nước ta phải là chủ nghĩa xã hội mang đậm bản sắc con người và đất nước Việt nam. Không thể đối lập quyền lợi của giai cấp công nhân với quyền lợi của nhân dân, của dân tộc ; càng không thể đối lập chủ nghĩa xã hội với độc lập dân tộc.

Sự phát triển mới về lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của QĐND còn là *cùng với toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa ngay trong hòa bình, củng cố hòa bình, bảo vệ công cuộc lao động hòa bình xây dựng, phát triển đất nước về mọi mặt, cùng toàn dân làm thất bại mọi mưu đồ của các thế lực thù địch trong hòa bình, đẩy lùi, ngăn chặn mọi nguy cơ xung đột vũ trang cũng như nguy cơ chiến tranh, và sẵn sàng làm nòng cốt cho toàn dân đánh thắng chiến tranh xâm lược.* Nghĩa là, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và chế độ theo kế sách tối ưu - không phải tiến hành chiến tranh ; đồng thời, sẵn sàng đánh bại mọi loại hình chiến tranh xâm lược của kẻ thù. Việc thực hiện đường lối đổi mới của Đảng với những thành tựu đầu tiên rất quan trọng cả trong xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng - an ninh đã khẳng định khả năng thực tế của kế sách này.

2 - QĐND đã xây dựng, trưởng thành và chiến thắng theo *nguyên lý vũ trang toàn dân.* Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy : "Vì cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân, cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân". Người luôn giáo dục cho lực lượng vũ trang nhân dân gắn bó với nhân dân, "bám lấy dân, là làm sao cho được lòng dân, dân tin, dân mến, dân yêu". Đây cũng là sự vận dụng sáng tạo với chất mới tư tưởng quân sự yêu nước của dân tộc ta "trăm họ là binh" ; là sự vận dụng thành công quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong chiến tranh cách mạng.

Nửa thế kỷ tiến hành thắng lợi khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh yêu nước đã khẳng định : xây dựng theo nguyên lý vũ trang toàn dân, quân đội ta thực sự là quân đội của dân, do dân và vì dân. Quân đội ta sinh thành từ lực lượng chính trị của quần chúng, xây dựng và phát triển trên cơ sở lực lượng hùng hậu của nhân dân, dựa chắc vào sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của chế độ mới. Mô hình tổ chức *ba thứ quân* (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ) làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, là loại hình tổ chức tiêu biểu cho nguyên lý vũ trang toàn dân. Đó là sự kết hợp chặt chẽ sức mạnh chiến đấu của QĐND do bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương hợp thành, với sức mạnh chiến đấu của dân quân tự vệ - lực lượng vũ trang quần chúng cách mạng bao gồm hàng triệu công dân cầm súng chiến đấu chống giặc ngay tại đường phố, bản làng. Với tổ chức đó, lực lượng ba thứ quân, QĐND đã thực hiện xuất sắc vai trò làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, được nhân dân cùng tham gia đánh giặc với mọi vũ khí có trong tay, chăm lo, nuôi dưỡng, che chở, tạo nên sức mạnh vô địch, đánh thắng mọi kẻ thù.

QĐND xây dựng chiến đấu theo quan điểm vũ trang toàn dân đã từ những đội du kích tiến lên một quân đội cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại ; từ bộ binh đơn thuần phát triển thành một quân đội có các quân chủng, binh chủng kỹ thuật hợp thành với các loại hình tổ chức đa dạng, phong phú, có hiệu lực đánh địch cao ; từ tác chiến du kích tiến lên tác chiến chính quy và ngày càng hiện đại, hiệp đồng các quân chủng, binh chủng, hiệp đồng các thứ quân.

Vận dụng quan điểm vũ trang toàn dân trong những điều kiện mới, *cần đổi mới, hoàn thiện tổ chức QĐND*, nhất là bộ đội chủ lực, theo hướng "xây dựng quân đội cách mạng, chính quy tinh nhuệ, từng bước hiện đại".

Trước hết, *tổ chức QĐND phải phù hợp với thời bình, gắn bó với hệ thống chính trị, với tổ chức nhà nước và tổ chức của toàn xã hội ; kết hợp chặt chẽ với công an nhân dân để có đủ sức mạnh cùng với toàn dân ngăn chặn, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch trong và ngoài nước, đập tan mọi toan tính xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, sẵn sàng tiến hành thắng lợi chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.* Xây dựng QĐND phù hợp với thời bình hiện nay là làm cho QĐND *phải*

Digitized by Google

có sức mạnh hơn bao giờ hết để hoàn thành các nhiệm vụ trong thời bình, duy trì cục diện hòa bình, ổn định để xây dựng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, *không để xảy ra chiến tranh*. Đương nhiên, đó cũng là tổ chức QĐND sẵn sàng cùng toàn dân đánh bại mọi loại hình chiến tranh xâm lược. Sẵn sàng nhất cho chiến tranh để không phải làm chiến tranh.

Trên cơ sở tổ chức ba thứ quân phù hợp với tình hình mới, tập trung xây dựng QĐND, nhất là *bộ đội chủ lực*. Coi lực lượng thường trực và lực lượng dự bị là hai lực lượng cơ bản để xây dựng, phát triển QĐND. Hoàn thiện hệ thống lãnh đạo, quản lý, chỉ huy QĐND theo hướng tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước, tinh giản và hiện đại hóa hệ thống chỉ huy. Tổ chức các quân chủng, binh chủng, binh đoàn theo cơ cấu, biên chế hợp lý mạnh, gọn, nhẹ ; tăng cường sức mạnh chiến đấu cho hải quân, không quân và phòng không ; nâng cao sức đột kích, sức cơ động và hỏa lực cho lục quân. Nghiên cứu các loại hình tổ chức bộ đội, tổ chức lực lượng cho phù hợp với các đối tượng tác chiến cụ thể, phù hợp với các chiến trường có các loại hình khác nhau. Cải tiến, nâng cao hiệu lực hệ thống vũ khí, trang bị kỹ thuật của QĐND theo hướng sử dụng và giữ gìn tốt vũ khí, phương tiện hiện có, tích cực sản xuất những loại vũ khí, kỹ thuật ta có khả năng, cải tiến, hiện đại hóa một số trang bị, mua sắm một số vũ khí hiện đại thật cần thiết. Từng bước xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng trên cơ sở công nghiệp hóa ; hiện đại hóa đất nước. Đổi mới căn bản chính sách xây dựng QĐND. Bổ sung, hoàn thiện hệ thống luật về xây dựng QĐND, về củng cố nền quốc phòng toàn dân, về bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục thể chế hóa đường lối, quan điểm, nghị quyết của Đảng về xây dựng quân đội ; ban hành về mặt nhà nước hệ thống điều lệnh, điều lệ về các hoạt động của QĐND, đẩy mạnh xây dựng quân đội chính quy, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quân đội ; giải quyết tốt nhiệm vụ xây dựng QĐND trong nhà nước pháp quyền do Đảng lãnh đạo.

3- QĐND tiêu biểu cho sức mạnh của một dân tộc người không đông, đất không rộng, kinh tế kém phát triển song đoàn kết một lòng, "lấy đại nghĩa thắng hung tàn", được sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Bác Hồ, đã đánh thắng các đế quốc to xâm lược, *thực hiện thành công tư tưởng lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều*. Trong khởi nghĩa vũ trang cũng như các cuộc chiến tranh yêu nước, lực lượng ba thứ quân, nhất là QĐND đã đương đầu thắng lợi với những đội quân xâm lược số lượng đông, được trang bị nhiều vũ khí phương tiện rất hiện đại và dựa vào một tiềm lực quân sự xâm lược rất lớn.

Đó là thành công lớn về kết hợp nhân tố quyết định của con người với vũ khí và trang bị kỹ thuật. Cụ thể là, kết hợp ưu thế tuyệt đối về chính trị - tinh thần, tài thao lược, trí thông minh, tính tích cực sáng tạo của cán bộ, chiến sĩ ta với các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật có trong tay gồm cả thô sơ, tương đối hiện đại và hiện đại. Sự kết hợp đó đã *xây dựng và phát triển nghệ thuật đấu tranh vũ trang, nghệ thuật quân sự ấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh của chiến tranh nhân dân*. Nghệ thuật đó mang những đặc trưng cơ bản. Dựa chắc vào sức mạnh chính nghĩa của cuộc chiến đấu, vào sức mạnh của toàn dân đánh giặc, phát huy thế trận hiểm hóc của chiến tranh nhân dân. Kết hợp đấu tranh vũ trang với các mặt đấu tranh khác, trước hết là với đấu tranh chính trị. Kết hợp sức mạnh chiến đấu của cả ba thứ quân, của lực lượng cơ động và lực lượng tại chỗ, kết hợp chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực và chiến tranh nhân dân địa phương, kết hợp tác chiến du kích và tác chiến chính quy, không ngừng nâng cao địa vị của tác chiến hiện đại. Kết hợp tiến công, phản công và phòng ngự, lấy tiến công là loại hình tác chiến cơ bản và phổ biến. Kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa và đánh lớn, không ngừng phát triển đánh lớn nhằm tiêu diệt những bộ phận quan trọng quân địch trên hướng chủ yếu. Thực hiện chia cắt, phân tán, bao vây quân địch cả trong chiến đấu, chiến dịch và hoạt động chiến lược... Nghệ thuật đó đã khoét sâu chỗ yếu cơ bản của các đội quân xâm lược tiến hành chiến tranh phi nghĩa trên đất nước người, làm gay gắt mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán lực lượng của chúng,

Digitized by Google

nâng cao gấp bội sức chiến đấu của QĐND trên chiến trường.

Trên cơ sở nâng cao và phát triển kinh nghiệm đấu tranh vũ trang và chiến tranh cách mạng của quân và dân ta trong nửa thế kỷ qua, *xây dựng, hoàn thiện nghệ thuật quân sự của QĐND trong giai đoạn mới.* Đó là nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc theo quan điểm "toàn dân đánh giặc", đánh giặc bằng sức mạnh tổng hợp, lấy "đại nghĩa thắng hung tàn", lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều.

Ngay trong hòa bình, cần nghiên cứu, phát triển nghệ thuật tác chiến chống bạo loạn, lật đổ, chống các hoạt động vũ trang phản cách mạng, chống lấn chiếm biên giới trên đất liền, trên biển, quần đảo, chống xâm lược vũ trang bộ phận...

Nghiên cứu phát triển nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, chống chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc có sử dụng những "vũ khí kỹ thuật cao", "vũ khí tinh khôn". Vận dụng nghệ thuật đánh gần của các bộ đội, binh đoàn bằng vũ khí trong biên chế (mang vác) kết hợp với khu vực phòng thủ của tỉnh (thành phố), quận (huyện). Phát triển cách đánh gần để đánh địch từ xa, chống các cuộc tiến công đường không, tiến công đường biển bằng máy bay, tên lửa hành trình với mật độ hỏa lực cao và dài ngày của kẻ xâm lược. Nghiên cứu nghệ thuật đánh địch từ xa nhằm ngăn chặn, vô hiệu hóa các cuộc tiến công của quân xâm lược từ "ngoài đường chân trời". Phát triển và hoàn thiện nghệ thuật tác chiến trên biển, trên không, nghệ thuật tác chiến phòng không của hải quân, không quân và phòng không trên cơ sở những kinh nghiệm thời chống Mỹ. Coi trọng việc nghiên cứu xác định những đặc điểm của các loại hình rừng núi, đồng bằng và ven biển cùng chiến trường trên biển, trên không để xác định các loại hình tác chiến chống đổ bộ đường không, chống đổ bộ đường biển, chống bao vây, phong tỏa, phòng thủ giữ đảo, quần đảo và những khu vực quan trọng trên đất liền. Phát triển nghệ thuật tác chiến điện tử, đấu tranh sinh học ; nghệ thuật nghi binh, nguỵ trang, lừa địch khi kẻ thù xâm lược sử dụng ngày càng nhiều phương tiện thông tin, trinh sát điện tử hiện đại. Nâng cao kinh nghiệm về sử dụng kết hợp các loại vũ khí, trang bị thô sơ, tương đối hiện đại và hiện đại.

4- Đội ngũ cán bộ của lực lượng vũ trang nhân dân, của QĐND được *xây dựng, phát triển theo đúng phương hướng giai cấp, trung thành tuyệt đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, tận trung với nước, tận hiếu với dân, hết lòng thương yêu chiến sĩ, có tài thao lược và đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ do Đảng và Nhà nước giao cho.* Đó là đội ngũ cán bộ được thử thách, trưởng thành trong cuộc đấu tranh vũ trang lâu dài của dân tộc, nắm vững và thực hiện thắng lợi tư tưởng quân sự, đường lối quân sự của Đảng ta, tư tưởng quân sự của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, truyền thống quân sự yêu nước của dân tộc ta. Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đội ngũ cán bộ đã ra sức rèn luyện nhân cách người cán bộ chỉ huy, lãnh đạo của QĐND "trí, dũng, nhân, tín, liêm, trung" (Hồ Chí Minh : *Tư cách một người làm tướng*). Cán bộ các cấp trong QĐND không ngừng hoàn thiện tri thức khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy, quản lý, nuôi dưỡng, giáo dục chiến sĩ. Chính đội ngũ cán bộ quân sự do Đảng và Nhà nước ta đào tạo là nòng cốt tạo nên sức mạnh chiến đấu vô địch của QĐND.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng QĐND trong giai đoạn mới, mấu chốt là *xây dựng đội ngũ sĩ quan, cán bộ chuyên môn kỹ thuật* đáp ứng những yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại.

Kết hợp chặt chẽ xây dựng đội ngũ sĩ quan với đội ngũ đảng viên trong QĐND bảo đảm chất lượng chính trị cao, theo đúng phương hướng giai cấp. Xây dựng đội ngũ sĩ quan có mặt bằng học vấn đại học, theo quan điểm trí thức hóa công nông của Bác Hồ. Đội ngũ sĩ quan được xây dựng chuyên sâu quân sự, chính trị - quân sự và kỹ thuật quân sự theo ba cấp (theo hệ thống lãnh đạo, quản lý, chỉ huy) : sơ cấp, trung cấp, cao cấp (hoặc cấp

(Xem tiếp trang 17)

Digitized by Google

XÂY DỰNG VỀ CHÍNH TRỊ LÀM CƠ SỞ
MỘT BÀI HỌC CƠ BẢN CỦA 50 NĂM TRƯỞNG THÀNH VÀ CHIẾN THẮNG CỦA QUÂN ĐỘI TA

*Thượng tướng LÊ KHẢ PHIÊU**

TỪ phong trào cách mạng của nhân dân trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, xuất hiện những phân đội vũ trang nhỏ bé ; từ những phân đội hầu như tay không đánh giặc đó, phát triển thành một quân đội nhân dân, quân đội đó đã cùng toàn dân chiến đấu đánh bại những thế lực xâm lược hùng mạnh, cả thế lực mà thế giới phải nín thở thừa nhận là một "sức mạnh quân sự không thể tưởng tượng nổi".

Nguyên nhân nào làm cho quân đội ta chiến thắng và trưởng thành như vậy ? Có nhiều nguyên nhân tạo nên sức mạnh của quân đội, trong đó một nguyên nhân cơ bản nằm ở đường lối xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng cộng sản Việt nam, theo tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, đường lối xây dựng toàn diện sức mạnh của lực lượng vũ trang, nhưng phải lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở cho mọi mặt xây dựng khác.

Chủ nghĩa Mác- Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh luôn luôn coi cách mạng không phải là một âm mưu, cũng không phải bắt đầu từ súng ống, mà là sự nghiệp của quần chúng. Cách mạng, trước hết phải có Đảng lãnh đạo, đảng đó phải đi vào quần chúng, giáo dục, giác ngộ nhân dân đứng lên đấu tranh giải phóng. Chỉ trên cơ sở một phong trào chính trị sâu rộng của toàn dân, đến một giai đoạn phát triển nhất định, khi việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân đặt ra trong chương trình nghị sự, thì vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang mới được đặt ra một cách bức thiết, trực tiếp. Sự ra đời của quân đội ta diễn ra đúng theo diễn biến có tính chất quy luật đó của cách mạng Việt nam. Khi mới ra đời, quân đội đó là một đội tuyên truyền vũ trang với phương châm "chính trị trọng hơn quân sự" theo chỉ thị của Bác Hồ. Khi quân đội đó đã phát triển thành một quân đội lớn mạnh, chính quy và ngày càng hiện đại, thì tư tưởng coi trọng chính trị trở thành một nguyên tắc cơ bản chỉ đạo xây dựng quân đội, lấy xây dựng quân đội về chính trị làm cơ sở cho mọi mặt xây dựng khác.

Thực tiễn lịch sử 50 năm trưởng thành và chiến thắng của quân đội ta chứng minh sự đúng đắn của nguyên tắc đó. Chính vì luôn luôn thực hiện nguyên tắc ấy, quân đội ta mới không ngừng lớn mạnh, cùng với nhân dân lập nên những chiến công vang dội không những trong lịch sử dân tộc ta mà cả trong lịch sử phong trào cách mạng thế giới. Ngày nay, quân đội ta càng phải quán triệt hơn bao giờ hết nguyên tắc này. Song không cần trở lại phương châm "chính trị trọng hơn quân sự", vì quân đội ta không trở lại thời kỳ những đội võ trang tuyên truyền như trước đây. Tuy vậy, ngày nay vẫn cần phải phát huy cao độ truyền thống coi trọng xây dựng về chính trị trong xây dựng quân đội ta. Đó là do sự thay đổi về âm mưu và thủ đoạn đánh phá của các thế lực thù địch đối với dân tộc ta, chế độ ta, và do sự vận động của những mâu thuẫn bên trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội

* Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị

Digitized by Google

trên đất nước ta. Mặt trận chính trị tư tưởng hiện nay trở thành mặt trận chủ yếu của đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp ở nước ta, quyết định vận mệnh của đất nước và chế độ. Chưa bao giờ chức năng đội quân công tác của quân đội ta lại đặt ra những yêu cầu nội dung rất mới, rất nặng nề đối với cán bộ, chiến sĩ quân đội như hiện nay. Tình hình đòi hỏi mỗi cán bộ và chiến sĩ quân đội không những tinh thông nghề nghiệp quân sự, sẵn sàng chiến đấu, vũ trang bảo vệ Tổ quốc, mà còn là những chiến sĩ cách mạng trong đấu tranh chính trị, tham gia chiến đấu tích cực trên mặt trận chính trị, giữ vững lòng dân, đập tan các âm mưu thủ đoạn phá hoại nền tảng chính trị tinh thần của chế độ, phá hoại hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, của các thế lực thù địch ngoài nước và trong nước gắn chặt với các thế lực tiêu cực và lạc hậu nảy sinh trong lòng chế độ ta.

Cốt lõi của xây dựng quân đội ta về chính trị là xây dựng bản chất giai cấp công nhân của quân đội. Bản chất này không phải tự nhiên mà có, mà phải do đảng cộng sản truyền bá giáo dục và rèn luyện không ngừng mới có được. Tính quy luật xây dựng quân đội ta về chính trị đòi hỏi phải có một đảng có bản chất giai cấp công nhân đã, rồi mới có thể có một quân đội có bản chất giai cấp công nhân. Hồ Chí Minh đã khẳng định trong tác phẩm *Đường cách mệnh* : **"Cách mệnh trước hết phải có cái gì ?**

Trước hết phải có đảng cách mệnh"[1].

Người đã tập trung công sức trước hết vào việc xây dựng một chính đảng Mác - Lê- nin chân chính ở Việt nam, do đó đã chuẩn bị tiền đề cơ bản cho sự ra đời của một quân đội kiểu mới ở Việt nam. Nhờ đó mà ngay khi mới ra đời, quân đội ta đã được quán triệt những vấn đề chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng ta, một đảng Mác - Lê - nin chân chính trong tổ chức của mình ; được xây dựng đúng đắn ngay từ đầu, không có vấp váp về chính trị, không ngừng phát huy bản chất cách mạng của mình, ngày càng vững mạnh, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Là một quân đội mang bản chất giai cấp công nhân, quân đội ta đồng thời là một quân đội nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, một quân đội của dân, do dân và vì dân, một quân đội của toàn thể dân tộc Việt nam. Bản chất giai cấp không bài xích tính chất nhân dân và dân tộc của quân đội mà trái lại, các nhân tố đó gắn bó khăng khít với nhau đến mức độ cái này là tiền đề và điều kiện của cái kia. Đó là vì quân đội ta là con đẻ của cuộc cách mạng Việt nam, cuộc cách mạng thuộc phạm trù cách mạng kiểu mới trong thế kỷ XX, lại diễn ra ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, với hai nhân tố dân tộc và giai cấp luôn luôn gắn bó khăng khít với nhau và đường lối chính trị cơ bản xuyên suốt cuộc cách mạng cho đến ngày nay là đường lối kết hợp hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Nội dung xây dựng quân đội về chính trị trên đây là hệ quả tất yếu, rút ra từ nội dung cơ bản quan trọng nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong khi trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Hồ Chí Minh đã phát triển, giải quyết một cách sáng tạo lý luận về cách mạng vô sản ở một nước thuộc địa, đã đặt lên hàng đầu vấn đề dân tộc và nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Nếu như Đảng cộng sản Việt nam không chỉ là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân, mà còn là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào yêu nước, thì lẽ đương nhiên, Quân đội nhân dân Việt nam không chỉ là quân đội của giai cấp để tiến hành đấu tranh giai cấp, mà còn là quân đội của nhân dân, của dân tộc để *trước hết*, tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và *sau đó*, củng cố, bảo vệ nền độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay, nội dung cơ bản của xây dựng quân đội về chính trị vẫn là củng cố vững chắc bản chất giai cấp của quân đội, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của Đảng, đồng thời cũng là nền tảng tư tưởng của quân đội, tiếp tục giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, nội dung cụ thể của việc xây dựng đó đã có những thay đổi và phát triển quan trọng. Đó là vì cách mạng Việt nam đã bước sang một giai đoạn mới, đất nước đã độc lập và thống nhất, đang quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh trong nước và thế giới có những thay đổi to lớn.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, t. tr 188

Digitized by Google

Các thế lực thù địch đã có sự chuyển hướng trong âm mưu và thủ đoạn chống phá đất nước ta, chế độ ta. Trong khi vẫn không từ bỏ ý đồ và chuẩn bị vũ trang xâm lược, chúng đã chuyển mạnh sang tấn công toàn diện bằng các thủ đoạn phi vũ trang ; trước mắt, chúng tập trung vào thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình kết hợp với bạo loạn lật đổ. Trong cuộc chiến này, các thế lực thù địch bên ngoài luôn dựa vào và kết hợp chặt chẽ với những thế lực phá hoại và tiêu cực bên trong, tạo thành những nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng ta đã chỉ ra.

Ngày nay, độc lập dân tộc vẫn là một mục tiêu chiến đấu của chúng ta. Tuy rằng đất nước đã độc lập và thống nhất từ năm 1975, nhưng ngày nay nền độc lập dân tộc vẫn đang bị uy hiếp, không chỉ trước nguy cơ xâm lược vũ trang, mà còn trước nhiều âm mưu và thủ đoạn xâm lược và thôn tính khác. Do đó, chúng ta chủ trương mở cửa, hòa nhập vào thế giới, nhưng vẫn luôn coi việc củng cố vững chắc nền độc lập dân tộc là một nhiệm vụ chiến lược hàng đầu của toàn đảng, toàn dân và toàn quân ta. Hòa nhập nhưng không hòa tan, không đánh mất mình. Những ý tưởng cho rằng trong một thế giới như ngày nay, vấn đề độc lập dân tộc không còn có ý nghĩa gì nữa, sự "liên lập", hòa nhập và phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước đang thay thế cho các thực thể quốc gia độc lập, là những ý tưởng sai lầm, ngây thơ về chính trị. Vì vậy, Đảng ta tiếp tục giương cao ngọn cờ yêu nước, ngọn cờ có khả năng tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân kể cả những người Việt nam ở nước ngoài, phấn đấu cho một nước Việt nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Muốn củng cố vững chắc nền độc lập dân tộc thì phải đi con đường xã hội chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta dựa trên những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lê-nin, đồng thời phù hợp với những điều kiện lịch sử cụ thể về các mặt của đất nước và những truyền thống tốt đẹp của con người Việt nam ta. Không thể có con đường nào khác ! Chủ nghĩa tư bản, kể cả chủ nghĩa tư bản cổ điển lẫn chủ nghĩa tư bản hiện đại, không thể đem lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân ta. Con đường thứ ba đứng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội dù mang bất cứ nhãn hiệu nào đều chỉ là ảo tưởng. Ở Việt nam ngày nay cũng không có đất cho con đường thứ ba. Đi theo con đường nào ngoài con đường xã hội chủ nghĩa cũng đều dẫn đến hậu quả thủ tiêu các thành quả cách mạng mà nhân dân ta tốn bao xương máu mới giành được. Mặc dù chủ nghĩa xã hội hiện thực được xây dựng trong những năm qua có những khuyết tật không nhỏ, nhưng đó là những khuyết tật do sai lầm chủ quan của con người trong lãnh đạo và quản lý, chứ không phải do bản chất của chủ nghĩa xã hội sinh ra. Vì thế, hoàn toàn có thể khắc phục được những khuyết tật đó. Đường lối đổi mới của Đảng ta ngày càng đi vào cuộc sống, đem lại những thành tựu rất quan trọng. Đó là cơ sở thực tế để tin tưởng rằng chúng ta sẽ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Ở nước ta ngày nay, đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp gắn bó khăng khít với nhau hơn bao giờ hết. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp không hoàn toàn giống như trong cách mạng dân tộc dân chủ. Chúng ta vẫn đặt cao nhiệm vụ dân tộc, coi trọng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đồng thời vẫn bảo đảm những lợi ích của đấu tranh giai cấp. Nội dung cơ bản của đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay là đấu tranh giữa hai định hướng phát triển xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nội dung đó cũng trùng hợp với nội dung cuộc đấu tranh của dân tộc ta chống lại âm mưu và thủ đoạn diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Chỉ có làm cho định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng giành ưu thế trên mọi lĩnh vực, đẩy lùi nguy cơ trệch hướng, thì chúng ta mới củng cố được nền độc lập dân tộc, bảo vệ vững chắc những lợi ích vừa trước mắt vừa lâu dài của nhân dân, đánh bại chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Cuộc đấu tranh gay gắt trên mặt trận tư tưởng - lý luận hiện nay, sự dao động về chính trị, tư tưởng với các mức độ khác nhau trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, đã ảnh hưởng ít nhiều đến cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong quân đội ta. Dĩ nhiên, đối với một quân đội đã có lịch sử 50 năm chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng, không những chiến đấu với kẻ thù vũ trang mà còn chiến đấu với mọi kẻ thù tư tưởng và chính trị, thì quân đội đó biết cách ngăn chặn sự xâm nhập của những tư tưởng,

Digitized by Google

quan điểm, lối sống xa lạ vào đời sống tinh thần của mình. Tuy nhiên chúng ta không được một chút nào chủ quan, mất cảnh giác trong việc xây dựng quân đội ta về chính trị. Cần nhớ rằng, quân đội cũng là một đối tượng trọng điểm mà chiến lược diễn biến hòa bình hướng tới.

Ngày nay, tình hình càng đòi hỏi chúng ta phải biết đổi mới công tác chính trị tư tưởng, tăng cường mạnh mẽ hơn bao giờ hết việc xây dựng quân đội về chính trị. Mọi sự lơ là, sao nhãng, hạ thấp công tác này đều là sai lầm nghiêm trọng, vô tình đã ít nhiều phục vụ cho ý đồ cơ bản của các thế lực thù địch "phi chính trị hóa" quân đội ta. Dĩ nhiên, việc tăng cường mạnh mẽ giáo dục chính trị không phải chỉ về nhịp độ, số lượng, mà điều quan trọng hơn là về chất lượng, nội dung và phương pháp, để tư tưởng và chính trị của Đảng đi sâu vào lòng người, làm cho toàn dân đoàn kết thống nhất dưới ngọn cờ của Đảng, chấp hành mọi quyết định của Đảng và Nhà nước. Việc giáo dục đó cũng không phải làm rộ lên một lần là xong, mà phải làm đi làm lại không ngừng, bởi vì chính cuộc sống xã hội và quân đội cũng đang vận động không ngừng, tư duy lý luận và đường lối của Đảng cũng phát triển và hoàn thiện không ngừng.

Những nội dung cốt lõi của xây dựng quân đội về chính trị hiện nay là chủ nghĩa Mác - Lê - nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là đường lối chính trị đổi mới đúng đắn và sáng tạo của Đảng, là phẩm chất đạo đức cách mạng của người đảng viên cộng sản và người quân nhân cách mạng. Muốn xây dựng được những nội dung đó thì phải kiên quyết đấu tranh chống những thế lực chính trị, tư tưởng, lý luận đối lập, phản động và lạc hậu.

Ngày nay, chúng ta vẫn cần tiếp tục khắc phục tư tưởng tiểu tư sản, tàn dư dai dẳng của xã hội tiểu nông vẫn đang còn tồn tại và ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của quân đội ta, như tệ gia trưởng thiếu dân chủ, thói tản mạn tự do vô chính phủ, bệnh hẹp hòi cục bộ, địa phương, thói quen tư duy và hành động kinh nghiệm chủ nghĩa... Tuy nhiên, tình hình và nhiệm vụ cách mạng nước ta, bối cảnh đấu tranh ở nước ta và trên thế giới hiện nay đòi hỏi chúng ta phải đặt lên hàng đầu phương hướng chống tư tưởng tư sản.

Trong lịch sử 50 năm của quân đội, thời điểm hiện nay đang chứng kiến cuộc tấn công mạnh mẽ và toàn diện của hệ tư tưởng tư sản vào Đảng ta và quân đội ta hòng làm suy yếu và biến đổi bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta và quân đội ta. Trọng điểm tấn công của chiến lược diễn biến hòa bình là Đảng, là hạt nhân lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, các thế lực thù địch cũng rất chú trọng phá hoại về chính trị và tư tưởng đối với quân đội, một công cụ sắc bén của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa. Tham vọng cao nhất của chúng là đem hệ tư tưởng chính trị tư sản, chủ nghĩa cơ hội và xét lại thay thế hệ tư tưởng và đường lối chính trị của Đảng ta trong quân đội, trước hết trong đội ngũ cán bộ, đảng viên cốt cán của quân đội. Chúng không tiếc tiền của, công sức, không từ một thủ đoạn nào để tác động vào tư tưởng quân đội ta, tạo ra sự khiếp sợ mới đối với sức mạnh kinh tế và quân sự của một số nước phương Tây, đưa ra cái huyền thoại mới về "sức mạnh không thể tưởng tượng nổi "; ca ngợi một chiều nền kinh tế thị trường tự do, coi kinh doanh tư nhân là động lực vĩnh cửu của con người; sùng bái nền dân chủ tư sản với chế độ đại nghị và nhà nước pháp quyền tư sản, chế độ đa nguyên, đa đảng chính trị ; thán phục những chuẩn mực giá trị văn hóa phương Tây, chạy theo lối sống thực dụng và chủ nghĩa cá nhân tư sản cực đoan...

Trong khi tấn công về chính trị, tư tưởng vào hệ thống chính trị của chúng ta, chúng biết tùy từng đối tượng, từng loại tổ chức và con người mà dùng những sách lược thích hợp: tấn công trực diện hay bao vây, đi đường vòng. Quân đội ta phải tỉnh táo đề phòng, phát hiện và phản kích kịp thời những đòn tấn công trực diện, những mũi nhọn tập hậu, bao vây từ phía sau lưng của các thế lực thù địch vào tư tưởng và chính trị của cán bộ, đảng viên chúng ta, kể cả những đảng viên lâu năm. Song đối với một quân đội cách mạng trải qua nửa thế kỷ được Đảng giáo dục, rèn luyện, trưởng thành và chiến thắng không ngừng, có truyền thống trung hiếu với Đảng, với nước, với dân đã ăn sâu vào máu thịt, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, thì việc làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ của quân đội đó xa rời chính trị và tư tưởng của Đảng là không dễ gì. Với đầu óc thực dụng, kịp thời tổng kết kinh nghiệm, các thế lực thù địch có thể trước hết dùng cách đi vòng. Vì chưa thể trực tiếp

Digitized by Google

đánh thắng về chính trị và tư tưởng đối với đông đảo cán bộ đảng viên trong quân đội, nên chúng tạm pha loãng chính trị của Đảng trong quân đội, tạo ra sự thờ ơ về chính trị với nhiều nội dung và hình thức thích hợp, trong đó có việc thúc đẩy lối sống thực dụng đang phát triển mạnh ngoài xã hội, thâm nhập và lan tỏa nhanh chóng vào trong quân đội. Tất cả những âm mưu và thủ đoạn đó là nhằm "phi chính trị hóa " quân đội. Tuy chưa đạt đến mức vô hiệu hóa về chính trị ngay hiện nay đối với quân đội, nhưng nếu có sự thờ ơ, không quan tâm đến chính trị, đến đường lối của Đảng, đến chủ nghĩa Mác - Lê - nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đến thời sự chính trị trong quân đội, thì tức là đã bắt đầu quá trình " phi chính trị hóa", mà thực chất là "phi cộng sản hóa". Sự thờ ơ đó dù vô tình hay cố ý cũng là bước chuẩn bị cần thiết cho thái độ thụ động về chính trị của quân đội khi có tình thế phản cách mạng, dẫn đến sự vô hiệu hóa quân đội trên thực tế. Đó chính là những âm mưu và thủ đoạn hết sức nguy hiểm.

*

Kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập quân đội- Ngày hội quốc phòng toàn dân, chúng ta cần rút ra những bài học của nửa thế kỷ đấu tranh, đồng thời cũng cần phát huy những bài học đó trong những điều kiện lịch sử mới. Bài học lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở cho mọi mặt xây dựng của quân đội là một trong những bài học cơ bản cần được chú trọng phát huy trong tình hình mới. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể chuẩn bị cho quân đội ta bước vào thế kỷ XXI với những lớp người mới, vẫn tiếp tục giữ vững và phát huy bản chất tốt đẹp, truyền thống trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, với Đảng cộng sản và nhân dân, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội mà tiến lên không ngừng.

Quân đội ta...

(Tiếp theo trang 12)

chiến thuật, cấp chiến dịch, cấp chiến lược). Đội ngũ này được chuẩn bị nghề nghiệp ở mức nhất định trong thời gian phục vụ trong QĐND, thiết thực góp phần thực hiện nhiệm vụ của quân đội có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động khác, đồng thời nhanh chóng hòa nhập với đời sống xã hội, góp phần giải quyết một vấn đề lớn của xã hội là việc làm của các sĩ quan khi hết hạn phục vụ.

Tập trung xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng cho đội ngũ sĩ quan theo lập trường của giai cấp công nhân cùng truyền thống yêu nước, bất khuất của dân tộc, của nhân dân, trung thành tuyệt đối với chế độ xã hội chủ nghĩa, với Đảng, với Nhà nước, chiến đấu hy sinh cho độc lập, tự do của Tổ quốc, quyền lợi cơ bản của nhân dân, của dân tộc. Trang bị cho đội ngũ này nắm vững đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng, những kiến thức quân sự tiên tiến, khoa học quân sự của nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, tài thao lược trong lãnh đạo, quản lý, chỉ huy quân đội, cùng những tri thức quân sự và quốc phòng phát triển mới. Nâng cao kiến thức về các mặt kinh tế, xã hội, khoa học - công nghệ, nhân văn, pháp luật, sinh học, tin học... cho đội ngũ sĩ quan.

Xây dựng, đào tạo đội ngũ sĩ quan, cán bộ chuyên môn kỹ thuật không phải là việc riêng của quân đội. Đó là trách nhiệm chung của Đảng và Nhà nước ta. Vì thế, xây dựng, đào tạo đội ngũ sĩ quan cần được nhà nước xác định theo quy hoạch chiến lược chung ; kết hợp chặt chẽ với hệ thống giáo dục đào tạo của Đảng và Nhà nước ta trong việc tạo nguồn, nội dung và chương trình, công đoạn, đào tạo ở ngoài nước... trên cơ sở những thành tựu đào tạo giáo dục của chiến lược con người.

Năm tháng sẽ trôi qua, song quân đội ta mãi mãi là quân đội của nhân dân, vì nhân dân chiến đấu, hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng. QĐND mãi mãi là công cụ đáng tin cậy của Đảng, của Nhà nước và của toàn dân ta trong công cuộc bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

QUÂN ĐỘI LÀM KINH TẾ VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

Trung tướng PHAN THU *

50 năm qua, kể cả khi phải chiến đấu cũng như trong hòa bình, quân đội ta lúc nào cũng thực hiện lời dạy của Bác Hồ : "Quân đội ta là một đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân sản xuất". Trong những năm tháng của các cuộc chiến tranh giải phóng, tuy rất bận luyện quân và chiến đấu, nhưng không lúc nào quân đội không tranh thủ thời gian để tăng gia sản xuất, góp phần nuôi quân, cải thiện đời sống cho bộ đội, bảo đảm "ăn no, đánh thắng". Trong hòa bình, ngay từ năm 1976 quân đội đã triển khai một lực lượng lớn chuyên làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế với quy mô lớn 28 vạn quân gồm 29 sư đoàn tham gia hầu hết các ngành kinh tế.

Từ sau Đại hội VI của Đảng, hòa nhập với sự đổi mới của cả nước, các xí nghiệp quốc phòng và đơn vị quân đội làm kinh tế đã từng bước chuyển sang hạch toán kinh tế, hoạt động theo cơ chế thị trường. Các cơ sở làm kinh tế của quân đội hầu hết được xây dựng từ các đơn vị sự nghiệp và các cơ sở giảm biên chế, cho nên khi chuyển sang sản xuất các sản phẩm kinh tế dân sinh, không tránh khỏi tình trạng nhỏ bé, manh mún, trình độ hiểu biết về quản lý kinh tế rất hạn chế, tưởng như sẽ nhanh chóng bị nền kinh tế thị trường "nuốt chửng", không thể đứng vững và tồn tại lâu dài. Thế nhưng, nhờ Đảng, Nhà nước và Bộ quốc phòng kịp thời có những nghị quyết và chỉ thị đúng đắn, nên quân đội đã vượt qua được những trở ngại, tiếp tục thực hiện tốt lời dạy của Bác Hồ, lực lượng sản xuất quốc phòng và làm kinh tế của quân đội ngày càng phát triển tốt cả về số lượng lẫn về kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đến nay, đã hình thành *ba* loại hình sản xuất quốc phòng và làm kinh tế của quân đội :

1- Các *xí nghiệp quốc phòng* gồm các xí nghiệp sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài quân sự, quân trang, quân dụng phục vụ quốc phòng, khi thừa công suất đều tham gia sản xuất các mặt hàng kinh tế. Các xí nghiệp này được quản lý theo chế độ hạch toán kinh tế.

2- Các *đơn vị kinh tế quốc phòng* gồm các tổng công ty, công ty, xí nghiệp làm kinh tế theo các ngành nghề khác nhau, hoặc đứng chân trên các địa bàn chiến lược có ý nghĩa kết hợp quốc phòng an ninh với kinh tế.

3- Các *đơn vị chuyên làm kinh tế* gồm các đơn vị sản xuất kinh doanh như các doanh nghiệp của các ngành kinh tế nhà nước.

Các loại hình doanh nghiệp nói trên đều thực hiện sản xuất kinh doanh theo luật pháp quản lý kinh tế của nhà nước, thực hiện hạch toán kinh tế, tự lo lấy lương và nộp ngân sách theo luật định.

Sau hơn năm năm hoạt động, các doanh nghiệp trong quân đội đã đứng được và phát triển trong hoạt động kinh tế. Mọi chỉ tiêu trong sản xuất kinh doanh, năm sau đều cao hơn năm trước : giá trị sản lượng hàng hóa năm 1994 so với năm 1990 tăng hơn 5 lần, nộp ngân sách nhà nước năm 1994 so với năm

* Ủy viên TƯ Đảng, Thứ trưởng Bộ quốc phòng, Chủ nhiệm Tổng cục công nghiệp quốc phòng và kinh tế

Digitized by Google

1990 cũng tăng hơn 6 lần. Đó là nguồn cổ vũ lớn khẳng định sự đúng đắn của các chủ trương làm kinh tế trong quân đội, xác định sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, đội ngũ giám đốc các doanh nghiệp và sự cố gắng khắc phục khó khăn của tập thể công nhân viên chức quốc phòng thuộc khối sản xuất quốc phòng và kinh tế trong quân đội.

Tuy có những khó khăn như ở xa các trung tâm kinh tế, vận tải tốn kém, cơ sở vật chất sản xuất thiếu thốn, vốn phục vụ quốc phòng không phù hợp với làm kinh tế..., nhưng sau mấy năm hoạt động, không ít xí nghiệp quốc phòng đã khẳng định có thể tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường. Nhiều sản phẩm kinh tế do các doanh nghiệp trong quân đội sản xuất đạt chất lượng cao, trong đó có các mặt hàng phục vụ cho sinh hoạt của nhân dân (như quạt điện...), cho sản xuất của một số ngành kinh tế kỹ thuật (như phụ tùng cơ khí thay thế) được người tiêu dùng và bạn hàng tín nhiệm.

Các xí nghiệp quốc phòng (gồm cả xí nghiệp sản xuất và xí nghiệp sửa chữa) đã làm tốt nhiệm vụ quốc phòng, nhưng do việc đặt hàng sản xuất, sữa chữa vũ khí ngày một giảm, nên có nguy cơ công nghệ sản xuất và sửa chữa quốc phòng bị mai một. Nhờ tham gia làm kinh tế, các xí nghiệp quốc phòng không những bảo đảm được năng lực sản xuất quốc phòng, mà còn bảo toàn và phát triển được công nghệ sản xuất quốc phòng.

Nhiều đơn vị làm kinh tế đã đứng chân được trên các địa bàn chiến lược, thực sự góp phần vào bản vệ an ninh quốc phòng khu vực, kết hợp kinh tế với quốc phòng, tham gia xây dựng vùng kinh tế mới, hình thành các khu dân cư, các huyện mới, trồng rừng cải tạo vùng chua mặn, tham gia xây dựng những con đường chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng...

Các đơn vị kinh tế của quân đội đã góp phần ngày càng nhiều hơn và hiệu quả hơn cho công cuộc xây dựng kinh tế của đất nước, tham gia xây dựng một số công trình kinh tế trọng điểm như : quai đê lấn biển ở Cồn thoi, ở Bắc Cửa lục ; trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc (riêng năm 1993 quân đội đã trồng được 8 850 ha rừng các loại và 5 triệu cây phân tán) ; đào kênh cải tạo khu tứ giác Long xuyên ; xây dựng các công trình thủy điện sông Đà, thủy điện YALY, đường dây 500kV, đường Thăng long - Nội bài ; bay dịch vụ dầu khí; khai thác than và sản xuất thuốc nổ công nghiệp cho nền kinh tế...

Thực tiễn sản xuất quốc phòng và kết quả làm kinh tế của quân đội mấy năm qua đã góp phần làm tăng thêm sức mạnh quốc phòng, kết hợp được kinh tế với quốc phòng ; quân đội từng bước trở thành lực lượng trực tiếp tham gia công cuộc xây dựng kinh tế xã hội của đất nước. Tuy nhiên, lực lượng quân đội làm kinh tế cũng không tránh khỏi một số tác động tiêu cực của cơ chế thị trường. Một số ít doanh nghiệp đã vi phạm pháp luật của Nhà nước và quy định của Bộ quốc phòng, nhưng hiện tượng này đang từng bước được khắc phục bằng nhiều biện pháp, trong đó có biện pháp chấn chỉnh tổ chức và hoàn thiện cơ chế quản lý.

Từ thực tiễn hoạt động kinh tế và lao động sản xuất của quân đội, có thể rút ra một số nhận định quan trọng sau đây :

1- Chủ trương quân đội làm kinh tế, sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, tận dụng năng lực của công nghiệp quốc phòng để sản xuất các mặt hàng dân dụng, tự giải quyết một phần các nhu cầu của quân đội theo đúng chính sách và luật pháp của nhà nước, coi đó như một nhiệm vụ chiến lược lâu dài của quân đội ta, là đúng đắn, phù hợp với cuộc sống thực tế.

Quân đội tham gia làm kinh tế còn là biện pháp quan trọng để tận dụng năng lực cơ sở vật chất của quân đội, vừa bảo đảm nhiệm vụ quốc phòng, vừa đóng góp cho xây dựng kinh tế đất nước. Các doanh nghiệp trong quân đội đã chứng minh khả năng làm được việc và có thể làm tốt.

Digitized by Google

Bên cạnh các doanh nghiệp làm kinh tế, quân đội có một lực lượng đông đảo cán bộ chiến sĩ có thể tham gia lao động sản xuất, làm ra của cải vật chất cho xã hội và cải thiện đời sống. Riêng *lực lượng quân đội thường trực* thì không được làm kinh tế như các doanh nghiệp, mà chỉ lao động sản xuất gần khu vực đóng quân để bảo đảm sẵn sàng chiến đấu, không ảnh hưởng đến thời gian huấn luyện và trang bị chiến đấu của đơn vị.

2- Các doanh nghiệp của quân đội dưới dạng các xí nghiệp quốc phòng, các doanh nghiệp kinh tế quốc phòng và các doanh nghiệp chuyên làm kinh tế, cần được xác định rõ ràng là nên làm gì và làm như thế nào. Trong hoạt động thực tiễn của cơ chế thị trường, quân đội cần khai thác và phát huy thế mạnh của mình để mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất và hiệu quả. Quân đội nên chọn cho mình những ngành nghề có điều kiện làm và cần làm để phục vụ tốt hơn cho quốc phòng an ninh và phát triển kinh tế xã hội. Ví dụ như : xây dựng cơ bản, khai khoáng, dịch vụ bay, dịch vụ trên biển, cơ khí, vật liệu nổ công nghiệp, thông tin liên lạc, may mặc... Cơ khí của công nghiệp quốc phòng nên hướng vào phục vụ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp, sản xuất máy móc chế biến lương thực, góp phần tích cực vào công nghiệp hóa nông nghiệp, hiện đại hóa nông thôn.

Có người nói đã cho làm kinh tế thì phải được làm những gì mà nhà nước không cấm. Nói như vậy, đúng nhưng chưa đủ đối với quân đội làm kinh tế, mà phải nói là : "các doanh nghiệp trong quân đội được làm những gì mà Nhà nước không cấm và Bộ quốc phòng cho phép". Quân đội không nên làm các ngành nghề dễ phát sinh tiêu cực, làm ảnh hưởng đến uy tín và truyền thống quân đội.

3- Quân đội là một tổ chức có kỷ luật, cho nên tổ chức kinh tế của quân đội phải là tổ chức kinh tế mạnh. Vì vậy, đối với số doanh nghiệp trong quân đội đã được đang ký lại theo Nghị định 388/HĐBT mà vẫn còn phân tán và manh mún, thì cần được sắp xếp lại theo ngành nghề và theo địa bàn cho gọn hơn; những doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả, bị thua lỗ kéo dài, cần được xem xét và xử lý để có sức cạnh tranh trong cơ chế thị trường.

4- Quân đội làm kinh tế phải hết sức quan tâm đến hiệu quả, hạch toán kinh tế đầy đủ, chấp hành nghiêm chỉnh pháp lệnh về kế toán thống kê, làm đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và Bộ quốc phòng. Việc liên doanh liên kết với nước ngoài để tranh thủ vốn và công nghệ tiên tiến là cần thiết, nhưng phải chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước và Bộ quốc phòng về hợp tác đầu tư trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại.

Do điều kiện lịch sử, hoặc do nhiệm vụ đặc biệt mà ở nơi nào đó còn có chính sách hỗ trợ của Nhà nước và Bộ quốc phòng thì ở nơi đó không được vì thế mà ỷ lại, phải không ngừng vươn lên, đứng vững bằng chính đôi chân của mình.

5- Các doanh nghiệp trong quân đội là doanh nghiệp nhà nước, phải tích cực góp phần vào củng cố thành phần kinh tế quốc doanh để kinh tế quốc doanh phát huy vai trò làm nòng cốt cho nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong cơ chế kinh tế thị trường. Các doanh nghiệp này cần ra sức thực hành tiết kiệm, kiện toàn công tác quản lý doanh nghiệp, gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật của Nhà nước.

Kỷ niệm nửa thế kỷ xây dựng và trưởng thành của mình, trong hoàn cảnh hiện nay, hơn lúc nào hết, quân đội ta phải đưa nhanh trình độ chính quy lên một bước cao hơn để trở thành một quân đội cách mạng chính quy trên một nền tảng mới của đất nước đang chuyển mạnh sang công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quân đội ta phải tiếp tục làm tốt hai nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước. Làm kinh tế của quân đội phải được phát triển với sức mạnh mới, góp phần xứng đáng làm tròn phần nhiệm vụ của một "quân đội sản xuất" như Bác Hồ đã dạy.

Digitized by Google

NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM - TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI

Thượng tướng HOÀNG MINH THẢO *

NGHỆ thuật quân sự Việt nam bao gồm nghệ thuật chỉ đạo, điều hành chiến tranh của cơ quan lãnh đạo tối cao, nghệ thuật tác chiến ở tầm chiến lược, nghệ thuật chiến dịch và chiến đấu.

Từ khi có Đảng, nghệ thuật quân sự Việt nam có *bước phát triển mới, trong đó đặc biệt là trình độ và nghệ thuật tác chiến*. Hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ ròng rã 30 năm đã hội tụ đủ những nội dung để chúng ta có một nền nghệ thuật quân sự hoàn chỉnh. Tuy vậy, việc nghiên cứu tổng kết và phát triển nghệ thuật quân sự ngày nay vẫn phải được tiếp tục.

Đến nay, chúng ta có thể nêu lên những nét đặc sắc nhất của nghệ thuật quân sự Việt nam :

1- *Nghệ thuật của chiến tranh chính nghĩa, toàn dân, toàn diện, lâu dài với ý thức tự lực tự cường cao.*

Trong chiến tranh, sức mạnh của một dân tộc, của một quân đội không chỉ là sức mạnh của vũ khí trang bị và tác chiến quân sự, mà còn là sức mạnh chính nghĩa, toàn dân, toàn diện của cả một dân tộc với tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập tự do". Đó chính là sức mạnh to lớn nhất, quyết định nhất của mọi cuộc kháng chiến. Chính nghĩa là cái gốc sức mạnh chính trị của chiến tranh. Toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực tự cường từ yếu đến mạnh, từ nhỏ đến lớn là cái gốc sức mạnh vật chất của chiến tranh. Mối quan hệ giữa các yếu tố đó là biện chứng, cái này là tiền đề cho cái kia và thúc đẩy nhau phát triển. Cả hai cái gốc đó đều phải có, phải vững thì thắng lợi mới trở thành hiện thực. Xét ở góc độ ấy, nghệ thuật quân sự chính là nghệ thuật khai thác, tập hợp sức mạnh một cách cao độ và triệt để. Nhờ có sức mạnh ấy mà các cuộc kháng chiến của ta đã được sự giúp đỡ rất nhiều của bạn bè quốc tế, cả về vật chất và tinh thần. Thiếu điều đó, chúng ta hẳn sẽ khó khăn hơn trong sự nghiệp giải phóng đất nước. Ít địch nhiều, nhỏ đánh lớn, thô sơ chọi với hiện đại là quy luật phổ biến của mọi cuộc chiến tranh mà chúng ta đã tiến hành. Ứng với quy luật ấy phải có nghệ thuật tạo sức mạnh, chuyển hóa tương quan lực lượng địch, ta để giành thắng lợi. Nghệ thuật quân sự đó đã khơi dậy được truyền thống hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, lòng yêu nước, yêu tự do độc lập của nhân dân, cùng đứng lên với tinh thần "giặc đến nhà, đàn bà, trẻ già đều đánh". Quân và dân ta đã đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí có trong tay dù là thô sơ nhất, đánh giặc bằng cả sức mạnh chính trị tinh thần, trên mọi lĩnh vực ngoại giao, kinh tế, văn hóa... Đem sức ta mà giải phóng cho ta, đó là *thể hiện ý thức tự lực tự cường của dân tộc*. Nhưng vì ta đi từ không đến có, từ ít đến nhiều, từ yếu đến mạnh, từ thô sơ đến hiện đại, nên điều kiện để *chuyển hóa sức mạnh* là vô cùng quan trọng. Một trong những điều kiện ấy là nhân tố *thời gian*. Cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đều phải kéo dài hàng chục năm mới đi đến thắng lợi, từ thắng lợi giải phóng nửa nước đến thắng lợi hoàn toàn, thống nhất đất nước.

2- *Nghệ thuật dám đánh , biết đánh và biết thắng.*

* GS. Viện trưởng Viện chiến lược quân sự, Bộ quốc phòng

Digitized by Google

Dám đánh giặc, nhất là dám đánh những kẻ lớn mạnh hơn mình gấp bội, dựa trên cơ sở biết địch, biết ta, thấu rõ đối phương ở nhiều góc độ một cách toàn diện là nghệ thuật quân sự truyền thống của quân và dân ta. Có dám đánh thì mới có thể tìm ra cách đánh và đánh thắng. Ngay từ buổi đầu dựng nước, hào khí điện Diên hồng, hội nghị Bình than, lời đồng thanh quyết đánh thể hiện bằng hai chữ "sát thát" đã ăn vào da thịt người chiến binh vẫn còn đó, nó đã trở thành dòng máu của các thế hệ Việt nam.

Khi quân đội nhân dân ta mới được thành lập, còn nhỏ bé, trang bị thô sơ, đã phải đương đầu với đế quốc sừng sỏ là thực dân xâm lược Pháp. Sau 9 năm kháng chiến, do nghệ thuật tổ chức chỉ đạo chiến tranh tài tình của Đảng ta và Bác Hồ, chúng ta đã xây dựng được lực lượng chủ lực tương đối mạnh, bên cạnh đó là lực lượng hùng hậu gồm bộ đội địa phương và dân quân du kích. Với nghệ thuật phân tán chia cắt địch trên khắp các chiến trường trong toàn quốc, chúng ta đã điều một bộ phận quan trọng lực lượng địch đến chiến trường rừng núi - Điện biên phủ - để thực hành trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Chọn địa bàn tác chiến chiến lược chính xác, với sự phối hợp nhịp nhàng ăn ý, có hiệu quả cao của các chiến trường khác trong cả nước, nên đã tạo được thế chiến lược rất thuận lợi cho ta. Chủ lực địch thì phân tán như bàn tay xòe thành 5 ngón, còn lực lượng ta thì tụ lại như bàn tay nắm chặt thành quả đấm quyết định tại chiến trường Điện biên phủ.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta cũng lại là một cuộc chiến tranh không cân sức. Một lần nữa dân tộc ta, quân đội ta lại phải lấy hiện đại thấp thắng hiện đại cao, lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ thắng lớn, với tinh thần quyết đánh quyết thắng. Vì thế quân đội đã trưởng thành vượt bậc về chất lượng cũng như trình độ tác chiến. Những đơn vị chủ lực mạnh ra đời, thực hiện được quy mô tác chiến hợp đồng binh chủng, quân chủng. Lực lượng ba thứ quân đã hình thành vững chắc trên nền thế trận chiến tranh nhân dân. Với nhiều hình thức chiến thuật phong phú linh hoạt ra đời, với thắng lợi liên tiếp của nhiều chiến dịch ở các loại hình đạt hiệu quả cao, ta đã lần lượt đánh bại từng nấc thang chiến tranh, từng chiến lược của Mỹ - ngụy. Cả hai cuộc kháng chiến nổi bật lên một vấn đề độc đáo. *Đó là nghệ thuật coi trọng tư tưởng đánh thắng đối phương bằng mưu kế và thế thời ; là nghệ thuật đánh bằng mưu mẹo, không dùng lực để chọi lực, cứng chọi cứng, mà phải kết hợp cả trí và lực, cứng và mềm* nhằm đánh lui từng bước, đánh đổ từng bộ phận và tiến tới đánh đổ hoàn toàn quân địch. Việc tổ chức và sử dụng lực lượng trong những chiến dịch cụ thể và nhất là trong chiến cuộc mùa xuân 1975 thể hiện rất rõ nghệ thuật điều động địch ra hai đầu chiến tuyến, tạo sơ hở về chiến lược ở quãng giữa miền Trung để ta tổ chức đòn tiến công đầu tiên đạt hiệu quả cao. Chiến dịch Tây Nguyên với trận đột phá khẩu Buôn ma thuột, giành thắng lợi chiến lược quan trọng, đã làm vỡ toang một mảng chiến trường, đi đến làm rung chuyển toàn bộ thế trận, làm suy giảm lực lượng địch và nhất là đánh một đòn mạnh vào ý chí và tinh thần quân đội Mỹ - ngụy.

Có được thế trận chiến lược tuyệt đẹp như Mùa xuân 1975, có được *lực lượng mạnh* ở những hướng chiến lược, mục tiêu chiến lược quan trọng là cả một quá trình *tạo thế, tạo lực ta, phá thế địch, tiêu hao lực lượng địch*. Quá trình chuyển hóa để lực lượng ta ít hóa nhiều, nhỏ hóa lớn, yếu hóa mạnh phải trải qua nhiều năm chiến đấu rất công phu gian khổ của quân và dân ta. Khi đã hội đủ các yếu tố cơ bản : thiên thời, địa lợi, nhân hòa thì đòn chiến lược kết thúc chiến tranh được thực hiện. "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", là thể hiện nghệ thuật chiến thắng. Quân và dân ta đã thực hiện thành công tư tưởng chỉ đạo ấy của Bác Hồ. Quả nhiên khi Mỹ đã rút quân về nước, khi kẻ xâm lược đã bị đánh bại về các biện pháp và ý chí, khi chủ đã bị thất sủng thì tớ cũng phải quy hàng.

3- *Nghệ thuật của cách đánh giàu trí tuệ kết hợp nhuần nhuyễn giữa kỹ thuật và nghệ thuật.*

Digitized by Google

Nghệ thuật quân sự Việt nam trong những cuộc kháng chiến vừa qua là nghệ thuật sử dụng nhuần nhuyễn 5 đặc điểm cơ bản sau : *Một là*, đối tượng tác chiến trong chiến tranh là thế lực hùng mạnh nhất hoàn cầu, một cuộc chiến tranh của số ít chống lại số nhiều, yếu chống lại mạnh. *Hai là*, sự trưởng thành của quân đội từ thô sơ đến hiện đại, luôn phải lấy hiện đại thấp thắng hiện đại cao, không chỉ là lấy sức mạnh của vũ khí mà còn kết hợp được cả sức mạnh tổng hợp của toàn quân, toàn dân để thắng địch. *Ba là*, địa hình Việt nam có những điểm độc đáo, hiểm hóc, chi phối rất nhiều đến việc tổ chức sử dụng lực lượng và các phương pháp tác chiến của cả hai phía. *Bốn là*, cách đánh Việt nam mang đậm dấu ấn cách đánh truyền thống phương Đông, trọng mưu hơn trọng lực. *Năm là*, trên nền cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lấy lực lượng ba thứ quân để chiến đấu mà cách đánh hình thành rất phong phú, linh hoạt, sáng tạo.

Trang bị vũ khí và kỹ thuật quân sự là một trong những yếu tố quyết định phương thức, thủ đoạn tiến hành chiến tranh. Mỗi khi đối phương sử dụng những loại vũ khí nào hoặc cách đánh nào là buộc ta phải có những vũ khí và cách đánh lại chúng một cách hữu hiệu. Kỹ thuật quân sự tác động rất mạnh đến tâm lý chiến đấu của người lính. Để giải quyết những khó khăn trên, *một mặt* chúng ta đã tìm cách hạn chế sức mạnh của binh khí kỹ thuật của đối phương, chủ yếu là bằng cách tìm ra quy luật hoạt động tác chiến của đối phương, ta đã sáng tạo ra những cách đánh có hiệu quả dựa trên nguyên lý kỹ thuật kết hợp với chiến thuật ; vũ khí kết hợp với tinh thần. *Mặt khác*, ta đã triệt để lợi dụng những yếu tố địa hình, thời tiết, khí hậu, phát huy triệt để cách đánh tổng hợp của cả ba thứ quân trong mỗi trận đánh, mỗi chiến dịch cụ thể. Khả năng thiên biến vạn hóa về mặt chiến thuật của ta đã buộc địch phải bị động, sa lầy trong trận đồ bát quái mà ta đã bày đặt sẵn, bị ta nghi binh, lừa và điều động vào những địa bàn tác chiến và thời điểm tác chiến bất lợi cho chúng. Mọi nỗ lực tột bậc của Mỹ ở cả hai chiến trường miền Nam và miền Bắc, dù ở trên bộ, trên không và trên biển cũng đều bị phá sản. Điều đó chứng tỏ tính có hạn của *kỹ thuật quân sự cao* khi gặp phải đối phương có nghệ thuật quân sự giỏi. Chúng ta thắng Mỹ không chỉ bằng kỹ thuật, mà còn bằng nghệ thuật ; không chỉ bằng *phần cứng mà còn bằng phần mềm*. Điều kỳ diệu này, chỉ có một dân tộc luôn vì chân lý "Không có gì quý hơn độc lập tự do", vì chính nghĩa, giàu trí tuệ mới làm được.

*

Bối cảnh quốc tế và trong nước hiện nay có nhiều thay đổi, tình hình diễn biến hết sức phức tạp và mau lẹ. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ thế giới đã đưa đến những tiến bộ vượt bậc trong đời sống kinh tế - xã hội, đem lại cho con người chất lượng sống cao hơn trước đây gấp nhiều lần. Xu hướng hòa bình, hợp tác hữu nghị giữa nhiều nước đang trở thành xu thế của thời đại. Tuy nhiên, các thế lực thù địch vẫn mưu toan chống lại chủ nghĩa xã hội, lật đổ nhà nước xã hội chủ nghĩa, gây chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang ở nhiều nơi. Điều này càng đòi hỏi nền nghệ thuật quân sự của chúng ta phải được nâng lên để đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Nghệ thuật quân sự của chúng ta ngày nay không thể thoát ly được nền nghệ thuật quân sự truyền thống với những quy luật đã từng vận động trong chiến tranh và được chiến tranh giải phóng dân tộc kiểm chứng. Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay, nghệ thuật quân sự hàm chứa một nhiệm vụ rất quan trọng là tham gia vào việc đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, giữ vững hòa bình và ổn định chính trị, phát triển kinh tế đất nước.

Để tiếp tục có một nền nghệ thuật quân sự luôn phát triển vững chắc, cần dựa trên một số tư tưởng chỉ đạo cơ bản sau :

1- Nắm vững quy luật chiến tranh.

Quy luật phổ biến của nước nhỏ chống lại nước lớn là lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ thắng lớn, lấy hiện đại thấp thắng hiện đại cao vẫn luôn tác động đến nền nghệ thuật quân sự. Vì

Digitized by Google

lẽ đó, nền nghệ thuật quân sự vẫn phải quán triệt sâu sắc tư tưởng xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng ba thứ quân, phát huy sức mạnh tổng hợp của cách đánh toàn dân, toàn diện với ý chí tự lực tự cường, với tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập tự do".

Trước một đối phương mạnh hơn ta về tiềm lực vật chất kỹ thuật, về kinh tế và quân sự thì khả năng có thể là đánh kéo dài. Chỉ có như vậy ta mới giành được ưu thế. Phải làm cho đối phương bị sa lầy, còn ta thì chuyển hóa được lực lượng, tìm được cơ hội giành thắng lợi trong những thời điểm có lợi nhất thì mới giành được chiến thắng. Đối phương bao giờ cũng muốn đè bẹp chúng ta trong một thời gian ngắn nhất bằng sức mạnh cao nhất. Nếu đánh bại được ý đồ đó thì khả năng ta đánh thắng chúng sẽ là hiện thực.

Nghệ thuật quân sự cần phải giải quyết tốt nguyên lý : tiến hành chiến tranh du kích toàn dân thì địch không thể đánh bại được, nhưng chỉ tiến hành chiến tranh du kích thì khó có thể đánh bại được địch. Do vậy phải kết hợp tốt cả hai loại hình chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy mới có khả năng giành thắng lợi. Vận dụng sự kết hợp này không thể rập khuôn máy móc, mà phải chủ động, sáng tạo. Muốn vậy, những người lãnh đạo và thực hành chiến tranh phải có quan điểm biện chứng, có phương pháp luận khoa học, nắm được quy luật chiến tranh và luôn biết sáng tạo trong lãnh đạo để tìm cách giải quyết mâu thuẫn trong thực tiễn chiến tranh.

2- *Phát triển sáng tạo nghệ thuật quân sự trong điều kiện mới.*

Nghệ thuật quân sự trong thời bình chứa đựng những nội dung mới so với nghệ thuật quân sự trong chiến tranh. Nhiệm vụ đặt ra cho nghệ thuật quân sự ngày nay là phải được phát triển vượt bậc về trình độ khoa học công nghệ trong quân sự và nghệ thuật tác chiến trong điều kiện chiến tranh mới, để chống lại vũ khí công nghệ cao. Những cuộc chiến tranh vừa qua cho thấy phương tiện chiến tranh phát triển nhanh chóng, vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, nghệ thuật tác chiến thay đổi rất mau lẹ. Đó là tác chiến linh hoạt, nhanh , gọn, dựa vào sức mạnh vũ khí và tính "tinh khôn" của vũ khí là chính. Để đối phó với thực tế ấy, nghệ thuật quân sự cần phải chú trọng vào cải tiến trang thiết bị vũ khí và kỹ thuật quân sự. Lực lượng chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ phải được nâng cao trình độ tác chiến và sử dụng vũ khí theo xu hướng hiện đại hóa.

Việc xây dựng thực lực quân sự mạnh, vũ khí trang bị, huấn luyện bộ đội theo hướng chính quy, hiện đại trong tình hình kinh tế nước ta hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, cho nên cần phải có sự thống nhất cao về nhận thức nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới ở cấp vĩ mô mới có thể biến khả năng thành hiện thực được.

Ngoài ra, cũng phải rất chú ý đến việc xây dựng bản lĩnh chính trị, khả năng chiến đấu của quân đội. Đó là tố chất hàng đầu trong phẩm chất người quân nhân. Trong đó cũng phải đặc biệt chú ý đến việc xây dựng *phần mềm* - tố chất căn bản của người lính để hoàn thành nhiệm vụ trong những điều kiện chiến tranh rất phức tạp và đa dạng. *Phần mềm* đó được hiểu là nghệ thuật mà chỉ con người khi đấu trí trong chiến tranh mới thể hiện rõ. Nếu *phần mềm* được trang bị đầy đủ thì họ sẽ có lòng tin và khả năng chiến đấu tốt.

Mưu cao, kế sâu, mẹo hiểm đều là những biểu hiện cụ thể của tài thao lược, trí thông minh, lòng dũng cảm trong nghệ thuật quân sự. Đó là thể hiện tài trí của cả người chiến sĩ và người chỉ huy cần phải có. Đánh địch bằng mưu kế, thắng địch bằng cả thế và thời là truyền thống vẫn cần được phát huy triệt để trong điều kiện mới để thích ứng với cả những loại chiến lược và chiến tranh kiểu mới như : "chiến thắng không cần chiến tranh" hoặc "cuộc chiến tranh không có mùi khói súng".

Tin tưởng vào tinh thần quật cường, bất khuất của dân tộc và tài nghệ quân sự, cũng như tinh hoa truyền thống của dân tộc, chúng ta nhất định sẽ bảo vệ vững chắc đất nước để xây dựng thành một nước giàu mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Digitized by Google

NHỮNG ĐẶC TRƯNG TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI TA

Trung tướng HOÀNG PHƯƠNG *

50 năm kể từ ngày ra đời đến nay, Quân đội nhân dân Việt nam vừa chiến đấu, vừa xây dựng đã trưởng thành vượt bậc. Sự trưởng thành đó được đánh dấu bằng những tháng lợi to lớn của nhân dân ta trong Cách mạng Tháng Tám, trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc sau này. Có được thành công đó là nhờ Đảng ta biết vận dụng sáng tạo lý luận quân sự cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta, kế thừa và phát triển lên một trình độ mới, tài thao lược và kinh nghiệm quân sự của tổ tiên ta trong truyền thống dựng nước và giữ nước.

Từ thực tiễn xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong suốt mấy chục năm qua, chúng ta có thể rút ra những đặc trưng sau :

1- Quân đội ta lấy việc xây dựng về chính trị làm nền tảng.

Thực tiễn cách mạng nước ta cho thấy, lực lượng chính trị của quần chúng là nền tảng để xây dựng và phát triển các lực lượng vũ trang cách mạng của nhân dân. Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã ra sức tuyên truyền, giác ngộ, vận động, tổ chức quần chúng đấu tranh chính trị, trên cơ sở đó dần dần tổ chức lực lượng vũ trang cách mạng. Những đội tự vệ công nông (tự vệ đỏ) đầu tiên trong cao trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ tĩnh, các đội vũ trang trong thời kỳ chuẩn bị Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, du kích Bắc sơn, du kích Nam kỳ, Cứu quốc quân, Việt nam tuyên truyền giải phóng quân, du kích Ba tơ cùng các đội du kích khác trên nhiều địa phương đều ra đời trên cơ sở lực lượng chính trị của quần chúng do Đảng ta xây dựng và lãnh đạo. "Các đoàn thể cách mạng càng phát triển, quần chúng đấu tranh chính trị càng mạnh thì càng có cơ sở vững chắc để tổ chức lực lượng vũ trang và tiến hành đấu tranh vũ trang" (1).

Lực lượng chính trị của toàn dân được xây dựng lớn mạnh không ngừng là nguồn bổ sung vô tận và là cơ sở vững chắc cho việc phát triển quân đội thông qua sự lựa chọn những người ưu tú trong các đoàn thể quần chúng. Trong kháng chiến chống Pháp, bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương đều dựa vào nguồn bổ sung vô tận của toàn dân trong cả nước, chủ yếu là nhân dân vùng tự do và cả vùng tạm bị địch chiếm. Đến kháng chiến chống Mỹ, sự phát triển nhảy vọt của quân đội ta dựa trên lực lượng chính trị hùng hậu được xây dựng ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Ở miền Nam, lực lượng chính trị của quần chúng không ngừng lớn mạnh ở vùng rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị là cơ sở quan trọng để phát triển Quân giải phóng từ nhỏ đến lớn. Với nguồn bổ sung to lớn từ miền

* PGS, PTS, Viện trưởng Viện lịch sử quân sự Việt nam

(1) Trường Chinh : *Hồ Chủ tịch và những vấn đề quân sự của cách mạng Việt nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà nội, 1971, tr 9-10

Digitized by Google

Bác vào và sự phát triển nhanh chóng ở miền Nam, quân đội ta đã có đủ sức đánh thắng quân thù.

Trong xây dựng quân đội, Đảng ta luôn luôn quan tâm đến chế độ giáo dục chính trị cho cán bộ, chiến sĩ. Đảng yêu cầu phải thông qua việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng, giáo dục lý tưởng cách mạng, đường lối, nhiệm vụ chính trị và quân sự của Đảng qua các thời kỳ mà củng cố lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội cho cán bộ và chiến sĩ, làm chuyển hóa sức mạnh tinh thần thành hành động cách mạng, góp phần nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội.

Đảng đã xây dựng được một hệ thống tổ chức đảng vững mạnh trong toàn quân. Đội ngũ đảng viên có số lượng đông, chất lượng tốt, nhiều người đã trở thành anh hùng, dũng sĩ... Đội ngũ cán bộ đảng viên cũng ngày càng nhiều, có năng lực chỉ huy và chuyên môn nghiệp vụ cao. Hệ thống cơ quan chính trị các cấp trong quân đội không ngừng được củng cố đã góp phần xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tinh thần, phát huy sức mạnh tổng hợp để hoàn thành nhiệm vụ.

2- *Xây dựng quân đội nhân dân trong hệ thống tổ chức quân sự của lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân, theo đường lối chính trị và đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng.*

Quá trình hình thành và phát triển của các lực lượng vũ trang nói chung, quân đội nhân dân nói riêng, đều qua từng bước từ thấp lên cao, phù hợp với quy luật phát triển của đấu tranh vũ trang từ chiến tranh du kích phát triển lên chiến tranh chính quy và kết hợp chặt chẽ chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy; phù hợp với cách đánh của ta từ đánh nhỏ, đánh vừa lên đánh lớn, đánh hiệp đồng binh chủng quy mô ngày càng lớn. Trên cơ sở xây dựng dân quân tự vệ rộng khắp, việc xây dựng bộ đội địa phương có nhiều thuận lợi để phát triển vững mạnh. Có bộ đội địa phương vững mạnh thì bộ đội chủ lực mới có điều kiện để xây dựng và tác chiến cơ động trên các chiến trường, vừa tiêu diệt, tiêu hao lớn quân địch, vừa giữ gìn và phát triển lực lượng ta, bảo đảm đánh lâu dài, đáp ứng yêu cầu phát triển nhảy vọt của chiến tranh khi thời cơ đến.

Trong quá trình xây dựng quân đội, Đảng ta coi trọng cả chất lượng và phát triển số lượng hợp lý, song lấy nâng cao chất lượng là chính. Thực tiễn xây dựng và chiến đấu của quân đội ta đã chỉ ra rằng, bộ đội có chất lượng là bộ đội có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu cao, có ý thức tổ chức và kỷ luật, có sức bền bỉ dẻo dai, khả năng cơ động trên mọi địa hình và thời tiết, có trình độ kỹ thuật và chiến thuật giỏi, luôn luôn gắn bó với nhân dân.

Đối với bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, chất lượng thể hiện ở tính tinh nhuệ và có số lượng thích hợp. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, ta đã ba lần phát triển nhảy vọt về số lượng : 17 vạn (1958), lên 30 vạn (1963), rồi 70 vạn (1966), và lên tới 1 triệu (1973). Ba bước phát triển về số lượng cũng là ba bước trưởng thành vượt bậc về sức mạnh chiến đấu của quân đội ta. Nhờ xây dựng được một quân đội nhân dân giác ngộ chính trị cao, có nhiều binh chủng, quân chủng mà sức chiến đấu của quân đội được nhân lên gấp nhiều lần, đủ sức đương đầu và làm thất bại mọi âm mưu và hành động xâm lược của quân thù. Một thành công quan trọng là Đảng ta đã xây dựng và rèn luyện được một đội ngũ cán bộ các cấp trong quân đội có số lượng đông, chất lượng cao, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, có năng lực lãnh đạo và kinh nghiệm trong đấu tranh cách mạng, đấu tranh vũ trang.

3- *Coi trọng huấn luyện, giáo dục văn hóa cho cán bộ và chiến sĩ.*

Để nâng cao sức mạnh chiến đấu, Đảng rất coi trọng huấn luyện quân sự và giáo dục văn hóa cho cán bộ, chiến sĩ ở mọi cương vị nắm vững trang bị có trong tay, tinh thông kỹ thuật và chiến thuật. Yêu cầu trước tiên của việc huấn luyện là quán triệt đường lối quân sự của Đảng, quán triệt tình hình và nhiệm vụ chiến lược trong các giai đoạn phát triển của chiến tranh nhân dân. Trên cơ sở đó, bộ đội được huấn luyện nắm vững khoa học quân sự và kỹ thuật quân sự hiện đại, nắm vững nghệ

Digitized by Google

thuật tác chiến của từng quân chủng, binh chủng và nghệ thuật tác chiến hiệp đồng binh chủng.

Nội dung huấn luyện phải toàn diện, luôn bám sát thực tế chiến trường và phù hợp với nhiệm vụ của quân đội. Vừa chiến đấu vừa xây dựng, cán bộ và chiến sĩ tranh thủ thời gian thư dãn giữa hai trận đánh, giữa các đợt hoạt động tác chiến để huấn luyện theo yêu cầu chiến đấu. Coi trọng việc huấn luyện ngay trên chiến trường, thông qua chiến đấu ; lấy việc tổng kết, rút kinh nghiệm để bổ sung cho nội dung huấn luyện. Huấn luyện đơn vị đi đôi với huấn luyện cơ quan. Các cơ quan và đơn vị tự tạo lấy dụng cụ và các phương tiện cần thiết để huấn luyện trong chiến tranh. Việc huấn luyện được áp dụng theo phương pháp quân sự dân chủ, thực hiện cán bộ dạy chiến sĩ đồng thời học chiến sĩ, cấp trên dạy cấp dưới đồng thời học cấp dưới.

Đi đôi với việc huấn luyện quân sự, Đảng ta còn tăng cường giáo dục, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật quân sự, làm cho cán bộ, chiến sĩ thực sự có năng lực toàn diện, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của việc xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng và tiến hành chiến tranh nhân dân trong điều kiện chiến tranh hiện đại, đánh thắng các đội quân đế quốc xâm lược.

4- Chú trọng giao nhiệm vụ phù hợp với khả năng của các đơn vị.

Trong khi giáo dục và động viên bộ đội phát huy tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc, Đảng ta luôn luôn chú trọng giao những nhiệm vụ phù hợp với khả năng của các đơn vị. Nhờ đó, quân đội vừa hoàn thành được nhiệm vụ, vừa nâng cao được chất lượng và trưởng thành vững chắc. Đường lối chiến tranh nhân dân đúng đắn đã tạo điều kiện cho quân đội ta ngay sau khi ra đời đã đánh thắng giòn giã liền hai trận Phai khát và Nà ngần (25 và 26-12-1944), mở đầu truyền thống đánh tiêu diệt, đánh chắc thắng, đánh thắng ngay từ trận đầu của quân đội ta.

Tổ chức và trình độ bộ đội phát triển đến đâu thì phạm vi, quy mô tác chiến phát triển tới đó. Nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân cũng phát triển theo. Căn cứ vào đường lối, nhiệm vụ của cách mạng, vào việc đánh giá đúng những chỗ mạnh và chỗ yếu của ta cũng như của địch, chủ động hạn chế những chỗ mạnh của địch, khoét sâu những chỗ yếu của chúng trong từng thời gian và không gian cụ thể, ta đã buộc địch không thể đánh theo cách đánh sở trường của chúng, mà phải bị động đối phó với cách đánh của ta. Nhờ có đường lối cách mạng đúng đắn và tư tưởng tiến công trên cả ba mặt chiến lược, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật, bằng cả lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động, càng địch ra mà đánh, ta đã làm cho quân địch đông mà hóa ít do phải phân tán đối phó, mạnh mà thành yếu... buộc địch phải đánh lâu dài với ta và cuối cùng chịu thất bại hoàn toàn.

5- Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của quân đội.

Trong hoàn cảnh đất nước còn khó khăn về kinh tế, Đảng ta vẫn rất quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, chiến sĩ, coi đó là một nhân tố quan trọng tạo nên sức mạnh chiến đấu của quân đội. Từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào "thi đua ái quốc" đẩy mạnh sản xuất tự cấp, tự túc. Đời sống nhân dân được cải thiện dần. Lúc đó việc cung cấp cho bộ đội chủ yếu là do các địa phương đảm nhiệm. Bộ đội đóng ở đâu nhân dân ở đó cung cấp lương thực, thực phẩm. Ở nhiều địa phương, nhân dân đã nhịn một phần ăn, mặc để đóng góp thóc, gạo, tiền bạc, lập "hũ gạo nuôi quân", dành từng "luống rau, bụi chuối, đàn gà kháng chiến" để nuôi quân đội. Hội mẹ chiến sĩ cùng Hội phụ nữ cứu quốc đảm nhận phần lớn công việc động viên, chăm sóc bộ đội, nuôi dưỡng thương binh, bệnh binh... Trong kháng chiến chống Mỹ, miền Bắc đã trở thành hậu phương vững chắc của cách mạng cả nước, cung cấp "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", cùng với hậu phương tại chỗ ở miền Nam, bảo đảm nhu cầu vật chất và tinh thần cho quân và dân

Digitized by Google

ta chiến thắng đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

6 - *Vận động và tổ chức nhân dân tích cực giúp đỡ, chăm sóc quân đội.*

Trong quá trình lãnh đạo xây dựng quân đội, Đảng ta luôn nhắc nhở phải giáo dục động viên và tổ chức toàn dân giúp đỡ, bảo đảm cho quân đội đủ sức hoàn thành nhiệm vụ. Mấy chục năm qua, sự đóng góp của nhân dân về mặt này là vô giá. Trên khắp các địa phương, các chiến trường, ở vùng tự do cũng như vùng sau lưng địch, miền Nam cũng như miền Bắc, chỗ nào có dân là ở đó có sự giúp đỡ về mọi mặt của nhân dân đối với quân đội. Nhân dân ta không quản hy sinh, gian khổ, tham gia vào mọi việc như tiếp tế lương thực, dạn dược, bảo đảm giao thông vận tải, nuôi dưỡng thương bệnh binh, sát cánh cùng bộ đội đánh địch theo phương châm "hai chân, ba mũi, ba vùng", bắn máy bay, đánh tàu chiến... Dựa chắc vào nhân dân và được nhân dân đùm bọc, giúp đỡ tận tình, quân đội có đủ sức mạnh vượt qua mọi thử thách, hoàn thành mọi nhiệm vụ của mình.

7- *Giáo dục tinh thần đoàn kết hữu nghị với các dân tộc.*

Trong cuộc đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn giáo dục cho quân đội và nhân dân thấy rõ sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế to lớn của nhân dân và quân đội các nước Liên xô, Trung quốc cùng các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác cũng như của bạn bè trên khắp thế giới đối với sự nghiệp kháng chiến cứu nước của nhân dân ta, đặc biệt là sự đoàn kết gắn bó của nhân dân và quân đội cách mạng hai nước Lào và Cam-pu-chia với quân và dân ta trong sự nghiệp đấu tranh chống kẻ thù chung để giải phóng đất nước. Nhờ có sự giáo dục đó mà Quân đội nhân dân Việt nam nhận thức đúng đắn và biết ơn mọi sự viện trợ quốc tế, đồng thời cũng biểu hiện tình đoàn kết hữu nghị của mình đối với các dân tộc trên thế giới.

*

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã xây dựng nên một quân đội nhân dân bách chiến bách thắng trong những năm kháng chiến và làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc vừa qua. Những kinh nghiệm về xây dựng và phát triển quân đội trong 50 năm qua cần được tiếp tục nghiên cứu, vận dụng trong sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng quân đội nhân dân trong giai đoạn mới.

Trong quân đội cũng như các ngành đang có sự bàn giao của thế hệ trước cho thế hệ mới. Thế hệ kế tiếp có kiến thức, năng động, nhưng ít kinh nghiệm về đấu tranh cách mạng. Trong khi đó, đất nước đang chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Song việc xây dựng quân đội lại không thể áp dụng theo phương thức hạch toán lỗ, lãi như trong xây dựng kinh tế.

Tình hình, đặc điểm của đất nước đang có nhiều thay đổi. Sự phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật đang đặt ra nhiều vấn đề mới. Nhưng trong sự nghiệp xây dựng quân đội, có những nguyên tắc vẫn phải giữ vững.

Trước hết, Đảng phải lãnh đạo quân đội. Đây là nguyên tắc cơ bản nhất của việc xây dựng quân đội. Có Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, về mọi mặt, quân đội ta mới thực sự có mục đích chiến đấu và đường lối xây dựng đúng đắn, có điều kiện để phát huy sức mạnh chiến thắng mọi kẻ thù hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Hai là, phải kiên trì giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn để tiếp tục đưa nước ta tiến lên theo con đường phát triển tất yếu của nhân loại, bất chấp mọi thế lực thù địch cản trở, phá hoại. Đó là con đường bảo đảm thực sự độc lập, tự do của dân tộc và ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Sự lựa chọn này đã dứt khoát từ năm 30 của thế kỷ XX và được chứng minh bằng những thắng lợi vẻ vang trong mấy chục năm qua, một lần nữa lại được khẳng định trong bối cảnh mới của đất nước và của thế giới đầy biến động, phức tạp như ngày nay.

(Xem tiếp trang 32)

Digitized by Google

Từ những bà mẹ anh hùng càng ngời sáng thêm gương mặt MẸ VIỆT NAM

DƯƠNG TÙNG

Mẹ Việt nam - tiếng thân thương, dịu ngọt và trìu mến làm sao ! Mẹ Việt nam từ ngàn đời, như biểu tượng cao quý khắc sâu vào lịch sử hào hùng của dân tộc ; Mẹ đã đi vào trang sách em nhỏ, vào lời ru câu hát, vào những vần thơ thấm đượm tình người, tình đời...

Mẹ Việt nam không chỉ là bậc sinh thành một đời lam lũ, tần tảo, chắt chiu nuôi dưỡng bao thế hệ cháu con. Hơn thế, Mẹ là điểm tựa, là niềm tin, là bóng mát chở che, là nhựa sống truyền cho chồi non lộc biếc lớn dần lên, lớn nhanh lên thành những chàng trai Phù Đổng, những cô Tấm duyên dáng hay lam hay làm, hết lòng vì nghĩa lớn với nước, với dân.

Chiến tranh qua đi, thoắt đã hai chục năm. Ngoảnh lại, thân Mẹ đã già. Vẫn biết chiến tranh là mất mát hy sinh, và nỗi đau trải dài trên thân thể đất nước, nỗi đau luồn sâu vào ngóc ngách cuộc sống cộng đồng. Nhưng ở nơi các Mẹ, gánh nặng non sông bao giờ cũng đè trĩu trên vai. Ở nơi các Mẹ, niềm vinh quang chiến thắng rạng sáng ngời ngời; và nỗi đắng cay, nhọc nhằn cũng không sao đếm xuể.

Thử hỏi, ai nhìn vào bảng thống kê mà lòng chẳng ngậm ngùi, cảm thương và khâm phục ?

Theo số liệu ban đầu của Tổng cục chính trị, tính trong cả nước, số mẹ có 3 con trở lên là liệt sĩ: 6061 (trong đó có 9 con là liệt sĩ: 3 bà mẹ); có 2 con mà cả hai con đó đều là liệt sĩ: 12 982; có 2 con và có chồng hoặc bản thân là liệt sĩ: 504; chỉ có 1 con độc nhất là liệt sĩ, có chồng hoặc bản thân là liệt sĩ : 1128.

Chỉ tính riêng mảnh đất Quảng nam - Đà nẵng, mảnh đất "trung dũng kiên cường" đã có hơn 60 ngàn chiến sĩ cách mạng ngã xuống; hàng trăm bà mẹ chỉ có 1 con duy nhất cũng là liệt sĩ ; hơn 50 gia đình có từ 5 đến 9 con mãi mãi ra đi.

Quả thật, con số vẫn là con số. Nhưng con số ở đây nói lên điều gì ? Phải chăng nó nhắc nhở chúng ta - những con người đang hưởng hạnh phúc trong độc lập, tự do - đừng bao giờ lãng quên quá khứ, một quá khứ thiêng liêng và oanh liệt. Nó nghiêm khắc nhắn nhủ các thế hệ đi sau không được phép nhầm lẫn, sai sót, để rụng rơi bất kể một mảnh đời nào đã dâng hiến cho sự tồn vong của dân tộc. Bởi mỗi thân phận bà mẹ là một trường thiên tiểu thuyết, một huyền thoại khó quên và là một mạch nguồn sâu thẳm...

Phải đâu đến bây giờ, phải đâu mãi sau chiến tranh mà ngay từ những ngày đầu dân tộc ta "rũ bùn" đứng dậy, những ngày đầu các chiến sĩ cảm tử mang bom ba càng lao vào xe giặc, Đảng và nhân dân đã canh cánh bên lòng về nỗi niềm của các Mẹ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: "Non sông gấm vóc Việt nam do phụ nữ ta, trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ" [1].

Cuộc kháng chiến thành công, hàng chục Mẹ đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang ; hàng ngàn Mẹ đã được trao Huân chương Độc lập và nhiều phần thưởng cao quý khác. Đất nước còn nghèo, vả lại trên thân mình còn bao vết

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t 6, tr 196

Digitized by Google

thương rỉ máu, sự bù đắp đối với các Mẹ chẳng được bao nhiêu nhưng là tấm lòng của người sống với những linh hồn đã khuất, là tấm lòng của kẻ hái quả nhớ người trồng cây.

Giờ đây, dẫu có chút muộn màn, trong bộn bề công việc của sự nghiệp đổi mới, Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam đã trân trọng công bố pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt nam anh hùng" cho hàng vạn Mẹ trong cả nước. Pháp lệnh được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 29-8-1994 và sẽ có hiệu lực kể từ ngày 1-12-1994.

Người ta thấy hiếm có một văn bản nhà nước nào lại được xã hội đón nhận một cách phấn khởi, xúc động, trang trọng như pháp lệnh này. Và có lẽ cũng chưa bao giờ các ngành chức năng nghiên cứu, hoạch định, triển khai một văn bản pháp quy đầy tinh thần trách nhiệm, thận trọng, khẩn trương và nhạy cảm đến thế!

Chúng ta còn nhớ đầu xuân năm 1994, cuộc gặp mặt thân tình giữa nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta với các cụ ông cụ bà, đại diện cho hàng triệu gia đình có công với cách mạng đã để lại ấn tượng tốt đẹp. Nhiều Mẹ nói lên nỗi niềm xúc động trước sự quan tâm săn sóc của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Các mẹ không quên căn dặn thế hệ kế tiếp hãy cầm lái cho vững con thuyền cách mạng. Bởi trên con thuyền đó trước đây, các Mẹ đã từng góp tay chèo, lướt nhanh đến bến bờ thắng lợi.

Ngày ấy chiến công các Mẹ lặng lẽ, âm thầm, tấm lòng các Mẹ đối với Đảng và cách mạng thật son sắt, kiên trung. Mặc dù sống trong hoàn cảnh bị o ép, kìm kẹp, thậm chí ngày đêm bị địch rình rập trả thù, nhiều Mẹ vẫn như cây tùng cây bách đứng trước phong ba, như ngọn hải đăng giữa biển khơi mịt mùng sóng cả.

Nhà Mẹ Phạm Thị Ngư, quê ở Hàm thuận (Bình thuận) nghèo lắm. Gặp người chồng cũng trong cảnh khốn quẫn, tha phương cầu thực. Nhưng chính Mẹ thấu hiểu cái nghèo là do đâu và Mẹ thấy chỉ có đi theo cách mạng thì mới mong giải thoát được bản thân, giải thoát cho đồng bào mình. Mẹ kiên gan nuôi nấng dạy dỗ những đứa con yêu quý để dành cho đất nước. Trong đêm trường những tháng năm bị địch khủng bố gắt gao được người của Đảng, Mẹ vui như mở cờ trong bụng, Mẹ nhận ngay nhiệm vụ và trước bao con mắt cú vọ của kẻ thù, Mẹ hiên ngang vững bước, nối lại đường dây liên lạc cho cuộc đấu tranh. Thân cây có 7 chồi non đều rụng xuống vì mảnh đất thân thương. Trong đó có anh Bùi Văn Thành, Mẹ quý, Mẹ yêu và gửi gắm nơi anh (tập kết ra Bắc) như gửi gắm một niềm tin sắt đá vào ngày chiến thắng trở về.

Mẹ Nguyễn Thị Diệp (Thủy thanh, Hương thủy, Thừa thiên - Huế) cùng chồng hoạt động và được kết nạp vào Đảng ngay từ năm 1947. Trong gian lao, gia đình Mẹ hiến cả của cải vàng bạc cho cách mạng ; Mẹ ngày đêm tiếp lương cho bộ đội, chăm sóc thương bệnh binh, đào hầm bí mật nuôi giấu cán bộ. Tám người con trai của Mẹ đều theo cách mạng. Người con thứ bảy của Mẹ - anh Ngô Viết Lãm - phải đến lá đơn thứ 5 viết bằng máu, tổ chức mới chấp nhận tuyển anh vào bộ đội. Vậy mà, chỉ còn vài tháng nữa miền Nam hoàn toàn giải phóng, anh vĩnh viễn không về được với Mẹ.

Gia đình Mẹ Trần Thị Mít (Phú hưng, Hải phú, Hải lăng, Quảng trị) là cơ sở hoạt động trong kháng chiến. Chồng Mẹ bị địch bắt giam và vì đòn roi thâm hiểm nên ông không sống nổi. Bao năm tần tảo một mình nuôi 12 mặt con khôn lớn, tóc Mẹ bạc phơ. Mẹ lần lượt tiễn các con lên đường giết giặc. Khi người con thứ 7 ngã xuống, Mẹ không khóc được nữa, chỉ ôm lấy đồng chí của mình căn dặn: "Các anh còn là mẹ mừng và Mẹ tin cách mạng sẽ còn...". Đồng chí bí thư tỉnh ủy Bình trị thiên hỏi Mẹ ngày ấy và đến bây giờ làm sao Mẹ chịu đựng nổi đau thương, Mẹ trả lời: "Thà mất con, còn hơn mất nước!"

Gọn và sắc quá! Đó là câu thề như dao chém đá.

Có một nét chung ở các Mẹ là mặc dù xa xót, đớn đau, tưởng chừng không gượng nổi nhưng các Mẹ vẫn lạc quan, yêu đời, đứng vững bằng nghị lực phi thường, không đòi hỏi, không kể công. Các Mẹ giờ tuổi đã cao, sức yếu nhưng vẫn nêu gương sáng cho cháu con trong sự nghiệp xây dựng đất nước.

Mẹ Nguyễn Thị Bích, 76 tuổi người phố Hạ long, Quảng ninh kể : "Cả đời tôi không uống thuốc. Cả đời tôi không hề cãi cọ với

Digitized by Google

ai!" Thế hệ trẻ chắc nghĩ ngợi nhiều về lời kể mộc mạc và dung dị đó! Chồng Mẹ là cán bộ Việt minh hy sinh khi mẹ mới 23 tuổi; Mẹ chỉ còn một mụn con - anh Nguyễn Quang Hiệp. Thắt lưng buộc bụng, Mẹ ở vậy nuôi con. Anh Hiệp lớn lên nặng nặc đòi đi bộ đội trả thù cho bố, Mẹ rất vui lòng. Năm 1972, đại úy Hiệp dẫn quân vào Nam chiến đấu và mãi mãi từ biệt Mẹ. Nén nỗi đau riêng, Mẹ trả lời khi được bà con hỏi về nguyện vọng của mình : "Đàn bà mà mất chồng mất con thì lẻ loi lắm. Nhưng đất nước mình có hàng vạn hàng triệu bà mẹ mất chồng mất con, đâu chỉ có riêng tôi, xóm giềng khối phố tình nghĩa bù trì cho tôi, tôi chẳng đòi hỏi gì hơn".

Mẹ Vàn Thị Thừa (xã Duy an, Duy xuyên) 79 tuổi, vốn tham gia công tác từ ngày chống Pháp. Thời Mỹ, Mẹ bị địch khủng bố, trả thù. Mẹ cắn răng chịu đòn tra tấn của chúng, không một lời cung khai. Ra tù Mẹ lại lao vào công tác, tiếp tục bám trụ ; Mẹ thường dẫn đầu các cuộc đấu tranh chính trị ; Mẹ tích cực xây dựng làng chiến đấu. Vừa đảm nhận công việc theo dõi tin tức hoạt động của địch, Mẹ vừa trực tiếp tham gia và vận động người khác cùng tham gia lo chạy hàng tấn lương thực, thực phẩm chuyển lên cứ nuôi quân. Chồng Mẹ là cán bộ cốt cán bị địch giết. Bốn người con Mẹ hy sinh. Một thân một mình Mẹ nén chịu nỗi đau, lấy công việc xã hội làm niềm vui, làm lẽ sống. Mẹ góp sức cùng bà con làm thủy lợi, xây các công trình phúc lợi cho quê hương. Hằng tháng Mẹ còn góp gạo vào hũ gạo tiết kiệm giúp đội du kích, giữ gìn bảo vệ xóm thôn.

Cả nước ai chẳng nhớ Mẹ Nguyễn Thị Thứ (Điện tháng, Điện bàn, Quảng nam - Đà nẵng). Mẹ có 9 con, một rể và cháu nội đều là liệt sĩ. Mẹ khăng khăng không chịu nhận ngôi nhà tình nghĩa, nói là để dành cho bà mẹ khác khó khăn hơn. Quanh nhà mẹ nay vẫn còn 8 căn hầm bí mật do chính tay Mẹ cùng chồng lầm lũi đêm đêm đào đắp mới có mái che cho cháu con bám đất, giữ làng. Mẹ tâm sự : "Mỗi lần nghe tin con hy sinh là mỗi lần như xé ruột. Nhưng dù sao, có hy sinh mà giành được mảnh đất ni, tau cũng hả dạ phần nào".

Nghe Mẹ Thứ nói ta mới cắt nghĩa được vì sao Mẹ Nguyễn Thị Vĩnh quê ở Bến lức, Long an có 7 con, một rể và chồng hy sinh, đã thốt lên trong ngày giỗ chung của gia đình (27-7) rằng : "Giờ tau mới cười được thỏa thuê các con ạ". Cầm bức ảnh bà mẹ Phạm Thị Ngư, mẹ của 7 liệt sĩ, nhìn sâu vào mắt Mẹ và nhất là nụ cười của Mẹ, tôi thấm nghĩ điều Mẹ Vĩnh nói là rất thật.

Liệu bút nào kể xiết được chiến công của hàng ngàn, hàng vạn bà mẹ ở khắp ba miền Bắc - Trung - Nam. Từ xã Hưng khánh rẻo cao của huyện Trấn yên (Yên bái) có Mẹ Nguyễn Thị Lạu (dân tộc Tày) đến vùng cao nguyên Di linh (Lâm đồng) có Mẹ Nguyễn Thị Phúc ; rồi vào sâu hơn nữa, Hòn đất (Kiên giang) có Mẹ Phạm Thị Khánh... các Mẹ tựa như đoàn quân trùng điệp trải dài trên con đường trường chinh của dân tộc...

Công lao của các Mẹ lớn lao quá. Vậy mà hỏi đến nguyện vọng, không gặp mà nên, dường như Mẹ nào cũng đều có một mong ước nhỏ nhoi là được ra Thủ đô vào lăng viếng Bác Hồ. Phải chăng đất nước đã sạch bóng thù, lòng các Mẹ thanh thản ; các Mẹ muốn đến thăm lại một con người mà suốt cả cuộc đời tận trung với nước, tận hiếu với dân, không gia đình, không con cái, mãi mãi nằm lại đây trong hơi ấm của quê hương xứ sở. Có lẽ các Mẹ muốn soi bóng mình vào tấm gương vĩ đại đó để bớt lẻ loi, trống vắng, để tiếp tục đứng vững trong những ngày còn lại cùng cháu con ?

Sự thực các Mẹ đâu có cô đơn. Cả nước đang dõi theo các Mẹ. Làng xóm, phố phường đang quây quần bên các Mẹ. Hàng chục năm nay có biết bao nhiêu phong trào đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn. Phong trào "quỹ tình nghĩa", "ngôi nhà tình nghĩa"; "sổ vàng tiết kiệm" "xây cất phần mộ liệt sĩ", "đỡ đầu bố mẹ liệt sĩ"... đều là những phong trào có sức lôi cuốn và tính tự nguyện rất cao.

Theo thống kê của Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam, chỉ riêng năm 1993 các cấp hội đã đỡ đầu 8253 mẹ liệt sĩ ; tặng 5920 sổ tiết kiệm cho các gia đình thương binh, liệt sĩ. Ở Quảng nam - Đà nẵng có 11/16 xã thuộc huyện Đại lộc hiện đang rộn ràng ấm áp hẳn lên bởi một hoạt động nghĩa tình của phong trào "Người đâu hiếu thảo". Ở đây quê hương chọn ra những cô gái ưu tú nhất để các cụ ông cụ bà được quyền lựa những nàng dâu kết nghĩa hợp tính hợp nết, hợp hoàn cảnh với mình. Các xã

Digitized by Google

Đại chánh, Đại hồng, Đại quang, mỗi xã có hàng chục cặp mẹ con thơm thảo hiền thục, sống đảm thắm trọn vẹn, nêu gương cho bao nơi khác.

Bên cạnh "phong trào Trần Quốc Toản", gần đây Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh lại có sáng kiến phát động đợt thi đua kính dâng "tấm áo lụa, tấm chăn ấm cho bà, cho mẹ". Đợt vận động đang cuốn hút hàng triệu thanh thiếu niên hăng say đóng góp vào việc nuôi dưỡng chăm sóc các gia đình liệt sĩ.

Một chi tiết thấm đượm nghĩa tình: Trước khi Mẹ Nguyễn Thị Thứ nhận chiếc ti vi màu của Phó chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình trao tặng, bà có trong tay một tấm bưu thiếp nhận tiền. Số tiền 300 000 đ không biết ai và từ nơi nào gửi đến. Các đồng chí ở Bộ lao động thương binh xã hội cất công tìm hỏi hàng tháng trời mới ra đầu mối người gửi. Đó là Mẹ Vũ Thị Yến - một mẹ liệt sĩ cùng tuổi 90 như Mẹ Thứ (vốn là vợ cố nhà văn Nguyễn Công Hoan).

Vậy là trên thế gian này, sợi dây đồng cảm đã ở ngay những con người cùng chung cảnh ngộ, cùng chung số phận.

Dã đành những sự kiện anh dũng và đau thương của cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại càng lùi xa vào dĩ vãng thì cuốn sử biên niên tập thể ghi chép chiến công thầm lặng của nhân dân, của các Mẹ càng dày thêm, càng dầy đủ hơn. Song để giành lấy một Tổ quốc thống nhất, độc lập, tự do, quả thật danh hiệu nào, sự đền đáp của các thế hệ đi sau có cố gắng bao nhiêu, cũng không thể xứng với sự cống hiến của các Mẹ. Tuy nhiên, pháp lệnh của Nhà nước ta phong tặng và truy tặng các Mẹ lần này mang một ý nghĩa hết sức lớn lao và sâu sắc.

Trước hết, nó là cơ sở pháp lý ghi nhận chính thức sự đóng góp vô giá của hàng vạn bà mẹ ; đó cũng là niềm vinh dự, tự hào đối với các cụ ông, với biết bao gia đình, họ tộc, làng xóm quê hương. Các Mẹ như hiện thân Tổ quốc Việt nam - Tổ quốc tươi đẹp và anh hùng.

Thứ hai, đi kèm với pháp lệnh là những chương trình hành động thiết thực cụ thể, có mục tiêu, có phương thức, phương tiện, tiếp tục thể hiện sự quan tâm chăm sóc của các cấp, các ngành và của toàn xã hội đối với gia đình có công với cách mạng nói chung và đối với các mẹ nói riêng.

Thứ ba, thực hiện pháp lệnh là tiếp tục dấy lên một phong trào và cũng là tiền đề để giữ vững phong trào sâu bền, thể hiện tình cảm gắn bó, đoàn kết đền ơn đáp nghĩa của đồng bào cả nước, cùng nhau hướng tới mục tiêu xây dựng một nước Việt nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, để thỏa lòng ước mong của các Mẹ đã trọn đời hy sinh cho Tổ quốc, cho dân tộc.

Những đặc trưng...

(Tiếp theo trang 28)

Ba là, quân đội ta phải có giác ngộ chính trị cao, quán triệt đường lối nhiệm vụ cách mạng và đường lối quân sự của Đảng, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở để nâng cao sức mạnh chiến đấu về mọi mặt của quân đội. Coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ vừa có bản lĩnh chính trị vững vàng, vừa có kiến thức văn hóa và quân sự. Trên cơ sở đó, không ngừng xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại.

Bốn là, củng cố chặt chẽ mối quan hệ quân dân, thực hiện quân với dân một ý chí. Bộ đội phải coi dân như người thân thiết ruột thịt của mình, phải đoàn kết với dân, tôn trọng, thương yêu, giúp đỡ, bảo vệ dân, học tập nhân dân; đồng thời nêu gương tốt cho dân, vì nhân dân mà chiến đấu, vì nhân dân mà phục vụ.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, với những kinh nghiệm và truyền thống tốt đẹp nửa thế kỷ qua, quân và dân ta nhất định sẽ xây dựng được nền quốc phòng toàn dân hiện đại, xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, hoàn thành mọi nhiệm vụ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

KIÊN GIANG VỚI SỰ NGHIỆP ĐẨY TỚI MỘT BƯỚC CÔNG NGHIỆP HÓA; HIỆN ĐẠI HÓA

NGUYỄN TẤN DŨNG*

TỈNH Kiên giang nằm ở phía tây châu thổ sông Cửu long, dọc theo bờ vịnh Thái-lan và giáp biên giới với tỉnh Cam-pốt, Cam-pu-chia. Diện tích đất tự nhiên gồm 624 300 ha, trong đó có 274 600 ha đất nông nghiệp, 224 550 ha đất lâm nghiệp và có 35 núi đá vôi, đá xây dựng, sỏi đỏ... Vùng biển tây - nam rộng trên 60 000 km^2 là ngư trường truyền thống, đồng thời còn là cửa mở thuận lợi trong giao lưu với các nước Đông- Nam Á, Nam Á và Ấn độ dương. Tỉnh có 12 huyện thị, trong đó có 2 huyện đảo: Phú quốc và Kiên hải với 105 hòn đảo nổi. Điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái gồm cả đồng bằng, biển, đảo, núi, rừng và nguồn tài nguyên phong phú đa dạng về nông, lâm, hải sản, khoáng sản, du lịch... Dân số 1 300 000 người, trong đó 12,1% là đồng bào Khơ-me, 2,9% là đồng bào Hoa.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng ta, nhân dân Kiên giang đã kiên trì phấn đấu, đưa kinh tế - xã hội của tỉnh nhà phát triển lên một bước, tạo ra được cơ sở vật chất và nguồn nhân lực ban đầu để có thể tập trung sức phát triển công nghiệp, công nghệ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

So với lúc mới giải phóng, hiện nay nông nghiệp Kiên giang đã có bước tiến đáng kể, nhất là đối với cây lúa, năng suất tăng lên gấp 2 lần; sản lượng lương thực đạt 1,3 triệu tấn, tăng gấp 3 lần và đạt bình quân 1 000 kg/ người. Về ngư nghiệp, hiện có 6750 tàu (công suất tăng 3,55 lần), nhiều tàu thuyền được trang bị hiện đại, có khả năng hoạt động xa bờ, đã nâng sản lượng đánh bắt hải sản lên 150 000 tấn/năm (tăng 1,7 lần) và tổ chức được gần 7 000 ha nuôi tôm sú. Công nghiệp chế biến nông lâm hải sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp dịch vụ cơ khí sửa chữa, đóng tàu... có bước phát triển và cải tiến công nghệ. Công nghiệp vật liệu xây dựng phát triển mạnh, sản lượng clin-ke đạt 1 200 000 tấn, tăng gấp 6 lần. Sắp đưa nhà máy xi măng có công suất 82 000 tấn/ năm vào hoạt động và đang triển khai liên doanh với nước ngoài xây dựng nhà máy có công suất 1,7 triệu tấn/năm. Bước đầu hình thành khu công nghiệp vật liệu xây dựng ở Kiên lương, Ba hòn, Hòn chông. Kết cấu hạ tầng giao thông, điện, nước, cơ sở giáo dục, y tế, trạm trại kỹ thuật... được tập trung xây dựng và tăng nhiều lần so với lúc mới giải phóng. Mạng lưới điện thoại viễn thông đã được trang bị khá hiện đại đến các xã, kể cả biên giới hải đảo.

Lưu thông hàng hóa tốt hơn, nền kinh tế của tỉnh đã hòa nhập vào thị trường cả nước, đồng thời từng bước mở ra quan hệ quốc tế

* Ủy viên Trung ương Đảng - Bí thư Tỉnh ủy Kiên giang

Digitized by Google

(đến nay đã có giao dịch mua bán với 22 nước trên thế giới). Kim ngạch xuất khẩu có năm đạt trên 60 triệu USD. Trên địa bàn tỉnh có 3 đơn vị liên doanh với nước ngoài đang triển khai hoạt động với số vốn đầu tư trên 261 triệu USD. Thu ngân sách năm 1994 trên 500 tỉ đồng, đạt gần 20% GDP. Tính riêng trong 3 năm 1991-1993 đã đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh là 2 750 tỉ đồng, trong đó 750 tỉ đồng là do nhân dân đầu tư. Các hoạt động dịch vụ ngân hàng, tài chính được mở rộng và phục vụ ngày càng tốt hơn cho phát triển kinh tế.

Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đang phát huy tác dụng. Doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp lại, giữ được vai trò chủ đạo trong các ngành công nghiệp, cung ứng vật tư - kỹ thuật, lưu thông hàng hóa trọng yếu và chiếm tỉ trọng ngày càng tăng trong GDP. Kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển khá nhanh. Các hình thức hợp tác trong nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải, tín dụng... tiếp tục giữ vững và có bước phát triển.

Nhờ có chủ trương và tập trung đầu tư đúng hướng, nền kinh tế của tỉnh đã có bước phát triển khá nhanh và tương đối toàn diện, giá trị tổng sản phẩm xã hội thời kỳ 1991-1993 tăng bình quân mỗi năm là 13,5%. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng ngày càng tăng tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ (năm 1993 công nghiệp chiếm 24,3%, nông nghiệp 34,2%, dịch vụ 41,5% trong GDP). Theo đó cơ cấu lao động cũng có bước chuyển biến tích cực, đội ngũ công nhân và lao động có tính chất công nghiệp ngày càng tăng và có sự trưởng thành cả về kỹ năng, văn hóa và chính trị.

Trên cơ sở kinh tế phát triển, đời sống nhân dân ở cả thành thị, nông thôn từng bước được cải thiện, số hộ khá giả và trung lưu tăng lên, số hộ nghèo đói giảm nhiều so với trước. Bình quân GDP đầu người năm 1994 đạt trên 200 USD. Quyền dân chủ, quyền con người được tôn trọng. Giáo dục, y tế, văn hóa văn nghệ có bước phát triển mới. Học sinh phổ thông tăng 1,7 lần. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật tăng hơn 3,35 lần, riêng y bác sĩ tăng 10,4 lần, đã có hơn 3 bác sĩ trên một vạn dân.

Quốc phòng an ninh được giữ vững và tăng cường. Các cấp ủy đảng, chính quyền được củng cố kiện toàn. Đội ngũ cán bộ có trình độ văn hóa và khoa học kỹ thuật nhiều hơn, tuổi đời trẻ hơn, tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng và đã thích ứng dần với cơ chế mới.

Bên cạnh những thành tựu, Kiên giang cũng còn nhiều tồn tại yếu kém, cần phải tập trung sức khắc phục. Kết cấu hạ tầng tuy được xây dựng nhiều hơn nhưng vẫn còn trong tình trạng thấp kém, lạc hậu. Công nghiệp có bước phát triển mới nhưng chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu, cơ cấu còn chưa đồng bộ, quy mô nhỏ và gắn chưa chặt với sản xuất nông, ngư nghiệp. Khoa học, công nghệ vẫn còn lạc hậu, nhất là trong sản xuất và chế biến nông lâm hải sản. Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân lành nghề còn thiếu, yếu, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

*

Từ những đặc điểm và thực trạng tình hình địa phương, mục tiêu chủ yếu của chương trình hành động của tỉnh Kiên giang nhằm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành trung ương Đảng về "Phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới" như sau :

Digitized by Google

- Từ nay đến năm 2000, tập trung sức đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phấn đấu vượt qua tình trạng lạc hậu về công nghiệp chế biến và đưa công nghệ sinh học tiên tiến vào sản xuất nông, ngư nghiệp. Huy động mọi nguồn vốn đầu tư để xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ thiết thực cho yêu cầu phát triển và khai thác có hiệu quả các tiềm năng. Hình thành khu công nghiệp vật liệu xây dựng ở Kiên lương, Ba hòn, Hòn chông và khu công nghiệp chế biến ở Rạch giá - Rạch sỏi - Tác cậu. Phấn đấu để GDP tăng 2,4 lần so năm 1990, trong đó công nghiệp tăng 13,7% hằng năm và chiếm tỉ trọng 28,1% trong GDP.

- Đi đôi với phát triển kinh tế, thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường sinh thái, từng bước xây dựng quan hệ sản xuất tiến bộ và phù hợp, nâng cao mức sống của nhân dân, giảm hộ nghèo đến mức thấp nhất , không còn hộ đói; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu nói trên, Kiên giang cố gắng thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau:

1- Tập trung đầu tư đổi mới công nghệ và phát triển công nghiệp chế biến nông, hải sản, công nghiệp vật liệu xây dựng và sản xuất hàng tiêu dùng, gắn với đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu.

Trước hết, huy động nhiều nguồn vốn để đầu tư đổi mới công nghệ hiện đại cho các nhà máy chế biến hải sản và xây dựng một số cơ sở lau bóng gạo xuất khẩu, bảo đảm yêu cầu xuất khẩu 100 000 tấn/năm. Tìm đối tác đầu tư khôi phục nhà máy cá hộp, chế biến dứa, nâng cấp cơ sở chế biến bột cá. Tăng cường trang thiết bị cho Nhà máy cơ khí 30-4, Xưởng sửa chữa, đóng tàu An hòa, nhằm phục vụ tốt sản xuất nông, ngư nghiệp và có phương án kết hợp với quốc phòng. Nghiên cứu thị trường và điều kiện sinh thái tự nhiên để đầu tư thêm cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với xây dựng vùng nguyên liệu. Lựa chọn, cho đầu tư mới những cơ sở chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng có công nghệ tiên tiến, sản phẩm có chất lượng cao.

Tìm nguồn vốn đầu tư xây dựng nhà máy đường, đi đôi với phát triển diện tích trồng mía có năng suất cao. Đẩy mạnh tiến độ trồng 60 000 ha cây nguyên liệu giấy gắn với xây dựng nhà máy bột giấy. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư chăn nuôi và chế biến thịt heo, gà, vịt... Tiếp tục chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, tạo ra lượng nông sản hàng hóa đa dạng, có giá trị kinh tế cao và là nguồn nguyên liệu cho chế biến. Tạo điều kiện cho nông dân mua sắm máy nông nghiệp, xây dựng cơ sở chế biến, phát triển các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống nông thôn. Khuyến khích ngư dân mua sắm tàu thuyền có công suất lớn, có thể đánh bắt xa bờ, song song với triển khai mạnh việc nuôi trồng hải sản theo hướng thâm canh ở ven biển, phấn đấu đến năm 2000 đạt sản lượng 200 000 tấn hải sản/năm.

Đẩy mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng, gồm sản xuất vôi, đá xây dựng, đá trang trí, sỏi đỏ, bê tông đúc sẵn... trước hết là sản xuất xi măng, phấn đấu đến năm 2000 đạt sản lượng 3-3,5 triệu tấn/năm. Trên cơ sở dự án được duyệt, tìm nguồn vốn đầu tư xây dựng nhà máy bao bì phục vụ cho sản xuất xi măng và các mặt hàng nông, hải sản.

Công nghiệp hàng tiêu dùng hiện có chủ yếu là sản xuất hàng thông dụng như dệt, dồ nhựa, nước đá, nước giải khát, đồ mộc... và một số ngành nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống, khuyến khích các chủ doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới vào sản xuất để sản phẩm có chất lượng và sức cạnh tranh.

2- Đẩy mạnh phát triển khoa học - công nghệ, ưu tiên đưa công nghệ sinh học tiên tiến vào sản xuất nông, ngư nghiệp.

Digitized by Google

Từ nay đến năm 2000, nhiệm vụ trọng tâm của việc phát triển khoa học - công nghệ là đưa công nghệ sinh học tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy, hải sản, nhằm đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu sản xuất, đem lại hiệu quả cao. Chủ yếu nhằm vào các khâu chọn giống, chăm sóc và bảo vệ cây trồng, vật nuôi. Tập trung chỉ đạo phát triển công tác khuyến nông, khuyến ngư đến tận cơ sở, xây dựng các trạm trại dịch vụ kỹ thuật, trước hết là nhân giống lúa, mía, cây ăn trái, hoa màu, giống heo, gà, vịt, tôm, cá... Cùng với công tác trên là tiến hành quy hoạch các vùng chuyên canh lúa đạc sản xuất khẩu, cây công nghiệp, cây ăn trái, hoa màu.

Chú trọng xây dựng và nâng cấp mạng lưới các dịch vụ công nghệ (đo lường, tiêu chuẩn, kiểm tra chất lượng, thông tin và thẩm định công nghệ). Đưa công nghệ tin học vào quản lý. Nghiên cứu ứng dụng khoa học vào các lĩnh vực. Đồng thời, đẩy mạnh đào tạo và có chính sách tập hợp, khuyến khích sử dụng tốt nguồn nhân lực hiện có cho phát triển khoa học - công nghệ.

3 - Tiết kiệm tiêu dùng, huy động mọi nguồn vốn xây dựng kết cấu hạ tầng.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đang là khâu yếu cản trở sự phát triển của Kiên giang. Do đó, việc tiết kiệm tiêu dùng, tập trung mọi nguồn vốn để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng là một nội dung và cũng là một biện pháp chủ yếu để đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà. Ưu tiên trước hết là giao thông, thủy lợi, điện, nước, trường học và cơ sở y tế. Phấn đấu hoàn thành nâng cấp quốc lộ 80 đến Hà tiên ; rải nhựa các trục lộ từ Rạch giá đến các huyện, trục lộ chính của đảo Phú quốc ; nâng cấp các lộ liên tỉnh Rạch giá - Vị thanh, Rạch giá - Cà mau, Hà tiên - Châu đốc, triển khai xây dựng đường Giồng riềng - Vị thanh ; xây dựng giao thông nông thôn bảo đảm xe 2 bánh đi lại được quanh năm.

Hoàn chỉnh quy hoạch thủy lợi, bảo đảm yêu cầu dẫn ngọt, rửa chua, chống lũ, ngăn mặn, bảo vệ môi trường và đáp ứng nhu cầu thâm canh, tăng vụ lúa ổn định, phấn đấu đến năm 2000 đạt sản lượng lương thực trên 1,5 triệu tấn. Kéo lưới điện quốc gia đến các xã, các trung tâm dân cư và các cụm kinh tế kỹ thuật trong tỉnh; bảo đảm 70% hộ dân được sử dụng điện và phần lớn diện tích lúa tăng vụ được tưới nước bằng bơm điện. Phát triển máy phát điện độc lập ở các đảo đông dân và nghiên cứu sử dụng năng lượng gió, mặt trời... Tiếp tục nâng cấp và hiện đại hóa thông tin liên lạc, phát triển hệ thống thông tin trên biển và điện thoại di động. Bảo đảm nước sạch cho công nghiệp và đời sống. Có hệ thống bệnh viện, trạm xá đáp ứng được yêu cầu trong khám và điều trị bệnh. Từng bước nâng cấp, xây dựng và hiện đại hóa hệ thống phát thanh truyền hình, cơ sở văn hóa thể dục thể thao.

4 - Quy hoạch xây dựng thị xã, thị trấn và các cụm kinh tế- kỹ thuật gắn với xây dựng nông thôn mới, phù hợp với định hướng chung của tỉnh và điều kiện đặc thù của từng địa bàn.

Trước mắt, Kiên giang tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội để xây dựng trung tâm mỗi xã thành một cụm kinh tế - kỹ thuật gắn với việc phân định lại từng bước địa giới hành chính các xã cho phù hợp. Quy hoạch và từng bước xây dựng thị xã Rạch giá thành thành phố cấp II, thị trấn Hà tiên thành thị xã cấp III, xây dựng thị trấn các huyện thành trung tâm kinh tế - văn hóa của huyện. Bổ sung quy hoạch và đẩy nhanh phát triển khu công nghiệp vật liệu xây dựng ở Kiên lương - Ba hòn - Hòn chông và khu công nghiệp chế biến ở Rạch giá - Rạch sỏi- Tắc cậu gắn với việc xây dựng cảng Tắc cậu.

Digitized by Google

Xúc tiến việc kêu gọi đầu tư xây dựng Phú quốc thành khu kinh tế mở. Triển khai nhanh và có hiệu quả dự án phát triển kinh tế biển và đảo theo các chương trình của trung ương.

Bổ sung quy hoạch, phát triển mạnh dịch vụ và du lịch, chủ yếu ở thị xã Rạch giá, Hà tiên, Hòn chông, Hòn đất, U minh, Phú quốc và các cụm đảo. Phát triển và từng bước hiện đại hóa các dịch vụ thông tin, thương mại, tài chính, ngân hàng... để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

5 - Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp và đổi mới công nghệ.

Tiếp tục sắp xếp chấn chỉnh các doanh nghiệp nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần. Từng bước hình thành một số doanh nghiệp đủ mạnh trên lĩnh vực vật liệu xây dựng, hải sản và nông sản. Tìm kiếm và mở rộng thêm thị trường tiêu thụ hàng nông, hải sản, phấn đấu mỗi năm xuất khẩu đạt 100 triệu USD trở lên. Tiếp tục phát triển các loại hình kinh tế hợp tác trên các lĩnh vực. Kêu gọi hợp tác đầu tư với nhiều hình thức để khai thác nhanh các tiềm năng, thế mạnh. Khuyến khích mọi công dân đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh theo pháp luật.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện tốt chính sách miễn giảm thuế theo chủ trương chung của trung ương. Ra sức khắc phục quan liêu, phiền hà, tham nhũng, đi đôi với tăng cường quản lý nhà nước để bảo đảm môi trường kinh doanh ổn định, cạnh tranh bình đẳng và lành mạnh.

6 - Tăng cường đào tạo bồi dưỡng cán bộ, phát triển nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tỉnh Kiên giang sẽ làm hết sức mình cho việc bồi dưỡng nhân lực, nâng cao dân trí và đào tạo nhân tài. Trước mắt, tỉnh sẽ đánh giá lại nguồn nhân lực để sử dụng hợp lý, tạo điều kiện cho người lao động, nhất là người được đào tạo tìm được việc làm phù hợp và có thu nhập xứng đáng. Phát huy mạnh mẽ sức sáng tạo của đội ngũ trí thức.

Phấn đấu đến năm 2000, chuẩn hóa về cơ bản đội ngũ cán bộ của tỉnh. Bảo đảm có đủ giáo viên đã được chuẩn hóa ở các cấp phổ thông. Nâng cao chất lượng dạy và học ; thực hiện tốt chủ trương cải cách giáo dục, phổ cập tiểu học ; bảo đảm hơn 90% số trẻ em từ 6 đến 10 tuổi được đến trường; cơ bản xóa mù chữ ở lứa tuổi 15-35. Có đủ trường lớp với 90% phòng học được xây dựng kiên cố và bán kiên cố.

Khuyến khích học bổ túc văn hóa, ngoại ngữ, tin học, và một số ngành nghề bức thiết khác. Hỗ trợ học phí cho học sinh theo học những ngành nghề có yêu cầu. Tạo điều kiện để tăng nhanh tỉ lệ học sinh thi đậu vào các trường đại học. Xây dựng và mở rộng các trường chính trị, trường quân sự địa phương, trường cao đẳng sư phạm (đào tạo giáo viên cấp I và II), trường công nhân kỹ thuật, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm hướng nghiệp... để đáp ứng yêu cầu đào tạo cán bộ của tỉnh.

Cùng với phát triển công nghiệp, từng bước giải quyết việc làm cho người lao động và thường xuyên chăm lo xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, thật sự giác ngộ về giai cấp, có trình độ học vấn và tay nghề cao, làm chủ được công nghệ tiên tiến. Chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của công nhân, lao động. Xây dựng giai cấp công nhân thật sự là nòng cốt trong khối liên minh công - nông - tri thức và là chỗ dựa tin cậy của Đảng.

Digitized by Google

Nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước

VŨ LÂN

ĐẾN cuối năm 1989, cả nước ta có cả thảy 12 089 doanh nghiệp nhà nước. Sau khi thực hiện việc đăng ký lại theo Nghị định 388/HĐBT ngày 20-11-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), cả nước đến ngày 1-6-1993 chỉ còn 7 060 đơn vị. Trong số đơn vị này, có khoảng 30% đứng vững và phát triển, 50% tồn tại cầm chừng, khoảng 20% vẫn tiếp tục thua lỗ, hay tồn tại một cách hình thức. Nhìn chung, doanh nghiệp nhà nước hiện nay còn những hạn chế như : phần lớn sản xuất kinh doanh còn thua lỗ; chưa có sự phân định rạch ròi giữa quản lý nhà nước với quản lý sản xuất, kinh doanh ; chưa tạo được động lực mạnh mẽ để khuyến khích cán bộ quản lý và người lao động ; bộ máy còn cồng kềnh kém hiệu quả... Thêm vào đó, các công cụ quản lý của nhà nước như chính sách kinh tế, pháp luật, lại chưa được xây dựng đồng bộ, chưa được thực hiện nghiêm túc, còn có những kẽ hở...

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà nước ta chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của nhà nước. Một vấn đề có tính nguyên tắc là các doanh nghiệp nhà nước phải từng bước đảm đương vai trò chủ đạo bằng việc nắm những ngành then chốt, những lĩnh vực chủ yếu trong nền kinh tế quốc dân. Với các ưu thế về trang thiết bị, công nghệ, con người... doanh nghiệp nhà nước cần và có thể giữ vị trí nòng cốt, hướng dẫn, chi phối các thành phần kinh tế khác hoạt động có hiệu quả, lành mạnh và đúng hướng. Thực tế ở nhiều địa bàn, trên nhiều lĩnh vực, doanh nghiệp nhà nước đã và đang đóng vai trò "bà đỡ" cho các thành phần kinh tế mới ra đời và phát triển.

Nhìn ra thế giới, ta thấy ở nhiều nước doanh nghiệp nhà nước tồn tại và phát triển như một tất yếu. Tình trạng làm ăn kém hiệu quả, thậm chí có khi thua lỗ của một số doanh nghiệp nhà nước trên một số lĩnh vực ở các quốc gia đó cũng là điều hiểu được. Bởi vì doanh nghiệp nhà nước bao giờ cũng nằm ở những ngành, lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác không có điều kiện, khả năng đầu tư hoặc không muốn đầu tư. Đó là những ngành, lĩnh vực liên quan nhiều và trực tiếp đến quảng đại quần chúng; những ngành, lĩnh vực siêu ngạch, quy mô lớn, lợi nhuận cao, nhanh chóng sinh lợi ; những ngành, lĩnh vực thiết yếu cho quốc kế, dân sinh...

*

Do vị trí then chốt và vai trò chủ đạo của nó, doanh nghiệp nhà nước rất cần có sự lãnh đạo của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là tổ chức cơ sở đảng ở doanh nghiệp, có ý nghĩa quyết định bảo đảm định hướng phát triển đúng đắn của các doanh nghiệp và nâng cao chất lượng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nghị quyết 3 của Trung ương đã xác định một trong những trọng điểm chỉ đạo đổi mới, chỉnh đốn đảng, là các tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước.

Digitized by Google

Sau hơn hai năm thực hiện Nghị quyết 3 của Trung ương và Quy định 49/QĐTW của Ban bí thư Trung ương Đảng, tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước đã có những chuyển biến tích cực về nhiều mặt. Tuy nhiên, đi sâu vào tổ chức cơ sở đảng ở các doanh nghiệp nhà nước vẫn thấy còn không ít mặt yếu kém, không ít vấn đề vướng mắc cần được giải quyết. Nhiều cấp ủy, bí thư vẫn lúng túng, chưa xác định được rõ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng. Mâu thuẫn hàng đầu mà tổ chức cơ sở đảng ở các doanh nghiệp nhà nước hiện nay phải giải quyết vẫn là mâu thuẫn giữa yêu cầu định hướng, lãnh đạo sản xuất kinh doanh sao cho có hiệu quả ngày càng cao với trình độ, năng lực có hạn, sự lúng túng trong phương thức lãnh đạo của cấp ủy. Vẫn còn hiện tượng tổ chức cơ sở đảng không tìm được chỗ đứng vững chắc trong doanh nghiệp, và vẫn bị coi là tổ chức "ăn theo".. Bí thư đảng ủy ở nhiều doanh nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, chưa tương xứng với giám đốc về nhiều mặt, thậm chí có bí thư chỉ tồn tại một cách hình thức hoặc làm "phông" cho giám đốc. Hoạt động, sinh hoạt của tổ chức cơ sở đảng ở nhiều doanh nghiệp thường dừng lại ở những vấn đề đảng vụ, chưa gắn bó chặt chẽ với nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh. Vai trò giám sát, kiểm tra của tổ chức đảng nhiều khi bị lãng quên, hoặc tổ chức đảng không có khả năng kiểm tra, quản lý các hoạt động của thủ trưởng doanh nghiệp. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chưa được coi trọng hoặc bị buông lơi.

Tuy có một số chuyển biến tích cực, nhưng công tác tổ chức cán bộ ở nhiều doanh nghiệp còn lúng túng, chưa xây dựng được chức danh cho cán bộ chủ chốt, chưa có quy hoạch, kế hoạch chuẩn bị, đào tạo cán bộ cho tương lai. Ở một số nơi, tổ chức cơ sở đảng không quản lý được đội ngũ cán bộ, đảng viên. Việc phát triển đảng vẫn còn nhiều hạn chế, thường diễn ra theo "mùa", và đối tượng chủ yếu vẫn là cán bộ các phòng, ban lao động gián tiếp. Một hiện tượng đáng chú ý là nhiều cán bộ không muốn tham gia công tác đảng, công tác đoàn thể, chỉ muốn làm công tác chuyên môn thuần tuý. Phấn đông những đồng chí được bầu vào cấp ủy, làm bí thư kém phấn khởi, hào hứng trong công tác. Chế độ, chính sách, tiền lương cho những người tham gia công tác đảng chưa thỏa đáng, chưa hợp lý, thiếu quy chế thống nhất, rõ ràng. Kinh phí hoạt động của tổ chức cơ sở đảng không đáng kể, nếu không muốn nói là không có gì và phần lớn phải "đi xin" giám đốc theo cơ chế "thiện chí" giữa giám đốc và bí thư đảng ủy.

Thực tế nhiều năm qua cho thấy, muốn nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước, chúng ta phải tiến hành nhiều biện pháp đồng bộ, trong đó có những giải pháp chủ yếu sau đây :

1 - Nắm vững chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng

Trong điều kiện phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, đổi mới cơ chế quản lý, các tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước càng phải nắm chắc vai trò là hạt nhân lãnh đạo chính trị ở đơn vị, giữ vững định hướng chính trị trong toàn bộ các hoạt động sản xuất, kinh doanh ; lãnh đạo việc cụ thể hóa các mục tiêu, phương hướng, kế hoạch sản xuất, kinh doanh ; tôn trọng và phát huy vai trò của ban giám đốc ; giáo dục, lãnh đạo, động viên đảng viên, quần chúng tham gia tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội đã được thông qua.

Căn cứ vào Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của Đảng và Nhà nước ta, căn cứ vào nhiệm vụ của ngành và điều kiện cụ thể của doanh nghiệp, ban thường vụ đảng ủy có trách nhiệm cùng với giám đốc đề xuất phương hướng sản xuất, kinh doanh để đảng bộ thảo luận, ra nghị quyết về mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu, quy hoạch, đầu tư phát triển của doanh nghiệp. Mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của doanh nghiệp nhằm vào những vấn đề sản xuất, kinh doanh, bảo đảm và phát triển vốn, bảo đảm an ninh, đời sống của cán bộ, công nhân, nghĩa vụ đối với nhà nước, v.v..

Các tổ chức cơ sở đảng có nhiệm vụ thực hiện đúng chức năng kiểm tra bằng những biện pháp thích hợp : trực tiếp kiểm tra ; kết

Digitized by Google

hợp sự kiểm tra của đảng với kiểm tra của quần chúng ; nghe cơ quan cấp trên và thủ trưởng doanh nghiệp báo cáo về kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kết quả thực hiện, về chấp hành chính sách và pháp luật nhà nước, về áp dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, về ký kết các hợp đồng và các khoản đầu tư lớn, về xây dựng và thực hiện quy chế, về phân phối thu nhập và chính sách xã hội của đơn vị, v.v.. Việc thực hiện đúng đắn và thường xuyên chức năng kiểm tra của tổ chức cơ sở đảng là nhằm nâng cao và phát huy tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của giám đốc, đồng thời nhằm phát huy trí tuệ, kinh nghiệm của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những việc làm trái nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, khắc phục ngay những biểu hiện tiêu cực. Tất nhiên, muốn làm tốt việc lãnh đạo, kiểm tra, tổ chức cơ sở đảng phải có những cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất, năng lực, nghiệp vụ cho công việc, không thể lãnh đạo, kiểm tra một cách chung chung.

2 - Kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt

Theo quy định chung, cấp ủy đảng phải trực tiếp quản lý, lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ. Cụ thể là :

- Đảng ủy lãnh đạo việc xây dựng tiêu chuẩn cán bộ, các chức danh chủ chốt của doanh nghiệp ; lãnh đạo việc xây dựng quy hoạch, lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo nguyên tắc dân chủ, công khai, công bằng và theo các bước : dự kiến, thăm dò ý kiến, quyết định, v.v.. Hàng năm tiến hành rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ.

- Duy trì và thực hiện chế độ đánh giá, nhận xét cán bộ. Trên cơ sở đó, đảng ủy quyết định việc bổ nhiệm, điều chuyển, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo chủ chốt thuộc diện mình quản lý. Ban thường vụ đảng ủy cùng thủ trưởng doanh nghiệp xem xét, quyết định việc khen thưởng, kỷ luật, nâng lương, cử đi học tập, công tác ở nước ngoài, về chính sách xã hội và đãi ngộ với cán bộ.

- Đảng ủy lãnh đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ đương chức và dự bị trên cơ sở quy định rõ trách nhiệm : đảng ủy bồi dưỡng về lý luận, chính trị cho cán bộ và về nghiệp vụ công tác đảng ; chính quyền bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn, công tác quản lý doanh nghiệp, nâng cao tay nghề ; các đoàn thể quần chúng bồi dưỡng về công tác công đoàn, đoàn thanh niên, v.v.. Đảng ủy thống nhất lãnh đạo nội dung và đối tượng được bồi dưỡng.

- Trong điều kiện Đảng cầm quyền hoạt động trong cơ chế thị trường, mở cửa, bên cạnh việc bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực, kiến thức các mặt của đội ngũ cán bộ, cần đặc biệt quan tâm giáo dục, rèn luyện họ về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, ý thức sâu sát, gần bó, tôn trọng quần chúng, thực hiện tốt chế độ dân chủ, công khai, công bằng. Cũng cần có chế độ, chính sách thỏa đáng về vật chất và tinh thần đối với đội ngũ cán bộ này, nhất là đối với những người làm công tác đảng, đoàn thể.

3 - Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

Để làm tốt việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong các doanh nghiệp nhà nước, điều cơ bản trước tiên là phải xác định rõ tiêu chuẩn, yêu cầu đối với mỗi đảng viên ở đây. Phải xác định dù hoạt động ở lĩnh vực nào, trên cương vị nào, người đảng viên cũng khác với người ngoài đảng. Khác ở sự giác ngộ lý tưởng xã hội chủ nghĩa, ở tinh thần hy sinh, sự gương mẫu, ở trình độ và năng lực lãnh đạo chính trị, đi đầu trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, ở việc làm tốt công tác vận động quần chúng, là tấm gương cho quần chúng noi theo. Người đảng viên còn phải có tinh thần sáng tạo, say mê học tập, nghiên cứu, phát huy sáng kiến, lao động sản xuất, tạo ra hiệu quả, năng suất lao động cao. Trong tình hình hiện nay, vai trò đi đầu trong sản xuất, kinh doanh của từng tổ chức cơ sở đảng, của từng đảng viên chẳng những có tác dụng lôi cuốn mọi người, mà còn góp phần làm cho Đảng mạnh hơn, uy tín, thanh danh của Đảng được củng cố, nâng cao. Tiêu chuẩn, thước đo chất lượng của tổ

Digitized by Google

chức cơ sở đảng, của từng đảng viên, trước hết phải nhìn ở hiệu quả sản xuất, kinh doanh; "đảng viên nào và chi bộ nào sản xuất và lãnh đạo sản xuất tốt, tức là đảng viên và chi bộ ấy tốt. Nếu sản xuất và lãnh đạo sản xuất không tốt, tức là đảng viên và chi bộ ấy kém"[1].

Làm tốt việc kết nạp những người ưu tú, tiên tiến vào đảng, đồng thời đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi đảng. Các doanh nghiệp nhà nước là nơi tập trung đông đảo đội ngũ công nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, cán bộ quản lý; là nơi nắm giữ tài sản rất lớn của Đảng và Nhà nước ta. Bởi vậy, hơn ở đâu hết, các tổ chức cơ sở đảng cần đẩy mạnh công tác phát triển đảng, kết nạp những người thật sự đủ tiêu chuẩn vào Đảng. Công tác phát triển đảng cần chú ý gắn với công tác tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo cán bộ ở những khâu then chốt...

4 - Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt của tổ chức cơ sở đảng

Việc duy trì chế độ sinh hoạt đều đặn, nền nếp là một điều kiện để phát huy trí tuệ của tập thể trong việc thảo luận, quán triệt, vận dụng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ; thực hiện nguyên tắc phê bình và tự phê bình ; rèn luyện và quản lý đảng viên; phát huy vai trò kiểm tra của tổ chức cơ sở đảng, v.v.. Nội dung sinh hoạt phải cụ thể, thiết thực, như : thảo luận những vấn đề về đường lối, chính sách liên quan đến sự phát triển của doanh nghiệp ; về nhiệm vụ, phương hướng, kế hoạch thực hiện cùng những vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Thực tế cho thấy, những cơ sở đảng vững mạnh, lãnh đạo sản xuất, kinh doanh tốt thường là những đơn vị có quy chế hoạt động, có nền nếp sinh hoạt đều đặn, nội dung sinh hoạt thiết thực. Ở nhiều nơi, tổ chức cơ sở đảng (đảng ủy, chi bộ) sinh hoạt mỗi tháng một lần. Ban thường vụ sinh hoạt mỗi tháng 2 lần. Mỗi quý, bí thư đảng ủy họp với các chi ủy một lần để nghe phản ánh các mặt công tác của đơn vị và tham gia ý kiến vào các nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị. Hàng tháng, giám đốc báo cáo với đảng ủy (hoặc ban thường vụ) về tình hình thực hiện các nhiệm vụ và nhiệm vụ sắp tới ; bí thư đảng ủy thông báo với giám đốc về chủ trương của cấp ủy cấp trên và những ý kiến của cán bộ, đảng viên, quần chúng về những vấn đề có liên quan đến mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp. Đảng ủy định kỳ báo cáo với đảng ủy cấp trên về tình hình hoạt động của đảng bộ, kiến nghị, nhận những thông tin, chỉ thị của ban cán sự đảng và các vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh tế - kỹ thuật, xã hội chuyên ngành...

Duy trì tốt chế độ sinh hoạt và hoạt động, tổ chức cơ sở đảng sẽ thật sự là hạt nhân lãnh đạo chính trị trong các doanh nghiệp, vai trò của tổ chức cơ sở đảng sẽ ngày một nâng cao, khắc phục và phát hiện kịp thời những tiêu cực, sai sót.

5 - Bố trí đúng người vào hai chức danh chủ chốt : bí thư đảng ủy và giám đốc

Bí thư đảng ủy và giám đốc là hai vị trí rất quan trọng, có tính quyết định trong việc lãnh đạo, điều hành doanh nghiệp, làm cho doanh nghiệp đứng vững, phát triển, hay thua lỗ, phá sản. Muốn bố trí đúng hai chức danh này, cần làm tốt công tác tạo nguồn, đào tạo, chuẩn bị và xác định rõ tiêu chuẩn, yêu cầu của từng chức danh, tránh tình trạng "chọn nhầm" bí thư và không "ngang tầm" giữa bí thư với giám đốc. Trong thực tế các doanh nghiệp nhà nước hiện nay có 5 mô hình bí thư đảng ủy : *một là*, bí thư chuyên trách (trước đó đã hoặc chưa qua chức vụ lãnh đạo chuyên môn) ; *hai là*, giám đốc (hoặc tổng giám đốc) làm bí thư ; *ba là*, phó giám đốc (hoặc phó tổng giám đốc) làm bí thư ; *bốn là*, trưởng phòng hoặc quản đốc làm bí thư ; *năm là*, đảng viên không có chức vụ trong chuyên môn làm bí thư. Có nhiều ý kiến khác nhau về hiệu quả của từng mô hình và cũng rất khó so sánh, đánh giá ưu điểm và hạn chế của từng mô hình, nhưng mô hình *phổ biến nhất* hiện nay là mô hình *thứ hai* và *thứ ba*.

(Xem tiếp trang 53)

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t8, tr 619

Digitized by Google

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

BÙI NGỌC CHƯỞNG *

TRÊN một số sách báo đang lưu hành, có những trang viết về kinh tế thị trường và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng nhận thức về các phạm trù này còn có những khác biệt. Chẳng hạn, tác giả Trịnh Dân viết : "Lý luận kinh tế học của Mỹ giải thích rằng kinh tế thị trường là một phương thức tổ chức kinh tế trong đó cung cầu quyết định mọi vấn đề liên quan đến sản xuất hàng hóa...Kinh tế thị trường là hình thức vận hành của nền kinh tế và cũng là phương pháp quản lý nền kinh tế" (1). Paul A. Samuelson, một tác giả Mỹ có nói đến kinh tế thị trường nhưng không định nghĩa phạm trù đó, mà lại định nghĩa phạm trù thị trường và cơ chế thị trường (vì ông đồng nhất kinh tế thị trường với cơ chế thị trường và đồng nhất cơ chế thị trường với chủ nghĩa tư bản). Ông viết: "Theo nghĩa đen, *thị trường* là nơi mua bán hàng hóa"...và "*thị trường là một quá trình trong đó người mua và người bán một thứ hàng tác động qua lại nhau để xác định giá cả và số lượng hàng*" (2). Còn **cơ chế thị trường** (hay còn gọi là kinh doanh tư nhân hoặc chủ nghĩa tư bản có sở hữu tư nhân cạnh tranh - B.N.C) **là một hình thức tổ chức kinh tế trong đó cá nhân người tiêu dùng và các nhà kinh doanh tác động lẫn nhau qua thị trường để xác định ba vấn đề trung tâm của tổ chức kinh tế**"(3)...David Begg, nhà kinh tế học Anh, không đề cập phạm trù kinh tế thị trường mà chỉ nói đến phạm trù thị trường. Theo ông "**thị trường** *là sự biểu hiện thu gọn của quá trình mà thông qua đó các quyết định của các gia đình về tiêu dùng các mặt hàng nào, các quyết định của các công ty về sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và các quyết định của người công nhân về việc làm bao lâu, cho ai đều được dung hòa bằng sự điều chỉnh giá cả*"(4).

Phải nói rằng, việc vận dụng các phạm trù kinh tế nói trên của nhiều tác giả chưa rõ ràng và những định nghĩa về các phạm trù đó của P.A. Samuelson cũng như của David Begg chỉ là khái quát các biểu hiện bề ngoài của hiện tượng kinh tế chứ không vạch ra được bản chất bên trong của các hiện tượng đó. *Thị trường* đúng là lĩnh vực của sự trao đổi hàng hóa, nhưng về chiều sâu, là một trong những hình thức vật chất biểu hiện quan hệ sản xuất của những người sản xuất và trao đổi hàng hóa, hay lĩnh vực vật chất chuyển tải quan hệ sản xuất của những người sản xuất hàng hóa. *Thị trường* chính là nơi mà các quan hệ xã hội giữa những con người, giữa các giai cấp xã hội (trong xã hội có giai cấp) biểu hiện dưới hình thức xuyên tạc những quan hệ xã hội giữa các vật. Là hình thức biểu hiện quan hệ sản xuất nên thị trường mang bản chất xã hội - kinh tế (tính chất giai cấp trong xã hội có giai cấp) khác nhau, phụ thuộc vào tính chất của quan hệ sản xuất, trước hết là vào chế độ sở hữu trên đó nó tồn tại.

Nền kinh tế dựa vào thị trường để vận động, phát triển là nền kinh tế thị trường (cách nói khác của kinh tế hàng hóa). Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin không sử dụng phạm trù kinh tế thị trường. Ăng-ghen dùng phạm trù "*kinh tế tiền tệ*" để đối lập

* Giáo sư, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) *Tạp chí Cộng sản*, số 3-1994, tr 26

(2) Paul A. Samuelson : *Kinh tế học*, Nxb Quan hệ quốc tế, Bộ ngoại giao, Hà nội, 1989, tl, tr 53

(3) Paul A. Samuelson: *Sđd*, tr 51

(4) David Begg : *Kinh tế học*, Nxb Giáo dục, Hà nội, 1992, tl, tr 11

Digitized by Google

lại với "*kinh tế tự nhiên*". Ông viết : "...Chính từ đó mà nền kinh tế tiền tệ, đang phát triển, đã thâm nhập, giống như một chất a-xít ăn mòn, vào phương thức sinh hoạt cổ truyền của các cộng đồng nông thôn, dựa trên cơ sở nền kinh tế tự nhiên "[5]. Lê-nin cũng sử dụng phạm trù kinh tế tiền tệ để nói về một trong hai đặc trưng cơ bản của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa[6]. Vậy phải chăng có thể coi kinh tế thị trường cũng là kinh tế tiền tệ và có thể định nghĩa : kinh tế thị trường hay kinh tế tiền tệ là một phương thức kinh tế (un mode de l'économie) đối lập với kinh tế tự nhiên, trong đó các sản phẩm xã hội được thực hiện dưới hình thức hàng hóa thông qua lĩnh vực trao đổi bằng trung gian của tiền tệ. Định nghĩa này muốn nói lên rằng kinh tế thị trường là một hệ thống kinh tế (système économique) hay một chế độ kinh tế (régime économique) hình thành tất yếu trên một lực lượng sản xuất và một quan hệ sản xuất nhất định. Kinh tế thị trường do đó không phải là một kiểu tổ chức kinh tế mà con người bằng chủ quan của mình tổ chức ra, ngược lại, nó hình thành một cách tự nhiên do một trình độ phát triển nhất định của nền sản xuất xã hội.

Kinh tế thị trường, về mặt lịch sử, xuất hiện như là mầm mống, manh nha trong giai đoạn cuối của xã hội cộng sản nguyên thủy; phát triển và tồn tại xen kẽ với nền kinh tế tự nhiên trong các xã hội chiếm hữu nô lệ và phong kiến; phát triển đến đỉnh cao của nó trong xã hội tư bản chủ nghĩa, xã hội mà mọi sản phẩm xã hội đều mang hình thức hàng hóa (kể cả sức lao động cũng mang hình thức hàng hóa) và chỉ được thực hiện thông qua thị trường; đó cũng là xã hội mà quyền lực của đồng tiền biểu hiện với một sự thô bạo và tàn nhẫn có tính chất nguyên thủy trong thời kỳ thanh xuân của nó [7]. Đến đại công nghiệp cơ khí, quyền lực ấy mới phát triển đầy đủ và mới quét sạch mọi tàn dư của kinh tế gia trưởng[8].

Cơ sở kinh tế khách quan của sự hình thành và phát triển thị trường và kinh tế thị trường cũng là cơ sở kinh tế khách quan của sự hình thành và phát triển kinh tế hàng hóa; đó là sự phân công xã hội và chế độ tư hữu hay chế độ sở hữu công cộng khác nhau. Do đó kinh tế thị trường, kinh tế hàng hóa tồn tại cả trong chủ nghĩa xã hội (vì còn hai hình thức sở hữu công cộng khác nhau) cũng như trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội (vì còn những hình thức sở hữu tư nhân khác nhau cùng tồn tại đan xen với các hình thức sở hữu công cộng còn nhỏ bé và mới hình thành). Điều khẳng định này bác bỏ luận điểm cho rằng kinh tế thị trường là "hiện tượng thuộc về quá khứ đối với chủ nghĩa xã hội" [9]. Kinh tế thị trường chỉ tiêu vong trong giai đoạn cao của xã hội cộng sản văn minh, giai đoạn chỉ còn một hình thức sở hữu công cộng toàn dân duy nhất.

Kinh tế thị trường là phương thức kinh tế chung cho nhiều chế độ xã hội nhưng mang những bản chất xã hội - kinh tế (tính chất giai cấp) khác nhau. Bản chất ấy, cũng giống như bản chất xã hội - kinh tế của thị trường, phụ thuộc vào quan hệ sản xuất đặc thù của các chủ thể chủ đạo tham gia thị trường. Những khác biệt về bản chất xã hội - kinh tế đó xét đến cùng là do tính chất của chế độ sở hữu quyết định. Tác giả Trịnh Dân đã kể ra các đặc trưng của kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa hiện đại [10] nhưng đã bỏ qua đặc trưng cơ bản nhất, có tính chất quyết định đối với các đặc trưng đó, là chế độ sở hữu tư sản với các biến dạng của nó trong giai đoạn độc quyền và độc quyền nhà nước hiện nay.

Do đó, trong chủ nghĩa tư bản và trong chủ nghĩa xã hội, kinh tế thị trường có những đặc trưng khác nhau : *kinh tế thị trường trong chủ nghĩa tư bản* dựa trên chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, phục vụ lợi ích kinh doanh và lợi nhuận của giai cấp tư sản trên cơ sở duy trì, mở rộng và đẩy sâu chế độ bóc lột đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động; nó cũng là nền kinh tế thị trường tự do và tự phát, có kế hoạch chặt chẽ trong phạm vi xí nghiệp, công ty, nhưng cạnh tranh vô chính phủ trên phạm vi xã hội trong khi nền sản xuất đã xã hội hóa. Vì vậy, khủng hoảng kinh tế chu kỳ và nhiều dạng khủng hoảng kinh tế xã hội khác vẫn đang phá hoại lực lượng sản

(5) C. Mác - Ph. Ăng ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t6,tr 173

(6) Xem V.I Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mat xco-va, 1976, t3, tr 737

(7) Xem C.Mác - Ph.Ăng ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 6, tr 255

8) Xem V.I Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mat xco va, 1976, t3, tr 737

(9) *Thời báo kinh tế Việt nam*, số 13, 31-3 1994

(10) Xem *Tạp chí cộng sản*, số 3 1994, tr 27

Digitized by Google

xuất, mặc dù đã có sự can thiệp thường xuyên của nhà nước tư sản. Tuy nhiên, dựa trên nền đại công nghiệp cơ khí và nền kỹ thuật phát triển, kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa đã có công lao lịch sử thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất, tạo ra những tiền đề vật chất cho bước quá độ lên nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ công hữu toàn dân và tập thể, trên một lực lượng sản xuất phát triển và xã hội hóa cao; có sự quản lý của nhà nước do đảng cộng sản lãnh đạo, nó được kế hoạch hóa trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân; mục đích của nền kinh tế thị trường đó là phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, xóa bỏ bóc lột, giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa để quá độ lên chủ nghĩa cộng sản.

Cần có sự phân biệt *kinh tế thị trường* (l'économie marchande) và *cơ chế kinh tế thị trường* (mécanisme de l'économie marchande). Cơ chế kinh tế thị trường hay cơ chế thị trường là guồng máy vận hành của nền kinh tế thị trường ; kinh tế thị trường là chế độ kinh tế khách quan do trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và tính chất của quan hệ sản xuất quyết định. Cơ chế thị trường, tuy phụ thuộc vào tính chất và yêu cầu khách quan của chế độ kinh tế thị trường, song còn bao hàm yếu tố chủ quan. Yếu tố chủ quan đó là sự vận dụng của con người bằng việc tổ chức ra guồng máy kinh tế tự do hay có điều tiết của nhà nước theo yêu cầu vận động khách quan của nền kinh tế thị trường trong các giai đoạn phát triển khác nhau của nó.

Cơ chế thị trường vận động có sự tham gia của nhiều yếu tố; khái quát chung, cơ chế thị trường biểu hiện trên bề mặt xã hội là cung và cầu nối nhau bằng giá cả. Nhưng dưới chiều sâu của cơ chế thị trường là quy luật giá trị; quy luật này tuy là "quy luật cơ bản" của mọi nền kinh tế hàng hóa nhưng mang tính chất khác nhau và tác động khác nhau tùy thuộc vào chế độ sở hữu thống trị. Nó vận động trong sự tác động qua lại với các quy luật kinh tế đặc thù của phương thức sản xuất chủ đạo và chịu sự tác động chi phối của các quy luật kinh tế của phương thức sản xuất đó. Do vậy, cơ chế thị trường trong chủ nghĩa tư bản và trong chủ nghĩa xã hội dù có những yếu tố giống nhau thì những yếu tố đó cũng mang những nội dung xã hội - kinh tế khác nhau do tính chất của chế độ sở hữu quyết định. *Cơ chế thị trường tư bản chủ nghĩa* là guồng máy vận hành tự phát của cung cầu và giá cả, thông qua tác động tự do của quy luật giá trị (biểu hiện trong giai đoạn cạnh tranh tự do là quy luật giá cả sản xuất, trong giai đoạn độc quyền là quy luật giá cả độc quyền cao và thấp), và của quy luật cạnh tranh dưới sự chi phối của quy luật giá trị thặng dư (biểu hiện trong giai đoạn độc quyền là quy luật cạnh tranh độc quyền và quy luật lợi nhuận độc quyền cao). Đặc trưng cơ bản của cơ chế thị trường tư bản chủ nghĩa là chế độ tự do kinh tế dựa trên nền tảng chế độ tư hữu tư sản. Trong giai đoạn cạnh tranh tự do, cơ chế đó về cơ bản không đòi hỏi sự can thiệp của nhà nước vào thị trường với chính sách "hãy để mặc" (laissez faire - laissez passer); nhưng từ khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền (từ đầu thế kỷ XX) và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước (từ sau chiến tranh thế giới thứ hai), những đặc trưng cơ bản đó đã có những biến dạng để thích ứng tạm thời với sự phát triển cao hơn của sự xã hội hóa lực lượng sản xuất. Cơ chế thị trường tự do chuyển thành cơ chế thị trường "tự do" có sự điều tiết của nhà nước bằng chương trình hoa, kế hoạch hóa kinh tế (tuy chỉ là kế hoạch hóa có tính hướng dẫn của nhà nước tư sản). Sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa thuần túy chuyển thành sở hữu tập thể và sở hữu xã hội của tư bản (công ty cổ phần hữu danh và vô danh, tổ chức độc quyền quốc gia và xuyên quốc gia, tư bản độc quyền nhà nước quốc gia và quốc tế). Những biến dạng đó biểu hiện tính chất lỗi thời sâu sắc của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Đặc trưng cơ bản của *cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa* là guồng máy sản xuất và thị trường xã hội vận hành dưới sự điều tiết của kế hoạch kinh tế nhà nước mà các cân đối chủ yếu được đề ra và duy trì một cách có ý thức, dựa trên sự vận dụng một cách tự giác các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Quy luật giá trị và quan hệ cung cầu được sử dụng như là một cơ chế kiểm tra và thông tin cho cơ quan kế hoạch về những xu hướng đã bộc

Digitized by Google

lô trong quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng, về tính chính xác hay không chính xác của những tính toán nhiệm vụ kế hoạch từ đó mà có thể sửa chữa, bổ sung kế hoạch.

Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, như trên đã nói, các thành phần kinh tế không xã hội chủ nghĩa, thậm chí đối lập với kinh tế xã hội chủ nghĩa, còn tồn tại và phát triển đan xen với các thành phần kinh tế của chủ nghĩa xã hội còn non yếu. Do đó kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường còn tồn tại là tất yếu. Về mặt kinh tế, có thể gọi đây là thời kỳ của *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là cơ chế thị trường còn nhiều xu hướng tự phát nhưng có sự điều tiết của nhà nước do đảng cộng sản lãnh đạo theo hướng củng cố và phát triển chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa. Đó là cơ chế kế hoạch hóa một cách gián tiếp trên cơ sở vận dụng quy luật giá trị, quan hệ cung cầu, sử dụng các biện pháp kinh tế, pháp lý, hành chính v.v.. Trong đó sử dụng kế hoạch hóa tập trung đến một mức nhất định đối với khu vực kinh tế nhà nước và kế hoạch hóa hướng dẫn đối với các thành phần kinh tế khác nhằm hướng dẫn hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế theo quỹ đạo và phù hợp với kế hoạch kinh tế thống nhất, kế hoạch xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội.

Khuyết điểm chủ yếu của các nước đang phát triển đi theo con đường xã hội chủ nghĩa trong việc phát triển nền kinh tế đang còn ở thời kỳ quá độ là đã thực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung tuyệt đối mà không kết hợp vận dụng cơ chế thị trường tự do có sự điều tiết của nhà nước (nói cách khác là cơ chế kế hoạch hóa hướng dẫn). Vì vậy đã không khai thác và phát huy được các yếu tố tích cực của mọi lực lượng sản xuất để phát triển kinh tế, dẫn đến sản xuất trì trệ và kém hiệu quả.

Ngày nay, khi mà chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu sụp đổ, cùng với việc nhận thức lại vấn đề thị trường và kinh tế thị trường thì việc quay trở lại cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước do đảng cộng sản lãnh đạo, tức là trở lại kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, là tất yếu.

Thế nhưng một số người do đồng nhất kinh tế thị trường với kinh tế tư bản chủ nghĩa đã quan niệm sai lầm rằng chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung trở lại kinh tế thị trường là xa rời chủ nghĩa xã hội, là định hướng tư bản chủ nghĩa. Họ không thấy được rằng kinh tế xã hội chủ nghĩa vẫn là kinh tế thị trường được kế hoạch hóa, rằng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, sản xuất hàng hóa và thị trường còn tồn tại một cách khách quan, thậm chí thị trường tự do còn một phạm vi rộng lớn. Do vậy kinh tế thị trường là tất yếu trong thời kỳ quá độ nhưng là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; định hướng này cũng là tất yếu vì có những yếu tố khách quan yêu cầu và đảm bảo cho sự thành công của nó : đó là khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa làm nền tảng đã hình thành, nhà nước nắm giữ những ngành, những lĩnh vực chủ chốt của nền kinh tế, đảng cộng sản nắm vững những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lê - nin độc quyền lãnh đạo; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã có tiền lệ lịch sử chứ không phải là "công việc hoàn toàn mới" [11] hay "chưa hề có" [12] như tác giả Trịnh Dân và Khổng Doãn Hợi quan niệm. Tiền lệ lịch sử đó là : chính sách cộng sản thời chiến chuyển sang chính sách kinh tế mới do Lê-nin đề xướng đã được vận dụng vào thực tiễn ở Liên xô trong những năm hai mươi. Nội dung kinh tế cơ bản của chính sách đó về thực chất là chuyển từ nền kinh tế mệnh lệnh, chỉ huy sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Biện pháp chủ yếu để bảo đảm thắng lợi của định hướng đó và ngăn chặn định hướng tư bản chủ nghĩa là sử dụng một cách đúng đắn chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới nền chuyên chính vô sản.

Tuy nhiên, chủ nghĩa tư bản nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội không phải là hòa bình giai cấp mà là tiếp tục cuộc đấu tranh giai cấp dưới những hình thức khác. Tình trạng bóc lột quá mức, đầu cơ, buôn lậu, âm mưu lật đổ vẫn còn và cuộc đấu tranh chống những hành vi, thủ đoạn và âm mưu đó chưa thể mất đi. Thật sai lầm biết bao khi khẳng định rằng trong thời kỳ quá độ ở Việt nam không còn quan hệ bóc lột, không còn giai cấp và đấu tranh giai cấp.

(11), (12) *Tạp chí Cộng sản*, số 3-1994, tr. 30, 28

Digitized by Google

Tóm lại, bằng nhận thức về thị trường và kinh tế thị trường, chúng tôi muốn chứng minh rằng, nền kinh tế xã hội chủ nghĩa vẫn là nền kinh tế thị trường (tất nhiên mang bản chất xã hội - kinh tế riêng có của nó). *Nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội về thực chất là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* (l'économie marchande à l'orientation socialiste). Biện pháp cơ bản để thực hiện thành công định hướng đó là con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước, một bộ phận trong học thuyết của Lê-nin về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở những nước kinh tế kém phát triển. Từ đó có thể khẳng định rằng, trong quá trình đổi mới, *chúng ta chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bằng biện pháp thực hiện những hình thức từ thấp đến cao của chủ nghĩa tư bản nhà nước, là có cơ sở lý luận và thực tiễn, là phù hợp với điều kiện trong nước và quốc tế trong thời điểm lịch sử hiện nay.* Đường lối đổi mới đó - sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước một cách rộng rãi hơn so với ở Liên xô trong những năm 20 - đã đem lại những thắng lợi bước đầu quan trọng về kinh tế cũng như chính trị, xã hội... Tuy nhiên, những tệ nạn kinh tế, xã hội nảy sinh một cách tất yếu từ kinh tế thị trường đang còn là những vấn đề nhức nhối, cần có những biện pháp ngăn chặn hữu hiệu. Tất cả đòi hỏi một sự tổng kết thực tiễn, nghiên cứu sâu hơn những luận điểm của Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước, xác định những giải pháp mới, đúng đắn và sáng tạo. Đồng chí Đỗ Mười, Tổng bí thư Đảng cộng sản Việt nam đã khẳng định : "chúng ta phải thực hiện tư tưởng của Lê-nin : một nước chậm phát triển, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải qua cầu tư bản nhà nước, dùng hình thức tư bản và dùng tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng ta nắm chính quyền phải có chính sách để thực hiện tốt tư tưởng của Lê-nin. Nhà nước phải quản lý, điều hành tốt theo đúng mục tiêu đó. Đây là vấn đề lý luận và cũng là vấn đề thực tiễn mà chúng ta phải bàn rõ để làm cho tốt" [13].

(13) Đỗ Mười: *Bài nói tại Hội nghị cán bộ do Ban bí thư triệu tập tại Hà nội ngày 3-3-1994*

Vấn đề lao động nữ trong điều kiện cơ chế thị trường

TRẦN THỊ VÂN ANH *

ĐƯỢC hưởng thành quả chung của cách mạng nhưng khác với nam giới, người phụ nữ, trong phần lớn cuộc đời mình, cùng lúc phải thực hiện cả *hai* chức năng quan trọng : tham gia các hoạt động, đặc biệt hoạt động sản xuất vật chất và tinh thần ; đồng thời, thực hiện việc sinh nở và nuôi dạy con, tái sản xuất sức lao động cho toàn xã hội. Chính gánh nặng hai vai này đã khiến người phụ nữ, đặc biệt lao động nữ, nhạy cảm hơn hết với mọi biến đổi trong xã hội. Họ chịu sự tác động toàn diện và sâu sắc từ nhiều phía qua mỗi giai đoạn. Ta hãy thử xem thời chiến tranh chị em phụ nữ chịu thiệt thòi và hy sinh mất mát biết nhường nào. Và cũng chính ở thời chiến tranh, họ đã đóng góp biết bao mồ hôi và xương máu để giành chiến thắng.

Ngay trong thời bao cấp, lao động nữ cũng như lao động nói chung, đều có việc làm, thu nhập tương đối ổn định, ngoài ra còn có một số chế độ bảo hiểm khác, song họ vẫn là lực lượng chịu không ít gian truân, vất vả. Chuyển sang cơ chế thị trường hiện nay, với con lắc dao động trong xã hội tác động trực tiếp đến chị em, lao động nữ đương nhiên càng gian truân, vất vả.

Ở *thành thị*, việc sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước vài năm gần đây đã đưa ra khỏi biên chế khoảng 80 vạn người, trong đó trên 60% là phụ nữ. Trước đời sống chật vật của những người bị thôi việc, bên cạnh chế độ chung, nhiều cơ sở đã có phương thức giải quyết linh hoạt nhằm giúp lực lượng này lấy lại thế cân bằng (như giúp họ chuyển nghề; giúp vốn ban đầu; cung cấp thông tin ; tổ chức tập huấn ; giới thiệu việc làm mới...). Tuy

* Trung tâm nghiên cứu khoa học về gia đình và phụ nữ Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

nhiên, số đơn vị làm được như vậy không nhiều. Đối với lao động nữ, ngoài tác động về mặt tâm lý, sự chuyển đổi cơ chế đã đặt họ và gia đình họ trước những mâu thuẫn lớn, nhất là kỹ năng và tay nghề hạn chế, không theo kịp đòi hỏi của thị trường; nguyện vọng có việc làm thì bức xúc mà cơ hội để kiếm được việc làm thật mong manh. Nếu như trước đây chúng ta phấn đấu để phụ nữ có việc làm bình đẳng với nam giới, thì hiện nay vấn đề có ý nghĩa lại là phải bồi dưỡng, đào tạo và đào tạo lại để người phụ nữ làm được việc trong điều kiện cơ chế thị trường.

Cùng với việc đưa một số lao động ra ngoài biên chế, trong quá trình sắp xếp lại, các doanh nghiệp nhà nước đang chuyển một bộ phận lao động nữ sức khỏe và năng lực hạn chế sang các khâu phụ trợ, dịch vụ, nằm ngoài dây chuyền sản xuất chính. Đáng chú ý là nhiều chị em phải làm công việc nặng nhọc, độc hại với giá trị ngày công thấp (bốc vác, khai thác gỗ, làm đường, cạo gỉ hầm tàu, chuyển gạch vào lò, nung vôi v.v.).

Theo điều tra của nhóm cán bộ xã hội học (Đại học tổng hợp Hà nội), năm 1993 tại một số xí nghiệp công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm ở Hà nội và Nam định (nơi có tỷ lệ nữ cao nhất), mức lương trung bình chỉ khoảng 140 - 160 nghìn/tháng và thu nhập trung bình chỉ khoảng 240 nghìn/tháng. Thu nhập không đủ sống, phải bỏ việc, chuyển nghề, hoặc "chân trong chân ngoài" để tự cân đối thu nhập, đó là biểu hiện thoái hóa "bất đắc dĩ" của lực lượng lao động nữ trong cơ chế thị trường. Đó cũng là sự lãng phí lớn chất xám, tay nghề và sức lao động của một lực lượng chiếm 51% tổng số lao động nước ta. Trong xu thế tinh giản bộ máy hành chính, thu hẹp khu vực quốc doanh, thì lao động nữ giảm với tốc độ nhanh hơn và có xu hướng tập trung vào những việc và nghề thu nhập thấp hơn.

Xem xét lao động nữ ở *khu vực ngoài quốc doanh* (đặc biệt ở khu vực kinh tế hộ, hợp tác xã và các doanh nghiệp nhỏ tư nhân có từ 1 đến 10 lao động), ta thấy ở đây có triển vọng tạo ra nhiều việc làm, song cũng tồn tại không ít khó khăn. Nhiều doanh nghiệp nhỏ mới chỉ có điều kiện tổ chức sản xuất trên cơ sở các hợp đồng ngắn hạn và nhỏ giọt; không ít cơ sở sản xuất lâm vào tình trạng đình đốn, tan rã. Ví dụ tại TP Hồ Chí Minh, sản xuất hàng hóa đã phát triển hơn nhiều nơi khác, mà chỉ riêng quý I-1989 ở quận 1 đã có 17 trên 45 hợp tác xã và 52 trên 127 tổ hợp sản xuất phải giải thể; 128 cơ sở khác phải thu hẹp quy mô. Điều đáng chú ý là ở những cơ sở này lao động nữ chiếm từ 70 đến 100%[1].

Ở *nông thôn*, nơi nữ chiếm 52,69% tổng số dân đang hoạt động kinh tế (từ 13 tuổi trở lên), và chiếm 78,63% tổng số lao động nữ cả nước, chất lượng việc làm, mức thu nhập và mức sống của đa số chị em so với ở thành phố còn tồi tệ hơn. Lao động nữ ở nông thôn chủ yếu vẫn gắn với sản xuất lương thực và một số nghề phụ có giá trị ngày công thấp. Đặc biệt, khi phát triển kinh tế hộ, tình trạng phụ nữ làm việc nặng nhọc, kéo dài nhiều giờ trong ngày, có thể gặp ở nhiều vùng (phổ biến nhất là ở vùng núi, khu bốn cũ và ven biển miền Trung). Điều đáng tiếc là tới nay vẫn còn 19,19% phụ nữ nông thôn mù chữ và 92% lao động nữ không có trình độ chuyên môn kỹ thuật [2]. Đó cũng là nguyên nhân, và hậu quả của tình trạng đói nghèo (chiếm khoảng 20% số hộ), phụ nữ phổ biến phải làm các công việc giản đơn, nặng nhọc, hiệu quả thấp.

Từ giữa những năm 80 trở lại đây, vị trí của người phụ nữ trong công tác xã hội cũng có xu hướng giảm sút nhanh, đặc biệt ở cấp cơ sở. Đại biểu nữ trong hội đồng nhân dân các cấp hai nhiệm kỳ gần đây, giảm từ 40% đến 60%. Có địa phương, đại biểu nữ trong hội đồng nhân dân cấp xã chưa tới 0,1%, cấp huyện chưa quá 1%. Điều đáng quan tâm là nữ cán bộ quản lý phần lớn tuổi đã cao, còn cán bộ nữ trẻ thì vừa thiếu, vừa ít có nguyện vọng làm công tác quản lý. Sự hẫng hụt cán bộ trẻ hiện nay và trong 10 năm tới là khó tránh khỏi. Đáng lo ngại là về nhận thức, không ít cán bộ cả nam và nữ đều cho rằng trong giai đoạn hiện nay, cần đề cao chức năng "thiên bẩm" của người phụ nữ, để họ chủ yếu làm việc nhà, còn nam giới gánh vác công việc xã hội.

Lao động nữ thường chịu trách nhiệm chính về việc tổ chức chi tiêu trong gia đình. Ở nông thôn, trong khoán hộ, ở thành phố, trong cơ chế mới, chị em phải nhoài đi kiếm việc và chạy chọt làm thêm. Tính ra 88% số người buôn bán nhỏ trên hè phố Hà nội là công nhân, viên chức, trong đó trên 90% là nữ [3]. Việc người mẹ phải buon chải kiếm sống đã ảnh hưởng không nhỏ đến nhiều mặt của cuộc sống gia đình, đặc biệt sức khỏe của bà mẹ và trẻ

(1) Xem Lê Thi - *Vấn đề tạo việc làm và tăng thu nhập, nâng cao địa vị người phụ nữ hiện nay*. Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1991, tr 82-83

(2) Sđd, tr 45

(3) Sđd, tr 78

Digitized by Google

em giảm sút nghiêm trọng. Tính trung bình, cứ 2 trẻ em nước ta thì có một cháu bị suy dinh dưỡng (đạt tỉ lệ cao nhất so với các nước Đông-Nam Á) [4]. Số trẻ em suy dinh dưỡng tăng vào các vụ giáp hạt, điều đó cho thấy việc giải quyết tình trạng thiếu an dạng còn là vấn đề bức xúc của rất nhiều gia đình. Số trẻ sơ sinh nhẹ cân (dưới 2,5 kg) tăng (năm 1990 chiếm tới 20% tổng số trẻ sơ sinh trong cả nước) cũng cho thấy sức khỏe và thể lực của bà mẹ mang thai giảm đáng kể trong những năm gần đây. Ngoài ra, trong việc chăm sóc trẻ nhỏ hiện nay, nỗi lo lớn nhất của các gia đình là việc giữ trẻ. Việc chuyển đổi cơ chế đã khiến cho rất nhiều doanh nghiệp và các hợp tác xã đóng cửa nhà trẻ và lớp mẫu giáo. Còn lại hiện nay là một số cơ sở giáo dục mầm non của thành phố và các dịch vụ tư nhân mà không phải bà mẹ nào cũng có thể gửi con được. Giải pháp thường gặp là chị trông em hoặc bà trông cháu, mà thực chất là các thế hệ phụ nữ chia nhau gánh vác công việc trước kia được xã hội và tập thể cáng lo. Như vậy, chức năng tái sản xuất sức lao động xã hội, ngày nay đang trở thành việc riêng của người phụ nữ và gia đình họ. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến tiền đồ và tương lai dân tộc.

Việc học của cả người lớn và trẻ em cũng đang gặp nhiều khó khăn. Hiện nay cả nước có 2,4 triệu người mù chữ đang trong độ tuổi lao động tích cực (từ 15 đến 35). Số phụ nữ mù chữ đông hơn 2,4 lần so với nam giới. "Thêm đội" bổ sung cho số mù chữ nói trên là 2,3 triệu trẻ em thất học và hơn 2 triệu trẻ em bỏ học trong cả nước [5]. Thực trạng này là một trở ngại lớn cho việc nâng cao năng suất lao động, áp dụng tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ - yếu tố quyết định đối với tăng trưởng kinh tế không chỉ hiện nay mà cả trong giai đoạn sau này.

Số trẻ em hư và trẻ em phạm tội tăng nhanh. Một lý do thực tế là thời gian vật chất mà các gia đình dành cho việc chăm sóc giáo dục con cái, quá ít ỏi. Cùng với việc bỏ mặc con cái là sự tha hóa của chúng do lối sống buông thả và kiếm ăn bất chính của một số bậc cha mẹ. Theo số liệu điều tra, trong hơn 3000 thiếu niên phạm tội thì 40% có bố mẹ thuộc diện làm ăn bất chính và 60% có bố mẹ thuộc loại sống buông thả, sinh hoạt bê tha (nghiện rượu, ngoại tình, ly dị nhau ...).

Thị trường cũng như bất cứ một cơ chế nào khác bao giờ cũng có tác động hai mặt đến xã hội và mỗi thành viên của nó, trong đó có phụ nữ. Vấn đề đặt ra là xã hội, thông qua nhà nước, cần có vai trò điều tiết bằng hệ thống chính sách đến đâu và như thế nào để phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế đó. Chỉ có điều là về các chính sách đối với phụ nữ, người ta có thể dễ thống nhất về mặt nhận thức, song đi đến các hành động cụ thể thường lại rất khó.

Về *một số chủ trương và chính sách sắp tới*, tôi xin kiến nghị như sau :

Về mặt nhận thức, mọi người cần hiểu rằng: quan tâm đến lực lượng lao động nữ nói riêng và phụ nữ nói chung không chỉ là vấn đề nhân đạo của một nhà nước, một xã hội, mà là vấn đề thiết yếu, ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến sự tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội. Chính vì vậy, điều có ý nghĩa nhất hiện nay là bảo đảm cho phụ nữ có cơ hội như nam giới trước các chính sách kinh tế của nhà nước và của các cấp, các ngành (các chính sách như xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động...). Cần có sự ưu tiên về đầu tư, tạo điều kiện phát triển những ngành, những cơ sở thu hút nhiều lao động nữ.

Mặt khác, cần đẩy mạnh việc nâng cao kiến thức về gia đình cho phụ nữ, có những chính sách và biện pháp cụ thể trong xây dựng dịch vụ y tế và giáo dục, nhằm giảm bớt khó khăn cho chị em (nhất là phụ nữ nghèo), như : tăng nguồn đầu tư cho y tế cơ sở ; bảo đảm đời sống và nâng cao chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên (đặc biệt là giáo viên cấp 1) ; huy động sức mạnh xã hội để khôi phục hệ thống giáo dục mầm non ở cơ sở v.v..

Việc xây dựng các chính sách cụ thể, và nhất là hình thành một cơ chế thích hợp để đưa các chính sách đi vào cuộc sống, là một chặng đường dài đầy khó khăn. Trở lực lớn nhất ở đây chưa hẳn đã là vấn đề kinh phí, mà là tư tưởng trọng nam khinh nữ đang có cơ hội trỗi dậy ở không ít cán bộ các cấp. Chính vì vậy, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho mọi người là công việc cấp bách hiện nay. Đồng thời, công tác nghiên cứu cơ bản về vấn đề phụ nữ, vấn đề giới tính và phát triển... cần được đẩy mạnh, để đáp ứng tốt hơn yêu cầu hoạch định chính sách trong thời gian tới.

(4) Báo cáo UNICEF, Viet nam investment priorities for basic human needs. Hà nội, 1993, tr 8, 9

(5) Báo cáo tại Hội nghị công tác xóa mù chữ, tổ chức tại Hà nội ngày 23-11-1993, báo *Nhân dân* ngày 25-12-1993

Digitized by Google

XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT THEO TINH THẦN NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH

LÊ QUÝ ĐỨC *

CÁCH đây gần năm mươi năm, trong buổi nói chuyện với văn nghệ sĩ sau khi đất nước vừa độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chân thành "mong muốn nền văn hóa nước nhà lấy hạnh phúc của dân tộc, của đồng bào làm cơ sở". Điều đó phù hợp với đạo lý Việt nam, truyền thống văn hóa Việt nam : một dân tộc mà ý thức cộng đồng, cộng sinh, cộng tồn đã gắn kết mọi cá nhân luôn luôn lấy nghĩa lớn của cộng đồng làm lẽ sống, làm mục tiêu phấn đấu. Đồng thời, nghĩa lớn đó lại trở thành điều kiện để thỏa mãn "nhu cầu cộng đồng", một nhu cầu nhân tính cốt yếu của mỗi người Việt nam, hình thành nhân cách văn hóa Việt nam.

Trong thời đại ngày nay, để xây dựng một xã hội văn minh thì vấn đề hạnh phúc riêng của mỗi cá nhân đặt ra không kém phần thiêng liêng, cao cả. Hướng về xã hội tương lai, Các Mác đã từng nêu lên nguyên lý bất hủ : *Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người.* Hồ Chí Minh đặt vấn đề một cách dung dị hơn : *mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người.* Chủ nghĩa xã hội mang tinh thần nhân văn phải : "phát huy tính cách riêng và sở trường riêng" của mỗi cá nhân và "bảo đảm cho nó được thỏa mãn", tất nhiên trong mối quan hệ với lợi ích chung của cả cộng đồng. Tư tưởng mới mẻ đó của Hồ Chí Minh như bù đắp vào sự thiếu hụt của truyền thống tinh thần phương Đông và hệ thống các giá trị của văn hóa Việt nam. Người đặt cá nhân trong mối quan hệ với cộng đồng, giải phóng cá nhân gắn với sự nghiệp giải phóng xã hội và xây dựng xã hội mới, yêu cầu phát triển tự do được đặt ra cho "mỗi" người và cho "mọi" người. "Trong xã hội có giai cấp bóc lột thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của một số rất ít người thuộc giai cấp thống trị là được thỏa mãn, còn lợi ích cá nhân của quần chúng lao động thì bị giày xéo. Trái lại, trong chế độ xã hội chủ nghĩa ... lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thỏa mãn" (1). Đó chính là điều kiện cho "cá nhân vươn lên tìm sự hài hòa với cộng đồng" trong quá trình vươn tới hạnh phúc, tự do.

Chúng ta biết rằng : nghệ thuật là bộ phận đặc biệt nhạy cảm của văn hóa, thể hiện khát vọng của con người về chân - thiện - mỹ. Văn hóa nghệ thuật có vai trò to lớn trong việc tác động đến tâm hồn, tình cảm, ý chí của con người để hình thành nhân cách. Để phát triển nhân cách, đem lại hạnh phúc cho con người, không thể không nói đến vai trò của nghệ thuật. Tư tưởng xây dựng nền văn hóa tinh thần phong phú và đa dạng gắn với sự nghiệp xây dựng con người mới của Hồ Chí Minh trước đây, đã thể hiện chức năng "văn hóa hóa cá nhân để hình thành nhân cách", hay chức năng "trồng người" - chức năng thiên bẩm của văn hóa nghệ thuật. Do vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu nghệ thuật phải "đi sâu vào tâm lý quốc dân", phải trở thành "món ăn tinh thần phong phú", "có sức thuyết phục", để hình thành nhân cách những "con người mới", "làm gương mẫu cho chúng ta hôm nay" và "để giáo dục con cháu chúng ta đời sau".

Nhiệm vụ của văn hóa nghệ thuật là thực hiện chức năng của nó trong những hoàn cảnh lịch sử xã hội cụ thể, ở mỗi thời đại nhất định.

* Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận*, Nxb Văn học, Hà nội, 1981, tr 242

Digitized by Google

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta xác định : nhiệm vụ trung tâm của văn hóa, văn nghệ nước ta là góp phần xây dựng con người mới Việt nam về trí tuệ, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, có phẩm chất tốt đẹp, có bản lĩnh vững vàng, ngang tầm với sự nghiệp đổi mới và dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Nhiệm vụ đó đòi hỏi nghệ thuật phải sáng tạo ra những mẫu người tiêu biểu cho sự nghiệp đổi mới, biết làm cho dân tộc thoát khỏi nghèo khổ, lạc hậu, biết làm giàu cho mình và cho xã hội, bằng trí tuệ, bằng lao động sáng tạo, bằng năng lực sản xuất và kinh doanh trong nền kinh tế thị trường và mở cửa. Cần khơi dậy ở mỗi con người khát vọng phục hưng đất nước và "gico" vào họ những tình cảm nhân văn, nhân ái trong suy tư, suy nghĩ về hạnh phúc của con người, trong mối quan hệ với cộng đồng, với dân tộc và với người khác. Phải chăng hình tượng những nhà doanh nghiệp biết làm giàu chính đáng, tạo ra công ăn việc làm cho người khác và đầy lòng từ thiện, là một mẫu người mà nghệ thuật cần quan tâm và ưu tiên khắc họa hiện nay ?

Vấn đề phê phán cái sai, lên án cái ác, cái xấu, hướng con người đến cái đúng, cái tốt, cái đẹp, cũng là một nhiệm vụ hàng đầu của văn hóa nghệ thuật. Trước đây, Hồ Chí Minh đã xác định văn hóa có nhiệm vụ "sửa chữa tham nhũng", phê bình hiện tượng tham ô, lãng phí, quan liêu, lười biếng... Người đòi hỏi văn hóa nghệ thuật phải "thẳng thắn phê bình" và "phê bình nghiêm khắc", "đó là một việc rất cần thiết" [2]. Ngày nay, khi tham nhũng, buôn lậu đã trở thành nguy cơ đối với đất nước, thì văn hóa nghệ thuật phải cùng toàn xã hội giải phẫu cái ung nhọt đó để đất nước có thể phát triển lành mạnh. Tư tưởng Hồ Chí Minh "văn hóa nghệ thuật là vũ khí", "nghệ sĩ là chiến sĩ" trong mặt trận chống cái ác, cái xấu, vẫn phải được nhận thức như là một nhiệm vụ thiên bẩm của nghệ thuật.

Bệnh quan liêu, chà dạp dân chủ, coi thường kỷ cương phép nước, là bạn đồng hành với cái ác, cái sai, cần được lên án mạnh mẽ bằng tiếng nói nghệ thuật. Cần phê phán thái độ thờ ơ trước số phận của con người bất hạnh, sự giày xéo lên nhân phẩm và danh dự của cá nhân trong đời sống thường ngày của xã hội. Đồng thời, văn hóa nghệ thuật cũng phải "tẩy trừ" những ảnh hưởng "nô dịch" của văn hóa ngoại lai xa lạ với thuần phong mỹ tục và đạo lý dân tộc, những hiện tượng "phản văn hóa", "phản giá trị" hay "phản nhân văn" nảy sinh trong quá trình đổi mới văn hóa nghệ thuật hiện nay. Chống lại những luận điệu nhân danh con người để chống lại con người, nhân danh giải phóng con người để hạ thấp con người.

*

Cùng với việc nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về vai trò, vị trí của văn hóa nghệ thuật trong sự nghiệp đổi mới đất nước và xây dựng con người mới, Đảng ta nhấn mạnh một vấn đề có ý nghĩa quyết định đến sự đổi mới của văn hóa nghệ thuật hiện nay là : "Thực sự đổi mới phương thức lãnh đạo và quản lý văn hóa, văn nghệ, vừa bảo đảm nội dung tư tưởng chính trị cao, đạt được mục tiêu và định hướng của Đảng và Nhà nước, vừa bảo đảm quyền tự do sáng tạo của cá nhân, tạo điều kiện cho tài năng nảy nở và phát triển" [3].

Đổi mới là tiếp nhận những tri thức mới, những hiểu biết mới và những giá trị mới về văn hóa nghệ thuật. Trước hết, phải nhận thức được tính đặc thù và yêu cầu phát triển của văn hóa nghệ thuật, để nâng cao trình độ lãnh đạo của Đảng cho phù hợp với một lĩnh vực hết sức tinh tế và nhạy cảm của đời sống tinh thần con người. Ý tưởng này được nêu lên từ Nghị quyết 05 Bộ Chính trị (khóa VI) "Về đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới". Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa nghệ thuật mang một ý nghĩa nhân văn cao cả không chỉ vì sự phát triển của văn hóa nghệ thuật, mà còn vì sự phát triển " con người - quả tim đích thực của văn hóa".

Những biến động to lớn của đời sống xã hội do hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế- xã hội, do sự phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và hoạt động của cơ chế thị trường ở nước ta, do những biến động quốc tế phức

(2) Hồ Chí Minh : *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận*. Nxb Văn học, Hà nội, 1981, tr 358

(3) Đảng cộng sản Việt nam : *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư BCH TƯ khóa VII* (2-1993), tr 16

Digitized by Google

tạp, phần nào đã làm cho đời sống tinh thần xã hội giảm sút tính nhân văn của nó. Trong văn hóa nghệ thuật nảy sinh một số khuynh hướng sai lầm : phủ nhận những thành tựu cách mạng, văn hóa, văn nghệ cách mạng ; tách văn nghệ khỏi sự lãnh đạo của Đảng; "thương mại hóa" văn hóa nghệ thuật ; tuyên truyền lối sống thực dụng, sa đọa và bạo lực. Sự khủng hoảng lòng tin vào những giá trị nhân văn làm nảy sinh những thị hiếu không lành mạnh, những hủ tục, mê tín, dị đoan ; làm trỗi dậy lối sống chạy theo đồng tiền trong đời sống xã hội. Tình hình đó đã bộc lộ những yếu kém của chúng ta:"chưa đánh giá thật đúng tính phức tạp của cuộc đấu tranh trên mặt trận này, chưa lường trước và đề ra được những biện pháp nhằm hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường đối với văn hóa văn nghệ"(4). Đặc biệt, "trước những lệch lạc xuất hiện trong văn hóa, văn nghệ, một số cấp ủy và cơ quan nhà nước không kịp thời phân rõ đúng sai, thường né tránh, rụt rè trong việc xử lý ; cũng có nơi sử dụng những biện pháp hành chính không thích hợp"(5). Đó là sự tự phê bình thẳng thắn và nghiêm khắc của Đảng. Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) đã đề ra những tư tưởng chỉ đạo sát với thực tế cho sự đổi mới văn hóa và văn hóa nghệ thuật.

Gần đây, Nhà nước ta đã ra được những bộ luật cần thiết, như "Luật xuất bản", "Luật báo chí", làm tiêu chuẩn pháp lý cho các hoạt động sản xuất tinh thần theo đúng quan điểm định hướng của Đảng và nguyện vọng của nhân dân. Song, đời sống văn hóa nghệ thuật đang đòi hỏi nhiều chính sách khác nữa, bảo đảm cho nó phát triển tốt đẹp, phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Vai trò của đội ngũ nghệ sĩ sáng tạo có ý nghĩa quyết định trước hết đối với sự phát triển của văn hóa nghệ thuật. Bởi không có nghệ sĩ và quá trình sáng tạo của họ thì không có những tác phẩm nghệ thuật. Với năng lực biến đổi đối tượng thẩm mỹ của mình, nghệ sĩ rút ra từ đối tượng những nét cơ bản nhất, những khía cạnh đặc trưng nhất của đời sống hiện thực để nhào nặn và tái tạo ra những giá trị nghệ thuật - cốt lõi của văn hóa nghệ thuật. Thiên chức của người nghệ sĩ là sáng tạo ra cái đẹp cho con người, cho cộng đồng mà mình sống, như nhà văn Pháp An-be Ca-muy (Albert Camus) đã nói : Người nghệ sĩ tự rèn luyện mình trên con đường giao tiếp thường trực giữa anh ta với thiên hạ, ở khoảng giữa cái đẹp mà anh ta không thể bỏ qua được, và cái cộng đồng mà anh ta không thể tách ra được... Vai trò của nhà văn cũng vì thế, không được rời xa những nhiệm vụ khó khăn.

Vấn đề nâng cao thế giới quan và bản lĩnh của người nghệ sĩ là vấn đề hết sức quan trọng. Thế giới quan đóng vai trò quyết định tư tưởng thẩm mỹ - nghệ thuật của tác phẩm. Thế giới quan liên quan đến trình độ học vấn, bản lĩnh chính trị, vốn văn hóa và kinh nghiệm sống của người nghệ sĩ. Việc bồi dưỡng thế giới quan Mác-Lê-nin đối với người nghệ sĩ là một vấn đề rất cơ bản hiện nay. Cần khẳng định tính chất khoa học, cách mạng và tính nhân văn của thế giới quan đó, đồng thời chú ý đổi mới phương thức tiếp nhận nó cho phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc. Hơn nữa, cần kết hợp thế giới quan đó với những tư tưởng tiến bộ khác của nhân loại để nâng tầm nhận thức thế giới, nhận thức xã hội của người nghệ sĩ.

Cùng với việc nâng cao trình độ thế giới quan là vấn đề nâng cao trình độ văn hóa chung của người nghệ sĩ. Muốn thực hiện được chức năng cao quý của mình, người nghệ sĩ phải luôn luôn tự bồi dưỡng nâng cao trình độ hiểu biết về chính trị , pháp luật, đạo đức, tâm lý, thẩm mỹ, kinh tế... Có những tri thức đó, người nghệ sĩ mới thâm nhập được đời sống xã hội, đánh giá được hiện thực phong phú, đa dạng và phức tạp của cuộc sống hiện nay, và qua đó mới củng cố và nâng cao được thế giới quan của mình.

Một vấn đề cốt yếu đặt ra hiện nay là làm thế nào để người nghệ sĩ giữ được thiên chức của mình trong nền kinh tế thị trường, khi mà các sản phẩm họ làm ra bị quy luật thị trường chi phối. Ở đây có một mâu thuẫn phải giải quyết : người nghệ sĩ phải kiếm sống, phải tồn tại bằng nghề nghiệp của mình, nhưng làm sao để việc đó không mâu thuẫn với thiên chức của anh ta. Mác đã viết : "Nhà văn không hề xem công việc của mình như là một kế sinh nhai. Đó là một mục đích tự thân, nó không phải là một kế sinh nhai đối với anh

(4) (5) Đảng cộng sản Việt nam : *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư BCH TƯ khóa VII* (2-1993), tr 53

Digitized by Google

ta cũng như đối với người khác, đến nỗi nhà văn hy sinh sự tồn tại của mình cho sự tồn tại của nó nếu cần" (6). Vậy giải quyết mâu thuẫn đó bằng cách nào ? Theo tôi nghĩ, bằng chính sách của nhà nước. Nhà nước tài trợ cho những tác phẩm nghệ thuật có giá trị nghệ thuật đích thực, tạo điều kiện kinh tế, chính trị , luật pháp cho nó được phổ biến rộng rãi. Đảng và Nhà nước khuyến khích việc xây dựng quỹ hỗ trợ tài năng, quỹ phúc lợi và những "mạnh thường quân" tập thể và cá nhân đối với văn hóa nghệ thuật. Tạo điều kiện cho nghệ thuật nước nhà giao lưu với thế giới bên ngoài để tăng nguồn thu ngoại tệ mạnh, góp phần nâng cao đời sống nghệ sĩ.

Quan tâm đến công chúng nghệ thuật hay chủ thể tiếp nhận, "chủ thể thưởng thức" - nhóm chủ thể rộng lớn của văn hóa nghệ thuật- là mục tiêu của tinh thần nhân văn trong hoạt động văn hóa nghệ thuật. Sự tác động của văn hóa nghệ thuật đến đời sống xã hội là tác động đến nhóm chủ thể này và thông qua nhóm chủ thể này. Các tác phẩm nghệ thuật được nghệ sĩ sáng tạo ra, đem đến cho công chúng những giá trị thẩm mỹ, thỏa mãn những nhu cầu thẩm mỹ của họ và hướng họ đến những giá trị chân, thiện, mỹ. Chúng giúp cho công chúng "thanh lọc" tâm hồn, định hướng vươn tới sự hoàn thiện nhân cách văn hóa.

Đồng thời, với tư cách là chủ thể tiêu dùng nghệ thuật, công chúng nghệ thuật là người thẩm định giá trị của các tác phẩm nghệ thuật. Qua việc đánh giá các tác phẩm nghệ thuật, họ giúp cho nghệ sĩ thấy được nhu cầu, thị hiếu thẩm mỹ của xã hội, đòi hỏi người nghệ sĩ đáp ứng những yêu cầu đó ngày một tốt hơn.

Mối quan hệ giữa công chúng nghệ thuật với giới sáng tạo nghệ thuật giống như bất cứ mối quan hệ nào giữa đối tượng và chủ thể của các lĩnh vực sản xuất trong đời sống xã hội. Mác đã nói : Sự sản xuất không chỉ sản sinh ra một đối tượng cho chủ thể mà còn sản sinh ra một chủ thể cho đối tượng. Cho nên, muốn xây dựng một nền văn hóa nghệ thuật mang tính nhân văn, không chỉ quan tâm đến vai trò, chức năng xã hội của chủ thể sáng tạo, mà còn phải chú ý đến năng lực, thị hiếu, nhu cầu thẩm mỹ đúng đắn của công chúng nghệ thuật.

*

Khái niệm "môi trường văn hóa" hay "môi trường nhân văn" được nhà sinh học và nhân chủng học Pháp Giooc-giơ Ô-li-vi-ê (Georges Olivier) đưa ra từ năm 1975, khi ông bàn về sinh thái nhân văn trong bộ môn khoa học được gọi là "sinh thái học nhân văn".

Theo ông, "môi trường nhân văn" là môi trường được tạo nên bởi "sự tác động của con người đối với con người và những tổ chức xã hội của chúng ta ", không tính đến tác động của thiên nhiên đối với con người. Ông xem "môi trường nhân văn" như là môi trường văn hóa tinh thần của con người là chủ yếu, còn những "sản phẩm từ nền công nghiệp" mặc nhiên đã có và phải có "là chuyện bình thường: con người vốn bản chất là một sinh thể có văn hóa".

Quan điểm trên cũng phù hợp với tư tưởng của đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười nói về "việc tạo ra môi trường văn hóa của chủ nghĩa xã hội, trong đó có sự kết hợp hài hòa giữa các giá trị truyền thống và giá trị hiện đại, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn là trách nhiệm to lớn của toàn Đảng và toàn dân ta, đặc biệt là của ngành văn hóa, văn nghệ. Phải lấy việc mở rộng các hoạt động văn hóa lành mạnh, bổ ích, sáng tạo những giá trị mới, sâu sắc, có tầm cỡ, bồi dưỡng, bảo vệ và phát huy mọi tài năng làm phương hướng phấn đấu không mệt mỏi để chấn hưng và phát triển nền văn hóa Việt nam lên tầm cao mới" (7).

Xây dựng môi trường văn hóa nhân văn không chỉ vì mục tiêu của sự phát triển kinh tế xã hội - vì con người, mà còn là động lực cho sự phát triển đó.

Hoạt động sống của con người vô cùng phong phú dệt nên môi trường văn hóa của nó. Trong đó hệ thống giá trị là nhân tố quan trọng, là "thước đo" có tác dụng điều chỉnh nguyện vọng và hành động của con người.

Môi trường văn hóa mới Việt nam hôm nay phải là môi trường văn hóa của thời đại "công

(6) C.Mác, Ph.Ăng-ghen, V.I. Lê-nin : *Về văn học và nghệ thuật*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1977, tr 66

(7) Đảng cộng sản Việt nam : *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư BCH TƯ khóa VII* (2-1993), tr 14

Digitized by Google

nghiệp hóa, hiện đại hóa" trên cơ sở phát triển khoa học, công nghệ và tin học. Do vậy, nó phải nhanh chóng vượt qua nền văn minh nông nghiệp để tiến kịp nền văn minh công nghiệp và tin học trên thế giới. Phải xây dựng truyền thống khoa học, hình thành lối sống, tác phong công nghiệp, cách nghĩ, cách làm mang tính khoa học chuẩn xác. Cần phải đưa "cái đúng" vào vị trí trung tâm của hệ giá trị của nền văn hóa mới. Con người tình nghĩa, nhân vật trung tâm của văn hóa và nghệ thuật cổ truyền, cũng phải có sự biến đổi. Nó phải có nhu cầu tự giải phóng và phát triển tự do, miễn sao quá trình tự giải phóng và phát triển tự do không xa rời gốc tình nghĩa.

Văn hóa cổ truyền của dân tộc đã thể hiện tinh thần nhân ái sâu sắc, song tinh thần ấy vẫn còn hạn hẹp trước yêu cầu của đời sống dân tộc hôm nay, một dân tộc vừa trải qua cuộc chiến tranh ba mươi năm với những hậu quả hết sức nặng nề. Tinh thần nhân ái của văn hóa mới Việt nam cần được lan tỏa tới mọi con em nước Việt, bất kể họ sống ở đâu. Văn hóa dân tộc hôm nay cần khơi dậy ở họ tình yêu Tổ quốc, yêu quê hương, lòng mong muốn đóng góp sức lực và trí tuệ xây dựng nước nhà giàu mạnh.

Tinh thần bao dung văn hóa cao hơn tính cố chấp "tôn giáo", "triết lý". Tinh thần bao dung văn hóa có cơ sở triết học trong "ý thức về người khác", đó là ý thức tôn trọng những khác biệt của kẻ khác, để kẻ khác tôn trọng những khác biệt của ta (theo định nghĩa của một nhà triết học Mêhicô). Tinh thần bao dung được coi là tinh thần cơ bản của văn hóa nhân loại ngày nay, đã được Hội đồng UNESCO đề xướng trong phiên họp gần đây.

Tóm lại, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tiến bộ theo định hướng của Đảng và Hiến pháp của Nhà nước là tạo ra những điều kiện, những cơ sở cho văn hóa nghệ thuật nước ta phát triển theo tinh thần nhân văn Hồ Chí Minh, vì hạnh phúc của mọi người Việt nam.

Nâng cao...

(Tiếp theo trang 41)

Tùy từng hoàn cảnh, điều kiện, quy mô, đặc điểm, tính chất của doanh nghiệp nhà nước mà chọn bí thư đảng ủy sao cho thích hợp. Nhưng điều quan trọng vẫn là xác định rõ tiêu chuẩn và sự phối hợp giữa các cấp có thẩm quyền với tổ chức cơ sở đảng. Vì rằng, theo cơ chế hiện nay, giám đốc thì do cấp trên bổ nhiệm, còn bí thư đảng ủy do đại hội đảng bộ bầu ra. Chọn đúng hai chức danh quan trọng này ở doanh nghiệp nhà nước sẽ tạo ra ê kíp "tâm đồng ý hợp" trong lãnh đạo và điều hành doanh nghiệp có hiệu quả.

6 - Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường sự chỉ đạo của cấp trên

Trong tình hình hiện nay, các cấp trên, nhất là cấp trên trực tiếp của cơ sở, cần xác định rõ trách nhiệm củng cố cơ sở đảng nhất là cơ sở đảng yếu kém trong các doanh nghiệp nhà nước. Những vấn đề chủ yếu cần có sự giúp đỡ, chỉ đạo của cấp trên là : bố trí, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ chủ chốt ; tạo điều kiện để cơ sở phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo trong vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước ; xây dựng và tổng kết những điển hình tiên tiến ; phản ánh và giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn, những yêu cầu cần thiết thuộc chức năng của mình ; thông tin kịp thời những vấn đề cần thiết đối với cơ sở.

Hiện nay, ở các bộ, ngành, tổng cục, liên hiệp công ty đều có ban cán sự đảng. Đây là điều kiện thuận lợi cho sự phối hợp hoạt động giữa cấp trên với tổ chức cơ sở đảng, giữa các tổ chức cơ sở đảng với nhau và giữa cấp ủy địa phương với doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn. Đồng thời, đây là chỗ dựa để tổ chức cơ sở đảng hoạt động có hiệu quả hơn, nhất là trong việc bố trí, sử dụng cán bộ, lựa chọn đội ngũ cán bộ chủ chốt. Sự chỉ đạo, phối hợp giữa cấp trên với tổ chức đảng cơ sở còn góp phần quan trọng vào việc định hướng cho doanh nghiệp phát triển với hiệu quả ngày càng cao theo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Digitized by Google

THUẾ Ở VÙNG BIÊN

DOÃN HUỆ

Xứ Lạng thời mở cửa. Hàng hóa ở vùng biên lúc này thật đa dạng về chủng loại, mẫu mã, bao bì đẹp, giá lại "mềm", đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng. Có một nghịch lý là hàng Trung quốc bán ở thị xã Lạng sơn lại rẻ hơn (từ 5% đến 7%) so với chính hàng ấy bán ở các chợ vùng biên của Trung quốc. Sở dĩ như vậy là do hàng qua biên giới trốn được thuế. Còn hàng từ Lạng sơn xuất qua cửa khẩu thì hầu hết là của các tỉnh trong cả nước, chứ còn của Lạng sơn thì không nhiều.

Theo số liệu của Cục thuế Lạng sơn, số thu năm 1991 là 60 tỉ đồng, năm 1992 là 50 tỉ đồng, năm 1993 là 170,525 tỉ đồng. Sở dĩ năm 1993 số thu tăng cao là do nhà nước giao cho Cục thuế tính thu thuế tiểu ngạch qua biên giới. Rõ ràng, từ ngày mở cửa, hàng hóa qua cửa khẩu Lạng sơn mỗi năm một nhiều. Cục thuế đã tổ chức tương đối tốt khâu thu thuế.

Theo tính toán của một số chuyên gia kinh tế, hàng ta xuất khẩu tiểu ngạch sang Trung quốc mỗi năm ước tính hàng trăm triệu USD, gồm : cao su, dầu dừa, chuối, gạo, lạc, cá đông lạnh, ếch, ba ba, lươn, đồ sứ, chiếu cói, hồi, thuốc lá... Còn hàng nhập về gồm các loại vật tư, sắt, thép, giấy, chỉ, dụng cụ y tế, vải, bia, đồ điện, phích, bát, cốc, chén, chiếu nhựa ... Đáng chú ý là việc xuất nhập khẩu hàng của ta và Trung quốc được thực hiện bằng cả con đường chính thức và không chính thức với đủ loại phương tiện chuyên chở như xe thồ, xe máy, gánh bộ, gùi... khiến cho cửa khẩu luôn nhộn nhịp, sôi động. Chỉ tính riêng trạm thuế Tân thanh (Văn lãng), mỗi tháng đã thu được 7 tỉ đồng thuế.

Tất nhiên, biên giới Lạng sơn với Trung quốc dài tới 253 km, nên việc kiểm soát hàng hóa qua lại không dễ. Các trạm thu thuế cửa khẩu và các đội chống thất thu thuế liên ngành phải làm việc khá vất vả vì hàng qua lại bằng nhiều đường, trong đó hàng luồn rừng lại chiếm số lớn. Các lái buôn thường câu kết chặt chẽ với đội quân "cửu vạn" (phần lớn là dân địa phương) luồn rừng mang hàng qua biên giới theo mức khoán hay hợp đồng được ký kết trước. Có thể nói, hầu hết các mặt hàng chịu thuế suất cao như bia, rượu, vải, xe đạp... đều được vận chuyển theo các đường mòn, tránh các cửa khẩu để trốn thuế. Các chủ hàng có vốn lớn thường không lộ mặt mà thuê "cửu vạn" vận chuyển hàng. Ai vận chuyển hàng cũng có thể tính trước được tiền công của mình dựa trên số hàng mình vận chuyển. Còn ở năm cửa khẩu chính như Tân thanh (Văn lãng), Hữu nghị quan (Cao lộc), Chi ma (Lộc bình), Bản chật (Đình lập) và Bình nghi (Trấng định), thì cán bộ thuế thường xuyên phải đối mặt với bọn đầu gấu vì đây là nơi hành nghề của bọn chúng. Chúng có nhiều thủ đoạn, kể cả chặn xe, để bắt các chủ hàng phải theo "luật" của chúng (như phải để cho đàn em của chúng được vận chuyển hàng, phải bán hàng cho chúng theo giá quy định...). Không ít vụ xô xát, đánh chửi nhau ... đã diễn ra, chỉ vì chủ hàng không chịu theo "luật" của chúng.

So với thời chưa mở cửa, đời sống nhân dân vùng biên Lạng sơn hiện nay khá hơn nhiều. Nhiều gia đình đã bỏ sản xuất nông nghiệp để chuyển sang buôn bán. Những gia đình không đủ vốn đi buôn thì chuyển sang làm "cửu vạn". Vì vậy, việc giáo dục họ đấu tranh chống buôn lậu và trốn thuế là việc làm không đơn giản. Có nhiều trường hợp trạm thuế liên ngành bắt giữ xe hàng trốn thuế, nhưng dân đứng ngoài nhìn, không tham gia. Thậm chí có trường hợp dân còn cùng gian thương chuyển hàng từ trên xe xuống, tẩu tán vào rừng. Đây thực chất là vấn đề quan hệ giữa dân với lực lượng thu thuế liên ngành, làm thế nào thu phục được lòng dân.

Sự giao lưu hàng hóa ở vùng biên sôi động khiến cho nhiều ngành, nhiều đơn vị, cá nhân có cơ hội buôn bán kiếm lời. Ngay một số đồn biên phòng cũng tham gia làm kinh tế. Thực tế cho thấy có đồn biên phòng còn bật đèn xanh cho dân đi theo đường mòn để vận

Digitized by Google

chuyển hàng hóa qua biên giới, trốn thuế. Mặt khác, cũng không ít trường hợp dân ở hai bên đường biên bàn với nhau tìm cách trốn thuế qua cửa khẩu. Chẳng hạn, hồi xuất qua biên giới có doanh số ước tới 120-160 tỉ đồng/năm, nhưng hầu như không thu được thuế cho ngân sách nhà nước. Đối với những mặt hàng quý hiếm như đồng, kền... dân buôn lậu thường thuê bọn đầu gấu (có vũ khí) để áp tải. Các lực lượng công an, hải quan, thuế, quản lý thị trường, bộ đội biên phòng mà ngại va chạm với chúng thì làm sao ngăn ngừa được hiện tượng trốn và lậu thuế ? Việc phối hợp thiếu chặt chẽ giữa các bộ phận thu thuế ở cửa khẩu và nội địa cũng làm cho việc quản lý và thu thuế gặp nhiều khó khăn. Thực tế một số cán bộ thuế đã phải bỏ nghề vì bị hành hung, đe dọa mà không được pháp luật bảo vệ. Không ít hộ kinh doanh chưa hiểu rõ và xem thường nghĩa vụ nộp thuế. Cả tỉnh có 6800 hộ kinh doanh, nhưng chỉ có 4678 hộ là có giấy phép. Tình trạng phổ biến là các hộ giấu doanh số hoặc thông đồng với cán bộ thuế để giảm mức thuế. Đương nhiên, việc giảm mức thuế và thất thu thuế không ít trường hợp còn do cán bộ thuế thiếu các phương tiện làm việc cần thiết.

Ngay các doanh nghiệp nhà nước cũng chưa thực hiện tốt cơ chế khoán kinh doanh. Một số đơn vị đã để cho tư nhân núp bóng mình kinh doanh và cùng ăn chia. Không ít trường hợp như vậy đã bị phát hiện, song do có ô dù che chắn, nên nhiều khi cán bộ thuế cũng bất lực.

Trong hàng ngũ cán bộ thuế cũng chưa kết các hiện tượng tiêu cực, móc ngoạc với đối tượng nộp thuế để trốn thuế và tham ô tiền thuế. Chỉ tính riêng trong năm 1993 và 6 tháng đầu năm 1994, Cục thuế Lạng sơn đã kỷ buộc thôi việc 42 cán bộ nhân viên (năm 1993 là 30 người, 6 tháng đầu năm 1994 là 12 người). Do trình độ quản lý điều hành công tác thu thuế ở các chi cục, trạm và đội thuế nói chung còn yếu, nên vẫn còn những trường hợp vận dụng chính sách tùy tiện, thu không đúng, không đủ, do để lọt các đối tượng phải nộp thuế và để sót doanh số tính thuế.

Vùng biên Lạng sơn là nơi người thập phương tới kinh doanh buôn bán, nên ngành thuế Lạng sơn rất cần có sự hỗ trợ của nhà nước, của Tổng cục thuế để những năm tới có được những điều kiện "cần" và "đủ" cho công tác thu thuế ở đây đạt hiệu quả cao. Mấy năm qua, thất thu thuế ở Lạng sơn còn rất lớn là do *mấy nguyên nhân chính* sau đây :

Một là, các ngành hữu quan như thuế, hải quan, quản lý thị trường, công an, bộ đội biên phòng chưa tổ chức tốt việc thu thuế ở cửa khẩu và nội địa. Các cấp, các ngành còn buông lỏng công tác quản lý và thu thuế. Sự phối hợp giữa các ngành với nhau chưa chặt chẽ.

Hai là, cơ chế và chính sách thuế chưa hợp lý, chưa đồng bộ, thuế suất còn chồng chéo, chưa bình đẳng về nghĩa vụ nộp thuế giữa các đối tượng và các thành phần kinh tế khiến cho việc thu thuế gặp nhiều khó khăn. Các doanh nghiệp nhà nước và các hộ kinh doanh lợi dụng sơ hở trong chính sách để lậu thuế và trốn thuế.

Ba là, các cấp ủy và chính quyền địa phương còn buông lỏng công tác quản lý, chỉ đạo thiếu kiên quyết, nên số người tham gia kinh doanh đã không chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế. Việc giáo dục quần chúng chấp hành chính sách thuế cũng chưa tốt, nên số hộ kinh doanh tăng, đội quân "cửu vạn" ngày một đông, song nguồn thu ngân sách lại không tăng tương xứng.

Bốn là, cán bộ ngành thuế, hải quan, công an, quản lý thị trường chưa được trang bị đầy đủ về nghiệp vụ, phương tiện, khiến cho việc thu thuế còn bị hạn chế. Cán bộ thuế quản lý thu trực tiếp ở các cơ sở chưa nắm vững chế độ chính sách, ngại va chạm, thậm chí có trường hợp còn móc ngoạc với đối tượng nộp thuế để trốn thuế, tham ô tiền thuế, vi phạm 10 điều kỷ luật của cán bộ ngành thuế.

Năm là, chưa coi trọng công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất về việc chấp hành 4 chế độ : thu nộp tiền thuế, quản lý biên lai ấn chỉ, quản lý kinh phí và quản lý hàng hóa tạm giữ, tịch thu ; về việc thực hành tiết kiệm trong chi tiêu, chống tham nhũng trong từng đơn vị thuế.

Digitized by Google

Để khắc phục những thiếu sót như đã nói ở trên, theo tôi, cần tập trung giải quyết một số vấn đề sau đây :

1. Bộ thương mại nên rà soát lại việc cấp giấy phép cho các doanh nghiệp nhà nước. Tránh tình trạng doanh nghiệp nhà nước để cho tư nhân núp bóng kinh doanh trốn thuế. Nhà nước cần ban hành ngay hệ thống biểu mẫu thống kê và sổ sách kế toán chuẩn mực cho các thành phần kinh tế. Với hình thức hóa đơn chứng từ như hiện nay thì việc thất thoát thuế là không tránh khỏi.

2. Cần quản lý chặt chẽ mặt bằng giá của một số hàng nông sản thực phẩm và hàng xuất khẩu. Thực tế có nhiều hàng nông sản xuất khẩu tính giá quá thấp so với giá thị trường nên đã dẫn đến thất thu thuế. Do đó, việc kiểm tra thực hiện biểu thuế phải gắn liền với việc xem xét giá cả tính thuế trong thời điểm cụ thể (căn cứ vào giá cả thị trường hoặc khung giá do nhà nước quy định,..). Chấm dứt tình trạng xử phạt theo cách trưng thu một lần, phạt hai lần. Vì sử dụng hình thức này dễ nảy sinh tiêu cực, trốn thuế.

3. Việc quản lý thị trường biên giới ở Lạng sơn cần coi trọng cả nhân tố xã hội và lợi ích kinh tế. Cán bộ thuế luôn tiếp xúc trực tiếp với dân. Đời sống cán bộ thuế trở nên khá giả trong khi đời sống của dân vùng biên còn nghèo, thì làm sao họ có thể nhiệt tình ủng hộ cán bộ thuế làm nhiệm vụ ? Xét cho cùng, người góp phần giữ đất và bám đất ở tuyến đầu là dân vùng biên. Vì vậy, nhà nước cần có chính sách hỗ trợ vốn cho dân ở đây để họ có thể ổn định và phát triển sản xuất, nâng cao mức sống, yên tâm bảo vệ vùng biên giới.

4. Việc tổ chức, sắp xếp lại lực lượng quản lý thu thuế ở cửa khẩu và nội địa, cần chú ý phân rõ phạm vi và quyền hạn. Không nên vì lợi ích kinh tế địa phương mà gây khó khăn cho việc quản lý thu thuế ở cửa khẩu. Bởi vì, mở mỗi cửa khẩu, nhà nước phải đầu tư lớn như : bãi để kiểm tra hàng, kho để bảo quản hàng tạm giữ, tổ chức lực lượng làm công tác thu thuế.

5. Về mặt tổ chức, đề nghị nhà nước cho ngành thuế được xây dựng lực lượng cưỡng chế thuế. Đây là một trong những biện pháp nhằm tăng "quyền lực" hay "sức mạnh" cho ngành thuế. Sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng làm công tác thuế với công an, hải quan, quản lý thị trường sẽ tạo thành sức mạnh tổng hợp bảo đảm thu thuế có hiệu quả hơn.

6. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện 4 chế độ : thu nộp tiền thuế, quản lý biên lai ấn chỉ, quản lý kinh phí ngành và quản lý hàng hóa tạm giữ, tịch thu, đưa công tác thuế vào nền nếp, đúng chế độ. Thực hiện tốt pháp lệnh kế toán thống kê nhằm quản lý thu đối với khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Gắn việc triển khai chế độ kế toán hộ cá thể với việc thực hiện chế độ lập hóa đơn chứng từ mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thu tiền theo tinh thần Thông tư 61 TC/TCT ngày 22-7-1993 của Bộ tài chính, tạo sự chuyển biến về chất trong việc thực hiện chế độ kế toán. Cùng với việc thực hiện chế độ kế toán, cần đưa hệ thống máy vi tính vào công tác quản lý thu thuế, bảo đảm số liệu chính xác, kịp thời, đầy đủ, đáp ứng với cơ chế mới.

7. Tăng cường phương tiện làm việc và cơ sở hạ tầng cho các đội thuế cơ động. Trước hết, cần trang bị máy bộ đàm, xe ô tô (U-oát) cho đội thuế liên ngành hoạt động trên địa bàn rộng, địa hình hiểm trở, phức tạp, nhằm liên lạc, phối hợp tốt với nhau trong việc truy bắt bọn buôn lậu và bọn "cửu vạn" trốn thuế. Đã xuất hiện đường dây buôn lậu ma túy qua Lạng sơn sang Hồng công (Trung quốc) và các nước khác. Đáng tiếc nhiều trường hợp, do lực lượng mỏng và thiếu phương tiện cần thiết, các trạm thuế liên ngành của ta đành chịu bó tay.

8. Coi trọng hơn nữa việc xây dựng mới cơ sở hạ tầng cho các trạm thuế nội địa (như bãi để xe, nhà kho, công trình điện tháp sáng, điện thoại, xe ô tô, xe máy (loại 250 phân khối)) để có thể làm tốt công tác thu thuế trên địa bàn. Lâu nay, các điều kiện và phương tiện nói trên còn thiếu, chưa đồng bộ, nên việc bắt, giữ hàng gặp nhiều khó khăn (chẳng hạn, vì không có kho để số hàng hóa bị xử lý, tạm giữ, nên đã dẫn đến mất mát, hư hao).

Digitized by Google

Tôi cũng thích

HẢI ĐƯỜNG

LẦN ấy, tôi về một xã nổi tiếng giàu có ở vùng châu thổ sông Hồng. Trong lúc câu chuyện đang "bốc", tôi hỏi chủ tịch xã :

- Ông cán bộ xã nào cũng kêu khó khăn, lương thấp, không muốn làm; nhưng nông dân thì lại bảo : "Kêu thế thôi, chứ các ông ấy thích làm lắm". Anh nghĩ gì về chuyện đó ?

- Đúng là có những người không muốn làm cán bộ xã thật đấy, nhưng số đó ít thôi, còn đa số vẫn thích làm. Như tôi đây chẳng hạn, tôi cũng thích.

Ông này thẳng thắn đây. Tôi nghĩ thế, bèn "chọc" :

- Vì sao, để làm giàu à ?

- Này, là nhà báo mà ông cứ "phỏng vấn" theo kiểu ấy thì chẳng ai nói thật đâu. Nhưng thôi, chỗ thân tình với nhau, lại là đồng hương nên tôi bỏ qua cho ông, không chấp! Còn vì sao nhiều người vẫn thích làm cán bộ xã ư ? Vì mấy lẽ như thế này :

Thứ nhất, lương của cán bộ xã đúng là thấp thật. Thí dụ, lương tôi và đồng chí bí thư đảng ủy chỉ vẻn vẹn có 160 000đ/tháng, tổng cộng cả năm chưa đầy hai triệu bạc, chỉ đủ chè, thuốc. Vì thế, vợ tôi bảo : "Ông cứ nghỉ quách cho khỏe, ở nhà làm giúp vợ con, tôi sẽ trả lương cho ông gấp ba lần lương xã". Nhưng đó mới chỉ là một vế của vấn đề. Còn phải nói thêm vế thứ hai nữa mới đủ và mới đúng bản chất. Này nhé, lương 160 000 đ/tháng đối với các anh và nhiều cán bộ khác nữa, chẳng đáng là bao; nhưng đối với người nông dân thì đó là khoản thu nhập đáng kể đó. Vả lại, anh cán bộ xã chỉ phải làm việc có nửa ngày; số thời gian còn lại tha hồ tập trung vào làm ruộng khoán, đầu tư cho VAC. Tóm lại, có tới 50% số thời gian để làm kinh tế gia đình. Thành ra thu nhập thực tế của cán bộ xã không anh nào dưới 400 000đ/tháng đâu.

Thứ hai, nói gì thì nói, làm anh cán bộ xã nó cũng có cái "vị thế xã hội" nhất định, được người nông dân họ nể, trọng (đây là nói những trường hợp cán bộ đứng đắn, không nói tới những anh chuyên tham nhũng, bất nạt dân). Rồi nữa, quan hệ xã hội nó cũng rộng rãi hơn; có con đi học, khi ra trường, muốn xin việc ở một cơ quan nào đó trên huyện cũng dễ dàng hơn so với những anh "chân trắng".

Thứ ba, nếu anh lãnh đạo giỏi, nội bộ đoàn kết, làm cho dân giàu, xã mạnh, thì dân sẽ cảm ơn anh, kính trọng anh và bản thân anh cũng có thêm phần lợi lộc. Đừng cho là người nông dân hẹp hòi, cạn nghĩ. Họ thực tế và độ lượng lắm. Anh làm lợi cho xã hàng tỉ đồng mà anh được hưởng vài triệu đồng họ cũng vui vẻ chấp nhận. Và như thế họ còn đánh giá anh cao hơn những người không bỏ vào túi mình một xu nào nhưng cũng không đem lại cho tập thể được một trinh nào.

Thứ tư, làm cái anh cán bộ xã (nhất là bí thư, chủ tịch) thì luôn được sống trong môi trường thông tin đa dạng, nhiều chiều. Con người "xã hội" ở anh ta trội vượt hơn con người "tự nhiên"; những giá trị tinh thần được trân trọng. Thế là cuộc sống đỡ tẻ nhạt. Con người không có giao tiếp xã hội, buồn chán và thiệt thòi đủ bề ông ạ.

Nói xong những điều trên, anh chủ tịch xã im lặng một chút, rồi bỗng đột ngột hỏi lại tôi :

- Này, tại sao báo chí các ông nhiều chuyện không nói toạc ra, cứ úp úp mở mở làm gì ?

- Thí dụ ?

- Như cái chuyện tôi với ông vừa trao đổi với nhau chẳng hạn. Cứ nói toạc ra, cứ sòng phẳng, minh bạch. Thế là dễ cho nhau.

Cùng bạn đọc

Do giá giấy tăng, để giảm bớt sự bù lỗ của ngân sách Đảng, bắt đầu từ tháng 1-1995, giá bán mỗi số *Tạp chí Cộng sản* là 2500đ.

Digitized by Google

NHÂN CHUYẾN THĂM VIỆT NAM CỦA ĐỒNG CHÍ GIANG TRẠCH DÂN

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA TRUNG QUỐC VÀ MỐI QUAN HỆ VIỆT - TRUNG

LÊ TỊNH

LỊCH sử quan hệ Việt nam và Trung quốc vừa chứng kiến một sự kiện trọng đại. Cuộc viếng thăm hữu nghị Việt nam của Tổng bí thư Đảng cộng sản Trung quốc, Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa Giang Trạch Dân đã thành công tốt đẹp. Đây là lần đầu tiên nhà lãnh đạo cao nhất của Đảng cộng sản Trung quốc thăm hữu nghị nước ta. Trước đây, Chủ tịch Trung quốc Lưu Thiếu Kỳ đã thăm Việt nam năm 1963 và Thủ tướng Chu Ân Lai đã thăm Việt nam năm 1971. Đảng cộng sản và nhân dân Việt nam hết sức quý trọng tình hữu nghị truyền thống và quan hệ hợp tác về nhiều mặt giữa hai nước, nên chúng ta đánh giá rất cao chuyến thăm Việt nam của đồng chí Giang Trạch Dân.

Việt nam và Trung quốc đều đang trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, đang cải cách đổi mới, đang công nghiệp hóa và hiện đại hóa, đang ra sức giải quyết hàng loạt vấn đề do vận hội và thách thức của thời đại tạo ra, nhằm không ngừng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân trong nước.

Trên các lĩnh vực đó, Trung quốc đã đi trước một bước. Công cuộc cải cách mở cửa và hiện đại hóa của Trung quốc đã đạt những thành tựu to lớn. Trung quốc sớm đưa ra chủ trương bốn hiện đại hóa từ thời Thủ tướng Chu Ân Lai, nhưng chỉ mới thật sự thực hiện từ năm 1978, khi Đảng cộng sản Trung quốc quyết định chuyển trọng tâm sang xây dựng kinh tế. Hiện đại hóa của Trung quốc thực chất là công nghiệp hóa, được thực thi theo phương châm : xuất phát từ thực tế Trung quốc về nguồn lực, về chế độ xã hội, về trình độ khoa học kỹ thuật, về bối cảnh quốc tế. Vì vậy, hiện đại hóa của Trung quốc trước hết là hiện đại hóa nông thôn, công nghiệp hóa nông nghiệp, xóa bỏ thuần nông, khuyến khích nông dân tăng thu nhập và làm giàu bằng cách phát triển nhiều ngành nghề, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Khi thu nhập nông dân được nâng cao, đã tạo ra một thị trường hết sức rộng lớn đối với hàng tiêu dùng và dịch vụ, những ngành có thể tăng trưởng rất nhanh do có dồi dào sức lao động. Lúc đầu người dân chỉ đòi hỏi những hàng tiêu dùng cơ bản về ăn, mặc, đi lại, nhưng dần dần, người ta cần đến những thứ đắt tiền hơn như ti vi, tủ lạnh, radiô cátxét, vidêô, ôtô con, xe tải, xây cất nhà cửa khang trang...

Cũng vì vậy mà một đặc trưng của công nghiệp hóa và hiện đại hóa của Trung quốc là sự phát triển công nghiệp hương trấn và chính sách ưu tiên công nghiệp nhẹ. Công nghiệp hương trấn ra đời trong tiến trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và phát triển nhiều ngành nghề ở nông thôn, thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp. Công nghiệp hương trấn chủ yếu thuộc loại hình kinh tế hợp tác, đó là giải pháp hữu hiệu nhất để giảm thất nghiệp, đem lại việc làm cho hàng trăm triệu người. Hiện nay công nghiệp hương trấn của Trung quốc có thể cạnh tranh với công nghiệp quốc doanh trên tất cả các mặt, kể cả xuất khẩu.

Phát triển công nghiệp nhẹ là nhằm tích lũy vốn từ công nghiệp để phát triển công nghiệp, xóa bỏ cách làm trước kia là phải nhờ nông dân đóng góp để ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. Chỉ có ưu tiên công nghiệp nhẹ mới có thể cải thiện nhanh đời sống và tích lũy vốn cho hiện đại hóa. Công nghiệp quân sự cũng được chuyển một phần sang dân sự. Việc ưu tiên công nghiệp nhẹ đến năm 1988 dẫn đến sự mất cân đối giữa công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng, nên phải đẩy công nghiệp nặng lên, phát triển cân bằng hai ngành này. Ưu tiên phát triển công nghiệp nhẹ và dịch vụ là để đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng của thị trường 1,2 tỉ người, trong đó trên 80% là ở nông thôn ; không ngừng tăng mức sống và sức mua của nông dân, bảo đảm thị trường cho công nghiệp, làm cho người đầu tư vào công nghiệp yên tâm và tích cực bỏ vốn để sản xuất kinh doanh. Đó là yếu tố hàng đầu đưa kinh tế Trung Quốc liên tục tăng trưởng cao trong hơn một thập kỷ qua. Và đó cũng là một trong những thành công lớn nhất của Trung quốc. Điều này một phần được thể hiện qua việc hàng tiêu dùng Trung quốc tràn ngập thị trường trong nước và ngoài nước, kể cả ở Mỹ và phương Tây.

Để giải quyết vấn đề vốn cho công nghiệp hóa, Trung quốc một mặt ra sức tích lũy từ nội

Digitized by Google

bộ, mặt khác tranh thủ vốn nước ngoài. Mục tiêu của Trung quốc là dùng vốn nước ngoài, bao gồm thiết bị, vật tư, công nghệ hiện đại, chất xám và vốn bằng tiền, để thúc dẩy sản xuất trong nước, nâng cao mặt bằng năng suất và hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế, từ đó tăng tích lũy nội bộ. Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài được coi là chất xúc tác thiết yếu ban đầu. Vốn ấy, chủ yếu là từ các nước phương Tây. Hòa nhập vào kinh tế và chính trị thế giới, nhưng giữ vững bản sắc dân tộc, đó là yếu tố quan trọng khiến Trung quốc giữ được tốc độ tăng trưởng 9% hằng năm trong 14 năm qua, trong khi về cơ bản vẫn giữ được ổn định xã hội. Tính đến năm 1993, Trung quốc thu hút được trên 80 tỉ USD vốn nước ngoài dưới mọi hình thức. Nửa năm đầu 1994, vốn ấy tăng hơn gấp rưỡi năm trước, ngoại thương tăng trên 25%, kinh tế tăng trưởng 11,6% so với dự kiến 9% cho cả năm. Hiện nay Trung quốc có thể tích lũy nội bộ khá cao : 30% GDP, và tỉ lệ đầu tư cũng chiếm 30% GDP; khu vực quốc doanh góp 57% GDP. Trung quốc rất chú trọng động viên nguồn vốn trong xã hội bằng mức lãi suất hợp lý và khuyến khích gửi tiền tiết kiệm. Hàng năm các quỹ tiết kiệm thu được 1400 tỉ nhân dân tệ, trong đó có thể trích 35 - 40% để đầu tư phát triển sản xuất. Đó là một tỉ lệ hiếm có trên thế giới.

Sự chuyển biến đáng kể nhất và tích cực nhất là việc xác định : nền kinh tế xã hội của Trung quốc là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Xây dựng kinh tế thị trường để đưa kinh tế xã hội Trung quốc hòa nhập vào kinh tế xã hội thế giới, bảo đảm công nghiệp hóa và hiện đại hóa thành công. Xây dựng đảng vững mạnh để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm đường lối cơ bản trong 100 năm không thay đổi.

Ngoài kinh tế xã hội, Trung quốc còn đạt được những bước tiến nổi bật về khoa học kỹ thuật, văn hóa, văn nghệ, điện ảnh, thể dục thể thao.

Vai trò và vị trí quốc tế của Trung quốc tăng lên chưa từng thấy. Nếu có cái gọi là "đại nhảy vọt" ở Trung quốc thì không phải là cái đã diễn ra trước kia mà là cái đang diễn ra và thế giới đang chứng kiến. Đó là những mảng sáng của bức tranh toàn cảnh. Tuy nhiên Trung quốc cũng đang vấp phải vấn đề nổi cộm : xây dựng trùng lắp do chạy đua theo lợi nhuận. Hiện nay Trung quốc chỉ cần 10 triệu tủ lạnh nhưng năng lực sản xuất lên tới 26 triệu. Nhiều ngành khác cũng có hiện tượng tương tự. Phải điều hành vĩ mô để chấn chỉnh. Thất nghiệp, lạm phát, giá cả có lúc tăng vọt, chênh lệch giàu nghèo, cách biệt giữa nông thôn và thành thị, giữa vùng ven biển và nội địa; tệ tham nhũng, ô nhiễm tinh thần và ô nhiễm sinh thái... Đó đều là những vấn đề gay cấn, gây trở ngại không nhỏ cho tiến trình hiện đại hóa. Đó là những khó khăn không tránh khỏi trong trưởng thành.

Với phương châm coi cải cách là động lực, lấy phát triển làm mục đích, giữ vững ổn định là tiền đề, Trung quốc đang vững bước tiến mạnh trên con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa dưới ngọn cờ của lý luận về chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung quốc.

Chúng ta chân thành vui mừng trước những thành tựu to lớn của nhân dân Trung quốc. Chúng ta hy vọng sự lớn mạnh của Trung quốc là nhân tố quan trọng góp phần vào việc gìn giữ hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực và thế giới.

Từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ, kể từ chuyến thăm Trung quốc của Tổng bí thư ĐCS Việt nam Đỗ Mười và Thủ tướng Việt nam Võ Văn Kiệt tháng 11-1991, hai bên đã thỏa thuận thực hiện các cuộc gặp gỡ cấp cao hằng năm. Việc lãnh đạo cấp cao hai nước thường xuyên gặp nhau trao đổi ý kiến là nhằm tăng cường hiểu biết và tin cậy lẫn nhau, củng cố quan hệ hữu nghị hợp tác lâu bền giữa hai nước. Chuyến thăm Việt nam của Thủ tướng Trung quốc Lý Bằng tháng 10-1992 và chuyến thăm Trung quốc của Chủ tịch Lê Đức Anh tháng 11-1993, đều đánh dấu những bước tiến tích cực theo phương hướng nói trên. Ngoài ra, hai nước còn trao đổi nhiều đoàn thuộc nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều địa phương. Hàng loạt hiệp định và thỏa thuận về kinh tế thương mại, văn hóa, khoa học kỹ thuật đã được ký kết và từng bước đi vào thực hiện, đặc biệt ngày 22-11 vừa qua hai bên đã ký "Hiệp định thành lập ủy ban hợp tác kinh tế thương mại Việt nam- Trung quốc"... và thỏa thuận thành lập nhóm chuyên viên về vấn đề trên biển tức là vấn đề có liên quan đến các quần đảo, ngoại trừ nhóm vấn đề trên bộ và nhóm vấn đề Vịnh Bắc bộ đã có từ trước.

Để phù hợp với xu thế quốc tế hiện nay, Việt nam và Trung quốc đều chủ trương đa dạng và đa phương hóa quan hệ đối ngoại, trong khi chú trọng việc củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác cùng có lợi và láng giềng thân thiện giữa hai nước, thúc dẩy quan hệ đó phát triển lâu dài, ổn định và ngày càng sâu rộng; đồng thời kiên trì dùng biện pháp thương lượng hòa bình, để giải quyết bất đồng, không để những bất đồng ảnh hưởng đến quan hệ bình thường giữa hai nước.

Với những kết quả tốt đẹp đã đạt được, cuộc thăm Việt nam của Tổng bí thư ĐCS Trung quốc, Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa Giang Trạch Dân là sự đóng góp quan trọng đưa quan hệ Việt - Trung lên trình độ cao hơn và phạm vi rộng hơn.

Digitized by Google

CHẾ ĐỘ XÃ HỘI. CHẾ ĐỘ KINH TẾ

● **CHẾ ĐỘ XÃ HỘI** là một tổng thể thống nhất mục tiêu, phương hướng và cách thức mà một quốc gia lựa chọn và vận dụng theo một cơ chế nhất định để xây dựng và phát triển đất nước.

Nói đến một chế độ xã hội là nói đến sự vận động thống nhất hữu cơ giữa các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội tạo thành một cơ thể xã hội sống động. Trong tổng thể các yếu tố tạo nên chế độ xã hội, yếu tố kinh tế là nền tảng, chi phối các yếu tố khác. Kinh tế hoạt động thông qua tác động qua lại giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất.

Hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội phản ánh hoạt động kinh tế, nhưng mang tính độc lập tương đối và có tác dụng tích cực trở lại đối với hoạt động kinh tế. Có thể nói, yếu tố kinh tế nào giữ vai trò chủ đạo thì chính trị, văn hóa, xã hội đương nhiên phụ thuộc và thay đổi theo nó.

Với nền kinh tế hoang sơ thời xa xưa, xã hội ta đã biết là chế độ *cộng sản nguyên thủy* với các bộ lạc riêng rẽ, chưa có giai cấp, chưa có nhà nước. Khi kinh tế phát triển cao hơn, chế độ *chiếm hữu nô lệ* ra đời cùng với sự xuất hiện giai cấp, nhà nước. Ở đây, nền kinh tế tuy có tiến bộ hơn trước, nhưng do quan hệ sản xuất là tư hữu, nên nảy sinh bóc lột về kinh tế, cưỡng bức về chính trị, nô dịch về văn hóa. Chế độ *phong kiến* phủ định chế độ chiếm hữu nô lệ trên cơ sở kinh tế đã phát triển cao hơn một nấc, nhưng quan hệ sản xuất vẫn là tư hữu, nên vẫn không tránh khỏi các hiện tượng : bóc lột theo kiểu phong kiến; quyền lực chính trị tập trung vào tay vua chúa; văn hóa xã hội bị phân chia thành đẳng cấp và theo cung đình. Chế độ *tư bản chủ nghĩa* ra đời chứng tỏ sự phát triển vượt bậc về kinh tế, nhưng làm sâu sắc hơn tính tư hữu, con người bị tha hóa, bộ mặt văn hóa xã hội bị biến dạng nghiêm trọng. Ngày nay, các nước tư bản chủ nghĩa tuy có tự điều chỉnh và đạt được những tiến bộ về kinh tế, khoa học kỹ thuật, nhưng chế độ xã hội đó vẫn mang nhiều mâu thuẫn, bệnh hoạn không khắc phục được.

Chế độ *xã hội chủ nghĩa* ra đời từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga, là chế độ xã hội khác về chất so với các chế độ xã hội trước nó. Đó là chế độ dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu. Nó xóa bỏ dần dần bóc lột và phân hóa giàu nghèo; phát triển nền kinh tế nhiều thành phần trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước; thực hiện nền dân chủ do nhân dân lao động làm chủ thông qua chính quyền của nhân dân; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; bảo đảm sự bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc trong nước. Đảng cộng sản lãnh đạo là yếu tố quyết định bảo đảm tính chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Qua sự sụp đổ của Liên xô và các nước Đông Âu, chế độ xã hội chủ nghĩa đã được nhận thức lại đúng đắn và đầy đủ hơn. Thực hiện công cuộc cải cách, đổi mới, mở cửa, một số nước xã hội chủ nghĩa đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, khẳng định sự lựa chọn chế độ xã hội chủ nghĩa là đúng đắn.

● **CHẾ ĐỘ KINH TẾ** là cách thức tổ chức và vận hành cơ chế để sản xuất ra của cải vật chất nhằm thỏa mãn các nhu cầu của nhân dân ở một quốc gia. Hạt nhân cơ bản của chế độ kinh tế là *quan hệ sản xuất* bao gồm các mặt: sở hữu, quản lý và phân phối, trong đó *quan trọng nhất* là *hình thức sở hữu* (hay *chế độ sở hữu*) được pháp luật thừa nhận. Chế độ sở hữu là đặc trưng quan trọng nhất để phân biệt các chế độ xã hội. Nó không chỉ quyết định các yếu tố khác của kinh tế, mà còn chi phối các yếu tố khác trong xã hội như chính trị, văn hóa, y tế, giáo dục, quốc phòng ... Quan hệ sản xuất cùng với lực lượng sản xuất tương ứng về tính chất và trình độ tạo thành phương thức sản xuất. Phương thức sản xuất vận động và phát triển không ngừng trong mối quan hệ chặt chẽ với các yếu tố cơ bản khác của xã hội.

Để phân biệt chế độ chính trị, chế độ xã hội, người ta căn cứ trước hết vào chế độ kinh tế, vào chế độ sở hữu. *Chủ nghĩa tư bản* xây dựng chế độ kinh tế dựa vào *sở hữu tư nhân* về tư liệu sản xuất; còn *chủ nghĩa xã hội* xây dựng chế độ kinh tế dựa vào *sở hữu công cộng* về những tư liệu sản xuất chủ yếu.

Bản chất của chế độ kinh tế thể hiện ở mục đích của sản xuất vật chất nhằm thỏa mãn nhu cầu của ai. Nếu là sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, thì mục đích của sản xuất vật chất là nhằm bảo đảm lợi nhuận tối đa cho các ông chủ, cho các cá nhân. Còn nếu là sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất thì mục đích của sản xuất vật chất là nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu của đại đa số nhân dân lao động. Vì vậy, chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa là tiến bộ, nhân đạo hơn chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Chế độ kinh tế rút cục phải thúc đẩy sản xuất xã hội phát triển. Dương nhiên, để sản xuất ra nhiều của cải vật chất cho xã hội, còn cần có các yếu tố quan trọng khác như tài nguyên, khoa học kỹ thuật, môi trường, dân số ... Chế độ kinh tế gắn chặt với chế độ xã hội, và tác động lẫn nhau. Chế độ kinh tế tiến bộ có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của xã hội. Ngược lại, chế độ xã hội tốt đẹp ảnh hưởng tích cực đến sự tăng trưởng kinh tế.

Digitized by Google

● HỘI THẢO VỀ TƯ TƯỞNG DÂN VẬN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Bài báo "Dân vận" của Chủ tịch Hồ Chí Minh được viết cách đây 45 năm. Đây là một trong những tác phẩm thể hiện tập trung và rất sâu sắc tư tưởng của Người về công tác dân vận. Đến nay bài báo còn nguyên ý nghĩa, giá trị lý luận và thực tiễn.

Ngày 12.11.1994, nhân kỷ niệm 45 năm bài báo "Dân vận" của Bác Hồ, tại Hà nội, Ban dân vận trung ương đã tổ chức hội thảo : "*Tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh*". Các đồng chí Vũ Oanh, Nguyễn Hà Phan, Trương Mỹ Hoa, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Cơ Thạch, Hoàng Tùng, Đặng Xuân Kỳ, Hữu Thọ, Vũ Quang cùng nhiều nhà khoa học, cán bộ nghiên cứu đã đến dự và tham gia hội thảo.

32 tham luận gửi đến hội thảo đã đề cập nhiều vấn đề xung quanh tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân vận. Các tham luận đều khẳng định sức sống mãnh liệt, giá trị trường tồn, tính thời sự nóng bỏng của bài "Dân vận". Tuy bài báo ngắn nhưng đã nêu rất đầy đủ, rất xúc tích và rõ ràng những quan điểm cơ bản của Đảng ta về công tác dân vận.

Cội nguồn, cốt lõi tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh là gì ? Một số tham luận đã khẳng định : Đó là sự vận dụng sáng tạo và kết hợp nhuần nhuyễn nguyên lý mácxít - lêninnít "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" với truyền thống của dân tộc "nước lấy dân làm gốc", "đẩy thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân".

Quán triệt, vận dụng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân vận, dân chủ vào việc xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt nam là vấn đề đã được nhiều đồng chí đề cập, đi sâu phân tích lý giải. So với mục tiêu mà Bác Hồ đề ra là "bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân, công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân ..." thì chính quyền của chúng ta hiện nay còn có những yếu kém, bất cập. Nhiều ý kiến nhấn mạnh không thể bằng lòng với những gì chúng ta đã đạt được mà phải cố gắng rất cao theo yêu cầu của Bác, làm cho Nhà nước ta thật sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Một số tham luận đi sâu phân tích vai trò của dân trong thiết chế nhà nước hiện nay, từ đó đề nghị phải đổi mới cách làm, bảo đảm để "dân biết", "dân bàn", "dân kiểm tra", thực hiện quyền dân chủ của mình thật sự có hiệu quả. Hiện nay ở một số nơi có tình trạng phản dân chủ, phản dân vận ; người dân vẫn cảm thấy mình chưa thật sự được làm chủ.

Một trong những vấn đề bức xúc, nhức nhối được nhiều người quan tâm là tuy chúng ta đã đạt được những thành tựu bước đầu quan trọng trong công cuộc đổi mới, nhưng căn bệnh quan liêu, xa dân, quay lưng lại với dân, tham nhũng... vẫn đang rất nghiêm trọng. Không ít cán bộ , đảng viên đã trở thành những "ông quan cách mạng" xa dân, ít biết đến nguyện vọng của dân, thậm chí làm ngược lại quyền lợi, vi phạm quyền làm chủ của dân, bị dân chán ghét...

Vấn đề ai phụ trách dân vận cũng được đề cập nhiều trong các tham luận. Bác Hồ đã nói rất rõ, rất cụ thể là "tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân (Liên Việt, Việt Minh...) đều phải phụ trách dân vận". Nhưng thực tế hiện nay ở nhiều nơi vẫn lặp lại những sai lầm mà cách đây gần nửa thế kỷ Bác Hồ đã chỉ ra là :"khuyết điểm to ở nhiều nơi là xem khinh dân vận. Cứ ra một ban hoặc vài người, mà thường cử những cán bộ kém rồi bỏ mặc họ. Vận được thì tốt, vận không tốt cũng mặc. Những cán bộ khác không trông nom, giúp đỡ, tự cho mình không có trách nhiệm dân vận. Đó là sai lầm rất to, rất có hại".

Nhiều ý kiến đề nghị phải đưa bài báo "Dân vận" của Bác Hồ vào chương trình giảng dạy ở các trường đào tạo bồi dưỡng cán bộ Đảng, Nhà nước ; yêu cầu mọi cán bộ, đảng viên phải làm tốt công tác dân vận ; " những người phụ trách dân vận cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm ; chứ không phải chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh". Bài báo "Dân vận" của Chủ tịch Hồ Chí Minh phải thực sự là bài học hàng ngày, bài học suốt đời của mỗi cán bộ, đảng viên.

VŨ LÂN (thực hiện)

● HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

Vừa qua, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Trung tâm thông tin tư liệu) phối hợp với tổ chức Hanns Seidel Foundation (HSF) Cộng hòa liên bang Đức, tổ chức cuộc hội thảo quốc tế về đề tài "Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế Việt nam". Gần 80 nhà khoa học, quản lý đầu ngành trong nước và quốc tế đã tham dự hội thảo. Sau đây là một số vấn đề quan trọng rút ra từ 25 bản tham luận, trong đó có 4 bản của các nhà khoa học nước ngoài, được gửi đến hội nghị.

Hội thảo đã tập trung phân tích chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt nam và kinh nghiệm thế giới, nhất là của các nước trong khu vực.

Digitized by Google

Một số đại biểu cho rằng Việt nam đang đứng trước sự thách đố của khu vực và thế giới. Phát triển kinh tế trong bối cảnh thiếu vốn, thừa lao động, Việt nam phải tạo được một hệ thống chính sách phát triển kinh tế xã hội phù hợp, khuyến khích được các ngành công nghiệp thu hút nhiều lao động, giải quyết việc làm, có khả năng thu hồi vốn nhanh. Đó có thể là các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, chế biến nông, lâm, hải sản, gia công lắp ráp điện tử, tin học ... Đồng thời, cần lựa chọn những ngành nào có thể phát huy được lợi thế so sánh của mình trong thị trường khu vực và thế giới. Cũng có đại biểu cho rằng nếu phát triển ngành nghề thu hút nhiều lao động thì sản phẩm sẽ không đủ sức cạnh tranh. Tuy nhiên, việc thu hút công nghệ tiên tiến và bí quyết ngành nghề lại phải có quá trình và phải xuất phát từ thực tế.

Có ý kiến cho rằng Việt nam nên hướng về xuất khẩu, và phải hết sức linh hoạt. Bước đi thích hợp nhất là : trước hết phải giải quyết việc làm, chuẩn bị một thị trường trong nước và cơ sở vật chất kỹ thuật, đầu tư vào vốn con người và phát triển trí tuệ, thiết lập một nhà nước đủ mạnh và có thể chế đảm bảo tăng trưởng kinh tế. Đó là những giải pháp hết sức quan trọng. Đài loan và Hàn quốc cũng trải qua giai đoạn thay thế nhập khẩu trong những năm 50, chuyển sang hướng về xuất khẩu trong những năm 60. Đến lúc không còn dư thừa lao động không có tay nghề vào những năm 70, họ chuyển sang giai đoạn thay thế nhập khẩu và hướng về xuất khẩu lần thứ hai một cách dễ dàng. Đó chính là vai trò thể chế mềm dẻo của chính sách : chính sách về bảo hộ sản xuất nội địa, kiểm soát nhập khẩu, nhiều hồi suất ngoại tệ, chính sách thuế nhằm khuyến khích đầu tư vào sản xuất, kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng trùng lắp, chính sách tài chính tập trung, phát huy vai trò ngân hàng, chính sách tiền lương, chống tham nhũng... Tình trạng thâm hụt ngân sách nặng nề, lạm phát ... cũng xuất hiện ở hai nước này vào những năm 50, nhưng nhẹ nhàng hơn ở các nước đang phát triển khác. Đó là vì hai nước này đã cố gắng nhanh chóng chuyển từ việc dùng lạm phát để bù thâm hụt ngân sách sang một chế độ dùng thuế để bù. Hai nước này thi hành chế độ thuế thu nhập, không dùng thuế gián tiếp như ở các nước khác. Khi tài chính thiếu hụt, họ dùng lãi suất cao để điều chỉnh, không phát hành thêm tiền. Nhờ coi trọng phát triển nguồn lực con người và khoa học kỹ thuật, khi lao động dư thừa đã hết, họ chuyển sang giai đoạn sử dụng kỹ thuật cao. Việc thực hiện mô hình hướng về xuất khẩu phải thực hiện chính sách tỷ giá hối đoái hợp lý. Lý thuyết về thương mại quốc tế và thực tiễn của các nước đã công nghiệp hóa cho thấy, phải cố gắng duy trì một tỷ giá hối đoái thấp (đánh tụt giá đồng tiền trong nước theo từng bước hợp lý) trong một thời kỳ dài, đó luôn là một trong những công cụ để thúc đẩy xuất khẩu. Mặt khác, lại phải biết thực hiện mọi giải pháp cần thiết để đồng nội tệ có thể chuyển đổi được.

Trong thời gian qua, Việt nam ổn định và nâng cao giá trị đồng tiền, giữ mức lạm phát thấp là cần thiết. Nhưng nếu tiếp tục kéo dài sẽ có nguy cơ hạ thấp mức đầu tư. Nâng cao đồng nội tệ tác hại đến nhập khẩu, nghĩa là sự ổn định không bù đắp được cho nhập khẩu. Chỉ riêng về quan điểm sản xuất trong nước cũng thấy được nhập khẩu nhiều là tạo công ăn việc làm cho công dân nước ngoài hơn là cho công dân Việt nam, và làm giảm khả năng xuất khẩu của đất nước. Các nhà xuất khẩu bị thua lỗ vì giá đồng nội tệ cao. Việc thi hành một chính sách xuất khẩu thích hợp cũng đồng nghĩa với việc nâng cao khả năng cạnh tranh hàng bản địa trên thị trường quốc tế.

Về chính sách thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp (FDI), có thể mỗi thời kỳ và mỗi nước có những điều kiện khác nhau. Đài loan, Hàn quốc, Xin-ga-po, trong thời kỳ đầu, vốn nước ngoài là nhân tố quyết định. Vốn nước ngoài ở đây cần hiểu theo nghĩa : vốn tài chính và công nghệ mới. Trong những năm qua, đầu tư nước ngoài vào Việt nam cũng đã tăng lên đáng kể. Nhưng sử dụng như thế nào có hiệu quả là vấn đề cần xem xét nghiêm khắc. Giáo sư Dr. Mc Govern, trường Đại học kỹ thuật Nanyang Xin-ga-po đã đưa ra nhiều dẫn chứng thú vị. Ông ví đầu tư nước ngoài trực tiếp như một trò chơi. Chẳng ai thắng chẳng ai thua, nhưng có một ý nghĩa hết sức to lớn, người tham gia "luật chơi" phải biết mình muốn gì, và phải xem xét kỹ thị trường thế giới. Chí ít là những thị trường chung quanh ta. Phải biết ai là đối tượng cạnh tranh của mình và họ đang làm gì ? Đầu tư nước ngoài trực tiếp thường là tài sản vô hình như bí quyết kỹ thuật, lao động, dịch vụ lập các phương án kế hoạch hóa... Vì vậy, việc đào tạo con người để tiếp nhận và sử dụng những cái đó là điều kiện tiên quyết - không có đội ngũ nhân tài đó, không thể nói tới hiện đại hóa đất nước. Kinh nghiệm thành công và thất bại đều quy tụ ở điểm mấu chốt này.

Nhận đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) là cơ hội để nước sở tại nhận được kỹ thuật, kỹ năng quản lý, một lực lượng lao động được đào tạo, cơ sở hạ tầng thương mại được cải thiện và nhiều lợi ích khác. Tuy nhiên, nhận được đầu tư trực tiếp của nước ngoài không dễ dàng. Vấn đề chính là phải có chính sách thích hợp và tạo ra môi trường đầu tư ổn định để thu hút được vốn đầu tư đó và quản lý nó sao cho có lợi cho cả hai bên. Phải thấy được *bốn đặc trưng* của FDI.

Một là, FDI là "cửa sổ thời cơ" đối với nhiều nước đang phát triển. Phần lớn đầu tư trực tiếp nước ngoài diễn ra trong thời kỳ "trang mật". Việt nam phải biết tận dụng tối đa thời kỳ ham chuộng ban đầu để xây dựng một môi trường mà đầu tư nước ngoài đang tìm kiếm. Giáo sư Dr Mc Govern cho rằng thời kỳ trang mật ngày càng ngắn. Đối với Việt nam có lẽ là 10 năm, trước khi những nước như Mi-an-ma trở nên hấp dẫn hơn.

Digitized by Google

Hai là, không được quên là hiện nay nhiều nước đang phát triển đang cạnh tranh nhau trong nguồn vốn đầu tư hạn chế, nhiều trường hợp phải trở về tay không. Vì thế, cả sự hấp dẫn về môi trường đầu tư lẫn giá trị thu hồi vốn sau đầu tư, là những nhân tố tác động rõ rệt đối với sự lựa chọn của nhà đầu tư.

Ba là, "tất yếu chiến lược". Nghĩa là nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các công ty quốc tế lớn, cảm thấy nên đầu tư vào thị trường này hơn là đầu tư vào thị trường khác. Giá trị "mới mẻ" của Việt nam ở Đông-Nam Á có thể tạo ra "tất yếu chiến lược" của mình.

Bốn là, các nhà đầu tư nước ngoài chỉ bỏ vốn khi thấy có lợi. Căn cứ và điều kiện để tính toán lợi ích là việc bảo đảm môi trường ổn định về chính trị - kinh tế và chính sách cởi mở, nhất quán.

Để thu hút vốn đầu tư FDI, Việt nam có thể rút bài học của Thái - lan và Ma-lai-xi-a trên nhiều mặt : về chủ quyền kinh tế, về phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển thương mại, phát triển nguồn nhân lực... Nhưng rút bài học là để tạo thuận lợi tiếp thu khoa học mới nhất, tạo ra bước nhảy vọt trong nhiều lĩnh vực then chốt, chứ nếu rút bài học để bắt chước thì sẽ là sai lầm. Nếu không ý thức được điều đó, thì 20 năm sau, Việt nam lại phạm những khuyết điểm như các nước đi trước.

Như vậy, việc sử dụng FDI, Việt nam cũng có thể hưởng lợi nhiều mặt trong tương lai lâu dài. Nhưng nếu không có những cách làm thích hợp thì hiểm họa cũng sẽ đến. Nghĩa là, số ngoại tệ và tiền thuế nộp cho chính phủ sở tại chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn. Và chỉ có một số cá nhân thu được những món lời kếch sù trong thời gian ngắn đó. Mười năm sau, "cánh cửa thời cơ" không nhất thiết còn mở cho Việt nam nữa. Điều then chốt là phải biết khai thác một cách khôn ngoan.

Giáo sư L.M. Ca-lin-go (trường Đại học tổng hợp kỹ thuật Nanyang Xin-ga-po) cho rằng, ngày nay các nước đang phát triển muốn công nghiệp hóa thành công cần vươn ra thị trường thế giới. Điều đó đòi hỏi phải làm ăn với các công ty xuyên quốc gia. Các công trình nghiên cứu cho thấy, nước sở tại muốn liên doanh có hiệu quả với các công ty đa quốc gia, cần giải quyết tốt nhiều vấn đề và nhiều mối quan hệ. Đó trước hết là giải tỏa sự khác biệt về mục tiêu của các bên liên doanh, về sự nhận thức khác nhau đối với lợi nhuận và các khoản chi phí; về sự đóng góp các loại vốn cho liên doanh; phải dàn xếp những mâu thuẫn giữa yêu cầu quốc tế hóa, toàn cầu hóa của các công ty đa quốc gia với phương hướng quốc gia của người đối tác địa phương; những bất đồng về thuế tài nguyên, về chi phí quản lý, về giá cả chuyển giao công nghệ, về chi phí của trụ sở liên doanh, về chiến lược kinh doanh, về việc ra quyết định và phong cách quản lý, v.v..

Muốn liên doanh thành công, còn phải san bằng sự cách biệt về văn hóa. Một cuộc điều tra gần đây cho thấy khoảng cách về văn hóa càng rộng sẽ khó thông cảm nhau. Nghiên cứu 10 nước có đầu tư nhiều vào Việt nam tính đến ngày 7-7-1994 cho thấy : các nhà doanh nghiệp và quản lý Việt nam gặp ít khó khăn nhất là khi làm việc với các nhà đầu tư Thái - lan, Hàn quốc, Đài - loan, Xin-ga-po, và Hồng công (theo thứ tự tăng lên về khó khăn) và gặp khó khăn nhất khi làm việc với những nhà đầu tư Anh, Mỹ, Ô-xtơ-rê-li-a, Nhật bản và Hà lan (theo thứ tự khó khăn bớt đi). Các bên đối tác có sự cách biệt về văn hóa, cần có sự giúp đỡ của bên hữu quan bằng cách đào tạo về văn hóa để nhận biết, duy trì và tái tạo một trình độ ứng xử thích hợp.

Về vấn đề quan hệ giữa đầu tư nước ngoài và văn hóa dân tộc, chính phủ sở tại cần có một chính sách nhằm làm cho đầu tư nước ngoài ít gây ảnh hưởng xấu đối với văn hóa truyền thống. Ít nhất là làm cho mọi người dân địa phương không mơ hồ cho rằng đầu tư nước ngoài không có liên quan gì đến văn hóa dân tộc. Về mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội, ở Việt nam lâu nay, chính phủ trực tiếp giải quyết các hậu quả về xã hội do kinh tế gây ra. Truyền thống ở phương Tây là các nhóm tự động gây áp lực có đối trọng chống lại sức mạnh của các tập đoàn kinh doanh lớn. Ở Việt nam, chính phủ phải có chính sách để ổn định xã hội, điều hòa các loại lợi ích phù hợp với truyền thống dân tộc và định hướng chính trị, tránh phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo, phân hóa giai cấp. Đồng thời, cần xúc tiến mạnh mẽ việc xã hội hóa lĩnh vực hoạt động xã hội này.

Hội thảo đã đưa ra nhiều thông tin quan trọng xoay quanh những vấn đề cơ bản như cơ sở khoa học của việc hoạch định chiến lược công nghiệp hóa và hiện đại hóa, tổ hợp giải pháp khai thác tiềm năng mọi mặt, những quan điểm về xây dựng mục tiêu, lựa chọn cơ cấu, bước đi và tác động của văn hóa trong quá trình hiện đại hóa, đặc biệt là vấn đề đào tạo nhân tài kỹ thuật và quản lý. Nếu thiếu nhân tài, kể cả nhân tài ra quyết định, thì không chỉ dẫn đến năng suất thấp mà có thể dẫn đến sai lầm, do không có năng lực phân tích tiềm năng trong nước và môi trường quốc tế, không thấy được đối tượng cạnh tranh của mình, không biết được những nước chung quanh mình đang làm gì, từ đó không thể nào có chiến lược đúng. Việt nam hiện đã có một đội ngũ cán bộ khoa học khá, nhưng vẫn còn rất ít so với các nước phát triển, và vẫn còn thua xa các nước trong khu vực như Thái - lan, Phi-lip-pin, Xin-ga-po...

THANH TÙNG (Tổng thuật)

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CÔNG TY DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ CỬU LONG-TỈNH VĨNH LONG

PHARIMEXCO



Địa chỉ : *150 đường 14/9 Thị xã Vĩnh Long*
ĐT : *22216 - 23268*
Telex : *812550 PBL.CT.VT*
Fax : *8621*

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
HÀ NỘI : *138B Giảng Võ* ĐT : *32182*
TP.HCM : *13 Nguyễn Văn Thủ Phường DaKao - Quận I* ĐT : *225927*

GIÁM ĐỐC LƯƠNG VĂN HÓA

Công Ty Dược và Vật Tư Y tế Cửu Long Tỉnh Vĩnh Long là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập từ đầu năm 1976. Trải qua quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty là đơn vị điển hình ở Đồng Bằng sông Cửu Long, vượt qua khó khăn về nhiều mặt để vươn lên. Từ chỗ chỉ đạt mức doanh thu hàng năm hơn 20 tỷ đồng, đến nay tỉ lệ đó đã tăng dần lên 56 tỷ đồng (năm 1990) trên 100 tỷ đồng kể từ năm 1991 đến nay, cao nhất so với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và sắp đến theo kế hoạch sẽ đạt trên 200 tỷ đồng.

Công ty có uy tín và quan hệ mua bán với 30 công ty nước ngoài và các Công ty trong nước, đã có 85 sản phẩm đạt chất lượng cao, mẫu mã đẹp, giá thành hạ phục vụ nhu cầu bệnh nhân.

Với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chuyên môn trẻ giàu năng lực, luôn coi trọng chữ tín đối với khách hàng, biết tạo cho mình chỗ đứng trên thị trường trong nước và thế giới, Công ty luôn đạt hiệu quả cao trong sản xuất, kinh doanh và đóng góp nhiều cho ngân sách nhà nước.

Digitized by Google

Công ty Bia SAIGON

THƠM NGON BỔ DƯỠNG

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 559595

6 HAI BÀ TRƯNG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 296342

BIA CHAI NT 45CL

BIA CHAI XK 45CL

BIA LON 333

BIA HƠI



Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP 4

UNION OF ENTERPRISES N.4

BỘ THỦY LỢI

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP 4 là một doanh nghiệp Nhà nước chuyên xây dựng các công trình dân dụng và công trình công nghiệp, kỹ thuật cơ sở hạ tầng, giao thông, thủy lợi, thủy điện quy mô lớn, sản xuất VLXD, kinh doanh nhập khẩu vật tư thiết bị xây dựng...

Sinh ra từ một tập đoàn chuyên ngành lớn là LH CÁC XN XD THỦY LỢI 4 - Bộ Thủy lợi.

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP 4 đã từng xây dựng thành công công trình Thủy lợi Dầu Tiếng (Tây Ninh), công trình thủy điện Trị An (Đồng Nai) cùng hàng loạt công trình thủy lợi ở ĐB sông Cửu Long. Hiện nay XNLH4 là lực lượng chủ công xây dựng tuyến áp lực công trình Thủy điện Thác Mơ (Sông Bé), công trình Thủy lợi sông Quao (Bình Thuận), nhà máy Thủy điện sông Pha (Ninh Thuận).

Với gần 2000 CBCNV, trong đó có 190 kỹ sư, 300 CB có trình độ trung học và trên 1.500 công nhân kỹ thuật lành nghề, giàu kinh nghiệm, cùng hệ thống hơn 500 xe máy, thiết bị thi công, đồng bộ, hiện đại được chế tạo bởi các hãng chế tạo máy nổi tiếng thế giới như Mitsubishi, Komatsu, Kobelco, HITACHI, FIAT, TER-BERG, VOLVO, KRAZ, CATERPILAT... XNLH4 luôn luôn hoàn thành các công trình đúng tiến độ thi công và chất lượng kỹ thuật, mỹ thuật cao, các doanh nghiệp trực thuộc XNLH4 gồm :

- **XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG THỦY LỢI 4.**
- **XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG THỦY LỢI 6.**
- **XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG & CUNG ỨNG VẬT TƯ THIẾT BỊ.**

Năm 1993, tổng giá trị doanh thu của XNLH 4 là 175,6 tỷ đồng. Năm 1994 dự kiến tổng giá trị doanh thu là 200 tỷ đồng.

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP 4 đã và luôn luôn sẵn sàng tham gia đấu thầu các công trình trong nước & quốc tế.



GĐ : KS. NGUYỄN CAO TÀM

Trụ sở : 79/5 Xô Viết Nghệ Tĩnh
P.26-Q.Bình Thạnh-TP.HCM
Điện thoại : 993850 - 990877
Fax : 84-8-993851



VP đại diện : 198 Bạch Mai - Q. Hai Bà Trưng
Điện thoại : 631196



Đập tràn công trình thủy điện Thác Mơ (Sông bé)

HÂN HẠNH ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH

Digitized by Google

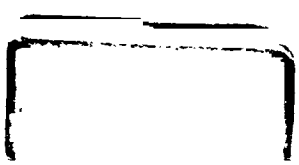
IN TẠI NHÀ IN NHÂN DÂN HÀ NỘI II CHỈ SỐ 12651 - ISSN 0866 - 7276 GIÁ : 2000 Đ

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 08172 5254





Digitized by Google

